
THIỀN SƯ TRUNG HOA

GIẢNG GIẢI - PHẦN I

LỜI DẪN ĐẦU

Tập I “Thiền sư Trung Hoa” này, chúng tôi góp dịch trong ba bộ sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Chỉ Nguyệt Lục và Cao Tăng Truyện. Tuy chung hội cả ba bộ sách, song hành trạng của thiền sư “ra đi không lưu lại dấu vết”, nên chi không thể tìm kiếm đầy đủ được. Mặc dù thế, chúng tôi nghĩ một câu nói của thiền sư, nếu đọc giả lãnh hội được, cũng có thể đủ tu hành đến giải thoát. Cho nên, chúng tôi không ngại phiên dịch ra đây.

Đặc điểm trong sự truyền bá thiền tông, thiền sư không khi nào nói trắng ra những cái gì mình muốn dạy cho kẻ tham vấn. Các ngài khéo dùng những hành động lạ thường, những ngôn ngữ bí hiểm khiến cho người tham vấn phải ngạc nhiên, phải nghi ngờ. Vì thế, chỉ có những người lanh lợi mới có thể ngay đó thể hội được. Bằng người không thể ngay đó thể hội, thì phải ôm hoài nghi

mãi trong lòng, đến bao giờ gặp cơ duyên mới tỉnh ngộ. Có một thiền sư đã nói: “Tôi không quý Tiên sư về đức hạnh, mà chỉ quý chỗ không giải nghi cho tôi.” Do đó, khi cầm viết dịch tập sách này, tôi chỉ muốn hoàn toàn là dịch giả, không muốn xen vào một ý kiến nào.

Nhưng hành trạng thiền sư thật quá khó hiểu. Có khi các ngài như quá ngang tàng không kể gì tội phước, như thiền sư Đôn Hà thiêu tượng Phật. Có khi các ngài như thô bạo dám giết hại chúng sanh, như Nam Tuyên cầm dao chặt con mèo. Có khi các ngài như tàn nhẫn không biết thương kẻ hậu học, như Hoàng Bá đánh Lâm Tế. Hoặc các ngài tự bảo sau khi chết sẽ sanh làm con trâu, như Nam Tuyên, Quy Sơn... Vì thế, nếu chúng tôi không điểm sơ qua, quý độc giả khó bề lãnh hội được thâm ý. Chẳng những không lãnh hội được thâm ý, trái lại còn đâm ra nghi ngờ hoang mang, có khi phỉ báng các ngài là khác. Bởi lẽ ấy, buộc lòng chúng tôi phải dẫn giải một vài điểm đặc biệt ở sau đây, gọi là hé cửa cho quý độc giả bước vào nhà thiền.



Người tu theo thiền tông cốt nhận được bản tâm, thấy được bản tánh của mình. Khi nhận được bản tâm, mới tin “tâm tức là Phật”. Khi thấy được bản tánh, mới tin “tánh mình đầy đủ tất cả, xưa nay vẫn thanh tịnh”. Nhưng tâm tánh ở đâu, thế nào? Tất cả người tu Phật đều thắc mắc vấn đề này. Khi đặt câu hỏi “tâm tánh ở đâu, thế nào?” thì khác gì người cưới trâu tìm trâu, vác Phật đi cầu Phật, biết bao giờ thấy được.

Sao chúng ta không mạnh mẽ như thiền sư Huệ Hải?
Khi Sư đến tham vấn Mã Tổ, Mã Tổ hỏi:

- Đến đây tính cầu việc gì?

Sư thưa:

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta, đó là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu nói này, Sư nhận được bản tâm.

Thật không xa, nếu chúng ta can đảm tin nhận thì nó sờ sờ trước mắt. Bằng chúng ta không tin nhận thì tìm mãi suốt đời không ra. Bởi chúng ta đã tưởng tượng quá nhiều về tâm tánh, những tưởng tượng ấy đã tô đắp vẽ vờ khiến bộ mặt thật của tâm tánh biến thành hình tướng lạ kỳ huyền bí. Giờ đây, nghe các thiền sư chỉ thẳng bộ mặt thật của nó rất tầm thường bình dị, tất cả chúng ta không ai chịu tin. Do đó, muốn thấy bộ mặt thật của mình (Bản lai diện mục) qua các lời chỉ dạy của các thiền sư, chúng ta phải gạt bỏ mọi tưởng tượng đã có lâu nay đi, khả dĩ mới trực nhận được tâm tánh.



Thiền tông lấy bản tâm làm chủ, nên sự tu hành của thiền sư là sống trở lại với ông chủ của mình, trong mọi hành động, mọi thời gian. Tất cả hình thức bên ngoài đối với thiền sư không có gì là quan trọng. Dù ngồi thiền suốt ngày, dưới con mắt các ngài vẫn thấy chưa phải là tinh tấn. Vì thế, thiền sư Hoài Nhượng mới đặt câu hỏi với thiền sư Đạo Nhất, khi Sư này đang mải mê ngồi thiền, rằng: “Như trâu kéo xe, xe không đi, đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?”

Huống nữa, quên tâm mình chạy theo hình thức bên ngoài, càng tu càng xa đạo. Không có sự giác ngộ nào ngoài tâm mà có. Phật là giác, nếu chúng ta cầu Phật mà quên tâm, thử hỏi bao giờ thấy Phật. Những hình tượng Phật, Bồ-tát thờ bên ngoài, chỉ là phương tiện gọi lại cho chúng ta nhớ bản tâm. Nếu chúng ta không chịu nhớ lại bản tâm, cứ cầu cạnh nơi hình tượng bên ngoài, thật là một việc làm trái đạo. Vì thế, thiền sư Đôn Hà đã bạo dạn thiêu tượng Phật gỗ. Viện chủ Hương nóng lòng hỏi: “Tại sao thiêu tượng Phật của tôi?” Sư đáp: “Thiêu tìm xá-lợi.” Thật là một câu đáp bất hủ. Vậy mà Viện chủ còn ngây thơ nói: “Phật gỗ làm gì có xá-lợi.” Sư bảo: “Thỉnh thêm hai vị nữa thiêu.” Quả nhiên một tiếng sấm sét màng tai, làm sao Viện chủ không tỉnh ngộ được. Do đó, người sau nói: “Đôn Hà thiêu Phật gỗ, Viện chủ rụng lông mày.” (Đôn Hà thiêu mộc Phật, Viện chủ lạc mi mao.) Hành động táo bạo của thiền sư Đôn Hà là một sức mạnh phi thường, đánh thức được người đang chìm trong giấc mê hình thức.



Muốn trải nghiệm chỗ thấy biết của người, không gì hay hơn ở trong một trường hợp bất thần bắt buộc họ phải thốt lộ ra lời nói, hoặc hành động. Thiền sư Nam Tuyền giơ dao sắp chặt con mèo một cách đột ngột giữa đại chúng, bắt buộc chúng phải đáp một câu cho hợp ý, Sư sẽ cứu con mèo. Rốt cuộc trong đại chúng không có người đáp được, buộc lòng Sư phải hạ dao. Hành động ấy không phải nhằm vào con mèo, mà nhằm thẳng đại chúng. Nhưng đại chúng đã bất lực, Sư bất đắc dĩ phải giết con mèo như lời đã nói. Khi Tùng Thẩm ở ngoài về, Sư cũng thuật lại lời ấy, Tùng Thẩm liền cởi giày đội trên đầu. Sư bảo: “Giá khi nãy có người thì đã cứu được con mèo.” Hành động bất thần của Sư chẳng khác nào cơn sét đánh, chỉ có Tùng Thẩm biết được ý Sư nên cởi giày đội trên đầu. Bởi vì chỗ tốt quý của con người là đầu, cái ty tiện nhất là giày. Tùng Thẩm cởi giày đội trên đầu là nói lên cái thấy của mình không có quý tiện, không còn phạm thánh, vượt ngoài vòng đối đãi. Đó là chỗ thấy tròn thông hội nhau. Người thời nay thấy hành động giết con mèo của Sư, liền kết án Sư phạm tội sát sanh. Họ có biết đâu, Sư đã khéo mượn phương tiện để thấy cứu cánh.



Chân tâm là chỗ bất suy nghĩ, càng suy nghĩ càng xa. Thiền tông xưa nay truyền trao chỉ một chân tâm không gì khác. Người tu thiền vừa móng lòng tìm chân tâm thì không bao giờ thấy nó. Vì thế, sư Lâm Tế Nghĩa Huyền vừa hỏi “thế nào là đại ý Phật pháp”

liền bị thiền sư Hoàng Bá đập cho một gậy, ba phen hỏi đều bị ăn gậy, mà không được một lời chỉ dạy. Thế mà, đi đến thiền sư Đại Ngu, Lâm Tế thuật lại việc bị đánh, “mà không biết có lỗi gì”, Đại Ngu còn nói: “Hoàng Bá dạy người rất thống thiết, chỉ tại người còn tìm lỗi.” Ngay câu nói này, Lâm Tế tỉnh ngộ. Thế mới biết, cái đánh của Hoàng Bá thật thống thiết. Nhưng, nếu không có thiền sư Đại Ngu thì cái đánh ấy trở thành vô nghĩa.



Chân tâm hằng hiển lộ trong mọi hành động của ta. Nếu ta trực nhận là thấy, bằng không trực nhận tìm hoài suốt kiếp cũng chẳng gặp. Người học đạo không chịu ngay nơi hành động trực nhận chân tâm, mãi cầu thiện tri thức chỉ dạy cho thể hội. Nhưng làm sao chỉ dạy được, vừa nói ra là đã sai rồi. Vì thế, sư Sùng Tín theo hầu thiền sư Đạo Ngộ mấy năm mà không nghe chỉ dạy. Nóng lòng, Sư hỏi: “Con theo hầu Thầy mấy năm mà chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.” Đạo Ngộ bảo: “Ta đã từng chỉ dạy tâm yếu cho người rồi.” - “Thầy dạy con lúc nào?” - “Khi người bưng cơm lên thì ta nhận, người dâng trà thì ta tiếp, người xá lui ra thì ta gạt đầu, đâu không dạy tâm yếu cho người?” Nhân câu nói này, sư Sùng Tín tỉnh ngộ. Thực, dạy mà không dạy, nói mà không nói. Đây là đại dụng của thiền sư, những người học ngôn ngữ không sao hiểu thấu.



Người tu thiền phải dẹp sạch bản ngã, dù là bản ngã thánh cũng không còn. Nếu còn thấy sở đắc là còn bản ngã, giả sử thấy đắc quả thánh cũng là vị thánh tương đối, chứ chưa thật giải thoát. Chỗ giải thoát cứu cánh là tâm không còn dính mắc một chỗ nào, như câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Vì thế vua Đường Túc Tông hỏi thiền sư Huệ Trung: “Thầy được pháp gì?” Huệ Trung đáp: “Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chẳng?” - “Thấy.” - “Nó do đóng dính mắc hay cột dây mắc?” Được không dính mắc mới tự tại giải thoát, còn dính mắc bất cứ một quả vị nào cũng là chưa tự tại. Thế mà, người tu thiền hiện nay ngồi lại là mong thấy cái này, chứng quả kia. Khởi tâm vọng cầu như vậy làm sao không lạc vào cảnh giới ma? Làm sao tránh khỏi cuồng loạn?



Chẳng những tâm không còn dính mắc trong quả vị, mà cũng sạch hết phàm tình thánh giải. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nhược tác thánh giải tức thọ quần tà.” Phàm tình là tình chấp của chúng sanh trong lục đạo. Thánh giải là cái hiểu thánh, hiểu rằng mình chứng mình đắc trong các quả vị thánh. Nếu chưa sạch phàm tình thánh giải thì người tu khó bề thoát khỏi cảnh ma. Tổ Quy Sơn sắp tịch, bảo chúng: “Sau khi lão tăng trăm tuổi sẽ đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái đề năm chữ “Quy Sơn Tăng Linh Hựu”. Khi ấy, gọi là Quy Sơn tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Quy Sơn tăng? Gọi thế nào mới đúng?” Người thời nay

nghe câu nói này bèn sanh nghi “tại sao ngài tu như vậy mà đọa làm súc sanh?” Thật là cái biết của kẻ mù, làm sao thấy được trời đất bao la? Nơi ngài tâm phàm thánh đã sạch mới thốt ra được câu ấy.

Chúng tôi mong quý độc giả khi đọc quyển sách này, mỗi người tự cõi sạch những thiên chấp của mình để thấy được đại cơ đại dụng của thiền sư, đừng bị đầu lười các ngài lừa.



Tập sách này, chúng tôi soạn dịch các vị thiền sư từ đời thứ nhất sau Lục tổ Huệ Năng đến đời thứ tư, tức là đến bắt đầu chia tông phái. Tập thứ hai, chúng tôi soạn dịch từ đời thứ năm sau Lục Tổ đến đầy đủ chia năm Tông và bảy Phái, nghĩa là tông Tào Động, Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn và đến tông Lâm Tế chia làm hai phái Hoàng Long và Dương Kỳ.

Về phần sử chư thiền đức ở Trung Hoa đến đây không phải là hết, song những nhân vật trọng yếu trong nhà thiền cũng gần tạm đủ. Đợi khi có thì giờ rồi, chúng tôi có thể sẽ dịch thêm để cống hiến quý độc giả.

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

ĐỜI THỨ NHẤT

MÔN ĐỆ LỤC TỔ HUỆ NĂNG

Có bốn mươi ba vị

- 1- Thiền sư Hành Tư (Thanh Nguyên)**
- 2- Thiền sư Hoài Nhượng (Nam Nhạc)**
- 3- Thiền sư Huyền Giác (Vĩnh Gia)**
- 4- Thiền sư Bồn Tịnh**
- 5- Quốc sư Huệ Trung**
- 6- Thiền sư Thần Hội (Hà Trạch)**
- 7- Thiền sư Pháp Hải**
- 8- Thiền sư Chí Thành**
- 9- Quật-da Tam Tạng (Tây Ấn Độ)**
- 10- Thiền sư Hiếu Liễu**
- 11- Thiền sư Trí Hoàng**
- 12- Thiền sư Pháp Đạt**
- 13- Thiền sư Trí Thông**
- 14- Thiền sư Chí Triệt**
- 15- Thiền sư Trí Thường**
- 16- Thiền sư Chí Đạo**
- 17- Thiền sư Ấn Tông**
- 18- Thiền sư Huyền Sách**
- 19- Thiền sư Linh Thao**
- 20- Thiền sư Kỳ-dà**

- 21- Thiền sư Tịnh An**
- 22- Thiền sư Tâm**
- 23- Thiền sư Định Chơn**
- 24. Thiền sư Kiên Cố**
- 25- Thiền sư Đạo Tiến**
- 26- Thiền sư Thiệu Khoái**
- 27- Thiền sư Duyên Tổ**
- 28- Thiền sư Tông Nhất**
- 29- Thiền sư Thiên Hiện**
- 30- Thiền sư Phạm Hạnh**
- 31- Thiền sư Tự Tại**
- 32- Thiền sư Hàm Thông**
- 33- Thiền sư Thái Tường**
- 34- Thiền sư Pháp Tịnh**
- 35- Thiền sư Biện Tài**
- 36- Thiền sư Đạo Dung**
- 37- Ngô Đầu-đà**
- 38- Thiền sư Đạo Anh**
- 39- Thiền sư Trí Bản**
- 40- Thiền sư Pháp Chơn**
- 41- Thiền sư Huyền Giai**
- 42- Thiền sư Đàm Thối**
- 43- Thích sử Vi Cừ**

THIÊN SƯ HÀNH TỰ Ở NÚI THANH NGUYÊN

(? - 740)

Sư họ Lưu, quê ở An Thành, Kiết Châu, xuất gia từ thuở bé. Mỗi khi trong chúng họp lại luận bàn đạo lý thì Sư chỉ lặng thinh. Sau này, nghe Lục tổ Huệ Năng ở Tào Khê, Sư liền đến tham học.

Sư hỏi Tổ:

- Phải làm việc gì khỏi rơi vào giai cấp?

Tổ gạn lại:

- Người từng làm việc gì?

- Thánh đế cũng chẳng làm.

- Vậy rơi vào giai cấp nào?

- Thánh đế cũng chẳng làm, làm gì có giai cấp.

Tổ rất hài lòng.

Tại Tào Khê học chúng khá đông, Sư là người đứng đầu trong chúng.

Một hôm Tổ gọi Sư bảo:

- Từ trước y pháp cả hai đều được thầy truyền cho trò, y để tiêu biểu làm tin, pháp để ấn tâm, nay không còn sợ người chẳng tin. Ta từ khi nhận y đến nay đã gặp nhiều tai nạn, huống là đời sau cạnh tranh quá nhiều. Y để lại nơi đây, người đến một phương truyền bá tâm tông không để cho đoạn dứt.

Trong số bốn mươi mấy đệ tử của Lục Tổ, trước hết chúng ta học về ngài Hành Tư. Hiện giờ trong nhà thiền con cháu ngài toàn là tông Tào Động. Dòng mạch của ngài Hành Tư từ sau Lục Tổ đến bây giờ truyền bá liên miên không dứt, chứng tỏ đường lối tu và sự giáo hóa của ngài theo đúng tinh thần Lục Tổ.

Khi tham học với Lục Tổ, ngài là người đứng đầu trong chúng. Lục Tổ có ý truyền y cho ngài, nhưng sợ mầm tranh giành của mai hậu, nên bảo để y lại trấn sơn môn, còn ngài đi chỗ khác truyền bá tâm tông. Như vậy chúng ta thấy rõ trong hàng đệ tử, Lục Tổ chọn ngài là người xứng đáng kế thừa.

Sau khi đắc pháp, Sư trở về trụ trì chùa Tịnh Cư trên núi Thanh Nguyên ở Kiệt Châu.

Có Sa-di Hy Thiên đến, Sư hỏi:

- Người phương nào đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

- Đem được cái gì đến?
- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.
- Như thế đến Tào Khê làm gì?
- Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Hy Thiên hỏi:

- Đại sư Tào Khê lại biết Hòa thượng chẳng?
- Nay người biết ta chẳng?
- Biết. Lại đâu có thể biết được.
- Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ.
- Hòa thượng rời Tào Khê bao lâu?
- Ta cũng chẳng biết. Người rời Tào Khê lúc nào?
- Hy Thiên không từ Tào Khê đến.
- Ta cũng biết chỗ người đi.
- Hòa thượng thật là đại nhân chớ hấp tấp.

Hôm khác, Sư lại hỏi Hy Thiên:

- Người từ đâu đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

Sư bèn dựng phát tử hỏi:

- Tào Khê lại có cái này chẳng?
- Chẳng những Tào Khê, Tây thiên cũng không.
- Người đã từng đến Tây thiên chẳng?
- Nếu đến tức có.

- Chưa đúng, hãy nói lại.
- Hòa thượng cũng cần nói giúp phân nửa, chớ hoàn toàn trông vào học nhân.
- Không từ chối nói với người, chỉ ngại về sau không có người đảm đang thừa kế.

Sau khi đắc pháp, Sư trở về trụ trì chùa Tịnh Cư trên núi Thanh Nguyên ở Kiết Châu.

Có Sa-di Hy Thiên đến, Sư hỏi:

- Người phương nào đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

- Đem được cái gì đến?

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Như thế đến Tào Khê làm gì?

- Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Sau khi được Lục Tổ ấn chứng, ngài về trụ trì chùa Tịnh Cư trên núi Thanh Nguyên ở Kiết Châu. Lúc đó có Sa-di tên Hy Thiên đến gặp. Hy Thiên là đệ tử nhỏ của Lục tổ Huệ Năng chưa ngộ đạo. Khi Lục Tổ sắp tịch, Hy Thiên hỏi: Sau khi Hòa thượng tịch, Hy Thiên con chưa biết nương người nào? Tổ bảo: Tầm Tư đi.

Tầm Tư nghĩa là tìm hòa thượng Hành Tư mà nương, nhưng Hy Thiên lại hiểu là cứ ngồi suy tư, nên sau khi Tổ tịch Hy Thiên ra chỗ vắng ngồi yên lặng.

Vị Thủ tọa thấy ông Sa-di sao cứ ngồi yên lặng, bèn hỏi lý do. Hy Thiên nói: Vì thầy dạy sau khi thấy tịch thì tâm tư nên tôi ngồi đó suy tư. Thủ tọa bảo: Ông có sư huynh là hòa thượng Hành Tư hiện ở Kiết Châu, nhân duyên của ông ở đó. Vì thế Hy Thiên tìm đến ngài Hành Tư.

Qua đoạn đối đáp đã bộc lộ chỗ thấu hiểu của Hy Thiên. Hỏi đáp chỉ là cơ để dò xét, khi ngài Hành Tư hỏi ông từ Tào Khê đến đây đem được gì, đó là câu hỏi thông thường trong nhà thiền. Hy Thiên đáp: *Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất*. Nghĩa là khi con chưa tới Tào Khê, cái đó cũng vẫn có, không đợi tới Tào Khê mới có. Ngài Hành Tư lại hỏi, trước chưa tới Tào Khê đã không mất, như thế đến Tào Khê làm gì? Hy Thiên trả lời: *Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất*. Tuy nhiên có sẵn nhưng phải đến Tào Khê mới biết chẳng bao giờ mất. Chỗ này phải nhờ thầy mới nhận ra.

Hy Thiên hỏi:

- *Đại sư Tào Khê lại biết Hòa thượng chăng?*
- *Nay người biết ta chăng?*
- *Biết. Lại đâu có thể biết được.*
- *Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ.*
- *Hòa thượng rời Tào Khê bao lâu?*
- *Ta cũng chẳng biết. Người rời Tào Khê lúc nào?*
- *Hy Thiên không từ Tào Khê đến.*
- *Ta cũng biết chỗ người đi.*
- *Hòa thượng thật là đại nhân chớ hấp tấp.*

Hy Thiên hỏi thêm: *Đại sư Tào Khê lại biết Hòa thượng chăng?* Câu này không hỏi theo cái biết thường tình, mà hỏi chỗ biết tâm truyền tâm. Ngài Hành Tư hỏi: *Nay người biết ta chăng?* Hy Thiên trả lời: *Biết, lại đâu có thể biết được?* Vừa nói biết, lại nói đâu có thể biết được, tại sao? Nghĩa là con biết ngài để truyền tâm, nhưng ngài chưa truyền nên con đâu có biết, vì thế nói biết mà không biết. Qua câu đó ngài Hành Tư biết người này không phải thường, nên nói: *Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ.* Ý chấp nhận Hy Thiên xứng đáng là người thừa kế.

Hy Thiên hỏi thêm: *Hòa thượng rời Tào Khê bao lâu?* Ngài đáp: *Ta cũng chẳng biết, người rời Tào Khê lúc nào?* Tại sao kỳ vậy? Hỏi rời Tào Khê bao lâu, nói không biết, còn hỏi lại người rời Tào Khê lúc nào? Lối đối đáp này là lối đặc biệt trong nhà thiền. Hy Thiên nói: *Con không từ Tào Khê đến.* Ngài Hành Tư đáp: *Ta cũng biết chỗ người đi.* Không từ Tào Khê đến thì ta biết chỗ người đi. Đến đây, thầy trò đã cảm thông, Hy Thiên nói: *Hòa thượng là bậc đại nhân chớ hấp tấp.*

Hôm khác, Sư lại hỏi Hy Thiên:

- Người từ đâu đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

Sư bèn dựng phát tử hỏi:

- Tào Khê lại có cái này chăng?

- *Chẳng những Tào Khê, Tây thiên cũng không.*
- *Người đã từng đến Tây thiên chẳng?*
- *Nếu đến tức có.*
- *Chưa đúng, hãy nói lại.*
- *Hòa thượng cũng cần nói giúp phân nửa, chớ hoàn toàn trông vào học nhân.*
- *Không từ chối nói với người, chỉ ngại về sau không có người đảm đang thừa kế.*

Một hôm ngài lại hỏi Hy Thiên: *Người từ đâu đến?* Hôm trước đã hỏi rồi, nay lại hỏi nữa, Hy Thiên nói: *Con từ Tào Khê đến.* Ngài liền dựng cây phát tử lên: *Tào Khê có cái này chẳng?* Hy Thiên trả lời: *Chẳng những Tào Khê, Tây thiên cũng không.* Những câu này xem như đùa cợt nhưng thật là lối nói khéo léo; người thường đọc sách thiền, tuy không biết ý sâu kín trong đó nhưng cảm thấy vui vui.

Giờ đây chúng ta thử bàn một tí, không dám bàn nhiều. Như nói từ Tào Khê đến, ngài liền dựng cây phát tử hỏi, Tào Khê lại có cái này chẳng? Ý hỏi chỗ Lục Tổ có cái này không? Hy Thiên trả lời, chẳng những Tào Khê mà Tây thiên cũng không. Thường người ta nói mượn cảnh để thấy tâm, dựng cây phát tử lên không phải nói cây phát tử. Nếu là người thường thì trả lời phớt phớt, nói cái này có hoặc là không; Hy Thiên trả lời xác định: dù Tào Khê hay Tây thiên cũng không có, nghĩa là đối với ngài cảnh không thật, bởi cảnh không thật nên chỉ còn tâm.

Ngài Hành Tư liền nói trở qua chuyện khác: *Người đã từng đến Tây thiên chăng?* Hy Thiên đáp: *Nếu đến tức có.* Có người đi và có cảnh để đến. Hy Thiên bị ngài Hành Tư bắt chẹt, trước nói ở Tào Khê và cả Tây thiên cũng không, tức là cảnh không chỉ còn tâm. Đến đây nếu thấy có đến đi tức là có, như vậy tuy nói hay nhưng còn bị mắc kẹt trong có và không, chưa phải cứu cánh, nên ngài Hành Tư nói: *Chưa đúng hãy nói lại.* Hy Thiên bí rồi hết chỗ nói, xin Hòa thượng nói giúp một phần, ngài Hành Tư trả lời: *Không từ chối nói với người, chỉ ngại về sau không người đảm đang thừa kế.* Nếu ta nói thì đó là chuyện của ta, người không hội thì làm sao gánh vác gia nghiệp của ta được, vì vậy không nói để thấy chỗ đạt đạo của người. Như vậy, khi Hy Thiên mới đến đã tỏ vẻ lanh lợi gần như biết, nhưng chưa thấu đáo nên đến chỗ này thì bí.

Một hôm Sư sai Hy Thiên đem thư sang thiền sư Hoài Nhượng, dặn rằng:

- Người đem thư xong về nhanh, ta có chiếc búa nhỏ sẽ cho người ở núi.

Hy Thiên đến thiền sư Hoài Nhượng, chưa trình thư đã hỏi:

- Khi chẳng mộ chư thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?

Thiền sư Hoài Nhượng đáp:

- Người hỏi quá cao, sao không hỏi thấp xuống?

- Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân, chứ chẳng mộ giải thoát của chư thánh.

Thiền sư Hoài Nhượng bèn thôi.

Hy Thiên về đến chùa Tịnh Cư, Sư hỏi:

- Người đi không lâu, đem thư đến chẳng?**
- Tin cũng chẳng thông, thư cũng chẳng đến.**
- Làm thế nào?**

Hy Thiên thuật lại lúc đến thiền sư Hoài Nhượng cho Sư nghe xong, bèn thưa:

- Khi đi nhờ ơn Hòa thượng hứa cho chiếc búa, tiện đây xin nhận lấy.

Sư liền đuổi một chân. Hy Thiên lễ bái.

Sau đó, Hy Thiên từ giả Sư lên núi Nam Nhạc ở tu.

Sau một thời gian ở lâu bên ngài, được thấm nhuần đạo lý rồi, bây giờ ngài sai Hy Thiên đem thư sang cho thiền sư Hoài Nhượng, tức là huynh đệ. Hoài Nhượng và Hành Tư là hai vị học trò thượng thủ của Lục Tổ. Ngài dặn: *Người đem thư xong về nhanh, ta có chiếc búa nhỏ sẽ cho người ở núi.* Nghĩa là xem như người đã gần xong việc, giờ đem thư về ta trao cho cái búa ở núi, tức nhiên chấp nhận cho rời thầy.

Hy Thiên đến thiền sư Hoài Nhượng, chưa trình thư đã hỏi: *Khi chẳng mộ chư thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?* Không mộ chư thánh bên ngoài,

không trọng tánh linh mình bên trong, tức là phạm thánh đều buông hết, lúc đó thế nào? Hoài Nhượng nói: *Người hỏi quá cao, sao không hỏi thấp xuống?* Hy Thiên nói: *Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân, chứ chẳng mộ giải thoát của chư thánh.* Hỏi thấp xuống tức là giai cấp, thà chịu trầm luân chứ không mắc kẹt trong giai cấp. Hoài Nhượng im lìm không đáp. Đó là cách thức của Hy Thiên đưa thư.

Khi trở về Hành Tư hỏi: *Người đi không lâu, đem thư đến chằng?* Hy Thiên đáp: *Tin cũng chẳng thông, thư cũng chẳng đến.* - *Làm thế nào?* Hy Thiên bèn thuật lại đầu đuôi cho ngài nghe, xong rồi thưa: *Khi đi nhờ ơn Hòa thượng hứa cho chiếc búa, tiện đây xin nhận lấy.* Lúc ấy ngài Hành Tư đang ngồi bèn đuổi chân ra, Hy Thiên lễ bái, như vậy búa ở đâu, xem như ngài hứa sông, hứa cho chiếc búa mà chỉ đuổi chân ra, bên này lễ bái không nghĩ gì hết là chuyện đã xong. Cái đuổi chân đó là gì? Khi hứa cho chiếc búa tức là thâm ý chấp nhận đã được rồi, cần đi một tí rồi về khỏi phải tìm y pháp ở đâu xa. Nên khi về hỏi chiếc búa ngài đuổi chân, đuổi chân là xong việc. Ở núi đủ rồi, đó là chiếc búa ở núi đời đời sử dụng.

Hy Thiên là đệ tử nối pháp kế thừa đời sau của ngài Hành Tư, phần thầy trò đối đáp đã xong.

Một hôm thiền sư Thần Hội đến tham vấn, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Thần Hội đáp: - Tào Khê đến.

- Ý chỉ Tào Khê thế nào?

Thần Hội chỉnh thân rồi thôi. Sư bảo:

- Vẫn còn đeo ngói gạch.

- Ở đây Hòa thượng có vàng ròng cho người chăng?

- Giả sử có cho, ông để vào chỗ nào?

Thần Hội cũng là đệ tử của Lục Tổ đến, ngài hỏi: *Ở đâu đến?* Thần Hội đáp: *Tào Khê đến.* Ngài hỏi: *Ý chỉ Tào Khê thế nào?* Thần Hội chỉnh thân rồi thôi, tức nghiêm chỉnh thân mình. Ngài bảo: *Vẫn còn đeo ngói gạch.* Còn hành động, đó là đeo ngói gạch. Thần Hội hỏi: *Ở đây Hòa thượng có vàng ròng cho người chăng?* Ngài bảo: *Giả sử có cho, ông để vào chỗ nào?* Nếu ta có vàng cho thì người để vào chỗ nào? Ngài đã chỉ cho hết vàng ròng, không phải không chỉ. Nhưng nếu còn thấy có cho tức nhiên có chỗ nhận, có pháp để nhận thì tâm và pháp là hai, nên ngài Hành Tư hỏi lại: Nếu có, người để chỗ nào? Thần Hội đã ngộ rồi, nên đến đây dò xét cho biết. Đối đáp xong liền từ tạ ra về.

Có vị tăng đến hỏi Sư:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Gạo ở Lô Lăng giá bao nhiêu?

Sư truyền pháp cho Hy Thiên xong, đến ngày mười ba tháng chạp năm Canh Thìn, nhằm đời Đường niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 28 (740), Sư lên pháp đường từ biệt chúng, ngồi kiết già thị tịch.

Sau này, vua Hy Tông ban hiệu là Hoàng Tế thiền sư, tháp tên Quy Chơn.

Có vị tăng đến hỏi ngài: *Thế nào là đại ý Phật pháp?* Câu hỏi này trong nhà thiền thường nêu lên. Ngài đáp: *Gạo ở Lô Lãng giá bao nhiêu?* Giả sử có người lại đây hỏi: Thưa Thầy thế nào là đại ý Phật pháp? Tôi liền đáp: *Gạo ở Vũng Tàu giá bao nhiêu?* Rồi thôi không nói thêm câu nào nữa, như vậy có thể hiểu được gì không? Câu đó là câu giá trị, sau này người ta thường nhắc.

Khi ngài sắp thị tịch, trước hết lên pháp đường từ biệt chúng, rồi ngồi kiết già an nhiên. Các ngài ra đi thanh thoi quá, không có gì khó khăn hết.

Câu Gạo ở Lô Lãng giá bao nhiêu? Cứ xem đi.



THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG Ở NAM NHẠC⁽¹⁾

(677 - 744)

Sư họ Đỗ, quê ở Kim Châu, sanh ngày mùng tám tháng tư đời Đường niên hiệu Nghi Phụng năm thứ hai. Được mười lăm tuổi, Sư theo luật sư Hoàng Cảnh ở chùa Ngọc Tuyên đất Kinh Châu xuất gia.

Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư học tập tạng Luật. Một hôm, Sư tự than: “Phàm người xuất gia phải vì pháp vô vi, trên trời và nhân gian không có gì hơn được!”

Bạn đồng học là Thản Nhiên biết Sư có chí cao siêu, khuyên Sư cùng đi đến yết kiến hòa thượng Huệ An ở Tung Sơn. Hòa thượng An chỉ dạy và sau bảo Sư đến Tào Khê tham vấn Lục tổ Huệ Năng.

⁽¹⁾ Người sau vì kính trọng Sư nên lấy chỗ ở mà gọi hiệu kêu là Nam Nhạc.

Đây là vị Tổ rất xa của tông Lâm Tế, là một thiền sư rất quan trọng trong nhà thiền. Trong phần tiểu sử đặc biệt nói về ý chí, khi ngài thọ giới Cụ túc học luật rồi, một hôm tự than: *Phàm người xuất gia phải vì pháp vô vi, trên trời và nhân gian không gì hơn được*. Nghĩa là người xuất gia phải lấy giải thoát làm trên, nhận được pháp bất sanh bất diệt mới là cứu cánh, còn kẹt trên hình thức sanh diệt thì chưa phải cứu cánh.

Bạn đồng học là Thản Nhiên thấy ngài có ý chí siêu việt bèn khuyên cùng đến chỗ thiền sư Huệ An ở Tung Sơn để học thiền.

Sư đến Tào Khê, Tổ hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Tung Sơn đến.

Tổ hỏi:

- Vật gì đến như thế?

Sư thưa:

- Nói in tuồng một vật tức không trúng.

Tổ hỏi:

- Lại có thể tu chứng chăng?

- Tu chứng tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng được.

Tổ bảo:

- Chính cái không nhiễm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế. Tổ Bát-nhã-đa-la ở Tây thiên có lời sấm rằng: “Dưới chân người sẽ xuất hiện một con ngựa tơ (nhất Mã Câu) đạp chết người trong thiên hạ. Ứng tại tâm người chẳng cần nói sấm.”

Sư hoát nhiên khế hội. Từ đây Sư ở hầu hạ Tổ ngót mười lăm năm.

Đoạn này tôi đã giảng trong Pháp Bảo Đàn nên đây không lặp lại.

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai (713), Sư đến Hoành Nhạc ở chùa Bát Nhã.

Có vị Sa-môn ở viện Truyền Pháp hiệu Đạo Nhất hằng ngày ngồi thiền. Sư biết đó là pháp khí, bèn đi đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì?

Đạo Nhất thưa:

- Để làm Phật.

Sau đó, Sư lấy một cục gạch đến trên hòn đá ở trước am Đạo Nhất ngồi mài. Đạo Nhất hỏi:

- Thầy mài gạch để làm gì?

Sư đáp:

- Mài để làm gương.

- Mài gạch đâu có thể thành gương được?

- Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được?

- Vậy làm thế nào mới phải?

- Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, đánh xe là phải? Đánh trâu là phải?

Đạo Nhất lặng thinh, Sư nói tiếp:

- Người học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định, đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngồi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng đạt ý kia.

Đạo Nhất nghe Sư chỉ dạy như uống đê-hồ, lễ bái hỏi:

- Dụng tâm thế nào mới hợp với vô tướng tam-muội?

Sư bảo:

- Người học pháp môn tâm địa như gieo giống, ta nói pháp yếu như mưa móc, nếu duyên người hợp sẽ thấy đạo này.

- Đạo không phải sắc tướng làm sao thấy được?

- Con mắt pháp tâm địa hay thấy được đạo. Vô tướng tam-muội cũng lại như vậy.

- Có thành hoại chăng?

- Nếu lấy cái thành hoại tụ tán mà thấy đạo thì không thể thấy đạo. Nghe ta nói kệ:

Tâm địa hàm chư chủng

Ngộ trạch tất giai manh

***Tam-muội hoa vô tướng
Hà hoại phục hà thành?***

Dịch:

**Đất tâm chứa các giống
Gặp ướn liền nảy mầm
Hoa tam-muội không tướng
Nào hoại lại nào thành?**

Đạo Nhất nhờ khai ngộ tâm ý siêu nhiên, theo hầu Sư suốt mười năm, mỗi ngày càng nhận sâu lý đạo.

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, Sư đến Hoành Nhạc ở chùa Bát Nhã. Đến khi ngài lên dãy Hoành Nhạc, các dãy núi này nối liền nhau như ở Việt Nam mình có dãy Hoành Sơn nhiều ngọn tiếp nối nằm ngang. Ngài ở ngọn núi phía Nam, người sau vì kính trọng nên gọi ngài là Tổ Nam Nhạc.

Có vị Sa-môn ở viện Truyền Pháp hiệu Đạo Nhất hằng ngày ngồi thiền. Sư biết đó là pháp khí, bèn đi đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì?

Đạo Nhất thưa:

- Để làm Phật.

Sau đó Sư lấy một cục gạch đến trên hòn đá ở trước am Đạo Nhất ngồi mài. Đạo Nhất hỏi:

- Thầy mài gạch để làm gì?

Sư đáp:

- *Mài để làm gương.*
- *Mài gạch đâu có thể thành gương được?*
- *Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được?*
- *Vậy làm thế nào mới phải?*
- *Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, đánh xe là phải? Đánh trâu là phải?*

Đạo Nhất lặng thinh.

Có vị Sa-môn ở viện Truyền Pháp, hiệu là Đạo Nhất suốt ngày chuyên ngồi thiền, rất chăm chỉ cần mẫn, ngài biết là bậc pháp khí, bèn đến hỏi: *Đại đức ngồi thiền để làm gì?* Đạo Nhất trả lời: *Để làm Phật.* Như vậy quý hóa biết mấy nhưng ngài không nói gì, hôm sau đem một miếng gạch đến bên am Đạo Nhất ngồi mài. Đạo Nhất thấy lạ hỏi: *Thầy mài gạch để làm gì?* Ngài đáp: *Để làm gương.* Đạo Nhất hỏi: *Mài gạch đâu có thể thành gương được?* Ngài liền đáp: *Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được.* Việc làm của ngài thấy như vô lý vì mài gạch không thể thành gương. Đó là ngài muốn chỉ dạy việc của Đạo Nhất, ngồi thiền không thể thành Phật được.

Nghe nói vậy, Đạo Nhất bần khoản liền hỏi: *ngồi thiền không thể làm Phật được thì làm sao mới phải, làm sao để làm Phật?* Ngài đáp: *Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?* Câu đó là câu hay nhất, mạnh nhất! Xe không đi

đánh xe là phải hay đánh trâu là phải? Ai cũng đồng ý đánh trâu, giả sử có người đánh xe thì mình cười người đó là anh chàng ngốc. Không ngờ anh chàng ngốc đó chính là mình.

Câu chuyện này mới nghe thấy như rất lạ. Trâu là gì? Xe là gì? Trâu là tâm, xe là thân, chúng ta tu nơi tâm hay nơi thân? Nếu tu thân thì đánh xe, tu tâm thì đánh trâu. Đa số người tu cứ mãi lo đánh xe, lo chăm bẵm tu bên ngoài, nên bị Tổ quở rầy.

Những hình thức bên ngoài như ngồi thiền, kinh hành, tụng kinh lễ sám... đều là hành động của thân, làm chủ những hành động ấy là tâm. Cũng vậy, tạo thành nghiệp lành hay nghiệp dữ chủ động là tâm. Chỗ tu cốt yếu là dừng ngay cái chủ động đó, chủ động đã dừng rồi thì mọi nghiệp theo đó mà hết. Người tu không chịu nhắm vào cái chủ động đó mà dừng, cứ lo chạy quanh bên ngoài, rồi than vãn tu bao nhiêu năm mà phiền não không hết. Đó là vì lo tu cái ngọn mà không chịu tu ngay nơi gốc.

Như có người chấp ngồi thiền nhiều, cho ngồi ngày ngồi đêm mới thật là tinh tấn tu. Lại có người chấp nằm, nằm hoài không dậy; hoặc có người chấp đứng, đứng một chỗ không nằm, cũng cho như vậy là tu tinh tấn; có người chấp lạy Phật thật nhiều là tinh tấn... Nếu căn cứ vào hành động của thân mà cho là đạt đạo, đó là chỉ biết đánh xe. Nếu biết tất cả thời, dù đi đứng nằm ngồi, phút giây nào vọng tưởng dấy lên đều làm chủ được, đó gọi là đánh trâu. Người tu không biết đâu là chủ yếu,

bỏ gốc lo ngọn thì dù trải qua trăm ngàn kiếp cũng không đạt kết quả.

Buổi đầu Mã Tổ Đạo Nhất lấy ngòi thiền làm trên, nên ngòi suốt ngày. Khi bị hỏi *Đại đức ngòi thiền để làm gì*, trả lời *để làm Phật*. Tưởng ngòi thiền như vậy là thành Phật, không ngờ thành Phật là ở chỗ tâm thanh tịnh không sanh diệt. Nếu ngòi mà tâm cứ xao động, thì người đi đứng mà tâm không động vẫn thanh tịnh không phải Phật sao? Nếu chấp ngòi mới là Phật thì khi đi khi đứng là gì?

Ngài Hoài Nhượng đưa ra thí dụ: *như trâu kéo xe, xe không đi thì đánh xe hay đánh trâu?* Thí dụ đó cụ thể hóa việc tu, tu về hình thức hay tu về tâm niệm. Biết tu về tâm niệm mới thật là tu, còn cứ chạy theo hình thức thì nhọc nhằn đến đâu cũng không sao hết được diên đảo. Nghe thí dụ này *Đạo Nhất lặng thinh*, không còn gì để đáp được, vì chấp ngòi là Phật, cho ngòi là cứu cánh đó là đánh xe không phải đánh trâu.

Sư nói tiếp:

- *Người học ngòi thiền hay học ngòi Phật? Nếu học ngòi thiền, thiền không phải ngòi nằm. Nếu học ngòi Phật, Phật không có tướng nhất định, đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngòi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngòi chẳng đạt ý kia.*

Người học ngòi thiền hay học ngòi Phật? Nếu học ngòi thiền, thiền không phải ngòi nằm. Thiền là tâm thể thanh tịnh, không lệ thuộc ngòi hay nằm, trong bốn

oai nghi đều lặng lẽ thanh tịnh. Thiền cũng tức là định và tuệ song tu, định là yên, tuệ là khi yên rồi mới có trí sáng suốt. Người tu chúng ta có lúc nào rời định tuệ? Nếu rời định tuệ tức là bị vô minh, vọng tưởng lôi cuốn; phải hằng giờ hằng phút hằng giây giữ không cho định tuệ mất. Đó mới thật là người ngồi thiền, tu thiền.

Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định, đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngồi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng đạt lý kia. Chấp ngồi là Phật tức là giết Phật, tại sao? Hoạt động của Phật trong một ngày: kinh hành, khát thực, ngồi thiền, nằm nghỉ... đủ bốn oai nghi, nếu chấp oai nghi ngồi là Phật, thì các oai nghi kia không phải Phật. Đó gọi là giết Phật. Nên nói Phật không có tướng nhất định, chỉ cần đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả, hiểu như thế mới thật hiểu được Phật.

Bản ý của thiền tông, như Lục Tổ nói kệ:

*Sanh lai tọa bất ngọa
Tử khứ ngọa bất tọa
Nguyên thị xú cốt đầu
Hà vi lập công khóa.*

Dịch:

*Khi sống ngồi không nằm
Lúc chết nằm không ngồi
Vốn là bộ xương thối
Vì sao lập công khóa.*

Khi sống thì ngồi, chết thì nằm, cũng là bộ xương đó hoặc đặt nằm hoặc dựng đứng hoặc để ngồi... không có gì quan trọng, chỉ quan trọng ở nơi tâm. Nhiều người tu ngồi được, chấp ngồi cho là cứu cánh, người ngồi không được thì chấp đi, cho đi là cứu cánh. Chúng ta đừng bị kẹt trong những tướng đó, phải làm sao đi đứng nằm ngồi, bốn oai nghi đều là thiền.

Trong thiền viện tôi chủ trương ngồi ít nhất cũng hai tiếng đồng hồ. Tại sao? Dù biết rằng đi, đứng, nằm, ngồi đều tu được, nhưng đó là đối với người có đạo lực; với người đi nhiều vọng tưởng lăng xăng như khỉ vượn, không bắt buộc ngồi yên thì tâm cứ lao xao hoài, bao giờ mới yên. Nên bắt buộc phải ngồi hai tiếng đồng hồ, tâm hơi tạm đình chỉ, từ đó trong bốn oai nghi thường xuyên tu tập. Giai đoạn đầu ngồi thù thắng hơn các oai nghi kia, vì vậy ở thiền viện phải ngồi cho vững.

Đạo Nhất nghe Sư chỉ dạy như uống đê-hồ, lễ bái hỏi:

- Dụng tâm thế nào mới hợp với vô tướng tam-muội?

Sư bảo:

Người học pháp môn tâm địa như gieo giống, ta nói pháp yếu như mưa móc, nếu duyên người hợp sẽ thấy đạo này.

Nếu duyên người hợp với chỗ ta chỉ dạy thì sẽ thấy được vô tướng tam-muội ấy.

Lại hỏi: *Đạo không phải sắc tướng làm sao thấy được?*

Sư bảo: *Con mắt pháp tâm địa hay thấy được đạo, vô tướng tam-muội cũng lại như vậy.*

Tuy đạo không phải con mắt phàm tục thấy được, nhưng người nhận ra pháp môn tâm địa thì tự nhiên thấy đạo.

Đạo Nhất hỏi: *Có thành hoại chăng?*

Sư bảo: *Nếu người lấy cái thành hoại tụ tán mà thấy đạo thì không thể thấy đạo.*

Đạo là thể bất sanh bất diệt, không thể nói có thành hoại tụ tán, còn nghĩ đến thành hoại tụ tán ấy là người chưa thấy đạo.

Nghe ta nói kệ:

*Tâm địa hàm chư chủng
Ngộ trạch tất giai manh
Tam-muội hoa vô tướng
Hà hoại phục hà thành?*

Dịch:

*Đất tâm chứa các giống
Gặp ướt liền nảy mầm
Hoa tam-muội không tướng
Nào hoại lại nào thành?*

Đạo Nhất nhờ khai ngộ tâm ý siêu nhiên, theo hầu Sư suốt mười năm, mỗi ngày càng nhận sâu lý đạo.

Đất tâm sẵn có của mọi người, trong đó đã chứa những chủng tử đạo lý. Những chủng tử này nếu không gặp duyên thì không nảy mầm được, khi gặp thiện tri thức khai phát cho thì chẳng khác nào hạt giống dưới đất gặp được mưa móc liền nảy mầm, trở hoa vô tướng tam-muội.

Đạo Nhất nhờ khai ngộ tâm ý siêu nhiên, theo hầu Sư suốt mười năm, mỗi ngày càng nhận sâu lý đạo. Chúng ta thấy ngài Nam Nhạc ở chỗ Lục Tổ mười lăm năm, Đạo Nhất ở chỗ ngài Nam Nhạc mười năm, càng ngày càng thâm sâu lý đạo. Chúng ta hiện nay chỉ khuyên nhau ở tu ba năm, thời gian ít ỏi, chưa đủ thấm sâu đạo lý, vì vậy nên phải bền lòng học đạo.

Tuy các ngài nghe một câu nói liền ngộ, sau buổi nói chuyện đã nhận ra lý đạo rồi, nhưng muốn thể nhập phải trải qua nhiều năm mới thấu suốt tánh thể không tịch. Chúng ta hiện nay chẳng nên nghe một câu vô tướng không tướng, rồi xách gói rời thầy ra đi cho là xong việc. Sau này tự nhiên thấy mình hời hợt nông nổi, tu tiến không được. Chúng ta phải chịu khó nghe thầy giảng dạy, rèn luyện thân tâm cho thấu suốt. Tuy mỗi lần nghe giảng cũng chỉ loanh quanh nói đi nói lại một việc chính yếu nhận ra ông chủ nơi mình, nhưng càng nhắc lại càng nhớ, càng nhớ lại càng thấu suốt các pháp tánh không, càng thấu suốt tánh không thì càng tiến bộ. Nếu không nhắc, không nhớ, không nghiên cứu kỹ

thì tiến không nổi, vì đây là việc khó làm, phải ráng hiểu kỹ, ráng cần mẫn tu tập, đừng xem thường.

Đệ tử nhập thất gồm có sáu người, Sư ấn khả rằng:

- Sáu người các người đồng chứng thân ta, mỗi người khế hội một phần: Người được chân mày ta, giỏi về oai nghi là Thường Hạo. Người được mắt ta, giỏi về ngó liếc là Trí Đạt. Người được tai ta, giỏi về nghe lý là Thản Nhiên. Người được mũi ta, giỏi về biết mùi là Thần Chiếu. Người được lưỡi ta, giỏi về đàm luận là Nghiêm Tuấn. Người được tâm ta, giỏi về xưa nay là Đạo Nhất.

Sư lại bảo:

**Tất cả các pháp đều từ tâm sanh,
Tâm không chỗ sanh, pháp không thể trụ.
Nếu đạt tâm địa việc làm không ngại,
Không phải thượng căn dè dặt chớ nói.
*(Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sanh,
Tâm vô sở sanh, pháp vô sở trụ.
Nhược đạt tâm địa sở tác vô ngại,
Phi ngộ thượng căn nghi thận từ tai.)***

Nói về các đệ tử ưu tú của ngài, gọi là đệ tử nhập thất, gồm có sáu người. Ngài ấn chứng cho mỗi vị.

Người được chân mày ta, giỏi về oai nghi là Thường Hạo. Như vậy biết rõ ngài Thường Hạo là trang nghiêm tề chỉnh, luôn luôn giữ đúng oai nghi.

Người được mắt ta, giỏi về liếc ngó là Trí Đạt. Có thể vị này thông minh lanh lợi lắm nên nói rằng được con mắt giỏi về liếc ngó.

Người được tai ta, giỏi về nghe lý là Thản Nhiên. Vị này giỏi về nghe bàn đạo lý, nhưng chỉ mới được phần tai thôi.

Người được mũi ta, giỏi về biết mùi là Thân Chiếu. Vị này thông suốt về mùi, biết khí vị nhà thiền.

Người được lưỡi ta, giỏi về đàm luận là Nghiêm Tuấn. Vị này thì lý luận rất giỏi.

Người được tâm ta, giỏi về xưa nay là Đạo Nhất. Riêng người được tâm mới là xứng đáng kế thừa.

Như vậy ai học đạo cũng có phần, mỗi người được mỗi phần, có học đạo thì có tiến, có tu thì có được, chỗ được tùy cạn sâu, không phải mỗi người đều được như nhau. Không phải tại thầy không bình đẳng, đó là tại duyên riêng của mỗi người, cạn sâu khác nhau, đồng một thầy dạy mà người thì nhận được bên ngoài, người nhận được bên trong sai biệt.

Sư lại bảo:

*Tất cả các pháp đều từ tâm sanh,
Tâm không chỗ sanh, pháp không thể trụ.
Nếu đạt tâm địa việc làm không ngại,
Không phải thượng căn dè dặt chớ nói.*

Tất cả pháp đều từ tâm sanh, tâm đây là chỉ cho tâm vọng tưởng. Tâm vọng tưởng ấy sanh mà không có

chỗ sanh, các pháp từ vọng tưởng sanh, vọng tưởng không có chỗ nơi nên pháp không có chỗ trụ. *Nếu đạt tâm địa, việc làm không ngại*, nếu chúng ta thấy được pháp môn tâm địa thì làm gì cũng không ngại. Chỗ đó nếu không phải là kẻ thượng căn *dè dặt chớ nói*.

Có vị đại đức đến hỏi Sư:

- Như gương đúc tượng, sau khi tượng thành không biết cái sáng của gương đi về chỗ nào?

Sư bảo:

- Như Đại đức tướng mạo lúc trẻ thơ hiện thời ở đâu?

- Tại sao sau khi thành tượng không chiếu soi?

Sư bảo:

- Tuy không chiếu soi, nhưng đối y một điểm cũng chẳng được.

Với câu hỏi này nếu người chưa thông thì câu đáp cũng khó thông suốt. Câu hỏi này không có thông hay ngại, thông ngại tại nơi chúng ta thôi. Thật ra người hỏi câu này là một người tu hết sức cần mẫn chín chắn mới hỏi được như vậy.

Như gương đúc tượng, nghĩa là đem thủy tinh đổ vô nấu để đúc thành một pho tượng, khi pho tượng thành rồi thì ánh sáng của gương đi đâu? Cũng thế, chúng ta tu để lạng hết những vọng tưởng, vọng tưởng lạng xuống thì chân tâm hiển bày, khi nhận được chân tâm thì cái biết vọng tưởng ở đâu? Lúc đó tâm mình có biết hay không?

Đó là ý hỏi, khi tâm chúng ta thật lặng lẽ, hằng giờ hằng phút hằng giây, dừng lặng vọng tưởng, lúc đó thành một khối như như. So sánh với gương đúc tượng, khi tượng thành rồi, tức là khi vọng tưởng lặng xuống, hoàn toàn như như rồi, lúc đó cái biết hằng ngày ở đâu? Cũng như gương thành tượng rồi thì ánh sáng của gương đi đâu?

Chúng ta hiểu câu hỏi như thế, mới hiểu được câu đáp. Ngài liền bảo rằng, *như Đại đức tướng mạo lúc trẻ thơ hiện thời ở đâu?* Người hỏi mượn hình ảnh của gương đúc tượng, ngài mượn hình ảnh tướng nơi thân: tướng mạo thời thuở trẻ thơ, cho đến khi thành người khôn lớn, tướng mạo ấy có đổi đi đâu không? Tuy không còn tướng trẻ thơ nữa, nhưng không phải mất hẳn, chỉ thay đổi từ tướng trẻ thơ thành tướng người lớn. Tánh biết kia cũng vậy, khi tâm còn mê vọng thì biết theo mê vọng, tâm lặng lặng thì chuyển thành cái biết của trí, không mất đi đâu. Cũng như chúng ta chuyển thân trẻ thơ thành thân người lớn, không phải không còn.

Đại đức cũng còn nghi: *Tại sao sau khi thành tượng không chiếu soi?* Ngài đáp: *Tuy không chiếu soi nhưng đối y một điểm cũng chẳng được.* Khi tâm yên lặng có nhận xét phân biệt như lúc lăng xăng không? Không có. Tuy không chiếu soi lăng xăng nhưng đối y một điểm không được. Người ta nói một câu mình cũng vẫn yên, người ta đi qua trước mắt cũng vẫn thấy. Không có gì đến mà nó không biết, nhưng không phân biệt như lúc còn vọng tưởng.

Đây là câu hỏi về cách tu rất chín chắn ở tâm, không phải hỏi một cách hời hợt ở ngoài. Câu đáp

của ngài cũng rõ ràng. Nghĩa là khi tâm lặng lẽ như như rồi, không còn phân biệt như lúc lăng xăng, nhưng tất cả những gì đến nó đều biết hết, không cái gì không biết. Chỗ này hợp với câu nói của ngài Huyền Giác, *phân biệt cũng chẳng phải ý*.

Sau Đạo Nhất đi giáo hóa ở Giang Tây, Sư hỏi chúng:

- Đạo Nhất vì chúng thuyết pháp chẳng?

Chúng thưa:

- Đã vì chúng thuyết pháp.

- Sao không thấy người đem tin tức về?

Chúng lặng thinh. Sư bèn sai một vị tăng đi thăm. Trước khi đi, Sư dặn:

- Dội khi thượng đường (lên thuyết pháp) chỉ hỏi “làm gì?” Y trả lời, nhớ ghi những lời ấy đem về đây.

Vị tăng đi thăm làm đúng như lời Sư đã dặn. Khi trở về, vị tăng thưa:

- Đạo Nhất nói: từ loạn Hồ sau ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.

Sư nghe xong gật đầu.

Đến ngày mười một tháng tám đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744), Sư viên tịch tại Hoàn Nhạc, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Vua sắc ban hiệu là Đại Huệ thiền sư, tháp hiệu Tối Thắng Luân.

Ngài dặn vị tăng đến chỗ Đạo Nhất đừng nói gì hết, ngồi trong chũm chờ Đạo Nhất lên pháp tòa rồi, bước ra hỏi “*Làm gì?*” nói vậy thôi, trả lời làm sao ghi đem về đây. Vị tăng làm đúng như vậy, khi trở về thưa rằng: *Đạo Nhất nói: từ loạn Hồ sau ba mươi năm chưa từng thiếu tương muối.*

Ngài nghe xong gật đầu. Không nói gì về sự hoằng hóa, nhưng thầy trò tương ứng, người ngoài cuộc hiểu không nổi. Tại sao từ loạn Hồ sau ba mươi năm chưa từng thiếu tương muối? Lời đáp của Đạo Nhất cho biết rằng từ ngày ngộ đạo rồi, đến bây giờ chưa có một việc gì ra ngoài chỗ mình đã thấy. Loạn Hồ tức là giặc nơi miền Tây Vực. Trung Hoa thường bị giặc chung quanh đánh gọi là loạn. Sau loạn Hồ ba mươi năm, từ đó đến giờ tương muối có đều đặn. Tương muối là thức ăn quan trọng trong nhà chùa, tương muối không thiếu là chỉ cho cái cần thiết không bao giờ thiếu. Ý Đạo Nhất nói sau khi nhận được lý đạo rồi, từ đó đến giờ chưa từng có những điều lệch lạc sai lầm, ra ngoài phạm vi chân chánh ấy. Vì vậy nên nghe xong ngài Hoài Nhượng gật đầu.

Trong câu chuyện đối đáp của ngài có hai hình ảnh mà tôi cho rằng đẹp nhất. Thứ nhất hình ảnh con trâu kéo xe, không đánh trâu mà đánh xe, đó là sự chỉ dạy khắc cốt ghi tâm. Thứ hai là hình ảnh gương đúc tượng. Những chỗ đó ngài trả lời rất khéo, giúp chúng ta hiểu rõ hơn việc tu tập.



THIÊN SƯ HUYỀN GIÁC Ở VĨNH GIA

(665 - 713)

Sư họ Đới, quê ở Vĩnh Gia Ôn Châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư xem khắp ba tạng, trí đức viên mãn, trụ trì chùa Hưng Long. Sư tinh thâm về pháp môn Chỉ Quán của đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai, trong bốn oai nghi lúc nào cũng khế hợp thiền quán. Thấy cảnh chùa dưới sườn núi có cảnh đẹp, Sư bèn xuống cất một thiền am, lưng tựa ngọn núi xanh, trước mặt biển mênh mông. Sư sống một đời thanh đạm, không hề nghĩ đến việc thế tục.

Sư nhân xem kinh Duy-ma phát minh được tâm địa. Gặp đệ tử của Lục Tổ là thiền sư Huyền Sách, hai bên nói chuyện với nhau đều thâm hợp chư tổ. Huyền Sách hỏi:

- Nhân giả đặc pháp nơi thầy nào?

Sư đáp:

- Tôi nghe trong các kinh luận Phương Đẳng mỗi vị đều có thầy trò trao truyền. Sau xem kinh Duy-ma ngộ được tâm tông, mà chưa có người chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Từ đức Phật Oai Âm Vương về trước, không có thầy chứng minh thì được. Từ đức Phật Oai Âm Vương về sau, không thầy tự ngộ đều là ngoại đạo thiên nhiên.

Sư nói:

- Xin nhân giả vì tôi chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Lời nói tôi nhẹ lắm. Ở Tào Khê có Lục Tổ đại sư bốn phương học giả tụ họp về thọ pháp, nếu nhân giả muốn đi thì tôi đi cùng với.

Sư bèn theo Huyền Sách đi đến Tào Khê.

Đến nơi, Sư tay cầm tích trượng vai mang bình bát đi nhiều Tổ ba vòng. Tổ hỏi:

- Phàm Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức là người phương nào đến, mà sanh đại ngã mạn như vậy?

Sư thưa:

- Sanh tử là việc lớn, vô thường quá nhanh.

Tổ bảo:

- Sao không ngay nơi đó thể nhận lấy vô sanh, liễu chẳng mau ư?

Sư thưa:

- Thể tức vô sanh, liễu vốn không mau.

Tổ khen:

- Đúng thế! Đúng thế!

Lúc đó đại chúng nghe nói đều ngạc nhiên. Sư bèn đầy đủ oai nghi lễ tạ Tổ. Chốc lát sau Sư xin cáo từ. Tổ bảo:

- Trở về quá nhanh!

Sư thưa:

- Vốn tự không động thì đâu có nhanh.

Tổ bảo:

- Cái gì biết không động?

Sư thưa:

- Ngài tự phân biệt.

Tổ bảo:

- Người được ý vô sanh rất sâu.

Sư thưa:

- Vô sanh có ý sao?

Tổ bảo:

- Không ý, cái gì biết phân biệt?

Sư thưa:

- Phân biệt cũng không phải ý.

Tổ khen:

- Lành thay! Lành thay!

Sư ở lại đây một đêm để hỏi thêm đạo lý. Sáng hôm sau, Sư cùng Huyền Sách đồng xuống núi trở về Ôn Giang. Thời nhân gọi Sư là Nhất Túc Giác.

Từ đây về sau, học chúng bốn phương tìm đến tham vấn Sư thật đông. Sư được tặng hiệu là Chơn Giác đại sư.

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên thứ hai, ngày mười bảy tháng mười, tại viện riêng ở chùa Hưng Long, Sư ngồi vui vẻ thị tịch, thọ bốn mươi chín tuổi. Vua sắc ban là Vô Tướng đại sư, tháp hiệu Tịnh Quang.

Sư có trước tác một tập Chứng Đạo Ca và Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chỉ từ cạn đến sâu, sau này môn đồ là Ngụy Tĩnh làm thứ sử Khánh Châu, góp lại làm thành mười thiên gọi là Vĩnh Gia Tập.

Về phần thiền sư Huyền Giác tôi đã giảng rồi, nên thông qua.



THIÊN SƯ BỔN TỊNH

(? - 761)

Sư họ Trương, quê ở Ráng Châu, xuất gia từ thuở bé. Sau Sư đến tham học với Lục tổ Huệ Năng được Tổ truyền tâm. Sư từ già Tổ, tìm đến núi Tư Không ở chùa Vô Tướng, chuyên ở nơi đây tu hành.

Đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744) vua Huyền Tông sai Trung sứ Dương Quang Đình vào núi cắt dây thường xuân. Dương Quang Đình tình cờ gặp được thất của Sư. Đình lễ bái thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu, cúi xin Hòa thượng từ bi tóm tắt chỉ dạy.

Sư bảo:

- Người nghiên học Thiên tông trong thiên hạ đều hội về Kinh sư, thiên sư nên trở về triều thưa hỏi là đầy đủ. Bần đạo ở gộp núi cạnh khe không có chỗ dụng tâm.

Quang Đình thiết tha khóc lóc lễ lạy.

Sư bảo:

- Thôi! Chớ lễ bần đạo. Thiên sứ vì cầu Phật hay vì hỏi đạo?

Đình thưa:

- Đệ tử trí thức tối tăm chưa biết Phật với Đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư bảo:

- Nếu muốn cầu Phật, tức tâm là Phật. Nếu muốn hội đạo, vô tâm là đạo.

- Thế nào tức tâm là Phật?

- Phật nhân tâm mà ngộ, tâm do Phật được bày. Nếu ngộ vô tâm thì Phật cũng chẳng có.

- Thế nào vô tâm là đạo?

- Đạo vốn vô tâm, vô tâm gọi là đạo. Nếu rõ vô tâm thì vô tâm tức là đạo vậy.

Quang Đình đành lễ tin nhận.

Trở về triều, Quang Đình tâu hết việc trong núi cho vua nghe. Vua ban sắc lệnh sai Quang Đình đi thỉnh Sư. Ngày mười ba tháng chạp, Sư theo sứ về đến đế đô, vua thỉnh ở chùa Bạch Liên.

Đến ngày rằm tháng hai năm sau, vua mời hết những danh tăng và các người học Phật uyên bác đến nội đạo tràng cùng Sư xiển dương Phật lý.

Khi ấy, có thiền sư Viễn lớn tiếng hỏi Sư:

- Nay đối thánh thượng để xét lường tôn chỉ, cần phải hỏi thẳng đáp thẳng, không cần dùng nhiều lời. Như chỗ thấy của Thiền sư lấy gì làm đạo?

Sư đáp:

- Vô tâm là đạo.

Viễn hỏi:

- Đạo do tâm mà có, đâu được nói vô tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tên, nhân tâm nên gọi là đạo. Tâm và tên nếu có thì đạo không rộng suốt. Tột tâm đã không thì đạo nương đâu mà lập? Cả hai đều hư vọng, trọn là giả danh.

Viễn hỏi:

- Thiền sư thấy thân tâm là đạo rồi chăng?

Sư đáp:

- Sơn tăng thân tâm xưa nay là đạo.

Viễn hỏi:

- Vừa nói vô tâm là đạo, giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, đâu không trái nhau?

Sư đáp:

- Vô tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói vô tâm là đạo. Thân tâm xưa nay là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không, đạo cũng tột nguồn chẳng có.

Viễn hỏi:

- Xem hình thể Thiền sư rất nhỏ, đâu thể hội được lý này?

Sư đáp:

- Đại đức chỉ thấy tướng sơn tăng, chẳng thấy được không tướng của sơn tăng. Thấy tướng là chỗ thấy của Đại đức, kinh nói “phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức ngộ được đạo kia”. Nếu lấy tướng cho là thật thì cùng kiếp không thể ngộ đạo.

Viễn bảo:

- Nay thỉnh Thiền sư ở trên tướng nói không tướng.

Sư đáp:

- Kinh Tịnh Danh nói: “Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, chỗ thấy không ngã, cùng đạo tương ứng.” Đại đức nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp không thể hội đạo.

Viễn nghe nói thất sắc lặng lẽ rút lui.

Sư có bài kệ:

*Tứ đại vô chủ phục như thủy
Ngộ khúc phùng trực vô bỉ thử
Tịnh uế lưỡng xứ bất sanh tâm
Ứng quyết hà tăng hữu nhị ý*

***Xúc cảnh dẫn tự thủy vô tâm
Tại thế tung hoành hữu hà sự?***

Dịch:

**Bốn đại không chủ cũng như nước
Dù gặp cong ngay chẳng kia đây
Hai nơi nhớ sạch tâm không sanh
Thông bát chưa từng có hai ý
Xúc cảnh chỉ như nước không tâm
Ở thế tung hoành nào có việc?**

Một đại như thế, bốn đại cũng vậy. Nếu rõ bốn đại không chủ tức ngộ vô tâm. Nếu rõ vô tâm tự nhiên hợp đạo.

Sư họ Trương, quê ở Ráng Châu, xuất gia từ thuở bé. Sau Sư đến tham học với Lục tổ Huệ Năng được Tổ truyền tâm. Sư từ già Tổ, tìm đến núi Tư Không ở chùa Vô Tướng, chuyên ở nơi đây tu hành.

Đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744) vua Huyền Tông sai Trung sứ Dương Quang Đình vào núi cắt dây thường xuân. Dương Quang Đình tình cờ gặp được thất của Sư. Đình lễ bái thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu, cúi xin Hòa thượng từ bi tóm tắt chỉ dạy.

Sư bảo:

- Người nghiên học Thiền tông trong thiên hạ đều hội về Kinh sư, thiên sứ nên trở về triều thưa hỏi là đầy đủ. Bần đạo ở gộp núi cạnh khe không có chỗ dụng tâm.

Thiền sư Bốn Tĩnh, ngộ đạo nơi Lục Tổ rồi từ già Lục Tổ, tìm đến núi Tư Không ở chùa Vô Tướng, chuyên nơi đó tu hành. Chỗ của ngài vắng vẻ ít người biết, nhân có ông Dương Quang Đình vâng lệnh nhà vua vào núi cắt dây thường xuân, bất chợt gặp được thất của ngài, nên đến xin ngài chỉ dạy cương yếu của đạo. Ngài bảo rằng: *Người nghiên học thiền tông trong thiên hạ đều hội về kinh sư, thiên sư nên trở về triều thừa hỏi là đầy đủ. Bần đạo ở gộp núi cạnh khe không có chỗ dụng tâm.*

Quang Đình thiết tha khóc lóc lễ lạy. Sư bảo:

- Thôi! Chớ lễ bần đạo. Thiên sư vì cầu Phật hay vì hỏi đạo?

Đình thưa:

- Đệ tử trí thức tối tăm chưa biết Phật với Đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư bảo:

- Nếu muốn cầu Phật, tức tâm là Phật. Nếu muốn hội đạo, vô tâm là đạo.

Vị quan này là sứ giả nhà vua mà lời lẽ rất khiêm tốn, đối với người tu hành, chỉ thưa là đệ tử kiến thức tối tăm, không dám khoe khoang như người khác.

Ngài dạy: *Nếu muốn cầu Phật, tức tâm là Phật. Nếu muốn hội đạo, vô tâm là đạo.* Nghĩa là ngay tâm chân thật là Phật, không có tâm hư vọng là đạo. Đó là chỉ thẳng Phật và đạo.

- Thế nào tức tâm là Phật?

- Phật nhân tâm mà ngộ, tâm do Phật được bày. Nếu ngộ vô tâm thì Phật cũng chẳng có.

- Thế nào vô tâm là đạo?

- Đạo vốn vô tâm, vô tâm gọi là đạo. Nếu rõ vô tâm thì vô tâm tức là đạo vậy.

Quang Đình đành lễ tin nhận.

Quang Đình hỏi tiếp: Thế nào tức tâm là Phật? Ngài đáp: Phật nhân tâm mà ngộ, tâm do Phật được bày. Nếu ngộ vô tâm thì Phật cũng chẳng có. Vừa nói tức tâm là Phật, rồi cuộc nói Phật cũng chẳng có. Phật nhân tâm mà ngộ, tại sao? Nghĩa là chúng ta ngộ đạo thành Phật là nhận được bản tâm. Tâm do Phật được bày. Nếu không phải là người ngộ đạo làm sao chỉ được bản tâm.

Đức Phật sau khi ngộ đạo, ngài mới biết tâm ấy mà dạy chúng ta, chư tổ cũng do nhận ra tâm Phật rồi chỉ bày cho chúng ta. Nếu ngộ vô tâm, tức là ngộ tâm không thì Phật cũng chẳng có. Khi ngộ bản tâm không sanh không diệt, lúc đó không còn tên Phật, tên tâm. Tâm và Phật chỉ là tên giả lập, chứ bản thể không có tên tuổi. Chỗ cứu cánh là không danh, có lập danh chưa phải cứu cánh.

Quang Đình hỏi: Thế nào vô tâm là đạo? Ngài dạy: Đạo vốn vô tâm, vô tâm gọi là đạo. Nếu rõ vô tâm thì vô tâm tức là đạo vậy. Đạo vốn không tâm tức là không còn vọng, nên nói không tâm gọi là đạo, nếu rõ được lý không tâm thì mới thật hiểu đạo.

Trở về triều, Quang Đình tâu hết việc trong núi cho vua nghe. Vua ban sắc lệnh sai Quang Đình đi thỉnh Sư. Ngày mười ba tháng chạp, Sư theo sứ về đến đế đô, vua thỉnh ở chùa Bạch Liên.

Đến ngày rằm tháng hai năm sau, vua mời hết những danh tăng và các người học Phật uyên bác đến nội đạo tràng cùng Sư xiển dương Phật lý.

Quang Đình nghe vậy, đánh lễ tin nhận. Về triều tâu trình, nhà vua mới cho thỉnh ngài về chùa Bạch Liên. Gặp duyên hoàng hóa ngài tùy hỷ trở về đế đô. Sau nhà vua mời đến nội đạo tràng cùng với chư tăng và cư sĩ thông hiểu Phật pháp để bàn luận lý Phật.

Khi ấy, có thiền sư Viễn lớn tiếng hỏi Sư:

- Nay đối thánh thượng để xét lương tôn chỉ, cần phải hỏi thẳng, đáp thẳng, không cần dùng nhiều lời. Như chỗ thấy của Thiền sư lấy gì làm đạo?

Sư đáp:

- Vô tâm là đạo.

Viễn hỏi:

- Đạo do tâm mà có, đâu được nói vô tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tên, nhân tâm nên gọi là đạo. Tâm và tên nếu có thì đạo không rộng suốt. Tột tâm đã không thì đạo nương đâu mà lập? Cả hai đều hư vọng, trọn là giả danh.

Thiền sư Viễn lớn tiếng nói: nay trước mặt nhà vua thì thấy sao nói vậy, đúng với chỗ mình thấy chứ đừng nói quanh co. Ngài Bốn Tịnh vẫn đáp câu: *Vô tâm là đạo.*

Viễn hỏi lại: *Đạo do tâm mà có, tại sao nói vô tâm là đạo?* Ngài trả lời nêu rõ ý chánh. *Đạo vốn không tên, vì chỗ bản thể như nhiên đó vốn không tên tuổi, chỉ nhân nơi tâm vọng tưởng nghĩ đặt tên nó là đạo. Tâm tức là tâm nghĩ, tên là tên đạo, nếu có tâm và tên thì đạo không rộng suốt.* Tức là nếu còn kẹt vào tâm vọng tưởng, vào danh từ đạo thì đạo đó không phải là đạo rộng suốt. Đến chỗ tột cùng tâm cũng không, tức là vọng tưởng không thì từ đâu mà đặt tên đạo? Cả hai tâm và đạo đều là giả danh.

Viễn hỏi:

- *Thiền sư thấy thân tâm là đạo rồi chăng?*

Sư đáp:

- *Sơn tăng thân tâm xưa nay là đạo.*

Viễn hỏi:

- *Vừa nói vô tâm là đạo, giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, đâu không trái nhau?*

Sư đáp:

- *Vô tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói vô tâm là đạo. Thân tâm xưa nay là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không, đạo cũng tột nguồn chẳng có.*

Thiền sư Viên cũng chưa bằng lòng hỏi: *Thiền sư thấy thân tâm là đạo rồi chăng?* Vì chính mình chưa thấy, nên khi nghe ngài nói tưởng là cũng nói bướng thôi, bèn hỏi gạn lại. Ngài đáp rất quả quyết: *Son tăng thân tâm xưa nay là đạo.* Không ngờ vực gì hết, không e dè gì hết. Ngay câu đáp đó, thiền sư Viên cho rằng như vậy là mâu thuẫn: *Vừa nói vô tâm là đạo, giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, đâu không trái nhau?*

Ngài đáp: *Vô tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói vô tâm là đạo.* Khi không tâm thì lúc đó là đạo, tâm mất đạo không, tức là vọng tưởng hết, tên đạo cũng không còn, tâm và đạo nhất như nên nói không tâm là đạo. *Thân tâm xưa nay là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm.* Ngài thấy thân và tâm của mình nhất như, không dính mắc giả danh giả tướng nên ngài không chấp, bởi không chấp nên nói thân tâm xưa nay là đạo. Đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm không rời nhất như, nhất như không rời thân tâm, nên nói đạo cũng vốn là thân tâm. *Thân tâm vốn đã là không, ngay nơi thân tâm này thấy nó không thật, đạo cũng tột nguồn chẳng có.* Như vậy thì đạo cũng thừa. Nói thân tâm nói đạo, cũng chỉ là giả danh thôi.

Viên hỏi:

- *Xem hình thể Thiền sư rất nhỏ, đâu thể hội được lý này?*

Sư đáp:

- *Đại đức chỉ thấy tướng son tăng, chẳng thấy được không tướng của son tăng. Thấy tướng là chỗ thấy*

của Đại đức, kinh nói “phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức ngộ được đạo kia”. Nếu lấy tướng cho là thật thì cùng kiếp không thể ngộ đạo.

Viễn bảo:

- Nay thỉnh Thiền sư ở trên tướng nói không tướng.

Sư đáp:

- Kinh Tịnh Danh nói: “Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, chỗ thấy không ngã, cùng đạo tương ưng.” Đại đức nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp không thể hội đạo.

Viễn nghe nói thất sắc lặng lẽ rút lui.

Thiền sư Viễn hỏi về lý xong, lại hỏi về tướng, câu hỏi không khéo nên bị ngài bắt bẻ, chỉ ra cho thấy chỗ dở của Viễn, lấy cái thấy tướng hư vọng mà cho là thật.

Viễn bảo: *Nay thỉnh Thiền sư ở trên tướng nói không tướng.* Như vậy là trước nói về tướng, chưa thấy được không tướng, làm sao để ngay nơi tướng nói về không tướng. Ngài Bốn Tịnh đáp: *Kinh Tịnh Danh nói: Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, chỗ thấy không ngã, cùng đạo tương ưng.* Bốn đại là tướng mạo vốn không chủ, thân cũng không có ngã, thấy được vô ngã thì hợp với đạo vô tướng. Đó là trên tướng nói rõ không tướng. *Đại đức nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp không thể hội đạo.*

Viễn nghe tới đây thất sắc liền lặng lẽ rút lui.

Sư có bài kệ:

*Tứ đại vô chủ phục như thủy
Ngộ khúc phùng trực vô bỉ thử
Tịnh uế lưỡng xứ bất sanh tâm
Ứng quyết hà tăng hữu nhị ý
Xúc cảnh đản tự thủy vô tâm
Tại thế tung hoành hữu hà sự?*

Dịch:

*Bốn đại không chủ cũng như nước
Dù gặp cong ngay chẳng kia đây
Hai nơi nhơ sạch tâm không sanh
Thông bát chưa từng có hai ý
Xúc cảnh chỉ như nước không tâm
Ở thế tung hoành nào có việc?*

Một đại như thế, bốn đại cũng vậy. Nếu rõ bốn đại không chủ tức ngộ vô tâm. Nếu rõ vô tâm tự nhiên hợp đạo.

Ngài tụng bài kệ kết thúc:

Tứ đại vô chủ phục như thủy. Tứ đại này vô chủ cũng như nước. Ngộ khúc phùng trực vô bỉ thử. Khi gặp khúc sông cong thì theo đó mà cong, gặp khúc sông ngay thì theo đó mà ngay, nước không chia ra kia và đây, không phân biệt cong hay ngay, chỉ tùy chỗ mà chảy qua.

Tịnh uế lưỡng xứ bất sanh tâm: Hai chỗ tịnh và uế đều không sanh tâm. Dù cho người ta đổ đồ dơ xuống nước có rầy không? Rồi giả sử người ta đem lông trong, nước có rầy không? Như vậy đối với tịnh uế, nước đều như như. Tứ đại cũng vậy.

Ứng quyết hà tăng hữu nhị ý: Ứng là bát, quyết là thông, khi bát khi thông nước chưa từng có hai ý. Đối với chỗ thông hay bát, nước cũng vẫn như như. Đó là dùng nước để thí dụ cho tứ đại vô chủ.

Xúc cảnh dẫn tự thủy vô tâm: Khi đối duyên xúc cảnh, chỉ giống như nước, vô tâm như thế đó. *Tại thế tung hoành hữu hà sự:* Ngay đời này mặc tình đi đông đi tây, không có việc gì. Người nào gặp ngoại cảnh đều vô tâm thì người đó được tự tại vô ngại.

Ngài giảng tiếp: *Một đại như thế, bốn đại cũng vậy. Nếu rõ bốn đại không chủ tức ngộ vô tâm. Nếu rõ vô tâm tự nhiên hợp đạo.*

Thiền sư Chí Minh hỏi:

- Nếu nói vô tâm là đạo, ngói gạch vô tâm cũng ứng là đạo? Thân tâm xưa nay là đạo, tứ sanh thập loại đều có thân tâm cũng ứng là đạo?

Sư đáp:

- Đại đức nếu hiểu bằng vào thấy nghe hiểu biết thì cùng đạo khác xa, tức là người cầu thấy nghe hiểu biết, không phải là người cầu đạo. Kinh nói: “Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...” Sáu căn còn không, thấy nghe hiểu biết nương đâu mà lập.

**Cùng tột gốc nguồn chẳng có thì chỗ nào còn tâm?
Đâu không đồng với cỏ cây ngói gạch.**

Chí Minh lặng thinh thối lui.

Sư có bài kệ:

*Kiến văn giác tri vô chướng ngại
Thanh hương vị xúc thường tam-muội
Như liễu không trung chỉ ma phi
Vô thủ vô xả vô tăng ái
Nhược hội ứng xử bản vô tâm
Thủy đắc danh vi Quán Tự Tại.*

Dịch:

**Thấy nghe hiểu biết không chướng ngại
Tiếng mùi vị chạm thường tam-muội
Như chim trong không mặc tình bay
Không thủ không xả không thương ghét
Nếu biết ứng xử vốn vô tâm
Mới được tên là Quán Tự Tại.**

Thiền sư Chí Minh hỏi:

- Nếu nói vô tâm là đạo, ngói gạch vô tâm cũng ứng là đạo? Thân tâm xưa nay là đạo, tứ sanh thập loại đều có thân tâm cũng ứng là đạo?

Câu hỏi của thiền sư Chí Minh nghe rất mạnh. Ngài nói không tâm là đạo, vậy thì ngói gạch không tâm cũng là đạo phải không? Nếu nói thân tâm xưa nay là đạo

thì tứ sanh thập loại đều có thân tâm lẽ ra cũng là đạo? Vị này nghe đối đáp nắm được hai điểm, nên bắt bẻ làm khó.

Sư đáp:

- Đại đức nếu hiểu bằng vào thấy nghe hiểu biết thì cùng đạo khác xa, tức là người cầu thấy nghe hiểu biết, không phải là người cầu đạo. Kinh nói: “Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...” Sáu căn còn không, thấy nghe hiểu biết nương đâu mà lập. Cùng tột gốc nguồn chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Đâu không đồng với cỏ cây ngói gạch.

Ngài Bốn Tịnh liền đáp: Chỗ nói vô tâm là đạo, nếu ông dùng tâm suy nghĩ, cho rằng ngói gạch cũng là đạo thì suy nghĩ ấy làm sao hợp đạo? Đó chỉ là thấy nghe hiểu biết không phải là đạo. Nghe nói không tâm là đạo, nghĩa là lặng vọng tưởng xuống là đạo. Nếu cho rằng ngói gạch không tâm, đó là cũng dựa vào thấy nghe hiểu biết lầm nhận. Kinh Bát-nhã nói không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn còn không, thấy nghe hiểu biết nương đâu mà lập. Sáu căn không, sáu thức cũng không, chỗ nào có thấy nghe hiểu biết mà khởi vọng. Xét kỹ tột gốc nguồn tâm không có, cỏ cây ngói gạch cũng không, tất cả là giả danh có gì để chấp.

Chí Minh lặng thinh thối lui.

Sư có bài kệ:

Kiến văn giác tri vô chương ngại

Thanh hương vị xúc thường tam-muội

*Như điều không trung chỉ ma phi
 Vô thủ vô xả vô tăng ái
 Nhược hội ứng xử bản vô tâm
 Thủy đắc danh vi Quán Tự Tại.*

Dịch:

*Thấy nghe hiểu biết không chướng ngại
 Tiếng mùi vị chạm thường tam-muội
 Như chim trong không mặc tình bay
 Không thủ không xả không thương ghét
 Nếu biết ứng xử vốn vô tâm
 Mới được tên là Quán Tự Tại.*

Đại ý bài kệ nói: Thấy nghe hiểu biết không chướng ngại, tất cả thanh hương vị xúc thường ở trong tam-muội. Như chim trong hư không mặc tình bay không có chướng ngại. Không thủ, không xả cũng không yêu ghét. Người hiểu được chỗ ứng xử vốn vô tâm, tức ngay nơi đó nhận được bản tâm. Người như thế mới được gọi là Quán Tự Tại, sống trong mọi cảnh đều không chướng không kẹt.

Thiền sư Chơn hỏi:

- Đạo đã vô tâm, Phật có tâm chăng? Phật cùng với đạo là một, là khác?

Sư đáp:

- Chẳng một chẳng khác.

Chơn hỏi:

- Phật độ chúng sanh vì có tâm, đạo không độ chúng sanh vì vô tâm. Một độ một không độ đâu được không khác?

Sư đáp:

- Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo không độ, đây là Đại đức vọng sanh thấy hai. Theo sơn tăng tức chẳng phải vậy. Phật là tên sông, đạo cũng đối lập, cả hai đều không thật, toàn là giả danh. Trong một cái giả sao lại phân làm hai?

Chơn hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, chính khi lập danh nhân cái gì mà lập? Nếu có lập được, đâu thể nói là không?

Sư đáp:

- Phật với đạo nhân tâm mà lập, xét cùng cái tâm dựng lập, tâm ấy cũng không, tâm đã là không liền ngộ cả hai đều chẳng thật, biết như mộng huyễn liền ngộ vốn không. Gắng lập hai tên Phật Đạo, đây là cái thấy biết của người Nhị thừa.

Sư bèn nói bài kệ Vô Tu Vô Tác:

Kiến đạo phương tu đạo

Bất kiến phục hà tu

Đạo tánh như hư không

Hư không hà sở tu?

***Biển quán tu đạo giả
Bát hỏa mịch phù âu
Đản khán lộng khối lỗi
Tuyên đoạn nhất thời hưu.***

Dịch:

**Thấy đạo mới tu đạo
Chẳng thấy lấy gì tu
Tánh đạo như hư không
Hư không tu chỗ nào?
Khấp xem người tu đạo
Vạch lửa tìm bọt nổi
Chỉ xem con rối múa
Đứt dây một lúc dừng.**

Thiền sư Chơn hỏi:

- Đạo đã vô tâm, Phật có tâm chẳng? Phật cùng với đạo là một, là khác?

Sư đáp:

- Chẳng một chẳng khác.

Chơn hỏi:

- Phật độ chúng sanh vì có tâm, đạo không độ chúng sanh vì vô tâm. Một độ một không độ đâu được không khác?

Sư đáp:

- *Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo không độ, đây là Đại đức vọng sanh thấy hai. Theo sơn tăng tức chẳng phải vậy. Phật là tên suông, đạo cũng dối lập, cả hai đều không thật, toàn là giả danh. Trong một cái giả sao lại phân làm hai?*

Thiền sư Chơn thấy có hai cái khác nhau, Phật có tâm độ chúng sanh, còn đạo là vô tâm. Ngài Bốn Tịnh đáp: *Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo không độ, đây là Đại đức vọng sanh thấy hai. Phật đạo không phải như vậy. Nói là Phật, nói là đạo chỉ là giả danh, vì thật trong chỗ chân như bất sanh bất diệt không có tên tuổi, gượng đặt tên Phật, tên đạo cũng là giả danh. Trong cái giả danh sao lại chia làm hai?*

Chơn hỏi:

- *Phật với đạo đều là giả danh, chính khi lập danh nhân cái gì mà lập? Nếu có lập được, đâu thể nói là không?*

Sư đáp:

- *Phật với đạo nhân tâm mà lập, xét cùng cái tâm dựng lập, tâm ấy cũng không, tâm đã là không liền ngộ cả hai đều chẳng thật, biết như mộng huyễn liền ngộ vốn không. Gắng lập hai tên Phật Đạo, đây là cái thấy biết của người Nhị thừa.*

Người còn phân biệt tên Phật, tên đạo khác nhau là cái thấy biết hai bên của hàng Nhị thừa.

Sư bèn nói bài kệ Vô Tu Vô Tác:

*Kiến đạo phương tu đạo
 Bất kiến phục hà tu
 Đạo tánh như hư không
 Hư không hà sở tu?
 Biến quán tu đạo giả
 Bát hỏa mịch phù âu
 Đản khán lộng khối lỗi
 Tuyến đoạn nhất thời hưu.*

Dịch:

*Thấy đạo mới tu đạo
 Chẳng thấy lấy gì tu
 Tánh đạo như hư không
 Hư không tu chỗ nào?*

Nghĩa là thấy đạo rồi, mới có thể tu hợp với đạo. Nếu không thấy đạo làm sao tu đúng. Tánh đạo giống như hư không, không có hình tướng, có gì để tu? Nói tu là một lỗi nói, không có cái tu thật.

*Khắp xem người tu đạo
 Vạch lửa tìm bọt nổi
 Chỉ xem con rối múa
 Đứt dây một lúc dừng.*

Xem khắp thế gian, những người tu đạo chẳng khác vạch trong lò lửa tìm bọt nước, có tìm được không? Đạo là sống với thể chân thật, không do tạo tác, không do tu hành mà được; nói tôi tu thế này, tôi tu thế nọ,

chỉ là giả danh phương tiện mà cho là thật, như thế khác nào vạch trong lò lửa tìm bọt nước.

Con rối múa, nguyên chữ Hán là lộng khối lõi, con rối gỗ diễn trò, điều khiển bằng những sợi dây do người cầm nắm bên trong. Khi dây đứt thì con rối ngừng, không múa may diễn trò. Chúng ta phải biết thân này hư giả như người gỗ, như con rối múa may, còn vọng tưởng giắt dây thì còn bị chi phối. Khi đứt vọng tưởng rồi thì tất cả những điên đảo cuồng loạn kia cũng theo đó mà hết.

Thiền sư Pháp Không hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, mười hai phân giáo cũng chẳng phải thật, vì sao các hàng tôn túc từ xưa đều nói tu đạo?

Sư đáp:

- Đại đức lâm hội ý kinh, đạo vốn không tu, Đại đức cương tu, đạo vốn không tác, Đại đức cương tác, đạo vốn không sự, Đại đức cương sanh đa sự, đạo vốn không biết, ở trong ấy cương biết. Thấy hiểu như thế cùng đạo trái nhau. Tôn túc từ xưa không như thế, tự Đại đức không hội, xin suy gẫm đó.

Sư có bài kệ:

Đạo thể bản vô tu

Bất tu tự hợp đạo

Nhược khởi tu đạo tâm

Thử nhân bất hội đạo.

***Khí khước nhất chân tánh
 Khước nhập não hạo hạo
 Hốt phùng tu đạo nhân
 Đệ nhất mặc hướng đạo.***

Dịch:

**Thế đạo vốn không tu
 Chẳng tu tự hợp đạo
 Nếu khởi tâm tu đạo
 Người này không hiểu đạo.
 Bỏ mất một tánh chân
 Lại vào nơi ồn náo
 Chợt gặp người tu đạo
 Cần nhất chớ nói năng.**

Thiền sư Pháp Không hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, mười hai phân giáo cũng chẳng phải thật, vì sao các hàng tôn túc từ xưa đều nói tu đạo?

Sư đáp:

- Đại đức lâm hội ý kinh, đạo vốn không tu, Đại đức cường tu, đạo vốn không tác, Đại đức cường tác, đạo vốn không sự, Đại đức cường sanh đa sự, đạo vốn không biết, ở trong ấy cường biết. Thấy hiểu như thế cùng đạo trái nhau. Tôn túc từ xưa không như thế, tự Đại đức không hội, xin suy gẫm đó.

Pháp Không hỏi: Nếu Phật đạo đều giả danh và mười hai phần giáo, tức là các kinh điển, cũng không thật thì tại sao ngày xưa các tôn túc đều nói có tu. Ngài đáp: Đại đức lắm hội ý kinh. Đạo không có chỗ tu mà gượng nói tu, đạo không có tạo tác mà gượng nói tạo tác... Như thế làm sao được hợp đạo? Các vị thiền sư có tu không?

Có người hỏi thiền sư Tùng Thẩm có tu không? Ngài nói nếu ta có tu là đại họa. Như ngài ở chùa ăn chay, hằng ngày hằng giờ tọa thiền, đi đứng nằm ngồi đều theo nếp của người xuất gia mà ngài nói nếu thấy có tu là họa lớn. Tại sao? Phải biết rằng, nếu trực nhận được đạo, thấy được chân lý bất sanh bất diệt thì chỉ cần sống với nó, không nói tu hay không tu.

Tuy không tu mà hằng sống với đạo không theo vọng tưởng tức là tu. Tu mà không tu vì biết chân lý không phải tạo tác, không phải làm nên. Tu là hành động tạo tác sanh diệt, không thể đem sanh diệt đắp thêm vào vô sanh nên không nói là tu. Khi chúng ta hằng sống với nó thì thiên hạ gọi là tu, sự thật không thấy có người tu. Vì chỉ cần sống đúng với chân lý đó không làm gì khác hơn. Nói tu chỉ là phương tiện đối với người chưa hiểu đạo, tu nghĩa là hành động theo điều lành điều thiện. Hành động thì sanh diệt, đạo thì bất sanh diệt, đem sanh diệt tìm bất sanh diệt làm sao khế hợp. Vì thế nói đạo vốn không tu.

Sư có bài kệ:

*Đạo thể bản vô tu
Bất tu tự hợp đạo
Nhược khởi tu đạo tâm
Thử nhân bất hội đạo.
Khí khước nhất chân tánh
Khước nhập náo hạo hạo
Hốt phùng tu đạo nhân
Đệ nhất mặc hướng đạo.*

Dịch:

*Thể đạo vốn không tu
Chẳng tu tự hợp đạo
Nếu khởi tâm tu đạo
Người này không hiểu đạo.
Bỏ mất một tánh chân
Lại vào nơi ồn náo
Chợt gặp người tu đạo
Cần nhất chớ nói năng.*

Thể đạo vốn không do tu, nếu người không dùng cái tu sanh diệt thì người đó tự hợp với đạo. Không nên nghe nói không tu hợp đạo, rồi cho những kẻ đi ngang ngược ngoài chợ đều là hợp đạo, không phải như vậy. Nếu khởi tâm tu để được hợp đạo, người này không hội đạo. Vì khởi tâm tu hợp đạo mà không biết lý đạo bất sanh bất diệt, tức là bỏ mất chân tánh,

người ấy sẽ trở lại chỗ náo loạn lăng xăng. Tại sao? Vì cho rằng các hành động sanh diệt là hợp với đạo thì bỏ mất chân tánh, lặn mình trong sanh diệt. Nếu chợt gặp người tu chân chánh thì cần nhất chớ nói năng, vì khởi tâm vọng nói năng tức là trái với đạo.

Thiền sư An hỏi:

- Đạo đã giả danh, Phật nói dối lập, mười hai phần giáo cũng là phương tiện tiếp vật độ sanh, tất cả là vọng lấy gì làm chân?

Sư đáp:

- Vì có vọng nên đem chân đối vọng. Xét cùng tánh vọng vốn không, chân cũng chưa từng có. Thế thì biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị trọn không thật thể, tốt cội gốc nó thì tất cả đều không.

An hỏi:

- Đã nói tất cả là vọng, vọng cũng đồng chân, chân vọng không khác, lại là vật gì?

Sư đáp:

- Nếu nói vật gì, vật gì cũng vọng. Kinh nói “không tương tự, không so sánh, bất đường nói năng, như chim bay trong không”.

Thiền sư An xấu hổ thâm phục mà không biết làm gì.

Sư có bài kệ:

*Suy chân, chân vô tướng
 Cùng vọng, vọng vô hình
 Phản quán suy cùng tâm
 Tri tâm diệt giả danh
 Hội đạo diệt như thử
 Đáo đầu diệt chỉ ninh.*

Dịch:

**Xét chân, chân không tướng
 Tìm vọng, vọng không hình
 Quán lại tâm tìm xét
 Biết tâm cũng giả danh
 Hội đạo cũng như vậy
 Đến cùng chỉ lặng yên.**

Thiền sư An hỏi:

- Đạo đã giả danh, Phật nói đối lập, mười hai phân giáo cũng là phương tiện tiếp vật độ sanh, tất cả là vọng lấy gì làm chân?

Tất cả đều là giả hết thì lấy gì làm chân?

Sư đáp:

- Vì có vọng nên đem chân đối vọng. Xét cùng tánh vọng vốn không, chân cũng chưa từng có. Thế thì biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị trọn không thật thể, tốt cội gốc nó thì tất cả đều không.

Vọng là không thật, chân do đối với vọng mới có, vọng không thì chân cũng không. Chân vọng cả hai

đều là giả danh đối lập để cho người ta dễ hiểu. Khi vọng hết thì chân cũng không còn.

An hỏi:

- Đã nói tất cả là vọng, vọng cũng đồng chân, chân vọng không khác, lại là vật gì?

Sư đáp:

- Nếu nói vật gì, vật gì cũng vọng. Kinh nói “không tương tự, không so sánh, bất đường nói năng, như chim bay trong không”.

Thiền sư An lại hỏi: Khi chân vọng không khác lúc đó là vật gì? Ngài đáp: *Nếu nói vật gì, vật gì cũng vọng.* Chân vọng không khác, còn hỏi là vật gì thì cũng là vọng. *Kinh nói: không tương tự, không so sánh, bất đường nói năng, như chim bay trong không.* Đó là chỗ không có gì tương tự để so sánh, là chỗ dứt nói năng như chim bay trong hư không, không ai tìm dấu vết được. Nên không nói là vật gì.

Thiền sư An xấu hổ thâm phục mà không biết làm gì, tức là nghe nói rất hay nhưng không biết ý, ngộ không được.

Sư có bài kệ:

*Suy chân, chân vô tướng
Cùng vọng, vọng vô hình
Phản quán suy cùng tâm
Tri tâm diệt giả danh*

*Hội đạo diệt như thử
Đáo đầu diệt chỉ ninh.*

Dịch:

*Xét chân, chân không tướng
Tìm vọng, vọng không hình
Quán lại tâm tìm xét
Biết tâm cũng giả danh
Hội đạo cũng như vậy
Đến cùng chỉ lặng yên.*

Suy chân tức là xét chân, chân vốn không có hình tướng. *Cùng vọng*, tức là tìm tột cùng vọng, vọng cũng không có hình. *Chân không tướng, vọng không hình*, cả hai đều không thật. Quán trở lại tâm suy tìm, cũng là giả danh không thật. Cả ba: chân không thật, vọng không thật, tâm suy nghĩ về chân vọng cũng không thật. *Hội đạo cũng như thế*, đến tột cùng thì tự mình yên lặng không nói gì khác hơn. Chỗ tột cùng hết vọng tự nhiên yên lặng.

Thiền sư Đạt Tánh hỏi:

- Thiền thật chí vi chí diệu, chân vọng cả hai đều bật, Phật đạo cả hai chẳng còn, tu hành tánh là không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều giả danh. Khi người đạt đến cái hiểu biết này cũng không thể đoạn dứt hai gốc thiện ác của chúng sanh.

Sư đáp:

- Hai gốc thiện ác đều nhân tâm mà có, tìm tốt tâm nếu có thì gốc ắt thật, xét tâm đã không thì gốc nhân đâu mà lập. Kinh nói: “Pháp thiện pháp ác từ tâm hóa sanh, nghiệp duyên thiện ác vốn không thật có.”

Sư nói bài kệ:

*Thiện ký từng tâm sanh
Ác khởi ly tâm hữu
Thiện ác thị ngoại duyên
Ư tâm thật bất hữu.
Xả ác tổng hà xứ
Thủ thiện linh thù thủ
Thương ta nhị kiến nhân
Phan duyên lưỡng đầu tẩu.
Nhược ngộ bản vô tâm
Thủy hối từng tiền cứu.*

Dịch:

Thiện đã từ tâm sanh
Ác đâu rời tâm có,
Thiện ác là duyên ngoài
Nơi tâm thật chẳng có.
Bỏ ác đẩy chỗ nào?
Lấy thiện bảo ai giữ?
Than ôi! Người thấy hai
Bám víu hai đầu chạy.

**Nếu ngộ vốn không tâm
Mới hối lỗi từ trước.**

Thiền sư Đạt Tánh hỏi:

- Thiền thật chí vi chí diệu, chân vọng cả hai đều bất, Phật đạo cả hai chẳng còn, tu hành tánh là không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều giả danh. Khi người đạt đến cái hiểu biết này cũng không thể đoạn dứt hai gốc thiện ác của chúng sanh.

Câu này ý nói gì? Ban đầu dường như khen ngợi *thiền thật chí vi chí diệu*, quá hay quá cao sâu, nhưng trở lại thực tế thì người đạt được hiểu biết này cũng không thể đoạn dứt hai gốc thiện ác của chúng sanh. Nghĩa là không làm lợi ích gì cho chúng sanh. Đây là lối bắt bẻ khéo léo. Nói như ngài rất hay, cái nào cũng giả, cũng không, thì có gì đâu mà dạy người làm lành bỏ ác? Như vậy cái học hiểu của ngài là rỗng không vô ích.

Sư đáp:

- Hai gốc thiện ác đều nhân tâm mà có, tìm tốt tâm nếu có thì gốc ắt thật, xét tâm đã không thì gốc nhân đâu mà lập. Kinh nói: “Pháp thiện pháp ác từ tâm hóa sanh, nghiệp duyên thiện ác vốn không thật có.”

Ngài Bổn Tịnh đáp: *Hai gốc thiện ác đều nhân tâm mà có, tìm tốt tâm nếu có thì gốc ắt thật, nghĩa là nếu tâm thật có thì gốc thiện ác có thật, nay xét tâm đã không thì thiện ác không có thật, đâu cần nhọc công đoạn dứt. Kinh nói: Pháp thiện pháp ác từ tâm hóa sanh, nghiệp duyên thiện ác vốn không thật có.*

Như vậy pháp thiện pháp ác từ tâm mà hóa sanh, nghiệp duyên thiện ác là không có thật, đã không thật thì ông nói người tu không làm lợi ích cho chúng sanh vì không trừ thiện ác, đó là lời nói dư.

Sư nói bài kệ:

*Thiện ký từng tâm sanh
Ác khởi ly tâm hữu
Thiện ác thị ngoại duyên
Ư tâm thật bất hữu.
Xả ác tổng hà xứ
Thủ thiện linh thù thủ
Thương ta nhị kiến nhân
Phan duyên lưỡng đầu tẩu.
Nhược ngộ bản vô tâm
Thủy hối từng tiền cứu.*

Dịch:

*Thiện đã từ tâm sanh
Ác đâu rời tâm có,
Thiện ác là duyên ngoài
Nơi tâm thật chẳng có.
Bỏ ác đẩy chỗ nào?
Lấy thiện bảo ai giữ?
Than ôi! Người thấy hai
Bám víu hai đầu chạy.*

*Nếu ngộ vốn không tâm
Mới hối lỗi từ trước.*

Thiện đã từ nơi tâm mà sanh, ác đâu là tâm mà có, cả hai đều từ tâm. Thiện ác đều là duyên bên ngoài, chính nơi tâm thật chẳng có. Đã không có thật thì sao? Như vậy bỏ cái ác thì đẩy nó đi đâu? Bảo giữ cái thiện, thì lấy gì mà giữ? Thương thay người nhị kiến, cứ bám víu vào hai đầu mà chạy. Nếu ngộ được gốc vô tâm, lúc đó mới hối hận vì lỗi ngày xưa chạy theo nhị kiến. Như thế nói thiện nói ác là lỗi nói của thế gian, bởi vì thiện ác gốc từ tâm, tâm vọng đã không thật thì thiện ác làm gì có thật. Dứt vọng tâm thì thiện ác theo đó dứt.

Vị quan cận thân hỏi:

- Thân này từ đâu mà đến? Sau khi trăm tuổi trở về đâu?

Sư đáp:

- Như người khi mộng từ đâu mà đến? Khi thức giấc lại đi về đâu?

Quan thưa:

- Khi mộng không thể nói không, đã thức không thể nói có. Tuy có Có - Không mà đến đi không chỗ nơi.

Sư nói:

- Bản đạo thấy thân này cũng như mộng.

Có bài kệ:

*Thị sanh như tại mộng
Mộng lý thật thị nao
Hốt giác vạn sự hữu.
Hoàn đồng thù thời ngộ
Trí giả hội ngộ mộng
Mê nhân tín mộng nao.
Hội mộng như lưỡng ban
Nhất ngộ vô biệt ngộ.
Phú quý dữ bản tiện
Cánh diệc vô biệt lộ.*

Dịch:

**Thấy cuộc sống như mộng
Trong mộng thật là ồn
Chợt thức muôn việc hết.
Lại đồng tỉnh cơn mộng
Người trí nhận biết mộng
Kẻ mê tin mộng ồn.
Biết mộng như hai việc
Một ngộ không ngộ khác.
Giàu sang cùng nghèo hèn
Lại cũng không đường khác.**

**Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (761),
ngày mùng năm tháng năm, Sư quy tịch.**

Vua sắc ban hiệu là Đại Hiệu thiền sư.

Vị quan cận thân hỏi:

- Thân này từ đâu mà đến? Sau khi trăm tuổi trở về đâu?

Sư đáp:

- Như người khi mộng từ đâu mà đến? Khi thức giấc lại đi về đâu?

Quan thưa:

- Khi mộng không thể nói không, đã thức không thể nói có. Tuy có Có - Không mà đến đi không chỗ nơi.

Sư nói:

- Bàn đạo thấy thân này cũng như mộng.

Vị quan cận thân hỏi: Thân này từ đâu mà đến? Sau khi trăm tuổi trở về đâu? Ông bản khoản thân này từ đâu mà sanh đến đây, sau khi chết đi về đâu? Câu hỏi này chắc hầu hết mọi người đều thắc mắc. Ngài đáp: Như người khi mộng từ đâu mà đến? Khi thức giấc lại đi về đâu? Nghĩa là khi mộng thì cảnh mộng từ đâu đến, sau khi thức thì nó đi về đâu?

Vị quan trả lời: Khi mộng không thể nói không, đã thức không thể nói có. Khi mộng thì thấy có cảnh thật, khi thức thì không thể nói nó là thật. Tuy có mà không từ đâu đến, đi không về đâu. Như vậy ông tự trả lời rồi, nên ngài nói thêm: Bàn đạo thấy thân này cũng như mộng. Đã như mộng thì không có chỗ đi, đến.

Có bài kệ:

*Thị sanh như tại mộng
Mộng lý thật thị nao
Hốt giác vạn sự hưu.
Hoàn đồng thù thời ngộ
Trí giả hội ngộ mộng
Mê nhân tín mộng nao.
Hội mộng như lưỡng ban
Nhất ngộ vô biệt ngộ.
Phú quý dữ bản tiện
Cánh diệc vô biệt lộ.*

Dịch:

*Thấy cuộc sống như mộng
Trong mộng thật là ồn
Chợt thức muôn việc hết.
Lại đồng tỉnh cơn mộng
Người trí nhận biết mộng
Kẻ mê tin mộng ồn.
Biết mộng như hai việc
Một ngộ không ngộ khác.
Giàu sang cùng nghèo hèn
Lại cũng không đường khác.*

Xem cuộc đời này như giấc mộng, ở trong mộng thật là ồn náo. Chúng ta đang sống đây như giấc mộng

lãng xãng bao nhiêu việc, nên nói mộng thì ồn náo. Chợt một phen giấc ngộ rồi thì muôn việc thôi dứt. Lại giống ngủ mà chợt thức. Khi chúng ta giấc ngộ thì muôn việc đều buông không đeo bám, như lúc ngủ chợt thức, muôn việc trong mộng cũng hết không còn gì.

Người trí lãnh hội hay nhận được điều này cũng như trong mộng mà thức giấc. Người mê thì tin giấc mộng ồn, vì tin nên bám chặt. Như vậy chúng ta là trí hay ngu? Chúng ta đang tin giấc mộng ồn, phải không?

Nhận ra hay là biết được mộng như có hai bên thức và ngủ, nhưng một phen ngộ thì không còn có cái ngộ khác. Rốt cuộc giàu sang cùng với bần tiện cũng không có hai đường. Tại sao? Vì đều là trong mộng. Như hai người nằm ngủ chiêm bao, một người chiêm bao thấy mình sanh trong gia đình nghèo nàn đói khát, chạy kiếm miếng ăn cực khổ gần chết, có một hôm nhìn đói đến ngất xỉu, kể giạt mình thức dậy. Một người thì thấy mình sanh ra trong gia đình sung sướng giàu sang, có của cải nhà lầu xe hơi, rồi chợt một hôm đang đi xe hơi đụng người ta, liền giạt mình thức dậy.

Hai giấc mộng đó khác nhau hay không khác? Trong mộng thì có khác, nhưng thể của mộng thì hai việc đó đều là mộng. Đều là mộng thì có gì khác. Vì chúng ta mê nên ở trong cơn mộng này chấp cho là thật, người thì than thân phận nghèo hèn, người thì vui vẻ cảnh giàu sang, rồi thấy có hơn kém, tranh đua thù nghịch. Nếu chúng ta biết cảnh này là mộng, chỉ cần một phen thức thì mọi sự cũng là mộng thôi. Lúc đó còn gì mà

tranh hơn tranh thua, còn gì giành phải giành quấy. Hiểu được như vậy, sống được như vậy thì tự nhiên là đã tu giỏi, không còn gì dính mắc.

Đến đây kết thúc buổi nói chuyện do nhà vua tổ chức.

Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (761), ngày mừng năm tháng năm, Sư quy tịch.

Vua sắc ban hiệu là Đại Hiệu thiền sư.

Không biết từ đó về sau ngài làm gì, chỉ kể lại lúc ngài tịch vào niên hiệu Thượng Nguyên thứ hai, vua sắc ban hiệu là Đại Hiệu thiền sư.



QUỐC SỬ HUỆ TRUNG

(? - 775)

Sư họ Nhiễm, quê ở Chư Ky, Việt Châu. Thuở nhỏ, Sư da trắng như tuyết, dáng vẻ đoan trang, mộ Phật xuất gia. Sư giỏi luật thanh tịnh, đức hạnh siêu nhiên, thường tìm đến các vị thiền đức hỏi đạo.

Sau khi được tâm ấn nơi Lục tổ Huệ Năng, Sư về ở cốc Đảng Tử trên núi Bạch Nhai, Nam Dương. Nơi đây tu hành, hơn bốn mươi năm Sư chưa từng xuống núi. Đạo hạnh của Sư được dân chúng đồn đãi đến tai nhà vua.

Đời Đường niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai, vua Túc Tông sai Trung sứ Tôn Triều Tiến mang chiếu đến thỉnh Sư về kinh đô. Sư về đến triều, vua kính Sư làm thầy. Lúc đầu thỉnh Sư ở viện Tây Thiên tại chùa Thiên Phước, sau vua thỉnh về chùa Quang Trạch gần nội cung. Hơn mười sáu năm, Sư tùy cơ thuyết pháp.

Quốc sư Huệ Trung là một vị thiền sư có nhiều điểm mà đến bây giờ vẫn còn được nhắc đến. Trước hết tả lại hình dáng của ngài lúc còn thơ bé, *dáng vẻ đoan trang*. Sau khi xuất gia được tâm ấn ở chỗ Lục tổ Huệ Năng, kể đến ngài về ở cốc Đẳng Tử trên núi Bạch Nhai, quận Nam Dương. Ngài đi học đạo không biết bao nhiêu năm, sau khi ngộ đạo rồi trở về ở núi này *hơn bốn mươi năm chưa từng xuống núi*. Ý chí thật đáng nể phục. Chúng ta ở Chơn Không vài ba năm không xuống núi thì chẳng có nghĩa gì, phải không? Đạo hạnh của ngài đồn khắp đến tai nhà vua, vua mời ngài về triều. Lúc đó ngài đã tự tại, tùy cơ thuyết pháp.

Một hôm, có Đại Nhĩ Tam Tạng người Ấn sang đến kinh đô, tự nói được tuệ nhãn và tha tâm thông. Vua muốn trắc nghiệm nên mời ông đến ra mắt Sư. Tam Tạng đến, vừa thấy Sư liền lễ bái khoanh tay đứng hầu bên hữu.

Sư hỏi:

- Ông được tha tâm thông chẳng?

Tam Tạng đáp: - Chẳng dám.

Sư hỏi:

- Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?

Tam Tạng đáp:

- Hòa thượng là thầy một nước sao lại đến Tây Xuyên xem đua thuyền.

Sư lại hỏi:

- Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?

Tam Tạng đáp:

- Hòa thượng là thầy một nước sao lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khỉ làm xiếc?

Sư lần thứ ba cũng hỏi y như trước. Tam Tạng lặng thinh không biết chỗ đi.

Sư nạt:

- Dã hồ tinh! Tha tâm thông ở chỗ nào?

Tam Tạng lặng câm.

Đại Nhĩ Tam Tạng người Ấn sang, có tuệ nhãn và tha tâm thông, đến gặp ngài liền đánh lễ đứng hầu. Ngài hỏi: *Ông được tha tâm thông chăng?* Tam Tạng đáp: *Chẳng dám.* Tức là gật đầu chấp nhận.

Lần thứ nhất, ngài hỏi: *Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?* Tam Tạng đáp: *Hòa thượng là thầy một nước sao lại đến Tây Xuyên xem đua thuyền.*

Lần thứ hai, ngài hỏi: *Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?* Tam Tạng đáp: *Hòa thượng là thầy một nước sao lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khỉ làm xiếc?* Nếu tâm có chỗ đến thì nói được.

Lần thứ ba, ngài yên lặng rồi mới hỏi: *Hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?* Tam Tạng bí không biết chỗ đi của ngài, nên làm thinh hồi lâu. Ngài nạt: *Dã hồ tinh! Tha tâm thông ở chỗ nào?*

Hai lần trước thì biết, nhưng lần thứ ba thì không biết ở đâu. Như vậy hai lần trước Tam Tạng nói đúng hay không? Lần thứ ba tại sao ông không nói được? Đó là chỗ mà nhà thiền thường nói chư thánh không làm gì được, tuệ nhãn cũng không thể thấy được. Tuệ nhãn chỉ thấy được tâm duyên theo bóng dáng sáu trần, còn với tâm thanh tịnh thì không chỗ thấy, chỉ riêng mình dùng được, không ai dùng được. Chẳng những quỷ thần hay Diêm vương không làm gì được, đến chư thánh cũng không nhìn thấy.

Đây là chỗ cao siêu tột cùng của thiền tông. Những người tu pháp quán tưởng đều có tâm đối với cảnh, có hình dáng dễ hiện dễ thấy. Tu thiền cho tới khi tâm thật thanh tịnh, không còn một tí niệm nào dấy lên như bầu trời trong. Nhìn bầu trời trong thử hỏi thấy gì? Chỉ là trời trong không thấy gì hết. Tâm chúng ta khi không còn một niệm dấy động, lúc đó chỉ là chân tâm thanh tịnh. Chỗ đó không ai thấy được chỉ có mình tự nhận biết. Vì vậy khi ngài im lìm, Tam Tạng cũng chịu thua, không còn đối đáp gì được. Như vậy tha tâm thông là thấy tâm của những người vọng tưởng, nếu hết vọng tưởng thì hết thấy. Tu đến rốt ráo rồi tâm không có gì, hết vọng tưởng mới là chỗ chân thật.

Một hôm, Sư gọi:

- Thị giả!

Thị giả: - Dạ!

Sư gọi như thế ba lần, thị giả cũng dạ ba lần.

Sư bảo:

- Tưởng là ta cô phụ người, nào ngờ người cô phụ ta.

Kêu đâu dạ đó mà cô phụ chỗ nào? Ai tìm thấy chỗ cô phụ của ông thị giả này thì giỏi. Lý đáng khi nghe kêu, thị giả liền lúc đó thấy được cái gì. Kêu một lần không thấy, lần thứ hai không thấy, lần thứ ba cũng không thấy, rõ ràng cô phụ rồi. Nhưng thấy cái gì thì tự mỗi người thấy. Kêu lần thứ nhất, lẽ ra thấy mà không nói, kêu lần thứ hai, thấy cũng không nói, kêu lần thứ ba, thấy cũng không nói. Nhưng chỉ dạ suông nên nói là cô phụ. Thấy cái gì, đó là mỗi người tự thấy tôi không có quyền nói. Phần nhiều trong nhà thiền hay dùng tiếng kêu để dò xét trình độ người học.

Như ngài Hoàng Bá, khi Bùi Hư thấy hình trên vách chùa hỏi: “Hình có thể thấy, cao tăng ở đâu?” Ngài Hoàng Bá liền nghiêm chỉnh gọi “Bùi Hư!”, Bùi Hư “Dạ!”, hỏi: “Ở đâu?” Rồi thôi, mà Bùi Hư ngộ, như vậy là không cô phụ. Còn ông thị giả này gọi ba lần mà không thấy gì hết nên cô phụ. Bây giờ có thị giả nào không cô phụ quý thầy không? Thị giả nào nghe kêu rồi cũng dạ suông thôi, như vậy hầu hết đều là cô phụ.

Nam Tuyên đến tham vấn, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Nam Tuyên thưa:

- Ở Giang Tây đến.

- Có đem được hình của Mã đại sư đến chăng?

- Chỉ cái ấy.

- Cái sau lưng.

Nam Tuyên bèn lui ra.

Nam Tuyên đến tham vấn, Sư hỏi: Ở đâu đến?
Nam Tuyên thưa: Ở Giang Tây đến. Giang Tây tức là chỗ Mã Tổ Đạo Nhất, đệ tử của ngài Nam Nhạc.

Ngài hỏi: *Có đem được hình của Mã đại sư đến chăng?* Ông ở chỗ Mã Tổ đến, vậy có đem được hình của Mã Tổ đến không? *Nam Tuyên đáp: Chỉ cái ấy.* Ngài nói: *Cái sau lưng.* *Nam Tuyên bèn lui ra.*

Chữ *hình* là để chỉ chân dung. Ông ở chỗ người đó có đem được chân dung, nghĩa là lãnh hội được ý chỉ của người đó không? Nam Tuyên lui ra, như vậy ngài có đem được không?

Ma Cốc đến tham vấn, đi nhiễu quanh giường thiền của Sư ba vòng, rồi chống tích trượng đứng trước Sư. Sư bảo:

- Đã như thế cần gì thấy bản đạo?

Ma Cốc lại chống tích trượng. Sư nạt:

- Dã hồ tinh, đi ra!

Ma Cốc cũng là đệ tử của Mã Tổ đến tham vấn. Đúng ra Mã Tổ đối với ngài Huệ Trung, như bây giờ gọi là sư chú hay sư bác, đệ tử Mã Tổ thì gọi ngài Huệ Trung là Sư ông chú hay Sư ông bác. Nhưng ngày xưa không lệ thuộc vào dòng họ lắm, đệ tử của ai khi tới hỏi đạo thì cũng vậy thôi. Đó là thoát ra ngoài thông lệ thế gian.

Như Thạch Đầu Hy Thiên, đứng ra với ngài Hành Tư là huynh đệ, nhưng khi đến với ngài Hành Tư thì cũng thấy mình là học trò, không như chúng ta bây giờ đến gọi sư huynh này, sư huynh nọ, vì chấp theo dòng họ, không lấy đức hạnh làm trên.

Ma Cốc tham vấn, đi nhiều quanh giường thiền của ngài ba vòng, chống tích trượng đứng trước ngài, làm thỉnh. Ngài bảo: Đã như thế cần gì thấy bản đạo? Được vậy rồi thôi tới đây làm gì? Ma Cốc lại chống tích trượng một cái nữa. Ngài nạt: Dã hồ tinh, đi ra!

Người ta đã nói biết như vậy đủ rồi, không cần tới đây, vậy còn chống tích trượng làm chi? Như vậy Ma Cốc hành động rất kỳ lạ, tới không nói một câu, chỉ chống tích trượng đứng rồi đi ra, không hỏi một câu, cũng không đáp lại. Qua những hành động các đệ tử lớn của Mã Tổ, chúng ta thấy các ngài đã thế nào rồi.

Sư thường dạy chúng:

- Người học thiền tông nên theo lời Phật, lấy Nhất thừa liễu nghĩa kế hợp với nguồn tâm của mình, kinh không liễu nghĩa chẳng nên chấp nhận. Như bọn trùng trong thân sư tử, khi vì người làm thầy, nếu dính mắc danh lợi bèn bày điều dị đoan, thế là mình và người có lợi ích gì? Như người thợ mộc giỏi, búa rìu không dứt tay họ. Sức con voi lớn chở, con lừa không thể kham.

Ngài thượng đường dạy chúng: *Người học thiền tông nên theo lời Phật, lấy Nhất thừa liễu nghĩa kế hợp*

với nguồn tâm của mình, kinh không liễu nghĩa chẳng nên chấp nhận. Chúng ta học thiền tông, phải đem kinh điển Đại thừa phối hợp, xem chỗ tu của mình có đúng với kinh hay không. Chỉ nên dùng kinh điển liễu nghĩa, không nên dùng kinh điển không liễu nghĩa vì còn đối đãi, chưa phải cứu cánh.

Như bọn trùng trong thân sư tử, khi vì người làm thầy, nếu dính mắc danh lợi bèn bày điều dị đoan. Những người làm thầy thiên hạ, có chút danh lợi thì bày trò dị đoan, như bói toán hoặc tiên tri... Đó là cái có làm dính mắc danh lợi, như nói tiên tri để chứng tỏ ta đây là thánh, ta biết chuyện quá khứ vị lai. Còn bói toán là để kiếm tiền, tất cả đều ở trong vòng danh lợi. Như vậy là trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử, chỉ hại mình hại người không lợi ích. Phật tử càng gần chừng nào càng thêm mê tín chừng nấy, không thể giác ngộ.

Như người thợ giỏi, búa rìu không đứt tay họ. Sức con voi lớn chở, con lừa không thể kham. Tu hành đến chỗ tự tại thì chẳng khác nào người thợ giỏi, không có gì chướng ngại. Người thợ giỏi không bị búa rìu làm đứt tay, người mới học đục đẽo thì bị đứt tay mang theo rất nhiều. Sức con voi lớn chở thì lừa không kham, không bì được. Người tu gắng sức tiến đến chỗ tự tại, như voi lớn vượt qua mọi chướng ngại, không còn gì ngăn trở.

Có vị tăng hỏi:

- Làm sao được thành Phật?

Sư đáp:

- Phật và chúng sanh đồng thời dẹp đi, ngay đó được giải thoát.

- Làm thế nào được tương ứng?

- Không nghĩ thiện ác tự thấy Phật tánh.

- Làm sao được chứng pháp thân?

- Vượt cảnh giới Tỳ-lô.

- Pháp thân thanh tịnh làm sao được?

- Không chấp Phật để cầu.

- Thế nào là Phật?

- Tâm tức là Phật.

- Tâm có phiền não chăng?

- Tánh phiền não tự là.

- Đâu không đoạn sao?

- Đoạn phiền não tức gọi Nhị thừa. Phiền não không sanh gọi Đại Niết-bàn.

- Ngồi thiền quán tịnh là làm gì?

- Chẳng cấu chẳng tịnh, đâu cần khởi tâm quán tướng tịnh.

- Thiền sư thấy mười phương hư không là pháp thân chăng?

- Lấy tâm tướng nhận, đó là thấy diên đảo.

- Tâm tức là Phật, lại cần tu vạn hạnh chăng?

- **Chư thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm (phước và tuệ) đâu có bác không nhân quả.**

Sư lại nói:

- **Nay tôi đáp những câu hỏi của ông cùng kiếp không hết, nói nhiều cách đạo càng xa. Cho nên nói: “Thuyết pháp có sở đắc, đây là dã can kê; thuyết pháp không sở đắc, ấy gọi là sư tử rống.”**

Có vị tăng hỏi: *Làm sao được thành Phật?* Đây là câu hỏi rất chân thật. Ngài đáp: *Phật và chúng sanh đồng thời dẹp đi, ngay đó được giải thoát.* Muốn được thành Phật thì bỏ cả Phật và chúng sanh, có lạ không?

Tăng lại hỏi: *Làm thế nào được tương ưng?* Tương ưng tức là thích hợp. Ngài bảo: *Không nghĩ thiện ác tự thấy Phật tánh.* Đây là ngài nói trắng không giấu giếm gì.

Tăng lại hỏi: *Làm sao chứng được pháp thân?* Ngài bảo: *Vượt cảnh giới Tỳ-lô.* Tỳ-lô là pháp thân. Muốn chứng pháp thân thì phải vượt qua cảnh giới Tỳ-lô. Vừa nghĩ đến danh tự pháp thân thì đã mất pháp thân rồi, vì thế phải vượt qua danh tự đó mới thấy được pháp thân.

Tăng hỏi: *Pháp thân thanh tịnh làm sao được?* Ngài đáp: *Không chấp Phật để cầu.* Muốn được pháp thân thanh tịnh thì đừng chấp Phật để cầu. Tăng hỏi: *Thế nào là Phật?* Ngài đáp: *Tức tâm là Phật.* Hỏi: *Tâm có phiền não chăng?* Ngài đáp: *Tánh phiền não tự là.*

Nếu thấy phiền não thật thì có phiền não, nếu biết tánh phiền não là không thì tự là phiền não.

Đây là chỗ tu rất kỹ, phải nhận thức về hai cách dạy trừ phiền não của Đại thừa và Tiểu thừa. Theo tinh thần Tiểu thừa, đối với người thấy sắc đẹp sanh tâm nhiễm trước, liền dạy pháp quán bất tịnh để thấy thân ô uế nhớp nhúa, chán gớm nó. Bởi chán gớm nó nên tâm mến sắc tự nhiên dứt hết. Đối với người nóng giận thì dùng pháp quán từ bi, thương người thì hết giận. Nếu người si mê quá thì dùng pháp quán nhân duyên, biết các pháp do nhân duyên sanh; hiểu lý nhân duyên là trí tuệ, nên dùng nó để phá si mê. Chúng sanh có bao nhiêu bệnh, bao nhiêu phiền não thì ứng dụng bấy nhiêu pháp trị, có rất nhiều pháp để trị bệnh phiền não. Mỗi bệnh phiền não có mỗi pháp trị, đó là đối bệnh cho thuốc. Dạy tu như thế rất dễ hiểu.

Theo tinh thần Đại thừa, nhất là thiên tông thì không dùng lối đối bệnh cho thuốc. Khi sân nổi lên chỉ cần biết tự tánh nó là không, không cần đối trị, biết sân không thật thì còn sân không? Nói lý thuyết suông khó tin, cần thực hành đúng đắn. Khi nổi sân lên nhớ cái sân này không thật không theo, tự nhiên nó tiêu mất. Khi lòng tham dấy lên, biết tham tự tánh là không, tham cũng theo đó mà hết. Như vậy pháp tu này không cần đối trị mỗi thứ riêng, chỉ cần biết tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... bao nhiêu phiền não dấy lên cái nào biết cái đó tự tánh không thật, biết không thật nên không theo thì tự nhiên chấm dứt dễ dàng. Chỉ có một thứ thuốc mà trị được ngàn thứ bệnh.

Nếu chúng ta đi đâu đem thuốc nhiều sợ nặng túi thì chỉ mang một thứ thuốc quán chiếu này, bệnh nào trị cũng được hết. Khi khởi tham, khởi sân, khởi si, đều biết tánh nó là không, không theo nó tự hết. Tại sao thuốc này hay lắm vậy, trị được bá chứng? Tất cả phiền não dấy lên gốc từ si mê. Si mê là gì? Là vô minh nhận vọng tưởng là mình. Chúng ta phiền não vì bị vọng tưởng gạt, giờ đây phiền não dấy lên liền dùng trí tuệ quán chiếu biết nó không tự tánh, vọng tưởng tự tan. Đó là dùng trí tuệ phá tan vô minh, gốc vô minh hết thì hỏi phiền não nào mà còn? Trong mười hai nhân duyên, vô minh đầu tiên dẫn tới hành, hành tới thức, danh sắc... lôi kéo chúng ta đi trong vòng luân hồi. Nếu ngay đây vô minh bị đập nát, không còn gì dẫn đi trong luân hồi, gốc phiền não liền theo đó mà sạch.

Chúng ta hiểu rõ điều này, mới thấy được tinh thần của thiền tông vừa đơn giản vừa thâm thúy, chặn ngay nơi gốc. Còn pháp đối trị kia theo tham, sân, si mà trị, thì cũng chỉ ở ngọn chưa phải gốc. Mỗi người chúng ta đều có sẵn trí tuệ dẹp sạch phiền não. Đây là thuốc trị hết tất cả bệnh.

Vị tăng này nghe nói *tánh phiền não tự là* chưa hiểu, nên nghi ngờ, *như vậy không đoạn phiền não sao?* Ngài đáp: *Đoạn phiền não tức gọi Nhị thừa.* Tại sao? *Vì phiền não không sanh là Đại Niết-bàn.* Nếu thấy có phiền não để đoạn, tức là thấy phiền não thật, pháp đoạn phiền não là thật; cả hai đều thật là Nhị thừa. Nếu biết tánh phiền não là không, tánh đoạn phiền não cũng không là Đại Niết-bàn.

Tăng hỏi thêm: *Ngôi thiên quán tịnh là làm gì?* Ngài đáp: *Chẳng cấu chẳng tịnh, đâu cần khởi tâm quán tướng tịnh.* Nghĩa là thấy thật tánh không phải cấu không phải tịnh, khởi tâm quán tướng tịnh để làm gì?

Tăng hỏi: *Thiền sư thấy mười phương hư không là pháp thân chăng?* Ngài đáp: *Lấy tâm tưởng nhận, đó là thấy điên đảo.* Chính chỗ này có một số người tu thiền lắm, nghe nói tâm thể rộng lớn trùm khắp hư không, lại tưởng thân rộng lớn trùm khắp hư không như là pháp thân. Đó là lấy tưởng mà nhận pháp thân, chính là bệnh, không phải là pháp thân. Tâm thể rộng lớn là khi vọng tưởng lắng xuống thì tự thể rỗng rang trùm khắp, không phải do khởi tưởng rộng rồi thành pháp thân rộng rãi bao trùm.

Tăng hỏi: *Tâm tức là Phật, lại cần tu vạn hạnh chăng?* Như vậy tâm tức là Phật rồi, còn cần tu vạn hạnh hay không? Ngài đáp: *Chư thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm đâu có bác không nhân quả.* Nếu biết tâm mình là Phật, thì làm tất cả việc thiện có lỗi gì đâu? Nhận biết tâm mình là tuệ, làm mọi việc lành là phước, phước tuệ đầy đủ, đâu ngại gì tu vạn hạnh.

Ngài lại nói: *Nay tôi đáp những câu hỏi của ông cùng kiếp không hết, nói nhiều cách đạo càng xa.* Chỗ chí đạo là chỗ vô ngôn, mượn ngôn thuyết nhiều thì đạo càng xa. *Cho nên nói: Thuyết pháp có sở đắc, là dã can kêu; thuyết pháp không sở đắc, ấy gọi là sư tử rống.* Ai muốn làm dã can, ai muốn làm sư tử?

Nói tu cái này mau được, tu cái kia mau được, đó là đã can kê. Nói chỗ tu thấy tất cả pháp tự tánh đều không, không thật, đó là sư tử rống. Làm sư tử hay làm đã can tùy ý.

Có người cư sĩ ở Nam Dương tên Trương Phần đến hỏi:

- Được nghe Hòa thượng nói “vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu được ý này, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Ông nếu hỏi vô tình thuyết pháp, hiểu vô tình kia mới được nghe tôi thuyết pháp. Ông chỉ nghe vô tình thuyết pháp đi!

- Chỉ nhằm hiện nay trong phương tiện của hữu tình, thế nào là nhân duyên của vô tình?

- Hiện nay trong tất cả động dụng, chỉ hai dòng phàm thánh trọn không có chút phần khởi diệt, liền ra khỏi thức, không thuộc có không, rõ ràng thấy biết, chỉ nghe mà không có tình thức buộc chấp kia. Do đó Lục Tổ nói: “Sáu căn đối cảnh phân biệt mà không phải thức.”

Có cư sĩ ở Nam Dương tên là Trương Phần đến hỏi: Được nghe Hòa thượng nói “vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu được ý này, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy. Nói vô tình thuyết pháp, tánh ý vô tình làm sao thuyết pháp? Nghe ngài nói như thế chúng ta có hiểu không?

Ngài đáp: Ông nếu hỏi vô tình thuyết pháp, hiểu vô tình kia mới được nghe tôi thuyết pháp. Vô tình thuyết pháp nghĩa là gì? Bảo phải hiểu vô tình mới nghe thuyết pháp.

Chúng ta chỉ nghe hữu tình thuyết pháp, chưa nghe được vô tình thuyết pháp. Vì thế hỏi tiếp: *Chỉ nhằm hiện nay trong phương tiện của hữu tình, thế nào là nhân duyên của vô tình?* Như chúng ta nghe hoặc hỏi pháp, đều nhắm trên phương tiện hữu tình, nào biết vô tình là gì. Vậy thì thế nào là nhân duyên vô tình thuyết pháp?

Ngài đáp: *Hiện nay trong tất cả động dụng, chỉ hai dòng phàm thánh trọn không có chút phần khởi diệt, liền ra khỏi thức, không thuộc có không, rõ ràng thấy biết, chỉ nghe mà không có tình thức buộc chấp kia.* Ngài giải thích vô tình thuyết pháp. Tức là trong tất cả động dụng hiện giờ mà không chấp phàm không chấp thánh, không có tâm khởi diệt, ra khỏi thức phân biệt, chẳng dính có không, luôn luôn rõ ràng thấy biết. *Chỉ nghe mà không có tình thức buộc chấp kia*, không còn tình thức buộc chấp là vô tình. Hằng sống với cái vô tình ấy gọi là vô tình thuyết pháp.

Lục Tổ nói: Sáu căn đối cảnh phân biệt mà không phải thức. Đó là vô tình thuyết pháp. Hằng sống trong vô tình, vô tình này không phải như sỏi đá ngói gạch..., mà vô tình là không có tình chấp vọng thức.

Có vị tăng đến tham lễ, Sư hỏi:

- Ông chứa đựng sự nghiệp gì?

Tăng thưa:

- Giảng kinh Kim Cang.
- Hai chữ đầu tiên là gì?
- Như thị.
- Là gì?

Tăng không đáp được.

Hai chữ đầu của kinh không đáp được làm sao giảng kinh Kim Cang? Thường thường nghĩa chữ “như thị” là như thế, như thế đó thôi. Như thế tức là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm...

Có người hỏi Sư:

- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Các pháp không đến nhau, ngay đó là giải thoát.
- Như thế tức là đoạn.
- Đã nói với ông các pháp không đến nhau, đoạn cái gì?

Tôi cho câu này là câu ưng ý nhất. *Các pháp không đến nhau, ngay đó là giải thoát.* Rất hay! Vừa gọn vừa hay! Chúng ta cứ nghĩ giải thoát là sau khi thân này chết rồi, sanh về cõi Phật nào đó. Không ngờ giải thoát là khi tâm không kẹt trong cảnh, dù cảnh đáng yêu cũng không dính, cảnh đáng ghét cũng không động, cảnh buồn hay vui,... tâm cũng bình thường. Cảnh và tâm không dính nhau, đó là giải thoát, ngay hiện tại

sống là người tự tại giải thoát rồi. Sở dĩ chúng ta không giải thoát được vì tâm cảnh dính nhau. Như khi muốn đi học đạo mà vì bận việc này việc kia nên nói tôi bị ràng buộc. Ai ràng buộc mình? Chỉ là tâm bận bịu ràng buộc, không có gì khác. Nếu không bận bịu với ngoại cảnh, thì cái gì ràng buộc? Không bận bịu tức là tâm cảnh không dính nhau, các pháp không đến nhau, ai sống được như vậy thử xem có giải thoát hay không?

Tâm cảnh không dính nhau, nghĩa là ở đâu, giờ nào gặp ai nói chuyện gì, xong rồi thôi, không dính mắc gì. Nếu gặp người nói chuyện với mình mà có cảm tình, họ đi rồi cứ nhớ câu nói của họ, nếu là người mình không ưa thì cứ bực thâm trong bụng, như vậy là gì? Tự mình buộc mình không giải thoát, người ta đi rồi cũng còn bận bịu, còn thương còn giận. Nếu cảnh đến người đến thì đến, đi thì đi không dính gì hết, tự nhiên giải thoát, đi đâu cũng giải thoát, ra vào tự tại giải thoát. Thật là thực tế, giải thoát ngay trong đời này.

Học kỹ đạo lý này chúng ta biết ngay thế gian là giải thoát, cũng biết ngay thế gian là trầm luân. Giờ nào trầm luân biết liền, giờ nào giải thoát cũng biết liền, không cần đợi chết rồi mới biết. Nếu không dính mắc là giải thoát, còn dính mắc là biết trầm luân, rõ ràng không nghi ngờ. Đó là lẽ chân thật, không đợi nhập Niết-bàn hay về Cực lạc mới giải thoát.

Trong kinh A-hàm cũng nói rõ về thí dụ dính mắc. Một con khỉ bị thợ săn gài bẫy, nó thấy trái cây ngon, vội chạy đến chụp. Một cái tay dính nhựa, tay thứ hai

cũng dính. Đưa hai chân vào gỗ, dính luôn hai chân, há miệng cạp dính luôn miệng, cuối cùng đầu đuôi đều bị dính chặt. Thợ săn chỉ cần nắm lên bỏ vào giỏ, không giãy giụa thoát thân được. Phật nói con khỉ đó tượng trưng sáu căn của chúng ta, dính với nhựa sáu trần, quăng xứ nào cũng được, đẩy đi đâu cũng được. Ma vương là ông thợ săn, là người gài bẫy. Tu giải thoát hay không là sáu căn không dính sáu trần, đây Tổ nói rõ ràng là tâm cảnh không đến nhau là giải thoát. Rất thực tế, rõ ràng không nghi.

Người hỏi vẫn còn ngờ: *Như thế tức là đoạn?* Ngài dạy: *Đã nói với ông các pháp không đến nhau, đoạn cái gì?* Vì quen quan niệm đoạn phiền não, chứng Bồ-đề, đoạn sanh tử chứng Niết-bàn nên cứ cho là có đoạn có chứng. Đã nói không đến không dính thì còn đoạn cái gì? Lời của ngài Huệ Trung đơn giản mà thâm thúy vô cùng. Chúng ta nghe một câu nói này có thể ứng dụng cả đời mình cũng chưa rồi. Nếu đi đâu lúc nào cũng thấy tâm cảnh không dính nhau, như thế tức là giải thoát. Nếu thấy dính mắc liền biết đang bị luân hồi, rõ ràng như vậy.

Vua Túc Tông hỏi:

- Thầy được pháp gì?

Sư đáp:

- Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chẳng?

- Thấy.

- Nó do đóng dính mắc, hay cột dây mắc?

- Thế nào là mười thân của Phật?

Sư đứng dậy hỏi:

- Hội chăng?

- Chăng hội.

- Dem tịnh bình qua cho lão tăng.

- Thế nào là Vô tránh tam-muội?

- Đàn-việt đập trên đánh Tỳ-lô mà đi.

- Ý này thế nào?

- Chăng nhận pháp thân thanh tịnh của chính mình.

Vua lại hỏi Sư. Sư đều không nhìn vua. Vua bảo:

- Trẫm là thiên tử nước Đại Đường, tại sao Thầy không nhìn đến?

Sư đáp:

- Bệ hạ thấy hư không chăng?

- Thấy.

- Hư không có nhìn bệ hạ không?

Vua Túc Tông hỏi:

- Thầy được pháp gì?

Sư đáp:

- Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chăng?

- Thấy.

- Nó do đóng đinh mắc, hay cột dây mắc?

Vua Túc Tông hỏi: Thầy được pháp gì? Vua thấy ngài nói năng lanh lợi thông thạo nên hỏi ngài đã được pháp gì. Ngài không nói, đứng ra thì diễn tả thêm chút nữa mới rõ, ngài nắm tay nhà vua kéo ra ngoài trời chỉ: Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chẳng? Vua nói: Thấy. Ngài hỏi: Nó do đóng đinh mắc, hay cột dây mắc? Mây ở trong hư không là do đóng đinh hay do cột dây? Hình ảnh ấy đủ trả lời câu hỏi của nhà vua, nhưng người thường đọc qua không hiểu nổi.

Thường chúng ta quan niệm tu là được cái này cái kia. Có được mất là do cột trói, vì thế tu không được tự tại. Tự tại là vô sở đắc, như mây tự tại đến đi trong hư không vì không bị cột, không bị đóng đinh. Người tu giải thoát là không bị cột ở một địa vị, một chỗ nơi; còn thấy có địa vị, chỗ nơi tức là còn bị cột trói. Như mây không đóng đinh, không cột dây, đừng tưởng là mây phải rớt xuống đất, mây vẫn bay khắp cả bầu trời, đến đi tự do. Đó chính là cái đặc biệt của người tu giải thoát. Nếu mở miệng ra nói mình tu được gì chứng được gì, đều là những cái muốn đóng đinh, muốn cột dây cho mây mắc hư không. Vì thế Quốc sư hỏi nhà vua: mây kia có bị cột không?

- Thế nào là mười thân của Phật?

Sư đứng dậy hỏi:

- Hội chẳng?

- Chẳng hội.

- *Đem tịnh bình qua cho lão tăng.*
 - *Thế nào là Vô tránh tam-muội?*
 - *Đàn-việt đập trên đánh Tỳ-lô mà đi.*
 - *Ý này thế nào?*
 - *Chẳng nhận pháp thân thanh tịnh của chính mình.*
- Vua lại hỏi Sư. Sư đều không nhìn vua. Vua bảo:
- *Trẫm là thiên tử nước Đại Đường, tại sao Thầy không nhìn đến?*

Sư đáp:

- *Bệ hạ thấy hư không chăng?*
- *Thấy.*
- *Hư không có nhìn bệ hạ không?*

Vua hỏi: *Thế nào là mười thân Phật?* Mười thân Phật đây là dẫn trong kinh Hoa Nghiêm. Thường các kinh nói tam thân Phật, nhưng kinh Hoa Nghiêm luôn luôn dùng số mười. Số mười là gốc nên các kinh khác nói lục độ, kinh Hoa Nghiêm nói thập độ, các kinh khác nói tam thân, kinh Hoa Nghiêm nói thập thân. Thập thân của Phật là chỉ cho sự viên mãn của chư Phật, thân viên mãn đó là pháp thân.

Khi hỏi mười thân Phật, ngài đứng dậy hỏi: *Hội không?* Vua đáp: *Chẳng hội.* Ngài bảo: *Đem tịnh bình qua cho lão tăng.* Như vậy thấy mười thân Phật chưa? Đó là chỗ làm thỉnh đứng dậy, rồi bảo đem tịnh bình qua. Những hành động này tôi gọi là bí mật, không thấy thì cho bí mật luôn.

Vua hỏi câu khác: *Thế nào là Vô tránh tam-muội?* Vô tránh tam-muội tức là chánh định không xao động, không còn đối đãi. Vô tránh tam-muội cũng là ý nghĩa pháp thân. Ngài liền đáp: *Đàn-việt đập trên đỉnh Tỳ-lô mà đi.* Ai thấy chỗ này, sao dám đập trên đỉnh Tỳ-lô? Chánh định là không còn xao động, vừa khởi niệm đã quên pháp thân, như vừa có một gợn mây đã làm người ta quên mất bầu trời trong. Vua khởi hỏi là quên pháp thân, là vượt qua đỉnh Tỳ-lô, nên nói *Đàn-việt đập trên đỉnh Tỳ-lô.*

Vua không hiểu: *Ý này thế nào?* Ngài nói: *Chẳng nhận pháp thân thanh tịnh của chính mình.* Vua hỏi năm ba câu nữa, hỏi hoài ngài nói mà không nhìn mặt, nhà vua bảo: *Trẫm là thiên tử nước Đại Đường, tại sao Thầy không nhìn đến?* Ngài nói: *Bệ hạ thấy hư không chẳng?* Thấy. *Hư không có nhìn bệ hạ không?* Trong đây cũng đều khắp như hư không, bảo nhìn một chỗ mà chi? Nó trùm khắp rồi có lúc nào bỏ bệ hạ đâu. Lối đối đáp của ngài thật là hay.

Ngư Quân Dung hỏi:

- Thầy ở núi Bạch Nhai trong mười hai thời tu thế nào?

Sư gọi một đứa trẻ đến, vò đầu nó, bảo:

- Tỉnh tỉnh hẩn vậy tỉnh tỉnh. Rõ ràng hẩn vậy rõ ràng. Về sau chớ để người gạt.

Ngư Quân Dung hỏi: *Thầy ở núi Bạch Nhai trong mười hai thời tu thế nào?* Ngài ở trên cốc Đẳng Tử

tại núi Bạch Nhai bốn mươi mấy năm, mười hai giờ ngài tu thế nào? Ngài liền gọi một đứa bé tới, vò đầu nó, nói: *Tĩnh tĩnh hẳn vậy tĩnh tĩnh. Rõ ràng hẳn vậy rõ ràng. Về sau chớ để người gạt.* Cách trả lời này hay đáo để! Ngài không cần nói trực tiếp với người hỏi, chỉ vò đầu đứa bé nói như thế là quá đủ rồi!

Sau này chúng ta sẽ học Thiên Tông Vĩnh Gia Tập của ngài Huyền Giác, trong đó có một câu, tôi cho là chuẩn mực, là công thức duy nhất của người tu thiền: “Tĩnh tĩnh lặng lặng phải, vô ký lặng lặng sai. Lặng lặng tĩnh tĩnh phải, loạn tưởng tĩnh tĩnh sai.” Nghĩa là *tĩnh tĩnh lặng lặng phải, hôn trầm lặng lặng sai*, vì hôn trầm lặng lặng nửa mê nửa thức, tuy như không có vọng nghĩ gì mà gục lên gục xuống thì đúng hay sai? Đó là sai! *Lặng lặng, tĩnh tĩnh phải, loạn tưởng tĩnh tĩnh sai*, tuy tĩnh mà cứ nghĩ lăng xăng, đó là tĩnh loạn động. Ở đây ngài vò đầu đứa bé mà nói, vì đứa bé bốn năm tuổi tâm không phân biệt thiện ác phải quấy. Phải luôn luôn tĩnh tĩnh rõ ràng, chớ bị người gạt. Nghĩa là tĩnh mãi mãi, nếu bây giờ tĩnh lát nữa quên đó là bị gạt, tức là mê. Nói gọn rằng: Tôi ở trên núi Bạch Nhai hơn bốn mươi năm, suốt mười hai giờ, chỉ tĩnh táo rõ ràng không mê. Đó là chủ yếu của sự tu hành.

Chúng ta tu thiền chủ yếu phải tĩnh mà lặng, như vậy là phải. Nếu tĩnh mà tán loạn thì sai, lặng mà hôn trầm thì không đúng. Hiểu như vậy thì chúng ta dụng tâm không sai, nếu không thì dễ lầm.

Một hôm, Sư hỏi quan Cung phụng Tử Lân:

- **Phật là nghĩa gì?**
- **Là nghĩa giác.**
- **Phật từng mê chăng?**
- **Chẳng từng mê.**
- **Dùng giác làm gì?**

Cung phụng không thể đáp được, hỏi lại Sư:

- **Thế nào là thật tướng?**
- **Đem hư không lại!**
- **Hư không đâu thể đem được!**
- **Hư không còn không thể đem được, hỏi thật tướng làm gì?**

Chúng ta quen ý nghĩa Phật là giác. Đã là Phật thì không mê, như vậy *dùng giác làm gì?* Sở dĩ giác là đối với mê, Phật không từng mê thì nói giác làm chi cho dư! Như hỏi bây giờ ông ngủ hay thức? Trả lời thức. Ông có ngủ không? Không ngủ. Không ngủ nói thức làm gì? Như thế chúng ta học là mắc kẹt trên chữ nghĩa, trên đối đãi nên không thấy được lẽ thật.

Cung phụng hỏi:

- *Thế nào là thật tướng?*
- *Đem hư không lại!*
- *Hư không đâu thể đem được!*
- *Hư không còn không thể đem được, hỏi thật tướng làm gì?*

Lối nói này nghe như đùa mà hay đáo để. Ngài không giảng, chỉ nói cụ thể. Theo kinh Bát-nhã, thật tướng là vô tướng. Ngài không cần nói, hỏi *thật tướng* thì bảo *đem hư không lại*. Hư không có tướng không? Thường người ta nói hư không là tướng không đối đãi với tướng có, nhưng sự thật hư không là vô tướng. Vì vô tướng nên nói *hư không không thể đem lại được*, đó là bị ngài lừa rồi. *Hư không còn không thể đem được thì hỏi thật tướng làm gì?* Ông không hiểu ý nói đem hư không lại thì hỏi thật tướng làm gì?

Sư thấy duyên hóa độ sắp mãn, giờ Niết-bàn sắp đến, bèn từ giả vua Đại Tông trở về núi.

Đại Tông hỏi:

- Thầy sau khi diệt độ, đệ tử sẽ làm gì để kỷ niệm?

Sư đáp:

- Bảo đàn-việt tạo một ngôi tháp vô phùng.

- Xin Thầy cho kiểu tháp.

Sư lặng thinh giây lâu hỏi:

- Hội chăng?

- Không hội.

- Bần đạo đi rồi có thị giả hiệu Ứng Chơn sẽ biết việc này.

Ngày mừng chín tháng chạp năm Đại Lịch thứ mười (775), Sư nằm nghiêng bên hữu thị tịch. Đệ tử xây tháp cạnh cốc Đẳng Tử thờ Sư. Vua sắc ban hiệu là Đại Chứng thiên sư.

Nhà vua thật thà quá, đã bảo *vô phùng*, tức là không dựng đắp, sao lại còn xin kiêu tháp? *Tháp vô phùng* của ngài sau này thành công án trong nhà thiền, các thiền sư thường nhắc tới nhắc lui. Tháp vô phùng có phải là cái tháp hay không? Nó không là cái gì hết, mà cũng là tất cả. Bốn mươi mấy năm ở núi như ngài thật là xứng đáng, chúng ta chạy lao xao hoài nên không có những câu nói xứng đáng như vậy.

Đến khi tịch, ngài trở lại chùa cũ, nằm nghiêng bên hữu tịch, đệ tử xây tháp ở cốc Đẳng Tử thờ. Vua phong là Đại Chứng thiền sư.



THIÊN SƯ THẦN HỘI Ở HÀ TRẠCH

(668 - 760)

Sư họ Cao, quê ở Tương Dương. Lúc nhỏ theo thầy học Nho, Sư thông suốt ngũ kinh, hiểu rành Lão Trang, sau nghiên cứu Phật pháp. Sư theo pháp sư Hạo Nguyên ở chùa Quốc Xương tại phủ nhà xuất gia, học thông Kinh Luật.

Năm mười bốn tuổi là Sa-di ở chùa Ngọc Tuyên, Sư tìm đến yết kiến Lục tổ Huệ Năng. Tổ hỏi:

- Tri thức từ phương xa nhọc nhằn tìm đến, có đem được gốc (bản) theo chăng? Nếu có gốc phải biết chủ, thử nói xem?

Sư thưa:

- Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ.

Tổ bảo:

- Sa-di này đâu nên nói lời tùy tiện.

Sư thưa:

- Hòa thượng ngồi thiền là thấy hay chẳng thấy?

Tổ cầm gậy đánh Sư ba gậy, hỏi:

- Ta đánh người đau hay chẳng đau?

- Cũng đau cũng chẳng đau.

- Ta cũng thấy cũng chẳng thấy.

- Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?

- Chỗ ta thấy là thường thấy lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy việc phải quấy của người khác. Ấy là cũng thấy cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau cũng chẳng đau là sao? Nếu người chẳng đau thì đồng cây cỏ, nếu người đau thì đồng với phạm phu, ắt khởi tâm giận hờn. Trước người nói thấy chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt. Người không thấy tự tánh mà dám cợt với người.

Sư lễ bái sám hối. Tổ bảo:

- Nếu người tâm mê không thấy nên hỏi thiện tri thức chỉ đường. Nếu người tâm ngộ liền tự thấy tánh, y pháp tu hành. Người đã mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì ta tự biết, đâu thế cái mê cho người được. Nếu người tự thấy cũng không thế được cái mê cho ta. Tại sao không tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?

Sư lễ bái hơn trăm lạy cầu xin sám hối.

Từ đây, Sư ở lại hầu hạ Tổ không lúc nào rời.

Một hôm Tổ bảo đại chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không họ, không lưng không mặt, các người biết chăng?

Sư bước ra thưa:

- Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Tổ bảo:

- Đã nói với các người là không tên không họ, người lại kêu là bản nguyên, Phật tánh. Người về sau có chỗ trụ cũng chỉ thành tông đồ của hàng tri giải.

Sư lễ bái lui ra.

Phần ngài Thần Hội đoạn trước đã giảng trong Pháp Bảo Đàn, để khỏi mất thời giờ nên không giảng lại.

Có sáu điều nghi trong tạng Kinh, Sư đem ra hỏi Lục Tổ:

- Giới định tuệ dùng như thế nào? Giới vật gì? Định từ chỗ nào tu? Tuệ nhân chỗ nào khởi? Chỗ thấy của con chưa thông suốt.

Tổ đáp:

- Định là định tâm kia, đem giới để giới hạnh kia, trong tánh thường có tuệ chiếu, tự thấy tự biết sâu.

- Xưa không nay có, có vật gì? Xưa có nay không, không vật gì? Tụng kinh chẳng thấy nghĩa có không, thật giống người cưới lừa lại tìm lừa.

- Niệm trước nghiệp ác xưa không, niệm sau thiện sanh nay có, niệm niệm thường làm hạnh lành, đời sau sanh trời người chẳng khó. Người nay chính nghe ta nói, ta tức xưa không nay có.

- Dem sanh diệt diệt, đem diệt diệt sanh, không rõ nghĩa sanh diệt, chỗ thấy in mù điếc?

- Dem sanh diệt diệt, khiến người không chấp tánh. Dem diệt diệt sanh, khiến người tâm là cảnh. Nếu lìa được hai bên, tự trừ bệnh sanh diệt.

- Trước đốn mà sau tiệm, trước tiệm mà sau đốn, người không ngộ đốn tiệm, trong tâm thường mê muội?

- Nghe pháp trong đốn mà tiệm, ngộ pháp trong tiệm mà đốn, tu hành trong đốn mà tiệm, chứng quả trong tiệm mà đốn. Đốn tiệm là nhân thường, trong ngộ không mê muội.

- Trước định sau tuệ, trước tuệ sau định, định tuệ cái nào sanh trước cái nào sanh sau là đúng?

- Thường sanh tâm thanh tịnh, trong định mà có tuệ, ở trên cảnh mà không tâm, trong tuệ mà có định, định tuệ không trước sau, tu cả hai tự tâm chánh.

- Trước Phật sau pháp, trước pháp sau Phật, nguồn gốc Phật pháp từ đâu khởi?

- Nói tức trước Phật sau pháp, nghe tức trước pháp sau Phật. Nếu luận nguồn gốc Phật pháp, xuất phát trong tâm tất cả chúng sanh.

Có sáu điều nghi trong tạng Kinh, Sư đem ra hỏi Lục Tổ.

Đến đoạn kể ngài đọc trong tạng Kinh, thấy có sáu điều nghi, đem trình lên Lục Tổ để giải nghi.

- Giới định tuệ dùng như thế nào? Giới là giới vật gì? Định từ chỗ nào tu? Tuệ nhân chỗ nào khởi? Chỗ thấy của con chưa thông suốt.

Tổ đáp: *Định là định tâm kia. Định là định tâm của chính mình, đem giới để giới hạnh kia, giới là giữ hạnh của mình, định là giữ tâm của mình, trong tánh thường có tuệ chiếu, tự thấy tự biết sâu. Tuệ là trí tuệ của tự tánh phát khởi, tự mình chiếu tự mình thấy, không phải từ ở ngoài mà có. Lục Tổ dạy giới định tuệ rõ ràng. Giới là ngừa tất cả những hạnh sai lầm. Định là giữ cho tâm an định. Tuệ là trong tự tánh thường có trí tuệ chiếu soi.*

- Xưa không nay có, có vật gì? Xưa có nay không, không vật gì? Tụng kinh chẳng thấy nghĩa có không, thật giống người cười lừa lại tìm lừa.

- Niệm trước nghiệp ác xưa không, niệm sau thiện sanh nay có, niệm niệm thường làm hạnh lành, đời sau sanh trời người chẳng khó. Người nay chính nghe ta nói, ta tức xưa không nay có.

Hỏi thêm: *Xưa không nay có, có vật gì? Xưa có nay không, không vật gì?* Nghe trong kinh nói xưa không nay có, vậy có là có cái gì? Kinh cũng nói xưa có nay không, vậy không là không cái gì? *Tụng kinh chẳng thấy nghĩa có không, thật giống người cười lừa lại tìm lừa.*

Lục Tổ đáp: *Niệm trước nghiệp ác xưa không, niệm sau thiện sanh nay có.* Tại sao niệm trước nghiệp ác xưa không? Lục Tổ dạy thể tánh nghiệp ác là không, do tâm niệm dấy khởi nên trước không mà nay có. *Niệm sau thiện sanh nay có*, nghĩa là niệm thiện cũng vậy, trước không có nay dấy động mới có.

Ngài nói theo thể văn kệ nên bảo là *niệm trước nghiệp ác xưa không, niệm sau thiện sanh nay có*. Thật ra niệm thiện, niệm ác thể nó tự không, nên gọi là trước không, do dấy niệm phát sanh nên nay có. Điều này dễ hiểu, khi chưa khởi nghĩ làm lành có niệm thiện không? Khi chưa khởi nghĩ làm ác có niệm ác không? Nói về chỗ khởi niệm tường tận để thấy rõ bản chất của niệm, dù thiện hay ác đều không thật.

Niệm niệm thường làm hạnh lành, tuy chúng không thật nhưng luôn luôn dấy niệm làm những hạnh lành, thì đời sau sanh người trời chẳng khó.

Người nay chính nghe ta nói, ta tức xưa không nay có. Như người đang nghe ta nói pháp ở đây thì chính ta xưa không mà nay có.

Như thế Tổ muốn chỉ cái gì? Đây có hai mặt: Thứ nhất nói về vọng tâm thiện hay ác vốn xưa không,

nay khởi lên mới có. Thứ hai nói về vọng thân của ngài trước không có, nay duyên hợp mới có, thân và tâm này trước không nay có, trước không là chỉ thể tánh không, nay có là duyên hợp giả có. Ý Lục Tổ chỉ thẳng thân và tâm chúng ta hiện giờ đều là thể tánh không, duyên hợp giả có, để giải thích thắc mắc trước không nay có.

- *Đem sanh diệt, đem diệt dẹp sanh, không rõ nghĩa sanh diệt, chỗ thấy in mù điếc?*

- *Đem sanh diệt, khiến người không chấp tánh. Đem diệt dẹp sanh, khiến người tâm lìa cảnh. Nếu lìa được hai bên, tự trừ bệnh sanh diệt.*

Câu đáp của Tổ rất hay và thấu đáo. Vì sao nói *đem sanh diệt*? Lục Tổ trả lời, nói như vậy *khiến người đừng chấp tánh*. Như có người nghe kinh nói tự tánh mình vốn lặng lẽ rỗng không, liền chấp lặng lẽ rỗng không là tâm mình. Đó là chấp cái diệt. Vì thế Phật nói: “Các pháp tùy duyên sanh diệt”, nghĩa là nếu cho lặng lẽ rỗng không là một bề diệt hết thì không đúng. Các pháp theo duyên có sanh có diệt, vì thế Tổ dạy lấy pháp có sanh có diệt để phá chấp tánh diệt của các pháp, nên nói *khiến người không chấp tánh*.

Đem diệt dẹp sanh, khiến người tâm lìa cảnh. Nghĩa là đem lý không để trừ bỏ lối chấp các pháp có thật sanh. Như nói, cái bàn tự tánh không, nhà tự tánh không, mọi sự mọi vật tự tánh không, không tức là lặng lẽ, lặng lẽ tức là diệt. Như vậy khi nói các pháp tự tánh không, đó là đem diệt dẹp sanh, vì người ta cho rằng

các sự vật hiện có là thật, thân thật, cảnh thật... Kinh nói tự tánh các pháp không thật, để khiến tâm lìa cảnh, thấy sự vật hiện có sanh đây đều hư giả, hư giả thì chấp làm gì. Đó là khiến họ tự tâm lìa chấp cảnh, không còn dính vào cảnh.

Kinh thiết lập phương tiện để phá chấp, nếu lìa được hai bên sanh diệt, không còn mắc kẹt thì tự trừ được bệnh sanh diệt. Hiểu rõ lời Phật nói vì cốt phá chấp cho chúng sanh, nếu chúng sanh không còn mắc kẹt trong chấp sanh diệt thì Phật cũng không nói sanh hay diệt. Đó là giải thoát.

- *Trước đốn mà sau tiệm, trước tiệm mà sau đốn, người không ngộ đốn tiệm, trong tâm thường mê muội?*

- *Nghe pháp trong đốn mà tiệm, ngộ pháp trong tiệm mà đốn, tu hành trong đốn mà tiệm, chứng quả trong tiệm mà đốn. Đốn tiệm là nhân thường, trong ngộ không mê muội.*

Thần Hội hỏi về đốn tiệm: *Trước đốn mà sau tiệm, trước tiệm mà sau đốn, người không ngộ đốn tiệm, trong tâm thường mê muội.* Tại sao trong kinh nói đốn tiệm có trước sau? Nếu không hiểu lý đốn tiệm, tâm luôn luôn mê muội.

Lục Tổ đáp: *Nghe pháp trong đốn mà tiệm.* Tại sao? Như tôi giảng những lời hay của Tổ sư, nghe rồi chừng bao lâu mới hiểu? Nghe nói qua rồi ngộ cười liền, tức là đốn không cần năm phút mười phút, hai chục phút sau mới hiểu. Đó là nghe pháp tức trong đốn mà tiệm.

Ngộ pháp trong tiệm mà đốn, tuy nghe pháp hiểu liền nhưng muốn ứng dụng chỗ ngộ hiểu thì bao lâu? Phải hằng tu tập năm mười năm mới được. Nghe thì hiểu liền là đốn, còn ngộ pháp rồi phải tiệm tu cho đến ngày đốn ngộ chừng trong một phút giây. Như đức Phật Thích-ca ngồi dưới cội bồ-đề bốn mươi chín ngày đêm, không phải mỗi ngày ngộ dần dà, mà đến ngày cuối bừng ngộ chỉ trong khoảnh khắc đầy đủ.

Tu hành trong đốn mà tiệm, tu hành tức là y theo pháp đốn mà tu nhưng muốn tiến thì cũng phải dần dần tiến. *Chứng quả trong tiệm mà đốn*, trước khi ngộ lý chứng quả vị thì giống như trái còn xanh, dần dà đến lúc chín chừng khoảnh khắc. *Đốn tiệm là nhân thường*, trong ngộ không mê muội, người ngộ rồi thì không còn mê muội, không còn nghi ngờ, thấy rất rõ ràng.

- *Trước định sau tuệ trước tuệ sau định, định tuệ cái nào sanh trước cái nào sanh sau là đúng?*

- *Thường sanh tâm thanh tịnh, trong định mà có tuệ, ở trên cảnh mà không tâm, trong tuệ mà có định, định tuệ không trước sau, tu cả hai tự tâm chánh.*

Thần Hội hỏi: *Trước định sau tuệ, trước tuệ sau định, định tuệ cái nào sanh trước, cái nào sanh sau là đúng?* Nghe trong kinh nói do giữ giới sanh định, định rồi phát tuệ, đó là *trước định sau tuệ*. Lại có khi nói do tuệ rồi sau mới định, tức là dùng trí Bát-nhã quán là tuệ, do quán rồi tâm được dừng lặng là định. Như thế trước định sau tuệ hay *trước tuệ sau định*, cái nào đúng?

Tổ dạy: *Thường sanh tâm thanh tịnh, trong định mà có tuệ*, tâm thanh tịnh tức là định, do thanh tịnh nên sáng suốt, đó là trong định mà có tuệ. *Ở trên cảnh không tâm, trong tuệ mà có định*, nhìn thấy sự vật biết tự tánh nó là không đó là tuệ, biết rồi không chạy theo đó là định. *Định tuệ không trước sau, tu cả hai tự tâm chánh*, định và tuệ đồng nhau không có trước sau, cần tu cả hai đồng thời. Tôi nói rõ hơn, nếu khi tâm chúng ta thật yên thật thanh tịnh, khi đó có sức sáng ngấm ở trong. Tâm thanh tịnh gọi là định, có sức sáng chiếu gọi là tuệ, định và tuệ đồng thời có mặt. Khi chúng ta đối cảnh thấy sự vật, biết nó tự tánh là không đó là tuệ, biết tự tánh không thì tâm không chạy theo là định. Định và tuệ không rời nhau, nên không nói thời gian trước sau mà biết hai cái liên hệ đồng thời.

- *Trước Phật sau pháp, trước pháp sau Phật, nguồn gốc Phật pháp từ đâu khởi?*

- *Nói tức trước Phật sau pháp, nghe tức trước pháp sau Phật. Nếu luận nguồn gốc Phật pháp, xuất phát trong tâm tất cả chúng sanh.*

Kinh A-hàm luôn luôn nói Phật có trước pháp. Phật thành Phật rồi thuyết pháp bốn mươi chín năm gom lại thành ba tạng kinh, như vậy trước có Phật rồi sau mới có pháp. Ngược lại, kinh Kim Cang nói pháp này là mẹ sanh ra chư Phật, đó là pháp trước Phật sau. Những điều nghi như thế.

Tổ dạy: *Nói tức trước Phật sau pháp, nghe tức trước pháp sau Phật*. Ngài giảng thực tế vô cùng, đối với

pháp được nói thì *trước Phật sau pháp*, vì do có Phật mới nói pháp. Đối với pháp được nghe, được ngộ thì *pháp trước Phật sau*. Nghĩa là đúng về mặt nghe, mặt tự chứng thì pháp trước Phật sau, vì nếu không có pháp trước thì làm sao ngài thành Phật?

Nếu luận nguồn gốc Phật pháp, xuất phát trong tâm tất cả chúng sanh. Nguồn gốc Phật pháp đều gốc từ tâm chúng ta không phải từ đâu mà có. Lục Tổ giải thích những nghi ngờ trong kinh rất rõ ràng.

Lục Tổ biết sắp đến ngày quy tịch nên họp chúng lại bảo:

- Ta đến tháng tám sắp lìa thế gian, các người có nghi phải ra hỏi sớm, ta sẽ vì các người giải nghi, khiến các người hết mê lầm, sau khi ta đi rồi không có người dạy các người.

Toàn hội chúng đều khóc dầm dề, chỉ có Sư thân tình chẳng động, cũng không ứa nước mắt.

Tổ bảo:

- Thần Hội tiểu sư lại được thiện ác khen chê vui buồn đều chẳng động, các người chẳng bằng.

Sau Sư đi đến Tây Kinh thọ giới Cụ túc.

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tám (720), vua Đường Huyền Tông thỉnh Sư về chùa Long Hưng ở tại Nam Dương, lại đến Lạc Dương. Ở đây, Sư đã thắp sáng ngọn đuốc Thiền tông đốn ngộ của Lục Tổ.

Trước kia, hai kinh đô này chỉ dùng pháp thiền tiệm tu của ngài Thần Tú, đến nay mới nhận rõ đốn tiệm hai tông. Vì thế, phái thiền Thần Tú trước thành, từ đây suy dần.

Khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756), ngự sử Lư Dịch a tòng cùng môn đồ Thần Tú tâu đối với vua rằng: “Sư nhóm họp đồ chúng mạnh tâm làm phản.” Vua Huyền Tông mời Sư về kinh đô để tham vấn. Ra mắt vua, Sư giải bày hợp lý, vua rất hài lòng. Vua mời Sư dời về ở Quân bộ. Sau vua ra sắc lệnh đày Sư đến ở viện Bát-nhã chùa Khai Nguyên tại Kinh Châu.

Sau vua Túc Tông xuống chiếu thỉnh Sư vào cung cúng dường và lập ngôi chùa Hà Trạch thỉnh Sư trụ trì ở đó. Nơi đây, Sư hiển phát tông phong của Lục Tổ, đồ chúng tham học rất đông.

Ngài Thần Hội là một vị thiền sư mà nhiều truyền thuyết xem như vị Tổ thứ bảy kế thế Lục Tổ. Về phần tông môn lưu truyền thì không được như vậy, vì dòng mạch của ngài mất sớm, thua ngài Hành Tư và ngài Hoài Nhượng. Tuy về sau ngài ít được nhắc đến nhưng đương thời ngài rất nổi tiếng, vì ngài về kinh đô xiển dương lý thiền đốn ngộ được vua chúa thời đó trọng nể, còn hai vị kia về núi, lúc đó vua chúa ít biết. Đây cũng là việc để chúng ta nghiệm đời tu của mình. Ở kinh đô thì nổi tiếng nhưng dòng giống không bền, còn ở núi thì ít ai biết nhưng mà dòng giống được lâu dài.

Khi ngài về kinh đô Lạc Dương truyền bá Thiền đốn ngộ, lúc đó phái của ngài Thần Tú bị lu mờ. Ngự sử Lư Dịch cùng môn đồ của ngài Thần Tú a tòng với nhau đối tâu lên vua Huyền Tông, rằng ngài nhóm họp đồ chúng muốn làm phản. Vua cho đòi ngài vào triều, ngài đối đáp rất hợp lý, vua bằng lòng nhưng cũng còn nghi, nên dời ngài về ở Quân bộ. Quân bộ tức là khu vực quân sự, cũng như để giữ chân ngài. Sau thấy ở gần đó cũng chưa ổn bèn sắc đày ngài qua ở viện Bát-nhã chùa Khai Nguyên tại Kinh Châu, tức là đày tuốt ra ngoài biên giới không cho ở gần, đó là đời vua Huyền Tông.

Sau này đến đời vua Túc Tông xét ngài cũng là người trung thành với đất nước và là người tu hành rất cao sâu, bèn xuống chiếu thỉnh ngài về kinh, lập ngôi chùa Hà Trạch mời ở đó. Tại đây, ngài thông dong giảng dạy lý thiền. Chùa Hà Trạch là nơi danh tiếng nhất trong sự truyền bá của ngài. Sau này mọi người không dám gọi tên ngài mà gọi là thiền sư Hà Trạch.

Sư dạy chúng:

- Phàm người học đạo phải đạt tột nguồn gốc của mình, hàng Tứ quả Tam hiền đều gọi là điều phục, Bích-chi La-hán chưa dứt hoài nghi, Đăng giác Diệu giác liễu đạt tường tận. Giác có cạn sâu, giáo có đốn tiệm. Tiệm giáo trải kiếp a-tăng-kỳ vẫn còn luân hồi, đốn giáo chỉ khoảng co duỗi cánh tay liền lên Diệu giác. Nếu trước không hạt giống đạo, luống học biết nhiều. Tất cả tại tâm, tà chánh do mình. Không nghĩ một vật tức là tâm mình,

không phải chỗ biết của trí. Không có hạnh nào riêng để ngộ vào đây. Pháp tam-ma-đề chân thật không có đi đến, dứt mé trước sau. Nếu biết vô niệm là tối thượng thừa, rộng suốt trời xanh chóng mở kho báu. Tâm chẳng phải sanh diệt, tánh bất đổi dời. Tự tịnh thì niệm cảnh không sanh, vô tác thì vin theo tự dứt.

Ngày xưa ta đẩy chiếc xe bất thối, nay được định tuệ song tu, như bàn tay với cánh tay. Thấy thể vô niệm chẳng theo vật mà sanh, thường liễu ngộ Như Lai thì còn chỗ nào mà khởi. Nay huyền chất này nguyên là thường chân, tự tánh như không, xưa nay không tướng. Đã đạt lý này thì còn gì sợ, gì buồn. Trời đất không thể đổi thể kia. Tâm về pháp giới, vạn tượng nhất như. Xa lìa suy tính, trí đồng pháp tánh. Ngàn kinh muôn luận chỉ nói rõ tâm. Đã chẳng lập tâm tức thể hội chân lý, hoàn toàn không sở đắc. Bảo các học chúng không tìm cầu bên ngoài, nếu là tối thượng thừa cần phải vô tác. Trân trọng!

Sư dạy chúng:

- Phàm người học đạo phải đạt tột nguồn gốc của mình, hàng Tứ quả Tam hiền đều gọi là điều phục, Bích-chi La-hán chưa dứt hoài nghi, Đăng giác Diệu giác liễu đạt tường tận. Giác có cạn sâu, giáo có đốn tiệm. Tiệm giáo trải kiếp a-tăng-kỳ vẫn còn luân hồi, đốn giáo chỉ khoảng co duỗi cánh tay liền lên Diệu giác.

Ngài có vẻ đề cao đốn giáo, về tiệm giáo thì trong số kiếp tăng-kỳ vẫn còn luân hồi. Tại sao? Vì tu ba a-tăng-kỳ mới thành Phật, nếu tu được hai a-tăng-kỳ cũng còn luân hồi. Đốn giáo thì phát tâm là Phật, ngay nơi tâm mà bỏ mê thành giác thì ngay đời này thành chánh giác. Đốn tiệm khác nhau chỗ đó.

Nếu trước không hạt giống đạo, luống học biết nhiều. Tất cả tại tâm, tà chánh do mình. Không nghĩ một vật tức là tâm mình, không phải chỗ biết của trí. Không có hạnh nào riêng để ngộ vào đây. Pháp tam-ma-đề chân thật không có đi đến, dứt mé trước sau. Nếu biết vô niệm là tối thượng thừa, rộng suốt trời xanh chóng mở kho báu. Tâm chẳng phải sanh diệt, tánh bất đổi dời. Tự tịnh thì niệm cảnh không sanh, vô tác thì vìn theo tự dứt.

Nếu trước không hạt giống đạo, luống học biết nhiều, người chưa có hạt giống đạo dầu có học biết nhiều cũng là luống uổng, học suông thôi. Tất cả tại tâm, tà chánh do mình. Không nghĩ một vật tức là tâm mình, không phải chỗ biết của trí. Câu này ngài chỉ thẳng, không nghĩ một vật tức là tâm mình, tức là không duyên theo một vật nào, chính lúc đó là ai? Dùng trí mà suy xét không biết được. Không có hạnh nào riêng để ngộ vào đây, không có hạnh nào riêng, chỉ dứt tâm chạy theo cảnh thì vào được. Pháp tam-ma-đề chân thật không có đi đến, dứt mé trước sau, tức là vượt qua thời gian, không gian.

Nếu biết vô niệm là tối thượng thừa, rộng suốt trời xanh, chóng mở kho báu. Người nào biết vô niệm thì người đó thấu hiểu được lý Tối thượng thừa, là người mở được kho báu trùm khắp bầu trời. Tâm chẳng phải sanh diệt, tánh bất đối đãi, tâm tánh chính là cái không sanh không diệt, chẳng đối chẳng đãi. Tự tịnh thì niệm cảnh không sanh, vô tác thì vin theo tự dứt. Người nào tự lặng lẽ thì niệm không chạy theo cảnh, nên gọi là niệm cảnh không sanh. Người nào vô tác, tức là không khởi tâm tạo tác, lúc đó không còn những cái vin theo nữa.

Ngày xưa ta đẩy chiếc xe bất thối, nay được định tuệ song tu, như bàn tay với cánh tay. Thấy thể vô niệm chẳng theo vật mà sanh, thường liễu ngộ Như Lai thì còn chỗ nào mà khởi. Nay huyễn chất này nguyên là thường chân, tự tánh như không, xưa nay không tương. Đã đạt lý này thì còn gì sợ, gì buồn. Trời đất không thể đổi thể kia. Tâm về pháp giới, vạn tượng nhất như. Xa lìa suy tính, trí đồng pháp tánh. Ngàn kinh muôn luận chỉ nói rõ tâm. Đã chẳng lập tâm tức thể hội chân lý, hoàn toàn không sở đắc. Bảo các học chúng không tìm cầu bên ngoài, nếu là tối thượng thừa cần phải vô tác. Trân trọng!

Ngày xưa, ta đẩy chiếc xe bất thối, nay được định tuệ song tu, như bàn tay với cánh tay. Thấy thể vô niệm chẳng theo vật mà sanh, ngài hằng sống với thể vô niệm, không chạy theo vật mà sanh vọng tưởng. Thường liễu ngộ Như Lai thì còn chỗ nào mà khởi, khi nhận được

thể vô niệm, biết đó là pháp thân chân thật của chính mình thì không còn chạy theo vọng.

Nay huyễn chất này nguyên là thường chân, ngay trong thân huyễn này thấy được thể tánh thường chân, tự tánh như không, xưa nay không tướng.

Đã đạt lý này thì còn gì sợ, gì buồn. Người đạt được lý đó là hết sợ, hết buồn. Còn sợ, còn buồn thì dù tu rất lâu cũng chưa vào cửa này được. Vào được cửa tự tánh như không thì không có gì sợ hay buồn rầu, sao cũng tốt. Đời huyễn hóa này dùng cái gì cũng được, đến bằng cách nào cũng xong, được vào chỗ này rồi thì hiện tại giải thoát không có gì quan trọng.

Trời đất không thể đổi thế kia, trời đất cũng không thể thay đổi được bản thể đó. Tâm về pháp giới, vạn tượng nhất như, tâm mình lặng lẽ đồng pháp giới, khi đó đối với vạn tượng là nhất như, không có gì là ngoài tâm. Xa lìa suy tính, trí đồng pháp tánh, lúc đó không còn tính không còn bàn, trí đồng với pháp tánh tức là đầy tràn tất cả.

Ngàn kinh muôn luận chỉ nói rõ tâm, bao nhiêu kinh luận cốt để nói rõ tâm đó. Đã chẳng lập tâm tức thể hội chân lý, hoàn toàn không sở đắc. Khi biết muôn kinh ngàn luận chỉ để diễn tả tâm, chúng ta nhận được tâm thật của mình, lúc đó cũng không lập tên, mới thật là hội chân lý, hoàn toàn là không sở đắc. Bảo các học chúng không tìm cầu bên ngoài, nếu là tối thượng thừa cần phải vô tác. Trân trọng!

Có người hỏi Sư:

- Vô niệm thì pháp có, không chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng nói có, không.

- Khi ấy thế nào?

- Cũng không khi ấy. Ví như gương sáng nếu không đối hình tượng trọn không thấy hình tượng, nếu thấy không vật mới là thấy gương thật.

Chỗ đối đáp này của ngài, tôi cho rằng ngàn đời bất hủ! Có người hỏi ngài: *Vô niệm thì pháp có, không chẳng?* Nghĩa là khi mình vô niệm thì đối với pháp bên ngoài là có hay không? Ngài đáp: *Chẳng nói có, không.* Nếu vô niệm thì không còn nói có nói không gì cả. Người hỏi: *Khi ấy như thế nào?* Khi không thấy có không nữa, lúc ấy ra sao? Ngài diễn tả khéo vô cùng: *Cũng không khi ấy.* Không nói khi ấy là thế nào, ngài nói thêm: *Ví như gương sáng nếu không đối hình tượng trọn không thấy hình tượng, nếu thấy không vật mới là thấy gương thật.* Câu này rất hay!

Như gương đối trước hình tượng, khi nhìn vào gương thấy hình tượng, khi thấy hình tượng có thấy rõ mặt gương không? Chỉ thấy bóng đồng hồ, bóng cái bàn, bóng cảnh vật ngoài kia phản chiếu mà không thấy mặt gương. Khi không còn thấy bóng hình tượng trong gương, lúc đó mới thấy đầy đủ mặt gương. Mặt gương thật dụ cho tâm thể không vướng bận có không, trong sáng lặng lẽ. Khi dấy niệm có không, là dụ như đối

hình tượng quên mặt gương. Chính chỗ này chúng ta nhớ lại tâm mình, khi không duyên theo bóng dáng sáu trần lúc đó mới thật là tâm thanh tịnh. Vừa dấy niệm chạy theo bóng dáng sáu trần thì không còn thấy tâm thể thanh tịnh. Chạy theo niệm cũng như mặt gương phản chiếu nhiều bóng bên ngoài, lúc đó không còn thấy mặt gương trong. Vì vậy bảo phải vô niệm, vô niệm rồi mới thấy được tâm, cũng như không có bóng mới thấy rõ mặt gương.

Ví dụ này minh chứng đầy đủ để chúng ta biết được pháp tu, biết rõ chủ trương vô niệm của chư tổ. Hiểu được chỗ này, chúng ta biết tâm mình lúc nào theo bóng, lúc nào thấy gương, biết rõ ràng không còn nghi ngờ. Vì thế với câu hỏi *Khi ấy thế nào?* Khi ấy tức là khi tâm không còn mắc kẹt có không thì thế nào? Ngài trả lời *cũng không khi ấy*, nghĩa là không nói lúc đó thế nào, chỉ biết rõ rằng như gương đối hình vật thì thấy có bóng hình vật, không có bóng hình vật thì thấy rõ mặt gương, vậy thôi. Đây là câu trả lời thấu đáo.

Đời Đường niên hiệu Thượng Nguyên năm đầu (760), tháng năm đêm mười ba, Sư từ biệt đại chúng, đến nửa đêm thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi. Vua sắc ban hiệu là Chơn Tông đại sư, tháp hiệu Bát-nhã. Sư có trước tác tập Hiển Tông Ký, hiện giờ còn lưu hành.

Vào tháng năm, đêm mười ba, ngài từ biệt đại chúng, đến nửa đêm thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi. Ông già này sống lâu dữ! Đây là theo Cao Tăng Truyện,

còn Truyền Đăng Lục thì ngài thọ bảy mươi lăm tuổi, tức sanh năm 686.

Vua sắc phong là Chơn Tông đại sư. Ngài có trước tác tập Hiển Tông Ký. Tác phẩm này tôi còn nghi, vì tìm trong tạng thấy có ghi Hiển Tông Ký nhưng chỉ là bài tụng, tương tự như Tín Tâm Minh, không phải một tập sách. Nếu sau có tìm ra tập này thì bổ sung cho đầy đủ.



THIỀN SƯ TRUNG HOA

GIẢNG GIẢI - PHẦN II

ĐỜI THỨ HAI SAU LỤC TỔ

I- PHÁI THIỀN SƯ HÀNH TỬ

Có một vị

Thiền sư Hy Thiên (Thạch Đầu).

II- PHÁI THIỀN SƯ HOÀI NHƯỢNG

Có chín vị

1- Thiền sư Đạo Nhất (Mã Tổ)

2- Thiền sư Thường Hạo

3- Thiền sư Trí Đạt

4- Thiền sư Thản Nhiên

5- Thiền sư Thần Chiếu

6- Thiền sư Nghiêm Tuấn

7- Thiền sư Bồn Như (nước Tân La)

8- Thiền sư Huyền Ngang

9- Thiền sư Pháp Không.

III- PHÁI THIỀN SƯ THẦN HỘI

Có mười tám vị

1- Thiền sư Phước Lâm

2- Thiền sư Quang Bảo

3- Thiền sư Pháp Như

4- Thiền sư Tiến Bình

- 5- Thiền sư Huệ Diển**
- 6- Thiền sư Hoài Không**
- 7- Thiền sư Viên Chấn**
- 8- Thiền sư Quảng Phu**
- 9- Thiền sư Hành Giác**
- 10- Thiền sư Thần Anh**
- 11- Thiền sư Vô Danh**
- 12- Thiền sư Hạo Ngọc**
- 13- Thiền sư Chí Mãn**
- 14- Thiền sư Lãng**
- 15- Thiền sư Linh Thản**
- 16- Thiền sư Thông Ẩn**
- 17- Thiền sư Nam Ấn**
- 18- Thiền sư Lý Thường.**

IV- PHÁI QUỐC SƯ HUỆ TRUNG

Có năm vị

- 1- Thiền sư Ứng Chân (Đam Nguyên)**
- 2- Thiền sư Duy Giới**
- 3- Vua Đường Túc Tông**
- 4- Vua Đường Đại Tông**
- 5- Tri Cổ.**



THIÊN SƯ HY THIÊN ở THẠCH ĐẦU

(700 - 790)

Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên, đời thứ hai sau Lục Tổ. Tuy thời đó có nhiều vị thiền sư nổi tiếng, nhưng hai ngài Thạch Đầu Hy Thiên và Mã Tổ Đạo Nhất đại biểu cho hai dòng thiền hiện giờ còn lưu truyền là Tào Động và Lâm Tế. Dòng phái của ngài Hành Tư truyền xuống ngài Hy Thiên mãi cho đến nay là tông Tào Động. Dòng phái của ngài Hoài Nhượng truyền xuống ngài Mã Tổ mãi cho đến nay là tông Lâm Tế, còn nhiều tông khác cũng đã từ hai dòng này. Có thể nói học hai vị này là đại biểu cho toàn thể đồ đệ của Lục Tổ.

Sư họ Trần, quê ở Cao Yếu, Đoan Châu. Lúc thọ thai Sư, mẹ thích ăn chay, không ưa đồ mặn. Khi còn hài nhi, Sư tự hành động lấy, không phiền mẹ săn sóc. Đến lớn khôn, Sư tự an ổn vui tươi,

không khi nào tỏ vẻ không bằng lòng người. Ở thôn làng, sơn dân bản địa sợ quỷ thần nên lập nhiều miếu thờ, thường họp nhau mua rượu làm bò tể lễ. Sư đi qua thấy dân chúng tể lễ, bèn phá miếu giết bò cứu đem về. Một năm có vài chục con mà hương lão không thể cấm.

Sư từ già quyến thuộc đi xuất gia. Nghe Lục tổ Huệ Năng đang giáo hóa tại Tào Khê, Sư tìm đến thọ giáo. Lục Tổ độ Sư làm đệ tử. Sư chưa thọ giới Cụ túc, cũng chưa đạt đạo, Tổ đã báo tin sắp tịch. Sư hỏi Tổ:

- Sau khi Hòa thượng viên tịch, con phải nương tựa nơi ai?

Tổ bảo:

- Tâm Tư đi.

Tổ tịch rồi, mỗi ngày Sư đến bên cạnh tháp ngồi tư duy đến quên cả ăn ngủ. Có vị thượng tọa thấy thế hỏi:

- Thầy đã tịch, người làm gì ngồi đây mãi?

Sư thưa:

- Tôi vâng lời di huấn dạy “Tâm Tư” nên ngồi tư duy.

Thượng tọa bảo:

- Người có sư huynh hiệu Hành Tư đang ở núi Thanh Nguyên, nên đến đó nương tựa, Thầy đã dạy rõ, người còn nghi gì?

Nghe lời dạy này, Sư thu xếp đồ đạc, tìm đến núi Thanh Nguyên ra mắt thiền sư Hành Tư.

Những hành động của ngài thuở bé rất khác thường, chứng tỏ con người đặc biệt. Đến khi trưởng thành ngài từ giã quyến thuộc xuất gia tìm đến học đạo với Lục Tổ ở Tào Khê. Lục Tổ sắp tịch mà lúc đó ngài chưa thọ giới Cụ túc cũng chưa đạt đạo, ngài hỏi: *Sau khi Hòa thượng viên tịch, con phải nương tựa nơi ai?* Tổ bảo: *Tâm Tư đi*. Ông già xưa tiếc lời, chỉ nói *Tâm Tư*, vì vậy sau khi Tổ tịch, ngài ra tận tháp Tổ ngồi tư duy suốt ngày quên ăn quên ngủ, thật là trung thành.

Có vị thượng tọa trông thấy bèn hỏi: *Thầy đã tịch, người làm gì ngồi đây mãi?* Ngài thưa: *Tôi vâng lời di huấn nên ngồi tư duy*. Thượng tọa bảo: *Người có sư huynh hiệu Hành Tư đang ở núi Thanh Nguyên, nên đến đó nương tựa, Thầy dạy đã rõ, người còn nghi gì?* Ngài thu xếp đồ đạc tìm đến núi Thanh Nguyên ra mắt thiền sư Hành Tư.

Đoạn này chúng ta đã học rồi, không cần lặp lại, đây chỉ thêm một chút.

Một hôm thiền sư Hành Tư hỏi:

- Có người nói Lãnh Nam có tin tức.

Sư thưa:

- Có người không nói Lãnh Nam có tin tức.

- Nếu thế, đại tạng tiểu tạng từ đâu mà ra?

- Thấy từ trong ấy, trọn không chút việc khác.

Thiền sư Hành Tư gật đầu.

Một hôm thiền sư Hành Tư hỏi: *Có người nói Lãnh Nam có tin tức.* Ngài nói: *Có người không nói Lãnh Nam có tin tức.* Lời hai thầy trò có dính gì với nhau không? Đây là lối đối đáp trung thành với Lục Tổ. Khi Thầy nói: *Có người nói Lãnh Nam có tin tức,* ngài liền trả lời: *Có người không nói Lãnh Nam có tin tức.* Nói có thì dùng không đáp, nói không thì dùng có đáp. Nguyên tắc Lục Tổ dạy không mắc kẹt có và không. Người ngoài nghe nói không hiểu, người trong cuộc thì cảm thông dễ dàng.

Ngài Hành Tư nói: *Nếu thế thì đại tạng, tiểu tạng từ đâu mà ra?* Nếu không có tin tức nghĩa là không có dấu vết được đạo thì đại tạng, tiểu tạng từ đâu mà ra? Ngài Hy Thiên đáp: *Thấy từ trong ấy, trọn không chút việc khác.* Thấy từ trong ấy là trong nào? Trong một tác tâm, hoặc trong cả bầu trời đó không thiếu việc gì.

Ngài Hành Tư chấp nhận. Đó là những đối đáp nho nhỏ giữa thầy trò với nhau.

Đời Đường, niên hiệu Khai Nguyên thứ mười sáu (728), Sư đến La Phù thọ giới Cụ túc. Niên hiệu Thiên Bảo năm đầu (742) Sư tìm đến Hoành Nhạc tại Nam Tự, cạnh chùa phía đông có gộp đá cao giống như cái đài, Sư lên đó cất am tranh ở. Thời nhân kính trọng Sư nên gọi là Hòa thượng Thạch Đầu.

Đây nói sau khi ngài được Thầy cho chiếc búa rồi, tức là xong việc, đến niên hiệu Khai Nguyên đời Đường năm thứ mười sáu (728), ngài đến La Phù thọ giới Cụ túc. Niên hiệu Thiên Bảo năm đầu (742),

ngài tìm đến Hoành Nhạc tại Nam Tự, cạnh chùa phía đông có gộp đá cao giống như cái đài, ngài lên đó cất am tranh ở. Ngài tu hành cho đến thần nhân đến xin thọ giới quy y với ngài, nên thiên hạ kính lẫm không dám kêu tên, chỉ gọi là Hòa thượng Thạch Đầu.

Một hôm, thượng đường dạy chúng, Sư bảo:

- Pháp môn của ta do Phật trước truyền trao, không luận thiền định tinh tấn, chỉ đạt tri kiến Phật, tức tâm tức Phật. Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ-đề, phiền não tên tuy khác mà thể vẫn đồng. Các người nên biết, thể tâm linh của mình là tánh đoạn và thường, không phải nhớ sạch, lặng lẽ tròn đầy, phàm thánh ngang bằng nhau, ứng dụng không lường, là tâm ý thức, ba cõi sáu đường chỉ do tâm mình hiện, như trăng đáy nước, bóng trong gương, đâu có sanh diệt. Các người khéo biết nó thì không gì chẳng đủ.

Một hôm, thượng đường dạy chúng, Sư bảo:

- Pháp môn của ta do Phật trước truyền trao, không luận thiền định tinh tấn, chỉ đạt tri kiến Phật, tức tâm tức Phật. Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ-đề, phiền não tên tuy khác mà thể vẫn đồng.

Ngài dạy chúng: *Pháp môn của ta do Phật trước truyền trao, không luận thiền định tinh tấn, chỉ đạt tri kiến Phật, tức tâm tức Phật.* Ngài nêu chủ yếu của pháp môn chỉ thẳng tâm mình là Phật, tức là tri kiến Phật. Điều này kinh Pháp Hoa đức Phật thường tuyên nói:

hiếu đây thì có thể hiểu kia. *Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ-đề, phiền não, tên tuy khác mà thể vẫn đồng.* Tuy có bao nhiêu tên, bao nhiêu tướng trạng, nhưng xét về bản thể thì không khác.

Các người nên biết, thể tâm linh của mình là tánh đoạn và thường, không phải như sạch, lặng lẽ tròn đầy, phạm thánh ngang bằng nhau, ứng dụng không lường, là tâm ý thức, ba cõi sáu đường chỉ do tâm mình hiện, như trăng đáy nước, bóng trong gương, đâu có sanh diệt. Các người khéo biết nó thì không gì chẳng đủ.

Nếu nhận ra rồi mới biết tất cả tam giới lục đạo đều từ đó mà ra. Tam giới lục đạo chỉ như bóng trong gương, như trăng đáy nước, đâu có gì thật mà chúng ta mắc kẹt, đắm chìm? Biết được như vậy, nhận được như vậy thì tất cả đều sẵn đủ nơi mình, khỏi tìm kiếm đâu xa.

Đệ tử Đạo Ngộ hỏi:

- Ý chỉ Tào Khê người nào được?

Sư đáp:

- Người hội Phật pháp được.

- Thầy được chăng?

- Ta không hội Phật pháp.

Đệ tử Đạo Ngộ hỏi: *Ý chỉ Tào Khê người nào được?* Hỏi ý chỉ của Lục Tổ ai được? Ngài đáp: *Người hội Phật pháp được.* Người nào lãnh hội Phật pháp thì người đó được. *Thầy được chăng? Ta không hội Phật pháp.* Tại sao ngài chối dài như vậy? Không hội Phật pháp

sao dám làm thầy người ta? Đây là chỗ khéo của thiền sư, nếu nói ta hội tức nhiên ngầm ý ta có được, như thế kẹt trong *hữu sở đắc*. Hữu sở đắc là đã can kê không phải sư tử rống. Vì vậy hỏi, *Thầy được chăng?* Thì đáp, *ta không hội Phật pháp*. Các ngài không bao giờ chấp nhận có cái được, nếu chấp nhận là kẻ bị kẹt, chưa hiểu Phật pháp.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Ai trói người?

- Thế nào là Tịnh độ?

- Cái gì làm nhớ người?

- Thế nào là Niết-bàn?

- Ai đem sanh tử cho người?

Có vị tăng hỏi: - Thế nào là giải thoát?

Sư đáp: - Ai trói người?

Thử hỏi ai trói mình mà mình đòi giải thoát? Như ngài Huệ Trung nói “các pháp không đến nhau”, muốn giải thoát thì đừng cho nó dính là giải thoát, đâu có ai trói buộc. Chúng ta cứ đi tìm giải thoát, chẳng thấy chỗ không bị trói buộc là giải thoát, còn bị trói buộc thì mình chịu trầm luân không có gì lạ.

- Thế nào là Tịnh độ?

- Cái gì làm nhớ người?

- Thế nào là Niết-bàn?

- Ai đem sanh tử cho người?

Hỏi Niết-bàn lấy sanh tử đáp, hỏi tịnh thì lấy nhơ đáp, ngài ứng dụng nguyên tắc của Lục Tổ rất trung thành.

Đọc những đoạn này chúng ta thấy rõ bản ý của Lục Tổ nhắm vào ngài Hành Tư là người xứng đáng kế thừa. Như đoạn trước Tổ bảo “y để lại đây, người đi một nơi hoàng hóa”, đó là chấp nhận một lần. Đến đệ tử chưa ngộ đạo hỏi chỗ nương thì ngài bảo phải tìm Hành Tư. Rõ ràng Lục Tổ tin tưởng ngài Hành Tư, chính ngài Hành Tư và hệ phái của ngài rất trung thực đường lối của Lục Tổ. Đến bây giờ tông Tào Động tuy rất xa rồi mà lối tu cũng giống như Lục Tổ, ứng dụng lối thấy các pháp huyền hóa, đối duyên không động. Đó là điều đặc biệt.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Từ đâu đến?

Tăng thưa:

- Từ Giang Tây đến.

- Thấy Mã đại sư chẳng?

- Dạ thấy.

Sư bèn chỉ khúc củi bảo:

- Mã đại sư sao giống cái này?

Tăng không đáp được, trở về thuật lại Mã Tổ.

Giang Tây tức là chỗ mà Mã Tổ đang giáo hóa. Mã Tổ là bậc thầy thiên hạ mà ngài lại bảo giống khúc củi, là sao? Còn câu nào đáp được? Tăng đành làm thỉnh trở về thuật lại Mã Tổ.

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư đáp:

- Hỏi cây cột cái đi!

- Con không hội.

- Ta cũng chẳng hội.

Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Sư đáp: Hỏi cây cột cái đi! Hỏi ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, ngài không đáp mà bảo hỏi cây cột cái, cây cột có biết nói đâu mà hỏi, như vậy là sao? Chính những câu này gọi là nghi chết thiên hạ.

Ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, ngài Hy Thiên bảo hỏi cây cột cái, đến nhiều vị khác, mỗi người trả lời mỗi cách, đều nói theo kiểu điếc lỗ tai. Ngài Trí Nhân ở Hương Nghiêm thì nói: “Như người trèo lên cây cao, miệng cắn vào cành cây, tay chân lơ lửng không dính vào đâu, chợt có người dưới gốc cây hỏi, ý của Tổ sư từ Ấn Độ sang. Trong trường hợp này nếu há miệng thì rớt xuống chết liền. Như vậy nên đáp hay không nên đáp? Không đáp thì phụ lòng người hỏi, còn nếu đáp thì tán thân mất mạng.” Vì chỗ bí mật này nên tăng nói: *Con không hội*. Ngài đáp: *Ta cũng chẳng hội*. Thầy trò nói trót quớt, không dính gì hết. Đó là lối đáp tài tình. Thôi để vậy, ai hiểu sao hiểu.

Đại Diện hỏi:

- Nói có nói không là hai cái đáng chê, xin Thầy trừ?

Sư đáp:

- Một vật cũng không, trừ cái gì?

Sư lại hỏi:

- Dẹp bỏ cổ họng môi lưỡi, người nói đi?

Đại Diện thưa:

- Không cái này.

Sư bảo:

- Như thế là người được vào cửa.

Đại Diện hỏi: *Nói có, nói không là hai cái đáng chê, xin Thầy trừ?* Ngài đáp: *Một vật cũng không, trừ cái gì?* Câu đáp này hay đáo để, đúng là bản lai vô nhất vật.

Ngài hỏi lại Đại Diện: *Dẹp bỏ cổ, họng, môi, lưỡi, người nói đi?* Ai nói giùm tôi một câu mà không cần cổ họng môi lưỡi? Đại Diện nói: *Không cái này.* Ngài nói: *Như thế là người được vào cửa.* Thường chúng ta dùng ngôn ngữ để biện luận lý lẽ phải quấy... Ngôn ngữ phát xuất từ cổ họng môi lưỡi, là pháp nhân duyên sanh diệt. Không thể dùng ngôn ngữ nói được cái bất sanh bất diệt kia, nên khi ngài Hy Thiên bảo dẹp bỏ thì Đại Diện nói *không cái này*, tức là không có những cái thuộc về sanh diệt. Nếu người thấy được cái không sanh diệt tức nhiên người đó đã vào cửa. Vì thế nói *người được vào cửa*, được vô cửa này rồi.

Đạo Ngộ hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Không được, không biết.

- Tiến lên lại có chỗ chuyển hay không?

- Hư không chẳng ngại mây trắng bay.

Ngài trả lời còn lương thiện quá, nghe hỏi *thế nào là đại ý Phật pháp?* Trả lời *không được, không biết*. Sau này chúng ta học, cũng câu hỏi tương tự như vậy mà khi tổ Lâm Tế hỏi ngài Hoàng Bá, liền bị ăn gậy. Ngài Hoàng Bá không trả lời, ba lần hỏi là ba lần ăn gậy, còn dữ dằn hơn ngài Hy Thiên. Đây thật là lương thiện, hỏi thì ngài đáp: *Không được, không biết*. Chỉ hai chữ “không được không biết” đó, là nắm được đại ý Phật pháp. Chư tổ luôn luôn tránh lối nói được mất, xem như là điều tối kỵ. Người học đạo bây giờ thì sao? Cứ vỗ ngực xưng ta được cái này ta được cái kia, vì vậy nên không qua khỏi cửa này.

Đạo Ngộ hỏi thêm: *Tiến lên lại có chỗ chuyển hay không?* Vì *không được, không biết* thì xem như là phủ nhận, bây giờ còn có chỗ chuyển hay không? Tức là còn cái gì khẳng định trong đó hay không? Ngài đáp: *Hư không chẳng ngại mây trắng bay*. Câu này hay quá hay! Hư không mênh mông có ngăn chặn những vầng mây trắng hay không? Nó tự do thênh thang. Như vậy khi vượt qua chỗ không sở đắc, không phân biệt thì sẽ được tự tại như những đám mây bay trong bầu trời, chứ đâu phải chỗ đó là không còn gì.

Sư ở Nam Nhạc có nhiều vị thần linh hiện ra nghe pháp và xin thọ quy giới.

Đời Đường niên hiệu Quảng Đức năm thứ hai (764) đệ tử thỉnh Sư xuống Lương Doan xiển hóa. Từ đây, hóa chủ Hồ Nam là Thạch Đầu, hóa chủ Giang Tây là Mã Tổ.

Đến ngày hai mươi lăm tháng chạp niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ sáu (790), Sư viên tịch, thọ 91 tuổi, 63 tuổi hạ. Vua sắc ban là Vô Tế đại sư, tháp hiệu Kiến Tướng.

Ngài ở Nam Nhạc có nhiều vị thần linh hiện ra nghe pháp và xin thọ quy giới. Đời Đường niên hiệu Quảng Đức năm thứ hai (764), đệ tử thỉnh xuống Lương Doan xiển hóa, Lương Doan thuộc về Hồ Nam, vì vậy nói Hồ Nam là nói ngài Thạch Đầu, còn nói Giang Tây là nói ngài Mã Tổ, hai vị tổ đương thời nổi tiếng nhất. Hai nơi này là hai trường dạy làm Phật, hai ngài không tranh cãi nhau. Học trò nào đến, thấy không phải duyên của mình thì chỉ sang bên kia. Bên kia thấy không phải duyên của mình thì chỉ qua bên đây, như vậy cứ trao đổi cảm thông nhau. Đây là chỗ hỗ tương truyền bá.

Ngài viên tịch năm 91 tuổi, vua sắc ban là Vô Tế đại sư.

Sư trước tác một thiên Tham Đồng Khế có chú giải lưu hành khá rộng, lại có làm một bài ca Thảo Am:

THẢO AM CA

*Ngô kết thảo am vô bảo bối
Phạn liễu thung dung đồ thùi khoái
Thành thời sơ kiến mao thảo tân
Phá hậu hoàn tương mao thảo cái.
Trụ am nhân, trấn thường tại
Bất thuộc trung gian dữ nội ngoại
Thế nhân trụ xứ ngã bất trụ
Thế nhân ái xứ ngã bất ái.
Am tuy tiểu, hàm pháp giới
Phương tượng lão nhân tương thể giải
Thượng thừa Bồ-tát tín vô nghi
Trung hạ văn chi tất sanh quái.
Vấn thử am, hoại bất hoại?
Hoại dữ bất hoại chủ nguyên tại
Bất cư nam bắc dữ đông tây
Cơ thượng kiên lao dĩ vi tối.
Thanh tùng hạ, minh song nội
Ngọc điện chu lâu vị vi đối
Nạp bí mônng đầu vạn sự hưu
Thử thời sơn tăng đồ bất hội.
Trụ thử am, hưu tác giải
Thùy khoa phô tịch đồ nhân mãi*

Hồi quang phản chiếu tiện quy lai
Khoách đạt linh căn phi hướng bối.
Ngộ Tổ sư, thân huấn hối
Kết thảo vi am mặc sanh thối
Bách niên phao khước nhậm tung hoành
Bãi thủ tiện hành thả vô tội.
Thiên chủng ngôn, vạn ban giải
Chỉ yếu giáo quân trường bất muội
Dục thức am trung bất tử nhân
Khởi ly nhi kim giá bì đại.

Dịch:

BÀI CA THẢO AM

Tôi cất am tranh không cửa bấu
 Ăn xong thông thả ngủ ngon lành
 Khi thành nhìn thấy cỏ tranh xanh
 Lúc hồng lại tìm cỏ tranh lợp.
 Người chủ am vẫn mãi còn
 Không thuộc khoảng giữa chẳng ngoài trong
 Chỗ trụ người đời, ta chẳng trụ
 Chỗ yêu người đời, ta chẳng yêu (ưa).
 Am tuy nhỏ, trùm khắp giới
 Lão già phương trượng mới hiểu tường

**Bồ-tát thượng thừa tin chẳng ngại
Trung hạ nghe đây ắt lạ kỳ.**

**Hỏi am này hoại chẳng hoại?
Hoại cùng chẳng hoại chủ mãi còn
Chẳng ở đông tây hoặc nam bắc
Nền móng vững vàng là rất chắc.**

**Dưới tùng xanh, trắng giới song
Điện ngọc lâu son chưa dám đối
Áo nạp trùm đầu muôn việc thôi
Khi này sơn tăng toàn chẳng hội.**

**Ở am này, thôi khởi nghĩ
Ai khéo trải chiếu mời người mua
Hồi quang phản chiếu là trở về
Đạt suốt linh căn không theo bỏ.**

**Gặp Tổ sư thân chỉ dạy
Kết cỏ làm am chớ thối lui
Trăm năm bỏ sạch mặc tung hoành
Buông thông tay đi vẫn không tội.**

**Ngàn thứ nói, muôn điều hiểu
Chỉ cốt dạy anh thường chẳng muội
Muốn biết người bất tử trong am
Đâu rời đây da hiện nay có.**

Ngài có hai áng văn còn lưu lại sau này, thứ nhất là Tham Đồng Khế có chú giải, vì nhiều nên tôi

không đưa vào đây. Áng văn thứ hai là Thảo Am Ca, tức là lúc ngài ở trong thảo am thích chí nên làm bài ca này.

Bài ca này, tôi giải nghĩa từng câu một cho dễ hiểu.

Ngô kết thảo am vô bảo bối, nghĩa là tôi kết am tranh này không có bảo bối gì. *Phạn liễu thung dung đồ thùy khoái*, ăn xong rồi thong thả ngủ, thiệt là thích, *thùy khoái* tức là ngủ rất thích. *Thành thời sơ kiến mao thảo tân*, khi mới thành lúc ban đầu thấy cỏ xanh còn tươi, còn mới. *Phá hậu hoàn tương mao thảo cái*, sau khi nó thủng dột thì đem cỏ khác mà che. Am tranh của ngài là am gì mà khéo quá vậy?

Trụ am nhân, trấn thường tại, người trong am hằng ở đó. *Bất thuộc trung gian dữ nội ngoại*, người chủ am không thuộc ba nơi giữa, trong và ngoài. *Thế nhân trụ xứ ngã bất trụ*, chỗ trụ của người đời ta chẳng trụ. *Thế nhân ái xứ ngã bất ái*, chỗ yêu thích của người đời ta không yêu thích. Am tuy có mục hư, mới cũ nhưng người chủ am vẫn thường tại, không trong ngoài chặng giữa.

Am tuy tiểu, hàm pháp giới, am tuy nhỏ mà gồm chứa cả pháp giới, ai hiểu điều đó? *Phương tượng lão nhân tương thể giải*, chỉ các vị phương tượng già nua mới có thể hiểu nổi. Đó là các thiền sư chống gậy đi cộc cộc, phải không? Chỉ những vị ấy mới hiểu nổi cái am nhỏ mà hàm pháp giới này, rồi ai hiểu nữa? *Thượng thừa Bồ-tát tín vô nghi*, các hàng Bồ-tát thượng thừa thì tin cái am này không ngờ chút nào. *Trung hạ văn chi tất sanh quái*. Hàng trung căn và hạ căn nghe nói đến am này ắt sanh quái lạ, ngờ vực.

Đoạn thứ nhất diễn tả cái am của ngài ở. Đoạn thứ hai diễn tả ông chủ ở trong am. Đoạn thứ ba nói về am bất hoại, không phải là am trước nữa.

Vấn thử am, hoại bất hoại? Thử hỏi am này hoại hay không hoại? *Hoại dữ bất hoại chủ nguyên tại.* Dù hoại hay không hoại, chủ vẫn còn luôn luôn. *Bất cư nam bắc dữ đông tây,* không ở nam bắc đông tây, tức là không thuộc không gian. *Cơ thượng kiên lao dĩ vi tối,* nền móng của nó rất vững chắc, hơn hết. Nền móng của am cũng là bản chất của người tu chúng ta.

Đây diễn tả sự thông thả nhàn hạ của người trong am. *Thanh tùng hạ, minh song nội, ngọc điện chu lâu vị vi đối.* Dưới tùng xanh, trong cửa sổ trắng rọi sáng, giả sử điện ngọc lầu son cũng không thể so sánh được với am này. *Nạp bí môn đầu vạn sự hưu,* tức là áo nạp trùm đầu muôn việc thôi. *Thử thời sơn tăng đô bất hội,* khi ấy sơn tăng trọn chẳng hiểu. Bốn câu này diễn tả thật đẹp! Am đó chúng ta có hay không?

Trụ thử am, hưu tác giải, ở trong am này chớ khởi ra hiểu biết, khởi hiểu biết tức là bệnh. *Thùy khoa phô tịch đồ nhân mãi,* mặc ai trải chiếu mời người mua. Chúng ta khoe khoang hiểu biết kiến giải thì cũng như mời người đến xem, ở trong am đây không cần các việc ấy. *Hồi quang phản chiếu tiện quy lai,* xoay ánh sáng chiếu lại nơi mình, liền là trở về. *Khoách đạt linh căn phi hướng bối,* linh căn rộng suốt không tiến lui. Nghĩa là cội linh rộng rang thông suốt, không có gì tiến tới hay lùi lại.

Trong mấy câu này ý nói gì? Người muốn được ở am thì đừng khởi hiểu biết phân biệt, mặc tình cho ai trải chiếu mời người mua. Các nơi giảng đạo gọi là pháp tịch, lúc ấy mời đồ chúng đến nghe, nghe rồi kẻ thì khen hay, người thì chê dở... chẳng khác nào mở cửa hàng mời người mua. Người trong am ở đây thôi không khởi nghĩ gì, mặc tình ngoài kia ai trải chiếu buôn bán, chỉ một việc hồi quang phản chiếu, quay ánh sáng lại chiếu nơi mình. Đó là chỗ nên trở về, lúc đó sẽ đạt được cội linh rồng suốt, không còn gì đối đãi.

Ngộ Tổ sư thân huấn hối, kết thảo vi am mặc sanh thối. Gặp được Tổ sư dạy bảo kết cỏ làm am chớ sanh lui sụt. *Bách niên phao khước nhậm tung hoành,* tất cả việc trăm năm quăng hết đi, ném hết đi. *Bãi thủ tiện hành thả vô tội,* buông thông tay liền đi vẫn không tội lỗi. Người ta sống ở đời ôm ấp việc trăm năm giữ hoài không bỏ. Việc gì năm ngoái xảy ra tới năm này cũng nhớ, năm kia năm nọ từng xảy ra bây giờ cũng nhớ. Nhớ quá khứ, theo hiện tại, nghĩ vị lai, vì thế tâm điên đảo cả ngày. Tất cả đều quăng ném, buông hết, lúc đó mặc tình ngang dọc. Được như vậy gọi là buông thông tay đi không có gì tội lỗi; nếu còn nhớ, còn ghi thì còn tội lỗi.

Thiên chủng ngôn, vạn ban giải, ngàn lời nói, muôn điều hiểu. *Chỉ yếu giáo quân trường bát muội,* cốt yếu là chỉ dạy anh luôn luôn đừng mê. *Dục thức am trung bất tử nhân,* muốn biết người bất tử trong am thì *khởi ly nhi kim giá bì đại,* đâu lìa cái đây da hiện giờ của mình. Muốn biết ở đâu thì trong cái đây da

hiện giờ đã có người bất tử. Ai muốn thấy thì cất thảo am như ngài Hy Thiên. Ngài thích nó nên ca hoài bài ca đó, chúng ta cũng rất hâm mộ bài ca tự tại này, phải vậy không?



THIÊN SƯ MÃ TỔ ĐẠO NHẤT ở GIANG TÂY

(709 - 788)

Sư họ Mã, quê ở huyện Thập Phương, Hán Châu. Thuở nhỏ, Sư dung mạo lạ thường: đi như trâu, nhìn như cọp, lưỡi dài quá mũi, dưới chân có hai khu ốc. Lúc bé, Sư đến chùa La-hán xin xuất gia với hòa thượng Đường ở Tư Châu. Sau Sư thọ giới cụ túc nơi luật sư Viên ở Du Châu.

Đời Đường khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742), Sư tập thiền định ở viện Truyền Pháp tại Hoàn Nhạc, nhân thiền sư Hoài Nhượng giáo hóa được giải ngộ. Bạn đồng học với Sư có sáu người, chỉ riêng Sư được truyền tâm ấn.

Sau khi tạm biệt thầy, Sư đến Kiến Dương ở ngọn núi Phật Tích, kế dời sang Lâm Xuyên, sau lại đến núi Cung Công ở Nam Khang. Niên hiệu

Đại Lịch (766-779), Liên soái Lộ Từ Cung nghe danh kính mộ nên đích thân thọ học, thỉnh Sư khai đường để truyền bá tông phong. Từ đây học giả bốn phương tụ hội về rất đông. Có thể nói Giang Tây là một trường thi Phật.

Mã Tổ là người mà tổ Bát-nhã-đa-la ở Ấn Độ đã huyền ký: dưới chân của ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng sẽ có một con ngựa tơ đạp chết người trong thiên hạ. Ngài họ Mã, tên là Đạo Nhất, ngài làm thầy thiên hạ đồ chúng rất đông, có tám mươi bốn đệ tử là thiện tri thức một phương. Người thời ấy nể vì nên gọi ngài là Mã Tổ, tức là ông Tổ họ Mã.

Đây diễn tả tướng trang nghiêm của ngài, *đi như trâu, nhìn như cọp*. Con trâu khi đi bốn chân chậm rãi đều đặn, bước này tới bước kia không nghiêng qua ngã lại; con cọp chỉ ngó thẳng không ngó ngang dọc, ví như mắt ngài ngó thẳng không liếc ngó chung quanh. *Lưỡi dài quá mũi*, lưỡi liếm trùm lỗ mũi. *Dưới chân có hai khu ốc*, lòng bàn chân của ngài có đường chỉ xoắn ốc như bánh xe. Ngài xuất gia từ thuở bé, thọ giới Cụ túc xong, tập tu thiền định tại núi Hoành Nhạc thì được gặp tổ Hoài Nhượng rồi ngộ đạo.

Sau này ngài tạm biệt thầy, đến Kiến Dương ở ngọn núi Phật Tích, đó là đời lần thứ nhất. Kế dời sang Lâm Xuyên, rồi sau lại đến núi Cung Công ở Nam Khang. Niên hiệu Đại Lịch (766-779) Liên soái Lộ Từ Cung nghe đạo phong của ngài nên kính mộ, đích thân thỉnh ngài *khai đường để truyền bá tông phong*.

Từ đây học giả bốn phương tụ hội rất đông. Có thể nói Giang Tây là một trường tuyển Phật, đủ thấy tiếng tăm vang dội của ngài như thế nào.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Các người mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt-ma từ Nam Ấn sang Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm, khiến các người khai ngộ. Tổ lại dẫn kinh Lăng-già để ấn tâm địa chúng sanh. Sợ e các người điên đảo không tự tin pháp tâm này mỗi người tự có, nên kinh Lăng-già nói: “Phật nói tâm là chủ, cửa Không là cửa pháp.” (Phật ngữ tâm vi tông, vô môn vi pháp môn).

Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên nhơ sạch đều không nương cậy, đạt tánh tội là không, mỗi niệm đều không thật, vì không có tự tánh nên tam giới chỉ là tâm, sum la vạn tượng đều là cái bóng của một pháp, thấy sắc tức là thấy tâm, tâm không tự là tâm, nhân sắc mới có.

Các người chỉ tùy thời nói năng tức sự là lý, trọn không có chỗ ngại, đạo quả Bồ-đề cũng như thế. Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc không, nên sanh tức chẳng sanh. Nếu nhận rõ tâm này, mới có thể tùy thời mặc áo ăn cơm nuôi lớn thánh thai, mặc tình tháng ngày trôi qua, đâu còn có việc gì.

Các người nhận ta dạy hãy nghe bài kệ này:

Tâm địa tùy thời thuyết

Bồ-đề diệt chỉ ninh

Sự lý câu vô ngại

Đương sinh tức bất sinh.

Dịch:

Đất tâm tùy thời nói

Bồ-đề cũng thế thôi

Sự lý đều không ngại

Chính sanh là chẳng sanh.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Các người mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt-ma từ Nam Ấn sang Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm, khiến các người khai ngộ. Tổ lại dẫn kinh Lăng-già để ấn tâm địa chúng sanh. Sợ e các người điên đảo không tự tin pháp tâm này mỗi người tự có, nên kinh Lăng-già nói: “Phật nói tâm là chủ, cửa Không là cửa pháp.”

Phật ngữ tâm vi tông, vô môn vi pháp môn. Câu này thật quan trọng, là chủ yếu của Thiền tông. Người tu thiền lấy tâm làm chủ, lấy cửa không là cửa pháp. Vì thế cửa thiền còn gọi là cửa Không, cửa Không là cửa Bát-nhã, vào cửa này để thấy tâm là chủ.

Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên như sạch

đều không nương cậy, đạt tánh tội là không, mỗi niệm đều không thật, vì không có tự tánh nên tam giới chỉ là tâm, sum la vạn tượng đều là cái bóng của một pháp, thấy sắc tức là thấy tâm, tâm không tự là tâm, nhân sắc mới có.

Những điểm ngài dặn dò ở đây thật kỹ lưỡng, nói rõ ràng cho biết ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Tức tâm là Phật, người tu không chấp thiện, không bỏ ác. Đừng nghe nói không bỏ ác rồi cứ làm việc ác. Phải hiểu là nơi tâm mình chẳng dấy niệm thiện cũng chẳng dấy niệm ác, không phải bỏ việc thiện mà làm việc ác.

Tột cùng của tự tâm không có lấy bỏ, như sạch cũng không nương, biết rõ tánh tội là không, *mỗi niệm đều không thật*, khởi niệm dấy lên biết nó là không thật. *Vì không có tự tánh nên tam giới chỉ là tâm*, câu này người thường khó tin nổi, chỉ người có trí Bát-nhã nhìn tất cả sự vật một cách tường tận thì mới tin. Nhìn cái nhà biết nhà tự tánh không, nhìn cây biết cây tự tánh không, nhìn người biết người tự tánh không. Nhìn tất cả biết đều là giả tướng, tự tánh không. Như vậy cái gì là chủ? Duy có nhất tâm là chủ, tất cả các pháp chỉ là bóng dáng của nhất tâm, nên nói *thấy sắc tức thấy tâm*.

Chủ trương của Mã Tổ, tất cả pháp đều là *nhất tâm*. Người học thiền biết chủ yếu này rồi thì dầu cách nhau một hai ngàn năm, nói ra một hai câu, chúng ta đều nghiệm biết ở trong dòng nào. Như từ Mã Tổ của đời Đường cho đến thiền sư Thiền Lão đời nhà Lý nước Việt Nam cũng một chủ trương. Ngài Thiền Lão nói:

*Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.*

Rõ ràng trung thực với câu của Mã Tổ, *tam giới chỉ là tâm, sum la vạn tượng chỉ là cái bóng của một pháp*. Thấy trúc biếc hoa vàng biết là bóng của chân tâm, nhân thấy đó biết rõ chân tâm, ngoài tâm không có một pháp, đều là dòng họ của tông này. Người ở trong Tông của ngài Thạch Đầu thì sao? *Bản lai vô nhất vật, không có một pháp để cho người*, đó là lời dạy của ngài Thạch Đầu. Người hiểu biết thì nghe một câu liền có thể nhận được xuất thân từ dòng nào, tông phong của ai.

Các người chỉ tùy thời nói năng tức sự là lý, trọn không có chỗ ngại, đạo quả Bồ-đề cũng như thế. Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc không, nên sanh tức chẳng sanh. Nếu nhận rõ tâm này, mới có thể tùy thời mặc áo ăn cơm nuôi lớn thánh thai, mặc tình tháng ngày trôi qua, đâu còn có việc gì. Các người nhận ta dạy hãy nghe bài kệ này:

*Tâm địa tùy thời thuyết
Bồ-đề diệt chỉ ninh
Sự lý câu vô ngại
Đương sinh tức bất sinh.*

Dịch:

*Đất tâm tùy thời nói
Bồ-đề cũng thế thôi
Sự lý đều không ngại
Chính sanh là chẳng sanh.*

Các người chỉ tùy thời nói năng, tức sự là lý, trọn không có chỗ ngại, đạo quả Bồ-đề cũng như thế. Ngay nơi sự liền thấy lý, tại sao? Tất cả nói năng là sự, đều là bóng của tâm. Từ bóng mà thấy được hình, là tức sự là lý. Đạo quả Bồ-đề cũng như thế, ngay nơi sự mà thấy lý, không có gì trở ngại.

Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc không, nên sanh tức chẳng sanh. Thấy sắc biết tánh sắc tức là không, sắc khi sanh không thật sanh nên sanh tức chẳng sanh. Nếu nhận rõ tâm này mới có thể tùy thời mặc áo ăn cơm, nuôi lớn thánh thai, mặc tình tháng ngày trôi qua, đâu còn có việc gì. Nếu nhận rõ như vậy rồi thì còn gì phải tu. Thấy các pháp là bóng của tâm, pháp không thật, thấy biết như bóng như vang, không có gì chấp giữ. Tất cả pháp gốc từ nơi tâm thì còn gì phiền não, còn gì Bồ-đề, tất cả chỉ là đối đãi, nên các ngài nói không cần tu chỉ tùy thời mặc áo ăn cơm, nuôi lớn thánh thai tức là trưởng dưỡng tâm chân thật.

Hiện giờ có một số người dùng lối thai tức của ngoại đạo, hít hơi thở vô tới rốn, dẫn đến đan điền, ngưng tụ lại chừng năm phút, rồi dần dần đến mười mười lăm phút, lâu ngày bụng to lên gọi là *nuôi lớn thánh thai*. Đây không phải chủ trương của nhà thiền. Tổ dạy *nuôi lớn thánh thai* nghĩa là mặc áo ăn cơm, tâm không còn chạy theo cảnh, tự nhiên ngày ngày hằng thanh tịnh, thanh tịnh trùm khắp. Như vậy, *mặc tình ngày tháng trôi qua* đâu còn có việc gì, chỉ làm một vô sự tăng.

Ngài dạy bài kệ:

*Đất tâm tùy thời nói
Bồ-đề cũng thế thôi
Sự lý đều không ngại
Chính sanh là chẳng sanh.*

Pháp môn tâm địa này tùy theo thời tiết mà nói, khi nói thế này, khi nói thế kia. Bồ-đề là tánh giác cũng là tâm, tùy thời hiển lộ. Sự và lý đều không thấy có hai, tức là vô ngại, sự lý vô ngại rồi chính khi sanh thấy rõ lý vô sanh.

Có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng vì sao nói tức tâm tức Phật?

Sư đáp:

- Vì đồ con nít khóc.**
- Con nít nín rồi thì thế nào?**
- Phi tâm phi Phật.**
- Người trừ được hai thứ này rồi, phải dạy thế nào?**
- Nói với y là chẳng phải vật (bất thị vật).**
- Khi chợt gặp người như thế thì phải làm sao?**
- Hãy dạy y thể hội đại đạo.**

Trong đoạn này chúng ta thấy thuật đối đáp của Mã Tổ y theo đường lối của Thiền tông, chủ trương *tức tâm tức Phật*, chính nơi tâm mình là Phật, ngoài tâm không có Phật nào khác.

Có vị tăng hỏi: Hòa thượng vì cái gì nói tức tâm tức Phật? Ngài liền nói: *Vì đồ con nít khóc.* Đồ con nít khóc là phương tiện, không phải là chân lý. Tại sao? Bởi vì chúng sanh lầm mê, cứ tưởng Phật ngoài tâm, quên mình đi cầu Phật bên ngoài, cầu hoài mà không gặp Phật, cho rằng tu không được thành Phật. Chư tổ thương những người lầm lạc đó, muốn kéo họ trở lại nên chỉ dạy *tức tâm tức Phật*, tức là xoay lại bên trong. Từ người chạy bên ngoài kéo trở về bên trong, cũng là phương tiện chứ chưa phải là thật. Chỗ thật đó vượt ra ngoài nói năng, vượt ra ngoài *tức và phi*. Còn nói *tức* nói *phi* thì chưa phải là cứu cánh, cũng chỉ là phương tiện dạy người biết trở về nơi mình. Trước dùng chữ *tức tâm tức Phật*, đó là giai đoạn đầu, là phương tiện như nắm lá vàng đồ con nít khóc vậy.

Đến giai đoạn hai, *con nít nín rồi thì thế nào?* Con nít khóc là dụ cho những người chỉ đòi những cái bên ngoài, không được thì buồn khổ. Người ta đang chạy ra ngoài, dạy họ trở về tức là xoay về bên trong, khi trở về được rồi như con nít nín khóc. Lúc đó ngài nói *phi tâm phi Phật*. Trước dùng chữ *tức* để chỉ thẳng tâm mình là Phật, cũng là phương tiện, khi thấy rồi muốn phủ nhận chữ *tức* nên dùng chữ *phi*. *Phi tâm phi Phật* là để phá bệnh chấp *tức tâm tức Phật*. Đối với người trừ được hai bệnh này rồi phải dạy thế nào? *Tức* là khẳng định, *phi* là phủ định, hai bên đã lìa thì nói với y là chẳng phải vật, không phải là một đối tượng gì, không còn vật gì để bám.

Hỏi: *Khi gặp người như thế thì phải làm sao?* Nếu gặp người đã thoát khỏi hai bên, không còn dính kẹt nữa, hãy nói với họ thế nào? *Hãy dạy y thể hội đại đạo*, nghĩa là người đó đã hội xong việc lớn. Như vậy câu thứ ba *chẳng phải vật* là chỗ cứu cánh. Vì trước còn *phi tâm phi Phật* cũng là hai, đến sau rốt *bất thị vật* là không còn cái một nữa, hướng là hai. Đó là người thể hội đại đạo.

Có vị tăng hỏi:

- Ly tứ cú tuyệt bách phi, thỉnh Thầy chỉ thẳng ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư bảo:

- Hôm nay ta mệt nhọc không thể vì người nói, người đến hỏi Trí Tạng.

Vị tăng ấy đến hỏi Trí Tạng. Trí Tạng bảo:

- Sao không hỏi Hòa thượng?

Tăng đáp:

- Hòa thượng dạy đến hỏi Thầy.

Trí Tạng nói:

- Hôm nay tôi đau đầu, không thể vì ông nói, đến hỏi sư huynh Hải.

Tăng đến hỏi Hoài Hải, Hoài Hải bảo:

- Đến chỗ này tôi cũng chẳng hội.

Tăng trở lại trình Sư, Sư bảo:

- Tạng đau bạch, Hải đau hắc.

Ly tứ cú, tuyệt bách phi nghĩa là là bốn câu, dứt trăm phi. *Tuyệt bách phi* dẫn trong kinh Lăng-già, mở đầu Bồ-tát Đại Huệ hỏi Phật một trăm lẻ tám câu, khi Phật trả lời ngài lặp lại và dùng chữ *phi*. Như “Câu số cú câu phi số cú, câu mây câu phi mây...” Đáng lẽ phải là trăm lẻ tám câu phi, nhưng chư Tổ nói gọn trăm câu phi, gọi là bách phi. Một chữ *phi* đáp cho tất cả, vì những câu hỏi ấy đều nằm trong kiến chấp đối đãi, nên Phật dùng chữ *phi* để phá kiến chấp đó. *Tứ cú* là lý luận theo Ấn Độ có bốn thứ: có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không. Tứ cú bách phi đại diện tất cả ngôn ngữ, là tứ cú tuyệt bách phi là chỗ không còn ngôn ngữ. Vì vậy tăng hỏi: *Ly tứ cú tuyệt bách phi, thỉnh Thầy chỉ thẳng ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?*

Nếu hỏi chúng ta thì chắc mình cũng nói thế này thế khác. Đối với Mã Tổ, ngài bảo: *Hôm nay ta mệt nhọc không thể vì người nói, người đến hỏi Trí Tạng.*

Vị tăng ấy đến hỏi Trí Tạng. Trí Tạng bảo:

- Sao không hỏi Hòa thượng?

Tăng đáp:

- Hòa thượng dạy đến hỏi Thầy.

Trí Tạng nói:

- Hôm nay tôi đau đầu, không thể vì ông nói, đến hỏi sư huynh Hải.

Tăng đến hỏi Hoài Hải, Hoài Hải bảo:

- Đến chỗ này tôi cũng chẳng hội.

Tăng trở lại trình Sư, Sư bảo:

- Tạng đầu bạch, Hải đầu hắc.

Tại sao ba thầy trò trốn tránh câu hỏi đó? Người nói mệt nhọc, người nói đau đầu, người nói chẳng hội. Nhà thiền bảo chúng ta đừng bị đầu lưỡi Lão hòa thượng lừa, ông tăng này có bị lừa không? Ông tăng nghe nói “ta mệt không nói được, người đến hỏi Trí Tạng”, ý nói chỗ đó là chỗ bất ngôn ngữ, chỉ có trí thâm hội. Trí tạng là trí ẩn kín. Tăng không hiểu, lại tưởng bảo đi hỏi ngài Trí Tạng. Những chỗ này trong chúng không có quyền trả lời nên ngài Trí Tạng bảo, sao không hỏi Hòa thượng. Tăng nói Hòa thượng bảo hỏi Thầy, Trí Tạng sức nhớ lại nên nói tôi đau đầu nói không được. Ban đầu hỏi *sao không hỏi Hòa thượng?* Đó là ngài rất thật tình trong cái bình dị của người thường, chưa dùng cách khéo của thiền sư. Nhưng ngài Hoài Hải vừa hỏi là biết liền, nên nói *chỗ đó tôi không hội*. Mã Tổ bảo là *Hải đầu hắc*, là chỗ khéo ẩn giấu không thể thấy. Như vậy ông tăng đó bị ba người gạt.

Ly tứ cú tuyệt bách phi thì đâu còn ngôn ngữ để nói, hơn nữa ý *Tổ sư* lại là chỗ không ngôn ngữ, bảo nói chỗ không thể nói, thì làm sao? Cái đó tự khế hội, nhưng nếu bảo tự khế hội nghe bình dị quá, nên bảo đi hỏi Trí Tạng. Chỗ này nếu người lanh lẹ liền nhận ra, còn không khéo thì bị lừa.

Cư sĩ Bàng Uẩn đến hỏi:

- Nước không gân xương hay thắng chiếc thuyền muôn hộc, lý này thế nào?

Sư đáp:

- Trong ấy không nước cũng không thuyền, nói gì là gân xương?

Uẩn bảo:

- Không làm người xưa nay, thỉnh Thầy để mắt nhìn lên.

Sư liền nhìn thẳng xuống. Uẩn nói:

- Một cây đàn cầm không dây, mà Thầy đàn rất hay.

Sư liền nhìn lên. Uẩn lễ bái. Sư trở về phương trượng. Uẩn theo sau thưa:

- Vừa rồi muốn làm khéo trở thành vụng.

Cư sĩ Bàng Uẩn hỏi: *Nước không gân xương hay thẳng chiếc thuyền muôn học, lý này thế nào?* Nước không gân xương nghĩa là nước không có gì cứng chắc, sao có thể chở được tàu thuyền mấy ngàn ký, nước mạnh vượt trội hơn tàu thuyền? Bàng Uẩn hỏi nước hay hỏi về cái gì? Nghĩa là thân thể thì có tướng mạo hình dáng, cái không hình dáng sao điều khiển được cái có hình dáng. Tâm không có hình dáng điều khiển được tất cả cái có hình dáng, như vậy là sao? Mã Tổ bảo: *Trong ấy không nước cũng không thuyền, nói gì là gân xương.* Câu đó khéo làm sao, Bàng Uẩn nghe liền lãnh hội được, bèn nói: *Không làm người xưa nay, thỉnh Thầy để mắt nhìn lên!* Không làm người xưa nay là người nào? Chúng ta nhớ ngài Hoài Nhượng ẩn chứng trong số đệ tử:

Người đạt được tâm ta, giỏi về xưa nay là Đạo Nhất. *Không làm người xưa nay tức là thấu đạt tâm. Thỉnh Thầy để mắt nhìn lên thì ngài ngó xuống.*

Bàng Uẩn nói: *Một cây đàn cầm không dây mà Thầy đàn rất hay.* Thỉnh nhìn lên mà ngài nhìn xuống, đó là pháp đối đãi theo Lục Tổ. *Uẩn lễ bái, ngài trở về phương trượng. Uẩn theo sau thưa: Vừa rồi muốn làm khéo mà trở thành vụng.* Như vậy thầy trò đã cảm thông nhau. Có ai biết cây đàn không dây không? Nhà thiền có dụng ngữ đàn không dây, sáo không lỗ, thuyền không đáy... Đó là chỗ không nghĩ bàn.

Một đêm Trí Tạng, Hoài Hải, Phổ Nguyễn theo hầu Sư xem trăng. Sư hỏi:

- Ngay bây giờ nên làm gì?

Trí Tạng thưa:

- Nên cúng dường.

Hoài Hải thưa:

- Nên tu hành.

Phổ Nguyễn phát tay áo đi ra.

Sư bảo:

- Kinh vào Tạng, Thiền về Hải, chỉ có Phổ Nguyễn vượt ngoài sự vật.

Xem như các ngài đùa chơi, nhưng bao nhiêu ý nghĩa nằm trong đó. Tại sao *Kinh về Tạng*? Chủ trương của Mã Tổ, lý tức tâm tức Phật là để dỗ con nít khóc. Bây giờ nên cúng dường là cúng dường Phật.

Ngay tâm mình là Phật tức là hằng trở lại với tâm, ngài Trí Tạng nhận được lý tức tâm tức Phật, là cúng dường người vô tu vô chứng. Lý *tức tâm tức Phật* là nắm lá vàng đỗ con nít khóc, bao nhiêu kinh Phật đều là nắm lá vàng đỗ con nít khóc. Ngài Trí Tạng nhận được lý đó nên nói *Kinh về Tạng*.

Ngài Hoài Hải thì nói *ên tu hành*, chỗ tu hành là không còn nhận lý mà phải thấy tánh khởi tu, đã vượt qua tức tâm tức Phật. Đến đây là *phi tâm phi Phật*, chỉ nỗ lực sống với tánh, không còn thấy tâm thấy Phật, không còn kẹt hai bên. Ngài Hoài Hải nói *ên tu hành*, là vượt giai đoạn thứ nhất, đến giai đoạn thứ hai là *phi tâm phi Phật*, đó là chỗ nhà thiền không còn chấp nên nói *Thiền về Hải*.

Nhưng nói *ên tu hành* cũng là còn thực hành, còn cố gắng nỗ lực, đến ngài Phổ Nguyện thì *phát tay áo đi ra*, là đến chỗ cuối cùng *bất thị vật. Bất thị vật* thì còn nói gì tu, còn nói gì cúng dường? Đó là thể hội đại đạo, không còn ngôn ngữ, nên nói *Phổ Nguyện vượt ngoài sự vật*.

Trong cuộc nói chuyện này, Hoài Hải là người truyền Thiền mãi mãi, dòng của ngài lâu bền nhất vì ngài hằng sống đúng với cái tâm đó. Tuy ngài không siêu việt như Phổ Nguyện, nhưng là người nỗ lực thực hành, vì vậy dòng của ngài bền bỉ nhất.

Hoài Hải hỏi:

- Thế nào là chỉ thú Phật pháp?

Sư đáp:

- Chính là chỗ người bỏ thân mạng.

Sư hỏi lại Hoài Hải:

- Người lấy pháp gì chỉ dạy người?

Hoài Hải dựng đứng cây phát tử. Sư bảo:

- Chỉ cái này hay còn gì khác?

Hoài Hải ném cây phát tử xuống.

Ngài Hoài Hải đã nhận được ý Phật pháp nên mới hỏi *Thế nào là chỉ thú Phật pháp?* Mã Tổ nói *Chính là chỗ người bỏ thân mạng.* Tại sao? Chỉ thú Phật pháp là chỗ nếu còn thấy có ngã có pháp thì không đạt được, đó là chỗ vượt ra ngoài chấp ngã chấp pháp, nên nói là chỗ bỏ thân mạng.

Mã Tổ hỏi lại Hoài Hải: *Người lấy pháp gì chỉ dạy người?* Hoài Hải dựng đứng cây phát tử lên. Cây phát tử là cây chổi quét bụi trên bàn không có gì lạ. Ngài hỏi: *Chỉ cái này hay còn gì khác?* Hoài Hải quăng xuống, rồi... hết! Như vậy là sao? Nếu nói dạy người thì tùy duyên dựng lập. Khi người ta hỏi rồi thì phải buông, tất cả chỉ là phương tiện chứ không có gì là thật hết.

Tăng hỏi:

- Làm sao được hợp đạo?

Sư đáp:

- Ta sớm chẳng hợp đạo.

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư liên đánh và nói:

- Ta nếu không đánh người, các nơi sẽ cười ta.

Hợp đạo thì mỗi người phải tự hợp, không do vấn đáp mà được. Đây là chỗ dứt ngôn ngữ nên Mã Tổ nói: *Ta cũng không hợp đạo*. Hỏi ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, ngài liền đánh và nói: *Nếu ta không đánh người, các nơi sẽ cười ta*. Chỗ này cũng không ngôn ngữ, không nói năng, hỏi ý Tổ sư mà dùng ngôn ngữ thì sai. Nếu khéo thấy chỗ đó chẳng những riêng ngài mà tất cả chư thiền đức đều không nói, nếu ngài nói thì sẽ bị lỗi, làm cho mọi người chê cười. Vì vậy mà nói ta không đánh người các nơi sẽ cười ta.

Đặng Ấn Phong từ biệt Sư đi nơi khác, Sư hỏi:

- Đi đến đâu?

Ấn Phong thưa:

- Đi đến Thạch Đầu.

- Đường Thạch Đầu trơn.

- Có cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa.

Ấn Phong vừa đến Thạch Đầu, đi nhiều giường thiền một vòng, gióng tích trượng động đất một tiếng, hỏi:

- Ấy là tông chỉ gì?

Thạch Đầu nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Ẩn Phong không đáp được, lại trở về thưa với Sư. Sư bảo:

- Người nên đi lại bên ấy, nếu Thạch Đầu nói “Trời xanh”, người “Hu! Hu!”

Ẩn Phong lại đi đến Thạch Đầu làm như trước. Thạch Đầu bèn “Hu! Hu!”

Ẩn Phong không đáp được, lại trở về trình với Sư. Sư bảo:

- Ta đã nói với người, đường Thạch Đầu trơn.

Đặng Ẩn Phong từ biệt ngài đi nơi khác, ngài hỏi: *Đi đến đâu?* Ẩn Phong thưa *đi đến Thạch Đầu*. Ngài bảo: *Đường Thạch Đầu trơn*. Ẩn Phong hơi ỷ tài nên nói: *Có cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa*. Gậy tùy thân là khả năng của mình. Đặng Ẩn Phong sau này trồng chuối ngược mà chết, người tự tại như vậy không ỷ sao được. Cho nên, ngài đã cảnh cáo trước *đường Thạch Đầu trơn* rồi mà cũng vẫn còn coi thường.

Ẩn Phong đi đến Thạch Đầu nhiều giường thiền một vòng, giông tích trượng động đất một tiếng, hỏi: Ấy là tông chỉ gì? Ngài Thạch Đầu nói: *Trời xanh! Trời xanh!* Ẩn Phong không đáp được, lại trở về thưa ngài. Ngài bảo: *Người nên đi lại bên ấy, nếu Thạch Đầu nói “Trời xanh” thì người “Hu! Hu!”* Ẩn Phong lại đi đến Thạch Đầu, làm như trước, Thạch Đầu bèn “Hu! Hu!” Ẩn Phong không đáp được, lại trở về trình với ngài. Ngài bảo, *Ta đã nói với người, đường Thạch Đầu trơn*.

Thạch Đầu đã nắm vững thủ thuật của mọi người rồi, nên đối với ngài đừng có đùa. Chỉ có Mã Tổ với Thạch Đầu tương đương nhau, những người nhỏ sau này không phải là tay đối thủ. Trong nhà thiền dùng hình ảnh đi quanh một vòng rồi đứng chống tích tượng hỏi ý chỉ, đó là chỗ cứu cánh vô ngôn. Thạch Đầu đáp *trời xanh, trời xanh*, như chúng ta nhìn lên trời thấy lạng lẽ không một gợn mây, chỗ không ngôn ngữ mà ngài dùng ngôn ngữ, chúng ta nghe không hiểu biết gì. Chữ *trời xanh* là lối diễn tả sự rộng lớn bao la, muốn đáp lại thì chỉ còn *hư hư* tức là một lời không ý nghĩa, dẹp vọng thức. Đó là cảm thông nhau. Cái khéo léo của thiền sư là như thế. Chúng ta gặp trường hợp này chỉ cười chịu thua. Vì vậy mà còn câu nói bất hủ *đường Thạch Đầu tron truyền đến bây giờ*.

Có vị giảng sư đến hỏi:

- Thiền tông truyền giữ pháp gì?

Sư hỏi lại:

- Tọa chủ truyền giữ pháp gì?

- Tôi giảng được hơn hai mươi bản Kinh Luận.

- Đâu không phải là sư tử con?

- Không dám.

Sư thốt ra tiếng: Hư! Hư!

Giảng sư nói:

- Đây là pháp.

- Là pháp gì?

- Pháp sư tử ra khỏi hang.

Vì sư tử ra khỏi hang cho nên gầm, tiếng “hư hư” trong nhà thiền là tiếng sư tử gầm.

Sư bèn im lặng. Giảng sư nói:

- Đây cũng là pháp.
- Là pháp gì?
- Pháp sư tử ở trong hang.
- Không ra không vào là pháp gì?

Giảng sư không đáp được, bèn từ giả ra đến cửa, Sư gọi:

- Tọa chủ!

Giảng sư xoay đầu lại.

Sư hỏi:

- Là pháp gì?

Giảng sư cũng không đáp được.

Sư bảo:

- Ông thầy độn căn.

Ý của Mã Tổ ở chỗ nào? Ngài gọi, ông tăng *xoay đầu lại*. Xoay đầu lại là xong rồi mà không biết, ngài hỏi *là pháp gì?* Tức là câu hỏi như trên mà giảng sư cũng bí luôn, bị ngài gọi là *ông thầy độn căn*. Trước ngài thấy giảng sư khá lanh lợi, nên dùng thuật “hư hư” và làm thinh, giảng sư đều đáp được. Nhưng khi đặt câu hỏi *không ra không vào* thì đáp không được. Khi giảng sư đi đến cửa, ngài gọi: *Tọa chủ*, nếu xoay đầu lại “dạ” rồi sụp xuống lạy là xong. Vì không hiểu chỗ gọi dạ nên rút cuộc ở ngoài cửa.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Đạo không dụng tu, chỉ đừng ô nhiễm. Sao là ô nhiễm? Nếu có tâm sanh tử, tạo tác, thú hưởng đều là ô nhiễm. Nếu muốn hội thẳng đạo này thì tâm bình thường là đạo. Sao gọi là tâm bình thường? Không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoạn thường, không phạm thánh. Kinh nói: “Chẳng phải hạnh phạm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền, là hạnh Bồ-tát.” Chỉ như hiện nay đi đứng ngồi nằm, ứng cơ tiếp vật đều là đạo. Đạo tức là pháp giới, cho đến diệu dụng như hà sa đều không ngoài pháp giới. Nếu chẳng phải vậy, tại sao nói “pháp môn tâm địa”, tại sao nói “vô tận đẳng”? Tất cả pháp đều là pháp của tâm, tất cả tên đều là tên của tâm. Muôn pháp đều từ tâm sanh, tâm là cội gốc của muôn pháp. Kinh nói: “Biết tâm đạt cội nguồn nên hiệu là Sa-môn.” Tên đồng nghĩa đồng, tất cả pháp đều đồng thuần nhất không lẫn lộn.

Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tự tại thì dựng lập pháp giới trọn là pháp giới, lập chân như là chân như, lập lý tất cả pháp trọn là lý, lập sự tất cả pháp trọn là sự, nắm giữ một thì ngàn theo, sự lý không khác, toàn là diệu dụng. Lại không có lý riêng, đều do sự xoay vần của tâm. Ví như bao nhiêu bóng mặt trăng thì có, mà bao nhiêu mặt trăng thật thì không; bao nhiêu nguồn nước thì có, mà bao nhiêu tánh nước thì không; bao nhiêu sum la vạn tượng thì có, mà bao nhiêu hư không thì không; bao nhiêu lời nói đạo lý thì có, mà bao nhiêu Tuệ vô ngại

thì không; bao nhiêu các thứ thành lập đều do một tâm. Dụng lập cũng được, dẹp hết cũng được, thấy là diệu dụng. Diệu dụng trọn là nhà mình, chẳng phải lìa chân mà có, nơi nơi đều chân, thấy đều là thể của nhà mình.

Nếu chẳng vậy, lại là người nào? Tất cả pháp đều là Phật pháp, các pháp tức là giải thoát, giải thoát tức là chân như, các pháp không ngoài chân như, đi đứng ngồi nằm thấy là dụng bất tư nghi, không đợi thời tiết. Kinh nói: “Chỗ chỗ nơi nơi đều có Phật.” Phật là Năng Nhân, có trí tuệ khéo hợp lòng người, hay phá lưới nghi cho tất cả chúng sanh, vượt ra vòng trói buộc của có và không v.v... tình chấp phàm thánh hết, nhân pháp đều không, chuyển bánh xe không gì hơn, vượt các số lượng, việc làm không ngại, sự lý đều thông, như trời hiện mây, chợt có lại không, chẳng để dấu vết, ví như vẽ nước thành lặn, không sanh không diệt, là đại tịch diệt. Tại triền gọi là Như Lai tàng, xuất triền gọi là pháp thân thanh tịnh. Thể không tăng giảm, hay lớn hay nhỏ, hay vuông hay tròn, hợp vật hiện hình như trăng trong nước, vận dụng mênh mông, không lập mầm gốc chẳng hết hữu vi, không trụ vô vi. Hữu vi là dụng của vô vi, vô vi là chỗ nương của hữu vi, chẳng trụ chỗ nương, nên nói: “Như hư không chẳng chỗ nương.” Nghĩa tâm sanh diệt, nghĩa tâm chân như. Tâm chân như dụ như gương sáng soi vật tượng. Gương dụ tâm, vật tượng dụ pháp. Nếu tâm chấp pháp là dính với cái nhân bên ngoài,

tức là nghĩa sanh diệt. Tâm không chấp pháp tức là nghĩa chân như.

Thanh văn tai nghe Phật tánh. Bồ-tát mắt thấy Phật tánh. Liễu đạt không hai gọi là bình đẳng tánh. Tánh không có khác, dụng thì chẳng đồng. Tại mê là thức, tại ngộ là trí. Thuận lý là ngộ, theo sự là mê. Mê tức là mê bản tâm mình, ngộ là ngộ bản tánh mình. Một phen ngộ là hằng ngộ chẳng trở lại mê. Như đang khi mặt trời mọc lên không trở lại tối. Mặt trời trí tuệ xuất hiện, không chung cùng cái tối phiền não. Liễu đạt cảnh giới của tâm liền trừ vọng tưởng. Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu. Thiền không thuộc ngồi, ngồi tức có chấp trước. Nếu thấy lý này là chân chánh hợp đạo, tùy duyên qua ngày, đứng ngồi theo nhau, giới hạnh huân thêm, nhóm nơi tịnh nghiệp. Chỉ hay như thế, lo gì chẳng thông.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Đạo không dụng tu, chỉ đừng ô nhiễm. Sao là ô nhiễm? Nếu có tâm sanh tử, tạo tác, thú hướng đều là ô nhiễm. Nếu muốn hội thẳng đạo này thì tâm bình thường là đạo. Sao gọi là tâm bình thường? Không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoan thường, không phạm thánh. Kinh nói: “Chẳng phải hạnh phạm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền, là hạnh Bồ-tát.”

Đạo không dụng tu, chỉ đừng ô nhiễm, đừng ô nhiễm là được chứ không cần dụng công tu. Ô nhiễm là còn có tâm sanh tử, còn có tâm tạo tác, còn có tâm

thú hướng. *Tâm sanh tử* là tâm đầy niệm sanh diệt, *tạo tác thú hướng* là có chỗ nhắm đến, đều là sanh tử. Vì có chỗ nhắm đến là bên ngoài nên không phải là đạo, chỉ cần hội thẳng thì *tâm bình thường* là đạo.

Tâm bình thường là tâm không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoan thường, không phạm thánh. Nghe nói *tâm bình thường* tưởng là tâm hằng sống như mọi người, đó là lầm. Tâm trần thế có thị phi, phải quấy, tạo tác, thủ xả,... còn thấy có hai bên thì chưa phải là tâm bình thường. Bình thường cũng có nghĩa là bình đẳng, không kẹt bên này mắc bên kia, tâm đó là đạo. Vì thế nói: *Chẳng phải hạnh phạm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền*, là hạnh Bồ-tát, nghĩa là người chấp phạm thánh là mắc kẹt hai bên.

Chỉ như hiện nay đi đứng ngồi nằm, ứng cơ tiếp vật đều là đạo. Đạo tức là pháp giới, cho đến diệu dụng như hà sa đều không ngoài pháp giới. Nếu chẳng phải vậy, tại sao nói “pháp môn tâm địa”, tại sao nói “vô tận đẳng”? Tất cả pháp đều là pháp của tâm, tất cả tên đều là tên của tâm. Muôn pháp đều từ tâm sanh, tâm là cội gốc của muôn pháp.

Chỉ như hiện nay đi đứng ngồi nằm, ứng cơ tiếp vật đều là đạo, nghĩa là trong bốn oai nghi có chỗ nào không phải là đạo? Có lúc nào mất đạo? Chỉ vì mình quên thì mất, nếu không quên thì không chỗ nào mất đạo.

Đạo tức là pháp giới, tức là đạo bao trùm khắp cả nên thường ví dụ như hư không. Lúc nào, ở đâu cũng có

hư không, như thế không lúc nào là không có đạo, có cái nào ngoài đạo. Đạo tức là tâm, tâm ấy bao trùm cả pháp giới, không cái dụng nào ngoài tâm. Nói *pháp môn tâm địa* vì tâm ấy bao hàm cả vạn tượng, cũng nói *vô tận đẳng* là ngọn đèn không bao giờ tắt.

Kinh nói: “Biết tâm đạt cội nguồn nên hiệu là Sa-môn.” Tên đồng nghĩa đồng, tất cả pháp đều đồng thuần nhất không lẫn lộn.

Đây dẫn kinh Tứ Thập Nhị Chương, người tu phải biết tâm, phải đạt được cội nguồn của các pháp, mới gọi là Sa-môn.

Tên đồng nghĩa đồng, tất cả pháp đều đồng thuần nhất không lẫn lộn. Chủ trương của Mã Tổ là tất cả pháp đều từ tâm sanh, không một pháp nào ngoài tâm, thấy pháp tức là thấy tâm. Tôi gọi đó là chủ trương thấu vào. Tất cả pháp đều là tâm thì còn khởi tâm chạy theo pháp làm gì? Do đó thấy pháp là thấy tâm, nghe pháp là nghe tâm.

Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tự tại thì dựng lập pháp giới trọn là pháp giới, lập chân như là chân như, lập lý tất cả pháp trọn là lý, lập sự tất cả pháp trọn là sự, nắm giữ một thì ngàn theo, sự lý không khác, toàn là diệu dụng. Lại không có lý riêng, đều do sự xoay vần của tâm.

Nếu ở trong giáo môn tức là trong kinh điển, mà biết tùy thời tự tại tức là nhận được diệu lý mà không mắc kẹt ngôn ngữ. Như vậy dựng lập cái gì được cái ấy,

vì sao? Vì không bị mắc kẹt, không bị chướng ngại, tất cả sự lý lập ra đều được thành tựu.

Ví như bao nhiêu bóng mặt trăng thì có, mà bao nhiêu mặt trăng thật thì không; bao nhiêu nguồn nước thì có, mà bao nhiêu tánh nước thì không; bao nhiêu sum la vạn tượng thì có, mà bao nhiêu hư không thì không; bao nhiêu lời nói đạo lý thì có, mà bao nhiêu Tuệ vô ngại thì không; bao nhiêu các thứ thành lập đều do một tâm.

Đây dùng ví dụ trên hư không chỉ có một mặt trăng thật, nhìn xuống hồ thì có bóng mặt trăng trong hồ, ở ao có bóng mặt trăng trong ao, ở sông có bóng mặt trăng trong sông, ở biển có bóng mặt trăng trong biển, ở lu nước có bóng mặt trăng trong lu nước, ở thau nước có bóng mặt trăng trong thau nước... Trăm ngàn muôn chỗ có nước, đều có trăm ngàn muôn bóng trăng. Như bóng trăng có trăm ngàn muôn, mà trăng thật thì không hai. Cũng vậy, các pháp có ngàn muôn, mà thể tự tâm thì không hai, đó là ví dụ thứ nhất.

Kế tiếp nói: *Bao nhiêu nguồn nước thì có, bao nhiêu tánh nước thì không.* Tánh nước là tánh ướt, tự bao giờ nước có thể chia ra trăm sông ngàn ngòi, nhưng tánh nước có trăm ngàn không? Chỉ một tánh ướt mà thôi, nên nói không có bao nhiêu tánh nước.

Bao nhiêu sum la vạn tượng thì có, mà bao nhiêu hư không thì không. Sum la vạn tượng có muôn ngàn thứ nhưng hư không bao trùm thiên hình vạn trạng chỉ có một.

Bao nhiêu lời nói đạo lý thì có, mà bao nhiêu Tuệ vô ngại thì không. Người có được Tuệ vô ngại ai hỏi gì đáp đó, hỏi gì nói nấy, đạo lý rất nhiều trăm ngàn muôn thứ nhưng chỉ xuất phát từ một trí tuệ vô ngại.

Kết luận, bao nhiêu thứ dựng lập đều do một tâm, dựng lập thì nhiều mà không ngoài tâm.

Dựng lập cũng được, dẹp hết cũng được, thấy là diệu dụng. Diệu dụng trọn là nhà mình, chẳng phải là chân mà có, nơi nơi đều chân, thấy đều là thể của nhà mình.

Nếu chẳng vậy, lại là người nào? Tất cả pháp đều là Phật pháp, các pháp tức là giải thoát, giải thoát tức là chân như, các pháp không ngoài chân như, đi đứng ngồi nằm thấy là dụng bất tư nghì, không đợi thời tiết.

Tất cả pháp đều là thể của mình, ngoài tâm ra không có gì khác. Truyền thống của pháp thiền này trung thực từ thủy tới chung, ai tu theo dòng của Mã Tổ đều có cái nhìn thấu vào như vậy. Trong tâm không thêm bớt, được mất, vì thế không dính mắc như nước trôi chảy không ngừng, như hư không trùm khắp.

Ở đâu và lúc nào chúng ta thấy cái gì cũng biết là tâm mình, như vậy mình có ghét tâm mình, thương tâm mình không? Mọi thứ yêu ghét, đoạn thương, thủ xả... theo đó đều hết. Được cái nhìn như vậy là tu hành đến chỗ an lành tự tại. Theo cái nhìn của ngài Thạch Đầu, tất cả không có một vật thì có gì để duyên theo, nắm bắt, thủ xả... như thế cũng là yên ổn tự tại. Đường lối của hai ngài, một bên thì thấu vào nhất tâm, một bên thì buông xả không một vật.

Kinh nói: “Chỗ chỗ nơi nơi đều có Phật.” Phật là Năng Nhân, có trí tuệ khéo hợp lòng người, hay phá lưới nghi cho tất cả chúng sanh, vượt ra vòng trói buộc của có và không v.v... tình chấp phàm thánh hết, nhân pháp đều không, chuyển bánh xe không gì hơn, vượt các số lượng, việc làm không ngại, sự lý đều thông, như trời hiện mây, chợt có lại không, chẳng để dấu vết, ví như vẽ nước thành lặn, không sanh không diệt, là đại tịch diệt. Tại triền gọi là Như Lai tàng, xuất triền gọi là pháp thân thanh tịnh.

Chỗ chỗ nơi nơi đều có Phật vì thấy tất cả pháp không ngoài tâm, không ngoài chân như, đâu cũng là chân như, đâu cũng là giải thoát.

Tất cả cách giải quyết phá chấp của đức Phật chẳng khác nào *như trời hiện mây*, mới vừa hiện đầy trời giây phút sau tan biến không còn thấy dấu vết, không biết tan chỗ nào. Phật vì chúng sanh dựng lập phá chấp để họ không còn sai lầm, khi tất cả chúng sanh hết chấp rồi thì tìm lại không thấy có dấu vết.

Ví như vẽ nước thành lặn, không sanh không diệt, là đại tịch diệt. Như chúng ta ngồi trên thuyền rồi lấy tay vạch xuống nước một lần, lặn nước vừa hiện liền mất. Nó có sanh diệt không? Tay vừa vạch thấy có lặn, lấy tay lên thì mặt nước bằng lại, không còn lặn nữa, có sanh diệt gì đâu. Động thì thấy có lặn, hết động thì hết lặn. Phật giảng kinh cũng vậy, tùy theo bệnh chúng sanh mà phá chấp, hết chấp thì hết bệnh, không có gì gọi là Phật là pháp.

Tại triền gọi là Như Lai tàng, xuất triền gọi là pháp thân thanh tịnh. Pháp thân khi còn trong trói buộc của ngũ ấm gọi là Như Lai tàng, ra khỏi trói buộc của ngũ ấm gọi là pháp thân thanh tịnh. Khi năm ấm che lấp gọi là Như Lai tàng, phá được năm ấm gọi là pháp thân thanh tịnh.

Thế không tăng giảm, hay lớn hay nhỏ, hay vuông hay tròn, hợp vật hiện hình như trăng trong nước, vận dụng mênh mông, không lập mầm gốc chẳng hết hữu vi, không trụ vô vi. Hữu vi là dụng của vô vi, vô vi là chỗ nương của hữu vi, chẳng trụ chỗ nương, nên nói: “Như hư không chẳng chỗ nương.”

Tâm thanh tịnh ấy không có đối đãi, đối đãi chỉ là giả lập, vì thế nó không trụ hữu vi cũng không mắc kẹt vô vi, hai bên đều không. Tâm thanh tịnh không tướng nên nói *như hư không*, không tướng thì nương gá vào đâu?

Nghĩa tâm sanh diệt, nghĩa tâm chân như. Tâm chân như dụ như gương sáng soi vật tượng. Gương dụ tâm, vật tượng dụ pháp. Nếu tâm chấp pháp là dính với cái nhân bên ngoài, tức là nghĩa sanh diệt. Tâm không chấp pháp tức là nghĩa chân như.

Ngài giải thích rõ nghĩa tâm chân như và tâm sanh diệt. Tâm chân như là tâm không dính với pháp, tâm sanh diệt là tâm chạy theo các pháp bên ngoài. Tâm không dính pháp ấy, dụ như tấm gương sáng hay soi tất cả các vật tượng, vật tượng dụ như pháp. Vật tượng hiện bóng trong gương khi có khi không,

nếu chạy theo vật thì sanh diệt. Gương thì không sanh diệt, tuy có vật tượng cũng không dính mắc. Chúng ta phải rõ biết tâm nào là sanh diệt, tâm nào là vô sanh để tu hành không bị mắc kẹt trong sanh diệt.

Thanh văn tai nghe Phật tánh. Bồ-tát mắt thấy Phật tánh. Liễu đạt không hai gọi là bình đẳng tánh. Tánh không có khác, dụng thì chẳng đồng. Tại mê là thức, tại ngộ là trí. Thuận lý là ngộ, theo sự là mê. Mê tức là mê bản tâm mình, ngộ là ngộ bản tánh mình. Một phen ngộ là hằng ngộ chẳng trở lại mê.

Hàng Thanh văn nghe Phật nói pháp mà ngộ đạo, đó là do nghe mà ngộ. *Bồ-tát mắt thấy Phật tánh* vì tự tu chứng. Tự tu chứng là tự mắt thấy không phải do lòng tin bởi tai nghe. *Liễu đạt không hai gọi là bình đẳng tánh*, tức là thấy rõ tánh, không còn mắc kẹt bên này bên kia gọi là tánh bình đẳng. *Tánh thì không có khác, dụng thì chẳng đồng. Tại mê là thức, tại ngộ là trí.* Khi mê chạy theo sanh diệt là thức, khi ngộ sống với chân như là trí. Người biết trở về chân như gọi là trí, người theo sanh diệt gọi là thức.

Thuận lý là ngộ, theo sự là mê. Thuận lý tức là trở về tâm không sanh diệt, đó là ngộ. Theo sự là chạy theo các pháp bên ngoài, đó là mê. *Mê tức là mê bản tâm mình, ngộ là ngộ bản tánh mình.* Mê tức là quên bản tâm mình. Ngộ là nhớ, là biết, nhận được bản tâm mình. *Một phen ngộ là hằng ngộ chẳng trở lại mê.* Tại sao? Chúng ta thường nghi khi ngộ rồi có mê lại hay không? Nên hiểu rõ có hai trường hợp:

chợt ngộ chợt mê và ngộ rồi không trở lại mê. Chúng ta biết tâm sanh diệt là vọng, nhưng có khi biết mà không theo, có khi biết mà cứ theo. Cái biết vọng là sanh diệt, chúng ta không bao giờ quên, không quên tức là vẫn biết nhưng khi vọng mạnh thì bị lôi chạy, vọng yếu thì biết liền dừng. Đó là trường hợp chợt mê chợt ngộ.

Đây cũng là lối nói tương đối. Thật ra khi tu tập, khi đã biết cái nào chân cái nào vọng, chúng ta không còn lầm mê, đó là ý nghĩa *một phen ngộ thì chẳng trở lại mê*. Như chúng ta biết thân là sanh diệt, nhận ra rồi thì mãi về sau không nói nó là chân thường. Biết lẽ thật như vậy nhưng làm chủ nó được tức khắc hay là bị nó lôi đi một thời gian, đó là trường hợp ngộ rồi không mê lại chỉ do mình có sức mạnh hay chưa, chứ không phải mê quên luôn. Mê là giả mà tưởng là thật, khi giả biết là giả rồi từ đó về sau lúc nào cũng biết giả không lầm. Chỗ ngộ này chúng ta mới nhận nên sức còn yếu, ngộ mãnh liệt như Phật Bồ-tát thì chưa có. Chúng ta ngộ phơn phớt rằng thân tâm sanh diệt, biết như vậy từ đây tới già tới chết cũng không cho nó là chân thật. Chúng ta không lầm lẫn không quên nhưng mình làm chủ được hay bị nó làm chủ, đó là do tu có đạo lực hay không. Vì vậy Tổ nói đã ngộ rồi thì không trở lại mê, một phen biết rồi không còn lầm, nhưng sức mạnh của mình phải thường xuyên mới được.

Như đang khi mặt trời mọc lên không trở lại tối. Mặt trời trí tuệ xuất hiện, không chung cùng cái tối phiền não. Liều đạt cảnh giới của tâm liền trừ vọng tưởng.

Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu. Thiền không thuộc ngồi, ngồi tức có chấp trước. Nếu thấy lý này là chân chánh hợp đạo, tùy duyên qua ngày, đứng ngồi theo nhau, giới hạnh huân thêm, nhóm nơi tịnh nghiệp. Chỉ hay như thế, lo gì chẳng thông.

Đây là chỉ thẳng, vọng tưởng đã trừ ngay đó là vô sanh. Chúng ta không cần tìm vô sanh ở đâu xa, chỉ cần không theo vọng tưởng. *Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu.* Nếu hết vọng tưởng rồi chính là vô sanh, không phải tu mà được vô sanh. *Thiền không thuộc ngồi, ngồi tức có chấp trước.* Đây là tự tánh định, tức là sáu căn không nhiễm sáu trần. Nếu người tâm định, đi đứng nằm ngồi sáu căn không theo sáu trần, không nhiễm sáu trần đó là hằng định, hằng ở trong tam-muội.

Lời dạy của ngài thẳng tắt rõ ràng, là pháp môn đốn tu làm hưng thịnh thiền Tào Khê.

Đệ tử của ngài được nhập thất (được vào thiền thất, là đã ngộ đạo) **có đến một trăm ba mươi chín vị, mỗi người làm chủ một phương truyền hóa vô cùng.**

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư (788) khoảng tháng giêng, Sư lên núi Thạch Môn, Kiến Xương, đi kinh hành trong rừng thấy chỗ hang động bằng phẳng, bèn bảo thị giả:

- Thân cũ mục của ta vào tháng sau sẽ trở về nơi này.

Nói xong, Sư trở về.

Đến ngày mừng bốn tháng hai, Sư có chút bệnh, tắm gội xong, ngồi kiết già nhập diệt, thọ 80 tuổi, được 60 tuổi hạ.

Vua sắc ban hiệu Đại Tịch.

Ngài biết trước thời gian viên tịch một tháng, đến ngày viên tịch các đệ tử đưa nhục thân ngài an táng ở Thạch Môn. Hiện vẫn còn di tích.



ĐỜI THỨ BA SAU LỤC TỔ

A- PHÁI HÀNH TỬ

ĐỆ TỬ THIÊN SƯ HY THIÊN

Có hai mươi một vị

- 1- Thiên sư Duy Nghiễm (Dược Sơn)**
- 2- Thiên sư Thiên Nhiên (Đơn Hà)**
- 3- Thiên sư Đạo Ngộ (Thiên Hoàng tự)**
- 4- Thiên sư Bảo Thông (Đại Diên)**
- 5- Thiên sư Thi Lợi**
- 6- Thiên sư Huệ Lăng**
- 7- Thiên sư Chấn Lăng**
- 8- Thiên sư Đại Xuyên**
- 9- Thiên sư Thạch Lâu**
- 10- Thiên sư Phật-đà**
- 11- Thiên sư Hoa Lâm**
- 12- Thiên sư Trường Tỳ Khoáng**
- 13- Thiên sư Thủy Không**
- 14- Thiên sư Bảo Thông**
- 15- Thiên sư Đại Biện**
- 16- Thiên sư Chử Kinh**
- 17- Thiên sư Đạo Sần**
- 18- Thiên sư Thường Thanh**

19- Thiền sư Toái Thạch

20- Thiền sư Thương Lĩnh

21- Thiền sư Nghĩa Hưng.



THIÊN SƯ DUY NGHIÊM ở DƯỢC SƠN

(751 - 834)

Sư họ Hàn, quê ở Ráng Châu. Năm mười bảy tuổi, Sư theo thiền sư Huệ Chiếu ở Tây Sơn, Triều Dương xuất gia. Đời Đường niên hiệu Đại Lịch thứ tám (773) Sư thọ đại giới nơi luật sư Hy Tháo ở Hoàn Nhạc. Sư học thông kinh luận, nghiêm trì giới luật. Một hôm, Sư tự than:

- Đại trượng phu phải rời pháp tự tịnh, đâu thể theo việc vụn vặt, làm hạnh áo khăn này.

Sư tìm đến thiền sư Hy Thiên (Thạch Đầu) hỏi:

- Đối tam thừa mười hai phần giáo, con còn hiểu biết thô sơ, đến như thường nghe phương Nam nói “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”, thật con mù mịt. Cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Thiền sư Hy Thiên bảo:

- Thế ấy cũng chẳng được, không thế ấy cũng chẳng được, thế ấy không thế ấy đều chẳng được, người làm sao?

Sư mờ mịt không hiểu. Thiền sư Hy Thiên bảo:

- Nhân duyên của người không phải ở đây, hãy đến chỗ Mã đại sư (Đạo Nhất).

Sư vâng lệnh đến yết kiến thiền sư Đạo Nhất. Sư thưa lại câu đã thưa với thiền sư Hy Thiên. Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Ta có khi dạy y nhưn mày chớp mắt, có khi không dạy y nhưn mày chớp mắt; có khi nhưn mày chớp mắt là phải, có khi nhưn mày chớp mắt là không phải, người làm sao?

Ngay câu nói này, Sư liền khế ngộ, bèn lễ bái.

Thiền sư Đạo Nhất hỏi:

- Người thấy đạo lý gì lễ bái?

Sư thưa:

- Con ở chỗ Thạch Đầu như con muỗi đậu trên trâu sắt.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Người đã biết như thế, tự khéo gìn giữ.

Sư ở đây hầu hạ ba năm.

Một hôm thiền sư Đạo Nhất hỏi:

- Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào?

Sư thưa:

- Da mỏng da dày đều rất sạch, chỉ có một chân thật.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi. Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi đi.

Sư thưa:

- Con là người gì dám nói ở núi?

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Chẳng phải vậy, chưa có thường đi mà chẳng đứng, chưa có thường đứng mà chẳng đi, muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, nên tạo thuyền bè, không nên ở đây lâu.

Sư từ giả Mã Tổ trở về Thạch Đầu.

Sư họ Hàn, quê ở Ráng Châu. Năm mười bảy tuổi, Sư theo thiền sư Huệ Chiếu ở Tây Sơn, Triều Dương xuất gia. Đời Đường niên hiệu Đại Lịch thứ tám (773) Sư thọ đại giới nơi luật sư Hy Tháo ở Hoàn Nhạc. Sư học thông kinh luận, nghiêm trì giới luật. Một hôm, Sư tự than:

- Đại trượng phu phải rời pháp tự tịnh, đâu thể theo việc vụn vặt, làm hạnh áo khăn này.

Sư tìm đến thiền sư Hy Thiên (Thạch Đầu) hỏi:

- *Đối tam thừa mười hai phân giáo, con còn hiểu biết thô sơ, đến như thường nghe phương Nam nói “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”, thật con mù mịt. Cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.*

Thiền sư Hy Thiên bảo:

- *Thế ấy cũng chẳng được, không thế ấy cũng chẳng được, thế ấy không thế ấy đều chẳng được, người làm sao?*

Sư mờ mịt không hiểu. Thiền sư Hy Thiên bảo:

- *Nhân duyên của người không phải ở đây, hãy đến chỗ Mã đại sư.*

Sư vâng lệnh đến yết kiến thiền sư Đạo Nhất. Sư thưa lại câu đã thưa với thiền sư Hy Thiên. Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- *Ta có khi dạy y nhưồn mày chớp mắt, có khi không dạy y nhưồn mày chớp mắt; có khi nhưồn mày chớp mắt là phải, có khi nhưồn mày chớp mắt là không phải, người làm sao?*

Ngay câu nói này, Sư liền khế ngộ, bèn lễ bái.

Ban đầu ngài đến hỏi đạo với Thạch Đầu nhưng không khế hợp, Thạch Đầu chỉ dạy ngài đến chỗ Mã Tổ. Mã Tổ nói một câu cũng rất khó hiểu: *Ta có khi dạy y nhưồn mày chớp mắt, có khi không dạy y nhưồn mày chớp mắt. Y là ai, nhưồn mày chớp mắt là cái gì? Nhưồn mày chớp mắt là khẳng định, không nhưồn mày chớp mắt*

là phủ định. Nói phải và chẳng phải đều có ý vượt ra ngoài hai bên.

Chủ yếu của nhà thiền, bước thứ nhất là cần phải bỏ cảnh trở về tâm, khẳng định tâm mình là Phật. Nhưng khẳng định như thế cũng còn bị mắc kẹt, vì vậy tiến thêm một bước là phủ định, không chấp tức tâm là Phật. Vì còn bám vào danh tự thì chưa thấy được Phật thật, nên phá luôn cái chấp đó.

Đến câu sau: *Có khi nhươn mày chớp mắt là phải, có khi nhươn mày chớp mắt là không phải, người làm sao?* Khẳng định và phủ định cũng là dùng phương tiện, vì thế tới đây bỏ luôn khẳng định và phủ định, phải và chẳng phải đều buông, chỉ sống với thể chân thật như như.

Nhận rõ được ý chỉ của Mã Tổ chỉ dạy, ngài bèn sụp xuống lạy.

Thiền sư Đạo Nhất hỏi:

- Người thấy đạo lý gì lẽ bái?

Sư thưa:

- Con ở chỗ Thạch Đầu như con muỗi đậu trên trâu sắt.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Người đã biết như thế, tự khéo gìn giữ.

Sư ở đây hầu hạ ba năm. Một hôm thiền sư Đạo Nhất hỏi:

- Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào?

Sư thưa:

- Da mỏng da dày đều rút sạch, chỉ có một chân thật.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi. Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi đi.

Sư thưa:

- Con là người gì dám nói ở núi?

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Chẳng phải vậy, chưa có thường đi mà chẳng đứng, chưa có thường đứng mà chẳng đi, muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, nên tạo thuyền bè, không nên ở đây lâu.

Sư từ già Mã Tổ trở về Thạch Đầu.

Khi sụp xuống lạy, ngài Đạo Nhất hỏi: *Người thấy đạo lý gì mà lễ bái?* Ngài nói: *Con ở chỗ Thạch Đầu như con muỗi đậu trên trâu sắt. Con muỗi đậu trâu sắt, trâu sắt có rung rinh không? Như vậy ngài Dược Sơn đã nhận được cái bất động ở nơi ngài Thạch Đầu, mà ngài Thạch Đầu bảo không hợp, phải đến Mã Tổ mới hợp. Đó là chỗ người xưa làm đạo hỗ tương nhau. Đệ tử ở chỗ vị thầy này giúp một câu nói, đến vị thầy kia nhân câu nói trước đó, thêm một chút ý nghĩa chen vô, đệ tử liền ngộ, ngộ rồi thì trả đệ tử lại cho vị thầy trước.*

Thế là ngài Dược Sơn ngộ đạo ở ngài Đạo Nhất mà kế thừa ngài Thạch Đầu Hy Thiên. Người xưa không chấp thầy trò chỉ cốt yếu hướng dẫn người thấy đạo, không mắc kẹt một nơi nào một người nào.

Ngài ở đây ba năm, một hôm thiền sư Đạo Nhất hỏi: *Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào?* Ngài thưa: *Da mỏng da dày đều rút sạch, chỉ có một chân thật.* Da rụng hết chỉ còn xương, nghĩa là chỉ còn cái chân thật.

Thiền sư Đạo Nhất bảo: *Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi. Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi.* Mã Tổ chỉ dạy ông lên núi ở để giáo hóa mọi người. Ngài thưa: *Con là người gì dám nói ở núi?* Con không biết gì làm sao dám giáo hóa, mở trường dạy người làm Phật.

Mã Tổ bảo: *Chẳng phải vậy, chưa có thường đi mà chẳng đứng, chưa có thường đứng mà chẳng đi, muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, nên tạo thuyền bè, không nên ở đây lâu.* Đứng lâu mỗi thì phải đi, đi mỗi phải đứng. Tập thay đổi không khí, nên học rồi phải ra làm, chứ cứ ở lý một chỗ sao được. Vì vậy *muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, tức là làm mà không chấp, nên tạo thuyền bè tức là lập phương tiện độ người, không nên ở đây lâu.* Bị đuổi quá nên ngài từ già Mã Tổ trở về Thạch Đầu. Học đạo với thầy, thấy được lợi ích thì đến lúc nào đó cũng phải đi để mở rộng phương tiện. Nhưng ngài Dược Sơn chưa vội ra độ chúng, còn trở về với ngài Thạch Đầu thêm một thời gian.

Một hôm Sư ngồi trên tảng đá, Thạch Đầu trông thấy hỏi:

- Người ở đây làm gì?

Sư thưa:

- Tất cả chẳng làm.

- Tại sao ngồi yên?

- Nếu ngồi yên tức làm.

- Người nói chẳng làm, chẳng làm cái gì?

- Ngàn thánh cũng không biết.

Thạch Đầu dùng kệ khen:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh

Nhậm vận tương tương chỉ ma hành

Tự cố thượng hiền do bất thức

Tháo thứ phạm lưu khởi khả minh.

Dịch:

Chung ở từ lâu chẳng biết chi

Lặng lẽ theo nhau chỉ thế đi

Thượng hiền từ trước còn chẳng biết

Phạm phu nông nổi đâu dễ tri.

Thạch Đầu dạy:

- Nói năng động dụng chớ giao thiệp.

Sư thưa:

- Chẳng nói năng động dụng cũng chớ giao thiệp.

- Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi chẳng lọt vào.

- Con trong ấy như trồng hoa trên đá.

Thạch Đầu ấn khả.

Một hôm Sư ngồi trên tảng đá, Thạch Đầu trông thấy hỏi:

- Người ở đây làm gì?

Sư thưa:

- Tất cả chẳng làm.

- Tại sao ngồi yên?

- Nếu ngồi yên tức làm.

- Người nói chẳng làm, chẳng làm cái gì?

- Ngàn thánh cũng không biết.

Thạch Đầu dùng kệ khen:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh

Nhậm vận tương tương chỉ ma hành

Tự cố thượng hiền do bất thức

Tháo thứ phàm lưu khởi khả minh.

Dịch:

Chung ở từ lâu chẳng biết chi

Lặng lẽ theo nhau chỉ thế đi

Thượng hiền từ trước còn chẳng biết

Phàm phu nông nổi đâu dễ tri.

Đây là chỗ ngàn thánh cũng không biết. Tại sao? Chỗ chẳng làm đó là chỗ chẳng dấy niệm, nếu còn dấy niệm

thì ngàn thánh đều biết. Vì vậy ngài Thạch Đầu nói kệ khen ngợi chỗ ngàn thánh cũng không biết đó.

Tùng lai cộng trụ bất tri danh, từ xưa đến giờ ở chung mà không biết tên nó. Nhậm vận tương tương chỉ ma hành, nhậm vận là hồn nhiên lạng lẽ, tương tương là theo nhau, chỉ ma hành là chỉ thế mà đi. Minh đầu nó đó, nó đầu mình đó, cứ thăm thăm lạng lạng theo nhau không rời. Tự cổ thượng hiền do bất thức, những bậc thượng hiền từ xưa vẫn còn không biết. Tháo thứ phạm lưu khởi khả minh, huống bọn phạm phu hấp tấp nông cạn làm sao hiểu nổi.

Thạch Đầu dạy:

- Nói năng động dụng chớ giao thiệp.

Sư thưa:

- Chẳng nói năng động dụng cũng chớ giao thiệp.

- Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi chẳng lọt vào.

- Con trong ấy như trồng hoa trên đá.

Thạch Đầu ấn khả.

Thầy trò đối đáp rất là tương xứng. Thầy bảo: *Nói năng động dụng chớ giao thiệp.* Như thế thì được bên này mất bên kia, vậy khi không nói năng động dụng thì sao? Trò tiếp ý: *Chẳng nói năng động dụng cũng chớ giao thiệp.*

Thạch Đầu nói: *Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi chẳng lọt vào.* Ngài nói: *Con trong ấy như trồng hoa trên đá.* Thật quá hay! Rất khít khao chặt chẽ.

Ngài Thạch Đầu không hờ tí xú nào để mũi kim mảnh bụi có thể lọt vô, ngài Dược Sơn thì *như trông hoa trên đá*, còn chúng ta thì sao? Chắc là có khoảng trống chứa cả thành phố Hồ Chí Minh, phải không?

Qua đối đáp cho thấy thầy trò đều không dính một vật, vì thế ngài Thạch Đầu ấn khả.

Sau Sư đến ở Dược Sơn Lễ Châu, đồ chúng theo học rất đông. Một hôm Sư ngồi, Đạo Ngô, Vân Nham đứng hầu. Sư chỉ hai cây, một tươi một khô đứng trên núi, hỏi Đạo Ngô:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Đạo Ngô thưa:

- Tươi là phải.

Sư bảo:

- Sáng tỏ tất cả chỗ, quang minh xán lạn.

Sư lại hỏi Vân Nham:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Vân Nham thưa:

- Khô là phải.

Sư bảo:

- Sáng tỏ tất cả chỗ, thôi dạy khô lạt.

Chợt Sa-di Cao đến. Sư hỏi:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Sa-di Cao thưa:

- Khô là từ nơi khác mà khô, tươi là từ nơi khác mà tươi.

Sư nhìn Đạo Ngô, Vân Nham bảo:

- Chẳng phải, chẳng phải.

Ba vị này đáp như vậy là thế nào? Chữ *khô tươi* này chúng ta đừng nghĩ theo nghĩa thường. Khô là ở trong định mà không khởi dụng, còn trong định mà hằng khởi dụng là tươi. Đạo Ngô nói *tươi là phải*, tức là chấp nhận cái diệu dụng lợi ích hằng sa nên nói tươi là phải. Ngài khen: *Sáng tỏ tất cả chỗ, quang minh xán lạn.*

Vân Nham nói *khô là phải*, nghĩa là định là phải. Ngài Dược Sơn khen *sáng tỏ tất cả chỗ*, định tức là thể thanh tịnh nên sáng suốt tất cả chỗ, nhưng *thôi dạy khô lạt* tức là đừng có khô lạt. Khô lạt là ở trong định hoại, phải từ định mà khởi dụng chứ đừng mắc kẹt ở trong ấy.

Sa-di Cao nói *khô từ nơi khác mà khô, tươi từ nơi khác mà tươi*. Nói khô tươi cũng là chuyện bên ngoài, khô cũng không phải, tươi cũng không phải. Theo hai vị Đạo Ngô và Vân Nham thì khô tươi đều là trị bệnh và diệu dụng, nên hai vị đều là phải. Đến Sa-di Cao thì đều không phải, vì là việc bên ngoài.

Viện chủ thưa:

- Đánh chuông rồi, thỉnh Hòa thượng thượng đường.

Sư bảo:

- Ông bưng giùm bát cho tôi.

- Hòa thượng không tay từ bao giờ?

- Ông chỉ là uống mặc ca-sa.
- Con chỉ là thế, Hòa thượng thì sao?
- Ta không quyến thuộc này.

Xem như viện chủ này không lễ độ mà ngài đáp lại rất ôn hòa: *Ông chỉ là uống mặc ca-sa*. Uống mặc ca-sa tức là uống mặc áo nhà tu, không xứng đáng ở chùa. Ý ngài muốn bảo, người nhận lấy cái gì của ta, nhưng viện chủ lại bảo, của ai thì người đó đến nhận, bắt người khác nhận sao được, Hòa thượng tự nhận lấy. Ngài chê ông uống mặc ca-sa, không đủ sức kế thừa ta. Viện chủ còn cố nói: *Con chỉ là thế, Hòa thượng thì sao?* Hòa thượng nói con uống mặc áo ca-sa, còn Hòa thượng thì sao? Ngài bảo: *Ta không có quyến thuộc này*. Ta không phải là bà con của bọn ấy.

Thấy thầy tri viên trồng rau, Sư bảo:

- Trồng thì không ngăn người trồng, chớ cho nó mọc rễ.

Thầy tri viên thưa:

- Không cho mọc rễ thì đại chúng lấy gì ăn?

Sư bảo:

- Người có miệng sao?

Thầy tri viên không đáp được.

Thầy tri viên này thành thật quá! Cứ tưởng cây phải có rễ mới sống, không mọc rễ lấy gì có cây, có rau cho chúng ăn, nên nói: *Không cho mọc rễ thì đại chúng lấy gì ăn?* Ngài bảo: *Người có miệng sao?* Nghe vậy thầy tri viên hơi bí.

Trồng mà không cho mọc rễ là làm tất cả việc mà không cho dính mắc. Đây là chỗ chúng ta phải hiểu ý thiền sư, cố thực tập việc làm không dính mắc. Còn câu hỏi *Người có mệnh sao?* Ý nói chỗ đó là chỗ vô ngôn, dù đối đáp cũng không dính, như trồng rau không cho mọc rễ.

Có vị tăng hỏi:

- Tổ sư chưa đến nước này (Trung Hoa), nước này có ý Tổ sư chăng?

Sư đáp:

- Có.

- Đã có ý Tổ sư, lại đến làm gì?

- Bởi có, cho nên đến.

Vị tăng hỏi, khi Tổ sư chưa vào Trung Quốc, Trung Quốc có ý Tổ sư chăng? Ngài đáp có. Tăng nói, có rồi lại đến làm chi cho dư? Ngài đáp: *Bởi có, cho nên đến.* Tại sao? Nếu không có thì Tổ sư chỉ dạy điều gì.

Sư xem kinh, có vị tăng thấy, hỏi:

- Hòa thượng bình thường không cho chúng con xem kinh, vì sao Hòa thượng lại xem?

Sư đáp:

- Ta xem chỉ để che mắt.

- Chúng con học theo Hòa thượng được chăng?

- Nếu các người xem thì da trâu cũng lủng.

Ngài xem kinh, có vị tăng thấy hỏi: *Bình thường Hòa thượng không cho chúng con xem kinh, vì sao*

Hòa thượng lại xem? Đây là tinh thần của nhà thiền, chỉ nghe nhận rồi tu, chưa hiểu thì hỏi để ngộ rồi tu, chứ không cho xem kinh. Vì chư tổ sợ xem nhiều sinh loạn.

Đệ tử thì không cho xem kinh, Thầy thì xem kinh hoài, đệ tử thấy lạ bèn thưa hỏi. Ngài đáp: *Ta xem chỉ để che mắt*. Đây là chỗ đặc biệt. Đối với người nhận được ý chỉ thì xem mà không loạn, vì đã hội thông thấy suốt. Vì thế nói xem chỉ để che mắt. Tăng thưa: *Chúng con học theo Hòa thượng được chăng?* Chúng con học theo Thầy để che mắt được chăng? Ngài nói: *Nếu các người xem thì da trâu cũng lủng*. Các người xem tới đâu, chấp tới đó thì lủng hết, đó là bệnh.

Thứ sử Lý Cao ở Lăng Châu, nghe danh Sư, nhiều phen sai người đến thỉnh mà Sư không đi. Ông đích thân lên núi yết kiến Sư. Sư cầm quyển kinh xem không nhìn lại. Thị giả bạch:

- Thái thú ở đây!

Lý Cao tánh nóng nảy nói:

- Thấy mặt không bằng nghe danh.

Sư gọi:

- Thái thú!

Lý Cao: - Dạ!

Sư bảo:

- Sao lại quý lỗ tai mà khinh con mắt?

Lý Cao chấp tay xin lỗi, rồi hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư lấy tay chỉ trên chỉ dưới, hỏi:

- Hội chăng?

Cao thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Mây ở trời xanh, nước trong bình.

Lý Cao vui mừng thỏa thích làm lễ, trình một bài kệ:

*Luyện đắc thân hình tự hạc hình
Thiên chu từng hạ lưỡng hàm kinh
Ngã lai vấn đạo vô dư thuyết
Vân tại thanh thiên thủy tại bình.*

Dịch:

Luyện được thân hình giống hạc hình
Dưới từng ngàn gốc hai hàm kinh
Ta tìm hỏi đạo không lời khác
Mây ở trời xanh, nước trong bình.

Lý Cao lại hỏi:

- Thế nào là giới định tuệ?

Sư bảo:

- Bần đạo trong đây không có gia cụ nhàn này.

Lý Cao không lường nổi huyền chỉ.

Sư lại bảo:

- Thái thú muốn gìn giữ được việc này, cần phải tiến lên ngọn núi cao chót vót mà ngồi, xuống tận đáy biển sâu mà đi, việc trong khuê các nếu bỏ chẳng được bèn là lũng chảy.

Thứ sử Lý Cao ở Lãng Châu, nghe danh Sư nhiều phen sai người đến thỉnh mà Sư không đi. Ông đích thân lên núi yết kiến Sư. Sư cầm quyển kinh xem không nhìn lại. Thị giả bạch:

- Thái thú ở đây.

Lý Cao tánh nóng nảy nói:

- Thấy mặt không bằng nghe danh.

Sư gọi: - Thái thú!

Lý Cao: - Dạ!

Sư bảo:

- Sao lại quý lỗ tai mà khinh con mắt?

Lý Cao chấp tay xin lỗi, rồi hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư lấy tay chỉ trên chỉ dưới, hỏi:

- Hội chăng?

Cao thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Mây ở trời xanh, nước trong bình.

Thứ sử Lý Cao ở Lãng Châu nghe danh ngài, nhiều phen sai người đến thỉnh mà ngài không đi. Ông đích thân

lên núi yết kiến, ngài cầm quyển kinh xem không nhìn lại. Thị giả cho hay có Thứ sử tới thăm. Thứ sử như vị tỉnh trưởng bây giờ. Thị giả báo tin Thái thú đến, ngài cũng chưa chào, Lý Cao tách nóng nảy, mình là quan lớn tới mà ông thầy không ra tiếp, liền nói: *Thấy mặt không bằng nghe danh*. Tại sao? Nghe danh tiếng của Thầy rất quý trọng, đến thấy lơ là không xứng với tên. Ngài gọi: *Thái thú!* Lý Cao: *Dạ!* Ngài liền bảo: *Sao lại quý lỗ tai mà khinh con mắt?*

Chỉ trọng danh tiếng mà khinh con mắt thấy. Chính đây là ý nghĩa hay vô cùng. Người ta chỉ nghe sự đồn đãi mà không trọng lẽ thật. Nên ngài quở: *Tại sao quý lỗ tai mà khinh con mắt?* Lý Cao cũng biết nên chấp tay xin lỗi, rồi hỏi: *Thế nào là đạo?* Ngài lấy tay chỉ trên, chỉ dưới hỏi: *Hội chăng?* Lý Cao thưa: *Chẳng hội*. Ngài bảo: *Mây ở trời xanh, nước trong bình. Đạo ở khắp nơi như mây nước không hạn cuộc.*

Lý Cao vui mừng thỏa thích làm lễ, trình một bài kệ:

*Luyện đắc thân hình tự hạc hình
Thiên chu từng hạ lưỡng hàm kinh
Ngã lai vấn đạo vô dư thuyết
Vân tại thanh thiên thủy tại bình.*

Dịch:

*Luyện được thân hình giống hạc hình
Dưới từng ngàn gốc hai hàm kinh*

*Ta tìm hỏi đạo không lời khác
Mây ở trời xanh, nước trong bình.*

Lý Cao lại hỏi:

- Thế nào là giới định tuệ?

Sư bảo:

- Bàn đạo trong đây không có gia cụ nhàn này.

Lý Cao không lường nổi huyền chỉ.

Lý Cao là quan văn nên khi hiểu được ý chỉ liền làm bài thơ khen ngài.

Luyện được thân hình giống hạc hình, nghĩa là thân hình ngài nhẹ nhàng như chim hạc bay trên cao, không có gì ràng buộc. Dưới từng ngàn gốc hai hòm kinh, nơi ngài ở chỉ có hai hòm kinh dưới ngàn gốc từng. Ta tìm hỏi đạo không lời khác, ta đến hỏi đạo không lời gì khác, mà chỉ nói Mây ở trời xanh, nước trong bình; mây trên trời, nước ở trong bình chừng ấy thôi, mà đạo lý tràn trề.

Lý Cao lại hỏi: *Thế nào là giới định tuệ?* Ngài bảo: *Ở đây bàn đạo không có gia cụ nhàn này. Gia cụ nhàn là đồ vật bỏ xó, không dùng đến. Ngài không cần dùng ngôn ngữ để giải thích danh tự, chỉ cần mọi người nhận được thể chân thật sống được với nó, không kẹt trên danh từ. Giới định tuệ đối với ngài xem như trò chơi. Ngài sống với cái thật, không rảnh để bàn danh tự. Lý Cao không lường nổi huyền chỉ.*

Sư lại bảo: Thái thú muốn gìn giữ được việc này, cần phải tiến lên ngọn núi cao chót vót mà ngồi,

xuống tận đáy biển sâu mà đi, việc trong khuê các nếu bỏ chẳng được bèn là lũng chảy.

Những việc này việc nọ ở trong nhà nếu không buông bỏ được thì còn bị rớt lọt lại trong sanh tử. Phải buông hết tâm tình, lên tận ngọn núi cao, xuống tận đáy biển mới có thể vào được cửa này.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tổ sư chỉ dạy bảo hộ, nếu tham sân khởi lên cần phải phòng ngự, chớ cho khởi dậy. Các người muốn biết cây khô ở Thạch Đầu cần phải gánh vác, trợn không có cành lá. Tuy nhiên như thế, lại phải tự xem, không được bật ngôn ngữ. Nay ta vì các người nói ngôn ngữ ấy để hiển bày không ngôn ngữ, cái này xưa nay không tướng mạo tai mắt...

Tuy nhiên như thế lại phải tự xem không được bật ngôn ngữ, tuy chỗ đó là cội nguồn không còn nhánh nhóc, phải tự nhận lấy tự xem lấy nhưng không nên im lặng ở một nơi hoài, cần phải khởi phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh. Nay ta vì các người nói ngôn ngữ ấy để hiển bày chỗ không ngôn ngữ. Cái này xưa nay không tướng mạo tai mắt... Cái này tức là cây khô ở Thạch Đầu.

Một hôm Sư lên núi đi kinh hành, chợt mây tan thấy trăng sáng, Sư cười to một tiếng, vang xa gần chín mươi dặm. Dân chúng ở xa nghe tiếng, hôm sau tìm đến hỏi tăng chúng. Tăng chúng bảo:

- Đó là tiếng của Hòa thượng đem qua ở trên núi cười.

Lý Cao nghe việc này lại làm bài thơ tặng:

Tuyển đặc u cư thiếp dã tình

Chung niên vô tổng diệc vô nghinh

Hữu thời trực thương cô phong đảnh

Nguyệt hạ phi vân tiểu nhất thanh.

Dịch:

Chọn nơi xa vắng hợp lòng quê

Năm tròn mặc khách đến hay về

Có khi tiến thẳng lên đảnh núi

Mây tan trăng hiện tiếng cười hê!

Ngài lên núi đi kinh hành chợt mây tan thấy trăng sáng, ngài cười to một tiếng vang xa gần chín mươi dặm. Dân chúng ở xa nghe tiếng, hôm sau liền đến hỏi tăng chúng. Tăng chúng bảo: Đó là tiếng cười của Hòa thượng đêm qua ở trên núi. Việc này đến tai Lý Cao, ông làm bài thơ tặng:

Tuyển đặc u cư thiếp dã tình, tức là chọn được chỗ vắng vẻ, hợp với tình của người quê mùa.

Chung niên vô tổng diệc vô nghinh, trọn năm không tiền ai cũng không đưa ai.

Hữu thời trực thương cô phong đảnh, có khi rảnh đi thẳng lên ngọn núi chót vót ở trên.

Nguyệt hạ phi vân tiểu nhất thanh, mây bay thấy trăng hiện liền cười lên một tiếng.

Đây là khen ngợi ngài có một việc bất khả tư nghì, nghĩa là ở ẩn trên núi hay chỗ sâu kín thanh nhàn không cần biết ai. Như chính ông thứ sử đến ngài không nghênh đón cũng không đưa tiễn, khi rảnh lên ngọn núi chơi, thấy mây tan trắng hiện cười lớn, không lo bất cứ chuyện phải quấy hơn thiệt ở thế gian.

Thiền sư Không Lộ ở Việt Nam có bài kệ:

*Trạch đắc long xà địa khả cư
 Dĩ tình chung nhật lạc vô dư
 Hữu thời trực thượng cô phong đánh
 Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.*

Dịch:

*Lựa nơi rồng rắn đất ưa người
 Cả buổi tình quê những mải vui
 Có lúc thẳng lên đầu núi thăm
 Một hơi sáo miệng, lạnh bầu trời.*

(Ngô Tất Tố dịch)

Bài kệ này hai câu cuối gần giống bài thơ Lý Cao, tuy mỗi vị có một ý riêng.

Đời Đường niên hiệu Thái Hòa năm thứ tám (834) tháng hai, sấp thị tịch, Sư kêu to:

- Pháp đường ngã! Pháp đường ngã!

Đại chúng đều mang cột đến chống.

Sư khoát tay bảo:

- Các người không hiểu ý ta.

Sư bèn từ giã chúng thị tịch, thọ 84 tuổi, 60 tuổi hạ.

Vua sắc phong là Hoàng Đạo đại sư, tháp hiệu là Hóa Thành.



THIÊN SƯ THIÊN NHIÊN ở ĐƠN HÀ

(739 - 824)

Không biết Sư quê quán ở đâu, chỉ biết Sư trước học nho đi vào Trường An ứng cử, dừng nghỉ ở nhà trọ, chợt mộng thấy hào quang trắng đầy nhà. Người đoán mộng nói là “điềm hiệu Không”. Gặp một thiên khách hỏi:

- Nhân giả đi đâu?

Sư đáp:

- Đi thi làm quan.

- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật.

- Thi làm Phật phải đến chỗ nào?

- Hiện nay ở Giang Tây có Mã đại sư ra đời, là trường thi làm Phật, nhân giả nên đến đó.

Sư bỏ thi, tìm đến Giang Tây ra mắt Mã đại sư (Đạo Nhất).

Vừa thấy Mã đại sư, Sư bèn lấy tay giở chiếc khăn trên đầu. Mã đại sư nhìn giây lâu bảo:

- Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của người.

Sư từ giã Mã đại sư đi sang Thạch Đầu.

Đến chỗ Thạch Đầu, Sư cũng làm giống như ở Mã đại sư. Thạch Đầu bảo:

- Ra nhà sau đi.

Sư lễ tạ xong, vào phòng cư sĩ, luân phiên làm bếp ngót ba năm.

Thiền sư Đơn Hà là một người rất khó hiểu, không ai biết được ngài ở đâu, tên gì, chỉ biết rằng một hôm ngài vào Trường An thi, trên đường ghé nhà trọ nghỉ, ban đêm mộng thấy hào quang trắng đầy nhà, người đoán mộng nói là điềm hiệu được lý Không. Sau đó ngài gặp một thiền khách, qua đối đáp biết được ngài định vào Trường An thi, vị thiền khách bảo: *Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật.* Thiền khách chỉ ngài tới Giang Tây ra mắt Mã Tổ. Thời ấy chỗ của Mã Tổ được gọi là trường thi Phật, ai muốn làm Phật thì tới đó để thi. Ngang đây ngài bỏ việc đi thi, tìm tới Giang Tây gặp Mã Tổ.

Vừa thấy Mã đại sư, Sư bèn lấy tay giở chiếc khăn trên đầu. Mã đại sư nhìn giây lâu bảo:

- Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của người.

Sư từ giã Mã đại sư đi sang Thạch Đầu. Đến chỗ Thạch Đầu, Sư cũng làm giống như ở Mã đại sư. Thạch Đầu bảo:

- *Ra nhà sau đi.*

Sư lễ tạ xong vào phòng cư sĩ, luân phiên làm bếp ngót ba năm.

Vừa thấy Mã Tổ, ngài liền đưa tay giở chiếc khăn trên đầu, ý muốn xin xuất gia mà không dùng ngôn ngữ, Mã Tổ nhìn giây lâu bảo: *Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của người.* Không phải duyên ở đây, qua bên Nam Nhạc Thạch Đầu đi, vị đó mới là thầy của người. Đến chỗ Thạch Đầu, ngài cũng làm giống như ở Mã Tổ, Thạch Đầu bảo: *Ra nhà sau đi.* Vậy là được chấp nhận rồi.

Sư lễ tạ xong vào phòng cư sĩ, luân phiên làm bếp ngót ba năm. Không được học gì hết, chỉ chia phiên làm bếp. Một nho sĩ lên kinh đô thi làm quan, tới đây không được chỉ dạy gì, chỉ làm bếp suốt ba năm mà không chán. Nếu chúng ta ở ngoài có một chút bằng cấp hay là nhà nho, nhà văn mà vô chùa bắt làm bếp thì chắc không chịu nổi. Ý chí của người xưa khác xa chúng ta bây giờ.

Ở đây không thuật lại chuyện thừa hỏi riêng như thế nào, nhưng qua đối đáp chúng ta có thể biết được ngài đã ngộ đạo trong ba năm ở chỗ Thạch Đầu.

Một hôm Thạch Đầu bảo chúng:

- **Ngày mai cắt cỏ ở trước điện Phật.**

Sáng hôm sau, đại chúng mỗi người cầm liềm cầm cuốc đến trước chùa làm cỏ. Chỉ riêng Sư lấy thau múc nước gội đầu, đến quỳ gối trước Hòa thượng. Thạch Đầu thấy thế cười, liền cạo tóc

cho Sư. Cạo tóc xong, Thạch Đầu lại vì Sư nói giới. Sư bịt tai ra đi.

Sư trở lại Giang Tây yết kiến Mã đại sư. Chưa lễ ra mắt, Sư đi thẳng về tăng đường trèo lên cổ tượng thánh tăng ngồi. Đại chúng kinh ngạc chạy báo cho Mã đại sư hay. Mã đại sư đích thân vào tăng đường trông thấy bèn nói:

- Con ta, Thiên Nhiên.

Sư bèn bước xuống đất lễ bái, thưa:

- Cảm tạ Thầy ban cho pháp hiệu.

Mã đại sư hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ Thạch Đầu đến.

- Đường Thạch Đầu trơn, người có té chẳng?

- Nếu có trượt té thì chẳng đến đây.

Một hôm Thạch Đầu bảo chúng:

- Ngày mai cắt cỏ ở trước điện Phật.

Sáng hôm sau, đại chúng mỗi người cầm liềm cầm cuốc đến trước chùa làm cỏ. Chỉ riêng Sư lấy thau múc nước gội đầu, đến quỳ gối trước Hòa thượng. Thạch Đầu thấy thế cười, liền cạo tóc cho Sư. Cạo tóc xong, Thạch Đầu lại vì Sư nói giới. Sư bịt tai ra đi.

Thạch Đầu bảo ngày mai cắt cỏ ở trước điện Phật, đại chúng mỗi người cầm liềm, cầm cuốc đến trước chùa

làm cỏ, chỉ riêng ngài biết nên mức nước gội đầu đến quỳ trước Hòa thượng. Thạch Đầu cười rồi cạo tóc cho ngài, tức là thầy trò cảm thông nhau. Cạo tóc xong Thạch Đầu lại nói giới cho nghe, nhưng ngài bịt tai đi ra. Sao kỳ vậy? Chúng ta tu cần phải thọ giới, tại sao ngài lại coi thường? Bởi vì khi đã nhận ra đại sự, mới biết việc thọ giới chỉ là phương tiện bên ngoài, nắm được gốc rồi thì ngọn ngành phụ thuộc không đáng kể nữa, nên ngài bịt tai đi ra.

Sư trở lại Giang Tây yết kiến Mã đại sư. Chưa lễ ra mắt, Sư đi thẳng về tầng đường trèo lên cổ tượng thánh tăng ngồi. Đại chúng kinh ngạc chạy báo cho Mã đại sư hay. Mã đại sư đích thân vào tầng đường trông thấy, bèn nói:

- Con ta, Thiên Nhiên.

Sư bèn bước xuống đất lễ bái, thưa:

- Cảm tạ Thầy ban cho pháp hiệu.

Mã đại sư hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ Thạch Đầu đến.

- Đường Thạch Đầu trơn, người có té chẳng?

- Nếu có trượt té thì chẳng đến đây.

Ngài trở lại Giang Tây, chưa đánh lễ Mã đại sư đã đi thẳng vào tầng đường, trèo lên cổ tượng thánh tăng ngồi. Đại chúng hoảng hốt, không biết ông này là ai

mà kỳ lạ, nên đi báo với Mã đại sư. Giả sử chúng ta là trụ trì, nếu thấy một vị tăng ở đâu tới ngô nghếch vô lễ như vậy, chắc cũng không thể bình tĩnh. Mã đại sư đến thấy ngài, liền nói: *Con ta, Thiên Nhiên*. Thấy hành động tức biết là hạng người nào rồi. Ngài trèo xuống cảm tạ thầy ban pháp hiệu, tên Thiên Nhiên có từ đó.

Mã đại sư đã cảm thông và biết được chỗ Thạch Đầu cao vót khó vào, nên hỏi: *Đường Thạch Đầu trơn, người có té chẳng?* Đường Thạch Đầu trơn là lời Mã đại sư nói tặng Thạch Đầu. Đường Thạch Đầu trơn trượt khó đi, người có té không? *Nếu té thì chẳng đến*. Nói theo lối kinh điển như bây giờ, Thạch Đầu dạy đạo thâm sâu quá người có lãnh hội được không? Dạ, con lãnh hội được. Chúng ta thấy ở đây hai thầy trò nói chuyện với nhau dường như không có đạo lý gì hết, nhưng trong đó tràn đầy đạo lý. Đường Thạch Đầu tuy trơn trượt khó đi mà con đã đến được rồi; tức là đã lãnh hội, đã nắm vững, không bị té như những người khác, nên bây giờ mới trở về đây.

Mã Tổ không trách ngài trèo lên cổ thánh tăng ngồi, bởi vì người hội đạo không chấp nê vào những thứ tiểu tiết, còn chúng ta do chưa thấy đạo nên thấy cái gì trái với lễ nghi thường tình là không chịu nổi. Đó là chỗ khác biệt giữa chúng ta và các thiền sư.

Từ biệt Mã Tổ, Sư đi dọc đường gặp một ông già dắt một đứa bé. Sư hỏi:

- Ông nhà ở đâu?

Ông già đáp:

- Trên là trời dưới là đất.

Sư bảo:

- Chợt gặp trời đổ đất sụp thì sao?

Ông già đáp:

- Trời xanh! Trời xanh!

Đứa bé “hư!” một tiếng. Sư bảo:

- Không phải cha này chẳng sanh được đứa con kia.

Ông già dắt đứa bé vào núi mất.

Câu hỏi nghe rất thường: *Nhà ông ở đâu?* Ông già đáp: *Trên là trời, dưới là đất.* Nghe đáp thì biết ông già này không phải tay vừa, ngài hỏi tiếp: *Chợt gặp trời đổ đất sụp thì sao?* Ông già nói: *Trời xanh, trời xanh.* Những câu nói nghe qua không thấy có chút đạo lý, nhưng trong đó toàn là đạo lý. Đạo lý ở chỗ nào?

Nói *trên là trời, dưới là đất*, vậy nhà ông già ở đâu? Thông thường người ta hay nói nhà tôi ở chỗ này, xứ kia, chốn nọ. Bởi vì chúng ta chỉ biết cái nhà của thân tứ đại mà không biết khắp nơi đều là nhà. Nhà ở của thân tứ đại sẽ sụp đổ, còn cái đó thì không bị sụp đổ. Vì vậy nên nói, *trời xanh trời xanh*. Mênh mông, bát ngát, không đâu chẳng phải nhà. Có chỗ khác nói: Giả sử cả thế giới này hoại, cái đó cũng không hoại. Hai chữ *trời xanh* nhằm nói lên ý nghĩa ấy.

Ông già nói xong đứa bé liền *hư* một tiếng. Đâu phải đầu bạc răng rụng mới là thiền sư, còn tí xú

cũng đã biết rồi, thật là hy hữu! Ngài khen: *Không phải cha này chẳng sanh được đứa con kia.* Đây là rỗng sanh rỗng con, phượng sanh phượng con, không phải tầm thường.

Ông già dẫn đứa bé vào núi, không nói thêm câu nào. Ở Trung Hoa thời này đi đâu cũng gặp thiền sư, không chỉ người xuất gia mà cả cư sĩ cũng có thể trở thành thiền sư.

Sư đi du phương, đến núi Thiên Thai, nơi chót Hoa Đảnh dừng ở ba năm, sau đó Sư viếng những nơi như Kính Sơn yết kiến thiền sư Quốc Nhất. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) Sư đến núi Hương Sơn ở Long Môn, Lạc Kinh làm bạn với hòa thượng Phục Ngưu.

Sư lại đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời đại hàn, Sư bèn thỉnh tượng Phật gỗ đốt để hơ. Viện chủ trông thấy quở:

- Sao đốt tượng Phật của tôi?

Sư lấy gậy bới tro nói:

- Tôi thiêu để lấy xá-lợi.

Viện chủ bảo:

- Phật gỗ làm gì có xá-lợi.

Sư nói:

- Đã không có xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa thiêu.

Viện chủ nghe câu nói này tất cả chấp đều tan vỡ.

Thiền sư làm nhiều việc lạ thường, nếu nhìn khắt khe theo nề nếp thì chúng ta không thể nào hiểu nổi các ngài.

Ngài đi du phương nhiều nơi, lúc đến chùa Huệ Lâm gặp tiết đại hàn, khoảng tháng mười một, tháng chạp âm lịch, trời lạnh thấu xương ngủ không được, ngài bèn thỉnh tượng Phật gỗ ra đốt. Viện chủ trông thấy, nóng ruột quở: *Sao đốt tượng Phật của tôi?* Ngài lấy gậy bới đồng tro, nói: *Tôi thiêu để lấy xá-lợi*. Câu nói dường như đùa cợt mà hay đáo để.

Viện chủ không hiểu nên nói: *Phật gỗ làm gì có xá-lợi*. Viện chủ này thật ngây thơ, nghe nói thiêu Phật gỗ tìm xá-lợi lẽ ra đã biết, vậy mà cũng chưa biết. Sư bèn nói thêm: *Đã không có xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa thiêu*. Câu nói nghe chát lố tai, khiến cho Viện chủ ngang đây được ngộ. Nhân câu chuyện này trong nhà thiền có câu: “Đơn Hà thiêu mộc Phật, Viện chủ lạc mi mao.” Đơn Hà đốt tượng Phật gỗ, Viện chủ rụng hết lông mày, là sao?

Những việc làm của ngài Đơn Hà chúng ta thấy lạ lùng, không chút trang nghiêm. Nhưng sự thật, việc làm đó không có lỗi. Còn chúng ta, nếu thiêu tượng Phật thì chắc chắn phải xuống địa ngục. Tại sao? Vì ngài không bị câu thúc trong hình thức tầm thường, nhờ ngài thiêu tượng Phật mà Viện chủ tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ cái gì? Đa phần chúng ta đều nặng về hình thức nên hết lòng tôn kính Phật, mỗi ngày lau chùi điện Phật, thay hương hoa, thắp nhang đèn, dâng cơm cúng nước trịnh trọng,

cho đó là tu. Cứ như vậy cả đời đem hết khả năng ra phụng sự, dần dần lệ thuộc vào hình tượng, lấy phương tiện làm cứu cánh mà không rõ tự tâm. Kính Phật, thờ phụng Phật trang nghiêm đương nhiên có phước báo lớn, nhưng rất khó ngộ đạo. Bởi một khi đã chìm sâu trong phương tiện thì càng tu càng kẹt, không thể nào đạt đạo.

Ngài thấy Viện chủ ngày đêm thờ phụng Phật, cho đó là sự nghiệp, nên ngài chất củi đốt tượng Phật để cảnh tỉnh Viện chủ. Đối với người chấp chặt vào hình thức, nếu chỉ nói chuyện thông thường thì họ đâu chịu hiểu, cho nên phải làm bạo. Giống như người điếc, phải tiếng sấm to họ mới nghe. Cũng vậy, câu nói của ngài Đôn Hà như tiếng sét đánh tan tâm chấp của Viện chủ. Tượng Phật gỗ đâu phải là Phật thật, Viện chủ ngay đây liền ngộ, lập tức bao nhiêu chấp trước đều rơi rớt sạch, nên nói “rụng hết lông mày”.

Một hôm, Sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung, trước hỏi thị giả:

- Quốc sư có ở nhà chăng?

Thị giả bảo:

- Ở nhà thì ở mà không thấy khách.

Sư bảo:

- Rất sâu xa thay!

Thị giả bảo:

- Mắt Phật cũng nhìn chẳng thấy.

Sư khen:

- Rong sanh rong con, phượng sanh phượng con.

Quốc sư ngủ dậy, thị giả thuật lại, Quốc sư đánh thị giả hai chục gậy đuổi ra.

Sư nghe việc ấy bèn nói:

- Không lầm là Nam Dương quốc sư.

Quốc sư có ở nhà chăng? Câu hỏi bình thường, nhưng thị giả không phải tầm thường: Ở nhà thì ở mà không thấy khách. Nói theo cách thông thường, Quốc sư đang ngủ. Ngủ cho nên ở nhà mà không thấy khách. Nhưng trong câu đáp của thị giả còn có ý nghĩa thâm trầm khác nữa, chủ nhà không bao giờ vắng mặt mà không có khách, tức là đóng cửa sáu căn không dính khách trần. Vì vậy ngài bảo: Rất sâu xa thay. Thị giả liền nói: Mắt Phật cũng nhìn chẳng thấy. Chính câu nói này đã làm sáng tỏ. Nói ở nhà, không phải là Quốc sư Huệ Trung, mà chính là nói đến cái không tên tuổi, không hình tướng. Chỗ đó cho dù mắt Phật cũng không nhìn thấy. Ngài khen: Rong sanh rong con, phượng sanh phượng con. Được khen vậy là thị giả hay quá rồi, thế nhưng khi Quốc sư ngủ dậy nghe thuật lại, Quốc sư liền đánh thị giả hai mươi gậy đuổi ra. Nghe việc ấy, ngài nói: Không lầm là Nam Dương quốc sư.

Kỳ lạ, đã không khen mà còn đánh nữa là sao? Thị giả có tội gì? Theo tinh thần nhà thiền, khi vị thầy đang giáo hóa, dù học trò có lanh lợi mấy cũng không được làm bướng. Nếu có người tới hỏi, vị thầy nói mà họ không hiểu, dù mình biết cũng không được nói thẳng.

Tìm cách giải thích cho người hiểu là ăn đòn. Đó là chỗ đặc biệt trong nhà thiền.

Hôm sau, Sư lại đến yết kiến Quốc sư, thấy Quốc sư, Sư bèn trải tọa cụ. Quốc sư bảo:

- Chẳng dùng, chẳng dùng.

Sư bước lui. Quốc sư bảo:

- Như thế, như thế.

Sư tiến lại trước. Quốc sư bảo:

- Chẳng phải, chẳng phải.

Sư đi quanh Quốc sư một vòng rồi lui ra. Quốc sư bảo:

- Cách Phật đã xa người nhiều lười biếng, ba mươi năm sau tìm kẻ này lại khó được.

Ngài làm như thế đúng hay sai, Quốc sư nói vậy là khen hay chê? Thông thường khi đối đáp với nhau các thiền sư chỉ dùng hành động, qua đó mà biết nhau. Vì vậy khi tới gặp Quốc sư, ngài không nói gì chỉ dùng hành động. Lời khen của Quốc sư cũng ẩn mật khéo léo, chứ không như chúng ta khen ngợi khiến người thành ngã mạn.

Sư đến thăm cư sĩ Bàn Uẩn, thấy con gái Bàn Uẩn là Linh Chiếu đang rửa rau, Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu buông rổ rau xuống, đứng khoanh tay. Sư lại hỏi:

- Cư sĩ có nhà chẳng?

Linh Chiếu bưng rổ rau lên đi thẳng. Sư bèn trở về. Chốc lát sau Bàng Uẩn về, Linh Chiếu đem việc rồi thuật lại. Bàng Uẩn hỏi:

- Đơn Hà ở đâu?

Linh Chiếu thưa:

- Đã về.

Bàng Uẩn bảo:

- Con lấy đất đỏ nặn trâu.

Lại một hôm Sư đến thăm Bàng Uẩn. Vừa đến cửa gặp nhau, Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chẳng?

Bàng Uẩn đáp:

- Đói chẳng chọn thức ăn.

Sư lại hỏi:

- Ông Bàng có nhà chẳng?

Bàng Uẩn đáp:

- Trời xanh! Trời xanh!

Nói xong Bàng Uẩn vào nhà. Sư nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Nói xong, Sư trở về.

Hôm sau, Sư lại đến Bàng Uẩn. Sư bảo:

- Hôm qua thấy nhau đâu giống ngày nay.

Bàng Uẩn đáp:

- Đúng pháp nhắc lại việc hôm qua để làm con mắt quý.

- Chỉ như con mắt quý lại xem đến Bàng Công chăng?

- Tôi ở trong con mắt của Thầy.

- Con mắt tôi chật hẹp chỗ nào an thân?

- Là con mắt gì chật, là thân nào an?

Sư bèn thôi. Bàng Uẩn nói:

- Hãy nói thêm một câu cho trọn lời này.

Sư vẫn không nói. Bàng Uẩn lại nói:

- Tự trung một câu cũng không người nói được.

Sư đến thăm cư sĩ Bàng Uẩn, thấy con gái Bàng Uẩn là Linh Chiếu đang rửa rau, Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu buông rổ rau xuống, đứng khoanh tay. Sư lại hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu bưng rổ rau lên đi thẳng. Sư bèn trở về. Chốc lát sau Bàng Uẩn về, Linh Chiếu đem việc rồi thuật lại. Bàng Uẩn hỏi:

- Đơn Hà ở đâu?

Linh Chiếu thưa:

- Đã về.

Bàng Uẩn bảo:

- Con lấy đất đở nặn trâu.

Gia đình Bàng Uẩn có bốn người, về già ông cất một cái am trên núi, cô con gái là Linh Chiếu đan sáo bán nuôi cha, người con trai thì ở đất bằng cày ruộng nuôi mẹ. Linh Chiếu là một cô gái lanh lợi, khi thiền sư Đơn Hà đến thăm, thấy cô đang rửa rau ngài hỏi: *Cư sĩ có nhà chăng? Cô buông rổ rau xuống đứng khoanh tay.* Ngài hỏi lại, cô *bưng rổ rau lên đi thẳng.* Thấy vậy liền biết Cư sĩ không có ở nhà, nên ngài trở về. Bàng Uẩn về cô Linh Chiếu thuật lại, ông quở: *Con lấy đất đở nặn trâu.* Tức là, chỉ khéo làm trò đùa của con nít mà thôi.

Lại một hôm Sư đến thăm Bàng Uẩn. Vừa đến cửa gặp nhau, Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Bàng Uẩn đáp:

- Đói chẳng chọn thức ăn.

Sư lại hỏi:

- Ông Bàng có nhà chăng?

Bàng Uẩn đáp:

- Trời xanh! Trời xanh!

Nói xong Bàng Uẩn vào nhà. Sư nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Nói xong, Sư trở về.

Một hôm ngài lại đến thăm Bàng Uẩn, vừa đến cửa gặp nhau ngài hỏi: *Cư sĩ có nhà chăng?* Sao lạ vậy, đã gặp rồi mà còn hỏi? Bàng Uẩn đáp: *Đói chẳng chọn thức ăn.* Câu nói này có ý gì? Trong nhà thiền, một khi nhận ra được rồi thì biết mình luôn luôn có mặt, không bao giờ vắng thiếu; hay nói cách khác là ông chủ không vắng nhà. Như lúc đói thì món gì ăn cũng được, không có tâm phân biệt lựa chọn món này ngon món kia dở. Nghe trả lời như vậy, ngài muốn xác nhận xem Cư sĩ có hằng sống với ông chủ không, nên hỏi lại: *Ông Bàng có nhà chăng?* Bàng Uẩn nói: *Trời xanh, trời xanh!* Gặp nhau đối đáp bao nhiêu đó quá đủ rồi, không còn gì để nói thêm nữa, ngài ra về.

Hôm sau, Sư lại đến Bàng Uẩn. Sư bảo:

- Hôm qua thấy nhau đâu giống ngày nay.

Bàng Uẩn đáp:

- Đúng pháp nhắc lại việc hôm qua để làm con mắt quý.

- Chỉ như con mắt quý lại xem đến Bàng Công chăng?

- Tôi ở trong con mắt của Thầy.

- Con mắt tôi chặt hẹp chỗ nào an thân?

- Là con mắt gì chặt, là thân nào an?

Sư bèn thôi. Bàng Uẩn nói:

- Hãy nói thêm một câu cho trọn lời này.

Sư vẫn không nói. Bàng Uẩn lại nói:

- Tự trung một câu cũng không người nói được.

Con mắt quý là con mắt gì? Tại sao Bàng Uẩn nói, Tôi ở trong con mắt của Thầy? Nếu ai nhận ra được nơi mỗi người đều có cái thấy trùm khắp thì mới hiểu chỗ này. Ngài theo nghĩa thường gạn lại: Con mắt tôi chật hẹp chỗ nào cho ông an thân? Bàng Uẩn đáp: Là con mắt gì chật, là thân nào an? Vậy là không phải thân, cũng không phải con mắt thịt này rồi. Ngài bèn im lặng, Bàng Uẩn bảo: Hãy nói thêm một câu cho trọn lời này. Ngài vẫn im lặng. Bàng Uẩn nói: Tự trung một câu cũng không người nói được. Thấy đến chỗ tốt lời rồi còn gì để nói nữa. Đến đây không thể dùng lời để nói, càng cố gắng nói thì càng cách xa, nên chỉ im lặng mà thôi.

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba (808), một hôm Sư nằm ngang trên cầu Thiên Tân. Gặp lưu thủ là Trịnh công ra đuổi mà Sư không dậy. Trịnh công gạn hỏi duyên do. Sư chậm rãi đáp: “Tăng vô sự.” Trịnh công lấy làm lạ, phát tâm dâng hai bó lụa và hai chiếc áo. Từ đây mỗi ngày Trịnh công thường dâng cúng gạo bún. Dân chúng ở kinh đô Lạc Dương đồng quy kính Sư.

Cầu Thiên Tân là một cây cầu quan trọng trong thành phố Lạc Dương. Một hôm ngài nằm ngang trên cầu mà ngủ. Gặp lưu thủ là Trịnh công, như cảnh sát bây giờ, đến đuổi ngài cũng không chịu dậy. Trịnh công hỏi lai do, ngài đáp: *Tăng vô sự*. Bởi làm tăng vô sự nên không có gì để sợ. Thấy tư cách của ngài như vậy, Trịnh công nể phục phát tâm cúng dường. Từ đó dân chúng cũng cùng nhau quy kính ngài.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười lăm (820) vào mùa xuân, Sư bảo đồ đệ:

- Ta nhớ suối rừng chỗ gửi thân ngày già.

Môn đệ sai Tề Tĩnh Phương đến núi Đơn Hà ở Nam Dương cất am cúng dường. Sư về núi Đơn Hà khoảng ba năm, những người học đạo tìm đến tham học số thường đến ba trăm. Chúng xây cất thành viện lớn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tất cả các người đều phải bảo hộ một vật linh, chẳng phải các người tạo tác danh mạo, lại nói gì là tiến cùng chẳng tiến. Ta ngày xưa yết kiến hòa thượng Thạch Đầu cũng chỉ dạy cần phải tự bảo hộ. Việc này không phải tự các người nói bàn mà được. Tất cả mỗi người các người đều tự có một chỗ ngồi, lại nghĩ cái gì? Thiền đâu phải là vật để các người hiểu, đâu có Phật khá thành. Một chữ Phật hăng không thích nghe. Các người tự xem, thiện xảo phương tiện từ bi hỷ xả chẳng phải từ ngoài được, chẳng dính một tắc vuông. Thiện xảo là Văn-thù, phương tiện là Phổ Hiền. Các người lại nghĩ tìm đuổi vật gì? Chẳng cần hăng cầu, chẳng rơi vào không. Học giả thời nay lằng xằng lộn xộn cho là tham thiền hỏi đạo. Ta ở đây không đạo có thể tu, không pháp có thể chứng, miếng ăn thức uống mỗi cái tự có phần, đâu cần phải lo nghĩ. Mỗi nơi mỗi chỗ đều có cái như thế. Nếu biết Thích-ca tức là ông già phàm phu, các người phải tự xem xét lấy.

Chớ để một người mù dẫn đám mù kéo nhau rơi vào hầm lửa. Đêm tối mập mờ, làm sao được! Vô sự, trân trọng!

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười lăm (820) vào mùa xuân, Sư bảo đồ đệ:

- Ta nhớ suối rừng chỗ gửi thân ngày già.

Môn đệ sai Tề Tĩnh Phương đến núi Đơn Hà ở Nam Dương cát am cúng dường. Sư về núi Đơn Hà khoảng ba năm, những người học đạo tìm đến tham học số thường đến ba trăm. Chúng xây cất thành viện lớn.

Trước giờ ngài đi lang thang, đến lúc sắp tịch muốn trở về núi. Vì vậy môn đệ mới sai Tề Tĩnh Phương đến núi Đơn Hà ở Nam Dương cát am cúng dường ngài. Người đương thời gọi ngài là thiền sư Đơn Hà Thiên Nhiên. Đơn Hà là tên núi, Thiên Nhiên là tên do Mã Tổ ban cho. Sau đó đồ chúng kéo nhau đến tham học ngày càng đông, lúc đầu từ một am nhỏ lâu dần trở thành một thiền viện lớn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tất cả các người đều phải bảo hộ một vật linh, chẳng phải các người tạo tác danh mạo, lại nói gì là tiến cùng chẳng tiến. Ta ngày xưa yết kiến hòa thượng Thạch Đầu cũng chỉ dạy cần phải tự bảo hộ. Việc này không phải tự các người nói bàn mà được. Tất cả mỗi người các người đều tự có một chỗ ngồi, lại nghĩ cái gì?

Ở đây ngài gọi là vật linh, còn trong luận của tổ Bồ-đề-đạt-ma thì gọi là “linh giác”. Cái đó không có

hình tướng danh mạo, lại nói gì là tiến hay chẳng tiến. Khi xưa ngài đến hòa thượng Thạch Đầu, cũng được chỉ dạy cần phải tự bảo hộ, vì đó không phải là việc có thể đem ra luận bàn. *Tất cả mỗi người các người đều tự có một chỗ ngồi, lại nghĩ cái gì?* Chỗ này trong nhà thiền thường gọi là “nhàn điền địa” tức một khoảnh đất an nhàn. Nói nhàn điền địa, linh giác hay vật linh... cũng đều nhằm chỉ cho cái không tướng mạo sẵn có nơi mỗi người.

Thiền đâu phải là vật để các người hiểu, đâu có Phật khá thành. Một chữ Phật hằng không thích nghe. Các người tự xem, thiện xảo phương tiện từ bi hỷ xả chẳng phải từ ngoài được, chẳng dính một tác vuông. Thiện xảo là Văn-thù, phương tiện là Phổ Hiền. Các người lại nghĩ tìm đuổi vật gì? Chẳng cần hằng cầu, chẳng rơi vào không.

Thiền không phải vật có hình thức thì đâu thể hiểu được, vì thiền tức là Phật, Phật tức là đạo, vốn đã sẵn có còn thành cái gì! Nên nói, *một chữ Phật hằng không thích nghe*. Bởi chữ Phật cũng chỉ là nghe qua danh tự bên ngoài, sống với cái thường hằng ngay nơi chúng ta, đó mới là Phật thật.

Thiện xảo là Văn-thù, phương tiện là Phổ Hiền. Văn-thù là trí tuệ khéo léo, Phổ Hiền là phương tiện. Như vậy Văn-thù, Phổ Hiền chính là chỉ cho trí tuệ và phương tiện khéo léo của mỗi người, chứ không phải Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền ở bên ngoài. Đã không ở bên ngoài mà còn chạy tìm cầu vật gì? Nên nói: Chẳng cần cầu cũng chớ để rơi vào không.

Học giả thời nay lãng xãng lộn xộn cho là tham thiền hỏi đạo. Ta ở đây không đạo có thể tu, không pháp có thể chứng, miếng ăn thức uống mỗi cái tự có phần, đâu cần phải lo nghĩ. Mỗi nơi mỗi chỗ đều có cái như thế.

Đối với ngài không thấy có đạo có thể tu, có pháp có thể chứng, khi ăn uống... mỗi mỗi đều an nhàn thanh tịnh, không cần lo nghĩ. Chúng ta bởi tu chưa xong nên thấy đạo để tu, thấy pháp để chứng, vì vậy ngày ngày đều không yên. Phải biết không có một pháp thật bên ngoài, chỉ hằng sống với tánh linh giác của mình mà thôi.

Nếu biết Thích-ca tức là ông già phàm phu, các người phải tự xem xét lấy. Chớ để một người mù dẫn đám mù kéo nhau rơi vào hầm lửa. Đêm tối mập mờ, làm sao được! Vô sự, trân trọng!

Đức Thích-ca là Phật, là giáo chủ cõi Ta-bà mà dám nói là phàm phu. Tại sao ngài vô lễ như vậy? Bởi đứng về thân tướng thì thân của Phật không khác thân phàm phu, cũng bị vô thường sanh diệt tan hoại như nhau, cho nên chúng ta đừng lầm thân tướng ấy. Phật là bậc giác ngộ tánh giác và hằng sống trong tánh giác của mình, chúng ta phải nhận ra chỗ phi phàm nơi đức Phật để biết được mình cũng có cái cao siêu ấy. Về thân, chúng ta và người thế gian không khác, đều là thân xác bị tan hoại, nhưng về tâm thì hoàn toàn khác xa nhau. Người thế gian vì cho thân này là thật, nên đuổi theo danh lợi, bị mê lầm trong tất cả cảnh. Còn người tu

biết danh lợi là sanh diệt hư giả, biết có cái không sanh không diệt hằng hiện hữu, nên không bị mê lầm.

Nếu chúng ta chỉ thấy giả tướng mà không nhận ra tánh giác của chính mình thì làm sao giác ngộ như Phật. Bởi cứ mong chuyển thành tướng tốt, nên một bề lo chăm chút thân tướng bên ngoài, ít bữa soi gương xem đạo này mình ngồi thiền sắc mạo thế nào, hồng hào hơn không v.v... Nếu thấy da dẻ hồng hào sáng sủa hơn thì mừng, cho rằng tu có chút sở đắc. Thật là đáng thương! Ngồi thiền nhiều tất nhiên tướng mạo chuyển biến tốt đẹp, nhưng đó không phải là việc đáng kể. Trong kinh Lăng-nghiêm, đoạn nói về ngũ ấm ma, Phật chỉ rõ những cảnh do ma trá hình làm người vui thích. Như có người ăn uống sơ sài mà mạnh khỏe hồng hào... rồi lầm tưởng là mình có sở đắc nên say mê trong ấy.

Hiện nay có vài vị dạy tu thiền giống như yoga, gọi là mật pháp trị bệnh, người theo cũng rất đông. Mục đích tu của họ là mong cho hết bệnh, mong thấy được những tướng lạ, hay điều gì đó cao siêu huyền bí. Nhưng đạo Phật không phải như vậy. Chính yếu của người tu Phật là đạt đến giác ngộ, nhận ra bản tâm sáng suốt của mình. Chúng ta không nên nặng vào hình tướng, đừng mắc kẹt bên ngoài; quan trọng là buông xả những tập khí, nhận được Phật trong tâm của mình, đó mới là chân thật.

Có thân là có bệnh, thân sanh diệt đẹp xấu không quan trọng, mà nhận ra tâm tánh của mình mới thật sự quan trọng. Bởi phần nhiều hay chú tâm vào hình tướng bên ngoài, nên ma mới được cơ hội dựa dẫm lừa lọc.

Vì vậy thiền sư Đơn Hà muốn chỉ cho biết, chính thân Phật cũng là thân phàm phu, vẫn còn nằm trong thân tướng sanh diệt.

Chớ để một người mù dẫn đám mù kéo nhau rơi vào hầm lửa. Không nên nhận lầm thân mà phải thấy được tánh giác. Nếu không nhận ra tánh giác thì chẳng khác nào người mù dẫn một đám mù cùng rơi xuống hầm lửa mà thôi.

Đêm tối mập mờ, làm sao được! Nếu không sáng mắt, không thấy được bản tâm thì trên đường tu mù mù mịt mịt. Vì si mê nên tà chánh không phân rõ, đêm tối hai đường màu sắc mập mờ làm sao biết nẻo đi. Thôi, không có gì để nói nữa. *Vô sự, trân trọng!*

Có vị tăng đến tham học, vừa tới chân núi gặp Sư. Tăng hỏi:

- Núi Đơn Hà phải đi đường nào?

Sư chỉ núi bảo:

- Chỗ xanh sâm sẫm.

Tăng thưa:

- Chớ chỉ cái này là phải sao?

Sư bảo:

- Thật sư tử con, một phen khêu động liền nhảy.

Hỏi núi Đơn Hà, ngài chỉ *chỗ xanh sâm sẫm* là ngài đùa cợt hay chỉ thật? Khi muốn nói đến pháp thân, các thiền sư thường diễn tả qua hình thức trời xanh. Nhưng ông tăng này cũng không vừa, nghe vậy liền nói:

Chớ chỉ cái này là phải, cái đó có hình tướng sao? Sư bảo: Thật là sư tử con vừa động đến liền nhảy. À! Ta không biết chú là sư tử con.

Sư hỏi vị tăng:

- Nghỉ ở đâu?

Tăng thưa:

- Nghỉ dưới núi.

- Ăn cơm ở đâu?

- Ăn cơm dưới núi.

- Người đem cơm cho Xà-lê ăn có đủ mất không?

Tăng không đáp được.



**Niên hiệu Trường Khánh năm thứ tư (824 TL)
ngày hai mươi ba tháng sáu, Sư gọi đệ tử bảo:**

- Lấy nước nóng tắm, ta sắp đi đây.

Tắm xong, Sư đội mũ mang giày cầm trượng, đuổi một chân chưa đến đất liền tịch, thọ 86 tuổi. Vua sắc phong là Trí Thông thiền sư, tháp hiệu Diệu Giác.

Sư có làm hai bài Ngoạn Châu Ngâm, hiện còn lưu hành.

Thiền sư ra đi dễ dàng quá, không thở từng cơn mệt nhọc như mình. Cho nên chúng ta phải ráng tu như các ngài vậy.



THIÊN SƯ ĐẠO NGỘ **chùa THIÊN HOÀNG⁽¹⁾**

(748 - 807)

Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ Châu. Lúc bé Sư dung nghi khác thường, không học mà biết. Năm mười bốn tuổi, Sư xin xuất gia cha mẹ không cho, Sư thệ bớt ăn bớt uống, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, dần dần thân thể tiêu tụy. Cha mẹ bất đắc dĩ hứa cho Sư xuất gia.

Sư xuất gia với Đại Đức ở Minh Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đến chùa Trúc Lâm ở Hàng Châu thọ giới Cụ túc. Sư tinh tấn tu hành giới luật trang nghiêm. Ban đêm Sư thường ra gò mả ngồi thiền, không kể gió mưa, chẳng chút sợ sệt.

⁽¹⁾ Đạo Ngộ có hai vị đồng thời đồng xứ, một vị ở chùa Thiên Hoàng đệ tử Thạch Đầu, một vị ở chùa Thiên Vương đệ tử Mã Tổ. Truyền Đăng Lục chép một vị là sai.

Sau, Sư đến yết kiến thiền sư Quốc Nhất ở Kính Sơn, nhận được tâm pháp, ở lại đây hầu năm năm.

Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-779) Sư đến Chung Lăng yết kiến Mã Tổ, chỉ được ấn định lại những chỗ hiểu trước, không có pháp gì khác. Sư dừng lại đây hai năm.

Sư lại đến yết kiến Thạch Đầu. Đến Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Lìa định tuệ lấy pháp gì dạy người?

Thạch Đầu đáp:

- Ta ở đây không có nô tỳ, lìa cái gì.

- Thế nào rõ được?

- Người chụp được hư không chẳng?

- Thế ấy tức chẳng từ ngày nay đi.

- Chưa biết bao giờ người từ bên kia đến?

- Đạo Ngộ chẳng phải người bên kia.

- Ta đã biết trước chỗ người đến.

- Sao Thầy lấy tang vật vu khống người?

- Thân người hiện tại.

- Tuy nhiên như thế, cứu cánh làm sao chỉ dạy người sau?

- Người nói ai là người sau?

Sư nhân đây đốn ngộ, đối với lời dạy của hai vị thầy trước tâm còn sở đắc, nơi đây sạch hết dấu vết.

Khi đến yết kiến Thạch Đầu, ngài hỏi: *Lìa định tuệ lấy pháp gì dạy người?* Thạch Đầu đáp: *Ta ở đây không có nô tỳ, lìa cái gì.* Nô tỳ là tôi tớ, không có tôi tớ thì lìa cái gì. Nói định tuệ cũng chỉ danh từ giả tạm bên ngoài, nên ngài gọi là nô tỳ. Chủ nhân thật vượt thoát ra ngoài những tên gọi ấy, đừng kẹt vào ngôn ngữ danh sông không thật.

Nghe vậy ngài thắc mắc: *Thế nào rõ được?* Vậy làm sao rõ được cái ấy. Thạch Đầu hỏi lại: *Người chụp được hư không chăng?* Cái đó không hình tướng giống như hư không, muốn rõ được nó chẳng khác nào muốn chụp hư không. Chỗ này mỗi người nên tự ngộ, tự nhận lấy.

Ngài nói: *Thế ấy tức chẳng từ ngày nay đi.* Nếu vậy tức là không phải từ ngày nay đi rồi. Thạch Đầu nói: *Chưa biết bao giờ người từ bên kia đến.* Nói ngày nay đi hay bên kia đến là vẫn còn ở hai bên. Bên này là bờ mê, bên kia là bến giác. Còn bên này bên kia là chưa đến cứu cánh.

Ngài nói: *Đạo Ngộ chẳng phải người bên kia.* Thạch Đầu bảo: *Ta đã biết trước chỗ người đến.* Người không phải người bên kia, vậy ta đã biết chỗ người đến rồi. *Sao Thầy lấy tang vật vu khống người?* Con chưa đến mà tại sao Thầy biết trước chỗ đến, vậy là Thầy lấy tang vật vu khống cho con. Thạch Đầu nói: *Thân người hiện tại.* Ngay thân người hiện giờ mà biết thôi.

Ngài thưa: *Tuy nhiên như thế, cứu cánh làm sao chỉ dạy người sau?* Tuy biết là cái hiện đang sống đây,

nhưng làm sao để chỉ dạy lại cho người sau nhận được. Thạch Đầu gặng lại: *Người nói ai là người sau?* Một câu rất mạnh, khiến ngài đốn ngộ.

Tại sao? Bởi nghĩ tới người sau, tức có mình hiện tại, vậy là bản ngã còn ngằm. Khi bị Thạch Đầu hỏi lại, lúc đó ngài mới bừng tỉnh, ngang đây kiến chấp chóng sạch, gọi là đốn ngộ. Như chúng ta bây giờ, cứ cắm đầu lo cho mình, rồi lo cho người sau đủ chuyện, cho nên ngã càng ngày càng to như núi, tu hoài cũng không đốn ngộ.

Về sau, Sư đến núi Sài Tử ở Dương Dương, Kinh Châu, học chúng theo học rất đông. Dân chúng trong đô thành nghe danh lũ lượt kéo đến tham vấn. Trong đô thành có chùa Thiên Hoàng là nơi danh lam bị hỏa hoạn hư sập, thầy trụ trì là Linh Giám tìm cách xây cất lại. Linh Giám ước rằng: “Nếu được thiền sư Đạo Ngộ về làm Hóa chủ ở đây là phước lớn của ta.” Lúc nửa đêm, Linh Giám đến cầu thỉnh Sư, Sư hoan hỷ nhận chịu. Từ đây về sau, Sư dừng trụ ở chùa Thiên Hoàng.

Có quan Hữu bộc xạ Bùi công đến cúi đầu hỏi pháp, Sư trợn không đưa đón. Bùi công càng kính trọng. Đối với khách, Sư không phân biệt sang hèn đều ngồi chào họ.

Ngài đối với người sang kẻ hèn bình đẳng, không quý trọng mà cũng không khinh thường, đều ngồi chào mà không đứng dậy. Tướng quốc đời Đường là Bùi công tới thăm ngài không đón, lúc đi về ngài cũng chẳng đưa, khiến cho Bùi công càng thêm kính trọng. Đó là hạnh đặc biệt của ngài.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là nói huyền diệu?

Sư đáp:

- Chớ bảo ta hiểu Phật pháp.

- Nỡ để học nhân đeo nghi mãi sao?

- Sao chẳng hỏi lão tăng?

- Hỏi rồi.

- Đi! Không phải chỗ người ngu.

Tăng hỏi: *Thế nào là nói huyền diệu?* Ngài đáp: *Chớ bảo ta hiểu Phật pháp.* Câu nói này có lời gì huyền diệu không? Không, vậy huyền diệu ở chỗ nào? Huyền diệu là chỗ không thể hiểu, khởi hiểu tức không phải huyền diệu rồi!

Ngài đáp như thế là đã chỉ chỗ huyền diệu mà vị tăng này không vào cửa nổi, nên hỏi: *Nỡ để học nhân đeo nghi mãi sao?* Ngài vặn lại: *Sao chẳng hỏi lão tăng?* Đã nói cho rồi mà không hiểu, thôi hỏi lại ta đi. Tăng thưa: *Hỏi rồi.* Ngài bảo: *Đi! không phải chỗ người ngu.* Biết vị tăng này không phải thứ thiệt, nên ngài quở đuổi ra.

Tháng tư năm Đinh Hợi niên hiệu Nguyên Hòa (807) đời Đường, Sư có chút bệnh bảo đệ tử báo trước ngày tịch. Đến ngày cuối tháng, chúng họp nhau đến thăm bệnh Sư. Bỗng nhiên, Sư gọi:

- Diển tọa!

Diển tọa lại gần, Sư bảo:

- Hội chẳng?

Diễn tọa thừa:

- Chẳng hội.

Sư cầm chiếc gối ném xuống đất, rồi từ biệt chúng thị tịch. Sư thọ 60 tuổi, 35 tuổi hạ.

Gọi mà không ai ngộ nên ngài quăng chiếc gối rồi từ giã mọi người ra đi. Chúng ta cũng phải cố gắng tu để chùng ra đi được mạnh mẽ như vậy.



THIÊN SƯ ĐẠI ĐIÊN BẢO THÔNG

Không biết quê quán và tên tộc của Sư. Chỉ biết buổi đầu Sư đến tham vấn Thạch Đầu, Thạch Đầu hỏi:

- Cái gì là tâm người?

Sư thưa:

- Nói năng là tâm.

Bị Thạch Đầu nạt đuổi ra.

Hơn một tuần, Sư lại đến hỏi:

- Trước đó đã chẳng phải, ngoại trừ cái này, gì là tâm?

Thạch Đầu bảo:

- Trừ bỏ nhướn mày chớp mắt, đem tâm lại!

- Không tâm có thể đem lại.

- Nguyên lai có tâm sao nói không tâm? Không tâm thì đồng phỉ báng.

Ngay câu nói ấy, Sư đại ngộ.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma nói không có gì ngoài tâm, ở đây ngài cũng trả lời như thế, tại sao bị Thạch Đầu nạt đuổi ra? Chỗ này chúng ta phải khéo nhận.

Nếu nhận nói năng hành động theo những suy tưởng bên ngoài, cho đó là tâm thì đã lầm. Vì vậy khi mới đến, Thạch Đầu hỏi: *Cái gì là tâm?* Ngài đáp: *Nói năng là tâm.* Liên bị Thạch Đầu đuổi ra.

Tuần sau, ngài trở lại hỏi: *Trước đó đã chẳng phải, ngoại trừ cái này, gì là tâm?* Thạch Đầu bảo: *Trừ ngoài nhún mày chớp mắt đem tâm lại.* Ngài mờ mịt đáp: *Không tâm có thể đem lại.* Thạch Đầu bảo: *Nguyên lai có tâm sao nói không tâm? Không tâm thì đồng phi báng.* Nghe câu ấy ngài bừng ngộ. Như vậy, ngộ đó là ngộ tâm nào? Cũng ngay nhún mày chớp mắt nói năng hành động mà thấy được lý thật ở bên trong.

Chúng ta thường lầm theo những suy nghĩ vọng tưởng điên cuồng, mà quên mất tâm chân thật vốn sẵn có. Nếu khéo nhận cái biết ngay nơi nhún mày chớp mắt thì liền rõ được tâm của chính mình. Cũng đồng nói năng hành động mà người biết thì thấy tâm, người không biết lại lập ý lầm. Đó là chỗ đặc biệt. Kinh nói, như giếng chứa uống sữa chứa nước, phải khéo mà nhận.

Một hôm Sư đứng hầu, Thạch Đầu hỏi:

- Người là tăng tham thiền hay là tăng châu huyện?

Sư thưa:

- Tăng tham thiền.

- Sao là thiền?
- Nhướn mày chớp mắt.
- Trừ ngoài nhướn mày chớp mắt, đem bản lai diện mục của người ra trình xem?
- Trừ ngoài nhướn mày chớp mắt, thỉnh Hòa thượng xem con.
- Ta trừ xong.
- Con trình Hòa thượng rồi.
- Người đã đem trình, tâm ta thế nào?
- Chẳng khác Hòa thượng.
- Không quan hệ việc người.
- Vốn không vật.
- Người cũng không vật.
- Đã không vật tức vật thật.
- Vật thật không thể được. Tâm người thấy lượng ý chỉ như vậy, phải khéo hộ trì.

Một hôm Sư đứng hầu, Thạch Đầu hỏi:

- Người là tăng tham thiền hay là tăng châu huyện?

Sư thưa:

- Tăng tham thiền.
- Sao là thiền?
- Nhướn mày chớp mắt.

Thạch Đầu hỏi: *Sao là thiền?* Ngài đáp: *Nhươn mày chớp mắt.* Nếu trước ngài không ngộ được ngay nhươn mày chớp mắt có cái chân thật hiện tiền thì bây giờ đâu thể nói được câu này. Tuy nhiên Thạch Đầu vẫn muốn thử lại, nên đặt cái bẫy để gạn xem chỗ thấy của ngài.

- *Trừ ngoài nhươn mày chớp mắt, đem bản lai diện mục của người ra trình xem?*

- *Trừ ngoài nhươn mày chớp mắt, thỉnh Hòa thượng xem con.*

- *Ta trừ xong.*

- *Con trình Hòa thượng rồi.*

Đến đây thầy trò khai chiến, trò không thua gì thầy. Thấy trò qua bẫy, Thạch Đầu vẫn chưa chịu thôi.

- *Người đã đem trình, tâm ta thế nào?*

- *Chẳng khác Hòa thượng.*

- *Không quan hệ việc người.*

- *Vốn không vật.*

- *Người cũng không vật.*

- *Đã không vật tức vật thật.*

- *Vật thật không thể được. Tâm người thấy lượng ý chỉ như vậy, phải khéo hộ trì.*

Qua đối đáp Thạch Đầu biết được ngài đã có chỗ vào, nên ngay đây liền ấn chứng.

Sau, Sư từ biệt Thạch Đầu đến Linh Sơn, Triều Châu ở ẩn. Học chúng bốn phương quy tụ về khá đông.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phàm người học đạo phải biết bản tâm nhà mình, đem tâm chỉ nhau mới có thể thấy đạo. Thấy nhóm người hiện thời phần nhiều chỉ nhận nhượn mày chớp mắt, hoặc nói hoặc nín, ngay đó ẩn khả cho là tâm yếu, đây thật chưa xong. Nay ta vì các người nói trắng ra, mỗi người phải lắng nghe nhận lấy: Chỉ trừ bỏ tất cả vọng động tưởng niệm xét lường, tức chân tâm của người. Tâm này cùng trần cảnh và khi kìm giữ lặng lẽ hoàn toàn không dính dấp. Tức tâm là Phật không đợi tu sửa. Vì cố sao? Vì hợp cơ tùy chiếu, lặng lẽ tự dùng, tột chỗ dùng kia trọn không thể được. Bảo là diệu dụng chính là bản tâm, cần yếu hộ trì chớ nên dễ người.

Sau khi từ già Thạch Đầu, ngài về ẩn ở Linh Sơn tại Triều Châu. Người học nghe tiếng tìm đến thưa hỏi đạo lý rất đông. Vì vậy ngài phải thăng tòa giảng dạy. Lời dạy của ngài rõ ràng rồi, nên ở đây chúng ta chỉ đọc qua thôi, không phải giảng giải thêm.

Có vị tăng hỏi:

- Người trong đó gặp nhau thì thế nào?

Sư đáp:

- Sớm đã không ở trong đó rồi.

- Người trong đó thế nào?

- Chẳng hỏi câu ấy.

Bởi vì còn hỏi tức là chưa phải người thấy được lẽ thật.

Hàn Văn Công hỏi Sư:

- Hòa thượng tuổi được bao nhiêu?

Sư cầm râu chuôi giờ lên bảo:

- Hội chẳng?

Văn Công thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Ngày đêm trăm lẻ tám.

Văn Công không hiểu trở về.

Hôm sau Văn Công lại đến, vừa tới cửa gặp Thủ tọa, Văn Công thuật câu nói hôm qua của Sư, hỏi ý kiến thế nào? Thủ tọa gõ rằng ba cái. Văn Công vào trong gặp Sư, hỏi lại ý kiến hôm qua. Sư cũng gõ rằng ba cái.

Văn Công thưa:

- Nguyên lai Phật pháp không hai thứ.

Sư hỏi:

- Là đạo lý gì?

Văn Công thưa:

- Vừa đến hỏi Thủ tọa cũng như thế.

Sư gọi Thủ tọa hỏi:

- Phải người đáp như thế chẳng?

Thủ tọa thưa:

- Phải.

Sư đánh đuổi ra.

Lại một hôm Văn Công đến bạch Sư:

- Đệ tử ở quận châu nhiều việc, xin Thầy cho một câu tóm tắt hết Phật pháp.

Sư lặng thinh. Văn Công mờ mịt.

Lúc ấy Tam Bình làm thị giả đứng hầu, bèn gõ giường thiền ba cái. Sư hỏi:

- Làm gì?

Tam Bình thưa:

- Trước lấy định động, sau lấy trí nhớ.

Văn Công thưa:

- Môn phong Hòa thượng cao vót, đệ tử từ bên thị giả được chõ vào.

Hàn Văn Công hỏi Sư:

- Hòa thượng tuổi được bao nhiêu?

Sư cầm râu chuôi giơ lên bảo:

- Hội chẳng?

Văn Công thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Ngày đêm trăm lễ tám.

Văn Công không hiểu trở về.

Thiền sư không lệ thuộc vào quá khứ hiện tại vị lai, hỏi tuổi tác là điều tối kỵ. Vì vậy khi được hỏi bao nhiêu tuổi, ngài bèn đưa râu chuôi lên hỏi: *Hội chăng?* Đưa râu chuôi lên ý muốn nói điều gì? Phải ngài một trăm lễ tám tuổi không? Hàn Văn Công mờ mịt không hiểu đành trở về.

Hôm sau Văn Công lại đến, vừa tới cửa gặp Thủ tọa, Văn Công thuật câu nói hôm qua của Sư, hỏi ý kiến thế nào? Thủ tọa gõ răng ba cái. Văn Công vào trong gặp Sư, hỏi lại ý kiến hôm qua. Sư cũng gõ răng ba cái.

Văn Công thưa:

- Nguyên lai Phật pháp không hai thứ.

Sư hỏi:

- Là đạo lý gì?

Văn Công thưa:

- Vừa đến hỏi Thủ tọa cũng như thế.

Sư gọi Thủ tọa hỏi:

- Phải người đáp như thế chăng?

Thủ tọa thưa:

- Phải.

Sư đánh đuổi ra.

Hôm sau Văn Công trở lại, gặp Thủ tọa ông bèn thuật lại việc hôm qua và hỏi xem ý chỉ thế nào, Thủ tọa nghe xong *gõ răng ba cái*. Văn Công vào trong gặp ngài, ngài cũng *gõ răng ba cái*. Thầy trò làm giống hệt nhau không khác. Văn Công nói: *Nguyên lai Phật pháp không hai thứ*. Ngài nghe nói lấy làm lạ, ông nói không hai thứ là *đạo lý gì?* Văn Công thưa lại sự việc, ngài gọi Thủ tọa đến hỏi: *Phải người đáp như thế chăng?* Thủ tọa thưa: *Phải*. Ngài liền *đánh đuổi ra*.

Tại sao đáp giống thầy mà bị thầy đánh đuổi ra, vậy đưa xâu chuỗi lên là ý chỉ gì? Lăn chuỗi để định tâm, tâm yên định không nghĩ về quá khứ vị lai, thế thì tuổi tác bao nhiêu cũng đâu có nghĩa lý gì. Ngài đưa xâu chuỗi lên để chỉ ngay cái hiện tại đó, đừng tìm kiếm đâu xa, ngày đêm lúc nào tâm cũng hằng an định. Cho nên khi được hỏi lại thì Thủ tọa *gõ răng ba cái*, ngài cũng *gõ răng ba cái*. Muốn đạt được sự an định phải dùng trí mà vào, còn chạy tìm kiếm suy nghĩ theo bên ngoài tức không thể đến được chỗ ấy.

Lại một hôm Văn Công đến bạch Sư:

- *Đệ tử ở quận châu nhiều việc, xin Thầy cho một câu tóm tắt hết Phật pháp.*

Sư lặng thinh. Văn Công mờ mịt.

Lúc ấy Tam Bình làm thị giả đứng hầu, bèn gõ giường thiền ba cái. Sư hỏi:

- *Làm gì?*

Tam Bình thưa:

- *Trước lấy định động, sau lấy trí nhỏ.*

Văn Công thưa:

- *Môn phong Hòa thượng cao vót, đệ tử từ bên thị giả được chỗ vào.*

Hàn Văn Công xin một câu tóm hết Phật pháp, ngài lặng thinh không nói tiếng nào, ông mờ mịt không hiểu. Lúc đó Tam Bình đang làm thị giả đứng hầu bên cạnh, bèn gõ giường thiền ba cái. Ngài hỏi: Làm gì? Tam Bình nói: *Trước lấy định động, sau lấy trí nhỏ.* Văn Công thưa: *Môn phong Hòa thượng cao vót, đệ tử từ bên thị giả được chỗ vào.*

Im lặng là định. Muốn hiểu được yếu chỉ Phật pháp thì trước phải dùng định động rồi sau mới dùng trí nhỏ. Gõ giường thiền hay gõ răng ba cái đều nhằm chỉ chỗ này.

Có vị tăng hỏi:

- **Biển khổ sóng to lấy gì làm thuyền bè?**

Sư bảo:

- **Lấy cây làm thuyền bè.**

- **Như thế thì qua được?**

- **Người mù vẫn mù như cũ, người câm vẫn câm như cũ.**

Không biết Sư tịch lúc nào và nơi nào.

Đơn giản quá, *biển khổ sóng to thì lấy cây làm thuyền bè.* Câu đáp của ngài có đạo lý gì không?

Nếu có người đến hỏi, bẻ khổ mệnh mông làm sao qua được? Chúng ta sẽ đáp, phải lấy bát thánh đạo làm bè để nường đó mà qua biển khổ v.v... Nhưng ngài lại nói, lấy cây làm thuyền bè. Hỏi: *Làm sao qua được?* Ngài đáp: *Người mù vẫn mù như cũ, người câm vẫn câm như cũ.* Những lời giải đáp của các ngài nếu không phải hàng lành lợi thì khó mà nhận ra ý chỉ.

Không biết ngài tịch lúc nào và ở đâu.



ĐỜI THỨ BA SAU LỤC TỔ

B- PHÁI HOÀI NHƯỢNG

ĐỆ TỬ THIỀN SƯ ĐẠO NHẤT

Một trăm ba mươi chín vị

- 1- Thiền sư Hoài Hải (Bá Trượng)**
- 2- Thiền sư Phổ Nguyện (Nam Tuyên)**
- 3- Thiền sư Huệ Hải**
- 4- Thiền sư Ấn Phong**
- 5- Thiền sư Đạo Ngộ (Thiên Vương)**
- 6- Thiền sư Huệ Tạng**
- 7- Thiền sư Trí Tạng**
- 8- Thiền sư Vô Nghiệp**
- 9- Thiền sư Pháp Hội**
- 10- Thiền sư Trí Kiên**
- 11- Thiền sư Quy Kiến**
- 12- Thiền sư Đạo Hạnh**
- 13- Thiền sư Đạo Thông**
- 14- Thiền sư Lan Nhượng**
- 15- Thiền sư Như Mãn**
- 16- Thiền sư Pháp Thường (Đại Mai)**
- 17- Thiền sư Đạo Minh**
- 18- Thiền sư Từ Mãn**

- 19- Thiền sư Hồng Ân**
- 20- Thiền sư Tổng Ấn**
- 21- Thiền sư Bảo Vân**
- 22- Thiền sư Thường Hưng**
- 23- Thiền sư Hoài Uẩn**
- 24- Thiền sư Minh Triết**
- 25- Thiền sư Đại Nghĩa**
- 26- Thiền sư Tự Tại**
- 27- Thiền sư Bảo Tích**
- 28- Thiền sư Đại Dục**
- 29- Thiền sư Bảo Triệt**
- 30- Thiền sư Tề An**
- 31- Thiền sư Linh Mặc**
- 32- Thiền sư Duy Khoan**
- 33- Thiền sư Như Hội**
- 34- Thiền sư Vô Đẳng**
- 35- Thiền sư Trí Thường**
- 36- Thiền sư Quảng Trừng**
- 37- Thiền sư Ô Cự**
- 38- Thiền sư Thảo Đường**
- 39- Thiền sư Đàm Tạng**
- 40- Thiền sư Thiện Giác**
- 41- Thiền sư Thần Giám**

- 42- Thiền sư Pháp Tạng**
- 43- Thiền sư Chí Hiền**
- 44- Thiền sư Pháp Nhu**
- 45- Thiền sư Bảo Khánh**
- 46- Thiền sư Hoài Thản**
- 47- Thiền sư Giác Bình**
- 48- Thiền sư Khánh Vân**
- 49- Thiền sư Huyền Hư**
- 50- Thiền sư Thắng Biện.**



THIÊN SƯ BÁ TRUỘNG HOÀI HẢI

(720 - 814)

Sư họ Vương, quê ở Trường Lạc, Phúc Châu. Lúc bé theo mẹ đi chùa lễ Phật, Sư chỉ tượng Phật hỏi mẹ: “Đây là gì?” Mẹ bảo: “Phật.” Sư nói: “Hình dung không khác với người, con sau cũng sẽ làm Phật.”

Sư xuất gia lúc còn để chóp và hằng chuyên cần tu học giới định tuệ. Sau Sư đến tham học với Mã Tổ Đạo Nhất làm thị giả. Mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, Sư vừa giở lồng bàn ra, Mã Tổ liền cầm một miếng bánh hỏi chúng: “Đây là gì?” Như thế mãi đến ba năm.

Một hôm Sư theo hầu Mã Tổ đi dạo, thấy một bầy vịt trời bay qua. Mã Tổ hỏi:

- Đó là cái gì?

Sư thưa:

- Con vịt trời.

- Bay đi đâu?

- Bay qua.

Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh. Mã Tổ bảo:

- Lại nói bay qua đi.

Ngay câu ấy, Sư tỉnh ngộ.

Trở về phòng thị giả, Sư khóc lóc rất thống thiết. Những người đồng phòng nghe, hỏi:

- Huynh nhớ cha mẹ phải chăng?

Sư đáp:

- Không.

- Bị người ta mắng chửi chăng?

- Không.

- Tại sao khóc?

- Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng kéo đau thấu xương.

- Có nhân duyên gì không khế hội?

- Huynh hỏi Hòa thượng đi.

Những vị ấy đến hỏi Mã Tổ:

- Thị giả Hải có nhân duyên gì chẳng khế hội ở trong phòng khóc, xin Hòa thượng vì chúng con nói.

Mã Tổ bảo:

- Y đã khế hội, các người tự hỏi lấy y.

Các vị ấy về phòng hỏi:

- Hòa thượng nói huynh đã hội, bảo chúng tôi về hỏi huynh.

Sư bèn cười ha hả. Các vị ấy bảo:

- Vừa rồi khóc sao bây giờ cười?

Sư đáp:

- Vừa rồi khóc, bây giờ cười.

Các vị ấy mờ mịt không hiểu.

Hôm sau Mã Tổ vừa lên tòa, chúng nhóm họp xong, Sư bước ra cuốn chiếu. Mã Tổ xuống tòa, Sư theo sau đến phương trượng.

Mã Tổ hỏi:

- Ta chưa nói câu nào, tại sao người cuốn chiếu?

Sư thưa:

- Hôm qua bị Hòa thượng kéo chót mũi đau.

- Hôm qua người để tâm chỗ nào?

- Chót mũi ngày nay lại chẳng đau.

- Người hiểu sâu việc hôm qua.

Sư làm lễ, lui ra.

Sư họ Vương, quê ở Trường Lạc, Phúc Châu. Lúc bé theo mẹ đi chùa lễ Phật, Sư chỉ tượng Phật hỏi mẹ: “Đây là gì?” Mẹ bảo: “Phật.” Sư nói: “Hình dung không khác với người, con sau cũng sẽ làm Phật.”

Sư xuất gia lúc còn để chóp và hằng chuyên cần tu học giới định tuệ. Sau Sư đến tham học với Mã Tổ Đạo Nhất làm thị giả. Mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, Sư vừa giở lồng bàn ra, Mã Tổ liền cầm một miếng bánh hỏi chúng: “Đây là gì?” Như thế mãi đến ba năm.

Thiền sư Hoài Hải là người phát xuất ra nhiều nhân vật quan trọng có ảnh hưởng lớn về sau, trong đó nổi bật nhất là thiền sư Hoàng Bá và thiền sư Quy Sơn Linh Hựu. Kế thừa Hoàng Bá có Lâm Tế, sau trở thành tông Lâm Tế hưng thịnh đến ngày nay. Dưới Quy Sơn Linh Hựu thì có Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, sau trở thành tông Quy Ngưỡng.

Lúc nhỏ theo mẹ đi lễ chùa, thấy tượng Phật ngài có ý muốn làm Phật, việc này cho thấy tiền duyên của ngài rất sâu, đã có sẵn từ thuở nào, thế nên lúc ngài đi xuất gia còn rất nhỏ. Ngài chuyên tâm học kinh điển và tu tập giới định tuệ. Sau đến chỗ Mã Tổ Đạo Nhất được cử làm thị giả. Mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, Mã Tổ đều cầm một miếng bánh đưa lên hỏi: *Đây là gì?* Hỏi một câu như thế suốt ba năm.

Một hôm Sư theo hầu Mã Tổ đi dạo, thấy một bầy vịt trời bay qua. Mã Tổ hỏi:

- *Đó là cái gì?*

Sư thưa:

- *Con vịt trời.*

- *Bay đi đâu?*

- *Bay qua.*

Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh. Mã Tổ bảo:

- *Lại nói bay qua đi.*

Ngay câu ấy, Sư tỉnh ngộ.

Mã Tổ không nói đạo lý chỉ nói chuyện chim bay ngoài trời, vậy ngài ngộ là ngộ cái gì? Bởi chúng sanh mê lầm, lúc nào cũng thấy ngoài tâm có pháp, có sự vật tới lui qua lại, mà không biết tất cả pháp không ngoài mình. Mã Tổ muốn thức tỉnh ngài, nên nhân bầy vịt trời mà chỉ cho thấy cái thường hằng nơi mỗi người. Vì vậy khi hỏi: *Bay đi đâu?* Ngài thưa: *Bay qua*, Mã Tổ bèn vịn lỗ mũi, ngài đau điếng la lên, Mã Tổ liền bảo: *Lại nói bay qua đi!* Ngay đó ngài tỉnh ngộ, nhận ra cái không bao giờ mất. Sự vật đến đi, còn cái thấy biết của chúng ta thì thường hằng không đến không đi. Nếu không thường hằng thì vịn lỗ mũi đau đâu biết la. Vịn lỗ mũi đau la lên, khi ấy mới thức tỉnh cái biết chưa từng mất, liền thấy được ông chủ thường hằng của mình.

Thông thường chúng ta hay lệ thuộc vào sự vật đến đi, rồi tâm mình cũng theo đó mà sanh diệt. Nhưng không ngờ, chính tâm sanh diệt đến đi theo sự vật ấy, vẫn có một cái không đến không đi. Mã Tổ là tay diệu thuật, thấy được ngài Bá Trượng sẽ là bậc mẫu mực cho mai sau, nên khéo dùng thủ đoạn kỳ đặc, khiến người được ngộ ngàn đời không quên. Suốt ba năm, mỗi khi giờ lòng bàn Mã Tổ đều cầm miếng bánh đưa lên hỏi, cũng chính nhằm trưởng dưỡng cho thị giả ngộ lúc này.

Trở về phòng thị giả, Sư khóc lóc rất thống thiết. Những người đồng phòng nghe, hỏi:

- Huynh nhớ cha mẹ phải chăng?

Sư đáp:

- Không.

- Bị người ta mắng chửi chăng?

- Không.

- Tại sao khóc?

- Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng kéo đau thấu xương.

- Có nhân duyên gì không khế hội?

- Huynh hỏi Hòa thượng đi.

Lúc ngộ ngài còn nhỏ, chừng mười mấy tuổi, nên khi thấy ngài ở trong phòng khóc thống thiết, các huynh đệ nghĩ ngài nhớ cha mẹ hoặc bị người mắng chửi, bèn xúm lại hỏi thăm vì sao khóc. Ngài kể lại việc bị Hòa thượng kéo mũi đau điếng và bảo các vị ấy đến hỏi Hòa thượng.

Những vị ấy đến hỏi Mã Tổ:

- Thị giả Hải có nhân duyên gì chẳng khế hội ở trong phòng khóc, xin Hòa thượng vì chúng con nói.

Mã Tổ bảo:

- Y đã khế hội, các người tự hỏi lấy y.

Các vị ấy về phòng hỏi:

- Hòa thượng nói huynh đã hội, bảo chúng tôi về hỏi huynh.

Sư bèn cười ha hả. Các vị ấy bảo:

- Vừa rồi khóc, sao bây giờ cười?

Sư đáp:

- Vừa rồi khóc bây giờ cười.

Các vị ấy mờ mịt không hiểu.

Tại sao lúc nãy khóc bây giờ cười? Trước khóc vì ngộ nhưng chưa có dịp trình bày với thầy, bây giờ cười vì đã được thầy ấn chứng. Nghe kể Mã Tổ nói như thế, ngài liền biết nên cười, còn những người kia thì mờ mịt không hiểu.

Hôm sau Mã Tổ vừa lên tòa, chúng nhóm họp xong, Sư bước ra cuốn chiếu. Mã Tổ xuống tòa, Sư theo sau đến phương trượng. Mã Tổ hỏi:

- Ta chưa nói câu nào, tại sao người cuốn chiếu?

Sư thưa:

- Hôm qua bị Hòa thượng kéo chót mũi đau.

- Hôm qua người để tâm chỗ nào?

- Chót mũi ngày nay lại chẳng đau.

- Người hiểu sâu việc hôm qua.

Sư làm lễ, lui ra.

Tuy đã được ấn chứng nhưng ngài chưa bằng lòng, vì ấn chứng đó là qua lời người khác kể, bản thân ngài cũng chưa làm lễ đúng như pháp, cho nên hôm sau đến để trình bày lại chỗ đã nhận hiểu của mình. Mã Tổ bảo: *Người hiểu sâu việc hôm qua.* Ngài làm lễ lui ra.

Đứng hầu Mã Tổ, Sư thấy phát tử ở góc giường, bèn hỏi:

- Ngay đây dùng, là đây dùng?

Mã Tổ bảo:

- Về sau người mở miệng sẽ lấy cái gì vì người?

Sư cầm phát tử dựng đứng. Mã Tổ hỏi:

- Ngay đây dùng, là đây dùng?

Sư để phát tử lại chỗ cũ. Mã Tổ nghiêm chỉnh nạt một tiếng, đến ba ngày Sư còn điếc tai.

Mã Tổ chấn chỉnh nạt một tiếng, tới ba ngày lỗ tai ngài vẫn còn điếc. Chúng ta thấy thủ thuật đặc biệt của Mã Tổ: nhéo lỗ mũi đau thấu xương, nạt một tiếng điếc tai ba ngày... Chỗ ngộ của ngài là ngộ tận xương tủy, không bao giờ quên, con cháu về sau nối truyền đời đời đều được như vậy. Bởi vì nếu chỉ ngộ nhẹ nhẹ sẽ dễ quên, còn ngộ trong trường hợp đặc biệt thì không bao giờ quên. Cho nên chúng ta đừng sợ những việc xem như tàn nhẫn của thiền sư, vì chính sự tàn nhẫn đó mới phát xuất ra những con người đặc biệt.

Sau, Sư về núi Đại Hùng tại Hồng Châu. Ngọn núi này cao vót đến trăm trượng nên thời nhân gọi Sư là Bá Trượng. Bốn phương học giả đua nhau đến tham học rất đông. Trong số học chúng có thiền sư Hy Vận và Linh Hựu là hàng đầu.

Một hôm, Sư bảo chúng:

- Phậ pháp không phải là việc nhỏ, lão tăng xưa bị Mã Tổ nạt một tiếng, đến ba ngày lỗ tai còn điếc.

Hy Vận nghe nói bất giác le lưỡi. Sư bảo:

- Con về sau thừa kế Mã Tổ chẳng?

Hy Vận thưa:

- Không. Nay nhân Hòa thượng nhắc lại, con được thấy Mã Tổ đại cơ đại dụng, nhưng vẫn không biết Mã Tổ. Nếu con thừa kế Mã Tổ, về sau mất hết con cháu của con.

Sư bảo:

- Đúng thế, đúng thế! Thấy bằng với thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao. Con hẳn có cái thấy vượt hơn thầy.

Hy Vận liền lễ bái.

Hy Vận nghe nhắc lại cái nạt của Mã Tổ, bất giác le lưỡi, tức là cảm thông được cái nạt đó, nên ngài nói: Người nhận được ý của Mã Tổ, vậy là có thể kế thừa được Mã Tổ rồi. Hy Vận thưa: *Nếu con kế thừa Mã Tổ, về sau mất hết con cháu của con.* Sao lạ vậy? Bởi vì trong nhà thiền, vị thầy trực tiếp truyền cho trò, trò tiếp tục truyền lại đệ tử, cứ như vậy đời đời thầy trò truyền nhau không dứt. Nếu nhân nghe nhắc hành động của Mã Tổ mà lãnh hội, tức là ngộ nơi Mã Tổ, nhưng Mã Tổ đã tịch làm sao được ấn chứng, như vậy sau này con cháu không được truyền thừa rõ ràng. Nên nói: Nếu kế thừa Mã Tổ, về sau mất hết con cháu.

Ngài bảo: *Đúng thế, đúng thế! Thấy bằng với thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao.* Câu nói này chưa biết chính xác xuất xứ từ ai, bởi ở những bản khác dẫn lời cổ đức cũng có nhắc đến. Tổ Bá Trượng nhắc lại lời của người trước, hay ngài là người đầu tiên nói ra? Nếu là lời của ngài, có thể thấy cái nhìn của ngài thật đáng nể. Người thầy lúc nào cũng muốn đệ tử hơn mình, nếu đệ tử nhận hiểu bằng thầy là đã thua thầy nửa đức. Qua đây đã nói lên tinh thần kỳ đặc của thiền tông.

Như hiện giờ giả sử tôi hiểu được năm phần, tăng ni có người cũng hiểu được năm phần. Nhưng tôi tu trước, các vị tu muộn hơn nên về sự tu hành cũng còn kém. Thế nên về sự hiểu biết thì bằng, nhưng về đức vẫn còn thua. Bởi tôi tu lâu hơn thì đức phải cao hơn. Cho nên nói, *thấy bằng thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao.* Vì vậy ngài Bá Trượng nói: *Con hẳn có cái thấy vượt hơn thầy.* Người có cái thấy cao vượt hơn thầy mới kham lãnh trách nhiệm của thầy truyền, xứng đáng kế thế sự nghiệp của thầy.

Trong đây có người nào thấy vượt hơn thầy chưa? Phải là những người siêu xuất hơn thầy mới kham nhận lãnh trách nhiệm nặng nề, nếu học trò thua thầy là đi xuống rồi! Tuy hiện tại chưa có, song tôi tin tưởng rằng tất cả tăng ni ở đây đều là sư tử con, ngày sau sẽ rống lên tiếng rống sư tử. Bây giờ sư tử còn nhỏ dĩ nhiên phải yếu, nhưng tới chừng sư tử lớn lên, sẽ gầm hét dữ tợn hơn. Tôi hy vọng như vậy.

Thấy bằng thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao. Chúng ta là con cháu trong nhà thiền, phải luôn luôn ghi nhớ câu nói này. Người thầy phải luôn mong muốn học trò hơn mình, mong muốn đó làm cho đạo pháp được truyền bá lâu dài. Chúng ta đừng có quan niệm sợ học trò hơn mình, suy nghĩ như vậy là lạc hậu, là hủ bại sai lầm. Trình độ và sự tiến bộ của tri thức mỗi thời mỗi tiến lên chứ đâu dừng lại.

Như thời tôi còn nhỏ, người học tới cử nhân thật là hy hữu, ai có bằng tú tài là giỏi lắm, là hạng khó kiếm rồi. Nhưng ở thời đại hiện nay, nếu muốn con cháu mình học tới ngang đó thôi thì lạc hậu, phải học tới tiến sĩ mới có giá trị. Việc học ngày càng phát huy, dân trí ngày càng cao hơn. Muốn xã hội tiến bộ thì người sau phải giỏi hơn người trước. Đó là nói việc thường của thời đại, còn về đạo pháp thì càng phải thấu suốt hơn nữa. Bởi vì Phật pháp được truyền bá hưng thịnh đến ngày sau là đệ tử phải giỏi hơn thầy, nếu đệ tử thua thầy thì Phật pháp sẽ suy tàn. Tổ sư ngày xưa đã có cái nhìn như thế, chúng ta cứ sợ học trò hơn mình, đó là lỗi lớn trong đạo. Thế nên tôi nhắc nhở toàn chúng: Tất cả cần phải ghi nhớ và ý thức rõ việc này.

Lại một hôm, có vị tăng vừa đi vừa khóc đi thẳng vào pháp đường. Sư hỏi:

- Làm gì?

Tăng thưa:

- Cha mẹ đồng thời chết, thỉnh Thầy chọn ngày.

Sư bảo:

- Ngày mai đồng thời chôn.

Kỳ lạ vậy! Vị tăng đến nhờ thầy chọn ngày chôn cha mẹ phải không? Tổ Bồ-đề-đạt-ma có nói “cha vô minh, mẹ tham ái”. Như vậy, cha mẹ ở đây nói không phải theo thế gian nghĩ, mà chính là cha vô minh và mẹ tham ái. Vị tăng vừa đi vừa khóc bảo rằng cha mẹ đồng thời chết, tức là cha vô minh và mẹ tham ái hôm nay không còn nữa. Ngài biết ông tăng này không phải tầm thường, nên bảo *ngày mai đồng thời chôn*, nếu hai thứ đó hết rồi thì chôn một lượt đi. Các ngài đã cảm thông nhau.

Sư mỗi khi thượng đường dạy chúng có một ông già theo chúng nghe pháp. Hôm nọ, chúng ra hết chỉ còn ông già không đi. Sư hỏi:

- Ông là người gì?

Ông già thưa:

- Con chẳng phải người. Thời quá khứ thuở đức Phật Ca-diếp, con làm tăng ở núi này, nhân học trò hỏi “người đại tu hành lại rơi vào nhân quả chăng?”, con đáp “không rơi vào nhân quả”. Do đó đến năm trăm đời đọa làm thân chồn. Nay thỉnh Hòa thượng chuyển một câu nói để con thoát khỏi thân chồn.

Sư bảo:

- Ông hỏi đi.

Ông già hỏi:

- Người đại tu hành có rơi vào nhân quả chăng?

Sư đáp:

- Không lầm nhân quả.

Ngay câu nói ấy, ông già đại ngộ, làm lễ thưa:

- Con đã thoát thân chôn. Con ở sau núi, dám xin Hòa thượng lấy theo lễ tang chết mà tống táng con.

Sư vào trong kêu duy-na đánh kếng bảo chúng ăn cơm xong đưa đám một vị tăng. Đại chúng nhóm nhau bàn tán: “Đại chúng đều mạnh, nhà dưỡng bệnh không có người nào nằm, tại sao có việc này?”

Sau khi cơm xong, Sư dẫn chúng đến hang núi phía sau, lấy gậy khơi lên thấy xác một con chôn vừa chết, bèn làm lễ thiêu như vị tăng.

Đây là một nghi vấn thấu trời, người sau không biết việc này có thật hay chỉ là một huyền thoại do ngài Bá Trượng lập nên? Khi được hỏi *người đại tu hành có rơi vào nhân quả không*, vị tăng đáp *không rơi vào nhân quả*, phải đọa làm thân chôn. Đến khi hỏi lại ngài, ngài nói *không lầm nhân quả*, vị tăng liền thoát khỏi thân chôn. Vậy then chốt của câu chuyện nằm ở chỗ nào?

Trong luận của tổ Bồ-đề-đạt-ma nói, linh giác của chúng ta không rơi vào nhân quả tội phước. Bậc đại tu hành là người đã nhận ra tánh linh giác, tức không còn kẹt trong nhân quả, vậy đáp *không rơi vào nhân quả*

có lỗi gì mà phải đọa làm thân chồn? Chỗ này tôi nhắc kỹ để tất cả hiểu rõ.

Nói đến lý tối thượng thừa thì tánh linh giác đó vượt ngoài nhân quả, nhưng đứng về thế tục đế thì nhân quả là chân lý phổ biến ở thế gian. Thế gian được thành lập, an bày đều theo lý nhân quả, không có gì ra ngoài nhân quả. Vì thế nếu cho rằng người tu hành không rơi vào nhân quả là vô tình phá hoại hệ thống thế tục đế, gây nghi lầm cho chúng sanh. Làm mất niềm tin nhân quả, tức là vô tình phủ nhận đạo đức của thế gian. Đây là việc hết sức quan trọng, là lỗi rất lớn, nên phải bị đọa.

Câu trả lời sau của ngài: *không làm nhân quả*, vừa khéo vừa hay. *Không làm* tức là biết rõ lý nhân quả. Đối với người tu hành giác ngộ, thấu suốt lý sự rõ ràng, nên không phá hoại cũng không phủ nhận nhân quả. Một khi thấy không còn lầm, tự nhiên thoát ngoài nhân quả. Thế nên chúng ta phải khéo hiểu, đừng để rơi vào tội lỗi. Một câu nói sai lầm, đọa làm thân chồn năm trăm đời. Có ai ngán sợ chưa? Chúng ta bây giờ hay phát ngôn cầu thả, thấy gì nói nấy theo nghĩ tưởng của mình. Do không nghiệm xét kỹ, nên nhiều khi chỉ vì một lời nói cạn cợt mà gây ra hậu quả nghiêm trọng cho mình và cho người.

Những người siêu xuất thế gian mới có thể nói được lý siêu xuất nhân quả, còn chưa được mà nói thì sẽ gây ra nghi lầm. Chúng ta tu hành, dù việc tu chưa rất ráo nhưng khi thuyết pháp cho người nghe, mình phải biết nhìn xem căn cơ trình độ của họ tới đâu, để nói cho phù hợp. Ví dụ, với người đang sợ tội ham làm phước,

mà nói không nhân quả không tội phước, khiến cho họ hết sợ tội, cũng không ham làm phước, mặc tình tạo tác. Như thế là chính mình không được phước, lại gây tội lỗi lớn. Chẳng những không giúp người hết khổ, mà còn làm tăng thêm đau khổ cho họ. Vì vậy muốn giáo hóa hay hướng dẫn người cần phải cẩn thận, hiểu cho tường tận đừng cầu thả. Không biết đến đâu, thấy chưa ra gì mà thích làm thầy thiên hạ, nói đông nói tây không có căn cứ gì hết, thật là nguy hiểm! Tưởng rằng được người cung kính là hay, không ngờ tự mình rơi vào tội lỗi không thể cứu.

Câu chuyện này dù huyền thoại hay một sự thật, đều là bài học lớn lao cho mọi người. Thâm ý của tổ Bá Trượng chính là cảnh tỉnh chúng ta đừng phạm phải sai lầm, phát ngôn cầu thả rồi phải chịu khổ nhiều đời. Về sau các nhà chú giải kinh luận cũng thường dẫn lại chuyện trên, để nhắc nhở và thuyết minh về lý nhân quả.

Sư thượng đường dạy chúng:

**- Linh quang chói sáng vượt khỏi căn trần,
Thể bày chân thường không cuộc văn tự,
Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành,
Chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.**

Ở đây ngài dùng chữ *linh quang*, còn trong Thiếu Thất Lục Môn thì tổ Bồ-đề-đạt-ma gọi là *linh giác*. Linh giác hay linh quang, tên gọi tuy khác nhưng cùng chỉ cho một thể mà thôi.

Ngài chỉ thẳng nơi mỗi người đều có cái linh quang chói sáng, luôn hiển hiện chân thật thường hằng, vượt khỏi căn trần, không hạn cuộc trong văn tự. Thể tánh của tâm ấy không ô nhiễm, vốn tự viên thành. Như vậy, muốn trở về cái linh quang sẵn có đó chúng ta phải làm sao? Chỉ cần lìa vọng duyên, tức là buông xả vọng tưởng đừng để duyên theo sáu trần dính mắc, đó là như như là Phật, không phải chạy tìm đâu xa nữa.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là pháp yếu Đại thừa đốn ngộ?

Sư đáp:

- Các người trước dứt sạch các duyên, thôi hết muôn việc, tất cả các pháp thiện cùng chẳng thiện, thế gian và xuất thế gian chớ ghi nhớ, chớ duyên niệm, buông bỏ hết khiến tâm tự tại. Tâm như cây đá không có phân biệt, không có chỗ đi. Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự hiện. Như mây tan thì trăng hiện. Chỉ dứt tất cả thứ vin theo, tình cảm tham sân ái thủ nhớ sạch đều hết. Đối với ngũ dục bát phong không bị thấy nghe hiểu biết ràng buộc, không bị các cảnh làm mê hoặc, tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, ấy là Người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh, tâm không yên không loạn, không thu nhiếp không phân tán, thấu tất cả thanh sắc không bị dính ngại, gọi là Đạo nhân.

Thiện ác phải quấy đều không dùng, không mển một pháp, cũng không bỏ một pháp, gọi là Người đại thừa.

Không bị tất cả pháp thiện ác, không hữu, nhơ sạch, hữu vi vô vi, thế gian xuất thế gian, phước đức trí tuệ ràng buộc, gọi là Phật tuệ.

Phải quấy, tốt xấu, đúng lý phi lý, các tình cảm thấy biết hết sạch, không thể trói buộc, khiến tâm được tự tại, gọi là Bồ-tát mới phát tâm liền lên địa vị Phật.

Tăng hỏi:

- Đối tất cả cảnh làm sao tâm được như cây đá?

Sư đáp:

- Tất cả pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, chẳng nói phải quấy nhơ sạch, cũng không có tâm trói buộc người, chỉ tự người hư vọng tính chấp, tạo bao nhiêu thứ hiểu, khởi bao nhiêu thứ thấy biết, sanh bao nhiêu thứ yêu sợ. Chỉ cần rõ các pháp không tự sanh, đều do một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có. Biết tâm cùng cảnh vốn không đến nhau thì ngay nơi đó là giải thoát, mỗi mỗi pháp ngay nơi đó là lặng lẽ, ngay nơi đó là đạo tràng.

Lại, tánh sẵn có không thể gọi tên, xưa nay không phải phàm không phải thánh, chẳng phải nhơ sạch, chẳng phải hữu không, cũng chẳng phải thiện ác, cùng các pháp nhiếp hợp nhau, gọi là cảnh giới người trời nhị thừa. Nếu tâm nhơ sạch hết, chẳng trụ nơi ràng buộc chẳng trụ nơi giải thoát, không tất cả tâm lượng hữu vi vô vi phước thoát,

ở nơi sanh tử tâm vẫn tự tại. Hoàn toàn không hòa hợp với uẩn giới, sanh tử, các nhập, trần lao hư huyễn; siêu nhiên không nương tựa, tất cả không ràng buộc, đi ở không ngại, qua lại trong sanh tử như cửa mở.

Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý không vừa ý, tâm không lui sụt, chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hẩm cốt nuôi mạng sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh; ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ứng. Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí, đều là ở trong sanh tử, đối với lý đạo thật vô ích, lại bị gió hiểu biết thổi trôi giạt trở lại trong biển sanh tử.

Phật là người không cầu, có cầu tức trái lý, lý không cầu này nếu cầu liền mất. Nếu chấp không cầu, lại đồng có cầu. Nếu chấp vô vi, lại đồng hữu vi. Cho nên Kinh nói: “Không thủ pháp không thủ phi pháp, không thủ phi phi pháp.” Lại nói: “Như Lai đã được pháp, pháp này không thật không hư.”

Nếu người hay một lúc tâm giống như cây đá, không bị ấm, giới, ngũ dục bát phong thổi trôi giạt, liền đoạn được nhân sanh tử, đi đứng tự do, chẳng bị tất cả hữu vi nhân quả ràng buộc, chẳng bị hữu lậu câu thúc. Khi khác lại dùng cái phước vô nhân làm nhân, đồng sự để làm lợi ích chúng sanh,

lấy tâm không chấp ứng hợp tất cả vật, dùng tuệ không ngại cõi tất cả trời buộc, cũng nói “hợp bệnh cho thuốc”.

Tăng hỏi:

- Như nay thọ giới rồi thân khẩu được thanh tịnh, đã đủ các việc thiện, như thế được giải thoát chăng?

Sư đáp:

- Được ít phần giải thoát, chưa được tâm giải thoát, chưa được tất cả chỗ giải thoát.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm giải thoát và tất cả chỗ giải thoát?

Sư đáp:

- Chẳng cầu Phật pháp tăng, cho đến chẳng cầu phước trí tri giải, tình cảm nhơ sạch hết, chẳng chấp tâm không cầu là phải, chẳng trụ chỗ hết, cũng chẳng mến thiên đường sợ địa ngục, trời buộc cõi mở không ngại, tức thân tâm và tất cả chỗ đều gọi giải thoát.

Người chớ cho có ít phần giới thân khẩu ý tịnh là xong, đâu biết môn giới định tuệ như hà sa, mà vô lậu giải thoát toàn chưa dính một mảy.

Cố gắng! Nhằm hiện nay cố tìm xét lấy, đừng đợi mất mờ tai điếc, tóc bạc mặt nhăn, già khổ

đến thân, buồn thảm triền miên mất hằng rơi lệ, trong tâm hoảng sợ không một nơi y cứ, chẳng biết chỗ đi. Đến khi ấy, muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không thể kìm được, dù có phước trí, danh dự lợi dưỡng trọn không cứu được. Vì mất tâm chưa mở, chỉ nhớ các cảnh, không biết phản chiếu, lại chẳng thấy Phật đạo. Một đời có tạo việc thiện ác thấy hiện ở trước, hoặc vui hoặc sợ, sáu đường năm uẩn thấy bày hiện tiền. Trang sức nhà cửa ghe thuyền xe cộ đẹp để hiển hách, đều từ tâm tham ái của mình hiện ra, tất cả cảnh ác đều biến thành cảnh thù thắng. Chỉ tùy tâm tham ái chỗ nào nặng, nghiệp thức dẫn đến thọ sanh, hoàn toàn không có phần tự do, rông sức tốt xấu trọn chưa định được.

Tăng hỏi:

- Thế nào được phần tự do?

Sư đáp:

- Hiện nay đối với ngũ dục bát phong lòng không lấy bỏ, xan tham tật đồ tham ái ngã sở đều hết, nhớ sạch chẳng còn, như mặt trời mặt trăng trong hư không, không duyên mà chiếu. Tâm tâm như cây đá, niệm niệm như cứu lửa cháy dầu, cũng như con voi lớn qua sông vừa ùm xuống là đến bờ kia, không bị ngăn ngại. Người này không bị nhiếp thuộc về thiên đường hay địa ngục.

Phàm học kinh xem giáo lý, mỗi câu đều phải uyển chuyển xoay về nơi mình, tất cả ngôn giáo chỉ làm sáng tỏ tánh giác hiện nay của mình.

Chỉ không bị tất cả cảnh có không... lòi, là Đạo sư của người, hay chiếu phá tất cả cảnh có không... là tuệ kim cang, tức có phần tự do tự tại. Nếu không hiểu được như thế, dù có tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành tăng thượng mạn, lại là người chê bai Phật, không phải là người tu hành. Chỉ lìa tất cả thanh sắc, cũng chẳng trụ nơi lìa, chẳng trụ nơi tri giải, là người tu hành.

Đọc kinh xem giáo lý, nếu chiếu theo thế gian là việc tốt, nếu nhằm vào người minh lý thì thường đọc xem là kẻ bế tắc. Người Thập địa vượt ra, không đi vào vòng sanh tử, nhưng giáo lý tam thừa để trị bệnh tham sân... như hiện nay niệm niệm nếu có bệnh tham sân... thì trước phải trị nó, chẳng cần tìm cầu câu nghĩa hiểu biết. Hiểu biết thuộc về tham, tham thì trở thành bệnh. Như hiện nay chỉ lìa tất cả pháp có không, cũng lìa luôn cái lìa vượt ngoài ba câu (có, không, chẳng phải có chẳng phải không) tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật, lo gì Phật không biết cách nói. Chỉ e không phải là Phật, bị các pháp có không trói buộc chẳng được tự do. Bởi lý chưa vững, trước có phước trí, bị phước trí chở đi, như người nghèo ở trong cảnh sang. Không bằng trước vững lý, sau mới có phước trí. Nếu cần phước trí thì gặp việc liền nắm đất biến thành vàng, nắm vàng biến thành đất, biến nước biển thành tô lạc, đập núi Tu-di thành bụi nhỏ, hốt nước bốn biển dồn vào một lỗ chân lông, nơi một nghĩa làm vô lượng nghĩa, nơi vô lượng nghĩa làm một nghĩa.

- Thế nào là pháp yếu Đại thừa đốn ngộ?

Sư đáp:

- Các người trước dứt sạch các duyên, thôi hết muôn việc, tất cả các pháp thiện cùng chẳng thiện, thế gian và xuất thế gian chớ ghi nhớ, chớ duyên niệm, buông bỏ hết khiến tâm tự tại. Tâm như cây đá không có phân biệt, không có chỗ đi. Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự hiện. Như mây tan thì trăng hiện. Chỉ dứt tất cả thứ vin theo, tình cảm tham sân ái thủ như sạch đều hết.

Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự hiện. Chính câu này mà ngài Vô Ngôn Thông được khai ngộ. Vô Ngôn Thông là vị tổ truyền thiền tông sang Việt Nam. Ngài là đệ tử của tổ Bá Trượng, khi nghe vị tăng hỏi về pháp yếu Đại thừa đốn ngộ, tổ Bá Trượng đáp tới đây ngài liền ngộ. Như vậy Tổ đã chỉ thẳng cho thấy, muốn được pháp yếu đốn ngộ không gì hơn trước phải dứt sạch các duyên, thôi hết muôn việc, đừng mắc kẹt có không, tất cả pháp thiện ác, thế gian xuất thế gian v.v... đừng ghi nhớ, buông bỏ không kẹt. Như mây tan thì trăng hiện, làm tất cả việc mà tâm luôn tự tại.

Nghe Tổ nói: Tâm như cây đá không có phân biệt, không có chỗ đi, đừng lầm tưởng là tâm mình không biết gì hết. Bởi bình thường chúng ta lấy tâm duyên cảnh phân biệt làm hiểu biết của mình, mà không biết rằng những hiểu biết ấy đều là hiểu biết của vọng duyên. Giờ đây nếu muốn thể nhập pháp yếu đốn ngộ Đại thừa thì phải dứt vọng duyên, các thứ hiểu biết do phân biệt không còn, nên nói như cây như đá chứ không phải

không biết gì hết. Vì không phân biệt nên không có chỗ đi, không còn chạy theo duyên trần bên ngoài nữa, đất tâm không bị vọng tưởng ngăn che, tự nhiên mặt trời trí tuệ hiện ra, sáng chiếu rõ ràng.

Đối với ngũ dục bát phong không bị thấy nghe hiểu biết ràng buộc, không bị các cảnh làm mê hoặc, tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, ấy là Người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh, tâm không yên không loạn, không thu nhiếp không phân tán, thấu tất cả thanh sắc không bị dính ngại, gọi là Đạo nhân.

Thiện ác phải quấy đều không dùng, không mền một pháp, cũng không bỏ một pháp, gọi là Người đại thừa.

Không bị tất cả pháp thiện ác, không hữu, như sạch, hữu vi vô vi, thế gian xuất thế gian, phước đức trí tuệ ràng buộc, gọi là Phật tuệ.

Phải quấy, tốt xấu, đúng lý phi lý, các tình cảm thấy biết hết sạch, không thể trói buộc, khiến tâm được tự tại, gọi là Bồ-tát mới phát tâm liền lên địa vị Phật.

Ngài nói rõ có mấy hạng người:

Người dứt hết các duyên, không bị mê hoặc trước ngoại cảnh, không có những thứ chấp trước theo hiểu biết phân biệt ràng buộc, tự nhiên đầy đủ diệu dụng, gọi đó là *người giải thoát*.

Đối với tất cả cảnh, tâm không yên không loạn, không thu nhiếp không phân tán, thấu tất cả thanh sắc không bị dính ngại, gọi là *Đạo nhân*.

Thiện ác, phải quấy đều không dùng, không mền một pháp cũng không bỏ một pháp, không mắc kẹt hai bên, gọi là *người Đại thừa*.

Vượt ngoài phước đức và trí tuệ, không bị tất cả pháp thiện ác, có không, như sạch v.v... ràng buộc, gọi là *Phật tuệ*.

Người nào buông xả hết phải quấy tốt xấu... các tình cảm thấy biết không thể trói buộc, ở đâu cũng được tự tại, người đó gọi là *Bồ-tát mới phát tâm liền lên địa vị Phật*.

Tăng hỏi:

- *Đối tất cả cảnh làm sao tâm được như cây đá?*

Sư đáp:

- *Tất cả pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, chẳng nói phải quấy như sạch, cũng không có tâm trói buộc người, chỉ tự người hư vọng tính chấp, tạo bao nhiêu thứ hiểu, khởi bao nhiêu thứ thấy biết, sanh bao nhiêu thứ yêu sợ. Chỉ cần rõ các pháp không tự sanh, đều do một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có. Biết tâm cùng cảnh vốn không đến nhau thì ngay nơi đó là giải thoát, mỗi mỗi pháp ngay nơi đó là lặng lẽ, ngay nơi đó là đạo tràng.*

Nghe ngài nói đối tất cả cảnh tâm như cây đá, vị tăng không hiểu thắc mắc, ngài bèn chỉ cho thấy rõ ý nghĩa này.

Tất cả pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, chẳng nói phải quấy như sạch, cũng không có tâm trói buộc người, chỉ tự người hư vọng tính toán chấp trước, tạo bao nhiêu thứ hiểu, khởi bao nhiêu thứ thấy biết, sanh bao nhiêu thứ yêu sợ. Các pháp bên ngoài không có khả năng trói buộc mình; không có pháp nào tự giới thiệu tôi là pháp, là không, là đẹp, là xấu gì cả; tại chúng ta thấy rồi tự sanh vọng niệm phân biệt thế này thế kia, thành ra thấy có trói buộc. Nếu biết các pháp vốn tự như, không chạy theo phân biệt nữa thì tâm tự lặng lẽ thanh tịnh. Ví dụ ở trước mắt chúng ta có khoảng hai ba mươi người, nhìn chung chung không có vấn đề gì nảy sinh, nhưng nếu chúng ta chú ý phân tích từng người thì liền thấy có kẻ xấu người đẹp, kẻ dễ ghét người dễ thương v.v... Trong bao nhiêu người đó vốn không đẹp xấu, thương ghét, do mình khởi niệm phân chia mới có. Như vậy thấy đẹp xấu, có thương ghét là tại mình chứ không phải tại cảnh. Cảnh chỉ là cảnh, thương ghét tại lòng mình.

Một khi phân biệt khởi lên, tức nhiên lo sợ liền theo đó. Thế nên, *chỉ cần nhận rõ các pháp không tự sanh, đều do một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có*. Biết rõ các pháp tự nó là như, tướng sai biệt hiện thấy là do vọng tưởng điên đảo của mình mà có.

Biết tâm cùng cảnh vốn không đến nhau thì ngay nơi đó là giải thoát, mỗi mỗi pháp ngay nơi đó là lặng lẽ, ngay nơi đó là đạo tràng. Qua câu này ngài đã chỉ rõ cho thấy giải thoát là gì. Cảnh là cảnh, tâm là tâm,

tâm và cảnh không đến nhau, tức là tâm không kẹt mắc vào cảnh thì ngay đó là giải thoát. Sở dĩ chúng ta không giải thoát được là do tâm bị cột chặt nơi cảnh, bây giờ biết rõ rồi chỉ cần tập cho tâm đừng dính với cảnh là được. Kinh Pháp Hoa nói: “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ.” Tướng của thế gian là như vậy, do vọng phân biệt của mình làm cho các pháp chia chẻ, phân ly.

Cốt yếu của việc tu chính nhằm chỗ này. Tâm cảnh không đến nhau, mỗi pháp đều lặng lẽ, ngay đó là đạo tràng. Chữ *ngay đó* tức chỉ cho cái hiện tại, hiện tiền. Không cần tìm đạo tràng ở đâu xa, chính ngay hiện tại là đạo tràng, là giải thoát. Ngược lại, nếu cứ dính mắc nơi cảnh thì khó mà giải thoát.

Lại, tánh sẵn có không thể gọi tên, xưa nay không phải phàm không phải thánh, chẳng phải nhơ sạch, chẳng phải hữu không, cũng chẳng phải thiện ác, cùng các pháp nhiệm hợp nhau, gọi là cảnh giới người trời nhĩ thừa. Nếu tâm nhơ sạch hết, chẳng trụ nơi ràng buộc chẳng trụ nơi giải thoát, không tất cả tâm lượng hữu vi vô vi phược thoát, ở nơi sanh tử tâm vẫn tự tại. Hoàn toàn không hòa hợp với uẩn giới, sanh tử, các nhập, trần lao hư huyễn; siêu nhiên không nương tựa, tất cả không ràng buộc, đi ở không ngại, qua lại trong sanh tử như cửa mở.

Ngay nơi bản tánh sẵn có của chúng ta vốn tự vô danh không có tên gọi, chúng ta đặt tên này tên nọ là theo diệu dụng của nó mà tạm đặt tên. Bản tánh ấy

không phàm không thánh, không nhớ không sạch... Tuy vô danh nhưng lại nhiều diệu dụng, vì thế có ra rất nhiều tên gọi khác nhau. Nếu hợp với nhiệm thì liền có các thứ quả báo ở cõi người cõi trời, hoặc tiến lên là Nhị thừa. Dứt hết đối đãi, nhớ sạch không còn trói buộc là ra khỏi trần lao, qua lại trong sanh tử không ngăn ngại.

Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý không vừa ý, tâm không lui sụt, chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hẩm cốt nuôi mạng sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh; ngơ ngơ như ngu như điên, sẽ được ít phần tương ưng. Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí, đều là ở trong sanh tử, đối với lý đạo thật vô ích, lại bị gió hiểu biết thổi trôi giạt trở lại trong biển sanh tử.

Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý không vừa ý, tâm không lui sụt. Người học đạo, nếu muốn tương ưng với tánh thể đó thì phải dứt hết các duyên. Gặp những thứ khổ vui, vừa ý hay không vừa ý... tâm cũng vẫn an nhiên. Không vì khổ mà lười, không vì vui mà tiếc, luôn luôn bình thản trong mọi hoàn cảnh, khổ vui đều giữ một mực tu hành, không vì những việc thuận nghịch mà làm cho mình tiến hay thối.

Chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui. Tất cả

những danh dự, lợi dưỡng, ăn mặc... đều không tham ưa, bao nhiêu công đức lợi ích cũng không thích. Không bị tất cả các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm luôn luôn bình đẳng. Người được như vậy là người chân thật học đạo.

Tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hẩm cốt nuôi mạng sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh. Người xưa ăn mặc không phải vì hưởng thụ mà chỉ là nuôi mạng sống để tu. Cho nên cái ăn cái mặc không quan trọng, chỉ là tạm ăn để nuôi thân, tạm mặc để ngừa lạnh mà thôi. Thế nhưng chúng ta bây giờ thì sao? Nếu ăn không ngon thì nuốt khó trôi phải không? Quên mất ăn để mà sống rồi cuộc trở thành sống để mà ăn. Ăn đã như thế, còn mặc thì sao? Ở trên núi mặc cái gì cũng được, xuống thành thị rồi phải mặc đồ láng láng cho dễ coi. Mặc trau chuốt cho dễ coi, tất nhiên mặc không phải vì để ngừa lạnh. Nếu chỉ sống để ăn và mặc thôi thì cuộc đời buồn biết mấy, ngày mai chết sẽ đi về đâu? Đó là điều thiết yếu mà chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ, đừng để tâm nguyện hướng đến mục tiêu cao siêu giải thoát của mình bị chôn vùi. Nhớ như vậy để phấn đấu mà tu thì đời tu mới có ý nghĩa.

Ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ứng. Được khen không mừng, chê cũng không buồn. Khen chê chẳng bận tâm, không hiện sắc vui buồn, tức là như ngu như điếc. Người như vậy sẽ được ít phần tương ứng. Nếu tu hành mà nhạy bén lanh lợi quá, nghe khen liền nở mày, nghe chê liền hóp mặt thì khó tương ứng. Chỗ này chúng ta phải gắng làm chủ.

Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí, đều là ở trong sanh tử, đối với lý đạo thật vô ích, lại bị gió hiểu biết thổi trôi giạt trở lại trong biển sanh tử. Ngài chê trách người trong tâm chỉ ham học rộng, biết cho thật nhiều, cầu phước lớn trí rộng đều là ở trong sanh tử, đối với lý đạo thật vô ích. Lý đạo tức là tâm như như của mỗi chúng ta. Hướng ra bên ngoài tìm cầu là không phù hợp với tâm như như, nên nói đó là vô ích. Bởi còn bị ngọn gió hiểu biết thổi trôi trở lại trong biển sanh tử, chứ chưa ra khỏi. Cho nên người tu là người cầu ra khỏi sanh tử, chứ không phải chỉ ham hiểu biết hay muốn khôn ngoan nhiều.

Phật là người không cầu, có cầu tức trái lý, lý không cầu này nếu cầu liền mất. Nếu chấp không cầu, lại đồng có cầu. Nếu chấp vô vi, lại đồng hữu vi. Cho nên Kinh nói: “Không thủ pháp không thủ phi pháp, không thủ phi phi pháp.” Lại nói: “Như Lai đã được pháp, pháp này không thật không hư.”

Phật là người không cầu, có cầu tức trái lý, lý không cầu này nếu cầu liền mất. Phật là người không cầu, vì có mong cầu tức là vọng. Vừa vọng cầu là mất lý, nên nói lý không cầu, nếu cầu liền mất. Nếu chấp không cầu, lại đồng có cầu. Nếu chấp vô vi, lại đồng hữu vi. Nói không cầu tức là nói đến tâm lặng lẽ, nếu chấp chặt cái không cầu cho là lẽ thật để bám vào đó thì cũng như có cầu, vì còn chấp tất nhiên tâm có khởi niệm.

Ngài lại dẫn kinh Kim Cang để chứng minh. Cho nên Kinh nói: “Không thủ pháp không thủ phi pháp,

không thủ phi phi pháp.” Lại nói: “Như Lai đã được pháp, pháp này không thật không hư.”

Nếu người hay một lúc tâm giống như cây đá, không bị ấm, giới, ngũ dục bát phong thổi trôi giạt, liền đoạn được nhân sanh tử, đi đứng tự do, chẳng bị tất cả hữu vi nhân quả ràng buộc, chẳng bị hữu lậu câu thúc. Khi khác lại dùng cái phược vô nhân làm nhân, đồng sự để làm lợi ích chúng sanh, lấy tâm không chấp ứng hợp tất cả vật, dùng tuệ không ngại cởi tất cả trói buộc, cũng nói “hợp bệnh cho thuốc”.

Nếu người tu để tâm giống như cây đá, không loạn động chạy theo ngoại cảnh, không bị trói buộc trong năm ấm... tức sẽ đoạn được nhân sanh tử. Bởi nhân của sanh tử chính là vọng niệm. Vọng niệm đã đoạn, tâm được như như thì đi đứng tự do, không còn bị những pháp hữu vi câu thúc thì khi đó phần làm chủ của chúng ta mới toàn vẹn. Bấy giờ trở lại dùng *phược vô nhân* làm nhân, đồng sự để làm lợi ích cho chúng sanh. Dùng *tâm không bị trói buộc* đó tùy tâm chúng sanh mà ứng hợp. Dùng *tuệ không ngại* cởi tất cả trói buộc cho chúng sanh. Được như vậy mới gọi là *hợp bệnh cho thuốc*.

Thiền tông gọi giai đoạn này là thông tay vào chợ, tức mục thứ mười trong Thập mục ngư đồ. Nếu nói theo Thập mục ngư đồ của Đại thừa thì tới đây là một vòng tròn, tượng trưng cho sự viên mãn, tâm thể như như không còn năng sở, mà ở đây ngài nói *tâm như cây đá, không còn bị các pháp hữu vi trói buộc*.

Khi tâm tròn sáng rồi mới dẫn thân làm lợi ích cho chúng sanh, gọi là hòa quang đồng trần. Mặc tình đến đi, tới lui mọi nơi chợ búa xóm làng, *đem thân tâm không phược làm lợi ích chúng sanh*. Chúng ta tu mà được như vậy thì việc giáo hóa mới thật sự có ý nghĩa, nếu mang thân tâm còn phược mà giáo hóa thì chính mình đang bị trói làm sao dạy người mở trói, làm sao mở trói cho người!

Tăng hỏi:

- *Như nay thọ giới rồi thân khẩu được thanh tịnh, đã đủ các việc thiện, như thế được giải thoát chăng?*

Sư đáp:

- *Được ít phần giải thoát, chưa được tâm giải thoát, chưa được tất cả chỗ giải thoát.*

Tăng hỏi:

- *Thế nào là tâm giải thoát và tất cả chỗ giải thoát?*

Sư đáp:

- *Chẳng cầu Phật pháp tăng, cho đến chẳng cầu phước trí tri giải, tình cảm như sạch hết, chẳng chấp tâm không cầu là phải, chẳng trụ chỗ hết, cũng chẳng mến thiên đường sợ địa ngục, trói buộc cởi mở không ngại, tức thân tâm và tất cả chỗ đều gọi giải thoát.*

Người chớ cho có ít phần giới thân khẩu ý tịnh là xong, đâu biết môn giới định tuệ như hà sa, mà vô lậu giải thoát toàn chưa dính một mảy.

Có vị tăng hỏi về giới luật: Nếu thọ giới rồi ngay nơi thân khẩu đều giữ giới thanh tịnh, lại làm những việc thiện nữa, như vậy được giải thoát hay không? Ngài đáp: *Được ít phần giải thoát, chưa được tâm giải thoát, chưa được tất cả chỗ giải thoát.* Chỉ được một ít phần giải thoát thôi, chưa được giải thoát hoàn toàn.

Tâm giải thoát và tất các chỗ giải thoát tức là không còn kẹt bên ngoài, nơi tâm sạch hết tình cảm tri giải, không mong cầu cũng chẳng chấp vào tâm không cầu. Chẳng mến thiên đường, chẳng sợ địa ngục. Đối tất cả cảnh, thân tâm đều không chướng ngại. Được như vậy mới gọi là giải thoát.

Ngài nhắc nhở thêm, chúng ta tu đừng cho rằng, giữ giới ít phần nơi thân khẩu ý thanh tịnh là được rồi. Bởi *môn giới định tuệ như hà sa, mà vô lậu giải thoát toàn chưa dính một mảy.* Nếu chưa rõ bản tâm thì vẫn chưa phải là cội nguồn giải thoát.

Cố gắng! Nhằm hiện nay cố tìm xét lấy, đừng đợi mất mờ tai điếc, tóc bạc mặt nhăn, già khổ đến thân, buồn thảm triền miên mất hăng rơi lệ, trong tâm hoảng sợ không một nơi y cứ, chẳng biết chỗ đi. Đến khi ấy, muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không thể kìm được, dù có phước trí, danh dự lợi dưỡng trọn không cứu được. Vì mắt tâm chưa mở, chỉ nhớ các cảnh, không biết phản chiếu, lại chẳng thấy Phật đạo. Một đời có tạo việc thiện ác thấy hiện ở trước, hoặc vui hoặc sợ, sáu đường năm uẩn thấy bày hiện tiền. Trang sức nhà cửa ghe thuyền xe cộ đẹp đẽ hiển hách, đều từ tâm tham ái của mình hiện ra,

tất cả cảnh ác đều biến thành cảnh thù thắng. Chỉ tùy tâm tham ái chỗ nào nặng, nghiệp thức dẫn đến thọ sanh, hoàn toàn không có phần tự do, rồng súc tốt xấu trọn chưa định được.

Ngài răn nhắc, chúng ta là người tu phải cố gắng tìm xét, đừng để già khổ đến nơi rồi buồn thảm rơi lệ, nhớ lại mình tu chưa ra gì mà thọ của tín thí quá nhiều, chết không biết đi về đâu, ngày ra đi không chỗ y cứ. Gần lâm chung tay chân co giật, muốn kìm nó lại cũng không kìm nổi. Lúc đó, *dù có phước trí, danh dự lợi dưỡng trọn không cứu được.* Khi còn khỏe mạnh, làm sư này thầy kia, chức cao quyền trọng, giả sử lợi dưỡng sung túc, thí chủ cúng dường dồi dào... bấy giờ cũng không cứu được. Những thứ đó là hình thức bên ngoài, do người phong tặng ban cho, một khi quý vô thường đến dẫn đi không sao cưỡng lại. Vì sao?

Vì mắt tâm chưa mở, chỉ nhớ các cảnh, không biết phản chiếu, lại chẳng thấy Phật đạo. Nếu chưa mở được mắt tâm thì lúc đó chỉ nhớ cảnh trước, nhớ chùa, nhớ đệ tử... đủ thứ, mà chẳng thấy Phật đạo, không biết được tâm của mình. Đây là điều đen tối nhất!

Một đời có tạo việc thiện ác thấy hiện ở trước, hoặc vui hoặc sợ, sáu đường, năm uẩn thấy bày hiện tiền. Tạo thiện thì cảnh đẹp hiện, tạo ác thì cảnh khổ hiện. Tất cả việc vui buồn mừng sợ thấy đều hiện tiền, rồi theo đó mà thọ thân năm uẩn dẫn đi trong sáu đường.

Trang sức nhà cửa ghe thuyền xe cộ đẹp đẽ hiển hách, đều từ tâm tham ái của mình hiện ra. Tất cả cảnh

trước mắt, nào là trang sức, nhà cửa, xe cộ v.v... đều từ tâm tham ái của mình mà hiện. Vì có ham muốn tức là tâm tham ái, cho nên *tất cả cảnh ác đều biến thành cảnh thù thắng*. Tại sao cảnh ác lại biến thành cảnh thù thắng? Bởi nghiệp xấu đã tạo trước, nên khi sắp chết những cảnh ấy hiện ra thành cảnh thù thắng, khiến tâm tham ái đắm nhiễm ưa thích lao theo cảnh đó, mà không ngờ rằng đang đi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để thọ thân khổ sau này.

Chỉ tùy tâm tham ái chỗ nào nặng, nghiệp thức dẫn đến thọ sanh, hoàn toàn không có phần tự do, rỗng sức tốt xấu trọn chưa định được. Lúc ấy tùy theo tâm ưa thích chỗ nào nặng thì nghiệp thức dẫn đến đó trước, rồi theo nghiệp mà thọ sanh, không có chút phần tự do, cho nên nhào vô thân rỗng rần trâu bò, tốt xấu không nhất định.

Chúng ta tu mà không biết trở lại nguồn tâm, không hướng đến chỗ giải thoát của Phật tổ đã chỉ dạy, chỉ nặng về hình tướng bên ngoài, trong tâm còn kẹt mắc vào đẹp xấu, thương ghét, khổ vui v.v... đều dễ bị kéo lôi vào trong sáu đường thọ khổ. Thế nên phải khéo biết tu, nhớ đừng dính mắc trần cảnh, bởi đây là nhân duyên chướng đạo. Đến lúc lâm chung, dù quyền cao chức trọng cũng không cứu được, chỉ có sự tu tập, tâm trí mở sáng, tự mình mới cứu được mình mà thôi.

Tăng hỏi:

- Thế nào được phần tự do?

Sư đáp:

- Hiện nay đối với ngũ dục bát phong lòng không lấy bỏ, xan tham tật đố tham ái ngã sở đều hết, như sạch chẳng còn, như mặt trời mặt trăng trong hư không, không duyên mà chiếu. Tâm tâm như cây đá, niệm niệm như cứu lửa cháy đầu, cũng như con voi lớn qua sông vừa ùm xuống là đến bờ kia, không bị ngăn ngại. Người này không bị nhiếp thuộc về thiên đường hay địa ngục.

Người không nhiếp thuộc về thiên đường hay địa ngục, đó là người tự do. Như vậy muốn biết ngày sau mình có tự do hay không thì ngay khi tám gió thổi liền có thể biết. Đối với xan tham, tật đố v.v... không dính không động tức là giải thoát. Tâm tự như như tự mặt trời mặt trăng, không duyên mà tự chiếu. Nghĩa là muốn giải thoát thì bước qua giải thoát một cách dễ dàng, cũng như con voi vừa ùm xuống sông liền tới bờ kia không gì khó khăn.

Phàm học kinh xem giáo lý, mỗi câu đều phải uyển chuyển xoay về nơi mình, tất cả ngôn giáo chỉ làm sáng tỏ tánh giác hiện nay của mình. Chỉ không bị tất cả cảnh có không... lôi, là Đạo sư của người, hay chiếu phá tất cả cảnh có không... là tuệ kim cang, tức có phần tự do tự tại. Nếu không hiểu được như thế, dù có tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành tăng thượng mạn, lại là người chê bai Phật, không phải là người tu hành. Chỉ là tất cả thanh sắc, cũng chẳng trụ nơi là, chẳng trụ nơi tri giải, là người tu hành.

Kinh giáo cốt chỉ cho chúng ta nhận ra tánh giác của mình, vì vậy khi học kinh xem giáo lý mỗi mỗi đều phải soi về mình. Nếu cứ mắc kẹt vào văn tự ở bên ngoài thì không sao tu được. *Chỉ không bị tất cả các cảnh có không lôi cuốn, là Đạo sư của người. Hay chiếu phá được tất cả cảnh có không, đó là tuệ kim cương.* Như vậy là người tự do tự tại.

Nếu không hiểu được như thế, dù có tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành tăng thượng mạn, lại là người chê bai Phật, không phải là người tu hành. Phần đông đọc kinh sách cốt chỉ để tăng thêm tri giải, không biết rằng tri giải càng nhiều mà không ngộ bản tâm, vẫn là trôi trong sanh tử chưa thể giải thoát. Dù đọc hết mười hai phần giáo, bàn thiền nói đạo thao thao cũng là chê bai Phật. Tại sao? Vì chỉ đem danh tướng chỉ dạy cho người, rốt cuộc cũng ở trong vòng lẫn lộn, tức là chê bai Phật. *Chỉ là tất cả thanh sắc, cũng chẳng trụ nơi là, chẳng trụ nơi tri giải, là người tu hành.*

Đọc kinh xem giáo lý, nếu chiếu theo thể gian là việc tốt, nếu nhằm vào người minh lý thì thường đọc xem là kẻ bế tắc. Người Thập địa vượt ra, không đi vào vòng sanh tử, nhưng giáo lý tam thừa để trị bệnh tham sân... như hiện nay niệm niệm nếu có bệnh tham sân... thì trước phải trị nó, chẳng cần tìm câu câu nghĩa hiểu biết. Hiểu biết thuộc về tham, tham thì trở thành bệnh. Như hiện nay chỉ là tất cả pháp có không, cũng là luôn cái là vượt ngoài ba câu (có, không, chẳng phải có chẳng phải không) tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật,

lo gì Phật không biết cách nói. Chỉ e không phải là Phật, bị các pháp có không trói buộc chẳng được tự do.

Đọc kinh xem giáo lý, nếu chiếu theo thế gian là việc tốt, nếu nhằm vào người minh lý thì thường đọc xem là kẻ bế tắc. Lúc đang đọc kinh xem giáo lý tâm không nghĩ bậy, không làm điều xấu ác, tức nhiên đó là việc tốt. Nhưng tại sao đối với người minh lý, tức là người sống trở lại với tánh giác của mình, thì việc tụng đọc đó bị xem bế tắc? Vì đọc xem là tri giải, mà tri giải thì làm chướng ngại tâm như như của mình, nên ngài nói là kẻ bế tắc.

Đã tự là Phật, lo gì Phật không biết cách nói. Chúng ta đừng sợ không đọc sách nhiều rồi không có ngôn ngữ phong phú để diễn đạt những điều muốn nói, hoặc sợ buông hết trở thành ngu. Buông hết mới trở về với đức Phật của mình được. Mình đã đầy đủ Phật nhân, chỉ sợ không chịu thành tựu Phật quả. Phật tức là giác, giác rồi thì đầy đủ diệu dụng, biết căn cơ chúng sanh tùy theo đó mà giáo hóa, lo gì Phật không hiểu ngôn ngữ. Chỉ e không phải là Phật, bị các pháp có không trói buộc chẳng được tự do. Sợ mình chưa phải là Phật thôi, nếu thành Phật rồi thì không có gì vướng bận cả.

Bởi lý chưa vững, trước có phước trí, bị phước trí chở đi, như người nghèo ở trong cảnh sang. Không bằng trước vững lý, sau mới có phước trí. Nếu cần phước trí thì gặp việc liền nắm đất biến thành vàng, nắm vàng biến thành đất, biến nước biển thành tô lạc, đập núi Tu-di thành bụi nhỏ, hốt nước bốn biển dôn vào

một lỗ chân lông, nơi một nghĩa làm vô lượng nghĩa, nơi vô lượng nghĩa làm một nghĩa.

Bởi lý chưa vững, trước có phước trí, bị phước trí chở đi, như người nghèo ở trong cảnh sang. Đây là lời cảnh tỉnh chúng ta. Nhiều người chỉ ham làm phước, mong được phước báu càng nhiều càng tốt. Hoặc có người thích được trí tuệ nên để tâm nghiên cứu kinh luận, chỉ lo học hỏi mà thôi. Người tu thích phước cầu trí đều là tốt, nhưng nếu đối với lý chưa vững mà trước mong có phước trí nhiều thì sẽ bị phước trí chở đi. Phước nhiều càng tăng ham muốn, trí nhiều dễ sanh loạn động. Sau khi chết phước trí đó dẫn mình lên cõi trời hay đưa đến nơi nào tương xứng để thọ hưởng phước trí, chứ không hướng tới giải thoát. Đó là nhân duyên chướng đạo, như người nghèo ở trong cảnh sang vậy.

Người nghèo ở trong cảnh sang là sao? Ví dụ có người trước đây là con quan Đốc phủ sứ danh tiếng giàu có, bây giờ sa cơ mỗi tháng không có một xu lương nào hết. Một thời sang cả nên hiện tại dù nghèo vẫn phải giữ thể diện của mình. Nếu có người mời dự đám tiệc chẳng lẽ chỉ đi năm mười đồng coi sao được. Với địa vị con Đốc phủ, ít nhất cũng phải đi vài ngàn mà trong túi không có đồng xu, phải làm sao? Có người vì rơi vào hoàn cảnh như vậy, thành phá sản nợ lấp đầu. Như những Phật tử trước đây giàu có, mỗi lần tới chùa cúng năm mười ngàn, không được, vì quen cúng nhiều rồi. Lúc đầu cũng ráng, sau dần dần biến mất, bởi không có gì cúng dường ngại quá không đi chùa nữa.

Nên nói *như người nghèo mà ở trong cảnh sang*, nghèo ở trong cảnh nghèo dễ chịu, còn nghèo mà ở trong cảnh sang thì thật là khổ, vì chính cái sang đó nó làm khổ mình. Chúng ta tu chỉ lo cầu phước trí nhiều mà không đạt được lý đạo cũng tương tự như thế, rốt cuộc chính phước trí ấy làm khổ chúng ta vì lý chưa vững. Đó là chỗ quan trọng.

Không bằng trước vững lý, sau mới có phước trí. Tổ Bá Trượng nhắc nhở chúng ta tu trước phải thấy tánh, rồi sau làm gì cũng tốt. *Nếu cần phước trí thì gặp việc liền nắm đất biến thành vàng v.v...* Đạt được lý, ngộ bản tâm vững vàng rồi thì tất cả phước trí đều biến thành diệu dụng bất tư nghì. Ngược lại, nếu cầu phước trí mà không thấu suốt bản tâm, tức chưa đủ sức làm chủ thì phước trí ấy sẽ trở thành tai họa dẫn chúng ta đi vào các cõi luân hồi.

Có vị tăng hỏi:

- Cuộc cỏ chặt cây, khai mương đào đất, có tướng tội báo chăng?

Sư đáp:

- Không thể nói quyết định có tội, cũng không thể nói quyết định không tội, có tội không tội việc tại mỗi người. Nếu tham nhiễm tất cả pháp có không... có tâm lấy bỏ, còn chưa vượt khỏi ba câu, người này nhất định nói có tội. Nếu vượt ngoài ba câu, tâm như hư không, cũng chẳng tưởng hư không, người này nhất định nói không tội.

Lại nữa, nếu tạo tội rồi, nói không thấy có tội thì thật vô lý. Nếu không làm tội, mà nói có tội thì cũng vô lý. Như trong Luật, do mê giết người và chuyển tướng giết, còn không phạm tội sát. Huống là Thiền tông truyền trao nhau tâm như hư không, không dừng ở một vật, cũng không có tướng hư không, thì đem tội để ở chỗ nào?

Tăng hỏi: Cuộc cỏ chặt cây, khai nương đào đất, có tướng tội báo chăng? Qua câu hỏi chúng ta thấy rõ, thời tổ Bá Trượng chư tăng sinh hoạt nông thiền, nên việc cuộc cỏ chặt cây, khai nương đào đất v.v... là việc làm hằng ngày tại đây. Vị tăng này căn cứ trên giới luật thấy nghi, không biết làm như vậy là có tướng tội báo chăng?

Tổ đáp: Không thể nói quyết định có tội, cũng không thể nói quyết định không tội, có tội không tội việc tại mỗi người. Do đương sự mà thành có tội hay không tội, chứ không phải tại việc làm. Đây là chỗ quan trọng.

Nếu tham nhiễm tất cả pháp có không... có tâm lấy bỏ, còn chưa vượt khỏi ba câu, người này nhất định nói có tội. Nếu vượt ngoài ba câu, tâm như hư không, cũng chẳng tướng hư không, người này nhất định nói không tội. Nếu người tham nhiễm các pháp, tâm lấy bỏ chưa hết thì làm là có tội. Còn người tâm như hư không, không dấy niệm, không đuổi theo phải quấy hay dở thì không tội. Tại sao? Vì có tâm tức là có tội, vô tâm thì không tội.

Lại nữa, nếu tạo tội rồi, nói không thấy có tội thì thật vô lý. Nếu không làm tội, mà nói có tội thì cũng vô lý. Như trong Luật, do mê giết người và chuyển tướng giết, còn không phạm tội sát. Huống là Thiền tông truyền trao nhau tâm như hư không, không dừng ở một vật, cũng không có tướng hư không thì đem tội để ở chỗ nào?

Lại nữa, nếu tạo tội rồi, nói không thấy có tội thì thật vô lý. Ví dụ mình chửi mắng người khiến người nổi giận, rồi nói coi như tôi không có chửi mắng, được không? Nói thế để chứng tỏ rằng tại người kia chấp, còn tôi nói vậy thôi chứ không chấp. Chửi mắng cho vừa miệng mình, rồi nói không chấp, không tội, thật là vô lý. Nếu không chấp thì đừng chửi mắng, còn đã chửi mắng mà nói không chấp sao được? Chỗ này người tu phải nhớ cẩn trọng, đừng học trên lý rồi lấy lý mà che chở sai lầm, đó là nguy hại cho mình.

Nếu không làm tội, mà nói có tội thì cũng vô lý. Nếu người không làm tội mà nói người đó có tội, cũng là vô lý. Như trong Luật, do mê giết người và chuyển tướng giết, còn không phạm tội sát. Mê tức là lúc đó không có tâm cố ý giết. Chuyển tướng giết tức là làm việc này mà lầm qua việc kia. Ví dụ có người thấy trái xoài ở trên cây, lấy cục đá ném trái xoài cho rụng, không ngờ cục đá rớt trúng đầu đứa con nít chết. Nhắm trái xoài mà trúng đứa bé, người này không cố tình giết nên không phạm tội sát.

Giới luật là hình thức kìm thúc giúp mình không phạm tội, mà giới luật còn cho rằng do mê giết người và chuyển tướng giết thì không phạm tội sát. *Huống là*

Thiền tông truyền trao nhau tâm như hư không, không dừng ở một vật, cũng không có tướng hư không thì đem tội để ở chỗ nào? Nếu chúng ta sống được với tâm rỗng rang, lặng lẽ thanh tịnh như hư không thì tội lỗi cũng theo đó mà sạch, còn ngược lại thì phải chịu tội, không sao tránh khỏi quả báo.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là hữu tình không Phật tánh, vô tình có Phật tánh?

Sư đáp:

- Từ người đến Phật là tình chấp thánh, từ người đến địa ngục là tình chấp phàm. Chỉ như hiện nay đối hai cảnh phàm thánh có tâm nhiễm ái gọi là “hữu tình không Phật tánh”. Hiện nay đối hai cảnh phàm thánh và tất cả pháp có không... trọn không có tâm lấy bỏ, cũng không cái hiểu biết không lấy bỏ, ấy là “vô tình có Phật tánh”. Chỉ không có tình ràng buộc nên gọi vô tình, không đồng với loài vô tình như cây đá, hư không, hoa vàng trúc biếc mà cho là có Phật tánh. Nếu nói loài vô tình ấy có Phật tánh, tại sao trong Kinh không thấy thọ ký được thành Phật? Chỉ cái giác chiếu soi hiện nay không bị hữu tình thay đổi, dụ như trúc biếc; ứng cơ biết thời, thiết dụ như hoa vàng.

Lại, nếu bước lên nấc thang Phật thì vô tình có Phật tánh, chưa bước lên nấc thang Phật thì hữu tình không Phật tánh.

Tăng hỏi: Thế nào là hữu tình không Phật tánh, vô tình có Phật tánh? Lâu nay người ta chỉ biết hữu tình có Phật tánh, vô tình không Phật tánh; trái lại các thiền sư nói: Hữu tình không Phật tánh, vô tình có Phật tánh, nghe như ngược ngạo. Thế nên vị tăng này nêu ra để hỏi.

Ngài đáp: Từ người đến Phật là tình chấp thánh, từ người đến địa ngục là tình chấp phàm. Chỉ như hiện nay đối hai cảnh phàm thánh có tâm nhiễm ái gọi là “hữu tình không Phật tánh”. Thấy có phàm thánh trên dưới khác biệt, sanh tâm ái nhiễm chấp trước, gọi là hữu tình không Phật tánh.

Hiện nay đối hai cảnh phàm thánh và tất cả pháp có không... trọn không có tâm lấy bỏ, cũng không cái hiểu biết không lấy bỏ, ấy là “vô tình có Phật tánh”. Đối với các pháp không có tâm lấy bỏ, không chấp trước vào phàm thánh đối đãi, ấy gọi là vô tình có Phật tánh.

Chỉ không có tình ràng buộc nên gọi vô tình, không đồng với loài vô tình như cây đá, hư không, hoa vàng trúc biếc mà cho là có Phật tánh. Vô tình là không có tình ràng buộc trong kiến chấp phàm thánh và các thứ tham ái, chứ không phải vô tình như cây đá.

Nếu nói loài vô tình ấy có Phật tánh, tại sao trong kinh không thấy thọ ký được thành Phật? Như trong kinh Pháp Hoa, đức Phật thọ ký toàn là các bậc A-la-hán, những vị hữu học vô học, cho đến chư Bồ-tát và hội chúng, mà chưa thấy Phật thọ ký cho cây đá nào sẽ thành Phật. Như vậy rõ ràng, nói vô tình có Phật tánh tức là không có tình chấp phàm thánh mà thôi. Chỉ cái giác chiếu soi

hiện nay không bị hữu tình thay đổi, dụ như trúc biếc; ứng cơ biết thời, thiết dụ như hoa vàng.

Lại, nếu bước lên nấc thang Phật thì vô tình có Phật tánh, chưa bước lên nấc thang Phật thì hữu tình không Phật tánh. Nếu bước lên được nấc thang Phật thì vô tình có Phật tánh, còn ngược lại thì hữu tình không Phật tánh. Nấc thang Phật là nấc thang nào? Tức là bước được vào chỗ chư Phật đã vào, chính chỉ cho tâm thanh tịnh sẵn có của mình.

Hằng ngày làm công tác, Sư đều dẫn đầu trong chúng. Một hôm, chúng tăng lén giấu dụng cụ không cho Sư làm, Sư tìm mãi không được, bảo:

- Tôi không có đức hạnh, đâu dám làm nhọc người.

Sư nhịn ăn hôm ấy, nên có câu “một ngày không làm, một ngày không ăn” (Nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực).

Sư có soạn bộ quy tắc trong nhà thiền, lấy tên là Bá Trượng Thanh Quy.

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ chín (814) ngày mười bảy tháng giêng, Sư quy tịch, thọ 95 tuổi. Vua ban hiệu là Đại Trí thiền sư, thụy hiệu Đại Bảo Thắng Luân.

Hằng ngày làm công tác, Sư đều dẫn đầu trong chúng. Một hôm, chúng tăng lén giấu dụng cụ không cho Sư làm, Sư tìm mãi không được, bảo:

- Tôi không có đức hạnh, đâu dám làm nhọc người.

Sư nhịn ăn hôm ấy, nên có câu “một ngày không làm, một ngày không ăn”.

Ngài là Hòa thượng đường đầu, tức là bậc thầy của toàn viện, mà luôn luôn cần mẫn siêng năng, làm công tác dẫn đầu trong chúng. Chư tăng thấy ngài lúc này tuổi đã cao, nên lén giấu cốc xẻng không cho ngài đi làm. Tìm hoài không được, ngài bảo: *Tôi không có đức hạnh, đâu dám làm nhọc người.* Không làm thì không ăn, hôm ấy ngài nhịn đói. Chư tăng thấy thế không dám giấu cốc xẻng nữa. Về sau trong nhà thiền thường truyền nhau câu nói của ngài: *nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực*, một ngày không làm một ngày không ăn.

Như vậy, đường lối sinh hoạt thời của tổ Bá Trượng chính là nông thiền. Áp dụng thiền trong lao tác, làm ruộng rẫy vẫn có thể tu. Nếu chúng ta ứng dụng được tinh thần ấy vào trong cuộc sống thì thời nào tu cũng được, có làm thì có ăn, không gì phải lo sợ. Nhờ tinh thần này đã giúp cho một số tăng ni vượt qua giai đoạn pháp nạn ở Trung Hoa. Trong thời đại phế giáo, tăng ni bị bắt buộc phải hoàn tục, các ngài ở bên ngoài vui vẻ cuộc đất trồng khoai, sinh nhai và thâm tu tập như thường. Đến hết thời phế giáo thì trở về chùa cạo tóc tu lại, không có gì trở ngại hết, đó là nét đặc biệt của thiền tông.

Qua đây chúng ta thấy, tinh thần Thiền tông Trung Hoa có điểm đặc biệt. Dù cho sống vào thời đại nào cũng không bị lạc hậu. Ở các nước xã hội tiến bộ, mọi người đều phải tự làm lấy mà ăn, không ai làm nuôi ai hết. Tinh thần của tổ Bá Trượng được tiếp nhận

và phổ cập trong các thiền viện, vừa làm vừa tu, không bị lệ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài.

Nguyên thủy Phật giáo tại Ấn Độ theo hình thức khát thực, các nước Phật giáo như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cao Miên đều theo phương thức này. Như vậy, Phật giáo truyền sang Trung Hoa đã được chuyển hướng, mang một sắc thái mới. Bởi vì ở Trung Hoa tăng ni tu học rất đông, tại các thiền viện chư tăng có đến năm bảy trăm hoặc cả ngàn người. Với số lượng đó nên phải khai rừng, phá núi trồng trọt mà ăn, mà tu.

Đặc biệt ở các chùa cổ Trung Hoa, coi như không tổ chức mà có tổ chức. Điển hình như chỗ Vân Môn, Quy Sơn v.v... chư tăng trong viện vừa làm vừa tu một cách đều đặn. Dù các vị tăng nay đi chỗ này, mai đi chỗ kia, du phương tham học. Thế nhưng khi được nhận vào, vừa treo dây ở nhà khách tăng là bắt tay vào công tác ngay. Người ta cuốc đất mình cuốc đất, người ta trồng khoai mình trồng khoai... chứ không nói tôi là khách tới chơi, rồi tự do làm gì cũng được. Tăng hành khước đến đâu cũng đều phải như vậy, không được làm khách để người ta nuôi. Nhờ thế nên dù ở năm bảy tháng cũng không chướng ngại, không làm phiền người, chừng nào muốn đi chỗ khác thì đi, chẳng ai ngăn cản.

Chúng ta bây giờ tu tập trong các thiền viện, cũng áp dụng theo đường lối của tổ Bá Trượng, để sự tu hành không bị chướng ngại. Nếu cứ ngồi không, chỉ trông chờ vào Phật tử cúng thì khi gặp khó khăn không thể tu được. Đó là tinh thần đặc biệt của thiền tông,

tuy làm cực nhọc như thế tục mà sự tu tập siêu việt, hơn hẳn thế tục.

Phật giáo Nhật Bản cũng như Việt Nam, đều chủ trương theo tinh thần này của tổ Bá Trượng. Bây giờ thời đại văn minh, cuộc sống tương đối sung túc, lại nhờ Phật tử thương ủng hộ, nên chúng ta không phải lao tác nặng nhọc như xưa. Tuy nhiên, phải nhớ đừng ỷ lại vào bên ngoài, vừa làm vừa tu mà không bị chướng đạo, đó mới là hay, là khéo.

Sư có soạn bộ quy tắc trong nhà thiền, lấy tên là Bá Trượng Thanh Quy.

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ chín (814) ngày mười bảy tháng giêng, Sư quy tịch, thọ 95 tuổi. Vua ban hiệu là Đại Trí thiền sư, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân.

Ngài có soạn bộ quy tắc trong nhà thiền để tên là Bá Trượng Thanh Quy. Sau này được khắc bản in lại, nhưng chỉ là bản sao chép bổ sung của người sau, còn bộ chính thì đã bị thất lạc. Ngài là một vị tổ rất quan trọng trong thiền tông, đường lối tu tập và sinh hoạt của ngài vạch ra cho tăng ni đã trở thành tiêu chuẩn chung cho thiền môn.



THIÊN SƯ NAM TUYỀN PHỔ NGUYỄN

(748 - 834)

Sư họ Vương, quê ở Tân Trịnh, Trịnh Châu. Đời Đường niên hiệu Chí Đức thứ hai (758), Sư theo thiền sư Đại Huệ ở núi Đại Ngỗi xuất gia học đạo. Năm ba mươi tuổi, Sư lên núi Tung Nhạc thọ giới Cụ túc. Lúc đầu, Sư học tập Tướng tông và Luật tông, kế tìm đến các nơi giảng kinh luận thọ học. Sư đã học được kinh Lăng-già, Hoa Nghiêm, Trung Luận, Bách Luận...

Sau, Sư đến Mã Tổ bỗng nhiên “được cá quên nơm” (đạt lý quên lời), được Du hý tam-muội (chánh định ngao du tự tại).

Thiền sư Phổ Nguyễn là một thiền sư nổi tiếng thời ấy. Nếu nói chỗ ngộ, có thể nói ngài ngộ sâu hơn tổ Bá Trượng, nhưng vì môn đệ của ngài truyền chỉ có ít đời nên không được chú ý nhiều.

Một hôm, Sư bưng cháo cho chúng tăng, Mã Tổ hỏi:

- Trong thùng thông là cái gì?

Sư thưa:

- Ông già nên ngậm miệng, nói năng làm gì!

Mã Tổ bèn thôi. Từ đây về sau, những bạn đồng tham học không ai dám gạn hỏi Sư điều gì.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ mười một (795), Sư tạm biệt Mã Tổ đi tìm nơi cất am.

Chúng tăng đông quá nên bưng cả thùng cháo, Mã Tổ thấy hỏi, ngài liền nói: *Ông già ngậm miệng nói năng làm gì!* Sao ngài vô lễ quá vậy? Nếu bây giờ thầy trụ trì hỏi, một chú đạo trả lời như thế, chắc bị ăn gậy rồi. Nhưng lúc ấy Mã Tổ bèn thôi, không hỏi nữa.

Trong nhà thiền thường nói: “Đập bể thùng sơn.” Khi một người đã lãnh hội được, tức là thùng sơn bị lủng bể rồi. Hỏi *trong thùng đựng cái gì*, Mã Tổ không chỉ hỏi ở thùng cháo. Ngài biết ý của Mã Tổ, nhưng đó là chỗ vô ngôn vừa mở miệng là sai, nên nói *ông già ngậm miệng nói năng làm gì*. Chỗ này chúng ta không hiểu, nghe ngài nói năng như thế thấy sao vô lễ, nhưng với thiền sư thì khác. Qua đối đáp thầy trò đã hiểu nhau, nên Mã Tổ không nói tiếp nữa.

Sau khi rời Mã Tổ, Sư đồng đi với thiền sư Bảo Vân, Trí Thường, Trí Kiên cả thầy bốn người. Đến giữa đường, sắp từ biệt nhau, Sư cầm gậy xuống đất bảo:

- Nói được cũng bị cái này ngại, nói không được cũng bị cái này ngại.

Trí Thường liền nhổ gậy, đập Sư một gậy rồi nói:

- Cũng chỉ cái này, Vương lão sư nói cái gì ngại, chẳng ngại?

Bảo Vân nói:

- Chỉ một câu này truyền khắp thiên hạ.

Trí Thường hỏi:

- Lại có cái chẳng khắp chẳng?

Bảo Vân đáp:

- Có.

Trí Thường hỏi:

- Thế nào là cái chẳng khắp?

Bảo Vân ra bộ tát tai.

Ngài từ già Mã Tổ đi nơi khác, những vị cùng đi với ngài toàn là bậc thiện tri thức đương thời. Đến lúc sắp từ già mỗi người đi một phương, ngài cầm gậy xuống đất bảo: *Nói được cũng bị cái này ngại, nói không được cũng bị cái này ngại.* Như vậy, làm sao nói? Trí Thường liền nhổ cây gậy đập ngài một gậy, rồi nói: *Cũng chỉ cái này, Vương lão sư nói cái gì ngại chẳng ngại.* Ngài Nam Tuyền họ Vương, nên được gọi là Vương lão sư.

Nói được cũng bị ngại, nói không được cũng bị ngại, là sao? Bởi được và không được là hai bên, còn hai bên thì nói ra lời gì cũng là bị ngại. Làm sao để ra khỏi

chỗ này? Nhổ cây gậy đập cho một gậy. Muốn hết ngại thì phải thoát hai bên. Trí Thường đã qua được cái bẫy của ngài.

Bảo Vân nói: Chỉ một câu này truyền khắp thiên hạ. Trí Thường hỏi: Lại có cái chẳng khắp chăng? Bảo Vân nói: Có. Trí Thường hỏi: Thế nào là cái chẳng khắp? Bảo Vân ra bộ tát tai. Như vậy là sao? Hành động tát tai của Bảo Vân chính đã chỉ ra cái chẳng khắp. Vì ngôn ngữ không thể đến được chỗ vô ngôn, nên tạm dùng hành động, tát tai hoặc nhướn mày chớp mắt để nói lên mà thôi.

Bốn vị ngồi uống trà. Bảo Vân đưa chung trà lên nói:

- Khi thế giới chưa thành vẫn có cái này.

Sư bảo:

- Người nay chỉ biết cái này, chưa biết thế giới.

Trí Thường nói:

- Phải.

Sư bảo:

- Sư huynh đâu đồng cái thấy này.

Trí Thường lại đưa chung trà lên bảo:

- Khi thế giới chưa thành nói được chăng?

Sư ra bộ tát tai. Trí Thường đưa mặt nhận tát tai.

Bốn vị ngồi uống trà có nói kinh kệ gì không? Tuy nói đông nói tây, dường như đùa chơi, nhưng toàn là

đạo lý trong đó. Chúng ta mở miệng thì thiền đạo đủ thứ, nào là Bồ-đề, Niết-bàn, chân như, giải thoát v.v... Nhưng chỉ nói trên danh từ mà không biết Bồ-đề, Niết-bàn là gì. Bởi chúng ta cứ lý luận nên lạc vào phân biệt, còn các ngài không dùng từ ngữ thiền đạo, mà lời lời đều hiện chân như, giải thoát. Ra bộ tát tai và đưa mặt nhận tát tai, đâu không phải là diệu dụng trong chân như hay sao! Hành động như đùa, mà chứa đầy đạo lý sâu xa trong ấy.

Sư đến núi Nam Tuyền cát am, ở mãi hơn ba mươi năm chưa từng xuống núi. Niên hiệu Thái Hòa năm đầu (827), Liêm sứ Tuyên Thành là Lục Hoàn nghe đạo phong của Sư bèn cùng Giám quân đồng đến thỉnh Sư xuống núi, với tư cách đệ tử thỉnh thầy. Từ đây, Sư mở rộng đạo huyền, số người tham học không khi nào dưới vài trăm. Các nơi gọi Sư là “Người mô phạm đất Dĩnh”.

Ngài lên núi Nam Tuyền cát am ở, suốt ba mươi năm chưa từng xuống núi. Đạo phong của ngài cao vút, khiến cho mọi người đều quý trọng, gọi là “Người mô phạm đất Dĩnh”. Lanh lợi như ngài mà sau khi ngộ đạo rồi, vẫn ở yên trên núi mấy mươi năm, còn chúng ta là người gì mà lại lằng xằng một đời. Thử xét lại!

Dưới núi Nam Tuyền có một am chủ, có người nói: “Gần đây hòa thượng Nam Tuyền ra đời, sao ông không đến yết kiến?” Am chủ bảo: “Chẳng những Nam Tuyền ra đời, dù có ngàn đức Phật xuất thế, tôi cũng chẳng đến.”

Sư nghe lời này, bèn sai Tùng Thẩm (Triệu Châu) đi khám phá. Tùng Thẩm đến làm lễ, Am chủ chẳng thèm nhìn. Tùng Thẩm từ đông qua tây, lại từ tây qua đông, Am chủ cũng chẳng nhìn. Tùng Thẩm bảo: “Giặc cỏ đại bại”, bèn bỏ tấm màn xuống ra về. Tùng Thẩm thuật lại Sư nghe. Sư bảo:

- Ta từ lâu nghi lão ấy.

Triệu Châu khám phá am chủ, người sau gọi là cái nghi chết người, tông Vân Môn cũng thường nêu lại công án này.

Khi ngài đến trụ Nam Tuyền, dưới núi có một am chủ ở. Có người hỏi: Gần đây hòa thượng Nam Tuyền ra đời, sao không đến yết kiến? Am chủ bảo: *Chẳng những Nam Tuyền ra đời, dù có ngàn đức Phật xuất thế tôi cũng chẳng đến.* Trả lời oai chưa? Nghe vậy, ngài bèn sai Tùng Thẩm tức ngài Triệu Châu xuống gặp am chủ để nghiệm thử.

Triệu Châu đến làm lễ, rồi đi từ đông qua tây, từ tây qua đông đứng, am chủ cũng chẳng thèm nhìn. Triệu Châu bảo: *Giặc cỏ đại bại.* Thua rồi, giặc cỏ thua rồi! Bèn bỏ màn xuống ra về. Vậy là Triệu Châu khám phá am chủ chưa? Người nào thấy được chỗ khám phá của Triệu Châu? Nam Tuyền bảo: *Ta từ lâu nghi lão ấy.*

Một hôm, Sư đến trang sở, Trang chủ dự bị đón tiếp. Sư hỏi:

- Lão tăng ra vào thường không cho người biết, sao Trang chủ biết trước mà bày biện như vậy?

Trang chủ thưa:

- Đêm qua thổ địa mách ngày nay Hòa thượng đến.

Sư bảo:

- Vương lão sư tu hành vô lực bị quỷ thần xem thấy.

Thị giả hỏi:

- Hòa thượng đã là thiện tri thức, vì sao bị quỷ thần xem thấy?

Sư bảo:

- Trước thổ địa để một phân cơm.

Trang sở là những khu đất làm ruộng rẫy hoặc lập vườn tược của thiền viện. Ngày xưa những ngôi tự viện trên núi cao thường lập trang sở phía dưới chân núi. Như hiện giờ, tạm xem Thường Chiếu là trang sở của Chơn Không vậy. Chơn Không ở trên núi cao, không thể trồng trọt, nên dưới đó cuộc rẫy trồng khoai, lâu lâu chở về núi để nuôi tăng ni tu học. Người chịu trách nhiệm trông coi trang sở thì gọi là trang chủ.

Một hôm ngài muốn xuống thăm trang sở, đến nơi thấy Trang chủ chuẩn bị đón tiếp trang trọng, ngài hỏi: *Lão tăng ra vào thường không cho người biết, sao Trang chủ biết trước mà bày biện như vậy?* Trang chủ thưa: *Đêm qua thổ địa mách ngày nay Hòa thượng đến.* Sở dĩ con biết để sửa soạn trang nghiêm như thế là do thổ địa báo tin. Nghe xong, ngài liền tự trách: *Vương lão sư tu hành vô lực bị quỷ thần xem thấy.* Lão tăng tu hành không có đạo lực, nên bị quỷ thần xem thấy tâm rồi!

Chúng ta đi đâu mà được thổ địa mách trước thì vui hay buồn? Chắc là vui lắm, tu hành như vậy còn ai hơn nữa. Đôi khi mới chỉ chiêm bao được mách bảo chút gì, nếu trùng hợp sự việc xảy ra đúng như lời mách đó thì mừng quỳnh lên, khoe khoang với mọi người. Ngài được quỷ thần quý kính, nên báo tin trước để chuẩn bị đón tiếp cho long trọng, ngài chẳng những không vui mà còn tự trách mình, tu hành vô lực bị quỷ thần thấy tâm. Chỗ này chúng ta mới thấy mình thật đáng hổ thẹn.

Tại sao quỷ thần thấy được tâm ngài? Bởi dự tính là có động tâm. Hôm ấy ngài khởi tâm dự tính mai đi trang sở, nên thổ địa mới thấy được. Khởi niệm tức là tâm có động, mà tâm động là tu hành vô lực chứ gì! Nếu tâm không động, niệm không dấy khởi thì quỷ thần làm sao thấy được.

Bây giờ chúng ta có bị quỷ thần thấy tâm không? Quỷ thần thấy được tâm mình, chắc họ cười lắm. Sao cô này thầy kia chạy suốt ngày! Mới đây rồi tới kia, chạy ngược chạy xuôi. Giông ruổi đông tây như vậy là do không làm chủ tâm mình, nên nói *tu hành vô lực*. Chừng nào chúng ta tu đến độ quỷ thần muốn tìm mà tìm không ra, chừng đó mới là hay thật sự.

Thị giả nghe ngài nói như vậy, hỏi: *Hòa thượng đã là thiện tri thức vì sao bị quỷ thần trông thấy?* Ngài bảo: *Trước thổ địa để một phần cơm*. Đã nói là tu hành vô lực bị quỷ thần thấy, mà còn hỏi tại sao. Thôi, cúng cho thổ địa một bữa ăn đi!

Tùng Thắm hỏi:

- Đạo chẳng ngoài vật, ngoài vật chẳng đạo, thế nào là đạo ngoài vật?

Sư liên đánh. Tùng Thắm nắm gậy lại, nói:

- Từ đây về sau chớ có đánh lầm người.

Sư bảo:

- Rong rần dễ phân biệt, nạp tử khó lường.

Triệu Châu hỏi: *Đạo chẳng ngoài vật, ngoài vật chẳng đạo, thế nào là đạo ngoài vật?* Ngoài vật không có đạo, ngoài đạo không có vật, vậy mà còn hỏi thế nào là đạo ngoài vật, không ăn gậy là gì. Thế nên ngài đánh cho một gậy. Triệu Châu không phải tay vừa, liền nắm gậy lại nói: *Từ đây về sau chớ đánh lầm người.* Con hỏi vậy chứ con biết rồi, thầy đừng đánh. Ngài nói: *Rong rần dễ phân biệt, nạp tử khó lường.* Rong rần có lớn nhỏ, hình tướng khác nhau nên dễ biết, còn tăng sĩ ngộ hay chưa việc này khó lường, nên đánh lầm vậy thôi.

Một hôm, Sư đóng cửa phương trượng, lấy tro rắc ngoài cửa, bảo:

- Nếu có người nói được liền mở cửa.

Có nhiều vị tăng nói, mà không hợp ý Sư.

Tùng Thắm nói:

- Trời xanh!

Sư liền mở cửa.

Ngài đóng cửa phương trượng, lấy tro rắc xung quanh rồi bảo: Người nào nói được thì mở cửa, không nói được thì đóng cửa hoài. Người nói thế này, người đáp thế kia đều không hợp ý ngài, đến khi Tùng Thẩm kêu lên: *Trời xanh!* Ngài mới mở cửa.

Sư dạy chúng:

- Mã Tổ ở Giang Tây nói “tức tâm tức Phật”. Vương lão sư chẳng nói thế ấy, mà nói “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Nói thế có lỗi chẳng?

Tùng Thẩm lễ bái đi ra. Khi ấy có vị tăng theo hỏi Tùng Thẩm:

- Thượng tọa lễ bái đi ra, ý thế nào?

Tùng Thẩm bảo:

- Thầy nên hỏi Hòa thượng.

Vị tăng ấy đến hỏi Sư:

- Hành động vừa rồi của thượng tọa Thẩm, ý thế nào?

Sư bảo:

- Ông ấy đã nhận được ý chỉ của lão tăng.

Mã Tổ ở Giang Tây giáo hóa người, thường nói *tức tâm tức Phật*. Có vị tăng hỏi: “Hòa thượng vì cái gì mà nói tức tâm tức Phật?” Mã Tổ đáp: “Vì dễ con nít khóc.” Tăng hỏi tiếp: “Con nít nín rồi thì thế nào?” Mã Tổ đáp: “Phi tâm phi Phật.” Tăng hỏi: “Người trừ được hai thứ này rồi, phải dạy thế nào?” Mã Tổ đáp: “Nói với y là bất thị vật.” Tăng thưa: “Khi chợt gặp người thế ấy đến

thì phải làm sao?” Mã Tổ nói: “Hãy dạy y thể hội đại đạo.” Ngài nhắc lại lời nói của Mã Tổ để dạy chúng, Triệu Châu bước ra lễ bái, tức là đã hội thông được lời chỉ dạy của thầy.

Như vậy, nói *chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật* chính là chỉ thẳng đến chỗ cứu cánh. Nếu còn ở trong ấy tìm xem lỗi hay không lỗi, tức là chưa ngộ được lý kia. Ngài Tùng Thắm đã lãnh hội được, nên liền lễ ngài lui ra, còn người đứng ngoài thì không thể biết được làm như vậy là có ý chỉ gì.

Nhà Đông nhà Tây tranh nhau con mèo, Sư trông thấy liền bảo chúng:

- Nói được là cứu con mèo, nói không được thì chém nó.

Chúng tăng đều ngơ ngác không nói được. Sư liền chém con mèo. Tùng Thắm ở ngoài đi vào, Sư dùng câu nói trước hỏi. Tùng Thắm liền cởi giày để trên đầu đi ra. Sư bảo:

- Giá khi nãy có người ở đây, đã cứu được con mèo.

Hai dãy nhà ở hai bên Pháp đường để cho chúng tăng ở, gọi là nhà Đông nhà Tây. Chúng tăng hai nhà giành nhau một con mèo, ngài thấy thế liền bước ra nắm lấy con mèo, cầm dao đưa lên bảo: *Nói được là cứu con mèo*, còn nói không được thì ngài chặt nó. Cả chúng ngơ ngác, không biết làm sao, cũng không nói được câu nào. Ngài bèn chặt con mèo. Tàn nhẫn quá, phải không?

Tùng Thẩm ở ngoài đi vào, ngài lặp lại câu hỏi trước, Tùng Thẩm liền cởi giày đội lên đầu đi ra. Ngài bảo: *Giá khi này có người ở đây đã cứu được con mèo.* Như vậy có phải ngài cố tình giết con mèo không, nếu không cố tình tại sao ngài lại chặt nó?

Trong nhà thiền khi muốn nghiệm xét đệ tử ngộ hay chưa, đã sống được hay không, các thiền sư thường dùng thủ thuật bất thành linh đưa ra câu hỏi, hoặc hành động gì đó. Nếu người nào phản ánh đúng lúc kịp thời thì biết người ấy hằng sống với tâm thể của mình. Ngược lại, không biết xoay xử thế nào, đó là người không hiểu hoặc hiểu mà chưa sống được. Còn dùng lý thuyết để suy nghiệm mà biết thì cái biết đó chưa phải thấy tánh.

Trong trường hợp này, ngài phải dùng phương tiện mạnh bạo để nghiệm xét đồ đệ của mình. Như vậy giết con mèo không phải cố tình, mà dụng ý của ngài chính là nhằm vào chúng tăng. Nếu ngay đó chúng tăng nói được một câu phù hợp, ngài đã không giết con mèo. Lúc bức vào chỗ sống chết mà vẫn không người nói được, buộc lòng ngài phải hạ đao. Đây là việc làm đau lòng, là hành động bất đắc dĩ của ngài. Nhưng đã nói thì phải làm, nếu nói mà không làm, lần sau lời nói không còn quan trọng nữa.

Triệu Châu là người ngay lúc bất thần vẫn hằng sống được, nên khi nghe nói lại liền lột giày đội lên đầu đi ra. Ngài nói: *Phải chỉ lúc này có người, đã cứu được con mèo.* Đáng tiếc, khi ấy không có Triệu Châu, nếu có thì sự việc đã khác. Cởi giày đội trên đầu đi, tức là không mắc nơi phạm cũng không kẹt ở thánh.

Theo thế gian đầu là quý, giày là tiện, đem cái tiện để trên cái quý tức đã nói lên ý nghĩa phàm thánh không hai. Không còn tâm niệm vướng mắc vào phàm tình thánh giải, mới thực là người hằng sống trong chỗ chân thật. Triệu Châu đã giải đáp được câu hỏi của ngài. Như vậy ngài vì chúng tăng mà làm việc đó, chứ không phải vì ác tâm muốn giết con mèo. Hiểu tường tận rồi chúng ta mới không trách lầm.

Việc tu của chúng ta cũng vậy, nếu đi đứng nằm ngồi đều sống được trong chỗ chân thật thì đâu có phút giây nào trống để cái khác chen vô. Nhưng do chưa sống được, nên bình thường tỉnh táo cũng nhớ biết mình chút chút, song đến lúc gặp việc bất thần thì quên tuốt. Như đêm ba mươi mà trời lại sấm sét chuyển mưa, lâu lâu chớp lóe sáng lên rồi tối đen lại liền. Chúng ta làm sao lúc nào cũng sáng tỏ ban ngày, đừng để bóng tối phủ che khiến cho không thấy đường đi. Mỗi ngày cần phải hằng sống được với cái chân thật của chính mình, để cho sự tu ngày càng thuần thực thì gặp việc gì cũng tỉnh được. Như người thường niệm danh hiệu Quan Âm, lâu dần thành thói quen, mỗi khi có việc giạt mình liền thốt lên “Nam-mô Quan Thế Âm Bồ-tát”. Bởi đã niệm quá quen rồi, nên mở miệng là phát ra. Việc tu cũng vậy, huân tập thuần thực thì mở mắt nhắm mắt đều hiện tiền. Vì vậy khi bất thần là lúc nghiệm người chính xác nhất.

Đại phu Lục Hoàn hỏi Sư:

- Trong nhà đệ tử có một phiến đá, hoặc khi ngồi hoặc khi nằm, nay tính đem làm tượng Phật được chăng?

Sư đáp:

- Được.

Đại phu hỏi:

- Chẳng được chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng được.

Đại phu hỏi:

- Bồ-tát Đại Bi dùng nhiều mắt tay như thế để làm gì?

Sư hỏi lại:

- Quốc gia dùng Đại phu để làm gì?

Như vậy làm tượng Phật được hay không được? Có ai thử trả lời xem!

Lục đại phu nêu câu hỏi: *Trong nhà đệ tử có một phiến đá, hoặc khi ngồi hoặc khi nằm, nay tính đem làm tượng Phật được chẳng?* Ngài đáp: *Được.* Theo quan niệm thường tình, nếu phiến đá đã nằm ngồi trên đó mà đem làm tượng Phật là tội. Thế nên ngài đáp *được*, là nhằm phá chấp. Nhưng câu đáp này cũng ngầm ý rằng, tuy ở đời sống phàm tình vẫn không rời xa thánh trí, trong phàm phu là Phật. Lục đại phu là người hiểu đạo, nên hỏi ngược lại: *Chẳng được chẳng?* Ngài đáp: *Chẳng được.* Thế là hai bên đã hội thông nhau rồi.

Lục đại phu lại hỏi: *Bồ-tát Đại Bi dùng nhiều mắt tay như thế để làm gì?* Ngài hỏi lại: *Quốc gia dùng*

Đại phu để làm gì? Ngài trả lời câu hỏi của Lục Hoàn đại phu chưa? Trong một quốc gia có các vị quan là để lo việc cho dân, như vậy một vị quan là một cái dụng, nhiều vị quan là nhiều cái dụng của đất nước. Cũng thế, Bồ-tát Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt, đó chính là diệu dụng của ngài, không có gì lạ.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Vương lão sư từ nhỏ nuôi một con trâu đực, tính thả ăn ở khe đông, sợ e không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương; tính thả ăn ở khe tây, cũng sợ e không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương; chi bằng tùy thời nhận chút ít, trọn chẳng thấy được.

Ngài nuôi trâu rất kỹ, không thả ăn bên đông cũng không qua bên tây, không mắc kẹt vào bên nào hết, chỉ tùy thời nhận chút ít mà mọi người trọn chẳng thấy được. Con trâu ngài nói là trâu nào? Chúng ta cũng có nuôi con trâu này, nhưng trâu của ngài đã thuần thực còn trâu của mình hoang quá, thả rong thập phương chứ không phải chỉ ở bốn phương thôi. Phương nào nó cũng chạy vào, phạm đủ chỗ, ăn đủ thứ cỏ nước. Do đó trọn ngày lăng xăng, cứ đuổi theo diên đảo.

Thiền sư Lâm Tế nói: “Tùy duyên tiêu cực nghiệp, nhậm vận trước y xiêm.” Câu nói này cùng câu nói của ngài giống nhau. Không chạy qua đông cũng không sang tây, chỉ sống tùy duyên tùy thời mà không dính không mắc.

Sư thượng đường bảo:

- Phật Nhiên Đăng nói: “Nếu tâm tướng khởi nghĩ sanh ra các pháp là hư giả chẳng thật.” Vì cớ sao? Vì tâm còn không có, làm sao sanh ra các pháp, ví như bóng phân biệt hư không, như người lấy tiếng để trong rương, cũng như thổi lưởi muốn được đầy hơi. Cho nên Lão túc bảo “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Nói thế là dạy các huynh đệ chỗ đi vững chắc. Nói: “Bồ-tát Thập địa trụ chánh định Thủ-lăng-nghiêm được pháp tạng bí mật của chư Phật, tự nhiên được tất cả thiền định giải thoát thân thông diệu dụng, đến tất cả thế giới khắp hiện sắc thân, hoặc thị hiện thành Phật chuyển bánh xe đại pháp, vào Niết-bàn, khiến vô lượng vào một lỗ chân lông, nói một câu trải vô lượng kiếp cũng không hết nghĩa, giáo hóa vô lượng ngàn ức chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn, còn gọi là sở tri ngu.” Sở tri ngu rất vi tế cùng đạo trái nhau. Rất khó, rất khó! Trân trọng!

Ngài dẫn lời đức Phật Nhiên Đăng nói trong kinh: *Nếu tâm tướng khởi nghĩ sanh ra các pháp, là hư giả chẳng thật.* Các pháp có mặt là do tâm sanh, nhưng tâm có thật không? Nếu biết tâm không thật thì các pháp cũng không thật. *Vì cớ sao? Vì tâm còn không có, làm sao sanh ra các pháp.* Tâm chúng ta suy nghĩ đây kia, chợt có chợt không, nên nói không thật. Tâm đã không thật, làm sao sanh ra các pháp. Các pháp không thật thì có gì để nói là thêm bớt, là sanh diệt, như sạch.

Ví như bóng phân biệt hư không, như người lấy tiếng để trong rương, cũng như thổi lưới muốn được đầy hơi. Ngài chỉ cho thấy: chính tâm chúng ta còn không thật, huống là các pháp từ tâm sanh ra. Nếu chấp các pháp là thật, chẳng khác nào người ngu, bóng không biết gì mà bảo bóng phân biệt hư không, lấy tiếng đem nhốt trong rương, lấy lưới thổi lên muốn đầy hơi như bong bóng... Những việc này hoàn toàn không thể được.

Cho nên Lão túc bảo “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Đây là dẫn lời Mã Tổ nói. Bởi dấy niệm nên có các pháp sanh, biết niệm không thật thì rõ pháp cũng không thật. Vậy thì, nói tâm nói Phật nói vật đó cũng đều từ niệm sanh. Cho nên phủ nhận tất cả, mà nói chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật. Nói thế là dạy các huynh đệ chỗ đi vững chắc. Bởi cốt dạy cho chúng ta nhận ra chỗ chân thật, nên các ngài phải nói như vậy mà thôi.

Nói: “Bồ-tát Thập địa trụ chánh định Thủ-lăng-nghiêm được pháp tạng bí mật của chư Phật, tự nhiên được tất cả thiền định giải thoát thân thông diệu dụng, đến tất cả thế giới khắp hiện sắc thân, hoặc thị hiện thành Phật chuyển bánh xe đại pháp, vào Niết-bàn, khiến vô lượng vào một lỗ chân lông, nói một câu trái vô lượng kiếp cũng không hết nghĩa, giáo hóa vô lượng ngàn ức chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn, còn gọi là sở tri ngu.” Sở tri ngu rất vi tế cùng đạo trái nhau. Rất khó, rất khó! Trân trọng!

Bồ-tát tu tới đây rồi mà còn bị gọi là sở tri ngu vi tế. Sở tri ngu vẫn chưa hợp đạo.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các người! Lão tăng lúc mười tám tuổi đã biết kế sống. Có ai biết kế sống ra trình, sẽ cùng người thương lượng, người ấy mới đáng ở núi.

Sư lặng thinh giây lâu, nhìn đại chúng chấp tay, nói:

- Vô sự, trân trọng! Mỗi người tự tu hành.

Đại chúng vẫn ngồi yên. Sư bảo:

- Huynh đệ! Người thời nay gánh Phật để trên vai mà đi, nghe lão tăng nói: “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, bèn hội họp suy nghĩ. Lão tăng không có chỗ để các người suy nghĩ. Nếu các người trói hủ không lấy gậy đập được, lão tăng sẽ cho suy nghĩ.

Có vị tăng ra hỏi:

- Tổ sư từ trước cho đến Đại sư ở Giang Tây đều nói “tức tâm là Phật”, “tâm bình thường là đạo”. Nay Hòa thượng nói “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, học nhân ắt sanh nghi ngờ, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Người nếu là Phật thì đâu còn phải nghi mà hỏi. Lão tăng chỗ nào có nhà bên cạnh nghi Phật

như thế đâu. Lão tăng chẳng phải Phật cũng chẳng từng thấy Tổ sư, người nói như thế, tự tìm Tổ sư đi!

Tăng thưa:

- Hòa thượng nói như thế, dạy học nhân làm sao phù trì được?

Sư bảo:

- Người mau lấy tay bắt hư không đi!

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động, làm sao mà bắt?

Sư bảo:

- Người nói không tướng không động tức là động vậy. Hư không đâu biết nói “ta không tướng không động”. Đây đều là tình kiến của người.

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động còn là tình kiến, trước Hòa thượng dạy con bắt hư không là còn vật gì?

Sư bảo:

- Người đã biết không nên nói bắt, mà lại nghĩ làm sao phù trì?

Tăng thưa:

- Tức tâm là Phật đã chẳng được, thì tâm tác Phật được chăng?

Sư bảo:

- Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, do tình chấp mà có, đều bởi tưởng mà thành. Phật là người trí, tâm là chủ nhóm phân biệt, khi đối vật phát ra diệu dụng. Đại đức chớ nhận tâm nhận Phật, dù nhận được cảnh ấy vẫn còn bị người gọi là sở tri ngu. Cho nên Đại sư ở Giang Tây bảo: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.” Lại dạy người sau các ông hành trì như thế. Người học thời nay mặc y phục nhà bên cạnh nghỉ như thế, muốn được rảnh việc có được chẳng?

- Đã chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, nay Hòa thượng lại nói “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, chưa biết thế nào?

- Người chẳng nhận tâm là Phật, trí là đạo, lão tăng chợt được tâm lại để chỗ nào?

- Đã hoàn toàn chẳng được thì đâu khác hư không?

- Đã chẳng phải vật làm sao so với hư không, lại nói cái gì là khác chẳng khác?

- Chẳng lẽ không cái chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật?

- Người nếu nhận cái ấy, lại thành tâm Phật rồi.

- Thỉnh Hòa thượng nói.

- Lão tăng tự chẳng biết.

- Tại sao chẳng biết?

- Bảo ta nói làm sao.

- **Đành chẳng cho học nhân hội đạo sao?**
- **Hội đạo gì? Lại làm sao hội?**
- **Con không biết.**
- **Không biết lại tốt. Nếu bám lấy lời lão tăng thì gọi là Y thông nhân⁽²⁾ (người nương tựa bên ngoài), dù gặp Phật Di-lặc ra đời cũng bị ngài nhỏ hết lông đầu.**
- **Dạy người sau thế nào?**
- **Người tự xem, chớ lo những người sau.**
- **Trước Hòa thượng chẳng cho con hội thông, giờ lại bảo con tự xem, chưa biết thế nào?**
- **Thăm hội, diệu hội, làm sao cho người hội.**
- **Thế nào là diệu hội?**
- **Lại muốn học ngữ của lão tăng. Dù có nói cũng là lão tăng nói, còn Đại đức thế nào?**
- **Con nếu tự hội thì đâu phiền xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy?**
- **Không thể chỉ đông chỉ tây lừa người. Người khi còn khóc tu oa tu oa, sao chẳng đến hỏi lão tăng? Bây giờ khôn ngoan mới nói “con chẳng hội”, mong cái gì? Nếu người đời này lọt lòng mẹ bèn nói “ta xuất gia làm thiền sư”, vậy khi chưa xuất gia từng làm việc gì, hãy nói xem? Ta sẽ cùng người thương lượng.**

⁽²⁾ Y thông: một trong Ngũ thông hữu lậu. Là sức thần thông do nương vào được lực hay bùa chú tác dụng.

- Khi ấy con chẳng biết.

- Đã chẳng biết thì hiện nay nhận được, có thể phải sao?

- Nhận được đã chẳng phải, không nhận được phải chăng?

- Nhận, chẳng nhận là lời nói gì?

- Đến đây con càng chẳng hội.

- Người nếu chẳng hội, ta cũng chẳng hội.

- Con là học nhân tức chẳng hội, Hòa thượng là thiện tri thức phải hội.

- Chỉ nói với người chẳng hội, ai luận thiện tri thức. Chớ khôn xảo! Xem như Mã Tổ lúc còn tại tiền, có một học sĩ đến hỏi: “Như nước không gân xương hay thắng thuyền muôn đầu, lý này thế nào?” Mã Tổ bảo: “Ở đây không nước cũng không thuyền, luận gì gân xương.” Huynh đệ! Học sĩ ấy bèn thôi, đâu không tỉnh lực. Sở dĩ thường thường nói với các người, Phật không hội đạo, ta tự tu hành, dùng biết để làm gì.

- Thế nào là tu hành?

- Không thể nghĩ lường, đâu thể nói với người tu thế này, hành thế này. Đại nạn!

- Lại cho học nhân tu hành chẳng?

- Lão tăng không thể ngăn người.

- Con làm sao tu hành?

- Cần hành thì hành, không nên chuyên tâm bọn khác.

- Nếu không nhờ thiện tri thức chỉ dạy thì không do đâu được hội. Như Hòa thượng mọi khi nói “tu hành phải hiểu mới được, nếu không hiểu thì rơi vào nhân quả, không có phần tự do”, chưa biết tu hành thế nào khỏi vào nhân quả?

- Lại chẳng cần thương lượng. Nếu luận tu hành thì chỗ nào chẳng hành được?

- Thế nào hành được?

- Người không thể theo bọn kia tìm được.

- Hòa thượng chưa nói, dạy con làm sao tìm?

- Giả sử nói chỗ tìm đó, vả như người từ sáng đến tối chột đi đông đi tây, người còn không suy nghĩ nói, đi được chẳng được, người khác không thể biết được người.

- Ngay khi đi đông đi tây toàn không suy nghĩ, là phải chăng?

- Khi ấy ai nói là phải chăng phải?

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các người! Lão tăng lúc mười tám tuổi đã biết kế sống. Có ai biết kế sống ra trình, sẽ cùng người thương lượng, người ấy mới đáng ở núi.

Sư lặng thinh giây lâu, nhìn đại chúng chấp tay, nói:

- Vô sự, trân trọng! Mỗi người tự tu hành.

Đại chúng vẫn ngồi yên.

Ngài mười tám tuổi đã biết kế sống, chúng ta bây giờ bao nhiêu tuổi rồi, có biết kế sống chưa? Nếu biết thì bước ra trình, sẽ cùng thương lượng. Người biết được kế sống mới xứng đáng ở núi. Nói xong, ngài im lặng nhìn đại chúng, rồi chấp tay nói: *Vô sự, trân trọng! Mỗi người tự tu hành.* Đại chúng vẫn ngồi yên, không ai ra thưa trình gì cả.

Sư bảo:

- *Huynh đệ! Người thời nay gánh Phật để trên vai mà đi, nghe lão tăng nói: “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, bèn hội họp suy nghĩ. Lão tăng không có chỗ để các người suy nghĩ. Nếu các người trói hươu không lấy gậy đập được, lão tăng sẽ cho suy nghĩ.*

Tất cả lời ngài nói ra, chủ yếu là để chúng ta hội được cái không suy nghĩ. Trái lại, chúng ta cứ bám vào ngôn ngữ rồi sanh suy nghĩ, không biết rằng càng suy nghĩ lại càng trái đạo. Thế nên ngài nói: *Nếu các người trói hươu không lấy gậy đập được, lão tăng sẽ cho suy nghĩ.* Ai trói được hươu không, thử làm coi?

Có vị tăng ra hỏi:

- *Tổ sư từ trước cho đến Đại sư ở Giang Tây đều nói “tức tâm là Phật”, “tâm bình thường là đạo”. Nay Hòa thượng nói “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, học nhân ắt sanh nghi ngờ, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.*

Sư đáp:

- Người nếu là Phật thì đâu còn phải nghi mà hỏi. Lão tăng chỗ nào có nhà bên cạnh nghi Phật như thế đâu. Lão tăng chẳng phải Phật cũng chẳng từng thấy Tổ sư, người nói như thế, tự tìm Tổ sư đi!

Vị tăng này nghi: Từ tổ Bồ-đề-đạt-ma cho đến Mã Tổ ở Giang Tây đều nói *tức tâm tức Phật, tâm bình thường là đạo*, mà sao bây giờ ngài nói *tâm không phải Phật, trí không phải đạo*? Ngài đáp: *Người nếu là Phật thì đâu còn phải nghi mà hỏi? Nếu tin chắc tâm là Phật thì còn nghi gì nữa. Nghe người nói thế này thế kia rồi sanh nghi ngờ, tức chưa tin tâm mình là Phật. Lão tăng chỗ nào có nhà bên cạnh nghi Phật như thế đâu. Nghi tức là còn mắc kẹt bên ngoài, không thấy được tự tâm, nên gọi người bên cạnh. Lão tăng chẳng phải Phật, cũng chẳng từng thấy Tổ sư.* Bởi nghe nhận theo bên ngoài, chứ chưa rõ việc bên trong của chính mình. Vậy thì, *tự tìm Tổ sư đi!*

Nói *tức tâm tức Phật, tâm bình thường là đạo*, hoặc nói *tâm không phải Phật, trí không phải đạo v.v...* cũng chỉ nhằm giúp cho người tin nhận được tâm Phật của chính mình. Người ngộ được ngay tâm này là Phật, dù ai nói đông nói tây vẫn không lay động; còn kẻ chưa nhận được, nghe nói khác liền sanh nghi ngờ. Phần đông chúng ta bây giờ nghe nói chân tâm, Phật tánh, Như Lai tạng v.v... không hiểu tại sao chỗ này nói tên này, chỗ kia nói tên khác. Đây là rơi vào danh từ, người này chưa biết gì về chân tâm, Phật tánh... nên mới khởi nghi như vậy.

Tăng thưa:

- Hòa thượng nói như thế, dạy học nhân làm sao phù trì được?

Sư bảo:

- Người mau lấy tay bắt hư không đi!

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động, làm sao mà bắt?

Sư bảo:

- Người nói không tướng không động tức là động vậy. Hư không đâu biết nói “ta không tướng không động”. Đây đều là tình kiến của người.

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động còn là tình kiến, trước Hòa thượng dạy con bắt hư không là còn vật gì?

Sư bảo:

- Người đã biết không nên nói bắt, mà lại nghĩ làm sao phù trì?

Đã là vô tướng mà nghĩ phù trì! Ngài bảo bắt hư không chính là để phá chấp trong câu hỏi làm sao phù trì đó. Nếu là kẻ lanh lợi thì nghe câu này hiểu liền. Vị tăng này chậm lụt quá, nên không nhận ra ý chỉ trong lời dạy của ngài.

Tăng thưa:

- *Tức tâm là Phật đã chẳng được, thị tâm tác Phật được chẳng?*

Sư bảo:

- *Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, do tình chấp mà có, đều bởi tưởng mà thành. Phật là người trí, tâm là chủ nhóm phân biệt, khi đối vật phát ra diệu dụng. Đại đức chớ nhận tâm nhận Phật, dù nhận được cảnh ấy vẫn còn bị người gọi là sở tri ngu. Cho nên Đại sư ở Giang Tây bảo: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.” Lại dạy người sau các ông hành trì như thế. Người học thời nay mặc y phục nhà bên cạnh nghi như thế, muốn được rảnh việc có được chẳng?*

Người học đạo thời nay cứ mượn lời người này, gom nhóm lời người kia, đem ra nói thiền nói đạo mà không nhận được tâm mình. Đây gọi là *mặc y phục nhà bên cạnh*. Vay mượn lời người khác tức là còn nằm trong tình chấp, chưa được rảnh rang.

Học thiền là phải nhận thẳng, chứ không nên chấp theo lời người khác nói. Dù lời đó hay đến mấy đi nữa, cũng là câu nói của người chứ không phải của mình. Người học thời nay mang nhiều lớp áo vay mượn của nhà bên cạnh, rồi khoe đẹp khoe hay, hoàn toàn không có cái thật của mình. Đó là chỗ dở của chúng ta bây giờ.

- *Đã chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, nay Hòa thượng lại nói “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, chưa biết thế nào?*

- Người chẳng nhận tâm là Phật, trí là đạo, lão tăng chợt được tâm lại để chỗ nào?

- Đã hoàn toàn chẳng được thì đâu khác hư không?

- Đã chẳng phải vật làm sao so với hư không, lại nói cái gì là khác chẳng khác?

- Chẳng lẽ không cái chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật?

- Người nếu nhận cái ấy, lại thành tâm Phật rồi.

- Thỉnh Hòa thượng nói.

- Lão tăng tự chẳng biết.

- Tại sao chẳng biết?

- Bảo ta nói làm sao.

- Đành chẳng cho học nhân hội đạo sao?

- Hội đạo gì? Lại làm sao hội?

- Con không biết.

- Không biết lại tốt. Nếu bám lấy lời lão tăng thì gọi là Y thông nhân (người nương tựa bên ngoài), dù gặp Phật Di-lặc ra đời cũng bị ngài nhổ hết lông đầu.

- Dạy người sau thế nào?

- Người tự xem, chớ lo những người sau.

Không chịu xoay lại nhận ra cái sẵn có ngay nơi mình, cứ chấp trên ngôn ngữ danh tự thì bao giờ thấy đạo được. Nghe các ngài nói, rồi bám vào những lời nói đó

cho là hay, là thông suốt thì đến Phật Di-lặc ra đời cũng không giác ngộ.

- Trước Hòa thượng chẳng cho con hội thông, giờ lại bảo con tự xem, chưa biết thế nào?

- Thâm hội, diệu hội, làm sao cho người hội.

- Thế nào là diệu hội?

- Lại muốn học ngữ của lão tăng. Dù có nói cũng là lão tăng nói, còn Đại đức thế nào?

- Con nếu tự hội thì đâu phiền xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy?

- Không thể chỉ đông chỉ tây lừa người. Người khi còn khóc tu oa tu oa, sao chẳng đến hỏi lão tăng? Bây giờ khôn ngoan mới nói “con chẳng hội”, mong cái gì? Nếu người đời này lọt lòng mẹ bèn nói “ta xuất gia làm thiền sư”, vậy khi chưa xuất gia từng làm việc gì, hãy nói xem? Ta sẽ cùng người thương lượng.

Ngài có chỉ chưa? Hồi còn khóc tu oa sao không tới hỏi, bây giờ khôn ngoan nói hội chẳng hội. Đó là lời nói của phân biệt, phi lý.

- Khi ấy con chẳng biết.

- Đã chẳng biết thì hiện nay nhận được, có thể phải sao?

- Nhận được đã chẳng phải, không nhận được phải chăng?

- Nhận, chẳng nhận là lời nói gì?

- Đến đây con càng chẳng hội.

- Người nếu chẳng hội, ta cũng chẳng hội.

- Con là học nhân tức chẳng hội, Hòa thượng là thiện tri thức phải hội.

- Chỉ nói với người chẳng hội, ai luận thiện tri thức. Chớ khôn xảo! Xem như Mã Tổ lúc còn tại tiền, có một học sĩ đến hỏi: “Như nước không gân xương hay thắng thuyền muôn đấu, lý này thế nào?” Mã Tổ bảo: “Ở đây không nước cũng không thuyền, luận gì gân xương.” Huynh đệ! Học sĩ ấy bèn thôi, đâu không tỉnh lược. Sở dĩ thường thường nói với các người, Phật không hội đạo, ta tự tu hành, dùng biết để làm gì.

Như nước không gân xương hay thắng thuyền muôn đấu, lý này thế nào? Đây là dẫn câu nói của Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ. Mã Tổ bảo: Ở đây không nước cũng không thuyền luận gì gân xương. Huynh đệ! Học sĩ ấy bèn thôi, đâu không tỉnh lược. Nghe qua nhận liền mới là người có tỉnh lược, còn nói câu nào hỏi câu nấy, càng hỏi càng kẹt vào ngôn ngữ, làm sao thấy được đạo.

Sở dĩ thường thường nói với các người Phật không hội đạo, ta tự tu hành, dùng biết để làm gì? Phật không hội đạo, tức là Phật không nghĩ mình hội đạo. Mỗi người tự tu hành đi!

- Thế nào là tu hành?

- Không thể nghĩ lường, đâu thể nói với người tu thế này, hành thế này. Đại nạn!

- Lại cho học nhân tu hành chẳng?

- Lão tăng không thể ngăn người.

- Con làm sao tu hành?

- Cần hành thì hành, không nên chuyên tâm bọn khác.

- Nếu không nhờ thiện tri thức chỉ dạy thì không do đâu được hội. Như Hòa thượng mọi khi nói “tu hành phải hiểu mới được, nếu không hiểu thì rơi vào nhân quả, không có phần tự do”, chưa biết tu hành thế nào khỏi vào nhân quả?

- Lại chẳng cần thương lượng. Nếu luận tu hành thì chỗ nào chẳng hành được?

- Thế nào hành được?

- Người không thể theo bọn kia tìm được.

- Hòa thượng chưa nói, dạy con làm sao tìm?

- Giả sử nói chỗ tìm đó, vả như người từ sáng đến tối chọt đi đông đi tây, người còn không suy nghĩ nói, đi được chẳng được, người khác không thể biết được người.

- Ngay khi đi đông đi tây toàn không suy nghĩ, là phải chăng?

- Khi ấy ai nói là phải chăng phải?

Việc tu hành không thể nghĩ lường, đâu thể nói tu thế này, hành thế kia. Nói như thế là đại họa. Tu hành là chuyện của chính mình, không ai ngăn cản hết, nhưng phải tu hành thế nào mới gọi là phù hợp? Cần hành thì hành không nên chuyên tâm bọn khác. Ngay đó cần hành thì hành, đừng chạy theo bên ngoài suy tìm. Tại sao?

Như người từ sáng đến tối chột đi đông đi tây, người còn không suy nghĩ nói, đi được chẳng được, người khác không thể biết được người. Suốt ngày đi đứng một cách tự nhiên, không nghĩ không tưởng, dứt các lỗi lầm, người khác không thể biết được mình.

Vị tăng nghe thế liền hỏi: *Vậy thì, ngay khi đi đông đi tây toàn không suy nghĩ, là phải chăng?* Ngài đáp: *Khi ấy ai nói là phải chăng phải.* Ngài chỉ thẳng mà khéo vô cùng, nhưng vì con mắt trí tuệ của chúng ta vạch hoài mở cũng không ra. Người khéo thì ngay đó liền thấy rõ, tin chắc không còn ngờ vực nữa.

Có vị tăng hỏi:

- Trong hư không có một hạt châu làm sao lấy được?

Sư bảo:

- Chặt tre làm thang bắc trong hư không lấy.**
- Trong hư không làm sao bắc thang?**
- Người nghĩ thế nào lấy?**

Vị tăng hỏi như vậy chúng ta thấy có lý không? Hạt châu mà đem bỏ trong hư không, rồi hỏi làm sao lấy. Ngài bảo: *Chặt tre làm thang bắc trong hư không lấy.* Nhưng trong hư không làm sao bắc thang? *Người nghĩ thế nào lấy?* Nếu không bắc thang thì làm sao lấy được? Nghĩ muốn lấy tức hạt châu là cái bị lấy, thành ta có năng có sở rồi, nên ngài đáp như thế.

Sư dạy chúng:

- Chỉ hội được tánh từ vô lượng kiếp đến giờ không biến đổi tức tu hành, diệu dụng mà chẳng trụ tức là hạnh Bồ-tát. Đạt các pháp không, diệu dụng tự tại, sắc thân tam-muội rõ ràng. Hành sáu ba-la-mật không, thì nơi nơi không ngại, dạo trong địa ngục như xem vườn đẹp, không thể nói y chẳng được tác dụng. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến giờ quên bản tánh, chẳng tự liễu ngộ chân thể, bị mây trần che lấp, đắm mê sắc dục, như mây bay thấy trăng chạy, thuyền đi thấy bờ dời, tạm thời chia đường, chẳng được tự tại, thọ các thứ khổ chẳng tự hiểu biết. Đến hôm nay hội được tánh bản lai, tánh ấy cùng hiện giờ không khác.

Ngài chỉ cho thấy mọi người đều sẵn có tánh bản lai không đổi dời, nhận được tánh đó thì việc tu hành mới tự tại. Ngược lại, chẳng khác nào người ngồi dưới đất, thấy mây bay tưởng là trăng chạy. Như kẻ trong thuyền, thuyền di chuyển mà nhìn ngỡ bờ dời. Nghĩa là ngay trong cái thật lại thấy sai lầm, thành ra lệch lạc.

Sư sắp tịch, đệ nhất tọa hỏi:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi đi về chỗ nào?

Sư bảo:

- Làm con trâu dưới núi.

Tăng hỏi:

- Con theo Hòa thượng được chăng?

Sư bảo:

- Nếu người muốn theo ta, phải ngậm theo một bó cỏ.

Niên hiệu Thái Hòa thứ tám (834) ngày hai mươi lăm tháng chạp, Sư có chút bệnh. Sáng hôm sau, Sư bảo chúng:

**- Sao che đèn huyền đã lâu, chớ bảo ta có đi lại.
Sư nói xong liền tịch, thọ 87 tuổi.**

Chết rồi làm con trâu, nghe buồn quá phải không? Người thế gian chấp theo ngôn ngữ văn tự, nghe ngài nói như vậy ắt sẽ cho rằng, hòa thượng Nam Tuyền là một thiền sư nổi tiếng, tu hành ba mươi năm không xuống núi, vậy mà đến chết còn làm con trâu, thấy ngán chưa? Chỗ này mọi người cần phải hiểu cho thấu đáo.

Trước đây ngài nói có nuôi một con trâu, bây giờ ngài chết dĩ nhiên cũng làm con trâu mà thôi. Nhưng chúng ta phải nhớ, con trâu của ngài nói là con trâu gì? Con trâu đó “không ăn cỏ bên tây, cũng không ăn cỏ bên đông”.

Câu nói này hàm chứa hai nghĩa:

Một là để chỉ con trâu của ngài đã thuần thực, tức là ngài hằng sống nơi pháp thân thanh tịnh của mình. Sống với pháp thân thì chết cũng trở về pháp thân, chứ không đi nơi nào khác.

Hai là với cái nhìn của ngài, thánh phàm không sai biệt. Chúng ta thường thấy thánh khác phàm khác, Phật cao tột còn súc sanh là thấp kém, thế nên ai tu cũng mong thành Phật. Ngài nói làm trâu, tức là vượt khỏi tình lượng của phàm và thánh.

Sắp tịch, ngài bảo: *Sao che đèn huyễn đã lâu, chớ bảo ta có đi lại.* Đây là lời nói từ biệt chúng. Người xưa tin rằng mỗi người có một ngôi sao hay ngọn đèn đại diện cho bốn mạng nguyên thần của mình; khi sao rơi, đèn tắt là khí dương hết, ra đi. Sao mệnh bị che mờ lâu rồi, đèn huyễn sắp tắt bây giờ là lúc trở về; pháp thân vốn không đến đi, thế nên chớ bảo ta có đi lại. Bọt ở trong biển, tan trở về biển vậy thôi.

Nói xong ngài tịch, thọ 87 tuổi.



THIÊN SƯ ĐẠI CHÂU HUỆ HẢI

Sư họ Châu, quê ở Kiến Châu, theo hòa thượng Đạo Trí chùa Đại Vân ở Việt Châu xuất gia học đạo.

Sư đến Giang Tây tham vấn Mã Tổ. Mã Tổ hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Ở chùa Đại Vân, Việt Châu đến.

- Đến đây tính cầu việc gì?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta ở đây không có một vật, cầu Phật pháp gì?

Sư lễ bái, thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta, là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu này, Sư tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ.

Phần hành trạng của thiền sư Huệ Hải, chúng ta đã học trong Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn, nên ở đây không giảng lại, chỉ nói những chỗ cần nhắc mà thôi.

Đầu tiên ngài đến Mã Tổ, cầu học Phật pháp. Mã Tổ bảo: *Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta ở đây không có một vật, cầu Phật pháp gì?* Ngài thưa: Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải? Mã Tổ đáp: *Chính ngay người hỏi ta là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.* Ngay câu này ngài tự nhận bản tâm không do hiểu biết.

Ngài chỉ hỏi một câu mà đã tìm ra kho báu, từ đó về sau tự do sử dụng không thiếu thốn, còn chúng ta lâu rồi sao tìm chưa ra? Tại vì kho báu của mình chôn sâu quá! Ngay nơi nói năng, trong tất cả hành động, mọi động tác thi vi... có cái nào không phải là kho báu của mình. Nhưng vì không chịu ngay đó nhận, cứ đi đông đi tây cầu người chỉ cho kho báu. Kho báu hiện sờ sờ, nếu khéo nhận thì qua một câu liền nhận được, mặc tình sử dụng.

Sư ở hầu Mã Tổ sáu năm. Sau vì bốn sư tuổi già, Sư phải về phụng dưỡng. Từ đây, Sư tàng ẩn chỗ thâm ngọ của mình, chỉ hiện bề ngoài như kẻ

tâm thường. Sư có soạn quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận, bị Huyền Ấn là cháu trong pháp môn lén lấy đến trình Mã Tổ. Mã Tổ xem xong, bảo chúng: “Việt Châu có Đại Châu (hạt châu lớn) tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại.” Khi ấy ở trong chúng có người biết Sư họ Châu bèn rủ nhau lần lượt tìm đến Sư, thưa hỏi và nương tựa. Từ đó người ta gọi Sư là Đại Châu hòa thượng.

Sư bảo những vị đến tham vấn:

- Thiên khách! Tôi chẳng hội thiền, trọn không có một pháp có thể chỉ dạy người, không phiên các vị đứng lâu, hãy tự thôi đi.

Tuy vậy mà học chúng dần dần thêm đông, ngày đêm thưa hỏi. Sư bất đắc dĩ vì hỏi giải đáp, biện tài không ngại.

Ngài Huệ Hải nghe một câu nói liền lãnh hội, nhưng vẫn ở lại chỗ Mã Tổ sáu năm. Sau do bốn sư tuổi già nên ngài phải về phụng dưỡng. Từ đây ngài ẩn chỗ hiểu ngộ của mình, chỉ làm việc bình thường của một đệ tử hầu thầy. Lúc rảnh, ngài có soạn quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn. Người cháu trong đạo tên Huyền Ấn lén lấy đem trình Mã Tổ. Mã Tổ xem xong, nói: *Ở Việt Châu có hạt châu lớn tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại.* Mã Tổ khen ngợi mà không nói người nào, nhưng trong chúng nghe thì biết là ngài, cho nên rủ nhau tìm tới.

Thấy mọi người tụ về đông đảo, ngài thượng đường nói: *Thiên khách! Tôi chẳng hội thiền, trọn không có*

một pháp có thể chỉ dạy người, không phiền các vị đứng lâu, hãy tự thôi đi.

Lối nói của ngài tương tự Mã Tổ. Mã Tổ nói “ta không có một pháp để chỉ dạy cho người”, còn ngài thì nói “tôi chẳng hội thiền”. Người học đạo thời nay nếu nghe nói vậy, chắc là cuốn gói chạy đi mất rồi. Phải không? Còn ngài nói như thế mà chúng vân tập ngày càng thêm đông. Bởi chúng đến học đông, ngài bất đắc dĩ phải dùng biện tài vô ngại giải đáp những nghi vấn cho họ.

Có vài vị pháp sư đến hỏi:

- Định hỏi một câu, Thầy có vui lòng đáp lại chăng?

Sư bảo:

- Bóng trắng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.**
- Thế nào là Phật?**
- Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì?**

Các vị ấy ngơ ngác không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi:

- Thầy nói pháp gì độ người?**
- Bần đạo chưa từng có một pháp gì độ người.**
- Các thiền sư đều như thế.**
- Đại đức nói pháp gì độ người?**
- Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã.**

- Giảng được bao nhiêu lần?

- Hơn hai mươi lần.

- Kinh này ai nói?

Pháp sư tăng hăng lên giọng gắt:

- Thiền sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?

- “Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy không hiểu nghĩa ta nói” (kinh Kim Cang). Nếu nói kinh này không phải Phật nói, tức là phỉ báng Kinh. Thỉnh Đại đức nói xem?

Pháp sư im lặng không đáp được. Sư lại hỏi:

- Kinh nói: “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.” Đại đức hãy nói, cái gì là Như Lai?

- Đến chỗ này tôi mê hẩn.

- Từ trước đến giờ chưa từng ngộ, nói cái gì là mê?

- Thỉnh Thiền sư vì tôi nói.

- Đại đức giảng Kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai?

Pháp sư lại lễ bái, cầu xin chỉ dạy.

Sư bảo:

- Như Lai là nghĩa như của các pháp, đâu thể quên được.

- Phải. Là nghĩa như của các pháp.
- Đại đức nói phải, cũng chưa phải.
- Văn Kinh rõ ràng đâu thể chưa phải?
- Đại đức Như chăng?
- Như.
- Cây cỏ Như chăng?
- Như.
- Đại đức Như, đồng cây cỏ Như chăng?
- Không hai.
- Đại đức cùng cây cỏ đâu khác?

Pháp sư không đáp được, im lặng giây lâu lại hỏi:

- Thế nào được Đại Niết-bàn?
- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.
- Thế nào là nghiệp sanh tử?
- Câu Đại Niết-bàn là nghiệp sanh tử, bỏ như lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.

- Thế nào chóng được giải thoát?
- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng hành thẳng là không thứ bậc.

Pháp sư khen:

- Thiền sư như Hòa thượng thật là ít có.

Khen xong, pháp sư lễ tạ lui ra.

Có vài vị pháp sư đến hỏi:

- Định hỏi một câu, Thầy có vui lòng đáp lại chăng?

Sư bảo:

- Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.

- Thế nào là Phật?

- Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì?

Các vị ấy ngơ ngác không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi:

- Thầy nói pháp gì độ người?

- Bàn đạo chưa từng có một pháp gì độ người.

- Các thiền sư đều như thế.

Các vị pháp sư muốn hỏi đạo, nhưng không biết ngài có vui lòng đáp chăng? Ngài nói: *Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt*. Ngôn ngữ nói ra chẳng khác nào bóng trăng ở dưới đầm sâu, thấy có mà không phải thật, nhưng nếu khéo thì nhận được rõ ràng.

Pháp sư hỏi: *Thế nào là Phật?* Ngài đáp: *Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì?* Có ai thấy được hồ nước trong đó chưa? Ngài chỉ thẳng mà các vị này ngơ ngác không hiểu. Bởi thông thường cứ theo từ ngữ giải thích Phật là giác v.v... nên nghe nói hồ nước trong đối diện thì mờ mịt không biết, nào ngờ thiền sư đã chỉ ra lẽ thật không chút giấu giếm.

Lát sau, pháp sư khác hỏi: *Thầy nói pháp gì độ người?* Ngài đáp: *Bần đạo chưa từng có một pháp gì độ người.* Nghe thế vị này liền ra vẻ mình là một pháp sư: *Các thiền sư đều như thế!* Pháp sư nói pháp này pháp nọ cao siêu, còn thiền sư không có một pháp nào để dạy cho người. Pháp sư chẳng dè không có một pháp cho người, đó mới thật sự là chỗ chí lý.

- *Đại đức nói pháp gì độ người?*

- *Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã.*

- *Giảng được bao nhiêu lần?*

- *Hơn hai mươi lần.*

- *Kinh này ai nói?*

Pháp sư tăng hăng lên giọng gắt:

- *Thiền sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?*

- *“Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy không hiểu nghĩa ta nói.” Nếu nói kinh này không phải Phật nói, tức là phỉ báng Kinh. Thỉnh Đại đức nói xem?*

Pháp sư im lặng không đáp được. Sư lại hỏi:

- *Kinh nói: “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.” Đại đức hãy nói, cái gì là Như Lai?*

- *Đến chỗ này tôi mê hẳn.*

- *Từ trước đến giờ chưa từng ngộ, nói cái gì là mê?*

- *Thỉnh Thiền sư vì tôi nói.*

- *Đại đức giảng Kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai?*

Pháp sư lại lễ bái, cầu xin chỉ dạy.

Nghe pháp sư nói ra vẻ tự đắc, giảng kinh Kim Cang có hơn hai mươi lần, thấy như oai quá, ngài liền hỏi: *Kinh này ai nói?* Một câu hỏi hết sức đơn giản. Đối với pháp sư từng giảng kinh Kim Cang như thế, mà hỏi câu này quả là tầm thường. *Pháp sư tăng hăng lên giọng gắt: Thiền sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?* Ngài dẫn ngay kinh Kim Cang để hỏi lại: *“Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy không hiểu nghĩa ta nói.”* Nếu nói kinh này không phải Phật nói, tức là phỉ báng Kinh. *Thỉnh đại đức nói xem?* Pháp sư đến đây hết lời rồi, bị một câu hỏi của ngài, lặng thinh không đáp được.

Ngài lại hỏi tiếp: *Kinh nói: “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.”* Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai? Pháp sư tới đây bí hoàn toàn: *Đến chỗ này tôi mê hẩn.* Ngài quở: *Từ trước đến giờ chưa từng ngộ, nói cái gì là mê?* Trước giờ có ngộ đâu mà nói mê! Pháp sư chịu thua: *Thỉnh Thiền sư vì tôi nói.* Ngài quở thêm: *Đại đức giảng Kinh hơn hai mươi lượt lại chưa biết Như Lai.* Pháp sư lễ bái cầu xin chỉ dạy.

Sư bảo:

- *Như Lai là nghĩa như của các pháp, đâu thể quên được.*

- *Phải. Là nghĩa như của các pháp.*
- *Đại đức nói phải, cũng chưa phải.*
- *Văn Kinh rõ ràng đâu thể chưa phải?*
- *Đại đức Như chăng?*
- *Như.*
- *Cây cỏ Như chăng?*
- *Như.*
- *Đại đức Như, đồng cây cỏ Như chăng?*
- *Không hai.*
- *Đại đức cùng cây cỏ đâu khác?*

Như vậy mình và cây cỏ không hai, không khác. Chúng ta biết nói, còn cây cỏ đâu biết nói, sao lại không khác? Nguy rồi! Pháp sư tưởng đáp đúng, không ngờ bị kẹt.

Pháp sư không đáp được, im lặng giây lâu lại hỏi:

- *Thế nào được Đại Niết-bàn?*
- *Chẳng tạo nghiệp sanh tử.*
- *Thế nào là nghiệp sanh tử?*
- *Câu Đại Niết-bàn là nghiệp sanh tử, bỏ nhơ lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.*
- *Thế nào chóng được giải thoát?*

- *Vốn tự không phược chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng hành thẳng là không thứ bậc.*

Pháp sư khen:

- *Thiền sư như Hòa thượng thật là ít có.*

Khen xong, pháp sư lễ tạ lui ra.

Sao gọi là *dùng thẳng, hành thẳng*? Thấy chỉ thấy, nghe chỉ nghe, đi đứng nằm ngồi đừng thêm niệm nghĩ suy tính toán. Người sống được như vậy là người vượt thứ bậc, là giải thoát. Lối nói của ngài không khác tổ Bồ-đề-đạt-ma. Pháp sư lúc mới đến đây kiêu khí, tới đây hoàn toàn bị ngài nhiếp phục, nên tán thán: *Thiền sư như Hòa thượng thật là ít có.*

Có vị cư sĩ đến hỏi:

- Tức tâm tức Phật, cái gì là Phật?

Sư bảo:

- Ông nghi cái gì không phải Phật chỉ ra xem!

Cư sĩ lặng thinh. Sư nói tiếp:

- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ hằng trái xa.

Cư sĩ nghe nói *tức tâm tức Phật*, nên đến hỏi ngài: *Cái gì là Phật?* Ngài hỏi lại: *Ông nghi cái gì không phải Phật, chỉ ra xem!* Cư sĩ mờ mịt chẳng hiểu nên im lặng không trả lời được. Ngài nói tiếp: *Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ hằng trái xa.* Nếu thấu đạt, tức tỏ ngộ rồi thì cảnh nào cũng là Phật, còn không thì ngay trước mắt mà vẫn không nhận ra.

Có luật sư hiệu Pháp Minh đến nói:

- Các thiền sư phần nhiều rơi vào không.

Sư bảo:

- Trái lại, các tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi:

- Tại sao rơi vào không?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không, dù trên tiếng dựng lập danh cú văn thân, đâu chẳng phải là không, Tọa chủ bám chặt vào giáo thể đâu chẳng rơi vào không?

- Thiền sư rơi vào không chẳng?

- Chẳng rơi vào không.

- Vì sao chẳng rơi vào không?

- Văn tự... đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không.

- Nên biết một pháp không đạt, chẳng gọi là tất-đạt.

- Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh đổi sắc mặt, hỏi:

- Lầm chỗ nào?

- Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn, làm sao giảng thuyết?

- Thỉnh Thiền sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh.

- Đâu chẳng biết “tất-đạt” là tiếng Phạn sao?

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi, mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi:

- Phàm Kinh Luật Luận là lời Phật, đọc tụng y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh?

- Như chó điên đuổi bóng, sư tử cắn người. Kinh Luật Luận là tự tánh dụng, người đọc tụng là tánh pháp.

- Phật A-di-đà có cha mẹ và họ chăng?

- Phật A-di-đà họ Kiều-thi-ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan.

- Xuất phát từ kinh điển nào?

- Xuất phát từ tập Đà-la-ni.

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

Có luật sư hiệu Pháp Minh đến nói:

- Các thiền sư phần nhiều rơi vào không.

Sư bảo:

- Trái lại, các tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi:

- Tại sao rơi vào không?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không, dù trên tiếng dựng lập danh cú văn thân, đâu chẳng phải là không, Tọa chủ bám chặt vào giáo thể đâu chẳng rơi vào không?

Vị luật sư này cho rằng những người tu thiền thường chấp không, nên nói: *Các thiền sư phần nhiều rơi vào không*. Ngài bảo: *Trái lại, các tọa chủ phần nhiều rơi vào không*. Tại sao? Bởi vì *kinh luận là giấy mực văn tự*, khi dựng lập thấy có từng bài, từng câu, từng lời, từng đoạn, nhưng nếu đem chia chẻ ra thì không có gì thật cả, chỉ là một mớ nhân duyên giả hợp, tự tánh của nó là không. Bám vào mớ nhân duyên giả hợp đó cho là thật, chẳng phải rơi vào không là gì!

- *Thiền sư rơi vào không chẳng?*

- *Chẳng rơi vào không*.

- *Vì sao chẳng rơi vào không?*

- *Văn tự... đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không*.

- *Nên biết một pháp không đạt, chẳng gọi là tất-đạt*.

- *Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn*.

Pháp Minh đổi sắc mặt, hỏi:

- *Lâm chỗ nào?*

- *Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn, làm sao giảng thuyết?*

- *Thỉnh Thiền sư chỉ ra chỗ lâm của Pháp Minh*.

- *Đâu chẳng biết “tất-đạt” là tiếng Phạn sao?*

Pháp sư tuy được nghe giải thích vẫn chưa chấp nhận, nên hỏi lại: *Thiền sư rơi vào không chẳng?*

Ngài nói: *Chẳng rơi vào không*. Pháp sư hỏi: *Vì sao chẳng rơi vào không?* Ngài đáp: *Văn tự đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không*. Người ta thường cho rằng tu thiền là rơi vào không, ở đây ngài chỉ cho thấy rõ, tu thiền là trở về với trí tuệ thanh tịnh của chính mình. Trí tuệ thanh tịnh đó không lúc nào vắng mặt, đầy đủ diệu dụng, lưu xuất ra bao ngôn ngữ văn tự. Luôn sống với cái thực tại hiện tiền thì làm sao rơi vào không được? Nếu cho rằng tu thiền là chấp không, tức là không hiểu chữ Không của đạo Phật.

Pháp Minh nói: *Nên biết một pháp không đạt, chẳng gọi là tất-đạt*. Luật sư này nói tất-đạt, tức là thấu suốt rốt ráo. Nếu còn một pháp không hiểu thì không thể đạt được rốt ráo. Nhưng không ngờ bị ngài bẻ lại: *Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn*. Nghe quả Luật sư xấu hổ quá đổi sắc mặt, hỏi: *Lầm chỗ nào?* Ngài nói: *Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn, làm sao giảng thuyết?* Luật sư lúc này đuối lý: *Thỉnh Thiền sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh*. Ngài nói: *Đâu chẳng biết tất-đạt là tiếng Phạn sao?* Tất-đạt là tiếng Phạn, ngôn ngữ Trung Hoa và Phạn mà luật sư còn chưa rành thì làm sao giảng thuyết được.

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi:

- *Phàm Kinh Luật Luận là lời Phật, đọc tụng y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh?*

- *Như chó điên đuổi bóng, sư tử cắn người. Kinh Luật Luận là tự tánh dụng, người đọc tụng là tánh pháp.*

- *Phật A-di-đà có cha mẹ và họ chăng?*

- *Phật A-di-đà họ Kiều-thi-ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan.*

- *Xuất phát từ kinh điển nào?*

- *Xuất phát từ tập Đà-la-ni.*

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

Luật sư Pháp Minh mặc dù thấy lỗi, nhưng vẫn còn tức giận nên hỏi: *Phàm kinh luật luận là lời Phật, đọc tụng y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh?* Ngài đáp câu này hơi bạo: *Như chó điên đuổi bóng, sư tử cắn người.* Tại sao? Bởi *Kinh Luật Luận* là *tự tánh dụng*, tức là cái dụng của tự tánh, do Phật ngộ đạo rồi nói ra. Chúng ta đọc tụng lại lời của Phật, y theo đó phụng hành, nên nói *người đọc tụng là tánh pháp*. Như vậy, kinh luật luận là dụng, người đọc tụng là sự, tức là cái bóng của tự tánh, chứ không phải thể. Tụng đọc thế ấy thì làm sao thấy tánh, làm sao ngộ được tự tâm.

Vị luật sư này muốn bắt bí Thiền sư, nên không hỏi đạo lý nữa mà quay sang hỏi: *Phật A-di-đà có cha mẹ và họ chăng?* Ngài đáp rành rẽ khiến cho Luật sư hết sức khen ngợi, lễ bái rồi lui ra.

Có vị pháp sư thông tam tạng đến hỏi:

- **Chân như có biến đổi chăng?**

Sư đáp:

- **Có biến đổi.**

- Thiền sư lắm.
- Đại đức có chân như chẳng?
- Có.

- Nếu không biến đổi, quyết định Đại đức là phàm tăng. Đâu chẳng nghe: “Thiền tri thức hay chuyển ba độc thành ba món tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí chân như.” Nếu không biến đổi, Đại đức thật là ngoại đạo chủ trương tự nhiên vậy.

- Nếu vậy chân như tức có biến đổi?
- Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

- Thiền sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào thật đúng?

- Nếu người thấy tánh rõ ràng, như hạt châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh, nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi.

Pháp sư khen:

- Nên biết, Nam tông (thiền chốn ngô miên Nam) thật không thể lường.

Pháp sư thông tam tạng mà lại hỏi: *Chân như có biến đổi chẳng?* Chúng ta học kinh điển bao năm,

vậy thử trả lời xem chân như có biến đổi không? Nếu nói biến đổi thì sao gọi là chân như. Ngài biết pháp sư này chấp chân như là không biến đổi, nên đáp: *Có biến đổi.*

Pháp sư nghe qua quả quyết Thiền sư đáp sai: Thiền sư lầm rồi. Ngài hỏi lại: *Đại đức có chân như chăng?* Câu hỏi ngược lại của ngài làm Pháp sư bị kẹt. Dĩ nhiên, ai không chấp nhận mình có chân như. Ngài bắt đầu phá chấp: *Nếu không biến đổi, quyết định Đại đức là phàm tăng.* Chân như của Đại đức không biến đổi, chắc chắn Đại đức làm phàm tăng hoài. Vì sao? Vì phàm thì mãi mãi là phàm, dù bây giờ tu mấy đi nữa cũng vẫn là phàm phu mà thôi.

Ngài dẫn kinh làm chứng: *Thiện tri thức hay chuyển ba độc thành ba món tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thân thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí chân như.* Chuyển tức là có biến đổi. Nhờ chuyển hết phiền não, mới thành Phật. Còn không biến đổi thì sao? *Đại đức thật là ngoại đạo chủ trương tự nhiên vậy.*

Nghe ngài nói như thế, Pháp sư nghi ngờ: *Nếu vậy chân như tức có biến đổi?* Ngài bảo: *Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.* Vậy là chỗ học lâu nay của Pháp sư tiêu tan mất rồi, trả lời thế nào cũng kẹt. Nói không biến đổi bị cho là phàm tăng, giờ nói biến đổi lại thành ngoại đạo.

Pháp sư lúng túng hỏi: *Thiền sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào*

thật đúng? Ngài đáp: *Nếu người thấy tánh rõ ràng, như hạt châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được.* Đây là cái thấy thật. Ngài ví dụ, như hạt ngọc ma-ni, có những vật màu xanh vàng đỏ trắng để chung quanh, người sáng mắt biết rõ hạt ma-ni vốn không màu sắc, do để gần những vật có màu sắc nên thấy ánh hiện màu sắc. Biết rõ ràng rồi, nói hạt ngọc ma-ni có màu sắc cũng được, không màu sắc cũng được. Kẻ không biết, nghe người này nói hạt ngọc không màu sắc thì chấp không sắc, nghe người kia nói hạt ngọc có màu sắc thì cho có màu sắc. Thấy biết như vậy là thể dụng không phân. Thể của ngọc là trong suốt, dụng của ngọc là chiếu soi. Vì không hiểu rõ nên ai nói sao tin vậy, trở thành lầm chấp.

Nếu người không thấy tánh, nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi. Chỗ hiểu của người thật sự thấy tánh khác hẳn người chỉ nghe mà chưa thấy. Chúng ta tu thì phải dùng trí tuệ chuyển vô minh phiền não, nên nói biến đổi, còn thể tánh của chân như thì trước sau không biến đổi. Như vậy, khi nói chuyển hay biến đổi là đứng về dụng, lúc nói không biến đổi là đứng về thể. Tu là tu trên dụng, còn thể tánh đâu cần tu. Hiểu rồi nói sao cũng đúng, không hiểu nói gì cũng sai là vậy.

Đến đây, Pháp sư phục rồi, bèn tán thán: *Nên biết, Nam tông thật không thể lường.* Nam tông là chỉ cho thiền đốn ngộ phương Nam.

Luật sư Nguyên đến hỏi:

- Hòa thượng tu có dụng công chăng?

Sư đáp:

- Dụng công.

- Dụng công thế nào?

- Khi đói thì ăn, khi mệt thì ngủ.

- Tất cả người đều như vậy, đồng chỗ dụng công của Thầy chăng?

- Chẳng đồng.

- Tại sao chẳng đồng?

- Họ khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng, khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn chuyện, do đó chẳng đồng.

Nguyên im lặng.

Các thiền sư đói ăn mệt ngủ, chúng ta cũng đói ăn mệt ngủ, nhưng lại khác nhau xa. Chúng ta đói mà lên mâm cơm nhìn món này, nhìn món kia, kiểm tiêu, đòi ớt v.v... chứ đâu chịu ăn liền. Khi ngủ cũng vậy, nằm gác tay lên trán lăn qua trở lại, nhớ đông nghĩ tây, chừng nào mệt quá mới ngủ thiếp đi, đánh mất biết bao thời giờ trong đó, vì vậy không giống chỗ dụng công của thiền sư.

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi:

- Thiền sư tự biết chỗ sanh chăng?

Sư đáp:

- Chưa từng tử đâu cần luận sanh. Biết sanh tức là pháp không sanh, chẳng là pháp sanh nói có không sanh. Tổ sư nói: “Ngay cái sanh tức không sanh.”

- Người không thấy tánh cũng được như vậy chăng?

- Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh. Vì sao? Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là pháp tánh, cũng gọi là pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói: “Nói là pháp tức là tâm chúng sanh, nếu tâm sanh thì tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh, pháp không nương đâu sanh, cũng không danh tự.” Người mê không biết pháp thân không hình tướng hay ứng vật hiện hình, bèn nói “Trúc biếc xanh xanh đồng là pháp thân, hoa vàng mịm mịm thảy đều Bát-nhã” (Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát-nhã). Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình; trúc biếc nếu là pháp thân, pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn măng tức là ăn pháp thân. Những lối nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm, chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

Đại đức lại hỏi:

- Hư không hay sanh linh tri chẳng? Chân tâm duyên thiện ác chẳng? Người tham dục là đạo chẳng? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng? Người xúc cảnh sanh tâm có định chẳng? Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chẳng? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng? Người tầm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật, trí này hợp đạo chẳng? Thỉnh Thiền sư mỗi mỗi vì đáp.

Sư đáp:

- Hư không chẳng sanh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lăng xăng chưa thông, người xúc cảnh sanh tâm ít định, người yên lặng quên hết là tuệ chìm, người khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tầm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rốt ráo không thể có?

- Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không có gì.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ.

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi:

- Thiền sư tự biết chỗ sanh chẳng?

Sư đáp:

- Chưa từng từ đâu cần luận sanh. Biết sanh tức là pháp không sanh, chẳng lẽ pháp sanh nói có không sanh. Tổ sư nói: “Ngay cái sanh tức không sanh.”

- Người không thấy tánh cũng được như vậy chăng?

- Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh. Vì sao? Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là pháp tánh, cũng gọi là pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói: “Nói là pháp tức là tâm chúng sanh, nếu tâm sanh thì tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh, pháp không nương đâu sanh, cũng không danh tự.” Người mê không biết pháp thân không hình tướng hay ứng vật hiện hình, bèn nói “Trúc biếc xanh xanh đồng là pháp thân, hoa vàng mịm mịm thảy đều Bát-nhã” (Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát-nhã). Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình; trúc biếc nếu là pháp thân, pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn măng tức là ăn pháp thân. Những lối nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm, chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

Thấy các pháp có sanh có diệt là cái thấy của phàm phu, dưới con mắt của thiền sư, ngay nơi sanh mà rõ vô sanh. Do đó các ngài thường an trú nơi Niết-bàn, còn chúng ta thì chột tỉnh chột mê nên trôi lăn trong lục đạo.

Tất cả chúng ta đều có tánh này, nhưng vì mê mà không chịu nhận. Thế nên ở đây ngài chỉ thẳng: *Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh*. Tự tánh nơi mỗi người không lúc nào mà chẳng hiện, do chẳng thấy chứ không phải người có người không. Ngay thấy nghe hiểu biết, tánh thường hiển lộ trong đó, nếu không có tánh thì làm sao chúng ta biết thấy, biết nghe. Chỉ tùy phát ra nơi nào rồi theo đó mà gọi tên thôi. Nên nói: *Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là pháp tánh, cũng gọi là pháp thân*. Đây là lời chỉ dạy thiết yếu của ngài.

Người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp. Nếu chúng ta hiểu đạo thì đi đứng ngồi nằm đều là đạo, ngộ pháp thì tung hoành tự tại đều là pháp, chứ không phải đợi ngồi một chỗ mới là đạo, là pháp. Bởi vì đi đứng nằm ngồi thường quên, chứ tánh thấy nghe hiểu biết này có vắng thiếu bao giờ. Thế nên người hiểu đạo chạy đông chạy tây đều là đạo, vì đạo chính nơi tâm mình chứ đâu phải trong rừng trong núi.

Như vua Trần Thái Tông ở Việt Nam chúng ta, ngài chán ngán ngôi vua trốn lên núi Yên Tử tu, gặp Quốc sư hỏi: Bệ hạ lên núi để cầu cái gì? Vua đáp: Để cầu Phật. Quốc sư nói: Phật ở nơi tâm chứ không phải Phật ở trong núi. Như vậy, tâm mà ngộ thì ở đâu cũng có Phật. Chúng ta là người tu phải gắng nhớ, đừng bỏ mình đi cầu bên ngoài, bởi càng chạy tìm càng không thấy đạo.

Đại đức lại hỏi:

- Hư không hay sanh linh tri chẳng? Chân tâm duyên thiện ác chẳng? Người tham dục là đạo chẳng? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng? Người xúc cảnh sanh tâm có định chẳng? Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chẳng? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng? Người tâm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật, trí này hợp đạo chẳng? Thỉnh Thiền sư mỗi mỗi vì đáp.

Sư đáp:

- Hư không chẳng sanh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lẫn xằng chưa thông, người xúc cảnh sanh tâm ít định, người yên lặng quên hết là tuệ chìm, người khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tâm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rốt ráo không thể có?

- Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không có gì.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ.

Vị đại đức này đặt một loạt bao nhiêu câu hỏi, thỉnh ngài giải đáp. Ngài trả lời rõ ràng từng câu.

Hỏi: *Hư không hay sanh linh tri chẳng?* Đáp: *Hư không chẳng sanh linh tri.* Linh tri không có tướng mạo,

thường dụ như hư không, chứ hư không làm sao sanh linh tri được.

Hỏi: *Chân tâm duyên thiện ác chẳng?* Đáp: *Chân tâm chẳng duyên thiện ác.* Chính ý này Lục Tổ đã nói: “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Tổ đã chỉ thẳng không chút giấu giếm, bản lai diện mục của thượng tọa Minh cũng là chân tâm của mỗi người. Nếu còn chạy theo thiện ác thì không bao giờ thấy được chân tâm, không thể nhận ra bản lai diện mục. Chân tâm hiện tiền tại sao mình không thấy, có vắng mặt lúc nào đâu? Vắng mặt thì không biết nghe, không biết thấy. Vậy mà cứ chạy đi cầu Phật bên ngoài, đó là điều hết sức lầm lẫn nơi mỗi chúng ta.

Hỏi: *Người tham dục là đạo chẳng?* Đáp: *Người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn.* Người thích đắm chìm trong tham dục là kẻ căn cơ thấp kém.

Hỏi: *Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng?* Đáp: *Người phải quấy lãng xăng chưa thông.* Chấp phải chấp quấy là chưa thông đạo lý. Nên nhớ, người nào chạy theo phải quấy, ngồi lại bàn nói những chuyện lãng xăng, người đó là kẻ không thông đạo lý. Như vậy chúng ta tự nghiệm thì biết mình là hạng người nào, để mà ráng sửa chứ khỏi cần phải đợi có tha tâm trí mới biết.

Hỏi: *Người xúc cảnh sanh tâm có định chẳng?* Đáp: *Người xúc cảnh sanh tâm ít định.* Cảnh vừa tới đã rồi rắm trong lòng tức là ít định, còn người khi chạm cảnh gặp việc mà vẫn tỉnh sáng thì người đó tâm dễ được định.

Hỏi: *Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chẳng? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng?* Đáp: *Người yên lặng quên hết là tuệ chìm. Người cứ im im, không ưa giáo hóa cũng không khởi niệm lợi ích cho ai, là người tuệ chìm. Người khinh người cao mạn là ngã mạn. Người chấp không chấp có đều ngu.*

Hỏi: *Người tâm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật, trí này hợp đạo chẳng?* Đáp: *Người tâm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê. Ngày ăn một bữa... dùng các hình thức khổ hạnh để được thành Phật, đó là kẻ mê. Phật là giác ngộ tự tâm, chứ không phải ở hình tướng bên ngoài. Lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma. Tại sao? Bởi chấp nhận vọng tâm sanh diệt, ta nghĩ thế này ta nghĩ thế kia, cho đó là Phật, không phải ma là gì? Dùng trí phân biệt, sanh ra tất cả những thứ chấp trước, đều không hợp đạo chỉ tăng thêm chướng mà thôi.*

Nghe ngài giải đáp tường tận như thế, Uẩn Quang nghi: *Nếu như thế thì rốt ráo không thể có? Tu hành để rồi rốt cuộc không có gì hết hay sao?* Ngài nói: *Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không có gì. Tất cả pháp bên ngoài đều không thật, chỗ cứu cánh cùng tột chính là quay trở về tự tánh của mình chứ không đâu xa.*

Tọa chủ giảng kinh Duy-ma-cật hỏi:

- Kinh nói: “Lục sư ngoại đạo kia là thầy của người, nhân kia xuất gia, thầy kia bị đọa người cũng

theo đó mà đọa. Người thí cho người chẳng gọi phước điền, cúng dường cho người đọa trong ba đường ác. Chê Phật, hủy pháp, chẳng vào chúng số, trọn chẳng được diệt độ. Người nếu như thế mới nên nhận thức ăn.” Thỉnh Thiền sư vì giải thích.

Sư đáp:

- Người mê chạy theo sáu căn gọi là lục sư, ngoài tâm cầu Phật gọi là ngoại đạo, thấy có vật để thí chẳng gọi phước điền, sanh tâm nhận cúng dường đọa ba đường ác. Người nếu hay chê bai Phật là chẳng dám cầu Phật, hủy báng pháp là chẳng dám cầu pháp, chẳng vào chúng số là chẳng dám cầu tăng, trọn chẳng được diệt độ là trí dụng hiện tiền. Nếu có người hay hiểu như thế liền được thức ăn thiền duyệt pháp hỷ.

Người được trí dụng hiện tiền không mắc kẹt Phật pháp tăng bên ngoài, người hiểu rõ như thế là được thiền duyệt pháp hỷ. Đây là đoạn khó nhất trong kinh Duy-ma-cật.

Tọa chủ hỏi:

- Kinh Bát-nhã nói “Độ chín loài chúng sanh đều vào vô dư Niết-bàn”, lại nói “thật không chúng sanh được diệt độ”. Hai đoạn văn kinh này làm sao hội thông? Người xưa nay đều nói “thật độ chúng sanh mà chẳng nhận tướng chúng sanh”. Tôi còn nghi chưa giải quyết, thỉnh Thiền sư vì giải thích.

- Chín loài chúng sanh trong một thân đầy đủ, tùy tạo tùy thành: vô minh là noãn sanh (sanh bằng trứng), ôm ấp phiền não ở trong là thai sanh (sanh bằng bào thai), nước ái thấm ướt là thấp sanh (sanh chỗ ẩm ướt), chột khởi phiền não là hóa sanh (từ loài này hóa sanh loài khác). Ngộ tức là Phật, mê gọi là chúng sanh. Bồ-tát chỉ lấy tâm sanh niệm niệm làm chúng sanh, nếu rõ tâm sanh niệm niệm đó thể nó là không, gọi là độ chúng sanh vậy. Người trí ở trên bản tế (nguồn tâm) của mình mà độ lúc chưa hiện hình, chưa hiện hình đã là không, tức biết thật không có chúng sanh được diệt độ.

Bồ-tát thấy niệm sanh diệt đó là chúng sanh, rõ tâm ở trên nguồn tâm mà độ lúc chưa hiện hình, tức biết thật không có chúng sanh được diệt độ. Bởi tâm khi chưa dậy niệm tức là không, cho nên không thấy có chúng sanh được diệt độ.

Sư thượng đường dạy:

- Các người may mắn tự khéo làm người vô sự. Kẻ nhọc nhằn tạo tác muốn mang cùm sa ngục làm gì? Mỗi ngày từ sáng đến tối bốn ba nói “Ta tham thiền học đạo, hiểu thấu Phật pháp”. Như thế càng không dính dáng gì, chỉ chạy theo thanh sắc, biết khi nào dứt. Bần đạo đến tham vấn Hòa thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa thượng dạy: “Kho báu nhà của người đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài.” Bần đạo từ đây lập tức thôi dứt, của báu của mình tùy thân thọ dụng, có thể nói

sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy tướng của một pháp sanh diệt, chẳng thấy tướng của một vật qua lại, khắp mười phương thế giới không có bằng hạt bụi mà chẳng phải của báu nhà mình. Nếu tự quan sát kỹ càng thì nhất thể tam bảo của tự tâm thường tự hiện tiền, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm vì tâm tánh xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền.” Kinh Tịnh Danh nói: “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy.” Nếu chẳng theo thanh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sanh hiểu, tự nhiên vô sự đi. Chớ đứng lâu. Trân trọng!

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán. Sư hỏi:

- Các người vì cớ sao ở đây mãi không đi? Bàn đạo đã đối diện trình nhau, lại chịu thôi chẳng? Có việc gì khả nghi? Chớ lầm dụng tâm uống phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các người tùy ý thưa hỏi.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật, thế nào là pháp, thế nào là tăng, thế nào là nhất thể tam bảo?

Sư đáp:

- Tâm là Phật, chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là pháp, chẳng cần đem pháp cầu pháp, Phật pháp hòa hợp không hai là tăng, tức là nhất thể

tam bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không khác.” Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp chẳng thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Dụ như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận. Chỉ là một tâm, thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy, vô lậu hiện tiền, như rắn hóa thành rồng không đổi vảy, chúng sanh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt. Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu hành, có chứng có tu tức đồng người tăng thượng mạn. Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ, dụng không thứ bậc tức là A-nậu-bồ-đề (Vô thượng chánh giác). Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu. Không tướng là thật tướng pháp thân. Thể tánh tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh trang nghiêm tức là công đức pháp thân. Pháp thân này là gốc của muôn hóa, tùy chỗ đặt tên: trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng, hay sanh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng, đủ tất cả trí gọi là Trí tuệ tạng, muôn pháp về như gọi là Như lai tạng. Kinh nói: “Như Lai đó, tức nghĩa như của các pháp”, lại nói: “Tất cả pháp sanh diệt thế gian, không có một pháp chẳng về như”.

Sư thượng đường dạy: Các người may mắn tự khéo làm người vô sự. Vô sự là chấp tay đi tới đi lui cả ngày, phải không? Ngài lại nói: Kẻ nhọc nhằn tạo tác muốn mang cùm sa ngục làm gì. Như vậy người vác củi, gánh nước... mang cùm sa ngục hết rồi. Chỗ này chúng ta phải hiểu cho rõ, kéo không thì dễ bị lầm.

Người vô sự không phải là kẻ làm biếng chẳng làm gì hết, mà là đi đứng nằm ngồi... trong mọi hoạt động, tâm không chạy đông chạy tây. Nhọc nhằn tạo tác tức là làm theo hình tướng, bầy việc này nắm bắt việc kia lung tung cả ngày. Nếu không có ý mong cầu, làm mà trong tâm vô sự thì tuy làm tất cả nhưng vẫn rảnh rang.

Mỗi ngày từ sáng đến tối bốn ba nói “Ta tham thiền học đạo, hiểu thấu Phật pháp”. Như thế càng không dính dáng gì, chỉ chạy theo thanh sắc, biết khi nào dứt. Nói tham thiền học đạo lãng xăng mà tự không nhận ra cái của mình, như thế cũng chỉ là chạy theo thanh theo sắc mà thôi, có dính dáng gì đến lý thật.

Bần đạo đến tham vấn Hòa thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa thượng dạy: “Kho báu nhà của người đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài.” Bần đạo từ đây lập tức thôi dứt, của báu của mình tùy thân thọ dụng, có thể nói sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy tướng của một pháp sanh diệt, chẳng thấy tướng của một pháp qua lại, khắp mười phương thế giới không có bằng hạt bụi mà chẳng phải của báu nhà mình. Nếu tự quan sát kỹ càng thì nhất thể tam bảo của tự tâm thường tự hiện tiền, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm vì tâm tánh xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền.”

Chư Phật hay là một đức Phật? Chúng ta nghe nói chư Phật, rồi lầm tưởng là chư Phật ở bên ngoài, mà không ngờ rằng chính là chỉ cho đức Phật ngay nơi mình. Nếu thấy các pháp không sanh, các pháp không diệt thì tự nhiên đức Phật của mình hiện tiền.

Kinh Tịnh Danh nói: “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy.” Nếu chẳng theo thanh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sanh hiểu, tự nhiên vô sự đi. Chớ đứng lâu. Trân trọng!

Những lời dạy của ngài thật chí lý, nếu chúng ta nhận ra được lý này rồi thì thấy đức Phật nơi mình không lúc nào vắng thiếu, đi đâu cũng thấy Phật. Vậy mà chúng sanh lang thang trong đường luân hồi, thật là tội nghiệp! Phật không cô phụ chúng ta, tại chúng ta công Phật trên vai đi tìm Phật, nên luôn cảm thấy bơ vơ lạc lõng. Nếu nhận ra Phật ngay nơi mình thì dù chạy đông chạy tây, ở bất cứ thời nào cũng thường thấy Phật. Bây giờ là thời mạt pháp, cách đức Phật Thích-ca hơn hai ngàn năm, nhưng nếu biết ngay tâm thanh tịnh là Phật, chắc rằng Phật cũng không xa mình, còn không hiểu cứ theo đức Phật ở Ấn Độ mà cầu thì không thể nào thấy Phật.

Người tu thiền hiểu được chỗ này rồi, gặp cảnh nào tu cũng được, ở chùa hoặc bất cứ nơi đâu, có thiền đường hay không thiền đường, vẫn tu như thường. Một số người cứ than thở: không có phương tiện làm sao tu, mắc công kia bận việc nọ làm sao tu v.v... Phật đâu lúc nào vắng mà tu không được, tại không thấy Phật thôi.

Xưa kia Lục tổ Huệ Năng khi đã ngộ bản tâm, ngài ở ẩn trong nhóm thợ săn mà tu. Nếu là chúng ta bây giờ, chắc hết tu được rồi. Người hiểu thiền đúng, niềm tin Phật nơi mình vững vàng, không gì có thể lay động được. Giả sử chúng ta đang lễ lạy tượng Phật trên bàn, có người đến bày chuyện huyền hoặc, họ bảo Phật đó là do thợ đúc tượng làm ra, lễ bái làm gì vô ích, tu hành như vậy chừng nào thành Phật?... Nếu hiểu không thông, nghe nói thế đâm ra hoảng hốt, cảm thấy mình tu thiếu thực tế, rồi sanh hối hận. Chúng ta đã biết rõ Phật nơi mình, lạy đức Phật bên ngoài có lỗi lầm gì mà không kính lễ?

Đức Phật tự mở ra con đường giải thoát cho mình, không ai dọn sẵn cho ngài. Đâu phải đợi cất chùa xong xuôi rồi ngài mới vô đó ngồi tu, để thụ hưởng sản nghiệp sẵn có ấy. Ở trong thời đại chưa từng ai biết chữ Phật là gì, ngài tự phát tâm tu cho đến giác ngộ, rồi đi vào đời để giúp người tỉnh ngộ. Phật xưa một mình đơn độc, khó khăn muôn ngàn, bị ngoại đạo tà kiến nào hại mà ngài tu thành Phật. Chính vì thế ngài mới được tôn xưng, nên tới bây giờ và mãi về sau chúng ta vẫn luôn phải kính lễ ngài.

Chúng ta ngày nay chùa chiền sẵn có, bạn đạo năm bảy chục người cùng tu, tại sao tu không xong, tại sao lo sợ? Vì không giác ngộ, vì không biết Phật nên niềm tin Phật nơi mình không vững. Do đó gặp chút cảnh trở ngại khó khăn là không còn an ổn, nghe ai nói gì cũng nghi, cũng sợ. Thế nên tôi nói, nếu người nhận và hằng sống với Phật thật nơi mình thì không sợ tu

chẳng xong. Tôi đảm bảo người này quăng ở đâu tu cũng được. Chúng ta là con của đấng Đại hùng đại lực, gặp cảnh khó mà vẫn tin chắc không nghi, tu hành không lui sụt, như vậy mới thấy dũng lực của mình.

Như trong khoảng thời gian khó khăn, có người lo lắng tôi nuôi tăng ni ở hai thiền viện trên núi này, làm sao đủ ăn? Tôi bảo cứ vững tâm tu, nếu không ai cúng dường, chúng đông không có gì ăn thì thầy trò cùng nhịn đói ngồi thiền nhập định, chứ chạy đông chạy tây làm gì. Nhờ gan dạ như thế, nên đến bây giờ tăng ni trong các thiền viện vẫn tu yên ổn, chưa đói ngày nào. Tất cả phải phát tâm dũng mãnh, quả quyết tu tới thành Phật mới thôi, được vậy thì sự tu mới an ổn, mới thẳng tiến.

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán. Sư hỏi:

- Các người vì cớ sao ở đây mãi không đi? Bần đạo đã đối diện trình nhau, lại chịu thôi chẳng? Có việc gì khả nghi? Chớ lằm dục tâm, uống phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các người tùy ý thưa hỏi.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật, thế nào là pháp, thế nào là tăng, thế nào là nhất thể tam bảo?

Sư đáp:

- Tâm là Phật, chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là pháp, chẳng cần đem pháp cầu pháp, Phật pháp hòa hợp không hai là tăng, tức là nhất thể tam bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không khác.”

Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp chẳng thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Dụ như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận. Chỉ là một tâm, thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy, vô lậu hiện tiền, như rắn hóa thành rồng không đổi vảy, chúng sanh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt.

Giận với vui chỉ là một tâm, nhưng khi giận khác với khi vui, tuy khác mà không hai. Nên nói, *chỉ một tâm, thật không hai thể.*

Khi nói nhất thể tam bảo tức là chỉ tâm đầy đủ Phật pháp và tăng. Lục Tổ nói: “Giác là Phật, chánh là pháp, tịnh là tăng”, đồng một ý này, cũng là chỉ thẳng tâm đầy đủ Phật pháp tăng, gọi chung là nhất thể tam bảo.

Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu hành, có chứng có tu tức đồng người tăng thượng mạn. Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ, dụng không thứ bậc tức là A-nậu-bồ-đề (Vô thượng chánh giác). Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu. Không tướng là thật tướng pháp thân. Thể tánh tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh trang nghiêm tức là công đức pháp thân. Pháp thân này là gốc của muôn hóa, tùy chỗ đặt tên: trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng, hay sanh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng, đủ tất cả trí gọi là Trí tuệ tạng, muôn pháp về như gọi là Như lai tạng. Kinh nói: “Như Lai đó, tức nghĩa như của các pháp”, lại nói: “Tất cả pháp sanh diệt thế gian, không có một pháp chẳng về như”.

Thiền sư Huệ Hải có lối chỉ dạy rất gần gũi với chúng ta. Về lý các thiền sư đều nói không khác, nhưng về cái khéo thì mỗi vị có nét đặc biệt riêng.

Sư thọ bao nhiêu tuổi, tịch lúc nào và nơi nào, chẳng thấy ở đâu ghi.

Không ai biết ngài đi đâu và tịch lúc nào.



THIÊN SƯ ẨN PHONG

núi NGŨ ĐÀI

Sư họ Đặng (nên gọi là Đặng Ẩn Phong), quê ở Thiệu Võ, Phúc Kiến. Trước Sư đến tham vấn Mã Tổ mà chưa nhận được chỗ huyền áo, Sư lại đến Thạch Đầu đôi ba phen vẫn không thấy đạo.

Lúc ở chỗ Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Làm sao được hội đạo?

Thạch Đầu bảo:

- Ta cũng chẳng hội đạo.

- Cứu cánh thế nào?

- Người bị như thế bao lâu rồi.

Một hôm, hòa thượng Thạch Đầu cắt cỏ, Sư khoan tay đứng bên trái. Thạch Đầu xoay nhanh chiếc kéo sang trước mặt Sư hớt một gốc cỏ. Sư thưa:

- Hòa thượng chỉ cắt được cái này, không cắt được cái kia.

Thạch Đầu đưa chiếc kéo lên. Sư nắm chiếc kéo, làm thế cắt. Thạch Đầu bảo:

- Người chỉ cắt được cái kia, không cắt được cái này.

Sư không đáp được.

Sau, nơi Mã Tổ một câu nói, Sư ngộ đạo.

Một hôm Sư đẩy xe đất, Mã Tổ ngồi đuổi chân trên đường. Sư thưa:

- Thỉnh Thầy rút chân.

Mã Tổ bảo:

- Đã đuổi thì không rút.

- Đã tiến thì không lùi.

Sư bèn đẩy xe qua, cán chân Mã Tổ bị thương. Mã Tổ vào pháp đường cầm chiếc búa gọi:

- Vừa rồi ai đẩy xe cán chân lão tăng bị thương, hãy ra đây!

Sư bước ra đưa cổ trước Mã Tổ. Mã Tổ liền đập búa.

Sư họ Đặng, quê ở Thiệu Võ, Phúc Kiến. Trước Sư đến tham vấn Mã Tổ mà chưa nhận được chỗ huyền áo, Sư lại đến Thạch Đầu đôi ba phen vẫn không thấy đạo.

Lúc ở chỗ Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Làm sao được hội đạo?

Thạch Đầu bảo:

- Ta cũng chẳng hội đạo.

- Cứu cánh thế nào?

- Người bị như thế bao lâu rồi.

Ngài sống rày đây mai đó, cũng không mở thiền đường dạy chúng, nên mọi người gọi ngài theo hiệu thường là Đặng Ấn Phong.

Ngài tới Thạch Đầu, hỏi: *Làm sao được hội đạo?* Thạch Đầu bảo: *Ta cũng chẳng hội đạo.* Ngài hỏi: *Cứu cánh thế nào?* Thạch Đầu nói: *Người bị như thế bao lâu rồi!* Nói chẳng hội là đã chỉ rồi, mà còn hỏi cứu cánh thế nào, tức là chưa thấy đạo.

Một hôm, hòa thượng Thạch Đầu cắt cỏ, Sư khoanh tay đứng bên trái. Thạch Đầu xoay nhanh chiếc kéo sang trước mặt Sư hót một góc cỏ. Sư thưa:

- Hòa thượng chỉ cắt được cái này, không cắt được cái kia.

Thạch Đầu đưa chiếc kéo lên. Sư nắm chiếc kéo, làm thế cắt. Thạch Đầu bảo:

- Người chỉ cắt được cái kia, không cắt được cái này.

Sư không đáp được.

Sau, nơi Mã Tổ một câu nói, Sư ngộ đạo.

Do chưa thoát được hai bên, cho nên ngài không đáp được.

Một hôm Sư đẩy xe đất, Mã Tổ ngồi duỗi chân trên đường. Sư thưa:

- Thỉnh Thầy rút chân.

Mã Tổ bảo:

- Đã duỗi thì không rút.

- Đã tiến thì không lùi.

Sư bèn đẩy xe qua, cán chân Mã Tổ bị thương. Mã Tổ vào pháp đường cầm chiếc búa gọi:

- Vừa rồi ai đẩy xe cán chân lão tăng bị thương, hãy ra đây!

Sư bước ra đưa cổ trước Mã Tổ. Mã Tổ liền dẹp búa.

Thầy trò làm nhiều điều lạ lùng, người thường không thể suy lường được. Một hôm ngài đẩy xe đất, còn Mã Tổ thì đang ngồi dưới đất duỗi chân ra đường. Ông già này quả là kỳ quái, là một vị tổ được thiên hạ kính trọng mà gặp đâu ngồi đó chơi, chứ không phải ngồi nghiêm chỉnh trên tòa. Ngài thỉnh thầy rút chân cho mình đẩy xe qua, nhưng Mã Tổ chẳng những không rút chân, mà còn nói: *Đã duỗi thì không rút.* Ngài cũng không nhường, nói: *Đã tiến thì không lùi.* Rồi đẩy xe đi qua cán chân Mã Tổ bị thương. Sau đó Mã Tổ vào pháp đường, cầm chiếc búa gọi: *Vừa rồi ai đẩy xe cán chân lão tăng bị thương, hãy ra đây!* Ngài bước ra đưa cổ trước Mã Tổ, Mã Tổ liền dẹp búa. Như vậy là sao, việc này thế nào? Người tầm thường quả là không hiểu nổi.

Hành động của người xưa coi như đùa giỡn, nhưng sự thật là để nói lên ý chí gan dạ trong việc tu hành. Thầy không vừa, đệ tử cũng không vừa, không ai nhường ai hết. Qua đây cho thấy, người tu không nên lệ thuộc vào những quan niệm yếu hèn. Việc nên làm thì gặp bất cứ trở ngại nào, dù có ăn đòn cũng vẫn phải làm. Cần tiến là phải tiến, đừng vì một chút trở ngại liền thối lui.

Chúng ta bây giờ nếu gặp trường hợp như vậy, chắc là quỳnh quáng. Thầy không rút chân thì thôi, không dám đẩy tiếp. Có chướng ngại là bị thối liền. Chính câu chuyện này để nói lên ý chí của người tu, trên đường tu đã tiến thì không lùi, dù chướng ngại gì cũng không bao giờ thối chí, sợ sệt. Tính cách của các thiền sư là như vậy.

Sư đến chỗ Nam Tuyên Phổ Nguyên, thấy chúng tăng đang tham vấn. Nam Tuyên chỉ tịnh bình bảo:

- Bình đồng là cảnh, trong bình có nước, chẳng được động đến cảnh, đem nước đến cho lão tăng.

Sư bèn nắm tịnh bình đem đến trước mặt Nam Tuyên đổ nước. Nam Tuyên bèn thôi.

Ngài đối với Nam Tuyên cũng là huynh đệ với nhau. Lâu lâu tới thăm, nhằm lúc Nam Tuyên đang ở trên tòa nói pháp. Nam Tuyên chỉ tịnh bình bảo chúng: *Bình đồng là cảnh, trong bình có nước, chẳng được động đến cảnh, đem nước đến cho lão tăng.* Cái bình bằng đồng là cảnh, trong bình có đựng nước, cấm động đến bình,

đem nước lại xem. Như bây giờ tôi nói: Cái ly trước mặt tôi đây có đựng nước, không được cầm đến cái ly, đem nước lại giùm tôi. Có ai đem được không?

Ngài nghe Nam Tuyền bảo chúng như thế, bèn bước tới nắm chiếc bình đem qua để trước mặt Nam Tuyền. Thông thường các thiền sư hay dùng thuật này để thử người học, xem họ còn mắc kẹt trong ngôn ngữ hay không. Bởi phần nhiều hay bị kẹt nơi ngôn ngữ, nói cái gì tin nhận cái ấy. Nghe nói cấm động đến cảnh thì không biết làm sao đem được nước đến. Vì vậy rơi vào bẫy của thiền sư, cục cựa không nổi, ra cũng không xong.

Sư đến Quy Sơn vào nhà tăng, cởi y bát bỏ chỗ thượng tọa. Quy Sơn nghe Sư thúc đến, sửa soạn oai nghi vào nhà tăng chào. Sư thấy Quy Sơn đến bèn làm thế nằm ngủ. Quy Sơn trở về phương trượng.

Sư ra đi giây lâu, Quy Sơn hỏi thị giả:

- Sư thúc còn đó chẳng?

Thị giả thưa:

- Đã đi.

- Khi đi có nói lời gì chẳng?

- Không nói lời nào.

- Chớ nói không nói lời nào, tiếng kia vang như sấm.

Đến chỗ Quy Sơn, ngài vô nhà tăng cởi y bát để chỗ thượng tọa ngồi. Quy Sơn là một vị nghiêm trang tề chỉnh, mẫu mực đương thời, nên khi nghe Sư thúc đến

liền đầy đủ oai nghi tới chào. Nhưng gặp Sư thúc đặc biệt, vừa thấy Quy Sơn bèn giả bộ nằm ngủ, không thêm nói năng. Quy Sơn thấy thế liền trở về phương trượng.

Sau đó ngài rời chỗ Quy Sơn ra đi, không lâu Quy Sơn hỏi thị giả xem Sư thúc còn đó chẳng? Thị giả báo đã đi. Quy Sơn hỏi: *Khi đi có nói lời gì chẳng?* Thị giả thưa: *Không nói lời nào.* Quy Sơn nói: *Chớ nói không nói lời nào, tiếng kia vang như sấm.* Đọc qua chúng ta đâu thấy ngài nói lời nào, tại sao Quy Sơn lại bảo lời kia vang như sấm? Chính ngay khi ra thế nằm ngủ, đã nói vang như sấm rồi. Đừng tưởng có lời mới gọi có nói, chính những hình ảnh không lời là lời nói mạnh nhất. Vậy ngài nói cái gì? Tôi cũng không biết, hiện nay có ai biết không?

Sư mùa đông ở Hoàn Nhạc, mùa hạ dừng nơi Thanh Lương. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) Sư định lên Ngũ Đài Sơn, đi đường đến Hoài Tây gặp Ngô Nguyên Tế khởi binh chống triều đình. Quân hai bên đang đánh nhau chưa phân hơn thua. Sư nghĩ: “Ta phải cứu nạn này”, bèn ném tích trượng trong hư không, phi thân bay qua. Tướng sĩ hai bên trông thấy, tâm tranh đấu dứt sạch, liền rút quân. Sư đã dùng phép lạ, ngại làm mê hoặc quần chúng, bèn vào Ngũ Đài Sơn nơi hang Kim Cang thị tịch.

Trước khi thị tịch, Sư hỏi chúng:

- Tôi thường thấy các vị tiền bối khi tịch hoặc ngồi hoặc nằm, có vị nào đứng tịch chẳng?

Chúng thưa: - Có.

Sư hỏi:

- Có vị nào lộn ngược tích chăng?**
- Chưa từng thấy.**

Sư bèn lộn ngược mà tịch, nhưng y phục vẫn nguyên vẹn như đứng. Chúng định để vào áo quan trà-tỳ, mà xô không lung lay. Dân chúng xa gần đồn đãi nhau kéo đến xem đông vô số. Sư có người em gái xuất gia làm ni cũng có mặt tại đây. Cô ni ấy nắm thân Sư, vừa trách:

- Lão huynh ngày trước chẳng giữ luật, khi chết lại làm mê hoặc người.

Trách xong, Cô xô một cái, thân Sư ngã xuống.

Chúng đem trà-tỳ lấy xá-lợi.

Sư mùa đông ở Hoàn Nhạc, mùa hạ dừng nơi Thanh Lương. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) Sư định lên Ngũ Đài Sơn, đi đường đến Hoài Tây gặp Ngô Nguyên Tế khởi binh chống triều đình. Quân hai bên đang đánh nhau chưa phân hơn thua. Sư nghĩ: “Ta phải cứu nạn này”, bèn ném tích trượng trong hư không, phi thân bay qua. Tướng sĩ hai bên trông thấy, tâm tranh đấu dứt sạch, liền rút quân. Sư đã dùng phép lạ, ngại làm mê hoặc quần chúng, bèn vào Ngũ Đài Sơn nơi hang Kim Cang thị tịch.

Ngài là một người tự tại, mùa đông lạnh dừng ở Hoàn Nhạc, mùa hạ nóng thì ở Thanh Lương.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa, ngài định lên Ngũ Đài Sơn. Giữa đường gặp giặc, hai bên đang đánh nhau, ngài muốn cứu nạn đao binh này, nên ném tích tượng bay lên hư không. Tướng sĩ trông thấy tưởng là thần tiên, liền dừng lại không đánh nhau nữa. Như vậy là ngài can được trận đánh đó, nhưng khi dùng phép lạ rồi, thấy mình phạm giới làm mê hoặc quần chúng, ngài bèn vào hang Kim Cang trong Ngũ Đài Sơn thị tịch. Nếu chưa dùng phép lạ chắc ngài chưa tịch. Bởi dùng phép lạ, sợ dân chúng ham thích tìm đến, nên ngài thị tịch để đền tội.

Trước khi thị tịch, Sư hỏi chúng:

- Tôi thường thấy các vị tiền bối khi tịch, hoặc ngồi hoặc nằm, có vị nào đứng tịch chăng?

Chúng thưa: - Có.

Sư hỏi:

- Có vị nào lộn ngược tịch chăng?

- Chưa từng thấy.

Sư bèn lộn ngược mà tịch, nhưng y phục vẫn nguyên vẹn như đứng. Chúng định để vào áo quan trà-tỳ, mà xô không lung lay. Dân chúng xa gần đồn đãi nhau, kéo đến xem đông vô số. Sư có người em gái xuất gia làm ni cũng có mặt tại đây. Cô ni ấy nắm thân Sư, vừa trách:

- Lão huynh ngày trước chẳng giữ luật, khi chết lại làm mê hoặc người.

Trách xong, Cô xô một cái, thân Sư ngã xuống.

Chúng đem trà-tỳ lấy xá-lợi.

Ngài là người kỳ đặc cho đến lúc tịch cũng kỳ đặc, lộn ngược tịch. Chúng tăng muốn để nhục thân ngài vô quan tài trà-tỳ mà xô hoài không ngã, nên không biết làm sao. Dân chúng xa gần nghe đồn đãi chuyện lạ, tìm đến để xem rất đông đảo. Ngài có người em gái xuất gia làm ni, cô ni này cũng cao tay ấn, thấy ngài bày chuyện kỳ đặc như thế, bèn đến vừa xô thân ngài vừa quở: *Lão huynh ngày trước chẳng giữ luật, khi chết lại làm mê hoặc người*. Nghe cô em quở, ngài biết lỗi nên xô một cái liền ngã xuống, chúng đem đi trà-tỳ.

Người xưa tu hành rất đáng nể, anh em đều xứng đáng, không phải như mình bây giờ. Nếu chúng ta nghe sư huynh tịch, chắc nước mắt chảy dài, không có chút ý chí của người xuất thế. Cô ni này không những không khóc mà còn quở. Bởi một khi đã nhận sâu lẽ thật, thấy sanh tử còn mất không phải là việc đáng sợ, chỉ như trò chơi thôi. Duyên còn thì ở, duyên hết thì đi, không có gì quan trọng. Người được như vậy, mới thật sự tự tại giải thoát.



THIÊN SƯ THẠCH CÙNG HUỆ TẠNG

Lúc còn tại gia, Sư chuyên nghề săn bắn, không thích gặp các nhà tu. Một hôm, nhân đuổi bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, gặp Mã Tổ đứng trước, Sư hỏi:

- Hòa thượng thấy bầy nai chạy qua đây chẳng?

Mã Tổ hỏi lại:

- Chú là người gì?

- Thợ săn.

- Chú bắn giỏi không?

- Bắn giỏi.

- Một mũi tên chú bắn được mấy con?

- Một mũi bắn được một con.

- Chú bắn không giỏi.

- Hòa thượng bắn giỏi không?

- Bắn giỏi.

- Một mũi tên Hòa thượng bắn được mấy con?
- Một mũi tên bắn được một bầy.
- Sanh mạng chúng nó, đâu nên bắn một bầy.
- Chú đã biết như thế, sao không tự bắn?
- Nếu dạy tôi tự bắn tức không có chỗ hạ thủ.
- Chú này phiền não vô minh nhiều kiếp, ngày nay chóng dứt.

Ngay khi đó, Sư ném cung bẻ tên, tự lấy dao cạo tóc, theo Mã Tổ xuất gia.

Hành trạng của thiền sư Huệ Tạng tuy hơi ngắn mà đầy đủ ý vị, rất lý thú. Trước khi xuất gia ngài là thợ săn, hoàn toàn không có tâm niệm tu hành nên không thích gặp thầy tu.

Một hôm, nhân đuổi bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, gặp Mã Tổ đứng, ngài hỏi: *Hòa thượng thấy bầy nai chạy qua đây chăng?* Theo thường tình, chúng ta sẽ nói thấy hoặc không thấy, nhưng Mã Tổ không nói vậy mà ngài hỏi lại: *Chú là người gì?* Đáp: *Thợ săn.* Mã Tổ hỏi: *Chú bắn giỏi không?* Ngài đáp: *Bắn giỏi.* Mã Tổ hỏi: *Một mũi tên chú bắn được mấy con?* Đáp: *Một mũi bắn được một con.* Mã Tổ chê: *Chú bắn không giỏi.* Một mũi tên bắn được một con mà còn chê không giỏi là sao!

Ngài hỏi lại: *Hòa thượng bắn giỏi không?* Mã Tổ đáp: *Bắn giỏi.* Ngài hỏi: *Một mũi tên Hòa thượng bắn được mấy con?* Mã Tổ nói: *Một mũi tên bắn được một bầy.*

Mã Tổ nói như thế có đúng sự thật không, ngài bắn hồi nào hay quá vậy? Nghe một mũi tên mà bắn tới một bầy, chết nhiều sanh mạng quá, ngài động lòng: *Sanh mạng chúng nó, đâu nên bắn một bầy.*

Mã Tổ biết tới đây có thể độ được rồi, nên nói: *Chú đã biết như thế, sao không tự bắn?* Nếu có lòng thương thì sao không tự bắn mình mà đi bắn nó? Ngài nói: *Nếu dạy tôi tự bắn tức không có chỗ hạ thủ.* Cái đó không tương mao làm sao ra tay được. Vậy là ngài nhận ra ý chỉ nơi Mã Tổ rồi. Mã Tổ biết ngài đã hiểu nên nói: *Chú này phiền não vô minh nhiều kiếp, ngày nay chóng dứt.* Nhận ra cái không tương mao, tức là phiền não vô minh liền hết.

Ngang đây ngài liền bẻ gãy cung tên, cạo tóc xuất gia theo học pháp với Mã Tổ. Khi mê thì thật là mê, lúc tỉnh ngộ chỉ trong chốc lát. Ngài thật là đặc biệt!

Thợ săn bắn một mũi tên chết một con vật, gọi là thiện xạ không phải tay thường, vậy mà ngài nói không giỏi. Còn ngài là một người tu hành mà bắn một mũi chết một bầy, là sao? Lời của Mã Tổ nói mới nghe qua như đùa, nhưng ý nghĩa rất thâm trầm.

Thông thường ở thế gian, người học chuyên ngành nghề nào thì chỉ biết về khía cạnh đó thôi, còn người tu làm một việc mà được tất cả việc. Bởi khi hướng về nội tâm giác ngộ bản thể, thấy được nguồn gốc của các pháp thì nhìn tất cả thấy đều thông suốt, gặp việc gì, ở trong hoàn cảnh nào cũng làm chủ được mình. Tu hành không phải là chuyện huyền hoặc xa xôi, mà là việc làm

thực tế và thẳng tắt nhất. Trở về tâm mình, thấy như chỉ có một việc, nhưng đến khi ngộ rồi thì một việc đã thông tất cả đều thông. Đây mới thật sự là việc làm thẳng tắt, thế nên Mã Tổ nói một mũi bắn được cả bầy là vậy.

Đức Phật giác ngộ thành đạo, được đầy đủ Nhất thiết chủng trí, là trí biết thấu suốt tất cả. Từ đó Phật giảng thuyết bao nhiêu giáo lý kinh điển, mà sau này người nghiên cứu về triết học thì nói Phật là nhà triết học, người nghiên cứu về khoa học thì cho rằng Phật là nhà khoa học v.v... Sự thật Phật không là nhà nào hết, Phật chỉ do ngộ đạo mà biết tất cả, nên nói ra điều gì cũng phù hợp.

Như tôi sau khi học xong Phật học, quý thầy rủ học thêm ngoại ngữ, tôi không chịu tham gia. Bởi tôi nghĩ rằng, mình học tiếng nước nào thì chỉ biết tiếng nước đó mà thôi, còn ngôn ngữ của các nước khác, nếu không học thì mình cũng không thể biết. Chi bằng nỗ lực mà tu, một khi trở về tâm mình rồi tự nhiên thấy biết tất cả không lầm. Nghĩ thế tôi quyết định dồn hết tâm huyết vào việc chuyên tu. Bởi vì điều quan trọng là phải trở về nguồn tâm của mình, đạt đến chỗ cứu cánh rồi thì không gì là không thông suốt.

Một hôm, Sư làm việc ở nhà trù, Mã Tổ xuống hỏi:

- Làm việc gì?

Sư thưa:

- Chăn trâu.

- Làm sao chăn?

- Một khi vào cỏ, bèn nắm mũi kéo lại.
- Con thật là chần trâu.

Như ngài mới đúng là chần trâu. Chúng ta ai biết chần trâu thì phải nhớ như vậy. Hai thầy trò nói chuyện như đùa, mà thật là đạo lý của việc tu hành.

Sư cùng Trí Tạng (Tây Đường) đi dạo chơi. Sư hỏi Trí Tạng:

- Sư đệ biết bắt hư không chăng?

Trí Tạng đáp:

- Biết bắt.
- Làm sao bắt được?

Trí Tạng lấy tay chụp hư không. Sư bảo:

- Làm thế ấy đâu bắt được hư không!
- Sư huynh làm sao bắt được?

Sư liền nắm mũi Trí Tạng kéo mạnh. Trí Tạng đau quá la:

- Giết chết lỗ mũi người ta, buông ngay!

Sư bảo:

- Phải làm như thế mới bắt được hư không.

Trí Tạng về đến khuya mới nhận ra ý chỉ ấy.

Hư không làm sao bắt được? *Nắm lỗ mũi*. Các ngài nói chuyện như đùa chơi cho vui, mà trong đó là một thời giảng kinh Bát-nhã hay vô cùng. “Sắc tức thị không, không tức thị sắc.” Ngay nơi sắc thấy được không, rời không đâu có sắc, rời sắc đâu có không. Nếu cứ tìm

cái không ngoài cái sắc thì không thể nào nhận ra được. Năm lỗ mũi tức là ngay sắc mà đạt được không. Ngài Trí Tạng tới khuya đêm đó mới tỉnh ngộ được cái năm mũi ấy.

Lúc trước tôi cũng tâm đắc lý này, nên cho rằng đây là những bài thuyết pháp kỳ diệu. Từ chuyện Mã Tổ một mũi tên bắn một bầy, ngài Huệ Tạng chần trêu, cho đến việc bắt hư không đều là những bài thuyết pháp kỳ diệu. Nếu dùng tâm điên đảo suy luận thì chỉ chạy lung tung mà thôi.

Phần này tôi đã giảng nhiều lần rồi, nên ở đây không cần nhắc lại nhiều.

Về sau Sư trụ trì thường dùng cung tên để tiếp độ người. Chúng tăng đến tham vấn, Sư hỏi:

- Vừa rồi ở chỗ nào?

Vị tăng thưa: - Ở.

- Ở chỗ nào?

Tăng khảy móng tay một tiếng, đến lễ bái Sư.

Sư hỏi:

- Dem được cái này đến chằng?

- Dem được.

- Ở chỗ nào?

Tăng khảy móng tay ba tiếng, hỏi Sư:

- Thế nào khỏi được sanh tử?

- Dùng khỏi làm gì?

- Thế nào khỏi được?

- Cái này không sanh tử.

Ngài thường dùng cung tên để tiếp độ người, ai tới ngài liền giương cung bắn. Vị tăng đến tham vấn này cũng là một tay cự phách trong nhà thiền, nên mới có những lời nói và hành động chỉ thẳng như thế.

Không hiểu Sư tịch lúc nào và ở đâu.



THIÊN SƯ TÂY ĐƯỜNG TRÍ TẠNG

(735 - 814)

Sư họ Liệu, quê ở Kiên Hóa, xuất gia lúc tám tuổi, hai mươi lăm tuổi thọ giới Cụ túc. Có ông thầy tướng thấy tướng Sư nói: “Thầy cốt cách phi phàm sẽ làm phụ tá cho vị Pháp vương.”

Sư tìm đến tham vấn Mã Tổ, được Mã Tổ chấp nhận chỉ dạy. Sư đồng nhập thất với thiền sư Hoài Hải, Nam Tuyên v.v... cũng đồng được ấn ký.

Mã Tổ sai Sư đến Trường An dâng thư cho Quốc sư Huệ Trung. Quốc sư hỏi:

- Thầy người nói pháp gì?

Sư từ bên đông sang bên tây đứng. Quốc sư hỏi:

- Chỉ cái này hay còn gì khác?

Sư trở lại bên đông đứng. Quốc sư bảo:

- Cái này là của Mã sư, còn người thế nào?

Sư thưa:

- Đã trình với Hòa thượng.

Quốc sư hỏi Mã Tổ nói pháp gì, ngài từ bên đông qua bên tây đứng, rồi từ tây sang đông đứng, trình như vậy là có trung thực với Mã Tổ không? Ngài đã trình trung thực và xứng đáng là đệ tử Mã Tổ.

Quốc sư bảo: *Cái này là của Mã đại sư, còn người thế nào?* Ngài đáp: *Đã trình với Hòa thượng.* Con cũng giống như thầy con thôi. Đó là cái khéo của ngài. Có ai thấy được chỗ trình của ngài chưa? Chưa thấy thì đành để bí mật vậy!

Mã Tổ hỏi Sư:

- Sao con chẳng xem kinh?

Sư thưa:

- Kinh đâu có khác.

- Tuy nhiên như thế, song con về sau vì người cần phải xem.

- Con bệnh cần phải trị dưỡng, đâu dám nói vì người.

- Con lúc lớn tuổi sẽ làm Phật pháp hưng thịnh ở đời.

Ngài ít xem kinh, Mã Tổ thấy thế hỏi sao chẳng xem kinh, ngài thưa: *Kinh đâu có khác.* Bao nhiêu kinh điển cũng nhằm nói lên cái đó, có gì khác đâu mà bảo con xem thêm nữa? Mã Tổ khuyên: *Tuy nhiên như thế, song con về sau vì người cần phải xem.* Đương nhiên không có

gì khác, nhưng muốn lợi ích cho người thì cần phải xem kinh điển, để có phương tiện mà chỉ dạy. Ngài thưa: *Con bệnh cần phải trị dưỡng, đâu dám nói vì người.* Con biết như vậy, song vì còn bệnh nên chưa có ý niệm độ người. Mã Tổ nói: *Con lúc lớn tuổi sẽ làm Phật pháp hưng thịnh ở đời.*

Thiền sư giáo hóa môn đồ, tùy mỗi người mà các ngài khuyên dạy. Đối với người có duyên truyền bá rộng thì bảo xem kinh để có phương tiện, với người thích phóng khoáng như trường hợp Đặng Ấn Phong thì cho tự do tự tại, không cần xem kinh. Đó là phương tiện khéo léo của các ngài, không cứng ngắt ở một pháp nào.

Sau khi Mã Tổ tịch, chúng thỉnh Sư khai đường giáo hóa, nhằm năm thứ bảy niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (791).

Thượng thư Lý Cao thường hỏi tăng chúng:

- Mã Tổ có dạy pháp gì?

Tăng chúng đáp:

- Hoặc nói tức tâm tức Phật, hoặc nói phi tâm phi Phật.

Lý Cao nói:

- Đều rơi bên này.

Lý Cao đến hỏi Sư:

- Mã Tổ có dạy pháp gì?

Sư gọi:

- Lý Cao!

Lý Cao đáp:

- Dạ.

Sư bảo:

- Tù và, trống động rồi.

Lý Cao hỏi Mã Tổ dạy pháp gì, tăng chúng thuật lại lời dạy của Mã Tổ, tức là còn ở bên ngôn ngữ chưa thấy được thể kia, nên Lý Cao nói: *Đều rơi bên này*. Ông đem lời này hỏi ngài. Ngài gọi: *Lý Cao!* Lý Cao: *Dạ*. Ngài bảo: *Tù và, trống động rồi*. Trống với tù và là hai loại dùng để báo động, cảnh tỉnh. Ngài chỉ trả lời thể thôi mà Lý Cao phục sát đất.

Người đạt đạo không cần nói nhiều, còn chúng ta dùng ngôn ngữ nhiều nên xa đạo. Sau này nếu có ai hỏi Thầy dạy pháp gì, tăng ni ở đây sẽ đáp làm sao? Chúng ta cứ tưởng thuật lại lời người xưa là trung thành, nhưng sự thật chưa phải trung thành, người sáng mắt nghe thể sẽ cười chê. Thuật đặc biệt của thiền sư chính ở những chỗ này.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nhân quả rõ ràng, phải làm sao, phải làm sao?

Có vị tăng bước ra lấy tay bươi dưới đất.

Sư hỏi:

- Làm gì?

Tăng thưa:

- Cứu nhau, cứu nhau.

Sư bảo:

- Đại chúng! Vị tăng này cũng tầm tạm.

Vị tăng ấy phủi áo chạy đi. Sư bảo:

- Trùng trong thân sư tử tử ăn thịt sư tử.

Việc làm này hai bên đều chưa chấp nhận nhau. Thầy nói nhân quả, trò bươi dưới đất để cứu nhau, tuy nhiên cũng là đối đãi. Vị tăng bỏ đi, tức là không chấp nhận ngài. Kết thúc chưa được trọn vẹn, vì vậy nói: *Trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử.*

Có người thế tục đến hỏi Sư:

- Có thiên đường, có địa ngục chẳng?

Sư đáp:

- Có.

- Có Phật pháp tăng, tam bảo chẳng?

- Có.

Người ấy hỏi nhiều vấn đề nữa, Sư đều đáp có.
Người ấy thưa:

- Hòa thượng nói thế e lắm chẳng?

- Ông đã hỏi vị tôn túc nào rồi mới đến đây?

- Con đã hỏi hòa thượng Kính Sơn.

- Hòa thượng Kính Sơn nói với ông thế nào?

- Ngài nói tất cả đều không.

- Ông có vợ chẳng?

- Có.

- Hòa thượng Kính Sơn có vợ chẳng?

- Không.

- Hòa thượng Kính Sơn nói không là phải.

Người ấy lẽ tạ lui ra.

Hòa thượng Kính Sơn không vợ cho nên đáp không, còn ngài vì người kia có vợ nên đáp có. Câu chuyện này thật thâm trầm! Người đạt đạo không còn mắc kẹt trong đối đãi hữu vi, nên thấy các pháp đều không thật. Kẻ chưa đạt đạo thì nhìn đâu dính đó, vì vậy pháp nào cũng biến thành có. Chúng ta nói pháp cần phải biết trình độ của người, phải biết thời tiết nhân duyên mà nói. Biết được như thế rồi thì nói có cũng đúng, nói không cũng đúng.

Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ chín (814) ngày mùng tám tháng tư, Sư quy tịch, thọ 80 tuổi, 55 tuổi hạ.

Vua Hiến Tông sắc ban hiệu là Đại Tuyên Giáo thiền sư, tháp hiệu Nguyên Hòa Chứng Chơn.



THIÊN SƯ QUY TÔNG TRÍ THƯỜNG

Lúc còn tại gia không rõ danh tánh và quê quán ở đâu. Người ta chỉ biết Sư đến tham vấn Mã Tổ được đại ngộ. Từ giã Mã Tổ, Sư đi tìm nơi an trụ. Lúc Sư ra đi đồng thời với sư Phổ Nguyên, Trí Kiên... Sau, Sư an trụ tại chùa Quy Tông ở Lô Sơn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các bậc cổ đức từ trước không phải chẳng hiểu biết, các ngài là bậc cao thượng chẳng đồng hạng thường. Người thời nay không thể tự thành tự lập, để thàng ngày qua sông. Các người chớ lầm dụng tâm, không ai thể được người, cũng không có chỗ người dụng tâm. Chớ đến người khác tìm, từ trước chỉ nương người khác mà hiểu, nói ra đều kẹt. Ánh sáng không thấy suốt, chỉ vì trước mắt có vật.

Tại sao ánh sáng không thấy suốt? Chỉ vì trước mắt có vật. Vừa thấy ngoài tâm có vật là còn kẹt mắc

chưa thông. Phải thấy không một vật, mới là người ra khỏi vòng đối đãi.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là huyền chỉ?

Sư đáp:

- Không người hay hội.

- Người hướng về thì sao?

- Có hướng tức trái.

- Người chẳng hướng về thì sao?

- Ai cầu huyền chỉ?

- Đi! Không có chỗ người dụng tâm.

- Đâu không có cửa phương tiện khiến học nhân được vào?

- Quan Âm sức diệu trí hay cứu khổ thế gian.

- Thế nào là sức diệu trí Quan Âm?

Sư gõ cái đỉnh ba tiếng, hỏi:

- Người nghe chẳng?

- Nghe.

- Sao ta chẳng nghe?

Tăng không đáp được. Sư cầm gậy đuổi ra.

Hỏi: *Thế nào là sức diệu trí Quan Âm?* Ngài gõ cái đỉnh ba tiếng, rồi hỏi: *Nghe chẳng?* Tức là đã chỉ diệu trí của Quan Âm rõ ràng rồi. Lối dạy đạo của ngài thật khéo léo và vô cùng lý thú, nhưng do chúng ta chưa ngộ, nên nghe như thần chú, không biết các ngài nói cái gì.

Đại Ngu đến từ biệt Sư. Sư hỏi:

- Đi đâu?

- Đi các nơi học ngũ vị thiên.

- Các nơi có ngũ vị thiên, ta trong ấy chỉ có nhất vị thiên.

- Thế nào là nhất vị thiên?

Sư liền đánh. Đại Ngu bỗng nhiên đại ngộ, thưa:

- A! Con hội rồi.

- Nói, nói!

Đại Ngu vừa nghĩ trả lời, Sư lại đánh đuổi ra.

Sau, Đại Ngu đến Hoàng Bá đem việc này thuật lại. Hoàng Bá thượng đường dạy chúng:

- Mã đại sư sanh ra tám mươi tư vị thiện tri thức, hỏi đến cái tiêu chảy, tiêu chảy đầy đất chỉ có Quy Tông.

Đại Ngu hỏi: *Sao là nhất vị thiên?* Ngài đánh cho một gậy, Đại Ngu liền ngộ. Ngài còn muốn đánh tiếp, Đại Ngu nói: *A! Con hội rồi.* Ngài bảo: *Nói, nói.* Đại Ngu vừa suy nghĩ để nói, bị ngài đánh đuổi ra. Thuật đánh này của ngài được thiền sư Hoàng Bá khen ngợi, sau này áp dụng cho Lâm Tế. Đại Ngu sau đến Hoàng Bá, thuật lại việc này. Hoàng Bá thượng đường nói: *Mã đại sư sanh ra tám mươi bốn vị thiện tri thức, hỏi đến cái tiêu chảy, tiêu chảy đầy đất chỉ có Quy Tông.*

Hoàng Bá cảm thông cái đánh của ngài, nên khi Lâm Tế đến hỏi: “Thế nào là đại ý Phật pháp?”, Hoàng Bá

liền đánh. Ba phen hỏi thì ba phen bị đánh. Lúc Lâm Tế ra đi, Hoàng Bá chỉ đi đến chỗ Đại Ngu. Bởi trước Đại Ngu do bị đánh mà được ngộ, nên cảm thông giúp cho Lâm Tế đại ngộ.

Sư vào vườn hái rau, bèn vẽ một vòng tròn quanh bụi rau, bảo chúng:

- Không được động đến cái này.

Toàn chúng đều không dám động. Giây lâu, Sư lại đến xem bụi rau, thấy còn nguyên, Sư bèn cầm gậy đuổi chúng tăng bảo:

- Cả bọn mà không có một người trí tuệ.

Ngày xưa thầy trò cùng đi làm với nhau, ngài vào vườn hái rau với chúng, rồi vẽ vòng tròn quanh bụi rau, nói: *Không được động đến cái này*. Toàn chúng đều không dám đụng tới. Lát sau ngài trở lại xem thấy bụi rau còn nguyên, bèn cầm gậy đuổi chúng ra, nói: *Cả bọn mà không có một người trí tuệ*. Cấm không cho người ta động tới nên không ai dám động, lại nói không có trí tuệ rồi đánh đuổi ra. Như vậy là sao? Lời thiền sư nói chúng ta phải hiểu ngược lại, nếu hiểu theo nghĩa suông tức nhiên bị gạt.

Vân Nham đến tham vấn, Sư làm thế kéo cung. Vân Nham giây lâu mới làm thế rút kiếm. Sư bảo:

- Sao đến rất chậm?

Vân Nham đến tham vấn, ngài ra bộ kéo cung. Vân Nham giây lâu mới làm thế rút kiếm, ngài bảo:

Sao đến rất chậm? Muộn quá rồi! Khi người ta làm thì mình phải trả lời liền, giặc tới mà còn suy nghĩ thì làm sao kịp, qua mất rồi!

Có vị tăng đến từ già, Sư bảo:

- Lại gần đây, ta vì người nói Phật pháp.

Tăng đến gần. Sư bảo:

- Các người trọn còn việc, người khi khác lại đến đây, không người biết người. Trời lạnh trên đường khéo mà đi.

Có vị tăng đến từ già đi nơi khác, ngài bảo: *Lại gần đây, ta vì người nói Phật pháp.* Tăng đến gần, ngài bảo: *Các người trọn còn việc, người khi khác lại đến đây, không người biết người.* Lẽ ra khi ngài kêu lại gần, là vị tăng thấy được Phật pháp rồi. Nhưng vị tăng lại gần mà không ngộ, vì vậy ngài mới nói như thế. Ngài bảo: *Trời lạnh trên đường khéo mà đi.* Thôi, ông không nhận được ý chỉ của ta, vậy trời lạnh đi đường cẩn thận!

Sư thượng đường bảo:

- Nay tôi muốn nói thiền, các người tất cả lại gần đây.

Đại chúng tiến đến gần. Sư bảo:

- Các người nghe, hạnh Quan Âm khéo hiện các nơi chốn.

Tăng hỏi:

- Thế nào là hạnh Quan Âm?

Sư khảy móng tay, hỏi:

- Các người có nghe chăng?

- Nghe.

- Một bọn này đến đây tìm cái gì?

Sư cầm gậy đuổi ra, rồi cười lớn, vào phương trượng.

Kỳ lạ! Tăng thắc mắc thế nào là hạnh Quan Âm, ngài khảy móng tay rồi hỏi: *Nghe chăng?* Tăng đáp: *Nghe.* Ngài bảo: *Một bọn này đến đây tìm cái gì?* Ngài chỉ hạnh Quan Âm khéo léo vô cùng. Nói ‘nghe’ tức nhiên phải thấy hạnh Quan Âm, vậy mà nghe rồi cũng không chịu thấy, đáng đánh đáng đuổi. Thế nên ngài quở, lấy gậy đánh đuổi đi.

Thứ sử Giang Châu là Lý Bột đến hỏi Sư:

- Trong Kinh nói hạt cải để trong núi Tu-di, Bột không nghĩ. Lại nói “núi Tu-di để trong hạt cải”, phải là nói dối chăng?

Sư gạn lại:

- Người ta đồn Sư quân đọc hết muôn quyển sách phải chăng?

- Đúng vậy.

- Rờ từ đầu đến chân, thân bằng cây dừa, muôn quyển sách để chỗ nào?

Lý Bột cúi đầu lặng thinh.

Nghe trong kinh nói *núi Tu-di để trong hạt cải*, Lý Bột nghĩ ngờ: Núi Tu-di to lớn khôn kể làm sao bỏ trong

hạt cải được, nói như vậy e là nói dối. Sư gạn lại: *Người ta đồn Sư quân đọc hết muôn quyển sách phải chăng?* Lý Bật nói: *Đúng vậy.* Ngài liền hỏi: *Rờ từ đầu đến chân, thân bằng cây dừa, muôn quyển sách để chỗ nào?* Lý Bật cúi đầu lặng thinh.

Muôn quyển sách nếu chất lên gần bằng cái nhà, còn thân chúng ta từ đầu đến chân cao bao nhiêu, vậy làm sao chứa hết muôn quyển sách? Như vậy, ngài đã trả lời núi Tu-di ở trong hạt cải một cách tường tận rồi. Chúng ta thấy tài biện luận của các ngài không theo thể thường giải thích từng câu từng lời, mà các ngài dùng phương tiện đặt ngược vấn đề được hỏi để gạn lại, tự nhiên người hỏi nhận thấy rõ ràng.

Sư có làm bài tụng:

*Quy Tông sự lý tuyệt,
Nhật luân chánh dương ngọ,
Tự tại như sư tử,
Bất dữ vật y hỗ,
Độc bộ tứ sơn đảnh,
Ưu du tam đại lộ.
Khiếm khứ phi cầm trụ,
Tần thân chúng tà bố,
Cơ thụ tiền di cập,
Ảnh một thủ nan phú,
Thi trường nhược cung kỹ,
Tài tiền như xích độ.*

*Xảo lữ vạn ban danh,
 Quy Tông hoàn tự thổ,
 Ngữ mặc âm thanh tuyệt,
 Chỉ diệu tình nan thố,
 Khí cá nhân hoàn lung,
 Thủ cá nhĩ hoàn cổ.
 Nhất thốc phá tam quan,
 Phân minh tiền hậu lộ,
 Khả lân đại trượng phu,
 Tiên thiên vi tâm Tổ.*

Dịch:

Quy Tông sự lý bật,
 Mặt trời đứng giữa trưa,
 Tự tại như sư tử,
 Chẳng tựa nương nơi vật,
 Riêng lên chót bốn núi,
 Đạo chơi ba đường lớn.
 Ngáp to chim thú rớt,
 Hầm hừ bọn tà kinh,
 Máy dựng, tên dễ đến,
 Bóng lặn, tay khó che,
 Bày ra đường thợ khéo,
 Cắt xén thợ thước đo.
 Chạm khéo muôn thứ tên,
 Quy Tông lại giống đất,

**Nói nín tiếng tăm dứt,
Diệu chỉ tình khó dò,
Bỏ mắt kia thành điếc,
Lấy tai nọ thành mù.
Một dùi phủng ba cổng,
Rõ ràng đường tên sau,
Đáng thương đại trượng phu!
Tiên thiên là tâm Tổ.**

Bài tụng này siêu thoát vô cùng. Ngài diễn tả cảnh giới của mình: Không còn gì dính dáng, cũng không nương gá vào đâu, dứt bật ngôn ngữ, độc lộ hiện toàn thân, vượt khỏi chót bốn núi, dạo chơi ba đường lớn. Ngài quả thật là sư tử, gầm lên một tiếng tà ngoại đều thất kinh, không dám bén mảng tới gần... Diệu dụng của ngài khôn lường như thế.

**Sau khi Sư tịch, vua ban sắc hiệu là Chí Chơn
thiền sư.**



THIÊN SƯ ĐẠI MAI PHÁP THƯỜNG

(752 - 839)

Sư họ Trịnh, quê ở Tương Dương, lúc nhỏ xuất gia theo thầy ở chùa Ngọc Tuyên, Kinh Châu.

Ban sơ đến tham vấn Mã Tổ, Sư hỏi:

- Thế nào là Phật?

Mã Tổ đáp:

- Tức tâm là Phật.

Sư liền đại ngộ.

Thiên sư Pháp Thường họ Trịnh, quê ở Tương Dương, lúc nhỏ xuất gia theo thầy học đạo ở chùa Ngọc Tuyên, Kinh Châu. Trước tiên, ngài đến tham vấn thiên sư Mã Tổ, nghe Mã Tổ nói *Tức tâm là Phật*, liền ngộ. Ngài lấy câu đó làm kim chỉ nam cho việc hành thiền.

Đời Đường khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-805), Sư đến núi Đại Mai cách xa huyện Ngân

bảy mươi dặm, nơi Mai Tử Chân ở ẩn ngày trước, kết cỏ làm am.

Trong hội Diêm Quan (chỗ giáo hóa của thiền sư Tề An) có vị tăng vào núi tìm cây gậy, lạc đường đến am Sư. Vị tăng hỏi:

- Hòa thượng ở núi này được bao lâu?

Sư đáp:

- Chỉ thấy bốn núi xanh lại vàng.

- Ra núi đi đường nào?

- Đi theo dòng suối.

Vị tăng về thuật lại cho thiền sư Tề An, Tề An nói:

- Ta hỏi ở chỗ Mã Tổ từng thấy một vị tăng, sau này không biết tin tức gì, có phải vị tăng này chăng?

Tề An bèn sai vị tăng ấy đi thỉnh Sư xuống núi. Sư có bài kệ đáp:

*Tôi tàn khô mộc ỷ hàn lâm,
Kỷ độ phùng xuân bất biến tâm.
Tiêu khách ngộ chi du bất cố,
Dĩnh nhân na đắc khổ truy tâm.*

Dịch:

Cây khô gãy mục tựa rừng xanh,
Mấy độ xuân về chẳng đổi lòng.
Tiêu phu trông thấy nào đoái nghĩ,
Dĩnh khách thôi thì chớ kiếm tìm.

Sau khi ngộ đạo, ngài lên núi Đại Mai ở ẩn. Có vị tăng trong hội thiền sư Tề An vào núi tìm gậy, đi lạc đến am ngài. Gặp nhau, tăng hỏi: *Hòa thượng ở núi này bao lâu?* Ngài đáp: *Chỉ thấy bốn núi xanh lại vàng.* Mùa kia thấy xanh, mùa nọ thấy vàng, không cần biết bao lâu, tháng nào, năm nào. Người xưa ở núi như vậy. Chúng ta bây giờ ở núi, giở lịch hoài thành ra buồn quá.

*Tôi tàn khô mộc ý hàn lâm,
Kỷ độ phùng xuân bất biến tâm.
Tiêu khách ngộ chi du bất cố,
Dĩnh nhân na đắc khổ truy tâm.*

Dịch:

*Cây khô gãy mục tựa rừng xanh,
Mấy độ xuân về chẳng đổi lòng.
Tiêu phu trông thấy nào đoái nghĩ,
Dĩnh khách thôi thì chớ kiếm tìm.*

Ngài ví mình là cây khô trong rừng lạnh, đã gặp bao nhiêu mùa xuân mà tâm không thay đổi. Mấy ông tiêu phu gặp không thêm để ý, thì người đất Dĩnh khổ công theo tìm làm chi?

Mã Tổ nghe Sư ở núi bèn sai một vị tăng đến thăm dò.

Tăng đến hỏi Sư:

- Hòa thượng gặp Mã Tổ đã được cái gì, về ở núi này?

Sư đáp:

- Mã Tổ nói với tôi “Tức tâm là Phật”, tôi bèn đến ở núi này.

- Gần đây Mã Tổ lại nói “Phi tâm phi Phật”.

- Ông già mê hoặc người chưa có ngày xong, mặc ông “Phi tâm phi Phật”, tôi chỉ biết “Tức tâm là Phật”.

Vị tăng trở về thưa lại Mã Tổ những lời Sư nói. Mã Tổ nói với đại chúng:

- Đại chúng! Trái Mai đã chín.

Từ đây nhiều vị thiên khách đến tham vấn Sư.

Tức tâm là Phật. Nghe được câu đó là đủ ở núi rồi.

Câu nói *Tức tâm là Phật* là trái Mai đã chín. Mặc ông *Phi tâm phi Phật*, tôi chỉ biết *Tức tâm là Phật*. Tại điểm đó, nhớ như vậy để sau này xét công phu của mình chín hay sống. Nếu nghe mà nói: “Ủa sao lạ vậy! Hồi trước tôi nghe nói *Tức tâm tức Phật*, bây giờ lại nói *Phi tâm phi Phật* là sao?” Như vậy là trái mai chưa chín.

Từ khi Mã Tổ nói với đại chúng trái mai đã chín, thiên khách đến tham vấn ngày càng đông đảo.

Cư sĩ Bàng Uẩn muốn khám nghiệm Sư, tìm đến phỏng vấn, vừa gặp Sư, ông liền hỏi:

- Nghe danh Đại Mai đã lâu, chẳng biết trái Mai chín chưa?

Sư đáp:

- Chín! Ông nhằm chỗ nào cần?

- Trăm mảnh vụn.

Sư đuổi tay bảo:

- Trả hạt lại cho ta.

Cư sĩ im lặng.

Thật ra người đã ngộ thì đâu còn thấy nhiều ít. Chính vì Bàng Uẩn muốn hỏi thử xem ngài thật ngộ hay chưa, nên mới nói *trăm mảnh vụn* nghĩa là cần nát hết.

Ngài đáp: *Trả hạt lại cho ta.* Nếu ông cần nát thì trả hạt lại cho ta. *Cư sĩ im lặng.*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tất cả các người mỗi người tự xoay tâm lại tận nơi gốc, chớ theo ngọn của nó. Chỉ được gốc thì ngọn tự đến. Nếu muốn biết gốc cần rõ tâm mình. Tâm này nguyên là cội gốc tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt. Tâm chẳng tựa tất cả thiện ác, mà sanh muôn pháp, vốn tự như như.

Ngài thượng đường cốt yếu để chỉ thẳng cho chúng ta cái chân thật sẵn có nơi mỗi người.

Giáp Sơn cùng Định Sơn đồng đi đường cùng nói chuyện với nhau. Định Sơn nói:

- Trong sanh tử, không Phật tức phi sanh tử.

Giáp Sơn nói:

- Trong sanh tử, có Phật tức chẳng mê sanh tử.

Hai người lên núi lễ vấn Sư. Giáp Sơn đem câu nói của hai người thuật lại Sư nghe và hỏi Sư:

- Chưa biết chỗ thấy của hai người ai được thân (gân gũi)?

Sư bảo:

- Một thân một sơ.

- Ai được thân?

- Hãy đi, sáng mai lại.

Sáng hôm sau Giáp Sơn lại đến hỏi Sư.

Sư bảo:

- Người thân thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng thân.

Có hai vị sư không biết tên gì, lấy tên núi làm danh xưng là Giáp Sơn và Định Sơn, cùng đi đường bàn chuyện với nhau. Hai người nói đối nghịch nhau, không ai chấp nhận ai.

Lễ vấn Sư, xin xác nhận ai gần với lý đạo hơn.

Sư bảo: Người thân thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng thân.

Như vậy dở hay không dở, đúng hay trật là ở chỗ *người thân thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng thân*. Ngài không đoán trên hai câu nói, mà người nào còn thắc mắc, còn băn khoăn thì biết người đó không thân, dù nói gì cũng không thân. Người không thắc mắc,

tâm an nhiên thì tự nhiên thân. Thiền sư quán sát người nào hỏi nhiều là tâm còn khắc khoải chưa an, chưa an tức là không thân.

Người xưa thật khéo. Nếu chúng ta nghiệm hai câu nói rồi phân biệt thân sơ, thì nói hay cách mấy mà tâm chưa an cũng không phải thân. Ngược lại, nói trúng hay trật không biết mà tâm an rồi tự nhiên thân. Cho nên, ngài dùng phương tiện: *Hãy đi, sáng mai lại*. Sáng mai người nào tới hỏi trước thì người đó chưa thân.

Bên núi Đại Mai có một kho đá, tương truyền là chỗ để thuốc của thần tiên. Một đêm, Sư nằm mộng thấy có thần nhân đến bảo:

- Thấy không phải phạm phu, trong kho đá có quyển sách thánh, người nhận được là chủ cõi này, chẳng thế cũng là bậc đế vương.

Ngay trong mộng Sư đáp:

- Xưa Tăng Trù không màng đến kinh tiên thì quyển kinh ấy tự mất. Tôi lấy Niết-bàn tự vui, tuổi thọ kia đâu thể cùng trời đồng ư?

Vị thần nói:

- Đất này là linh phủ, người thế tục ở đây liên sanh tai biến.

Sư bảo:

- Tôi tạm ẩn nơi làng Mai Úy, chẳng phải chiếm lâu.

Bên núi Đại Mai có một kho đá, tương truyền là chỗ để thuốc của thần tiên. Một đêm, Sư nằm mộng thấy có thần nhân đến bảo:

- Thấy không phải phàm phu, trong kho đá có quyển sách thánh, người nhận được là chủ cõi này, chẳng thế cũng là bậc đế vương.

Chúng ta ngủ mà nghe nói như vậy thì sáng mai lại bươi khe đá, móc tượng đá liền.

Ngay trong mộng Sư đáp: Xưa Tăng Trù không màng đến kinh tiên thì quyển kinh ấy tự mất. Tôi lấy Niết-bàn tự vui, tuổi thọ kia đâu thể cùng trời đồng ư?

Tuổi thọ kia tức là tuổi thọ của Niết-bàn vô sanh, không đồng với cõi trời. Người tỉnh trong mộng cũng tỉnh. Chúng ta ban ngày tỉnh, ban đêm lại mộng.

Vị thần nói:

- Đất này là linh phủ, người thế tục ở đây liền sanh tai biến.

Sư bảo:

- Tôi tạm ẩn nơi làng Mai Úy, chẳng phải chiếm lâu.

Tinh thần của người xưa là tỉnh táo từ ban ngày cho đến ban đêm, mộng mỵ cũng vẫn tỉnh táo, luôn nhớ hướng đi của mình, không bị lầm gạt.

Chợt một hôm, Sư gọi đồ chúng đến bảo:

- Đến không thể tìm, đi không thể tìm.

**Sư thân nhiên lặng lẽ, nghe tiếng chuột kêu,
Sư lại hỏi:**

**- Tức vật này không phải vật khác, các người
phải khéo gìn giữ. Nay ta đi đây.**

Nói xong, Sư thị tịch, thọ 88 tuổi, 69 tuổi hạ.

Cái gì đến thì không thể kìm hãm cho nó không đến. Tới chừng muốn tìm, tìm cũng không ra.

Nghe tiếng chuột kêu ban đêm, ngài nói *tức vật này, không vật gì khác*. Chuột kêu với mình dĩnh dáng gì mà ngài bảo phải gìn giữ? Cái hay của ngài là ở câu nói đó. Bởi vì tất cả động tịnh ở bên ngoài, không cái nào ngoài mình mà có, tâm là gốc của muôn pháp không nghi.

Sau này thiền sư Trí Giác có làm bài tán rằng:

Sư sơ đắc đạo

Tức tâm thị Phật,

Tối hậu thị đồ

Vật phi tha vật.

Cùng vạn pháp nguyên

Triệt thiên thánh cốt,

Chân hóa bất di

Hà phương xuất một.

Dịch:

Sư mới được đạo

Tức tâm là Phật,

**Rốt sau dạy chúng
Vật chẳng vật khác.
Tốt nguồn muôn pháp
Thấu xương muôn thánh,
Hóa thật chẳng đời
Ngại gì còn mất.**

Thật là hay! Hồi mới được đạo thì *Tức tâm thị Phật*, tới khi sắp tịch thì *Vật phi tha vật*. Tức là nghe tiếng chuột kêu cũng vẫn thấy ở tâm mình, không thấy khác. Như vậy ngài đã đạt được tốt nguồn của muôn pháp, thấu triệt xương cốt của ngàn bậc thánh. Nên *chân hóa bất di*, cái chân thật không dời đổi thì *ngại gì còn mất*.



THIÊN SƯ PHẦN CHÂU VÔ NGHIỆP

(760 - 821)

Sư họ Đỗ, quê ở Thượng Lạc, Thương Châu. Mẹ Sư họ Lý, một hôm bà nghe trong hư không có tiếng nói: “Cho ở nhờ được chăng?”, bà liền biết có thai. Sư lọt lòng mẹ nhằm lúc ban đêm, có hào quang sáng đầy nhà. Được bốn năm tuổi mà Sư đi thì nhìn thẳng, ngồi thì tréo kiết già.

Đến chín tuổi, Sư theo thiên sư Chí Bốn ở chùa Khai Nguyên học kinh Đại thừa. Năm mười hai tuổi, Sư cạo tóc xuất gia. Hai mươi tuổi, Sư thọ giới Cụ túc với luật sư U ở Tương Châu. Sư học luật Tứ phần vừa xong, liền vì chúng diễn giảng. Sư giảng kinh Đại Niết-bàn suốt mùa hạ mùa đông chẳng dừng.

Buổi sơ sinh, ngài đã tỏ ra là người vô nghiệp. Mẹ ngài nghe trong hư không hỏi “Cho nghỉ nhờ được không?” tức là vô nghiệp rồi. Bốn năm tuổi mà đi

thì nhìn thẳng, ngồi thì tréo kiết già. Rõ ràng ngài đã tu từ trước, bây giờ tu tiếp, không phải chuyện lạ.

Nghe tiếng Mã Tổ, Sư tìm đến yết kiến.

Mã Tổ thấy tướng mạo kỳ đặc, tiếng nói thanh như chuông, bèn bảo:

- Cao lớn nghiêm chỉnh mà trong ấy không Phật.

Sư lễ bái, quỳ thưa:

- Về kinh điển con hiểu biết đơn sơ, thường nghe thiền môn “tức tâm là Phật” thật chưa hiểu thấu.

- Chỉ cái tâm chưa hiểu đó là phải, lại không có vật khác.

- Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang?

- Đại đức chính đang ồn. Hãy đi! Khi khác lại.

Sư vừa đi, Mã Tổ gọi:

- Đại đức!

Sư xoay đầu lại. Mã Tổ hỏi:

- Là cái gì?

Sư liền lãnh hội, lễ bái. Mã Tổ bảo:

- Kẻ độn, lễ bái làm gì?

Cao lớn nghiêm chỉnh mà trong ấy không Phật. Trong ấy có Phật, sao lại bị chê? Vì không nhận được thì có cũng như không, cho nên nói trong ấy không Phật.

Sư lễ bái, quỳ thưa:

- Về kinh điển con hiểu biết đơn sơ, thường nghe thiền môn “tức tâm là Phật” thật chưa hiểu thấu.

- Chỉ cái tâm chưa hiểu đó là phải, lại không có vật khác.

Chỉ thẳng vào tâm chưa hiểu đó là phải, không có vật nào khác. Ngài chưa thấu được, liền hỏi thêm:

- Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang?

- Đại đức chính đang ôn. Hãy đi! Khi khác lại.

Ngài muốn hỏi mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang. Mã Tổ nói khéo: *Đại đức chính đang ôn. Hãy đi! Khi khác lại.* Trong Bích Nham Lục câu này được dẫn nhiều nhất. Chỗ này là chỗ khéo vô cùng của Mã Tổ. Người thấy tánh, nghe câu này là thấy rồi, còn chưa thấy thì phải đi chỗ khác.

Sư vừa đi, Mã Tổ gọi:

- Đại đức!

Sư xoay đầu lại. Mã Tổ hỏi:

- Là cái gì?

Sư liền lãnh hội, lễ bái. Mã Tổ bảo:

- Kẻ độn, lễ bái làm gì?

Người xưa là như vậy. Nhiều khi đánh, nhiều khi kêu kẻ độn nhưng lại truyền tâm ấn cho kẻ độn ấy. Mã Tổ gọi *Đại đức* cho ngài xoay đầu ngo lại. Đây là

cách mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang. Khi ngài xoay đầu ngó lại, Mã Tổ liền hỏi: *Là cái gì?* Ngài sực tỉnh liền ngộ, lãnh hội ngay chỗ đó. Trong nhà thiền cái xoay đầu ngó lại quan trọng lắm. Người khéo ngay đó đánh lễ, còn không khéo thì thôi, bị đuổi đi.

Sau khi nhận được ý chỉ, Sư tìm đến Tào Khê lễ tháp Lục Tổ và đi viếng các thánh tích Lô Sơn, Thiên Thai... Sư lại đến Thanh Lương, dừng ở chùa Kim Các tám năm để xem Đại tạng kinh. Sau đó, Sư sang phương nam đến Tây Hà gặp thứ sử Đồng Thúc Triền thỉnh Sư ở lại tỉnh xá Khai Nguyên.

Sư nói:

- Duyên của ta ở đây vậy.

Ở đây hơn hai mươi năm, Sư xiển dương thiền học, các nơi đều nghe tiếng, người học đạo tìm đến ngày càng đông. Đáp những câu hỏi của người, Sư thường nói câu:

- Chớ vọng tưởng.

Một câu chỉ thẳng. Chớ vọng tưởng! Đủ rồi. Bao nhiêu câu hỏi Đông Tây, chỉ cần đáp một câu đó là đủ. Như vậy ngài đã nắm trọn cái rốn của bao nhiêu kinh điển, vì hết thấy phương pháp tu đều nằm trong câu “chớ vọng tưởng”.

Sư dạy chúng:

- Chư Phật chưa từng ra đời, cũng không có một pháp dạy người, chỉ tùy bệnh cho thuốc nên có

mười hai phần giáo, như lấy trái ngọt nhét thuốc đắng vào, cốt gột sạch gốc nghiệp cho các người.

Những vị cổ đức xưa, sau khi hội được ý chỉ, bèn cất am tranh hoặc ở thất đá, nấu cơm bằng lò bể, như vậy trải hơn hai ba mươi năm, danh lợi không bận lòng, tiền của chẳng phiên nghĩ, quên cả người đời, ở ẩn chốn núi rừng, vua chúa mời chẳng đến, chư hầu thỉnh cũng chẳng đi. Đâu như chúng ta ngày nay, tham danh mến lợi, chìm đắm trong bụi đời, như bọn con buôn.

Bồ-tát học Bát-nhã không được khinh mạn, như đi trên băng, như chạy trên kiếm bén. Khi lâm chung một mảy tình phàm lượng thánh chưa sạch, chút bụi tư niệm chưa quên liền tùy niệm thọ sanh, thọ thân năm ấm nặng hay nhẹ, đến trong thai lửa bụng ngựa, hoặc gá sanh trong địa ngục chịu vạc dầu sôi, đồng cháy quán mình. Từ trước những ghi nhớ nghĩ tưởng, hiểu biết trí tuệ thảy đều một thời mất hết. Sau đó lại sanh làm trùng kiến, làm muỗi mòng. Tuy là nhân lành mà mắc quả dữ, lại mong điều gì?

Huynh đệ! Chỉ vì tham dục thành tánh nên hai mươi lăm cõi ràng buộc chân mình, không biết chừng nào xong xuôi. Tổ sư xem chúng sanh cõi này (Trung Hoa) có căn tánh Đại thừa nên chỉ truyền tâm ấn để dạy mê tình. Người được đó chẳng chọn phàm thánh, ngu hay trí, vả lại nhiều rộng, không bằng ít thật. Kẻ đại trượng phu hiện nay thẳng đó liền hết sạch, chóng dứt muôn duyên, vượt khỏi

dòng sanh tử, ra ngoài tánh cách tầm thường. Linh quang riêng chiếu, vật không thể buộc, vói vói rõ rõ riêng đi trong tam giới. Đâu chỉ thân cao trượng sáu vàng ròng chói sáng, cổ đeo vòng bóng, tướng lưỡi rộng dài. “Nếu lấy sắc thấy ta là hành đạo tà.” Dù có quyến thuộc trang nghiêm, chẳng cầu mà tự được, quả đất núi sông chẳng ngại mắt sáng, được đại tổng trì, một nghe ngàn ngộ, trọn chẳng cầu giá trị bằng bữa ăn.

Các người nếu chẳng như thế, Tổ sư đến cõi này chẳng phải thường, có tổn mà có ích. Có ích là trong ngàn người chọn lọc được một người nửa người là pháp khí. Có tổn, như đoạn trước đã nói. Theo kinh điển ba thừa tu hành chẳng ngại được Tứ quả Tam hiền, có phần tiến tu. Cho nên tiên đức nói: “Liễu tức nghiệp chướng xưa nay không, chưa liễu trở lại đền nợ trước.”

Chư Phật chưa từng ra đời, cũng không có một pháp dạy người, chỉ tùy bệnh cho thuốc nên có mười hai phần giáo, như lấy trái ngọt nhét thuốc đắng vào, cốt gột sạch gốc nghiệp cho các người.

Các ngài chẳng khác nào mấy bà mẹ quê muốn cho con uống thuốc sán lải, họ lấy thuốc nhét vào trái chuối cho uống, sau đó xỏ hết. Mười hai phần giáo tùy bệnh cho thuốc, không phải là gốc. Chư Phật chưa từng ra đời, cũng không có một pháp dạy người, đây mới là gốc.

Những vị cổ đức xưa, sau khi hội được ý chỉ, bèn cất am tranh hoặc ở thất đá, nấu cơm bằng lò bễ, như vậy

trải hơn hai ba mươi năm, danh lợi không bận lòng, tiền của chẳng phiền nghĩ, quên cả người đời, ở ẩn chốn núi rừng, vua chúa mời chẳng đến, chư hầu thỉnh cũng chẳng đi. Đâu như chúng ta ngày nay, tham danh mến lợi, chìm đắm trong bụi đời, như bọn con buôn.

Câu nói cuối nghe đau lòng làm sao! *Chúng ta ngày nay, tham danh mến lợi, chìm đắm trong bụi đời, như bọn con buôn.* Thật tình nếu chúng ta ôm chuông mõ đi tụng niệm rồi lãnh một số tiền về thì khác nào con buôn, nhiều khi còn vác theo nhiều thứ khác nữa. Tu hành như vậy sẽ đi tới đâu?

Người xưa ở núi hai ba mươi năm, danh lợi không bận lòng, tiền của chẳng phiền nghĩ, quên cả người đời, ở ẩn trong núi, vua chúa mời chẳng đến, chư hầu thỉnh cũng chẳng đi. Người tu như thế tâm mới thanh tịnh. Chúng ta nợ đời lời thôi, không sao an ổn. Cho nên ngài dạy phải có tinh thần tu học mạnh mẽ như người xưa.

Bồ-tát học Bát-nhã không được khinh mạn, như đi trên băng, như chạy trên kiếm bén. Kinh nói Bồ-tát học pháp Bát-nhã không được khinh người, phải coi chuyện khinh mạn nguy hiểm như đi trên băng vậy. Ví như chúng ta qua sông lớn trong mùa đông, băng đóng cứng một lớp trên mặt nước, muốn qua đừng bị rớt xuống dưới thì phải nín thở đi thật nhẹ, rủi nặng chân một cái là băng bể, lọt xuống nước. Chạy trên kiếm bén thì phải nhẹ nhàng, nhón gót chút thôi, vì nếu để mạnh xuống thì sẽ bị cửa đứt liền. Người tu cũng vậy, dè dặt

không khinh mạn. Có tâm ngã mạn là bệnh nặng, giống như đi trên kiếm bén mà giẫm chân mạnh xuống.

Khi lâm chung một mảy tình phàm lượng thánh chưa sạch, chút bụi tư niệm chưa quên, liền tùy niệm thọ sanh. Khi sắp lâm chung còn một mảy tình phàm lượng thánh chưa sạch, một chút bụi tư niệm khởi nghĩ riêng, từng chút từng chút chưa quên thì liền theo niệm thọ sanh.

Thọ thân năm ấm nặng hay nhẹ, đến trong thai lừa bụng ngựa, hoặc gá sanh trong địa ngục chịu vạc dầu sôi, đồng cháy quán mình. Từ trước những ghi nhớ nghĩ tưởng, hiểu biết trí tuệ thấy đều một thời mất hết. Học hiểu đủ thứ, nhớ đầy bụng nhưng lúc đó không còn nữa.

Sau đó lại sanh làm trùng kiến, làm muỗi mòng. Tuy là nhân lành mà mắc quả dữ, lại mong điều gì? Sở dĩ mắc quả dữ là tại tình lượng chưa hết, tư niệm chưa xong, tự nhiên phải bị luân hồi. Tu sạch hết cái đó là hết luân hồi.

Huynh đệ! Chỉ vì tham dục thành tánh nên hai mươi lăm cõi ràng buộc chân mình, không biết chừng nào xong xuôi. Tổ sư xem chúng sanh cõi này (Trung Hoa) có căn tánh Đại thừa nên chỉ truyền tâm ấn để dạy mê tình. Người được đó chẳng chọn phàm thánh, ngu hay trí, vả lại nhiều rộng, không bằng ít thật. Trôi lăn trong hai mươi lăm cõi, gốc vì tham dục. Người nhiều cái rộng không, không bằng chỉ được một ít mà thật.

Kẻ đại trượng phu hiện nay thẳng đó liền hết sạch, chóng dứt muôn duyên, vượt khỏi dòng sanh tử, ra ngoài tánh cách tầm thường. Linh quang riêng chiếu, vật không thể buộc, vơi vơi rõ rõ riêng đi trong tam giới. Đại trượng phu nhận được cái đó rồi thì muôn duyên liền buông hết, vượt khỏi vòng sanh tử, chỉ còn linh quang riêng chiếu vơi vơi rõ rõ đi trong tam giới.

Đâu chỉ thân cao trượng sáu vàng ròng chói sáng, cổ đeo vòng bóng, tướng lưỡi rộng dài. Đâu phải thấy thân tướng tốt như vàng ròng của đức Phật mà cho đó là Phật thật. Thấy Phật là thấy ngay Phật pháp thân bất sanh bất diệt của mình.

“Nếu lấy sắc thấy ta là hành đạo tà.” Dù có quyền thuộc trang nghiêm, chẳng cầu mà tự được, quả đất núi sông chẳng ngại mắt sáng, được đại tổng trì, một nghe ngàn ngộ, trọn chẳng cầu giá trị bằng bữa ăn. Người ngộ được tánh giác thì không còn chướng ngại, một nghe ngàn ngộ. Ngũ dục thế gian dù giá trị chừng bữa ăn cũng không thích.

Các người nếu chẳng như thế, Tổ sư đến cõi này chẳng phải thường, có tổn mà có ích. Có ích là trong ngàn người chọn lọc được một người, nửa người là pháp khí. Có tổn, như đoạn trước đã nói. Theo kinh điển ba thừa tu hành chẳng ngại được Tứ quả Tam hiền. Có phần tiến tu. Cho nên tiên đức nói: “Liễu tức nghiệp chướng xưa nay không, chưa liễu trở lại đền nợ trước.”

Liễu tức là liễu cái đó. Nếu chúng ta không được như vậy, cần phải cố gắng.

Vua Hiến Tông nhà Đường nhiều phen thỉnh Sư, Sư đều lấy lý do bệnh từ chối không đến. Đến Mục Tông lên ngôi lại sai Lưỡng nhai Tăng lục là Linh Phụ v.v... đến thỉnh Sư.

- Hoàng thượng ân chỉ phen này chẳng giống lúc thường, xin Hòa thượng hãy thuận thiên tâm, không nên nói bệnh.

Sư cười chúm chím nói:

- Bần đạo có đức gì làm phiền Thế chủ? Mời các ngài đi trước, tôi sẽ đi đường riêng.

Sư bèn tám gậy, đến nửa đêm bảo đệ tử Huệ Âm v.v...

- Các người! Tánh thấy nghe hiểu biết cùng hư không đồng tuổi, chẳng sanh chẳng diệt, tất cả cảnh giới vốn tự không lặn, không một pháp có thật, người mê không hiểu bị cảnh làm lầm, trôi lăn không cùng. Các người phải biết, tâm tánh vốn tự có, chẳng phải do tạo tác, ví như Kim cang không thể phá hoại. Tất cả pháp như bóng như vang không có thật. Cho nên Kinh nói: “Chỉ đây một việc thật, còn hai thì chẳng chân.” Thường hiểu tất cả không, không một vật hợp tình, là chỗ chư Phật dụng tâm. Các người cố gắng thực hành!

Nói xong, Sư ngồi kiết già thị tịch. Ngày thiêu Sư, có mây lành năm sắc, mùi hương lạ khắp bốn phương, được xá-lợi như ngọc sáng. Sư thọ 62 tuổi,

42 tuổi hạ. Vua sắc ban hiệu là Đại Đạt quốc sư, tháp hiệu Trừng Nguyên.

Lưỡng nhai Tăng lục là chức tăng lớn nhất trong triều bấy giờ.

Chúng ta bây giờ nghe vua mời thì quá mừng. Thầy trò sửa soạn, khăn gói lên đường liền. Cho nên so với người xưa, chúng ta không bằng một hạt cải hạt bụi, muốn sống không sống được, muốn chết chết không xong.

Di chúc cuối cùng của ngài thật chí lý. Đi đường riêng là như vậy. Nếu không có mấy vị tới thỉnh ngất quá, chắc là ngài chưa đi. Không đi thì méch lòng, thôi thì đi bằng đường khác.

Ý chí đức hạnh tu hành của người xưa thật mạnh, vua thỉnh cũng không màng, thà chết chứ không đi. Ngồi kiết già từ già mọi người, dặn dò xong rồi tịch, tự tại muôn ngàn. Tu như vậy mới ham, tu lười thôi thì thật là uổng. Vua nghe qua rất kính phục, phong làm Đại Đạt quốc sư, tháp hiệu là Trừng Nguyên.



THIÊN SƯ ĐẠO NGỘ **chùa THIÊN VƯƠNG**

(717 - 808)

Sư họ Thôi, quê ở Giang Lăng, xuất gia lúc mười lăm tuổi, đến hai mươi ba tuổi thọ giới Cụ túc. Năm ba mươi tuổi, Sư yết kiến Thạch Đầu, được nhiều lần chỉ dạy mà Sư không khế hội. Kế đó, Sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung. Năm ba mươi tư tuổi, Sư cùng thị giả Ứng Chơn đến yết kiến Mã Tổ.

Mã Tổ bảo:

- Nhận biết tâm mình xưa nay là Phật, chẳng thuộc thứ lớp, chẳng nhờ tu hành, thể nó tự như, muôn đức tròn đầy.

Ngay câu nói này Sư đại ngộ.

Mã Tổ dạy:

- Nếu trụ trì, người chớ rời chỗ cũ.

Sư nghe chỉ dạy rồi, trở về Kinh Châu cất một am tranh ở ngoài thành không xa.

Tiết sử họ Lư đến phỏng vấn Sư, Sư không đáp lễ. Tiết sử nổi nóng bắt Sư đem ném xuống sông. Tiết sử về đến nha môn thấy khắp nhà đều phát hỏa, lại nghe trong hư không có tiếng quả trách của thần Thiên Vương. Tiết sử lễ tạ xin sám hối, phút chốc lửa tắt, nha môn vẫn còn nguyên. Tiết sử đích thân đi đến bờ sông rước Sư, thấy Sư ở trong nước mà không ướt y, ông càng thêm quý kính. Ông tạo ngôi chùa Thiên Vương ở phía tây phủ, cúng dường cho Sư.

Sư họ Thôi, quê ở Giang Lăng, xuất gia lúc mười lăm tuổi, đến hai mươi ba tuổi thọ giới Cụ túc. Năm ba mươi tuổi, Sư yết kiến Thạch Đầu, được nhiều lần chỉ dạy mà Sư không khế hội. Kế đó, Sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung. Năm ba mươi tư tuổi, Sư cùng thị giả Ứng Chơn đến yết kiến Mã Tổ.

Tiểu sử thấy bình thường nhưng ý chí của ngài chúng ta nghe mà thán phục.

Mã Tổ bảo:

- Nhận biết tâm mình xưa nay là Phật, chẳng thuộc thứ lớp, chẳng nhờ tu hành, thể nó tự như, muôn đức tròn đầy.

Ngay câu nói này Sư đại ngộ.

Nghe nói như vậy là đại ngộ.

Mã Tổ dặn:

- Nếu trụ trì, người chớ rời chỗ cũ.

Sư nghe chỉ dạy rồi, trở về Kinh Châu cất một am tranh ở ngoài thành không xa.

Tiết sử họ Lư đến phỏng vấn Sư, Sư không đáp lễ. Tiết sử nổi nóng bắt Sư đem ném xuống sông.

Tiết sử tương đương ông Tỉnh trưởng bây giờ. Ông đến, ngài không đáp lễ, ông nổi nóng, bắt ngài ném xuống sông.

Tiết sử về đến nha môn thấy khắp nhà đều phát hỏa, lại nghe trong hư không có tiếng quả trách của thần Thiên Vương. Tiết sử lễ tạ xin sám hối, phút chốc lửa tắt, nha môn vẫn còn nguyên. Tiết sử đích thân đi đến bờ sông rước Sư, thấy Sư ở trong nước mà không ướt y, ông càng thêm quý kính. Ông tạo ngôi chùa Thiên Vương ở phía tây phủ, cúng dường cho Sư.

Ngôi trong nước mà y không ướt, mới thấy phước đức của ngài lớn đến bậc nào. Ngài là thầy thiền sư Sùng Tín. Sùng Tín là thầy Đức Sơn. Đây là pháp nguồn để sau này có thêm hai tông phái là Vân Môn và Pháp Nhãn.

Sùng Tín hỏi:

- Từ trước việc truyền trao thế nào?

Sư đáp:

- Chẳng phải sáng, chỗ người đến chẳng được.

- Con mắt ấy, mấy người được đủ?

- Cỏ úa đổi thành lau dài.

Cái đó không phải là cái nói ra được.

Nhận được thì cỏ úa biến thành cọng lau dài. Chúng ta bây giờ không biết có mấy người nhận được chỗ đó.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là nói huyền diệu?

Sư bảo:

- Chớ nên bảo ta hiểu Phật pháp.

- Nỡ để học nhân ôm nghi mãi sao?

- Sao chẳng hỏi lão tăng?

- Hiện nay đã hỏi.

- Đi! Không phải chỗ người nương tựa.

Có phải ngài nỡ để cho chúng ta ôm nghi không? Chúng ta bị cái lưỡi của Lão hòa thượng lừa, chỉ cho mà không hiểu, rồi ôm nghi mãi.

Sao chẳng hỏi lão tăng? Ngài đánh lừa. Không nhận ra ý này thì đi, không phải chỗ cho ông nương tựa.

Thường ngày, Sư hay nói: “Sống vui! Sống vui!” Đến khi sắp quy tịch, Sư kêu: “Khổ! Khổ!” Lại nói: “Diêm vương đến bắt ta.”

Viện chủ hỏi:

- Đương thời Hòa thượng bị Tiết sử ném xuống sông mà thân sắc chẳng động, hôm nay sao lại thế ấy?

Sư đưa chiếc gối lên, bảo:

- Người nói lúc đó phải hay hôm nay phải?

Viện chủ không đáp được.

Thường ngày, Sư hay nói: “Sống vui! Sống vui!” Đến khi sắp quy tịch, Sư kêu: “Khổ! Khổ!” Lại nói: “Diêm vương đến bắt ta.” Mấy câu này dễ nghi chết người lắm, vị nào muốn xuyên tạc thì cứ trích vài đoạn ra nói: “Đó! Tu thiền hồi sống thì coi bộ tự do lắm, tới chừng gần chết rồi kêu khổ! khổ!” Thật là nghi chết người.

Viện chủ hỏi:

- Đương thời Hòa thượng bị Tiết sử ném xuống sông mà thân sắc chẳng động, hôm nay sao lại thế ấy?

Sư đưa chiếc gối lên, bảo:

- Người nói lúc đó phải hay hôm nay phải?

Viện chủ không đáp được.

Người nói lúc đó phải hay hôm nay phải? Bởi vì trước ngài kêu vui thì sau phải nói khổ. Chính câu này chỉ thẳng cho Viện chủ mà ông nhận không ra. Cái kêu khổ và cái kêu vui không phải sự thật.

Người xưa nói đừng mắc kẹt trên ngôn ngữ thì dễ lãnh hội. Ai kẹt ngôn ngữ thì chịu, không làm sao

lãnh hội nổi. Bởi vì cái khổ ngài kêu không phải là cái khổ bị Diêm vương bắt, mà khổ vì không có người lãnh hội được. Cho nên ngài kêu khổ để làm cái cớ cho người ta thắc mắc đưa ra câu hỏi.

Người nói đương thời phải, hôm nay phải. Câu nói đánh mạnh vào Viện chủ mà Viện chủ không lãnh hội được.

Sư nhập diệt ngày mười ba tháng mười niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba (808), thọ 82 tuổi, 63 tuổi hạ.



THIÊN SƯ LINH MẶC

(747 - 818)

Sư họ Tuyên, quê ở Tỳ Lăng. Ban sơ Sư đến yết kiến Mã Tổ, nhân đây hiểu đạo mới cạo tóc xuất gia thọ giới Cụ túc.

Sư đến yết kiến Thạch Đầu, tự hứa nếu một câu khế hợp thì ở, chẳng hợp liền đi. Nhưng khi thưa hỏi, Sư vẫn không khế hợp. Sư bèn ra đi. Thạch Đầu theo sau đến cửa ngoài, liền gọi:

- Xà-lê!

Sư xoay đầu lại.

Thạch Đầu bảo:

- Từ sanh đến tử chỉ là cái ấy, xoay đầu chuyển nào làm gì?

Sư nhân câu nói này liền đại ngộ, dừng lại đây hai năm.

Như vậy chỉ cần gọi một câu, xoay đầu lại liền thấy được.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785), Sư vào núi Thiên Thai ở đạo tràng Bạch Sa, lại đến Ngũ Duệ.

Có vị tăng hỏi:

- Có vật gì lớn trùm trời đất?

Sư đáp:

- Không người biết được y.

- Lại có thể đục giữa chẳng?

- Người thử hạ thủ xem.

- Cái này trong thiên môn, việc trước sau thế nào?

- Người nói trước mắt, từ thành đến nay bao lâu?

- Học nhân chẳng hội.

- Ta khoảng này không có chỗ cho người hỏi.

- Hòa thượng đâu không có chỗ tiếp người?

- Đợi người cần tiếp ta sẽ tiếp.

- Thỉnh Hòa thượng tiếp.

- Người thiếu thốn cái gì?

- Làm sao được không tâm?

- Dời non lấp biển vẫn an nhiên lặng lẽ, động đất vẫn ngủ yên, đâu lay động được y.

Tăng hỏi: Có vật gì lớn trùm trời đất? Sư đáp: Không người biết được y. Cái đó không người biết được y,

giờ người nói đó là nói trước mắt. Vậy từ hồi nó thành đến nay là bao lâu rồi?

Dời non lấp biển vẫn an nhiên lặng lẽ, động đất vẫn ngủ yên, đâu lay động được y. Trời đất rung động, non biển đổi dời, chúng ta cứ nằm yên không lay động. Không tâm là vậy đó, thiếu thốn chỗ nào? Chúng ta nghe một vài chuyện lằng xằng bên ngoài là xao xuyến rồi thì làm sao được không tâm?

Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ mười ba (818), ngày hai mươi ba tháng ba, Sư tẩm gội xong, thấp hương ngồi ngay thẳng, bảo chúng:

- Pháp thân hoàn toàn lặng lẽ, thị hiện có đến đi, ngàn thánh đồng nguồn, vạn linh về một. Nay ta bọt tan đâu bởi hưng suy, không tự nhọc thân phải giữ chánh niệm. Nếu tuân lời dạy này là đền ơn ta, bằng cố trái lời chẳng phải con ta.

Có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng đi về đâu?

Sư bảo:

- Không có chỗ đi.

- Sao con chẳng thấy?

- Chẳng phải chỗ mắt thấy.

Nói xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ 72 tuổi, 41 tuổi hạ.

Khi sắp tịch, ngài sửa soạn đàn tràng hoàng và dặn chúng, thân của ngài hoại đi chẳng khác nào như bọt

tan về biển, không nói hưng suy, chúng đừng nhọc thân khóc lóc than kể, mỗi người phải giữ chánh niệm.

Tăng hỏi: Hòa thượng đi về đâu? Sư bảo: Không có chỗ đi. Sao con chẳng thấy? Chẳng phải chỗ mắt thấy. Cái đó không phải chỗ con mắt thấy được.

Nói xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ 72 tuổi, 41 tuổi hạ. Cái chết thật là nhàn. Hầu hết những vị thiền sư được ghi trong sử đều ra đi an nhiên. Chúng ta tu hành được như quý ngài thì cũng ra đi tự tại như vậy.



THIÊN SƯ DUY KHOAN

(755 - 817)

Sư họ Chúc, quê ở Tín An, Cù Châu. Lúc mười ba tuổi, Sư thấy người sát sanh, bất nhẫn không nỡ ăn thịt, cầu xin xuất gia. Xuất gia rồi, lúc đầu Sư học Luật, kế tập tu chỉ quán. Sau, Sư tìm đến yết kiến Mã Tổ, nơi đây Sư ngộ được tâm yếu.

Ở đây chỉ nói đến việc ngài ngộ được tâm yếu, chứ không kể lại nguyên nhân ngộ.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên thứ sáu (790), Sư đi du phương. Sau này, Sư dừng ở chùa Thiếu Lâm tại Tung Sơn.

Có vị tăng đến hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Núi rất tốt.

- Con hỏi đạo, sao Thầy nói núi tốt?
- Người chỉ biết núi tốt đâu từng đạt đạo?

Nếu nghe nói núi tốt, người thấy tánh thì thấy đạo, còn chỉ chấp núi tốt tức là chưa thấy được đạo.

Vị tăng khác hỏi:

- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:

- Có.
- Hòa thượng có chăng?
- Ta không.
- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tại sao riêng Hòa thượng lại không?
- Ta chẳng phải tất cả chúng sanh.
- Đã chẳng phải chúng sanh, là Phật chăng?
- Chẳng phải Phật.
- Cứu cánh là vật gì?
- Cũng chẳng phải vật.
- Có thể thấy, có thể nghĩ chăng?
- Nghĩ đó chẳng đến, bàn đó chẳng được. Cho nên nói “Không thể nghĩ bàn”.

Chẳng phải Phật. Cũng chẳng phải vật. Đây là câu nói sống của Mã Tổ. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Có thể thấy, có thể nghĩ chăng? Nghĩ đó chẳng đến, bàn đó chẳng được. Cho nên nói “Không thể nghĩ bàn”. Thật khéo vô cùng. Người mê nói Phật tánh mà nào thấy Phật tánh. Ngài nói Ta không vì sống được với cái đó rồi, còn nói có nói không chi nữa. Cho nên, ngài nói không mà không phải không. Cái đó không phải tâm, không phải Phật, không phải vật. Nghĩ không đến, bàn chẳng được, nên không thể nghĩ bàn.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ tư (809), vua Hiến Tông thỉnh Sư về kinh đô. Bạch Cư Dị thường đến thăm hỏi Sư.

Bạch Cư Dị hỏi:

- Đã nói Thiền sư sao lại thuyết pháp?

Sư đáp:

- Vô thượng Bồ-đề, trùm nơi thân là Luật, nói ra miệng là Pháp, hành nơi tâm là Thiền. Ứng dụng thì có ba, chỗ tốt cùng chỉ có một. Ví như sông Hồ, sông Hán, sông Hoài tùy chỗ đặt tên, tên tuy chẳng phải một, mà tánh nước không hai. Luật tức là Pháp, Pháp chẳng lìa Thiền, sao trong đó vọng khởi phân biệt?

- Đã không phân biệt lấy gì tu tâm?

- Tâm vốn không tổn thương, tại sao cầu tu sửa? Không luận nhơ cùng sạch, tất cả chớ khởi niệm.

- Nhơ tức không nên niệm, sạch không niệm được sao?

- Như trong tròng con mắt người, không thể đánh một vật gì, mặt vàng tuy quý báu, đánh cũng thành bệnh.

- Không tu không niệm thì đâu khác phàm phu?

- Phàm phu thì vô minh, Nhị thừa thì chấp trước, lìa hai bệnh này gọi là chân tu. Người chân tu không được chăm chú, không được quên lãng, chăm chú thì chấp trước, quên lãng liền rơi vào vô minh. Đây là tâm yếu vậy.

Bạch Cư Dị hỏi:

- Đã nói Thiền sư sao lại thuyết pháp?

Sư đáp:

- Vô thượng Bồ-đề, trùm nơi thân là Luật, nói ra miệng là Pháp, hành nơi tâm là Thiền. Ứng dụng thì có ba, chỗ tốt cùng chỉ có một. Ví như sông Hồ, sông Hán, sông Hoài tùy chỗ đặt tên, tên tuy chẳng phải một, mà tánh nước không hai. Luật tức là Pháp, Pháp chẳng lìa Thiền, sao trong đó vọng khởi phân biệt?

Như vậy pháp không rời thiền mà vọng khởi phân biệt. Nhưng Bạch Cư Dị lại nghi:

- Đã không phân biệt lấy gì tu tâm?

Tu là nhờ phân biệt, bởi nhà thơ quen phân biệt rồi nên mới nói như thế.

- Tâm vốn không tổn thương, tại sao cầu tu sửa? Không luận nhơ cùng sạch, tất cả chớ khởi niệm.

Lâu nay nó như vậy, tu sửa cái gì? Không khởi niệm đó là tu, còn có tu là trật.

- *Nhớ tức không nên niệm, sạch không niệm được sao?*

Tức là bây giờ tôi không niệm cái nhớ, không nghĩ xấu, vậy cái tốt thì sao?

- *Như trong tròng con mắt người, không thể dính một vật gì, mặt vàng tuy quý báu, dính cũng thành bệnh.*

Niệm một pháp tốt pháp lành cũng như trong tròng con mắt mà dính mặt vàng, cũng thành bệnh như thường. Như vậy vô niệm mới là cứu cánh.

Nhưng Bạch Cư Dị vẫn chưa chịu:

- *Không tu không niệm thì đâu khác phàm phu?*

- *Phàm phu thì vô minh, Nhị thừa thì chấp trước, là hai bệnh này gọi là chân tu. Người chân tu không được chăm chú, không được quên lãng, chăm chú thì chấp trước, quên lãng liền rơi vào vô minh. Đây là tâm yếu vậy.*

Hai chỗ dụng này thật khó. Ngồi chăm chăm thì lạc vào Nhị thừa, đi mà không nhớ gì hết là phàm phu. Chiết trung giữa hai cái đó thì tốt. Chăm chú thì gần chấp trước, quên lãng thì rơi vào vô minh. Tâm yếu ở chỗ này.

Tăng hỏi:

- **Đạo ở chỗ nào?**

Sư đáp:

- **Ở trước mắt.**

- **Sao con không thấy?**

- Vì người có ngã nên không thấy.
- Con có ngã nên không thấy, Hòa thượng thấy chăng?
- Có người có ta nên rồi cũng chẳng thấy.
- Không con không ngài lại thấy chăng?
- Nếu không người không ta, còn ai cần thấy?

Con có ngã nên không thấy, Hòa thượng thấy chăng? Câu này người hỏi thật khéo. *Có người có ta nên rồi cũng chẳng thấy.* Câu đáp cũng rất khéo.

Không con không ngài lại thấy chăng? Nếu không người không ta, còn ai cần thấy? Khi có người, có ta tức là còn có ngã thì không thấy. Nếu hết ta, hết người rồi thì còn ai nữa mà cần thấy? Những câu đáp nghe như đùa mà hay vô cùng.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười hai (817), ngày ba mươi tháng hai, Sư thăng đường thuyết pháp xong liền thị tịch, thọ 63 tuổi, 39 tuổi hạ.

Vua sắc ban hiệu là Đại Triệt thiền sư, tháp hiệu Nguyên Hòa Chánh Chơn.



THIÊN SƯ ĐÔNG TỰ NHƯ HỘI

(742 - 821)

Sư quê ở Khúc Giang, huyện Thủy Hưng. Ban sơ đến tham vấn Kính Sơn, sau mới đến yết kiến Mã Tổ. Nơi Mã Tổ, Sư ngộ yếu chỉ Thiên tông.

Về sau, Sư trụ trì Đông Tự, học chúng rất đông đến nỗi nhà Tăng giường chõng gãy vẹo, thời nhân gọi “Hội giường gãy”.

Mã Tổ tịch rồi, Sư thường lo môn đồ lấy câu “tức tâm tức Phật” học thuộc lòng tụng mãi. Vì thế Sư bảo:

- Nói Phật trụ ở đâu, mà sao “tức tâm”. Tâm như ông thợ vẽ, mà sao “tức Phật”?

Sư bèn dạy chúng:

- Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo. Kiếm rơi đã lâu, người mới khắc dấu thuyền.

Mã Tổ tịch rồi, Sư thường lo môn đồ lấy câu “tức tâm tức Phật” học thuộc lòng tụng mãi. Vì thế Sư bảo:

- Nói Phật trụ ở đâu, mà sao “tức tâm”. Tâm như ông thợ vẽ, mà sao “tức Phật”?

Lời nói gạn lại cho người học đừng chấp. Chúng ta bây giờ có cái bệnh nghe người xưa nói câu gì, liền lấy học thuộc lòng, rồi cho đó là hiểu mà thực hành.

Sư bèn dạy chúng:

- Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo. Kiếm rơi đã lâu, người mới khắc dấu thuyền.

Trung Hoa dùng tích chuyện “khắc dấu thuyền tìm gương” để răn dạy người đương thời. Chuyện kể rằng có người đi thuyền qua sông, cầm cây gương quơ quơ dưới nước chơi, bị tuột gương rơi xuống nước. Người đó đánh dấu vào mạn thuyền chỗ cây gương rơi, chờ thuyền đậu vào bờ lặn xuống chỗ đó mò. Gọi là khắc mạn thuyền mò gương.

Thời xưa, người ta không thấy ngay nơi tâm mình có Phật nên Mã Tổ mới chủ trương tức tâm tức Phật, để cho họ nhận lại Phật tánh ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Bây giờ, chúng ta lại chấp lấy câu đó học thuộc lòng mà không hiểu, thì không khác gì người đánh dấu mạn thuyền để mò gương.

Tất cả đều tùy thời tùy duyên. Người dạy đạo phải uyển chuyển, không thể cứ lấy câu hồi xưa mà áp dụng cho thời nay thì không thức thời. Phải phá cái chấp đó để đưa người ta tới sự thật, không mắc kẹt ngôn ngữ, đó mới là bậc thầy sống.

Tướng quốc Thôi Công Quân bị đỗi ra Hồ Nam làm Quán sát sứ, đến yết kiến Sư, hỏi:

- Thầy lấy gì được?

Sư đáp:

- Thấy tánh là được.

Ít lâu sau, Sư bị bệnh con mắt. Thôi Công Quân ngạo rằng:

- Đã nói thấy tánh, tại sao con mắt như thế?

Sư bảo:

- Thấy tánh không phải do mắt, con mắt bệnh có hại gì?

Thôi Công Quân lễ tạ sám hối.

Cái được của ngài là thấy tánh. Thấy tánh không phải thấy bằng con mắt. Nên mắt có bệnh, mắt mù cũng không sao. Câu chuyện như đùa mà làm cho chúng ta sáng tỏ, không lầm chữ kiến tánh trên danh ngôn. Tưởng kiến tánh là con mắt thấy thì muôn đời không bao giờ thấy được.

Sư hỏi Nam Tuyên:

- Vừa rời chỗ nào đến?

- Giang Tây.

- Đem được hình Mã đại sư đến chăng?

- Chỉ thế ấy.

- Sau lưng rồi.

Nam Tuyền không đáp.

Lối đối đáp giữa hai huynh đệ như vậy.

Ngưỡng Sơn (Huệ Tịch) đến tham vấn.

Sư hỏi:

- Người người ở đâu?

Ngưỡng Sơn thưa:

- Người Quảng Nam.

- Ta nghe ở Quảng Nam có hạt minh châu trấn hải phải chăng?

- Phải.

- Hạt châu ấy thế nào?

- Ba mươi thì ẩn, rằm thì hiện.

- Lại đem đến được chăng?

- Đem đến được.

- Sao chẳng trình cho lão tăng?

Ngưỡng Sơn khoanh tay đến gần thưa:

- Vừa đến Quy Sơn cũng bị đòi hạt châu này, bèn được không lời có thể đáp, không lý có thể bày.

Sư khen:

- Thật là sư tử con rồng rất giỏi!

Ngưỡng Sơn lễ bái.

Ngưỡng Sơn (Huệ Tịch) đến tham vấn. Sư hỏi:

- Người người ở đâu?

Ngưỡng Sơn thưa:

- *Người Quảng Nam.*

- *Ta nghe ở Quảng Nam có hạt minh châu trấn hải phải chăng?*

- *Phải.*

- *Hạt châu ấy thế nào?*

- *Ba mươi thì ẩn, rằm thì hiện.*

Hay ở chỗ này. *Ba mươi thì ẩn, rằm thì hiện*, hạt châu xuất hiện vào ngày rằm. Ngày ba mươi không có trăng tức là vô minh nên không thấy, rằm sáng ngời thì trăng hiện.

Ngài gạn thêm:

- *Lại đem đến được chăng?*

- *Đem đến được.*

- *Sao chẳng trình cho lão tăng?*

Ngưỡng Sơn khoanh tay đến gần thưa:

- *Vừa đến Quy Sơn cũng bị đòi hạt châu này, bèn được không lời có thể đáp, không lý có thể bày.*

Sư khen:

- *Thật là sư tử con rồng rất giỏi!*

Ngưỡng Sơn lễ bái.

Tại sao nói như vậy mà ngài khen? Ngưỡng Sơn đã trình hạt châu ấy với Quy Sơn bằng cách *không lời để đáp, không lý để bày*. Hạt châu ấy đã trình rồi.

Các thiền sư nói chuyện không có câu nào là Bồ-đề, Niết-bàn, chân như, Phật tánh. Các ngài nói đạo mà tưởng như nói chuyện ở đâu, không có danh từ đạo trong đó. Đó là cái khéo léo của người xưa. Nói kinh mà không có lời kinh, nói đạo lý mà nghe như không đạo lý, lấy chuyện hiện tại biến thành đạo lý.

Nếu chúng ta được hỏi: “Thầy ở tu viện Chơn Không - Vững Tàu, thấy bản tâm không?” Đáp: “Dạ thấy!” Hỏi: “Thấy nó thế nào?” Chỉ cần đáp: “Còn phiền não không thấy, hết phiền não liền thấy.”

Vị thầy khéo dùng chuyện thường tình mà đạo lý tràn đầy. Chúng ta bây giờ dùng danh từ này danh từ nọ đồn dập mà rốt cuộc không có đạo lý chút nào hết. Cho nên, ngài khen *sư tử con rồng rất giỏi* là vậy.

Có người hỏi Sư:

- Con tính thỉnh Hòa thượng khai đường (mở cửa giáo hóa) được chăng?

Sư đáp:

- Đợi đem vật vùi trong hòn đá mà nóng thì được.

Vị ấy không thể đáp.

Niên hiệu Trường Khánh, ngày mười chín tháng tám năm Quý Mão (823), Sư quy tịch, thọ 80 tuổi. Vua sắc phong hiệu là Truyền Minh đại sư, tháp hiệu Vĩnh Tế.



THIÊN SƯ MA CỐC BẢO TRIỆT

Thiên sư Bảo Triệt là một vị thiên sư nổi danh hành cước đây đó tung hoành.

Một hôm theo hầu Mã Tổ đi dạo, Sư hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Đại Niết-bàn?

Mã Tổ đáp:

- Gấp!**
- Gấp cái gì?**
- Xem nước.**



Sư cùng Nam Tuyên, Quy Tông đến yết kiến Kính Sơn, đi đường gặp một bà già. Sư hỏi:

- Kính Sơn đi đường nào bà?

Bà già đáp:

- Đi thẳng.**

- Đầu trước nước sâu qua được chẳng?
- Chẳng ướt gót chân.
- Bờ trên lúa tốt thế, bờ dưới lúa xấu thế.
- Thả bị cua ăn hết.

Trên, dưới đều bị cua ăn hết.

- Nếp thơm ngon.
- Hết mùi hơi.
- Bà ở chỗ nào?
- Chỉ ở đây.

Bà già này là bà già bán quán.

Ba người đồng vào quán ngồi. Bà già nấu một bình trà, bưng ba chén chung đến nói:

- Hòa thượng có thần thông thì uống trà.

Ba người nhìn nhau chưa nói câu nào. Bà già liền bảo:

- Xem kẻ già này trình thần thông đây.

Nói xong bà cầm chung nghiêng bình rót trà, rồi đi.

Bà già này có thần thông chưa? Trình thần thông rồi đó. Bà già cũng là đối thủ với mấy vị thiền sư chứ không thường. Chỗ này nam nhi trượng phu được, bà già cũng được. Hồi xưa nhiều lão bà bán trà như vậy, người học đạo không dám khinh thường, khinh thường là mắc kẹt.

Sư cùng Đơn Hà đi dạo núi, thấy cá lội trong nước, Sư lấy tay chỉ. Đơn Hà nói:

- Thiên nhiên! Thiên nhiên!

Đến hôm sau, Sư hỏi Đơn Hà:

- Hôm qua ý thế nào?

Đơn Hà nháy tới làm thế nằm.

Sư nói:

- Trời xanh.

Như vậy là hiểu nhau rồi.

Sư cùng Đơn Hà đi đến núi Ma Cốc. Sư hỏi:

- Tôi đến đó trụ.

Đơn Hà nói:

- Trụ tức lại trở về, có cái này không?

Sư nói:

- Trân trọng!

Nếu có trụ tức là có đi.

Có vị tăng đến hỏi:

- Mười hai phần giáo con chẳng nghi. Thế nào ý Tổ sư từ Ấn Độ qua?

Sư bèn đứng dậy lấy trượng xoay quanh thân một vòng, đứng một chân, bảo:

- Hội chăng?

Tăng thưa:

- Không hội.

Sư liên đánh.

Có vị tăng đến hỏi: Mười hai phần giáo con chẳng nghi. Thế nào ý Tổ sư từ Ấn Độ qua? Sư bèn đứng dậy lấy trượng xoay quanh thân một vòng, đứng một chân, bảo: Hội chăng? Nhiều khi thiền sư làm giống như những nhà múa võ, lấy trượng xoay quanh thân một vòng rồi đứng một chân. Đến hỏi đạo mà làm kiểu đó, ai biết?

Tăng thưa: Không hội. Sư liên đánh. Ai thấy được chỗ này? Phần nhiều có lời mới thấy, còn không có lời thì không thấy nổi.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư lặng thinh.

Cái này hội chăng?

Đam Nguyên hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt là phàm là thánh?

Sư đáp:

- Là thánh.

Đam Nguyên liền tát Sư một cái.

Sư bảo:

- Biết ông chẳng đến cảnh giới ấy.

Chuyện của ngài thấy như bông đùa, nhưng mang ý nghĩa thâm trầm trong đó. Khéo nhất là hành động quơ gậy qua một vòng toàn thân rồi đứng một chân. Vị nào hôm nay chưa thấy, chưa hội thì đợi khi khác.



THIÊN SƯ DIÊM QUAN TÊ AN

Sư họ Lý, quê ở quận Hải Môn. Khi Sư ra đời có hào quang chiếu đầy nhà, lại có vị tăng lạ đến nói: “Sư giả dựng cờ vô thắng, xoay mặt trời Phật soi trở lại, đâu không phải người này.” Lớn lên, Sư xuất gia với thiên sư Vân Tông tại bản quận.

Sau, Sư nghe Mã Tổ giáo hóa ở núi Cung Công, bèn tìm đến yết kiến. Mã Tổ thấy Sư có tướng lạ liền thọ nhận và cho vào thất thâm dạy chánh pháp.

Về sau, Sư trụ viện Trấn Quốc Hải Xương tại Diêm Quan ở Hàng Châu để hoằng hóa. Thời nhân gọi là hội Diêm Quan.

Có vị tăng đến hỏi:

- Thế nào là bản thân Phật Lô-xá-na?

Sư bảo:

- Đem cái bình đồng kia đến cho ta.

Vị tăng liền lấy tịnh bình đem lại.

Sư bảo:

- Đem để lại chỗ cũ.

Vị tăng đem bình để lại chỗ cũ rồi, bèn hỏi lại câu trước. Sư bảo:

- Phật xưa đã đi qua lâu rồi.

Đem tịnh bình lại, rồi đem trở về chỗ cũ. Kỳ vậy? Ai sáng mắt liền thấy. Như vậy cho nhớ, giấc qua rồi mới giương cung. Ngài đã chỉ rồi, vậy mà vị tăng vẫn chưa hiểu ngài nói gì, hỏi lại lần nữa nên ngài nói: *Phật xưa đã đi qua lâu rồi.*

Có vị giảng sư đến tham vấn. Sư hỏi:

- Tọa chủ chứa chất sự nghiệp gì?

Giảng sư đáp:

- Giảng kinh Hoa Nghiêm.

- Có mấy thứ pháp giới?

- Nói rộng thì có lớp lớp không cùng, nói lược có bốn thứ pháp giới.

Sư dựng đứng cây phất tử hỏi:

- Cái này là pháp giới thứ mấy?

Giảng sư trầm ngâm lựa lời để đáp. Sư bảo:

- Suy mà biết, nghĩ mà hiểu là kế sống nhà quý, ngọn đèn côi dưới trời quả nhiên mất chiếu.

Ngon đèn côi dưới trời tức là ngoài trời sáng mà thấp ngọn đèn nhỏ, không sáng nổi. Như nói thao thao bất tuyệt mà rốt cuộc sự thật lại không nhận ra. Cho nên chúng ta học cũng giống hệt như vậy, học đạo thông hiểu danh từ lâu lâu, sự thật lại không biết.

Có vị tăng hỏi Đại Mai (Pháp Thường): “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ qua?” Đại Mai đáp: “Tổ sư từ Ấn Độ qua không ý.” Sư nghe câu chuyện này bèn nói:

- Một cái quan tài, hai cái tử thi.

Như vậy là khen hay chê? Là chê. Tại vì người ta nói hớ rồi mình bắt chước nói theo. Chỗ sống này không thể nói có nói không. Ngài lờ nói cái *không ý*. Chúng ta nghe dễ chết trên ngôn ngữ, thành ra một quan tài mà hai cái tử thi là như vậy.

Sư gọi thị giả:

- Đem cái quạt tê ngư lại đây.

Thị giả thưa:

- Rách rồi.

- Quạt đã rách, trả con tê ngư lại cho ta!

Thị giả không đáp được.

Cũng như bây giờ nói: Đem quạt lông công lại cho ta. Trả lời: Dạ, rách rồi! - Đem con công lại cho ta! Thị giả bí không trả lời được.

Một hôm Sư bảo chúng:

- Hư không là trống, Tu-di là dùi, người nào đánh được?

Chúng đều không đáp được.

Núi Tu-di là cái dùi, hư không là cái trống, ai cầm dùi đánh cái trống đó được? Vì không đánh được nên không ai vào nổi chỗ đó.

Có thiền sư Pháp Không đến thưa hỏi những nghĩa lý trong Kinh, mỗi mỗi Sư đáp xong. Sư bèn bảo:

- Từ Thiền sư lại đến giờ, bản đạo thầy đều không được làm chủ nhân.

Pháp Không thưa:

- Thỉnh Hòa thượng làm chủ nhân lại.

Sư bảo:

- Ngày nay tối rồi hãy về chỗ cũ nghỉ ngơi, đợi sáng mai sẽ đến.

Sáng sớm hôm sau, Sư sai Sa-di đi mời thiền sư Pháp Không. Pháp Không đến, Sư nhìn Sa-di bảo:

- Bậy! Ông Sa-di này không hiểu việc, dạy mời thiền sư Pháp Không, lại mời cái người giữ nhà đến!

Pháp Không chẳng đáp được.

Từ Thiền sư lại đến giờ, bản đạo thầy đều không được làm chủ nhân. Nãy giờ nói chuyện với ông, ta mất quyền làm chủ rồi.

Người tên là Pháp Không mà chưa Không thì chỉ là kẻ giữ nhà thôi. Chỗ này ngài Pháp Không căn cơ lạnh lợi thì đối đáp được. Đằng này ông chịu luôn, quả nhiên là người giữ nhà, chưa phải là thiền sư Pháp Không.

Viện chủ Pháp Hân đến tham vấn. Sư hỏi:

- Ông là ai?

- Pháp Hân.

- Tôi không biết ông.

Pháp Hân không đáp được.

Các vị thiền sư thời xưa thường có nhiều câu hỏi lạ đời. Ai nhận được liền nhận, không nhận được đành ra đi.

**Sau, Sư không bệnh ngồi an nhiên thị tịch.
Vua sắc phong hiệu Ngộ Không thiền sư.**



CƯ SĨ BÀNG UẨN

Ông người huyện Hành Dương, Hành Châu, tự là Đạo Huyền, gia thế chuyên nghiệp Nho, đời sống rất thanh đạm, hiểu ngộ ít phần trần lao, quyết chí cầu giải thoát.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785), ông đến yết kiến hòa thượng Thạch Đầu, hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Thạch Đầu lấy tay bịt miệng ông, bỗng nhiên ông tỉnh ngộ.

Một hôm Thạch Đầu hỏi:

- Từ ngày ông thấy lão tăng đến nay hằng ngày ông làm việc gì?

Ông thưa:

- Nếu hỏi việc làm hằng ngày tức không có chỗ mở miệng.

Ông liên trình một bài kệ:

*Nhật dụng sự vô biệt
 Duy ngô tự ngẫu hài
 Đâu đâu phi thủ xả
 Xứ xứ vật trượng quai
 Châu tử thù vi hiệu
 Khâu sơn tuyệt điểm ai
 Thân thông tịnh diệu dụng
 Vận thủy cập ban sai.*

Dịch:

Hằng ngày không việc khác,
 Chỉ tôi tự biết hay.
 Vật vật chẳng bỏ lấy,
 Chỗ chỗ nào trái bày.
 Quan tước mặc ai gọi,
 Núi gò bật trần ai.
 Thân thông cùng diệu dụng,
 Gánh nước bữa củ tài.

Thạch Đầu hứa khả, bảo:

- Ông làm cư sĩ hay làm người xuất gia?

Ông thưa:

- Xin cho con theo sở nguyện không cạo tóc xuất gia.

Ông đến tham vấn Mã Tổ, hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Mã Tổ bảo:

- Đợi ông một hộp cạn hết nước Tây Giang, ta sẽ nói với ông.

Ngay câu nói này, ông ngộ được huyền chỉ. Ông dừng ở chỗ Mã Tổ hai năm.

Ông người huyện Hành Dương, Hành Châu, tự là Đạo Huyền, gia thế chuyên nghiệp Nho, đời sống rất thanh đạm, hiểu ngộ ít phần trần lao, quyết chí cầu giải thoát.

Cư sĩ Bàng Uẩn là đệ tử của Mã Tổ. Chúng ta đọc sách thường thấy câu: *In như thiên định họ Bàng thuở xưa*. Họ Bàng là Bàng Uẩn.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785), ông đến yết kiến hòa thượng Thạch Đầu, hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Thạch Đầu lấy tay bịt miệng ông, bỗng nhiên ông tỉnh ngộ.

Cách khai thị của ngài Thạch Đầu thật khéo. *Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?* Bị bịt miệng, ngài liền thấy người không cùng muôn pháp làm bạn.

Một hôm Thạch Đầu hỏi:

- Từ ngày ông thấy lão tăng đến nay hằng ngày ông làm việc gì?

Ông thưa:

- Nếu hỏi việc làm hằng ngày tức không có chỗ mở miệng.

Ông liền trình một bài kệ:

*Nhật dụng sự vô biệt
Duy ngô tự ngẫu hài
Đầu đầu phi thủ xả
Xứ xứ vật trượng quai
Châu tử thù vi hiệu
Khâu sơn tuyệt điểm ai
Thần thông tịnh diệu dụng
Vận thủy cập ban sai.*

Dịch:

*Hằng ngày không việc khác,
Chỉ tôi tự biết hay.
Vật vật chẳng bỏ lấy,
Chỗ chỗ nào trái bày.
Quan tước mặc ai gọi,
Núi gò bất trên ai.
Thần thông cùng diệu dụng,
Gánh nước bữa cử tài.*

Ngẫu hài tức là tự mình thích thôi. Không có trái, không có gì hết. Như vậy, chỗ ông thấy thì gánh nước bữa cử đều là thần thông diệu dụng. Chẳng khác bà già bán nước rót trà là thần thông diệu dụng.

Nếu có Phật tử hỏi: “Thầy tu mấy năm được thần thông chưa?” Tăng ni sẽ trình thần thông bằng cách: Tri khố nhắc nồi cơm xới ra từng bát cho mọi người dùng. Diệu dụng từ sáu căn, từ tứ oai nghi, làm việc gì biết việc đó, gọi là thần thông.

Thạch Đầu hứa khả, bảo:

- Ông làm cư sĩ hay làm người xuất gia?

Thấy ngộ đạo rồi nên hỏi bây giờ ông muốn làm cư sĩ hay là người xuất gia.

Ông thưa:

- Xin cho con theo sở nguyện không cạo tóc xuất gia.

Ông đến tham vấn Mã Tổ, hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Mã Tổ bảo:

- Đợi ông một hộp cạn hết nước Tây Giang, ta sẽ nói với ông.

Bên kia chỉ cần bụm miệng, bên đây lại bảo: *Đợi ông một hộp cạn hết nước Tây Giang, ta sẽ nói với ông.* Ý tứ của hai vị thiền sư không khác, chỉ là cách sử dụng phương tiện khác nhau mà thôi.

Ngay câu nói này, ông ngộ được huyền chỉ, dừng ở chỗ Mã Tổ hai năm.

Ngộ ở chỗ ngài Thạch Đầu và ngộ nơi Mã Tổ.

Sau khi đón ngộ, ông về nhà lấy thuyền chở của cải đem đổ xuống sông Tương. Ông chỉ cất

một cái thất nhỏ ở tu hành, có người con gái tên Linh Chiếu thường theo hầu hạ, chuyên việc chẻ tre bện sáo bán nuôi cha.

Ông có làm bài kệ:

*Hữu nam bất hôn,
Hữu nữ bất giá,
Đại gia đoàn loan đầu,
Cộng thuyết vô sanh thoại.*

Dịch:

Có con trai không cưới,
Có con gái không gả,
Cả nhà chung hội họp,
Đồng bàn lời vô sanh.

Ông nói năng lanh lợi, các nơi đều nghe tiếng. Ông thường đến các chỗ giảng kinh phát tâm tùy hỷ. Có vị sư giảng kinh Kim Cang đến chỗ “vô ngã vô nhân”. Ông bèn hỏi:

- Tọa chủ đã “vô ngã vô nhân”, vậy ai giảng ai nghe?

Tọa chủ không đáp được. Ông nói:

- Tuy tôi là người tục cũng tin biết thô thiện.

Tọa chủ hỏi:

- Theo ý Cư sĩ thế nào?

Ông bèn giải bằng bài kệ:

*Vô ngã phục vô nhân,
 Tác ma hữu sơ thân,
 Khuyển quân hữu lịch tọa,
 Bất tự trực cầu chân.
 Kim cang Bát-nhã tánh,
 Ngoại tuyệt nhất tiêm trần,
 Ngã văn tịnh tín thọ,
 Tổng thị giả danh trần.*

Dịch:

**Không ngã lại không nhân,
 Làm gì có sơ thân,
 Khuyên ông đừng ngồi mãi,
 Đâu bằng thẳng cầu chân.
 Tánh Kim Cang Bát-nhã,
 Chẳng dính một mảy trần,
 Tôi nghe và tin nhận,
 Thấy hiện bày giả danh.**

Tọa chủ nghe kệ rồi, vui vẻ khen ngợi:

- Chỗ cư sĩ đến phần nhiều các bậc lão túc đã qua.

Sau khi đón ngộ, ông về nhà lấy thuyền chở của cải đem đổ xuống sông Tương. Ông chỉ cất một cái thất nhỏ ở tu hành, có người con gái tên Linh Chiêu thường theo hầu hạ, chuyên việc chẻ tre bện sáo bán nuôi cha.

Người xưa thấu được chỗ này, không cần của cải tiền bạc gì hết, chỉ ở núi tu hành.

Ông có làm bài kệ:

*Hữu nam bất hôn,
Hữu nữ bất giá,
Đại gia đoàn loạn đầu,
Cộng thuyết vô sanh thoại.*

Dịch:

*Có con trai không cưới,
Có con gái không gả,
Cả nhà chung hội họp,
Đồng bàn lời vô sanh.*

Trong nhà chỉ bàn lời vô sanh chứ không bàn gì khác. Con trai ở nhà cày ruộng nuôi mẹ, con gái bện sáo bán nuôi cha. Cư sĩ như vậy thật hiếm thấy.

Ông nói năng lanh lợi, các nơi đều nghe tiếng. Ông thường đến các chỗ giảng kinh phát tâm tùy hỷ. Có vị sư giảng kinh Kim Cang đến chỗ “vô ngã vô nhân”. Ông bèn hỏi:

- Tọa chủ đã “vô ngã vô nhân”, vậy ai giảng ai nghe?

Tọa chủ không đáp được. Ông nói:

- Tuy tôi là người tục cũng tin biết thô thiện.

Tọa chủ hỏi:

- Theo ý Cư sĩ thế nào?

Ông bèn giải bằng bài kệ:

*Vô ngã phục vô nhân,
Tác ma hữu sơ thân,
Khuyến quân hưu lịch tọa,
Bất tự trực cầu chân.
Kim cang Bát-nhã tánh,
Ngoại tuyệt nhất tiêm trần,
Ngã văn tịnh tín thọ,
Tổng thị giả danh trần.*

Dịch:

*Không ngã lại không nhân,
Làm gì có sơ thân,
Khuyên ông đừng ngồi mãi,
Đâu bằng thẳng cầu chân.
Tánh Kim Cang Bát-nhã,
Chẳng dính một mảy trần,
Tôi nghe và tin nhận,
Thấy hiện bày giả danh.*

Người nghe là nhân, người nói là ngã. Hai cái đó đều là giả danh, không thật.

Ông đến viếng Đơn Hà, Đơn Hà làm thế chạy.

Ông nói:

- Vẫn là thế phóng thân, thế nào là thế tẩn thân?

Đơn Hà liền ngồi. Ông lấy gậy vẽ dưới đất chữ “Thất”. Đơn Hà vẽ đáp chữ “Nhất”.

Ông nói:

- Nhân bảy thấy một, thấy một quên bảy.

Đơn Hà đứng dậy đi. Ông gọi:

- Hãy ngồi nán một chút, vẫn còn câu thứ hai.

Đơn Hà bảo:

- Chỗ này nói được sao?

Ông bèn khóc ra đi.

Vẫn là thế phóng thân, thế nào là thế tần thân?
Là sư tử phóng thân hay sư tử gầm rống?

Thường thường các thiền sư muốn cười hay khóc đều được. Tại vì chỗ đó là chỗ không còn ngôn ngữ.

Một hôm ngồi trong am, ông chợt nói:

- Khó khó mười tạ dầu mè vuốt trên cây.

(Nan nan thập thạch du ma thọ thượng than.)

Bàng bà đáp:

- Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư.

(Dị dị bách thảo đầu thượng Tổ sư ý.)

Linh Chiếu tiếp:

**- Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ,
đói đến thì ăn, mệt ngủ khò.**

*(Dã bất nan, dã bất dị,
cơ lai khiết phạn khốn lai thù.)*

Cả nhà toàn nói chuyện vô sanh. Cái gì khó? Cái gì dễ? Cái gì không dễ không khó? Chính là cái vô sanh. Ví dụ trên cây vượt hết mười tạ dầu mè rồi trèo lên thì không dễ chút nào. Như mấy chú nói đừng vọng tưởng, nhưng rồi vọng tưởng cứ trôi lên sụt xuống, không yên được.

Bà an ủi: *Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư*. Tức là ý Tổ sư tràn đầy trên đầu trăm cỏ. Khó thì khó, nhưng chỗ nào cũng hiện ra cái đó. Cái đó không vắng mặt.

Cô Linh Chiếu hợp hai cái khó dễ đó bằng câu: *Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn một ngủ khò*. Đói ăn một ngủ ở đây không phải như người thế gian. Thông thường trong gia đình thế tục ba bốn người hợp lại là tính kế sinh nhai làm cái này lời, cái kia lỗ, toàn chuyện sanh tử. Gia đình họ Bàng chỉ nói chuyện vô sanh, không màng tới kế sinh nhai. Là cư sĩ mà tu được như vậy thật là hạnh phúc.

Ông ngồi hỏi Linh Chiếu:

- **Cổ nhân nói: Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư** (*Minh minh bách thảo đầu, minh minh Tổ sư ý*) là sao?

Linh Chiếu thưa:

- **Lớn lớn già già thốt ra lời nói ấy** (*Lão lão đại đại tác giá cá ngữ thoại*).

Ông hỏi:

- **Con thế nào?**

- Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư.
Ông bèn cười.

Cha con đối đáp. Câu đáp lại là câu không phân biệt, không suy nghĩ.

Ông có làm bài kệ:

*Tâm như cảnh diệt như,
Vô thật diệt vô hư.
Hữu diệt bất quản,
Vô diệt bất câu.
Bất thị hiền thánh,
Liễu sự phạm phu.
Dị phục dị,
Tức thử ngũ uẩn hữu chân trí.
Thập phương thế giới nhất thừa đồng,
Vô tướng pháp thân khởi hữu nhị.
Nhược xả phiền não nhập Bồ-đề,
Bất tri hà phương hữu Phật địa.*

Dịch:

**Tâm như cảnh cũng như,
Không thật cũng không hư,
Có cũng chẳng quản,
Không cũng chẳng gò (bó buộc).
Chẳng phải hiền thánh,
Xong việc phạm phu.**

Dễ lại dễ,
Tức năm uẩn này có chân trí.
Thế giới mười phương đồng một thừa,
Pháp thân không tướng nào có nhị.
Nếu bỏ phiền não vào Bồ-đề,
Chẳng biết nơi nào có Phật địa?

Lại có bài kệ:

*Hộ sanh tu thị sát,
Sát tận thủy an cư.
Hội đắc cá trung ý,
Thiết thuyền thủy thượng phù.*

Dịch:

Hộ sanh cần phải giết,
Giết hết mới ở yên.
Hiểu được ý trong đó,
Thuyền sắt nổi phao phao.

Ông có làm bài kệ:

*Tâm như cảnh cũng như,
Không thật cũng không hư,
Có cũng chẳng quản,
Không cũng chẳng gò.
Chẳng phải hiền thánh,
Xong việc phàm phu.*

Tức là không mắc kẹt ở hai bên. Không chấp cho là hiền thánh mà không phải phạm phu.

Dễ lại dễ,

Tức năm uẩn này có chân trí.

Thế giới mười phương đồng một thừa,

Pháp thân không tướng nào có nhị.

Nếu bỏ phiền não vào Bồ-đề,

Chẳng biết nơi nào có Phật địa?

Nếu bỏ phiền não cầu Bồ-đề là có hai. Pháp thân không có hai. Cầu như thế chừng nào mới đến được Phật địa?

Lại có bài kệ:

Hộ sanh tu thị sát,

Sát tận thủy an cư.

Hội đắc cá trung ý,

Thiết thuyền thủy thượng phù.

Dịch:

Hộ sanh cần phải giết,

Giết hết mới ở yên.

Hiểu được ý trong đó,

Thuyền sắt nổi phao phao.

Muốn bảo hộ cái không sanh tử, phải giết hết những cái sanh diệt. Vậy mới là an cư. Người nào hiểu được ý trong đó thì như thuyền sắt nổi phao trên biển.

Sắp tịch, ông bảo Linh Chiếu ra xem mặt trời đúng Ngọ vô cho ông hay. Linh Chiếu ra xem vào thưa:

- Mặt trời đã đúng Ngọ, mà có nhật thực.

Ông ra cửa xem. Linh Chiếu lên tòa của ông ngồi kiết già chấp tay thị tịch.

Ông vào xem thấy cười, nói:

- Con gái ta lanh lợi quá!

Ông bèn chậm lại bảy ngày sau.

Ông tính đi đúng Ngọ, nhưng cô Linh Chiếu lanh lợi quá, ra xem rồi vào thưa: *Mặt trời đã đúng Ngọ, mà có nhật thực.* Nghe nói có nhật thực cũng hơi lạ nên ông ra cửa xem.

Linh Chiếu lên tòa của ông ngồi kiết già chấp tay thị tịch.

Ông vào xem thấy cười, nói:

- Con gái ta lanh lợi quá!

Ông bèn chậm lại bảy ngày sau.

Con gái gạt mình đi trước, thành ra ông bèn chậm lại bảy ngày sau, lo hỏa táng con gái cho xong xuôi. Bảy ngày nữa mới tịch.

Châu mục Vu Công đến thăm bệnh ông.

Ông bảo:

- Chỉ mong các cái có đều không, dè dặt các cái không đều thật, khéo ở thế gian đều như bóng vang.

Nói xong, ông nằm gác đầu trên gối Vu Công mà thị tịch.

Tức là ngay cái có, thấy được lẽ không. Đừng chấp cái không ở ngoài cho là thật. Như cái nắm mũi kéo của ngài Trí Tạng. Khéo thấy tất cả pháp ở thế gian này như bóng vang. Đó là lời ngài nhắc Vu Công.

Tin ông tịch đưa về nhà cho bà hay. Bà nói:

- Con gái ngu si và ông già vô tri, không báo tin mà đi, sao đành vậy?

Bà ra báo tin cho con trai đang làm ngoài đồng:

- Bàng công với Linh Chiếu đi rồi con!

Người con trai đang bữa đáp:

- Dạ!

Rồi lặng thinh giây lâu bèn đứng mà tịch.

Bà nói:

- Thằng này sao ngu si lắm vậy!

Lo thiêu con xong, bà đi từ biệt thân thuộc rồi biệt tịch.

Ông Bàng Uẩn có làm thi kệ hơn ba trăm thiên còn lưu truyền ở đời.

Cả gia đình tự tại, muốn đi lúc nào là đi, không ốm đau, không cần gì hết. Sanh tử tự tại là như vậy.



ĐỜI THỨ TƯ SAU LỤC TỔ

A- PHÁI HÀNH TƯ

I- NỐI PHÁP DƯỢC SƠN DUY NGHIÊM

Có mười vị

- 1- Thiền sư Đàm Thạnh (Vân Nham)**
- 2- Thiền sư Viên Trí**
- 3- Thiền sư Đức Thành**
- 4- Thiền sư Huệ Tĩnh**
- 5- Sa-di Cao**
- 6- Thiền sư Minh Triết**
- 7- Thiền sư Quang Phục**
- 8- Thiền sư Quỳ**
- 9- Thiền sư Lạc Hà**
- 10- Thử sử Lý Cao.**

II- NỐI PHÁP ĐƠN HÀ THIÊN NHIÊN

Có bảy vị

- 1- Thiền sư Vô Học**
- 2- Thiền sư Nghĩa An**
- 3- Thiền sư Tánh Không**
- 4- Hòa thượng Bốn Đồng**
- 5- Hòa thượng Mễ Thương**

6- Thiền sư Đại Ấn

7- Thiền sư Huệ Cần.

II- NỐI PHÁP ĐẠI ĐIÊN BẢO THÔNG

Có hai vị

1- Thiền sư Nghĩa Trung

2- Hòa thượng Thự Sơn.



THIÊN SƯ VÂN NHAM ĐÀM THẠNH

(782 - 841)

Thiên sư Đàm Thanh là khai tổ tông Tào Động. Nổi pháp ngài là Động Sơn Lương Giới, nổi pháp Động Sơn là ngài Tào Sơn, lập ra tông Tào Động. Cho nên thiên sư Đàm Thanh được xem là vị tổ quan trọng trong nhà thiền.

Sư họ Vương, quê ở Kiến Xương, Chung Lăng. Lúc nhỏ, Sư xuất gia tại Thạch Môn. Ban đầu Sư đến tham học với Bá Trượng Hoài Hải ngót hai mươi năm mà chưa ngộ huyền chỉ. Bá Trượng quy tịch, Sư đến tham học với Dược Sơn Duy Nghiễm.

Dược Sơn hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Bá Trượng đến.

- Bá Trượng có ngôn cú gì để chỉ dạy đồ chúng?

- Thường ngày hay nói “Ta có một câu đầy đủ trăm vị”.

- Mặn là vị mặn, lạt là vị lạt, không mặn không lạt là vị thường, thế nào một câu đầy đủ trăm vị?

Sư không đáp được.

Dược Sơn hỏi một câu làm ngài không thấu nổi. Các thiền sư thường hỏi ở chỗ kia nghe cái gì, thấy cái gì thì lặp lại. Nhưng thật ra là để kiểm nghiệm hành giả.

Hôm khác Dược Sơn hỏi:

- Bá Trượng nói pháp gì?

Sư thưa:

- Có khi Thầy thượng đường đại chúng ngồi yên, cầm gậy đồng thời đuổi tan hết, lại gọi: “Đại chúng!” Chúng xoay đầu lại, Thầy bảo: “Ấy là gì?”

Dược Sơn bảo:

- Sao không sớm nói thế đó? Hôm nay nhân người thuật lại, ta được thấy Hải huỳnh.

Ngay câu nói ấy Sư tỉnh ngộ, lễ bái.

Ngài tỉnh cái gì? Ai thấy được chỗ ngài tỉnh? Thấy được chỗ này thì bí mật càng thêm bí mật, không dám mở miệng.

Dược Sơn hỏi:

- Ngoài chỗ Bá Trượng người còn đến đâu chăng?

Sư thưa:

- Con từng đến Quảng Nam.

- Ta nghe nói ngoài cửa thành Đông ở Quảng Châu có một tảng đá bị Châu chủ dời đi chẳng?

- Chẳng những Châu chủ, dù hạp tất cả người toàn quốc dời cũng chẳng động.

- Ta nghe người biết làm sư tử múa phải chẳng?

- Phải.

- Múa được mấy suất?

- Múa được sáu suất.

- Ta cũng múa được.

- Hòa thượng múa được mấy suất?

- Ta múa được một suất.

- Một tức sáu, sáu tức một.

Dược Sơn hỏi:

- Ngoài chỗ Bá Trượng người còn đến đâu chẳng?

Sư thưa:

- Con từng đến Quảng Nam.

- Ta nghe nói ngoài cửa thành Đông ở Quảng Châu có một tảng đá bị Châu chủ dời đi chẳng?

- Chẳng những Châu chủ, dù hạp tất cả người toàn quốc dời cũng chẳng động.

Tảng đá của thành Đông ở Quảng Châu, hay tảng đá của ngài Vân Nham. Nghe nói tảng đá đó thì ngài

biết liền. Người xưa không nói thẳng mà nói bóng nói gió. Chuyện như trên trời dưới đất nhưng để chỉ dạy người tu hành.

- *Ta nghe người biết làm sư tử múa phải chăng?*

- *Phải.*

- *Múa được mấy suất?*

- *Múa được sáu suất.*

- *Ta cũng múa được.*

- *Hòa thượng múa được mấy suất?*

- *Ta múa được một suất.*

- *Một tức sáu, sáu tức một.*

Chúng ta làm sư tử múa được chăng? Suất một, suất hai là suất gì? Được mấy suất chân thật? Ở đây dùng hình ảnh sư tử để nói lên chỗ hoạt dụng tự tại ngay nơi sáu căn của người đã làm chủ được rồi. Sống tự tại thì ngay nơi sáu căn mà vào, nên nói *một tức sáu, sáu tức một*.

Chúng ta đọc kinh Lăng-nghiêm sẽ thấy lục hòa hợp. Người xưa không nói đạo lý, nhưng không rời kinh điển. Chúng ta bây giờ đạo lý tràn trề mà không hợp kinh điển.

Sư đến Quy Sơn Linh Hựu. Quy Sơn hỏi:

- Nghe Trưởng lão ở Dược Sơn làm sư tử múa phải chăng?

- **Phải.**
- **Thường múa hay có khi nghỉ?**
- **Cần múa thì múa, cần nghỉ thì nghỉ.**
- **Khi nghỉ sư tử ở chỗ nào?**
- **Nghỉ, nghỉ.**

Cần múa thì múa, cần nghỉ thì nghỉ. Như vậy là tự tại.

Hỏi *khi nghỉ sư tử ở chỗ nào?* Sư tử đâu có chỗ nơi, nếu nói ở trong hang hay là nói ở chỗ nào đều là bệnh, cho nên đáp: *Nghỉ, nghỉ.* Người xưa đã thông được chỗ đó, nên những câu nói đùa thật đạo vị.

Sư nấu trà. Đạo Ngô hỏi:

- **Nấu trà cho ai?**

Sư đáp:

- **Có một người cần.**
- **Sao không dạy y tự nấu?**
- **Nay có tôi ở đây.**

Như vậy để thấy rõ rằng, ông chủ lúc nào cũng có mặt, cần thì nấu. Lối nói chơi tràn đầy đạo lý.

Thạch Sương Khánh Chư đến. Sư hỏi:

- **Ở đâu đến?**

Thạch Sương thưa:

- **Quy Sơn đến.**
- **Ở trong ấy bao lâu?**

- Vừa trải một Đông một Hạ.
- Như thế tức là ở ẩn?
- Tuy ở trong đó mà chẳng biết.
- Người khác cũng chẳng hiểu chẳng biết.

Thạch Sương không đáp được.

Vừa trải một đông một hạ là còn mắc kẹt thời gian. Ngài đẩy tới: Như thế tức là ở ẩn? Thạch Sương liền đảo lại: Tuy ở trong đó mà chẳng biết.

- *Người khác cũng chẳng hiểu chẳng biết.*

Thạch Sương không đáp được.

Lời nói bậc tác gia nhắm vào bệnh của người để nhỏ đĩnh tháo chốt cho hết điên đảo trần cấu.

Sau, Sư trụ trì núi Vân Nam huyện Du, Đàm Châu. Một hôm Sư bảo chúng:

- Có đứa trẻ nhà kia, hỏi đến không có gì nói chẳng được.

Động Sơn Lương Giới hỏi:

- Trong nhà ấy có bao nhiêu kinh sách?
- Một chữ cũng không.
- Sao biết được nhiều thế?
- Ngày đêm chưa từng ngủ.
- Hỏi một việc lại được chẳng?
- Nói được lại chẳng nói.

Hỏi đến không có gì nói chẳng được. Đứa trẻ thông minh quá!

Động Sơn Lương Giới hỏi:

- *Trong nhà ấy có bao nhiêu kinh sách?*
- *Một chữ cũng không.*
- *Sao biết được nhiều thế?*

Một chữ cũng không, sao biết nhiều vậy?

- *Ngày đêm chưa từng ngủ.*

Bởi vì ngày đêm chưa từng ngủ nên hỏi gì, nói gì cũng được hết.

- *Hỏi một việc lại được chẳng?*
- *Nói được lại chẳng nói.*

Tới đó nói được mà không nói, đứa trẻ đó là con nhà ai mà khôn quá vậy? Chúng ta có được đứa trẻ đó không? Nếu có, hãy ráng nuôi nó.

Sư hỏi vị tăng:

- **Ở đâu đến?**

Tăng thưa:

- **Thêm hương rồi đến.**
- **Thấy Phật chẳng?**
- **Thấy.**
- **Thấy ở đâu?**
- **Thấy ở hạ giới.**
- **Phật xưa! Phật xưa!**

Sư hỏi vị tăng: Ở đâu đến?

Tăng thưa: Thêm hương rồi đến.

Thêm hương tức là cúng dường. Cúng dường ở đây giống như ngài Hoài Hải gặp Mã Tổ hỏi “Ngay bây giờ nên làm gì?” Ngài nói “Nên cúng dường”.

- Thấy Phật chăng?

- Thấy.

- Thấy ở đâu?

- Thấy ở hạ giới.

- Phật xưa! Phật xưa!

Nếu thấy Phật ở hạ giới là Phật xưa, không phải Phật bây giờ. Cho nên nói như vậy liền bị ngài quở. Chúng ta công phu gần tới đó, có hơi hé mắt một chút thì câu nói của các ngài, chúng ta cũng hiểu được. Nếu không hé mắt thì mấy câu này coi như đùa chơi.

Đạo Ngô hỏi:

- Đại Bi ngàn tay mắt, mắt nào là mắt chánh?

Sư bảo:

- Như người ban đêm với tay lại sau mò chiếc gối.

- Tôi hội rồi.

- Hội thế nào?

- Khắp thân là tay mắt.

- Nói tốt cùng lời nói, chỉ nói được tám phần.

- Sư huynh thế nào?

- Toàn thân là tay mắt.

Đạo Ngô hỏi:

- Đại Bi ngàn tay ngàn mắt, mắt nào là mắt chánh?

Sư bảo:

- Như người ban đêm với tay lại sau mò chiếc gối.

Đại Bi là đức Quán Thế Âm Đại Bi Thiên Thủ Thiên Nhân ngàn tay ngàn mắt. Lại hỏi *mắt nào là mắt chánh?* Ngài đáp: *Như người ban đêm với tay lại sau mò cái gối.* Lúc đó, biết cái gối chỗ nào, thấy hay không thấy? Tay không có mắt, sao vẫn lấy được?

- Tôi hội rồi.

- Hội thế nào?

- Khắp thân là tay mắt.

Nói hay vô cùng! Nhưng người xưa ít chấp nhận ngôn ngữ nói thật, nên ngài nói tiếp:

- Nói tột cùng lời nói, chỉ nói được tám phần.

- Sư huynh thế nào?

- Toàn thân là tay mắt.

Đây là nghệ thuật của các vị thiền sư. Nói tới chỗ sống này, các ngài khéo lạ đời. Như vậy mới thấy cái hay của nhà thiền.

Sư ngồi bện giày cỏ, Động Sơn Lương Giới đến trước thưa:

- Xin Thầy trông mắt được chăng?

Sư bảo:

- Của người cho ai rồi?

- Lương Giới không.

- Giả sử có, người nhằm để chỗ nào?

Lương Giới không đáp được.

Sư bảo:

- Xin trông mắt là mắt chăng?

- Chẳng phải mắt.

Sư nạt đuổi ra.

Sư ngồi bên giày cỏ, Động Sơn Lương Giới đến trước thưa:

- Xin Thầy trông mắt được chăng?

Học trò dám xin trông mắt của thầy.

Sư bảo:

- Của người cho ai rồi?

- Lương Giới không.

Trông mắt của mình là cái ai cũng có, cho nên đệ tử hỏi xin, ngài hỏi ngược lại: Cái đó của người cho ai rồi? Động Sơn đáp: *Lương Giới không*. Là không cho ai hết, hay không có để cho. Ngài hỏi tiếp:

- Giả sử có, người nhằm để chỗ nào?

Lương Giới không đáp được.

Sư bảo:

- *Xin tròng mắt là mắt chẳng?*

- *Chẳng phải mắt.*

Sư nạt đuối ra.

Xin tròng mắt đó là nói đến con mắt thật. Đáp: *Chẳng phải mắt*, là chưa lãnh hội nổi ý của thầy.

Tăng hỏi:

- **Khi một niệm chợt khởi liền rơi vào ma giới, là thế nào?**

Sư bảo:

- **Người nhân đâu từ Phật giới đến?**

Tăng không đáp được. Sư hỏi:

- **Hội chẳng?**

- **Chẳng hội.**

- **Chớ bảo hội chẳng được, giả sử hội được cũng chỉ là bên trái bên phải.**

Tăng hỏi: Khi một niệm chợt khởi liền rơi vào ma giới, là thế nào?

Sư bảo: Người nhân đâu từ Phật giới đến?

Tăng không đáp được.

Đúng là con cháu Lục Tổ. Người ta hỏi ma giới thì lấy Phật giới đáp.

Sư hỏi: Hội chẳng?

- Chẳng hội.

- Chớ bảo hội chẳng được, giả sử hội được cũng chỉ là bên trái bên phải.

Nếu thấy hội và không hội, là bên trái bên phải, chưa phải chỗ cứu cánh.

Đời Đường niên hiệu Hội Xương năm đầu (841), tháng mười ngày hai mươi sáu, Sư có chút ít bệnh, tắm gội xong, kêu Chủ sự bảo:

- Sắm sửa trai, ngày mai có Thượng tọa đi.

Đến tối đêm hai mươi bảy, Sư quy tịch, thọ 60 tuổi. Trà-tỳ được xá-lợi rất nhiều.

Niên hiệu Hội Xương (841-846) là những năm Phật giáo ở Trung Hoa gặp pháp nạn, còn gọi là pháp nạn Hội Xương.



THIÊN SƯ ĐẠO NGÔ VIÊN TRÍ⁽³⁾

(769 - 835)

Sư họ Trương, quê ở Hải Hôn, Dự Chương. Lúc nhỏ, Sư theo hòa thượng Bàn xuất gia và thọ giới. Sau, Sư đến pháp hội Dược Sơn thâm được tâm ấn.

Một hôm Dược Sơn hỏi Sư:

- Người đi đâu về?

Sư thưa:

- Đi dạo núi về.

Dược Sơn bảo:

- Chẳng rời thất này, nói mau! Nói mau!

Sư thưa:

**- Trên núi quạ trắng đầu tợ tuyết,
Đáy khe cá lội bận chẳng ngừng.**

⁽³⁾ Trong Truyền Đăng Lục ghi là Viên Trí, trong Chỉ Nguyệt Lục ghi là Tông Trí.

*(Sơn thượng ô nhi đầu tự tuyết,
Giản để du ngư mang bất triệt.)*



Sư cùng Đàm Thanh đứng hầu Dược Sơn. Dược Sơn bảo:

- Chỗ trí chẳng nghĩ đến, tới kỳ nói tới, nói tới tức đầu mọc sừng, Trí đầu-đà (chỉ Sư) hiểu thế nào?

Sư liền đi ra.

Đàm Thanh hỏi Dược Sơn:

- Sư huynh Trí vì sao không đáp lời Hòa thượng?

Dược Sơn bảo:

- Hôm nay ta đau lưng, y đã hội, người hỏi lấy y.

Đàm Thanh đến hỏi Sư:

- Vừa rồi vì sao sư huynh không đáp lời Hòa thượng?

Sư bảo:

- Huynh đến hỏi Hòa thượng đi.

Sư cùng Đàm Thanh đứng hầu Dược Sơn. Dược Sơn bảo:

- Chỗ trí chẳng nghĩ đến, tới kỳ nói tới, nói tới tức đầu mọc sừng, Trí đầu-đà (chỉ Sư) hiểu thế nào?

Sư liền đi ra. Đàm Thanh hỏi Dược Sơn:

- *Sư huynh Trí vì sao không đáp lời Hòa thượng?*

Đáp chưa? Đáp rồi. Ngài Đàm Thanh lúc này cũng còn nghèo “chỗ sống” nên mới hỏi *sao không đáp lời Hòa thượng?*

Dược Sơn bảo:

- *Hôm nay ta đau lưng, y đã hỏi, người hỏi lấy y.*

Đàm Thanh đến hỏi Sư:

- *Vừa rồi vì sao sư huynh không đáp lời Hòa thượng?*

Sư bảo:

- *Huynh đến hỏi Hòa thượng đi.*

Chuyện thầy trò đã xong nhưng người bên ngoài thì không hiểu. Bởi vì chưa sống được chỗ đó.

Quy Sơn Linh Hựu hỏi Vân Nham Đàm Thanh:

- **Bồ-đề lấy gì làm tòa?**

Đàm Thanh đáp:

- **Lấy vô vi làm tòa.**

Đàm Thanh lại hỏi Linh Hựu câu ấy. Linh Hựu đáp:

- **Lấy các pháp không làm tòa.**

Linh Hựu lại đem câu ấy hỏi Sư. Sư đáp:

- **Ngồi thì cho y ngồi, nằm thì cho y nằm. Có một người chẳng ngồi chẳng nằm, hãy nói mau! Nói mau!**

Quy Sơn Linh Hựu hỏi Vân Nham Đàm Thanh:

- Bồ-đề lấy gì làm tòa?

Đàm Thanh đáp:

- Lấy vô vi làm tòa.

Đó là ngôn ngữ trong kinh, các ngài trích ra để dạy người.

Đàm Thanh lại hỏi Linh Hựu câu ấy. Linh Hựu đáp:

- Lấy các pháp không làm tòa.

Linh Hựu lại đem câu ấy hỏi Sư. Sư đáp:

- Ngồi thì cho y ngồi, nằm thì cho y nằm. Có một người chẳng ngồi chẳng nằm, hãy nói mau! Nói mau!

Người dùng từ Bồ-đề, người dùng vô vi, người dùng pháp không. Ngài không hài lòng, chỉ nói: *Ngồi thì cho y ngồi, nằm thì cho y nằm. Có một người chẳng ngồi chẳng nằm, hãy nói mau!* Ngài đã vượt lên, không mắc kẹt ngôn ngữ văn tự nữa.

Linh Hựu hỏi Sư:

- Ở đâu đến?

Sư đáp:

- Khán bệnh đến.

- Có bao nhiêu người bệnh?

- Có người bệnh, có người chẳng bệnh.

- Có người không bệnh đâu không phải Trí đầu-dà?

- Bệnh cùng chẳng bệnh đều không can hệ việc đó. Nói mau! Nói mau!

Linh Hựu hỏi Sư:

- Ở đâu đến?

Sư đáp:

- Khán bệnh đến.

- Có bao nhiêu người bệnh?

- Có người bệnh, có người chẳng bệnh.

Nếu hỏi mình, mình sẽ trả lời: “Trong chùa này có năm, bảy người bệnh...” Nhưng các thiền sư hỏi là vượt lên tình thức, đi qua ý khác rồi. Cho nên đáp *có người bệnh, có người chẳng bệnh.*

- Có người không bệnh đâu không phải Trí đầu-đà?

- Bệnh cùng chẳng bệnh đều không can hệ việc đó. Nói mau! Nói mau!

Ở trên ngài đã thoát được hai bên, nhưng khi nói đến người không bệnh thì ngài liền thoát ra một lần nữa: *Bệnh cùng không bệnh không can hệ việc đó. Nói mau! Nói mau!* Chúng ta đã nắm được việc đó là việc của ai chưa?

Thấy Đàm Thanh bệnh, Sư hỏi:

- Lìa cái vỏ lũng này đến chỗ nào thấy nhau?

- Đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt thấy nhau.

- Sao không nói chỗ phi chẳng sanh chẳng diệt, cũng chẳng cầu thấy nhau.

Thấy Đàm Thanh bệnh, Sư hỏi:

- Lìa cái vỏ lũng này đến chỗ nào thấy nhau?

Cái vỏ lũng là thân tứ đại, mỗi ngày chúng ta dồn rác vào đó. Sáng dồn mớ rác vô, chiều dồn mớ rác vô, vậy mà cho là cuộc sống hoàn hảo. Dồn vào nó lại rớt ra, chứa không được, dồn hoài không đầy, cho nên các ngài dùng từ vỏ lũng.

- Đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt thấy nhau.

Quá hay! Nghĩa là chúng ta sẽ gặp nhau ở chỗ không sanh không diệt.

- Sao không nói chỗ phi chẳng sanh chẳng diệt, cũng chẳng cầu thấy nhau.

Thoát khỏi sanh diệt rồi thì không cần thấy nhau nữa, vì còn cầu thấy là còn bệnh. Chỗ sống của ngài thể hiện trên mỗi câu đáp, vượt ngoài tình thức đối đãi thông thường.

Đàm Thanh vá lại đôi giày cỏ, Sư thấy hỏi:

- Làm gì?

- Dem bại hoại vá bại hoại.

- Sao không nói tức bại hoại phi bại hoại.

Đàm Thanh vá lại đôi giày cỏ, Sư thấy hỏi:

- Làm gì?

- Dem bại hoại vá bại hoại.

Đạo lý như vậy mà ngài không chịu:

- *Sao không nói tức bại hoại phi bại hoại.*

Chính ngay cái bại hoại đó có cái không bại hoại. Ở trên một câu, ở dưới một câu, ngài sửa từng câu một, nhằm phá chấp ngã của người sau.

Sau, Sư đến núi Đạo Ngô an trụ ở đây, tăng chúng đến tham vấn rất đông.

Có vị tăng hỏi:

- **Thế nào là chỗ đắc lực hiện giờ?**

Sư đáp:

- **Ngàn muôn người gọi mà chẳng xoay đầu, mới có ít phần tương ứng.**

- **Chợt gặp lửa cháy thì sao?**

- **Đốt cả quả đất.**

Sư hỏi lại vị tăng ấy:

- **Đẹp than và lửa, cái gì là lửa?**

- **Chẳng phải lửa.**

Có vị tăng hỏi:

- *Thế nào là chỗ đắc lực hiện giờ?*

Sư đáp:

- *Ngàn muôn người gọi mà chẳng xoay đầu, mới có ít phần tương ứng.*

Người tu đắc lực rồi thì bao nhiêu cảnh bên ngoài hiện lên mà tâm không động, đó mới là tương ứng. Nếu tâm hơi lay động là biết người đó chưa sống được.

- *Chợt gặp lửa cháy thì sao?*

- *Đốt cả quả đất.*

Sư hỏi lại vị tăng ấy:

- *Đẹp than và lửa, cái gì là lửa?*

- *Chẳng phải lửa.*

Như vậy là vị tăng này đã khéo sống.

Thạch Sưong Khánh Chư hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi việc cùng tột, làm sao nói với họ?

Sư gọi:

- Sa-di!

Sa-di đáp:

- Dạ!

Sư bảo:

- Thêm nước trong tịnh bình.

Giây lâu, Sư hỏi lại Khánh Chư:

- Vừa rồi hỏi gì?

Khánh Chư lặp lại câu hỏi trước.

Sư đứng dậy đi.

Thạch Sưong Khánh Chư hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi việc cùng tột, làm sao nói với họ?

Sư gọi: - Sa-di!

Sa-di đáp: - Dạ!

Sư bảo: - Thêm nước trong tịnh bình.

Ngài đã đáp câu hỏi, vậy mà ngài Khánh Chư lúc này còn trầm tư chờ nghe câu đáp.

Giây lâu, Sư hỏi lại Khánh Chư:

- Vừa rồi hỏi gì?

Khánh Chư lặp lại câu hỏi trước.

Sư đứng dậy đi.

Là xong. Ta đã nói rồi, ông còn ngồi đó chờ cái gì?
- *Sa di! - Dạ. - Thêm nước trong tịnh bình.* Pháp tộ cùng ngàn xưa muốn chỉ cho người là như vậy. Pháp đó không có hình tướng nên không thể phơi bày ra được. Chỉ trong cái thâm lặng, thầy kêu trò dạ, rồi thêm nước trong tịnh bình là đủ rồi.

Hôm khác Khánh Chư hỏi:

- Một mảnh xương của Hòa thượng gõ in tiếng đồng, đi về chỗ nào?

Sư gọi:

- Thị giả!

Thị giả đáp:

- Dạ!

Sư bảo:

- Năm lửa đi.

Hỏi đến mảnh xương tức là hỏi đến cái cốt tủy, chỗ sống chân thật của Hòa thượng sau này đi về chỗ nào? Ngài kêu thị giả: *Thị giả! Thị giả: Dạ!* Ngài bảo: *Năm nữa đi. Đi về chỗ đó.*

Sư mắc bệnh, Tăng chúng đến thăm hỏi.

Sư bảo:

**- Có nhận chẳng đền, các người biết nó chẳng?
Chúng đều buồn thảm.**

Sư bảo:

- Ta sẽ đi xa bên tây, lý không rời bên đông.

Đến ngày mừng mười tháng chín niên hiệu Thái Hòa năm thứ chín (835) đời Đường, Sư quy tịch, thọ 67 tuổi. Vua sắc ban là Tu Nhất đại sư, tháp hiệu Bảo Tướng.

Sư mắc bệnh, Tăng chúng đến thăm hỏi.

Sư bảo:

*- Có nhận chẳng đền, các người biết nó chẳng?
Chúng đều buồn thảm.*

Tại sao nghe câu đó mà buồn thảm? Có nhận tức là có thọ, có thọ mà chẳng đền đáp. Lời ngài trần trối nên chúng buồn thảm.

Sư bảo:

- Ta sẽ đi xa bên tây, lý không rời bên đông.

Thể xác tuy không có mặt trên dương thế nhưng tâm thể ấy không rời dương thế.

Đến ngày mừng mười tháng chín niên hiệu Thái Hòa năm thứ chín (835) đời Đường, Sư quy tịch, thọ 67 tuổi. Vua sắc ban là Tu Nhất đại sư, tháp hiệu Bảo Tướng.



THIÊN SƯ ĐỨC THÀNH (HOA ĐÌNH THUYỀN TỬ)

Sư người tiết tháo tuyệt vời, độ lượng xuất chúng. Nơi Dục Sơn, Sư được tâm ấn, cùng Đàm Thanh, Viên Trí là bạn đồng học thâm giao.

Khi rời Dục Sơn, Sư bảo hai bạn:

- Hai huynh mỗi người sẽ ở một nơi để dựng lập tông chỉ Dục Sơn, riêng tôi tánh tình quê mùa, chỉ ưa sơn thủy làm vui thú, không có tài năng. Ngày sau, hai huynh biết tôi dừng ở đâu, có gặp vị Tọa chủ nào lanh lợi mách cho một người đến, nếu kham chỉ bảo tôi sẽ đem chỗ bình sinh thọ nhận trao lại, gọi là đền đáp ơn của Tiên sư.

Chia tay nhau, Sư đi đến Tú Châu nơi sông Ngô, bến Hoa Đình, sắm một chiếc thuyền nhỏ tiếp chúng bốn phương qua lại, tùy duyên độ nhật. Người thời ấy không biết tung tích Sư, bèn gọi Sư là Thuyền Tử hòa thượng.

Sư người tiết tháo tuyệt vời, độ lượng xuất chúng. Nơi Dược Sơn, Sư được tâm ấn, cùng Đàm Thanh, Viên Trí là bạn đồng học thâm giao.

Thiền sư Hoa Đình Thuyền Tử rất đặc biệt. Ngài không ở chùa, không khai hội nói pháp mà lái đò ngang dọc dạo chơi. Tuy vậy, ngài là người tiết tháo tuyệt vời, độ lượng xuất chúng, sống trong chúng ai cũng kính nể.

Khi rời Dược Sơn, Sư bảo hai bạn:

- Hai huynh mỗi người sẽ ở một nơi để dựng lập tông chỉ Dược Sơn, riêng tôi tánh tình quê mùa, chỉ ưa sơn thủy làm vui thú, không có tài năng. Ngày sau, hai huynh biết tôi dừng ở đâu, có gặp vị Tọa chủ nào lạnh lợi mách cho một người đến, nếu kham chỉ bảo tôi sẽ đem chỗ bình sinh thọ nhận trao lại, gọi là đền đáp ơn của Tiên sư.

Người xưa tùy duyên giáo hóa, không ham đệ tử nhiều, dạy một người để kế thừa là đủ đền ơn thầy, không tính toán gì hết.

Chia tay nhau, Sư đi đến Tú Châu nơi sông Ngô, bến Hoa Đình, sắm một chiếc thuyền nhỏ tiếp chúng bốn phương qua lại, tùy duyên độ nhật. Người thời ấy không biết tung tích Sư, bèn gọi Sư là Thuyền Tử hòa thượng.

Hoa Đình ở Tú Châu. Thuyền Tử tức là người sống ở dưới thuyền. Tới đó thấy sơn thủy hợp, ngài dừng lại đưa đò để lấy tiền sinh sống, không nói chuyện tu hành, cũng không nói chuyện giáo hóa.

Một hôm, thuyền đậu bên bờ, Sư ngồi rảnh rang, có vị quan hỏi:

- Thế nào là việc hằng ngày của Hòa thượng?

Sư dựng đứng cây chèo bảo:

- Hội chăng?

Vị quan thưa:

- Không hội.

Sư bảo:

- Chèo tạt sóng xanh, cá vàng ít gặp. (Trạo bát thanh ba, kim lân hãn ngộ.)

Quan hỏi việc hằng ngày, Sư đưa cây chèo lên, việc hằng ngày của tôi đó. Quan không hiểu. Vì chờ người ngộ được cũng khó như gặp được cá vảy vàng ánh kim quý hiếm.

Sau này, thiền sư Viên Trí có dịp đi đến Kinh Khẩu, gặp lúc thiền sư Thiện Hội thượng đường. Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là pháp thân?

Thiện Hội đáp:

- Pháp thân không tướng.

Tăng hỏi:

- Thế nào là pháp nhãn?

Thiện Hội đáp:

- Pháp nhãn không vết.

Viên Trí bất chợt phát cười.

Thiền Hội xuống tòa, hỏi Viên Trí:

- Tôi vừa đáp câu hỏi của Tăng, chắc có chỗ không đúng khiến Thượng tọa phát cười, xin Thượng tọa từ bi chỉ dạy.

Viên Trí bảo:

- Hòa thượng nhất đẳng là đúng, về xuất thế thì chưa có thầy.

Thiền Hội thưa:

- Chỗ nào tôi không đúng, mong Thượng tọa vì nói để phá.

- Tôi hoàn toàn không nói, mời Hòa thượng đi đến chỗ Hoa Đình Thuyền Tử.

- Người ấy như thế nào?

- Người ấy trên không có miếng ngồi, dưới không có mũi dùi. Hòa thượng muốn đi xin đổi y phục mà đến.

Thiền Hội bèn giải tán chúng, sửa sang hành lý, đi thẳng đến Hoa Đình Thuyền Tử.

Tăng hỏi: Thế nào là pháp thân?

Thiền Hội đáp: Pháp thân không tướng.

Tăng hỏi: Thế nào là pháp nhãn?

Thiền Hội đáp: Pháp nhãn không vết.

Viên Trí bất chợt phát cười.

Pháp thân không tướng, pháp nhãn không tỳ không vết. Đáp rất đúng. Hỏi đâu đáp đó mà cười, ông già kỳ cục!

Ngài Thiện Hội lanh lợi vô cùng, hiểu Phật pháp rất sâu, nhưng đáp như vậy bị cười. Nếu có ai lại hỏi chúng ta: “Thế nào là Bồ-đề?” Đáp: “Bồ-đề là giác.” Lúc đó nếu có một vị thiền sư ở bên cạnh, chắc ngài cũng bật cười.

Thiện Hội xuống tòa, hỏi Viên Trí:

- Tôi vừa đáp câu hỏi của Tăng, chắc có chỗ không đúng khiến Thượng tọa phát cười, xin Thượng tọa từ bi chỉ dạy.

Lẽ thường, Hòa thượng dạy chúng mà thấy người khác cười chắc chắn nổi giận rồi đuổi người ta ra khỏi nhà liền. Nhưng ngài Thiện Hội là người khiêm tốn, nên mới thỉnh ngài Viên Trí từ bi chỉ dạy. Ngài Thiện Hội lúc này là Hòa thượng, Viên Trí là Thượng tọa, nhưng ngài Thiện Hội thật tâm cầu pháp nên hành xử rất hay.

Viên Trí bảo:

- Hòa thượng nhất đẳng là đúng, về xuất thế thì chưa có thầy.

Nhất đẳng tức là bậc học giỏi, thấu hiểu kinh điển nhưng về xuất thế thì chưa có thầy. Thiền sư thấy được chỗ đó rồi thì nghe người ta nói liền biết đó là hạng nào, biết rõ ràng không nghi.

Thiện Hội thưa:

- *Chỗ nào tôi không đúng, mong Thượng tọa vì nói để phá.*

- *Tôi hoàn toàn không nói, mời Hòa thượng đi đến chỗ Hoa Đình Thuyền Tử.*

Ngày nay làm thầy thích trâu đẻ tử cho đông, không chịu giới thiệu đến người khác. Người xưa thấy ai có khả năng, hợp với thầy nào liền chỉ đường.

- *Người ấy như thế nào?*

- *Người ấy trên không có miếng ngồi, dưới không có mũi dùi. Hòa thượng muốn đi xin đổi y phục mà đến.*

Ngài Viên Trí khuyên đừng ăn mặc trịnh trọng kiểu Hòa thượng tới, ông ta sẽ không thêm tiếp. Phải ăn mặc ra vẻ tầm thường, người ấy mới tiếp chuyện. Bởi vì Hoa Đình Thuyền Tử không thích danh lợi, tiết tháo, chỉ thích núi rừng sông biển.

Trên không có miếng ngồi, dưới không có mũi dùi. Hiểu theo nghĩa cạn là ngài sống ở trong thuyền trên sông nên không có ngồi, chẳng có đất cắm dùi. Hiểu sâu hơn thì đó là người hoàn toàn tự tại, không còn dính mắc cái gì. Đây là lối giới thiệu hết sức khéo léo.

Thiện Hội bèn giải tán chúng, sửa sang hành lý, đi thẳng đến Hoa Đình Thuyền Tử.

Thông thường, đang làm thầy thiên hạ, hỏi đâu nói đó mà bị người khác chê liền nổi giận. Vậy mà vị tăng còn bảo thay đổi y phục đi tìm học với thiện tri thức, đừng đến bản ngã làm sao đi? Sợ hổ thẹn là tư cách của người phạm tục.

Người xưa nếu chưa sáng mắt thì dám bỏ hết. Người thật biết đạo, dù cho địa vị mình ở bậc nào đi nữa, biết rõ mình chưa thấu đáo, có người hơn thì cũng sẵn sàng buông hết để học hỏi. Đó là tư cách của một đạo nhân đáng phục đáng nể.

Chúng ta bây giờ nếu gặp trường hợp như vậy thì sợ giải tán chúng sẽ bị mất uy tín. Điều này dẫn đến việc không giải quyết được vấn đề sanh tử. Như vậy thì dạy cũng như không dạy, không tới đâu.

Vừa thấy Thiện Hội đến, Sư liền hỏi:

- Đại đức trụ trì chùa nào?

Thiện Hội thưa:

- Chùa tức chẳng trụ, trụ tức chẳng giống.

- Chẳng giống, giống cái gì?

- Chẳng pháp trước mắt.

- Ở đâu học được nó?

- Chẳng phải chỗ mất tai đến.

Sư cười bảo:

- Một câu hợp đầu ngữ, muôn kiếp cọc cột lừa. Thả ngàn thước tơ ý ở đầm sâu, lìa lưới câu ba tấc, nói mau! Nói mau!

Thiện Hội vừa mở miệng, bị Sư đánh cho một chèo té nhào xuống nước. Thiện Hội mới leo lên thuyền, Sư lại thúc:

- Nói! Nói!

Thiền Hội vừa mở miệng, lại bị đánh. Thiền Hội hoát nhiên đại ngộ, bèn gật đầu ba cái.

Sư bảo:

- Sợi nhợ cần câu mặc người đùa, chẳng chạm sóng xanh ý tự khác. (Can đầu ty tuyến từng quân lộng, bất phạm thanh ba ý tự thù.)

Thiền Hội bèn hỏi:

- Thả nhợ buông câu ý Thầy thế nào?**
- Sợi tơ nổi trên mặt nước biếc, định ý có không.**
- Lời kèm huyền mà không đường, đầu lưỡi nói mà không nói.**
- Câu khắp dòng sông mới gặp cá vàng.**

Thiền Hội bịt tai.

Sư bảo:

- Đúng thế! Đúng thế!

Sư phó chúc rằng:

- Người ra đi phải tìm chỗ ẩn thân mất dấu vết, chỗ mất dấu vết chớ ẩn thân. Ta ba mươi năm ở Dược Sơn chỉ sáng tỏ việc này. Nay người đã được nó, sau chớ ở chỗ xóm làng thành thị, nên vào trong núi sâu bên cạnh đồng để tìm lấy một người nửa người tiếp tục không để đoạn dứt.

Thiền Hội liền từ già Sư ra đi, tỉnh thoảng ngó lại.

Sư bèn gọi:

- Xà-lê!

Thiện Hội quay đầu ngó lại.

Sư liền dựng đứng cây chèo bảo:

- Người sẽ bảo riêng có.

Nói xong, Sư lật úp thuyền xuống nước mà tịch.

Vừa thấy Thiện Hội đến, Sư liền hỏi:

- Đại đức trụ trì chùa nào?

Thiện Hội thưa:

- Chùa tức chẳng trụ, trụ tức chẳng giống.

Nếu còn trụ thì không giống.

- Chẳng giống, giống cái gì?

Nếu nói chẳng giống thì còn có hai bên để so sánh.

- Chẳng pháp trước mắt.

- Ở đâu học được nó?

- Chẳng phải chỗ mất tai đến.

Chỗ đó không phải pháp trước mắt, cũng không phải chỗ mất tai đến được.

Sư cười bảo:

- Một câu hợp đầu ngữ, muôn kiếp cọc cột lừa.

Thả ngàn thước tơ ý ở đầm sâu, lừa lưỡi câu ba tấc, nói mau! Nói mau!

Một câu hợp đầu ngũ tức là một câu nói hợp lý. Nhưng một câu hợp lý cũng là muôn kiếp cọc cột lửa, còn trôi buộc trong ngôn ngữ, chưa phải chỗ cứu cánh. Thả nhợ mà lìa lưới câu làm sao câu được?

Thiền Hội vừa mở miệng, bị Sư đánh cho một chèo té nhào xuống nước. Thiền Hội mới leo lên thuyền, Sư lại thúc:

- Nói! Nói!

Thiền Hội vừa mở miệng, lại bị đánh. Thiền Hội hoát nhiên đại ngộ, bèn gật đầu ba cái.

Chỗ đó là chỗ không cho mở miệng, nên vừa mở miệng là ăn hèo. Ngài Thiền Hội bị hai chèo đánh không thương tiếc, đánh tới nhào xuống nước. Nhưng ngay đó Thiền Hội hoát nhiên đại ngộ. Nghệ thuật độ sanh của chư tổ ngày xưa thật độc đáo.

Sư bảo:

- Sợ nhợ cần câu mặc người đùa, chẳng chạm sóng xanh ý tự khác.

Người đùa được sợ nhợ cần câu rồi. Không chạm sóng xanh mà ý đã khác. Vậy là xong việc.

Thiền Hội bèn hỏi:

- Thả nhợ buông câu ý Thầy thế nào?

- Sợ tơ nổi trên mặt nước biếc, định ý có không.

- Lời kèm huyền mà không đường, đầu lưới nói mà không nói.

Thầy trò hiểu nhau rồi nên đối đáp ứng hợp thông thạo.

- *Câu khắp dòng sông mới gặp cá vàng.*

Thiện Hội bịt tai.

Sư bảo: - Đúng thế! Đúng thế!

Ngài khen: Ta câu mấy năm nay mới được con cá vàng. Thiện Hội nghe thấy khen liền bịt tai, không chấp nhận. Như vậy mới là biết đạo. Cách ứng xử như thế liền được thầy chấp nhận.

Sư phó chúc rằng:

- *Người ra đi phải tìm chỗ ẩn thân mất dấu vết, chỗ mất dấu vết chớ ẩn thân. Ta ba mươi năm ở Dược Sơn chỉ sáng tỏ việc này.*

Chỗ đó lặng lẽ trong trẻo, nhưng nếu tới đó mà hài lòng thì mắc kẹt. Dòng suối lặng, tuy trong trẻo mát mẻ nhưng vẫn cần có trăng soi. Nếu không có vầng trăng, suối lặng trở thành nước chết. Cho nên nói *chỗ ẩn thân mất dấu vết, mà chỗ mất dấu vết chớ ẩn thân*. Tức là trong tịch phải có chiếu, chứ đừng kẹt ở trong đó.

Nay người đã được nó, sau chớ ở chỗ xóm làng thành thị, nên vào trong núi sâu bên cạnh đồng để tìm lấy một người nửa người tiếp tục không để đoạn dứt.

Một người, nửa người là để chỉ cho những người nối pháp về sau. Các thiền sư hay nói được một hoặc được nửa. Một là người xuất sắc, nửa là người khá.

Thiện Hội liền từ giả Sư ra đi, thỉnh thoảng ngoái lại.

Sư liền gọi: - Xà-lê!

Thiện Hội quay đầu ngoái lại.

Sư liền dựng đứng cây chèo bảo:

- Người sẽ bảo riêng có.

Ta có cái đó, người cũng có cái đó, đâu cần phải quỵến luyến ta. Người còn quỵến luyến ta tức là người chưa sống được với cái của người.

Nói xong, Sư lật úp thuyền xuống nước mà tịch.

Tự tại như vậy. Không cần gì hết. Người xưa xem chuyện sống chết như trò đùa. Bốn phận đã xong thì úp thuyền mà tịch, không cần hưởng thụ gì.

Sau này ngài Thiện Hội không trở về tỉnh mà vào núi Giáp Sơn để ẩn tu. Tình thầy trò thật chung thủy. Không cần thời gian dài, gặp nhau chừng nửa tiếng đồng hồ là xong việc.

Tu hành hoặc là ở trong núi cao hoặc ở đồng sâu. Bây giờ chúng ta cũng vậy, ở trên núi rồi thỉnh thoảng xuống đồng. Máy chỗ đó mới hợp với người tu, may ra kiếm được một người hoặc nửa người để nối đuốc về sau. Điều này chúng ta phải ráng học, nơi thành thị khó thực hiện được.



SA-DI CAO

Không biết tung tích và quê quán của Sư thế nào. Chỉ biết khi Sư mới đến tham vấn Dược Sơn, Dược Sơn hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Nam Nhạc đến

- Đi lại đâu?

- Đi Giang Lăng thọ giới.

- Thọ giới mong làm gì?

- Mong khỏi sanh tử.

- Có một người không thọ giới cũng khỏi sanh tử, người biết chăng?

- Thế thì giới Phật dùng làm gì?

- Vẫn còn quả môi lưỡi.

Sư lễ bái lui ra.

Đạo Ngô đến đứng hầu, Dược Sơn bảo:

- Vừa rồi có một Sa-di mới đến, có chút hơi hám này.

Đạo Ngô thưa:

- Chưa nên toàn tin, cần phải khám phá mới được.

Đến chiều, Dược Sơn thượng đường gọi:

- Sa-di mới đến đâu?

Sư ra khỏi chúng đứng im.

Dược Sơn hỏi:

- Ta nghe ở Trường An rất náo loạn, người có biết chăng?

Sư thưa:

- Nước con an ổn.

- Người do xem kinh được hay thưa hỏi được?

- Chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do thưa hỏi được.

- Có lắm người chẳng xem kinh, chẳng thưa hỏi, sao chẳng được?

- Chẳng nói họ không được, chỉ vì không chịu thừa nhận.

Dược Sơn ngó Đạo Ngô, Vân Nham, nói:

- Chẳng tin ta nói.

*Không biết tung tích và quê quán của Sư thế nào.
Chỉ biết khi Sư mới đến tham vấn Dược Sơn, Dược Sơn hỏi:*

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Nam Nhạc đến

- Đi lại đâu?

- Đi Giang Lăng thọ giới.

- Thọ giới mong làm gì?

- Mong khỏi sanh tử.

*- Có một người không thọ giới cũng khỏi sanh tử,
người biết chăng?*

- Thế thì giới Phật dùng làm gì?

- Vẫn còn quả môi lưỡi.

Sư lễ bái lui ra.

*Còn quả môi lưỡi là thuộc về ngôn ngữ, chứ chưa
thấy được cái đó. Ngay câu này, ngài lễ bái lui ra. Ngài
Dược Sơn biết Sa-di đã được chỗ đó.*

Đạo Ngô đến đứng hầu, Dược Sơn bảo:

- Vừa rồi có một Sa-di mới đến, có chút hơi hám này.

Đạo Ngô thưa:

- Chưa nên toàn tin, cần phải khám phá mới được.

*Khám phá kỹ rồi hãy tin. Một câu nói, một hai
hành động giống như đúng mà tin thì e rằng chưa đúng.
Cho nên đây là cuộc khám phá thứ hai.*

Đến chiều, Dược Sơn thượng đường gọi:

- Sa-di mới đến đâu?

Sư ra khỏi chúng đứng im. Dược Sơn hỏi:

- Ta nghe ở Trường An rất náo loạn, người có biết chăng?

Sư thưa:

- Nước con an ổn.

Thầy hỏi khéo và trò đáp cũng khéo.

- Người do xem kinh được hay thưa hỏi được?

Nếu xem kinh hay thưa hỏi được đó là việc bên ngoài.

- Chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do thưa hỏi được.

- Có lắm người chẳng xem kinh, chẳng thưa hỏi, sao chẳng được?

- Chẳng nói họ không được, chỉ vì không chịu thừa nhận.

Người không xem kinh, không thưa hỏi không phải họ không có mà do họ không chịu thừa nhận.

Dược Sơn ngó Đạo Ngộ, Vân Nham, nói:

- Chẳng tin ta nói.

Qua cuộc khám nghiệm, ngài Dược Sơn đã nói đúng. Vị Sa-di đó đã có chỗ sống chân thật, không còn

ngghi ngờ nữa. Người xưa nghe một câu nói, nhận được rồi thì lòng tin đầy đủ không thiếu, nói gì cũng đúng.

Một hôm Sư từ già Dược Sơn. Dược Sơn hỏi:

- Đi đâu?

Sư thưa:

- Con ở trong chúng có ngại, nên đến bên đường cất một am tranh để tiếp đãi trà nước cho khách qua lại.

- Sanh tử là việc lớn, sao người không thọ giới đi?

- Biết thì những việc ấy liền thôi, lại bảo thọ giới làm gì?

- Như thế chẳng được là xa ta, có khi ta cần gặp người.

Một hôm Sư từ già Dược Sơn. Dược Sơn hỏi:

- Đi đâu?

Sư thưa:

- Con ở trong chúng có ngại, nên đến bên đường cất một am tranh để tiếp đãi trà nước cho khách qua lại.

Ngài muốn sống tự do, nên xin làm người khách bán trà bên đường. Trong thiền sử, phần nhiều mấy người bán trà ngoài đường, nhất là những quán gần các thiền đường thường gặp bậc pháp khí rất đặc biệt.

- Sanh tử là việc lớn, sao người không thọ giới đi?

- *Biết thì những việc ấy liền thôi, lại bảo thọ giới làm gì?*

- *Như thế chẳng được là xa ta, có khi ta cần gặp người.*

Hồi trước ngài muốn đi thọ giới để giải thoát sanh tử, bây giờ biết được chỗ đó rồi nên không cần thọ nữa.

Sư đàm mưa đến thăm Dược Sơn.

Dược Sơn bảo:

- **Người mới đến?**

- **Dạ.**

Dược Sơn nói:

- **Uớt cả rồi.**

- **Không cần đánh trống thổi sáo.**

Vân Nham nói:

- **Da cũng không, đánh cái trống nào?**

Đạo Ngô nói:

- **Trống cũng không, đánh cái da nào?**

Dược Sơn bảo:

- **Hôm nay rất hay, một trường hòa nhạc.**

Sư đàm mưa đến thăm Dược Sơn. Dược Sơn bảo:

- *Người mới đến?*

- *Dạ.*

Dược Sơn nói: - Uớt cả rồi.

- *Không cần đánh trống thổi sáo.*

Chỗ đó không liên quan gì đến khô ướt.

Vân Nham nói:

- *Da cũng không, đánh cái trống nào?*

Đạo Ngô nói:

- *Trống cũng không, đánh cái da nào?*

Dược Sơn bảo:

- *Hôm nay rất hay, một trường hòa nhạc.*

Chỗ này thầy trò đã hợp nhau.

Đến giờ thọ trai, Dược Sơn tự đánh trống, Sư ôm bát múa đi vào trai đường.

Dược Sơn bỏ dùi trống xuống hỏi:

- Hòa thứ mấy?

- Hòa thứ hai.

- Thế nào là hòa thứ nhất?

Sư đến thùng cơm lãnh một phần cơm rồi đi ra.

Đến giờ thọ trai, Dược Sơn tự đánh trống, Sư ôm bát múa đi vào trai đường.

Thông thường ở chúng đông, tới giờ thọ trai phải đánh ba hồi trống để chúng ở các nơi về thọ trai. Nghe đánh trống, ngài ôm bát vừa đi vừa múa.

Dược Sơn bỏ dùi trống xuống hỏi:

- Hòa thứ mấy?

- *Hòa thứ hai.*

- *Thế nào là hòa thứ nhất?*

Sư đến thùng cơm lãnh một phần cơm rồi đi ra.

Thầy đánh trống trò múa, đó là hòa. Hòa thứ nhất là im lặng lãnh phần cơm đem về, cái đó chỉ mình tự làm chứ còn không có người thứ hai.



THIÊN SƯ THÚY VI VÔ HỌC

Sư đến hỏi Đơn Hà:

- Thế nào là thầy chư Phật?

Đơn Hà quả:

- Thật tự đáng thương, cần thiết cầm khăn lau làm gì?

Sư lùi ba bước.

Đơn Hà bảo:

- Lầm!

Sư tiến tới ba bước.

Đơn Hà bảo:

- Lầm! Lầm!

Sư giở một chân, xoay một vòng, đi ra.

Đơn Hà bảo:

- Được tức được, cô phụ chư Phật khác.

Sư do đây lãnh ngộ ý chỉ, về trụ Thúy Vi tại Chung Nam sơn.

Sư đến hỏi Đơn Hà:

- Thế nào là thầy chư Phật?

Đơn Hà quở:

- Thật tự đáng thương, cần thiết cầm khăn lau làm gì?

Hỏi tới thầy của Phật cũng là lối lau chùi rác rến bên ngoài, không có gì quan trọng.

Sư lùi ba bước. Đơn Hà bảo:

- Lâm!

Sư tiến tới ba bước. Đơn Hà bảo:

- Lâm! Lâm!

Lùi và tiến đều là lâm.

Sư giở một chân, xoay một vòng, đi ra.

Đơn Hà bảo:

- Được tức được, cô phụ chư Phật khác.

Khả dĩ được, nhưng cũng còn cô phụ chư Phật.

Sư do đây lãnh ngộ ý chỉ, về trụ Thúy Vi tại Chung Nam sơn.

Đệ tử lớn nhất của ngài sau này là Đại Đồng.

Thiền sư Đại Đồng đến hỏi Sư:

- Không biết Nhị Tổ mới thấy tổ Đạt-ma có sở đắc gì?

Sư bảo:

- Nay người thấy ta lại có sở đắc gì?

Đại Đồng đồn ngộ huyền chỉ.

Ngày xưa Nhị Tổ thấy tổ Đạt-ma cũng như nay người thấy ta, đâu khác. Nếu nhận được cái đó thì thấy được huyền chỉ.

Một hôm Sư đi trong pháp đường, Đại Đồng tiến đến trước lễ, thưa:

- Mật chỉ từ Ấn Độ qua, Hòa thượng dạy người thế nào?

Sư dừng bước một chút.

Đại Đồng lại thưa:

- Xin Thầy chỉ dạy.

Sư bảo:

- Lại cần gáo nước nhơ thứ hai sao?

Đại Đồng lễ tạ lui ra.

Sư bảo:

- Chớ lấp gốc.

Đại Đồng thưa:

- Thời tiết đến, gốc mầm tự sanh.

Một hôm, Sư đi trong pháp đường, Đại Đồng tiến đến trước lễ, thưa:

- Mật chỉ từ Ấn Độ qua, Hòa thượng dạy người thế nào?

Sư dừng bước một chút. Đại Đồng lại thưa:

- Xin Thầy chỉ dạy.

Sư bảo:

- Lại cần gáo nước như thứ hai sao?

Ta đã chỉ rồi, nếu còn hỏi thêm nữa đó là gáo nước như thứ hai.

Đại Đồng lễ tạ lui ra. Sư bảo:

- Chớ lấp gốc.

Đại Đồng thưa:

- Thời tiết đến, gốc mầm tự sanh.

Chỗ đó chỉ cần đủ nhân duyên thời tiết đến thì tự nó sanh, không lo mất gốc.

Nhân Sư cúng dường La-hán, có vị tăng hỏi:

- Đơn Hà thiêu tượng Phật gỗ, Hòa thượng vì sao cúng dường La-hán?

Sư bảo:

- Thiêu cũng chẳng thiêu đến, cúng dường cũng một bề cúng dường.

Tăng lại hỏi:

- Cúng dường La-hán, La-hán có đến chăng?

Sư bảo:

- Người mỗi ngày có ăn cơm chăng?

Tăng không đáp được.

Sư bảo:

- Có chút lạnh lợi.

Nhân Sư cúng dường La-hán, có vị tăng hỏi:

- Đơn Hà thiêu tượng Phật gỗ, Hòa thượng vì sao cúng dường La-hán?

Thầy của ngài thiêu tượng Phật, tại sao ngài lại cúng dường La-hán?

Sư bảo:

- Thiêu cũng chẳng thiêu đến, cúng dường cũng một bề cúng dường.

Thiêu tượng Phật có phải thiêu Phật tánh không? Không! Cái đó không thiêu được. Cho nên cúng dường cứ một bề cúng dường.

Tăng lại hỏi:

- Cúng dường La-hán, La-hán có đến chăng?

Sư bảo:

- Người mỗi ngày có ăn cơm chăng?

Nếu mỗi ngày người có ăn cơm, nhận được cái đó thì biết La-hán đến hay không.

Tăng không đáp được. Sư bảo:

- Có chút lạnh lợi.

Tuy có chút lạnh lợi mà chưa xong.



THIÊN SƯ TAM BÌNH NGHĨA TRUNG

Sư họ Dương, quê ở Phúc Châu. Ban sơ Sư đến tham vấn Thạch Cửng (Huệ Tạng). Thạch Cửng chuyên môn gương cung lắp tên để giáo hóa đồ chúng. Sư vào pháp hội, Thạch Cửng bảo:

- Xem mũi tên đây!

Sư bèn vạch ngực thưa:

- Đây là mũi tên giết người, mũi tên cứu người lại làm sao?

Thạch Cửng gảy dây cung ba cái.

Sư liền làm lễ.

Thạch Cửng bảo:

- Ba mươi năm một phen gương cung, một hai mũi tên chỉ bắn được nửa người thánh.

Người thế gian gương cung bắn nai bắn hươu. Người tu đạo cũng gương cung nhưng là phương tiện

nhằm mục đích hóa đạo. Bắn được nửa người thánh chứ chưa được một người, nên chưa rồi. Vì vậy khi qua chỗ ngài Đại Diên, ngài Nghĩa Trung gặp bế tắc.

**Sư đến tham vấn Đại Diên thuật lại việc trên.
Đại Diên bảo:**

- Đã là mũi tên cứu người, vì sao nhằm trên dây cung mà biện?

Sư đáp không được.

Đại Diên bảo:

- Ba mươi năm sau cần người nhắc câu này cũng khó được.

Sư hỏi:

- Chẳng cần chỉ đông vẽ tây, thỉnh Thầy chỉ thẳng.

- Cửa sông U Châu người đá ngồi xổm.

- Vẫn là chỉ đông vẽ tây.

- Nếu phượng hoàng con không tìm bên kia.

Sư làm lễ.

Đại Diên bảo:

- Nếu chẳng đặt câu sau thì lời trước cũng khó tròn.

Sư đến tham vấn Đại Diên thuật lại việc trên. Đại Diên bảo:

- Đã là mũi tên cứu người, vì sao nhằm trên dây cung mà biện?

Sư đáp không được.

Như vậy là mới được nửa người.

Đại Diên bảo:

- Ba mươi năm sau cần người nhắc câu này cũng khó được.

Sư hỏi:

- Chẳng cần chỉ đông vẽ tây, thỉnh Thầy chỉ thẳng.

- Cửa sông U Châu người đá ngồi xỏm.

Ngài chỉ thẳng như vậy. Đã ai thấy chưa? Ở đây ngài cũng chịu vì chưa nhận được.

- Vẫn là chỉ đông vẽ tây.

- Nếu phượng hoàng con không tìm bên kia.

Là phượng hoàng con thì ngay đó liền nhận, không tìm nơi khác.

Sư làm lễ. Đại Diên bảo:

- Nếu chẳng đặt câu sau thì lời trước cũng khó tròn.

Chính nhờ câu sau mà ngài thấy được ý trước. Sau này ngài thừa kế Đại Diên.

Về sau Sư đến Chương Châu ở núi Tam Bình tiếp độ hậu lai.

Sư dạy chúng:

- Thời nay người học chỉ biết giòng ruồi tìm kiếm, xem như nhẩn mục của chính mình, có gì

tương đương? Các người muốn học chẳng? Chẳng cần các thứ khác, các người mỗi người tự có việc bốn phận, sao chẳng nhận ngay? Tại sao tâm bức tức, miệng lẩm bẩm có lợi ích gì? Nói thẳng rằng: Nếu cần con đường tu hành và hóa môn do chư thánh dựng lập thì có ba tạng kinh điển. Nếu là việc trong tông môn, người cốt không lăm dụng tâm.

Có vị tăng ra thưa:

- Lại có con đường học hay không?

Sư bảo:

- Có một con đường trơn như râu.

- Học nhân bước nhẹ theo được chẳng?

- Tâm chẳng nghĩ, người tự xem.

Về sau Sư đến Chương Châu ở núi Tam Bình tiếp độ hậu lai. Sư dạy chúng:

- Thời nay người học chỉ biết giong ruổi tìm kiếm, xem như nhấm mực của chính mình, có gì tương đương? Các người muốn học chẳng? Chẳng cần các thứ khác, các người mỗi người tự có việc bốn phận, sao chẳng nhận ngay?

Chúng ta cứ chạy tìm hoài những thứ bên ngoài, không có gì tương đương với con mắt tuệ giác của chính mình. Ngay mình sẵn có cái đó, bốn phận chính của người tu là quay trở về để nhận, mà không chịu nhận.

Tại sao tâm bực tức, miệt mài lắm lắm có lợi ích gì? Nói thẳng rằng: Nếu cần con đường tu hành và hóa môn do chư thánh dựng lập thì có ba tạng kinh điển. Nếu là việc trong tông môn, người cốt không lạm dụng tâm.

Dụng tâm cho khéo mới được. Đây là điểm cốt lõi.

Có vị tăng ra thưa:

- Lại có con đường học hay không?

Sư bảo:

- Có một con đường trơn như rêu.

- Học nhân bước nhẹ theo được chăng?

- Tâm chẳng nghĩ, người tự xem.

Con đường học trơn như rêu, muốn bước nhẹ theo thì tâm chẳng nghĩ, đó là bước.

Có vị tăng hỏi:

- Đâu đen khi chưa nảy mầm là thế nào?

Sư đáp:

- Phật cũng chẳng biết.

Đâu đen khi chưa nảy mầm chỉ cho sự nhận hiểu đã có, nhưng còn ẩn. Cho nên, tới chỗ này nhiều thiền sư dùng đủ thứ danh từ, người gọi đâu đen, người gọi là thùng sơn. Gọi là gì cũng đều chỉ cái đó.

Có vị giảng sư đến hỏi:

- Ba thừa và mười hai phần giáo tôi không nghĩ, thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ đến?

Sư bảo:

- Phất tử bằng lông rùa, cây gậy bằng sừng thỏ, Đại đức núp chỗ nào?

- Lông rùa sừng thỏ lại là có sao?

- Thịt nặng ngàn cân, trí không cân lượng.

Có vị giảng sư đến hỏi:

- Ba thừa và mười hai phần giáo tôi không nghi, thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ đến?

Sư bảo:

- Phất tử bằng lông rùa, cây gậy bằng sừng thỏ, Đại đức núp chỗ nào?

Như vậy là đáp rồi. Người xưa khôn ngoan quá, đáp mà không động môi lưỡi. Thật là tài. Vì quen làm giảng sư nên ông không chịu nổi câu này, liền thưa:

- Lông rùa sừng thỏ lại là có sao?

- Thịt nặng ngàn cân, trí không cân lượng.

Trong Bích Nham Lục, công án *Bí mật Tổ sư từ Ấn Độ sang* này quan trọng hơn hết, được các thiền sư mỗi người trả lời một cách, khéo léo tài tình.

Sư dạy chúng:

- Các người! Nếu chưa gặp tri thức thì chẳng nên, nếu từng gặp tri thức rồi, phải nhận ngay ý độ ấy, đến trên chót núi hốc đá, ăn cây mặc lá, thế ấy mới có ít phần tương ứng. Nếu chạy cầu

hiếu biết nghĩa cú, tức là trông quê hương muôn dặm xa vậy.

Trân trọng!

Nếu câu hiếu biết nghĩa cú thì quê hương còn xa muôn dặm vậy. Trân trọng!



ĐỜI THỨ TƯ SAU LỤC TỔ

B- PHÁI HOÀI NHƯỢNG

I- NỐI PHÁP BÁ TRƯỞNG HOÀI HẢI

Có ba mươi vị

- 1- Thiền sư Linh Hựu (Quy Sơn)**
- 2- Thiền sư Hy Vận (Hoàng Bá)**
- 3- Thiền sư Hoàn Trung**
- 4- Thiền sư Phổ Ngạn**
- 5- Thiền sư Thường Quán**
- 6- Thiền sư Tánh Không**
- 7- Thiền sư Đại An**
- 8- Thiền sư Thần Tán (Cổ Linh)**
- 9- Thiền sư Vô Ngôn Thông**
- 10- Thiền sư Long Vân Đài**
- 11- Thiền sư Vệ Quốc Đạo**
- 12- Hòa thượng Vạn Tuế**
- 13- Hòa thượng Niết-bàn**
- 14- Hòa thượng Đông Sơn.**

II- NỐI PHÁP TÂY ĐƯỜNG TRÍ TẠNG

Có bốn vị

- 1- Thiền sư Xứ Vi**
- 2- Thiền sư Đạo Nghĩa**

3- Thiền sư Huệ (nước Tân La)

4- Thiền sư Hồng Trục (nước Tân La).

III- NỐI PHÁP MA CỐC BẢO TRIỆT

Có hai vị

1- Thiền sư Lương Toại

2- Thiền sư Vô Nhiễm (nước Tân La).

IV- NỐI PHÁP THIỀN SƯ NHƯ HỘI

Có bốn vị

1- Thiền sư Huệ Siêu

2- Thiền sư Cảnh Chư

3- Thiền sư Quang Triệu

4- Thiền sư Sơn Chiêu.

V- NỐI PHÁP CHƯƠNG KÍNH HOÀI UẨN

Có mười sáu vị

1- Thiền sư Hoằng Biện

2- Thiền sư Trí Chơn

3- Thiền sư Hoài Chánh

4- Thiền sư Thao

5- Hòa thượng Cổ Đề

6- Hòa thượng Công Kỳ.

VI- NỐI PHÁP NAM TUYỀN PHỔ NGUYỄN

Có mười bảy vị

- 1- Thiền sư Cảnh Sầm (Trường Sa)**
- 2- Thiền sư Đàm Chiếu**
- 3- Thiền sư Vân Tế Sư Tổ**
- 4- Thiền sư Nghĩa Đoan**
- 5- Thiền sư Tùng Thẩm (Triệu Châu)**
- 6- Thiền sư Nhàn**
- 7- Thiền sư Lợi Tung (Tử Hồ)**
- 8- Hòa thượng Thù Du Sơn**
- 9- Hòa thượng Tung Sơn**
- 10- Hòa thượng Nhật Tử**
- 11- Hòa thượng Tây Thiên**
- 12- Thứ sử Lục Hoàn**
- 13- Cư sĩ Cam Chí.**

VII- NỐI PHÁP THIÊN VƯƠNG ĐẠO NGỘ

Có một vị

- 1- Thiền sư Long Đàm Sùng Tín.**



THIÊN SƯ QUY SƠN LINH HỰU

(771 - 853)

Sư họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phúc Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư từ thân xuất gia theo luật sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại bản quận thế phát. Sau, Sư đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ giới. Sư học kinh luật Đại thừa Tiểu thừa rất uyên thâm.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến Giang Tây tham học với Bá Trượng Hoài Hải. Bá Trượng vừa thấy Sư liền nhận cho nhập chúng. Trong chúng, Sư là người được cử đứng hàng đầu.

Một hôm, Sư đứng hầu Bá Trượng. Bá Trượng hỏi:

- Ai?

Sư thưa:

- Con, Linh Hựu.

Bá Trượng bảo:

- Người vạch trong lò xem có lửa chăng?

Sư vạch ra, thưa:

- Không lửa.

Bá Trượng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được chút lửa, đưa lên chỉ Sư, bảo:

- Người bảo không, cái này là cái gì?

Sư do đây phát ngộ, lễ tạ trình bày chỗ giải ngộ của mình.

Bá Trượng bảo:

- Đây là con đường rẽ tạm thời. Kinh nói: “Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chợt ngộ, như quên được nhớ, mới tỉnh vật của mình không từ bên ngoài được.” Cho nên Tổ sư bảo: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp.” Chỉ là không tâm hư vọng phạm thánh v.v..., xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ. Nay người đã vậy, tự khéo gìn giữ.

Sư họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phúc Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư từ thân xuất gia theo luật sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại bản quận thế phát. Sau, Sư đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ giới. Sư học kinh luật Đại thừa Tiểu thừa rất uyên thâm.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến Giang Tây tham học với Bá Trượng Hoài Hải. Bá Trượng vừa thấy Sư liền nhận cho nhập chúng. Trong chúng, Sư là người được cử đứng hàng đầu.

Thiền sư Linh Hựu tức là tổ Quy Sơn, sanh năm 771 tịch năm 853. Ngài học kinh luật luận rất uyên thâm. Vì vậy sau khi ngộ Thiền tông, ngài chẳng những là bậc tác gia ngộ thiền, mà còn thông cả tam tạng. Tác phẩm Quy Sơn Cảnh Sách là minh chứng rõ ràng cho sự thông hiểu kinh luật của ngài.

Một hôm, Sư đứng hầu Bá Trượng. Bá Trượng hỏi:

- Ai?

Sư thưa:

- Con, Linh Hựu.

Bá Trượng bảo:

- Người vạch trong lò xem có lửa chăng?

Sư vạch ra, thưa:

- Không lửa.

Bá Trượng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được chút lửa, đưa lên chỉ Sư, bảo:

- Người bảo không, cái này là cái gì?

Sư do đây phát ngộ, lễ tạ trình bày chỗ giải ngộ của mình.

Nhân duyên khai ngộ của ngài hết sức đơn giản. Tổ Bá Trượng bảo vạch lò lấy lửa, ngài bươi không thấy, trở lại nói không có lửa. Tổ Bá Trượng đích thân lại bươi sâu trong lò, được chút lửa đưa lên hỏi: *Cái này là cái gì?* Ngài liền ngộ.

Lửa đó dính dáng gì đến đạo lý mà ngộ? Không phải ngộ ở lửa, quan trọng ở câu *bước sâu trong lò*. Chúng ta tu hành chỉ nhìn ở bề mặt nổi, hay những hình tướng nông cạn bên ngoài nên khó thấy được cái đó. Phải chịu khó dụng công sâu vào trong mới thấy được. Thành ra việc vạch sâu trong lò không phải chỉ thấy lửa mà là cách để dụng công. Cho nên, thấy là thấy cái đó, chứ không phải thấy lửa.

Bá Trượng bảo:

- Đây là con đường rẽ tạm thời. Kinh nói: “Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chợt ngộ, như quên được nhớ, mới tỉnh vật của mình không từ bên ngoài được.” Cho nên Tổ sư bảo: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp.” Chỉ là không tâm hư vọng phàm thánh v.v..., xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ. Nay người đã vậy, tự khéo gìn giữ.

Tổ Bá Trượng rất chân thành: *Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chợt ngộ, như quên chợt nhớ, mới tỉnh vật của mình không từ bên ngoài được. Tu hành là xoay lại chính mình, đào bới sâu trong tâm thức để thấy, không phải tìm bên ngoài mà được. Như vậy tỉnh rồi cũng đồng chưa tỉnh.*

Nhận được cái sẵn có của mình, từ khi ngộ rồi về sau *không tâm hư vọng phàm thánh. Xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ, tâm pháp xưa nay vốn đầy đủ, còn tâm hư vọng là hư giả. Tự khéo gìn giữ, đừng chạy theo tâm hư vọng nữa.*

Sư theo Bá Trượng làm việc trong núi, Bá Trượng hỏi:

- **Đem được lửa đến chảnh?**
- **Đem được.**
- **Ở chỗ nào?**

Sư cầm một cành cây thối vài cái, đem trao cho Bá Trượng.

Bá Trượng bảo:

- **Như trùng đục cây.**

Sư theo Bá Trượng làm việc trong núi, Bá Trượng hỏi: - Đem được lửa đến chảnh?

Chỗ sở ngộ của ngài thường được tổ Bá Trượng nhắc lại: *Đem được lửa đến chảnh?*

- *Đem được.*
- *Ở chỗ nào?*

Sư cầm một cành cây thối vài cái, đem trao cho Bá Trượng.

Hỏi đem được lửa đến chảnh? Ngài cầm que củi thối như giễu cợt mà không phải giễu cợt, chỉ muốn nói đến cái đó.

Bá Trượng bảo: - Như trùng đục cây.

Như kiến ăn vỏ cây, lâu dần có lẫn thành chỉ. Chuyện ông làm giống như trùng đục cây, ngẫu nhiên mà làm, không có ý thức.

Tư Mã Đầu-đà⁽⁴⁾ từ Hồ Nam đến yết kiến Bá Trượng, thưa:

- Quy Sơn là thắng cảnh nên lập đại đạo tràng kết tập bạn pháp.

Bá Trượng hỏi:

- Lão tăng muốn đến Quy Sơn nên chăng?

- Quy Sơn kỳ tuyệt có thể họp một ngàn năm trăm chúng, nhưng chẳng phải chỗ Hòa thượng ở.

- Sao vậy?

- Hòa thượng là người xương, núi kia là núi thịt, dù có ở, đồ đệ chẳng đầy một ngàn.

- Trong chúng ta có người ở được chăng?

- Đợi xem qua mới biết.

Bá Trượng sai thị giả gọi đệ nhất tọa đến, tức thiền sư Hoa Lâm, hỏi:

- Người này thế nào?

Đầu-đà bảo Hoa Lâm tăng hắng một tiếng, đi vài bước, thưa:

- Người này không được.

Bá Trượng sai thị giả gọi diễn tọa đến, tức sư Linh Hựu.

Đầu-đà thưa:

⁽⁴⁾ Tư Mã Đầu-đà là một thiền sư thông cả địa lý và tướng số.

- Đây chính là chủ Quy Sơn.

Tối lại, Bá Trượng gọi Sư vào thất dặn dò:

- Ta hóa duyên tại đây, người sẽ ở thắng cảnh Quy Sơn để nối tiếp tông môn của ta và rộng độ kẻ hậu học.

Tư Mã Đầu-đà từ Hồ Nam đến yết kiến Bá Trượng, thưa:

- Quy Sơn là thắng cảnh nên lập đại đạo tràng kết tập bạn pháp.

Bá Trượng hỏi:

- Lão tăng muốn đến Quy Sơn nên chăng?

- Quy Sơn kỳ tuyệt có thể hợp một ngàn năm trăm chúng, nhưng chẳng phải chỗ Hòa thượng ở.

- Sao vậy?

- Hòa thượng là người xương, núi kia là núi thịt, dù có ở, đồ đệ chẳng đầy một ngàn.

Núi đó là núi thịt, Hòa thượng là người xương, cho nên Hòa thượng tuy phước đức nhiều mà ở đó đồ đệ không tới một ngàn. Đáng lẽ thầy có phước đức hơn trò, thầy ở đâu thì đồ đệ đông đảo. Nhưng mỗi người có duyên riêng, không phải thầy là hơn.

- Trong chúng ta có người ở được chăng?

- Đợi xem qua mới biết.

Bá Trượng sai thị giả gọi đệ nhất tọa đến, tức thiền sư Hoa Lâm, hỏi:

- Người này thế nào?

Đầu-đà bảo Hoa Lâm tăng hắng một tiếng, đi vài bước, thưa:

- Người này không được.

Chỉ cần tăng hắng đi mấy bước là biết. Chúng tôi vị này tinh thông về tướng số địa lý.

Bá Trượng sai thị giả gọi điển tọa đến, tức sư Linh Hựu.

Đầu-đà thưa:

- Đây chính là chủ Quy Sơn.

Vừa thấy liền biết đó là chủ Quy Sơn.

Tối lại, Bá Trượng gọi Sư vào thất dặn dò:

- Ta hóa duyên tại đây, người sẽ ở thắng cảnh Quy Sơn để nối tiếp tông môn của ta và rộng độ kẻ hậu học.

Hoa Lâm nghe tin này đến thưa:

- Con là thượng thủ, tại sao Linh Hựu được trụ trì?

Bá Trượng bảo:

- Nếu ai có thể ngay trong chúng này nói được một câu xuất cách, sẽ cho trụ trì.

Bá Trượng liền chỉ tịnh bình hỏi:

- Chẳng được kêu là tịnh bình, người kêu là gì?

Hoa Lâm thưa:

- Không thể kêu là cây lũng vậy.

Bá Trượng lại hỏi Sư. Sư đập nhào tịnh bình rồi đi ra.

Bá Trượng cười bảo:

- Đệ nhất tọa thoái lui núi này.

Bá Trượng bèn sai Sư đến Quy Sơn.

Chỉ cái tịnh bình không cho kê tịnh bình, mà hỏi kê cái gì? Hoa Lâm trả lời, Tổ không chịu. Ngài Linh Hựu tới đập ngã, Tổ lại chịu. Hành động xuất cách như vậy được làm chủ Quy Sơn.

Non Quy cao vót không có bóng người lai vãng, là hang ổ của cọp sói. Sư đến đây cất một am tranh, hằng ngày lượm trái lặt, trái dể làm thức ăn nuôi sống.

Đã bảy năm qua, một hôm Sư tự nghĩ: Đạo cốt tiếp vật lợi sanh, ở một mình chẳng phải. Sư bèn đi lần xuống núi, thấy cọp sói, Sư bảo: “Nếu ta có duyên với núi này, các người nên đi tránh chỗ khác. Nếu ta không có duyên ở đây thì các người cứ ăn thịt ta đi.” Sư nói xong, các loài thú dữ đều đi tứ tán, Sư trở về am yên ở như trước.

Không bao lâu, dân cư dưới chân núi từ từ hay biết, họ rủ nhau kéo lên núi cất một ngôi chùa cho Sư. Sau này, Liên soái Lý Cảnh Nhượng tâu vua xin ban hiệu chùa, vua ban hiệu là Đồng Khánh. Kế đến, có thượng tọa Đại An và một số chúng từ Bá Trượng đến phụ tá Sư. Đại An nói: “Tôi sẽ làm diễn tọa cho Hòa thượng.” Số chúng lần lần lên đến

cả ngàn. Tướng quốc Bùi Hưu cũng thường tới lui thừa hỏi chỗ huyền ảo.

Non Quy cao vót không có bóng người lai vãng, là hang ổ của cọp sói. Sư đến đây cất một am tranh, hằng ngày lượm trái lật, trái dẻ làm thức ăn nuôi sống.

Ngài Linh Hựu đến núi Quy, ở đây không có một bóng người lai vãng. Ngài cất am tranh, lượm trái lật, trái dẻ để ăn sống qua ngày.

Đã bảy năm qua, một hôm Sư tự nghĩ: Đạo cốt tiếp vật lợi sanh, ở một mình chẳng phải. Sư bèn đi lần xuống núi, thấy cọp sói, Sư bảo: “Nếu ta có duyên với núi này, các người nên đi tránh chỗ khác. Nếu ta không có duyên ở đây thì các người cứ ăn thịt ta đi.” Sư nói xong, các loài thú dữ đều đi tứ tán, Sư trở về am yên ở như trước.

Ngài nói một câu, cọp sói đều tuân lệnh. Chúng ta đến gần chắc bị chúng vồ chạy không kịp. Người xưa cử đệ tử đi trụ trì như vậy, không cần phải lo chùa chiền, làm sao sống được thì làm, không cần nghĩ tới nữa. Tự cất am ở, tự lượm trái cây ăn mà sống, chịu đựng bảy năm ở trong rừng một mình không có cơm gạo. Qua đó chúng ta thấy sức kham nhẫn khổ hạnh của ngài Quy Sơn mạnh tới bậc nào.

Không bao lâu, dân cư dưới chân núi từ từ hay biết, họ rủ nhau kéo lên núi cất một ngôi chùa cho Sư. Sau này, Liên soái Lý Cảnh Nhượng tâu vua xin ban hiệu chùa, vua ban hiệu là Đồng Khánh. Kế đến,

có thượng tọa Đại An và một số chúng từ Bá Trượng đến phụ tá Sư. Đại An nói: “Tôi sẽ làm điển tọa cho Hòa thượng.” Số chúng lần lần lên đến cả ngàn. Tướng quốc Bùi Hưu cũng thường tới lui thưa hỏi chỗ huyền áo.

Từ một người đơn thân độc mã trong rừng với bầy cọp sói, ngài gây dựng từ từ, đồ chúng lên tới một ngàn năm trăm người. Sống trong núi, tín đồ không thể cúng dường cơm gạo đủ nuôi số người nhiều như vậy, thiên sinh phải trồng trà trồng lúa, làm rẫy... mới sống được.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng trước mặt, lừa phỉnh, trong tất cả giờ thấy nghe bình thường không có chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư thánh chỉ nói: Bên nhớ bên là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tướng tập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là Đạo nhân, cũng gọi là người vô sự.

Khi ấy có vị tăng hỏi:

- Người được đốn ngộ có tu chăng?

Sư bảo:

- Nếu người khi thật ngộ được gốc thì họ tự biết, tu cùng không tu là lời nói hai đầu. Như nay có người sơ tâm tuy từ duyên được một niệm đốn ngộ chân lý nơi mình, nhưng vẫn còn tập khí nhiều kiếp

từ vô thủy chưa có thể chóng sạch, nên dạy hẩn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại, tức là tu vậy. Không nói có một pháp riêng dạy hẩn tu hành thú hướng. Từ nghe nhập được lý, nghe và lý sâu mầu, tâm tự tròn sáng không ở chỗ mê lầm, hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa thẳng trâm, hẩn vẫn được ngồi yên mặc áo, tự biết tạo sinh kế. Nói tóm lại, “chỗ lý chân thật không nhận một mảy bụi, trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp” (Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp). Nếu được như vậy, là một mình cầm đao thẳng vào, lòng phàm thánh sạch, hiện bày chân thường, lý sự không hai, tức Phật như như.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng trước mặt, lừa phỉnh, trong tất cả giờ thấy nghe bình thường không có chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư thánh chỉ nói: Bên như bợn là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tướng tập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong treo lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là Đạo nhân, cũng gọi là người vô sự.

Ngài thiết tha dạy chúng: Người học đạo cần phải ngay thẳng chân thật, không nên có tâm dối gạt phỉnh lừa v.v... Phải sống một cách chân chánh, không phải bịt tai, nhắm mắt. Chỉ cần *tâm không chạy theo vật là được*, nếu tâm còn dính vật là sai. Tai cũng vẫn nghe, mắt cũng vẫn thấy, nghe không bị tiếng làm cho

xao động, thấy không bị sắc làm cho quuyến luyến, như vậy thì nghe, thấy không có lỗi lầm. Đó là chỗ đạo.

Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác việc tình kiến tướng tập. Nghĩ ác là nghĩ về tình chấp thương ghét, những thói quen tướng tượng cái này cái nọ. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo lặng lẽ không động không ngại. Tâm được như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo mới gọi là đạo nhân, là người vô sự. Tâm chúng ta còn xao động, còn ô nhiễm thì tuy cạo tóc ở chùa cũng chưa được gọi là đạo nhân.

Khi ấy có vị tăng hỏi:

- Người được đốn ngộ có tu chăng?

Sư bảo:

- Nếu người khi thật ngộ được gốc thì họ tự biết, tu cùng không tu là lời nói hai đầu. Như nay có người sơ tâm tuy từ duyên được một niệm đốn ngộ chân lý nơi mình, nhưng vẫn còn tập khí nhiều kiếp từ vô thủy chưa có thể chóng sạch, nên dạy hấn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại, tức là tu vậy. Không nói có một pháp riêng dạy hấn tu hành thú hướng. Từ nghe nhập được lý, nghe và lý sâu mâu, tâm tự tròn sáng không ở chỗ mê lầm, hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa thẳng trâm, hấn vẫn được ngồi yên mặc áo, tự biết tạo sinh kế.

Người đốn ngộ nắm được cái gốc rồi thì tu hay là không tu cũng không quan trọng. Nắm được gốc là đủ.

Chúng ta là kẻ sơ tâm, được chút duyên lành, ngộ được chân lý nơi mình, nhưng tập khí hư xấu, loạn tướng

chưa sạch thì phải gắng tu. *Dạy hấn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại.* Tức là dạy những kẻ đốn ngộ còn nhiều tập khí, cắt đứt dòng tâm thức chạy theo sáu trần để tạo nghiệp. Trừ sạch như thế là tu. *Không nói có một pháp riêng dạy hấn tu hành thú hưởng.* Từ nghe rồi nhập được lý, nghe và lý được sâu mâu, tâm tự tròn sáng không ở chỗ lầm mê. *Hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa thăng trầm, hấn vẫn được ngồi yên mặc áo, tự biết tạo sinh kế.* Người trở về được cái gốc đó rồi thì bên ngoài có bao nhiêu việc thăng trầm vẫn an nhiên tự tại, không bị lôi cuốn.

Nói tóm lại, *“chỗ lý chân thật không nhận một mảy bụi, trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp”* (Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp). Nếu được như vậy, là một mình cầm đao thẳng vào, lòng phàm thánh sạch, hiện bày chân thường, lý sự không hai, tức Phật như như.

Người sau này hay nói: *Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp*, lại ít nói: *Thật tế lý địa bất thọ nhất trần*. Đất thật tế chính là chỗ Lục Tổ nói: “Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai!” Ở đây, *bất thọ nhất trần* là không dính một mảy bụi. Người tu đạt được chỗ thật tế rồi thì trên muôn hạnh tùy duyên, làm gì cũng là Phật pháp. Nếu không đạt được lý thật tế thì làm hạnh nào cũng trở thành chấp trước.

Được trên lý thật tế không dính một mảy bụi, trên muôn hạnh không bỏ một pháp, lý sự không hai thì người đó là Phật như như.

Thiền sư Huệ Tịch (Ngưỡng Sơn) hỏi:

- Trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến, phải làm sao?

Sư đáp:

- Xanh chẳng phải là vàng, dài chẳng phải là ngắn, các pháp mỗi pháp ở địa vị của nó, chẳng can hệ đến việc của ta.

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ đến?

Sư chỉ lồng đèn bảo:

- Lồng đèn rất tốt.

- Đâu chỉ cái ấy là phải sao?

- Cái ấy là cái gì?

- Lồng đèn rất tốt.

- Hẳn là chẳng thấy.

Trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến, phải làm sao? Ngài đáp như lạc đề: Xanh chẳng phải là vàng, dài chẳng phải là ngắn, các pháp mỗi pháp ở địa vị của nó, chẳng can hệ đến việc của ta. Bây giờ trước mắt chúng ta trăm ngàn hình tượng, dàn trải đầy dẫy, lúc đó nên nhắm mắt hay mở mắt? Phải mở mắt. Mở mắt để thấy cái này đẹp cái kia xấu, thấy tâm mình lộn xộn ra sao. Tuy nhiên, với thiền sư mở mắt nhưng xanh vẫn là xanh, vàng vẫn là vàng, cái nào ở địa vị cái nấy, tâm không chấp kẹt, tất cả pháp đều ở vị của nó, nên không có lỗi lầm. Ngài Ngưỡng Sơn nghe câu này liền nhận được.

Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ đến? Tổ Quy Sơn chỉ: Lòng đèn rất tốt. Cũng câu hỏi này, có vị thiền sư đáp: “Phất tử bằng lông rùa” hoặc “Cây gậy bằng sừng hổ, ông trốn ở chỗ nào?” Bí mật hoàn toàn bí mật.

Ngài Ngưỡng Sơn cao tay ấn: *Đâu chỉ cái ấy là phải sao? Cái đó chưa phải, nên tổ Quy Sơn hỏi lại: Cái ấy là cái gì?* Ngài Ngưỡng Sơn đáp: *Lòng đèn rất tốt.* Xác định cái đó, ngài đáp: *Hẳn là chẳng thấy.* Như vậy, ý Tổ sư từ Ấn Độ sang chỉ là trời xanh.

Sư cùng chúng đi hái trà. Sư bảo Huệ Tịch:

- Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, hãy hiện bản hình cho ta thấy coi.

Huệ Tịch liền đập cây trà.

Sư bảo:

- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thế nào?

Sư im lặng.

- Hòa thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó.

- Tha cho con hai chục gậy.

Sư cùng chúng đi hái trà. Sư bảo Huệ Tịch:

- Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, hãy hiện bản hình cho ta thấy coi.

Nghe tiếng mà không thấy hình, bây giờ hiện hình cho ta thấy xem.

Huệ Tịch liền đập cây trà. *Sư bảo*:

- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thể nào?

Sư im lặng.

- Hòa thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó.

- Tha cho con hai chục gậy.

Đập cây trà là hiện bản hình rồi đó. Tha hai chục gậy là phần thưởng. Thầy trò các ngài nói chuyện đạo lý như giỡn chơi.

Sư ngồi, Huệ Tịch đi vào, Sư bảo:

- Tịch con! Hãy nói mau chớ vào ẩm giới.

Huệ Tịch thưa:

- Huệ Tịch tin cũng chẳng lập.

- Con tin rồi chẳng lập hay chẳng tin chẳng lập?

- Chỉ là Huệ Tịch, lại tin cái gì?

- Nếu thế ấy chỉ là định tánh Thanh văn.

- Huệ Tịch Phật cũng chẳng lập.

Sư ngòi, Huệ Tịch đi vào, Sư bảo:

- Tịch con! Hãy nói mau, chớ vào ẩm giới.

Tức là đừng dính trong ẩm và giới.

Huệ Tịch thưa:

- Huệ Tịch tin cũng chẳng lập.

- Con tin rồi chẳng lập hay chẳng tin mà chẳng lập?

- Chỉ là Huệ Tịch, lại tin cái gì?

- Nếu thế ấy chỉ là định tánh Thanh văn.

- Huệ Tịch Phật cũng chẳng lập.

Ngài Huệ Tịch nói: *Huệ Tịch tin cũng chẳng lập* là không kẹt trong ẩm giới. Ngài liền đặt câu hỏi: *Tin rồi chẳng lập hay chẳng tin mà chẳng lập?* Ngài Huệ Tịch liền tránh cái bẫy đó. Tin hay chẳng tin không thành vấn đề, Huệ Tịch là Huệ Tịch, là trí tuệ lạng lẽ.

Tổ lại bẻ qua: *Nếu vậy thì định tánh Thanh văn rồi.* Ngài Huệ Tịch liền sửa lại: *Huệ Tịch Phật cũng chẳng lập*, hướng nữa là định tánh Thanh văn.

Sư ngủ vừa thức giấc. Huệ Tịch đến hỏi thăm. Sư liền xây mặt vào vách. Huệ Tịch thưa:

- Hòa thượng đâu được như vậy.

Sư trỗi dậy bảo:

- Vừa rồi ta nằm một điềm chiêm bao, con thử vì ta đem lại xem.

Huệ Tịch múc một thau nước đem lại cho **Sư rửa mặt**. **Sư rửa mặt xong**, giầy lát **Trí Nhân (Hương Nghiêm)** đến hỏi thăm, **Sư** bảo:

- Vừa rồi ta nằm một điềm chiêm bao, **Huệ Tịch** vì ta đem lại xong, người lại đem cho ta xem.

Trí Nhân liền rót một chung trà bưng đến.

Sư bảo:

- Hai con thấy hiểu còn hơn **Xá-lợi-phất**.

Lanh lẹ thông minh quá chừng! Thầy nói chuyện đâu đâu mà đệ tử biết ý liền. Ngủ mới thức dậy thì cần nước rửa mặt, nên **Huệ Tịch** chạy múc thau nước đem lại. Rửa mặt xong thì uống trà nên ngài **Hương Nghiêm** rót một chung trà đem lại. Đúng là đem chiêm bao đến. Quá hay!

Sư hỏi **Vân Nham (Đàm Thanh)**:

- Nghe huynh ở **Dược Sơn** lâu lắm phải chăng?

- Phải.

- **Tướng Dược Sơn** đại nhân thế nào?

- Sau khi **Niết-bàn** mới có.

- Sau khi **Niết-bàn** mới có thế nào?

- Nước rưới chẳng dính.

Vân Nham hỏi lại **Sư**:

- **Bá Trượng** đại nhân tướng thế nào?

- Chững chạc vọi vọi, sáng suốt rực rỡ, trước tiếng chẳng phải tiếng, sau sắc chẳng phải sắc, con muỗi đậu trên trâu sắt, không có chỗ huynh cảm mỗ.

Ngài Vân Nham tả tướng tổ Dược Sơn: *Sau khi Niết-bàn mới có, nước rưới chẳng dính.* Ngài Quy Sơn tả tướng tổ Bá Trượng: *Chững chạc vọi vọi, sáng suốt rực rỡ, trước tiếng chẳng phải tiếng, sau sắc chẳng phải sắc, con muỗi đậu trên trâu sắt, không có chỗ cho huynh cảm mỗ.*

Niết-bàn không có tướng. Muỗi đậu trên trâu sắt không có chỗ cảm mỗ. Như vậy một bên lấy cái không tướng tả tướng, một bên lấy cái tướng tả cái không tướng. Người xưa khéo léo tài tình. Tướng đó làm sao vẽ? Vẽ được như ngài Quy Sơn vẽ tướng tổ Bá Trượng mới nên vẽ.

Thấy Trí Nhân, Huệ Tịch làm bánh, Sư bảo:

- Bá Trượng tiên sư đương thời thân được đạo lý này.

Huệ Tịch, Trí Nhân nhìn nhau nói:

- Người nào đáp được lời này?

Sư bảo:

- Có một người đáp được.

Huệ Tịch thưa:

- Người nào?

Sư chỉ con trâu bảo:

- Nói! Nói!

Huệ Tịch chạy lấy một bó cỏ đem lại. **Trí Nhân** lấy thùng múc một thùng nước đem lại để trước con trâu. Con trâu đang ăn, **Sư bảo**:

- Như thế như thế, chẳng như thế chẳng như thế.

Huệ Tịch, Trí Nhân đồng lễ **Sư. Sư bảo**:

- Hoặc khi sáng, hoặc khi tối.

Mấy thầy tăng hồi xưa cũng thường làm bánh, không phải mấy cô ni mới biết làm. Hai người nhồi bột làm bánh, nói chuyện như đùa mà đầy đạo lý. Ngài **Quy Sơn** tới nói: *Bá Trượng tiên sư đương thời thân được đạo lý này.*

Ngài **Huệ Tịch, Trí Nhân** nhìn nhau nói: *Người nào đáp được lời này?* **Tổ bảo**: *Có một người đáp được, rồi chỉ con trâu.* Hai vị đệ tử, kẻ đem cỏ người đem nước lại cho trâu ăn. Ngài liền bảo: *Như thế như thế, chẳng như thế chẳng như thế.*

Về hành động, hai đệ tử thật là lanh lợi. Con trâu không biết nói mà ngài bảo con trâu nói. Như vậy để chúng ta thấy rằng chỗ chí lý vô ngôn ấy không dùng ngôn ngữ mà phát được, cũng không dùng những hành động khôn ngoan khéo léo mà diễn tả được. Chỉ là lặng lẽ thường tri mới phù hợp.

Ngài chỉ con trâu bảo nói là thể hiện chỗ vô ngôn. Hai người đồng nhận được chỗ đó nên đem cỏ và nước cho trâu ăn. Hai đệ tử lễ tạ, tuy nhiên ngài thấy vẫn còn chưa viên mãn nên nói: *Khi sáng, khi tối.*

Một hôm, Sư thúc chúng trình ngữ, bảo:

- Ngoài thanh sắc hãy gặp ta.

Thượng tọa Giám Hoằng trình ngữ:

- Chẳng từ chối đưa ra, người ấy không mất.

Sư chẳng nhận.

Huệ Tịch ba phen trình ngữ. Lần đầu:

- Thấy, chẳng thấy.

Sư bảo:

- Nhỏ như chót lông, lạnh tợ sương tuyết.

Lần thứ hai:

- Ngoài thanh sắc ai cầu thấy nhau?

Sư bảo:

- Chỉ kẹt chỗ giải thoát của Thanh văn.

Lần thứ ba:

- Như hai gương chiếu nhau, ở trong không hình tượng.

Sư bảo:

- Lời này đúng, ta phải người chẳng phải, sớm lập hình tượng rồi vậy.

Huệ Tịch hỏi lại Sư:

- Con tinh thần tối tăm, đối đáp vụng về, chẳng biết Hòa thượng hỏi còn ở với Sư ông Bá Trượng trình ngữ thế nào?

Sư bảo:

- Ta hồi ở với tiên sư Bá Trượng trình ngữ như vậy: “Như trăm ngàn gương sáng chiếu soi hình tượng, bóng ảnh soi nhau, cỗi cỗi bụi bụi mỗi mỗi chẳng lấm lẫn.”

Huệ Tịch lễ bái.

Một hôm, Sư thúc chúng trình ngữ, bảo:

- Ngoài thanh sắc hãy gặp ta.

Ngài bảo chúng trình ngữ mà chỉ nói một câu: *Ngoài thanh sắc hãy gặp ta.* Câu nào ngoài thanh sắc? Ai nói được?

Thượng tọa Giám Hoằng trình ngữ:

- Chẳng từ chối đưa ra, người ấy không mất.

Sư chẳng nhận. Huệ Tịch ba phen trình ngữ.

Lần đầu: - Thấy, chẳng thấy.

Sư bảo:

- Nhỏ như chót lông, lạnh tợ sương tuyết.

Lần thứ hai: - Ngoài thanh sắc, ai cầu thấy nhau?

Sư bảo:

- Chỉ kẹt chỗ giải thoát của Thanh văn.

Lần thứ ba: - Như hai gương chiếu nhau, ở trong không hình tượng.

Sư bảo:

- Lời này đúng, ta phải người chẳng phải, sớm lập hình tượng rồi vậy.

Lần đầu ngài Huệ Tịch trình ngữ: *Thấy, chẳng thấy* cũng còn có hai. Cho nên ngài Quy Sơn nói: *Nhỏ như chót lông, lạnh tựa sương tuyết, không dính gì hết.*

Lần thứ hai: *Ngoài thanh sắc, ai cầu thấy nhau?* Ngài đáp: *Chỉ kẹt chỗ giải thoát của Thanh văn.* Không cầu thấy nhau như vậy là lặng lẽ, lặng lẽ đó thuộc về Thanh văn.

Câu thứ ba: *Như hai gương chiếu nhau, ở trong không hình tượng.* Sáng mà lặng là thể tịch, nên ngài nói: *Lời này đúng, ta phải người chẳng phải.*

Huệ Tịch hỏi lại Sư:

- *Con tinh thần tối tăm, đối đáp vụng về, chẳng biết Hòa thượng hỏi còn ở với Sư ông Bá Trượng trình ngữ thế nào?*

Sư bảo:

- *Ta hỏi ở với tiên sư Bá Trượng trình ngữ như vậy: “Như trăm ngàn gương sáng chiếu soi hình tượng, bóng ảnh soi nhau, côi côi bụi bụi mỗi mỗi chẳng lấm lẫn.”*

Huệ Tịch lễ bái.

Huệ Tịch bí quá, thưa: *Con tinh thần tối tăm, đối đáp vụng về, chẳng biết Hòa thượng hỏi còn ở với Sư ông Bá Trượng trình ngữ thế nào?* Ngài đáp: *Ta hỏi ở với tiên sư Bá Trượng trình ngữ như vậy: “Như trăm ngàn gương sáng chiếu soi hình tượng, bóng ảnh soi nhau, côi côi bụi bụi mỗi mỗi chẳng lấm lẫn.”*

Cõi nước là to, bụi là nhỏ, gương sáng rõ rõ chiếu nhau không lẫn một hạt bụi, không lẫn một cõi. Như vậy mới là chỗ viên mãn.

Cái đó tịch, lặng lẽ, hai bên chiếu nhau không có hình bóng thì chưa phải. Tu đến chỗ viên mãn, trong ngoài đều sáng rõ mới qua khỏi thức ám, còn ở trong vòng thức ám thì tịch mà chưa chiếu. Trong ngoài sáng rõ cũng như trăm ngàn cái gương sáng chiếu nhau không chút lẫn lộn mới là triệt ngộ.

Các bậc thiền sư xưa, nghe câu nói là biết thiền giả tu đã tới chỗ nào, còn mắc kẹt hay là hết mắc kẹt. Chúng ta tu chừng nào đạt tới chỗ này mới được, chưa đạt tới như thế thì cũng còn kẹt.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Sau khi lão tăng trăm tuổi đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái viết năm chữ “Quy Sơn tăng Linh Hựu”. Khi ấy gọi là Quy Sơn tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Quy Sơn tăng? Gọi thế nào mới đúng?

Con trâu mang chữ Quy Sơn tăng Linh Hựu, gọi thế nào cho đúng? Người không hiểu nghe đoạn này sẽ hiểu lầm: Tu như tổ Quy Sơn mà gần chết, trần trối thành con trâu ở dưới chân núi. Chúng ta phải biết chỗ này là chỗ của người đã vượt ra khỏi vòng đối đãi.

Hàng thấp trong lục đạo là súc sanh, còn hàng cao nhất vượt ra khỏi lục đạo là thánh giả. Thánh và phàm không còn kẹt nữa mới là người siêu xuất tam giới.

Tổ Quy Sơn muốn chỉ ra cái siêu xuất của ngài bằng hình ảnh con trâu và Quy Sơn tặng Linh Hựu. Trong đó thật phàm và thánh không hai, không chia chẻ rời được. Còn thấy phàm thấy thánh là phàm tình chưa hết.

Sư truyền bá Thiền giáo hơn bốn mươi năm, người đạt được lý thú không thể kể hết, đệ tử nhập thất (được truyền tâm) được bốn mươi một người.

Đời Đường niên hiệu Đại Trung năm thứ bảy (853), ngày mùng chín tháng giêng, Sư tắm gội xong, ngồi kiết già vui vẻ thị tịch. Sư thọ 83 tuổi, 64 tuổi hạ.

Vua ban hiệu Đại Viên thiền sư, tháp hiệu Thanh Tịnh.

Sư có trước tác tập Quy Sơn Cảnh Sách rất được lưu hành trong thiền môn.

Điểm đặc biệt của thiền sư Quy Sơn là lãnh hội được Thiền tông nơi tổ Bá Trượng bằng phương tiện moi lửa. Kế đó, ngài kham khổ ở trên núi bảy năm, không người biết. Sức chịu đựng của ngài phi thường, với tâm niệm vì pháp lợi sanh, không chỉ an ổn cho riêng mình. Cuối cùng, ngài ra khỏi am, thấy cọp sói đầy đường, ngăn trở mọi người không lên núi được, ngài mới phát nguyện: *Nếu ta có duyên với núi này, các người nên đi tránh chỗ khác. Nếu ta không có duyên ở đây thì các người cứ ăn thịt ta đi.*

Chí nguyện của ngài là sống và làm việc, truyền bá đạo pháp được thì sống, bằng không thì thà chết,

chứ không chỉ lợi ích cho riêng mình. Duyên hạnh như vậy nên ngài đã truyền bá đạo pháp được đông đảo. Pháp hội có tới một ngàn năm trăm vị tham học, núi Quy trở thành một thiền hội lớn nhất thời bấy giờ.



THIÊN SƯ HOÀNG BÁ HY VẬN

(? - 850)

Sư người tỉnh Môn (Phúc Kiến), Hồng Châu, thuở nhỏ xuất gia trên núi Hoàng Bá tại bản châu. Trên trán Sư có cục thịt nổi vun lên như hạt châu, âm thanh trong trẻo, ý chí đậm bạc.

Đi đạo núi Thiên Thai, Sư gặp một vị tăng nói chuyện với nhau như đã quen biết từ xưa, nhìn kỹ là người mục quang xạ. Hai người đồng hành, gặp một khe suối nước đầy chảy mạnh, Sư lột mũ chống gậy đứng lại. Vị tăng kia thúc Sư đồng qua. Sư bảo:

- Huynh cần qua thì tự qua.

Vị tăng kia liền vén y, bước trên sóng như đi trên đất bằng. Qua đến bờ, vị tăng kia xoay lại hỏi:

- Qua đây! Qua đây!

Sư bảo:

- Ôi! Cái gã Thanh văn này. Nếu tôi sớm biết sẽ chặt bấp đùi huynh.

Vị tăng kia khen:

- Thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp.

Nói xong, không thấy vị tăng ấy nữa.

Sư người tỉnh Môn (Phúc Kiến), Hồng Châu, thuở nhỏ xuất gia trên núi Hoàng Bá tại bản châu. Trên trán Sư có cục thịt nổi vùn lên như hạt châu, âm thanh trong trẻo, ý chí đăm bạt.

Thiền sư Hy Vận Hoàng Bá, chữ Bá này có người đọc là Nghiệt, gọi là Hoàng Nghiệt. Nhưng chữ Nghiệt khó đọc nên thường đọc là Hoàng Bá.

Đi dạo núi Thiên Thai, Sư gặp một vị tăng nói chuyện với nhau như đã quen biết từ xưa, nhìn kỹ là người mục quang xạ.

Xạ là bắn. Mục quang xạ là ánh mắt như xoáy vào đối tượng nhìn, chỉ cho người mắt rất sáng.

Hai người đồng hành, gặp một khe suối nước đầy chảy mạnh, Sư lột mũ chống gậy đứng lại. Vị tăng kia thúc Sư đồng qua. Sư bảo:

- Huynh cần qua thì tự qua.

Vị tăng kia liền vén y, bước trên sóng như đi trên đất bằng. Qua đến bờ, vị tăng kia xoay lại hỏi:

- Qua đây! Qua đây!

Sư bảo:

- *Ôi! Cái gã Thanh văn này. Nếu tôi sớm biết sẽ chặt bắp đùi huynh.*

Vị tăng kia khen:

- *Thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp.*

Nói xong, không thấy vị tăng ấy nữa.

Khi hai người đồng đi tới suối nước lớn, ngài tới đó chống gậy lột mũ đứng ngó, qua không được. Vị tăng kia liền vén áo đi khơi khơi trên mặt nước. Dùng thần thông chỗ này có hai lỗi, thứ nhất là chỉ mình là hàng Nhị thừa, thứ hai là phạm giới Phật. Cho nên, ngài đồng đạc nói: *Ôi! Cái gã Thanh văn này. Nếu tôi sớm biết sẽ chặt bắp đùi huynh.* Vị tăng kia khen: *Thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp.* Chúng ta bây giờ thấy như vậy thì lạy liền, xin quy y.

Tinh thần Đại thừa của nhà Phật không quý chuộng thần thông. Người tu không khéo dễ nhận lầm, yêu chuộng quý mến thần thông. Nghe ai có thần thông thì kính phục. Hàng Thanh văn Duyên giác dùng thần thông độ chúng sanh, Bồ-tát tuyệt nhiên không dùng, các vị Bồ-tát chỉ thẳng tâm địa, thấy tánh thành Phật.

Chúng ta tu là trở lại sống với tâm thanh tịnh của chính mình, cái đó mới là cội nguồn thoát khỏi sanh tử. Thần thông diệu dụng chỉ là cái phụ bên ngoài. Nếu ham cái dụng mà không đạt được cái thể thì làm sao giải thoát! Ham cái dụng tức là ham tướng bên ngoài. Khi nghe nói người này người kia tu ở núi hay ở trong thất ít tháng ít năm, người ta vẫn thường mở miệng hỏi:

“Có thấy cái gì chưa? Được cái gì chưa?” Đó là lầm lẫn của người tu hiện thời.

Tinh thần Đại thừa không quý chuộng thần thông mà quý chuộng người ngộ được bản tâm. Đó là điều thiết yếu.

Sư đến kinh đô nhờ người mách đến tham vấn Mã Tổ, đến nơi Mã Tổ đã tịch. Sư đến Thạch Môn lễ tháp, rồi tìm đến Bá Trượng.

Bá Trượng hỏi:

- Chứng chạc to lớn từ đâu đến?

Sư thưa:

- Chứng chạc to lớn từ Lãnh Nam đến.

- Chứng chạc to lớn đến vì việc gì?

- Chứng chạc to lớn chẳng vì việc khác.

Sư liền lễ bái hỏi:

- Từ trước tông thừa chỉ dạy thế nào?

Bá Trượng lặng thinh.

Sư thưa:

- Không thể dạy người sau dứt hẳn mất.

Bá Trượng bảo:

- Sẽ nói riêng với người.

Bá Trượng đứng dậy đi vào phương trượng.

Sư đi theo sau, thưa:

- Con đến riêng một mình.

Bá Trượng bảo:

- Nếu vậy, người sau sẽ không cô phụ ta.

Từ trước tông thừa chỉ dạy thế nào? Thiền tông từ trước đến giờ chỉ dạy ra sao?

Ngài đi tới tổ Bá Trượng hỏi *từ trước tông thừa chỉ dạy thế nào?* Tông thừa hay Thiền tông cũng tương tự như nhau. Hỏi Thiền tông chỉ dạy thế nào? Tổ Bá Trượng lặng thinh không nói. Như vậy có tàn nhẫn không? Người ta tha thiết hỏi đạo lý mà không nói gì hết.

Ngài Hoàng Bá thưa *không thể dạy người sau dứt hẳn mất*, nếu không dạy người thì sau này còn ai nối tiếp. Bá Trượng bảo *sẽ nói riêng với ông*. Vậy trọng tâm chỗ chỉ dạy tông thừa thế nào? *Bá Trượng làm thinh* là dạy chưa, có nói chỗ yếu lý của tông thừa không? Chỗ yếu lý của tông thừa vượt ngoài đối đãi, mà ngôn ngữ là đối đãi, nên mở miệng nói thì sai, vì vậy Tổ làm thinh. Ngài Hoàng Bá sợ như vậy người sau không thể học hiểu, tổ Bá Trượng bảo sẽ nói riêng với ông. Cho nên Tổ đi vào phương trượng, Hoàng Bá đi theo.

Ở đây chúng ta không thấy tổ Bá Trượng dạy cái gì, cũng không thấy ngài Hoàng Bá nói ngộ chi, mà thấy trò lại có chỗ kế thừa. Đó là chỗ đặc biệt của nhà thiền. Vì chỗ lặng thinh đó, không thể nào hiểu nổi, mà không hiểu nổi là đúng hay không đúng? Vừa khởi hiểu là đã xa muôn dặm, cho nên ngay chỗ lặng thinh mà nhận thì được. *Ngài Bá Trượng lặng thinh*, thiền sư Hoàng Bá có hội ý không? Ngài bảo *không thể dạy người sau*

sẽ dứt hẳn mất, Bá Trượng bảo sẽ nói riêng với ông. Tổ Bá Trượng đi vào phương trượng ngài cùng đi theo sau, nói con đến riêng một mình đây. Bá Trượng bảo nếu vậy ông sau sẽ không cô phụ ta. Tổ dạy cái gì mà nói không cô phụ ta? Thầy trò đối xử rất bình thường thì chỗ nào mà thâm nhập được, lại nói sẽ không cô phụ ta?

Chỗ còn nói năng là còn hai, bật nói năng thì hai hay một? Vì vậy Hoàng Bá nói con tới một mình thôi, Tổ bảo sau ông sẽ không cô phụ ta. Nói một tí thôi mà thật là nhẹ nhàng nhanh chóng, nghe liền hiểu nhau, coi như thầy trò đã thông cảm. Thế là ngài Hoàng Bá được tổ Bá Trượng ấn chứng.

Một hôm Bá Trượng hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Nhổ nấm dưới núi Đại Hùng đến.

- Lại thấy cọp chẳng?

Sư làm tiếng cọp rống. Bá Trượng cầm búa thủ thế. Sư vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Bá Trượng cười to bỏ đi.

Bá Trượng thượng đường bảo chúng:

- Dưới núi Đại Hùng có con cọp, các người nên xem. Lão Bá Trượng này hôm nay đích thân bỗng gặp và bị cắn một cái.

Một hôm, Bá Trượng hỏi: - Ở đâu đến?

Ngài ở chúng rồi mà thầy còn hỏi ở đâu đến, như giỡn chơi vậy.

Sư thưa: - Nhổ nấm dưới núi Đại Hùng đến.

Núi Bá Trượng tên là núi Đại Hùng, vì nó cao tới hàng trăm trượng nên người ta gọi là Bá Trượng.

Tổ Bá Trượng hỏi: *Lại thấy cọp chẳng?*

Nhổ nấm dưới núi Đại Hùng đến, vậy có thấy được con cọp không? Nếu thấy núi mà không thấy cọp là chưa vào trong núi.

Sư làm tiếng cọp rống. Bá Trượng cầm búa thủ thế. Sư vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Bá Trượng cười to bỏ đi. Ngài rống lên một tiếng chứng tỏ rằng mình đã là cọp, cần gì thấy nữa. Bá Trượng thủ thế bằng cái búa, ngài liền vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Thầy trò cảm thông nhau được rồi, nên tổ Bá Trượng cười to bỏ đi.

Ngài bỏ đi rồi, tổ Bá Trượng khoe với chúng:

Dưới núi Đại Hùng có con cọp, các người nên xem. Lão Bá Trượng này hôm nay đích thân bỗng gặp và bị cắn một cái.

Cắn một cái trên bắp đùi, vậy là con cọp lớn. Học trò của tổ Bá Trượng cũng gần tương đương với tổ Bá Trượng.

Sư ở chỗ Nam Tuyên. Một hôm, toàn chúng đi hái trà, Nam Tuyên hỏi:

- Đi đâu?

Sư thưa:

- Đi hái trà.

- Đem cái gì hái?

Sư đưa con dao lên. Nam Tuyên bảo:

- Tất cả đi hái trà đi.

Một hôm đi hái trà, Nam Tuyên hỏi: *Đem cái gì hái?* Ngài đưa con dao mà không nói. Thấy vậy, Nam Tuyên nói: *Tất cả đi hái trà đi.* Chỗ này kẻ tung người hứng, thâm thâm nhận ý của nhau.

Hôm nọ, Nam Tuyên bảo Sư:

- Lão tăng ngẫu hứng làm bài ca Chấn Trâu, mời Trưởng lão hòa.

Sư thưa:

- Tôi tự có thầy rồi.

Ngài Nam Tuyên là huynh đệ với ngài Bá Trượng. Như vậy đối với ngài Hoàng Bá, Nam Tuyên coi như là Sư thúc. Ngài Nam Tuyên gọi ngài Hy Vận là Trưởng lão, chứng tỏ lúc đó ngài Hy Vận đã lớn tuổi. Nam Tuyên nói rằng: *Lão tăng ngẫu hứng làm bài ca Chấn Trâu, mời Trưởng lão hòa.* Ngài thưa: *Tôi tự có thầy rồi,* chỉ tới tham học thêm thôi.

Sư từ giã đi nơi khác, Nam Tuyên tiến đến cổng, cầm chiếc mũ của Sư đưa lên hỏi:

- Trưởng lão thân to lớn mà chiếc mũ rất nhỏ vậy?

Sư thưa:

- Tuy nhiên như thế, đại thiên thế giới đều ở trong ấy.

Nam Tuyền bảo:

- Vương lão sư vậy.

Sư đội mũ ra đi.

Bây giờ ngài sửa soạn từ giả Nam Tuyền đi. Đến cổng, Nam Tuyền cầm chiếc mũ nói *Trưởng lão thân to lớn mà chiếc mũ rất nhỏ vậy*. Câu này là câu dọa dẫm lần chót. Ngài đáp rất khéo, *Tuy nhiên như thế, cả đại thiên thế giới đều ở trong ấy*. Tuy tướng mạo nó nhỏ vậy, mà trùm cả đại thiên sa giới. Do đó ngài Nam Tuyền cũng phải nể. Đó là những câu chuyện đối đáp khi tham vấn những bậc thiện tri thức. Rất là khéo, rất là đặc biệt.

Sau, Sư về trụ trì tại Hồng Châu chùa Đại An. Đồ chúng tìm đến rất đông.

Có lần, Sư tránh chúng đến chùa Khai Nguyên cũng ở Hồng Châu. Tướng quốc Bùi Hưu vào chùa thấy hình vẽ trên vách, hỏi thầy trụ trì:

- Vẽ cái gì đây?

Thầy trụ trì đáp:

- Vẽ hình cao tăng.

Bùi Hưu hỏi:

- Hình có thể thấy, cao tăng ở đâu?

Thầy trụ trì không đáp được.

Bùi Hưu hỏi:

- Trong đây có thiền nhân chăng?

Thầy trụ trì đáp:

- Vừa có một vị tăng vào chùa đang làm việc in tuồng thiền giả.

Bùi Hưu bèn xin cho gặp. Thấy Sư, Bùi Hưu nói:

- Hưu vừa có một câu hỏi, chư đức tiếc lời, giờ thỉnh thượng nhân đáp thế một câu.

Sư bảo:

- Mời tướng công hỏi lại.

Bùi Hưu lặp lại câu hỏi trước.

Sư lớn tiếng gọi:

- Bùi Hưu!

Bùi Hưu:

- Dạ!

Sư bảo:

- Ở chỗ nào?

Bùi Hưu ngay nơi đó ngộ được ý chỉ như được hạt châu trên búi tóc, bèn thỉnh Sư vào phủ kính thờ làm thầy.

Sư tránh chúng đến chùa Khai Nguyên cũng ở Hồng Châu. Tránh chúng tức là trong chúng lúc đó có những chuyện không vui, ngài không thích nên bỏ đi nơi khác.

Tướng quốc Bùi Hưu vào chùa thấy hình vẽ trên vách, hỏi: Hình của cao tăng ở đây mà cao tăng nơi nào?

Thầy trụ trì không đáp được.

Bùi Hưu hỏi:

- Trong đây có thiền nhân chăng?

Thầy trụ trì đáp:

- Vừa có một vị tăng vào chùa đang làm việc in tuồng thiền giả.

Bùi Hưu bèn xin cho gặp. Thấy Sư, Bùi Hưu nói:

- Hưu vừa có một câu hỏi, chư đức tiếc lời, giờ thỉnh thượng nhân đáp thế một câu.

Sư bảo:

- Mời tướng công hỏi lại.

Bùi Hưu lặp lại câu hỏi trước.

Ngài chỉ cần kêu: *Bùi Hưu!* Bùi Hưu: *Dạ!* Nói: *Ở chỗ nào?* Thì thấy liền. Bùi Hưu thấy cao tăng hay Bùi Hưu thấy cái gì? *Như được hạt châu trên búi tóc.* Chúng ta thường có thói quen thấy hình tướng mà không thấy được tâm của mình. Bây giờ hỏi tâm ở đâu, làm sao mà chỉ? Cũng như thấy tượng mà hỏi tinh thần của tượng ở chỗ nào, làm sao chỉ được? Không có gì hay hơn gọi: *Bùi Hưu!* Chỉ cần *Dạ* là thấy ngay chỗ đó. Trong nhà thiền, cái *Dạ* này rất quan trọng.

Có hôm Bùi Hưu hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Tức tâm là Phật, không tâm là đạo. Chỉ không có khởi những tâm động niệm, có không, dài ngắn, ta người, năng sở... Tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm, tâm như hư không, sở dĩ nói: “Chân pháp thân của Phật ví như hư không.” Không nên cầu gì khác, có cầu đều khổ. Giả sử trải qua số kiếp như cát sông Hằng tu hành lục độ vạn hạnh, được Phật Bồ-đề, cũng không phải cứu cánh. Vì cố sao? Vì thuộc về nhân duyên tạo tác, nhân duyên nếu hết trở lại vô thường. Sở dĩ nói: “Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp.” Cốt biết tâm mình không ngã không nhân, xưa nay là Phật.

Bùi Hưu hỏi:

- Tâm đã xưa nay là Phật, lại cầu tu lục độ vạn hạnh chẳng?

Sư đáp:

- Ngộ tại tâm, không quan hệ gì lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh đều là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh. Giả sử Bồ-đề, chân như, thật tế, giải thoát, pháp thân, thẳng đến Thập địa, bốn quả vị thánh đều là cửa hóa độ, không quan hệ Phật tâm. Tâm tức là Phật, nên nói: “Tất cả trong cửa tiếp độ, Phật tâm là bậc nhất.” Chỉ không tâm sanh tử phiền não v.v... tức không cần đến pháp Bồ-đề v.v... nên nói: “Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp”

(Tổ Huệ Năng). Từ Phật đến Tổ không luận việc gì khác, chỉ luận một tâm, cũng nói là “Nhất thừa”, nên nói: “Tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, trong chúng này không còn nhánh lá, chỉ toàn hạt chắc” (Kinh Pháp Hoa). Bởi vì ý này khó tìm, nên tổ Đạt-ma sang xứ này đến hai nước Lương, Ngụy mà chỉ có một mình Huệ Khả đại sư thâm tin tâm mình, ngay một câu nói liền lãnh hội “tức tâm là Phật”. Thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Đại đạo xưa nay bình đẳng, nên nói “tin sâu chúng hàm sanh đồng một chân tánh”. Tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ. Lại có câu: “Khi nhận được tâm tánh, nên nói không nghĩ bàn.”

Sau này, tướng quốc Bùi Hưu đến trấn Uyển Lăng lập đại thiền uyển thỉnh Sư làm hóa chủ ở đó. Vì mến núi cũ nên Sư vẫn để hiệu là Hoàng Bá.⁽⁵⁾

Có hôm Bùi Hưu hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Tức tâm là Phật, không tâm là đạo. Chỉ không có khởi những tâm động niệm, có không, dài ngắn, ta người, năng sở... Tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm, tâm như hư không, sở dĩ nói: “Chân pháp thân của Phật ví như hư không.” Không nên cầu gì khác, có cầu đều khổ. Giả sử trải qua số kiếp như cát sông Hằng tu hành lục độ vạn hạnh, được Phật Bồ-đề, cũng không phải cứu cánh.

⁽⁵⁾ Phần truyền dạy của Sư cho Bùi Hưu đầy đủ, nên đọc Truyền Tâm Pháp Yếu và Uyển Lăng Lục.

Vì có sao? Vì thuộc về nhân duyên tạo tác, nhân duyên nếu hết trở lại vô thường. Sở dĩ nói: “Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp.” Cốt biết tâm mình không ngã không nhân, xưa nay là Phật.

Ngài chỉ thẳng tâm mình tức là Phật, không tâm tức là đạo. Không có tâm phàm, thánh... chính là đạo. Khởi lên tâm đối đãi là mất đạo.

Bùi Hưu hỏi:

- Tâm đã xưa nay là Phật, lại cầu tu lục độ vạn hạnh chăng?

Sư đáp:

- Ngộ tại tâm, không quan hệ gì lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh đều là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh. Giả sử Bồ-đề, chân như, thật tế, giải thoát, pháp thân, thẳng đến Thập địa, bốn quả vị thánh đều là cửa hóa độ, không quan hệ Phật tâm. Tâm tức là Phật, nên nói: “Tất cả trong cửa tiếp độ, Phật tâm là bậc nhất.” Chỉ không tâm sanh tử phiền não v.v... tức không cần đến pháp Bồ-đề v.v... nên nói: “Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp” (Tổ Huệ Năng). Từ Phật đến Tổ không luận việc gì khác, chỉ luận một tâm, cũng nói là “Nhất thừa”, nên nói: “Tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, trong chúng này không còn nhánh lá, chỉ toàn hạt chắc” (Kinh Pháp Hoa). Bởi vì ý này khó tìm, nên tổ Đạt-ma sang xứ này đến hai nước Lương, Ngụy mà chỉ có một mình Huệ Khả đại sư thâm tin tâm mình, ngay một câu nói liền lãnh hội “tức tâm là Phật”. Thân tâm đều không, ấy là đại đạo.

Đại đạo xưa nay bình đẳng, nên nói “tin sâu chúng hàm sanh đồng một chân tánh”. Tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ. Lại có câu: “Khi nhận được tâm tánh, nên nói không nghĩ bàn.”

Đoạn này tuy giải thích nhiều, nhưng điểm chính yếu đều chỉ thẳng tâm tức là Phật, ngoài tâm không có một pháp nào hơn. Kinh Pháp Hoa nói: “Tìm mười phương không có pháp nào khác.” Ngộ được tâm là thấy Phật, chúng ta bỏ quên tâm mà cầu Phật thì không bao giờ thấy Phật. Bao nhiêu hạnh khác nếu không ngộ được tâm thì cũng không giải thoát. Hiểu rõ ý này để biết cốt ngộ bản tâm là việc trên hết.

Sau này, tướng quốc Bùi Hưu đến trấn Uyển Lăng lập đại thiền uyển thỉnh Sư làm hóa chủ ở đó. Vì mến núi cũ nên Sư vẫn để hiệu là Hoàng Bá.

Một hôm, Sư thượng đường, đại chúng vân tập, Sư bảo:

- Các người! Các người muốn cầu cái gì?

Sư cầm trượng đuổi chúng. Đại chúng không tan. Sư lại ngồi xuống bảo:

- Các người toàn là bọn ăn hèm, thế mà xưng hành cước để cho người chê cười. Thà cam thấy tám trăm, một ngàn người giải tán, chứ không thể chịu sự ồn náo. Ta khi đi hành cước hoặc gặp dưới bụi cỏ có một người, thì đem hết tâm tư xem xét việc ấy. Nếu biết ngựa ngáy khả dĩ lấy dây dựng gạo cúng dường. Trong lúc đó, nếu dễ dàng như các người

hiện giờ thì làm gì có việc ngày nay. Các người đã xưng là hành cước, cần phải có chút ít tinh thần như thế, mới có thể biết đạo. Trong nước Đại Đường không có thiền sư sao?

Có vị tăng ra hỏi:

- Bậc tôn túc ở các nơi họp chúng chỉ dạy, tại sao nói không thiền sư?

Sư bảo:

- Chẳng nói không thiền, chỉ nói không Sư. Xà-lê chẳng thấy sao, dưới Mã Tổ đại sư có tám mươi bốn người ngồi đạo tràng, song được chánh nhãn của Mã Tổ chỉ có hai ba người, hòa thượng Lô Sơn Quy Tông là một trong số ấy. Phàm người xuất gia phải biết sự phân tử trước mới được. Vả như, dưới Tứ Tổ, đại sư Ngưu Đầu Pháp Dung nói dọc nói ngang vẫn chưa biết then chốt hướng thượng. Có con mắt này mới biện được tông đảng tà chánh. Người hiện giờ không hay thể hội, chỉ biết học ngôn ngữ, nghĩ đặt vào trong dây da, đến đâu cũng xưng là ta hội thiền, lại thay việc sanh tử cho người được chẳng? Khinh thường bậc lão túc vào địa ngục nhanh như tên bắn. Ta vừa thấy người vào cửa liền biết được rồi. Lại biết chẳng? Cần kíp nỗ lực chớ dung dị. Thọ nhận chén cơm manh áo của người mà để một đời qua sông, người sáng mắt chê cười. Người thời gian sau hẳn sẽ bị người tục lồi đi. Phải tự xem xa gần cái gì là việc trên mặt? Nếu hội liền hội, nếu không hội giải tán đi. Trân trọng!

Một hôm, Sư thượng đường, đại chúng vân tập, Sư bảo:

- Các người! Các người muốn cầu cái gì?

Sư cầm trượng đuổi chúng. Đại chúng không tan. Sư lại ngồi xuống bảo:

- Các người toàn là bọn ăn hèm, thế mà xưng hành cước để cho người chê cười. Thà cam thấy tám trăm, một ngàn người giải tán, chứ không thể chịu sự ồn náo. Ta khi đi hành cước hoặc gặp dưới bụi cỏ có một người, thì đem hết tâm tư xem xét việc ấy. Nếu biết ngứa ngứa khả dĩ lấy đũa đựng gạo cúng dường. Trong lúc đó, nếu dễ dàng như các người hiện giờ thì làm gì có việc ngày nay. Các người đã xưng là hành cước, cần phải có chút ít tinh thần như thế, mới có thể biết đạo. Trong nước Đại Đường không có thiền sư sao?

Mới vào đầu, ngài chê toàn chúng là bọn ăn hèm, tu không thấy được chỗ đó mà xưng hành cước cho người chê cười. Thà cam thấy tám trăm, một ngàn người giải tán, chứ không thể chịu sự ồn náo. Ở đông đảo, ồn náo mà không thấy đạo, thà giải tán còn hơn.

Ngài kể, khi ta đi hành cước gặp được thiền sư có lời đạo lý, liền đem hết tâm tư xem xét nghiền ngẫm. Nếu biết ngứa ngứa khả dĩ lấy đũa đựng gạo cúng dường. Khi nào thấy có một mảy tin tức về con đường ấy thì sẵn sàng đem hết thân tâm để phụng sự cúng dường.

Nếu dễ dàng như các người hiện giờ thì làm gì có việc ngày nay. Nếu trong khi đi hành cước mà coi thường,

lôi thôi lười biếng, thì làm gì có việc ngày nay. Sở dĩ ta đem hết tâm tư, đem hết nghị lực, dòm thấy một chút tin tức là đem cả đời dùi mài, như vậy mới được. Việc này đâu phải chuyện dễ dàng. *Hành cước phải có tinh thần như thế mới có thể đạt đạo.*

Có vị tăng ra hỏi:

- Bậc tôn túc ở các nơi họp chúng chỉ dạy, tại sao nói không thiền sư?

Sư bảo:

- Chẳng nói không thiền, chỉ nói không Sư. Xà-lê chẳng thấy sao, dưới Mã Tổ đại sư có tám mươi bốn người ngồi đạo tràng, song được chánh nhãn của Mã Tổ chỉ có hai ba người, hòa thượng Lô Sơn Quy Tông là một trong số ấy.

Có thiền mà không có Sư. Bởi vì người thấy đạo thì nhiều mà người ngộ đạo đến chỗ cứu cánh thì rất ít. Cũng như bây giờ trong chúng đang nghe tôi giảng, có thể được sáu chục hay tám chục phần trăm hiểu mang máng. Nhưng người hiểu rồi tu được đến viên mãn rất ít. Cho nên nói *chẳng nói không thiền, chỉ nói không Sư.*

Phàm người xuất gia phải biết sự phân từ trước mới được. Vả như, dưới Tứ Tổ, đại sư Ngưu Đầu Pháp Dung nói dọc nói ngang vẫn chưa biết then chốt hướng thượng. Có con mắt này mới biện được tông đảng tà chánh.

Ngài Pháp Dung là người đáng kể mà thấy cũng chưa thông. Con mắt của ngài Hoàng Bá thật là sâu sắc. Ngài nhìn người thấu tận xương tủy, phân biệt rành rẽ.

Người hiện giờ không hay thể hội, chỉ biết học ngôn ngữ, nghĩ đặt vào trong đây da, đến đâu cũng xưng là ta hội thiền, lại thay việc sanh tử cho người được chăng?

Cứ đem ngôn ngữ nhét vào cái xác này, cho là hội thiền, quý trọng nó, cho là giải thoát sanh tử, đó là sai lầm.

Khinh thường bậc lão túc vào địa ngục nhanh như tên bắn. Ta vừa thấy người vào cửa liền biết được rồi. Lại biết chăng? Cần kíp nỗ lực chớ dung dị. Thọ nhận chén cơm manh áo của người mà để một đời qua sông, người sáng mắt chê cười. Người thời gian sau hẳn sẽ bị người tục lồi đi. Phải tự xem xa gần cái gì là việc trên mặt? Nếu hội liền hội, nếu không hội giải tán đi. Trân trọng!

Ngài đuổi: Không hội thì đi. Ngài thấy mặt liền biết, không đợi suy nghĩ xét nét.

Lâm Tế Nghĩa Huyền đến hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền đập một gậy. Đến ba phen hỏi, mỗi lần đều bị một gậy. Sau cùng, Lâm Tế phải từ giã Sư đi nơi khác. Sư dạy qua tham vấn Đại Ngu. Sau này Lâm Tế đắc ngộ ý chỉ của Sư.

Người thời nay đọc sử tới mấy đoạn này thấy thiền sư ngày xưa quá thô bạo, chỉ có đánh đập chứ không nói đạo lý, nhưng thật tình hành động của các ngài có ý nghĩa rất thâm trầm. Bởi vậy nếu chúng ta không lãnh hội được lý thiền thì không bao giờ tìm thấy được cái hay của nhà thiền. Chủ ý của tổ Hoàng Bá là chỉ thẳng

chứ không chỉ quanh co. Người nào ngài mới chỉ thẳng như vậy? Người có căn khí đại thừa, có thể thừa đương đại sự mới được chỉ thẳng như thế. Như tướng quốc Bùi Hưu hỏi, ngài trả lời đâu đó rõ ràng. Là vì tướng quốc mà bị đánh thì từ giã liền, cho nên phải giải cho ông hiểu. Còn Lâm Tế là một con người rất kỳ đặc, ít nói thâm trầm cho nên Tổ đã thâm nhận, nhưng chưa nói ra. Khi Lâm Tế hỏi ngài liền dùng thủ thuật đó. Nhờ thủ thuật này, Lâm Tế sau khi ngộ rồi không còn ý niệm lằng xằng nữa. Vì vậy hệ Lâm Tế truyền bá rất lâu dài.

Chỗ chỉ dạy của Sư đều nhằm vào bậc thượng căn, người trung và hạ khó thấy được yếu chỉ.

Đời Đường khoảng niên hiệu Đại Trung (847-860), Sư tịch tại núi Hoàng Bá.

Nhà vua sắc thụy là Đoạn Tế thiền sư, tháp hiệu là Quảng Nghiệp.

Sư có làm bài kệ khích lệ chúng:

*Trần lao quỳnh thoát sự phi thường,
 Hệ bả thằng đầu tổ nhất trường.
 Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt,
 Tranh đắc mai hoa phốc tỷ hương.*

Dịch:

**Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường,
 Đầu dây nắm chặt giữ lập trường.
 Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
 Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.**

Bài kệ nhắc nhở chúng ta thấy bốn phận của mình phải làm gì, đạt được gì, chứ không phải chuyện làm cho có chừng, làm để mà làm, làm trò cười cho thiên hạ. Đó là lời nhắc nhở rất chí thiết của thiền sư Hoàng Bá.

Sau này có một vị vua gọi ngài Hoàng Bá là Sa-môn Thô hạnh. Vì trong pháp hội của ngài có vị hoàng tử trốn vào tu, làm thư ký. Một hôm ngài từ trên chùa đi xuống, thư ký hỏi gì đó, ngài đánh cho một bạt tai. Về sau vua anh chết, vị tăng thư ký được triều đón về làm vua. Để nhớ ngày trước bị đánh nên vua gọi ngài là Sa-môn Thô hạnh.

Trong chùa, ngài dạy người bằng phương tiện đánh. Lâm Tế sau này được ngài đánh mà ngộ và nối pháp luôn. Lâm Tế cũng chuyên đánh với hét. Thầy trò có chỗ tương ứng nhau.



THIÊN SƯ ĐẠI AN

(? - 883)

Sư họ Trần, quê ở Phúc Châu, xuất gia lúc còn bé, ở núi Hoàng Bá chuyên học Kinh Luật. Sư thường tự nghĩ: “Ta tuy cố gắng nhọc nhằn mà chưa nghe được lý huyền cực” (lý cao siêu tốt cùng của đạo). Do đó Sư bèn một mình du phương, định sang Hồng Châu, đi Thượng Nguyên gặp một ông già bảo Sư: “Thầy nên đến Nam Xương sẽ có sở đắc.” Sư liền đi đến ra mắt Bá Trượng.

Lễ bái xong, Sư thưa:

- Con muốn cầu biết Phật, thế nào là phải?

Bá Trượng bảo:

- Thật giống người cưới trâu tìm trâu.

- Sau khi biết thì thế nào?

- Như người cưới trâu về đến nhà.

- Chẳng biết trước sau gìn giữ thế nào?

- Như người chăn trâu cầm roi dòm chừng, không cho nó ăn lúa mạ của người.

Sư nhân đây lãnh hội ý chỉ, chẳng đi tìm đâu nữa.

Ngài thưa: *Con muốn cầu biết Phật, thế nào là phải? Bá Trượng bảo: Thật giống người cưỡi trâu tìm trâu. Phật đâu ở ngoài mà đi tìm. Nếu tìm chẳng khác nào như vác Phật đi tìm Phật, hay cưỡi trâu đi tìm trâu. Phật ở ngay nơi mình.*

Ngài hỏi thêm: *Sau khi biết thì thế nào?* Đáp: *Như người cưỡi trâu về đến nhà. Nếu biết được thì như người cưỡi trâu về tới nhà, từ đó an ổn.*

Ngài hỏi: *Chẳng biết trước sau gìn giữ thế nào?* Khi biết rồi phải gìn giữ làm sao để được an ổn. Tổ Bá Trượng dạy: *Như người chăn trâu cầm roi dòm chừng, không cho nó ăn lúa mạ của người. Thật là giỏi chăn trâu. Từ đây, Tổ dạy rành rõ cách thức chăn trâu, sau này ngài dạy chúng cũng giống như vậy.*

Nhân thiền sư Linh Hựu khai sáng tại Quy Sơn, Sư đích thân đến đó phụ tá. Đến khi Linh Hựu tịch, đại chúng thỉnh Sư tiếp nối trụ trì.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Cả thầy các người đến Đại An này tìm cầu cái gì? Nếu muốn làm Phật, các người tự là Phật. Sao lại gánh Phật sang nhà bên cạnh tìm, luống tự

nhọc nhằn? Ví như con nai khát nước mà chạy theo ánh nắng, biết bao giờ được khế hợp.

Các người muốn làm Phật, chỉ cần không có những tâm: điên đảo, vin theo, vọng tưởng, nghĩ ác, cấu dục, chẳng sạch của chúng sanh, tức các người là Phật chánh giác mới phát tâm, lại đến chỗ riêng nào luận bàn. Sở dĩ, Đại An này ở tại núi Quy ba mươi năm, ăn cơm núi Quy, đại tiện núi Quy, mà không học thiền núi Quy, chỉ coi chừng con trâu. Nếu nó lạc đường hay vào trong cỏ, liền lôi nó lại. Nếu nó ăn lúa mạ của người, liền đánh đập điều phục nó. Đáng thương đã lâu chịu người rầy rà, hiện giờ nó đổi thành con trâu trắng đứng trước mặt, trọn ngày hiện sờ sờ đuổi cũng chẳng đi.

Cả thấy các người, mỗi người có hòn ngọc lớn vô giá, từ cửa con mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ, từ cửa lỗ tai phóng quang nhận lãnh phân biệt tất cả âm thanh lành dữ, sáu cửa ngày đêm thường phóng quang sáng, cũng gọi là phóng quang tam-muội. Các người tự chẳng biết, lại nhận bóng trong thân tứ đại. Nó là vật do trong ngoài giúp đỡ không dám chênghiêng, như người gánh nặng đi qua cây cầu khỉ, không dám để sẩy chân. Hãy nói vật gì có thể gìn giữ được? Như thế, không có một mảnh tơ một sợi tóc có thể thấy. Đâu chẳng nghe hòa thượng Chí Công nói: “Trong ngoài tìm kiếm trọn không ra. Trên cảnh thi vi gồm tất cả.”

Trân trọng!

Nhân thiền sư Linh Hựu khai sáng tại Quy Sơn, Sư đích thân đến đó phụ tá. Đến khi Linh Hựu tịch, đại chúng thỉnh Sư tiếp nối trụ trì.

Chúng ta đọc trong Quy Sơn Cảnh Sách có lời tựa cũng để tổ Quy Sơn Đại An. Đó là lời tựa của thiền sư Đại An tổ thứ hai ở núi Quy Sơn. Tổ thứ nhất là Linh Hựu.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Cả thầy các người đến Đại An này tìm cầu cái gì? Nếu muốn làm Phật, các người tự là Phật. Sao lại gánh Phật sang nhà bên cạnh tìm, luống tự nhọc nhằn? Ví như con nai khát nước mà chạy theo ánh nắng, biết bao giờ được khế hợp.

Hồi xưa ngài cũng từng tìm như vậy và bị quở, bây giờ ngài quở lại học nhân. Khát nước mà thấy ánh nắng ở xa chập chờn, lầm tưởng là nước chạy tìm, chạy chùng nào mới thấy được nước?

Các người muốn làm Phật, chỉ cần không có những tâm: điên đảo, vịn theo, vọng tưởng, nghĩ ác, cấu dục, chẳng sạch của chúng sanh, tức các người là Phật chánh giác mới phát tâm, lại đến chỗ riêng nào luận bàn.

Muốn cầu Phật, chỉ cần buông những tâm đó thì đã là Phật chánh giác mới phát tâm.

Sở dĩ, Đại An này ở tại núi Quy ba mươi năm, ăn cơm núi Quy, đại tiện núi Quy, mà không học thiền núi Quy, chỉ coi chừng con trâu. Nếu nó lạc đường hay vào trong cỏ, liền lôi nó lại. Nếu nó ăn lúa mạ của người,

liền đánh đập điều phục nó. Đáng thương đã lâu chịu người rầy rà, hiện giờ nó đổi thành con trâu trắng đứng trước mặt, trợn ngáy hiện sờ sờ đuổi cũng chẳng đi.

Không tu thiền học đạo gì hết, chỉ biết chăn trâu tâm thôi. Con trâu hồi xưa là con trâu đen, chạy đi đâu này đâu kia, lôi kéo đánh đập riết rồi nó thành con trâu trắng đứng sờ sờ trước mặt.

Cả thấy các người, mỗi người có hòn ngọc lớn vô giá, từ cửa con mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ, từ cửa lỗ tai phóng quang nhận lãnh phân biệt tất cả âm thanh lành dữ, sáu cửa ngày đêm thường phóng quang sáng, cũng gọi là phóng quang tam-muội. Các người tự chẳng biết, lại nhận bóng trong thân tứ đại. Nó là vật do trong ngoài giúp đỡ không dám chênghiêng, như người gánh nặng đi qua cây cầu khỉ, không dám để sẩy chân. Hãy nói vật gì có thể gìn giữ được? Như thế, không có một mảnh tơ một sợi tóc có thể thấy. Đâu chẳng nghe hòa thượng Chí Công nói: “Trong ngoài tìm kiếm trợn không ra. Trên cảnh thi vi gồm tất cả.”

Trân trọng!

Ngài giảng rất thấu đáo. Mỗi người đều có hòn ngọc lớn vô giá nằm sẵn bên trong. Từ cửa mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ. Từ lỗ tai phóng quang lãnh nhận phân biệt tất cả âm thanh lành dữ. Sáu cửa ngày đêm thường phóng quang, cho nên gọi là *phóng quang tam-muội*.

Ở đây ngài Đại An nói hòn ngọc phóng quang ra sáu cửa. Ngài Vân Nham Đàm Thanh nói con sư tử múa

được sáu suốt. Như vậy nếu nơi tâm lắng lặng thanh tịnh sáng suốt thì sáu cửa này đều là sáu cửa phóng quang, không lỗi lầm, không còn là sáu đạo tặc nữa.

Ngài quở chúng ta: *Các người tự chẳng biết, lại nhận bóng trong thân tứ đại*. Nhận cái bóng tức là nhận tâm sanh diệt trong thân tứ đại là mình. *Nó là vật do trong ngoài giúp đỡ không dám chênghiêng*. Thân tứ đại mà chúng ta hiện mang đây là do tứ đại bên trong kết hợp với tứ đại bên ngoài phụ giúp vào. Nếu hơi nghiêng một chút như nóng nhiều hơn lạnh thì đâm ra nhức đầu khó chịu. Lạnh nhiều hơn nóng cũng bệnh. *Như người gánh nặng đi qua cây cầu khi*, nếu hơi nghiêng một chút thì nhào mình xuống nước, không thể tránh khỏi. Chúng ta cũng vậy, ngay nơi thân tứ đại này mà có một đại nghiêng thì có thể chết liền. Gìn giữ hoài không được.

Như thế, không có một mảnh tơ một sợi tóc có thể thấy. Thân tứ đại không thật, bóng dáng con trâu cũng không thật, tất cả là vô thường. Cái thật của chúng ta là hòn ngọc phóng quang mà mình không thấy.

Ngài dẫn lời của hòa thượng Chí Công: *Trong ngoài tìm kiếm trọn không ra*. Trong thân và ngoài thân, bóng dáng của sáu trần đều không thật. *Trên cảnh thì vi gồm tất cả*. Ngay trên cảnh đó mà hành động thì mọi động dụng đều bao gồm hết, không thiếu.

Có vị tăng hỏi Sư:

- Tất cả thi vi là dụng của pháp thân, thế nào là pháp thân?

Sư đáp:

- **Tất cả thi vi là dụng của pháp thân.**
- **Lìa năm uẩn, thế nào là thân xưa nay?**
- **Đất nước gió lửa, thọ tướng hành thức.**
- **Cái ấy là năm uẩn.**
- **Cái ấy khác năm uẩn.**

Có vị tăng hỏi Sư:

- Tất cả thi vi là dụng của pháp thân, thế nào là pháp thân?

Sư đáp:

- Tất cả thi vi là dụng của pháp thân.

Hai câu đều nhắm thẳng vào pháp thân. Ngài khẳng định bằng cách lặp lại: *Tất cả thi vi là dụng của pháp thân.*

Vị tăng hỏi tiếp: *Lìa năm uẩn, thế nào là thân xưa nay?* Thân xưa nay tức là pháp thân, nên ngài đáp: *Đất nước gió lửa, thọ tướng hành thức.* Ngay năm uẩn là có pháp thân. Nếu lìa năm uẩn mà kiếm pháp thân thì chẳng khác nào tìm ngọc ở ngoài hư không. Ngài trả lời mà như không trả lời, nhưng thực tình ngài đâu cô phụ lời hỏi. Chỉ vì chúng ta không biết rồi sanh nghi.

- *Cái ấy là năm uẩn.*
- *Cái ấy khác năm uẩn.*

Ngài không đáp như ngài Thiện Hội: “Pháp thân là vô tướng”. Bởi vì quan niệm của người học quen phân chia,

tưởng pháp thân rời năm uẩn mà có. Đâu ngờ rời năm uẩn thì pháp thân chẳng hiện.

Tăng hỏi:

- Khi ấm này mất, ấm kia chưa sanh thì thế nào?

Sư bảo:

- Ấm này chưa mất, cái gì là Đại đức?

- Chẳng hội.

- Nếu hội ấm này liền rõ ấm kia.

Tăng hỏi: Khi ấm này mất, ấm kia chưa sanh thì thế nào? Tiền ấm mất, hậu ấm chưa sanh tức là sau khi chết rồi, lúc đó thế nào?

Ngài hỏi lại: *Ấm này chưa mất, cái gì là Đại đức?* Ngay khi sống, ông đã biết ông là ai. Sống không biết, hỏi chết làm gì.

- Chẳng hội.

- Nếu hội ấm này liền rõ ấm kia.

Ngay ấm này mà ông biết thì ấm kia cũng biết liền. Ấm này không hội thì ấm kia cũng không biết. Nếu chúng ta bị người hỏi thì cứ theo câu hỏi mà trả lời, trả lời như không trả lời, làm cho họ mê thêm. Thiền sư thì không như vậy, hỏi là chỉ thẳng. Cho nên, thiền sư thật là người trả lời, trả lời để ngộ, không ngộ thì thôi.

Hòa thượng Tuyết Phong nhân vào núi lượm được một nhánh cây hình giống con rắn, đề trên lưng một câu: “Vốn tự thiên nhiên chẳng nhờ bào gọt”, gửi tặng Sư.

Sư nhận, nói:

- Người bản sắc ở núi, vẫn không vết dao búa.



Có người hỏi Sư:

- Phật ở chỗ nào?

Sư đáp:

- Chẳng là tâm.

Người ấy hỏi:

- Thượng nhân Song Phong có sở đắc gì?

- Pháp không có chỗ được, dù có chỗ được, được vốn không được.



Sư giáo hóa ở thành Mân (tỉnh Phúc Kiến) hơn hai mươi năm.

Đời Đường niên hiệu Trung Hòa năm thứ ba (883), ngày hai mươi hai tháng mười, Sư trở về chùa Hoàng Bá, có chút bệnh rồi tịch. Môn đồ xây tháp thờ Sư trên núi Lăng-già.

Vua ban hiệu là Viên Trí thiền sư, tháp hiệu Chứng Chơn.



THIÊN SƯ THẦN TÁN

Sư quê ở Phúc Châu, xuất gia tại chùa Đại Trung quận nhà. Sau, Sư đi hành cước gặp Bá Trượng Hoài Hải chỉ dạy được khai ngộ.

Sư trở về quê, thầy bốn sư hỏi:

- Người rời ta đi các nơi, đã được sự nghiệp gì?

Sư thưa:

- Hoàn toàn không có sự nghiệp.

Bốn sư sai hâu hạ như trước.

Câu này ngài đáp rõ, nhưng vị bốn sư không hiểu, tưởng như vậy là học không nên trò trống gì, cho nên sai hâu hạ như trước.

Một hôm, nhân bốn sư tắm, bảo Sư kỳ đất. Sư bèn vỗ vào lưng bốn sư nói:

- Chỗ diện Phật đẹp mà Phật chẳng thánh.

Bốn sư xoay đầu ngó lại.

Sư nói tiếp:

- Phật tuy chẳng thánh vẫn hay phóng quang.

Điện Phật đẹp nhưng Phật chẳng thánh, tức là chỗ đó chưa sáng. Phật tuy chẳng thánh nhưng mà biết phóng quang. Bởi vì cái đó ai cũng có sẵn, nhưng không phải ai cũng biết nhận ra. Ông thầy nghe điên đầu, không hiểu học trò nói gì, nên làm thỉnh thông qua, vì chưa để ý.

Lại một hôm, bốn sư ngồi nơi cửa sổ xem kinh, có con ong chui đầu vào tấm giấy dán ở cửa sổ tìm lối ra. Sư trông thấy nói:

- Thế giới thên thang như thế mà chẳng chịu ra, dùi đầu vào giấy cũ biết năm nào ra được?

Sư liền nói bài kệ:

*Không môn bất khăng xuất,
Đầu song dã thái si,
Bách niên toàn cố chỉ,
Hà nhật xuất đầu thì?*

Dịch:

**Cửa Không chẳng chịu ra,
Quá ngu chui cửa sổ,
Giấy cũ trăm năm dùi,
Ngày nào dùi được phủng?**

Bốn sư để kinh xuống hỏi:

- Người đi hành cước gặp người nào, ta trước sau nghe người nói lời dị thường?

Sư thưa:

- Con nhờ ơn hòa thượng Bá Trượng chỉ được chỗ thôi dứt, nay muốn đáp lại đức từ bi.

Bốn sư bèn bảo chúng đến giờ trai, thỉnh Sư thuyết pháp. Sư lên tòa đề cao môn phong của Bá Trượng, nói:

- Linh quang riêng chiếu vượt khỏi căn trần, bày hiện chân thường chẳng câu nệ văn tự. Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.

Bốn sư nghe câu này liền cảm ngộ, bảo:

- Ngờ đâu lão tăng nghe được việc tốt thế này!

Lại một hôm, bốn sư ngồi nơi cửa sổ xem kinh, có con ong chui đầu vào tấm giấy dán ở cửa sổ tìm lối ra. Sư trông thấy nói:

- Thế giới thênh thang như thế mà chẳng chịu ra, dúi đầu vào giấy cũ biết năm nào ra được?

Sư liền nói bài kệ:

*Không môn bất khăng xuất,
Đầu song dã thái si,
Bách niên toàn cố chỉ,
Hà nhật xuất đầu thì?*

Dịch:

*Cửa Không chẳng chịu ra,
Quá ngu chui cửa sổ,
Giấy cũ trăm năm dùi,
Ngày nào dùi được phủng?*

Bài kệ thật hay. *Không môn bất khể xuất*, tức là cửa Không rộng rang mênh mông mà không chịu ra. *Đầu song dã thái si*, gieo đầu vào trong cửa sổ dán giấy là ngu quá. *Bách niên toàn cố chỉ*, trăm năm cứ dùi đầu trong giấy cũ thì chừng nào chui ra khỏi được.

Bổn sư để kinh xuống hỏi:

- *Người đi hành cước gặp người nào, ta trước sau nghe người nói lời dị thường?*

Sư thưa:

- *Con nhờ ơn hòa thượng Bá Trượng chỉ được chỗ thôi dứt, nay muốn đáp lại đức từ bi.*

Hôm trước nói một lần cũng dị thường, bữa nay nói nghe cũng dị thường. Nếu chúng ta làm bổn sư, chắc lúc đó sẽ nổi giận. Nhưng vị thầy này nghe học trò nói thế liền nhận ra.

Người tu chúng ta nhận được bản tâm thì thênh thang, đầy khắp. Cái đó lớn lao rộng rãi mà không chịu nhận, cứ cắm đầu trong khuôn khổ, giấy tờ mà chết chìm trong đó. Thành ra bài kệ này các học giả nghe buồn lắm.

Chúng ta phải tu để thấy cái rỗng rang thênh thang đó. Thời nay có bệnh sợ, sợ không có gì để dùi mài, thành ra kẹt trong sách vở hoài. Như vậy là dở, tu hành phải sống được với chỗ rỗng rang sáng suốt, đừng để mắc kẹt trên chữ nghĩa.

Bốn sư bèn bảo chúng đến giờ trai, thỉnh Sư thuyết pháp. Sư lên tòa đề cao môn phong của Bá Trượng, nói:

- Linh quang riêng chiếu vượt khỏi căn trần, bày hiện chân thường chẳng câu nệ văn tự. Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.

Đây là câu cốt tủy của nhà thiền.

Bốn sư nghe câu này liền cảm ngộ, bảo:

- Ngờ đâu lão tăng nghe được việc tốt thế này!

Thật hay! Vị thầy như vậy cũng là bậc hy hữu. Thiền sư Thần Tán sống được thế ấy mới thật là đền ơn thầy tổ. Chứ còn lo cơm cháo, quần áo thôi chưa đủ. Đền ơn đức từ bi của thầy là như vậy.

Linh quang riêng chiếu vượt khỏi căn trần, nghĩa là mỗi chúng ta đều có cái linh quang. Nơi ngài Đại An gọi là hòn ngọc sáng riêng chiếu vượt khỏi căn trần. Luôn luôn hiện bày thể chân thường, không mắc kẹt trong văn tự. Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành. Muốn được nó, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật. Thầy bốn sư nghe liền nhận ra được cái đó.

Sau, Sư đến trụ trì tại chùa Cổ Linh, giáo hóa đồ chúng được mấy trăm. Sắp tịch, Sư cạo tóc tằm gọi bảo đánh chuông, gọi chúng dăn:

- Cả thầy các người có biết tam-muội vô thanh (chánh định không tiếng) chăng?

Chúng thưa:

- Chẳng biết.

Sư bảo:

- Các người lắng nghe chớ có suy nghĩ riêng khác.

Chúng đều lắng nghe. Sư an nhiên thị tịch.

Đây là *chánh định không tiếng*, vào đó thì yên lặng ngàn đời. Chúng ta thấy ngài sửa soạn ra đi một cách tự tại. *Các người biết cái đó không?* Nói: *Chẳng biết*. Không biết thì thôi lắng nghe, thiền sư ngồi im lặng ra đi.

Ngài trụ trì tại chùa Cổ Linh, nên còn được gọi là Cổ Linh Thần Tán.



THIÊN SƯ VÔ NGÔN THÔNG

(? - 826)

Sư họ Trịnh, quê ở Quảng Châu, xuất gia tại chùa Song Lâm xứ Vụ Châu. Tính Sư điềm đạm ít nói mà thông minh, nên thời nhân gọi là Vô Ngôn Thông.

Sư lễ Phật, có một thiền khách hỏi:

- Tọa chủ lễ đó là cái gì?

Sư đáp:

- Là Phật.

Thiền khách bèn chỉ tượng Phật hỏi:

- Cái này là vật gì?

Sư không đáp được.

Đến tối, Sư y phục chỉnh tề đến lễ thiền khách, thưa:

- Hôm nay Thầy hỏi, tôi chưa biết ý chỉ thế nào?

Thiền khách hỏi:

- Tọa chủ được mấy hạ?

Sư thưa:

- Mười hạ.

Thiền khách bảo:

- Đã từng xuất gia chưa?

Sư càng thêm mờ mịt.

Thiền khách nói:

- Nếu như chẳng hội, thì dù trăm hạ cũng đâu lợi ích gì!

Thiền khách khuyên Sư đồng đến tham học với Mã Tổ. Đi đến Giang Tây nghe tin Mã Tổ đã tịch, bèn đến yết kiến Bá Trượng Hoài Hải.

Sư họ Trịnh, quê ở Quảng Châu, xuất gia tại chùa Song Lâm xứ Vụ Châu. Tính Sư điềm đạm ít nói mà thông minh, nên thời nhân gọi là Vô Ngôn Thông.

Vô Ngôn Thông là tên thời nhân gọi. Thời xưa trong chùa ai có tính cách như thế nào thì đại chúng gọi như vậy, không phải là tên của thầy đặt.

Sư lễ Phật, có một thiền khách hỏi:

- Tọa chủ lễ đó là cái gì?

Sư đáp:

- Là Phật.

Thiền khách bèn chỉ tượng Phật hỏi:

- Cái này là vật gì?

Sư không đáp được.

Đến tối, Sư y phục chỉnh tề đến lễ thiền khách, thưa:

- Hôm nay Thầy hỏi, tôi chưa biết ý chỉ thế nào?

Thiền khách hỏi:

- Tọa chủ được mấy hạ?

Sư thưa:

- Mười hạ.

Thiền khách bảo:

- Đã từng xuất gia chưa?

Sư càng thêm mờ mịt.

Vị thiền khách này cắc có, *chỉ tượng Phật hỏi cái này là gì? Mười hạ rồi mà hỏi đã từng xuất gia chưa? Xuất gia là xuất thế tục gia, xuất phiền não gia và xuất tam giới gia. Người chưa kiến tánh thì chưa ra khỏi tam giới, nên tuy mười hạ mà cũng như chưa xuất gia. Nếu như chẳng hội, thì dù trăm hạ cũng đâu lợi ích gì!*

Thiền khách khuyên Sư đồng đến tham học với Mã Tổ. Đi đến Giang Tây nghe tin Mã Tổ đã tịch, bèn đến yết kiến Bá Trượng Hoài Hải.

Một hôm trong giờ tham vấn, có vị tăng hỏi Bá Trượng:

- Thế nào là pháp môn đốn ngộ của Đại thừa?

Bá Trượng đáp:

- Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự chiếu.

Nghe câu này, Sư hoát nhiên đại ngộ.

Nghe một câu: *Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự chiếu*, liền đại ngộ. Trước đó ngài đã từng hỏi nhiều thiện tri thức câu này, hỏi hoài mà không ngộ. Tới chỗ Bá Trượng ngài hết muốn hỏi, nhưng khi vị tăng khác hỏi thì ngài ngộ.

Sau, Sư về Quảng Châu trụ trì tại chùa Hòa An.

Có người hỏi:

- Thầy phải thiền sư chăng?

Sư đáp:

- Bần đạo chẳng từng học thiền.

Sư lặng thinh giây lâu, gọi người kia.

Người kia đáp:

- Dạ!

Sư chỉ cây tông lư (cây cọ, cây gồi).



Một hôm, Sư bảo Ngưỡng Sơn Huệ Tịch đem giường lại. Huệ Tịch đem đến. Sư bảo:

- Dem lại chỗ cũ.

Huệ Tịch vâng theo.

Sư hỏi:

- Cái giường ở bên này là vật gì?

- Không vật.

- Cái giường để bên kia là vật gì?

- Không vật.

Sư gọi:

- Huệ Tịch!

Huệ Tịch đáp:

- Dạ!

Sư bảo:

- Đi!

Đó là thuật của ngài dùng để giáo hóa đồ chúng. Ngài là vị Tổ của phái Thiền thứ hai ở Việt Nam.

Năm Canh Tý niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường (820), Sư sang Việt Nam ở chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng (Bắc Ninh). Ở đây trọn ngày, Sư ngồi xoay mặt vào vách suốt mấy năm mà không ai biết, chỉ thiền sư Cảm Thành (trụ trì chùa) biết Sư là vị cao tăng đắc đạo trong nhà thiền. Cảm Thành hết lòng kính trọng tôn thờ Sư làm thầy.

Một hôm, Sư gọi Cảm Thành đến bảo:

- Ngày xưa tổ sư Nam Nhạc (Hoài Nhượng) khi sắp tịch có dặn mấy lời:

Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sanh,

Tâm vô sở sanh pháp vô sở trụ.

Nhược đạt tâm địa sở tác vô ngại,

Phi ngộ thượng căn thận vật khinh hứa.

Dịch:

**Tất cả các pháp đều từ tâm sanh,
Tâm không chỗ sanh, pháp không chỗ trụ.
Nếu đạt tâm địa, việc làm không ngại,
Chẳng gặp thượng căn dè dặt chớ dạy.**

**Nói xong, Sư chấp tay thị tịch, nhằm năm Bảo
Lịch thứ hai đời Đường (826).**

**Cảm Thành rước Sư lên hỏa đàn, thu hài cốt
xây tháp thờ ở núi Tiên Du.**

Phần lịch sử của ngài ở trong Thiền Sư Việt Nam
sẽ giảng rõ hơn.



THIÊN SƯ HOÀNG BIÊN

Vua Đường Tuyên Tông hỏi Sư:

- Thiên tông sao có tên Nam, Bắc?

Sư đáp:

- Thiên môn vốn không có Nam, Bắc. Xưa Như Lai đem chánh pháp nhãn trao cho tổ Đại Ca-diếp, lần lượt truyền nhau đến đời thứ hai mươi tám là tổ Bồ-đề-đạt-ma. Tổ Đạt-ma sang phương này (Trung Hoa) là Sơ tổ, truyền đến vị tổ thứ năm là đại sư Hoàng Nhẫn. Tổ Hoàng Nhẫn mở bày chánh pháp ở Đông Sơn có hai đệ tử lỗi lạc là Huệ Năng và Thần Tú. Đại sư Huệ Năng được truyền y bát, về ở Lĩnh Nam làm Tổ thứ sáu. Đại sư Thần Tú ở phương Bắc giáo hóa. Sau này đệ tử sư Thần Tú là Phổ Tịch lập thầy mình lên làm Tổ thứ sáu, rồi tự xưng là Tổ thứ bảy. Hai vị ấy được pháp là một, mà mở đạo khai ngộ có chốn tiệm khác nhau, cho nên gọi là Nam chốn Bắc tiệm. Chẳng phải Thiên tông sẵn có tên Nam, Bắc vậy.

- Thế nào gọi là giới?
- Ngừa lỗi dừng ác gọi là giới.
- Sao gọi là định?
- Sáu căn tiếp xúc với cảnh mà tâm không duyên theo là định.
- Sao là tuệ?
- Tâm cảnh đều không, chiếu soi chẳng lầm là tuệ.
- Sao là phương tiện?
- Phương tiện là cửa khéo léo tạm thời ẩn che tướng thật, để giáo hóa bậc trung hạ căn, chiều uốn dẫn dụ họ gọi là phương tiện. Dù là bậc thượng căn nói bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng, đây cũng là nói phương tiện. Cho đến Tổ sư dùng lời huyền diệu quên công bất lời, cũng không vượt ngoài dấu vết phương tiện.
- Sao là Phật tâm?
- Phật là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa gọi là Giác. Nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu là Phật tâm. Tâm là tên riêng của Phật. Có trăm ngàn tên khác mà nghĩa là một, vốn không có hình trạng, chẳng phải tướng xanh vàng đỏ trắng, nam nữ v.v... ở nơi trời mà chẳng phải trời, ở nơi người mà chẳng phải người, mà hay hiện trời người, hiện nam nữ, chẳng trước chẳng sau, không sanh không diệt, cho nên gọi là tánh linh giác. Như bộ hạ hằng ngày ứng dụng

muôn việc tức là Phật tâm của bệ hạ. Giả sử được ngàn vị Phật đồng truyền, vẫn không nghĩ mình có sở đắc.

- Như nay có người niệm Phật là sao?

- Như Lai ra đời là bậc thầy thiện tri thức của người. Ngài tùy căn cơ nói pháp, vì bậc thượng căn mở Tối thượng thừa đốn ngộ lý cùng tột, vì bậc trung hạ căn chưa có thể chóng hiểu, do đây Phật vì bà Vi-đề-hy tạm mở cửa “mười sáu pháp quán” dạy niệm Phật sanh về Cực lạc. Cho nên kinh nói: “Tức tâm tức Phật, tâm ấy là Phật, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm.”

- Có người tụng kinh, trì chú, niệm Phật để cầu Phật thì thế nào?

- Như Lai mở bày các thứ đều vì một thừa tối thượng, như trăm sông đều chảy về biển. Các pháp sai biệt như thế đều trở về biển Tát-bà-nhã (Phật trí).

- Tổ sư đã khế hội tâm ấn, kinh Kim Cang nói “không có pháp sở đắc” là sao?

- Phương pháp giáo hóa của Phật thật không có một pháp cho người. Chỉ vì chỉ dạy cho mọi người, tự tánh mỗi người đều có một kho pháp bảo. Chính khi Phật Nhiên Đăng ấn chứng cho Phật Thích-ca pháp căn bản ấy, Phật Thích-ca không có sở đắc mới khế hội bản ý của Phật Nhiên Đăng. Cho nên Kinh nói: “Không ngã không nhân không chúng sanh

không thọ giả, pháp ấy bình đẳng, tu tất cả pháp lành mà chẳng trụ nơi tướng.”

- Thiền sư đã hội ý Tổ, lại có lễ Phật tụng kinh chăng?

- Sa-môn Thích tử lễ Phật tụng kinh là pháp thường của trụ trì, có bốn quả báo vậy. Song y Phật giới để tu thân, tìm học với các bậc thiện tri thức để tập tu hạnh thanh bạch, bước theo dấu Như Lai đã đi.

- Sao là chốn ngộ? Sao là tiệm tu?

- Chúng thấy tự tánh cùng Phật đồng bậc, song còn có tập nhiễm từ vô thủy nên mượn tiệm tu để đối trị, khiến theo tánh khởi dụng. Như người ăn cơm không thể một miếng được no.

Hôm ấy, Sư đối đáp với vua bảy khắc. Vua ban cho Sư ca-sa tử y và hiệu là Viên Trí thiền sư.

Thiền sư Hoàng Biện nối pháp thiền sư Chương Kính Hoài Uẩn.

Vua Đường Tuyên Tông hỏi Sư:

- Thiền tông sao có tên Nam, Bắc?

Sư đáp:

- Thiền môn vốn không có Nam, Bắc. Xưa Như Lai đem chánh pháp nhân trao cho tổ Đại Ca-diếp, lần lượt truyền nhau đến đời thứ hai mươi tám là tổ Bồ-đề-đạt-ma. Tổ Đạt-ma sang phương này (Trung Hoa)

là Sơ tổ, truyền đến vị tổ thứ năm là đại sư Hoàng Nhãn. Tổ Hoàng Nhãn mở bày chánh pháp ở Đông Sơn có hai đệ tử lỗi lạc là Huệ Năng và Thần Tú. Đại sư Huệ Năng được truyền y bát, về ở Lĩnh Nam làm Tổ thứ sáu. Đại sư Thần Tú ở phương Bắc giáo hóa. Sau này đệ tử sư Thần Tú là Phổ Tịch lập thầy mình lên làm Tổ thứ sáu, rồi tự xưng là Tổ thứ bảy. Hai vị ấy được pháp là một, mà mở đạo khai ngộ có đốn tiệm khác nhau, cho nên gọi là Nam đốn Bắc tiệm. Chẳng phải Thiền tông sẵn có tên Nam, Bắc vậy.

Đoạn này dễ hiểu, ngài nói đã rõ. Nhà vua hỏi tiếp:

- *Thế nào gọi là giới?*
- *Ngừa lỗi dừng ác gọi là giới.*
- *Sao gọi là định?*
- *Sáu căn tiếp xúc với cảnh mà tâm không duyên theo là định.*
- *Sao là tuệ?*
- *Tâm cảnh đều không, chiếu soi chẳng lầm là tuệ.*

Tâm cảnh cả hai đều không, chiếu soi chẳng lầm, đó là tuệ. Định tuệ này là định tuệ đúng theo tinh thần Thiền tông.

- *Sao là phương tiện?*
- *Phương tiện là cửa khéo léo tạm thời ẩn che tướng thật, để giáo hóa bậc trung hạ căn, chiều uốn dẫn dụ họ gọi là phương tiện. Dù là bậc thượng căn nói bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng, đây cũng là nói phương tiện.*

Cho đến Tổ sư dùng lời huyền diệu quên công bất lời, cũng không vượt ngoài dấu vết phương tiện.

Pháp môn trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật, đó là phương pháp tuyệt vời cao vót, nhưng cũng là phương tiện. Bởi vì cái ấy là cái không tên không lời, không danh tự. Mượn ngôn lời danh tự để chỉ cái ấy thì đều là phương tiện. Hiểu như vậy mới thấy tất cả hành động như đưa tay, nhướn mắt, đánh hét đều là phương tiện.

- Sao là Phật tâm?

- Phật là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa gọi là Giác. Nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu là Phật tâm. Tâm là tên riêng của Phật. Có trăm ngàn tên khác mà nghĩa là một, vốn không có hình trạng, chẳng phải tướng xanh vàng đỏ trắng, nam nữ v.v... ở nơi trời mà chẳng phải trời, ở nơi người mà chẳng phải người, mà hay hiện trời người, hiện nam nữ, chẳng trước chẳng sau, không sanh không diệt, cho nên gọi là tánh linh giác. Như bệ hạ hằng ngày ứng dụng muôn việc tức là Phật tâm của bệ hạ. Giả sử được ngàn vị Phật đồng truyền, vẫn không nghĩ mình có sở đắc.

Phật tâm nghĩa là chỉ tâm mình là Phật. Tâm ấy khởi ra diệu dụng hằng sa nhưng tất cả các dụng ấy không ngoài tâm Phật.

- Như nay có người niệm Phật là sao?

- Như Lai ra đời là bậc thầy thiện tri thức của người. Ngài tùy căn cơ nói pháp, vì bậc thượng căn

mở Tối thượng thừa đón ngộ lý cùng tột, vì bậc trung hạ căn chưa có thể chóng hiểu, do đây Phật vì bà Vi-đề-hy tạm mở cửa “mười sáu pháp quán” dạy niệm Phật sanh về Cực lạc. Cho nên kinh nói: “Tức tâm tức Phật, tâm ấy là Phật, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm.”

Đây là phương tiện của Phật mở ra để cứu những người trung hạ căn, không nên cố chấp.

- Có người tụng kinh, trì chú, niệm Phật để cầu Phật thì thế nào?

- Như Lai mở bày các thứ đều vì một thừa tối thượng, như trăm sông đều chảy về biển. Các pháp sai biệt như thế đều trở về biển Tát-bà-nhã.

Như vậy mỗi pháp dạy tuy khác nhưng rốt cuộc đều về biển nhất thiết trí, không khác.

- Tổ sư đã khế hội tâm ấn, kinh Kim Cang nói “không có pháp sở đắc” là sao?

- Phương pháp giáo hóa của Phật thật không có một pháp cho người. Chỉ vì chỉ dạy cho mọi người, tự tánh mỗi người đều có một kho pháp bảo. Chính khi Phật Nhiên Đăng ấn chứng cho Phật Thích-ca pháp căn bản ấy, Phật Thích-ca không có sở đắc mới khế hội bản ý của Phật Nhiên Đăng. Cho nên Kinh nói: “Không ngã không nhân không chúng sanh không thọ giả, pháp ấy bình đẳng, tu tất cả pháp lành mà chẳng trụ nơi tướng.”

Như vậy chính pháp không sở đắc mới gọi là đắc pháp.

- *Thiền sư đã hội ý Tổ, lại có lễ Phật tụng kinh chăng?*

- *Sa-môn Thích tử lễ Phật tụng kinh là pháp thường của trụ trì, có bốn quả báo vậy. Song y Phật giới để tu thân, tìm học với các bậc thiện tri thức để tập tu hạnh thanh bạch, bước theo dấu Như Lai đã đi.*

Lễ Phật, tụng kinh là chuyện thường ai cũng làm, nhưng cốt yếu là phải làm sao bước theo dấu của Phật đã đi, đó mới là chính yếu.

- *Sao là đốn ngộ? Sao là tiệm tu?*

- *Chúng thấy tự tánh cùng Phật đồng bậc, song còn có tập nhiễm từ vô thủy nên mượn tiệm tu để đối trị, khiến theo tánh khởi dụng. Như người ăn cơm không thể một miếng được no.*

Đốn ngộ là đốn ngộ tự tánh, tiệm tu là tu những tập nhiễm từ vô thủy.

Hôm ấy, Sư đối đáp với vua bảy khắc. Vua ban cho Sư ca-sa tử y và hiệu là Viên Trí thiền sư.

Thời xưa chia ra một ngày thành trăm khắc. Bảy khắc gần hai giờ đồng hồ.



THIÊN SƯ TRÍ CHƠN

(782 - 865)

Sư họ Liễu, quê ở Dương Châu, xuất gia tại chùa Hoa Lâm ở bản châu. Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm đầu (806), Sư đến Nhuận Châu thọ giới ở chùa Thiên Hương. Sư không thích học tập Kinh Luận, chỉ mộ tu thiền.

Sư tìm đến yết kiến thiền sư Hoài Uẩn (Chương Kính). Hoài Uẩn hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Đến không chỗ đến, lại không chỗ lại.

Hoài Uẩn lặng thinh, Sư thâm khế hội.

Hỏi từ đâu đến, ngài nói *đến không chỗ đến, lại không chỗ lại*. Ngài Hoài Uẩn im lặng, còn ngài lãnh hội, đơn giản như vậy, không cần phải thêm gì nữa.

Niên hiệu Khai Thành năm đầu (836 TL), Sư sang Phúc Châu đến ấp Trường Khê có Trần Lượng, Hoàng Du thỉnh Sư ở tại núi Quy giáo hóa.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Nheo mày chớp mắt chẳng ngoài người này (người chân thật), một niệm tịnh tâm xưa nay là Phật.

Sư nói kệ:

*Tâm bản tuyệt trần hà dụng tẩy,
Thân trung vô bệnh khởi câu y,
Dục tri thị Phật phi thân xử,
Minh giám cao huyền vị chiếu thì.*

Dịch:

Tâm vốn bật trần đâu cần rửa,
Trong thân không bệnh rước thầy chi,
Phật kia chẳng phải nơi thân ở,
Gương sáng treo cao chưa chiếu gì.

Gặp thời Võ Tôn (841-846 TL) hủy diệt Phật giáo, bắt tăng còn trẻ phải hoàn tục, Sư cũng phải hoàn tục.

Lúc ấy Sư có làm hai bài kệ dạy chúng:

*1- Minh nguyệt phân hình xứ xứ tân,
Bạch y ninh trụ giải không nhân,
Thùy ngôn tại tục phương tu đạo?
Kim Túc tăng vi trưởng giả thân.*

**2- Nhẫn Tiên lâm hạ tọa thiền thì,
Tằng bị Ca Vương cát tài chi,
Huống ngã thánh triều vô thử sự,
Chỉ kim hựu đạo diệc hà bi?**

Dịch:

**1- Trăng sáng phân hình chỗ chỗ trong,
Bạch y há kéo người “giải không”,
Tại gia ai bảo tu học khó?
Kim Túc⁽⁶⁾ từng làm trưởng giả thân.**

**2- Nhẫn Tiên thiền tọa ở rừng sâu,
Từng bị Lợi Vương chặt cắt đau,
Huống nay thánh chúa không việc ấy,
Chỉ bắt thôi tu đáng buồn đau.**

Đến vua Tuyên Tông lên ngôi (847) sùng phụng Phật pháp, Sư trở về chùa như xưa.

**Niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu (865 TL),
Sư tịch tại núi này, thọ 84 tuổi, 60 tuổi hạ.**

Vua ban hiệu là Quy Tịch thiền sư, tháp hiệu là Bí Chơn.

Niên hiệu Khai Thành năm đầu (836 TL), Sư sang Phúc Châu đến ấp Trường Khê có Trần Lượng, Hoàng Du thỉnh Sư ở tại núi Quy giáo hóa.

⁽⁶⁾ Kim Túc nói đủ là Kim Túc Như Lai tức tiền thân của cư sĩ Duy-ma-cật.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Nheo mày chớp mắt chẳng ngoài người này (người chân thật), một niệm tịnh tâm xưa nay là Phật.

Sư nói kệ:

*Tâm bản tuyệt trần hà dụng tẩy,
Thân trung vô bệnh khởi cầu y,
Dục tri thị Phật phi thân xứ,
Minh giám cao huyền vị chiếu thì.*

Dịch:

*Tâm vốn bật trần đâu cần rửa,
Trong thân không bệnh rước thầy chi,
Phật kia chẳng phải nơi thân ở,
Gương sáng treo cao chưa chiếu thì.*

Tâm bản tuyệt trần hà dụng tẩy, tức là tâm mình lâu nay vốn bật hết các bụi bặm thì cần gì phải giặt rửa. Giống như bài kệ của Lục Tổ. *Thân trung vô bệnh khởi cầu y*, cái đó ở trong thân mình, đâu có bệnh mà phải cầu thầy.

Dục tri thị Phật phi thân xứ, ông Phật thật không phải ở trong thân. *Minh giám cao huyền vị chiếu thì*. Minh giám là gương sáng, cao huyền là treo trên cao, vị chiếu thì tức là khi chưa chiếu. Nguyên câu này nghĩa là gương sáng treo trên cao khi chưa chiếu. Gương sáng này cũng được ví như hòn ngọc sáng, chỉ cho Phật tâm của mình. Tuy nhiên, Phật không ở trong thân

nhưng không rời thân. Ngay trong thân đó, thấy được Phật thì như gương sáng treo ở trên cao mà chưa chiếu vậy. Đó là cách ngài nói về thân Phật.

Gặp thời Võ Tôn (841-846 TL) hủy diệt Phật giáo, bắt tăng còn trẻ phải hoàn tục, Sư cũng phải hoàn tục.

Đây là thời ách nạn nặng nhất ở Trung Hoa, đời vua Đường Võ Tôn. Vua lệnh phá chùa chiền và bắt tăng ni trẻ tuổi hoàn tục.

Lúc ấy Sư có làm hai bài kệ dạy chúng:

- 1- *Minh nguyệt phân hình xứ xứ tân,
Bạch y ninh trụ giải không nhân,
Thùy ngôn tại tục phương tu đạo?
Kim Túc tăng vi trưởng giả thân.*
- 2- *Nhãn Tiên lâm hạ tọa thiền thì,
Tăng bị Ca Vương cát tài chi,
Huống ngã thánh triều vô thử sự,
Chỉ kim hưu đạo diệt hà bi?*

Dịch:

- 1- *Trăng sáng phân hình chỗ chỗ trong,
Bạch y há kéo người “giải không”,
Tại gia ai bảo tu học khó?
Kim Túc từng làm trưởng giả thân.*
- 2- *Nhãn Tiên thiền tọa ở rừng sâu,
Từng bị Lợi Vương chặt cắt đau,*

*Hướng nay thánh chúa không việc ấy,
Chỉ bắt thôi tu đáng buồn đâu.*

Đến vua Tuyên Tông lên ngôi (847) sùng phụng Phật pháp, Sư trở về chùa như xưa.

Bài kệ này nghe rất thông thả. *Minh nguyệt* là mặt trăng sáng. *Phân hình xứ xứ tân* nghĩa là mặt trăng sáng ở trên trời chỉ có một, nhưng nhìn ở dưới hồ ao sông biển, chỗ nào cũng có bóng mặt trăng.

Bạch y ninh trụ giải không nhân, áo trắng tức hình thức cư sĩ, đâu làm lui sụt được người đã hiểu lý không. Ý chí ngài thật mạnh mẽ. Người ta tưởng cởi áo ca-sa là tu không được, nhưng cái áo đâu thể làm chướng ngại sự tu. Đạt được lý không rồi cái áo không thành vấn đề gì hết.

Thùy ngôn tại tục phương tu đạo? Ai bảo rằng ở trong thế tục mà chướng ngại sự tu hành? Tu hành vẫn được như thường. *Kim Túc từng làm trưởng giả thân*. Như ngài Duy-ma-cật từng làm trưởng giả mà vẫn tu vậy. Bốn câu kệ này là nguồn an ủi vô biên.

*Nhẫn Tiên lâm hạ tọa thiền thì,
Tăng bị Ca Vương cắt tài chi,
Hướng ngã thánh triều vô thử sự,
Chỉ kim hưu đạo diệc hà bi?*

Nhẫn Nhục tiên nhân khi ngồi tọa thiền bị vua Ca-lợi tới cắt đứt thân thể ra từng mảnh, mà còn không giận. Hướng nữa là Thánh triều thời đó chỉ bắt hoàn tục, có gì đâu mà buồn.

Ai nhớ hai bài kệ này thì đối với tất cả thời đều hết sức an ổn. Qua đó chúng ta thấy chí đạo mạnh mẽ phi thường của ngài. Mặc áo ca-sa cũng tu, cởi áo ca-sa cũng tu. Mặc áo cởi áo là việc bên ngoài, cái hiểu ở trong mới thật là mình.

Niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu (865 TL), Sư tịch tại núi này, thọ 84 tuổi, 60 tuổi hạ. Vua ban hiệu là Quy Tịch thiền sư, tháp hiệu là Bí Chơn.

Bí Chơn tức là hàm chứa cái chân thật ở trong. Bị bắt để tóc thì cứ để tóc, bắt mặc áo trắng thì cứ mặc áo trắng, đối với ngài không quan trọng, cái gì cũng chịu, không buồn. Học sử ngài chúng ta thấy hay lạ đời. Đó chính là cái hay của người xuất thế.



THIÊN SƯ TRƯỜNG SA CẢNH SÂM

Sau khi đắc pháp nơi Nam Tuyên, Sư đến Lộc Uyển an trụ. Về sau, Sư không ở một chỗ nhất định, chỉ tùy duyên tùy cảnh giáo hóa độ sanh. Vì thế người đương thời gọi Sư là hòa thượng Trường Sa.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nếu ta một bề nêu cao tông giáo thì trong pháp đường này cỏ mọc cao một trượng. Vì sự bất đắc dĩ, ta bảo các người rằng: Tột mười phương thế giới là con mắt của Sa-môn, tột mười phương thế giới là thân của Sa-môn, tột mười phương thế giới là ánh sáng của mình, tột mười phương thế giới ở trong ánh sáng của mình, tột mười phương thế giới không có người nào là chẳng phải chính mình. Ta thường nói với các người: Chư Phật trong đời cùng chúng sanh khắp pháp giới là ánh sáng Ma-ha Bát-nhã. Khi ánh sáng này chưa phát, cả thấy các người đến nương nơi đâu? Khi ánh sáng này chưa phát,

còn không có tấm dạng Phật và chúng sanh, thì chỗ nào có núi sông thế giới?

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là mắt Sa-môn?

Sư đáp:

- Lâu dài ra chẳng dặng, thành Phật thành Tổ ra chẳng dặng, sáu đạo luân hồi ra chẳng dặng.

- Chẳng biết ra cái gì chẳng dặng?

- Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao.

- Con không hội.

- Núi Diệu Cao sắc xanh lại xanh.

Sau khi đắc pháp nơi Nam Tuyên, Sư đến Lộc Uyển an trụ. Về sau, Sư không ở một chỗ nhất định, chỉ tùy duyên tùy cảnh giáo hóa độ sanh. Vì thế người đương thời gọi Sư là hòa thượng Trường Sa.

Nổi pháp ngài Nam Tuyên Phổ Nguyên là ngài Trường Sa Cảnh Sầm.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nếu ta một bề nêu cao tông giáo thì trong pháp đường này cỏ mọc cao một trượng.

Nếu ngài chỉ thẳng chỗ đó thì pháp đường này không ai để chân tới.

Vì sự bất đắc dĩ, ta bảo các người rằng: Tột mười phương thế giới là con mắt của Sa-môn, tột mười phương

thế giới là thân của Sa-môn, tốt mười phương thế giới là ánh sáng của mình, tốt mười phương thế giới ở trong ánh sáng của mình, tốt mười phương thế giới không có người nào là chẳng phải chính mình. Ta thường nói với các người: Chư Phật trong đời cùng chúng sanh khắp pháp giới là ánh sáng Ma-ha Bát-nhã. Khi ánh sáng này chưa phát, cả thấy các người đến nương nơi đâu? Khi ánh sáng này chưa phát, còn không có tấm dạng Phật và chúng sanh, thì chỗ nào có núi sông thế giới?

Tốt mười phương thế giới là con mắt của Sa-môn, tốt mười phương thế giới là thân của Sa-môn. Con mắt và thân của Sa-môn chỉ cho cái gì? Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật nói khi chưa có hư không thế giới thì chúng ta có tánh chân như sáng suốt, chưa phát khởi vọng tưởng thì cái đó trùm khắp mười phương thế giới. Cho nên, người thấy được cái đó rồi mới thấy mình đầy khắp mười phương, đầy khắp tất cả, không có gì ngoài mình.

Khi ánh sáng này chưa phát, còn không có tấm dạng Phật và chúng sanh thì chỗ nào có núi sông thế giới. Ánh sáng còn đang trong bản thể thanh tịnh của nó thì không có Phật, không có chúng sanh, huống nữa là núi sông, thế giới.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là mắt Sa-môn?

Sư đáp:

- Lâu dài ra chẳng động, thành Phật thành Tổ ra chẳng động, sáu đạo luân hồi ra chẳng động.

- *Chẳng biết ra cái gì chẳng đặng?*

- *Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao.*

Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao. Tổ có nói ra ngoài cái đó không? Cho nên nói thành Phật thành Tổ không rời chỗ đó. Sáu đạo luân hồi không ngoài cái đó. Cái đó cũng là con mắt của Sa-môn.

Vị tăng nghe vậy mà không hiểu, nên mới hỏi: *Chẳng biết ra cái gì chẳng đặng?* Ngài đáp: *Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao.* Việc ra chẳng đặng là ra cái đó.

- *Con không hội.*

- *Núi Diệu Cao sắc xanh lại xanh.*

Đâu phải ngài vô tình không đáp, mà tại vì đáp, trò không hội thành ra coi như không đáp.

Sư sai một vị tăng đến hỏi bạn đồng sư là hòa thượng Hội rằng:

- Hòa thượng sau khi thấy Nam Tuyên rồi thế nào?

Hòa thượng Hội lặng thinh.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng trước khi chưa thấy Nam Tuyên thì sao?

Hòa thượng Hội đáp:

- Không thể lại riêng có.

Vị tăng về thuật lại Sư nghe, Sư làm một bài kệ chỉ bày:

*Bách trượng can đầu bất động nhân,
 Tuy nhiên đắc nhập vị vi chân.
 Bách trượng can đầu tu tiến bộ,
 Thập phương thế giới thị toàn thân.*

Dịch:

**Trăm trượng đầu sào vẫn đứng yên,
 Tuy là được nhập chẳng phải hiền.
 Đầu sào trăm trượng cần vượt khỏi,
 Mười phương thế giới thấy thân mình.**

Hòa thượng Hội đang ở chỗ lặng lặng mà không được sáng. Lặng lặng an ổn rồi hài lòng, cho nên ngài làm bài kệ này. Còn đeo đầu sào trăm trượng tuy là hay rồi, nhưng chưa phải thật hay. Phải bước khỏi đầu sào trăm trượng mới là hay.

Có quan khách đến yết kiến, Sư gọi:

- Thượng thư!

Quan khách:

- Dạ!

- Chẳng phải bản mệnh Thượng thư.

- Không thể rời người đối đáp hiện nay lại có chủ nhân thứ hai.

- Gọi Thượng thư là chí tôn được chẳng?

- Thế là khi chẳng đối, đầu không phải là chủ nhân của đệ tử?

- Chẳng những khi đối và khi không đối, mà từ vô thủy kiếp đến giờ cái ấy là cội gốc của sanh tử.

Sư làm bài kệ:

*Học đạo chỉ nhân bất thức chân,
Chỉ vị từng lai nhận thức thân,
Vô thủy kiếp lai sanh tử bản,
Si nhân hoán tác bản lai nhân.*

Dịch:

**Học đạo mà không hiểu lẽ chân,
Bởi tại lâu rồi nhận thức thân,
Gốc nguồn sanh tử vô thủy kiếp,
Người ngu lại gọi chủ nhân ông.**

Kêu: Thượng thư! - Dạ! Mà không ngộ. Bởi không ngộ nên chỉ là người nhận thức thân chứ chưa thấy được bản tánh. Khi đối đáp còn thấy đối và không đối thì chưa phải người vượt khỏi sanh tử.

Tăng Hạo Nguyệt hỏi:

- Những vị thiện tri thức trong thiên hạ chứng được ba đức Niết-bàn chưa?

Sư đáp:

- Đó là Đại đức hỏi trên quả Niết-bàn hay trong nhân Niết-bàn?

- Trên quả Niết-bàn.

- Những thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng.

- Vì sao chưa chứng?
- Vì công chưa bằng chư thánh.
- Công chưa bằng chư thánh sao làm thiện tri thức?
- Thấy rõ Phật tánh cũng được gọi là thiện tri thức.
- Chẳng biết công bằng chừng nào mới được chứng Niết-bàn?

Sư có bài kệ:

*Ma-ha Bát-nhã chiếu,
Giải thoát thậm thâm pháp,
Pháp thân tịch diệt thể,
Tam nhất lý viên thường.
Dục thức công tề xứ,
Thử danh Thường tịch quang.*

Dịch:

Trí tuệ lớn rộng soi,
Pháp giải thoát sâu xa,
Thể pháp thân vắng lặng,
Ba một lý thường tròn.
Muốn biết chỗ công bằng,
Đây gọi Thường tịch quang.

- Trên quả ba đức Niết-bàn đã nhờ chỉ dạy, thế nào là trong nhân Niết-bàn?

- Đại đức ấy.
- Trong kinh nói ý huyền là có chăng?
- Đại đức nói gì?
- Thế là ý huyền tại không chăng?
- Đại đức nói gì?
- Thế là ý huyền tại chẳng có chẳng không chăng?
- Đại đức nói gì?
- Con ba phen nhận định chẳng hợp ý huyền, chưa biết Hòa thượng thế nào để rõ được ý huyền trong Kinh?
- Đại đức tin tất cả pháp không thể nghĩ bàn chăng?
- Lời thành thật của Phật đâu dám không tin.
- Đại đức nói tin, trong hai thứ tin là thứ tin nào?
- Theo con hiểu, trong hai thứ tin là tin duyên.
- Y giáo môn nào được sanh tin duyên?
- Theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát lớn lấy trí tuệ không chướng không ngại tin tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai.” Lại, kinh Hoa Nghiêm nói: “Chư Phật Thế Tôn thấy biết thế pháp và Phật pháp tánh không sai khác, quyết định không hai.” Cũng kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật pháp thế gian pháp, nếu thấy chỗ chân thật của nó, tất cả không sai khác.”

- Đại đức nêu chỗ tin duyên trong giáo môn rất có bằng cứ. Nghe lão tăng vì Đại đức nói rõ ý huyễn trong Kinh:

*Nhược nhân kiến huyễn bản lai chân,
Thị tắc danh vi kiến Phật nhân,
Viên thông pháp pháp vô sanh diệt,
Vô diệt vô sanh thị Phật thân.*

Dịch:

**Nếu người thấy huyễn xưa nay chân,
Thế ấy tức là thấy Phật nhân (người),
Suốt thông các pháp không sanh diệt,
Không diệt không sanh ấy Phật thân.**

Tăng Hạo Nguyệt hỏi:

- Những vị thiện tri thức trong thiên hạ chứng được ba đức Niết-bàn chưa?

Sư đáp:

- Đó là Đại đức hỏi trên quả Niết-bàn hay trong nhân Niết-bàn?

- Trên quả Niết-bàn.

- Những thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng.

- Vì sao chưa chứng?

- Vì công chưa bằng chư thánh.

- Công chưa bằng chư thánh sao làm thiện tri thức?

- *Thấy rõ Phật tánh cũng được gọi là thiện tri thức.*

Tuy ngộ mà công chưa bằng chư thánh, nên chưa chứng. Người nào thấy rõ Phật tánh thì người đó được gọi là thiện tri thức.

- *Chẳng biết công bằng chừng nào mới được chứng Niết-bàn?*

Sư có bài kệ:

*Ma-ha Bát-nhã chiếu,
Giải thoát thậm thâm pháp,
Pháp thân tịch diệt thể,
Tam nhất lý viên thường.
Dục thức công tề xứ,
Thử danh Thường tịch quang.*

Dịch:

*Trí tuệ lớn rộng soi,
Pháp giải thoát sâu xa,
Thể pháp thân vắng lặng,
Ba một lý thường tròn.
Muốn biết chỗ công bằng,
Đây gọi Thường tịch quang.*

Ba một lý thường tròn, ba là ba thân, một là chỉ cho một thân. Tuy ba thân mà trở về một. Ba là pháp, báo, hóa nhưng đồng một thể trong pháp thân. Nếu nhận được thể pháp thân thì đầy đủ ba thân, cho nên gọi là thường tịch quang.

- Trên quả ba đức Niết-bàn đã nhờ chỉ dạy, thế nào là trong nhân Niết-bàn?

- Đại đức ấy.

- Trong kinh nói ý huyễn là có chăng?

- Đại đức nói gì?

- Thế là ý huyễn tại không chăng?

- Đại đức nói gì?

- Thế là ý huyễn tại chẳng có chẳng không chăng?

- Đại đức nói gì?

Tại sao ba lần tăng hỏi, ngài đều lặp lại có một câu: *Đại đức nói gì?* Bởi vì vị tăng này chấp huyễn là có, là không, là chẳng phải có chẳng phải không. Như vậy là lạc trong tứ cú làm sao đạt được ý huyễn của Phật. Phật nói huyễn để biết cái phi huyễn. Phật nói diệt sanh diệt để thấy cái không sanh diệt. Vị tăng này chấp trên tướng có không sanh diệt. Vì vậy nên ngài chỉ lặp lại một câu: *Đại đức nói gì?* Để biết đó là dùng trí đáp, đáp lại bằng cách gác qua.

- Con ba phen nhận định chẳng hợp ý huyễn, chưa biết Hòa thượng thế nào để rõ được ý huyễn trong Kinh?

- Đại đức tin tất cả pháp không thể nghĩ bàn chăng?

- Lời thành thật của Phật đâu dám không tin.

- Đại đức nói tin, trong hai thứ tin là thứ tin nào?

- Theo con hiểu, trong hai thứ tin là tin duyên.

- Y giáo môn nào được sanh tin duyên?

- Theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát lớn lấy trí tuệ không chướng không ngại tin tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai.” Lại, kinh Hoa Nghiêm nói: “Chư Phật Thế Tôn thấy biết thế pháp và Phật pháp tánh không sai khác, quyết định không hai.” Cũng kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật pháp thế gian pháp, nếu thấy chỗ chân thật của nó, tất cả không sai khác.”

- Đại đức nêu chỗ tin duyên trong giáo môn rất có bằng cứ. Nghe lão tăng vì Đại đức nói rõ ý huyển trong Kinh:

*Nhược nhân kiến huyển bản lai chân,
Thị tắc danh vi kiến Phật nhân,
Viên thông pháp pháp vô sanh diệt,
Vô diệt vô sanh thị Phật thân.*

Dịch:

*Nếu người thấy huyển xưa nay chân,
Thế ấy tức là thấy Phật nhân (người),
Suốt thông các pháp không sanh diệt,
Không diệt không sanh ấy Phật thân.*

Nhược nhân kiến huyển bản lai chân. Huyển xưa nay là chân. Từ huyển mà thấy được chân mới đúng là người tu hành theo lời Phật dạy. *Thị tắc danh vi kiến Phật nhân*, ắt gọi người đó là người thấy được Phật. *Viên thông pháp pháp vô sanh diệt*, nếu người ngộ được lý viên thông rồi thì mỗi pháp đâu còn sanh diệt nữa.

Vô diệt vô sanh thị Phật thân, không còn sanh, không còn diệt mới thật là chân thật.

Có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng nối tiếp người nào?

Sư đáp:

- Tôi không nối tiếp người nào.

- Lại có tham học chẳng?

- Tôi tự tham học.

- Ý Hòa thượng thế nào?

Sư có bài kệ:

Hư không vấn vạn tượng,

Vạn tượng đáp hư không.

Thùy nhân thân đắc văn,

Mộc xoa quán giác đồng.

Dịch:

Hư không hỏi vạn tượng,

Vạn tượng đáp hư không.

Người nào thân nghe được,

Trẻ con đầu hai chỏm.

Tại sao ngài học ở Nam Tuyền mà nói không phải, lại xưng là tự học? Đó là phủ nhận thầy mình chẳng? Thật tình không phải. Đó là người được nghe hư không vấn vạn tượng.

Hư không vấn vạn tượng, vạn tượng đáp hư không.
 Thầy tâm như hư không, trò hỏi tâm cũng như hư không.
 Thầy trò tâm đều như hư không. Người gần được nghe,
 ví như những đứa bé đầu chùa hai vá. Vì trở về nguồn
 tâm trong trẻo đó giống như sự trong sáng của anh nhi.

Có vị tăng hỏi:

- “Sắc tức là không, không tức là sắc”, lý này thế nào?

Sư có bài kệ:

*Ngại xứ phi tường bích,
 Thông xứ vật hư không.
 Nhược nhân như thị giải,
 Tâm sắc bản lai đồng.*

*Phật tánh đường đường hiển hiện,
 Trụ tánh hữu tình nan kiến.
 Nhược ngộ chúng sanh vô ngã,
 Ngã diện hà thù Phật diện.*

Dịch:

**Chỗ ngại chẳng tường vách,
 Chỗ thông đâu hư không.
 Nếu người hiểu như thế,
 Tâm sắc xưa nay đồng.**

**Phật tánh hiển hiện rõ ràng,
 Trụ tánh hữu tình khó thấy.
 Nếu ngộ chúng sanh vô ngã,
 Mặt ta mặt Phật khác gì.**

Ngại xứ phi tường bích, thông xứ vật hư không.
 Chỗ ngại là sắc, chỗ ngại đó không phải tường vách.
 Thông xứ tức là không, hư không mà cũng không phải
 là hư không. Tức là ngay nơi sắc thấy không, ngay nơi
 không thấy sắc. *Nhược nhân như thị giải, tâm sắc bản*
lai đồng. Người nào hiểu được như thế thì tâm sắc xưa
 nay đồng.

Phật tánh đường đường hiển hiện, tức là Phật
 tánh hiển hiện rõ ràng. *Trụ tánh hữu tình nan kiến,*
 người nào còn chấp chỗ trụ thì khó thấy được Phật tánh.
Nhược ngộ chúng sanh vô ngã, ngộ được chúng sanh
 không có ngã, *ngã diện hà thù Phật diện* tức mình là
 Phật chứ không đâu xa.

Sư có bài kệ khuyến học:

Vạn trượng can đầu vị đắc hưu,
Đường đường hữu lộ thiếu nhân du.
Thiền sư nguyện đạt Nam Tuyên khứ,
Mãn mục thanh sơn vạn vạn thu.

Dịch:

Muôn trượng đầu sào chẳng được dừng,
Sờ sờ đường cái ít người đi.
Thiền sư muốn đạt Nam Tuyên lộ,
Đầy mắt núi xanh muôn muôn thu.

Người nào muốn biết con đường của ngài Nam
 Tuyên đi thì phải bước qua khỏi đầu sào trăm trượng.
 Qua đầu sào trăm trượng rồi, sẽ thấy hiển bày rành rõ,

không phải chỗ đó là không. Chừng ấy mới thấy trước mắt đầy cả núi xanh muôn thu.

Vì Sư không có nơi trụ nhất định nên không biết tịch lúc nào và nơi nào.



THIÊN SƯ TRIỆU CHÂU TÙNG THẨM

(778 - 897)

Sư họ Hác, quê ở làng Hác, thuộc Tào Châu. Thuở nhỏ Sư xuất gia ở Hồ Thông viện tại bản châu, nhưng chưa thọ giới. Sư tìm đến Trì Dương tham vấn Nam Tuyên (Phổ Nguyên), gặp lúc Nam Tuyên nằm nghỉ, mà vẫn hỏi:

- Vừa rời chỗ nào?

Sư thưa:

- Vừa rời viện Thụy Tượng.

- Thấy Thụy Tượng chẳng?

- Chẳng thấy Thụy Tượng, chỉ thấy Như Lai nằm.

- Người là Sa-di có chủ hay không có chủ?

- Sa-di có chủ.

- Chủ ở chỗ nào?

- Giữa mùa đông rất lạnh, ngưỡng mong tôn thể Hòa thượng được muôn phước.

Nam Tuyên khen ngợi liền nhận vào chúng.

Hỏi *chủ ở chỗ nào* là gài bẫy. Nếu ngài Triệu Châu không sống được chỗ đó, khéo nhận chỗ đó là bị mắc bẫy. Ngài tháo bẫy một cách dễ dàng: *Giữa mùa đông rét lạnh, ngưỡng mong tôn thể Hòa thượng được muôn phước.* Đó là gỡ bẫy của ngài Nam Tuyên. Ngài được khen ngợi lan lợi và cho vào chúng.

Sư hỏi Nam Tuyên:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyên đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

- Lại có thể nhằm tiến đến chăng?

- Nghĩ nhằm tiến đến là trái.

- Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?

- Đạo chẳng thuộc biết và chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thật đạt đạo thì chẳng nghĩ, ví như hư không thênh thang rộng rang đâu thể gắng nói phải quấy?

Ngay câu nói này Sư ngộ lý.

Biết *bình thường tâm là đạo*, cái bình thường đó không thuộc vọng giác, cũng không thuộc về vô ký, mới gọi là bình thường.

Sư đến đàn Lưu Ly tại Tung Nhạc thọ giới. Thọ giới xong, Sư trở lại Nam Tuyên.

Sư hỏi Nam Tuyên:

- Biết có người ấy đến chỗ nào an nghỉ?

Nam Tuyên bảo:

- Đến nhà đàn-việt dưới núi làm con trâu đi.

- Cảm tạ Thầy chỉ dạy.

- Đêm qua canh ba trăng soi cửa.

Khi nào biết được người ấy, tức là biết được ông chủ thì đến được chỗ an nghỉ. Nam Tuyên bảo *đến nhà đàn-việt dưới núi làm con trâu đi*, thì ngài vâng làm con trâu. Nam Tuyên khen *Đêm qua canh ba trăng soi cửa*. Đó là một hình ảnh đẹp.

Sư đến Hoàng Bá (Hy Vận). Hoàng Bá thấy Sư đến liền đóng cửa phương trượng. Sư lấy lửa đem vào pháp đường kêu:

- Cứu lửa! Cứu lửa!

Hoàng Bá mở cửa, nắm đứng Sư lại, bảo:

- Nói! Nói!

Sư bảo:

- Cướp qua rồi mới giương cung.

Ngài là một người lanh lợi. Thấy đóng cửa, ngài đem lửa lại kêu: *Cứu lửa! Cứu lửa!* Hoàng Bá cũng phải mở cửa, nắm đứng Tùng Thẩm lại: *Nói! Nói!* Ngài trả lời: *Cướp qua rồi mới giương cung*. Trễ quá rồi còn nói gì nữa.

Sư đến Đạo Ngô (Viên Trí), vừa vào nhà, Đạo Ngô nói:

- Mũi tên Nam Tuyên đến.

Sư bảo:

- Xem tên!

Đạo Ngô nói:

- Trật.

Sư bảo:

- Trúng.



Sư đến Giáp Sơn (Thiện Hội) cầm gậy vào pháp đường.

Giáp Sơn hỏi:

- Làm gì.

Sư đáp:

- Dò nước.

Giáp Sơn bảo:

- Một giọt cũng không, dò cái gì?

Sư chống gậy đi ra.

Giáp Sơn Thiện Hội là đệ tử của ngài Hoa Đình Thuyền Tử. Thật là con cháu của ngài Thạch Đầu. Đúng như vậy, một giọt nước cũng không thì dò cái gì?

Sau khi được Nam Tuyên ấn khả, Sư về Tào Châu thăm bốn sư. Người thân thuộc hay tin Sư về đều muốn đến thăm, Sư nghe được bèn nói:

- Lưới ái trần tục không có ngày dứt được, ta đã từ bỏ xuất gia, không muốn gặp lại.

Sư liền mang bát cầm gậy, dạo khắp các nơi. Sư thường nói:

- Trẻ con bảy tuổi hơn ta thì ta hỏi nó, ông già trăm tuổi chẳng bằng ta thì ta dạy họ.

Sau khi được Nam Tuyên ấn khả, Sư về Tào Châu thăm bốn sư. Người thân thuộc hay tin Sư về đều muốn đến thăm, Sư nghe được bèn nói:

- Lưới ái trần tục không có ngày dứt được, ta đã từ bỏ xuất gia, không muốn gặp lại.

Sư liền mang bát cầm gậy, dạo khắp các nơi.

Người xưa nghe bà con tới thăm, liền mang bát đi vì sợ lưới ái trần tục không hết. Về thì bị lưới đó cột, không cột nhiều cũng cột ít. Còn người bây giờ, cứ ít bữa xin thầy cho về, ít bữa lại xin về. Khó cắt lăm, tu như vậy chừng nào thoát khỏi lưới ái.

Nghe chuyện của người ngoài đau khổ, mình buồn chừng hai phần. Về gia đình mà nghe đau khổ thì buồn tới mười phần. Tu hành như thế chẳng khác nào cọ cây hơi ẩm ẩm rồi thì buông. Người xưa gan dạ nên học đạo không khó. Chúng ta bây giờ yếu đuối quá, nên đối với đạo thật là xa xôi.

Sư thường nói:

- Trẻ con bảy tuổi hơn ta thì ta hỏi nó, ông già trăm tuổi chẳng bằng ta thì ta dạy họ.

Với tinh thần học đạo, dù con nít nhỏ tuổi hơn ngài mà biết, ngài cũng dám học. Còn lớn hơn mà không biết thì ngài dạy. Người hiểu biết đạo phải như vậy. Chúng ta thì người nào lớn hơn mới học, nhỏ thì khinh là người chưa biết.

Sau chúng thỉnh Sư ở viện Quan Âm tại Triệu Châu. Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư bảo:

- Ở trong điện.

- Trong điện đâu không phải bùn đất đắp thành tượng?

- Phải.

- Thế nào là Phật?

- Ở trong điện.

- Con mê muội xin Thầy chỉ dạy.

- Ăn cháo xong chưa?

- Ăn cháo xong.

- Rửa chén bát đi!

Tặng nhân đây đại ngộ.

Hỏi hai lần đều được trả lời: *Ở trong điện*. Tăng chưa nhận được nên hỏi thêm: *Con mê muội xin Thầy chỉ dạy*. Ngài nói: *Ăn cháo xong chưa? - Ăn cháo xong. - Rửa chén bát đi!* Đại ngộ! Dễ dàng quá.

Ở đây, ngài nói chuyện chơi hay là đạo lý? Đạo lý ở chỗ *rửa chén bát đi*. Chúng ta cứ tìm đạo lý ở những thứ kỳ đặc, nhưng không ngờ đạo lý ngay chỗ ăn cơm rửa bát. Bình thường tâm là đạo, ăn cơm rửa bát là bình thường tâm, đâu cần đi truyền đạo lý khác. Cho nên chỉ ngay đó mà ngộ.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Như minh châu trong tay, Hồ đến thì hiện Hồ, Hán đến thì hiện Hán. Lão tăng nắm một nắm cỏ dùng làm thân vàng (thân Phật) một trượng sáu, đem thân vàng một trượng sáu dùng làm nắm cỏ, Phật là phiền não, phiền não là Phật.

Có vị tăng đứng lên hỏi:

- Chưa biết Phật là phiền não của ai?

Sư đáp:

- Là phiền não của tất cả người.

- Làm sao khỏi được?

- Dùng khỏi làm gì?

Sư thượng đường dạy chúng:

- Như minh châu trong tay, Hồ đến thì hiện Hồ, Hán đến thì hiện Hán. Lão tăng nắm một nắm cỏ dùng làm thân vàng (thân Phật) một trượng sáu, đem thân vàng

một trượng sáu dùng làm nắm cỏ, Phật là phiền não, phiền não là Phật.

Sự tự tại của người đạt đạo khi nắm được hạt trân châu trong tay rồi thì *Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán*. Người nào đến hiện ra người ấy, không có sai biệt. Vì vậy, ngài nói: *Nắm một nắm cỏ làm thân Phật, rồi đem thân Phật làm nắm cỏ, phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề là Phật. Phật là phiền não, phiền não là Phật, không khác. Đạt được như thế thì diệu dụng không lường.*

Có vị tăng đứng lên hỏi:

- Chưa biết Phật là phiền não của ai?

Sư đáp:

- Là phiền não của tất cả người.

- Làm sao khỏi được?

- Dùng khỏi làm gì?

Vừa nghĩ khỏi là không khỏi rồi.

Có người hỏi:

- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:

- Không!

- Trên đến chư Phật, dưới đến loài trùng kiến đều có Phật tánh, vì sao con chó không có Phật tánh?

- Vì nó còn có nghiệp thức.

Lại có người hỏi:

- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:

- Có.

- Đã có Phật tánh vì sao còn chui vào trong
dây da!

- Vì biết mà cố phạm.

Có người hỏi:

- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:

- Không!

Câu đáp này được người sau cho là rất quan trọng.

- Trên đến chư Phật, dưới đến loài trùng kiến đều
có Phật tánh, vì sao con chó không có Phật tánh?

- Vì nó còn có nghiệp thức.

Ngài khéo léo làm sao. Biết người hỏi đang chấp
chặt là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mà lại hỏi
con chó có Phật tánh không. Vì vậy ngài đáp: *Không*.
Đó là cách tháo đỉnh gỡ chốt. Vị tăng ấy không nhận
biết được nên dẫn kinh làm chứng để xác định con chó
có Phật tánh. Ngài liền giải đáp bằng cách: *Vì nó còn
có nghiệp thức*. Còn nghiệp thức che đậy nên không có
Phật tánh.

Lại có người hỏi:

- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp: - Có.

Vị tăng này có lẽ nghe hỏi xưa ngài đáp không, dính mắc cho là không. Cho nên đến đây ngài đáp có, ông liền hỏi lại:

- *Đã có Phật tánh vì sao còn chui vào trong dây da!*

- *Vì biết mà cố phạm.*

Có Phật tánh là linh thông sáng suốt, tại sao lại chui vào dây da? Bởi vì biết mà cố phạm, nên thành tội lỗi, rơi vào lông lá bù xù, làm loài bốn chân. Câu đáp hay làm sao. Ngài thật là lanh lợi vô cùng, đáp có cũng đúng, đáp không cũng đúng. Có không đều đúng.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- **Từng đến đây chưa?**

Tăng thưa:

- **Từng đến.**

- **Uống trà đi!**

Sư lại hỏi vị tăng khác:

- **Từng đến đây chưa?**

Tăng thưa:

- **Chưa từng đến.**

- **Uống trà đi!**

Sau Viện chủ hỏi Sư:

- **Vì sao từng đến dạy uống trà đi, chưa từng đến cũng dạy uống trà đi?**

Sư gọi:

- Viện chủ!

Viện chủ đáp:

- Dạ!

Sư bảo:

- Uống trà đi!

Trà Triệu Châu là chỗ đó. Ba người đều lãnh hội.

Sư cầm chổi quét đất, có người hỏi:

- Hòa thượng là thiện tri thức vì sao có bụi?

Sư bảo:

- Bên ngoài đến.

- Già-lam thanh tịnh vì sao có bụi?

- Có một chút.



Có ông tú tài đến hỏi Sư:

- Phật chẳng trái sở nguyện của chúng sanh, phải chăng?

Sư đáp:

- Phải!

- Con muốn xin cây gậy trong tay Hòa thượng, được chăng?

- Người quân tử không đoạt cái sở thích của người.

- Con không phải là quân tử.

- Ta cũng chẳng phải là Phật.

Nếu là quân tử *không đoạt sở thích của người*. Vị tú tài này lanh lẹ, *con không phải là quân tử* thì con có quyền lấy. *Ta không phải là Phật* thì ta có quyền không cho. Bởi vì chỗ đó không thể cho, cũng không thể đoạt lấy.

Có người hỏi:

- Đã lâu nghe tiếng cầu đá Triệu Châu, nay đến chỉ thấy cầu khỉ.

Sư bảo:

- Ông chỉ thấy cầu khỉ mà không thấy cầu đá.

- Thế nào là cầu đá?

- Độ lừa độ ngựa.

- Thế nào là cầu khỉ?

- Mỗi mỗi độ người.

Có người hỏi:

- Đã lâu nghe tiếng cầu đá Triệu Châu, nay đến chỉ thấy cầu khỉ.

Sư bảo:

- Ông chỉ thấy cầu khỉ mà không thấy cầu đá.

Nếu ông thấy chỉ cầu khỉ thì làm gì ông thấy cầu đá được.

- Thế nào là cầu đá?

- Độ lừa độ ngựa.

- Thế nào là cầu khỉ?

- *Mỗi mỗi độ người.*

Cầu đá thì độ lừa độ ngựa, còn cầu khỉ thì mỗi mỗi độ người. Ngài thông minh tốt cùng.

Sư dạy chúng:

- Vừa có phải quấy thì lẳng xăng mất tâm, lại có người đáp thoại hay chăng?

Có vị tăng bước ra võ thị giả một cái, nói:

- Sao không đáp Hòa thượng?

Sư liền đi vào phương trượng.

Sau, thị giả thưa:

- Vừa rồi vị tăng làm thế ấy là hội hay chẳng hội?

Sư bảo:

- Ngồi thấy đứng, đứng thấy ngồi.

Ai biết được cái này? Vừa có phải quấy lẳng xăng mất tâm, lại có người đáp thoại hay chăng? Bởi vì chỗ đó mở miệng là trật rồi, cho nên vị tăng khéo léo võ vai ông thị giả: *Sao không đáp lời Hòa thượng?* Ngài liền đi vào phương trượng. Đó là đã đáp rồi.

Thị giả không biết ý thầy nên đi vào hỏi: *Vừa rồi vị tăng làm thế ấy là hội hay chẳng hội?* Ngài đáp: *Ngồi thấy đứng, đứng thấy ngồi.* Hai người đã thấy nhau, thầy đã thấy trò và trò đã thấy thầy. Tại thị giả dốt nên chưa thấy.

Sư dạy chúng:

- “Chí đạo vô nan, chỉ hiềm lựa chọn”, vừa có nói năng là lựa chọn, là minh bạch. Lão tăng chẳng ở trong minh bạch, các người lại tiếc giữ chẳng?

Có vị tăng đứng ra hỏi:

- Đã chẳng ở trong minh bạch thì tiếc giữ cái gì?

Sư bảo:

- Ta cũng chẳng biết.

- Hòa thượng đã chẳng biết, vì sao chẳng ở trong minh bạch?

- Hỏi việc thì được, lễ bái xong lui ra.

Vậy là ở trong minh bạch hay không minh bạch?
Hỏi việc thì được, lễ bái xong lui ra, đó là minh bạch rồi.

Quan đại phu họ Mã đến hỏi:

- Hòa thượng có tu hành chẳng?

Sư đáp:

- Lão tăng nếu tu hành là việc họa.

- Hòa thượng đã chẳng tu hành thì dạy người nào tu hành?

- Đại phu là người tu hành.

- Con sao bảo là tu hành?

- Nếu không tu hành thì đâu được đánh đập người, ở trong địa vị nhân vương đói có cơm, lạnh có áo, không biết ngày ra khỏi.

Đại phu nghe cảm động rơi nước mắt, lễ tạ Sư.

Đối với ngài, tu hành là họa, nhưng đối với ông đại phu này thì phải tu hành. Nếu không tu hành thì đâu được đánh đập người. Nhờ ông tu hành nên giờ ông mới ngồi giữ địa vị quan to, ông đánh người này, ông đập người kia. Rồi ở trong địa vị quan to, đói có cơm, lạnh có áo. Nếu không cố gắng tu hành thì không biết ngày nào ra khỏi vòng sanh tử, cho nên ta dạy ông tu hành.

Mới nghe chúng ta thấy ngài nói gọn quá, mình không hiểu, nhưng đại phu hiểu nên cảm động rơi nước mắt.

Có vị tăng hỏi:

- Trong mười hai giờ dụng tâm thế nào?

Sư đáp:

- Người bị mười hai giờ sai khiến, ta sai khiến được mười hai giờ.

Sư bèn nói:

- Huynh đệ! Chớ đứng lâu. Có việc thì thương lượng, không việc thì đến nhà sau ngồi, tìm xét lý là tốt. Lão tăng lúc đi hành cước, trừ hai thời cơm cháo là tập dụng tâm, ngoài ra không có dụng tâm khác. Nếu chẳng như thế rất là xa vậy.

Có vị tăng hỏi:

- Trong mười hai giờ dụng tâm thế nào?

Sư đáp:

- Người bị mười hai giờ sai khiến, ta sai khiến được mười hai giờ.

Hỏi dụng tâm thế nào, ngài đáp: Ta sai khiến được mười hai giờ, tức là giờ nào cũng là giờ ngài tu hết, vì ngài đã sống và làm chủ được.

Sư bèn nói:

- Huynh đệ! Chớ đứng lâu. Có việc thì thương lượng không việc thì đến nhà sau ngòi, tìm xét lý là tốt. Lão tăng lúc đi hành cước, trừ hai thời cơm cháo là tạp dụng tâm, ngoài ra không có dụng tâm khác. Nếu chẳng như thế rất là xa vậy.

Đối với ngài, chỉ thời cơm cháo có tam đề ngũ quán gọi là tạp dụng tâm, còn ngoài hai thời cơm cháo thì chỉ một mặt dụng tâm ấy. Vậy nên ngài mới gần được. Chúng ta mười hai giờ đều là tạp dụng tâm nên rất là xa vậy.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngòi ở trong. Bồ-đề Niết-bàn chân như Phật tánh trọn là y phục đắp vào thân, cũng gọi là phiền não, thật tế lý địa để ở chỗ nào? Một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi. Người cứ nghiên cứu lý này, ngòi quán xét hai ba mươi năm, nếu chẳng hội thì chặt đầu lão tăng đi! Nhọc nhàn nắm bắt mộng huyễn không hoa, tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như. Đã chẳng từ ngoài được thì câu chấp làm gì? Giống in như con dê gặm cái gì cũng liếm cũng nhai. Lão tăng thấy hòa thượng Dược Sơn (Duy Nghiễm) có người hỏi, ngài liền bảo:

“Ngậm lấy miệng chó.” Lão tăng cũng dạy: “Ngậm miệng chó.” Chấp ngã thì nhớ, không chấp ngã thì sạch, giống như con chó săn tìm kiếm vật để ăn. Phật pháp ở chỗ nào? Ngàn người muôn người thấy đều là kẻ tìm Phật, mà ở trong đó tìm một đạo nhân không có. Nếu làm đệ tử của vua Không, chó bảo tâm bệnh khó trị. Khi chưa có thế giới, trước đã có tánh này, khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại. Một phen được thấy lão tăng, sau lại chẳng phải người khác, chỉ là chủ nhân này. Cái đó lại hướng ngoài tìm làm gì? Khi ấy chó xoa đầu moi óc, nếu xoa đầu moi óc liền mất vậy.

Có vị tăng hỏi:

- Theo lời Thầy dạy “khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại”, thế nào là tánh này?

Sư đáp:

- Tứ đại ngũ uẩn.

- Các thứ ấy vẫn là hoại, thế nào là tánh này?

- Tứ đại ngũ uẩn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngồi ở trong.

Phật vàng, Phật gỗ, Phật đất, ba ông Phật đó độ được người không? Chỉ có ông Phật thật ở trong mỗi người mới có thể.

Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như, Phật tánh trọn là y phục đắp vào thân, cũng gọi là phiền não, thật tế lý địa để ở chỗ nào?

Những danh từ Bồ-đề, Niết-bàn, chân như, Phật tánh chỉ là y phục đắp ngoài, chưa phải cái thể của ông Phật thật. Cho nên nếu chấp vào đó cũng là phiền não, nên trên thực tế, những danh từ đó không có chỗ dụng.

Một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi. Người cứ nghiên cứu lý này, ngồi quán xét hai ba mươi năm, nếu chẳng hội thì chặt đầu lão tăng đi!

Ngài khẳng định, nếu một tâm không sanh thì muôn pháp không lỗi, cứ như vậy mà sống, cứ như vậy mà tu. Hai ba mươi năm mà không ngộ thì chặt đầu lão tăng.

Nhọc nhàn nắm bắt mộng huyễn không hoa, tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như.

Chúng ta cứ chạy theo những hình ảnh bên ngoài, chẳng khác nào nắm bắt những việc trong mộng. Những việc huyễn hóa như hoa đốm trong hư không, có gì thật đâu. Nếu tâm mình không khác thì muôn pháp đều nhất như.

Đã chẳng từ ngoài được thì câu chấp làm gì? Giống in như con dê gặp cái gì cũng liếm cũng nhai.

Con dê gặp lá nào cũng liếm, cũng đưa vô miệng. Chúng ta cũng vậy, thấy cái gì cũng duyên, gặp cái gì cũng dính, giống hệt con dê.

Lão tăng thấy hòa thượng Dược Sơn (Duy Nghiễm) có người hỏi, ngài liền bảo: “Ngậm lấy miệng chó.” Lão tăng cũng dạy: “Ngậm miệng chó.” Cháp ngã thì nhor, không chap ngã thì sạch, giống như con chó săn tìm kiếm vật để ăn, Phật pháp ở chỗ nào?

Như con chó săn, kiếm đuổi theo mùi, đuổi theo vật. Bây giờ ngậm cái miệng chó đi thì xong. Các ngài nói nghe có vẻ nhục nhã quá, nhưng nó là sự thật.

Ngàn người muôn người thấy đều là kẻ tìm Phật, mà ở trong đó tìm một đạo nhân không có. Nếu làm đệ tử của vua Không, chó bảo tâm bệnh khó trị.

Nói đi tìm Phật mà rốt cuộc không có một đạo nhân. Nếu người nào làm đệ tử vua Không là muôn duyên buông hết. Muôn duyên buông hết thì bệnh nào trị cũng được.

Khi chưa có thế giới, trước đã có tánh này, khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại. Một phen được thấy lão tăng, sau lại chẳng phải người khác, chỉ là chủ nhân này.

Tánh đó trước và sau không bao giờ hoại. Tánh đó ở đâu? Một phen được thấy lão tăng, sau lại chẳng phải người khác. Ai thấy lão tăng đây? Trước sau đâu có khác, chỉ là chủ nhân này.

Cái đó lại hướng ngoài tìm làm gì? Khi ấy chó xoa đầu moi óc, nếu xoa đầu moi óc liền mất vật.

Ngài chỉ thẳng cho chúng ta biết, ngay khi thấy lão tăng là lão tăng, chứ nào thấy người khác. Xoa đầu moi óc, gác trán tìm cái đó, tìm làm sao cho ra? Ai thấy?

Có vị tăng hỏi:

- Theo lời Thầy dạy “khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại”, thế nào là tánh này?

Sư đáp:

- Tứ đại ngũ uẩn.

- Các thứ ấy vẫn là hoại. Thế nào là tánh này?

- Tứ đại ngũ uẩn.

Vẫn như xưa, trước sau không khác. Ngài đã chỉ thẳng tánh rồi vậy.

Có vị tăng đến từ già Sư. Sư hỏi:

- Đi đâu?

Tăng thưa:

- Đến Tuyết Phong.

- Tuyết Phong nếu hỏi người: “Hòa thượng dạy những lời gì”, người đáp thế nào?

- Con nói chẳng được, thỉnh Hòa thượng nói.

- Đông thì nói lạnh, hạ thì nói nóng.

Sư lại hỏi:

- Tuyết Phong lại hỏi người: Việc cứu cánh thế nào?

- Con nói chẳng được.

- Chỉ nói: chính từ Triệu Châu lại, chẳng phải miệng người truyền.

Vị tăng ấy đến Tuyết Phong, thuật lại cho Tuyết Phong nghe.

Tuyết Phong bảo:

- Phải là Triệu Châu mới được.

- Tuyết Phong nếu hỏi người: “Hòa thượng dạy những lời gì”, người đáp thế nào?

- Con nói chẳng được, thỉnh Hòa thượng nói.

- Đông thì nói lạnh, hạ thì nói nóng.

Sư lại hỏi:

- Tuyết Phong lại hỏi người: Việc cứu cánh thế nào?

- Con nói chẳng được.

- Chỉ nói: chính từ Triệu Châu lại, chẳng phải miệng người truyền.

Đông thì nói lạnh, hạ thì nói nóng. Đó là đích thân nghe từ miệng ngài Triệu Châu nói, không phải nghe người khác nói.

Vị tăng ấy đến Tuyết Phong, thuật lại cho Tuyết Phong nghe.

Tuyết Phong bảo:

- Phải là Triệu Châu mới được.

Đông thì nói lạnh, hạ thì nói nóng, đâu có khác với câu “Bình thường tâm thị đạo”.

Thời gian trụ trì tại viện Quan Âm, có vua nước Yên, nước Triệu đồng đến ra mắt Sư. Sư vẫn ngồi tiếp không đứng dậy. Vua Yên hỏi:

- Nhân vương đáng tôn trọng hay Pháp vương đáng tôn trọng?

Sư đáp:

- Nếu ở trong Nhân vương thì Nhân vương trọng, nếu ở trong Pháp vương thì Pháp vương trọng.

Hai vua nghe rồi đều vui vẻ kính phục và đồng cúng dường.



Sư học theo người xưa trụ trì rất kham khổ, trong tăng đường trước sau trống rỗng không có bàn ghế, chỉ nằm cái giường dây gậy một góc, lấy dây ràng rịt lại. Có người xin đóng giường mới, Sư không cho. Trụ trì hơn bốn mươi năm, Sư chưa từng biên một lá thư cho thí chủ.

Trụ trì như vậy đó, nhà trống rỗng với giường gậy, bốn mươi năm không có lá thư cho thí chủ. Chúng ta ráng học gương trụ trì của ngài. Thấy người xưa mà hổ thẹn cho mình, chúng ta bây giờ so với người xưa xa lơ xa lắc.

Niên hiệu Càn Ninh năm thứ tư đời Đường (897 TL), ngày mừng hai tháng mười một, Sư nằm nghiêng bên mặt an nhiên thị tịch, Sư thọ 120 tuổi.

Vua ban hiệu là Chơn Tế đại sư.



THIÊN SƯ LONG ĐÀM SÙNG TÍN

Sư con nhà bán bánh ở Giang Lăng. Thuở nhỏ có những điếm lạ. Lúc thiên sư Đạo Ngộ được Tiết sử họ Lữ thỉnh ở chùa Thiên Vương, người ta không thể hiểu được. Nhà Sư ở đầu đường vào chùa, mỗi ngày Sư đem mười cái bánh vào cúng dường thiên sư Đạo Ngộ. Đạo Ngộ nhận ăn xong, thường để lại một cái bánh, bảo:

- Ta cho người để ân huệ cho con cháu.

Một hôm, Sư tự nghĩ: “Bánh là ta đem đến, cố sao Hòa thượng lại cho ngược lại ta? Biết đâu không có ý chỉ.” Sư bèn đến hỏi Đạo Ngộ.

Đạo Ngộ bảo:

- Bánh của người đem đến, ta cho lại người có lỗi gì?

Sư nghe lời này hiểu được thâm ý liền xin xuất gia.

Đạo Ngộ bảo:

- Người trước sùng phước thiện, nay tin lời ta, có thể gọi là Sùng Tín.

Từ đây, Sư hầu hạ bên thầy.

Từ chuyện rất nhỏ mà ngộ được thâm ý nên ngài xuất gia. Các thiền sư đâu phải là những người học giỏi thôi, có người bửa củi, giã gạo, có người làm tiểu phu, có người là thợ làm bánh. Bán bánh biết tu cũng làm thiền sư như thường.

Ngài Sùng Tín sau này nối pháp Thiên Vương Đạo Ngộ.

Một hôm Sư thưa:

- Từ ngày con vào đây đến giờ, chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày ngươi vào đây, ta chưa từng chẳng chỉ dạy ngươi tâm yếu.

- Chỉ dạy ở chỗ nào?

- Người dâng trà lên, ta vì ngươi mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì ngươi mà nhận. Người xá lui ra thì ta gạt đầu. Chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Sư cúi đầu lặng thinh giây lâu.

Đạo Ngộ bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay câu nói đó, Sư khai ngộ. Lại hỏi thêm:

- Làm sao gìn giữ?

- Mặc tách tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác.

Có sách khác viết rằng: Hồi ngài mới xuất gia, ngài Đạo Ngộ bảo: “Người làm thị giả cho ta đi rồi ta sẽ dạy tâm yếu cho.” Ngài làm thị giả mấy năm, không thấy dạy câu nào hết. Tưởng không được thầy chỉ dạy tâm yếu. Bữa đó ngài hỏi: “Thầy đã bảo sẽ dạy tâm yếu, sao mấy năm nay không dạy con câu nào hết?”

Một hôm Sư thưa:

- Từ ngày con vào đây đến giờ, chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày người vào đây, ta chưa từng chẳng chỉ dạy người tâm yếu.

- Chỉ dạy ở chỗ nào?

- Người dâng trà lên, ta vì người mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì người mà nhận. Người xá lui ra thì ta gật đầu. Chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Ngài Đạo Ngộ nói: Ta luôn dạy tâm yếu cho người, có lúc nào không dạy. Dạy khỏe ru.

Sư cúi đầu lặng thinh giây lâu.

Đạo Ngộ bảo:

- *Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.*

Ngay câu nói đó, Sư khai ngộ. Lại hỏi thêm:

- *Làm sao gìn giữ?*

- *Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác.*

Nhờ câu *Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai*, ngay đó ngài đại ngộ.

Ngài hỏi tiếp: *Làm sao gìn giữ? - Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác.* Nghĩa là hằng ngày thông dong tự tại, đừng cho tâm phàm dấy lên thì không cần thánh giải gì, thế là đủ.

Sau Sư đến Lễ Dương dừng trụ tại Long Đàm.

Có vị tăng hỏi:

- **Hạt châu trong búi tóc người nào được?**

Sư bảo:

- **Người không thưởng ngoạn được.**

- **Để ở chỗ nào?**

- **Có chỗ tức nói đến.**

Người không cầu thưởng ngoạn là được, người muốn thưởng ngoạn hạt châu đó là không được.

Có cô ni hỏi:

- **Làm sao được làm Tăng?**

Sư bảo:

- **Làm Ni đã bao lâu?**
- **Lại có khi làm Tăng chẳng?**
- **Hiện nay người là gì?**
- **Hiện nay thân Ni ai chẳng biết?**
- **Ai biết người?**

Có cô ni hỏi:

- *Làm sao được làm Tăng?*

Cô ni này nghĩ làm ni là tội lỗi nên tu hành không được đạo, bây giờ muốn làm tăng nên hỏi làm sao được làm tăng.

Sư bảo:

- *Làm Ni đã bao lâu?*
- *Lại có khi làm Tăng chẳng?*
- *Hiện nay người là gì?*
- *Hiện nay thân Ni ai chẳng biết?*
- *Ai biết người?*

Cô ni đó chấp tướng ni: *Hiện nay thân Ni ai chẳng biết*. Ngài hỏi: *Ai biết người?* Cái đó không còn phân biệt nam nữ thì ai biết người? Nếu biết là tại người phân biệt, chỗ đó ai mà biết người. Chính câu nói như đùa này nói lên chỗ sống chân thật của các ngài.

Thiền sư sống như vậy, không có phân biệt. Tại mình phân biệt rồi cứ đòi làm tăng, nếu không phân biệt thì còn đòi gì nữa. Sao không giống thiên nữ ở trong thất của ngài Duy-ma-cật, mười hai năm tìm thân nữ không có, thì cái gì là ni?

Thứ sử Lý Cao hỏi:

- Thế nào là chân như Bát-nhã?

Sư đáp:

- Tôi không có chân như Bát-nhã.

- Hân hạnh được gặp Hòa thượng.

- Đây vẫn là lời nói ở bên ngoài.

Như vậy là có hay không có chân như Bát-nhã? Nếu thấy có thì hết Bát-nhã rồi. Chỗ này nghe như nói ngược mà chính là đáp.

Tuyên Giám (Đức Sơn) hỏi:

- Đã lâu nghe danh Long Đàm (đầm rồng), đến đây thì Đàm (đầm) chẳng thấy, Long (rồng) cũng chẳng hiện.

Sư bảo:

- Người đã đến gần được Long Đàm.

Tuyên Giám liền thôi.

Ngài Đức Sơn Tuyên Giám lúc này đến với vẻ cao ngạo, vì ngài là người thông thạo kinh điển. Nhưng khi nghe câu đó, ngài liền phục ở lại, thờ thiền sư Sùng Tín làm thầy.



THIỀN SƯ TRUNG HOA

GIẢNG GIẢI - PHẦN III

LỜI NÓI ĐẦU

Tập II Thiên Sư Trung Hoa này, chúng tôi chú mục vào Ngũ Gia tông phái. Muốn độc giả thấy rõ sự kế thừa của năm tông phái, chúng tôi soạn dịch những vị có trọng trách trong việc truyền bá sau này, với những vị tuy không quan trọng mà vẫn có mặt trong việc kế thừa của tông phái ấy. Còn lắm vị có nhiều đặc sắc, nhưng không phải nằm trong hai điều kiện trên chúng tôi lược bớt.

Sử chư thiên đức ở Trung Hoa còn quá nhiều, song chúng tôi chỉ soạn dịch đến đây tạm ngưng. Thấy rằng độc giả cần tìm hiểu đạo lý thâm sâu và những gương cao đẹp qua bấy nhiêu vị ấy cũng đã đủ lắm rồi. Nếu cố dịch nhiều thêm nữa, chỉ có thêm người thêm lời, chứ đạo lý cũng không có gì khác lạ. Cốt chúng ta lãnh hội được thâm lý qua lời nói hành động của các ngài, không phải cần đọc nhiều để thêm kiến giải.

Sở nguyện chúng tôi soạn dịch các tập sử này nhằm vào những người đang tu thiền mà không biết nguồn gốc manh mối thiền thế nào, và những người ngưỡng mộ Thiền tông mà không đủ phương tiện tham khảo. Chứ chúng tôi không cung ứng theo xu hướng những người đọc sách thiền để tỏ ra mình là trí thức.

Chúng tôi được biết hiện thời là phong trào giới trí thức trẻ tuổi tìm hiểu thiền. Bởi muốn tìm hiểu thiền nên quyển sách nào nói về thiền mà dễ hiểu thì độc giả đông nhất. Song những quyển sách chúng tôi soạn dịch đây thật là cô đọng khô khan, hằn độc giả không hài lòng và sẽ ít người mó tới. Biết trước số phận của nó là thế, nhưng chúng tôi vẫn giữ nguyên lập trường cũ không đổi thay. Bởi vì thiền là một phương pháp tu cao tột, những kẻ căn cơ chậm lụt, ý chí yếu kém khó mà tu nổi. Nên chi, chư Tổ dùng lời khó khăn để lọc lựa người.

Chư Tổ đã biết chúng sanh có bệnh khinh thường, hèn nhát và dễ chán. Dù một vật quý vô giá mà trao cho họ một cách dễ dàng, họ sẽ khinh thường, đã khinh thường thì dễ quên mất. Cho nên các ngài khéo dùng những lời lẽ bí yếu, những hành động lạ thường, khiến người lãnh nhận những lời ấy phải chết sống với nó năm mười năm rồi sẽ ngộ. Một khi ngộ, suốt đời không lúc nào quên lãng. Đó là một đặc điểm trong Thiền tông.

Thiền tông cốt dạy người làm Tổ làm Phật, chứ không phải chỉ dạy tu phước đức cõi người cõi trời. Làm Tổ làm Phật đâu phải là việc dung dị. Cho nên,

người bước vào cửa thiền phải là sư tử con phải gầm, phải hét, không phải như những con nai tơ nhút nhát kia. Vì thế, một thiền sinh khi ngộ đạo thường có những hành động xem như ngang ngược đối với bậc thầy. Nhưng với con mắt Thiền sư thấy thế rất hài lòng, biết đệ tử mình đã thoát khỏi vòng khuôn sáo, tập quán.

Con đường làm Tổ làm Phật xa diệu vợi và đầy gian nguy, nếu con người dễ chán làm sao tiến đến mục đích cứu cánh. Vì thế, cần có những con người sắt đá, dù thân nát mà chí không mòn, mới đủ tư cách đảm đương trọng trách này. Phải vượt khỏi đầu sào trăm trượng, phải buông tay đi trên vực thẳm. Đó là lời thường nhắc của các thiền sư.

Như thế, những câu nói điếc tai của các ngài không phải không chỗ nhằm. Nếu chúng ta cố giải thích cho nó dễ hiểu, đâu không phản bội lại các ngài. Nhiều vị đại đức tăng hiện tại thường nói: “Người tu thiền dễ rơi vào chấp Không.” Câu nói này, đứng về phương diện cảnh tỉnh thì quý giá, đứng về phương diện chân thật thì sai lầm. Vì thiền là phá chấp, còn chấp Không làm sao gọi là hội thiền, đã không hội thì lấy gì mà tu. Như thế, nói người tu thiền chấp Không thật không thể có.

Tuy nhiên, vẫn có một số người không hội được thâm lý của thiền, chỉ nói thiền qua ngôn ngữ rồi sanh bệnh cố chấp. Như hiện tại có một số thanh niên trí thức đọc sách thiền thấy nói “không có thiện không có ác”, liền chấp rằng mọi hành động đều không. Họ không hiểu thiền nói “không thiện không ác” là cố phá chấp

có hai, tương đối. Bởi vì mầm gốc sanh tử luân hồi là tâm yêu ghét. Còn khen ngợi thiện là yêu thiện, còn mạt sát ác là ghét ác. Yêu ghét còn làm sao giải thoát sanh tử. Hơn nữa, yêu mà xa thì khổ, ghét mà gặp cũng khổ. Thế thì tu đến bao giờ mới hết khổ? Cho nên, khi nói không thiện không ác là lúc tâm đã bình đẳng như như. Tuy nói không thiện mà lúc nào cũng làm tất cả việc lành. Tuy nói không ác mà lúc nào cũng xa lìa tất cả tội lỗi. Đó là tư cách của người đạt được lý thiền. Khổ thay! Hiện tại người ta không hiểu như thế, nói không thiện không ác để rồi ăn xối ở thì, hay thậm tệ hơn là làm tất cả việc ác.

Hoặc đọc sách thiền thấy các Thiền đức nói “đói thì ăn, mệt thì ngủ” họ mặc tình buông lung theo bản năng, ưng nói thì nói ưng làm thì làm, không cần biết phải quấy tốt xấu. Đó là hạng người sa đọa tội độ, mượn lời nói của thiền để nuôi dưỡng những tham vọng điên cuồng của họ. Khi các Thiền đức nói “đói thì ăn mệt thì ngủ” là tâm các ngài đã sạch vọng tưởng, mọi hành động đều hợp với đạo. Như nước đã lọc sạch rồi thì san sỏi cách nào cũng là nước trong. Tâm đã thanh tịnh thì mọi hành động đều là diệu dụng.

Thiền cốt dạy tu chứ không phải lý thuyết suông. Thế nên, các vị thiền sư sau khi hội thiền, liền lên núi vào rừng ở năm năm mười năm có khi hai ba mươi năm. Do sự luyện lọc ấy mới gột sạch hết vọng tưởng, tâm thể như như, tự tại trong việc sanh tử. Cốt tủy của đạo Phật là giác ngộ nguồn gốc sanh tử và giải thoát chúng. Thiền sư đã thực hiện được điều đó trong đời sống

hiện tại. Ứng sống các ngài sống, ứng chết các ngài chết. Đó là bằng chứng cụ thể nói lên sự trung thực của thiên đối với đạo Phật.

Thiên dạy người tu một cách thực tế, tìm lại “bản lai diện mục” của mình. Bởi quá thực tế nên người ta không hiểu nổi, con người là hướng ngoại, con người là cầu xin, con người là ỷ lại. Ở đây thiên đập tan ba tánh ươn hèn ấy. Ba tánh ấy đã chôn vùi chúng ta từ vô lượng kiếp. Chúng ta phải cương quyết quả cảm đập nát chúng, để rồi chúng ta tìm lại cái mặt thật của chúng ta. Chúng ta là chủ nhân ông của chúng ta từ vô lượng kiếp. Chúng ta phải khôi phục lại quyền năng của ông chủ bản hữu nơi chính mình. Đó là chúng ta tu thiên.

Tu thiên là vượt qua những thành quách tập quán, ngôn ngữ, văn tự. Bởi vì những cái ấy đều do vọng tưởng của người đặt ra. Còn mắc kẹt trong ấy là chúng ta còn làm tôi đòi của vọng tưởng, sẽ bị nó lôi chúng ta vào vòng sanh tử liên miên. Dù là những ngôn ngữ văn tự diễn đạt chân lý đi nữa, nó cũng chỉ là chân lý chết. Chúng ta phải sống với chân lý linh hoạt hiện hữu nơi chúng ta. Chân lý ấy không cho phép chúng ta mắc kẹt bất cứ cái gì bên ngoài, dù là tập quán của ngàn xưa. Còn mắc kẹt là còn chấp, còn chấp thì không đạt được chân lý viên mãn. Như còn mây che thì không thấy được ánh sáng toàn vẹn của mặt trăng, dù một áng mây mỏng ánh sáng cũng vẫn bị mờ.

Đạo lý thiên là đạo lý tu chứng. Có tu chứng mới gọi là thiên, không tu chứng mà nói thiên, ấy gọi là “khẩu đầu thiên”, thiên ngoài môi. Tuy nhiên, tu chứng

mà không có tướng tu chứng. Còn thấy có tướng tu chứng thì gọi là bệnh, chứ chẳng phải thiền. Có lắm người nghe nói tu thiền liền hỏi đã chứng gì chưa? Thế là không hiểu gì về thiền. Người tu thiền mà khoe mình chứng quả này quả nọ, ấy là ma chứ không phải thiền sư. Thiền sư là những người thâm trầm, tám gió thổi không lay, tự tại trước ngưỡng cửa sanh tử.

Mong khi đọc những tập sử của chúng tôi soạn dịch, độc giả sẽ phát minh được “bản lai diện mục” của chính mình. Bằng chưa phát minh được, độc giả hãy bám vào một câu nào không hiểu để sống chết với nó, một ngày kia sẽ phát minh được.

Tu viện Chơn Không

Đầu mùa đông 1972

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

ĐỜI THỨ NĂM SAU LỤC TỔ

PHÁI HÀNH TỬ

I- NỐI PHÁP VÂN NHAM ĐÀM THẠNH

có bốn vị

- 1- Thiền sư Động Sơn Lương Giới**
- 2- Thiền sư Hạnh Sơn Giám Hồng**
- 3- Thiền sư Thần Sơn Tăng Mật**
- 4- Hòa thượng U Khê**

II- NỐI PHÁP THIỀN SƯ ĐẠO NGÔ VIÊN TRÍ

có ba vị

- 1- Thiền sư Thạch Sương Khánh Chư**
- 2- Thiền sư Tiệm Nguyên Trọng Hưng**
- 3- Hòa thượng Lộc Thanh**

III- NỐI PHÁP THIỀN SƯ ĐỨC THÀNH

(HOA ĐÌNH THUYỀN TỬ)

có một vị

Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội

IV- NỐI PHÁP THIỀN SƯ THÚY VI VÔ HỌC

có năm vị

- 1- Thiên sư Lệnh Tuân núi Thanh Bình**
- 2- Thiên sư Đại Đồng núi Đầu Tử**
- 3- Thiên sư Như Nột núi Đạo Tràng**
- 4- Thiên sư Bạch Vân Ước**
- 5- Thiên sư Nguyên Đạo núi Phục Ngưu.**



THIÊN SƯ ĐỘNG SƠN LƯƠNG GIỚI

(807 - 869)

Khai Tổ tông Tào Động

Hai năm nay chỉ nói về giáo, nên tôi giảng kinh luận cho đại chúng. Kể từ phần này nói thẳng về thiền, chúng ta sẽ thấy ngộ ngàng, khó hiểu. Người tu thiền phải hiểu căn bản của thiền là không bao giờ nói trắng như bình thường. Lục Tổ đã dạy các đệ tử sau này khi gặp người hỏi trắng thì lấy đen đáp, như hỏi “thế nào là trắng”, đáp “vì không phải đen”. Hỏi “thế nào là đen”, đáp “vì không phải trắng”. Trắng và đen chỉ là những cặp giả lập đối đãi nhau không có thật. Nếu xác nhận trắng là trắng thì không đúng lý, lại gây thêm tình chấp. Vì thế khi nói nó không phải đen để biết rằng trắng không tự có, vì có đen mà lập trắng, chúng đối đãi nhau chứ không có thật. Nếu nhân đó mà thấu hiểu thì thấy đạo, nếu không hiểu thì nghe đáp vẫn không có gì mới.

Chúng ta đáp kỹ quá, xác định quá nên trở thành đóng đinh gắn chặt không cho sai chạy, không cho tháo rời gỡ bỏ, đó là gốc của chấp nê.

Sư họ Du quê ở Cối Kê. Thuở nhỏ theo thầy tụng kinh Bát-nhã đến câu “vô nhãn nhĩ tỹ thiệt thân ý”, Sư chợt lấy tay sờ mặt hỏi thầy:

- Con có mắt, tai, mũi, lưỡi... có sao trong kinh nói không?

Ông thầy kinh lạ, bảo:

- Ta chẳng phải thầy của người.

Ông giới thiệu Sư đến núi Ngũ Duệ làm lễ thiền sư Linh Mặc xin xuất gia. Năm hai mươi một tuổi, Sư đến Tung Sơn thọ giới Cụ túc.

Ngài Động Sơn là Tổ của tông Tào Động truyền bá đến nay vẫn còn. Ngài đã có mặt khoảng đầu thế kỷ thứ IX, đến giờ là thế kỷ XX, hơn một ngàn năm, dòng thiền của ngài vẫn được lưu giữ, nhất là ở Nhật Bản, để thấy tông Tào Động rất dài lâu bền bỉ.

Mở đầu là câu chuyện của ngài Động Sơn lúc còn bé, theo thầy tụng kinh Bát-nhã, đến câu “*vô nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý*” nghĩa là không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngài sờ mặt thấy có mắt, tai, mũi, lưỡi rõ ràng, tại sao kinh nói không, bèn xuống hỏi thầy. Câu chuyện nhỏ thôi nhưng có điều kỳ đặc, ngài Động Sơn lúc này chỉ mười hai mươi ba tuổi mà đã nghi ngờ lời kinh, kinh nói không mà hiện mình có thì ngài khởi nghi thắc mắc hỏi.

Như chúng ta thì kinh nói sao cứ tụng hết rồi thôi, không nghi gì hết. Trí tuệ của ngài nhảy bén từ lúc còn bé, với tinh thần học đạo là dù kinh nói mà thấy không đúng thì phải nghi. Nếu cho rằng kinh nói thì không có quyền nghi, không hiểu cũng cứ tụng cho có phước, đó là không biết học đạo.

Thầy ngài kinh ngạc, nói: *Ta chẳng phải thầy người*. Biết người đệ tử này có chủng tử thiền nên giới thiệu đến thiền sư Linh Mặc. Khi học ở đây ngài đã lãnh hội được một phần nào lý thiền, năm hai mươi một tuổi thọ giới Cụ túc rồi, ngài liền đi du phương, tức là đi tham vấn nơi này nơi kia. Ngày xưa tinh thần học đạo không bị hạn cuộc vào một chỗ, học nơi thầy này rồi có thể tùy phương tiện đến các vị thầy khác học hỏi thêm để tìm ra lẽ thật.

Sư du phương, trước yết kiến Nam Tuyên Phổ Nguyên. Gặp ngày kỵ trai Mã Tổ, Nam Tuyên hỏi chúng:

- Cúng trai Mã Tổ, vậy Mã Tổ có đến hay chẳng?

Cả chúng đều không đáp được. Sư bước ra thưa:

- Đợi có bạn liền đến.

Nam Tuyên bảo:

- Chú nhỏ này tuy là hậu sinh rất dễ giữa gọt.

Sư thưa:

- Hòa thượng chớ ép kẻ lành thành đứa giặc.

Ngài đến chỗ ngài Nam Tuyền là đệ tử Mã Tổ. Gặp ngày kỵ trai cúng dường Mã Tổ, ngài Nam Tuyền hỏi chúng: *Cúng trai Mã Tổ, vậy Mã Tổ có đến hay chẳng?* Cả chúng đều không đáp được. Sư bước ra thưa: *Đợi có bạn liền đến.*

Câu hỏi của ngài Nam Tuyền, cúng trai Mã Tổ có đến hay chẳng, là hỏi giác linh của Mã Tổ đến hay cái gì đến? Ý hỏi về thực thể bất sanh bất diệt có đi có đến không. Chúng ta nhớ Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ: *Người không cùng muôn pháp làm bạn là người gì?* Mã Tổ liền bảo: *Khi nào ông hớp một ngụm cạn hết nước Tây Giang, tôi sẽ vì ông nói.* Người không cùng muôn pháp làm bạn cũng là chỉ cho Mã Tổ ở đây, nhớ như vậy, nên khi hỏi *có đến hay chẳng*, Động Sơn liền thưa: *Đợi có bạn liền đến.* Bạn là ai? Người đó không cùng muôn pháp làm bạn, nhưng đợi có bạn liền đến, nghĩa là thực thể đó không dính kết gì cả, nói có đến có đi hợp lý không? Đợi có bạn liền đến, tức là khởi diệu dụng độ sinh thì đến, không khởi thì không đến. Ngài Nam Tuyền khen: *Chú nhỏ này tuy là hậu sinh rất dễ giữa gọt.*

Câu đó có phạm lỗi gì mà ngài thưa: *Hòa thượng chớ ép kẻ lành thành đứa giặc?* Theo tâm niệm người thường, khi được khen thì dễ sanh ngã mạn. Vì thế lúc chưa được khen thì mình là người tốt, được khen rồi thì sanh tâm ngã mạn thành kẻ hèn. Hòa thượng khen con là Hòa thượng đã ép người tốt thành kẻ hèn.

Người xưa sợ tiếng khen, sợ mình đâm ra ngạo mạn. Chúng ta sợ chê, ngược với người xưa phải không? Người xưa muốn dẹp cái ngã qua một bên, chúng ta thì muốn

đưa cái ngã lên cao, cho nên sợ chê. Tâm niệm của người học đạo hơn kém ở chỗ này. Như vậy ở chỗ ngài Nam Tuyên, Động Sơn đã thố lộ được một đôi phần, sau đi tiếp đến chỗ ngài Quy Sơn.

Kế đến tham vấn Quy Sơn Linh Hựu. Sư thưa:

- Được nghe Quốc sư Huệ Trung nói “vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu thấu chỗ vi diệu ấy?

Quy Sơn bảo:

- Ta ở đây cũng có, chỉ là ít gặp được người kia.

Sư thưa:

- Con chưa hiểu, xin Thầy chỉ bày.

Quy Sơn dựng đứng phát tử, hỏi:

- Hội chăng?

Sư thưa:

- Chẳng hội, thỉnh Hòa thượng nói.

Quy Sơn bảo:

- Miệng do cha mẹ sanh, trọn không thể vì người nói.

Sư thưa:

- Lại có người cùng Thầy đồng thời mộ đạo chăng?

Quy Sơn bảo:

- Ở Lễ Lăng tại huyện Du, trong các thất đá nối nhau, có đạo nhân Vân Nham, nếu hay bạt cỏ đại đón gió lành, ắt vị ấy là người kính trọng.

Sư bèn từ Quy Sơn, thẳng đến Vân Nham.

Tham vấn Quy Sơn, ngài dẫn câu: *Được nghe Quốc sư Huệ Trung nói “vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu thấu chỗ vi diệu ấy?* Quy Sơn nói: *Ta ở đây cũng có, chỉ là ít gặp được người kia.* Người kia là người nào? Người kia là người vô tình, vì không gặp nên không hiểu nhau được.

Sư thưa: *Con chưa hiểu, xin Thầy chỉ dạy.* Ngài Quy Sơn *dựng đứng phát tử, hỏi: Hội chăng?* Nói: *Chẳng hội, thỉnh Hòa thượng nói.* Quy Sơn nói: *Miệng do cha mẹ sanh, trọn không thể vì người nói.* Qua hình ảnh đó Quy Sơn có thuyết pháp cho ngài chưa? Thuyết bằng cách nào?

Trong nhà thiền thủy chung không có khác, đức Phật Thích-ca trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên nhìn toàn thể hội chúng, không nói gì. Ai nấy ngồi yên không hiểu, chỉ có ngài Ca-diếp chúm chím cười, Phật nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm... phó chúc cho Ca-diếp.” Phật thuyết pháp bằng cách nào mà phó chúc cho ngài Ca-diếp? Phật đưa cành sen, có khác với ngài Quy Sơn đưa phát tử không? Hoa sen khác với cây phát tử nhưng đưa lên không khác. Việc làm của đức Phật và tổ Quy Sơn xưa nay cùng một ý, thuật đó chúng ta phải thấy rõ.

Ngài Quy Sơn đưa phát tử lên là đã nói rồi còn thỉnh nói gì nữa, nên ngài Quy Sơn bảo, miệng do cha mẹ sanh trọn không thể vì người nói. Dùng miệng nói là còn trong ngôn ngữ đối đãi, không thể chỉ được lẽ thật nên không nói. Động Sơn chưa lãnh hội, nên hỏi thăm ngài Quy Sơn có người đồng thời ngộ đạo chỉ cho để tìm tới. Ngài Quy Sơn chỉ đến ngài Vân Nham.

Đến Vân Nham, Sư hỏi:

- Vô tình thuyết pháp, người nào được nghe?

Vân Nham bảo:

- Vô tình thuyết pháp, vô tình được nghe.

Sư hỏi:

- Hòa thượng nghe chẳng?

Vân Nham bảo:

- Ta nếu nghe, người đâu thể được nghe ta thuyết pháp.

Sư thưa:

- Con vì sao chẳng nghe?

Vân Nham dựng phát tử, hỏi:

- Lại nghe chẳng?

Sư thưa:

- Chẳng nghe.

Vân Nham bảo:

- Ta thuyết pháp mà người còn chẳng nghe, huống là vô tình thuyết pháp?

Sư hỏi:

- Vô tình thuyết pháp gồm những kinh điển gì?

Vân Nham bảo:

- Đâu không thấy kinh Di-đà nói: “Nước, chim, cây rừng thấy đều niệm Phật niệm Pháp”?

Ngay câu này Sư liền tỉnh ngộ, thuật bài kệ:

*Dã đại kỳ! Dã đại kỳ!
 Vô tình thuyết pháp bất tư nghì
 Nhược tương nhĩ thính chung nan hội
 Nhân xứ văn thanh phương đắc tri.*

Dịch:

**Cũng rất kỳ! Cũng rất kỳ!
 Vô tình nói pháp chẳng nghĩ nghĩ
 Nếu đem tai ngóng trọn khó hội
 Phải lấy mắt nghe mới liễu tri.**

Sư thưa:

- Con còn dư tập (thói quen) chưa hết.

Vân Nham hỏi:

- Người từng làm gì?

Sư thưa:

- Thánh đế cũng chẳng làm.

Vân Nham hỏi:

- Được hoan hỷ chưa?

Sư thưa:

- Hoan hỷ thì chẳng không, như trong đồng rác lượm được hòn ngọc sáng.

Đến Vân Nham thì thắc mắc ôm ấp trong lòng cũng là vô tình thuyết pháp, nên khi đến ngài liền hỏi: *Vô tình thuyết pháp, người nào được nghe?* Vân Nham

trả lời: *Vô tình thuyết pháp, vô tình được nghe*. Dễ quá, phải không? Ai muốn nghe vô tình thuyết pháp thì phải là người vô tình mới được nghe.

Động Sơn liền hỏi thêm: *Hòa thượng nghe chẳng? Con không hiểu không nghe, Hòa thượng nghe chẳng? Nếu Hòa thượng nghe tức là Hòa thượng thành vô tình*.

Vân Nham trả lời rất khéo: *Ta nếu nghe, người đâu thể được nghe ta thuyết pháp*. Nếu ta là vô tình mà người chưa vô tình làm sao nghe ta được?

Ngài vẫn thắc mắc: *Con vì sao chẳng nghe?* Ngài Vân Nham cũng y như cũ đưa cây phát tử lên, chúng ta thấy thuật này cụ thể rõ ràng. Hỏi: *Lại nghe chẳng?* Động Sơn thưa: *Chẳng nghe*. Ngài Vân Nham bảo: *Ta thuyết pháp mà người còn chẳng nghe, huống là vô tình thuyết pháp?* Đó là thuật khéo của các thiền sư, vô tình thuyết pháp là như vậy.

Động Sơn có học kinh, nên xoay qua hỏi: *Vô tình thuyết pháp gồm những kinh điển gì?* Nói kinh thì con hiểu, nói như ngài con không hiểu nổi. Ngài Vân Nham liền dẫn kinh: *Đâu không thấy kinh Di-đà nói: “Nước, chim, cây rừng thấy đều niệm Phật, niệm Pháp”?*

Ngay câu đó Động Sơn tỉnh ngộ vô tình thuyết pháp, ngài làm bài kệ:

*Cũng rất kỳ! Cũng rất kỳ!
Vô tình nói pháp chẳng nghĩ nghĩ
Nếu đem tai ngóng trọn khó hội
Phải lấy mắt nghe mới liễu tri.*

Tại sao tai nghe không hội, mắt thấy mới liễu tri? Khi đưa cây phát tử lên, lấy lỗ tai nghe được gì? Ngay nơi đó mà nhìn thấy thì liễu tri vô tình thuyết pháp, nếu cứ tìm lời để nghe thì không bao giờ hiểu được vô tình thuyết pháp. Khi ngộ được điều này, Động Sơn hiểu vô tình thuyết pháp không phải do lỗ tai nghe mà chính mắt thấy.

Qua bài kệ này Động Sơn đã ngộ, có thể lần thứ hai, trước là đã lãnh hội ở thiền sư Nam Tuyền nên trả lời ngày giỗ Tổ: *Đợi có bạn mới đến*. Đây là chỗ ngộ sâu hơn, xem như ngài Vân Nham là bậc thầy của mình, nên ngài thưa: *Con còn dư tập chưa hết*, tuy thấy thì thấy vậy nhưng tập khí còn nhiều.

Ngài Vân Nham hỏi: *Người từng làm gì?* Động Sơn thưa: *Thánh đế cũng chẳng làm*. Thói quen cũ thì còn chứ hiện giờ thì không làm gì.

Hỏi: *Được hoan hỷ chưa?* Thánh đế không làm tức là ông đã thấy được chỗ đó rồi, nhưng ông có hoan hỷ hay chưa? Động Sơn thưa: *Hoan hỷ thì chẳng không, như trong đồng rác lượm được hòn ngọc sáng*.

Câu này rất rõ ràng, *hoan hỷ thì chẳng không*, vì khi thấy đạo, nhận ra bản lai diện mục rồi thì làm sao không hoan hỷ, nhưng *như trong đồng rác lượm được hòn ngọc sáng*, thấy được hòn ngọc trong đồng rác là rất mừng nhưng còn dơ lắm. Lấy ra được phải gạt bỏ rác rến, chùi rửa sạch sẽ mới thành hòn ngọc quý. Đồng rác dụ cho dư tập, hòn ngọc quý dụ cho tâm chân thật.

Nói theo chúng ta bây giờ là “Hoan hỷ thì chưa có, nhưng tin ở trong đồng rác có hòn ngọc”, phải không? Tin thôi, chưa có được hoan hỷ, vì chưa thốt lên tiếng “À!”. Phải có một hai lần “À” thì mới có hoan hỷ. Vậy nên chỉ tin trong đồng rác, nghe Phật tổ nói mà tin thôi chứ chưa thấy, huống nữa là lấy ra. Người học thiền phải biết cách nói của các ngài mượn hình ảnh, không nói rõ như ngôn ngữ thường trong kinh sách.

Sư từ Vân Nham đi nơi khác. Vân Nham hỏi:

- Đi nơi nào?

Sư thưa:

- Tuy là Hòa thượng mà chưa định chỗ ở?

Vân Nham hỏi:

- Phải đi Hồ Nam chăng?

Sư thưa:

- Không.

Vân Nham hỏi:

- Phải đi về quê chăng?

Sư thưa:

- Không.

Vân Nham hỏi:

- Bao lâu trở lại?

Sư thưa:

- Đợi Hòa thượng có chỗ ở thì trở lại.

Vân Nham bảo:

- Từ đây một phen đi khó được thấy nhau.

Sư thưa:

- Khó được chẳng thấy nhau.

Sắp đi, Sư lại thưa:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi “Tả được hình dáng của Thầy chăng?”, con phải đáp làm sao?

Vân Nham lặng thinh hồi lâu, bảo:

- Chỉ cái ấy.

Sư trầm ngâm giây lâu. Vân Nham bảo:

- Xà-lê Lương Giới thừa đương việc lớn phải xét kỹ.

Sư vẫn còn hồ nghi.

Ngài từ giã Vân Nham đi. Ngài Vân Nham bảo: *Từ đây một phen đi khó được thấy nhau.* Ngài nói: *Khó được chẳng thấy nhau.*

Ngài Vân Nham biết khi Động Sơn đi một thời gian thì ngài tịch, thầy trò không gặp lại nên nói câu có tính cách huyền ký. Động Sơn liền thưa: *Khó được chẳng thấy nhau.* Thầy và trò đã khế hợp thì dầu ở xa ngàn dặm cũng hằng thấy nhau. Như kinh Phật nói, người làm đúng lời Phật dạy thì ở xa Phật ngàn dặm cũng như ở bên Phật, ngược lại làm khác lời Phật thì dù ở gần bên cũng không thấy Phật.

Khi ngài từ giã đi còn hỏi câu này: *Sau khi Hòa thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi “Tả được hình dáng của Thầy chăng?”, con phải đáp làm sao?* Vân Nham lặng thinh hồi lâu, bảo: *Chỉ cái ấy.*

Câu hỏi *tả hình dáng của thầy* chúng ta tưởng dễ, nhưng không phải tả hình dáng tướng mạo bằng xương thịt, mà là thật thể của thầy. Thể đó nếu có người bảo diễn tả thì làm sao con nói? Ngài Vân Nham lặng thinh một lúc rồi nói: *Chỉ cái ấy.* Chỉ cái ấy là cái gì? Động Sơn đã ngộ rồi mà đến đây cũng vẫn còn hơi suy nghĩ, bởi còn suy nghĩ nên ngài Vân Nham dặn dò: *Xà-lê Lương Giới thừa đương việc lớn phải xét kỹ.* Việc như vậy còn chưa xét kỹ, ngộ một phen không phải là xong việc.

Sau, Sư nhân qua tuổi nhìn thấy bóng, đại ngộ ý chỉ trước, liền làm một bài kệ:

*Thiết kỵ từng tha mịch
 Điều điều dữ ngã sơ
 Ngã kim độc tự vãng
 Xứ xứ đắc phùng cừ.
 Cừ kim chính thị ngã
 Ngã kim bất thị cừ
 Ứng tu nhậm ma hội
 Phương đắc kế như như.*

Dịch:

**Rất kỵ tìm nơi khác
 Xa xôi bỏ lảng ta,**

**Ta nay riêng tự đến
Chỗ chỗ đều gặp va.
Va nay chính là ta
Ta nay chẳng phải va
Phải nên như thế hội
Mới mong hợp như như.**

Các thiền sư thường dùng một lời nói mang hai hình ảnh, đạo lý và sự vật, hai cái gắn liền sít sao với nhau. Đó là thuật khéo léo. Khi chúng ta đứng trên cầu, nhìn bóng mình ở dưới nước thì bóng và thân mình là một hay khác? Bóng chính là mình nhưng mình không phải bóng. Nếu không có thân ta thì làm sao có bóng nhưng thân tứ đại nặng nề, bóng không có sức nặng tuy không phải khác mà cũng không phải một.

Bài kệ này nói ý nghĩa người học đạo. *Thiết kỵ tùng tha mệnh*, tức là tối kỵ không nên tìm ở nơi khác. *Điều điều dữ ngã sơ*, xa xôi cùng ta xao lãng, nếu tìm ở nơi khác thì càng ngày càng cách xa mình. *Ngã kim độc tự vãng*, nay tôi riêng tự đến. *Xứ xứ đắc phùng cừ*, chỗ chỗ đều gặp nó, nơi nào chốn nào cũng đều thấy nó.

Nó ra sao? *Cừ kim chính thị ngã*, nay nó chính là tôi. *Ngã kim bất thị cừ*, tôi không phải là nó, tại sao? Hai hình ảnh rõ ràng, bóng của ta và chính ta. Thân ta không phải là bóng vì là thân tứ đại có tướng sắc chất, còn bóng không có hình tướng nặng nề. Đây cũng ngầm ý thể chân thật kia không có tướng mạo nên không sanh diệt, còn thân này có tướng mạo nên sanh diệt.

Thân không phải là thể chân thật kia, nhưng thể kia chính là thân này, vì nếu không có thể kia thì thân này không thành, không thân này thì làm sao nhận ra thể kia. Hai cái không rời nhau như hình với bóng, nhưng thân này không phải thể kia, nếu thân này là thể kia thì thân này hoại, thể kia cũng mất.

Ứng tu nhậm ma hội, tức là phải hiểu như thế ấy.
Phương đắc kế như như, mới kế hợp với như như.

Đây là lần triệt ngộ của Động Sơn, hiểu được ý chỉ của ngài Vân Nham, khi nói về chỗ tả hình dáng của thầy. Người học thiền học đạo không phải chỉ ngộ một lần, mà phải qua năm bảy phen, đến cuối cùng mới gọi là triệt ngộ, lúc đó mới viên mãn. Chúng ta mới lơ mơ hiểu được chút gì rồi vỗ ngực xưng ta thế này thế nọ là chưa đến đâu, phải triệt ngộ thì mới không còn nghi ngờ.

Sư đến Lạc Đàm yết kiến Thủ tọa Sơ. Thủ tọa dạy chúng có câu:

Dã đại kỳ! Dã đại kỳ!

Phật giới, đạo giới bất tư nghi.

Dịch:

Cũng rất kỳ! Cũng rất kỳ!

Phật giới, đạo giới chẳng nghi ngờ.

Sư hỏi:

- Phật giới, đạo giới chẳng hỏi, người nói Phật giới đạo giới là gì? Chỉ xin nói một câu?

Thủ tọa làm thỉnh không đáp. Sư giục:

- Sao chẳng nói mau?

Thủ tọa bảo:

- Nói chẳng được.

Sư thưa:

- Nói cũng chưa từng nói, cái gì mà “nói chẳng được”?

Thủ tọa cũng không đáp. Sư thưa:

- Phật với đạo chỉ là danh tự, sao chẳng dẫn kinh.

Thủ tọa hỏi:

- Kinh nói thế nào?

Sư thưa:

- Được ý quên lời (Đắc ý vong ngôn).

Thủ tọa bảo:

- Vẫn còn đem ý kinh để trong tâm làm thành bệnh.

Sư thưa:

- Nói Phật giới, đạo giới bệnh lớn nhỏ?

Thủ tọa không đáp được, sáng hôm sau tịch. Thời nhân gọi Sư là “hỏi chết Thủ tọa”.

Ngài đến tham vấn Thủ tọa Sơ, Thủ tọa nói một câu rằng:

Dã đại kỳ! Dã đại kỳ!
Phật giới, đạo giới bất tư nghi.

Dịch:

Cũng rất kỳ! Cũng rất kỳ!
Phật giới, đạo giới chẳng nghi nghi.

Phật giới và đạo giới, hai cái không thể nghi nghi. Ngài hỏi: *Phật giới, đạo giới chẳng hỏi, người nói Phật giới, đạo giới là gì?* Thông thường chúng ta cứ hỏi về câu nói, đây không hỏi câu nói mà hỏi về người nói câu ấy là gì. Thủ tọa không đáp được, ngài cứ thúc hoài, Thủ tọa bảo: *Đáp không được.* Hai ba phen như thế. Ngài bảo: *Phật đạo chỉ là danh tự, sao chẳng dẫn kinh?* Thủ tọa hỏi: *Kinh nói thế nào?* Ngài thưa: *Được ý quên lời.*

Thủ tọa bèn bẻ lại: *Vẫn còn đem ý kinh để trong tâm làm thành bệnh.* Nói như vậy vẫn là bệnh. Động Sơn bẻ lại câu khác: *Nói Phật giới, đạo giới bệnh lớn nhỏ?* Phật giới, đạo giới cũng từ kinh ra, tôi bảo dẫn kinh thì ngài nói bệnh, như ngài nói Phật giới, đạo giới thì bệnh lớn hay nhỏ?

Đến chỗ này Thủ tọa bí luôn, sáng hôm sau thị tịch. Không phải tức mà tịch, Thủ tọa chứng minh mình đã nhập đạo, nhưng ngôn ngữ có lẽ không được lanh lẹ, bị hỏi thì lúng túng, tuy lúng túng mà sanh tử tự tại. Ngài tịch là để giữ uy tín, tuy trả lời không được nhưng đã nhận được tánh thật rồi, nên muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Đó là đặc biệt của người đã thấy đạo.

Đến cuối niên hiệu Đại Trung (847-860) đời Đường, Sư trụ núi Tân Phong tiếp dẫn học chúng, về sau giáo hóa thanh hành ở Động Sơn thuộc Cao An, Dự Chương.

Một hôm nhân ngày thiết trai cúng kỵ Vân Nham, có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng ở chỗ Tiên sư được chỉ dạy gì?

Sư đáp:

- Tuy ở trong ấy mà chẳng nhờ Tiên sư chỉ dạy.

Tăng hỏi:

- Đã chẳng nhờ chỉ dạy, lại thiết trai cúng dường làm gì?

Sư bảo:

- Tuy nhiên như thế, đâu dám trái lại Tiên sư.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng trước yết kiến Nam Tuyền tìm được manh mối, vì sao lại thiết trai cúng dường Vân Nham?

Sư bảo:

- Ta chẳng trọng Tiên sư đạo đức, cũng chẳng vì Phật pháp, chỉ trọng chẳng vì ta nói phá.

Về sau, ngài giáo hóa thanh hành ở Động Sơn. Nhân ngày thiết trai cúng Vân Nham, có vị tăng hỏi: *Hòa thượng ở chỗ Tiên sư được chỉ dạy gì?* Ngài đáp: *Tuy ở trong ấy mà chẳng nhờ Tiên sư chỉ dạy.* Nghe thật là bạc bẽo, ở chỗ tiên sư mà không nhờ chỉ dạy gì hết.

Tăng hỏi: *Đã chẳng nhờ chỉ dạy, lại thiết trai cúng dường làm gì?* Nếu không nhờ chỉ dạy thì có ân nghĩa gì mà cúng dường. Ngài trả lời: *Tuy nhiên như thế, đâu dám trái lại Tiên sư.* Tuy nhiên như thế tức là tuy không nhờ chỉ dạy mà không dám trái lại tiên sư, luôn trung thành không sai một mảy. Đây là chỗ khéo léo, trung thực với đường lối của thầy. Thầy chỉ dạy chỗ tu thì mình gắng thực hành tu tập, không phải tổ chức lễ giỗ lớn gọi là trung thành có hiếu với thầy.

Tăng hỏi: *Hòa thượng trước yết kiến Nam Tuyền tìm được manh mối, vì sao lại thiết trai cúng dường Vân Nham?* Ngài bảo: *Ta chẳng trọng Tiên sư đạo đức, cũng chẳng vì Phật pháp, chỉ trọng chẳng vì ta nói phá.* Không trọng tiên sư đạo đức, vì đạo đức là chuyện riêng của thầy, cũng không trọng Phật pháp vì Phật pháp là chuyện của Phật, mà trọng chỗ *chẳng vì ta nói phá.*

Đây là một lối giáo dục kỳ đặc. Thông thường thế gian, người giáo dục giỏi khi giảng bài cho học trò nghe thì khéo dùng những ví dụ khiến cho học trò dễ hiểu. Người dạy càng giỏi thì càng nhiều ví dụ. Hay hơn nữa là khi dạy đến đề tài gì đều có hình ảnh hay những vật cụ thể cho học trò thấy hiểu. Lối giáo dục của nhà thiền lại có một cái kỳ đặc khác, không giảng mà chỉ gợi cho người ta nghĩ, nghĩ rồi ôm cái nghĩ đó bất chợt phát ngộ ra. Như vậy ông thầy chỉ đưa học trò đến chỗ phải nghĩ ngờ, rồi từ nghĩ vỡ ra thì học trò tự hiểu, tự phát minh.

Thầy không chỉ dạy, chỉ làm cho tự mình phát minh thì điều đó không bao giờ quên. Không nói trắng cho hiểu theo lời thầy dạy, chỉ gợi cho nghĩ ngờ rồi tự tìm,

sáng lên. Ngài quý trọng tiên sư Vân Nham tạo điều kiện cho ngài phát minh, đó là điều đáng phục nhất, mang ơn đời đời. Tinh thần nhà thiền muốn chúng ta tự nhận ra để muôn đời không quên. Nếu thầy giải thích rõ ràng thì đó là chuyện của thầy nói, người nghe cũng phơ phớt thôi không nhớ lâu, còn tự mình tìm được, nhận ra được, đó mới thật là của mình. Đây là điều kỳ đặc của nhà thiền, nên Động Sơn nói *chỉ trọng chẳng vì ta nói phá*.

Sau, Sư quyền khai Ngũ vị⁽¹⁾ để giáo hóa học đồ. Ngũ vị là: 1- Chánh trung thiên (正中偏). 2- Thiên trung chánh (偏中正). 3- Chánh trung lai (正中來). 4- Thiên trung chí (偏中至). 5- Kiêm trung đáo (兼中到).

⁽¹⁾ Đại ý Ngũ vị: Chánh là chỉ cho Thể, Không, Lý. Thiên là chỉ cho Dụng, Sắc, Sự.

Chánh trung thiên: Chánh vị thể có đủ thiên vị dụng sự tướng. Cái hay đủ là thể, cái bị đủ là dụng. Cho nên lấy cái thể hay đủ định làm Quân vị (vị vua). Trong ngũ vị quân thần nó thuộc về vị quân. Người tu mới nhận được dụng đủ nơi thể, sự trong lý, là vị tu hành hữu vi. Về ngũ vị công huân nó thuộc vị thứ nhất. Phối hợp vị thứ của Đại thừa thì cùng vị Tam hiền trước thập địa tương đương.

Thiên trung chánh: Thiên vị dụng có đủ chánh vị thể. Nhân cái dụng hay đủ, định là Thân vị (vị tôi). Trong ngũ vị quân thần nó thuộc về vị thần. Trên phương diện tu hành mà luận, người tu nhận được lý đủ nơi sự, thể sẵn trong dụng, là vị liễu đạt được lý các pháp đều không, chỉ một chân như bình đẳng. Đứng về mặt Đại thừa là Kiến đạo.

Chánh trung lai: Các pháp hữu vi như lý tùy duyên, như tánh duyên khởi. Là vị quân thị thần (vua xem tôi) vậy. Người tu nơi đây như lý tu sự, như tánh khởi hành. Là tương đương với Bồ-tát từ Sơ địa đến Thất địa, tu hành còn dụng công.

Thiên trung chí: Sự dụng toàn hợp nơi thể, trở về vô vi. Tức là vị thần hướng quân (tôi nhằm vào vua). Người tu đến đây trọn ngày tu mà lìa niệm tu, trọn đêm dụng mà chẳng thấy dụng công. Là tương đương với hàng Bồ-tát từ Bát địa đến Thập địa, trong vị tu đạo vô công dụng.

Kiêm trung đáo: Thể dụng đồng đến, sự lý cùng hành. Tức là vị quân thần hiệp (vua tôi hiệp) vậy. Là Phật quả tột cùng tối thượng.

Theo Tào Sơn giải: Chánh vị tức là không giới xưa nay không vật. Thiên vị là sắc giới có muôn hình tượng. Chánh Trung thiên, bỏ lý theo sự. Thiên Trung chánh, bỏ sự về lý. Kiêm đối, thâm ứng hợp các duyên, không rơi vào các cõi, chẳng phải nhiễm, tịnh, chánh, thiên. Cho nên nói: Đại đạo hư huyền, chân tông vô trước. (Tào Sơn Ngũ Vị Quân Thần Chỉ Quyết)

Có bài tụng ngũ vị:

Chánh trung thiên

***Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiên
Mạc quái tương phùng bất tương thức
Ẩn ẩn do hoài cứu nhật hiem.***

Thiên trung chánh

***Thất hiệu lão bà phùng cổ cảnh
Phân minh địch diện biệt vô chân
Hữu cánh mê đầu do nhận ảnh.***

Chánh trung lai

***Vô trung hữu lộ cách trần ai
Đản năng bất xúc dương kim huy
Dã thắng tiền triều đoạn thiết tài.***

Thiên trung chí

***Lưỡng nhân giao phong bất tu tỵ
Hảo thủ do như hỏa lý liên
Uyển nhiên tự hữu xung thiên chí.***

Kiên trung đáo

***Bất lạc hữu vô thù cảm hòa
Nhân nhân tận dụng xuất thường lưu
Chiết hợp hoàn quy khôi lý tọa.***

Dịch:

Chánh trung thiên

**Đêm tối canh ba trăng rọi hiên
Lạ chi cùng gặp chẳng cùng biết
Ẩn ẩn vẫn còn ôm hận phiền.**

Thiên trung chánh

**Mất sáng lão bà tìm cổ kính
Rõ ràng đối diện đâu riêng chân
Thôi chớ quên đâu theo nhận bóng.**

Chánh trung lai

**Đường cái trong không cách trần ai (bụi bặm)
Chỉ hay chẳng chạm ngày nay kỳ
Cũng thắng tiền triều cắt lưỡi tài.**

Thiên trung chí

**Hai kiếm đua nhau cần gì tránh
Tay khéo vẫn như lò lửa sen
Nguyên vẹn nơi mình xung thiên chí.**

Kiên trung đáo

**Chẳng rơi có không ai dám hòa
Người người trọn muốn vượt dòng thường
Tan hợp trở về ngồi trong tro.**

Sau, ngài quyền khai Ngũ vị để giáo hóa học đồ. Ngũ vị là: 1- Chánh trung thiên. 2- Thiên trung chánh. 3- Chánh trung lai. 4- Thiên trung chí. 5- Kiêm trung đáo.

Bài kệ thứ nhất:

Chánh trung thiên

Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiền

Mạc quái tương phùng bất tương thức

Ẩn ẩn do hoài cựu nhật hiem.

Chánh là chỉ cho thể, thiên là chỉ cho dụng. *Chánh trung thiên* là trong thể có dụng, trong lý có sự. Thể tượng trưng cho cái tối, nên nói *Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiền*, đêm tối canh ba lúc nửa đêm rất tối, lại là trước khi có trăng. Đã tối thì có gặp cũng không biết nhau, nên nói *Mạc quái tương phùng bất tương thức*, chớ cho là lạ khi gặp nhau mà không biết nhau. Khi chúng ta nhận được bản thể, bản thể ấy từ đâu mà có? Thể không rời dụng.

Chủ trương của tông Tào Động dùng hai chữ *hồi hồi* là xoay lại với nhau, nghĩa là cái này với cái kia không tách rời mà chuyển qua xoay lại, trong cái này có cái kia, trong cái kia có cái này. Vì thế nói trong thể có dụng, thể thì tượng trưng cho cái tối, nên nói *Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiền*, đã là trong tối thì gặp nhau không thấy biết nhau.

Ẩn ẩn do hoài cựu nhật hiem, thăm thăm ôm lòng hận của ngày xưa. Đó là để chỉ cho khi người tu ở bước

thứ nhất ngộ được bản thể, nhận ra nơi mình có bản thể bất sanh bất diệt, là chỗ ví như nửa đêm không trăng. Nhận ra được rồi nhưng tập khí của muôn đời vẫn chưa sạch hết nên mới nói *Ẩn ẩn do hoài cựu nhật hiềm*. Những tập khí như vương vís khiến hòn ngọc chưa phát huy hết tánh sáng của nó. Đây là giai đoạn thứ nhất, người tu khi ngộ được bản thể nhưng thói quen, tập khí nhiều đời vẫn còn ôm ấp chưa tan hết. Vì thế nói trong chánh có thiên, tức là trong thể có dụng, nhưng dụng chưa đến chỗ rốt ráo.

Bài kệ thứ hai:

Thiên trung chánh

Thất hiểu lão bà phùng cổ cảnh

Phân minh địch diện biệt vô chân

Hưu cánh mê đầu do nhận ảnh.

Thiên là chỉ cho dụng, trong dụng có thể. *Thất hiểu lão bà phùng cổ cảnh*, thất hiểu là mất sáng, lão bà thì đầu bạc, *cổ cảnh* là gương xưa, hai cái này sáng hết, vừa mới mất sáng thì gặp sáng. Những hình ảnh đó để nói lên chữ thiên tức là dụng, dụng là sáng của gương. Từ cái dụng này khởi công tu hành, nghĩa là đã nhận được thể rồi, còn phải khởi công tu hành để trở về với nó. Đây là chỗ rõ ràng sáng suốt, nên nói *phân minh địch diện biệt vô chân*, rõ ràng đối diện không còn cái chân nào riêng khác nữa.

Hưu cánh mê đầu do nhận ảnh, thôi chớ quên đầu theo nhận bóng, tại sao? Đây dẫn kinh Lăng-nghiêm,

Diễn-nhã-đạt-đa một hôm nhìn vô gương, thấy đầu mặt trong gương rõ ràng, cho đó là đầu mặt thật của mình. Khi úp gương lại không thấy đầu mặt thì hoảng sợ, ôm đầu chạy la “tôi mất đầu rồi!” Đó là quên đầu mà nhận bóng, quên cái thật mà nhận cái giả. Như người mê không nhận ra thể chân thật mà chỉ chấp nhận cái giả dối cho là mình.

Thể chân thật ấy là tâm không sanh diệt, tất cả bóng ảnh là thân giả dối là vọng tưởng lăng xăng. Chúng ta quen sống với vọng tưởng, bất chợt lúc vọng tưởng lặng hết thì tưởng như mất mình. Như Diễn-nhã-đạt-đa úp gương lại, không thấy bóng liền hoảng la mất đầu rồi. Cái đầu thật có mất không? Chỉ mất cái bóng trong gương. Cũng vậy, niệm vọng tưởng lăng xăng khiến chúng ta nghĩ suy tính toán, khi niệm lặng xuống thì hết vọng tưởng, nhưng cái thấy được niệm vọng tưởng không mất. Cũng như cái đầu thật thấy được bóng trong gương không mất bao giờ, chỉ mất cái bóng trong gương. Người tu đến giai đoạn này không còn quên cái thật nhận cái giả nữa mà hằng trở về với cái thật. Như thế Thiền trung chánh là trong dụng có thể, dụng luôn luôn hướng về thể, tức là dụng công tu hành để trở về thể, đó là ý bài kệ thứ hai.

Bài kệ thứ ba:

Chánh trung lai

Vô trung hữu lộ cách trần ai

Đản năng bất xúc đương kim huy

Dã thắng tiền triều đoạn thiết tài.

Chánh trung lai, tức là trong chánh có thiên, lai là đến, như Động Sơn nói *đợi có bạn liền đến*, nơi thể có diệu dụng đến hỗ trợ.

Vô trung hữu lộ cách trần ai, trong chỗ không mà có đường thì bị bụi bặm ngăn cách. Trong không tức là trong lý không mà còn dùng phương tiện thì còn có cái ngăn cách bụi bặm. *Đản năng bất xúc đương kim hựu*, chỉ hay khéo dùng chạm hựu đương triều. Dùng tất cả ngôn ngữ phương tiện trình nói cho người mà không kẹt không dính, không để cho người chấp chặt lời nói. Như chúng ta nói bản lai diện mục, chân như, Phật tánh... chính là hựu kỳ của nhà thiền. Vì nói ra là gây chấp, chỉ nhớ tên mà không thấy được thể. Nên đây bảo phải khéo dùng chạm hựu. Các thiền sư không bao giờ nói đến chân như, Phật tánh..., chỉ nói những lời không dính dáng. Đó là cái khéo của các ngài ứng dụng mà không bị kẹt.

Dã thắng tiền triều đoạn thiết tài, cũng thắng tiền triều cắt lưỡi tài. Động Sơn sanh ở đời Đường, trước đó đời Tùy có vị quan có tài biện luận rất giỏi, khi biện luận hay chỉ trích lỗi của vua nên bị kết tội tử hình. Sắp hành hình ông kêu con trai đến dặn dò: cha chết là vì cái lưỡi, từ đây về sau con lấy kim châm vào lưỡi của mình để nhớ rằng chính cái lưỡi này đã giết mình. Bảo con lấy kim châm lưỡi cho đau cho nhớ đời đời. Đó là châm lưỡi mà đây gọi là cắt lưỡi, nghĩa là dầu cho biện luận đại tài rồi cũng phải bị tử hình, không bằng người khéo nói, không bị dính kẹt trong danh từ. Đây là diệu dụng đã nhập thể, bởi diệu cho nên rất khéo.

Bài kệ thứ tư:

Thiên trung chí

Lưỡng nhãn giao phong bất tu ty

Hảo thủ do như hỏa lý liên

Uyển nhiên tự hữu xung thiên chí.

Chữ Thiên ở đây có bản khác để chữ Kiêm, *Kiêm trung chí*. Đến chỗ này không còn thiên không còn chánh mà gồm hết tức là diệu dụng đầy đủ.

Lưỡng nhãn giao phong bất tu ty, hai mũi kiếm giao tranh không cần né tránh. *Hảo thủ do như hỏa lý liên*, người tay khéo cũng tự như hoa sen ở trong lò lửa. Thường hoa sen để vô lửa thì khô héo cháy rụi, đây hoa sen trong lò lửa mà tươi nhuận. Người đến chỗ này có diệu dụng hoàn hảo thì giống như hoa sen trong lò lửa, như lưỡi kiếm nhắm thẳng vào mình, khỏi cần tránh né cũng không bị thương tích. *Uyển nhiên tự hữu xung thiên chí*, uyển nhiên tức là rõ ràng, tự có chí xung thiên nghĩa là vượt hơn hết.

Sự tu tập của chúng ta, theo mười mục chần trâu thì Chánh trung lai là mục thứ tám, một vòng tròn trắng, trâu và chần đều mất, còn Thiên trung chí là diệu dụng nhập thể giống như mục thứ chín trở về nguồn gốc.

Bài kệ thứ năm:

Kiêm trung đáo

Bất lạc hữu vô thùy cảm hòa

Nhân nhân tận dụng xuất thường lưu

Chiết hợp hoàn quy khôi lý tọa.

Kiểm trung đạo đặc biệt hơn. *Kiểm* là gồm, *trung đạo* tức là gồm hết những phần ở trên, đến đây là viên mãn.

Bất lạc hữu vô, đến đây không còn có không, tức là không còn đối đãi; *thùy cảm hòa*, đã không còn đối đãi thì lấy gì hòa hợp. Nói hòa hợp là còn cái này với cái kia, đến chỗ không đối đãi nên không có gì hòa hợp. *Nhân nhân tận dụng xuất thường lưu*, mỗi người đều muốn ra khỏi dòng thường. Dòng thường là dòng đối đãi sanh tử. Người đến chỗ viên mãn đạo quả, vượt khỏi sanh tử thường tình.

Chiết hợp hoàn quy khôi lý tọa, tan hợp lại trở về ngôi trong tro. Đây là trở về thể. Thể là chỗ tối như bài kệ ban đầu, nên đây dùng chữ *ngôi trong tro*. Từ dụng nhập thể viên mãn không còn cách biệt. Như bức tranh số mười thông tay vào chợ, hình ảnh thiền sư áo bày ngực, chân không giày dép đi vào chợ, làm việc bình thường như mọi người.

Như vậy Ngũ vị của Động Sơn nói lên sức tu hành của người từ khi ngộ đạo rồi khởi dụng tu, từ chỗ khởi dụng ban đầu chưa viên mãn, kế đó là công dụng càng ngày càng tiến càng đầy đủ, đến vị sau cùng viên mãn. Ý nghĩa của năm vị này nói đầy đủ chỗ dụng công, không có gì khó hiểu.

Qua giai đoạn nói về Hưởng, Phụng, Công, Cộng Công, Công Công. Động Sơn thấy năm vị đó còn nặng về lý thuyết, người ta khó ứng dụng, nên ngài nói qua năm cái này để ứng dụng được rõ ràng.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Khi Hưởng làm sao? Khi Phụng làm sao? Khi Công làm sao? Khi Cộng Công làm sao? Khi Công Công làm sao?

Có vị tăng đứng ra hỏi:

- Thế nào là Hưởng?

Sư đáp:

- Khi ăn cơm thì sao?

- Thế nào là Phụng?

- Khi trái thì sao?

- Thế nào là Công?

- Khi buông cuộc thì sao?

- Thế nào là Cộng Công?

- Chẳng được sắc.

- Thế nào là Công Công?

- Chẳng chung.

Sư nói tụng:

Hưởng

Thánh chúa do lai pháp đế Nghiêu

Ngự nhân dĩ lễ khúc long yêu

Hữu thời nào thị đầu biên quá

Đáo xứ văn minh hạ thánh triều.

Phụng

*Tịnh tẩy nùng trang vì a thùy
 Tử quy thanh lý khuyến nhân quy
 Bách hoa lạc tận đề vô tận
 Cánh hương loạn phong thâm xứ đề.*

Công

*Khô mộc hoa khai kiếp ngoại xuân
 Đảo ky ngọc tượng sấn kỳ lân
 Nhi kim cao ẩn thiên phong ngoại
 Nguyệt kiêu phong thanh hảo nhật thần.*

Cộng công

*Chúng sanh chư Phật bất tương xâm
 Sơn tự cao hề thủy tự thâm
 Vạn biệt thiên sai minh để sự
 Chá cô đề xứ bách hoa tân.*

Công Công

*Đầu giác tài sanh dĩ bất kham
 Nghĩ tâm câu Phật hảo tu tầm
 Điều điều không kiếp vô nhân thức
 Khẳng hướng nam tuần ngũ thập tam.*

Dịch:

Hướng

**Thánh chúa từng dùng pháp đế Nghiêu
 Kẻ hầu theo lễ khúc long yêu**

**Chợ ồn có lúc đi qua thẳng
Đến chỗ văn minh mừng thánh triều.**

Phụng

**Tắm sạch máu me đây là ai?
Trong tiếng đồ duyên khuyến người về
Trăm hoa rụng hết, kêu không bật
Lại đến núi sâu hót mãi mê.**

Công

**Hoa nở cây khô, xuân kiếp ngoại
Cười ngược voi ngọc đuổi kỳ lân
Ngoài ngàn chót núi hôm nay ẩn
Trăng sáng gió lành buổi sáng tươi.**

Cộng Công

**Chúng sanh chư Phật nào lẫn xen
Núi tự cao chừ nước tự sâu
Ngàn sai muôn khác rõ việc ấy
Chá cô vừa hót trăm hoa cười.**

Công Công

**Đầu mới mọc sừng việc chẳng nên
Đem tâm cầu Phật thật hư hèn
Xa xôi không kiếp nào ai biết
Chịu hưởng về nam năm mươi ba.**

Tăng hỏi: *Thế nào là Hướng?* Ngài đáp: *Khi ăn cơm thì sao?* Hướng là nhìn lên nhắm vào vật gì đó. Như nhắm đến cái đèn, hay nhắm về tượng Phật, hướng về tượng Phật. Hướng là luôn luôn nhìn lên, hỏi nhìn lên mà ngài nói *khi ăn cơm thì sao?* Tức là hỏi trắng lấy đen đáp, hỏi ngược lên thì đáp nhìn xuống. Đó là cái thuật của nhà thiền, nếu không nắm được thuật này thì nghe rất kỳ lạ. Hỏi thế nào là Hướng, trả lời khi ăn cơm thì sao? Ăn cơm có ai nhìn lên không? Nhìn xuống mâm mới ăn được, chứ nhìn lên làm sao ăn? Đây là đáp khéo.

Hỏi: *Thế nào là Phụng?* Đáp: *Khi trái nhau thì sao?* Phụng là vâng, là tuân theo, ngược với vâng là trái. Như vậy hỏi Phụng thì lấy trái đáp.

Hỏi: *Thế nào là Công?* Công tức là công phu. Nói: *Khi buông cuộc thì sao?* Nếu cầm cuộc cuộc đất thì có công, còn buông cuộc nghỉ là không công. Hỏi công thì lấy không công đáp.

Hỏi: *Thế nào là Cộng công?* Cộng công tức là chung cái công lại hai ba lớp. Đáp: *Chẳng được sắc.* Tức là sao? Công phu chung lại đầy đủ là thành hình tướng. Như nói tôi đóng cái bàn, bàn đóng xong thì có hình tướng. Đây trả lời *cộng công* là *chẳng được sắc*, nghĩa là không có hình tướng.

Hỏi: *Thế nào là Công công?* Đáp: *Chẳng chung.* Công công tức là hai lớp công chung, trả lời chẳng chung, tức là lấy cái riêng đáp. Đó là ngài ứng dụng lối đáp trái lại để trả lời các câu hỏi. Người học thiền không nắm vững thuật này thì không hiểu gì hết, hỏi một đằng trả lời một ngả.

Đến bài tụng này chúng ta càng thấy rõ ý, nhìn các hình vẽ tô đen trắng sẽ dễ hiểu. Hình đen nhiều trắng ít, đen là tượng trưng cho Chánh. Chánh trung thiên là Hương, Thiên trung chánh là Phụng, Chánh trung lai là Công, Thiên trung chí là Cộng công, Kiêm trung đáo là Công công, mỗi cái theo nhau, hiểu được một cái thì mấy cái kia đều hiểu. Tuy ngôn ngữ khác nhưng hình ảnh hay lối tu không khác, hiểu rồi thì xem trong các bài kệ thấy rất rõ.

Hương

Thánh chúa do lai pháp đế Nghiêu

Ngự nhân dĩ lễ khúc Long yêu

Hữu thời náo thị đầu biên quá

Đáo xứ văn minh hạ thánh triều.

Thánh chúa tức là vua, tượng trưng cho chánh, là thể; thần là tượng trưng cho thiên, là dụng. *Thánh chúa do lai pháp đế Nghiêu*, Thánh chúa từ xưa pháp vua Nghiêu, đó là nói về thể. *Ngự nhân dĩ lễ khúc Long yêu*, ngự nhân tức là thần, dùng khúc lễ nhạc tên là Long yêu, là nói về dụng. *Hữu thời náo thị đầu biên quá*, có khi ở chỗ ồn náo mà đi qua. *Đáo xứ văn minh hạ thánh triều*, đáo xứ là tới cuối cùng, hạ thánh triều tức là vào triều chầu vua.

Phần Hương này là nhắm trở về thể, nhận ra thể, rồi có chút ít dụng công để trở về với nó. Như bây tôi về triều chầu vua. Phối hợp với Ngũ vị tức là Chánh trung thiên.

Phụng, tương tự Thiên trung chánh. Phụng tức là vâng, vâng là chỉ cho Thiên là thực hành.

Phụng

Tịnh tẩy nùng trang vi a thù

Tử quy thanh lý khuyến nhân quy

Bách hoa lạc tận đề vô tận

Cánh hướng loạn phong thâm xứ đề.

Tịnh tẩy nùng trang vi a thù, tịnh tẩy nùng trang là tắm gội máu me sạch, vi a thù là vì cái gì. Máu me tượng trưng cho ô nhiễm không sạch, tắm gội là cố gắng tu hành, dẹp bao nhiêu thứ phiền não. Bài trước ý nói ngộ rồi nhưng phiền não chưa hết, như biết có viên ngọc ở trong đồng rác. Bây giờ vớt rác ra nhặt lấy viên ngọc đem đi rửa sạch, đó là giai đoạn Phụng nên dùng chữ tắm sạch máu me. Khi dọn dẹp nhớt nhúa cho chính mình cũng là làm lợi ích cho chúng sanh.

Tử quy thanh lý khuyến nhân quy, tử quy là con chim tử quy, trong tiếng chim tử quy khuyên người trở về. Chim tử quy còn gọi là chim đỗ quyên hay chim quốc. Chim tử quy luôn luôn hót, tiếng nó thiết tha như kêu nhắc. Câu này nói ý gì? Đem hết thân tâm, khả năng của mình giáo hóa, khuyến dụ chúng sanh thấy đạo, trở về với đạo.

Bách hoa lạc tận đề vô tận, trăm hoa rụng hết mà tiếng hót của chim tử quy cũng không hết, ý chỉ sự lợi tha không có bờ bến. *Cánh hướng loạn phong thâm xứ đề*, lại nằm trong núi sâu chập chùng hót luôn

không ngừng. Ý nói người đến giai đoạn dụng công này bản thân đã dẹp sạch hết những ô uế phiền não, lại còn luôn luôn nhắc nhở khuyến hóa dạy dỗ mọi người cùng trở về, không kể thời gian không gian, không kể khi an khi nguy. Đó là tiếng hót không ngừng của chim tử quy. Dùng hình ảnh đời mà nói đạo, như thế không phạm húy.

Công

Khô mộc hoa khai kiếp ngoại xuân

Đảo ky ngọc tượng sấn kỳ lân

Nhi kim cao ẩn thiên phong ngoại

Nguyệt kiếu phong thanh hảo nhật thân.

Công, tương tự Chánh trung lai. *Khô mộc hoa khai kiếp ngoại xuân*, khô mộc là cây khô, hoa khai là hoa nở, kiếp ngoại xuân là mùa xuân ở ngoài thời gian. Đây là giai đoạn Chánh trung lai, cây khô là tượng trưng thể, cây khô nảy hoa là được thể rồi khởi ra dụng. Đây là cái dụng phi thường, nên giống như trong cây khô trở hoa, hoa ấy vượt ngoài thời gian, biểu hiện bằng *kiếp ngoại xuân*.

Đảo ky ngọc tượng sấn kỳ lân, đảo ky là cưỡi ngược, ngọc tượng là voi ngọc, sấn kỳ lân là đuổi kỳ lân, cưỡi ngược con voi ngọc mà đuổi kỳ lân. Diệu dụng này giống như người cưỡi voi bằng ngọc mà đuổi kỳ lân. Voi ngọc có chạy được không? Mà đây cưỡi ngược chứ không cưỡi xuôi, rồi đuổi theo con kỳ lân. Đây ví dụ người thể nhập chỗ này rồi thì công phu giáo hóa, tiếp độ chúng sanh không còn chướng ngại. Diệu dụng không thể lường, không thể biết hết được, nên mượn hình ảnh đó diễn tả tính bất tư nghì.

Người có những diệu dụng như thế bản thân họ thì sao? *Nhi kim cao ẩn thiên phong ngoại*, mà nay ở ẩn ngoài ngàn ngọn núi, ở ngoài ngàn ngọn núi làm mọi việc lợi ích chúng sanh mà không dính không kẹt.

Nguyệt kiêu phong thanh hảo nhật thân. Đến lúc này trăng sáng, gió mát, mặt trời đẹp, tất cả đều tươi sáng. Đó là lúc ở trong cảnh rất nhàn hạ thanh thoi, đẹp đẽ, làm lợi ích cho chúng sanh mà không có gì bận nhọc.

Cộng Công

Chúng sanh chư Phật bất tương xâm

Sơn tự cao hề thủy tự thâm

Vạn biệt thiên sai minh để sự

Chá cô đề xứ bách hoa tân.

Cộng Công, tức là Thiên trung chí hay gọi là Kiêm trung chí, không còn đối đãi nữa. *Chúng sanh chư Phật bất tương xâm*, chúng sanh hay chư Phật không xâm phạm nhau. Đến đây thì không còn danh từ Phật, danh từ chúng sanh, không thấy Phật khác với chúng sanh. *Sơn tự cao hề thủy tự thâm*, núi thì tự cao, nước thì tự sâu không còn nằm trong đối đãi riêng biệt.

Trên cái thiên sai vạn biệt của muôn sự muôn vật đều hiện bày chân thật, cho nên *vạn biệt thiên sai minh để sự*, tức là ngàn sai muôn khác đều rõ được việc đó. Thể chân thật trùm khắp trên muôn vật không còn có riêng tư. Chính chỗ này, ngài Thiên Lão thiền sư trả lời vua Lý Thái Tông. Vua hỏi Hòa thượng ở đây bao lâu?

Ngài đáp: *Đản tri kim nhật nguyệt, thùy thức cự xuân thu*. Chỉ biết ngày nay, ai biết những năm về trước. Hỏi: Ngài ở đây làm gì? Đáp: *Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh, bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân*. Nghĩa là trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, trăng trong mây bạc hiện toàn chân. Như vậy tất cả đều thể hiện chân thực, chính chỗ này diễn tả rõ ràng trong vạn biệt thiên sai đó chính là làm sáng rõ việc này.

Chá cô đề xứ bách hoa tân, chỗ chim chá cô hót trăm hoa tươi. Đó là lúc người và cảnh không còn phân chia, không còn thấy mình khác, chúng sanh khác.

Công Công

Đầu giác tài sanh dĩ bất kham

Nghĩ tâm cầu Phật hảo tu tà

Điều điều không kiếp vô nhân thức

Khẳng hướng nam tuần ngũ thập tam.

Cuối cùng, *Công Công* tức sánh ngang Kiêm trung đáo. *Đầu giác tài sanh dĩ bất kham*, đầu vừa mọc sừng đã không kham nhận. Đã thể nhập cái chân thật đó rồi thì còn khởi gì nữa, vì thế xem như đầu mọc sừng không chấp nhận được. Nhà thiền hay nói đầu thêm đầu là thế, đã tới nơi rồi mà còn khởi tâm mong cầu là trật, là bệnh.

Câu sau nói rõ *Nghĩ tâm cầu Phật hảo tu tà*, vừa khởi tâm cầu Phật thì phải nên hổ thẹn. *Điều điều không kiếp vô nhân thức*, điều điều là xa xôi vời vợi,

không kiếp là từ cái kiếp không, vô nhân thức là không ai biết. Thể chân thật ấy sẵn từ thuở nào xa xôi, không ai nhận biết được.

Khẳng hướng nam tuần ngũ thập tam, nhận đi về phương nam năm mươi ba. Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm khi phát tâm tu, nhờ sự khuyến khích của ngài Văn-thù đi tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức, cuối cùng gặp lại ngài Văn-thù, tức là trở về căn bản trí. Khởi tâm ban đầu từ căn bản trí, cuối cùng thể nhập viên mãn cũng về căn bản trí. Phối hợp với bài tụng Kiêm trung đạo thì đây là chỗ trở về ngồi trong tro (*Chiết hợp hoàn quy khô lý tọa*). Chỗ thể nhập này, bức tranh thứ mười diễn tả thiền sư đầu trần chân đất, đi vào hàng thịt hàng cá dạy người tu. Đây là chỗ đặc biệt của thiền sư, các ngài nói không kẹt không dính, không lập ngôn để chúng ta không vướng trên ngôn ngữ.

Tuyệt Phong Nghĩa Tôn bửa củi, bèn bó một bó củi ném trước mặt Sư. Sư hỏi:

- Nặng nhiều ít?

Tuyệt Phong thưa:

- Người khắp trên mặt đất chung giở không nổi.

Sư hỏi:

- Sao đem đến đây được?

Tuyệt Phong đáp không được.

Tuyệt Phong bửa củi, bó một bó ném trước mặt ngài. Ngài hỏi: *Nặng nhiều ít?* Nếu chúng ta thì chắc

nổi giận, người ta đang ngồi mà vác bó củi quăng ngang trước mặt, vô lễ không? Nhưng người xưa lúc nào cũng chỉ nhắm vào cái đó, không để tâm thương ghét, lễ phép hay không. Ngài hỏi *nặng nhiều ít?* Đó là giương bẫy, nói nhiều nói ít gì cũng đều mắc kẹt trong bẫy hết. Ngài Tuyết Phong khéo trả lời: *Người khắp trên mặt đất chung giờ không nổi.* Như vậy là gỡ được cái bẫy rồi.

Phá được hầm bẫy nhưng lại kẹt cái khác. Ngài liền hỏi: *Sao đem đến đây được?* Không ai gỡ nổi, làm sao đem đến đây? Ngang đó *Tuyết Phong không đáp được.* Cách đối đáp của người xưa rất khéo, nhanh như chớp không chậm trễ như chúng ta.

Có vị tăng hỏi:

- “**Luôn luôn siêng lau chùi**”, vì sao không được y bát? Chẳng biết người nào nên được?

Sư bảo:

- **Người không vào cửa được.**

Tăng thưa:

- **Vả như người không vào cửa lại được hay không?**

Sư bảo:

- **Tuy nhiên như thế, chẳng được chẳng trao cho người kia. Nói thẳng rằng “xưa nay không một vật” vẫn chưa nên được y bát kia. Người hỏi người nào nên được, nơi đây nên có một chuyển ngữ, hãy nói có chuyển ngữ gì?**

Lúc ấy có tăng nói đến chín mươi sáu chuyển ngữ mà chưa khế hợp, một chuyển ngữ sau rốt mới khế hợp ý Sư. Sư bảo:

- Xà-lê sao không nói chuyển ngữ ấy trước?

Một vị tăng hỏi: *“Luôn luôn siêng lau chùi”* vì sao không được y bát? Chẳng biết người nào được? Câu hỏi này lấy ý trong bài kệ của ngài Thần Tú, câu “thời thời cần phát thức”. Ngài Thần Tú không được y bát, chẳng biết người nào được? Ai không biết Lục Tổ, tại sao lại hỏi? Ngài trả lời: *Người không vào cửa được.*

Tăng hỏi lại: *Vả người không vào cửa lại được hay không?* Nếu đã không vào cửa thì còn thấy gì là được hay không được. Ngài trả lời: *Tuy nhiên như thế, chẳng được chẳng trao cho, tức là tuy không vào cửa mà không từ chối truyền y bát, nên nói: Nói thẳng rằng “xưa nay không một vật” vẫn chưa nên được y bát kia.* Đây là câu trích trong bài kệ của Lục Tổ: “Bản lai vô nhất vật”, xưa nay không một vật, câu đó chỉ được vào cửa chứ chưa được truyền y bát. Tại sao? Nếu câu đó xứng đáng truyền y bát thì đâu đợi Ngũ Tổ phải nói kinh Kim Cang. Ngũ Tổ nói đến đoạn “Bất ưng trụ sắc sanh tâm... Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, Lục Tổ mới thốt lên “đâu ngờ... đâu ngờ...” cũng như “À!” lên một tiếng. “Đâu ngờ tự tánh xưa nay thanh tịnh...” ngang đó mới được truyền y bát. Đây là dẫn tích này tích nọ một cách khéo léo không nói trắng ra.

Có vị tăng hỏi:

- Bình thường Thầy dạy chúng con đi đường chim (điều đạo), chưa biết thế nào là đường chim?

Sư bảo:

- Chẳng gặp một người.

Tăng thưa:

- Đi thế nào?

Sư bảo:

- Phải ngay dưới chân không việc khác.

Tăng thưa:

- Như đi đường chim, phải là “bản lai diện mục” chẳng?

Sư bảo:

- Xà-lê nhân đâu mà điên đảo?

Tăng thưa:

- Chỗ nào là con điên đảo?

Sư bảo:

- Nếu không điên đảo vì sao lại nhận giặc làm con?

Tăng thưa:

- Thế nào là bản lai diện mục?

Sư bảo:

- Chẳng đi đường chim.

Ở thế gian có đường thủy đường bộ, cũng có đường chim là hàng không. Đường thủy đường bộ thì gặp tàu bè xe cộ, người, vật..., đường chim thì không gặp ai cả. Ngài trả lời cụ thể: *Chẳng gặp một người*. Ý nói không gặp ai

cũng có nghĩa không còn thấy có ngã nhân đối đãi. Còn ngã nhân là chưa phải đi đường chim. Câu này hay ở chỗ vừa là hình ảnh cũng vừa là ý thâm trầm bên trong.

Hỏi: *Đi thế nào?* Đã không gặp ai thì đi thế nào?

Đáp: *Phải ngay dưới chân không việc khác.* Đi thì phải cất bước, rất thực tế. Nhưng còn mang ngụ ý rằng, cái đó ngay ở dưới chân ông, ngay ở nơi ông thôi chứ không đâu xa lạ. Một câu mà hai ý rõ ràng.

Tăng chưa hiểu, liền chuyển qua câu khác: *Như đi đường chim, phải là “bản lai diện mục” chăng?* Ngài bảo rằng: *Xà-lê nhân đâu mà điên đảo?* Đó là chỗ không gặp một người, huống nữa có danh tự. Đã dùng danh tự bản lai diện mục, đó là điên đảo.

Tăng không chịu: *Chỗ nào là con điên đảo?* Ngài nói: *Nếu không điên đảo vì sao lại nhận giặc làm con?* Cái thật mà không thấy lại chấp vào ngôn ngữ văn tự, đó là nhận giặc làm con.

Tăng lại hỏi: *Thế nào là bản lai diện mục?* Nói như vậy mà vẫn còn chấp danh từ bản lai diện mục. Ngài nói: *Chẳng đi đường chim.* Nếu còn chấp giữ thì chẳng bao giờ đi đường chim. Chúng ta thấy đối đáp rất khéo, nếu không hiểu thì thấy dường như nói trên trời trên mây.

Ban đêm tham vấn mà không thấp đèn. Có vị tăng ra thưa hỏi, hỏi xong thối lui. Sư bảo thị giả thấp đèn và gọi vị tăng vừa thưa hỏi đến. Vị tăng ấy ra đến gần Sư. Sư bảo:

- Lấy ba lạng bột đến cho Thượng tọa này.

Vị tăng ấy phủ áo trở lui. Từ đây tỉnh giấc bèn đem tất cả y và dụng cụ cho hết, thiết trai cúng dường. Ba năm sau vị tăng ấy đến từ già Sư. Sư bảo:

- Đi vui về!

Lúc đó Tuyết Phong đứng hầu, hỏi Sư:

- Vị tăng này từ già bao lâu sẽ trở lại?

Sư bảo:

- Y chỉ biết một lần đi, mà không biết trở lại.

Vị tăng ấy về nhà tăng đến chỗ để y bát, ngồi tịch. Tuyết Phong đến báo tin cho Sư. Sư bảo:

- Tuy nhiên như thế, so với lão tăng vẫn còn ba đời.

Ban đêm tham vấn đặc biệt không đốt đèn, thầy trò đối đáp nhau. Có vị tăng tham vấn hỏi xong rồi lui ra, có thể ngài thấy vị này sắp tỉnh giấc nên bảo đốt đèn và gọi Tăng vừa tham vấn. Tăng đến gần, ngài bảo thị giả lấy ba lạng bột cho ông tăng này. Nói vậy thì ông tỉnh liền. Tại sao? Hiểu được ý trên không có gì khó. Tối là thể, sáng là dụng, ông nhận được thể thì phải khởi dụng mới thành công. Tăng ngộ được ý chỉ đó, phủ tay áo lui ra. Từ đây tỉnh giấc tu tập ba năm, thấy được tự tại nên đến từ già, ngài khen, bảo: *Đi vui về!*

Tăng đó đi, ngài Tuyết Phong đứng hầu hỏi: *Vị tăng này từ già bao lâu sẽ trở lại?* Ngài nói: *Y chỉ biết một lần đi, mà không biết trở lại.* Ngài biết Tăng từ già là đi luôn.

Tăng tịch xong tin báo đến ngài, ngài nói: *Tuy nhiên như thế mà so với lão tăng vẫn còn ba đời.* Tức là còn thua Lão tăng ba đời. Người xưa chết sống tự tại, tuy nhiên câu nói của Động Sơn cho chúng ta hiểu rõ hơn. Trong nhà thiền, có người ngộ tới đó mà duyên độ sanh không có, có người ngộ tới đó mà duyên độ sanh mạnh. Nhiều người ngộ rồi tịch vì thấy duyên độ sanh không có, người có duyên thì nỗ lực giáo hóa, không phải người nào ngộ rồi đều cũng như nhau.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Lại có người không đền đáp bốn ơn ba cội chẳng?

Chúng đều không đáp, Sư lại bảo:

- Nếu chẳng thể nhận ý này, làm sao vượt khỏi hoạn trước sau. Hẳn phải tâm tâm chẳng chạm vật, bước bước không chỗ nơi, thường không gián đoạn mới được tương ứng. Cần phải nỗ lực, chớ nhàn rồi qua ngày!

Sư thượng đường dạy chúng: *Lại có người không đền đáp bốn ơn ba cội chẳng?* Chúng ta tu luôn luôn nguyện đem hết sức mình đền đáp bốn ơn ba cội. Nghĩa là đền đáp ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, ơn đàn-na thí chủ, ơn đất nước, ơn thầy tổ giáo hóa... Có thân thì phải đền đáp. Có một cái không ăn uống, không thọ dụng của ai, cũng không ai sanh ra được nên không có đền đáp.

Tăng đáp không được. Ngài nói: *Nếu chẳng thể nhận ý này, làm sao vượt khỏi hoạn trước sau.* Nếu không

nhận ra con người đó thì khó thoát khỏi họa sanh tử luân hồi tiếp nối. *Hẳn phải tâm tâm chẳng chạm vật, tâm phải luôn luôn không dính mắc vật nào hết, bước bước không chỗ nơi, đi mà không bước đi vì không dính nơi này chốn nọ. Thường không gián đoạn mới được tương ứng, phải hằng sống không dính không kẹt, luôn luôn miên mật không xen hở, chánh niệm mới có thể tương ứng. Cần phải nỗ lực, chớ nhàn rỗi qua ngày!* Đây là lời nhắc nhở của ngài. Tu phải cần mật tha thiết, tu lếu lếu như chúng ta thì chắc là lâu xa lắm.

Tào Sơn Bốn Tịch đến từ Sư, Sư bèn phó chúc:

- Ta ở chỗ tiên sư Vân Nham thân được ấn chứng “Bảo cảnh tam-muội” là yếu chỉ cùng tột, nay phó chúc cho người. Lời rằng:

<i>Như thị chi pháp</i>	Pháp như thế ấy
<i>Phật tổ mật phó</i>	Phật tổ thâm trao
<i>Nhữ kim đắc chi</i>	Nay người được đó
<i>Nghi thiện bảo hộ.</i>	Nên khéo giữ gìn.
<i>Ngân uyển thanh tuyết</i>	Chén bạc đựng tuyết
<i>Minh nguyệt tàng lộ</i>	Trăng sáng che cò
<i>Loại chi phát tề</i>	Loại đó chẳng đồng
<i>Hỗn tắc tri xứ</i>	Lẫn thì biết chỗ
<i>Ý bất tại ngôn</i>	Ý chẳng ở lời
<i>Lai cơ diệc phó.</i>	Cơ đến cũng đến.
<i>Động thành khòa cữu</i>	Động thành hang ổ
<i>Sai lạc cố trử</i>	Sai rơi đoái giữ

Bối xúc câu phi
 Như đại hỏa tộ
 Đản hình văn thể
 Tức thuộc nhiệm ô.
 Dạ bán chánh minh
 Thiên hiểu bất lộ
 Vi vật tác tắc
 Dụng bạt chư khổ
 Tuy phi hữu vi
 Bất thị vô ngữ.
 Như lâm Bảo cảnh
 Hình ảnh tương đồ
 Nhữ bất thị cừ
 Cừ chánh thị nhữ
 Như thế anh nhi
 Ngũ tướng hoàn cụ.
 Bất khứ bất lai
 Bất khởi bất trụ
 Bà bà hòa hòa
 Hữu cú vô cú
 Chung bất đắc vật
 Ngũ vị chánh cố.
 Trùng ly lục hào
 Thiên chánh hồi hồ

Tránh chạm đều lỗi
 Như đóng lửa lớn
 Chỉ bày màu vẽ
 Liền thuộc nhiệm ô.
 Nửa đêm sáng tỏ
 Trời sáng chẳng bày
 Vì vật làm phép
 Dùng nhổ các khổ
 Tuy chẳng hữu vi
 Chẳng phải không nói.
 Như đến gương báu
 Hình bóng thấy nhau
 Người chẳng phải y
 Y chính là người
 Như trẻ trong nôi
 Năm tướng đầy đủ.
 Chẳng đi chẳng lại
 Chẳng dậy chẳng đứng
 Tu oa! Tu oa!
 Có câu không câu
 Trọn chẳng được vật
 Vì lời chưa rõ.
 Trùng ly sáu hào
 Thiên chánh hồi hồ

<i>Điệp nhi vi tam</i>	Chồng chất làm ba
<i>Biến tận thành ngũ</i>	Biến khắp thành năm
<i>Như trì thảo vị</i>	Như vị trì thảo
<i>Như Kim cang xử.</i>	Như chày Kim cang.
<i>Chánh trung diệu hiệp</i>	Chánh trung khéo gộp
<i>Xao xướng song cử</i>	Nhịp xướng đồng cử
<i>Thông tông thông đồ</i>	Thông tông thông đồ
<i>Hiệp đới hiệp lộ</i>	Hiệp đới hiệp lộ
<i>Thố nhiên tắc kết</i>	Cẩn thận thì tốt
<i>Bất khả phạm ngộ.</i>	Chẳng nên phạm nghịch.
<i>Thiên chân nhi diệu</i>	Thiên chân mà diệu
<i>Bất thuộc mê ngộ</i>	Chẳng thuộc mê ngộ
<i>Nhân duyên thời tiết</i>	Thời tiết nhân duyên
<i>Tịch nhiên chiêu trước.</i>	Lặng lẽ rành rõ.
<i>Tế nhập vô gián</i>	Nhỏ vào chẳng hở
<i>Đại tuyệt phương sở</i>	Lớn tốt chỗ nơi
<i>Hào hốt chi sai</i>	Sai trong mảy may
<i>Bất ưng luật liễu.</i>	Chẳng hợp luật liễu.
<i>Kim hữu đốn tiệm</i>	Nay có đốn tiệm
<i>Duyên lập tông thú</i>	Duyên lập tông thú
<i>Tông thú phân hỹ</i>	Tông thú phân vậy
<i>Tức thị quy củ</i>	Tức là quy củ
<i>Tông thông thú cực</i>	Tông thông thú tột
<i>Chân thường lưu chú.</i>	Chân thường trôi chảy.

Ngoài tịch trung dao
 Hệ câu phục thử
 Tiên thánh bi chi
 Vì pháp đàn độ
 Tùy kia diên đảo
 Dĩ truy vi tố.
 Diên đảo tướng diệt
 Khẳng tâm tự hứa
 Yếu hợp cổ triệt
 Thỉnh quán tiền cổ
 Phật đạo thù thành
 Thập kiếp quán thọ.
 Như hổ chi khuyết
 Như mã chi chú
 Dĩ hữu hạ liệt
 Bảo kỷ trân ngự
 Dĩ hữu kinh dị
 Ly nô bạch cổ.
 Nghệ dĩ xảo lực
 Xạ trúng bách bộ
 Tiến phong tương trị
 Xảo lực hà dự.
 Mộc nhân phương ca
 Thạch nữ khởi vũ

Ngoài yên trong loạn
 Cột ngựa dẹp chuột
 Thánh trước thương đó
 Vì làm pháp thí
 Tùy kia diên đảo
 Lấy đen làm trắng.
 Tướng diên đảo diệt
 Khứng tâm tự nhận
 Cốt hợp vết xưa
 Xin xem xưa trước
 Phật đạo sắp thành
 Mười kiếp quán cây.
 Như khuyết của cạp
 Như đốm của ngựa
 Do có thấp kém
 Bàn báu xe quý
 Do có sợ hãi
 Mèo nhà bò trắng.
 Nghệ do sức khéo
 Trăm bước bắn trúng
 Tên nhọn sắp chạm
 Sức khéo làm gì?
 Người gỗ vừa ca
 Gái đá đứng múa

<i>Phi tình thức đáo</i>	Tình thức chẳng đến
<i>Ninh dung tư lự.</i>	Đâu cho suy nghĩ.
<i>Thần phụng ư quân</i>	Thần phụng nơi vua
<i>Tử thuận ư phụ</i>	Con thuận nơi cha
<i>Bất thuận phi hiếu</i>	Không thuận chẳng hiếu
<i>Bất phụng phi phụ.</i>	Không phụng chẳng phụ.
<i>Tiêm hành mật dụng</i>	Làm thầm dụng kín
<i>Như ngu như lỗ</i>	Như ngu như ngốc
<i>Đản năng tương tục</i>	Chỉ hay tiếp nối
<i>Danh chủ trung chủ.</i>	Gọi chủ trong chủ.

Sau đây là bài *Bảo cảnh tam-muội* của tổ Vân Nham truyền cho Động Sơn, ngài truyền lại cho Tào Sơn. Sao gọi là *Bảo cảnh tam-muội*? Bảo cảnh là gương báu, tam-muội là chánh định, nghĩa là chánh định như gương báu. Chánh định thâm sâu tốt cùng thì trong định vẫn sáng suốt, như gương sáng không lay động. Các thiền sư thường nói: “Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán”, nghĩa là nó vẫn yên tĩnh sáng suốt, không phân biệt, tuy không phân biệt nhưng cái gì ra cái nấy. Khi người tu trở về với tâm thể chân thật thì hằng yên lặng sáng suốt giống như gương báu không lay động chiếu soi hình bóng trung thực. Đây dùng hình ảnh gương báu để ví dụ cho chánh định này.

BẢO CẢNH TAM MUỘI

Như thị chi pháp

Phật tổ mật phó

*Nhữ kim đặc chi
Nghị thiện bảo hộ.*

Pháp như thế ấy tức là pháp Bảo cảnh tam-muội, Phật tổ thâm trao pháp ấy cho ông, nay ông được đó phải khéo bảo hộ.

Mở đầu là lời dặn dò, đến phần nội dung bên trong:

*Ngân uyển thanh tuyết
Minh nguyệt tàng lộ
Loại chi phát tề
Hỗn tắc tri xứ
Ý bất tại ngôn
Lai cơ diệc phó.*

Ngân uyển thanh tuyết, minh nguyệt tàng lộ. Chén bạc đựng tuyết, trắng sáng che cò. Đây là những hình ảnh rất khó phân biệt. Chén bằng bạc là trắng mà đựng tuyết cũng trắng, thì có thể phân biệt cái nào là tuyết, cái nào là chén được không? Mặt trắng sáng và con cò trắng đậu ngoài đồng, khi mặt trắng sáng dễ thấy con cò không? Tuy hai cái tương tự khó so sánh khó phân biệt, nhưng còn có thể phân biệt được.

Loại chi phát tề, loại đó chẳng đồng, giống loại không đồng, chén bạc với tuyết tuy khó phân biệt nhưng còn có thể biết, thể chân thật này không thể xếp vào loại nào để so sánh cho bằng được. Cái này chỉ có thể *hỗn tắc tri xứ*, hỗn là mờ tối, là thâm lặng, trong cái thâm lặng mà tự nhận biết. Chỉ có thâm lặng mà biết

được chỗ đó, không thể dùng trí suy xét hay dùng thức phân biệt đến chỗ đó được. Ý nói thể chân thật không hình tướng, không đối đãi so sánh ví dụ gì được, người muốn biết được chỉ là thâm lặng mà biết, trí hay thức đều không biết tới được.

Ý *bất tại ngôn* là ý không ở nơi lời, nghĩa là lời nói và ý của nó không ở một chỗ. Thường chúng ta căn cứ nơi lời mà hiểu được ý, nhưng lời của các Tổ sư ở ngoài ý. Như ngài Vân Môn nói “Hướng mặt về nam để xem sao bắc đẩu”, sao bắc đẩu ở phía bắc mà xây mặt về nam làm sao thấy? Lời nói và ý không giống nhau, nếu căn cứ trên lời nói thì không thể nào hiểu ý Tổ sư, tuy vậy nhưng gặp cơ đến thì cũng trao. Tức là gặp những người căn cơ bén nhạy hay đã chín muồi thì một câu một lời liền được trao phó, vì thế nói *Lai cơ diệc phó*.

Động thành khòa cửu

Sai lạc cố trử

Bối xúc câu phi

Như đại hỏa tộ

Đản hình văn thể

Tức thuộc nhiễm ô.

Động thành khòa cửu, vừa dấy niệm phân biệt thì đã thành hang ổ rồi. *Sai lạc cố trử*, sai lạc tức là sai đi thì rơi vào chỗ cố trử là kìm giữ. Như chúng ta nghe nói tâm thể thanh tịnh không có vọng niệm, muốn sống với tâm thể thanh tịnh đó, bèn dè xuống kìm giữ vọng niệm. Như vậy là sai lạc hay trúng? Hiểu sai thì thành ra kìm giữ.

Bối xúc câu phi, trái chạm đều chẳng được. Bối là trái có nghĩa là ly, xúc là chạm có nghĩa là hợp. Có cái gì chạm nhau mà không hợp? Ví dụ tay tôi muốn chạm cái bàn thì phải hợp đến cái bàn. Bối là xây lưng lại, tức là lìa ra. Hai bên nào ly nào hợp đều chẳng phải, nghĩa là không mắc kẹt hai bên.

Như đại hỏa tu giống như đồng lửa lớn, quăng cái gì vô đều cháy tuốt hết, không còn lại gì. Tất cả thuận nghịch, thị phi... những gì đối đãi hai bên đến chỗ này đều tiêu hết, không còn một vật gì. Đây chỉ cho thể chân thật không dính một vật gì.

Dẫn hình văn thể, tức thuộc nhiễm ô. Chỉ có hình, có văn, có thể, thì liền thuộc về nhiễm ô. Nếu đem hình tướng diễn tả hay đem văn thể để nói về nó thì đều thuộc về nhiễm ô, không phải là thể thanh tịnh.

Dạ bán chánh minh

Thiên hiệu bát lộ

Vi vật tác tắc

Dụng bát chư khổ

Tuy phi hữu vi

Bất thị vô ngữ.

Dạ bán chánh minh, nửa đêm chính sáng. Chỗ này không tách rời giữa thể và dụng, giữa sự và lý, cho nên nửa đêm tối cũng là đúng ngộ là sáng. Tối và sáng, hai cái không rời nhau, như trong bài tụng *Chánh trung thiên, Thiên trung chánh*. Chánh là thể, thiên là dụng, thể dụng không tách rời nhau, hay sự lý không có riêng biệt.

Thiên hiểu bất lộ, thiên hiểu là trời sáng, bất lộ là không hiển bày, tức là giữa trời sáng vẫn tối. Sáng và tối cũng không tách rời. Hai câu này nói lên ý rằng người muốn đạt đến chỗ đó thì không nên chia riêng đây là dụng kia là thể, đây là lý kia là sự, mà phải ngay nơi sự có lý, ngay nơi thể có dụng. Ứng dụng như vậy thì tu hành không sai lệch.

Vi vật tác tắc, vì vật mà làm phép tắc. Đây chỉ cho cái thể trùm hết muôn vật, nó là chủ của muôn vật nên nó vì vật làm phép tắc. Câu này tương tự câu kệ: “Hữu vật tiên thiên địa, vô hình bản tịch liêu”, tức là có vật trước cả trời đất, không có hình tướng, luôn luôn vắng lặng. Nó chính là nguyên tắc của muôn sự muôn vật. Dùng cái đó để làm gì? Để nhổ hết gốc khổ của chúng sanh, nên nói *dụng bạt chư khổ*. Như vậy, thể chân thật ấy nếu chúng ta nhận được rồi thì mới nhổ hết gốc khổ cho chúng sanh.

Tuy phi hữu vi, bất thị vô ngữ. Tuy chẳng phải hữu vi, mà không phải không nói. Thể này không phải hữu vi nhưng không phải không nói, vẫn có phương tiện để nói. Nói bằng cách nào? Như có người hỏi ngài Triệu Châu: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?” Ngài trả lời: “Cây bá trước sân.” Ý Tổ sư từ Ấn độ sang là hữu vi hay vô vi? Ngài trả lời cây bá ở trước sân, thì tuy không phải hữu vi mà vẫn có lời nói. Không phải vì vô vi rồi làm thinh. Tuy nói được mà không thể nói đến cái đó.

Như lâm bảo cảnh

Hình ảnh tương đối

Nhữ bất thị cừ
Cừ chánh thị nhữ
Như thế anh nhi
Ngũ tướng hoàn cụ.

Như lâm bảo cảnh, hình ảnh tương đối. Như đến trước gương báu hình ảnh đều hiện rõ ràng. Gương báu là dụ cho thể chân thật. Thể chân thật thì không có bóng dáng hình tượng, gương báu không có hình nhưng tùy duyên, người đến thì hiện người, vật đến thì hiện vật. Không có hình tướng tùy duyên hiện ra muôn hình muôn tướng.

Nhữ bất thị cừ, cừ chánh thị nhữ. Nhữ là người, cừ là y. Người không phải là y, y chính là người, tại sao? Mình không phải là cái đó vì mình là thân tứ đại sanh diệt mà cái đó thì không sanh diệt. Cái đó chính là thể của mình, không có thể chân thật này thì không có mình. Chúng ta lầm nhận tướng sanh diệt cho là mình là nhận cái giả, còn thể chân thật chính là mình thì quên nó. Người quên lãng thể chân thật nên gọi là mê. Đây chỉ rõ cho chúng ta thấy có một cái chân thật không phải là cái thân này, cái chân thật đó chính là chúng ta mà chúng ta không biết, nên nói *người không phải là y mà y chính là người.*

Như thế anh nhi, như đứa bé ở đời, bé này còn ở trong nôi. *Ngũ tướng hoàn cụ* là năm tướng đầy đủ. Năm tướng là thân thể đủ năm vóc đầu mình tay chân.

Bát khứ bất lai
Bất khởi bất trụ
Bà bà hòa hòa
Hữu cú vô cú
Chung bất đắc vật
Ngũ vị chánh cố.

Bát khứ bất lai, bất khởi bất trụ. Đứa bé còn nằm trong nôi không đi không lại, không ngồi không đứng. *Bà bà hòa hòa* là tiếng bập bẹ của đứa bé. *Hữu cú vô cú*, có câu không câu, dù nó nói bi bô mà cũng không thành câu thành lời có ý nghĩa.

Đứa bé có năm tướng nhưng thể của nó là một, ví dụ cho một thể chân, phân biệt có năm thứ Chánh trung thiên, Thiên trung chánh...

Chung bất đắc vật, ngũ vị chánh cố. Lời khóc của đứa bé oa oa thậm nói cái gì? Không nói ra vật gì, không thành câu, không có nghĩa vì lời của nó chưa đúng, nên nói *ngũ vị chánh*, lời chưa chánh. Các thiền sư khi muốn diễn tả chỗ không lời, các ngài nói những câu giống như đứa bé, như “hư!” hay một tiếng hét. Những câu đó chỉ có tiếng mà không thành câu không thành lời.

Trùng ly lục hào
Thiên chánh hồi hồi
Điệp nhi vi tam
Biến tận thành ngũ

Như trì thảo vị

Như Kim cang xử.

Trùng ly lục hào, ly là quả ly, trùng là lặp lại, quả ly mà lặp lại hai lần thành ra sáu hào, hào là các vạch âm dương của quả trong kinh Dịch. *Thiên chánh hồi hõ*, hồi hõ tức là xoay qua xoay lại trộn lẫn nhau. Trong Ngũ vị quân thân thì thiên và chánh xen lẫn.

Điệp nhi vi tam, biến tạn thành ngũ, điệp là chồng chất, nghĩa là chồng chất lại thì thành ba, biến khắp ra thì thành năm. Thành ba là chỉ cho Bát-nhã, Pháp thân, Giải thoát, thành năm là từ Chánh trung thiên, tới Kiên trung đảo là năm vị.

Như trì thảo vị, trì thảo là cây ngũ vị tử, cây này trong thuốc nam thuốc bắc có dùng, trái nó có năm thứ mùi: đắng, cay, ngọt, chua, mặn. Một trái có năm mùi nhưng thể chỉ là một, dụ cho chia ra thì có năm vị mà chỉ là một thể.

Như Kim cang xử. Xử là cái chày, không phải chày giã gạo mà là chày đóng chuông như người ta nói chày kình. Cái chày có hai đầu lớn, ở giữa nhỏ, như chày giã gạo của người miền Thượng. Đây nói chày Kim cang, vì lực sĩ Kim cang thường cầm chày để dẹp quân ma. Đây ý dùng Ngũ vị thiên chánh hồi hõ như phương tiện tu tập, như thuốc hay, như vũ khí phá dẹp ma.

Chánh trung diệu hiệp

Xao xướng song cử

Thông tông thông đồ

*Hiệp đới hiệp lộ
Thố nhiên tắc kiết
Bất khả phạm ngỗ.*

Chánh trung diệu hiệp, trong chánh có cái khéo hợp tức là trong Chánh có Thiên, trong Thiên có Chánh, rất khéo hòa hợp. *Xao xướng song cử*, xao là gõ, xướng là hát, gõ và xướng đồng cất lên, như người gõ nhịp và người hát, tiếng nhịp và tiếng hát cử lên một lượt, ăn khớp với nhau.

Thông tông thông đồ, tông là chỉ cho thiền hay chỉ cho tâm, đồ là chỉ cho giáo, thiền và giáo đều thông suốt. *Hiệp đới hiệp lộ*, hợp dây hợp đường không sai chạy. Thiền và giáo hợp đường để dẫn đạo chúng sanh không tách lìa.

Thố nhiên tắc kiết, chữ thố nhiên đây là cẩn thận, cẩn thận thì tốt. *Bất khả phạm ngỗ*, không nên phạm trái, trái tức là điều sai trái.

*Thiên chân nhi diệu
Bất thuộc mê ngộ
Nhân duyên thời tiết
Tịch nhiên chiêu trước.*

Thiên chân nhi diệu, thiên chân mà diệu, thiên chân là cái chân thật sẵn có, không phải mới làm ra, mới tạo nên. Nó sẵn có mà rất nhiệm mầu, không thuộc về mê hay ngộ, nên nói *bất thuộc mê ngộ*. Thường chúng ta cho rằng ngộ mới thấy được thiên chân, tại sao đây nói

không thuộc mê ngộ? Như chúng ta có một món đồ quý cất giữ để chỗ nào đó rồi quên, tìm kiếm khắp hết không ra. Lúc quên là dụ cho mê. Một hôm bỗng dưng nhớ lại, đến chỗ cất lấy món đồ quý ra. Món đồ đó khi quên có mất không? Khi nhớ có thêm gì không? Chỉ là quên nhớ tại mình thôi.

Thế thiên chân cũng vậy, sẵn có nơi mình mà quên tức là mê, nhớ nhận ra tức là ngộ. Mê hay ngộ nơi người, vật ấy xưa nay không đổi, nên nói không thuộc mê ngộ. Khi *thời tiết nhân duyên* đến thì *lặng lẽ rành rõ*, đúng thời hợp cơ thì chợt tỉnh, thân tâm sáng suốt tĩnh lặng. Như gương lặng lẽ sáng tỏ lúc nào cũng chiếu soi rõ ràng.

Tế nhập vô gián

Đại tuyệt phương sở

Hào hốt chi sai

Bất ưng luật lữ.

Tế nhập vô gián, nếu nhỏ thì không chút xíu chỗ hở, không thể chen vào. Nhà thiền thường nói *mũi kim dùi không thủng*, nếu mũi kim dùi thủng tức là có chỗ hở, còn đây ý nói chỗ không hở cách, mũi kim qua không lọt. Tại sao? Phàm cái gì có hình tướng là do nhân duyên. Do nhân duyên nên có khoảng cách xen hở. Như thân chúng ta do duyên hợp, nhìn tưởng như khít khao liền lặn, nhưng mũi kim đâm qua được, bơm thuốc vô đây trong đó rồi tan từ từ, tức là nó có trống có hở mới xen vào được. Vì có những tế bào ráp nối với nhau mới có chỗ

trống hỏ. Vật chất ở bên ngoài do các nguyên tử hợp với nhau nên có trống hỏ, còn *cái này* không do nhân duyên hợp thì làm sao có trống hỏ?

Đại tuyệt phương sở, lớn bất không nơi chốn. Nếu lớn như núi như biển thì cũng có bờ mé giới hạn, còn *cái này* không có hình tướng thì lấy đâu làm giới hạn? Lớn như biển Thái Bình cũng có giới hạn giữa bờ này là châu Á bờ kia là châu Mỹ. Cái không hình tướng không có gì làm giới hạn, tuy không thấy chỗ nơi nhưng trùm kín khít khao. Vì thế nói nhỏ thì đầu mũi kim cũng nhét không được, còn lớn thì dứt bất nơi chốn.

Hào hốt chi sai, hào hốt là một tý xiu, sai chạy một chút xiu. *Bất ưng luật lũ*, luật lũ là chỉ cho âm nhạc, không ứng hợp âm nhạc. Âm nhạc nếu sai một nốt hay một nhịp thì phép tắc đã trật rồi. Hai câu này ý chỗ khít khao tương ứng, không cho sai lệch một tý xiu nào.

Kim hữu đốn tiệm

Duyên lập tông thú

Tông thú phân hỷ

Tức thị quy củ

Tông thông thú cực

Chân thường lưu chú.

Kim hữu đốn tiệm, duyên lập tông thú. Từ câu đầu đến đây là nêu lên bản thể có diệu dụng bất tư nghì. Tới đây nói về phương tiện, nay có đốn tiệm, tùy duyên lập ra tông thú.

Tông thú phân hỷ, tức thị quy củ. Tông thú đã phân chia rồi thì liền đó trở thành quy củ phép tắc. Từ sau Lục Tổ đến đời ngài Động Sơn lập ra tông Tào Động, đời ngài Lâm Tế lập tông Lâm Tế. Tông Tào Động có Ngũ vị quân thần, tông Lâm Tế có Tam huyền Tam yếu... Mỗi tông phái có quy củ riêng, đó là phương tiện của chư Tổ tiếp người.

Tông thông thú cực, tông thông là thấu suốt về tâm hay về thiền, thú cực tức là thấu suốt về lý hay giáo. Hai chỗ đó thấu suốt nhưng *chân thường lưu chú*, nghĩa là chỗ chân thường trôi chảy. Tại sao? Tức là dù có trí tuệ lanh lẹ hiểu biết tột cùng nhưng trên niệm vi tế dẹp chưa hết vẫn còn thâm trôi chảy.

So sánh với phần phá ngũ ấm ma theo kinh Lăng-nghiêm thì chỗ này tương đương phần phá hành ấm. Hành ấm là sức trôi chảy liên tục như thác nước đổ, nhìn xa như một vạt trắng đứng yên nhưng đến gần thì từng hạt từng hạt nước tuôn chảy. Chúng ta cũng vậy, tu tới chỗ này thì bên ngoài thấy dường như rất lặng lẽ, nhưng sâu bên trong vẫn còn những niệm tế nhị luôn hoạt động nên gọi *chân thường trôi chảy*.

Ngoại tịch trung dao

Hệ câu phục thử

Tiên thánh bi chi

Vi pháp đàn độ

Tùy kỳ diên đảo

Dĩ truy vi tố.

Ngoại tịch trung dao, ngoài lặng lẽ mà trong còn dao động. Người tu đã hiểu thông thiền và giáo, có sức tu tập thuần thực nhưng vẫn còn niệm tế nhị trôi chảy, nên ngoài yên trong động. Đây nói chỗ khó khăn sâu kín để dừng lầm lẫn cho là xong việc.

Hệ câu phục thử, hệ câu là cột ngựa, phục thử là dẹp chuột. Người xưa khéo dùng hình ảnh, như thường ta nói “tâm viên ý mã”, tâm ý ví như khỉ ngựa. Tu là cột con ngựa, nhốt con khỉ. Còn con chuột có lỗi gì mà dẹp nó? Con chuột thường lén đi ăn ban đêm, dù cho tâm niệm lén thâm thâm trốn đi mình không hay, nên phải trừ dẹp. Đây dùng hình ảnh rất hay, con ngựa chạy đông chạy tây phải cột nó lại, con chuột lén bò đi ăn trong đêm tối cũng dẹp luôn. Chỗ tu hành là phải canh chừng trừ bỏ, từ những vọng tưởng nổi cho tới những vọng tưởng chìm thâm lặng. Ý tưởng chạy rong dễ thấy, còn tâm lén thâm khó thấy. Như khi ngồi thiền sự nhớ chuyện này chuyện kia, đó là bề nổi, còn khi ngồi thấy như yên mà vẫn có những niệm nhỏ tế nhị dấy lên rất nhẹ. Đó là mấy chú chuột lén đi, không thành chuyện, không phải là việc lớn nên chúng ta không thấy rõ, cần phải để ý kỹ mới biết.

Tiên thánh bi chi, tiên thánh là bậc thánh trước, chỉ cho Phật tổ, bi chi là thương đó. *Vi pháp đàn độ*, vì lập pháp giáo hóa, đàn độ là bố thí, tức là bố thí pháp cho chúng ta. *Tùy kỳ diên đảo*, tùy chúng sanh kia có những diên đảo, *dĩ truy vi tố*, lấy đen làm trắng. Câu này có hai ý. Một là các bậc tiên thánh thấy sự diên đảo của chúng ta mà khởi lòng thương, các ngài trong chỗ

vô ngôn phải dùng hữu ngôn, trong cái không hình tướng mà phải mượn hình tướng. Chỗ vô ngôn không hình tướng là đen, chỗ có hình tướng có ngôn ngữ là trắng, các ngài trên chỗ đen mà dùng trắng để chỉ bày. Ý thứ hai là nói chúng sanh điên đảo cho trắng là đen, cho đen là trắng, nhận giặc làm con nên chịu luân chuyển.

Điên đảo tưởng diệt

Khẳng tâm tự hứa

Yếu hợp cổ triệt

Thỉnh quán tiền cổ

Phật đạo thù thành

Thập kiếp quán thọ.

Điên đảo tưởng diệt, tư tưởng điên đảo diệt, chúng ta nhờ các bậc tiên thánh dùng pháp thí dạy cho cách dẹp trừ điên đảo nơi thân tâm. Lúc ấy thì *khẳng tâm tự hứa*, ngay nơi tâm mình tự chấp nhận, khẳng tức là bằng lòng, tự hứa tức là tự nhận. Ngay nơi tâm mình tự nhận lấy, không phải ai làm việc đó giúp mình. Khi chúng ta diệt hết tướng điên đảo rồi thì tự mình nhận ra thể chân thật đó, không phải Phật tổ cho chúng ta chân thật. Phật tổ chỉ dạy cho cách diệt điên đảo, cái chân thật thì tự mình nhận ra, không nhờ bên ngoài. Nhận ra rồi đừng tự mãn. Đây là lời ngài dạy kỹ, chúng ta có bệnh khi nhận hiểu rồi tưởng là đúng trăm phần trăm, tự xưng Thánh, nói pháp oang oang, cái đó chưa bảo đảm.

Khi nhận rồi *yếu hợp cổ triệt*, cốt phải hợp với vết xưa, vết xưa tức là đường lối của Phật tổ đi. Nghĩa là

mình đã nhận được cái đó rồi, phải đối chiếu lại với đường lối của người trước. *Thỉnh quán tiên cổ*, hãy xem xét quán sát xưa trước. Những gì người trước đã đi đã làm, mình cần xem kỹ đừng tự ý, tự ý sẽ dễ lầm lạc.

Chúng ta thấy rõ chỗ này, khi diệt được điên đảo, nhận ra bản tâm rồi cũng đừng tự phụ, tưởng như vậy là đủ; mà còn phải đối chiếu với lời Phật dạy trong kinh, đối chiếu với lời Tổ chỉ dẫn, xem cái thấy cái nhận của mình có đúng hay chưa? Nếu đúng thì y theo đó mà tu, không nên nhận ra rồi tự thấy thỏa mãn sau trở thành bệnh.

Phật đạo thù thành, thập kiếp quán thọ, như Phật sắp thành đạo, mười kiếp xem cây. Kinh Pháp Hoa nói đức Phật Đại Thông Trí Thắng sắp thành đạo rồi mà còn phải mười kiếp ngồi dưới cội Bồ-đề, sau đó Phật pháp mới hiện tiền. Câu này ý nhắc chúng ta ngộ rồi đừng thỏa mãn, còn phải công phu dài lâu mới đến chỗ Phật pháp hiện tiền. Có một số nông nổi người tu vừa được chút ít liền cho là đủ, khoe khoang mà không nỗ lực cố gắng tu. Tự cho mình là Thánh rồi uống rượu ăn thịt, ngồi quán ngồi tiệm, nói mình không nhiễm. Những bệnh như vậy cần biết để tránh. Nếu không hiểu, tưởng thấy đạo là xong việc, không ngờ tập khí muôn đời còn rất nặng, tham sân si chẳng dễ hết.

Đoạn trước ngài có nói như trong đồng rác lượm được viên ngọc sáng. Tuy có viên ngọc sáng nhưng còn dơ bẩn, phải công phu chùi rửa bụi nhơ rồi mới sáng. Người thời nay cứ thấy đạo liền cho là đủ, chưa chắc là thấy triệt, chưa phải là triệt ngộ mà chỉ là một lóe sáng

nào đó, rồi sanh tự mãn. Từ chỗ đó đi đến tai họa như ngoại đạo phá hoại Phật pháp. Tu mà thiếu học thiếu hiểu đưa tới tai họa, nói thì nghe rất hợp đạo lý, chúng ta nói không bằng họ, phải không? Lý thì nói hay lắm nhưng hành thì không, đó là đại bệnh. Ngài dạy rất kỹ, nghĩa là đã diệt hết điên đảo rồi mới khẳng tâm tự hứa, nhưng cần phải hợp với dấu vết xưa, phải xem chỗ làm của bậc đi trước. Dẫn chứng đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã ngộ đạo rồi, mười kiếp ngồi dưới cội Bồ-đề, Phật pháp mới được hiện tiền, hưởng chi ngày nay quá sơ sài cứ cho là xong việc.

Như hổ chi khuyết

Như mã chi chú

Dĩ hữu hạ liệt

Bảo kỹ trân ngự

Dĩ hữu kinh dị

Ly nô bạch cổ.

Như hổ chi khuyết, như mã chi chú, như vết khuyết của cạp, như đốm của ngựa. Nghĩa là tu cho đến khi công phu đầy đặn giống như chỗ khuyết của con cạp. Truyền thuyết nói rằng khi cạp ăn thịt một người thì vành tai nó khuyết một dấu, nếu ăn thịt nhiều người thì lỗ tai nó như cái răng cưa. Nhìn con cạp nào mà lỗ tai như răng cưa thì biết nó đã ăn thịt rất nhiều người. Dùng hình ảnh ví dụ này để nói bước tiến của người tu, người tiến được nhiều, công phu đầy đủ giống con cạp có vành tai như răng cưa, nên nói *như khuyết của cạp*.

Như đốm của ngựa, con ngựa hay nhất giỏi nhất thì chân trái hay chân phải phía sau có hai cái đốm. Nếu con ngựa có hai đốm trắng ở chân trái thì đó là ngựa giỏi, chạy nhanh như gió. Vì vậy ngài khuyên chúng ta phải có công phu như con cọp vành tai như răng cưa, như con ngựa đuổi gió. Công phu như vậy mới xứng đáng, không nên tưởng ngộ rồi là xong việc.

Dĩ hữu hạ liệt, bởi có kẻ hạ liệt, hạ liệt tức là tâm thấp kém. *Bảo kỷ trân ngự*, bảo kỷ là ghé báu, trân ngự tức là đồ nhà vua sang trọng. Đây lấy ý trong kinh Pháp Hoa, phẩm Tín Giải. Khi chàng cùng tử về quê thấy ông cha ngồi trên ghế báu mặc đồ sang trọng như vua bèn sợ hãi bỏ chạy. Cha biết đó là con mình, thấy cha sang trọng mà sợ bỏ chạy vì tâm hạ liệt. Ông trưởng giả từ bỏ ghế báu, cởi y phục sang trọng lại mặc áo rách, cầm đồ hốt phân, dẫn dụ con đến gần, nói chuyện nó mới chịu nghe. Dùng hình ảnh này để dụ cho sau khi được công đức viên mãn rồi, khởi tâm giáo hóa, gặp kẻ căn cơ hạ liệt thì phải bỏ những cái cao quý, dùng phương tiện thấp để giáo hóa họ, không phải một bề nói cao tột.

Chính chỗ này chúng ta thấy lối dạy mà gặp ai cũng bảo khán công án thoại đầu thì không hợp. Người căn cơ thấp thì dạy thấp, người căn cơ cao thì dạy cao, không phải gặp người nào cũng một bề chỉ dạy nói *việc đó*. Đây là phương tiện giáo hóa, vì vậy ngài Ngưỡng Sơn nói như có một tiệm tạp hóa bán đủ thứ, ai cần phân chuột thì bán phân chuột, ai cần vàng ròng thì bán vàng ròng. Chúng sanh có nhiều hạng, kẻ nghèo người giàu kẻ trung bình, tùy duyên mà giáo hóa. Nếu chỉ bán

vàng ròng thì người mua vàng mới đến, còn những người nghèo làm sao tới. Đây cũng vậy, nếu gặp kẻ hạ liệt thì những gì sang quý mình phải ẩn đi, chỉ dùng những cái thấp, cái gần giáo hóa họ.

Dĩ hữu kinh dị, kinh dị tức là kinh ngạc lạ lùng, do có hạng người lạ thường thì *ly nô bạch cổ*, làm sao hiểu? Ly nô là mèo nhà, bạch cổ là trâu trắng, nếu có kẻ kỳ đặc thì mèo nhà, trâu trắng. Nghĩa là nếu gặp hàng đặc biệt thì chỉ dạy họ đói ăn mệt ngủ, như con trâu khát thì uống nước, đói thì gặm cỏ, con mèo cũng vậy, sống một cách trực tiếp không dùng tâm suy tính trí phán đoán hơn thua. Đây là chỗ sống với cái chân thật như ngây như ngô. Như vậy gặp hạng người kỳ đặc thì chỉ thẳng đến chỗ như đói ăn mệt ngủ. Gặp hạng tầm thường mà nói đói ăn mệt ngủ thì càng làm biếng thêm. Chỗ khéo léo của người xưa là dạy kỹ càng, gặp hạng nào phải dạy thế nào, không phải chỉ có một bề.

Nghệ dĩ xảo lược

Xạ trúng bách bộ

Tiến phong tương trị

Xảo lược hà dự.

Nghệ dĩ xảo lược, nghệ tức là Hậu Nghệ trong truyền thuyết Trung Hoa, xảo là khéo, lược là sức, tức là có sức mạnh và có tài khéo léo. Tương truyền có một năm hạn hán thiêu đốt thế gian, trên bầu trời xuất hiện mười mặt trời, Hậu Nghệ bắn rụng chín mặt trời để cứu trái đất. Đó là thần thoại hóa một người bắn giỏi thời cổ đại. *Xạ trúng bách bộ*, bắn trúng trăm bước. Nếu có

cái đích cách mình một trăm bước, bắn trúng cái đích đó thì phải có hai điều kiện: một là nhắm cho khéo, hai là sức mạnh. Sức mạnh và nhắm khéo bắn mới trúng đích, nên nói *Nghệ dĩ xảo lực, xạ trúng bách bộ*.

Tiền phong tương tri, xảo lực hà dự, tiền là mũi tên, phong là mũi nhọn, hai cái đó chọi nhau. Đây là chỗ quá kỳ diệu, không thể dùng sức hay tài khéo nữa. Như người này bắn mũi tên, người kia bắn mũi tên, hai mũi tên chạm nhau thì làm sao nhắm? Đó là chỗ diệu ngoài sức luyện tập. Vì thế nên nói *xảo lực hà dự*, cái khéo và cái mạnh không thể dự vào chỗ đó được.

Mộc nhân phương ca

Thạch nữ khởi vũ

Phi tình thức đáo

Ninh dung tư lự.

Đây là diệu dụng không thể nghĩ bàn, như hai mũi tên chọi nhau. *Mộc nhân phương ca*, *thạch nữ khởi vũ*, người gõ vừa ca, gái đá đứng múa, người gõ gái đá không tình thức mà kẻ thì ca người thì múa. Ngày xưa không có chuyện đó nhưng bây giờ có mấy chú rô-bốt bằng gỗ bằng sắt cũng hát múa được. Nhưng ở đây cốt ý nói đến chỗ không do tình thức, mà là chỗ diệu của người đạt đạo.

Vì thế nói *Phi tình thức đáo*, *ninh dung tư lự*, chẳng phải tình thức đến, đâu cho tư lự. Nhận được thể này không còn dùng tình thức, không cần suy nghĩ, diệu dụng tự phát. Chúng ta còn sống với tình thức nên điều gì tình thức hiểu biết qua thì có ai hỏi mới nói được,

nếu chưa có hiểu biết thì nói không được. Đối với đức Phật, ngài không cần học thiên văn địa lý, nhưng vũ trụ vô lượng thế giới ngài đều biết rõ. Đây không do tình thức mà là diệu dụng không thể lường.

Thần phụng ư quân

Tử thuận ư phụ

Bất thuận phi hiếu

Bất phụng phi phụ.

Đây trở lại phần hồi hõ trong Chánh trung thiên. Chánh là chỉ cho vua, thiên là chỉ cho thần. Hai cái đó hõ tương với nhau, sự về lý, dụng về thể, nên nói *Thần phụng ư quân*, thần phụng nơi vua, thần là sự vua là lý. *Tử thuận ư phụ*, con thuận nơi cha, con là dụng cha là thể. *Bất thuận phi hiếu*, nếu không thuận không phải là hiếu. *Bất phụng phi phụ*, không phụng sự vua không phải là bề tôi, tức là không thể nhập chỗ chân thật cứu cánh. Thể nhập rồi thì cuộc sống hàng ngày ra sao?

Tiềm hành mật dụng

Như ngu như lỗ

Đản năng tương tục

Danh chủ trung chủ.

Tiềm hành mật dụng, tiềm hành là hành thâm, mật dụng là dụng kín. *Như ngu như lỗ*, như ngu như đần. Người đó bề ngoài thấy như ngu dốt mà có hành thâm, dụng kín ở trong, khi cần hiểu thì hiểu, cần nói chuyện gì cũng nói được. Chúng ta bây giờ thấy như sáng suốt

lạnh lẽo lắm nhưng khi đến chỗ cao siêu thì không nói được. Các ngài có diệu thể ẩn mật bên trong nên ứng cơ tiếp vật dễ dàng.

Đản năng tương tục, chỉ hay tương tục, nghĩa là nối tiếp luôn luôn cái đó không gián đoạn. Chúng ta tuy cũng có một hai phút được chỗ này, nhưng chỉ trong chốc lát, còn các ngài luôn mãi như vậy. Đó mới là *Danh chủ trung chủ*, gọi là *chủ trong chủ*.

Trọn một bài *Bảo cảnh tam-muội* chỉ dạy chúng ta đường hướng tu hành rất rõ ràng. Bắt đầu giới thiệu thể chân thật ấy không nằm ở ngôn ngữ. Làm sao thể nhập, thể nhập rồi làm sao để biết đúng sai, khi ứng dụng phải thế nào, đến đâu mới gọi là viên mãn. Đây là tinh yếu được chư Tổ tông Tào Động truyền nhau để làm mẫu mực trong sự tu hành.

Nếu chúng ta chỉ học sơ sài, không biết đầu đuôi gốc ngọn, tu cũng càn bướng nên khi được chút gì kỳ lạ thì cho là đủ là tốt, rồi bày ra nhiều chuyện. Đó là vì chúng ta không theo gương người trước, không hiểu được đường lối người xưa đã làm đã tu. Phải hiểu rõ chỗ này để không lầm lạc.

Sư lại bảo:

- Thời mạt pháp người nhiều càn tuệ, nếu cần nghiệm rõ chân ngụy có ba thứ sấm lậu (rỉ chảy). Một là Kiến sấm lậu, căn cơ không rời địa vị, rơi trong biển độc. Hai là Tình sấm lậu, dính mắc tại xoay về và bỏ đi, chỗ thấy chênh lệch khô khan.

Ba là Ngũ sấm lậu, giỏi nghiên cứu mất chân tông, căn cơ mờ昧 trước sau, trí ô trọc trôi chảy. Đối ba thứ này, người phải khéo biết.

Kiến sấm lậu, kiến là kiến chấp, cái thấy bị rơi lọt, chấp vào cái thấy hổng của mình gọi là kiến sấm lậu. Người tu cho mình được cái này cái kia, chứng địa vị như thế như thế... thấy có chứng đắc là còn ở trong địa vị, rơi trong biển độc, không giải thoát. Đa số người tu thường có bệnh mong chứng đắc, đạt quả vị, nghe ai nói chứng quả A-la-hán thì thích lắm, đánh lễ. Ngài gọi đó là *rơi trong biển độc*.

Hai là Tình sấm lậu, dính mắc tại xoay về và bỏ đi, xoay về tức là hợp, bỏ đi tức là ly. Tình sấm lậu là rơi lọt vào tình chấp hai bên, dính mắc bởi hai bên. *Chỗ thấy chênh lệch khô khan*, vì còn thấy bên này bên kia nên chấp thiên lệch, như chủ trương chết rồi còn mãi, thuộc về thường, chủ trương chết rồi mất hết thuộc về đoạn. Nghiêng về một bên không tròn đầy nên gọi là chênh lệch khô khan.

Ba là Ngũ sấm lậu, giỏi nghiên cứu mất chân tông, ngũ sấm lậu là rơi lọt vào danh ngôn tự ngữ, nghiên cứu thông suốt, diễn bày rành rẽ mà thiếu tu hành, *căn cơ mờ昧 trước sau, trí ô trọc trôi chảy*, căn cơ mê muội không rõ gốc ngọn, có trí mà trí ấy ô nhiễm lưu chuyển luân hồi.

Đây là lời dạy để nghiệm xét người có ba thứ bệnh. Chúng ta tu hiện giờ đang kẹt cái nào? Nếu nói tôi đang chứng quả vị gì, hoặc được đệ tam thiền, đệ tứ thiền...

đó là kẹt về kiến sấm lậu. Hoặc nghĩ rằng mình tu thì sau khi chết rồi còn mãi để hưởng thụ, đó là kẹt về tình sấm lậu. Hoặc thông minh học hiểu rất giỏi nói thông suốt nhưng đó là trí ô trọc không thanh tịnh. Việc tu rất khó, có trí trong lặng thì mới thanh tịnh, dùng trí suy gẫm là ô trọc. Như gương sáng không động mà chiếu soi rõ ràng, không động mà sáng, còn dùng trí suy nghĩ mà hiểu, đó là trí ô trọc không phải trí sáng thanh tịnh.

Sư lại làm ba bài kệ cương yếu:

1- XAO XƯỚNG CÂU HÀNH

Kim châm song tỏa bị

Hiệp lộ ẩn toàn cai

Bảo ấn đương phong diệu

Trùng trùng cấm phùng khai.

2- KIM TỎA HUYỀN LỘ

Giao hồ minh trung ám

Công tề chuyển giác nan

Lực cùng vong tiến thoái

Kim tỏa vông man man.

3- BẤT ĐẠO PHÀM THÁNH

Sự lý câu bất thiệp

Hồi chiếu tuyệt u vi

Bối phong vô xảo chuyết

Điện hỏa thước nan truy.

Dịch:

1- NHỊP XƯỚNG ĐỒNG HÀNH

Kim vàng dính lại mảnh
Trộn giấu kín đường may
Ấn báu tài chống gió
Lớp lớp gấm dệt bày.

2- XÍCH VÀNG BỬA ĐƯỜNG HUYỀN

Lẫn nhau sáng trong tối
Chuyển giác khó, công bằng
Sức tốt quên lui tới
Xích vàng bủa khắp nơi.

3- CHẲNG RƠI PHÀM THÁNH

Sự lý đều chẳng mắc
Soi lại bất u vi
Trái gió không khéo vụng
Điện chớp khó theo tầm.

Sư lại làm kệ rằng:

*Đạo vô tâm hợp nhân
Nhân vô tâm hợp đạo
Dục thức cá trung ý
Nhất lão nhất bất lão.*

Dịch:

**Đạo không tâm hợp người
Người không tâm hợp đạo
Muốn biết ý trong đó
Một già một chẳng già.**

Ngài làm ba bài kệ cương yếu:

1- XAO XƯỚNG CÂU HÀNH

*Kim châm song tỏa bị
Hiệp lộ ẩn toàn cai
Bảo ấn đương phong diệu
Trùng trùng cảm phùng khai.*

Xao xướng câu hành, nhịp và hát đồng một lượt, tức là ngâm ý nói thể và dụng không tách rời. *Kim châm song tỏa bị*, thể và dụng như hai mảnh được cây kim may khâu liền lạc. *Hiệp lộ ẩn toàn cai*, là kim vàng hay tay thợ khéo giấu nên không thấy đường khâu, tức là thể và dụng hai cái đan trùm nhau, không tách rời như không thấy dấu nối.

Thể và dụng hay lý và sự phải trùm nhau, được như vậy thì *Bảo ấn đương phong diệu*, tức là ấn báu ngay đầu gió mà được nhiệm mầu. *Trùng trùng cảm phùng khai*, tức là lớp lớp gấm tự mở tự bày ra. Người nào tu buổi đầu nhận được thể không rời dụng, ngay nơi thể khởi dụng hay ngay dụng mà trở về thể, hai cái song hành như một thì người đó sẽ có diệu dụng như ấn báu để đối với gió lành, hay là bao nhiêu lớp gấm đều bày ra. Đó là bước đầu.

2- KIM TỎA HUYỀN LỘ

Giao hồ minh trung ám

Công tề chuyển giác nan

Lực cùng vong tiến thối

Kim tỏa vông man man.

Giao hồ minh trung ám. Giao hồ là xen lẫn nhau, cái này với cái kia xen lẫn, minh trung ám là trong sáng có tối. Chánh là tối Thiên là sáng. Trong chánh có thiên và ngược lại, hai cái giao xen lẫn nhau, sự lý không thể tách rời hay thể dụng không thể tách rời.

Công tề chuyển giác nan, nghĩa là công thì bằng mà chuyển giác khó. Người tu đến đây công phu đã bình ổn nhưng chuyển lên giác hết sức khó. Như kinh Lăng-nghiêm nói đến giai đoạn phá hành ám. Người tu phá hành ám rồi thấy tâm mình dường như lặng lẽ, nhưng còn dòng lưu chú bên trong mà không biết, đến chỗ này thì chìm lặng ở đó, muốn vượt qua không nổi, phải nhờ chư Phật chư Bồ-tát gia bị mới qua được. Vì thế nói công phu đến đây rồi chuyển lên giác rất khó! Nhà thiền thường gọi là đến đầu sào trăm trượng phải nhảy ra khỏi mới được viên mãn. Trong mười mục chần trâu thì đây tương đương mục thứ tám, còn một vòng tròn, không trâu không chần. Muốn tiến lên thật rất khó, vì không còn chỗ dụng công.

Lực cùng vong tiến thối, sức cùng rồi tiến không được mà thối cũng không được, lên tới đầu sào rồi không lẽ tuột xuống, mà bước qua nữa, chỗ nào bước? *Kim tỏa*

võng man man, xích vàng phủ bốn bề. Đó là lúc bị vòng xích vàng phủ chụp chung quanh. Tuy xích vàng là đẹp là quý nhưng bị chết trong chỗ quý đó. Chư Tổ thường nói chìm trong biển vô sanh, chỗ hết sức khó là chỗ này.

3- BẤT ĐOÀ PHÀM THÁNH

Sự lý câu bất thiệp

Hồi chiếu tuyệt u vi

Bối phong vô xảo chuyết

Điện hỏa thước nan truy.

Sự lý câu bất thiệp, sự lý đều chẳng dính mắc. Đến chỗ này là không còn phân chia phàm thánh, không còn nói sự lý, nghĩa là sự lý đã dung thông, phàm thánh đã một nhà. Trong kinh thường nói “tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt”, đây không còn riêng cách nữa. *Hồi chiếu tuyệt u vi*, soi về bật u vi, u vi tức là tối tăm nhỏ nhiệm còn gọi là vô minh vi tế, lúc này dứt bật không còn nữa.

Bối phong vô xảo chuyết, ngược gió không khéo vụng. Lúc này không cần dụng công khéo hay vụng, vẫn đi ngược với gió lục trần, như gió thổi sau lưng không can dự. *Điện hỏa thước nan truy*, lửa chớp sáng khó đuổi kịp. Nghĩa là lửa của lần chớp chột nháng lên thì khó đuổi theo, khó tìm kiếm nó được. Ý nói đến chỗ này diệu dụng nhanh lẹ như lửa xẹt, không thể lường, không thể lấy tâm để suy xét. Đây là bước cuối cùng của người tu.

Sư lại làm kệ rằng:

Đạo vô tâm hợp nhân

Nhân vô tâm hợp đạo

Dục thức cá trung ý

Nhất lão nhất bất lão.

Dịch:

Đạo không tâm hợp người

Người không tâm hợp đạo

Muốn biết ý trong đó

Một già một chẳng già.

Đạo vốn không tâm, bởi không tâm nên hợp với người, người muốn hợp với đạo cũng phải không tâm mới hợp. Chúng ta tu muốn trở về với đạo, phải không tâm mới trở về hợp đạo. Không tâm thế nào? Buông bỏ tất cả suy tư phàm thánh, dấy nghĩ lăng xăng... Nếu còn có tâm so đo tức là không hợp đạo.

Muốn biết được ý này thì một già một không già. Vì chỗ đạo hợp với người, người thì già còn đạo không già. Đây ý chỉ chỗ đạo không già là không bị vô thường. Ngài đã chỉ rõ không giấu giếm. Chỉ ra đạo không già, không bị sanh diệt chi phối, đạo ấy hợp với người vô tâm. Muốn được đến đó phải thôi dứt tâm sanh diệt thì tự nhiên ứng hợp.

Sư bệnh, sai Sa-di báo tin Vân Cư hay. Sư dặn Sa-di:

- Vân Cư hoặc hỏi Hòa thượng an vui chẳng, người chỉ nói “con đường Vân Nham sắp dứt”. Người nói xong phải đứng xa, e y đánh người.

Sa-di lãnh mệnh đi báo tin, nói chưa dứt lời đã bị Vân Cư đánh một gậy.

Ngài sắp tịch, bảo Sa-di báo cho Vân Cư biết, chỉ nói rằng “con đường Vân Nham sắp dứt”, bảo nói rồi thì phải đứng xa, coi chừng y đánh người. Sa-di vâng lời đi báo tin, vừa nói xong liền bị ăn đòn. Tại sao?

Bởi vì Vân Nham tịch, nhưng con đường Vân Nham tức là truyền thừa của Vân Nham không có dứt, nếu nói dứt thì không người tiếp nối. Ngài Động Sơn Lương Giới kế thừa ngài Vân Nham và truyền pháp rất nhiều đệ tử, trong đó có Vân Cư Đạo Ứng. Nghe nói con đường Vân Nham dứt, ngài Vân Cư liền đánh. Lời nói của Động Sơn cũng là dọa thử đồ đệ có thấy biết được chỗ tâm truyền của mình, có thể kế thừa tiếp nối hay không. Nếu ngang đó mà làm tỉnh thì chắc con đường dứt; đánh cho Sa-di một gậy thì biết con đường còn tiếp nối.

Ngài biết Sa-di nói vậy là ăn đòn, nên bảo nói rồi phải tránh xa. Vân Cư thấy rõ chỗ này nên ra tay liền. Nếu chúng ta nghe báo tin như thế thì thế nào? Lo chùi nước mắt, không biết phản ứng gì hết. Đạo lý của người xưa rất thâm sâu, một lời nói sai là trị liền, không như chúng ta nghe nói thì cứ sống theo tình, không thấy được chỗ cao siêu đó.

Sắp viên tịch, Sư bảo chúng:

- Ta có tiếng tăm ở đời, người nào vì ta trừ được?

Cả chúng đều không đáp được, lúc đó có Sa-di ra thưa:

- Xin pháp hiệu Hòa thượng.

Sư bảo:

- Tiếng tăm của ta đã hết.

Có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng bệnh lại có cái chẳng bệnh chăng?

Sư đáp:

- Có.

Tăng thưa:

- Cái chẳng bệnh lại thấy Hòa thượng chăng?

Sư bảo:

- Lão tăng xem y có phần.

Tăng thưa:

- Chưa biết Hòa thượng làm sao xem y?

Sư bảo:

- Khi lão tăng xem chẳng thấy có bệnh.

Sư lại hỏi Tăng:

- Lìa cái hình hài rỉ chảy này, người đến chỗ nào thấy ta?

Tăng không đáp được.

Sư bèn làm bài kệ:

*Học giả hằng sa vô nhất ngộ
Quá tại tâm tha thiết đầu lộ
Dục đắc vong hình dẫn tung tích
Nỗ lực ân cần không lý bộ.*

Dịch:

**Kẻ học hằng sa không người ngộ
Lỗi tại tìm y trên ngữ ngôn
Muốn được quên thân bắt dấu vết
Ân cần nỗ lực bước trong không.**

Sư sai cạo tóc tắm gội xong, đắp y bảo chúng đánh chuông, giã từ chúng ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt. Sư chột mở mắt bảo:

- Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật là tu hành chân chánh. Sống nhọc thích chết, thương xót có lợi ích gì?

Sư bảo chủ sự sắm trai ngu si để cúng dường. Chúng vẫn luyến mến quá, kéo dài đến ngày thứ bảy. Khi thọ trai, Sư cũng từng chúng thọ. Thọ trai xong, Sư bảo chúng:

- Nhà tăng không việc, sắp đến giờ ra đi, chớ làm ồn náo.

Sư vào trượng thất ngồi yên mà tịch.

Bấy giờ là tháng ba năm thứ mười niên hiệu Hàm Thông nhà Đường (869). Sư thọ 63 tuổi, được 42 tuổi hạ. Vua sắc phong là Ngộ Bổn thiền sư.

Ngài sắp tịch, bảo chúng: Ta có tiếng tăm ở đời, người nào vì ta trừ được? Cả chúng đều không đáp được, lúc đó có Sa-di ra thưa: Xin pháp hiệu Hòa thượng. Ngài liền bảo: Tiếng tăm của ta đã hết.

Chúng ta thấy người xưa quá khôn ngoan, ngài nói ta có danh tiếng ở đời, tức là nổi tiếng ai cũng nghe. - Động Sơn thời ấy năm sáu trăm tăng chúng không phải thường. - Bây giờ ta muốn dẹp cái tiếng tăm đó, ai dẹp giùm ta đây? Không ai đáp được. Nếu là mấy chú thì đáp sao? Đừng bắt chước ông Sa-di này. Sa-di rất khôn, đứng ra xin pháp hiệu Hòa thượng. Như vậy bao nhiêu danh tiếng đồn đãi là vì cái gì? Như nói vị Bồ-tát này tên gì, vị Bồ-tát kia tên gì... đó là danh tiếng. Tiếng tăm từ danh xưng mà có, xin pháp hiệu tức là mất tên, mất tên rồi thì tiếng tăm không còn. Nên ngài bảo, *tiếng tăm của ta đã hết.*

Câu chuyện đối đáp rất thường mà cũng rất lý thú. Hỏi: *Ngài bệnh mà có cái không bệnh chăng?* Đáp: Có. Chúng ta khi bệnh có thấy cái không bệnh chăng? Tại sao cứ sống với cái bệnh mà không sống với cái không bệnh? Lại hỏi: *Cái không bệnh thấy Hòa thượng chăng?* Ngài đáp: *Ta thấy y chứ y không thấy ta.* Người ngộ đạo hay đạo ngộ người? Người ngộ đạo thì ta thấy y chứ y không thấy ta, tức là dụng trở về thể, nếu không có thể thì không khởi dụng. Lại hỏi: *Hòa thượng xem y làm thế nào?* Ngài nói: *Khi lão tăng xem chẳng thấy có bệnh.* Bệnh là thân tứ đại bệnh chứ cái đó không bệnh.

Ngài lại hỏi tăng: Lìa cái vỏ lũng này, người đến chỗ nào cùng ta thấy nhau? Tăng không đáp được.

Nghĩa là khi thân này hoại rồi thì ta với người gặp nhau ở đâu? Câu hỏi đó làm tăng trả lời không được.

Ngài làm bài kệ:

*Học giả hằng sa vô nhất ngộ
Quá tại tâm tha thiệt đầu lộ
Dục đắc vong hình dẫn tung tích
Nỗ lực ân cần không lý bộ.*

Hai câu đầu là quả học giả nhiều như số cát sông Hằng mà không có một người ngộ. Tại sao không ngộ? *Quá tại tâm tha thiệt đầu lộ*, lỗi tại tìm y trên đầu lưỡi. Kẻ ấy ở chỗ nào? Không biết chỗ làm sao nói. Kẻ ấy làm gì có chỗ nơi, có tung tích để chỉ ra. Vì thế mắc kẹt trong lời nói của các vị Hòa thượng, tìm kiếm nơi lời làm sao thấy được mà đối đáp.

Hai câu sau là dạy: *Dục đắc vong hình dẫn tung tích*, muốn được quên thân mất dấu vết. *Nỗ lực ân cần không lý bộ*, cố gắng siêng năng đi trong không. Làm sao đi trong không? Tức là đừng dính bên này, bên kia... tất cả không dính, chỗ khác gọi là “nhất thiết bất thọ”, không dính tất cả chỗ thì mới có thể đi tới đó được, mới có thể gặp người không lung chảy. Lời của ngài dạy rất rõ ràng thấu đáo.

Đến giờ thị tịch, *Sư sai cạo tóc tắm gội xong, đắp y bảo chúng đánh chuông, già từ chúng ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt. Sư chợt mở mắt bảo: Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật là tu hành chân chánh. Sống nhọc thích chết, thương xót có lợi ích gì?*

Ngài ngồi tịch an nhiên, đại chúng khóc quá, thấy có vẻ phiền, ngài mở mắt quở: *Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật là tu hành chân chánh*. Chúng ta có tu hành chân chánh không? Hai xấp vải, một đẹp một xấu, người nào gặp vải xấu thì có vẻ buồn, giả sử không cãi mà buồn, đó là dính mắc nơi vật. Còn dính mắc những cái đó thì chưa phải người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật, chưa thể tự tại. Đối với ngài thì *sống mệt thích chết*. Chết là cái người ta thích mà còn khóc lóc thương xót làm chi. Người còn sợ chết khổ, thương giùm là phải, còn người thích chết đến đó khỏe mà còn thương người khỏe sao?

Ngài quở rồi *bảo chủ sự sắm trai ngu si để cúng dường*, đãi chúng tiệc chay ngu si, tu hành bao nhiêu năm mà chưa thấy đạo, còn ngu lắm. Trong bảy ngày ngài cũng vẫn ăn uống như thường, ngày thứ bảy xong rồi từ giã chúng nói: *Nhà tăng không việc, sắp đến giờ ra đi chớ làm ồn náo*. Ngài vào trượng thất ngồi yên, tịch. Ngài ra đi rất thanh thoi, muốn đi là đi, muốn ở là ở. Sở dĩ ngài tu hành đến mức cao siêu như vậy là nhờ cái gì?

Tôi đọc ở bản khác có một đoạn ghi rằng: Một hôm ở trong chúng, ngài đi xuống nhà bếp thăm, cũng như tôi lâu lâu xuống nhà bếp ngó qua. Hôm đó thấy mấy thầy làm bún, gạo đổ lang lẹ dưới đất, ngài quở: *Tu hành phải tiết kiệm của đàn-na thí chủ, mấy ông hoang phí như vậy là phải tội!* Ngài quở xong thì thấy có một người quỳ ở trước mặt, ngài hỏi: Ông là ai? Bạch ngài, con là thổ địa ở đây. Hỏi: Ông tới đây có chuyện gì? Bạch ngài, ba mươi năm nay con muốn ra mắt ngài

mà tìm không thấy, hôm nay con mới thấy ngài. Tại sao hôm nay thấy? Vì ngài khởi tâm rầy chúng nên mới thấy, còn ba mươi năm tìm không ra. Ngài như vậy nên sanh tử tự tại, chúng ta thì khởi tâm liên miên, đi vô đi ra thổ địa cũng thấy, giờ ngồi thiền mà cũng thấy giờ mừng chạy. Có khi chạy tới tương lai, có khi chạy về quá khứ, có khi chạy về Sài Gòn... không có gì tự do tự tại. So với sự tu hành của ngài không bằng một góc.



Ngài Động Sơn có những lá thư gửi về nhà và lá thư của mẹ ngài gửi lại cho ngài, đọc rất cảm động. Đây là thư thứ nhất ngài gửi về nhà:

Được nghe, chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân, muôn loài sinh trưởng nhờ trời đất che chở. Cho nên, không có cha mẹ thì chẳng sanh, không có trời đất thì chẳng trưởng, thấy nhờ ơn dưỡng dục, đều thọ đức chở che.

Song mà tất cả hàm thức, vạn tượng hình nghi đều thuộc vô thường chưa lìa sanh diệt. Tuy ơn bú sữa nặng nề, công nuôi dưỡng sâu thẳm, nếu đem của cải thế gian phụng dưỡng trọn khó đáp đền, dùng máu thịt dâng hiến cũng không được bền chắc. Trong Hiếu Kinh nói: “Dù một ngày giết đôi ba con vật để cúng hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu. Vì sẽ lôi nhau vào vòng trầm luân chịu muôn kiếp luân hồi.” Muốn đền ơn sâu dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia. Vì sẽ cắt đứt dòng sông ái sanh tử, vượt qua khỏi biển khổ phiền não, đáp ơn cha mẹ ngàn đời, đền công từ thân muôn kiếp, báo ơn ba cõi thấy đều đền đáp. Kinh nói: “Một đứa con xuất gia,

chín họ đều sanh lên cõi trời.” Con thệ bỏ thân mạng đời này, chẳng trở về nhà, đem căn trần muôn kiếp chóng tỏ sáng Bát-nhã.

Cúi mong cha mẹ mở lòng hỷ xả, ý chớ trông mong, học theo gương phụ vương Tịnh Phạn và thánh mẫu Ma-da. Hẹn đến sau kia sẽ gặp nhau trong hội Phật, còn hiện nay cam chịu là nhau. Con chẳng phải quên ơn dưỡng dục, chỉ vì thời giờ chẳng đợi người. Cho nên nói: “Thân này chẳng thẳng đời này độ, lại đợi đời nào độ thân này?” Xin cha mẹ lòng chớ nhớ mong.

Tụng rằng:

*Vị liễu tâm nguyên độ số xuân
Phiên ta phù thế mạn thuân tuần
Cơ nhân đắc đạo không môn lý
Độc ngã yêm lưu tại thế trần
Cẩn cụ xích thư từ quyến ái
Nguyện minh đại pháp báo từ thân
Bất tu sai lệ tần tương ước
Thí tự đương sơ vô ngã thân.*

Dịch:

*Chưa rõ nguồn tâm trải mấy xuân
Thương thay mê mãi luống băng khuâng.
Cửa không đã lăm người được đạo
Riêng kẻ thô hèn mãi phong trần.
Viết lá thư này từ cha mẹ
Nguyện thông đại pháp báo từ thân.*

*Không nên rơi lệ nhiều thương nhớ
Xem tợ buổi đầu con không thân.*

Đây là lá thư thứ hai viết về cho mẹ:

*Con từ lìa cha mẹ chống tích trượng đạo phương
Nam, tháng ngày trôi qua tính đã mười năm, trên đường
con đã trải qua muôn dặm.*

*Cúi mong mẹ đem hết tâm ý hướng về Phật pháp,
đừng ôm ấp tình ly biệt, chớ đứng tựa cửa trông con. Mọi
việc trong nhà tùy thời sắp đặt, việc nhiều thì phiền não
thêm nhiều. Phần anh Cả thì nên tận tâm hiếu thuận,
học đòi gương Vương Tường nằm giá, còn tiểu đệ thì hết
sức bắt chước theo Mạnh Tông khóc măng. Phàm người
ở đời thì phải biết tu thân hiếu để mới hợp lòng trời.
Kẻ làm tăng trong cửa Không thì mộ đạo tham thiền
để đáp ơn cha mẹ. Ngày nay hai đường xa cách muôn
sông ngàn núi, mượn giấy mực viết vài hàng để tỏ bày
tấc dạ.*

Tụng rằng:

*Bất cầu danh lợi bất cầu nho
Nguyện nhạo không môn xả tục đồ
Phiền não tận thời sâu hỏa diệt
Ân tình đoạn xứ ái hà khô
Lục căn giới định hương phong dẫn
Nhất niệm vô sanh huệ lực phò
Vị báo Bắc đường hưu trướng vọng
Thí như tử liễu thí như vô.*

Dịch:

*Chẳng cầu danh lợi chẳng cầu nho
 Ưa thích cửa Không bỏ thế đồ
 Phiền não hết rồi lửa sầu tắt
 Ân tình dứt bật sông ái khô.
 Sáu căn giới định gió thơm cuốn
 Một niệm vô sanh sức huệ phò
 Xin nhắc mẹ già thôi trông ngóng
 Ví con đã chết, ví như không.*

Tâm hồn của ngài Động Sơn như thế. Khi ra đi là dứt khoát từ đó về sau không về, quyết đạt đạo để đền ơn cha mẹ, ngài xin mẹ đừng trông con, xem như con không có... như vậy có phải là bất hiếu không? Chúng ta dám viết như vậy không? Thư của mẹ ngài trả lời thật là cảm động:

Mẹ cùng con đời trước có nhiều nhân duyên mới kết thành tình mẹ con. Kể từ ôm thai trong lòng, sớm chiều cầu thần khẩn Phật nguyện sanh được con trai. Thai bào đủ tháng mạng sống như chỉ mảnh, sanh con được toại nguyện quý như châu bảo. Không nề sự hôi hám của phần ối, chẳng ngại sự bú sữa nhọc nhằn. Con vừa thành người dắt đến trường lo học tập. Hoặc khi con đi chơi về trễ, mẹ đứng tựa cửa trông mong.

Con viết thư về quyết xin xuất gia. Cha đã mất, mẹ già, anh yếu, em nghèo nàn, mẹ trông cậy vào ai? Con có ý bỏ mẹ, chứ mẹ nào có tâm quên con. Từ khi con cất bước tha phương, ngày đêm mẹ thường rơi lệ! Khổ thay! Khổ thay!

Nay con lại thệ chẳng về quê, mẹ cũng tùy chí nguyện của con. Mẹ không dám mong con như Vương Tường nằm giá, Đinh Lan khắc cây, chỉ mong con như tôn giả Mục-liên độ mẹ thoát khỏi trầm luân tiến lên Phật quả. Nếu mẹ không như vậy e phải có tội. Con cần phải giải quyết cho xong.

Chúng ta thấy ở ngài có ba điểm đặc biệt. Điểm thứ nhất là ngay từ lúc còn bé đã có tinh thần nhận thức, việc nào đúng mới tin, không đúng không tin. Dù tụng kinh Phật mà kinh nói không nhẫn nhĩ tỹ thiệt thân ý, sờ thấy mình có mất tai mũi lưỡi, nhất định không tin, phải hỏi thầy. Đó là tinh thần không tự mãn, không tuân phục nếu không đúng.

Điểm thứ hai, từ tinh thần đó đến tinh thần dứt khoát, một đi không trở về. Bao nhiêu tâm niệm dồn hết trong sự tu, không nghĩ rằng tháng bảy tháng tám về thăm má hay về ăn giỗ. Tâm của ngài lúc nào cũng có một việc; chúng ta thì vừa nghĩ về nhà, sửa soạn ba bốn ngày ngủ không được, về rồi trở lại chùa cũng cả tuần lễ chưa ổn, mất bao nhiêu thì giờ. Ngài chí quyết nhất tâm tu phải đến nơi, không nghĩ việc gì khác, dù là người thân nhất. Con người dứt khoát, nhất quyết như vậy thật là gan dạ cùng mình, thái độ đó làm cho ngài tiến đến nơi đến chốn.

Điểm thứ ba là tâm từ bi, khi thấy đạo rồi thì tạo phương tiện để dẫn dắt người sau. Lập ngũ vị quân thân, tạo phương tiện để dẫn dắt người khiến cho ngọn đèn chánh pháp nối tiếp không cùng.

Nơi ngài có đủ ba yếu tố ấy, nên tông Tào Động đến giờ lưu truyền không dứt, nhất là tại Nhật Bản. Từ đời ngài đến chúng ta hơn một ngàn năm mà dòng mạch vẫn còn. Người xưa làm được việc lớn phải có những yếu tố đó. Chúng ta học gương xưa để hiểu rõ. Đôi khi cứ nghĩ về thăm cha mẹ là hiếu thảo, đã tu làm không ra tiền, không có gì hết thì hiếu thảo cái gì, về chỉ thêm tốn cơm tốn gạo, thăm lếu lếu rồi cũng chạy đi, có làm gì được? Lãng xãng ít bữa nhớ nhà nhớ cha mẹ, trong đạo làm không tròn, ngoài đời cũng không xong, đời đạo đều không ra gì hết, đó là bệnh. Đây là tấm gương dứt khoát, làm việc gì xong việc đó, không lừng chừng. Làm xong là đền đáp tứ ân, còn nữa chừng không được gì, tu không thành, đời cũng không xong. Hiếu thảo có làm đồng xu nào được đâu mà nuôi cha nuôi mẹ, về chỉ tốn cơm, nói dóc rồi đi, tu cũng không xong vì đi tới đi lui hoài thì giờ đâu mà tu? Rồi cũng không ra gì!

Phải tập ý chí người xưa quyết chiến là phải thắng chứ không thua, không thất bại. Nếu là cha mẹ, thầy tổ, khả dĩ tôi còn cho về thăm, đến những vị sư thúc sư bá rồi Phật tử đàn-na thí chủ... càng thêm bận rộn mất thì giờ. Không tu thì thôi, biết tu thì phải gan dạ quyết tử không lùi thôi, nếu lừng chừng qua ngày qua tháng uống một đời. Chúng ta học gương người xưa là học những việc như thế, nên khi đọc những bức thư này tôi thấy thực là thiết yếu, đem ra dạy thêm cho đại chúng biết để ứng dụng.



THIÊN SƯ TĂNG MẬT

(? - ?)

Sư ở chỗ Nam Tuyền đang rây bột. Nam Tuyền thấy hỏi:

- Làm gì?

Sư đáp:

- Rây bột.

Nam Tuyền hỏi:

- Ông lấy tay rây hay chân rây?

Sư thưa:

- Thỉnh Hòa thượng nói hộ.

Nam Tuyền bảo:

- Hãy ghi nhớ rõ ràng đợi sau gặp người tác gia sáng mắt chỉ kể lại như thế.

Thiền sư Tăng Mật, có chỗ gọi là Mật sư bá, vì ngài với Động Sơn là huynh đệ, đệ tử ngài Động Sơn rất đông, thường gọi ngài là Sư bá. Vì vậy sách sử ghi là Mật sư bá.

Đây là chỗ đối đáp lúc hai ngài học với ngài Nam Tuyền. Tăng Mật rây bột, ngài Nam Tuyền hỏi: *Làm gì?* Tăng Mật thưa: *Rây bột.* Nam Tuyền hỏi: *Ông lấy tay rây hay lấy chân rây?* Tăng Mật trả lời: *Thỉnh Hòa thượng nói hộ.* Nam Tuyền nói: *Hãy ghi nhớ rõ ràng, đợi sau gặp người tác gia sáng mắt chỉ kể lại như thế.*

Người xưa lúc nào cũng ở trong đạo lý, khi nói rây bột thì ngài Nam Tuyền liền hỏi: tay rây hay chân rây? Đó là gương bẫy cho mắc kẹt hai bên. Nếu trả lời là tay cũng kẹt, trả lời là chân cũng kẹt. Tăng Mật biết được cái bẫy đó nên phá: *Thỉnh Hòa thượng nói hộ*, thỉnh nói hộ tức là dẹp cái bẫy. Ngài Nam Tuyền ngang đó dừng thì xem như thua, nên nói một câu gượng: việc này để đem ra trình với bậc tác gia sáng mắt. Nói để cho qua không quan trọng nữa.

Người xưa một câu nói mang hai ý, một là ngay chỗ đang sống đang làm, hai là đạo lý thâm bên trong.

Sư cùng Động Sơn qua suối. Động Sơn bảo:

- Chớ lẫm hạ chân.

Sư bảo:

- Lẫm tức qua chẳng được.

Động Sơn bảo:

- Việc chẳng lẫm thì sao?

Sư bảo:

- Cùng Trưởng lão qua tuổi.

Khi ngài cùng Động Sơn qua tuổi, Động Sơn bảo: *Chớ lầm hạ chân*. Tức là chớ bước xuống vững lầy mắc kẹt, đó là chuyện thực mà cũng có ý hạ chân là hạ thủ công phu, coi chừng ông tu dừng lầm. Ngài trả lời rất hay: *Lầm tức qua chẳng được*. Nếu bước lầm sụp xuống hố, mắc kẹt ở dưới làm sao qua tuổi được, tôi qua được tức là không lầm. Cũng ngụ ý nếu tu lầm thì tôi không thể đi chung với huynh được.

Ngài Động Sơn hỏi lại: *Việc chẳng lầm thì sao?* Ông nói không lầm thì việc đó ra sao? Trả lời: *Cùng Trưởng lão qua tuổi*. Không lầm thì cả hai cùng qua, nếu lầm tôi mắc kẹt lại, không lầm nên được qua tuổi. Đây là cái khéo của người xưa, nói như chuyện chơi mà đạo lý thâm trầm trong đó.

Một hôm Sư cùng Động Sơn cuốc cỏ trong vườn trà. Động Sơn ném cây cuốc xuống đất bảo:

- Hôm nay tôi mệt không còn một chút khí lực.

Sư bảo:

- Nếu không khí lực làm sao nói được như thế?

Động Sơn bảo:

- Huynh cho rằng có khí lực là phải chăng?

Một hôm ngài Tăng Mật cùng ngài Động Sơn cuốc vườn trà, Động Sơn quăng cuốc nói: *Hôm nay tôi mệt không còn một chút khí lực*. Ngài liền hỏi: *Nếu không*

khí lực làm sao nói được như thế? Có hơi sức mới nói, không còn khí lực thì làm gì nói được? Ngài Động Sơn bẻ lại một cách khéo: Huynh cho rằng có khí lực là phải chăng? Chỗ đó là chỗ khí lực sao? Tăng Mật không đáp được.

Sư cùng Động Sơn đi núi, chợt thấy một con thỏ trắng chạy qua. Sư khen:

- Giỏi thay!

Động Sơn hỏi:

- Cái gì?

Sư bảo:

- Rất giống bạch y bái tướng.

Động Sơn nói:

- Già cả rồi mà còn nói lời ấy.

Sư hỏi:

- Huynh thì sao?

Động Sơn nói:

- Bạc râu anh thời xưa tạm thời mất hồn.

Hai huynh đệ đi núi, thấy con thỏ trắng chạy ngang, ngài khen: *Giỏi thay!* Động Sơn hỏi: *Cái gì? Nói: Rất giống bạch y bái tướng.* Ngài Động Sơn quở: *Già cả rồi mà còn nói lời ấy.* Sư hỏi: *Huynh thì sao?* Đáp: *Bạc râu anh thời xưa tạm thời mất hồn.*

Những câu này mới nghe rất khó hiểu. Ngài Tăng Mật nói đúng hay sai mà bị ngài Động Sơn quở?

Thấy con thỏ bạch chạy ngang khen, tại sao? Thỏ bạch tượng trưng cho trắng, là Thiên, là dụng công tu hành. Việc tu hành giống như bạch y bái tướng, bạch y là hàng dân thường, bái tướng là được cử làm soái tướng, được thăng chức cao, như vậy là còn kẹt ngôi vị, nên bị Động Sơn quở, già cả rồi mà còn nói ra lời ấy. Tăng Mật hỏi, huynh thì sao? Động Sơn nói, bậc trâm anh thời xưa tạm thời mất hồn. Bậc trâm anh là chỉ hàng tôn quý, mất hồn là suy thoái, mất vị trí. Nghĩa là chỗ này không còn ngôi vị, phải thoát hết ngôi vị mới được. Câu chuyện này rất hay, cho thấy công phu của ngài Tăng Mật chưa đến.

Sư đang may đồ. Động Sơn thấy, hỏi:

- Làm gì?

Sư đáp:

- May đồ.

Động Sơn hỏi:

- Việc may đồ thế nào?

Sư bảo:

- In tuồng may may.

Động Sơn bảo:

- Hai mươi năm đồng hành, nói ra lời ấy đâu có được công phu.

Sư hỏi:

- Huynh nói sao?

Động Sơn nói:

- Đạo lý này như đại địa phát hỏa.

Sư hỏi:

- Chỗ trí thức đã thông đều có dấu vết, chỗ thẳng tắt thỉnh huynh một lời.

Động Sơn bảo:

- Sư bá ý đâu được chấp công.

Sư nhân đây đốn giác, lời nói phi thường.

Ngài may đồ. Động Sơn hỏi: *Việc may đồ thế nào?* Ngài trả lời: *In tuồng may may.* Cũng hay chứ! May thì chỉ biết may may. Động Sơn quả: *Hai mươi năm đồng hành, nói ra lời ấy đâu có được công phu.* Nghĩa là hai mươi năm anh cùng tôi tu mà anh nói vậy là công phu chưa đến. Nghe một câu nói mà biết công phu chưa tới, chưa tới ở chỗ nào? Thấy còn may may tức là còn dụng công, chưa thoát được. Tăng Mật hỏi: Huynh thì nói thế nào? Động Sơn đáp: *Đạo lý này như đại địa phát hỏa.* Nghĩa là cháy rụi không còn một mảy may dụng công mới được, còn thấy một chút công phu là chưa tới.

Tăng Mật hỏi lại: *Chỗ trí thức đã thông đều có dấu vết, còn chỗ thẳng tắt thỉnh huynh nói cho một lời để thoát được.* Động Sơn bảo: *Sư bá ý đâu được chấp công.* Vì ông còn chấp công nên qua không được. Ngay đó Tăng Mật lãnh hội dứt hết chấp công, từ đây ứng xử linh động.

Sư cùng Động Sơn qua cây cầu khỉ, Động Sơn qua trước rồi, giở cây cầu lên bảo:

- Qua đây! Qua đây!

Sư gọi:

- Xà-lê Giới!

Động Sơn bèn hạ cây cầu xuống.

Hai huynh đệ qua cầu khỉ, *Động Sơn qua trước rồi giở cây cầu lên bảo: Qua đây! Qua đây!* Cây cầu mà giở tuốt làm sao qua? *Tăng Mật gọi: Xà-lê Giới!* *Động Sơn liền hạ cầu xuống.* Tại sao? Đây là chỗ thử thách của ngài Động Sơn. Vì người tu đến chỗ thấu hiểu rồi thường nghĩ tới thần thông, nên giở cầu để xem ngài Tăng Mật làm sao qua được. Nếu người có thần thông thì vén áo bước trên nước mà đi qua. Nhưng đây không nghĩ đến việc đó, chỉ thực tế là kêu tên ngài Động Sơn, tôi chỉ là lẽ thực không có thần thông. Động Sơn hạ cầu xuống, đúng là chỗ huynh đệ cùng qua.

Bùi Hưu hỏi chúng tăng:

- Cúng dường Phật có đến ăn chẳng?

Chúng tăng đáp:

- Như Đại phu tế gia thân.

Bùi Hưu đem câu này đến hỏi Vân Nham. Vân Nham đáp:

- Có bao nhiêu thức ăn đồng thời đem đến.

Vân Nham lại hỏi Sư:

- Đồng thời đem đến, sau làm gì?

Sư đáp:

- Gom dẹp chén bát.

Vân Nham gật đầu.

Bùi Hưu hỏi chúng tăng: *Cúng dường Phật có đến ăn chẳng?* Chúng tăng đáp: *Như Đại phu tế gia thân.* Tức là tế thì cứ tế, gia thân thổ địa ăn hay không chẳng thành vấn đề. Bùi Hưu đem câu đó kể lại cho ngài Vân Nham nghe. Vân Nham đáp thay: *Có bao nhiêu thức ăn đồng thời đem đến.* Vân Nham lại hỏi Sư: *Đồng thời đem đến, sau làm gì?* Sư trả lời: *Gom dẹp chén bát.*

Như vậy thì chuyện đến hay không đến không thành vấn đề, khi cúng thì cứ cúng. Đây nói, bao nhiêu thức ăn đem hết lên, là ý gì? Nói cúng Phật, Phật là chỉ cho thể, muốn trở về thể là toàn dụng nhập thể, nên bao nhiêu thức ăn đồng đem đến. Khi dụng nhập thể rồi thì sau đó thế nào? Đói ăn, khát uống xong rồi gom chén bát, đó là chuyện tự nhiên không có gì lạ. Ngài Vân Nham hài lòng với câu trả lời của ngài Tăng Mật.

Sau, Sư về trụ tại Thần Sơn thuộc Đàm Châu.

Có vị tăng đến hỏi:

- Thế nào không có chỗ nghe mới là nghe kinh?

Sư bảo:

- Ghét hội chẳng?

Tăng thưa:

- Cần hội.

Sư bảo:

- Chưa hiểu nghe kinh.

Tăng hỏi:

- Tại sao Nhất địa chẳng thấy Nhị địa?

Sư bảo:

- Ông chẳng lâm ư? Ông là địa nào?

Khi ngài Tăng Mật làm thầy độ chúng, có vị tăng hỏi: *Thế nào không có chỗ nghe mới là nghe kinh?* Ngài hỏi: *Ghét hội chăng?* Hội là hiểu, ông ghét hiểu ư? Tăng nói: *Cần hội.* Ngài bảo: *Chưa hiểu nghe kinh.* Tăng hỏi, không có chỗ nghe mới là nghe kinh. Nếu không có chỗ nghe thì không có chỗ hiểu, không nghe không hiểu mới là nghe kinh chân thật. Nếu nói ghét hiểu thì cũng trúng, vì không nghe thì không hiểu, nhưng đây ông nói cần hiểu, như thế thì đâu có biết nghe kinh. Đó là ý hết sức rõ.

Tăng hỏi: *Tại sao Nhất địa chẳng thấy Nhị địa?*
Sư bảo: *Ông chẳng lâm ư? Ông là địa nào?* Đó là bệnh của chúng ta. Có nhiều người tu nói không biết sau khi nhập Niết-bàn rồi ra sao? Chưa Niết-bàn mà hỏi sau khi Niết-bàn, đó chẳng phải là nói dóc sao, chừng nào nhập Niết-bàn rồi mới thấy, chưa tới được mà hỏi trước thì làm sao nói? Cũng như chưa được địa nào hết mà hỏi Nhất địa sao không thấy Nhị địa. Đó là hỏi lầm, hỏi chơi thôi, không có nghĩa lý gì hết. Người học đạo bây giờ có bệnh tu chưa ra gì mà cứ hỏi trên trời trên mây, khi đó mình chưa ứng dụng được gì hết. Ngài quả ông tăng là chỗ này.

Có một cư sĩ hỏi:

- Vì việc sanh tử xin Thầy một lời.

Sư bảo:

- Người khi nào sanh tử?

Cư sĩ thưa:

- Con chẳng hội, thỉnh Thầy nói.

Sư bảo:

- Chẳng hội cần một phen chết đi.

Cư sĩ Đào Lý Vỹ hỏi rằng: *Vì việc sanh tử xin Thầy một lời.* Một lời để con thoát ly sanh tử. Ngài nói: *Người khi nào sanh tử?* Tức ông hết sanh tử chưa? Cư sĩ thưa: *Con chẳng hội, thỉnh Thầy nói.* Ngài trả lời: *Chẳng hội cần một phen chết đi.* Nghĩa là ông muốn hết sanh tử thì ông đừng còn một niệm nào. Chết là tâm chết đi thì hết sanh tử. Chúng ta nghe, tưởng ngài xúi người chết, không hiểu ý nghĩa thâm trầm. Các thiền sư không nói chuyện tầm thường, nếu không nghiên cứu sách thiền khi nghe câu nói của các ngài tưởng như không có đạo lý. Không nói chân như, Niết-bàn, Bồ-đề, Bát-nhã... nhưng chính đó mới là cái thật.



THIÊN SƯ THẠCH SƯỞNG KHÁNH CHƯ

(807 - 888)

Sư họ Trần quê ở Tân Cam, Lô Lăng. Năm mười ba tuổi, Sư theo thiền sư Thiệu Loan xuất gia, hai mươi ba tuổi đến Tung Nhạc thọ giới Cụ túc, sang Lạc Dương học luật. Tuy học luật, Sư vẫn biết là tông Tiệm. Sư lại sang Đại Quy, vào pháp hội làm mễ đầu (tri khố).

Một hôm, Sư ở trong liêu sàng gạo, Quy Sơn Linh Hựu đến bảo:

- Vật của thí chủ chớ ném bỏ.

Sư thưa:

- Chẳng dám ném bỏ.

Quy Sơn lượm trên đất một hạt gạo, bảo:

- Người nói chẳng ném bỏ, cái này từ đâu đến?

Sư lặng câm. Quy Sơn lại bảo:

- Chớ khi một hạt này, trăm ngàn hạt từ một hạt này sanh.

Sư thưa:

- Trăm ngàn hạt từ một hạt này sanh, chưa biết một hạt này từ chỗ nào sanh?

Quy Sơn cười ha hả trở về phương trượng.

Đến chiều, Quy Sơn thượng đường bảo chúng:

- Đại chúng! Trong gạo có sâu. Các ông chú ý!

Thiền sư Thạch Sưương Khánh Chư khi học với ngài Quy Sơn, làm tri khố ở trong liêu sàng gạo. Quy Sơn đến bảo: *Vật của thí chủ chớ ném bỏ*. Nhà thiền thường mượn cảnh thực tế để nói về một cái không hình tướng. Sàng gạo nếu không khéo thì gạo văng tứ tung, đó là ném bỏ của thí chủ, nhưng trong đó cũng có ngầm ý nhắc phải tu khéo léo, đừng để tâm chạy tứ tung. Sư thưa: *Chẳng dám ném bỏ*. Ý tỏ rằng mình là thật tình dàng hoàng.

Khi ấy ngài Quy Sơn tìm lượm một hạt gạo, bằng chứng cụ thể là có ném bỏ, ngài đưa hạt gạo lên, nói: *Người nói chẳng ném bỏ, cái này từ đâu đến?* Thạch Sưương bị mắc kẹt, vì đã nói không ném bỏ mà bây giờ có một hột gạo ngoài sàng, nên ngài lặng câm không đáp được. Lúc đó ngài Quy Sơn biết, muốn mở một đường mới cho Thạch Sưương nên nói câu: *Chớ khi một hạt này, trăm ngàn hạt từ một hạt này sanh*. Có người hiểu rằng một hạt gạo đó khi gieo lên cây lúa thì sanh trăm ngàn hạt gạo, nhưng gạo ươm đâu có ra lúa,

phải không? Đến đây không còn nghĩa một hạt gạo nữa mà ngài chuyển qua ý khác rõ ràng rồi. Khi chuyển qua thì Thạch Sưông liền có cố để khởi nghi. Như vậy một hạt này không còn là hạt gạo nữa, nó là cái gì có thể tự biết.

Ngài Thạch Sưông nói: *Trăm ngàn hạt từ một hạt này sanh, chưa biết một hạt này từ chỗ nào sanh?* Cái đó hay sanh ra tất cả cái kia, nó từ cái gì sanh ra? Câu hỏi mới nghe dường như hợp lý, nhưng nên nhớ rằng cái chân thật đó không có tướng mạo, không sanh diệt. Chỗ không còn ngôn ngữ, không còn suy tư mà đặt vấn đề hỏi cái gì sanh ra nó là sai lầm. Vì thế, buổi chiều ngài Quy Sơn bảo: *Đại chúng! Trong gạo có sâu.* Ngài Thạch Sưông không lãnh hội được chỗ này nên buồn bỏ đi nơi khác.

Sư đến tham Đạo Ngô, hỏi:

- Thế nào chạm mắt là Bồ-đề?

Đạo Ngô gọi: - Sa-di!

Sa-di ứng thanh: - Dạ!

Đạo Ngô bảo: - Thêm nước trong tịnh bình.

Đạo Ngô lại hỏi Sư:

- Ông vừa hỏi cái gì?

Sư định nêu câu hỏi trước. Đạo Ngô đứng dậy đi. Sư nhân đây tỉnh giác.

Đến ngài Đạo Ngô, Thạch Sưông đặt câu hỏi: *Thế nào chạm mắt là Bồ-đề?* Nghĩa là ở đâu khi mắt mình chạm đến đều là Bồ-đề. Chúng ta nhìn khắp có thấy

Bồ-đề không? Tại sao nói chạm mắt là Bồ-đề? Ngài không trả lời trực tiếp mà xoay qua gọi Sa-di, Sa-di dạ!

Với hình ảnh người kêu người dạ đó là để chỉ chỗ chạm mắt tức Bồ-đề, nhưng ngài Thạch Sư còn đứng đưng, chưa thấy được chỗ đó. Ngài Đạo Ngộ buộc lòng phải nói, *thêm nước trong tịnh bình*. Câu nói đó để đánh lừa, người không hiểu thì đến đây cũng ngơ ngác. Kêu Sa-di là để chỉ bày ý nghĩa, ngài Thạch Sư ngay đó không hội được nên ngài Đạo Ngộ phải nói thêm một câu.

Ngài Đạo Ngộ lại hỏi Sư: *Ông vừa nói cái gì?* Tức là thấy chỗ không hội của ngài Thạch Sư nên hỏi lại câu này. Ngài quá thật thà định lặp lại câu hỏi, ngài Đạo Ngộ đứng dậy đi, nhân đó ngài tỉnh. Ngài tỉnh chỗ đứng dậy đi hay tỉnh chỗ nào? Tỉnh chỗ *chạm mắt tức là Bồ-đề*. Ở đây giữa thầy và trò không nói trắng, vì vừa nói trắng thì thành bệnh chấp nê danh tự. Chỉ khéo léo nhìn bên này nói bên kia, đối đáp với Sa-di mà trả lời cho ngài Thạch Sư. Lúc đó ngài còn hiền lành quá không hiểu, đến khi nghe hỏi lại mới giật mình, định nêu câu hỏi thì ngài Đạo Ngộ đứng dậy đi. Nhân đó ngài Thạch Sư hiểu câu trả lời dứt khoát, chạm mắt tức Bồ-đề.

Đạo Ngộ sắp tịch, bảo chúng:

- Trong tâm ta có một vật để lâu thành bệnh, người nào hay vì ta dẹp nó?

Sư thưa:

- Tâm vật đều phi, dẹp đó thêm bệnh.

Đạo Ngô khen:

- Hiền thay! Hiền thay!

Ngài Đạo Ngô sắp thị tịch, bảo chúng: *Trong tâm ta có một vật để lâu thành bệnh, người nào hay vì ta dẹp nó?* Như chúng ta nghe nói như vậy thì tìm thuốc, phải không? Người xưa khéo nói, nói bên đây phải hiểu ở bên kia chứ đừng hiểu ở lời nói, nếu hiểu ngay lời nói là mắc kẹt. Mượn cái có hình thức để nói cái không hình thức.

Ngài Thạch Sư hiểu ý nên bước ra thưa: *Tâm vật đều phi, dẹp đó thêm bệnh.* Không phải tâm không phải vật, nếu nói dẹp là mang bệnh. Câu này giống như câu của Lục Tổ nói bản lai vô nhất vật, vốn không phải vật, chẳng dẹp bỏ chẳng thêm bớt. Ngài Đạo Ngô biết đã thâm nhập được nên khen: *Hiền thay! Hiền thay!*

Làm tăng mới được hai tuổi hạ, Sư bèn ẩn trong dân gian, vào xóm thợ gốm vùng Lưu Dương, Trường Sa, sáng sớm dạo đi, đến chiều trở về, mọi người không biết được Sư.

Nhân một vị tăng từ Động Sơn đến. Sư hỏi:

- Hòa thượng có lời gì dạy chúng?

Tăng đáp:

- Hôm giải hạ, Hòa thượng thượng đường dạy: “Đầu thu cuối hạ, huynh đệ hoặc đi đông đi tây, nên đi thẳng đến chỗ muôn dặm không có một tác cỏ.” Im lặng giây lâu, nói: “Chỗ muôn dặm không một tác cỏ, làm sao đi?”

Sư hỏi:

- Có người đáp được chăng?

Tăng thưa:

- Không.

Sư bảo:

- Sao chẳng nói “Ra khỏi cửa liền là cỏ”?

Tăng trở về thuật lại cho Động Sơn nghe. Động Sơn bảo:

- Ở Lưu Dương có cổ Phật.

Ngài ở ẩn trong vùng thợ gốm ở Lưu Dương. Nhân có vị tăng từ Động Sơn đến, ngài hỏi: *Hòa thượng có lời gì dạy chúng?* Tăng đáp: *Hôm giải hạ, Hòa thượng thượng đường dạy: “Đầu thu cuối hạ, huynh đệ hoặc đi đông đi tây, nên đi thẳng đến chỗ muôn dặm không có một tác cỏ.”* Đi đến chỗ muôn dặm không một tác cỏ là chỗ nào? Ngài Thạch Sương hỏi: *Có người đáp được chăng?* Tăng nói: *Không.* Ngài bảo: *Sao chẳng nói “Ra khỏi cửa liền là cỏ”.* Đi là khi sáu căn vừa phóng ra, gặp sáu trần là cỏ, chỗ muôn dặm không cỏ là căn trần không tiếp xúc. Ý ngài Thạch Sương nói, vừa có phóng ra là cỏ rồi, nếu không phóng ra thì cỏ ở đâu?

Tăng trở về thuật lại cho Động Sơn nghe. Động Sơn bảo: *Ở Lưu Dương có cổ Phật.* Ngài Động Sơn nói có quá đáng hay không? Như tôi nói mấy chú là cổ Phật mấy chú dám nhận không? Thực ra Phật không xa chúng ta chỉ vì chúng ta quên Phật nên làm chúng sanh.

Nhớ lại thì thành Phật sẵn có, mà Phật sẵn tức là xưa rồi, không phải Phật mới. Phật từ xưa tức là cổ Phật. Nếu chúng ta nhớ như ngài Thạch Sưương thì cũng được gọi là cổ Phật.

Chúng thỉnh Sư trụ trì tại núi Thạch Sưương, Sư cũng cho đây là nơi hợp với chí mình.

Đạo Ngô sắp viên tịch giải tán chúng, thân tìm đến Thạch Sưương, chọn Sư làm Trưởng tử. Sư hàng ngày chuyên cần hầu hạ, giữ đúng tư cách thờ thầy. Sau khi Đạo Ngô quy tịch, học chúng quy tụ thường trên năm trăm.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư đáp:

- Trong không, một phiến đá.

Tăng lễ bái. Sư hỏi:

- Hội chăng?

Tăng thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- May mà người chẳng hội, nếu hội người đã bị vỡ đầu.

Có vị tăng hỏi: *Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?*
Ngài đáp: *Trong không, một phiến đá.* Trong hư không chưa được phiến đá không? Câu trả lời của ngài có cho

chúng ta suy nghĩ không? *Tăng lễ bái*, tưởng như ngộ rồi. Ngài hỏi: *Hội chăng?* Tăng thưa: *Chẳng hội*. Ngài bèn kết thúc một câu: *May mà người chẳng hội, nếu hội tức bị vỡ đầu*. Nghĩa là nếu người hội thì phiền đá rơi, người vỡ đầu. Chỗ này vừa khởi hiểu thì mắc kẹt hình tướng, mắc kẹt sự vật, nên ngài nói nếu hội thì bị vỡ đầu. Đó là chỗ khéo léo của ngài không để cho người mắc kẹt.

Sư ở trong phương trượng, có vị tăng ở ngoài cửa sổ hỏi:

- Cách nhau mấy tấc, vì sao chẳng thấy mặt Thầy?

Sư đáp:

- Ta nói khắp hết chẳng từng giấu.

Vị tăng ấy đến hỏi Tuyết Phong:

- Khắp hết chẳng từng giấu, ý chỉ thế nào?

Tuyết Phong đáp:

- Chỗ nào chẳng phải Thạch Sương.

Vị tăng trở lại thuật lời Tuyết Phong cho Sư nghe. Sư bảo:

- Cái lão này sao mà chết gấp.

Tuyết Phong nghe lời này, tự nói:

- Lão tăng tội lỗi.

Sư ngồi trong phương trượng, Tăng đứng ngoài cửa sổ: *Cách nhau mấy tấc, vì sao chẳng thấy mặt Thầy?* Mặt Thầy đây là mặt thật của Thầy hay là mặt nào? Sư đáp: *Khắp hết chẳng từng giấu*. Mặt này là

bản lai diện mục, khắp hết chẳng từng giấu. Tăng không hiểu đến hỏi Tuyết Phong: *Khắp hết chẳng từng giấu, ý chỉ thế nào?* Tuyết Phong nói: *Chỗ nào chẳng phải Thạch Sư.* Câu đó nói trắng ra rõ ràng. Ngài nghe được bảo: *Cái lão này sao mà chết gấp.* Câu đó khen hay chê? Như chúng ta gọi là rửa đó. Ông nói như vậy là quá đáng, tức làm cho người dễ thấy, người ta coi thường. Ngài Tuyết Phong nghe câu đó liền tự hối, nói rằng: *Lão tăng tội lỗi.* Người xưa hiểu nhau, khi nói một câu liền biết mình nói hớ nên hối lỗi.

Vân Cái đến hỏi:

- Muôn cửa đều đóng chẳng hỏi, khi muôn cửa đều mở thì thế nào?

Sư bảo:

- Trong nhà làm việc gì?

Vân Cái đáp:

- Không người tiếp được y.

Sư bảo:

- Nói đến tội chỗ, chỉ nói được tám chín phần.

Vân Cái hỏi:

- Chẳng biết Hòa thượng nói thế nào?

Sư đáp:

- Không người biết được y.

Ngài Vân Cái cũng là hàng tác gia trong thời đó, đến hỏi: *Muôn cửa đều đóng chẳng hỏi, khi muôn cửa đều mở thì thế nào?* Ngài liền khéo ở trong cảnh đó trả lời:

Trong nhà làm việc gì? Nếu căn nhà mở hoác cửa thì lúc đó trong nhà có chủ hay không, hoặc chủ đang làm gì đều thấy hết. Nên đây trả lời khéo, các cửa đều mở thì thấy trong nhà làm việc gì.

Ngài Vân Cái là một tay tác gia nên đáp: *Không người tiếp được y.* Nghĩa là chỗ đó không ai hết. Ngài chê: *Nói đến tột chỗ, chỉ được tám chín phần.* Vân Cái hỏi lại: *Chẳng biết Hòa thượng nói thế nào?* Ngài đáp: *Không người biết được y.* Chữ *biết*, chữ *tiếp* có ý nghĩa sai biệt. Chữ *tiếp* là có hình tướng, khi tiếp ai, mình và người đều có hình tướng. Còn cái *biết* không hình tướng, không biết được vì *cái đó* hoàn toàn không hình tướng, con mắt ngàn thánh cũng không thấy. Đó là để chỉ cho ông chủ trong nhà.

Tú tài Trương Chuyết đến tham vấn, Sư hỏi:

- Tú tài tên họ gì?

Tú tài thưa:

- Tôi họ Trương tên Chuyết.

Sư bảo:

- Tìm cái xảo (khéo) còn không thể được, cái Chuyết (vụng) từ đâu lại?

Chuyết chợt tỉnh ngộ, trình kệ:

Quang minh tịch chiếu biến hà sa

Phàm thánh hàm linh cộng ngã gia.

Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện

Lục căn tài động bị vân già.

*Phá⁽³⁾ trừ phiền não trùng tăng bệnh
 Thú hướng chân như diệt⁽⁴⁾ thị tà.
 Tùy thuận thế⁽⁵⁾ duyên vô quái ngại
 Niết-bàn sanh tử đẳng⁽⁶⁾ không hoa.*

Dịch:

**Quang minh lạng chiếu khắp hà sa
 Phạm thánh hàm linh vốn chung nhà.
 Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện
 Sáu căn vừa động bị che lừa.
 Phá trừ phiền não càng thêm bệnh
 Tìm đến chân như âu cũng tà.
 Tùy thuận các duyên không chướng ngại
 Niết-bàn sanh tử thảy không hoa.**

Tú tài Trương Chuyết, có câu chuyện mà trong đây không ghi, trong phần Quảng Lục có ghi. Ông này không phải mới lần đầu đi hỏi đạo mà đã tham vấn nhiều nơi. Ông đến hỏi ngài Tây Đường: Có thiên đường địa ngục không? Ngài trả lời: Có. Ông hỏi lại: Hòa thượng có làm chăng? Tôi hỏi ngài Kính Sơn có thiên đường địa ngục chăng, Ngài trả lời đều không, tại sao Hòa thượng lại nói có? Ngài Tây Đường hỏi: Ông có vợ không? Có. Ngài Kính Sơn có vợ không? Không. Ngài Tây Đường nói: Bởi ngài Kính Sơn không có vợ nên cái gì cũng nói

^(3,4,5,6) Đây y cứ theo Chỉ Nguyệt Lục. Có một số dị bản dùng chữ: 3- Đoạn, 4- tổng, 5- chúng, 6- thị.

không, còn ông có vợ nên cái gì ta cũng nói có. (Đoạn này Bích Nham Lục cũng ghi lại như vậy. Tuy nhiên nếu xét niên đại thì vị tú tài không phải Trương Chuyết.)

Tham vấn rất nhiều nơi nên chỗ đó ông cũng sắp ngộ, sắp tỉnh rồi, khi đến ngài Thạch Sư, đầu tiên vô nhà khách gặp ba người: Thái Bố Nạp, Tề Kỷ, Quán Hưu. Ba vị này lanh lợi, đàm luận thao thao. Trương Chuyết nói: Trong ba vị sao không chọn một người làm Trưởng lão? Ý ngầm chê ngài Thạch Sư. Thái Bố Nạp bảo: “Hòa thượng đường đầu là nhục thân Bồ-tát. Chúng đây một ngàn năm trăm người, phân nửa bằng như chúng tôi, phân nửa hơn chúng tôi.” Người xưa khi nghe chê thầy mình, khen mình thì liền hạ mình xuống, tôi là hạng thấp nhất trong chúng đây. Nói như vậy nên Trương Chuyết mới nể phục, đến hỏi đạo với ngài Thạch Sư.

Ngài Thạch Sư hỏi: *Tú tài tên họ gì? Tôi họ Trương tên Chuyết.* Ngài bảo: *Tìm cái xảo còn không thể được, cái chuyết từ đâu lại?* Xảo là khéo, chuyết là vụng, cái khéo còn không có huống nữa cái vụng. Nghe câu đó là ông tỉnh liền. Xảo và chuyết là do đối đãi mà lập, xảo không thật thì chuyết làm gì có? Thấy tất cả đối đãi đều là không thật nên ông tỉnh ngộ, làm bài kệ. Bài kệ này trong nhà thiền thường nhắc đến.

*Quang minh tịch chiếu biến hà sa
Phàm thánh hàm linh cộng ngã gia.
Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện
Lục căn tài động bị vân già.*

*Phá trừ phiền não trùng tăng bệnh
Thú hương chân như diệc thị tà.
Tùy thuận thế duyên vô quái ngại
Niết-bàn sanh tử đẳng không hoa.*

Bài kệ này gồm bốn phần. Ý thứ nhất, hai câu đầu diễn tả thể chân thật của mọi người sẵn có. Ý thứ hai, hai câu ba bốn chỉ cách tu để trở về thể chân thật. Ý thứ ba, hai câu năm sáu chỉ cho chúng ta biết nếu không khéo tu, chấp phiền não thật chân như thật thì lại càng thêm bệnh. Ý thứ tư, hai câu bảy tám chỉ cho chúng ta biết cách sống.

Quang minh tịch chiếu biến hà sa, quang minh là sáng suốt, tịch chiếu là lặng lẽ chiếu soi, nghĩa là thể sáng suốt lặng lẽ mà chiếu soi này đầy khắp mọi nơi. Thế giới nhiều như cát sông Hằng, thể quang minh tịch chiếu này cũng trùm hết muôn ngàn triệu ức thế giới. Thể ấy ở đâu?

Phàm thánh hàm linh cộng ngã gia, phàm thánh và chúng hàm linh đều chung trong một thể, gọi là *cộng ngã gia*, chung nhà của ta. Nhưng đừng hiểu lầm tất cả chỉ có một, tất cả chỉ về một thể đó thôi. Như tôi chỉ bình bông ở trên bàn, tất cả người ở đây đồng thời nhìn thấy nó. Cái thấy đó có khác nhau, có chướng ngại nhau không? Cái thấy đó là của một người hay của chung tất cả người? Thấy thì đồng nhưng riêng ai người ấy thấy chứ không phải là một. Đứng về mặt đồng thì nói *chung nhà của ta*, đừng hiểu tất cả là một khối. Hai câu này là chỉ cho cái thể chân thật đó.

Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện, một niệm chẳng sanh, toàn thể hiện. Muốn trở về thể chân thật ấy mà vừa dấy niệm thì đã khuất rồi, nếu không có niệm nào dấy lên thì thể chân thật hiện tiền rõ ràng. *Lục căn tài động bị vân già*, sáu căn vừa dấy động thì bị mây che. Nơi con mắt mình mở ra có bị mây che không? Lỗ mũi thở ra hít vào có bị mây che không? Các căn thấy nghe rõ ràng, mây che lúc nào? Như trước nói, sáu căn mở hoác mà vừa có niệm phóng ra là cỏ, đi ra là cỏ. Đây cũng vậy, nơi sáu căn vừa có một niệm chạy ra thì đã bị mây che, nếu không có niệm chạy thì mây không che được. Hai câu này chỉ dạy cách tu để trở về.

Hai câu tiếp theo là dẹp trừ bệnh chấp. *Phá trừ phiền não trùng tăng bệnh*, dẹp trừ phiền não càng tăng bệnh. Chúng ta tu luôn luôn nghĩ phải làm sao dẹp hết phiền não. Nhưng đây nói dẹp phiền não là thêm bệnh, như vậy để nguyên phiền não phải không? Chỗ này phải hiểu rõ. Trong ba thứ tham sân si thì sân là thô nhất, ai cũng sợ mà ai cũng có. Sân ở đâu, chỉ ra được không? Nếu sân là thật thì phải có chỗ nơi, không có chỗ nơi tức là không thật. Đợi khi gặp duyên như nghe một tiếng chửi mắng, thấy một dáng vẻ bức bội thì sân mới nổi lên. Cái gì đợi duyên mới có là không thật. Sân là chúa phiền não, nhưng sân không thật mà muốn dẹp trừ cái không thật làm sao dẹp trừ. Như hiện nay đang ngồi nghe giảng, có thấy sân ra sao không? Người nào người nấy hiền như Phật đâu có ai nổi sân gì. Chỉ cần gặp duyên đừng chạy theo, vừa khởi niệm không tiếp tục khởi thì sân đâu còn. Ngay sáu căn mà không có

niệm chạy ra thì sân có mặt không? Như vậy không cần dẹp trừ, chỉ không theo niệm thì tự nó hết. Như khi nghe ai nói câu gì, mình chạy theo câu đó suy nghĩ, suy nghĩ rồi mới bực bội nổi sân. Nếu nghe rồi bỏ qua, nghe rồi bỏ qua thì sân không có mặt. Rõ ràng nếu chúng ta cho phiền não là thật để dẹp để trừ, đó là bệnh. Nghĩa là vì nó không thật mà cố dẹp trừ tức là thấy nó thật, là bệnh.

Thú hương chân như diệt thị tà, thú hương chân như cũng là tà. Thú hương là tìm đến. Chân như ở đâu mà tìm đến? Chỉ khi niệm không sanh thì nó hiện tiền. Như mặt biển khi không có gió, không dậy sóng là mặt biển lặng. Muốn tìm mặt biển lặng thì đợi khi dừng sóng, chính lúc đó hiện ra, không cần tìm kiếm nơi khác, càng tìm càng sai. Cũng như không cần tìm chân như, khi tất cả ngoại duyên buông hết, một niệm không sanh đó là phải. Sơ tổ Đạt-ma dạy: muôn duyên buông hết, một niệm không sanh, tâm như tường vách khả dĩ vào đạo. Lúc ấy chân như hiện tiền không có gì khác; vừa khởi tâm tìm kiếm đã lạc vào đường tà, đã không đúng lẽ thật.

Hai câu kết là chỉ cách sống. *Tùy thuận thế duyên vô quái ngại*, Niết-bàn sanh tử đẳng không hoa, tùy thuận các duyên không có gì chướng ngại, Niết-bàn sanh tử đều như hoa đốm trong hư không. Tại sao? Vì đối sanh tử nói Niết-bàn, danh từ sanh tử không thật, danh từ Niết-bàn cũng không thật. Người tu thường sợ sanh tử ưa Niết-bàn, mà chúng đều không thật thì còn gì làm trở ngại? Hàng ngày phải làm sao để tùy thuận

chúng duyên? Chúng ta cũng đi đứng nằm ngồi, cũng ăn mặc, cũng sống như mọi người không khác. Trong khi ăn, mặc, sống như mọi người mà không có gì làm chướng ngại, luôn nhớ và thấy rõ tất cả đối đãi đều không thật, đó là tùy thuận chúng duyên. Trong tất cả cảnh không khởi phiền não, không dấy niệm chạy theo, đó là vô quái ngại. Còn khởi phiền não, còn dấy niệm chướng thì bị quái ngại.

Tú tài Trương Chuyết là cư sĩ, khi ngộ rồi làm bài kệ, trong đó nói về thể chân thật, chỗ tu, cách dẹp bệnh, cuộc sống của người tu thể nào, chỉ gọn có tám câu mà rất đầy đủ. Cái thấy của ông đến nơi đến chốn, vì thế bài kệ này đa số ở trong nhà thiền đều thuộc.

Bùi tướng công đến. Sư nắm giở cái hốt của Bùi công hỏi:

- Cái này ở trong tay thiên tử gọi là Khuê, ở trong tay quan nhân gọi là Hốt, ở trong tay lão tăng gọi nó là gì?

Bùi Công lặng câm. Sư giữ cái hốt lại.

Bùi tướng công tức là Tướng quốc Bùi Hưu cũng là tay cự phách trong nhà thiền, đến gặp ngài tay cầm cái hốt, ngài liền nắm cái hốt đưa lên nói: *Cái này ở trong tay thiên tử gọi là Khuê, ở trong tay quan nhân gọi là Hốt, ở trong tay lão tăng gọi nó là gì?*

Lời ngài như là đùa chơi, nhưng mà trong đó có ngầm ý gì không? Như vậy thì vua có, quan có, tôi có, cái đó gọi là gì? Bùi Hưu lặng thinh, ngài giữ cái hốt lại.

Sư dạy chúng:

- Kể sơ học chưa gặp được việc lớn, trước phải nhận ra đầu thì đuôi tự đến.

Sơ Sơn hỏi:

- Thế nào là đầu?

Sư đáp:

- Cần phải biết có.

- Thế nào là đuôi?

- Dẹp hết hiện giờ.

- Khi có đầu không đuôi thì sao?

- Mửa được vàng ròng kham làm việc gì?

- Khi có đuôi không đầu thì sao?

- Vẫn còn nường tựa.

- Khi đầu đuôi được cân xứng thì sao?

- Y chẳng khởi giải hội, cũng chưa cho y ở.

Ngài dạy chúng: *Kể sơ học chưa gặp được việc lớn, trước phải nhận ra đầu thì đuôi tự đến.* Câu nói có ý nghĩa rất thâm trầm. Tất cả chúng ta tu học, chưa gặp việc lớn tức là chưa ngộ đạo, cần phải nhận ra đầu thì đuôi tự đến. Cái gì là đầu, cái gì là đuôi? Như chúng ta nghe có thầy nào biết quá khứ vị lai, có thần thông, bay lên hư không, muốn hóa rồng thì thành rồng, hóa cọp thì thành cọp... thích không? Tất cả thần thông biến hóa đó là cái dụng nhiệm mầu, từ thể chân thật mà ra. Người tu cần phải trở về thể chân thật, không nên mê diệu dụng.

Nhưng đa số người lại mê cái đó. Những thần thông phép lạ làm mọi người mê thích đó là cái đuôi, dụng là đuôi không phải đầu. Chính vì vậy Phật cấm các vị A-la-hán không được dùng thần thông. Bệnh của chúng sanh là thích những gì lạ lùng thỏa mãn tánh hiếu kỳ, nghe biến hóa thần thông thì nể phục, nếu cứ chạy theo thần thông là tu theo đuôi, không phải theo đầu. Chủ yếu tu để tâm thanh tịnh, tất cả phiền não lặn hết, thể nhập chân thật, đó là đầu, khi thể nhập rồi thì diệu dụng tự có, nên nói, *trước phải nhận ra đầu thì đuôi tự đến*.

Sơ Sơn hỏi: *Thế nào là đầu?* Ngài đáp: *Cần phải biết có*. Ai cũng có cái đó hết, phải thẳng nhận cái của chính mình.

Hỏi: *Thế nào là đuôi?* Đáp: *Đẹp hết hiện giờ*, tức là mọi động tác hiện giờ đều là dụng của cái đó.

Khi có đầu không đuôi thì sao? Ngài đáp: *Mửa được vàng ròng kham làm việc gì?* Có đầu tức là nhận được thể mà chưa có đủ dụng, giống như trong bụng chứa vàng ròng, mửa ra thêm bệnh không lợi ích gì.

Khi có đuôi không đầu thì sao? Vẫn còn nương tựa, tức là chỉ theo cái đuôi thì còn nương tựa chưa làm chủ được.

Khi đầu đuôi được cân xứng thì sao? Ngài đáp: *Y chẳng khởi giải hội, cũng chưa cho y ở*. Nếu còn nói cân xứng là còn so sánh, còn so sánh đầu đuôi thì còn giải hội, chưa thể nhập được.

Sư ở Thạch Sưương hai mươi năm, học chúng thường ngồi chẳng nằm, ngồi thẳng như gốc cây. Thời nhân gọi là “Chúng cây khô”.

Vua Đường Hy Tông nghe đạo hạnh của Sư, sai sứ đem tử y ban cho. Sư cố từ chối không nhận.

Niên hiệu Quang Khải năm thứ tư (888), ngày hai mươi tháng hai năm Mậu Thân, Sư có chút ít bệnh, báo tin chúng hay sắp tịch, thọ 82 tuổi, 59 tuổi hạ.

Vua sắc phong là Phổ Hội đại sư, tháp hiệu Kiến Tướng.

Chúng của ngài ở núi Thạch Sưương hai mươi năm thường ngồi chẳng nằm, ngồi thẳng như gốc cây, thời nhân gọi là *Chúng cây khô*. Các thiền sư dạy người có chỗ khác nhau, như ở chỗ ngài Lâm Tế lại dạy không ngồi thiền. Vương thường thị hỏi ngài: Chúng đông quá như thế này có tụng kinh không? Không. Có ngồi thiền không? Không. Như vậy dạy họ làm gì? Dạy làm Phật làm Tổ.

Ngài Lâm Tế không đặt nặng tụng kinh ngồi thiền. Còn ở đây ngài Thạch Sưương thì bắt phải ngồi thiền, ngồi thẳng như cây khô. Ngài Thạch Sưương có hiểu đạo không mà bắt ngồi? Về chỗ ngộ vị nào cũng ngộ tương đương, nhưng trên phương tiện tu, mỗi vị có chủ trương khác nhau, không nên cố chấp một bên. Nói tu thiền là không ngồi, thấy ai ngồi thì cười chê; hoặc mình ngồi giỏi rồi thấy ai ngồi dở hơn, cũng cười chê...

Như thế không đúng, có người không ngồi thiền nhưng tâm không chạy, còn nếu mình ngồi mà tâm không chạy thì càng hay.

Vua Đường Hy Tông nghe đạo hạnh của ngài, sai sứ đem tử y ban cho. Ngài cố từ chối không nhận. Vua ban tử y là một danh dự lớn, là khen tặng vị tăng đó. Lệnh nhà vua ban mà từ chối không khéo thì bay đầu. Nếu nhận thì được danh dự lại khỏi nguy hiểm, ngài chấp nhận không danh dự và nguy hiểm, chúng ta có dám như vậy không? Học về ngài Thạch Sư để thấy đặc điểm này, không phải ai cũng làm được.



THIÊN SƯ ĐẠI ĐỒNG núi ĐẦU TỬ

(819 - 914)

Sư họ Lưu người Hoài Ninh, Thục Châu. Thuở bé Sư xuất gia với thiền sư Mãn ở Bảo Đường, Lạc Dương. Ban đầu Sư tập quán hơi thở, kế xem kinh Hoa Nghiêm phát minh tánh hải, lại đến núi Thúy Vi nơi hội của thiền sư Vô Học tham vấn và được thâm ngộ.

Một hôm Sư hỏi:

- Thế nào là Phật lý?

Thiền sư Vô Học đáp:

- Phật tức chẳng lý.

- Chẳng rơi vào không chẳng?

- Chân không chẳng không.

Thiền sư Vô Học lại dùng bài kệ sấm ký rằng:

***Phật lý hà tăng lý
Chân không hựu bất không.
Đại Đồng cư tịch trụ
Phu diễn ngã sư tông.***

Dịch:

***Phật lý đâu từng lý
Chân không lại chẳng không.
Đại Đồng ở tịch trụ
Bày diễn đạo cha ông.***

Sau Sư về ở ẩn tại núi Đầu Tử cất am tranh tên Tịch Trụ.

Thiền sư Đại Đồng đến thiền sư Vô Học ở núi Thúy Vi hỏi: *Thế nào là Phật lý?* Thiền sư Vô Học đáp: *Phật tức chẳng lý.* Câu hỏi và đáp thường có sự và lý. Sự là những gì có hình tướng hiển bày, lý là cái ẩn trong hình tướng đó. Hỏi thế nào là Phật lý. Phật là giác, giác là giác, không còn có lý, không còn cái ẩn khuất ở trong, nên hỏi Phật lý thì thiền sư Vô Học đáp Phật tức chẳng lý.

Ngài hỏi: *Chẳng rơi vào không chẳng?* Nếu Phật không lý thì e rơi vào không chẳng? Ngài Thúy Vi đáp: *Chân không chẳng không.* Tại sao? Nghĩa là cái Không chân thật chẳng phải không. Như cái hăng nghe hăng thấy hăng biết của chính mình, có thể diễn tả hình dáng không? Nó không có hình tướng, nó là chân không nhưng chẳng không. Nếu là không thì làm sao chúng ta có thấy có nghe? Vì vậy chân không chẳng phải không.

Ngài Đại Đồng đã ngộ qua kinh Hoa Nghiêm, nên thiền sư Vô Học lại dùng bài kệ sấm ký rằng:

*Phật lý đâu từng lý
Chân không lại chẳng không
Đại Đồng ở tịch trụ
Bày diễn đạo cha ông.*

Ý nói sau này ông ở am Tịch Trụ diễn nói đạo của thầy tổ. Quả nhiên sau ngài về ở viện Đầu Tử, cất am tên là Tịch Trụ.

Một hôm Triệu Châu Tùng Thảm đến huyện Đồng Thành, Sư cũng có việc xuống núi, giữa đường hai người gặp nhau mà không biết nhau. Triệu Châu hỏi thăm những người cư sĩ biết là Đầu Tử, liền đón hỏi:

- Phải chủ núi Đầu Tử chăng?

Sư đáp:

- Cho tôi xin tiền trà muối.

Triệu Châu đi thẳng đến am trước, ngồi chờ. Sư mang một bình dầu về am. Triệu Châu hỏi:

- Nghe danh Đầu Tử đã lâu, đến đây chỉ thấy ông già bán dầu.

Sư đáp:

- Thấy chỉ thấy ông già bán dầu là không biết Đầu Tử.

- Thế nào là Đầu Tử?

Sư đưa bình dầu lên đáp:

- Dầu! Dầu!

Tùng Thẩm Triệu Châu là vị thiền sư lanh lợi khẩu nhất, nghe tên ngài cũng tìm tới. Ngài Dầu Tử ở trên núi đi xuống, ngài Triệu Châu ở dưới núi đi lên, hai người gặp nhau giữa đường mà không biết. Triệu Châu hỏi thăm cư sĩ thì biết đó là Dầu Tử, nên đón hỏi: *Phải chủ núi Dầu Tử chăng?* Hỏi chủ núi Dầu Tử là người ta trọng mình, mình phải thấp xuống, nên ngài đáp: *Cho tôi xin tiền trà muối.* Đây là hàng tác gia khéo léo, khi người đưa lên thì mình phải hạ xuống, hiểu nhau liền.

Ngài Triệu Châu về am trước, ngồi chờ, thấy ngài Dầu Tử mang bình dầu bèn nói: *Nghe danh Dầu Tử đã lâu, đến đây chỉ thấy ông già bán dầu.* Câu nói có vẻ coi thường hạ thấp mình. Ngài Dầu Tử đáp: *Thầy chỉ thấy ông già bán dầu là không biết Dầu Tử.* Như thế là đưa mình lên. Đối đáp của bậc tác gia khéo ở chỗ đó, khi hạ xuống thì dùng vươn lên đáp.

Ngài Triệu Châu liền hỏi: *Thế nào là Dầu Tử?* Tôi không nói ông bán dầu, biết ông là Dầu Tử rồi. Ngài liền đưa bình lên nói: *Dầu! Dầu!* Vừa thấp mình xuống mà cũng vừa chỉ hiện tại. Đó là cái khéo léo của hàng tác gia đối đáp.

Triệu Châu hỏi:

- Khi ở trong chết được sống là thế nào?

Sư đáp:

- Chẳng cho đi đêm, đợi sáng sẽ đến.

Triệu Châu nói:

- Ta sớm là trắng, y lại là đen.

Ngài Triệu Châu hỏi: *Khi ở trong chết được sống là thế nào?* Lời hỏi lấy ý từ câu “tuyệt hậu tái tô”, sau khi chết rồi sống trở lại. Người tu đến chỗ cao tột thì thường diễn tả bằng hình ảnh đầu sào trăm trượng, hay nói là cây cột trăm thước cho dễ hiểu. Từ dưới trèo lên mút đầu cây cột đó dễ hay khó? Khó mà trèo còn được vì có chỗ nương, lên tới đầu cây cột rồi, muốn nhảy ra nữa dễ hay khó? Đó là chỗ chết, nhảy ra khỏi đầu cột rồi sống trở lại gọi là *tuyệt hậu tái tô*.

Người tu đến giai đoạn này, gọi là giai đoạn thoát khỏi hầm vô minh, hầm sanh tử. Đến đó mới là cái sống thực. Trong mười mục chần trâu, chỗ đầu sào trăm trượng tương đương bức tranh thứ tám, mất cả trâu và chần, chỉ còn một vòng tròn. Nhảy qua khỏi vòng tròn đó là trở về nguồn cội, tranh thứ chín, là chỗ sống lại sau khi chết.

Ngài đáp: *Chẳng cho đi đêm, đợi sáng sẽ đến.* Một hình ảnh rất tầm thường, không cho đi đêm đợi sáng sẽ đến. Nghĩa là nếu còn ở trong mê thì làm gì biết được cái đó, khi giác rồi sẽ thấy, khi sống rồi sẽ biết.

Ngài Triệu Châu nói, *ta sớm là trắng*, tức là ngài hỏi rõ, *y lại là đen*, tức là ngài Đầu Tử mượn hình ảnh *không cho đi đêm đợi sáng sẽ đến*, nói một cách ẩn mật, không nói trắng.

Từ đó đạo hạnh của Sư đồn khắp, khách tâm đạo đua nhau kéo đến.

Sư bảo chúng rằng:

- Các người đến đây nghĩ tìm ngôn ngữ hay đẹp, góp lời văn vẻ, trong miệng quý có nói ra, lão già này khí lực yếu kém, môi lưỡi chậm lụt. Nếu các người hỏi ta, ta tùy câu hỏi mà đáp. Đối đáp không có gì huyền diệu có thể kịp được người, cũng không dính gì đến tai người. Trọn không nói hướng thượng hướng hạ, có Phật có pháp, có phàm có thánh. Trong chỗ các người bị trói buộc, biến hiện ngàn thứ, thấy đều khiến các người sanh hiểu rồi tự mang gánh lấy, sau này tự làm tự chịu. Trong ấy không có gì cho các người, chẳng dám lừa dối các người, không ngoài không trong, có thể nói được na ná. Các người lại biết chăng?

Ngài dạy chúng: *Các người đến đây nghĩ tìm ngôn ngữ hay đẹp, góp lời văn vẻ, trong miệng quý có nói ra. Tức là tìm những lời hay, văn đẹp từ miệng các vị Hòa thượng nói ra để ghi chép. Lão già này khí lực yếu kém, môi lưỡi chậm lụt. Nếu các người hỏi ta, ta tùy câu hỏi mà đáp. Đối đáp không có gì huyền diệu có thể kịp được người, cũng không dính gì đến tai người. Tức là không có gì quan trọng chủ yếu. Trọn không nói hướng thượng hướng hạ, có Phật có pháp, có phàm có thánh. Ngài không nói ra điều gì dính mắc hai bên. Trong chỗ các người bị trói buộc, biến hiện ngàn thứ, thấy đều khiến các người sanh hiểu rồi tự mang gánh lấy, sau này tự làm tự chịu. Trong tâm tư mọi người bị đủ thứ trói buộc rồi biến hiện ngàn muôn thứ, nghe nói gì cũng sanh hiểu, rồi tự ôm lấy để sau này tự nói tự khoe, đó là*

mình làm mình chịu. *Trong ấy không có gì cho các người. Trong cái thật đó không có gì cho các người. Chẳng dám lừa dối các người.* Không phải như các ông thầy nói, đến đây tôi ấn chứng cho, đến đây tôi điểm đạo cho, đến đây tôi thọ ký cho... Chỗ này là mỗi người tự có, khéo nhắc để tự nhận, ngoài ra không có gì cho các người. Nếu có cho cái này kia là lừa dối các người rồi. *Không ngoài không trong.* Thể ấy không ngoài cũng không trong. *Có thể nói được na ná.* Nói thì nói na ná chứ không bao giờ nói tới được cái đó. *Các người lại biết chăng?* Cái đó mỗi người tự thấy tự biết, người khác không làm cho thấy biết được.

Tuyệt Phong Nghĩa Tôn đứng hầu, Sư chỉ một phiến đá trước am bảo:

- Chư Phật ba đời thấy ở trong ấy.

Tuyệt Phong thưa:

- Nên biết có cái chẳng ở trong ấy.

Sư bảo:

- Thùng sơn chậm lụt.

Ngài Tuyệt Phong đứng hầu, ngài Đầu Tử chỉ một phiến đá trước am bảo: *Chư Phật ba đời thấy ở trong ấy.* Tuyệt Phong thưa: *Nên biết có cái chẳng ở trong ấy.* Ngài bảo: *Thùng sơn chậm lụt.*

Tại sao trong một phiến đá lại có ba đời chư Phật ở trong? Khi giác ngộ thấy cái cây, cục đá, tất cả đều có tánh giác tức là có Phật trong mọi vật, đều không khác nhau. Chúng ta thấy thì cứ khen đẹp chê xấu...

không thấy tính giác ngộ nơi mọi vật. Vì thế đây nói một phiên đá ba đời chư Phật đều ở trong đó, đều là giác như nhau không khác.

Ngài Tuyết Phong thì muốn nói đến cái khác, cái không ở trong đó tức là ý ngài muốn nói có cái ngoài cái đó. Ngài Đầu Tử liền quở, thùng sơn chậm lụt⁽⁷⁾. Thùng sơn ý chỉ chỗ đen hắc như thùng sơn đen. Người không thông đạo lý, còn dày đặc tình chấp cũng như thùng sơn. Khi ngộ rồi thì gọi là thùng sơn lủng đáy, vì tất cả khối nghi đặc cứng đều tuột ra hết, bung ra hết. Ngài Đầu Tử luôn gọi ngài Tuyết Phong là thùng sơn, ý răn nhắc còn chỗ kẹt dính.

Một hôm Tuyết Phong theo Sư đi thăm am chủ Long Miên. Tuyết Phong hỏi:

- Đường Long Miên đi về phía nào?

Sư lấy cây gậy chỉ tới trước mặt. Tuyết Phong hỏi:

- Đi bên đông hay đi bên tây?

Sư bảo:

- Thùng sơn chậm lụt.

Một hôm Tuyết Phong theo ngài đi thăm am chủ Long Miên. Tuyết Phong hỏi: *Đường Long Miên đi về phía nào? Ngài cầm cây gậy chỉ tới trước mặt. Tuyết Phong cố tìm cách gạt lão già này một chút, liền nói: Đi bên đông hay đi bên tây? Ông già này cứng quá nên nói:*

⁽⁷⁾ Nguyên ngữ “bất khoái tất thông” hoặc “tất thông bất khoái”, nghĩa là thùng sơn chậm lụt, ngữ cảnh của nhà thiền quở trách người không hội đạo lý.

Thùng sơn chậm lụt. Ông còn thấy đông tây là còn chậm lụt không thông đạo lý.

Hôm khác Tuyết Phong hỏi:

- Khi một chùy liền thành thì thế nào?

Sư đáp:

- Chẳng phải kẻ tánh thô tháo.

- Khi chẳng nhờ một chùy thì sao?

- Thùng sơn chậm lụt.

Hôm khác, ngài Tuyết Phong hỏi: *Khi một chùy liền thành thì thế nào?* Ngài đáp: *Chẳng phải kẻ tánh thô tháo.*

Những câu này nghe qua khó hiểu. Nhà thiền thường gọi chỗ thiện tri thức là chỗ lô bì. Lô bì là lò rèn, rèn đúc nên những đồ vật hữu dụng. Người học như cây sắt vô dụng phải qua tay thiện tri thức rèn luyện mới thành tựu. Một cây sắt muốn thành hình thì phải đập nhiều lần, đập một lần mà thành thì đó là thô tháo. Vì thế hỏi *khi một chùy liền thành thì thế nào*, ngài đáp rằng *chẳng phải kẻ tánh thô tháo*. Kẻ thô tháo được một chút liền cho là đủ.

Tuyết Phong hỏi: *Khi chẳng nhờ một chùy thì sao?* Ngài đáp: *Thùng sơn chậm lụt*. Nghĩa là không có Phật tự nhiên, không có người đạt đạo tự nhiên, mà phải qua những cuộc rèn luyện, đập đánh cho tiêu tan những thứ sét gỉ rồi mới thành đồ hữu dụng. Nếu không nhờ mài giũa mà thành là chuyện vô lý, nên nói *thùng sơn chậm lụt*. Ý quả trách không hội được ý chỉ.

Sư ngồi trong am, Tuyết Phong hỏi:

- Hòa thượng độ này có người tham vấn chăng?

Sư với lấy cây cuốc dưới sàn ném trước mặt Tuyết Phong. Tuyết Phong thưa:

- Thế ấy thì chính chỗ này cuốc đi.

Sư bảo:

- Thùng sơn chậm lụt.

Tuyết Phong từ biệt Sư ra đi, Sư tiến ra cửa, liền gọi:

- Đạo giả.

Tuyết Phong ngoái đầu lại:

- Dạ!

Sư bảo:

- Đi đường vui vẻ.

Sư ngồi trong am, Tuyết Phong hỏi: *Hòa thượng độ này có người tham vấn chăng?* Sư với lấy cây cuốc dưới sàn ném trước mặt Tuyết Phong. Như vậy là có người tham vấn không? Cây cuốc để dưới sàn là đang xài hay đang nghỉ? Đó là ý ngài nói thiền. Tuyết Phong liền thưa: *Thế ấy thì chính chỗ này cuốc đi.* Như vậy con đến đây tham vấn. Ngài đáp: *Thùng sơn chậm lụt.*

Có một câu chuyện lý thú không ghi ở đây, ghi ở chỗ khác, tôi chép vào sổ của tôi: Một hôm có bà già tìm tới núi Đầu Tử: “Bạch Ngài đêm qua con mất trâu, thỉnh Hòa thượng bói giùm một quẻ xem còn hay mất?”

Ngài là thiền sư sao lại thỉnh bói quẻ? Như vậy mà ngài liền gọi: “Bà già.” Bà: “Dạ.” Ngài nói: “Còn đó.” Bà vái chào rồi đi. Bà già cứ khôì không? Chúng ta cũng phải nỗ lực.

Tuyết Phong từ biệt Sư ra đi, Sư tiễn ra cửa, liền gọi: Đạo giả. Tuyết Phong ngoái đầu lại: Dạ! Sư bảo: Đi đường vui vẻ.

Đó là vẫn con trâu còn mà Tuyết Phong không nhận ra, nên bị câu sau *Đi đường vui vẻ*. Chúng ta tưởng ngài lại nhắc đi đường bình ổn, không ngờ kêu nhắc con trâu còn.

Có vị tăng hỏi Triệu Châu:

- Trẻ con mới sanh có đủ sáu thức chăng?

Triệu Châu đáp:

- Trên dòng nước chảy xiết, đá cầu.

Sau, vị tăng ấy đến hỏi Sư:

- Trên dòng nước chảy xiết đá cầu, ý nghĩa thế nào?

Sư đáp:

- Niệm niệm chẳng tạm dừng.

Đến ngài Triệu Châu, có vị tăng hỏi Triệu Châu: *Trẻ con mới sanh có đủ sáu thức chăng?* Triệu Châu đáp: *Trên dòng nước chảy xiết, đá cầu.*

Câu này nghe ít người hiểu nổi. Trẻ con mới sanh thì sáu căn có đủ: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nhưng sáu thức nó có hoạt động như mình hay không? Con mắt

thường phân biệt đẹp xấu không? Lỗi tai có biết khen chê không? Khi đó sự phân biệt theo từng cơ quan của nó không nhảy bén, nhưng dòng tâm thức luôn trôi chảy liên miên, tuy có dụng mà chưa phát ra đầy đủ. Vì thế ngài Triệu Châu nói *trên dòng nước chảy xiết, đá cầu*, là chỉ cho dòng tâm thức trôi chảy liên miên bên trong chứ không phải không.

Sau, vị tăng ấy đến hỏi ngài: *Trên dòng nước chảy xiết, đá cầu, ý nghĩa thế nào?* Ngài đáp: *Niệm niệm chẳng tạm dừng*. Thì đây nói thẳng.

Có vị tăng hỏi Sư:

- Cũng đồng là nước, tại sao ở biển mặn, ở sông nhạt?

Sư đáp:

- Trên trời sao, dưới đất cây.**
- Hòa thượng lâu nay ở đây có cảnh giới gì?**
- Bé gái chùa hai chỏm, đầu bạc như tơ.**
- Thế nào là Tỳ-lô (pháp thân)?**
- Đã có danh tự.**
- Thế nào là Tỳ-lô sư (thầy pháp thân)?**
- Khi chưa có Tỳ-lô hội lấy.**
- Khi bốn núi (sinh, lão, bệnh, tử) ép ngặt làm thế nào?**
- Năm uẩn đều không.**
- Khi một niệm chưa sanh là thế nào?**

- **Thật là lời nói dối.**
- **Trên trời dưới đất chỉ ta là hơn hết, thế nào là ta?**
- **Xô té ông già Hồ (Phật) có lỗi gì?**
- **Thế nào là Hòa thượng sư?**
- **Đón đó chẳng thấy đầu, theo đó chẳng thấy hình.**
- **Khi mặt trời mặt trăng chưa sáng, Phật cùng chúng sanh ở chỗ nào?**
- **Thấy lão tăng giận liền nói giận, thấy lão tăng mừng liền nói mừng.**

Có vị tăng hỏi ngài: *Cũng đồng là nước, tại sao ở biển mặn, ở sông nhạt?* Ngài đáp: *Trên trời sao, dưới đất cây.* Hỏi mặn nhạt thì ngài nói trên trời sao, dưới đất cây, dùng hai hình ảnh để đối lại.

Tăng hỏi: *Hòa thượng lâu nay ở đây có cảnh giới gì?* Tức là hỏi sự tu hành đạt được của ngài, ngài đáp: *Bé gái chùa hai chòm, đầu bạc như tơ.* Bé gái chùa hai chòm là còn rất nhỏ mà đầu bạc như tơ là bà già. Ngài còn theo hệ của ngài Động Sơn, dùng hình ảnh hồi hõ. Trong Chánh có Thiên, đứa bé là chỉ cho Chánh, bà già đầu bạc là chỉ cho Thiên, Thiên và Chánh không rời nhau, trong Chánh có Thiên và ngược lại, tức là thể dụng không rời. Đó là ý nói cảnh giới của ngài.

Tăng hỏi: *Thế nào là Tỳ-lô?* Ngài đáp: *Đã có danh tự.* Vừa đặt tên Tỳ-lô hay pháp thân thì kẹt danh tự, không thể thấy được.

Hỏi: *Thế nào là Tỳ-lô sư?* Ông thầy này cũng bướng, đã nói kẹt danh từ còn hỏi thầy của pháp thân. Ngài đáp: *Khi chưa có Tỳ-lô hội lấy.* Nghĩa là muốn biết cha, thì lúc có con gọi là cha. Đây ngài nói ngược, muốn biết thầy nhằm khi chưa có tên pháp thân nhận ra thầy của pháp thân.

Tăng hỏi: *Khi bốn núi ép ngặt làm thế nào?* Ngài trả lời rất rõ: *Năm uẩn đều không.* Sở dĩ thấy sanh lão bệnh tử ép ngặt là vì thấy năm uẩn thật có. Thấy thật nên thấy có già đui gấp theo, lo sợ chết gần đến. Nếu thấy năm uẩn đều không thì sanh lão bệnh tử làm gì được.

Tăng hỏi: *Khi một niệm chưa sanh là thế nào?* Ngài đáp: *Thật là lời nói dối.* Vừa khởi nghĩ hỏi là có niệm, hỏi niệm chưa sanh tức là nói dối.

Hỏi: *Trên trời dưới đất chỉ ta là hơn hết, thế nào là ta?* Đây là hỏi khi Thái tử sanh ra, tay chỉ trời tay chỉ đất nói *Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*, như vậy thế nào là ngã (ta)? Ngài đáp: *Xô té ông già Hồ có lỗi gì?* Chữ ngã (ta) trong câu Thái tử mới đản sanh là chỉ cho pháp thân, không phải thân của ngài. Muốn thấy cái ngã đó thì đừng kẹt trên hình tướng, nên nói: *Xô té ông già Hồ có lỗi gì?*

Hỏi: *Thế nào là Hòa thượng sư?* Tức là thầy của Hòa thượng. Ngài đáp: *Đón đó chẳng thấy đầu, theo đó chẳng thấy hình.* Thầy của tôi là ông đón không thấy đầu, ông theo không thấy bóng dáng.

Hỏi: *Khi mặt trời mặt trăng chưa sáng, Phật cùng chúng sanh ở chỗ nào?* Ngài nói: *Thấy lão tăng giận*

liền nói giận, thấy lão tăng mừng liền nói mừng. Khi mặt trời mặt trăng chưa sáng là lúc hỗn độn sơ khai chưa có trời đất rõ ràng thì Phật, chúng sanh ở đâu? Ngài liền đáp: Thấy lão tăng giận liền nói giận, thấy lão tăng mừng liền nói mừng. Câu này muốn nói gì? Người tu chỉ nhìn thẳng thực tại hiện hữu, đừng nghĩ tới quá khứ xa xôi. Thực tại hiện hữu nên thấy tôi giận thì nói giận, thấy tôi mừng thì nói mừng, ngay đây không nói chuyện xa vời.

Chính ý nghĩa này làm sáng tỏ tinh thần bài kinh Tiễn Dự trong Trung A-hàm. Có Sa-môn hỏi Phật: Thế giới hữu biên hay vô biên, con người sau khi chết là thường hay đoạn?... Nếu Phật trả lời thì con theo ngài tu, không trả lời thì con hoàn tục. Phật quả ngu si, người hãy nhìn thẳng thân này là khổ hay không khổ, thấy thẳng cái hiện tại đây để giải quyết, còn cái xa vời kia chưa cần biết. Cái khổ hiện tại có hay không? Hãy giải quyết nó đi.

Sư hỏi một vị tăng mới đến:

- Ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Ở núi đông núi tây lễ Tổ sư mới đến.

Sư bảo:

- Tổ sư không ở núi đông núi tây.

Tăng lặng câm.



Trà đầu (Tăng phụ trách nước uống) vào phương trượng thưa hỏi. Sư bảo:

- Hãy đi, đợi khi không người sẽ đến, ta vì Xà-lê nói.

Hôm sau, Trà đầu rình đợi lúc không người đến thưa:

- Thỉnh Hòa thượng nói.

Sư bảo:

- Lại gần đây.

Trà đầu đến gần. Sư bảo:

- Liền chẳngặng nói lại cho người.

Trà đầu vào phương trượng thưa hỏi, ngài bảo: *Hãy đi, đợi khi không người sẽ đến, ta vì Xà-lê nói.* Hôm sau Trà đầu rình đợi lúc không người đến thưa thỉnh. Ông tăng này quá lương thiện. Ngài bảo đợi khi không người đến sẽ nói, không người này là lúc vắng, lúc tôi rảnh hay lúc nào? Ngài khéo nhắc chỗ đẹp sạch tình thức, nhưng Trà đầu tưởng Hòa thượng bảo mình khi nào vắng người đến. Ông đến thỉnh, thì ngài bảo: *Lại gần đây.* Tăng lại gần, ngài nói: *Liền chẳngặng nói lại cho người.* Câu gì mà bảo chẳngặng nói lại? Chưa nói bảo đừng nói lại, vậy là có nói chưa? Đó là một cách nói khéo làm cho Trà đầu bị gạt. Ngài cố tình gạt chẳng? Một lối chỉ dạy không dùng ngôn ngữ.

Tăng hỏi:

- Sư tử là vua trong loài thú, tại sao bị sáu trần nuốt?

Sư đáp:

- Đừng ngạo mạn, không ngã nhân.

Tăng hỏi: *Sư tử là vua trong loài thú, tại sao bị sáu trần nuốt?* Sư tử tức là chỉ cho ông chủ, bị sáu trần nuốt tức là sáu căn bị sáu trần kéo lôi. Ngài đáp: *Đừng ngạo mạn, không có ngã nhân.*

Sư ở núi Đầu Tử hơn ba mươi năm, những thiền khách qua lại tham vấn thường đầy cả thất. Sư dùng biện tài vô úy tùy hỏi liền đáp, ứng cơ đối đáp lời lẽ tinh vi rất nhiều, đây lược ghi ít phần mà thôi.

Đời Đường niên hiệu Trung Hòa (881-885) giặc cướp nổi dậy, dân chúng tán loạn, có bọn cuồng đồ cầm đao lên núi, hỏi Sư:

- Ở đây làm gì?

Sư tùy nghi thuyết pháp, bọn chúng nghe đều bái phục, cõi y phục cúng dường, rồi giải tán.

Thời Ngũ Đại niên hiệu Càn Hóa năm thứ tư (914) ngày mùng sáu tháng tư, Sư có chút ít bệnh. Đại chúng rước thầy thuốc. Sư bảo chúng:

- Động tác của tứ đại hợp tan là phép thường, các người chớ lo, ta tự giữ lấy.

Nói xong, Sư ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Thọ 96 tuổi, vua ban hiệu là Từ Tế đại sư, tháp hiệu Chân Tịch.

Ngài sắp tịch, có chút ít bệnh. Đại chúng rước thầy thuốc, ngài bảo: *Động tác của tứ đại hợp tan là phép thường, các người chớ lo, ta tự giữ lấy.* Nói xong, ngài kiết già an nhiên thị tịch. Thường người đời nói rằng có sanh có tử, nhưng với ngài thì không có sanh tử. Thân này do tứ đại, khi hợp gọi là sanh, khi tan gọi là tử. Hợp hay tan là việc của tứ đại, còn ta không có sanh tử. Người xưa khi thấy đạo rồi, không bị mắc kẹt trong hợp tan của tứ đại. Các ngài không thấy có sanh tử thật, ngay trong sanh tử thể nhập được lý vô sanh. Đây là điều đặc biệt.



THIÊN SƯ THIỀN HỘI Ở GIÁP SƠN

(805 - 881)

Sư họ Liêu, quê ở Hiện Đình, Quảng Châu. Lúc chín tuổi, Sư xuất gia tại núi Long Nha, Lễ Châu. Sau, Sư đến Giang Lăng tập học kinh luận chuyên luyện tam học và gắng sức tham thiền. Sư trụ trì tại Kinh Khẩu (Lễ Châu), một hôm nhân Đạo Ngô Viên Trí đi đến, rồi mách Sư đến tham vấn Hoa Đình Thuyền Tử, do đó được ngộ đạo. Sư trốn ẩn nơi vắng vẻ, mà học giả vẫn tấp nập tìm đến.

Đời Đường niên hiệu Hàm Thông thứ mười một (870), toàn chúng thỉnh Sư đến trụ tại Giáp Sơn, nơi đây liền biến thành thiền viện.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Từ có Tổ đến đây, người ta lầm hội, nối nhau đến nay đều lấy lời Phật tổ làm mô phạm dạy người. Như thế, trở thành kẻ cuồng người vô trí rồi. Kia chỉ

bày tỏ cho các người: “Không pháp vốn là đạo, đạo không một pháp; không Phật có thể thành, không đạo có thể đắc, không pháp có thể thủ, không pháp có thể xả.” Cho nên lão tăng nói: Trước mắt không pháp, ý tại trước mắt (mục tiền vô pháp, ý tại mục tiền). Kia chẳng phải là pháp trước mắt. Nếu nhằm bên Phật tổ mà học, người này chưa có mắt sáng, đều thuộc về pháp có chỗ nương không được tự tại, vẫn là thức tánh sanh tử mênh mang không có phần tự do.

Ngàn muôn dặm tìm thiện tri thức, cốt có cái thấy chân chánh hằng thoát khỏi hư dối, định lấy cái sanh tử trước mắt xem là thật có hay là thật không? Nếu có người định được lẽ này, hứa nhận ông sẽ giải thoát.

Người thượng căn ngay lời nói liền rõ đạo; kẻ căn khí bậc trung bậc hạ chạy lăng xăng như sóng bủa. Sao chẳng nhằm trong sanh tử mà nhận lấy? Chỗ nào lại nghi Phật nghi Tổ thế cái sanh tử cho ông được sao? Người trí sẽ cười ông. Nghe kệ đây:

*Lao trì sanh tử pháp
Duy hướng Phật biên cầu.
Mục tiền mê chánh lý
Bát hỏa mịch phù âu.*

Dịch:

Nhọc gìn pháp sanh tử
Chỉ nhằm bên Phật cầu.

Trước mắt lâm lý chánh

Trong lửa bốt có đâu.

Ngài thượng đường dạy chúng: *Từ có Tổ đến đây, người ta lâm hội, nối nhau đến nay đều lấy lời Phật tổ làm mô phạm dạy người. Như thế, trở thành kẻ cuồng người vô trí rồi.* Lấy lời Phật lời Tổ làm mô phạm dạy người là hợp lý, tại sao ngài nói trở thành kẻ cuồng người vô trí? Chúng ta phải nghiệm thật kỹ chứ không thì mắc kẹt. Như tôi lấy tay chỉ cái đèn ở đây, người nào muốn thấy cái đèn thì nung ngón tay mà thấy. Có người nhìn ngay đầu ngón tay tôi, nói cái đèn chỗ đầu ngón tay này thì được không? Có phải cuồng vô trí không?

Kinh Phật lời Tổ là phương tiện để chỉ cái chân thật, nếu chấp vào phương tiện cho đó là thật rồi bám vào đó, chẳng khác nào chấp ngón tay quên mặt trăng. Ý ngài nhắc người học không chịu nhận cái thật của mình, chỉ theo phương tiện truyền tụng của kinh Phật lời Tổ lấy đó đi nói đi khoe. Dẫn chứng câu này lời họ nghe như hay, nhưng thật tình không thấy được mình. Đó gọi là kẻ cuồng, người vô trí.

Kia chỉ bày tỏ cho các người: Không pháp vốn là đạo. Kia tức là lời trong kinh trong luận. *Đạo không một pháp*, đạo là tâm thể thanh tịnh không có một pháp nào, nên nói đạo không một pháp. *Không Phật có thể thành, không đạo có thể đắc, không pháp có thể thủ, không pháp có thể xả.* Những câu này nghe rất nặng. Không Phật có thể thành, như vậy tu để làm chi? Có người nào không nghĩ rằng tôi tu để thành Phật không? Tại sao ngài nói *Không Phật có thể thành?*

Ví dụ tấm gương vốn trong sáng, bây giờ bị bụi phủ mờ, chúng ta lấy đồ chùi lau gương sáng ra. Cái sáng ra đó mới được hay là có sẵn? Gương bị bụi tối, khi chùi thấy sáng tưởng như mới, bản chất gương là sáng, tối là tại bụi, không phải tại gương, khi sáng là trở về cái cũ của nó, không có gì mới thành. Phật là Phật sẵn có mà bị vô minh phiền não che phủ, khi dẹp sạch vô minh phiền não thì Phật hiện như xưa không có gì để thành. Như chúng ta đem mấy tấm ván ráp đóng thành cái bàn, thì nói cái bàn là cái mới có. Còn đây là Phật sẵn, hết vô minh Phật vẫn như xưa, vì thế nói *không Phật có thể thành*.

Không đạo có thể đắc, đạo là thể tánh chân thật cũng không phải mới được. *Không pháp có thể thủ, không pháp có thể xả*, chúng ta có xả phiền não không? Xả rồi đổ ở đâu? Phàm những gì bỏ đi, đem đổ chỗ chứa rác. Còn xả phiền não thì đem đi đâu? Không chỉ được chỗ đổ thì có xả gì? Nó không thật lấy gì xả. Chỉ vì chúng ta quen chấp những thứ không thật cho là thật, nên nói xả phiền não này kia. Đó là chỉ lối nói không có thật.

Cho nên nói: Trước mắt không pháp, ý tại trước mắt. Rõ ràng trước mắt không pháp, ý ở ngay trước mắt. *Kia chẳng phải là pháp trước mắt*. Kia tức là chỉ cho thể chân thật không phải là pháp trước mắt. *Nếu nhằm bên Phật tổ mà học, người này chưa có mắt sáng, đều thuộc về pháp có chỗ nương không được tự tại, vẫn là thức tánh sanh tử mênh mang không có phần tự do*. Nghĩa là còn trông vào Phật còn tựa vào Tổ thì người đó còn nương tựa, chưa sáng mắt, không được tự tại, vẫn bị nghiệp thức lôi đi trong sanh tử.

Ngàn muôn dặm tìm thiện tri thức, cốt có cái thấy chân chánh hằng thoát khỏi hư dối. Cái thấy chân chánh là thấy tâm chân thật để thoát khỏi hư dối. Cái gì là hư dối? Tứ đại là hư dối, tất cả những tư tưởng nghĩ suy là hư dối. Biết rõ chúng hư dối, nhận ra chân thật ngay nơi mình, nên nói cốt tìm cái thấy chân chánh để thoát khỏi hư dối.

Định lấy cái sanh tử trước mắt xem là thật có hay là thật không? Như vậy thì quyết định xem, cái sanh tử hiện giờ là thật có hay thật không? Quyết định được chăng? Nếu có người định được lẽ này, hứa nhận ông sẽ giải thoát. Nếu quyết định rằng sanh tử hiện giờ là không thật có, chắc chắn các ông sẽ giải thoát. Nếu nói nó thật có, chắc chắn các ông trầm luân không nghỉ ngơi, tại sao? Vì thấy sanh tử thật thì thân này thật. Thấy thân thật mà mất thì nguy quá nên rất sợ mất thân. Bởi sợ mất thân nên nó vừa mất liền tìm thân khác gá sanh, không để mất. Như thế luôn đi trong luân hồi.

Như có người rất sợ chết, họ đang trèo lên cây cau hoặc cây dừa cao mười mấy thước, gần đó có bụi tre gai. Khi đang lên trên cao chợt sẩy tay rớt, thì họ chụp đại tre gai hay để rớt xuống đất chết? Tuy biết nó là cây gai nhưng vì sợ chết vẫn níu chụp. Cũng vậy, khi thân này sắp hoại chúng ta sợ mất thân, nên dù đi trong lục đạo tốt xấu đều chạy đến chụp thọ sanh không có lựa chọn. Nhiều khi gặp thân xấu xí như con chó con heo cũng chui đại vô đó, miễn làm sao có chỗ nương là được. Đây là bệnh thấy thân là thật, phải chấp nhận luân hồi. Nếu thấy thân không thật, sanh tử không thật, không bận tâm

tìm kiếm níu kéo, thì thành thối hết sanh tử. Do đó ngài nói dứt khoát: *Nếu có người định được lẽ này, hứa nhận ông sẽ giải thoát.*

Người thượng căn ngay lời nói liền rõ đạo; kẻ căn khí bậc trung bậc hạ chạy lảng xãng như sóng bữa. Sao chẳng nhằm trong sanh tử mà nhận lấy? Chỗ nào lại nghi Phật nghi Tổ thế cái sanh tử cho ông được sao? Người trí sẽ cười ông. Nghe kệ đây:

*Nhọc gìn pháp sanh tử
Chỉ nhằm bên Phật cầu
Trước mắt lầm lý chánh
Trong lửa bọt có đâu.*

Nhọc gìn pháp sanh tử, vì gìn giữ pháp sanh tử nên khi nghe nói thân đau nặng, thì tâm hoảng hốt, bắt đầu nước mắt tuôn ra, kêu người này cầu người kia... *Chỉ nhằm bên Phật cầu*, nghĩa là tìm cầu xin cứu giúp, rủ huynh đệ đến cầu an, nếu chết thì xin cầu siêu giùm. Cứ như vậy mà cầu, không nhận ông Phật của mình. Nếu nhận ra Phật của mình thì tự do không cầu bên ngoài nữa. Chúng ta dạy Phật tử nên nhận ra cái đó hay chỉ một bề hướng về Phật cầu?

Trước mắt lầm lý chánh. Lý chân thật hiện tiền trước mắt, Phật hiện tại ở ngay nơi mình lại không nhận ra. Vì mê lầm nên tu lầm, chỉ dạy lầm, không đưa người đi đúng đường. *Trong lửa bọt có đâu.* Trong lò lửa có bọt nước không? Chỉ làm việc không công. Tổ quả chúng ta làm việc không ra gì, qua sông một đời tu.

Lời dạy của ngài rất tha thiết, chỉ thẳng chỗ chân thật. Vì thương chúng ta không nhận ra Phật của chính mình, tìm cầu Phật bên ngoài, một nhọc chạy theo sanh tử. Cầu nguyện là thói quen khó bỏ, tuy biết là không thực tế, như tìm bột trong lò lửa, nhưng đa số lầm mê cứ đi theo. Đạo lý chân thật là quay trở về với chính mình, nhận rõ ý này chúng ta hiểu lời dạy của thiền sư Thiện Hội.

Có vị tăng hỏi:

- Từ trước lập ý Tổ và ý kinh, vì sao độ này Hòa thượng nói không?

Sư đáp:

- Ba năm chẳng ăn cơm, trước mắt không người đối.

- Đã không người đối, tại sao con chẳng ngộ?

- Chỉ vì ngộ mê đuổi Xà-lê.

Sư nói tụng:

Minh minh vô ngộ pháp

Ngộ pháp khước mê nhân

Trường thư lưỡng cước thù

Vô ngại diệt vô chân.

Dịch:

Rõ ràng không pháp ngộ

Pháp ngộ đuổi người mê

Đuổi thẳng hai chân ngủ

Không ngại cũng không chân.

Có vị tăng hỏi: *Từ trước lập ý Tổ và ý kinh, vì sao độ này Hòa thượng nói không?* Nghĩa là từ các bậc tiên thánh đều nói có ý Tổ ý kinh rõ ràng, tại sao Hòa thượng nói không? Ngài đáp: *Ba năm chẳng ăn cơm, trước mắt không người đối.* Câu đáp này ý nói gì? Nếu có ăn mới no là thuộc hình tướng sanh diệt không ăn mà không đói là chỉ cái không sanh diệt sẵn có không cần bồi bổ gì hết. Tăng hiểu được ý này nên hỏi: *Đã không người đối, tại sao con chẳng ngộ?* Ngài nói: *Chỉ vì mê ngộ đuổi Xà-lê.* Vì còn thấy hai bên cho nên ông không ngộ.

Ngài nói tụng:

Rõ ràng không pháp ngộ

Pháp ngộ đuổi người mê.

Duỗi thẳng hai chân ngủ

Không ngủy cũng không chân.

Người tu rất mong được chứng ngộ, khởi tâm tìm cầu pháp ngộ. Ngài khẳng định không có pháp nào gọi là mê hay ngộ, chỉ vì thấy có ngộ có mê, là hai pháp đuổi nhau. Người không còn thấy có hai bên mê ngộ khác nhau, đuổi thẳng hai chân ngủ, không còn ngủy cũng không còn chân.

Chúng ta thử suy nghĩ, điều gì không dính hai bên, không kẹt mê ngộ, phạm thánh... lúc đó tâm thế nào? Rõ ràng không dính hai bên là chỗ chân thật, nếu còn suy nghĩ đây là Niết-bàn kia là sanh tử, đây là chân như kia là phiền não... đều còn có hai bên, còn có xao xuyến. Không còn có niệm hai bên thì lúc đó an ổn,

nằm duỗi thẳng chân ngủ. Như vậy đạo lý không xa vời, không cần tìm ngộ bỏ mê, chỉ cần không dính hai bên. Ngài thường dùng chữ “thùng sơn” ý quả trách cái dính khẩn của người tu.

Sư có nuôi một đạo nhỏ theo làm thị giả đã lâu, sau khi Sư dừng trụ bèn khiến đi hành khước. Ông đạo đi khắp các thiền hội mà không có chỗ dụng tâm, nghe thầy họp chúng dạy đạo nổi danh vang dậy. Ông bèn trở về hầu hạ, thưa:

- Hòa thượng có việc kỳ đặc như thế, tại sao trước chẳng chỉ dạy cho con?

Sư bảo:

- Người nấu cơm thì ta nhóm lửa, người bưng dọn thì ta giở chén, có chỗ nào mà ta cô phụ người?

Ông đạo nhân đây ngộ nhập.

Ngài có nuôi một ông đạo nhỏ sai làm thị giả đã lâu, sau ngài trụ Giáp Sơn bèn sai đi tham vấn các nơi. Ông thầy nhỏ này tham vấn các nơi, không được gì, nghe thầy mình dạy chúng nổi danh, ông trở về trách thầy: *Hòa thượng có việc kỳ đặc như thế, tại sao trước chẳng chỉ dạy cho con?* Ngài trả lời: *Người nấu cơm thì ta nhóm lửa, người bưng dọn thì ta giở chén, có chỗ nào mà ta cô phụ người?* Ngay đó ngộ nhập, ông thầy này cũng lãnh lợi.

Có đại đức đến hỏi:

- Về ý kinh thì con chẳng nghi, chỉ việc trong thiền môn là thế nào?

Sư đáp:

- Lão tăng cũng chỉ biết biến sống thành chín.
- Thế nào là lý thật tế?
- Cây trên đá không rễ, núi ngậm mây chẳng động.
- Thế nào là sư tử ra khỏi hang?
- Hư không chẳng hình bóng, dưới chân mây đồng nội dậy.

Có đại đức đến hỏi: *Về ý kinh thì con chẳng nghi, chỉ việc trong thiền môn là thế nào?* Ngài đáp: *Lão tăng cũng chỉ biết biến sống thành chín.* Trong thiền môn chỉ có việc biến sống thành chín. Như trái xoài hay trái mít, sống và chín cũng là trái đó, chỉ khác là khi sống thì chua chát không ăn được, chín thì ngọt thơm. Nhà thiền cũng vậy, chúng sanh sẵn có cái đó mà khi chưa nhận ra, chưa được viên mãn thì các ngài nói là sống, khi chỉ cho nhận ra rồi các ngài nói là chín, biến sống thành chín, không cho thêm gì cả.

Tăng hỏi: *Thế nào là lý thật tế?* Ngài đáp: *Cây trên đá không rễ, núi ngậm mây chẳng động.* Lý thật tế là như vậy, cây mọc trên đá không có rễ, núi ngậm mây không dấy động.

Hỏi: *Thế nào là sư tử ra khỏi hang?* Sư tử là ông chủ, ra khỏi hang là dụng. Khi sư tử ra khỏi hang đi tìm mồi, đó là khi ông chủ đã khởi dụng. Ngài trả lời: *Hư không chẳng hình bóng, dưới chân mây đồng nội dậy.* Trong hư không có hình bóng gì không? Trong bầu hư không đó, khi nắng rồi mưa, hơi dưới đất bốc lên

thành mây, mây nổi lên trong hư không. Đó là trả lời câu hỏi sư tử ra khỏi hang. Sư tử dụ cho hư không, ra khỏi hang là dụ cho mây đồng nội dậy.

Trong hội của Sư có một vị tăng đi đến Thạch Sương, vào cửa liền nói:

- Chào Thầy!

Thạch Sương bảo:

- Chẳng cần, Xà-lê.

Tăng liền nói:

- Thế ấy thì trân trọng.

Tăng lại đi đến Nham Đầu, cũng nói:

- Chào Thầy!

Nham Đầu bèn “Hư! Hư!”

Tăng nói:

- Thế ấy thì trân trọng.

Tăng vừa bước trở ra, Nham Đầu bảo:

- Tuy là hậu sanh cũng khá sắp xếp.

Tăng về tường thuật cho Sư. Hôm sau, Sư lên tòa bèn gọi:

- Vị tăng hôm qua từ Thạch Sương Nham Đầu về, ra đây thuật lại lời trước xem.

Tăng thuật xong, Sư bảo:

- Đại chúng lại hội chằng? Nếu không người nói, lão tăng chằng tiếc hai sợi lông mày để nói ra.

Thạch Sương tuy có dao sát nhân mà không có kiếm hoạt nhân. Nham Đầu có dao sát nhân cũng có kiếm hoạt nhân.

Có vị tăng trong hội của ngài đi đến Thạch Sương, vào cửa liền nói: *Chào Thầy!* Ngài Thạch Sương bảo: *Chẳng cần, Xà-lê.* Tăng liền nói: *Thế ấy thì trân trọng.* Trân trọng là chào ra đi.

Tăng lại đi đến ngài Nham Đầu nói: *Chào Thầy!* Nham Đầu bèn *Hư! Hư!* Hai tiếng “hư hư” đâu có gì để nói, Tăng cũng trân trọng chào đi. Khi ra đi, ngài Nham Đầu nói thêm một câu: *Tuy là hậu sanh cũng khá sắp xếp.* Đó là câu khen, nếu vị tăng này lãnh lợi thì có hành động để đổi lại. Nhưng ông không nói câu gì, về thuật lại với ngài Thiện Hội. Ngài bảo: *Đại chúng lại hội chăng? Nếu không người nói, lão tăng chẳng tiếc hai sợi lông mày để nói ra.* Bèn nói: *Thạch Sương tuy có dao giết người, không có kiếm cứu người. Nham Đầu cũng có dao giết người cũng có kiếm cứu người.*

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Giáp Sơn?

Sư đáp:

Vượn bông con về ngọn núi biếc

Chim ngậm hoa đậu trước non xanh.

Giáp Sơn là cảnh của ngài ở. Giả sử có người đến hỏi: Thế nào là cảnh Thường Chiếu? Chúng ta trả lời thế nào? Cửa bước vào có hai hàng dương, bên phải là ruộng, bên trái là hàng đào hay vườn đào. Đó là cảnh

của đất đai cây cối, không phải cảnh của mình. Nói về cảnh của mình tức là nói chỗ sở đắc. Vì thế ngài trả lời: *Vượn bông con về ngọn núi biếc, chim ngậm hoa đậu trước non xanh*. Câu này nên thơ, cảnh Giáp Sơn là như vậy, phải không? Ý ở đây còn liên hệ tông Tào Động, cứu cánh là nhiếp dụng quy thể. Vượn chim trở về núi, đó là dụng trở về thể.

Đời Đường niên hiệu Trung Hòa năm đầu (881) ngày mừng bảy tháng mười một, Sư gọi Chủ sự bảo:

- Ta cùng chúng tăng nói pháp nhiều năm, ý chỉ thâm sâu của Phật pháp mỗi người nên tự biết. Nay chất huyễn của ta khi hết liền đi, các ông khéo gìn giữ như ngày ta còn, chớ giống như người đời sinh ra buồn thảm.

Ngay đêm ấy, Sư an nhiên mà tịch, thọ 77 tuổi, 57 tuổi hạ. Vua phong là Truyền Minh đại sư, thụy hiệu Vĩnh Tế.

Ngài sắp tịch, dặn dò đệ tử, ngài dạy đã lâu nói đã nhiều, việc tu hành mỗi người hãy gắng tự biết.

Nay chất huyễn của ta khi hết liền đi, các ông khéo gìn giữ như ngày ta còn, chớ giống như người đời sinh ra buồn thảm. Người đạt đạo thấy thân này như huyễn, hết duyên liền đi, nhất định giải thoát không ràng buộc. Nếu còn thấy thật tức còn trầm luân. Ngài để lại lời căn dặn: *Các ông phải khéo gìn giữ như ngày ta còn.* Nghĩa là khi ta còn thì việc tu hành như vậy, ta đi thì cũng phải giữ như vậy, đó là tốt. Không nên bày ra khóc lóc giống như phạm tình. Đó là tinh thần của người tu.

Học ngôn hạnh các thiền sư, chúng ta thấy rõ con đường sanh tử không khó thoát ra. Thấy khó là tại chúng ta chấp mê thân không thật, tâm duyên theo sáu trần không thật. Từ cái chấp đó mà dính hết sáu trần, vì vậy cứ chìm trong sanh tử. Nếu phá được chấp mê đó, thấy thân này như huyễn hóa, đủ duyên thì hợp thiếu duyên thì tan, còn có một cái không sanh diệt. Như thế là giải thoát không nghi ngờ.



ĐỜI THỨ NĂM SAU LỤC TỔ

PHÁI HOÀI NHƯỢNG

I- NỐI PHÁP HOÀNG BÁ HY VẬN

có mười hai vị

- 1- Thiên sư Lâm Tế Nghĩa Huyền**
- 2- Mục Châu Trần Tôn Túc**
- 3- Thiên sư Sở Nam núi Thiên Khoảnh**
- 4- Thiên sư Linh Quán núi Ô Thạch**
- 5- Thiên sư Tông Triệt viện La Hán**
- 6- Thiên sư Lục Hợp Đức Nguyên**
- 7- Thiên sư Sĩ Môn Tán**
- 8- Thiên sư Chánh ở Tương Châu**
- 9- Thiên sư Hoằng Tuyên núi Ngô Môn**
- 10- Thiên sư Siêu ở U Châu**
- 11- Thiên sư Hiến ở Tương Châu**
- 12- Tướng quốc Bùi Hưu**

II- NỐI PHÁP QUY SƠN LINH HỰU

có bốn mươi ba vị

- 1- Thiên sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch**
- 2- Thiên sư Hương Nghiêm Trí Nhàn**

- 3- Thiền sư Diên Khánh Pháp Đoan**
- 4- Thiền sư Kính Sơn Hồng Nhân**
- 5- Thiền sư Linh Vân Chí Cẩn**
- 6- Thiền sư Cửu Phong Từ Huệ**
- 7- Hòa thượng Ứng Thiên ở Ích Châu...**

III- NỐI PHÁP HÒA THƯỢNG THIÊN LONG

có hai vị

- 1- Hòa thượng Câu Chi núi Kim Hoa**
- 2- Thiền sư Ngạn Trung nước Tân La**

IV- NỐI PHÁP TRƯỜNG SA CẢNH SÂM

có hai vị

- 1- Thiền sư Thường Thông núi Tuyết Đậu**
- 2- Thiền sư Nghiêm Linh núi Kim Hoa**

V- NỐI PHÁP THIỀN SƯ ĐẠI NGU

có một vị

- 1- Ni Mạt Sơn Liễu Nhiên**

VI- NỐI PHÁP LONG ĐÀM SÙNG TÍN

có hai vị

- 1- Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám**
- 2- Hòa thượng Lạc Đàm Bảo Phong**



THIÊN SƯ NGHĨA HUYỀN Ở LÂM TẾ

(? - 867)

Khai Tổ tông Lâm Tế

Ngài Lâm Tế đối với Phật giáo Việt Nam rất hệ trọng, tất cả tăng ni cư sĩ đều có ít nhiều liên hệ tới tông Lâm Tế. Như các Hòa thượng khi thị tịch, trên bài vị đều có câu “Tự Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tam, Tứ Thập Tứ...”, nghĩa là kế thừa dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ bốn mươi ba hoặc bốn mươi bốn... Các Phật tử trước đây quy y, lá phái bằng chữ Hán luôn luôn để Lâm Tế Chánh Tông hoặc Lâm Tế Gia Phổ. Như vậy kế thừa dòng Lâm Tế mà có biết tổ Lâm Tế là ai, ngài tu làm sao, ngài dạy cái gì? Nếu không biết thì đó là kế thừa rỗng, chỉ có danh tự không có thực chất.

Tổ Lâm Tế ra đời khoảng thế kỷ thứ IX, hệ phái của ngài đến bây giờ vẫn còn truyền bá, chứng tỏ sức dài lâu mạnh bền. Muốn thấy chỗ kỳ đặc của ngài, muốn biết sự truyền thừa bền vững lâu dài đó, chúng ta

phải tìm hiểu rõ chỗ thâm ngộ và tinh thần truyền bá của ngài như thế nào. Hiểu được thì mới thấy cái hay của người xưa, nếu không hiểu thì đọc sử của ngài mà không biết nói gì. Nhất là ngài Lâm Tế có nhiều việc kỳ đặc, lời dạy của ngài rất lạ, người tầm thường không hiểu nổi.

Sư hiệu Nghĩa Huyền họ Hình quê ở Nam Hoa thuộc Tào Châu. Thuở nhỏ Sư đã có chí xuất trần, đến lớn xuất gia thọ giới Cụ túc. Thường dừng các nơi giảng pháp, nghiên cứu tinh tường giới luật, thâm hiểu kinh luận, Sư than rằng: “Đây là phương thuốc cứu đời, chưa phải yếu chỉ của giáo ngoại biệt truyền.” Sư liền đi du phương.

Ngài Lâm Tế khi xuất gia, thọ giới Cụ túc rồi thường dừng ở các nơi giảng pháp, ngài đến đó học hỏi, nghiên cứu tinh tường giới luật và thâm hiểu kinh luận. Tuy thông hiểu kinh luận, nhưng ngài không hài lòng mà than rằng: *Đây là phương thuốc cứu đời, chưa phải yếu chỉ của giáo ngoại biệt truyền.*

Kinh luận luận là phương thuốc cứu đời, cứu được cái khổ chúng sanh là điều quý, tại sao ngài lại không bằng lòng, đòi phải được giáo ngoại biệt truyền? Đức Phật thuyết pháp như thầy thuốc trị bệnh cho chúng sanh, chúng sanh có bệnh nào thì ngài nói pháp đó. Nếu là bệnh rét thì dùng thuốc rét trị, bệnh đau bụng thì dùng thuốc đau bụng trị... Mỗi thứ thuốc trị mỗi thứ bệnh, đó là pháp đối cơ, là phương tiện tùy thời. Nếu người không bệnh có cần thuốc không? Lục Tổ nói “Phật nói tất cả pháp

vì độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu cần tất cả pháp”. Như vậy người có bệnh mới cần thuốc, kinh luật luận như là phương tiện, còn giáo ngoại biệt truyền là chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, ai cũng có cái đó, ai cũng thành Phật, không đợi riêng có bệnh mới trị.

Trước nhất, Sư đến hội Hoàng Bá. Ở đây, Sư oai nghi nghiêm chỉnh đức hạnh chu toàn. Thủ tọa (Trần Tôn Túc) thấy khen rằng: “Tuy là hậu sanh cùng chúng chẳng giống.” Thủ tọa bèn hỏi:

- Thượng tọa ở đây được bao lâu?

Sư thưa:

- Ba năm.

- Từng tham vấn chưa?

- Chưa từng tham vấn, cũng chẳng biết tham vấn cái gì?

- Sao Thầy không đến hỏi Hòa thượng đường đầu, thế nào là đại ý Phật pháp.

Sư liền đến hỏi. Chưa dứt lời, Hoàng Bá liền đánh. Sư trở xuống, Thủ tọa hỏi:

- Hỏi thế nào?

Sư thưa:

- Tôi hỏi lời chưa dứt, Hòa thượng liền đánh, tôi chẳng hội.

- Nên đi hỏi nữa.

Sư lại đến hỏi, Hoàng Bá lại đánh. Như thế ba phen hỏi, bị ba lần đánh. Sư đến bạch Thủ tọa:

- Nhờ lòng từ bi của Thầy dạy tôi đến thưa hỏi Hòa thượng, ba phen hỏi bị ba lần đánh, tôi tự buồn chướng duyên che đậy không lãnh hội được thâm chỉ. Nay xin từ giã ra đi.

- Nếu khi Thầy đi nên đến giã từ Hòa thượng rồi sẽ đi.

Sư lễ bái trở về phòng. Thủ tọa đến thất Hòa thượng trước, thưa:

- Người đến thưa hỏi ấy, thật là đúng pháp, nếu khi đến từ, Hòa thượng dùng phương tiện tiếp y, về sau đục đẽo sẽ thành một gốc đại thọ che mát người trong thiên hạ.

Sư đến từ. Hoàng Bá bảo:

- Chẳng nên đi chỗ nào khác, người đi thẳng đến Cao An chỗ thiền sư Đại Ngu, ông ấy sẽ vì người nói.

Ngài du phương đến Hoàng Bá, trong hội này ngài oai nghi nghiêm chỉnh đức hạnh chu toàn. Nghĩa là đi đứng nằm ngồi, hoạt động nào cũng đầy đủ oai nghi không thô tháo như người thường. Ngài ở trong hội ngài Hoàng Bá ba năm mà chưa hỏi một câu. Tại sao? Vì ngài là người rất nghiêm túc điềm đạm không bộp chộp hấp tấp. Chúng ta thì tới đâu cũng muốn khoe kiến giải, hỏi chỗ này hỏi chỗ kia lằng xằng mà rốt cuộc chưa có cái nhìn thấu đáo. Còn ngài tuy ở lâu, nhưng để nghiệm xem

huynh đệ hỏi thế nào, Hòa thượng dạy thế nào, từ từ cho thấm. Thủ tọa Trần Tôn Túc là bậc thấy đạo, nhìn qua hành động tư cách của ngài Lâm Tế nên lưu tâm.

Mới nghe dường như ngài là người dốt, nhưng kỳ thực không phải. Thủ tọa chú ý đến ngài, Hòa thượng dường đầu có chú ý không? Ngài Hoàng Bá cũng đã chấm ngài rồi. Nghĩa là tuy chưa hỏi câu nào mà đã đánh dấu trước, nên khi lên hỏi thì xử sự khác, đâu phải ai hỏi cũng cho ăn đòn. Thuật đó chỉ dùng với người tương đối đã chọn lựa kỹ. Đừng tưởng rằng ai hỏi ngài Hoàng Bá cũng đánh, không phải vậy. Tất cả người khác hỏi ngài không đánh, mà tới Lâm Tế hỏi ngài đánh. Tại sao Thủ tọa không xúi người khác hỏi, lại xúi ngài Lâm Tế? Vì trong chúng ngài Lâm Tế có tư cách đặc biệt, nên dành riêng cái ưu tiên cho ngài. Ưu tiên bằng cách ăn gậy.

Qua đoạn này, chúng ta thấy như ngài Hoàng Bá tàn nhẫn, với câu hỏi có lý: *Thế nào là đại ý Phật pháp?* Đại ý Phật pháp là giác ngộ, giải thoát... Đó là ngôn ngữ bình thường. Nhưng với ngài Hoàng Bá, hỏi câu đó rồi liền đánh, không trả lời. Không phải một lần, hỏi lần thứ hai cũng đánh, tới lần thứ ba hỏi cũng đánh. Người đến hỏi mà cứ bị ăn đòn, không được dạy một câu một lời thì có tủi thân không? Nếu chúng ta bây giờ bị đánh một lần chắc xách gói đi liền, đừng nói tới lần thứ hai thứ ba. Ngài Lâm Tế ẩn nhẫn hỏi ba lần cũng đều bị đòn, tự nghĩ chớ duyên che đậy nên chuẩn bị ra đi.

Như thế là ngài Hoàng Bá cố tình đánh đuổi đi hay cố tình làm gì? Phàm việc gì có ảnh hưởng lâu dài sâu đậm là làm cho chúng ta rất đau khổ. Cái mà chúng ta

đau khổ tột cùng thì cái đó nhớ suốt đời không quên. Đây là thuật đặc biệt của ngài Hoàng Bá đối với ngài Lâm Tế. Đánh cho đủ ba lần, không kham nữa mới từ giã ra đi, khi đó trong lòng đã đau khổ vô cùng. Tại sao mình thiếu duyên thiếu phúc mà ai nấy hỏi được giải đáp còn mình lại ăn đòn? Nỗi khổ ấy chồng chập thống thiết bên trong.

Khi từ giã đi, ngài Hoàng Bá chỉ bảo đến *Cao An chỗ thiền sư Đại Ngu*, sẽ vì ông mà nói. Trên đường đi này ít ra cũng năm bảy ngày, nỗi thống khổ dồn dập tích chứa trong lòng đến cả chục ngày.

Sư đến Đại Ngu. Đại Ngu hỏi:

- Ở chỗ nào đến?

Sư thưa:

- Ở Hoàng Bá đến.

- Hoàng Bá có dạy lời gì?

- Con ba phen hỏi đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh. Chẳng biết con có lỗi hay không lỗi?

- Bà già Hoàng Bá đã vì người chỉ chỗ tột khổ, lại đến đây hỏi có lỗi không lỗi?

Ngay câu nói ấy, Sư đại ngộ, thưa:

- Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.

Đại Ngu nắm đứng lại, bảo:

- Con quý đái dầm! Vừa nói có lỗi không lỗi, giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều. Người thấy đạo lý gì, nói mau! Nói mau!

Sư liền cho vào hông Đại Ngu ba thoi. Đại Ngu buông ra, nói:

- Thầy của người là Hoàng Bá, chẳng can hệ gì việc của ta.

Sư từ tạ Đại Ngu trở về Hoàng Bá.

Như chúng ta cũng nói thế thôi, thưa hỏi mà không biết câu đó có xúc phạm Hòa thượng không? Cứ trình bày chỗ nghi trong lòng. Muốn nhờ ngài Đại Ngu phán xét là có lỗi hay không lỗi. Ngài Đại Ngu là bậc tri âm của ngài Hoàng Bá, nghe nói liền biết Hoàng Bá dùng thủ thuật gì với người này. Ngài nói: *Bà già Hoàng Bá đã vì người chỉ chỗ tốt khổ, lại đến đây hỏi có lỗi không lỗi?*

Ngài nhấn mạnh ngài Hoàng Bá chỉ tận chỗ tốt khổ rồi, tốt khổ là tốt cùng của nỗi khổ, nếu thấy được chỗ đó là qua khỏi hết khổ, ông còn nghĩ có lỗi không lỗi là còn nghĩ trong đối đãi, làm sao hiểu được Hoàng Bá? Nghe tới đó ngài Lâm Tế bưng ngộ, thấy được chỗ Hoàng Bá dạy, liền thốt lên câu: *Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.*

Thật ra chân lý hết sức đơn giản, do vọng tưởng của chúng ta mà trở thành phiền toái. Khi thấy được chân lý đơn giản này ngài Lâm Tế thốt lên câu: Phật pháp Hoàng Bá không nhiều. Ngài Đại Ngu biết gã này đã thấy, nhưng còn e dè chưa biết thấy tốt cùng hay mơ hồ, ngài bèn nắm lại bảo: *Con quỷ đái dầm, vừa nói có lỗi không lỗi, giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều. Người thấy đạo lý gì, nói mau! Nói mau!* Đó là thúc giục trình chỗ thấy ra xem.

Ngài Lâm Tế bị ăn đòn ba lần thì phải trả bằng như vậy. Chỗ ngộ của ngài không qua một lời của Hoàng Bá, bây giờ trả lại chỗ ngộ đó bằng cái gì? Nếu dùng lời thì không phải chỗ mình thấy nên thôi lại ba thôi. Đó là trung thực chỉ cái thấy của mình cho ngài Đại Ngu. Ngài biết chú này xong việc, liền đẩy ra bảo: *Thầy của người là Hoàng Bá không can hệ gì tới ta.*

Khi ngài Hoàng Bá giới thiệu Lâm Tế tới ngài Đại Ngu, ngài đã biết ý Hoàng Bá thế nào rồi. Khi xong việc thấy người đệ tử đó đã ngộ, thật ra nếu không có ba gậy của Hoàng Bá, thì làm gì tới đây ngộ được, nên ngài Đại Ngu trả Lâm Tế đâu về đó. Lời giải của ngài Đại Ngu chỉ là gạt lại, Hoàng Bá đã tốt cùng với ông. Lâm Tế nghĩ đánh ba gậy là phạt, là quả là rầy, không ngờ vì nhiệt tình muốn đưa mình tới chỗ đạt đạo. Chừng biết được mới giật mình liền ngộ.

Hoàng Bá thấy Sư về, liền bảo:

- Kẻ này đến đến đi đi, biết bao giờ liễu ngộ.

Sư thưa:

- Chỉ vì tâm lão bà quá thiết tha, nên nhân sự đã xong, đứng hầu.

- Đến đâu về?

- Hôm trước vâng lời dạy của Hòa thượng đến tham vấn Đại Ngu trở về.

- Đại Ngu có lời dạy gì?

Sư liền thuật lại việc trước. Hoàng Bá bảo:

- Lão Đại Ngu này đã buông lời, đợi đến đây ta cho ăn đòn.

Sư tiếp:

- Nói gì đợi đến, ngay bây giờ cho ăn.

Sư liền bước tới sau lưng Hoàng Bá tát một tát. Hoàng Bá bảo:

- Gã phong điền này lại đến đây vuốt râu cọp.

Sư liền hét. Hoàng Bá gọi:

- Thị giả! Dẫn gã phong điền này lại nhà thiền.

Ngài Hoàng Bá thấy Lâm Tế về, không biết đã xong việc chưa. Chúng ta đừng nghĩ rằng người ngộ được bản tâm thì biết quá khứ vị lai, biết tâm của người khác. Biết được bản tâm mình, không phải là có thần thông, nên khi thấy đứa học trò đi mấy ngày nay trở về bèn hỏi: *Kẻ này đến đến đi đi, biết bao giờ liễu ngộ.* Lâm Tế thưa: *Chỉ vì tâm lão bà quá thiết tha, nên nhân sự đã xong, đứng hầu.* Ngài Hoàng Bá hỏi thêm: *Đến đâu về?* - *Hôm trước vâng lời dạy của Hòa thượng đến tham vấn Đại Ngu trở về.* - *Đại Ngu có lời dạy gì?* Ngài liền thuật lại việc trước. Hoàng Bá bảo: *Lão Đại Ngu này đã buông lời, chỗ ta không có lời mà lão đã buông lời, đợi đến đây ta cho ăn đòn.* Đại Ngu có đáng trách hay không? Nếu không buông lời thì làm gì Lâm Tế hiểu được ý Thầy. Lời hứa cho ăn đòn là ăn đòn thưởng, Lâm Tế biết liền nói: *Nói gì đợi đến, ngay bây giờ cho ăn.* Nói xong liền tát Hoàng Bá. Đây là đòn thưởng, không phải thưởng

Đại Ngu mà thưởng Hoàng Bá, vì người làm cho ngộ là Hoàng Bá. Hoàng Bá bảo: *Gã phong điền này lại đến đây vượt râu cọp.* Lâm Tế liền hét. Hoàng Bá gọi: *Thị giả! Dẫn gã phong điền này lại nhà thiền.*

Ngài Lâm Tế trước khi chưa thấy đạo, oai nghi cử chỉ rất điềm đạm đứng đắn, nhưng khi thấy đạo rồi lại như ngông cuồng, không có thứ tự oai nghi lễ tiết gì. Như vậy có phải là dở hay không? Trong nhà thiền thường nói khi xô cờ ra trận thì không thấy có thầy. Thầy trò chỉ phân biệt ở lãnh vực bên ngoài, còn lúc cơ phong vấn đáp thì phải trở hết tài để thắng. Hiểu như vậy, thì những đoạn sau mới hiểu chỗ ra tay của ngài Lâm Tế.

Sư trông tùng, Hoàng Bá hỏi:

- Trong núi sâu trông tùng làm gì?

Sư thưa:

- Một cho sơn môn làm cảnh trí, một cho người sau làm tiêu bản.

Nói xong, Sư trở đầu cuộc đánh xuống đất ba cái. Hoàng Bá bảo:

- Tuy nhiên như thế, con đã ăn ba mươi gậy của ta rồi.

Sư lại dùng đầu cuộc đánh xuống đất ba cái, cất tiếng “Hư! Hư!” Hoàng Bá bảo:

- Tông của ta đến con rất hưng thịnh ở đời.

Trồng tùng thứ nhất để làm đẹp cho cảnh chùa, thứ hai là làm tiêu biểu cho người sau nhắm đến. Câu này cho thấy hàm ý truyền đạo lâu dài của ngài. Cho đến bây giờ người ta còn vâng theo tiêu bảng đó.

Nói xong, Sư trở đầu cuộc đánh xuống đất ba cái. Nghĩa là ăn ba gậy thì giờ làm gì cũng ba cái không còn ngôn ngữ gì. Hoàng Bá nói: Tuy nhiên như thế, con đã ăn ba mươi gậy của ta rồi. Nghĩa là tuy là ông làm được như vậy nhưng ông đã thua rồi. Sư lại dùng đầu cuộc đánh xuống đất ba cái, cất tiếng “Hu! Hu!” Ngài Hoàng Bá nói: Tông của ta đến con rất hưng thịnh ở đời.

Chỗ ngài Lâm Tế ngộ và ứng dụng là không còn dùng ngôn ngữ, mà chỉ thẳng chỗ tột cùng. Đây là chỗ rất khó, vì khó nên bền. Cái quý là cái khó, còn dễ quá thì không quý. Như vô nhà người có thấy được chỗ để gia tài quý báu của họ không? Đồ quý lúc nào cũng khó thấy, khó được, còn đồ quảng cáo thì rất dễ, nhan nhản trước mắt. Vì thế người đi học đi tu mà chỉ muốn tìm chỗ dễ, ăn ngon mặc đẹp, đó là người không muốn cầu đạo, chỉ muốn sung sướng. Chỗ nào thực tình vì đạo thì phải khó chứ không dễ. Dễ tìm dễ thấy thì không phải là vật quý.

Một hôm Sư ngồi trước tăng đường, thấy Hoàng Bá đến, liền nhắm mắt lại. Hoàng Bá làm thế sợ, liền trở về phương trượng. Sư theo đến phương trượng lễ tạ. Thủ tọa đứng hầu ở đó, Hoàng Bá bảo:

- Vị tăng đây tuy là hậu sanh lại biết có việc này.

Thủ tọa thưa:

- Hòa thượng già gót chân chẳng dính đất, lại chứng cứ kẻ hậu sanh.

Hoàng Bá liền vả trên miệng một cái. Thủ tọa thưa:

- Biết là được.

Một hôm Lâm Tế ngồi trước tăng đường, thấy Hoàng Bá đến liền nhắm mắt lại. Như mấy chú ngồi trước tăng đường, thấy tôi đến thì đứng dậy chào, như vậy mấy chú lẽ phép hơn ngài rồi. Thấy học trò nhắm mắt, ông thầy giả bộ như sợ, né qua bên liền trở về phương trượng. Ngài Hoàng Bá về phương trượng rồi, Lâm Tế theo đến phương trượng lễ tạ. Như vậy là sao? Đây là khai chiến, nên khi thấy thầy đến, ngài Lâm Tế vẫn tỏ ra ở trong thế như như bất động. Thấy vậy ngài Hoàng Bá làm ra vẻ sợ. Nghĩa là người đối diện với mình tỏ vẻ hơn trên thì mình né qua, tránh đi. Nếu tránh đi mà người kia cứ giữ như vậy hoài thì đó là không hiểu gì hết. Ngài Lâm Tế thấy Hoàng Bá làm thế sợ trở về phương trượng, thì lúc đó thấp mình xuống đi tới đánh lễ. Đó là đối đáp đầy đủ.

Thủ tọa là ngài Trần Tôn Túc đứng hầu ở đó, Hoàng Bá bảo: *Vị tăng đây tuy là hậu sanh lại biết có việc này.* Thủ tọa thưa: *Hòa thượng già gót chân chẳng dính đất, lại chứng cứ kẻ hậu sanh.* Hoàng Bá liền vả vô miệng một cái. Thủ tọa nói: *Biết là được.*

Trong nhà thiền không cho nói trắng ra, đã nói trắng ra tức là phạm lỗi. Ngài Hoàng Bá mừng thấy có đứa đệ tử tốt như vậy, mới khoe với Thủ tọa. Khen *biết*

có việc này. Đó là nói trắng rồi, nên Thủ tọa quở lại: Hòa thượng già gót chân chẳng dính đất, lại chứng cứ kẻ hậu sanh. Tức là hồi xưa tới giờ Hòa thượng không dính chút đất, bây giờ chứng cứ kẻ hậu sanh, tức là dính đất rồi. Ngài Hoàng Bá vả miệng, tức thấy lỗi của mình. Thủ tọa nói: Biết là được, vả miệng làm chi. Ý nghĩa đối đáp giữa thầy trò là như vậy.

Sư ngủ trong tầng đường, Hoàng Bá đến thấy, lấy gậy đánh bảng một tiếng. Sư ngóc đầu xem thấy Hoàng Bá liền nhắm mắt. Hoàng Bá lại đánh bảng một tiếng, lại đi đến gian trên thấy Thủ tọa ngồi thiền. Hoàng Bá bảo:

- Gian dưới hậu sanh lại ngồi thiền, ông ở đây vọng tưởng làm gì?

Thủ tọa nói:

- Ông già làm gì?

Hoàng Bá đánh bảng một tiếng, liền đi ra.

Ngài ngủ trong tầng đường, Hoàng Bá đến thấy, lấy gậy đánh bảng một tiếng. Ngài ngóc đầu xem thấy Hoàng Bá liền nhắm mắt. Thật là ngộ nghịch, nếu khi mấy chú ngủ, tôi đi tuần đánh bảng, mấy chú ngồi dậy thấy tôi thì ngồi luôn tới khuya, làm sao dám nằm nữa. Đây ngài Lâm Tế nằm nhắm mắt, có ngủ không? Nếu ngủ thì đâu có ngóc đầu dậy, không ngủ mà tại sao nằm không trỗi dậy? Ngài Hoàng Bá đánh một tiếng bảng, lại đi đến gian trên thấy Thủ tọa ngồi thiền. Hoàng Bá bảo: *Gian dưới hậu sanh ngồi thiền, ông trong đây vọng tưởng làm gì?*

Rất kỳ lạ, người ngủ thì gọi là ngồi thiền, người ngồi thiền gọi là vọng tưởng. Bởi vì theo cái nhìn của ngài Hoàng Bá và Lâm Tế, thiền không phải chỉ có lúc ngồi. Đi đứng nằm ngồi cũng đều là thiền, thiền là không động, chính cái không động đó mới gọi là thiền. Ngài Lâm Tế thấy ông thầy đến, thấy rõ ràng mà vẫn nằm im ru, thì lúc đó động hay không động? Không động tức là thiền. Trên này Thủ tọa ngồi thiền tức là đang dụng công hàng phục vọng tưởng, còn dụng công cũng là một loại vọng tưởng. Nên ngài Hoàng Bá nói ông ở đây vọng tưởng. Thủ tọa nói: *Ông già làm gì?* Hoàng Bá đánh bảng một tiếng, liền đi ra.

Một hôm, ngày công tác công cộng, Sư đi đằng sau. Hoàng Bá ngó ngoái lại thấy Sư đi tay không bèn hỏi:

- Cuốc đâu?

Sư thưa:

- Có người đem đi rồi.

Hoàng Bá gọi:

- Lại gần đây cùng người bàn luận một việc.

Sư lại gần. Hoàng Bá dựng đứng cây cuốc bảo:

- Chỉ cái này, mọi người nắm bắt chẳng được.

Sư chụp tay giật lấy cây cuốc, đưa lên nói:

- Tại sao lại ở trong tay của con?

Hoàng Bá nói:

- Ngày nay đã có người thay công tác.

Hoàng Bá trở về viện.

Đây là câu chuyện rất lý thú. Một hôm, ngày công tác công cộng, ngài đi sau. Hoàng Bá ngó ngoái lại thấy đi tay không bèn hỏi: *Cuốc đâu?* Ngài thưa: *Có người đem đi rồi.* Đoạn này mới nghe qua, tưởng như ngài vô phép. Công tác công cộng chữ Hán gọi là phổ thỉnh, tức ngày tất cả làm việc chung, từ Hòa thượng đường đầu cho tới toàn chúng phải đi làm hết.

Như vậy Hòa thượng còn vác cuốc, mà chú đệ tử lại đi tay không. Nhưng đâu không phải là lòng hiếu thảo của ngài, vì muốn giât cuốc của ông thầy nên nếu đem cuốc đi thì dư. Đi tay không, không có nghĩa là làm biếng mà muốn thay cho ông thầy. Hoàng Bá biết ý rồi liền nói: *Lại gần đây cùng người bàn luận một việc.* Ngài lại gần. Hoàng Bá dựng đứng cây cuốc bảo: *Chỉ cái này, mọi người nắm bắt chẳng được.* Ngài chụp tay giât lấy cây cuốc, đưa lên nói: *Tại sao lại ở trong tay của con?* Hoàng Bá nói: *Ngày nay đã có người thay công tác, rồi trở về viện.*

Thấy như thầy trò đùa chơi, nhưng có hai ý nghĩa. Thứ nhất, ngài Hoàng Bá vác cuốc đi, Lâm Tế thấy mới tay không đi sau, đó là lòng muốn thế công tác cho thầy. Ngài Hoàng Bá biết, muốn thử thêm một ý nữa, để cây cuốc xuống nói, *chỉ cái này mọi người nắm bắt chẳng được.* Chỉ cái này cũng vừa là chỉ cây cuốc cũng vừa là chỉ cái sẵn có của mọi người. Ngài Lâm Tế chụp cây cuốc nói: *Tại sao ở trong tay của con.* Đây là ý thâm trầm thứ hai, ý nói chỗ của thầy được, con cũng nắm bắt được. Như vậy là sự kế thừa hết sức đầy đủ.

Công tác công cộng cuộc đất, thấy Hoàng Bá đến, Sư bèn dựng cuộc đứng. Hoàng Bá hỏi:

- Gã này mệt sao?

Sư thưa:

- Cuộc vẫn chưa giở, mệt cái gì?

Hoàng Bá liền đánh. Sư chụp cây gậy đẩy một phát té nhào. Hoàng Bá gọi:

- Duy-na! Duy-na! Đỡ ta dậy.

Duy-na chạy lại đỡ dậy nói:

- Hòa thượng đâu dung được gã phong diên này!

Hoàng Bá vừa đứng dậy, liền đánh Duy-na. Sư cuộc đất nói:

- Các nơi thì hỏa táng, còn tôi một lúc chôn sống.

*Công tác công cộng cuộc đất, thấy Hoàng Bá đến, ngài bèn dựng cuộc đứng. Như mấy chú đang cuộc đất thấy tôi tới thì sao? Nhiều khi ở xa đang dựng cuộc nghỉ, thấy thầy tới liền cuộc, phải không? Còn ngài Lâm Tế thấy Hoàng Bá tới bèn dựng cuộc nghỉ, ngược ngạo vậy đó. Ngài Hoàng Bá hỏi: *Gã này mệt sao?* Lâm Tế thưa: *Cuộc vẫn chưa giở, mệt cái gì?* Câu đáp nghe như là vô phép, nhưng rất có ý nghĩa. Bởi vì có làm mới thấy có mệt, có đẹp vọng tưởng đẹp phiền não thì mới có mệt, còn đây không vọng tưởng không phiền não lấy gì mệt. Đó là chỗ ngài Lâm Tế nói cuộc chưa giở lên, không có trừ đẹp.*

Ngài Hoàng Bá liền đánh, ngài chụp cây gậy đẩy một phát té nhào. Đó là khai trận, không nhường nhịn. Hoàng Bá gọi: Duy-na! Đỡ ta dậy. Duy-na rất lương thiện, chạy lại vừa đỡ dậy vừa lẩm bẩm: Hòa thượng đâu dung được gã phong điên này! Tức là đuổi nó đi cho rồi, hỗn xược quá.

Hoàng Bá vừa đứng dậy, liền đánh Duy-na. Tại sao? Lâm Tế đánh ngài, ngài đánh Duy-na. Duy-na không hiểu được đối đáp của hai thầy trò. Ngài cầm cốc cốc đất nói: Các nơi thì hỏa táng, còn tôi một lúc chôn sống. Nếu động tới tôi, tôi chôn sống, như vậy có lẽ phép không?

Sư mang thư Hoàng Bá đến Quy Sơn. Khi ấy Ngưỡng Sơn Huệ Tịch làm tri khách, tiếp được thư liền hỏi:

- Cái này là của Hoàng Bá, cái nào là của người đem thư?

Sư liền tát. Ngưỡng Sơn nắm đứng nói:

- Lão huynh biết việc ấy thì thôi.

Hai người đồng đến Quy Sơn. Quy Sơn hỏi:

- Sư huynh Hoàng Bá có chúng nhiều ít?

Sư thưa:

- Bảy trăm chúng.

- Người nào dẫn đầu?

- Vừa đem thư xong.

Sư lại hỏi Quy Sơn:

- Khoảng này Hòa thượng được bao nhiêu chúng?

Quy Sơn đáp:

- Một ngàn năm trăm chúng.

- Thật nhiều thay!

- Sư huynh Hoàng Bá cũng chẳng ít.

Sư từ Quy Sơn, Ngưỡng Sơn đưa ra cửa nói:

- Ông sau đi về phía bắc sẽ có một trụ xứ.

Sư hỏi:

- Há có việc ấy!

Ngưỡng Sơn bảo:

- Chỉ đi, về sau có một người phụ tá Lão huynh, người này có đầu không đuôi, có thủy không chung.

(Huyền ký Phổ Hóa. Sau Sư đến Trấn Châu, Phổ Hóa đã có ở trước đấy. Sư khai đường giáo hóa, Phổ Hóa phụ giúp. Sư trụ chưa bao lâu, Phổ Hóa toàn thân đều thoát.)

Ngài mang thư Hoàng Bá đến Quy Sơn. Khi ấy Ngưỡng Sơn Huệ Tịch làm tri khách, tiếp được thư liền hỏi: *Cái này là của Hoàng Bá, cái nào là của người đem thư?* Ngài liền tát một cái. Ngưỡng Sơn nắm lại nói: *Lão huynh biết việc ấy?* Muốn thấy thì cho một tát, đó là cái của người mang thư. Diệu dụng của ngài Lâm Tế rất đặc biệt, vừa hỏi tới là tỏ bày, vì thế Ngưỡng Sơn nắm lại nói: *Lão huynh biết việc ấy thì thôi.*

Cả hai vị đều hiểu nhau, cùng đến Quy Sơn. Quy Sơn hỏi: *Sư huynh Hoàng Bá có chúng nhiều ít?* Ngài thưa: *Bảy trăm chúng.* Bảy trăm đó là trung bình, chúng ta chỉ có bảy chục, không nhằm gì. Quy Sơn hỏi: *Người nào dẫn đầu?* Ngài thưa: *Vừa đem thư xong.* Không tự xưng nhưng nói chính là người đem thư, tức mặc nhiên tỏ ý mình. Ngài lại hỏi Quy Sơn: *Khoảng này Hòa thượng được bao nhiêu chúng?* Quy Sơn đáp: *Một ngàn năm trăm chúng.* Ngài nói: *Thật nhiều thay!* Nếu ngang đó Quy Sơn không có câu sau thì bị thua, vì còn thấy có nhiều ít, nên Quy Sơn liền nói: *Sư huynh Hoàng Bá cũng chẳng ít.* Đó là câu cứu lại để không mắc kẹt đối đãi.

Sư giũ hạ đến Hoàng Bá, thấy Hòa thượng xem kinh. Sư nói:

- Tôi tưởng là người đặc biệt, té ra chỉ là Hòa thượng già úm đậu đen.

Sư ở lại mấy hôm, bèn từ đi. Hoàng Bá bảo:

- Người phá hạ đến, sao chẳng trọn hạ rồi đi?

Sư thưa:

- Con tạm đến lễ bái Hòa thượng.

Hoàng Bá bèn đánh đuổi đi. Sư đi được mấy dặm, nghĩ việc này liền trở lại ở trọn hạ.

Một hôm, Sư từ Hoàng Bá. Hoàng Bá hỏi:

- Đi đâu?

Sư thưa:

- Chẳng phải Hà Nam là về Hà Bắc.

Hoàng Bá liền đánh. Sư nắm đứng, cho một tát. Hoàng Bá cười to, gọi:

- Thị giả! Dem thiền bản kỷ án của tiên sư Bá Trượng ra đây.

Sư gọi:

- Thị giả! Dem lửa lại.

Hoàng Bá bảo:

- Đừng đốt, con vẫn đem đi, về sau ở đâu sẽ dẹp sạch ngôn ngữ của mọi người.

Ngài giữa hạ đến Hoàng Bá thấy đang xem kinh, ngài nói: *Tôi tưởng là người đặc biệt, té ra chỉ là Hòa thượng già úm đậu đen.* Nói vậy là khen hay chê? Vì pháp môn giáo ngoại biệt truyền không nằm trong kinh sách, hôm nay thấy Hòa thượng xem kinh, như vậy quá tầm thường nên nói Hòa thượng già nhai chữ nghĩa.

Ở lại mấy hôm, từ giã đi. Ngài Hoàng Bá bảo: *Người phá hạ đến, sao chẳng trọn hạ rồi đi?* Ngài nói: *Con tạm đến lễ bái Hòa thượng.* Hoàng Bá bèn đánh đuổi đi. Ngài đi được mấy dặm, nghĩ việc này liền trở lại ở trọn hạ. Tức là nghĩ đây là chuyến chót, nên ở cho trọn rồi từ giã đi luôn. Sau hạ ngài từ giã Hoàng Bá, Hoàng Bá hỏi: *Đi đâu?* Ngài thưa: *Chẳng phải Hà Nam là về Hà Bắc.* Hà Bắc tức là phía Bắc sông Hoàng Hà, ngài Lâm Tế truyền thiền ở miền Bắc Trung Hoa. Hoàng Bá liền đánh. Ngài nắm đứng, cho một tát, đánh thì liền

trả lại, Hoàng Bá cười to, gọi: *Thị giả! Dem thiền bản kỷ án của tiên sư Bá Trượng ra đây.* Như vậy có ý gì? Đó là truyền pháp.

Ngài gọi: *Thị giả! Dem lửa lại.* Chi vậy? Đốt hết, bởi vì tất cả cái đó là hình thức không phải là cái thật. Ngài Hoàng Bá liền bảo đừng đốt, tuy biết nó là hình thức không quan trọng, nhưng *con vẫn đem đi; về sau ở đâu sẽ dẹp sạch ngôn ngữ của người.* Vì thế lối giáo hóa của ngài phần nhiều là hét, đánh, không để cho người còn một chút ngôn ngữ.

Sư đến hòa thượng Bình ở Tam Phong. Bình hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư đáp:

- Ở Hoàng Bá đến.

- Hoàng Bá có dạy lời gì?

- Đêm qua trâu vàng gặp bùn than, thẳng đến hôm nay chẳng thấy dấu. (Kim ngư tạc dạ tao đồ thán, trực chí như kim bất kiến tung.)

- Gió vàng thổi sáo ngọc, cái gì là tri âm? (Kim phong xuy ngọc quản, na cá thị tri âm.)

Sư đáp:

- Suốt thẳng muôn lớp cổng, chẳng dừng giữa trời trong. (Trực thấu vạn trùng quan, bất trụ thanh tiêu nội.)

- Một câu hỏi của người cao tột trời xanh.

Sư nói:

- **Rồng sanh con phượng vàng, vọt nát vách lưu ly. (Long sanh kim phượng tử, xung phá bích lưu ly.)**

Bình bảo:

- **Hãy ngồi uống trà.**

Lại hỏi:

- **Vừa ở đâu đến?**

Sư thưa:

- **Long Quang.**

Bình hỏi:

- **Long Quang gần đây thế nào?**

Sư liền ra đi.

Ngài đi du phương, nghe ở đâu có những bậc thiện tri thức, đều đến để thăm dò học hỏi. Đến Hòa thượng Bình ở Tam Phong, Hòa thượng hỏi: *Ở đâu đến?* Đáp: *Ở Hoàng Bá đến.* Hỏi: *Hoàng Bá có dạy lời gì?* Ngài đáp: *Đêm qua trâu vàng gặp bùn than, chẳng đến hôm nay chẳng thấy dấu.* Nghĩa là con trâu vàng lăn dưới đất sinh lầy, bây giờ tìm lại không thấy dấu. Hình ảnh đó thật là đẹp, chúng ta có con trâu vàng không? Nó lăn dưới sinh hay lăn ở đâu? Nó vẫn chạy tứ tung thấy mà rượt hoài không kịp, không phải không thấy dấu. Hai câu này để nói cái sẵn có, hòa trong tứ đại, nhưng bây giờ tìm không còn dấu vết. Diễn tả như vậy là quá tuyệt.

Ngài Tam Phong hỏi lại: *Gió vàng thổi sáo ngọc, cái gì là tri âm?* Gió vàng là gió gì? Chữ Hán là kim phong, còn gọi là gió tây. Gió này thổi vào cuối thu, tất cả cây cối bắt đầu rụng lá, vì vậy gọi là gió vàng. Gió thổi sáo, gió và sáo cả hai đều không có tâm thức. Vì vậy hỏi, cái gì là tri âm? Ngài Lâm Tế đáp: *Suốt thẳng muôn lớp cổng, chẳng dừng giữa trời trong.* Nghĩa là đi suốt luôn mọi lớp cổng, không kẹt không dính lại ở chỗ nào. Đó là nói khí thế của ngài. Ngài Tam Phong liền nói: *Một câu hỏi của người cao tột trời xanh.* Như vậy là quá tuyệt rồi. Ngài Lâm Tế liền nói: *Rồng sanh con phượng vàng, vọt phá vách lưu ly.*

Như vậy có ý nghĩa gì? Người tu khi đến chỗ hoàn toàn thanh tịnh, chính chỗ đó thường bị mắc kẹt. Như trong mười mục chần trâu, đến mục thứ tám không còn trâu không còn chần, chỉ một vòng tròn trắng, tượng trưng chỗ thanh tịnh gọi là đất vô sanh. Đến đây nếu không khéo kẹt lại, gọi là bị nhốt trong vách lưu ly trong sáng. Phải qua khỏi đó mới tới mục thứ chín là lá rụng về cội, mục thứ mười buông thông tay vào chợ, không thì chết chìm tại chỗ. Ngài Lâm Tế nói *vọt nát vách lưu ly*, nghĩa là tôi không dừng ở chỗ đó, vượt qua.

Hòa thượng Tam Phong mời ngồi uống trà. Khi uống trà hỏi: *Vừa ở đâu đến?* Ngài đáp: *Long Quang.* Tam Phong hỏi: *Long Quang gần đây thế nào?* Ngài liền ra đi.

Sư đến Phụng Lâm, Lâm hỏi:

- Có việc đem hỏi nhau được chăng?

Sư đáp:

- Đâu được khoét thịt làm thương tích.

Phụng Lâm nói:

**- Trăng biển lặng không bóng, cá lội riêng tự
lầm. (Hải nguyệt trừng vô ảnh, du ngư độc tự mê.)**

Sư nói:

**- Trăng biển đã không bóng, cá lội đâu thể
lầm. (Hải nguyệt ký vô ảnh, du ngư hà đắc mê.)**

Phụng Lâm:

**- Xem gió biết sóng dậy, nhìn nước đoán buồm
bay. (Quán phong tri lãng khởi, ngoạn thủy dã phàm
phiêu.)**

Sư nói:

**- Một vầng riêng chiếu non sông lặng, chợt
cười một tiếng đất trời kinh. (Cô luân độc chiếu
giang sơn tịnh, tự tiếu nhất thanh thiên địa kinh.)**

Phụng Lâm:

**- Mặc đem ba tác soi trời đất, một câu hợp lý
thử bàn xem. (Nhậm tương tam thốn huy thiên địa,
nhất cú lâm cơ thí đạo khan.)**

Sư nói:

**- Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm, chẳng
phải nhà thơ chớ hiển thơ. (Lộ phùng kiếm khách
tu trình kiếm, bất thị thi nhân mặc hiển thi.)**

Phụng Lâm liền thôi. Sư để bài tụng:

Đại đạo tuyệt đồng Đại đạo hẵn đồng
Nhậm hướng tây đông. Mặc hướng tây đông.
Thạch hỏa mạc cập Đá lửa chẳng kịp
Diễn quang vông thông. Lăn chớp không thông.

Ngài đến Phụng Lâm, Lâm hỏi: *Có việc đem hỏi nhau được chăng?* Ngài đáp: *Đâu được khoét thịt làm thương tích.* Tại sao như thế? Nghĩa là khi chưa niệm khởi, tâm chúng ta tròn trịa trong sáng, vừa dấy niệm là thương tích. Đặt câu hỏi là khoét thịt thành thương tích.

Phụng Lâm cũng là một tay cừ khôi, liền đáp: *Trăng biển lặng không bóng, cá lội riêng tự lằm.* Như trăng lưỡi liềm ở trên trời thì nhìn ở dưới mặt biển thấy bóng lưỡi liềm giống như lưỡi câu, cá thấy bóng nó sợ. Nay trăng biển lặng lẽ không có bóng dưới nước, chỉ cá tự lằm tự sợ. Ý ngài nói rằng trong chỗ đối đáp mà không khởi tâm thì lấy gì ngại, mà ông nói khoét thịt thành thương tích. Ngài Lâm Tế nói: Nếu được lặng lẽ sáng tỏ như thế thì đâu có gì lằm. Không lằm mà hỏi có phải tự mình làm thương tích không?

Ngài Phụng Lâm nói: *Xem gió biết sóng dậy, nhìn nước đoán buồm bay.* Chỗ này, như chúng ta thấy gió mạnh gió yếu thì biết sóng nhỏ hay sóng lớn, không đợi thấy sóng mới biết. Cũng như nhìn mặt nước thấy đùa về phía nào thì đoán buồm sẽ hướng về phía đó. Thấy cái này biết được cái kia, nên tuy ngài nói không động tâm nhưng tôi nhìn sơ đã biết cái này cái kia rồi.

Ngài Lâm Tế đáp: *Một vầng riêng chiếu non sông lặng, chợt cười một tiếng đất trời kinh.* Ông đừng xem thường tôi, tôi đã đến chỗ chỉ còn một vầng trăng trong sáng, một tiếng hét lên thì trời đất đều rung động, đó là diệu dụng của tôi. Ngài Phụng Lâm nói: *Mặc đem ba tactic soi trời đất, một câu hợp lý thử bàn xem.* Dù cho ông có đem ba tactic lưỡi nói động trời động đất đi nữa, thử bàn một câu hợp lý coi. Lâm Tế đáp: *Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm, chẳng phải nhà thơ chớ hiển thơ.* Khi nào gặp đúng người tôi mới nói. Ngài để lại bài tụng:

*Đại đạo hẩn đồng
Mặc hướng tây đông
Đá lửa chẳng kịp
Lần chớp không thông.*

Đại đạo rất đồng nhất, tùy ý nhằm bên này bên kia tìm kiếm. Dù nhanh như chơi đá nháng lửa hay như lần chớp cũng không kịp, không thể dùng suy nghĩ, tính toán đến được.

Đã được Hoàng Bá ấn khả, Sư tìm đến Hà Bắc ở góc đông nam thành Trấn Châu, gần sông Hô Đà đất Lâm Tế trụ trì một viện nhỏ. Nơi đây Phổ Hóa đã ở trước.

Một hôm Sư gọi Phổ Hóa, Khắc Phù đến bảo:

- Ta muốn ở đây dựng lập tông chỉ Hoàng Bá, hai ông hãy giúp đỡ ta.

Hai vị trân trọng lui ra. Ba ngày sau Phổ Hóa đến hỏi:

- Ba ngày trước Hòa thượng nói gì?

Sư liền đánh. Ba ngày sau Khắc Phù lại lên hỏi:

- Ba ngày trước Hòa thượng đánh Phổ Hóa là sao?

Sư cũng đánh.

Ngài đến Hà Bắc góc đông nam thành Trấn Châu, gần sông Hồ Đà đất Lâm Tế lập một viện nhỏ. Người xưa thường gọi tên các thiền sư phần nhiều bằng tên chùa hoặc tên đất. Như ở bên mình, cung kính tổ Khánh Anh ở chùa Phước Hậu thì gọi ngài là Sư cụ Phước Hậu. Tổ Lâm Tế là một vị nổi tiếng, người ta không gọi tên viện mà gọi tên đất, đất Lâm Tế.

Khi đến ở viện nhỏ này, thì trước đã có Phổ Hóa với Khắc Phù ở rồi. Phổ Hóa là đệ tử ngài Bàn Sơn, Bàn Sơn là đệ tử Mã Tổ. Phổ Hóa với Khắc Phù hai vị đều ngộ đạo, nhưng duyên hóa độ của các ngài không rộng. Khi ngài Lâm Tế tới rồi, hôm sau kêu hai vị lên nói: *Ta muốn ở đây dựng lập tông chỉ Hoàng Bá, hai ông hãy giúp đỡ ta.*

Câu nói đó rất hiền lành bình dị, nói vậy rồi thì hai vị kia chào lui đi. Ba hôm sau, Phổ Hóa mới khai chiến: *Ba ngày trước Hòa thượng nói gì?* Khai chiến thì không còn ngôn ngữ, ngài Lâm Tế liền đánh. Ba ngày sau, Khắc Phù lại lên hỏi: *Ba ngày trước Hòa thượng đánh Phổ Hóa là sao?* Ngài cũng đánh. Lúc nào khai chiến là khác, lúc nào nói thường là khác.

Phủ chủ Vương Thường Thị cùng các quan tỉnh Sư đăng tòa. Sư thượng đường bảo:

- Hôm nay sự bất đắc dĩ sơn tăng chiều theo nhân tình mới lên tòa này. Nếu nằm dưới cửa Tổ tông khen ngợi việc lớn, hễ là mở miệng chẳng dặng, không có chỗ các ông để chân. Hôm nay do Thường Thị cố tỉnh, sơn tăng đâu có thể ẩn cường tông. Trong đây nếu có tác gia chiến tướng liền xô cờ bày trận đi! Đối chúng chứng cứ xem.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền hét. Tăng lễ bái. Sư bảo:

- Ông thầy này lại nên bàn luận.

Tăng hỏi:

- Thầy tuyên dương gia khúc tông phong ai? Nói pháp vị nào?

Sư bảo:

- Ta ở chỗ Hoàng Bá ba phen thưa hỏi ba lần bị đánh.

Vị tăng suy nghĩ, Sư liền hét, và theo sau đánh, nói:

- Không thể đến trong hư không mà đóng cọc.

Phủ chủ Vương Thường Thị, phủ chủ đương tương tỉnh trưởng, cùng các quan tỉnh Sư đăng tòa.

Ý ngài nói việc lớn đó, hay việc dưới cửa Tổ tông thì không có lời để nói, không có chỗ để các ông đặt chân dọ dẫm. *Hôm nay do Thường Thị cố thỉnh, sơn tăng đâu có thể ẩn cương tông.* Đó là chỗ bất lập văn tự, nói không thể đến, nhưng vì đại chúng mọi người tha thiết nên ngài tạm dùng phương tiện hé mở chỗ bí mật của Tổ sư. *Trong đây nếu có tác gia chiến tướng liền xô cờ bày trận đi! Đối chúng chúng cứ xem.* Đây là ra trận, không có nhường ai hết.

Tăng bước ra hỏi: *Thế nào là đại ý Phật pháp?* Ngài liền hét! Tăng lễ bái. Ngài bảo: *Ông thầy này lại nên bàn luận.* Tức là thấy như vị tăng này có phần hiểu. Vị tăng hỏi: *Thầy tuyên dương gia khúc tông phong ai? Nói pháp vị nào?* Ngài trả lời: *Ta ở chỗ Hoàng Bá ba phen thừa hỏi ba lần bị đánh.* Vị tăng suy nghĩ, ngài liền hét và theo sau đánh, nói: *Không thể đến trong hư không mà đóng cọc.* Vì chỗ ngài ngộ ở Hoàng Bá, ba lần hỏi ba lần bị đánh, chỗ đó không có hình tướng. Nếu ông nghe tôi nói rồi suy nghĩ, thì chẳng khác nào đem cọc đóng trong hư không, uống công vô ích.

Có Tọa chủ hỏi:

- Ba thừa mười hai phần giáo đâu chẳng phải chỉ rõ Phật tánh?

Sư đáp:

- Cỏ hoang chưa từng cuốc.

Tọa chủ:

- Phật đâu đối người?

Sư bảo:

- Phật ở chỗ nào?

Tọa chủ không đáp được. Sư tiếp:

- Ở trước Thường Thị định lửa lão tăng, lui mau! Lui mau! Làm chướng ngại người khác thừa hỏi.

Lại nói:

- Hôm nay pháp hội vì một đại sự, lại có người thừa hỏi chẳng? Mau đến hỏi đi. Ông vừa mở miệng đã chẳng dính dáng. Vì sao như thế? Đâu chẳng nghe Thích Tôn nói: “Pháp là văn tự vì chẳng thuộc nhân chẳng ở duyên.” Bởi các ông tin chẳng đến, cho nên ngày nay mới dùng phương tiện sợ e Thường Thị cùng các quan viên lầm Phật tánh ấy, chi bằng hãy lui.

Sư hét một tiếng, nói tiếp:

- Người gốc tin kém, trọn không có ngày xong. Đứng lâu, trân trọng!

Có Tọa chủ hỏi: *Ba thừa mười hai phân giáo đâu chẳng phải chỉ rõ Phật tánh?* Tức là tất cả kinh điển của Phật là chỉ rõ Phật tánh. Ngài đáp: *Cỏ hoang chưa từng cuốc.* Nghĩa là sao? Chúng ta từng nghe câu *rừng nho biển thánh*, đạo lý nhà Nho hay là giáo lý của Phật rộng như biển, mệnh mông như rừng. Vì thế ví giáo lý mù mịt như cỏ hoang chưa từng cuốc. Tọa chủ không hiểu, hỏi: *Phật đâu đối người?* Ngài nói: *Phật ở chỗ nào?* Tọa chủ

không đáp được. Ngài tiếp: *Ở trước Thường Thị định lửa lão tăng, lui mau! Lui mau! Làm chướng ngại người khác thưa hỏi.*

Ngài nói: *Hôm nay pháp hội vì một đại sự, lại có người thưa hỏi chẳng? Mau đến hỏi đi. Ông vừa mở miệng đã chẳng dính dáng. Ngài bảo hỏi, mà nói mở miệng không dính dáng. Vì sao như thế? Đâu chẳng nghe Thích Tôn nói: Pháp là văn tự vì chẳng thuộc nhân chẳng ở duyên. Câu đó hiểu không?*

Chúng ta nghe nói pháp thì cứ tưởng Phật pháp là giáo lý. Chữ *pháp* này trong bài kệ của Phật truyền cho tổ Ca-diếp.

*Pháp gốc pháp không pháp
Pháp không pháp cũng pháp,
Nay khi trao không pháp,
Mỗi pháp đâu từng pháp.*

Phật nói pháp gốc vốn không phải là pháp, tức không phải pháp có hình tướng. Tuy không có hình tướng mà nó vẫn có chứ không phải không, nên nói không pháp cũng là pháp. Nay khi trao cái không pháp ấy thì mỗi pháp mỗi pháp không từng pháp, vì nó không thuộc hai bên.

Bởi các ông tin chẳng đến, cho nên ngày nay mới dùng phương tiện sợ e Thường Thị cùng các quan viên làm Phật tánh ấy, chỉ bằng hãy lui. Vì mọi người không nhận được pháp ấy nên mượn phương tiện nói ra, nói ra rồi sợ lầm chỗ ấy cho nên phải lui.

Ngài hét một tiếng, nói: *Người gốc tin kém, trọn không có ngày xong, đứng lâu, trần trọi!* Gốc tin là tin cái gì? Tin Tam bảo phải không?

Sư thượng đường bảo:

- Trên cục thịt đỏ có vô vị chân nhân, thường từ cửa mặt các ông ra vào. Người chưa được chứng cứ hãy xem! Xem!

Có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là vô vị chân nhân?

Sư bước xuống tòa nắm đứng bảo:

- Nói! Nói!

Vị tăng ấy suy nghĩ. Sư liền buông ra nói:

- Vô vị chân nhân là que cứt khô gì.

Sư liền trở về phương trượng.

Cái gì là cục thịt đỏ? Thân này lột lớp da ra thì chỉ là một *khối thịt đỏ*, trên đó có *vô vị chân nhân*, vô vị chân nhân là gì? Chân nhân là người chân thật, vô vị là không có chỗ nơi. Người chân thật đó trùm khắp không có chỗ nơi, vì có chỗ nơi là còn có hình tướng, vô vị chân nhân này không có hình tướng, *thường từ cửa mặt các ông ra vào*, chỗ nào? Ngay trên mặt chúng ta đây, thường thấy thường nghe, tiếp xúc trần cảnh, từ đó mà không thấy được vô vị chân nhân.

Tăng muốn thấy, nên hỏi *thế nào là vô vị chân nhân?* Ngài không trả lời, *bước xuống tòa nắm lại bảo:*

Nói! Nói! Cái đó không chỉ được, nếu biết thì tự thốt ra. Như khi ngài đem thư sang Quy Sơn, Ngưỡng Sơn hỏi, cái này của Hoàng Bá, cái kia là của người đem thư. Ngài liền đánh thì biết cái nào. Đây ngài bảo nói, Tăng không tỏ ra được gì, mà lại suy nghĩ, suy nghĩ tức là sai. Ngài buông ra nói một câu: *Vô vị chân nhân là que cút khô gì.*

Lúc tôi dạy ở đại học Vạn Hạnh, cũng có một ít giáo sư giải thích que cút khô này mấy trang giấy. Họ cứ nghĩ rằng que cút khô là giải thích vô vị chân nhân, không ngờ đây là lời quở kẻ ngu. Như bây giờ có chú nào lên hỏi tôi thế nào là Phật tánh? Tôi bảo nói, nói không được. Tôi nói, Phật tánh gì, đồ bỏ! Vậy là nói Phật tánh đồ bỏ hay chú là đồ bỏ. Đó là quở mấy chú là đồ bỏ, không hiểu gì mà làm bộ hỏi.

Đây cũng vậy, vô vị chân nhân là cái gì? Tức là ông không hiểu gì hết, đồ bỏ. Tại sao thiền sư nói thô tháo vậy? Bởi vì chúng ta là phàm tình, nên lựa lời hay tiếng đẹp để nói cho người ta mến thương. Thiền sư thấy ngôn ngữ không thật nên không cần lựa lời.

Tham vấn buổi chiều, Sư dạy chúng:

- Có khi đoạt nhân chẳng đoạt cảnh. Có khi đoạt cảnh chẳng đoạt nhân. Có khi nhân cảnh đều đoạt. Có khi nhân cảnh đều chẳng đoạt.

Khắc Phù hỏi:

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?

Sư đáp:

- Ngày ấm nảy sanh gấm trải đất, trẻ con rủ tóc trắng như tơ. (Hú nhật phát sanh phô địa cảo, anh hài thù phát bạch như ty.)

Khắc Phù hỏi:

- Thế nào đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?

Sư đáp:

- Lệnh vua vừa ban khắp thiên hạ, tướng quân biên ngoại khói mù tan. (Vương lệnh dĩ hành thiên hạ biến, tướng quân tái ngoại tuyết yên trần.)

Khắc Phù hỏi:

- Thế nào nhân cảnh đều đoạt?

Sư đáp:

- Tịnh Phần bật tin, riêng ở một cõi. (Tịnh phần tuyệt tín, độc xử nhất phương.)

Khắc Phù hỏi:

- Thế nào nhân cảnh đều chẳng đoạt?

Sư đáp:

- Vua lên điện báu, lão quê hát ca. (Vương đăng bảo điện, dã lão âu ca.)

Khắc Phù ngay đó lãnh hội ý chỉ.

Sư lại bảo:

- Thời nay người học Phật pháp cần yếu có kiến giải chân chánh. Nếu được kiến giải chân chánh thì sanh tử chẳng nhiễm, đi đứng tự do chẳng cần cầu thù thắng mà thù thắng tự đến. Đạo lưu (đồng đạo,

chỉ chúng tăng)! Các bậc tiên đức từ xưa đều có con đường đưa người, như sơn tăng chỉ chỗ cho người. Cốt các ông đừng bị người gạt, cần dùng liền dùng, lại chớ ôm ngờ vực. Hiện nay học giả chẳng được, bệnh tại chỗ nào? Bệnh tại chỗ chẳng tin. Các ông nếu tự tin chẳng đến, là rộn ràng theo tất cả cảnh chuyển, bị muôn cảnh lôi, lại chẳng được tự do. Các ông nếu hay bật được tâm luôn luôn chạy tìm, liền cùng Phật tổ chẳng khác. Các ông muốn biết được Phật tổ chẳng? Chính trước mặt các ông hiện nghe pháp ấy vậy. Học nhân tin chẳng đến, liền chạy tìm ra ngoài. Dù có tìm được, cũng chỉ là tướng thù thắng của văn tự, trọn chẳng đặng ý của Phật tổ sống. Chớ lầm!

Tham vấn buổi chiều, ngài dạy chúng: *Có khi đoạt nhân chẳng đoạt cảnh. Có khi đoạt cảnh chẳng đoạt nhân. Có khi nhân cảnh đều đoạt. Có khi nhân cảnh đều chẳng đoạt.* Đây gọi là Tứ liệu giản, chữ Liệu là trị liệu, chữ Giản là giản trạch. Nghĩa là chọn lựa phương pháp để trị liệu đúng bệnh, đúng căn cơ. Bốn pháp tu này ngài giải thích theo thứ bậc tùy trình độ thấp cao của người học, cho họ dễ học dễ tu.

Khắc Phù hỏi: *Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?* Ngài đáp: *Ngày ấm nảy sanh gấm trải đất, trẻ con rủ tóc trắng như tơ.* Ngày ấm là những ngày của mùa xuân, vì ngài ở miền bắc Trung Hoa, mùa thu thì lá rụng, mùa đông thì cây cỏ héo tàn, tới mùa xuân mới nảy mầm ra lộc. Vì vậy mùa xuân cỏ xanh tươi, giống như gấm trải dưới đất. Câu đầu này là nói về cảnh

còn nguyên vẹn. Câu thứ hai, *trẻ con rủ tóc trắng như tơ*. Câu này nhìn theo tông Tào Động, đó là hình ảnh hồi hốt, trong trẻ có già; nhưng với tông Lâm Tế thì không phải. Tông Tào Động có tân chủ, tông Lâm Tế cũng có tân chủ. Tân là khách, chủ là chủ. Trong Tào Động, tân là chỉ cho dụng, chủ chỉ cho thể. Tông Lâm Tế, tân là chỉ cho người hỏi, chủ là chỉ cho người đáp. Hai cách khác nhau.

Đây nói đứa bé đầu bạc như tơ, là để chỉ cho người bị vô thường biến đổi, mà cảnh thì y nhiên xinh tươi, đó là đoạt nhân không đoạt cảnh. Chữ đoạt là đẹp, đẹp người không đẹp cảnh, đẹp người như thế nào? Như tôi hằng nói chúng ta tu tùy theo trường hợp. Có khi bảo mấy chú cứ nhìn chừng, kiểm soát những vọng tưởng của mình, vừa dấy lên dừng theo, thì đó thuộc về đoạt nhân. Nghĩa là chăm chú vào con người của mình, nội tâm của mình để làm chủ, không theo vọng tưởng, cảnh ngoài mặc nó, mình không động tới.

Đến câu thứ hai, Khắc Phù hỏi: *Thế nào đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?* Ngài đáp: *Lệnh vua vừa ban khắp thiên hạ, tướng quân biên ngoại khói mù tan*. Lệnh vua là chỉ cho nhân, tướng quân biên ngoại khói mù tan tức là đẹp tan giặc, đó là cảnh. Cảnh bị phá vỡ, người vẫn y nguyên. Như có trường hợp tôi bảo, nếu nhìn như vậy lâu có thể hơi đau đầu, thì nhìn ra ngoài thấy trời mây cây cỏ, cái gì cũng biết là tướng duyên hợp hư dối không thật, tất cả là tướng huyễn hóa. Không cần đẹp vọng tâm chỉ cần biết cảnh huyễn đó gọi là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân.

Khắc Phù hỏi: *Thế nào nhân cảnh đều đoạt?* Ngài đáp: *Tịnh Phần bất tin, riêng ở một cõi.* Tịnh Phần là tên xứ, tên đất. Cũng như mấy chú ở Long Thành lên Đà Lạt một thời gian. Gặp người hỏi: “Huynh lâu nay có được tin tức gì ở Long Thành không?” Nếu không có tin thì nói sao? “Tôi bất tin ở Long Thành”, nghĩa là tin tức ở Long Thành không đến với mình. Đây là ví dụ để thấy rằng người và cảnh đến đây đã lặn hết không còn dính dáng. Việc tu của mình nếu trình độ sơ cơ thì bảo dẹp tâm không dẹp cảnh. Rồi trình độ cũng sơ cơ mà người đó nặng về cảnh, bảo họ dẹp cảnh không dẹp tâm thì chỉ có một phần thôi. Sau khi dẹp cảnh rồi cũng phải dẹp tâm. Cho nên tâm cảnh đều phải dẹp.

Khắc Phù hỏi: *Thế nào nhân cảnh đều chẳng đoạt?* Ngài đáp: *Vua lên điện báu, lão quê hát ca.* Đây là đến chỗ thuần thực, xong xuôi, mọi việc đều êm đềm vui vẻ. Như là vua lên ngôi, mọi người dân đều được an ổn vui tươi không có gì lo sợ. Đó là chỗ cuối cùng.

Pháp tu này thấy đặc biệt nhưng không khác với pháp của các thiền sư. Thiền sư Duy Tín nói rằng: “Ba mươi năm khi chưa học thiền thấy núi là núi, sông là sông. Sau gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, thấy núi chẳng phải núi, sông chẳng phải sông.” Đây là *nhân cảnh đều đoạt*. “Rồi nay thể nhập chỗ yên vui tịch tĩnh thấy núi là núi, sông là sông.” Đây là *nhân cảnh đều không đoạt*.

Ngài lại bảo: *Thời nay người học Phật pháp căn yếu có kiến giải chân chánh. Nếu được kiến giải chân chánh thì sanh tử chẳng nhiễm, đi đứng tự do, chẳng cần*

cầu thù thắng mà thù thắng tự đến. Kiến giải chân chánh là thấy hiểu chân chánh. Nếu người được thấy hiểu chân chánh thì sanh tử không nhiễm, đi đứng tự do, chẳng cần cầu thù thắng mà thù thắng tự đến. Cũng như không cầu thành Phật mà cũng vẫn thành Phật.

Đạo lưu! Các bậc tiên đức từ xưa đều có con đường đưa người, như sơn tăng chỉ chỗ cho người. Nói rằng những vị tiên đức trước chỉ dạy người, tôi bây giờ cũng có lối để chỉ dạy cho các ông. *Cốt các ông đừng bị người gạt, cần dùng liền dùng, lại chớ ôm ngò vức.* Đừng bị người gạt, ai gạt mình? Như khi đang ngồi thiền muốn được yên tĩnh thanh thoi, mà niệm khởi chạy rồi rủ đi chỗ này dẫn đi chỗ kia, rủ chạy hoài không cho mình thanh thoi. Chúng ta bị vọng tưởng gạt không cho yên, ngài bảo đừng bị người gạt.

Tôi nhắc thêm điều này. Chúng ta tu cốt yếu cầu giải thoát, không nên đặt nặng phương tiện cầu cúng. Khi Phật tử có việc thì nhờ chúng ta cầu an cầu siêu, đến khi tăng ni có việc thì nhờ ai cầu? Mục đích đầu tiên của người tu là giải thoát, không bị vọng tưởng gạt, điều này hết sức tốt đẹp. Chính mình không gạt mình thì sự tu hành mới đến nơi đến chốn. Nếu cứ lo việc cầu xin bái lạy, không chịu tỉnh giác, nhiều khi bị gạt mà không hay. Phải gan dạ, cố gắng nỗ lực chấn chỉnh lấy mình, phương tiện tùy duyên chỉ là phần phụ.

Hiện nay học giả chẳng được, bệnh tại chỗ nào? Bệnh tại chỗ chẳng tin. Các ông nếu tự tin chẳng đến, là rộn ràng chạy theo tất cả cảnh chuyển, bị muôn cảnh kéo lôi, lại chẳng được tự do. Chính vì mình còn

rộn ràng nên bị cảnh chuyển, bị cảnh kéo lôi thì mất tự do. Nếu tâm còn lăng xăng lộn xộn là mình có chạy theo cảnh hay không chạy theo cảnh? Chạy theo cảnh thì ngày nhắm mắt tự do hay không? Tu là cốt giải thoát sanh tử mà còn bị cảnh kéo lôi thì làm sao giải thoát được. Đó là một lẽ thật không chối cãi.

Các ông nếu hay bắt được tâm luôn luôn chạy tìm, liền cùng Phật tổ chẳng khác. Các ông muốn biết được Phật tổ chẳng? Chính trước mặt các ông hiện nghe pháp ấy vậy. Tâm phàm phu luôn luôn chạy tìm, tìm cái tầm thường là dục lạc, tìm cao thượng hơn là giáo lý, dù cao hay thấp cũng là chạy tìm. Chỉ cần tâm chạy tìm dừng lại thì cùng Phật tổ không khác.

Phật tổ không ở đâu xa, ngay khi dừng vọng tưởng chạy tìm là ở trước mắt. Chỗ này nếu khéo tu thì thấy rõ. Khi chúng ta lắng nghe kinh nghe pháp, lúc đó nếu nơi tâm không nghĩ gì, có cái lắng nghe không tướng mạo, sáng suốt mà hừng trong sạch không dấy nhiễm. Cái thanh tịnh sáng suốt hiện hữu đó là Phật mà mình không nhận, cứ tìm kiếm Phật ngồi trên tòa sen phóng hào quang. Nói tới Phật cứ nghĩ Phật có hào quang, Phật ngồi tòa sen, còn ông Phật sáng suốt thanh tịnh đang nghe pháp đây lại không nhận.

Ai không có Phật? Có mà không dám tin, nên nói *tự tin không đến*. Chúng ta tu để lắng vọng niệm, tâm sáng suốt thanh tịnh hiện tiền thì ngay lúc đang nghe pháp đây, không có niệm khởi, tự nhiên sáng suốt thanh tịnh, đó là Phật.

Học nhân tin chẳng đến, liền chạy tìm ra ngoài. Dù có tìm được, cũng chỉ là tướng thù thắng của văn tự, trọn chẳng đặng ý của Phật tổ sống. Chớ lầm! Mỗi người đều có Phật tổ sống vậy mà không nhận, cứ kiếm Phật gỗ, Phật xi-măng... thật là si mê. Ngài Lâm Tế dùng nhiều thủ thuật đặc biệt không lường được, khi nói thì ngài cũng nhiệt tình nói thẳng nói trắng hết lẽ thật, chỉ tại vì chúng ta lòng tin không đến.

Chư Thiên đức! Thời nay chẳng gặp, muôn kiếp ngàn đời luân hồi tam giới, chạy theo cảnh ưa thích rồi phải sanh trong bụng trâu bụng lừa... Đạo lưu! Nhầm chỗ thấy của sơn tăng cùng Thích-ca không khác. Hiện nay nhiều chỗ ứng dụng, kém thiếu cái gì? Sáu đường thần quang chưa từng cách dứt. Nếu hay thấy được như thế, chỉ một đời làm người vô sự.

Chạy theo cảnh ưa thích, tức là đuổi theo vọng trần rồi cuộc rồi sanh trong lục đạo luân hồi. *Đạo lưu! Nhầm chỗ thấy của sơn tăng cùng Thích-ca không khác. Hiện nay nhiều chỗ ứng dụng, kém thiếu cái gì?* Đây là câu ngài muốn xác chứng để chúng ta đủ lòng tin lời nói của ngài. Nếu ngài thấy khác với Phật thì lời nói của ngài không đủ mạnh để tin. Chính cái thấy của ngài với Phật Thích-ca không khác, tại sao chỉ thẳng mà mình không tin? Hiện tại ứng dụng rõ ràng có kém thiếu gì.

Sáu đường thần quang chưa từng cách dứt. Nếu hay thấy được như thế, chỉ một đời làm người vô sự. Thế nào là sáu đường thần quang? Thế nào là sáu tên giặc?

Chúng ta đang sống với sáu đường thần quang hay sống với lục tặc? Nếu sống với sáu đường thần quang, đó là Phật hiện; sống với sáu chú giặc, đó là ngã quỷ súc sanh... hiện. Như mắt thấy rõ ràng mà không khởi niệm đẹp xấu so sánh hơn thua khinh ghét, đó là sáu đường thần quang. Tai nghe tiếng dù tiếng chửi cũng biết là chửi mà không giận không buồn, đó là sáu đường thần quang. Khi thấy phân tích đẹp xấu, đẹp thì ưa, xấu thì ghét, khi nghe phân tích khen chê, chê thì giận, khen thì mừng, đó là lục tặc. Ai cũng có sáu đường đó, nếu khéo sống với sáu đường thần quang thì được lục thông, nếu sống với lục tặc thì của cải sự nghiệp tan hoang.

Việc tu không phải xa lạ, mà chính mình sẵn có cái đó, khéo dùng để nó dẫn đi chỗ khác là đúng. Phật trước đã có, Tổ trước đã có, mình cũng đã có nhưng cứ chạy theo lục tặc thì bị mất. Muốn được vô sự thì theo sáu đường thần quang, cứ làm là được, không ai bắt buộc chúng ta phải dính cái này kẹt cái kia. Tự do chọn, muốn dính kẹt thì theo dính kẹt, muốn thông thả tự do thì theo thông thả tự do. Nếu thấy được như thế chỉ một đời làm người vô sự thành thoi.

Đại đức! Ba cõi không yên như trong nhà lửa, đây không phải là chỗ các ông dừng ở lâu, quỷ vô thường giết người trong khoảng chớp mắt chẳng lựa sang hèn già trẻ. Các ông muốn cùng Phật tổ chẳng khác, chỉ chớ tìm kiếm bên ngoài. Trên một tâm niệm thanh tịnh sáng suốt là Phật pháp thân trong nhà của ông. Trên một tâm niệm vô phân biệt sáng suốt là Phật báo thân trong nhà của ông. Trên một

tâm niệm vô sai biệt sáng suốt là Phật hóa thân trong nhà của ông. Ba thứ thân này là người hiện nay ở trước mắt nghe pháp của ông. Chỉ không tìm kiếm bên ngoài, liền có công dụng này. Theo các nhà Kinh Luận lấy ba thân này làm nguyên tắc tốt cùng. Nhắm chỗ thấy của sơn tăng thì chẳng phải vậy. Ba thân này là danh ngôn, cũng là ba thứ y. Người xưa nói: “Thân y nghĩa lập, cỡi theo thể bàn. Pháp tánh thân, pháp tánh độ biết rõ là quang ảnh (bóng sáng).”

Dẫn chứng kinh Pháp Hoa: *Ba cỡi không yên như trong nhà lửa*. Lửa này không phải lửa nóng mà là lửa vô thường thiêu đốt. Tất cả người vật đều bị thiêu đốt rồi đi tới chỗ hủy hoại. Không thể nghĩ rằng bây giờ còn trẻ tu sơ sơ, đợi đến già tu rút. Quý vô thường không hẹn, không cam đoan ngày giờ, nó muốn rước chúng ta lúc nào thì rước, ngày nay còn có mặt ở đây thì phải ráng tu. Đừng đợi lúc vô thường dẫn đi, mình không có khả năng trốn thoát, phải chịu nó dẫn vào trong những chỗ khổ đau, chừng đó hối hận không kịp. Vì thế ngài Lâm Tế nói *quý vô thường giết người trong khoảng chớp mắt chẳng lựa sang hèn già trẻ*. Không ai thoát khỏi tay nó, chúng ta đừng chần chừ không chịu tu rút.

Các ông muốn cùng Phật tổ chẳng khác, chỉ chờ tìm kiếm bên ngoài. Ngài nhắc tới nhắc lui, muốn cùng Phật tổ không khác thì đừng chạy ra ngoài tìm. Trên một tâm niệm thanh tịnh sáng suốt là Phật pháp thân trong nhà của ông. Tâm không dấy khởi loạn động

là niệm thanh tịnh sáng suốt, chính đó là Phật pháp thân của mình, ai cũng sẵn có. Chỉ trong tâm này thanh tịnh sáng suốt là Phật pháp thân.

Trên một tâm niệm vô phân biệt sáng suốt là Phật báo thân trong nhà của ông. Trên một tâm niệm vô sai biệt sáng suốt là Phật hóa thân trong nhà của ông. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không có niệm khởi phân biệt đó là vô phân biệt, đó là Phật báo thân ngay trên sáu căn. Tâm niệm vô sai biệt là Phật hóa thân của ông. Vô phân biệt và vô sai biệt khác nhau ra sao? Vô phân biệt là chỉ cho sáu căn tiếp xúc sáu trần mà không bị ô nhiễm, không phân biệt dính mắc. Vô sai biệt là không có niệm trước khác niệm sau khác, chỉ thẳng nơi ý mình niệm niệm bình đẳng. Bình đẳng tức là vô sai biệt.

Như vậy chúng ta sẵn có Phật pháp thân, Phật báo thân, Phật hóa thân không thiếu. *Ba thứ thân này là người hiện nay ở trước mắt nghe pháp của ông. Phật của ông hiện nay ở trước mắt đang nghe pháp, đây là điệp khúc thứ hai ngài nhắc lại. Hiện nghe pháp mà lắng nghe cái sáng suốt thanh tịnh đó là ba tướng Phật nằm trong đó đủ rồi.*

Chỉ không tìm kiếm bên ngoài liền có công dụng này. Đừng đuổi theo đừng tìm kiếm bên ngoài thì công dụng ba thân Phật đó hiện tiền. Theo các nhà Kinh Luận lấy ba thân này là nguyên tắc tốt cùng. Nhằm chỗ thấy của sơn tăng thì chẳng phải vậy. Ba thân này là danh ngôn cũng là ba thứ ý. Người xưa nói: “Thân ý nghĩa lập, côi theo thể bàn. Pháp tánh thân pháp tánh độ biết rõ là quang ảnh.”

Trong bài tụng sám hối có những câu Thường Tịch Quang Tịnh Độ A-di-đà Như Lai là nói pháp thân, Thật báo trang nghiêm độ là nói về báo thân. Những tên hiệu này là danh ngôn, đối với ngài là bóng dáng không thật. Ông Phật đang nghe pháp đây mới là Phật thật, Phật thật này đang đùa với quang ảnh, không phải quang ảnh là chủ của ông Phật này. Chúng ta mắc kẹt trên danh ngôn cứ nghĩ đến Phật pháp thân, tìm kiếm pháp thân pháp tánh trên danh ngôn mà không thấy ông Phật thật của chính mình.

Đại đức! Các ông hãy nhận biết người đùa quang ảnh là nguồn gốc của chư Phật, tất cả chỗ là chỗ các ông về nhà. Sắc thân tứ đại của các ông không biết thuyết pháp, nghe pháp. Gan mật phèo phổi không biết thuyết pháp, nghe pháp. Hư không không biết thuyết pháp, nghe pháp. Cái gì biết thuyết pháp, nghe pháp? Là một cái riêng sáng hiện bày rõ ràng ở trước mắt ông biết thuyết pháp, nghe pháp. Nếu thấy được như thế đã cùng Phật tổ không khác, chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn, chạm mắt đều phải. Chỉ vì tình sanh trí cách, tưởng dấy thể sai, do đó luân hồi trong tam giới chịu các thứ khổ. Nếu nhằm chỗ thấy của sơn tăng thật là rất sâu, thật là giải thoát.

Người đùa quang ảnh là Phật thật đang nghe pháp, là chỗ các ông về nhà chứ không đâu xa. Thử phân tích xem thân này cái gì biết thuyết pháp, biết nghe pháp? Tứ đại đất nước gió lửa là vô tri làm sao biết thuyết pháp nghe pháp. Gan ruột phèo phổi... làm sao biết thuyết pháp

nghe pháp. Cái biết thuyết pháp nghe pháp là ông Phật hiện hữu của mình mà mình không nhận ra, sẵn có ông Phật vậy mà không biết. Vì thế nói rằng *cái riêng sáng hiện bày rõ ràng ở trước mắt ông biết nghe pháp thuyết pháp*, cái đó là chính ông chứ gì nữa.

Nếu thấy được như thế đã cùng Phật tổ không khác, chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn, chạm mắt đều phải. Trong tất cả các thời đều thấy ông Phật đang nghe pháp đó, đừng có cái gì chen vô. Như thế là sống rõ ràng, nếu có chen vô bị gián đoạn thì Phật đi vắng. Nếu sống được như vậy thì chạm mắt tức là Bồ-đề, thấy cái gì cũng là Bồ-đề, nghe cái gì cũng là Bồ-đề. Nếu để Phật đi vắng thì thấy nghe cái gì cũng trở thành lục tặc. Như vậy khó hay dễ, đủ lòng tin chưa? Đây là lần thứ ba, trong một đoạn mà ba lần lặp đi lặp lại chỉ cái đang nghe pháp của mình là ông Phật thật của mình. Nói như vậy là tận tình còn giấu giếm chỗ nào mà không tin?

Chỉ vì tình sanh trí cách, tưởng dấy thể sai. Tình là gì? Buồn giận thương ghét... vừa dấy lên thì trí đã cách. Vừa khởi tưởng này tưởng nọ thì đã sai mất chân thể. Tình và tưởng lặn đi thì chân Phật hiện tiền. *Do đó luân hồi trong tam giới chịu các thứ khổ. Nếu nhằm chỗ thấy sơn tăng thật là rất sâu, thật là giải thoát.* Tổ Lâm Tế không giấu giếm gì với chúng ta, ngài chỉ thẳng ông Phật thật mà ai ai cũng có, chỉ vì không tin không nhận. Phải tin sâu nhận chắc chắn thì mới thấy được ông Phật của mình.

Đạo lưu! Tâm pháp không hình thông suốt mười phương, ở mắt gọi thấy, ở tai gọi nghe, ở mũi gọi ngửi, ở miệng nói bàn, ở tay nắm bắt, ở chân đi chạy, vốn là một tinh minh phân làm sáu hòa hợp. Một tâm đã không, tùy chỗ giải thoát. Sơn tăng nói thế ấy, ý ở chỗ nào? Chỉ vì tất cả các ông chạy tìm tâm không thể dừng, leo lên cơ cảnh nhàn của cổ nhân.

Đạo lưu! Theo chỗ thấy của sơn tăng, quét sạch Báo Hóa Phật. Hàng mãn tâm Thập địa ví như nhận khách làm con. Bạc Đẳng giác Diệu giác là kẻ mang gông xiềng. La-hán Bích-chi ví như xí uế. Bồ-đề Niết-bàn như cọc cột lửa. Vì sao như thế? Chỉ vì các ông không thấu được ba kỳ kiếp là không, nên có chương ngại này. Nếu là đạo nhân chân chánh trọn chẳng như thế, chỉ “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm”, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, tâm không một niệm mong cầu quả Phật. Bởi đâu như thế? Cổ nhân nói: “Nếu muốn làm việc cầu Phật, Phật là điềm lớn sanh tử.”

Đại đức! Thời giờ đáng tiếc, chỉ tính đến nhà bên lảng xảng học thiền học đạo, nhận danh nhận cú, cầu Phật cầu Tổ, cầu thiện tri thức độ. Chớ lầm! Các ông sẵn có một cha mẹ, lại cầu vật gì? Các ông tự phản chiếu xem! Cổ nhân nói:

Diễn-nhã-đạt-đa quên mất đầu

Tâm cầu dứt sạch liền vô sự.

Ngài dạy cho chúng ta thấy bệnh của người tu là chạy đi tìm cầu. Tìm cầu mọi nơi, nào là học thiền học đạo,

nào là cầu Phật cầu Tổ, cầu thiện tri thức... Tìm cầu nhiều thứ mà chính cái chân thật của mình lại không cầu. Cho nên nói *các ông sẵn có một cha mẹ, lại cầu vật gì?* Chữ “cha mẹ” ở đây là chỉ cho cái chân thật sẵn có của chính mình. Vua Trần Thánh Tông khi sắp tịch có nói, tuy rằng nóng bức đổ mồ hôi nhưng chưa từng thấm ướt khố mẹ sanh. Chữ *khố mẹ sanh* là chỉ cho ông chủ hay bản lai diện mục có sẵn nơi mọi người. Ai cũng có mà không chịu tìm, không chịu trở lại, cứ cầu bên ngoài. Vì vậy ngài mới dẫn câu *Diễn-nhã-đạt-đa quên mất đầu*.

Kinh Lăng-nghiêm Phật dạy, Diễn-nhã-đạt-đa một buổi sáng đứng soi gương, thấy đầu mặt trong gương rõ ràng, úp gương lại không thấy đầu mặt đâu, hoảng sợ chạy la: “Tôi mất đầu rồi!” Chúng ta có giống vậy không? Đầu của Diễn-nhã-đạt-đa không mất, chỉ mất cái bóng trong gương. Như khi chúng ta đang ngồi chơi chợt bật dút không suy nghĩ gì hết, lúc đó cho là mất mình. Vì quen cho rằng cái suy nghĩ là mình, nên không suy nghĩ tưởng là mất mình. Nếu không mất thì ở đâu? Suy nghĩ là bóng duyên theo sáu trần, còn cái ta đang hiện hữu, tai vẫn nghe mắt vẫn thấy, các cơ quan vẫn còn sáng rõ. Suy nghĩ lặng thì như khi úp gương lại không thấy bóng, cái ta thật thì không mất. Trên thế gian trăm người như một có ai nói cái suy nghĩ là không phải mình không? Ai cũng nói tôi nghĩ tôi tính, cái nghĩ tính là tôi, khi không nghĩ không tính thì không có tôi. Nhưng khi đó ai ngồi, ai đứng, ai làm việc... tôi vẫn ở đó chứ đâu. Đây là sự lầm lẫn lớn lao. Tưởng rằng Diễn-nhã-đạt-đa rất ngu si, vô lý mất bóng trong gương mà cho là mất đầu, ôm đầu chạy tìm đầu. Chúng ta cũng giống hệt, cũng ngu si như vậy.

Ngài Lâm Tế dẫn câu chuyện đó để kết luận: Tâm mong cầu tìm kiếm đuổi theo mà dứt được rồi thì liền đó vô sự.

Đại đức! Cần yếu bình thường chớ tạo hình thức. Có một bọn tố trọc chẳng biết tốt xấu, thấy thần thấy quỷ, chỉ đông vẽ tây, thích mưa thích tanh. Bọn như thế đáng quả trách, có ngày đến trước lão Diêm vương bị nuốt hòn sắt nóng. Kẻ nam nữ tốt tại gia bị bọn tinh my dã hồ này mê hoặc liền tác quái, mù mắt nhiều đời, có ngày bị đòi tiền cơm gạo.

Tại sao dùng danh từ “tố trọc” nặng nề như vậy? Tu sĩ là người có trọng trách hướng dẫn chỉ dạy cho Phật tử đường lối tu hành, không phải người chịu sự sai bảo. Nhưng có nhiều nơi học trò đệ tử đòi gì thầy chiều nấy. Bảo thầy sắm đồ vàng mã có nhà lầu xe hơi để cúng tuần thất, bảo thầy xin xăm bói quẻ, cúng sao giải hạn... những điều Phật không dạy mà cũng ráng làm theo. Đây nói “kẻ tố” là chỗ đó, tức coi như mình lệ thuộc chứ không phải làm chủ. Nếu mình làm chủ, tín đồ bảo cái gì đáng thì mình làm giùm cho họ, không đáng thì mình rầy họ, không cho họ làm. Không giữ đúng tư cách làm thầy nên bị ngài quả là *kẻ tố trọc không biết tốt xấu*.

Lại còn thêm chuyện *thấy thần thấy quỷ*. Như Phật tử có bệnh, thầy bảo bệnh này tại quỷ hay ma gì bắt, nên đem đồ lại thầy cúng cho. Như vậy thầy là người làm trung gian của quỷ thần, khi bị nó xâm phạm thì có thầy cúng cho phải không? *Chỉ đông vẽ tây*, như người chết ngày nay để ngày mai ngày mốt chôn là phải,

nhưng thầy bấm ngón tay nói ngày mốt là ngày sát chủ để bữa khác hãy chôn. Đó là bày thêm chuyện cho người ta. Hoặc muốn đi chôn nhưng người chết gặp ngày trùng thì phải vẽ lá bùa gì, câu chú gì để trong hòm, chứ để vậy thì về bắt con cháu,... Đó là chỉ đông vẽ tây, bày biện đủ thứ chuyện làm cho người ta phải khùng theo. *Thích mưa thích tanh* tức là bói toán tính lúc này thời tiết tốt hay xấu ngày giờ đó lành hay dữ... Ngài quả *Bọn như thế đáng quả trách có ngày đứng trước lão Diêm vương bị nuốt hòn sắt nóng*. Gạt được thế gian chứ xuống Diêm phủ không gạt được, đến lúc đó rồi phải nuốt hòn sắt nóng.

Kẻ nam nữ tốt tại gia bị bọn tinh my dã hồ này mê hoặc liền tác quái. Người nam nữ tại gia không biết, chỉ tại thầy bày vẽ xúi dại, họ làm theo không trúng đâu vào đâu, nên nói là tác quái.

Những điều này không đúng tinh thần đạo lý. Chúng ta tu mà không khéo thì thật là đáng trách. Người tu là người hướng dẫn tín đồ, dạy bảo tín đồ mà hướng dẫn không đúng chánh pháp, lại chỉ họ theo đường tà, để từ người phát tâm tốt trở thành mê tín dị đoan.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là chân Phật, chân Pháp, chân Đạo, xin Thầy chỉ dạy?

Sư đáp:

- Phật là tâm thanh tịnh, Pháp là tâm sáng suốt, Đạo là ánh sáng thanh tịnh tỏa khắp nơi không ngại. Tuy ba mà một, đều là danh từ sông

không thật có. Đạo nhân chân chánh niệm niệm tâm không gián đoạn. Đại sư Đạt-ma từ phương Tây đến, chỉ tìm cái người chẳng bị người gạt. Nhị Tổ một câu nói liền liễu ngộ, mới biết từ trước uống dụng công phu. Hiện nay sơn tăng chỗ thấy cùng Phật tổ không khác. Nếu trong đệ nhất cú tiến được, kham làm thầy Phật tổ. Nếu trong đệ nhị cú tiến được, kham làm thầy trời người. Nếu trong đệ tam cú tiến được, tự cứu chẳng xong.

Đạo nhân chân chính mỗi niệm mỗi niệm tâm không gián đoạn, sống được với tâm thanh tịnh chân thật sáng suốt của chính mình. Đó là Phật thật là pháp thật của chính mình.

Đại sư Đạt-ma từ phương Tây đến, chỉ tìm cái người chẳng bị người gạt. Chúng ta có bị người gạt không? Chúng ta luôn luôn bị gạt, bên trong gạt, bên ngoài gạt, gạt đủ mọi nơi. Như mình đang ngồi chơi bình thản vô sự, chợt dấy niệm lên, hôm qua hôm kia ai nói câu gì đó hay quá, ôn lại. Mới định sống bình thản vô sự, bây giờ phải ôn lại như thế thì làm sao? Có bị nó gạt không? Tâm mình liên miên suy nghĩ, nhớ câu này đến câu khác, vô sự biến thành đa sự. Như thế là mình gạt mình.

Người khác gạt mình cũng vậy, nhiều khi chính mình tu mà không làm chủ được. Nay nghe nói ở đằng kia có thầy tu hay lắm, biết quá khứ vị lai gì đó, liền xách gói tới đánh lễ cầu thầy dạy. Rồi mai một nghe trên núi có ông thầy tu hay lắm có hào quang, cũng xách gói chạy... Cứ chạy theo cái bên ngoài mà không biết

trở lại chính mình. Có ai làm cho mình thành Phật được không? Chính cái tu của mình, làm chủ của mình mới là giác ngộ, mới giải thoát. Vì thế nói tổ Bồ-đề Đạt-ma từ Ấn sang tìm người không bị gạt. Người đó là tổ Huệ Khả.

Nhị Tổ một câu nói liền liễu ngộ, mới biết từ trước uổng dụng công phu. Nhị Tổ nghe tổ Đạt-ma nói một câu liền liễu ngộ, chừng đó mới thấy tất cả công phu từ trước đều luống uổng.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đệ nhất cú?

Sư đáp:

- Tam yếu ấn khai điểm son hẹp

Chưa cho nghĩ nghị chủ khách phân.

(Tam yếu ấn khai chu điểm trách

Vị dung nghĩ nghị chủ tân phân.)

- Thế nào là đệ nhị cú?

- Diệu giải đầu cho Vô Trước hỏi

Bọt tan nào dễ chặn dòng sông.

(Diệu giải khởi dung Vô Trước vấn

Âu hòa tranh phụ tiệt lưu cơ.)

- Thế nào là đệ tam cú?

- Chỉ xem tượng gỗ diễn tuồng hát

Lôi kéo toàn nhờ người ẩn trong.

(Khán thủ bằng đầu lộng khôì lồi

Trừu khiên toàn tạ lý đầu nhân.)

Sư lại bảo:

- Phàm người diễn xướng tông thừa trong một câu phải đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải đủ tam yếu. Có quyền có thật, có chiếu có dụng. Các ông làm sao được hội?

Câu sau làm rõ nghĩa của ý trước, *chưa cho nghĩ nghĩ chủ khách phân*. Nếu có chủ có khách thì còn đối đãi, nằm trong nghĩ suy. Đệ nhất cú là câu chưa thể nghĩ, chưa phân chủ khách đối đãi.

Tăng hỏi: *Thế nào là đệ nhị cú?* Ngài đáp:

Diệu Giải đâu cho Vô Trước hỏi

Bọt tan nào dễ chặn dòng sông.

Chữ Vô Trước có hai nghĩa mà tôi còn đang phân vân. Chữ Diệu Giải theo nghĩa thường là cái hiểu nhiệm mầu, hiểu thấu đáo, nhưng cũng nghi là tên của ngài Văn-thù. Ngài Văn-thù, Trung Hoa dịch nghĩa là Diệu Đức, nên cũng có thể nghĩ Diệu Đức thành Diệu Giải. Còn chữ Vô Trước là tên người mà tôi đang phân vân. Nếu chữ Diệu Giải là ngài Văn-thù thì chữ Vô Trước phải là ngài Văn Hỷ.

Trong nhà thiền có ghi chuyện ngài Vô Trước gặp Bồ-tát Văn-thù. Nếu chữ diệu giải là nghĩa diệu giải thì chữ Vô Trước này có thể là tên ngài Vô Trước, anh của ngài Thế Thân. Sở dĩ tôi nghi chữ Vô Trước không phải là ngài Văn Hỷ vì ngài Văn Hỷ sau này ngộ đạo ở hội ngài Ngưỡng Sơn. Tổ Lâm Tế ngang với Ngưỡng Sơn, nếu câu này nói chuyện của đệ tử ngài Ngưỡng Sơn

thì đứng về thời gian không hợp. Còn nếu là ngài Vô Trước ở Ấn Độ thì câu chuyện đó mình chưa thấu rõ.

Câu sau thì rõ được ý, *bọt nước nào dễ chặn dòng sông*. Dòng sông chảy mà trên mặt nước có những lượn sóng bủa nổi bọt, bọt gặp gió thổi tan ra, bọt tan đó có chặn được dòng sông chảy không? Như vậy để thấy đệ nhất cú là nói về thể, đệ nhị cú là nói về dụng. Thể đó không phân chủ khách, không cho nghĩ nghĩ, nhưng nếu người đạt đến chỗ siêu xuất rồi thì có diệu dụng như dòng sông chảy, bao nhiêu trở ngại giả dối không ngăn chặn được, cũng như bọt nước không chặn dòng sông. Người được thể rồi thì diệu dụng của họ không gì ngăn trở.

Tăng hỏi: *Thế nào là đệ tam cú?* Ngài đáp:

Chỉ xem người gõ diễn tuồng hát

Lôi kéo toàn nhờ người ẩn trong.

Tại sao nói *đệ tam cú tiến được, tự cứu chẳng xong*? Như có những hình nhân bằng gỗ bên trong có ống tre luôn sẵn sợi dây, muốn cho người gỗ đó múa may diễn trò thì phía sau có người giật dây. Tự người gỗ không diễn trò được phải nhờ người điều khiển, như hiện nay có tuồng múa rối. Cũng vậy nếu người tu không tự nhận, không tự ứng dụng được chỗ chân thật của mình mà phải cậy nhờ vào người này người kia thì tự cứu được mình không? Nên nói *tự cứu chẳng xong* là vậy.

Ngài lại bảo: *Phàm người diễn xướng tông thừa trong một câu phải đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải đủ tam yếu. Có quyền có thật, có chiếu có dụng.*

Các ông làm sao được hội? Những danh từ riêng của tông Lâm Tế như: ba huyền môn, tam yếu, quyền thật, chiếu dụng... Tuy đặt ra nhiều tên, trên thật thể thì không chia riêng. Chủ yếu ngay đó liền nhận liền ngộ chứ không có những tướng mạo. Nếu còn thấy tướng mạo thì chưa thấy được tốt. Sau này các ngài không phân biệt chia chẻ, do đó chúng ta không cần phải giải thích.

Sư dạy chúng:

- Đạo lưu! Cốt tìm lấy kiến giải chân chánh, dọc ngang trong thiên hạ, khỏi bị bọn yêu tinh hoặc loạn. Vô sự là người quý, chớ tạo tác, chỉ là bình thường. Các ông nghĩ hướng nhà bên cầu vượt qua, tìm ngón tay gót chân. Lầm rồi! Chỉ nghĩ cầu Phật, Phật là danh cú. Các ông lại biết chạy tìm chăng? Ba đời mười phương Phật tổ ra đời cũng chỉ vì cầu pháp. Như Đạo lưu hiện nay tham học cũng chỉ vì cầu pháp, được pháp mới xong, chưa được vẫn như trước luân hồi trong năm đường.

Thế nào là pháp? Pháp là tâm pháp, tâm pháp không hình thông suốt mười phương, hiện dụng trước mắt. Người tin không đến, bèn nhận danh nhận cú, hướng trong văn tự cầu, ý suy xét Phật pháp, cách xa trời đất.

Ngài bảo chúng ta cần có *kiến giải chân chánh*. Lúc đó *dọc ngang trong thiên hạ*, tức là thông dong tự tại. *Không bị yêu tinh làm hoặc loạn*, là không bị những trò huyền lừa gạt. Mình là người vô sự, không làm những việc gì lạ, chỉ sống bình thường.

Tôi sợ chúng ta lầm chữ *vô sự* này nên nói rõ. Tổ dạy mình *vô sự* mà Thầy bắt mình đi cuốc đất trồng khoai cấy lúa... làm đủ thứ việc hết, làm cả ngày làm sao *vô sự*? Ngồi chơi thanh thoi là *vô sự* phải không? *Vô sự* nghĩa là tâm không có vấn đề vướng bận. Dù cuốc đất cả ngày mà không có vấn đề vướng bận trong tâm cũng là *vô sự*. Còn ngồi không chơi mà nghĩ đủ thứ chuyện thì đó là *đa sự* chứ không phải *vô sự*. Không nên hiểu lầm *vô sự* kiểu làm biếng *vô tích sự*. *Vô sự* đây là tâm không việc chứ không phải là thân không làm.

Chúng ta không cần tìm kiếm gì khác hơn là cầu pháp. Pháp tức là *pháp bản pháp vô pháp*, là pháp gốc, nó là pháp mà không phải pháp. Pháp đó chỉ cho thể chân thật của mình, dưới đây ngài sẽ nói tới. Người học đạo cốt đạt được pháp đó, nó là chủ của tất cả. Nếu đạt được thì thấy được ông chủ của mình.

Thế nào là pháp? Pháp là tâm pháp, tâm pháp không hình thông suốt mười phương, hiện dụng trước mắt. Người tin không đến, bèn nhận danh nhận cú, hướng trong văn tự câu, ý suy xét Phật pháp, cách xa trời đất. Tâm pháp không hình thông suốt mười phương mà hiện dụng trước mắt. Nếu đem tâm tìm kiếm qua văn tự, so lường suy xét thì rất cách xa.

Đạo lưu! Sơn tăng nói pháp là nói pháp gì? Nói pháp tâm địa hay vào phạm vào thánh, vào tịnh vào uế, vào chân vào tục. Hẳn chẳng phải là chân tục phạm thánh của ông, mà hay cùng chân tục phạm thánh an bài danh tự. Chân tục phạm thánh cùng người này an bài danh tự chẳng được.

Đạo lưu! Nắm được liền dùng chẳng mắc danh tự, gọi đó là huyền chỉ. Sơn tăng nói pháp cùng mọi người khác. Như có Văn-thù, Phổ Hiền xuất hiện trước mắt, mỗi vị hiện một thân hỏi pháp, vừa nói “Thưa Hòa thượng”, ta đã biết rõ. Lão tăng ngồi yên, lại có đạo lưu đến gặp, ta trọn hiểu rành. Tại sao như thế? Chỉ vì chỗ thấy của ta khác, ngoài chẳng nhận phàm thánh, trong chẳng trụ căn bản, thấy suốt chẳng còn nghi lằm.

Pháp của ngài nói là *tâm địa pháp môn* hay là tâm pháp. Tâm pháp này vào phàm thánh tịnh uế đều được. Nó đặt tên phàm thánh tịnh uế mà phàm thánh tịnh uế đặt tên nó không được. Pháp này là chủ, nên vào tất cả, đặt ra tên tất cả mà tất cả không đặt tên được nó.

Ngài nói thánh đến thì ngài hiểu thánh, phàm đến thì ngài rõ phàm, phàm thánh đến ngài đều phân biệt rành rẽ. Tại sao? Vì nơi tâm của ngài, ngoài không mắc kẹt phàm thánh tức không mắc kẹt đối đãi, trong không trụ căn bản, tức là không kìm giữ bên trong. Bệnh của chúng ta hoặc phóng ra ngoài chạy tìm những điều lạ, hoặc kìm trong ngực trong tim. Kìm cho tim nhảy thích thích đau tức ngực rồi rên rĩ nói tim tôi bệnh. Hoặc phóng ra ngoài hoặc kìm ở trong đều không thấy được đạo lý chân thật. Đạo lý chân thật là không kẹt ở hai bên, không kìm giữ ở trong hay ở ngoài. Nhận được như vậy sống được như vậy thì phàm thánh không lằm.

Sư dạy chúng:

- Đạo lưu! Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ bình thường vô sự. Đi đại đi tiểu, mặc áo ăn cơm, nhọc đến thì nằm, người ngu cười ta, kẻ trí biết ta. Người xưa nói: “Làm công phu bên ngoài, thấy là kẻ ngu si.” Các người phải tùy thời làm chủ, ngay đó đều chân, cảnh đến lôi kéo chẳng được, dù có tập khí nghiệp địa ngục vô gián, tự chuyển thành biển lớn giải thoát.

Người học thời nay hoàn toàn không biết pháp, ví như con dê có vật chạm mũi liền dõp vào miệng, không biện kẻ tở người sang, chẳng rành chủ khách. Bọn như thế tâm tà vào đạo, gặp chỗ ồn liền vào, chẳng được gọi là người chân xuất gia, chính là người chân tục gia.

Người xuất gia phải biện được kiến giải chân chánh bình thường, biết Phật biết ma, rành chân rành ngụy, rõ phàm rõ thánh. Nếu biện được như thế, gọi là chân xuất gia. Nếu ma Phật không biết, chính là xuất gia này vào gia kia, gọi là chúng sanh tạo nghiệp, chưa được gọi là người chân xuất gia.

Hiện nay có một cái ma Phật đồng thể chẳng phân, như nước với sữa hợp. Chỉ có con ngỗng chúa mới biết uống sữa chừa nước. Hàng đạo lưu mất sáng ma Phật đều đánh. Các người nếu mến thánh ghét phàm, thì phải trôi nổi trong biển sanh tử.

Những lời này dễ bị hiểu lầm. Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ cần vô sự trong những việc bình thường

như đi đại đi tiểu, mặc áo ăn cơm... nghe thì rất dễ. Chỗ bình thường đó lại không bình thường, vì tâm chúng ta cứ nghĩ hết chuyện này đến chuyện kia. Khi thì nghĩ chuyện phàm phu, khi thì nghĩ chuyện thân nhân, chuyện trâu bò heo dê... chuyện đâu đâu xa lơ xa lắc không dính gì đến mình, có nhiều cái vô cơ tâm phào cũng nghĩ. Đó là không bình thường. Bình thường là lặng thì cứ lặng, yên thì cứ yên. Tâm không nghĩ một việc thì có gì bất thường? Như mặt nước bình thường tức là không dậy sóng, nổi sóng tức là mất thăng bằng mất bình thường.

Nhưng nếu có ai nói chúng ta bất thường thì mình không chịu, vì cho là họ nói mình “điên”. Chúng ta có điên không? Điên là thấy ngược ngạo, lộn xộn. Như có người đưa tấm giấy trắng hỏi trắng hay đen, mình nói đen thì người ta nói “điên, thấy bậy” nhưng khi hỏi chúng ta thân này thật hay giả? Mình nói thật, có điên không. Thân giả mà nói thật. Cái điên của mình là cái điên tập thể nên không thấy điên. Chúng ta sống điên đảo không thấy lẽ thật. Vì vậy lẽ ra cái gì cần nghĩ thì cho nó nghĩ, không cần thì phải cho nó lặng. Như đang đi đại đi tiểu, thì cứ làm một việc, nghĩ lan man chuyện khác làm chi. Khi ăn cơm thì cứ biết ăn cơm, nhai kỹ nuốt chậm rãi để ăn cho xong. Có mấy ai được như vậy? Ăn cơm thì cứ nghĩ chuyện này chuyện kia. Bình thường là làm việc nào ra việc nấy, còn làm việc này lại xáo trộn việc kia thì có bình thường được đâu. Vậy mà ai nói mình điên là giận lắm.

Người xưa nói *Người ngu cười ta, kẻ trí biết ta*. Câu này rất thâm thúy. Như trong đại chúng có một người

sống bình thường, không gắng gở ngồi thiền nhiều, cũng không gắng gở tụng kinh nhiều. Nhưng nếu huynh đệ chọc họ cũng không giận, mắng họ cũng không buồn. Đến bữa ăn ngon cũng không khen, dở cũng không chê. Lại có một người khác ngồi thiền nhiều, tụng kinh nhiều, có hình thức dễ thấy, người ta khen. Nhưng người này tâm tánh dễ nổi bực. Người kia thì thường thường vậy thôi, có mắng họ cũng cười, gặp cảnh duyên không nổi sân, không bực bội, không có những cái hơn thua. Như vậy tuy thấy như họ tu ít mà tâm đã thuần, còn người thấy như tu nhiều mà tâm chưa thuần. Người ngu chỉ thấy trên hình thức tụng kinh ngồi thiền nhiều nên khen. Người trí thì đánh giá trên tâm niệm tu hành chứ không đánh giá hình thức.

Các người phải tùy thời làm chủ, ngay đó đều chân, cảnh đến lôi kéo chẳng được, dù có tập khí nghiệp địa ngục vô gián, tự chuyển thành biển lớn giải thoát. Đây là điều chúng ta phải cố gắng ứng dụng cho được. Phải tùy thời làm chủ, những lúc đi đại đi tiểu, mặc áo ăn cơm... đều làm chủ, không cho niệm khác chen vô. Chúng ta vẫn sống bình thường, tâm không bị cái khác làm động đó là làm chủ. Nếu không bị các cảnh khác lôi kéo thì dù có tập khí địa ngục vô gián cũng tự chuyển thành biển lớn giải thoát. Vì sao dễ quá vậy?

Như có người ghiền rượu rất nặng, tập khí khó bỏ. Nhưng gặp thầy thuốc giải thích tai hại của rượu làm cho bị trăm thứ bệnh tật, làm cho say sưa điên cuồng mất trí tuệ... Người đó nghe giải thích kỹ rồi nhận định hiểu rõ, cương quyết bỏ rượu. Ngày nay cương quyết bỏ rượu

thì ngày mai có bạn bè rủ đi nhậu, dù tập khí nghiện rượu chưa hết, nhưng tâm bỏ rượu vững mạnh, nghe lời mời rủ vẫn cương quyết thẳng. Như vậy ngang đây nghiện rượu chuyển được không? Rõ ràng còn tập khí mà chuyển được. Cũng vậy, nếu chúng ta trước kia phạm tội có thể dọa địa ngục nhưng ngay đây cương quyết làm chủ thì nghiệp địa ngục cũng chuyển được như thường.

Trong kinh nói, người sắp chết thì nghiệp ác nghiệp thiện đến bức bách. Nghiệp thiện thì mời rủ đi vào những chỗ tốt. Nghiệp ác thì thấy cảnh ác. Như giết hại ai thì thấy người đó tới đòi mạng, làm ác với các loài vật thì thấy trâu bò heo chó rượt đuổi. Lúc đó hoảng sợ chạy tìm chỗ trốn, hoặc lủi vô lùm bụi hoặc ẩn vô bóng tối. Cái chạy trốn là cái dọa của mình.

Khi ngộ đạo, thấy biết thân này không thật, tất cả cảnh không thật, thấy rõ như vậy thì khi đó những gì hiện tới đều thấy không thật. Mình làm chủ không sợ, thân không sợ chết, dù thấy rượt đuổi cũng không thật, không chạy trốn thì không xuống địa ngục. Làm chủ được như vậy thì ngang đó tất cả nghiệp liền chuyển. Vì thế nói, *địa ngục vô gián tự chuyển thành biển lớn giải thoát*.

Đó là sự gan dạ làm chủ chuyển được nghiệp. Nếu không gan dạ thì hôm nay bỏ rượu ngày mai uống lại, tật ghiền không hết bị rượu lôi.

Hỏi:

- Thế nào là Phật là ma?

Sư đáp:

- Người vừa khởi một niệm tâm nghi ấy là ma. Nếu người đạt được muôn pháp không sanh, tâm như huyền hóa, không có một hạt bụi, một pháp, ngay đó liền thanh tịnh là Phật. Song Phật cùng ma là hai cảnh nhiễm tịnh. Nếu chỗ thấy của sơn tăng, không Phật không chúng sanh, không xưa không nay, được liền đó được, chẳng trải qua thời tiết, không tu không chứng, không được không mất, trong tất cả thời lại không có một pháp riêng. Dù là một pháp vượt hơn cái này, ta nói như mộng như hóa.

Ngài giảng quá rõ. Vừa dấy một niệm nghi hay là khởi một niệm đó là ma. Thấy muôn pháp mà biết không thật, không sanh, như huyền như hóa, một pháp dù nhỏ bằng hạt bụi cũng không thật. Thấy không có một pháp thật thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh đó là Phật. Nếu chúng ta không chạy theo ma tức là chúng ta sống với Phật. Đừng cầu Phật mà đừng chạy theo ma, chúng ta mơ ước thấy Phật mà cứ chạy theo ma thì làm sao thấy Phật được? Nếu có thấy Phật thì đó là Phật của ma hiện, không phải Phật thật. Phải biết rõ ngay nơi chính mình, không có một niệm chạy theo cảnh đó là Phật hiện tiền. Nếu dấy niệm chạy theo cảnh phân biệt khen chê đẹp xấu thì Phật mất. Nghe cứ nghe thấy cứ thấy không thêm niệm, sống được như vậy người ta chê mình cũng cười, khen mình cũng bình thản, Phật ở ngay trước mắt.

Cách sống của tổ Lâm Tế, không còn thấy có ma có Phật, không còn thấy có tu có chứng. Trong tất cả thời thấy không có một pháp nào riêng mà chỉ hiện tại, hiện tiền, không phân biệt Phật ma, không nghĩ tu chứng. Ngài dẫn câu: *Dù là một pháp vượt hơn cái này, cái này là cái hiện tiền, ta nói như mộng như hóa.* Trong kinh Đại Bát-nhã có câu Phật dạy rằng: “Dù có một pháp vượt hơn Niết-bàn, ta vẫn nói như mộng như huyễn.” Đây thay vì nói Niết-bàn, ngài nói có cái này, là cái hiện hữu, nói vậy để không mắc kẹt trong danh tự.

Sơn tăng nói ra, đều là hiện nay trước mắt đạo lưu riêng sáng rõ lắng nghe. Người này nơi nơi chẳng kẹt, thấu suốt mười phương, tự tại trong tam giới, vào tất cả cảnh sai biệt không thể lôi kéo, trong khoảng sát-na vào tột pháp giới, gặp Phật nói Phật, gặp Tổ nói Tổ, gặp La-hán nói La-hán, gặp ngạ quỷ nói ngạ quỷ, đi tất cả chỗ đạo các cõi nước giáo hóa chúng sanh mà chưa từng lìa một niệm, tùy chỗ thanh tịnh, ánh sáng thấu mười phương, muôn pháp nhất như.

Người nào mà vào được tất cả chỗ như vậy? Người *hiện nay trước mắt đạo lưu riêng sáng rõ lắng nghe.* Chúng ta ai cũng có người đó. Người đó không kẹt chỗ nơi, *thông suốt mười phương, tự tại trong tam giới,* không có gì lôi kéo người đó được. Cái nghe cái thấy của chúng ta không ai lôi kéo được. Niệm khởi sau là cái bị lôi, còn người đó không bị lôi. Nghe thì cứ nghe, nếu lôi được tại sao tiếng này tiếng khác tới đều nghe. Như đồng thời bên đây đánh trống bên kia gióng chuông, đằng nọ

tụng kinh đánh khánh, chúng ta nghe hết tất cả tiếng. Nếu lòi được thì cái nghe chạy theo trống theo chuông rồi. Nhưng nó không chạy đâu hết, rõ ràng mà nghe tất cả. Chỉ có niệm duyên tiếng gì nhiều thì tiếng đó có phần ưu. Tánh nghe bình đẳng không kẹt ở chỗ nào.

Cái đó *gặp Phật nói Phật, gặp Tổ nói Tổ, gặp La-hán nói La-hán, gặp quỷ nói quỷ, đi tất cả chỗ* nói tự do, *sáng khắp mười phương, muôn pháp nhất như*, sống được với cái đó là như vậy. Có ai tủi thân rằng mình tu không được không? Người nào mà không nghe, ngay cả người điếc cũng nghe ù ù trong lỗ tai. Mỗi nơi chúng ta đều có cái sáng rỡ đó mà không nhớ không nhận, cứ sống với cái lằng xằng ở trong đầu. Cái lằng xằng đó chợt có chợt không, giống hệt như hai sợi dây điện chạm nhau thì xẹt chút lửa, gỡ dây ra thì hết. Khi chúng ta chú ý suy nghĩ thì trong đầu xẹt nháng một vòng, gỡ ra thì hết. Nó không thật, chúng ta lại cho cái xẹt nháng chút xíu là mình, còn cái hiện hữu tràn đầy thì không nhận.

Kinh Lăng-nghiêm Phật nói chúng sanh cứ nhận một hòn bọt trên mặt biển cho đó là toàn thể mặt biển, không bao giờ thấy mặt biển. Chúng ta nhận hòn bọt lăn tăn trong đầu mình, cho đó là mình thì tất cả toàn thể mình không biết. Cái lăn tăn vụn vặt khi có khi không, nhận lầm nó mà quên toàn thể lúc nào cũng hiện tiền thì thật là khờ dại.

Đạo lưu! Kẻ đại trượng phu hiện đây mới biết xưa nay vô sự. Chỉ vì các người chẳng tin đến, niệm niệm tìm cầu, bỏ đầu tìm đầu, tự không thể thôi.

Như hàng Bồ-tát viên đốn vào trong pháp giới hiện thân, nhằm trong tịnh độ mà chán phàm mến thánh. Bọn người như thế chưa quên bỏ lấy, tâm nhiễm tịnh vẫn còn. Kiến giải Thiền tông chẳng phải như vậy, thẳng trong hiện tại lại không thời tiết.

Sơn tăng nói ra đều là một lúc thuốc bệnh trị nhau, trọn không có pháp thật. Nếu thấy được như vậy là người chân xuất gia, mỗi ngày tiêu muôn lượng vàng ròng cũng được.

Nếu biết thì ngay nơi đây là người vô sự, chỉ vì mình tin không đến. Phải tin chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tin hơi yếu còn nghe nhắc còn tin, ra ngoài hết tin, lo chạy theo mấy chú ma mà quên mất ông Phật. Bối tin chưa đến nên *niệm niệm tìm cầu, bỏ đâu đi tìm đâu*, cái thật ngay đó không chịu nhận cứ đi tìm thứ khác. Vì vậy không có lúc thôi dứt.

Như hàng Bồ-tát viên đốn vào trong pháp giới hiện thân, nhằm trong tịnh độ mà chán phàm mến thánh. Bọn người như thế chưa quên bỏ lấy, tâm nhiễm tịnh vẫn còn. Kiến giải Thiền tông chẳng phải như vậy, thẳng trong hiện tại lại không thời tiết. Theo thường tình thì nói phàm là nhiễm, thánh là tịnh, nên bỏ nhiễm cầu tịnh. Kiến giải thiền tông thì ngay nơi đây đã có tịnh sẵn, chỉ không theo nhiễm đó là sống với tịnh. Không cần chờ chết đây sanh về cõi tịnh.

Sơn tăng nói ra đều là một lúc thuốc bệnh trị nhau, trọn không có pháp thật. Nếu thấy được như vậy là người chân xuất gia, mỗi ngày tiêu muôn lượng

vàng ròng cũng được. Lời ngài nói đều là thuốc bệnh trị nhau. Nghĩa là vì có bệnh nên mới có thuốc, nếu bệnh hết thì thuốc cũng không dùng. Thuốc trị bệnh chỉ là tạm thời. Pháp đối trị phiền não cũng là pháp tạm thời không thật. Nếu người thấy tất cả đều không có một pháp thật, gọi là người chân xuất gia. Người như vậy một ngày tiêu muôn lượng vàng cũng được.

Như chúng ta xài ngày một lượng vàng có tội. Tại sao? Vì thấy cái gì cũng thật, từ người cho đến đồ vật, y phục... cả cảnh giới cũng thật. Vì thật nên tiêu xài theo lòng tham, tham đắm cất giữ thì không tội lỗi là gì? Nếu thấy không có một pháp thật, thì còn xài muôn cây vàng để làm chi? Nói xài muôn lượng vàng chứ sự thật tới đó không còn tham, không thấy cần tiêu xài.

Đạo lưu! Chớ chấp lấy, sẽ bị các bậc Lão sư đập bể cửa mặt. Nói rằng ta hiểu thiền hiểu đạo, biện luận thao thao như nước chảy, đều là người tạo nghiệp địa ngục. Nếu là người chân chánh học đạo, chẳng tìm lỗi của thế gian, cấp bách cầu kiến giải chân chánh. Nếu được chân tâm ngộ tánh tròn sáng mới xong xuôi.

Nếu chấp mình là người hiểu thiền hiểu đạo, biện luận giỏi... đó là *người tạo nghiệp địa ngục*, người chấp như vậy là bị Tổ sư đập bể cửa mặt, do cái mê muội cố chấp của mình mà ra.

Người chân chánh học đạo chẳng tìm lỗi của thế gian, lỗi của thế gian không tìm, hướng nữa là lỗi của huynh đệ. Người sống chân thật thì ít thấy lỗi người,

người sống với vọng tưởng điên đảo thì thấy người chung quanh rất nhiều lỗi. Thấy rồi sanh phiền não, chẳng ích gì. *Cấp bách cầu kiến giải chân chánh*, có được kiến giải chân chánh rồi, tu hành đắc lực được chân tâm ngộ tánh tròn sáng, lúc đó mới xong xuôi.

Hỏi:

- Thế nào là kiến giải chân chánh?

Sư đáp:

- Người chỉ tất cả vào phàm vào thánh, vào nhiễm vào tịnh, vào cõi nước chư Phật, vào lầu các đức Di-lặc, vào pháp giới Tỳ-lô-giá-na, chỗ chỗ đều hiện, cõi nước thành trụ hoại không. Phật ra đời chuyển đại pháp luân lại nhập Niết-bàn, chẳng thấy có tướng mạo đi lại, tìm cái sanh tử của ngài trọn không thể được. Liền vào pháp giới vô sanh, nơi nơi đạo qua các cõi nước, vào thế giới Hoa tạng, trọn thấy các pháp không tướng, đều không có pháp thật, chỉ có đạo nhân Vô y (không chỗ nương) nghe pháp. Đó là mẹ chư Phật, bởi vì chư Phật đều từ Vô y sanh. Nếu ngộ Vô y, Phật cũng không thể được. Nếu người thấy được như thế là kiến giải chân chánh.

Người học không hiểu chấp danh cú, bị danh phàm thánh làm ngại, do đó chướng ngại đạo nhân không được phân minh. Mười hai phần giáo nói ra đều cốt biểu hiện lẽ này, học giả không hội, bèn nằm trên danh cú biểu hiện sanh hiểu, đều là nương tựa rơi tại nhân quả, chưa khỏi sanh tử trong tam giới.

Các người nếu muốn trong sanh tử đi đứng tự do, tới lui tự tại thì hiện nay nên biết người nghe pháp này. Y không hình không tướng, không cội không gốc, không chỗ ở, mà rất linh hoạt, ứng hiện muôn thứ hành động, chỗ dùng chỉ là không chỗ. Bởi đó, càng tìm càng xa, càng cầu càng trái, gọi đó là bí mật.

Đạo lưu! Các người chớ nhận lấy kẻ bạn mộng huyễn, trong khoảng sớm chiều sẽ trở về vô thường. Các người đến trong thế giới này tìm vật gì làm giải thoát? Tìm lấy một bữa cơm mà ăn, mặc áo vá qua ngày, chỉ cốt phổng tâm tri thức. Chớ theo đuổi thú vui, ngày giờ đáng tiếc, niệm niệm vô thường, nếu thô thì bị bốn thứ đất nước lửa gió ép ngạt, tế thì bị sanh trụ dị diệt bức bách.

Đạo lưu! Thời nay cần biết bốn cảnh vô tướng, mới khỏi bị cảnh kéo lôi.

Kiến giải chân chánh là thấy tất cả phàm thánh, nhiễm tịnh, Phật Di-lặc, Tỳ-lô-giá-na tức là pháp thân, cõi nước thành trụ hoại không, Phật ra đời chuyển pháp luân... tất cả đều không thật. Thấy được như vậy thì ngay đó liền được pháp giới vô sanh. Quan trọng nhất chỉ có *Đạo nhân vô y* là người đang nghe pháp. Vô y là không chỗ nương. Người nghe pháp là đạo nhân vô y, thấy người đó chưa? Ngay đó sao không thấy, không thấy sao nghe pháp được?

Trong nhà thiền có câu chuyện lý thú là chỗ Văn Hỷ đến Ngũ Đài Sơn gặp Bồ-tát Văn-thù mà không biết.

Được mời vô trong động uống nước, ngài Văn-thù đưa cái tách lên hỏi phương Nam có cái này không? Văn Hỷ nói không có. Không có cái này lấy gì uống nước? Câu chuyện rất bình dị mà rất thâm. Nếu không có đạo nhân vô y thì làm gì biết nghe, phải không? Không có cái này thì làm sao mà uống? Vậy mà không dám nhận.

Đạo nhân đó ở đâu? Nếu nói ở đây thì bên kia không có, nói ở đâu cũng không được, vì đạo nhân đó không chỗ nơi. Nhiều người không hiểu, dùng phương pháp phản quan tự tánh, nghe lại cái nghe trong lỗ tai thành ra bệnh. Đã không có chỗ nơi mà nghe trong lỗ tai là có chỗ cố định. Như vậy nên nói rằng cái đó là đầy khắp.

Chỉ có đạo nhân Vô y nghe pháp. Đó là mẹ chư Phật, bởi vì chư Phật đều từ Vô y sanh. Nếu ngộ Vô y, Phật cũng không thể được. Nếu người thấy được như thế là kiến giải chân chánh. Tại sao đó là mẹ chư Phật? Có ông Phật nào không nhân cái đó mà được thành Phật đâu, không phải mẹ chư Phật là gì? Như thế đã có mẹ chư Phật, chính cái đó sanh ra Phật, không cần tìm kiếm Phật ở đâu. Ngay nơi mình có sẵn, chỉ cần nhận ra là xong. Vô y đây là chỉ cho không có chỗ tựa nương mà trùm khắp, không có nơi chốn.

Tóm lại, kiến giải chân chánh là thấy tất cả pháp không thật, chỉ có một đạo nhân vô y đang nghe pháp. Nếu thấy tất cả pháp thật là quên đạo nhân vô y. Tổ Lâm Tế nói rất rõ, lặp lại không biết bao nhiêu lần đạo nhân vô y đang nghe pháp, để cho chúng ta nhận ra,

vì chúng ta có bệnh chạy theo danh tướng, quên người đang nghe pháp đây mà thấy tất cả pháp đều thật.

Chúng ta mê lầm những tạm bợ của cuộc đời, còn cái chân thật nghe được muôn pháp thì không nhận ra. Cái nghe đó hồi bé cũng nghe, về già cũng nghe, không lúc nào không nghe mà không nhớ không biết. Chỉ biết những thức ăn ngon chút xíu ở chót lưỡi, những thanh sắc tạm bợ thoáng qua. Cả đời sống với cái tạm bợ giả trá, mê theo nó rồi quên hết cái chân thật hiện hữu của mình. Vì vậy Phật tổ nhắc tới nhắc lui để chúng ta phải nhớ lại cái đó.

Người học không hiểu chấp danh cú, bị danh phàm thánh làm ngại, do đó chướng ngại đạo nhân không được phân minh. Mười hai phân giáo nói ra đều cốt biểu hiển lẽ này, học giả không hội, bèn nhằm trên danh cú biểu hiển sanh hiểu, đều là nương tựa rơi tại nhân quả, chưa khỏi sanh tử trong tam giới.

Bao nhiêu chữ nghĩa danh cú trong kinh là cốt chỉ thẳng cái đó. Như trong kinh Pháp Hoa nói, chư Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến, tức là vạch bày chỉ cho chúng sanh nhận thấy, vào được tri kiến Phật của mình. Tri kiến là cái thấy biết của mỗi người. Nhận được cái đó là mục đích ra đời của chư Phật.

Người thông suốt chữ nghĩa thì giải nghĩa khai là thế nào? Ngộ là thế nào? Nhập là thế nào?... Phân tích dài dòng quên ngay chỗ Phật muốn chỉ, rốt cuộc chỉ biết trên danh tự, quên ông Phật thật của mình. Đó là

bệnh của học giả. Vì thế càng học càng đi xa lẽ thật, chỉ nhớ danh cú. Học biết Niết-bàn là chữ Phạn, chữ Phạn viết làm sao? Niết-ba-na là gì?... Học rồi không biết Niết-bàn, chỉ nói giỏi mà thôi. Nếu biết rõ Niết-bàn là chỗ chân thật không sanh diệt, cái đó hiện thời nghe pháp đây. Sống với cái đó thì không sanh diệt, vô sanh là Niết-bàn, đâu cần mất thời giờ giải nghĩa. Đơn giản vậy. Cho nên thiền là chỉ thẳng không quanh co, không kẹt trong ngôn cú.

Các người nếu muốn trong sanh tử đi đứng tự do, tới lui tự tại thì hiện nay nên biết người nghe pháp này. Ý này lặp lại bao nhiêu lần? Nếu muốn tới lui tự tại, sanh tử tự do, thì phải biết người hiện nghe pháp này. Người đó ra sao? Nếu khéo nhìn khéo thấy, rõ ràng sáng rõ thanh tịnh đầy đủ ở mình không có chỗ tựa. Sống với cái đó thì thành thoi biết bao nhiêu, tự do trong sanh tử, tự tại tới lui không có gì chướng ngại.

Y không hình không tướng, không cội không gốc, không chỗ ở, mà rất linh hoạt, ứng hiện muôn thứ hành động, chỗ dùng chỉ là không chỗ. Bởi đó, càng tìm càng xa, cầu đó thì trái, gọi đó là bí mật. Phật ở hiện đây mà không chịu nhận, còn đi tìm Phật, càng tìm thì càng xa. Phật có ở núi Cấm không? Chạy lên núi tìm thì gần Phật hay xa Phật? Có sẵn đó mà không chịu nhận, cầu tìm thì trái với Phật chính mình, đó là chỗ bí mật. Với cái rất thật, rất gần gũi mà chúng ta tưởng như là huyền ảo, những cái huyền ảo lại tưởng là thật. Nghe nói ở đâu có Phật phóng quang, Phật ngồi tòa sen... lại tưởng thật, chạy lăng xăng tìm cầu, còn ông Phật hiện nghe pháp

của mình, tưởng như huyền ảo xa vời. Thật trái ngược, cái thật của mình thì không nhận, cái bên ngoài mình lại ham.

*Đạo lưu! Các người chớ nhận lấy kẻ bạn mộng huyền, trong khoảng sớm chiều sẽ trở về vô thường. Câu này nghe rất đau. Chớ nhận lấy kẻ bạn mộng huyền, ai là kẻ bạn mộng huyền? Tưởng là cái này, cái nọ, cái kia... mà không ngờ tứ đại là chú bạn mộng huyền. Bởi vậy tôi tâm đắc nhất câu *Gá thân mộng*. Thân là cái mộng huyền, không phải thật mình, thấy nó thật mình nên những nhu cầu của nó đều thỏa mãn. Giả sử tất cả đòi hỏi của thân đều tìm được đầy đủ, nhưng cuối cùng có giữ được nó không?*

Rõ ràng thân này là tạm bợ mà mình tưởng là thật, đó là cái si mê đáo đẽ. Tìm cầu để thỏa mãn những đòi hỏi của nó, phải chịu khổ sở, sân hận, phiền não... Tưởng rằng thỏa mãn rồi nó còn hoài, không ngờ càng thỏa mãn nhiều chừng nào càng chết sớm, càng mộng huyền hơn. Như vậy thỏa mãn để nuôi dưỡng nó sống, hay là làm cho nó tiêu diệt? Một ví dụ nhỏ, chúng ta thường ăn rau đơn sơ, hôm nào có món chiên xào thì thấy vui thích thỏa dạ. Chiên xào thì dầu mỡ nhiều, ăn nhiều sanh bệnh, biết vậy nhưng cái lưỡi đòi hỏi nên phải chiều theo. Nếu cứ bình thường làm sao dồn đầy bao tử cho khỏi đói, nó đòi mặc nó, không quan trọng, đơn giản vô cùng. Nhưng người ta quan trọng cái lưỡi, con mắt, lỗ tai, lỗ mũi... Quan trọng cái thân, xúc chạm thân, thích tìm cho thỏa mãn các căn, càng tìm càng khổ sở.

Tất cả phiền não khổ đau trong cuộc sống này, gốc từ sự đòi hỏi của các cơ quan của thân. Nếu thỏa mãn được mà nó bền lâu thì cũng cho là phải, không ngờ thỏa mãn quá lại chết sớm, như vậy theo nó làm chi? Phải thấy thật đũa bạn mộng huyễn, trong khoảng sớm chiều trở về vô thường, đừng có tin cậy, trông chờ vào nó quá. Có một cái thật không ai làm hoại được mà không chịu sống với nó. Trên thế gian này năm sáu tỷ dân, hỏi có mấy người biết được lẽ này? Lời kệ nói *Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ*, chúng ta được tao ngộ, thọ trì rồi mà không cố gắng thì thật đáng tiếc.

Kinh điển Phật dạy rõ ràng, lời Tổ nói cũng đầy đủ mà ít có người biết, cứ sống chạy theo dục lạc thế gian. Dục lạc thì thỏa mãn để nuôi thân, thân lại là cái vô thường bại hoại. Lo cho cái bại hoại, quên ngay nơi đó có cái không bại hoại, Phật tổ thương chúng sanh là thương chỗ đó, không phải đợi nghèo mới thương, giàu không thương. Kể cả giàu nghèo cũng là mê muội, cho nên đều đáng thương.

Các người đến trong thế giới này tìm vật gì làm giải thoát? Tìm lấy một bữa cơm mà ăn, mặc áo vá qua ngày, chỉ cốt phỏng tâm tri thức. Chớ theo đuổi thú vui, ngày giờ đáng tiếc, niệm niệm vô thường, nếu thô thì bị bốn thứ đất nước lửa gió ép ngặt, tế thì bị sanh trụ dị diệt bức bách. Chúng ta hiện tại cốt làm sao được giải thoát. Ăn cơm mặc áo vá qua ngày, chỉ cốt tìm thiện tri thức để được nghe hiểu đạo lý, chớ đuổi theo thú vui. Nếu sống theo thú vui tầm thường, ngày giờ đáng tiếc qua rồi, tìm lại không được. Mỗi niệm

mỗi niệm vô thường, vô thường thô là đất nước gió lửa ép ngặt, vô thường tế là sanh trụ dị diệt bức bách.

Đất nước gió lửa ép ngặt là sao? Thân này là tứ đại đất nước gió lửa, chúng ta sống đây là điều hòa bốn thứ này. Nghe hơi nóng tức là lửa nhiều thì kiếm đồ mát uống cho nước tăng lên quân bình với lửa. Nếu gió mạnh thổi đất rung rinh, cả người uể oải nhức nhối thì kêu là đánh gió, cạo cho gió ra bớt. Có khi đất ép gió, như cổ mình đang thở, có một cái gì nổi lên làm cho nghẹt thở, phải tìm cách cho tiêu nó đi... Sống là điều hòa bốn thứ này. Kinh Niết-bàn Phật dụ có bốn con rắn độc để chung trong cái hộp, chúng thù địch nhau. Người chủ nuôi nó, cả ngày cứ kìm giữ không cho chúng cắn nhau. Bốn con rắn sống chung mà phải sống đủ bốn con, không cho con nào chết. Người chủ nhà sống có lý thú gì không? Sống với bốn con rắn này cực quá phải không? Giá trị của cuộc sống là gì? Có điều hòa bốn con rắn được không? Cuối cùng rồi cũng đành thua, mỗi con đi mỗi nơi, không có giá trị gì hết, nếu cứ làm hoài như vậy thì thật là vô vị.

Đạo lưu! Thời nay cần biết bốn cảnh vô tướng, mới khỏi bị cảnh kéo lôi.

Ngay trong cái tạm bợ của tứ đại có cái chân thật, phải biết được cái đó mới có con đường giải thoát, nếu không thì uổng một đời. Vô vị làm sao, ngày này qua ngày nọ cứ làm bao nhiêu việc ấy, cuối cùng thắng không được, rã rời, bốn đứa chạy bốn nơi, hết việc.

Hỏi:

- Thế nào là bốn cảnh vô tướng?

Sư đáp:

- Các người một niệm tâm nghi bị đất làm ngại. Các người một niệm tâm ái bị nước nhận chìm. Các người một niệm tâm sân bị lửa đốt cháy. Các người một niệm tâm hỷ bị gió thổi bay. Nếu khéo biện được như thế chẳng bị cảnh chuyển. Nơi nơi dùng được cảnh, vọt bên đông lặn bên tây, vọt bên nam lặn bên bắc, vọt ở giữa lặn ở bên, vọt ở bên lặn ở giữa, đi trên nước như đất, đi trên đất như nước. Bởi sao được như vậy? Vì đạt bốn đại như mộng huyễn.

Đạo lưu! Các người hiện nay biết nghe pháp, chẳng phải tứ đại của các người, cái biết ấy hay dùng được tứ đại. Nếu khéo thấy được như thế là đi đứng tự do. Chỗ thấy của sơn tăng chẳng ngờ pháp ấy. Các người nếu mến thánh thì thánh chỉ là tên thánh. Có một nhóm người học đạo nhắm trong Ngũ Đài Sơn tìm Văn-thù, trọn đã lầm vậy. Trong Ngũ Đài Sơn không có Văn-thù. Các người muốn biết Văn-thù chẳng? Chỉ cái dùng trước mắt các người trước sau chẳng khác, nơi nơi chẳng nghi, cái ấy là Văn-thù sống. Các người một tâm niệm sáng không sai biệt, nơi nơi thấy là chân Phổ Hiền. Các người một tâm niệm tự hay mở trói, tùy chỗ giải thoát, đây là Quan Thế Âm. Ba pháp lẫn nhau làm chủ bạn, ra thì đồng thời ra, một tức ba, ba tức một. Hiểu được như thế, mới nên xem kinh.

Các người một niệm tâm nghi bị đất làm ngại. Các người một niệm tâm ái bị nước nhận chìm. Các người

một niệm tâm sân bị lửa đốt cháy. Các người một niệm tâm hỷ bị gió thổi bay. Nếu khéo biện được như thế chẳng bị cảnh chuyển. Bốn thứ đất nước gió lửa biểu hiện bằng bốn tâm niệm nơi chúng ta. Niệm nghi ngại là đất, niệm ái là nước, niệm sân là lửa, niệm hỷ là gió. Niệm hỷ là gió cũng không khó hiểu, như hồi nhỏ mỗi khi ba má đi chợ về, có quà bánh thì chúng ta mừng nhảy lên. Hỷ là sự vui mừng làm cho mình phấn khởi muốn nhảy vọt lên, đó là gió thổi bay. Bốn tâm niệm đó có sẵn ở trong tâm mỗi người, nếu thắng được nó thì không bị cảnh lôi kéo. Nếu chúng ta khéo biết nghi là đất, ái là nước, sân là lửa, hỷ là gió, chinh phục được nó, không khởi tâm khởi bị cảnh chuyển.

Nơi nơi dùng được cảnh, vọt bên đông lặn bên tây, vọt bên nam lặn bên bắc, vọt ở giữa lặn ở bên, vọt ở bên lặn ở giữa, đi trên nước như đất, đi trên đất như nước. Bởi sao được như vậy? Vì đạt bốn đại như mộng huyễn. Thấy rõ bốn đại như mộng huyễn cho nên đối với cảnh tự tại tự do, được thần thông, vào nước vào đất không trở ngại. Như vậy, biết thân này mộng huyễn, là sức mạnh rất lớn. Nếu nó là mộng huyễn thì còn giận ai? Còn tham ái gì? Còn nghi ngờ gì? Có gì mà vui mừng? Cho thân này là thật thì bị bốn tướng chuyển, chỗ nào cũng không tự do.

Đạo lưu! Các người hiện nay biết nghe pháp, chẳng phải tứ đại của các người, cái biết ấy hay dùng được tứ đại. Nếu khéo thấy được như thế là đi đứng tự do. Chỗ thấy của sơn tăng chẳng ngờ pháp ấy. Ngài nói thật là chí tình. Cái mà ông biết nghe pháp đó, không phải là

tứ đại mà hay dùng được tứ đại. Nó không phải là tứ đại nhưng nương tứ đại phát ra những diệu dụng. Chỗ thấy của ngài không còn nghi ngờ người nghe pháp đó.

Các người nếu mến thánh thì thánh chỉ là tên thánh. Có một nhóm người học đạo nhắm trong Ngũ Đài Sơn tìm Văn-thù, trọn đã lầm vậy. Trong Ngũ Đài Sơn không có Văn-thù. Các người muốn biết Văn-thù chẳng? Chỉ cái dùng trước mắt các người trước sau chẳng khác, nơi nơi chẳng nghi, cái ấy là Văn-thù sống. Văn-thù là gì? Là cái dùng trước mắt trước sau chẳng khác, nơi nơi chẳng nghi. Thời gian trước, thời gian sau đều sử dụng như thế, nơi nơi không có nghi. Đó là Văn-thù sống.

Các người một tâm niệm sáng không sai biệt, nơi nơi thấy là chân Phổ Hiền. Nơi tâm niệm chúng ta không có niệm sai biệt, đó thật là Phổ Hiền.

Các người một tâm niệm tự hay mở trói, tùy chỗ giải thoát, đây là Quan Thế Âm. Quan Thế Âm cứu khổ, mỗi niệm mỗi niệm mở trói. Mở làm sao? Nghĩa là vừa thấy cái đó đẹp, biết nó là giả dối là mở được nó. Nghe câu gì mà nổi bực giận, biết lời nói đó là giả dối, cái giận cũng giả dối, bỏ đi thì đó mở rồi. Đức Quan Âm cứu mình liên miên phải không? Hiện tại cứu khổ cho mình được giải thoát.

Ba pháp lẫn nhau làm chủ bạn, ra thì đồng thời ra, một tức ba, ba tức một. Hiểu được như thế, mới nên xem kinh. Các kinh điển đại thừa nói về Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quan Âm đều hướng về mình

mà nói, không phải nói Bồ-tát ở ngoài. Chúng ta cứ hướng bên ngoài lên Ngũ Đài Sơn tìm Văn-thù... Cứ tìm các ngài mà không thấy ở nơi mình.

Hỏi:

- Ý Tổ sư từ phương Tây sang thế nào?

Sư đáp:

- Nếu có ý tự cứu chẳng xong.

Hỏi:

- Đã không ý làm sao Nhị Tổ được pháp?

Sư đáp:

- Được đó là chẳng được.

- Nếu đã chẳng được, thế nào là ý chẳng được?

- Vì nhằm tất cả chỗ tìm kiếm, tâm không thể thôi. Do đó Tổ sư nói: “Dốt thay! Đại trượng phu đem đầu tìm đầu.” Người ngay lời nói này liền tự hồi quang phản chiếu, chẳng cầu cái gì khác, biết thân tâm cùng Phật tổ chẳng khác, liền đó vô sự mới gọi là được pháp.

Đại đức! Sơn tăng hôm nay bất đắc dĩ nói ra khá nhiều điều vụng về. Các người chớ nhận lầm. Theo chỗ thấy của tôi, thật không chấp nhận các thứ đạo lý nhiều như thế, cần dùng liền dùng, chẳng dùng liền thôi. Các nơi nói lục độ vạn hạnh cho là Phật pháp. Tôi nói đó là cửa trang nghiêm, cửa Phật sự, chẳng phải là Phật pháp. Cho đến trì trai giữ giới như bưng đĩa dầu chẳng nghiêng, nếu đạo nhân

chẳng sáng trọn có ngày phải đền lại nợ cơm tiền. Vì sao như thế? Vì học đạo chẳng thông lý, đem thân đền tín thí, trưởng giả tuổi tám mốt, cây kia chẳng sanh nhĩ. Nhấn đến ở trên chót núi, một ngày ăn một bữa, thường ngồi chẳng nằm, sáu thời hành đạo, vẫn là người tạo nghiệp. Hoặc đem đầu mất tủy não, vợ con đất nước, voi ngựa bảy báu hoàn toàn thí xả; hành động như thế đều là làm khổ thân tâm, lại chuốc quả khổ. Đâu bằng vô sự thuận nhất không tạp. Cho đến hàng Bồ-tát Thập địa mãn tâm muốn tìm dấu vết của vị này trọn không thể được. Do đó chư thiên vui mừng, địa thần nâng chân, chư Phật mười phương thấy đều khen ngợi. Duyên gì như thế? Vì đạo nhân hiện nghe pháp, chỗ dùng không dấu vết vậy.

Ý chẳng được là gì? Là cái chạy tìm mãi không thôi. Nếu dùng dùng tìm thì được không? Ngài nói rõ ràng rất thấm thía. Dẫn lời Tổ quả, đại trượng phu đem đầu tìm đầu là ngu ngốc. Đại trượng phu thì phải mạnh mẽ, trí tuệ. Chúng ta thường vỗ ngực xưng tôi là bậc trượng phu, phải ráng cho đúng nghĩa trượng phu, đừng đem đầu chạy tìm đầu.

Người ngay lời nói này liền tự hồi quang phản chiếu, chẳng cầu cái gì khác, biết thân tâm cùng Phật tổ chẳng khác, liền đó vô sự mới gọi là được pháp. Người vô sự thì gọi là được pháp. Ý này thâm hợp với Tâm Kinh Bát-nhã, “Do không chỗ được, Bồ-tát y theo Bát-nhã tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, viễn ly mộng tưởng điên đảo cứu cánh Niết-bàn...

Ba đời chư Phật... được đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác..." Như vậy từ vô sở đắc đó mà đắc. Đây cũng vậy, nếu chúng ta không có sở đắc, mới gọi là đắc pháp.

Tại sao? Mắt tai mũi lưỡi thân ý đối với sáu trần không dính không kẹt, gọi đó là giải thoát. Nói là được giải thoát, mà có được giải thoát nào không? Không dính không kẹt thì giải thoát, đâu phải có ai đưa chúng ta lên trời mây mới là giải thoát. Nếu còn dính còn kẹt thì bị trảm luân gỡ không ra, vậy thôi. Rõ ràng là khi chúng ta không dính với sáu trần, gọi đó là vô sự, là được pháp.

Đại đức! Sơn tăng hôm nay bất đắc dĩ nói ra khá nhiều điều vụng về. Các người chớ nhận lầm. Theo chỗ thấy của tôi, thật không chấp nhận các thứ đạo lý nhiều như thế, cần dùng liền dùng, chẳng dùng liền thôi. Ngài Lâm Tế thường làm gì? Hỏi là hét hoặc đánh, đó là thuật của ngài. Hôm nay vì thương chúng ta mà nói nhiều, những điều nói ra đều là vụng về, bất đắc dĩ. Nếu thật chỗ thấy của ngài thì ngay nơi đó không cho có gì để suy xét.

Các nơi nói lục độ vạn hạnh cho là Phật pháp. Tôi nói đó là cửa trang nghiêm, cửa Phật sự, chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp theo ngài là cái chân thật hiện hữu của mình, đó là Phật, là pháp bản lai. Còn nói lục độ vạn hạnh là chỉ phân tích cho có phương tiện để người nghe dần dần tìm tới đạo, không phải Phật pháp.

Cho đến trì trai giữ giới như bưng đĩa dầu chẳng nghiêng, nếu đạo nhãn chẳng sáng tròn có ngày phải đèn lại nợ cơm tiền. Dầu cho chúng ta tu cẩn mật,

trì trai giữ giới nghiêm trang như bưng đĩa dầu đầy không cho rơi một giọt... xem như rất chín chắn cẩn mật, nhưng nếu đạo nhân chẳng sáng thì trọn có ngày phải đền lại nợ cơm tiền, vì chưa được giải thoát. Đạo nhân là con mắt đạo, con mắt đó nhận ra được người nghe pháp hiện giờ, gọi là đạo nhân sáng. Không nhận ra được thì đạo nhân không sáng. Nếu có tu phước đức thì được hưởng trong vòng luân hồi cõi lành, nếu không có phước đức mà nhận của tín thí thì phải đền nợ cơm tiền.

Vì sao như thế? Vì, học đạo chẳng thông lý, đem thân đền tín thí, trưởng giả tuổi tám mốt, cây kia chẳng sanh nhĩ. Đây dẫn câu kệ của Tổ ngày xưa nói, người tu nhận của thí chủ nuôi, tu hành chưa giác ngộ, nên sau làm năm để trả nợ cho thí chủ.

Nhân đến ở trên chót núi, một ngày ăn một bữa, thường ngồi chẳng nằm, sáu thời hành đạo, vẫn là người tạo nghiệp. Ngài nói thẳng rằng dù một mình ở chót núi, ngày ăn một bữa, thường ngồi không nằm, sáu thời hành đạo, không được chân thật giải thoát thì cũng chỉ là tạo nghiệp lành. Tạo nghiệp lành thì sanh cõi lành chứ chưa giải thoát.

Hoặc đem dầu mắt tủy não, vợ con đất nước, voi ngựa bảy báu hoàn toàn thí xả; hành động như thế đều là làm khổ thân tâm, lại chuốc quả khổ. Có một cái chân thật mà không nhận không sống với nó, chỉ hành hạ thân thì chuốc khổ thôi. Trọng tâm tu ở chỗ này, đây là ma, đây là Phật, đừng sống với ma mà phải sống với Phật, đơn giản vậy, khỏi lên non lên núi xa xôi. Nếu lên non lên rừng mà không biết Phật không biết ma tức là

tạo nghiệp, nghiệp lành thì hưởng lành, nghiệp ác thì hưởng ác. Chúng ta ngồi đây cũng có Phật, năm chục người có năm chục ông Phật. Ngay chỗ này biết thì có Phật, không biết thì không có Phật. Người ta thích tu ở núi để tìm Phật, không ngờ Phật ngồi sẵn ở đây.

Đâu bằng vô sự thuận nhất không tạp. Cho đến hàng Bồ-tát Thập địa mãi mãi muốn tìm dấu vết của vị này trọn không thể được. Do đó, chư thiên vui mừng, địa thần nâng chân, chư Phật mười phương thấy đều khen ngợi. Duyên gì như thế? Vì đạo nhân hiện nghe pháp, chỗ dùng không dấu vết vậy. Đạo nhân hiện nghe pháp, người đó không dấu vết. Nhận được người đó thì chư thiên vui mừng, địa thần nâng chân, mười phương chư Phật đều khen ngợi. Đó là cái gốc.

Một hôm Sư cùng Hà Dương, trưởng lão Mộc Tháp đồng ở tại tầng đường ngồi quanh lò lửa. Nhân nói chuyện Phổ Hóa mỗi ngày ở ngoài phố chợ giả điên khùng, biết y là phàm là thánh? Nói chưa xong, Phổ Hóa đi vào. Sư liền hỏi:

- Ông là phàm là thánh?

Phổ Hóa nói:

- Ông hãy nói tôi là phàm là thánh?

Sư liền hét. Phổ Hóa lấy tay chỉ nói:

- Hà Dương kẻ tân phụ⁽⁸⁾, Mộc Tháp thiên lão bà, Lâm Tế đứa trẻ nhỏ, lại đủ một con mắt.

⁽⁸⁾ Tân phụ là cô gái mới có chồng.

Sư bảo:

- Kẻ giặc.

Phổ Hóa nói:

- Giặc! Giặc!

Liền đi ra.

Người xưa đã là bậc tác gia rồi, nên Phổ Hóa nghe nói không biết là phàm là thánh, bèn bước vào hỏi *tôi là phàm là thánh?* Người biết rồi thì không bị gạt, nên ngài liền hét! Đó là đập tan cái bẫy. Phổ Hóa liền chỉ nói: *Hà Dương kẻ tân phụ*, tức là cô dâu mới, *Mộc Tháp thiền lão bà*, Lâm Tế là *đứa tở nhỏ*, *lại đủ một con mắt*. Ngài nói: *Kẻ giặc, kẻ giặc*. Nói đủ con mắt tức là khen, ngài nói kẻ giặc tức là chê. Đối đáp theo Lục Tổ.

Vương Thường Thị đến thưa hỏi Sư, theo Sư đến trước tăng đường, xem xong liền hỏi:

- Tăng cả nhà này có xem kinh chăng?

Sư đáp:

- Chẳng xem kinh.

Thường Thị hỏi:

- Lại học thiền chăng?

Sư đáp:

- Chẳng học thiền.

Thường Thị nói:

- Kinh đã chẳng xem, thiền lại chẳng học, cứu cánh làm cái gì?

Sư đáp:

- Thầy dạy y làm Phật tác Tổ.

Thường Thị nói:

- Mạt vàng tuy quý, rơi vào con mắt thành bệnh, lại làm sao?

Sư bảo:

- Sẽ bảo ông là kẻ thế tục.

Làm sao để thành Phật tổ? Tức là ngay nơi ông Phật của mình, sống với chính mình, rất đơn giản không cần dài dòng quanh co. Ngay nơi đó chỉ cho họ làm Phật làm Tổ. Câu nói đó làm cho Vương Thường Thị nói: *Mạt vàng tuy quý, rơi vào con mắt thành bệnh*. Câu đó là khen hay chê? Chê cái gì? Nếu còn nói làm Phật làm Tổ, danh từ tuy là cao nhưng giống như mạt vàng rơi vào con mắt. Đó là lời trách, mới biết Vương Thường Thị là con người thế nào. Nếu ngang đó làm thỉnh tức là ngài thua, nên ngài liền bảo: *Sẽ bảo ông là kẻ thế tục*. Đó là câu cứu lại.

Một hôm, Phổ Hóa ở trong chợ đến mọi người xin chiếc áo dài, mọi người đều cho, Phổ Hóa đều chẳng nhận. Sư dạy Viện chủ mua một quan tài. Phổ Hóa về đến, Sư bảo:

- Tôi đã vì ông sắm chiếc áo dài rồi.

Phổ Hóa liền tự vác đi. Phổ Hóa đi quanh đường chợ rao:

- Lâm Tế cho tôi chiếc áo dài rồi, tôi sang cửa Đông tịch.

Người trong chợ đua nhau đến xem. Phổ Hóa bảo:

- Tôi ngày nay chưa tịch, ngày mai sang cửa Nam mới tịch.

Như thế đến ba ngày, mọi người đều chẳng tin. Đến ngày thứ tư, không ai theo xem, một mình Phổ Hóa tự chun vào quan tài, nhờ người đi đường đẩy nắp lại. Tin truyền đi mọi người trong chợ đua nhau đến giở quan tài xem, không thấy thi hài Phổ Hóa, chỉ nghe trong hư không tiếng mõ xa dần rồi mất.

Chúng ta thấy chỗ nhận hiểu của tổ Lâm Tế và ngài Phổ Hóa bằng nhau nhưng duyên giáo hóa không giống. Như trong lớp học, mấy chú là huynh đệ nhau, học hiểu tương đương nhau. Giả sử về sau người trụ trì chùa này, người trụ trì chùa kia. Chùa A thì tín chúng đông đảo, Phật sự vẻ vang. Chùa B thì vắng vẻ, Phật sự ít ỏi. Tuy học thì như nhau, nhưng duyên truyền bá mỗi người có khác. Đừng vì lẽ một huynh đệ mình được cái hay, nhiều người quy phục rồi mình đổ ỵ, đó là tâm phàm phu. Làm sao nếu huynh đệ được điều hay điều tốt mà mình tán thưởng khen ngợi thêm, đó thật là tâm tùy hỷ, tâm trượng phu.

Sư sắp tịch ngời yên bảo:

- Sau khi ta tịch chẳng được diệt mất chánh pháp nhãn tạng của ta.

Tam Thánh Huệ Nhiên thưa:

- Đâu dám diệt mất chánh pháp nhãn tạng của Hòa thượng.

Sư bảo:

- Về sau có người hỏi, người đáp thế nào?

Tam Thánh liên hét. Sư bảo:

- Ai biết chánh pháp nhãn tạng của ta đến bên con lửa mù diệt mất.

Sư nói kệ truyền pháp:

Diên lưu bất chỉ vấn như hà?

Chân chiếu vô biên thuyết tự tha?

Ly tướng ly danh như bất bầm

Xuy mao dụng liễu cấp tu ma.

Dịch:

Theo dòng chẳng dứt hỏi thế nào?

Chân chiếu khôn ngần nói với ai?

Lìa tướng lìa danh như chẳng nhận

Gươm bén dùng rồi gấp phải mài.

Nói xong, Sư ngồi an nhiên thị tịch. Nhằm niên hiệu Hàm Thông năm thứ tám (867), ngày mười tháng tư năm Đinh Hợi.

Vua ban thụy là Huệ Chiếu thiền sư, tháp hiệu Trường Linh.

Ý ngài bảo rằng ta có mất rồi, các ông nên kế thừa truyền bá, đừng cho diệt mất chánh pháp. Ngài Huệ Nhiên nói: *Đâu dám diệt mất chánh pháp nhãn tạng của Hòa thượng*. Tức là chúng con sẽ nối, sẽ kế thừa

không cho mất. Ngài hỏi về sau có người hỏi, người đáp thế nào? Ngài Tam Thánh Huệ Nhiên liền hét! Thủ thuật ở tổ Lâm Tế, ngay đó được thì dùng không cho suy nghĩ. Thuật ấy ngài Huệ Nhiên nắm được, mà nắm được thì tất nhiên kế thừa được.

Tại sao ngài lại nói: *Ai biết, chánh pháp nhãn tạng của ta đến bên con lửa mù diệt mất?* Câu này nghe rất khó hiểu, nhưng theo quan niệm xưa mười hai năm xoay vần theo mười hai con giáp, trong đó không có năm con lửa. Như vậy để nói rằng sự truyền bá của ngài không có dứt. Nếu có thì tới năm nào đó có tên, chỗ này con lửa không có năm nên không có chỗ cùng. Lại là con lửa mù, mù không thấy thì làm sao biết đâu là nơi chốn. Vì thế không có chỗ nơi nhất định, cũng không có thời gian nhất định. Nó là liên miên, mãi mãi không cùng, bởi vậy cho nên không có ai biết tới đâu. Đó là ngài đã thọ ký.

Sư nói kệ truyền pháp:

Diên lưu bất chỉ vấn như hà?

Chân chiếu vô biên thuyết tự tha?

Ly tướng ly danh như bất bảm

Xuy mao dụng liễu cấp tu ma.

Diên lưu bất chỉ vấn như hà? Diên là tiếp tục, lưu là trôi chảy, bất chỉ là không dừng. Sự tiếp tục trôi chảy mãi không dừng. Vấn như hà, là hỏi thế nào. Không thể trả lời được. Câu đầu của bài kệ này nói đạo lý của ngài truyền mãi, không thể hỏi đến đâu là dừng.

Chân chiếu vô biên thuyết tự tha? Cái chân thật chiếu soi này không có ngăn mé, chỉ tự chứng biết, đâu thể nói với người ngoài. Tức là không thể nói được. Sự tiếp nối này đứng về thời gian không có ngăn mé, đứng về không gian không có giới hạn.

Ly tướng ly danh như bất bảm. Sự truyền bá này không mắc kẹt trên tướng trên danh, cả hai đều không dính không nhận.

Xuy mao dụng liễu cấp tu ma. Xuy mao là cây kiếm bén, sợi lông vừa thổi qua liền đứt, như vậy bén đến cỡ nào? Mà dùng rồi phải mài gấp, luôn mài giữa không chậm trễ.

Đây là lời dạy của ngài về sự truyền pháp nối tiếp không cùng, khi truyền bá đừng mắc kẹt trên danh tướng. Người truyền bá tông thiền, sau khi nhận rõ rồi đem ra giáo hóa cũng phải giữ cho mình không bị tổn hao, không mất phẩm chất đạo đức của mình, như thanh kiếm bén xài rồi phải gấp mài giữa, đừng để cùn lụt. Nghĩa là người thấy đạo, khi giáo hóa không thể quên mất mình, đó là cái gốc.



TRẦN TÔN TÚC hiệu ĐẠO MINH

(? - ?)

Sư họ Trần quê ở Giang Nam. Thuở bé, Sư dung nhan kỳ đặc, nhân đến chùa Khai Nguyên lễ Phật, thấy tăng như đã quen trước. Về, Sư xin phép cha mẹ xuất gia, cha mẹ đồng ý cho.

Sau khi làm tăng, Sư giữ giới tinh nghiêm học thông ba tạng. Đi du phương, Sư thâm ngộ nơi tổ Hoàng Bá. Được mọi nơi kính trọng gọi là Tôn Túc nên thành danh Trần Tôn Túc.

Về sau, Sư về ở chùa Khai Nguyên thường dùng cỏ bồ đàn giày bán nuôi mẹ. Do đó cũng có tên là Trần Bồ Hải. Tăng chúng mến trọng Sư, lần lượt tìm đến tham vấn. Lời lẽ đối đáp của Sư rất bí hiểm khó người nhận nổi. Thế nên những kẻ căn cơ thô thiển đều chẳng thích. Chỉ những bậc tánh sáng am hiểu huyền học mới khâm phục.

Những vị có duyên giáo hóa chúng sanh đều là người đã từng tu hành nhiều đời về trước. Như ngài Trần Tôn Túc nếu chưa từng tu thì làm sao vô chùa thấy chư tăng như đã quen trước? Thấy như đã quen tức là đã có tu rồi.

Khi làm tăng, ngài giữ giới luật và thông suốt ba tạng kinh, sau đó mới tham thiền và ngộ nơi tổ Hoàng Bá. Nếu tham học mà không thông giáo lý và luật nghi sẽ thành người cố chấp. Tư cách ngài như thế nên được trong chúng tôn kính gọi là Tôn Túc, nghĩa là bậc trên trước rất tôn trọng.

Đây có một điểm mà tất cả chúng ta phải học. Khi ngài về trụ trì chùa Khai Nguyên, trong chúng thời đó ở ít ra cũng phải năm trăm trở lên. Như thế sá gì có một bà mẹ, lâu lâu xin của Tam bảo chút ít nuôi bà cũng được, mà ngài phải đan giày bán lấy tiền nuôi mẹ. Người xưa làm việc Tam bảo, phân biệt rành rẽ cái nào là của công, cái nào là của tư. Nếu là của công thì không được dùng cho việc tư. Mẹ mình thì bốn phận phải nuôi, đó là việc tư. Cho nên thà là đan giày để lấy tiền nuôi mẹ, còn tiền của chúng thì dù là trụ trì ngài vẫn không lạm dụng. Như thế mới đúng tinh thần đạo đức, tôn trọng của chung và giữ phần phước cho cha mẹ không để tổn giảm.

Tham vấn buổi chiều, Sư bảo chúng:

- Các người lại được chỗ vào chưa? Nếu chưa được chỗ vào, cần được chỗ vào, nếu đã được chỗ vào, về sau chớ cô phụ lão tăng.

Có một vị tăng bước ra lễ bái thưa:

- Con trọn chẳng dám cô phụ Hòa thượng.

Sư bảo:

- Người trước đã cô phụ ta rồi.

Sư lại bảo:

- Ta đã nói rõ với người, người còn chẳng hội, huống là che đậy mai sau.

Ngài có nói gạt chúng ta không? Bảo rằng *nếu chưa được chỗ vào cần được chỗ vào, nếu đã được chỗ vào, về sau chớ cô phụ lão tăng*. Có vị tăng thật thà bước ra nói: *Con trọn chẳng dám cô phụ Hòa thượng*. Đó là hợp lý, tại sao ngài nói *người trước đã cô phụ ta rồi*. Cô phụ chỗ nào? Đây là cái hay của người xưa, khéo léo nói rằng chưa được chỗ vào thì cần chỗ vào, nếu đã được chỗ vào thì chớ cô phụ lão tăng.

Vị tăng này nói *con không dám cô phụ Hòa thượng* tức là tự xưng mình đã được chỗ vào. Nếu thật đã được chỗ vào, phải có hành động nào đó, ở đây đáp thật thà như vậy làm sao chắc đã được chỗ vào. Nên ngài nói, *người trước đã cô phụ ta rồi*. Đó là điều chúng ta thấy cái khéo của người xưa. Ngài bảo: *Ta đã nói rõ với người, người còn chẳng hội, huống là che đậy mai sau*. Nghĩa là nói trắng ra vậy mà còn không biết.

Sư lại bảo:

- Lão tăng trụ trì ở đây chẳng từng thấy một người vô sự đi đến. Các người sao chẳng lại gần?

Có một vị tăng mới bước lại gần. Sư bảo:

- Duy-na chẳng có ở đây, người tự đi ra ngoài cửa lãnh hai mươi gậy.

Tăng thưa:

- Con lổi ở chỗ nào?

Sư bảo:

- Đã đeo còng lại mang gông.

Lão tăng trụ trì ở đây chẳng từng thấy một người vô sự đi đến. Các người sao chẳng lại gần? Lổi dạy của ngài khó hiểu. Vừa nói trụ trì chưa thấy người vô sự đến, rồi hỏi: Các người sao chẳng lại gần? Tăng bước lại gần, ngài lại bảo: Duy-na không có ở đây. Nếu có Duy-na thì bị đánh hai mươi gậy đuổi đi, phải không? Duy-na không có ở nhà, thôi ông tự đánh hai mươi gậy rồi đi ra cửa. Tự nhiên mình cũng thắc mắc, lổi ở chỗ nào? Ngài nói: Đã đeo còng lại mang gông.

Như vậy đeo còng ở đâu? Nếu câu hỏi con lổi chỗ nào là mang gông thì cũng chịu được. Tại sao trước đeo còng? Bởi vì bị đầu lưỡi Lão hòa thượng lừa, bảo lại gần thì cứ lại gần, không biết gì hết. Đó là đeo còng, rồi bị rầy bảo tự lãnh hai mươi gậy. Như vậy mà còn trách: *Con lổi ở chỗ nào?* Đó là thêm lớp gông.

Lổi dạy của ngài rất nhanh lẹ, người không sáng liền bị gạt.

Bình thường Sư thấy tăng đến liền đóng cửa. Hoặc thấy giảng sư đến, Sư gọi: “Tọa chủ!” Tọa chủ:

“Dạ!” Sư bảo: “Kẻ vác bạng.” Hoặc bảo: “Ở đây có thùng cho tôi gánh nước.”

Những câu nói *Kẻ vác bạng* hoặc *Ở đây có thùng cho tôi gánh nước...* có ý nghĩa gì không? Thật ra chỉ kêu dạ là xong, từ bi đáo để rồi. Nhưng vì Tăng không hiểu nên ngài nói gạt: cho mượn thùng lấy nước... Cái ngài muốn chỉ đã qua rồi.

Một hôm Sư đứng ngoài hành lang, có vị tăng đến hỏi:

- Phòng Trần Tôn Túc ở chỗ nào?

Sư liền cởi giày, dè đầu vị tăng ấy đập. Vị tăng ấy chạy. Sư gọi:

- Đại đức!

Tăng xoay đầu nhìn lại. Sư chỉ bảo:

- Đi bên này.

Sao ngài tàn nhẫn quá vậy? Người ta hỏi phòng Trần Tôn Túc ở chỗ nào, chỉ hay không chỉ thì thôi, tại sao dè đầu người ta xuống mà đánh? Lỗi tại đâu?

Đối diện Trần Tôn Túc mà không biết, đó là trường hợp hình thức ở ngoài. Như cái hiện tiền bên trong sẵn đủ mà còn đi tìm, đó là đánh chỗ không nhận ra hiện tiền mà còn chạy tìm. Đánh thì ông tăng chạy, với lòng từ bi ngài gọi: *Đại đức! Tăng xoay đầu lại* mà không biết gì. Ngài mới bảo: *Đi bên này*. Đây là câu nói đùa chơi không có ý nghĩa.

Có vị sứ thần đến viếng. Sứ thần hỏi:

- Ba cửa đều mở, từ cửa nào vào?

Sứ gọi:

- Thượng thư.

Sứ thần ứng thanh:

- Dạ!

Sứ bảo:

- Từ cửa tín vào.

Sứ thần nhìn lên vách thấy tượng vẽ, hỏi:

- Hai tôn giả đối mặt luận việc gì?

Sứ gõ cây cột nói:

- Trong ba thân cái nào chẳng nói pháp?

Sứ thần này có thông minh không? Như chùa chúng ta có ba cửa, một vị khách quan trọng đến hỏi: Ba cửa này, tôi vô cửa nào? Nếu chúng ta trọng khách thì mời khách đi cửa giữa. Đó là lẽ thường, nhưng với thiền sư thì không đơn giản như vậy.

Khi Sứ thần hỏi đi cửa nào, không phải là không biết ba cửa, mà hỏi là có lý do. Ngài kêu, *Thượng thư!* Sứ thần *Dạ!* Như thế từ cửa đó mà vô. Ngài liền thêm câu: *Từ cửa tín mà vào.* Lối dạy này có giống tổ Lâm Tế không? Tổ Lâm Tế luôn luôn nhắc chúng ta người đang nghe pháp đó, chỉ vì các ông tin không đến. Ai cũng có người đang nghe pháp mà không dám tin, không dám nhận nên rồi bỏ qua.

Đây ngài kêu Thượng thư. Thượng thư ứng lên: Dạ. Đó là chỉ người đang nghe thấy rõ ràng, phải tin nhận cửa đó mà vào.

Sứ thần nhìn lên vách thấy tượng vẽ, hỏi: *Hai tôn giả đối mặt luận việc gì?* Ngài gõ cây cột nói: *Trong ba thân cái nào chẳng nói pháp?* Dường như ngài nói lạc đề, nhưng không phải. Hình vẽ trên vách là từ tâm nghĩ tưởng mà vẽ ra, trong nhà thiền gọi là hóa thân. Như vậy pháp thân nói pháp, báo thân nói pháp thì hóa thân này cũng nói pháp. Nếu nhìn đó mà hiểu, nhìn đó mà ngộ, nhìn đó mà tin thì trong ba thân, thân nào cũng nói pháp.

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tào Khê?

Sư bảo:

- Lão tăng ưa sân chẳng ưa hỷ.

Tăng hỏi:

- Vì sao như thế?

Sư đáp:

- Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm, chẳng phải nhà thơ chớ nói thơ.

Muốn biết ý Tổ sư thì cứ nhìn thấy cái sân cái hỷ của người hiện tại đây, đừng tìm nơi nào khác. Vừa khởi ý tìm đã trật rồi, ngay trong hiện tại mà nhận. Tăng không hiểu, tưởng Hòa thượng hay giận, nên hỏi *vì sao như thế?* Ngài nói, *gặp tay kiếm khách nên trình kiếm,*

chẳng phải nhà thơ chứ nói thơ. Vì ông không phải kiếm khách nên tôi không cho xem kiếm, không phải nhà thơ nên tôi không nói thơ. Tức là chê Tăng không xứng tay với ngài.

Tăng hỏi:

- Giáo ý Tổ ý là đồng là khác?

Sư bảo:

- Núi xanh tự núi xanh, mây trắng tự mây trắng.

Tăng hỏi:

- Thế nào là núi xanh?

Sư bảo:

- Trả một hạt mưa cho ta.

Tăng thưa:

- Nói chẳng được, thỉnh Thầy nói.

Sư bảo:

- Pháp Hoa xông trước trận, Niết-bàn câu chót thâu.

Khi nhìn lên những ngọn núi cao, chúng ta thấy mây vây phủ núi, mây với núi có dính nhau không? Mây là mây, núi là núi, mây tạm có hợp rồi tan, còn núi vẫn y nguyên không tan hợp. Núi là ngầm nói ý Tổ, là lẽ thật, mây là ngầm nói ý kinh giáo, tùy duyên dựng lập vì chúng sanh.

Tăng hỏi: *Thế nào là núi xanh?* Ngài bảo: *Trả một hạt mưa cho ta.* Đó là muốn hỏi thẳng ý Tổ. Tại sao ngài

trả lời một câu về ngớ ngẩn? Hỏi thế nào là núi xanh thì hoặc nói núi xanh là bất sanh bất diệt, núi xanh là gì đó, lại đòi hạt mưa? Vì núi xanh là chỗ không còn lời, không có niệm nghĩ, ông hỏi như thế đã là ngớ ngẩn, nên ngài đáp lại bằng một câu ngớ ngẩn: *Trả một hạt mưa cho ta.*

Tăng thưa: *Nói chẳng được, thỉnh Thầy nói.* Ngài bảo: *Pháp Hoa xông trước trận, Niết-bàn câu chót thâu.* Ngài bảo con trả hạt mưa, câu này con bí rồi đáp không được, xin ngài đáp giùm. Câu đáp này có ý nghĩa gì không? Đó chỉ là một câu đáp cho có lời không giải thích gì cả.

Sư xem kinh, thượng thư Trần Tháo đến hỏi:

- Hòa thượng xem kinh gì?

Sư bảo:

- Kinh Kim Cang.

Tháo bảo:

- Lục triều phiên dịch, đây là thứ mấy dịch?

Sư đưa quyển kinh lên bảo:

- Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh.

Kinh Kim Cang do sáu nhà phiên dịch từ Phạn sang Hán, mỗi nhà phiên dịch ở một triều đại, như triều Ngụy, triều Lương, triều Đường... nên gọi là *Lục triều phiên dịch*. Nói theo Lục triều phiên dịch là nói theo danh số thứ tự, nếu đáp bằng danh số thứ tự thì mắc kẹt.

Vì thế khi hỏi triều thứ mấy, ngài bèn đưa quyển kinh lên, rồi nói: *Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh*. Đó là lối gỡ bầy khéo léo không mắc kẹt vào thời đại hay thứ tự.

Sư xem kinh Niết-bàn, có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng xem kinh gì?

Sư đưa quyển kinh lên bảo:

- Cái này là phẩm trà-tỳ rốt sau.



Vị tăng mới đến lễ bái Sư, Sư hỏi:

- Xà-lê tại sao trộm trái cây của Thường trụ ăn?

Tăng thưa:

- Con vừa mới đến, vì sao Hòa thượng nói trộm trái cây?

Sư bảo:

- Tang vật vẫn còn.

Sao tàn nhẫn vậy? Người ta mới bước vô chùa, liền rầy *ăn trộm trái cây* làm mất mặt quá phải không? Chúng ta có ăn trộm trái cây của thường trụ không? Lúc nào? Khi chúng ta bước vào chùa, con mắt nhìn bên đây ngó bên kia, rồi ý chạy duyên theo cảnh tượng phân biệt... đó là đã đi ăn trộm rồi. Như vậy mà còn nói mới vào chùa đâu có ăn trộm. Ngài nói *tang vật vẫn còn*, cãi chối tức rõ ràng chú ăn trộm mà chưa biết lỗi.

Có vị đại đức được vua ban tử y đến lễ bái. Sư cầm cái mũ lên, hỏi:

- Cái này gọi là gì?

Đại đức đáp:

- Mũ triều thiên.

Sư bảo:

- Thế ấy thì lão tăng chẳng đội.

Sư hỏi:

- Ông chuyên về sự nghiệp gì?

- Duy thức.

Sư lại hỏi:

- Nói thế nào?

Đại đức đáp:

- Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức.

Sư chỉ cánh cửa hỏi:

- Cái ấy là gì?

Đại đức đáp:

- Sắc pháp.

Sư bảo:

- Trước rèm ban tử y, đối vua thuyết pháp, tại sao không giữ năm giới?

Đại đức không đáp được.

Vị tăng này phạm giới gì? Đây có hai điều: Thứ nhất, ông tăng được vua ban tử y, nên khi vào triều, đội mũ triều thiên là châu thiên tử, vua như con trời, nên phải châu vua. Mình là người xuất gia cầu giải thoát, có châu vua không? Cho nên ngài nói ta không có đội mũ đó. Thứ hai, Tăng nói rằng: *Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức*. Ngài chỉ cánh cửa hỏi *cái ấy là gì?* Tăng đáp là *sắc pháp*. Ngài liền kết tội đối vua mà phạm tội nói dối. Bởi vì tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, thì tất cả pháp có ra đều từ thức, cánh cửa là cũng thức biến, tại sao ông nói là sắc pháp ngoài thức. Như vậy có nói dối không? Nên nói *tại sao không giữ năm giới?*

Sư thượng đường:

- Xé tan ra cũng là ta, gom nhóm lại cũng là ta.

Có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là xé tan ra?

Sư bảo:

- Ba lần chín là hai mươi bảy, Bồ-đề Niết-bàn chân như giải thoát tức tâm tức Phật. Ta đã nói thế ấy, người lại nói thế nào?

Tăng thưa:

- Con chẳng nói thế ấy.

Sư bảo:

- Cái chén đánh rơi xuống đất, cái đĩa bể thành bảy miếng.

Tăng hỏi:**- Thế nào là gom nhóm lại?****Sư bèn ngồi khoanh tay.**

Biết thế nào là xé tan, thế nào là gom góp không? Hỏi xé tan, ngài đáp: *Ba lần chín là hai mươi bảy*. Tức là làm toán nhân theo cửu chương chồng lên. Bởi do một thể không tên nhưng phân tích chồng chất thành tên này tên nọ tên kia. Phân tích thế nào? Là đặt tên *Bồ-đề*, *Niết-bàn*, *chân như*, *giải thoát*, *tức tâm tức Phật*... Một cái không tên mà đặt rất nhiều tên, không phải xé tan ra là gì?

Thế nào là gom góp? Ngài ngồi khoanh tay rồi thôi, không nói một lời. Trở về bản vị của nó thì không lời, còn xé tan ra manh mún thì có lời, khi có nhiều tên gọi đó là manh mún vụn vặt.

Sư dạy chúng:

- Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ.

Câu này nghe có lạ không? Nếu việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ là phải, việc lớn đã sáng tại sao như đưa ma mẹ? Đây là câu tôi tâm đắc nhất, vì thấy rõ chủ yếu tu hành của người xưa. Chúng ta tu nếu chưa sáng được việc lớn, tức là chưa nhận ra bản tâm chưa thấy bản tánh, thì phải luôn luôn thao thức trần trở, cố gắng tu hành để làm sao cho thấy, làm sao cho đạt được. Chúng ta không bao giờ hài lòng, phải nỗ lực, phải luôn luôn cố gắng, đó là *việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ*.

Khi đã sáng việc lớn, thấy được tâm chân thật, như bài kệ tôi thường dẫn: *Đốn ngộ tuy đồng Phật, chóng ngộ tuy đồng chư Phật, nhưng còn gì nữa? Đa sanh tập khí thâm*. Nhiều đời tập khí còn sâu dày, không phải một lần ngộ một lần thấy là xong. Ngộ được rồi thấy được rồi, đó mới là giai đoạn đầu, nếu ngang đó mà tự mãn hài lòng, phát sanh tật ca hát làm thơ vịnh phú... rồi có khi rượu chè be bét, nói ta ngộ rồi, ta cũng như Phật, không còn gì phải sợ nữa... Chúng ta thấy hiện nay có nhiều người như vậy, cũng nói thấy đạo rồi, giới không giữ, ăn nhậu bữa bãi, đó là cái bệnh. Cho nên sau khi thấy đạo rồi cũng phải nỗ lực tu hành, để tập khí nhiều đời mòn mỏng, đến bao giờ thật hết thì chừng đó mới xong.

Như có một số người đi tìm trầm hoặc đi ăn ong ở rừng. Họ cùng đi với nhau sâu trong rừng, đi mãi quên lối về, khi đó hết lương thực, loanh quanh lẫn quẩn trong rừng, thật là khổ sở. Cho tới khi mệt đừ, đói khát kiệt lực, bỗng dưng có người tìm được lối về, thấy được đầu đường lúc mới vào rừng. Người đó mừng vui, coi như mình thoát được mê lầm, hết lạc đường rồi. Nhưng mà có tới nhà chưa? Thấy đường về chưa phải là kẻ tới nhà, nhớ như vậy. Muốn tới nhà phải còn gì nữa? Còn phải tận lực đi cho tới bao giờ về ngồi được trong nhà. Chừng đó mới nhẹ nhàng thoải mái, khỏi lo đói khát. Nếu thấy đường về mà không chịu đi thì cũng còn đói khổ như thường. Người tu cũng vậy, bao nhiêu kiếp luân hồi quay vòng trong sanh tử không biết lối ra, bây giờ thức tỉnh tu hành tức là thấy được lối đi, thấy được lối đi gọi là sáng được việc lớn.

Sáng được việc lớn nhưng ngang đó rồi chưa? Bao nhiêu tập khí muôn đời còn đầy ắp ở trong. Cho nên ngang đó rồi phải nỗ lực tiến tu, đến bao giờ tập khí tan hết chừng đó mới xong. Như Huệ Trung quốc sư, sau khi ngộ ở Lục Tổ rồi lên núi Bạch Nhai ở bốn mươi hai năm, lúc đó mới gọi là xong việc. Ngài Triệu Châu ngộ đạo ở tổ Nam Tuyền rồi, mà còn nói: Ba mươi năm sau mới thấy thân tâm là một. Như vậy có đơn giản không? Chúng ta bây giờ mới hiểu được chút chút thì lo nói dóc, rồi sẽ đi tới đâu? Đó là chuyện hết sức lớn lao không phải thường.

Câu nói này là câu răn, chúng ta phải biết rõ, nếu chúng ta có duyên sáng được việc lớn, đừng tự mãn, rồi còn phải nỗ lực tu cho tới bao giờ sạch hết những tập khí, chừng đó mới xong. Vì thế *sáng việc lớn rồi cũng như đưa ma mẹ*.

Lại dạy:

- Ta thấy tổ Bá Trượng không biết tốt xấu, đại chúng vừa họp lấy gậy đồng thời đánh đuổi, lại gọi “Đại chúng!” Chúng xoay đầu lại, bèn bảo: “Ấy là gì? Có chỗ nào cùng nói?” Lại Hòa thượng Hoàng Bá cũng vậy, đánh chúng chạy, lại gọi “Đại chúng!” Chúng xoay đầu lại, bèn bảo “Trăng tợ cung loan mưa ít gió nhiều.”

Ngài Trần Tôn Túc giống hệt như tổ Lâm Tế, đặt nặng trọng tâm ở chỗ làm sao mình thấy được con người đang nghe pháp, cho nên dẫn câu chuyện tổ Bá Trượng và tổ Hoàng Bá.

Các ngài khéo léo, chúng đang nhóm họp lại xách gậy đuổi đi, rượt chạy mịt mù, ai biết cái gì! Khi chạy rồi, lại gọi: *Đại chúng!* Chúng xoay đầu lại, tổ Bá Trượng nói: *Ấy là gì?*

Ấy là gì? Tức là đưa cho câu nghi vấn để xem chúng có hiểu không, biết chỗ ngài muốn dạy không? Nếu không biết, không thấy thì ngài nói *có chỗ nào cùng nói*, như vậy là hết nói rồi. Dồn mình tới chỗ bí, rồi kêu để cho dễ thấy. Kêu mà chưa ngộ, nên thêm một câu “*Ấy là gì?*” để cho nhớ sức lại cái mà ngài muốn chỉ. Nếu cũng không thấy thì ngài phải nói sao? *Có chỗ nào cùng nói?* Hết chỗ nói mấy ông rồi, dốt như vậy là hết chỗ nói rồi, chỉ hai lần mà còn không biết. Tổ Bá Trượng từ bi quá chừng.

Ngài Hoàng Bá cũng từ bi giống như vậy: Đại chúng họp rồi cũng đánh chúng chạy, chạy rồi lại gọi: *Đại chúng!* Chúng xoay đầu lại, bèn bảo: *Trăng tợ cung loan mưa ít gió nhiều*. Ngài nói kiểu nên thơ quá. Câu thơ này để giải nghĩa chỗ ngài đánh đuổi, hay là để chi? Chỉ là câu nói vượt đuôi, không có ý nghĩa gì. Có ý nghĩa là đánh đuổi rồi kêu cho mình xoay lại, đó là chủ tâm của ngài. Nhưng xoay lại mà không hiểu gì hết, nên nói một câu cho vui. Người đọc sách thiền không hiểu, cứ lo giải nghĩa câu: *Trăng tợ cung loan mưa ít gió nhiều*, thật là tức cười.

Sư sắp tịch gọi môn đồ lại nói:

- Nơi đây hết duyên, ta sẽ đi vậy.

Rồi ngòi kiết già thị tịch, thọ 98 tuổi được 76 tuổi hạ. Người trong quận dùng củi thơm trà-tỳ, thu được xá lợi nhiều như mưa, dựng tháp thờ tại chùa.

Các ngài đi sung sướng quá chừng, hết duyên thì đi, không bận rộn lo lắng sợ sệt gì cả.



THIÊN SƯ NGƯỠNG SƠN HUỆ TỊCH

(807 - 883)

Tổ thứ hai tông Quy Ngưỡng

Thiên sư Huệ Tịch quê ở Hoài Hóa, Thiều Châu, con nhà họ Diệp. Lên chín tuổi, Sư theo thiên sư Thông xuất gia ở chùa Hòa An tại Quảng Châu. Năm mười bốn tuổi, cha mẹ bắt về tính chuyện hôn nhân cho Sư, Sư không chịu. Sư chặt hai ngón tay, đến trước cha mẹ quỳ thệ cầu chánh pháp để báo ơn sanh thành dưỡng dục. Cha mẹ mới cho xuất gia.

Sư trở lại chỗ thiên sư Thông, được cạo tóc đắp y ở chùa Nam Hoa. Chưa được thọ giới Cụ túc, Sư đã đi du phương.

Tình thân xuất gia của ngài, chúng ta sánh kịp không? Phần nhiều xin ba má đi xuất gia, nếu không cho thì năn nỉ, năn nỉ không được thì khóc, khóc không được thì trốn, chứ không dám chặt hai ngón tay, dâng lên xin nguyện cầu chánh pháp để báo ơn sanh thành

dưỡng dục. Ý chí xuất gia của ngài rất mạnh. Mười bốn tuổi đã phát tâm, do đâu mà thâm ngộ sớm như thế? Có thể nói đó là chủng tử quá khứ thúc đẩy ngài, không phải là chuyện mới.

Lần trở lại này thì thầy bốn sư qua Việt Nam, nên ngài cũng đi hành cước sớm.

Sư đến yết kiến Đàm Nguyên, nhân đây được huyền chỉ.

Đàm Nguyên bảo:

- Quốc sư lúc đương thời truyền cho chín mươi bảy viên tướng (tướng tròn) của sáu đời tổ sư, trao cho Lão tăng dặn rằng: “Sau khi ta tịch diệt ba mươi năm, có ông Sa-di từ phương Nam đến, sẽ làm hưng thịnh tông giáo này, người nên thứ lớp truyền trao chớ để đoạn dứt.” Nay ta trao cho con, con phải vâng giữ.

Nói xong, Đàm Nguyên trao bản ấy qua cho Sư. Sư nhận được, xem qua một lượt, bèn đem đốt.

Hôm khác, Đàm Nguyên hỏi Sư:

- Những tướng ta trao cho hôm trước cần phải quý trọng giữ kín.

Sư thưa:

- Hôm ấy xem xong, con đốt quách rồi.

Đàm Nguyên bảo:

- Pháp môn này của ta không người hội được, chỉ có thầy ta và các bậc đại thánh tổ sư mới hiểu hết, sao con lại đốt đi?

Sư thưa:

- Con một phen xem qua đã biết ý chỉ trong đó, ứng dụng được chẳng cần cầm bản.

Đam Nguyên bảo:

- Tuy như thế, nơi con thì được, người sau làm sao tin đến được?

Sư thưa:

- Hòa thượng nếu cần, con chép lại chẳng khó.

Sư liền chép hết lại thành một tập chẳng sót một điều, trình lên. Đam Nguyên khen là đúng.

Qua giai đoạn đến với thiền sư Đam Nguyên, chúng ta thấy ngài đã tu nhiều đời. Đam Nguyên là thị giả Quốc sư Huệ Trung. Ngài Huệ Trung được truyền chín mươi bảy viên tướng tròn, trong đó hoặc vẽ chữ “Phật”, chữ “ngư”... mỗi tướng có ý nghĩa riêng. Quốc sư Huệ Trung dặn rằng, *sau khi ta tịch ba mươi năm có ông Sa-di từ phương Nam đến sẽ làm hưng thịnh tông này, nên mang cái đó mà truyền*. Sa-di này là người đã có căn tánh lâu đời mà Quốc sư biết trước sẽ đến đây hay là Sa-di này là thân sau của Quốc sư? Chưa biết thế nào nhưng dặn dò như vậy.

Nếu ngài Ngưỡng Sơn chưa từng học cái này, một phen coi qua làm sao nhớ được? Phải chi hai ba tướng thì nhớ nổi, chín mươi bảy tướng mà coi qua một lần đốt phứt đi, vậy mà biểu chép lại thì chép đầy đủ không thiếu. Chứng tỏ ngài đã từng coi bao nhiêu lần rồi. Quả thật ngài là người tái lai, không phải là hạng thường.

Sư giặt y, Đàm Nguyên hỏi:

- Chính bây giờ làm gì?

Sư đáp:

- Chính bây giờ nhằm chỗ nào thấy?

Câu hỏi này, nếu tôi hỏi mấy chú làm gì thì mấy chú sẽ đáp gọn là giặt đồ, hay giặt y. Như vậy nghe cũng hay, nhưng cái hay đó không bằng câu ngài đáp ở đây. *Chính bây giờ nhằm chỗ nào thấy?* Vì thể đó con mắt Phật còn không thấy, ngài nói *chính bây giờ*, tức là ngay cái đó, ngay bây giờ muốn hỏi cái đó, chỗ đó thì không ai thấy được. Ngài chỉ thẳng chỗ đã chứng được hay là đã ngộ được. Nói như vậy rất rõ ràng.

Sư còn Sa-di đến tham vấn Quy Sơn Linh Hựu.

Quy Sơn hỏi:

- Người là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ?

Sư thưa:

- Có chủ.

- Chủ ở chỗ nào?

Sư từ bên đông sang bên tây đứng. Quy Sơn biết con người kỳ lạ nên cố tâm chỉ dạy.

Sư hỏi:

- Thế nào là chỗ ở của chân Phật?

Quy Sơn đáp:

- Dùng cái diệu tư (nghĩ nhớ) mà không tư (nghĩ nhớ), xoay cái tư tinh anh sáng suốt vô cùng, tư cùng tận trở về nguồn, tánh tướng thường trụ, sự lý không hai, chân Phật như như.

Ngay câu nói ấy, Sư đốn ngộ, dừng lại đây hầu hạ Quy Sơn.

Câu chuyện đối đáp này, nếu ai hỏi chắc là mấy chú đáp câu đầu trúng phải không? Ví dụ hỏi: Chú là Sa-di hay Tỳ-kheo? Nói: Dạ con là Sa-di. Hỏi: Sa-di có chủ hay không chủ? Tự nhiên là có chủ rồi. Nhưng hỏi chủ ở chỗ nào thì mấy chú nói sao? Chỉ trên đầu hoặc nơi tim. Ngài Ngưỡng Sơn chỉ ông chủ bằng cách từ bên đông qua bên tây đứng. Đó là ông chủ hiện tiền, không phải ông chủ suy nghĩ ở trên trán, cái tướng tượng ở trong tâm. Do đó ngài Quy Sơn biết là người kỳ đặc.

Ngài hỏi: *Thế nào là chỗ ở của chân Phật?* Chân Phật là Phật thật, không phải Phật gỗ Phật xi-măng, cũng không phải Phật sanh diệt bằng thân ba mươi hai tướng tốt.

Quy Sơn đáp: *Dùng cái diệu tư mà không tư, xoay cái tư tinh anh sáng suốt vô cùng, tư cùng tận trở về nguồn, tánh tướng thường trụ, sự lý không hai, chân Phật như như.* Cái diệu tư mà không tư, tức là cái nghĩ nhớ nhiệm mầu rất đặc biệt, nghĩ nhớ mà không nghĩ nhớ. *Xoay cái tư tinh anh sáng suốt vô cùng, tư cùng tận trở về nguồn, tới đó là tánh tướng thường trụ, sự lý không hai, chân Phật như như.*

Lối dạy này nghe hơi vòng vo một chút, nhưng chủ yếu không khác với lối dạy của tổ Bồ-đề Đạt-ma: *Dem tâm ra ta an cho*. Khi đó ngài Huệ Khả làm gì? Dùng cái nghĩ mà tìm xem tâm ở đâu, đó là diệu tư. Khi xoay lại tìm, tìm tột cùng chỗ tinh anh sáng suốt rồi, lúc đó mới nói: *Con tìm tâm không được*. Sơ Tổ nói: *Ta đã an tâm cho người rồi*. Như vậy, tột cùng đến chỗ không còn hình dáng, không còn tướng sanh diệt, gọi là chân Phật như như.

Sư sang Giang Lăng thọ giới ở lại một hạ để học luật. Sau đó Sư đến tham vấn Nham Đầu. Nham Đầu thấy Sư liền giở phát tử lên. Sư trải tọa cụ. Nham Đầu đưa phát tử lại sau lưng. Sư vác tọa cụ lên vai đi ra. Nham Đầu bảo:

- Ta chẳng nhận ông buông, chỉ nhận ông khâu.

Hai vị có đối đáp gì không? Đây có hai điểm cần phải nhớ:

Điểm thứ nhất ngài Ngưỡng Sơn ngộ đạo mà vẫn còn phải học luật, nhớ như vậy. Bây giờ có nhiều người mới hiểu chút chút mà nghênh ngang, nói ta phá tướng, phá chấp... Đó là điên khùng, không biết thật biết hư. Người ngộ rồi vẫn giữ giới luật tinh nghiêm chứ không phải ngộ rồi làm bậy làm bướng. Hiểu được một chút, giả nói ta là người thấy đạo, là người không chấp hình tướng, tưởng như vậy là hay.

Điểm thứ hai là khi tới Nham Đầu, *Nham Đầu giở phát tử lên* dọa thử người đó đã thấy đạo chưa. Đưa phát tử lên ngài đáp lại bằng cách *trải tọa cụ xuống*.

Người đưa lên thì người trải xuống. Khi đó ngài Nham Đầu biết gã này là đối địch rồi, liền *đưa cây phát tử lại sau lưng*. Đưa lại sau lưng thì đầu phát tử chúi xuống, *vác tọa cụ lên vai* trả lời như vậy liền bước ra đi.

Trong cách đối đáp lạ lùng này, biết người đó có thầy hay không thầy. Nhưng nếu ra đi mà ngài Nham Đầu làm thỉnh thì không được câu chót, nên mới nói câu: *Ta chẳng nhận ông buông, chỉ nhận ông thâu*.

Sư đến tham vấn Thạch Thất, hỏi:

- Phật với đạo cách nhau bao nhiêu?

Thạch Thất đáp:

- Đạo như xòe tay, Phật như nắm tay.

Sư từ Thạch Thất, Thạch Thất tiến ra tới cổng bảo rằng:

- Người chớ một bề đi, về sau ở lại bên ta.

Đạo với Phật cách xa bao nhiêu mà nói: *Đạo như xòe tay, Phật như nắm tay*? Dầu xòe dầu nắm hình dáng dường như hai, nhưng thể của bàn tay không hai. Như vậy nói đạo nói Phật không phải là hai việc.

Vi Trụ đến Quy Sơn xin một bài kệ. Quy Sơn bảo:

- Thấy mặt trình nhau vẫn là kẻ độn, hướng là bày trên giấy mực.

Vi Trụ đến xin Sư. Sư vẽ trên giấy một tướng tròn, chú rằng: “Nghĩ mà biết là rơi vào đầu thứ hai, chẳng nghĩ mà biết là rơi vào đầu thứ ba.”

Chúng ta thấy, xin bài kệ mà tổ Quy Sơn quả thấy mặt trình nhau còn là độn thay, hướng nữa là viết chữ viết nghĩa trên giấy. Hai ba lớp độn.

Vi Trụ tới ngài xin, ngài liền vẽ một vòng tròn, ghi chú rằng: *Nghĩ mà biết là rơi vào đầu thứ hai, chẳng nghĩ mà biết là rơi vào đầu thứ ba.*

Cái nào lỗi nhiều, cái nào lỗi ít? Đầu thứ ba lỗi nhiều hơn đầu thứ hai phải không? Thường trong nhà thiền hay nói lỗi hai bên, nghĩ mà biết là thuộc hai bên, là đầu thứ hai. Đầu thứ ba ở chỗ nào? Đó là một câu nói chỉ thẳng mà gạt, không nghĩ mà biết thì là lẽ thật, nhưng đây gạt một cách khéo léo, nói đầu thứ ba tưởng đầu lỗi hơn nữa.

Một hôm Thượng tọa ở Quy Sơn đưa phát tử lên bảo:

- Nếu người nào làm được đạo lý liền cho phát tử.

Sư thưa:

- Tôi làm được đạo lý, lại được chăng?

Thượng tọa bảo:

- Chỉ làm được đạo lý liền được.

Sư bèn chụp tay giật cây phát tử đi.

Đạo lý ở chỗ nào? Ở chỗ biết làm ngay hiện tại, không qua lời nói. Nếu nói cái này, cái nọ, cái kia... thì đạo lý qua ngôn ngữ, không phải thật, vì vậy ngài giật phát tử đi luôn. Đó là đã làm đạo lý rồi.

Quy Sơn cùng Sư du hành, bỗng chim tha quả hồng chín đánh rơi trước mặt. Quy Sơn lượm quả hồng đưa Sư. Sư nhận quả hồng đi lấy nước rửa, rửa xong Sư dâng Quy Sơn. Quy Sơn bảo:

- Ở chỗ nào con được quả này?

Sư thưa:

- Đây là đạo đức của Hòa thượng cảm nên.

Quy Sơn nói:

- Con đâu phải không có.

Liên bẻ nửa quả hồng cho Sư.

Câu chuyện này có gì lạ? Hay là chuyện thầy lượm đưa trò, trò rửa rồi thầy chia cho trò ăn thôi?

Ban đầu tổ Quy Sơn thấy quả hồng lượm đưa cho ngài, ngài đi rửa, rửa xong đưa lên. Quy Sơn biết rõ hồi nãy mình đưa chứ ai, mà còn hỏi: *Ở chỗ nào con được quả này?* Hỏi để chi vậy? Ngài Ngưỡng Sơn đã ngộ ở Đam Nguyên rồi mới tới Quy Sơn, được một lần ngộ nữa tức là triệt ngộ. Nhưng chưa biết Ngưỡng Sơn định tôn ai làm thầy, nhận ai làm thầy của mình, nên mới đặt câu hỏi: *Ở chỗ nào con được quả này?* Quả này không phải là trái hồng, mà ngầm chỉ chỗ ông sống được, ông nhận được. Ngài Ngưỡng Sơn trả lời vừa thật thà vừa ngầm ý: *Đây là đạo đức của Hòa thượng cảm nên.* Con được quả này là nhờ đạo đức của Hoà thượng, như vậy nhận Quy Sơn làm thầy. Đó là một cách khéo lạ. Ngài Quy Sơn nói, *con đâu phải không có*, tức là con cũng có phần ở trong đó, thôi chia hai.

Trong một sự việc thấy như chơi, mà có ngẫm ý rất thâm sâu. Vì vậy sau này ngài kế thừa Quy Sơn, chứ đầu tiên ngài đã biết lý huyền ở ngài Đam Nguyên rồi.

Sư đang chăn trâu ở sườn núi phía trước, thấy một vị tăng lên núi không bao lâu lại xuống. Sư bèn hỏi:

- Thượng tọa sao không lưu lại trong núi?

Tăng nói:

- Chỉ vì nhân duyên chẳng hợp.

Sư hỏi:

- Có nhân duyên gì thử nói xem.

Tăng nói:

- Hòa thượng hỏi tôi tên gì, tôi đáp Quy Chân. Hòa thượng hỏi Quy Chân ở đâu, tôi đáp không được.

Sư bảo:

- Thượng tọa trở lên thưa với Hòa thượng: con nói được. Hòa thượng hỏi nói thế nào, chỉ đáp: trong mắt trong tai trong mũi.

Vị tăng trở lại nói đúng như Sư dạy. Quy Sơn quả:

- Kẻ nói suông vô ích, đây là lời của thiện tri thức năm trăm người.

Vị tăng này đến với tổ Quy Sơn, tổ Quy Sơn nghe nói tên là Quy Chân bèn hỏi *quy chân ở chỗ nào?* Tức là trở về cái chân thật ở đâu? Ông tăng bí không biết chỗ chỉ. Cho nên xuống nói lại thì Ngưỡng Sơn biết, bảo trở lên

nói: *Trong mắt, tai, mũi...* Tăng trở lên nói đúng như vậy là trúng rồi, nhưng tại sao bị tổ Quy Sơn quở: Kẻ nói suông vô ích? Bởi vì nếu biết thì khi hỏi đã chỉ rồi, đợi xuống núi trở lên nói, đó là đợi suy nghĩ mới biết, hoặc nghe ai nói mới nói lại. Như vậy tức là nói suông, không phải tự mình nói đúng. Người nói được câu đó là thiện tri thức của năm trăm người.

Chúng ta thấy trở về chỗ chân thật không xa, ngay nơi sáu căn mình khéo thì được trở về, không khéo thì nó đi tuốt.

Sư nằm mộng thấy vào nội viện của đức Di-lặc, trong nhà tăng các tòa đều có người ngồi, chỉ có tòa thứ hai trống, Sư liền lên tòa ngồi. Có vị tôn giả bạch chùy (khai keng) rằng:

- Hôm nay tòa thứ hai nói pháp.

Sư đứng dậy bạch chùy rằng:

- Pháp Đại thừa ly tứ cú tuyệt bách phi, lắng nghe! Lắng nghe!

Chúng đều giải tán. Sư thức giấc đem việc ấy thuật lại Quy Sơn. Quy Sơn bảo:

- Con đã vào vị thánh.

Sư lễ tạ.

Đây là một điểm mà lâu nay nhiều người nghi ngờ, tôi cũng đã từng nói nhiều lần, sẵn dịp này nói lại cho rõ. Trong nhà thiền thường nói, người tu đến chỗ miên mật thì khi ngủ cũng như khi thức, ngủ thức không hai.

Có nhiều người nói như vậy tối không được ngủ, phải tỉnh luôn, ban ngày tỉnh thì tối cũng phải tỉnh. Người tu miên mật rồi thì ngày đêm tỉnh luôn khỏi ngủ, mà nếu không ngủ chừng ba tháng phát điên, vì đó là bệnh. Như vậy thì làm sao trúng? Nếu không ngủ thì ngài Ngưỡng Sơn đâu có nằm mộng. Rõ ràng ngài nằm mộng. Dầu mộng lên cung trời Đao-lợi hay cung trời Đâu-suất cũng là mộng trong giấc ngủ. Ngài được miên mật chưa? Như vậy nói miên mật không ngủ là sai lầm. Nhưng khác ở chỗ này, khi miên mật rồi lúc ngủ cũng như lúc thức không hai.

Ví dụ khi chúng ta mới tu trong vòng vài ba năm, lúc thức thì giữ giới luật, ăn chay đàng hoàng. Nhưng khi ngủ mộng thấy bà con rủ đi ăn đám, có tiệc tùng rượu thịt, mình có từ chối nói tôi ăn chay không? Mình vẫn thấy ăn mặn như bình thường. Tại sao? Vì chủng tử đạo mới huân, mà chủng tử thế gian còn nặng. Bởi vậy nên trong giấc ngủ mình sống trở về với chủng tử cũ, không nhớ cái mới.

Như mấy chú mới tu, khi nằm ngủ ít thấy ở chùa, thấy ở nhà thường hơn, thấy đi làm việc này việc nọ ngoài đời. Đó là chủng tử cũ còn mạnh. Mấy chú ở chùa mười năm hoặc hơn nữa, nếu người nào thật tu, mộng thấy mình ở chùa, việc gì trái với đạo lý không làm. Đó là đã tiến lên.

Đây ngài Ngưỡng Sơn nghe bảo rằng tòa thứ hai thuyết pháp, thì ngài liền lên tòa nói: *Pháp đại thừa ly tứ cú tuyệt bách phi, lắng nghe! Lắng nghe!* Như vậy

lúc tỉnh ngài thuyết pháp cũng như lúc mộng ngài thuyết pháp, không khác chút nào. Tỉnh như thế nào mộng cũng như thế ấy, gọi là thức ngủ như nhau. Đừng hiểu lầm thức ngủ như nhau rồi thức luôn suốt đêm thành bệnh. Học mà không biết tới nơi dễ sanh bệnh hoặc buông lung hoặc tỉnh tấn thái quá.

Như vậy thì bao giờ mấy chú tu, lúc mộng thấy mình miên mật công phu, cái gì trái với việc tu liền từ chối, đó là khá rồi, đó là chủng tử đạo sâu dày. Nếu khi mộng thấy việc gì không phải giới luật mà mình cứ làm thì biết mình tệ lắm, mình chưa thật sạch.

Sư vẫn theo Quy Sơn ngót mười lăm năm. Được Quy Sơn mật ấn, Sư lãnh chúng ở núi Vương Mãng. Hóa duyên ở đây không hợp, Sư dời đến Ngưỡng Sơn, học chúng đua nhau đến đấy rất đông.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Hết thấy các người mỗi người tự hồi quang phản quán, chớ ghi ngôn ngữ của ta. Các người từ kiếp vô thủy đến giờ trái sáng hợp tối, gốc vọng tưởng quá sâu khó nhổ mau được. Do đó, giả lập phương tiện dẹp thức thô của các người, như đem lá vàng dỗ con nít khóc, có gì là phải. Như người đem các thứ hàng hóa cùng vàng lập tiệm bán, bán hàng hóa chỉ nghĩ thích hợp với người mua. Vì thế, nói “Thạch Đầu là tiệm chân kim, chỗ ta là tiệm tạp hóa”. Có người đến tìm phần chuột ta cũng bắt cho, kẻ khác đến cầu chân kim ta cũng trao cho.

Tăng hỏi:

- Chẳng cần phần chuột, xin Hòa thượng cho chân kim?

Sư bảo:

- Cắn tên định mở miệng, năm lửa cũng chẳng hội.

Tăng không đáp được. Sư tiếp:

- Tìm hỏi thì có trao đổi, chẳng tìm hỏi thì không ta. Nếu nói Thiền tông, bên thân cần một người làm bạn cũng không, huống là có năm bảy trăm chúng? Nếu ta nói đông nói tây, ắt giành nhau lượm lặt, như đem nắm tay không để gạt con nít, trợn không có thật. Nay ta nói rõ với các người việc bên thánh, chớ đem tâm nghĩ tính, chỉ nhằm vào biển tánh của chính mình mà tu hành như thật. Chẳng cần tam minh lục thông. Vì sao? Vì đây là việc mé ngọn của thánh. Hiện nay cần thức tâm đạt bản, cốt được cái gốc chẳng lo cái ngọn. Sau này khi khác sẽ tự đầy đủ. Nếu chưa được gốc, dù cho đem tâm học y cũng chẳng được. Các người đâu chẳng nghe Hòa thượng Quy Sơn nói: “Tình phạm thánh hết, bày hiện chân thường, sự lý chẳng hai, tức như như Phật.”

Hết thấy các người mỗi người tự hồi quang phản quán, chớ ghi ngôn ngữ của ta. Các người từ kiếp vô thủy đến giờ trái sáng hợp tối, gốc vọng tưởng quá sâu khó nhổ mau được... Những câu này là lời người xưa dạy hết sức tha thiết, chúng ta mỗi người phải phản quán lại chính mình, chớ chạy theo ngôn ngữ. Từ kiếp vô thủy đến giờ

chúng ta trái sáng hợp tối. Thế nào là trái sáng, hợp tối? Con mắt chạy theo sắc trần, lỗ tai chạy theo thanh trần, lỗ mũi chạy theo hương trần... sáu căn theo sáu trần là tối hay sáng? Sáu trần là hình ảnh bên ngoài, là tối. Nơi sáu căn chúng ta có cái sáng suốt tinh anh mà lại quên, cứ chạy theo ngoại cảnh nên gọi là trái sáng hợp tối. Danh từ chuyên môn gọi là *bối giác hợp trần*.

Khi mê chúng ta bối giác hợp trần, khi tỉnh thì phải *bối trần hợp giác*. Nhưng đặt câu hỏi lại, mấy chú đang tỉnh hay đang mê? Đi tu rồi mà mê sao? Đi tu tức là phản tỉnh, là bối trần hợp giác. Giả sử mình đang ngồi chơi, ai kêu tên mình chửi, lúc đó bối trần hợp giác thì nổi giận hay cười? Bối trần tức là không dính với trần cảnh ở ngoài, vì mình đang sống với tánh giác nên lúc đó chỉ cười. Nếu giận thì lúc đó là bối giác hợp trần, nếu mình vẫn tỉnh bơ mỉm cười thì đó là bối trần hợp giác.

Với đức Phật, dù cho ai chửi mắng ngài vẫn thản nhiên không dính gì hết, ngài nói: Người có món đồ tặng ta, ta không nhận thì về ai? Như vậy không phải bối trần hợp giác là gì! Chúng ta thì ai tặng gì cũng nhận, chưa đưa tới tay cũng chụp liền. Tu mà cứ bối giác hợp trần hoài sẽ đến đâu? Phải biết rõ người tu khác với người thế tục, người thế tục thì bối giác hợp trần, người tu là phải bối trần hợp giác. Thấy sắc nghe tiếng... mà vẫn không dính, vẫn nhớ cái thấy cái nghe của mình, đó là bối trần hợp giác. Nếu thấy sắc đẹp liền dính sắc, nghe tiếng hay liền dính tiếng, đó là bối giác hợp trần, kinh Lăng-nghiêm gọi là quên mình theo vật. Người xưa khéo một chút chỉ ra chỗ này.

Ngài Cảnh Thanh ngồi ở trong thất có thị giả đứng bên hầu, ngoài kia mưa ào ào, ngài hỏi: Tiếng gì đó? Thị giả thưa: Tiếng mưa rơi. Ngài nói: Chúng sanh quên mình theo vật. Một chút đó thấy chúng ta quên mình theo vật, cứ đợi có tiếng, nghe hỏi thì nhớ tiếng ở ngoài, không bao giờ nhớ mình.

Cũng như vậy ngài ngồi ở trong thất, có thị giả đứng hầu, nghe con rắn bắt nhái éc éc, ngài hỏi tiếng gì đó? Thị giả trả lời: Tiếng con rắn bắt nhái. Ngài nói: Chúng sanh khổ lại có khổ chúng sanh. Câu đó thấm thía làm sao! Con rắn bắt con nhái, con nhái đang khổ đó là chúng sanh khổ, mà có khổ chúng sanh là ai? Tức là thị giả quên mình theo vật, đó là khổ chúng sanh. Chúng ta có bệnh đó không? Như vậy thì thật là khổ chúng sanh.

Học những câu này rồi mới thấy chúng ta quên mình hồi nào không hay. Thấy cái này phân tích, thấy cái kia phân tích, tưởng là mình hay không ngờ chính đã quên mình. Như thế nghĩa bồi giác hợp trần, bồi trần hợp giác rất rõ. Chúng ta tu là phải bồi trần hợp giác, người thế gian chưa biết tu nên bồi giác hợp trần. Bởi vậy họ cứ chạy theo ngoại cảnh luân hồi sanh diệt. Chúng ta biết tu rồi không nên để ngoại cảnh chi phối, phải trở về với mình.

Nếu trở về với mình cả ngày thì sắc đẹp có quyến rũ được không? Tiếng khen chê có làm phiền hà không? Không biết trở về, để ngoại cảnh quấy nhiễu mình, rồi đổ thừa: Tôi bị cảnh chung quanh làm cho khó tu. Tại sao khó tu? Tại vì bồi giác hợp trần, chạy theo

ngoại cảnh, nó rủ gì mình làm nấy, nên nói tu không được. Nếu bối trần hợp giác thì có gì khó, có gì trở ngại việc tu của mình đâu?

Lời nói của ngài hết sức đơn giản, mang ý nghĩa cụ thể cho chúng ta thấy chỗ tu đúng thật rõ ràng hay sai lầm là ngay chỗ này. Nếu trái sáng hợp tối, đó là mê, gốc vọng tưởng quá sâu. Không phải mới có vọng tưởng trong đời này, mà cả nhiều đời nhiều kiếp, cho nên rất sâu dày, khó nhổ mau được. Biết nó là vọng tưởng mà bỏ không dứt, dứt không rời. Bỏ rồi lại duyên theo, bỏ rồi lại khởi lên nữa, chỉ vì ăn sâu nhiều đời.

Do đó, giả lập phương tiện dẹp thức thô của các người, như đem lá vàng dỗ con nín khóc, có gì là phải. Vì vọng tưởng quá sâu khó nhổ, nên chư Tổ lập phương tiện, dạy bảo ngồi thiền quán tưởng, thấy vọng dừng theo... Đó là dùng phương tiện dẹp thức thô của chúng ta, như cầm lá vàng trong tay dỗ con nín khóc. Như bà mẹ đi chợ, đứa con nhỏ đòi đi theo, giãy khóc, bà mẹ cầm chiếc lá dõ: Bánh đây, má cho con nè! Nín đi, nín đi. Đứa bé tưởng thật tạm nín khóc, đợi mẹ đi chợ về cho bánh thật.

Cũng thế, các phương tiện Phật tổ dạy tu để trở về cái thật của chính mình, khi cái thật thấy rồi thì cái kia là đồ chơi thôi. Kinh Kim Cang nói, như người nương bè qua sông, khi qua bờ rồi thì chiếc bè phải bỏ, qua bờ rồi mà còn vác bè theo là ngu. Phương tiện Phật tổ dạy để dẹp thức thô của chúng ta, khi thức thô lặn rồi, trở về được cái chân thật thì những phương tiện đó không còn giá trị gì nữa.

Như người đem các thứ hàng hóa cùng vàng lập tiệm bán, bán hàng hóa chỉ nghĩ thích hợp với người mua. Vì thế, nói “Thạch Đầu là tiệm chân kim, chỗ ta là tiệm tạp hóa”. Có người đến tìm phần chuột ta cũng bắt cho, kẻ khác đến cầu chân kim ta cũng trao cho. Thạch Đầu là quán chân kim, vì các thiền sư thường nói đường Thạch Đầu trơn. Làm gì thì ngài chỉ nói rỗng cái đó thôi nên ít người nhận được. Ngài Ngưỡng Sơn nói quán ngài là quán tạp hóa nhưng có cả chân kim ở trong. Nếu người nào cần phân chuột thì có phân chuột, người nào cần vàng bạc thì có vàng bạc. Đó là tùy nhu cầu, tùy phương tiện lập bày.

Như bây giờ có người tới nói: Thưa Thầy ba má con mất, con thỉnh chư tăng ni tụng kinh cầu nguyện, như vậy có phước không? Tôi trả lời nếu Phật tử vì lòng hiếu thảo cha mẹ trăm tuổi rồi thỉnh chư tăng ni cầu nguyện, có hai điều tốt. Một là lòng hiếu của con, hai là tụng ni tụng kinh. Đó là có phước. Khi người ta hỏi việc nào thì nói đúng việc đó, nếu nói trên lý tánh, không ngôn ngữ... thì người ta phải áo đi liền.

Nếu có người cần chỉ dạy chân thật thì chúng ta nói về tâm về tánh. Đó là cần chân kim thì bán chân kim, cần phân chuột thì bán phân chuột. Như có bà cụ tới hỏi tôi: Thưa Thầy một đêm con niệm Phật mười chuỗi, như vậy có đúng không? Tôi nói niệm vậy tốt, nhưng nếu muốn có kết quả hơn thì bà cụ niệm từng câu nghe cho rõ để tâm được định, mình nhớ Phật không nhớ nghĩ chuyện này chuyện kia, như vậy tốt. Chúng ta không thể nói: “niệm Phật không được, chỉ quay về

chân tâm thôi”, như thế mất niềm tin làm sao người ta tu. Mỗi trường hợp tùy duyên mà hướng dẫn sao có lợi ích cho người và lòng tin họ tăng trưởng, đó là đúng. Còn nói để mất lòng tin, để người không biết làm sao tu, đó là điều không hay.

Tăng hỏi: Chẳng cần phần chuột, xin Hòa thượng cho chân kim? Sư bảo: Cẩn tên định mở miệng, năm lửa cũng chẳng hội. Tăng không đáp được. Người ta thì muốn mua thứ này thứ kia, riêng con muốn mua vàng ròng. Như vậy cho chân kim đó. Chân kim là sao? Ở đây chúng ta đừng nhớ hết mọi chữ, chỉ cần nhớ ba chữ đoạn sau là đủ, định mở miệng năm lửa cũng chẳng hội. Tăng không biết đáp.

Sư tiếp: Tìm hỏi thì có trao đổi, chẳng tìm hỏi thì không ta. Nếu nói Thiền tông, bên thân cần một người làm bạn cũng không, huống là có năm bảy trăm chúng? Nếu ta nói đông nói tây, ắt giành nhau lượm lặt, như đem nắm tay không để gạt con nít, trọn không có thật. Nay ta nói rõ với các người việc bên thánh, chớ đem tâm nghĩ tính, chỉ nhằm vào biến tánh của chính mình mà tu hành như thật. Chẳng cần tam minh lục thông. Vì sao? Vì đây là việc mé ngọn của thánh. Hiện nay cần thức tâm đạt bản, cốt được cái gốc chẳng lo cái ngọn. Sau này khi khác sẽ tự đầy đủ. Nếu chưa được gốc, dù cho đem tâm học y cũng chẳng được. Các người đâu chẳng nghe Hòa thượng Quy Sơn nói: “Tình phàm thánh hết, bày hiện chân thường, sự lý chẳng hai, tức như như Phật.”

*Tìm hỏi thì có trao đổi, chẳng tìm hỏi thì không ta. Nếu nói Thiền tông, bên thân cần một người làm bạn cũng không, huống là có năm bảy trăm chúng? Nếu ta nói đông nói tây, ắt giành nhau lượm lật, như đem nắm tay không để gạt con nít, trọn không có thật. Có tìm hỏi, đáp lại tức là có trao đổi, kể qua người lại, nếu không tìm hỏi thì không ta (vô ngã). Bởi ngay nơi chỗ đó mà không tìm cầu nữa thì còn thấy có mình có người không? Cho nên nếu nói theo Thiền tông thì không có một người, đừng nói năm bảy trăm. Chứng Đạo Ca nói *thường độc hành thường độc bộ*, cũng như Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ *người không cùng muôn pháp làm bạn*. Đó là hỏi ngay bên Thiền tông. Nếu chúng ta nghe nói rồi chạy giành nhau mà học thì chỉ bị gạt thôi.*

Nay ta nói rõ với các người việc bên thánh, chớ đem tâm nghĩ tính, chỉ nhằm vào biển tánh của chính mình mà tu hành như thật. Chẳng cần tam minh lục thông. Vì sao? Vì đây là việc mé ngọn của thánh. Chỗ này ngài nói việc bên thánh tức là việc của thánh, việc đó là gì? Là chớ đem tâm nghĩ tính. Nếu muốn có việc của thánh thì đừng đem tâm khởi nghĩ, đừng tính toán, chỉ nhằm vào biển tánh của chính mình mà tu hành như thật. Biển tánh như thế nào? Nếu có tu rồi mới thấy chỗ này không nghi ngờ. Đôi khi tôi tự thấy tức cười, thể tánh đó trùm khắp mà chúng ta cứ cho cái suy nghĩ loáng thoáng ở trong đầu, nháng chút rồi mất, thoáng xẹt qua rồi mất, cho cái đó là mình, còn cái trùm hết thì không thấy. Cái trùm hết trong kinh Lăng-nghiêm gọi là biển, còn cái loáng thoáng trong đầu là hòn bọt. Chúng sanh mê lầm nhận bọt cho là biển.

Thế kia trùm hết không có hình tướng, cái loáng thoáng trong đầu mình có hình tướng. Vừa động vừa có tướng chợt sanh chợt diệt mà chúng sanh lầm nhận cái chợt sanh chợt diệt là mình thì làm sao qua khỏi luân hồi? Cả một biển pháp tánh lặng lẽ trong sáng thì quên mất không ai biết. Nên đây ngài nói đừng đem tâm nghĩ tính, chỉ nhằm biển pháp tánh chính mình mà tu hành như thật. Chẳng cần tam minh lục thông. Nhiều người tu ham thích thần thông, mong biết quá khứ vị lai, mong biết bay, độn thủy độn thổ... những thứ đó là phụ, là phần trên ngọn thôi.

Hiện nay cần thức tâm đạt bản, cốt được cái gốc chẳng lo cái ngọn. Sau này khi khác sẽ tự đầy đủ. Khi thức tâm đạt bản rồi, gốc nắm vững thì ngọn tự tới, ngọn là chỉ tam minh lục thông. Nếu không được gốc thì ngọn có tới cũng chỉ là vô ích, không làm gì được. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói thế nào? *Thức tâm đạt bản danh viết Sa-môn*. Sa-môn là người biết được tâm mình, thấu suốt được nguồn gốc; không phải cạo đầu thọ hai trăm năm mươi giới thành Sa-môn. Các kinh từ lớp Sơ đẳng đã dạy chúng ta phải thấy nghĩa Sa-môn là như vậy, không phải Sa-môn trên hình thức sông.

Nếu chưa được gốc, dù cho đem tâm học y cũng chẳng được. Các người đâu chẳng nghe Hòa thượng Quy Sơn nói: “Tình phàm thánh hết, bày hiện chân thường, sự lý chẳng hai, tức như như Phật.” Ngài dạy cho chúng ta biết tổ Quy Sơn thường nói *tình phàm thánh hết*, tức là có phàm có thánh gọi là tình chấp hai bên, dứt sạch. Nếu tình chấp dứt sạch thì chân thường

bày hiện không đâu xa. Khi sự và lý không còn hai tức là Phật như như, khỏi tìm kiếm. Chúng ta thử một giờ đi đứng nằm ngồi dừng thấy hai bên thì Phật hiện tiền. Ráng tập làm Phật một giờ rồi từ từ tập làm Phật hai giờ. Thường suốt ngày chúng ta cứ thấy hai bên, người này dễ thương, người kia khó thương, người này học giỏi, người kia học dở... thấy hai hoài nên cứ mãi làm phàm phu không thành thánh.

Thánh với phàm dễ hay khó? Chỉ một chút thôi, đừng nghĩ nhớ hai bên là thành thánh, còn mắc kẹt hai bên là phàm, rất dễ. Nghe thì dễ mà làm thì khó, chỉ tại mình chưa thực hành được.

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư?

Sư lấy tay vẽ vòng tròn trong hư không, giữa vòng tròn viết chữ Phật. Tăng không đáp được. Sư gọi đệ nhất tọa bảo:

- Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác, chính khi ấy là gì?

Đệ nhất tọa đáp:

- Chính khi ấy là chỗ buông thân mạng của con.

Sư bảo:

- Sao không hỏi lão tăng?

Đệ nhất tọa đáp:

- Chính khi ấy chẳng thấy có Hòa thượng.

Sư bảo:

- Đỡ tông giáo của ta chẳng đứng.

Đây là cái khéo của ngài khi Tăng hỏi ý Tổ sư. Ý Tổ sư nói được không? Tổ Lâm Tế nói, nếu có ý thì tự cứu chẳng xong. Ngài vẽ vòng tròn trong hư không, viết chữ Phật, Tăng không đáp, ngài liền kêu đệ nhất tọa bảo *chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác chính khi ấy là gì?* Đệ nhất tọa liền đáp *chính khi ấy là chỗ buông thân mạng của con*, như thế đệ nhất tọa này là người xứng đáng.

Ngài muốn gạn lại nên bảo *sao chẳng hỏi lão tăng?* Đệ nhất tọa này xác định không nghi, *chính khi ấy chẳng thấy có Hòa thượng* thì còn gì mà bảo con hỏi. Ngài bảo *đỡ tông giáo của ta chẳng đứng*. Như vậy khen hay chê?

Sư về Quy Sơn thăm, Linh Hựu hỏi:

- Con đã xưng là thiện tri thức, có biện được những người các nơi đến: biết có chẳng biết có, đã kế thừa thầy hay không kế thừa thầy, là nghĩa học là huyền học, con thử nói xem.

Sư thưa:

- Con có chỗ nghiệm, khi thấy Tăng các nơi đến liền dựng phát tử hỏi y: Các nơi lại nói cái này hay chẳng nói? Lại bảo: Cái này hãy gác lại, ý lão túc các nơi thế nào?

Linh Hựu khen:

- Đây là nanh vuốt trong tông môn từ trước!

Linh Hựu lại hỏi:

- Chúng sanh trên quả đất nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa, con làm sao biết họ có cùng chẳng có?

Sư thưa:

- Con có chỗ nghiệm.

Lúc ấy có vị tăng đi qua trước mặt, Sư gọi:

- Xà-lê!

Vị tăng xoay đầu lại. Sư thưa:

- Bạch Hòa thượng! Cái này là nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa.

Linh Hựu bảo:

- Đây là một giọt sữa sư tử làm tan sáu đầu sữa lừa.

Biết có tức là tri hữu, biết ngay mình có cái đó hay không có cái đó. Kế thừa thấy tức là được thầy truyền trao. Nghĩa học tức là học kinh, huyền học là học thiền.

Ngài thưa: Con có chỗ nghiệm, khi thấy Tăng các nơi đến liền dựng phát tử hỏi y: Các nơi lại nói cái này hay chẳng nói? Lại bảo: Cái này hãy gác lại, ý lão tức các nơi thế nào? Đó là cách ngài Ngưỡng Sơn nghiệm được người đã biết có hay chẳng biết có, đã được truyền thừa hay chưa được truyền thừa. Ngài đưa phát tử lên, nếu người được truyền thừa thì thấy đưa phát tử lên liền biết phải làm gì. Hoặc hỏi ông ở đâu đến, hỏi thầy dạy cái gì? Đó là những câu dọ dẫm để biết người thế nào.

Linh Hựu khen: *Đây là nanh vuốt trong tông môn từ trước!* Linh Hựu lại hỏi: *Chúng sanh trên quả đất nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa, con làm sao biết họ có cùng chẳng có?* Tức là có thấy được mình hay không thấy được mình.

Sư thừa: Con có chỗ nghiệm. Lúc ấy có vị tăng đi qua trước mặt, Sư gọi: Xà-lê! Vị tăng xoay đầu lại. Sư thừa: Bạch Hòa thượng! Cái này là nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa. Linh Hựu bảo: Đây là một giọt sữa sư tử làm tan sáu đấu sữa lừa. Chỉ một tiếng gọi liền biết người đó thế nào, nên thường thường các Tổ hay dùng tiếng gọi. Người nghe tiếng gọi mà biết thì ứng đối thích hợp, người chưa biết thì ngơ ngác không hiểu gì. Đó là nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa.

Có vị tăng người Ấn Độ từ hư không đến, Sư hỏi:

- Vừa rời chỗ nào?

Tăng thưa:

- Tây Thiên.

Sư hỏi:

- Rời Tây Thiên lúc nào?

Tăng thưa:

- Sớm mai.

Sư bảo:

- Sao mà chậm lắm vậy?

Tăng thưa:

- Vì còn dạo núi xem nước.

Sư bảo:

- Thần thông du hý thì chẳng không, Phật pháp của Xà-lê cần trao lại cho lão tăng mới được.

Tăng thưa:

- Định sang Đông độ lễ Văn-thù, lại gặp Tiểu Thích-ca.

Bèn đem sách chữ Phạn bằng lá bối trao cho Sư, làm lễ rồi nương hư không mà đi.

Từ đây Sư có hiệu là Tiểu Thích-ca.

Từ Ấn Độ sang Trung Hoa, đường xa diệu vợi, phải đi mất nhiều năm tháng, tăng Ấn Độ này đi hồi sớm mai, trưa tới Trung Hoa mà ngài chê sao chậm trễ. Chúng ta nghĩ không hiểu lý do. Nếu thật là thần thông thì phải như ý, tức là ý vừa nghĩ Ấn Độ thì thấy ở Ấn Độ, ý vừa nghĩ ở Trung Hoa thì thấy ở Trung Hoa. Tâm vừa khởi nghĩ thì thân tới liền. Sớm mai đi mà trưa mới tới cũng là thần thông nhưng chưa phải Như ý túc. Tăng nói sở dĩ con đến chậm là còn đi mấy chỗ kia nữa. Như vậy để thấy người xưa biết được thần thông là thế nào, không phải như chúng ta nghe lóm hiểu lóm, không đúng lẽ thật.

Ngài cũng biết vị tăng ấy có mang theo kinh lá bối nên bảo đưa lại cho ngài. Hai bên dường như đã từng gặp nhau. Tăng tặng ngài danh hiệu *Tiểu Thích-ca*.

Quy Sơn niệm một mặt gương gửi cho Sư. Sư thượng đường đưa lên bảo:

- Chúng hãy nói, là gương Quy Sơn hay gương Ngưỡng Sơn? Có người nói được thì không đập nát.

Toàn chúng đều không nói được. Sư liền đập nát.

Như vậy có phụ lòng thầy cho không? Việc làm của ngài Ngưỡng Sơn với việc làm của ngài Nam Tuyền có khác nhau không? Ngài Nam Tuyền thì hai bên giành nhau con mèo, ngài liền đưa dao lên bảo nói được thì tha, không nói được thì chặt con mèo. Làm một việc bức thiết, gấp rút để thử lòng của chúng, thấy sao thì trình vậy, nếu trình đúng thì cứu được con mèo, trình không đúng thì giết con mèo. Đó vì muốn thấy chúng có người nào đến được chỗ đó chưa. Đây là lòng từ bi muốn thấy được sở ngộ của chúng, không phải ác ý muốn giết con mèo.

Cũng như ở đây đưa cái gương lên, ai cũng biết là của Thầy gửi cho, nhưng ngài bảo nói được thì để, không nói được thì đập. Cũng là dùng cách bức thiết. Nếu biết thì phải nói liền, không nói được thì ngài đập. Nhà thiền thường nói lệnh đã ra thì phải thi hành không dừng được. Nếu dừng thì lệnh không nghiêm, chúng không sợ.

Ngài Ngưỡng Sơn đập gương thì không ai kết án, ngài Nam Tuyền chặt con mèo thì bị người kết tội sát sanh. Ngài có cố tình sát sanh không? Đến chiều ngài Tùng Thẩm vào thì ngài lặp lại câu chuyện hồi sáng, ngài Tùng Thẩm lấy dép đội lên đầu đi ra, ngài nói: “Phải chi sáng có người thì đã cứu được con mèo!” Ngài trông có người trình được nhưng không thấy, buộc lòng phải thi hành. Vì muốn thấy được có người ngộ đạo

chứ không phải vì việc hiện tại. Nếu căn cứ việc trước mắt mà kết tội là không biết trọng tâm của các ngài ở chỗ nào.

Sư hỏi Song Phong:

- Gần đây chỗ thấy của Sư đệ thế nào?

Song Phong đáp:

- Cứ chỗ thấy của tôi, thật không một pháp có thể xứng tình.

Sư bảo:

- Người hiểu vẫn còn tại cảnh.

Song Phong hỏi:

- Tôi chỉ hiểu như thế, Sư huynh thế nào?

Sư đáp:

- Người đâu chẳng biết, không một pháp có thể xứng tình.

Quy Sơn nghe khen:

- Một câu của Huệ Tịch nghi chết người trong thiên hạ.

Cái hay cái dở ở chỗ nào? Người ta nói như vậy không chịu, hỏi lại mình thì mình cũng nói y như vậy. Đó thật là chỗ đặc biệt của người xưa.

Câu *không có một pháp có thể xứng tình* là bối trần hợp giác. Nếu có một pháp nào mà tâm mình thích thì đó là xứng tình, không một pháp nào để tâm thích ứng, đó là bối trần hợp giác. Như vậy là đúng rồi,

nhưng ngài biết Song Phong còn ngờ vực nên lập lại một cách khéo léo, để lòng tin của Song Phong được vững. Câu sau là câu xác nhận chắc chắn chỗ thấy của Song Phong.

Sư cùng một vị tăng nói đạo, bên cạnh có vị tăng thưa:

- Người nói là Văn-thù, người nín là Duy-ma.

Sư bảo:

- Người chẳng nói chẳng nín, đâu chẳng phải là người?

Tăng lặng thinh. Sư bảo:

- Sao chẳng hiện thần thông?

Tăng thưa:

- Chẳng từ chối hiện thần thông, chỉ ngại Hòa thượng bắt vào dạy.

Sư bảo:

- Xét rõ chỗ đến của người chưa có con mắt giáo ngoại biệt truyền.

Tăng nghe ngài nói chuyện đạo lý với người bên cạnh, mới xen vô để tỏ rằng ta đây cũng thâm nhập đạo lý nên nói, *người nói là Văn-thù, người nín là Duy-ma*. Ý câu này rút từ phẩm “Pháp môn bất nhị” trong kinh Duy-ma. Ngài hỏi *người chẳng nói chẳng nín, đâu chẳng phải là người*. Như vậy ông là người không nói không nín phải chăng? Tăng lặng thinh chấp nhận. Ngài bảo, nếu ông tới đó thì hiện thần thông coi. Tăng nói hiện thần thông cũng được, nhưng sợ Hòa thượng bắt vô dạy.

Vì hiện thân thông là chuyện bên ngoài. Ngài nói *xét rõ chỗ đến của người chưa có con mắt giáo ngoại biệt truyền*. Người nói như thế chứ chưa đến được.

Tăng hỏi:

- Ý vào cửa Thiền tông đốn ngộ thế nào?

Sư bảo:

- Ý này khó tốt. Nếu người thượng căn thượng trí trong tông môn của Tổ phải một nghe ngàn ngộ được đại tổng trì. Căn cơ bậc này thật khó có. Còn hàng căn trí kém nhỏ, như cổ đức nói “Nếu chẳng an thiền tịnh lực đến đây trọn không biết gì cả”.

Tăng thưa:

- Trừ ngoài bậc đặc cách này, lại riêng có phương tiện khiến kẻ học được vào chăng?

Sư bảo:

- Có.

Tăng thưa:

- Thế nào là đúng?

Sư bảo:

- Người là người xứ nào?

Tăng thưa:

- Người U Châu.

Sư bảo:

- Người có nhớ xứ ấy chăng?

- Thường nhớ.

- Hay nghĩ nhớ là tâm, bị nghĩ nhớ là cảnh. Xứ ấy lâu đài vườn rừng người ngựa rộn ràng, người xoay cái nhớ lại xem có nhiều thứ chẳng?

- Con đến chỗ ấy tất cả đều chẳng thấy có.

- Người hiểu còn ở tâm, tín vị thì phải, nhân vị thì chẳng phải.

Tăng thưa:

- Ngoài chỗ này, lại riêng có ý gì không?

Sư bảo:

- Riêng có riêng không khiến tâm người chẳng an.

Tăng thưa:

- Đến chỗ đó thế nào mới đúng?

Sư bảo:

- Căn cứ chỗ hiểu của người chỉ được một huyền, được ngồi mặc y, về sau tự xem.

Tăng lễ tạ lui ra.

Ngài nói người muốn vào cửa *Thiền tông* đến ngộ thì phải *một nghe ngàn ngộ*. Nghe có một mà ngộ tới ngàn, làm sao nhiều vậy? Như chuyện bà già mất trâu. Bà nói, bạch Hòa thượng bói giùm con một quẻ, xem trâu của con còn hay mất, ngài kêu: Bà già! Bà dạ. Ngài nói: Còn đó! Nếu ngay đó bà ngộ thì tất cả tiếng kêu của các thiền sư bà đều biết. Nghe một cái đó mà ngộ thì biết hết cả ngàn cái, nên gọi là một nghe ngàn ngộ.

Chúng ta thì không được như vậy, nên nói *hàng căn trí kém nhỏ, như cổ đức nói “Nếu chẳng an thiền tịnh lực đến trong đó trọn không biết gì cả”*. Không phải bậc thượng căn thì phải an thiền tịnh lực tức là phải tọa thiền, phải lóng tâm. Được như vậy thì còn mong biết được đôi chút, nếu không thì trọn chẳng biết gì. Nên biết tập tọa thiền là phương tiện để tâm yên lặng, tâm lặng thì trí mới sáng.

Ông tăng này muốn ngài chỉ phương tiện để vào cửa Thiền tông đốn ngộ. Ngài hỏi ông là người ở đâu. Như tôi hỏi mấy chú ở đâu? Mấy chú nói con ở Châu Đốc. Ở Châu Đốc thấy những gì, nhớ những gì, chú kể coi? Kể nào bến đò, bến xe, nhà lầu, chùa chiền... cả trăm thứ. Cảnh thì có trăm ngàn thứ nhưng cái nhớ cảnh thì có mấy thứ? Cái nhớ đó con tìm thì nó mất tiêu.

Tăng nói *con đến chỗ ấy tất cả đều chẳng thấy có*. Như vậy để chỉ, nếu đừng mắc kẹt ở cảnh mà tìm lại cái hay biết cảnh, tìm lại thì tự nhiên nó hết. Tín vị là được niềm tin, còn thuộc về tâm, nên ngài nói *hiếu còn ở tâm*, chưa phải nhân vị. Theo Tứ liệu giản của ngài Lâm Tế gọi là “đoạt cảnh chẳng đoạt nhân”. Đối với tam huyền của Lâm Tế thì được một huyền, cũng xứng đáng khoác y Sa-môn.

Sư trước ở Ngưỡng Sơn, sau dời về Quan Âm chỉ dạy Tăng chúng làm tiêu chuẩn cho Thiền tông. Còn vài năm tịch, Sư có làm bài kệ:

Niên mãn thất thập thất

Lão khứ thị kim nhật

*Nhậm tánh tự phù trầm
Lưỡng thủ phan quật tất.*

Dịch:

Năm đây bảy mươi bảy
Chính là ngày tôi đi
Mặc tánh tự chìm nổi
Hai tay ngời bó gối.

Khi Sư sắp tịch ở tại núi Đông Bình, có vài vị tăng đứng hầu, Sư nói kệ:

*Nhất nhị nhị tam tử
Bình mục phục ngưỡng thị
Lưỡng khẩu nhất vô thiệt
Thử thị ngô tông chỉ.*

Dịch:

Một hai hai ba con
Mắt thường lại ngược xem
Hai miệng một không lưỡi
Đây là tông chỉ ta.

Nói xong, Sư ngồi hai tay bó gối tịch, thọ 77 tuổi. Vua ban thụy Trí Thông thiên sư, tháp hiệu Diệu Quang.

Hai miệng một không lưỡi tức là hai miệng mà không có lưỡi, đó là tông chỉ của ngài, tông chỉ không lời. Ở Việt Nam chúng ta có thiên sư Vô Ngôn Thông, Sơ tổ

thiền phái Vô Ngôn Thông, chính là bốn sư thế phát cho Ngưỡng Sơn. Từ nhỏ ở với thầy năm năm, chính Sư được ý chỉ từ đây.

Về niên đại của ngài, có thuyết là ngài sanh năm 814, 815, chúng ta đã thấy là không phù hợp rồi, hướng nữa là sanh năm 840.



THIÊN SƯ HƯƠNG NGHIÊM TRÍ NHÀN

Sư quê ở Thanh Châu, chán tục xuất gia, đi tham vấn các nơi. Khi ở chỗ tổ Bá Trượng, Sư tánh thức mình hẳn, tham thiền chẳng ngộ. Đến tổ Bá Trượng tịch, Sư theo tham học với Quy Sơn Linh Hựu.

Một hôm Quy Sơn bảo:

- Ta nghe người ở chỗ tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là người thông minh lanh lợi, ý hiểu thức tưởng là cội gốc sanh tử. Giờ đây thử nói một câu khi cha mẹ chưa sanh xem?

Sư bị một câu hỏi này mờ mịt không đáp được. Trở về liêu, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: “Bánh vẽ chẳng no bụng đói!” Đến cầu xin Quy Sơn nói phá. Quy Sơn bảo:

- Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta; ta nói là việc của ta đâu can hệ gì đến người?

Sư bèn đem những sách vở đã thu thập được đồng thời đốt hết. Sư nói:

- Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm tăng trưởng làm việc cơm cháo, khỏi nhọc tâm thần.

Sư khóc từ giã Quy Sơn ra đi.

Nói một câu khi cha mẹ chưa sanh. Ngài Hương Nghiêm bị một câu hỏi này mờ mịt không đáp được. Trở về liêu soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Ngài than: *Bánh vẽ chẳng no bụng đói.* Đến cầu Quy Sơn nói phá.

Thăng đến Nam Dương chỗ di tích Quốc sư Huệ Trung, Sư trụ tại đây. Một hôm nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng, Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Sư trở về tắm gội thấp hương nhắm hướng Quy Sơn đánh lễ, ca tụng rằng:

- Hòa thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay.

Sư làm bài tụng:

Nhất kích vong sở tri

Cánh bất giả tu trì.

Động dung dương cổ lộ

Bất đạo thiếu nhiên ky (cơ).

Xứ xứ vô tung tích

Thanh sắc ngoại oai nghi.

***Chư phương đạt đạo giả
Hàm ngôn thượng thượng ky (cơ).***

Dịch:

**Một tiếng quên sở tri
Chẳng cần phải tu trì.
Đổi sắc bày đường xưa
Chẳng rơi cơ lặng yên.
Nơi nơi không dấu vết
Oai nghi ngoài sắc thanh.
Các nơi bậc đạt đạo
Đều gọi thượng thượng cơ.**

Bài tụng này, chúng ta xét kỹ cái hay ở chỗ nào? *Nhất kích vong sở tri*, tức là nghe một tiếng chạm vào cây trúc, liền quên hết hiểu biết. *Cánh bất giả tu trì*, lại chẳng nhờ tu gì hết. *Động dung dương cổ lộ*, dung tức là dung nhan, gương mặt vừa biến động thì đã bày đường xưa, như nói nheo mày, chớp mắt... đều hiện bày cái biết xưa. *Bất đạo thiếu nhiên ky (cơ)*, không rơi cơ lặng yên. Nghĩa là chỗ thấy của ngài ngay trong hiện tại chứ không phải ngồi yên mới thấy. *Xứ xứ vô tung tích*, nơi nơi không có dấu vết. *Thanh sắc ngoại oai nghi*, thể của nó ngoài hình sắc tiếng tăm. *Chư phương đạt đạo giả, hàm ngôn thượng thượng ky*, những người thật đạt đạo đều gọi là cơ tối thượng. Như vậy cho thấy cái ngộ của ngài đúng là Tổ sư thiền.

Quy Sơn nghe được, nói với Ngưỡng Sơn:

- Kẻ này đã triệt ngộ.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Đây là máy tâm ý thức trước thuật được, đợi con đến nơi khám phá mới chắc.

Ngưỡng Sơn đến thăm Sư, bảo:

- Hòa thượng khen ngợi sư đệ đã phát minh đại sự, thử nói tôi nghe?

Sư đọc bài tụng trước cho Ngưỡng Sơn nghe.
Ngưỡng Sơn bảo:

- Đó là do trước kia học tập ghi nhớ mà thành, nếu thật chánh ngộ hãy làm bài tụng khác.

Sư nói tụng:

Khứ niên bản vị thị bản

Kim niên bản thủy thị bản

Khứ niên bản do hữu trác chùy chi địa

Kim niên bản chùy dã vô.

Dịch:

Năm xưa nghèo chưa thật nghèo

Năm nay nghèo mới thật nghèo

Năm xưa nghèo vẫn còn có đất cắm dùi

Năm nay nghèo dùi cũng không.

Ngưỡng Sơn bảo:

- Sư đệ ngộ Như Lai thiên mà chưa ngộ Tổ sư thiên.

Sư lại nói bài tụng:

Ngã hữu nhất ky (cơ)

Thuần mục thị y

Nhược nhân bất hội

Biệt hoán Sa-di.

Dịch:

Ta có một ky (cơ)

Chớp mắt chỉ y

Nếu người chẳng hội

Riêng gọi Sa-di.

Ngưỡng Sơn gật đầu và về thưa lại Quy Sơn:

- Đáng mừng! Sư đệ Trí Nhàn đã ngộ Tổ sư thiên.

Ngộ Như Lai thiên mà chưa ngộ Tổ sư thiên. Câu này làm thiên hạ thắc mắc. Tại sao bài kệ này lại nói là Như Lai thiên, không phải Tổ sư thiên?

Đa số người học Phật nghe nói Như Lai thiên tưởng là bậc cao, Tổ sư thiên là bậc thấp. Không phải vậy, Như Lai thiên là thiên phổ thông, Phật dạy chung cho tất cả người tu. Nếu ai tu đến chỗ nhân ngã đều dứt hay thân cảnh đều không kẹt thì nhập quả vị A-la-hán. Nên câu cuối bài kệ nói, *năm ngoái nghèo còn có đất cấm dùi, năm nay nghèo dùi cũng không*, đúng với bài kệ thứ tám trong Mười mục chăn trâu. Tới đây trâu và chăn không còn, ngã ngã sở hết, được quả A-la-hán, đó là Như Lai thiên, chưa phải Tổ sư thiên. Phải hiểu chỗ này mới thấy sự sai biệt hai bên.

Sư lại nói bài tụng. Bốn câu hết sức là đơn giản. Ngã hữu nhất ky, ta có một cơ. Thuần mục thị y, chớp mắt chỉ y tức trong chớp mắt là thấy y liền. Nhược nhân bất hội, biệt hoán Sa-di, nếu người chẳng hội, riêng gọi Sa-di. Chỗ chớp mắt thấy y là ngay hiện tiền mà thấy, không đợi qua trình độ tu chứng như các bậc thiền Như Lai. Ngay hiện tại thấy rõ như trước nói vừa đổi mặt liền bày nét xưa. Nếu người ngay đó mà chẳng hội thì riêng gọi Sa-di, cũng chỉ cái hiện tiền không đâu xa.

Ngưỡng Sơn gạt đầu và về thưa lại Quy Sơn: Đáng mừng! Sư đệ Trí Nhân đã ngộ Tổ sư thiền. Hai pháp thiền có giá trị đặc biệt riêng của nó, nếu người không nghiền ngẫm kỹ chỗ này rất dễ hoang mang. Tại sao bài kệ trước là ngộ Như Lai thiền, bài kệ sau lại nói ngộ Tổ sư thiền? Trước nói ngã pháp hay năng sở đều dứt thì ngang chỗ bật dứt đó là Như Lai thiền. Bài sau nói ngay hiện tại trong chớp mắt, trong tiếng gọi mà thấy, đó là Tổ sư thiền.

Sau, Sư về trụ tại Hương Nghiêm, tăng chúng nghe danh kéo nhau đến tham vấn. Sư thượng đường:

- Đạo do ngộ mà đạt, chẳng tại ngữ ngôn, hướng là thấy miên mật rõ rõ chưa từng cách rời, chẳng nhọc tâm ý. Tạm nhờ hồi quang phản chiếu, hàng ngày công dụng trọn vẹn, kẻ mê thì tự trái.

Ngài nói rõ ràng: Đạo do ngộ mà thấu suốt được chứ không phải ở tại ngôn ngữ, hướng là cái này miên mật rõ rõ hiện tiền chưa cách rời bao giờ. Vì chưa cách rời nên khỏi phải nhọc tâm ý tìm kiếm đâu xa. Tạm nhờ

hồi quang phản chiếu, tức là quay ánh sáng đó trở lại dừng cho chạy theo sáu trần. Hàng ngày có công dụng như thế dần dần được trọn vẹn. Người tu hồi quang phản chiếu là việc cần thiết. Hàng ngày chúng ta buông bỏ ánh sáng của mình, chạy theo cái tối bên ngoài, bây giờ mỗi niệm không chạy theo mà quay ánh sáng soi xét chính mình thì lâu ngày thuần thục đầy đủ. Kẻ mê thì trái sáng hợp tối, luôn chạy theo trần cảnh nên không thấy đạo. Chúng ta muốn mình tỉnh hay mê?

Tăng hỏi:

- Khi chẳng mộ chư thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?

Sư đáp:

- Muôn cơ thôi bỏ, ngàn thánh chẳng đeo.

Khi ấy có Sơ Sơn ở trong chúng phát tiếng ủa, hỏi:

- Ấy là tiếng gì?

Sư hỏi:

- Ai đó?

Chúng thưa:

- Sư thúc.

Sư hỏi:

- Chẳng bằng lòng lão tăng sao?

Sơ Sơn bước ra nói:

- Phải.

Sư hỏi:

- Người nói được chăng?

Sơ Sơn nói:

- Nói được.

- Người thử nói xem.

- Nếu bảo tôi nói cần phải dùng lễ thầy trò mới được.

Sư liền bước xuống tòa lễ bái, hỏi lại câu trước. Sơ Sơn nói:

- Sao chẳng nói, khẳng (nhận) trọng chẳng được toàn.

Sư bảo:

- Người nói thế ấy, ba mươi năm tiêu ngược, dù ở núi không có củi đốt, ở gần nước không có nước uống. Rõ ràng nhớ lấy!

(Sau Sơ Sơn bị bệnh mưa hai mươi bảy năm mới bớt, còn ba năm sau mỗi khi ăn xong cũng lấy tay móc cho mưa ra. Đúng như lời Hương Nghiêm thọ ký.)

Chỗ này có gì lạ? Hỏi rằng người mà *ngoài không mộ chư thánh, trong chẳng trọng tánh linh* là người thế nào? Ngài nói một câu cũng tương đối rõ, *muôn cơ thôi bỏ, ngàn thánh chẳng mang* tức là nếu được như vậy thì không còn gì để dính. Sơ Sơn không bằng lòng, lên tiếng “*ạ*” coi như mưa ra. Ngài hỏi ai, chúng nói *sư thúc*, tức là đàn em của ngài.

Sơ Sơn bảo *nếu bảo tôi nói phải làm lễ thầy trò mới được*. Ngài không tự ái liền bước xuống tòa đánh lễ. Đánh lễ rồi, tưởng nói sao: *Khẳng trọng chẳng được toàn*. Khẳng là nhận, trọng là quý trọng. Chẳng được toàn là không được hoàn toàn. Nguyên câu này có nghĩa là xem trọng thì không được toàn, có khác gì muôn cơ buông bỏ, ngàn thánh chẳng mang? Vậy mà bắt người ta lạy, nên ngài thọ ký cho, *nói thế ấy thì ba mươi năm tiêu ngược*, tức là đảo ngược chứ có gì lạ đâu! Mà đúng vậy, sau Sơ Sơn mất hai mươi bảy năm mới bớt, còn ba năm nữa thì mỗi lần ăn xong phải lấy tay móc ra, đúng là ba chục năm.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Trong cây khô trời nhạc.

- Con chẳng hội.

Sư bảo:

- Tròng con mắt trong đầu lâu.

Hỏi:

- Ly tứ cú tuyệt bách phi, thỉnh Hòa thượng nói?

Sư đáp:

- Trước thợ săn chẳng được nói giới của Bốn sư.

Hỏi *thế nào là đạo*, ngài đáp *trong cây khô trời nhạc*. Tăng không hiểu, ngài đáp thêm câu nữa *tròng con mắt trong cái sọ khô*. Sọ khô có tròng con mắt không?

Trong cây khô có khúc nhạc không? Chúng ta quen tìm đạo ở nơi này nơi kia mà không biết đạo ở hiện tiền. Ngay trong thân vô thường sanh diệt đã có cái chân thật, nên nói *trong cây khô trổ nhạc* hay *tròng con mắt trong đầu lâu* cũng không khác câu *hoa sen tươi trong lò lửa*.

Nhưng khi Tăng hỏi *ly tứ cú tuyệt bách phi thỉnh Hòa thượng nói*. Là lý luận mà hỏi đạo, đó là chỗ không lời, nên ngài nói *trước thợ săn chẳng được nói giới của Bốn sư*. Trước thợ săn mà nói Phật dạy cấm sát sanh, được không? Chỉ vô ích.

Sư bảo chúng:

- Ví như người leo lên cây cao, dưới là vực thẳm ngàn thước. Người ấy miệng ngậm cành cây, chân không đạp chỗ nào, tay không bám vào đâu. Chợt có người đến hỏi “Ý Tổ sư từ Ấn Độ sang”. Nếu mở miệng đáp thì mất mạng nát thân, bằng chẳng đáp thì phụ lòng người hỏi. Chính khi ấy phải làm sao?

Khi ấy có thượng tọa Chiêu bước ra thưa:

- Chẳng hỏi khi đã leo lên cây, lúc chưa leo lên cây thì thế nào?

Sư cười rồi thôi.

Ngài diễn tả một cảnh không thể nào mở miệng được. Như người leo lên cây cao, miệng cắn cành cây, dưới chân không có chỗ bám. Nếu có người hỏi thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, mở miệng đáp thì rớt nát thân, không đáp thì mịch lòng người hỏi. Như vậy làm sao?

Chắc phải chịu mịch lòng, chứ không bao giờ dám mở miệng. Câu hỏi đó phần nhiều các Tổ hay đập hay đánh là vậy, vì mở miệng là đã trật rồi.

Khi ấy có thượng tọa Chiêu bước ra thưa: *Chẳng hỏi khi đã leo lên cây, lúc chưa leo lên cây thì thế nào?* Chưa leo lên mà người ta hỏi thì sao? *Ngài cười rồi thôi,* chỗ đó không mở miệng được.

Có vị tăng từ Quy Sơn đến, Sư hỏi:

- Những ngày gần đây Hòa thượng có dạy những câu gì?

Tăng thưa:

- Có người hỏi thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, Hòa thượng liền dựng đứng phát tử.

Sư hỏi tiếp:

- Trong ấy huynh đệ hiểu ý Hòa thượng thế nào?

Tăng thưa:

- Trong ấy bàn với nhau rằng “chính nơi sắc mà rõ tâm, gá nơi vật mà hiển lý”.

Sư bảo:

- Hội thì liên hội, chẳng hội mắc kẹt nơi ấy chết gấp.

Tăng lại hỏi Sư:

- Ý Thầy thế nào?

Sư liền đưa phát tử lên.

Câu đó chỉ có thể làm tỉnh hoặc đưa phát tử lên hoặc đập một gậy, không có lời để nói. Ai dùng suy nghĩ để hiểu thì càng trật xa.

Sư có làm bài kệ:

Tử thốt mẫu trác

Con kêu mẹ mỗ

Tử giác mẫu xác

Con biết mẹ vỏ

Tử mẫu câu vong

Con mẹ đều quên

Ứng duyên bất thác.

Hợp duyên chẳng lố.

Con kêu mẹ mỗ: Đây là hình ảnh gà mẹ ấp trứng, khi gà con trong trứng tượng hình có đủ các bộ phận rồi, nó muốn chui ra thì ở trong nó kêu chíp chíp. Nghe tiếng kêu chíp chíp ở trong thì gà mẹ liền mổ vỏ bể để gà con chui ra.

Con biết mẹ vỏ, tức là con vừa biết kêu thì mẹ liền làm bể vỏ trứng.

Con mẹ đều quên, tức là con và mẹ đều quên hết.

Hợp duyên chẳng lố, chẳng còn ở hai bên, tùy duyên mà giáo hóa không lầm lẫn.

Đây nói gà con với gà mẹ giống như học trò với ông thầy. Học trò khi thấy đạo, trình bày chỗ sở ngộ thì thầy liền ấn chứng cho, cũng như gà con kêu thì gà mẹ mổ vỏ. Tông Quy Ngưỡng gọi là “sư tư tương hội” tức là thầy trò hợp nhau.

Sư tùy cơ dạy chúng những lời đơn giản, và có làm trên hai trăm bài tụng đối cơ ứng dụng không theo quy luật, các nơi truyền bá rất thịnh.

Chúng ta học đạo rồi cảm thấy hổ thẹn vì chưa xứng đáng. Người tu phải bồi trăn hợp giác mà chúng ta mãi chạy theo trăn, đó là bốn phận chưa tròn, chưa xứng. Đã chưa tròn chưa xứng mà cứ nhận người lay cúng dường, có hổ thẹn không? Nếu hàng ngày mình bồi trăn hợp giác thì lãnh bao nhiêu cũng được, tiêu muôn lượng vàng ròng cũng xong. Hiểu rồi mới thấy cái yếu cái dở của chúng ta.

Đúng theo tinh thần người tu là hàng ngày phải bồi trăn hợp giác, bao nhiêu thanh sắc đều không dính... Nhưng chúng ta vẫn còn bồi giác hợp trăn, cảnh đến thì dính như keo, chưa xứng đáng với người đi ngược con đường thế tục. Như vậy ngang đây phải biết hổ thẹn, nhớ luôn luôn bồi trăn. Hôm nào huynh đệ thử kêu tên chữ mà mình vẫn cười không dính mắc, lúc đó là đi ngược với trăn. Nếu mới nói nặng một câu mà đỏ mặt đỏ mày thì vẫn còn hợp trăn lắm. Tu phải thực tu, có vậy mới được.

Câu hỏi: Bạch Hòa thượng, trong chỗ ngài Hương Nghiêm thọ ký cho Sơ Sơn phải bị ói ba mươi năm, như vậy có trái lòng từ bi không?

Trả lời: Không phải ngài Hương Nghiêm nói với tâm ác. Vì hành động của Sơ Sơn là do nghiệp khiến như vậy, nên ngài nói theo nghiệp của Sơ Sơn, đâu phải do thọ ký mà bị bệnh. Như thời Phật có những vị Tỳ-kheo tạo nghiệp dữ, Phật thọ ký đọa địa ngục. Đó là do nghiệp lực, không phải do Phật thọ ký. Cũng có các vị tu tới cỡ nào rồi Phật thọ ký cho bao nhiêu đời nữa thành Phật.

Đó là do Phật thọ ký mà thành Phật hay do sức tu của vị đó? Do sức tu. Cũng vậy, việc này do nghiệp của Sơ Sơn khiến như thế, thiếu gì cách nói nhưng ông lại lên tiếng “ạ”. Ngài Hương Nghiêm thấy trước cái nghiệp mà thọ ký vậy thôi, không phải vì thọ ký mà Sơ Sơn bị bệnh.



THIÊN SƯ THƯỜNG THÔNG ở núi TUYẾT ĐẬU

(834 - 905)

Sư họ Lý quê ở Hình Châu, vào núi Thước xuất gia. Năm hai mươi tuổi, Sư trở về chùa Khai Nguyên ở bản châu thọ giới, ở đây học kinh luật bảy năm.

Sư tự than:

- Ma-đăng sang Hán dịch ra văn này, Đạt-ma đến Lương nói rõ việc gì?

Ngài học kinh bảy năm rồi lại tự than rằng: *Ma-đăng sang Hán dịch ra văn này, Đạt-ma đến Lương nói rõ việc gì?* Văn này là văn gì? Theo lịch sử Phật giáo Trung Hoa, hai ngài Ma-đăng và Trúc Pháp Lan là người đầu tiên sang Trung Hoa dịch kinh từ chữ Phạn sang chữ Hán, vậy nói văn này là chỉ cho văn kinh. Kinh thì đã được học nhưng *Đạt-ma đến Lương* tức là tổ Đạt-ma

khi sang Trung Hoa, đầu tiên đến nước Lương, nói về thiền nhưng chưa biết nói rõ việc gì. Vì thế ngài phát tâm đi tham vấn các thiền sư để tìm cho ra lý thiền.

Sư bèn cất bước du phương, đến tham vấn Hòa thượng Trường Sa. Trường Sa hỏi:

- Người người ở xứ nào?

Sư thưa:

- Ở Hình Châu.

- Ta bảo chẳng phải từ kia đến.

- Hòa thượng đã từng ở đây chẳng?

Trường Sa chấp nhận, cho vào thất.

Câu hỏi và đáp có đạo lý gì không? Hỏi *Người người ở xứ nào*, như tôi hỏi mấy chú người ở xứ nào, có chú nói ở An Giang, có chú nói ở Sa Đéc... Đáp như vậy là việc thường, nhưng ngài Trường Sa nói thêm *Ta bảo chẳng phải từ kia đến*. Câu nói đó có ý nghĩa gì? Người ở Hình Châu đến là con người hiện thực của ông, còn cái kia không phải từ đó đến. Ngài Thường Thông liền hỏi lại: *Hòa thượng đã từng ở đây chẳng?* Nếu vậy Hòa thượng đã từng ở đó chẳng? Ngay đó ngài Trường Sa thấy ông tăng này có tinh thần gần với đạo, nên ngài chấp nhận cho vào thất. Trong nhà thiền, hàng đệ tử nhập thất là hàng căn cơ lạnh lợi.

Sau, Sư đến Động Sơn, Thạch Sư, thấy pháp không có vị khác. Khoảng cuối niên hiệu Hàm Thông (860-874), Sư đạo Tuyên Thành, Quận thú lập

Thiền uyển nơi núi Tạ Tiên để hiệu Thụy Thánh Viện thỉnh Sư trụ trì. Tăng chúng tìm đến tham vấn.

Sau ngài đến Động Sơn tham vấn, đến Thạch Sương tham vấn nhưng ở những nơi đó thấy không có gì khác hơn chỗ của ngài đã thấy. Ngài trở về nhận trụ trì.

Tăng hỏi:

- Thế nào là mật thất?

Sư đáp:

- Chẳng thông tin tức.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người trong mật thất?

Sư đáp:

- Các thánh tìm xem chẳng thấy.

Lại nói:

- Ngàn Phật không thể nghĩ, muôn thánh chẳng thể bàn, càn khôn hoại mà không hoại, hư không bao mà chẳng bao, tất cả so sánh không bằng, ba đời xướng mà chẳng khởi.

Khi ngài đã là trụ trì, có Tăng đến hỏi: *Thế nào là mật thất?* Mật thất là thất kín. Ngài trả lời: *Chẳng thông tin tức.* Câu trả lời dễ hiểu, vì nếu thất kín thì chẳng có gì lọt vào. Khi Tăng hỏi, *thế nào là người trong mật thất?* Ngài đáp: *Các thánh tìm xem chẳng thấy.* Không chỉ thánh thôi mà ngàn Phật không thể nghĩ, muôn thánh chẳng thể bàn, càn khôn hoại mà người

trong thất *không hoại, hư không bao bọc mà cũng không bao bọc được* người trong thất đó, *tất cả đều không sánh bằng, ba đời xướng mà chẳng khởi*. Xướng tức là đề lên, dù có kêu gọi đề khởi cũng không động. Người trong mật thất là người nào? Chúng ta có người trong mật thất không? Nếu có thì liền biết người đó ở đâu.

Khoảng niên hiệu Quang Khải (885-888) giặc cướp nổi loạn, Sư đem đồ chúng đến Tứ Minh. Đến niên hiệu Đại Thuận năm thứ hai (891), Quận thú thỉnh Sư ở núi Tuyết Đậu, ở đây sự giáo hóa được hưng thịnh.

Niên hiệu Thiên Hựu năm thứ hai (905) tháng bảy, Sư có chút ít bệnh, nhóm chúng thấp hương phó chúc xong, chấp tay thị tịch, thọ 72 tuổi.

Ở đây ngài không có gì đặc biệt lắm, chỉ một vài đoạn đối đáp. Ngài là đệ tử của ngài Trường Sa, Trường Sa là đệ tử của ngài Nam Tuyền. Hệ thống của Lục Tổ chia làm hai chi: chi phái Hoài Nhượng và chi phái Hành Tư. Từ ngài Hoài Nhượng truyền xuống Mã Tổ. Mã Tổ truyền xuống Nam Tuyền. Đến ngài Thường Thông là đời thứ năm sau Lục Tổ.



NI LIỄU NHIÊN Ở MẠT SƠN

(? - ?)

Hòa thượng Quán Khê Nhàn đi du phương đến núi này, tự nói: “Nếu khế hợp thì ở, chẳng vậy thì xô ngã giường thiền.” Nhàn vừa vào tăng đường, Liễu Nhiên sai thị giả đến hỏi:

- Thượng tọa du phương đến hay vì Phật pháp đến?

Nhàn đáp:

- Vì Phật pháp đến.

Các thiền sư tăng thì lịch sử ghi rất rõ sanh ở đâu? Năm nào? Học trò của ai? Đi tham vấn hiểu đạo ra sao? Còn đây thiền sư ni Liễu Nhiên này là đệ tử của ngài Đại Ngu, mà sách sử không nói gì, không nói sanh năm nào, ở đâu. Sở dĩ có ghi được đoạn này là nhờ ngài Quán Khê Nhàn, đệ tử của ngài Lâm Tế, cũng là một thiền sư nổi danh đi tham vấn các nơi. Bởi có ngài

tới đây nên mới ghi chuyện đối đáp với ni Liễu Nhiên, nếu ngài không đến chắc không ai nhắc tới. Lệ thường hồi xưa trọng nam khinh nữ là như vậy.

Khi thiền sư Nhân ở Quán Khê đến chỗ ni Liễu Nhiên, ngài là trụ trì ở núi Mạt Sơn, nên khi tới thì ngài sai thị giả hỏi: *Thượng tọa đi du phương đến, hay vì Phật pháp đến?* Tới chùa là đi xem cảnh chơi hay đi hỏi đạo lý? Thiền sư Quán Khê Nhân nói tôi tới đây vì Phật pháp.

Liễu Nhiên lên tòa, Nhân đến tham. Liễu Nhiên hỏi:

- Hôm nay Thượng tọa rời ở đâu đến?

Nhân đáp:

- Rời cửa đường đến.

Liễu Nhiên bảo:

- Sao chẳng dậy lại?

Nhân không đáp được, mới lễ bái hỏi:

- Thế nào là Mạt Sơn?

Liễu Nhiên đáp:

- Chẳng bày danh.

Nhân hỏi:

- Thế nào chủ Mạt Sơn?

Nhiên đáp:

- Chẳng phải tướng nam nữ.

Nhân nạt rằng:

- Sao chẳng biến đi?

Nhiên đáp:

- Chẳng phải thần chẳng phải quỷ, biến cái gì?

Nhàn mới kính phục, ở lại làm Tri viên ba năm.

Vì Phật pháp nên ngài lên tòa bắt đầu xỏ cờ ra trận. Ngài hỏi ngài Quán Khê: *Hôm nay Thượng tọa rời ở đâu đến?* Nếu thông thường thì nói tôi ở chỗ nào đó, nhưng ngài Quán Khê muốn khám nghiệm nên nói: *Rời cửa đường đến.* Như đường cái có ngã ba, ngã tư thì đầu đường gọi là cửa đường.

Ni Liễu Nhiên bảo: *Sao chẳng dậy lại?* Sao không dậy cửa đó lại? Ông thầy bí đáp không được, bèn lễ bái. Như thế đã phá lệ rồi. Theo luật Phật dạy, vị ni một trăm tuổi hạ gặp Tỳ-kheo tăng mới thọ giới cũng phải lễ bái. Ở đây Thượng tọa bế tắc, đáp không được phải lễ bái ngược lại, rồi hỏi: *Thế nào là Mạt Sơn?* Đó là cách dò dẫm người. Ngài liền đáp: *Chẳng bày đành.* Núi này cao chót vót không thấy đành, ý nói cơ phong rất cao. Nhàn hỏi: *Thế nào là chủ Mạt Sơn,* Ni liền đáp: *Chẳng phải tướng nam nữ.* Ngài là người nữ, khi hỏi chủ Mạt Sơn thì người ta cứ tưởng ngài là chủ vì trụ trì ở đó, nhưng ngài nói rõ *Chẳng phải tướng nam nữ.*

Ngài Quán Khê liền nạt: *Sao chẳng biến đi?* Nếu không phải là nam là nữ thì có lẽ là quỷ thần, vậy thì biến đi. Ngài đáp: *Chẳng phải thần, chẳng phải quỷ, biến cái gì?* Cái đó không phải tướng nam nữ cũng không phải thần quỷ, đừng bảo nó biến. *Nhàn mới kính phục ở lại làm Tri viên ba năm.*

Khi Quán Khê đi du phương đến Mạt Sơn, ngài nói tới đây hỏi đáp không xong thì xô ngã giường thiền, tức là dẹp mất danh tiếng Mạt Sơn. Nếu hỏi đáp được thì sẽ ở lại làm Tri viên ba năm. Bây giờ thua rồi nên ở lại làm Tri viên.

Có vị tăng đến tham vấn, Nhiên bảo:

- Rất lam lũ vậy?

Tăng đáp:

- Tuy nhiên như thế vẫn là sư tử.

Nhiên bảo:

- Đã là sư tử, vì sao bị Văn-thù cười?

Tăng không đáp được.

Vị tăng ăn mặc có vẻ xốc xếch hay là lam lũ rách rưới. Ngài nói: *Rất lam lũ vậy?* Vị tăng này nói: Tuy bên ngoài đáng lam lũ chứ gốc là sư tử. *Đã là sư tử, vì sao bị Văn-thù cười?* Truyền thuyết Bồ-tát Văn-thù cười sư tử, Tăng tự xưng sư tử mà bị một câu nói, đáp không được.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm cổ Phật?

Nhiên đáp:

- Thế giới nghiêng đổ.

Tăng hỏi:

- Thế giới vì sao nghiêng đổ?

Nhiên đáp:

- Trọn không thân ta.

Tâm cổ Phật là tâm của chư Phật từ ngàn xưa sẵn có, cũng là chỉ cho ông Phật sẵn muôn đời của mình và của mọi người. Ông Phật đó không bị tất cả tướng sanh diệt che lấp, mà ngược lại hay làm chủ tất cả tướng sanh diệt. Tâm cổ Phật là chỗ không còn cảnh không còn người, vì thế hỏi *tâm cổ Phật* thì ngài trả lời *thế giới nghiêng đổ*, là không còn cảnh. Hỏi *tại sao nghiêng đổ*, trả lời *trọn không thân ta*, là không còn người. Như vậy còn thấy có ngã có pháp thì thấy được cổ Phật không? Bởi không còn ngã không còn pháp, đó mới là cổ Phật.

Tra khảo nơi bản khác thì thấy ngài có làm bài kệ Pháp thân:

*Ngũ uẩn sơn đầu cổ Phật đường,
Tỳ-lô trú dạ phóng hào quang.
Nhược năng ư thử phi đồng dị,
Tức thị Hoa Nghiêm biến thập phương.*

Dịch:

*Chót núi năm uẩn nhà Phật xưa,
Pháp thân hằng lúc phóng hào quang.
Nếu hay nơi ấy không đồng dị,
Quả thật Hoa Nghiêm khắp mười phương.*

Ngũ uẩn sơn đầu cổ Phật đường, tức là trên đầu núi năm uẩn có nhà Phật xưa. Chúng ta có thân năm uẩn này, trong đó có ngôi nhà Phật xưa. Tất cả núi năm uẩn đều có Phật, Phật đó hiện ra như thế nào?

Tỳ-lô trú dạ phóng hào quang. Tỳ-lô tức là Tỳ-lô-giá-na chỉ cho pháp thân. Pháp thân ngày đêm luôn phóng hào quang. Hào quang sáng suốt phóng khắp thân, hào quang ở mắt tai mũi lưỡi thân ý, suốt đêm ngày không lúc nào dừng. Hai câu này ý nói tất cả chúng ta đều có pháp thân lồng ở trong thân năm uẩn. Pháp thân đó lúc nào cũng phóng hào quang ra sáu cửa không thiếu. Vì vậy chúng ta tin chắc nơi mình sẵn có pháp thân.

Nhược năng ư thử phi đồng dị. Nếu hay nơi đây mà không thấy có đồng dị, tức là thấy hai bên. Người nào phá được cái chấp bên này bên kia, không thấy có đồng dị, không còn phải quấy, tốt xấu, đúng sai... chấp hai bên chấm dứt thì sao? *Tức thị Hoa Nghiêm biến thập phương.* Hoa Nghiêm tức là kinh Hoa Nghiêm, trong đó phẩm quan trọng nhất là Nhập Pháp giới. Nói về Hoa Nghiêm là nói về pháp giới. Như vậy câu thứ tư này nói tánh pháp giới trùm khắp mười phương. Hai câu sau nói lên cái dụng của người tu.

Nếu người biết trong thân sẵn có Phật xưa luôn phóng ánh sáng. Ngay đây đừng khởi niệm phân biệt đối đãi hai bên. Niệm phân biệt đối đãi hai bên dứt rồi thì pháp giới tánh hay là Hoa Nghiêm tánh sẽ trùm khắp cả mười phương.

Phần tiểu sử của thiền sư ni Liễu Nhiên tuy ngắn gọn nhưng bài kệ rất đầy đủ ý nghĩa. Ngài Liễu Nhiên nối pháp thiền sư Đại Ngu, thuộc hàng đệ tử đời thứ năm sau Lục Tổ.



THIÊN SƯ ĐỨC SƠN TUYÊN GIÁM

(780 - 865)

Sư họ Chu quê ở Kiếm Nam, Giản Châu, xuất gia lúc hai mươi tuổi, cũng năm ấy thọ giới Cụ túc. Sư nghiên cứu tinh thâm Luật tạng, thông suốt chỉ thú các kinh thuộc Tánh tông và Tướng tông. Vì thường giảng kinh Kim Cang Bát-nhã, nên thời nhân gọi Sư là Chu Kim Cang. Sư thường nói với đồng học: “Một sợi lông nuốt bể cả, tánh bể không thiếu; hạt cải nhỏ ném trên mũi nhọn, mũi nhọn chẳng động, học cùng không học chỉ có ta biết thôi.”

Ông già Đức Sơn thật là gay cấn, đọc tiểu sử ngài nếu không khéo thì chúng ta sẽ giạt mình rớt óc.

Ngài Đức Sơn là một người đã từng tham học kinh luật luận. Về luật thì ngài tinh thâm, về kinh ngài thông cả Tướng tông và Tánh tông. Tánh tông ở đây có thể là Không tông, vì kinh Kim Cang Bát-nhã thuộc về Không tông mà ngài thông cả hai, bên Tướng tông và

Không tông. Ngài diễn đạt chỗ thấy hiểu của mình bằng câu *Một sợi lông nuốt bể cả, tánh bể không thiếu*, đứng về mặt tánh Không, thì tất cả pháp không có lớn nhỏ. Sợi lông trên hình tướng là nhỏ, bể cả là lớn, nhưng trên tánh không thì tánh không của sợi lông, tánh không của bể cả không có lớn nhỏ, cho nên dung nhau. *Hạt cải nhỏ ném trên mũi nhọn, mũi nhọn chẳng động*, mũi nhọn đây cũng có nghĩa là chót núi. Trên tánh thì nhỏ như sợi lông có thể nuốt bể cả, nhỏ như một hạt cải có thể trùm cả một quả núi. *Học, không học chỉ có ta biết thôi*, những điều đó tự mình nhận, trên tánh thì không có hơn thua, lớn nhỏ.

Nghe phương Nam Thiền tông thanh hành, Sư bất bình nói: “Kẻ xuất gia muôn kiếp học oai nghi của Phật, vạn kiếp học tế hạnh của Phật, còn chẳng được thành Phật. Những kẻ ma ở phương Nam dám nói “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”. Ta phải ruồng tận hang ổ của chúng, diệt hết những giống ấy để đền ơn Phật.” Sư bèn khăn gói lên đường mang theo bộ Thanh Long Sớ Sao, ra khỏi đất Thục, nhắm Lễ Dương tiến bước.

Ngài Đức Sơn là một con người kỳ đặc, đây là chỗ chúng ta phải lưu tâm. Thường nếu chúng ta là người tự mãn thì mình hiểu đạo tu yên thân là đủ rồi, chung quanh ai sao thì mặc họ, hay nhờ đỡ chịu, không can dự gì đến ta. Nhưng với ngài Đức Sơn, khi hiểu Phật pháp rồi, thấy Phật pháp là chân lý là cứu cánh, ba tạng kinh luật luận là tối ưu, vậy mà giờ đây những người tu thiền lại nói khác với kinh luật. Kinh nói người xuất gia phải

trải qua ba vô số kiếp tu mới thành Phật. Thiền tông lại nói *trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật* dễ quá. Như vậy là trái với kinh, trái lời Phật nói, là ma nói. Vì thế ngài nhất định phải quấy gánh kinh đi dẹp bọn ma này, *ruồng đuổi tận hang ổ, diệt hết họ để đền ơn Phật*. Nhiệt tình của ngài là khi mình thấy điều hay mà người khác làm trái ngược thì nhất định phải làm sao dẹp cái dở đó, không thể để mặc họ làm gì thì làm. Nhiệt tình đặc biệt của ngài Đức Sơn, chúng ta sẽ thấy qua những việc làm sau này của ngài.

Trên đường, Sư gặp một bà già bán bánh, bèn dừng nghỉ chân và bảo bà lấy ít bánh điểm tâm. Bà già chỉ gánh của Sư hỏi:

- Gỏi ấy là sách vở gì?

Sư bảo:

- Thanh Long Sớ Sao.

Bà hỏi:

- Thầy thường giảng kinh gì?

Sư đáp:

- Kinh Kim Cang.

Bà nói:

- Tôi có một câu hỏi, nếu Thầy đáp được, tôi xin cúng dường bánh điểm tâm. Bằng đáp chẳng được, mời Thầy đi nơi khác. Kinh Kim Cang nói “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”, xin hỏi Thượng tọa điểm tâm nào?

Sư đáp không được, bèn hỏi đường lên Long Đàm.

Lúc đầu, ngài có vẻ ngạo nghễ khinh mạn, bà già bán bánh mà có giá trị gì, phải không? Mình là người thông kinh luận, bà hỏi một câu có gì mà sợ? Bà già rất kỹ, thấy gói kinh hỏi kinh gì, rồi hỏi Thầy giảng kinh gì. Nếu như chúng ta bất thần nghe nói giảng kinh Kim Cang thì cũng không biết hỏi sao, vì không thuộc kinh. Còn bà thuộc kinh Kim Cang nên đem ra hỏi. Kinh Kim Cang nói *quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*. Tâm quá khứ đã qua tìm không được, tâm vị lai chưa đến cũng không thể được, còn tâm hiện tại sanh diệt từng phút từng giây, cũng không thể được. Ba thời tìm tâm đều không thể được mà ông nói điểm tâm là điểm tâm nào?

Nghe bà già hỏi ngài đứng sững, ngỡ ngàng quá nên mới hỏi gần đây có thiền sư không? Bà già chỉ đường lên núi Long Đàm là chỗ thiền sư Sùng Tín. Bây giờ ngài mới bớt kiêu khí tìm đến Long Đàm.

Đến pháp đường gặp Long Đàm, Sư nói:

- Lâu nay nghe danh Long Đàm, đi đến nơi Đàm (đầm) chẳng thấy, mà Long (rồng) cũng không hiện.

Sùng Tín bảo:

- Người đã gần đến Long Đàm.

Sư không đáp được, liền dừng lại đây.

Bên đường gặp bà già bị chinh phục một lần, bây giờ tới ngay Long Đàm, câu nói của Long Đàm dễ quá, nhưng tại sao ngài đáp không được? Theo thuật của nhà thiền,

mới đến gặp vị nào thì người ta hay dùng phương tiện hạ uy tín người đó trước để thử coi đáng về người đó ra sao. Có sân hay bực bội không? Nên nói, *Lâu nay nghe danh Long Đàm, đi đến nơi Đàm chẳng thấy, mà Long cũng chẳng hiện*. Nghe danh Long Đàm đã lâu mà tới đây thì thấy tầm thường quá không có gì. Ngài Long Đàm chỉ nói rằng: *Người đã gần đến Long Đàm*, câu đó làm ngài phục. Phục ở chỗ nào?

Theo kinh giáo, Bồ-tát tu hành đến chỗ buông cả ngã và pháp. Đức Sơn nói không thấy đậm là pháp, không thấy rỗng là ngã, nên ngài Long Đàm nói nếu ông không còn thấy có ngã có pháp thì gần ta rồi, như vậy không phải Bồ-tát là gì? Phải lạnh lợi mới nhận ra chỗ này. Mang kinh sách đi chinh phục người mà tới đây ngược lại bị người chinh phục. Một bà lão bán bánh, rồi đến gặp thiền sư nói cho một câu là bó tay đầu hàng. Dừng lại đây tức là xin làm đệ tử, nhưng với nhiệt tình đó nên khao khát mong sao sớm được thầy khai ngộ.

Một đêm Sư đứng hầu. Sùng Tín bảo:

- Đêm khuya sao chẳng xuống?

Sư kính chào bước ra, lại trở vào, thưa:

- Bên ngoài tối đen.

Sùng Tín thắp đèn cây đưa Sư. Sư toan tiếp lấy, Sùng Tín liền thổi tắt. Ngay đó Sư đại ngộ, liền lễ bái. Sùng Tín hỏi:

- Người thấy cái gì?

Sư thưa:

- Từ nay về sau chẳng còn nghi lời nói chư Lão hòa thượng trong thiên hạ.

Hôm sau Sùng Tín lên tòa bảo chúng:

- Trong chúng đây có một gã răng như kiếm bén, miệng tợ chậu máu, đánh một gậy chẳng ngó lại, khi khác y lên ngọn núi cao vót dựng lập đạo của ta.

Sư đem bộ số sao chất đồng trước pháp đường nổi lửa đốt, nói:

- Tột cùng các biện luận siêu huyền như một sợi lông ném trong hư không; hết sạch các trọng yếu ở đời như một giọt nước gieo trong hồ lớn.

Sư lễ từ Sùng Tín đi du phương.

Lúc ngài mới ra đi thì thấy kinh điển là chân lý, là vàng ngọc không thể rời nên đi đâu cũng quảy theo. Đến khi ngộ rồi thì liền đốt hết, như vậy còn nhiệt tình không? Khi trước thiết tha bao nhiêu thì bây giờ thấy sai rồi ngài liền dứt khoát dẹp hết, không vì sự thiết tha buổi đầu mà tiếc nuối.

Tột cùng các biện luận siêu huyền như một sợi lông ném trong hư không. Tất cả biện luận siêu huyền dù hay khéo tột đỉnh cũng là lời nói bên ngoài. Cái chân thật đó nói không đến, vì thế nói như một sợi lông ném trong hư không. Hết sạch các trọng yếu ở đời, những gì gọi là quan trọng ở đời đối với cái đó chẳng khác nào một hạt nước gieo vào trong hồ lớn, không thấm vào đâu. Người thấy được sống được với cái đó rồi thì không còn

thấy gì quan trọng ở trên đời nữa. Tất cả thứ thiên hạ cho là quan trọng đều là tướng vô thường sanh diệt. Danh lợi tài sắc... đều là giả tướng sanh diệt, được đó rồi mất đó, có còn mãi không? Cái chân thật này muôn đời không mất, thấy được rồi nhìn lại mấy cái kia không ra gì. Người tu khi nhận được cái này rồi, đối với danh lợi tài sắc mới xem thường, nếu chưa nhận được thì cũng mang thân vô thường chạy theo cảnh vô thường. Cuối cùng kết quả tất cả đều là vô thường, không đi đến đâu.

Đến Quy Sơn, Sư vào pháp đường từ phía tây đi qua phía đông, lại từ phía đông sang phía tây, hỏi:

- Có chăng? Có chăng?

Quy Sơn ngồi lặng lẽ không ngó tới. Sư nói:

- Không, không.

Liên đi thẳng ra cửa, tự nói:

- Tuy nhiên như thế cũng chẳng dặng thô xuất.

Sư bèn đẩy đủ oai nghi đi trở vào. Vừa bước qua cửa, Sư đưa tọa cụ lên, gọi:

- Hòa thượng!

Quy Sơn toan nắm phát tử, Sư liền hét, phải áo ra đi.

Chiều, Quy Sơn hỏi Thủ tọa:

- Vị tăng mới đến khi sáng còn ở chăng?

Thủ tọa thưa:

- Ngay khi đó, y trở ra pháp đường mang giày cỏ đi luôn.

Quy Sơn bảo:

- Gã ấy về sau, lên tận ngọn núi cao, cất am cỏ ở, để rồi quả Phật măng Tổ.

Giai đoạn ngài đi du phương đến Quy Sơn. Người xưa khi thấy hành động liền biết người đó sau kết quả thế nào. Thường khi tới Quy Sơn thì người ta đánh lễ để hỏi, còn ngài tới thì *đi đông qua tây, rồi tây qua đông*. Đó là đã trình ông chủ, như Ngưỡng Sơn trình ông chủ với ngài Quy Sơn để xem Quy Sơn có thái độ nào? Ngài Quy Sơn làm thinh, nên Đức Sơn hỏi: *Có chăng? Có chăng?* Ngài Quy Sơn làm thinh, Đức Sơn lại nói: *Không, không*. Rồi đi ra cửa. Tuy nhiên như vậy chưa được, phải đủ oai nghi vô trở lại để coi sao. Ngài đầy đủ oai nghi bước vào, vừa tới cửa đưa tọa cụ lên gọi *Hòa thượng*. Ngài Quy Sơn ngay đó mới ra tay, vừa sửa soạn nắm phát tử, Đức Sơn hét một tiếng phui áo ra đi. Chưa đợi phát tử đưa lên, ngài đã hét rồi đi, chỗ thấy của ngài nhanh như lằn chớp, không cần nói là biết thêm. Ngài Quy Sơn biết con người kỳ đặc nên thọ ký *gã này sau sẽ quả Phật măng Tổ*.

Sư dừng lại Lễ Dương ba chục năm. Gặp lúc Đường Võ Tông phế giáo, Sư tỵ nạn ở một mình trong thạch thất tại Phù Sơn. Đến thời Đại Trung năm đầu (847), thái thú Vũ Lăng tên Tiết Đình Vọng tái trùng tu tịnh xá Đức Sơn để hiệu là Cổ Đức thiền viện, tìm kiếm những vị đạo hạnh trụ trì. Nghe tiếng Sư, Đình Vọng nhiều phen đến thỉnh, Sư chẳng chịu xuống núi. Đình Vọng lập kế, lấy trà,

muối đến phao vu Sư phạm cấm pháp, điệu Sư về Châu chiêm lễ. Đình Vọng cố thỉnh cho được Sư ở Đức Sơn. Sau cùng Sư chấp nhận. Ở đây Sư xiển dương tông phong rất thịnh.

Sư dừng lại Lễ Dương ba chục năm. Tuy thấy biết như vậy mà phải dừng trụ ba chục năm, không phải như chúng ta ở một hai năm, mà than sao con chưa hết vọng tưởng? Gặp lúc Đường Võ Tông phế giáo, Sư ty nạn ở một mình trong thạch thất tại Phù Sơn. Thời gian đó ngài ở một mình trong thạch thất ba mươi năm.

Lúc sau, Thái thú muốn thỉnh ngài tại sao dùng trà, muối để phao vu? Hồi xưa thường có tiếng đi bán muối lậu, nếu người nào chứa muối hay trà nhiều mà không khai báo thì gọi là mắc tội bán đồ lậu, vì vậy phao vu để rước ngài về chứ không có gì lạ.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Nơi mình vô sự thì chớ vọng cầu, vọng cầu mà được cũng chẳng phải được. Các ông chỉ vô sự nơi tâm, vô tâm nơi sự thì hư mà linh, không mà diệu.

Nếu có nói gốc ngọn chừng đầu mảy lông đều là tự dối. Còn có mảy may nghĩ nhớ, là nghiệp nhân tam đồ. Bất chợt sanh tình (vọng khởi) là muôn kiếp bị khóa kín (địa ngục). Danh thánh hiệu phạm trọn là tiếng rỗng, tướng đặc biệt hình xấu xa đều là sắc huyễn. Các ông muốn cầu đó, mà không bị lụy sao? Và các ông chán đó, lại thành bệnh lớn. Cả hai đều là vô ích.

Bao nhiêu đó đủ cho chúng ta tu. *Nơi mình vô sự* là ngồi không chơi hoại, phải không? Vô sự là *không vọng cầu*. *Vọng cầu mà được cũng chẳng phải được*, vọng cầu mà được là cái vô thường biến hoại, nên được mà không phải được. Chỉ cần *vô sự nơi tâm, vô tâm nơi sự*. Nghĩa là trong tâm mình thì rỗng thênh không có việc, không có vấn đề, đối với cảnh ngoài thì tâm không dính với cảnh. Trong không niệm khởi, ngoài không đuổi theo cảnh, bao nhiêu đó đủ để tu suốt đời.

Có lúc nào trong lòng chúng ta không chứa một cái gì không? Không chứa mà rồi ở đâu nó chạy ra! Theo kinh giáo nói tu phải qua nhiều ngôi vị, theo tinh thần thiền tông thì chỉ một việc *nơi tâm vô sự*, không có vấn đề nào làm cho nó mờ tối. Nếu khi tâm vô sự thì *hư mà linh*, nghĩa là rỗng mà sáng, *không mà diệu*, thấy như không có mà nhiệm mầu. Đây là chỗ rất quan trọng, trong không tâm, ngoài không theo cảnh, lúc đó rỗng suốt mà sáng rõ, không việc gì không thông. Đó mới thực là sống với ông chủ của mình. Chúng ta hiện nay sống với ai? Sống với đám lâu la ở ngoài, phải không? Nó dẫn mình chạy đầu này đầu kia... hết cái này sanh, cái kia diệt, có khi thì mang tướng hiền thánh hiện vô, có khi mang tướng ma quái. Hiện đủ thứ cảnh, dẫn chúng ta chạy cả sáng đến chiều, luôn cả tối không cho yên lúc nào. Vì thế mà lặn lội trong luân hồi.

Nếu có nói gốc ngọn chừng đầu mảy lông đều là tự dối. Thực ra có một lời gì khác cũng là dối gạt, cái gốc chỉ chừng ấy, vô sự nơi tâm, vô tâm nơi sự, đó là cái gốc. *Còn có mảy may nghĩ nhớ, là nghiệp nhân tam đồ*.

Vừa còn có nghĩ cái này nhớ cái kia là nghiệp tam đồ. *Bất chợt sanh tình là muôn kiếp bị khóa kín. Bất chợt dấy niệm sanh tình chấp là muôn kiếp bị đóng kín trong hầm vô minh không thoát nổi.* Như vậy thật đáng sợ.

Danh thánh hiệu phạm trợn là tiếng rỗng, tướng đặc biệt hình xấu xa đều là sắc huyễn. Các ông muốn cầu đó, mà không bị lụy sao? Và các ông chán đó, lại thành bệnh lớn. Cả hai đều là vô ích. Chúng ta tu luôn luôn bỏ phạm cầu thánh, phải không? Nhưng danh hiệu đó chỉ là cái giả bên ngoài, là tiếng rỗng thôi. Hình tướng đẹp xấu có quan trọng không? Đẹp như tiên hay xấu như ma thì cũng chỉ là một thầy thú. Nếu muốn cầu thân tướng đẹp thì có khỏi bị lụy không? Vì còn đuổi theo giả tướng vô thường thì còn bị vô thường cuốn đi trong luân hồi, làm sao chạy khỏi? Ngược lại chán thân huyễn hóa này, cho nó là xấu là dở, là nhớp nhúa... chán nó muốn bỏ nó thì có lụy không, có thành bệnh không? Nó đã là không thật thì chán chi cầu chi? Cái không thật mà cầu cũng bệnh, chán cũng bệnh.

Sư thượng đường bảo:

- Hôm nay tối không được thưa hỏi, ai thưa hỏi sẽ ăn ba mươi gậy.

Khi ấy có một vị tăng bước ra lễ bái, Sư liền đánh. Tăng ấy thưa:

- Con chưa thốt ra lời hỏi, vì sao Hòa thượng đánh con?

Sư hỏi:

- Ông là người xứ nào?

- Con người Tân La (Triều Tiên).

Sư bảo:

- Ông khi chưa xuống thuyền đã đáng ăn ba mươi gậy rồi.

Ngài giao hẹn rằng tối không cho hỏi, hỏi thì ăn ba mươi gậy. *Tăng ra lễ bái* vì nghĩ rằng lễ bái thì đâu có lỗi gì. Vừa lễ bái ngài *đánh liền*, Tăng hỏi con chưa nói lời nào tại sao Hòa thượng đánh? Ngài hỏi ông ở đâu? Nói con ở xứ Tân La tức Triều Tiên bây giờ. Ngài bảo: Ông sửa soạn xuống thuyền lúc đó ăn gậy rồi không đợi đến nơi. Lời nói là hư dối, do ngôn ngữ dối dãi mà ra, nhưng khi khởi nghĩ chưa nói, cũng đã đáng ăn gậy rồi, nên đánh trước khi hỏi.

Long Nha hỏi:

- Khi con cầm kiếm Mạc Da toan chặt đầu Thầy thì sao?

Sư đưa cổ đến trước. Long Nha nói:

- Rơi.

Sư cười ha hả.

Sau, Long Nha đến Động Sơn thuật lại việc ấy. Động Sơn hỏi:

- Đức Sơn nói thế nào?

Long Nha thưa:

- Đức Sơn không nói.

Động Sơn bảo:

- Chớ nói Đức Sơn không nói, hãy đem đầu Đức Sơn trình lão tăng xem?

Long Nha biết lỗi xin sám hối.

Có người đem việc ấy thuật lại Sư, Sư bảo:

- Ông già Động Sơn không biết tốt xấu, gã ấy đã chết được bao lâu, cứu được chỗ dụng gì?

Ngài Long Nha này cũng là tay cừ khôi, đến Đức Sơn không hỏi đạo mà nói rằng *con có cây kiếm bén muốn chặt đầu Thầy thì sao?* Kiếm Mạc Da là cây kiếm bén trong truyền thuyết. Ngài đưa cổ, ông muốn chặt ta đưa cổ cho chặt, Long Nha nói: *Rơi*. Ngài cười thôi. Long Nha tưởng như mình đã nắm được cái gì của Đức Sơn rồi. Khi thuật lại cho ngài Động Sơn nghe, ngài hỏi lúc đó Đức Sơn nói gì, Long Nha nói không nói gì. Ngài Động Sơn hỏi: Nếu ông được thì *trình đầu của Đức Sơn cho ta xem*. Ngang đó Long Nha bí, biết rằng mình chưa được cái gì ở Đức Sơn nên sám hối. Câu chuyện đó thuật lại cho ngài Đức Sơn nghe, ngài nói *ông già Động Sơn không biết tốt xấu*, không biết tốt xấu tức là không suy xét giản trạch hay để chỉ bày cho người ta có lợi gì. *Gã ấy đã chết được bao lâu, cứu được chỗ dụng gì?* Ngài thấy Long Nha như không nắm được, không thấu hiểu, bây giờ có cứu cũng không dùng được.

Sư thượng đường bảo:

- Hỏi tức có lỗi, chẳng hỏi lại trái.

Có vị tăng bước ra lễ bái, Sư liền đánh. Tăng thưa:

- Con mới lễ bái vì sao Hòa thượng đánh?

Sư bảo:

- Đợi người mở miệng làm gì kịp.

Vừa chuẩn bị mở miệng, đánh trước rồi, đợi mở miệng là đã đi xa làm gì kịp. Câu nói vừa như cọt dừa nhưng ý nghĩa hết sức thâm sâu. Chúng ta đợi hành động ngôn ngữ phát ra mới cho là hành động xấu hoặc lời nói xấu. Nhưng vừa khởi niệm đã xấu từ trong ý, chặn ngay chỗ khởi niệm đó mới là tu giỏi. Như khi giận người, vừa nổi giận là dở rồi, đến lúc nói ra lời thì đã hư việc. Vì thế phải chặn ngay trong tâm, đợi nói làm sao kịp! Việc tu muốn nhanh thì phải thấy ngay ý nghĩ trong lúc vừa manh nha, đừng đợi nó thành hình.

Sư sai thị giả gọi Nghĩa Tôn, Nghĩa Tôn đến. Sư bảo:

- Ta bảo kêu Nghĩa Tôn, người đến làm gì?

Nghĩa Tôn không đáp được.

Có phải ngài đùa không? Nếu là người thấy đạo thì khi nghe kêu đến phải nói lời gì khác để vị thầy thấy chỗ được của mình. Nếu đáp không được là mình không biết. Ngài Nghĩa Tôn lúc này chưa ngộ nên đáp không được.

Sư thấy vị tăng đến, liền đóng cửa. Vị tăng gõ cửa. Sư hỏi:

- Ai?

Tăng thưa:

- Sư tử.

Sư mở cửa. Tăng lễ bái. Sư liền leo lên cổ cưỡi, nói:

- Súc sanh này từ xứ nào đến?

Thấy những hành động như ngài quái đản, nhưng đó là lối chỉ dạy rất chính xác. Vì ông tăng tự xưng mình là sư tử, trong nhà thiền, nói sư tử là người kế thừa trách nhiệm của tông môn. Đã xưng là sư tử phải có hành động của sư tử, đây mới mở cửa mà lễ bái quỳ mọp thì đâu phải là sư tử. Ngài trèo lên cổ cưỡi, rồi nói *súc sanh này từ đâu đến?* Ông tăng bí, thực là không phải sư tử.

Tuyệt Phong Nghĩa Tôn hỏi:

- Tông thừa từ trước, riêng con có phần chăng?

Sư đánh một gậy bảo:

- Nói gì?

Nghĩa Tôn thưa:

- Chẳng hội.

Hôm sau, giờ thưa hỏi Sư nói:

- Tông ta không ngữ cú, thật không có một pháp dạy người.

Tuyệt Phong nhân câu này được tỉnh.

Ngài Tuyệt Phong hỏi: *Tông thừa từ trước riêng con có phần chăng?* Nghe câu đó ngài đánh cho một gậy,

hỏi: *Nói gì?* Ngay đó mà không ngộ, nên Nghĩa Tồn thưa: *Chẳng hội.* Đến giờ thưa hỏi, ngài nói: *Tông ta không ngộ cú, thật không có một pháp dạy người.* Ngài không có một lời để dạy, cái đánh đó đã là dạy rồi. Nhân đây Nghĩa Tồn mới tỉnh.

Sư dạy chúng:

- Các ông từ sáng đến chiều có việc gì? Chẳng cần khoe môi lừa mỗ ngựa hỏi lão già Đức Sơn sao? Ta chẳng sợ các ông, chưa biết các ông có những nghi vấn gì?

Gần đây trong thời kỳ mật pháp, có rất nhiều bọn quỷ thần chạy bên ngoài nói “ta là Thiền sư”. Chẳng biết học được bao nhiêu thiền đạo, nói tương tự cho lão tăng nghe? Các ông! Những lão trọc ở mọi nơi dạy các ông tu hành thành Phật, chạy bên ngoài thành được bao nhiêu ông Phật? Các ông nếu không thể học, lại chạy tìm cái gì? Nếu có học, các ông thử đem cái học được trình cho lão tăng xem. Một câu chẳng tương đương phải ăn một gậy đau điếng mới được.

Ngài bắt đầu đi từng bước nặng dần, nói rằng *nhiều bọn quỷ thần ở bên ngoài tự xưng “ta là thiền sư”. Chẳng biết học được bao nhiêu thiền đạo, nói tương tự cho lão tăng nghe?* Thiền là học được hay không học được? Đạo là học được hay không học được? Không học được sao bắt mấy chú học? Thực ra thiền đạo không phải học mà được, chỉ vì chúng ta sẵn có viên ngọc quý mà không tự biết lấy ra dùng. Viên ngọc quý đó đang

nằm ở dưới đáy thùng rác, dạy học là phương tiện dạy hốt rác bỏ ra, quăng sạch hết rác rồi thì viên ngọc hiện lộ lộ. Hòn ngọc ấy do học mà được, do liệng rác ra mà được hay tự nó sẵn có? Nó sẵn có nhưng bị rác che phủ nên không thấy được. Khi chúng ta quăng sạch rác, ném hết những thứ che phủ thì viên ngọc hiện ra.

Lời dạy của Phật tổ là phương tiện dẹp bớt phiền não, phá bớt những chấp nê mê tối của mình, phiền não và chấp nê hết sạch thì chân thật hiện ra. Cái chân thật đó không do tu học mà được, nó đã có sẵn ngay bây giờ. Nói học mà được là không đúng sự thật.

Nói *dạy tu hành thành Phật*, Phật ở đâu mà thành? Nếu chạy ra ngoài tìm kiếm thì muôn kiếp không có Phật để thành, vì Phật là cái giác sẵn của chính mình. Nếu nói ráng tu để thành Phật thì đó là lối nói cầu cạnh không bao giờ được. *Các ông nếu không thể học, lại chạy tìm cái gì? Chỗ đó không phải do học mà được, thì tìm cái gì? Nếu có học, các ông thử đem cái học được trình cho lão tăng xem?* Cái chân thật đó đã sẵn tại nơi mỗi người chúng ta, chỉ là không thấy không nhận, cứ nghĩ tìm kiếm ở bên ngoài.

Các ông bị những lão trọc ở khắp nơi mê hoặc, nói ta là người tu hành, làm ra hình thức in tuồng bộ mặt người đắc đạo. Chớ có nhận dụng tâm như thế, muôn kiếp ngàn đời luân hồi trong tam giới đều là “Có tâm”. Vì có sao? Vì tâm sanh thì các thứ pháp sanh. Nếu khéo một niệm chẳng sanh thì hằng thoát khỏi sanh tử, chẳng bị sanh tử trói buộc, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, lại còn có việc gì?

Đây nói những người tu mê hoặc kẻ khác, *nói ta là người tu hành, làm ra hình thức in tuồng bộ mặt người đắc đạo*, giả bộ như người đắc đạo. Như có vài huynh đệ đang ngồi ăn uống hoặc bàn tán ồn náo, chợt có khách tới liền ra vẻ nghiêm trang tề chỉnh. Đó là làm ra vẻ chứ không phải thật. Tu mà còn làm ra vẻ thì tu không đến đâu. Tu là ngay trong tâm mình, mỗi niệm dấy lên đã thấy, đã buông rồi, không cần hình thức bên ngoài. Càng làm ra vẻ thì càng xa với đạo.

Đây nói *có tâm là muôn kiếp ngàn đời luân hồi trong tam giới*. Biết còn có tâm là còn kẹt, vì sao? *Vì tâm sanh thì các thứ pháp sanh. Nếu khéo một niệm chẳng sanh thì hằng thoát khỏi sanh tử*. Một niệm không sanh là gốc ra khỏi sanh tử. Tất cả niệm dấy lên là chạy theo thanh sắc ở thế gian. Niệm vô thường, thanh sắc vô thường, dấy niệm chạy theo thanh sắc tức là bị cuốn trong vô thường, không bị luân hồi là gì? Dù thanh sắc đẹp hay xấu cũng là đi trong vô thường. Không có một niệm đó là giải thoát, còn cái gì cuốn mình được, còn cái gì lôi mình được.

Nhân giả! Ta thấy các ông đi khắp nơi phát tâm, đến trong hội những lão trọc học Phật pháp, gánh vác chẳng tiếc thân mạng, rốt cuộc các ông đều bị đâm đui mắt, đoạn dứt mạng căn. Có hai ba trăm kẻ tợ như đâm nữ, nói: “Ta làm hóa chủ dựng lập pháp tràng, vì người sau mở mắt cho họ.” Kẻ ấy tự cứu được chăng?

Ngài nói rất mạnh, *đến chỗ mấy lão trọc học Phật pháp, gánh vác chẳng tiếc thân mạng*, nghĩa là hy sinh

lo cho Phật pháp. *Rốt cuộc rồi bị đâm đui mắt, đoạn dứt mạng căn.* Người học đạo lấy trí tuệ làm mạng căn. Học hết sức rồi vẫn chìm trong mê lầm không phát sanh trí tuệ, nên nói đoạn dứt mạng căn, bị đâm đui con mắt trí tuệ. Đôi khi không khéo chúng ta tu học rồi bị mắc kẹt hết cái này tới cái kia.

Đây lại nói *có hai ba trăm kẻ tợ như đâm nữ*, tại sao? Người nào chỉ lo đón khách đưa khách, ngài nói là đâm nữ. Làm hóa chủ tức là trụ trì, *dựng lập pháp tràng*, nói vì người sau mở mắt cho họ. Chính mình cứu mình chưa được mà mở mắt cho ai?

Nhân giả! Nói tu hành như thế, các ông đâu chẳng nghe nói lão Hồ (ông già Ấn Độ, chỉ đức Phật) trải ba kiếp a-tăng-kỳ tu hành mà nay còn đâu? Sau tám mươi năm chết mất, cùng các ông có khác gì?

Các ông chớ cuồng! Khuyên các ông không gì hơn Thôi Hết đi, Vô Sự đi. Tâm vừa khởi một niệm tức là quyền thuộc nhà ma, là kẻ tục phá giới.

Các ông thấy Đức Sơn ra đời, năm người mười người đồng nghĩ tụ họp nhau đến nạn vấn, mong ta đở lười không lời. Các ông thật là người giỏi giang, nay sao chẳng bước ra. Cây dùi dựng trong đây rách mà chẳng lộ đầu mới là cao thủ. Ta muốn hỏi các ông, người thật thì chớ lầm.

Nếu tu để cầu phước, cầu các nghiệp lành thì như trong kinh nói Phật tu vô số kiếp, tích công lũy đức nên khi sanh ra ngài có tám mươi vẻ đẹp, ba mươi hai tướng tốt.

Tướng tốt vẻ đẹp đó bây giờ tìm còn không? Tướng tốt tướng xấu rồi cũng hoại, nếu nghĩ rằng tu để được tướng tốt thì bây giờ kiếm không còn.

Ngài lặp tứ lặp lui câu *Thôi hết, Vô sự*. Nghĩa là trong lòng đừng chứa chấp buồn thương giận ghét, mọi vấn đề hơn thua phải quấy... đó là *thôi hết*. Đối với ngoại cảnh không bị quyến rũ khiến phải khởi niệm chạy theo, đó là *vô sự*. Tâm vừa khởi một niệm tức là quyến thuộc nhà ma, là kẻ tục phá giới.

Trong nhà thiền thường ví dụ thiền sư, thiền khách là cao thủ, giống như cây dùi dựng trong đay rách mà không ló đầu.

Nhân giả! Các ông chạy lăng xăng bên ngoài, nói ta hiểu thiền hiểu đạo; chỉ ngực chỉ sườn, khen ngợi, trịnh trọng... Những cái ấy cần phải mưa hết mới được vô sự.

Các ông chỉ cần ngoài không mắc thanh sắc, trong không hiểu biết năng sở. Vì thể không phạm thánh, lại học cái gì? Dù học được trăm ngàn diệu nghĩa, chỉ là con quỷ ăn ghẻ bấu, thấy đều là tinh my. Ta trong ấy rỗng thên, nói có chẳng phải có, nói không chẳng phải không, nói phạm chẳng phạm, nói thánh chẳng thánh, tất cả chỗ đặt để y chẳng được, mà làm thầy muôn pháp, cái ấy ta chẳng dám chê y.

Ngài dạy chúng ta buông sạch tận cùng, ngoài không mắc thanh sắc, trong không có niệm khởi phân biệt

năng sở hai bên. Tại sao? *Vì thể không phạm thánh, lại học cái gì?* Thể đó không có đối đãi, không đối đãi thì lấy gì học?

Chỉ có cái đó là trên hết, còn trăm ngàn điều nghĩa mình học được thì ngài cho rằng ăn ghẻ bấu của người. Tại sao? Vì đó là cái tích lũy trong bụng của họ, họ thốt ra cho mình nghe, tưởng là mình học hỏi chứng đắc. Không dè là ăn đàm dãi, ăn ghẻ bấu của người, không quan trọng. *Có một cái rộng thênh, nói có chẳng phải có, nói không chẳng phải không, nói phạm chẳng phạm, nói thánh chẳng thánh, tất cả chỗ để y chẳng được.* Y không để chỗ nào được mà y làm chủ muôn pháp, đó là cái không thể cho được.

Sở dĩ lão Hồ mưa ra bao nhiêu phương tiện đàm dãi dạy các ông vô sự đi, chớ nhằm bên ngoài tìm. Các ông lại chẳng nhận, muốn được gom góp những ngôn cú thù thắng, đồn trong hông trong ngực, nói lời khéo léo, lấy đầu lưỡi biện đến quần vãi, cốt mong cho người biết, nói ta là Thiền sư, mong có chỗ xuất đầu lộ diện. Nếu có kiến giải như thế là con quỷ ở xương trôn, có ngày sẽ vào địa ngục Bạt thiết. Đến đó rồi, tìm người nói ta là Thiền sư đi!

Ngài nói *Sở dĩ lão Hồ mưa ra bao nhiêu phương tiện đàm dãi*, lão Hồ là đức Phật, ngài nói bao nhiêu phương tiện ghi chép lại thành tam tạng giáo điển, đó chỉ là đàm dãi của ngài. Những lời đó cốt dạy chúng ta buông hết để trở thành vô sự, mình không buông

lại cứ chứa hết. Pháp Phật dạy trong kinh có kinh nào dạy chứa không? Phá ngã, phá pháp, tất cả chấp đều phá hết. Bao nhiêu kinh điển để phá chấp mà chúng ta không phá, lại dồn chứa kinh điển đầy hông ngực cho là thù thắng. Khoe biện tài để cốt được xuất đầu lộ diện cho mọi người biết. Người như thế ngài gọi là con quỷ ở xương trôn.

Kẻ khách trong nhà thiền vừa bị người hỏi đến việc bốn phận, miệng in cây cọc, liền trở lại nói với họ Bồ-đề Niết-bàn chân như giải thoát, dẫn rộng trong ba tạng, nói giáo là thiền là đạo, dối gạt người chung quanh, có gì là dĩnh đáng, chê bai tiên tổ của ta.

Bốn phận chính trong nhà thiền mà bị người hỏi tới là bí, dẫn đầu này đầu kia, nói quanh co mà rốt cuộc không ra gì. Đó là người không làm được bốn phận của mình, vì thế người học đạo chân thật không thể quên việc bốn phận. Mục đích người xuất gia bốn phận chính là cốt giác ngộ giải thoát. Ai cũng vậy, mục đích đó là cái gốc của mình, hỏi đến chỗ đó mà không biết, lại dẫn chứng kinh tạng dối gạt người. Rất đáng quả trách.

Chỗ thấy của lão Đức Sơn này chẳng phải thế. Trong ấy Phật cũng không pháp cũng không, Đạt-ma là ông già Hồ tanh hôi, Bồ-tát Thập địa là kẻ gánh phẫn, Đẳng giác Diệu giác là kẻ phạm phu phá giới, Bồ-đề Niết-bàn là cây cọc cột lửa, mười hai phân giáo là bộ sổ của quỷ thần là giấy lau ghế,

Tứ quả Tam hiền Sơ tâm Thập địa là quở giữ mô xưa, tự cứu được chăng? Phật là cục phân của ông già Hồ.

Tại sao ngài nói quá mạnh như vậy? Đây là chỗ mà chỉ có ở tù rồi mới thông cảm, thương người ở tù. Vì trước ngài nhiệt tình với kinh điển đi đâu cũng gánh theo. Nhiệt tình như vậy, tin tưởng trăm phần trăm như vậy, tưởng kinh điển có thể làm cho mình ngộ đạo. Khi ngộ được lý thiền, thấy được cái chân thật, mới biết kinh điển là việc bên ngoài. Như tôi muốn chỉ mọi người thấy bóng đèn, tôi đưa tay chỉ. Mọi người nường ngón tay để thấy bóng đèn hay cứ nhìn đầu ngón tay mà cho là bóng đèn? Người như thế là khôn hay không khôn? Cũng vậy, kinh điển không phải là giác ngộ giải thoát, nường kinh điển để thấy đường đi, để tiến tới giác ngộ giải thoát. Nếu cứ đem kinh điển ra tụng đọc hết bộ này sang bộ kia, có giải thoát không? Như người chấp ngón tay cho là mặt trăng có được không? Phải nói mạnh để thức tỉnh chỗ này.

Phật là giác, danh từ Phật mà chúng ta thường xưng tụng là đồ bỏ, cái giác mới là cái thật. Vì thế ngài nói *Phật là cục phân của ông già Hồ*, danh từ không phải là cái thật đừng kẹt chấp trên danh từ. Như nói *Bồ-đề, Niết-bàn, chân như, Phật tánh, Đẳng giác, Diệu giác...* nghe rườm rà, nghe đầy lỗ tai, thực sự không có gì thật. Ngài muốn chỉ cho chúng ta thấy tất cả danh từ đó là phương tiện giả danh, tạm dùng để biểu thị cái chân thật. Không chịu nhận cái chân thật, cứ bám vào phương tiện giả danh cho là cứu cánh thì không trách sao được?

Kinh Kim Cang, Phật ví dụ kinh điển như chiếc bè đưa người qua sông. Đến bờ rồi thì phải bỏ bè mới lên bờ được, nếu cứ bám vào chiếc bè hoài chừng nào lên bờ? Có người xuống thuyền hài lòng quá, ngang đây mình khỏe rồi, cứ ở dưới thuyền đó năm này qua năm khác, cho tới thuyền lủng chìm luôn. Người như vậy là muốn qua bờ hay muốn chết chìm? Cũng thế, người không biết kinh điển không biết tu thì chết chìm luôn là phải, mình biết kinh điển rồi cứ bám vào ôm bao nhiêu đó làm sự nghiệp, có chết chìm theo không? Phải nương kinh điển làm phương tiện để tiến qua bờ kia, không nên xem đó là cứu cánh.

Ngài nói dường như phỉ báng, *mười hai phần giáo là bộ số của quý thân, là giấy lau ghế*. Nếu không thấy được cái thật thì giáo lý trở thành vô nghĩa. Như có người vẽ bản đồ hướng dẫn đường đi vào một thành phố lớn là chỗ mình cần đến. Rồi mình cầm bản đồ học thuộc lòng, đọc thao thao bất tuyệt mà không chịu đi, thì người vẽ bản đồ có tức không? Có muốn lấy xé không? Người đó nói đồ này đồ bỏ, tôi vẽ để ông đi, không phải vẽ cho ông đọc.

Chính ngài Đức Sơn là người ở trong cuộc, bị kẹt trong giáo lý cho đến khi thấy đạo rồi mới giật mình. Nhìn lại bạn đồng tu đang kẹt nên ngài phải nói nặng nề để người ta thức tỉnh. Nếu không thì cứ hài lòng cho đó là cứu cánh, như một số người tu học được mấy thời khóa tụng cho là đủ tu rồi. Sáng tụng, chiều tụng, bốn phận xong, tu như vậy chừng nào thành Phật?

Nhân giả! Chớ lầm thân mặc áo ghẻ bấu, học việc gì? Ăn cơm no rồi nói chân như Niết-bàn, dưới da lại có máu chẳng? Cần phải có ý khí trượng phu mới được.

Các ông chớ mền thánh, thánh là danh từ rỗng. Đến tam giới mười phương thế gian, nếu có một hạt bụi, một pháp thật để cho các ông nhận lấy, sanh hiểu gìn giữ quý trọng, trợn rơi vào thiên ma ngoại đạo. Ấy là có học được, cũng là bọn tinh my dã hồ nương cở dựa cây.

Áo ghẻ bấu là áo xác thịt này, là thân vô tích sự có học được gì. *Ăn cơm no rồi nói chân như Niết-bàn*, nói hoài chỉ nói dỏc mà không thấy! *Dưới da lại có máu chẳng?* Trong khắp cơ thể chúng ta chích chỗ nào mà không có máu. Cái đó là tràm khắp hết mà mình không nhận, cứ nói danh từ chân như, Phật tánh... Cái chân thật hiện hữu thì không nhận, như vậy có đáng tiếc không? Ngài bảo chúng ta *phải có ý khí trượng phu*, phải là con người gan dạ, xông tới vượt qua, không phải chỉ là con người hài lòng trên ngôn ngữ văn tự.

Tất cả danh từ, dù thánh hay phàm... cho đến khắp tam giới trợn không có một pháp thật. Nếu chấp vào đó thì rơi vào *bọn tinh my dã hồ nương cở dựa cây* không có thật chất.

Các ông! Ta khoảng này không có một pháp cho các ông giải hội, tự mình cũng chẳng hội thiền. Ta cũng chẳng phải thiện tri thức, mọi việc đều không hiểu, chỉ biết đi ỉa đi đái, ăn cơm mặc áo, còn có việc gì?

Nói rằng *khoảng này không có một pháp cho các ông giải hội*, tức là cái đó không phải là pháp ngoài mình, tự mình phải nhận ra không ai cho được, ngài muốn chúng ta đừng nương tựa vào ngài nên nói *tự mình cũng chẳng hội thiền. Ta cũng chẳng phải là thiện tri thức*, nếu nói thiền đạo, nói tri thức cũng là danh từ, cái thật đó biểu hiện qua các oai nghi. Ngài nói: *Đi ỉa đi đái, ăn cơm mặc áo, còn có việc gì?* Như tôi thường nói mấy chú khi đi cầu chỉ đi cầu, khi ăn cơm chỉ ăn cơm, khi mặc áo chỉ mặc áo, khi đi tiểu chỉ đi tiểu... Có được vậy không, hay là ngồi trong cầu mà nghĩ đủ thứ chuyện? Lại có khi đứng trong chùa lại nghĩ chuyện ở đâu đâu, nghĩ tào lao tầm bậy. Không bao giờ chúng ta sống an ổn trong lòng, nó xao xuyến, lằng xằng lộn xộn, không trật tự, không có một chút làm chủ. Tu là gì? Tức là làm chủ tâm mình, khi làm cái gì biết cái đó, không thêm gì khác. Mấy chú thử ngồi năm phút bảy phút trong cầu thực là đi cầu thôi, không thêm cái gì, đó là tốt rồi. Đi tiểu, ăn cơm, mặc áo cũng như vậy. Đó là làm chủ được.

Lão Đức Sơn này khuyên các ông chỉ bằng giữ bốn phận đi, sớm thôi dứt đi, chớ học cuồng loạn, mỗi người gánh tử thi một cách linh hoạt đi.

Các lão trọc trong miệng ưa ăn đàm dãi của người, nói “Ta là người vào tam giới tu hạnh uẩn tích, nuôi lớn thai thánh, nguyện thành quả Phật”. Những bọn như thế, lão Đức Sơn này thấy như tên độc bắn vào tim, kim châm vào mắt, đã cô phụ tiên tổ, làm lụy tông của ta. Họ nói “Ta là kẻ xuất gia”,

như thế ăn tiêu của thí chủ mười phương, thực sự một giọt nước cũng chẳng tiêu dạng, còn chẳng dám đi trên đất quốc vương, cha mẹ không nuôi món ngon vật lạ, đâu phải là không việc. Chớ lầm dụng tâm, vua Diêm-la sẽ thăm hỏi người, sẽ xỏ mũi người trói vào cột trụ để đền lại nợ trước. Chớ bảo lão tăng chẳng nói.

Ngài dạy chúng ta phải giữ bốn phận là cái gốc của mình. Chúng ta sống mang thân này gọi là *gánh tử thi*, gánh một cách linh hoạt đừng để nghiệp lôi.

Bao nhiêu lời đó là nhiệt tình đáo để của ngài. Như tôi đã nói, nếu với tâm bình dị như mình thì ai làm gì mặc ai, không can dự gì tới mình. Nhưng với ngài thấy những người cho là học nhiều hiểu nhiều, gọi là *nuôi dưỡng thánh thai, thành Phật quả,... thấy như tên độc bắn vào tim, kim châm vào mắt* chịu không nổi, rất đau đớn khổ sở, không thể làm thính mà nhìn. Những người như vậy mà nói là xuất gia chẳng thể ăn tiêu của thí chủ mười phương, chính bản thân họ không nuôi cha mẹ, không tròn bốn phận với xã hội. Bây giờ thấy họ như không có việc gì, khi chết vua Diêm vương sẽ lôi xuống, trói vào cột đồng đền nợ trước, đừng tưởng vậy là sướng, là thông thả. Lúc đó chớ trách ngài *sao chẳng nói*. Vì thế tu mà không tìm đến nơi không thấy tới chốn thì dễ lầm lẫn, uống một đời.

Các ông thật là có phước gặp Đức Sơn ra đời, vì các ông cởi dây trói buộc, thoát khỏi lồng giam, gỡ khỏi lưng ngựa, được làm người tốt, tam giới lục đạo bắt ông chẳng được. Lại không có pháp khác.

Cái sáng rõ rỗng rang không ngại tự tại ấy, chẳng phải vật do các ông trang nghiêm được. Từ Phật đến Tổ đều truyền pháp này mà được xuất ly. Một Đại tạng kinh chỉ là chỉnh lý các ông hiện thời.

Ngài nói trắng giống như tổ Lâm Tế. Ngài muốn nhắc cho chúng ta có chỗ phấn khởi một chút, nên nói rằng gặp ngài ra đời *vì cỡi dây trói buộc thoát khỏi lồng giam*. Vì chúng ta cố chấp, chấp thế này chấp thế kia, ngài gỡ những cái chấp đó là cỡi dây trói buộc. *Thoát khỏi lồng giam*, lồng giam là lồng giam năm uẩn. *Gỡ khỏi lưng ngựa*, ngày xưa người ta trói những người bại trận trên lưng ngựa đem về. Ngài ra đời chỉ dạy cho chúng ta khỏi những cái khổ đó. Nhưng sự thật ngài nói *không có pháp khác, chỉ có cái sáng rõ rỗng rang không ngại tự tại ấy*, ngài không nói nó ở đâu, không nói ở tai nghe như ngài Lâm Tế. Nhưng khi chúng ta ngồi yên năm phút mười phút trong lúc tọa thiền hay là lúc bình thường, tâm không có một niệm nào dấy khởi, con mắt có sáng không? Lỗ tai có thính không? Nó sáng rõ không ngại. Vì dấy niệm là có ngại, lúc không có niệm thì cái đó là sáng rõ vô ngại thênh thang, ngay nơi đó. Chính cái đó không phải do làm mà được, nên nói *chẳng phải vật do trang nghiêm mà được. Từ Phật đến Tổ đều truyền cái ấy*, một Đại tạng kinh để chỉnh lý mình cho thấy cái đó, nếu không chịu nhận thì rất là uổng.

Các ông chớ nhằm chỗ khác tìm kiếm, cho đến Đạt-ma - tiểu tăng mắt xanh nước Hồ - đến xứ này cũng chỉ dạy các ông Vô sự đi, dạy các ông chớ

tạo tác, mặc áo ăn cơm, đi ỉa đi đái, lại không có sanh tử đáng sợ, cũng không Niết-bàn nên được, không Bồ-đề để chứng, chỉ là tầm thường một người Vô sự.

Nhất là, chớ khoanh tay làm thiền sư, tìm chỗ xuất đầu, dùng lời khéo léo lừa gạt kẻ hậu sanh, muốn được người gọi mình là Trưởng lão, trên phần của chính mình không chút dính dáng, vẫn là tâm thức lằng xằng ngày đêm tác quái chẳng dừng, tán thán trịnh trọng ta là tông đồ của Mã đại sư ở Giang Tây. Lão Đức Sơn này chẳng phải thế.

Chủ yếu của tổ Đạt-ma từ Tây sang là chỉ cho chúng ta làm *người vô sự*. Như lời của Tổ trong Thiếu Thất Lục Môn nói *Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh* không phải vô sự là gì. Đây ngài nhắc lại, trong cuộc sống hiện tại khi ăn cơm, khi đi đại đi tiểu... những lúc đó cũng vẫn là vô sự. Làm gì thì cứ làm mà tâm không có một niệm, đó là tầm thường vô sự, không cần nói Niết-bàn Bồ-đề... Niết-bàn, Bồ-đề... là một lối nói, chỉ là văn tự không phải là cái thật.

Tổ ra ta là thiền sư để tìm chỗ xuất đầu, tức là để cho mọi người biết đến quý trọng, thỉnh làm trụ trì chỗ này giáo hóa chỗ nọ. Như vậy là *khéo léo lừa gạt kẻ hậu sanh*, muốn được người tôn mình làm trưởng lão. *Trên phần của chính mình không chút dính dáng*, trong tâm thì còn lằng xằng lộn xộn. *Vẫn là tâm thức lằng xằng ngày đêm tác quái chẳng dừng*, chúng ta có khi nào không bị nó tác quái không? Nếu còn tác quái thì

xứng đáng là thiền sư chưa? Như vậy để thấy rằng chuyện này không phải là chuyện thường, không phải là chuyện dễ.

Này hết thầy các ông! Ta thấy Hòa thượng Thạch Đầu ông già không biết tốt xấu, sở dĩ mắng các đồ đệ: “Các người chớ mắc nơi thanh sắc, danh ngôn cú nghĩa, cảnh trí cơ quan, đạo lý thiện ác, phàm thánh, thủ xả, phan duyên, nhiễm tịnh, minh ám, hữu vô, trong các cái đáng nghĩ, được thế mới phải là người Vô sự. Phật cũng chẳng bằng người, Tổ cũng chẳng bằng người.”

Ngài dẫn lời của ngài Thạch Đầu để làm chứng. Ngài Thạch Đầu dạy chúng ta chớ mắc kẹt nơi thanh sắc, tất cả những gì đối đãi, những gì đáng ghi nhớ đừng kẹt đừng dính, như vậy mới là người vô sự. Được là người Vô sự rồi thì *Phật cũng chẳng bằng người, Tổ cũng chẳng bằng người*. Bởi vì được là người Vô sự rồi thì danh từ Phật tổ đối với mình đã vô nghĩa. Chỉ có cái đó mới là cái thật.

Nhân giả! Chớ chạy mòn gót chân các ông, không có thiền đạo nào khác có thể học. Nếu có học được, tức là hai đầu ba cổ, là kiến giải của ngoại đạo. Cũng không có thần thông biến hóa thật. Nếu ông nói thần thông là thánh thì chư thiên, long thần, tiên, ngoại đạo được ngũ thần thông và tu-la cũng có thần thông lý ứng là Phật sao?

Ở trên đỉnh núi một mình, ngày ăn một bữa, ngồi mãi chẳng nằm, sáu thời lễ tụng, vẫn còn

hồ nghi sanh tử. Lão Hồ (Phật) có nói: “Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt.” Nếu nói nhập định ngưng thần tịnh lự mà được, bọn Ni-kiền Tử... các thầy ngoại đạo cũng nhập được đại định tám muôn kiếp, đâu chẳng phải là Phật ư? Phải biết rõ tà kiến tinh my.

Ngài dạy chúng ta đừng chấp những hình thức huyền bí linh nghiệm, đừng ham thích thần thông biến hóa. Nếu thần thông biến hóa là Phật thì các vị thần tiên, ngoại đạo kể cả a-tu-la có thần thông cũng là Phật sao? Nếu cho thần thông là quan trọng thì không đúng.

Ngài quả lối chấp nhập định lâu, nếu nói nhập định được lâu là Phật, thì phái Ni-kiền Tử, các ngoại đạo... nhập định cũng thật lâu, như vậy họ cũng là Phật. Không nên lấy hình tướng bên ngoài cho là Phật. Cần thiết là phải thấy được cái chân thật chính mình, còn chạy theo bên ngoài tìm cầu thì tất cả đều sai, dầu cho ngồi thiền nhập định, đó chỉ là phương tiện để mình làm chủ, không phải là cái thật.

Nhân giả! Lão Hồ chẳng phải Thánh. Phật là cục cứt của lão Hồ. Cần thiết nhân giả biện rành tốt xấu, chớ mắc nhân ngã thì khỏi bị chư thánh cột, Bồ-đề cột, giải thoát, thù thắng, danh ngôn diệu nghĩa nhận chìm, trói buộc. Vì cớ sao? Vì một niệm vọng tâm chẳng sạch tức là sanh tử tiếp nối.

Nhân giả! Thời giờ chẳng đợi người, chớ để trôi qua thảng ngày, thời gian đáng tiếc. Lão tăng chẳng mong các ông làm kẻ tớ gánh vác ruộng nhà.

Nếu các ông chấp nhận thì tin lấy, nếu chẳng chấp nhận thì mỗi người có một cái bát mang lên vai mà đi. Lão tăng cũng chẳng cần các ông.

Các lão tặc ở mọi nơi, một người chiếm cứ một xứ, nói thiền nói đạo, các ông mau đi học lấy chép lấy. Ta trong đây không có một pháp cho các ông.

Chúng ta cứ tưởng rằng Phật là trên hết, sự thật Phật chỉ là danh tự, danh tự đó là cái đồ bỏ của Phật không phải là cái thật. Bây giờ có những lối học rất là tội nghiệp, như giải thích danh từ Phật: đây là phiên âm tiếng Phạn của Buddha, Bud là gì? Dha là gì? Giải nghĩa, cổ âm... Cứ mắc kẹt ở danh từ, không biết Phật thật là gì. Càng học lại càng xa chân lý. Vì vậy ngài quở, nói đó là đồ bỏ, không đáng gì. Nếu còn mắc kẹt trên ngôn ngữ thì còn bị nhân ngã trói buộc. Những danh từ nào là *Bồ-đề*, *giải thoát*, *thù thắng*... đều là những cái trói buộc.

Vì một niệm vọng tâm chẳng sạch tức là sanh tử tiếp nối, chỉ lo chạy theo danh từ, khởi niệm tìm cầu thù thắng, vọng tâm không dứt nên sanh tử tiếp nối.

Ngài thiết tha khuyên chúng ta: Thời gian không đợi mình, cứ mỗi ngày qua mỗi ngày qua, hết ngày rồi đến già chết. Nếu để mất thời giờ vô ích như vậy thì rốt cuộc một đời rỗng không, có nghĩa lý gì! Ngài không muốn để chư tăng ở với ngài như kẻ tôi tớ sẵn sóc ruộng vườn. Mỗi người có một cái bát, nếu tin được thì ở tu, tin không được thì mang bát đi nơi khác.

Thiền viện chúng ta cũng vậy, ai tới để tìm thấy ứng dụng tu thì ở, nếu ai tới không bằng lòng mà để trôi hết thời giờ thì nên đi tốt hơn. Không phải cần nuôi người cho nhiều để tạo được nhiều ruộng vườn, đó là lợi dưỡng bên ngoài. Chủ yếu là làm sao mọi người thấy nơi mình có cái chân thật rồi ứng dụng tu, nên mọi phương tiện ở đây áp dụng cho mấy chú bót tiếp khách, để sống được với cái thật của mình. Ở trong thiền viện đi tới đi lui cả buổi mà không ai nói chuyện với mình thì mới tập làm chủ được. Nếu mình ra khỏi nhà, khỏi chùa thì tới đâu cũng phải xã giao nói đủ chuyện. Tâm mình chạy nhảy chuyen càn như khỉ vượn, làm sao yên? Như ở đây ba tháng mà đi chừng mười bữa về thì tâm xáo trộn, rồi ở ba tháng đi mười bữa, xáo trộn, rất uống công. Chúng ta phải uẩn tích cho thật mạnh, trí tuệ vững, cái gì đến mình không bị lay chuyển, chừng đó thì đi đâu không sao. Nếu mình chưa vững mà đi ra rồi tùy tục, tùy tục thì mất mình. Vì thế ở thiền viện hạn chế tiếp khách, hạn chế đi lại, mục đích làm sao cho tăng ni có thì giờ tập sống làm chủ từng phút từng giây. Như vậy khả dĩ mới tiến bộ, còn ở đây mà vẫn muốn đi nơi này nơi kia chơi cho thanh thoi sung sướng, đó là niệm tu hành yếu đuối, không thật.

Nhân giả! Hởi lấy học lấy để làm tri giải, lão tăng không thể vào địa ngục Bạt thiết. Nếu có một hạt bụi, một pháp chỉ dạy cho người, nói rằng có Phật có pháp, có tam giới để ra, đều là dã hồ tinh my.

Địa ngục Bạt thiết là địa ngục cắt lưỡi. Tại sao đọa địa ngục đó? Vì nói dối, nếu học hỏi để làm tri giải thì ngài không thể dối gạt mà dạy cho kiến thức tri giải, vì như thế phải đọa địa ngục Bạt thiết.

Nói có Phật pháp ngoài mình để cầu, để chỉ thì đó là dã hồ, tinh my, mỗi người phải tự thấy tự nhận ra cái thật của chính mình.

Chư nhân giả! Muốn biết được chăng? Chỉ là cái rỗng không, còn không có một mảy bụi có thể được, nơi nơi thanh tịnh, sáng rõ rỗng suốt, trong ngoài đều sáng suốt, vô sự vô y, không chỗ nương gá thì có việc gì? Lão tăng từ sanh đến tử chỉ là lão Tỳ-kheo, tuy sanh trong tam giới mà không cấu nhiễm, còn muốn được ra khỏi chỗ nào? Dù có chỗ đi, cũng là lòng bầy, ma sẽ có cơ hội thuận tiện.

Cái rỗng rang sáng suốt thanh tịnh không có một mảy bụi, cái đó là vô sự, vô y. Chính cái đó không có việc gì, không có chỗ để gá nương. Ai cũng sẵn có cái đó, chỉ cần vô sự. Chúng ta nếu muôn việc buông đi là vô sự, nếu đa mang nhiều quá thì không vô sự được. Sẽ có nhiều chú nói tôi làm tri khố buông đâu được, sáng trưa phải lo thức ăn cho chúng... Giờ nào lo thì lo chừng mười lăm phút rồi buông, ai bắt lo cả ngày? Nhiều cái không đáng lo mà cứ lo. Như mình đang ở trong liêu mà nghe ai nói chuyện trên chùa, chuyện không dính gì với mình mà cũng lắng nghe, lắng nghe rồi phê bình, như vậy có phải là can thiệp vào chuyện của người không? Chừng nào kêu tên mình hãy nói, còn chuyện đâu đâu cũng xúm lại thị phi rồi sanh sự.

Ở đây giờ tu thì tu, giờ học thì học, giờ ăn thì ăn, không lo sợ thiếu thốn, cứ thế mà tu, rất khỏe. Chỉ cần khéo một chút, chuyện của mình cố gắng làm cho tròn, chuyện không phải của mình thì bỏ qua. Đó là người vô sự.

Chỗ đến của ngài, *sanh trong tam giới mà không cấu nhiễm*. Đã không cấu nhiễm thì muốn ra khỏi không? Mong ra khỏi tam giới vì bị cột trói, nếu không bị cột trói thì mong ra khỏi làm gì? Cái gì cột chúng ta? Danh vọng, tiền tài, sắc đẹp... Ai cột? Chỉ ta tự dính thôi, chứ chẳng ai cột. Chính mình cột rồi kêu trời, nói tại trong tam giới ràng buộc quá, phải ra khỏi nó mới giải thoát.

Chỗ này rất hợp với câu của ngài Đạo Tín hỏi Tam Tổ, *con muốn cầu giải thoát, nhờ Hòa thượng chỉ phương pháp giải thoát*. Tổ hỏi, *ai trói buộc người?* Đạo Tín thưa, *không ai trói buộc*. Tổ bảo, *không trói buộc cầu giải thoát làm gì?* Mình bị trói mới kêu người mở, không bị trói mà kêu mở làm gì? Nếu ở trong tam giới mà không nhiễm thì tự nó là giải thoát, đâu cần cầu giải thoát chi nữa. Giải thoát không ở ngoài mình, chúng ta cứ kêu nài cầu cứu cái gì ở ngoài đem lại cho mình, không ngờ chính mình là chủ nhân mở trói. Ta tự cột không chịu mở, lại đi nhờ người mở, mở mỗi này cột mỗi khác, ai mở cho nổi. Người bên ngoài chỉ giúp mình một phần nhỏ, chủ là mình tự giải quyết, không ai thay thế được. Khi chết có ai thế cho mình hết nghiệp được không? Hiểu như vậy mới thấy giá trị của việc tu.

Nhân giả! Chớ dụng thân tâm, vì không thể được, chỉ cần trong tất cả thời chớ kẹt nơi thanh sắc,

cốt phải những hành lý từ trước một lúc ném hết, chóng thoát xiềng xích, hàng lìa cái (ngũ cái) triền (thập triền). Một niệm không sanh thì mé trước mé sau dứt, không nghĩ không nhớ, không một pháp hợp tình.

Ngài dạy chúng ta, đầu tiên là đừng kẹt thanh sắc, kể đó thì những hành vi từ trước một lúc ném hết. Hành vi từ trước là gì? Bao nhiêu buồn thương giận ghét, hiểu biết lăng xăng, những tích lũy từ bao nhiêu năm ném sạch đi. Như vậy mới thoát được xiềng xích, lìa được ngũ cái thập triền. Nếu *một niệm không sanh thì mé trước mé sau đều dứt*, không khởi niệm thì có niệm trước, niệm sau không? *Không nghĩ không nhớ, không có một pháp hợp tình*, tức là không có pháp thích ứng để mình đuổi theo.

Nhân giả! Làm sao cấm mổ xuống, các ông nhiều tri giải, đã từng biết mặt mày y chẳng? Kể xuất gia, cho đến bậc Bồ-tát Thập địa mãn tâm tìm dấu vết của y cũng chẳng được. Do đó, chư thiên hoan hỷ, địa thần đỡ chân, mười phương chư Phật khen ngợi, ma vương khóc lóc. Vì cớ sao? Bởi cái rỗng không này hoạt bát rạng ngời, không cội gốc, không chỗ nơi. Nếu người đến được trong ấy, con mắt đứng chớp đều không liên hệ.

Nếu chúng ta còn mang nhiều tri giải thì cấm mổ xuống không nói được, không thể nào biết mặt y. Đó là chỗ hàng Bồ-tát Thập địa mãn tâm cũng không thấy dấu vết, người biết được cái đó rồi thì *chư thiên hoan hỷ, địa thần đỡ chân, mười phương chư Phật đều*

khen ngợi, ma vương liền khóc lóc. Thế nào là ma vương khóc? Như trong chúng ta có một người bình thường hay nói chuyện vui vẻ với huynh đệ, đến một lúc họ tỉnh họ sống được với cái đó, họ lơ là không nói gì với ai, những người trước kia thân thiết với họ có buồn không? Buồn! Bạn tu thì buồn còn ma vương thì khóc. Có mấy con ma mang lột người, nó thấy người đó dễ thương muốn tới nói chuyện dụ dỗ mà người đó không ngó ngang gì tới, con ma thất bại nên khóc. Người tu phải đến chỗ đó mới là chỗ chân thật vững chắc.

Bởi vì cái rỗng không này nó hoạt bát rạng ngời không cội gốc, không chỗ nơi. Cái chân thật này hoạt bát hằng thấy hằng nghe, chẳng phải ù lý không biết gì. Ở mắt thì sáng ngời, ở tai thì rất thính, ở đâu cũng linh hoạt. Khi tâm chúng ta thanh thản rỗng thênh lúc đó các cơ quan rất sáng. Chính cái sáng hoạt bát rạng ngời không chỗ nơi là vô y, vô sự. Người đến được trong ấy thì con mắt dầu đứng lặng hay chớp nháy cũng đều trúng.

Nhân giả! Chớ câu Phật, Phật là kẻ giặc đại sát nhân lừa bao nhiêu người rơi vào hầm ma dâm. Chớ câu Văn-thù Phổ Hiền, là kẻ tổ ruộng nhà. Đáng tiếc, là bậc trượng phu đường đường mà uống thuốc độc của người. Bèn toan làm Thiền sư, trước mặt thấy thần thấy quỷ, về sau cuồng loạn chạy sang nhà bên tìm Sư bà đập ngói bói cho. Bị các lão trọc vô tri xử quả bảo lễ quý Tổ sư, quý Phật, quý Bồ-đề Niết-bàn. Kẻ dâm nữ ấy chẳng hội, liền hỏi “Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang?” Lão trọc kia liền đánh giường thiền làm cảnh, hoặc dựng phát tử,

bảo “trời trong tốt, mưa tốt, lòng đèn tốt”, lời lẽ khéo léo gượng làm tiết mục, có huyền lộ, điều đạo, xòe tay. Nếu nhận những lời nói như thế, khác nào đem bát báu đựng đồ dơ, như đem phấn làm hương chiên-đàn.

Ngài nói tới nói lui để quở trách, chúng ta có một cái sáng rõ thanh tịnh như vậy mà cứ chạy đi cầu Phật cầu Bồ-tát. Phật là kẻ giặc đại sát nhân, vì càng cầu càng mất, cầu Phật là mất mình. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: Cúng dường một trăm người không giữ giới chẳng bằng cúng dường một người giữ giới, cúng dường một ngàn người giữ giới không bằng cúng dường một vị Tỳ-kheo, cúng dường trăm ngàn vị Tỳ-kheo không bằng cúng dường một vị chứng A-la-hán... cho đến cúng dường trăm ngàn đức Phật không bằng cúng dường một đạo nhân vô tu vô chứng. Đạo nhân vô tu vô chứng là người sáng rõ hiện tiền, Phật còn thua người này. Chỉ người đó là hơn hết, chúng ta quên người đó lại chạy đi cầu Phật, giết người này đi tìm Phật, nên nói *Phật là kẻ đại sát nhân*. Cho đến *Văn-thù Phổ Hiền là kẻ tở của* người này, không nhận ra mà nổi loạn phát cuồng đi bói, bị lừa gạt chỉ dạy cầu người này, cầu cái kia, thờ chỗ nọ, bày biện đủ thứ chuyện... Ngay nơi mình đã có cái trong sạch sáng ngời mà không sống, không giữ được, đi tìm những cái khác *giống như đem bát báu mà đựng đồ dơ*. Chúng ta đã có cái sáng suốt thanh tịnh, không chịu nhận mà đi tìm những danh từ Phật, danh từ Bồ-tát... để đồn vơ. Như vậy cái thanh tịnh mà đồn cái này cái kia vô làm lộn xộn, đó là bát báu mà đựng đồ dơ, đem phấn trâu làm chiên-đàn.

Nhân giả! Kia đã là trượng phu, ta cũng vậy, khiếp nhược với ai mà trọn ngày đến các lão trọc mọi nơi nhận lấy đàm dãi của họ, trọn không biết hổ thẹn. Khổ thay! Khổ thay! Làm cuồng loạn người, nhân quả rõ ràng sẽ làm thân trâu kéo cày mang bừa.

Hoặc kẻ trông mắt chột hiện, khí lực chẳng thêm, dùng gậy to đập xương sống ông, ăn cướp áo cơm của Phật, nói “Ta tu hành xong”.

Đức Phật đã nhận được như thế nên gọi ngài là Phật, chúng ta cũng có cái đó tại sao không nhận lại chạy đi cầu ngài? Phật là trượng phu mình cũng là trượng phu, vậy có gì thua mà khiếp nhược?

Ngài quở những người *trông mắt chột hiện*, tức là mới sáng một chút lóe một chút, hiểu được một chút, *khí lực chẳng thêm*, tức là đạo đức tu hành chưa tăng, lại dùng cách này cách kia để tỏ mình là thiền sư, nói *Ta tu hành xong*. Đó là lừa gạt chúng sanh. Gần đây có những gã học đạo tu hành có thấy được chút chút gì đó rồi tự mãn tự khoe, ăn thịt uống rượu, cho ta là xong việc, đó là *cướp áo cơm tín thí*.

Sư dạy chúng:

- Có khi cười đầu cọp nắm đuôi cọp, câu thứ nhất rõ tông chỉ, khi không nói thấy bày cơ phong, như đồng điện chớp.

Ngài nói có khi cười đầu cọp, cũng có khi nắm đuôi cọp, câu thứ nhất thông tông chỉ, như trong tam cú

của Lâm Tế. Câu thứ nhất là thể, nên nói: Trong đệ nhất cú tiến được kham cùng Phật tổ làm thầy, câu thứ hai thì cùng thiên nhân làm thầy.

Sư có bệnh, Tăng hỏi:

- Lại có cái chẳng bệnh chăng?

Sư đáp:

- Có.

Tăng hỏi:

- Thế nào là cái chẳng bệnh?

Sư bảo:

- Ôi da! Ôi da!

Sư lại bảo chúng:

- Chụp không tìm tiếng luống nhọc tâm thần các người; mộng tỉnh, tỉnh rồi trọn không có việc gì.

Nói xong, Sư ngồi yên mà tịch. Nhằm đời Đường niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu (865), ngày mừng ba tháng chạp năm Ất Dậu. Sư thọ 86 tuổi. Vua sắc thụy Kiến Tánh đại sư.

Cái biết rên đó là bệnh hay không bệnh? Chúng ta tu, giả sử lát nữa chết, thấy rõ thân lạnh từ dưới chân lạnh lần lên. Nếu thấy rõ cái chết thì mình khỏi chết. Thấy biết rõ tức là không theo cái chết, như vậy mới sống được với cái thật. Cái chẳng bệnh là cái biết đau, cái đó không bệnh. Bệnh là thân bệnh, chỗ này hư chỗ kia hoại, cái biết hư hoại đó không bệnh. Vì vậy khi Tăng hỏi cái gì chẳng bệnh, ngài nói *Ôi da! Ôi da!*

Chụp không tìm tiếng, muôn sự vật ở thế gian này đều là duyên hợp, không có thật. Chúng ta đuổi theo nó chẳng khác nào chụp bắt hư không. Âm thanh cũng thế, có thật đâu mà cứ đuổi theo nó khiến nhọc tâm thần. *Mộng tỉnh*, khi tỉnh mộng rồi thì *trọn không có việc gì*. Trong bài *Mộng* câu chót tôi nói *Biết được mộng, tỉnh cơn mộng*, ngang đây tỉnh rồi trọn không có việc gì.

Việc tu của chúng ta là phải biết rõ nơi mình có cái thật, những cái giả chúng ta đang mê đều như mộng, đuổi theo làm chi vô ích. Gìn giữ tứ đại, mê thanh sắc đều là đuổi theo mộng. Tứ đại, thanh sắc hiện tại thấy có rồi ngày sau đâu còn, không phải mộng là gì? Ngay nơi đó biết là mộng thì cái biết mộng không phải mộng.

Về cuộc đời của ngài Đức Sơn, nếu chúng ta không hiểu rõ thì dễ sanh chấp, rất có hại. Ngài Đức Sơn có những điểm:

Thứ nhất là nhiệt tình. Đối với đạo muốn tiến đến chỗ cứu cánh mà thiếu nhiệt tình cũng khó tiến, muốn lợi ích cho nhiều người mà thiếu nhiệt tình cũng khó làm được. Nhiệt tình là then chốt đưa chúng ta tới cứu cánh. Ngài Đức Sơn là một con người nhiệt tình, buổi đầu xông pha đi ruồng đuổi đám ma thiền, khi ngộ thiền rồi thì dám đem kinh đốt hết. Như vậy để thấy ngài hết sức gan dạ dứt khoát.

Thứ hai, ngài nói chỗ đã làm đã sống được, không phải nói để khoe ngôn ngữ khoe kiến giải. Bởi ngài đã sống được nên muốn dẹp hết cố chấp sai lầm của người tu. Ngài không dùng những lời văn vẻ, mà nói những lời

thô nặng để mọi người thấy chỗ sai lầm dở yếu của mình. Thấy rồi thức tỉnh, sửa đổi để nhanh chóng thấy đạo. Ngài Đức Sơn vừa nhiệt tình vừa sống được với đạo, ngài nói như vậy làm như vậy không có lỗi. Nếu chúng ta nhiệt tình không có, đạo thì chưa sống được mà nói theo, bắt buộc làm theo thì sao? Cửa địa ngục mở ra mời chúng ta.

LỜI DỊCH GIẢ

Chúng tôi cố tránh né không dám lạm bàn những ngôn ngữ và hành động của chư thiền đức. Bởi lẽ không muốn độc giả nhai lại những bã xác mĩa khô, để mỗi độc giả tự thưởng thức vị cam lồ của chính mình phát minh.

Nhưng, qua ngôn ngữ của ngài Đức Sơn, nếu chúng tôi không bàn e có nhiều độc giả hiểu lệch lạc, khiến bản nguyện của chúng tôi không đạt được, mà có thể trái lại là khác. Do đó, chúng tôi có ít lời bình như sau:

Đức Sơn là một ngôi sao sáng trong thiền môn vào thời Đường mạt. Những thiền sinh đến tham vấn đa số được ngài cho ăn gậy. Mỗi khi thượng đường dạy chúng, ngài thường dùng những ngôn ngữ táo bạo, mà người ta gọi là “măng Phật mạ Tổ”.

Vì sao Đức Sơn có hành động ngôn ngữ ấy? Bởi lẽ ngài quá NHIỆT TÌNH, nói theo danh từ nhà thiền là có “tâm lão bà”. Khi ngài cất gánh kinh lên vai sang phương Nam, không vì tìm hiểu thiền, mà cốt “tiêu diệt chúng ma quái (thiền tông) để báo ơn Phật”. Tâm niệm ấy, đã nói lên ngài là sứ giả của Luật, Giáo. Luật, Giáo là lý tưởng tối thượng đời ngài phải phụng thờ. Như vậy,

ngài sang phương Nam với nhiệt tình hộ pháp “tôi tà phụ chánh” (đẹp tà giúp chánh).

Sau khi gặp Long Đàm, lý tưởng tối thượng của ngài tôn thờ đã trở thành hình ảnh chết, là căn bã của người xưa. Chí nguyện “tôi tà phụ chánh” của ngài đã tan biến như mây khói, hay ngược lại chính ngài tự thấy mình là người “phụ tà tôi chánh” (giúp tà đẹp chánh). Đột biến bất thần ấy, khiến ngài mang gánh kinh ra trước pháp đường thiêu sạch.

Có ngôi nhà giam mới biết thương những người bị giam, đó là nhiệt tình của Đức Sơn qua giai đoạn hai.

Thiền, Đạo là cái linh minh hiện hữu nơi mình. Song vừa khởi tâm tìm nó liền mất, mong thấy nó đã chẳng hiện. Nó không phải những văn tự khô cằn, cũng không phải ngôn ngữ sanh diệt. Bám vào văn tự, vào ngôn ngữ để cầu thiền cầu đạo thật là đại sai lầm. Bỏ mình đi cầu thiền cầu đạo nơi người, thật là việc “cưỡi trâu tìm trâu”, “Bính Đình cầu hỏa”.

Nhưng, nhà giam văn tự ngôn ngữ, dây xiềng câu cạnh bên ngoài đã và đang giam giữ xiềng xích bao nhiêu người có thiện chí học đạo. Do đó, với nhiệt tình của Đức Sơn phải đập tan nó bằng gậy, mặt sát chúng bằng lời, hầu mong cởi trói cho mọi người. Đúng như lời bình của Vân Môn sau này “chỉ có Đức Sơn mới hay khen ngợi Phật, Tổ”.

Phật, Tổ cố lập mọi phương tiện để phá chấp cho chúng ta. Chúng ta không mượn phương tiện ấy để gột sạch vọng chấp của mình, trái lại bám lấy phương tiện

cho là cứu cánh, thật là tự lấy dây trói mình. Khi đã bị trói rồi, chạy cầu người khác mở trói. Đó là từ sai lầm này sang sai lầm khác, cả đời lẫn quẩn làm sao thoát được!

Ai đã có “tâm lão bà” trông thấy thế mà chẳng thương? Huống nữa Đức Sơn là một nạn nhân vừa thoát nạn, trông thấy bạn đồng hành của mình đang bị bao vây, làm sao không có những cái đánh tóa lửa, những lời mắng hét tai, lấy làm phương tiện cứu cấp.

Cho nên đọc Đức Sơn, chúng ta đừng khó chịu bởi ngôn ngữ và hành động của ngài, vì biết đó là phương tiện cấp bách, cũng đừng bắt chước ngôn ngữ ấy để phỉ báng Tam bảo mà phải đọa địa ngục. Chúng ta cần phải học nhiệt tình của Đức Sơn, và cốt nhận ra chỗ chí yếu mà ngài muốn chỉ dạy.



ĐỜI THỨ SÁU SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ HAI

có hai mươi sáu vị

- 1- Thiên sư Tào Sơn Bản Tịch**
- 2- Thiên sư Vân Cư Đạo Ứng...**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ HAI

có hai mươi hai vị

- 1- Thiên sư Hưng Hóa Tôn Tương**
- 2- Thiên sư Tam Thánh Huệ Nhiên**
- 3- Thiên sư Đại Giác...**

III- TÔNG QUY NGŨƠNG ĐỜI THỨ BA

có mười vị

- 1- Thiên sư Vô Trước Văn Hỷ**
- 2- Ngũỡng Sơn Nam Tháp Quang Dũng...**

IV- NỐI PHÁP ĐỨC SƠN

có chín vị

- 1- Thiên sư Nham Đầu Toàn Khoát**
- 2- Thiên sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn...**



THIÊN SƯ TÀO SƠN BỔN TỊCH

(840 - 901)

Tổ thứ hai Tông Tào Động

Sư họ Huỳnh hiệu Bổn Tịch, quê ở Bồ Điền, Tuyên Châu (nay là huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến). Lúc nhỏ Sư chuyên học Nho. Năm mười chín tuổi, Sư lên núi Linh Thạch ở huyện Phước Đường xuất gia, đến hai mươi lăm tuổi thọ giới Cụ túc. Khoảng niên hiệu Hàm Thông (860-874), Sư đi tham vấn thiên tông. Trước, Sư đến Động Sơn (nay là huyện Cao An, tỉnh Giang Tây) tham vấn thiên sư Lương Giới.

Động Sơn hỏi:

- Xà-lê tên gì?

Sư thưa:

- Bổn Tịch.

Động Sơn bảo:

- Lại nói lên trên.

Sư thưa:

- Chẳng nói.

Động Sơn hỏi:

- Vì sao chẳng nói?

Sư thưa:

- Chẳng tên Bốn Tịch.

Động Sơn gật đầu. Từ đây, Sư thuộc vào hàng nhập thất.

Khi ngài đến tham vấn Động Sơn, Động Sơn hỏi tên gì, ngài nói tên *Bốn Tịch*. Động Sơn bảo *nói lên trên*. Nói lên trên không phải là không có lý, nhưng cái trên đó nói được không? Cho nên ngài nói *chẳng nói*. Hỏi *vì sao chẳng nói*? Đáp *chẳng tên Bốn Tịch*, bởi cái đó không tên làm sao nói được, nói thì không phải tên Bốn Tịch. *Động Sơn gật đầu*, từ đó ngài được xếp vào hàng nhập thất, hàng đệ tử được ấn chứng.

Sư theo hầu Động Sơn mấy năm. Một hôm Sư đến từ tạ đi nơi khác. Động Sơn mật truyền tông chỉ, lại hỏi:

- Người đi đến chỗ nào?

Sư thưa:

- Đến chỗ không biến dị.

Động Sơn bảo:

- Chỗ không biến dị lại có đến sao?

Sư thưa:**- Đến cũng chẳng biến dị.**

Biến dị là đổi dời. Động Sơn hỏi ngài đi đến đâu, trả lời *đến chỗ không đổi dời*. Chỗ không đổi dời thì không nơi chốn đến đi, nếu có đến là không đúng, nên ngài Động Sơn bẻ lại *Chỗ không biến dị lại có đến sao?* Ngài nói *Đến cũng chẳng biến dị*. Câu trả lời rất khéo, nói lên cái thấy của ngài.

Sư đi đến Tào Khê lễ tháp Tổ, trở về Cát Thủy. Chúng nghe danh Sư tìm đến thỉnh khai pháp. Vì ngưỡng mộ Lục Tổ, Sư đặt tên núi là Tào Sơn. Thời gian sau bị giặc loạn, Sư dời về huyện Nghi Huỳnh. Có người cư sĩ cúng sở nhà Hà Vương cho Sư trụ trì. Sư đổi tên Hà Vương (何王) ra Hà Ngọc (荷玉). Nơi đây giáo hóa hưng thịnh, học giả các nơi đua nhau kéo đến. Tông chỉ Động Sơn được rực rỡ.

Ngài ở hai nơi, đạo tràng đều rất thanh. Ngưỡng mộ Lục Tổ nên ngài đặt tên núi là Tào Sơn, chữ Tào trong Tào Khê. Đổi tên trú xứ chỉ họ người là Hà Vương ra Hà Ngọc, nghĩa là hoa sen ngọc. Chữ Hà (荷) này còn có nghĩa là đảm đương, gánh vác.

Sư dạy chúng:

- Tình phạm kiến thánh là khóa kín đường huyền, hẩn phải hồi hỷ. Người lấy chánh mạng thực phải đủ ba thứ đạo: Một là phi mao đối giác. Hai là bất đoạn thanh sắc. Ba là bất thọ thực.

Khi ấy, Trù Bố Nạp hỏi:

- Phi mao đới giác là cái gì đạo?

Sư đáp:

- Là loại đạo (bản xưa chép Sa-môn đạo).

- Bất đoạn thanh sắc là cái gì đạo?

- Là tùy đạo (bản xưa chép Tùy loại đạo).

- Bất thọ thực là cái gì đạo?

- Là tôn quý đạo.

Mở đầu ngài nói *nếu còn tình phàm kiến giải thánh*, đó là *khóa kín đường huyền*, không thể nhập được đường huyền, *nên phải hồi hồi*, đừng mắc kẹt bên phàm bên thánh.

Cũng ý này, người tu muốn *chánh mạng thực phải đủ ba thứ đạo*: Một là *phi mao đới giác*. Hai là *bất đoạn thanh sắc*. Ba là *bất thọ thực*. Hỏi thế nào là *phi mao đới giác đạo*, ngài đáp là *loại đạo*, loại là dị loại, đạo là rơi, rơi trong dị loại. Chúng ta luân hồi trong lục đạo gọi là dị loại, tức là mỗi nơi mỗi loài khác nhau, loài người không phải a-tu-la, a-tu-la thì không phải chư thiên, chư thiên thì không phải ngạ quỷ, ngạ quỷ thì không phải súc sanh...

Tất cả người tu đều muốn thoát khỏi luân hồi, ra khỏi lục đạo. Nhưng đây ngài nói phải đi trong lục đạo. Bậc đại căn đại trí thì đi trong đường đó, mang lòng *đội sừng* là việc trong dị loại. Nghĩa là tuy hành hạnh súc sanh mà chẳng bị quả báo súc sanh, tuy đi trong lục đạo mà không bị quả báo lục đạo. Bồ-tát muốn độ tất cả chúng sanh nên lăn lộn trong luân hồi, không phải

vì nghiệp lôi kéo nên không bị nhiễm. Chúng ta bị nghiệp lôi, lôi tới đâu thì nhiễm tới đó, còn Bồ-tát đi trong luân hồi mà không nhiễm luân hồi.

Nếu tu một lần giải thoát rồi đi không trở lại thì thế nào? Người tu mong được giải thoát, nhưng tất cả đều thọ ơn của đàn-na thí chủ, ơn cha mẹ, ơn thầy tổ. Đã thọ rồi không lẽ quýt nợ, tu lo được giải thoát phần mình, mặc mọi người ở lại làm gì thì làm, như vậy có phải là ăn gian không? Vì thế phát khởi tâm từ bi đi trong lục đạo độ chúng sanh, không phải xong việc rồi là trốn mất.

Người tu có sức mạnh không bị quan, không phải tu cầu giải thoát để một mình thanh thoi, tha hồ thế gian điên đảo cũng bỏ mặc. Tu như vậy là yếu đuối, là tiêu cực. Ngài Nam Tuyên nói, sau khi ta tịch sẽ làm con trâu. Tri sự hỏi, con muốn gặp Hòa thượng phải làm sao? Ngài bảo, phải mang theo bó cỏ. Ngài Quy Sơn thì nói: “Ta chết sẽ sanh làm con trâu nhà đàn-việt ở dưới núi, trên lưng có hàng chữ Quy Sơn tặng Linh Hựu. Như vậy gọi con trâu là phải hay gọi Quy Sơn tặng là phải?” Đây là loại đọa. Nếu không hiểu chỗ này, chúng ta sẽ thắc mắc tại sao tu thành Tổ rồi mà còn đọa làm con trâu? Như vậy nói loại đọa là đi trong dị loại mà độ chúng sanh, đó là tinh thần cứu thế của Bồ-tát.

Hai là *tùy xứ đọa* hay là *tùy đọa*, tức là *bất đoạn thanh sắc*. Tùy xứ đọa là sao? Ngay nơi đó mà không dính mắc, theo thanh đuổi sắc mà chẳng biết thanh sắc. Người thường thì chạy theo tiếng theo sắc, mắc kẹt nơi tiếng nơi sắc, còn đây cũng ngay trong thanh sắc

mà thấy sắc chẳng can hệ đến sắc, nghe tiếng chẳng dính dáng gì đến tiếng. Người xưa có câu *Kiến sắc phi can sắc, văn thanh bất thị thanh*. Người mới tu rất sợ thanh sắc vì e tâm mình nhiễm động, trốn ở đâu để khỏi thấy nghe. Thế gian là sắc tướng là thanh âm, mình trốn ở đâu được? Phải ngay nơi sắc tướng thanh âm mà không dính không kẹt, không dính với tiếng không kẹt với sắc, gọi là tùy xứ đạo.

Thiền sư Đạo Giai nói *Ngộ thanh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa*, gặp thanh gặp sắc như hoa trổ trên đá. *Kiến lợi kiến danh như nhân trung trước tiết*, thấy lợi thấy danh như hạt bụi rơi trong con mắt. Đó là ý người xưa để chỉ chỗ tùy xứ đạo.

Ba là *bất thọ thực*, hay gọi là *tôn quý đạo*. Tại sao gọi là tôn quý đạo? Tôn là tôn trọng, quý là quý kính, tôn trọng quý kính mà kẹt, mà rơi. Chúng ta tu thường nghĩ rằng mình đang ở bên bờ sanh tử đau khổ, phải cố làm sao qua đến bờ Niết-bàn an lạc. Niết-bàn là chỗ quý trọng, sanh tử là khổ đau nên chán sợ. Nếu còn thấy có chỗ quý trọng thì cũng còn rơi một bên, nên có câu “Thọ thực là việc thời nay, không thọ thực là việc bên kia, nếu chấp bên kia chưa khỏi rơi trong tôn quý”.

Thọ thực là việc thời nay, chữ thực này không phải ăn bằng miệng mà là Xúc thực. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi... tất cả sáu căn tiếp xúc với sáu trần đều gọi là ăn. Ngay khi tiếp xúc mà dính mắc gọi là thọ thực, là việc bên bờ sanh tử. Ngay khi tiếp xúc mà không dính mắc gọi là không thọ thực, là bờ Niết-bàn.

Kinh A-hàm, Phật dạy các Tỳ-kheo quán tứ niệm xứ, quán tất cả không thọ, nội tâm tịch diệt là Niết-bàn. Vì thế nói không thọ thực là việc bên kia, là Niết-bàn. Nhưng nếu còn chấp bên kia, còn chấp Niết-bàn là chỗ an trú thì chưa khỏi rơi trong tôn quý, gọi là tôn quý đọa. Nhà thiền có câu “Chẳng mặc đồ trần bảo, lại mặc áo rách toi”. Nghĩa là đạt đến chỗ cao siêu, đến Niết-bàn rồi mà không trụ trước, vẫn đi trong luân hồi giáo hóa chúng sanh, gọi là mặc áo rách toi.

Bức tranh thứ mười trong Tranh chăn trâu diễn tả chỗ này bằng hình ảnh ông thầy áo phanh ngực đi vào chợ. Người tu đến chỗ hoàn toàn thanh tịnh rồi mà vẫn lăn vào trong trần thế, bụi đất lấm lem như chúng sanh. Đó là giai đoạn nhập Phật giới rồi phải đi vào ma giới. Nếu nhập Phật giới rồi mà an trụ Phật giới thì chưa phải, gọi là mắc kẹt trong tôn quý.

Ba thứ đọa này là một sức mạnh phi thường của người tu thiền. Tu thiền là phải tiến đến đích giải thoát, nhưng không trụ ở đó mà trở lại sanh tử luân hồi giáo hóa chúng sanh. Nếu trụ mãi một chỗ thì bị lỗi “trầm không trệ tịch”. Chúng ta hiểu rõ mới thấy được chỗ cao siêu của ngài muốn chỉ.

Nhân Tăng hỏi Ngũ vị quân thần chỉ quyết, Sư giải thích:

- Chánh vị là không giới xưa nay không vật. Thiên vị là sắc giới có hình vạn tượng. Chánh trung thiên là trái lý theo sự. Thiên trung chánh là bỏ sự vào lý. Kiêm đối là thâm ứng chúng duyên chẳng

rơi vào các hữu, chẳng nhiễm chẳng tịnh, chẳng chánh chẳng thiên. Cho nên nói: Đại đạo hư huyền không mắc chân tông. Tiên đức từ trước suy xét một vị này rất diệu rất huyền, phải xét kỹ biện rõ. Quân là chánh vị, Thần là thiên vị. Thần hướng quân là Thiên trung chánh. Quân thị thần là Chánh trung thiên. Quân thần đạo hợp là Kiêm đối.

Tăng hỏi:

- Thế nào là quân?

Sư đáp:

- Đức diệu trên hoàn vũ, cao sáng khắp bầu trời (Diệu đức tôn hoàn vũ, cao minh lẫm thái hư).

- Thế nào là thần?

- Máy linh hoằng đạo thánh, trí chân lợi quần sanh (Linh cơ hoằng thánh đạo, chân trí lợi quần sanh).

- Thế nào là thần hướng quân?

- Không rơi những đường khác, lắng tình nhìn mặt vua (Bất đạo chư dị thú, ngưng tình vọng thánh dung).

- Thế nào là quân thị thần?

- Dáng diệu tuy chẳng động, đức sáng vẫn không thiên (Diệu dung tuy bất động, quang chúc bản vô thiên).

- Thế nào là quân thần đạo hợp?

- Hồn nhiên không trong ngoài, dung hòa trên dưới yên (Hồn nhiên vô nội ngoại, hòa dung thượng hạ bình).

Sư lại bảo:

- Lấy quân thân thiên chánh mà nói, chẳng cho phạm ở giữa. Cho nên thần khen vua, không dám có lời chê bai ấy vậy. Đây là tông yếu pháp của ta.

Kệ rằng:

*Học giả tiên tu thức tự tông
Mạc tương chân tế tạp ngoan không.
Diệu minh thể tận tri thương xúc
Lực tại phùng duyên bất tá trung.
Xuất ngữ trực giao thiêu bất trước
Tiềm hành tu dữ cố nhân đồng.
Vô thân hữu sự siêu kỳ lộ
Vô sự vô thân lạc thủy chung.*

Dịch:

Người học trước cần hiểu tự tông
Chớ đem chân tế lẫn ngoan không.
Tột thể diệu minh biết xúc chạm
Sức tại phùng duyên chẳng mượn trung.
Thốt lời cần phải thiêu chẳng đến
Thâm đi nên với cố nhân đồng.
Không thân có việc siêu đường tẽ
Không việc không thân lạc thủy chung.

Ngài giải thích về Ngũ vị quân thần: *Quân là chánh vị, Thần là thiên vị. Thần hướng quân là Thiên trung chánh. Quân thị thần là Chánh trung thiên. Quân thần đạo hợp là Kiêm đới.*

Tăng hỏi: *Thế nào là quân?* Ngài đáp: *Đức diệu trên hoàn vũ, cao sáng khắp bầu trời. Quân tức là chỉ cho vua, vua là chánh vị trùm khắp, không có nơi chốn.* Tăng hỏi: *Thế nào là thần?* Ngài đáp: *Máy linh hoằng đạo thánh, trí chân lợi quần sanh. Thần là chỉ cho thiên mà cũng chỉ cho diệu dụng lợi ích chúng sanh.*

Hỏi: *Thế nào là thần hướng quân?* Tức là bên dụng mà hướng về thể. Ngài đáp: *Không rời những đường khác, lắng tình nhìn mặt vua. Không hướng đường nào khác mà chỉ hướng về thể, từ dụng quy về thể.*

Hỏi: *Thế nào là quân thị thần?* Ngài đáp: *Dáng diệu tuy chẳng động, đuốc sáng vẫn không thiên. Đây là thể hướng về dụng, dáng diệu tuy chẳng động là chỉ cho thể, đuốc sáng vẫn không thiên, đó là dụng.*

Hỏi: *Thế nào là quân thần đạo hợp?* Ngài đáp: *Hỗn nhiên không trong ngoài, dung hòa trên dưới yên. Quân thần đạo hợp là lúc đó không còn thiên chánh riêng biệt, hay không còn sự riêng lý riêng, mà dung hợp tất cả.*

Ngài lại bảo: *Lấy quân thần thiên chánh mà nói, chẳng cho phạm ở giữa. Cho nên thần khen vua, không dám có lời chê bai ấy vậy. Đây là tông yếu pháp của ta. Chủ yếu tông Tào Động luôn luôn lấy việc hồi hỷ thể dụng, sự lý giao thoa lẫn nhau, không cho mắc kẹt ở một bên.*

Bài kệ:

*Người học trước cần hiểu tự tông
Chớ đem chân tế lẫn ngoan không.
Tốt thể diệu minh biết xúc chạm
Sức tại phùng duyên chẳng mượn trung.
Thốt lời cần phải thiêu chẳng đến
Thâm đi nên với cổ nhân đồng.
Không thân có việc siêu đường tẽ
Không việc không thân lạc thủy chung.*

Người học trước cần phải hiểu tông của mình, khi hiểu rồi thì *chớ đem chân tế lẫn ngoan không*. Chân tế là mé chân thật, cũng chỉ cho thể chân thật thanh tịnh của chính mình. Thể ấy không giống như ngoan không. Chân tế tuy không tất cả tướng, không tất cả động nhưng chẳng phải trống không như hư không, nếu hiểu nó như hư không là lầm.

Tốt thể diệu minh biết xúc chạm, sức tại phùng duyên chẳng mượn trung. Thể diệu minh đến chỗ cùng tốt thì không phải chẳng biết gì, vẫn thường thấy nghe như ở sáu căn vẫn phát sáng, gọi là *biết xúc chạm*. Sức của nó khi gặp duyên thì khởi, gặp duyên thì hiện, không mượn trung gian.

Thốt lời cần phải thiêu chẳng đến, thâm đi nên với cổ nhân đồng. Khi nói ra lời đừng để mắc kẹt, gọi là *thiêu chẳng đến*. Nói mà không dính dáng không mắc kẹt, nói như không nói. *Thâm đi nên với cổ nhân đồng*, ứng dụng tu thì phải đúng với đường lối của cổ nhân, đừng đi lạc.

Không thân có việc siêu đường tể, không việc không thân lạc thủy chung. Hai câu này, câu nào cao hơn? *Không thân* mà có việc thì hết ngã còn pháp, tại sao vượt đường tể? *Không việc không thân* là bất hết ngã pháp, tại sao lạc thủy chung? Người tu chúng ta có quan niệm sai lầm, khi tu quán thấy thân như huyễn không thật nên gọi là *không thân*. Xét kỹ thân mình như huyễn, thân người cũng như huyễn, người khổ mặc họ, đồ huyễn không cần làm chi. Biết huyễn ngồi khoanh tay chờ chết, đó là *không thân không việc*, không làm nên không có việc. Đó là *lạc thủy chung*.

Tuy biết không thân, thân như huyễn hóa mà chúng sanh mê, thấy thân thật nên khổ, họ khổ thì mình phải làm sao giải khổ cho họ. Đó là tuy *không thân* mà vẫn có việc, như vậy mới siêu đường tể, tức là không kẹt ở tâm niệm Thanh văn. Nếu *không thân không việc* thì lạc thủy chung tức rơi mất thủy chung với chúng sanh.

Tinh thần thiền tông rất siêu xuất, không cho chúng ta kẹt ở bên nào, kể cả Niết-bàn. Chính đây là tinh thần Tối thượng thừa, không cho người tu rốt ráo tới chỗ an lạc rồi trụ ở đó để hưởng. Thấy đời khổ nên tu cho hết khổ, nhưng hết khổ rồi lại đi vào lục đạo thì thấy buồn. Bồ-tát đi trong lục đạo buồn không? Khổ không? Chúng ta ở trong lục đạo thấy cái gì cũng thật nên khổ, còn Bồ-tát đi trong lục đạo không thấy khổ. Đó chính là sức mạnh, là tinh thần tích cực của đạo Phật. Tu rốt ráo dẹp hết những trói buộc mê lầm, nghiệp mê lầm dẹp hết nhưng không an trụ chỗ an lạc, lại lăn trong đau khổ của chúng sanh mà làm lợi ích cho họ.

Nên cuối cùng thì ông già ở trong am tranh phải mở cửa, xách bầu rượu cá chép đi ra đầu chợ, đó là nhập ma giới, không ngồi trên núi thanh tịnh một mình. Hiểu vậy mới thấy tinh thần bài kệ này.

Vân Môn hỏi:

- Thế nào là hạnh Sa-môn?

Sư đáp:

- Là kẻ ăn lúa mạ của thường trụ.**
- Liền khi ấy thì sao?**
- Người lại chứa được chăng?**
- Chứa được.**
- Người làm sao chứa?**
- Mặc y ăn cơm có gì khó.**
- Sao chẳng nói mang lông đội sừng?**

Vân Môn lễ bái.

Đây hỏi *Thế nào là hạnh Sa-môn?* Trước nói mang lông đội sừng cũng gọi là hạnh Sa-môn, nên ngài đáp *Là kẻ ăn lúa mạ của thường trụ*. Trâu bò ăn lúa mạ là loài mang lông đội sừng, nghĩa là hạnh Sa-môn là hạnh đạt đến cứu cánh rồi thì trở lại trong lục đạo độ chúng sanh. Sức mạnh như vậy, nên trả lời *Là kẻ ăn lúa mạ của thường trụ*. Hỏi *Liền khi ấy thì sao?* Tức là khi đến chỗ mang lông đội sừng rồi, ở trong lục đạo mà không nhiệm thì sao? Ngài nói *Người lại chứa được chăng?* Người chứa được hạnh đó không? Vân Môn đáp *Chứa được*. Ngài hỏi *Người làm sao chứa?* Nói *Mặc y ăn cơm*

có gì khó. Tức là khi mặc y, ăn cơm, đi đại đi tiểu vẫn không có gì khác, đó là chứa được. Ngài nói Sao chẳng nói mang lông đội sừng? Như thế là hạnh Sa-môn. Vì vậy Vân Môn lễ bái.

Sư bảo chúng:

- Các ông trọn giữ cách thức, sao chẳng cùng y nói một chuyển ngữ khiến y chẳng nghi?

Vân Môn ở trong chúng bước ra hỏi:

- Chỗ mật mật (thầm kín) vì sao chẳng biết có?

Sư đáp:

- Chỉ vì mật mật nên chẳng biết có.

- Người này làm sao thân cận?

- Chớ nhằm chỗ mật mật thân cận.

- Khi chẳng nhằm chỗ mật mật thì sao?

- Mới giỏi thân cận.

Vân Môn: - Dạ! Dạ!

Chỗ mật mật là chỗ sẵn có muôn đời mà không thấy không nhận ra, bởi không thấy cho nên gọi mật mật. Chỉ vì mật mật nên chẳng biết có. Hỏi: Người này làm sao thân cận? Làm sao được thân cận chỗ mật mật đó, nói khác hơn là làm sao trở về chân tâm, làm sao nhập được pháp thân? Ngài trả lời chớ nhằm chỗ mật mật thân cận, đừng gần chỗ mật mật. Hỏi: Khi chẳng nhằm chỗ mật mật thì sao? Muốn trở về chỗ đó mà không cho gần thì làm sao?

Người tu Tịnh độ niệm Phật là để nhất tâm, không có nghĩa là tìm cho được nhất tâm; mà dùng câu niệm Phật, niệm tới chỗ bất không còn niệm, đó là nhất tâm. Muốn tới chỗ đó mà không hướng về đó, chỉ chặn cái bên ngoài. Niệm Phật để dùng vọng tưởng, vọng tưởng dừng rồi thì tự mình nhất tâm chứ không hướng về nhất tâm. Cũng thế, chúng ta tu thiền chỉ nói biết vọng mà không nói biết chân. Chân tức là mật mật, chỉ biết vọng không theo thì chân tự hiện. Nếu hướng vào chân thì bị lỗi khán tịnh, chân là đối tượng bị hướng đến, đó là bệnh. Vì thế ngài trả lời đừng nhắm chỗ mật mật thân cận.

Có nhiều người lầm tưởng rằng chân tâm ở đâu phải hướng về đó. Nếu mình là người hướng về thì chân tâm là đối tượng ngoài mình. Nhưng chân tâm chính là mình, vì vọng tưởng nên quên lãng không thấy. Ngay đây buông vọng không chạy theo thì chân hiện, đó mới thật. Hướng tìm nó là bệnh, nên nói *thú hướng chân như tổng thị tà*. Lý đạo rất rõ, rất thú vị, tu mà không nắm vững lý này thì không tiến. Vì thế, Vân Môn Dạ! Dạ!

Tăng Thanh Nhuệ thưa:

- Con nghèo cùng xin Thầy cứu giúp.

Sư bảo:

- Xà-lê Nhuệ lại gần đây!

Thanh Nhuệ lại gần. Sư bảo:

- Kể nhà nghèo ở Tuyên Châu uống xong ba chén rượu, vẫn nói chưa dính môi.

Ngài Thanh Nhuệ vì sao nghèo? Nghĩa là có kho báu mà xài không được, như chàng cùng tử trong kinh Pháp Hoa. Cha làm trưởng giả mà con đi lang thang rồi xin cứu giúp, tức là xin chỉ cho con kho báu. Ngài bảo *Xà-lê Nhuệ lại gần đây!* Kêu lại gần rồi mà không biết gì, nếu không có kho báu thì kêu đâu biết lại gần. Như bà già mất trâu, nếu kêu biết dạ thì trâu chưa mất. Vì muốn chỉ chỗ biết đó nên ngài nói *Kẻ nghèo ở Tuyên Châu uống xong ba chén rượu, vẫn nói chưa dính môi*. Cái có sẵn sàng vậy mà nói nghèo, vẫn còn than nghèo. Câu nói mang đầy ý nghĩa.

Chỉ Y đạo giả đến tham vấn, Sư hỏi:

- Đâu chẳng phải Chỉ Y đạo giả ư?

Đạo giả thưa:

- Chả dám.

- Thế nào là việc của Chỉ Y?

- Chiếc áo cừu vừa khoác vào thân, muôn pháp thấy đều như.

- Thế nào là dụng của Chỉ Y?

Đạo giả lại gần “Dạ”, liền đứng tịch.

Sư bảo:

- Người chỉ giỏi đi như thế, sao chẳng giỏi đến như thế?

Đạo giả chợt mở mắt hỏi:

- Một chân tánh linh khi chẳng nương bào thai thì thế nào?

Sư bảo:

- Chưa phải diệu.
- Thế nào là diệu?
- Chẳng mượn! Mượn!

Đạo giả trần trọng liền tịch.

Sư dạy bài tụng:

*Giác tánh viên minh vô tướng thân
Mạc tương tri kiến vọng sơ thân.
Niệm dị tiện ư huyền thể muội
Tâm sai bất dữ đạo vi lân.
Tình phân vạn pháp trầm tiền cảnh
Thức giám đa đoan táng bản chân.
Như thị cú trung toàn hiểu hội
Liễu nhiên vô sự tích thời nhân.*

Dịch:

**Tánh giác viên minh không tướng thân
Chớ đem thấy biết đối xa gần.
Niệm khác bèn lìa huyền thể ấy
Tâm sai sao được đạo chung thân.
Tình phân muôn pháp chìm cảnh trước
Thức biện lắng xảng mất bản chân.
Trong câu như thế toàn lãnh hội
Rõ ràng vô sự tích thời nhân.**

Hãy xem việc tu hành của người xưa. *Chỉ Y* nghĩa là gì? Chỉ là giấy, Y là áo, lấy giấy bồi kết làm áo mặc, là vị Sa-môn mặc áo giấy. Các ngài tu chỉ mặc cốt che thân, không phải cốt mặc đẹp. Ngài chắc đã từng tham vấn ở Động Sơn nên các vị trong đó đã hiểu ngài nhiều. Tào Sơn vừa thấy ngài đến liền hỏi *đâu chẳng phải là Chỉ Y đạo giả?* Ngài đáp *chả dám*, tức là dạ phải. Hỏi *thế nào là việc của Chỉ Y?* Chỉ Y hàng ngày sống bằng cách nào? Ngài trả lời một câu rất khỏe *chiếc áo cừu vừa khoác vào thân, muôn pháp thấy đều như*. Khi vừa mặc áo liền thấy như như bất động, đó là sống với thể. Còn dụng ra sao? Tào Sơn hỏi *thế nào là dụng của Chỉ Y?* Đạo giả lại gần *Dạ!* liền đứng tịch. Dụng của tôi muốn chết lúc nào thì chết. Ngài Tào Sơn bảo *ngươi chỉ giỏi đi như thế, sao chẳng giỏi đến như thế?* Nếu ngươi giỏi tịch được thì sống lại được thử xem? Đạo giả liền mở mắt hỏi *một chân tánh linh khi chẳng nương bào thai thì thế nào?* Khi chân tánh linh không còn bị nghiệp dẫn, không còn nương gá bào thai thì sao? Ý nói bỏ thân này rồi nhập Niết-bàn thì sao? Tào Sơn đáp: *Chẳng phải diệu*. Đạo giả hỏi: *Thế nào là diệu?* Đáp: *Chẳng mượn! Mượn*. Chẳng mượn mà mượn, nghĩa là chẳng phải rồi việc không còn bị nghiệp dẫn đi trong luân hồi nữa là hay tốt, không bị nghiệp dẫn mà vẫn mượn bào thai để giáo hóa chúng sanh, như thế mới diệu, đúng với ý nghĩa *loại đạo*. Nếu ngang đó mà hài lòng tự mãn thì không phải diệu.

Ngài dạy bài tụng:

*Tánh giác viên minh không tướng thân
Chớ đem thấy biết đối xa gần.*

*Niệm khác bèn lầm huyền thể ấy
Tâm sai sao được đạo chung thân.
Tình phân muôn pháp chìm cảnh trước
Thức biện lãng xăng mất bản chân.
Trong câu như thế toàn lãnh hội
Rõ ràng vô sự tích thời nhân.*

Tánh giác viên minh không tướng thân, tánh giác là thân không tướng. Báo thân, hóa thân thì có tướng, pháp thân là vô tướng, tánh giác viên minh là thân vô tướng, tức là pháp thân. Muốn được sống với cái đó thì Chớ đem thấy biết đối xa gần. Đừng đem cái thấy biết phân biệt đây là xa, kia là gần trong đối đãi. Khi không dấy niệm phân biệt đối đãi, lúc ấy sống với pháp thân vô tướng.

Niệm khác bèn lầm huyền thể ấy, tâm sai sao được đạo chung thân. Vừa dấy một niệm sai khác thì huyền thể đó bị lầm, bị khuất rồi. Vừa có tâm sai biệt, tức là niệm trước niệm sau sai khác, thì không chung gần được với đạo.

Tình phân muôn pháp chìm cảnh trước, thức biện lãng xăng mất bản chân. Khi tình chia ra đuổi theo muôn pháp tức là chìm đắm trong cảnh; lúc thức khởi phân biệt lãng xăng thì đã mất bản chân. Những câu này chỉ cách tu rất rõ.

Trong câu như thế toàn lãnh hội, hiểu được ý những câu trên, sống được với nó thì rõ ràng vô sự tích thời nhân. Người vô sự là người thuở xưa. Người thuở xưa chính là thân vô tướng.

Tăng hỏi:

- Sa-môn đâu không phải là người đủ lòng đại từ bi?

Sư đáp:

- Phải.

- Chợt gặp lục tặc đến phải làm thế nào?

- Cũng phải đủ đại từ bi.

- Thế nào là đủ đại từ bi?

- Dùng một cây kiếm dẹp sạch.

- Sau khi dẹp sạch thế nào?

- Mới được hòa đồng.

Sa-môn thì phải đủ từ bi, ông tăng này cố gài, nếu đủ từ bi thì khi gặp lục tặc đâu nỡ giết. Đây ngài bảo *dùng cây kiếm dẹp sạch*, phải giết hết. Chúng ta từ bi hơn Tổ, không nỡ giết lục tặc, thế nên bị lục tặc hoành hành. Ngài nói từ bi là dùng kiếm dẹp sạch, dẹp sạch rồi sau mới hòa đồng. Người tu phải thấy rõ nơi mình, những gì làm tiêu hoại công đức, tiêu hoại kho báu nhà mình thì phải dẹp, không thể từ bi mà nuôi dưỡng nó.

Tăng hỏi:

- Mà với mắt cùng biết nhau chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng biết nhau.

- Vì sao chẳng biết nhau?

- **Vì đồng tại một chỗ.**
- **Thế ấy là chẳng phân?**
- **Mày chẳng phải là mắt, mắt chẳng phải là mày.**
- **Thế nào là mắt?**
- **Quả nhiên rồi.**
- **Thế nào là mày?**
- **Tào Sơn lại nghi.**
- **Tại sao Hòa thượng lại nghi?**
- **Nếu chẳng nghi tức quả nhiên rồi.**

Chân mày ở trên con mắt, hai cái gần khít nhau. Con mắt thì thấy, mày có thấy không? Chân mày là dụ cho vọng, con mắt là dụ cho chân, vọng tâm chân tâm gần khít nhau. Tăng hỏi: *Mày với mắt có cùng biết nhau chăng?* Con mắt đâu thấy chân mày. Ngài đáp: *Chẳng biết nhau*, chân không phải là vọng, vọng không phải chân nên không biết nhau. Hỏi: *Vì sao chẳng biết nhau?* Ngài đáp: *Vì đồng tại một chỗ*. Vọng và chân cùng một chỗ nên không biết nhau. Tăng nói: *Thế ấy là chẳng phân?* Như vậy thì hỗn độn, chân với vọng lộn xộn rồi. Ngài nói: *Mày chẳng phải là mắt, mắt chẳng phải là mày*. Mày là mày mắt là mắt, chân là chân vọng là vọng, tại sao không phân được? Tăng hỏi: *Thế nào là mắt?* Ngài đáp: *Quả nhiên rồi*. Mắt mở ra thấy rõ ràng không nghi, thấy rõ thì quả nhiên rồi. Tăng hỏi: *Thế nào là mày?* Ngài đáp: *Tào Sơn lại nghi*. Tại sao nghi? Vừa khởi nghi là có niệm, khởi niệm là mày, tức vọng tưởng. Tăng hỏi: *Tại sao Hòa thượng lại nghi?* Ngài đáp:

Nếu chẳng nghi tức quả nhiên rồi. Nếu không khởi vọng tức là chân, là quả nhiên. Đối đáp rất tài, không nói gì đạo lý mà đầy đủ đạo lý.

Tăng hỏi:

- Thế nào là kiếm không mũi?

Sư đáp:

- Chẳng do rèn luyện mà thành.

- Dụng nó thế nào?

- Người gặp đều chết.

- Người chẳng gặp thì sao?

- Cũng phải rơi đầu.

- Người gặp đều chết là cố nhiên, người chẳng gặp vì sao lại rơi đầu?

- Ông chẳng thấy nói “hay sạch tất cả” sao?

- Sau khi sạch hết thế nào?

- Mới biết có cây kiếm này.

Tăng hỏi *cây kiếm không mũi* là muốn chỉ cái sáng suốt sẵn có nơi mình. Cái đó có do rèn luyện mà được không? Nó tự sẵn có, nên nói *chẳng do rèn luyện mà thành*. Hỏi: *Dụng nó thế nào?* Vì kiếm bén nên *người gặp đều chết*. Tăng bẻ lại: *Người chẳng gặp thì sao?* Nếu gặp thì dứt đầu, còn không gặp thì sao? Ngài nói: *Cũng phải rơi đầu*. Đây liền có nghi, gặp thì rơi đầu là phải, không gặp vì sao cũng rơi đầu? Tăng hỏi: *Người gặp đều chết là cố nhiên, người chẳng gặp vì sao lại rơi đầu?*

Ngài trả lời: *Ông chẳng thấy nói “hay sạch tất cả” sao? Sạch tất cả phàm thánh, phải quấy, hơn thua... không còn hai bên, gặp cũng chết không gặp cũng chết, mới đúng là cây kiếm bén. Tăng hỏi: Sau khi sạch hết thế nào? Ngài đáp Mới biết có cây kiếm bén này. Như vậy mới hiện cây kiếm của mình.*

Tăng hỏi:

- Huyền vốn nào chân?

Sư đáp:

- Huyền vốn nguyên chân.

- Chính khi huyền làm sao hiển bày?

- Tức huyền liền hiển.

- Thế ấy thì trước sau chẳng lìa nơi huyền?

- Tìm huyền tướng không thể được.

Tăng hỏi: *Huyền vốn nào chân?* Huyền chẳng phải là chân, đúng không? Ngài đáp: *Huyền vốn nguyên chân.* Như hỏi, sóng đâu phải nước? Trả lời sóng vốn là nước, rất đúng. Hỏi: *Chính khi huyền làm sao hiển bày?* Cũng như chính khi sóng làm sao thấy nước? Ngài đáp: *Tức huyền liền hiển,* ngay nơi sóng tức là nước. Hỏi: *Thế ấy thì trước sau chẳng lìa nơi huyền?* Như vậy thì trước sau chẳng lìa sóng, được không? Ngài đáp: *Tìm huyền tướng không thể được.* Ngay nơi sóng mà mức nước lên thì tướng sóng còn không? Cũng vậy ngay nơi huyền mà thấy được chân, đó là nơi huyền hiển chân. Lối đối đáp thật là khéo.

Sư hỏi vị tăng:

- Làm gì?

Tăng thưa:

- Quét đất.

Sư hỏi:

- Trước Phật quét hay sau Phật quét?

Tăng thưa:

- Trước sau đồng thời quét.

Sư bảo:

- Đem đôi giày qua cho Tào Sơn.

Câu sau ý nghĩa gì? Đoạn trước ngài muốn gài bẫy ông tăng xem có khá không nên hỏi: *Trước Phật quét hay sau Phật quét?* Tăng này cũng là tay đáng kể không bị gạt cho nên nói *trước sau đều quét*. Như thế đã thoát bẫy rồi, nên ngài nói một câu vượt đuôi: *Đem đôi giày qua cho Tào Sơn*. Một câu không có nghĩa.

Tăng hỏi Hương Nghiêm:

- Thế nào là đạo?

Hương Nghiêm đáp:

- Khô mộc lý long ngâm (Trong cây khô trời nhạc).

Tăng hỏi:

Thế nào là người trong đạo?

Hương Nghiêm đáp:

- Độc lâu lý nhãn tình (Trong đầu lâu có trông con mắt).

Tăng không lãnh hội, đến hỏi Thạch Sương:

- Thế nào là khô mộc lý long ngâm?

Thạch Sương đáp:

- Vẫn còn đeo cái hỷ.

Tăng hỏi:

- Thế nào độc lâu lý nhãn tình?

Thạch Sương đáp:

- Vẫn còn đeo thức.

Tăng không lãnh hội đến trình với Sư. Sư bảo:

- Thạch Sương ông già Thanh văn khởi kiến giải ấy.

Thạch Sương còn thấy có hỷ, có thức, nên gọi là khởi kiến giải.

Sư làm bài tụng:

Khô mộc long ngâm chân kiến đạo

Độc lâu vô thức nhãn sơ minh.

Hỷ thức tận thời tiêu tức tận

Đương nhân na biện trọc trung thanh.

Dịch:

Cây khô trổ nhạc thật thấy đạo

Đầu lâu không thức mắt rạng ngời.

Hỷ thức hết thời tin tức lặng

Người này đâu biện trong trong đục.

Tăng lại hỏi Sư:

- Thế nào khô mộc lý long ngâm?

Sư đáp:

- Huyết mạch chẳng đoạn.

- Thế nào độc lâu lý nhãn tình?

- Khô chẳng hết.

- Lại có người được nghe chăng?

- Trọn người trên đại địa chưa có một người chẳng nghe.

- Khô mộc lý long ngâm là chương cú gì?

- Chẳng biết chương cú gì, người nghe đều mất.

Với cái nhìn của ngài thì Hương Nghiêm thấy *trong cây khô trời nhạc*, là người *thật thấy đạo*. Còn nói *trong đầu lâu có tròng con mắt*, là còn thức thì chưa khéo, nên câu tụng nói *Đầu lâu không thức mắt rạn ngời*. Ngài Thạch Sư lại phân biệt nào là hỷ, nào là thức thì sao? *Hỷ thức hết thời tin tức lặng. Người này đâu biện trong trong đục*. Nếu bảo rằng hết hỷ, hết thức rồi mới xong việc, thì người đó không phân biệt được trong ở trong đục. Vì lý nhà thiền là hồi hỷ, không cho riêng biệt ở một bên, không nói trong là hoàn toàn riêng trong, đục là hoàn toàn riêng đục. Như trong đầu lâu

có tròng con mắt, trong cây khô có trời nhạc là trong chết có sống, trong sống có chết, không cho tách rời. Ngài Thạch Sư lại muốn tách rời nên nói còn kiến giải Thanh văn.

Hỏi: *Thế nào trong cây khô trời nhạc?* Ngài đáp: *Huyết mạch chẳng đoạn*, tức là còn liên hệ tiếp tục không đứt. Hỏi: *Thế nào là tròng con mắt trong đầu lâu?* Ngài đáp: *Khô chẳng hết*, đầu lâu là khô mà còn tròng con mắt, để thấy rằng không thể đứt khoát một bên. Tăng hỏi: *Lại có người được nghe chăng?* Ngài đáp: Ai cũng được nghe hết. Tăng hỏi: Trong cây khô trời nhạc là bài gì? Ngài nói: Không biết bài gì nhưng *người nghe đều đứt mất*.

Sư dạy chúng:

- Chư tăng ở đây cốt dưới y áo hội thông được việc hưởng thượng, chớ có rảnh rang qua ngày. Nếu chỗ thừa đương đã rõ ràng, liền chuyển được chư thánh về sau lưng mình, mới là tự do. Nếu chuyển chẳng được, hẳn phải học được thập thành, lại cần đến sau lưng các ngài khoanh tay nói huênh hoang gì? Nếu chuyển được chính mình thì tất cả cảnh thô trọng đến đều làm chủ được. Ví như đi trong chỗ lầy trượt té cũng làm chủ được. Như có vị tăng hỏi ngài Dược Sơn: “Trong giáo lý tam thừa lại có Tổ ý chăng?” Dược Sơn đáp: “Có.” Tăng thưa: “Đã có, tổ Đạt-ma lại đến làm gì?” Dược Sơn bảo: “Chỉ vì có cho nên đến.” Thế là đâu không phải làm chủ được, chuyển được về nơi mình sao?

Tại sao nói *chuyển chư thánh về sau lưng mình*? Chư thánh như các vị A-la-hán, Bồ-tát, Phật, tại sao dám ngỗ nghịch đặt Phật ở sau lưng mình, có trái đạo lý không? Trong Tứ Thập Nhị Chương có bài kinh tương tự, nói cúng dường trăm ngàn đức Phật không bằng cúng dường một đạo nhân vô tu vô chứng. Trăm ngàn đức Phật mà không bằng một đạo nhân vô tu vô chứng, như thế là chuyển Phật đứng sau lưng. Ý nói khi đạt được thể chân thật, sống được với thể đó rồi thì chư thánh cũng là bên ngoài, không bằng được.

Nếu chuyển không được thì khoanh tay đến sau lưng các ngài cầu xin, nghĩa là hỏi đáp hoặc đọc tụng những lời dạy của chư thánh. Đôi khi thấy thật tội nghiệp Phật của mình, Phật thật mà lạy Phật giả. Tại sao? Có sẵn Phật thật mà không thấy, thấy thân tứ đại dơ nhớp này là thật nên lạy Phật giả có phước. Khi nào thấy được Phật của mình rõ ràng sừng sững rồi thì không lạy Phật giả nữa. Ý chỉ rằng khi sống được với cái đó, chuyển được cái đó rồi thì chính mình là trên hết. *Nếu chuyển được chính mình thì tất cả cảnh thô trọng đến đều làm chủ được.*

Như có vị tăng hỏi ngài Dục Sơn: “Trong giáo lý tam thừa lại có Tổ ý chăng?” Dục Sơn đáp: “Có.” Tăng thưa: “Đã có, tổ Đạt-ma lại đến làm gì?” Dục Sơn bảo: “Chỉ vì có cho nên đến.” Thế là đâu không phải làm chủ được, chuyển được về nơi mình sao? Ý nghĩa này rất tự tại. Hỏi rằng kinh điển có ý Tổ không, nếu không có thì ý Tổ ngoài lời Phật dạy. Ngài Dục Sơn nói “Có.” Nếu đã có sẵn thì tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Đông nói ý Tổ sư chi nữa?

Ngài nói “Bởi có cho nên đến.” Như tôi hỏi chúng tăng “Nơi các vị có ông Phật sẵn không?” Đáp “Có.” Bởi có nên tôi mới dạy. Nếu không có mà dạy thì cũng không thể biết. Bởi có mà quên, bây giờ vạch ra, chỉ ra cho thấy.

Kinh nói: “Phật Đại Thông Trí Thắng, mười kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng đặng thành Phật đạo.” Nói kiếp là trệ (kết) vậy, gọi đó là thập thành, cũng gọi là đoạn sấm lậu (rỉ chảy). Chỉ là mười đường đã bật, chẳng quên đại quả, nên nói thủ trụ đăm trước, gọi là thủ thứ thừa đương không phân quý tiện.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng mười kiếp ngồi đạo tràng là dẫn kinh Pháp Hoa. Tại sao mười kiếp ngồi đạo tràng mà Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng thành Phật đạo? Lỗi tại chỗ nào? Lỗi thứ nhất là còn thấy kiếp, còn mắc kẹt mười kiếp. Kiếp là thời gian, còn thấy thời gian thật thì trệ, mắc kẹt. Lỗi thứ hai là Chỉ là mười đường đã bật, chẳng quên đại quả. Mười kiếp thì xem như mười đường đã bật, nhưng còn mong thành Phật quả. Vì thế Phật pháp không hiện tiền, không thành Phật quả.

Ta thường thấy trong rừng lâm thích bàn một thứ hai thứ, lại hay thành lập được sự chẳng? Những cái ấy chỉ nhằm việc đã qua hiển bày. Các ông chẳng thấy ngài Nam Tuyên nói: “Cho ông thập thành, so với Vương lão sư vẫn còn một đường tuyến.” Cũng là việc rất khó! Đến đây cần phải chín chắn mới được minh bạch tự tại. Bất luận thiên đường địa ngục

ngạ quỷ súc sanh, chỉ là tất cả chỗ chẳng đời đời, nguyên là người thuở xưa, cốt yếu chẳng đi con đường xưa. Nếu có tâm vui mừng thành trệ ngại, nếu thoát được giản trạch là sao? Cổ đức nói: “Chỉ e chẳng được luân hồi.”

Ngài nói *trong từng lâm thích bàn một thứ hai thứ*, ngồi lại thì bàn việc này việc kia lằng xằng lộn xộn. Nếu bàn như vậy *lại hay thành lập được sự chẳng?* Chúng ta bàn những việc này kia mà có làm được không? *Những cái ấy chỉ là nhằm việc đã qua hiển bày*, những cái đã qua rồi cứ lặp tới lặp lui, bàn những cái đã thấy đã nghe, tại sao không sống với hiện tại?

Như vừa đi đâu thấy việc gì, về kể lại cho huynh đệ nghe, tưởng như nó hiện tại, nhưng chuyện đó đã qua khuất rồi. Đã qua cho qua luôn, kể lại làm chi? Nếu dừng níu những cái đã qua thì không có việc gì để nói. Sở dĩ chúng ta lằng xằng lộn xộn vì cứ lo bàn việc đã qua, quá khứ đã chết. Như thế suốt đời chỉ sống với người chết, sống với cái đã mất. Ngài nói lời hiển bày việc đã qua.

Dẫn lời ngài Nam Tuyền *cho ông thập thành, so với Vương lão sư vẫn còn một đường tuyến*. Dầu cho chúng ta nhớ giỏi, thuộc lòng được tất cả, nhưng những chuyện nhớ, chuyện được, thập thành tức là tròn đủ, so với ngài vẫn thua một đường vạch. Ngài sống với hiện tại, tất cả những gì đã qua không màng tới.

Cũng là việc rất khó! Đến đây cần phải chín chắn mới được minh bạch tự tại. Bất luận thiên đường địa ngục ngạ quỷ súc sanh, chỉ là tất cả chỗ chẳng đời đời,

trong tất cả cảnh mà tâm không sai biệt, không đối khác. *Nguyên là người thuở xưa*, chỉ là con người từ thủy tới chung không ai khác, *cốt yếu chẳng đi con đường xưa*. Tại sao người thuở xưa mà không cho đi đường xưa? Người thuở xưa là con người không tướng sẵn có từ vô thủy. Có mà không nhận ra, vì vô minh che phủ. Khi thấy con người thuở xưa rồi thì để y nguyên dấu xưa hay phải khác? Thấy thì phải dẹp hết vô minh nên gọi là không đi con đường xưa. Sống với người xưa mà đi con đường nay, tức là con đường không còn vô minh.

Nếu có tâm vui mừng thành trệ ngại, nếu còn có tâm niệm vui thích đó là trệ trước, còn bị kẹt. *Nếu thoát trệ được giản trạch là sao?* Nếu rời được tất cả tâm suy tính nghĩ bàn phân biệt rồi thì sao? Đến đó thì *cổ đức nói rằng chỉ e chẳng được luân hồi*. Lo không được luân hồi, tức là đoạn trước ngài nói với Chỉ Y đạo giả *Chẳng mượn, mượn*. Chỉ sợ kẹt trong giải thoát mà không khởi niệm vào luân hồi độ sanh. Chúng ta thì chỉ e không được giải thoát. Tại sao? Mình mơ ước được giải thoát nên rất sợ luân hồi. Nhưng đã hết vô minh thì đâu còn sợ sanh tử luân hồi. Đây là chỗ mạnh của thiền tông.

Các ông nói phải làm sao? Như người hiện nay nói có chỗ tịnh khiết, thích hướng về việc ấy. Đây là bệnh thật khó trị. Nếu việc thô trọng ở thế gian lại là nhẹ, bệnh tịnh khiết thật là nặng. Như pháp vị Phật, pháp vị Tổ vị trọn là trệ ngại. Tiên sư nói: “Tâm nghĩ là phạm giới, nếu được pháp vị là phá trai.” Hãy bảo thế nào là được pháp vị? Chỉ là pháp vị Phật, pháp vị Tổ, vừa có tâm vui mừng là phạm giới.

Như hiện nay nói phá trai phá giới là khi làm pháp ba phen yết-ma, ấy sớm đã phá rồi. Nếu là bệnh tham sân si thô trọng, tuy khó dứt mà lại nhẹ, còn bệnh vô vi vô sự tịnh khiết lại nặng không gia giảm được.

Chúng ta tu mong được pháp vị, được chỗ thanh tịnh, nhưng nếu mê say trong pháp vị, trong chỗ thanh tịnh thì đó là bệnh khó cứu. Như có người tu theo ngoại đạo được thần thông, biết quá khứ vị lai. Chúng ta biết họ tu như vậy là sai lạc không được giải thoát, đem lời chân chánh của Phật khuyên dạy để họ bỏ con đường ngoại đạo đó. Nhưng họ có chịu nghe mình không? Vì chấp vào thần thông đã được, nên không buông bỏ, không tiếp nhận tu tập. Tức là người đã chấp vào chỗ được, vào vị trí của mình, gọi là trệ ngại. Vì thế người tu chấp vào thanh tịnh, cho thanh tịnh là cứu cánh thì cứ kẹt cứ chìm ở đất vô sanh. Ngài gọi đó là bệnh tịnh khiết.

Phá trai phạm giới là sau ba phen yết-ma là đã phạm rồi, ý nói gì? Như người thọ giới Sa-di hay Tỳ-kheo là do tăng chúng làm pháp yết-ma ba lần rồi truyền giới cho. Truyền rồi mà nếu phạm thì gọi là phá giới. Đây ngài nói vừa yết-ma là sớm đã phạm giới rồi. Vừa khởi tâm vui mừng với pháp vị Phật tổ là phạm giới. *Bệnh tham sân si thô trọng mà lại nhẹ, bệnh vô vi vô sự lại nặng.* Vô vi tức là không thân, vô sự là không việc; không thân không việc thì lạc thủy chung, đó là bệnh nặng.

Tổ sư ra đời cũng chỉ vì cái ấy, chẳng riêng vì các ông. Hiện nay làm kẻ rảnh rang qua ngày, làm con chồn con trâu tu hành lại thích, chẳng phải có thiền có đạo. Như các ông mỗi thứ tìm kiếm, tìm Phật tìm Tổ, cho đến Bồ-đề Niết-bàn, đến bao giờ thôi dứt xong xuôi ư? Đều là tâm sanh diệt. Do đó không bằng con chồn con trâu ngơ ngơ không biết, chẳng biết Phật chẳng biết Tổ, cho đến Bồ-đề Niết-bàn và nhân quả thiện ác. Chỉ đói đến là ăn cỏ, khát đến thì uống nước. Nếu được thế ấy, chẳng lo chẳng xong xuôi. Đâu chẳng nghe nói: “Tính toán chẳng thành ấy là biết có, mới hay mang lông đội sừng kéo cày mang bữa.” Được cái tiện nghi này, mới có chút ít. Đâu chẳng thấy đức Di-lặc, A-súc và những thế giới Diệu Hỷ... vẫn bị thượng nhân kia (Duy-ma-cật) gọi là Bồ-tát giải đãi không hổ thẹn. Cũng nói là biến dịch sanh tử, vẫn e còn phần nhỏ giải đãi.

Tại sao người tu lại làm con chồn con trâu, nghe buồn quá vậy? Có thật là chồn trâu không? Chỉ là sống không dùng tâm lanh lẹ phân biệt, giản trạch lăng xăng, sống với hiện tại an nhiên đói ăn khát uống. Khi an nhiên tự tại không dấy niệm, lúc đó có nghĩ Phật nghĩ Tổ, có nghĩ gì không? Không nghĩ tức là không biết, nên nói *chẳng biết Phật, chẳng biết Tổ, cho đến Bồ-đề Niết-bàn*. Cứ an nhiên hiện hữu tới lui không khởi niệm, sống được như vậy mới có thể tự do, mới xong xuôi.

Người *tính toán chẳng thành* tức là không còn tính toán thì *ấy là biết có*. Biết có tâm chân thật của mình,

biết được như vậy mới hay mang lông đội sừng, kéo cày mang bừa, tức gọi là *phi mao đới giác*... Được như vậy mới là được đạo.

Đâu chẳng thấy đức Di-lặc, A-súc và những thế giới Diệu Hỷ... vẫn bị thượng nhân kia (tức Duy-ma-cật) gọi là Bồ-tát giải đãi không hổ thẹn. Cũng nói là biến dịch sanh tử, vẫn e còn phần nhỏ giải đãi. Nói như vậy có chê các ngài không? Nếu không học chỗ này, chúng ta không hiểu tại sao cho rằng thiền là Tối thượng thừa. Thông thường nói Đại thừa, Thượng thừa, Phật thừa là cùng tột, đây lại nói Tối thượng thừa, trên cả Phật thừa. Tại sao cao quá vậy? Dẫn lời Duy-ma-cật nói dù được như Di-lặc, như Phật A-súc ở thế giới Diệu Hỷ vẫn còn có Phật thân, có thế giới thì chưa phải là pháp thân. Các vị ấy còn là Bồ-tát giải đãi không hổ thẹn, cũng còn biến dịch sanh tử. Tại sao? Vì trong tứ quả Thanh văn, từ Tu-đà-hoàn tu tiến lên Tư-đà-hàm là từ quả vị này sang quả vị kia, gọi là biến dịch sanh tử. Từ Tư-đà-hàm đổi lên A-na-hàm cũng là biến dịch sanh tử cho đến A-la-hán cũng vậy. Các bậc Bồ-tát Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, mỗi bậc mười vị từ vị thứ nhất tiến dần lên, bậc này đổi lên bậc kia, qua một vòng biến chuyển là biến dịch sanh tử. Các bậc, các quả vị đó có thật không?

Như chúng ta đi học cấp một từ lớp một tới lớp năm. Từ cấp một lên cấp hai, cấp ba trải qua nhiều lớp. Lên đến đại học, rồi ra cử nhân tiến sĩ... một vòng thay đổi. Việc học thì có đổi lớp, đổi cấp nhưng tâm trí mình có chia từng lớp từng cấp không? Cấp lớp là phương tiện

để cho người ta ham mà cố gắng học, cái hiểu biết của chúng ta không có lớp có cấp. Tâm trí cứ nghe rồi hiểu, không phân chia cấp một chứa chỗ nào, cấp hai chứa chỗ nào... Cũng vậy quả vị, thứ bậc là phương tiện đặt ra. Tu đến chỗ viên mãn, không còn bị phiền não vô minh che đậy pháp thân, đó là rốt ráo trở về. Còn tính kẻ Bồ-tát Thập tín, Bồ-tát Thập trụ... chẳng qua tạm đặt với thời gian tu.

Như nói Bồ-tát tu ba vô số kiếp thành Phật. Vô số kiếp thứ nhất là từ Thập tín đến mãn Thập hồi hướng. Tín, Trụ, Hạnh, Hồi hướng, bốn cấp này là vô số kiếp thứ nhất. Đến Thập địa, từ Sơ địa đến Bát địa là vô số kiếp thứ hai. Từ Bát địa đến thành Phật là vô số kiếp thứ ba. Chia ba số kiếp như vậy cũng là tạm chia mà thôi. Thời gian không thật, kiếp không thật, hết sạch phiền não là Phật, nói bậc nói cấp là gượng nói để khuyến khích người tinh tấn cố gắng tu. Đây nói *còn phần nhỏ giải đãi*, nghĩa là chia bậc cấp là vì sợ người giải đãi làm biếng nên khuyến khích. Với người thật tinh tấn thì cấp bậc không thành vấn đề.

Như thế nói có các bậc Bồ-tát, có các cõi Phật, là vì những người giải đãi còn ở trong biển dịch sanh tử. Riêng cái này nếu thấy được mình sẵn có không chạy theo vọng tưởng điên đảo thì không có cấp bậc gì. Đây là Đốn giáo Tối thượng thừa, thẳng một đường đơn đao trực nhập, cầm đao xông vào là xong việc. Nếu không giải thích, chúng ta cho rằng nhà thiền nói cao quá không hiểu nổi. Cao là thoát hết mọi hình thức phân biệt chia chẻ mà đi thẳng ngay chỗ chân thật. Nên nói mê là

chúng sanh, ngộ là Phật, không nói cấp bậc Bồ-tát hay cõi Phật để sanh về, chỉ một cái ấy thôi. Như vậy mới qua khỏi biến dịch sanh tử.

Nơi việc bốn phận phải nên làm sao? Cần phải chín chắn mới được. Mỗi người đều có một chỗ để ngồi, dù Phật ra đời xâm phạm chỗ ấy cũng không được. Thế hội cái ấy tu hành chẳng là thích thú lắm ư! Muốn biết việc này, chính nó khiến ta thành Phật thành Tổ, cũng chính nó khiến ta rơi trong tam đồ lục đạo. Tuy nhiên như thế, vẫn không có chỗ dụng, mà là y cũng chẳng được, cốt cùng y làm chủ thể mới được. Nếu làm chủ thể được tức là không còn biến dịch. Nếu làm chủ thể không được tức là biến dịch. Ngài Vĩnh Gia nói: Phóng đảng lãng xăng chuốc họa ương.

Mỗi người đều có chỗ ngồi riêng, Phật cũng không xâm phạm được. Tại sao mình không ngồi chỗ của mình lại đi lạy Phật xin cho chỗ ngồi? Ai cũng sẵn có cái đó, nhận ra được mới thật là thích thú.

Muốn biết việc này, chính nó khiến ta thành Phật thành Tổ, cũng chính nó khiến ta rơi trong tam đồ lục đạo. Tuy nhiên như thế, vẫn không có chỗ dụng, mà là y cũng chẳng được, cốt cùng y làm chủ thể mới được. Nếu làm chủ thể được tức là không còn biến dịch. Nếu làm chủ không được tức là biến dịch. Thế này thật tức cười, muốn gặp y thì tìm không ra, muốn bỏ y thì bỏ cũng không được. Đi trong luân hồi lục đạo thì y cũng đi theo khấn khít một bên không mất, nhưng tìm thì không thấy, phải làm sao? Cho nên cuối cùng chỉ cùng y làm

chủ tể mới được. Đừng bị các chú lục tặc làm rối loạn, mình làm chủ toàn bộ thì được, đừng tách rời, đừng tìm kiếm, tách rời tìm kiếm đều sai lầm. Ngay đó mà nhận được thì không còn biến dịch, không trải qua cấp bậc thay đổi quả vị. Nếu không làm chủ được thì bị đổi thay.

Ngài Vĩnh Gia nói: Phóng đãng lãng xăng chuốc họa ương. Bởi vì mình cứ tạo nghiệp rồi bị nó dẫn đi.

Tăng hỏi:

- Thế nào là phóng đãng lãng xăng chuốc họa ương?

Sư đáp:

- Chỉ là cái ấy.

- Làm sao khỏi được?

- Biết có liền được, dùng khỏi làm gì? Chỉ là Bồ-đề Niết-bàn phiền não vô minh... thấy đều chẳng cần khỏi, cho đến việc thô trọng ở thế gian cũng thế. Miễn biết có là được chẳng cần khỏi, khỏi tức đồng biến dịch rồi. Cho đến thành Phật thành Tổ, Bồ-đề Niết-bàn, những cái ấy đều họa ương chẳng nhỏ. Tại sao như vậy? Bởi vì biến dịch. Nếu không biến dịch, cần phải chạm việc tự do mới được.

Tăng hỏi: Thế nào là phóng đãng lãng xăng chuốc họa ương? Ngài đáp: *Chỉ là cái ấy.* Bởi cái ấy mà không biết trở về thì gọi là chuốc họa ương. *Làm sao khỏi được?* Ngài dạy: *Biết có liền được, dùng khỏi làm gì?* Khi nhận ra mình có cái đó, có muốn khỏi tất cả sanh tử, khỏi tất cả

phiền não không? Biết có cái đó rồi, những thứ khác rủ rê mình không theo là được, cần khởi làm gì? Chỉ vì thói quen sợ sanh tử phiền não nên muốn làm sao thoát khỏi.

Chỉ là Bồ-đề Niết-bàn phiền não vô minh... thấy đều chẳng cần khởi, cho đến việc thô trọng ở thế gian cũng thế. Miễn biết có là được chẳng cần khởi, khởi tức đồng biến dịch rồi. Muốn cầu Bồ-đề Niết-bàn nên tu bậc này bậc kia, nếu ngay nơi đó biết rõ mình có cái thật, đừng chạy theo cái giả là xong. Vì chúng ta tách rời nó, kiếm cớ này cớ kia để bị xê dịch, dời đổi. Như tu chứng A-na-hàm sanh lên cõi trời Ngũ na-hàm rồi cũng phải tu tiếp. Nếu nơi đây thẳng đó biết có cái thật thì ngay đây là an trú không dời đổi.

Cho đến thành Phật thành Tổ, Bồ-đề Niết-bàn, những cái ấy đều họa ương chẳng nhỏ. Tại sao như vậy? Bởi vì biến dịch. Nếu không biến dịch, cần phải chạm việc tự do mới được. Tu để cầu chứng Tổ vị, Phật quả cũng là còn trong biến dịch sanh tử. Ngay nơi đó mà xông vô thì hết biến dịch. Chạm việc tự do gọi là xúc mục Bồ-đề, gặp tất cả việc dừng dính mắc là khởi biến dịch, thẳng đó là yên. Tinh thần thiền tông là như vậy. Mỗi lần học chúng ta sẽ thấy rõ hơn, mỗi vị có những chỗ nói càng ngày càng thông, càng ngày càng rành rẽ. Cần phải có tu rồi nghiền ngẫm nhiều, chừng đó mới thấy lẽ thật.

Nam Châu soái Nam Bình Chung Vương nghe danh Sư cho sứ đi thỉnh. Sư chẳng đến, chỉ biên bài tụng của Đại Mai để đáp:

***Tôi tàn khô mộc ỷ hàn lâm
 Kỳ độ phùng xuân bất biến tâm.
 Tiều khách ngộ chỉ du bất cố
 Dĩnh nhân na đắc khổ truy tâm.***

Dịch:

**Cây khô gãy mục tựa rừng xanh
 Máy độ xuân về tâm chẳng sanh.
 Lão tiều trông thấy nào đoái nghĩ
 Dĩnh khách thôi thì chớ hỏi phan.**

Ngài dụ thân mình như cây khô gãy mục ở trong rừng lạnh, bao nhiêu lần xuân qua mà tâm không thay đổi. Lão tiều phu thấy cây mục có muốn chặt về không? Ông tiều cũng chê, mấy ông thành thị mời tôi xuống làm chi. Đó là dùng bài kệ để trả lời, từ chối.

Sư dạy chúng kệ rằng:

***Tùng duyên tiến đắc tương ưng tột
 Tự thể tiêu đình đắc lực trì.
 Miết khởi bản lai vô xứ sở
 Ngô sư tạm thuyết bất tư nghì.***

Dịch:

**Từ duyên tiến được tương ưng nhanh
 Đến thể lặng dừng đắc lực chậm.
 Chợt khởi từ xưa không nơi chỗ
 Thấy ta tạm nói không nghĩ nghĩ.**

Từ duyên tiến được, chỗ đó tương ứng rất nhanh, rất mau. Như ngài Linh Vân thấy hoa đào nở liền ngộ, ngài Hương Nghiêm nghe tiếng đá chạm trúc liền ngộ, đó là *từ duyên tiến được tương ứng nhanh*, chớp mắt liền thấy. *Đến thể lặng dừng đặc lực chậm*. Đến thể để tiêu dần dần những phiền não vọng tưởng thì đặc lực rất chậm. Chúng ta bây giờ tu giống câu này, vì chưa được cái kia phải thực hành cái này. *Chợt khởi từ xưa không nơi chỗ*, chợt dấy lên chỗ xưa nay không nơi chốn, tương đương câu *xúc mục Bồ-đề* hay là *động dung dương cổ lộ*. Chợt đó liền thấy hiện cái chân thật. *Thấy ta tạm nói không nghĩ nghĩ*, đó là chỗ không nghĩ nghĩ. Hai câu trước *từ duyên tiến được tương ứng nhanh*, *đến thể lặng dừng đặc lực chậm* thì còn có thứ bậc, không sánh kịp chỗ này.

Sư thượng đường, có vị tăng bước ra hỏi:

- Thế nào là người đại xiển-đề?

Sư đáp:

- Chẳng sợ nghiệp.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người vô minh?

Sư đáp:

- Trước sau chẳng giác ngộ.

Tăng hỏi:

- Hai người này ai ở trước?

Sư đáp:

- Người vô minh.

Tăng hỏi:

- Người xiển-đề vì sao ở sau?

Sư đáp:

- Người hướng đi.

Tăng thưa:

- Thế ấy thì người vô minh chẳng từ ngày nay đi?

Sư đáp:

- Phải.

Tăng thưa:

- Đã chẳng từ ngày nay đi, vô minh từ chỗ nào đến?

Sư đáp:

- Chỗ sáng chẳng dám vào.

Tăng thưa:

- Đâu chẳng phải chẳng minh chẳng ám?

Sư bảo:

- Phải.

Tăng thưa:

- Chính khi ấy thế nào?

Sư bảo:

- Chẳng cho chạm.

Người đại xiển-đề không sợ nghiệp nên nói mang lông đội sừng (loại đọa). Hỏi: *Người xiển-đề với người vô minh ai có trước?* Vô minh là không giác ngộ, *vô minh có trước*, người xiển-đề có sau. Người vô minh không tỉnh giác, người xiển-đề sau khi tỉnh giác mới gọi người đại xiển-đề. Vô minh có sẵn từ bao giờ với cái kia, cái kia có sẵn đó nhưng bị vô minh phủ, sau này nhận được người xưa rồi mới buông được vô minh. Vì thế vô minh có trước.

Hỏi: *Người xiển-đề vì sao ở sau?* Đáp: *Người hướng đi*, vì trước có mà không thấy, sau này nhận dẹp vô minh mà thấy nên gọi là người hướng đi. Tăng thưa: *Thế ấy thì người vô minh chẳng từ ngày nay đi?* Như vậy thì vô minh không có đi sao? *Phải*. Tăng thưa: *Đã chẳng từ ngày nay đi, vô minh từ chỗ nào đến?* Nếu không đi thì từ đâu đến? Ngài đáp: *Chỗ sáng chẳng dám vào*, vô minh là chỗ sáng thì không có, cũng như tối không dám tới chỗ sáng. Tăng thưa: *Đâu chẳng phải chẳng minh chẳng ám?* Như thế tốt cùng chỗ đó không phải tối không phải sáng hay sao? Ngài nói: *Phải*. Hỏi: *Chính khi ấy thì thế nào?* Đáp: *Chẳng cho chạm*, chỗ đó là không cho mắc kẹt.

Sư lại bảo:

- **Xiển-đề có nhiều thứ: Một, Giết cha giết mẹ, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng, hủy hoại già-lam, đây quyết định thật báo chịu các thứ khổ. Hai, Cũng làm như trước, nhưng mà giết cha vô minh mẹ tham ái, chẳng tin có Phật pháp tăng có thể phá, có già-lam có thể hoại, cho là nghiệp từ tâm**

mà thành, nên đọa cũng chịu các thứ quả hư vọng. Hai loại này lên xuống chẳng đồng. Ba, Biết chính mình có việc bản lai, gọi là cha mẹ, chẳng nhân bên ngoài mà được, không tu không chứng, phi nhân phi quả, chẳng do Thầy được, chẳng từ chứng mà thành. Chỗ được, chẳng khởi chấp cha, gọi là giết, chẳng khởi chấp mẹ, gọi là hại, tức là tất cả việc bốn phạm chẳng giữ chẳng còn, nên gọi là giết hại. Vừa có mảy may kính trọng, được ý vị thì chẳng thành, chỉ biết có việc chính mình, nên gọi là đại xiển-đề. Do đây dấy lên diệu lực tức là thể hội tông thừa từ trước, thừa kế việc nhà, cần cắt đường huyền, phá các cong vạy, như lão nhân Tân Phong khéo chỉ.

Ngài bảo: *Xiển-đề có nhiều thứ:*

Thứ nhất, *giết cha giết mẹ, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng, hủy hoại già-lam, đây quyết định thật báo chịu các thứ khổ.* Đây là xiển-đề phạm tội ngũ nghịch.

Thứ hai, *hạng xiển-đề này giết cha vô minh mẹ tham ái, thấy Phật pháp tăng không thể phá vì Phật, pháp, tăng không có thật, già-lam không thể hoại.* Đây là hạng xiển-đề Bồ-tát không phải thường. Như vậy hạng trước bị đọa xuống, hạng sau tiến lên, nên nói *hai loại này lên xuống chẳng đồng.*

Thứ ba, *người nhận ra bản lai của mình, bản lai đó cũng gọi là cha mẹ, có khi gọi là khố mẹ sanh (nương sanh khố).* Như vậy người đại xiển-đề là người đi thẳng, nhận ngay nơi mình có cái chân thật không qua thứ bậc.

Đời Đường niên hiệu Thiên Phúc (901) mùa hạ năm Tân Dậu, ban đêm Sư hỏi Tri sự:

- Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?

Tri sự thưa:

- Ngày rằm tháng sáu.

Sư bảo:

- Tào Sơn bình sinh đi hành khước đến nơi chỉ biết chín chục ngày là một hạ, sáng mai giờ Thìn ta đi hành khước.

Hôm sau, đúng giờ Thìn thấp hương, Sư ngồi yên lặng mà hóa, thọ 62 tuổi, 37 tuổi hạ. Vua ban thụy là Nguyên Chứng thiền sư, tháp hiệu Phước Viên.



THIÊN SƯ ĐẠO ỨNG Ở VÂN CƯ

(? - 902)

Sư họ Vương, người ở Ngọc Điền, U Châu. Thuở bé Sư đã xuất gia theo thầy học đạo. Năm hai mươi lăm tuổi Sư thọ giới Cụ túc tại chùa Diên Thọ ở Phạm Dương. Bốn sư bắt Sư học giới luật Thanh văn. Sư than: “Kẻ đại trượng phu đâu thể chịu luật nghi còng trói ư?” Sư bèn đến núi Thúy Vi hỏi đạo và ở lại đây ba năm.

Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, năm hai mươi lăm tuổi thọ giới Cụ túc. Khi thầy ngài bảo học giới luật, ngài than: *Kẻ đại trượng phu đâu thể chịu luật nghi còng trói*. Đây là tư cách của bậc siêu xuất. Đối với người đi đứng nằm ngồi, đại tiểu, ăn cơm mặc áo không có một niệm gì khác, cần giữ giới không? Chúng ta tại sao phải giữ giới? Khi con khỉ thuần thục nằm một chỗ thì cần dây xiềng không? Con khỉ chạy nhảy tứ tung thì cần dây xiềng không? Sở dĩ có dây xiềng là vì nó chạy nhảy,

nếu hết chạy nhảy thì dây xiềng là thừa. Vì vậy đại trượng phu không sống với tâm viên ý mã thì không cần giới luật. Phàm phu chúng ta tâm viên ý mã nên giới luật rất cần.

Một hôm có du tăng từ Dự Chương đến khen ngợi pháp hội ở Động Sơn. Sư liền từ tạ, đến Động Sơn.

Động Sơn hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ Thúy Vi đến.

- Thúy Vi có lời gì dạy đồ chúng?

- Thúy Vi cúng dường La-hán, con hỏi: Cúng dường La-hán, La-hán có đến chăng? Thúy Vi hỏi con: Mỗi ngày ông ăn cái gì?

- Thật có lời này chăng?

- Có.

- Chẳng uống tham kiến bậc tác gia.

- Xà-lê tên gì?

- Tên Đạo Ứng.

- Lại nói lên trên?

- Nói lên trên tức chẳng tên Đạo Ứng.

- Người đáp tương tự với ta lúc đến Vân Nham.

Trong tông Tào Động, khi hỏi tên là thuật dò xét người. Hỏi ông tên gì, nói tên rồi, nếu bảo *nói lên trên*, nói được hợp lý thì cho vô ở liền.

Sư hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư?

Động Sơn đáp:

- Sau này Xà-lê có nơi chốn ở yên, chợt có người đến hỏi như thế, phải đáp làm sao?

- Đạo Ứng tội lỗi.

Khi Vân Cư hỏi, ngài Động Sơn không đáp mà hỏi lại nếu trường hợp ông bị hỏi thì sẽ đáp ra sao? Câu không thể đáp được mà trả lời tức là có lỗi, nên ngài nói: *Đạo Ứng tội lỗi*.

Động Sơn hỏi:

- Ta nghe Hòa thượng Tư Đại sanh làm vua nước Nhật là thật giả?

Sư thưa:

- Nếu là Tư Đại, Phật còn chẳng làm, huống là làm vua.

Động Sơn gật đầu.

Tư Đại tức hòa thượng Huệ Tư, thầy của Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai, tương truyền ngài sanh làm vua nước Nhật. Nhân câu chuyện đó đặt ra câu hỏi: *Hòa thượng Tư Đại sanh làm vua ở nước Nhật phải không?*

Tư Đại là ông vua lịch sử đó hay Tư Đại nào? Tư là biết nghĩ, cái biết nghĩ trùm hết gọi là đại. Cái đó *Phật còn không làm, huống nữa làm vua.*

Một hôm Động Sơn hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Đạp núi đến.

- Quả núi nào nên ở?

- Có quả núi nào chẳng nên ở.

- Thế ấy là cả nước đều bị Xà-lê chiếm hết.

- Chẳng phải.

- Thế ấy là người đã được đường vào?

- Không đường.

- Nếu không đường làm sao được cùng lão tăng gặp nhau?

- Nếu có đường thì cùng Hòa thượng cách núi vậy.

- Kẻ này về sau ngàn muôn người nắm chẳng đứng.

Lối đối đáp giản dị mà thật lý thú. Hỏi từ đâu đến thì có thể chúng ta trả lời từ Châu Đốc, Cần Thơ,... phải không? Ngài Vân Cư trả lời *đạp núi đến*, đi qua nhiều núi, nên ngài Động Sơn hỏi *quả núi nào nên ở*? Ông đã qua nhiều núi thì núi nào ông thích ở? Vân Cư trả lời

có quả núi nào chẳng nên ở? Chỗ nào cũng nên ở tức là chiếm hết rồi, nên ngài Động Sơn nói, thế ấy là cả nước đều bị Xà-lê chiếm hết. Vân Cư nói chẳng phải. Động Sơn bảo nếu không chiếm thì tức là ông đã được đường vào rồi. Vân Cư nói không đường. Động Sơn liền bẻ nếu không đường làm sao được cùng lão tăng gặp nhau? Nếu như thế làm sao tới đây được mà gặp ta? Như không khéo chuyển thì chịu thua. Vân Cư nói nếu có đường thì cùng Hòa thượng cách núi. Câu này thật đặc biệt, nên ngài Động Sơn khen kẻ này về sau ngàn muôn người nắm chẳng đứng.

Sư theo Động Sơn lợi qua suối. Động Sơn hỏi:

- Nước cạn sâu?

Sư thưa:

- Chẳng ướt.

Động Sơn bảo:

- Kẻ thô.

Sư thưa:

- Thỉnh Thầy nói.

Động Sơn nói:

- Chẳng khô.

Tại sao trước trả lời *chẳng ướt* mà ngài Động Sơn chê là thô, rồi sau hỏi thì ngài nói *chẳng khô*. Lợi qua suối mà biết cạn sâu thì lúc đó có ướt chưa? Nói chẳng ướt tức là còn trong tưởng chưa phải thực, nên bị chê kẻ thô. Ngài Động Sơn nói chẳng khô, tại sao không nói ướt, như trước không nói khô mà nói chẳng ướt?

Vì nếu nói ướt nói khô là phạm húy. Trong tông Tào Động không cho mắc kẹt danh từ mà dùng lý hội hõ, chẳng ướt tức là khô, chẳng khô tức là ướt.

Sư làm tương, Động Sơn hỏi:

- Làm gì?

Sư thưa:

- Làm tương.

Động Sơn hỏi:

- Dùng muối nhiều ít?

Sư thưa:

- Xoay vào.

Động Sơn hỏi:

- Làm thành vị gì?

Sư thưa:

- Đắc.

Ngài Động Sơn nhân việc làm tương gài bẫy, nên hỏi *dùng muối nhiều ít?* Nếu trả lời nhiều hoặc ít thì mắc kẹt, Vân Cư nói *xoay vào*, tức là bỏ vô quây thôi, không nói nhiều ít. Hỏi *làm thành vị gì?* Nếu nói vị này vị nọ cũng còn kẹt, Vân Cư nói *đắc*, nghĩa là xoay vào thì sẽ được, không nói vị gì. Cách trả lời khéo léo.

Động Sơn hỏi Sư:

- Người đại xiển-đề giết cha hại mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, các việc như thế hiếu dưỡng đâu còn?

Sư thưa:

- Mới được hiệu dưỡng.

Từ đây Động Sơn giao Sư làm lãnh tụ trong chúng.



Sư cất thảo am nơi Tam Phong, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi:

- Mấy ngày nay sao người không đến thọ trai?

Sư thưa:

- Mỗi ngày có thiên thần cúng dường.

Động Sơn bảo:

- Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải. Người rảnh chiều lại.

Chiều, Sư đến. Động Sơn gọi:

- Ứng am chủ!

Sư ứng thanh: - Dạ!

Động Sơn bảo:

- Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác là cái gì?

Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ, thiên thần tìm mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi cúng dường.

Nếu không học chỗ này chúng ta dễ mắc kẹt. Người tu mà được chư thiên cúng dường một bữa cơm thì chắc nhớ đời đời. Như giả sử có chú nào nhập thất được chư thiên cúng dường, rồi không nhận đồ trong chùa thì

hạnh diện không? Chắc là đồn rùm. Như vậy mà bị ngài Động Sơn chê *còn kiến giải*. Tại sao? Vì có tâm dấy niệm thì chư thiên hay ma quỷ thấy. Người dấy niệm thiện thì chư thiên khen, dấy niệm ác xấu thì chê; người thuần thực chỉ còn niệm thiện thì chư thiên mừng quá cúng dường. Còn niệm là còn kiến giải. Khi *không nghĩ thiện không nghĩ ác* tức là buông tất cả niệm, lúc đó chư thiên không thể thấy, nên hết cúng dường.

Thiền sư Pháp Dung đạo đức cảm đến chim tha hoa quả cúng dường, cọp hầu một bên. Nhưng khi gặp Tứ tổ Đạo Tín, ngộ được lý Thiền thì chim chóc hết cúng dường. Người ta đặt câu hỏi như vậy là trước có phước hay sau có phước? Phải học đến chỗ này mới hiểu. Được cúng dường là lúc đó tâm thuần thiện nên chim thú cảm ứng được. Khi gặp Tứ Tổ thì bật hết mọi niệm, loài chim thú không thấy mà cúng dường. Ở đây thiên thần kiếm ba ngày mà không tìm ra tông tích. Chỗ đặc biệt của các ngài là đi đứng nằm ngồi đều như như. Ngài Tào Sơn nói, làm kẻ rảnh rang như con chồn con trâu, đói ăn khát uống, tu hành lại thích. Đến được như vậy mới là thật đến.

Sư đến trụ ở núi Vân Cư, tứ chúng đua nhau tìm đến, pháp hội nơi đây rất thanh hành.

Sư dạy chúng:

- Phật pháp đâu có nhiều việc, hành được là phải. Chỉ biết tâm là Phật, chớ lo Phật chẳng biết nói. Muốn được việc như thế phải là người như thế. Nếu là người như thế thì còn lo cái gì? Nếu nói việc

như thế là khó, thì các bậc tiên đức từ xưa thuần phác chân thật, vốn không khôn khéo. Giả sử có người đến hỏi “Thế nào là đạo?” hoặc khi các ngài đáp “Ngồi gạch gốc cây là gì”. Bởi việc căn bản là ở dưới gót chân thật có khí lực, là người bất tư nghi, nắm đất biến thành vàng. Nếu không có việc như thế, dù ông nói được như hoa như gấm, nói ta phóng quang động địa thế gian không ai hơn, nói tốt hết, mà mọi người vẫn không tin nhận. Bởi lâu nay việc dưới chân nhà mình vẫn rỗng không, chẳng có một chút khí lực.

Phật pháp đâu có nhiều việc, hành được là phải, nghĩa là không cần làm nhiều việc, chỉ sống được, không chạy theo vọng tưởng điên đảo là tốt. Chớ lo Phật chẳng biết nói, nhiều người nói tội dốt quá làm sao giảng kinh cho người nghe. Phải biết rằng thành Phật rồi nói gì cũng thành kinh, như Lục Tổ vốn không biết chữ, ngài nói câu nào đại chúng đều cũng ghi chép học hỏi. Chỉ lo không nhận được chứ đừng lo dốt, nếu chúng ta là người tỏ ngộ thì không còn lo gì.

Những vị tiên đức ngày xưa rất chân chất thật thà không khôn khéo. Chúng ta bây giờ lanh quá, lý luận theo không kịp, khôn quá nên mất mình. Các ngài lời lẽ rất tầm thường, như nói “cây bá trước sân” không có lý lẽ gì.

Việc dưới chân nhà mình vẫn rỗng không, bốn phận căn bản không được gì, không có chút khí lực thì nói hay nói giỏi cũng là thừa.

Các ông! Ví như con chó săn chỉ biết đuổi theo dấu vết thôi. Nếu khi gặp con linh dương treo sừng thì chẳng những không thấy dấu vết, mà hơi hám cũng không biết.

Tăng hỏi:

- Con linh dương khi treo sừng thì sao?

Sư đáp:

- Sáu lần sáu là ba mươi sáu. Hội chẳng?

Tăng thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Chẳng thấy nói “không dấu vết” sao?

Những câu này nghe như khó hiểu nhưng thật là đối đáp tài tình. Nói rằng chúng ta như con chó săn cứ chạy theo hơi theo dấu. Nếu gặp con linh dương treo sừng móc lên cây vách núi cao, không có hơi có dấu thì hết biết đường theo. Con linh dương treo sừng là dụ cho bản lai diện mục, theo hơi theo dấu là theo kinh sách chữ nghĩa. Bởi cái kia là cái không thể biết không thể tìm trong chữ nghĩa nên nói *không dấu vết*.

Hỏi: *Con linh dương treo sừng thì sao?* Ngài đáp *sáu lần sáu là ba mươi sáu*. Tăng thưa: *Không hội*, ngài bảo: *Chẳng thấy nói “không dấu vết” sao?* Cho ông hội tức là hiểu, là có ý nghĩa có dấu vết để tìm, còn cái đó không dấu vết. Nói *sáu lần sáu* là để chấm dứt dấu vết, nếu nghe câu đó cứ suy nghĩ sáu lần sáu ba mươi sáu nghĩa là gì, càng suy nghĩ càng trật.

Có một vị tăng ở trong phòng tụng kinh. Sư ở ngoài cửa hỏi:

- Xà-lê tụng đó là kinh gì?

Tăng thưa:

- Kinh Duy-ma.

Sư bảo:

- Chẳng hỏi kinh Duy-ma, người tụng là kinh gì?

Vị tăng này nhân đó được ngộ.

Vị tăng này nhận ra người tụng là kinh vô tự.

Có vị quan liêu đến cúng dường, hỏi:

- Thế Tôn có mật ngữ, Ca-diếp chẳng phú tàng, thế nào là Thế Tôn mật ngữ?

Sư gọi:

- Thượng thư!

Vị quan:

- Dạ!

Sư hỏi:

- Hội chẳng?

Vị quan thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Ông nếu chẳng hội thì Thế Tôn có mật ngữ. Nếu ông hội thì Ca-diếp chẳng phú tàng.

Trả lời rất rõ. Khi nghe kêu mà không hiểu thì đó là mật ngữ của Thế Tôn, nếu hiểu thì Ca-diếp chẳng phụng tàng tức là không che giấu.

Sư dạy chúng:

- Các ông dù học được việc bên Phật, vẫn là dụng tâm sai lầm rồi. Các ông đâu không thấy cổ nhân giảng được chư thiên rải hoa cúng dường, đá gập đầu, còn chẳng can hệ việc chính mình, ngoài ra còn có nghĩa gì? Như hiện nay toan đem thân tâm hữu hạn nhằm trong vô hạn mà dùng thì có giao thiệp gì? Như đem khúc cây vuông tra vào lỗ tròn thì sự sai ngoa nhiều ít? Nếu không nhằm việc ấy, dù ông nói tươi như hoa đẹp như gấm vẫn là vô dụng, vì chưa rời tình thức vậy. Nếu tất cả việc đều hướng trong ấy đến sạch hết mới được không lỗi, mới được xuất thân. Nếu một sợi lông mảy tóc dẹp chẳng hết liền bị trần lụy, huống là quá nhiều, sai chừng hào ly phạm lỗi bằng quả núi. Cổ nhân nói: “Chỗ học chẳng sâu, ấy là kẻ thế gian; việc trong khuê các bỏ chẳng được đều là rỉ chảy.” Phải nắm chỗ này nhận lấy, trong mọi hành động đều dẹp sạch tất cả việc, mới được không lỗi. Như người sự sự đều liễu, vật vật đều thông, chỉ gọi là người liễu sự, chẳng gọi là tôn quý. Nên biết tôn quý tự có đường riêng, là vật thế gian rất trọng rất quý. Chẳng được sau này hướng bên tôn quý. Nên biết không thể nghĩ bàn, chẳng xứng tâm mong muốn. Do đó cổ nhân nói: “Ví như hai gương sáng, ánh sáng đối nhau, ánh sáng

soi nhau, không thiếu không dư.” Đâu chẳng phải là một loại, vậy mà vẫn còn gọi “việc bên ảnh tượng”. Như khi mặt trời mọc lên, ánh sáng soi khắp thế gian một nửa sáng rõ, một nửa kia gọi là gì? Như hiện nay người chưa nhận được việc thô thiển bóng sáng ở ngoài cửa, mà muốn làm việc trong nhà thì làm sao làm được?

*Giảng kinh được đá gặt đầu là chuyện của ngài Trúc Đạo Sinh. Thời Dao Tần, đệ tử ngài Cưu-ma-la-thập là Trúc Đạo Sinh nghiên cứu kinh Niết-bàn, lúc đó kinh chưa đem sang Trung Hoa toàn bộ, nên thiếu đoạn nói xiển-đề có Phật tánh. Ngài chủ trương xiển-đề có Phật tánh liền bị chúng tăng phản đối. Ngài bèn lên núi chất một hàng đá làm thính giả nghe ngài giảng kinh Niết-bàn. Đến chỗ nói xiển-đề có Phật tánh, ngài hỏi đúng không, đá gặt đầu. Sau này kinh Niết-bàn đem tiếp qua, nói xiển-đề có Phật tánh, lúc đó chư tăng mới công nhận ngài nói đúng. Người xưa giảng dạy như thế mà còn *chẳng can hệ việc chính mình*, chỉ là việc bên ngoài. Ngoài ra còn có nghĩa gì?*

Như hiện nay toan đem thân tâm hữu hạn nhằm trong vô hạn mà dùng thì có giao thiệp gì? Như đem khúc cây vuông tra vào lỗ tròn thì sự sai ngoa nhiều ít? Nếu không nhằm việc ấy, dù nói tươi như hoa đẹp như gấm vẫn là vô dụng, vì chưa rời tình thức vậy. Nếu tất cả việc đều hướng trong ấy đến sạch hết mới được không lỗi, mới được xuất thân. Thân tâm này là hữu hạn còn cái kia là vô hạn, đem hữu hạn dùng vào vô hạn thì thấm vào đâu? Dù thuyết giảng hay tươi như hoa

đẹp như gấm cũng không đủ dùng, chỉ có đẹp tất cả thì mới không lỗi, mới được xuất thân.

Nếu một sợi lông, một mảy tóc đẹp chẳng hết liền bị trần lụy, huống là quá nhiều, sai chừng hào ly phạm lỗi bằng quả núi. Một mảy lông, một sợi tóc đẹp không sạch còn bị trần lụy, chúng ta còn bằng bồ lúa thì trần lụy chừng bao nhiêu?

Cổ nhân nói: “Chỗ học chẳng sâu, ấy là kẻ thế gian; việc trong khuê các bỏ chẳng được đều là rỉ chảy.” Phải nhắm chỗ này nhận lấy, trong mọi hành động đều đẹp sạch tất cả việc, mới được không lỗi. Như người sự sự đều liễu, vật vật đều thông, chỉ gọi là người liễu sự, chẳng gọi là tôn quý. Sự sự đều liễu, vật vật đều thông tức là rõ hết, thông suốt mọi sự mà chỉ gọi người liễu sự chưa phải là tôn quý.

Nên biết tôn quý tự có đường riêng, là vật thế gian rất trọng rất quý. Chẳng được sau này hướng bên tôn quý. Nếu còn hướng tôn quý thì bị đạo, ngài Tào Sơn gọi là tôn quý đạo.

Nên biết không thể nghĩ bàn, chẳng xứng tâm mong muốn. Chỗ đó không khởi niệm khởi tâm, không hợp với tâm mong muốn.

Do đó cổ nhân nói: “Ví như hai gương sáng, ánh sáng đối nhau, ánh sáng soi nhau, không thiếu không dư.” Đâu chẳng phải là một loại, vậy mà vẫn còn gọi “việc bên ảnh tượng”. Như hai gương đối nhau, thầy trò khế hợp như hai gương đối nhau, vẫn còn gọi là việc bên ảnh tượng.

Như khi mặt trời mọc lên, ánh sáng soi khắp thế gian, một nửa sáng rõ, một nửa kia gọi là gì? Khi mặt trời mọc ánh sáng soi quả đất này là toàn diện ánh sáng mặt trời hay chỉ một phần? Quả đất này chỉ có một phần của mặt trời soi, ánh sáng mặt trời thì trùm hết. Cũng vậy, dầu cho thông minh đến đâu cũng là một phần nhỏ của cái chân thật. Cái chân thật thì trùm hết.

Như hiện nay, người chưa nhận được việc thô thiển bóng sáng ngoài cửa, mà muốn làm việc trong nhà thì làm sao làm được? Như hiện nay chưa nhận được sáu đường thân quang thì làm sao thấy được cái gốc bên trong? Sáu đường thân quang là bóng sáng ngoài cửa còn chưa thấy, huống nữa là thấy trong nhà. Vì thế ban đầu kinh giáo hay chư Tổ chỉ cho chúng ta vào từ cửa, hoặc đưa phát tử, hoặc kêu, dạ... Từ cửa đó bước vào chứ không chỉ được gốc ở trong.

Sư dạy:

- Người được chẳng nhỏ nhẹ, người sáng chẳng dùng hèn, người biết không than thở, người hiểu không chán ghét. Từ trời rơi xuống là bản cùng, từ đất vọt lên là phú quý, trong cửa ra thân là dễ, trong thân ra cửa là khó. Động thì chôn thân ngàn thước, chẳng động thì liền đó mọc mầm. Một câu nói siêu thoát cứu được người đương thời. Nói bàn chẳng cần nhiều, nói nhiều ắt là vô dụng.

Tăng hỏi:

- Thế nào từ trời rơi xuống là bản cùng?

Sư đáp:

- **Chẳng quý mà được.**
- **Thế nào từ đất vọt lên là phú quý?**
- **Trong không mà được có.**

Người được chẳng nhỏ nhẹ, như tổ Lâm Tế, Đức Sơn có nhỏ nhẹ không? Vừa hỏi là đã đánh hét, nắm được cái đó rồi thì không cần mềm mại êm ái để dẫn dụ mọi người kéo đến mà chỉ thẳng. Như ở đời có người học được nghề tuyệt xảo, đã nắm sẵn nghề khéo trong tay rồi thì ai muốn lại học, ông thầy có năn nỉ dễ dàng không? Ông có thể truyền nghề, nhưng không gặp người giỏi nên phải nói mạnh, ai cần thì tới. Như chúng ta có nghề tầm thường thì ai muốn học mình cũng năn nỉ yêu cầu. Nghề mình chưa xứng đáng mà người muốn học, mình dụ dỗ khuyến khích để cho họ học. Nên người được thì không nhỏ nhẹ, không được mới nhỏ nhẹ.

Người sáng chẳng dùng đèn. Nếu đã sáng thì dùng cái tầm thường làm chi. Như đêm có trăng thì cần đèn đuốc không? Trăng sáng rồi khỏi cần đèn đuốc làm chi. Đuốc đèn là vật hèn vật nhỏ đối với mặt trăng.

Người biết không than thở. Tại sao? Như có người xuất gia ở chùa năm mười năm mà không hiểu đạo lý, muốn tu không biết làm sao tu, người đó có than thở không? Nếu người xuất gia học đạo nhận ra lý đạo vui vẻ thích thú, người đó luôn phấn khích không than thở. Cho nên biết thì không than thở, không biết mới than thở.

Người hiểu không chán ghét. Tại sao? Như trong chúng đây có người đen xấu lùn, nhưng người đó hiểu rằng ngay nơi mình có ông chủ. Thân đen lùn này là thân tạm bợ, vài ba chục năm, năm ba chục năm nó hoại. Thân đẹp cao lớn sáng sủa của người khác và thân lùn đen của mình đều là tướng giả, vài chục năm hoại không quan trọng. Mình sẵn có thể chân thật bất sanh diệt không đổi dời, vì thế không chán ghét. Tất cả hơn thua tốt xấu đều không chạm được cái chân thật.

Tại sao từ trời rơi xuống là bần cùng? Cái gì mà dễ được, như từ trời bất thần rớt xuống thì rất dễ, nên gọi là bần cùng. Dưới đất vọt lên, đất là chỗ thấp không có hy vọng cầu mong gì mà hiện ra thì rất quý. Như cuộc đất tìm vàng, cuộc xuống thấy được vàng thì rất mừng. Đó là ý nghĩa của hai sự việc, nhưng cũng nói ý nghĩa nếu do người khác mà được ngộ thì không quý, từ mình phát ra mới quý.

Trong cửa ra thân là dễ, trong thân ra cửa là khó. Cửa là sáu căn, thân là thân vô tướng. Từ sáu cửa mà nhận ra thân vô tướng là dễ, từ thân thứ hai mà tìm được thật tướng là dễ. Nếu từ trong thật thể đó mà thấy ra cửa sáu căn là khó, vì đó là chỗ không mạnh mẽ nên nói từ thân ra cửa là khó.

Động thì chôn thân ngàn kiếp, chẳng động thì liền đó mọc mầm. Nếu vừa có tâm động niệm thì chôn thân ngàn kiếp. Nếu không khởi tâm không động niệm thì ngay đó Bồ-đề nảy sanh. Một câu nói siêu thoát cứu được người đương thời. Nói bàn chẳng cần nhiều, nói nhiều ắt là vô dụng.

Sư dạy:

- Liễu không thật có, được thì không chỗ mong, nói không chỗ phải, hành không chỗ nương, tâm không chỗ gá, đến tột mới được không lỗi. Ở chỗ đông như không người, ở chỗ không người như đông, nơi thân như không thân, ở thế như không thế, đâu chẳng phải vô nhiều. Đức này vượt hơn muôn loài, thoát khỏi tất cả trói buộc. Ngàn người muôn người được, còn nói chẳng bằng mình. Như hiện nay được cộng khởi một loại, cổ nhân nói: “Thế hội được việc bên này, lại sang giẫm đạp bên kia.” Bên này có việc gì? Bên kia lại giẫm đạp gì? Sở dĩ nói có cũng chớ đem đến, nói không cũng chớ đem đi, hiện tại đây là việc nhà ai?

Liễu không thật có, khi liễu ngộ rồi thấy tất cả pháp không có thật. Được thì không chỗ mong, nếu được rồi còn gì mong mãi. Nói không chỗ phải, nói năng không thấy có đối đãi, phải quấy. Hành không chỗ nương, nếu nhận được cái đó rồi còn có chỗ nào để nương. Tâm không chỗ gá, tâm chân thật này không mắc kẹt nơi chốn nên không chỗ gá. Đến tột mới được không lỗi, nếu tột được chỗ đó mới là không lỗi.

Ở chỗ đông như không người, ở chỗ không người như đông. Người thường gặp chỗ đông thì bao nhiêu thứ lăng xăng lộn xộn, múa tay múa chân, ca hát... Khi cảnh đổi, người thay đổi theo. Người đạt đạo thì cảnh là cảnh, người là người, chỗ đông như chỗ không người, không liên hệ tới người đó. Nơi thân như không thân, ở thế

như không thể. Tuy mang thân này nhưng thấy nó không thật, có thân mà như không thân; ở trên cõi đời này mà không nhiễm ô bất cứ cái gì *thì ở thế như không thể*. Đó là những câu nói rất đặc biệt, nếu được như vậy mới gọi là được *vô nhiễm*, mới *vượt hơn mọi loài*, mới *thoát khỏi tất cả trói buộc*. Ngàn người *muôn người được*, còn *nói chẳng bằng mình*, như vậy dầu cho ai chứng đạt nói cũng không bằng người đó.

Được cộng khởi một loại, nghe rồi hiểu, gọi là cộng khởi. Cộng là có ngoài có trong hợp lại, được như thế tưởng như hay giỏi, nhưng người xưa nói, *thể hội được việc bên này, lại sang giẫm đạp việc bên kia*. Chỉ thấy được một bên, chưa phải thật thể hội.

Bên này có việc gì? Bên kia lại giẫm đạp gì? Sở dĩ nói có cũng chớ đem đến, nói không cũng chớ đem đi, hiện tại đây là việc nhà ai? Chẳng nói có, chẳng nói không, ngay hiện tại là gì? Thiền chỉ nhấn mạnh thực tế hiện tại này. Có câu *Bất ly đương xứ thường trạm nhiên*, không lìa nơi đây mà thường lặng lẽ. Đó là chủ yếu của thiền. Đừng nói có không, đừng nói trước sau, thì có gì để nói? Thử nói một câu xem.

Sư dạy:

- Muốn thể hội việc này phải như người thở ra không hít vào, mới cùng người này tương ứng. Nếu thể hội được ý người ấy mới cho ít phần nói bàn, mới có ít phần hành lý. Tạm thời chẳng hiện như đồng người chết, hướng là như nay bàn năm luận tháng? Như người thường hiện thì lo gì việc nhà

chẳng xong, muốn biết việc lâu xa chỉ như việc hiện nay, hiện nay nếu được lâu xa cũng được. Như người ở viễn phương về nhà, đi đến là phải, phải thì tất cả đều phải, chẳng phải thì tất cả đều chẳng phải. Cần được lửa sáng trên đầu phát, cũng chẳng phải hay làm tất cả, tất cả chẳng làm. Nên nói: Trọn ngày tham việc trước mặt, quên mất việc sau lưng. Nếu thấy việc sau lưng, quên mất việc trước mặt. Như người chẳng trước sau thì có việc gì?

Thở ra không hít vào là người chết. Muốn thể hội đại đạo phải như người chết mới tương ứng. Chúng ta sống trọn vẹn quá nên khó tương ứng.

Một phút giây mà quên cái đó, giống người chết. Tại sao? Nhận được cái hiện hữu linh hoạt đó mới thật là sống. Chúng ta cứ nhớ chuyện cũ lo chuyện sắp đến, chuyện cũ đã qua là mất, chuyện sắp đến chưa đến là không. Chỉ nhớ cái mất cái không nên sống mà như chết, không sống được với cái hiện hữu linh hoạt này. *Huống nữa là bàn năm luận tháng, năm nay năm Thìn năm Hợi... bàn luận đủ việc. Như người thường hiện, lúc nào cũng sờ sờ trước mặt đó, thì lo gì việc nhà chẳng xong.* Hiện nay được như vậy thì mai kia cũng như vậy, không cần lo.

Như người đi xa về tới ngã ba, không biết đường bên tay trái hay tay phải là đường về nhà. Nếu biết đúng thì mỗi bước đều đúng, càng đi càng gần. Nếu biết sai thì mỗi bước càng sai, bước nhanh chừng nào thì sai nhiều chừng nấy. Vì thế nói, *phải thì tất cả đều phải, chẳng phải thì tất cả đều chẳng phải.* Người tu sai lạc

thì càng tinh tấn lại càng nguy hiểm. Biết lạc rồi thì dừng lại hỏi còn đỡ, nếu lạc rồi cứ cắm đầu mà đi, càng về sau càng nguy hiểm.

Lửa sáng trên đầu phát tức là trí tuệ sáng của mình phát khởi. Được như vậy thì cũng chẳng phải hay làm tất cả, tất cả chẳng làm, tức là vô sự vậy.

Trọn ngày tham việc trước mặt, quên mất việc sau lưng. Nếu thấy việc sau lưng, quên mất việc trước mặt. Như người chẳng trước sau thì có việc gì? Chúng ta lo việc trước quên việc sau, nhớ việc sau quên việc trước. Như người không có trước sau thì ngay đó hiện tiền.

Sư dạy:

- Như xem vật trong lòng bàn tay, quyết định quyết định, mới có thể tùy duyên. Nếu một như thế thì ngàn muôn cũng vậy. Trong ngàn muôn khó làm một hai, một hai không thể được. Đâu chẳng nghe nói: Người hiền chiếu là dễ được, người hiền chiếu rồi thì khó được, chẳng nói hoàn toàn không, mới là hy hữu. Nếu không được như thế chẳng cho gắng làm, gắng làm tức sanh não, sanh não tức lui sụt đạo, lui sụt đạo thì tội đến trên thân, là thấy chẳng được, nói khoác lác gì.

Các ông xuất gia như kẻ tội ra khỏi khám đường, nên ít muốn biết đủ, chớ tham danh lợi ở đời, nhịn đói nhịn khát chí cầu vô vi, được ở trong Phật pháp mười phần sống chín phần chết cũng chớ bỏ mất, ra sống vào chết chớ trái với Phật pháp,

nhỏ đinh cứt sắt, chớ mang nhiều việc Như Lai, nên phải ít việc. Mỗi người tự liễu lấy, có việc thì lại gần đây, không việc hãy lui đi.

Như xem vật trong lòng bàn tay, quyết định quyết định, mới có thể tùy duyên. Phải thấy cái đó rõ như xem vật trong bàn tay, không nghi ngờ. Quyết định, quyết định vậy thì chừng đó mới tùy duyên. Chúng ta hiện tại như người đi trong sương mù, thoáng thấy một chút rồi mất, nên chưa thể tùy duyên trong mọi việc.

Nếu một như thế thì ngàn muôn cũng vậy. Trong ngàn muôn khó làm một hai, một hai không thể được. Nếu nhận được một thì ngàn muôn cũng như vậy. Nhưng trong ngàn muôn không phải một hai, vì một hai là đối đãi. Phải hết đối đãi mới đến ngàn muôn được.

Người hiển chiếu là dễ được, người hiển chiếu rồi thì khó được. Tại sao? Như có người mới phát tâm học thiền được chút ít thấy hay quá thích quá, lúc đó gặp ai cũng giảng nói cho nghe. Đó là người hiển chiếu, mới được chút ít ham nói. Người đã học lâu, thấy học được mà làm chưa được, lúc đó ham nói không? Rất dè dặt không vội nói. Vì thế đến đó chẳng nói hoàn toàn không, chẳng phải là không ngờ, không nói hay không hiển chiếu, mới là hy hữu.

Nếu không được như thế chẳng cho gắng làm, gắng làm tức sanh não, sanh não tức lui sụt đạo, lui sụt đạo thì tội đến trên thân, là thấy chẳng được, nói khoác lác gì. Nếu chưa được thì đừng gắng làm. Nhiều người tu cố gắng quá, bậm môi trợn mắt trừng trừng xem như

rất tinh tấn, nhưng lâu ngày nhọc nhằn sanh não, sanh não rồi lâu quá không được thì lui sụt. Biết tu khéo dụng công thì hằng tỉnh hằng giác, không phải là bặt môi trợn mắt. Như người canh ăn trộm, chỉ ngó chừng tỉnh giác, không thấy họ thì thôi, thấy thì la. Chỉ khéo nhìn nhẹ nhẹ, công sức mới lâu dài. Những điều này nên nhớ.

Các ông xuất gia như kẻ tội ra khỏi khám đường. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: Người bị ràng buộc bởi vợ con nhà cửa còn quá hơn lao ngục. Người ở trong khám đường có ngày được ra, còn người bị trói buộc trong gia đình vợ con không có ngày được ra. Người xuất gia thoát khỏi vợ con, không phải ra khỏi khám đường là gì? Ra khỏi rồi có ai muốn vô lại không? Nếu ra khỏi rồi muốn vô lại thì thật là đại si mê.

Muốn không trở lại khám đường, cần phải *ít muốn biết đủ, chớ tham danh lợi, dám chịu nhịn đói nhịn khát chỉ cầu vô vi, ở trong Phật pháp mười phần sống chín phần chết cũng chớ bỏ mất, ra sống vào chết chớ trái với Phật pháp.* Như vậy mới gần với Phật pháp. Chúng ta rất hời hợt, sống nhàn không chết phần nào, bởi không chết nên thấy gì cũng liếc nhìn, thấy gì cũng ham muốn. Đang ngồi trong tu viện thấy xe hơi chạy ngang cũng trầm trồ, thấy máy móc đẹp cũng trầm trồ. Sống hoài, thấy gì cũng chạy theo, rồi bất thần thấy cô nào đẹp đẹp cũng trầm trồ, sống như vậy thì có ngày chết ngắc. Ngài dạy chúng ta phải chết hết chín phần, còn một phần sống, như vậy mới tương ưng. Thật là lời dạy này quá thiết tha, ráng nhớ để thực hành, đừng để đời tu trôi qua hời hợt.

Nhổ đinh cắt sắt, chớ mang nhiều việc Như Lai, nên phải ít việc. Mỗi người tự liễu lấy, có việc thì lại gần đây, không việc hãy lui đi. Phật pháp là chỉ dạy phương tiện nhổ đinh, cắt sắt, nghĩa là dẹp những chấp mắc của mình. *Chớ mang nhiều việc Như Lai.* Việc Như Lai việc gì? Đến chùa, thầy nào cũng than “lúc này Phật sự đa đoan”, đó là nhiều việc Như Lai. Mang nhiều quá không có thì giờ lo cho mình, phải giảm bớt mới được. Mỗi người phải tự liễu ngộ, có việc lại gần, không việc thì lui.

Sư trụ trì ba mươi năm tại Vân Cư, đạo truyền khắp thiên hạ. Chúng hiện có mặt đến một nghìn năm trăm vị. Nam Xương Vương tôn Sư làm thầy, nguyện kính làm thầy đời đời.

Đời Đường niên hiệu Thiên Phúc năm đầu (901) mùa thu, Sư có chút ít bệnh, đến ngày hai mươi tám tháng chạp, vì chúng nói pháp lần chót. Sau đó Sư từ biệt chúng, chúng đều bi thương. Lưu lại đến ngày mừng ba tháng giêng năm sau, Sư hỏi thị giả:

- Hôm nay ngày mấy?

Thị giả thưa:

- Mừng ba.

Sư bảo:

- Ba mươi năm sau, chỉ nói là cái ấy.

Sư ngồi ngay thẳng và từ chúng tịch.

Chúng ta học qua mỗi vị rồi, lại có kinh nghiệm thêm, càng học càng thấy sâu, càng khuyến khích chúng ta nỗ lực. Mỗi vị Tổ đem hết tâm lực chỉ dạy chúng ta những kinh nghiệm tu tiến. Nếu người hời hợt thô thiển tưởng học được chút ít là đủ, là xong việc thì sau này rất uổng. Chúng ta phải thâm nhập thấu đáo để tu khỏi lầm.



THIÊN SƯ TÔN TƯỢNG viện HUNG HÓA
(? - 924)

Sư làm thi giả Lâm Tế. Lạc Phổ đến tham vấn,
Lâm Tế hỏi:

- Ở đâu đến?

Lạc Phổ thưa:

- Ở Loạn Thành đến.

Lâm Tế bảo:

- Có việc đem hỏi được chăng?

Lạc Phổ thưa:

- Mới thọ giới chẳng hội.

Lâm Tế bảo:

- Đập tan nước Đại Đường tìm cái người chẳng
hội cũng không, đến nhà tham thiền đi.

Sư đi theo sau Lâm Tế, thưa:

- Vị tăng vừa mới đến là thành phá y hay chẳng thành phá y?

Lâm Tế bảo:

- Ta nào có quản, người thành phá hay chẳng thành phá?

Sư thưa:

- Hòa thượng chỉ giới đem con chim sẻ chết để dưới đất bán, mà chẳng giới đem chuyển ngữ che đậy người.

Lâm Tế hỏi:

- Người lại làm sao?

Sư thưa:

- Thỉnh Hòa thượng làm Tăng mới đến.

Lâm Tế bèn nói:

- Mới thọ giới chẳng hội.

Sư thưa:

- Lại là tội lỗi của lão tăng.

Lâm Tế bảo:

- Lời của người giấu kín mũi nhọn.

Sư suy nghĩ, Lâm Tế liền đánh.

Chiều Lâm Tế lại hỏi:

- Hôm nay ta hỏi Tăng mới đến là đem chim sẻ chết để dưới đất bán, hay đến trong ổ đập? Đến người thốt được lời, lại hét khởi xong, nhằm trong mây xanh đập.

Sư thưa:

- Giặc cỏ đại bại.

Lâm Tế liền đánh.

Thiền sư Hưng Hóa Tồn Tương là đệ tử tổ Lâm Tế. Ngài làm thị giả Lâm Tế, Lạc Phổ đến tham vấn. Lâm Tế hỏi: *Ở đâu đến?* Lạc Phổ thưa: *Ở Loan Thành đến.* Lâm Tế bảo: *Có việc đem hỏi được chăng?* Lạc Phổ thưa: *Mới thọ giới chẳng hội.* Câu mới thọ giới chẳng hội có gì quan trọng mà ngài Lâm Tế nói đập tan nước Đại Đường tìm cái người chẳng hội cũng không?

Hưng Hóa nói rằng: *Hòa thượng chỉ giới đem con chim sẻ chết để dưới đất bán mà chẳng giới đem chuyển ngữ che đậy người.* Ngài Hưng Hóa nói như vậy là không chấp nhận. Tại sao? Ý câu hỏi của ngài Lâm Tế là: người mới đến, giờ ta muốn hỏi người được không? Ngài Lạc Phổ đã thấy rằng chỗ đó không thêm được lời lẽ, nếu có thêm lời thì chẳng khác nào da thịt liền mà khoét thành thương tích, Lạc Phổ đáp: *Mới thọ giới chẳng hội.* Ngài Lâm Tế nhân đó khen chỗ chẳng hội, nên nói: *Đập tan nước Đại Đường tìm cái người chẳng hội cũng không.* Biết Hưng Hóa không bằng lòng, nên tổ Lâm Tế hỏi: trường hợp đó người nói sao? Hưng Hóa thưa: *Thỉnh Hòa thượng làm Tăng mới đến.* Ngài Lâm Tế liền nói:

Mới thọ giới chẳng hội. Hưng Hóa thưa: *Lại là tội lỗi của lão tăng.* Nghĩa là sao? Vì da thịt đang liền mà khoét thành thương tích, nên tội lỗi. Đó là câu nói khéo, nên tổ Lâm Tế nói: *Lời của người giấu kín mũi nhọn*, mũi nhọn tức cơ phong nhạy bén. Ngài suy ngẫm, Lâm Tế đánh.

Đến chiều, ngài Lâm Tế hỏi: Lời của ta là đem chim sẻ chết để dưới đất bán, hay là để trong ổ đập? Ông vừa thốt lời, vừa hét lên thì nằm trong mây xanh mà đập. Hưng Hóa liền nói: *Giặc cỏ đại bại*, tức là thua một lần nữa. Đối với người xưa, dầu là bậc thầy nhưng một câu nói không bằng lòng thì đệ tử cũng có thể tỏ ý kiến.

Ở hội của Tam Thánh Huệ Nhiên, Sư làm Thủ tọa, thường nói:

- Ta nhắm phương Nam đi hành khước, một phen gặp được đầu gậy, mà chẳng từng tìm ra một người hội Phật pháp.

Tam Thánh nghe được hỏi:

- Người đủ con mắt gì mà nói thế ấy?

Sư liền hét. Tam Thánh nói:

- Phải là người mới được.

Sau, Đại Giác nghe thuật lại, bèn nói:

- Làm sao được gió thổi gã đến trong cửa Đại Giác này.

Ngài nói đi hành khước có gặp người cho ăn gậy, mà *không có người hội Phật pháp*. Phật pháp không cho hiểu, nên tìm một người hiểu Phật pháp không có.

Tam Thánh nghe được hỏi: Người đủ con mắt gì mà nói thế ấy? Ngài liền hét. Tam Thánh nói: Phải là người mới được. Ngài Tam Thánh Huệ Nhiên hiền lành.

Sau, Đại Giác nghe thuật lại, bèn nói: Làm sao được gió thổi gã đến trong cửa Đại Giác này. Tam Thánh Huệ Nhiên và Đại Giác đều là đệ tử Lâm Tế, là sư huynh của ngài.

Sư đến hội Đại Giác làm Viện chủ. Một hôm Đại Giác gọi:

- Viện chủ! Ta nghe ông nói: “Nhắm phương Nam đi hành khước, một phen gặp được đầu gậy, mà chẳng từng tìm ra một người hội Phật pháp”, ông y cứ vào đạo lý gì mà nói như thế?

Sư liền hét! Đại Giác liền đánh. Sư lại hét! Đại Giác lại đánh. Hôm sau, Sư đi ngang qua pháp đường, Đại Giác gọi:

- Viện chủ! Ta vẫn còn nghi hai tiếng hét của ông hôm qua.

Sư lại hét! Đại Giác lại đánh. Sư lại hét! Đại Giác lại đánh. Sư nói:

- Tôi ở chỗ sư huynh Tam Thánh học được câu khách chủ, nay bị Sư huynh bẻ gãy rồi, xin cho tôi pháp môn an lạc.

Đại Giác bảo:

- Cái gã mù, đến đây đã chịu thua, cởi áo nạp ra đánh đòn một trận.

Ngay lời nói này, Sư hiểu được đạo lý tiên sư Lâm Tế ở chỗ tổ Hoàng Bá ăn gậy. Sau, Sư khai đường, niệm hương:

- Một cây hương này vốn vì sư huynh Tam Thánh, Tam Thánh đối với ta rất ít ỏi; vốn vì sư huynh Đại Giác, Đại Giác đối với ta rất dư dật; chẳng bằng cúng dường tiên sư Lâm Tế.

Hiểu được tiên sư Lâm Tế ở chỗ Hoàng Bá ăn gậy, tức là hiểu được cội gốc. Câu nói của ngài Đại Giác, *gã mù đến đây đã chịu thua, cởi áo nạp ra đánh đòn một trận*. Nhờ đó mà hiểu tại sao tổ Lâm Tế ba phen bị ăn đòn, nghĩa là bị đánh cho trần trụi.

Tăng hỏi:

- Khi bốn phương tám hướng đến làm sao?

Sư bảo:

- Đánh khoảng giữa.

Tăng liền lễ bái. Sư bảo:

- Hôm qua đi phó trai giữa đường gặp một trận gió lớn mưa to, phải đến trong cổ miếu ẩn mình mới qua.

Khi sáu căn chúng ta bị lục tặc áp đảo, muốn đánh nó phải làm sao, đánh nơi đâu mới trúng? Đánh ở giữa, nghĩa là đừng cho căn chạy theo trần. Sở dĩ sáu căn thành lục tặc vì bên trong chạy theo, ngay đây chặn khoảng giữa căn và trần thì lục tặc không dậy khởi. Ngài nói như vậy mà sợ Tăng chưa hiểu, nên mượn hình ảnh đi phó trai giữa đường gặp một trận tứ phía

mưa gió, muốn yên ổn phải đến trong cổ miếu ẩn mình. Cổ miếu là tâm xưa nay vắng lặng, đó là chỗ an ổn.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Ở chỗ nào đến?

Tăng thưa:

- Ở chỗ thiền sư Thôi đến.

- Có đem được cái hét của thiền sư Thôi chăng?

- Chẳng đem đến được.

- Thế ấy chẳng phải ở chỗ thiền sư Thôi đến.

Tăng liền hét. Sư bèn đánh.

Sư dạy chúng:

- Ta chỉ nghe ngoài hành lang hét, ở chái sau cũng hét. Các ông chớ có hét mù hét loạn, dù cho hét được Hưng Hóa bay lên trời, lại phải rơi xuống tắt thở, đợi Hưng Hóa tỉnh lại sẽ bảo ông: “Chưa đúng.” Vì cớ sao? Ta chưa từng nằm trong màn lụa đỏ rải chân châu, với những người các ông hét loạn trong hư không để làm gì?

Đây là bệnh bắt chước. Nơi tổ Lâm Tế, ai hỏi ngài cũng hét, Hưng Hóa cũng do hét mà đạt đạo. Vì vậy đồ đệ bắt chước hét, gặp nhau hét, đi đâu cũng nghe hét. Hét đến ù tai chịu hết nổi. Ngài nói: dầu cho các ông hét được Hưng Hóa bay tuốt lên trời, rồi rơi xuống đất té xỉu, tỉnh lại cũng nói các ông chưa đúng. Như vậy hét mù hét loạn làm gì? Người thật được, hét đúng chỗ đúng lúc, còn người bắt chước gặp đâu hét đó.

Vua Đường Trang Tông đi Hà Bắc trở về đến hành cung Ngụy Phủ, cho sứ mời Sư. Sư đến, Vua hỏi:

- Trẫm thấu Trung Nguyên nhận được hòn ngọc quý, chưa từng có người trả giá.

Sư nói:

- Xin Bệ hạ cho xem.

Vua lấy hai tay giở mũ. Sư nói:

- Ngọc quý của quân vương ai dám trả giá.

Trang Tông rất vui, ban tử y và hiệu cho Sư, Sư đều từ chối chẳng nhận. Vua bèn tặng ngựa, Sư nhận.

Đường Trang Tông là ông vua thấu hiểu lý đạo. Ông nói *đi dẹp giặc Trung Nguyên được một viên ngọc quý mà chưa có ai trả giá*. Vậy thì mời ngài trả giá. Như chúng ta giỏi lắm chỉ nói, nó là vô giá làm sao trả giá được. Ngài Hưng Hóa nói, *xin bệ hạ cho xem*. Nếu người không hiểu thì làm sao trình viên ngọc đó? *Vua liền đưa tay giở mũ*. Nhà vua là người thấy được mình có viên ngọc, có hơn chúng ta không? Mình là tu sĩ cũng không chịu nghèo. Ngài Huyền Giác nói thân bản đạo chẳng bản, ai cũng có sẵn ngọc quý.

Ngài Hưng Hóa nói rất khéo, *ngọc quý của quân vương, ai dám trả giá*. Nếu trả giá là mất ngọc quý rồi. Nhà vua biết ngài thấy được chỗ đó, nên khen thưởng, tặng tử y rồi ban hiệu. Một vị tăng được vua tặng tử y là vinh dự lắm, nhưng ngài từ chối. Cuối cùng tặng con ngựa

thì ngài nhận. Ngài không cần hình thức nghiêm chỉnh, thích cưỡi ngựa chơi.

**Sư cưỡi ngựa, chột bị ngựa quăng té gãy chân.
Sư gọi:**

- Viện chủ! Chuốt cho ta một cái chân cây.

Viện chủ chuốt xong đem đến cho Sư. Sư cặp vào đi khắp khểnh chung quanh viện, hỏi tăng chúng:

- Các người biết lão tăng chẳng?

Chúng tăng đáp:

- Làm sao mà không biết Hòa thượng.

Sư bảo:

- Pháp sư què nói được đi chẳng được.

Sư đến pháp đường sai Duy-na đánh chuông họp chúng. Chúng tụ họp, Sư bảo:

- Lại biết lão tăng chẳng?

Chúng không đáp. Sư ném chân cây, ngồi ngay thẳng thị tịch.

Vua ban thụy Quảng Tế đại sư, tháp hiệu Thông Tịch.

Câu nói của ngài có vẻ đùa mà cũng khiêm nhường. *Nói được đi chẳng được*, ý rằng mình nói nhiều mà chân khắp khểnh, đi không xong, nhưng cũng có vẻ khiêm nhường, ta nói được mà hành chưa tới.

Ngài đùa cợt nhưng sanh tử tự do. Ngài sống được với cái thật, không phải chỉ nói ngoài miệng. Chỗ tu hành của các ngài là nói được làm được đến nơi đến chốn. Khi dạy chúng sống tự tại thì các ngài đã tự tại nên ra đi an nhiên. Nếu chúng ta bảo người đừng sân đừng tham mà mình cũng sân cũng tham, đó là nói được làm không được.



THIÊN SƯ HUỆ NHIÊN

viện TAM THÁNH

Sau khi được Lâm Tế truyền tâm pháp, Sư dạo khắp các tùng lâm. Đến Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn hỏi:

- Người tên gì?

Sư thưa:

- Huệ Tịch.

Ngưỡng Sơn bảo:

- Huệ Tịch là tên của ta.

- Huệ Nhiên.

Ngưỡng Sơn cười to.

Đây là lối đáp cướp quyền chủ. Khi nghe hỏi tên của mình, liền nói tên người chủ hỏi. Vì thế ngài nói tên Huệ Tịch, Ngưỡng Sơn bảo Huệ Tịch là tên của ta, ngài mới nói tên Huệ Nhiên.

Nhân có vị quan đến hỏi đạo, Ngưỡng Sơn hỏi: “Quan ở vị nào?” Quan thưa: “Thôi quan.” Ngưỡng Sơn dựng đứng phát tử hỏi: “Lại thôi (đẹp) được cái này chăng?” Quan không đáp được. Ngưỡng Sơn dạy chúng đáp, nhiều người đáp mà không hợp.

Sư bệnh nằm tại nhà Niết-bàn, Ngưỡng Sơn sai thị giả đến thỉnh Sư đáp. Sư bảo thị giả:

- Chỉ nói với Hòa thượng ngày nay có việc.

Ngưỡng Sơn lại sai thị giả đến hỏi:

- Chưa biết có việc gì?

Sư đáp:

- Tái phạm chẳng tha.

Ngài Ngưỡng Sơn hỏi *quan ở vị nào*, ông nói *thôi quan*, như bây giờ là hưu trí. Đây dùng chữ *thôi* là đẹp. Ngài đưa phát tử lên hỏi *đẹp được cái này chăng?* Ông không đáp được. Cả chúng cũng đáp không được. Ngài Huệ Nhiên lúc đó nằm tại nhà Niết-bàn. Xưa ở chỗ Ngưỡng Sơn là năm trăm tăng, nhà Niết-bàn là nhà dưỡng bệnh. Ngài Ngưỡng Sơn sai thị giả đến thỉnh ngài đáp. Ngài nói, *ngày nay có việc*. Bấy nhiêu đó đủ rồi. Ngưỡng Sơn tưởng có việc gì lạ nên cho hỏi lại, ngài đáp *tái phạm chẳng tha*. Đối với việc đưa phát tử là ngôn ngữ gì? Nếu còn có đối đáp tức là còn kẹt trong ngôn ngữ, nên ngài trả lời rằng *ngày nay có việc*. Ngưỡng Sơn cho người hỏi lại thì ngài nói *tái phạm chẳng tha*.

Sư đến Hương Nghiêm, Hương Nghiêm hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Lâm Tế đến.

- Dem được thanh kiếm của Lâm Tế đến chẳng?

Sư lấy tọa cụ đánh ngay miệng rồi đi.

Ngài có đem được thanh kiếm của Lâm Tế đến chẳng? Ngài Lâm Tế ngộ ở chỗ đánh mà không lời, nên ngài đánh một cái. Ngay miệng là không lời, đánh là thanh kiếm của Lâm Tế. Trả lời rất khéo như trò chơi, chính là diễn tả được cái gốc của ông thầy. Chúng ta diễn tả Lâm Tế thế này thế kia... là chỉ nói ở ngoài miệng, chưa diễn tả được cái gốc.

Đến Đức Sơn, Sư vừa trải tọa cụ, Đức Sơn bảo:

- Chớ trải cái khăn phủ bụi, trong đây không có cạnh cựa cơm thừa.

Sư thưa:

- Dù có cũng không có chỗ đổ.

Đức Sơn liền đánh, Sư chụp gậy đẩy thẳng đến giường thiền. Đức Sơn cười to. Sư khóc nói: “Trời xanh!” Rồi xuống nhà tham thiền.

Đây là lối đối đáp của các ngài. Thông thường khi gặp người trải tọa cụ thì mình đưa lên, nhưng đây ngài Đức Sơn nói *trong đây không có cạnh cựa cơm thừa* cho ông. Ngài liền nói *nếu có cũng không chỗ đổ*. Đối đáp thật khéo léo. Nói tới đây thì ăn gậy, ăn gậy cũng không nhin mà đẩy tới. Ngài Đức Sơn thấy thua mà cười, còn ngài Huệ Nhiên thắng lại khóc, nói *Trời xanh!* Hàng tác gia gặp nhau như thế.

Sư ở hội Tuyết Phong, Tuyết Phong nói:

- Mỗi người tự có một mặt gương xưa, con khi con vượn cũng có một mặt gương xưa.

Sư ra hỏi:

- Bao nhiêu kiếp không tên, tại sao Hòa thượng lập tên gương xưa?

Tuyết Phong nói:

- Bị vết tích.

Sư quở:

- Lão Hòa thượng này câu thoại đầu cũng chẳng biết.

Tuyết Phong nói:

- Lão tăng tội lỗi, bởi trụ trì nhiều việc.

Ngài Tuyết Phong ví dụ thể tánh chân thật ấy bằng hình ảnh mặt gương xưa. Gương xưa đó ai cũng có, kể cả con khỉ con vượn. Ngài Huệ Nhiên liền bẻ *Bao nhiêu kiếp không tên, tại sao Hòa thượng lập tên gương xưa?* Ngài Tuyết Phong nói *Bị vết tích*. Khi lập tên là đã có vết tích rồi. Ngài Huệ Nhiên quở, *Câu thoại đầu cũng chẳng biết*. Ngài Tuyết Phong bị lỗi lập tên nên liền nói *Lão tăng tội lỗi*, tuy tội lỗi nhưng vì *trụ trì nhiều việc*. Trả lời khéo léo.

Gặp hòa thượng Bảo Thọ khai đường (mở hội tham thiền), Sư đẩy một vị tăng ra trước Bảo Thọ. Bảo Thọ liền đánh vị tăng ấy. Sư nói:

- Trưởng lão vì người thế ấy, làm mù mắt hết nhân dân trong thành Trấn Châu.



Ở viện Tam Thánh, Sư thượng đường:

- Ta gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người.

Liền xuống tòa.

Gặp người thì ra, ra thì chẳng vì người. Đã ra tiếp tức là vì người. Tại sao ra lại không vì người? Hàng thiện tri thức tâm lúc nào cũng từ bi, vì mọi người nên khi gặp liền ra tiếp, nhưng không làm gì cho mọi người được. Việc đó mỗi người tự nhận lấy, nên không vì người. Câu nói nghe rắc rối nhưng thật đầy lòng từ bi.

Lời Phật dạy chúng ta cũng là chuyện bên ngoài, làm được việc đó hay không là do chính mình không phải Phật tổ làm giùm. Nên nói *ra thì chẳng vì người*.



HÒA THUỢNG ĐẠI GIÁC

Lời Sư tham Lâm Tế và tiếp Hưng Hóa đã nói trong hai vị ấy. Khi sắp lâm chung, Sư gọi chúng bảo:

- Ta có một mũi tên cần trao cho người.

Có vị tăng bước ra thưa:

- Con xin mũi tên của Hòa thượng.

Sư hỏi:

- Người nói thế nào là mũi tên?

Tăng liền hét! Sư đánh mấy gậy, rồi lui về phương trượng. Sư lại gọi vị tăng ấy vào hỏi:

- Vừa rồi người hội chăng?

Tăng đáp:

- Chẳng hội.

Sư lại đánh mấy gậy xong, ném gậy nói:

**- Về sau gặp người sáng mắt thuật lại rõ ràng.
Sư liên từ già chúng thị tịch.**

Vị tăng này có thâm nhập đạo lý của ngài Đại Giác không? Nói *chẳng hội* là hay quá rồi. Chẳng hội tức là chẳng hiểu, có hai trường hợp: chẳng hiểu thật và chẳng hiểu của người hiểu. Vị tăng này chẳng hiểu là chẳng hiểu thật. Vì thế ngài bảo: *Về sau gặp người sáng mắt thuật lại rõ ràng*. Thuật lại câu này thì người sau sẽ mở mắt cho ông, vì hiện tại ông chưa thâm nhập.



THIÊN SƯ VĂN HỖ việN LONG TUYỀN

(821 - 900)

Sư họ Chu, quê ở Ngũ Khê, Gia Hòa, xuất gia hồi bảy tuổi.

Niên hiệu Khai Thành năm thứ hai (837), Sư đến Triệu Quận thọ giới Cụ túc, học tập luật Tứ phần. Đến niên hiệu Hội Xương (841-846) phế giáo, Sư trở lại thế gian giấu kín chí xuất trần. Sang niên hiệu Đại Trung (847) sùng tu Tam bảo, Sư đến chùa Tê Phong ở Diêm Quan tiếp tục tu hành.

Thiên sư Văn Hổ, đệ tử Ngưỡng Sơn. Ngài họ Chu, quê ở Ngũ Khê, Gia Hòa, xuất gia hồi bảy tuổi. Ngài thọ giới Cụ túc xong, học Luật viên mãn. Gặp thời phế giáo, ngài trở lại thế gian giữ ý chí xuất trần, nghĩa là tuy sống thế tục mà không nhiễm. Đợi Phật pháp hưng thịnh lại vào chùa tiếp tục tu.

Sau, Sư đến yết kiến thiền sư Tánh Không ở núi Đại Từ. Tánh Không bảo: “Người sao không đi tham vấn các nơi?”

Sư đi thẳng lên núi Ngũ Đài ở chùa Hoa Nghiêm, sang lễ bái hang Kim Cang, gặp một ông già dắt trâu đi, mời Sư vào chùa. Đến chùa, ông gọi: “Quân Đề!” Có đồng tử “Dạ!” ra đón. Ông già thả trâu, dẫn Sư vào trong. Sư nhìn thấy nhà cửa đều hiện sắc vàng. Ông già ngồi trên giường, chỉ cái đôn bảo Sư ngồi. Ông già hỏi:

- Vừa ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở phương nam đến.

- Phật pháp phương nam được giữ gìn thế nào?

- Đời mạt pháp Tỳ-kheo ít giữ giới luật.

- Chúng nhiều ít?

- Hoặc ba trăm hoặc năm trăm.

Sư hỏi lại:

- Ở đây Phật pháp giữ gìn thế nào?

- Rắn rông lẫn lộn, phạm thánh chung ở.

- Chúng nhiều ít?

- Trước ba ba, sau ba ba (Tiền tam tam hậu tam tam).

Đồng tử dâng trà và tô lạc, Sư dùng vào cảm thấy tâm ý sáng khoái.

Ông già đưa chung pha lê lên hỏi Sư:

- Phương Nam lại có cái này chăng?

Sư thưa:

- Không.

- Hàng ngày lấy cái gì uống trà?

Sư không đáp được.

Thấy bóng mặt trời xế chiều, Sư hỏi:

- Tôi xin nghỉ lại một đêm ở đây được chăng?

Ông già bảo:

- Ông còn tâm chấp chẳng được nghỉ.

- Tôi đâu có tâm chấp.

- Người đã thọ giới chưa?

- Thọ giới đã lâu.

- Người nếu không tâm chấp đâu cần thọ giới.

Sư từ tạ trở xuống. Ông già sai Đồng tử tiến chân. Sư hỏi Đồng tử:

- Trước ba ba sau ba ba, là nhiều ít?

Đồng tử gọi: - Đại đức!

Sư ứng thanh: - Dạ!

Đồng tử bảo:

- Ấy nhiều ít?

Sư lại hỏi:

- Đây là chỗ gì?

Đồng tử đáp:

- Đây là chùa Bát-nhã trong hang Kim Cang.

Sư buồn bã, biết ông già đó là Văn-thù mà không thể nào gặp lại được.

Sư đành lễ Đồng tử xin một câu khi từ biệt. Đồng tử nói kệ:

Diện thượng vô sân cúng dường cụ

Khẩu lý vô sân thổ diệu hương

Tâm lý vô sân thị trần bảo

Vô cấu vô nhiễm thị chân thường.

Dịch:

Trên mặt không sân, đồ cúng dường

Trong miệng không sân xuất diệu hương

Trong tâm không sân là trần bảo

Không nhớ không nhiễm là chân thường.

Nói xong, Quân Đề và chùa đều ẩn, chỉ thấy trong mây năm sắc Văn-thù cưỡi kim mao sư tử qua lại, chợt có cụm mây trắng từ phương đông bay qua che lấp.

Khi lên núi Ngũ Đài, ngài gặp một ông già, dắt trâu mời vào chùa. Qua đoạn đối đáp, ngài Văn Hỷ lúc này còn tâm thường nên trả lời rất thật thà không có gì lạ. Nhưng gặp ông già này thì rắc rối.

Ngài hỏi: *Ở đây Phật pháp giữ gìn thế nào?* Ông già nói: *Rắn ròng lẫn lộn, phạm thánh chung ở.* Đó là lẽ thật, vì ngài là thánh còn Văn Hỷ là phạm, thánh tăng

và phàm tăng ở chung lẩn. Ngài Văn Hỷ hỏi: *Chúng nhiều ít?* Nếu nói nhiều ít đó là bệnh, nên trả lời: *Trước ba ba, sau ba ba.*

Như chúng ta đã học thiền sư Đạo Ứng nói “Sáu lần sáu là ba mươi sáu”. Đến chỗ này không nói nhiều nói ít, không lưu dấu vết, chỉ nói bằng cách đó. Sau này nhiều người thắc mắc câu *Trước ba ba sau ba ba*, không biết nói gì, nhưng sự thật có gì lạ.

Đồng tử dâng trà và tô lạc, Sư dùng vào cảm thấy tâm ý sảng khoái. Ông già đưa chung pha lê lên hỏi Sư: Phương Nam lại có cái này chăng? Sư thưa: Không. Hỏi: Hàng ngày lấy cái gì uống trà? Sư không đáp được. Ông già đưa chung pha lê lên hỏi là hỏi chung trà hay hỏi cái gì? Ngài Văn Hỷ thật thà trả lời, chung đó thì phương Nam không có. Ý ông già không phải vậy. Khi hỏi lấy cái gì uống trà, nếu nói dùng ly tách... thì quá đơn giản, không cần hỏi. Vấn đề không đơn giản, nên ngài không trả lời được.

Bình thường chúng ta lấy cái gì uống trà? Nếu không có cái đó thì làm sao uống, làm sao mặc áo ăn cơm, thưa hỏi...?

Thấy bóng mặt trời xế chiều, Sư hỏi: Tôi xin nghỉ lại một đêm ở đây được chăng? Ông già bảo: Ông còn tâm chấp chẳng được nghỉ. - Tôi đâu có tâm chấp. - Người đã thọ giới chưa? - Thọ giới đã lâu. - Người nếu không tâm chấp đâu cần thọ giới. Chúng ta có chấp tâm không? Tại sao phải thọ giới? Vì cho tâm vọng tưởng là thật, chạy theo nó gây tạo bao nhiêu tội lỗi, bao nhiêu phiền não. Muốn dừng tội lỗi, dừng phiền não phải nhờ

giới luật kìm giữ. Vì có tâm nên nhờ giới luật chặn lại. Nếu cả ngày không khởi niệm, lúc đó cần thọ giới, giữ giới không? Giả sử đang ngồi chơi mà thấy một cô thiếu nữ đẹp, vừa khởi niệm liền sợ phạm giới nên dừng. Đó là nhờ giới mà chặn vọng tâm. Nếu thấy người thấy cảnh đều tự nhiên thì không cần thọ giới giữ giới.

Lục Tổ nói “Phật nói tất cả pháp, vì độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp”. Chỉ vì tâm lăng xăng lộn xộn của chúng ta quá nhiều, nên cần pháp Phật, nếu hết tất cả tâm đó thì đâu cần pháp.

Sư từ tạ trở xuống. Ông già sai Đồng tử tiễn chân. Sư hỏi Đồng tử: Trước ba ba sau ba ba, là nhiều ít? Đồng tử gọi: Đại đức! Sư ứng thanh: Dạ! Đồng tử bảo: Ấy nhiều ít? Sư lại hỏi: Đây là chỗ gì? Đồng tử đáp: Đây là chùa Bát-nhã trong hang Kim Cang. Sư buồn bã, biết ông già đó là Văn-thù mà không thể nào gặp lại được. Đi Ngũ Đài sơn với tâm nguyện được gặp Bồ-tát Văn-thù, đến khi đối diện mà không biết.

Bài kệ của Đồng tử:

*Trên mặt không sân, đồ cứng dường
Trong miệng không sân xuất diệu hương
Trong tâm không sân là trần bảo
Không như không nhiễm là chân thường.*

Trên mặt không sân, đồ cứng dường. Người ta sân trong tâm, nhưng khi sân có hiện ra mặt không? Mặt nóng, đỏ bừng quạu đeo, đó là hiện tướng sân, nếu trên mặt không sân là đồ cứng dường.

Trong miệng không sân xuất diệu hương. Khi sân thì miệng nói những lời xấu xa thô ác, chửi mắng... Đó là từ miệng xuất mùi hôi khó ngửi. Nếu không sân thì lời nói hiền hòa tốt đẹp, đó là xuất diệu hương.

Trong tâm không sân là trân bảo. Nếu trong tâm không sân đó là một kho báu. Không nhớ không nhiễm là chân thường. Khi đến chỗ không còn nhớ không còn nhiễm, đó là chân thường.

Bài kệ đơn giản nhưng ý tứ thâm sâu. Ấn tượng mạnh mẽ nhất đối với ngài Văn Hỷ là hình ảnh Bồ-tát Văn-thù cưỡi kim mao sư tử qua lại trong áng mây năm sắc. Câu chuyện được gặp Bồ-tát ghi mãi trong tâm ngài.

Niên hiệu Hàm Thông năm thứ ba (862), Sư đến Hồng Châu lại viện Quan Âm yết kiến Ngưỡng Sơn. Qua câu nói, Sư liền khế ngộ bản tâm. Ngưỡng Sơn cử Sư sung chức Diễn tọa.

Sư nấu cháo, thường thấy Văn-thù hiện trên nồi cháo. Sư lấy cây giũa quậy cháo đập, nói:

- Văn-thù tự Văn-thù, Văn Hỷ tự Văn Hỷ.

Văn-thù nói kệ:

*Khổ hồ liên căn khổ
Điêm qua triệt đế điêm
Tu hành tam đại kiếp
Khước bị Lão tăng hiêm.*

Dịch:

Dưa đắng gốc vẫn đắng

Dưa ngọt rễ cũng ngon

Tu hành ba đại kiếp

Lại bị Lão tăng đòn.

Ngài nấu cháo, thường thấy Văn-thù hiện trên nồi cháo. Ngài lấy cây giằm quậy cháo đập, nói: *Văn-thù tự Văn-thù, Văn Hỷ tự Văn Hỷ.*

Văn-thù nói kệ:

Dưa đắng gốc vẫn đắng

Dưa ngọt rễ cũng ngon

Tu hành ba đại kiếp

Lại bị Lão tăng đòn.

Đây là vấn đề quan trọng đối với người tu thiền. Khi chưa biết được lý thiền, thì đi lên núi Ngũ Đài, vào hang Kim Cang lễ Văn-thù với lòng kính ngưỡng. Nhưng khi đã ngộ rồi, Văn-thù hiện trước mặt mà vẫn đánh. Có chỗ khác ghi: Khi ngài Văn-thù hiện trong hơi khói của nồi cháo, Văn Hỷ rút giằm quậy cháo đập. Ngài Văn-thù nói: Ta là Văn-thù! Ta là Văn-thù! Văn Hỷ nói: Văn-thù tự Văn-thù! Văn Hỷ tự Văn Hỷ. Tức là Văn-thù thì mặc Văn-thù, Văn Hỷ thì mặc Văn Hỷ, ngang đây không liên hệ.

Đa số người tu mong ngồi thiền để thấy những điều kỳ lạ đặc biệt, cho đó là kết quả của việc tu. Nhiều người hiểu Phật pháp khá, thấy ai tu thiền vẫn theo hỏi tu lâu thấy gì chưa? Thật là bệnh lớn.

Chúng ta tu thiền để được định sanh tuệ. Khi tâm an định, trí tuệ phát sáng, trí tuệ đó là của chính mình. Tu thiền để trở về với ông chủ chân thật, cũng là bản lai diện mục. Ông chủ của mình là chính mình, còn mong thấy gì nữa! Mình mong thấy mình, có vô lý không? Như tôi là chủ ngôi trong thất, chợt có khách tới, hoặc rủ đi đây đi kia. Nếu tôi tùy thuận đi theo khách, lúc đó tôi quên mình là chủ. Nhưng nếu dù có khách hay không, tôi vẫn luôn làm chủ không bị lệ thuộc, không trông chờ người ngoài; còn thấy có người khác ngoài mình thì đã mất phần làm chủ rồi.

Nếu tu mà cứ mơ ước thấy Phật Bồ-tát bên ngoài, càng thấy càng mang họa. Vì mình là kẻ phạm chưa giản trạch tà chánh, trong kinh thường nói: đời mạt pháp Phật cao một thước, ma cao mười thước. Ma ở gần thấy được tâm niệm của mình, lúc ngồi thiền mơ ước thấy Phật phóng hào quang, thấy Phật ngồi tòa sen, ma biết rồi hiện hình Phật đến xoa đầu. Chúng ta mừng quá đánh lễ cầu chỉ dạy, lúc đầu nó cũng lấy lời lành lẽ phải nói mình tin. Dần dần thấm nhuần bị lệ thuộc hoàn toàn, nó mới dạy những điều tà vạy, lúc đó cũng tin làm theo.

Bao nhiêu người tu về sau phá trai phạm giới, làm những điều sai quấy cũng đều do đó mà ra. Cuối cùng bị dẫn đi xa, phát bệnh điên cuồng không cứu được.

Chư Tổ nhà thiền nói “Gặp ma giết ma, gặp Phật giết Phật”. Giết ma là phải, giết Phật có phạm tội ngũ nghịch không? Dù ma hay Phật, trong khi tu đều không

chấp nhận, ma hiện cũng không sợ, Phật hiện cũng không mừng, cần yếu làm chủ được. Chủ là chính yếu, bên ngoài dù có Phật cũng không giúp được, dù có ma cũng không hại được. Người tu thiền nhận xét chắc chắn, dù tu ngàn năm cũng không bị điên khùng.

Sợ ma mê Phật đều là bệnh, chúng ta hiểu câu chuyện của ngài Văn Hỷ. Lúc đầu đi tìm kiếm trên non trên núi để đánh lễ Văn-thù, rồi sau Văn-thù hiện trước mặt mà không đánh lễ, còn lấy giầy đập. Khi chưa biết thì mơ ước Phật Bồ-tát bên ngoài, lúc biết rồi nhận ra Phật là tâm mình, chính mình khai thác được cái gốc đó mới là tu.

Tuệ Trung thượng sĩ vào trong cung, Hoàng hậu đãi tiệc, ngài ngồi dự, có chay có mặn. Ngài gắp cả chay lẫn mặn, Hoàng hậu nói: “Huynh tu mà ăn mặn thì làm sao thành Phật?” Ngài trả lời: “Anh không cầu thành Phật, Phật không cầu làm anh. Hoàng hậu đâu chẳng nghe cổ đức nói: Văn-thù tự Văn-thù, Giải Thoát tự Giải Thoát đó sao?” Giải Thoát là chỉ cho ngài Văn Hỷ trong câu “Văn-thù tự Văn-thù, Văn Hỷ tự Văn Hỷ”.

Hiểu ý nghĩa người xưa tu hành để chúng ta lấy đó làm gương, không làm lẫn. Đôi khi nỗ lực tu tập thấy được điều lạ, mừng quá khoe khoang, đó đều là bệnh. Ngài Vân Cư được chư thiên cúng dường mà còn bị quở, huống nữa là được điều gì?

Một hôm có một vị tăng lạ đến xin một bữa cơm, Sư bót phần ăn của mình cúng dường. Ngưỡng Sơn dự biết hỏi:

- Vừa rồi có người đã vào quả vị đến, người có cấp phần ăn chăng?

Sư thưa:

- Bớt phần của con cúng dường.

Ngưỡng Sơn bảo:

- Người được lợi ích lớn.



Niên hiệu Quang Khải năm thứ ba (887), Tiền Vương thỉnh Sư trụ Long Tuyền giải thụ (nay là viện Từ Quang).

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là tướng Niết-bàn?

Sư đáp:

- Chỗ khói hương hết, nghiệm.

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư bảo:

- Gọi Viện chủ đến, ông thầy này bị bệnh điên.

- Thế nào là tự mình?

Sư lặng thinh.

Vị tăng ấy mờ mịt, lại hỏi câu trên. Sư bảo:

- Trời trong bụi mù, chẳng nhằm bên mặt trắng bay.

Câu thứ nhất, vị tăng hỏi: *Thế nào là tướng Niết-bàn?* Ngài trả lời: *Chỗ khói hương hết, nghiệm.* Niết-bàn là chỗ dứt bật những tướng mờ ảo. Tất cả vọng tưởng mây mờ phiền não cũng như khói hương không có thật. Vọng tưởng có thiện, ác, không thiện không ác; vọng tưởng ác là cấu uế, vọng tưởng thiện là tốt. Khi thiện ác đều không còn, đó là tướng Niết-bàn hiện.

Câu thứ hai: *Thế nào là đại ý Phật pháp?* Ngài Hương Nghiệm nói, chỗ này mà mở miệng thì táng thân mất mạng. Dem câu hỏi mà người mở miệng đáp thì táng thân mất mạng, không điên là gì? Ngài bảo: Gọi Viện chủ đến, ông thầy này bị bệnh điên.

Tăng hỏi thêm câu: *Thế nào là tự mình?* Ngài im lặng. Tự mình là chỗ im lặng, nếu còn có thốt ra là vì người không phải tự mình. Tăng không biết, hỏi lại câu trên, ngài bảo: *Trời trong bụi mù, chẳng nhằm bên mặt trăng bay.* Câu trả lời không cho suy nghĩ.

Niên hiệu Quang Hóa năm thứ ba (900), Sư có chút bệnh. Đến ngày hai mươi bảy tháng mười vào lúc giờ Tý giữa đêm, Sư bảo chúng:

- Tâm tam giới hết tức là Niết-bàn.

Nói xong, Sư ngồi kiết già thị tịch, thọ 80 tuổi, 60 tuổi hạ.

Ngài là đệ tử của tông Quy Ngưỡng, lời nói dễ hiểu, nên câu cuối của ngài, *Tâm tam giới hết tức là Niết-bàn.* Tâm tam giới không phải chỉ có tham sân si, mà gồm tất cả mạn, nghi... phiền não kiết sử. Còn có tâm

dính mắc trong tam giới, còn khởi một niệm vi tế nhỏ nhiệm thì chưa giải thoát, vì thế nói: Tâm tam giới hết tức là Niết-bàn.

Chúng ta nên hiểu đúng câu *Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức*. Tam giới là do tâm tạo, vì còn có tâm nhiễm, trói cột trong tam giới, nên có mặt trong tam giới, không phải tâm mình sanh ra tam giới. Nghe nói vạn pháp duy thức, tưởng đâu thức mình biến ra mọi vật, như đồng hồ, bình hoa... Nhiều người lý luận, người thợ vẽ kiểu đồng hồ là thức biến ra. Tưởng chừng như có lý, nhưng nghĩa thật của chữ *thức biến* là phân biệt. Do ý thức phân biệt đây là bình hoa, đây là đồng hồ, đây là chai dầu... đặt tên mỗi thứ. Thức đặt ra trăm ngàn tên, vì vậy nói vạn pháp duy thức.

Tam giới có ra là do tâm còn chấp dính, luyến mến, nếu tâm không dính luyến thì tam giới không còn. Như người tu, tâm không dính với Dục giới thì nhập Niết-bàn. Nhưng chúng sanh cõi Dục này có hoại không? Vẫn còn nguyên. Tâm chúng ta không tham luyến thì tam giới không còn, tâm người khác còn tham luyến thì còn ở trong ba cõi.



THIÊN SƯ QUANG DŨNG ở NAM THÁP NGƯỠNG SƠN

Sư họ Chương quê ở Phong Thành, Dự Chương. Khi mẹ sanh Sư, có thần quang soi sáng khắp sân, ngựa trong chuồng đều kinh hoảng, nhân đó đặt tên Sư là Quang Dũng. Thuở nhỏ Sư rất thông minh, theo Ngưỡng Sơn xuất gia.

Sư sang miền Bắc yết kiến Lâm Tế, lại trở về hầu Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn hỏi:

- Người đến làm gì?

Sư thưa:

- Đánh lễ ra mắt Hòa thượng.

- Thấy Hòa thượng chẳng?

- Dạ thấy.

- Hòa thượng sao giống in lửa?

- Con thấy Hòa thượng cũng chẳng giống Phật.

- Nếu chẳng giống Phật thì giống cái gì?

- Nếu có chỗ giống thì cùng lửa khác gì?

Ngưỡng Sơn ngạc nhiên nói:

- Phàm thánh cả hai đều quên, tình hết thể hiện bày, ta lấy đây nghiệm xét người, hai mươi năm mà không xác chứng người đã xong. Con nên gìn giữ đó.

Ngưỡng Sơn thường chỉ Sư bảo với mọi người:

- Kẻ này là nhục thân Phật.

Thiền sư Quang Dũng nối pháp ngài Ngưỡng Sơn. Từ nhỏ ngài theo Ngưỡng Sơn xuất gia, được ý chỉ, đi Hà Bắc yết kiến Lâm Tế, lại trở về hầu Ngưỡng Sơn. Đoạn đối đáp nghe hơi lạ. Một câu đầu chúng ta đáp rất dễ. Hỏi: *Người đến làm gì?* Thưa: *Đến đánh lễ ra mắt Hòa thượng.* Ngài Ngưỡng Sơn hỏi: *Thấy Hòa thượng chẳng?* Đáp: *Thấy, cũng dễ hiểu.* Câu sau của ngài Ngưỡng Sơn thật bí hiểm: *Hòa thượng sao giống in lửa?* Ngang đó chắc chúng ta ngậm miệng, không thể mở lời.

Ngài Quang Dũng liền đáp: *Con thấy Hòa thượng cũng chẳng giống Phật.* Hòa thượng nói giống lửa mà con thấy ngài cũng chẳng giống Phật. Bên kia nói phàm thì bên đây đáp thánh. Ngài Ngưỡng Sơn nói: *Nếu chẳng giống Phật thì giống cái gì?* Quang Dũng đáp: *Nếu có chỗ giống thì cùng lửa khác gì?* Nếu giống lửa hoặc giống Phật là còn hai bên, đối đãi là phàm phu. Câu đối đáp khéo, ngài Ngưỡng Sơn ngạc nhiên nói: *Phàm thánh*

cả hai đều quên, tình hết thể hiện bày, ta lấy đây nghiệm xét người, hai mươi năm mà không xác chứng người đã xong. Con nên gìn giữ đó.

Như thế là đã thọ ký. Ngưỡng Sơn thường chỉ ngài bảo với mọi người: *Kẻ này là nhục thân Phật*. Tông Quy Ngưỡng có lối nói thật với học trò, không bí hiểm như tông Lâm Tế. Như lúc Ngưỡng Sơn mộng thấy lên cung trời Đâu-suất, Quy Sơn nói: “Con đã vào vị thánh.”

Sau, Sư kể vị ở Ngưỡng Sơn tháp phía nam. Có vị tăng hỏi:

- Văn-thù là thầy bảy đức Phật, Văn-thù có thầy chăng?

Sư đáp:

- Gặp duyên liền có.

- Thế nào là thầy Văn-thù?

Sư dựng đứng cây phát tử chỉ đó. Tăng thưa:

- Cái ấy là phải sao?

Sư ném cây phát tử khoanh tay.

Văn-thù là thầy bảy đức Phật. Văn-thù tượng trưng căn bản trí, tất cả chư Phật đều từ căn bản trí mà phát diệu dụng viên mãn. Thành Phật là từ gốc căn bản trí, nên chẳng những Văn-thù làm thầy bảy đức Phật mà cũng là thầy tất cả chư Phật. Theo Kinh thì như vậy, nhà thiền thì thấy khác hơn. Ngài Lâm Tế nói: chỉ cái dùng trước mắt các người trước sau chẳng khác,

nơi nơi chẳng nghi, cái ấy là Văn-thù sống. Nên đây hỏi, *Văn-thù có thầy chăng?* Ngài nói, *Gặp duyên liền có.* Hỏi, *Thế nào là thầy Văn-thù?* Ngài đưa phát tử lên.

Văn-thù đây là tánh thấy ở mắt, không phải Văn-thù là căn bản trí như trước nói. Tại sao cây phát tử là thầy của Văn-thù? Bởi chúng ta có sẵn tánh thấy, nhưng nếu không gặp duyên thì tưởng như mình không có. Tánh thấy luôn sẵn có không đợi duyên, chỉ vì chúng ta hay quên. Khi gặp duyên liền nhớ mình có tánh thấy, cái làm cho mình nhớ không phải thầy là gì? Ngài đưa phát tử để chỉ chỗ đó.

Như trên hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười. Đó là thầy của Văn-thù. Đã đưa lên rồi, nếu nói phát tử là thầy thật của Văn-thù thì không đúng. Ngài *ném phát tử ngồi khoanh tay*, không nói thêm gì nữa.

Tăng hỏi:

- Thế nào là diệu dụng một câu?

Sư đáp:

- Nước đến thành hồ.

- Phật thật ở tại chỗ nào?

- Ngay lời nói không tướng, cũng chẳng tại nơi khác.

Không rõ Sư tịch lúc nào và ở đâu.

Câu nói có diệu dụng, dụng của nó không cho người suy nghĩ. Khi hỏi diệu dụng của câu nói, ngài trả lời,

nước đến thành hồ. Thông thường nước đọng ở đâu thì nơi đó thành ao hồ. Một câu nói đúng lẽ thật thì đó là diệu dụng của một câu, như nước chảy đến thành hồ ao là lẽ thật.

Hỏi: *Phật thật ở tại chỗ nào?* Ngài đáp: *Ngay lời nói không tướng, cũng chẳng tại nơi khác.* Phật thật không có hình tướng mà ở ngay lời nói, không ở nơi khác. Vì vậy khi Huệ Hải đến Mã Tổ hỏi: thế nào là kho báu nhà mình của Huệ Hải? Mã Tổ đáp: cái ông hỏi ta đó là kho báu. Đây là chỉ Phật thật, chẳng tại nơi khác.

Không rõ ngài tịch lúc nào và ở đâu.



THIÊN SƯ TOÀN KHOÁT ở NHAM ĐẦU

(828 - 887)

Sư họ Kha, quê ở Tuyên Châu. Thuở thiếu thời, Sư theo Nghị Công ở Thanh Nguyên xuất gia. Sau Sư đến Trường An ở chùa Bảo Thọ thọ giới Cụ túc và học tập các bộ kinh luật.

Sư dạo khắp các thiên uyển, kết bạn cùng Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Khâm Sơn Văn Thúc. Từ núi Đại Từ sang Lâm Tế, Lâm Tế đã quy tịch, bèn đến yết kiến Ngưỡng Sơn.

Vừa vào cửa, Sư đưa cao tọa cụ, thưa:

- Hòa thượng!

Ngưỡng Sơn cầm phát tử toan giở lên. Sư thưa:

- Chẳng ngại tay khéo.

Thiền sư Toàn Khoát, đệ tử ngài Đức Sơn, ông thầy “dữ”, đệ tử cũng “dữ”, qua được cửa này rất khó. Ngài họ Kha, quê ở Tuyên Châu. Thuở thiếu thời, ngài theo Nghị Công ở Thanh Nguyên xuất gia. Sau ngài đến Trường An ở chùa Bảo Thọ thọ giới Cụ túc và học tập các bộ kinh luật.

Ngài dạo khắp các thiền uyển, kết bạn cùng Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Khâm Sơn Văn Thúy. Từ núi Đại Từ sang Lâm Tế, Lâm Tế đã quy tịch, ngài đến yết kiến Ngưỡng Sơn.

Vừa vào cửa, ngài đưa cao tọa cụ, thưa: Hòa thượng. Ngưỡng Sơn cầm phát tử toan giở lên. Sư thưa: Chẳng ngại tay khéo. Khách đến đưa tọa cụ thì chủ nắm phát tử sửa soạn giở lên, giống như Đức Sơn lúc đến Quy Sơn.

Đến tham yết Đức Sơn, Sư cầm tọa cụ lên pháp đường nhìn xem. Đức Sơn hỏi:

- Làm gì?

Sư quát tháo. Đức Sơn hỏi:

- Lão tăng có lỗi gì?

Sư thưa:

- Lưỡng trùng công án.

Sư trở xuống nhà tham thiền. Đức Sơn nói:

- Ông thầy này in tuồng người hành khước.

Hôm sau lên thưa hỏi, Đức Sơn hỏi:

- Xà-lê phải vị tăng mới đến hôm qua chăng?

Sư thưa:

- Phải.

Đức Sơn bảo:

- Ở đâu học được cái rỗng ấy?

Sư thưa:

- Toàn Khoát trọn chẳng tự dối.

Đức Sơn bảo:

- Về sau chẳng được cô phụ lão tăng.

Hôm khác đến tham, Sư vào cửa phương trượng đứng nghiêng mình hỏi:

- Là phàm là thánh?

Đức Sơn hét! Sư lễ bái. Có người đem việc ấy thuật lại cho Động Sơn nghe. Động Sơn nói:

- Nếu chẳng phải Thượng tọa Khoát rất khó thừa đương.

Sư nghe được lời này bèn nói:

- Ông già Động Sơn chẳng biết tốt xấu lắm buông lời, ta đương thời một tay đưa lên một tay bắt.

Ngài Đức Sơn thấy con người có hành động như vậy là thố lộ được cái biết của mình, ngài muốn dò xét xem biết thật hay không, nên nói: *Ở đâu học được cái rỗng ấy?* Cái biết của ông là đồ rỗng.

Toàn Khoát tự xác nhận: *Toàn Khoát trọn chẳng tự dối.* Ngài nói con rỗng, nhưng con thật không dối.

Đức Sơn bảo: *Về sau chẳng được cô phụ lão tăng. Nếu ông được cái đó thật thì sau đừng cô phụ ta.*

Hôm khác đến tham, ngài vào cửa phương trượng đứng nghiêng mình hỏi: Là phàm là thánh? Đức Sơn hét! Ngài lễ bái. Đứng nghiêng ngoài cửa không thềm bước vào, theo thường tình chắc là đuổi đi. Nhưng đây có tính chất dọ dẫm xem người thầy đối xử ra sao, chỗ thấy của thầy đáng cho mình tôn kính hay không? Đức Sơn biết liền hét, ngài lễ bái tức là chấp nhận.

Tuyết Phong ở Đức Sơn làm Phạn đầu (trưởng ban trai phạn). Một hôm cơm trễ, Đức Sơn ôm bát đến pháp đường. Tuyết Phong phơi khăn lau, trông thấy Đức Sơn bèn nói:

- Ông già này, chuông chưa kêu trống chưa đánh mà ôm bát đi đâu?

Đức Sơn trở về phương trượng. Tuyết Phong thuật việc này cho Sư nghe. Sư bảo:

- Cả thầy Đức Sơn chẳng hội câu rốt sau.

Đức Sơn nghe, sai thị giả gọi Sư đến phương trượng, hỏi:

- Ông chẳng chấp nhận lão tăng sao?

Sư thưa nhỏ ý ấy.

Câu rốt sau của ngài là câu gì? Đoạn sau sẽ nói.

Đến hôm sau, Đức Sơn thượng đường có vẻ khác thường. Sư đến trước nhà tăng vỗ tay cười to, nói:

- Rất mừng! Ông già Đường đầu hội được câu
rốt sau, người trong thiên hạ không bì được ông,
tuy nhiên cũng chỉ sống được ba năm (quả nhiên ba
năm sau Đức Sơn tịch).



Một hôm, Sư cùng Tuyết Phong, Khâm Sơn ba
người họp nhau, bỗng dưng Tuyết Phong chỉ một
chén nước. Khâm Sơn nói:

- Nước trong, trắng hiện.

Tuyết Phong nói:

- Nước trong, trắng chẳng hiện.

Sư đá chén nước rồi đi.

Từ đó về sau, Khâm Sơn đến Động Sơn. Sư và
Tuyết Phong nói pháp Đức Sơn.

Ngài Khâm Sơn có vẻ hiền lành, nói *Nước trong,
trắng hiện*. Câu đó đầy đạo lý. Ngài Tuyết Phong nói:
Nước trong, trắng chẳng hiện. Người nói trắng hiện,
người nói trắng chẳng hiện là hai bên có và không, ngài
đá chén nước rồi đi.

Hành động bạo thì hợp với Đức Sơn, hành động
hiền từ, lời nói hiền từ hợp với Động Sơn.

Sư cùng Tuyết Phong đến từ già Đức Sơn.
Đức Sơn hỏi:

- Đi về đâu?

Sư thưa:

- Tạm từ già Hòa thượng hạ sơn.

Đức Sơn hỏi:

- Con về sau làm gì?

Sư thưa:

- Chẳng quên.

Đức Sơn hỏi:

- Con nương vào đâu nói lời này?

Sư thưa:

- Đâu chẳng nghe “trí vượt hơn thầy mới kham truyền trao, trí ngang bằng thầy kém thầy nửa đức”.

Đức Sơn bảo:

- Đúng thế! Đúng thế! Phải khéo hộ trì.

Hai vị lễ bái rồi lui.

Tuyết Phong về Mân Xuyên ở gộp Tuyết Phong trên núi Tượng Cốt. Sư cất am ở núi Ngọa Long, Động Đình. Đồ chúng tập nập kéo đến.

Khi đến từ già đi, ngài Đức Sơn hỏi: *Đi đâu?* Chỉ nói: *Tạm từ già Hòa thượng hạ sơn*, không nói đi đâu. Hỏi: *Con về sau làm gì?* Ngài nói: *Chẳng quên*. Người xưa khéo nói bóng gió mà hiểu nhau, không phải như chúng ta nói trắng ra.

Đức Sơn thấy Nham Đầu khi đến đã chứng tỏ thấy đạo, ở chỗ Đức Sơn thời gian ngắn, ngài không biết

gã này sẽ kế thừa ai, vì thế hỏi *con về sau làm gì?* Nham Đầu nói *chẳng quên*, tức chẳng quên ơn của Thầy.

Ngài Đức Sơn hỏi: *Con nương vào đâu nói lời này?* Con căn cứ vào đâu mà nói như thế? Ngài Nham Đầu nói: *Đâu chẳng nghe trí vượt hơn thầy mới kham truyền trao, trí ngang bằng thầy kém thầy nửa đức?* Đây là câu nói của tổ Bá Trượng. Nhân khi ngài Hoàng Bá nghe tổ Bá Trượng thuật lại cơ duyên ngộ ở Mã Tổ. Tổ nói khi xưa bị Mã Tổ hét một tiếng, ba ngày lỗ tai còn điếc. Nghe đến đó ngài Hoàng Bá bất giác le lưỡi, tức là tổ thái độ nhận được rồi. Tổ Bá Trượng hỏi, ông kế thừa Mã Tổ chẳng? Ngài Hoàng Bá nói, nếu con kế thừa Mã Tổ về sau mất hết con cháu. Nghĩa là tuy con nghe đại cơ đại dụng của Mã Tổ nhưng do Hòa thượng kể, nên kế thừa Hòa thượng. Tổ Bá Trượng nói, thấy bằng thầy thua thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao. Đó là khen Hoàng Bá trí vượt hơn thầy, mới kham lãnh thọ sự nghiệp sau này.

Ngài Nham Đầu thuật lại câu này để chứng tỏ con kế thừa ngài giống như tổ Hoàng Bá kế thừa tổ Bá Trượng. Ngài Đức Sơn bảo: *Đúng thế! Đúng thế! Phải khéo hộ trì*. Hai vị đánh lễ rồi lui, tỏ ý chấp nhận.

Đây là chỗ đặc biệt của nhà thiền. Ở thế gian ai có tài nghề dạy đệ tử, dạy gì cũng còn giữ một chút bí quyết. Như dạy võ thì giữ một hai bí yếu bí thuật, phòng khi học trò phản trắc thầy còn trị nổi. Dạy nghề cũng vậy, những cái bí yếu thì giấu không dạy. Nhưng trong nhà thiền mong được học trò hơn thầy, mới giữ được

sự nghiệp của thầy. Học trò bằng thầy thua thầy nửa đức, tức là kém thầy. Tại sao? Như trong mấy chú có người trí tuệ bằng tôi, nhưng công hạnh tu chưa bằng, ít ra thua mười năm hai mươi năm. Đó là nói thua thầy nửa đức.

Phải được trí hơn thầy mới bù lại công hạnh đó, mới giữ được sự nghiệp của thầy. Vì thế người tu mong đệ tử hơn mình, sự nghiệp phát triển vẻ vang. Tổ Bá Trượng nhờ có ngài Hoàng Bá duy trì sự nghiệp mãi về sau, cho đến tông Lâm Tế bây giờ vẫn còn.

Như ngài Sùng Tín bình thường thôi, nhưng đến Đức Sơn đặc biệt làm chấn hưng sự nghiệp mãi mãi còn. Đệ tử hơn thầy là điều rất quan trọng. Bậc thầy không ích kỷ muốn học trò thua mình, được học trò trí tuệ hơn là phước của mình.

Tăng hỏi:

- Không thầy lại có chỗ xuất thân chẳng?

Sư đáp:

- Trước tiếng lông xư nát.**
- Kẻ đường đường đến thì sao?**
- Đâm lủng con mắt.**
- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn sang?**
- Dời ngọn núi Lô đi, ta sẽ vì ông nói.**

Lối đối đáp của ngài rất kỳ đặc. Hỏi: *Không thầy lại có chỗ xuất thân chẳng?* Nói cách khác là không thầy có thể tự mình ngộ đạo được chẳng? Ngài nói: *Trước tiếng*

lông xưa nát, trước khi có tiếng nói (lời chỉ dạy) thì lông xưa (tông phong) không có. Lông xưa chỉ có sau tiếng nói, nghĩa là sự tu hành được kế thừa từ người trước hướng dẫn người sau, như thế mới hợp lý.

Hỏi: *Kẻ đường đường đến thì sao?* Ngài đáp: *Đâm lũng con mắt*. Người đường đường là người đã hoàn toàn xong việc, không cần tìm cầu gì; nếu còn tìm cầu là con mắt chưa sáng. Hỏi ý *Tổ sư* thì ngài bảo: *Dời ngọn núi Lô đi, ta sẽ vì ông nói*.

Sư cùng La Sơn đi xem nền tháp. Đi giữa đường La Sơn gọi:

- Hòa thượng!

Sư xoay đầu hỏi:

- Làm gì?

La Sơn đưa tay chỉ nói:

- Trong ấy có miếng đất tốt.

Sư quở:

- Kẻ bán dưa ở Qua Châu.

Lại đi khoảng ít dặm, La Sơn lễ bái hỏi:

- Hòa thượng đâu chẳng phải ở Động Sơn ba mươi năm mà chẳng chấp nhận Động Sơn ư?

Sư đáp:

- Phải.

La Sơn lại hỏi:

- Hòa thượng đâu chẳng phải nổi pháp Đức Sơn mà chẳng chấp nhận Đức Sơn chẳng?

Sư đáp:

- Phải.

La Sơn hỏi tiếp:

- Chẳng chấp nhận Đức Sơn thì miễn hỏi, còn Động Sơn có khuyết điểm gì?

Sư làm thỉnh giây lâu đáp:

- Động Sơn là ông Phật đẹp, chỉ là không hào quang.

Đây là nhân duyên của mỗi người. Khi ở Động Sơn, ngài thấy Động Sơn là bậc thầy thấu suốt đạo lý, *là ông Phật đẹp*. Nhưng không có dụng kỳ đặc vì ngài Động Sơn nói năng hiền hòa. Khi đến gặp Đức Sơn đánh hét thì thích chỗ đặc biệt đó.

Người hiền lành thì thích hiền lành, người ngộ đạo có vẻ kỳ đặc thì thích những gì kỳ đặc. Căn tánh của mỗi người không giống nhau, nên có kẻ thích cái này, người chịu cái kia. Nếu chỉ bình thường như nhau thì không thể độ hết chúng sanh. Như trong chúng ta có kẻ này người kia. Người thì ăn nói chậm rãi hiền hòa được nhiều người mến, người thì nói những câu bể đầu bể óc, nhưng cũng có nhiều người quý thích. Đó là tùy duyên, không có gì lạ.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Ở Tây Kinh đến.

- Sau trận giặc Hoàng Sào lại lượm được kiếm chăng?

- Lượm được.

Sư đưa cổ làm thế nhận chặt. Tăng nói:

- Đầu Thầy rơi.

Sư cười to.

Người xưa đôi khi dẫn chuyện xưa tích cũ để thử trình độ người nghe, nếu hiểu nhận được thì trình bày cái khéo cho các ngài thấy. *Trận giặc Hoàng Sào* là cuộc khởi nghĩa nông dân lớn thời Đường mạt, xảy ra trong khoảng mười năm, đánh chiếm cả kinh đô, đuổi triều đình chạy dài nên khi đánh nhau người chết rất nhiều! Ngài hỏi, *qua trận giặc ông có lượm được cây kiếm nào không?* Tăng nói: *Lượm được.* Ngài đưa cổ ra, làm thế nhận chém, Tăng nói: *Đầu Thầy rơi.* Ngài cười lớn.

Sư dạy chúng:

- Phàm việc trong đại tổng cương tông phải biết cú. Nếu chẳng biết cú khó hội được câu nói. Cái gì là cú? Khi trăm việc chẳng suy nghĩ, gọi là chánh cú, cũng gọi là cư đẳng (ở trên đẳng), là được trụ, là rõ ràng, là tỉnh tỉnh, là chắc thực, là khi Phật chưa sanh, là đặc địa, là khi như thế. Dem khi như thế (chánh cú) phá hết tất cả thị phi, vừa như thế liền chẳng phải như thế, bèn tự do tự tại. Nếu nhìn chẳng thấu liền bị người đâm đui mắt, trợn trừng

in tuồng con dê bị giết mà chưa chết. Cổ nhân nói: “Hôn trầm chẳng tốt, cần chuyển được mới được.” Chạm đến liền chuyển, vừa mới như thế liền chẳng phải như thế. Thị cú cũng chặt phi cú cũng chặt, tự nhiên lẫn trùng trục, tự nhiên trước mắt hiện rõ ràng, no tràn hông. Chẳng biết bỏ, chẳng biết nhai. Đâu chẳng nghe nói “bỏ vật là trên, theo vật là dưới”. Vừa khởi tí xú tình liền rơi xuống đất. Nếu là nhai nát thì heo chó mất đồ ngẫu.

Nếu có người hỏi thế nào là thiền, nên đáp với y: Bịt lỗ đít lại, mới có ít phần hơi hám, mới biết cạn sâu lớp lớp...

Huỳnh đệ! Nói như thế lại hội chẳng? Chớ có trợn ngày rằm rĩ, sẽ không có ngày xong. Muốn được dễ hội, cần biết ở trước thanh sắc chẳng bị muôn cảnh làm hoặc loạn, tự nhiên hiện rõ ràng, tự nhiên vô sự. Tiến tới trước thanh sắc mà vẫn thản nhiên, in tuồng một đồng lửa lớn, chạm đến liền cháy, lại còn có việc gì. Đâu không nghe nói “chẳng phải trần chẳng xâm phạm ta, mà khi ta vô tâm nó cháy”.

Ngài dạy chúng: *Phàm việc trong đại tổng cương tông phải biết cú. Nếu chẳng biết cú khó hội được câu nói. Cái gì là cú? Khi trầm việc chẳng suy nghĩ, gọi là chánh cú. Cú là câu rốt sau của ngài lúc ở Đức Sơn. Khi tâm diệt không suy nghĩ, đó là câu rốt sau, chỗ đó không còn câu nào.*

Khi trầm việc chẳng suy nghĩ, gọi là chánh cú, là câu rốt sau, chỗ đó cũng gọi là được trụ, là tỉnh tỉnh...

Chỗ đó không bị hai bên ngăn trở, không bị kẹt nên lăn tròn trùng trục, chặn đầu chặn đuôi đều không được.

Thị cú là câu phải, *phi cú* là câu quấy, hai bên chặt hết, chừng ấy mới *tự nhiên lăn trùng trục*, như vậy mới rõ ràng, mới no tràn hông. Chúng ta bây giờ no hay đói? Nhai nuốt cả ngày mà vẫn đói.

Chẳng biết bỏ, chẳng biết nhai. Đâu chẳng nghe nói bỏ vật là trên, theo vật là dưới. Hiện giờ chúng ta tu là chối bỏ vật, tất cả những gì đến đều không theo, nên nói *bỏ vật là trên, theo vật là dưới*.

Vừa khởi tý xíu tình liền rơi xuống đất. Vừa dấy một chút niệm thương ghét giận buồn là rơi xuống đất. Chúng ta rơi ành ạch cả ngày, phải không? *Nếu là nhai nát thì heo chó mất đồ ngẫu.* Khi nhai nát tất cả thì heo chó cũng hoảng sợ.

Nếu có người hỏi thế nào là thiền, nên đáp với y: Bịt lỗ đít lại, mới có ít phần hơi hám, mới biết cạn sâu lớp lớp... Chúng ta làm hai việc, một đem vô, một đem ra. Đem ra cho là tiện, đem vô cho là quý. Cái đem vô gọi là miệng, cái kia gọi là đít, cái dưới hôi, cái trên có thơm không? Đây nói cái dưới là ngằm chỉ cái trên. Thiền là chỗ không có lời, vừa mở lời là mất hơi, nên nói bịt lại mới có ít phần hơi hám.

Huynh đệ! Nói như thế lại hội chăng? Chớ có trọn ngày rằm rĩ, sẽ không có ngày xong. Nhóm họp ba bốn người nói việc này bàn tán việc kia, rằm rằm ồn ào trong nhà thiền, đó là rằm rĩ.

Muốn được dễ hội, cần biết ở trước thanh sắc chẳng bị muôn cảnh làm hoặc loạn, tự nhiên hiện rõ ràng, tự nhiên vô sự. Tiến tới trước thanh sắc mà vẫn thản nhiên, in tuồng một đồng lửa lớn, chạm đến liền cháy, lại còn có việc gì? Đâu không nghe nói “chẳng phải trần chẳng xâm phạm ta, mà khi ta vô tâm nó cháy”. Trước thanh sắc không bị cảnh làm hoặc loạn, tự nhiên rõ ràng vô sự, đó là chân thật.

Ngài dạy chúng ta tu thế nào? Khi mất đối sắc trần, sắc trần có xâm phạm không? Khi bị xâm phạm, chúng ta phải đốt cho nó cháy. Bên lỗ tai, thanh trần có xâm phạm không? Vừa có động tịnh chúng ta đều nghe, tức là xâm phạm. Làm sao đốt cháy? Khi sáu trần xâm phạm đến sáu căn, chỉ vô tâm là đốt cháy hết, nếu hữu tâm thì bị dính hết.

Có sáu đồng lửa ở sáu căn, cái gì tới cho cháy rụi; hay dán sáu cục keo ở sáu căn, cái gì đều dính? Đi chợ, thấy gì ở ngoài chợ liền về kể cho người này nghe chưa đủ, kể cho người khác, kể từ sáng tới chiều. Nghe chuyện gì hay dở lạ tai cũng về kể. Nghe là dính, thấy là dính... Suốt ngày đụng gì dính nấy là vì hữu tâm. Nếu vô tâm thì thấy nghe gì đều đốt cháy, không dính mắc.

Vô tâm là ngọn lửa cháy hết sáu trần, hữu tâm là keo dính sáu trần. Người tu muốn giải thoát phải làm sao? Nếu để dính gỡ không ra tức là mắc bấy lẫn lộn trong tam giới. Nếu đốt cháy là hết mắc bấy, tự do giải thoát. Giải thoát hay trầm luân chính chỗ hữu tâm

hay vô tâm. Như vậy muốn cái nào? Mong tất cả có đồng lửa ở mắt ở tai... cái gì tới đều cháy rụi, như vậy không cầu giải thoát cũng được giải thoát.

Sau này có người hoặc hỏi Phật, hỏi pháp, hỏi đạo, hỏi thiền, Sư đều “hư” lên một tiếng. Sư thường bảo chúng:

- Khi lão già này đi, sẽ rống lên một tiếng rồi đi.

Đời Đường từ thời Quang Khải về sau, Trung Nguyên giặc cướp dấy lên, chúng tăng đều đi tránh nơi khác. Sư vẫn an nhiên ở đây. Một hôm giặc đến, chúng trách Sư không có gì dưng biếu, bèn đâm Sư. Sư thần sắc không đổi, chỉ rống lên một tiếng rồi chết. Tiếng ấy vang xa đến mười dặm.

Sư tịch nhằm năm Quang Khải thứ ba (887) ngày mùng tám tháng tư, thọ 60 tuổi. Vua ban thụy Thanh Nghiêm đại sư, tháp hiệu Xuất Trần.

Cái chết của ngài rất đáng kinh sợ. Lẽ ra người ngộ đạo thâm sâu như vậy thì khi chết thanh thoi tự tại, chết như vậy thì sao? Đó là nghi vấn khiến tôi băn khoăn. Thấy nhiều cư sĩ tu lơ mơ mà chết nhẹ nhàng, lại có nhiều vị tu hành nghiêm túc, khi chết chịu nhiều bức ngặt. Các vị ấy chẳng lẽ ít đức hạnh hơn cư sĩ?

Chỗ ngộ của ngài Nham Đầu vượt hơn ngài Tuyết Phong, kể cả ngài Đức Sơn cũng phải nể. Vì sao ngài chết như thế? Nên hiểu rằng không phải ai có mặt trên đời này đều cơ duyên giống nhau. Trí tuệ, học hiểu,

độ sanh, viên tịch... tất cả đều khác. Có người sanh ra gặp duyên thuận thực, mọi cảnh đều như ý, tu hành dễ dàng, thủy chung không gì trở ngại. Cũng có người sanh ra gặp duyên trục trặc, tu hành nhiều trục trặc, rồi đến cái chết cũng trục trặc. Ngài Nham Đầu bị giặc cướp đâm, rống lên một tiếng rồi chết, cảnh tượng rợn người. Nhưng với ngài, ngài có sợ không? Ngài biết trước mình sẽ chết như vậy, biết rằng còn thiếu nợ đó, nên sẵn sàng trả. Trong chúng rời đi ngài không cần đi, chờ giặc đến để trả rồi món nợ. Như vậy có buồn có sợ không? Chỉ vì chúng ta còn phàm tình nên thấy ghê sợ.

Đâu phải chỉ riêng ngài Nham Đầu, khi Phật tại thế, cái chết của ngài Mục-kiền-liên cũng vậy. Với bậc chứng A-la-hán, thần thông như ngài thì phải chết thanh thoi, ngài cũng bị chúng ngoại đạo đập chết. Tổ Sư Tử bị vua Kế Tân chặt đầu. Tổ Huệ Khả chết trong khám.

Không phải các ngài không biết, nhưng vì còn một chút nợ cũ phải trả, thì cứ vui trả. Như tổ Sư Tử, khi vua Kế Tân hỏi: Năm uẩn đều không, cho tôi cái đầu được không? Ngài nói: Năm uẩn đã không thì sá gì cái đầu. Như vậy ngài có sợ không? Còn chúng ta thấy năm uẩn đều thật, nghe xin cái đầu liền hoảng sợ.

Khi chúng ta muốn đi xa mà còn thiếu nợ người hàng xóm, thì nghĩ sao? Còn bao nhiêu trả hết rồi mình đi cho khỏe, trả nợ là vui không phải buồn, nên các ngài sẵn sàng trả, không gây oan trái thêm. Nếu nhìn bằng con mắt phàm phu sợ chết, thấy như vậy không dám tu. Có thân bệnh cũng vậy, khi trước đánh đập thiên hạ mắc nợ rồi, giờ nó hành mình, phải trả cho xong.

Như vậy có chuyển được nghiệp không? Các ngài thấy thân này tất thở cũng đi, đâm một cái cũng đi, một lần bỏ thân này không có gì quan trọng. Chủ yếu chuyển được nghiệp là hết mê, thấy thân này như huyễn không thật, mọi việc đến như trò chơi. Chúng ta chưa chuyển nghiệp nên thấy thân này thật, sợ trả nợ. Chuyển hay không chuyển là do tâm niệm của mình, còn nợ thì cứ trả. Như khi chúng ta mê, hung dữ chửi đánh người, họ yếu thế hơn nên không dám cự, nhưng rất hận mình. Đến lúc tu rồi tỉnh ngộ, biết thân huyễn có bị chửi đánh như trò chơi. Người thù hận khi gặp cơ hội chửi đánh mình, mình cười không thấy gì quan trọng.

Nhìn theo thường tình rõ ràng có trả quả, nhưng với con mắt người đạt đạo thấy vẫn an nhiên. Xưa mình chửi họ hận bao nhiêu năm, giờ cho họ trả, chửi đánh thì mình cười, giải quyết xong rồi thôi. Không buồn giận, không tiếp tục oán thù; buồn giận thì oan gia kéo dài. Ý nghĩa chữ chuyển là như vậy.

Như vậy khi mê thấy thật có nghiệp phải trả đủ, liễu ngộ thì thấy nghiệp chướng vốn không. Chứng Đạo Ca nói: “Liễu tức nghiệp chướng bản lai không, vị liễu ưng tu hoàn tức trái.” Nói chuyển là chuyển mê thành ngộ, chuyển tâm chấp đắm thành tâm buông xả, không phải chuyển hình thức. Trên hình thức thì có vay trả, nhân quả theo nhau, đúng với giáo lý Phật dạy.



THIÊN SƯ NGHĨA TÔN ở TUYẾT PHONG

(822 - 908)

Sư họ Tăng, người Nam An, Tuyên Châu. Sư sanh trong gia đình thờ Phật, thuở nhỏ đã không chịu ăn thịt cá. Còn trong nôi mà Sư nghe tiếng chuông hoặc thấy tràng phan, hoa hương, tượng Phật Bồ-tát liền cười.

Năm mười hai tuổi, Sư theo cha đến chùa Ngọc Giản ở Bồ Điền, thấy luật sư Khánh Huyền bèn đánh lễ, nói: “Thầy con!” Rồi ở lại đây luôn. Đến mười bảy tuổi, Sư được cạo tóc. Sau, Sư đến chùa Bảo Sát ở U Châu thọ giới Cụ túc. Sư thường dạo qua các thiền hội.

Tại Động Sơn, Sư làm Phạn đầu đang dãi gạo. Khâm Sơn hỏi:

- Dãi cát bỏ gạo hay dãi gạo bỏ cát?

Sư đáp:

- Gạo cát đồng thời bỏ.

Khâm Sơn hỏi:

- Đại chúng lấy gì ăn?

Sư bèn lật úp thau đãi gạo. Khâm Sơn nói:

- Cứ theo nhân duyên này, huynh hợp ở Đức Sơn.

Khâm Sơn là ngài Văn Thúy, bạn đồng hành với ngài Tuyết Phong. Thấy Tuyết Phong đãi gạo bèn hỏi: *Đãi cát bỏ gạo hay đãi gạo bỏ cát?* Đó là câu gài bẫy, ngài liền trả lời: *Gạo cát đồng thời bỏ.* Câu đó cũng dễ, câu sau hỏi: *Đại chúng lấy gì ăn?* Câu này hơi rắc rối. Ngang đó ngài *lật úp cái thau lại*, ngài Khâm Sơn biết nhân duyên của Tuyết Phong ở chỗ Đức Sơn. Hành động lật úp lại là không còn ngôn ngữ.

Một hôm Động Sơn hỏi:

- Làm gì đây?

Sư thưa:

- Đẽo máng.

Động Sơn hỏi:

- Đẽo mấy búa được thành?

Sư thưa:

- Một búa đẽo thành.

Động Sơn bảo:

- Vẫn là việc bên này, việc bên kia thì sao?

Sư thưa:

- Hẳn được không chỗ hạ thủ.

Động Sơn bảo:

- Vẫn là việc bên này, việc bên kia thì sao?

Sư im lặng.

Im lặng là hết chỗ đáp. Tại sao đeo một búa mà chê *việc bên này*? Việc bên này là việc gì, *việc bên kia là việc gì*? Bên này là phàm mê, bên kia là thánh ngộ. Vì ông nói đeo một búa, thì cũng là việc bên này, cũng còn trong kẻ mê. Câu sau ngài nói rằng: *Hẳn được không chỗ hạ thủ*, tức là không còn chỗ để đeo nữa. Ngài Động Sơn nói: *Vẫn là việc bên này*, tại sao? Bên kia có hạ thủ, bên đây không hạ thủ tức là hai bên, cũng thuộc bên mê. Hỏi việc bên kia thì ngài không đáp được.

Sư đến tạm biệt Động Sơn, Động Sơn hỏi:

- Người đi đâu?

Sư thưa:

- Đi về trong đánh núi.

Động Sơn hỏi:

- Đường thời từ đường nào ra?

Sư thưa:

- Từ đường vượn bay đánh núi ra.

Động Sơn hỏi:

- Nay quay lại đường nào đi?

Sư thưa:

- Từ đường vượn bay đánh núi đi.

Động Sơn bảo:

- Có người chẳng từ đường vượn bay đánh núi đi, người biết chẳng?

Sư thưa:

- Chẳng biết.

Động Sơn hỏi:

- Tại sao chẳng biết?

Sư thưa:

- Y không mặt mày.

Động Sơn bảo:

- Người đã chẳng biết, sao biết không mặt mày?

Sư không đáp được.

Ngài Động Sơn hỏi: Biết người không từ đường vượn bay đánh núi không? Tuyết Phong đáp: *Chẳng biết*. Hỏi: *Tại sao chẳng biết?* Đáp: *Y không mặt mày*, bởi không mặt mày nên con không biết. Nghe rất đúng, nhưng bị bẻ lại: *Nói chẳng biết, vì sao biết không mặt mày?* Ngang đó bí, để thấy rằng ngài chưa lặn trùng trục, vừa bị chặn liên đứng.

Đến Đức Sơn, Sư hỏi:

- Tông thừa từ trước, con lại có phần chẳng?

Đức Sơn đánh một gậy, bảo:

- Nói cái gì?

Sư thưa:

- Chẳng hội.

Hôm sau, giờ thưa hỏi, Đức Sơn bảo chúng:

- Tông của ta không ngữ cú, thật không một pháp cho người.

Sư nhân đó có tỉnh.



Sư cùng Nham Đầu đi đến trấn Ngao Sơn ở Lễ Châu gặp trở tuyết (tuyết xuống quá nhiều) dừng lại, Nham Đầu mỗi ngày cứ ngủ, Sư một bề ngồi thiền. Một hôm Sư gọi:

- Sư huynh! Sư huynh! Hãy dậy.

Nham Đầu hỏi:

- Làm cái gì?

Sư nói:

- Đời nay chẳng giải quyết xong, cùng lão Văn Thúy đi hành khước, đến nơi bị y chê cười, ngày nay đến đây sao chỉ lo ngủ?

Nham Đầu nạt:

- Ngủ đi! Mỗi ngày ngồi trên giường giống như thổ địa trong thôn vắng, ngày sau vẫn còn đối gặt nam nữ nhà người.

Sư chỉ trong ngực nói:

- Tôi trong ấy còn chưa ổn, không dám tự dối.

Nham Đầu nói:

- Tôi bảo ông sau này lên trên chót núi cắt thảo am xiển dương đại giáo, sẽ nói câu ấy.

- Tôi thật còn chưa ổn.

- Nếu ông thật như thế, cứ chỗ thấy của ông mỗi mỗi thông qua, chỗ phải tôi sẽ chứng minh cho ông, chỗ chẳng phải tôi sẽ vì ông đuổi dẹp.

- Khi tôi mới đến Diêm Quan thấy thượng đường nói nghĩa sắc không liền được chỗ vào.

- Từ đây đến ba mươi năm rất kỵ không nên nói đến.

- Tôi thấy bài kệ của Động Sơn qua sông:

Thiết kỵ từng tha mệnh,

Điều điều dữ ngã sơ,

Cử kim chánh thị ngã,

Ngã kim bất thị cử.

- Nếu như thế, tự cứu cũng chưa tốt.

- Sau, hỏi Đức Sơn: Việc trong tông thừa từ trước con có phần chẳng? Đức Sơn đánh một gậy hỏi: Nói cái gì? Tôi khi đó giống như thùng lủng đáy.

Nham Đầu nạt:

- Ông chẳng nghe nói từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà?

- Về sau làm thế nào mới phải?

- Về sau nếu muốn xiển dương đại giáo, mỗi mỗi từ trong hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi!

Sư nhân câu ấy đại ngộ liền đánh lễ, đứng dậy kêu luôn:

- Sư huynh! Ngày nay mới là thành đạo ở Ngao Sơn.

Ngài Tuyết Phong nói ngộ được lý sắc không, ngài Nham Đầu còn cấm từ đây đến ba mươi năm sau không cho nói tới.

Ngài Tuyết Phong nghe bài kệ của Động Sơn qua sông: *Thiết kỵ từng tha mịch, điều điều dữ ngã sơ, cừ kim chánh thị ngã, ngã kim bất thị cừ*, ngộ được lý gì? Biết y không phải ta, mà ta chính là y. Tức là biết cái nào bóng cái nào thật, nhân bài kệ đó thấy ra mình có cái thật. Ngài Nham Đầu vẫn nói: *Nếu như thế tự cứu cũng chưa tốt*. Nếu ông ngộ như vậy thì tự cứu cũng chưa xong.

Ngài kể lại việc hỏi Đức Sơn: *Việc trong tông thừa từ trước con lại có phần chẳng?* Đức Sơn đánh một gậy hỏi: *Nói cái gì? Tôi khi đó giống như thùng lủng đáy*. Tức là buông hết không còn dính gì cả. Nham Đầu nạt: *Ông chẳng nghe nói từ cửa vào chẳng phải cửa bấu trong nhà?* Nếu cái đó từ ngoài cửa vào thì không phải cửa bấu trong nhà, cửa bấu trong nhà thì không phải từ ngoài vào được.

Việc tu không đơn giản, không thể một lần hiểu là xong. Nhiều người không đi sâu trong nhà thiền,

tưởng rằng khi mình hiểu được chút gì là rồi việc. Như thế rất sai lầm. Như ngài Tuyết Phong thuật lại khi ở chỗ Diêm Quan thông được lý sắc không, từ chỗ ngài Động Sơn nghe bài kệ thấy được nơi mình có cái nào thật cái nào giả, nhưng đó cũng là nhân bên ngoài được. Đến chỗ Đức Sơn thì hỏi: *Tông thừa từ trước con lại có phần chẳng?* Đánh một gậy, mới thấy rằng chỗ đó phải buông hết. Tuy như thế cũng nhờ bên ngoài, chưa thật là mình.

Nham Đầu nói, *từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà*. Do người ngoài đem đến không thể nói là của nhà mình. Nếu thật của chính mình phải từ trong đem ra. Như câu chuyện Giáo Lý Thượng Thừa trong Góp Nhặt Cát Đá, người mù dù bạn đưa đèn cho nhưng cứu mình được chưa? Ngài Đức Sơn thấy trời tối, ngài Long Đàm cho đuốc, mà vừa cầm liền thổi tắt. Tức là muốn cứu mình thì phải nhận được cái của mình từ trong ra.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, khi Bồ-tát nơi cõi khác phát tâm bảo vệ người trì kinh Pháp Hoa cõi này mà Phật không chấp nhận, chờ các Bồ-tát dưới đất vọt lên, ngài mới ứng. Bồ-tát từ đất vọt ra, là *trong hông ngực mình lưu xuất*. Ngài Tuyết Phong được ngài Nham Đầu nhắc việc đó phải từ hông ngực mình lưu xuất, mới xong việc. Nếu chúng ta nghe hiểu bên ngoài rồi ngang đó tự mãn, hài lòng khoe khoang, thật là sai lầm. Việc tu hành không đơn giản, không phải chỉ hiểu một hai điểm mà rồi việc.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng thấy Đức Sơn được cái gì liền thôi?

Sư đáp:

- Ta đi tay không, về tay không.

Sao bạc bẽo vậy? Ngài thừa kế Đức Sơn, về làm thầy thiên hạ mà nói: *Ta đi tay không, về tay không*. Khi ở Đức Sơn, ngài hỏi: Tông thừa từ trước con lại có phần không? Đức Sơn đập một gậy, nói: *Tông của ta không ngữ cú, không một pháp cho người*. Chính cái thấy tay không đó mới kế thừa được Đức Sơn, cũng như ngài Huệ Nhiên đem được kiếm của Lâm Tế là che miệng, là đánh. Đó là chỗ kế thừa rõ ràng.

Có hai vị tăng đến, Sư lấy tay mở cửa am nháy vọt ra, nói:

- Là cái gì?

Tăng cũng nói:

- Là cái gì?

Sư cúi đầu vào am. Tăng từ giã Sư đi nơi khác. Sư hỏi:

- Đi nơi nào?

Tăng thưa:

- Hồ Nam.

Sư bảo:

- Ta có người bạn đồng hành ở Nham Đầu, gửi ông một lá thư đưa hộ.

Thư viết: “Tôi gửi thư lên Sư huynh, sau ngày thành đạo ở Ngao Sơn cho đến ngày nay vẫn còn no chẳng đổi.”

Tăng đến Nham Đầu, Nham Đầu hỏi:

- Từ nơi nào đến?

Tăng thưa:

- Từ Tuyết Phong đến, có thư dâng lên Hòa thượng.

Nham Đầu tiếp thư xong hỏi:

- Có ngôn cú gì khác chăng?

Tăng bèn thuật lại lời trước. Nham Đầu hỏi:

- Ông ấy nói sao?

Tăng thưa:

- Không nói, chỉ cúi đầu vào am.

Nham Đầu nói:

- Ôi! Ta hối hận lúc đầu chẳng nói với y câu rất sau. Nếu nói với y thì người trong thiên hạ không làm gì được lão Tuyết.

Tăng ở lại đến cuối hạ mới lên thưa hỏi câu ấy. Nham Đầu bảo:

- Sao chẳng hỏi sớm?

Tăng thưa:

- Chưa dám dễ dàng.

Nham Đầu bảo:

- Tuyết Phong tuy cùng ta đồng điều sanh, mà chẳng cùng ta đồng điều tử. Cần biết câu rất sau chỉ là thế.

Nghe nói câu rớt sau, ông tăng này thật thà tưởng còn câu rớt sau bí hiểm, ngài giấu chưa nói. Người xưa dùng ngôn ngữ đôi khi lừa gạt, người học không biết, cứ thật thà chờ để hỏi những câu đó, rớt cuộc không có gì.

Vị tăng hỏi hòa thượng Tây Sơn: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn sang?” Tây Sơn đưa cây phát tử lên chỉ đó. Tăng không chấp nhận.

Sau, vị tăng ấy đến tham vấn Sư. Sư hỏi:

- Ở nơi nào đến?

Tăng thưa:

- Ở Chiết Trung đến.

Sư hỏi:

- Hạ năm nay ở tại đâu?

Tăng thưa:

- Ở Tây Sơn, Tô Châu.

Sư hỏi:

- Hòa thượng an ổn chăng?

Tăng thưa:

- Khi đến thấy Ngài được muôn phước.

Sư hỏi:

- Sao không ở đó tu học?

Tăng thưa:

- Phật pháp chẳng sáng.

Sư hỏi:

- Có việc gì?

Tăng thuật lại việc trước. Sư hỏi:

- Tại sao ông chẳng chấp nhận ngài?

Tăng thưa:

- Ấy là cảnh.

Sư bảo:

- Ông thấy kẻ nam nữ ở Tô Châu chẳng?

Tăng thưa:

- Thấy.

Sư hỏi:

- Ông thấy cây cối trên đường chẳng?

Tăng thưa:

- Thấy.

Sư bảo:

- Phàm thấy nam nữ đất đai suối rừng thảy đều là cảnh, ông chấp nhận những cái ấy chẳng?

Tăng thưa:

- Chấp nhận.

Sư bảo:

- Tại sao giờ phút tử ông không chấp nhận?

Tăng lễ bái thưa:

- Con chấp bướng nói bừa, xin Hòa thượng từ bi.

Sư hỏi:

- Tội càn khôn là con mắt, ông tìm chỗ nào ngồi xỏm?

Tăng không đáp được.

Chỗ nào cũng là con mắt thì ngồi đâu bây giờ, bí không biết làm sao đáp, mấy chú đáp được không? Chắc cũng bó tay.

Có một vị tăng ở dưới núi cát thảo am, nhiều năm không cạo tóc, dùng một cái gáo dài ra bên suối múc nước. Vị tăng khác thấy hỏi: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn sang?” Am chủ đáp: “Suối sâu gáo dài.”

Sư nghe việc này, nói:

- Rất là kỳ quái.

Một hôm Sư cùng thị giả đem dao cạo theo đến am. Vừa gặp mặt, Sư dẫn lời nói trước, hỏi:

- Phải lời am chủ chẳng?

Am chủ nói:

- Phải.

Sư bảo:

- Nếu nói được chẳng cạo tóc ông.

Am chủ liền đi gọi đầu, quỳ gối trước Sư, Sư liền cạo tóc cho.

Hỏi ý *Tổ sư Tây sang*, am chủ đáp *suối sâu gáo dài*. Đó là đối với câu hỏi mà mở miệng thì táng thân

mất mạng, nhưng đây mở miệng có táng thân mất mạng không? Tại sao? Vì nói mà không động lưỡi.

Tam Thánh Huệ Nhiên hỏi:

- Cá vàng vượt khỏi lưới lấy gì ăn?

Sư bảo:

- Đợi ông vượt khỏi lưới sẽ vì ông nói.

Tam Thánh nói:

- Là thiện tri thức của một nghìn năm trăm người, mà câu thoại đầu cũng chẳng biết.

Sư bảo:

- Lão tăng trụ trì nhiều việc.

Đoạn đối đáp này, về sau ngài Viên Ngộ khen ngợi vô cùng. Hay chỗ nào? Ngài Tam Thánh Huệ Nhiên hỏi: *Cá vàng vượt khỏi lưới lấy gì ăn?* Ngài ví mình như cá vàng vượt khỏi lưới, tức là đã giải thoát rồi còn cần gì nữa không? Đó là tự đề cao mình lên. Ngài Tuyết Phong liền hạ xuống một cách khéo léo: *Đợi ông vượt khỏi lưới sẽ vì ông nói*, khi nào ông giải thoát thật sự tôi sẽ nói cho ông. Ngài Tam Thánh liền hạ trở lại: *Là thiện tri thức của một ngàn năm trăm người, mà câu thoại đầu cũng chẳng biết*. Khi người hạ mình, mình phải tìm cách đối lại, bằng cách hạ người xuống. Ngài nói: *Lão tăng trụ trì nhiều việc*. Không phải tôi không biết, không biết đâu được làm trụ trì, chỉ vì nhiều việc. Đó là đưa mình lên. Bậc tác gia gặp nhau, đối đáp rất khéo, không ai nhường ai, cũng không bị mắc kẹt.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Vừa rời chỗ nào đến?

Tăng thưa:

- Phú Thuyền (thiền sư Hồng Tiến) đến.

Sư hỏi:

- Biển sanh tử chưa qua, vì sao lại Phú Thuyền (úp thuyền)?

Tăng không đáp được, bèn trở về thuật lại Phú Thuyền. Phú Thuyền bảo:

- Sao không nói y không sanh tử.

Tăng trở lại nói lời này. Sư bảo:

- Đây không phải lời của ông.

Tăng thưa:

- Phú Thuyền nói thế ấy.

Sư bảo:

- Ta có hai mươi gậy gửi cho Phú Thuyền, còn ta tự ăn hai mươi gậy, chẳng can hệ gì việc Xà-lê.

Thiền sư Hồng Tiến chắc ở vùng có con sông mà ghe thuyền thường bị lật úp, nên người ta gọi vùng đó là Phú Thuyền.

Ngài chuyển qua câu hỏi, *sanh tử chưa qua vì sao lại úp thuyền?* Câu hỏi khó nên Tăng không đáp được, trở về thuật lại Phú Thuyền. Phú Thuyền nói: *Sao không nói y không sanh tử.* Y là người chân thật không sanh tử.

Tăng trở lại nói lời này, ngài biết là lời học lóm, nên nói: *Đây không phải lời của ông*. Tăng thưa: *Phú Thuyền nói thế ấy*. Như thế, thưởng Phú Thuyền hai chục gậy, ta hai chục gậy, ông không dính dáng gì hết!

Huyền Sa Sư Bị thưa:

- Hiện nay có đại dụng, Hòa thượng phải làm sao?

Sư đem ba trái cầu gỗ đồng thời ném ra. Huyền Sa ra bộ chẻ bìa. Sư bảo:

- Người hiện ở Linh Sơn mới được như vậy.

Huyền Sa thưa:

- Cũng là việc nhà mình.

Huyền Sa là đệ tử của ngài, tự nói rằng con có được đại dụng rồi, Thầy làm sao? Nếu ông có đại dụng thì thử, ngài cầm ba trái cầu quăng một lượt. Nếu được đại dụng thì chụp một lượt ba trái cầu, đây Huyền Sa không chụp mà làm thế chẻ bìa. Ý nói chẻ bìa con chẻ còn được, ba trái cầu không đáng. Ngài khen: *Người hiện ở Linh Sơn mới được như vậy*, ông đã có mặt trên hội Linh Sơn. Huyền Sa nói: *Cũng là việc nhà mình*, việc thường thôi chứ có gì lạ.

Một hôm, Sư ở trong nhà tăng đóng cửa trước cửa sau nổi lửa đốt, lại kêu:

- Cứu lửa! Cứu lửa!

Huyền Sa đem một thanh củi từ cửa sổ ném vào trong. Sư bèn mở cửa.

Đóng cửa trước cửa sau lại nổi lửa đốt, rồi kêu cứu lửa. Nếu là chúng ta thì xách nước ào vô, ngài sẽ không mở cửa. Câu chuyện này tương tự câu chuyện của ngài Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn đưa cái gương Quy Sơn gửi tới, hỏi đại chúng, gương này là của Ngưỡng Sơn hay là của Quy Sơn, nói được thì để, nói không được thì đập. Như chuyện ngài Nam Tuyền. Nhà Đông nhà Tây giành nhau con mèo, ngài nắm con mèo, bảo nói được thì tha, nói không được chặt con mèo. Đó là thuật dồn ép bức ngặt, để thử người thấy đạo trình bày thế nào. Trong sự cấp bách đó mà có người trình bày đúng thì mới là thật thấy. Trong chúng không người đáp được nên ngài Nam Tuyền chặt con mèo.

Ngài Ngưỡng Sơn thấy không ai đáp được nên đập gương. Ngài Tuyết Phong nếu đem nước lại thì có hai, lửa nước là hai, Huyền Sa quăng thanh củi vô, củi với lửa không hai, ngài mở cửa. Như thế, khi cấp bách dùng hành động trả lời liền. Người không hiểu đọc chỗ này mờ昧, thấy các ngài như đùa chơi. Thiền sư không đùa, tạo vẻ bức bách để thử xem có người nào thấy được, giải quyết được thì sống được. Cái đó không đợi suy nghĩ kịp, phải làm liền, làm liền đúng thì mới thật.

Sư thượng đường:

- Núi Nam có một con rắn mũi to, hết thấy các ông đều phải khéo xem.

Trưởng Khánh bước ra thưa:

- Hôm nay trong nhà này có người táng thân mất mạng.

Vân Môn lấy cây gậy ném trước Sư rồi ra bộ sợ.

Có người đem việc này thuật lại Huyền Sa. Huyền Sa nói:

- Phải là huynh Lăng mới được. Tuy nhiên như thế, nếu ta thì chẳng vậy.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng làm thế nào?

Huyền Sa nói:

- Dùng núi Nam làm gì.

Ngài Tuyết Phong hay mượn hình ảnh để cụ thể hóa cái đó. Đây mượn hình ảnh con rắn, ngài nói: *Núi Nam có một con rắn to, hết thấy các ông đều phải khéo xem.*

Ngài Trường Khánh liền nói: *Trong nhà này có người táng thân mất mạng. Chỗ chân thật đó mà bước tới được thì táng thân mất mạng. Ngài Vân Môn quăng cây gậy ra, tưởng như là để đập rắn, rồi làm thế sợ. Nhưng ngài Huyền Sa thì hơi trách: Con rắn là con rắn, còn nói núi Nam làm chi, tức có vị trí có cơ sở rồi.*

Một hôm, Sư bảo Huệ Lăng (Trường Khánh):

- Ta thấy Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: Chư thánh đi chỗ nào? Ngưỡng Sơn đáp: Hoặc ở trên trời, hoặc ở nhân gian. Người nói ý Ngưỡng Sơn thế nào?

Huệ Lăng thưa:

- Nếu hỏi chỗ ra vào của chư thánh mà nói thế ấy thì không được.

Sư bảo:

- Người đều không chấp nhận, chợt có người hỏi người đáp thế nào?

- Chỉ nói “lầm”.

- Là người chẳng lầm.

- Đâu khác với lầm.

Ngài Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn trả lời thật thà theo chỗ hiểu của mình, *chư thánh hoặc ở trên trời, hoặc ở nhân gian*. Ngài Huệ Lăng thì nói, chỗ chư thánh ra vào không thể nói như thế, nếu nói được là *lầm*. Ngài Tuyết Phong hỏi ông *không lầm* sao? Nếu thấy có lầm với không lầm là hai, nên Huệ Lăng nói: *Đâu khác với lầm*.

Sư sắp thị tịch, Sư viết bài minh trên tháp và làm tựa rằng:

- Phàm từ duyên mà có là trước sau thành hoại, chẳng từ duyên mà được muôn kiếp thường vững; vững thì hằng còn, hoại thì tổn giảm. Tuy nhiên ly tán chưa đến, ngại gì dự bị sắp đặt? Sở dĩ, chất đá làm nhà, cửa cây đóng hòm, bưng đất đổ đổ đóng làm khám. Các việc đã đủ, đầu xây hướng nam, chân về hướng bắc, nằm ngang qua núi.

Chỉ mong đến giờ, đồng đạo chó trái ý ta. Người biết tâm thì chẳng đổi chí ta. Dặn sâu! Lại dặn!...

Ngài Tuyết Phong trước khi tịch, làm bài minh ghi trên tháp: *Phàm từ duyên mà có là trước sau thành hoại*,

chẳng từ duyên mà được, muôn kiếp thường vãng. Thân này do duyên hợp, thân ấy còn hay mất? Trong thân có cái nào không từ duyên hợp không? Chúng ta luôn nói mắt thấy tai nghe là nhân duyên, nhưng kinh Lăng-nghiêm Phật dạy tiếng có sanh có diệt, tánh nghe không sanh diệt. Có tiếng thì nghe tiếng, không tiếng thì nghe không tiếng, dù có tiếng không tiếng cũng đang nghe, không phải đợi duyên mới có. Con mắt có cảnh thấy cảnh, không cảnh thấy không. Cảnh là duyên lúc có lúc không, tánh thấy có cảnh không cảnh vẫn thấy, không cần đợi duyên. Chúng ta lầm nhận, đợi có cảnh mới gọi là thấy, đợi có tiếng mới gọi là nghe, luôn luôn lệ thuộc duyên. Duyên thì sanh diệt, cái không thuộc duyên thì không hoại, chỉ vì chúng ta quên, luôn chạy theo duyên nên bị hư hoại.

Tuy nhiên ly tán chưa đến, ngại gì dự bị sắp đặt? Chát đá làm nhà, cửa cây đóng hòm, bưng đất đổ đổ đóng làm khám... đó là lời dặn dò về sau.

Sư trụ Mân Xuyên hơn bốn mươi năm, học giả mùa Đông mùa Hạ chẳng dưới số một nghìn năm trăm người.

Ngài Nham Đầu Toàn Khoát hiểu sâu mà đồ chúng không nhiều. Ngài Tuyết Phong là sư đệ mà đồ chúng đông một nghìn năm trăm.

Đời Lương niên hiệu Khai Bình năm thứ hai (908) vào tháng ba, Sư có chút ít bệnh. Mân Soái sai lương y đến xem mạch. Sư bảo:

- Ta chẳng phải bệnh, trọn chẳng uống thuốc.

Sư để kệ và trao pháp xong, ngày mừng hai tháng năm, sáng đi đạo Lam Điền, chiều về tắm rửa, nửa đêm nhập diệt. Sư thọ 87 tuổi, 59 tuổi hạ.

Cuộc đời ngài có nhiều đặc biệt. Lúc mới ra đời thấy tràng phan... gặp Tăng thì mừng vui, chứng tỏ duyên tu rất nhiều đời, nghiệp mòn mỏng, nên trong đời này thanh thoi, còn những vị khác thì không được vậy. Như trong chúng ta, có người phát tâm tu từ hồi nhỏ, chưa phạm tội sát sanh, chưa làm khổ ai nên ít tạo nghiệp. Còn có những người phải năm mười năm, hai ba chục năm lăn lộn trên đời, khổ vui đủ thứ, ân oán đủ điều rồi mới đi tu, nợ đó làm sao hết được? Vì thế khi ra đi không được thông thả.

Ngài Tuyết Phong có bài kệ, nơi khác ghi lại:

*Nhân sinh thúc hốt tạm tu du
 Phù thế na năng đắc cứu cư.
 Xuất Lãnh tài đăng tam thập nhị
 Nhập Môn tảo thị tứ tuần dư.
 Tha phi bất dụng tần tần cử
 Kỷ quá ưng tu tuyên tuyên trừ.
 Phụng báo mãn triều chu tử quý
 Diêm vương bất phạ bội kim ngư.*

Dịch:

*Kiếp người nhanh chóng thoắt phù du
 Cõi tạm ai từng ở được lâu.*

*Ba chục thêm hai ra khỏi Lãn
 Bốn mươi tuổi lẻ trở về Mân.
 Người sai chẳng khiến thường thường nhắc
 Ta lỗi cần nên gấp gấp trừ.
 Kính bảo cả triều hàng chu tử
 Diêm vương chẳng sợ mũ kim ngư.*

Kiếp người nhanh chóng thoát phù du, cõi tạm ai từng ở được lâu. Ý ngài khuyên chúng ta nên tỉnh thức. Kiếp người rất nhanh chóng, thời gian trong khoảnh khắc, sớm còn chiều mất không có gì lâu, cõi này là cõi tạm, không ai ở mãi nơi đây được.

Ngài kể việc của mình làm bằng chứng: *Ba chục thêm hai ra khỏi Lãn*, ba mươi hai tuổi ra khỏi Lãn Nam, du phương tham học. *Bốn mươi tuổi lẻ trở về Mân*, đến hơn bốn chục tuổi trở về Mân là Phúc Kiến; Lãn Nam bây giờ là Vân Nam, Lưỡng Quảng. Thời gian du phương học đạo, khi ra đi ba mươi hai tuổi, trở về hơn bốn chục tuổi, qua rất nhanh...

Ngài nhắc chúng ta tu: *Người sai chẳng khiến thường thường nhắc, ta lỗi cần nên gấp gấp trừ.* Nếu có ai làm quấy làm sai, chúng ta không nên nhắc mãi; phải luôn nhớ lỗi của mình, gấp trừ lỗi của mình. Đa số người đời thì ai sai nhớ hoài nhắc hoài, lỗi gì của mình thì thông qua mau.

Kính bảo cả triều hàng chu tử, chu là đồ son, tử là đồ tía, ý chỉ các vị quan trong triều hay hàng cao sang

quyền quý. *Diêm vương chẳng sợ mũ kim ngư*, khi làm quan thì đội mũ mào, nhưng tạo tội xuống gặp Diêm vương không tha.

Cái chết không lựa chọn kẻ sang người hèn. Dù sang như quan trong triều vẫn phải chết. Bình sinh nên nỗ lực tu, đừng phí thì giờ theo việc thị phi thiên hạ. Không thể lấy quan tước của mình đối phó với lão Diêm vương.



ĐỜI THỨ BẢY SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ BA

Nối pháp Tào Sơn Bốn Tịch

có mười bốn vị

1- Thiên sư Quang Huệ núi Hà Ngọc

2- Thiên sư Tùng Chí ở Kim Phong

3- Thiên sư Xử Chơn núi Lộc Môn...

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ BA

Nối pháp Hưng Hóa Tôn Tương

Thiên sư Bảo Ứng hay Nam Viện Ngung

III- TÔNG QUY NGŨƠNG ĐỜI THỨ TƯ

Nối pháp thiên sư Quang Dũng

có năm vị

1- Thiên sư Toàn Phó hiệu Thanh Hóa

2- Thiên sư Huệ Thanh núi Ba Tiêu...

IV- NỐI PHÁP ĐỨC SƠN ĐỜI THỨ HAI

A- Nối pháp Nham Đầu Toàn Khoát

có chín vị

1- Thiên sư Sư Ngạn ở Thụy Nham...

**B- Nối pháp Tuyết Phong Nghĩa Tôn
có năm mươi sáu vị**

1- Thiên sư Sư Bị ở Huyền Sa

2- Thiên sư Huệ Lãng ở Trường Khánh

3- Thiên sư Văn Yển ở Vân Môn

Khai Tổ tông Vân Môn...



THIÊN SƯ HUYỀN NGỘ
hiệu QUANG HUỆ ở HÀ NGỌC

Ban đầu Sư ở Long Tuyên thượng đường dạy chúng:

- Hòa thượng Tuyết Phong vì người như chim đại bàng cánh vàng bắt rồng ăn.

Có vị tăng ra hỏi:

- Hòa thượng thì thế nào?

Sư bảo:

- Ở nơi nào đi đến?

- Thế nào ý Tổ sư từ Ấn sang?

- Sao chẳng lễ bái đợi chừng nào?

- Thế nào là mật truyền tâm?

Sư lặng thinh giây lâu. Tăng thưa:

- Thế ấy luống nhọc lắng tai.

Sư gọi thị giả bảo:

- Hãy thấp lửa lên.

Ngài kế thừa tông Tào Động, đầu tiên ngài ở Long Tuyên dạy rằng: *Hòa thượng Tuyết Phong vì người như chim đại bàng cánh vàng bắt rồng ăn. Tăng thắc mắc thưa: Còn Hòa thượng thì thế nào?* Ngài bảo: *Ở nơi nào đi đến?*

Tăng hỏi: Hòa thượng thì thế nào, tức muốn biết hành vi, giáo hóa của ngài như thế nào mà ngài lại hỏi ở nơi nào đi đến? Câu hỏi đó hợp lý không? Thật là hợp lý. Ta thế nào nếu người ở chỗ ta thì biết liền, như thời khóa của tôi thế nào thì mấy chú ở đây đều biết. Nếu mấy chú hỏi tôi thời khóa thế nào, tức là mấy chú ở đâu đến. Ở trong đó mà không biết tức là không phải ở trong đó, nên nói ở nơi nào đi đến?

Hỏi: *Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn sang?* Câu này là câu không trả lời, ngài nói: *Sao chẳng lẽ bái đợi chừng nào?* Đó là trả lời khéo.

Tăng hỏi: *Thế nào là mật truyền tâm ấn?* Ngài im lặng, im lặng có mật truyền chưa? Tăng không hiểu nên nói: *Thế ấy luống nhọc lắng tai.* Như vậy là nhọc công tôi lắng tai nghe mà không được câu nào. Ngài gọi thị giả bảo: *Hãy thấp lửa lên.*

Tăng hỏi:

- Cổ nhân nói: “Nếu nhớ một câu luận, một kiếp làm dã hồ tinh”, chẳng biết ý cổ nhân thế nào?

Sư bảo:

- Nhà tăng Long Tuyên chưa từng khóa.
- Hòa thượng thế nào?
- Gió thổi bên tai.

Tăng dẫn câu cổ nhân nói: *Nếu nhớ một câu luận, một kiếp làm dã hồ tinh*. Câu đó khiến chúng ta nghĩ: nếu nhớ câu thế tục hoặc những câu không đúng đạo lý thì làm dã hồ tinh là phải, nhớ kinh nhớ luận tại sao thành dã hồ tinh? Đó là người xưa răn chúng ta chỉ học để thuộc để nhớ mà không lo tu, nay đến chỗ này công kích, mai đến chỗ kia khoe khoang, học Phật với tâm như thế thì thành dã hồ tinh. Nếu đem chỗ nhớ kinh điển của mình rồi công kích người này người kia, như thế gây thêm tội lỗi, không có lợi gì cả.

Tăng hỏi: *Chẳng biết ý cổ nhân thế nào?* Ngài đáp: *Nhà tăng Long Tuyên chưa từng khóa, ở đây ngài không cấm việc đó.*

Hỏi: *Hòa thượng thế nào?* Riêng Hòa thượng thì sao? Ngài đáp: *Gió thổi bên tai*. Ngài vẫn nghe kinh luận, nhưng nghe để tu chứ không nhớ không giữ, nên nói như gió thổi bên tai.

Tăng hỏi:

- Thế nào là một câu trước tiếng?

Sư đáp:

- In tuồng chẳng nói.
- Cổ nhân nói: “Như một hạt tuyết trên lò lửa”, ý chỉ thế nào?

Sư bảo:

- Khéo tiếc giữ lông mày.
- Chỉ dạy thế nào liền chẳng lằm trong thời gian?
- Không thể trên tuyết lại thêm sương.
- Thế ấy là toàn nhân nơi Hòa thượng?
- Nhân cái gì?

Tăng hỏi: *Thế nào là một câu trước tiếng?* Trước tiếng có câu không? Ngài đáp: *In tuồng chẳng nói, trước tiếng tức là chưa mở miệng nói.*

Tăng hỏi: *Cổ nhân nói: “Như một hạt tuyết trên lò lửa”, ý chỉ thế nào?* Chư Tổ thường nói mạng sống chúng ta như một hạt tuyết trên lò lửa, vừa rơi xuống liền khô. Thân huyễn này đối với thể chân thật của mình không có nghĩa lý, không thấm vào đâu. Vì thế dẫn lời cổ nhân nhắc cho thấy thể chân thật rộng lớn thênh thang, huyễn thân hiện hữu chẳng khác nào hạt tuyết rơi trên lò lửa. Đó là phương tiện dạy chúng ta biết thân này tạm bợ.

Ngài trả lời: *Khéo tiếc giữ lông mày.* Khi các thiền sư muốn dùng phương tiện chỉ dạy, thường nói “Lão tăng không tiếc mấy sợi lông mày”, lông mày tức là phương tiện. Tại sao? Mắt là cứu cánh, lông mày chỉ che bụi ngừa mồ hôi là phương tiện phụ, không phải cứu cánh.

Tăng hỏi: *Chỉ dạy thế nào liền chẳng lằm trong thời gian?* Ngài đáp: *Không thể trên tuyết lại thêm sương.*

Đây tạm ví dụ như những trận mưa đá và những hạt sương buổi sáng. Hai cái đó tuy khác nhưng tạm bợ như nhau. Tuyết rơi xuống rồi tan, sương không thành khối, rơi xuống cũng tan. Ý nói thời gian cũng như vậy, tạm bợ không thật. Người tu chân chính thấy thời gian không thật, đã không thật mà muốn dừng lằm dừng kẹt trong thời gian, đúng hay sai? Vì vậy ngài nói: *Không thể trên tuyết lại thêm sương.*

Tăng hỏi thêm: *Thế ấy là toàn nhân nơi Hòa thượng?* Như vậy cái gì cũng nhân nơi Hòa thượng. Ngài đáp: *Nhân cái gì?*

Có khi Sư đưa gậy lên chỉ chúng:

- Từ trước vẫn lưu lại một đường phương tiện này để tiếp người.

Vị tăng ra hỏi:

- Hòa thượng lại đứng đầu đường vậy.

Sư bảo:

- Tạ nhau xong.

Đường phương tiện này là cây gậy hay là gì? Có vị tăng hỏi ngài Càn Phong: Kinh Lăng-nghiêm nói, *Thập phương Bạc-già-phạm nhất lộ Niết-bàn môn*, mười phương chư Phật có một con đường vào cửa Niết-bàn. Bạch Hòa thượng! *Đầu đường ở chỗ nào?* Ngài Càn Phong cầm cây gậy vạch một đường nói: *Đầu đường ở đây. Đầu đường ở chỗ cây gậy đưa lên hoặc phát tử đưa lên. Đó là phương tiện, nên ngài Huyền Ngộ nói, lưu lại*

một phương tiện. Tăng ra hỏi: Hòa thượng lại đứng đầu đường vậy. Nếu lưu lại phương tiện tức là ngài đứng đầu đường chỉ.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Văn-thù?

Sư đáp:

- Không có mặt trăng thứ hai.

- Việc hiện giờ thế nào?

- Chính là mặt trăng thứ hai.

Hỏi: *Thế nào là Văn-thù?* Ngài đáp: *Không có mặt trăng thứ hai.* Văn-thù là căn bản trí, nên nói *không có mặt trăng thứ hai.* Kinh Lăng-nghiêm nói, tánh thấy tánh nghe là mặt trăng thứ hai kề cận bên mặt trăng thật, nó không phải là bóng mặt trăng. Căn bản trí là mặt trăng thật, vì ẩn mắt nên thấy có mặt trăng lờ ra, gọi là mặt trăng thứ hai. Từ căn bản trí khởi diệu dụng thấy nghe... nên nói không phải là mặt trăng thứ hai. Tăng hỏi: *Việc hiện giờ thế nào?* Hiện giờ mắt thấy tai nghe thế nào? Ngài đáp: *Chính là mặt trăng thứ hai.*

Tăng hỏi:

- Thế nào là lời Như Lai?

Sư đáp:

- Gió mạnh có dây trói.

- Thế nào là diệu minh chân tánh?

- Rộng rãi chớ bóp hẹp.

Tại sao hỏi *lời của Như Lai* mà ngài đáp: *Gió mạnh có dây trói?* Có dính dáng gì không? Những lời Phật dạy là phương tiện nhắc nhở chúng ta thức tỉnh tu hành, lời của ngài không phải là cứu cánh. Đa số chúng ta lại cho lời đó là cứu cánh, nên ngài nói: *Gió mạnh có dây trói.* Gió mạnh là chỉ cho những lời Phật dạy tôn quý như gió mạnh. Nhưng bởi tôn quý quá nên chúng ta tự cột trói mình trong đó, không chịu ứng dụng. Điều này thấy quá rõ, ngày nào cũng tụng lời Phật, tụng rồi xá lui xuống, cho là tôi tu rồi. Như vậy cứ làm hoài suốt đời, chừng nào thành Phật? Tụng lời Phật có thành Phật được không? Đó là chỗ thiết yếu để thấy việc tu của mình không đi đến cứu cánh vì còn bị trói.

Tăng hỏi: *Thế nào là diệu minh chân tánh?* Đây là danh từ trong kinh Lăng-nghiêm, diệu minh chân tánh là thể tánh nhiệm mầu sáng suốt trùm khắp. Ngài đáp: *Rộng rãi chớ bóp hẹp.* Thể tánh ấy vốn rộng rãi, nhưng nếu ông chấp trên ngôn ngữ, đó là bóp hẹp nó rồi.

Sư thượng đường giây lâu. Có vị tăng bước ra hỏi:

- Vì chúng kiệt lực, họa ra cửa tư, chưa biết tha lỗi, chẳng tha lỗi?

Sư vẫn lặng thinh.

Tại sao nói *Vì chúng kiệt lực họa ra cửa tư?* Tư tức là riêng, nghĩa là mình đem hết sức vì chúng thì cái họa riêng mình mang lấy. Tại sao? Ngài Huệ Tư nói, nếu không vì chúng giáo hóa thì ta đã chứng được Kim địa,

nhưng vì lo cho chúng mà ta xuống Ngân địa. Như vậy có phải họa ra cửa tư không? Đây cũng vậy, nếu vì chúng mà dùng tất cả phương tiện để chỉ bày chỗ chân thật, tự mình đã hạ thấp, là lỗi của mình.

Tăng hỏi tiếp: *Chưa biết tha lỗi, chẳng tha lỗi?*
Ngài im lặng.



THIÊN SƯ TÙNG CHÍ **hiệu HUYỀN MINH ở KIM PHONG**

Thượng tọa Tiến hỏi:

- Thế nào là chánh chủ Kim Phong?

Sư đáp:

- Đây cách trấn huyện chẳng xa, Xà-lê chó vọi vàng.

- Sao chẳng nói?

- Miệng như bàn đá.

- Ngàn phong muôn phong, thế nào là Kim Phong?

Sư bèn vỗ trán rồi thôi.

Thiền sư Tùng Chí, hiệu Huyền Minh ở Kim Phong.

Thượng tọa Tiến hỏi: *Thế nào là chánh chủ Kim Phong?* Nếu tôi là thiền sư, có người đến gặp tôi hỏi: “Thế nào là chủ thiền viện Thường Chiếu?” Đó là câu hỏi thẳng tìm chủ.

Ngài đáp: *Đây cách trấn huyện chẳng xa, Xà-lê chớ vội vã.* Chỗ đó không ngôn ngữ, không tên mà hỏi có tên là vội vàng. Tăng nói: *Sao chẳng nói?* Ngài nói: *Miệng như bàn đá.* Chỗ đó không mở miệng được làm sao nói.

Tăng hỏi thêm: *Ngàn phong muôn phong, thế nào là Kim Phong?* Ngài bèn vỗ trán, Kim Phong ở chỗ đó.

Sư đưa chiếc gối chỉ Tăng bảo:

- Tất cả người gọi là chiếc gối, Kim Phong nói chẳng phải.

Tăng thưa:

- Chẳng biết Hòa thượng gọi là gì?

Sư cầm chiếc gối đưa lên. Tăng thưa:

- Như thế thì y đó mà hành?

Sư hỏi:

- Người kêu là gì?

- Chiếc gối.

- Rơi trong hang Kim Phong.

Ngài đưa chiếc gối nói, người ta gọi là chiếc gối, nhưng ngài nói không phải. Tăng hỏi: Nếu không phải chiếc gối, *Hòa thượng gọi nó là gì?* Ngài đưa chiếc gối lên không nói tên, đó là đưa lên để chỉ. Tăng nói: *Như vậy y đó mà hành* được rồi. Ngài dè dặt không biết ông tăng này hiểu chưa, nên hỏi lại: *Người kêu là gì?* Tăng nói: *Chiếc gối.* Như vậy biết ông không y đó mà hành, nên nói: *Rơi trong hang Kim Phong.*

Tăng hỏi:

- Thân này vô tri như cây đất ngồi đá, ý này thế nào?

Sư bước xuống giường thiền lại nắm lỗ tai vị tăng ấy vặn. Tăng đau quá la lên. Sư bảo:

- Ngày nay mới nắm được cái vô tri.

Tăng lễ bái đi ra. Sư gọi:

- Xà-lê!

Tăng xoay đầu lại. Sư bảo:

- Nếu vào nhà tăng không được nói lại.

Tăng hỏi:

- Vì sao?

Sư bảo:

- Sẽ có nhiều người cười Kim Phong tâm lão bà.

Đây là chỗ đặc biệt của ngài. Tăng vựng về cho rằng, *thân này vô tri như cây đất ngồi đá*, còn có một cái riêng, là thế nào? Đó là tách rời hai bên, tâm và vật, thân này là vật còn bên kia là tâm.

Câu hỏi đã sai lầm nên ngài không đáp, chỉ cần *nắm lỗ tai vặn mạnh, Tăng đau quá la lên*. Ngài nói: *Bắt được cái vô tri*. Vô tri sao biết la? Để thấy chỗ lầm của Tăng, không có tâm ngoài thân, nói thân này vô tri như cây đá là sai lầm. Ngài chỉ cần vặn lỗ tai một cái biết đau liền la lên. Như vậy bắt được vô tri hay bắt được hữu tri?

Khi đó Tăng lễ bái, tưởng hiểu được chỗ ngài dạy, nhưng thật ra chưa hiểu. Ngài muốn đem hết lòng từ bi mà giúp, nên liền gọi: *Xà-lê! Tăng xoay đầu lại* mà không biết gì. Ngài nói: *Nếu vào nhà tăng không được nói lại.* Nghe câu đó thì phải biết mà lễ bái ngài rồi đi, Tăng còn thắc mắc tại sao không cho nói lại. Ngài nói: *Sẽ có nhiều người cười Kim Phong tâm lão bà, cười tôi vì ông quá mức.*

Sư thượng đường:

- Sự còn giấu kín hộp, lý nên tên nhon chống. Có người nói được chăng? Nếu có người nói được, Kim Phong sẽ chia nửa viện cho ở.

Có vị tăng bước ra làm lễ. Sư bảo:

- Gặp nhau dễ được tốt, ở chung khó vì người.

Sư bèn xuống tòa.

Đoạn này ngài nói: *Sự còn giấu kín hộp, lý nên tên nhon chống.* Sự còn giấu kín, là việc này mọi người đều sẵn đủ mà không thấy, giống như ở trong hộp đậy nắp. Muốn việc ấy hiển lộ thì dùng mũi tên nhon khơi ra. Mũi tên nhon là trí tuệ, muốn thấy được nó thì phải có trí tuệ mới nhận ra.

Ngài nói, *nếu có người nói được sẽ chia nửa viện cho.* Khi đó có vị tăng bước ra lễ bái, tức là tỏ ra nói được. Ngài liền bảo: *Gặp nhau dễ được tốt, ở chung khó vì người.*

Câu này tương tự câu châm ngôn của Trung Hoa “Trường đồ tri mã lực, sự cửu kiến nhân tâm”, đường dài

biết sức ngựa, ở lâu biết lòng người. Gặp nhau qua loa thì ai cũng tốt, huynh nào cũng dễ thương, ở chung năm bảy năm chừng đó mới thấy cái dễ ghét bày ra. Vì thế ngài nói ở lâu mà được tốt đẹp là việc rất khó, gặp đôi ba ngày tốt đẹp dễ. Mượn một câu châm ngôn để nói với vị tăng rằng, ông nghe rồi tạm hiểu, tưởng như vậy là dễ, nhưng đi sâu vô mới thấy chuyện đó chưa chắc ông đã hiểu.

Sư hỏi Tăng:

- Ra đi từ đâu?

Tăng thưa:

- Từ Triệu Châu.

Sư hỏi:

- Triệu Châu nổi pháp ai?

Tăng thưa:

- Nam Tuyên.

Sư bảo:

- Ông đâu phải từ Triệu Châu đi?

Tăng thưa:

- Chẳng biết tôn ý Hòa thượng thế nào?

Sư bảo:

- Triệu Châu thật nổi pháp Nam Tuyên.

Đến chiều giờ thưa thỉnh, Tăng thưa:

- Sáng này nhờ ơn Hòa thượng từ bi mà con chưa hội, thỉnh Hòa thượng chỉ dạy.

Sư bảo:

- Nếu đến chỗ khác, chớ nói câu sau của Kim Phong.

Tăng hỏi:

- Vì sao thế?

Sư bảo:

- E làm nhục Triệu Châu.

Đoạn này nghe rất lạ. Khi hỏi *Triệu Châu nói pháp ai?* Chúng ta đều biết ngài nổi pháp Nam Tuyền. Tại sao ngài Kim Phong bảo: *Ông đâu phải từ Triệu Châu đi.* Tăng hỏi: *Chẳng biết tôn ý Hòa thượng thế nào?* Ngài lặp lại: *Triệu Châu thật nổi pháp Nam Tuyền.*

Tại sao Tăng đáp trúng mà ngài lại chê? Tất cả thiền sư khi thấy trò kế thừa nhau, chỉ là trên hình thức sự tướng, còn trong chỗ chân thật không ai trao cho ai được. Như ngài Tuyết Phong, Tăng hỏi: “Ngài ở Đức Sơn nhận được gì?”, ngài trả lời: “Ta đi tay không, về tay không.” Không có gì để trao và nhận, nếu có thì đó chỉ là hình thức bên ngoài.

Trên chỗ đất thật không ai trao cho ai, có gì gọi là kế thừa, có gì gọi là nổi pháp? Nhưng trên sự tướng cũng không thể nói không. Vì thế, ban đầu ngài hỏi chỗ thật, Tăng không biết, trả lời về sự tướng, ngài chê. Khi Tăng hỏi lại thì ngài nói theo sự tướng: *Triệu Châu thật nổi pháp Nam Tuyền.*

Đến chiều, Tăng thắc mắc, thưa hỏi lại: *Sáng này nhờ ơn Hòa thượng từ bi mà con chưa hội, thỉnh Hòa thượng chỉ dạy.* Ngài nói: *Nếu đến chỗ khác, chớ nói câu sau của Kim Phong.* Tăng hỏi: *Vì sao thế?* Ngài bảo: *E làm nhục Triệu Châu.* Nói Triệu Châu nổi pháp Nam Tuyền là làm nhục Triệu Châu. Triệu Châu không có cái đó sao phải đợi thầy cho mới được gọi là kế thừa? Ý của ngài rõ ràng.

Tăng hỏi:

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Trước cửa Kim Phong không có tấm bảng năm dậm.

Gia phong của ngài là chỉ cho đạo lý trong tông môn hay là dòng phái của ngài thừa kế. Cái đó không có tướng mạo, không có danh tự. Đã không có thì làm sao có tấm bảng? Vì vậy ngài nói: *Trước cửa Kim Phong không có tấm bảng năm dậm.*

Về sau Sư trụ tại viện Báo Ân ở Kim Lăng và tịch tại đây.

Vua phong thụy là Viên Quảng thiền sư, tháp hiệu Quy Tịch.



THIÊN SƯ XỬ CHƠN Ỏ LỘC MÔN

Sư trụ trì tại viện Hoa Nghiêm ở núi Lộc Môn.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Có muối không giấm.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo nhân?

Sư đáp:

- Có miệng giống hệt lỗ mũi.

Tăng hỏi:

- Chợt gặp khách đến, đem cái gì đối đáp?

Sư bảo:

- Cổng gỗ cửa lá cảm ơn ông đi qua.

Ba câu đối đáp của ngài Xử Chơn gọi là không động lưỡi. Hỏi: *Thế nào là gia phong của Hòa thượng?* Ngài nói: *Có muối không giấm.* Hỏi: *Thế nào là đạo nhân?* Ngài đáp: *Có miệng giống hệt lỗ mũi...*

Tăng hỏi:

- Tổ Tổ tương truyền, truyền vật gì?

Sư bảo:

- Ca-sa kim lan.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Bát-nhã trong rừng?

Sư bảo:

- Trong điện Phật để sáu trăm quyển.

Tăng hỏi:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi sẽ đi về đâu?

Sư đáp:

- Làm con trâu nhà họ Lý ở dưới núi.

Tăng thưa:

- Cho con cùng đi theo được chăng?

Sư bảo:

- Nếu ông đi theo chớ giống đầu mọc sừng.

Tăng đáp: - Dạ!

Sư hỏi:

- Nên đến chỗ nào?

Tăng thưa:

- Con mắt Phật biện còn chẳng được.

Sư bảo:

- Nếu chẳng bỏ qua cũng là mờ mờ.

Tăng muốn biết cội nguồn thật thể mà chư Phật chư Tổ truyền nhau, nên hỏi: *Tổ Tổ tương truyền, truyền vật gì?*

Truyền thuyết nói rằng tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Hoa gặp tổ Huệ Khả, thầy trò cảm thông nhau, ngài truyền tâm ấn rồi sau truyền y bát để làm biểu tín. Biểu tín là vật bên ngoài để mọi người tin rằng giữa tổ Đạt-ma là người Ấn và Huệ Khả là người Hoa có sự cảm thông nhau, có y kim lan và chiếc bát làm bằng chứng. Y bát ấy không có giá trị tâm ấn, chỉ có giá trị chứng minh rằng người đó được truyền thật, có bằng cứ.

Hỏi: *Thế nào là Bát-nhã trong rương?* Đây không phải hỏi kinh Bát-nhã để trong rương, mà hỏi về trí tuệ Bát-nhã còn phủ kín chưa hiển lộ. Ngài lại trả lời: *Trong điện Phật để sáu trăm quyển*, kinh Đại Bát-nhã sáu trăm quyển đang để trong điện Phật. Như vậy người hỏi nhắm lý sâu, ngài đáp sự tướng bên ngoài.

Ngài Tào Sơn nói có ba thứ đạo, nên câu đáp của ngài: *Làm con trâu nhà họ Lý ở dưới núi*, là “loại đạo”, đi trong dị loại. Tăng hỏi: *Cho con cùng đi theo được chăng?* Ngài bảo, *nếu muốn đi theo* ngài thì *chớ giống đầu mọt sừng*. Sao vậy? Làm trâu không cho mọt sừng làm sao thành trâu. Chỗ “loại đạo” này là chỉ cho người đi trong lục đạo mà không nhiễm không dính mắc.

Làm trâu không có sừng, là trâu mà không phải trâu. Đó là ý nghĩa nếu ông đi trong lục đạo mà không nhiệm thì đi theo ta, nếu nhiệm thì đừng theo.

Tăng “Dạ”, tỏ rằng mình hiểu. Ngài hỏi: *Nên đến chỗ nào? Đến chỗ nào để gặp nhau.* Tăng thưa: *Chỗ đó con mắt Phật biện còn chẳng được.* Vị tăng này thật thông minh thấy rõ, nhưng ngài còn dè dặt, nói một câu: *Nếu chẳng bỏ qua cũng là mờ mờ.* Nếu ông thấy vậy mà còn chấp chặt thì e cũng mờ mờ.

Tăng hỏi:

- Thế nào là thiên?

Sư đáp:

- Loan phượng vào lòng gà.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Tơ sen cột voi lớn.

Tăng hỏi:

- Khi kiếp hoại cái này có hoại chẳng?

Sư đáp:

- Bên đôi dòm mắt cọp, khắp nơi một trường sầu.

Tăng hỏi:

- Thế nào là chỗ Hòa thượng chuyển thân?

Sư đáp:

- Canh ba đêm qua rơi mất chiếc gối.

Tất cả lối đáp của ngài đều không cho suy nghĩ, không có chỗ để tâm tư duyên theo. Tăng hỏi: *Thế nào là đạo?* Ngài nói: *Tơ sen cột voi lớn.* Tơ sen là sợi tơ kéo ra từ cọng sen, dùng chỉ đó cột con trùn còn không được, làm sao cột voi lớn? Đó là lối nói không cho suy nghĩ.

Tăng hỏi: *Thế nào là chỗ Hòa thượng chuyển thân?* Người tu là chuyển phàm thành thánh, hỏi chỗ Hòa thượng chuyển thân là hỏi chỗ xoay phàm thành thánh của ngài. Ngài liền đổi qua hình thức rất tầm thường, nói: *Canh ba đêm qua rơi mất chiếc gối.* Hôm qua giữa đêm, tôi ngủ lăn mình rớt chiếc gối xuống sàn. Lăn mình tức là xoay chuyển thân. Ngài dùng lời nói bình dị để trả lời câu hỏi có ý cao sâu.

Sư có làm bài kệ dạy chúng:

*Nhất phiến ngưng nhiên quang xán lạn
Nghĩ ý truy tâm tốt nan kiến
Bỉnh nhiên trịch trước khoát nhân tình
Đại sự phân minh giai tổng biện.
Thị khoái hoạt, vô hệ bạn
Vạn lượng hoàng kim chung bất hoán
Nhậm tha thiên thánh xuất đầu lai
Tùng thị hướng cử ảnh trung hiện.*

Dịch:

**Một mảnh lóng trong sáng khắp trời
Để lòng tìm kiếm cách xa vời**

**Rõ ràng ném hết nhân tình rỗng
Việc lớn phân minh thấy biện rồi.
Thật là vui sống, không buộc ràng
Muôn lượng vàng ròng đổi chẳng màng
Mặt tình ngàn thánh hiện ra đời
Từ ấy theo y trong bóng vàng.**

Bài kệ này, hai câu đầu ngài chỉ cho chúng ta thấy thể chân thật sẵn có trong sáng trùm khắp. Nếu khởi tâm tìm kiếm thì càng cách xa.

Hai câu tiếp theo, ý nói muốn được gần nó thì phải sao? Ném hết tất cả nhân tình được rỗng rang, chỗ khác gọi là vô sự. Lúc đó việc lớn rõ ràng hiện trước mắt.

Hai câu năm và sáu nói, khi nhận được tâm mình rõ ràng, thênh thang trùm khắp thì liền sống vui vẻ không gì ràng buộc. Nhận được của báu nhà mình, dù đem bao nhiêu vàng ròng đánh đổi, mình cũng không cần, không màng đến.

Hai câu cuối cùng nói, có Phật hiện ra đời, mình cũng vẫn sống trong bóng của y. Bóng của y tức là thể chân thật, chúng ta cứ nương theo đó mà sống, không tìm Phật, không cầu Thánh ở ngoài.



THIÊN SƯ HUỆ NGUNG

hiệu BẢO ỨNG ở NAM VIỆN

Sư trụ trì Nam Viện của thiền viện Bảo Ứng ở Nhữ Châu, nên gọi là Nam Viện Huệ Ngung, cũng gọi là hòa thượng Bảo Ứng.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Trên cục thịt đỏ vách đứng ngàn năm.

Có vị tăng hỏi:

- Trên cục thịt đỏ vách đứng ngàn năm, đâu chẳng phải lời của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Phải.

Vị tăng ấy liền giở giường thiền. Sư bảo:

- Con lừa mù này.

Liền đánh.

Thiền sư Huệ Ngung hiệu Bảo Ứng ở Nam Viện là đệ tử thuộc tông Lâm Tế. Tổ Lâm Tế nói, trên cục thịt đỏ có vô vị chân nhân, ngài Huệ Ngung nói: *Cục thịt đỏ trên vách đứng ngàn năm, cục thịt đỏ cao vót không thể với tới được. Tăng hỏi, câu đó phải là lời Hòa thượng không?* Ngài nói: *Phải. Tăng liền giở giường thiền. Ngài đánh, nói: Con lừa mù này.*

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Vừa rời nơi nào đến?

Tăng thưa:

- Vừa rời Trường Thủy.

Sư bảo:

- Đi dòng đông hay dòng tây?

Tăng thưa:

- Thấy không thể ấy.

Sư hỏi:

- Làm sao?

Tăng trân trọng. Sư liền đánh, đuổi xuống pháp đường.

Vị tăng này tương đối khéo. Ngài hỏi vừa rời chỗ nào, Tăng thưa: *Vừa rời Trường Thủy.* Trường Thủy là tên địa phương, cũng có nghĩa là sông dài. Ngài hỏi: *Đi dòng đông hay dòng tây?* Đưa ra hai dòng để thử xem vị tăng này thoát được không? Tăng lạnh lẽo nói: *Thấy không thể ấy, không đi dòng đông dòng tây.*

Ngài hỏi: *Làm sao?* Nếu không đi dòng đông hay dòng tây làm sao tới đây? *Tăng trân trọng* kính chào. Ngài đánh, đuổi xuống pháp đường, tức chấp nhận.

Sư hỏi Tăng:

- Vừa rời nơi nào đến?

Tăng thưa:

- Vừa rời Tương Châu.

Sư hỏi:

- Đến làm gì?

Tăng thưa:

- Riêng đến lễ bái Hòa thượng.

Sư bảo:

- Dường như lão Bảo Ứng chẳng ở đây.

Tăng liền hét! Sư bảo:

- Đã nói với ông chẳng có ở đây, lại hét làm gì?

Tăng lại hét! Sư liền đánh. Tăng lễ bái. Sư bảo:

- Gậy này bốn phen người đánh ta, mà ta lại đánh người, ba gậy năm gậy cốt lời này.

Ngài vừa cùng Tăng đối đáp mà nói dường như không có ở đây, Tăng làm sao? Tăng hét thì ngài đánh. Tăng lễ bái, ngài nói lẽ ra gậy đó ông đánh ta, nhưng ta lại đánh ông.

Trong nhà thiền, nếu người đối diện không nhận chính mình, muốn người đó hiển lộ thì đập một gậy thử

xem có mặt hay không. Tăng không dám đập chỉ hét thôi, hét thì ngài đánh. Đó là lẽ ra ông đánh ta, nhưng ông không đánh ta thì ta đánh ông.

Hòa thượng Tư Minh khi chưa trụ Tây Viện đến tham vấn Sư, lễ bái xong, nói:

- Không có vật gì tốt khác, từ Hứa Châu mua được dao cạo Giang Tây đến hiến Hòa thượng.

Sư hỏi:

- Ông từ Hứa Châu đến, nơi nào mua được dao cạo Giang Tây?

Tư Minh nắm tay Sư, bấm một cái. Sư bảo:

- Thị giả nhận lấy.

Tư Minh phủ áo ra đi. Sư nói:

- A la la!...

Hai vị đều là hàng tác gia. Người kia đến thăm người này, nói rằng tôi ở Hứa Châu đến, không có gì tặng huynh, mua được dao cạo ở Giang Tây tặng huynh. Giang Tây là chỗ của Mã Tổ.

Ngài hỏi, ông từ Hứa Châu đến, mua được dao cạo Giang Tây ở chỗ nào? Ngài Tư Minh liền nắm tay bấm một cái, dao cạo Giang Tây của tôi là đây. Ngài Huệ Ngung kêu thị giả nhận lấy. Nếu lúc đó mấy chú làm thị giả thì làm sao nhận? Ông kia phủ áo đi, ngài cười: *A la la!*

Sư thượng đường nói:

- Các nơi chỉ đủ con mắt thốt trác đồng thời, mà chẳng đủ dụng thốt trác đồng thời.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là dụng thốt trác đồng thời?

Sư đáp:

- Tác gia thấy nhau chẳng thốt trác thì thốt trác đồng thời mất.

Tăng thưa:

- Đây vẫn chưa phải chỗ con hỏi.

Sư hỏi:

- Chỗ người hỏi thế nào?

Tăng thưa:

- Mất.

Sư liền đánh. Vị tăng ấy chẳng chấp nhận.

Sau vị tăng ấy ở trong hội Vân Môn nghe hai vị tăng nhắc lại nhân duyên này. Một vị tăng nói: “Đương thời gậy Nam Viện gãy.” Ông nghe lời nói này hốt nhiên đại ngộ, mới thấy chỗ đáp của Nam Viện. Ông bèn trở về Nhữ Châu yết kiến Sư, Sư đã quy tịch. Ông đến thưa hỏi Phong Huyệt. Phong Huyệt nhận ra liền hỏi:

- Thượng tọa khi xưa hỏi Tiên sư câu thốt trác đồng thời đây chẳng?

Tăng thưa:

- Phải.

Phong Huyệt hỏi:

- Hội chưa?

Tăng đáp:

- Hội.

Phong Huyệt hỏi:

- Ông khi ấy hội thế nào?

Tăng nói:

- Tôi khi ấy in tuồng đi trong bóng đèn.

Phong Huyệt nói:

- Ông hội.

Thốt trác là gà con ở trong vỏ trứng, đủ lông đủ cánh kêu chíp chíp, gà mẹ liền mổ vỏ cho con chui ra, gọi là thốt trác đồng thời. Ngài nói, *các nơi đủ con mất thốt trác đồng thời, mà không đủ dụng thốt trác đồng thời.*

Tăng hỏi: *Thế nào là dụng thốt trác đồng thời?* Ngài nói: *Hàng tác gia thấy nhau chẳng thốt trác thì thốt trác đồng thời mất.* Khi hàng tác gia gặp nhau có sự cảm thông tương ứng, nếu không tương ứng thì mất dụng thốt trác đồng thời.

Tăng nói, *đó chưa phải là chỗ con hỏi.* Ngài hỏi: *Chỗ người hỏi thế nào?* Tăng nói: *Mất.* Ngài liền đánh. Nói mất như thế, đánh là phải rồi, nhưng ông tăng không chấp nhận.

Sau vị tăng ấy ở trong hội Vân Môn nghe hai vị tăng nhắc lại nhân duyên này. Một vị tăng nói: *Đương thời gậy Nam Viện gãy.* Ông nghe lời nói này hốt nhiên đại ngộ. Chừng đó mới hiểu chỗ đáp của Nam Viện, bèn trở về Nhữ Châu yết kiến ngài. Ngài đã quy tịch,

Tăng đến thưa hỏi Phong Huyệt. Phong Huyệt nhận ra liền hỏi: *Thượng tọa khi xưa hỏi Tiên sư câu thốt trác đồng thời đây chăng?* Tăng thưa: *Phải.* Phong Huyệt hỏi: *Hội chưa?* Đáp: *Hội.* Phong Huyệt hỏi: *Ông khi ấy hội thế nào?* Tăng nói: *Tôi khi ấy in tuồng đi trong bóng đèn.* Phong Huyệt nói: *Ông hội.* Cây đèn tỏa ánh sáng chiếu khắp, nhưng không chiếu đến được phía dưới chụp đèn nên để lại cái bóng cây đèn.



THIÊN SƯ TOÀN PHÓ

hiệu THANH HÓA

(882 - 947)

Sư quê ở Côn Sơn quận Ngô, cha làm nghề mua bán. Sư theo cha đến Dự Chương nghe các thiền hội thanh hành, liền xin xuất gia.

Sư đến Giang Hạ yết kiến đại sư Thanh Bình. Thanh Bình hỏi:

- Người đến cầu cái gì?

Sư thưa:

- Cầu pháp.

Thanh Bình cho là lạ, chấp nhận vào chúng. Sư được thọ giới, thờ thầy rất thuần cần.

Một hôm Sư tự bảo: “Ông thầy học vô thường, há lại trói buộc ở đây ư?” Sư liền từ tạ thầy đi du phương.

Thiền sư Toàn Phó hiệu Thanh Hóa. Ngài được thọ giới, thờ thầy rất thuần cần. Một hôm tự bảo: *Ông thầy học vô thường, há lại trói buộc ở đây ư?* Tại sao gọi là thầy học vô thường? Chúng ta học giáo lý của Phật, bài pháp đầu tiên là Tứ đế, trước nhất nói về Khổ đế. Đó là học vô thường, đã là vô thường, không có gì bền chắc, đâu cần trói buộc một nơi. Vì thế ngài từ tạ xin đi du phương.

Đến Nghi Xuân, Sư yết kiến thiền sư Quang Dũng. Quang Dũng hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ Ngạc Châu đến.

Quang Dũng hỏi:

- Sứ quân Ngạc Châu tên gì?

Sư thưa:

- Ở đất Hóa chẳng dám xúc phạm.

Quang Dũng bảo:

- Ở đây chẳng sợ.

Sư thưa:

- Đại trượng phu đâu cần thử nhau.

Quang Dũng vui vẻ cười to.

Sư dừng lại đây và thâm ngộ tông chỉ, được Quang Dũng ấn khả.

Khi đến chỗ thiền sư Quang Dũng, ngài hỏi, ông ở đâu đến, nói: *Từ Ngạc Châu đến*. Quang Dũng hỏi: *Sứ quân Ngạc Châu tên gì?* Nói: *Ở đất Hóa chẳng dám xúc phạm*. Như chúng ta ở tỉnh Biên Hòa, về Cần Thơ học đạo. Đến đó, thầy hỏi: “Ở đâu đến?” Thưa: “Ở Biên Hòa xuống.” Hỏi: “Ông tỉnh trưởng Biên Hòa tên gì?” Trả lời tên Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B... Nhưng đây hỏi tên tỉnh trưởng, không phải hỏi thật, các ngài muốn mượn việc thế gian để nói việc kia. Hỏi ông tỉnh trưởng là hỏi ông chủ của mình.

Ngài nói: *Ở đất Hóa không dám xúc phạm*. Chỗ đó không thể nói tên. Ngài Quang Dũng nửa tin nửa ngờ, có thể ông tăng này thấy được lý thiền, cũng ngờ vì ở đất đó nên không dám nói. Ngài nói: *Ở đây chẳng sợ*, đây là tỉnh khác không sợ ai bắt lỗi.

Ngài Toàn Phó thưa: *Đại trượng phu đâu cần thử nhau*. Đại trượng phu biết nhau là đủ, đâu cần thử. Ngài Quang Dũng vui vẻ cười to. Đối đáp rất hay nên được ấn khả.

Sau, Sư đạo Lô Lãng, quan huyện An Phước lập thiền uyển Ứng Quốc thỉnh Sư trụ trì. Học chúng đưa nhau đến tham vấn, ở đây trở thành thiền hội hưng thịnh. Nhà vua nghe tiếng ban cho Sư hiệu Thanh Hóa.

Tăng hỏi:

- Thế nào là chỗ Hòa thượng cấp thiết vì người?

Sư đáp:

- Sáng nhìn đông nam, chiều nhìn tây bắc.
- Chăng hội.
- Luống khoe khách Đông Dương mà không biết vật báu Tây Dương.
- Thế nào là chánh pháp nhãn?
- Không thể ban ngày mà đái trên giường.

Không thể ban ngày mà đái trên giường, tức là không thể ban ngày mà đái dầm. Hỏi chỗ cấp thiết vì người, là chỗ tha thiết vì người, ngài nói: Sáng nhìn đông nam, chiều nhìn tây bắc. Tăng thưa: Chăng hội. Như thế là khách Đông Dương mà không biết vật báu Tây Dương. Làm khách bên Đông không biết ngọc quý ở đây. Qua câu đó ngài đã chỉ chưa?

Tăng lại hỏi thêm: *Thế nào là chánh pháp nhãn?* Chánh pháp nhãn là con mắt chánh pháp, con mắt này ai cũng có, chỉ tự mình mở sáng cho mình. Chỗ này không có hình tướng, không có ngôn ngữ văn tự, mà hỏi thế nào, chẳng phải đái dầm ban ngày là gì?

Về sau, có vị tăng đồng hương khuyên Sư trở về cố hương. Văn Mục Vương đặc biệt quý trọng Sư. Nhà Hậu Tấn niên hiệu Thiên Phước năm thứ hai (937), Văn Mục Vương khai phá ngọn núi Vân Phong lập thiền viện cũng để Thanh Hóa, thỉnh Sư trụ trì. Nơi đây pháp lữ đông vậy.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng được bao nhiêu tuổi?

Sư đáp:

- Mới thấy năm rồi chín tháng chín, hiện nay lại thấy lá thu vàng.

- Thế ấy tức là vô số?

- Hỏi lấy lá vàng.

- Cứu cánh việc thế nào?

- Sáu hột xí ngầu đầy bốn đỏ.

Hỏi tuổi, nếu trả lời bao nhiêu tuổi là còn chấp thân thật, thời gian thật. Các ngài thấy thân này không phải ta, còn một cái không hình tướng không tên tuổi. Ngài nói: *Mới thấy năm rồi chín tháng chín, hiện nay lại thấy lá thu vàng.* Các thiền sư thường đối đáp như vậy.

Vua Lý Thái Tông hỏi thiền sư Thiền Lão ở núi này bao lâu. Ngài đáp: “Chỉ biết ngày tháng này, ai rành xuân thu trước.”

Một thiền sư Nhật Bản với một Sư tu Tịnh độ. Thiền sư hỏi Tịnh sư: “Năm nay Thầy bao nhiêu tuổi?” Đáp: “Tuổi tôi bằng tuổi đức Di-đà.” Hỏi: “Đức Di-đà bao nhiêu tuổi?” Đáp: “Đức Di-đà bằng tuổi tôi.” Người chân thật hiểu nhau đối đáp trên lý thật, không chấp hình tướng.

Tăng nói: *Thế ấy tức là vô số?* Ngài bảo, *hỏi lá vàng* đáp cho. Hỏi: *Cứu cánh việc thế nào?* Ngài nói: *Sáu hột xí ngầu đầy bốn đỏ.* Hột xí ngầu hay hột súc sắc, người đánh bạc chơi ăn thua, gieo nhằm thì có sáu nút đỏ. Nói cho qua chuyện.

Tăng hỏi:

- Tăng chết sẽ đi đến đâu?

Sư đáp:

- Sông dài không gián đoạn, hòn bọt mặc gió trôi.

- Lại nhận thờ cúng chăng?

- Thờ cúng thì chẳng không.

- Thờ cúng thế nào?

- Lão chài giở chèo hát, trong hang nghe tiếng vang.

Người đạt đạo thấy thân này như hòn bọt, tâm thể chân thật như con sông dài. Sông dài chảy không gián đoạn, từ năm này sang năm khác chỉ một dòng chảy mãi, hòn bọt trên sông thì chợt hợp chợt tan. Thân này giống như hòn bọt, người đời không biết, chấp thân thật, chẳng khác nào chỉ biết hòn bọt không biết dòng sông.

Nếu thấy thân này như hòn bọt, khi tan rồi có tiếc nuối, bịn rịn gì không? Kinh Lăng-nghiêm Phật dạy, thân này như hòn bọt trong biển cả, hợp tan không nghĩa lý gì. Chúng sanh mê chấp thân tạm bợ vô thường cho là thật, không nhận ra thể chân thật nơi mình. Vì thế, ngài trả lời khéo: *Sông dài không gián đoạn, hòn bọt mặc gió trôi.*

Hỏi: *Lại nhận thờ cúng chăng?* Ngài đáp, vẫn có thờ cúng. Hỏi: *Thờ cúng thế nào?* Đáp, ông chài đưa chèo hát, trong hang nghe tiếng vang. Như có một dòng sông chảy qua núi, khi ông chài giở chèo hát, trên núi

có tiếng vọng lại, tiếng đó có thật không? Chỉ là âm thanh vang vọng. Biết thân như hòn bọt thì sự thờ cúng đều là ảnh hưởng tiếng tăm, như tiếng vang trong hang núi, không quan trọng.

Đến Trung Hiến Vương ban tử y phương bào cho Sư, Sư từ chối chẳng nhận. Sư nói:

- Tôi không thích dùng, sợ e người sau bắt chước tôi mà muốn như thế.

Niên hiệu Khai Vận năm thứ tư (947) tháng bảy năm Đinh Mùi, Sư có chút bệnh, ngồi an nhiên thị tịch, thọ 66 tuổi, 45 tuổi hạ.



THIÊN SƯ HUỆ THANH ở núi BA TIÊU

Sư người Tân La (Triều Tiên), năm hai mươi tám tuổi đến Ngưỡng Sơn yết kiến Nam Tháp Quang Dũng, nhân đây được ngộ đạo.

Sư trụ trì tại núi Ba Tiêu, đồ chúng đến tham vấn rất đông.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là nước Ba Tiêu?

Sư đáp:

- Mùa đông ấm mùa hạ mát.

Tăng hỏi:

- Thế nào là kiếm thối lông?

Sư tiến ba bước.

- Thế nào là Hòa thượng một câu vì người?

Sư đáp:**- Chỉ e Xà-lê chẳng hỏi.**

Những đối đáp này rất khéo. Vì sao gọi ngài là Ba Tiêu? Ngài ở trên núi Ba Tiêu, Ba Tiêu là cây chuối. Như chúng ta đi Đà Lạt có qua đèo chuối, đồi núi trồng nhiều chuối. Chỗ ngài ở có thể rất nhiều chuối nên gọi là Ba Tiêu, trên núi có dòng suối chảy gọi là nước Ba Tiêu. Khi hỏi: *Thế nào là nước Ba Tiêu?* Thế nào là cảnh của ngài, ngài trả lời: *Mùa đông ấm, mùa hạ mát.* Hiểu được cái hay của câu nói mới thấm được ý vị của ngài. Mùa đông thì khí trời lạnh nhưng nước lại ấm, mùa hạ thì khí trời nóng nhưng nước lại mát. Thời tiết đông hạ đổi thay, nhưng nước Ba Tiêu không lệ thuộc vào thời tiết. Trời lạnh thì nước ấm, trời nóng thì nước mát. Thuộc về thời tiết thì vô thường, chỗ đó không thuộc thời tiết không bị vô thường chi phối.

Tăng hỏi: *Thế nào là kiếm thối lông?* Kiếm thối lông là cây kiếm bén, sợi lông thối qua liền đứt, cũng có khi gọi là kiếm không mũi. Ngài chỉ *tiến ba bước* thôi, để chỉ cây kiếm đó. Tăng hỏi: *Thế nào là Hòa thượng một câu vì người?* Ngài nói: *Chỉ e Xà-lê chẳng hỏi.*

Sư thượng đường cầm gậy đưa lên bảo chúng:

- Các ông có cây gậy thì ta cho các ông cây gậy, các ông không có gậy thì ta cướp cây gậy các ông.

Sư chống gậy đứng, rồi bước xuống tòa.

Đây là câu nói nổi tiếng trong nhà thiền. Nghe qua dường như vô lý, đã có cây gậy còn cho cây gậy chi dư, không có cây gậy làm sao cướp?

Như có hai thiền sư nói chuyện, một vị hỏi, cỡi này (Trung Hoa) có ý Tổ sư không? Vị khác đáp có. Hỏi, đã có ý Tổ sư thì tổ Đạt-ma qua làm gì? Đáp, vì có nên qua. Hiểu câu này thì hiểu câu của ngài Ba Tiêu. Người ngộ được cái đó thì ông thầy mới truyền tâm ấn, nên nói cho cây gậy; nếu không nhận được cái đó, như mất rồi, bị cướp cây gậy.

Tăng hỏi:

- Giặc đến cần đánh, khách đến cần xem, chợt gặp khách giặc đồng thời đến thì làm sao?

Sư bảo:

- Trong thất có một đôi giày cỏ rách.

- Chỉ như đôi giày cỏ rách lại kham thọ dụng chăng?

- Ông nếu đem đi, trước hung sau chẳng kiết.

Những câu này nghe như thần chú, nhưng hàm chứa lý đạo, các thiền sư nói khéo vô cùng. Thế nào là giặc, thế nào là khách? Giặc là vọng niệm xấu như tham sân si, khách là vọng niệm bình thường không quan trọng. Người tu thiền như người chăn trâu, nếu trâu đi bình thường thì đó là khách, nếu nó giẫm đạp lúa mạ thì đó là giặc, giặc thì phải đánh, khách thì thôi.

Vì thế nói: *Khách đến cần xem, giặc đến cần đánh.* Tăng đưa ra trường hợp *giặc* và *khách* đồng thời đến thì *phải làm sao?* Câu trả lời nghe như không có đạo lý tu hành gì, nhưng đó là cả một công phu tu tập. *Trong thất có một đôi giày cỏ rách.* Giày cỏ rách là đồ vô dụng, đồ bỏ đi, ngay đó đừng nhìn, đừng nhớ tới nó là được. Nếu giặc khách đồng thời đến thì coi như đồ bỏ không màng, vậy thôi. Rất hay, đầy đạo lý.

Vị tăng này hiểu, nên hỏi: *Chỉ như đôi giày cỏ rách lại kham thọ dụng chăng?* Chỗ không màng đó nên thọ dụng chăng? Ngài đáp: *Ông nếu đem đi, trước hung sau chẳng kiết.* Đã là cái không màng còn dùng vào chỗ nào?

Tăng hỏi:

- Quang, cảnh đều quên lại là vật gì?

Sư đáp:

- Tri.

- Tri cái gì?

- Kiến Châu Cửu Lang.

Người học thiền nghe những câu này như chuyện trên trời trên mây. Đây là chỗ dụng công, nhưng nói như không có tu gì cả. *Quang* là ánh sáng, chỉ cho tâm, *cảnh* là chỉ cho vật. Hỏi, *khi tâm vật đều quên là vật gì?* Ngài đáp: *Tri.* Lúc đó chỉ còn cái biết. Rất rõ. Chúng ta mắc kẹt hai bên, trong là tâm ngoài là vật, vì thế trong chấp tâm ngoài chấp cảnh, có ngã có pháp. Tâm vật đều quên là ngã pháp đều buông hết. Khi buông hết thì còn gì?

Lúc đó chỉ còn cái biết, không nói thêm gì nữa. Đã còn cái biết mà Tăng lại hỏi: *Tri cái gì?* Ngài bèn nói: *Kiến Châu Cửu Lang*. Nói cho qua thôi, vì ông tăng dốt quá.

Tăng hỏi:

- Chẳng hỏi hai đầu ba cổ, thỉnh Thầy chỉ thẳng bản lai diện mục?

Sư ngồi thẳng lặng thinh.

Bản lai diện mục là chỗ không nói không bày, nên ngài ngồi im lặng.

Những câu đối đáp của ngài Ba Tiêu rất lý thú, nhưng cũng rất khó hiểu, nghe bề đầu bề óc.



THIỀN SƯ TRUNG HOA

GIẢNG GIẢI - PHẦN IV

ĐỜI THỨ BẢY SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ BA

**Nối pháp Tào Sơn Bốn Tích
có mười bốn vị**

- 1- Thiên sư Quang Huệ núi Hà Ngọc**
- 2- Thiên sư Tùng Chí ở Kim Phong**
- 3- Thiên sư Xử Chơn núi Lộc Môn...**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ BA

**Nối pháp Hưng Hóa Tôn Tương
Thiên sư Bảo Ứng hay Nam Viện Ngung**

III- TÔNG QUY NGŨƠNG ĐỜI THỨ TƯ

**Nối pháp thiên sư Quang Dũng
có năm vị**

- 1- Thiên sư Toàn Phó hiệu Thanh Hóa**
- 2- Thiên sư Huệ Thanh núi Ba Tiêu...**

IV- NỐI PHÁP ĐỨC SƠN ĐỜI THỨ HAI

**A- Nối pháp Nham Đầu Toàn Khoát
có chín vị**

- 1- Thiên sư Sư Ngạn ở Thụy Nham...**

**B- Nói pháp Tuyệt Phong Nghĩa Tôn
có năm mươi sáu vị**

1- Thiên sư Sư Bị ở Huyền Sa

2- Thiên sư Huệ Lăng ở Trường Khánh

3- Thiên sư Văn Yển ở Vân Môn

Khai Tổ tông Vân Môn...



THIÊN SƯ SỬ NGẠN ở THỤY NHAM

Sư họ Hứa quê ở Mân Việt, xuất gia từ nhỏ, giữ giới luật đầy đủ. Đi du phương, trước nhất Sư đến Nham Đầu.

Sư hỏi Nham Đầu:

- Thế nào là lý bản thường?

Nham Đầu đáp:

- Động.

Sư thưa:

- Khi động thế nào?

Nham Đầu bảo:

- Chẳng phải lý bản thường.

Sư trầm ngâm giây lâu. Nham Đầu bảo:

- Chấp nhận tức chưa khỏi căn trần, chẳng chấp nhận tức hằng chìm sanh tử.

Sư liên lãnh hội, thân tâm sáng suốt.

Khi đến Nham Đầu, ngài hỏi: *Thế nào là lý bản thường?* Lý bản thường là lý gốc còn mãi không mất, lý đó thế nào? Chỗ thường còn không mất là tịnh, nhưng đây ngài Nham Đầu đáp: *Động*. Đúng theo tinh thần Lục Tổ, hỏi tịnh lấy động đáp. Ngài Sư Ngạn hỏi thêm: *Khi động thì thế nào?* Ngài Nham Đầu trả lời ngược lại: *Chẳng phải lý bản thường*, đối ngược với tịnh chẳng phải lý bản thường.

Khi đó ngài trầm ngâm để suy nghĩ. Nham Đầu bảo: *Chấp nhận tức chưa khỏi căn trần*, khi chấp nhận thì chưa lìa căn trần, *chẳng chấp nhận tức hằng chìm sanh tử*. Cả hai nhận và chẳng nhận đều mắc kẹt. Ngay đó ngài ngộ.

Sư đến yết kiến Giáp Sơn Thiện Hội. Thiện Hội hỏi:

- Ở nơi nào đến?

Sư thưa:

- Ở Ngọa Long.

Thiện Hội hỏi:

- Khi đến Ngọa Long dạy chưa?

Sư bèn nhìn qua ngó lại. Thiện Hội bảo:

- Trên vết thương lại để bồi đắp.

Sư thưa:

- Hòa thượng lại khổ như thế để làm gì?

Thiện Hội bèn thôi.

Ngọa Long là rồng nằm, tên chỗ ở của thiền sư Nham Đầu. Hỏi: *Ngọa Long dậy chưa*, rồng nằm dậy chưa? Ngài muốn diễn tả con rồng nằm thức dậy, nên ngó qua ngó lại, ý nói rồng dậy rồi, mới ngó ngoái như thế. Câu hỏi Ngọa Long là hỏi ai? Hỏi chính nơi mình, cái chân thật của mình đã nhận được chưa? Ngài trình bày cái mà mình nhận được.

Ngài Ngưỡng Sơn trình bày ông chủ bằng cách đi từ đông qua tây, ngài Sư Ngạn ngó qua ngó lại. Ngài Thiện Hội e rằng ông này bắt chước chứ chưa thấy thật, nên nói: *Trên vết thương lại để bồi đắp*. Ngài liền nói: *Hòa thượng lại khổ như thế để làm gì? Thiện Hội bèn thôi*, như vậy là thấy thật rồi.

Sư tìm đến Đan Khâu, suốt ngày ngồi trên thạch bàn như kẻ ngu, thỉnh thoảng tự gọi: “Ông chủ!” Lại ứng thanh: “Dạ!” Bèn bảo: “Tĩnh tĩnh! Về sau chớ bị người gạt.”

Bốn chúng ngưỡng mộ đức của Sư, thỉnh Sư trụ trì tại Thụy Nham, học lẫn nghe danh đua nhau kéo đến.

Lối tu của ngài hết sức đơn giản, suốt ngày ngồi trên thạch bàn, chốc lát kêu: *Ông chủ!* Rồi lại ứng thanh: *Dạ.* - *Tĩnh tĩnh! Đừng bị người gạt.* Tự kêu, tự nhắc. Ngồi im lâu sợ quên ông chủ, phải kêu nhắc tĩnh tĩnh. Đôi khi

ngôi đó mà bị người dẫn đi xóm này làng kia, thế là bị gạt, cho nên tỉnh để khỏi gục, tỉnh để đừng bị người gạt.

Cảnh Thanh hỏi:

- Trời không thể che, đất không thể chở, đâu chẳng phải?

Sư đáp:

- Nếu phải tức bị che chở.

- Nếu chẳng phải Thụy Nham vừa gặp?

Sư tự xưng:

- Sư Ngạn.

Ý ngài nói, thể chân thật đó *trời không thể che, đất không thể chở*, thấy có phải là bị che chở rồi. Nói phải là đối với quấy, như vậy đã bị che chở.

Ngài Cảnh Thanh nói: *Nếu chẳng phải Thụy Nham vừa gặp?* Cái đó đâu phải cái ông vừa gặp? Ngài tự xưng: *Sư Ngạn*.

Có ba vị tăng người Ấn, thân hình thanh cao, tròn mắt chuyển như luồng điện, sánh vai đồng bước đến lễ Sư. Sư hỏi:

- Các ông từ đâu đến?

Ba vị ấy thưa:

- Ở Thiên Trúc đến.

Sư hỏi:

- Khởi đi lúc nào?

Họ đáp:

- Sáng đi vừa đến.

Sư hỏi:

- Được chẳng nhọc chẳng?

Họ đáp:

- Vì pháp quên nhọc.

Sư nhìn kỹ thấy chân họ chẳng chạm đất.

Sư bảo:

- Vào nhà tăng an nghỉ.

Sáng hôm sau chẳng thấy ba vị ấy.



Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Trâu đá.

- Thế nào là pháp?

- Con trâu đá.

Hỏi:

- Thế ấy là chẳng đồng?

Sư đáp:

- Hợp không được.

- Tại sao hợp chẳng được?

- Không có cái đồng có thể đồng thì hợp cái gì?

Với câu hỏi, *thế nào là Phật, thế nào là pháp*, ngài trả lời, *con trâu đá*. Tại sao? Vì chỗ chân thật đó không có chỗ để gặm nhấm, như con trâu đá.

Tăng hỏi: *Tại sao hợp chẳng được?* Ngài nói: *Không có cái đồng có thể đồng thì hợp cái gì?* Gọi là hợp vì có hai cái khác hợp nhau, còn cái đồng còn không có hướng có khác, dùng hợp chỗ nào?

Tăng hỏi:

- Làm sao thương lượng được chẳng rơi vào giai cấp?

Sư đáp:

- Đuổi chẳng đi.**
- Vì sao đuổi chẳng đi?**
- Vì y từ trước không giai cấp.**
- Chẳng biết ở vị nào?**
- Chẳng ngồi điện Phổ Quang.**
- Lại lý hóa chẳng?**

Sư đáp:

- Tiếng vang ba cõi trọng, chỗ nào chẳng về châu.**

Hỏi: *Làm sao thương lượng được chẳng rơi vào giai cấp?* Thương lượng là đối đáp, khi đó làm sao không mắc kẹt vào giai cấp. Ngài nói: *Đuổi chẳng đi*. Vì không giai cấp vị trí nên không mời đến không đuổi đi. Tăng hỏi: *Tại sao đuổi chẳng đi?* Ngài nói: *Vì y không có giai cấp*. Thế ấy không có giai cấp, không có ngôi vị, nên ngài đáp:

Chẳng ngồi điện Phổ Quang. Kinh Hoa Nghiêm nói, sau khi Phật thành đạo, ngài ngồi nơi cội Bồ-đề thuyết pháp, đó là điện Phổ Quang. Sau lên cung trời Đế-thích, cung trời Dạ-ma... các cội trời thuyết pháp, nhưng không rời điện Phổ Quang. Thế trùm khắp, tùy dụng giáo hóa mà không rời thế.

Tăng hỏi: *Lại lý hóa chẳng?* Ngài đáp: *Tiếng vang ba cõi trọng, chỗ nào chẳng về châu.* Tuy thế ấy không chỗ nơi không hình tướng, nhưng nơi nơi đều không rời nó, mọi nơi đều về châu.

Một hôm có bà lão trong thôn đến đánh lễ Sư. Sư bảo:

- Bà về mau để cứu mấy ngàn sanh mạng.

Bà lão về gấp đến nhà, thấy con dâu xách một giỏ ốc từ ngoài đồng đem về. Bà liền tiếp lấy đem xuống hồ thả hết.



Đến khi Sư tịch làm lễ trà-tỳ, có con rắn lớn từ trên cây gieo mình xuống đồng lửa. Sau khi lửa tắt, xá-lợi bay tung, gió thổi cỏ cây ngã rạp.

Đời ngài có nhiều việc huyền bí.



THIÊN SƯ TÔNG NHẤT
pháp danh SƯ BỊ ở HUYỀN SA
(835 - 908)

Sư họ Tạ, quê ở huyện Mân, Phúc Châu. Thuở nhỏ thích câu cá, Sư sắm một chiếc thuyền nhỏ thường thả câu trên sông Nam Đài.

Đến gần ba mươi tuổi, khoảng niên hiệu Hàm Thông năm đầu (860) Sư chợt phát tâm cầu giải thoát. Liền bỏ thuyền câu, Sư lên núi Phù Dung theo thiền sư Linh Huấn xuất gia, đến chùa Khai Nguyên ở Dự Chương thọ giới Cụ túc với luật sư Đạo Huyền. Sau đó Sư chỉ mặc áo gai đi giày cỏ, ăn vừa đủ sống, suốt ngày ngồi yên lặng. Trong chúng thấy đều kinh dị.

Đối với Tuyết Phong Nghĩa Tôn, Sư là đàn em trong đạo, mà gần gũi kính thờ như thầy trò. Tuyết Phong thấy Sư khổ hạnh nên gọi là Đầu-dà.

Thiền sư Tông Nhất pháp danh Sư Bị ở Huyền Sa. Giai đoạn đầu của ngài khiến chúng ta sanh nghi, thường các vị túc duyên sâu dày thì đời này sanh ra có người tự nhiên ăn chay, có người gặp hình tượng Phật hoặc gặp chùa thì phát tâm mừng vui. Còn ngài lại thích đi câu, đi câu là sát sanh thì đâu phải chủng duyên Phật pháp. Nhưng sau này ngài được khen là người tái lai.

Như vậy, các vị trở lại không phải chỉ có một hình thức. Có người là con vua như tổ Bồ-đề-đạt-ma. Có người là con không cha như Ngũ Tổ. Có người là chú tiều đốn củi như Lục Tổ. Có người còn ở trong nội thấy tượng Phật, thấy tràng phan bảo cái đều cười như ngài Tuyết Phong. Ngài Huyền Sa đi câu cho tới ba mươi tuổi mới phát tâm tu.

Bồ-tát ra đời tùy theo duyên, các ngài hiện thân trong mọi trường hợp, để chúng sanh tin rằng dầu ở hoàn cảnh nào đều có thể tu được. Nếu chỉ những người khi sanh ra có những tướng lạ, ăn chay từ thuở nhỏ... mới tu được; những người lỡ làm ác, lỡ sát sanh làm sao tu?

Sau khi xuất gia, ngài mặc áo gai đi giày cỏ, ăn vừa đủ sống, suốt ngày ngồi yên lặng, không phải tu lưng chừng. Tuyết Phong thấy ngài khổ hạnh nên gọi là Đầu-đà.

Một hôm Tuyết Phong hỏi:

- Cái gì là Đầu-đà Bị?

Sư đáp:

- Trọn chẳng dám dối người.

Hôm khác Tuyết Phong gọi:

- Đầu-đà Bị! Tại sao chẳng đi tham vấn các nơi?

Sư thưa:

- Đạt-ma chẳng đến Đông độ, Nhị Tổ chẳng sang Tây thiên.

Tuyết Phong gật đầu.

Dường như ngài nói trái lẽ thật, Đạt-ma có đến Đông độ không? Nhị Tổ không đến Tây thiên là phải, tại sao nói như vậy mà ngài Tuyết Phong gật đầu?

Câu hỏi *Cái gì là Đầu-đà Bị?* Ngài đáp *Trọn chẳng dám dối người*. Nếu nói là cái gì, đó là dối người. Câu đáp đó đã khéo rồi. Nhưng khi hỏi *Sao không đi tham vấn các nơi?* Ngài nói *Đạt-ma chẳng đến Đông độ, Nhị Tổ chẳng sang Tây thiên*. Cái đó sẵn ở mỗi người, không phải đợi tổ Đạt-ma đến mới có, không phải Nhị Tổ đến Tây thiên mới được. Đã sẵn rồi, đã thấy rồi kiểm chi nữa? Vì thế Tuyết Phong gật đầu.

Tuyết Phong lên núi Tượng Cốt hoằng hóa, Sư cùng góp sức đắc lực. Học lũ các nơi tụ họp thật đông.

Sư nhập thất quên mất sớm chiều, lại xem kinh Lăng-nghiêm phát minh tâm địa. Do đó Sư ứng đối lẽ làng cùng kinh điển phù hợp. Những vị huyền học ở các nơi chưa giải quyết nghi ngờ đều đến cầu Sư chỉ dạy. Đến như Tuyết Phong gạn hỏi đối đáp cũng tương đương chẳng nhượng. Tuyết Phong bảo: “Đầu-đà Bị là người tái sanh.”

Ngài đặc biệt tu thiền, khi nhập thất xem kinh Lăng-nghiêm mà ngộ từ kinh. Thời nay có nhiều người nói “tu Thiền thì không xem kinh”, vì chủ trương thiền tông là giáo ngoại biệt truyền. Nhưng chính những người xem kinh vẫn ngộ được lý thiền. Như Lục Tổ nhân nghe kinh Kim Cang mà ngộ, Ngũ Tổ cũng giảng kinh Kim Cang cho ngài để truyền tâm ấn; ngài Huyền Giác nhân đọc kinh Duy-ma-cật mà ngộ... Đây ngài Huyền Sa đọc kinh Lăng-nghiêm mà ngộ. Việt Nam chúng ta thì Trần Thái Tông đọc kinh Kim Cang ngộ, ngài Pháp Loa đọc kinh Lăng-nghiêm ngộ. Nếu cứ cố chấp cho rằng tu thiền không cần xem kinh, xem kinh là kiến giải..., đó là lối nhìn cục bộ.

Tuyệt Phong thượng đường nói:

- Cần hội được việc này, ví như gương xưa trên đài, Hồ đến thì hiện Hồ, Hán đến thì hiện Hán.

Sư thưa:

- Chợt gặp gương sáng đến thì thế nào?

Tuyệt Phong bảo:

- Hồ Hán đều ẩn.

Sư thưa:

- Lão hòa thượng gót chân chưa dính đất.

Ngài Tuyệt Phong hay dùng gương xưa để ví dụ. Đây là mặt gương, chúng ta nhìn vào, người cao thấp, trắng đen... mỗi mỗi hiện rõ ràng. Gương có suy nghĩ phân biệt không? Hiện rõ mà không suy nghĩ, ví dụ

cho thể chân thật. Vì vậy nói *Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán*. Hồ là người Ấn, Hán là người Hoa. Người Ấn tới hiện người Ấn, người Hoa tới hiện người Hoa, đâu đó rõ ràng.

Ngài Huyền Sa hỏi: *Chợt gặp gương sáng đến thì thế nào?* Hai gương sáng cùng đối mặt nhau thì hiện cái gì? Không có chỗ hiện. Ý nói nếu một bậc tác gia đã sống được chỗ đó, người khác cũng sống được như vậy, hai người gặp thì không có gì để nói. Ngài Tuyết Phong trả lời: *Hồ Hán đều ẩn*.

Ngài nói: *Lão hòa thượng gót chân chưa chấm đất*, khéo không mắc kẹt.

Trưởng lão Nam Tế đến Tuyết Phong, Tuyết Phong dạy đến hỏi Sư. Sư hỏi:

- Cổ nhân nói “Việc này chỉ ta hay biết”, ý kiến Trưởng lão thế nào?

Nam Tế thưa:

- Nên biết có người chẳng cầu biết.

Sư bảo:

- Hòa thượng ở trên chót núi chịu bao nhiêu thứ khổ sở để làm gì?

Việc này chỉ ta hay biết, việc chân thật này chỉ có ta hay biết, không ai biết thế được. Trưởng lão Nam Tế nói: *Nên biết có người chẳng cầu biết*. Nếu không cầu biết thì chẳng lẽ tu rồi trở thành vô tri vô giác, nên ngài nói: *Hòa thượng ở trên chót núi chịu bao nhiêu thứ*

khổ sở để làm gì? Tu cốt để trở về tâm thể chân thật, tâm là biết, mà nói không cầu biết thì rốt cuộc thành cái gì? Khổ sở để cầu cái gì?

Tuyết Phong nói:

- Thế giới rộng một thước gương xưa rộng một thước, thế giới rộng một trượng gương xưa rộng một trượng.

Sư chỉ lò lửa hỏi:

- Lò lửa rộng bao nhiêu?**
- Như gương xưa rộng.**
- Lão hòa thượng gót chân chưa dính đất.**

Ngài Tuyết Phong cũng mượn gương xưa mà nói. Gương được đúc trong lò, đồng cho vào lò nấu chảy đổ thành gương. Khi nói gương thì ngài hỏi *lò rộng bao nhiêu* mà nấu đổ thành gương được? Ngài Tuyết Phong nói: *Như gương xưa rộng*. Đây là câu đối đáp khéo nên ngài Huyền Sa khen: *Lão hòa thượng gót chân chưa dính đất*.

Sư từ biệt Tuyết Phong rằng:

- Thưa Hòa thượng! “Mỗi người có tự do tự tại”, hôm nay tôi xin xuống núi.

Tuyết Phong hỏi:

- Lời ai nói thế ấy?**
- Lời Hòa thượng nói thế ấy.**
- Còn ông thì sao?**

- Chẳng tự do tự tại.

- Biết.

Khi ngài sắp từ biệt nói rằng: *Mỗi người có tự do tự tại, hôm nay tôi xin xuống núi.* Ngài Tuyết Phong gạn lại, câu đó ai nói? Trả lời: *Hòa thượng nói.* Hỏi, tôi nói như vậy còn ông thì sao? Đáp, con thì không tự do tự tại. Ngài Tuyết Phong nói, nên biết tùy ý.

Lúc đầu Sư được thỉnh trụ viện Phổ Ứng tại trường Mai Khê. Kế đó Sư dời trụ tại núi Huyền Sa. Từ đây chúng tăng khắp nơi đua nhau đến tham vấn. Học chúng hàng ngày trên số tám trăm vị. Mân soái Vương Công thỉnh Sư diễn Vô thượng thừa và kính Sư làm thầy.

Sư thượng đường im lặng giây lâu, bảo chúng:

- Tôi đã vì các ông triệt khốn (thống thiết), lại hội chăng?

Có vị tăng thưa:

- Khi lặng lẽ không nói là sao?

- Nói mớ làm gì?

- Thỉnh Thầy nói việc bốn phận.

- Ngủ mê làm gì?

- Học nhân tức ngủ mê, còn Thầy thì sao?

- Đâu được thế ấy, chẳng biết ngựa ngáy.

Sư lại nói:

- Đáng tiếc! Sư tăng đông như thế, đi hành khước ngàn dặm muôn dặm đến đây, mà chẳng tiêu cái ngủ mê nói mớ, bèn thối lui.

Ngài nói rằng chỗ thống thiết vì người của ngài là yên lặng, đó là chỉ đến chỗ chân thật. Tăng thưa: *Khi lặng lẽ không nói là sao?* Đã lặng lẽ mà còn hỏi, chẳng phải nói mớ là gì! Nên ngài bảo: *Nói mớ làm gì?* Tăng lại hỏi: *Thỉnh Thầy nói việc bốn phận?* Bốn phận là việc của mình, mà bảo người nói! Ngài hỏi: *Ngủ mê làm gì?* Tăng nói: *Con tức ngủ mê, còn Thầy thì sao?* Ngài trả lời: *Đâu được thế ấy.* Tôi không ngủ mê nói mớ như ông, chẳng biết ngứa ngáy gì. Nếu ngứa ngáy còn ngủ mê không? Ngài nói rõ chỗ này.

Vi giám quân đến yết kiến Sư, thưa:

- Hòa thượng Tào Sơn rất kỳ quái.

Sư hỏi:

- Phủ Châu cách Tào Sơn mấy dặm?

Vi Công chỉ vị tăng bên cạnh hỏi:

- Thượng tọa từng đến Tào Sơn chẳng?

Vị tăng ấy nói:

- Đã từng đến.

Vi Công hỏi:

- Phủ Châu cách Tào Sơn mấy dặm?

Tăng nói:

- Một trăm hai mươi dặm.

Vi Công bảo:

- Thế ấy là Thượng tọa chưa đến Tào Sơn.

Vi Công đứng dậy đánh lễ Sư, Sư bảo:

- Giám quân nên lễ vị tăng này, vị tăng này đầy đủ hổ thẹn.

Vi giám quân là cư sĩ, đến khen nói: *Tào Sơn rất là kỳ quái*. Ngài liền hỏi, *Phủ Châu* là chỗ ngài đang ở cách *Tào Sơn* bao nhiêu? Đây là câu gài bẫy, nếu thấy có bao nhiêu là thấy có thứ lớp. Vi giám quân là người sáng mắt nên không bị gạt, liền đẩy qua Tăng, hỏi: *Thượng tọa từng đến Tào Sơn chẳng?* Ông tăng quá thật thà nói: *Đã từng đến*. Hỏi: *Phủ Châu cách Tào Sơn bao nhiêu?* Tăng thật thà nói: *Một trăm hai mươi dặm*. Bị cư sĩ quở, như vậy thì chưa từng tới Tào Sơn. Giám quân lễ ngài, ngài bảo *nên lễ vị tăng này, vị tăng này đầy đủ hổ thẹn*. Làm tăng mà thua cư sĩ, không đầy đủ hổ thẹn là gì? Máy chú coi chừng, có khi bị cư sĩ đẩy đến thế kẹt.

Sư dạy chúng:

- Chư thiên đức! Các ông du phương hành khước đến đây, nói rằng ta tham thiền học đạo, là có chỗ kỳ đặc hay chỉ hỏi đông hỏi tây như thế? Nếu có chỗ kỳ đặc hãy thông qua, tôi sẽ vì các ông chứng minh là phải hay chẳng phải. Tôi trọn biết hết, lại có kỳ đặc chẳng? Nếu không có kỳ đặc, chỉ là người đuổi theo tiếng. Các ông đã đến đây, nay tôi hỏi các ông là người có mắt chẳng? Nếu có thì hiện đây liền nhận biết được. Các ông có biết được chẳng?

Nếu các ông chẳng biết, bị tôi gọi kẻ mù từ nhỏ, kẻ điếc từ nhỏ, có phải chẳng? Chấp nhận lời nói như thế chẳng?

Chúng ta là mù điếc hay là có mắt? Có mắt, mở chưa? Cần mở mắt sáng, đừng bị mây che. Ngài chê rồi tiếp theo khuyến khích tiến lên.

Chư thiên đức! Cũng chớ tự khi mà lui sụt, cái chân thật của các ông đâu từng là người mù điếc. Chư Phật mười phương đội các ông trên đầu, chẳng dám sai lầm một phần nhỏ, chỉ nói “việc này duy ta hay biết”, hội chẳng? Như hiện nay thừa kế, trọn nói là thừa kế Thích-ca. Tôi nói: “Thích-ca cùng tôi đồng tham cứu.” Các ông hãy nói tham cứu cái gì? Hội chẳng? Thật không phải dễ dàng biết. Phải là người đại ngộ mới có thể biết được, nếu cái sở ngộ chừng bậc cũng không thể gặp. Các ông lại biết đại ngộ chẳng? Chẳng phải các ông nhận cái chiếu soi trên đầu, chẳng phải cái các ông nói không nói rỗng, nói bên này bên kia, nói có pháp thế gian, nói có một cái chẳng phải pháp thế gian.

Đoạn này ngài khuyến khích chúng ta đừng tự khi mà lui sụt, mỗi người đều có sẵn cái chân thật, đã có sẵn thì đâu phải mù điếc. *Chư Phật mười phương đưa các ông lên đỉnh, chẳng dám sai lầm một phần nhỏ, chỉ nói “việc này duy ta hay biết”.* Tại sao chư Phật lại đội chúng ta trên đầu? Cái chân thật của chúng ta và chư Phật như nhau. Các ngài nhận được liền thành Phật, chúng ta không nhận, bỏ quên nên làm chúng sanh.

Nếu khéo tự hay tự biết, đó là đã thừa kế chư Phật, nói cách khác là được tâm ấn nơi Phật nơi Tổ. Ngài còn nói câu: *Thích-ca cùng tôi đồng tham cứu*. Đức Phật Thích-ca và ngài cách nhau hơn nghìn năm, vì sao nói là bạn đồng tham?

Đức Phật tu cốt yếu tìm lại con người chân thật của mình. Ngài thấy thân tứ đại bị sanh già bệnh chết, luật vô thường chi phối không ai thoát được. Ngoài sự sanh diệt ấy còn có gì nữa không? Ngài tham cứu truy tầm bao nhiêu năm để tìm cho ra, tìm ra được cái đó mới gọi là giải thoát sanh tử. Chúng ta tu cũng là không chấp nhận thân tạm bợ này mà muốn tìm ra cái đó. Chúng ta cùng chư Phật có chỗ tìm giống nhau. Phật không cho chúng ta cái đó, ngài chỉ vẽ đông vẽ tây như chỉ dấu chân trâu, chúng ta theo dấu mà tìm. Vì vậy nói Phật Thích-ca với ta đồng tham.

Mọi người ai cũng phải nhận nơi mình có cái chân thật như thế, nếu không nhận được lại cho cái chiếu soi trên đầu là sáng suốt, rồi nói không nói rộng, nói thế gian, nói xuất thế gian... Việc ấy không đến đâu. Cái sáng soi trên đầu là gì? Khi chúng ta gặp vấn đề bế tắc thì nhăn trán nhíu mày để tìm cho ra, đó là cái sáng soi trên đầu. Trí tuệ từ đó phát ra, nhưng chỉ là cái giả dối tạm bợ, không phải gốc chân thật. Suy tư sáng suốt, nói năng hay khéo chưa đến được cái đó.

Hòa thượng con! Hư không vẫn từ mê vọng huyễn sanh. Hiện nay nếu đại ngộ thì còn có chỗ nào để nói năng? Còn không có hư không thì chỗ nào

có tam giới? Nghiệp dẫn, cha mẹ làm duyên sanh ra ta thành lập trước sau? Hiện nay nói không vẫn là lừa dối, hướng là nói có. Biết chẳng? Các ông đi hành khước đã lâu, tự nói có việc giác ngộ. Nay tôi hỏi ông: Ví như chót núi bờ vực chỗ không có dấu vết người, lại có Phật pháp chẳng? Biện được rành rẽ chẳng? Nếu biện chẳng được thật là chưa đúng.

Ngài ngộ từ kinh Lăng-nghiêm, nên dẫn kinh Lăng-nghiêm nói, hư không cũng không thật có, là do *mê vọng huyễn sanh*. Tại sao? Vì do mê vọng đặt tên đây là hư không, đây là vật... Hư không còn không thật, hướng nữa muôn việc trên thế gian nằm trong hư không. Vì thế nói: *Còn không có hư không thì chỗ nào có tam giới*. Chúng ta thấy cái nào cũng thật có nên mê chìm trong đó. Hư không không thật thì tam giới không thật, tam giới không thật thì làm sao có người thật cảnh thật. Nếu có chẳng qua là huyễn sanh. Ngài nói, *ng nghiệp dẫn cha mẹ làm duyên sanh ra ta*, rồi mới *thành lập trước sau*, khi ta sanh ra mới thấy có hư không thế giới trước, mình có sau. Thành lập đều như huyễn.

Nếu là người đi hành khước, *tự nói mình có việc giác ngộ*, ngài hỏi, *trong chỗ không người*, núi sâu rừng rậm nơi đó có *Phật pháp không?* Thường nơi nào có đạo tràng giảng kinh thì nơi đó có Phật pháp, nơi núi sâu rừng rậm làm gì có Phật pháp. Kinh nói, có nhiều vị Bích-chi ra đời không gặp giáo lý Phật, không gặp thiện tri thức, chỉ quán sát lá cây vàng rồi rụng bèn ngộ đạo. Như vậy có Phật pháp không? Ngài Linh Vân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo, trên hoa đào có Phật pháp không?

Ngài Hương Nghiêm nghe tiếng sỏi chạm bụi tre dội lại mà ngộ đạo, nơi cây tre có Phật pháp không? Khi mê thì ở đâu cũng không thấy Phật pháp, khi ngộ thì chỗ nào cũng có Phật pháp. Phật pháp ở khắp hết, chỉ vì mê mà không thấy.

Tôi thường nói: Trước mặt vị tăng chết tức là chạm mắt Bồ-đề, thần quang muôn dặm là tướng sau đánh. Nếu người nhận được, chẳng ngại ra ngoài ấm giới, thoát khỏi ý tưởng trên đầu ông, xưa nay chỉ là thể người chân thật của ông. Chỗ nào còn có một pháp khác che đây? Các ông biết chăng? Tin chăng? Khéo thừa đương được chăng? Rất cần nỗ lực!

Trước mặt vị tăng chết tức là chạm mắt Bồ-đề, chết rồi mà chạm mắt Bồ-đề sao được? Còn nói thần quang muôn dặm là tướng sau đánh, thần quang là ánh sáng mầu nhiệm, ánh sáng đó ở trước mắt mới thấy, vì sao nói ở sau đánh? Ý nói thể chân thật không bị hạn cuộc trong hình tướng thân thể hay vị trí nơi chốn, nó trùm khắp.

Có vị tăng hỏi:

- Nhân nghe Hòa thượng nói “Tốt mười phương thế giới là một viên minh châu”, con làm sao được hội?

Sư đáp:

- Tốt mười phương thế giới là một viên minh châu, dùng hội để làm gì?

Vị tăng ấy bèn thôi. Sư hỏi lại:

- Tột mười phương thế giới là một viên minh châu, người làm sao hội?

Tăng thưa:

- Tột mười phương thế giới là một viên minh châu, dùng hội làm gì?

Sư bảo:

- Biết người nhằm trong hang quỷ tìm kế sống.



Sư dạy chúng:

- Nay tôi hỏi các ông đã thừa đương được việc gì? Tại thế giới nào an thân lập mạng? Biện biệt được chăng? Nếu biện chẳng được in tuồng ấn mắt thấy hoa đốm, thấy việc đã sai, biết chăng? Hiện nay thấy núi sông đồng nội sắc không tối sáng bao nhiêu sự vật đều là tướng hoa đốm cuồng nhọc sanh ra, gọi là tri kiến điên đảo. Phàm người xuất gia phải thức tâm đạt bản mới gọi là Sa-môn. Nay các ông đã cạo tóc đắp y làm tướng Sa-môn, thì phải có phần tự lợi lợi tha. Mà nay xem thấy đều đen kịt tối tăm như dầu hắc, tự cứu còn chẳng được, làm sao biết cứu người?

Ngài quở người tu thừa đương được việc gì, đến nơi nào an thân lập mạng, có biện biệt được chưa?... Tất cả các pháp như hoa đốm trong hư không, khi chúng ta ấn mắt thấy dường như có; hoa đốm không thật, vì mắt nhòe mà thấy sai. Hiện giờ tất cả sự vật trên thế gian này không thật, chúng ta thấy thật là đúng hay sai?

Như có chậu bông này, người nói đẹp người nói xấu, nếu biết chậu bông không thật còn nói đẹp xấu làm chi. Người nói đẹp người nói xấu, hai người có tranh cãi không? Tất cả tranh cãi do gốc thấy các pháp là thật, nếu biết không thật thì hết tranh cãi, hết phiền não. Thấy được lẽ thật rồi thì phiền não theo đó dứt. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: *Phàm người xuất gia phải thức tâm đạt bản mới gọi là Sa-môn*. Thức tâm là biết được tâm, đạt bản là suốt được gốc. Chúng ta chưa thức tâm đạt bản thì gọi là gì? Nếu tu không khéo thì không xứng mang danh nghĩa Sa-môn.

Ngài nói: *Nay các ông đã cạo tóc đắp y làm tướng Sa-môn, thì phải có phần tự lợi lợi tha*. Tự lợi là tu để cầu giác ngộ, giác ngộ rồi mới có thể làm lợi ích cho người gọi là lợi tha.

Trọng tâm của người xuất gia lấy giác ngộ làm gốc. Phật nghĩa là giác, tự mình giác ngộ rồi mới giác ngộ cho người. Nếu mình không giác, làm sao giác ngộ cho người? Như người dốt muốn dạy cho người biết chữ, dạy được không? Việc bổn phận mình chưa được một chút nào, làm sao dạy người. Vì thế ngài chê chúng ta, *mà nay xem thấy đen kịt tối tăm như dầu hắc, tự cứu còn chẳng được, làm sao biết cứu người*. Lời nhắc rất thống thiết.

Nhân giả! Nhân duyên Phật pháp là việc lớn, chớ nên thông thả giùm đầu nói bậy nói loạn theo tiếng qua ngày, thời giờ khó được, đáng tiếc, kẻ đại trượng phu sao chẳng tự tỉnh xét xem là vật gì?

Về tông thừa từ trước là dòng chư Phật đánh, các ông đã thừa đương chẳng được. Do đó tôi phương tiện khuyên các ông nên từ cửa Ca-diếp tiếp tục chóng vượt qua đi. Một cửa này vượt khỏi nhân quả phàm thánh, vượt cả biển thế giới diệu trang nghiêm của Tỳ-lô, vượt luôn cửa phương tiện của đức Thích-ca, thẳng đây vĩnh kiếp chẳng dấy có một vật để ông trông thấy. Sao ông chẳng mau mau tham cứu lấy? Không nên nói “Ta hãy đợi hai đời ba đời, gom chứa tịnh nghiệp lâu xa mới được”.

Chúng ta thừa đương Phật pháp là nhân duyên lớn, phải cố gắng, *đừng thông thả giùm đầu nói bậy nói loạn theo tiếng qua ngày*. Ngồi một mình cảm thấy buồn, hai ba người rủ lại ngồi chung nói chuyện này chuyện kia là nói loạn. Khi ngồi thiền một tiếng đồng hồ thấy rất lâu, ngồi nói dóc một tiếng đồng hồ qua mau quá chừng. Đó là bệnh. Chúng ta dính kẹt không thoát được những cái phí công vô ích đó. Giùm đầu nói bậy rất là vô ích, nên ngài quở: *Thời giờ khó được, đáng tiếc kẻ đại trượng phu, dám cạo đầu, dám bỏ thế tục là đại trượng phu, sao không nỗ lực tu, muốn trở lại làm kẻ thế tục? Sao chẳng tự tỉnh xét xem là vật gì?*

Về tông thừa từ trước là dòng chư Phật đánh, dòng Phật đánh là chỉ cho thể cao vút của chư Phật. *Nên từ cửa Ca-diếp tiếp tục chóng vượt qua đi*, cửa Ca-diếp là cửa Tổ, cửa đó không theo thứ lớp. *Vượt cả biển thế giới diệu trang nghiêm của Tỳ-lô, vượt luôn cửa phương tiện của đức Thích-ca*, vượt cửa pháp thân, vượt cửa

hóa thân là cửa phương tiện của đức Thích-ca. Vượt qua tất cả thứ lớp, phân biệt ba thân..., chúng ta đi thẳng con đường đó mà tu thì rất mau.

Không nên nói “Ta hãy đợi hai đời ba đời, gom chứa tịnh nghiệp lâu xa mới được”! Nhiều người hài lòng: đời này tu được ít, đời sau thêm chút nữa, từ từ sẽ được. Như thế cũng như con ông trưởng giả chỉ chịu hốt phân đủ sống, không muốn tiến lên nữa. Con trưởng giả thì phải kế thừa sự nghiệp trưởng giả, không phải lãnh nghề hốt phân cho là đủ. Việc tu không phải việc nhỏ, phải ráng vượt lên đừng tự mãn.

Nhân giả! Việc tông thừa của các ông là gì? Không thể do thâm tâm ông dụng công trang nghiêm mà được, không thể do Tha tâm Túc mạng mà được. Hội chăng? Như đức Thích-ca ra đời làm rất nhiều việc, nói mười hai phần giáo, tạo thành một trường Phật sự cho ông. Nhưng trong cửa này dùng một điểm chẳng được, dùng sự khéo léo bằng sợi lông chẳng được. Biết chăng? Như việc trong mộng, cũng như ngủ mơ. Sa-môn chẳng chịu hiện ra là chẳng đồng việc mộng, bởi vì biết được. Hiểu chăng? Biết được tức là người đại giải thoát, đại thấu triệt. Do đó mà siêu phàm vượt thánh, dứt sanh lìa tử, rời nhân xa quả, siêu Tỳ-lô vượt Thích-ca, chẳng bị nhân quả phàm thánh lừa, tất cả chỗ không người biết được ông. Biết chăng? Chớ quyến luyến mãi trong lưới ái sanh tử, bị nghiệp thiện ác trói buộc lôi đi, không có phần tự do. Dù ông luyện được thân tâm đồng hư không, dù ông được đến chỗ tinh minh

lặng lẽ chẳng động, vẫn không ra khỏi thức ấm. Cổ nhân gọi nó “như thác nước”, vì nó chảy nhanh nên chẳng biết vọng, cho là lặng lẽ. Tu hành thế ấy trọn chẳng ra khỏi mé luân hồi, vẫn như trước bị luân chuyển. Cho nên nói “các hạnh vô thường, chính là công quả của tam thừa”. Như thế thật đáng sợ. Nếu không có đạo nhãn, cũng chẳng được cứu cánh, sao bằng hiện nay là phạm phu chạy chẳng dùng một mảy công phu liền được chóng siêu xuất. Hiểu sức tĩnh tâm chẳng? Lại mong thích chẳng? Khuyên các ông, như tôi hiện giờ đứng đây đợi các ông nhìn thấy, chẳng dạy các ông dụng công luyện hạnh. Hiện nay chẳng thế ấy, lại đợi khi nào? Lại chấp nhận chẳng?

Liên xuống tòa.

Nhân giả! Việc tông thừa của các ông là gì? Không thể do thâm tâm ông dụng công trang nghiêm mà được, không thể do Tha tâm Túc mạng mà được. Chúng ta đã kế thừa tâm tông, phải khéo nhận, đừng mắc kẹt hình thức. Dù cho người tu có được Tha tâm thông, Túc mạng thông... cũng không bì được chỗ này. Vì thế nói, Như đức Thích-ca ra đời làm rất nhiều việc, nói mười hai phần giáo, tạo thành một trường Phật sự cho ông. Nhưng trong cửa này dùng một điểm chẳng được... Mười hai phần giáo của Phật chỉ là phần Phật sự, không phải chỗ cứu cánh của chư tổ. Phật sự có nhiều thứ nhiều việc, cũng là thứ bậc chưa phải cứu cánh.

Như việc trong mộng, cũng như ngủ mơ, người đời chìm trong mê lầm giống như người sống trong mộng,

ngủ mê nói mơ. Sa-môn chúng ta thì sao? *Chẳng chịu hiện ra là chẳng đồng việc mộng*, chúng ta có mặt ở giữa đời này, không chấp nhận đồng việc mộng như những người mê trước. Chúng ta phải là người có mặt trong tỉnh giác, không muốn là người ngủ mê nói mơ. *Bởi vì biết được. Hiểu chẳng?* Vì chúng ta còn biết được có cái chân thật, không phải chúng ta chấp nhận sống mê mộng. Người đời đôi khi sống say chết ngủ, trong cuộc sống vẫn mê lầm không biết sống thế nào. Người xuất gia là cốt làm sao phải tỉnh phải giác, không thể sống mê mộng. Nếu chúng ta bước vào cửa này được, thấu triệt được rồi, như thế là *vượt phàm vượt thánh*, tất cả những cái đó không còn dính mắc nữa.

Chớ quuyến luyến mãi trong lưới ái sanh tử, bị nghiệp thiện ác trói buộc lôi đi, không có phần tự do. Ngài khuyên chúng ta không nên mắc kẹt trong lưới ái sanh tử, nếu còn mắc kẹt trong đó thì bị nghiệp thiện ác trói buộc lôi đi, không có tự do. Nghiệp ác lôi thì sợ là phải, nghiệp thiện lôi có gì sợ? Chắc không sợ, thích được nghiệp thiện lôi. Như chúng ta tu là muốn ra khỏi gia đình cầu giải thoát, giả sử có một người nữ nghèo khổ thương mến muốn rủ ra, mấy chú có chịu ra không? Ra đó là theo nghiệp ác rất khổ. Nếu là người giàu sang quyền quý mến thương, mấy chú thích ra không? Chỗ giàu sang sung sướng, như là nghiệp thiện. Trong hai nghiệp đó, chọn một hay là bỏ hết? Dù nghiệp ác hay nghiệp thiện cũng là bị dẫn, muốn giải thoát sanh tử phải ra khỏi cả hai. Không thể nói nghiệp kia xấu ác phải bỏ, nghiệp này thiện lành không nên bỏ.

Dù ông luyện được thân tâm đồng hư không, dù ông được đến chỗ tinh minh lặng lẽ chẳng động, vẫn không ra khỏi thức ấm. Ngài thấu triệt kinh Lăng-nghiêm, trong phần phá ngũ ấm ma đến đoạn phá thức ấm, lúc đó giống như ở trong lồng pha lê rất trong sáng. Thấy trong sáng tưởng là đã tới nơi, đã giác ngộ rồi, nhưng vẫn còn ở trong lồng thức ấm, phải phá tung lồng pha lê đó mới được tự do tự tại. Vì thế nói, được đến chỗ tinh minh lặng lẽ tưởng là rồi, cũng chưa phải. Cổ nhân gọi nó “như thác nước”, nhìn dòng chảy tưởng như một bề êm trôi, nhưng bên trong ngầm từng hạt nước tuôn đổ luôn luôn không dừng.

Nếu không có đạo nhãn, cũng chẳng được cứu cánh, sao bằng hiện nay là phàm phu chạy chẳng dùng một mảy công phu liền được chóng siêu xuất. Hiểu sức tĩnh tâm chăng? Lại mong thích chăng? Người tu phải thâm thúy sâu xa, không thể tự mãn khi được chút ít mà cho đó là cứu cánh. Ngài bảo phải có sức tĩnh tâm, có sự khao khát, tự nhiên sẽ tiến được.

Hiện giờ tôi đứng thẳng đợi các ông nhìn thấy, chẳng dạy các ông dụng công luyện hạnh. Ngài đứng đó đợi chúng ta nhìn thấy. Như đây là chậu hoa, đây là cây kiểng, chúng ta có cần dụi mắt năm lần mười lượt mới nhìn thấy không? Chỉ cần nhìn là thấy. Cũng thế, chỗ này không phải dụng bao nhiêu công phu mới thấy. Ngay đó liền thấy, không thấy thì thôi, nếu bảo phải làm công phu này công phu kia mới thấy thì không đúng.

Sư dạy chúng:

Các ông giống như người ngồi trong biển cả nước ngập lụt đầu, mà đưa tay hỏi người xin nước uống. Phàm Bồ-tát học Bát-nhã phải đủ đại căn khí, có đại trí tuệ mới được. Nếu người có trí tuệ thì hiện nay được siêu thoát. Nếu người căn cơ trì độn cần phải siêng năng khổ nhọc nhẫn nại, ngày đêm bỏ ăn quên mệt, giống hệt người đưa đám ma mẹ vậy. Cấp thiết thế ấy đến trọn một đời, lại được người dìu dắt cần phải khắc cốt thật cứu, chẳng ngại gì cũng sẽ được gặp. Huống là, hiện nay ai là người kham chịu thọ học?

Ví dụ này trong kinh cũng thường nói, giống như người chìm xuống biển, đưa tay xin nước. Đây biển là nước rồi mà xin nước. Ví dụ này không sát lắm, tôi nói lại, vì nước biển mặn không uống được. Như người chìm trong sông nước ngọt mà đưa tay xin một bát nước uống, như vậy hợp lý hơn. Đó là ví dụ cho cái gì? Hiện giờ cái chân thật của mình trùm khắp mà không chịu nhận, cứ kêu cầu xin chỉ giúp, có khác nào người chìm xuống sông nước ngọt mà đưa tay xin nước uống.

Đây là chỗ đáng thương cũng đáng buồn cho mình. Sống trong cái đó lại nhờ người chỉ, cầu cứu người chỉ, thật là sai lầm. Ngài nói *Bồ-tát học Bát-nhã phải đủ đại căn khí, đại trí tuệ mới được*. Nếu chúng ta là hạng căn cơ trì độn thì phải khổ nhọc nhẫn nại ngày đêm bỏ ăn quên mệt, như người đưa đám ma mẹ. Nghĩa là không bao giờ hài lòng tự mãn, mà phải nỗ lực phải cố gắng.

Như vậy nếu được người dìu dắt thì cần phải khắc cốt thật cứu, không thể lơ mơ.

Nhân giả! Chớ có nhớ câu ghi lời, giống hệt người niệm thần chú, cất bước đi đến trong miệng đọc đa đa hòa hòa, bị người chặn hỏi liền quên mất hết, liền nổi sân nói: Hòa thượng chẳng vì con đáp thoại. Việc học thế ấy là đại khổ, biết chăng?

Nếu chúng ta học mà chỉ nhớ câu ghi lời, nhớ thuộc lòng Phật nói kinh này kinh kia, đến khi bị người hỏi đến chỗ chân thật thì bế tắc. Giống như người đang đọc thần chú, bị hỏi thần chú nghĩa gì, không giải nghĩa được.

Có một bọn Hòa thượng ngồi trên giường thiền xưng là thiện tri thức, bị người hỏi liền động thân, động tay, chỉ mắt, le lưỡi, trợn mắt. Lại có một bọn bèn nói: Sáng rõ linh thông trí tánh linh đài hay thấy hay nghe, nằm trong thừa ruộng thân năm uẩn làm chủ tể... Thiện tri thức thế ấy là quá dối người. Biết chăng? Nay tôi hỏi các ông: Nếu nhận cái sáng rõ linh thông ấy là ông chân thật, tại sao khi ngủ mê lại không có sáng rõ linh thông? Nếu khi ngủ mê chẳng phải, thì tại sao có khi sáng rõ? Các ông hội chăng? Cái ấy gọi là nhận giặc làm con, là cội gốc sanh tử, duyên khí vọng tưởng. Các ông muốn biết căn do này chăng? Tôi nói với ông: Cái sáng rõ linh thông của ông chỉ nhân pháp sắc thanh hương vị... của tiền trần mà có phân biệt, bèn nói đây là sáng rõ linh thông. Nếu không có tiền trần thì cái sáng rõ linh thông của ông đồng với lông rùa sừng thỏ.

Một số người tu cho rằng cái hay suy nghĩ, sáng rõ linh thông là trí tuệ của mình, là cái chân thật của mình. Thật sai lầm! Nó chỉ duyên theo bóng dáng tiền trần, nếu tiền trần hết thì trí biết ấy như lông rùa sừng thỏ.

Nhân giả! Chân thật ở chỗ nào? Nay ông muốn ra khỏi chủ thể của thừa ruộng thân năm uẩn, chỉ cần biết nhận lấy thể kim cương bí mật. Cổ nhân đã nói với các ông “Viên thành chánh kiến khắp giáp sa giới”. Nay tôi lấy ít phần nói ví dụ, các ông có trí do đó có thể biết. Các ông thấy mặt trời nơi thế giới này chẳng? Người thế gian tạo tác sinh hoạt, bao nhiêu việc tâm hành tạo nghiệp đều nhờ ánh sáng mặt trời mà có. Song mặt trời có nhiều thứ đến tâm hành chẳng? Lại có chỗ chẳng khắp giáp chẳng? Muốn biết thể kim cương này cũng như thế. Hiện nay núi sông đất bằng, mười phương cõi nước sắc không sáng tối và thân tâm ông, đều nhờ cái oai quang viên thành của ông mà hiện. Cả thấy trời người, các loài quần sanh tạo nghiệp thọ quả báo, có tình không tình, đều nhờ cái oai quang của ông. Cho đến chư Phật thành đạo thành quả tiếp vật lợi sanh đều trọn nhờ cái oai quang của ông. Nhưng thể kim cương lại có phạm phu chư Phật chẳng? Có tâm hành của ông chẳng? Không thể nói không là đúng được. Biết chẳng?

Ông đã có cái kỳ đặc như thế, bày hiện chỗ xuất thân, sao chẳng phát minh lấy? Lại theo người nằm trong thừa ruộng thân năm ấm, trong cõi quỷ mà tìm kế sống. Hẳn là tự dối mất vậy. Chợt gặp

quỷ vô thường đến, mắt trợn miệng méo, thân kiến mạng kiến, khi ấy thật khó chống chọi được. Giống như lột vỏ con rùa sống, thật khổ!

Mỗi người chúng ta đều có *thể kim cang bí mật*. Tại sao gọi là thể kim cang bí mật? Kim cang cứng chắc không bị phá vỡ, dùng bất cứ phương tiện gì cũng không phá vỡ được nó. Bí mật là không thể thấy, không thể biết. Tâm thể của chúng ta như thế, không có hình tướng nên không thể phá, gọi là thể kim cang. Nó không hình tướng nên không thể thấy, gọi là bí mật. Ngài ví dụ thể ấy như mặt trời. Tất cả chúng ta sinh hoạt, làm tất cả việc đều nhờ ánh sáng mặt trời. Ánh sáng ấy soi khắp, người mù từ thuở bé không biết không thấy, gọi là vô tri.

Tất cả tâm hành chúng ta, tất cả công phu tu tập... đều từ oai quang sẵn có, hay từ thể kim cang sẵn có của mình, cho đến tu hành thành Phật chứng quả cũng từ thể kim cang đó. Nơi mọi người chúng ta có sẵn cái chân thật mà không chịu nhận. Nếu nhận được thì thoát ly sanh tử, không kẹt trong giới hạn của thánh phàm.

Ông đã có cái kỳ đặc như thế, sao chẳng phát minh lấy? Lại theo người nhằm trong thừa ruộng thân năm ấm, trong cõi quỷ mà tìm kế sống. Nhiều người tu luyện cứ nhằm trong thân năm ấm này, muốn sống lâu, muốn được điều kỳ diệu... chỉ là giữ cho thân năm ấm thôi. Nhưng thân năm ấm này có giữ được đâu, đến khi sắp chết thì *mắt trợn miệng méo*, lúc đó *thân kiến mạng kiến không thể chống chọi được*. Khi tắt thở thân này

đau đớn như con rùa bị bóc vỏ, đau nhức vô cùng. Như thế tu luyện trên thân năm ấm cũng không thoát khổ.

Nhân giả! Chớ bám lấy kiến giải ngủ mê, cần phải dẹp đi. Chưa biết che đây được bao nhiêu sợi lông? Ông lại biết chăng? Tam giới không yên ví như nhà lửa, vả lại ông vẫn là người chưa được an ổn, chỉ kết thành bọn can dự việc người khác, bên này bên kia bay chạy in tuồng con nai rừng, chỉ biết tìm ăn tìm mặc. Nếu thế ấy, đâu thể hành vương đạo. Biết chăng?

Hiểu biết của chúng ta, dù rất đúng rất hay, đối với ngài chỉ là *kiến giải ngủ mê*. Kiến giải đó che đây được bao nhiêu sợi lông? Ý ngài nói kiến giải đó không xứng gì với tánh thể trùm khắp.

Ngài quả chúng ta, ở trong tam giới này không yên như ở trong nhà lửa, chưa được an ổn, lại *can dự việc người khác*, tức bàn tán việc này việc kia của người đời. Chạy bên này bên kia tìm ăn tìm mặc, giống như con nai rừng chạy kiếm ăn vậy thôi.

Quốc vương đại thần chẳng bắt buộc ông, cha mẹ cho ông đi xuất gia, mười phương thí chủ cúng dường ông áo mặc cơm ăn, thổ địa long thần ủng hộ ông, cần phải đầy đủ hổ thẹn biết ơn mới được. Chớ cô phụ lòng tốt của người. Khi bệnh nằm liệt trên giường, lăn lộn dưới đất, nói là an lạc thì chẳng có, đều là nhờ cơm cháo nuôi dưỡng. Ông đến khi thân hư hoại như trái bí đao chín rục, rồi đem chôn vùi dưới đất, nghiệp thức mờ mờ không gốc để nương.

Sa-môn vì sao lại đến thế ấy? Chỉ như côn trùng trên đất, tôi gọi là tạo nghiệp ở trong địa ngục.

Đối với người xuất gia, nhà nước không đòi hỏi phụ trách công việc quốc gia, trong gia đình thì cha mẹ cho đi tu, trong xã hội thì thí chủ phụ giúp cơm ăn áo mặc, long thần hộ pháp ủng hộ cho được yên ổn. Ổn của các vị đó rất lớn, chúng ta phải làm sao đền đáp, đừng cô phụ lòng tốt của người.

Nếu chúng ta không chịu cố gắng tu, không được an ổn mà tưởng mình an ổn, đến khi bệnh chết mới thấy khổ sở. Nhất là khi thân này hoại, trong khoảng bảy ngày chưa chôn thì thế nào? Da thịt nứt nẻ như trái bí đao chín rục, rớt cuộc đem chôn vùi dưới đất. Cuộc sống của thân này, mấy mươi năm rồi phải hư hoại, nếu chỉ biết bảo vệ, trang sức bồi dưỡng nó, có phải công dã tràng không? Chúng ta phải làm sao khi nương thân này tu tập, làm việc có nghĩa có ích cho bản thân cũng làm lợi ích cho chúng sanh, mới xứng đáng khỏi uổng công.

Nếu không biết tu, cứ lo nuôi dưỡng thân, đến khi thân hoại mạng chung, nghiệp thức mờ mờ không chỗ để nương. Tu hành chưa ra gì thì lúc đó không biết đi đâu. Ngài đặt câu hỏi: *Sa-môn vì sao lại đến thế ấy?* Sa-môn là người tự do tự tại, tại sao tới đó rồi lơ mờ không biết chi. *Chỉ như côn trùng trên đất.* Sống như côn trùng nghĩa là có mặt sanh ra rồi chờ chết, không biết gì hơn, cũng gọi là ký sinh trùng, ăn nhờ sống gửi. Vì thế chúng ta tu không nên lơ thôi, phải làm cho đến nơi đến chốn.

Hiện nay nếu chẳng liễu ngộ, sáng sớm hôm nào sẽ thấy vào trong thai lửa bụng ngựa, mang ách kéo cày hàm sắt dây yên, cối đá xay nghiền nước lửa thiêu nấu, thật chẳng dễ dàng chịu được, rất nên kinh sợ. Hoàn toàn tại ông tự tạo khổ lụy. Biết chăng?

Nếu là liễu ngộ, liền đó muôn kiếp chẳng từng dạy ông có những dấu hiệu ấy. Nếu chẳng liễu ngộ thì nhân duyên phiền não ác nghiệp này, chưa phải là một kiếp hai kiếp được hết. Hẳn là cùng với cái kim cang của ông đồng tuổi thọ. Hiểu chăng?

Nếu tu hành không tỉnh, hôm nào nhắm mắt rồi sẽ vào thai lửa bụng ngựa, mang ách kéo cày... đền trả nợ trước. Ai tạo cho mình? Chính mình là người tạo chứ không ai.

Nếu là liễu ngộ, liền đó muôn kiếp chẳng từng dạy ông có những dấu hiệu ấy. Nếu được liễu ngộ rồi thì khỏi bị dấu hiệu đi trong lục đạo, thọ luân hồi khổ sở đó nữa.

Nếu chưa liễu ngộ thì cái mê lầm, cái vô minh này đồng với thể kim cang, rất lâu không có giới hạn. Như vậy mới thấy thật là xa vời không kể, nếu mê thì muôn kiếp không biết chừng nào ra khỏi?

Sư dạy chúng:

- Chân tông cổ Phật thường tùy vật hiện, ứng dụng rành rành, nơi nơi sáng rõ, ẩn hiện thân nhiên, thấp cao đều chiếu. Thế nên, Sa-môn thượng sĩ

duy đạo nhãn là trước, hợp bản minh tâm mới là cứu cánh. Vạn tượng sum la một thể đồng nguồn, rỗng suốt không ngăn, ai luận có kẹt, việc trong trần kiếp hiện ở trước mắt. Người đời cách xa lâu đời, nên trái với thể thường, quên tâm nhận vật, mà ngược với chân tông, chấp có kẹt không, chẳng gặp thầy lành bạn tốt, chỉ tự nhận hiểu riêng mình. Dù họ có bàn luận cũng toàn trong ý so tính. Cho đến, tìm tới chỗ lý tốt vẫn không phân biệt chánh tà. Huống là bình sinh chưa từng mò bắt.

Ngài ân cần nhắc nhở, *Sa-môn thượng sĩ lấy đạo nhãn làm trước*, tức là phải mở con mắt đạo. Đó là cái gốc. Chỗ khác gọi là kiến tánh, phải thấy được, nhận ra được cái đó trước tiên. Phải hợp với gốc, sáng được tâm mới là cứu cánh, mới tròn trách nhiệm của người tu. Khi đạt được rồi thì vạn tượng sum la đồng một nguồn không khác, như vậy còn có gì dính kẹt; tất cả việc trong vô lượng kiếp như là việc trước mắt không xa nữa.

Người đời vì cách xa thể chân thường này quá lâu, trái hẳn cái đó nên *quên tâm nhận vật*. Thế nào là quên tâm nhận vật? Như tôi đưa tay ra hỏi mấy chú thấy không, trả lời thấy. Rút tay lại hỏi thấy không, trả lời không thấy. Như vậy nhân có tay mới nói có thấy. Tay với tánh thấy, hai cái khác nhau. Thấy là cái hay thấy của mình, tay là cảnh ở ngoài, cho tay là tánh thấy thì có phải quên mình theo vật không?

Khi có tiếng gọi là có nghe, không tiếng gọi là không nghe, đó là quên mình theo vật, hay quên tâm nhận vật. Cả thế gian đều như vậy, đợi có vật mới có mình,

không vật nói không mình. Vật mất nói mình mất, chúng sanh thật lầm lẫn, chìm đắm trong ấy không biết bao giờ ra khỏi. *Huống là bình sinh chưa từng mò bắt*, chưa từng tìm kiếm chỗ chân thật không tùy duyên đó, chưa từng kiếm thì làm sao thấy.

Nếu là bậc cổ đức tiên hiền, biết liền đúng lúc, khắc kỷ thực hành công phu, ở am tranh hoặc thất đá trên chót núi. Cổ đức nói: “Tình còn lượng thánh vẫn rơi trong pháp trần, kiến giải của mình chưa quên bèn thành rỉ chảy.” Không thể nói trì trai giữ giới, ngồi mãi chẳng nằm, dùng ý quán không, kìm tâm vào định là đã đúng. Thế ấy vẫn không có gì giao thiệp. Ngoại đạo ở Ấn Độ nhập định được tám muôn kiếp, lắng thần lặng lẽ, nhắm mắt che tròng, thân bất trí dứt, sau khi số kiếp mãn vẫn không khỏi luân hồi. Bởi vì đạo nhãn chẳng sáng, nguồn gốc sanh tử không phá vậy.

Dù cho tu được định, có sức thần thông đến đâu, mà không sáng được đạo nhãn, không nhận ra cái chân thật của mình thì cũng chưa khỏi sanh tử.

Phàm là kẻ xuất gia thì chẳng thế, không nên đồng với ngoại đạo. Nếu là người chân thật minh đạt, đủ đại tri kiến, hay cùng chư Phật cùng tột, tịch chiếu quên biết, rỗng trùm vạn tượng. Như hiện nay, chỗ nào chẳng phải là ông? Chỗ nào chẳng rõ ràng? Chỗ nào chẳng bày hiện? Sao chẳng thế ấy hội đi? Nếu khi không có thừa ruộng này thì đâu khỏi các thứ rỉ chảy, thảy thành hư vọng, cái gì là chỗ đắc lực lúc bình sinh?

Nếu ông thật chưa phát minh, cần phải đặt trong thời gian cấp thiết, quên ăn bỏ ngủ, dường như cứu lửa cháy đầu, như thân mạng sắp chết, tâm thâm tự cứu, bỏ hết các duyên rảnh rỗi, đuổi sạch tâm thức, mới có ít phần gần gũi. Nếu không như thế, một hôm nào đó trọn bị thức tình lôi đi, có được phần nào tự do?...

Như vậy thì hiện nay nơi nơi chốn chốn đều sẵn có, đều đầy đủ, tại sao chúng ta không nhận. Bởi không nhận được nên bị rỉ chảy, bị tiêu mòn, đó là cái khổ. Nếu chưa phát minh được thì phải đặt hết thời gian trong sự cấp thiết tu hành, không nên chần chừ lơ lửng. Việc mình tự cứu không xong, sau này bị thức tình lôi đi, chừng đó mất tự do.

Sư lo đại pháp khó dạy, ít gặp bậc thượng căn, học giả y lời sanh hiểu, theo chiếu mất tông, bèn dạy ba câu cương tông:

Câu thứ nhất: - Hãy tự đảm nhận, hiện thành đầy đủ, tốt mười phương thế giới không có gì khác, chỉ là các người, lại dạy cái gì thấy, cái gì nghe? Toàn là tâm vương của ông làm ra, trọn thành trí bất động. Chỉ thiếu đảm nhận, nên mới khai cửa phương tiện, khiến các người tin có một phần chân thường lưu chú. Cùng xưa tốt nay chưa có chẳng thị (phải), chưa có chẳng phi (sai). Song câu này chỉ thành pháp bình đẳng. Tại sao? Chỉ vì dùng lời để dẹp lời, lấy lý để đuổi lý, bình thường tánh tướng, tiếp vật lợi sanh mà thôi. Chính nơi tông chỉ vẫn còn sáng phía trước tối phía sau, gọi là “một vị

bình thật”, là cái lượng chứng từng phần pháp thân, chưa có câu xuất cách, chết tại câu sau, chưa có phần tự do. Nếu biết cái lượng xuất cách, chẳng bị tâm ma sai khiến, vào trong tay liền chuyển đổi lẫn trùng trục, nói là thông đại đạo, chẳng rơi vào kiến giải bình thường trong lòng.

Thể chân thật ấy là thể kim cang không thể chỉ bày, các ngài lập phương tiện gọi là *chân thường lưu chú*. Chân thường lưu chú tức là tánh thấy ở mắt, tánh nghe ở tai... Từ thể chân thật thường còn rót ra, chảy ra thành điệu dụng nơi sáu căn, chưa phải là thể thật. Nhân nơi đây để chúng ta tin nhận, vì vậy mà nói mặt trăng thứ hai.

Các ngài dùng phương tiện, hoặc đưa phát tử hoặc gọi dạ... là để chỉ cái chân thường lưu chú, nhận được cái đó rồi mới trở về được cái kia.

Cùng xưa tốt nay chưa có chẳng thị, chưa có chẳng phi. Song câu này chỉ thành pháp bình đẳng. Chẳng thị tức là không có cái phải, chẳng phi là chưa có cái quấy, chẳng phải chẳng quấy tức là bình đẳng.

Câu thứ nhất chỉ cho cái thể sẵn có, ai ai cũng đủ, chúng ta không thấy nên chư Tổ dùng phương tiện chỉ cái chân thường lưu chú để chúng ta nhận ra mặt trăng thứ hai, sau đó xoay qua nhận hiểu thể chân thật. Đó là phương tiện đầu tiên để chỉ thể.

Câu thứ hai: - Xoay nhân về quả, chẳng mắc nơi lý bình thường nhất như. Phương tiện gọi là “chuyển vị đầu cơ”, sanh sát tự tại buông thâu tùy nghi,

vào sanh ra tử rộng làm lợi ích tất cả, ra khỏi sắc dục và cảnh ái kiến. Phương tiện gọi là Phật tánh đốn siêu tam giới. Đây gọi là hai lý cùng sáng, hai nghĩa đồng chiếu, không bị hai bên làm động, diệu dụng hiện tiền.

Đây là thể dụng hợp nhau, không mắc kẹt nơi này nơi nọ.

Câu thứ ba: - Biết có cái gốc tánh tướng đại trí, kiến giải vượt bậc, tối sáng rộng suốt, thânh thang khắp sa giới, một thể tánh chân thật, đại dụng hiện trước, ứng hóa khôn ngăn, toàn dùng toàn chẳng dùng, toàn sanh toàn chẳng sanh. Phương tiện gọi là “cái cửa Từ định”.

Đây là diệu dụng, từ là từ bi, định là an định, tức là làm lợi ích tất cả mọi người mà không xao động, không bị chuyển biến gọi là Từ định.

Sư có kệ:

Vạn lý thân quang đánh hậu tướng

Một đánh chi thời hà xứ vọng?

Sự dĩ thành, ý diệt hưu

Thử cá lai tung xúc xứ chu.

Trí giả liêu trước tiện đề thủ,

Mạc đãi tu du thất khước đầu.

Dịch:

Thân quang muôn dặm tướng sau đánh

Khi chìm mất đánh, chỗ nào trông?

**Việc đã thành, ý cũng thôi
Cái ấy lâu nay chạm đến khắp.
Người trí nắm được liền đưa lên,
Chớ đợi phút giây quên mất đầu.**

Hai câu đầu, ý nói mỗi người có *thần quang* muôn dặm nằm sau *đảnh*, tức là ngay bên cạnh không đâu xa. Tuy nhiên không phải căn cứ vào tướng để tìm, vì nó không nơi chốn. Vì thế nói, *khi chìm mất đảnh chỗ nào trông?* Nếu *đảnh* khuất rồi thì tìm chỗ nào để thấy nó.

Hai câu tiếp theo nói, khi việc được thành rồi, ý không còn phải duyên nữa. *Cái ấy lâu nay chạm đến khắp*. Khi nhận được thì nó trùm khắp, không có giới hạn.

Hai câu cuối nói, *người trí nắm được liền đưa lên*, nếu nhận được phải ngay nơi đó mà giữ, ngay nơi đó mà tu, không đi nơi nào khác. Nếu chưa nhận được, *đợi một phút giây* suy nghĩ là *quên mất đầu*, tức là quên thật mà chạy theo bóng.

Lại nói kệ:

***Huyền Sa du kính biệt
Thời nhân thiết tu tri
Tam đông dương khí thanh
Lục ngoạt giáng sương thì.
Hữu ngữ phi quan thiết
Vô ngôn thiết yếu từ***

***Hội ngã tối hậu cú
Xuất thế thiếu nhân tri.***

Dịch:

**Huyền Sa đường tắt riêng
Người đời cần nên biết
Ba đông khí dương thanh
Tháng sáu sương xuống nhiều.
Có lời không hệ lười
Không nói rất cần câu
Hiểu ta câu rốt sau
Ra đời ít người biết.**

Một bài kệ khác, nói: Đường riêng của Huyền Sa, mọi người nên biết đường đó. Tam đông là mùa đông mà khí dương thanh, tháng sáu mùa hạ mà sương xuống nhiều.

*Có lời không hệ lười
Không nói rất cần câu*

Đường tắt của ngài có lời mà không kẹt ở lười, không cần ngôn từ. Tức là tuy có văn tự mà không có chỗ cho người gá nương, không cho dính mắc, nên nói như không nói.

*Hiểu ta câu rốt sau
Ra đời ít người biết*

Hai câu cuối nói ai hiểu được câu rốt sau của ngài thì ra đời ít người biết. Câu rốt sau tức là tâm không nghĩ thiện nghĩ ác.

Sư ứng cơ tiếp vật ngót ba mươi năm, chúng thường có mặt trong hội nghe không dưới tám trăm vị.

Đến đời Hậu Lương niên hiệu Khai Bình năm thứ hai (908), ngày hai mươi bảy tháng mười một năm Mậu Thìn, Sư có chút bệnh rồi tịch. Sư thọ 74 tuổi, được 44 tuổi hạ.

Ngài Huyền Sa chỉ dạy nhiều, rất cặn kẽ. Vì ngài ngộ qua lý kinh, kinh thì có nhiều phương tiện nên ngài có nhiều lời lẽ để nhắc để dạy chúng ta. Có những vị ngộ ngay trong thiền, các ngài chỉ những gì mình đã thấy nên nói đơn giản, ít dùng ngôn từ.

Như tổ Lâm Tế, ngài thông hiểu cả ba tạng, tuy ngộ qua ba trận đòn của tổ Hoàng Bá nhưng mà trước ngài đã học thấu kinh luận rồi, nên sau ngài nói rất nhiều. Ngài Đức Sơn là vị giảng sư thông kinh luận nên cũng nói rất nhiều. Ở đây ngài Huyền Sa cũng vậy. Nghĩa là nhờ thấy được kinh, biết được phương tiện của Phật, nên khi ngộ được lý đó thì dùng nhiều phương tiện chỉ dạy cho người.



THIÊN SƯ HUỆ LĂNG ở TRƯỜNG KHÁNH

(854 - 932)

Sư họ Tôn, quê ở Diêm Quan, Hàng Châu. Thuở nhỏ Sư bầm tánh thuần đạm. Năm mười ba tuổi Sư đến chùa Thông Huyền ở Tô Châu xuất gia thọ giới. Sau đó Sư đi tham vấn khắp các thiền hội.

Niên hiệu Càn Phù năm thứ năm (878), Sư vào xứ Mân yết kiến Tây Viện, thưa hỏi Linh Vân. Ban đầu Sư hỏi Linh Vân:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Linh Vân đáp:

- Việc lừa chưa đi, việc ngựa lại đến.

Sư không khế hội.

Ngài hỏi thiền sư Linh Vân: Thế nào là đại ý Phật pháp? Thiền sư Linh Vân đáp: Việc lừa chưa đi,

việc ngựa lại đến. Nhà thiền rất chú trọng câu này, không phải vì nghĩa lý sâu xa, mà chú trọng chỗ ngài Linh Vân khéo đáp một câu không động môi lưỡi.

Ngài Hương Nghiêm dùng ví dụ: Như người trèo lên cây, miệng cắn cành cây, buông thông tay chân không có chỗ bám. Chợt có người hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Nếu người đó mở miệng đáp thì rớt nát thân, không đáp thì phụ lòng người hỏi. Ở đây ngài Linh Vân mở miệng đáp là không phụ lòng người, cũng không trái tông chỉ. Đó là cái khéo.

Sư đến Tuyết Phong cũng đề khởi câu hỏi trên. Tuyết Phong đáp:

- Ông đâu chẳng phải người Tô Châu?

Sư thưa:

- Con đâu chẳng biết là người Tô Châu.

Tuyết Phong dạy yết kiến Huyền Sa. Đến Huyền Sa, Sư cũng hỏi câu ấy. Huyền Sa bảo:

- Ông là Lăng đạo giả, tại sao chẳng hội?

Sư thưa:

- Chẳng biết Linh Vân nói thế ấy là ý tại chỗ nào?

Huyền Sa bảo:

- Chỉ là Lăng đạo giả, không thể tìm bên ngoài...

Như thế, nơi Tuyết Phong và Huyền Sa, Sư qua lại thưa hỏi ngót hai chục năm, ngồi rách bảy cái bồ đoàn mà không sáng việc này.

Đến Tuyết Phong, ngài cũng hỏi đại ý Phật pháp, Tuyết Phong đáp: *Ông là người Tô Châu*. Ngài thưa, con ở Tô Châu, con biết rồi, còn nói là người Tô Châu chi cho dư. Khi đến Huyền Sa thì Huyền Sa nói, *ông là Lãng đạo giả*. Một người nói chỗ ở, một người nói tên, ngài cũng không biết ý chỉ. Huyền Sa nói: *Chỉ là Lãng đạo giả, không thể tìm bên ngoài*. Hai vị trả lời ý giống nhau, tuy ngôn ngữ khác, đều không có chỗ để tâm ý dò tìm.

Chỗ đặc biệt của ngài Huệ Lãng là chưa hiểu thì hai mươi năm vẫn tới lui thưa hỏi để tìm ra manh mối, ngồi rách bảy cái bồ đoàn. Ngài ngồi thiền nhiều như thế, chúng ta ngồi chưa thấm vào đâu, nếu tự mãn là hiểu biết nông cạn. Ngài dốc hết ý chí, chưa tìm ra thì vẫn khổ công tìm cho ra mới thôi.

Một hôm, Sư cuốn rèm bỗng nhiên đại ngộ, bèn làm bài tụng:

*Dã đại sai, dã đại sai,
Quyển khởi liêm lai kiến thiên hạ.
Hữu nhân vấn ngã thị hà tông?
Niêm khởi phát tử phách khẩu đả.*

Dịch:

**Cũng rất sai, cũng rất sai,
Vừa cuốn rèm lên thấy thiên hạ.
Có người hỏi ta là tông gì,
Cầm cây phát tử nhằm miệng đánh.**

Ngài trình bày sở ngộ của mình. *Vừa cuốn rèm lên thấy thiên hạ.* Thấy thiên hạ nhưng không phải thấy cảnh ở ngoài, mà là nhận ra được cái chân thật của mình. *Có người hỏi ta là tông gì, cầm cây phát tử nhằm miêng đánh.* Khi nhận ra cái chân thật của mình, nếu có ai hỏi thuộc về tông gì, lúc đó cầm phát tử đánh, không nói tông phái nào cả.

Khi ngài hỏi thiền sư Linh Vân: *Thế nào là đại ý Phật pháp?* Câu đó chỉ đáp rằng *việc lừa chưa đi, việc ngựa lại đến.* Với ngài, ai hỏi tông gì thì cầm phát tử đánh, đó là trình sở ngộ.

Tuyết Phong nói với Huyền Sa:

- Kẻ này đã triệt ngộ.

Huyền Sa thưa:

- Chưa được, đây là ý thức làm ra, đợi khám nghiệm qua mới được.

Chiều đến, chúng tăng vào pháp đường thưa hỏi. Tuyết Phong nói với Sư:

- Đầu-đà Bị chưa chấp nhận ông, thật có chánh ngộ ở trước chúng nói ra xem.

Sư liền nói bài tụng:

Vạn tượng chỉ trung độc lộ thân,

Duy nhân tự khẳng nãi phương thân.

Tích thời mậu hương đồ trung mịch,

Kim nhật khán lai hỏa lý băng.

Dịch:

**Chính trong vạn tượng hiện toàn thân,
Chỉ người tự nhận mới là gần.
Thuở xưa lầm nhấm ngoài đường kiếm,
Ngày nay xem lại băng trong lò.**

Tuyết Phong nhìn Huyền Sa nói:

- Không thể là ý thức làm ra.

Bài tụng này với đoạn trước có phần trùng hợp. Như trước cuốn rèm lên thấy thiên hạ, đây nói rằng: *Chính trong vạn tượng hiện toàn thân*. Thấy thiên hạ cũng là thấy toàn thân của chính mình. Đây là chỗ tự nhận, không ai chỉ cho được, nên nói: *Chỉ người tự nhận mới là gần*.

Thuở xưa chưa biết nên lầm chạy đầu này đầu kia tìm kiếm, hôm nay lại thấy băng tuyết trong lò lửa. *Thuở xưa lầm nhấm ngoài đường kiếm, ngày nay xem lại băng trong lò*. Ngay trong lò lửa mà có băng thì sao? Các ngài thường nói hoa sen trong lò lửa, hay băng trong lò lửa, ngay trong cảnh vô thường tiêu hoại lại có cái chưa từng vô thường tiêu hoại. Cũng như trong nóng mà có lạnh, trong lửa mà có băng.

Sư hỏi Tuyết Phong:

- Một đường từ trước chư thánh truyền trao, thỉnh Thầy chỉ dạy?

**Tuyết Phong lặng thinh. Sư lễ bái rồi lui.
Tuyết Phong mỉm cười.**



**Sư vào phương trượng tham vấn Tuyết Phong.
Tuyết Phong hỏi:**

- Là cái gì?

Sư thưa:

- Ngày nay trời trong nên phơi lúa.

Đạo lý nhà thiền rất lạ lùng. Khi thầy hỏi *là cái gì*, nếu người thông minh hiểu đạo khá, sẽ nói: chân như, Phật tánh, chân tâm, pháp thân... Đây ngài trả lời: *Ngày nay trời trong nên phơi lúa*. Không nói ngôn ngữ cao siêu, chỉ nói chuyện rất bình thường trong cuộc sống hàng ngày.

Nhà thiền chỉ cho chúng ta thấy cái hiện hữu trong mọi hành động hàng ngày. Nếu là chuyên viên ruộng thì nói: Hôm nay trời nắng phơi lúa tốt. Việc làm hàng ngày dường như không có đạo lý, nhưng chính đó là đạo lý trong cuộc sống, không nằm trong ngôn từ. Chúng ta lâu nay đa số học ngôn từ nhiều, cứ theo định nghĩa ngôn từ rồi trở thành một vòng lẩn quẩn.

Sư lui tới bên Tuyết Phong hai mươi chín năm. Đến niên hiệu Thiên Hựu năm thứ ba (906), Sư nhận lời thỉnh cầu của Vương Diên Ân thứ sử Tuyên Châu, đến trụ trì tại Chiêu Khánh.

Sau, Mân soái thỉnh Sư sang Tây Viện phủ Trường Lạc, để hiệu là Trường Khánh.

Vì thế đương thời gọi ngài là Trường Khánh.

Sư thượng đường im lặng giây lâu, bảo chúng:

- Lại có người biết nhau chẳng? Nếu chẳng biết nhau là lừa dối huynh đệ, hiện nay có việc gì? Chớ có bí lấp, lại là việc trong nhà ai? Không chịu đảm nhận lại đợi bao giờ? Nếu là kẻ lợi căn tham học chẳng cần đến đây, lại hiểu chẳng? Hiện nay có một nhóm người hành khước, lỗ tai chứa đầy dấy, dù cho thâm thập được, lại có phù hợp việc các người hành khước chẳng?

Ngài đặt từng câu hỏi mà hỏi chúng: *Lại có người biết nhau chẳng? Nếu biết nhau là lừa dối huynh đệ, hiện nay có việc gì?* Nếu chúng ta biết nhau thì gọi là lừa dối, tại sao? Chỗ đó mỗi người tự thấy, việc của mình người khác không thể thấy biết, nói rằng người khác biết mình đó là dối gạt. Như có người nói sẽ ấn chúng cho mình thành Phật, Bồ-tát... Tôi có bí quyết dạy ông chứng đạo, tôi có quyền lực, thần thông... làm cho ông mau đắc đạo. Những người nói như vậy là dối gạt. Thế gian này thường dễ bị gạt, nghe nói có gì huyền bí để truyền cho, để trợ lực giúp mình đắc đạo... thì rất thích. Phải biết đó là chuyện của chính mình, nếu khéo nhận thì được, không ai có thể làm thế cho ai.

Chớ có bí lấp, lại là việc trong nhà của ai? Việc trong nhà mình không phải việc nhà ai, tự mình phải giải quyết. *Không chịu đảm nhận lại đợi bao giờ?* Ngay nơi đây đã có, không chịu nhận lại đợi đến chừng nào? Như hiện tại chúng ta có của báu, đang nghèo mà không lấy ra xài còn đợi chừng nào? Chẳng lẽ đợi giàu mới lấy ra xài, vô lý không? Cho nên ngay đây phải nhận thấy tinh thần của người học đạo.

Hiện nay có một nhóm người hành khước, lỡ tai chứa đầy dẫy, dù cho thấu thập được, lại có phù hợp việc các người hành khước chăng? Chúng ta học nhiều nhớ giỏi, nhưng thứ đó không phải là cái chân thật, không phù hợp việc hành khước của chính mình.

Có vị tăng hỏi:

- Việc hành khước làm sao học?

Sư đáp:

- Chỉ biết đến người đòi lấy.

- Thế nào là một con đường riêng?

- Đâu phiền đến hỏi.

- Về danh ngôn diệu nghĩa trong kinh đã nói, chẳng kẹt ba khoa (Uẩn, Xứ, Giới) thỉnh Thầy nói thẳng?

- Trân trọng!

Tăng hỏi: *Việc hành khước làm sao học?* Ngài đáp: *Chỉ biết đến người đòi lấy.* Việc hành khước là việc mỗi người tự nhận, mà hỏi làm sao học? Ngài nói học là đến người này xin đến người kia đòi, đó là chưa biết việc hành khước.

Hỏi: *Thế nào là một con đường riêng?* Ngài đáp: *Đâu phiền đến hỏi.* Đã là đường riêng thì mỗi người tự đi, hỏi người nhờ chỉ là thành đường chung rồi.

Tăng lại hỏi: *Về danh ngôn diệu nghĩa trong kinh đã nói, chẳng kẹt ba khoa thỉnh Thầy chỉ thẳng.* Hỏi chỗ không mắc kẹt trong ba khoa, ngay đó ngài *trân trọng* chào rồi thôi. Ba khoa, gồm tất cả pháp chia thành

ba loại mà nói tùy theo căn cơ để phương tiện giáo hóa, tức là Ấm Nhập Giới: năm ấm hay năm uẩn, mười hai nhập và mười tám giới (căn, trần, thức).

Sư dạy chúng:

- Ca ngâm rõ ràng, các ông còn chẳng hội, chợt gặp việc mờ tối đến, các ông làm sao?

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là việc mờ tối đến?

Sư bảo:

- Uống trà đi.

Trung Tháp thưa:

- Xin thỉnh Hòa thượng cùng uống có bạn.

Ca ngâm rõ ràng là giảng nói rõ ràng các ông còn không hội, huống nữa là việc mờ tối thì các ông làm sao? Việc mờ tối là việc gì? Đó là việc mắt thấy không được, chỉ ra không được, việc đó làm sao hội? Tăng hỏi: Thế nào là việc mờ tối đến? Ngài trả lời: Uống trà đi. Giống hệt Triệu Châu. Nhưng có ngài Trung Tháp thưa: Xin thỉnh Hòa thượng cùng uống có bạn.

Ngài Trung Tháp biết uống trà nên mời ngài uống cho có bạn. Nếu người chưa biết uống thì ngẩn ngơ. Việc uống trà rất bình thường nhưng cũng có người chưa biết uống.

Sư dạy chúng:

- Nếu ta thuần nêu xướng tông thừa, nên đóng kín cửa pháp đường, bởi do “tột pháp thì không dân”.

Có vị tăng hỏi:

- Chẳng sợ không dân, thỉnh Thầy tốt pháp?

Sư bảo:

- Lại bỏ rơi chỗ nào?

Ngài dạy rằng, nếu nói thẳng chỗ cứu cánh thì không nói được, vì thế đóng kín cửa pháp đường, không người đến nghe. *Vì tốt pháp thì không dân*, tức là pháp tốt cùng thì không người nào tới được.

Tăng nói: *Chẳng sợ không dân, thỉnh Thầy tốt pháp?* Ngài nói: *Lại bỏ rơi chỗ nào?* Pháp tốt cùng ai cũng có đủ, nếu thỉnh thầy chỉ, làm sao chỉ? Nếu bị mất hoặc không có mới chỉ, cái này ai cũng có hết.

Sư khai pháp hai nơi, đồ chúng có đến một nghìn năm trăm vị. Sự giáo hóa của Sư trong hai xứ Môn Việt ngót hai mươi bảy năm.

Đến đời Hậu Đường niên hiệu Trường Hưng năm thứ ba (932), ngày mười bảy tháng năm, Sư quy tịch, thọ 79 tuổi, được 60 tuổi hạ.

Về ngài Trường Khánh, chúng ta nhớ mãi một điểm không quên là qua lại hai mươi năm thừa hỏi, chưa sáng được việc đó, ngồi rách bảy cái bồ đoàn. Như vậy để thấy ý chí của người học đạo không lùi không chán, dù chưa hiểu cũng gắng công cầu thỉnh. Nhờ vậy mà sau này thành công.



THIÊN SƯ VĂN YẾN Ỏ VÂN MÔN

(864 - 949)

Khai Tổ tông Vân Môn

Sư họ Trương, quê ở Gia Hưng, Cô Tô. Thuở nhỏ Sư theo luật sư Chí Trừng ở chùa Không Vương xuất gia, ý chí cao siêu trí tuệ mẫn tiệp. Đến lớn Sư thọ giới Cụ túc tại giới đàn Tỳ Lãng. Sư hầu thầy mấy năm, học thông Luật bộ, tự thấy việc mình chưa sáng nên xin đi du phương hành khước.

Trước Sư đến Mục Châu tham vấn Trần Tôn Túc. Vừa thấy Sư đến, Tôn Túc liền đóng cửa. Sư gõ cửa.

Tôn Túc hỏi: - Ai?

Sư thưa: - Con.

Tôn Túc hỏi: - Làm gì?

Sư thưa:

- Việc mình chưa sáng xin Thầy chỉ dạy.

Tôn Túc mở cửa, trông thấy Sư liền đóng cửa lại. Như thế, liên tiếp đến ba ngày. Ngày thứ ba, Tôn Túc mở cửa, Sư liền chen vào. Tôn Túc chặn lại bảo:

- Nói! Nói!

Sư suy nghĩ. Tôn Túc liền xô ra, nói:

- Đồ cũ vô dụng.

Rồi đóng sầm cửa lại, kẹt nát bàn chân Sư. Cái đau thấu xương ấy khiến Sư ngộ nhập. Tôn Túc chỉ Sư đến yết kiến Tuyết Phong.

Người xưa có lối dạy đạo khô khan tàn nhẫn. Khi tới, thấy liền đóng cửa, nghe gõ cửa bèn hỏi: *Ai? Nói: Con! Hỏi: Làm gì? - Việc mình chưa sáng xin Thầy chỉ dạy!* Mở cửa ra thấy rồi đóng cửa lại liền.

Mở cửa nhìn thấy rồi đóng cửa lại, có dạy gì không? Như thế ba ngày, ngày nào cũng mở cửa thấy rồi đóng cửa lại liền, đến ngày thứ ba ngài Vân Môn mới gan dạ, vừa thấy hé cửa là chen vô liền. Chen vô được bị chụp bảo *Nói! Nói!* Chưa dạy câu nào bảo nói làm sao nói được, vừa suy nghĩ liền bị đẩy ra. Chân không bước kịp, một chân ngoài một chân trong, cửa đóng lại nên nát bàn chân. Nếu như chúng ta chắc là nổi sân la khóc, nhưng ngài Vân Môn khi bị đau thấu xương liền ngộ.

Sư đến trang sở của Tuyết Phong, thấy một vị tăng, bèn hỏi:

- Hôm nay Thượng tọa lên núi chẳng?

Tăng đáp:

- Lên.

Sư nói:

- Có một nhân duyên nhờ hỏi Hòa thượng đường đầu mà không được nói với ai, được chăng?

Tăng bảo:

- Được.

Sư nói:

- Thượng tọa lên núi thấy Hòa thượng thượng đường, chúng vừa nhóm họp, liền bước ra nắm cổ tay nói: Ông già! Trên cổ mang gông sao chẳng cởi đi?

Vị tăng ấy làm đúng như lời Sư dặn. Tuyết Phong bước xuống tòa, thò ngực ông tăng, bảo:

- Nói mau! Nói mau!

Vị tăng nói không được. Tuyết Phong buông ra bảo:

- Chẳng phải lời của người.

Vị tăng thưa:

- Lời của con.

Tuyết Phong gọi:

- Thị giả! Đem dây gậy lại đây.

Vị tăng thưa:

- **Chẳng phải lời của con, là lời của một thượng tọa ở Chiết Trung đang ngụ tại trang sở dạy con nói như thế.**

Tuyệt Phong bảo:

- **Đại chúng! Đến trang sở rước vị thiện tri thức của năm trăm người lên.**

Hôm sau, Sư lên Tuyệt Phong. Tuyệt Phong vừa thấy liền hỏi:

- **Nhân sao được đến chỗ ấy?**

Sư bèn cúi đầu. Từ đây khế hợp ôn nghiên tích lũy. Tuyệt Phong thầm trao tông ấn cho Sư.

Nghe một câu nói mà biết là thiện tri thức của năm trăm người. Ông tăng này hiền lành quá, bảo nói thì nói, khi nói rồi bị ngài Tuyệt Phong gạn *chẳng phải lời của người*, nhận là *lời của con*, khi kêu thị giả đem dây đem gậy ra trói đánh cho một trận thì hoảng. *Không phải lời của con, lời của một thượng tọa ở Chiết Trung đang ngụ tại trang sở dạy con nói như thế.* Tại sao ngài Tuyệt Phong biết như vậy?

Câu *Ông già! Trên cổ mang gông sao chẳng cởi đi*, mới nghe chắc chúng ta không biết nói gì. Thật đó là một câu ý nghĩa rõ ràng, bởi vì tất cả thiện tri thức chưa có ai là Phật, trừ đức Thích-ca. Chưa phải là Phật thì vẫn còn bị cột trói trong vòng tam giới, chưa thoát khỏi gông cùm phiền não. Chưa thoát khỏi mà không lo gỡ, còn dạy bảo lẫn xằng làm gì. Nhà thiền nói, nếu người giải ngộ có thể làm thiện tri thức chỉ dạy cho người sau.

Giải ngộ là thấy được hiểu được vấn đề, chỉ là việc mình chưa xong hoàn toàn. Việc mình chưa xong như gông của mình cửi chưa xong, chưa hết. Bảo ông già sao không cửi gông trên cổ đi, chứng tỏ người thông cảm được với mình. Người chưa tới thì không thể nói như vậy. Người thông cảm được mình thì không phải là thiện tri thức của năm trăm người là gì.

Hiểu vậy thì mới thấy người xưa dạy chúng ta rằng: Nếu chúng ta chưa hoàn toàn viên mãn công đức, nhưng đã thấy đường đi thì có thể chỉ dẫn cho người cùng đi. Điều này không lỗi, không thấy đường mà chỉ sai là có lỗi. Như đường đến thành phố này chúng ta biết, chúng ta đang đi về thành phố. Gặp một số người hỏi thăm đường, chúng ta chỉ và kêu họ đi chung với mình. Mình là người chỉ đường mà cũng là người đang đi chưa đến nơi. Con đường đó mình biết rồi thì dẫn người đi mình không lỗi. Trừ khi không biết đường về thành phố mà kêu mọi người đến chỉ đường tầm bậy, đó là bướng, là việc làm không có ý nghĩa.

Có vị tăng hỏi Tuyết Phong:

- Thế nào là chạm mắt chẳng hội đạo, giở chân đâu biết đường?

Tuyết Phong nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Vị tăng ấy đến hỏi Sư:

- Trời xanh là ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

- Ba cân gai một xấp vải.

Tăng thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Lại dâng ba thước tre.

Tuyết Phong nghe vui vẻ nói với chúng:

- Ta thường nghi ông thầy này.

Thường chúng ta nghe nói “chạm mắt bồ-đề”, nhưng đây nói *chạm mắt chẳng hội đạo, giở chân đâu biết đường*. Câu đó có gì quan trọng mà Tuyết Phong nói: *Trời xanh! Trời xanh!* Nếu chạm mắt liền ngộ đạo thì còn có tâm có cảnh, khi chạm mắt cũng không hội đạo thì tâm cảnh không còn. *Giở chân đâu biết đường*, nếu giở chân có đường là đối đãi, giở chân không có đường là không còn đối đãi. Ngài Tuyết Phong trả lời *Trời xanh, trời xanh*, là ý nghĩa vượt qua đối đãi không có gì để nói.

Tăng không hiểu nên đến hỏi ngài Vân Môn, ngài đáp: *Ba cân gai một xấp vải*. Tăng không hiểu, hỏi thêm thì ngài nói: *Lại dâng ba thước tre*. Những câu nói bình dị, người không hiểu thì cho là lối nói chơi như con nít. Nhưng thật ra đây là chỗ làm cho ngài Tuyết Phong hết nghi, biết rõ ngài Vân Môn là người thật đạt đạo.

Sư từ già Tuyết Phong, đi hành khước khắp nơi.

Đến Động Nham, Nham hỏi:

- Đến làm gì?

Sư đáp:

- Đến thân cận.

Nham bảo:

- Chạy loạn làm gì?

Sư đáp:

- Tạm thời chẳng còn.

Nham bảo:

- Biết lỗi là được.

Sư đáp:

- Chạy loạn làm gì?

Hai người đối đáp ai thắng ai? Đầu tiên ngài Động Nham hỏi *đến làm gì?* Câu đáp của ngài rất lương thiện, *đến thân cận*, nhưng ngài Động Nham liền mở màn: *Chạy loạn làm gì?* Ai cũng có cái đó, ông chạy loạn tới đây thân cận để làm gì? Ngài trả lời *tạm thời chẳng còn*. Đối với tôi tạm thời không có gì gọi là tu, gọi là dứt phiền não. Đã không còn gì mà Động Nham lại nói *biết lỗi là được*. Chỗ đó nói gì lỗi không lỗi, nên Vân Môn đáp lại *chạy loạn làm gì*. Ngài bảo tôi biết lỗi là chạy loạn rồi.

Đến Sơ Sơn Khuông Nhân, Nhân hỏi:

- Chỗ đặc lực nói cho một câu?

Sư bảo:

- Mời hỏi to lên.

Nhân liền lớn tiếng hỏi. Sư cười nói:

- Hôm nay ăn cháo chưa?

Nhân nói:

- Ăn cháo rồi.

Sư bảo:

- Kêu rùm để làm gì?

Ngài Sơ Sơn bị ngài gạt rất đau. Mới đi đến, Sơ Sơn bảo nói một câu đặc lực. Ngài nói: *Mời hỏi to lên*, tưởng là điếc nghe không rõ nên Sơ Sơn liền la to lên. Ngài cười hỏi: *Hôm nay ăn cháo chưa?* Sơ Sơn lương thiện nói *ăn rồi*, ngài nói *kêu rùm để làm gì?* Đó là lối nói gạt.

Đến Ngọa Long, Sư hỏi:

- Người rõ được mình lại thấy có mình chăng?

Ngọa Long đáp:

- Chẳng thấy có mình mới rõ được mình.

Sư hỏi:

- Nằm dài trên giường mà học được là cơ thứ mấy?

Ngọa Long đáp:

- Cơ thứ hai.

Sư hỏi:

- Thế nào là cơ thứ nhất?

Ngọa Long bảo:

- Mang giày cỏ gấp.

Ngài đặt câu hỏi rất quan trọng đối với người tu: *Người rõ được mình lại thấy có mình chăng?* Đa số người học đạo chúng ta lầm vấn đề này rất nhiều. Như nghe nhà thiền nói *kiến tánh thành Phật*, cứ cho rằng kiến tánh là thấy được tánh của mình. Lại nghe kinh nói chân tâm, Phật tánh, pháp thân... rồi cứ mơ ước làm sao thấy được chân tâm, Phật tánh, pháp thân... Đâu biết rằng muốn thấy chân tâm, Phật tánh... là đối tượng bị thấy bị biết bên ngoài, không phải là chính mình. Nếu là chính mình thì thế nào? Có cần thấy biết không?

Như con mắt của chúng ta bị nhặm nổi ghèn, nhìn thấy mờ mờ, thế rồi có thuốc trị, thuốc nhỏ hết ghèn. Hôm sau nhìn thấy rõ ràng. Như thế, làm sao biết mình có con mắt bệnh, làm sao biết mình có con mắt mạnh? Thấy cảnh mờ mờ thì tự biết con mắt bệnh, khi nhỏ thuốc mắt sáng thấy được cảnh bên ngoài rõ ràng thì biết mắt sáng. Con mắt của mình không thể thấy được con mắt của mình. Đó là chỗ thiết yếu mà lâu nay chúng ta bị lầm, cứ mơ ước làm sao thấy được cái đó, nếu thấy thì cái đó không phải là mình.

Nếu cái đó thật là mình thì không cần thấy nó, chỉ nhận nơi cảnh mà biết. Ví dụ nhận nơi tiếng biết mình có tánh nghe, nhận nơi cảnh biết mình có tánh thấy. Vì thế hỏi: *Người rõ được mình lại thấy có mình chăng?* Ngài đáp: *Chẳng thấy có mình mới rõ được mình*. Nếu còn thấy có Phật tánh chân tâm của mình là không rõ được mình. Đó là chỗ đặc biệt.

Đoạn sau ngài hỏi: *Nằm dài trên giường mà học được là cơ thứ mấy*, Ngọa Long đáp: *Cơ thứ hai*. Hỏi: *Cơ thứ nhất thì sao?* Ngọa Long đáp: *Mang giày cỏ gấp, mang giày cỏ đi khỏi cần nói nữa*.

Đến Giang Châu gặp Trần thượng thư thỉnh thọ trai. Vừa thấy Sư, ông hỏi:

- Trong sách Nho thì chẳng hỏi, ba thừa mười hai phần giáo đã có những vị pháp sư, thế nào là việc của nạp tăng hành khước?

Sư bảo:

- Đã hỏi bao nhiêu người rồi?

Trần thưa:

- Hiện giờ hỏi Thượng tọa.

Sư bảo:

- Việc đó hãy gác qua, thế nào là ý kinh?

Trần đáp:

- Quyển vàng gáy đỏ.

Sư bảo:

- Cái đó là văn tự ngữ ngôn, thế nào là ý kinh?

Trần thưa:

- Miệng muốn nói mà lời mất, tâm muốn duyên mà lực quên.

Sư bảo:

- Miệng muốn nói mà lời mất, là đối có lời; tâm muốn duyên mà lự quên, là đối vọng tưởng; thế nào là ý kinh?

Trần không đáp được. Sư hỏi:

- Nghe nói Thượng thư xem kinh Pháp Hoa phải chăng?

Trần đáp:

- Phải.

Sư bảo:

- Trong kinh nói: “Tất cả trị sanh sản nghiệp đều cùng thật tướng không trái nhau.” Hãy nói cõi trời Phi phi tưởng có bao nhiêu người thoát vị?

Trần không đáp được. Sư bảo:

- Thượng thư chớ hấp tấp, sư tăng thông thạo ba kinh năm luận, ném hết đi vào từng lâm mười năm hai mươi năm còn chẳng xong thay, Thượng thư làm sao hội được?

Trần lễ bái thưa:

- Tôi tội lỗi.

Thượng thư Trần Tháo là một người nổi tiếng trong thời đó. Ông nhân xem kinh Pháp Hoa ngộ được lý đạo. Ông mời chư tăng thọ trai, nhưng gặp tăng nào ông cũng hỏi. Chư tăng bí hết trả lời không trôi, đến khi gặp ngài Vân Môn bèn đem ra hỏi. Ông nói kinh sách *ba thừa mười hai phần giáo* đã có pháp sư rồi, khỏi hỏi ngài,

bây giờ hỏi *thế nào là việc của thiên tăng hành khước?* Ngài Vân Môn nói việc đó xin gác qua, bây giờ hỏi lại câu hỏi của ông: *Thế nào là ý kinh?* Trần Tháo trả lời câu đầu: *Quyển vàng gáy đỏ.* Vì kinh sách ngày xưa bìa màu vàng còn gáy thì sơn đỏ. Ngài bảo: *Đó là văn tự ngữ ngôn, thế nào là ý kinh?* Câu trả lời thứ hai, chúng ta nghe cũng giật mình: *Miệng muốn nói mà lời mất, tâm muốn duyên mà lự quên.* Như vậy là quá hay, đó là chỗ nói không được, nghĩ không đến.

Ngài bắt bẻ: *Miệng muốn nói mà lời mất là đối có lời, tâm muốn duyên mà lự quên là đối vọng tưởng.* Như vậy cũng còn có lời, có vọng tưởng. *Thế nào là ý kinh?* Đến đây Trần Tháo không trả lời được. Ngài bảo tiếp, ông xem kinh Pháp Hoa, tôi xin hỏi ông trong kinh Pháp Hoa có câu *“Tất cả trị sanh sản nghiệp đều cùng thật tướng không trái nhau.”* Hãy nói cõi trời Phi phi tướng có bao nhiêu người thoát vị? Trị sanh sản nghiệp tức là những việc trong cuộc sống hàng ngày, cùng thật tướng không trái nhau. Như cuộc đất, trồng khoai, nhổ cỏ, nhặt rau... tất cả hoạt động làm ruộng, làm rẫy... đều thuộc về trị sanh. Như thế hỏi cõi trời Phi phi tướng có bao nhiêu người thoát vị?

Thật tướng là tướng trùm cả tam thiên đại thiên thế giới. Nếu nhận được ý kinh là thấy được thật tướng, tức là thấy trùm hết. Ông thử nói xem cõi trời Phi phi tướng có bao nhiêu người thoát vị? Vì ở cõi trời này khi hết sức định rồi lại bị rơi xuống các cõi khác, cũng nằm trong tam giới. Ông có thấy được bao nhiêu người? Khi ấy Thượng thư chịu thua. Ngài quở: *Thượng thư chớ*

hấp tấp, sư tăng thông thạo ba kinh năm luận, ném hết đi vào từng lâm, nghĩa là bao nhiêu sở học đều bỏ hết, mười năm hai mươi năm còn chẳng xong, Thượng thư làm sao hiểu được. Ngang đó thì Trần Tháo xin lỗi: Tôi tội lỗi.

Sư đến Linh Thọ, thiền sư Tri Thánh (trụ trì Linh Thọ) dự biết trước, sai chúng đánh ba hồi chuông trống ra trước cửa rước Thủ tọa. Nơi đây Sư sung chức Thủ tọa.

Quảng chủ họ Lưu muốn cử binh, đích thân vào viện thỉnh Linh Thọ tiên tri kiết hung thế nào. Linh Thọ biết trước, từ giã chúng vui vẻ ngồi an nhiên thị tịch. Quảng chủ hỏi Tri sự:

- Hòa thượng bệnh khi nào?

Tri sự đáp:

- Chẳng từng có bệnh. Hòa thượng có để lại một phong thư xin trình Đại vương.

Quảng chủ mở thư ra xem, thấy nói: “Con mắt của nhân thiên là Thủ tọa trong chùa này.” Ông hiểu ý chỉ của Linh Thọ bèn dừng binh và thỉnh Sư trụ trì Linh Thọ. Sư khai pháp ở đây không được bao lâu, lại dời đến chùa Quang Thới tại Vân Môn.

Khi ngài đến Linh Thọ, thiền sư Tri Thánh trụ trì đã biết trước, thỉnh ngài làm Thủ tọa. Quảng chủ họ Lưu muốn cử binh, đích thân đến thỉnh ngài Linh Thọ để hỏi việc kiết hung. Ngài Linh Thọ từ giã chúng thị tịch, để lại lá thư cho Quảng chủ. Thư nói: *Con mắt*

của nhân thiên là Thủ tọa trong chùa này. Ông hiểu ý chỉ của Linh Thọ bèn dừng binh và thỉnh ngài trụ trì Linh Thọ. Ngài khai pháp ở đây không bao lâu lại dời đến chùa Quang Thối tại Vân Môn.

Câu chuyện này đơn giản nhưng có một chỗ chúng ta thử tìm hiểu. Quảng chủ tức là vị chủ cai trị vùng Quảng Châu, muốn cử binh đi đánh nước khác. Trước khi đi vì tin ngài Linh Thọ là một nhà tiên tri, nên đến hỏi thăm Thầy việc này có lợi hay có hại. Biết ông sắp tới, ngài Linh Thọ viết lá thư để lại rồi tịch. Quảng chủ đến thấy vậy hỏi: Hòa thượng có bệnh không? Tri sư đáp không, Hòa thượng có để lại lá thư cho Đại vương. Trong thư nói: *Con mắt của nhân thiên là Thủ tọa trong chùa này.* Câu này rõ ràng khuyên Quảng chủ thỉnh ngài Vân Môn làm trụ trì, tại sao ông biết dừng binh? Thỉnh trụ trì tức là giữ lại không đi, ngụ ý không nên kéo binh đi. Vì vậy Quảng chủ biết mà dừng binh. Đó là cái khéo léo, hiểu câu nói không dính gì chuyện binh đao. Người xưa khéo léo còn chúng ta bây giờ vụng về, nói gì là nói trắng, cho nói cho, không cho nói không cho.

Sư nhân bàn chân mang tật nên thường chống gậy. Một hôm chống gậy đi, thấy chúng làm công tác công cộng, Sư đưa gậy lên bảo:

- Xem! Xem! Người Uất-đơn-việt thấy các ông bữa cử khó khăn, ở giữa sân họ dọn đồ cúng dường các ông, lại vì các ông tụng kinh Bát-nhã: “Nhất thiết trí trí thanh tịnh, không hai không hai phần, vì không khác không dứt.”

Chúng vây quanh Sư khá lâu không giải tán, Sư lại bảo:

- Hết thầy các ông vô cớ chạy đến đây để tìm cái gì? Lão tăng chỉ biết ăn cơm, đi ỉa, hiểu riêng làm gì? Các ông ở mọi nơi đi hành khước tham thiền hỏi đạo, tôi hỏi các ông việc tham được thế nào? Hãy nêu ra xem?

Khi ấy Sư bắt đắc dĩ tụng bài kệ của Tam Bình rằng:

Tức thấy nghe này chẳng thấy nghe.

(Tức thử kiến văn phi kiến văn)

Sư xoay lại nhìn tăng, bảo:

- Gọi cái gì là thấy nghe?

Sư lại tiếp:

Không thừa thanh sắc đáng trình anh.

(Vô dư thanh sắc khả trình quân)

Sư bảo tăng:

- Có bao nhiêu thanh sắc ở đầu môi?

Sư tiếp:

Trong đây nếu liễu toàn vô sự.

(Cá trung nhược liễu toàn vô sự)

Lại bảo tăng:

- Có sự gì?

Sư tiếp:

Thể dụng ngại gì phân chẳng phân.

(Thể dụng hà phòng phân bất phân)

Sư bảo:

- Nói là thể, thể là nói.

Lại đưa gậy lên bảo:

- Gậy là thể, lồng đèn là dụng, là phân hay chẳng phân? Đâu chẳng thấy nói Nhất thiết trí trí thanh tịnh.

Ngài dạy có vẻ huyền bí. Ngài đưa cây gậy lên nói: *Xem! Xem! Người Uất-đơn-việt thấy các ông bữa bữa củi khó khăn, ở giữa sân họ dọn đồ cúng dường. Có cúng dường thật không? Lại vì các ông tụng kinh Bát-nhã: “Nhất thiết trí trí thanh tịnh, không hai không hai phân vì không khác không dứt.”* Đoạn này trích trong Đại Bát-nhã. Ngài muốn ám chỉ việc gì?

Chúng thấy ngài nói vậy, mừng quá vây quanh đông đảo không giải tán. Ngài nói: *Hết thấy các ông vô có chạy đến đây để tìm cái gì? Lão tăng chỉ biết ăn cơm, đi ỉa, hiểu riêng làm gì?* Câu nói rất thô tục, tầm thường. Thật tình cuộc sống của chúng ta là mượn tứ đại đem vô, rồi tổng ra. Buổi sáng thức dậy ngồi thiền rồi xả ra, chốc lát nghe tiếng bảng cốc cốc, mượn vài chén cơm, đó là mượn đất, mượn nước cho vô. Trưa chút thì tổng ra, đến giờ Ngọ mượn cái khác, cứ vậy mượn rồi tổng ra, mượn rồi tổng ra, chừng đó việc. Nói là cuộc sống

nhưng chỉ là mượn. Gần nhất là lỗ mũi mượn không khí hít vô thở ra, mượn trả, mượn trả, rồi mượn nước, mượn cơm... cứ như vậy.

Mượn trả êm xuôi thuận thảo thì mạnh khỏe vui vẻ. Mượn trả mà trục trặc thì chờ đi cấp cứu, hoặc trả ra hết mà mượn vô không được cũng phải đi cấp cứu. Rõ ràng cuộc sống chỉ có hai việc, nên ngài nói một cách đơn giản “ăn cơm, đi ỉa”, không gì khác.

Bất đắc dĩ ngài mượn bài kệ của ngài Tam Bình Nghĩa Trung, bài kệ này nổi tiếng trong nhà thiền.

Túc thử kiến văn phi kiến văn

Vô dư thanh sắc khả trình quân

Cá trung nhược liễu toàn vô sự

Thế dụng hà phòng phân bất phân.

Túc thử kiến văn phi kiến văn, chính nơi thấy nghe này không phải thấy nghe. Tại sao? Vì thường chúng ta đợi có cảnh mới gọi là thấy, có tiếng mới gọi là nghe. Thấy là mắt duyên theo cảnh, nghe thì tai duyên theo thanh, nhưng tánh thấy nghe thật thì không đợi có cảnh duyên mà vẫn hằng thấy hằng nghe.

Vô dư thanh sắc khả trình quân. Nếu nhận được như vậy thì thanh sắc đối với chúng ta có dính dáng gì. Vì vậy nói, không còn thanh sắc thừa nào để trình ông.

Tâm chúng ta sở dĩ rối bời vì mắt thấy sắc chạy theo sắc, tai nghe tiếng chạy theo tiếng, trong tâm khởi lên phải quấy lăng xăng. Đến như thấy sắc nghe tiếng

mà không dính mắc thì trong này còn việc gì? Đó là vô sự, nên nói *Cá trung nhược liễu toàn vô sự*. Ai hiểu được vậy là hoàn toàn vô sự.

Thể dụng hà phòng phân bất phân, thể dụng không ngại gì phân chẳng phân. Gọi là thể là dụng để tạm phân cho dễ hiểu, sự thật nó không hai.

Ví dụ cái bàn này, thể là chất gỗ, tướng là hình vuông, hình chữ nhật... dụng là để làm bàn học, bàn ăn... Nói có mấy thứ, thật ra chỉ cái bàn là đủ. Phân chia thể dụng là tạm không phải thật. Người thấy biết rồi, không còn ý niệm phân biệt đâu là thể đâu là dụng. Nên nói *thể dụng ngại gì phân chẳng phân*.

Ngài lại nói: *Nói là thể, thể là nói*. Chúng ta cho rằng nói ra là dụng, thể là tâm nghĩ dấy niệm rồi nói. Như sóng với nước thì nước là thể, sóng là dụng. Nhưng ngay nơi sóng có nước không? Ngoài nước có sóng không? Sóng nước không chia riêng thể dụng, sóng nước chỉ tạm đặt thôi. Khi chúng ta bị cột trong ngôn ngữ phân biệt lăng xăng cái này khác cái kia, thật thể nó không phải vậy.

Do tâm dấy niệm khởi ngôn ngữ, ngoài tâm thể không có lời nói, nên ngài bảo: *Nói là thể, thể là nói*. Ngài lại đưa gậy lên bảo: *Gậy là thể, lòng đèn là dụng, là phân hay chẳng phân? Đâu chẳng thấy nói Nhất thiết trí trí thanh tịnh*. Trí nhất thiết thanh tịnh này không còn phân chia, không còn đối đãi.

Sư nghe đánh trống thọ trai, nói với chúng:

- Tiếng trống nhai nát ta bảy phần.

Sư lại chỉ vị tăng bảo:

- Ôm con mèo lại!

Giây lâu, Sư bảo:

- Hãy nói cái trống nhân gì được thành?

Chúng không đáp được. Sư tiếp:

- Nhân da được thành. Bình thường ta nói: “Tất cả tiếng là tiếng Phật, tất cả sắc là sắc Phật, tốt đại địa là pháp thân”, luống tạo thành cái tri kiến Phật pháp. Hiện nay cây gậy chỉ gọi là cây gậy, thấy cái nhà chỉ gọi là cái nhà.

Ngài dạy chúng: *Tất cả tiếng là tiếng Phật, tất cả sắc là sắc Phật.* Có tiếng nào chẳng phải là tiếng Phật? Các thiền sư đôi khi nghe người chửi cũng ngộ đạo, nghe người hát một câu cũng ngộ đạo, nghe tiếng hòn sỏi chạm cây tre cũng ngộ đạo, thấy đưa tay lên, thấy hoa nở cũng ngộ đạo. Như thế, âm thanh sắc tướng đều là Phật.

Trong cuộc sống đời thường, nếu tâm chúng ta thấm nhuần Phật pháp sâu đậm thì nhìn cái gì cũng có Phật pháp. Như gỡ một tờ lịch, thấy một lá vàng rơi, thấy con chó chạy ngoài đường gặp mấy con tép con ruốc rớt, nó lo cắn đầu liếm, chột chiếc xe chạy ngang cán chết. Gỡ tờ lịch thấy thời gian vô thường, mòn dần dần, đó là Phật pháp. Thấy lá từ xanh đến vàng rụng, con người cũng vậy, sanh ra già bệnh rồi chết, thấy vậy nghiệm vậy, đó là Phật pháp. Thấy con chó mê ăn vài miếng mồi nhỏ nhỏ quên nguy hiểm rồi bị xe cán chết, liền thấm sâu Phật pháp. Người ta tham ngũ dục cũng vậy,

những thú vui không thấm vào đâu mà mê theo đó, bị quỷ vô thường dẫn đi không thoát khỏi. Như vậy thấy cái gì cũng là Phật pháp, cũng là đạo đức, nên ngài nói *tất cả tiếng là tiếng Phật, tất cả sắc là sắc Phật*. Mê thì tất cả tiếng tất cả sắc là phàm, còn giác thì tất cả tiếng tất cả sắc là thánh là Phật.

Sư đưa cây gậy lên bảo chúng:

- Phàm phu gọi nó là thật, Nhị thừa phân tích gọi nó là không, Viên giác gọi nó là huyễn có, Bồ-tát thì đương thể tức không, Thiền gia thì thấy cây gậy gọi là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi không được động đến.

Trong một cây gậy ngài chia ra nhiều bậc. Phàm phu nói cây gậy là cây gậy thật. Nhị thừa phân tích cây gậy là không. Tại sao? Về thời gian thì cây gậy ngày nay mới làm mới tạo, là cây gậy mới. Qua thời gian nó cũ mục rồi hoại, trước có sau hoại nên nói là không. Về không gian, cây gậy chỉ là một mớ các tế bào của cây ráp lại thành. Nếu phân tích ra từng tế bào tìm cây gậy không có, nên nói cây gậy là không.

Viên giác thấy cây gậy theo lý nhân duyên, do nhiều duyên hợp lại không có thật, cây gậy là huyễn có. Hàng Viên giác thấy các pháp đều duyên khởi nên gọi nó là huyễn.

Bồ-tát đương thể tức không, như chính ngay cái bàn này là tướng duyên hợp, không có thật thể. Đương thể tức không, nghĩa là đương thể không có chủ, ngay nơi đó không có gì là chủ.

Tùy theo cách nhìn, từ phàm phu bước lên Nhị thừa phân tích tỷ mỹ. Đến Viên giác có cái nhìn thuần thực, thấy các pháp duyên hợp như huyễn. Bồ-tát đương thể tức không, ngay cái có này không có thật thể thì lại càng thuần thực thêm.

Với nhà Thiền tại sao nói *cây gậy chỉ là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi không được động đến?* Có gì hay hơn phàm phu nói cây gậy là thật? Nhà Thiền thấy tất cả pháp không thật, ngay hiện hữu không có niệm dấy khởi. Không niệm dấy khởi thì cây gậy là cây gậy, đi là đi, ngồi là ngồi, không dấy một niệm phân chia quán chiếu.

Không khởi niệm nên cái gì ra cái nấy. Đó là “sau ba mươi năm thấy núi sông là núi sông”. Câu nói về cây gậy của ngài cho thấy sự khác biệt của mỗi thừa trong nhà Phật. Một cây gậy mà nói lên giá trị đạo lý đầy đủ trong đó.

Tăng hỏi:

- Một đời chứa ác chẳng biết thiện, một đời chứa thiện chẳng biết ác, ý này thế nào?

Sư đáp:

- Đuốc!

Ngài có thuật đáp một chữ. Tăng hỏi: *Một đời chứa ác chẳng biết thiện, một đời chứa thiện chẳng biết ác, ý này thế nào?* Ngài đáp: *Đuốc!* Ngài được tặng danh hiệu Nhất tự thiền, thiền một chữ, nói một chữ làm sao suy nghĩ. Đó là lối đáp khéo léo.

Tăng hỏi:

- Giết cha giết mẹ đến trước Phật sám hối, giết Phật giết Tổ đến chỗ nào sám hối?

Sư đáp:

- Bày!



Tăng hỏi:

- Trong mười hai thời làm sao được chẳng luống qua?

Sư hỏi lại:

- Nhằm chỗ nào hỏi câu này?

Tăng thưa:

- Con chẳng hội, thỉnh Thầy dạy.

Sư bảo:

- Đem bút mực lại.

Tăng đem bút mực đến. Sư làm bài tụng:

Cử bất cố

Nêu chẳng đoái

Tức sai hồ

Liên sai lẫn

Nghĩ tư lương

Toan nghĩ suy

Hà kiếp ngộ?

Kiếp nào ngộ?

Nêu chẳng đoái, liên sai lẫn, toan nghĩ suy, kiếp nào ngộ? Vừa nêu ra câu hỏi mà không nhận được, liền đó

sai lầm, vừa khởi nghĩ suy thì không bao giờ ngộ. Đó là ngài trả lời *Trong mười hai thời làm sao được chẳng luống qua*.

Ngài chỉ thẳng: *Nhằm chỗ nào hỏi câu này?* Tăng vừa đặt vấn đề, mà ngay đó Tăng không nhận được, mới hỏi thêm, *con chẳng hội, thỉnh Thầy dạy*. Đoạn thứ nhất không nhận, bước qua giai đoạn thứ hai nên ngài bảo đem bút mực ra làm bài tụng.

Chúng ta bây giờ có nghĩ tư lương không? Việc gì tới cũng bóp đầu bóp trán nghĩ hoài, vì thế không biết đến lúc nào ngộ.

Tăng hỏi:

- Thế nào là lời nói siêu Phật vượt Tổ?

Sư đáp:

- Hồ bình (bánh Hồ).



Sư nói:

- Từ xưa nhân lại, các bậc lão túc đều vì lòng từ bi nên có lối nói rơi trên cỏ, tùy lời nói biết được người. Nếu lối nói vạch cỏ chun ra thì không thể ấy. Nếu thế ấy là có câu nói lặp lại rồi hội được lời. Đâu không thấy Hòa thượng Ngưỡng Sơn hỏi vị tăng: “Vừa rời ở đâu đến?” Tăng thưa: “Lô Sơn.” Ngài hỏi: “Từng đạo Ngũ Lão Phong chẳng?” Tăng thưa: “Chẳng từng.” Ngài bảo: “Xà-lê chẳng từng đạo núi.” Đây là vì lòng từ bi có lối nói rơi trên cỏ.

Lối nói rơi trên cỏ, tức là lặp lại để cho người hiểu được ý của mình. Ngài dẫn chuyện ngài Ngưỡng Sơn hỏi vị tăng: *Vừa rời ở đâu đến?* Tăng thưa: *Ở Lô Sơn*. Lô Sơn là núi, nên ngài hỏi: *Từng dạo Ngũ Lão Phong chẳng?* Tăng nói: *Chẳng từng*. Ngài nói: *Xà-lê chẳng từng dạo núi*. Ở núi tại sao chẳng từng dạo núi, nên có câu lặp lại là *Xà-lê chẳng từng dạo núi* để chỉ cho Tăng biết chỗ chưa thấy. Đây gọi là *vì lòng từ bi có lối nói rơi trên cỏ*.

Sư bảo:

- **Chẳng dám mong các ông có khả năng sóng ngược nước, chỉ cần có ý thuận dòng cũng khó được.** Xưa Lương Toại đến tham vấn với Ma Cốc. Ma Cốc thấy đến liền bỏ đi cuộc cỏ. Lương Toại đến chỗ cuộc cỏ. Ma Cốc trợn chẳng thèm nhìn, trở vào phương trượng đóng kín cửa lại. Lương Toại liên tiếp ba ngày đến gõ cửa. Ngày thứ ba vừa gõ cửa, Ma Cốc hỏi: “Ai?” Lương Toại thưa: “Hòa thượng chớ lừa Lương Toại. Nếu chẳng đến lễ bái Hòa thượng, sẽ bị kinh luận gạt qua mất một đời.” Đây là lối sóng ngược nước. Hiện nay được vào đều là ý thuận dòng, cũng gọi là song phóng thời tiết.

Ngài Lương Toại đến ngài Ma Cốc được dạy gì? Ngày đầu đến thì ngài vác cuộc đi cuộc cỏ, Lương Toại đi theo. Ngài Ma Cốc không nhìn tới, vô đóng cửa lại. Ngày sau ngài Lương Toại tới gõ cửa rồi đến ngày thứ ba, Ma Cốc mới hỏi: Ai? Nếu thông thường mình đáp con tên gì... Nhưng ngài Lương Toại đã thâm nhập, nên khi nghe hỏi liền đáp: *Hòa thượng chớ lừa Lương Toại*,

ngài đừng gặt con, con biết rồi. *Nếu chẳng đến lễ bái Hòa thượng, sẽ bị kinh luận gặt qua mất một đời.* Đó là trình kiến giải một cách khéo léo, gọi là *sóng ngược nước*, không phải như kiểu thông thường.

Sư thượng đường:

- Tôi sợ bất đắc dĩ nói với các ông “liền đó vô sự”, sớm đã chôn vùi nhau rồi. Các ông lại muốn tiến tới trước, tìm lời theo câu, cầu mong được giải hội. Ngàn khôn muôn khéo lập bày vấn nạn, chỉ là tạo được một trường luận sông, cách đạo càng xa, có khi nào được thoi dứt. Việc này nếu ở trên ngôn ngữ thì ba thừa mười hai phần giáo không phải không ngôn ngữ, tại sao lại nói giáo ngoại biệt truyền? Nếu từ học hiểu trí khéo mà được thì tại sao hàng thánh nhân Thập địa nói pháp như mây như mưa, vẫn còn bị quả trách đối với thấy tánh như cách một lớp lụa? Do đây nên biết, tất cả hữu tâm cách xa trời đất.

Tuy nhiên như thế, nếu là người đắc, nói lửa không thể bị cháy miệng, trọn ngày nói việc mà chẳng từng động môi lưỡi, chưa từng nói đến một chữ, trọn ngày mặc áo ăn cơm mà chưa từng chạm đến một hạt cơm, mang một mảnh vải. Mặc dù như vậy, vẫn là lời nói trong môn đình, cần phải thật đắc như thế mới được. Nếu nằm dưới cửa nạp tăng trong câu lộ bày cơ phong vẫn luống nhọc suy nghĩ. Dù là dưới một câu đảm đang được, vẫn là kẻ ngủ gặt.

Tại sao ngài nói *Hàng thánh nhân Thập địa nói pháp như mây như mưa, vẫn còn bị quở trách đối với thấy tánh như cách một lớp lụa*? Bồ-tát đến vị Thập địa phải trải qua Đẳng giác, Diệu giác mới thành Phật, tức là hàng Thập địa thấy tánh chưa tròn sáng nên nói còn cách lớp lụa. Tại sao? Vì còn có tâm tiến cầu thành Phật. Ngài nói: *Tất cả hữu tâm cách xa trời đất, còn có tâm thì còn cách xa chưa viên mãn*.

Tuy nhiên như thế, nếu là người đắc, nói lửa không thể bị cháy miệng, trọn ngày nói việc mà chẳng từng động môi lưỡi... Nếu người khéo đạt được thì nói mà không động lưỡi, ăn cơm mà không nát một hạt cơm, cả ngày mặc mà không mang một manh vải. Như hỏi *Ý tổ sư từ Ấn Độ sang, trả lời Việc lừa chưa đi việc ngựa lại đến*, đó là lỗi nói không động lưỡi.

Dù là dưới một câu đảm đang được vẫn là kẻ ngủ gật. Ngủ gật là trạng thái nửa tỉnh nửa mê, không thật tỉnh cũng không thật mê. Đây nói nếu một câu đảm đang được thì vẫn là ở trạng thái ngủ gật. Ngài Tuyết Phong kể lại khi đến chỗ ngài Đức Sơn hỏi câu *Tông thừa từ trước con có phần chăng?* Ngài Đức Sơn đánh cho một gậy rồi thôi. Đến chiều ngài Đức Sơn đăng tòa thuyết pháp nói: *Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.* Ngay đó ngài Tuyết Phong liền ngộ, như thùng thông lủng đáy. Đó là ngộ rồi nhưng ngài Nham Đầu chưa bằng lòng, vẫn rầy *Từ cửa vào chẳng phải cửa báu trong nhà*. Vì thế nói đảm nhận được cũng là kẻ ngủ gật, chưa hoàn toàn tỉnh. Khó tới mức đó, hướng nữa là

nghe hoài mà không đảm nhận được thì ngủ cỡ nào? Đây là ngủ ngáy chứ không phải ngủ gật.

Sư bảo chúng:

- Đề ra một câu nói, dạy các ông thẳng đó đảm đang, là đã tung phần trên đầu các ông, dầu cho nhổ một sợi lông mà cả đại địa một lúc sáng rực, cũng là khoét thịt thành thương tích. Tuy nhiên như thế, các ông cần phải thật đến thừa ruộng ấy mới được. Nếu chưa được gần, chẳng được ôm cái rộng; phải trở lui nhằm dưới gót chân của chính mình suy tầm xem, ấy là đạo lý gì? Thật không có một mảnh tơ sợi tóc cho các ông giải hội, cho các ông nghi ngờ. Huống mỗi người các ông có một phần việc đại dụng hiện tiền, chẳng nhọc khí lực của các ông chùng bằng sợi tóc, liền cùng Phật tổ không khác.

Nếu từ người khác chỉ cho mình nhận được lại chẳng khác nào tung phần trên đầu. Tại sao? Bởi vì thật là cái của mình thì người khác làm sao cho được, cho mình tức là làm nhục mình.

Huống mỗi người các ông có một phần việc, đại dụng hiện tiền, chẳng nhọc khí lực của các ông chùng bằng sợi tóc, liền cùng Phật tổ không khác. Việc này mỗi người sẵn đủ, không tốn công phu bằng sợi tóc. Tại sao dễ quá vậy! Như chúng ta có một món đồ thật quý mà đem cất kín, sợ bị người thấy nên cất chỗ này chỗ kia hai ba lần. Một hôm tìm lại quên không biết chỗ, tìm hoài không ra, đang ngồi buồn bỗng sức nhớ ngay chỗ này.

Vừa nhớ liền đến lấy ra, đúng ngay vật đó. Trong tích tắc đồng hồ lấy được, tốn bao nhiêu công phu? Cũng vậy, tất cả chúng ta có cái như Phật tổ mà quên đi, chạy ngược chạy xuôi bao nhiêu đời kiếp khổ não cố gắng tu hành bằng mọi cách; đến một phen sáng bừng, thấy ngay nhận ngay cái đó. Phút giây nhận ra không lâu, không tốn nhiều khí lực, nhưng để gặp được phút giây đó thì cũng phải bao nhiêu năm tháng tích lũy, đem hết tâm lực rồi mới thấy ra. Chỗ tốn công nhiều chẳng qua là phủ bụi bên ngoài, không phải là cái đó.

Tự vì các ông gốc tin cạn mỏng nghiệp ác sâu dày, đột nhiên mọc quá nhiều sừng trên đầu, quấy dấy bát di ngàn dặm muôn dặm chịu khuất phục người. Vả lại các ông có chỗ nào chẳng đủ? Kẻ trượng phu ai mà vô phần? Chạm mắt đảm đang được vẫn là chẳng được tiện, hướng là chịu người lừa dối, nhận sự trừng phạt của người. Vừa thấy Hòa thượng già mở miệng, liền khéo ôm đá lấp miệng lại. Thế mà, như bấy làng xanh giành nhau trên đồng phẳng, ba người năm người giùm đầu thương lượng. Khổ thay!

Tự vì các ông gốc tin cạn mỏng, nghiệp ác sâu dày đột nhiên mọc quá nhiều sừng trên đầu... Đầu chúng ta có sừng không? Mỗi người đều có cái chân thật mà không chịu nhận, khởi vọng nghĩ tính. Bao nhiêu nghĩ tính là bấy nhiêu sừng. Mọc nhiều sừng trên đầu, quên mất gốc của mình, phải chịu khuất phục người.

Vừa thấy Hòa thượng già mở miệng, liền khéo ôm đá lấp miệng lại. Thấy người mở miệng là lấy đá

bít lại liền, không nghe được câu nào. Giống như bầy lãnh xanh thấy đồng phần liền bu lại. Ngài chê quá chừng là chê.

Huynh đệ! Các bậc cổ đức một thời vì các ông không phải thế, sở dĩ phương tiện buông một lời nửa câu là khai thông cho các ông thấy đường vào. Bao nhiêu việc bên này đều gom ném một bên, riêng tự đem hết khí lực chú mục vào, thì đâu chẳng được ít phần tương thân. Thích thay! Thích thay! Thời giờ chẳng đợi người, hơi thở ra chẳng bảo đảm hít vào, thử hỏi thân tâm còn dùng vào chỗ rảnh rỗi nào khác? Cần phải chú ý! Chú ý! Trân trọng.

Các bậc tôn túc cổ đức chỉ dùng phương tiện khai thông cho chúng ta thấy đường vào. Thông hiểu rồi, phải dẹp hết ném hết việc bên này, chú tâm vào đó thì sẽ được thân cận. Việc bên này ném hết chưa? Hay là cứ chứa hoài, nhiều khi còn muốn chứa thêm nữa. Vì thế khó thấy được, không được gần gũi.

Ngài nhắc mình, thời giờ qua rồi không trở lại, như hơi thở ra rồi không bảo đảm hít vô. Mạng sống đã mỏng manh thì còn đem thân tâm dùng vào chỗ rảnh rỗi nào khác chi nữa, sao không dồn hết vào việc đó? Cần phải chú ý, chú ý.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Đi.

Tăng thưa:

- Con chẳng hội thỉnh Thầy nói?

Sư bảo:

- Xà-lê đích thân nghiệm chứng rõ ràng, đâu cần lặp lại.

Chữ đạo nghĩa là đường. Tăng hỏi *thế nào là đạo?* Ngài bảo *đi*. Đường đó thì đi đi. Tăng nói con không hiểu. Ngài bảo ông là người nghiệm chứng rõ ràng, đâu cần lặp lại.

Sư thượng đường nói:

Cho biết thời vận xui xẻo sanh nhằm thời Tượng quý, sư tăng bắc lễ Văn-thù, nam đạo Hành Nhạc. Nếu đi hành khước như thế là danh tự Tỳ-kheo ăn tiêu của tín thí, khổ thay! Khổ thay! Nếu có ai hỏi đến thì đen tởm dầu hắc, chỉ cần giữ hình thức qua ngày. Giả sử có hiểu hai cái ba cái, cũng luống học đa văn ghi nhớ ngôn ngữ. Đến nơi chỉ tìm những lời nói tương tự của bậc lão túc ẩn khả, quên lửng thượng lưu, làm nghiệp bạc phước. Hôm nào đó, vua Diêm-la bắt đóng đinh ông, chớ bảo không người vì tôi nói.

Nếu là kẻ sơ tâm hậu học phải cần đem hết tinh thần, chớ ghi suông lời người nói, nhiều rỗng chẳng bằng ít thật, về sau chỉ là tự gạt. Có việc gì thì đến đây.

Lời than của ngài, chúng ta nghe rất xót xa. Ngài nói *xui xẻo sanh nhằm thời tượng quý*, là cuối thời tượng pháp.

Như chúng ta sanh nhằm thời mạt pháp thì xui đến cỡ nào? Hiện tượng xui xẻo mà ngài nói là *chư tăng bắc lễ Văn-thù, nam đạo Hành Nhạc*, nghĩa là đi phương bắc đến Ngũ Đài Sơn lễ ngài Văn-thù, phương nam đi Hành Nhạc tức Hành Sơn ở Hồ Nam, nơi chư tổ Hoài Nhượng, Mã Tổ.

Chúng ta nhằm thời mạt pháp thì làm gì? Nay tổ chức hành hương chùa này, mai tổ chức thập tự nơi kia. Làm tất cả chỉ *mang danh tự Tỳ-kheo*, chỉ có tên sông, không có ý nghĩa thật. *Khổ thay! Nếu có ai hỏi bốn phận mình thì đen tọ dầu hắc* không biết gì hết. *Chỉ cần giữ hình thức qua ngày*, có hình thức người tu chứ không đủ tinh thần sáng suốt của người tu.

Giả sử có hiểu hai ba cái, cũng luống học đa văn ghi nhớ ngôn ngữ. Học ngôn ngữ của người mà quên bốn phận thượng lưu của mình, lại làm những nghiệp bạc phước. Những gì là *ngiệp bạc phước*? Cho rằng tu gieo duyên với Phật pháp để dành đời sau tu nữa. *Bốn phận thượng lưu* của mình là cùng Phật tổ không hai không khác. Cái đó ai cũng sẵn mà không nhận, lại làm nghiệp phước mỏng.

Hôm nào đó, vua Diêm-la bắt đóng đình ông, chớ bảo không người vì tôi nói. Đến khi bị vua Diêm-la bắt đóng đình tra khảo thì bảo sao không ai nhắc nhở. Bây giờ ngài nhắc cho nhớ, về sau đừng than không ai nói.

Nhiều rộng không bằng ít thật, câu này thật là thiết tha. Nếu chúng ta học rất nhiều mà không ứng dụng được thì không bằng học ít mà ứng dụng được.

Sư thượng đường nói:

- Các Hòa thượng con! Dù ông nói có việc gì vẫn là trên đầu thêm đầu, trên tuyết thêm sương, trong quan tài chớp mắt, trên vết phỏng để bồi đắp, cái ấy một trường bữa bãi chẳng phải việc nhỏ. Các ông phải làm sao mỗi người tự tìm lấy chỗ thác sanh của mình; tốt nhất, chớ dạo sông châu huyện nắm bắt những lời nói rỗng. Đợi Hòa thượng già mở miệng liền hỏi thiền hỏi đạo, hướng thượng hướng hạ, làm sao thế nào, ghi chép thành quyển sách to nhét trong dây da để suy gẫm. Đến bên lò lửa ba người năm người giùm đầu, miệng đọc lầm nhảm, lại nói: Đây là lời công tài, đây là lời tùy lý đạo mà nói, đây là lời nói trên sự, đây là lời nói trên thể, ông già bà già ông! Ăn cơm xong chỉ lo nói mộng, nói ta hội Phật pháp xong. Nên biết ông đi hành khước như thế đến năm lửa có được thôi dứt chăng?

Lại có một bọn vừa nghe người nói chỗ thôi dứt, liền nhắm trong ẩm giới khép my nhắm mắt, ở trong hang chuột tìm kế sống, dưới hắc sơn ngồi trong cối quỳ thể cứu, rồi nói “được con đường vào”, lại mộng thấy chăng? Bọn như thế, dù giết muôn người có tội lỗi gì. Bảo là hạ thủ công phu mà chẳng gặp bậc tác gia (minh sư), cuối cùng chỉ là kẻ nói càn.

Các ông nếu thật có chỗ thấy, thử đem lại xem, sẽ cùng các ông thương lượng. Chớ bỏ qua sông, không biết tốt xấu, ngơ ngáo giùm đầu nói dây dưa.

Chớ để lão già này thấy được, sẽ lôi ra khám phá, chẳng tương đương sẽ bị đánh gãy chân. Chớ bảo rằng chẳng nói. Trong da các ông có máu chẳng? Đi khắp nơi muốn chịu khuất phục làm gì? Bọn diệt giống Phật này, toàn là đám chồn hoang. Ở đây làm gì?

Sư cầm gậy đồng thời đuổi hết.

Ngài quở những người tu thiền muốn tâm mình rỗng rang, ngồi nhắm mắt dè vọng tưởng không cho khởi niệm, xem việc này đúng, rốt cuộc chỉ được cái không ngơ. Cùng một pháp tu, cùng một buông xả mà người biết thì đúng, không biết thì sai. Như chúng ta ngồi thấy từng vọng niệm dấy lên rồi không theo, như vậy là tỉnh hay mê? Nếu mê là không thấy, tỉnh thì mới thấy rõ như vậy. Bởi thế nên khi vọng tưởng hết thì thấy rõ không có vọng tưởng, cũng là làm chủ thấy rõ ràng. Như ngài Thụy Nham kêu “Ông chủ!” Tự dạ tự bảo tỉnh tỉnh đừng để người lừa. Luôn luôn làm chủ rõ ràng không phải để thành không ngơ, nếu thành không ngơ thì thật là vô ích, không có lợi gì cho đạo.

Trong da các ông có máu chẳng? Nhà thiền thường hỏi câu này. Dưới lớp da chúng ta có chỗ nào chích mà không ra máu? Luận Nguồn Thiền, ngài Khuê Phong nói tâm là cái biết. Toàn thân chúng ta chỗ nào cũng có biết, chỗ nào cũng là đạo, như nói trong da ở đâu cũng có máu. Cái biết trùm hết, ở mắt, ở tai, ở thân... không lúc nào vắng. Tại sao chấp cái suy nghĩ sanh diệt lẫn lộn theo bóng dáng là tâm mình, quên tánh biết toàn thân?

Ngài nhắc chúng ta, không phải chỉ có cái suy nghĩ mới gọi là biết, là tâm. Nó chỉ là vọng tâm chột có chột không. Tất cả chúng sanh mê lầm nhận vọng làm tâm nên muôn đời muôn kiếp chìm trong sanh tử. Lấy cái giả dối làm mình, còn cái chân thật thì bỏ quên không biết không nhận. Vì thế lâu lâu các ngài dùng câu *trong da các ông có máu chằng*, để nhắc nhở toàn thân chúng ta chỗ nào cũng là biết, chỗ nào cũng là tâm, đừng lầm nhận cái suy nghĩ chột còn chột mất cho là tâm mình. Thương sự nhận hiểu nông cạn mà các ngài đắng miệng hết lời.

Sư mỗi khi nhìn thấy Tăng liền nói: - Giám (xét).

Tăng muốn đáp lại, Sư nói: - Di (chao).



Sư có làm một bài kệ:

Vân Môn tung tuần bạch vân đề

Thủy cấp du ngư bất cảm thê

Nhập hộ dĩ tri lai kiến giải

Hà phiên tái cử lịch trung nê.

Dịch:

Vân Môn chót vót khỏi lùm mây

Cá lội không dừng nước chảy bay

Vào cửa đã rành trình kiến giải

Đâu phiên lại nói gạch trong lầy.

Bài kệ này nói tông phong của ngài cao như núi chót vót vượt mây. Người vừa bước vào cửa, ngài đã

thấy rõ kiến giải của họ, không cần phiền phức lấy gạch ngói bỏ trong đất lầy. Gạch ngói là đất đã nung chín, đất lầy cũng là đất, không uổng phí công đem cái đã nung xong để trong cái chưa nung. Nghĩa là biết được kiến giải của người thì ngài không muốn dùng nhiều ngôn ngữ nhiều phương tiện làm cho người ta thêm rộn thêm rối, giống như để gạch ở trong bùn.

Đến niên hiệu Càn Hòa năm thứ bảy (949) nhà Nam Hán, ngày mùng mười tháng tư, Sư ngồi ngay thẳng thị tịch.

Sau này, nhằm niên hiệu Càn Đức năm đầu (963) nhà Tống, Tống triều cho mở cửa tháp thấy nhục thân Sư vẫn nguyên vẹn, râu tóc vẫn ra dài. Quan quân thỉnh nhục thân Sư về kinh đô cúng dường hơn một tháng, mới nghênh về nhập tháp.

Điểm đặc biệt của ngài, chết mà thân không hoại, tịch định nhưng còn để thân. Như thế từ năm 949 cho đến năm 963, mười bốn năm trời mà râu tóc vẫn ra dài.



ĐỜI THỨ TÁM SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ TƯ

**Nối pháp thiền sư Xử Chơn
có sáu vị**

- 1- Thiền sư Trí Tịnh Ngộ Không ở Cốc Ẩn**
- 2- Thiền sư Hành Nhân ở Phật Thủ Nham
Lô Sơn...**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ TƯ

**Nối pháp thiền sư Bảo Ứng Nam Viện Ngung
có một vị**

- 1- Thiền sư Diên Chiểu ở Phong Huyệt.**

III- TÔNG QUY NGŨƠNG ĐỜI THỨ NĂM

**Nối pháp thiền sư Huệ Thanh ở Ba Tiêu
có bốn vị**

- 1- Thiền sư Thanh Nhượng ở Hưng Dương**
- 2- Thiền sư Pháp Mãn ở núi U Cốc...**

IV- NỐI PHÁP ĐỨC SƠN ĐỜI THỨ BA

**A- Nối pháp thiền sư Huyền Sa Sư Bị
có mười ba vị**

- 1- Thiền sư Quế Sâm ở viện La-hán**
- 2- Thiền sư Huệ Cầu ở viện An Quốc...**

B- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ HAI

có sáu mươi một vị

- 1- Hòa thượng Bạch Vân Tường**
- 2- Thiền sư Trùng Viễn ở viện Hương Lâm**
- 3- Thiền sư Tông Huệ Thủ Sơ ở Động Sơn...**



THIÊN SƯ TRÍ TỊNH NGỘ KHÔNG ở CỐC ẮN

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là chỗ Hòa thượng chuyển thân?

Sư đáp:

- Dưới giường nằm.

Đời thứ tám sau Lục Tổ có những vị thiên sư rất đơn giản. Tôi dẫn ra theo hệ phái để thấy tông Tào Động còn nối tiếp.

Thiên sư Trí Tịnh ở Cốc Ắn. Ngài chỉ dạy đơn giản, lấy việc bình dị trong cuộc sống đối đáp, không nói gì cao siêu. Tăng hỏi: *Thế nào là chỗ Hòa thượng chuyển thân*, chuyển thân tức là chuyển mê thành giác. Ngài trả lời: *Dưới giường nằm*.

Hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Dưới Phượng Lâm quan.
- Con chẳng hội.

Sư đáp:

- Thẳng đến Kinh Nam.

Hỏi: *Thế nào là đạo?* Ngài đáp: *Dưới Phượng Lâm quan.* Hỏi đạo thì chỉ, dưới cửa ải Phượng Lâm, đường núi quanh co hiểm trở.

Hỏi: *Con chẳng hội.* Đáp: *Thẳng đến Kinh Nam.* Con đường từ Phượng Lâm quan đi thẳng đến Kinh Nam.

Hỏi:

- Thế nào là đường chỉ quy?

Đáp:

- Chớ dụng ý.

Hỏi:

- Lại cho con đến chẳng?

Đáp:

- Chỗ nào để được người.

Tăng hỏi: *Thế nào là đường chỉ quy?* Ngài đáp: *Chớ dụng ý.* Nếu còn có đường trở về thì dùng không được.

Hỏi: *Lại cho con đến chẳng?* Ngài đáp: *Chỗ nào để được người?* Chỗ đó nếu đạt được thì không thấy mình, vì còn thấy mình thì chưa đạt được, nên nói không có chỗ cho người.

Hỏi:

- Một hội Linh Sơn đâu khác hiện giờ?

Đáp:

- Chẳng khác hiện nay.

Hỏi:

- Việc chẳng khác là thế nào?

Đáp:

- Như Lai mật chỉ, Ca-diếp chẳng truyền.

Đó là chẳng khác.



THIÊN SƯ HÀNH NHÂN ở PHẬT THỦ NHAM - LÔ SƠN

Sư người ở Nhạn Môn, không biết tên họ gì, chỉ biết thuở nhỏ học Nho. Một hôm Sư xả tục xuất gia, chí cầu đạt đạo. Sư du phương, trước đến yết kiến thiên sư Xử Chơn, thầy trò khế hợp.

Sau Sư tìm đến Giang Hoài (Trường Giang và Hoài Hà), lên ngọn Lô Sơn. Phía bắc hòn núi này có đỉnh như năm ngón tay, dưới đó có hang đá sâu hơn ba trượng, Sư ở yên tại đây. Nhân đó Sư được hiệu là Hòa thượng Phật Thủ Nham.

Sư không thu nạp đệ tử, có vị tăng am ở gần thường tới lui giúp đỡ. Quanh thất Sư thường có con nai lạ mình như dây gấm và chim chóc đoanh vây.

Quốc chủ Giang Nam họ Lý nghe danh Sư rất ngưỡng mộ, ba phen sai sứ đi thỉnh mà Sư chẳng chịu đến. Ông cố tình thỉnh cho được, buộc lòng Sư phải đến chùa Thê Hiền khai pháp hội.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là đối hiện sắc thân?

Sư đưa một ngón tay lên.

Ở đây chưa đầy một tháng, Sư lén trốn về núi lại.

Thiền sư Hành Nhân ở Lô Sơn Phật Thủ Nham. Phật Thủ là bàn tay Phật, Nham là núi. Phật Thủ Nham là núi bàn tay Phật.

Một hôm, Sư có chút bệnh, bảo vị tăng am bên cạnh rằng:

- Trời đúng ngộ, ta đi vậy.

Vừa đúng ngộ, vị tăng ấy thưa cho Sư hay. Sư liền bước xuống giường đi ít bước đứng sững mà tịch. Sư thọ hơn bảy mươi tuổi. Trên ngọn núi có một gốc tùng trong ngày Sư tịch nó cũng khô héo.

Quốc chủ sai họa hình Sư, dùng những cây thơm hỏa táng, xây tháp nơi đỉnh núi này thờ linh cốt của Sư.

Đời ngài cô quạnh không có đồ đệ mà sanh tử rất tự tại. Các vị khác có khi nằm, có khi ngồi, ngài thì đứng chết.



THIÊN SƯ DIÊN CHIỂU ở PHONG HUYỆT

(896 - 973)

Sư họ Lưu, quê ở Dư Hàng, thuở nhỏ đã tỏ ra lỗi lạc có chí khí anh tài. Các sách vở đời, Sư đều xem qua, mà không có ý kinh bang tế thế. Cha và anh cố ép Sư đi thi làm quan. Đi đến kinh đô, Sư sang chùa Khai Nguyên xin xuất gia với luật sư Trí Cung. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư dạo qua các nơi giảng kinh luận, chuyên nghiên ngẫm bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa, tập tu chỉ quán định tuệ. Sư phát chí du phương hành khước.

Trước đến Việt Châu yết kiến thiên sư Cảnh Thanh. Cảnh Thanh hỏi:

- Vừa rời nơi nào?

Sư thưa:

- Từ Chiết Đông đến.

Cảnh Thanh hỏi:

- Có qua sông nhỏ chẳng?

Sư thưa:

- Thuyền to riêng bay bổng, sông bé chở được nào?

Cảnh Thanh bảo:

- Nước Cảnh núi Thái, chim bay chẳng qua, người chớ nói lời nghe lóm.

Sư thưa:

- Biển cả còn kinh sức thuyền chiến, vượt Hán buồm bay khỏi Ngũ hồ.

Cảnh Thanh dựng đứng phát tử hỏi:

- Cái này là sao?

Sư thưa:

- Cái này là cái gì?

Cảnh Thanh bảo:

- Quả nhiên chẳng biết.

Sư thưa:

- Ra vào cuộn duỗi cùng Thầy đồng dụng.

Cảnh Thanh bảo:

- Chiếc muống nghe tiếng rỗng, ngủ say mặc nói xàm.

Sư thưa:

- Đầm rộng chứa núi, lý hay dẹp cạp.

Cảnh Thanh bảo:

- Tha tội bỏ lỗi hãy mau đi ra.

Sư thưa:

- Ra đi tức mất.

Sư ra đến pháp đường, liền nghĩ phàm người hành khước nhân duyên chưa tốt chỗ cứu cánh, không thể bèn thôi đi. Sư liền trở lại thưa:

- Con vừa rồi trình bày chỗ cạn hẹp có xúc chạm đến Thầy, mong Thầy từ bi tha thứ cho.

Cảnh Thanh bảo:

- Vừa rồi ông nói từ Đông đến, đâu không phải từ Thúy Nham đến?

Sư thưa:

- Tuyệt Đâu tạm dừng đông Bảo cái.

Cảnh Thanh bảo:

- Chẳng theo dê mất cuồng giải hết, trở lại nơi này nhớ chương thiên.

Sư thưa:

- Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm, chẳng phải nhà thơ chớ hiến thơ.

Cảnh Thanh bảo:

- Thơ nên cất, tạm mượn kiếm xem?

Sư thưa:

- Bêu đầu người sành mang gương đi.

Cảnh Thanh bảo:

- Chẳng những chạm phong hóa cũng tự bày lăm lăm.

Sư thưa:

- Nếu chẳng chạm phong hóa đâu thấy được tâm cổ Phật?

Cảnh Thanh hỏi:

- Thế nào là tâm cổ Phật?

Sư thưa:

- Lại hứa nhận cho, Thầy nay có gì?

Cảnh Thanh bảo:

- Nạp tử phương đông đến chẳng rành đậu bắp, chỉ nghe chẳng thôi mà thôi, đâu được hay thôi mà thôi.

Sư thưa:

- Sóng to vọt ngàn tâm, nước trong đâu rời biển.

Cảnh Thanh bảo:

- Một câu bật dòng muôn cơ nghỉ sạch.

Sư liền lễ bái. Cảnh Thanh bảo:

- Nạp tử trời thay!

Thiền sư Phong Huyệt, tông Lâm Tế.

Chúng ta thấy lối đối đáp đặc biệt của hai vị. Ngài vừa tới, Cảnh Thanh liền hỏi: *Vừa rời nơi nào?* Ngài thưa: *Từ Chiết Đông đến.* Hai câu đó rất thật thà. Nhưng bắt đầu mở màn, Cảnh Thanh hỏi: *Có qua sông nhỏ chẳng?* Ông đi có qua mấy nhánh sông nhỏ không? Ngài nói: *Thuyền to riêng bay bổng, sông bé chở được nào?* Nói như vậy tỏ ra con là hạng to lớn, không qua sông nhỏ. Cảnh Thanh liền nói: *Nước Cảnh núi Thái, chim bay chẳng qua, người chớ nói lời nghe lóm.* Đến chỗ Cảnh Thanh là Thái Sơn đấy, chim bay qua cũng không được, ông đừng nói lời học lóm. Ngài liền nói: *Biển cả còn kinh sức thuyền chiến, vượt Hán buồm bay khỏi Ngũ hồ.* Ý nói con là người siêu thoát, không phải hạng tầm thường.

Cảnh Thanh dựng đứng phát tử hỏi: *Cái này là sao?* Ngài thưa: *Cái này là cái gì?* Ngang đó bại lộ, nếu là thật hiểu, thấy dựng phát tử liền trả tọa cụ, còn hỏi lại là cái gì tức nhiên không biết. Ngài Cảnh Thanh quở: *Quả nhiên chẳng biết.* Rõ ràng là không biết gì, vậy mà còn gặng thưa: *Ra vào cuộn duỗi cùng Thầy đồng dụng.* Tuy vậy, con ra vào, cuộn lại duỗi ra... hiệu dụng như Thầy không thua. Cảnh Thanh bảo: *Chiếc muống nghe tiếng rỗng, ngủ say mặc nói xàm.* Ông chỉ nói rỗng như chiếc muống trống rỗng, như kẻ ngủ say nói xàm không biết gì. Ngài thưa: *Đầm rộng chứa núi, lý hay đẹp cộp,* cái đầm lớn có thể chứa núi, lý hay thì đẹp cộp được. Cảnh Thanh bảo: *Tha tội bỏ lỗi, hãy mau đi ra.* Đuổi ra, ngang đó chứng tỏ ông chỉ là người học kinh luận nhiều,

sách vở đời thông hết, mở miệng nói thao thao thành thơ kệ, nhưng cuối cùng không đúng.

Khi đi ra, ngài nghĩ mình chưa xong việc, tuy đối đáp rành rẽ mà không thấy chỗ vào, trở lại xin sám hối. Đối đáp thêm với ngài Cảnh Thanh, bị chê là người cuồng giải, kiến giải lằng xằng chỉ nhớ câu nhớ bài.

Ngài cũng còn ngang bướng nói: *Gặp tay kiểm khách nên trình kiểm, chẳng phải nhà thơ chớ hiển thơ.* Ý nói chưa phải người để trình chỗ tâm đắc. Cảnh Thanh bảo: *Thơ nên cất, tạm mượn kiểm xem?* Nếu ông nói không phải nhà thơ thì không trình thơ, không phải kiểm khách thì không trình kiểm, bây giờ thôi không nói thơ, thử trình kiểm tôi coi.

Ngài nói: *Bêu đầu người sành mang gương đi.* Gương bén mà gặp người bằng sành sứ thì vô dụng. Cảnh Thanh bảo: Nói vậy là chạm phong hóa của ta, cũng rất lắm. Ngài thưa: *Nếu chẳng chạm phong hóa đâu thấy được tâm cổ Phật.* Nói câu này để cứu, con chạm phong hóa rồi mới thấy được tâm từ bi của Thầy.

Cảnh Thanh nói: *Thế nào là tâm cổ Phật?* Sư thưa: *Lại hứa nhận cho, Thầy nay có gì?* Cảnh Thanh bảo: *Nạp tử phương đông đến chẳng rành đậu bắp, chỉ nghe chẳng thôi mà thôi, đâu được hay thôi mà thôi.* Ông không rành phân biệt, chỉ nghe lóm rồi bắt chước. Ngài thưa: *Sóng to vọt ngàn tâm, nước trong đâu rồi biển.* Đến đây được hơi khen một chút, nghe câu nói *Một câu bật dòng muôn cơ nghĩ sạch*, ngài lễ bái. Ngài Cảnh Thanh khen.

Sư đến Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm bảo:

- Ta có làm bài ca chặn trâu, mời Xà-lê hòa.

Sư thưa:

- Nhịp trống hươ roi trâu cạp chạy, thôn xa cây biển vĩnh cong đột.

Dừng lại Hoa Nghiêm, Sư làm Duy-na. Nhân có thị giả Khoách từ Nam Viện đến, Sư nhận được những đặc điểm nên kết làm bạn và thâm ngộ được chỉ yếu tam huyền. Sư than: “Chỗ dùng của Lâm Tế như thế ư?” Thị giả Khoách bảo Sư đến yết kiến Nam Viện.



Đến Nam Viện vừa gặp, Sư không lễ bái. Nam Viện bảo:

- Vào cửa phải rành chủ.

Sư thưa:

- Quả nhiên thỉnh Thầy phân.

Nam Viện lấy tay vỗ đầu gối trái một cái. Sư liền hét. Nam Viện vỗ đầu gối mặt một cái. Sư lại hét. Nam Viện bảo:

- Vỗ bên trái gác lại, vỗ bên mặt là sao?

Sư thưa:

- Mù.

Nam Viện liền nắm gậy. Sư thưa:

- Chớ gông mù gậy tối. Giật gậy đập Hòa thượng, chớ bảo chẳng nói.

Nam Viện ném gậy, nói:

- Ba mươi năm làm trụ trì, hôm nay bị gã Chiết mặt vàng vào cửa hãm hại.

Sư thưa:

- Hòa thượng in tuồng ôm bát chẳng được, nói gạt là chẳng đối.

Nam Viện hỏi:

- Xà-lê từng đến Nam Viện lúc nào?

Sư thưa:

- Là lời nói gì?

Nam Viện bảo:

- Lão tăng hỏi ông rõ ràng.

Sư thưa:

- Cũng chẳng được bỏ qua.

Nam Viện bảo:

- Hãy ngồi uống trà.

Sư liền xuống nhà tăng, xong trở lên đánh lễ tạ lỗi. Nam Viện hỏi:

- Xà-lê đã từng gặp người nào rồi đến đây?

Sư thưa:

- Ở Tương Châu chùa Hoa Nghiêm cùng nhập hạ với thị giả Khoách.

Nam Viện bảo:

- Gần kẻ tác gia.

Nam Viện lại hỏi:

- Phương Nam một gậy thương lượng thế nào?

Sư thưa:

- Thương lượng rất kỳ đặc.

Sư lại hỏi:

- Hòa thượng ở đây một gậy thương lượng thế nào?

Nam Viện cầm gậy lên bảo:

- Dưới gậy vô sanh nhãn, gặp cơ chẳng thấy thầy.

Ngay câu nói này Sư triệt ngộ huyền chỉ, bèn ở lại đây sáu năm.

Ngài đến yết kiến Nam Viện. Cách đối đáp của ngài sau khi thâm ngộ ở chỗ thị giả Khoách, lúc đến Nam Viện, bước vô thì không lễ bái, tỏ vẻ ngang tàng. Nam Viện quở: *Vào cửa phải rành chủ*. Câu này có hai nghĩa, thứ nhất, ông là khách phải biết tôi là chủ, chào hỏi đàng hoàng, tại sao vào cửa ngang tàng? Đó là nghĩa thường. Thứ hai: Ông bước vào cửa này phải nhận ra ông chủ của mình. Ngài thưa: *Quả nhiên thỉnh Thầy phân*, tôi đã rõ ràng rồi, thỉnh Thầy phân chia thử.

Nam Viện vỗ đầu gối trái, Phong Huyệt hét một tiếng, Nam Viện vỗ đầu gối mặt, Phong Huyệt hét một tiếng. Qua hai cách thử, ngài đều dùng hai tiếng hét

đáp lại. Nam Viện dò dẫm một lần nữa, nói vỗ gối trái bỏ qua, vỗ gối mặt là ý nghĩa gì? Nếu còn nói trái mặt thì mắc kẹt, nên ngài nói *Mù*. Đó là đã phá tan bấy rồi.

Nam Viện liền rút gậy định đập, ngài liền nói: *Chớ có gông mù gậy tối. Giật gậy đập Hòa thượng, chớ bảo chẳng nói*. Nếu đập tôi thì tôi đập lại, đừng bảo tôi chẳng nói, vì đánh là đánh những người tối, với người sáng rồi không cần đánh. Nhân đó ngài Nam Viện đầu hàng, thua: *Ba mươi năm làm trụ trì, hôm nay bị gã Chiết mặt vàng vào cửa hãm hại*. Ngài nói lại: *Hòa thượng in tuồng ôm bát chẳng được, nói gạt là chẳng đối*. Vì ôm bát không nổi mà nói không đối, không đi ăn cơm, cũng như Hòa thượng hạ con không nổi mà nói gạt rằng gã Chiết này đến ám hại ta.

Nam Viện hỏi: *Xà-lê từng đến Nam Viện lúc nào?* Câu hỏi rất thật thà, ngài cũng nói: *Là lời nói gì?* Nam Viện đáp: *Lão tăng hỏi ông rõ ràng, tôi hỏi thật đó*, ngài Phong Huyệt nói: *Cũng chẳng được bỏ qua*. Lúc nào cũng coi chừng. Ngài Nam Viện mời uống trà.

Thầy trò khai chiến thì như vậy, khi qua cuộc chiến rồi thì sao? Phong Huyệt xuống nhà tăng uống trà không dám ngồi ngang hàng với Thầy, rồi trở lên đánh lễ tạ lỗi. Đối đáp của người xưa là khi khai chiến thì không giữ lễ, qua lúc đó thì vẫn lễ phép. Chúng ta bây giờ nếu ngang tàng thì không giữ gìn, ngồi treo chân uống trà ngang với thầy, không biết đạo lý. Người xưa trọng đạo lý, không nhượng để trình chỗ thấy của mình rõ ràng, không phải ngang tàng vô lễ. Đó là điểm đặc biệt.

Nam Viện hỏi *từng gặp người nào rồi đến đây*, ngài thưa: Ở Lộc Môn cùng thị giả Khoách đồng qua hạ. Nam Viện bảo: *Gần kẻ tác gia*. Vì biết thị giả Khoách là người thâm nhập rồi.

Dưới gậy vô sanh nhãn, gặp cơ chẳng thấy thầy. Câu nói của Nam Viện với câu của Đại Giác nói với Hưng Hóa có giống nhau không? Ngài Hưng Hóa khi đến Đại Giác, Đại Giác đánh một gậy thì ngài hét một tiếng, đánh một gậy ngài hét một tiếng, hai phen đánh hai phen hét. Hôm sau gặp lại đánh lần nữa, hét lần nữa nhưng cuối cùng ngài chịu thua. Ngài Đại Giác nói, *lột áo nạp của gã này đánh một trận đòn*, ngay đó ngài thấy được cây gậy của Hoàng Bá đánh Lâm Tế. Chũ cởi áo nạp ra đánh một trận, là để lột trần hết. Gậy đánh của tông Lâm Tế là đánh để buông, lột hết những thứ đa mang lằng xằng lộn xộn, không phải đánh phạt đánh khen.

Chỗ ngài Nam Viện nói rõ hơn là gậy của ta đánh để người nhận được *vô sanh nhãn*, an trụ chỗ không còn ngã pháp. *Gặp cơ chẳng thấy thầy*, khi đối diện thì không phân biệt thầy trò, chỉ cốt diễn đạt chỗ thấy biết của mình. Ngay đó ngài Phong Huyệt ngộ, ở lại chỗ Nam Viện sáu năm.

Một hôm Nam Viện gọi Sư bảo:

- Người nương nguyện lực đến gánh vác đại pháp, chẳng phải ngẫu nhiên.

Lại hỏi:

- Người nghe Lâm Tế khi sắp tịch nói chẳng?

Sư thưa:

- Nghe.

Nam Viện bảo:

- Lâm Tế nói “Ai biết chánh pháp nhãn tạng của ta đến bên con lửa mù diệt”. Lại, Ngài lúc bình sinh như con sư tử thấy liền giết người, đến khi sắp tịch cố sao lại bỏ gối xuôi đuôi như vậy?

Sư thưa:

- Mật phó sắp tịch, toàn chủ tức mật.

Nam Viện lại hỏi:

- Tại sao Tam Thánh Huệ Nhiên cũng không nói?

Sư thưa:

- Con thật đã gần gũi nhận lãnh vào thất, chẳng đồng với người đi ngoài cửa.

Nam Viện gật đầu, lại hỏi:

- Người nói bốn thứ liệu giả là liệu giả pháp gì?

Sư thưa:

- Phàm nói ra chẳng kẹt nơi phàm tình liền rơi vào thánh giải, là bệnh lớn của học giả. Bạc thánh trước vì thương xót mở bày phương tiện như lấy chột tháo chột.

Sư hỏi:

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?

Nam Viện đáp:

- Cung vàng vừa ra khỏi hộp hồng, bắn bể Xà-lê da mặt sắt (Tân xuất hồng quán kim đàn tử, sữu phá Xà-lê thiết diện bì).

- Thế nào đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?

- Cắt cỏ chột chia đầu sọ tết, mây dòn mới tụ bóng vẫn còn (Sô thảo tạt phân đầu não liệt, loạn vân sơ trán ảnh du tồn).

- Thế nào nhân cảnh đều đoạt?

- Bước nhẹ tiến lên cần gấp gấp, nắm roi cầm cương chớ chậm chậm (Niếp túc tiến tiền tu cấp cấp, tróc tiên đương ưỡng mạc trì trì).

- Thế nào nhân cảnh đều chẳng đoạt?

- Thường nhớ Giang Nam trong tháng ba, vườn hoa thơm ngát chá cô hót (Thường ức Giang Nam tam nguyệt lý, chá cô đề xứ bách hoa hương).

Bốn liệu giản của tổ Lâm Tế lập ra để dẹp phá, không phải tạo thành pháp cố định, nên ngài Phong Huyệt nói là phương tiện dùng nêo tháo nêo, không cho suy nghĩ toan tính phân biệt.

Đến niên hiệu Trường Hưng năm thứ hai (931) Hậu Đường, Sư sang Nhữ Thủy ở chùa Phong Huyệt. Ngôi chùa này hiện đang hư hoại chỉ còn mấy tấm tranh che kèo cột. Sư dừng ở đây một mình ban ngày lượm trái rụng ăn, tối lại đốt dầu thông, suốt bảy năm tròn như thế. Sau này, đàn-việt biết được,

góp công chung sức cất thành ngôi chùa mới, liền trở thành ngôi đại tùng lâm. Niên hiệu Thiên Phúc năm thứ hai (937) Hậu Tấn, ngày rằm tháng giêng Sư khai pháp.

Tinh thần học đạo của ngài rất thâm hậu. Sau khi ngộ đạo rồi đến ở chùa Phong Huyệt. Chùa đang hư hoại chỉ còn mấy tấm tranh che kèo cột. Ở đây mỗi ngày lượm trái rụng ăn, đêm thì đùa lá thông lại đốt để sưởi ấm, bảy năm như vậy. Như chúng ta chịu nổi không? Chỉ cần thiếu một bữa cơm trưa là đi đứng không vững rồi. Tinh thần của người xưa, chỉ sống với đạo mà quên ăn mặc, quên tất cả nhu cầu của thân, sau này Phật pháp mới rạng ngời; chúng ta còn lệ thuộc ăn mặc quá, nên Phật pháp không sáng được.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Phàm con mắt người tham học gặp cơ liền phải đại dụng hiện tiền, chớ tự ràng buộc nơi tiết nhỏ. Giả sử trước lời nói nhận được, vẫn còn kẹt vỏ dính niêm. Dù là dưới câu liền được tinh thông, chưa khỏi chạm đến lại là thấy cuồng. Xem thấy hết thấy các ông đều là nhằm đến nương người tìm hiểu, sáng tối hai lối vì các ông một lúc quét sạch, dạy thẳng mỗi người các ông như sư tử con gầm gừ rống lên một tiếng, đứng thẳng như vách cao ngàn nhĩn, ai dám để mắt nhìn đến, nhìn đến là mù mắt y.

Tất cả chúng ta đều sẵn có cái chân thật hiện tiền mà không tự nhận hiểu, đi tìm nơi này nơi kia để cầu học, cầu kiến giải. Với ngài thì dẹp hết hai bên, sáng tối

phải quấy... Phải như con sư tử gầm lên, không ai dám nhìn tới. Đó là mục tiêu chính của ngài.

Sư đến Dĩnh Châu ở trong nha môn lên tòa dạy chúng:

- Tâm ấn của Phật tổ in tuồng như máy trâu sắt, đi liền ấn đứng, đứng liền ấn phá, chỉ như chẳng đi chẳng đứng, ấn tức là phải hay chẳng ấn tức là phải? Lại có người nói được chăng?

Khi ấy có trưởng lão Lô Pha bước ra hỏi:

- Học nhân có máy trâu sắt, thỉnh Thầy chẳng ấn vào?

Sư bảo:

- Quen câu kinh nghệ biển trong rộng, lại than bước ếch lết cát bùn (Quán điệu kinh nghệ trùng thủy tắm, khước nha oa bộ triển nê sa).

Lô Pha trầm ngâm, Sư hét rằng:

- Trưởng lão sao chẳng nói lên?

Lô Pha suy nghĩ. Sư đánh một phát tử, nói:

- Lại nhớ được thoại đầu chẳng, thử nêu lên xem?

Lô Pha vừa mở miệng, Sư lại đánh một phát tử. Mục chủ nói:

- Mới biết Phật pháp cùng Vương pháp một loại.

Sư hỏi:

- Thấy đạo lý gì?

Mục chủ nói:

- Đáng đoạn chẳng đoạn, lại chuốc loạn kia.

Sư xuống tòa.

Trưởng lão Lô Pha cũng là hàng tác gia tông Lâm Tế, đối diện với ngài đáp chưa được. Mục chủ ở nhà môn ngồi nghe mà nhận ra. Câu nói *Đáng đoạn chẳng đoạn, lại chuốc loạn kia*, nghĩa là ngay đó mà không nhận được còn nghĩ suy là loạn, như việc nước ngay đó mà giải quyết không được thì sanh loạn sanh rồi.

Sư thượng đường. Có vị tăng hỏi:

- Thầy xướng gia khúc tông phong ai? Nói pháp người nào?

Sư đáp:

- Siêu nhiên vượt khỏi ngoài Oai Âm, co chân luống nhọc tán Để-sa (Siêu nhiên quỳnh xuất Oai Âm ngoại, kiêu túc đồ lao tán Để-sa).

- Hát xưa không âm vận, thế nào hòa được bằng?

- Gà gổ gáy nửa đêm, chó rơm sủa hừng sáng.

Kinh Bản Sanh kể, thời quá khứ lâu xa có vị Phật tên là Để-sa, lúc ấy có hai vị Bồ-tát là Thích-ca và Di-lặc, Phật quán thấy Thích-ca tâm giác chưa chín muồi mà tâm độ chúng đã chín muồi, liền nghĩ: Chuyển hóa nhanh tâm một người chín muồi thì dễ, tâm đại chúng thì thật khó. Ngài bèn vào hang báu núi Tuyết nhập đại thiền định, khi ấy Bồ-tát Thích-ca là tiên nhân ngoại đạo lên núi hái thuốc bỗng nhiên gặp Phật uy nghi

đoan nghiêm, ánh sáng chói lòa. Thấy rồi hoan hỷ sinh lòng tin kính, co một chân đứng chấp tay hướng Phật, nhất tâm quán thân tướng Phật không chớp mắt trải qua bảy ngày đêm, quên để chân xuống, ngài làm bài kệ tán Phật. Công đức ấy ngài vượt qua chín kiếp, trong chín mươi một kiếp liền đạt chánh giác. Thông thường trải qua một trăm kiếp tu tập trang nghiêm.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Thế nào chẳng phải Phật?

- Chưa hiểu huyền ngôn, thỉnh Thầy chỉ thẳng?

- Nhà ở châu Hải Môn, Phù Tang chiếu trước nhất.

Tất cả những câu đáp của ngài đều không cho suy nghĩ, nói mà không động lưỡi. Châu Hải Môn tức là châu gần cửa biển, Phù Tang là nước Nhật ở phía đông, mặt trời lên thì rọi sáng trước.

Tăng hỏi:

- Gương xưa khi chưa lau thì thế nào?

Sư đáp:

- Thiên ma bế mặt.

- Sau khi lau thì thế nào?

- Huỳnh đế không đạo.



Tăng hỏi:

- Phàm có hỏi ra đều là niết quái, thỉnh Thầy chặt thẳng cội nguồn?

Sư đáp:

- Ít gặp người khoen tai, thường thấy kẻ khắc thuyền.

- Chính khi ấy thì làm sao?

- Rùa mù gặp bông cây tuy an ổn, cây khô trở hoa vật ngoại xuân.

Tăng dẫn trong kinh, nói rằng tất cả những ngôn ngữ, hình tướng đều như ấn mắt thấy quái. Con mắt đang trong treo mà lấy tay nhấn vào nhìn sự vật thấy chóa lòa hoặc như hoa đốm lằng xằng. Hoa đốm không thật, trước vốn không có mà nay bỗng dưng thấy, đó là thấy quái. Những gì nói năng hình tướng đều là cái thấy quái không thật. *Thỉnh Thầy chặt thẳng cội nguồn*, đừng nói chỗ thấy quái đó.

Ngài đáp: *Ít gặp người khoen tai, thường thấy kẻ khắc thuyền*. Người khoen tai ý chỉ tổ Đạt-ma. Câu này ngài chê, vì chỗ cội nguồn là chỗ tự nhận làm sao chỉ được, nếu muốn chỉ giùm chỗ cội nguồn thì giống như kẻ khắc dấu thuyền tìm gươm là kẻ ngu.

Tăng hỏi: *Chính khi ấy làm sao?* Ngài đáp: *Rùa mù gặp bông cây tuy an ổn, cây khô trở hoa vật ngoại xuân*. Con rùa mù gặp được bông cây là tạm an ổn, nhưng không bằng cây khô trở hoa, đó là xuân ngoài

muôn vật. Chúng ta khi tu mà gặp được cảnh giới tạm ổn như sanh các cõi lành, thì cũng như con rùa mù trăm năm gặp được bông cây nổi rất mừng. Đến được chỗ này rất thích, nhưng không bằng ngay trong cây khô mà trở hoa, đó mới vượt ngoài tất cả những thông lệ thường tình.

Tăng hỏi:

- Khi một niệm muôn năm thì thế nào?

Sư đáp:

- Áo tiên lau đá rách.

- Hồng chung khi chưa đánh thì thế nào?

- Dây dầy đại thiên đều âm vận, diệu hợp thâm thông đâu hay phân.

- Sau khi đánh thì thế nào?

- Vách đá núi sông đâu chướng ngại, mù tiêu thông suốt mong thâm nghe.

Chiếc áo tiên rất mỏng nhẹ, đem phủi đá đến khi bị rách, nghĩa là sao? Một kiếp thạch là khoảng thời gian ở đó cứ mỗi trăm năm lấy chiếc áo tiên phủi hòn núi đá một lần, cho đến khi mòn tiêu hết núi đá đó. Ở đây hòn đá vuông vức bốn mươi dặm, mà áo tiên phủi qua bao nhiêu hòn mới rách? Khi một niệm muôn năm thì còn có gì để hỏi.

Hồng chung khi chưa đánh thì thế nào, cái đó trước sau thế nào, ngài đáp đều không cho suy nghĩ.

Nhà Tống niên hiệu Khai Bảo năm thứ sáu (973) ngày mừng một tháng tám, Sư lên tòa nói kệ:

*Đạo tại thừa thời tu tế vật
Viễn phương lai mộ tự đằng đằng
Tha niên hữu tẩu tình tương tự
Nhật nhật hương yên dạ dạ đăng.*

Dịch:

**Phải thời truyền đạo lợi quần sanh
Chẳng quản phương xa tự vươn lên
Năm khác có người giòng giống đó
Ngày ngày hương khói đêm đêm đèn.**

Tinh thần của ngài Phong Huyệt chú trọng sự kế thừa không cho đứt, tiếp nối thường còn như “mồi đèn tiếp lửa”. Sau này đệ tử của ngài là Niệm Pháp Hoa thấy ngài khóc khi trong chúng không có người ngộ. Chủ yếu của ngài muốn làm sao để lợi ích quần sanh, dù xa xôi cách mấy cũng ráng tìm, hướng dẫn họ. Nếu gặp được người giòng giống đó thì phải trao truyền tiếp nối ngọn đèn chánh pháp, không để nó mờ tối.

Đến ngày rằm, Sư ngời kiết già thị tịch, thọ 78 tuổi, 59 tuổi hạ. Trước đó một ngày, Sư viết thư từ già đàn-việt.

Ngài biết trước nên từ già mọi người rồi thị tịch thong dong.



THIÊN SƯ THANH NHƯỢNG ở núi HUNG DƯƠNG

Có vị tăng hỏi Sư:

- Phật Đại Thông Trí Thắng mười kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng hiện tiền chẳng được thành Phật đạo, khi ấy thế nào?

Sư đáp:

- Lời hỏi này rất thích đáng.

Tăng hỏi:

- Đã là ngồi đạo tràng, vì sao chẳng được thành Phật đạo?

Sư đáp:

- Vì y chẳng thành Phật.

Đây là lấy ý trong kinh Pháp Hoa, Tăng hỏi về Phật Đại Thông Trí Thắng mười kiếp ngồi đạo tràng

mà chẳng thành Phật, khi đó thế nào? Ngài đáp: *Lời hỏi này rất thích đáng*. Nghĩa là ngay đó đã thành Phật, không cần hỏi. Nhưng Tăng vẫn thắc mắc, hỏi lại: *Đã là ngồi đạo tràng, vì sao chẳng được thành Phật đạo?* Ngài đáp: *Vì y chẳng thành Phật*. Y đã là Phật rồi, đâu cần thành Phật. Muốn thành Phật là còn mong, còn kẹt. Cứ toan tính trên chữ nghĩa, kẹt trong mười kiếp ngồi đạo tràng, không thấy ngay hiện tại.



THIÊN SƯ PHÁP MÃN núi U CỐC

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư lặng thinh giây lâu, hỏi:

- Hội chăng?

Tăng thưa:

- Học nhân chẳng hội.

Sư bảo:

Thoại đạo ngữ hạ vô thanh,

Cử dương áo chỉ đình ninh.

Thiên yếu như kim hội thủ,

Bất tu biệt hậu tiêu đình.

Dịch:

Nói đạo dưới lời không thanh,

Nêu cao áo chỉ đình ninh.

**Thiền cốt như nay hội lấy,
Chẳng nên lui lại nghỉ dừng.**

Nói đạo dưới lời không thanh. Đạo là gì? Đạo là lời nói mà không tiếng, đạo là chỗ không có tiếng vang. Nêu cao áo chỉ đỉnh ninh. Yếu chỉ của đạo là chỗ ngai lặng thình, đó là đã nêu cao. Thiền cốt như nay hội lấy. Thiền cốt ngay nơi đó mà nhận. Chẳng nên lui lại nghỉ dừng. Chẳng nên rút lui ngồi yên, như thế là chưa thấy thiền, chưa ngộ đạo.

Chúng ta học trải qua nhiều thiền sư, nhưng có hai đặc điểm phải nhớ nơi hai vị. Một là Lăng đạo giả, thiền sư Huệ Lăng hai chục năm qua lại ngòi rách bảy cái bồ đoàn, sau đó chín năm dừng trụ rồi mới thành tựu. Hai là thiền sư Phong Huyệt, bảy năm ăn trái rụng, đốt lá thông để sưởi ấm. Sức tu của người xưa, các ngài khi chưa biết đạo đem hết tất cả tâm lực thân lực của mình để tìm cho ra mới thôi. Chúng ta hiện nay đơn giản, học đạo hiểu sơ sơ là hài lòng cho là đủ. Hai thời khóa tụng, khuya công phu tối tịnh độ đủ sống rồi, không cần tu học thêm. Đó là tự mãn không có nhiệt tình để tìm cho ra cái chân thật.

Chúng ta phải cốt sao đời này nếu chưa xong thì những đời sau cũng phải giải quyết cho xong cái then chốt trầm luân sanh tử. Phải gỡ cho ra, phải thoát khỏi nó mới được. Muốn như vậy thì ngay đời này, ngay nơi đây đừng để bị những cái mầm sanh tử dụ dẫn đi, đừng lệ thuộc vào nó. Mầm sanh tử không dụ dẫn thì quả sanh tử không còn. Chủ yếu của người tu là giải thoát,

ngay đây phải thấy có người không sanh tử trong thân sanh tử, cũng như trong lò lửa có ngọc báu. Thấy được nhận được thì học đạo không uống, không thấy được thì uống một đời học đạo, rồi cũng tiếp tục luân hồi sanh tử.



THIÊN SƯ QUẾ SÂM
ở viện LA HÁN
(867 - 928)

Sư họ Lý quê ở Thường Sơn, thuở bé mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm chay, nói ra những lời lạ thường. Đến lớn Sư xin cha mẹ theo đại sư Vô Tướng ở chùa Vạn Tuế tại bản phủ xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư chuyên học luật.

Một hôm, vì chúng lên tòa nói giới bản Bồ-tát xong, Sư nói: Trì phạm chỉ giữ thân mà thôi, chẳng phải chân giải thoát; y văn sanh hiểu đâu thể phát thánh trí?

Sư phát chí tham vấn Thiên tông. Trước, Sư đến Vân Cư, Tuyết Phong thưa hỏi rất cần mẫn, nhưng vẫn chưa thâm đạt. Sau, Sư đến Huyền Sa yết kiến đại sư Tông Nhất, vừa nghe một câu khai phát liền rộng suốt không ngờ.

Huyền Sa hỏi Sư:

- Tam giới duy tâm, người hội thế nào?

Sư chỉ cái ghế dựa, hỏi:

- Hòa thượng kêu cái ấy là gì?

Huyền Sa đáp:

- Ghế dựa.

Sư thưa:

- Hòa thượng không hội tam giới duy tâm.

Huyền Sa bảo:

- Ta gọi cái ấy là tre gỗ, người kêu là gì?

Sư thưa:

- Con cũng gọi là tre gỗ.

Huyền Sa bảo:

- Tận đại địa tìm một người hội Phật pháp cũng không có.

Sư do đây càng được khích lệ thêm.

Đây có hai điểm. Điểm thứ nhất, ngài đã có túc duyên từ đời trước, nên ngay khi còn bé đã biết ăn chay, một ngày chỉ ăn một bữa. Hai là khi tụng luật, ngài thấy rằng luật chỉ gìn giữ thân, không phải là chân giải thoát, vì theo chữ nghĩa thì không thể phát sanh thánh trí.

Giai đoạn đối đáp ban đầu của ngài chịu ảnh hưởng kinh giáo. Như kinh nói “Tam giới duy tâm, vạn pháp

duy thức”, ngài Huyền Sa hỏi: *Tam giới duy tâm, người hội thể nào?* Ngài chỉ cái ghế dựa hỏi: *Hòa thượng kêu cái ấy là gì?* Huyền Sa đáp: *Ghế dựa*, ghế dựa thì kêu ghế dựa, cũng như cây gậy kêu cây gậy, có lỗi gì? Ngài không chịu, nói: *Hòa thượng không hội tam giới duy tâm.* Huyền Sa hỏi: *Ta gọi cái ấy là tre gỗ, người kêu là gì?* Ngài thưa: *Con cũng gọi là tre gỗ.* Gọi tre gỗ và gọi ghế dựa, sai biệt chỗ nào mà một bên nói là hội duy tâm, một bên không hội duy tâm? Gọi *ghế dựa* là đứng trên dụng mà đặt tên. Dụng của cái ghế đó là ngồi dựa lưng được, còn nếu ghế ngồi xích tới xích lui thì gọi là ghế xích đu. Gọi tên ghế dựa là giả danh không phải thật thể.

Gọi là ghế dựa, ghế đay, ghế gì theo xưa cũng đều làm bằng tre, gỗ. Gọi tre gỗ là nói về thật thể nên gọi là thông hiểu duy tâm. Hiểu duy tâm là thấy được thật thể của các pháp, chúng ta hiểu tại sao cả hai thầy trò không chấp nhận tên ghế dựa.

Câu sau ngài Huyền Sa bảo rằng: *Tận đại địa tìm một người hội Phật pháp cũng không có.* Trên quả đất này không có người hiểu Phật pháp. Chúng ta có hiểu Phật pháp không? Chúng ta quen quan niệm Phật pháp là pháp Phật dạy. Nhưng cốt yếu Phật dạy cái gì? Phật chỉ thẳng nơi mình có cái chân thật tức là tánh giác. Hiểu Phật pháp tốt cùng là nhận ra tánh giác của mình, không có pháp ở ngoài để hiểu. Thấy được tánh giác của mình, nó là của mình thì còn gì nữa gọi là hiểu Phật pháp. Câu nói của ngài tưởng như phủ nhận nhưng đó là một lẽ thực.

Sư hầu Huyền Sa nơi phương trượng nói thoại đêm quá khuya, thị giả đóng cửa hết. Huyền Sa nói:

- Cửa đã đóng hết, người làm sao ra được?

Sư thưa:

- Gọi cái gì là cửa?



Huyền Sa dạy bảo chúng, có những người sắp được chánh định đều nhờ Sư trợ phát. Sư tuy tàng ẩn trong chúng, nhưng tiếng tăm vang xa.



Mục chủ Chương Châu là Vương Công có xây cất một tinh xá tên Địa Tạng trên Thạch Sơn phía tây thành Mân, thỉnh Sư trụ trì. Sư ở đây được khoảng mười hai năm, sau dời đến ở viện La-hán. Nơi đây, xiển dương huyền yếu, học chúng tấp nập kéo đến.

Đang cấy lúa ngoài ruộng, thấy Tăng đến, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Nam Châu đến.

Sư hỏi:

- Nơi ấy Phật pháp thế nào?

Tăng thưa:

- Bàn tán lăng xăng.

Sư bảo:

- Đâu như ở đây, ta chỉ cấy lúa, nấu cơm ăn.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tam giới?

Sư bảo:

- Gọi cái gì là tam giới?

Ngài đang cấy lúa ngoài ruộng, thấy Tăng đến, ngài hỏi: *Ở đâu đến?* Tăng thưa: *Nam Châu đến.* Ngài hỏi: *Nam Châu Phật pháp thế nào,* Tăng thưa: *Bàn tán lãng xăng.* Ngài kết luận: *Đâu như ở đây, ta chỉ cấy lúa, nấu cơm ăn.* Chỗ của ngài khác với Nam Châu. Chúng ta cũng cấy lúa, nấu cơm ăn có giống chỗ của ngài Quế Sâm không? Chúng ta cấy lúa mà còn nói chuyện nằm trên nằm dưới, nấu cơm ăn còn bàn ngon bàn dở. Thêm quá nhiều chuyện. Nếu nấu cơm chỉ là nấu cơm, cấy lúa chỉ là cấy lúa thì giống như ngài Quế Sâm có khác gì đâu.

Tăng hỏi: *Thế nào là tam giới?* Ngài hỏi lại: *Gọi cái gì là tam giới?* Nói tam giới cũng là ngôn ngữ đặt ra, không phải là cái thật.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Phương nam đến.

Sư hỏi:

- Các bậc tri thức phương nam có lời gì dạy chúng?

Tăng thưa:

- Các ngài nói “Mạt vàng tuy quý, dính trong con mắt cũng chẳng được”.

Sư bảo:

- Ta nói núi Tu-di ở trong con mắt của ông.

Người nói *mạt vàng tuy quý mà dính trong con mắt cũng không được*, ngài nói *núi Tu-di ở trong con mắt của ông*. Hai câu đó có gì khác nhau? Câu *mạt vàng tuy quý rơi trong con mắt cũng chẳng được* là đứng về mặt tâm thể thanh tịnh, đã thanh tịnh mà khởi một niệm dù là niệm thiện, ví dụ như mạt vàng, cũng đều che mờ tâm thanh tịnh. Như con mắt của chúng ta đang trong sáng mà có một hạt bụi rơi vào dễ chịu không? Hạt bụi xấu thì khó chịu, còn mạt vàng tốt quá, quý quá thì lẽ ra phải dễ chịu, mà có dễ chịu không? Đều là bệnh.

Nhà thiền thường nói *Không nghĩ thiện, không nghĩ ác* là chỗ đó. Không nghĩ ác là hợp lý, nghĩ thiện tốt quá tại sao không cho nghĩ? Thật ra đến chỗ cứu cánh thì niệm tốt hay niệm xấu đều là tướng che mờ trí thanh tịnh. Không còn một tướng mới thật là tâm thanh tịnh, vì vậy niệm ác bỏ đành rồi, niệm thiện cũng không giữ, đó là chủ yếu của Thiền tông.

Câu ngài nói, *ta nói núi Tu-di ở trong con mắt của ông* là nói trường hợp nào? Nếu khi chúng ta đạt được tâm thể trùm khắp, tâm thể là sáng biết trùm khắp rồi thì núi Tu-di cũng ở trong đó. Hai câu nói, câu trước đứng về nhân tu, câu sau đứng về quả chứng, hai trường hợp khác nhau, phải hiểu cho rõ vậy.

Tăng hỏi:

- Thế nào là một câu của La-hán?

Sư đáp:

- Ta nói với người, liền thành hai câu.



Sư thượng đường:

- Tông môn huyền diệu chỉ là thế ấy sao? Hay riêng có chỗ kỳ đặc? Nếu riêng có chỗ kỳ đặc, các ông hãy nên xem cái gì? Nếu không, chẳng nên đem hai chữ bèn cho là Tông thừa. Thế nào là hai chữ? Nghĩa là Tông thừa và Giáo thừa. Các ông vừa nói đến Tông thừa liền thành Tông thừa, nói đến Giáo thừa liền thành Giáo thừa.

Tông thừa là chỉ cho thiền, Giáo thừa là chỉ cho kinh, giáo lý. Nói thiền nói giáo cũng do người đặt ra. Cái đó không có tên mà gượng đặt tên là Tông thừa, gượng đặt tên là Giáo thừa, nếu chấp vào tên, đó là mắc kẹt.

Chư thiền đức! Phật pháp tông thừa nguyên lai do miệng các ông an lập danh tự, làm lấy nói lấy bèn thành. Lẽ ấy cần phải nhằm trong đó nói bình nói thật, nói viên nói thường.

Tất cả ngôn ngữ danh tự, đặt tên cái này đặt tên cái kia đều do con người an lập. Có tên nào không do người an lập không? Như chúng ta đi Đà Lạt, thấy người ta trồng nhiều thứ lan, đặt tên nghe rất thanh tao. Lúc ở trong rừng nó không có tên, người chơi lan đem về

lựa tên thật hay thật kêu, đặt ra để bán cho chạy. Người mua nghe tên thích quá, lan này tên này, lan kia tên kia, cả trăm thứ tên là do con người đặt ra, kỳ thực nó không có tên.

Các pháp do đặt tên mà có danh tự, nếu chấp tên đó là thật thì rất mê muội. Như có người tên Nguyễn Văn A, khi nghe Nguyễn Văn A tốt quá thì vui, nói Nguyễn Văn A xấu quá, liền không vui. Tên Nguyễn Văn A là người ta đặt mà khi khen thì vui, chê thì buồn. Biết không thật thì khen chê cũng giả thôi, có gì đâu mà buồn.

Như chúng ta đang là người thông minh sáng suốt mà có người nào phát cuồng kêu mình chửi: “Huynh là con bò!” Giận không? Nếu mình thông minh sáng suốt thì chỉ cười nói: “Ủa! Sao anh nói trạt vậy, tôi là người.” Không có chuyện gì xảy ra. Nghe nói con bò rồi nổi giận cự với họ, đang sáng suốt trở thành ngu tối. Đó là một điều lạ lùng mà tất cả chúng ta đều mắc kẹt. Họ nói mình cái gì mình liền biến thành cái đó rồi cự cãi. Người được trợn nói nặng hơn chút nữa, mình cự thêm chút nữa. Hai bên ẩu đả, nhưng rốt cuộc rồi mình có thành bò không? Rõ ràng vì kẹt trên ngôn ngữ văn tự rồi chấp lấy, làm khổ nhau. Đến chỗ tốt cùng thì không có tên thật để nói, huống nữa là chấp.

Thiền đức! Các ông gọi cái gì là bình thật? Nắm cái gì làm viên thường? Kẻ hành khước nhà bên cần phải biện rành, chớ để chôn vùi; được một ít thanh sắc danh tự chứa trong đầu tâm, nói ta hội giải khéo hay giản biện. Các ông hội cái gì?

Ghi nhớ được danh tự ấy, giản biện được thanh sắc ấy. Nếu chẳng phải thanh sắc danh tự, các ông làm sao ghi nhớ giản biện? Gió thổi thông reo cũng là thanh, tiếng nhái ếch chim quạ kêu cũng là thanh, sao chẳng ngay đó lắng nghe để giản trạch đi. Nếu ở đó có hình thức ý tứ, thì cũng như trong miệng các vị thầy, có bao nhiêu ý tứ cho các Thượng tọa. Chớ lầm! Hiện nay thanh sắc đầy đây, là đến nhau hay chẳng đến nhau? Nếu đến nhau, thì linh tánh kim cang bí mật của ông nên có hoại diệt. Vì sao như thế? Vì thanh xỏ lủng lỗ tai ông, sắc đâm đui con mắt ông, nhân duyên thì lấp mắt ông, huyền vọng đuổi giết ông, thể của thanh sắc chẳng dung chứa được nhau vậy. Nếu chẳng đến nhau, thì chỗ nào được thanh sắc? Hội chẳng? Đến nhau, chẳng đến nhau thử biện rành xem!

Chúng ta tu tuy nói rất nhiều nhưng đơn giản không ngoài những điều này. Ngài nêu lên tất cả những cái khéo biện giản được là thanh sắc. Gió thổi thông reo cũng là thanh sắc, miệng mấy Thầy nói ra cũng là thanh sắc. Tại sao gió thổi, thông reo không suy nghĩ giản biện, đợi đến lời nói ra mới suy nghĩ giản biện? Giả sử chúng ta không biết tiếng Anh tiếng Pháp, lại có người dùng tiếng Anh tiếng Pháp chửi mình om sòm, giận không? Tại sao không giận? Vì không giản biện được. Nếu chửi tiếng Việt Nam thì giận. Cũng hai tiếng chửi, nhưng giận hay không giận là do giản biện được hay không được. Cơn giận từ giản biện mà ra, biện bạch rõ ràng giản trạch rõ ràng, biết đó là khen là chê, rồi đâm ra giận, phiền não nổi lên gốc từ phân biệt giản trạch.

Ngài nói thanh sắc có đến hay không đến với mình? Nếu có đến thì *linh tánh kim cang bí mật bị hoại diệt*, nếu không đến thì thanh sắc có cũng như không. Như bài kệ của ngài Tam Bình có câu: *Không thừa thanh sắc để trình anh. Tức thấy nghe này chẳng thấy nghe*. Như vậy thì thanh sắc đến hay không đến?

Nếu thanh sắc đến thì thanh đâm lủng lỗ tai, sắc làm mù mắt, duyên làm lấp mất thân huyền vọng. Chúng ta tu cốt yếu ở chỗ mắt thấy sắc không dính, tai nghe tiếng không kẹt. Không dính không kẹt là không đến, còn dính kẹt là có đến, có đến thì đui mắt điếc tai. Nên biết, thể tánh kim cang bí mật không hoại, nếu sáu căn dính với sáu trần thì biến thành hoại, nếu không dính thì không hoại.

Có người hỏi thiền sư Huệ Hải: “Thế nào là giải thoát?” Ngài đáp: “Căn trần không dính nhau là giải thoát.” Đơn giản vô cùng, chúng ta tu có cần tìm kiếm gì không? Chỉ cần mắt thấy sắc đừng dính, tai nghe tiếng đừng kẹt, mũi ngửi mùi không dính không kẹt. Sáu căn không dính không kẹt thì ngay tại chỗ này, ngay trong cảnh Ta-bà khổ mà giải thoát an vui. Thử một ngày như vậy, ngày đó có giải thoát không? Giải thoát một ngày, dần dần giải thoát hai ngày, đến nhiều ngày... Việc tu rất thực tế.

Như câu chuyện đức Phật bị một người Bà-la-môn theo sau chửi mắng, ngài cứ làm thỉnh chậm rãi đi. Bà-la-môn chặn đường hỏi: “Cù-đàm! Có nghe không?” Ngài trả lời: “Nghe.” Hỏi: “Tại sao tôi chửi mà không trả lời?” Ngài hỏi lại: “Ông đem quà tặng người, người không

nhận thì về ai?” Tặng quà mà người không nhận thì về mình, chửi Phật mà Phật không nhận thì dính gì với Phật đâu. Phật cũng bị chửi mà không nhận nên ngài không phiền não. Chúng ta thì nói động một tý là phiền não, tại sao? Tại mình nhận, đưa cho lấy liền. Nhiều khi chưa cho, chỉ mới sửa soạn thôi mà cũng đã muốn nhận rồi. Khi đang đi, thấy hai người ngồi bàn tán việc gì đó, rồi nhìn mình cười cười, chưa nói tới tên đã thấy bực bội rồi. Bối nhậy quá nên than khổ, kêu Phật cứu. Phật cứu được không? Cứ chứa trong bụng mà cầu Phật cứu khổ. Buông đi là hết khổ, không chịu buông thì dù lạy Phật một triệu lạy cũng không hết khổ.

Cái khổ không phải ở người mà chính ở mình, vì cái chấp nê của mình mà thành. Khi chấp nê thì thể tánh kim cang bất sanh bất diệt phải chịu luân hồi, gọi đó là hoại diệt, thật ra không có hoại diệt. Chủ ý ngài muốn chỉ chúng ta ba điểm mắt, tai và duyên là ý theo pháp trần, ba điểm đó không dính với ngoại cảnh thì tự mình giải thoát. Vì thế nói: *Nếu đến nhau thì linh tánh kim cang bí mật của ông nên có hoại diệt. Nếu chẳng đến nhau thì chỗ nào được thanh sắc?* Mỗi người tự xem mình có đến hay không đến? Đến hay không đến đều tự nơi mình, rất dễ, rất đơn giản. Tu được cái không đến chừng bao lâu?

Sư dừng giây phút, lại nói:

- Viên thường bình thật là người nào nói thế ấy? Chưa phải là kẻ ở trong thôn Hoàng Di thì biết nói thế nào? Đó là các vị thánh xưa bày chút ít giúp đỡ hiển phát. Thời nay không hiểu phải quấy liền

cho là toàn thật, nói ta riêng có tông phong huyền diệu. Phật Thích-ca không chót lưỡi, chẳng giống với các ông có chút ít bèn chỉ hông chỉ ngực. Nếu luận về tội sát đạo dân tuy nặng mà vẫn còn nhẹ, vì có khi hết. Kẻ này chê bai Bát-nhã làm mù mắt chúng sanh, vào địa ngục A-tỳ nuốt hòn sắt nóng chớ bảo là thông thả. Do đó cổ nhân nói “Lỗi tại hóa chủ, chẳng can hệ việc ông”. Trân trọng!

Người lập *viên thường bình thật* cho đó là pháp kỳ đặc của nhà thiền là người nào? Chưa phải là kẻ ở trong thôn Hoàng Di thì biết nói thế nào? Thôn Hoàng Di, chỉ một xóm người khác ngôn ngữ phong tục văn hóa. Nói theo nhà thiền thì đó là chỗ những bậc tác gia thông cảm với nhau, chưa phải người trong đó thì không thể nào hiểu được. Nếu không hiểu mà chấp vào chữ nghĩa, cho đó là tông phong huyền diệu... thì lỗi lầm.

Phật Thích-ca không chót lưỡi, chẳng giống với các ông có chút ít bèn chỉ hông chỉ ngực. Kinh thường ca tụng Phật có tướng lưỡi rộng dài, tại sao đây nói ngài không có lưỡi? Tất cả lời Phật chủ yếu dạy chúng ta nhận ra nơi chính mình có cái chân thật, đừng dính đừng chấp những tướng hư dối. Kinh Phạm Động trong Trường A-hàm, Phật nói người không hiểu khen Phật bằng cách này cách kia đều không đúng, chỉ có những bậc A-la-hán mới biết khen: *Phật biết tất cả mà không chấp.* Đó là chỗ kỳ đặc của Phật. Giá trị của đạo Phật là chỉ dạy chúng ta thấy biết tất cả mà không chấp. Nếu không chấp thì không động, nên nói Phật không có lưỡi. Chúng ta thì lưỡi nhọn quá, nói đâu dính đó.

Sư thượng đường nói:

- Chư Thượng tọa! Chẳng cần cúi đầu suy nghĩ, suy nghĩ chẳng đến bèn nói chẳng dùng gián trạch, đến được chỗ buông lời chẳng? Các ông nhằm chỗ nào buông lời, thử nói xem! Lại có một pháp gần được ông, lại có một pháp xa được ông chẳng? Đồng với ông khác với ông chẳng? Đã như thế, tại sao lại thật gian nan?

Gặp vấn đề khó hiểu, chúng ta thường chau mày nhăn trán, dùng cái lẩn tẩn ở trong đầu để luận biện, gián trạch. Ngài bảo: *Chẳng cần cúi đầu suy nghĩ, suy nghĩ chẳng đến*, vì cái đó không thể suy nghĩ tới được. Suy nghĩ là tâm duyên theo bóng dáng sáu trần hư giả làm sao tìm ra cái thật.

Lại có một pháp gần được ông, lại có một pháp xa được ông chẳng? Có một cái không đồng không khác, không gần không xa. Nó cách biệt chúng ta bao nhiêu? Nói gần nói xa là có một cái gì ở ngoài mình, cái này ngay nơi mình, nên nói không gần không xa. Ở ngay nơi mình mà tại sao nói tu để thành Phật rất khó, rất gian nan? Phật không phải cái gì lạ, chính là tánh giác của mình, tánh giác không rời mình bao giờ, đâu thể nói gần nói xa, chỉ vì không chịu nhận nên trở thành gian nan.

Sư cùng Trường Khánh, Bảo Phước vào Chương Châu thấy một đóa hoa mẫu đơn. Bảo Phước nói:

- Một đóa hoa mẫu đơn đẹp.

Trường Khánh bảo:

- Chớ để con mắt sanh hoa.

Sư bảo:

- Đáng tiếc một đoá hoa.

Thấy hoa mẫu đơn, ngài Bảo Phước nói rằng: *Một đoá hoa mẫu đơn đẹp*. Ngài Trường Khánh nói: *Chớ để con mắt sanh hoa*. Ngài Quế Sâm nói: *Đáng tiếc một đoá hoa*. Ba người nói có gì sai biệt, ai đúng ai sai? Đoá hoa đẹp thì nói đoá hoa đẹp, được không? Nhưng đoá hoa không đẹp xấu, nó là nó thôi. Tại người so sánh phân biệt mới có đẹp xấu, khi đã đặt thành đẹp xấu là con mắt sanh hoa. Con mắt đang trong sáng mà chợt sanh hoa đốm lằng xằng, làm mờ mắt mình, nói vậy là chê hay khen? Nhưng đến ngài Quế Sâm nói: *Đáng tiếc một đoá hoa*, tại sao? Hoa là hoa, không phải đẹp không phải xấu, cũng chẳng phải con mắt sanh hoa. Khi nói thế này thế khác là đã làm mất giá trị thật của hoa. Cho nên đáng tiếc một đoá hoa.

Sư có bài kệ minh đạo:

<i>Chí đạo uyên khoáng</i>	Chí đạo sâu rộng
<i>Vật dĩ ngôn tuyên</i>	Chớ dùng lời bàn
<i>Ngôn tuyên phi chỉ</i>	Lời bàn phi chỉ
<i>Thực vân hữu thị?</i>	Ai rằng có phải?
<i>Xúc xứ giai cừ</i>	Chạm đến đều y
<i>Khởi dụ chân hư</i>	Đâu dụ giả thật
<i>Chân hư thiết biện</i>	Giả thật lập bày
<i>Như cảnh trung hiện.</i>	Như bóng trong gương.

<i>Hữu vô tuy chương</i>	Có không tuy hiện
<i>Tại xứ vô thương</i>	Tại chỗ không hại
<i>Vô thương vô tại</i>	Không hại không tại
<i>Hà câu hà ngại?</i>	Nào câu nào ngại?
<i>Bất giả công thành</i>	Chẳng nhờ công thành
<i>Tương hà pháp nhĩ</i>	Đem gì pháp nhĩ
<i>Pháp nhĩ bất nhĩ</i>	Pháp nhĩ chẳng nhĩ
<i>Câu vi thân xỉ.</i>	Đều là môi răng.
<i>Nhược dĩ tư trần</i>	Nếu lấy đây bày
<i>Mai một tông chỉ</i>	Chôn vùi tông chỉ
<i>Tông phi ý trần</i>	Tông không ý bày
<i>Vô dĩ kiến văn.</i>	Không dùng thấy nghe.
<i>Kiến văn bất thoát</i>	Thấy nghe chẳng thoát
<i>Như thủy trung nguyệt</i>	Như trăng đáy nước
<i>Ư thử bất minh</i>	Nơi đây chẳng rõ
<i>Phiên thành thặng pháp.</i>	Trở thành pháp thừa.
<i>Nhất pháp hữu hình</i>	Một pháp có hình
<i>Ế nhữ nhĩn tình</i>	Che đây mắt mình
<i>Nhĩn tình bất minh</i>	Mắt mình chẳng sáng
<i>Thế giới tranh vanh.</i>	Thế giới lăng xăng.
<i>Ngã tông kỳ đặc</i>	Tông ta kỳ đặc
<i>Đương dương hiển hách</i>	Nêu bày hiển hách
<i>Phật cập chúng sanh</i>	Phật và chúng sanh
<i>Giai thừa ân lực.</i>	Đều nhờ ân lực.
<i>Bất tại đề đầu</i>	Chẳng ở cúi đầu

<i>Tư lương nan đắc</i>	Suy nghĩ khó được
<i>Tạt phá diện môn</i>	Vạch tét cửa mặt
<i>Cái phú càn khôn.</i>	Che đậy càn khôn.
<i>Quyết tu tiến thủ</i>	Hẳn phải tiến lấy
<i>Thoát khước căn trần</i>	Vượt khỏi căn trần
<i>Kỳ như bất hiểu</i>	Nếu mà chẳng hiểu
<i>Mạn thuyết như kim.</i>	Đối nói như nay.

Ngài có bài kệ minh đạo:

*Chí đạo sâu rộng
Chớ dùng lời bàn
Lời bàn phi chỉ
Ai rằng có phải?*

Bốn câu này nói chỗ tốt của đạo rất sâu rộng, chớ dùng ngôn ngữ luận bàn. Ngôn ngữ luận bàn không đến được ý chỉ tốt cùng, vì thế không thể nói có phải, có không phải.

*Chạm đến đều y
Đâu dụ giả thật
Giả thật lập bày
Như bóng trong gương.*

Hiện nay mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm... đều không rời thể chân thật, nên nói *chạm đến đều y*. Đã sẵn có hiện hữu, không thể dùng ví dụ nói giả nói thật. Nếu lập bày thật giả thì cũng là đối đãi không thật, như bóng ở trong gương.

*Có không tuy hiện
Tại chỗ không hại
Không hại không tại
Nào câu nào ngại?*

Tuy phân biệt đây là có, kia là không, nhưng thể chân thật đó hiện hữu chính ngay nơi mình không đâu xa, đã sẵn nơi mình thì có gì gọi là hại. Bởi không hại nên cũng không nói quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu thấy rõ thể đó chân thật hiện hữu, thấy được như vậy không còn gì chướng ngại.

*Chẳng nhờ công thành
Đem gì pháp nhĩ
Pháp nhĩ chẳng nhĩ
Đều là môi răng.*

Thể chân thật đó không do dụng công tu hành mà được. Nó đã sẵn có rồi, dụng công tu hành chỉ là phương tiện dẹp phiền não, không phải làm cho thể đó được tròn. Nó đã sẵn có thì nói gì là pháp nhĩ! Pháp nhĩ là pháp ấy là pháp như vậy. Nếu còn thấy có một pháp như vậy thì đều là lời nói lập bày, đều là môi răng.

*Nếu lấy đây bày
Chôn vùi tông chỉ
Tông không ý bày
Không dùng thấy nghe.*

Nếu lấy cái đó để nêu bày lên thì đã chôn vùi tông chỉ. Tông chỉ không có chỗ để nêu bày, không dùng cái thấy cái nghe. Vì nó không tướng làm sao thấy, nó không động làm sao nghe?

Thấy nghe chẳng thoát

Như trăng đáy nước

Nơi đây chẳng rõ

Trở thành pháp thừa.

Cái thấy cái nghe của chúng ta nếu không bị dính trong trần cảnh thì tốt, nếu bị dính tức chẳng thoát. Cái thấy nghe đó giống như bóng trăng đáy nước, không đến được cái thật. Nơi đó nếu không nhận rõ mà sanh chấp thì thành pháp dư thừa, đó là bệnh.

Một pháp có hình

Che đây mắt mình

Mắt mình chẳng sáng

Thế giới lằng xằng.

Nếu vừa thấy có một pháp có hình có tướng thật thì con mắt trí tuệ bị che đây. Con mắt trí tuệ không sáng nên thấy toàn thế giới lằng xằng lộn xộn.

Tông ta kỳ đặc

Nêu bày hiển hách

Phật và chúng sanh

Đều nhờ ân lực.

Thiền tông rất kỳ đặc, nêu bày rõ ràng tất cả chư Phật và chúng sanh đều đồng có thể của thiền, nhờ tâm thể này mà thành Phật, không phải chỉ Phật mới có mà chúng sanh thì không. Tuy chúng ta còn mê lầm trong phạm vi chúng sanh nhưng cũng sẵn có giống Phật không khác, chỉ vì quên nên còn làm chúng sanh.

*Chẳng ở cúi đầu
Suy nghĩ khó được
Vạch tét cửa mặt
Che đậy còn khôn.*

Bốn câu này thật rõ ràng. *Chẳng ở cúi đầu*, chỗ này không phải cúi đầu suy nghĩ mà ra, nên nói *suy nghĩ khó được*. Đây lặp lại ý đoạn trước, muốn thấy được chỗ kỳ đặc của tông này thì không phải do cúi đầu suy nghĩ mà được.

Vạch tét cửa mặt, che đậy còn khôn. Cửa mặt là chỗ hai chân mày giao nhau có khoảng trống; ý nói chỗ suy nghĩ. Chúng ta thường cho rằng suy nghĩ là tâm, nhưng tâm là cái biết, không phải chỉ suy nghĩ mới biết. Khi nghe tiếng, ngửi mùi, xúc chạm... không cần suy nghĩ vẫn biết, chỗ nào không có tâm? Cứ lấy cái biết lăng xăng ở trên trán, một chút ở chỗ đó cho là tâm! Toàn thân đều có biết thanh tịnh sáng suốt, nếu chỉ nhận cái biết lăng xăng tạm bợ sanh diệt cho là tâm mình, như thế đã quên gốc mà theo ngọn, quên thật mà chạy theo giả. Ngài bảo phải *vạch tét cửa mặt* tức là phải đập tan cái lăng xăng giả dối ở chỗ trán này ra, đừng mắc kẹt trong đó.

Che đây càn khôn, phải thấy chân thể trùm khắp, đừng bị kẹt trong một chút suy nghĩ hạn hẹp. Chúng ta thường dùng chút đó để xài với thiên hạ, cho là tâm tôi, tôi suy nghĩ thế này tôi suy nghĩ thế kia... Cái suy nghĩ là tôi, còn cái nghe cái thấy... không phải tôi sao? Tôi trùm khắp mà lại quên, chỉ lấy một cái tôi nhỏ xíu chột có chột không, chột còn chột mất làm tôi, đó là gốc của sanh tử. Vì thế ngài nói rằng phải vạch tét cửa mặt, chừng đó mới che đây càn khôn, nếu cứ cúi đầu suy nghĩ thì không thể được. Bốn câu này chỉ dạy hết sức rõ ràng.

Hắn phải tiến lấy

Vượt khỏi căn trần

Nếu mà chẳng hiểu

Đối nói như nay.

Đó là chỗ chúng ta phải tiến lấy, vượt khỏi căn trần, đừng để căn trần dính nhau. Nếu hiểu thì tốt, nếu không hiểu thì đó là hiện nay đối nhau, không đến chỗ chân thật.

Đời Hậu Đường niên hiệu Thiên Thành năm thứ ba (928) mùa thu, Sư trở về thành Mân ở chùa xưa, đi thăm hết các chùa chung quanh thành. Sau đó, Sư bệnh ít hôm rồi tắt gôi, từ giã chúng, ngồi ngay thẳng thị tịch. Sư thọ 62 tuổi, 40 tuổi hạ. Vua sắc thụy là Chơn Ứng thiền sư.



THIÊN SƯ HUỆ CẦU
ở viện AN QUỐC núi NGỌA LONG
(? - 913)

Sư quê ở Bồ Điền, xuất gia trên núi Quy Dương.
Ở tại hội Huyền Sa, Sư là người đứng đầu. Nhân Sư
hỏi Huyền Sa:

- Thế nào là mặt trăng thứ nhất?

Huyền Sa bảo:

- Dùng mặt trăng của người làm gì?

Sư nhân đó ngộ nhập.

Nhà Lương niên hiệu Khai Bình năm thứ hai
(908), Huyền Sa sắp thị tịch, Môn soái họ Vương sai
con đến thăm bệnh, đồng thời hỏi kén ai là người kế
thừa sau này. Huyền Sa nói: Huệ Cầu.

Sau khi Huyền Sa tịch, đến ngày khai giảng,
quan liêu tăng lữ câu hội tại pháp tòa. Họ Vương
chợt hỏi chúng:

- Ai là Thượng tọa Huệ Cầu?

Chúng chỉ Sư ra. Họ Vương liền thỉnh Sư đăng tòa.

Thiền sư Huệ Cầu cũng là đệ tử của ngài Huyền Sa.

Nhân ngài hỏi Huyền Sa: *Thế nào là mặt trăng thứ nhất?* Mặt trăng thứ nhất là mặt trăng thật, dù cho tâm thể chân thật hay là tánh kim cang bí mật. Mặt trăng thứ hai bên cạnh mặt trăng thứ nhất, do ấn mắt thấy lóe ra, để dụ tánh thấy, tánh nghe... từ thể chân thật hiện ra. Sáu căn của chúng ta đều có tánh chân thật ngấm ở trong như mặt trăng thứ hai. Mặt trăng thứ ba là bóng trăng phản chiếu dưới nước, ví dụ cho cái suy nghĩ lăng xăng trong đầu. Khi hỏi mặt trăng thứ nhất, ngài Huyền Sa đáp: *Dùng mặt trăng của người làm gì?* Khi chỉ mặt trăng thứ nhất thì không còn ngôn ngữ luận bàn, còn hỏi đáp thì đó là mặt trăng thứ ba của ông. Ngay đó ngài ngộ nhập được mặt trăng thứ nhất.

Sư lên tòa im lặng giây lâu nói:

- Chớ hiềm lặng lẽ, chớ nói chẳng kham, chưa rành bờ mé làm sao luận bàn? Sở dĩ bình thường dùng tiếng vang ấy, nhờ vạch một hai cái giúp người phát minh đạo lý. Tột mười phương thế giới tìm một người làm bạn không thể có.

Tột mười phương thế giới tìm người làm bạn không có, rất cô đơn phải không? Có bạn tức là có duyên, có duyên thì có thành hoại. Cái không có duyên, không đợi duyên mà có, cái đó mới không bị tan hoại, vậy nên nói

không có người làm bạn. Chứng Đạo Ca nói: *Thường độc hành, thường độc bộ*, nghĩa là người không bạn bè không sanh tử.

Tăng hỏi:

- Đại ý Phật pháp từ phương tiện gì chóng vào?

Sư đáp:

- Vào là phương tiện.

- Mây từ núi nào dậy, gió từ khe nào sanh?

- Tận lực lập bày chẳng rời Trung Tháp (chỉ chỗ Sư trụ).

Tăng hỏi: *Đại ý Phật pháp từ phương tiện gì chóng vào?* Ngài nói, nếu có thấy vào đó là phương tiện rồi. Tăng hỏi một câu có vẻ ở bên ngoài: *Mây từ núi nào dậy, gió từ khe nào sanh?* Ngài nói tất cả đều không rời chỗ của ngài ở.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Ta khoảng này do nhân duyên cơm cháo vì huynh đệ nêu xướng trọn là bất thường. Nếu muốn được chỗ tĩnh yếu thì núi sông đất liền vì các ông phát minh. Đạo ấy đã thường cũng là cứu cánh. Nếu từ cửa Văn-thù vào, tất cả cây cối đất cát ngói gạch giúp ông phát minh. Nếu từ cửa Quan Âm vào, tất cả tiếng vang ếch nhái ve dế giúp ông phát minh. Nếu từ cửa Phổ Hiền vào, chẳng giở chân bước mà đến. Ta dùng ba cửa phương tiện này chỉ bày các ông, như lấy một chiếc đĩa bếp khuấy nước biển cả,

khiến cá rồng kia biết nước là mạng sống. Hội chăng? Nếu không có con mắt trí mà xét kỹ đó, dù ông trăm ngàn thứ xảo diệu cũng chẳng phải là cứu cánh.

Ngài nói có ba phương tiện. Một là từ cửa Văn-thù vào, cái gì làm phương tiện? Tất cả cây cối, đất cát, ngói gạch giúp chúng ta phát minh. Hai là cửa Quan Âm, tất cả tiếng vang ếch nhái ve dế giúp cho chúng ta phát minh. Ba là từ cửa Phổ Hiền vào, chẳng giở chân bước mà đến.

Cửa Văn-thù là nơi mắt, cửa Quan Âm là nơi tai, cửa Phổ Hiền ở đâu? Nói chẳng giở chân mà đến là chỉ cho ý. Chúng ta thử ngồi đây mà nhớ lại quê hương của mình cách xa mấy trăm cây số, vừa nhớ liền đến không đợi bước chân đi. Trong nhà thiền có khi dùng cửa Văn-thù, có khi dùng cửa Quan Âm, có khi dùng cửa Phổ Hiền.

Đức Phật đưa lên cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, đó là cửa Văn-thù. Tổ sư sau này đưa phát tử hoặc đưa tay, đó là phương tiện từ cửa Văn-thù.

Trường hợp từ cửa Quan Âm, như A-nan hỏi ngài Ca-diếp: Ngoài chiếc y kim lan, Thế Tôn còn truyền cái gì cho sư huynh không? Ngài Ca-diếp gọi: A-nan! - Dạ! - Cây phướn trước chùa ngã. Đó là cửa nào? Về sau các Tổ sư dùng phương tiện này, như ngài Hoàng Bá với cư sĩ Bùi Hư. Bùi Hư hỏi: Hình tượng của cao tăng đây, mà cao tăng ở đâu? Ngài kêu: “Bùi Hư!” “Dạ!” Hỏi: “Ở đâu?” Bùi Hư liền biết. Đó là từ cửa Quan Âm.

Từ cửa Phổ Hiền, tổ Huệ Khả thưa với tổ Đạt-ma: “Tâm con bất an, xin Thầy dạy phương pháp an tâm!”

Tổ Đạt-ma bảo: “Đem tâm ra ta an cho.” Ngay đó Huệ Khả thưa: “Con tìm tâm không được.” Tổ Đạt-ma bảo: “Ta an tâm cho ngươi rồi.” Chư Tổ sư ứng dụng của phương tiện này, như Lục Tổ bảo: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?” Ngài Hoàng Bá đập cho ngài Lâm Tế ba gậy, Lâm Tế tới Đại Ngu hỏi có lỗi, không lỗi? Đại Ngu nói: “Hoàng Bá đã vì ông mà tốt khổ rồi, còn nói gì có lỗi, không lỗi!” Ngay đó liền thấy cửa Phổ Hiền.

Kinh điển nói các Bồ-tát Văn-thù, Quan Âm, Phổ Hiền là bên ngoài; nhưng với nhà thiền, Văn-thù là căn bản trí, ngay con mắt sáng của mình đó là Văn-thù, Quan Âm là hạnh từ bi ngay tánh nghe của mình, Phổ Hiền là hạnh nguyện lớn hay là sai biệt trí, ngay nơi ý thức của mình. Từ ba cửa đó mà vào không có cửa nào khác.

Ta dùng ba cửa phương tiện này để chỉ bày các ông, như lấy một chiếc đũa bếp khuấy nước biển cả, khiến cá rồng kia biết nước là mạng sống. Trong cuộc sống chúng ta vấn đề hệ trọng cấp bách nhất là không khí, thiếu không khí tất cả mọi loài sẽ chết. Nhưng rất ít người nhận biết điều này, cứ tưởng mình sống bình thường không cần gì chung quanh. Chỉ khi nào ngộp thở mới thấy có không khí lưu thông mình mới sống được.

Cũng vậy, hiện giờ chúng ta sống toàn thể không chỗ nào thiếu tâm nhưng lại quên tất cả, chỉ nhớ chút xíu suy nghĩ ở trên trán. Ngài dùng cửa Phổ Hiền, cửa Quan Âm, cửa Văn-thù để nhắc chúng ta nhớ toàn thân

đều có tánh biết, không phải chỉ chút xíu ở trên trán trên đầu. Vì thế nói như quây nước biển để cho cá rồng biết mạng sống nhờ nước. *Nếu không có con mắt trí xét kỹ thì dù cho trăm ngàn thứ xảo diệu cũng chẳng phải cứu cánh.* Nếu không nhận ra chỗ này, dù khôn ngoan đến đâu cũng không phải là cứu cánh.

Tăng hỏi:

- Con mới vào tùng lâm chẳng rõ việc mình, xin Thầy chỉ dạy?

Sư lấy gậy chỉ, hỏi:

- Hội chăng?

- Chẳng hội.

- Ta thế ấy là vì ông trở thành người co cúi, lại biết chăng? Nếu nằm trên phần của người hiện tại, việc từ xưa đến giờ chẳng nói mới vào tùng lâm, đến chư Phật thuở quá khứ cũng chưa từng thiếu sót. Như nước biển cả, tất cả cá rồng từ mới sanh đến già chết, thọ dụng nước thủy đều bình đẳng.

Tăng thưa: *Con mới vào tùng lâm chẳng rõ việc mình, xin Thầy chỉ dạy?* Ngài lấy gậy chỉ, hỏi *hội chăng?* Đó là cửa Văn-thù. Tăng nói con không hiểu, ngài nói: *Ta thế ấy là vì ông trở thành người co cúi*, tức là người chiều uốn mà ông không biết. Ngài giải thích: *Nếu nằm trên phần của mỗi người hiện tại, việc từ xưa đến giờ chẳng nói mới vào tùng lâm.* Người tu mười năm hai mươi năm thì nói là cựu trụ tùng lâm, người mới tu

một năm hai năm thì nói mới vào tùng lâm. Nhưng có một cái từ xưa tới nay vẫn vậy, không nói mới hay cũ, dầu chưa tu cũng có, từ Phật đến chúng sanh bình đẳng như nhau. Ví dụ nước biển, tất cả loài dù lớn như rồng, nhỏ như tôm tép cũng thọ dụng nước biển bình đẳng.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Các người! Nếu cần thương lượng, đến xương sọ tìm lấy tin tức đem lại cùng nhau thương lượng, trong ấy chẳng từng chiếu ánh sáng của người.

Tất cả chúng ta ai cũng sẵn đủ, không có gì chướng ngại, chướng ngại là chỗ tìm kiếm của mình, vừa khởi niệm suy tầm thì đã là chướng ngại. Thể trong sáng ấy vẫn sẵn có, không mất bao giờ.

Sư hỏi viện chủ Liễu:

- Tiên sư nói “Tột mười phương thế giới là thể người chân thật”, ông hiện thấy nhà tăng chăng?

Liễu đáp:

- Hòa thượng chớ để con mất sanh hoa.

Sư bảo:

- Tiên sư đã thiên hóa mà thịt vẫn còn ấm.

Dẫn lời ngài Huyền Sa nói: *Tột mười phương thế giới là thể người chân thật*, hỏi: *Hiện giờ ông thấy nhà tăng không?* Nếu nói thấy có nhà tăng ở ngoài mình thì con mất sanh hoa rồi, nên viện chủ Liễu đáp: *Hòa thượng chớ để con mất sanh hoa*. Ngài khen: *Tiên sư*

đã thiên hóa mà thịt vẫn còn ấm. Tức là Thầy đã tịch rồi mà hơi hám của Thầy vẫn còn ấm đến bây giờ.

Nhà Hậu Lương niên hiệu Càn Hóa năm thứ ba (913) nhằm năm Quý Dậu, ngày mười bảy tháng tám Sư không bệnh mà tịch.



HÒA THUỢNG BẠCH VÂN TỬ TƯỜNG ĐẠI SƯ THẬT TÁNH

**Ban đầu Sư trụ viện Từ Quang, Quảng chủ họ
Lưu thỉnh vào phủ thuyết pháp.**

Có vị tăng hỏi:

**- Hoa giác vừa nở gặp lúc trời sáng, chẳng
giấu tông phong xin Thầy phương tiện?**

Sư đáp:

- Vua ta có lệnh.

- Giáo ý Tổ ý là đồng hay khác?

- Chẳng khác.

- Thế ấy tức đồng?

- Chẳng ngại lãnh thoại.

**- Chư Phật chưa ra đời, khắp giáp đại thiên
một hội Bạch Vân là thế nào?**

- Gạt bao nhiêu người đến?
- Thế ấy thì bốn chúng nương vào đâu?
- Chớ giao thiệp.
- Tức tâm tức Phật là lời chỉ dạy, chẳng dính những lời trước chỉ dạy thế nào?
- Đông tây gác lại, nam bắc thế nào?
- Thế nào là gia phong Hòa thượng?
- Cầu đá bờ này có bên kia không, hội chăng?
- Chẳng hội.
- Hãy làm Đình Công ngâm.
- Y đến Lục Tổ tại sao chẳng truyền?
- Bể yên sóng lặng.
- Thế nào là một con đường Hòa thượng tiếp người?
- Đến triều liền hiến Sở vương xem.
- Tông thừa từ trước làm sao nêu cao?
- Ngày nay chưa uống trà.

Ngài là con cháu của Vân Môn, tông Vân Môn thường không cho chúng ta suy nghĩ, hỏi đáp chỉ một chữ. Thay vì hét hoặc đánh thì ngài dùng một chữ hoặc dùng một câu điếc lỗ tai không cho ý thức phân biệt.

Tăng hỏi: *Hoa giác vừa nở gặp lúc trời sáng, khi giác ngộ gặp lúc trời sáng, tức khắp nơi bừng sáng. Chẳng giấu tông phong xin Thầy phương tiện?* Xin Thầy

dùng phương tiện chỉ thẳng tông phong cho chúng con biết. Ngài đáp: *Vua ta có lệnh*. Tăng hỏi: *Giáo ý Tổ ý là đồng hay khác?* Ngài nói: *Chẳng khác*, Tăng nói nếu chẳng khác tức là đồng. Ngài nói, ông không hiểu lời của ta, *không lãnh thoại*.

Tăng hỏi thêm: *Chư Phật chưa ra đời, khắp khắp đại thiên một hội Bạch Vân là thế nào?* Bạch Vân là chỗ ngài ở, ý nói chỗ ngài ở là chỉ cho thể sẵn có, dù Phật ra đời hay không ra đời nó cũng sẵn, cái đó thế nào? Ngài nói: *Gạt bao nhiêu người đến?* Nếu ông muốn hỏi việc đó thì đã lừa người rồi, vì chỗ ấy không thể nói đến được. Tăng nói: *Thế ấy thì bốn chúng nương vào đâu?* Nếu không nói được thì làm sao? Ngài nói: *Chớ giao thiệp*. Nếu có nói ra cũng không dính dáng gì.

Những câu đáp của ngài, có câu chúng ta có thể mò mẫm được, nhưng có câu không thể suy gẫm. Như Tăng hỏi: *Tức tâm tức Phật là lời chỉ dạy, chẳng dính những lời trước chỉ dạy thế nào?* Ngài đáp: *Đông tây gác lại, nam bắc thế nào?* Câu này suy gẫm được không? Tăng hỏi: *Thế nào là gia phong của Hòa thượng?* Ngài đáp: *Cầu đá bờ này có bên kia không, hội chẳng?* Tức là cầu đá bên đây có sẵn rồi, bên kia không hiểu thì thôi không làm sao khác được. Tăng nói không hiểu, ngài bảo *hãy làm Đỉnh Công ngâm*, càng khó hiểu hơn. Tăng hỏi: *Y đến Lục Tổ tại sao chẳng truyền?* Ngài đáp: *Bể yên sóng lặng*.

Người xưa tiết kiệm lời nói, hỏi *y đến Lục Tổ tại sao chẳng truyền*, đó là tính cách lịch sử. Ngài nói

bể yên sóng lặng, rất dễ hiểu. Khi sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Hoa, gặp được tổ Huệ Khả, thầy trò khế hợp nhau, nên khi sắp tịch Tổ bảo ngài Huệ Khả: “Ta là người Ấn, ngươi là người Hoa, ngươi đã nhận được tâm tông, nếu có người hỏi thì lấy đâu làm bằng chứng? Cho nên y bát trao cho ngươi để làm biểu tín.” Biểu là nêu ra, tín là tin, y bát truyền để mọi người tin người này được tâm ấn nơi người kia. Y bát để làm chứng, không phải truyền y bát là được tâm ấn. Vì thời của ngài chưa có nhiều người tin hiểu Thiền. Đến thời Ngũ Tổ, dưới hội Ngũ Tổ đã có năm trăm tăng, đến Lục Tổ thì đệ tử rất đông. Trong hội của ngài, người nào ngộ thì ngài nói một câu làm chứng mọi người đều tin, không còn ai nghi ngờ nữa, nên nói *bể yên sóng lặng*, người ta hết nghi rồi không cần truyền y bát.

Hỏi: *Thế nào là một con đường Hòa thượng tiếp người?* Con đường của ngài tiếp người thế nào? Ngài đáp: *Đến triều liên hiến Sở vương xem.* Đây dẫn tích Biện Hòa tìm được ngọc bích, khi được rồi thì dâng cho ai? Chỉ dâng cho vua Sở. Ý nói vật quý chỉ dâng cho vua xem, sự truyền bá của ngài cũng vậy, người có duyên có căn cơ thì được thấy, không có phải ai cũng được.

Hỏi: *Tông thừa từ trước làm sao nêu cao?* Ngài nói: *Ngày nay chưa uống trà.* Chừng nào uống trà thì thấy.

Sư thượng đường:

- Các ông hội chẳng? Chỉ ở đầu đường cuối chợ, nơi người hàng thịt thái thịt, chỗ vạc dầu sôi trong địa ngục hội lấy. Nếu hội như thế mới kham

vì người làm thầy làm mẫu mực. Nếu nằm trong cửa nạp tăng thì cách xa trời đất. Lại có một nhóm người, chỉ một bề ngồi trên giường làm người tốt. Các ông nói hai hạng người này, người nào có sở trường? Vô sự trân trọng!

Nhà thiền chủ trương đạt ngộ trong những trường hợp rất cấp thiết như ở giữa chợ hay chỗ nguy hiểm, lúc gặp tai họa khủng khiếp... mới thật là đắc lực. Như trường hợp ngài Vân Môn bị khép cửa mạnh giập bàn chân, ngay đó ngộ liền nhớ đời đời. Nếu ngồi thiền yên lặng rồi tỉnh ra thì sức ngộ yếu hơn. Vì thế cái đắc lực là cái bất chợt trong hoàn cảnh không sắp đặt sẵn mà nhận được. Ngài nói, được như trên mới làm mẫu mực cho người.

Sư hỏi Tăng mới đến:

- Ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Ở Vân Môn đến.

- Trong ấy có bao nhiêu con trâu?

- Một con hai con.

- Con trâu tốt.

Con trâu không có buồn giận, nhưng nếu tôi nói mấy chú là trâu thì sao? Rất tức giận. Đây tại sao nói con trâu? Tranh Thập mục nguồ đồ nói về người tu thiền đi tìm lại con trâu của mình. Nên nói *Một con hai con* là chỉ cho người đang sống hướng về chính mình.

Trong nhà thiền nói trâu bò không phải là xấu, không phải là nhục. Nếu chấp trên ngôn ngữ nghe nói tiếng đó liền nổi giận đỏ mặt, rất sai lầm vậy.

Sư hỏi Tăng:

- Chẳng hoại giả danh mà bàn thật tướng là sao?

Tăng thưa:

- Cái ấy là ghế dựa.

Sư lấy tay vạch, nói:

- Dem giày đây đến.

Tăng không đáp được.



Sư sắp thị tịch, bạch chúng rằng:

- Tôi tuy đề cao Tổ ấn mà chưa tột trong ấy. Các nhân giả! Việc trong ấy là thế nào? Đâu phải chằng giữa, trong, ngoài của vô biên chằng? Hội giải như thế, tức đại địa như dây cát phẳng, đây tức là phương khác thấy nhau.

Nói xong, Sư thị tịch.

Tổ ấn chân thật không có trong, ngoài, giữa. Nếu còn thấy có trong ngoài giữa là không thấy được chỗ thật. Vì thế nói, hội giải như thế tức thấy đại địa là một dây cát phẳng bình đẳng không khác.



THIÊN SƯ TRỪNG VIỄN
ở viện HƯƠNG LÂM
(908 - 987)

**Ở Vân Môn, Sư làm thị giả mười tám năm.
Vân Môn mỗi khi tiếp Sư đều gọi:**

- Thị giả Viễn!

Sư ứng: - Dạ!

Vân Môn bảo: - Ấy là gì?

**Như thế đến mười tám năm Sư mới ngộ.
Vân Môn nói:**

- Nay ta mới không gọi người.

**Một hôm, Sư từ giả Vân Môn đi nơi khác.
Vân Môn bảo:**

- Một câu “Quang trùm vạn tượng” làm sao nói?

Sư suy nghĩ.

Vân Môn buộc phải ở lại ba năm nữa.

Thiền sư Trùng Viễn ở viện Hương Lâm, đệ tử ngài Vân Môn. Ngài làm thị giả suốt mười tám năm, mỗi khi gặp ngài Vân Môn đều gọi: *Thị giả Viễn*. Ngài dạ như vậy mười tám năm mới ngộ.

Đó là từ cửa Quan Âm, nếu biết một chỗ thì mấy chỗ khác đều biết, không còn lạ nữa.

Hỏi một câu, vừa suy nghĩ bị phạt ở lại ba năm. Nếu như chú nào muốn đi đâu, tôi hỏi một câu mà trả lời không xong thì phạt năm năm, phải không? Như vậy là thấy chưa xong, đi đến đâu cũng không có lợi cho ai.

Ban đầu Sư đến trụ tại viện Thiên Vương trong chùa Nghinh Tường huyện Đạo Giang, Tây Xuyên.

Có vị tăng hỏi:

- Vị ngon đề hồ vì sao biến thành độc dược?

Sư đáp:

- Giấy Đạo Giang.

- Khi thấy sắc là thấy tâm thì sao?

- Vừa rồi ở đâu đi đến?

- Khi tâm cảnh đều quên thì thế nào?

- Mở mắt ngồi ngủ.

Lối đáp của ngài Trùng Viễn gần với ngài Vân Môn, lấy cảnh đó đáp ngay đó, không cho suy gẫm. Hỏi: *Vị ngon đề hồ vì sao biến thành độc dược?* Ngài đáp: *Giấy Đạo Giang*, vì ngài ở Đạo Giang, nói giấy Đạo Giang thì chịu, gẫm sao cho ra? *Khi thấy sắc là thấy tâm thì sao?*

Ngài hỏi: *Vừa rồi ở đâu đi đến? Nghĩ được không? Tâm cảnh đều quên thì thế nào?* Ngài nói: *Mở mắt ngồi ngủ.* Thường nói tâm cảnh đều quên là đến chỗ ngã pháp đều mất. Ngài nói *mở mắt ngồi ngủ*, vì ngồi mà không nhớ tâm không nhớ cảnh thì tuy mở mắt cũng như ngủ. Ngài chỉ lấy cảnh hiện tại mà đáp, không cho chúng ta suy gẫm.

Sau, Sư dời về ở viện Hương Lâm, Thanh Thành, Ích Châu.

Tăng hỏi:

- Trong Bắc đẩu ẩn thân, ý thế nào?

Sư đáp:

- Trăng giống cung loan, mưa ít gió nhiều.

- Thế nào là tâm chư Phật?

- Trong tức trước sau trong.

- Làm thế nào lãnh hội?

- Chớ bị người lừa.

- Thế nào là ý Tổ sư Tây lai?

- Giẫm bước là ai?

Tăng hỏi:

- Thế nào là diệu dụng của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Chẳng lìa các vị.

- Người ăn thì sao?

- Cẩn ăn xem.

Ngài Vân Môn thường nói: *Bắc đầu tàng thân*, nên Tăng hỏi: *Trong Bắc đầu ẩn thân, ý thế nào?* Ngài đáp: *Trăng giống cung loan, mưa ít gió nhiều*, đáp theo phương ngữ của thế gian. Hỏi: *Thế nào là tâm chư Phật?* Ngài đáp: *Trong tức trước sau trong*. Nghĩa là tâm chư Phật trước sau đều trong.

Hỏi: *Thế nào là diệu dược của Hòa thượng?* Đáp: *Chẳng lìa các vị*. Vị nào cũng là diệu dược. Khi chúng ta mê thì vị nào cũng là độc dược, chúng ta tỉnh thì vị nào cũng là diệu dược. Ngài Văn-thù sai đồng tử đi hái thuốc, bảo thuốc nào thật quý gọi là diệu dược thì đem về. Đồng tử đi khắp núi trở về nói thuốc nào cũng là diệu dược. Ngài lại bảo tìm thứ nào độc dược đem về, đồng tử đi khắp núi trở về nói thứ nào cũng là độc dược. Như vậy, diệu dược hay độc dược tùy cái nhìn của chúng ta, nếu khi mê thì nó là độc dược, khi giác thì nó là diệu dược, không có gì khác. Vì thế ngài đáp *chẳng lìa các vị*.

Tăng hỏi: *Người ăn thì sao?* Nếu là diệu dược thì khi ăn nó ra sao? Ngài bảo: *Cẩn ăn xem*. Như có người tặng cho mình một phong bánh, cầm trong tay mà hỏi “Bánh này ngon không?”, người đó phải nói sao? Ăn rồi biết chứ hỏi chi nữa. Đã cầm bánh trong tay rồi thì cứ ăn là biết, lời nói làm sao diễn tả hết được. Cũng vậy, đạo lý chân thật khi nào tiến được vào trong rồi mới hiểu rõ biết rõ, dùng ngôn ngữ diễn tả không tới.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là một mạch suốt Hương Lâm?

Sư đáp:

- **Niệm không gián đoạn.**
- **Người uống thế nào?**
- **Cân lường tùy phương.**
- **Thế nào là chánh nhãn của nạp tăng?**
- **Chẳng phân biệt.**
- **Việc chiếu dụng thế nào?**
- **Người đi đường trật chân.**

Tăng hỏi: *Thế nào là một mạch suối Hương Lâm?* Hương Lâm là một ngọn núi, trong đó có dòng suối, Tăng hỏi thế nào là mạch suối Hương Lâm. Ngài đáp: *Niệm không gián đoạn*, dòng suối chảy liên tục không dừng nên nói niệm không gián đoạn. Hỏi: *Người uống thế nào?* Ngài đáp: *Cân lường tùy phương*, người uống tùy khát nhiều khát ít, khát nhiều thì uống nhiều, khát ít thì uống ít, tùy theo người chứ không cố định.

Hỏi: *Thế nào là chánh nhãn của nạp tăng?* Hỏi con mắt chánh của thiền sư. Ngài nói: *Chẳng phân biệt*. Hỏi: *Việc chiếu dụng thế nào?* Chánh nhãn là chỉ cho thế, chiếu dụng là dụng. Ngài nói: *Người đi đường trật chân*. Khi đi đường chột trật chân mà muốn khỏi té thì phải sao? Nó vừa trượt mình gượng dậy thì khỏi té. Chiếu dụng cũng tùy trường hợp, gặp trường hợp thế nào thì ứng dụng thế ấy cho kịp thời.

Sư sắp thị tịch đến từ biệt tri phủ Tống Đang, nói:

- **Lão tăng đi hành khước.**

Thông phán nói:

- Ông tăng điền này tám mươi tuổi hành khước đi đâu?

Tổng công thưa:

- Đại thiện tri thức đi ở tự do.

Trở về, Sư bảo chúng:

- Lão tăng bốn chục năm mới nhồi thành một khối.

Nói xong, Sư thị tịch.

Lời nói của ngài có vẻ kỳ quái. Ngài sắp tịch đến từ già Tri phủ, nói rằng ngài đi hành khước. Viên thông phán có mặt ở đó, ngạc nhiên hỏi: Ngài đã tám mươi tuổi rồi, hành khước thế nào được? Tri phủ Tổng Đang thưa: *Đại thiện tri thức đi ở tự do.*

Trở về, ngài bảo chúng: *Lão tăng bốn chục năm mới đập thành một mảnh.* Nói xong, ngài thị tịch.

Gương người xưa tu dễ hay khó? Mười tám năm mới được vào cửa, bốn chục năm mới thành một mảnh, không đơn giản. Chúng ta tu mới một năm hai năm mà than sao còn vọng tưởng; cửa vào chưa tiến được hướng nữa là hết vọng tưởng. Như vậy, việc tu hành phải nghiền ngẫm sâu dày rồi tự chín muồi mới được.



THIÊN SƯ TÔNG HUỆ THỦ SỞ Ở ĐỘNG SƠN

(? - 990)

Ban đầu Sư đến tham vấn Vân Môn.

Vân Môn hỏi:

- Vừa rời ở đâu?

Sư thưa:

- Tra Độ.

Vân Môn hỏi:

- Mùa hạ rồi ở đâu?

Sư thưa:

- Ở chùa Báo Từ tại Hồ Nam.

Vân Môn hỏi:

- Rời nơi ấy lúc nào?

Sư thưa:

- Ngày hăm lăm tháng tám.

Vân Môn bảo:

- Tha người ba gậy.

Hôm sau, Sư đến thưa:

- Hôm qua nhờ ơn Hòa thượng tha ba gậy, con không biết lỗi tại chỗ nào?

Vân Môn bảo:

- Cái túi cơm! Giang Tây Hồ Nam cứ thế đi.

Ngay câu nói này, Sư đại ngộ, bèn nói:

- Về sau nhằm chỗ không có người ở, chẳng chứa một hạt gạo, chẳng trồng một cọng rau, tiếp đãi mười phương chúng tăng qua lại, trọn vì họ nhổ đinh tháo chốt, gỡ bỏ cái khăn thịt mỡ, cởi cái áo xương thối, dạy họ thên thang phóng khoáng làm nạp tăng vô sự, đâu chẳng thích ư?

Vân Môn bảo:

- Cái túi cơm! Thân người bằng cây liễu mà mở miệng to như thế.

Sư liền lễ bái.

Đoạn này làm chúng ta ngạc nhiên. Như bây giờ có chú nào ở dưới Vĩnh Long lên, tôi hỏi chú vừa rời ở đâu, nói ở Vĩnh Long. Hỏi chùa nào, nói chùa Sơn Thắng. Hỏi lên hồi nào, nói lên ngày hôm qua. Tôi nói tha chú ba gậy. Có hoang mang không? Khi ngài Thủ Sơ hỏi

lỗi chỗ nào thì ngài Vân Môn nói: *Cái túi com! Giang Tây Hồ Nam cứ thế đi.* Giang Tây chỉ cho Mã Tổ, Hồ Nam chỉ cho Thạch Đầu. Chúng ta cứ nghĩ phải tìm đạo ở đâu xa, nhưng không ngờ khi mở miệng nói thì đã có trong đó rồi. Như ngài Huệ Hải đến tham vấn Mã Tổ, Mã Tổ bảo kho báu nhà mình không đoái hoài. Huệ Hải hỏi: Cái gì là kho báu của Huệ Hải? Mã Tổ bảo, cái người hỏi ta đó. Đây thì ngài Vân Môn nhắc chỗ người đáp ta đó. Mã Tổ hay Thạch Đầu cũng chỉ như thế.

Sau khi ngộ, ngài nói thật mạnh mẽ, *Về sau nhằm chỗ không có người ở, chẳng chứa một hạt gạo, chẳng trồng một cọng rau, tiếp đãi mười phương chúng tăng qua lại.* Không có gạo không có rau mà tiếp ai? *Nhổ đỉnh tháo chốt trọn vì họ.* Thuật của các vị tôn túc khi xưa giáo hóa là cốt nhổ đỉnh tháo chốt, tức là phá vỡ những kiến chấp của chúng ta. Nó đang dính khăn thì gỡ tháo giùm, không thêm gì. Tu là gỡ bỏ, đừng cho sắc dính mắt sợ bị làm mù, đừng cho thanh dính tai sợ bị làm điếc... *Gỡ bỏ khăn thật mỡ, cởi cái áo xương thối, dạy họ thên thang phóng khoáng làm nạp tăng vô sự, đâu chẳng thích ư?* Làm thiền sư vô sự thên thang phóng khoáng thích biết bao nhiêu, lo giữ khăn thật mỡ, áo xương thối làm gì? Chỉ vì quý thân thật mỡ tiếc áo xương thối, tâm bị cột trong hai thứ đó không được thên thang phóng khoáng. Gỡ bỏ để tâm thên thang phóng khoáng, chừng đó mới là thích.

Nghe nói như vậy ngài Vân Môn bảo: *Cái túi com! Thân người bằng cây liễu mà mở miệng to như thế. Ý nói thân gầy như cây liễu mà nói to vậy. Đó là ngằm*

ấn chứng, nên ngài liền lễ bái. Nói *cái túi cơm* là lối mắng khéo, nên khéo nhận cái chân thật, đừng mắc kẹt trong thân giá áo túi cơm này cho là thật.

Sau khi Sư làm trụ trì dạy chúng:

- Trong lời nói có lời nói là câu chết (tử cú), trong lời nói không lời nói gọi là câu sống (hoạt cú). Chư thiên đức! Thế nào là câu sống? Đến đây thật khó có người được, nếu được thì chẳng động một hạt bụi, chẳng vạch một cảnh, thấy việc liền đáp thoại. Trưởng lão để chân xuống chẳng được đông tây nam bắc, chớ biết nhiều ít, chỉ cần được bước đi rời khỏi nước bùn, làm con mắt người sống, khen ngợi tông phong, kích dương đại sự. Chẳng nói toàn không, tiếc là quá ít.

Chỉ do chưa đạt nguồn kia, rơi trong cảnh giới ma thứ tám, biết được cái chẳng tên chẳng vật, không thị không phi. Mỗi mỗi vật vật thấy đều đầy đủ, nói ta được chỗ đất an lạc lại chẳng mong cầu gì khác. Phàm có người đến thưa hỏi, liền gõ giường thiền, dựng phát tử, lại chẳng tiếc liền lập bày, liền hành liền dụng, nhằm trong hầm nước nhơ trời lên hụp xuống, đùa giỡn với con khỉ không đuôi. Cho đến đêm ba mươi tháng chạp, thân thì tan rã, con khỉ lại chạy mất, tay chân quờ quạng, không thành tựu được một cái gì, hối hận làm sao kịp? Nếu thật là nạt tăng dù gặp phải cái lạnh chết người, cái đói chết người, trợn chẳng mặc chiếc áo xương thối của kẻ khác.

Ngài dạy chúng ta biết, các vị thiện tri thức nói ra câu nào còn có ý suy gẫm được thì gọi là tử cú, câu chết, câu nói nào không có thể suy gẫm được gọi là hoạt cú, câu sống. Như ngài Trường Khánh hỏi ngài Linh Vân “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?”, ngài Linh Vân đáp “Việc lừa chưa đi, việc ngựa lại đến”. Đó là câu sống, cũng như ngài Vân Môn hay đáp một chữ Đốt, Giám, Di...

Nếu có người thật được thì không cần động một hạt bụi hay một cảnh, đều có thể chỉ bày ra. Nếu thật sự là thiện tri thức đến nơi đến chốn thì không mắc kẹt phương hướng đông tây nam bắc, không mắc kẹt nhiều ít, *cần phải bước đi rời khỏi nước bùn*, đi không dính bùn dính nước. Như ngài Trường Sa khen ngài Tuyết Phong *gót chân không dính đất*.

Chỉ do chưa đạt nguồn kia, rơi trong cảnh giới ma thứ tám, biết được cái chẳng tên chẳng vật, không thị không phi. Cảnh giới ma thứ tám là cảnh giới nào? Đây có hai trường hợp: Một là theo kinh Lăng-nghiêm đến chỗ phá thức ấm. Hai là theo mười mục chần trâu đến mục thứ tám quên cảnh quên người nhưng chưa thấy được ông chủ hay chưa nhập Phật giới, nên còn bị trời hụp trong hầm nước nhơ. *Đùa giỡn với con khỉ không đuôi*, tức là vẫn còn dùng ý thức để chỉ dạy. Cho đến đêm ba mươi tháng chạp, thân thì tan rã con khỉ lại chạy mất, tay chân quờ quạng, đêm ba mươi là cuối năm hay là cuối đời, lúc đó ý thức tan hoang, thân mình không làm chủ được, chừng đó hối hận không kịp.

Nếu thật là nạp tăng dù gặp phải cái lạnh chết người, cái đói chết người trọn chẳng mặc chiếc áo xươg thối của kẻ khác, dù gặp cảnh khổ mấy khó mấy cũng không lệ thuộc vào ai, cũng vẫn làm chủ được.

Sư dạy chúng:

- Lời không dính việc, nói chẳng hợp cơ, nường lời thì mất, kẹt câu là mê. Nơi đây trong bốn câu nói thấy được rõ ràng. Làm một nạp tăng khoáng đạt, nhân một cây đòn tay một miếng ngói, một bữa cháo bữa cơm cũng có thể vì người làm thiện tri thức. Nơi đây nếu chẳng rõ sẽ trở thành kẻ thô lỗ.

Chúng ta làm sao nói ra không dính việc, lời nào cũng hợp với căn cơ, đừng kẹt đừng mê, được như vậy thì dùng bất cứ phương tiện gì cũng có thể làm lợi ích cho người. Nếu chưa được như vậy thì cái gì cũng trở thành thô lỗ.

Sư lại dạy:

- Người nêu cao tông thừa xiển dương đại giáo, phải được con mắt pháp sáng suốt, mới hay soi xét duyên thiết yếu của tăng và tục, chân vọng một nguồn, nước sữa chung ly, đến đây thật khó phân. Động Sơn (chỉ Sư) tầm thường dùng con mắt trong tâm xét tướng ngoài thân, xem đó lại xem, mới biện được chân ngụy. Nếu chẳng như thế làm sao gọi là thiện tri thức? Phàm thiện tri thức, đuổi trâu người cày đoạt cơm kẻ đói mới gọi là thiện tri thức. Thiên hạ hiện nay người nào là chân thiện tri thức? Chư thiền đức! Đã tham vấn bao nhiêu vị thiện

tri thức rồi đến đây? Không nên thông thả, cần phải tham cho triệt xem cho thấu đến chỗ ngàn thánh còn không thể chứng minh, mới bày hiện được kẻ đại trượng phu.

Đâu không thấy ông già Thích-ca khi sao mai mọc lên liền hoát nhiên đại ngộ, cùng toàn thể chúng sanh trên thế giới đồng thời thành Phật không có mé trước sau, đâu không sướng thích sao? Tuy nhiên như thế, nếu gặp nập tăng mắt sáng cũng nên đánh ngay xương sống.

Người tu đến chỗ cao siêu cùng tột, mở sáng con mắt pháp biết được người, làm lợi ích chúng sanh. Như đức Phật Thích-ca ngồi dưới cội Bồ-đề, khi sao mai mọc liền ngộ đạo, lúc đó thấy Phật và chúng sanh đều đồng giác ngộ. Vì thấy tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nên nói *Phật chúng sanh đồng thời thành Phật, không có mé trước mé sau*. Chừng đó mới thật thích thú. Nếu chưa thấu triệt như thế thì chưa được. Tuy vậy nếu gặp thiền sư mắt sáng, thấy có một hình tướng nào cũng phải đánh dẹp, vì còn thấy có thành đạo cũng là còn có chỗ để dẹp.

Có vị tăng hỏi:

- Khi một con đường xa xôi thì thế nào?

Sư đáp:

- Trời trong chẳng chịu đi, đợi đến mưa ướt đầu.

- Khi tâm chưa sanh, pháp ở chỗ nào?

- Gió thổi lá sen động, quyết định có cá lội.

Con đường xa xôi là chỉ cho con đường chân thật của mình rất xa xôi, làm sao đi được? Ngài nói *trời trong chẳng chịu đi*, nghĩa là con đường đó vốn sẵn vậy lại không chịu đi, còn đợi hởi thì chẳng khác nào *đợi mưa ướm đầu*.

Tăng hỏi *Khi tâm chưa sanh pháp ở chỗ nào?* Kinh nói tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt, như vậy khi tâm chưa sanh thì pháp ở đâu? Ngài đáp: *Gió thổi lá sen động, quyết định có cá lội*. Lá sen tự nó không khua động, phải đợi có gió. Lá sen ví dụ cho pháp, gió ví dụ cho tâm, có tâm mới có pháp. Quyết định có cá lội là sao? Như các hồ ao sông ngòi có cặm chà cao, khi gió thổi cây chà rung rinh, cá núp dưới mấy cây chà hoảng sợ lội đi. Hai hình ảnh, hình ảnh thứ nhất là có gió thổi thì lá sen mới động, hình ảnh thứ hai là cây chà rung rinh thì cá lội, hai cái không rời nhau, cái này có thì cái kia có. Ý nói tâm và pháp không rời, nếu tâm chưa sanh thì pháp không có mặt.

Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Đâu chẳng phải mới đến ư?

Tăng thưa: - Phải.

Sư bảo:

- Đêm đến tìm chỗ nghỉ, sáng nay việc thế nào?

Tăng thưa:

- Sáng nay gió thổi mạnh, đi trên lưng núi xanh.

Sư bảo:

- Chưa phải, nói lại đi.

Tăng thưa:

- Trân trọng.

Sư liền đánh.

Ngài hỏi Tăng: *Đâu chẳng phải mới đến?* Tăng đáp: *Phải.* Ngài bảo: *Đêm đến tìm chỗ nghỉ, sáng nay việc thế nào?* Hỏi việc sáng là việc ông đã giác ngộ. Tăng liền đáp: *Sáng nay gió thổi mạnh, đi trên lưng núi xanh.* Trả lời rất mạnh, gió thổi mặc gió, tôi đi trên núi chẳng sao. Ngài bảo: *Chưa phải, nói lại đi,* Tăng nói *trân trọng*, tức là kính chào. Ngài liền đánh.

Tăng hỏi:

- Trong mười hai giờ đi đứng ngồi nằm, khi tự tỉnh giác thì thế nào?

Sư đáp:

- Xem người ăn cơm.

- Đâu khỏi bóng cây chẳng chênh sao?

- Lời thân ra từ miệng thân.

Tăng hỏi, trong mười hai giờ, khi đi đứng ngồi nằm luôn tự tỉnh giác thì thế nào? Nghĩa là giờ nào cũng tỉnh giác thì sao? Ngài bảo: *Xem người ăn cơm*, nếu hằng tỉnh giác thì khi ăn cơm khi mặc áo cũng phải tỉnh giác. Tăng hỏi: *Đâu khỏi bóng cây chẳng chênh sao?* Ngài đáp: *Lời thân ra từ miệng thân*, lời thân thiết phát ra từ miệng thân thiết, lời không khác với miệng. Lời chỉ cho dụng, miệng chỉ cho thể, hai cái không tách rời nhau được.

Tăng hỏi:

- Đại chúng đã nhóm họp, thỉnh Thầy tóm yếu điểm và nêu đại cương?

Sư đáp:

- Trên nước hòn bọt bầy năm sắc, đáy biển cá tôm nói trắng trong.

Trên nước hòn bọt bầy năm sắc, đáy biển cá tôm nói trắng trong, đó là yếu điểm, là đại cương của đạo lý. Ở mặt biển khi sóng dồn thành bọt, mặt trời lên cao, nhìn hòn bọt thấy có ánh năm sắc, loài cá tôm tưởng đó là mặt trắng trong, đeo bám theo. Cũng vậy, thân năm uẩn giả tạm của chúng ta chỉ là cái bóng của thể chân thật, nương vào đó phát ra hiểu biết. Chúng ta chấp vào sự hiểu biết trong thân năm ấm cho là thật, như cá lầm hòn bọt là mặt trắng.

Yếu điểm là ngài muốn nhắc chúng ta đừng lầm chấp thân tâm giả tạm cho là thật.

Sư có làm bài tụng Con Chó Theo Trâu:

Gia hữu nhất cầu nhi

Ngãi tiểu nhân nan kiến

Chung nhật tùy ngư khứ

Vị tỉnh sử nhân hoán.

Kiến khách bất tác thanh

Kiến nhân thiên năng thiện

Nghi nghị thượng môn lai

Tảo thị thâm tha tiện.

***Hảo hảo báo thiền sư
Tu trước tinh thần khán
Nhậm nhữ linh lợi nhân
Bất giác vi tử hán.***

Dịch:

**Nhà có một con chó
Nhỏ xiu người khó thấy
Trộn ngày đi theo trâu
Chưa tỉnh khiến người gọi.
Thấy khách chẳng biết sủa
Thấy người riêng hay giỏi
Toan tính trên cửa vào
Sớm đã lấy đồ người.
Khéo léo bảo thiền sư
Cần để tinh thần xét
Dù ông người khôn lanh
Chẳng biết thành kẻ chết.**

Con chó theo trâu, ý muốn nói gì? Ý chỉ người tu thiền tìm trâu là tìm cái chân thật, con chó là chỉ cho tâm lăng xăng lộn xộn, chỗ khác gọi là khỉ vượn.

Con chó không rời con trâu, mà nó rất lăng xăng. *Trộn ngày đi theo trâu, chưa tỉnh khiến người gọi*, con chó theo trâu mà không tỉnh biết nên mình phải gọi chừng nó. Gọi chừng như thế nào? Ông chủ! Tỉnh tỉnh đừng bị người lừa.

Thấy khách chẳng biết sửa, thấy người riêng hay giỏi, thấy khách thì không sửa, mà thấy người thì lảng xảng, tại sao? Khách là bóng dáng của sáu trần, lúc đó tâm khỉ vượn ưa chạy theo, nên nói không sửa, vì thấy cái nó ưa. Người bắt nó trở về cái thật thì nó không chịu, muốn phá phách. Toan tính trên cửa vào, sớm đã lấy đồ người, nó làm cho bại hoại đồ đạc của người.

Khéo khéo bảo thiền sư, cần để tinh thần xét, nếu là thiền sư thì phải đem hết tinh thần mà xem xét nó. Dù ông người khôn lanh, chẳng biết thành kẻ chết, dù ông rất khôn lanh mà không biết con chó này để giữ nó thì cũng như kẻ chết rồi.

Nhà Tống niên hiệu Thuần Hóa năm đầu (990) tháng bảy, Sư không bệnh ngồi kiết già thị tịch.



ĐỜI THỨ CHÍN SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ NĂM

**Nối pháp thiền sư Trí Tịnh
có hai vị**

- 1- Thiền sư Tri Nghiễm ở Cốc Ẩn**
- 2- Thiền sư Pháp Hiển ở Phổ Ninh.**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ NĂM

**Nối pháp thiền sư Diên Chiếu Phong Huyệt
có bốn vị**

- 1- Thiền sư Tĩnh Niệm ở Thủ Sơn**
- 2- Thiền sư Quảng Huệ Chơn...**

III- TÔNG QUY NGŨƠNG ĐỜI THỨ SÁU

IV- NỐI PHÁP ĐỨC SƠN ĐỜI THỨ TƯ

**Nối pháp thiền sư Quế Sâm
có bảy vị**

- 1- Thiền sư Văn Ích hiệu Tịnh Huệ ở Thanh Lương
Khai Tổ tông Pháp Nhãn**
- 2- Thiền sư Hư Phục Ngộ Không ở Thanh Lương**
- 3- Thiền sư Thiệu Tu ở Long Tế...**

V- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ BA

- 1- Thiền sư Quang Tộ ở chùa Trí Môn**
- 2- Thiền sư Sư Giới ở núi Ngũ Tổ**
- 3- Am chủ Tường ở Liên Hoa Phong...**



THIÊN SƯ TRI NGHIỆM Ở CỐC ẨN

**Sư quê ở Đằng Châu, xuất gia tu học tại
Thước Sơn bản châu. Sau, Sư đặc pháp nơi thiên sư
Trí Tịnh trụ trì Cốc Ẩn, Sư kế tiếp trụ trì Cốc Ẩn đời
thứ hai, học chúng ngưỡng mộ tìm đến khá đông.**

**Thiên sư Tri Nghiễm ở Cốc Ẩn, đời thứ chín sau
Lục Tổ, thuộc về tông Tào Động.**

Có vị tăng hỏi:

**- Thầy xưng gia khúc tông phong nào? Nối
pháp ai?**

Sư đáp:

- Mây trắng nam, tán cái bắc.

- Thế nào việc Ca-diếp thân nghe?

- Phải chóng làm xong.

- Thế nào chỗ chư Phật chiếu chẳng đến?

- **Hỏi hang quỷ núi này làm gì?**
- **Sau khi chiếu đến thế nào?**
- **Chao! Tinh quái!**
- **Ngàn non muôn nước làm sao bước đi?**
- **Giở chân liền ngàn dặm muôn dặm.**
- **Khi chẳng giở chân thì thế nào?**
- **Cũng ngàn dặm muôn dặm.**

Tăng hỏi: *Thầy xưng gia khúc tông phong nào? Nói pháp ai?* Ngài đáp: *Mây trắng nam, tán cái bắc.* Tán là cái tán, cái là bảo cái, ở phía bắc. Câu đáp này là câu sống, không cho suy nghĩ.

Hỏi: *Thế nào việc Ca-diếp thân nghe?* Ngài đáp: *Phải chóng làm xong.* Chỗ ngài Ca-diếp thân nghe thì ông phải gắng làm cho xong đi.

Hỏi: *Thế nào chỗ chư Phật chiếu chẳng đến?* Ngài nói: *Hỏi hang quỷ núi này làm gì?* Nếu chỗ ánh sáng Phật chiếu không đến thì tối mò, là hang quỷ, không phải chỗ Phật đến.

Hỏi: *Sau khi chiếu đến thế nào?* Nói: *Chao! Tinh quái!* Nó đã là hang quỷ rồi.

Tăng hỏi: *Ngàn non muôn nước làm sao bước đi?* Xem bước đi khó khăn như ngàn non muôn nước. Ngài nói: *Giở chân liền ngàn dặm muôn dặm.* Thấy vừa giở chân liền xa ngàn dặm muôn dặm. Như ngài Động Sơn nói: Đầu thu cuối hạ, các huynh đệ có ra đi, nên đi đến

chỗ muôn dặm không có một tác cở. Ngài Thạch Sương trả lời: Ra khỏi cửa liền là cở. Đây cũng vậy, giở chân liền xa ngàn dặm muôn dặm.

Tăng liền hỏi: *Khi chẳng giở chân thì thế nào?* Ngài nói: *Cũng ngàn dặm muôn dặm.* Còn thấy có giở chân và không giở chân đều thuộc ngàn dặm muôn dặm.



THIÊN SƯ PHÁP HIỂN

ở viện PHỔ NINH

Có vị tăng hỏi:

- Nhiều kiếp chung ở vì sao chẳng biết thân sơ?

Sư đáp: - Ai?

- Lại đợi con nói.

- Tưởng rằng chẳng lãnh thoại.

- Ngàn nước muôn non làm sao bước đi?

**- Trời trong đường không cách, kẻ đến nhíp
chẳng lằm.**

Tăng hỏi: *Nhiều kiếp chung ở vì sao chẳng biết thân sơ?* Đã ở chung với cái đó rất lâu đời tại sao không biết cái nào thân cái nào sơ? Ngài hỏi: *Ai không biết?* Tăng nói: *Lại đợi con nói.* Ngài nói: *Tưởng rằng chẳng lãnh thoại.* Tăng hỏi: *Ngàn nước muôn non làm sao bước đi?* Ngài đáp khác thiên sư Tri Nghiêm: *Trời trong đường*

không cách, kẻ đến nhịp chẳng lầm. Nếu trời trong thì con đường không có gì cách trở vì mình thấy rõ, nếu kẻ đến được, mỗi bước đều là nhịp đúng không sai.

Tóm lại câu hỏi *Ngàn nước muôn non làm sao bước đi* nghĩa là trên con đường xa xôi khó khăn hiểm trở, làm sao đi được. Ngài nói nếu thấy được thì đi được không sai, còn chưa thấy thì sai. Cũng vậy, chúng ta thường nghĩ rằng từ chúng sanh tu đến thành Phật rất lâu xa, cách ngàn non muôn núi, nhưng với người thấy được đạo thì mỗi bước mỗi bước đều đúng, người không thấy đạo thì dầu có tu vẫn sai lầm.



THIÊN SƯ TỈNH NIỆM ở THỦ SƠN - NHỮ CHÂU

(926 - 993)

Sư họ Dịch quê ở Lai Châu, xuất gia tại chùa Nam Thiên quận nhà. Vừa thọ xong giới Cụ túc, Sư dạo khắp các thiền hội, thường thâm tụng kinh Pháp Hoa, nên được hiệu là Niệm Pháp Hoa.

Sau, Sư đến trong hội Phong Huyệt sung chức tri khách. Một hôm Sư đứng hầu, Phong Huyệt rơi nước mắt nói với Sư:

- Bất hạnh! Đạo Lâm Tế đến ta sắp chìm lặn vậy.

Sư thưa:

- Xem trong một chúng này đâu không có người kế thừa Hòa thượng?

Phong Huyệt bảo:

- Người thông minh thì nhiều, kẻ thấy tánh rất ít.

Sư thưa:

- Như con, Hòa thượng xem thế nào?

Phong Huyệ**t** bảo:

- Ta tuy trông mong ở người đã lâu, vẫn e ngại đả**m** mền kinh này không thể buông rời.

Sư thưa:

- Đây là việc nhỏ, mong nghe yếu chỉ.

Phong Huyệ**t** thượng đường, nhắc lại việc Thế Tôn dùng con mắt như hoa sen xanh nhìn xem đại chúng, bèn hỏi:

- Chính khi ấy hãy bảo nói cái gì? Nếu bảo chẳng nói mà nói, lại là chôn vùi thánh trước. Hãy bảo nói cái gì?

Sư bèn phát tay áo đi ra. Phong Huyệ**t** ném cây gậy trở về phương trượng. Thị giả chạy theo sau thưa:

- Niệ**m** Pháp Hoa nhân sao chẳng đáp lời Hòa thượng?

Phong Huyệ**t** nói:

- Niệ**m** Pháp Hoa đã hội.

Đoạn này chúng ta thấy có những ý đặc biệt. Đầu tiên, ngài Tỉnh Niệ**m** khi chưa ngộ lý thiền thì lấy trì kinh

làm sự thúc liễm, đi đứng nằm ngồi luôn luôn trì niệm thuộc lòng kinh Pháp Hoa. Nhờ sự trì niệm đó mà tâm ngài dễ được an định.

Khi đến chỗ ngài Phong Huyệt, một hôm ngài đứng hầu, ngài Phong Huyệt rơi nước mắt nói: *Bất hạnh! Đạo Lâm Tế đến ta sắp chìm lặn vậy.* Tại sao ngài Phong Huyệt không đợi thượng đường giữa chúng rồi than thở để nhiều người động lòng? Đây chỉ nói riêng một người, vì ngài thấy ở ngài Niệm Pháp Hoa có cái gì đáng tin cậy, nhưng còn một việc chưa dám buông nên buồn khóc để Tĩnh Niệm tự xúc động, rồi chỉ chỗ buông. Đó là cái khóc có ý nghĩa.

Ngài Tĩnh Niệm thưa: *Xem trong một chúng này đâu không có người kế thừa Hòa thượng?* Ngài Phong Huyệt bảo: *Người thông minh thì nhiều, kẻ thấy tánh rất ít.* Thấy tánh khác với thông hiểu. Người thông minh nghe nói liền hiểu thì đông, nhưng người thấy tánh tức là sống được với cái thật thì ít. Có trường hợp nghe rồi nhận ra mình có cái đó cũng gọi là thấy tánh, nhưng thấy mờ mờ. Phải thấy rõ ràng, sống luôn luôn được thì mới thật. Ngài Phong Huyệt muốn nói người thấy tánh thật sự rất ít. Niệm Pháp Hoa thưa rằng: *Như con, Hòa thượng xem thế nào?* Đã gọi đúng chỗ rồi, Ngài Phong Huyệt nói: *Ta tuy trông mong ở người đã lâu, vẫn e ngại đấm mển kinh này.* Thấy ông có thể nhận được, nhưng ông cứ trì kinh hoài làm sao buông? Ngài thưa: *Đây là việc nhỏ, mong nghe yếu chỉ.* Việc này con có thể làm được, chỉ cần nghe yếu chỉ.

Chúng ta thấy thêm một ý nữa, ngài Phong Huyệt thấy rằng dưới mình không có người xứng đáng kế thừa, đau lòng đến rơi nước mắt. Trên đường tu, phải mong sao cho ngọn đèn chánh pháp nối tiếp không dừng, thấy dưới mình chưa có người xứng đáng nối tiếp thì đau lòng. Nếu người tu không có tâm tha thiết, chỉ lo xong đời mình thôi, ai làm gì được thì làm..., như vậy là sơ sót, là thiếu nhiệt tình.

Khi ngài Phong Huyệt thượng đường, nhắc lại việc *Thế Tôn dùng con mắt như hoa sen xanh nhìn xem đại chúng*. Đây nói đơn giản, kể đủ thì nhắc lại ngày xưa trong hội Linh Sơn, đức Thế Tôn ở giữa đại chúng cầm cành hoa đưa lên, rồi dùng con mắt như hoa sen xanh nhìn khắp đại chúng, lúc đó ngài Ma-ha Ca-diếp chum chim cười. Ngài Phong Huyệt hỏi *khi đó nói gì?* Niệm Pháp Hoa liền đứng dậy *phủ áo ra đi*. Phật có nói gì không? Đâu không chỉ con đường Văn-thù mà tiến? Ngay đó thấy cửa vào, nên ngài Tỉnh Niệm liền đứng dậy phất tay áo đi ra, *ngài Phong Huyệt ném cây gậy trở về phương trượng*. Thầy trò thông cảm nhau rồi, nhưng thị giả rất đáng thương, không biết gì nên chạy theo hỏi: *Niệm Pháp Hoa nhân sao chẳng đáp lời Hòa thượng?* Ngài Phong Huyệt hiền lành nói: *Niệm Pháp Hoa đã hội*. Nghĩa là cửa của tổ Ca-diếp đi, bây giờ Niệm Pháp Hoa cũng từ cửa đó mà tiến vào.

Một hôm, Sư cùng Chơn viên đầu (tri viên) đồng đến thưa hỏi. Phong Huyệt hỏi Chơn:

- Thế nào là Thế Tôn chẳng nói mà nói?

Chơn thưa:

- Cu ngói kêu trên ngọn cây.

Phong Huyệt bảo:

- Người tạo nhiều phước si làm gì? Sao không tham cứu ngôn cú?

Phong Huyệt hỏi Sư:

- Người thì sao?

Sư thưa:

- Đổi sắc (mặt) bày đường xưa, chẳng rơi cơ lặng yên (Động dung dương cổ lộ, bất đạo thiếu nhiên cơ).

Phong Huyệt bảo Chơn:

- Người sao chẳng xem Niệm Pháp Hoa hạ ngữ?

Chỗ hạ ngữ, nhắc lại khi đức Phật chẳng nói mà nói, tức là khi ngài đưa cành hoa lên không nói, chỉ dùng con mắt như hoa sen xanh nhìn mọi người. Hỏi, nói cái gì? Thầy tri viên nói: *Cu ngói kêu trên ngọn cây*. Chim cu ngói đậu trên ngọn cây kêu, không nói mà nói, có tiếng mà không có nghĩa. Câu đó quê mùa quá, nên bị quở. Đến ngài Tĩnh Niệm nói: *Động dung dương cổ lộ, bất đạo thiếu nhiên cơ*, vừa thấy đổi vẻ mặt tức đã bày đường xưa, đợi gì phải nói. Đó là một lối hạ ngữ khéo léo.

Hòa thượng Sở ở Bạch Triệu đến Nhữ Châu Tuyên Hóa. Phong Huyệt sai Sư đến truyền ngữ. Vừa gặp nhau, Sư đưa tọa cụ lên hỏi:

- Trái là phải, chẳng trái là phải?

Bạch Triệu đáp:

- Nhà mình xem lấy.

Sư liền hét! Bạch Triệu bảo:

- Ta từng gần gũi thiện tri thức, chưa từng dám khinh suất như thế.

Sư nói:

- Giặc cỏ đại bại.

Bạch Triệu bảo:

- Ngày mai gặp Hòa thượng Phong Huyệt sẽ thuật lại đầy đủ.

Sư thưa:

- Vâng! Vâng! Không nên quên mất.

Sư trở về thưa lại với Phong Huyệt. Phong Huyệt bảo:

- Ngày nay lại bị người bắt một viên giặc cỏ.

Sư thưa:

- Tay khéo chẳng khoe danh.

Hôm sau, Bạch Triệu vừa đến gặp Phong Huyệt liền thuật lại lời hôm qua. Phong Huyệt bảo:

- Chẳng những hôm qua, hôm nay còn bị bắt quả tang.

Vừa gặp ngài Bạch Triệu, ngài đưa tọa cụ hỏi: *Trái là phải, chẳng trái là phải?* Bạch Triệu đáp: *Nhà mình*

xem lấy. Tức gỡ được cái bẫy trái chẳng trái rồi. Ngài hét, ngài Bạch Triệu quả rằng: Ta từng gần gũi thiện tri thức chưa từng dám khinh suất như thế. Thua chỗ nào mà ngài nói Giặc cỏ đại bại? Bởi vì lâm cơ bất kiến sư, khi xông trận thì không cần thấy có kẻ trên người dưới, chỉ cốt trình bày được chỗ thấy hiểu của mình. Ngài Tĩnh Niệm hét, nếu ngài Bạch Triệu là người sáng thì phải dùng cái gì đáp lại, mà lại quả: Ta từng gần gũi thiện tri thức, chưa từng dám khinh suất như thế, tức là bất lỗi vô phép. Thua tại chỗ đó, khi ra trận mà còn bất lỗi, không phải giặc cỏ đại bại là gì?

Ngài trở về thua lại với Phong Huyệt. Phong Huyệt bảo: *Ngày nay lại bị người bắt một viên giặc cỏ.* Ngài thưa: *Tay khéo chẳng khoe danh.* Khôn ngoan quá! *Tay khéo chẳng khoe danh,* chỉ mấy người vụng về mới khoe danh tiếng, khéo thì không khoe.

Hôm sau, Bạch Triệu vừa đến gặp Phong Huyệt liền thuật lại lời hôm qua. Phong Huyệt bảo: Chẳng những hôm qua, hôm nay còn bị bắt quả tang. Khi thuật lại như mắng trách, đệ tử ông ngỗ nghịch, nên ngài Phong Huyệt nói, chẳng những hôm qua đã thua, hôm nay còn bị bắt.

Ban đầu, Sư đến trụ Thủ Sơn đời thứ nhất. Ngày khai đường có Tăng hỏi:

- Thầy xướng gia khúc tông phong ai? Nói pháp người nào?

Sư đáp:

- Thiếu Thất trước núi xem bàn tay.

- Lại thỉnh hồng âm hòa một tiếng.

- Như nay cũng cần toàn thể biết.

Những câu này là ngài nói để chúng ta khởi động niệm, tức là câu sống, không cần giải thích.

Sư bảo chúng:

- Phật pháp trao cho quốc vương đại thần đàn-việt có thể lực khiến đèn đèn mỗi nhau tiếp tục không dứt cho đến ngày nay. Đại chúng hãy nói tiếp tục cái gì?

Sư im lặng giây lâu, lại nói:

- Ngày nay phải là sư huynh Ca-diếp mới được.

Từ sau khi Phật nhập Niết-bàn, Tổ Tổ truyền nhau là truyền cái gì? Ngài nói rằng chỉ sư huynh Ca-diếp mới được. Đó là ở dưới hội của ngài Phong Huyệt mà ngài thấy được chỗ nhận ra của ngài Ca-diếp, nên nói *phải là sư huynh Ca-diếp mới được*.

Tăng hỏi:

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Một lời cắt đứt ngàn cửa sông, trước ngọn muôn trượng mới được huyền.

- Thế nào là cảnh Thủ Sơn?

- Mặc tình mọi người xem.

- Thế nào người trong cảnh?

- Ăn gậy được hay chưa?

Tăng lễ bái. Sư bảo:**- Hãy đợi khi khác.**

Hỏi gia phong, ngài nói: *Một lời cắt đứt ngàn cửa sông, trước ngọn muôn trượng mới được huyền.* Một lời của tông Lâm Tế ví dụ như một tiếng hét, *cắt đứt ngàn cửa sông* là muôn lối tâm ý duyên theo đều bị cắt đứt. *Trước ngọn muôn trượng mới được huyền*, phải cao vót như núi cao muôn trượng mới là huyền. Tông phong Lâm Tế cao vót như thế, là gia phong của ngài.

Hỏi: *Thế nào là cảnh Thủ Sơn?* Ngài nói: *Mặc tình mọi người xem.* Cảnh đó tùy ý xem đi. Hỏi: *Thế nào là người trong cảnh?* Ngài nói: *Ăn gây được hay chưa?* Người trong cảnh thì ngay đó mà ăn gây tức nhận lấy. Tăng lễ bái, ngài bảo: *Hãy đợi khi khác*, ông chưa hội, đợi khi khác.

Tăng hỏi:**- Người xưa giở chùy, dựng phát ý chỉ thế nào?****Sư đáp:**

- Đánh riêng không khách ngủ.**
- Chưa biết ý chỉ thế nào?**
- Chẳng phải người ôm gốc cây.**
- Thế nào là con đường bồ-đề?**
- Đây cách huyện Tương năm dặm.**
- Việc hưởng thưởng thế nào?**
- Qua lại chẳng dễ.**

Tăng hỏi khi người xưa giở chùy, dựng phát là ý chỉ gì? Ngài nói: *Đánh riêng không khách ngủ*, chỗ đó riêng biệt, chỉ có ai thấy thì được, nếu là khách ngoài cuộc không đến được. Hỏi: *Chưa biết ý chỉ thế nào?* Ngài nói: *Chẳng phải người ôm gốc cây*. Tích xưa nói “ôm cây đợi thỏ”, kể chuyện một anh chàng đi ngang cội cây lớn, bất thần thấy con thỏ chạy đùng nhằm gốc cây ngã ra chết. Anh lượm được thỏ mừng quá đem về, ngày mai lại đến gốc cây ngồi chờ thỏ đùng chết nữa. Vì thế nói ôm cây đợi thỏ là chê kẻ ngu, câu chuyện muôn đời có một lần, lại tưởng thường xảy ra như vậy.

Hỏi: *Thế nào là con đường bồ-đề?* Ngài nói: *Đây cách huyện Tương năm dặm*, cũng như chúng ta nói đây cách Long Thành mười lăm cây số. Hỏi: *Việc hướng thượng thế nào?* Ngài đáp: *Qua lại chẳng dễ*.

Tăng hỏi:

- **Chỗ chư thánh nói chẳng tốt, thỉnh Thầy nêu bày?**

Sư đáp:

- **Thân quang muôn dặm tròn một chiếu, người nào dám bằng cùng mặt trời.**

- **Một cây lại nở hoa không?**

- **Nở đã lâu rồi.**

- **Chưa biết kết nụ chẳng?**

- **Đêm qua đã gặp sương.**

- **Lâm Tế hét, Đức Sơn đánh, chưa biết để rõ việc gì?**

- Người thử nói xem.

Tăng liền hét! Sư bảo:

- Mù!

Tăng lại hét! Sư bảo:

- Gã mù này hét loạn thế ấy để làm gì?

Tăng lễ bái. Sư liền đánh.

Tăng hỏi: *Chỗ chư thánh nói chẳng tốt, thỉnh Thầy nêu bày?* Ngài đáp: *Thần quang muôn dặm trổ một chiếu, người nào dám bằng cùng mặt trời. Ánh sáng mặt trời trùm cả muôn dặm, chỗ chiếu sáng của mặt trời, ai dám bì được? Chỗ chư thánh nói không được, ai dám tuyên dương?*

Tăng hỏi: *Một cây lại nở hoa không?* Ngài đáp: *Nở đã lâu rồi. Cây nào không nở hoa.* Hỏi: *Chưa biết kết nụ chăng?* Ngài đáp: *Đêm qua đã gặp sương. Gặp sương đã kết nụ rồi.* Tăng hỏi: *Lâm Tế hét, Đức Sơn đánh, chưa biết để rõ việc gì?* Ngài bảo: *Người thử nói xem!* Muốn rõ việc gì người nói đi. *Tăng liền hét!* Ngài bảo: *Mù!* *Tăng lại hét!* Ngài bảo: *Gã mù này hét loạn thế ấy để làm gì?* *Tăng lễ bái. Ngài liền đánh.* Ông tăng này tương đối gan dạ.

Tăng hỏi:

- Chúng tăng vây quanh, Thầy nói pháp gì?

Sư đáp:

- Đập cỏ rấn sợ.

- Chưa biết thế nào là hạ thủ?

- Vừa rồi có bao nhiêu người nên táng thân mất mạng.

- Hai con rồng giành hạt châu, con nào được?

- Con được là mất.

- Con chẳng được thì thế nào?

- Châu ở chỗ nào?

Tăng hỏi: *Chúng tăng vây quanh, Thầy nói pháp gì? Có pháp để nói không?* Ngài trả lời: *Đập cỏ rấn sợ.* Ban đêm chúng ta đi qua chỗ cỏ rác um tùm, sợ dưới đó có rấn nên cầm gậy quơ ào ào trên cỏ, nếu có rấn ở dưới nó sẽ hoảng sợ chạy đi. Mình không thấy nó, nó không thấy mình, nhưng tại có động nên nó hoảng chạy. Cũng vậy, thiền sư hay các bậc thiện tri thức đối với chúng sanh không thể chỉ thẳng được chỗ đó, chỉ nói quanh nói co để họ chợt nhận ra. Vì thế nói *đập cỏ rấn sợ*, không chỉ thẳng nói thật được.

Hỏi: *Chưa biết thế nào là hạ thủ?* Làm sao hạ thủ công phu? Ngài nói: *Vừa rồi có bao nhiêu người nên táng thân mất mạng.* Chỗ hạ thủ công phu của người đạt đạo là chỗ táng thân mất mạng.

Tăng hỏi: *Hai con rồng giành hạt châu, con nào được?* Ngài nói: *Con được là mất.* Thấy có được tức là mất rồi. Hỏi: *Con chẳng được thì thế nào?* Ngài đáp: *Châu ở chỗ nào?* Nếu chẳng được thì hỏi hạt châu ở đâu.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tướng Phạm âm?

Sư đáp:

- Lừa kêu chó sữa.

Sư lại bảo:

- Muốn được thân thiết, nhất là đừng đem hỏi lại hỏi, hỏi chẳng? Hỏi ở chỗ đáp, đáp ở chỗ hỏi. Người nếu đem hỏi lại hỏi thì lão tăng ở dưới gót chân người, người nếu suy nghĩ thì chẳng giao thiệp.

Khi ấy có vị tăng bước ra lễ bái. Sư liền đánh. Tăng liền hỏi:

- Khi cắm gậy nơi núi sâu thì thế nào?

Sư đáp: - Lâm!

Tăng nói: - Lâm!

Sư lại đánh.

Tướng Phạm âm là tiếng nói trong trẻo. Khi Phật tại thế, tiếng giảng pháp của ngài trong trẻo vang xa nên gọi là Phạm âm. Tiếng lừa kêu, chó sữa có trong trẻo không? Ngài trả lời: *Lừa kêu chó sữa*. Tăng hỏi tướng Phạm âm nhưng cũng ngầm nói chuyện thường sẵn có của mỗi người. Ngài trả lời chuyện thường như lừa kêu chó sữa, nghĩa là ở đâu cũng có tướng Phạm âm. Đó là ý nghĩa chủ yếu, ý nghĩa phụ như Lục Tổ dạy, nếu người hỏi trắng thì lấy đen đáp. Đây hỏi tướng Phạm âm là tiếng trong trẻo, thì lấy tiếng chó tiếng lừa đáp.

Ngài lại nói: *Muốn được thân thiết, nhất là đừng đem hỏi lại hỏi. Hỏi ở chỗ đáp, đáp ở chỗ hỏi. Thế nào là hỏi ở chỗ đáp? Như có ai hỏi: Thế nào là Phật?*

Câu hỏi đó, chỗ đáp ở đâu? Khi hỏi thế nào là Phật, ai là người biết hỏi? Là Phật biết hỏi, có Phật mới biết hỏi. Như vậy, khởi hỏi đã có đáp ở trong rồi, khởi tìm câu đáp ở đâu xa.

Thế nào là đáp ở chỗ hỏi? Khi khởi đáp cũng có Phật ở trong đó rồi, mở miệng ra là có sẵn. Như hỏi thế nào là đạo? Đạo đã có sẵn từ chỗ chân thật dấy lên, dấy lên mới hỏi đạo. Như vậy trong hỏi đã có đáp. Tóm lại, những gì chúng ta hỏi là chúng ta nghĩ, biết nghĩ là cái sẵn có nơi mình, không cần tìm kiếm đâu xa.

Người nếu đem hỏi lại hỏi thì lão tăng ở dưới gót chân người, người nếu suy nghĩ thì chẳng giao thiệp. Câu nói *lão tăng ở dưới gót chân người*, làm cho chúng ta hoảng sợ. Cái đó không ở đâu xa, sẵn dưới chân ông nhưng suy nghĩ thì không đúng. Khi nghe nói Lão tăng ở gót chân, mình đâm hoảng, không biết tại sao mình hỏi mà thầy lại ở dưới gót chân mình, không ngờ đó là một lối nói khéo.

Ban đêm có vị tăng vào thất, Sư hỏi:

- Ai?

Tăng chẳng đáp. Sư nói:

- Biết được người rồi.

Tăng cười. Sư bảo:

- Lại đâu phải người khác?

Nhân đó, Sư làm một bài kệ:

*Khinh khinh đạp địa khủng nhân tri
 Ngữ tiếu phân minh cánh mạc nghi
 Trí giả chỉ kim mãnh đề thủ
 Mạc đãi thiên minh thất khước kê.*

Dịch:

**Bước chân nhè nhẹ ngại người hay
 Cười nói rõ ràng có gì nghi
 Kẻ trí hiện nay gắng gìn giữ
 Chớ đợi sáng mai gà mất đi.**

Câu đầu của bài kệ diễn tả người lên vào thất bước nhè nhẹ, sợ người ta hay. Câu thứ hai chỉ thẳng điều đó, *Cười nói rõ ràng có gì nghi*, khi ông biết cười đó là *động dung dương cổ lộ*, biết cười biết nói đã là hiện bày cái đó rồi, không có gì nghi. Câu thứ ba *Kẻ trí hiện nay gắng gìn giữ*, ngay nơi đó mà nhận ra. Câu thứ tư *Chớ đợi sáng mai gà mất đi*, nếu đợi sáng tức là qua thời gian khác thì cái đó đã mất.

Sư dạy chúng:

- Phật pháp không có nhiều, chỉ vì bọn các ông tự tin chẳng đến. Nếu các ông tự tin thì ngàn vị thánh ra đời cũng không làm gì được các ông. Vì sao như thế? Vì ở trước mặt các ông không có chỗ mở miệng. Chỉ vì các ông tự tin không đến, chạy ra ngoài tìm cầu. Sở dĩ đến được chỗ này, dầu ngay cả là Phật Thích-ca, cũng cho các ông ba mươi gậy. Tuy nhiên như thế, kẻ sơ cơ hậu học bằng vào đạo lý nào? Hãy hỏi các ông được như thế hay chưa?

Sư im lặng giây lâu, nói tiếp:

- Nếu được như thế mới là vô sự.

Câu đầu nói *Phật pháp không có nhiều, chỉ vì bọn các ông tự tin chẳng đến*. Phật pháp không có nhiều, câu đó xuất phát từ miệng của ai? Chính tổ Lâm Tế khi ngộ bèn thốt lên: Phật pháp của Hoàng Bá không có nhiều. Nghe xong ngài Đại Ngu liền biết đã ngộ. Không nhiều mà sao chúng ta học hoài chưa hết? Ba tạng kinh đây đủ đó sao nói không nhiều? Chúng ta phải hiểu cái thật của đạo và phương tiện của đạo. Phật đâu không nói kinh là ngón tay chỉ mặt trăng, là những chiếc bè đưa qua sông? Nhà thiền chỉ thẳng thể chân thật, thể chân thật không nhiều, biết được là đủ, còn không biết thì kiếm hoài. Nói tới nói lui cốt để lâu lâu hôm nào bất chợt thấy được, cười một tiếng là xong. Nếu chưa nhận ra thì cứ phải nghe chỉ dạy, cũng chỉ bao nhiêu chuyện đó không gì lạ, bởi vì chưa tin cho nên phải nói, nói đến khi nào tin thì thôi.

Nếu các ông tự tin thì ngàn vị thánh ra đời cũng không làm gì được các ông. Nếu tin được cái đó rồi thì có Phật ra đời cũng dư, vì không nói gì khác. Vì ở trước mặt các ông không có chỗ mở miệng, cái đó ở ngay trước mặt, mở miệng nói là trật. Chỉ vì các ông tự tin không đến, chạy ra ngoài tìm cầu. Vì không tin nhận nên đêm nào cũng phải lay Phật cầu xin. Do đó nói nếu đến được chỗ này thì có là đức Phật Thích-ca, ngài cũng đánh mình ba mươi gậy.

Tuy nhiên như thế, kẻ sơ cơ hậu học bằng vào đạo lý nào? Hãy hỏi các ông được như thế hay chưa? Các ông sống được với cái đó chưa? Nếu sống được thì vô sự, còn chưa sống được thì đa sự. Chúng ta hiện nay đa sự, còn tính toán đủ thứ vì cho rằng mọi pháp thế gian đều là thật, đều là quan trọng. Cứ lo tính cái này, sắp cái kia, chạy theo cái nọ... Nếu thấy được ngay nơi mình có một cái chân thật tối quan trọng thì mấy cái kia xem như đồ chơi. Ngang đó những thứ làm mình bận tâm liền buông bỏ, bèn trở thành vô sự. Bây giờ chưa nhận được cái đó nên thấy cái gì cũng quan trọng, khen chê buồn thương giận ghét đều quan trọng, mình bị nó làm thành đa sự.

Sư dạy chúng:

- Chư Thượng tọa! Chẳng được hét cuồng hét loạn. Chỗ này bình thường nói với các ông. Khách thì trước sau vẫn là khách, chủ thì trước sau vẫn là chủ, khách không có hai khách, chủ không có hai chủ. Nếu có hai khách hai chủ tức là hai gã mù. Do đó nếu khi ta đứng thì các ông phải ngồi, nếu khi ta ngồi thì các ông phải đứng. Còn ta ngồi thì cùng các ông ngồi, đứng thì cùng các ông đứng. Tuy nhiên như thế, đến đây phải để mắt cho lanh mới được. Trong khoảng con mắt dừng chớp là xa ngàn dặm muôn dặm. Vì sao như thế? Ví như cách cửa sổ nhìn ngựa chạy qua, vừa suy nghĩ liền không dính dáng.

Chư Thượng tọa! Đã vậy nơi đây phải chín chắn lưu tâm. Chẳng được nói càn, ngày kia giờ khác

sẽ lừa các ông vậy. Các người! Nếu có việc thì lại gần đây. Vô sự trân trọng!

Tông Lâm Tế có chia tân chủ, tức là khách và chủ. Người nói được là chủ, người nói không dính không trúng gì là khách. Chủ là chủ, khách là khách không có hai chủ, hai khách. Trong đây ngài lại nói *Nếu khi ta đứng thì các ông phải ngồi*, theo Lục Tổ dạy dùng cặp tương đối thì dễ hiểu. Nhưng *đứng thì cùng đứng* là sao? Trường hợp mở màn khai chiến thì người đứng mình ngồi, hoặc người ngồi thì mình đứng. Khi khai chiến rồi, tương đương không nhịn, nếu người đó bước lên một nấc thì mình phải cao hơn, nếu người vừa hạ mình xuống mà mình lại hạ xuống bước nữa thì bị thua. Cho nên, nếu người ta hạ mình xuống thì mình phải vươn lên. Người ta hạ mình xuống là người ta đứng trên, mình vươn lên là đứng cao hơn người.

Như trường hợp ngài Tam Thánh hỏi ngài Tuyết Phong, *cá vàng vượt khỏi lưới lấy gì làm thức ăn?* Ngài Tuyết Phong nói, *đợi ông vượt khỏi lưới sẽ vì ông nói*. Đó là hạ người. Ngài Tam Thánh đề cao mình là cá vàng ra khỏi lưới, tức là người đã giải thoát. Nhưng ngài Tuyết Phong nói, chừng nào ông thật sự giải thoát, ta sẽ nói với ông. Hạ xuống là nói ông chưa giải thoát, lúc đó nếu hạ mình khen người thì thua, nên ngài Tam Thánh vươn lên nói, *là thiện tri thức ngàn năm trăm người mà câu thoại đầu không biết*, đó là hạ lại. Nếu ngang đó, ngài Tuyết Phong thấp xuống thì thua, nên nói *Lão tăng trụ trì nhiều việc*. Ý nói tuy nhiều việc nhưng ta là trụ trì không phải thua ông. Đó là khi

người đứng thì mình cũng phải đứng bằng, nếu bước xuống là thua. Nhưng mới đợt đầu người đứng mình phải ngồi, ví dụ người đưa lên thì mình phải duỗi xuống, hoặc người trải tọa cụ xuống thì mình đưa lên. Thuật đối đáp như vậy, phải nhanh như chớp mắt, như nhìn ngựa chạy qua khe cửa, nếu không nhanh thì không thể nào thấy kịp.

Sư có làm bài kệ Cương Tông rằng:

*Đốt tai chuyết lang quân
Xảo diệu vô nhân thức
Đả phá Phượng Lâm quan
Trước ngoa thủy thượng lập.
Đốt tai xảo nữ nhi
Thoán thoa bất giải chức
Khán tha đấu kê nhân
Thủy ngư dã bất thức.
Bối âm sơn tử hướng dương đa
Nam lai bắc vãng ý như hà
Nhược nhân vấn ngã Tây lai ý
Đông hải đông diện hữu Tân La.*

Dịch:

**Chao ôi! Chàng trai vụng,
Khéo léo không người biết.
Đập phá cổng Phượng Lâm,
Mang giày đứng trên nước.**

**Chao ôi! Cô gái khéo,
 Ném thoi chẳng biết dệt.
 Xem người khác đá gà,
 Con trâu cũng chẳng biết.
 Kẻ bỏ núi âm hướng dương⁽¹⁾ nhiều,
 Sang nam đến bắc ý thế nào?
 Nếu người hỏi ta Tổ sư ý,
 Mặt đông biển đông có Tân La (Triều Tiên).**

Bài kệ Cương Tông này có vẻ mâu thuẫn. Câu đầu nói *chàng trai vụng về* mà lại *khéo léo không người biết*. *Đập phá cổng Phượng Lâm*, tức là cổng của một huyện mà đập phá nổi, rồi *mang giày đứng trên nước*, khéo hay vụng?

Kể đến, cô gái khéo thì *Chao ôi! Cô gái khéo, ném thoi chẳng biết dệt*. Cô gái khéo mà không biết dệt vải. Xưa gọi là người khéo léo nữ công thì phải biết thêu đan may dệt... mà bây giờ không biết dệt vải, rồi lại *Xem người khác đá gà, con trâu cũng không biết*. Như vậy khéo ở chỗ nào?

Đó là trong vụng có khéo, trong khéo có vụng. Hai cái vụng và khéo không rời nhau, không riêng rẽ. Tông chỉ của nhà thiền là không nhìn riêng biệt bên đây khéo bên kia vụng. Như ngài Thạch Sư nói với tú tài Trương Chuyết, *tìm cái xảo không có huống nữa là chuyết*. Còn thấy có vụng có khéo là thấy hai bên, không có khéo huống nữa là vụng.

⁽¹⁾ Mạn bắc núi gọi là âm, mạn nam núi là dương.

Bốn câu kết thúc, ngài nói *kẻ bỏ núi âm hướng dương nhiều*, bỏ bên âm hướng bên dương là hai bên, bỏ bên này chạy bên kia cũng là hai bên. *Sang nam đến bắc ý thế nào?* cũng là hai bên. Nói âm dương, nam bắc... những cái đó không ý nghĩa gì. *Nếu người hỏi ta ý Tổ sư thì sao?* *Mặt đông biển đông có Tân La*, tức là ở Trung Hoa nhìn về phía đông đó là Tân La (Triều Tiên). Như chúng ta bây giờ nếu có người hỏi ý Tổ sư thì trả lời, ngay hướng đông nam có núi Thị Vải. Ý Tổ sư là hiện tại ngay đó, không còn nam bắc, khéo vụng... Nếu còn thấy đối đãi hai bên là không thấy được ý Tổ sư.

Đời Tống niên hiệu Thuần Hóa năm thứ ba (992) vào giờ Ngọ ngày mừng bốn tháng chạp, Sư thượng đường nói kệ:

Kim niên lục thập thất

Lão bệnh tùy duyên thả khiến nhật

Kim niên ký khước lai niên sự

Lai niên ký trước kim triều nhật.

Dịch:

Năm nay sáu mươi bảy

Già bệnh tùy duyên hãy đuổi theo

Năm nay ghi lại việc năm tới

Năm tới ghi chắc việc ngày nay.

Đại ý bài kệ ngài huyền ký rằng năm sau đúng ngày đó tháng đó ngài tịch.

Đến năm sau đúng ngày giờ nói trước, Sư thượng đường từ biệt chúng, nói kệ:

*Chư tử mạn ba ba
Quá khước cơ hằng hà
Quan Âm chỉ Di-lặc
Văn-thù bất nại hà?*

Dịch:

Các con dối lằng xằng
Lỗi nhiều cát sông Hằng
Quan Âm chỉ Di-lặc
Văn-thù biết làm sao?

Sư im lặng giây lâu, nói kệ:

*Bạch ngân thế giới kim sắc thân
Tinh dữ phi tình cộng nhất chân
Minh ám tận thời câu bất chiếu
Nhật luân Ngọ hậu kiến toàn thân.*

Dịch:

Thế giới bạch ngân thân sắc vàng
Tinh với phi tình một tánh chân
Tối sáng hết rồi đều chẳng chiếu
Vàng ô vừa xé thấy toàn thân.

Mặt trời vừa xé, Sư ngồi yên thị tịch, thọ 68 tuổi.

Các con dối lằng xằng, lỗi nhiều cát sông Hằng. Vì lằng xằng nên tạo nhiều lỗi lầm như số cát sông Hằng

Quan Âm chỉ Di-lặc, Văn-thù biết làm sao? Chúng ta thường nghe vào thiền có ba cửa: Văn-thù, Quan Âm, Phổ Hiền. Phổ Hiền là sai biệt trí, Văn-thù là căn bản trí. Sai biệt trí là niệm trước niệm sau khác nhau, chỉ cho ý. Di-lặc là thức cũng vừa là ý, nên Di-lặc ở đây thế cho Phổ Hiền. Không tìm đâu xa, chỉ ba cửa: cửa Quan Âm, cửa Phổ Hiền, cửa Văn-thù. Từ ba cửa đó, chúng ta thấy đạo là tự cứu mình.

Ngài lại nói kệ: *Thế giới bạch ngân thân sắc vàng.* Đây diễn tả cảnh giới của người đạt đạo. Thường nói thế giới bạch ngân là thế giới của Phổ Hiền. Người đạt đạo rồi thì toàn thế giới là bạch ngân, thân mình là thân sắc vàng. Muốn được như vậy thì *Tình với phi tình một tánh chân*, tình và phi tình cùng một chân tánh không hai. *Tối sáng hết rồi đều chẳng chiếu*, không còn gì phải chiếu soi. Câu cuối ngài nói về việc viên tịch, *Vàng ô vừa xé thấy toàn thân*. Xé chiều này tôi nhập Niết-bàn.

Khi mặt trời vừa xé, ngài ngồi yên thị tịch, thọ 68 tuổi. Rất tự tại, trước khi tịch báo tin trước một năm, đến lúc ra đi cũng báo trước việc mình.



THIÊN SƯ CHƠN Ở QUẢNG HUỆ

Phong Huyệh hỏi Sư:

- Khi Hội Xương sa thải, Hộ pháp thiện thần đi chỗ nào?

Sư thưa:

- Thường ở trong thành thị, cốt là không người thấy.

Phong Huyệh bảo:

- Người thấu triệt rồi.

Ngài Quảng Huệ Chơn, tri viên, đồng thời với ngài Niệm Pháp Hoa. Ngài Phong Huyệh hỏi: *Khi Hội Xương sa thải, Hộ pháp thiện thần đi chỗ nào?* Đời Đường niên hiệu Hội Xương, vua Đường Vũ Tông ra lệnh bắt tăng ni hoàn tục không cho ở chùa, gọi là pháp nạn sa thải tăng ni. Thường hộ pháp, thiện thần thì ở chùa hộ trì tăng ni, bây giờ tăng ni hoàn tục thì các ngài ở đâu? Nhưng có phải là hỏi thiện thần, hộ pháp hay hỏi cái gì?

Thiền thần, hộ pháp chỉ là ngôn ngữ bên ngoài, ý ngài Phong Huyệt muốn hỏi khi tăng ni không ở chùa thì cái đó ở đâu? Ngài trả lời *thường ở trong thành thị, cốt là người không thấy*. Thiền thần hộ pháp cũng lẫn trong thành thị mà người không thấy, ngụ ý khi tăng ni ở chùa hay ở bất cứ nơi nào thì tâm chân thật cũng ở đó, chỉ tại người không thấy. Ngài Phong Huyệt khen: *Người thấu triệt rồi*.

Sau khi trụ trì, có vị tăng hỏi Sư:

- Thế nào là cảnh Quảng Huệ?

Sư đáp:

- Trước mặt chùa nhỏ, sau Tư Khánh.

- Thế nào là gia phong Hòa thượng?

- Cái thưởng cây cuốc.

Phía trước mặt có chùa nhỏ, phía sau là chùa Tư Khánh, Quảng Huệ ở giữa. Hỏi: *Thế nào là gia phong của Hòa thượng?* Ngài nói: *Cái thưởng cây cuốc*. Rất đơn giản vậy thôi.



THIÊN SƯ VĂN ÍCH hiệu TỊNH HUỆ

(885 - 958)

Khai Tổ tông Pháp Nhãn

Thiền sư Văn Ích Tịnh Huệ, Khai Tổ tông Pháp Nhãn. Đây là phái thứ năm trong năm phái thiền Trung Hoa.

Sư họ Lỗ quê ở Dư Hàng, lúc bảy tuổi đã theo thiền sư Toàn Vĩ ở viện Trí Thông xuất gia. Năm hai mươi tuổi Sư thọ giới Cụ túc ở chùa Khai Nguyên tại Việt Châu. Sư chú mục vào giới luật, nghe luật sư Hy Giác giảng dạy ở chùa Dục Vương tại Mậu Sơn Minh Châu, bèn đến đây học tập nghiên cứu chỗ ý chỉ u vi. Sư lại xem sách Nho, dạo nơi văn nhã. Hy Giác bảo: Kẻ này là Du, Hạ⁽²⁾ trong tông môn của ta.

⁽²⁾ Du, Hạ là hai học trò xuất sắc của Khổng Tử. Ngôn Yến tự Tử Du và Bốc Thương tự Tử Hạ, đều nổi tiếng về văn học và giỏi về Lễ.

Do huyền cơ một phen dấy lên, những việc tạp nạp đều buông hết, Sư chống gậy sang phương nam hành khước. Đến Phúc Châu ở trong hội của Trường Khánh, Sư tuy chưa phát minh đại sự mà chúng vẫn kính nể. Sư bèn kết bạn với Thiệu Tu, Pháp Tiến ba người cùng dẫn nhau đi tham cứu.

Ngài là người thông minh hiếu học. Khi vào chùa thì học Kinh Luật và xem luôn cả sách Nho. Đặc biệt một khi quyết tu thì tất cả tạp nạp buông hết, từ đó về sau mới đi tham cứu. Người xưa cũng có khi học đủ các sách, nhưng khi quyết tâm rồi thì chỉ một con đường tiến thú mới đến nơi đến chốn. Chúng ta đa mang nhiều cái tạp nạp quá thì khó mà tiến nổi.

Đi đến viện Địa Tạng gặp trời trở tuyết, ba người cùng xin ngụ tại đây. Trời lạnh, cùng vây quanh lò sưởi, thiền sư Quế Sâm (trụ trì viện Địa Tạng) thấy hỏi:

- Đây là đi đâu?

Sư thưa:

- Đi hành khước.

Quế Sâm hỏi:

- Việc hành khước là thế nào?

Sư thưa:

- Chẳng biết.

Quế Sâm bảo:

- Chẳng biết rất là thân thiết.

Lại cùng ba vị bàn về Triệu Luận đến câu “Trời đất cùng ta đồng gốc”, Quế Sâm hỏi:

- Sơn hà đại địa cùng tự kỷ của Thượng tọa là đồng hay khác?

Sư thưa:

- Khác.

Quế Sâm đưa hai ngón tay. Sư nói:

- Đồng.

Quế Sâm cũng đưa hai ngón tay, rồi đứng dậy đi.

Nếu nói khác thì trời đất với mình là hai, ngài Quế Sâm đưa hai ngón tay. Vì sao? Nói đồng hay khác là chạy hai đầu, chưa thấy được đạo.

Đến tuyết tan, ba người cùng đến từ biệt đi nơi khác, Quế Sâm đưa ra đến cửa, hỏi:

- Bình thường Thượng tọa nói “Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức”, vậy phiến đá dưới sân này, là ở trong tâm hay ở ngoài tâm?

Sư thưa:

- Ở trong tâm.

Quế Sâm bảo:

- Người hành khước mắc cớ gì lại để phiến đá trong tâm?

Sư bí không có lời để đáp, bèn dẹp hành lý vào chùa, xin ở lại tham cứu.

Chúng ta học duy tâm duy thức cũng nghĩ như vậy, cho rằng tất cả sự việc đều trong tâm mình. Cho đến núi sông người vật đều là trong tâm, như vậy tâm mình nặng nề quá. Như thế, hiểu biết không chính xác.

Hơn một tháng, Sư trình kiến giải nói đạo lý, vẫn bị Quế Sâm bảo:

- Phật pháp không phải thế ấy.

Sư thưa:

- Con đã hết lời cùng lý rồi.

Quế Sâm bảo:

- Nếu luận Phật pháp thì tất cả hiện thành.

Qua câu nói ấy, Sư đại ngộ.

Nếu luận Phật pháp thì tất cả hiện thành. Ngay đây là Phật pháp, không cần tìm kiếm đâu xa. Tất cả hiện thành nên có câu “Bất ly đương xứ thường trạm nhiên”, ngay nơi đây mà thường lặng lẽ. Tại sao hiện thành? Vừa thấy là Phật pháp, vừa nghe là Phật pháp còn kiếm tìm gì ở đâu nữa? Ngay đó Ngài ngộ.

Sau khi khai ngộ, ba huynh đệ mỗi người trụ một nơi. Riêng Sư lập am ở châu Cam Giá. Pháp Tiến và Thiệu Tu muốn dạo khắp các tông lâm ở miền Giang Biểu nên rủ Sư đồng đi. Đi đến Lâm Xuyên, châu mục thỉnh Sư trụ viện Sùng Thọ.

Khai đường trong ngày đầu, tiệc trà chưa xong, bốn chúng đã vây quanh pháp tòa. Vị tăng đại diện đến bạch Sư:

- Bốn chúng đã vây quanh dưới pháp tòa của Hòa thượng.

Sư nói:

- Chúng nhân đến tham chân thiện tri thức.

Chốc lát, Sư lên tòa. Chúng đánh lễ thỉnh xong, Sư bảo:

- Chúng nhân trọn đã đến đây, sơn tăng chẳng lẽ không nói, cùng đại chúng nhắc một phương tiện của người xưa. Trân trọng!

Liên xuống tòa.

Như vậy nhắc cái gì? Nhắc *phương tiện của người xưa* lên tòa rồi xuống tòa, không thêm gì.

Có vị tăng bước ra lễ bái. Sư bảo:

- Khéo hỏi đi.

Vị tăng trình lên ý hỏi. Sư bảo:

- Trưởng lão chưa khai đường chẳng đáp thoại.

Bảo người ta hỏi rồi nói *chẳng đáp thoại*. Đó là người xưa gạt mình nhiều ít? Nếu các ngài nói mà nghe đâu chấp đó thì không thể nào hiểu được.

Thượng tọa Tử Phương từ Trường Khánh đến. Sư nhắc lại bài kệ của hòa thượng Huệ Lăng ở Trường Khánh mà hỏi:

- Thế nào là ở trong vạn tượng riêng bày thân?

Tử Phương giở phát tử. Sư nói:

- Hội thế ấy sao được?

Tử Phương hỏi:

- Tôn ý Hòa thượng thế nào?

Sư bảo:

- Gọi cái gì là vạn tượng?

Tử Phương nói:

- Người xưa chẳng đẹp vạn tượng.

Sư bảo:

- Ở trong vạn tượng riêng bày thân, nói cái gì là đẹp chẳng đẹp?

Tử Phương bỗng nhiên lãnh ngộ, thuật kệ đầu thành.

Ở trong vạn tượng hiện toàn thân là do vạch vạn tượng mà hiện hay tự nó hiện? Như tôi không nói trong vạn tượng hiện toàn thân mà nói “Ngay trong vọng tưởng cũng hiện toàn thân”, nếu có ông tăng hỏi: “Như vậy là đẹp hết vọng tưởng mới hiện toàn thân hay là không đẹp vọng tưởng mà hiện toàn thân?” Nói sao? Chỉ cần nói “Vọng tưởng có thật đâu”. Chúng ta cứ tưởng cái kia (vọng tưởng) hết rồi mới hiện ra cái này (thể chân thật), nhưng khi biết cái kia không thật thì cái này tự hiện. Nếu cứ đợi cái kia hết thì rất sai.

Sư hỏi Thiệu Tu:

- “Có sai hào ly cách xa trời đất”, huynh hội thế nào?

Thiệu Tu đáp:

- Có sai hào ly cách xa trời đất.

Sư bảo:

- Hội thế ấy sao được?

Thiệu Tu hỏi:

- Hòa thượng thế nào?

Sư đáp:

- Có sai hào ly cách xa trời đất.

Thiệu Tu liền lễ bái.

Câu trả lời lặp lại y văn, không thêm bớt chữ nào, tại sao Thiệu Tu lễ bái? Như khi tôi hỏi Tăng một câu, vị tăng ấy trả lời rất đúng nhưng tôi biết vị ấy chưa tin chắc lời mình đúng. Tôi bảo nói vậy đâu được, Tăng hỏi vậy câu đó Thầy nói thế nào? Tôi lặp lại y câu đó. Lặp y lại là một lối xác nhận để lòng tin mạnh thêm, Tăng được xác nhận nên đánh lễ. Khéo léo như vậy nên coi như không có công mà có công.

Sư thượng đường, đại chúng đứng lâu, Sư bèn bảo chúng:

- Chỉ như thế thì giải tán đi, lại có Phật pháp hay không, thử nói xem? Nếu không lại đến đây làm gì? Nếu có, thì trong chợ chỗ nhiều người tụ hội cũng có, cần gì phải đến đây?

Chư vị! Mỗi người đã từng xem Hoàn Nguyên quán, Bách Môn nghĩa hải, Hoa Nghiêm luận, Niết-bàn kinh, các kinh sách rất nhiều, trong kinh

nào có thời tiết ấy? Nếu có thử nêu ra xem! Chẳng là trong kinh như thế, có những lời như thế, đó là thời tiết chẳng? Có gì là dính dáng. Do đó nói, lời hay kẹt ở nơi tâm, thường làm môi trường cho duyên lực, thật tế ở ngay trước mắt, đổi làm cảnh danh tướng, lại làm sao được đổi? Nếu đã đổi rồi thì làm sao được chánh? Hội chẳng? Nếu chỉ niệm kinh sách như thế, có dùng vào chỗ gì?

Phật pháp sẵn như vậy, nếu có thì ở đâu cũng có cần gì phải đến học chỗ này chỗ kia? Nhưng quan trọng là phải biết có.

Kinh sách rất quý nhưng là ngón tay chỉ mặt trăng. Mặt trăng có ở tại ngón tay không? Nương ngón tay mà phải nhìn xa trên cao mới thấy được mặt trăng. Người không biết cứ chấp ngón tay cho là mặt trăng, như chấp lời kinh cho là chân lý rồi cứ bám chắc vào kinh nhai đi nhai lại. Rốt cuộc không lợi ích. Đó là chỗ ngài răn nhắc.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là vạch bày thì được cùng đạo tương ứng?

- Khi nào ông vạch bày tức cùng đạo chẳng tương ứng.

- Khi sáu chỗ không tri âm thì thế nào?

- Nhà ông quyền thuộc một đàn.

Sư lại nói:

- Làm sao hội? Chớ nói, đến hỏi như thế bèn là chẳng được. Ông nói sáu chỗ chẳng tri âm, chỗ mất chẳng tri âm, chỗ tai chẳng tri âm. Nếu vậy chỗ căn bản là có, thì sao hiểu là không được? Người xưa nói: “Lìa thanh sắc mắc thanh sắc, lìa danh tự mắc danh tự.” Do đó, cõi trời Vô tướng tu được trải qua tám muôn đại kiếp, một hôm cũng phải thối đọa, các việc rõ ràng. Bởi vì chẳng biết căn bản chân thật, tu hành theo thứ lớp, ba đời sáu mươi kiếp, bốn đời một trăm kiếp, như thế thẳng đến ba a-tăng-kỳ quả mới tròn đầy. Người xưa vẫn nói “Chẳng bằng một niệm duyên khởi vô sanh, vượt khỏi cái thấy của tam thừa quyền học kia...” Lại nói “Khảy móng tay tròn thành tám vạn môn, sát-na diệt hết nghiệp ba kỳ”. Phải cần thể cứu. Nếu như thế dùng bao nhiêu hơi sức?

Tăng hỏi khi vạch bày mới cùng đạo tương ứng thì sao? Vạch bày là làm cho hiển lộ. Ngài nói có vạch bày là không tương ứng. Đạo lúc nào cũng sẵn, chẳng cần vạch bày. Tăng hỏi *khi sáu chỗ không tri âm thì thế nào?* Ngài đáp *nhà ông quyền thuộc một đàn tức* là gia quyền đoàn tụ hết. Chúng ta sáu chỗ có tri âm không? Ngồi đây mà nghe nhạc đánh ngoài cửa, lỗ tai cũng động. Ngồi đây mà thấy dáng ai đi ngoài kia, con mắt cũng nhướn. Đó là sáu cửa có rất nhiều tri âm, vì thế nên tâm thể phân tán không đoàn tụ. Nếu sáu cửa không có tri âm, đó là đoàn tụ một nhà. Thật hay vô cùng.

Việc tu rất đơn giản, chỉ cần sáu chỗ không tri âm là đoàn tụ một nhà, còn có tri âm là chia ly là phân tán.

Trong hai cái muốn cái nào? Muốn đoàn tụ thì gắng đừng cho có tri âm. Buổi tối ngồi thiền nghe nhạc du dương ngoài kia thì nó là nó, mình là mình, đừng kết bạn tri âm đi theo nó. Người xưa dạy hết sức đơn giản, một câu đó đủ cho chúng ta tu suốt đời. Cái tinh ba thật là không khác nhưng nói quá gọn nên nghe khó hiểu.

Ngài lại nói: *Làm sao hội? Chớ nói đến hỏi như thế bèn là chẳng được. Ông nói sáu chỗ chẳng tri âm, chỗ mất chẳng tri âm? Chỗ tại chẳng tri âm? Nếu vậy chỗ căn bản là có, thì sao hiểu là không được? Người xưa nói: “Lìa thanh sắc mắc thanh sắc, lìa danh tự mắc danh tự.”* Tại sao lìa mà mắc? Bởi vì thấy nó thật cho nên cố lìa nó, thấy thật tức là đã dính mắc rồi. Với người thấy nó không thật, có gì để lìa? Như khi nghe tiếng hát du dương, chỉ cần biết nó không thật, bay đi đâu thì bay. Nếu còn cố gắng đừng nghe là vì mình thích nghe cho nên gắng chặn lại. Nếu biết tất cả tiếng như huyền hóa thì đi đâu đi, bay đâu bay, có dính dáng gì với mình, có gì mà phải cố gắng. Vì thế nói lìa tức là mắc, tể nhị như vậy.

Do đó, cõi trời Vô tướng tu được trải qua tám muôn đại kiếp, một hôm cũng phải thối đạo, các việc rõ ràng. Khi tu cố gắng đè tâm mình cho hết vọng tưởng, tâm hết tưởng thì được sanh cõi Vô tướng. Nhưng sanh lên đó tám muôn đại kiếp, hết sức mạnh rồi thì cũng rơi trong trần gian, rồi cũng luân hồi. Như chúng ta tu đây không bỏ vọng, không cầu chân. Chứng Đạo Ca nói: “Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân, bất trừ vọng tưởng bất cầu chân.” Chỉ một thể y nhiên trong sáng nhàn hạ qua ngày.

Bởi vì chẳng biết căn bản chân thật, tu hành theo thứ lớp, ba đời sáu mươi kiếp, bốn đời một trăm kiếp, như thế thẳng đến ba a-tăng-kỳ quả mới tròn đầy. Người xưa vẫn nói “Chẳng bằng một niệm duyên khởi vô sanh, vượt khỏi cái thấy của tam thừa quyền học kia...” Lại nói “Khảy móng tay tròn thành tám vạn môn, sát-na diệt hết nghiệp ba kỳ”. Phải cần thể cứu. Nếu như thế dùng bao nhiêu hơi sức? Nếu không biết căn bản chân thật ấy, theo thứ lớp thì trải ba vô số kiếp. Còn ngay đây chỉ một niệm nhận ra được cái chân thật vô sanh thì vượt qua khỏi bậc học của hàng tam thừa. Chứng Đạo Ca nói: Khảy móng tay tròn thành tám vạn môn, sát-na diệt hết nghiệp ba kỳ. Như vậy thì cực khổ lắm không? Tốn hao sức lực nhiều ít? Không tốn bao nhiêu mà khéo nhận ra là ổn.

Quốc chủ Giang Nam quý trọng đạo đức của Sư, thỉnh Sư trụ thiền viện Báo Ân, ban hiệu là Tịnh Huệ thiền sư. Sư thượng đường bảo chúng:

- Người xưa nói “Ta đứng đợi ông nhìn”, hôm nay sơn tăng ngồi đợi các ông nhìn. Lại có đạo lý hay chăng? Cái nào thân, cái nào sơ? Thử xét đoán xem!

Người xưa nói đứng đợi các ông nhìn, ngài thì nói ta ngồi đợi các ông nhìn, tuy nói hai việc mà không khác. Kinh Niết-bàn có nói việc tương tự, một hôm Phật vạch ngực ra bảo: “Các ông nhìn đây!” Nhìn nơi ngực của Phật mà không biết nhìn cái gì. Phật có dạy đạo lý gì không? Nếu thấu hiểu đoạn kinh trên thì cũng hiểu lời thiền sư.

Có vị tăng hỏi:

- Mười phương hiền thánh đều vào tông này, thế nào là tông này?

Sư đáp:

- Mười phương hiền thánh đều vào.

- Thế nào là Phật, người hướng thượng?

- Phương tiện gọi là Phật.

- Hai chữ thanh sắc, người nào thấu được?

Sư lại bảo chúng:

- Chư Thượng tọa! Hãy nói vị tăng này lại thấu được hay chưa? Nếu hội được chỗ hỏi này thì thấu thanh sắc chẳng khó.

Tăng hỏi: *Mười phương hiền thánh vào tông này, thế nào là tông này?* Ngài lặp lại *Mười phương hiền thánh đều vào*. Tăng lại hỏi *Thế nào là Phật, người hướng thượng?* Ngài đáp, *Phật chỉ là phương tiện gọi thôi*. Hỏi: *Hai chữ thanh sắc, người nào thấu được?* Ngài hỏi ngược lại chúng, *ông thầy này có thấu thanh sắc chưa?* Khi hỏi làm sao thấu được thì biết người đó thấu chưa? Ngài nói nếu hội chỗ hỏi này thì thấu thanh sắc chẳng khó. Nghĩa là khi thấu thanh sắc không cần hỏi.

Sau, Sư dời về ở viện Thanh Lương, thượng đường dạy chúng:

- Người xuất gia chỉ tùy thời và tiết, liền được lạnh thì lạnh, nóng thì nóng. Muốn biết nghĩa Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, xưa nay

phương tiện chẳng ít. Đâu chẳng thấy Hòa thượng Thạch Đầu nhân xem Triệu Luận, trong ấy nói “Hội muôn vật về nơi mình, chỉ có bậc thánh vậy”, ngài liền nói “Thánh nhân không mình, cái gì chẳng phải mình?” Bèn làm mấy lời gọi là Tham Đồng Khế, trong ấy câu mở đầu nói “Tâm đại tiên Trúc độ” không qua lời này vậy, giữa bài chỉ tùy thời nói.

Thượng tọa! Nay muốn hội vạn vật là mình. Bởi vì đại địa không có một pháp có thể thấy. Ngài lại dặn dò rằng “Ngày tháng chớ qua sông”. Vừa rồi nói với các Thượng tọa chỉ tùy thời và tiết liền được. Nếu để đổi thời mất tiết tức là qua sông ngày tháng, ở trong phi sắc khởi hiểu sắc. Thượng tọa! Ở trong phi sắc khởi hiểu sắc tức là để đổi thời mất tiết. Hãy nói sắc khởi hiểu phi sắc lại đúng chẳng đúng? Thượng tọa! Nếu hội thế ấy tức là không giao thiệp, chính là si cuồng chạy theo hai đầu có dùng được chỗ gì? Thượng tọa! Chỉ giữ phần tùy thời mà qua là tốt. Trân trọng!

Người tu cốt biết thời tiết, tùy thuận nó, lạnh thì lạnh, nóng thì nóng. Như thế là hằng biết mà không có rối loạn, nóng thấy nóng, lạnh thấy lạnh không có gì thêm. Vì vậy nói *Muốn biết nghĩa Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên*. Dẫn lời ngài Thạch Đầu, khi đọc Triệu Luận ngài ngộ, nói rằng: *Người hội muôn vật về mình, duy chỉ là bậc thánh vậy*. Ai biết hội muôn vật về mình, đó là thánh. Ngài nói thêm: *Thánh nhân không mình, không gì chẳng mình*. Nghĩa là thánh nhân không thấy có mình, mà cái gì cũng là mình.

Như trong chúng đây, năm sáu mươi người, có một người nào đó xả thân vì huynh đệ. Huynh đệ buồn khổ vui gì đều cảm thông hết, người đó quên mình chỉ nhớ tới huynh đệ thôi. Quên mình tức mất mình, không thấy mình nhưng thấy tất cả huynh đệ đều là mình. Như vậy mình nhiều ít? Mất cái nhỏ thành được cái to phải không?

Nếu người này chỉ biết có mình, không biết đến huynh đệ chung quanh, không thấy liên hệ với mình. Mình nhìn cái nhỏ, nhớ cái nhỏ thì quên hết cái lớn. Vì vậy, nếu quên được cái nhỏ thì tất cả là mình. Lý vô ngã của đạo Phật chỉ cho chúng ta thấy muốn hy sinh cho tất cả, trước phải thấy cái ta không thật thì mới hy sinh cho mọi người được. Nếu còn quý cái ta của mình thì không thể quên ngã, làm gì cũng chừng mực giới hạn thôi.

Đó là giai đoạn thường, đến giai đoạn cứu cánh thì nếu chúng ta xả bỏ tâm thức nhỏ hẹp loạn tưởng này, sống với thể bình đẳng trùm khắp, thì cái gì chẳng phải là mình. Ý nghĩa rất rõ ràng, bỏ được cái mình đó là thánh, mà thánh thì thấy tất cả đều là thật thể.

Câu mở đầu Tham Đồng Khế, *Tâm đại tiên Trúc độ*: đại tiên là chỉ cho đức Phật, Trúc độ là Ấn Độ, là nói tâm của Phật ở Thiên Trúc. Tham Đồng Khế cốt diễn tả tâm Phật nên mở đầu câu đó là đã đầy đủ, *không qua lời này vậy*, bao nhiêu lời cũng không qua việc này. *Khoảng giữa chỉ tùy thời nói*, từ câu đó về sau nói câu này câu kia cũng là phụ; chủ yếu chỉ là câu đó.

Thượng tọa! Nay muốn hội vạn vật là mình. Bởi vì đại địa không có một pháp có thể thấy. Ngài lại dặn dò rằng “Ngày tháng chớ qua sông.” Nhắc lại lời ngài Hy Thiên dạy rằng: *Ngày tháng chớ qua sông.* Thử tính xem ai qua sông ngày tháng, ai không qua sông? Có người sáng thức dậy tính toán việc này việc nọ, lằng xằng lộn xộn trăm ngàn việc. Lại có một người, sáng thức dậy thì cứ đi đứng nằm ngồi làm chủ thôi, không nghĩ gì hết. Hai người đó ai qua sông ngày tháng? Người tính cái này tính cái kia nhiều việc đâu có qua sông, còn người không tính gì hết thì lẽ ra phải qua sông. Nhưng ngược lại, tính tất cả toàn là hư giả, làm được một trăm cái giả với một người sống cái thật, cái nào qua sông, cái nào không qua sông? Như vậy những cái tính toán rối loạn của mình là tính hư giả.

Như buổi sáng mặt trời lên nhìn thấy những hạt sương đọng trên lá cây, gió lung lay, ánh mặt trời chiếu qua thấy nó lóng lánh như hạt châu. Có người muốn đổi tất cả những hạt sương lóng lánh đó lấy một hột xoàn nhỏ, người chủ hột xoàn có ưng đổi không? Cái thật có chút xiu, cái giả rất nhiều mà giá trị cách xa.

Chúng ta chạy lằng xằng lộn xộn cả ngày cũng đuổi theo cái giả, không bằng sống với cái thật. Sống với cái thật thấy như không có gì đáng kể, nhưng không qua sông. Đuổi theo cái giả, chất được của cải đầy nhà, mọi thứ đều sang quý, nhưng nhắm mắt rồi thì những thứ đó trở thành không. Cái thật này mình sống được,

nắm được thì luôn luôn làm chủ không mất. Người xưa nhắc dạy chúng ta đừng để cuộc đời qua sông là vậy.

Vừa rồi nói với các Thượng tọa chỉ tùy thời và tiết liền được. Nếu để đổi thời mất tiết tức là qua sông ngày tháng, ở trong phi sắc khởi hiểu sắc. Thượng tọa! Ở trong phi sắc khởi hiểu sắc tức là để đổi thời mất tiết. Hãy nói sắc khởi hiểu phi sắc lại đúng chẳng đúng? Thượng tọa! Nếu hội thế ấy tức là không giao thiệp, chính là si cuồng chạy theo hai đầu có dùng được chỗ gì? Thượng tọa! Chỉ giữ phần tùy thời mà qua là tốt. Trân trọng!

Ngài bảo tùy thời tiết, nếu để qua mất thời tiết thì sẽ mất cơ hội. Nóng thấy nóng, lạnh thấy lạnh, nếu thấy khác đi là sai lầm. Vì thế nói, trong phi sắc khởi hiểu sắc tức là mất thời tiết. Trong phi sắc tưởng sắc nghĩa là không thật mà tưởng thật, đó là sai lầm. Nhưng trong sắc mà khởi hiểu phi sắc, tức là ngay cái bàn này mà nghĩ nó không thật thì có lỗi lầm không? Cũng không đúng, vì còn quán chiếu. Thiền là ngay nơi đó thấy lẽ thật, không còn quán chiếu nữa. Vì thế ngài nói *Hãy nói sắc khởi hiểu phi sắc lại đúng, chẳng đúng?* Nếu hiểu như vậy cũng chưa dính dáng gì, cũng là còn chạy theo hai đầu.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là gia phong của Thanh Lương?

Sư đáp:

- Người đến chỗ khác, chỉ nói đến Thanh Lương rồi.

- Thế nào được các pháp không chống lại?

- Có pháp gì chống lại Thượng tọa?

Hỏi: *Thế nào là gia phong của Thanh Lương*, ngài đáp: *Người đến chỗ khác, chỉ nói đến Thanh Lương rồi.* Câu nói rất rõ ràng. Gia phong của tôi khi nào ông đến thì biết, đến chỗ khác chỉ nói là đã đến Thanh Lương rồi, đó là đã thấy gia phong của tôi. Nếu ông chưa đến tức là chưa thấy gia phong của tôi.

Hỏi: *Thế nào được các pháp không chống lại?* Ai chống Thượng tọa, pháp nào chống? Như chúng ta hỏi làm sao các pháp đừng nhiễm mình, có pháp nào làm nhiễm mình không? Tất cả các thứ như sắc đẹp, danh vọng... nó là nó chứ nó đâu có đem vô nhuộm mình, chỉ tại mình nhiễm nó.

Sư dạy chúng:

- Thấy đạo là gốc, sáng đạo là công, liền hay được sức đại trí tuệ. Nếu chưa được như thế, thì việc đáng yêu thích trong tam giới phải dạy dẹp hết, vừa có một mảy may lại là chưa được. Như các ông khi ngủ chẳng sân bèn hỷ, đây là cảnh giới hôn loạn huân tập đã thuần thực ở trong tam giới. Không tỉnh táo thì hôn loạn, bởi duyên các ông tập loạn gây nên. Cổ nhân gọi đó là vàng hóa ra mà lầm cho là vàng ròng, nó còn chẳng bằng vàng trong mỏ. Nếu nhìn thấy tốt xương thấu tủy, ấy là sức siêu thoát của các ông. Nếu chưa được như thế, nên xem xét cái gì là lâu dài diện các? Chư thánh

chưa hẳn thường nắm tay ông, ông chưa hẳn nương theo mà đi, xưa nay như thế vậy.

Thế nào gọi là *thấy đạo là gốc, sáng đạo là công*? Tất cả chúng ta khi tu nhận ra ông chủ là kiến tánh, là thấy đạo, đó là gốc của sự tu. Thấy ông chủ nhưng chưa hiện trọn vẹn, vì còn bao nhiêu thứ phiền não lằng xằng che phủ. Cần tu tập cho tan hoang hết các phiền não để ông chủ hiện sờ sờ, *sáng đạo là công*, công tu của chúng ta ở chỗ đó. Thấy đạo là gốc ban đầu để tiến nhưng chưa đủ, phải có công phu dẹp loạn phiền não để ông chủ hiện tiền. Được như vậy gọi là đại trí tuệ.

Nếu trường hợp chưa được như thế thì phải làm sao? Nên nhớ câu này: *Việc đáng yêu thích trong tam giới phải dạy dẹp hết, vừa có một mảy may lại là chưa được*. Khi chưa sáng đạo thì mọi việc trong tam giới, tất cả những gì yêu thích phải bỏ hết không còn một mảy may. Chúng ta chứa chất đầy hông đầy bụng, đầy tràn nên nhiều khi muốn xách túi chạy.

Đây là bệnh của chúng ta: *Như các ông khi ngủ chẳng sân bèn hỷ*. Ngài nói có hai trường hợp, đôi khi ngủ không gặp cảnh sân thì gặp cảnh mừng, không gặp cảnh mừng thì cảnh sợ, không gặp cảnh sợ thì cảnh nhiễm, cảnh thích... Có nhiều cái trong đời này chúng ta chưa bao giờ thấy, chưa bao giờ làm mà bỗng nhiên trong mộng lại hiện. Đó là cái huân tập nhiều đời ở trong tam giới, nếu ngẫu nhiên làm sao lại hiện? Vì thế nói *Đây là cảnh giới hôn loạn huân tập đã thuần thục ở trong tam giới*.

Không tỉnh táo thì hôn loạn, chúng ta hiện sống đây, lúc thì tỉnh táo, lúc thì hôn loạn. Tại sao? Bởi duyên các ông tạp loạn gây nên, chúng ta sống khi tỉnh khi mê là duyên tạp loạn quá sâu. Cảnh trong phút giây hiện tại này hoặc tỉnh hoặc hôn loạn, cổ nhân gọi đó là vàng hóa ra, chưa phải vàng ròng. Nó còn thua vàng trong mỏ. Tất cả cảnh khiến chúng ta được vui buồn... là mộng huyễn không thật, đừng chấp nó, tưởng quý như vàng ròng.

Nếu nhìn thấy tốt xương thấu tủy, ấy là sức siêu thoát của các ông, phải thấy cho tận cùng cho thấu đáo. Ngài đặt câu hỏi: Nếu chưa được như thế, nên xem xét cái gì là lâu dài diệu các? Chúng ta mê những cảnh sang trọng đẹp dễ, những cảnh ấy có thật không? Không thật mà mê cái gì, nên xem xét kỹ.

Chư thánh chưa hẳn thường nắm tay ông, ông chưa hẳn nương theo mà đi, xưa nay như thế vậy. Phật Bồ-tát và các bậc thiện tri thức chỉ khai thị cho chúng ta cái sẵn có của mỗi người. Chúng ta nhận được, ngay đó mà tu, các ngài không thể lôi chúng ta ra khỏi vùng nhiệm ô. Nhiệm ô là tự mình, các ngài không nhận mình xuống cũng không lôi lên. Tôi nói việc rất đơn giản, như chúng ta biết rõ ràng sáu căn không có tri âm là sum họp một nhà. Nói như vậy nhưng có mấy ai chịu không tri âm? Các ngài không bảo mình bịt tai lại đừng nghe tiếng, bịt mắt đừng thấy sắc. Mỗi người khi hiểu được cái đó rồi thì tự gỡ lấy, các ngài không làm thế cho ai. Vì thế nói chư thánh không nắm tay kéo đi, chúng ta cũng không nắm tay các ngài mà theo được, chỉ mỗi người phải nghe nhận rồi tự gỡ, tự cởi mở.

Đa số chúng ta tu có cái dở là không tự gỡ, bao nhiêu phiền não đều lay Phật xin cứu con, cho con hết phiền não, cho con tu hành tinh tấn. Phật cứu được không? Mình cứ giận người thì Phật làm sao cứu? Như trong chúng có huynh nào giận huynh nào, đến thưa tôi. Tôi nói: “Thôi bỏ đi, huynh đệ trong nhà giận hờn nhau chi chướng đạo.” Bỏ bỏ mà không chịu bỏ, cứ giận dùng dùng, rồi kêu Thầy không cứu con. Tôi làm sao cứu? Cũng như người nào nặng về sắc, thấy ai đó có vẻ quyến luyến. Tôi khuyên thôi đừng quyến luyến, sắc dục như chớp không đáng gì, chạy theo nó là chướng đạo tu không được. Khuyên như vậy mà không chạy theo thì tốt, nếu cứ mơ tưởng người ta hoài, tôi làm sao cứu đây?

Rất thực tế như vậy. Phật hay thiện tri thức không thể giải thoát giúp chúng ta được, các ngài chỉ nói, chỉ cách cho tu thôi, ra được hay không ra được là chuyện của mình. Hiểu thật rõ chỗ này để không lầm, không ý lại.

Sư thượng đường bảo:

- Chư Thượng tọa! Thời tiết lạnh cần gì đến đây? Hãy nói đến đây là tốt hay chẳng đến đây là tốt? Hoặc có Thượng tọa nói: “Chẳng đến đây là tốt, vì chỗ nào chẳng phải, lại cần đến đây làm gì?” Bèn có Thượng tọa nói: “Y cũng chẳng đặt một chiều, cần đến chỗ Hòa thượng mới được!” Chư Thượng tọa! Hãy nói hai người ấy đối trong Phật pháp lại có tiến thú hay không? Thượng tọa! Thật là chẳng được, đồng không có một tý tiến thú. Người xưa gọi là

“chùy sắt không cán”, mù từ bé điếc từ bé, không khác. Nếu lại có Thượng tọa bước ra nói: “Hai người kia đều không được. Vì sao như thế? Vì y còn chấp trước cho nên chẳng được.”

Chư Thượng tọa! Cứ hành khước như thế, cứ thương lượng như thế là mong muốn gì? Hay là chỉ cần khua môi múa mồm? Hay là riêng có chỗ mong? Sợ e y chấp trước là chấp trước cái gì? Hay là chấp trước lý, chấp trước sự, chấp trước sắc, chấp trước không? Nếu chấp lý, lý là cái gì mà chấp? Nếu chấp sự, sự là cái gì mà chấp? Chấp sắc chấp không cũng như thế.

Khi nghe nói “mùa đông lạnh, các ông tới đây làm gì? Tới đây là phải hay không tới đây là phải?”, có ba cách trả lời. Người thứ nhất nói *không tới là phải* vì ở đâu cũng có cái đó. Người thứ hai nói *tới là phải* vì tuy nhiên như vậy phải cần tới Hòa thượng mới sáng. Người thứ ba nói *hai người đó đều không được, vì còn chấp trước*. Người thứ ba đúng chưa?

Ngài hỏi *chấp cái gì?* Có gì thật mà chấp. Với con mắt của người học đạo phải thấy tất cả pháp thế gian duyên hợp, không có một pháp thật. Giả mà chấp thật là cái si mê mù tối muôn đời của mình, vì thế chấp bậy chấp càn.

Như lúc đang đói bụng, có ai đem cho một đĩa cơm hay một đĩa bánh, đĩa đồ ăn ngon thơm, lúc đó chúng ta thấy nó rất quý. Nhưng khi ăn nhai nuốt chừng hai ba tiếng đồng hồ sau nó còn quý không? Nếu xỏ cái đó

ra thiên hạ có bụm mũi không? Nếu nó quý thì trước sau vẫn là quý, sao chỉ có trong một khoảng, qua rồi thì hết quý? Cái tạm bợ giả dối mà cứ cho là thật là quý, rất si mê điên đảo. Nó quý vì cần thiết đối với cơ thể, qua khỏi cổ rồi thì trở thành tiện, chỉ có trong khoảng thời gian rồi mất, không phải thật.

Một ví dụ như vậy, tất cả cái khác cũng vậy, không có chút gì là thật, chỉ vì nghiệp chướng điên đảo tưởng tượng rồi mê thích. Những cái không quý tưởng là quý, không vui tưởng là vui, không an lạc tưởng là an lạc, tất cả đều khổ. Biết rằng tất cả đều không thật thì có gì chấp?

Sở dĩ bình thường sơn tăng nói với chư Thượng tọa, mười phương chư Phật, mười phương thiện tri thức luôn luôn đuổi tay, chư Thượng tọa luôn luôn nắm tay. Mười phương chư Phật thì đã đuổi tay, chỗ nào là chỗ chư Thượng tọa luôn luôn nắm tay? Lại có chỗ hội thì nên hội lấy. Nếu chưa hội được, chớ nói tất cả đều đã trọn vẹn.

Chư Thượng tọa! Người hành khước cần phải xét kỹ, phải để hết tinh thần, không nên trông cậy vào trí tuệ chút ít, qua mất thời gian.

Mười phương chư Phật, mười phương thiện tri thức luôn luôn đuổi tay, chư Thượng tọa luôn luôn nắm tay. Duỗi tay là buông, còn nắm tay là luôn chấp chặt, vì thế chuyện rất đơn giản lại biến thành phức tạp.

Như có người xách một túi nặng ba bốn chục ký đi không nổi, vừa đi vừa kêu: “Trời ơi! Nặng quá đi không nổi.”

Có người thấy tội nghiệp bảo: “Nặng quá bỏ đi! Buông xuống đi!” Xách nặng, xách không nổi thì buông là rất khỏe, không chịu buông mà cứ kêu trời xách không nổi. Như vậy diên đảo tới cỡ nào?

Đạo lý hết sức đơn giản, mà con người không chịu đơn giản. Một bề chấp chặt rồi kêu cứu thì ai cứu? Như người ta chửi mình, biết tiếng chửi đó không thật liên bỏ là xong. Không chịu bỏ, lòng cứ nhớ tưởng họ chửi câu này câu nọ, ngủ không được, đến sáng phát cuồng lên chạy cầu cứu người này cầu cứu người kia. Chỉ có dạy bỏ đi, chứ biết làm sao mà cạo cái buồn cái giận ra cho được. Rõ ràng cái ngu muội của con người lâu xa sâu dày, nên gỡ không được. Đôi khi nhắc nhở những lời nói phải nói hay cho họ, khi nghe cũng biết đó là phải, nhưng ra khỏi chỗ đó rồi quên, cũng y nguyên như cũ.

Sức mê muội nhiều đời tạo nên thói quen, có việc gì xảy ra thì lôi kéo cả chùm. Như hồi nào đó, người ta nói câu nói chơi, mình nghe không giận, đến khi giận việc gì bèn lôi mấy cái kia ra luôn. Giận một cái mà kéo cả chùm mấy cái cũ từ xa xưa, rồi tức mất ăn mất ngủ, rồi kêu đau, rồi xin thuốc... Cứ lần quần như vậy nên tu không tiến. Trên thế gian này có người nào không đủ điều kiện tu? Ai cũng tu được hết nhưng vì chấp nê, tham tiếc, không chịu buông nên Phật đưa tay, còn chúng ta thì không nắm tay.

Sư có làm bài tụng:

Lý cực vong tình vị

Như hà hữu dụ tề

*Đáo đầu sương dạ nguyệt
 Nhậm vận lạc tiên khê.
 Quả thực chiêm viên trọng
 Sơn trường tự lộ mê
 Cử đầu tàn chiếu tại
 Nguyên thị trụ cư tê.*

Dịch:

**Lý tột quên tình nói
 Làm sao có dụ bằng
 Rốt cùng trăng sương đêm
 Mặc tình rơi trước khe.
 Trái chín cùng vườn quý
 Núi dài giống đường quên
 Ngẩng đầu tàn chiếu hiện
 Nguyên là ở phương tây.**

Lý tột quên tình nói. Luận Đại thừa khởi tín dạy rằng đến chỗ tột cùng thì ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, nghĩa là đường ngôn ngữ dứt, chốn tâm tư mất. Chỗ lý tột là lời nói và tình thức đều dứt bật.

Làm sao có dụ bằng, ngôn ngữ và suy tính đã bật rồi thì lấy gì làm ví dụ, vì không có ví dụ nào bì được cái đó hết.

Rốt cùng trăng đêm sương, mặc tình rơi trước khe, đêm trăng sương mờ, bóng trăng rơi xuống khe phía trước.

Trái chín cùng vượn quý, trái cây chín đối với con vượn rất thích. Núi dài giống đường quên, núi dài tựa như mất đường đi. Chúng ta đi Đà Lạt, gần tới Bảo Lộc, thấy núi kéo dài từng chặng che khuất đường đi.

Tuy vậy, *ngắt đầu tàn chiếu hiện*. Chỉ cần ngắt đầu lên thì ánh sáng hiện ra. *Nguyên là ở phương tây*, chính là mình ở ngay đó không đâu xa lạ hết. Không phải núi dài che mất, không phải là hoàn cảnh nào làm cho khuất lấp cái đó được, chỉ cần ngắt đầu thì cái đó hiện tiền.

Sư làm bài tụng Tam giới duy tâm:

<i>Tam giới duy tâm</i>	Tam giới duy tâm
<i>Vạn pháp duy thức</i>	Vạn pháp duy thức
<i>Duy thức duy tâm</i>	Duy thức duy tâm
<i>Nhãn thanh nhĩ sắc.</i>	Mắt thanh tai sắc.
<i>Sắc bất đáo nhĩ</i>	Sắc chẳng đến tai
<i>Thanh hà xúc nhãn</i>	Thanh nào chạm mắt
<i>Nhãn sắc nhĩ thanh</i>	Mắt sắc tai thanh
<i>Vạn pháp thành biện.</i>	Muôn pháp thành tựu.
<i>Vạn pháp phủ duyên</i>	Muôn pháp chẳng duyên
<i>Khởi quán như huyễn</i>	Đâu quán như huyễn
<i>Đại địa sơn hà</i>	Đại địa sơn hà
<i>Thùy kiên thùy biến?</i>	Gì bền gì đổi?

Sở dĩ nói *tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức* là sao? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng... sanh phân biệt,

đặt ra thành muôn pháp, muôn sự muôn vật. Từ *mắt sắc tai thanh, muôn pháp thành xong*. Nếu biết các pháp mà không dính không kẹt gọi là *muôn pháp chẳng duyên* thì *đâu quán như huyễn*, cần gì phải quán các pháp như huyễn. Sở dĩ chúng ta phải quán như huyễn là vì thấy các pháp có thật, sanh nhiễm nên phải quán để gỡ ô nhiễm. Khi tâm không dính nữa thì quán làm gì? *Đại địa sơn hà, gì bên gì đối?* Đến đây thì sơn hà đại địa còn nói cái gì là vô thường, cái gì là thường?

Sư làm bài tụng Hoa Nghiêm lục tướng nghĩa:

Hoa Nghiêm lục tướng nghĩa

Đồng trung hoàn hữu dị

Dị nhược dị ư đồng

Toàn phi chư Phật ý.

Chư Phật ý tổng biệt

Hà tăng hữu đồng dị?

Nam tử thân trung nhập định thời

Nữ tử thân trung bất lưu ý

Bất lưu ý, tuyệt danh tự

Vạn tượng minh minh vô lý sự.

Dịch:

Nghĩa sáu tướng Hoa Nghiêm

Trong đồng lại có dị

Dị nếu dị nơi đồng

Toàn chẳng phải ý Phật.

**Ý chư Phật tổng biệt
Đâu từng có đồng dị?
Trong thân kẻ nam khi vào định
Trong thân người nữ chẳng lưu ý,
Chẳng lưu ý, bất danh tự
Vạn tượng rõ ràng không lý sự.**

Kinh Hoa Nghiêm lập ra sáu tướng: tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng. Tất cả pháp trên thế gian đều có đủ sáu tướng. Như cái nhà này, toàn thể cái nhà là *tổng tướng*. Cột, kèo, đòn tay... là *biệt tướng*. Cột, kèo, rui, mè... đều bằng gỗ, là *đồng tướng*. Trong đồng tướng đó lại có *dị tướng*, tuy là gỗ nhưng kèo khác cột, cột khác rui, mè... Khi các bộ phận hợp lại đủ hết gọi là *thành tướng*. Khi các bộ phận chia rẽ phân tán, gọi là *hoại tướng*.

Tất cả sự vật, kể luôn thân này đều có sáu tướng, nếu đã có sáu tướng như vậy thì có tướng nào cố định không? Không có gì cố định. Trong tổng tướng có biệt tướng, trong đồng tướng có dị tướng, có thành tướng thì cũng có hoại tướng. Các pháp không có một tướng thật, nếu thấy có một tướng thật là cái thấy sai lầm, vì thế nói: *Dị nếu dị nơi đồng, toàn chẳng phải ý Phật*, nếu chấp cái khác là khác với cái đồng, cái đồng và cái khác riêng biệt, đó là không biết ý Phật.

Ý chư Phật tổng biệt, đâu từng có đồng dị, đồng không thật là đồng vì trong đồng có dị, dị không thật là dị vì trong dị có đồng. Đây dẫn hai câu: *Trong thân*

người nam khi vào định, trong thân người nữ chẳng lưu ý, chẳng lưu ý tức là định. Nghĩa là người nam định thì người nữ cũng định. Định của người nam không khác định của người nữ. Chỉ trên tướng giả gọi là nam là nữ. Chẳng lưu ý bất danh tự. Chỗ đó không còn danh tự, vạn tượng rõ ràng không có hai bên lý và sự riêng biệt. Đó là tinh thần kinh Hoa Nghiêm.

Sư ở mấy nơi, nơi nào đồ chúng theo tham vấn thường xuyên không dưới một nghìn người. Sư làm cho chánh tông của Huyền Sa hưng thịnh miền Giang Biểu. Sư theo cơ thuận vật gỡ kẹt dẹp tối, phàm nêu lên tam-muội các nơi hoặc nhập thất trình kiến giải hoặc đứng ra thưa hỏi, đều theo bệnh cho thuốc, tùy căn cơ ngộ nhập không thể ghi hết.

Đến niên hiệu Hiên Đức năm thứ năm (958) nhà Hậu Chu, ngày mười bảy tháng bảy năm Mậu Ngọ, Sư có chút bệnh. Quốc chủ đích thân đến thăm hỏi. Ngày mừng năm tháng nhuận, Sư tắm gội xong, từ giã chúng ngồi kiết già thị tịch, nhan mạo như lúc bình thường. Sư thọ 74 tuổi, 54 tuổi hạ. Vua ban sắc thụy là Đại Pháp Nhãn thiền sư, tháp hiệu Vô Tướng.

Dưới sự giáo hóa của ngài, tông phong hưng thịnh miền Giang Biểu. Sau khi tịch, ngài được vua ban thụy là Đại Pháp Nhãn, vì thế tông của ngài gọi là tông Pháp Nhãn.



THIÊN SƯ HỮU PHỤC NGỘ KHÔNG **ở viện THANH LƯƠNG**

(? - 943)

Sư họ Vương, quê ở Bắc Hải, xuất gia lúc còn bé, đến mười chín tuổi thọ giới Cụ túc. Sư thường tự nói: “Nếu bám vào kinh điển tức là mắc kẹt chiếc bè, toan tiến đến chỗ lóng lặng lại ngại rơi vào không, tới lui khó quyết định, bỏ hai thì không được.” Sư bèn đi các nơi tham vấn các bậc thiên đức.

Đây là bệnh chung của nhiều người khi tu mà chưa biết lối đi. Nếu là người có ý chí quyết cầu giải thoát, mà cứ đọc kinh, tối tụng một thời khuya tụng một thời, như vậy giải thoát được chưa? Phật dạy kinh điển như chiếc bè đưa người qua sông, nếu cứ bám vào bè thì không lên bờ được. Vì thế không nên chấp vào kinh.

Nếu buông kinh ra để tâm yên lặng, lại sợ rơi vào không. Một bên chấp chiếc bè, một bên rơi vào không,

lúng túng không biết đường đi. Bây giờ làm sao? Vì vậy ngài đi tham vấn.

Sư đồng kết bạn với Pháp Nhân v.v... đến hội thiền sư Quế Sâm. Ở đây nhiều năm mà Sư không khế ngộ. Sư mắc bệnh nằm nơi nhà Niết-bàn. Một đêm, Quế Sâm đến thăm, hỏi:

- Thượng tọa Phục an vui chăng?

Sư thưa:

- Con vì nhân duyên trái với Hòa thượng.

Quế Sâm chỉ lòng đèn hỏi:

- Thấy chăng?

Sư thưa:

- Thấy.

Quế Sâm bảo:

- Chỉ cái ấy chẳng trái.

Sư nhân câu nói ấy có tỉnh.

Ngài Quế Sâm chỉ đường vào qua tánh thấy. Tánh này ai ai cũng có đủ không trái nhau.

Sau, nhân Thiệu Tu thăm hỏi Quế Sâm, nói:

- Con trăm kiếp ngàn đời cùng Hòa thượng trái nhau, lại gặp Hòa thượng chẳng an.

Quế Sâm dựng đứng cây gậy lên nói:

- Chỉ cái này chẳng trái.

Sư bỗng nhiên khế ngộ.



Sau, Sư nối tiếp Pháp Nhãn (thiền sư Văn Ích) trụ trì chùa Sùng Thọ ở Phủ Châu. Đến khi Quốc chủ Giang Nam xây dựng đại đạo tràng Thanh Lương thỉnh Sư đến trụ trì.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Thánh xưa vừa sanh ra liền đi khắp bảy bước, mắt nhìn bốn phương nói: “Trên trời dưới đất, chỉ ta độc tôn.” Ngài có cái phương tiện kỳ đặc, còn chư Thượng tọa khi mới sanh ra có cái gì kỳ đặc, thử nêu lên xem? Nếu nói rằng “Không” tức là đối diện mà kiêng tránh. Nếu nói “Có” lại làm sao thông được tin tức ấy? Lại hội chăng? Thượng tọa hân hạnh có việc kỳ đặc, nhân sao chẳng biết? Trân trọng.

Khi Phật sanh ra đi bảy bước, tay chỉ trời tay chỉ đất, nói “Trên trời dưới trời chỉ ta là hơn hết”, đó là độc tôn. Phật sanh ra có cái kỳ đặc, hiện tại tất cả người có cái kỳ đặc không? Kỳ đặc chỗ nào? Có thì nêu ra xem. Nếu không có là đối diện mà kiêng tránh. Đối diện cái hiện tại đây mà mình kiêng nể, tránh né không chịu nhận. Nếu nói có, thì trình ra xem.

Kết thúc ngài nói *Thượng tọa hân hạnh có việc kỳ đặc, nhân sao chẳng biết?* Ai cũng có mà sao không biết,

tất cả đây có người nào thiếu không? Không ai thiếu hết tại sao không nhận?

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Người là chúng sanh.

Tăng thưa:

- Lại nhận hay không?

Sư bảo:

- Luống bày câu hỏi này.

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang?

Sư bảo:

- Ông nói cỗi này lại có chăng?

Tăng hỏi:

- Chỗ tỉnh yếu xin Thầy một lời?

Sư đáp:

- Trân trọng.

Hỏi: *Thế nào là Phật?* Ngài nói: *Ông là chúng sanh*, vì chưa biết Phật nên ông là chúng sanh. Rõ ràng như vậy, nếu biết thì ông là Phật.

Tăng hỏi: *Lại nhận hay không?* Nhận câu hỏi không? Ngài đáp: *Luống bày câu hỏi này*. Tăng chuyển qua

câu hỏi khác: *Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang?* Ngài bảo: *Ông nói cội này lại có chãng?* Tăng hỏi thêm: *Chỗ tỉnh yếu xin Thầy một lời?* Ngài: *Trân trọng. Đủ rồi.*

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm.

Tăng lễ bái. Sư bảo:

- Chớ lầm hội.

Tăng hỏi:

- Thế nào là một hạt bụi vào chánh định?

Sư đáp:

- Sắc tức không.

Tăng hỏi:

- Thế nào các hạt bụi từ tam-muội dậy?

Sư đáp:

- Không tức sắc.

Hỏi: *Thế nào là đạo?* Ngài đáp: *Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm.* Đây là dẫn câu của ai? Của Lục tổ Huệ Năng. *Tăng lễ bái.* Ngài bảo: *Chớ lầm hội.*

Tăng hỏi: *Thế nào là một hạt bụi vào chánh định?* Ngài đáp: *Sắc tức không.* Tăng hỏi: *Thế nào các hạt bụi từ tam-muội dậy?* Ngài đáp: *Không tức sắc.*

Những câu trả lời này rất khéo. Dẫn kinh Hoa Nghiêm nói: một hạt bụi vào chánh định, nhập tam-muội, hoặc các hạt bụi từ tam-muội dậy... Chúng ta đọc mà không hiểu. Ngài nói lại thấy dễ hiểu. Hạt bụi vào chánh định là *sắc tức không*, các hạt bụi từ chánh định dậy là *không tức sắc*. Tại sao? Khi có tướng bụi là có hình sắc, chánh định tức không động. Nếu nói hạt bụi vào chánh định tức là từ sắc thấy được tánh không, sắc tức không. Nói hạt bụi từ định dậy khởi, tức là từ tánh không duyên khởi các pháp, là không tức sắc.

Tăng hỏi:

- Thế nào là chỗ học nhân xuất thân?

Sư đáp:

- Ngàn thứ so chẳng kịp, muôn điều sánh chẳng bằng.

Tăng thưa:

- Thỉnh Hòa thượng nói?

Sư đáp:

- Xưa cũng có nay cũng có.

Tăng hỏi chỗ xuất thân, ngài nói: *Ngàn thứ so chẳng kịp, muôn điều sánh chẳng bằng*. Chỗ đó không có gì làm sao sánh bằng. Tăng thưa: *Thỉnh Hòa thượng nói*. Ngài nói: *Xưa cũng có nay cũng có*. Chỗ xuất thân đó xưa có giờ cũng có, vậy thôi.

Niên hiệu Thiên Phúc năm thứ tám (943) nhà Hậu Tấn, ngày mùng một tháng mười, Sư sai Tăng đến viện Báo Ân mời Pháp Nhãn đến phương trượng để dặn dò, lại biên thư từ biệt Quốc chủ.

Đến ngày mùng ba nửa đêm giờ Tý, Sư ngồi ngay thẳng nhắc chúng rằng: “Đừng phí thì giờ.” Nói xong từ biệt nhập diệt.



THIÊN SƯ THIỆU TU Ở LONG TẾ cũng gọi TU SƠN CHỦ

Ban đầu Sư cùng Đại Pháp Nhãn (Văn Ích) tham vấn nơi thiền sư Quế Sâm, cho là đã ngộ tốt. Ba vị đồng từ giả Quế Sâm đi Kiến Dương. Trên đường cùng bàn chuyện nhau, Pháp Nhãn chợt hỏi:

- Người xưa nói: “Ở trong vạn tượng riêng bày thân”, là đẹp vạn tượng hay chẳng đẹp vạn tượng?

Sư đáp:

- Chẳng đẹp vạn tượng.

Pháp Nhãn bảo:

- Nói cái gì là đẹp chẳng đẹp?

Sư mờ mịt, trở lại viện Địa Tạng. Quế Sâm thấy Sư trở lại, hỏi:

- Người đi chưa bao lâu tại sao trở lại?

Sư thưa:

- Có việc chưa giải quyết, đâu ngại leo non vượt suối.

Quế Sâm bảo:

- Người leo vượt bao nhiêu non suối, lại chẳng chán sao?

Sư chưa hiểu lời dạy bảo, liền hỏi:

- Cổ nhân nói “Ở trong vạn tượng riêng bày thân”, ý chỉ thế nào?

Quế Sâm đáp:

- Người nói người xưa đẹp vạn tượng hay chẳng đẹp vạn tượng?

Sư thưa:

- Chẳng đẹp.

Quế Sâm bảo:

- Cũng là hai.

Sư kinh hãi lặng thinh, lại hỏi:

- Chưa biết cổ nhân đẹp vạn tượng hay chẳng đẹp vạn tượng?

Quế Sâm bảo:

- Người nói cái gì là vạn tượng?

Sư liền tỉnh ngộ, lại từ biệt Quế Sâm đi đến chỗ Pháp Nhãn.

Tư tưởng ngài Pháp Nhãn và huynh đệ của ngài chịu ảnh hưởng ngài Huyền Sa, luôn luôn thấy vạn tượng không thật, không có đẹp hay chẳng đẹp.

Sau, Sư về ở núi Long Tế chẳng cần nhóm họp đồ chúng, mà chúng vẫn đua nhau tìm đến.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Pháp đầy đủ nơi phàm phu mà phàm phu chẳng biết, pháp đầy đủ nơi thánh nhân mà thánh nhân chẳng hội. Thánh nhân nếu hội tức là phàm phu, phàm phu nếu biết tức là thánh nhân. Hai câu nói này một lý mà hai nghĩa. Nếu người biện biệt được chẳng ngại ở trong Phật pháp có chỗ vào. Nếu người biện biệt chẳng được, chớ nói không nghi.

Câu trên dễ hiểu: *Pháp đầy đủ nơi phàm phu mà phàm phu chẳng biết*. Câu sau đây khó hiểu: *Pháp đầy đủ nơi thánh nhân mà thánh nhân chẳng hội. Thánh nhân nếu hội tức là phàm phu, phàm phu nếu biết tức là thánh nhân*. Lời nói của ngài Thiệu Tu rất kỳ đặc. Pháp đó ở phàm ở thánh đều đủ, tất cả mọi người đều có, nhưng phàm phu có mà không biết, thánh nhân có mà không hội. Tại sao? Vì thánh là đã thấy thể chân thật, nếu khởi thấy biết tức là đầu thêm đầu, nên nói nếu thánh nhân khởi hội thì đồng phàm phu. Phàm phu có mà không biết, biết thì thành thánh nhân. Rất rõ ràng, mới nghe dường như khó hiểu.

Có vị tăng hỏi:

- Trong kinh nói: “Núi Tu-di nhét trong hạt cải, hạt cải nhét trong núi Tu-di”, thế nào là núi Tu-di?

Sư đáp:

- Đâm phủng tâm ông.
- Thế nào là hạt cải?
- Lấp mắt mắt ông.
- Thế nào là nhét?
- Nắm núi Tu-di và hạt cải đem lại.

Nếu thấy thật có núi Tu-di thì tâm bị đâm phủng, nếu thấy có thật hạt cải thì mắt bị lấp mắt. Tăng hỏi: Thế nào là nhét? Đem hai cái đó lại tôi nhét cho xem. Chúng ta cứ lý sự quanh co, xa rời thực tế. Ngài nói thẳng vấn đề.

Sư dạy chúng:

- Thanh sắc chẳng đến bệnh tại thấy nghe, nói năng chẳng đến lỗi tại môi lưỡi.

Có vị tăng đứng ra hỏi:

- Lìa thanh sắc thỉnh Hòa thượng nói?

Sư đáp:

- Trong thanh sắc đem cái hỏi lại.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là phổ nhãn?

Sư đáp:

- Mảy may xem chẳng thấy.
- Tại sao xem chẳng thấy?
- Vì y con mắt rất lớn.

- Thế nào là người đại bại hoại?
- Kiếp hoại chẳng từng dời.
- Người này lại biết có Phật pháp hay không?
- Nếu biết có Phật pháp lẫn thành điên đảo.
- Làm sao chẳng điên đảo?
- Cần phải biết Phật pháp.
- Thế nào là Phật pháp?
- Đại bại hoại.

Độc thấy vui nhưng hiểu không dễ. Ngài dạy: *Thanh sắc chẳng đến bệnh tại thấy nghe*, chúng ta không thấu được thanh sắc vì thấy bị dính sắc, nghe bị dính thanh. *Nói năng chẳng đến lỗi tại môi lưỡi*, nói không đến được cái thật, vì môi lưỡi có giới hạn. Tăng hỏi: *Lìa thanh sắc thỉnh Hòa thượng nói?* Lìa thanh sắc nói gì? Ngài nói: *Trong thanh sắc đem cái hỏi lại.* Ông bảo lìa, bây giờ ngay trong sắc đem cái hỏi đến cho tôi xem. Nếu đem không được tức câu hỏi của ông không thật.

Tăng hỏi: *Thế nào là phổ nhãn?* Phổ nhãn là mắt thấy khắp hết. Ngài đáp: *Mấy may xem chẳng thấy.* Không thấy được. Tại sao? *Vì y con mắt rất lớn.* Con mắt trùm khắp thì không có gì không phải là mắt, mắt có thể thấy mắt không? Câu này còn có một ý rất hay. Con mắt lớn không để ý những vật nhỏ, còn chú ý những cái nhỏ nhặt là không có con mắt lớn. Ngay nơi chúng ta cũng vậy, nếu cho cái lăng xăng nhỏ xíu chột có chột không là tâm mình, chạy theo những lăng xăng vụn vặt

đó thì không nhận ra cái lớn. Khi nhận được tâm thể thênh thang rộng lớn thì có cần chú ý đến mấy cái vụn vặt lằng xằng không?

Hỏi: *Thế nào là người đại bại hoại?* Đại bại hoại không có nghĩa hư hoại, mà tức là không bại hoại. Ngài nói: *Kiếp hoại chẳng từng dời.* Hỏi: *Người này lại biết có Phật pháp không?* Cái không bại hoại là Phật pháp, còn hỏi biết không thì sao? Nên ngài nói: *Nếu biết có Phật pháp lẫn thành điên đảo.* Đã là Phật pháp rồi còn khởi biết Phật pháp thì thành điên đảo.

Hỏi: *Làm sao chẳng điên đảo?* Đáp: *Cần phải biết Phật pháp.* Khi điên đảo rồi làm sao không điên đảo? Điên đảo là phàm phu, nếu phàm phu muốn hết điên đảo cần phải biết Phật pháp. Mới nghe như mâu thuẫn, khi nói *nếu biết có Phật pháp lẫn thành điên đảo*, đó là chỉ cho thánh nhân. Hỏi *làm sao chẳng điên đảo*, đó là hỏi phàm phu. Phàm phu nếu biết Phật pháp, tức đồng thánh nhân. Hỏi: *Thế nào là Phật pháp?* Đáp: *Đại bại hoại.*

Sư hỏi một vị tăng mới đến:

- Ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Ở Thúy Nham.

- Thúy Nham có lời gì dạy đồ chúng?

- Bình thường nói “Ra cửa gặp Di-lặc, vào cửa thấy Thích-ca”.

- Nói thế ấy làm sao được?

- Hòa thượng nói thế nào?

- Ra cửa thấy cái gì? Vào cửa thấy cái gì?

Vị tăng nghe xong liền tỉnh ngộ.

Chỗ không còn hình tướng, ra cửa vào cửa phải thấy ngay cái thật đó, còn thấy có Phật có Bồ-tát là chưa phải thật.

Sư có làm hơn sáu chục bài kệ tụng và các bài minh, luận... còn lưu truyền ở đời.

Ngài có làm hơn sáu chục bài kệ tụng và các bài minh, luận... còn lưu truyền ở đời. Tôi trích bài kệ Phong Động của ngài:

Phong động tâm dao thọ

Vân sanh tánh khởi trần.

Nhược minh kim nhật sự

Muội khước bản lai nhân.

Dịch:

Gió thổi tâm rung cây

Mây sanh tánh dấy bụi.

Nếu rõ việc ngày nay

Quên mất người xưa nay.

Bài kệ này dẫn tích Lục Tổ khi đến chùa của ngài Ấn Tông. Có hai vị tăng thấy gió thổi phướn lay ở trước sân, tranh cãi nhau là gió động hay phướn động. Ngài Thiệu Tu làm bài kệ *Gió động*.

Phong động tâm dao thọ, nếu chấp gió động thì tâm đã làm rung cây, rung cây là tâm động.

Vân sanh tánh khởi trần, nếu cho rằng mây có khởi thật thì tánh mình đã dấy bụi. Chấp gió động thật thì tâm động, chấp mây sanh thật thì tánh khởi bụi.

Nhược minh kim nhật sự, nếu chỉ biết rõ những việc hiện tại, phân biệt rành rẽ việc này việc kia trong hiện tại.

Muội khước bản lai nhân, lúc ấy mê muội quên mất người xưa nay. Nếu hiện tại nhớ việc này việc kia... là quên mất ông chủ.

Bài kệ của ngài đơn giản nhưng ý rất sâu xa.



THIÊN SƯ QUANG TỘ

chùa TRÍ MÔN - TÙY CHÂU

Có vị tăng đến hỏi:

- Nhất thiết trí trí thanh tịnh lại có địa ngục hay không?

Sư đáp:

- Vua Diêm-la là quỷ làm ra.

Tăng hỏi trong Nhất thiết trí trí thanh tịnh có địa ngục không, ngài trả lời *vua Diêm-la do quỷ làm ra*, quỷ làm ra thì có thật không?

Sư thượng đường dạy chúng:

- Một pháp nếu có, pháp thân rơi tại phạm phu; muôn pháp nếu không, Phổ Hiền mất cảnh giới ấy. Chính khi ấy Văn-thù nằm chỗ nào xuất đầu? Nếu đã xuất đầu chẳng được thì con sư tử lông vàng lưng bị gãy. Hân hạnh được một mâm cơm, chớ đợi gạo, gừng, tiêu.

Một pháp nếu có, pháp thân rơi tại phàm phu. Nếu thấy một pháp có thật thì pháp thân chìm trong phàm phu. *Muôn pháp nếu không, Phổ Hiền mất cảnh giới ấy.* Nếu thấy bên kia có bên đây không, thì mất cảnh giới Phổ Hiền. Không nên kẹt nơi có cũng đừng dính nơi không. Nếu mất cảnh giới Phổ Hiền, Bồ-tát Văn-thù chẳng thể xuất đầu, sư tử lông vàng bị gãy lưng.

Ngài nói câu cuối: *Hân hạnh được một mâm cơm, chờ đợi gạo gừng tiêu.* Chúng ta lên mâm cơm, nếu người quen ăn ớt, thấy thiếu ớt thì nhờ người đi lấy hoặc tự mình kiếm ớt vô mới ăn. Khi ăn chưa chịu ăn, đợi có thêm cái khác. Ngài nhắc, ngay nơi đây phải thấy, phải sống, đừng đợi giây phút khác.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Sơn tăng ghi được ở trong thai mẹ một câu nói, hôm nay nêu ra, tất cả đại chúng không được khởi thương lượng hợp đạo lý. Vậy có người thương lượng được chẳng? Nếu thương lượng chẳng được, ba mươi năm sau chẳng được lần nêu lên.

Nói một câu mà không cho thương lượng hợp đạo lý, rồi bảo thương lượng thử. Câu gì?

Sư thượng đường dạy chúng:

- Trong ngày sáng rõ có ta người, trong mây mù có từ bi, trong sương tuyết có áo vải, trong mưa đá ẩn thân, lại ẩn thân được chẳng? Nếu ẩn thân chẳng được lại bị mưa đá đập nát xương sọ.

Nếu phân biệt rành rẽ có ta có người, có tất cả duyên đối đãi... thì chúng ta bị cảnh làm tan nát, không thoát khỏi nó.

Sư dạy chúng:

- Mấy ngày mưa luôn, hãy nói mưa từ chỗ nào lại? Nếu nói từ trời rơi xuống thì cái gì là trời? Nếu nói từ đất phun lên, gọi cái gì là đất? Nếu lại chẳng hội, do đó cổ nhân nói:

*Thiên địa chi tiền kính
Thời nhân mạc cưỡng di
Cá trung sanh giải hội
Nhân thượng cánh an chùy.*

Dịch:

**Lối thẳng của trời đất
Người đời chớ đổi dời
Trong ấy sanh giải hội
Trên mắt lại để chùy.**

Ngài nhắc nhở chúng ta đừng quen thói phân biệt, cho cái này thế này cái kia thế kia, suy gẫm cho là mình hiểu biết, như thế là trên con mắt để thêm chùy.



THIÊN SƯ GIỚI núi NGŨ TỔ

Lúc Sư trụ núi Ngũ Tổ, có thiên sư Tề Nhạc kết bạn với Tuyết Đậu Trùng Hiên đi dạo Hoài Sơn, nghe danh Sư muốn đến khám nghiệm. Thiên sư Tề Nhạc đến trước, thẳng vào trượng thất. Sư thấy hỏi:

- Thượng nhân tên gì?

Nhạc đáp:

- Tề Nhạc.

Sư nói:

- Đâu giống Thái Sơn.

Nhạc không đáp được. Sư đánh đuổi ra.

Tề Nhạc là tên núi, Thái Sơn cũng là tên núi, núi Tề Nhạc không giống núi Thái Sơn, Tề Nhạc không trả lời được nên bị đuổi ra.

Hôm sau, Nhạc lại đến. Sư hỏi:

- Ông làm gì?

Nhạc xoay đầu, lấy tay vẽ tướng vòng tròn để trình. Sư bảo:

- Ấy là gì?

Nhạc nói:

- Già như thế mà bánh Hồ chẳng biết.

Sư đáp:

- Tới lò bếp nóng lại mặc áo cụt.

Nhạc suy nghĩ, Sư cầm gậy đánh đuổi ra cửa.

Mấy ngày sau, Nhạc lại đến bèn đưa tọa cụ lên nói:

- Trái ra thì đây đại thiên sa giới, chẳng trái thì sợi lông sợi tóc chẳng còn. Thế ấy, trái là phải hay chẳng trái là phải?

Sư bước xuống giường thiền nắm đứng bảo:

- Đã là người thuần thực cần gì như thế?

Nhạc không đáp được. Sư lại đánh đuổi ra.

Xem đó thì biết, Sư thật là một đời Long Môn vậy. Tề Nhạc ba phen tiến là ba phen bị điểm trán. Trương Vô Tận nói: “Tuyệt Đâu tuy cơ phong nhanh nhẹn mà trông ngọn núi này vẫn phải lùi, há chẳng phải để tự toàn vậy ư?”

Về già, Sư đến núi Đại Ngu chống gậy đứng nói cười, rồi tịch.



AM CHỦ TƯỜNG Ở LIÊN HOA PHONG

Sư thượng đường dạy chúng rằng:

- Nếu là việc này rất cần gấp, phải nhận rõ mới được. Nếu nhận được, trong mọi thời khỏi bị trôi buộc, bèn được tùy chỗ an nhàn, cũng chẳng cần đem tâm đề bực, cần phải tự nhiên, hợp với khuôn xưa mới được. Vừa đến chỗ học chừng ngần, liền lộ bày cái đạo lý, cho là Phật pháp; bao giờ được tâm địa thôi hết? Thượng tọa! Xin cùng thỉnh ủy thác như thế.

Ngài tha thiết răn nhắc chúng ta phải nhận rõ cái chân thật của chính mình, đừng để mất thì giờ, đừng bị mọi việc bên ngoài trôi buộc. Nhận được chỗ này mới hợp với gương xưa. Nếu mới học vừa chừng mà cho là hiểu Phật pháp thì không đúng.

Ngày Sư thị tịch, Sư cầm gậy bảo chúng:

- Cổ nhân đến đây vì sao chẳng chịu trụ?

Chúng không đáp được.

Sư nói tiếp:

- Vì các ngài đường đi chẳng đắc lực. Cứu cánh thế nào?

Sư cầm gậy để ngang vai, nói:

- Vai vác cây gậy tức lật chẳng đoái đến người, đi thẳng vào ngàn dặm núi muôn dặm núi.

Sư nói xong liền tịch.

Đây là chỗ ra đi tự tại của các ngài, muốn cách nào cũng được, nằm cũng được ngồi cũng được, vác gậy trên vai đi cũng được, đứng cười rồi chết cũng được... Người làm chủ được mình tự tại như vậy.



ĐỜI THỨ MƯỜI SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ SÁU

- 1- Thiên sư Cảnh Huyền ở núi Đại Dương.**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ SÁU

**Nổi pháp thiên sư Tĩnh Niệm
có mười sáu vị**

- 1- Thiên sư Thiện Chiêu ở Phần Dương**
- 2- Thiên sư Quy Tĩnh ở Diệp Huyện**
- 3- Thiên sư Trí Tung ở viện Thừa Thiên
cũng gọi là Đường Minh...**

III- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ TƯ

- 1- Thiên sư Trùng Hiên ở Tuyết Đậu**
- 2- Thiên sư Hiếu Thông ở Động Sơn**
- 3- Thiên sư Tự Bảo ở Động Sơn.**

IV- TÔNG PHÁP NHÃN ĐỜI THỨ HAI

có sáu mươi ba vị

- 1- Quốc sư Đức Thiều ở núi Thiên Thai**
- 2- Thiên sư Huệ Minh ở chùa Báo Ân**
- 3- Thiên sư Pháp Đăng hiệu Thái Khâm
ở viện Thanh Lương Kim Lăng**
- 4- Thiên sư Thanh Tung ở Linh Ẩn Hàng Châu...**

THIÊN SƯ CẢNH HUYỀN núi ĐẠI DƯƠNG

(943 - 1027)

Sư mười chín tuổi làm đại tăng nghe kinh Viên Giác, trong hội này không ai bì kịp Sư. Sau đó Sư đi du phương, trước đến Lương Sơn chỗ thiên sư Duyên Quán.

Sư hỏi:

- Thế nào là đạo tràng vô tướng?

Lương Sơn chỉ hình Bồ-tát Quan Âm, nói:

- Cái này là do Ngô Xử Sĩ vẽ.

Sư suy nghĩ để nói tiếp, Lương Sơn nhanh nhẹn nói:

- Cái này có tướng, cái kia không tướng.

Sư nhân đó tỉnh ngộ, liền lễ bái.

Lương Sơn hỏi:

- Sao không nói lấy một câu?

Sư thừa:

- Nói thì chẳng từ, sợ e trên giấy mực.

Lương Sơn cười bảo:

- Lời này vẫn còn ghi trên bia.

Sư dâng kệ rằng:

*Ngã tích sơ cơ học đạo mê
 Vạn thủy thiên sơn mịch kiến tri
 Minh kim biện cổ chung nan hội
 Trục thuyết vô tâm chuyển cánh nghi.
 Mông sư điểm xuất Tần thời kính
 Chiếu kiến phụ mẫu vị sanh thì
 Như kim giác liễu hà sở đắc
 Dạ phóng ô kê đới tuyết phi.*

Dịch:

**Con xưa học đạo cứ sai lầm
 Muôn núi ngàn sông kiếm thấy nghe
 Luận cổ bàn kim càng khó hội
 Nói thẳng vô tâm lại sanh nghi.
 Nhờ Thầy chỉ rõ thời Tần kính
 Soi thấy cha mẹ lúc chưa sanh
 Hiện nay giác ngộ đâu còn đắc
 Đêm thả gà đen trong tuyết bay.**

Lương Sơn bảo:**- Có thể làm hưng thịnh tông Tào Động.**

Sở ngộ của ngài Cảnh Huyền từ cửa nào vào? Ngài hỏi: *Thế nào là đạo tràng vô tướng?* Lương Sơn chỉ tượng Bồ-tát Quan Âm, nói: *Cái này là do Ngô Xử Sĩ vẽ.* Ngài nghĩ để nói tiếp, Lương Sơn liền nói: *Cái này có tướng, cái kia không tướng.* Nhân đó Cảnh Huyền tỉnh ngộ. Qua bài kệ sau sẽ thấy cửa vào.

*Ngã tích sơ cơ học đạo mê
 Vạn thủy thiên sơn mịch kiến tri
 Minh kim biện cổ chung nan hội
 Trục thuyết vô tâm chuyển cánh nghi.
 Mông sư điểm xuất Tần thời kính
 Chiếu kiến phụ mẫu vị sanh thì
 Như kim giác liễu hà sở đắc
 Dạ phóng ô kê đới tuyết phi.*

Ngã tích sơ cơ học đạo mê, con thuở xưa học đạo còn mê lầm. *Vạn thủy thiên sơn mịch kiến tri*. Muôn sông ngàn núi tìm thấy nghe, lặn lội nơi này nơi kia để tìm học thấy biết. Thấy biết chỉ là kiến giải, không thấy được đạo.

Minh kim biện cổ chung nan hội. Minh kim là bàn luận hiện tại, biện cổ là bàn luận chuyện xưa. Xưa nay biện biệt rành rẽ, nhưng rốt cuộc khó có thể hiểu được. *Trục thuyết vô tâm chuyển cánh nghi*. Nói thẳng vô tâm lại thêm sanh nghi. Chẳng biết vô tâm có gì không, vô tâm ra sao? Vì thế nghi ngờ.

Bốn câu để diễn tả sự nghi ngờ mê lầm trước sự học hỏi tìm hiểu của mình.

Mông sư điểm xuất Tần thời kính. Nhờ Thầy chỉ ra gương thời Tần. Thời Tần là thời xưa ở Trung Hoa, như thời Lý Trần của chúng ta. Nhờ thầy chỉ cho nhận ra gương thuở xưa. Khi nhận ra được rồi thì *Chiếu kiến phụ mẫu vị sanh thì*, soi thấy mặt mũi trước lúc cha mẹ sanh.

Hai câu này nói về duyên ngộ đạo của ngài. Nhờ thầy chỉ gương xưa, từ đó soi thấy mặt mày trước khi cha mẹ sanh, chỗ khác gọi là bản lai diện mục. Như vậy là từ cửa Văn-thù tiến vào. Ngài Lương Sơn chỉ hình tượng Quan Âm là hữu tướng, cái kia là vô tướng. Chỉ cảnh mà nhận ra tâm, từ tánh thấy mà vào.

Như kim giác liễu hà sở đắc. Như nay giác ngộ rồi thấy đâu có gì để được. *Dạ phóng ô kê đới tuyết phi.* Ban đêm thả gà đen mang tuyết bay. Câu này nói lên tông phong Tào Động, trong trắng có đen, trong đen có trắng. Gà đen là âm, tuyết là dương, trong âm có dương, hay là trong sự có lý, trong lý có sự, hai cái không tách rời nhau. Vì thế ngài Lương Sơn nói *có thể làm hưng thịnh tông Tào Động*.

Sau, Sư đến trụ tại núi Đại Dương khai đường giáo hóa.

Có vị tăng hỏi:

- Tùng lâm bát ngát, trống pháp âm âm, nhằm trên tông thừa nói bày thế nào?

Sư đáp:

- Y không có tin tức, đâu cho phù hợp.
- Hôm nay tông thừa đã nhờ Thầy chỉ dạy, chưa biết pháp từ ai, nối pháp người nào?
- Lương Sơn chỉ thẳng thời Tần kính, trước ngọn Trường Khánh một vẻ ngời (Lương Sơn điểm xuất Tần thời kính, Trường Khánh phong tiền nhất dạng huy).
- Thế nào là cảnh Đại Dương?
- Hạc côi vườn lão kêu hang dội, tùng gây trúc lạnh khói xanh che (Cô hạc lão viên đề cốc vận, sáu tùng hàn trúc tỏa thanh yên).
- Thế nào là người trong cảnh?
- Làm gì? Làm gì?
- Thế nào là gia phong Đại Dương?
- Bình đầy nghiêng chẳng đổ, khắp nơi chẳng người đối (Mãn bình khuynh bất xuất, đại địa vật cơ nhân).

Thiền khách đầu tiên hỏi: *Tùng lâm bát ngát, trống pháp âm âm, nhằm trên tông thừa nói bày thế nào?* Ngài đáp: *Y không có tin tức, đâu cho phù hợp.* Về tông thừa này không có tin tức, không có hình dáng, không có câu lời, làm sao trình bày cho người thấy phù hợp được.

Tăng hỏi thêm về chỗ nối pháp, ngài nói: *Lương Sơn chỉ thẳng thời Tần kính, trước ngọn Trường Khánh*

một vẻ ngời. Ngài được ngài Lương Sơn chỉ cho thấy gương thời Tần, tức là nhận ra lẽ thật nơi chính mình. Lúc ở Trường Khánh càng sáng tỏ thêm, đó là chỗ kế thừa của ngài.

Hỏi: *Thế nào là cảnh Đại Dương?* Ngài đáp: *Hạc côi vượn lão kêu hang dội, tùng gầy trúc lạnh khói xanh che.* Chim hạc thì cô đơn một mình, vượn già lão đều chỉ cho cảnh già nua đơn độc không ồn náo. Tùng gầy, trúc lạnh cũng là chỗ dứt bật tin tức. Diễn tả như vậy là chỉ thẳng cảnh Đại Dương hiện tiền.

Hỏi: *Thế nào là người trong cảnh?* Ngài hỏi: *Làm gì? Làm gì?* Khi hỏi người trong cảnh, ngài hỏi lại: *Làm gì? Làm gì?* Đó là chỉ thẳng người trong cảnh.

Hỏi: *Thế nào là gia phong Đại Dương?* Ngài nói: *Bình đầy nghiêng chẳng đổ, tròn đầy hết nhưng không bị đổ bị chảy. Khắp nơi chẳng người đối, đâu đâu cũng được no lòng.*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Chư thiên đức! Phải rõ câu bình thường vô sanh, câu diệu huyền vô tư, câu thể minh vô tận. Câu thứ nhất thông một đường. Câu thứ hai không chủ khách. Câu thứ ba kiêm đối. Câu thứ nhất nói được là sư tử gầm rống. Câu thứ hai nói được là sư tử nhảy lùi. Câu thứ ba nói được là sư tử ngồi xổm. Buông ra thì khắp giáp mười phương, nắm lại thì một lúc chặt đứt. Chính khi ấy làm sao thông được tin tức? Nếu chẳng thông được tin tức thì, đến triều dâng Sở vương xem.

Câu thứ nhất thông một đường, câu thứ nhất đạt được là thấy được thể tánh. Câu thứ hai không chủ khách, câu thứ hai không còn đối đãi. Câu thứ ba kiêm đối, câu thứ ba thể dụng bao trùm hết.

Nếu không được là không có chỗ tri âm, không người hiểu thì đem dâng cho vua.

Tăng hỏi:

- Thế nào là câu bình thường vô sanh?

Sư đáp:

- Mây trắng che núi xanh, núi xanh đánh chẳng bày (Bạch vân phúc thanh sơn, thanh sơn đánh bất lộ).

- Thế nào là câu diệu huyền vô tứ?

- Bảo điện không người chẳng đứng hầu, không trông ngô đồng khỏi phượng đậu (Bảo điện vô nhân bất thị lập, bất chủng ngô đồng miễn phượng lai).

- Thế nào là câu thể minh vô tận?

- Tay chỉ hư không, trời đất chuyển; ngựa đá xoay đường khỏi lưới lông (Thủ chỉ không thời thiên địa chuyển, hời đồ thạch mã xuất sa lung).

- Thế nào là sư tử gầm rống?

- Trợn không ý ngó lại, đâu chịu rơi bình thường (Chung vô hồi cố ý, tranh khảng lạc bình thường).

- Thế nào là sư tử nhảy lùi?

- Xoay đi quanh lại thấy về cha, đại dụng dấy lên thể chẳng thiếu (Chu toàn vãng phản toàn quy phụ, phồn hưng đại dụng thể vô khuyết).

- Thế nào là sư tử ngòi xồm?

- Vượt hẳn máy lại qua, xưa nay không đổi khác (Quỳnh tuyết khứ lai cơ, cổ kim vô biến dị).

Tăng hỏi: *Thế nào là câu bình thường vô sanh?* Ngài đáp rõ: *Mây trắng che núi xanh, núi xanh đánh chẳng bày.* Bình thường vô sanh là thể, như ngọn núi không động, khi chưa thấy đạo thì như núi bị mây che. Thể đó sẵn đây nơi chúng ta, chỉ vì mê vọng che khuất nên không thấy.

Hỏi: *Thế nào là câu diệu huyền vô tư?* Ngài đáp: *Bảo điện không người chẳng đứng hầu, không trông ngô đồng khỏi phượng đậu.* Bảo điện là chỗ vua ngự, nếu không có vua thì đứng hầu ai? Không có chủ thì không có khách, cũng như không trông cây ngô đồng, chỗ đâu chim phượng đậu? Câu diệu huyền vô tư là chỗ không còn chủ khách, không còn ngã pháp.

Hỏi: *Thế nào là câu thể minh vô tận?* Ngài đáp: *Tay chỉ hư không, trời đất chuyển; ngựa đá xoay đường khỏi lưới lồng.* Đây là diệu dụng, khi tay chỉ lên hư không thì trời đất đều rung chuyển. Xoay đường lại, ngựa bằng đá nhảy khỏi lồng tơ trời buộc.

Hỏi: *Thế nào là sư tử gầm rống?* Ngài đáp: *Trợn không ý ngó lại, đâu chịu rơi bình thường.* Không có ý ngó lại là một đường tiến thẳng, không trở thành người tầm thường.

Hỏi: *Thế nào là sư tử nhảy lùi?* Ngài đáp: *Xoay đi quanh lại thấy về cha, đại dụng dấy lên thể chẳng thiếu.* Dù cho xoay quanh, lằng xằng lộn xộn thể nào cũng trở về ông chủ đó thôi. Đại dụng dấy lên không ngoài thể.

Hỏi: *Thế nào là sư tử ngồi xổm?* Ngài đáp: *Vượt hẳn máy lại qua, xưa nay không đổi khác, chỗ đó vượt hẳn máy lại qua, tức là cái hay khéo qua lại nó còn vượt lên. Xưa nay không đổi khác, từ cổ chí kim chỉ vẫn như thế.*

Tăng hỏi:

- Thế nào là câu Đại Dương thấu pháp thân?

Sư đáp:

- Đáy biển đại dương bụi hồng dấy, trên đánh Tu-di nước chảy ngang (Đại dương hải để hồng trần khởi, Tu-di đánh thượng thủy hành lưu).

Tăng hỏi: *Thế nào là câu Đại Dương thấu pháp thân?* Ngài đáp: *Đáy biển đại dương bụi hồng dấy, trên đánh Tu-di nước chảy ngang.* Chỗ thấu pháp thân của ngài là cái nhìn theo tông Tào Động. Bụi thường dấy trên đất bằng, đây lại nói bụi dấy dưới đáy biển. Trên đỉnh núi thì nước chảy xuống, đây nói trên đánh Tu-di nước chảy ngang. Tinh thần thấu pháp thân của tông Tào Động, trong phi lý có hữu lý, trong hữu lý có phi lý.

Thường người học đạo hay tìm hữu lý, chê trách phi lý, nhưng đây luôn luôn nói những câu phi lý. Như ngài

Liễu Quán nói “Ngựa đua dưới nước, thuyền chạy trên bờ”. Cái phi lý là lối nói ngược với thế gian, nhưng có ngược không? Hải Lượng Ngô Thì Nhậm cũng nói trong hữu lý có phi lý, mà phi lý lại là hữu lý. Như cây tre, khi mọc lên thì gốc ở dưới đất, ngọn hướng lên trời là hợp lý. Nhưng khi chúng ta chặt tre làm gậy thì gốc có củ rễ ở trên, đầu cắm xuống, hợp lý hay không?

Như vậy, trong phi lý lại có hữu lý. Chúng ta không nên cố chấp một chiều một bên. Nhà thiền thường nói những câu phi lý để dứt bật dò xét suy gẫm. Chính trong chỗ không dò xét suy gẫm lại thấy được lẽ thật, chỗ dò xét suy gẫm được lại không nhận ra.

Sư tinh thần kỳ lạ, từ bé đến lớn chỉ ngày ăn một bữa; ở tại núi Đại Dương năm mươi năm mà chân không ra khỏi ranh giới, hông không dính chiếu.

Hông không dính chiếu là chưa từng nằm, chưa ra khỏi ranh giới là chưa từng đi cúng, đi thăm Phật tử. Người xưa gan dạ mới làm nên việc lớn. Chúng ta bây giờ không can đảm, một năm không về thăm quê một lần thì cảm thấy buồn. Ít hôm muốn chạy thăm người này, ít hôm muốn chạy thăm người kia, ở một chỗ cảm thấy tù túng. Đó là cái yếu đuối của mình không làm chủ được.

Nhà Tống niên hiệu Thiên Thánh năm thứ năm (1027), ngày mười sáu tháng bảy, Sư từ chúng. Ba ngày sau, Sư viết bài kệ gửi thị lang Vương Thự, lược rằng:

*Ngô niên bát thập ngũ
Tu nhân chí ư thử
Vấn ngã quy hà xứ
Đảnh tướng chung nan đồ.*

Dịch:

**Ta tuổi tám mươi lăm
Tu nhân đến thế ấy
Hỏi ta đi về đâu
Tướng đảnh trọn khó thấy.**

Sư dừng bút liền tịch.

Tướng đảnh là vô kiến đảnh tướng, tướng trên đảnh không ai thấy được, dụ cho pháp thân. Viết rồi ngưng bút tịch nhẹ nhàng.



THIÊN SƯ THIỆN CHIÊU ở PHẦN DƯƠNG

(947 - 1024)

Sư họ Du quê ở Thái Nguyên. Thuở bé Sư bẩm tánh thâm trầm, ít chịu trang sức, có trí tuệ lớn, tất cả văn tự không do thầy dạy mà tự thông hiểu. Năm mười bốn tuổi, cha mẹ lần lượt qua đời, sống trong cảnh cô quả.

Sư xuất gia, thọ giới Cụ túc, quấy gói du phương. Đến nơi nào, Sư dừng lại thời gian ngắn, không thích ngấm nhìn. Hoặc bị chê gièm không có phong độ, Sư than rằng: Lỗi sao hẹp hòi thế! Tiên đức từ xưa đi hành khước, chính vì tâm thánh chưa thông nên rong ruổi quyết trạch, không phải du sơn ngoạn thủy.

Sư đã tham vấn qua bảy mươi một vị tôn đức, rốt sau mới đến thiên sư Niệm ở Thủ Sơn.

Thủ Sơn lên tòa. Sư ra hỏi:

- Bá Trượng cuốn chiếu, ý chỉ thế nào?

Thủ Sơn đáp:

- Áo rồng vừa phát toàn thể hiện (Long tុ phát khai toàn thể hiện).

Sư hỏi:

- Ý Thầy thế nào?

Thủ Sơn đáp:

- Chỗ tượng vương đi bắt dấu chồn (Tượng vương hành xứ tuyệt hồ tung).

Qua câu nói này, Sư đại ngộ liền đánh lễ, rồi thưa:

- Muôn xưa đầm biếc nguyệt trong không, ba phen gạn lọc mới được biết (Vạn cổ bích đàm không giới nguyệt, tái tam lao lọc thủy ứng tri).

Sư dừng lại đây hầu hạ thời gian rất lâu.

Ngài Thiệu Chiêu có những điểm đáng bắt chước, đáng học hỏi, đó là cuộc sống của ngài đơn sơ, đi tham vấn cốt yếu ngộ đạo chứ không phải đi du lịch. Chúng ta hiện nay thích du lịch tham quan, xem chỗ này chỗ kia, không vì muốn mở sáng mắt đạo.

Ngài đến tham vấn thiền sư Tĩnh Niệm, hỏi: *Bá Trượng cuốn chiếu ý chỉ thế nào?* Ngài Bá Trượng sau khi bị Mã Tổ véo lỗ mũi đau, trở về liêu khốc. Thị giả ở cùng phòng hỏi: Huynh nhớ cha mẹ phải không?

Không. Tại sao khóc? Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng véo đau. Đây là ngài Bá Trượng khôn ngoan muốn trình chỗ ngộ của mình, nên nói: Huynh muốn biết hỏi Hòa thượng. Ông thị giả hiền lành, hỏi Hòa thượng. Mã Tổ nói: Y ngộ rồi. Khi về thuật lại, ngài mừng quá, sáng hôm sau Mã Tổ vừa lên tòa, ngài ra lễ bái rồi cuốn chiếu lại, Mã Tổ trở về phương trượng, ngài đi theo.

Như vậy khi biết thầy đã chứng nhận mình ngộ rồi, lúc đó mới mạnh mẽ làm việc. Nên khi hỏi Ý chỉ thế nào? Ngài Thủ Sơn Tỉnh Niệm đáp: *Áo rộng vừa phát toàn thể hiện*. Nhà vua mặc áo rộng, lúc phát tay áo là lúc ban hành những việc quan trọng. Việc Bá Trượng cuốn chiếu là thể hiện tính cách mạnh mẽ của người ngộ đạo.

Ngài hỏi: *Ý Thầy thế nào?* Đó là chuyện của Bá Trượng, ý Thầy sao? Ngài Thủ Sơn trả lời: *Chỗ tượng vương đi bắt dấu chồn*. Con chồn nhỏ không chen chỗ voi đi được. Qua câu nói này ngài Thiện Chiếu đại ngộ, trình bày một câu quá hay, vừa văn chương mà hình ảnh rõ ràng.

Muôn xưa đầm biếc nguyệt trong không, ba phen gạn lọc mới được biết. Chúng ta đứng bên hồ hay đầm nước trong veo, đêm rằm nhìn xuống hồ thấy mặt trăng hiện rõ ràng. Thấy như vậy tưởng mặt trăng ở dưới hồ. Muốn biết mặt trăng thật có dưới đáy hồ không, phải nhảy ùm xuống lấy rổ xúc vớt mặt trăng lên. Vớt năm lần bảy lượt không được, chừng đó mới biết đây chỉ là bóng chứ không thật, ngó lên trời mới thấy mặt trăng thật.

Hình ảnh này diễn tả rất hay. Bao nhiêu năm lặn lội đuổi theo bóng mặt trăng, bóng mặt trăng tức là cái điên đảo vọng tưởng của mình. Đến khi giật mình biết nó giả, nhìn lên không trung mới thấy mặt trăng thật. Hai câu mà nói lên chỗ sở ngộ rất khéo. Ngang đó thì ngài dừng trụ.

Sau, Sư từ tạ Thủ Sơn ra đi, đến khoảng Hành Tương, thái thú Trường Sa là Trương Mậu Tông dùng đủ cách cố thỉnh được Sư ở lại. Song Sư vẫn một bề từ chối, ban đêm lén trốn đi. Đến Tương Miện, thái thú Lưu Xương tám phen thỉnh trụ trì Động Sơn, Sư lặng lẽ chẳng đáp.

Niên hiệu Thuần Hóa năm thứ tư (993) Thủ Sơn đã viên tịch, chư tăng và cư sĩ ở Tây Hà họp lại hơn ngàn người đồng tâm cử Sa-môn Khế Thông đến thỉnh Sư trụ trì viện Thái Tử chùa Thái Bình ở Phần Dương. Sư đóng cửa nằm yên không tiếp, Khế Thông xô cửa vào thưa:

- Phật pháp là việc lớn, lui ở yên một chỗ là giữ tiết nhỏ. Hòa thượng Phong Huyệt sợ ứng với lời sấm ký lo tông chỉ diệt mất, may còn có Tiên sư nối nắm. Nay Tiên sư đã tịch, Thầy là người có khả năng gánh vác đại pháp của Như Lai, mà cam nằm ngủ yên sao?

Sư hoảng sợ, đứng dậy nắm tay Khế Thông bảo:

- Nếu không phải Thầy, tôi làm gì được nghe lời này. Chính trang hành lý, tôi cùng đi vậy.

Đến nơi, Sư ở yên đến ba chục năm không ra khỏi cổng ngoài. Thời nhân kính mộ không dám gọi tên, đồng kêu là Phần Dương.

Có hai vị thái thú thỉnh trụ trì, ngài đều không nhận. Khi thầy tịch rồi, đại chúng cử người tới thỉnh, ngài đóng cửa không tiếp. *Khế Thông xô cửa vào thưa: Phật pháp là việc lớn, lui ở yên một chỗ là giữ tiết nhỏ. Hòa thượng Phong Huyệt sợ ứng với lời sấm ký lo tông chỉ diệt mất, may còn có Tiên sư nối nắm. Nay Tiên sư đã tịch, Thầy là người có khả năng gánh vác đại pháp của Như Lai, mà cam nằm ngủ yên sao?* Ngài hoảng sợ, đứng dậy nắm tay Khế Thông bảo: *Nếu không phải Thầy, tôi làm gì được nghe lời này. Chính trang hành lý, tôi cùng đi vậy.*

Đến nơi, ngài ở yên đến ba chục năm không ra khỏi cổng ngoài. Chúng ta thấy người xưa năm chục năm không xuống núi, ngài Thiện Chiếu ba chục năm không ra khỏi cổng ngoài. *Thời nhân kính mộ không dám gọi tên, đồng kêu là Phần Dương.* Phần Dương là tên đất. Người xưa làm nên việc lớn phải có ý chí quyết liệt, dám làm dám chịu dám khổ sở, không phải như chúng ta bây giờ nhút nhát, khi vui thì ở, khi buồn thì đi. Nhiều khi nhập thất một tháng cũng nghe buồn thiu. Đó là vì sức của mình không mạnh mẽ.

Qua đoạn này chúng ta biết thêm ý nghĩa câu nói của ngài Khế Thông. Trọng trách của người tu không nên yên thân thủ phận, nếu không có khả năng thì thôi, có khả năng thì phải ra gánh vác việc lớn để truyền bá

tông thừa, tiếp nối ngọn đèn chánh pháp. Đó là việc bốn phận. Nếu yên thân thủ phận, đó là nhỏ mọn ích kỷ không nên.

Sư thượng đường:

- Dưới cửa Phần Dương có con sư tử Tây Hà ngồi xổm tại cửa. Có người đến nó liền cắn chết. Vậy có phương tiện gì vào được cửa Phần Dương, thấy được người Phần Dương. Nếu thấy được người Phần Dương kham làm thầy Phật tổ, chẳng thấy được người Phần Dương trọn là kẻ chết đứng. Hiện nay có người vào được chẳng? Cần vui vẻ vào, khỏi phải cô phụ bình sinh. Nếu không phải là khách Long Môn, tối kỵ sẽ bị điểm trán. Cái gì là khách Long Môn một loạt chỉ ra.

Sư đưa gậy lên, nói:

- Lui mau! Lui mau! Trân trọng.

Dưới cửa Phần Dương có con sư tử Tây Hà ngồi xổm. Có người đến nó liền cắn chết. Phần Dương là chỉ cho ông chủ, muốn đến với ông chủ thì có con sư tử đón ở ngoài, ít người vô được. Vô được đó, thấy được đó mới kham cùng Phật tổ làm thầy. Nếu thấy không được thì trọn là kẻ chết đứng.

Người xưa nói, nếu tâm còn một niệm vẫn là kẻ chết. Tại sao? Như người dùng pháp thuật, hiện ra trâu bò người cảnh... tất cả hoạt động. Người đi lại, trâu bò rống bình thường, nhưng chúng ta biết đó là biến hóa. Những hoạt động sống đó đều là giả dối không thật. Sống mà như chết, dù có hoạt động cũng xem như không.

Chúng ta hiện giờ sống với vọng tưởng là thật hay giả? Thân tứ đại này thật hay giả? Sống với vọng tưởng với thân tứ đại mà không thấy được ông chủ, thì sống cũng như chết, đi đứng nói năng vẫn là kẻ chết. Thế gian sống với cái chết, người xuất thế biết sống với cái sống. Đó là sự siêu xuất, nếu sống với cái chết như thế gian thì mình cũng là kẻ bỏ đi, không nghĩa lý gì. Nếu tu mà cứ chạy quàng xiên, kiếm cái này nghĩ cái kia, dù cho học giỏi thông thuộc tam tạng kinh điển mà không thấy được ông chủ, không sống được với ông chủ thì cũng coi như người chết. Điều này rất quan trọng.

Người xuất gia khi thấy được ông chủ thì mới không cô phụ bình sinh, không luống uổng qua một đời tầm thường.

Tăng hỏi:

- Thế nào là câu tiếp sơ cơ?

Sư đáp:

- Người là Tăng đi hành khước.

- Thế nào là câu biện nạp tăng?

- Phương tây mặt trời mọc giờ Mẹo.

- Thế nào là câu chánh lệnh hành?

- Ngàn dặm đem đến trình mặt xưa.

- Thế nào là câu lập càn khôn?

- Bắc Câu-lô châu hạt gạo dài, người ăn không sân cũng không hỷ (Bắc Câu-lô châu trường canh mẽ, thực giả vô sân diệc vô hỷ).

Sư lại nói:

- Chỉ đem bốn chuyển ngữ này nghiệm nạp tăng trong thiên hạ, vừa thấy người đi đến liền nghiệm được rồi.

Bốn chuyển ngữ này là bốn chuyển ngữ sống, không cho bàn luận.

Sư thượng đường:

- Phàm một câu nói phải đủ ba huyền môn, một huyền môn phải đủ ba yếu. Cái gì là câu ba huyền ba yếu? Khéo hội là tốt, mỗi người tự suy nghĩ, lại được ổn đáng hay chưa? Cổ đức xưa đi hành khước nghe một nhân duyên mà chưa liễu ngộ, thì ăn uống không biết ngon, nằm ngủ chẳng yên, gấp rút giải quyết chớ cho là việc nhỏ. Vì vậy mà Đại Giác lão nhân vì một đại sự nhân duyên xuất hiện ra đời. Xét ra các ngài từ trước đến nay đi hành khước, chẳng phải vì du sơn ngoạn thủy, xem những vẻ đẹp của châu phủ, thọ dụng manh áo chén cơm, đều vì tâm thánh chưa thông. Do đó mà ruổi giòng hành khước, quyết trạch chỗ sâu kín truyền bá phô trương, rộng hỏi các bậc tiên tri (đã liễu ngộ), gần gũi những vị cao đức. Bởi vì muốn tiếp nối ngọn đèn Phật tâm, kế thừa chư Tổ làm rạng rỡ hạt giống thánh để tiếp dẫn kẻ hậu lai, tự lợi và lợi tha vậy.

Hiện nay có người thương lượng chăng? Có thì bước ra cùng toàn thể thương lượng.

Người học đạo chưa thông chưa rõ thì ăn không ngon, ngủ không yên, phải làm sao thông suốt gấp rút giải quyết việc lớn. Đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên như kinh Pháp Hoa đã nói, chúng ta đi tu cũng vì một đại sự nhân duyên, làm sao lãnh hội được cứu cánh chân thật đó. Nếu chưa thông thấu được phải đi tham vấn học hỏi, gần thầy lành bạn tốt để thấy được nhận được. Mục tiêu của người tu là đạt đến cứu cánh để *nối tiếp ngọn đèn Phật, kế thừa chư Tổ*, đầy đủ *tự lợi lợi tha*. Tu mà không tìm ra, không sáng đạo thì dù thương đạo, muốn nối tiếp truyền thừa chánh pháp nhưng không hiểu thì nói cái gì truyền cái gì? Đó là điểm thiết yếu.

Có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là chỗ gắng sức của con?

Sư đáp:

- Gia Châu tạc tượng lớn.

- Thế nào là chỗ chuyển thân của con?

- Thiểm Phủ đúc trâu sắt.

- Thế nào là chỗ thân thiết của con?

- Tây Hà múa sư tử.

Những câu đáp của ngài, giống như lối hét của tổ Lâm Tế.

Sư lại nói:

- Nếu người hội được ba câu này là đã biện được ba huyền, lại còn ba yếu ngữ cần phải tiến lấy, không thể rảnh rang, cùng đại chúng tụng ra:

*Tam huyền tam yếu sự nan phân
Đắc ý vong ngôn đạo dị thân
Nhất cú minh minh cai vạn tượng
Trùng dương cứu nhật cúc hoa tân.*

Dịch:

**Ba huyền ba yếu việc khó phân
Được ý quên lời đạo dễ gần
Một câu rành rõ gồm vạn tượng
Trùng dương ngày chín cúc hoa tươi.**

Nói có *ba huyền ba yếu*, nhưng thật ra khó phân biệt cái nào huyền, cái nào yếu. Cốt nói như thế để chúng ta *được ý quên lời*, không phải nói để chấp vào chữ nghĩa. Được ý quên lời thì gần đạo, được đạo rồi thì chỉ một câu mà thấu suốt được muôn tượng. Chính lúc đó là các pháp hiện hữu hiện tiền, như đến tiết Trùng dương thì hoa cúc nở.

Vì ở **Tĩnh Phân** quá lạnh nên Sư cho bãi giờ tham vấn ban đêm. Có vị tăng lạ chống gậy đi đến bảo Sư rằng: “Trong hội có sáu vị Đại sĩ, tại sao không nói pháp?” Nói xong Tăng ấy đi mất, Sư mật ký một bài tụng:

*Hồ tăng kim tích quang
Vị pháp đáo Phân Dương
Lục nhân thành đại khí
Khuyến thỉnh vị phu dương.*

Dịch:

**Tặng Hồ cầm gảy vàng
Vì pháp đến Phần Dương
Sáu người thành pháp khí
Nhắc tỉnh vì tuyên dương.**

Ngày xưa ở các thiền môn, luôn luôn có hai thời tham vấn sáng và chiều, đôi khi thêm một thời tối nữa, gọi là dạ tham.

Tại sao chia có ba thời tham vấn? Vì trong chúng từ năm trăm người trở lên, nếu cho một người hỏi chừng mười lăm phút thì trong một buổi không thể giải quyết hết. Tham vấn rất quan trọng, để thiền sinh được trình bày chỗ nghi và vị thầy nhận ra trình độ chúng, chỉ dạy hoặc ấn khả... Chúng theo học ngài Phần Dương rất đông nên tham vấn thứ tự kẻ trước người sau, phải luôn cả ngày cả đêm. Trong ba thời ngài bớt đi một thời vì trời lạnh, có vị tăng lạ đến yêu cầu ngài nói pháp. Sức tu học tinh tấn đến như thế.

Sư thượng đường:

- Phàm một câu nói phải đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải đủ ba yếu. Có chiếu có dụng, hoặc trước chiếu sau dụng, hoặc trước dụng sau chiếu, hoặc chiếu dụng đồng thời hoặc chiếu dụng chẳng đồng thời. Trước chiếu sau dụng, vẫn cần cùng người thương lượng. Trước dụng sau chiếu, người phải là cá nhân mới được. Chiếu dụng đồng thời,

người làm sao ngăn cản? Chiếu dụng chẳng đồng thời, người làm sao kết hợp?

Trước chiếu sau dụng là trước hỏi để dò xét, sau đó khởi dụng. Như có Tăng đến thì hỏi: Ông người xứ nào? Ông tên gì?... Đó là trước chiếu. Đợi y trả lời hoặc có hành động gì, sau đó ngài hoặc hét hoặc đánh phạt hay đánh thưởng, đó là sau dụng.

Trước dụng sau chiếu, như gặp Tăng đến, ngài không nói gì mà hét một tiếng dò xét thử thái độ của ông tăng. Đó là trước dụng. Sau đó hỏi: Ông hội chăng? Ông nói ý chỉ thế nào?... Đó là sau chiếu. Chiếu là dò xét, dụng là hành động.

Chiếu dụng đồng thời, như gặp Tăng đến ngài hét, Tăng cũng hét, ngài đánh nói: Chẳng lẽ báỉ đợi chừng nào? Đánh là dụng, hỏi là chiếu. Cả hai làm một lượt là chiếu dụng đồng thời.

Chiếu dụng chẳng đồng thời, như gặp Tăng đến, ngài đánh một gậy xem y động dụng thế nào, từ đó thương lượng hoặc chiếu hoặc dụng. Hoặc Tăng đến ngài không đánh hét, chào một câu: Ông mới đến!... Câu đó xem chừng để biết cách xử sự, hoặc là chiếu hoặc là dụng không nhất định.

Chiếu dụng hiểu như thế không khó, nhưng đây ngài nói nghe khó hiểu.

Tăng hỏi:

- Thế nào là nguồn đại đạo?

Sư đáp:

- Đào đất tìm trời.
- Sao được như vậy?
- Chẳng biết u huyền.
- Thế nào là khách trong khách?
- Chắp tay trước am hỏi Thế Tôn.
- Thế nào là khách trong chủ?
- Đối diện không bạn bè.
- Thế nào là chủ trong khách?
- Hàng mây ngang trên biển, tuốt kiếm quây Long Môn (Trận vân hoành hải thượng, bạt kiếm giảo Long Môn).
- Thế nào là chủ trong chủ?
- Ba đầu sáu tay giở trời đất, nổi giận Na-tra đập chuông vua (Tam đầu lục tý kinh thiên địa, phẫn nộ Na-tra phốc đế chung).

Những câu trên là câu không cho suy nghĩ. Câu khách chủ thì cho suy tìm. *Thế nào khách trong khách?* Tức là chủ nơi đó và khách đến hỏi, cả hai đều không thông nên gọi là khách trong khách. Ngài đáp: *Chắp tay trước am hỏi Thế Tôn.* Ở trước am có Phật không? Đó là chuyện làm không dính dáng.

Thế nào là khách trong chủ? Trong chủ đã có khách. Ngài nói: *Đối diện không bạn bè*, vì có một chủ không có người thứ hai.

Thế nào chủ trong khách? Tức là ngay nơi khách mà làm chủ được. Ngài đáp: *Hàng mây ngang trên biển, tuốt kiếm quây Long Môn.* Đó là diệu dụng.

Thế nào là chủ trong chủ? Ngài đáp: *Ba đầu sáu tay giở trời đất, diệu dụng không thể tư nghì, giống như Na-tra nổi giận đập chuông vua.* Chỗ tột cùng diệu dụng đầy đủ, không còn e sợ.

Sư thượng đường:

**Phân Dương có ba quyết,
Nạp tăng khó biện biệt.
Lại nghĩ hỏi thế nào?
Cây gậy trên đầu bổ.**

Khi ấy có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là ba quyết?

Sư liền đập. Tăng ấy lễ bái. Sư bảo:

- Vì người một lúc tụng ra:

Đệ nhất quyết

***Tiếp dẫn vô thời tiết,
Xảo ngôn bất năng thuyên
Vân trán thanh thiên nguyệt.***

Đệ nhị quyết

Thư quang biện hiền triết

***Vấn đáp lợi sanh tâm
Bạt khước nhĩn trung tiết.***

Đệ tam quyết

***Tây quốc Hồ nhân thuyết
Tế thủy quá Tân La
Bắc địa dụng tân thiết.***

Dịch:

Quyết thứ nhất

**Tiếp dẫn không thời tiết,
Lời khéo không thể bày
Mây che trời trong nguyệt.**

Quyết thứ hai

**Phóng quang biện hiền triết
Hỏi đáp tâm lợi sanh
Nhổ ra đinh trong mắt.**

Quyết thứ ba

**Cõi Tây người Hồ thuyết
Sông Tế sang Triều Tiên
Đất Bắc dùng sắt thép.**

Sư lại hỏi:

- Lại có người hội chẳng? Hội được hãy ra báo tin tức, cần biết xa gần. Chớ ghi ngôn ghi ngữ như thế, thì hiện đời có gì lợi ích. Đứng lâu, trân trọng!

Quyết thứ nhất

*Tiếp dẫn không thời tiết,
Lời khéo không thể bày
Mây che trời trong nguyệt.*

Các ngài tiếp dẫn chúng sanh không lúc nào thiếu vắng, nhưng dù cho tất cả lời hay lẽ khéo cũng không thể nói đến chỗ chân thật, như mặt trăng bị mây che. Quyết thứ nhất này là chỉ cho thể chân thật sẵn có, ngôn ngữ nói không đến được.

Quyết thứ hai

*Phóng quang biện hiền triết
Hỏi đáp tâm lợi sanh
Nhỏ ra đĩnh trong mắt.*

Quyết thứ hai này là phương tiện, dùng lời lẽ kẻ hỏi người đáp để làm lợi ích cho mọi người, như nhỏ đĩnh tháo chốt khiến họ hết những dính mắc.

Quyết thứ ba

*Cõi Tây người Hồ thuyết
Sông Tế sang Triều Tiên
Đất Bắc dùng sắt thép.*

Quyết thứ ba là chỗ bật ngôn ngữ, hết sử dụng, như đức Phật ở Ấn Độ, sông Tể chảy qua Triều Tiên, đất Bắc dùng sắt thép. Ví như chúng ta nói sông Đồng Nai chảy qua Biên Hòa, hoặc nói Bà Rịa có nhiều đá... chỉ cho sự thể hiện tiền, không dùng ý suy gẫm được.

Tăng hỏi:

- Người chân chánh tu hành chẳng thấy lỗi thế gian, chưa biết chẳng thấy lỗi gì?

Sư đáp:

- Tuyết chôn đêm trăng sâu ba thước, trên đất thuyền đi muôn dặm trình (Tuyết mai dạ nguyệt thâm tam xích, lục địa hành chu vạn lý trình).

- Hòa thượng là tâm hạnh gì?

- Lại là tâm hạnh của người.

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

- Ba huyền mở đạo chánh, một câu phá tà tông (Tam huyền khai chánh đạo, nhất cú phá tà tông).

- Thế nào là kế sống của Hòa thượng?

- Bình thường tay chẳng nắm, cúng dường Tăng ngũ hồ (Tâm thường bất chưởng ác, cúng dường Ngũ hồ tăng).

- Chưa biết ăn cái gì?

- Cơm Thiên tô-đà chưa thịnh soạn, một vị canh ngon no liền thôi (Thiên tô-đà phạn phi trân soạn, nhất vị lương canh bão tức hựu).

Tăng hỏi: *Người chân chánh tu hành chẳng thấy lỗi thế gian.* Câu đó trích trong bài tụng Vô Tướng, kinh Pháp Bảo Đàn, *chưa biết chẳng thấy lỗi gì?* Ngài đáp: *Tuyết chôn đêm trăng sâu ba thước, trên đất thuyền đi muôn dặm trình.* Tuyết chôn trăng, thuyền đi trên đất. Đó là những câu nói không cho suy nghĩ.

Hỏi: *Hòa thượng là tâm hạnh gì?* Ngài nói: *Lại là tâm hạnh của người.* Tâm hạnh của ta tức là tâm hạnh của người.

Hỏi: *Thế nào là gia phong của Hòa thượng?* Ngài đáp: *Ba huyền mở đạo chánh, tam huyền tam yếu mở đạo chánh, một câu phá tà tông, một câu phá các tông tà.*

Hỏi: *Thế nào là kế sống của Hòa thượng?* Ngài nói: *Bình thường tay chẳng nắm, cúng dường Tăng ngũ hồ.*

Hỏi: *Chưa biết ăn cái gì?* Ngài nói: *Cơm Thiên tô-đà chưa thịnh soạn, một vị canh ngon no liền thôi.* Cơm Thiên tô-đà là cơm các cõi trời tôn quý thơm tho, nhưng chưa thịnh soạn. Còn một vị canh này ăn no liền thôi. Canh của Tổ cúng dường là canh ngon hơn cả cơm Thiên tô-đà.

Sư thượng đường:

- **Người thuyết pháp phải đủ mười trí đồng chân. Nếu chẳng đủ mười trí đồng chân thì tà chánh chẳng rành, tăng tục khó phân, không thể vì trời người làm mất sáng để quyết đoán phải quấy. Như chim bay trong hư không mà gãy cánh, như bắn tên**

mà dây cung đứt. Vì dây cung đứt nên bắn không trúng đích. Vì cánh gãy nên chim không thể bay trong không. Dây cung chắc, đôi cánh cứng thì đích và hư không đều đạt được. Thế nào là mười trí đồng chân, sẽ cùng các Thượng tọa nêu ra: một đồng nhất chất, hai đồng đại sự, ba tổng đồng tham, bốn đồng chân trí, năm đồng biến phổ, sáu đồng cụ túc, bảy đồng đắc thất, tám đồng sanh sát, chín đồng âm hầu, mười đồng đắc nhập.

Cùng người nào đồng đắc nhập? Cùng ai đồng âm hầu? Thế nào là đồng sanh sát? Những vật gì đồng đắc thất? Cái gì đồng cụ túc? Là cái gì đồng biến phổ? Người nào đồng chân trí? Ai hay tổng đồng tham? Cái gì đồng đại sự? Vật gì đồng nhất chất? Có người nào điểm ra được chăng? Điểm ra được thì chẳng tiếc lòng từ bi. Điểm ra chẳng được thì chưa có con mắt của kẻ tham học. Cần phải biện lấy. Cốt biết thị phi, thấy được mặt mày. Chẳng nên đứng lâu. Trân trọng.

Mười trí đồng chân này có chỗ giảng qua những bài kệ nhưng quá dài nên tôi bớt đi, không trích hết những bài kệ. Tuy ngài phân chia ra mười trí nhưng nếu thể nhập được một thì tất cả đều đủ. Nếu có chia chẻ ra cũng chỉ là phương tiện.

Phủ doãn Long Đức là Lý Hầu cùng Sư có tình quen xưa, thỉnh Sư trụ trì chùa Thừa Thiên, sai sứ đi ba lần mà Sư vẫn không đến. Sứ giả bị phạt. Lý Hầu lại sai sứ đi một phen nữa. Sứ giả đến thưa:

- Quyết thỉnh Thầy đồng đi, nếu Thầy không đi tôi liều chết mà thôi.

Sư cười bảo:

- Bởi nghiệp già bệnh không thể xuống núi, giả sử đi phải có trước sau, tại sao quyết đồng?

Sứ thưa:

- Thầy chịu thì trước sau, tùy lựa chọn.

Ngày xưa, vương hầu là tước lớn ở trong triều. Là quan đầu phủ ở kinh đô, Lý Hầu có chùa, sai sứ thỉnh ngài trụ trì ba lần, ngài không nhận. Ông sai sứ đi một phen nữa, giao hẹn nếu thỉnh được ngài thì tốt, không được thì giết. Sứ giả thưa ngài, nếu không chịu đi thì tôi liều chết ở đây, không dám về. Ngài kệt quá, giờ sao đây? Ngài nói: Thôi thì bởi nghiệp già bệnh, không thể xuống núi, giả sử đi phải có trước sau, tại sao quyết đồng? Sứ giả thưa: Chịu đi thì trước sau tùy lựa chọn, tôi chịu hết.

Sư bảo chúng thiết trai, chỉnh y phục, gọi chúng lại bảo:

- Lão tăng đi có người nào theo được?

Có vị tăng ra thưa:

- Con theo được.

Sư hỏi:

- Một ngày người đi được bao nhiêu dặm?

Tăng thưa:

- Năm mươi dặm.

Sư bảo:

- Người theo ta chẳng được.

Lại có vị ra thưa:

- Con theo được.

Sư hỏi:

- Một ngày người đi được bao nhiêu dặm?

Tăng thưa:

- Bảy mươi dặm.

Sư bảo:

- Người theo ta cũng chẳng được.

Thị giả ra thưa:

- Con theo được, chỉ Hòa thượng đến đâu thì con đến đó.

Sư bảo:

- Người theo lão tăng được.

Nói xong, Sư bảo sứ giả:

- Ta đi trước nghe!

Sư dừng lại rồi tịch, Thị giả đứng khoanh tay tịch theo. Sư thọ 78 tuổi, 56 tuổi hạ.

Nếu Phủ doãn Lý Hầu không thỉnh thì chắc ngài chưa tịch. Bây giờ thỉnh ngặt quá, nếu không đi thì sứ giả sẽ bị giết, nếu đi thì già rồi đi mệt, thôi tịch cho khỏe.

Ngài tu đến bảy mươi tám tuổi, sức làm chủ của ngài mình cũng nể rồi, thị giả tu chưa bằng ngài mà dám nói *Thầy đến đâu con đến đó*. Nghe nói vậy tưởng đâu chỉ nói thôi, nhưng sự thật ngài đứng tịch, thị giả cũng khoanh tay tịch theo. Người xưa tu đến mức độ làm chủ hoàn toàn, nói được làm được, không phải thầy tịch rồi chỉ biết khóc. Đây thì từ vị lớn là bậc thầy, cho tới người nhỏ là thị giả đều tự tại trong lúc ra đi. Muốn đi lúc nào thì đi, sức tu hành của người trước, chúng ta phải kính phục.



THIÊN SƯ QUY TỈNH

ở viện QUẢNG GIÁO - DIỆP HUYỆN

Sư họ Cổ quê ở Ký Châu. Khi sắp thành niên, Sư đến viện Bảo Thọ ở Dịch Châu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đi du phương, Sư đến tham vấn Thủ Sơn.

Một hôm, Thủ Sơn đưa cây trúc bễ lên hỏi:

- Gọi là trúc bễ thì xúc chạm, chẳng gọi trúc bễ thì trái mất, gọi là cái gì?

Sư chụp cây trúc bễ, ném xuống đất, nói:

- Là cái gì?

Thủ Sơn bảo:

- Mù.

Sư nhân lời này hoát nhiên đốn ngộ.

Thuật của ngài Thủ Sơn đưa ra, *nếu gọi trúc bễ là xúc chạm, không gọi trúc bễ thì trái mất*. Nghĩa là hai bên, bên đây trật bên kia cũng sai, bên nào cũng không thể

nói được thì làm sao? Chỉ có cách chụp quăng đi, nên ngài Quy Tĩnh mạnh bạo *chụp cây trúc bẻ ném xuống đất nói: Là cái gì?* Thủ Sơn bảo: *Mù*. Ngay đó ngài ngộ.

Sư khai đường, có vị tăng hỏi:

- Tổ Tổ tương truyền truyền Tổ ấn, nay Thầy được pháp nối người nào?

Sư đáp:

- Cõi trong thiên tử, bờ ngoài tướng quân.

- Một giọt nước biển nhờ Thầy chỉ, hướng thượng tông thừa việc thế nào?

- Trước điện Cao Tổ Phàn Khoái giận, nên biết muôn dặm bật khói mù.

Hỏi chỗ kế thừa của ngài, ngài nói: *Cõi trong thiên tử, bờ ngoài tướng quân*. Hỏi hướng thượng tông thừa việc thế nào? Ngài đáp: *Trước điện Cao Tổ Phàn Khoái giận, nên biết muôn dặm bật khói mù*.

Hán Cao Tổ là một ông vua uy thế lớn đã thôn nhiếp toàn Trung Quốc. Hạng Vũ muốn trừ Lưu Bang, nên bày yến tiệc ở Hồng Môn, đưa Lưu Bang vào thế nguy hiểm. Phàn Khoái liền xông vào bữa tiệc làm gián đoạn kế hoạch, nhằm bảo vệ Lưu Bang. Sau Lưu Bang dấy binh thống nhất Trung Hoa, từ đó các nơi bật khói mù, tức là bình yên. Mượn hình ảnh này để diễn tả việc hướng thượng của tông thừa. Như chúng ta, khi không làm chủ được vọng tưởng thì bụi mù phủ kín, khi làm chủ được thì bụi mù tiêu tan.

Sư thượng đường:

- Tông sư huyết mạch hoặc phàm hoặc thánh, Long Thọ Mã Minh, thiên đường địa ngục, vạc dầu sôi lò than đỏ, ngư đầu ngục tốt, sum la vạn tượng, nhật nguyệt tinh tú, phương khác cõi này, hữu tình vô tình... - Sư lấy tay vẽ một lần, nói: - đều vào tông này. Trong tông này cũng hay giết người, cũng hay tha người. Giết người phải được đao giết người, tha người phải được câu tha người. Cái gì là đao giết người, câu tha người? Ai nói được bước ra đối chúng nói xem? Nếu nói không được là cô phụ bình sinh. Trân trọng.

Khi nghe người xưa nói nếu chúng ta cứ chạy theo câu nói thì không hiểu gì, ngài đưa tay *vẽ một lần ngang*, khiến cho chúng ta thấy cái đó. Cái thật không nằm trong ngôn ngữ, phải từ cửa Văn-thù vào.

Sư cùng một vị tăng đi đường, nhân thấy thầy người chết, Tăng hỏi:

- Xe ở đây mà trâu ở đâu?

Sư đáp:

- Người đã bước chân đi.

Tăng thưa:

- Trâu cũng không mà đi cái gì?

Sư bảo:

- Người đã không trâu, tại sao đạp nát gót chân?

Tăng thưa:

- Thế ấy là chính từ Diệp Huyện đến.

Sư bảo:

- Chớ chạy loạn.

Kinh Tạp A-hàm có câu chuyện Thất hiền nữ, bảy chị em dẫn nhau vào Thi lâm quán thây chết. Xứ Ấn Độ có tục lệ người chết đem thiêu, nếu không thiêu thì bỏ trong rừng để cho chim thú ăn, rừng đó gọi là Thi lâm. Các vị tu thường vào rừng này quán bất tịnh. Bảy người mới bước tới, thấy thây bỏ ngổn ngang, một cô em hỏi: Xe ở đây mà trâu ở đâu? Người chị trưởng hỏi: Nói gì? Nói gì? Bảy người đều ngộ đạo.

Tăng đem câu này ra hỏi: *Xe ở đây mà trâu ở đâu?* Xe là thân tứ đại, trâu là thần thức, khi chết thì thân ở đây mà thần thức đi đâu? Ngài đáp: *Người đã bước chân đi*, nếu không có con trâu tâm thì chân ông biết đi đâu, cũng như không có con trâu đó thì ai biết nói, ai biết hỏi? Nên khi nghe hỏi: *Nói gì? Nói gì?* Ta liền thấy trâu. Như bà già ở Đầu Tử nói: Con mất trâu, xin Thầy bói cho một quẻ. Ngài Đầu Tử gọi: Bà già! Bà: Dạ. Ngài nói: Trâu còn đó.

Những lối nói khéo để diễn tả tính chất quan trọng của tâm, tất cả thấy được trâu. Người xưa xem thân này như cỗ xe, tâm thức như con trâu. Con trâu bị kéo xe là sướng hay khổ? Ngày nào còn kéo xe là ngày đó còn khổ, khi được mở xe bỏ lại thì khỏe biết chừng nào! Tại sao lúc sắp bỏ xe để thong thả bước đi mà lại khóc? Chỉ vì sợ

mất xe mà quên trâu. Nếu biết có trâu rồi thì xe bỏ lại, ăn thua gì, con trâu được thanh thoi. Người tu phải thấy được lẽ thật đó, không phải để trôi sông ngày tháng.

Tăng thưa: *Trâu cũng không mà đi cái gì?* Ngài quở: *Người đã không trâu, tại sao đập nát gót chân?* Nếu không có trâu, tại sao ông đi mòn chân? Tăng thưa: *Thế ấy là chính từ Diệp Huyện đến.* Diệp Huyện là chỗ của ngài.

Sư thượng đường giây lâu nói:

- **Thiền sinh hành khước cần phải để tâm, tham học phải đủ con mắt tham học, kiến địa phải được câu kiến địa mới có phần tương thân, không bị các cảnh làm lầm, cũng chẳng rơi vào đường ác. Rốt cuộc làm sao cho xong? Có khi câu đến mà ý chẳng đến, vọng duyên tiền trần phân biệt bóng dáng. Có khi ý đến mà câu chẳng đến, như mù rờ voi mỗi người có lối nói khác. Có khi ý câu đều đến, đập nát cội hư không ánh sáng soi mười phương. Có khi ý câu đều chẳng đến, người mù chạy ngang dọc bỗng nhiên rơi xuống hầm.**

Ngài chia ra bốn cách nói:

Thứ nhất, *có khi câu đến mà ý chẳng đến*, tức là lời nói đến nhưng ý không đến. Đó là *vọng duyên tiền trần, phân biệt việc bóng dáng*, chỉ nhớ cảnh trước mà phân biệt bóng dáng, tức là không đạt được ý.

Thứ hai, *có khi ý đến mà câu chẳng đến*, như mù rờ voi mỗi người có lối nói khác. Cùng một con voi,

đám người mù ai cũng sờ trúng hết, dù cho ý đến, nhưng mỗi người diễn tả mỗi cách không giống nhau, là câu chẳng đến.

Thứ ba, *có khi ý câu đều đến, đập nát cõi hư không ánh sáng soi mười phương*. Ý và lời khiến mở tung chấp trước, thật là rục rờ.

Thứ tư, *có khi ý câu đều chẳng đến, đó là người mù chạy ngang dọc bỗng nhiên rơi xuống hầm*. Tức là ý câu đều dở.

**Có vị tăng thưa hỏi về cây bá của Triệu Châu.
Sư bảo:**

- Ta chẳng tiếc nói với người, mà người có tin không?

Tăng thưa:

- Lời nói của Hòa thượng quý trọng, con đâu dám chẳng tin.

Sư bảo:

- Người lại nghe giọt mưa rơi trước thêm chẳng?

Vị tăng ấy hoát nhiên, bất giác thốt ra tiếng:

- Chao!

Sư hỏi:

- Người thấy đạo lý gì?

Vị tăng làm bài tụng đáp:

Thiền đầu thủy đích

Phân minh lịch lịch

Đả phá càn khôn

Đương hạ tâm tức.

Giọt mưa trước thêm

Rành rẽ rõ ràng

Đập nát càn khôn

Liên đó tâm dứt.

Sư vui vẻ.

Cây bá trước sân của Triệu Châu là công án nổi tiếng. Tăng hỏi: *Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?* Ngài Triệu Châu đáp: *Cây bá trước sân.* Ngài có trả lời hay không? Ngài Quy Tĩnh lại nói: *Ta chẳng tiếc nói với người, người có tin không?* Tin thì ta nói, nếu không tin thì thôi. Tăng thưa: *Lời nói của Hòa thượng, con đâu dám chẳng tin.* Ngài nói: *Người lại nghe giọt mưa rơi trước thêm chăng?* Ngay đó ông tăng ngộ.

Như vậy ngài Triệu Châu muốn chỉ cửa Văn-thù, ngài Quy Tĩnh lại nói hạt mưa rơi trước thêm là cửa Quan Âm, Tăng liền ngộ cây bá trước sân. Tổ sư từ Ấn Độ sang chỉ cho chúng ta, hoặc cửa Văn-thù hoặc cửa Quan Âm, từ đó nhận được chính mình.

Sư bệnh sắp tịch, vị tăng khán bệnh đến, hỏi:

- Hòa thượng tứ đại vốn không, bệnh từ chỗ nào đến?

Sư đáp:

- Từ chỗ Xà-lê hỏi đến.

Tăng thưa:

- Khi con chẳng hỏi thì sao?

Sư đáp:

- Xuôi tay nằm dài trong hư không.

Tăng thốt:

- Chao!

Sư liền tịch.

Tứ đại vốn không thật thì bệnh từ đâu đến? Ngài nói từ chỗ Xà-lê hỏi đến. Ông hỏi bệnh thành ra thấy có bệnh, còn ta thì không có bệnh. Tăng nói: Khi con chẳng hỏi thì sao? Ngài đáp: Xuôi tay nằm dài trong hư không. Ngay đó liền tịch. Khỏe khoản vô cùng.



THIÊN SƯ TRÍ TUNG
(cũng gọi ĐƯỜNG MINH)
ở TAM GIAO - viện THỪA THIÊN

Thiền sư Trí Tung ở Tam Giao, viện Thừa Thiên, cũng gọi Đường Minh. Ngài khế hợp nơi Thủ Sơn, có nhiều kỳ đặc.

Sư quê ở Phạm Dương, đến tham vấn Thủ Sơn.

Sư hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Thủ Sơn đáp:

- Bên thành Sở vương sông Nhữ chảy về đông.

Sư nhân đây có tỉnh, khế hợp ý Phật, bèn làm bài kệ tam huyền:

Tu dụng trực tu dụng

Tâm ý mạc định động

Tam tuế sư tử hầu
Thập phương một hồ chủng.
Ngã hữu chân như tánh
Như đồng mặc lý ẩn
Đả phá lục môn quan
Hiện xuất Tỳ-lô ẩn.
Chân cốt kim cương thể khả khoa
Lục trần nhất phát vĩnh vô già
Khoách lạc thế giới không vi thể
Thể thượng vô vi chân đạo gia.

Dịch:

Cần dùng thì dùng ngay
 Tâm ý chớ do dự,
 Sư tử ba tuổi rống
 Mười phương bật giống chồn.
 Ta có tánh chân như
 In tướng ẩn trong màn
 Đập bể cửa lục môn
 Ẩn Tỳ-lô bày hiện.
 Thật thể kim cương có thể bày
 Sáu trần một quét mãi không che
 Rỗng rang thế giới không làm thể
 Trên thể vô vi thật đến nhà.

Câu hỏi đầu tiên của ngài: *Thế nào là đại ý Phật pháp?* Ngài Thủ Sơn đáp: *Bên thành Sở vương sông Nhữ chảy về đông.* Như chúng ta nói: Bên chợ Biên Hòa sông Đồng Nai chảy về nam, là đại ý Phật pháp.

Ngay đó ngài ngộ, làm ba bài tụng. Bài thứ nhất: *Cần dùng thì dùng ngay, ngay đó mà nhận. Tâm ý chớ do dự,* nếu còn do dự suy nghĩ thì không đúng, không thấy được. Lúc đó như con *sư tử ba tuổi* đã biết rống. *Mười phương bật giống chồn,* mười phương đều không còn giống chồn.

Bài thứ hai: *Ta có tánh chân như, in tuồng ẩn trong màn.* Tánh chân như nơi mọi người sẵn có, dường như bị tấm màn che khuất. *Đập bể cửa lục môn, ấn Tỳ-lô bày hiện.* Lục môn là cửa sáu căn; như vậy làm cho đui mắt, điếc tai... phải không? Ngay nơi sáu căn chúng ta dẹp được lục tắc thì ấn Tỳ-lô bày hiện, tức là pháp thân bày hiện.

Bài thứ ba: *Thật thể kim cương có thể bày, sáu trần một quét mãi không che.* Thể kim cương bày hiện, sáu trần bị quét sạch không còn che đậy nữa. *Rỗng rang thế giới không làm thể,* thế giới rỗng rang lấy hư không làm thể. *Trên thể vô vi thật đến nhà,* nhận được thể vô vi mới thật là đến nhà.

Thủ Sơn nghe xong, mời uống trà, hỏi:

- Ba bài tụng này phải người làm ra chăng?

Sư thưa:

- Phải.

- Hoặc khi có người bảo người hiện ba mươi hai tướng thì sao?

- Con không phải là hồ tinh.

- Tiếc lấy lông mày.

- Hòa thượng rụng nhiều ít?

Thủ Sơn cầm cây trúc bẽ đập trên đầu bảo:

- Kẻ này về sau làm loạn đây này.

Câu cuối cùng *Kẻ này về sau làm loạn đây này*, chính là ấn chứng chỗ sở ngộ của ngài.

Sư từ tạ Thủ Sơn, Thủ Sơn lấy cây gậy trao cho Sư. Sư nhận lấy, làm bài kệ:

<i>Hòa thượng trụ trượng</i>	Cây gậy Hòa thượng
<i>Chiếu phá long tượng,</i>	Soi phá long tượng,
<i>Lâm Tế gia phong</i>	Gia phong Lâm Tế
<i>Lạc tại ngã chưởng.</i>	Rơi trong tay con.

Thủ Sơn bảo:

- Chớ làm liên lụy nhau.

Sư đánh Thủ Sơn một tọa cụ. Thủ Sơn bảo:

- Quả nhiên liên lụy.

Sư thưa:

- Hôm nay đánh bại ông già này.

Thủ Sơn nói:

- Lại in tuồng được tiện nghi, lại in tuồng mất tiện nghi.

Đây là những lời đối đáp trước khi ra đi.

Sau, Sư trụ trì viện Thừa Thiên, khai đường dạy chúng:

<i>Văn-thù trượng kiếm</i>	Văn-thù cầm kiếm
<i>Ngũ Đài hoành hành</i>	Ngũ Đài hoành hành.
<i>Đường Minh nhất lộ</i>	Đường Minh một lối
<i>Bả đoạn yêu ngoa.</i>	Chặt đứt yêu ma.
<i>Tam thế chư Phật</i>	Chư Phật ba đời
<i>Vị xuất giáo thừa</i>	Chưa xuất giáo thừa.
<i>Võng để du ngư</i>	Đáy lưới cá lội
<i>Long Môn nan độ.</i>	Long Môn khó qua.
<i>Thuyền câu tứ hải</i>	Thả câu bốn biển
<i>Chỉ câu nanh long</i>	Chỉ câu rồng dữ.
<i>Cách ngoại huyền đàm</i>	Cách ngoài nói huyền
<i>Vị cầu tri thức.</i>	Vì cầu tri thức.

Nếu là nêu cao tông chỉ, cần phải đập nát Tu-di. Nếu là nói Phật nói Tổ, nước biển liền phải khô kiệt. Khi xoay bảo kiếm hào quang muôn dặm, vạch cho các người một con đường thông suốt nói thoại. Bóp nghẹt cổ họng, các người chỗ nào ra hơi.

Đây là lối nói không cho suy nghĩ, nói một mạch thẳng, nhận được thì được, không nhận thì thôi.

Tăng hỏi:

- Kẻ độn căn ưa pháp nhỏ, không tự tin làm Phật, sau khi làm Phật thế nào?

Sư đáp:

- Trong nước bắt kỳ lân.**
- Thế ấy ắt lên cao tòa?**
- Cưỡi trâu lên trời Tam thập tam.**

Kẻ độn căn ưa pháp nhỏ, không tự tin làm Phật, ý từ kinh Pháp Hoa. Tăng hỏi sau khi làm Phật thì thế nào? Nếu không tự tin thì sau khi làm Phật như thế nào? Ngài đáp: Trong nước bắt kỳ lân.

Thế ấy ắt lên cao tòa? Cưỡi trâu lên trời Tam thập tam.

Sư thượng đường:

- Ấm mát lạnh nóng, mặc áo ăn cơm tự chẳng kém thiếu, chạy lăng xăng tìm cái gì? Chỉ vì các người chẳng chịu thừa đương (đảm nhận). Hiện nay lại có người thừa đương chẳng? Có thì chẳng được cô phụ sơn hà đại địa. Trân trọng!

Ngài đã nói trắng ra. Khi chúng ta có cảm xúc ấm mát lạnh nóng, lúc biết ăn cơm biết mặc áo... ngay nơi đó có thiếu ông chủ bao giờ, lại chạy đi tìm cái gì? Chỉ vì không chịu nhận nên đi tìm đầu này đầu kia. Nếu chịu nhận thì đâu còn cô phụ ai.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?

Sư đáp:

- **Quê nhà có đường không người đến.**
- **Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?**
- **Ngâm truyền lệnh thiên tử, cùng đi trăm dặm đường.**
- **Thế nào nhân cảnh cả hai đều đoạt?**
- **Ẽnh ương không đầu chân chỉ trời.**
- **Thế nào nhân cảnh cả hai đều chẳng đoạt?**
- **Bờ nam Tấn từ (đền thờ nhà Tấn) ngõ liễu dài.**

Giải thích về Tứ liệu giản của tông Lâm Tế. Hỏi: *Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?* Ngài nói: *Quê nhà có đường không người đến.* Có đường là cảnh, không người đến là không người. Đây là đẹp người không đẹp cảnh.

Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân? Ngài đáp: *Ngâm truyền lệnh thiên tử, cùng đi trăm dặm đường.* Người bộ hành cất bước đi trăm ngàn dặm, là có người. Đây là đẹp cảnh không đẹp người.

Thế nào nhân cảnh cả hai đều đoạt? Ngài nói: *Ẽnh ương không đầu chân chỉ trời,* là không còn gì để phải bàn phải nói nữa.

Thế nào nhân cảnh cả hai đều chẳng đoạt? Ngài nói: *Bờ nam Tấn từ ngõ liễu dài,* phía nam đền thờ nhà Tấn có bờ liễu dài. Đây là chỉ hiện tiền.

Trịnh Công Bộ vào viện thấy pháp tòa liền hỏi:

- **Đây là tòa của người nào?**

Sư đáp:

- Lão tăng.

Công Bộ nói:

- Nhà mình đâu dám.

Sư bảo:

- Công Bộ chớ ép người lành làm giặc.

Công Bộ nói:

- Cái thật.

Sư bảo:

- Chả dám.

Sư bèn nắm tay dẫn vào phương trượng. Công Bộ nói:

- Thất này từng hiện tám pháp chưa từng có khó được, Trưởng lão lại có hay chưa?

Sư lấy tay áo phất qua mặt Công Bộ. Công Bộ nói:

- Như thế thì ngày nay được mát mẻ.

Sư bảo:

- Hãy làm mô phạm cho người sau.

Trịnh Công Bộ là vị quan đã ngộ lý thiền, nên đến chỗ của ngài xem như bạn. Ông thấy pháp tòa liền hỏi: *Đây là tòa của người nào?* Ngài đáp: *Lão tăng.* Công Bộ nói: *Nhà mình đâu dám.* Ngài có chứ tôi không có.

Ngài bảo: *Công Bộ chớ ép người lành thành giặc.*
 Vì Công Bộ cho rằng ngài là cao, tôi không có cái đó.
 Khi đề cao thì ngài hạ xuống.

Công Bộ nói: *Cái thật.* Ngài nói: *Chả dám,* rồi
 nắm tay dẫn vào phương trượng. Đến phương trượng,
 Công Bộ nói: *Thất này từng hiện tám pháp chưa từng có
 khó được, Trưởng lão lại có hay chưa?* Kinh Duy-ma-cật
 nói, thất của Duy-ma có tám pháp chưa từng có khó
 được, thất của ngài có được như thế không? Ngài lấy tay
 áo phất qua mặt Công Bộ, biểu thị cái kỳ đặc chưa từng
 có. Công Bộ nói: *Như thế thì ngày nay được mát mẻ.*
 Ngài bảo: *Hãy làm mô phạm cho người sau.*

Uống trà nói chuyện, Công Bộ nói:

**- Thiền sư Thiện Chiếu ở Phần Dương thích
 xem bài kệ của tôi lắm.**

Sư bảo:

- Xin cho xem.

Công Bộ đọc:

*Hoàng chỉ hưu già nhĩn
 Thanh vân tự hữu âm
 Mạc tương nhàn học giải
 Mai một Tổ sư tâm.*

Dịch:

**Giấy vàng thôi che mắt
 Mây xanh tự mát rồi**

**Chớ đem trò học hiểu
Chôn mất tâm Tổ sư.**

Sư bảo:

- Công Bộ quen được tiện lợi.

Công Bộ nói:

- Đây là giặc.

Sư bảo:

- Lại chẳng tái khám.

Giấy vàng thôi che mắt. Thôi đừng dò dẫm sách vở, đừng để sách vở che mắt.

Mây xanh tự mát rồi. Mỗi người đã tự có mây xanh che mát rồi thì kiếm làm chi?

Chớ đem trò học hiểu, chôn mất tâm Tổ sư. Đừng đem việc học hiểu phân tích chia chẻ làm cho tâm Tổ sư bị khuất lấp.

Một ông cư sĩ làm được bài kệ như thế.

Sư thượng đường nhắc lại bài kệ của Pháp Nhãn:

Kiến sơn bất thị sơn

Kiến thủy hà tăng biệt

Sơn hà dữ đại địa

Đô thị nhất luân nguyệt.

Dịch:

Thấy núi chẳng phải núi

Xem nước nào khác gì

**Núi sông cùng cỗi đất
Trọn là một vầng trăng.**

Cả thầy Pháp Nhãn chưa thấy ra khỏi nhà Niết-bàn. Tam Giao (chỉ Sư) thì chẳng vậy, thấy núi sông cùng cỗi đất, dao dùi mỗi tự dùng. Trân trọng.

Tất cả núi không thật nước không thật, núi sông cỗi đất đều không thật, chỉ một vầng trăng. Vầng trăng là gì? Chính chỗ đó ngài Pháp Nhãn nói tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức.



THIỀN SƯ TRÙNG HIỂN ở TUYẾT ĐẬU - MINH CHÂU

(980 - 1052)

Thiền sư Trùng Hiển ở Tuyết Đậu Minh Châu có liên hệ với Phật giáo Việt Nam. Đời vua Lý Thánh Tông có thiền sư Thảo Đường đệ tử ngài Trùng Hiển Tuyết Đậu, phát xuất thiền phái Thảo Đường.

Ngài Trùng Hiển là đệ tử ngài Trí Môn Quang Tộ, ngài Trí Môn Quang Tộ là đệ tử của thiền sư Đông Lâm Viễn, tức là thị giả Viễn của ngài Vân Môn. Như vậy ngài Trùng Hiển đời thứ tư tông Vân Môn, ngài Thảo Đường ở Việt Nam là đời thứ năm tông Vân Môn.

Sư họ Lý ở phủ Toại Ninh theo thượng nhân Nhân Tiển ở viện Phổ An xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư dạo qua các nơi giảng kinh luận, nghiên cứu giáo lý tột cùng. Sư thưa hỏi lanh lẹ, biện luận thông suốt, các nơi đều nhận là pháp khí, bèn khuyên

đi tham vấn thiền tông. Ban đầu Sư đến gặp thiền sư Trí Môn Quang Tộ.

Sư hỏi Trí Môn:

- Chẳng khởi một niệm, tại sao có lỗi?

Trí Môn gọi Sư lại gần. Sư vừa đến gần, Trí Môn cầm phát tử nhằm vào miệng Sư đánh. Sư toan mở miệng, Trí Môn lại đánh. Sư hoát nhiên khai ngộ. Sư ở lại đây năm năm, nhận tột chỗ u huyền, mới đi tham vấn khắp nơi.

Khi không khởi một niệm, tại sao có lỗi? Ngài Trí Môn kêu ngài lại gần, cầm phát tử đánh vào miệng. Toan mở miệng đáp, đánh cái nữa. Hoát nhiên đại ngộ. Khi không có một niệm thì có lỗi hay không lỗi? Còn hỏi lỗi ở chỗ nào, ngay đó liền đánh thì thấy.

Sư đến thiền sư Thông ở Động Sơn, Thông hỏi:

- Con trâu của Quy Sơn là ý thế nào?

Sư đáp:

- Làm tiêu bản cho người sau.

Thông toan nói, Sư lấy tọa cụ phủi một cái rồi đi. Thông gọi:

- Hãy đến đây Thượng tọa!

Sư nói:

- Chưa đến nhà tham thiền.

Đây là một lối đối đáp. Hỏi về con trâu của Quy Sơn, vì ngài Quy Sơn nói sau khi ta chết làm con trâu

ở dưới núi. Câu nói đó ý thế nào? Ngài nói: *Làm tiêu bản cho người sau*, nghĩa là làm mô phạm cho người sau.

Đến Đại Long, Sư làm tri khách. Một hôm Sư hỏi:

- Nói đó nín đó chẳng phải, chẳng nói chẳng nín lại sai, thấy phải thấy chẳng phải, nắm lấy đại dụng hiện tiền thời nhân biết có, chưa biết Đại Long thế nào?

Đại Long đáp:

- Người có kiến giải như thế.

Sư nói:

- Ông già này ngồi bể băng tiêu.

Đại Long nói:

- Tha người ba mươi gậy.

Sư lễ bái, trở lại chỗ chúng. Đại Long lại gọi:

- Tăng vừa hỏi thoại đến đây!

Sư bèn bước ra. Đại Long hỏi:

- Lão tăng tại sao lại ngồi bể băng tiêu?

Sư thưa:

- Càng thấy bại khuyết.

Đại Long đổi sắc nói:

- Không chịu được! Không chịu được!

Đổi sắc tức là đỏ mặt, khi đối đáp rồi còn nghi ngờ, nên bị chê đại bại hay bại khuyết.

Sư ra trụ tại Thúy Phong, sau dời về Tuyết Đậu. Ngày khai đường, Sư đến trước pháp tòa nhìn đại chúng nói:

- Nếu luận bốn phận thấy nhau, chẳng cần lên pháp tòa cao.

Sư bèn lấy tay vẽ một lần, nói:

- Quý vị nhìn theo ngón tay sơn tăng, vô lượng cõi nước chư Phật đồng thời hiện tiền, mỗi vị nên nhìn xem cho kỹ, nếu là chưa biết bờ mé, chẳng khỏi mắc lầy dính nước.

Sư bèn lên tòa. Thượng thủ bạch chùy xong. Có vị tăng mới bước ra, Sư nắm đứng lại, bảo:

- Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai ủy thác tại ngày hôm nay. Buông đi thì ngói gạch phát ánh sáng, nắm đứng thì chân kim mất sắc. Quyền bính ở trong tay, giết tha tại lúc này. Có tác gia thì cùng nhau chứng cứ.

Có vị tăng bước ra hỏi:

- Xa lìa Tổ tịch Thúy Phong đến đạo tràng Tuyết Đậu, chưa biết là một là hai?

Sư đáp:

- Ngựa không phải thiên lý mà dối nói đuổi gió.

- Thế ấy mây tan nhà nhà trắng?

- Gã đầu rồng đuôi rắn.

Ngài lấy tay vẽ một lần ngang, bảo: Nhìn theo ngón tay của lão tăng, vô lượng cõi nước chư Phật ở chỗ này. Chúng ta nghe nói vô lượng cõi nước chư Phật ở chỗ này, tưởng là nhìn theo ngón tay thì thấy, thật sai lầm.

Các ngài chỉ dạy trong sự khéo léo, nói đông nói tây mà cốt chúng ta nhận ra ông chủ. Khi nghe lời nói, không cần hiểu rõ mỗi chữ mỗi nghĩa, chỉ cần hiểu chỗ các ngài muốn chỉ. Đôi khi các ngài nói như thần chú, nói một mạch không cho kịp biết gì, lâu lâu vạch bày một cái vậy thôi.

Ngựa không phải thiên lý mà dối nói đuổi gió, theo sách xưa, ngựa chạy thật giỏi gọi là ngựa truy phong, nghĩa là đuổi gió. Thật ra con ngựa không chạy kịp với gió, chỉ vì ngựa hay nên người ta gọi là truy phong. Tên đó là tạm đặt không có thật. Ý ngài nói hoặc ở Thúc Phong hoặc ở Tuyết Đậu, tuy hai tên cũng chỉ là tên tạm thôi.

Hỏi: *Thế ấy mây tan nhà nhà trắng?* Tức là mây không còn, trắng chiếu khắp. Ngài đáp: *Gã đầu rồng đuổi rắn*. Đầu thì hay mà cuối thì dở.

Vị tăng khác hỏi:

- Đức Sơn, Lâm Tế gậy hét đã bày, Hòa thượng vì người thế nào?

Sư đáp:

- Bỏ qua một bước.

Tăng suy nghĩ. Sư liền hét. Tăng thưa:

- Chưa biết chỉ như thế hay còn có gì khác?

Sư đáp:

- Bắn cọp không trúng, uống phí mũi tên.

- Thối ốc pháp đánh trống pháp, quan quân đến hội, thế nào là phải?

- Gió mát đến chưa thôi.

- Như thế ắt được ngộ nơi Thầy?

- Một lời đã nói bốn ngựa khó theo.

Tăng lễ bái. Sư bảo:

- Bỏ qua một bước.

Câu nói theo châm ngôn của Trung Hoa *Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy*. Một lời đã nói ra thì bốn ngựa khó đuổi theo. Đôi khi các ngài dùng những ngôn ngữ của thế gian vào đây.

Sư xem khắp đại chúng bảo:

- Trời người khắp nhóm họp, phát minh việc gì? Đâu thể lẫn chia chủ khách đuổi theo vấn đáp là đúng tông thừa. Môn phong quang đại oai đức tự tại, sáng vượt xưa nay, nắm đứng càn khôn, ngàn thánh chỉ nói “tự biết”, nắm thừa đâu thể kiến lập. Sở dĩ trước lời ngộ ý chỉ, vẫn lầm đầu mối “cố - giám”, qua lời nói ngộ được tông môn, còn bị lầm hiện bày của tình thức.

Quý vị cần biết tướng chân thật chẳng? Chỉ là về trước không đeo dính, về sau bật thân mình, tự nhiên thường quang hiện tiền, mỗi mỗi vách đứng

ngàn nhân. Lại biện minh được hay không? Chưa biện thì biện lấy, chưa minh thì minh lấy. Đã biện minh được, hay cắt đứt dòng sanh tử, đồng ở ngôi Phật tổ, diệu viên siêu ngộ chính ở khi này, kham đền cái ơn chẳng đền, dùng giúp giáo hóa pháp vô vi.

Ngài chỉ thẳng, mỗi người *muốn biết cái chân thật* của mình chẳng? Muốn biết nó thì *trước không đeo dính, sau bật thân mình*, nghĩa là trước không chấp cảnh, sau không thấy có thân, *tự nhiên thường quang hiện tiền*, mỗi mỗi đều là cao vót.

Nếu biện minh được chỗ chân thật đó thì *dứt dòng sanh tử*, được ở trong ngôi Phật tổ, mới *kham đền cái ơn chẳng đền*. Ơn chẳng đền là ơn gì? Như chúng ta thuyết pháp giáo hóa độ chúng sanh, đó là đền ơn Phật tổ.

Thường ở thế gian chúng ta giúp ai việc gì, mai sau họ giúp lại mình gọi là đền ơn. Đền ơn là trả thẳng cho người đã giúp mình. Như cha mẹ sanh ra chúng ta, nuôi dưỡng lớn khôn dạy dỗ cẩn thận, khi cha mẹ già chúng ta lo nuôi nấng lại, đó là đền ơn cha mẹ.

Chúng ta đền ơn Phật tổ cách nào? Giáo hóa chúng sanh, giảng kinh dạy đạo, nhưng Phật tổ đâu còn ở đây để nhận? Đức Phật thường dạy rằng, các ông giáo hóa chúng sanh, cứu độ chúng sanh là đền ơn ta vậy. Đó là đền mà không đền. Chúng ta nhận ơn Phật tổ, nhưng giúp ích lại cho người khác, gọi đó là đền ơn Phật.

Tăng hỏi:

- Thế nào là cởi áo ngự bào mặc y nhơ xấu?

Sư đáp:

- **Duỗi tay chẳng duỗi tay.**
- **Xin Thầy phương tiện.**
- **Mắt trái móc gân, mắt mặt bưởi thịt.**

Đó là những câu hoạt ngữ nên chúng ta không thể bàn tới.

Sư thượng đường:

- **Đại chúng! Trước cùng xướng đáp, cũng cần là kẻ ấy mới được. Nếu người chưa có con mắt vượt nước xiết đi trên đao, chẳng nhọc đề ra. Do đó nói, như đồng lửa lớn, chạm đến gân thì đốt cháy mặt, cũng như cầm ngang bảo kiếm Thái A, xông tới liền tan thân mất mạng.**

Sư lại nói:

**Cầm ngang Thái A nhà Tổ lạnh
Ngàn dặm cần nên dứt vạn đoan
Chớ chờ điện lạnh ngang đầu xẹt.**

Sư lại bảo:

- **Xem! Xem!**

Liền xuống tòa.

Cầm ngang Thái A nhà Tổ lạnh. Kiếm Thái A là kiếm bén danh tiếng của Trung Hoa, nếu cầm kiếm đó thì nhà Tổ lạnh nghĩa là không người dám đến gần.

Ngàn dậm cần nên dứt vạn đoan, muôn dậm dứt hết mọi manh mối thì mới dứt được cái đó.

Chớ chờ điện lạnh ngang đầu xẹt. Kiếm Thái A khi chặt đầu, người ta chỉ nghe hơi lạnh là đầu đã rơi rồi, không kịp nghe đau. Ngài bảo chúng phải sớm dứt mọi manh mối, đừng để dứt đầu rồi mới hay. Ngài lại bảo: Xem! Xem!

Sư thượng đường, có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Duy-ma một phen làm tỉnh?

Sư đáp:

- Hàn Sơn hỏi Thập Đắc.

- Như thế là vào cửa bất nhị?

Sư “Hư!” một tiếng, lại bảo:

Duy-ma đại sĩ khứ hà tùng

Thiên cổ linh nhân vọng mặc cùng

Bất nhị pháp môn hưu cánh vấn

Dạ lai minh nguyệt thương cô phong.

Dịch:

Đại sĩ Duy-ma đi không nơi

Ngàn xưa lắm kẻ trông vời vời

Pháp môn bất nhị thôi chớ hỏi

Đêm về trăng sáng trên đỉnh đồi.

Đã là bất nhị thì hỏi cái gì? Hỏi liền thành nhị mất rồi.

Sư thượng đường nói:

***Xuân sơn điệp loạn thanh
Xuân thủy dạng hư bích
Liêu liêu thiên địa gian
Độc lập vọng hà cực.***

Dịch:

**Núi xuân chồng chất xanh
Nước xuân lóng lánh biếc
Thênh thang bầu trời không
Đứng riêng trông nào tột.**

Người xưa khi ngộ đạo rồi thì cảnh và người, người và cảnh không hai, nên thấy cảnh lúc nào cũng nên thơ, sống trong cảnh nào cũng thanh thản. Vì vậy các ngài thố lộ ra toàn là những lời thơ. Chúng ta thấy mình với cảnh là hai bên, cảnh vui thì hứng thú, cảnh buồn thì u sầu, lúc nào cũng không thanh thản.

Sư thượng đường:

- Chỗ ruộng đất ẩn mật Phật tổ còn chẳng dám gần, vì sao giở chân chẳng lên? Thần thông du hí quỷ thần không thể lường, vì sao để chân xuống chẳng được? Dù cho tung hoành nơi ngã tư, sáng đánh ba ngàn chiều đánh tám trăm.

Chỗ ẩn mật của Phật tổ, giở chân cũng không lên, mà thật có thần thông thì để chân xuống cũng không được. Đó là diễn tả chỗ chân thật, không cho chúng ta

dính bên này bên kia, dù cho có tất cả đặc biệt như thần thông diệu dụng cũng không đạt đến đó được.

Thị giả của Bảo Hoa đến tham vấn Sư. Sư hỏi:

- Bảo Hoa có bao nhiêu chúng?

Thị giả thưa:

- Chẳng nhọc Hòa thượng như thế.

Sư bảo:

- Ta hỏi rành rẽ, người nhảy chạy làm gì?

Thị giả thưa:

- Cũng chẳng được bỏ qua.

Sư bảo:

- Thật là sư tử con.

Uống trà xong, Sư nắm đứng thị giả, hỏi:

- Vừa rồi tại sao vô lễ?

Thị giả suy nghĩ, Sư cho một tát tai, bảo:

- Đi về thuật rõ lại cho Bảo Hoa.

Giai đoạn đầu, ngài hỏi bình thường, *Bảo Hoa có bao nhiêu chúng?* Thị giả khai trận liền: *Chẳng nhọc Hòa thượng như thế*, nếu nói nhiều nói ít thì sợ mắc kẹt, cho nên liền nhảy.

Ngài bảo: *Ta hỏi rành rẽ, người nhảy chạy làm gì?* Thị giả nói: *Cũng chẳng được bỏ qua*. Sợ nói ra bị ngài bắt bẻ. Ngài khen: *Thật là sư tử con*. Dọ dẫm rồi uống trà xong mới nói, ngài nắm đứng thị giả, hỏi: *Vừa rồi*

tại sao vô lễ? Khi nãy nhảy, giờ nhảy không khỏi nên suy nghĩ, ngài tát cho một tát, bảo: Đi về thuật rõ lại cho Bảo Hoa, vừa rồi biết nhảy, bây giờ không biết nhảy thành ra thua.

Sư làm bài tụng:

Đạo quý như ngu

Vũ quá hàn vân hiểu bán khai

Sổ phong như họa bích thối ngôi

Không Sanh bất giải nham trung tọa

Nhã đắc thiên hoa động địa lai.

Dịch:

Mưa qua mây lạnh trời rạng đông

Dãy núi sắp bày xanh ngắt cao

Không Sanh chẳng hiểu ngôi trong núi

Khiến hoa trời rơi đất nghiêng chao.

Hai câu trên diễn tả cảnh, hai câu dưới nói về người. Không Sanh là ngài Tu-bồ-đề. Kinh Bát-nhã nói: Một hôm ngài Tu-bồ-đề ngồi lặng lẽ trong núi, chư thiên rải hoa cúng dường, ngài hỏi: Ai rải hoa? Chư thiên trả lời: Chúng con là trời Đế-thích. Hỏi: Tại sao rải hoa cúng dường? Thưa: Ngài giảng kinh Bát-nhã hay, nên chúng con cúng dường. Nói: Ta chưa từng nói Bát-nhã. Đáp: Ngài không nói, chúng con không nghe, đó là Bát-nhã.

Ngài ngồi yên lặng mà thiên hoa cúng dường, khôn mới được cúng dường hay ngu được cúng dường?

Lại có bài tụng:

Danh thật vô đương

Ngọc chuyển châu hồi Phật tổ ngôn

Tinh thông du thị ô tâm điền

Lão Lư chỉ giải trường thung mễ

Hà đặc phong lưu vạn cổ truyền?

Dịch:

Danh thật không gì bằng

Chuyển ngọc xoay châu Phật tổ bàn

Tinh thông vốn lại nhóp tâm điền

Ông Lư⁽³⁾ chỉ giỏi nghề giã gạo

Sao được danh truyền mãi muôn đời?

Chuyển ngọc xoay châu Phật tổ bàn. Lời nói của Phật tổ quý báu như châu lẫn ngọc chuyển.

Tinh thông vốn lại nhóp tâm điền. Tuy thông suốt hết những lời đó nhưng vẫn còn nhớ tâm điền của mình.

Ông Lư chỉ giỏi nghề giã gạo, Lục Tổ khi tới chỗ Ngũ Tổ có học kinh nào đâu, chỉ lo giã gạo thôi.

Sao được danh truyền mãi muôn đời, cho đến bây giờ những lời ngài nói ra trong kinh Pháp Bảo Đàn,

⁽³⁾ Đức Lục Tổ khi mới đến Hoàng Mai vẫn còn là người cư sĩ, nên gọi ngài là Lư hành giả. Ngài chuyên giã gạo đến ngộ đạo. Vì họ thế tục của ngài là Lư nên gọi là Ông Lư.

chúng ta vẫn học hoài. Ai cũng kính ai cũng nể, kính nể vì ngài học giỏi hay vì cái gì? Chỗ chân thật sống được, chính là muôn đời lưu truyền.

Một hôm Sư dạo núi nhìn xem bốn phía, bảo thị giả:

- Ngày nào lại đến ở đây?

Thị giả cầu xin kệ di chúc. Sư bảo:

- Bình sinh chỉ lo nói quá nhiều.

Hôm sau Sư đem gậy giày y bát chia cho đồ chúng, nói:

- Ngày bảy tháng bảy lại thấy nhau.

Đúng ngày mừng bảy tháng bảy, Sư tắm gội xong, nằm quay đầu về phía bắc an nhiên thị tịch. Nhằm năm Hoàng Hựu thứ tư (1052) nhà Tống, Sư thọ 73 tuổi, 50 tuổi hạ. Vua sắc thụy là Minh Giác đại sư.



THIÊN SƯ HIẾU THÔNG ở ĐỘNG SƠN (? - 1030)

Sư họ Đỗ quê ở Thiệu Châu. Trong thời gian du phương, Sư ở Vân Cư làm hương đăng, thấy Tăng nói: “Đại thánh ở Tứ Châu gần đây xuất hiện ở Dương Châu.” Có vị tăng lập câu hỏi đem hỏi Sư:

- Đã là Đại thánh ở Tứ Châu, vì sao lại đến Dương Châu xuất hiện?

Sư đáp:

- Quân tử mến của cho đó là đạo.

Sau vị tăng ấy thuật lại cho am chủ Tường ở Liên Hoa Phong. Am chủ kinh hoảng nói:

- Con cháu Vân Môn vẫn còn.

Đến nửa đêm, ông hướng về Vân Cư lễ bái.

Câu nói có gì kỳ đặc mà kinh hoàng, phải đánh lễ? *Quân tử mến của cho đó là đạo*. Hệ thống tông Vân Môn là nói ngược, nên nói *Đại thánh ở Tứ Châu xuất hiện ở Dương Châu*. Như nói vị thánh ở Cần Thơ mà hiện ở Đồng Nai. Đó là lối nói không lý lẽ rõ ràng, ở nơi này mà nói nơi khác.

Khi đem câu đó ra hỏi, ngài đáp rằng: *Quân tử mến của cho đó là đạo*. Đạo của quân tử đâu phải ham thích tiền của, đây cho rằng quân tử thích tiền của, tức là nói ngược, thuộc con cháu tông Vân Môn. Nghe câu đó am chủ Tường ở Liên Hoa Phong đánh lễ.

Sư về trụ tại Động Sơn, thượng đường có vị tăng hỏi:

- **Đạt-ma chưa truyền ấn tâm địa, Thích-ca chưa mở hạt châu trong búi tóc, khi ấy nếu hỏi ý Tổ tây sang, lại có ý Tổ tây sang chăng?**

Sư đáp:

- **Tháng sáu mưa tầm tã, trùn khắp tâm bá tánh.**

- **Thế ấy, mây tan nhà nhà trắng, xuân đến chốn chốn hoa?**

- **Gót chân giẫm đến mé nước kim cương là bao nhiêu?**

Tăng không đáp được. Sư bảo:

- **Tổ sư Tây sang đặc biệt đề xướng việc này, tự vì Thượng tọa chẳng tiến. Sở dĩ từ cửa mà vào**

**chẳng phải của báu trong nhà, nhận bóng quên đầu
đâu chẳng lầm lớn. Đã là Tổ sư Tây sang đặc biệt
đề xướng việc này, đâu cần đối chúng nói lại nhải.
Trân trọng.**

*Đạt-ma chưa truyền ấn tâm địa, Thích-ca chưa
mở hạt châu trong búi tóc. Phật Thích-ca chưa mở hạt
châu trong búi tóc là lúc nào? Trong kinh Pháp Hoa có
một đoạn đức Phật ví dụ vua Chuyển Luân đem quân
tướng đi đánh giặc. Khi thắng trận về, những vị tướng
có công thì tặng thưởng lụa là châu ngọc, vị tướng
giỏi nhất thì nhà vua mở hạt châu trong búi tóc tặng
thưởng cho. Hạt châu này đặc biệt quý trọng không dễ
dàng ban cho ai, chỉ có người công lao đặc biệt mới
dem cho.*

Phật cũng vậy, các vị Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán
là dụ cho những viên tướng thưởng, ngài nói Tứ đế,
Thập nhị nhân duyên... Với các bậc kỳ đặc thì ngài nói
kinh Pháp Hoa, như vua mở hạt châu trên búi tóc ban
thưởng cho người tướng đặc biệt đó.

*Khi ấy nếu hỏi ý Tổ tây sang, lại có ý Tổ tây sang
chăng? Ngài đáp: Tháng sáu mưa tầm tã, trùm khắp
tâm bá tánh. Có ý Tổ sư không? Mưa khắp hết không
lựa chỗ nào, đâu đâu cũng ướt hết.*

Hỏi: *Thế ấy thì mây tan nhà nhà trắng, xuân đến
chốn chốn hoa?* Ngài đáp: *Gót chân giẫm đến mé nước
kim cang, là bao nhiêu?* Nếu chân chúng ta đạp đến mé
đất kim cang, thì có biết nước đó sâu bao nhiêu?

Tăng không đáp được, ngài bảo: *Tổ sư Tây sang đặc biệt đề xướng việc này, tự vì Thượng tọa chẳng tiến. Sở dĩ, từ cửa mà vào chẳng phải của báu trong nhà, nhận bóng quên đầu đầu chẳng lầm lớn. Đã là Tổ sư Tây sang đặc biệt đề xướng việc này, đâu cần đối chúng nói lại nhai. Trân trọng.* Ngài quả, việc đặc biệt của Tổ sư Tây sang mà Thượng tọa tiến không được. Nếu từ cửa mà vào thì không phải là của báu trong nhà, nhận bóng quên đầu đầu chẳng lầm lớn. Nhận bóng quên đầu là sao? Kinh Lăng-nghiêm nói, Diễn-nhã-đạt-đa soi gương thấy bóng đầu mặt trong gương cho là cái đầu thật. Úp gương lại không thấy, bèn hoảng chạy la: Tôi mất đầu! Đầu thật vẫn còn mà nhận bóng cho là đầu rồi quên cái đầu thật. Đó là lầm lớn. Tổ sư Tây sang đặc biệt đề xướng việc nhận lầm này. Biết được tin tức đâu cần phải nói huyền thuyên.

Sư thượng đường nói:

- Bảo sơn tăng nói cái gì mới được, xưa tức là nay, nay tức là xưa. Do đó, kinh Lăng-nghiêm nói: **“Tùng ngay gai cong, cò trắng quạ đen.”** Lại biết được chẳng? Tuy nhiên như thế, chưa hẳn tùng một bề ngay, gai một bề cong, cò thì trắng, quạ thì đen. Động Sơn (chỉ Sư) nói nơi đây cũng có cây tùng cong, cũng có cây gai ngay, cũng có con cò đen cũng có con quạ trắng. Đứng lâu. Trân trọng!

Thông thường chúng ta cho rằng quạ thì đen, cò thì trắng, nhưng có những con cò mà không trắng, cũng có những con quạ chưa hẳn là đen. Nói cò trắng quạ đen là cách nói thông dụng, chưa hẳn là chân lý, đôi khi có

những ngoại lệ. Chúng ta thường kẹt trong những câu nói rồi chấp chặt cho đó là chân lý.

Sư thượng đường:

- Mùa xuân lạnh nước đông, đêm đến tuyết thêm nhiều, lại thấy chẳng? Khắp đất tuyết tràn trề, gió xuân lạnh như xưa, nói thiền nói đạo dễ, thành Phật thành Tổ khó. Trân trọng.

Nói thiền nói đạo dễ, thành Phật thành Tổ khó, nghĩa là mở miệng nói thế này thế kia, học lóm nói thì dễ, sống được với cái đó mới là khó.

Sư thượng đường:

- Tinh mơ gà gáy sáng, cháo xong trời rạng đông, lòng đèn vẫn còn ngủ, cột cái lại tỉnh tỉnh. Tỉnh tỉnh nói thẳng tỉnh tỉnh, rõ ràng nói thẳng rõ ràng, ngày sau tháng khác chớ nhận tở làm thầy. Trân trọng.



Sư tự tay trồng cả muôn cây tùng ở trên ngọn núi phía đông. Trong khi trồng cây, Sư thường tụng kinh Kim Cang Bát-nhã. Người trong núi nhân đó đặt tên núi này là Kim Cang. Đang trong tùng, thiền sư Tiêu Dao hỏi:

- Ngọn núi ở đây Kim Cang ở chỗ nào?

Sư chỉ, nói:

- Gốc tùng này là đích thân lão tăng trồng.



Ngày mừng tám tháng sáu niên hiệu Thiên Thánh thứ tám (1030), Sư có chút bệnh, nhịn ăn bảy ngày, triệu tập hết tăng tục, nói:

- Pháp tịch này giao cho Tự Bảo trụ trì.
Sư liền lên tòa nói bài kệ Thấu pháp thân.

*Tham thiền học đạo mạc man man
Vấn thấu pháp thân bắc đẩu tàng.
Dư kim lão đảo uông luy thậm
Kiến nhân vô lực đắc thương lương.
Duy hữu sử đầu tri ngã đạo
Chủng tùng thời phục thương Kim Cang.*

Dịch:

Tham thiền học đạo chớ mờ mờ
Hỏi tột pháp thân bắc đẩu tàng.
Nay tôi già yếu càng quá lắm
Thấy người không sức để luận bàn.
Đạo ta người hiểu chỉ cây cuộc
Những lúc trông tùng lên Kim Cang.

Nói xong Sư liền thị tịch.

Khi từ giã, ngài nói rằng: Người học đạo cần thấy tột pháp thân, bây giờ tôi già yếu rồi không còn luận bàn gì nữa, đạo thật của tôi chỉ có cây cuộc kia trông tùng trên đỉnh núi Kim Cang.



THIÊN SƯ TỰ BẢO Ở ĐỘNG SƠN

Sư sanh trong nhà con hát nên không có họ, tánh tình liêm khiết cẩn thận kính trọng Phật thừa, xuất gia tại chùa Giáp Thạch. Làm tăng, Sư tu theo hạnh đầu-đà ăn cơm hẩm mặc y vá. Đến tham vấn thiên sư Giới ở Ngũ Tổ, Sư phát minh tâm địa tiếng tăm vang lừng. Ở hội Ngũ Tổ, Sư làm chủ tự.

Một hôm hòa thượng Giới bệnh, sai một cư sĩ đến kho lấy gừng sắc thuốc, bị Sư rầy không cho. Cư sĩ lên bạch lại Hòa thượng, Hòa thượng bảo đem tiền hoàn lại, Sư mới chịu lấy gừng trao cho. Nhân đây, hòa thượng Giới tâm càng mến trọng. Thời nhân gọi Sư là ông thầy bán gừng.

Thiên sư Tự Bảo ở Động Sơn cũng là con cháu của Vân Môn. Ngài làm tri khố khất khe đến cỡ nào? Hòa thượng trụ trì bệnh, bảo lấy gừng sắc thuốc, gừng là của chúng, nếu lấy ngang ngài không cho, dù Hòa thượng

cũng không cho. Hòa thượng biết ý bảo đem tiền hoàn lại, ngài mới chịu cho, từ đó nổi tiếng là ông thầy bán gừng.

Người xưa đối với của Tam bảo có trách nhiệm gìn giữ không để sơ sót, dù là Trụ trì mà tự tiện dùng của chúng không đúng pháp cũng không cho, huống là người thường. Ngài đem hết nhiệt tình gìn giữ của Tam bảo. Chúng ta bây giờ quá hời hợt, muốn dùng cách nào cũng được, đó là không biết giữ gìn.

Sau, Sư dạo các tông lâm đến Động Sơn. Thiền sư Hiếu Thông trụ trì nơi đây cũng quý trọng Sư. Sau khi Hiếu Thông tịch, di chúc thỉnh Sư trụ trì.

Sư khai pháp ở Động Sơn, có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Tương tợ đầu não.

Hoặc nói:

- Lưng dài chân ngắn.

Tăng hỏi:

- Sư xướng gia khúc tông phong ai? Nối pháp người nào?

Sư đáp:

- Lời vẫn ở tai.

- Thế ấy là con Ngũ Tổ Giới, là cháu Vân Môn.

- Ngày chạy năm trăm.



Sư dạy chúng:

- Thấy đều ở trong gió dừng sóng lặng đến, bỗng gặp sóng to nổi dậy, lượng cả ngập trời, chính khi ấy tìm kẻ thủy thủ khó được, trong chúng có người cầm lái hay không?

Chúng không đáp. Sư tiếp:

- Lừa hết mọi người trong thuyền.

Chúng ta chỉ được ở trong gió dừng sóng lặng, nếu khi gặp sóng to gió lớn thì tìm thủy thủ khó được. Nghĩa là khi sóng dừng gió lặng, thủy thủ ngồi đầy hai bên bệ thuyền, đến lúc sóng to gió lớn kiếm một chú không có. Tìm không được thì ai là người cầm lái?

Như vậy, khi bình an chúng ta thấy như mình làm chủ được chút chút. Khi gặp những chuyện náo động, cảnh duyên lôi cuốn chạy theo, không làm chủ được.

Sau, Sư dời đến trụ tại núi Quy Tông. Một hôm Sư chống gậy xuống núi, đi giữa đường gặp lính nạt dẹp đường:

- Tránh bên cho xe Huyện úy đi.

Sư đứng qua bên trái. Con ngựa kéo xe quan huyện úy thấy Sư liền quỳ mọp. Sư nói:

- Súc sanh này cũng biết người.

Huyện úy biết là Sư liền xuống xe đánh lễ. Sau đó ngựa mới chịu chạy.

Hồi xưa khi quan đi thì có lính đi trước nạt đường, như bây giờ nhân vật quan trọng đi có xe chạy còi hộ

trước để mọi người dẹp qua hai bên. Ngài đi xuống núi, gặp xe Huyện úy đi cũng phải tránh qua một bên. Con ngựa kéo xe quan huyện thấy ngài bèn quỳ mọp xuống không dám chạy. Ngài khen: *Súc sanh này cũng biết người*. Quan huyện úy biết đây là vị Hòa thượng có đức hạnh, xuống xe đánh lễ. Sau đó ngựa mới chịu chạy.

Người tu giữ giới luật nghiêm trang, biết tôn trọng của Tam bảo là những vị có phước đức lớn. Phước đức như thế, đến loài súc sanh cũng nể trọng. Người không có giới đức, không biết quý trọng của Tam bảo, người đó tổn phước, bị quỷ thần chê cười.

Sư lại dời về trụ ở Vân Cư. Một đêm, Sơn thần kiệu Sư đi quanh chùa. Sư quả rằng:

- Khiêng lên phương trượng đi.

Sơn thần riu ríu khiêng lên phương trượng.

Sư vì người gìn giữ giới pháp rất tinh nghiêm.

Ban đêm sơn thần kiệu ngài đi dạo, mà ngài rầy: Trở về phương trượng đi. Sơn thần riu ríu đi không dám cãi. Đức độ của ngài lớn lao như thế. Chúng ta thấy người xưa, nhờ tâm trong sạch, nhờ giới đức trang nghiêm nên tất cả đều quý kính.

Sư có làm bài Tán chân dung tổ sư Đạt-ma:

Tự:

Sư chân đồ mặc tam giới vô trước

Nghĩ dục an bài tri quân đại thác

*Hư lao chỉ điểm hà xứ môn mô
Yếu thức Sư chân càn khôn khoách lạc.*

Tán:

*Sư tướng hệ thế sở hy
Sư my hệ trận vân thù
Sư nhãn hệ điện quang huy
Sư tỷ hệ tủng Tu-di
Sư khẩu môn vô xỉ hệ quá tại thù?
Nghĩ thiệp lưu sa hệ hà bất tự tri phi
Bỉ thử trượng phu hệ truyền pháp dữ a thù?
Cánh trụ Thiếu Lâm hệ ma-la khước Tây quy.
Ngộ nạp tăng hệ hảo dữ nhất đốn chùy
Tuy nhiên như thị hệ bất hội mạc châm chùy.*

Dịch:

Tựa:

**Chân hình Thầy títt mù tam giới
Toan tính an bài, biết anh lắm lớn
Luống nhọc chỉ điểm chỗ nào mó sờ
Cần biết tướng Thầy, càn khôn thên thang.**

Tán:

**Tướng Thầy chừ đời ít có
Mây Thầy chừ hàng mây rủ
Mắt Thầy chừ làn chớp sáng**

Mũi Thầy chừ vượt Tu-di

Miệng Thầy không răng chừ lỗi tại ai?

Toan giã sa mạc chừ sao chẳng tự biết quấy

Kia đây trượng phu chừ truyền pháp cho ai?

Lại trụ Thiếu Lâm chừ hổ thẹn trở về Tây

Gặp thiền sinh chừ nên cho một trận

Tuy nhiên như thế chừ chẳng hội chớ dùi châm.

Bài tán này trong thiền môn rất được lưu hành.

Ngài làm bài tán khen ngợi bức chân dung của tổ Đạt-ma. Chân tướng của Tổ ra sao? Tướng ấy được lưu truyền qua tranh vẽ, qua sự tưởng tượng của người. Muốn vẽ *chân hình Thầy títt mù tam giới*. Hình Thầy trùm cả tam giới, chẳng ở trong giới hạn nào. *Toan tính an bài, biết anh làm lớn*. Muốn suy tính an bày hình thế này thế kia, rất lắm. *Luống nhọc chỉ điểm chỗ nào mó sờ*. Đã là thênh thang thì làm sao chỉ điểm được, làm sao mó sờ được? *Cần biết tướng Thầy, cần khôn thênh thang*. Tướng Thầy là trùm cả cần khôn.

Tựa bài tán gồm bốn câu trên. Sau đây là lời tán:

Tướng Thầy chừ đời ít có. Tướng Thầy trên đời này ít có. *Mày Thầy chừ hàng mây rủ*. Mày Thầy như đám mây rủ. *Mắt Thầy chừ làn chớp sáng*. Vừa nói chân mày của Thầy như mây rủ, vừa nói mắt Thầy trong sáng như làn chớp, cũng vừa tả Thầy là mây, Thầy là chớp sáng. *Mũi Thầy chừ vượt Tu-di*. Lỗ mũi Thầy cao vượt núi Tu-di. *Miệng Thầy không răng chừ lỗi tại ai?*

Ngài sang Trung Hoa lúc đó trên chín chục tuổi, nên không còn răng. Cũng có truyền thuyết nói ngài bị Lương Võ Đế đánh gãy răng.

Toan giãm sa mạc chừ sao chẳng tự biết quấy. Kia đây trượng phu chừ nên truyền pháp cho ai? Ngài trượng phu, người khác cũng trượng phu mà truyền cho ai? Ngài có cái đó, người khác cũng có cái đó, truyền cho ai? Lại trụ Thiếu Lâm chừ hổ thẹn trở về Tây. Ngài ở Thiếu Lâm, khi tịch chôn trên núi Hùng Nhĩ, tại sao lại thấy quả chiếc dép về Tây, về Ấn Độ?

Gặp thiền sinh chừ nên cho một trận. Tuy nhiên như thế chừ chẳng hội chớ dùi châm. Tuy như vậy nếu không nhận được không thấy được, đừng suy nghĩ, đừng tìm kiếm.

Bài tán này ý tứ rất hay.



QUỐC SƯ ĐỨC THIỀU

ở núi THIÊN THAI

(891 - 972)

Sư quê ở Long Tuyên, Xứ Châu, cha họ Trần mẹ họ Diệp. Mẹ Sư nằm mộng thấy một luồng sáng chạm vào thân, nhân đó biết có thai. Đến khi Sư ra đời có nhiều điềm lạ.

Năm Sư mười lăm tuổi có vị tăng lạ thấy Sư liền vỗ sau lưng nói: “Ông nên xuất gia, trong trần tục không phải là chỗ của ông.” Năm mười bảy tuổi Sư đến chùa Long Quy ở quê nhà xuất gia. Năm mười tám tuổi Sư đến chùa Khai Nguyên ở Tín Châu thọ giới.

Giai đoạn đầu của ngài, từ khi mới sanh đến khi đi tu có những điềm lạ để chứng tỏ túc duyên của ngài đã có từ bao giờ chứ không chỉ trong đời này.

Khoảng niên hiệu Khai Bình (907-910) nhà Hậu Lương, Sư cất bước du phương. Trước đến núi Đầu Tử, Sư ra mắt thiền sư Đại Đồng, đó là buổi phát tâm ban đầu.

Kế, Sư tham vấn hòa thượng Tuân ở Long Nha.
Sư hỏi:

- Bạc đại hùng vì sao gần chẳng được?

Long Nha đáp:

- Như lửa với lửa.

Sư hỏi:

- Chợt gặp nước đến thì sao?

Long Nha bảo:

- Người chẳng hội.

Sư lại hỏi:

- Trời chẳng che đất chẳng chở, lý này thế nào?

Long Nha đáp:

- Nên như thế.

Sư không lãnh hội được, lại cầu xin chỉ dạy.

Long Nha bảo:

- Đạo giả! Người về sau tự hội.

Câu thứ nhất hỏi ngài Long Nha rằng: *Bạc đại hùng vì sao gần chẳng được?* Bạc đại hùng là chỉ cho Phật, không phải là Phật ở ngoài chúng ta, chính là Phật sẵn có nơi mình mà gần không được, tại sao?

Ngài Long Nha đáp: *Như lửa với lửa*. Lửa với lửa không khác, chẳng thể nói gần hay không gần. Ngài không hiểu, lại hỏi: *Chợt gặp nước đến thì sao?* Lửa đối với nước, lửa gặp nước thì tắt. Ngài tưởng đem câu đó ra bẻ là đúng, không ngờ nếu thấy có nước có lửa là hai bên, tức chưa thấy được đạo. Do đó ngài Long Nha bảo: *Người chẳng hội*.

Câu thứ hai ngài hỏi thêm: *Trời chẳng che đất chẳng chở, lý này thế nào?* Tức là chỗ trời không che đất không chở đó thế nào? Ngài Long Nha đáp: *Nên như thế!* Ngài không lãnh hội được, lại cầu chỉ dạy. Long Nha bảo: *Đạo giả! Người về sau tự hội*. Cái đó chỉ không được.

Sư đến tham vấn Sơ Sơn. Sư hỏi:

- Trăm vòng ngàn lớp là cảnh giới của ai?

Sơ Sơn đáp:

- Tay trái se dây gai trói con quỷ.

Sư hỏi:

- Chẳng rơi xưa nay thỉnh Thầy nói.

Sơ Sơn bảo:

- Chẳng nói.

Sư hỏi:

- Vì sao chẳng nói?

Sơ Sơn đáp:

- Trong ấy chẳng biện có không.

Sư thưa:

- Nay Thầy khéo nói.

Sơ Sơn kinh hãi.

Như thế, Sư đi tham vấn qua năm mươi tư vị thiện tri thức, mà pháp duyên chưa hợp. Sau cùng Sư đến Lâm Xuyên yết kiến thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích.

Câu hỏi thứ nhất: *Trăm vòng ngàn lớp là cảnh giới của ai?* Người còn mê lầm thì phiền não bao vây trăm vòng ngàn lớp, đó là cảnh giới gì? Ngài Sơ Sơn trả lời: *Tay trái se dây gai trói con quý.* Con quý có hình tướng không? Đem dây trói nó được không? Cái không có hình tướng, không thể trói được mà đem dây trói, nghĩa là trong khi mê tưởng có phiền não, chứ nó không thật.

Phiền não tham sân si... ai khi gặp cảnh bị nó bủa vây thì thấy như có trăm lớp. Đặt câu hỏi tìm xem nó thật hay không? Nếu thật thì lúc nào cũng phải có, nhưng khi tỉnh táo tìm thử coi tham sân si... ở đâu, tìm không có. Nếu cái gì thật thì trước sau vẫn có, cái gì khi có khi không, đợi duyên mới có là không thật. Không thật mà tưởng thật, chẳng khác nào cầm dây trói quý.

Ngài không hiểu, hỏi câu thứ hai: *Chẳng rọi xưa nay thỉnh Thầy nói.* Nói một câu đừng mắc kẹt xưa nay, nói được không? Ngài Sơ Sơn nói: *Chẳng nói.* Ngài hỏi: *Tại sao chẳng nói?* Đáp: *Trong ấy chẳng biện có không.*

Vì trong ấy không biện có và không thì làm sao nói được. Ngài nói: *Nay Thầy khéo nói*. Thầy nói ra là bị rơi xưa nay rồi. Ngài Sơ Sơn kinh hãi.

Như thế đi tham vấn năm mươi tư vị thiện tri thức mà vẫn chưa ngộ. Ngài là người ra đời có những điềm lạ, đi học qua năm mươi tư vị thiện tri thức vẫn còn chưa ngộ, huống nữa chúng ta ra đời khóc oa oa không ai biết tới, đi tu cũng tự mình muốn đi chứ không ai nhắc thúc. Duyên của các ngài sâu dày mà còn khó khăn như vậy, huống nữa duyên mỏng như chúng ta không thể dễ dàng.

Sư do đi khắp các tùng lâm nên mỗi một lười thưa hỏi. Ở trong hội Pháp Nhãn, Sư chỉ theo chúng mà thôi.

Một hôm Pháp Nhãn thượng đường, có vị tăng hỏi:

- Thế nào là một giọt nước nguồn Tào?

Pháp Nhãn đáp:

- Là giọt nước nguồn Tào.

Vị tăng ấy mờ mịt thối lui. Sư ngồi bên cạnh hoát nhiên khai ngộ, bình sinh những mối nghi ngờ dường như băng tiêu, cảm động đến rơi nước mắt ướt áo. Sư trình chỗ sở ngộ cho Pháp Nhãn. Pháp Nhãn bảo:

- Người ngày sau sẽ làm thầy quốc vương, khiến ánh sáng đạo của Tổ sư rộng lớn, ta không sánh bằng.

Ông tăng hỏi: *Thế nào là một giọt nước nguồn Tào?* Nguồn Tào là nguồn Tào Khê, ý hỏi đường lối của Lục Tổ. Ngài Pháp Nhãn chỉ lặp lại câu đó: *Là giọt nước nguồn Tào*, không thêm gì hết. Ông tăng hỏi mà không ngộ, ngài ngồi bên cạnh lại ngộ. Không phải câu trả lời có nghĩa lý mới ngộ, mà người tu khi tâm chín muồi thuần thực rồi, chỉ đợi một chút duyên gợi lại liền hoát nhiên đại ngộ, không lường trước được. Cũng như trái cây chín muồi, chỉ cần cơn gió nhẹ thổi qua liền rụng. Vì vậy chỗ ngộ đó không giải thích được.

Sư đạo núi Thiên Thai xem những di tích của thiền sư Trí Khải dường như chỗ mình ở cũ. Sư lại đồng họ với Trí Khải. Thời nhân gọi hậu thân Trí Khải.

Nếu ngài là Trí Khải đại sư, thì đời trước đã là vị đại sư rồi, đến khi tái lai còn phải tham học lắm công phu. Nếu không phải là Trí Khải đại sư tái lai, tại sao đến đó thấy như chỗ mình quen biết cũ.

Ban đầu, Sư trụ tại Bạch Sa. Lúc đó, thái tử Trung Ý Vương trấn ở Thai Châu, nghe danh Sư thỉnh đến hỏi đạo. Sư bảo:

- Ngày sau làm chủ thiên hạ nên nhớ ơn Phật pháp.

Đến niên hiệu Càn Hựu năm đầu (948) Thái tử lên ngôi, sai sứ thỉnh Sư, đối xử theo tình thầy trò.

Nhân duyên của ngài, khi Thái tử đến hỏi đạo, ngài dạy rằng: *Ngày sau làm chủ thiên hạ, nên nhớ ơn*

Phật pháp. Đến khi Thái tử được làm vua, nghĩ rằng đó là Phật pháp ủng hộ, nên kính ngài làm Quốc sư.

Sư thượng đường nói:

- Thánh xưa phương tiện nhiều như hà sa. Tổ sư nói “không phải gió phan động mà tâm nhân giả động”, đây là pháp môn tâm ấn vô thượng. Chúng ta là khách ở trong pháp môn của Tổ sư, nên làm sao hội được ý Tổ sư. Chớ nói gió phan chẳng động mà tâm ông vọng động. Chớ nói chẳng bác gió phan, đến gió phan nhận lấy. Chớ nói chỗ gió phan động là cái gì? Có người nói giá vật sáng tâm chẳng cầu nhận vật. Có người nói sắc tức là không. Có người nói chẳng phải gió phan động nên phải khéo hội. Giải hội như thế đối với ý chỉ Tổ sư có gì giao thiệp. Đã chẳng cho hội như thế, chư Thượng tọa liền nên biết rõ. Nếu ở trong ấy ngộ được triệt để, có pháp môn nào mà chẳng rõ. Trăm ngàn phương tiện của chư Phật một lúc rỗng suốt, lại có chỗ nghi nào? Do đó, cổ nhân nói: Một liễu thì ngàn minh, một mê thì muôn lầm.

Chư Thượng tọa! Đâu phải ngày nay hội được một, ngày mai lại chẳng hội. Đâu phải có một phần việc hướng thượng khó hội, có một phần hạ liệt phàm phu chẳng hội. Kiến giải như thế dù trải qua số kiếp như bụi, chỉ tự mỗi một tinh thần đâu có lẽ phải.

Ngài dẫn câu chuyện gió động phan động trong kinh Pháp Bảo Đàn. Cả hai trường hợp, một nói gió động, một nói phan động, Lục Tổ không chấp nhận,

Ngài nói *tâm nhân giả động*. Tại sao? Gió hay phước, tất cả sự vật hiện hữu trên thế gian, không pháp nào rời nhân duyên mà thành. Có ra sự lay động này phải cộng cả gió cả phước. Nhưng thế nhân nhìn sự vật chỉ một chiều, hoặc bên này hoặc bên kia. Cũng như chúng ta nói hoặc là có hoặc là không, ít khi nào nói cả có và không. Nếu nói vậy người ta cho mình ba phải.

Nhìn một bên, thấy một bên là thiên kiến thiên chấp. Có thiên kiến thiên chấp rồi thì có đấu tranh, ai cũng cho cái thấy của mình đúng, cái thấy của người sai. Gốc của đấu tranh náo động là cái nhìn thiên lệch sai lầm. Vì thế Lục Tổ bảo *tâm nhân giả động*.

Đây ngài Đức Thiệu bảo chúng ta *đừng nói gió phan chẳng động mà tâm ông vọng động, cũng đừng nói chẳng bác gió phan, đến gió phan nhận lấy...* Chủ trương của ngài là ngay nơi gió động phan động mà nhận ra, thấy được lẽ thật thì đúng, còn lý luận cách này cách kia đều là sai. Vì vậy ngài bảo đừng nói cách nào, đừng nói *gá vật sáng tâm...* tất cả đều đừng nói, ngay khi nhận được thì nhận, không được thì thôi. Ngài kết thúc, *cổ nhân nói: Một liễu thì ngàn minh, một mê thì muôn lầm*. Một liễu tức một lần liễu ngộ, ngàn việc đều sáng, còn một lần mê lầm thì muôn việc đều lầm. Chúng ta bây giờ là liễu hay mê? Bởi mê nên thấy gì cũng trật, nói gì cũng sai.

Đâu phải ngày nay hội được một, ngày mai lại chẳng hội. Đâu phải có một phần việc hưởng thượng khó hội, có một phần hạ liệt phàm phu chẳng hội. Kiến giải

như thế dù trải qua số kiếp như bụi, chỉ tự mỗi một tinh thần đâu có lẽ phải. Chỗ ngộ này, một lần ngộ thì thấy tất cả, không phải ngộ từng phần, việc này ngộ còn việc kia chưa ngộ, nghĩ như vậy là sai lầm.

Sư có bài kệ dạy chúng:

<i>Thông huyền phong cảnh</i>	Thấu huyền chót cảnh
<i>Bất thị nhân gian</i>	Chẳng phải nhân gian
<i>Tâm ngoại vô pháp</i>	Ngoài tâm không pháp
<i>Mãn mục thanh sơn.</i>	Đầy mắt núi xanh.

Pháp Nhãn nghe được bảo:

- Một bài kệ này có thể làm sống dậy tông của ta.

Tông của Pháp Nhãn đặc biệt được nêu lên ở câu *Ngoài tâm không pháp*. Đó là chủ yếu của lý duy tâm, nên ngài Pháp Nhãn khen ngợi, một bài kệ này đủ làm sống dậy tông của ngài.

Sư dời trụ tại chùa Bát Nhã mở hội thuyết pháp. Hội đầu, Sư dạy chúng:

- Một sợi lông nuốt biển cả, tánh biển không thiếu; một hột cải ném trên mũi nhọn, mũi nhọn không động. Thấy cùng chẳng thấy, hội cùng chẳng hội, chỉ ta biết vậy.

Có bài tụng:

Tạm hạ cao phong dĩ hiển dương
Bát-nhã viên thông biến thập phương

Nhân thiên hạo hạo vô sai biệt

Pháp giới tung hoành xứ xứ chương.

Dịch:

Tạm xuống cao phong đã hiển dương

Bát-nhã viên thông khắp mười phương

Người trời bát ngát không sai khác

Pháp giới dọc ngang chốn chốn chương.

Ngài nói về lý Bát-nhã: *Một sợi lông nuốt biển cả, tánh biển không thiếu; một hạt cải ném trên mũi nhọn, mũi nhọn không động.* Một sợi lông và biển cả, cái nào lớn cái nào nhỏ? Biển cả thì thênh thang, một sợi lông có nghĩa lý gì, tại sao một sợi lông nuốt biển cả? Lý Bát-nhã thấy tự tánh tất cả pháp là không, tất cả tướng lớn nhỏ... chỉ là giả tướng sai biệt. Trên tánh Không không có lớn nhỏ, tất cả bình đẳng, biển cả và sợi lông cũng bình đẳng, nên dung nhau không ngăn ngại.

Trong bài kệ ngài nói: *Tạm xuống cao phong đã hiển dương*, khi tạm xuống núi thì đã hiển dương lý này rồi. *Bát-nhã viên thông khắp mười phương*, lý Bát-nhã viên thông khắp hết mười phương. *Người trời bát ngát không sai khác*, dù cõi trời, cõi người lý này cũng đều thông suốt, bao trùm hết. *Pháp giới dọc ngang chốn chốn chương*, toàn pháp giới nào dọc nào ngang, chỗ nào cũng hiện bày Bát-nhã. Đây nói thể Bát-nhã bao trùm hết, không có nơi chốn, nếu là dụng Bát-nhã tức là trí quán chiếu thì có giới hạn.

Có vị tăng hỏi:

- Người xưa nói: “Người thấy Bát-nhã liền bị Bát-nhã trói, người chẳng thấy Bát-nhã cũng bị Bát-nhã trói.” Đã thấy Bát-nhã vì sao lại bị Bát-nhã trói?

Sư đáp:

- Người nói Bát-nhã thấy cái gì?
- Chẳng thấy Bát-nhã vì sao cũng bị Bát-nhã trói?
- Người nói Bát-nhã chỗ nào chẳng thấy?

Sư lại bảo:

- Nếu thấy Bát-nhã chẳng gọi là Bát-nhã, nếu chẳng thấy Bát-nhã cũng chẳng gọi là Bát-nhã. Hãy bảo nói cái gì là thấy chẳng thấy? Sở dĩ cổ nhân nói: “Nếu thiếu một pháp chẳng thành pháp thân, nếu dư một pháp cũng chẳng thành pháp thân; nếu có một pháp chẳng thành pháp thân, nếu không một pháp cũng chẳng thành pháp thân.” Đây là chân tông Bát-nhã vậy.

Chúng ta có nghi không? *Thấy Bát-nhã thì bị Bát-nhã trói, không thấy Bát-nhã cũng bị Bát-nhã trói.* Bát-nhã là trí tuệ sáng suốt, đã được sáng suốt làm sao bị trói?

Như ngài Thiệu Tu nói: “Pháp đầy đủ nơi phàm phu mà phàm phu chẳng hội, pháp đầy đủ nơi thánh nhân mà thánh nhân chẳng biết. Thánh nhân nếu hội tức đồng phàm phu, phàm phu nếu biết tức đồng

thánh nhân.” Pháp ấy chỉ cho Bát-nhã, là *thấy Bát-nhã liền bị Bát-nhã trói*, Bát-nhã là cái bị thấy, không phải chính mình. Như vậy là bị trói, còn nếu không thấy Bát-nhã tức là mờ mịt, cũng bị trói.

Làm sao khỏi cái họa đó? Chỉ nói Bát-nhã là Bát-nhã. Không nói thấy không thấy, vì thấy và không thấy là hai bên nên bị trói, còn Bát-nhã là Bát-nhã thì hết trói.

Nếu thấy Bát-nhã chẳng gọi là Bát-nhã, nếu chẳng thấy Bát-nhã cũng chẳng gọi là Bát-nhã. Hãy bảo nói cái gì là thấy chẳng thấy? Sở dĩ cổ nhân nói: “Nếu thiếu một pháp chẳng thành pháp thân, nếu dư một pháp cũng chẳng thành pháp thân; nếu có một pháp chẳng thành pháp thân, nếu không một pháp cũng chẳng thành pháp thân.” Đây là chân tông Bát-nhã vậy.

Bát-nhã là pháp thân, nói có thấy không thấy, nói có không, nói dư thiếu cũng là bệnh. Tất cả hai bên đều không hợp với pháp thân. Muốn thấy pháp thân nhập pháp thân, đừng thấy khen chê, có không... thì rất khỏe. Chỉ vì chúng ta thấy hai bên, tâm luôn chạy đầu này hướng đầu kia nên không an. Nếu thấy hai bên đều không thật, tự đã an rồi. Thế nên phải biết pháp thân không còn kẹt hai bên, pháp thân tức là Bát-nhã.

Hội thứ tư, Sư thượng đường dạy chúng:

- Cổ nhân nói: “Thế nào là thiền? Tam giới miên miên. Thế nào là đạo? Thập phương hạo hạo.” Vì sao nói tam giới miên miên? Chỗ nào là đạo lý của

thập phương hạo hạo? Cần hội chẳng? Bít mắt lại, bít tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại, không chỗ rỗng thiếu, không chỗ chuyển động. Thượng tọa hội chẳng? Ngang cũng chẳng được dọc cũng chẳng được, buông ra cũng chẳng được, đoạt đi cũng chẳng được, không có chỗ dụng tâm cũng không có chỗ lập bày. Nếu hội được như thế mới là pháp môn bất chọn lựa, tất cả ngôn ngữ dứt rỉ chảy.

*Thế nào là thiên? Tam giới miên miên. Thế nào là đạo? Thập phương hạo hạo. Miên miên là dày dặn khít khao. Thiên là sẵn đầy trong tam giới, không hở không trống. Hạo hạo là thênh thang bát ngát. Đạo là cái thênh thang bát ngát bao trùm cả mười phương. Như vậy thiên đạo trùm cả mười phương, không một chỗ nào hở trống, nên nói một mũi kim xuyên qua cũng không được, đó là *miên miên*, không nơi nào thiếu đó là *hạo hạo*.*

Đã trùm khắp mười phương không hở không trống, thì hỏi chỗ nào cần hội? Muốn nhận được thiên đạo đó, *bít mắt lại, bít tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại, không chỗ rỗng thiếu, không chỗ chuyển động*. Đây là trọng tâm tu ở sáu căn. Nếu sáu căn khéo bít lấp thì thông suốt, nếu không khéo để lục tặc dẫn đi thì chúng ta bị trói buộc. Đây nói bít lấp lại, là bít lấp lục tặc ở sáu căn. Nếu lục tặc ở sáu căn mà đập tan hay bít được thì trở thành lục thông. Như vậy tuy nói nhiều pháp môn tu, nhưng đều từ sáu cửa đó.

Mắt thấy mà không chạy theo cảnh, tai nghe mà không chạy theo tiếng, tu dễ hay khó? Vì chạy theo

nên tu khó, bị lục tặc phá tan hoang sự nghiệp, khó thấy thiền đạo. Chủ yếu chúng ta làm sao? Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe mà không bị dính, không bị lôi cuốn, đó là cái gốc để thấy thiền thấy đạo. Ai có quyền hưởng được điều này? Không dành riêng ai, chỉ người nào khéo một chút thì được, còn không khéo thì suốt đời không bao giờ được.

Vì vậy ngài nói: *Ngang cũng chẳng được dọc cũng chẳng được, buông ra cũng chẳng được, đoạt đi cũng chẳng được, không có chỗ dụng tâm cũng không có chỗ lập bày.* Đạo là trùm hết, làm gì cũng là đạo, chỗ nào cũng là đạo. Nếu sáu căn không còn bị dính mắc, thì tự nhiên sẽ thấy nó thênh thang bát ngát.

Hội thứ sáu, Sư thượng đường dạy chúng:

- **Phật pháp hiện thành, tất cả đầy đủ.** Người xưa nói: “Tròn đồng thái hư không thiếu không dư.” Nếu như thế thì cái gì thiếu cái gì dư, cái gì phải cái gì quấy? Ai là người hội, ai là người chẳng hội? Do đó nói, đi đông cũng là Thượng tọa, đi tây cũng là Thượng tọa, đi nam cũng là Thượng tọa, đi bắc cũng là Thượng tọa. Thượng tọa tại sao được thành đồng tây nam bắc? Nếu hội được, tự nhiên con đường thấy nghe hiểu biết bật dứt, tất cả các pháp hiện tiền. Vì sao như thế? Vì pháp thân không tướng, chạm mắt đều bày, Bát-nhã vô tri đối duyên liên chiếu, một lúc hội triệt để là tốt.

Chư Thượng tọa! Kẻ xuất gia làm gì? Cái lý bản hữu này chưa phải là phần bên ngoài. “Thức tâm đạt bản nguyên nên gọi là Sa-môn.” Nếu biết

rõ ràng, không còn một mảy tơ làm chướng ngại. Thượng tọa đứng lâu, trân trọng.

Pháp thân hiện hữu trùm khắp, nên nói *Phật pháp hiện thành*, ngay hiện tại đây không xa xôi. Tín Tâm Minh nói: *Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư*, đã không thiếu không dư thì chỗ nào không có?

Ngài dùng ví dụ chúng ta đi đông, đi tây, đi nam, đi bắc, khắp bốn phương nhưng là mấy người? Chỉ một mình thôi, bốn phương có tên khác, nhưng người đi chỉ là một. Như vậy tuy nói mười phương ba đời... nhưng cũng chỉ là ta thôi không có gì khác.

Pháp thân không tướng, chạm mắt đều bày, pháp thân không có tướng mạo, nơi nào mở mắt ra nhìn thấy đều không ngoài pháp thân. *Bát-nhã vô tri, đối duyên liền chiếu*. Trong kinh có câu “Bát-nhã vô tri, vô sở bất tri”, tức là Bát-nhã không biết, không chỗ nào chẳng biết. Không biết cái gì, không chẳng biết cái gì? Chúng ta quen nhận biết theo thức tình phân biệt, biết theo giả tướng giả cảnh. Điều gì mình cũng phân biệt mình biết, đó là có tri có thức, nhưng đối với cái chân thật thì không biết. Bát-nhã thì không có cái biết theo tình thức phân biệt, nhưng tất cả pháp hiện đến thì đều sáng chiếu soi hết. Khi đối diện thì đen hiện đen, trắng hiện trắng, cao hiện cao, thấp hiện thấp. Bát-nhã không phân biệt mà tất cả tướng đều hiện đúng như thật. Vì thế nói *vô tri vô sở bất tri*.

Chư Thượng tọa! Kẻ xuất gia làm gì? Cái lý bản hữu này chưa phải là phần bên ngoài. “Thức tâm đạt

bản nguyên nên gọi là Sa-môn.” Nếu biết rõ ràng, không còn một mảy tơ làm chướng ngại. Thượng tọa đứng lâu, trân trọng.

Ngài nhắc lại bốn phận của người xuất gia. Chúng ta đi xuất gia để làm gì? Có phải vì muốn đạt được lý sẵn có mà lâu nay mê lầm quên mất, nên phải chịu luân hồi sanh tử? Cần phải thấy được nguồn cội để thoát ly sanh tử, đó là bốn phận của người xuất gia. Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy *Thức tâm đạt bản nguyên nên gọi là Sa-môn*. Thức tâm tức là biết được tâm, đạt bản nguyên tức thấu triệt được nguồn gốc các pháp, người đó mới gọi là Sa-môn.

Bốn phận người tu là phải như vậy, mà chúng ta cứ thờ ơ, sáng tụng thời kinh, tối tụng thời kinh rồi sống lây lất qua ngày, có xứng danh nghĩa người tu chưa? Tu là phải thao thức bần khoản tìm ra thể chân thật nơi mình. Phải làm sao thấy cho được, biết cho rõ, như vậy mới xứng với nghĩa Sa-môn. Còn nếu không thấy được, không biết rõ thì gọi là Sa-môn dỏm không phải Sa-môn thật. Chúng ta phải ráng làm sao cho đúng với ý nghĩa mà mình đã mang, đừng làm sai.

Đến niên hiệu Khai Bảo thứ năm (972), ngày hai mươi tám tháng sáu, Sư có chút bệnh, hợp chúng từ biệt xong, ngồi kiết già thị tịch. Sư tịch tại Liên Hoa Phong thọ 82 tuổi, được 65 tuổi hạ.



THIÊN SƯ HUỆ MINH

ở chùa BÁO ÂN

Sư họ Tưởng, xuất gia lúc còn bé, tinh chuyên tam học, có chí tìm hiểu huyền chỉ. Sư du phương qua các nước Mân, Việt trải các thiền hội, mà chưa khế hợp bản tâm. Sau cùng, Sư đến Lâm Xuyên yết kiến Pháp Nhãn được thầy trò đạo hiệp.

Về sau, Sư trở về Ngân Thủy cất am trên núi Đại Mai. Một hôm có hai thiền khách đến. Sư hỏi:

- Thượng tọa ở đâu đến?

Thiền khách đáp:

- Ở đô thành.

- Thượng tọa rời đô thành đến núi này, thì ở đô thành thiếu Thượng tọa, núi này dư Thượng tọa. Dư thì ngoài tâm có pháp, thiếu thì tâm pháp chẳng khắp. Nói được đạo lý thì ở, chẳng hội nên đi.

Cả hai đều không đáp được.

Nếu rời đô thành đến núi này thì ở đô thành thiếu Thượng tọa, chỗ này dư Thượng tọa. Nếu dư thì ngoài tâm có pháp, nếu thiếu thì tâm pháp không bao trùm. Như vậy nói sao? Dư hay thiếu? Đó là câu hỏi ngài nêu lên mà cả hai vị đều đáp không được.

Sư dùi về cát am Thiên Thai trên núi Bạch Sa. Có thượng tọa Bằng Ngạn là người học rộng nhớ giỏi đến tranh luận với Sư về tông thừa. Sư hỏi:

- Nói nhiều cách đạo càng xa, nay có việc xin hỏi, từ trước chư thánh và các bậc tiên đức có ngộ hay không?

Bằng Ngạn đáp:

- Nếu là chư thánh tiên đức đâu không có ngộ!

- “Một người trở về nguồn chân, mười phương hư không thấy đều tiêu mất.” Nay núi Thiên Thai y nguyên, làm sao nói tiêu mất?

Bằng Ngạn không đáp được.

Dẫn trong kinh Lăng-nghiêm: “Nhất nhân phát chân quy nguyên, thử thập phương không giai tất tiêu vẫn.” Nghĩa là *một người trở về nguồn chân thì mười phương hư không đều tiêu hết*. Như vậy nếu các bậc tiên đức có ngộ đạo, tức đã trở về nguồn chân thì thế giới đã tiêu hết, tại sao núi Thiên Thai còn đây? Bằng Ngạn không đáp được. Ngang đây cũng bí luôn. Ngài khéo hỏi, với những người thông hiểu kinh điển thì dùng kinh điển để hỏi.

Câu hỏi này chúng ta có hoang mang không? Kinh nói một người ngộ rồi, mười phương thế giới đều tiêu hết. Như vậy Phật tổ đã ngộ, tại sao trái đất còn nguyên, không tiêu hết? Ở đây nếu hiểu theo nghĩa thông thường thì hoang mang, nếu thật hiểu thì thế giới tiêu với người ngộ chứ không tiêu với người mê. Như cùng là lời chửi mắng mà người ngộ thì cười, người mê thì sân. Vì người ngộ thấy giả còn người mê thấy thật, tùy theo mê ngộ mà thấy khác. Nên với người ngộ thế giới không thật, người mê không thấy như thế được.

Khoảng niên hiệu Càn Hựu nhà Hậu Hán (948-950) Trung Ý Vương thỉnh Sư vào cung hỏi pháp, mời ở viện Tư Sùng. Vua cho mời các bậc thiền đức và danh sĩ trong thành đến cùng Sư bàn đạo lý.

Thiền sư Thiên Long hỏi:

- “Tất cả chư Phật và Phật pháp đều từ Kinh này ra”, không biết Kinh này từ đâu ra?

Sư hỏi:

- Nói gì?

Thiên Long hỏi trở lại. Sư bảo:

- Qua rồi.

Kinh này là kinh Pháp Hoa hay kinh Kim Cang? Ngài hỏi: *Nói gì?* Đó là trả lời rồi, mà Thiên Long không hiểu hỏi lại, ngài nói: *Qua rồi.* Ngài đáp dễ hiểu không? Như vậy kinh này từ đâu ra? Từ chỗ hỏi mà ra.

Trưởng lão Tư Nghiêm hỏi:

- Thế nào là hiện tiền tam-muội?

Sư hỏi:

- Lại nghe chăng?

Tư Nghiêm đáp:

- Tôi không bệnh tai.

Sư bảo:

- Quả nhiên là bệnh tai.

Thế nào là hiện tiền tam-muội? Hiện tiền tam-muội là chánh định hiện tiền, hỏi về chánh định hiện tiền thì ngài hỏi lại: *Lại nghe chăng?* Vị này bảo, tôi không điếc, ngài bảo, quả nhiên là điếc rồi. Tại sao? Cái đang nghe đó là hiện tiền tam-muội. Câu nói của ngài rất đơn giản mà rất thâm thúy.

Thường chúng ta nghĩ tam-muội là chánh định, khi nào ngồi kiết già ngay thẳng quên thân quên cảnh mới gọi là tam-muội; lúc đang đi, đang làm công tác không gọi là tam-muội. Thiền tông chủ trương trong khi hoạt động, ngay chỗ đông người mà vẫn sống với tánh nghe tánh thấy thì đó là hiện tiền tam-muội. Cái hay nghe có động không? Không động tức là hiện tiền, không động tức là chánh định. Sống với tánh lặng lẽ hay nghe hay thấy đó là hiện tiền tam-muội. Nếu sống chạy theo cảnh theo tiếng thì hiện tiền là vọng động, không có tam-muội.

Sư nhắc lời minh trên tháp của Tuyết Phong, hỏi chư lão túc:

**- “Phàm từ duyên mà có thì trước sau thành hoại, chẳng từ duyên mà có thì nhiều kiếp bền lâu.”
Bền cùng hoại gác lại, hiện giờ Tuyết Phong ở đâu?**

Cả chúng đều không đáp được. Nếu có đáp cũng không đúng với ý hỏi. Khi ấy mọi người đều kính phục, Vua rất hài lòng, thỉnh Sư ở đó, ban hiệu Viên Thông Phổ Chiếu thiền sư.

Phàm từ duyên mà có thì trước sau thành hoại, chẳng từ duyên mà có thì nhiều kiếp bền lâu. Cái không thuộc về duyên thì bền lâu, cái thuộc duyên thì hoại. Hoại và bền lâu gác qua, hỏi Tuyết Phong hiện giờ ở đâu? Nếu theo thuật của ngài Đầu Tử hay của ngài Hoàng Bá thì nó ở đâu? Kêu: Huệ Minh! Lên tiếng nói là ngay đó, phải không? Nhưng cả chúng không đảm đương được nên chịu thua.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Các ông lại nhận được chẳng? Chớ bảo nói nín động tịnh đều là Phật sự, chớ lầm hội.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là mặt trăng thứ hai?

Sư đáp:

- Ấn mắt xem hoa, hoa lấm đóa; mắt tỏ xem cây, cây mấy cành.

Ngài chỉ cho chúng ta biết đừng lầm, *nói nín động tịnh đều là Phật sự*. Tại sao? Khi nói nín động tịnh, nếu mê thì có thành Phật sự không? Khi chưa hội thì tất cả hoạt động chưa phải là Phật sự, hội rồi mới thành Phật sự.

Tăng hỏi: *Thế nào là mặt trăng thứ hai?* Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật nói mặt trăng thứ hai là chỉ tánh thấy tánh nghe của mọi người sẵn có. Tánh thấy tánh nghe đó là hiện tượng của chân thật chưa phải là cứu cánh chân thật. Như khi lấy tay ấn con mắt nhìn mặt trăng trên trời, thấy có một vòng tròn kế bên. Mặt trăng thứ hai này kề cận mặt trăng thật, để nói rằng tánh nghe, tánh thấy... gần với cái chân thật. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nhất tinh minh sanh lục hòa hợp”, nhất tinh minh là chỉ cho một thể trong sáng, theo duyên mà có sáu hòa hợp, sáu hòa hợp tức là tánh thấy tánh nghe..., là cái chân thật tương đối gần với cái chân thật tuyệt đối.

Có mặt trăng thứ ba là bóng trăng ở dưới nước, nếu sánh với mặt trăng thật thì cách xa. Mặt trăng thứ ba là tạm dụ cho ý thức phân biệt của chúng ta. Kinh nói, như Diễn-nhã-đạt-đa quên đầu. Nghĩa là thấy bóng trong gương mà cho là thật, quên đầu mặt thật của mình. Cũng như khi nhìn bóng mặt trăng dưới nước cho là mặt trăng thật, đó là quên mà nhận lầm.

Khi tăng hỏi mặt trăng thứ hai, ngài nói: *Ấn mắt xem hoa, hoa lấm đóa*, tức là khi ấn mắt nhìn hoa thật thì thấy như có vài ba đóa hoa kế cận, hoa kế cận gần với hoa thật. *Mắt tỏ xem cây, cây mấy cành*, khi mắt sáng rồi thì thấy cây có từng cành rõ ràng không nghi ngờ.



THIÊN SƯ PHÁP ĐĂNG hiệu THÁI KHÂM
viện THANH LƯƠNG
(? - 974)

Sư người Ngụy Phủ, có trí thông minh lạ thường, biện tài vô ngại. Trong hội Pháp Nhãn, toàn chúng đều ngưỡng mộ, đồng nói: “Người sáng suốt mẫu mực”.

Một hôm Pháp Nhãn hỏi chúng:

- Cổ cạp mang lục lạc người nào mở được?

Toàn chúng không đáp được. Sư vừa đi đến, Pháp Nhãn hỏi Sư. Sư thưa:

- Người cột mở được.

Pháp Nhãn bảo chúng:

- Các người chẳng được khinh y.

Thường khi nghe người đặt câu hỏi, chúng ta luôn hiểu theo ý ở ngoài. Như câu: *Cổ cạp mang lục lạc*

người nào mở được? Chúng ta cứ tìm người tài ba, người có thần thông mở được, không biết tìm lại gốc. Ngài Pháp Đăng chỉ nói, ai cột thì người đó mở được, không cần nói người nào. Đó là trở về gốc. Nếu tìm người có khả năng mở thì bị lạc trong tưởng tượng thiếu thực tế. Vì khi nói cổ cộp mang lục lạc, đó là tưởng tượng, chạy theo nó mà suy luận, rốt cuộc sống trong tưởng tượng.

Chính câu nói của ngài vừa thực tế vừa mang ý nghĩa thực hành. Tất cả chúng ta tự than mình phiền não khổ đau, cái đó ai gỡ cho mình, ai dẹp cho mình? Người tạo phiền não khổ đau thì tự dẹp tự cởi, kêu người khác cởi sao được. Chúng ta cứ lạy Phật kêu Phật cứu, mình tạo mà kêu Phật mở, được không? Như khi mình bị người chửi liền nổi giận muốn trả thù, nhưng vì người đó có thế lực hơn, mình trả thù không được nên tức giận mất ăn mất ngủ. Ai giải thoát cho mình đây? Kêu Phật cứu được không? Chỉ dùng trí tuệ thấy lời chửi không thật không quan trọng, bỏ là xong. Đó là mình tự gỡ.

Như khi thấy một người nữ nhan sắc, mình mến thương quá, bây giờ cầu người kia người nọ cứu đừng cho mình thương, được không? Dầu cho người đó cứu mình, chặn không cho cô đó tới mà mình cứ mơ tưởng hoài thì hết thương được không? Chỉ một việc là bỏ, đừng nghĩ tới người đó thì hết thương, đơn giản vậy.

Tất cả sự việc đều từ gốc phản tìm, chúng ta không nhận ra, cứ tìm trên ngọn, cầu người này cầu người kia cứu mà mình không tự cứu, không tự gỡ. Như thế thật

sai lầm. Chúng ta phải nhìn thật đúng, cái gì tạo ra thì cái đó giải quyết được, đừng tìm cầu cái khác. Việc tu thực tế không huyền hoặc, đa số người tu chúng ta nhận lầm, tự mình tạo nghiệp rồi chạy đi cầu người này cầu người kia. Làm sao cầu được? Mình tạo thì mình gỡ, chỉ cần thức tỉnh biết sai lầm, sửa là được, cầu cứu người khác là chuyện khó được. Câu đối đáp của thiền sư tuy đơn sơ nhưng rất thâm thúy, cụ thể, thực tế vô cùng.

Ban đầu Sư nhận thỉnh trụ viện Song Lâm tại núi U Cốc, Hồng Châu. Sư thượng đường chỉ pháp tòa nói:

- Núi này trước đã có các đời tôn túc thuyết pháp, tòa này cao rộng, bất tài làm sao lên? Người xưa nói: “Đảnh lễ Tu-di Đăng Vương Như Lai mới có thể ngồi.” Hãy nói Tu-di Đăng Vương Như Lai hiện ở chỗ nào? Đại chúng cần thấy chằng, đồng thời lễ bái đi.

Sư bước lên tòa giây lâu nói:

- Vì đại chúng chỉ như thế, lại có chỗ hội chằng?

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Song Lâm?

Sư đáp:

- Vẽ cũng chằng thành.

- Thế nào là người trong cảnh?

- Hãy đi. Cảnh vẫn chưa biết mà luận đến người.

Viện Song Lâm đây là nơi có nhiều vị tôn túc trước đã khai tòa. Vị tôn túc đầu là ngài Phó Đại Sĩ ở đời Lương, sau này nhiều vị nữa. Vì thế ngài nói có các tôn túc lên tòa rồi, bây giờ ngài *bất tài làm sao lên*. Câu nói *Đảnh lễ Tu-di Đăng Vương Như Lai mới có thể ngồi*, dẫn trong kinh Duy-ma-cật. Cư sĩ Duy-ma-cật ở trong thất, có các vị Bồ-tát, Tỳ-kheo... đến thăm bệnh, ông hóa hiện ra bao nhiêu tòa cao ngất, các vị La-hán không lên được, ông nói muốn lên phải đảnh lễ Tu-di Đăng Vương Như Lai. Các ngài đảnh lễ Phật xong, lên tòa ngồi được. Đây lấy cớ đó mà nói.

Tăng hỏi: *Thế nào là cảnh Song Lâm?* Thường thường trước hỏi cảnh, kế đó hỏi người. Ngài đáp: *Vẽ cũng chẳng thành, cảnh đó vẽ cũng không được*. Tăng liền hỏi người, ngài bảo: *Đi! Cảnh còn chưa biết mà luận đến người*. Cảnh bên ngoài còn chưa hiểu, nói đến người bên trong làm sao hiểu?

Kế, Sư trụ viện Hộ Quốc. Có vị tăng hỏi:

- Khéo hành đạo Bồ-tát không nhiễm các pháp tướng, thế nào là đạo Bồ-tát?

Sư đáp:

- Tướng các pháp.**
- Thế nào được chẳng nhiễm?**
- Nhiễm dính chỗ nào?**

Hỏi: *Thế nào là đạo Bồ-tát?* Đáp: *Tướng các pháp*. Tại sao? Bồ-tát có những hạnh như bố thí, trì giới,

ting tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ. Tất cả hạnh đó đều là pháp tướng, nhưng pháp tướng mà không nhiễm tướng. Tăng hỏi: *Thế nào chẳng nhiễm?* Đáp: *Nhiễm dính chỗ nào?* Khi Bồ-tát thực hành các hạnh đó mà thấy được pháp thân, pháp thân thì không có chỗ nào dính nhiễm.

Sư lại đến trụ viện Long Quang ở Kim Lăng. Sư thượng đường, Duy-na bạch chùy rằng:

- Chúng long tượng trong pháp hội nên quán nghĩa đệ nhất.

Sư bảo:

- Duy-na là nghĩa đệ nhị. Các trưởng lão hiện nay là nghĩa thứ mấy?

Sư liền giở tay áo bảo chúng:

- Đại chúng hội chẳng? Đây là tay múa chân đạp, chớ nói năm trăm đời trước đã làm nhạc chủ, hoặc có lòng nghi xin để mắt xem.

Ngài muốn chỉ *nghĩa đệ nhất*, nhưng khi nói ra thì thành *nghĩa đệ nhị*, nên ngài nói mà không nói, chỉ đưa tay áo lên, gọi là đạp múa, mời để mắt xem... Điều là lối nói không cho chúng ta nghiệm xét được.

Sau cùng Sư trụ đại đạo tràng Thanh Lương ở Kim Lăng.

Đến tháng sáu niên hiệu Khai Bảo năm thứ bảy (974), Sư có chút bệnh, bảo chúng:

- Lão tăng nằm bệnh gắng gượng đến đây cùng các người thấy nhau. Hiện nay đạo tràng mỗi chỗ rõ ràng là Hóa thành. Hãy nói thế nào là Hóa thành? Đâu chẳng thấy Đạo sư xưa nói “Bảo sở chẳng xa cần phải tiến tới”. Khi đến thành rồi, lại nói “Do ta hóa ra”. Nay các người thử nói đạo lý này xem, là Như Lai thiên, là Tổ sư thiên, quyết định được chăng? Các người tuy là kẻ sanh muộn, cần biết quốc chủ của ta nơi nào thắng cảnh đều dựng lập đạo tràng, việc cần dùng chẳng thiếu, chỉ cần các người mở miệng. Hiện nay không biết cái gì là miệng của các người, làm sao đáp đền công tứ ân tam hữu? Muốn được hội chăng? Chỉ biết cái miệng là không lỗi, nếu có lỗi tại các người có ngã. Nay gió lửa ép nhau, đi ở là lẽ thường.

Lão tăng trụ trì sắp qua một kỷ (mười hai năm) mỗi mỗi nhờ quốc chủ giúp đỡ, cho đến mười phương thí chủ cùng đạo lữ, từ chủ sự đến tiểu tăng đều hết lòng vì ta, lặng lẽ mà khó nói. Hoặc mang gai mặc vải, đây tức là thuận tục, ta nói trái với chân. Hãy nói thuận là tốt hay trái là tốt? Song thuận theo ta nói là không điên đảo. Di hài của ta để tại núi Nam, bên trái bên phải của Hòa thượng Đại Trí Tạng xin hai phần huyết. Sự thăng trầm rất rõ ràng không nên đổi dời. Cố gắng! Cố gắng! Trân trọng.

Ngày hai mươi tư tháng sáu, Sư ngồi yên thị tịch.

Ngài dẫn kinh Pháp Hoa nói về Hóa thành, Bảo sở. Phật ví dụ ngài là vị thầy dẫn đường một số người muốn tìm châu báu. Giữa đường mệt mỏi, họ ngán không muốn đi, ngài hóa một thành phố đầy đủ tiện nghi, dẫn mọi người hăng hái tiến vô thành. Khi nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi, ngài nói: Đây là Hóa thành chưa phải Bảo sở, cần phải đi nữa. Như vậy khi nói Hóa thành là phương tiện đối với người mệt mỏi. Các cấp bậc tu chứng như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm... là Hóa thành, cho các Tỳ-kheo đỡ ngán con đường xa xôi. Được các quả vị này chưa phải cứu cánh, nhưng có để tạm yên lòng, dần dần tiến tới. Ngài nói, mỗi đạo tràng đều là Hóa thành, ý khuyên mọi người đừng quá ỷ lại vào đạo tràng, phải tự nỗ lực tiến.

Mỗi người *chỉ biết cái miệng là không lỗi, nếu có lỗi tại các người có ngã*. Miệng nói xằng bậy lỗi từ đó mà ra. Tại sao nói cái miệng không lỗi? Tất cả lý lẽ mà chúng ta biểu dương đều từ bản ngã, nếu không có ngã thì miệng không nói bậy; sở dĩ thành lỗi là vì còn thấy có ngã, ai động tới thì bênh cái ngã của mình, vì thế miệng nói những lời không hiền.

Nay gió lửa ép nhau, đi ở là lẽ thường. Gió lửa ép nhau là giờ phút sắp lâm chung, tứ đại ép ngặt nhau, ép ngặt tan rã đó là việc thường không gì lạ. Các ngài thấy là việc thường, còn chúng ta thì rất sợ hãi.

Lão tăng trụ trì sắp qua một kỷ (mười hai năm) mỗi mỗi nhờ quốc chủ giúp đỡ, cho đến mười phương thí chủ cùng đạo lữ, từ chủ sự đến tiểu tăng đều hết lòng vì ta, lạng lẽ mà khó nói. Hoặc mang gai mặc vải,

đây tức là thuận tục, ta nói trái với chân. Hãy nói thuận là tốt hay trái là tốt? Song thuận theo ta nói là không điên đảo. Di hài của ta để tại núi Nam, bên trái bên phải của Hòa thượng Đại Trí Tạng xin hai phần huyết. Sự thăng trầm rất rõ ràng không nên dối dờ. Cố gắng! Cố gắng! Trân trọng.

Trước hết ngài cảm ơn những người đã giúp ngài trong việc giáo hóa, trước là chánh quyền, kế đó là thí chủ, kế nữa là chư tăng ở trong chùa. Ngài dặn mọi người, thường lệ khi chết thì đệ tử mang gai mặc vải tức là để tang, *đây tức là thuận tục, mà ta nói trái với chân.* Nếu để tang theo kiểu đó là thuận với thế tục nhưng trái với đạo. *Hãy nói thuận là tốt hay trái là tốt?* Như vậy thuận theo thế tục mà trái với đạo, tốt hay không tốt? Thuận theo đạo mới là không điên đảo. Di ý của ngài là để chôn ngài ở nơi này, thấy rõ sự thăng trầm đừng có dối dờ.



THIÊN SƯ THANH TÙNG núi LINH ẨN - HÀNG CHÂU

Sư quê ở huyện Phúc Thanh, Phúc Châu. Ban đầu Sư đến tham vấn Pháp Nhãn. Một hôm Pháp Nhãn chỉ mưa bảo: “Giọt giọt rơi trong con mắt của Thượng tọa.” Lúc này nghe nói vẫn chưa ngộ. Sau nhân đọc kinh Hoa Nghiêm, Sư liền cảm ngộ. Sư đến trình với Pháp Nhãn, Pháp Nhãn ấn chứng.

Tại sao ngài Pháp Nhãn nói *Giọt giọt rơi trong con mắt của Thượng tọa*? Có giọt mưa nào rơi trong con mắt chúng ta không? Tông Pháp Nhãn chủ trương tam giới duy tâm, không một pháp nào rời tâm mình. Như ngài Tuyết Phong nói, khắp cả mười phương là con mắt của Thượng tọa. Mười phương là con mắt của mình thì không giọt mưa nào rời con mắt ấy. Mắt này không phải là con mắt nhỏ hiện nay, mà là con mắt trùm khắp.

Sư về cất am trên núi Tứ Minh ở Minh Châu. Tiết độ sứ Tiền Úc kính Sư làm thầy. Trung Ý Vương thỉnh Sư khai pháp hai nơi ở Lâm An. Sau, Sư trụ ở chùa Linh Ẩn thượng, được ban hiệu Liễu Ngộ thiền sư.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Mười phương chư Phật thường ở trước các người, lại thấy chẳng? Nếu nói thấy, là đem tâm thấy hay đem mắt thấy? Do đó nên nói: “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt; nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền.”

Phật nói các pháp vô thường, vô thường tức là sanh diệt. Đây lại nói *Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt; nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền*. Nghĩa là nếu nhìn trên giả tướng thì các pháp có sanh diệt là vô thường, nhưng thật tánh của các pháp thì không vô thường. Nếu thấy được tánh các pháp không có vô thường, đó là thấy chư Phật. Nếu chỉ thấy giả tướng của nó thì chưa thấy Phật. Làm sao thấy Phật? Phật đâu ở bên ngoài mà thấy? Chỉ cần thấy các pháp không sanh diệt, đó là thấy Phật hiện tiền.

Sư lại nói:

- “Thấy sắc là thấy tâm”, hãy nói cái gì là tâm? Các tướng núi sông đất đai, vạn tượng sum la, xanh vàng đỏ trắng, nam nữ... là tâm hay chẳng phải tâm? Nếu là tâm, vì sao lại trở thành vật tượng? Nếu chẳng phải là tâm, sao lại nói thấy sắc là thấy tâm? Hội chẳng? Chỉ vì mê cái này mà thành

điên đảo các thứ chẳng đồng. Trong cái không đồng dị ép thành đồng dị. Hiện nay thẳng đó thừa đương chóng ngộ bản tâm, rõ ràng không một vật có thể làm thấy nghe. Nếu người lìa tâm riêng cầu giải thoát, người xưa gọi là lầm sóng tìm nguồn, rất khó hiểu ngộ.

Tất cả cảnh đều không ngoài tâm, nếu ngoài tâm thì chúng ta không thể biết. Thấy sắc tức là thấy tâm, nghe tiếng tức là nghe tâm. Chúng ta có nghe tâm không hay nghe tiếng là tiếng, thấy sắc là sắc? Vì chúng ta quen tập khí nhìn ra ngoài thấy sắc này đẹp xấu... quên mình có cái đang thấy. Khi nghe thì phân biệt tiếng khen tiếng chê... quên mình có cái đang nghe. Vì vậy thấy sắc không thấy tâm, nghe tiếng không nghe tâm. Nếu thấy sắc nghe tiếng mà vẫn nhớ mình đang thấy đang nghe, đó là đang thấy nghe tâm, gọi là phản văn tự tánh.

Chúng ta thường mê cảnh mà quên tâm, nên *trong cái không đồng dị ép thành đồng dị*. Như thế là ngoài tâm, lìa tâm cầu giải thoát, là *lầm sóng tìm nguồn*, quên sóng mà tìm nguồn nước. Nhìn sông suối khi gió thổi có sóng dậy, lại nói sóng không phải nước, đi tìm nước chừng nào tìm ra? Vì thế nói *lầm sóng tìm nguồn, rất khó hiểu ngộ*.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Ma-ha Bát-nhã?

Sư đáp:

- Tuyệt rơi bời bời.

Tăng không đáp được.

Sư hỏi: - Hội chẳng?

Tăng thưa: - Chẳng hội.

Sư nói:

Ma-ha Bát-nhã

Phi thủ phi xả

Nhược nhân bất hội

Phong hàn tuyết hạ.

Ma-ha Bát-nhã

Chẳng thủ chẳng xả

Nếu người chẳng hội

Gió lạnh tuyết rơi.

Muốn hội Ma-ha Bát-nhã phải *chẳng thủ chẳng xả*, đừng dính hai bên, đó là Bát-nhã.



ĐỜI THỨ MƯỜI MỘT SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ BẢY

- 1- Thiền sư Nghĩa Thanh ở Đầu Tử**
- 2- Thiền sư Thanh Phẫu ở Hưng Dương...**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ BẢY

**Nói pháp thiền sư Thiện Chiếu
có mười sáu vị**

- 1- Thiền sư Từ Minh Sở Viên núi Thạch Sương**
- 2- Thiền sư Quảng Chiếu Huệ Giác núi Lang Da...**

III- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ NĂM

**Nói pháp thiền sư Trùng Hiên ở Tuyết Đậu
có tám mươi bốn vị**

- 1- Thiền sư Nghĩa Hoài Thiên Y**
- 2- Cư sĩ Tu soạn Tăng Hội...**

Nói pháp thiền sư Bắc Thiên Trí Hiên

- 3- Thiền sư Ý Ngộ ở Pháp Xương.**

Nói pháp thiền sư Khai Tiên Thiện Xiêm

- 4- Thiền sư Phật Ấn Liễu Nguyên ở Vân Cư.**

IV- TÔNG PHÁP NHÃN ĐỜI THỨ BA

**Nổi pháp Quốc sư Đức Thiều
có bốn mươi chín vị**

1- Thiền sư Huệ Nhật Trí Giác

ở chùa Vĩnh Minh Diên Thọ

**2- Thiền sư Chí Phùng ở đạo tràng Hoa Nghiêm
núi Ngũ Vân**

3- Thiền sư Bốn Tiên ở chùa Đoan Lộ...



THIÊN SƯ NGHĨA THANH Ở ĐẦU TỬ

(1032 - 1083)

Sư họ Lý quê ở Thanh Xã, lúc bảy tuổi có nhiều điềm lạ, đến chùa Diệu Tướng xin xuất gia. Học luận Bách Pháp chưa bao lâu, Sư than: “Con đường ba a-tăng-kỳ xa xôi, tự giam hãm nào có ích gì!” Sư bèn vào Lạc Dương nghe kinh Hoa Nghiêm thông suốt nghĩa lý. Đọc bài kệ của Bồ-tát Chư Lâm đến câu “tức tâm tự tánh”, Sư liền phát tỉnh, nói: “Pháp lìa văn tự đâu có thể giảng ư?” Sư bèn cất bước du phương qua các thiền hội.

Luận Bách Pháp thuộc về tông Duy thức, chia các pháp thành một trăm pháp tâm thức và ngoại cảnh. Lối chia chẻ đó thuộc về hình thức, bởi hình thức nên nói rằng người tu từ phạm phu đến thành Phật phải trải qua ba a-tăng-kỳ, tức là ba vô số kiếp. Vì thế ngài nói, *tự giam hãm nào có ích gì!* Ngài đi tìm nghe kinh Hoa Nghiêm, được thông suốt lý Kinh. Đến bài kệ *tức tâm*

tự tánh, ngay tâm đó là tánh của mình, ngài bèn tỉnh ngộ. Ngộ về tâm nên biết pháp đó là văn tự không thể giảng nói, vì tâm không phải là hình tướng bên ngoài mà diễn đạt được. Bây giờ ngài tìm đến các hội thiền.

Thiền sư Viên Giác ở Hội Thánh nham, một đêm nằm mộng thấy có nuôi con chim ứng sắc xanh, tỉnh giấc ông cho là một điềm lành. Đến sáng ngày ấy, Sư liền đi đến. Sư lễ ra mắt, Giác nhận cho ở và dạy khán câu “Ngoại đạo hỏi Phật: Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời”.

Sư khán câu này trải qua ba năm, một hôm Giác hỏi:

- Người ghi nhớ được thoại đầu chẳng, thử nêu ra xem?

Sư nghĩ đáp lại, bị Giác bụm miệng. Bỗng nhiên Sư khai ngộ, bèn đánh lễ. Giác bảo:

- Người diệu ngộ huyền cơ chẳng?

Sư thưa:

- Nếu có cũng phải mưa bỏ.

Lúc đó, thị giả Tư ở bên cạnh nói:

- Thanh Hoa Nghiêm ngày nay như bệnh được ra mồ hôi.

Sư ngó lại, bảo:

- Ngậm lấy miệng chó, nếu nói lằng xằng, ta buồn nôn.

Ngài Viên Giám là đệ tử của tông Lâm Tế. Đời Tống, tông Lâm Tế bắt đầu cho khán thoại đầu, nên khi ngài Nghĩa Thanh đến đây thì ngài Viên Giám dạy khán thoại đầu, câu *Ngoại đạo hỏi Phật: Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời*. Ngài khán ba năm, khi ngài Viên Giám hỏi rồi ngài muốn trả lời, Viên Giám bùm miệng, ngay đó ngài ngộ. Lúc ấy ngài Viên Giám hỏi rằng: *Người diệu ngộ huyền cơ chăng?* Nếu thông thường thì nói: Dạ! Con ngộ rồi. Nhưng ngài đáp: *Nếu có cũng phải mửa bỏ*. Nếu còn thấy ngộ cái đó cũng phải bỏ luôn, chứng tỏ chỗ thấy của ngài siêu việt. Thị giả thấy vậy nói rằng: *Thanh Hoa Nghiêm ngày nay như bệnh được ra mồ hôi*. Ngài bảo: *Ngậm lấy miệng chó, nếu nói lăng xăng, ta buồn nôn*. Tất cả những gì gọi là ngộ, là đắc đều là đồ bỏ không xài được. Thấy tột rồi nó là như vậy.

Sau đó ba năm, Giám đem tông chỉ của tông Tào Động chỉ dạy Sư đều diệu kế. Giám trao giày, y của Đại Dương Huyền và dặn dò:

- Người thay ta nối dòng tông Tào Động, không nên ở đây lâu, phải khéo hộ trì.

Lại nói kệ:

Tu-di lập thái hư

Nhật nguyệt phụ nhi chuyển.

Quần phong tiệp ý tha

Bạch vân phương cải biến.

Thiếu Lâm phong khởi từng

Tào Khê động liêm quyền.

***Kim phương túc long sào
Thân dài khởi xa niễn.***

Dịch:

**Tu-di đứng trong không
Nhật nguyệt cạnh mà chuyển.
Nhiều đánh đều nương y
Mây trắng mới biến đổi.
Gió Thiếu Lâm thổi rừng
Động Tào Khê cuốn sáo.
Phượng vàng đậu ổ rồng
Nhà rêu đâu xe nghiên.**

Giám lại bảo Sư đến nương nơi thiền sư Viên Thông Tú.

Ngài Viên Giám thuộc tông Lâm Tế, ngài Đại Dương Cảnh Huyền thuộc tông Tào Động, nhưng hai vị là bạn thân. Khi ngài Cảnh Huyền sắp tịch, không có người kế thừa, bèn đem y đem giày gửi cho ngài Viên Giám: “Sau này ông gặp người nào xứng đáng thì nói yếu chỉ của tông Tào Động cho họ, rồi trao giày, y này để kế thừa tông Tào Động.” Vì thế khi ngài Nghĩa Thanh ngộ rồi, ngài Viên Giám nói yếu chỉ của tông Tào Động cho nghe, hiểu xong rồi thì truyền y, giày của ngài Cảnh Huyền cho. Từ đây ngài nối pháp tông Tào Động.

Sư đến Viên Thông không thưa hỏi gì, chỉ ăn cơm xong rồi ngủ. Tri sự thấy thế, bạch với Viên Thông:

- Trong tăng đường có vị tăng cả ngày lo ngủ, xin thực hành theo quy chế.

Viên Thông hỏi:

- Người nào?

Tri sự thưa:

- Thượng tọa Thanh.

Viên Thông bảo:

- Khoan! Đợi ta xét qua.

Viên Thông cầm gậy đi vào tăng đường, thấy Sư đang nằm ngủ. Viên Thông gõ vào giường, quở:

- Trong đây tôi không có cơm dư cho Thượng tọa ăn xong rồi ngủ.

Sư thưa:

- Hòa thượng dạy tôi làm gì?

Viên Thông bảo:

- Sao chẳng tham thiền?

Sư thưa:

- Món ăn ngon không cần đối với người bụng no.

Viên Thông bảo:

- Tại sao có nhiều người không chấp nhận Thượng tọa?

Sư thưa:

- Đợi họ chấp nhận để làm gì?

Viên Thông hỏi:

- Thượng tọa đã gặp ai rồi đến đây?

Sư thừa:

- Phù Sơn.

Viên Thông bảo:

- Hèn gì lưỡi biếng như thế.

Viên Thông bèn nắm tay cùng cười, rồi trở về phương trượng.

Thanh thoi quá! *Món ăn ngon không cần đối với người bụng no.* Nhưng nếu người bụng đói thì cần không? Nếu bụng đói thì dầu món ăn dở cũng cần, đừng nói là món ăn ngon. Để thấy người triệt ngộ thì không cần phải thưa hỏi gì thêm nữa, vì đó là dư; nhưng nếu mình chưa triệt ngộ thì đó là thiếu, hỏi hoài chưa đủ.

Ban đầu Sư trụ tại Bạch Vân. Sau Sư dời đến Đầu Tử.

Sư thượng đường gọi đại chúng bảo:

- Nếu luận việc này như loan phượng bay giữa hư không chẳng để dấu vết, như con linh dương treo sừng ai tìm được dấu chân, rồng vàng chẳng giữ đầm lạnh, thỏ ngọc đâu gá bóng trăng. Nếu lập chủ khách thì phải ngoài cõi Oai Âm lắc đầu, hỏi đáp nói bày vẫn là bên lẽ huyền lộ đề xướng. Nếu được như thế, vẫn còn ở giữa đường. Nếu lại chân chừ suy nghĩ thì chẳng cần thấy nhau.

Cứu cánh của đạo không có tựa nương, không có hình dáng. *Như loan phượng bay giữa hư không chẳng để dấu vết*, bay qua rồi thôi không còn dấu vết. *Như con linh dương treo sừng*, con linh dương khi ngủ treo sừng trên cây không để lại dấu chân. Thật là rỗng vàng thì không ở dưới đầm lạnh, thật là thỏ ngọc thì đâu gá bóng trăng. Vì vậy *nếu lập chủ khách thì phải ở ngoài cõi Oai Âm lặc đầu*, hỏi đáp nói bày vẫn là bên lẽ huyền lộ. Đó là những cái tạm không phải thật, nếu cho là cứu cánh thì không được. *Nếu được như thế, vẫn còn ở giữa đường*, tức là nếu như thế mà hiểu thì cũng là kẻ giữa đường chưa phải xong việc.

Sư thượng đường:

- Nếu đề xướng tông thừa thì phạm thánh bật dấu. Lầu gác cửa mở, nơi khác thấy nhau. Giả sử cuốn rèm được ngộ đâu khỏi bên cạnh, mùa xuân gặp hoa đào lại thêm bệnh mắt. Do đó, cổ nhân nói: “Một đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền.” Chư nhân giả! Đã là chẳng truyền, tại sao trâu sắt⁽⁴⁾ chạy qua nước Tân La (Triều Tiên)?

Sư bèn hét, nói:

- Đạt giả phải biết sợ chỗ tối.

Đề xướng tông thừa phải bật cả phạm thánh không còn dấu vết, nên nói *Giả sử cuốn rèm được ngộ*

⁽⁴⁾ Trâu sắt: thiết ngư. Vốn là một pho tượng được thần cách hoá để giữ gìn, phù hộ cho vùng Thiểm Phủ Hà Nam khỏi bị nạn lũ lụt bởi nước sông Hoàng Hà. Thiền tông mượn từ này để đổi thành thuật ngữ “Thiết ngư chi cơ” có nghĩa là Tâm ấn vô tướng của Phật tổ; về thể thì bất động, về dụng thì tự tại mà không dấu vết.

đâu khỏi bên cạnh, cuốn rèm được ngộ là Lăng đạo giả. Gặp hoa đào mà ngộ là thiền sư Linh Vân. Dù cho ngộ như vậy, ngài cũng cho rằng còn bệnh, chưa phải xong. Tại sao? Vì *Một đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền*. Nếu có truyền trao thì cái đó là của người cho mình, không phải của mình. Các ngài chỉ ấn chứng chứ không truyền.

Có vị tăng hỏi:

- Thầy xướng gia khúc tông phong ai, nổi pháp vị nào?

Sư đáp:

- Một mũi tên trước Oai Âm, bắn thấu hai lớp núi.

- Thế nào là việc truyền nhau?

- Toàn do trăng đất Hoài, chiếu soi xuân xứ Dĩnh.

- Thế ấy là vào nước thấy người dài?

- Chỉ biết ngọc Kinh lạ, đâu biện tâm Sở vương.

Tăng lễ bái.

Tăng hỏi: *Thầy xướng gia khúc tông phong ai, nổi pháp vị nào?* Ngài đáp: Mũi tên trước đức Phật Oai Âm Vương, bắn thấu qua hai lớp núi. Mũi tên đó dụ cho cái sẵn có của chính mình, nó vượt qua hai lớp núi, đây có thể là lớp núi Lâm Tế và lớp núi Tào Động, vì ngài kế thừa tông Tào Động mà lại ngộ nơi tông Lâm Tế.

Tăng hỏi: *Thế nào là việc truyền nhau?* Ngài đáp: *Toàn do trăng đất Hoài, chiếu soi xuân xứ Dĩnh.* Trăng đất Hoài có thể ví dụ như trăng Biên Hòa, soi sáng Bà Rịa; như ngọc ở tông Lâm Tế mà kế thừa tông Tào Động. Tăng nói: *Thế ấy là vào nước thấy người dài?* Ngài nói: *Chỉ biết ngọc Kinh lạ, đâu biện tâm Sở vương.* Thời xưa, Biện Hòa lên Kinh Sơn tìm ngọc, khi tìm được ngọc bích ở trong đá biết là ngọc quý, đem dâng cho vua Sở. Biết ngọc quý đem dâng vua Sở chứ chưa biết vua Sở có nhận hay không. Đây cũng vậy, tôi biết đó là quý cứ thực nêu lên, còn chuyện ông hiểu sao thì hiểu.

Niên hiệu Nguyên Phong năm thứ sáu (1083) nhà Tống, ngày mừng bốn tháng năm, Sư tắm rửa thượng đường từ biệt chúng, viết kệ:

<i>Lưỡng xứ trụ trì</i>	Trụ trì hai nơi
<i>Vô khả trợ đạo</i>	Không thể giúp đạo
<i>Trân trọng chư nhân</i>	Từ biệt các người
<i>Bất tu tâm thảo.</i>	Chẳng cần tìm lão.

Sư ném bút liền tịch.

Ngài nói rất khiêm tốn. Ngài nói đời của ngài trụ trì được hai chỗ nhưng cũng chưa làm được việc cho đạo là bao nhiêu. Bây giờ kính chào hết mọi người, thôi đừng tìm kiếm, ngang đây là xong rồi.



THIÊN SƯ THANH PHẪU ở HUNG DƯƠNG

**Sư ở Đại Dương làm tri viên, Sư trông dưa,
Đại Dương hỏi:**

- Dưa ngọt chừng nào mới chín?

Sư thưa:

- Hiện nay đã chín muối rồi.

Đại Dương bảo:

- Bẻ dưa chín muối đem lại.

Sư hỏi:

- Cho người nào ăn?

Đại Dương bảo:

- Cho người không vào vườn.

Sư thưa:

**- Chẳng biết người không vào vườn lại ăn
hay chẳng?**

Đại Dương bảo:

- Người biết y chẳng?

Sư thưa:

- Tuy nhiên chẳng biết mà không được chẳng cho.

Đại Dương cười rồi đi.

Hai thầy trò nói chuyện trông dưa đơn giản. Hỏi *dưa ngọt chừng nào mới chín?* Câu này giống Ngũ Tổ hỏi Lục Tổ: Gạo trắng chưa? Ngài trả lời: *Hiện nay đã chín muồi rồi*, như Lục Tổ trả lời: Gạo đã chín mà chưa có giần sàng. Đại Dương bảo: *Bẻ dưa chín muồi đem lại*, như vậy ông trình cái chín muồi cho ta xem. Câu hỏi đó nếu không khéo thì kẹt rồi, ngài nói: *Cho người nào ăn?* Câu rất thông thường mà khéo chuyển qua được chỗ khó. Đại Dương bảo: *Cho người không vào vườn*. Ngài bẻ lại: *Chẳng biết người không vào vườn lại ăn hay chẳng?* Đại Dương bảo: *Người biết y chẳng?* Không nói ăn hay không ăn nữa, chuyển qua cái khác: *Người biết y chẳng?* Câu này khó trả lời, nếu biết thì thánh nhân hội, nếu không biết thì đồng phàm phu. Ngài trả lời khéo: *Tuy nhiên chẳng biết mà không được chẳng cho*, biết thì không biết mà không thể không cho. Nếu biết thì thánh nhân còn hội, vẫn còn kẹt, nhưng nếu không cho tức là không có cái đó sao? Không biết mà vẫn có nên phải cho. Câu trả lời gỡ được bẫy, nói được chỗ đó nên Đại Dương liền cười.

Sau khi Sư trụ ở Hưng Dương, thượng đường dạy chúng:

- Đại đạo từ Tây sang, lý bật bách phi, trong câu hợp cơ toàn trái diệu chỉ. Bất đắc dĩ mà làm cong vạy tông Tổ sư, hướng là lằng xằng có lợi ích gì? Tuy nhiên như thế, việc không phải một chiều, hãy ở trong cửa xướng giáo mở một con đường cùng toàn thể thương lượng.

Đạo lý của Tổ sư từ Ấn Độ sang, là tứ cú dứt bách phi. Nếu trong một câu nói cho là hợp lý để người ta hiểu thì đó là trái với yếu chỉ. Như thế không hợp với tông chỉ Tổ sư, nhưng bất đắc dĩ phải nói, cũng làm cong vạy rồi.

Tăng hỏi:

- Rong Ta-kiệt ra khỏi biển thì càn khôn chấn động, thấy mặt trình nhau việc thế nào?

Sư đáp:

- Chim đại bàng cánh vàng kinh vũ trụ, trong ấy ai là người xuất đầu?

- Nếu khi gặp người xuất đầu thì làm sao?

- Giống như chim cất bắt bô câu anh không tin, trước sọ khô nghiệm mới biết thật.

- Thế thì khoanh tay trước ngực lui ba bước?

- Con rùa đen dưới tòa Tu-di, chờ đợi điểm trán lần thứ hai.

Trong thời này các ngài thường dùng những câu thơ để đối đáp nhau. Đầu tiên Tăng hỏi: *Rong Ta-kiệt*

ra khỏi biển thì càn khôn chấn động, thấy mặt trình nhau việc thế nào? Chủ yếu là thấy mặt trình nhau, nhưng trước dẫn rồng Ta-kiệt tức là rồng vua rồng chúa, khi ra khỏi biển có sấm sét nổi lên. Bây giờ thấy mặt trình nhau việc đó ra sao? Ngài đáp lại: Chim đại bàng cánh vàng kinh vũ trụ, trong ấy ai là người xuất đầu? Chim đại bàng nuốt rồng, nên nói chim đại bàng cánh vàng kinh vũ trụ, trong ấy ai là người xuất đầu? Ai có hình tướng gì hiện ra mà nói trình? Tăng hỏi: Nếu khi gặp người xuất đầu thì làm sao? Nếu có người hiện hình ra thì sao? Ngài nói: Giống như chim cắt bắt bô câu anh không tin, trước sọ khô nghiệm mới biết thật. Đại bàng bắt rồng cũng lẹ như chim cắt bắt bô câu, anh còn nghi ngờ, muốn biết thì trước sọ khô nghiệm lấy. Tăng nói: Thế ấy thì khoanh tay trước ngực lui ba bước? Như vậy thì coi như xong rồi, thôi trở lui. Ngài cho đó là người hèn nhút nên nói: Con rùa đen dưới tòa Tu-di, tòa ngài ngồi ví dụ to như núi Tu-di, chớ đợi điểm trán lần thứ hai. Rùa rút đầu núp dưới tòa, sẽ bị chỉ điểm trên trán lần thứ hai, tức là chỉ cái chỗ cái khuyết thêm lần nữa.

Sư bệnh, Đại Dương đến hỏi:

- Thân này như bọt huyễn, trong bọt huyễn thành tự. Nếu không có cái bọt huyễn thì đại sự không do đâu mà biện. Nếu cần đại sự xong, biết cái bọt huyễn này làm gì?

Sư thưa:

- Vẫn là việc bên này.

Đại Dương bảo:

- Việc bên kia thế nào?

Sư thưa:

- Khắp đất vàng hồng đẹp, đáy biển chẳng trông hoa.

Đại Dương cười:

- Là người tỉnh tỉnh chẳng?

Sư hét, nói:

- Tưởng rằng con quên mất?

Nói xong liền tịch.

Khi ngài bệnh, Đại Dương là thầy tới thăm. Thầy lúc nào cũng muốn nhắc nhở cho đệ tử biết thân này như mộng huyễn, không có gì, đừng quan trọng nó, nên nói: *Thân này như bọt huyễn, trong bọt huyễn thành tựu, thành tựu bản tâm trong bọt huyễn thôi. Nếu không có cái bọt huyễn thì đại sự không do đâu mà biện, nhờ cái bọt huyễn này mình tu hành đạt được đại sự. Nếu cần đại sự xong, biết cái bọt huyễn này làm gì? Khi đạt được đại sự rồi, thân bọt huyễn không còn nghĩa lý gì nữa. Ngài nói vậy để an ủi, ông hiểu đạo rồi thì cái chết không nghĩa lý gì.*

Ngài thưa: *Vẫn là việc bên này.* Nói vậy cũng việc bên này, chưa phải là việc cứu cánh. Đại Dương bảo: *Việc bên kia thế nào?* Ngài đáp rằng: *Khắp đất vàng hồng đẹp, tức là khắp cả cõi đất vàng hồng soi sáng,*

đáy biển chẳng trồng hoa. Đáy biển thì đâu có trồng hoa được. Đại Dương cười khen, nói: Là người tỉnh tỉnh chẳng? Ngài hét, nói: Tưởng rằng con quên mất?

Nói xong liền tịch. Như vậy lẽ ra ngài là người kế thừa Đại Dương, nhưng ngài tịch sớm quá nên Đại Dương không có người kế thừa, phải gửi nhờ ngài Viên Giám.



THIÊN SƯ TỪ MINH SỞ VIÊN ở THẠCH SƯỞNG

(986 - 1039)

Sư họ Lý quê ở Toàn Châu, lúc nhỏ làm thư sinh, đến năm hăm hai tuổi Sư đến chùa Ấn Tịnh ở núi Tương xin xuất gia. Mẹ Sư có hạnh hiền đức khuyến khích du phương. Sư du phương đến khoảng Tương Miện kết bạn cùng Thủ Chi, Cốc Tuyên đồng vào Lạc Dương. Nghe danh thiền sư Thiệu Chiêu ở Phần Dương là tri thức bậc nhất trong thiên hạ, Sư quyết chí tìm đến. Khi ấy nhằm lúc triều đình cử đại binh đến hỏi tội Hà Đông, Lộ Trạch, nhiều người khuyên Sư đừng đi. Sư bất chấp một mình vượt sông leo núi đi đến Phần Dương.

Giai đoạn đi tìm đạo của ngài, tuy gặp hiểm nguy nhưng bất chấp để đi cho đến nơi, đó là một ý chí rất mạnh.

Phân Dương trông thấy Sư liền thâm chấp nhận. Sư ở đây đã hai năm mà chưa được nhập thất (thấy tánh được gọi vào trượng thất dạy riêng).

Mỗi khi Sư vào thưa hỏi, chỉ bị Phân Dương mắng chửi thậm tệ, hoặc nghe chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo toàn dùng lời thế tục thô bỉ. Một hôm Sư trách:

- Từ ngày đến pháp tịch này đã qua mất hai năm mà chẳng được dạy bảo, chỉ làm tăng trưởng niệm thế tục trần lao, năm tháng qua nhanh việc mình chẳng sáng, mất cái lợi của kẻ xuất gia...

Sư nói chưa dứt, Phân Dương nhìn thẳng vào Sư mắng:

- Đây là ác tri thức dám chê trách ta.

Phân Dương nổi nóng cầm gậy đuổi đánh. Sư toan la cầu cứu, Phân Dương liền bùm miệng Sư. Sư chột đại ngộ, nói:

- Mới biết đạo của Lâm Tế vượt ngoài thường tình.

Sư ở lại đây hầu hạ bảy năm.

Ngài đến Phân Dương học đạo, vốn là thư sinh ăn nói rất nho nhã. Phân Dương cứ dùng chửi mắng mà trị, có nói câu nào hỏi câu nào đều dùng lời thô tục, chửi mắng. Ngài Phân Dương Thiện Chiếu có những kỳ đặc như thế.

Một hôm ở trong chúng năm trăm người, buổi sáng ngài nói: “Đêm qua tôi mộng thấy ba má rất đói,

bữa nay làm giỗ cúng.” Ngài nhờ người đi mua rượu thịt về cúng giỗ. Cúng giỗ trịnh trọng xong, ngài dọn xuống bàn, mời đại chúng hoan hỷ ăn một bữa cho vui. Cả bàn rượu thịt không ai dám dùng, ngài ngồi ăn thịt uống rượu ngon lành. Xong bữa đó, năm trăm người giải tán chỉ còn mười sáu người. Ngài nói, chỉ cần tốn một bữa rượu thịt mà tổng hết mấy trăm người đi.

Nếu là chúng ta chắc cũng bỏ đi, phải không? Nghe danh tướng thầy đức hạnh cao siêu, dè dặt tới đây thấy thầy ăn thịt uống rượu trước đại chúng. Người xưa đã được rồi thì không ngại những việc nhỏ, vì biết nhiều người đến với mình là chỉ nghe tin đồn, không biết chắc thật về mình. Đôi khi không hiểu được chỗ đặt đạo của bậc thầy nên chưa đủ lòng tin. Ngài thử nghiệm, chỉ một bữa ăn mà thấy thầy không đặt đạo, vì còn ăn thịt uống rượu, bèn bỏ đi hết. Như vậy mới biết rằng người ta không phải hiểu ngài mà tới, chính là nghe nói mà tới. Như ngài Từ Minh thì ở lại không đi, vẫn là không đi, nhờ đó sau này thấy được chỗ chân thật.

Lâm Tế bị ăn đòn mấy phen nhưng vẫn nói ngài Hoàng Bá tâm lão bà, đây ngài Từ Minh bị chửi mà ngộ, cái chửi này có phải tâm lão bà không? Cũng là tâm lão bà. Các bậc thiện tri thức dùng những thuật không thể lường được, người ít học hoặc không thấu hiểu thấy như vậy thì hoảng hốt, không biết ra sao. Đó là nói những bậc thượng thủ, hạng xoàng như chúng ta đừng bắt chước, lấy cớ tôi thử chúng, tôi mua rượu thịt nhậu một bữa chơi! Việc đó không được, không đúng rồi.

Sư đến thiền sư Tung ở Đường Minh dừng lại đây. Tung bảo:

- Nội hàn Dương Đại Niên tri kiến cao minh, vào đạo chân thật, người nên đến ra mắt.

Sư đến ra mắt Đại Niên. Đại Niên hỏi:

- Đối diện chẳng biết nhau, muôn dậm lại đồng phong.

Sư nói:

- Gần đây vâng lời thỉnh của Sơn môn.

Đại Niên nói:

- Thật cái thoát không.

Sư nói:

- Tháng trước rời Đường Minh.

Đại Niên nói:

- Vừa rồi ăn năn đã hỏi nhau.

Sư nói:

- Tác gia.

Đại Niên bèn hét! Sư nói:

- Gần phải.

Đại Niên lại hét! Sư lấy tay vẽ một lần.

Đại Niên le lưỡi nói:

- Thật là long tượng.

Sư nói:

- Ấy là lời gì?

Đại Niên gọi phòng khách:

- Dem trà lại! Vốn là người trong nhà.

Sư nói:

- Cũng chẳng tiêu được.

Dương Đại Niên là một cư sĩ làm quan đã ngộ lý thiền, nên khi ngài Từ Minh đến thì hai người có tính cách là bạn hơn là đi tham vấn hay thầy trò dạy nhau. Vì là bạn nên mới đến thì Đại Niên nói: *Đối diện chẳng biết nhau, muôn dậm lại đồng phong*. Đồng phong tức là cùng trong môn đồ, Ngài nói: *Gần đây vâng lời thỉnh của Sơn môn*. Đại Niên thì xem như bạn bè, ngài liền đề lên, tôi đến là vì sơn môn thỉnh, Đại Niên liền hạ xuống: *Thật cái thoát không*. Ông nói đó là nói rỗng.

Ngài nói: *Tháng trước rời Đường Minh*. Đường Minh là bậc thầy nổi tiếng trong thời đó, tức là để đưa mình lên. Đại Niên nói: *Vừa rồi ăn năn đã hỏi nhau*. Nghĩa là hỏi hận đã hỏi nhau, lẽ ra không đáng hỏi mà tôi đã hỏi, đó là hạ xuống một đợt nữa. Ngài đưa Đại Niên lên: *Tác gia*, như vậy ông là bậc tác gia rồi. Đại Niên liền hét, ngài nói *gần phải*, Đại Niên lại hét một tiếng nữa, ngài lấy tay vẽ một lần, Đại Niên tới đó mới le lưỡi: *Thật là long tượng*. Như vậy hai bên đối đáp rồi mới thấy được nhau.

Trà xong, Đại Niên lại hỏi:

- Thế nào là một câu Thượng tọa vì người?

Sư đáp:

- Thiết!

Đại Niên nói:

- Như thế thì cô dâu mặc quần dài chạy trong bùn.

Sư nói:

- Ai được giống Nội hàn!

Đại Niên nói:

- Tác gia! Tác gia!

Sư nói:

- Tha ông hai mươi gậy.

Đại Niên vỗ đầu gối nói:

- Trong đây còn cái gì?

Sư vỗ tay nói:

- Cũng chẳng đặt bỏ qua.

Đại Niên cười to.

Lối đối đáp của các ngài như là mượn hình thức để nói chuyện, người thì vỗ đầu gối, người thì vỗ tay đáp lại.

Đại Niên lại hỏi:

- Nhớ được nhân duyên Đường Minh dương thời ngộ đạo chăng?

Sư nói:

- Đường Minh hỏi Thủ Sơn: Thế nào là đại ý Phật pháp? Thủ Sơn đáp: Bên thành vua Sở sông Nhữ chảy về đông.

Đại Niên hỏi:

- Nói như thế ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

- Trên nước thả lồng đèn.

Đại Niên nói:

- Thế ấy là cô phụ người xưa rồi.

Sư nói:

- Nội hàn nghi thì tham vấn nơi khác.

Đại Niên nói:

- Con ếch ba chân nhảy lên trời.

Sư nói:

- Mặc tình nhảy.

Đại Niên cười to.

Sư dừng lại nơi khách xá, sớm chiều cùng Đại Niên bàn luận.

Lối đối đáp qua lại cũng tương tự ở trên, người này đưa lên thì người kia hạ xuống vậy.

Đại Niên vào triều nói với Phò mã đô úy Lý Tuân Úc:

- Tôi gần được một đạo nhân thật là Sư tử Tây Hà.

Lý nói:

- Tôi bận việc không thể đến ra mắt thì sao?

Đại Niên im lặng.

Đại Niên trở về thưa với Sư:

- Lý công là người trong Phật pháp, nghe đạo phong của Thầy từ xa đến có tâm mong gặp, vì bận việc quốc chánh không thể cùng theo tôi đến đây.

Tặng sáng Sư ra mắt Lý công. Lý công sai đưa bé ra thưa:

- Nói được thì cùng Thượng tọa thấy nhau.

Sư bảo:

- Ngày nay đặc biệt đến xem nhau.

Đưa bé vào, Lý Công bảo ra nói:

- Văn bia khắc chữ trắng, giữa đường trồng tùng xanh.

Sư đáp:

- Chẳng bởi tiết ngày nay, hôm khác định khó gặp.

Đưa bé vào thưa lại, trở ra bạch:

- Đô úy nói: Thế ấy cùng Thượng tọa thấy nhau rồi.

Lý công ra tiếp Sư, mời ngồi xong, Lý công hỏi:

- Tôi nghe ở Tây Hà có con sư tử lông vàng phải chăng?

Sư đáp:

- Ở chỗ nào được tin tức ấy?

Lý Công liền hét! Sư bảo:

- Tiếng dã can.

Lý công lại hét. Sư nói:

- Vừa phải.

Lý công cười to.

Sư tạm biệt, Lý công hỏi:

- Thế nào là một câu Thượng tọa sắp đi?

Sư nói:

- Khéo sắp dứt.

Lý công nói:

- Đâu khác các nơi.

Sư hỏi:

- Đô úy lại làm sao?

Lý công nói:

- Tha Thượng tọa hai mươi gậy.

Sư nói:

- Toàn là lưu thông.

Lý công hét! Sư nói:

- Mù!

Lý công nói:

- Đi vui vẻ.

Sư ứng:

- Dạ! Dạ!

Từ đây, Sư qua lại nhà họ Dương họ Lý kết làm bạn pháp.

Qua những câu đối đáp đó, chúng ta thấy điểm đặc biệt, bên đây hạ xuống thì bên kia đứng lên, bên kia đứng lên bên đây hạ xuống, cứ như vậy mà đổi thay, hai bên thông cảm nhau.

Lúc Sư còn ở Phần Dương, nghe Phần Dương nói: “Ta tham vấn khắp hết con cháu Vân Môn, còn hặn chưa được yết kiến thiền sư Hiếu Thông.” Sư tìm đến Động Sơn chỗ thiền sư Hiếu Thông ở lại ba năm làm Thủ chúng.

Sư đến Ngưỡng Sơn, Dương Đại Niên gửi thư cho thái thú Nghi Xuân là Huỳnh Tông Đán thỉnh Sư trụ trì giáo hóa. Thái thú thỉnh Sư trụ tại chùa Nam Nguyên.

Sau khi trụ, Sư thượng đường dạy chúng:

- Tất cả chư Phật và pháp A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề của chư Phật đều từ kinh này ra.

Sư dựng đứng cây gậy, nói:

- Cái này là cây gậy của Nam Nguyên, cái gì là kinh?

Sư im lặng giây lâu, nói:

- Văn kinh về sau, trao lại ngày khác.

Sư hét một tiếng bước xuống tòa.

Cái gì là kinh? Đưa cây gậy lên nói, *cái này là cây gậy, cái gì là kinh?* Các ngài khéo léo, trong khi nói vòng vo tam quốc, nếu người nào sáng thì thấy, không sáng thì không thấy.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Nước chảy ở cao nguyên.

- Thế nào là cảnh Nam Nguyên?

- Sông Hoàng Hà chín khúc xuất phát từ Côn Lôn.

- Thế nào là người trong cảnh?

- Theo dòng người chẳng đoái, vung tay trông Phù Tang (Nhật Bản).

Những câu đáp này đều không cho người suy nghĩ.

Sư trụ trì Nam Nguyên ba năm, giao chùa đi du phương. Đến yết kiến thiền sư Nhân ở Thần Đảnh. Thần Đảnh là cao đệ của Thủ Sơn Niệm. Các thiền sinh ít ai dám lên núi này, vì đạo phong cao vút của ngài. Ngài ở núi ba mươi năm, môn đệ đều ăn đứt hết các nơi.

Sư để tóc dài chẳng cạo, mặc y rách nói tiếng Sở, xin vào yết kiến xưng là cháu trong Phật pháp. Toàn chúng trông thấy Sư đều cười vang, Thần Đảnh sai đồng tử ra hỏi:

- Trưởng lão nói pháp ai?

Sư ngược nhìn lên nói:

- Chính thấy Phần Dương đến.

Thần Đảnh ra xem thấy ái ngại hỏi:

- Phần Dương có sư tử Tây Hà phải chăng?

Sư chỉ lại sau kêu to:

- Thất ngã!

Đồng tử chạy hoảng. Thần Đảnh xoay đầu ngó lại ngơ ngác. Sư ngồi xuống đất cởi chiếc dép xem. Thần Đảnh quên lời hỏi, cũng không nhớ Sư đang ở đó. Sư từ từ đứng dậy sửa y phục ra đi, nói:

- Thấy mặt chẳng bằng nghe danh.

Thần Đảnh sai người theo tìm mà chẳng gặp, bèn than:

- Phần Dương lại có đứa con này sao?

Câu chuyện của ngài giống câu chuyện trong A-hàm. Một hôm đức Phật thuyết pháp ở dưới tháp Đa Hòa, ngài Ca-diếp mặc y rách, tóc dài râu dài đi tới. Toàn chúng nhìn thấy cười xem thường, đức Phật biết tâm của đại chúng, bèn bảo: Ca-diếp lên đây ta chia nửa tòa cho ông ngồi. Đại chúng đều hoảng hốt.

Như ngài đến chỗ Thần Đảnh mà đại chúng cười, ngài Thần Đảnh thấy chúng cười, không biết ông tăng này ra sao nên ngài có vẻ ái ngại, chưa có cái nhìn thấu suốt. Khi ngài Từ Minh kêu to “*thất ngã*”, thị giả

hoảng hốt chạy, ông thầy cũng ngơ ngác ngó lại xem. Lúc đó ngài Từ Minh thông thả đứng dậy đi. Dò xét để thấy thầy trò bị gạt, mất bình tĩnh, nên ngài nói *thấy mặt chẳng bằng nghe danh*.

Sa-môn Bốn Diên cùng Quận thú thỉnh Sư trụ trì Đạo Ngô.

Sư thượng đường:

- Bảo Ứng nói: “Câu thứ nhất tiến được kham cùng Phật tổ làm thầy, câu thứ hai tiến được kham cùng người trời làm thầy, câu thứ ba tiến được tự cứu chẳng xong.” Đạo Ngô thì chẳng thế, câu thứ nhất tiến được hòa bùn hợp nước, câu thứ hai tiến được không dây tự trói, câu thứ ba tiến được bốn góc dính đất. Do đó nói, ra đi thì sông trong biển lặng, bộ hành tránh đường, đứng lại thì càn khôn thất sắc, mặt trời mặt trăng không sáng. Các ông nhằm chỗ nào hả hơi? Hiện nay có người nào hả hơi chẳng? Nếu có, bước ra đối chúng hả hơi xem? Nếu không, Đạo Ngô sẽ vì các ông hả hơi.

Sư bèn “hư” một tiếng, cầm gậy bước xuống tòa.

Đoạn này mới nghe chúng ta thấy có vẻ mâu thuẫn. Ngài Bảo Ứng là bậc thượng túc ở trong tông Lâm Tế, ngài Từ Minh là hàng con cháu, đối với câu nói của ngài Bảo Ứng: *Câu thứ nhất tiến được thì kham cùng Phật tổ làm thầy, câu thứ hai tiến được thì kham cùng trời người làm thầy*. Ngài lại nói: *Câu thứ nhất tiến được thì hòa bùn hợp nước, câu thứ hai tiến được thì không dây*

tự trói. Như vậy là chê hay khen, hàng con cháu sao dám chê bậc thầy? Đây là chỗ phá chấp, như Mã Tổ lúc trước dạy “tức tâm tức Phật”, nhưng khi thấy người học bám vào đó, rồi đọc theo như câu châm ngôn thì ngài lại nói “phi tâm phi Phật”. Như vậy, vì phá chấp của người mà nói khác đi, không phải có ý chống đối. Khi nói đến chỗ cứu cánh thì tất cả đều không thể so sánh, còn có gì để nói năng? Nếu đại chúng không ai nói thì ngài thay đại chúng nói. “Hu” một tiếng, xuống tòa.

Sư thượng đường:

- Đạo Ngô đánh trống, bốn đại bộ châu đồng tham. Cây gậy nằm ngang, khêu động cả càn khôn đại địa. Úp bát xuống, che đậy hừng sa thế giới. Thử hỏi, các ông nhằm chỗ nào an thân lập mạng. Nếu là biết được nhằm Bắc Câu-lô châu ăn cơm ăn cháo. Nếu là chẳng biết thì trên giường thiền ăn cơm ăn cháo.

Ngài dùng những hình ảnh để cho chúng ta thấy: *Cây gậy nằm ngang, khêu động cả càn khôn đại địa, còn úp bát xuống, che đậy hừng sa thế giới*, như vậy các ông ở chỗ nào đây? Úp cái bát thì trùm hết cả hừng sa thế giới, lúc đó các ông ở đâu? Nếu ai biết được thì ở Bắc Câu-lô châu ăn cơm ăn cháo, nếu không biết thì trên giường thiền ăn cơm ăn cháo.

Sau, Sư trụ ở Thạch Sương. Nhân ngày giải hạ, Sư dạy chúng:

*Hôm qua làm trẻ con
Ngày nay tuổi đã già
Chưa rõ ba tám chín
Khó đạp đường cổ hoàng.
Tay quét Hoàng Hà khô
Chân đạp Tu-di ngã
Phù sinh thân mộng huyễn
Mạng người đêm khó giữ.
Thiên đường cùng địa ngục
Thảy đều do tâm tạo
Núi nam từng ngọn bắc
Ngọn bắc cỏ núi nam.
Một giọt thấm vô biên
Gốc mầm thêm khô khát
Người tham học Ngũ hồ
Chỉ tìm hỏi hư không.
Chết cởi áo ngày hạ
Sanh mặc áo mùa đông
Rõ ràng người vô sự
Hốt nhiên sanh phiền não.*

Sư hét một tiếng, bước xuống tòa.

Ngài nói một bài kệ dài, đôi câu có ý nghĩa, đôi câu vô ý vô nghĩa. Như *Hôm qua làm trẻ con*, *ngày nay tuổi đã già* hai câu này dễ hiểu. *Chưa biết ba tám chín*,

khó đạp đường cỏ hoàng thì thôi chịu. Phù sinh thân mộng huyễn, mạng người đêm khó giữ, mạng người ngày nay còn, qua đêm chưa chắc đã còn.

Thiên đường cùng địa ngục, thấy đều do tâm tạo, cũng dễ hiểu. Nhưng nói: Núi nam từng ngọn bắc, ngọn bắc cỏ núi nam, dễ hiểu hay khó? Một giọt thấm vô biên, gốc mầm thêm khô khát, đã một giọt nước thấm vô biên, tại sao mầm gốc lại khô? Đường như nói ngược. Người tham học Ngũ hồ, chỉ tìm hỏi hư không. Tham học khắp cả Ngũ hồ tứ hải mà hỏi hư không, thảo luận với hư không.

Câu này thường nghe nhắc: Chết cởi áo ngày hạ, sanh mặc áo mùa đông, có chỗ khác nói gọn hơn, chết như cởi áo hạ, sanh như đắp chăn đông. Rõ ràng người vô sự, tại sao hốt nhiên sanh phiền não? Ngài nói đảo ngược lại. Hết một tiếng, bước xuống tòa.

Sư thượng đường:

- Một hét phân chủ khách, chiếu dụng đồng thời hành, cần hội ý trong ấy, giữa trưa là canh ba.

Sư hét một tiếng, nói:

- Hãy nói là khách là chủ? Lại có người phân rành được chăng? Nếu có người phân rành được thì sáng cho ba ngàn, chiều cho tám trăm. Nếu chưa có người phân rành được thì lão tăng mất lợi.



Tăng hỏi:

- Tổ Đạt-ma khi chưa đến thì thế nào?

Sư đáp:

- Trường An đêm đêm nhà nhà trắng.

- Sau khi đến thì thế nào?

- Bao chỗ nhịp ca bao chỗ buồn.

Hỏi: *Tổ Đạt-ma khi chưa đến thì thế nào?* Ngài nói: *Trường An đêm đêm nhà nhà trắng.* Như chúng ta nói, thành phố đêm đêm nhà nhà trắng. Dù Tổ chưa đến nhưng nơi mọi người đã sẵn đủ, như đêm trắng thì nhà nào cũng sáng. Hỏi: *Sau khi đến thì thế nào?* Đáp: *Bao chỗ nhịp ca bao chỗ buồn.* Nếu khi nghe người nhịp ca những bài có tính cách bi ai thì chúng ta có buồn không? Người nhịp ca và người buồn hai bên thông cảm nhau? Thì đó, không phải Tổ đem đến cho chúng ta việc gì khác, nhưng ngài xướng lên thì chúng ta cảm thông được, là chỗ truyền nhau.

Sư thượng đường:

- Ta có một lời, bật nghĩ quên duyên, khéo nói chẳng được, chỉ cốt tâm truyền. Nếu có lời nào chẳng bằng nêu thẳng. Thế nào là một câu nêu thẳng?

Sư lặng thinh giây lâu, cầm gậy vẽ một đường, hét một tiếng.

Câu nêu thẳng là vẽ một đường, ngay đó thấy được thì thấy.

Sư thượng đường:

- Thuốc nhiều bệnh lắm, lưới dày cá đặc.

Liên bước xuống tòa.



Sư dạy chúng, lấy gậy gõ giường thiền một tiếng, hỏi:

- Đại chúng hội chẳng? Đâu chẳng nghe nói:

Tiếng gõ quên sở tri

Lại chẳng nhờ tu trì

Các nơi người đạt đạo

Đều gọi thượng thượng cơ.

(Nhất kích vong sở tri

Cánh bất giả tu trì

Chư phương đạt đạo giả

Hàm ngôn thượng thượng cơ.)

Hương Nghiêm ngộ như thế là rõ ràng ngộ Như Lai thiền, Tổ sư thiền còn chưa mộng thấy được. Hãy nói Tổ sư thiền có cái gì đặc biệt? Nếu nằm trong lời nói mà nhận thì lừa bịp người sau. Dù cho dưới gậy lãnh lấy vẫn còn cô phụ thánh trước. Muôn pháp vốn yên lặng chỉ tự người ồn náo. Do đó, sơn tăng ở Phước Nghiêm chỉ thấy cảnh giới Phước Nghiêm, sáng dậy muộn, tối ngủ sớm. Có khi mây nổi trên ngọn xanh, có khi trăng lặn dưới đầm lạnh; tiếng chim kêu hót ở trước đài Bát-nhã,

**hương hoa sa-la tỏa ngát bên sườn núi Chúc Dung.
Cầm gậy tre ngồi trên bàn thạch, cùng thiền sinh
Ngũ hồ nói lời huyền vi.**

**Đầu tro mặt đất đến trụ Hưng Hóa, chỉ thấy
gia phong Hưng Hóa, đón đến đưa đi, cửa liền với
thành thị xe ngựa rộn ràng, ngư hát Tiêu Tương,
vượn ca Nhạc Lộ, tiếng đồn ca ngâm vịnh luôn
luôn vào tai. Lại cùng bậc cao nhân trong tứ hải
mỗi ngày bàn thiền đạo, năm tháng quên mất.**

**Hãy nói ở núi sâu, trụ đô thành, lại có ưu liệt
hay không? Thử nói xem.**

Sư im lặng giây lâu, nói:

- Chỗ chỗ đều Từ Thị, cửa cửa thấy Thiện Tài.

Lấy gậy gõ một cái hỏi: Hội chăng? Nếu mình
khéo thì thấy, không khéo ngài nói thêm.

Ngài nói, thiền sư Hương Nghiêm khi làm bài
kệ *nhất kích vong sở tri*, là *ngộ Như Lai* thiền chứ
chưa phải Tổ sư thiền. Chúng ta đừng mắc kẹt trên lời
nói của các ngài. Sở dĩ ngài Ngưỡng Sơn nói Như Lai
thiền không phải Tổ sư thiền, vì ngài nghĩ rằng ngài
Hương Nghiêm chưa thấu triệt được Tổ sư thiền mà chỉ
do học hiểu làm ra. Thật ra nghe một tiếng mà ngộ
được thì đâu không phải Tổ sư thiền? Đoạn trên ngài
muốn dùng cửa Quan Âm nói về tánh nghe. Cầm gậy
vẽ một đường, hét một tiếng, đó là dùng cửa Văn-thù.
Nếu chúng ta không khéo thấy thì ngài tìm cách nói
cho qua.

Ngài nói về hai nơi ở của mình. Khi ở chùa Phước Nghiêm trên núi, khi ở chùa Hưng Hóa bên thành thị. Ở Phước Nghiêm thì sống với cảnh Phước Nghiêm thanh tịnh vắng vẻ tiếp tăng Ngũ hồ. Ở Hưng Hóa thì thành phố chợ búa, tiếng ca tiếng hát ồn tai để tiếp những bậc cao nhân tứ hải. Hai nơi đó chỗ nào ưu chỗ nào liệt? Cảnh vắng là ưu hay chỗ thành thị là ưu? Nếu người đạt đạo thì nơi nào cũng là đạo, chưa đạt đạo mà gần chỗ ồn thì tâm dính với ồn, xa chỗ ồn tâm mới tạm ổn. Đối với ngài thì hai nơi đều không khác, vì vậy nói: *Chỗ chỗ đều Từ Thị, cửa cửa thấy Thiện Tài.*

Năm Mậu Dần niên hiệu Bảo Nguyên (1038)
Lý đô úy sai sứ đến thỉnh Sư, thư viết: Bạn pháp
trong nước chỉ có Thầy cùng Dương Đại Niên.
Đại Niên đã bỏ tôi đi trước, năm nay tôi thấy già
suy đến gấp, cái chết chực sẵn, mong được cùng
Thầy hội kiến lần chót.

Sư xót thương cùng thị giả xuống thuyền đến kinh đô. Thuyền đi trên sông, Sư làm kệ:

Trường giang hành bất tận

Đế lý đáo hà thì

Ký đắc lương phong tiện

Hưu tương lão trạo thi.

Dịch:

Sông dài đi chẳng tận

Đế đô đến bao giờ?

**Đã gặp gió lành tốt
Thôi thì gác chèo chơi.**

Đến kinh đô, Sư cùng Lý đô úy hội kiến, luận bàn đạo lý. Hơn tháng sau, quả nhiên Đô úy sắp tịch. Giờ phút chót, Đô úy vẽ hình tròn, và làm bài thơ tặng Sư:

<i>Thế giới vô y</i>	Thế giới không nương
<i>Sơn hà phỉ ngại</i>	Núi sông chẳng ngại
<i>Đại hải vi trần</i>	Đại hải vi trần
<i>Tu-di nạp giới.</i>	Tu-di hạt cải.
<i>Niêm khởi phốc đầu</i>	Gỡ phất chiếc khăn
<i>Giải hạ yêu đời</i>	Cởi bỏ thất lưng
<i>Nhược mệnh tử sanh</i>	Nếu tìm sanh tử
<i>Vấn thủ bì đại.</i>	Hỏi lấy dây da.

Sư hỏi:

- Thế nào là Phật tánh xưa nay?

Lý đáp:

- Ngày nay nóng như ngày hôm qua.

Liền đó, Lý hỏi lại Sư:

- Một câu sắp đi thế nào?

Sư đáp:

- Xưa nay không ngăn ngại, tùy chỗ mặc vuông tròn.

Lý nói:

- Chiều đến mỗi một không đáp thoại.

Sư bảo:

- Chỗ không Phật làm Phật.

Lý công vui vẻ thị tịch.

Thế giới không nương

Núi sông chẳng ngại

Đại hải vi trần

Tu-di hạt cải.

Lý đô úy là cư sĩ đang làm quan, khi sắp chết nói rất tự tại. Bốn câu trên diễn tả tính cách vô ngại. Bốn câu dưới: *Gỡ phất chiếc khăn*. Cái khăn mà ngài Thủ Sơ đã nói: Khăn thật mỡ. *Cởi bỏ thất lưng*, tức là thất lưng xương thối. *Nếu tìm sanh tử, hỏi lấy đây da*, là đây da hôi thối này. Đây da này hoặc còn hoặc mất, còn một thứ không tử sanh. Một ông cư sĩ mà thấy được như vậy, chúng ta thấy được không?

Một câu sắp đi thế nào? Xưa nay không ngăn ngại, tùy chỗ mặc vuông tròn. Chỗ sắp đi như vậy, tùy duyên không ngăn ngại.

Chiều đến mỗi một không đáp thoại. Nói chiều đến cũng là nói sắp lâm chung.

Sư bảo: Chỗ không Phật làm Phật. Lý công vui vẻ thị tịch. Như vậy, dù là cư sĩ mà ngộ đạo lý thâm sâu thì sanh tử tự tại.

Sư trở về, vua Tống Nhân Tông cho thuyền đưa Sư. Đi giữa đường, Sư bảo thị giả:

- Ta vừa bị trúng gió.

Nhìn thấy Sư miệng bị phong giật méo qua một bên, thị giả giậm chân xuống thuyền nói:

- Biết làm sao! Lúc bình thường quả Phật mắng Tổ, hôm nay lại thế ấy?

Sư bảo:

- Đừng lo, ta sẽ vì người sửa ngay lại.

Sư lấy tay sửa lại, miệng ngay như cũ, nói:

- Từ nay về sau chẳng phiền đến người.

Ngài tự tại vô cùng, bị phong giật méo miệng mà vẫn như trò chơi. Thị giả cũng rất ngon lành, giậm chân xuống thuyền nói *Tại sao lúc bình thường quả Phật mắng Tổ, hôm nay lại thế ấy?* Tức là hôm nay không tự do. Ngài nói: *Đừng lo, ta sẽ vì người sửa ngay lại,* rồi lấy tay sửa ngay như cũ. Đối với sự sống chết hay trong lúc bệnh các ngài cũng tự chủ. Người xưa đạt đạo rồi thì sống thật với đạo, chứ không phải chỉ nói lý thuyết suông.

Năm sau (1039) Sư đến Hưng Hóa. Ngày mừng năm tháng giêng, Sư tắm gội xong, ngồi kiết già từ biệt chúng rồi tịch. Sư thọ 54 tuổi, được 32 tuổi hạ.



THIÊN SƯ QUẢNG CHIẾU HUỆ GIÁC

ở núi LANG DA

Sư người quê Tây Lạc, cha làm thái thú Hoàn Dương mắc bệnh không bao lâu liền chết. Sư phò linh cữu trở về Tây Lạc, đến Lễ Dương tại ngôi chùa Dược Sơn, Sư nhớ như đã ở ngày xưa. Do đó, sau khi mai táng cha xong, Sư xuất gia.

Sư đi du phương tham vấn, đến Phần Dương được truyền tâm ấn, hợp duyên nơi Trừ Thủy. Sư giáo hóa đồng thời với Tuyết Đậu Minh Giác, bốn phương đều gọi là hai cửa Cam lồ.

Duyên của ngài đi tu rất đặc biệt, thấy ngôi chùa cổ nhớ như xưa đã từng ở rồi phát tâm xuất gia.

Sư thượng đường:

- Lạ thay! Mười phương chư Phật nguyên là hoa trong con mắt. Muốn biết hoa trong con mắt, nguyên là mười phương chư Phật. Muốn biết mười phương

chư Phật, chẳng phải là hoa trong con mắt. Muốn biết hoa trong con mắt, chẳng phải mười phương chư Phật. Nơi đây rõ được, lỗi tại mười phương chư Phật. Nơi đây chưa rõ thì Thanh văn đứng múa, Độc giác hóa trang. Trân trọng.

Câu nào đúng? Nếu đoạn trước đúng thì đoạn sau sai, nếu đoạn trước sai thì đoạn sau đúng, như thế là sao? Nếu chúng ta mê không nhận ra nơi mình có Phật thì chỉ biết mười phương chư Phật là Phật ở ngoài mình, tâm niệm đó chỉ như hoa đốm trong con mắt. Nếu chúng ta nhận được nơi mình có Phật, thì mười phương chư Phật chẳng còn là hoa đốm trong con mắt, hoa đốm trong con mắt không phải là mười phương chư Phật.

Nói cách khác, nếu chúng ta mê tìm Phật ở ngoài thì Phật ở ngoài là hoa đốm trong con mắt, nếu chúng ta ngộ thấy nơi mình có Phật thì mười phương chư Phật không khác với mình, lúc đó không còn là hoa đốm trong con mắt. *Nơi đây rõ được, lỗi tại mười phương chư Phật*, nghĩa là thấy mười phương chư Phật có thật ở ngoài mình. *Nơi đây chưa rõ thì sao? Thanh văn đứng múa, Độc giác hóa trang*. Nghĩa là kẹt ở quả vị tu chứng, từ Tu-đà-hoàn cho đến Tư-đà-hàm, A-la-hán hoặc Độc giác hoặc Duyên giác.

Tăng hỏi:

- Thế nào là khách trong khách?

Sư đáp:

- Tay ôm sách, kiếm, yết kiến minh quân.

- Thế nào là chủ trong khách?
- Cuốn rèm rồi mà không thể thấy.
- Thế nào là khách trong chủ?
- Canh ba qua Mạnh Tân.
- Thế nào là chủ trong chủ?
- Ngồi riêng trấn đất trời.

Bốn câu này là câu khách chủ của tông Lâm Tế. Khách là người đến hỏi, chủ là người chủ đáp lại. Nếu người đến hỏi sai thì gọi là khách trong khách, nếu người đến hỏi đúng thì gọi là khách trong chủ.

Câu đầu *thế nào là khách trong khách*, tức là người khách chưa hiểu thấu. Ngài đáp *Tay ôm sách, kiếm, yết kiến minh quân*, đã yết kiến minh quân mà còn tay ôm sách kiếm, là chưa đúng lễ, là không hiểu.

Câu thứ hai *thế nào là chủ trong khách?* Ngài đáp *Cuốn rèm rồi mà không thể thấy*, cuốn rèm là trống, trước mắt không còn bị chướng ngại nhưng chưa thấy tốt được.

Câu thứ ba *thế nào là khách trong chủ?* Ngài đáp *Canh ba qua Mạnh Tân*. Mạnh Tân là tên bến đò, chỗ Chu Vũ Vương hội binh chư hầu phạt Trụ.

Câu thứ tư *thế nào là chủ trong chủ?* Người chủ mà lại là chủ tức là trọn vẹn đúng, nên ngài đáp *ngồi riêng trấn đất trời*. Đến đây thì không còn diệu dụng nào hơn nữa được.

Sư thượng đường:

- Thấy nghe hiểu biết đều là nhân sanh tử. Thấy nghe hiểu biết chính là gốc giải thoát. Ví như sư tử nhào lộn không nhất định đứng ở nam bắc đông tây. Cả thấy các người nếu là chẳng hội, không được cô phụ ông già Thích-ca.

Cũng là thấy nghe hiểu biết, tại sao một bên là nhân sanh tử, một bên là gốc giải thoát? Cũng là sáu căn mất tai mũi lưỡi thân ý, nếu nơi đó chúng ta mê muội thì nó biến thành lục tặc, là nhân sanh tử. Ngược lại nếu nơi sáu căn thấy nghe hiểu biết của mình mà thông suốt không chấp không kẹt thì đó là gốc giải thoát, sáu căn biến thành lục thông. Cũng sáu căn đó mà mê thì lục tặc, giác là lục thông, không tìm kiếm đâu xa.

Làm sao chứng minh? Như khi chúng ta nghe người nói một tiếng nặng chạm tự ái của mình, nếu nghe như vậy mà không dính mắc, đó là gốc giải thoát. Còn nghe như vậy mà nổi sân si, đó là gốc sanh tử. Cũng lỗ tai này, cũng lời nói đó mà mê hay giác, không cần tìm giải thoát ở ngoài sáu căn. Tu không phải chuyện xa lạ, không phải việc cầu kỳ, chính ngay nơi sáu căn khéo chuyển thì từ mê trở thành giác, sáu căn là gốc lục thông. Nếu cứ giữ mê lầm thì sáu căn là lục tặc, phá hết của báu trong nhà, lồi đi luân hồi sanh tử.

Ngài dùng ví dụ như con sư tử nhào lộn chúng ta chưa thấy, nhưng như người múa lân khi đang múa đang nhào lộn thì có nhất định đâu là đầu, đâu là đuôi, đâu là đông, đâu là tây không? Trong khi nhào lộn có khi

lấy đầu làm đuôi, lấy đuôi làm đầu, mới đứng bên đông lại xoay qua tây, mới tây xoay qua nam bắc, bất định. Cũng một con lân đó nhưng không cố định đâu là đầu đâu là đuôi, đâu là đông tây nam bắc. Cũng vậy, ngay nơi sáu căn chính nó không cố định là sanh tử cũng không cố định là giải thoát. Chỉ khéo chuyển thì sáu căn trở thành giác là giải thoát, không khéo chuyển để mê là sanh tử, không có cái thứ hai ở ngoài đem đến cho mình.

Ngài nói *cả thấy các người nếu là chẳng hội, không được cô phụ ông già Thích-ca*. Không được cô phụ đức Phật Thích-ca và cả mười phương chư Phật nữa.

Sư thượng đường:

- Vỗ nước cá đau đầu, băng rừng chim đậu sợ, hoàng hôn không đánh trống, giữa trưa là canh ba. Chư thiên đức! Đã là giữa trưa vì sao lại là canh ba?

Sư im lặng giây lâu, nói:

- Hôm qua thấy liễu rủ xanh, ngày nay gặp lá rơi vàng.

Câu nói hay hành động của các thiền sư không đến được lẽ thật, không đến được chân lý, nhưng nhờ đó chúng ta khéo thấy được chân lý, thấy được lẽ thật. Như khi chúng ta vỗ mặt nước dùng dùng, vỗ như vậy có đụng cá không? Không trúng mà cá nghe dội nó đau đầu. Cá đau đầu không phải chúng ta đập trúng cá mà đập vào nước, cũng vậy các ngài nói bên đông mà người ta ngộ bên tây, nhân lời nói bên này mà mình ngộ được

bên kia. Như đi qua rừng, chim nghe động liền hoảng sợ bay đi. Để biết rằng không phải các ngài chỉ thẳng điều đó được, nhưng nói ở đây chúng ta có duyên liền thấy ở kia. Đó là chỗ khéo của nhà thiền.

Sư thượng đường:

- Tiến tới trước thì tử, lùi lại sau là vong, chẳng tiến chẳng lùi lại rơi vào làng vô sự. Cớ sao? Trường An tuy vui không phải là chỗ ở lâu.

Tiến tới trước thì tử, lùi lại sau là vong. Không cho tiến tới, không cho lùi lại, tức là không cho kẹt hai bên. Không kẹt hai bên, ở giữa thì rơi vào làng vô sự. Không kẹt bên này không dính bên kia, tâm yên lặng như hư không, gọi đó là làng vô sự.

Cớ sao? Trường An tuy vui không phải là chỗ ở lâu. Dễ hiểu hơn, có thể nói thành phố tuy vui mà không phải là chỗ ở lâu. Câu nói của ngài Duyên Quán, nếu ở ngay nơi chỗ vô sanh thì *nước chết không chứa được rồng*. Vì vậy mắc kẹt bên này hoặc mắc kẹt bên kia đều không được, giữ chỗ yên lặng cũng không được, phải nhận ra chỗ chân thật mới đúng. Nếu ngang đó mà tự mãn hài lòng thì vẫn chưa xong, nên nói tuy Trường An là vui nhưng chưa phải chỗ trụ, vì “nước chết không chứa được rồng”.



THIÊN SƯ NGHĨA HOÀI THIÊN Y

(989 - 1060)

Sư họ Trần quê ở Lạc Thanh, Vĩnh Gia, ông cha chuyên nghề chài lưới. Mẹ nằm mộng thấy ngôi sao rơi trong nhà liền có thai Sư. Khi Sư sanh ra có nhiều điềm kỳ lạ. Thuở bé theo cha đánh cá, Sư ngồi sau lái thuyền, cha được con cá nào trao cho Sư xỏ mang cột lại, Sư không nỡ làm thế, lén cha thả hết, cha nổi giận đánh Sư, Sư vẫn an nhiên chịu đòn.

Lớn lên, Sư đến kinh đô tại chùa Cảnh Đức xuất gia làm đạo, khoảng niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) được thọ giới làm Tăng.

Các ngài có duyên đời trước sâu đậm nên đời này dễ phát tâm tu hành. Như mẹ ngài nằm mộng thấy ngôi sao rơi trong nhà liền có thai, đó là điềm rất tốt, nhưng tại sao lại sanh trong nhà chài lưới? Sanh trong nhà chài lưới thì ít phước duyên. Đó là những điều khó lường được.

Chúng ta thấy có một điều đáng học nơi ngài. Cha chài được con cá nào thì đưa ra sau cột mang, người đi chài có cột hai cái cây ở bên thuyền, khi được cá thì cột vào đó rồi bơi đi, cá lội theo không chết, về bán được tiền. Được một con cá lớn là mừng lắm, đưa ra sau bao nhiêu ngài lén thả hết. Cha nổi giận đánh, ngài vẫn an nhẫn không cãi lại.

Dù hành động đó là phải với mình nhưng không phải với cha mình, ông kiểm từng con cá mà mình thả thì bị đánh là đáng lắm, dám thả thì dám chịu đòn không cãi. Chúng ta cũng phải ráng học theo gương đó. Đôi khi việc làm của mình là phải, nhưng không đúng với người khác, người đó không bằng lòng, tức giận la rầy thì phải can đảm chịu.

Một hôm, đang đi trong chợ có vị tăng lạ là Ngôn Pháp Hoa vỗ vai Sư nói: “Vân Môn Lâm Tế.” Sư bèn đi đến Kim Loan yết kiến thiền sư Thiện không khế ngộ, lại đến Diệp Huyện yết kiến thiền sư Tỉnh cũng không khế ngộ. Sư lại sang phương đông đến yết kiến thiền sư Minh Giác nơi Thúy Phong.

Minh Giác hỏi:

- Người tên gì?

Sư thưa:

- Tên Nghĩa Hoài.

Minh Giác bảo:

- Sao chẳng đặt Hoài Nghĩa?

Sư thưa:

- Đương thời đến được.

Minh Giác hỏi:

- Ai vì người đặt tên?

Sư thưa:

- Thọ giới đến giờ đã mười năm.

Minh Giác hỏi:

- Người đi hành khước đã rách bao nhiêu đôi giày?

Sư thưa:

- Hòa thượng chớ lừa người.

Minh Giác hỏi:

- Ta không xét tội lỗi, người cũng không xét tội lỗi, ấy là sao?

Sư không đáp được. Minh Giác đánh, bảo:

- Kẻ rỗng nói suông, đi đi!

Ngài Minh Giác tức là Tuyết Đậu Minh Giác hỏi: *Người tên gì?* Ngài nói: *Tên Nghĩa Hoài.* Ngài Minh Giác bảo: *Sao chẳng đặt Hoài Nghĩa?* Tức là ngược lại. Câu nói đó có ý nghĩa gì không? Bởi vì chúng ta quen theo chiều thuận, ngôn ngữ chữ nghĩa luôn luôn có một chiều. Người tu nhất là tu thiền phải phản quan nhìn ngược lại, nên ngài Minh Giác hỏi sao không đặt là

Hoài Nghĩa? Đó là lối nói bảo phải nhìn ngược lại, ngay đó ngài hiểu nên nói: *Đương thời đến được, tôi đến được chỗ đó rồi, không cần xoay nhìn lại.*

Ngài Minh Giác liền chuyển qua cái khác: *Ai vì người đặt tên?* Khi chúng ta xuất gia thọ giới thì được Thầy cho pháp danh hoặc pháp hiệu. Đây ngài nói: *Thọ giới đến giờ đã mười năm, tức là người cho thọ giới đặt tên.*

Minh Giác hỏi: *Người đi hành khước đã rách bao nhiêu đôi giày?* Hỏi bao nhiêu đôi giày, trả lời nhiều ít là mắc kẹt, nên ngài nói: *Hòa thượng chớ lừa người, ý nói tôi không bị lừa.* Ngài Minh Giác hỏi: *Ta không xét tội lỗi, người cũng không xét tội lỗi, ấy là sao?* Chỗ này ngài bí, nên Minh Giác liền đánh nói: *Kẻ rỗng nói suông, tức là những câu nói trước dường như đúng nhưng toàn là học lóm, nói suông chưa phải thật.* Ngang đó ngài chịu thua.

Sư vào thất, Minh Giác bảo:

- Như thế chẳng được, chẳng như thế cũng chẳng được, như thế chẳng như thế thấy chẳng được.

Sư suy nghĩ, Minh Giác lại đánh đuổi ra. Như thế đến bốn lần.



Sư làm trưởng ban vận thủy, một hôm nhân gánh nước, đòn gánh gãy rơi cặp thùng, Sư đại ngộ, làm bài kệ hợp cơ:

*Nhất nhị tam tứ ngũ lục thất
Vạn nhân phong đầu độc túc lập
Ly long hàm hạ đoạt minh châu
Nhất ngôn khám phá Duy-ma-cật.*

Dịch:

**Một hai ba bốn năm sáu bảy
Chót núi muôn nhân đứng một chân
Dưới hàm Ly long đoạt ngọc sáng
Một lời khám phá Duy-ma-cật.**

Minh Giác nghe, vỗ bàn khen hay!

Tại sao làm thơ mà nói *một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy*? Đó là diễn tả đang gánh nước đi từng bước từng bước một, chợt gãy cái đòn gánh. Gãy đòn gánh rồi ngộ, thấy mình như *đứng một chân* ở trên *chót núi*, thấy như đã lấy được hạt minh châu dưới hàm con Ly long, rồi chỉ cần một câu nói là khám phá được ngài Duy-ma-cật. Chỗ Duy-ma-cật im lặng làm thình, ngay đó mình khám phá được; vì vậy ngài Minh Giác khen hay.

Lý do ngộ ở gánh nước hay ở chỗ nào? Vì ngài đối với những câu nói của ngài Minh Giác mà không đáp được, tâm đang chết trong đó, đến lúc chín muồi, cái đòn gánh gãy liền ngộ. Ngài thì như vậy, còn chúng ta tâm đang chết trong thị phi nhân ngã, phải không? Chết với mấy thứ đó thì thôi chịu, một trăm cái đòn gánh gãy cũng không ngộ đạo được. Cần phải đem hết

tâm tư nghiền ngẫm những gì mình chưa biết chưa thấy, như nghe một câu chư Tổ nói mà không hiểu không an lòng, cứ bần khoản nhớ tới nhớ lui lâu ngày tự nhiên bừng ngộ.

Sau khi Sư trụ, có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Trái tóc lột bunn, thân nằm ngang trên đất.

Tăng hỏi:

- Ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

- Thế ấy ma Ba-tuần cũng nhú mào.

Tăng thưa:

- Thế ấy thì tạ ơn Thầy chỉ dạy.

Sư bảo:

- Tây thiên cõi này.

Ngài ngộ trong lúc không lời, ngay trong hành động mà ngộ, nên đối đáp của ngài luôn luôn không cho mình hiểu.

Sư thượng đường:

- Trên đỉnh Tu-di không đánh chuông, trong ngọn Tất-bát không người nhóm họp. Sơn tăng cười ngựa ngược điện Phật, các người mang giày ngược,

sớm dạo Đàn-đặc chiều đến La Phù. Cây gậy ống kim mỗi người tự nhận lấy.



Sư thượng đường:

- Nạp tăng nói ngang nói dọc mà chưa biết có con mắt trên đánh.

Khi ấy, có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là con mắt trên đánh?

Sư đáp:

- Áo rách bày xương gầy, nhà lũng nằm thấy sao.

Những câu này không cho suy nghĩ để hiểu.

Sư thượng đường:

- Phàm là Tông sư phải đoạt trâu của kẻ đi cày, cướp thức ăn của người đói, gặp nghèo thì sang, gặp sang thì nghèo. Đuổi trâu của người đi cày khiến cho lúa mạ tốt tươi, cướp thức ăn của người đói khiến họ hằng dứt đói khát. Gặp nghèo thì sang nắm đất thành vàng, gặp sang thì nghèo biến vàng thành đất.

Lão tăng cũng chẳng đuổi trâu của người cày, cũng chẳng cướp thức ăn của người đói. Sao gọi là trâu của người cày, ta nào cần dùng; thức ăn của người đói, ta nào muốn ăn? Ta cũng chẳng nắm đất thành vàng cũng chẳng biến vàng thành đất. Sao vậy? Vì vàng là vàng đất là đất, ngọc là ngọc đá

là đá, Tăng là Tăng tục là tục. Trời đất xưa nay, nhật nguyệt xưa nay, núi sông xưa nay, con người xưa nay. Tuy nhiên như thế, đập nát ải Đại Tản⁽⁵⁾, mấy kẻ mê gặp được Đạt-ma.

Câu nói *đuổi trâu của người cày, cướp thức ăn của người đói* là của tổ Lâm Tế. Ngài dùng thuật nói ngược: Người đi cày phải có trâu cày rồi trồng lúa có cơm ăn, đây lại nói *đuổi trâu của người cày khiến cho lúa mạ tốt tươi*. Người đói được thức ăn là mừng, lại nói *cướp thức ăn của người đói khiến họ được no đầy*. Như vậy có phải ngược không? Đó là ý nghĩa người tu phải nhìn ngược lại để thấy con người chân thật của mình, đừng đuổi theo bên ngoài, vì thế nói những câu có ý ngược ngạo.

Khi không dùng phương tiện nói ngược, ngài chỉ cho thấy cái thật ngay hiện tiền khỏi cần tìm kiếm, khỏi cần quán chiếu nên nói: *vàng là vàng, đất là đất, ngọc là ngọc, đá là đá*. Chỉ cần một phen phá được cửa ải cứng chắc thì ngay đó thấy Sơ tổ Đạt-ma. Hết mê tức ngộ, không có gì khác.

Sư thượng đường:

Nhận quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhận vô di tung chỉ ý

Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

⁽⁵⁾ Cũng gọi là ải Tản, tại núi Đại Tản thuộc dãy Tần Lĩnh, Thiểm Tây, Trung Quốc.

Dịch:

**Nhạn bay trong không
Bóng chìm đáy nước
Nhạn không có ý lưu dấu
Nước không có tâm giữ bóng.**

Nếu được như thế, mới biết đến trong dị loại mà đi, chẳng cần nối dài chân vịt chặt ngắn cẳng cò, dời núi lấp sông. Buông đi thì trăm xấu ngàn vụng, thâu lại thì co co nắm nắm. Dùng đó thì dám so sự giàu của tám đại long vương, chẳng dùng thì hoàn toàn chẳng có giá trị bằng nửa phân tiền.

Tham!

Bốn câu thơ này ở Việt Nam thiền sư Hương Hải thường đọc. Nếu không học kỹ tưởng là của ngài Hương Hải sáng tác, nhưng thật ra là của ngài Thiên Y Nghĩa Hoài.

Hình ảnh *chim nhạn bay qua trong không, bóng chìm đáy nước, nhạn không có ý lưu dấu, nước không có tâm giữ bóng*. Cả hai, chim nhạn và mặt nước đều vô tâm, vô tâm mà có nhạn bay trong không, có mặt nước in bóng. Khi chúng ta tu đến giai đoạn không còn vọng thức, lúc đó dường như không cần phân biệt suy nghĩ mà hiện tiền thấy vẫn thấy, nghe vẫn nghe. Thấy nghe không dính mắc, giống như nhạn bay trong không, mặt nước có in bóng mà không có một chút tỳ vết, không có gì lưu lại.

Nếu chúng ta tu được như vậy, hiện tại là Niết-bàn. Nói chuyện với ai nói thì nói, làm thì làm, qua rồi thôi

không dính. Đó là lúc đối cảnh tâm thanh tịnh. Nếu nói chuyện với ai rồi cứ dính lại, nhất là với những người quan trọng, nói xong rồi về cứ suy nghĩ tới suy nghĩ lui, hoặc chuyện đó thế này, chuyện đó thế kia, tâm lăng xăng lộn xộn, làm sao được vô tâm?

Nếu được như thế, mới biết đến trong dị loại mà đi, chẳng cần nói dài chân vịt chặt ngắn cẳng cò, dờn núi lấp sông. Buông đi thì trăm xâu ngàn vụng, thâu lại thì co co nắm nắm. Dùng đó thì dám so sự giàu của tám đại long vương, chẳng dùng thì hoàn toàn chẳng có giá trị bằng nửa phân tiền. Tham!

Nếu được như vậy thì mới có thể đi trong lục đạo mà không bị nghiệp lực dẫn đi. *Chẳng cần nói dài chân vịt, chặt ngắn cẳng cò.* Tại sao? Vì trong tâm chúng ta luôn luôn ưa thích lấy bỏ. Cái gì thích thì nuôi dưỡng, ví dụ như nói dài chân vịt; cái không thích thì bỏ đi như chặt ngắn chân cò. Người không còn ý niệm ưa thích lấy bỏ, chừng đó nếu nói giàu thì không ai giàu bằng, nếu nói nghèo thì cũng không ai nghèo hơn. Nghĩa là rất tự do muốn dùng hay muốn không dùng đều được.

Sư ở trong thất hỏi một vị tăng:

- Người không tay hay nắm, người không lưỡi giỏi nói! Chợt người không tay đánh người không lưỡi, người không lưỡi nói cái gì?

Đó là những câu không cho suy tư nghiền ngẫm. Như câu của thiền sư Nhật Bản: *Nghe tiếng vỗ một bàn tay*, hoàn toàn phi lý.

Sư tự đáp:

*Thực hồn liên tiêu khiếu
Chuyết cửu chung dạ đề
Viên thông môn đại hải
Hà sự cách vân nê?*

Dịch:

Chim quốc suốt đêm kêu
Tu hú thâu đêm hót
Cửa viên thông mở rộng
Việc gì cách mây bùn?

Trong đó rất rõ ràng.

Sư ở cả thủy bầy đạo tràng, giáo hóa người trong và ngoài nước rất nhiều. Về già, Sư do bệnh cát am ở Sam Sơn thuộc Trì Dương. Có đệ tử là Trí Tài ở Phật Nhật thuộc Lâm Bình thỉnh Sư về hầu hạ.

Trí Tài đi thành Tô chưa về, Sư sai người gọi về gấp. Trí Tài vừa về tới cửa, Sư bảo:

- Giờ đã đến, ta đi đây.

Trí Tài thưa:

- Thầy có lời gì dạy đệ tử?

Sư nói kệ:

*Hồng nhật chiếu Phù Tang
Hàn vân phong Hoa nhạc*

***Tam canh quá thiết vi
Tạt chiết ly long giác.***

Dịch:

**Đất Nhật trời hồng soi
Đảnh Hoa mây lạnh quên
Canh ba vượt thiết vi
Sừng ly long bẻ gãy.**

Đó là lời huyền ký của ngài.

Trí Tài hỏi:

- Noãn tháp đã thành, thế nào là việc cứu cánh?

**Sư đưa tay nắm tay chỉ đó, bèn đến bên giường
xô gối mà tịch.**

Noãn tháp là chỉ cho tháp Vô Phùng. *Thế nào là việc cứu cánh?* Hỏi về việc cứu cánh, ngài liền đưa nắm tay lên chỉ, rồi liền đó xô gối nằm tịch.



CƯ SĨ TU SOẠN TẶNG HỘI

Cư sĩ họ Tăng tên Hội, làm chức Tu soạn ở viện Hàn Lâm.

Thuở bé ông cùng thiền sư Minh Giác ở chung một nhà, đến lớn lên mỗi người đi mỗi đường.

Khoảng niên hiệu Thiên Hy (1017-1021), ông làm thái thú ở Trì Châu. Một hôm gặp nhau ở chùa Cảnh Đức, ông bèn dẫn Trung Dung Đại Học, tham cứu Lăng-nghiêm, những chỗ phù hợp với ngữ cú thiền tông đem ra chất vấn Minh Giác. Minh Giác nói:

- Cái ấy còn chẳng cùng với kinh điển hợp, huống là Trung Dung Đại Học ư? Học sĩ cần thẳng tắt lý hội việc này.

Sư khảy móng tay một cái nói:

- Chỉ như thế tiến lấy.

Ông ngay câu này lãnh hội ý chỉ.

Cư sĩ này tiến vào cửa nào? Ông khéo tiến vào cửa Quan Âm một cách dễ dàng.

Đến niên hiệu Thiên Thánh năm đầu (1023), ông làm thái thú ở Tứ Minh, biên thư thỉnh Minh Giác trụ trì Tuyết Đậu. Minh Giác đến, ông thưa:

- Tôi gần đây cùng Trưởng lão Thanh bàn về câu “Triệu Châu khám phá bà già”, chưa rõ được ý chính có khám phá hay không?

Minh Giác bảo:

- Trưởng lão Thanh nói thế nào?

Ông nói:

- Lại như thế đi.

Minh Giác bảo:

- Trưởng lão Thanh hãy gác qua một bên. Học sĩ lại biết nạp tăng trong thiên hạ ra chẳng khỏi vòng vây bà già ấy chăng?

Ông nói:

- Trong đây riêng có chỗ nói, Triệu Châu nếu chẳng khám phá, bà già một đời chịu thua.

Minh Giác bảo:

- Khám phá xong vậy.

Ông cười to.

Cư sĩ mà cũng rất thông suốt đạo lý.



THIÊN SƯ Ỡ NGỘ Ỏ PHÁP XƯNG

Sư họ Lâm quê ở Chương Châu. Thuở nhỏ Sư đến chùa Sùng Phước ở quận nhà xuất gia, có ý chí siêu phàm. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư đi du phương, nổi tiếng trong từng lâm.

Sư đến Phù Sơn yết kiến hòa thượng Viên. Viên thường chỉ Sư nói với mọi người: “Kẻ hậu học này sẽ làm mô phạm cho người hành khước.”

Đến Bắc Thiên, Sư yết kiến thiên sư Trí Hiền. Trí Hiền hỏi:

- Vừa rồi ở đâu?

Sư thưa:

- Phước Nghiêm.

Trí liền hỏi:

- Hòa thượng Tư Đại lỗ mũi dài bao nhiêu?

Sư thưa:

- Giống như Hòa thượng thấy lúc đó.

Trí Hiền bảo:

- Hãy nói lão tăng khi thấy dài bao nhiêu?

Sư thưa:

- Hòa thượng in tuồng chưa từng đến Phước Nghiêm.

Trí Hiền cười, nói:

- Kẻ học ngữ.

Lại hỏi:

- Khi ông đến đây Mã Tổ mạnh chăng?

Sư thưa:

- Mạnh.

Trí Hiền bảo:

- Ngài nói với người cái gì?

Sư thưa:

- Bảo Bắc Thiền chớ loạn lắm vậy.

Trí Hiền bảo:

- Nghĩ người mới đến chẳng nỡ đánh người.

Sư thưa:

- Ý Ngộ cũng tha lỗi Hòa thượng.

Đối đáp có gì hay? Ngài Trí Hiền hỏi: *Vừa rồi ở đâu?* Ngài đáp: *Ở Phước Nghiêm.* Hỏi: *Hòa thượng Tư Đại lỗ mũi dài bao nhiêu?* Sao không hỏi thăm

hòa thượng Tư Đại mạnh khỏe mà hỏi lỗ mũi dài bao nhiêu? Lỗ mũi là mạch sống của mình, nếu người đạt đạo rồi thì thấy được lỗ mũi.

Trong nhà thiền, lỗ mũi tượng trưng cho cái chân thật. Nghe hỏi lỗ mũi thì biết liền, ngài trả lời: *Giống như Hòa thượng thấy lúc đó, giống in lỗ mũi lúc Hòa thượng thấy vậy*. Trả lời thật là khéo.

Đến câu này mới thấy là khó. Ngài Trí Hiền hỏi: *Hãy nói lão tăng khi thấy dài bao nhiêu?* Lúc ta thấy lỗ mũi dài bao nhiêu? Ngài đáp lại khéo léo: *Hòa thượng in tuồng chưa từng đến Phước Nghiêm*. Hòa thượng Tư Đại ở Phước Nghiêm, ngài hỏi lỗ mũi Hòa thượng dài bao nhiêu tức là Hòa thượng chưa biết lỗ mũi của ngài Tư Đại. Ngài Trí Hiền cười nói: *Kẻ học ngữ*. Ý nói ông là người học lóm.

Hỏi tiếp: *Khi ông đến đây Mã Tổ mạnh chăng?* Mã Tổ chết bao lâu rồi mà bây giờ hỏi mạnh chăng? Ngài đáp: *Mạnh*. Trí Hiền bảo: *Ngài nói với người cái gì?* Ngài nói: *Bảo Bắc Thiền chớ loạn lắm vậy*. Trí Hiền nói: *Nghĩ người mới đến chẳng nỡ đánh người*. Nghĩa là người nói hỗn rồi đó, nghĩ vì người mới đến nên không đánh. Ngài nói: *Ý Ngộ cũng tha lỗi Hòa thượng*. Lỗi gì? Lỗi nói loạn.

Uống trà xong, Trí Hiền lại hỏi:

- Quê hương ở đâu?

Sư thưa:

- Chương Châu.

Trí Hiền bảo:

- Tam Bình ở đó làm gì?

Sư thưa:

- Nói thiền nói đạo.

Trí Hiền hỏi:

- Tuổi bao nhiêu?

Sư thưa:

- Cùng cột cái đồng tuổi.

Trí Hiền bảo:

- Có cột cái hãy gác lại, không cột cái tuổi bao nhiêu?

Sư thưa:

- Không cột cái một tuổi cũng chẳng ít.

Trí Hiền bảo:

- Nửa đêm thả gà đen.

Nhân đây, Sư kính trọng làm thầy và ở lại rất lâu.

Đoạn đối đáp này rất khéo. Hỏi quê quán thì ngài nói ở Chương Châu. *Chương Châu* là xưa ngài Tam Bình ở đó giáo hóa. Hỏi ngài Tam Bình bao nhiêu tuổi? Như chúng ta thì lần tay tính tuổi để đáp, ngài đáp: Tuổi đồng với cây cột cái. Câu đó còn tương đối dễ, nhưng qua câu sau hỏi: *Có cột cái hãy gác lại, không cột cái thì tuổi bao nhiêu?* Câu đó thật là cay. Ngài trả lời: *Nếu không cột cái một tuổi cũng chẳng ít.* Tại sao không nói nhiều

mà nói chẳng ít? Bởi vì ngôn ngữ của các ngài dùng không cho kẹt không cho dính, nói ít nói nhiều đều là bệnh, nên không cho mắc kẹt bên nào. Ngài Trí Hiền bảo: *Nửa đêm thả gà đen*. Câu đó khen hay chê? Nửa đêm là tối, gà đen là tối, tức là hai bên hợp nhau. Ngài nói khéo để thọ ký, tức là ông và ta đã thấy nhau rồi.

Sau, Sư lên ngọn Song Lãnh ở Tây Sơn chọn chỗ sâu vắng cất am dừng ở ba năm với thượng tọa Thắng và Anh Thiệu Vũ. Khi Sư nhận thỉnh trụ trì Pháp Xương, từ biệt nhau, Sư nói:

- Ba năm chung hợp không việc gì chẳng biết, kiểm điểm đưa ra ắt có rỉ chảy.

Sư cầm gậy vẽ một gạch, nói:

- Cái này gác lại, việc tông môn thế nào?

Thủ tọa Anh đáp:

- Tu-di để trong lỗ mũi.

Sư nói:

- Như thế thì đến bờ xem nguồn nước, chỉ riêng một trường sâu.

Thủ tọa Anh đáp:

- Thân Thâm Sa trợn mắt.

Sư nói:

- Đâu ngờ thánh phàm không hai đường, phương tiện có nhiều cửa?

Thủ tọa Anh đáp:

- Rắn sắt dùi chẳng thủng.

Sư nói:

- Gã này có chỗ nào chung bàn?

Thủ tọa Anh đáp:

- Tự duyên căn lực cạn, chớ giận mặt trời xuân.

Lại vẽ một gạch nói:

- Tông môn gác lại, việc này thế nào?

Sư cho một tát tai. Thủ tọa Anh nắm đứng lại, nói:

- Gã Chương Châu này cái gì làm cũng được.

Sư nói:

- Ông khởi loại kiến giải ấy, chẳng đánh lại đờn khi nào.

Sư lại đánh thêm một tát tai. Thủ tọa Anh nói:

- Cũng là ta chuốc lấy.

Đây là hai huynh đệ trình độ tương đương, khi sắp từ biệt nhau, dọ dẫm lại xem có hơn kém gì không?

Ngài lấy cây gậy vẽ một gạch nói: *Cái này gác lại, việc tông môn thế nào?* Tông môn tức là việc trong nhà thiền. Thủ tọa Anh đáp: *Tu-di để trong lỗ mũi.* Lỗ mũi của mình đang thở hay lỗ mũi nào? Lỗ mũi kia trùm hết nên núi Tu-di ở trong đó. Ngài nói: *Như thế thì đến bờ xem nguồn nước, chỉ riêng một trường sâu.* Đó là một câu nói không cho suy nghĩ. Thủ tọa Anh đáp: *Thần Thâm Sa trợn mắt.* Hai bên đối đáp nhau mà không kẹt trong ngôn ngữ.

Ngài hỏi: *Đâu ngờ phàm thánh không hai đường, phương tiện có nhiều cửa?* Thủ tọa Anh đáp: *Rắn sắt dùi chẳng thủng*, tức là chỗ đó rắn sắt cũng dùi không được. Ngài nói: *Gã này có chỗ nào chung bàn?* Nếu vậy thì có gì bàn với nhau nữa. Thủ tọa Anh đáp: *Tự duyên căn lực cạn, chớ giận mặt trời xuân*. Đây là những câu thơ cũ.

Thủ tọa Anh lại vẽ một gạch nói: *Tông môn gác lại, việc này thế nào?* Lặp lại câu nói của ngài Ý Ngộ. Việc này tức là việc hiện tại. Ngay đó ngài cho một tát, thủ tọa Anh nắm đứng lại, nói: *Gã Chương Châu này cái gì làm cũng được*. Ngài nói: *Ông khởi loại kiến giải ấy, chẳng đánh lại đợi khi nào?* Đánh thêm một cái nữa, đó là nói chuyện hiện tại. Thủ tọa Anh nói: *Cũng là ta chuốc lấy*.

Chùa Pháp Xương ở phía bắc Phần Ninh có cả ngàn gộp núi cả muôn cái hồ, mấy gian nhà xưa. Sư đến sống trong cảnh rất đậm bạc, trồng rau cải lấy mà ăn. Tăng chúng các nơi đến, đều không kham chịu nổi nếp sống cơ cực này. Ở đây thật là cô độc.

Người xưa dù chỗ xa vắng, cuộc sống rất đậm bạc cực khổ, nhưng cần mở mang giáo hóa hay cần tu hành làm Phật sự, thì các ngài cứ đến hết lòng không ngại. Đây diễn tả ngày thuyết pháp đầu tiên của ngài.

Ngày khai đường, Sư lên tòa nói:

- Ngày nay Pháp Xương khai lộ, tăng hành khước chẳng có một người, chỉ có mười tám vị

cao nhân ngồi vây quanh lò làm thình. Chẳng phải là quy củ thật khó, khởi thấy mọi người nói lầm. Dù cho miệng giống như quả cân, chưa khởi bị lồng đèn khám phá. Chẳng biết đạo bật công huân, luống dụng tu nhân chứng quả.

Sư hét một tiếng, nói:

- Chỉ hay một niệm hồi tâm, liền khởi nhị thừa ràng buộc.

Lô là cái lò, xưa hay dùng chữ *khai lô* để chỉ cho những hội khai giảng thuyết pháp. Tại sao thuyết pháp gọi là khai lô? Vì ở miền bắc Trung Hoa rất lạnh, mùa đông đốt lò lửa vây chung quanh hơ. Bao nhiêu người vây quanh lò lửa, khi khai giảng mọi người tụ hội lại cũng giống như vậy, nên gọi là khai lô.

Ngày khai đường có bao nhiêu khách đến dự? Trong chùa có thờ mười tám vị A-la-hán ngồi chung quanh. Ngài giảng không có ai, chỉ mười tám vị ngồi làm thình, như vậy cũng cứ giảng. Không phải đợi có nhiều người mới giảng; cần nói cứ nói, cần làm cứ làm. Chúng ta học được nơi ngài hai điểm. Điểm thứ nhất là chỗ sống cơ cực đạm bạc, xa xôi mà cần thì vẫn tới, không sợ không chán. Điểm thứ hai là khi làm Phật sự dù không có ai vẫn cứ làm, dần dần đủ duyên thì mọi người đến. Chỉ lo mình không có đạo, dù ở thành phố chưa chắc người ta đã tới với mình. Nếu là người có đạo đức thì dù ở thôn quê ở rừng núi cũng có người tới, cho nên không sợ thiếu người mà chỉ sợ thiếu đạo đức.

Sư dạy chúng:

- Ở thành Tỳ-da im lặng phỗng theo tông thừa, Thấu Lãnh giở cành hoa trở thành thuốc độc, chín năm xây mặt vào vách làm ngu độn tông tổ tiên, nửa đêm truyền y là gạt kẻ hậu học, Mã Tổ tức tâm là Phật in tuồng ôm gốc cây đợi thỏ, Bàn Sơn phi tâm phi Phật có thể gọi là hòa bùn hợp nước. Những tri kiến như thế là bại hoại Tổ phong diệt dòng họ Thích. Nương nơi rỗng tiếp tiếng vang, đối thánh gạt hiền. Hậu học không tội mà chịu khổ gặp người chỉ chú. Nếu luận về việc này thì chư Phật chẳng từng ra đời, cũng không một pháp cho người. Tổ Đạt-ma chẳng Tây sang, Nhị Tổ chẳng được tủy, liền được gió lạnh bát ngát, lão quê gõ nhịp ca vang, tâm không chỗ tựa, hạnh không chỗ nương, nghe thiên cùng đạo dường thấy oan gia, nói sắc với tâm như gặp cọp dữ. Nhiên hậu, Pháp Xương cho ông chọn rau rừng giã gạo nếp làm cơm hòa-la, nấu canh cốt đồng, đói thì ăn mệt thì ngủ, không do các giai vị mà tự cao quý, chớ học tam thừa mà lập ra thời khóa.

Ngài phủ nhận tất cả hành động đối cơ của người xưa. Như cư sĩ Duy-ma-cật tại thành Tỳ-da im lặng khi được hỏi về pháp môn bất nhị. Đức Phật trên núi Linh Thấu đưa cành hoa, tổ Ca-diếp ngộ đạo, mà ngài cũng cho đó là thuốc độc, tổ Đạt-ma xây mặt vào vách chín năm, ngài nói là ngu độn tông tổ tiên. Ngũ Tổ giữa đêm truyền y cho Lục Tổ, ngài cũng gọi là gạt kẻ hậu học. Mã Tổ nói *tức tâm tức Phật*, ngài nói in tuồng ôm cây đợi thỏ... Chê tất cả, bác tất cả.

Chúng ta có cái ngu muội học người xưa mà chỉ học theo hình thức, không học đối cơ thích ứng. Như đức Phật ở trên hội Linh Sơn, ngài muốn biết trình độ của đệ tử, nên đưa cành hoa sen lên rồi nhìn xem có ai hiểu được. Lúc đó ngài Ca-diếp mỉm cười, ngài biết người đó hiểu mình, bèn truyền tâm ấn. Như bây giờ tôi đưa cành hoa lên, mấy chú cười rộ lên hết thì tôi tìm ra ai? Vì đã biết hết rồi, nếu cứ lấy chuyện người xưa mà bắt chước làm theo thì đúng hay sai?

Như chuyện rất đơn giản là Ngũ Tổ truyền y cho Lục Tổ vào lúc nửa đêm. Hình ảnh rất ly kỳ, Lục Tổ vô thất rồi Ngũ Tổ lấy y treo chung quanh kín mít ở ngoài không thấy, rồi đem kinh Kim Cang ra nói, đến chỗ *Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*, Lục Tổ ngộ. Ngộ rồi thì liền truyền y, rồi lén mở cửa đưa qua sông đi. Bây giờ có một số người cũng bắt chước như vậy, nói rằng thầy truyền tâm ấn cho trò phải đúng canh ba, cũng phải vô thất đóng cửa kín mít lại rồi truyền tâm ấn cho đệ tử. Nếu là đệ tử nữ thì hiểm nguy không biết cỡ nào! Bắt chước như vậy có ngu độn hết thiên hạ không? Phải hiểu tại sao Ngũ Tổ truyền như vậy. Vì trong chúng lúc đó là năm bảy trăm tăng, những vị đó đã học hỏi nhiều năm, tu hành nhiều năm. Lục Tổ chỉ mới là cư sĩ dốt đến đó chưa được sáu tháng, nếu truyền y mà mọi người thấy thì họ lộ y kéo trở lại liền. Do đó Ngũ Tổ phải làm kín đáo không cho ai thấy không cho ai hay. Trường hợp như chúng ta bây giờ không phải vậy, mà làm như vậy có phải là ngu xuẩn không?

Ngài bác những hình thức đối cơ của người xưa, để chúng ta đừng mê lầm bắt chước, đó là bị gạt. Ngài dạy chúng ta cần phải thấy rõ chỗ chân thật, nếu thấy rõ thì tất cả đều không có gì quan trọng. *Lúc đó là chọn rau rừng già gạo nếp, làm cơm hòa-la, nấu canh cốt đồng, đói thì ăn mệt thì ngủ, không do các giai vị mà tự cao quý.* Tức là không do tu chứng các quả vị mà cho mình là cao, *chớ học tam thừa lập ra thời khóa.*

Thiền sư Huệ Nam ở Hoàng Long nhắc lại đã dạy Đại Khanh Công khán sanh duyên. Sư nói:

- Sao chẳng liên đó cho y bật dứt hết?

Huệ Nam nói:

- Cũng từng vì rấn vẽ chân, bởi y tự chẳng nhìn tới.

Sư nói:

- Hòa thượng vì y thế nào?

Huệ Nam đáp:

- Nhai hết gừng hút sạch giấm.

Sư nói:

- Ông thầy quê theo thế tục lại thế ấy.

Huệ Nam hỏi:

- Hòa thượng làm sao?

Sư cầm phát tử liên đánh. Huệ Nam nói:

- Cái lão già không có tình người.

Ngài Huệ Nam thuộc dòng Lâm Tế, đệ tử của thiền sư Từ Minh, có ba câu công án. Câu thứ nhất: *Người người trọn có sanh duyên, Thượng tọa sanh duyên tại chỗ nào?* Câu thứ hai: *Tay tôi sao giống tay Phật?* Câu thứ ba: *Chân tôi sao giống chân lừa?* Ba câu đó gọi là tam quan của ngài Huệ Nam.

Khi dạy người khán như vậy thì ngài liền nói: *Sao chẳng liền đó cho y bắt dứt hết?* Sao không chỉ cho y bắt dứt hết mà khán chỉ cho phiền vậy? Ngài Huệ Nam nói: *Cũng từng vì rấn vẽ chân, bởi y tự chẳng nhìn tới, bởi không nhìn tới nên buộc lòng phải vẽ rấn thêm chân.* Khán công án là phương tiện giống như vẽ rấn thêm chân không phải thật. Chỗ thật là làm sao cho bắt dứt, nhưng vì người không thấy được nên buộc lòng phải dùng phương tiện. Chúng ta không biết, nghe phương tiện cho là cứu cánh, cho rằng Tổ làm như vậy mới đúng là thiền.

Ngài hỏi thêm: *Hòa thượng vì y thế nào?* Ngài Huệ Nam đáp: *Nhai hết gừng, hút sạch giấm,* tức là mọi cái cay chua phải dẹp cho sạch. Ngài nói: *Ông thầy quê theo thế tục lại thế ấy.* Huệ Nam hỏi: *Hòa thượng làm sao?* Ngài ngay đó cầm phất tử đánh, không nói thêm. Ngài Huệ Nam nói: *Cái lão già không có tình người.*

Long đồ học sĩ Từ Hy lúc còn áo vải thường làm bạn với Sư. Trước một ngày sắp tịch, Sư làm kệ gửi cho ông, rằng:

Kim niên thất thập thất

Xuất hành tu trạch nhật

***Tạc dạ vấn quy ca
Báo đạo kim triêu kiết.***

Dịch:

**Năm nay tuổi bảy bảy
Ra đi chọn ngày kiết
Đêm qua hỏi quẻ rùa
Nói rằng sáng nay tốt.**

Ngài muốn nói sáng nay ngài đi, vì đêm qua hỏi quẻ rùa nói bữa nay ngày tốt. Đó là một lối nói khéo.

Từ Hy xem xong hoảng hốt, mời thiền sư Thanh ở Linh Nguyên cùng đến. Sư đang ngồi trong thất đem việc trong chùa dặn dò Tri sự:

- Ta ở núi này đã hai mươi ba năm, gìn giữ của thường trụ không cho sai sót. Nay ta đi vậy. Các người phải cố gắng tu hành.

Nói xong, Sư cầm gậy nói:

- Hãy nói cái này trao lại cho ai?

Từ Hy cùng Linh Nguyên đều lẳng lặng. Sư ném cây gậy, nằm trên giường lấy tay gối đầu liền tịch.

Đi một cách tự do.



THIÊN SƯ PHẬT ẮN
hiệu LIỄU NGUYÊN ở VÂN CƯ
(1032 - 1098)

Thiền sư Phật Ắn hiệu là Liễu Nguyên ở Vân Cư. Ngài là một thiền sư văn chương lỗi lạc, mang nhiều nghệ sĩ tính, nhất là có những hành động mà người ta cho rằng phóng túng. Cái phóng túng của ngài có lý do, theo truyền thuyết thì ngài với Tô Đông Pha xưa là hai huynh đệ cùng tu. Khi qua đời tu rồi, Tô Đông Pha đời sau ra làm quan, văn chương giỏi nhưng mê tửu sắc. Ngài Phật Ắn còn nhớ duyên tu, biết người huynh đệ của mình bị nhiễm, muốn dùng phương tiện đánh thức cho bạn mình tu trở lại. Muốn chơi với ông thì cũng phải gần gần giống, vì thế có những việc của ngài dường không hợp đạo lý, nhưng sau rồi cũng cứu được Tô Đông Pha.

Sư họ Lâm quê ở Phù Lương, Nhiêu Châu. Khi Sư sanh ra hào quang xông lên, tóc móng tay đều

đầy đủ, dung mạo đẹp dễ khác thường. Lúc còn bé, Sư nói ra câu nào cũng phù hợp kinh sử, mọi người đều gọi là Thần đồng. Lớn lên, Sư thông hết sách sử không cần giở sách ra mà thông suốt cổ kim. Sư tài năng xuất chúng ý chí siêu phàm, lòng mộ Phật giáo nên phát tâm xuất gia. Lão thông kinh luận, Sư quyết chí du phương.

Sư dạo qua các pháp tịch, mà phù hợp nơi thiền sư Thiện Xiem ở chùa Khai Tiên, Lô Sơn. Sau, Sư ở chín nơi đạo tràng, nơi nào chúng cũng đông đảo.

Khi Sư ở chùa Kim Sơn, Tô Đông Pha gửi thư đến hẹn gặp nhau, thư nói: Chẳng cần xuống núi đón, như Triệu Châu tiếp người thượng đẳng.

Đông Pha đến, Sư ra đón tiếp. Đông Pha thăm hỏi Sư, Sư dùng kệ đáp:

*Triệu Châu đương nhật thiếu khiêm quang
Bất xuất tam môn kiến Triệu vương
Tranh tự Kim Sơn vô lượng tướng
Đại thiên đô thị nhất thẳng sàng.*

Dịch:

Triệu Châu ngày ấy thiếu khiêm nhường
Chẳng đến tam môn đón Triệu vương
Đâu giống Kim Sơn vô lượng tướng
Đại thiên chung lại một chiếc giường.

Đông Pha vỗ tay khen hay.

Thơ hẹn có hai đợt, thơ đầu và thơ cuối. Thơ đầu trong đây không có ghi, tôi tìm được ở chỗ khác. Thơ viết:

*Thô sa thí Phật, Phật hân thọ
Quái thạch cúng tăng, tăng bất hiềm
Không thủ viễn lai hoàn yếu phủ?
Cánh vô nhất vật khả tăng thêm.*

Dịch:

*Cát thô cúng Phật, Phật vui nhận
Đá lạ dâng tăng, tăng chẳng từ.
Xa đến tay không vẫn cần chứ?
Lại không một vật khả thêm lên.*

Hai câu đầu nói chuyện ngày xưa Phật đi khất thực ngang đám trẻ con đang chơi cát, thấy Phật nó liền hốt cát dâng cúng, Phật nhận và bảo ngài A-nan đem về rải trong thất. Đó là *Cát thô cúng Phật, Phật vui nhận*. Một hôm khác các Tỳ-kheo đi khất thực, ngang đám trẻ con đang chơi sỏi, chúng cũng dâng một nắm sỏi, Tỳ-kheo cũng nhận. Đó là *Đá lạ dâng tăng, tăng chẳng từ*.

Hai câu cuối nói, tôi ở xa tới đi tay không, không có vật gì hết, ông có bằng lòng không? Kiểu nói hơi ngạo nghễ của nhà quan lại là nhà văn nổi tiếng. Ngài Phật Ấn đáp lại:

*Không thủ trì lai phóng hạ nan
Tam hiền thập thánh tụ đầu khan
Cá ban cung dưỡng năng khâm hưởng
Mộc mã nê ngư diệc hỷ hoan.*

Dịch:

*Tay không mang lại buồng đi khó,
Tam hiền thập thánh hội họp xem
Thứ này cúng dường hay thọ hưởng
Trâu đất ngựa sắt cũng vui mừng.*

Ông nói tay không đến đây, nếu thật là tay không đến, sự cúng dường đó là cao nhất. Hàng tam hiền thập thánh đều phải kính trọng. Nếu buồng hết được, tay không thì quý vô cùng, cúng dường bằng cách đó dầu trâu đất ngựa sắt cũng đều hoan hỷ hưởng nữa là người.

Khi trả lời xong, mấy hôm nữa Tô Đông Pha đến, còn viết thư hẹn gặp. Thư nói: *Chẳng cần xuống núi đón, như Triệu Châu tiếp người thượng đẳng*. Khi tôi tới thăm, ngài không cần xuống núi đón, giống như ngài Triệu Châu tiếp hạng thượng đẳng.

Ngài Triệu Châu tiếp khách có ba hạng: thượng đẳng, trung đẳng, hạ đẳng. Hạ đẳng như là mấy chú lính, chú cai, chú đội... đến thì ngài ra khỏi cổng đón. Trung đẳng là mấy ông quan như là thiếu úy, trung úy, đại úy đến thì ngài đứng ở trước cổng tiếp. Thượng đẳng như vua, vua nước Triệu tới thăm thì ngài ngồi tại giường thiền tiếp.

Tại sao ngài đối xử như vậy? Hạng hạ đẳng ít học, không hiểu biết, có một chút quyền thế thì hơi kiêu, nên phải ra tận ngoài cửa đón cho họ vui. Hạng trung đẳng có học khá chút ít hiểu biết, nên khi đến thì đứng ở cổng tiếp là vừa. Hạng thượng đẳng đã hiểu sâu thấy rộng,

đối với đạo cũng biết, đối với đời cũng thông. Tuy là vua ngoài đời, nhưng người tu là đệ tử đáng Pháp vương, cũng nối dòng vua trong đạo, hai bên có thua gì nhau. Ngồi tại chỗ tiếp để không làm mất uy tín của đạo. Nên Tô Đông Pha nói nên dùng cách tiếp hàng thượng đẳng đối với tôi. Tô Đông Pha đến, ngài vẫn ra núi đón tiếp, dùng kệ đáp:

*Triệu Châu ngày ấy thiếu khiêm nhường
 Chẳng đến tam môn đón Triệu vương
 Đâu giống Kim Sơn vô lượng tướng
 Đại thiên chung lại một chiếc giường.*

Kim Sơn là chỉ cho ngài. Tô Đông Pha vỗ tay khen hay. Ngài nói sở dĩ tôi ra núi đón ông vì tôi không học theo ngài Triệu Châu. Ngài Triệu Châu thiếu khiêm nhường, tôi thì có vô lượng tướng, bởi có vô lượng tướng nên cả đại thiên sa giới này tôi thấy như một cái giường. Đứng trên núi cũng ở tại giường, xuống núi cũng tại giường không gì lạ.

Sau đó ngài Phật Ấn làm thêm bài thơ nhắc nhở Tô Đông Pha biết được gốc tích mà phát tâm tu.

*Mặc quả ca-sa tiện yếu nhàn
 Thất điều trung hữu Thiết vi san
 Kỷ đa phóng dật tung hoành giả
 Thất khước nhân thân thuận tức gian.*

Dịch:

*Chớ mặc ca-sa lại muốn nhàn
 Bảy điều trong có Thiết vi sơn*

*Bao người phóng dật tung hoành ấy
 Khi mất thân người chớp mắt sang.*

Ý nhắc hồi xưa ông đã tu, đắp ca-sa nhưng phóng túng buông lung, khi mất thân rồi thì trầm luân đi theo dòng đời. Bài này cũng nhắc chúng ta được mặc chiếc ca-sa rồi thì đừng muốn thanh thoi rong chơi tự tại. Chiếc *ca-sa thất điều* này tuy nhẹ nhưng trong đó nặng như núi Thiết vi, mặc vô mà không khéo tu thì nó sẽ là cái ngục làm cho mình chịu khổ.

Bao người phóng dật tung hoành ấy, những người mặc y đó mà còn tung hoành phóng dật thì *mất thân này* chỉ trong *chớp mắt* rồi khó trở lại. Nên nhớ được mang chiếc y vào trong thân thì phải cố gắng đừng buông lung, chính cái buông lung đó làm cho mình sau này phải khổ.

Vua Thần Tông nghe danh đức của Sư ngưỡng mộ ban cho ca-sa của Cao Ly tặng và bát vàng.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Lạnh lạnh, gió rung tiếng tre khô, nước đông cá lội rít, rừng thưa chim ngủ khó, thấy là uy nghiêm của sương dày. Đâu kham hành khách áo đơn, thôi nhớ đường xa ngàn núi non, hãy vây lò hồng một nhóm lửa, buông đi Thù Du đóng cọc trong không, lật ngược Ca-diếp cột phướn trước cửa.

Liên đó, Sư lại nói:

- Chẳng hội suy nghĩ càng không manh mối.
Tham!

Ở đây có hai tích: Một là hòa thượng Thù Du (đệ tử Nam Tuyên), ban đầu làm trụ trì viện Hộ Quốc. Tăng hỏi: Thế nào là Đạo sư? Sư bảo: Chớ nhằm hư không mà đóng cọc! Tăng đáp: Hư không là cây cọc. Sư bèn đánh.

Hai là giai thoại ngài A-nan một hôm hỏi tổ Ca-diếp: Khi đức Thế Tôn phó chúc và truyền y kim lan cho Sư huynh, có còn truyền pháp gì riêng nữa chăng? Tổ Ca-diếp liền gọi: A-nan! A-nan ứng thanh: Dạ! Tổ Ca-diếp bảo: Cột phướn trước chùa ngã. Ngài A-nan nhân đây tỏ ngộ.

Ngài nói một mạch, nếu hiểu thì ngay đó thấy, không thấy đừng suy nghĩ, suy nghĩ không ra manh mối.

Một hôm, Sư và đồ chúng vào thất, cư sĩ Tô Đông Pha đến thẳng vào thất. Sư nói:

- Trong này không có ghế ngồi, Cư sĩ đến đây làm gì?

Đông Pha đáp:

- Tạm mượn thân tứ đại của Phật Ấn làm ghế ngồi.

- Sơn tăng có một câu hỏi, Cư sĩ nếu nói được thì mời ngồi. Bằng nói chẳng được thì cởi đai ngọc để lại.

Đông Pha vui vẻ nói:

- Xin hỏi.

- Vừa rồi Cư sĩ nói “tạm mượn thân tứ đại sơn tăng làm ghế ngồi”. Chỉ như sơn tăng tứ đại vốn không, năm ấm chẳng có, Cư sĩ đến chỗ nào ngồi?

Tô Đông Pha không đáp được, phải cởi dây đai ngọc để lại.

Sư tặng lại cho Đông Pha lá y Vân Sơn. Đông Pha làm kệ:

*Bách thiên đăng tác nhất đăng quang
Tận thị hằng sa Diệu pháp vương
Thị cố Đông Pha bất cảm tích
Tá quân tứ đại tác thiên sàng.*

*Bệnh cốt nan kham ngọc đới vi
Độn căn nhưng lạc tiễn phong ky
Hội đương⁽⁶⁾ khát thực ca cơ viện
Đoạt đắc Vân Sơn cứu nạp y.*

Dịch:

Đèn trăm ngàn ngọn ánh sáng đồng
Cả thấy hằng sa Diệu pháp vương
Bởi thế Đông Pha đâu dám tích
Mượn anh tứ đại làm giường thiền.

Bệnh gây không kham đai ngọc ràng
Căn độn nên rơi cơ phong nhanh
Hiểu nên khát thực xa ca kỹ
Nhận lãnh Vân Sơn chiếc y xưa.

⁽⁶⁾ Hai chữ này, Chỉ Nguyệt Lục chép là “Dục giao...” Muốn bảo:...

*Đèn trăm ngàn ngọn ánh sáng đồng
Cả thấy hằng sa Diệu pháp vương
Bởi thế Đông Pha đâu dám tiếc
Mượn anh tú đại làm giường thiền.*

Sở dĩ tôi dám nói mượn thân ngài làm ghế ngồi vì tôi thấy dù một trăm ngọn đèn, một ngàn ngọn đèn, ánh sáng không có khác. Ngài là người xuất gia, tôi là cư sĩ nhưng Phật tánh vốn đồng, tôi mượn thân ngài cũng được. Đó là ý cái chánh tại sao ông ngang ngược vậy. Bài kệ tiếp theo:

*Bệnh gầy không kham đai ngọc ràng
Căn độn nên rơi cơ phong nhanh
Hiểu nên khát thực xa ca kỹ
Nhận lãnh Vân Sơn chiếc y xưa.*

Thân tôi bệnh, xương khô khó chịu, không mang nổi đai ngọc. Vì căn cơ chậm hơn ngài, nên chịu thua phải để đai ngọc lại. Tôi hiểu ý ngài cho tôi chiếc y là bảo nên đi khát thực, đừng đến chỗ ca hát nữa.

Ông làm tám câu thơ tức là hai bài kệ, ngài Phật Ấn cũng làm kệ đáp lại. Bài thứ nhất:

*Thạch Sương đoạt đắc hốt Bùi Hưu
Tam bách niên lai chúng khẩu khoa,
Tranh tự Tô công lưu ngọc đối
Trường hòa minh nguyệt cộng vô hà.*

Dịch:

*Thạch Sương đoạt được Bùi Hưu hốt
Ba trăm năm suốt miệng chúng khoe,
Nào giống Tô công để ngọc đời
Thường hòa trăng sáng vẫn không tỳ.*

Ngày xưa ngài Thạch Sương đoạt được cái hốt của ông Bùi Hưu. Tức là một hôm Bùi Hưu cầm cái hốt đến chỗ ngài Thạch Sương, ngài cầm cái hốt đưa lên nói: Trong tay Thiên tử thì gọi là khuê, trong tay quan nhân gọi là hốt, trong tay lão tăng gọi là gì? Bùi Hưu không đáp được, phải để cái hốt lại. Vì thế nói *Thạch Sương đoạt được hốt Bùi Hưu, ba trăm năm suốt miệng chúng khoe*, tức là đã ba trăm năm rồi người ta vẫn còn nói tới nói lui. *Nào giống Tô công để ngọc đời*, không giống Tô Đông Pha để ngọc đời lại đây. *Thường hòa trăng sáng vẫn không tỳ*, câu chuyện này cũng như hòa với trăng sáng để đời đời.

Ngài thêm một bài nữa:

*Kinh Sơn Biện thị tam triều hiến
Triệu quốc Tương Như vạn tử hồi
Chỉ bảo chỉ ứng thiên tử dụng
Nhân hà lưu tại tiểu Bồng Lai?*

Dịch:

*Kinh Sơn họ Biện ba phen hiến
Nước Triệu Tương Như liều chết đòi
Ngọc quý chỉ nên thiên tử dụng
Tại sao để lại tiểu Bồng Lai?*

Ý bài kệ này dẫn tích viên ngọc Biện Hòa ở Kinh Sơn. Biện Hòa được viên ngọc quý mà ba phen dâng cho vua Sở mới được nhận. Lạn Tương Như nước Triệu liêu chết vô triều Tần để đòi viên ngọc quý giá trị liên thành. Như vậy, ngọc quý chỉ để cho thiên tử dùng, tại sao lại để trong chùa, nên nói *tại sao để lại tiểu Bồng Lai?* Đó là hai câu chuyện có liên hệ đến ngọc.

Lại có câu chuyện có vẻ khôi hài một chút. Lúc ngài Phật Ấn còn ở chùa Vân Cư, một hôm có cuộc họp của chư tăng. Chư tăng tụ hội đông đủ mà ngài Phật Ấn chưa tới. Sau cùng ngài đi tới, ngài Khắc Văn tức là thiền sư Chân Tịnh hỏi: “Vân Cư vì sao đến trễ?” Vân Cư tức là Phật Ấn, ngài Phật Ấn đáp: “Vì mang giày cỏ đi trong bụng Quy Tông nên đến trễ” (Quy Tông là chỉ cho ngài Khắc Văn). Ngài Khắc Văn bảo: “Lại bị Quy Tông nuốt rồi”, ông đi giày cỏ trong bụng tôi là bị tôi nuốt rồi, ngài Phật Ấn đáp: “Làm sao mà mưa cho ra?” Lỡ nuốt rồi làm sao mưa cho ra? Ngài Khắc Văn đáp: “Mưa không ra thì ỉa ra.” Các thiền sư đôi lúc cũng rất tếu.

Một hôm, Vương Kinh Công là nhà quan, mời Phật Ấn tán tượng ngài Phó Đại Sĩ, ngài Phật Ấn cầm viết tán rằng:

*Đạo quan, Nho lý, Thích ca-sa
Hòa hội tam gia tố nhất gia
Vong khước Suất-đà thiên thượng lộ
Song Lâm si tọa đãi Long Hoa.*

Dịch:

*Đạo quan, Nho dép, Phật ca-sa
Hòa hội ba nhà lại một nhà,
Quên mất đường về trời Đâu-suất
Song Lâm ngồi mãi đợi Long Hoa.*

Câu chuyện này có tích như sau: Đời Lương, ngài Phó Đại Sĩ ngụ ở chùa Song Lâm, truyền rằng ngài là hóa thân của Phật Di-lặc. Một hôm ngài vào triều gặp Lương Võ Đế, đầu đội mũ đạo sĩ, hình thức tu theo tiên, thân đắp y ca-sa của Phật, chân đi đôi giày của nhà nho. Vua hỏi: “Ngài có phải là đạo sĩ không?” Ngài chỉ cái mũ, vua hỏi: “Ngài có phải là tăng không?” Ngài chỉ cái y, vua hỏi: “Ngài có phải nhà nho không?” Ngài chỉ đôi giày.

Nhân đó, ngài Phật Ấn tán tụng rằng: *Đạo quan, Nho dép, Phật ca-sa, hòa hội ba nhà lại một nhà.* Ngài là hóa thân của đức Di-lặc mà ở đây lo hòa hội *Quên mất đường về trời Đâu-suất, Song Lâm ngồi mãi đợi Long Hoa*, ngồi tại chùa Song Lâm hoài chờ tới hội Long Hoa.

Còn rất nhiều giai thoại vui về ngài Phật Ấn độ Tô Đông Pha. Tô Đông Pha làm quan rất nghệ sĩ, nên muốn độ thì cũng phải tùy duyên một chút. Đôi khi mời dự tiệc làm thơ rất thường, dự tiệc thì ngài không từ chạy mận. Mỗi lần làm thơ vui chơi, dự tiệc với Tô Đông Pha, mấy vị kia bận ngâm thơ, ngài ngồi ăn uống tự nhiên, một hồi nhìn lại hết sạch.

Chuyến này các vị lén đi chơi riêng, không rủ Phật Ấn đi nữa. Tô Đông Pha, Hoàng Sơn Cốc đạo nhân,

xuống thuyền thả dòng sông, uống rượu làm thơ cho vui.
Xuống thuyền rồi dạo chơi một đoạn, tiệc bày ra, Tô
Đông Pha mở đầu làm thơ:

Phù bình bác khai	<i>Cánh bèo vệt hai</i>
Ngư du xuất lai	<i>Cá lội chơi đây</i>
Đắc kỳ sở tai!	<i>Thích thú lắm thay!</i>
Đắc kỳ sở tai!	<i>Thích thú lắm thay!</i>

Hoàng Sơn Cốc tiếp:

Phù vân bác khai	<i>Mây trôi vệt hai</i>
Minh nguyệt xuất lai	<i>Trăng ló dạng đây</i>
Thiên hà ngôn tai?	<i>Trời chẳng nói thay?</i>
Thiên hà ngôn tai?	<i>Trời chẳng nói thay?</i>

Khi đó Phật Ấn nằm sẵn dưới thuyền, lật ván chui
lên, liền ngâm bài thơ:

Phù bản bác khai,	<i>Ván bằng vệt hai</i>
Phật Ấn xuất lai	<i>Phật Ấn lại đây</i>
Nhân yên sâu tai?	<i>Người giấu được thay?</i>
Nhân yên sâu tai?	<i>Người giấu được thay?</i>

Mấy vị kia buộc lòng phải mời uống rượu làm thơ.

Thêm một chuyện khác. Ngài cố tình độ Tô Đông
Pha nên nghe tin Tô Đông Pha rước thêm bà thiếp
thứ bảy, Phật Ấn đến nói: “Nghe tướng công mới rước
thêm bà thiếp thứ bảy, tướng công cho lão tăng mượn
một đêm.” Tô Đông Pha ngạc nhiên nhưng cũng đồng ý.

Đúng ngày đưa bà thiếp thứ bảy tới chùa, ngài dọn phòng xong xuôi rồi mời bà vô phòng. Trước phòng ngài để bảy lò lửa cháy hừng hực, bắt đầu vén áo đi từ lò này bước qua lò kia, lò kia bước qua lò nọ, đi tới đi lui trên bảy lò lửa cháy hừng hực, đi mãi tới khuya, tới sáng.

Hôm sau, bà về kể lại tình hình cho Tô Đông Pha nghe. Tô Đông Pha nghiệm một hồi, biết ý ngài muốn thức tỉnh mình. Bảy lò lửa tức bảy bà thiếp, đó là mình đang bị đốt, còn ngài đã đi qua rồi. Nhân đó Tô Đông Pha mới nghĩ tới đi tu, họp bảy bà nói: “Thôi bây giờ quý bà để cho tôi đi tu.” Bảy bà khóc không cho, nói: “Bây giờ Tướng công ở lại dù chết chúng tôi cũng lo cho Tướng công, xin Ngài đừng bỏ chúng tôi bơ vơ.” Tô Đông Pha không biết làm sao, một hôm lập mưu, buổi tối mời bảy bà họp lại ngồi nói chuyện. Nói chuyện một đoạn, ông đứng dậy thối cây đèn phụt tắt, hỏi: “Ai thối đèn?” Hỏi hoài không ai chịu hết, bởi ông thối mà ai dám chịu. Ông nói: “Đó, mấy bà mới thấy chuyện thối đèn là chuyện nhỏ, tôi thối mấy bà thấy rõ ràng mà không ai dám thay tôi nhận chịu. Đến chuyện sanh tử là chuyện lớn thì ai dám thay tôi chịu?” Bảy bà đuối lý, nên để ông đi tu.

Đó là nhờ ngài Phật Ấn nhắc, ông thức tỉnh, tìm cách thoát ra khỏi bảy cái lò lửa.

Những câu chuyện liên hệ giữa Tô Đông Pha và Phật Ấn cũng ngộ nghĩnh như vậy.

Lý Công Lân vẽ truyền thần cho Sư. Sư bảo vẽ đáng cười. Sư làm bài tán:

*Lý công thiên thượng thạch kỳ lân
Truyền đắc Vân Cư đạo giả chân
Bất vị niêm hoa minh đại sự
Đẳng nhàn khai khẩu tiểu hà nhân?
Nê ngư mạn hưởng phong tiền khứu
Khô mộc vô đoan tuyết lý xuân
Đối hiện đường đường câu bất thức
Thái bình thời đại tự do thân.*

Dịch:

**Lý công, kỳ lân đá trên trời
Vẽ được chân dung Vân Cư này
Chẳng bởi niêm hoa rành việc lớn
Khi không mở miệng để cười ai?
Trâu đất mặc tình theo người gió
Cây khô tuyết lạnh bỗng nảy chồi
Rành rành trước mắt đều chẳng biết
Thời đại thái bình thân thanh thoi.**

Khi ngài bảo vẽ dáng cười, ngài nói kệ ý: Như vậy thì không phải do đức Phật niêm hoa, ngài Ca-diếp thấu suốt việc lớn mà cười, như vậy thì ông cười đây là cười cái gì?

Bốn câu kệ:

*Trâu đất mặc tình theo người gió
Cây khô tuyết lạnh bỗng nảy chồi*

*Rành ràng trước mắt đều chẳng biết
Thời đại thái bình thân thanh thoi.*

Đây là bài tán nhưng có tính cách đạo lý.

**Ngày mừng bốn tháng giêng niên hiệu Nguyên
Phù năm đầu (1098) Sư đang cùng khách nói chuyện
có người ngộ được tâm, Sư cười rồi tịch.**

Nói chuyện người ta ngộ được, ngài thích quá cười
rồi tịch luôn.



THIÊN SƯ HUỆ NHẬT TRÍ GIÁC ở chùa VĨNH MINH DIÊN THỌ

(904 - 975)

Sư họ Vương quê ở Dư Hàng, thuở bé đã quy tâm về Phật thừa. Lúc thiếu niên Sư không ăn thịt cá, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Sư trì kinh Pháp Hoa vừa được sáu tuần liền được lão thông, cảm đến bảy dê quỳ nghe kinh.

Năm Sư hai mươi tám tuổi làm quan trấn ở Hoa Đình, gặp lúc đại sư Thúy Nham Vĩnh Minh dời về ở chùa Long Sách truyền bá thiên tông, Sư thường tới lui hỏi đạo. Vua Văn Mục Vương nước Ngô Việt biết Sư mộ đạo, bèn theo chí nguyện của Sư cho xuất gia.

Sư lễ Thúy Nham xin làm đệ tử, hàng ngày làm việc phục vụ cho chúng trợn quên mình là kẻ làm quan, mặc chẳng cần đẹp, ăn chẳng nghĩ ngon, áo vải đơn sơ qua ngày đoạn tháng.

Ngài có những hình ảnh rất đáng kính, chúng ta phải noi theo. Ngài có phước trì kinh cảm đến bảy dê quỳ nghe, đến khi ra làm quan vẫn thích tu. Khi xuất gia rồi, vô chùa phục vụ cho chúng quên mình là một ông quan. Nghĩa là không còn nghĩ mình là người sang, mặc không cần đẹp, ăn chẳng nghĩ ngon, áo vải đơn sơ tùy duyên qua ngày.

Lên núi Thiên Thai, ở ngọn Thiên Trụ tập định chín tuần, có loại chim tha cỏ làm ổ trong áo của Sư.

Ngồi thiền mà chim tha cỏ vô trong áo làm ổ, như vậy có động không? Nếu động chắc nó không dám, chứng tỏ thân tâm ngài đều lặng yên quên thời gian.

Sư đến yết kiến Quốc sư Đức Thiều. Vừa trông thấy Sư, Quốc sư đã chấp nhận, thầm trao huyền chỉ. Quốc sư bảo Sư:

- Người cùng Nguyên soái có duyên, sau này sẽ làm hưng thịnh Phật pháp.



Ban đầu, Sư đến Minh Châu ở núi Tuyết Đậu, học chúng rất đông.

Sư thượng đường dạy:

- Trong núi Tuyết Đậu thác đổ ngàn tầm không dừng mảy may, vách núi muôn nhẵn không có chỗ để chân. Tất cả các người nhằm chỗ nào tiến bước?

Có vị tăng ra hỏi:

- Một lối tắt của Tuyết Đậu làm sao giẫm đi?

Sư đáp:

- Bước bước hoa lạnh kết, lời lời suốt đáy băng.



Niên hiệu Kiến Long năm đầu (960), Trung Ý Vương thỉnh Sư trụ trì chùa mới ở núi Linh Ẩn. Năm sau lại thỉnh Sư trụ trì đại đạo tràng Vĩnh Minh. Ở đây chúng tụ họp đến hơn hai ngàn vị.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là diệu chỉ của Vĩnh Minh?

Sư đáp:

- Lại thêm hương đi.

- Tạ Thầy chỉ dạy.

- May mà không giao thiệp.

Sư làm bài kệ:

Dục thức Vĩnh Minh chỉ

Môn tiên nhất hồ thủy

Nhật chiếu quang minh sanh

Phong lai ba lãng khởi.

Dịch:

(Muốn) Biết diệu chỉ Vĩnh Minh

Trước cửa một hồ nước

Trời soi ánh sáng sanh
 Gió thổi sóng mồi dậy.



Tăng hỏi:

- Trường Sa kệ rằng:

*Học đạo chỉ nhân bất thức chân
 Chỉ vị từng tiên nhận thức thân
 Vô thủy thời lai sanh tử bản
 Si nhân hoán tác bản lai nhân.*

Dịch:

Học đạo mà không hiểu lẽ chân
 Bởi tại lâu rồi nhận thức thân
 Gốc nguồn sanh tử vô thủy kiếp
 Người ngu lại gọi chủ nhân ông.

Đâu chẳng phải là thức tánh riêng có chân tâm ư?

Sư đáp:

- Như Lai Thế Tôn trên hội Thủ-lăng-nghiêm vì ngài A-nan giản biệt rất rõ mà người vẫn cố chấp tin. Ngài A-nan lấy cái suy xét theo đuổi làm tâm, bị Phật quở đó, cái suy xét theo đuổi ấy là “thức” vậy. Nếu lấy cái biết pháp, theo tướng là phiền não thì gọi thức, chẳng gọi tâm. Ý là nhớ, nhớ tưởng cảnh trước khởi vọng đều là vọng thức chẳng can gì

về việc của tâm. Tâm chẳng phải có không, có không chẳng nhiễm. Tâm chẳng phải cấu tịnh, cấu tịnh chẳng nhơ. Cho đến mê ngộ phàm thánh đi đứng ngồi nằm đều là vọng thức, chẳng phải tâm vậy. Tâm xưa chẳng sanh nay cũng chẳng diệt. Nếu biết tâm mình như thế, đối chư Phật cũng vậy. Cho nên ông Duy-ma nói: “Trực tâm là đạo tràng”, vì không có hư giả vậy.

Ngài giản trạch thế nào là tâm, thế nào là thức để chúng ta thấy rõ. Tất cả suy xét, nghĩ nhớ... của chúng ta là vọng thức chứ chưa phải là tâm, tâm thì không kẹt hai bên. Chừng nào không dính hai bên đó mới là tâm, không thấy có không phải quấy... tất cả hai bên đều không dính mắc.

Tăng hỏi:

- Học nhân ở tại Vĩnh Minh đã lâu, vì sao chẳng hội gia phong Vĩnh Minh?

Sư đáp:

- Chỗ chẳng hội nên hội lấy.**
- Chỗ chẳng hội làm sao mà hội?**
- Thai trâu sanh voi con, biển biếc dấy bụi hồng.**

Chỗ chẳng hội tức là chỗ chẳng hiểu. Làm sao chẳng hiểu mà hiểu? Ngài nói, giống như thai con trâu mà sanh ra con voi, dưới biển mà dấy bụi, tức là phải thấy ngược lại thì được.

Sư muốn đem giáo pháp một đời của Phật lưu truyền ở cõi này, xem qua lối phân giáo của các ngài Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân chia ba tông tánh tướng... trở thành mâu thuẫn khiến khó khăn thêm cho người học đạo. Sư lấy yếu chỉ của Tâm tông (thiền tông) để chiết trung, nhân đó gom góp sáu mươi bộ các kinh Phương đẳng..., những lời dạy của ba trăm vị Tổ ở Ấn Độ và Trung Hoa, để giúp nghĩa cho ba tông, soạn thành bộ sách một trăm quyển tên là Tông Cảnh Lục để lưu truyền hậu thế.

Một trăm quyển Tông Cảnh Lục còn trong tạng đó, chú nào siêng thì đọc.

Sư ở chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ một nghìn bảy trăm đệ tử. Niên hiệu Khai Bảo năm thứ bảy (974), Sư lên núi Thiên Thai truyền giới chừa một vạn người, thường cho bảy chúng thọ giới Bồ-tát. Ban đêm cúng thí quỷ thần, ban ngày làm lễ phóng sanh không thể tính hết. Sáu thời tán hoa, hành đạo còn dư sức, Sư tụng một vạn ba nghìn (13.000) bộ kinh Pháp Hoa.

Ngoài bộ Tông Cảnh Lục, Sư còn trước tác thi kệ, phú, vịnh đến cả ngàn muôn lời.

Ngài thuộc đời thứ ba tông Pháp Nhãn, ưu điểm của ngài là sự truyền bá, ý chí mãnh liệt làm sáng đạo, nhưng cũng có khuyết, làm cho tông Pháp Nhãn mất dấu.

Ngài hơi nặng về hình thức. Ban đêm thì cúng thí quỷ thần, ban ngày làm lễ phóng sanh không thể

tính hết. Rồi tán hoa, hành đạo tụng mười ba nghìn bộ kinh Pháp Hoa... Ngài lại đem Thiền phối hợp với Tịnh, như bài kệ nói, Thiền có Tịnh như cọp mọc sừng... Vì thế tông phong không thuần nhất.

Vua nước Cao Ly (Triều Tiên) xem các tác phẩm của Sư cảm mến sai sứ đem thư sang, trong thư tự nhận là đệ tử, dâng cúng Sư y ca-sa tía do kim tuyến dệt thành, chuỗi thủy tinh, chậu vàng v.v...

Có ba mươi sáu vị tăng ở Cao Ly sang học đạo với Sư đều được ấn ký, lần lượt về nước mỗi người giáo hóa mỗi nơi.

Đến niên hiệu Khai Bảo năm thứ tám (975) tháng chạp, Sư có chút bệnh. Ngày hăm sáu vào buổi sáng, Sư thấp hương từ biệt chúng, ngồi kiết già thị tịch, thọ 72 tuổi, 42 tuổi hạ.

Đó là cuộc đời vẻ vang.



THIÊN SƯ CHÍ PHÙNG
ở chùa HOA NGHIÊM núi NGŨ VÂN
(909 - 985)

Sư quê ở Dư Hàng, sanh ra đã không ưa thịt cá, cơ thể thơm sạch. Sư xuất gia tại viện Lăng Chiêm núi Đông Sơn, thông suốt tam học, rành rõ tánh tướng. Những khi mộng, Sư thường thấy đi lên núi Tu-di thấy ba đức Phật ngồi tòa. Trước đức Phật Thích-ca, kế Phật Di-lặc, Sư đều lễ dưới chân, duy chẳng biết đức Phật thứ ba, Sư chỉ ngược nhìn mà thôi. Đức Thích-ca chỉ, nói: “Đây là Phật Sư Tử Nguyệt do Di-lặc bổ xứ”, Sư mới chịu làm lễ. Sau khi thức, nhân xem Đại tạng kinh mới biết hợp với mộng.

Đức Phật Sư Tử Nguyệt này ngài chưa từng biết, nên thấy mà không lễ. Như vậy dù trong mộng ngài cũng rất nghiêm túc, cái gì biết thì làm, không biết thì

không làm. Phật Thích-ca biết cho nên lạy, Phật Di-lặc biết thì lạy, đức Phật thứ ba không biết nên không lạy.

Chúng ta vô chùa thấy hình tượng nào cũng cứ lạy, nhiều khi mấy ông thần ông thánh họ thờ mình cũng cứ lạy, phải không? Đó là bệnh dễ tin, không biết đến nơi đến chốn.

Khoảng niên hiệu Thiên Phúc (947), Sư du phương đến núi Thiên Thai ở đạo tràng Vân Cư tham với Quốc sư Đức Thiệu, cơ duyên chủ khách được trùng hợp phát minh huyền chỉ.

Một hôm, Sư vào trong điện Phổ Hiền an tọa, chợt có một vị thần quỳ gối ở trước. Sư hỏi:

- Ông là ai?

Thần đáp:

- Tôi là thần hộ giới.

Sư hỏi:

- Tôi lo có những tội trước chưa sạch, ông có biết chăng?

Thần đáp:

- Thầy có tội gì, chỉ có một lỗi nhỏ mà thôi.

Sư hỏi:

- Lỗi gì?

Thần đáp:

- Phàm nước tráng bát cũng là vật của thí chủ, Thầy thường đổ đi không nên vậy.

Nói xong, vị thần ẩn mất. Từ đây về sau, Sư tráng bát lấy nước uống hết.

Chúng ta mỗi khi ăn cơm xong rót nước tráng bát rồi uống, là bắt nguồn từ câu chuyện này. Đôi khi chúng ta phung phí của Tam bảo, cho rằng uống một chút nước tráng bát thì có thấm vào đâu. Rất nhiều việc để nhắc nhở, chúng ta tu phải biết cái nào là gốc, cái nào là ngọn.

Việc nhỏ mình tránh mà việc lớn mình làm thì có đúng không? Chúng ta tránh việc lớn trước, đến việc nhỏ cũng phải giữ gìn, như vậy mới hay. Vì thế ở đây tôi có vẻ hơi khó khăn nghiêm khắc là cấm hút thuốc, cấm xem truyện... Vì một chút cơm dính bát, đổ đi còn tội thay, huống là xuất tiền thí chủ mua thuốc hút phà chơi, không no chút nào mà còn mang bệnh, không cấm sao được?

Đó là những cái nếu biết tu thì phải tiết kiệm từng chút phước, từng chút công đức của mình, đừng phung phí. Phung phí là lỗi lớn, cho nên người có trách nhiệm trong chúng thì phải khéo gìn giữ của Tam bảo, chính đó là phước lớn của mình.

Vua nước Ngô Việt nghe danh đức của Sư, thỉnh vào triều ban tử y và hiệu là Phổ Giác đại sư. Ban đầu mời ở viện Công Thần tại Lâm An, tăng chúng tấp nập kéo đến.

Sư thượng đường dạy:

- Chư Thượng tọa bỏ một tri thức đến tham với một tri thức, trọn học theo gương của Thiện Tài.

Xin hỏi các Thượng tọa: Như Thiện Tài từ biệt Văn-thù định lên núi Diệu Phong yết kiến Tỳ-kheo Đức Vân, đến đó rồi vì sao Đức Vân lại ở Biệt Phong trông thấy nhau? Phàm giáo ý Tổ ý đồng một phương tiện không có lý khác. Kia nếu rõ được thì đây cũng rành rành. Chư Thượng tọa hiện nay hiệp đoàn với lão tăng là thấy nhau hay chẳng thấy nhau? Chỗ này là Diệu Phong hay là Biệt Phong? Nếu hay từ đây tỉnh được, có thể nói chẳng cô phụ lão tăng, cũng thường thấy Tỳ-kheo Đức Vân, chưa từng có một sát-na xa rời nhau, lại tin đến chẳng?

Ngài dẫn kinh Hoa Nghiêm phẩm Nhập Pháp Giới, Bồ-tát Văn-thù khuyến khích Thiện Tài đồng tử đi tham vấn thiện tri thức. Ban đầu Thiện Tài đồng tử lên núi Diệu Phong tham vấn Tỳ-kheo Đức Vân, lên đánh núi tìm không thấy, lại thấy ngài đi kinh hành ở ngọn núi khác.

Ý chỉ thế nào? Ngọn Diệu Phong là ví dụ cho pháp thân, chỗ cứu cánh đó không có ngôn ngữ, không cho hỏi đáp. Vì thế, Thiện Tài tìm lên đó rồi không gặp. Biệt Phong là ngọn núi khác, dụ cho cửa phương tiện, vào cửa phương tiện mới cho hỏi đáp, đến đó mới gặp Tỳ-kheo Đức Vân.

Đó là ý tôi dùng trong bài tụng mỗi đêm: *Trên ngọn Diệu Phong rong tự tại*. Nơi pháp thân, mặc tình tung hoành, thanh thoi biết mấy. Hiểu vậy mới biết đầu đuôi câu chuyện, ý kinh và ý thiền không khác.

Niên hiệu Khai Bảo năm đầu (968), Trung Ý Vương xây cất Tinh xá Phổ Môn ba phen thỉnh Sư trụ trì, lại tuyên dương pháp yếu.

Sư thượng đường:

- Cổ đức vì pháp đi hành khước chẳng nề nhọc nhằn, như Hòa thượng Tuyết Phong ba phen trở lại Đầu Tử, chín lần lên Động Sơn, xoay vần qua lại còn cầu con đường vào chẳng được. Xem các ông ngày nay đi tham học, vừa bước đến cửa liền đợi lão tăng tiếp dẫn chỉ rõ nói thiền. Các ông muốn đến đạo Huyền cực, đâu thể rảnh rang; huống là việc này ngộ phải đúng thời, gấp gáp cầu đâu được. Các ông cần biết đúng thời ngộ chẳng? Hiện giờ mỗi người hãy vào nhà thiền ngồi yên lặng, đợi bao giờ ngược xem ngọn núi này gật đầu, lão tăng sẽ vì ông nói.

Chúng ta đi học đạo, muốn mau liễu ngộ, phải biết việc đó chừng nào tâm thuần thực chín muồi, cơ duyên đến mới được. Nếu cứ muốn ngộ hoài làm sao ngộ? Ngài nói các ông muốn ngộ thì *vào nhà thiền ngồi yên lặng, đợi khi nào thấy hòn núi này gật đầu*, chừng đó tôi nói cho ông nghe.

Tăng hỏi:

- Thế nào là gia phong Phổ Môn?

Sư đáp:

- Bao người xem chẳng đủ.

- Thế nào là cảnh Phổ Môn?
- Người đến chỗ hãy hỏi gia phong rồi thôi.



Niên hiệu Khai Bảo năm thứ tư (971), Sư cố từ chối với Quốc chủ bởi tuổi đã già muốn tịnh dưỡng nơi chốn suối rừng. Khi ấy, đại tướng Lăng Siêu tạo đạo tràng Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Vân dâng cúng cho Sư để làm chỗ dưỡng già.

Niên hiệu Ung Hy năm thứ hai (985) tháng mười một, Sư có chút bệnh. Đến ngày hăm lăm, Sư sai vị tăng đứng hầu đi thắp hương, lấy nước súc miệng xong, Sư ngồi kiết già giây lâu, từ biệt chúng thị tịch. Sư thọ 77 tuổi, được 58 tuổi hạ.



THIÊN SƯ BỐN TIÊN ở chùa THỤY LỘC

(942 - 1008)

Sư họ Trịnh quê ở Vĩnh Gia, lúc bé xuất gia tại viện Tập Khánh, thọ giới nơi chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai.

Sư đến tham vấn Quốc sư Đức Thiều, Quốc sư đem câu “chẳng phải gió phướn động mà tâm nhân giả động”, Sư liền ngộ giải.

Sư trụ ở chùa Thụy Lộc, chân chẳng dạo thành ấp, tay chẳng nhận tiền bạc, chẳng sắm mền nệm, không mặc tơ lụa, mỗi ngày ăn một bữa, ngồi thiền suốt ngày, trọn ba mươi năm không thay đổi ý chí.

Chúng ta học theo được không? *Chân chẳng dạo thành ấp, tay chẳng nhận tiền bạc, chẳng sắm mền nệm, không mặc tơ lụa, mỗi ngày ăn một bữa, ngồi thiền suốt ngày, trọn ba mươi năm không thay đổi ý chí.* Chúng ta phải tập gan dạ dám chết sống để tu hành, nếu cứ yếu kém

dở tệ thì ngày sau làm sao làm mẫu mực cho người? Vì thế mỗi người gắng lập chí cho mạnh, học gương người xưa dù theo không trọn vẹn, ít ra cũng học được đôi ba phần. Không nên chỉ làm theo sở thích của mình.

Sư dạy chúng:

- Ta lúc mới gặp Thiên Thai vừa nghe câu nói liền tiến được. Nhưng khoảng một ngàn ngày (ba năm) trong bốn oai nghi in tuồng có vật ngại nơi ngực, như đồng ở chung với kẻ thù. Sau một ngàn ngày, một hôm vật ngại bỗng tan, không còn ở chung với kẻ thù, liền đó an vui chột nhận ra lỗi trước.

Nghe câu nói liền tiến được, tức là câu phước động gió động.

Như vậy hiểu rồi vẫn còn bị chướng, đến ba năm mới tan.

Sư liền thuật ba bài kệ:

***1- Chẳng phải gió phước động
mà tâm nhân giả động***

Phi phong phan động duy tâm động

Tự cổ tương truyền trực chí kim

Kim hậu thủy vân đồ dục hiểu

Tổ sư chân thật hảo tri âm.

Dịch:

Gió phan chẳng động riêng tâm động

Truyền nói từ xưa nhận đến nay,

**Người sau tham học cần muốn biết
Tổ sư chính thật bạn tri âm.**

2- Thấy sắc liền thấy tâm

***Nhược thị kiến sắc tiện kiến tâm
Nhân lai vấn trước phương nan đáp
Nhược cầu đạo lý thuyết đa ban
Cô phụ bình sinh tam sự nạp.***

Dịch:

**Nếu là thấy sắc liền thấy tâm
Người đến hỏi nhằm thật khó đáp
Muốn cầu đạo lý nói nhiều điều
Phũ phàng ba việc tăng áo nạp.**

Ba việc của người tăng sĩ là tam thường bất túc. Một là ăn, hai là mặc, ba là ngủ, ba việc đều không đủ. Tăng sĩ phải ý thức được bốn phận chính của mình, vì sự tu hành nên ăn vừa phải, mặc đơn giản, ba giờ phải thức, không ngủ nhiều hơn. Không nên có tâm giải đãi, lén trốn ngồi thiền, nằm nướng thêm. Đó là ăn gian, ăn gian với tôi được, với Phật không được. Bốn phận tăng sĩ là như vậy, ba việc đó là ba việc thường không thể sai sót.

3- Rõ chính mình

***Khoáng đại kiếp lai chỉ như thị
Như thị đồng thiên diệc đồng địa***

Đồng địa đồng thiên tác ma hình

Tác ma hình hề vô bất thị.

Dịch:

Nhiều kiếp đến nay chỉ như thế

Như thế đồng trời cũng đồng đất

Đồng đất đồng trời tạo hình gì?

Tạo hình gì rồi thấy đều được.

Thể chân thật chính mình trùm khắp, đồng trời đồng đất, không có gì khác hơn, cũng không có gì ngoài mình.

Sư dạy chúng:

- Cả thấy các người! Lại thấy Trúc Lâm lan-nhã non nước viện xá mọi người chẳng? Nếu nói thấy thì ngoài tâm có pháp. Nếu nói chẳng thấy, mà hiện tại Trúc Lâm lan-nhã non nước viện xá mọi người rõ ràng. Lại hỏi lời dạy như thế chẳng? Nếu hỏi thì lành lợi chẳng ngại, vô sự chớ đứng lâu.

Đây là hình ảnh của ngài Pháp Nhãn, ngài nói: Ngoài tâm không có pháp.

Sư dạy chúng:

- Trong Thiên Thai giáo nói ba cửa Văn-thù, Quan Âm, Phổ Hiền. Cửa Văn-thù là tất cả sắc. Cửa Quan Âm là tất cả thanh. Cửa Phổ Hiền là chẳng dời bước. Còn ta nói cửa Văn-thù chẳng phải tất cả sắc. Cửa Quan Âm chẳng phải tất cả thanh. Cửa Phổ Hiền là cái gì? Chớ bảo là khác với Thiên Thai giáo nói. Vô sự hãy lui.

Chúng ta thường nghe nói tất cả sắc là cửa Văn-thù, tất cả thanh là cửa Quan Âm, còn ngài nói tất cả sắc không phải là cửa Văn-thù, tất cả thanh không phải cửa Quan Âm. Đường như trái ngược nhau.

Như nói thấy sắc là thấy tâm, vậy tâm ở bên ngoài, phải không? Tôi thường ví dụ, con mắt chúng ta bị bệnh nên thấy không rõ ràng, khi nhỏ thuốc hết bệnh, thấy cảnh vật rõ, liền biết con mắt đã mạnh. Biết như vậy là nhờ trong này, không phải tại cảnh bên ngoài. Nhân có mắt mà biết cảnh, nếu cho rằng tâm ở bên ngoài thì không đúng.

Vì thế nói cửa Văn-thù là tất cả sắc, nhân tất cả sắc mà nhận ra mình có cái hay thấy. Cửa Quan Âm là tất cả thanh, nhân tất cả thanh mà nhận ra mình có cái hay nghe. Cái hay nghe không phải tất cả thanh, nhưng nhân thanh mà nhận ra được cái nghe.

Lời nói của ngài như có khác, sự thật là nói tốt đến nơi để chúng ta thấy rõ yếu chỉ.

Sư dạy chúng:

- Tất cả các người! Trong ban đêm ngủ mê chẳng biết tất cả. Đã chẳng biết tất cả, thử hỏi khi ấy các người có tánh xưa nay chăng? Nếu nói khi ấy có tánh xưa nay, mà khi ấy lại chẳng biết tất cả, cùng chết không khác? Nếu nói khi ấy không có tánh xưa nay, mà chợt thức giấc liền biết như xưa? Lại hội chăng? Chẳng biết tất cả cùng chết không khác, ngủ mê chợt thức giấc liền biết

như xưa. Những khi như thế là cái gì? Nếu chẳng hội, mỗi người tự thể cứu lấy. Vô sự chớ đứng lâu.

Đây là vấn đề thường làm chúng ta hoang mang. Khi ngủ mê như chết không biết gì, lúc đó có tánh xưa nay không? Có tánh giác sẵn hay là không có? Nếu có tại sao nói như chết? Nếu không có tại sao đánh keng thì giật mình thức dậy?

Như vậy khi ngủ mê sáu căn đóng bít, cái biết cũng có mà yếu nhẹ. Khi thức thì sáu căn mở nên biết rõ. Vì vậy nên khi ngủ mê thì phải làm cái gì mạnh mới hay biết, khi thức thì nói ở đâu cũng nghe được. Do đó trong lúc ngủ mê và trong lúc thức, tánh xưa nay không vắng lúc nào.

Niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm đầu (1008) tháng hai, bất chợt Sư bảo đệ tử lớn là Như Trú:

- Nên xây tháp cho ta, rằm tháng tám ta sẽ tịch.

Như Trú vâng mệnh xây vừa xong xuôi, khi ấy dân chúng quan liêu xa gần đua nhau đến chiêm ngưỡng. Đúng ngày rằm, vẫn tham vấn như thường, đến giờ ngọ, Sư ngồi yên ở phương trượng tay kiết bảo ấn, lại bảo Như Trú:

- Người xưa nói: “Cưỡi đầu cọp nắm đuôi cọp”, việc ở khoảng giữa lại thế nào?

Như Trú đáp:

- Cũng chỉ là Như Trú.

Sư bảo:

- Người hỏi lại ta.

Như Trú hỏi:

- Cưỡi đầu cọp nắm đuôi cọp, việc khoảng giữa Hòa thượng làm sao?

Sư đáp:

- Ta cũng giở chẳng ra.

Nói xong, Sư an nhiên hé một mắt xem rồi tịch. Sư thọ 67 tuổi, 42 tuổi hạ.

Sư có trước tác Trúc Lâm Tập mười quyển hơn một nghìn bài thi, ca, từ.



ĐỜI THỨ MƯỜI HAI SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ TÁM

- 1- Thiền sư Đạo Giai ở Phù Dung, Thiên Ninh**
- 2- Thiền sư Báo Ân ở núi Đại Hồng...**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ TÁM

**Nổi pháp thiền sư Từ Minh
có năm mươi vị**

- 1- Thiền sư Huệ Nam ở Hoàng Long**
- 2- Thiền sư Phương Hội ở Dương Kỳ...**

III- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ SÁU

**Nổi pháp thiền sư Nghĩa Hoài
có tám mươi ba vị**

- 1- Thiền sư Tông Bổn Viên Chiếu ở Huệ Lâm**
- 2- Thiền sư Pháp Tú Viên Thông ở Pháp Vân...**

IV- TÔNG PHÁP NHÃN ĐỜI THỨ TƯ

- 1- Thiền sư Duy Chánh ở viện Tịnh Độ...**



THIÊN SƯ ĐẠO GIAI Ở PHÙ DUNG

(1043 - 1118)

Sư họ Thôi quê ở Nghi Thủy, Nghi Châu, tánh tình cứng cỏi cương trực, từ lúc thiếu thời đã học đạo nhịn cơm, vào ẩn trong núi Y Dương. Sau, Sư dạo kinh đô nương nơi chùa Thuật Đài và ở đây học tập kinh điển, thọ giới Cụ túc.

Đi du phương, Sư đến yết kiến thiên sư Nghĩa Thanh ở chùa Hoa Nghiêm núi Đầu Tử. Sư hỏi:

- Ngôn giáo của Phật tổ như việc cơm nước thường ngày trong nhà, là việc này riêng có chỗ vì người hay chăng?

Đầu Tử đáp:

- Người nói sắc lệnh của Thiên tử trong cõi này, lại nhờ vua Vũ vua Thang, Nghiêu Thuấn hay chăng?

Sư suy nghĩ để đáp lại. Đầu Tử lấy phát tử bịt miệng Sư, nói:

- Người phát ý ra đã đáng ăn ba mươi gậy rồi.

Ngay câu nói này, Sư tỉnh ngộ, đánh lễ, liền ra đi. Đầu Tử gọi:

- Xà-lê hãy lại đây.

Sư chẳng ngó lại. Đầu Tử nói:

- Người đến chỗ chẳng nghi chẳng?

Sư liền bịt tai.

Đầu tiên, ngài hỏi: *Ngôn giáo của Phật tổ như việc cơm nước thường ngày trong nhà, là việc này riêng có chỗ vì người hay chẳng?* Ngôn giáo của Phật tổ rất tầm thường, phải không? Ngôn giáo là lời nói chỉ dạy của Phật tổ đối với người tu ví như cơm nước không thể thiếu, ai đã tu thì phải luôn luôn nhớ, hành trì theo lời Phật tổ dạy. Nhưng ngoài việc bình thường trong cuộc sống tu hành ra còn có gì đặc biệt vì người hay chẳng? Ý ngài muốn hỏi có cái gì riêng ngoài lời dạy của Phật tổ.

Ngài Đầu Tử đáp: *Người nói sắc lệnh của Thiên tử trong cõi này, lại nhờ vua Vũ vua Thang, Nghiêu Thuấn hay chẳng?* Sắc lệnh của Thiên tử trong cõi này hiện nay không phải do các vị vua Vũ, vua Thang, vua Nghiêu vua Thuấn mà được, dù các vua trước là người hiền. Chuyện hiện nay là của nhà vua hiện tại, mỗi thời mỗi khác, cái hiện giờ không phải là cái của thuở xưa. Cái hiện giờ chúng ta sẵn có không phải do lời dạy của Phật tổ thuở trước, mà ai cũng sẵn có đủ. Đó là lối nói khéo.

Khi nghe như vậy ngài suy nghĩ đáp lại, vừa suy nghĩ thì Đầu Tử lấy phất tử bịt miệng: nói mà không cho đáp. Bị bịt miệng vẫn chưa ngộ, Đầu Tử nói: *Người phát ý ra đã đáng ăn ba mươi gậy rồi.* Vừa khởi nghĩ là đã ăn ba mươi gậy, đừng nói là có lời. Ngay câu đó ngài lãnh hội được.

Khi ngộ rồi đánh lễ ra đi, dường như ngài vô phép. Ngài Đầu Tử còn ngờ không biết chú này tới nơi tới chốn chưa nên kêu: *Xà-lê hãy lại đây.* Ngài chẳng thềm ngó lại, Đầu Tử nói: *Người đến chỗ chẳng nghi chẳng?* Ngài liền bịt lỗ tai. Đó là hình ảnh gì? Khi đã thấy rõ không còn một tí ngờ vực gì, ngay đó không cần chờ dạy thêm câu này câu nọ, cũng không cần phải nghe thêm lời gì nữa. Đó là nói lên tư cách của một người đã ngộ.

Đó là trong cách đối đáp thầy trò, tỏ vẻ mình đã đến nơi, không phải một bề đi luôn.

Sau, Sư coi việc nhà trù. Đầu Tử hỏi:

- Việc trong nhà trù không phải là dễ.

Sư thưa:

- Chả dám.

Đầu Tử hỏi:

- Người thổi cơm ư? Nấu cháo ư?

Sư thưa:

- Nhân công đãi gạo nhóm lửa, trị nhật nấu cháo thổi cơm.

Đầu Tử hỏi:

- Còn người làm gì?

Sư thưa:

- Nhờ ơn Hòa thượng từ bi cho y rảnh rang.

Ngài làm việc nhà trù mà thấy mình không làm gì. Nhân công đãi gạo nhóm lửa, trị nhật nấu cháo thổi cơm, ngài thì rảnh rang. Nếu nói rảnh rang không làm gì là hiểu lầm. Đây ý nói kẻ công kia người việc nọ, riêng con nhờ ơn Hòa thượng từ bi chỉ cho thấy chỗ đó nên không còn bận gì nữa. Như vậy dù đang làm việc đổ mồ hôi sôi nước mắt, nhưng lúc nào cũng thấy rảnh rang. Chúng ta không được như người xưa, luôn thấy bận rộn việc này việc nọ.

Một hôm Sư theo hầu Đầu Tử đi dạo vườn rau. Đầu Tử trao cây gậy cho Sư, Sư nhận lấy liền đi theo sau Đầu Tử. Đầu Tử bảo:

- Lý nên thế ấy.

Sư thưa:

- Xách giày cầm gậy cho Hòa thượng, cũng chẳng phải việc phân ngoài.

Đầu Tử bảo:

- Vẫn có người đồng hành.

Sư thưa:

- Đây là một người không nhận dạy.

Đầu Tử thôi hỏi.

Thầy trò rất có tình! Ngài theo Đầu Tử dạo vườn, Đầu Tử trao cây gậy cho, khi trao thì ngài nhận liền đi theo sau. ngài Đầu Tử nói: *Lý nên thế ấy*. Tức là ta đi trước người đi sau, lý là như vậy. Ngài nói: *Xách giày cầm gậy cho Hòa thượng, cũng chẳng phải việc phân ngoài*. Dù cho xách giày cầm gậy cũng là chuyện đó, chuyện bốn phận không ở ngoài. Đầu Tử nói: *Vẫn có người đồng hành*. Như vậy ta cũng có người đồng hành. Ngài thưa: *Đây là một người không nhận dạy*. Người đồng đi với Hòa thượng là người không nhận dạy, người đó là người nào?

Đến chiều, Đầu Tử bảo:

- Sớm mai nói thoại chưa hết.

Sư thưa:

- Thỉnh Hòa thượng nói tiếp.

Đầu Tử nói:

- Mạo sanh nhật, Tuất sanh nguyệt.

Sư liền đốt đèn đem đến, Đầu Tử nói:

- Người đi lên đi xuống đều không luống công.

Sư thưa:

- Ở bên cạnh Hòa thượng lý phải như thế.

Đầu Tử nói:

- Kẻ tôi đòi trong nhà nào mà không có.

Sư thưa:

- Hòa thượng tuổi cao thiếu nó không được.

Đầu Tử nói:

- Ân cần như thế.

Sư thưa:

- Có phần đền ơn.

Đến chiều, ngài Đầu Tử nói: Khi sớm nói chưa dứt, bây giờ nói tiếp. Ngài thỉnh Hòa thượng nói tiếp. Ngài Đầu Tử nói: *Mẹo sanh nhật, Tuất sanh nguyệt*. Câu đó nói gì? Hôm nào tôi chợt nói câu đó không biết mấy chú làm sao! Giờ Mẹo là sáu bảy giờ sáng mặt trời lên, giờ Tuất là bảy tám giờ tối mặt trăng mọc. Sự thật thì sáng mặt trời mọc, tối không có trăng thì phải đốt đèn. Ngài chỉ cần hiểu ý đi đốt đèn đem đến.

Khi đem đến, Đầu Tử nói: *Ngươi đi lên đi xuống đều không luống công*. Ngài thưa: *Ở bên cạnh Hòa thượng lý phải như thế*. Tức ở bên cạnh Thầy thì phải như vậy.

Đầu Tử nói: *Kẻ tôi đòi, như vậy ông là kẻ tôi tớ thôi, nhà nào mà không có*. Ngài thưa: *Hòa thượng tuổi cao thiếu nó không được*. Tuy vậy, Hòa thượng già rồi thiếu nó không được. Câu nói có hai ý: Hòa thượng già cần người giúp đỡ, nhưng cũng có ý Hòa thượng già phải có người kế thừa.

Đầu Tử nói *Ân cần như thế*. Ngài thưa: *Có phần đền ơn*. Giúp Hòa thượng chẳng qua là để đền ơn.

Niên hiệu Nguyên Phong năm thứ năm (1082), Sư trở về Nghi Châu ở núi Mã An bắt đầu truyền bá đạo pháp. Ban đầu Sư ở Tiên Động, sau dời đến

chùa Long Môn. Sư lại sang trụ núi Đại Dương thuộc Dĩnh Châu và Đại Hồng ở Tuy Châu, đều do sự cung thỉnh của mọi người. Tông Tào Động được thanh hành miền Tây Bắc.

Niên hiệu Sùng Ninh năm thứ ba (1104) có chiếu mời Sư trụ tại thiền viện Thập Phương Tịnh Nhơn ở Đông Kinh. Đến niên hiệu Đại Quán năm đầu (1107), vua sai Trung sứ áp đặt Sư trụ trì ở Thiên Ninh không được từ chối.

Lý Hiếu Thợ làm sớ tâu lên vua Tống Huy Tông đại lược rằng: “Đạo Giai đức hạnh vượt cả từng lâm, đáng được khen thưởng...” Vua liền ban tử y tăng-già-lê và hiệu Định Chiếu thiền sư.

Sư thấp hương tạ ơn xong, lại dâng biểu rằng:

“Cúi mong Thánh thượng từ ân chú tâm làm sáng rõ điều lành, nêu cao đức tốt. Ban cho thần hiệu Định Chiếu thiền sư và một lá tử y. Thần cảm đội ơn sâu, rồi liền đó thấp hương lên tòa chúc nguyện thánh thọ.

Mong Bệ hạ nghĩ đến hạnh nghiệp thô sơ, đạo lực kém mỏng của thần, thường phát nguyện chẳng thọ danh lợi, cố giữ ý này đã được nhiều năm. Như thế, ngõ hầu truyền đạo đời sau khiến người chuyên ý vào Phật pháp. Nay tuy nhờ đặc ân của Bệ hạ, nếu toại tánh hèn thì tự trái với lời nguyện lành của thần, lấy gì để dạy người. Dâu dám ngửa khen Bệ hạ để có ý sai thần trụ trì. Những y vật Bệ hạ ban cho thần không dám thọ nhận.

Cúi mong Thánh thượng từ ân xét thấu nỗi lòng của thần, không dám dùng lời trau chuốt, đặc biệt ban cho theo lòng thành thật của thần, thần nguyện suốt đời hành đạo để đền đáp thiên ân.”

Khi được vua ban tử y và hiệu thì ngài dâng sớ từ chối. Lời sớ rất tha thiết: *Thường phát nguyện chẳng thọ danh lợi, cố giữ ý này đã được nhiều năm. Không nhận danh lợi để làm gì? Để truyền đạo đời sau khiến người chuyên ý vào Phật pháp. Nay được nhà vua ban tử y và hiệu, đó là tội tánh hèn. Tánh hèn là tánh tham danh tham lợi, mà trái với nguyện lành của thần, lấy gì để dạy người? Nếu vừa lòng thích ý với danh lợi, thì mất nguyện lành không nhận danh lợi, vậy còn gì dạy người sau? Vì thế, nguyện không dám nhận y và danh hiệu.*

Vua Tống Huy Tông xem xong, giao cho Lý Hiếu Thọ đích thân đi đến khuyên đừng trái ý tốt của triều đình.

Lý Hiếu Thọ đến khuyên dụ lăm lời, Sư vẫn quyết định từ chối. Lý Hiếu Thọ tâu hết lên nhà vua. Nhà vua nổi giận ra lệnh bắt giao cho quan Hữu ty (tra khảo).

Chúng ta thấy gương của ngài được danh được lợi mà từ chối. Từ chối cho đến bị bắt cũng vẫn không có thay đổi. Đó là đặc điểm thứ nhất của ngài. Đến đặc điểm thứ hai.

Quan Hữu ty biết Sư trung thành mà trái ý vua nên hỏi:

- Trưởng lão thân gầy ốm vậy có bệnh chăng?

Sư đáp:

- Bình nhật cũng có bệnh, hiện nay thì không bệnh.

Hữu ty lại nói:

- Nếu nói có bệnh thì đối với pháp luật khỏi hình phạt.

Sư bảo:

- Đâu dám dối trá nói bệnh để mong khỏi tội ư!

Hữu ty ngậm ngùi! Sư diêm nhiên thọ hình phạt.

Sau đó, Sư bị dày mặc áo kẻ phục dịch ra ở Truy Châu. Kẻ tăng người tục trông thấy Sư đều rơi nước mắt! Riêng Sư khí sắc vẫn nhàn hạ.

Với đặc điểm này, chúng ta thấy khó mà làm được như ngài. Đến chỗ tra tấn, mình đã rớn gáy rồi. Quan Hữu ty này lương thiện, muốn gợi ý để cho ngài nói mình bệnh khỏi bị tra tấn, nên hỏi: *Trưởng lão thân gầy ốm vậy có bệnh chăng?* Như chúng ta thì nói sao? Tôi nhiều bệnh lắm, nào nhức đầu, nào đau lưng... để khỏi bị tra tấn. Nhưng với ngài thì khác: *Bình nhật cũng có bệnh, hiện nay thì không bệnh.* Quan Hữu ty lặp lại lần nữa cho ngài biết rõ: *Nếu nói có bệnh thì đối với pháp luật khỏi hình phạt.* Nói có bệnh để thông qua không bị hình phạt. Nhưng ngài lại nói: *Đâu dám dối trá nói bệnh để mong khỏi tội ư!* Ngài không dám nói dối, dù nói như thế không hại ai mà có lợi cho mình. Đức hạnh của

người xưa với người nay khác xa. Người xưa dù nói một lời không thật để được lợi cho mình mà không hại ai cũng không nói, huống nữa nói lời không thật để mất hết ý chí của mình mà có hại cho kẻ khác.

Người nói dối là dũng cảm hay hèn nhát? Như ở trong nhà hai ba đứa nhỏ cha mẹ đi khỏi, chị em ở nhà lỡ làm bể một cái tô cái chén quý. Đứa nhỏ làm bể, sợ bị đòn, nên khi ba má về hỏi thì nó không dám nhận, để mấy chị em bị đòn hết. Hỏi nó có làm bể không, nó nói không. Tại sao nó nói dối? Vì sợ bị đòn, sợ bị đòn tức là nhát.

Ngài không sợ, chấp nhận tất cả hình phạt, đánh cũng được, hành hình cũng được, có sao nói vậy. Chúng tôi sợ khảng khái quyết định không sợ sệt. Đó là một tâm hồn rất cứng cỏi.

Chúng ta bây giờ thì nhát gan, nên tu hành lâu chậm. Còn ngài khi thọ hình phạt vẫn điềm nhiên, không kêu than. Sau hình phạt đó còn bị đầy, ngài mặc áo kẻ phục dịch tức là kẻ tội tở. Ai trông thấy cũng rơi nước mắt, nhưng khí sắc của ngài vẫn nhàn hạ.

Đến Truy Châu, Sư thuê nhà ở. Những học giả nghe tiếng tìm đến gần gũi. Mùa đông năm sau, nhà vua ban sắc phóng thích.

Sư tự cất am nơi hồ Phù Dung, có mấy trăm tảng đá vây quanh hàng ngày. Ở đây mỗi ngày chỉ ăn một chén cháo, những người chịu không nổi từ từ đi bớt. Số tảng còn thường trực không dưới một trăm.

Một ngày ăn chén cháo, có chỗ nói rộng thêm: Ở trong chúng thì một người ngày chỉ quyết định một chén cháo thôi. Nếu có thêm năm bảy người khách, người trị nhật không thêm gạo mà thêm nước, nấu loãng ra rồi chia nhau. Như vậy mà chung quanh ngài không dưới một trăm người.

Người xưa thật là vì đạo quên mình, không sợ đói không sợ khổ, không sợ bệnh hoạn, làm sao hiểu được đạo thôi. Ngài vì cất am ở bên hồ Phù Dung, nên sau này thường gọi ngài là thiền sư Phù Dung.

Sư dạy chúng:

- Phàm người xuất gia vì chán trần lao cầu thoát sanh tử, thôi tâm dứt niệm, cắt đứt vin theo, gặp thanh gặp sắc như hoa trồng trên đá, thấy lợi thấy danh như bụi rớt trong con mắt. Vì từ vô thủy đến giờ, những cái ấy đâu phải chẳng từng trải qua, cần gì lại nhọc nhằn tham luyến? Hiện nay chẳng dứt còn đợi chừng nào? Thời nay dứt sạch lại còn việc gì? Nếu được trong tâm vô sự, thì Phật tổ vẫn là oan gia, tất cả thế sự tự nhiên lạnh nhạt, mới là phù hợp bên kia.

Đoạn ngài dạy đây, xưa trong bản văn chữ Hán những người trong đạo đều thuộc. Ngài dạy mục đích xuất gia: *Phàm người xuất gia vì chán trần lao cầu thoát sanh tử*. Trần lao là bụi nhọc. Cõi này gọi là cõi trần, vì thấy toàn là bụi. Trong nhà có một hai lỗ hở, mặt trời xuyên qua thì thấy bụi lăng xăng lộn xộn.

Cõi trần mà luôn luôn bị lao nhọc, vì sao? Vì khi chưa ngộ đạo, chưa giải thoát sanh tử thì cứ mất thân này mang thân khác, mất thân khác mang thân khác nữa, nhọc nhằn lặn lội trong cõi trần không có ngày cùng. Chúng ta vì chán trần lao tức là chán dòng sanh tử lặn lội nhọc nhằn đó, cầu thoát ly sanh tử nên xuất gia tu đạo.

Mục đích của tất cả người tu là thoát ly sanh tử. Muốn thoát ly sanh tử phải sao? *Thôi tâm dứt niệm, cắt đứt vin theo*. Tâm không chạy theo cảnh, niệm phải lặng xuống, cắt đứt vin theo tức là cắt đứt niệm chạy theo sáu trần.

Gặp thanh gặp sắc như hoa trồng trên đá. Nghe tiếng hay tiếng dở, hoặc gặp sắc đẹp sắc xấu đều như hoa trồng trên đá, trải bao nhiêu năm cũng khô héo không bắt rễ. Chúng ta gặp thanh gặp sắc thì như thế nào? Nói theo mấy chú làm rầy, gặp thanh gặp sắc giống như rau muống trồng trên đất phân, phải không? Đặt bữa trước bữa sau bắt rễ liền. Tâm phàm tục chúng ta còn nhiều, nên gặp thanh gặp sắc dính mắc bén rễ liền.

Thấy lợi thấy danh như bụi rơi trong con mắt. Bụi rơi trong con mắt làm xốn xang khó chịu. Chúng ta thì thấy lợi thấy danh như nhỏ thuốc mắt vào trong con mắt, nhỏ vô sáng lên. Người xưa thì xốn mắt, chúng ta thì sáng mắt. Nguyên chữ Hán, tôi từng thuộc lòng câu này: *Ngộ thanh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhĩn trung trước tiết*.

Tại sao bảo chúng ta đừng thích lợi danh, thanh sắc? Vì từ vô thủy đến giờ những cái ấy đâu phải chẳng từng trải qua, cần gì lại nhọc nhằn tham luyện? Cuộc sanh tử chúng ta không phải một lần này mà đã trải vô số kiếp, có khi làm vua có khi làm quan, có khi làm tôi tớ... Những thứ thanh sắc, danh lợi đó đã từng qua rồi, có thiếu đâu. Đời này quên chứ những đời trước đã qua hết rồi, còn gì nữa mà luyện tiếc còn muốn gặp lại?

Hiện nay chẳng dứt còn đợi chừng nào? Thời nay dứt sạch lại còn việc gì? Nếu bây giờ dứt sạch rồi thì không còn tham luyện nữa. Nếu được trong tâm vô sự, thì Phật tổ vẫn là oan gia. Tại sao? Nếu tâm vô sự thì không động không chạy theo cảnh, lúc đó nếu còn khởi nghĩ về Phật về tổ, không phải oan gia là gì? Đã an mà còn muốn đi đến chỗ nguy là oan gia. Tất cả thế sự tự nhiên lạnh nhạt, Phật tổ còn không nghĩ huống nữa là thế sự. Mới là phù hợp bên kia, tức là phù hợp với đạo.

Các người đâu chẳng thấy, Ấn Sơn đến chết chẳng chịu tiếp người. Triệu Châu đến chết chẳng biên thư cho đàn-việt, thà lượm trái dẻ trái lặt mà ăn. Đại Mai lấy lá sen làm áo. Chỉ Y đạo giả mặc y phục bằng giấy. Thượng tọa Huyền Thái chỉ mặc vải bố. Thạch Sương nơi nhà Cây khô (chúng tọa thiền yên lặng như cây khô) cùng người ngồi nằm, chỉ cần chết hẳn tâm của các người. Đầu Tử sai người nấu cơm lẫn khoai rồi đồng ăn, cốt được tỉnh việc của các người.

Các bậc thánh từ trước có những gương cao đẹp như thế, nếu không có chỗ đặc biệt làm sao chịu nổi.

Chư nhân giả! Nếu hay nơi đây thể cứu thì chẳng thiếu thốn điều gì, bằng chẳng chịu thừa đương về sau e phải phí nhiều khí lực.

Ngài dẫn gương người xưa để nhắc nhở chúng ta: *Ẩn Sơn đến chết chẳng chịu tiếp người.* Khi Động Sơn với Mật sư bá đi du phương, đến một con suối, thấy có lá rau trôi theo dòng suối. Hai ngài nghĩ rằng trên dòng suối này chắc có người ẩn tu. Hai vị vạch lau vạch sậy đi tìm, gặp một vị ở trong am tranh, học đạo xong xuôi thì ngài Động Sơn xin ở lại thời gian. Am chủ từ chối, hai vị bước ra khỏi thì ngài đốt am vô ẩn sâu trong núi luôn, từ đó về sau không gặp nữa. Gọi ngài Ẩn Sơn chứ không biết tên gì.

Triệu Châu đến chết chẳng biên thư cho đàn-việt, thà lượm trái dẻ trái lật mà ăn. Ngài Triệu Châu nuôi chúng lúc nào thiếu gạo thì lượm trái dẻ trái lật ăn, không gửi thư đàn-việt xin ủng hộ.

Đại Mai lấy lá sen làm áo, ngài Đại Mai mặc áo lá sen. Chỉ Y đạo giả mặc y phục bằng giấy. Chúng ta mặc y phục có hơn ngài Đại Mai không? Có hơn Chỉ Y đạo giả không? Dù vải xấu cũng hơn mấy cái đó nhiều. *Thượng tọa Huyền Thái chỉ mặc vải bố.* Huyền Thái hay thường gọi là Thái Bố Nạp, tức là ngài này.

Thạch Sương nơi nhà Cây khô cùng người ngồi nằm, chỉ cần chết hẵn tâm của các người. Tức là ở hội

ngài Thạch Sư, chúng ngồi thiền như cây khô. *Đâu Tử sai người nấu cơm lẫn khoai rồi đồng ăn, cốt được tỉnh việc của các người.* Ăn độn như vậy mà các vị cũng chấp nhận, không có gì chán. Qua những hình ảnh đó rồi nhìn lại chúng ta thì thấy sao? Mình cách biệt cỡ nào!

Những tấm gương cao đẹp đó, sở dĩ chịu nổi là vì có chỗ đặc biệt, lấy đạo làm trên. *Nếu hay nơi đây thể cứu thì không thiếu thốn.* Ngay đó mà thể cứu cho thấu đáo thì không thiếu thốn điều gì, *bằng chẳng chịu thừa đương về sau e phải phí nhiều khí lực.*

Sư dạy chúng:

- Ngày nay sơn tăng đối với các vị nói về gia môn đã là chẳng tiện. Đâu thể lại dăng đường nhập thất, niêm chùy dựng phát, nhuộm mày chớp mắt, đông gậy tây hét in tuồng bệnh động kinh phát hiện. Đâu chẳng thấy tổ Đạt-ma Tây sang ngồi xây mặt vào vách chín năm dưới núi Thiếu Thất. Nhị Tổ đến đứng ngoài tuyết đến chặt cánh tay, có thể nói chịu tốt sự gian khổ. Nhưng tổ Đạt-ma chưa từng nói một lời. Nhị Tổ chưa từng hỏi một câu. Thế là, nói tổ Đạt-ma chẳng vì người được chẳng? Nhị Tổ chẳng cầu thầy được chẳng?

Chỗ chân thật đó không thể dùng lời diễn đạt được, như hình ảnh tổ Đạt-ma ngồi xây mặt vào vách, hình ảnh Nhị Tổ đứng ngoài tuyết. Khi đó hai bên có hỏi đáp gì không mà thầy trò vẫn thông cảm nhau.

Sư có làm năm bài kệ, thuật môn phong của mình.

Bài thứ nhất:*Nói khéo không chạm lưỡi**Sát sát trần trần xứ xứ đàm**Bất tham thiền xứ Thiện Tài tham**Không Sanh dĩ giải thông tiêu tức**Hoa vũ nham tiền điệu bất hàm.***Dịch:****Cõi cõi nơi nơi chốn chốn bàn****Thiện Tài tham lấy chỗ không tham****Không Sanh⁽⁷⁾ đã hiểu rành tin tức****Trước núi mưa hoa chim lặng câm.**

Chỗ chân thật đó ngôn ngữ nói không được, nếu ứng dụng chỗ này được, sống được thì diệu dụng không thể nghĩ bàn. Như Thiện Tài đi tham vấn các thiện tri thức là tham vấn cái gì? Tham vấn để tìm cho ra chỗ không nói năng. Như ngài Tu-bồ-đề ngồi nhập định trên núi không nói một lời, chim không ngậm hoa cúng dường mà hoa vẫn rơi như mưa.

Bài thứ hai:*Rắn chết sợ trong bụi chui ra**Nhật chích phong suy thảo lý mai**Xúc tha độc khí hựu hoàn quai*

⁽⁷⁾ Không sanh là ông Tu-bồ-đề hay Thiện Hiện là người hiểu ý không bậc nhất.

Ám địa nhược giao khai tử khẩu

Trường An y cứu tuyệt nhân lai.

Dịch:

Gió táp nắng phơi cỏ ẩn mình

Chạm người khí độc lại sai chinh

Thắm sâu nếu khiến khai tử khẩu

Trường An như trước bật người sang.

Nếu nói rằng con rắn chết sợ trong bụi chui ra, đã là chết còn sợ cái gì? Lại còn chui ra được, chui được đâu gọi là chết. Nghĩa là khi mở miệng nói thì lời nói không thể tới được cái chân thật, cũng như là loài rắn chết vậy. Có câu:

Thắm sâu nếu khiến khai tử khẩu

Trường An như trước bật người sang.

Nếu mở miệng nói không đến cái chân thật đó, giống như thành phố Trường An không có người đến.

Bài thứ ba:

Giỏi châm xương khô ngâm

Tử trung hoạt đắc thị phi thường

Mật dụng tha gia biệt hữu trường

Bán dạ độc lâu ngâm nhất khúc

Băng hà hồng diễm khước thanh lương.

Dịch:

**Trong chết được sống việc phi thường
Thâm nhận là y có sở trường
Xương sọ giữa đêm ngâm một bản
Sông băng lửa dậy lại thanh lương.**

Qua bài này chúng ta hiểu thêm ý của ngài Hương Nghiêm. Ngài nói *trong đầu lâu có tròng mắt, trong cây khô có khúc ngâm*. Khi người tu dứt hết tâm ý thức thì mới sống được chỗ này, đó là việc phi thường. Sống được rồi, mới qua khỏi sanh tử, nên nói *trong chết được sống*, chỗ khác nói tuyệt hậu tái tô.

Các ngài dùng những hình ảnh diễn tả sau khi chết, dòng ý thức bật dứt rồi, lúc đó sáng lên, mới thật là chân thật. Vì thế có câu:

*Xương sọ giữa đêm ngâm một bản
Sông băng lửa dậy lại thanh lương.*

Sông băng nổi lửa là nói ngược, trong chết có sống không phải ngược là gì? Chính những bài này làm sáng tỏ ý của ngài Hương Nghiêm.

Bài thứ tư:

Cửa sắt hòa tam đài

***Bát thị cung thương điều
Thùy nhân hòa nhất trường
Bá Nha hà sở thố
Thử khúc cựu lai trường.***

Dịch:

**Chẳng phải đàn sáo hòa
Ai người ca một bài
Bá Nha đâu thi thố
Bản này xưa nay hay.**

Đây là đến chỗ hòa hợp được, chỗ này trong Ngũ vị quân thần của tông Tào Động tương đương với vị thứ tư Thiên trung chí, tức là lý sự hợp được nhau.

Bài thứ năm:

Xưa nay không cách hở

*Nhất pháp nguyên vô vạn pháp không
Cá trung na hứa ngộ viên thông
Tương vị Thiếu Lâm tiêu tức đoạn
Đào hoa y cựu tiểu xuân phong.*

Dịch:

**Một pháp nguyên không muôn pháp không
Trong đây ai nhận ngộ viên thông
Tưởng rằng Thiếu Lâm tin tức bật
Hoa đào vẫn lại cười gió đông.**

Đây là đến chỗ hiện tiền không còn cách hở phút giây, mình là tất cả, tất cả là mình. Nói cách khác mình là cái chân thật, đã là chân thật thì còn gì ngộ, gì chưa ngộ? Chính cái chân thật đó là mình, nên không cần tin tức Thiếu Lâm mà hoa đào vẫn cười khi gió đông sang.

Đó là để diễn tả khi người đến nơi đến chốn rồi thì được như vậy.

Niên hiệu Chánh Hòa năm thứ tám (1118) ngày mười bốn tháng năm, Sư đòi viết mực viết một bài kệ:

*Ngô niên thất thập lục
Thế duyên kim dĩ túc
Sanh bất ái thiên đường
Tử bất phạ địa ngục
Tát thủ hoành thân tam giới ngoại
Đằng đằng nhậm vận hà câu thúc.*

Dịch:

Ta tuổi bảy mươi sáu
Duyên đời nay đã đủ
Sanh chẳng thích thiên đường
Chết chẳng sợ địa ngục
Buông tay đi ngang ngoài tam giới
Mặc tình bay bổng nào buộc ràng.

Sau đó liền tịch. Sư thọ 76 tuổi.

Qua bài kệ này chúng ta thấy tính hiên ngang của thiền sư khi sắp ra đi. Thường người ta thích sanh lên cõi trời, khi chết thì sợ rơi xuống địa ngục, Ngài thì cõi trời không thích, địa ngục không sợ. Bây giờ làm gì? *Buông tay đi ngang ngoài tam giới.* Buông thông tay đi thẳng ra ngoài tam giới, không còn mắc kẹt trong vòng này nữa.

Mặc tình vươn lên cao hay hạ xuống thấp, không có gì buộc ràng. Đó là tinh thần tự do tự tại, không còn sợ, không còn ưa. Không còn sợ không còn ưa nên thoát ra ngoài tam giới.

Người xưa hạnh tu của các ngài rất nghiêm nhặt, bởi thế lời nói của các ngài có giá trị, việc làm của các ngài đến nơi đến chốn, lời dạy của các ngài ai cũng kính quý không dám quên.



THIÊN SƯ BÁO ÂN ở núi ĐẠI HỒNG

Sư họ Lưu, ông cha là dòng Nho, chưa được hai mươi tuổi, Sư đã được các nơi đề cử ra làm quan. Sau, Sư chán cảnh trần tục đệ đơn lên triều đình xin xuất gia. Vua Tống chấp nhận theo sở nguyện.

Sư dạo qua các thiên hội, đến núi Đầu Tử ra mắt thiên sư Nghĩa Thanh. Ở lại đây chưa bao lâu, Sư ngộ được tâm yếu. Nghĩa Thanh nói với Sư:

- Người là người tái sanh, phải tự gìn giữ.

Từ giã Nghĩa Thanh, Sư đi yết kiến các bậc cao đức để được ấn khả.

Thừa tướng Hàn Chấn thỉnh Sư khai pháp ở chùa Thiếu Lâm tại Tây Kinh.

Sư thượng đường:

- Những lời như đây hội được ai là tri âm? Dù cho nằm trong một câu liên ngàn mắt chột mở,

chín chấn có mấy người mê gặp Đạt-ma. Các ông cần biết tổ sư Đạt-ma chẳng?

Sư liền đưa tay làm thế nắm, nói:

- Lỗ mũi của Đạt-ma ở trong tay của Thiếu Lâm (chỉ Sư). Nếu buông ra thì từ kinh thuyết côi này Tây thiên nói vàng nói đen dối Hồ lừa Hán. Nếu chẳng buông ra thì chẳng tiêu một cái nắm. Có người nào cần Tổ sư làm chủ mời ra cùng Thiếu Lâm thấy nhau, lại có chẳng?

Sư im lặng giây lâu, nói:

- Quả nhiên.

Cách nói của ngài có lỗi không tôn kính các bậc trên trước không? Tại sao đưa nắm tay lại nói lỗ mũi tổ Đạt-ma trong tay tôi? Trong nhà thiền, lỗ mũi là chỉ cái chân thật chính mình, nắm được lỗ mũi của Tổ cũng là nắm được cái chân thật. Nắm lỗ mũi của Tổ chính là nắm lỗ mũi của mình hay của tất cả. Lỗ mũi là mạng mạch là sự sống, nên gọi là chỗ chân thật.

Khi nắm được cái đó, buông ra thì như trong kinh nói nào là côi này, nào là Tây thiên, nào là *nói vàng nói đen, dối Hồ lừa Hán*,... vô số phương tiện. Kinh tức là phương tiện, hiểu chỗ chân thật thì ứng dụng nhiều phương tiện nên nói rộng ra thì ba tạng kinh, ngài nói là dối Hồ lừa Hán. *Nếu chẳng buông ra thì chẳng tiêu một cái nắm*. Nghĩa là nắm lại thì chỉ có nắm tay, nắm lỗ mũi. Như vậy tức là gom lại chỉ một việc đó.

Không bao lâu, nơi chùa Đại Hồng chỗ chuyên về Luật tông thay đổi thành Thiền viện thỉnh Sư trụ trì.

Sư thượng đường đưa cây gậy lên, nói:

- Xem! Xem! Quả đất tuyết lênh láng, xuân đến khắp nơi lạnh. Linh Phong cùng Thiếu Thất, chia phân chẳng tương can. Thôi luận Phật ý Tổ ý, chớ bàn đầu câu mỗi lời. Trâu sắt không dấu vết, trắng sáng hoa lau anh tự xem.

Sư giộng cây gậy, bước xuống tòa.

Ngài có dạy gì không? Ngài chỉ cho mọi người của Văn-thù thủy chung không hai, nên đưa cây gậy lên trước. Nói một mạch không dính gì hết, ngài giộng gậy rồi bước xuống. Đó là cái khéo của các ngài, chúng ta chạy theo những câu nói này thì hết hơi, không biết nói gì.

Sư cùng cư sĩ Trương Vô Tận làm bạn pháp. Cư sĩ thường biên thư hỏi nhiều vấn đề Phật pháp và cả vấn đề đại yếu tam giáo. Sư tùy chỗ giải thích rất rành rẽ.

Không biết Sư quy tịch lúc nào, bao nhiêu tuổi.



THIÊN SƯ HUỆ NAM Ở HOÀNG LONG

(1002 - 1069)

Khai Tổ hệ phái Hoàng Long

Sư họ Chương tên Huệ Nam ở Ngọc Sơn, Tín Châu. Thuở bé đã có vẻ thâm trầm hiện tướng đại nhân, chẳng ăn cá thịt, không ưa hát xướng. Năm mười một tuổi, Sư theo thầy Trí Loan ở viện Định Thủy xuất gia. Đến mười chín tuổi Sư thọ giới Cụ túc.

Đi du phương, Sư đến chùa Quy Tông ở Lô Sơn yết kiến thiên sư Tự Bảo. Mỗi khi họp chúng, chúng đều ngồi, chỉ riêng Sư đứng. Tự Bảo thường nhìn Sư. Từ đây về sau, Sư ngồi thì tréo kiết già, đi thì nhìn thẳng đến trước.

Sư đến Thê Hiền nương nơi thiên sư Thị. Thê Hiền dạy chúng rất có quy củ, Sư ở đây ba năm làm người mô phạm trong chúng.

Từ tạ Thê Hiền, Sư sang sông Hoài đến nương thiền sư Hoài Trừng ở Tam Giác. Hoài Trừng trông thấy Sư liền chấp nhận cho ở.

Sau, Hoài Trừng dời trụ ở Lạc Đàm. Sư cũng đồng theo. Hoài Trừng chia Sư một phần nhiệm vụ trong việc tiếp độ chúng tăng. Thiền sư Văn Duyệt thấy thế, mỗi khi đến Lạc Đàm trở về, than: “Huệ Nam là món đồ hữu ích cho đạo, rất tiếc chưa gặp được thầy đào luyện.”

Nhân dịp Sư và Văn Duyệt cùng đi Tây Sơn, ban đêm nghỉ lại, hai người đàm đạo. Văn Duyệt nói:

- Thiền sư Hoài Trừng tuy là con cháu Vân Môn, nhưng pháp đạo còn khác xa Vân Môn.

Sư hỏi:

- Khác ở chỗ nào?

Văn Duyệt đáp:

- Vân Môn như đơn sa đã chín phen luyện, để vào sắt liền biến thành vàng; Hoài Trừng như được hống ngân nhìn thấy đẹp mắt, mà để vào lò liền chảy.

Sư nổi giận cầm chiếc gối ném Văn Duyệt. Sáng ra Văn Duyệt xin lỗi, lại nói:

- Chí khí Vân Môn như vua, cam chịu tử ngữ sao? Hoài Trừng có pháp dạy người là tử ngữ. Tử ngữ mà hay làm người sống được sao?

Nói xong Văn Duyệt liền bỏ đi. Sư kéo lại nói:

- Nếu vậy thì ai có thể hợp ý Thầy?

Văn Duyệt bảo:

- Thạch Sương Sở Viên thủ đoạn vượt cả mọi nơi, Thầy muốn yết kiến thì không nên chậm trễ.

Sư thâm nghĩ: “Đây là việc lớn của người hành khước vậy, Văn Duyệt là đồ đệ Thúy Nham, mà dạy ta đến yết kiến Thạch Sương thì có liên hệ gì đến ông đâu?”

Sư liền sửa soạn khăn gói sáng hôm sau lên đường. Đi đến nửa đường, Sư nghe Từ Minh mỗi việc đều lừa đảo ép ngặt thiên sinh, liền thôi chí không đi, ở lại làng Bình nhiều ngày. Kế, Sư lên Hoành Nhạc đến chùa Phước Nghiêm yết kiến thiền sư Hiền, thiền sư Hiền cử Sư làm thư ký. Chợt thiền sư Hiền tịch, quận thú mời Từ Minh đến trụ trì. Được tin này, Sư rất hoan hỷ có cơ hội để nghiệm xét lời Văn Duyệt nói.

Từ Minh đến, Sư trông thấy thân tâm đều cung kính. Nghe Từ Minh luận nói phần nhiều chê các nơi mỗi điều đều thuộc tà giải. Chính chỗ Sư được mật chỉ nơi Lạc Đàm cũng bị bác bỏ. Sư nhớ lại lời nói của Văn Duyệt lúc bình nhật rất đúng. Sư liền thay đổi quan niệm nói:

- Đại trượng phu trong thâm tâm cứ nghi ngại hoài sao?

Sư liền vào thất Từ Minh, thưa:

- Huệ Nam do tối dốt trông đạo mà chưa thấy, giờ tham thiền khi hôm, nghe Thầy dạy như người

đi lạc đường được xe chỉ nam. Cúi xin Hòa thượng đại từ bố thí pháp khiến cho con dứt hết nghi ngờ?

Từ Minh cười bảo:

- Thư ký đã lãnh đồ chúng và du phương nổi tiếng khắp tùng lâm, nếu còn có nghi ngờ chẳng cần khổ cầu như vậy, hãy ngồi mà thương lượng.

Từ Minh liền gọi thị giả đem cái ghế mời Sư ngồi. Sư vẫn từ chối và thành khẩn tha thiết cầu chỉ dạy. Từ Minh bảo:

- Thư ký học thiền Vân Môn ắt thông được yếu chỉ ấy. Như nói: “Tha Động Sơn ba gậy.” Động Sơn khi ấy nên đánh hay chẳng nên đánh?

Sư thưa:

- Nên đánh.

Từ Minh nghiêm nghị bảo:

- Nghe tiếng ba gậy liền cho là nên ăn gậy, vậy ông từ sáng đến chiều nghe chim kêu trống đánh tiếng chuông tiếng bảng... cũng nên ăn ba gậy. Ăn gậy đến lúc nào mới thôi.

Sư chỉ nhìn sững mà thôi. Từ Minh lại bảo:

- Tôi lúc đầu nghi không thể làm thầy ông. Giờ đây đã đủ tư cách làm thầy ông. Ông hãy lễ bái đi.

Sư lễ bái xong, đứng dậy. Từ Minh nhắc lời trước:

- Nếu ông hội được ý chỉ Vân Môn thì Triệu Châu thường nói “Bà già ở Đài Sơn bị ta khám phá”, thử chỉ ra chỗ khám phá xem?

Sư mặt nóng hực mồ hôi xuất hạn không biết đáp thế nào, bị Từ Minh đuổi ra.

Phái Hoàng Long là một chi nhánh trong tông Lâm Tế. Tông Lâm Tế đến đây chia hai phái, Hoàng Long và Dương Kỳ.

Chuyện Vân Môn tha Động Sơn ba gậy thế nào, hư thực ra sao? Ngài Động Sơn Thủ Sơ đến gặp Vân Môn, được hỏi ở đâu đến, ngài kể một mạch rất thật thà. Ngài Vân Môn nói “tha người ba gậy”. Ba gậy đó là vì nên đánh mà tha hay không nên đánh mà tha? Khi nghe hỏi, ngài nói nên đánh, liền bị Từ Minh quở. Như vậy chúng ta mới hiểu lời của ngài Vân Môn, nói tha ba gậy là lời trống rỗng. Chúng ta cứ nghe nói tha ba gậy thì một là nói có lỗi nên tha không đánh, hai là hay cho nên khen mà không đánh. Không ngờ lời nói đó là lời suông thôi. Ngài Từ Minh quở: *Nghe tiếng ba gậy liền cho là nên ăn gậy, vậy ông từ sáng đến chiều nghe chim kêu trống đánh rồi tiếng chuông tiếng bồng... cũng nên ăn ba gậy.* Nghe nói cái gì cũng là nên đánh hết được không? Ngang đó ngài bí.

Thêm một câu chuyện, ngài Triệu Châu khám phá bà già. Có người tới hỏi bà già đường nào đi Ngũ Đài Sơn, bà chỉ cứ đi thẳng, cứ thế ấy mà đi. Ai hỏi bà cũng nói câu đó, thiên hạ không biết bà già thế nào. Tiếng đồn

tới ngài Triệu Châu, ngài tới hỏi thì bà cũng chỉ thế ấy mà đi. Ngài Triệu Châu liền trở lại nói: Ta đã khám phá bà rồi.

Không có thêm câu giải đáp, tại sao nói khám phá rồi? Khi ngài Từ Minh đem câu này ra hỏi thì Huệ Nam đỏ mặt, toát mồ hôi không biết đáp làm sao. Vì ngài Huệ Nam còn mắc kẹt trong ngôn ngữ, nên ngài Từ Minh bèn dùng thủ thuật này.

Hôm sau, Sư lại vào thất, bị Từ Minh mắng chửi. Sư hổ thẹn, nhìn những người hai bên nói:

- Chính vì chưa hiểu câu quyết nghị, mắng chửi đâu phải quy củ từ bi thí pháp!

Từ Minh cười nói:

- Đó là mắng chửi sao?

Ngay câu này, Sư đại ngộ. Làm bài tụng rằng:

Kiệt xuất tùng lâm thị Triệu Châu

Lão bà khám xứ một lai do

Như kim tứ hải thanh như kính

Hành nhân mạc dĩ lộ vi thù.

Dịch:

Giỏi vượt tùng lâm là Triệu Châu

Lão bà nơi khám không mối manh

Hiện nay bốn biển như gương sáng

Bộ hành thôi chớ ghét con đường.

Từ Minh lấy tay chỉ ngay chữ Một nhìn Sư. Sư liền đổi chữ ấy thành chữ Hữu. Từ Minh gật đầu.

Ngài Từ Minh thấy bệnh ở đâu thì ngay đó mà gỡ. Nghe nói tha ba gậy liền chấp cho tha thật, hỏi khám phá bà già thì tưởng đâu thật có khám phá, cho những lời thiền sư là có ý vị để nghiền ngẫm. Khi Huệ Nam đến, ngài chửi mắng, dùng những tiếng thô tục chửi mắng, không phải một lần mà nhiều lần như vậy. Cho đến không kham chịu nổi, bên cạnh có những thị giả đứng hầu mà chửi mắng nhục nhã vậy làm sao chịu nổi. Huệ Nam mới thốt: *Chính vì chưa hiểu câu quyết nghị, mắng chửi đâu phải quy củ từ bi thí pháp!* Ngài Từ Minh cười nói một câu nhẹ hững: *Đó là mắng chửi sao?*

Ngang đó ngài mới giật mình, như vậy lời của các thiền sư nói là rộng, dù chửi mắng cũng là đùa chơi không thật. Thấy được lẽ thật nên bây giờ mới ngộ được lý Triệu Châu khám phá bà già. Ngài bèn trình kệ, nói: *Lão bà khám phá một lai do.* Lão bà khám phá không mối manh. Ngài Từ Minh bảo sửa lại thành chữ *hữu*, tức là có mối manh. Nghĩa là nói như vậy xem như câu nói rộng, nhưng gây cho người ta ấn tượng nghi ngờ để phản tìm. Như vậy là có, tuy rộng mà có mối manh.

Đó là chỗ đặc biệt của ngài Từ Minh, biết bệnh người học, sử dụng những thuật kỳ lạ. Không phải người nào tới ngài cũng mắng chửi, chỉ đối người kẹt trong ngôn ngữ thì dùng ngôn ngữ phá.

Sư dừng lại đây hơn một tháng, rồi từ tạ du phương. Năm ấy Sư được ba mươi lăm tuổi. Đến Kim Loan, Sư gặp Văn Duyệt. Thấy nhau, Sư cười nói:

- Tôi nếu chẳng nhờ Sư huynh và Cốc Tuyên thì đâu biết được Từ Minh.

Sau, Sư khai pháp ở Đồng An. Ngày đầu, Sư thượng đường:

- Biển trí không tánh, bởi cái giác vọng nên thành phàm. Cái giác vọng vốn rỗng, tức tâm phàm mà thấy Phật, liền vậy thôi đi. Nghĩa là Đồng An (Sư) không chia hợp, tùy chỗ muốn điên đảo của các ông. Nam đầu bảy, Bắc đầu tám...

Câu đầu ngài nói có lý thú để chúng ta nghiệm: *Biển trí không tánh, bởi cái giác vọng nên thành phàm.* Biển trí tuệ không có tự tánh, bởi không tự tánh nên không có chủ ý để gìn giữ, từ đó có cái giác vọng dấy lên biến thành phàm. Giác vọng này chúng ta gọi là vọng tưởng, là niệm khởi. *Cái giác vọng vốn rỗng, vọng tưởng vốn rỗng không thật.* Nếu biết vậy thì *tức tâm phàm mà thấy Phật*, ngay nơi phàm tức còn có vọng tưởng, biết vọng tưởng không thật, đó là từ phàm mà thấy được giác. *Liền vậy thôi đi*, ngang đó dừng đi. Đó là chỗ tu không gì lạ.

Lời dạy đơn giản này rất phù hợp với chúng ta, rõ ràng không khác. Ngài nói tôi không chia hợp gì hết, tùy chỗ điên đảo các ông mà nói. Thì bây giờ nói gì? *Nam đầu bảy, Bắc đầu tám...* tùy đó muốn hiểu sao hiểu.

Lúc Sư trụ trì tại Quy Tông, một đêm lửa cháy chùa, đại chúng kêu la dậy núi, mà Sư vẫn ngồi yên như bình thường. Tăng Hồng Chuẩn muốn dời

Sư chạy, bị Sư quở. Chuẩn thưa: “Dù Hòa thượng chán thế gian, song đạo pháp Từ Minh trông cậy vào chỗ nào?” Sư mới chịu sửa áo đứng dậy. Lúc ấy lửa đã cháy ào đến cháy nám da và rụi râu tóc của Sư. Quan địa phương dẫn dân chúng đến cứu lửa. Thấy Sư vẫn vui vẻ như thường, chỉ không ăn mà thôi. Đến hai tháng sau, râu tóc mới ra lại, da thịt mới lành.

Khi lửa cháy chùa, ngài định ngồi luôn cho nó cháy, không cần đi. Tăng Hồng Chuẩn nói: *Hòa thượng chán thế gian* đó là quyền của Hòa thượng, *nhưng đạo pháp của Từ Minh trông cậy vào ai?* Nghe vậy ngài mới chịu đứng dậy đi. Coi thường sự chết sống mà an nhàn như vậy.

Sư dời về Hoàng Bá cất am bên khe suối để tên là Tích Thúy. Tăng chúng nước Mân nước Việt nghe đạo phong của Sư đua nhau tìm đến.

Sư dạy chúng:

- Thiền sư Vĩnh Gia nói:

*Du giang hải, thiệp sơn xuyên
Tâm sư phỏng đạo vị tham thiền
Tự tùng nhận đắc Tào Khê lộ
Liễu tri sanh tử bất tương quan.*

Dịch:

**Dạo sông biển, giẫm núi khe
Tìm thầy học đạo gọi tham thiền**

Từ ngày nhận được Tào Khê lộ

Biết ranh sanh tử chẳng tương quan.

Chư Thượng tọa! Cái nào gọi là đạo núi sông? Cái nào gọi là tầm sư? Cái nào gọi là tham thiền? Cái nào gọi là hỏi đạo? Nhằm Hoài Nam, Lưỡng Chiết, Lô Sơn, Nam Nhạc, Vân Môn, Lâm Tế mà cầu thầy hỏi đạo; Động Sơn, Pháp Nhãn mà tham thiền, ấy là nhằm bên ngoài tìm cầu, gọi là ngoại đạo. Nếu lấy tánh Tỳ-lô làm biển, trí Bát-nhã tịch diệt làm thiền, gọi là cầu bên trong. Nếu cầu bên ngoài thì người chạy mãi; nếu dừng lại cầu bên trong năm uẩn là người bị trói mãi. Thế nên, Thiền chẳng phải trong ngoài, chẳng phải có không, chẳng phải thật hư. Đâu chẳng nghe nói: Thấy trong thấy ngoài đều lìa, Phật đạo ma đạo đều ác. Chợt đi như vậy chừ trắng lặn núi tây, lại tìm danh sắc chừ nơi nào miêu tả?

Ngài muốn nhắc cho chúng ta biết rằng, người học thiền không phải tìm đâu này chốn kia nơi nọ gọi là học thiền. Thiền không phải ở bên ngoài, nếu chạy tìm bên ngoài, đó là ngoại đạo. Nếu lấy tánh Tỳ-lô làm biển, trí Bát-nhã tịch diệt làm thiền, gọi là cầu bên trong, cứ xoay vô trong tìm cầu như vậy là bị trói. Thiền không phải ở ngoài cũng không phải ở trong, không phải có không phải không, không phải hư không phải thật. Còn thấy hai bên là trái với thiền.

Chúng ta tu phải khéo léo. Có nhiều người không biết, ngồi thiền cứ muốn yên lặng, đè cho tâm yên, càng đè

tim càng đập, rồi sanh bệnh. Thiền có nghĩa là dừng để sáu căn dính sáu trần, không phải xoay lại tìm kiếm ở trong tim trong ngực, xoay lại tìm bên trong là bệnh.

Sư ở trong thất thường hỏi Tăng:

- Người người trọn có quê quán, Thượng tọa quê quán tại chỗ nào?

Chính lúc vấn đáp qua lại, Sư lại duỗi tay, nói:

- Tay tôi sao giống tay Phật?

Hỏi chỗ sở đắc của Tông sư mà các vị đến tham thỉnh, Sư liền duỗi chân nói:

- Chân tôi sao giống chân lừa?

Hơn ba mươi năm lấy ba câu này hỏi, học giả khó khế ngộ huyền chỉ. Khắp các tông lâm gọi là tam quan (ba cửa). Nếu có ai đáp thì Sư không nói phải chăng phải, vẫn khép mắt ngồi thẳng, không ai lường được ý ấy.

Nam Châu cao sĩ Phan Hưng Từ từng hỏi lý do ấy. Sư bảo:

- Đã ra khỏi cửa thì phất tay đi thẳng, chẳng cần biết có kẻ gác cửa. Từ người gác cửa hỏi phải chăng phải, ấy là người chưa qua khỏi cửa vậy.

Ngài có ba câu hỏi. Thứ nhất, *Người người trọn có quê quán, Thượng tọa quê quán tại chỗ nào?*

Thứ hai, đang vấn đáp ngài duỗi tay nói: *Tay tôi sao giống tay Phật?*

Thứ ba, *Chân tôi sao giống chân lừa?*

Ba câu hỏi đó, người trả lời, ngài cứ ngồi làm thinh, không nói trúng trật phải quấy. Hỏi tại sao ngài không nói cho người biết? Ngài đáp: Người đã ra khỏi cửa thì cứ phất tay mà đi, đâu cần biết kẻ gác cửa làm gì. Nếu còn hỏi người gác cửa “Đây có phải đường ra cổng hay không?”, như vậy là người đã ra cổng hay chưa ra cổng? Còn hỏi phải hay chẳng phải đó là chưa ra khỏi cổng.

Như hình ảnh ngài Đạo Giai ở chỗ ngài Đầu Tử, khi ngộ rồi mà thầy kêu: *Xà-lê lại đây* thì ngài đi thẳng. Hỏi: *Người hết nghi chưa?* Bịt lỗ tai. Ý rằng cứ thẳng đó mà đi chứ còn hỏi tới hỏi lui chi nữa? Còn hỏi tức là chưa xong, chưa thấy tột.

Sư tự làm tụng rằng:

*Sanh duyên hữu ngữ nhân giai thức
Thủy mẫu hà tăng ly đắc hà
Đản kiến nhật đầu đông bạn thượng
Thùy năng cánh khiết Triệu Châu trà.*

Dịch:

**Quê quán có nói người đều biết
Thủy mẫu đâu từng là được tằm
Chỉ thấy vầng ô bờ đông tiến
Ai hay lại uống trà Triệu Châu.**

Đây là tụng ba câu hỏi. Bài thứ nhất tụng về *Sanh duyên* (quê quán).

Thủy mẫu đầu từng là được tôm. Nếu không biết câu chuyện này thì cũng khó mà hiểu. Sách xưa Trung Hoa nói rằng con thủy mẫu, đi đâu phải nhờ con tôm chở đi. Các sách gần đây nghiên cứu về các loài ở dưới biển, người ta gọi nó là hải quỳ.

Thân của hải quỳ, nếu vớt lên trên khô, thì như cục bột nhão, nếu thả xuống nước thì nó lại nở ra, có dáng như hoa cúc hay hoa quỳ rất đẹp. Thân mình có nhiều tua gọi là xúc tu, mỗi xúc tu có miệng như con đũa, dùng miệng cắm xuống đá giữ thân mình và hút thức ăn. Nó là loài sống trôi nổi, muốn di chuyển phải bám vào lưng con tôm hoặc con cua. Con cua con tôm chở nó đi kiếm ăn, hai con đoàn kết đều có lợi. Nhờ con tôm hoặc con cua chở đi, thì nó kiếm ăn được. Trong những xúc tu của nó có chứa nước độc, khi các con vật khác chạm tới, nó phun nước đó ra thì bị ngứa ngáy cháy da, chịu không nổi. Vì vậy tôm chở nó đi kiếm ăn, có con gì mà khuấy phá thì nó xịt thứ nước đó ra, mấy con kia tan chạy hết. Con tôm nhờ nó bảo vệ, nó nhờ con tôm chở đi kiếm ăn, hai đứa nương nhau mà sống. Những con vật ở dưới đáy biển cũng biết đoàn kết, đứa có tài này đứa có nghề kia bảo vệ cho nhau mà sống, hai con không rời nhau.

Đây ngài dùng câu *Thủy mẫu đầu từng là được tôm*. Tức là hai cái nương gá nhau. Câu hỏi về sanh duyên là hỏi về duyên đời trước ở đâu, hiện giờ sanh lại đây? Ý nói chúng ta có mặt ở đây không phải là một lần, nhân trước quả sau có liên hệ, giống như con tôm với con thủy mẫu, hay là con hải quỳ.

Chỉ thấy vàng ô bờ đông tiến, chúng ta chỉ thấy mặt trời sớm mai mọc từ biển đông. Ai hay lại uống trà Triệu Châu, ít ai biết được, uống được trà Triệu Châu. Người ta chỉ thấy được cảnh đời, hoặc thời gian sáng mặt trời mọc, chiều lặn. Cảnh biến chuyển vô thường đó thì ai cũng thấy cũng biết. Nhưng mà cái hiện hữu, uống trà, không ai thấy được.

Bài thứ hai tụng về Tay ta, tay Phật.

***Ngã thủ Phật thủ tịnh cử
Thiền nhân trực hạ tiến thủ
Bất động can qua đạo xuất
Đương xứ siêu Phật việt Tổ.***

Dịch:

**Tay ta tay Phật đồng nêu
Ngay đó thiền nhân tiến lấy
Chẳng khua gươm giáo nói ra
Nơi đây siêu Phật vượt Tổ.**

Nếu thấy tay của mình, tay của Phật không khác, ngay đó thấy được thì khỏi khua gươm giáo, tức là khỏi múa gươm múa lưỡi gì. Khi dùng ngôn ngữ, ngài cho là khua gươm giáo.

Bài thứ ba tụng về Chân ta, chân lừa.

***Ngã cước lư cước tịnh hành
Bộ bộ đạp trước vô sanh
Trực đãi vân khai nhật hiện
Phương tri thử đạo tung hoành.***

Dịch:

**Chân ta chân lửa đồng đi
Bước bước đạp đến vô sanh
Thẳng đọi mây tan nhật hiện
Mới biết đạo này tung hoành.**

Nếu thấy chân của mình và chân của lửa không khác, đó là đã tiến được tới chỗ vô sanh. Đây là trường hợp tông Tào Động nói về dị loại. Đi trong dị loại dễ đạt đến vô sanh. *Thẳng đọi mây tan nhật hiện*, tức là tất cả mây mù phiền não tan hết thì mặt trời trí tuệ hiện. *Chừng đó mới biết đạo này tung hoành.*

Ngài làm bài tụng chung.

Tổng tụng:

*Sanh duyên đoán xứ thân lư cước
Lư cước thân thời Phật thủ khai
Vị báo Ngũ hồ tham học giả
Tam quan nhất nhất thấu tương lai.*

Dịch:

**Chỗ quyết sanh duyên đuổi chân lửa
Chân lửa khi đuổi tay Phật hiện
Vì bảo khách Ngũ hồ tham học
Ba cửa nơi nơi hãy thấu qua.**

Sư trụ Hoàng Long hoằng hóa rất thanh đảm so bì với Mã Tổ, Bá Trượng.

Đến niên hiệu Hy Ninh năm thứ hai (1069) ngày mười bảy tháng ba, Sư ngồi kiết già thị tịch. Sư thọ 68 tuổi, được 50 tuổi hạ.

Sư là Khai tổ của hệ phái Hoàng Long, một chi nhánh trong tông Lâm Tế.



THIÊN SƯ PHƯƠNG HỘI Ở DƯƠNG KỲ

(992 - 1049)

Khai Tổ hệ phái Dương Kỳ

Sư họ Lãnh, quê ở Nghi Xuân, Viên Châu. Thuở nhỏ Sư tánh tình nhậm lẹ nói năng vui vẻ và lý thú. Đến lớn Sư không theo nghiệp bút nghiên. Có dịp Sư đến Cửu Phong chợt nhớ như chỗ đã từng ở, quyến luyến không thể bỏ đi. Sư liền xin cạo tóc xuất gia làm Tăng. Sư xem kinh nghe pháp tâm mở sáng tinh thần lãnh hội.

Đi du phương, Sư đến yết kiến thiên sư Từ Minh ở Nam Nguyên. Sư dừng lại đây phụ tá cho Từ Minh một cách siêng năng cần khổ. Từ Minh dời sang Đạo Ngô, Thạch Sương, Sư cũng dời theo. Nơi đây Sư làm Giám tự. Tuy theo Từ Minh đã lâu mà Sư chưa tỉnh ngộ.

Mỗi khi đến thưa hỏi, Từ Minh bảo:

- Việc trong ty khố quá nhiều hãy đi.

Hôm khác Sư đến hỏi, Từ Minh bảo:

- Giám tự ngày sau con cháu khắp thiên hạ cần gì vội gấp.

Một hôm Từ Minh vừa đi ra chợt mưa đến, Sư rình ở con đường tắt. Từ Minh đến, Sư liền nắm đứng lại nói:

- Ông già này! Hôm nay phải vì tôi nói, nếu không nói tôi sẽ đánh ông.

Từ Minh nói:

- Giám tự biết là việc quanh co liền thôi.

Câu nói chưa dứt, Sư đại ngộ, liền đánh lễ ngay dưới bùn.

Hôm sau, Sư đầy đủ oai nghi đến phương trượng lễ tạ. Từ Minh quở:

- Chưa phải.

Ngài Dương Kỳ, lý do xuất gia hết sức đơn giản. Ngài đến Cửu Phong, nhớ lại chỗ này như mình đã ở trước rồi, bây giờ trở lại thấy quyến luyến, không thể bỏ qua, vì vậy phát tâm xuất gia.

Khi hỏi đạo thì việc hỏi đạo của ngài cũng lạ. Những khi thưa hỏi ngài Từ Minh từ chối không đáp. Vì tâm khao khát muốn nghe, buộc lòng phải rình ngài Từ Minh đi mà nắm lại, nói: *Ông già này! Hôm nay*

*phải vì tôi nói, nếu không nói tôi sẽ đánh ông. Như vậy có vẻ lỗ mãng, không còn vẻ thầy trò nghiêm chỉnh nữa. Ngài Từ Minh nói một câu đơn giản: *Giám tự biết là việc quanh co liền thôi*. Ngay câu đó liền ngộ rồi đánh lễ ngay dưới bùn.*

Câu nói đó có công dụng gì mà ngài ngộ mau vậy? Nói rằng biết là việc quanh co liền thôi. Trong chúng ta hiện giờ, mỗi người tâm mình có quanh co không? Tâm quanh co là tâm chạy bên này bên kia, kinh nói trực tâm là đạo tràng, tâm ngay thẳng là đạo tràng, còn tâm quanh co là phiền não. Biết phiền não liền buông đi là xong.

Quá đơn giản, nghe một câu mà ngộ liền buông được. Chúng ta nghe nói bao nhiêu câu mà không chịu ngộ.

Sau giờ thọ trai, Từ Minh thường lên núi đi kinh hành, có các thiền giả đến tham vấn không biết đâu mà tìm. Sư biết Từ Minh đi chưa bao xa, liền đánh trống họp chúng. Từ Minh giận rầy:

- Tiểu tùng lâm chiều mà đăng tòa từ đâu được quy củ này?

Sư thưa:

- Phần Dương chiều vẫn tham vấn sao lại chẳng phải quy củ.



Từ Minh thượng đường, Sư ra hỏi:

- Khi “chim núp kêu nấp nấp, mây lẫn vào núi loạn” là thế nào?

Từ Minh đáp:

- Ta đi trong cỏ hoang, người lại vào thôn sâu.

Sư thưa:

- Quan chẳng nhận kim⁽⁸⁾, lại mượn một câu hỏi.

Từ Minh liền hét. Sư thưa:

- Hét hay.

Từ Minh lại hét. Sư cũng hét. Từ Minh hét luôn hai tiếng. Sư lễ bái. Từ Minh nói:

- Việc này là cá nhân mới hay gánh vác.

Sư phủ áo ra đi.

Qua đoạn đối đáp trên, từ câu đầu ngài hỏi, ngài Từ Minh cho rằng chưa phải. Đến khi ngài Từ Minh hét, ngài Dương Kỳ khen: *Hét hay!* Từ Minh lại hét, ngài cũng hét đáp lại. Từ Minh hét luôn hai tiếng, ngài đánh lễ. Từ đó thầy trò mới gọi là thông cảm hoàn toàn.

Tại sao nghe Từ Minh nói, *Việc này là cá nhân mới hay gánh vác*, ngài liền phủ áo ra đi? Tức là không còn một tý ngờ vực gì nữa, nên nghe nói là phủ áo đi.

Một hôm Từ Minh hỏi:

- Mã Tổ thấy Nam Nhạc liền ngộ, hãy nói cái mê lui ở chỗ nào?

Sư thưa:

- Cần ngộ là dễ, cần mê là khó.

⁽⁸⁾ Nguyên chữ Hán là Quan bất dụng châm.

Như chúng ta có cái nhà tối chưa đốt đèn. Khi chưa đốt đèn thấy toàn là bóng tối, khi thắp đèn sáng lên rồi thì bóng tối đi đâu? Nó lui chỗ nào? Ai biết chỗ lui được thì giỏi. Đơn giản vô cùng, vì tối và sáng không thật, có sáng thì không có tối, có tối thì không có sáng. Nếu là thật thì nó có chỗ lui.

Như mấy chú thật có mặt ở đây, sau khi giải tán thì mấy chú đi đâu? Sẽ nói, về đông đường tây đường. Vì có người cụ thể thì còn có chỗ lui. Cái sáng cái tối không thật, không có đến đi. Mê với ngộ cũng vậy, khi mê thì không ngộ, khi ngộ thì không mê, không có chỗ nào để lui.

Câu đáp của ngài nghe càng khó hiểu: *Cần ngộ là dễ, cần mê là khó*. Chúng ta thấy cần ngộ là khó, cần mê là dễ. Vì đang mê nên kiếm cái ngộ không ra. Với ngài thì ngài đang ngộ, nên kiếm cái mê khó, như đang sáng kiếm cái tối dễ hay khó? Câu nói này chứng minh là ngài đã ngộ.

Hai thầy trò đối đáp rất lý thú. Thầy muốn dò dẫm người trò đã ngộ hay còn mê, nên nói: *Mã Tổ thấy Nam Nhạc liền ngộ, cái mê lui về đâu?* Ngài trả lời: *Cần ngộ là dễ, cần mê là khó*. Hiện giờ con đối với cái ngộ thì thấy dễ, tìm cái mê không ra.

Từ Minh dời về Hưng Hóa, Sư từ tạ trở lại Cửu Phong. Tăng tục trong làng Bình Thập đồng thỉnh Sư trụ trì trên núi Dương Kỳ.

Sư dạy chúng:

- Chẳng thấy một pháp là lỗi lầm lớn.

Sư đưa gậy lên nói:

- Phủng qua lỗ mũi ông già Thích-ca, làm sao nói được một câu thoát thân? Đến chỗ nước chẳng rửa nước, nói ra một câu đi!

Sư im lặng giây lâu nói:

- Đến đạo chớ đi đường dưới núi, hiện nghe vượn hú tiếng đoạn trường.

Sư dạy chúng:

- Tất cả trí thông không chướng ngại.

Sư đưa gậy lên nói:

- Cây gậy đến trước các ông trình thần thông đây.

Sư ném cây gậy nói:

- Liền được càn khôn chấn động quả đất lung lay. Hội chẳng? Đâu chẳng thấy nói “nhất thiết trí trí thanh tịnh”.

Sư vin tòa ngồi, nói:

- Ba mươi năm sau chớ bảo Dương Kỳ đầu rồng đuôi rắn.

Tại sao ngài không đầu rồng đuôi rắn? Đoạn này thủy chung đều chỉ con đường Văn-thù. Đưa cây gậy lên, nói ít câu thần chú chơi, rồi đưa cây gậy lên nữa. Mấy phen đưa lên hoặc ném xuống... cũng lấy cây gậy chỉ cho mọi người. Chúng ta không khéo thì cứ chạy theo lời nói mà quên cái chủ yếu của ngài muốn chỉ.

Sư hỏi Tăng mới đến:

- Mây dày đường hẹp xe to từ đâu đến?

Tăng thưa:

- Trời không bốn vách.

- Đi rách bao nhiêu đôi giày cỏ?

Tăng liền hét. Sư bảo:

- Một hét hai hét sau lại làm gì?

- Xem ông Hòa thượng già vội vàng.

- Cây gậy không có ở đây, thôi ngồi uống trà.

Ông tăng này giỏi hay dở? Ngài mở màn bằng câu *Mây dày đường hẹp chiếc xe to từ đâu đến?* Xem như đường hẹp mây dày chật kín rồi, chiếc xe to từ đâu mà đến? Tăng trả lời: *Trời không bốn vách.* Trời thênh thang, đâu mà đến không được. Đó là cách trả lời khéo léo.

Ngài gài qua cái khác: *Đi rách bao nhiêu đôi giày cỏ?* Tăng trả lời bằng tiếng hét. Ngài liền bẻ: *Một hét hai hét sau lại làm gì?* Tăng trả lời: *Xem ông Hòa thượng già vội vàng.* Ngài nói: *Cây gậy không có ở đây, thôi ngồi uống trà.* Như vậy nếu có gậy thì sao? Ngài thưởng hay phạt?

Sư hỏi Tăng mới đến:

- Lá rụng mây dồn, sớm rời chỗ nào?

Tăng thưa:

- Quan Âm.

- Dưới chân Quan Âm một câu làm sao nói?

- Vừa đến thấy nhau xong.

- Việc thấy nhau là thế nào?

Tăng không đáp được. Sư bảo:

- Thượng tọa thứ hai đáp thế Thượng tọa thứ nhất xem?

Vị tăng thứ hai cũng không đáp được. Sư bảo:

- Cả hai đều độn hết.

Trong Dương Kỳ Quảng Lục có một đoạn nói: Một hôm trời mùa đông, tuyết xuống ở miền bắc Trung Hoa, thất cửa ngài dột nát, cho nên tuyết rơi xuống đầy cả giường. Lúc lạnh run ngài làm bài thơ:

Dương Kỳ sạ trụ ốc bích sơ

Mãn sàng tận tán tuyết chân châu

Xúc khước hạng, ám ta hu

Phiên ức cổ nhân thọ hạ cư.

Dương Kỳ sạ trụ ốc bích sơ, đêm qua nhà của Dương Kỳ thưa rách. *Mãn sàng tận tán tuyết chân châu*, đầy giường trợn tuyết rơi giống như những hạt trân châu. *Xúc khước hạng, ám ta hu*, lạnh rút cổ miệng hít hà, lạnh rút cổ miệng run lập cập. Hình ảnh nhà rách nát, tuyết rơi đầy giường, lạnh run hít hà. Nhưng mà: *Phiên ức cổ nhân thọ hạ cư*. Câu sau này hay quá chừng! Lại nhớ người xưa ở cội cây. Tuy rằng mình nhà rách bị tuyết rơi lạnh run, nhưng nhớ lại người xưa không

có nhà, chỉ ở dưới cội cây, mình bây giờ tuy nhà rách mà còn hơn dưới cội cây, ngang đó có an ủi liền khỏi buồn.

Nhà ngài rách như vậy nên một hôm Tri sự bạch: Bạch Hòa thượng, để con sửa cái thất lại cho Hòa thượng. Ngài hỏi: Ông ngộ đạo chưa? Tri sự thưa: Con chưa ngộ đạo. Ngài bảo: Ông chưa ngộ đạo thì có thời giờ đâu mà lo sửa thất cho ta?

Người xưa chủ yếu là làm sao người đến với mình được ngộ đạo, được thấy đạo. Chẳng những người lớn mong như vậy, người nhỏ cũng phải tận tâm đem hết sức lực của mình tu hành để làm sao cho đạt đạo. Đó là mục đích duy nhất của người tu. Nếu tu chưa ra gì, lo làm cái này cái kia, mất thời giờ không xứng đáng. Vì thế ngài nói, chưa ngộ đạo đâu có thời giờ mà làm thất cho ta.

Niên hiệu Khánh Lịch năm thứ sáu (1046), Sư dời ở núi Vân Cái, Đàm Châu. Sư đem Lâm Tế chánh mạch trao cho thiền sư Thủ Đoan.

Đến niên hiệu Hoàng Hựu cải nguyên (1049), Sư thị tịch. Thập Sư tại núi Vân Cái.

Tông Lâm Tế đến ngang đây chia ra hai phái: một là Dương Kỳ, hai là Hoàng Long. Vì vậy nói về tông phái nhà thiền thì gọi là năm tông bảy phái.

Sau này chúng ta thấy ở Việt Nam, trong những lá phái cũ chữ Hán, thường thường để Lâm Tế Chánh Tông hoặc là Lâm Tế Gia Phổ. Trong hai phái đó, không biết ngài Dương Kỳ là Lâm Tế Chánh Tông hay là ngài

Hoàng Long. Nhưng trong đây có câu *Ngài đem Lâm Tế chánh mạch trao cho thiền sư Thủ Đoan*. Chánh mạch gần với chánh tông, có lẽ bên Dương Kỳ thuộc về chánh tông.



THIÊN SƯ TÔNG BỔN
hiệu VIÊN CHIẾU ở HUỆ LÂM

(1020 - 1099)

Sư họ Quán, quê ở Vô Tích, Thường Châu, dung mạo trang nghiêm tánh tình thuần hậu. Năm mười chín tuổi, Sư theo thiền sư Đạo Thăng ở chùa Thừa Thiên Vĩnh An trên núi Cô Tô xuất gia. Sư ở đây hầu hạ gần mười năm mới được thọ giới Cụ túc. Sau ba năm, Sư từ tạ xin đi du phương.

Sư đến Trì Dương yết kiến Thiên Y Nghĩa Hoài, Thiên Y dẫn câu chuyện:

- “Bồ-tát Thiên Thân theo đức Di-lặc vào nội cung trở về. Bồ-tát Vô Trước hỏi: Ở nhân gian bốn trăm năm, tại cõi trời Đâu-suất một ngày một đêm. Đức Di-lặc trong một thời dạy xong năm trăm ức vị thiên tử chứng pháp nhãn vô sanh, chưa biết nói pháp gì? Thiên Thân đáp: Chỉ nói pháp ấy.” Thế nào là pháp ấy?

Trải qua thời gian lâu, Sư mới khai ngộ.

Một hôm Thiên Y ở trong thất hỏi Sư:

- Khi tức tâm tức Phật thì thế nào?

Sư thưa:

- Giết người đốt nhà có gì là khó.

Bồ-tát Vô Trước và Bồ-tát Thiên Thân là hai anh em ruột. Ngài Vô Trước ngộ lý đại thừa sớm, ngài Thiên Thân thì nghiêng về tiểu thừa. Về sau, ngài Vô Trước dùng mọi phương tiện khuyến khích ngài Thiên Thân hướng về đại thừa. Một đêm ngài Thiên Thân mộng thấy lên cung trời Đâu-suất, gặp Bồ-tát Di-lặc dẫn vào trong nội điện.

Câu chuyện như vậy, đây dẫn lời ngài Vô Trước hỏi ngài Thiên Thân: *Nhân gian bốn trăm năm, tại cõi trời Đâu-suất một ngày một đêm. Đức Di-lặc trong một thời dạy xong năm trăm ức vị thiên tử chứng pháp nhãn vô sanh, chưa biết nói pháp gì?* Ngài Thiên Thân đáp: *Chỉ nói pháp ấy.*

Ở thế giới chúng ta bốn trăm năm bằng ở cung trời Đâu-suất một ngày một đêm, như chúng ta thấy những con phù du sớm mai vừa sanh ra đến chiều chết. Người ta thường nói kiếp phù du tạm bợ sớm sanh chiều tử. Các vị Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất nhìn chúng ta có giống những con phù du không? Một ngày một đêm ở trên đó, chúng ta chết sống bao nhiêu lần? Bốn trăm năm chết sống ít nhất là sáu lần, mỏng manh hơn con phù du. Vậy mà chúng ta cũng tự mãn cho là mình sống dai, sống dài.

Hình ảnh ở thế gian và hình ảnh trên cung trời Đâu-suất, tuổi thọ và thời gian cách biệt như vậy có khó tin lắm không? Khoa học đã giúp chúng ta hiểu được điều này. Trong vũ trụ có vô số thế giới. Có những thế giới, những hành tinh sánh với quả địa cầu lớn gấp mấy mươi lần. Có nhiều thế giới mà ánh sáng mặt trời chiếu không tới mình không thấy. Như trong kinh nói có cõi trời Thiếu quang thiên, Thiếu tịnh quang thiên, Đại tịnh quang thiên, là tự ánh sáng của nó soi, mặt trời chiếu không tới. Như vậy có những thế giới nhỏ, thế giới lớn, hành tinh nhỏ, hành tinh lớn. Hành tinh của chúng ta so với những hành tinh khác thuộc loại nhỏ, nhỏ thì quay mau, quay mau tức ngày đêm nhanh. Những hành tinh lớn, tỷ dụ lớn hơn mình mấy trăm ngàn lần, tự nhiên nó quay chậm hơn, tối sáng chậm hơn. Ngày tháng dài, người ở đó tuổi thọ cũng dài. Những cõi sai biệt nhau, đó là ý nghĩa thường.

Đến câu ngài Thiên Thân nói: *Chỉ nói pháp ấy*, ngài Thiên Y Nghĩa Hoài liền đặt câu hỏi: *Thế nào là pháp ấy?* Nghe câu hỏi đó, ngài Tông Bổn không hiểu gì, đến thời gian lâu xa sau ngài mới khai ngộ. Sau khi ngộ rồi, một hôm ngài Thiên Y ở trong thất hỏi: *Khi tức tâm tức Phật thì thế nào?* Ngài thưa: *Giết người đốt nhà có gì là khó.*

Câu trả lời tàn nhẫn, nghe thật lạ tai. Điểm đặc biệt ở đây là khi nói tâm, nói Phật thì đáp bằng giết người đốt nhà. Đó là một phản đề, trong nhà thiền hay dùng, hỏi có thì lấy không đáp, hỏi phải thì lấy quấy đáp. Nên đây hỏi tâm hỏi Phật thì lấy giết người, đốt nhà đáp.

Từ đây danh tiếng Sư đồn khắp từng lâm. Tào sử Lý công thỉnh Sư khai pháp ở Thụy Quang, pháp hội rất đông đảo. Thái thú Võ Lâm Trần công thỉnh Sư trụ trì một trong hai chùa Thừa Thiên và Hưng Giáo tùy Sư chọn lấy. Dân chúng tăng tục đất Tô đều ngăn cản, không để Sư đi, lại cố thỉnh Sư trụ trì tại chùa Tịnh Từ. Trên làm ít lời khuyến nhủ rằng: “Mượn Thầy ở đây ba năm vì dạy dân chúng vùng này gieo trồng phước lành, không dám chiếm lâu.” Tăng tục mới ưng cho Sư đi.

Vì dân chúng ở vùng này mến ngài, khi ngài được cử đi trụ trì thì người ta quyến luyến, ngăn không cho đi. Quan phải tạm nói cho mượn ba năm thôi, mãi ba năm rồi về. Mọi người mới chịu cho đi.

Niên hiệu Nguyên Phong năm thứ năm (1082), vua Tống Thần Tông xuống chiếu xây cất thêm trong chùa Tướng Quốc thành sáu mươi tư viện, chia tám phần về Thiền, hai phần về Luật. Vua ra chiếu thỉnh Sư trụ trì chùa Huệ Lâm.

Sư đến nơi, vua sai sứ đến hỏi thăm sức khỏe. Hôm sau, vua thỉnh Sư vào điện Diên Hòa để hỏi đạo. Sư vào ngồi kiết già, vua hỏi:

- Thầy xuất gia nơi chùa nào?

Sư tâu:

- Chùa Thừa Thiên Vĩnh An, Tô Châu.

Vua vui vẻ mời uống trà. Sư bưng chung trà hớp từng ngụm dài, lay động tự tại. Vua nói:

- Thiền tông mới hưng thịnh nên khéo mở đường.

Sư tâu:

- Bệ hạ biết có đạo này như mặt trời soi xuống, thân đâu dám bê trễ.

Sư từ giả trở về, vua đưa mắt nhìn theo và bảo tả hữu rằng:

- Đây là vị tăng chân thật phước huệ.

Qua hình ảnh này, chúng ta thấy ngài có điểm đặc biệt. Xưa thời quân chủ, người đến chỗ vua thì đứng ngồi đều khúm núm không dám ngồi thẳng, không dám cục cựa. Ngài thì ngồi kiết già, uống trà từng hớp từng ngụm, tự tại không sợ gì. Ngài đối với những bậc thiên hạ nể sợ, vẫn xem bình thường, ở trong cung vua như ở nhà. Không có niệm sợ người trên mà khinh kẻ dưới, lúc nào cũng vẫn bình thản.

Sau, Sư lấy cố già xin trở về rừng núi, được nhà vua chấp thuận, cho Sư tùy ý vân du châu quận không được ép trụ trì. Sư đánh trống nhóm chúng từ biệt, nói kệ:

Bản thị vô gia khách

Na kham nhậm ý du

Thuận phong gia lỗ trạo

Thuyền tử hạ Dương Châu.

Dịch:

Vốn là khách không nhà

Nay được tùy ý dạo

Thuận gió thêm nhịp chèo Thuyền thẳng đến Dương Châu.

Người tu là khách không nhà. Chỗ không nhà đây là không có nhà riêng, người tu chỉ có chỗ chung, nương nhau mà ở, không có cái gì là của riêng mình. Khi được mời trụ trì thì ở đó làm bốn phận, khi hết bốn phận thì đi chỗ khác, vì vậy mà gọi là khách không nhà. Các kinh A-hàm gọi xuất gia là bỏ nhà, không nhà học đạo. Đây nói tư cách của người xuất gia, vốn là khách không nhà.

Sư ra khỏi đô thành, vua quan sĩ thứ đưa đón đầy đường. Sắp từ biệt nhau, Sư để lời nhắc rằng: “Không nên vui đùa năm tháng, già chết chẳng hẹn cùng người. Chỉ nên siêng năng tu hành chớ lười trễ, ấy là thật vì nhau.” Mọi người nghe đều cảm động rơi lệ!

Ngài nhắc *không nên vui đùa năm tháng*, tức là mỗi ngày qua rồi cười cợt giỡn chơi không lo tu để trôi sông hết ngày, hết tháng hết năm, cái già cái chết không hẹn với chúng ta nói rằng đúng tám mươi tuổi mới chết. Có khi ba bốn, năm mươi tuổi chết... không có nhất định. Vì thế được ngày nào yên ổn, phải ráng tu ngày đó.

Câu sau ngài nói: *Chỉ siêng năng tu hành chớ lười trễ, ấy là thật vì nhau*. Thương nhau vì nhau thì ráng tu, đừng khóc, đừng tỏ ra quyến luyến bịn rịn mà không chịu tu. Biết thương nhau biết vì nhau thì ráng tu hành chớ lười trễ. *Mọi người nghe đều cảm động rơi lệ!*

Tăng hỏi Sư:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn sang?

Sư đáp:

- Hàn Tín lâm triều.

- Kẻ căn cơ bậc trung và hạ làm sao lãnh hội?

- Chôn thân muôn dặm.

- Sớm biết việc ngày nay, hối hận chẳng dè dặt buổi đầu.

- Trên mô Tam hoàng cỏ rậm ri.

Những lối đối đáp này thì không cho chúng ta hiểu.

Sư thượng đường:

- Nơi đâu một sợi lông hiện cõi Bảo Vương, ngồi trong hạt bụi chuyển bánh xe đại pháp.

Sư đưa gậy lên nói:

- Cái này là bụi, làm sao nói đạo lý chuyển bánh xe pháp? Sơn tăng ngày nay chẳng tiếc lông mày cùng tất cả các người nói phá. Đưa lên thì nước biển dậy sóng, núi Tu-di lung lay. Buông xuống thì biển cả yên tĩnh. Thử hỏi các người, hãy nói đưa lên là phải hay hạ xuống là phải? Nên đoạn chẳng đoạn, hai lớp công án.

Sư gõ thiền sàng bước xuống.

Đoạn này ngài cốt chỉ cái gì? Cốt chỉ cây gậy đưa lên rồi để xuống. Ngài nói: *Đưa lên thì nước biển dậy sóng,*

núi Tu-di lung lay. Buông xuống thì biển cả càn khôn yên tĩnh. Quan trọng cho chúng ta thấy cây gậy đưa lên để xuống. Cuối cùng ngài nói: *Nên đoạn chẳng đoạn, hai lớp công án.* Ngay đó mà không nhận được thì bị hai lớp công án.

Sư thượng đường:

- **Đầu tròn giống trời, chân vuông tợ đất, dáng xưa từng góc, ý khí trượng phu, đá ngã Tu-di, đập nhào biển cả, Đế-thích cùng Long vương không chỗ ẩn thân.**

Sư đưa cây gậy lên nói:

- **Lại đến trên cây gậy tránh né, mặc người thân thông biến hóa, cứu cánh phải về nơi đây.**

Sư giộng cây gậy một cái.

Những câu nói của ngài giống như thần chú vậ thôi, mà mục tiêu là cây gậy.

Về già, Sư trụ ở Linh Nham. Đến niên hiệu Nguyên Phù năm thứ hai (1099) tháng chạp, Sư sắp tịch, tất gọi xong Sư nằm, đệ tử thấy thế đỡ dậy, thưa:

- **Hòa thượng truyền đạo khắp thiên hạ, hôm nay không lẽ chẳng để kệ, mong găng ngời yên.**

Sư nhìn thẳng bảo:

- **Kẻ si! Ta bình thường ghét làm kệ, ngày nay cả thầy mong làm cái gì? Bình thường ta ứng nằm thì nằm, chẳng lẽ ngày nay lại chuyên ngời? Dem bút lại!**

**Sư cầm bút viết: “Việc sau trao cho Thủ Vinh.”
Sư ném bút, nằm xuống tịch.**

Ngài nổi tiếng như thế, bình thường nói thiền nói đạo, mọi người đều kính nể, bây giờ gần chết lại nằm nên đệ tử đỡ lên: Xin Thầy viết kệ để lại! Ngài quở: Kẻ si! Bình thường ta ghét làm kệ, bây giờ lại mong ta làm kệ nữa? Bình thường ta ứng nằm thì nằm, ứng ngồi thì ngồi, giờ tại sao bắt phải ngồi? Với kẻ nhỏ thì muốn uy tín người lớn được cao, muốn thế này thế kia cho oai, nhưng với ngài thì trước vua, ngài còn không sợ thì chết sống khen chê, ngài đâu màng. Đi làm sao thành thời thì thôi, cho nên ngài nằm cũng được, không quan trọng. Đó là khí khái của ngài.



THIÊN SƯ PHÁP TÚ hiệu u VIÊN THÔNG ở chùa PHÁP VÂN

(? - 1090)

Sư họ Tân, quê ở Lũng Thành Tân Châu, mẹ mộng thấy ông sư già đến ngủ nhờ, tỉnh mộng liền biết có thai. Nguyên do là ở núi Mạch Tích có vị sư già quen cùng hòa thượng Lỗ ở chùa Ứng Càn, muốn theo hòa thượng Lỗ đi du phương. Hòa thượng Lỗ chê già đi không được. Vị sư ấy nói với Lỗ: “Ngày sau nên tìm tôi ở dưới ngọn Thiết Trường bên rặng tre cạnh sườn núi.”

Sau, Lỗ nghe ở chỗ ấy có sanh một đứa bé liền tìm đến xem. Đứa bé vừa thấy Lỗ liền cười. Được ba tuổi đứa bé (Sư) xin theo Lỗ về chùa.

Vị sư già này tuy chưa đạt đạo, nhưng có làm chủ được chút nào không? Ông có biết lựa chọn không? Khi người ta chê mình già, không làm được gì, thì thôi bỏ

thân già để mang thân trẻ. Kiếm chỗ gá thai, để ra làm phận sự. Như vậy cũng có sức tự chủ mạnh.

Đến mười chín tuổi, Sư thông kinh luật thọ giới Cụ túc, thích đến các hội giảng kinh, lâu thông kinh Viên Giác, kinh Hoa Nghiêm. Nhân nghe trong pháp hội của thiền sư Nghĩa Hoài thanh hành, Sư đi thẳng đến tham vấn.

Nghĩa Hoài hỏi:

- Tọa chủ giảng kinh gì?

Sư thưa:

- Kinh Hoa Nghiêm.

Nghĩa Hoài hỏi:

- Kinh Hoa Nghiêm lấy gì làm tông?

Sư thưa:

- Lấy pháp giới làm tông.

Nghĩa Hoài hỏi:

- Pháp giới lấy gì làm tông?

Sư thưa:

- Lấy tâm làm tông.

Nghĩa Hoài hỏi:

- Tâm lấy gì làm tông?

Sư không đáp được. Nghĩa Hoài bảo:

- Có sai hào ly cách xa trời đất, ông phải tự khán ắt có phát minh.

Sau, Sư nghe vị tăng nhắc việc “Bạch Triệu đến tham vấn Báo Từ: Khi tình chưa sanh thì thế nào? Báo Từ nói: Cách.” Sư hốt nhiên đại ngộ, liền chạy thẳng đến phương trượng trình bày chỗ sở chứng. Nghĩa Hoài bảo:

- Người thật là pháp khí, tông của ta sau này thanh hành nơi người vậy.

Chỗ ngộ của ngài từ kinh Hoa Nghiêm, nên ngài Nghĩa Hoài hỏi: *Kinh Hoa Nghiêm lấy gì làm tông?* Ngài đáp: *Lấy pháp giới làm tông.* Hỏi: *Pháp giới lấy gì làm tông?* Đáp: *Pháp giới lấy tâm làm tông.* Hỏi thêm: *Tâm lấy gì làm tông?* Ngài không đáp được. Từ chỗ đó, nên sau này nghe câu ngài Bạch Triệu hỏi ngài Báo Từ: *Khi tình chưa sanh thì thế nào?* Ngài Báo Từ đáp: *Cách.* Các thiền sư thường nói: *Tình sanh thì trí cách.* Đây tình chưa sanh tại sao cách? Câu này tương tự câu *Pháp giới lấy tâm làm tông. Tâm lấy gì làm tông?* Tâm thì không còn lấy gì làm tông nữa. Cũng như khi tình chưa sanh thì còn gì nữa mà cách. Bây giờ, ngài thấy được nghĩa tâm là chỗ cuối cùng.

Ban đầu Sư trụ ở Long Thư Tứ Điện. Sau có chiếu mời về trụ tại chùa Pháp Vân núi Trường Lô. Vua Thần Tông mời Sư đến trước Thần ngự thuyết pháp và ban hiệu là Viên Thông.

Sư thượng đường:

- Theo gió điều khiển buồm chính là theo mồi đuổi sóng, cắt đứt các dòng chưa khởi như xưa rỉ chảy. Xét tài bổ chức đâu ngoài hay dở, mua mũ

vừa đầu khó được khít khao. Dù cho trên chẳng thấy trời, dưới chẳng thấy đất, đông tây chẳng chia nam bắc chẳng phân, có chỗ nào mà dùng? Dù là gang thép do luyện sắt mà thành, cũng phải trên trán đổ mồ hôi. Thầy chẳng thế ấy làm sao thương lượng?

Sư im lặng giây lâu, nói:

- Lòng son mảnh mảnh ai biết được, cười ngất Hoàng Mai con thạch nữ.

Theo gió điều khiển buồm, người đi biển đi sông khi kéo buồm lên thì nhắm theo chiều gió. Buồm bọc gió thì thuyền mới đi nhanh. Đó là người biết khéo chiều theo hướng gió mà sử dụng buồm. Cắt đứt các dòng chưa khỏi như xưa rỉ chảy. Cắt đứt các dòng tức là chặn hết các dòng.

Xét tài bổ chức đâu ngoài hay dở. Xét tài của người để bổ chức cao thấp... Mua mũ vừa đầu, khó được khít khao. Có nhiều người cho rằng khi mua mũ phải lựa theo đầu của mình. Như vậy khi xét tài bổ chức đâu ngoài hay dở, mua mũ vừa đầu khó được khít khao, đó là tùy theo chỗ sử dụng mà thích ứng từng việc.

Lòng son mảnh mảnh ai biết được, lòng son là chỉ cho tâm trong sáng của chúng ta, mỗi người tự có. Cười ngất Hoàng Mai con thạch nữ. Đây là lấy theo tích Tài Tùng đạo giả xin ở trọ trong nhà của họ Chu, bà mẹ không có chồng mà sanh con, nên gọi là thạch nữ sanh con. Tài Tùng đạo giả chính là tiền thân của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn.

Tăng hỏi:

- Mùa xuân tháng hai tháng ba, muôn vật thủy nẩy mầm, chưa biết mầm đạo có tăng trưởng hay không?

Sư đáp:

- Nhà mình xem lấy.**
- Đâu chẳng phải là chỗ chỉ bày ư?**
- Cây chuối cao bao nhiêu?**
- Lửa đồng cháy chưa tắt, gió xuân thổi lại sanh.**
- Cái ấy là Bạch Công, còn người thì sao?**
- Hãy đợi khi khác.**
- Xem người nói chẳng ra.**

Tăng hỏi: Vào mùa xuân tháng hai tháng ba thì *muôn vật đều nẩy mầm, vầy mầm đạo* tức là mầm Bồ-đề có *tăng trưởng hay không*? Ngài đáp: *Nhà mình xem lấy.* Mầm Bồ-đề của ông tăng trưởng hay không thì ông tự biết.

Tăng nói: *Đâu chẳng phải chỗ chỉ bày ư?* Ngài nói: *Cây chuối cao bao nhiêu?* Tăng mới dẫn câu *Lửa đồng cháy chưa tắt, gió xuân thổi lại sanh.* Đó là câu thơ của Bạch Công, nên ngài nói *Cái ấy là Bạch Công, còn người thì sao?* Tăng nói: *Hãy đợi khi khác!* Tức là phần con thì hãy đợi khi khác. Khi khác con nói. Ngài đáp: *Xem người nói chẳng ra.* Nói không ra mà nói là đợi khi khác.

Sư thượng đường:

- Trời lạnh mưa rúc rắc, gió thổi cát bay đá chạy, cây tróc gốc gãy cành, các người thầy đều biết. Hãy nói gió có hình sắc gì? Nếu biết được chấp nhận người có đủ mắt sáng, nếu chẳng biết chớ lấy làm lạ lừa nhau. Tham!

Đoạn này có gì đặc biệt? Nói rằng nếu ngay đây mà nhận được thì đủ con mắt sáng, nếu không biết thì đừng lấy làm lạ mà lừa nhau. Nghĩa là cây đá, nhà cửa hình tướng cứng chắc, gió thì không có hình tướng mà khi nổi lên làm cho cái có hình tướng ngã lăn. Cái nào mạnh hơn cái nào? Thế nhân thường nói cái có hình tướng thì thật, cái không hình tướng thì không thật. Cây cối nhà cửa có hình tướng mà bị cái không hình tướng điều khiển. Như vậy thì nhìn lại tâm không có hình tướng mà làm chủ thân này, như gió không hình tướng thổi bay nhà cửa. Từ cái đó hiểu thì nhận ra, nếu không hiểu thì khó biết.

Sư thượng đường:

- Thiếu Lâm chín năm ngồi lặng, lại bị Thần Quang ngó phủng. Hiện nay ngọc đá khó phân, chỉ được gai cột giấy gói. Lại hội chăng? Cười ta thì nhiều, nhận ta thì ít.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma ngồi lặng im chín năm ở Thiếu Lâm, vậy mà ngài Thần Quang đến lại ngộ được đạo. *Hiện nay ngọc đá khó phân, chỉ được gai cột, giấy gói,* tức là bị cột trói, bị niêm dính thôi. Người không hiểu

cười ta thì nhiều mà nhận ta thì ít, vì không hiểu, tưởng như nói bậy, còn hiểu được ta thì không có mấy người.

**Niên hiệu Nguyên Hựu năm thứ năm (1090)
Sư sắp tịch, bảo chúng:**

- Lão tăng sáu chỗ trụ trì có phiền Tri sự, Thủ tọa. Đại chúng! Ngày nay tứ đại chẳng chắc, gió lửa sắp tan, mỗi người nên lấy đạo tự an, không trái lời ta di chúc.

Sư bèn nói kệ:

*Lai thời vô vật khứ thời không
Nam bắc đông tây sự nhất đồng
Lục xứ trụ trì vô sở bổ...*

Dịch:

**Khi đến không vật lúc đi không
Nam bắc đông tây việc vẫn đồng
Trụ trì sáu chỗ không ai bổ...**

Sư im lặng giây lâu. Giám tự Huệ Dương thưa:

- Sao Hòa thượng không nói câu rốt sau?

Sư nói:

- Trân trọng! Trân trọng!

Nói xong liền tịch.

Khi chúng ta sanh ra thì tay không, đến khi tắt thở thì tay cũng không cầm được gì. Như vậy thì đến tay không, đi cũng tay không, điều đó không phải riêng

một ai mà nam bắc đông tây đều giống nhau hết. Từ xứ này đến xứ khác, nghèo như Việt Nam mình, giàu như bên Anh bên Mỹ thì người chết cũng tay không. Kiếp người đến ở rồi đi là thời gian tạm, dù có gây tạo bao nhiêu, rốt cuộc đi cũng là tay không.

Còn câu chót thì sao? Bài kệ bốn câu, mà có ba câu rồi làm thình. Giám tự nóng ruột hỏi *Sao Hòa thượng không nói câu rốt sau*. Ngài nói: *Trân trọng, trân trọng* là kính chào, kính chào, rồi đi.



THIÊN SỬ DUY CHÁNH
ở viện TỊNH ĐỘ - HÀNG CHÂU
(986 - 1049)

**Sư giới luật tinh nghiêm, nhà Tương thị lang
là thí chủ. Một hôm, Thị lang thưa với Sư:**

**- Ngày mai nhà tôi có khách đông thỉnh Thầy
đến rưới cam lồ.**

**Sư nhận chịu. Hôm sau, Thị lang sai người đến
rước. Sư lấy một bài kệ trao. Kệ rằng:**

Tạc nhật tăng tương kim nhật kỳ

Xuất môn ỷ tượng hựu tư duy

Vi Tăng chỉ hợp cư nham cốc

Quốc sĩ diên trung thậm bất nghi.

Dịch:

**Hôm qua đã hẹn đến ngày nay
Ra cửa nường gậy thăm nghĩ suy
Làm Tăng chỉ hợp nơi hang núi
Tiệc tùng quyền quý chẳng nên đi.**

Chư tăng ni ở đây thuộc lòng hai câu chót giùm tôi: *Làm Tăng chỉ hợp nơi hang núi*, câu này tôi đổi, làm Tăng chỉ hợp nơi thôn dã, thôn dã mới đúng chỗ của mình. *Tiệc tùng quyền quý chớ nên đi*, bởi vậy xin đi tôi không cho, vì nó không phải chỗ. Chư tăng mặc áo vàng đi ra ngoài đám đậu, vườn mít... thấy rất đẹp. Bây giờ mặc áo vàng đứng giữa chỗ vui chơi, thấy thế nào? Không phải chỗ của mình mà tới đó không hợp chút nào, gượng gạo khó coi. Bởi vậy cho nên ngài hứa rồi, về suy nghĩ lại thôi từ chối, không đi nữa.

Có vị tăng hỏi:

- Thầy lấy danh là thiền sư sao không nói thiền?

Sư đáp:

- Ngày đêm nhờ vạn tượng diễn bày mà thôi. Ngôn ngữ có gián đoạn mà pháp này vô tận, nên gọi là Tọa hóa vô tận tạng.

Sư thường cưới con bò vàng, cho nên người tục gọi Chánh Hoàng Ngưu.

Ngày tám tháng tư niên hiệu Hoàng Hựu năm đầu (1049) Sư thị tịch, thọ 64 tuổi.

Với ngài thì tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, những hình ảnh cây cối nhà cửa núi non đều là thiên, cần gì phải nói.



THIỀN SƯ TRUNG HOA

GIẢNG GIẢI - PHẦN V

LỜI NÓI ĐẦU

Thiền Sư Trung Hoa tập III này ghi lại những thiền sư đời Tống. Ngũ gia tông phái đến khoảng giữa và cuối đời Tống thì tông Quy Ngưỡng, Pháp Nhãn mất dạng, Tào Động và Vân Môn thì khi tỏ khi mờ, chỉ có tông Lâm Tế là sáng rực. Dưới tông Lâm Tế lại chia hai nhánh (Hoàng Long, Dương Kỳ), riêng nhánh Dương Kỳ chói lọi hơn cả.

Thiền sư đời Tống chẳng những thống nhiếp môn đồ nhà Phật, còn gây ảnh hưởng to lớn đến đồ đệ nhà Nho. Những vị Nho nổi tiếng như: Học sĩ Tô Đông Pha, Thừa tướng Trương Vô Tận, Khu mật Từ Phủ, Quận vương Triệu Lệnh Câ, Thị lang Lý Di Tôn, Thái sử Huỳnh Đình Kiên, Bí thư Ngô Tuấn, Thị lang Trương Cửu Thành, Tham chánh Lý Bình Cư, Đề hình Ngô Vĩ Minh... đều là người được truyền tâm ấn trong Thiền gia.

Phật giáo thiên tông đã nhiếp phục được Tống Nho và bao dung cả Lão giáo. Vì thế, thời Tống đã chủ trương Tam giáo (Phật, Lão, Khổng) đồng nguyên. Trong đây Phật giáo thiên tông làm chủ thể, dung hợp tam giáo.

Bởi thế, thiên sư đời Tống là thực thể sáng chói trong lãnh vực tông giáo, cũng như văn hóa hiện thời. Chúng ta nghiên cứu lịch sử Thiên tông không thể lờ qua phần này được.

Tu viện Chơn Không

Đầu mùa đông 1981

Kính ghi

THÍCH THANH TỬ

DẪN NHẬP

Giảng về Thiền Sư Trung Hoa tập III, tôi nói ngoài đề trước cho hiểu, vào trong mới dễ thâm nhập. Tất cả chúng ta từ buổi đầu phát tâm tu, có người nào nói “tôi đi tu để thanh thoi, no cơm ấm áo” không? Đi tu để thoát ly sanh tử, đó là mục đích tối hậu của tất cả chúng ta. Người nào đã đi tu đều nhắm vào mục đích đó. Theo thế gian, con người sống có lý tưởng mới thành người tốt. Nhờ có lý tưởng nên không tham lam, không đắm nhiễm những điều hư dối. Như vậy, tất cả chúng ta tu cũng cần có lý tưởng, để giúp mình đạt kết quả tốt. Nhưng sự thật rất lạ, người tu không có lý tưởng. Tại sao? Vì lý tưởng là một lý lẽ mà mình nhắm đến bằng tưởng tượng chứ chưa cụ thể, chưa thực tế. Chúng ta tưởng tượng cái gì đó sẽ như thế này, sẽ như thế kia... Tưởng tượng đẹp như vậy để thực hành, mong một ngày nào được đúng như mình muốn, mình tưởng.

Người tu có mục đích chứ không có lý tưởng. Bởi lý tưởng là cái mình chưa bao giờ đạt được, và cũng khó mà đạt được, còn mục đích là cái mình nhắm để đạt đến. Mục đích đó người trước đã làm được, bây giờ chúng ta cũng phải làm được. Như đức Phật, ngài đi tu là do thấy cảnh sanh già bệnh chết, đau khổ vô thường, nên ngài nhất quyết tìm ra phương pháp để giải thoát nỗi khổ ấy. Chỗ ngài nhắm là thế và ngài đạt được chưa? Trong bốn mươi chín ngày đêm ngồi dưới cội Bồ-đề, đêm thứ bốn mươi chín ngài giác ngộ, thấy tội mạnh mối của sanh già bệnh chết, biết rõ cách giải thoát sanh già bệnh chết, và bản thân ngài đã giải quyết xong. Việc làm của ngài đã đạt được, mục đích nhắm đến đã thành công. Đó gọi là giác ngộ, giải thoát. Sau này ngài dạy lại những môn đồ đệ tử như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... cũng đạt được mục đích ấy.

Như vậy, mục đích là việc làm đã có người làm được, đức Phật và các vị Bồ-tát, A-la-hán đã đạt giác ngộ, bây giờ chúng ta cũng nhắm tới chỗ đó. Thế nên tu tập giải thoát không phải là lý tưởng mà là mục đích đưa đến lẽ thật, không phải là chuyện tưởng tượng.

Tất cả người tu đều nhắm thẳng mục đích giải quyết sanh tử, nên lâu lâu chênh mảng thì các Tổ nhắc nhở “Sanh tử sự đại, vô thường tấn tốc”. Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng, hiện đời đang sống đây, vô thường đuổi rất nhanh, không thể chần chừ. Chần chừ là không giải quyết kịp, vì thế các ngài nhắc chúng ta phải nhớ mục đích giải quyết sanh tử, để cố gắng nỗ lực không bỏ sót một lúc nào, một thời gian nào, khả dĩ mới kịp.

Lúc mới đi tu thì nhắm giải quyết sanh tử, nhưng vô chùa lâu rồi thì sao? Bận tâm vì những thứ được mất hơn thua, thương ghét buồn giận... mà quên mục đích lớn. Đó là điều đáng tủi hổ. Mục đích đầu tiên đã đặt ra và cố gắng thực hiện cho được, đó là buông bỏ việc thế gian, cạo đầu ăn chay, giữ giới luật... Thực hiện khổ nhọc để nhằm đạt đến mục đích, vậy mà lâu dần lơ là để cho phai lạt, nhiều khi vì những chuyện nhỏ nhặt còn muốn bỏ trôi luôn. Thật đáng thương!

Người xuất gia với ý chí mạnh mẽ phi thường, hành động ban đầu tỏ ra cho mọi người thấy là hành động siêu việt, nhưng lâu rồi trở lại tầm thường, đôi khi còn dở hơn cái tầm thường nữa. Vì vậy chư tổ luôn luôn nhắc, thân này vô thường, mục đích giải quyết sanh tử phải thực hiện được, không nên lơ là. Đó là tôi đã nói về việc chủ yếu của người tu, muốn đạt được mục tiêu ấy thì ngay trong đời này chúng ta phải có hướng đi rõ ràng.

Đây tôi nói riêng về con đường của Thiên tông. Thiên tông chia làm hai lối đi:

Lối thứ nhất là lối đi bình thường, gọi là phản quan tự kỷ, hay hồi quang phản chiếu. Đây là lối đi mà chư tổ, từ tổ Bồ-đề-đạt-ma đến Lục tổ Huệ Năng đều thực hiện.

Như khi tổ Đạt-ma nhận ngài Huệ Khả làm đệ tử. Ngài Huệ Khả thấy tâm mình lăng xăng xao động, nên bạch với Tổ: “Tâm con không an, xin Thầy dạy con pháp an tâm.” Nếu chúng ta bây giờ mà được hỏi như vậy, thì sẽ nói cách này cách nọ... Tổ Bồ-đề-đạt-ma chỉ nói:

“Đem tâm ra ta an cho.” Với người thường thì câu nói đó không nghĩa lý, bởi tâm đâu có hình tướng mà đem ra. Nhưng ngài Huệ Khả thì khác, ngài tin rằng một bậc thầy cỡ lớn mỗi lời nói ra đều có ý nghĩa, nên quay lại tìm xem tâm lâu nay lăng xăng đó ở đâu? Tìm hoài không thấy, ngài trả lời thật thà: “Con tìm tâm không được.” Tổ nói: “Ta an tâm cho ngươi rồi.” Một câu nói rất nhẹ nhàng đơn giản, mà ngài Huệ Khả ngay đó biết được lối đi.

Khi tìm tâm không thấy tức là nó không có hình tướng, không thấy tám dạng tức là nó không thật, tâm lăng xăng lạng mất, chính lúc ấy là an tâm, liền đó ngài thấy lối đi, rõ hướng ứng dụng tu. Tổ biết Huệ Khả đang chấp tâm lăng xăng cho là tâm thật của mình, nên bảo đem ra ta an cho, để ngài Huệ Khả nhìn lại xem nó có thật không? Nhìn lại không thấy, là phá được cái chấp tâm thật. Phá được chỗ lầm chấp, thấy rõ vọng tưởng không quan trọng, đâu cần lệ thuộc vào nó làm gì! Đó là lối tu phản quan, nhìn lại tâm mình.

Nhìn lại tâm lăng xăng thấy không thật, đó là hướng đi, đó là lối tu. Lâu nay chúng ta cứ tưởng nó là thật, nên bị dẫn đi tạo nghiệp thọ khổ, bây giờ biết rõ nó không thật, không chạy theo thì nó tự mất. Như vậy ngài đã chỉ hướng cho chúng ta đi. Khi xoay lại tìm mình thì không lời nói, không câu chữ nào, vì thế Thiền là *Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*.

Ngay mình quay lại tìm, từ từ cái giả dối tan thì chân thật sẽ hiện. Ý nghĩa này trong kinh Lăng-nghiêm

nói về bảy chỗ hỏi tâm, thích hợp với thiền. Qua những lời phá chấp của Phật, để A-nan đừng chấp tâm phân duyên mà lâu nay lầm tưởng nó là thật, giờ nhìn lại tìm không thấy liền biết nó không thật. Phật nói qua bảy chỗ, tổ Bồ-đề-đạt-ma thì chỉ một câu *Đem tâm ra ta an cho*. Một câu đủ để thấy nó không thật. Đó là sự kỳ đặc của Tổ. Như vậy từ tổ Đạt-ma đến tổ Huệ Khả, phương hướng dạy tu là phản quan tự kỷ, tức là xoay nhìn lại tâm của mình. Biết vọng tưởng không thật thì nó tự tan, tự an, không cần làm gì thêm nữa.

Kế đến là từ Nhị tổ Huệ Khả đến Tam tổ Tăng Xán. Tam tổ Tăng Xán khi đến gặp Nhị tổ Huệ Khả, lúc ấy ngài đang bị bệnh ghẻ lở đầy mình. Nghĩ rằng do nghiệp chướng nhiều kiếp, tội lỗi nhiều đời của mình, nên phải mang thân bệnh tật xấu xa ghê gớm. Thế nên gặp Tổ, ngài đánh lễ thưa: “Xin Hòa thượng dạy cho con phương pháp sám tội.” Tổ Huệ Khả bảo: “Đem tội ra ta sám cho.” Ngài Tăng Xán xoay lại tìm tội không ra, thưa: “Con tìm tội không có.” Tổ Huệ Khả bảo: “Ta đã sám tội cho người rồi.” Tội lỗi mà lâu nay chúng ta tưởng là có thật, nó chồng chất nơi mình, nên cứ mặc cảm mình nhiều tội lỗi. Thử tìm lại xem tội nó ra sao? Tìm lại không thấy, tức là đã được sám giùm cho hết rồi. Lời dạy của Nhị tổ Huệ Khả rõ ràng không khác Sơ tổ Đạt-ma.

Tiếp đến chặng thứ ba là khi Tam tổ Tăng Xán gặp Tứ tổ Đạo Tín. Ngài Đạo Tín thưa: “Bạch Hòa thượng dạy cho con pháp môn giải thoát.” Tổ hỏi: “Ai trói buộc người?” Ngài sững sốt thưa: “Không ai trói buộc.” Tổ bảo: “Đã không trói buộc, đâu cần cầu giải thoát.” Ngay đó

ngài ngộ, biết rõ lối đi. Lâu nay tưởng mình bị phiền não trói buộc, hóa ra không ai trói buộc mình. Bây giờ mỗi người tự nhìn lại xem, ai trói buộc mình? Không ai trói thì cầu giải thoát làm gì!

Từ lời dạy của chư tổ, chúng ta nhìn lại thấy có ba điều: thứ nhất là tâm, thứ hai là tội, thứ ba là trói buộc. Khởi từ tâm xấu ác, tạo thành tội lỗi, do tội lỗi nên bị tù đầy trói buộc. Nếu biết tâm không thật nên tội không thật, tội không thật thì trói buộc cũng không thật. Ba cái này, cái đầu đã không thật thì hai cái sau có thật không? Trọng tâm nằm ở cái số một, biết nó không thật thì mấy cái kia rã rời hết. Như vậy, muốn thấy cái số một thì phải xoay nhìn lại mình, gọi là phản quan tự kỷ, nhìn lại thấy rõ không lầm thì đâu có theo nó mà tạo tội, không tạo tội thì còn gì trói buộc, không trói buộc thì tự nó giải thoát, còn đòi giải thoát chi nữa. Chúng ta tưởng rằng, tu cầu giải thoát là được sanh về cõi nào đó sung sướng an lành, mà không ngờ giải thoát tức là thấy rõ mình không có gì trói buộc.

Thiền tông với hướng đi này được tượng trưng bằng mười mục chẵn trâu. Mười mục chẵn trâu bắt đầu từ đi tìm trâu, con trâu ở đây diễn tả không phải trâu bên ngoài, mà là quay lại chính mình, nói tìm trâu chính là tìm mình. Từ tìm trâu, thấy dấu, thấy trâu, chinh phục trâu, trâu quy thuận người chăn... đến mất trâu, mất người chăn v.v... Đó là lối tu phản quan tự kỷ, để xem xét lại chính mình. Cách tu này không lệ thuộc vào kinh sách, nên gọi “giáo ngoại biệt truyền”; chỉ dùng trí nhìn lại mình, không theo chữ nghĩa bên ngoài, đó là

“bất lập văn tự”; ngay nơi tâm mình thấy những thứ hư dối không thật, ấy là “trực chỉ nhân tâm”; hư dối không thật tan đi, thấy được cái chân thật thì “kiến tánh thành Phật”. Đó là nhân thành Phật, không gì khác.

Tinh thần thiền tông từ bốn câu nêu trên, hiểu được mới thấy rõ ý nghĩa, nếu không hiểu thì nhiều khi tu mà không biết cội gốc. Hướng tu của chúng ta là biết vọng, chính là phản quan tự kỷ. Vua Trần Nhân Tông hỏi Tuệ Trung thượng sĩ về chủ yếu của sự tu, Thượng sĩ bảo: *Phản quan tự kỷ bốn phần sự*. Quay lại xem thấy rõ mình, là gốc chính, là phận sự chính. Đó là chủ yếu của người tu thiền.

Lối đi thứ hai là khán công án hay thoại đầu, chủ yếu cũng phát xuất từ nơi đức Phật. Lúc còn là thái tử đi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh sanh già bệnh chết, ngài nghĩ phải làm sao giải quyết sanh già bệnh chết cho mình và cả chúng sanh. Vấn đề này khiến ngài thao thức, trăn trở mãi. Muốn giải quyết nó, ngài xuất gia, tìm được những vị tiên đã tu trước, như Ca-ma-la dạy tu đạt đến Vô tướng định, Uất-đầu-lam-phát dạy tu đạt được Phi tướng phi phi tướng định... Tất cả những vị này đều chưa thấy được manh mối tại sao người ta sanh ra, làm sao dứt sạch mầm sanh để đi tới giải thoát... Bởi không giải quyết được vấn đề sanh già bệnh chết, nên ngài cũng từ giã đi. Mục tiêu đã đề ra, ngài luôn luôn theo dõi quán sát. Nếu pháp tu nào dù rất hay, rất cao mà không đạt được mục tiêu đó, ngài cũng từ chối bỏ đi.

Cuối cùng ngài tu khổ hạnh cho đến kiệt lực cũng không kết quả, từ bỏ khổ hạnh, ngài tới dưới cội Bồ-đề trải tòa ngồi thiền, đến đêm thứ bốn mươi chín khi sao mai vừa mọc ngài ngộ đạo. Ngài thấy rành rõ manh mỗi sanh tử, sanh già bệnh chết từ đâu có, làm sao chấm dứt. Ngang đây ngài chứng tam minh lục thông. Trong lục thông, Lậu tận thông là dứt hết mầm sanh tử.

Tam minh là ba loại trí sáng giải quyết sanh tử. Đầu tiên là Thiên nhãn minh, thấy suốt được manh mỗi sanh tử trong lục đạo, nên còn gọi là Sanh tử trí. Thứ hai là Túc mạng minh, nhớ được vô số kiếp về trước, thân này có từ bao giờ, đã trải qua bao nhiêu đời, làm gì, ở đâu... Hai minh này đều là nhìn lại kiếp sanh diệt của con người, biết rõ manh mỗi sanh diệt có mặt từ vô thủy, tạo nhân gì, sẽ đi đến quả gì... Cuối cùng là Lậu tận minh. Như vậy, thấy tột mầm sanh tử và biết rõ phương pháp dứt mầm sanh tử rồi, tức là mục đích nhắm đến đã xong, ngài giác ngộ thành Phật. Vấn đề đặt ra từ buổi ban đầu, ngài cứ ôm ấp cưu mang trong lòng mãi, cho tới khi thấy rõ ràng, giải quyết được vấn đề thành công rồi, mới mãn nguyện.

Về sau chư tổ cũng sử dụng cách này, bảo “Nói một câu trước khi cha mẹ sanh ra”. Tìm lại manh mỗi trước khi cha mẹ chưa sanh, tức là tìm lại con người chân thật. Muốn tìm ra con người chân thật đó nên đặt thành mục tiêu lớn, rồi mãi mãi tìm kiếm không ngừng nghỉ. Khi đặt vấn đề đó ra, không y theo kinh sách, không y theo văn tự, cũng không tìm cái gì ở ngoài mình, chỉ trở lại tìm mình. Vì cái nghi này mà đi cầu thiện tri thức

để tham vấn. Thiện tri thức là người tô đậm thêm cái nghi của mình chứ không giải nghi. Thiện tri thức làm tăng thêm mối nghi mạnh là tay cao thủ, còn người nào chỉ làm cho hiểu một cách mơ màng thì chưa phải.

Câu nói làm tăng thêm mối nghi, gọi là hoạt ngữ, câu nói để cho hiểu mang máng, gọi là tử ngữ. Khi đi tham vấn mang cái nghi tới người này tô thêm, tới người kia tô thêm càng ngày càng đậm, khiến cho chết sống với cái nghi đó. Đến lúc nó thành khối vỡ tung, thấy được vấn đề đã đặt ra, đó là ngộ đạo. Đường lối thứ hai này, đến các thiền sư đời Tống ứng dụng nhiều. Khi chúng ta đọc sách thiền, nếu muốn hiểu những câu nói giải nghi thì không thể hiểu được, vì các ngài chỉ làm tăng thêm nghi chứ đâu cho hiểu.

Như trường hợp của tổ Lâm Tế, khi được Thủ tọa dạy đặt câu hỏi “Thế nào là đại ý Phật pháp?” với ngài Hoàng Bá, đó là đặt thành nghi vấn. Đến nơi vừa hỏi liền bị Hoàng Bá cho ăn đòn, ba lần đều như vậy. Hoàng Bá làm cho Lâm Tế hết nghi hay tăng trưởng nghi? Ngài làm cho Lâm Tế phải chết sống với mối nghi: Đại ý Phật pháp là gì mà hỏi ra là ăn đòn? Khi tới gặp Đại Ngu, chỉ cần một câu nhẹ: “Hoàng Bá tâm lão bà đã vì ngươi triệt khốn, còn hỏi có lỗi không lỗi”, ngay đó Lâm Tế liền giải quyết được mối nghi. Chúng ta thấy, dường như tổ Lâm Tế nhờ ngài Đại Ngu mà ngộ. Nhưng nếu không có Hoàng Bá thì đến chỗ Đại Ngu có ngộ được không? Chính Hoàng Bá đã làm cho Lâm Tế chết dưới nghi án đặt ra. Đã đặt ra là phải chết với nó, khi đến chỗ kia khơi lại thì sống. Như vậy, ngài sống được

là nhờ chết mà sống, không có chết làm gì có sống. Đó là thủ thuật đặc biệt của ngài Hoàng Bá, nhờ vậy tổ Lâm Tế nổi tiếng lâu dài, phái thiền Lâm Tế đến đời Tống phát triển mạnh.

Ý nghĩa của lối tu thiền thứ hai là chỉ nuôi một cái nghi vấn, nuôi nó trong tâm, cứ mang luôn luôn, nhờ vậy quên hết mọi thứ khác. Đến ngày nào đó khối nghi nổ tung ra thì ngộ đạo. Lối tu trước là thấy rõ được cái hư giả, cái chấp trước sai lầm lâu nay, thấy rõ nó sai nên không theo, từ đó dần dần tất cả những thứ giả dối che đậy tan vỡ, thấy được cái chân thật gọi là kiến tánh. Hai lối tu này đều thuộc về “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Hiện giờ chúng ta tu theo lối thứ nhất, các thiền sư đời Tống thì tu theo lối thứ hai là khán thoại đầu, hay còn gọi khán công án. Hiểu rõ điều này, để khi học qua Thiền Sư Trung Hoa tập III chúng ta không thấy lạ. Trong khi đọc sẽ có những chỗ vẫn giải nghĩa được, có những chỗ khó giải nghĩa. Nếu bảo tôi phải giải nghĩa hết, tôi không tài nào làm được. Bởi các ngài đã làm cho nghi thêm, chúng ta làm sao giải nghĩa được. Trong nhà thiền, tông Tào Động gần với lối tu trước, tông Lâm Tế gần với lối tu sau.



ĐỜI THỨ MƯỜI BA SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ CHÍN

**Nối pháp thiền sư Đạo Giai ở Thiên Ninh
có hai mươi sáu vị**

- 1- Thiền sư Pháp Thành ở Hương Sơn, Nhữ Châu**
- 2- Thiền sư Tê Liễn ở Đại Trí, Thành Đô**
- 3- Thiền sư Tử Thuần ở Đơn Hà, Đặng Châu**
- 4- Thiền sư Duy Chiếu ở Bảo Phong, Hồng Châu...**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ CHÍN

**A- Nối pháp thiền sư Huệ Nam ở Hoàng Long
có tám mươi ba vị**

- 1- Thiền sư Tổ Tâm ở Hoàng Long**
- 2- Thiền sư Khắc Văn ở Lạc Đàm**
- 3- Thiền sư Hồng Anh ở Lạc Đàm...**

**B- Nối pháp thiền sư Phương Hội ở Dương Kỳ
có mười hai vị**

- 1- Thiền sư Thủ Đoan ở Bạch Vân**
- 2- Thiền sư Nhơn Dũng ở Bảo Ninh...**

III- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ BẢY

**Nổi pháp thiền sư Tông Bổn Viên Chiếu ở Huệ Lâm
có hai trăm vị**

- 1- Thiền sư Thiện Bồn ở Pháp Vân**
- 2- Thiền sư Tu Ngung ở Đầu Tử**
- 3- Thiền sư Thiện Ninh ở Kim Sơn**
- 4- Thiền sư Duy Nhạc ở Tịnh Nhon...**



THIÊN SƯ PHÁP THÀNH ở HƯƠNG SƠN - NHỮ CHÂU

(1071 - 1128)

Sư trụ Hương Sơn Nhữ Châu, dạy chúng:

- Người biết có Phật tổ hướng thượng mới có phần thuyết thoại. Chư thiên đức! Hãy nói cái gì là việc Phật tổ hướng thượng? Có kẻ con trai nhà người sáu căn chưa đủ, bảy thức chẳng toàn, là đại xiển-đề không chủng tánh Phật, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, thiên đường trâu chẳng được, địa ngục giữ không cửa. Đại chúng lại biết người này chăng?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Đối diện chẳng tiên-đà, ngủ mê mặc nói mớ.

Thiền sư Pháp Thành, đệ tử của Đạo Giai Phù Dung.
Ngài dạy chúng: *Người biết có Phật tổ hướng thượng*

mới có phần thuyết thoại. Chúng ta biết được lối hướng thượng của Phật tử, mới có thể nói dạy người khác, nếu chưa biết thì khó nói dạy cho ai.

Chư thiên đức! Hãy nói, cái gì là việc Phật tử hướng thượng? Phật tử hướng thượng là gì? Ngài giải thích, *có kẻ con trai nhà người sáu căn chưa đủ, bảy thức chẳng toàn, là đại xiển-đề không chủng tánh Phật, gặp Phật giết Phật gặp Tổ giết Tổ, thiên đường trâu chẳng được, địa ngục giữ không cửa.* Nói Phật tử hướng thượng là hình ảnh người nam sáu căn chưa đủ, bảy thức chẳng toàn; là đại xiển-đề không chủng tánh Phật, gặp Phật giết Phật gặp Tổ giết Tổ, thiên đường trâu không được, địa ngục giữ không cửa. Đây là hạng xiển-đề nào?

Xiển-đề có ba hạng: Hạng thứ nhất là những người ngu si, làm những điều ác không hối hận, không tin có Tam bảo Phật pháp tăng, đó là hạng thấp. Hạng thứ hai là giết cha giết mẹ, tạo tội ngũ nghịch. Hạng thứ ba là đại xiển-đề, như ở đây nói người này không chủng tánh Phật, gặp Phật giết Phật gặp Tổ giết Tổ, thiên đường trâu chẳng được, địa ngục giữ không cửa. Đặc biệt hạng đại xiển-đề này, sáu căn chưa đủ, tức là sáu căn không chạy theo cảnh, bảy thức chẳng toàn, tức là bảy thức không dính không kẹt với sáu trần, hay là không chấp thức thứ tám làm tự ngã. Đây là *đại xiển-đề không chủng tánh Phật*. Tại sao? Bởi vì nhận được cái đó rồi thì không còn chủng tánh nào khác để đến nữa. Nên nói, *gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ*, cũng không sanh lên cõi trời, không bị rơi vào địa ngục.

Đại chúng lại biết người này chăng? Người đó là người nào mỗi người tự biết, tôi nói không được. Ngài im lặng giây lâu nói: *Đối diện chẳng tiên-đà, ngủ mê mặc nói mớ.* Tức là đối diện mà không linh động, không thông cảm được thì mình chỉ là kẻ ngủ mê mặc tình nói mớ mà thôi. Tiên-đà là tiếng Phạn, nói đủ là tiên-đà-bà, chỉ là chung cho mọi danh từ, mọi hành động, chứ không có nghĩa nhất định. Như khi nhà vua ăn cơm mà thiếu nước chấm, liền nói với người hầu “tiên-đà-bà”, người hầu liền bưng nước chấm ra. Nhà vua sửa soạn đi dạo chơi, nói với người hầu “tiên-đà-bà!” người hầu liền dẫn ngựa tới. Khi nói như vậy thì người ta liền biết mình đang cần những nhu cầu cần thiết.

Sư lại nói:

- Chỉ cái này mang nặng chết người, nhận làm chính mình từ không kiếp, rõ ràng trên đầu thêm đầu; lại nói rơi tại hiện nay, nào khác trên tuyết thêm sương. Dù được thuần thanh tuyệt điểm, vẫn là chân thường lưu chú; hoặc giả chuyển vị hồi cơ, giống hệt giữa trưa trốn bóng. Vì thế nói, hai do một có, một cũng chớ giữ, một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi.

Sư hét một tiếng, nói:

- Đây quả là tiếng của cái bát nóng. Dâu chẳng nghe nói: “Văn-thù khởi Phật kiến pháp kiến, đày đến giữa hai núi Thiết-vi. Thiên tăng khởi Phật kiến pháp kiến, sắp ở dưới ba cây đòn tay.”

Sư đưa cây phát tử lên nói:

- Phát tử đem rồi khỏi Phật kiến pháp kiến, hãy nói sáng nay phê phán thế nào?

Sư gõ giường thiền nói:

- Phân phó Đức Sơn Lâm Tế.

Chỉ cái này mang nặng chết người, nhận làm chính mình từ không kiếp. Cái này là chỗ Phật tổ hướng thượng, nhưng nếu nhận làm chính mình từ không kiếp tới giờ thì rõ ràng trên đầu thêm đầu. Tại sao? Vì đã là mình mà còn nhận cái gì, nếu nhận nữa tức nó là cái bị nhận, nên nói trên đầu thêm đầu.

Lại nói rơi tại hiện nay, nào khác trên tuyết thêm sương. Nếu cho rằng cái đó sẵn hiện tại ngay đây thì chẳng khác trên tuyết lại thêm sương, vì không có cái thứ hai ngoài mình.

Dù được thuần thanh tuyết điểm, vẫn là chân thường lưu chú. Thuần thanh tuyết điểm là hoàn toàn trong trắng, không còn một điểm nào, là hình ảnh thứ tám trong mười mục chần trâu của nhà thiền, trâu và chần đều hết chỉ còn một vòng tròn trắng. Người không biết tưởng tới đó là xong nên bị mắc kẹt, vì vậy nói vẫn là chân thường lưu chú, nếu theo kinh Lăng-nghiêm là còn ở trong thức ấm, chưa qua khỏi được.

Hoặc giả chuyển vị hồi cơ, giống hệt giữa trưa trốn bóng. Chuyển vị hồi cơ, tức là chuyển ngôi vị, xoay căn cơ. Dù cho muốn chuyển vị xoay cơ, cũng là người trốn bóng.

Vì thế nói, hai do một có, một cũng chớ giữ. Câu nói này giống như trong kinh Lăng-nghiêm, Phật dùng hình ảnh cái khăn có sáu gút để chỉ, sáu gút mất thì một gút cũng không còn. *Một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi.* Nếu không dấy niệm thì muôn pháp không có lỗi lầm. Giả sử có nhiều vàng bạc châu báu để ở trước mặt, nếu chúng ta vừa thấy liền dấy niệm tham thì có lỗi, còn thấy tất cả mà không khởi niệm thì có lỗi lầm gì! Như vậy, muôn pháp đối với chúng ta không lỗi lầm, lỗi lầm từ chỗ dấy niệm mà ra.

Ngài *hét một tiếng, nói: Đây quả là tiếng của cái bát nóng.* Cái bát nóng để khô, khi chế nước vào nghe có tiếng xèo xèo, tiếng đó là do nước nóng phát ra, không có ý nghĩa gì cả. Tiếng hét của thiền sư cũng như vậy.

Văn-thù khởi Phật kiến pháp kiến, đầy đến giữa hai núi Thiết-vi. Ngài Văn-thù vừa khởi niệm thấy có Phật có pháp là đã bị đầy vào giữa hai núi Thiết-vi. *Thiền tăng khởi Phật kiến pháp kiến, sắp ở dưới ba cây đòn tay.* Khi hạ huyết, người ta dùng cây xỏ ngang quan tài hạ xuống để chôn. Ý câu này nói, kẻ học thiền vừa khởi kiến giải là đã bị chôn vùi rồi.

Ngài *đưa cây phát tử lên nói: Phát tử đem rồi khởi Phật kiến pháp kiến, hãy nói sáng nay phê phán thế nào?* Nếu nói cây phát tử khởi kiến giải, mới có chỗ phê phán; còn không khởi kiến giải thì làm sao phê phán.

Ngài *gõ giường thiền nói: Phân phó Đức Sơn Lâm Tế.* Cây phát tử có khởi Phật kiến pháp kiến không? Thôi, giao gửi lại cho ngài Đức Sơn, Lâm Tế đi!

Sư lại nói:

- **Máy linh riêng chiếu, trí sáng rạng ngời, chớp mắt nhưn mây đã bày dấu vết, cầm chùy dựng phát đầu khỏi cấp bậc.** Người ngộ đó, tâm siêu số lượng nói nín đều như, trái buông mặt nắm trọn không nương gá. Người mê đó, vật vật khởi hiểu bỏ lấy có tâm, dù cho trọn được bên kia, chưa khỏi bên này làm ngại. Vì thế nói, trong nhà thiền bảo là gỡ nệm mở trói tháo chốt nhổ đinh, đã là chạm bén đứt tay. Lại nói thể cùng với dụng, chánh cùng với thiên, giống hệt dạy chú học trò trong thôn vắng chưa đọc được một quyển Thái Công gia giáo, liền nói văn chương vượt hơn Lý Bạch, Đỗ Phủ. Chư thiền đức! Nhà y tự có đồng phong, chẳng cần mở sách vở khác.

Đây là lối nói của tông Tào Động, chúng ta có thể hiểu được chút ít. *Máy linh riêng chiếu*, Tổ Bá Trượng gọi là linh quang độc chiếu. *Máy linh ấy, trí sáng rạng ngời, chớp mắt nhưn mây đã bày dấu vết*. Khi chớp mắt, lúc nhưn mây đã hiện dấu vết của nó rồi. *Cầm chùy dựng phát đầu khỏi cấp bậc*, cầm chùy hay dựng phát tử cũng chỉ là tạm dùng phương tiện, nên nói đầu khỏi cấp bậc. *Máy linh riêng chiếu* thì luôn hiện tiền, không có cấp bậc.

Người ngộ đó, tâm siêu số lượng nói nín đều như, trái buông mặt nắm trọn không nương gá. Người nhận ra được linh quang độc chiếu rồi, tất cả hành động đều tự tại, hoặc buông hoặc nắm đều không nương gá, không còn mắc kẹt trong số lượng, nói nín gì đều Như.

Người mê đó, vật vật khởi hiểu, bỏ lấy có tâm, dù cho trọn được bên kia, chưa khởi bên này làm ngại. Người mê, tức bỏ quên máy linh của mình, rồi khởi hiểu biết thế này thế kia. Giả sử được bên kia cũng còn bị trệ ngại bên này, chứ chưa thoát khỏi hai bên.

Vì thế nói, trong nhà thiền bảo là gỡ nê-m mở trói, tháo chốt nhổ đinh. Tất cả phương tiện của chư tổ trong nhà thiền, đều là vì gỡ nê-m, tháo chốt, mở trói cho người mà thôi. Như tổ Bồ-đề-đạt-ma bảo: “Đem tâm ra ta an cho”, đó là lời gỡ nê-m tháo chốt. Ngài Huệ Khả chấp cái lằng xằng là tâm, nghe Tổ bảo đem tâm ra ta an cho, liền xoay lại tìm mà không thấy, chợt giật mình mới biết tâm bất an ấy là không thật. Đó là mở trói hay gỡ nê-m. Cũng thế, khi ngài Đạo Tín đến cầu tổ Tăng Xán phương pháp giải thoát, Tổ hỏi: “Ai trói buộc ngươi?” Nhìn lại không thấy ai trói buộc, tức là đã mở trói rồi. Như vậy, tất cả những phương tiện mà chư tổ dùng đó, chỉ cốt nhằm để gỡ nê-m tháo chốt cho chúng ta, các ngài không thêm gì cả.

Đã là chạm bén đứt tay. Lại nói thể cùng với dụng, chánh cùng với thiền. Nói ra nào là thể là dụng, là chánh là thiền... là vẫn còn kẹt trong vòng đối đãi. Bởi còn mắc kẹt nên mới dùng đối đãi để dẹp. Giống hệt dạy chú học trò trong thôn vắng chưa đọc được một quyển Thái Công gia giáo, liền nói văn chương vượt hơn Lý Bạch, Đỗ Phủ. Học trò dốt chưa học qua sách vở lòng, mà nói văn chương của mình hơn cả Lý Bạch, Đỗ Phủ.

Chư thiền đức! Nhà y tự có đồng phong, mỗi nhà đều sẵn có đồng phong. Như trong nhà thiền thường nói

“gia phong của Hòa thượng”, tức là chỉ cho phong thái sống của các ngài. Tất cả chúng ta, mỗi người đều có gia phong như các ngài, gọi là đồng phong. Đồng phong đã sẵn đó sao không trở về, còn tìm kiếm trong sách vở làm chi cho mệt? Vì vậy ngài nói, *chẳng cần mở sách vở khác*.

Sư hỏi vị tăng: - Người xứ nào?

Tăng thưa: - Tây Xuyên.

Sư hỏi: - Ly hương lúc nào?

Tăng thưa: - Tháng hai năm ngoái.

Sư bảo:

- Chưa lìa bản quốc nói một câu xem?

Tăng thưa:

- Khắp thân đều là miệng, khó vì đối đáp.

Sư bảo:

- Vẫn là câu ly gia thất nghiệp.

Tăng không nói được. Sư đánh một phát tử bảo:

- Uống đi giày cỏ.

Chưa lìa bản quốc nói một câu xem? Nói một câu khi chưa ra khỏi nước của mình. Khi chưa rời Tây Xuyên là ngay đó rồi, vị tăng biết ý liền đáp: *Khắp thân đều là miệng, khó vì đối đáp*. Chỗ nào cũng là miệng, bảo con đối đáp làm sao? Tăng trả lời được như vậy là hay rồi, cũng có hơi hám nhà thiền, nhưng ngài bảo: *Vẫn là câu ly gia thất nghiệp*. Ngang đây Tăng không nói được nữa, ngài đánh một phát tử quả: *Uống đi giày cỏ*. Xưa các thiền khách đi tham vấn thường mang giày cỏ,

vị tăng này đi đây đi kia, đi rách bao nhiêu đôi giày cỏ rồi mà chưa được đạo, nên bị ngài chê uổng đi giày cỏ.

Sư cùng Duy Chiếu đồng kế thừa Phù Dung, mà không biết nhau, nhân có thượng nhân Bằng thuật lại bài tán tượng Phù Dung của Duy Chiếu cho Sư nghe:

*Vũ tẩy đạm hồng đào ngọc nộn,
Phong dao tiên bích liễu ty khinh,
Bạch vân ảnh lý quái thạch lộ,
Lục thủy quang trung khô mộc thanh.
Di! Nhĩ thị hà nhân?*

Dịch:

Mưa tắm nhẹ đài non hoa đào,
Gió thoảng đùa tơ liễu xanh bay,
Dưới bóng mây trắng đá lạ hiện,
Trong ánh nước xanh cây khô tươi.
Chao! Ông là người nào?

Sư nói:

- Ngày nay mới biết ông ấy gần thầy tôi.

Bằng liền thưa hỏi ý nghĩa. Sư bảo:

- Há chẳng thấy Pháp Nhãn niệm lời Giáp Sơn rằng: “Ta ba mươi năm chỉ làm cảnh để hiểu.”

Bằng liền có tỉnh. Sau Sư vâng chiếu mời trụ chùa Tịnh Nhon ở Đông Kinh.

Bài tán tượng tức là bài kệ tán thán khen ngợi đề dưới ảnh tượng của thầy. Trong đây có thấy câu nào khen ngài Phù Dung đâu, chỉ toàn tả cảnh. Phải không?

Mưa tắm nhẹ đài non hoa đào, gió thoảng đùa tơ liễu xanh bay. Trời mưa như tưới tắm cho hoa đào thắm, cho cây tươi xanh mát. Gió thổi hàng liễu biếc bay qua bay lại như tơ.

Dưới bóng mây trắng đá lạ hiện. Thầy giống như ngọc hiện dưới bóng mây trắng vậy. *Trong ánh nước xanh cây khô tươi,* nguyên văn chữ Hán là *Lục thủy quang trung khô mộc thanh.* Lục thủy là nước trong xanh, quang trung là trong ánh sáng. Bởi chữ lục dịch là nước trong, chữ trung là trong nữa thì trùng từ, nên tôi đổi thành “trong ánh nước xanh cây khô tươi”. Cây khô đứng tựa bờ suối, nhưng nhìn qua dòng nước trong thì thấy như cây tươi. Cây khô là tượng trưng cho hình ảnh chết, tuy chết rồi mà bóng vẫn còn xanh tốt.

Chao! Ông là người nào? Người nào mà tài đến thế.

Đó là lời tán thán Thầy rất tế nhị của thiền sư Duy Chiếu, mới đọc qua chúng ta thấy toàn là tả cảnh vật, nhưng thật ra khen ngài Phù Dung đáo để. Khen ngài sạch hết tất cả nhơ nhớp, ngài nhẹ nhàng thanh thoát, ngài có những kỳ đặc hiện trong đời. Mặc dù Thầy đã tịch, nhưng đường lối và sự dạy dỗ của Thầy còn đây, con cháu vẫn tiếp nối như Thầy đang sống.

Nghe thượng nhân Bằng thuật lại bài tán, ngài nói: *Ngày nay mới biết ông ấy gần thầy tôi.* Ngài nghe

đọc rồi thì biết liền, nhưng thượng nhân Bằng không hiểu, nên thưa hỏi vì sao mà biết người này gần thầy mình. Ngài bảo: *Há chẳng thấy Pháp Nhãn niệm lời Giáp Sơn rằng: Ta ba mươi năm chỉ làm cảnh để hiểu. Chỉ lấy cảnh để hiểu người, mượn cảnh để biết mà thôi. Bằng liền có tỉnh.*

Về sau, ngài vâng chiếu mời trụ chùa Tịnh Nhon ở Đông Kinh.



THIÊN SƯ TÊ LIỄN ở ĐẠI TRÍ - THÀNH ĐÔ

(1073 - 1145)

Sư họ Mâu, quê ở Trung Giang, Đồng Xuyên, thuở nhỏ đã có chí thoát trần, năm mười ba tuổi xuất gia, đến Hộ Thánh thọ giới Cụ túc. Năm sau sang Thành Đô theo học Bách Pháp ở chùa Pháp Hoa. Sư lại thông Duy thức, đọc đến câu: “Đây gọi là pháp vô lậu giới bất tư nghi thiện thường, an lạc giải thoát thân đại Mâu-ni”, dường như có tỉnh. Vị thầy kia không thể giải thích cho thỏa mãn, Sư than rằng: “Ta bỏ nhà vì việc lớn, ở đây chỉ đọc lại những lời trên giấy, ví như mặt trời mặt trăng vẽ, há có ánh sáng sao?” Sư liền từ giả sang miền Nam.

Đây gọi là pháp vô lậu giới, bất tư nghi thiện thường, an lạc giải thoát thân đại Mâu-ni. Câu này trong Duy Thức Tam Thập Tụng. Thiền sư Tê Liễn khi học Duy thức, nghe tới đây có tỉnh cầu thầy giải thích

cho rõ. Nhưng thầy dạy không thỏa mãn, ngài than: *Ta bỏ nhà vì việc lớn. Ở đây chỉ đọc lại những lời trên giấy, ví như mặt trời mặt trăng vẽ há có ánh sáng sao?* Lời này chúng ta phải nhớ, mình đi tu là vì việc lớn sanh tử. Sanh tử là việc mà người đời không thoát nổi, chúng ta muốn thoát ra, đó là việc làm phi thường. Đã vì việc lớn mà cứ ngồi đọc chữ nghĩa hoài thì làm sao? Chữ nghĩa trên giấy mực như mặt trời mặt trăng vẽ, không có ánh sáng, vì thế ngài từ giả ra đi.

Trước tiên Sư đến tham vấn đạo giả Đoạn Tý ở Thanh Khê. Đoạn Tý thâm nhận Sư. Sư lại tham vấn thiền sư Diễn ở Ngũ Tổ, thiền sư Triết ở Chân Như, thiền sư Túc ở Bá Trượng, thiền sư Tâm ở Hối Đường, ngày đêm tham vấn mà chưa có tỉnh.

Khi Sư ở Hối Đường, có người từ Đại Dương đến thuật lại lời dạy chúng của Phù Dung, lòng Sư vui thích, bèn đến đó tham vấn. Mới gặp Phù Dung dường như đã biết lâu rồi. Một hôm buổi sáng nghe tiếng bảng, Sư hoát nhiên đại ngộ, chạy đến trình với Phù Dung. Phù Dung ấn khả. Phù Dung sai Sư giữ Tạng kinh và phân tòa thuyết pháp, cây dù trong dãy trời đầu, trong tùng lâm kính quý, danh tiếng vang xa. Chưa bao lâu, Sư trở về thăm cha mẹ.

Khi Phù Dung đến trụ chùa Tịnh Nhon, Sư lại đến đó làm Thủ chúng ở dưới tòa. Chùa Tịnh Nhon ở chốn kinh đô, mà Phù Dung giáo hóa hàng tăng chúng, người đến hỏi đạo có cả vạn, Sư lo phần ngoại hộ vẫn đầy đủ. Phù Dung nói về Sư, bảo với người rằng:

- Thủ tọa Liễn đi như trâu nhìn như cọp, cơ phong bén nhạy, ngày khác sẽ hoằng hóa đạo của ta.

Ngài Phù Dung khen ngài, bảo với mọi người rằng: *Thủ tọa Liễn đi như trâu nhìn như cọp, cơ phong bén nhạy, ngày khác sẽ hoằng hóa đạo của ta.* Mã Tổ cũng được khen “đi như voi, nhìn như cọp”. Con trâu hay con voi đi lẫm lỳ thẳng tới, không ngó ngang ngó dọc; con cọp, cổ nó không quay qua quay lại được, chỉ nhìn thẳng, muốn nhìn ngang thì phải xoay cả mình lại. Ý nói dáng ngài rất nghiêm trang, tề chỉnh.

Khi ấy dân chúng kiến thiết chùa Sùng Ninh, chọn người truyền pháp, Kinh lược sứ Vĩnh Hưng là Vương Tự, Đô chuyển vận sứ là Tiết Thiệu Bành dùng nghi lễ thỉnh Sư. Sư nhận lời, về ở đây năm năm danh tiếng đồn khắp, xa gần kính mộ. Sau đó, dời đến chùa Phổ Ninh ở Tương Dương. Đến đầu niên hiệu Chánh Hòa (1111), Sư trở về cố hương cát am Diệu Phong để dưỡng già, lại bị Thiên Bành thỉnh trụ chùa Năng Nhân, kế sang chùa Đại Tùy, rồi Vô Vi ở Quảng Hán, Siêu Ngộ ở Thành Đô, rốt sau đến chùa Đại Trí.

Lúc Sư trụ chùa Đại Tùy, có tín đồ đối tố Sư tại châu, Sư vui vẻ đến Hữu ty nhận tội. Khi tra khảo Sư, trời đất tối tăm, có bầy chim bay kêu la, lại có con gieo mình xuống đất. Châu tướng kinh lạ, bèn thả Sư ra.

Siêu Ngộ là dãy nhà bên cạnh của chùa Đại Từ, sắp bày như cái quán hàng, Sư thường đóng cửa

ngôi yên. Những người trọng giới luật thấy đều quý kính. Đạo đức của Sư càng cao, kẻ tăng người tục muốn được biết mặt Sư, mà chỉ trông thấy lưng cổ. Khi đó tuổi Sư đã cao, cảm thấy chán muốn bỏ đi, chúng cố mời lại mà không được. Họ bảo nhau, chùa Đại Trí ở phía tây xa xôi, rừng cây sầm uất đáng cho Sư ẩn lúc tuổi già, bèn đưa ý kiến lên quan phủ. Khi ấy Tịch Công làm Chế trí sử đến lễ thỉnh Sư. Sư hoan hỷ hứa khả.

Lúc ở chùa Đại Tùy, có tín đồ dỗi tố ngài tại châu, ngài vui vẻ đến Hữu ty nhận tội. Ở đây nói đơn giản, chỗ khác kể rằng ngài tới đó trụ trì, có một số tín đồ ghét nói ngài lấy của chùa xài riêng, rồi tố lên quan. Vào thời phong kiến ở Trung Hoa, tất cả chùa chiền đều thuộc về triều đình. Người muốn làm tăng phải qua một kỳ thi, thi đậu mới được chọn làm tăng. Nhà vua cho các quan ở địa phương, thấy chùa nào khuyết trụ trì thì chính vị quan đó đi thỉnh, chư tăng không thể tự ý đến. Như ở đây, Thiên Bành thỉnh ngài trụ chùa Năng Nhân, kế đó sang Đại Tùy. Tại chùa Đại Tùy, các tín đồ dỗi tố rằng ngài gian lận của chùa để xài riêng. Hữu ty là quan bên xét án, kêu ngài lên hỏi gì ngài cũng nói có và vui vẻ nhận tội. Vì ngài nhận tội nên quan cho người tra khảo. Khi ấy trời đất tối tăm, có bầy chim bay kêu la, lại có con nhào xuống đất, quan tướng thấy thế hoảng sợ thả ngài ra.

Trường hợp ngài tương tự như thầy của mình là Đạo Giai Phù Dung. Thiền sư Đạo Giai được nhà vua phong hiệu và tặng tử y, nhưng ngài không nhận. Nhà vua

bắt tội khi quân, ra lệnh quan tại quận đó đánh đòn. Quan quận thấy ngài ốm yếu nên thương, tìm cách chống đỡ, ông nói: “Phàm người bị tội nếu có bệnh thì khỏi bị tra khảo. Hòa thượng có bệnh chẳng?” Nếu chúng ta đang mạnh khỏe mà nghe hỏi vậy, chắc cũng nói bệnh để khỏi bị đánh, còn ngài Đạo Giai thì nói: “Bình thường cũng có bệnh, nhưng hiện nay tôi không bệnh.” Bởi nói không bệnh, nên họ lôi ra đánh. Ngài là đệ tử cũng giống thầy mình, bị người ta nói oan vẫn cứ chịu, chẳng cần minh oan. Quan không biết phải trái, thấy ngài nhận chịu hết nên tưởng ngài có tội thật, bèn lôi ra đánh. Đến khi thấy những hiện tượng lạ, mới biết ngài bị oan liền thả ra.

Chúng ta thấy gương tu hành của người xưa, các ngài nhìn thân này không quan trọng, nên việc tra khảo đối với các ngài không nghĩa lý gì hết. Dù thân có gặp những việc đau khổ, bị tra khảo đánh đập cũng không sợ hãi, không vì bảo vệ thân mà nói dối để tránh né.

Sư ở Đại Trí tám năm, thiền khách các nơi tìm đến, ngôi chùa này trở thành Bảo Xã. Song từ đó Sư ứng tiếp đơn sơ. Chợt Sư khởi bệnh. Có người thăm hỏi, liền nói ta không khổ. Bỗng Sư bảo Chủ sự:

- Vì ta làm một cái kiệu tre, ta sẽ có chỗ cần.

Hôm sau, Sư ngồi kiết già cầm bút viết kệ xong, lặng lẽ mà tịch.

Sư tịch ngày mừng bốn tháng mười một niên hiệu Thiệu Hưng thứ mười lăm (1145) thọ 73 tuổi.

Lúc sắp mất ngài bệnh, có người đến thăm hỏi ngài liền nói *ta không khổ*. Ngài biết sắp chết nhưng không sợ cũng không khổ, mà bảo Chủ sự: *Vì ta làm một cái kiệu tre, ta sẽ có chỗ cần*. Kiệu tre tức là cái nhà giàn nhỏ. Ngài đối với sanh tử đã được tự tại, không còn thấy khó khăn, không sợ sệt, biết trước ngày mình đi nên bảo chuẩn bị sẵn.



THIÊN SƯ TỬ THUẦN ở ĐƠN HÀ - ĐẶNG CHÂU

(1066 - 1119)

Sư họ Giả, quê ở Kiếm Châu, khoảng hai mươi tuổi đi xuất gia. Nơi hội thiên sư Phù Dung, Sư được triệt ngộ. Sau Sư trụ núi Đơn Hà tại Đặng Châu.

Sư thượng đường:

- “Trong càn khôn giữa vũ trụ, ở trong có một hòn ngọc ẩn tại hình sơn.” Triệu pháp sư nói thế ấy, chỉ khéo chỉ dấu nói vết, vẫn không thể chỉ bày cho người. Ngày nay Đơn Hà mở hoác vũ trụ đập nát hình sơn, vì mọi người chỉ ra, người đủ mắt biện lấy.

Sư cầm cây gậy giộng một cái nói:

- Lại thấy chăng? Cờ trắng trên tuyết sắc vẫn khác, trắng sáng hoa lau chẳng giống nhau.

Trong càn khôn giữa vũ trụ, ở trong có một hòn ngọc ẩn tại hình sơn. Câu này trích trong Triệu Luận của pháp sư Tăng Triệu. Hình sơn tức là núi hình, chỉ cái thân này. Hòn ngọc đó muốn chỉ cho cái gì? Ngài bảo: *Triệu pháp sư nói thế ấy, chỉ khéo chỉ dấu nói vết, vẫn không thể chỉ bày cho người.* Nói vậy cũng là chỉ dấu vết mà thôi, không chỉ thẳng ra cho người thấy được. *Ngày nay Đơn Hà, tức là chỉ cho ngài, mở hoác vũ trụ đập nát hình sơn, vì mọi người chỉ ra, người đủ mắt biện lấy.* Ngài yêu cầu mọi người, nếu đủ mắt thì hãy nhìn, ngài sẽ đập nát hình sơn, mở hoác vũ trụ để cho thấy cái thật đó.

Ngài cầm cây gậy giộng xuống một cái nói: *Lại thấy chăng?* Ngài rất tài tình, mượn câu nói người trước để chỉ ra cái thật hiện tại. Ở trong sách vở nói thế này thế kia, cũng là chỉ dấu vết chứ chưa chỉ ra được cái thật. Giờ đây tôi chỉ thẳng cái thật cho mọi người thấy, ngài giộng tích trượng một cái nói, nếu ai đủ mắt thì biện lấy.

Cò trắng trên tuyết sắc vẫn khác, trăng sáng hoa lau chẳng giống nhau. Cò trắng đậu trên tuyết trắng, tuy cùng trắng nhưng sắc trắng đó vẫn không giống nhau. Trăng sáng, hoa lau trắng, hai cái đó cũng không giống nhau. Hai câu này muốn nói gì? Nếu người học kinh Lăng-nghiêm rồi, nghe qua thì hiểu liền. Chỗ này ngài Văn-thù nói: Khi thấy tất cả người ở trong pháp hội, đó là thấy; chợt khởi đây là Văn-thù, đây là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... thì đó là thức. Như vậy thấy và thức cách nhau bao xa? Đường như gần bên, mà người đời khó nhận ra. Hình ảnh cò trắng đậu trên tuyết, hoa lau

trong đêm trăng, hai sắc đó gần kề, nếu không nhạy không khéo thì không thấy được. Ngài mượn câu nói của Triệu pháp sư để chỉ cái thật cho chúng ta thấy.

Sư thượng đường, nêu lên:

- Đức Sơn dạy chúng, nói: “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.” Đức Sơn nói thoai như thế, đáng gọi là chỉ biết vào cở tìm người, bất chợt toàn thân bùn nước. Chín chắn xem ra chỉ đủ một con mắt. Nếu là Đơn Hà thì không thế. Tông ta có ngữ cú, đao vàng cắt chẳng mở; sâu xa chỉ huyền diệu, ngọc nữ đêm mang thai.

Ngài nhắc lại lời của Đức Sơn nói: *Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.* Nói như vậy lỗi ở đâu mà ngài bảo: *Đức Sơn nói thoai như thế, đáng gọi là chỉ biết vào cở tìm người, bất chợt toàn thân bùn nước. Chín chắn xem ra chỉ đủ một con mắt?* Ngài cho rằng nói như vậy là vào cở tìm người, toàn thân dính bùn dính nước, xem ra chỉ có một con mắt. Vậy còn ngài thì thế nào? *Nếu là Đơn Hà thì không thế. Tông ta có ngữ cú, đao vàng cắt chẳng mở; sâu xa chỉ huyền diệu, ngọc nữ đêm mang thai.* Ngài nói có khác với Đức Sơn không? Nếu người khéo thấy thì liền thấy, cái kia không ngữ cú mà ngài Đức Sơn lập có ngữ cú. Theo tinh thần nhà thiền, nếu còn thấy có *không* là chưa đủ hai mắt. Nói *tông ta không ngữ cú*, nói *không* cũng là đã mù hết một mắt rồi.

Tôi dẫn câu chuyện ngài Đại Mai để làm sáng tỏ thêm. Có người hỏi Đại Mai: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?” Đại Mai đáp: “Tổ sư không có ý.” Vị ấy

đem lời này đến hỏi một thiền sư khác, như vậy là có ý hay không có ý? Vị kia nói: “Có ý.” Thiền sư Diêm Quan nghe được nói: “Một cái quan tài hai tử thi.” Còn thấy một bên, bên này cũng chết, bên kia cũng chết, nên nói hai cái tử thi. Bởi nói có nói không cũng là bệnh, do đó ngài nói: *Tông ta có ngữ cú*. Lập “có ngữ cú” là để phá cái chấp “không ngữ cú” ở trên. *Đao vàng cắt chẳng mở; sâu xa chỉ huyền diệu, ngọc nữ đem mang thai*. Những câu này không dính bên nào.

Sư thượng đường:

**Dừng dừng đúng Ngọ còn thiếu nửa,
Lặng lặng canh ba vẫn chưa tròn,
Sáu cửa chẳng từng biết hơi ấm,
Lại qua thường ở trước trăng trong.**

Dừng dừng đúng Ngọ còn thiếu nửa. Mặt trời đúng Ngọ, còn thiếu phân nửa, tức là mới được nửa ngày. *Lặng lặng canh ba vẫn chưa tròn*. Canh ba là chưa hết đêm. Hiểu câu trên thì hiểu câu dưới. Hai câu trên, một câu đúng Ngọ một câu canh ba, để nói tinh thần hồi hỷ của tông Tào Động. *Sáu cửa chẳng từng biết hơi ấm*. Nơi sáu cửa không bị thức chen vô để dính với cảnh thì sáu cửa không có hơi ấm. Nếu sáu cửa không hơi ấm thì sao? *Lại qua thường ở trước trăng trong*, tới lui tự tại, lúc nào cũng sáng sạch, không có gì nhớ nhĩm.

Sư thượng đường:

**- Trăng sáng chiếu soi đầm trong bày bóng,
nước không có ý thấm trăng, trăng không có tâm**

soi nước, trăng nước cả hai đều quên mới đáng gọi là đoạn. Vì thế nói, việc lên trời cần phải thối bay mất, việc thập thành cần phải dẹp mất, ném vàng vang tiếng chẳng cần xoay nhìn. Nếu hay như thế, mới hiểu nhầm trong dị loại mà đi. Quý vị! Đến chỗ này lại thấu hiểu chăng?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Thường đi chẳng cất nhân gian bước, mang lòng đội sừng lẫn đất bùn.

Trăng chiếu soi hiện bóng dưới đầm, nước có muốn làm ướt trăng không, trăng có tâm muốn soi bóng ở dưới nước không? *Nước không có ý thấm trăng, trăng không có tâm soi nước*, trăng và nước đều không ý, đều không tâm. *Trăng nước cả hai đều quên mới đáng gọi là đoạn.* Không còn có ý dính với cảnh, cảnh và ý đều quên, đó gọi là thật đoạn. Chúng ta đợi khi có niệm dấy lên mới đoạn, chưa phải thật đoạn. Khi đối cảnh mà tâm không sanh, không khởi niệm kia là cảnh đây là người, kia là cảnh đây là tâm, như thế là chân thật.

Vì thế nói, việc lên trời cần phải thối bay mất, việc thập thành cần phải dẹp mất, ném vàng vang tiếng chẳng cần xoay nhìn. Muốn tu để lên thiên đường, đừng tham muốn tức là thối bay việc ấy đi. Việc thập thành cần phải dẹp mất, muốn tu làm sao cho được toàn vẹn thì cũng dẹp bỏ đi, đừng mong lên trời, đừng mong toàn vẹn. Cốt lõi ở chỗ này: *Ném vàng vang tiếng chẳng cần xoay nhìn*, cầm thoi vàng quăng đi có tiếng động mà không cần nhìn nó rớt chỗ nào.

Nếu hay như thế, mới hiểu nhầm trong dị loại mà đi. Quý vị! Đến chỗ này lại thấu hiểu chăng? Nếu được như vậy mới hiểu nhầm trong dị loại mà đi. Vàng là quý, ném đi không chút tiếc. Thường vật gì đáng quý tiếc mà bỏ đi, ắt mong ước ngó lại. Đây thì ném đi mà không thèm ngó lại, tư cách đó mới có thể đi trong dị loại, là ở trong lục đạo luân hồi mà không như không nhiễm. Nếu chưa được như vậy thì đi đâu lún bùn tới đó, mắc lầy leo lên không nổi, lội lên không được.

Ý ngài chỉ cho chúng ta biết, người tu không cầu sanh cõi trời, không cầu cho mình được toàn vẹn; chỉ là đối với những cái thế gian cho là quý, không nên nghĩ tưởng, không cần đoái nhìn. Vì còn mơ ước sanh lên thiên đường là còn tham hưởng dục lạc thế gian, mong mình tu chứng đắc hay hơn thiên hạ cũng là tham. Đây không cần những việc như thế, chỉ cần của quý báu ném đi không một chút tiếc nuối. Người như vậy khả dĩ đi trong lục đạo độ chúng sanh mà không dính mắc.

Ngài im lặng giây lâu nói: *Thường đi chẳng cất chân gian bước, mang lông đội sừng lẫn đất bùn. Đi mà không cất bước, như nói thường ăn mà không nhai nát một hạt cơm.* Ý nói người sống trong cảnh thế gian nhưng không dính mắc bụi trần.

Tăng hỏi:

- Ngươi Đâu khi chưa thấy Tứ tổ thì thế nào?

Sư đáp:

- Cúc vàng vừa nở ong đua hút.

Tăng hỏi:

- Sau khi thấy thế nào?

Sư đáp:

- Mầm khô hoa rụng rồi không nường.

Ngài Pháp Dung trước khi gặp Tứ tổ, ngồi tu trên ngọn núi Ngưu Đầu, thường có chim tha hoa trái đến cúng dường, trong thất thì cọp đứng hầu, ai cũng kính nể cho rằng ngài là người đắc đạo.

Tăng hỏi *khi chưa gặp Tứ tổ thì sao?* Ngài đáp: *Cúc vàng vừa nở, ong đưa hút.* Khi hoa cúc nở thì ong đến hút mật, có hoa có ong là còn trong đối đãi. Vì ngài còn có tâm thiện, còn quán từ bi, nên chúng sanh cảm mà đến; cũng như hoa cúc nở thì ong tới hút nhụy, hai bên còn có cái cảm thông nhau. Sau khi ngài gặp Tứ tổ ngộ được tâm tông, từ đó về sau chim hết hái hoa trái cúng. Chỗ này khiến nhiều người hoang mang, như vậy ngài hết phước rồi sao? Tăng hỏi: *Sau khi thấy thế nào?* Tức là thấy Tứ tổ rồi thì thế nào? Ngài đáp: *Mầm khô hoa rụng rồi không nường.* Mầm đã khô hoa đã rụng, không còn chỗ nường tựa, lúc đó chim hết cúng dường. Ngài trả lời quá hay. Đến đó rồi thì không còn năng sở không còn đối đãi, giống như mầm đã khô, hoa đã rụng, không còn gì nường tựa.

Năm Kỷ Hợi niên hiệu Tuyên Hòa (1119) vào mùa xuân Sư tịch, tháp của Sư ở phía nam Hồng Sơn.



THIÊN SƯ XIỂN ĐỀ DUY CHIẾU ở BẢO PHONG - HỒNG CHÂU

(? - 1128)

Sư họ Lý, quê ở Giản Châu, thuở nhỏ đã có tinh thần chán tục. Một hôm đọc sách đến “Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã”, Sư nói:

- Phàm thánh vốn một thể, do tập nên sai khác, tôi biết đó rồi.

Sư liền đến Thành Đô làm đồ đệ sư Thanh Thối ở Lộc Uyển. Đến năm mười chín tuổi, Sư cạo tóc thọ giới Cụ túc. Sư Thanh Thối dạy đến chùa Đại Từ học Khởi Tín Luận. Sư liền về phòng nằm, Thanh Thối hỏi lý do. Sư thưa:

- Đã nói chánh tín Đại thừa, há ở lời nói mà có thể rõ.

Sư bèn cất bước tham thiền.

Thiền sư Duy Chiếu ở Bảo Phong, đệ tử ngài Đạo Giai Phù Dung thuộc tông Tào Động. Từ lúc nhỏ ngài đã có tinh thần chán thế tục, tức là muốn tu. Khi đọc sách Nho có câu *tánh tương cận dã, tập tương viễn dã* thì ngài liền hiểu. Ngài nói: *Phàm thánh vốn một thể, do tập nên sai khác, tôi biết đó rồi*. Phàm thánh vốn một thể, tánh mình không thiện không ác, do gần thiện thì thành thiện, tập ác thì thành ác mà thôi. Do đó ngài đi xuất gia. Thầy dạy học Đại Thừa Khởi Tín Luận, ngài không chấp nhận, nói: *Đã nói chánh tín Đại thừa, há ở lời nói mà có thể rõ*. Tại sao vậy? Bởi vì đã nói là chánh tín Đại thừa, tức là tin chắc tâm mình, mà không chịu thấy lại căn cứ trên lời nói thì làm sao biết được. Ngài *bèn cất bước tham thiền*, từ đó đi tham học thiền ở các nơi.

Sư đến yết kiến Phù Dung tại Đại Hồng. Mỗi đêm Sư thường ngồi thiền ngoài hành lang trên gác, gặp gió tuyết lay động tấm rèm, lại nghe tiếng la ăn trộm, liền có sở đắc. Sau đó, Sư từ giả Phù Dung đi. Đến khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1111), Phù Dung mắc nạn. Sư từ Tam Ngô muốn dời đến Nghi Thủy, đưa dẫn đường đi lạc, Sư cầm gậy gõ đó, bỗng nhiên đại ngộ. Sư tán thán:

- Đất này đâu không phải Ngao Sơn ư?

Sư đến Nghi Thủy, Phù Dung trông thấy vui vẻ nói:

- Nối thành tông ta hẳn là bọn người vậy.

Nhân đây, Sư ở lại trên bờ hồ nhiều năm.

Trong khi ngồi thiền, gió tuyết thổi tạt vào mặt, bỗng nghe người la ăn trộm, ngài ngộ đạo. Sau đó, ngài từ Phù Dung đi.

Đến khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1111) Phù Dung mắc nạn. Phù Dung mắc nạn là vì vua ban tử y và pháp hiệu nhưng không chịu nhận, nhà vua cố ép cũng nhất định từ chối. Vì thế phải đưa ra quan, quan sở tại thấy ngài Phù Dung già ốm, muốn cho khỏi bị tra khảo nên nói: Nếu là người bệnh thì không bị tra khảo, Hòa thượng có bệnh không? Phù Dung đáp: Trước kia cũng có bệnh nhưng hiện giờ thì không bệnh. Vì vậy bị tra khảo, dày mặc áo phục dịch. Sau được phóng thích, ngài cất am ở nơi hồ Phù Dung.

Ngài muốn đến chỗ Thầy, người dẫn đường đi lạc, ngài gõ nó một cái, chột đại ngộ. Ngài nói: *Đất này đâu không phải Ngao Sơn ư?* Ngao Sơn là chỗ Tuyết Phong Nghĩa Tồn và Nham Đầu Toàn Khoát nói đạo lý, cuối cùng ngài Tuyết Phong ngộ, nói: Hôm nay mới thành đạo tại Ngao Sơn. Ngài đến Nghi Thủy, Phù Dung trông thấy vui vẻ nói: *Nối thanh tông ta hẳn là bọn người vậy.* Nhân đây, ngài ở lại với Thầy nhiều năm.

Sau Sư nhận trụ chùa Chiêu Đề, rồi dời đến Cam Lô Tam Tổ. Đến niên hiệu Tuyên Hòa năm Nhâm Dần (1122) có chiếu bổ Sư trụ Viên Thông. Sau rời Viên Thông trụ ở Lạc Đàm.

Sư thượng đường:

- Phật xưa nói “Khi mới thành Chánh giác, ta thấy chúng sanh trên đại địa thấy đều thành

chánh giác”. Sau, ngài lại nói “Sâu thăm xa xôi không người đến được”. Kẻ không kiến thức, nên đầu rồng đuôi rắn.

Sư liên xuống tòa.

Kinh Hoa Nghiêm có nói, sau khi thành đạo đức Phật bảo: *Khi mới thành chánh giác, ta thấy chúng sanh trên đại địa thấy đều thành chánh giác.* Phật nói tất cả chúng sanh đã thành Phật, tại sao chúng ta còn ngồi đây? Đứng về tánh Phật thì tất cả đều có sẵn, vì thế ngài nói tất cả chúng sanh đều thành Phật. Ví dụ gia đình có năm mười người con, cha mẹ trăm tuổi chia gia tài lại cho mỗi đứa con. Người anh cả khôn lớn đã lập gia đình, những đứa nhỏ thì còn đi học, hoặc chưa đủ khôn ngoan. Cha mẹ bảo người anh cả quản lý hết gia tài, giữ lại để sau này em út lớn khôn, hay có gia đình thì chia cho nó. Như vậy, khi người anh cả nhận phần gia tài của cha mẹ chia cho, tất cả các em tuy còn nhỏ nhưng đã có phần, chỉ là chưa được nhận mà thôi.

Lúc mới thành đạo, Phật thấy tất cả chúng sanh đều thành Phật, nhưng sau ngài lại nói *Sâu thăm xa xôi không người hay đến.* Nghĩa là chỗ giác ngộ đó sâu thăm xa xôi không người đến được. Thế là chỉ có mình ngài đến, chúng ta đến không được. Có mâu thuẫn không? Ngài Duy Chiếu nói: *Kẻ không kiến thức, nên đầu rồng đuôi rắn.* Câu sau và câu trước như có mâu thuẫn, trước thì nói ai cũng thành Phật, sau thì nói chỗ sâu thăm xa xôi không người hay đến. Như vậy chỉ có ngài thành, chúng ta không thành. Phải không?

Đây phải hiểu ý Phật. Khi thấy chúng sanh mê muội, tự ty mặc cảm cho rằng Phật là Bồ-tát tái sanh, ngài tu thành Phật được còn mình là chúng sanh ngu muội không mong gì thành Phật. Phật tuyên bố rõ rằng tất cả các người cũng đã thành Phật, để chúng sanh khỏi tự ty, nỗ lực tu, tin rằng mình đã có Phật tánh, ráng tu sẽ thành. Đối với những người tự tôn, nghe nói ta đã có Phật tánh tức ta đã là Phật, không cần tu làm chi nữa dư sự! Thế là họ cứ ăn chơi, không cố gắng tu hành, vì vậy Phật nói sâu thẳm xa xôi không người hay đến. Chỗ ta đạt đến sâu thẳm xa xôi, không có người đến được, không phải là chuyện thường. Người muốn đến đó phải cố gắng nỗ lực. Đó là lời cảnh tỉnh những người tự tôn, khi nghe nói mình có Phật tánh, rồi lười biếng muốn sống tự tại mà không sợ trầm luân.

Sư thượng đường:

- Chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn rồi, cả thấy các người không nên tiếc nhớ; chư Phật vị lai chưa ra đời, cả thấy các người không nên vọng tưởng; chính hiện ngày nay người là người gì? Tham!

Chư Phật quá khứ đã qua không nên tiếc nhớ, Phật vị lai chưa đến vọng tưởng làm gì. *Chính hiện ngày nay người là người gì?* Đừng tìm quá khứ vị lai làm chi, ngay bây giờ thấy được chính mình, đó là Phật.

Sư thượng đường:

- Bá Di hạp hòi, Liễu Hạ Huệ không kính, quân tử chẳng noi theo. Khi hai bên chẳng lập, trung đạo chẳng an bày thì thế nào?

Sư cầm cây gậy nói:

- Uyên ương thêu rõ mặc ông ngắm, chẳng nắm kim vàng trao cho người.

Đoạn trên dẫn tích xưa. Khi nhà Châu kéo quân đánh nhà Thương, Bá Di Thúc Tề khuyên không được còn bị cho là phản nghịch, nên buồn bỏ lên núi Thù Dương ở ẩn. Sau nghe nhà Châu thắng, nắm hết quyền bính, chiếm tất cả đất đai trong nước, hai vị nhịn đói không ăn cơm của nhà Châu rồi chết. Nhiều người kính trọng khí tiết của hai vị, nhưng *Liễu Hạ Huệ không kính*. Liễu Hạ Huệ cho đó là không thức thời. Vua trước là hôn quân thì phải có người chân chính thay thế, tự bắt mình phải thờ hôn quân như vậy là không linh động, không sáng suốt.

Khi hai bên chẳng lập, trung đạo chẳng an bày thì thế nào? Một bên có lòng trung thành với vua trước, một bên cho rằng phải linh động ai chánh thì mình theo. Thường chúng ta hoặc theo bên này hoặc bên kia, nếu không bên này bên kia thì ở giữa. Nhưng khi hai bên không lập, ở giữa cũng không an bày, lúc đó thế nào? Ngài dẫn hai câu thơ xưa: *Uyên ương thêu rõ mặc ông ngắm, chẳng nắm kim vàng trao cho người*. Tấm vải thêu chim uyên ương, hai con khấn khít với nhau, mặc tình ngắm xem. *Chẳng nắm kim vàng trao cho người*. Vải thêu có hình ảnh đẹp là do từ cây kim thêu. Nếu không trao kim thì thêu được không? Như vậy để thấy, nếu không có thêu dệt thì không có hai bên, không có hai bên thì không bị lôi cuốn đi trong luân hồi sanh tử nữa.

Sư thượng đường:

- Dưới cửa thái dương diệu xướng càng cao, trước nhà minh nguyệt tri âm lại ít. Chẳng khỏi thuyền ngang sông lạch, chèo nhịp sóng xanh; xướng khúc đời Nghiêu, hòa nhạc thanh bình. Trình bày như thế, khắp mời thừa đương. Vừa có nghĩ nghĩ, mây trắng bay muôn dặm.

Những câu nói thế này rốt cuộc nhắm vào đâu? *Dưới cửa thái dương diệu xướng càng cao*, tức là những bản nhạc hay, cao vút lên. *Trước nhà minh nguyệt, tri âm lại ít*. Chẳng khỏi thuyền ngang sông lạch, chèo nhịp sóng xanh; xướng khúc đời Nghiêu hòa nhạc thanh bình, trình bày như thế khắp mời thừa đương. Bao nhiêu việc tôi trình bày ở trên, mời các ông thừa đương, nhưng đừng suy nghĩ. Vì sao? Vừa có nghĩ nghĩ, mây trắng bay muôn dặm. Nghe mà không cho nghĩ, nghĩ thì lầm sai muôn dặm. Như vậy để thấy, mọi hình ảnh trước mắt chúng ta, nếu vừa dấy niệm thì đã sai rồi.

Sư thượng đường:

- Xưa tự chẳng sanh nay cũng chẳng diệt, là chết chẳng được mầu mực. Nơi đây xuất sanh chốn này diệt hết, là hàm sanh chịu quy củ. Bậc đại trượng phu cần phải ở trong dòng sanh tử, nằm trong rừng gai góc, cúi ngược co duỗi tùy cơ lập bày. Hay như thế đó là dùng vô lượng phương tiện trang nghiêm tam-muội, cửa đại giải thoát liền mở rộng thênh. Nếu chưa như thế, vô lượng phiền não, tất cả trần lao đứng sừng trước mặt bít lấp đường xưa.

Xưa tự chẳng sanh nay cũng chẳng diệt, chết chẳng được mầu mực. Xưa chẳng sanh nay không diệt, là chỉ cho chỗ không khuôn mẫu. *Nơi đây xuất sanh chốn này diệt hết, là hàm sanh chịu quy củ.* Vì chúng hàm sanh bị luật vô thường sanh rồi diệt, nên nói có quy củ. Như vậy, một bên không sanh, một bên sanh.

Đại trượng phu là người ở trong dòng sanh tử mà thấu nhập được, nên khác hơn những chúng sanh kia, tuy ở trong sanh tử mà không chịu quy luật vô thường. *Tuy ở trong dòng sanh tử, nằm trong rừng gai góc, trong cảnh khổ mà cúi ngược co duỗi tùy cơ lập bày.* Ở chỗ khó khăn khổ sở, trong dòng sanh tử mà luôn tự do.

Hay như thế đó, là dùng vô lượng phương tiện trang nghiêm tam-muội. Người được như vậy là người đang dùng vô lượng phương tiện để trang nghiêm chánh định của mình. Do đó, *cửa đại giải thoát liền mở rộng thênh.* Ngài chỉ rất rõ, người tu đừng sợ sanh tử. Muốn tu đến chỗ không sanh diệt, phải ngay trong sanh tử mà không mê muội, không bị vô thường lôi cuốn, tự do tự tại tùy phương tiện cứu độ mọi người. Như thế mới là trang nghiêm tam-muội, là cửa đại giải thoát.

Nếu không được như vậy, *vô lượng phiền não, tất cả trần lao đứng sừng trước mặt bít lấp đường xưa.* Nếu ở trong sanh tử mà không tự tại, không được trang nghiêm tam-muội, không được cửa đại giải thoát, thì sẽ bị tất cả phiền não trần lao che lấp con đường trở về Niết-bàn của mình.

Sư thượng đường:

- Người xưa nói “Rời bỏ thân thể, dẹp thông minh, lìa hình bỏ trí, đồng với đại đạo”. Bấy giờ hãy nói là người nào san thi thư, định lễ nhạc. Lại thấu hiểu chăng? Lễ rằng lễ rằng, lựa ngọc là thế ư? Nhạc rằng nhạc rằng, chuông trống là thế ư?

Người xưa nói, muốn đạt đạo lớn thì phải rời bỏ thân thể, tức là quên thân; dẹp thông minh là dẹp mọi kiến thức. Ngoài lìa cảnh quên thân, trong rời bỏ kiến thức, như vậy mới hợp với đại đạo. *Bấy giờ hãy nói là người nào san thi thư, định lễ nhạc?* Ngài nhắc người xưa nói, rồi hỏi ngay lúc ấy là người nào san thi thư, định lễ nhạc? Đâu không biết Khổng Tử là người san thi thư, định lễ nhạc. Sự thông minh trí tuệ của Khổng Tử làm lợi ích cho hậu lai, nhưng tại sao ở đây ngài lại hỏi? *Lại thấu hiểu chăng? Lễ rằng lễ rằng, lựa ngọc là thế ư? Nhạc rằng nhạc rằng, chuông trống là thế ư?* Có ai thấu hiểu chỗ đó không?

Tăng hỏi:

- Nghe Thầy nói, chỗ mây mù mịt ngọn Độc Tú hiện bày, trong trắng mờ mờ nước Lạc Đàm lấp lánh. Đâu chẳng phải cảnh Bảo Phong ư?

Sư đáp:

- Nếu là cảnh Bảo Phong, nhờ người chín chắn xem.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người trong cảnh?

Sư đáp:

- Xem lấy khi lệnh hành.

Tăng hỏi:

- Chỉ như nương lời cần hiểu tông chớ tự lập quy củ, thế nào là tông của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Nên biết ngoài mây trên ngàn chót, riêng có từng linh sương lạnh mang.

Tuyệt rơi, Tăng hỏi:

- Tổ sư Tây sang thì không hỏi, thời tiết nhân duyên việc thế nào?

Sư đáp:

- Một mảnh hai mảnh ba bốn mảnh, rơi trong con mắt vẫn không tiến.

Chỗ mây mù mịt ngọn Độc Tú hiện bày, trong trắng mờ mờ nước Lặc Đàm lấp lánh. Độc Tú là ngọn núi đẹp cao vót, Lặc Đàm là cái đầm lớn. Có vị tăng nghe ngài thường nói như thế nên nêu ra hỏi, phải đó là cảnh Bảo Phong không? Ngài đáp: Nếu là cảnh Bảo Phong, nhờ người chín chắn xem. Nếu cho đó là tả cảnh Bảo Phong thì người hãy chín chắn xem.

Tăng hỏi: Thế nào là người trong cảnh? Ngài đáp: Xem lấy khi lệnh hành. Lệnh hành là đang thực hành điều lệnh, ví dụ khi đánh hét, hoặc lúc hỏi đáp. Ông muốn biết người trong cảnh, hãy xem khi thấy ta hành lệnh.

Tăng hỏi: *Thế nào là tông phong của Hòa thượng?*
Ngài đáp: *Nên biết ngoài mây trên ngàn chót, riêng có tùng linh sương lạnh mang.* Ngoài ngàn chót núi cao khỏi mây, trên đó có một cây tùng linh đang đầm sương lạnh, đó là tông của ta.

Tuyết rơi, Tăng hỏi: Tổ sư Tây sang thì không hỏi, thời tiết nhân duyên việc thế nào? Tăng hỏi về thời tiết nhân duyên, ngài đáp: *Một mảnh hai mảnh ba bốn mảnh, rơi trong con mắt vẫn không tiến.* Một mảnh, hai mảnh, ba bốn mảnh, là chỉ cho tuyết rơi trong câu nói ở trên. Thấy tuyết rơi tức biết đang mùa đông.

Những câu hỏi đáp này mới nghe quá lạ lùng, nhưng hiểu rồi thấy rất lý thú. Thời tiết nhân duyên ngay hiện tại, lại tìm hỏi mai một, năm này năm kia. Một mảnh tuyết rơi mát, hai mảnh tuyết rơi mát, ba bốn mảnh tuyết rơi mát mà không thấy, không chịu nhận ra, cứ hỏi chuyện năm trước làm gì? Hiện tại đây thôi.

Đến niên hiệu Kiến Viêm năm thứ hai (1128) ngày mừng bảy tháng giêng, Sư tịch.



THIÊN SƯ BẢO GIÁC TỔ TÂM
hiệu HỐI ĐƯỜNG ở HOÀNG LONG
(1025 - 1100)

Sư họ Ổ, quê ở Thủy Hưng, Nam Hùng, lúc trẻ là thư sinh nổi tiếng. Năm mười chín tuổi Sư bị mù mắt, cha mẹ hứa cho xuất gia, con mắt Sư sáng lại. Sư đến nương với Sa-môn Huệ Toàn ở chùa Long Sơn. Năm sau thi Kinh nghiệp, Sư chỉ dăng thi liền được xuất gia. Sư tiếp trụ viện của Thầy chẳng thọ giới luật.

Thiền sư Tổ Tâm hiệu Hối Đường, ở tại chùa Hoàng Long. Ngài là đệ tử của thiền sư Huệ Nam tông Lâm Tế.

Ngày xưa tu không đơn giản, chúng ta hiện nay có phước hơn nhiều. Đời Tống muốn làm tăng thì phải đi thi, thi đậu mới được làm tăng. Chùa thì phải quan triều đình mới được mời trụ trì, chứ không phải ai muốn trụ trì cũng được.

Một hôm, Sư bỏ chùa vào rừng lâm yết kiến thiền sư Văn Duyệt ở Vân Phong, dừng lại đây ba năm. Sư khổ vì cơ phong cứng cõi, bèn cáo từ thiền sư Duyệt ra đi. Duyệt bảo:

- Hãy đến nương với Huệ Nam ở Hoàng Bá.

Sư đến Hoàng Bá ở bốn năm, tuy tri hữu mà cơ chẳng phát. Sư từ già trở lại Vân Phong, đến nơi thiền sư Duyệt đã tịch. Nhân đó, Sư đến tựa ở Thạch Sương mà không tham vấn. Sư thử xem Truyền Đăng đến đoạn “Tăng hỏi thiền sư Đa Phước: Thế nào là một vườn tre của Đa Phước? Đa Phước đáp: Một cây hai cây nghiêng. Tăng thưa: Chẳng hiểu. Đa Phước nói: Ba cây bốn cây cong.” Khi ấy, Sư liền giác ngộ hiểu rõ được hai thầy.

Sư khổ vì cơ phong cứng cõi, bèn cáo từ thiền sư Duyệt ra đi. Ở chỗ Thiền sư Văn Duyệt cơ phong khó vào, nên ngài từ già ra đi. Duyệt bảo: Hãy đến nương với Huệ Nam ở Hoàng Bá.

Ngài đến Hoàng Bá ở bốn năm, tuy tri hữu mà cơ chẳng phát. Tri hữu là biết mình có cái đó nhưng cơ duyên chưa phát, chưa có một tiếng “À!” Có hai thứ tiếng, một tiếng thì nghi, một tiếng thì ngộ. Tiếng “ủa” là nghi. Ủa vậy sao? Tiếng à tức là ngộ. À! Thế à! Đây là những chữ đặc biệt trong nhà thiền dùng.

Trở lại Vân Phong thì thầy đã tịch, ngài đến nương Thạch Sương. Ngài xem Truyền Đăng Lục, đến đoạn Tăng hỏi thiền sư Đa Phước: Thế nào là một vườn tre của Đa Phước? Ở chùa Đa Phước có trồng tre nhiều,

nên vị tăng này mới nêu ra hỏi. Tăng hỏi vườn tre là hỏi vườn tre thật hay muốn nói gì? Đa Phước đáp: Một cây hai cây nghiêng. Vị tăng nói: Không hiểu. Đa Phước nói: Ba cây bốn cây cong. Đọc đến đây ngài ngộ, trở về trình bày với thầy mình. Ngài ngộ chỗ nào? Phần này để bí mật ở đó, không nói hết.

Sư liên đi thẳng đến Hoàng Bá. Vừa mới trải tọa cụ, Huệ Nam cười nói:

- Người vào thất của ta.

Sư cũng thích thú vui mừng thưa:

- Việc lớn xưa nay như thế, Hòa thượng cần gì dạy người khán thoại, hạ ngữ, trăm cách sư tầm?

Huệ Nam đáp:

- Nếu chẳng dạy ông tâm cứu như thế, đến chỗ không dụng tâm tự thấy tự nhận, là ta đã chôn vùi người vậy.

Sư thông thả chìm lặng ở trong chúng, thường đến thưa hỏi về cú ngữ của Vân Môn. Huệ Nam bảo:

- Biết là việc bên liên thôi, ông dùng nhiều công phu làm gì?

Sư thưa:

- Chẳng đúng. Nếu còn có chút nghi, chẳng đến vô học đâu thể tung hoành ngang dọc xoay trời chuyển đất được!

Huệ Nam hứa nhận.

Việc lớn xưa nay như thế, Hòa thượng cần gì dạy người khán thoại, hạ ngữ, trăm cách sưu tầm? Việc lớn xưa nay đơn giản như vậy. Hỏi tre thì đáp một cây hai cây nghiêng, Tăng chưa hiểu thì ngài trả lời ba cây bốn cây cong. Đơn giản như vậy. Hòa thượng bảo người khán thoại đầu làm chi cho nhức đầu khổ sở. Hoặc là hạ ngữ đáp câu này câu kia rồi ăn đòn hoài khổ vậy!

Huệ Nam đáp: Nếu chẳng dạy ông tâm cứu như thế, đến chỗ không dụng tâm tự thấy tự nhận, là ta đã chôn vùi người vậy. Nếu ta không dùng phương tiện thì ông cứ thông thả biết chừng nào ngộ. Nhờ có những phương tiện đó mới nghiên tâm, tra cứu, tâm lần lần lắng xuống, mới có phút giây ngộ.

Ngài thông thả chìm lặng ở trong chúng, thường đến thưa hỏi về cú ngữ của Vân Môn. Lúc đó ngài sống thâm lặng, ngộ rồi mà không ai biết, cứ thâm lặng ở trong chúng bình thường. Ngài thưa hỏi các câu của Vân Môn chưa hiểu.

Huệ Nam bảo: Biết là việc bên liền thôi, ông dùng nhiều công phu làm gì? Biết là việc bên liền thôi, biết là việc bên đó như vậy, thôi hỏi thêm chi cho phiền. *Ngài thưa: Chẳng đúng. Nếu còn có chút nghi, chẳng đến vô học, đâu thể tung hoành ngang dọc xoay trời chuyển đất được!* Nếu còn có chút nghi ngờ chưa rõ thì làm sao tự tại ngang dọc, xoay trời chuyển đất được. *Huệ Nam hứa nhận.*

Sau đó, Sư đến yết kiến thiền sư Khả Chân ở Thúy Nham. Khả Chân tiếp Sư lời nói rất lạ. Sư dừng

ở đây hai năm, Khả Chân quy tịch. Sư trở lại Hoàng Bá, Huệ Nam dạy phân tòa tiếp độ tăng chúng.

Đến Huệ Nam dời trụ Hoàng Long, Sư sang yết kiến thiền sư Hiếu Nguyệt ở Lạc Đàm. Hiếu Nguyệt dùng kinh luận tinh nghĩa được nhập thần, những vị đồng hàng ở các nơi nghe thế đều cười, bảo là chủ yếu không tự hết đi, lại thả một cây cầu vào hang sâu. Sư nói:

- **Kia dùng cái đắc của hữu đắc, giữ trước ngửa sau. Ta dùng cái học của vô học, trăm sông về biển.**

Phân tòa tức là chia tòa giáo hóa đồ chúng.

Ngài Hiếu Nguyệt khác hơn các thiền sư khác. Các vị khác chỉ nói thoại rồi thôi, còn ngài thì lấy kinh luận, những chỗ nghĩa thâm sâu, giảng dạy thấu đáo. Các vị kia cười, bảo là *cái chủ yếu không tự hết đi*, nghĩa là phải buông hết đi, còn *thả một cây cầu vào hang sâu* làm gì. Xem việc học kinh điển như cây cầu vào hang.

Ngài nói: *Kia dùng cái đắc của hữu đắc, giữ trước ngửa sau. Ta dùng cái học của vô học, trăm sông về biển.* Ngài nói ngài Hiếu Nguyệt dùng cái đắc của hữu đắc, là giữ trước ngửa sau. Còn ngài thì dùng cái học của vô học, vì trăm sông về biển, trăm ngàn kinh điển đều trở về chỗ chân thật, giống như trăm sông đều chảy về biển. Ngài là thiền sư ngộ đạo rồi mà còn không chê việc học. Ngài thấy rằng Phật tổ dạy không gì khác, chủ yếu là chỉ về chỗ chân thật của chính mình. Người học rộng thì có phương tiện nhiều, sự giáo hóa dễ. Nếu cố chấp chỗ sở đắc bao nhiêu đó, rốt cuộc không có phương tiện.

Sư do có chút bệnh dừng trụ ở Chương Giang. Chuyển vận phán quan là Hạ Ý Công Lập có nhã ý học thiền, gặp Dương Kiệt Thứ Công than rằng:

- Tôi đến Giang Tây hận không gặp được thiền sư Huệ Nam.

Thứ Công nói:

- Có Thượng tọa Tổ Tâm ở Chương Giang, Công hãy đến thưa hỏi chẳng thiết gặp Huệ Nam.

Công Lập liền đến ra mắt Sư, cùng đàm luận tâm đầu ý hợp. Bàn Triệu Luận đến câu “Hội muôn vật làm chính mình và tình cùng vô tình chung một thể”, khi ấy có con chó nằm dưới bàn hương, Sư lấy cây thước đè giấy gõ con chó, lại gõ cái bàn, nói:

- Con chó hữu tình nên đi, cái bàn vô tình ở lại, tình cùng vô tình đâu thành một thể được?

Công Lập không thể đáp được. Sư tiếp:

- Vừa có suy nghĩ liền thành pháp dư, đâu từng “Hội muôn vật làm chính mình” ư?

Hai vị bàn về câu của Triệu Luận. Triệu Luận nói: *Hội muôn vật làm chính mình và tình cùng vô tình chung một thể*. Đã chung một thể sao gõ con chó nó đứng dậy đi, còn gõ cái bàn nó vẫn y nguyên không đi? Cái có biết, cái không biết rõ ràng, không một thể. Công Lập không đáp được. Ngài gỡ rối giùm: *Vừa có suy nghĩ liền thành pháp dư, đâu từng hội muôn vật làm chính mình?* Không phải cái bàn, con chó là một thể, muốn thấu đạt một thể thì không suy nghĩ. Khi không nghĩ thì

muôn vật đồng một thể, vừa khởi nghĩ thì thành pháp dư, không phải một thể.

Thiền sư Huệ Nam quy tịch, Sư tiếp trụ trì Hoàng Long ngót mười hai năm. Song tánh Sư thật thà không thích theo việc, năm phen xin nghỉ mới được rảnh việc nhàn cư. Tạ Cảnh Ôn, sứ trấn thủ Đàm Châu thấy Quy Sơn thiếu người, đến thỉnh ba phen Sư vẫn từ chối. Sau Tạ Cảnh Ôn thỉnh Sư đến Trường Sa gặp một lần. Sư liền đến. Cảnh Ôn cầu xin nghe pháp yếu. Sư vì ông nói đại cương:

- Ba thừa mười hai phân giáo, giống như nói ăn, chỉ thức ăn cho người. Đã nhờ đó nói thức ăn, cốt nơi mình nếm lấy. Chính mình nếm được, liền rõ biết mùi vị kia là mặn lạt cay đắng. Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật cũng lại như thế. Chân tánh đã nhân văn tự mà bày, cốt tại chính mình thấy được. Nếu hay thấy được liền rõ biết trước mắt là chân là vọng, là sanh là tử. Đã rõ biết chân vọng sanh tử, xem lại tất cả ngữ ngôn văn tự đều là lời nói hiển bày trọn không có nghĩa thật. Như nay không hiểu bệnh tại chỗ nào? Bệnh tại thấy nghe hiểu biết. Vì chẳng biết như thật chỗ đến mé chân, nhận cái thấy nghe hiểu biết này làm cái sở kiến của chính mình. Đâu chẳng biết, cái thấy nghe hiểu biết này đều nhân tiền trần mà có phân biệt. Nếu không cảnh giới tiền trần thì cái thấy nghe hiểu biết này đồng với lông rùa sừng thỏ, trọn không có chỗ nương.

Tạ Cảnh Ôn nghe được điều chưa nghe.

Đoạn này đạo lý quá hay! Kinh điển chỉ là phương tiện chỉ bày danh tự, nếm được hay không là do công phu tu của mình. Cho nên nói *giống như nói ăn, chỉ thức ăn cho người*. Nếu muốn biết thức ăn là mặn nhạt, cay đắng ngọt bùi thì phải nếm. Nếu chỉ nói thức ăn cả ngày, nào bánh bao, hủ tiếu, bánh xèo... nói từ sáng tới chiều mà không ăn thì bụng vẫn đói.

Kinh điển dạy chúng ta phương pháp hay là danh tự để tìm ra cái thật, chúng ta không chịu tìm cái thật, cứ đọc danh tự hoài thì chẳng khác nói chân tâm, Phật tánh, Như Lai tạng... đủ hết mà không nhận ra, dù nói tới đâu cũng không thành. Cốt phải nếm được vị của nó mới là thật, muốn nếm được phải tu đến nơi đến chốn.

Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật cũng lại như thế. Ngài chỉ thẳng chỗ đó cho chúng ta nhận ra sống được, không còn dùng văn tự quanh co nữa. *Chân tánh đã nhân văn tự mà bày, cốt tại chính mình thấy được*. Kinh nói chân tâm, Phật tánh đó là văn tự, cốt yếu chúng ta nhận ra nơi mình có chân tâm, Phật tánh. Nhận ra được mới đúng ý của Phật tổ nói.

Nếu hay thấy được liền rõ biết trước mắt là chân là vọng, là sanh là tử. Nếu thấy được chân tâm, Phật tánh, lúc đó biết cái nào là chân, cái nào là vọng, cái nào là sanh, cái nào là tử. *Đã rõ biết chân vọng sanh tử, xem lại tất cả ngữ ngôn văn tự đều là lời nói hiển bày trọn không có nghĩa thật*. Nhận ra được chân tâm Phật tánh rồi, biết rõ chân vọng rồi, lúc đó mới biết ngôn ngữ chỉ là phương tiện hiển bày, không có gì thật.

Như nay không hiểu bệnh tại chỗ nào? Bệnh tại thấy nghe hiểu biết. Vì chẳng biết như thật chỗ đến mé chân, nhận cái thấy nghe hiểu biết này làm cái sở kiến của chính mình. Bởi vì không biết rõ chỗ như thật, chỗ chân giải thoát nên cứ chấp vào cái thấy nghe hiểu biết của mình, cho đó là kiến giải thật.

Đâu chẳng biết, cái thấy nghe hiểu biết này đều nhân tiền trần mà có phân biệt. Nếu không cảnh giới tiền trần thì cái thấy nghe hiểu biết này đồng với lông rùa sừng thỏ, trọn không có chỗ nương. Kinh Lăng-nghiêm Phật nói cái thấy nghe hiểu biết này đều nhân tiền trần mà có, đó là Phật quả ngài A-nan. Nếu không có cảnh giới tiền trần thì cái thấy nghe hiểu biết này đồng như lông rùa sừng thỏ trọn không chỗ nương.

Sư đáp câu hỏi của hàn thị lang Tông Cổ rằng:

- Nhân nghe “Khi xưa khai ngộ rộng thênh không nghi, mà tập khí từ vô thủy đến nay không thể chóng dứt”. Song ngoài tâm không dư một pháp, chẳng biết phiền não tập khí là vật gì mà muốn dứt. Nếu khởi tâm này trở thành nhận giặc làm con. Từ trước đến giờ chỉ có ngôn thuyết, cho đến theo bệnh cho thuốc. Dù có phiền não tập khí, chỉ dùng tri kiến Như Lai trị nó, đều là lời quyền biến phương tiện dẫn dắt. Nếu là quyết định có tập khí để trị, lại là ngoài tâm có pháp mà có thể hết ấy. Ví như con linh quy lấy đuôi khỏa dấu, dấu lại hiện rõ. Nên nói, đem tâm dụng tâm lại thấy bệnh sâu. Nếu hay sáng tâm, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, tâm pháp đã không, lại muốn dạy hết cái gì.

Hàn thị lang là chức danh, Tông Cổ là tên. Dẫn người xưa nói, khi khai ngộ rồi thì thấy nó rỗng không thênh thang không còn nghi nữa, nhưng *tập khí từ vô thủy đến nay không thể chóng dứt*. Tại sao tập khí tới giờ chưa chịu hết? Ngài lặp lại câu hỏi của ông và giải thích: *Song ngoài tâm không dư một pháp, chẳng biết phiền não tập khí là vật gì mà muốn dứt*. Nếu ngoài tâm không có một pháp thì tập khí phiền não cũng ở trong tâm, đã ở trong tâm rồi thì ngộ tâm là được còn muốn dứt làm chi? *Nếu khởi tâm này trở thành nhận giặc làm con*, còn nghĩ dứt tức thấy nó thật, là nhận giặc làm con.

Từ trước đến giờ chỉ có ngôn thuyết, cho đến theo bệnh cho thuốc. Dù có phiền não tập khí, chỉ dùng tri kiến Như Lai trị nó, đều là lời quyền biến phương tiện dẫn dắt. Nếu nói rằng có tập khí, dùng tri kiến Như Lai để trị, cũng là phương tiện quyền biến. Nếu là quyết định có tập khí để trị, lại là ngoài tâm có pháp, mà có thể hết ấy. Ví như con linh quy lấy đuôi khỏa dấu, dấu lại hiện rõ. Nên nói, đem tâm dụng tâm lại thấy bệnh sâu. Nếu cho rằng có tập khí thật để trị, tức là ngoài tâm có pháp. Tâm thể thênh thang trùm khắp, bao nhiêu tập khí vọng tưởng đều là hư dối không thật, cần gì phải trị, chỉ biết là đủ rồi. Muốn trị thì thành bệnh.

Nếu hay sáng tâm, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, tâm pháp đã không, lại muốn dạy hết cái gì. Nếu sáng được tâm thì thấy ngoài tâm không có pháp nào khác, ngoài pháp không tâm. Tâm pháp hai thể là không, đã là không thì muốn trừ cái gì, muốn cái gì hết?

Sư đạo kinh đô, phò mã đô úy là Vương Công Sẵn thành tâm lễ đón và cất am ở ngoài Quốc môn. Sư ở đây thời gian, lại sang phương Nam đạo Lô Sơn. Bành Khí Tư trấn thủ Cửu Giang gặp Sư, Khí Tư thông dong hỏi:

- Khi người lâm chung có chỉ quyết chăng?

Sư đáp: - Có.

Khí Tư thưa: - Xin được nghe lời này.

Sư bảo: - Đợi Khí Tư chết liền nói.

Khí Tư đứng dậy kính trọng nói:

- Việc này phải là Hòa thượng mới được.

Chỉ quyết tức là yếu chỉ quyết định. Bành Khí Tư hỏi, khi chết có yếu chỉ quyết định gì không? Ngài nói có. Khí Tư yêu cầu nói cho nghe. Ngài nói: *Đợi Khí Tư chết liền nói*, chừng nào ông chết tôi sẽ nói. Vị quan này khen ngợi: *Việc này phải là Hòa thượng mới được*. Hòa thượng mới nói câu đó, chứ người thường không thể nói được như thế. Nếu có người hỏi chỉ quyết khi chết thì chúng ta sẽ nói, khi chết phải giữ tâm thanh tịnh, nhớ niệm Phật... Ngài nói, đợi khi ông chết tôi sẽ nói. Chỉ quyết của nhà thiền là cái hiện tiền, nói trước nói sau đều sai, ngay hiện tiền thấy được thì đúng, còn khi khác thì trật.

Sư từng làm bài kệ:

Bất trụ Đường triều tự

Nhàn vi Tống địa tăng

*Sanh nhai tam sự nạp
Cố cự nhất chi đằng.
Khất thực tùy duyên khứ
Phùng sơn nhậm ý đằng
Tương phùng mạc tương tiểu
Bất thị Lãnh Nam Năng.*

Dịch:

**Chùa triều Đường chẳng trụ
Làm tăng đất Tống nhàn
Sanh nhai ba vật chánh
Cố cự một cây hèo.
Tùy duyên đi khất thực
Gặp núi mặc tình leo
Thấy nhau chớ cười mĩm
Chẳng phải Năng Lãnh Nam.**

Đọc bài thơ này khả dĩ thấy được phẩm cách của Sư.

Đời của ngài có chùa chiền, sự nghiệp gì không? *Chùa triều Đường chẳng trụ, làm tăng đất Tống nhàn.* Ngài sanh vào thời nhà Tống, nên không còn ở chùa triều Đường nữa, mà sang làm tăng đất Tống. *Sanh nhai ba vật chánh, cố cự một cây hèo.* Ba vật chánh là y bát tọa cụ, thêm một vật thân thiết nữa là cây gậy. *Tùy duyên đi khất thực, gặp núi mặc tình leo,* đời ngài chỉ có bốn vật đó mang theo mình, tùy duyên đói thì đi khất thực, gặp núi thì leo qua. *Thấy nhau chớ cười mĩm,*

chẳng phải Năng Lãnh Nam, ngài nói tôi không phải là Lục tổ. Đọc bài thơ này chúng ta có thể thấy được phẩm cách của ngài.

Sư tuổi đã già lại dời am vào chốn rừng sâu, bật người lui tới hơn hai mươi năm. Mỗi khi đến ngày kỵ của thiền sư Huệ Nam, Sư làm bài kệ:

Tích nhân khứ thời thị kim nhật

Kim nhật y nhiên nhân bất lai

Kim ký bất lai tích bất vãng

Bạch vân lưu thủy không bồi hồi.

Thùy vân xứng xích bình, trực trung hoàn hữu khúc

Thùy vân vật lý tề, chủng ma hoàn đắc tức

Khả lân trì trực thiên hạ nhân

Lục lục nguyên lai tam thập lục.

Dịch:

Người xưa ra đi ngày này thật

Ngày nay như cũ người chẳng về

Nay đã chẳng về, xưa chẳng đến

Mây trắng nước trôi luống bồi hồi.

Ai bảo cân thước bằng, trong ngay lại có cong

Ai bảo vật lý đồng, gieo gai lại được lúa

Đáng thương lận đận thấy mọi người

Sáu sáu xưa nay là băm sáu.

Người xưa ra đi ngày này thật, ngày nay như cũ người chẳng về. Hai câu đầu nhắc lại ngài Huệ Nam

ngày xưa ra đi ngày này, ngày kỵ là ngày Thầy mình đi, ngày nay như cũ nhưng Thầy đi rồi không trở lại nữa. Khi đi mà không về thì thấy gì? *Nay đã chẳng về, xưa chẳng đến, mây trắng nước trôi luống bồi hồi.* Chỗ không về không đến không đi đó là gì? Chỉ thấy mây trắng, nước trôi quanh quẩn. Đó là hiện tại.

Ai bảo cân thước bằng, trong ngay lại có cong. Nơi thế gian muốn biết nặng bao nhiêu thì dùng cân, muốn biết mực thước tới đâu thì phải đo. Cân và thước là để đặt ra giá trị công bằng. Nhưng tại sao đây nói, trong ngay lại có cong? Vì chúng ta luôn đòi hỏi mọi người phải công bằng, trong nhà thì đòi cha mẹ phải công bằng, trong chúng thì đòi thầy phải công bằng. Nhưng có công bằng được không?

Trong nhà những đứa hiếu thảo dễ dạy thì thương nhiều, hay đứa ngỗ nghịch thương nhiều? Cha mẹ đối với con cái lẽ ra công bằng, nó là máu thịt của mình, nhưng cũng khó mà công bằng. Trong chùa, thầy tổ công bằng với học trò đệ tử được không? Đệ tử dạy đâu nghe đó, phân công việc gì đều chu toàn, làm xong mọi công tác không có sơ thất hư hao; lại có đệ tử dạy thì cự cãi, làm đâu thất bại đó, Thầy sẽ thương sao cho công bằng đây?

Nếu chúng ta đòi công bằng trong mọi trường hợp thì sẽ luôn luôn bất mãn, thấy ở đâu cũng không có công bằng, từ trên trời tới dưới đất. Người sanh trên cõi trời tùy phước, có người tới bữa ăn được bát vàng cơm ngon, có người thì bát bạc cơm dở hơn. Do nhân duyên xử sự của mỗi người nên báo ứng không công bằng. Đây nói

câu chí lý cân thước bằng, trong ngay lại có cong. Đó là bài học sống để cho chúng ta biết, không nên đòi hỏi bên ngoài mà không thấy được mình.

Ai bảo vật lý đồng, gieo gai lại được lúa. Vật lý lẽ là đồng, nhưng tại sao gieo gai lại được lúa, gieo cái này mà được cái kia? Cũng như nói làm lành thì gặp lành, làm dữ thì gặp dữ, mà hiện tại có người làm dữ lại không gặp dữ, còn người làm lành sao cũng gặp tai nạn liên miên? Mới biết rằng, còn có cộng thêm cái gì trong đó nữa, chứ không phải chỉ bấy nhiêu thôi.

Ngài nói, đáng thương lặn đận thấy mọi người. Mọi người lặn đận vì cứ cố chấp, đòi chỗ này đồng chỗ kia công bằng, mà chính mình không thấu suốt lẽ thật. Sáu sáu xưa nay là băm sáu, sự thật của cuộc đời là như vậy, đừng đòi hỏi gì khác rồi khổ đau. Ý nghĩa thật rõ ràng.

Niên hiệu Nguyên Phù năm thứ ba (1100) giữa đêm ngày mười sáu tháng mười một, Sư viên tịch, thọ 76 tuổi, 55 tuổi hạ. Vua ban hiệu là Bảo Giác.



THIÊN SƯ KHẮC VĂN CHƠN TỊNH ở LẠC ĐÀM - HỒNG CHÂU

(1025 - 1102)

Sư họ Trịnh, quê ở Văn Hương, Thiểm Phủ. Họ Trịnh ở thế tục phần lớn làm công khanh. Sư sanh ra có những điều quái lạ, mồ côi mẹ sớm, thờ kế mẫu rất chí hiếu mà không được thương. Kế mẫu hà khắc thường hành hạ Sư, cha thương xót bảo đi du học bốn phương. Sư đến Bắc Thập ở Phục Châu, nghe kỳ túc Quảng Công thuyết pháp cảm động đến rơi lệ. Sư ở lại đây thờ Quảng Công làm thầy, Quảng Công cho Sư hiệu là Khắc Văn. Đến năm hai mươi lăm tuổi thi sở học, được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Sư học kinh luận đều được thấu đáo. Sư đi học các lớp giáo lý ở Kinh Lạc, nhân kinh hành tại hành lang điện Long Môn, thấy đắp tượng một vị Tỳ-kheo con mắt như ở trong định. Bỗng nhiên Sư tự mất, bảo người bạn rằng:

- Chỗ ta chất chứa như Ngô Đạo Tử vẽ người vật, tuy thật là khéo mà chẳng phải sống.

Khi ấy Sư bỏ đi, nói:

- Ta sẽ sang phương Nam học đạo.

Đây là thiền sư Khắc Văn hiệu Chơn Tịnh ở Lạc Đàm, cũng là đệ tử của ngài Huệ Nam Hoàng Long. Ngài rất hiểu thảo, gặp kẻ mẫu hà khắc nên cha nóng ruột bảo đi du học.

Sư đến Bắc Thập ở Phục Châu nghe kỳ túc Quảng Công thuyết pháp cảm động đến rơi lệ. Sư ở lại đây thờ Quảng Công làm thầy. Quảng Công cho Sư hiệu là Khắc Văn. Đến năm hai mươi lăm tuổi thi sở học, được xuất gia thọ giới Cụ túc. Ngài hiểu kinh, thấu suốt giáo lý, đó là điều hay tốt rồi, nhưng khi thấy tượng Tỳ-kheo ngồi thiền cặp mắt như ở trong định, liền ngộ dù cho hình tượng tô đắp vẽ vời rất đẹp rất giống người thật, nhưng cũng chỉ là vẽ đắp, không phải người sống thật. Như vậy, bao nhiêu sự học của ngài, hiểu được kinh điển giáo lý cũng chỉ là hình vẽ. Ngang đó ngài tự trách, nói rằng chỗ chất chứa của mình giống như Ngô Đạo Tử, người thợ vẽ tài tình của đời trước. Dù vẽ thật khéo giống như người sống, nhưng không phải là người sống. Từ đó, ngài sang phương Nam học đạo.

Qua đoạn này chúng ta thấy, chấp vào hiểu biết của mình là bệnh, cái hiểu chưa đến được cái thật, cần phải thấu được cái thật. Đa số người hay hỏi nhau,

hỏi trên danh từ, thế nào là chân tâm... Dùng danh từ giải thích chân là chân thật, tâm là tâm hiểu biết, tâm hiểu biết chân thật đó là chân tâm... Dem ngôn ngữ biện luận cả trăm năm, người hỏi và người nói không ai hiểu gì, cũng không ai thấy được chân tâm. Chân tâm là cái linh động của mỗi người đang sống, nhận được cái đó là thấy, không nhận được thì dù giải thích bao nhiêu nghĩa cũng không thấy được.

Niên hiệu Trị Bình năm thứ hai (1065), Sư an cư tại Đại Quy. Ban đêm nghe vị tăng tụng lời Vân Môn, “Tăng hỏi: Phật pháp như trăng trong nước phải chăng? Vân Môn đáp: Sóng xanh không đường thoát”, Sư hoát nhiên có tỉnh.

Câu đáp không phải là lời thật, nhằm vào ý nghĩa câu hỏi. *Phật pháp như trăng trong nước phải chăng?* Lẽ ra nói phải hay không phải, nhưng ngài Vân Môn chỉ nói: *Sóng xanh không đường thoát*. Nhân đó ngài Chơn Tịnh ngộ.

Khi ấy thiền sư Huệ Nam đang ở núi Hoàng Bá, Sư tìm đến đó, gặp Chơn Giác Duy Thắng làm Thủ tọa. Một hôm Huệ Nam nhắc lời cổ đức “Niệm tán trên lầu chuông, trồng rau dưới chân giường”, bảo chúng hạ ngữ. Duy Thắng nói: “Cọp mạnh ngồi ngay lộ.” Huệ Nam vui vẻ bèn thôi viện để Duy Thắng trụ. Thiền sư Huệ Nam về am Tích Thúy an trụ. Sư đến am ba phen mà lời nói chẳng hợp, tự nói: “Lão này chỉ là Tăng tu hành, không hiểu lời nói của ta.”

Sư ra đi, đến Thúy Nham yết kiến thiền sư Thuận. Thuận tri kiến rất cao mà thích nói sẩn bìm, nên các nơi gọi là Thuận bà già.

Ba phen trình bày mà ngài Huệ Nam không nhận, Ngài tự cho mình hiểu kinh luật nhiều rồi, trình bày mà Huệ Nam không hiểu, chắc là biết tu chứ không hiểu lời nói của mình, thôi từ giã đi chỗ khác.

Sư ra đi, đến Thúy Nham yết kiến thiền sư Thuận. Thuận tri kiến rất cao mà thích nói sẩn bìm, nên các nơi gọi là Thuận bà già, tức là thiền sư Thuận từ bi như bà già, giải thích chỉ dạy hết cho người. Tôi bây giờ chắc họ cũng nói “Từ bà già”. Giải thích kinh điển bị cho là sẩn bìm; phải nói thẳng, nói không cho nghĩ nghĩ mới gọi là cao.

Thuận hỏi Sư: - Vừa rời chỗ nào?

Sư thưa: - Hoàng Bá.

Thuận hỏi: - Am chủ được an vui chăng?

Sư thưa: - An vui.

Thuận hỏi: - Ông người xứ nào?

Sư thưa: - Quan Tây.

Thuận bảo:

- Sao lời nói chẳng giống người Quan Tây?

Sư thưa: - Đi du học hồi nhỏ.

Thuận hỏi: - Làm Tăng tại đâu?

Sư thưa:

- Xuất gia với Hòa thượng Quảng tại Bắc Tháp. Hòa thượng Quảng cùng Hòa thượng Tú đồng tham Song Tuyền Úc.

Thuận cười nói:

- Thiền sư Khoảnh cùng Nột Tổ Ấn tham vấn hai vị đại lão này, mà không hiểu ngữ thoại kia. Đến tôi hiện nay tham được chút ít thiền, cần thấy hai vị mà đã thiên hóa.

Thuận lại hỏi:

- Tân trụ trì Hoàng Long thế nào?

Sư thưa:

- Khỏe mạnh.

Thuận nói:

- Y chỉ hạ được một chuyển ngữ hay liền trụ Hoàng Long, về thiền còn chưa mộng thấy.

Sư nhân đây đại ngộ tông chỉ Lâm Tế, liền thấy chỗ dùng của Huệ Nam, Sư bèn làm mấy bài tụng gửi về. Huệ Nam đọc qua rất tán thưởng. Sư trở về tham lễ.

Huệ Nam hỏi: - Từ chỗ nào lại?

Sư thưa: - Thúy Nham.

Huệ Nam bảo: - Đúng lúc lão tăng không ở nhà.

Sư hỏi: - Chưa biết đi đâu?

Huệ Nam nói:

- Phổ thỉnh ở Thiên Thai, vân du tại Nam Nhạc.

Sư thưa:

- Nếu vậy học nhân cũng được đi tự tại.

Huệ Nam hỏi:

- Giày mang dưới chân được ở đâu?

Sư thưa: - Lô Sơn, bảy trăm tiền mua được.

Huệ Nam bảo: - Đâu từng tự tại?

Sư chỉ thưa: - Đâu từng chẳng tự tại.

Huệ Nam kinh ngạc. Ở đây thời gian lâu, Sư từ giã đến dưới hội Thúy Nham Thuận.

Thầy trò đối đáp như nói đùa chơi. Sau khi ngộ được tông chỉ Lâm Tế, ngài trở về tham lễ, Huệ Nam đích thân nói: *Vừa gặp lão tăng không ở nhà*. Trả lời như vậy có phải nói gạt không? Ngài hỏi: *Chưa biết đi đâu?* Không ở nhà vậy chứ đi đâu? Huệ Nam nói: *Phổ thỉnh ở Thiên Thai, vân du tại Nam Nhạc*. Phổ thỉnh tức là được mời thọ trai ở Thiên Thai, miền bắc Trung Quốc; mà dạo chơi ở Nam Nhạc, thuộc về miền nam. Ý nói khả năng tự do tự tại. Người xưa đối đáp như trên trời trên mây, không có cái gì hiện thực cho mình hiểu. Đối diện mà nói không có ở nhà, hỏi ở đâu thì nói được phổ thỉnh ở Thiên Thai, vân du tại Nam Nhạc.

Ngài thưa: *Nếu vậy học nhân cũng được đi tự tại*, Ngài được mời đằng kia mà đi ở đây, thật là tự do tự tại, con cũng tự tại như Ngài. Huệ Nam hỏi: *Giày mang*

dưới chân được ở đâu? Nếu nói tự tại thì giày ông đang mang dưới chân là được ở đâu? Ngài thưa: Lô Sơn bảy trăm tiền mua được. Tốn tiền tức là hết tự tại rồi, nên Huệ Nam bảo: Đâu từng tự tại? Ông mua mắc như vậy là không tự tại. Ngài đáp: Đâu từng chẳng tự tại, dù mua bao nhiêu tôi cũng vẫn tự tại. Nghe xác nhận câu đó, ngài Huệ Nam kinh ngạc, biết rõ đây là người đã thấy thật.

Thiền sư Huệ Nam trụ Hoàng Long, Sư cùng đến đó. Huệ Nam bảo:

- Vừa rồi sai thị giả cuốn rèm, hỏi y: Khi cuốn rèm lên thì thế nào? Y đáp, xem thấy thiên hạ. Hỏi, khi buông rèm xuống thì thế nào? Y đáp, nước rỉ chẳng thông. Hỏi, khi chẳng cuốn chẳng buông thì thế nào? Y đáp không được. Người thử đáp thay xem!

Sư thưa:

- Hòa thượng thế thị giả xuống nhà Niết-bàn mới được.

Huệ Nam gần giọng nói:

- Người Quan Tây quả không đầu não.

Bèn nhìn tăng bên cạnh. Sư chỉ vị tăng ấy nói:

- Chỉ vị tăng này cũng chưa mộng thấy.

Huệ Nam cười to.

Ngài đối đáp với thầy dường như thất lễ. Khi ngài Huệ Nam bảo thị giả kéo rèm lên, hỏi: *Cuốn rèm lên thì thế nào?* Thị giả đáp: *Xem thấy thiên hạ.* Hỏi: *Khi buông rèm xuống thì thấy thế nào?* Đáp: *Nước rỉ chẳng thông.*

Hỏi: *Khi chẳng cuốn chẳng buông thì thế nào?* Thị giả đáp không được, Huệ Nam bảo ngài đáp thử. Ngài thưa: *Hòa thượng thế thị giả xuống nhà Niết-bàn mới được.* Nhà Niết-bàn là nhà dưỡng bệnh. Tại sao bảo Hòa thượng thế thị giả xuống nhà dưỡng bệnh mới được? Vì còn bảo kéo lên hạ xuống, lại hỏi không kéo không buông thì sao... ba bốn lần, như vậy là bị bệnh.

Huệ Nam gần giọng nói: *Người Quan Tây quả không đầu não*, tức là không biết phải quấy, rồi nhìn tăng bên cạnh. Ngài chỉ vị tăng ấy, nói: *Chỉ vị tăng này cũng chưa mộng thấy.* Huệ Nam cười. Đó là đối đáp thấu suốt. Cái chân thật ấy ai không có, nếu bảo tìm bảo nói ra, chỉ là chuyện nói suông.

Sau khi thiền sư Huệ Nam quy tịch, Sư đạo Hoành Nhạc, trở lại thủ chúng ở Ngưỡng Sơn. Đến niên hiệu Hy Ninh thứ năm (1072), Sư đến Cao An, thái thú Tiền Công Dặc Tiên Hầu ra mắt Sư. Sư lại đến ra mắt Tiền Công, trong bình phong có con chó chạy ủa ra sữa, Sư đứng tránh một bên. Tiền Công giễu nói:

- Thiền giả vẫn hay giáo hóa rắn cộp mà lại sợ chó sao?

Sư đáp:

- Cộp trong núi dễ dẹp, rồng giữ nhà khó trừ.

Tiền Công khen rằng:

- Thật danh chẳng dối.

Tiền Công mời Sư trụ Động Sơn, sau trụ Thọ Thánh.

Câu đáp hay ở chỗ nào? Cọp trong núi không tham không chấp, còn rồng hay chó giữ nhà bám chặt nên khó trừ, cái chấp chặt rất khó bỏ. Câu nói quá hay! Đây là những giai thoại đặc biệt của nhà thiền.

Tại Động Sơn, Sư thượng đường dạy chúng:

- Dưới cửa Động Sơn có khi hòa bùn hợp nước, có khi vách đứng ngàn nhĩn. Cả thấy các ông, nghĩ nhằm chỗ hòa bùn hợp nước thấy Động Sơn, Động Sơn chẳng ở chỗ hòa bùn hợp nước. Nghĩ nhằm chỗ vách đứng ngàn nhĩn thấy Động Sơn, Động Sơn chẳng ở chỗ vách đứng ngàn nhĩn. Nghĩ nhằm tất cả chỗ thấy Động Sơn, Động Sơn chẳng ở tất cả chỗ. Ông chẳng cần thấy dây mũi của Động Sơn, ở trong tay Động Sơn toan ngủ mê, nắm dây mũi kéo một cái, chỉ thấy con mắt định động lại chẳng biết nhau. Lại chẳng cần biết Động Sơn, hãy biết chính mình là được.

Câu này chủ yếu là gì? Động Sơn *có khi hòa bùn hợp nước, có khi vách đứng ngàn nhĩn*, vậy thấy Động Sơn ở đâu? Không phải ở chỗ hòa bùn hợp nước, cũng không ở chỗ vách đứng ngàn nhĩn, tất cả chỗ đều không có. Ngài nói nghe như tầm thường nhưng rất hay: *Ông chẳng cần thấy dây mũi của Động Sơn, ở trong tay Động Sơn. Dây mũi con trâu nằm trong tay của Động Sơn. Toan ngủ mê, lúc sắp ngủ mê, nắm dây mũi kéo một cái, chỉ thấy con mắt định động lại chẳng biết nhau.* Ý nói Động Sơn có những phương tiện đánh thức, khi mê tự giật dây thì tỉnh lại, không có gì quan trọng.

Tóm lại, tất cả các ông không cần biết tôi mà các ông phải biết các ông. Đó là việc tối quan trọng.

Sư trụ trì được mười hai năm, chán sự ồn náo xin nghỉ việc đi dạo Tam Ngô. Khi Sư đến Kim Lăng, Vương Kinh Công mới về hưu ở tại Định Lâm, nghe Sư đến ra nghênh đón, ông rất vui mừng đàm đạo trọn ngày. Công hỏi:

- Các kinh ở đâu đều có nêu thời xứ, riêng kinh Viên Giác không thấy là sao?

Sư đáp:

- Giáo lý đốn ngộ diễn bày, là chỉ thẳng cho chúng sanh chỗ nhất dụng hiện tiền chẳng thuộc xưa nay. Hiện giờ lão tăng cùng Tướng công đều nhập Đại quang minh tạng, Du hý tam-muội lẫn làm chủ khách không can dự thời xứ.

Kinh Công rất vui, cùng em lập một ngôi chùa, thỉnh Sư làm Tổ khai sơn thứ nhất.

Vương Kinh Công nghi hỏi ngài, thường mở đầu các kinh có câu “Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại...”, nhưng tại sao kinh Viên Giác lại không có, như thế phải do Phật nói không? Ngài đáp, sở dĩ kinh Viên Giác không chỉ thời xứ là vì giáo lý đốn ngộ, chỉ thẳng cho chúng sanh chỗ nhất dụng hiện tiền mà thôi. Chỗ nhất dụng hiện tiền này hiện giờ tôi và ông đang nói chuyện, đâu không ở trong Đại quang minh tạng, ở trong Du hý tam-muội, làm chủ làm khách với nhau. Vương Kinh Công nghe rất vui mừng.

Sư đăng tòa nói:

- Đại chúng! Một hội ngày nay cần biết chăng? Là tịnh duyên thời tiết thành Phật của đại chúng. Hội hôm nay là do Thừa tướng Kinh quốc công cùng Phán phủ tả thừa cúng nhà hiến vườn rừng làm chùa, thỉnh sơn tăng xiển dương Tổ ý. Quý vị lại hiểu chăng? Chỉ thẳng cho đại chúng tức tâm kiến tánh thành Phật. Đại chúng tin được chăng? Nếu tự tin được liền biết tánh mình xưa nay thành Phật. Dù có chưa tin, cũng sẽ thành Phật. Chỉ vì mê đã lâu, chợt mới nghe nói thật khó mà tin được.

Tất cả thiện tri thức trong thiên hạ xưa nay, tất cả thiên đạo, tất cả ngữ ngôn, đều là từ trong Phật tánh của thiện tri thức lưu xuất dựng lập. Song lưu xuất đó là ngọn, Phật tánh là gốc. Gần đây Phật pháp đáng thương, phần nhiều bỏ gốc theo ngọn, bối chánh hợp tà, chỉ nhận ngôn cú của cổ nhân làm thiên làm đạo, có gì giao thiệp! Dù cho tổ Đạt-ma Tây sang cũng không thiên có thể nói. Chỉ cốt đại chúng tự chứng tự ngộ, tự thành Phật, tự dựng lập tất cả thiên đạo. Huống là thần thông biến hóa, chúng sanh vốn tự đầy đủ chẳng nhờ tìm bên ngoài. Hiện nay phần nhiều người tìm cầu bên ngoài, bởi căn bản tự không có chỗ ngộ, một bề làm khách đếm trân bảo cho người, trọn là hư vọng chẳng khỏi trôi lăn trong sanh tử.

Dù tin hay chưa tin cũng thành Phật. Dù tin hay không tin, Phật cũng không rời mình. Luôn có Phật hiện tại, cho nên đều thành Phật. *Nếu tự tin được, liền biết*

tánh mình xưa nay thành Phật. Bao nhiêu kinh điển đều từ Phật tánh lưu xuất. Giáo lý kinh điển là ngọn, Phật tánh là gốc. Lẽ ra người tu phải tìm tận cái gốc đó, nhưng khổ nổi cứ chạy theo ngọn, ôm chấp những câu kinh hay lời luận giỏi, mà không chịu thấy Phật tánh của chính mình. Như vậy là bỏ gốc theo ngọn, bồi chánh hợp tà. Tổ Đạt-ma từ Tây sang cũng không cho chúng ta cái gì. Ngài không cho mình thành Phật, chẳng qua là chỉ cái sẵn có, mỗi người tự nhận tự ngộ, tự thành Phật.

Huống là thần thông biến hóa, chúng sanh vốn tự đầy đủ chẳng nhờ tìm bên ngoài. Mọi thần thông biến hóa cũng tự sẵn nơi mình, nếu ngộ được gốc thì thần thông biến hóa là cái ngọn sẽ có liền. Chúng sanh có bệnh ham thần thông mà không chịu ngộ Phật tánh, đa số người cứ tìm bên ngoài, nghe nói Phật hiện ở đâu thì chạy tới đó. Nghe ai biết quá khứ vị lai, biết biến hóa hoặc có cái gì lạ thì cho là tuyệt vời, rủ nhau chạy tới tìm cầu. Như vậy là bỏ gốc theo ngọn, giống người làm việc ngân hàng, đếm tiền từ sáng tới chiều mà trong túi trống không. Chúng ta cũng vậy, cứ chạy đầu này cầu, đầu kia kiếm, mà không chịu ngộ, không chịu tu, cũng như người đếm tiền cho ngân hàng vậy thôi.

Đại chúng! Ngày nay hai tướng công kiến lập đại đạo tràng này, làm đại Phật sự, đưa chúng sanh ra khỏi khổ trôi lăn sanh tử, bày hiện diệu tâm tịch diệt rộng lớn xưa nay, khai phát thần thông đại quang minh tạng xưa nay. Chỉ vì mê nên ở trong hàng phàm phu, ngộ thì chính nay là hiền thánh.

Tất cả chúng ta đều sẵn có thể chân thật, thể giác ngộ, vì mê nên làm phạm phu, nếu ngộ thì là hiền thánh rồi.

Đại chúng! Nói nhiều ắt cách đạo càng xa, làm trò cười cho hàng đạo nhân mắt sáng, trong chúng có người mắt sáng chẳng? Thời nay Phật pháp lẫn lộn, cốt phân tà chánh khiến mọi người chẳng rơi vào tà kiến, làm con mắt chánh cho trời người. Có chẳng? Có chẳng?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Tôi trọn chẳng dám khinh các người, các người đều sẽ làm Phật.

Sư xuống tòa.

Phân biệt tà chánh, tà tức là chỉ chạy theo bên ngoài, chánh là biết trở về mình.

Tôi trọn chẳng dám khinh các người, các người đều sẽ làm Phật, một câu gọn gàng, câu này xuất xứ từ đâu?

Kinh Công rất vui. Ông kể đạo hạnh của Sư tâu về triều, vua ra chiếu ban hiệu cho Sư là Chơn Tịnh thiền sư. Không bao lâu, Sư chán sự ồn náo trở về Cao An cất am dưới núi Cửu Phong để tên là Đầu Lão. Học giả bốn phương kéo đến. Được sáu năm, Sư lại ra trụ trì Quy Tông. Hai năm sau, Trương Thiên Giác gặp Sư ở Lô Sơn, cố thỉnh Sư trụ trì Lạc Đàm. Không bao lâu, Sư lui về ở Vân Am.

Đầu Lão, đầu là gieo, lão là già, gieo cái thân già này gửi ở đây, gọi là Đầu Lão.

Niên hiệu Sùng Ninh năm đầu (1102) ngày mừng một tháng mười, Sư mắc bệnh. Đến ngày rằm, bệnh Sư nhẹ. Hôm nay Sư đem mọi dụng cụ cần thiết của Sư phân phối cho đệ tử hết. Giữa đêm mười sáu, Sư tắm gội rồi ngồi kiết già, chứng thỉnh thuyết pháp, Sư cười nói:

Kim niên thất thập bát

Tứ đại tương ly biệt

Phong hỏa ký ly tán

Lâm hành hựu cánh thuyết.

Dịch:

Năm nay bảy mươi tám

Bốn đại sắp rời rã

Gió lửa đã ly tán

Sắp đi còn gì nói.

Nói xong, Sư viên tịch, thọ 78 tuổi.

Đến ngày ra đi từ già gọn gàng. Khỏe quá! Tu được như vậy không còn lo gì. Cho nên việc tu quan trọng là phải trở về mình, sống được cái chân thật của mình mới tự do tự tại. Nếu chạy ra ngoài lấy sự hiểu biết thông thuộc làm sự nghiệp thì không thể nào tự tại.



THIÊN SƯ HỒNG ANH
ở LẶC ĐÀM - HỒNG CHÂU
(1012 - 1070)

Sư họ Trần, quê ở Thiệu Võ, lúc bé thông minh mẫn tiệp đọc sách chóng thuộc. Cha mẹ mến thương cho học làm thư sinh, chuẩn bị thi tiến sĩ, Sư xin xuất gia tự thệ bỏ ăn, buộc lòng cha mẹ phải cho.

Chúng ta nghĩ, như thuở xưa cha mẹ có con học sắp thi tiến sĩ, có mừng vui không? Thời phong kiến, con sắp đi thi tiến sĩ là danh dự lớn cho gia đình, vậy mà ngài không chịu thi đòi đi tu, có ai vui lòng không? Cha mẹ không cho, ngài quyết định nhịn ăn, cha mẹ buộc lòng phải cho. Ý chí xuất gia của ngài thật mãnh liệt, danh vọng gần kề mà không mến không ưa, dám liều chết đòi đi tu, không phải ở trong hoàn cảnh dễ. Con người của ngài thật siêu xuất.

Được làm đại tăng, Sư đi hỏi đạo, đến Tào Sơn y chỉ với kỳ lão Nhã Công. Thời gian khá lâu, Sư từ giã lên Vân Cư. Xem thấy ở đây núi khe tuyệt đẹp, Sư định chọn làm chỗ ở trọn đời. Đọc Hoa Nghiêm Thập Minh Luận đến câu: “Là chân trí tuệ không thể tánh, vì không hay tự biết không tánh là tánh của không tánh. Vì không hay tự biết không tánh, gọi là vô minh.” Hoa Nghiêm Đề Lục Địa nói: “Vì không rõ đệ nhất nghĩa, gọi là vô minh. Nên biết chân trí tuệ vốn không tánh nên không hay tự liễu. Nếu gặp liễu duyên mà liễu thì vô minh diệt, đây là yếu môn thành Phật.” Sư nguyện đem pháp môn này làm hưng thịnh Phật giáo. Song hiện nay các nơi ai có thể nói lời này? Rồi tự nói: “Có ông già Tích Thúy (Huệ Nam).” Ngay ngày này Sư đến Hoàng Bá yết kiến thiền sư Huệ Nam.

Ngài đọc Hoa Nghiêm Thập Minh Luận đến câu *Là chân trí tuệ không thể tánh*, nghĩa là trí tuệ chân thật không có tánh cố định, không có hình thức. Vì *không hay tự biết không tánh là tánh của không tánh*. Không tánh là lý thật của tất cả pháp. Các pháp không có tự tánh, không tánh là lý thật của nó, nên nói không hay tự biết không tánh nên là tánh của không tánh. Vì *không hay tự biết không tánh, gọi là vô minh*, vì không biết các pháp không có tự tánh, cứ chấp cái này thật, cái kia có tự thể, cái nọ là cố định... Chấp chặt như thế là vô minh.

Hoa Nghiêm Đề Lục Địa nói: *Vì không rõ đệ nhất nghĩa, gọi là vô minh*, bởi không thấu triệt được đệ nhất

nghĩa đế, tức chỗ cứu cánh của các pháp, gọi đó là vô minh. *Nên biết chân trí tuệ vốn không tánh nên không hay tự liễu.* Vì chân trí tuệ không có tự tánh, nên không tự liễu ngộ được. Muốn liễu ngộ thì phải sao? *Nếu gặp liễu duyên mà liễu thì vô minh diệt.* Như ban đêm, trong nhà có nhiều đồ vật nhưng vì tối nên không thấy, khi đốt đèn lên liền thấy bàn tủ ghế... Ánh sáng đèn là liễu duyên, để nhìn thấy được sự vật. Cũng vậy, chúng ta có một cái đã sẵn tự bao giờ mà vì không thấy không biết nên không nhận ra, đợi có duyên làm sáng tỏ lúc đó mới thấy. Duyên làm sáng ra đó gọi là liễu duyên, còn nhân duyên hay tăng thượng duyên... là những điều kiện giúp đỡ làm cho thành tựu.

Liễu duyên là duyên giúp chúng ta sáng ra cái sẵn có chứ không phải làm cho chúng ta được cái đó. Phật tánh hay là chân trí tuệ của chúng ta tuy có sẵn, nhưng vì vô minh che khuất nên không thấy, khi có thầy lành bạn tốt sáng suốt phá chấp cho mình, gọi lại cho mình thức tỉnh, chấp tan vỡ tức là vô minh tan vỡ, liền nhận ra được cái sẵn có đó. Vì vậy nói *nếu gặp liễu duyên mà liễu thì vô minh diệt, đây là yếu môn thành Phật* vậy.

Thiền sư Huệ Nam lúc đó ở am Tích Thúy nên gọi là ông già Tích Thúy.

Đêm ấy nói chuyện đến sáng, Huệ Nam chỉ quý mến mà chưa cho nhập thất. Sư luôn luôn trình ngữ, Huệ Nam chỉ lặng thinh. Một hôm nhân lấy hòm kinh, sẩy tay đánh rơi tiếng vang nhẹ, Sư liền đốn ngộ. Sư chạy thẳng đến phương trượng trình bày sở ngộ. Huệ Nam nói:

- Người là anh hùng đủ chánh nhãn trong nhà ta, phải khéo gìn giữ.

Khi ấy trong hội nơi đây hàng long tượng lẫn lộn, mà Sư nghị luận vượt hẳn, làm nghiêng cả bốn tòa, tiếng tăm vang dội.

Đêm ấy nói chuyện đến sáng, hai vị đồng đạo thích hợp gặp nhau nên nói chuyện quên ngủ. Huệ Nam chỉ quý mến mà chưa cho nhập thất. Sư luôn luôn trình ngữ, Huệ Nam chỉ lặng thinh. Ngài trình ngữ mà không được chấp nhận.

Về sau, ngài trình sở ngộ, *Huệ Nam nói: Người là anh hùng đủ chánh nhãn trong nhà ta, phải khéo gìn giữ.* Ấn chứng cho ngài đủ chánh nhãn phải khéo gìn giữ. Câu nói này của ngài Huệ Nam, chỗ khác phê bình là “ái tử bất giác xú”, nghĩa là thương con không biết hôi. Mẹ thương con quá, nên những phân dơ của con cũng không thấy hôi. Tại sao lại phê bình? Bởi trong đạo đối với người ngộ rồi thì vị thầy dùng thuật gì đó làm cho học trò biết mà thôi, chứ không nói trắng ra. Ở đây ngài Huệ Nam khen như thế, là vì thương nên nói thẳng không giấu giếm.

Khi ấy trong hội nơi đây hàng long tượng lẫn lộn, hàng long tượng là chỉ cho những bậc tăng pháp khí, có khả năng đảm đương việc lớn sau này. Trong chúng rồng lẫn với rắn, voi lẫn với sói, tức là phạm thánh lẫn lộn, nhưng ngài nghị luận vượt hẳn, làm nghiêng cả bốn tòa, tiếng tăm vang dội.

Sư đến Song Lãnh, thiền sư Thuận hỏi:

- Lão sư trong am thích hỏi học giả: “Đẹp hết cổ họng môi lưỡi nói lấy một câu.” Thủ tọa từng nói được chăng?

Sư cười rồi nói kệ:

*A gia thường thố tam xích huế
Tân phụ tẩy diện mặc trước tỹ
Đạo Ngô đáp thoại đắc yêu côn
Huyền Sa khai thư thị bạch chỉ.*

Dịch:

**Cha chồng nếm giấm ba tấc lưỡi
Cô dâu rửa mặt rờ trúng mũi
Đạo Ngô đáp thoại được dây lưng
Huyền Sa mở thư là giấy trắng.**

Khi ấy Thuận khen là kẻ sĩ danh không uống.

Những câu thơ của ngài, có câu nào nghĩa lý đàng hoàng không? Đây gọi là những câu nói không động môi lưỡi. Nói cho người suy nghĩ được đó là động môi lưỡi. Người xưa khi bảo, *đẹp hết cổ họng môi lưỡi nói lấy một câu*, chúng ta sẽ ấm ớ chịu thua. Đây ngài nói mà không kẹt, như vậy mới thấy cái hay, thông cảm nhau được.

Niên hiệu Hy Ninh năm dậu (1068), Sư lãnh chúng tại chùa Viên Thông ở Lô Sơn. Học giả quy tụ như chỗ thiền sư Huệ Nam. Mùa xuân năm sau Huệ Nam viên tịch, tháng mười Sư nhận lời thỉnh của bốn chúng khai pháp ở Thạch Môn.

Tăng hỏi:

- Gặp trường thì đùa là sao?

Sư đáp:

- Lò hồng chọt xuất con rùa sắt.

Tăng hỏi:

- Hiên nhà treo trống Sư thân đánh, đầu sào trăm thước việc thế nào?

Sư đáp:

- Sơn tăng chẳng tin kế sống này.

Tăng suy nghĩ. Sư bảo:

- Kẻ chẳng thông minh.

Gặp trường thì đùa là câu của ngài Đặng Ấn Phong. Khi ngài sắp đến chỗ Thạch Đầu, Mã Tổ bảo: Đường Thạch Đầu trơn. Ngài nói: Có cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa. Tăng đem câu này ra hỏi. Câu đó dễ hiểu không? Nếu dễ hiểu thì không đúng với nghĩa ngài muốn nói. Những đoạn trên chúng ta không thể tìm hiểu, đoạn sau đây mới có ý tứ để hiểu.

Tăng lễ bái đứng dậy, buông góc ca-sa xuống, hỏi:

- Khi cởi y lột giáp thì thế nào?

Sư đáp:

- Mừng được hết chiến tranh, cung tên treo trên vách.

Tăng lại vắt góc ca-sa lên hỏi:

- Khi chinh lại y giáp thì thế nào?

Sư đáp:

- Chẳng đến bờ Ô Giang, biết anh chưa chịu thôi.

Tăng liền hét. Sư bảo:

- Kinh ta!

Tăng vỗ một vỗ. Sư nói:

- Cũng là trong chết được sống.

Tăng lễ bái. Sư nói:

- Tưởng là tài thâm Yên phá Triệu, hóa ra chỉ là kẻ bán muối lậu.

Tăng lễ bái đứng dậy, buông góc ca-sa xuống, hỏi: Khi cởi y lột giáp thì thế nào? Cởi y lột giáp tức là khi tất cả sạch trơn, thì sao? Ngài nói: Mừng được hết chiến tranh, cung tên treo trên vách. Đã hết chiến tranh rồi, đó là lúc nhàn hạ thanh thoi.

Tăng lại vắt góc ca-sa lên hỏi: Khi chinh lại y giáp thì thế nào? Chinh lại y giáp tức là đã buông hết rồi, bây giờ muốn vượt lên nữa, tức là muốn tiến đến chỗ cuối cùng mới thôi, ý nói một con đường hướng thượng đó thế nào? Ngài đáp: Chẳng đến bờ Ô Giang, biết anh chưa chịu thôi. Bờ Ô Giang là nơi Hạng Vũ bỏ thân. Ngày xưa nước Sở đánh với nước Hán, Hạng Vũ thất thế bị Hàn Tín bao vây, một người một ngựa chạy về quê hương Cối Kê. Tới bến Ô Giang, do Hàn Tín đã âm mưu với ông lái đò, nên khi thấy Sở vương đến ông liền chèo ghe tới

mời qua sông. Hạng Vũ tự mặc cảm không xuống dò, cắt đầu trao cho ông lái dò dâng Hán vương để nhận thưởng. Đó là “nếu chưa tới bến Ô Giang thì chưa thôi”, chạy tới đó rồi mới chấm dứt đời của Sở vương.

Tăng liên hét, ngài bảo: Kinh ta, làm cho ta giết mình. Tăng vỗ một cái, ngài nói: Cũng là trong chết được sống. Tăng lễ bái, ngài nói: Tưởng là tài thâm Yên phá Triệu, hóa ra chỉ là kẻ bán muối lậu. Làm ra vẻ anh hùng lắm, rốt cuộc rồi cũng đầu hàng, chỉ là kẻ tầm thường thôi.

Sư bảo:

- Thiên đức! Nếu hay một niệm hồi quang phản chiếu, nhằm dưới gót chân mình lột giày xem xét coi, đáng gọi là cửa động mở toang, lầu các lớp lớp, mười phương khắp hiện, hải hội đồng bày. Bèn là phàm thánh hiền ngu, núi sông quả đất, dùng Hải ấn tam-muội một ấn mà ấn định, lại không có mảy may rơi sót. Sơn tăng nói như thế, nếu ở trong chúng có bản sắc nạp tăng nghe đó, liền bịt tai mà đi, kia cười vỡ miệng. Đại chúng hãy nói, dưới cửa bản sắc nạp tăng làm sao nói một câu?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Tuyệt bên trời chôn ngàn thước đá, băng cửa động gãy mấy cây tùng.

Ngài đem hết tình, hết bao nhiêu tâm trí nói cho chúng ta hiểu: *Nếu hay một niệm hồi quang phản chiếu, nhằm dưới gót chân mình lột giày xem xét coi.* Nhà thiền

muốn chỉ chỗ chân thật, thường bảo nhìn lại gót chân, soi lại cái thật của chính mình.

Đáng gọi là cửa động mở toang, lầu các lớp lớp, mười phương khắp hiện, hải hội đồng bày. Người biết như vậy, sẽ thấy cửa động trong khe núi mở hoác, nào là lầu các lớp lớp, tất cả chúng hội mười phương đều hiện bày không giấu giếm. Được như vậy thì sao? *Bèn là phạm thánh hiền ngu, núi sông quả đất, dùng Hải ấn tam-muội một ấn mà ấn định, lại không có mây may rơi sót.* Như thế là đang sống trong Hải ấn tam-muội, ở đâu cũng không thiếu sót.

Son tăng nói như thế, nếu ở trong chúng có bản sắc nạp tăng nghe đó, liền bịt tai mà đi, kia cười vỡ miệng. Bản sắc nạp tăng, trong nhà thiền chỉ cho những vị đã mở được con mắt sáng. Những vị này khi nghe nói như vậy thì bịt tai mà đi, cười vỡ miệng. Vì đó là tử ngữ, mà nói trắng ra rồi. Ngài hỏi: *Đại chúng hãy nói, dưới cửa bản sắc nạp tăng làm sao nói một câu?* Dưới con mắt người đã ngộ, nói sao đây?

Ngài im lặng giây lâu rồi nói: *Tuyết bên trời chôn ngàn thước đá, băng cửa động gãy mấy cây tùng.* Chỗ đó không còn dùng ngôn ngữ để diễn bày.

Sư thượng đường giây lâu, nhìn xem đại chúng, nói:

*Thạch Môn hy hiểm thiết quan lao
Cử mục trùng trùng vạn nhãn cao
Vô giác thiết ngư xung đặc phá
Tỳ-lô hải nội tác ba đào.*

Dịch:

**Thạch Môn nguy hiểm cổng sắt chắc
Đưa mắt trùng trùng muôn nhãn cao
Trâu sắt không sừng xông được vỡ
Trong biển Tỳ-lô dấy ba đào.**

Hãy nói chẳng dính ba đào làm sao nói một câu?

Sư im lặng giây lâu nói:

**- Một câu chẳng rảnh Vô Trước hỏi, đến nay
vẫn làm tăng lang thang.**

Sư xuống tòa.

Thạch Môn nguy hiểm cổng sắt chắc, Thạch Môn là chỗ ngài ở, ý nói tông phong của ngài cao vót, giống như cửa sắt chắc chắn, khó ai có thể vượt qua được.

Đưa mắt trùng trùng muôn nhãn cao, người nhìn thấy như nó cao vót lớp lớp, nhưng bây giờ có thể phá được không, cái gì phá được?

Trâu sắt không sừng xông được vỡ, trâu sắt có chạy được không mà xông được vỡ? Trâu sắt là tượng trưng cho chỗ vô tri, không sừng là không còn thấy hai bên, tức không phân biệt. Trâu sắt xông tới thì phá vỡ được cổng đó, nếu có phân biệt, có hai bên thì xông phá không vỡ. Xông vỡ được rồi thì thấy gì?

Trong biển Tỳ-lô dấy ba đào. Biển Tỳ-lô là chỉ cho pháp thân. Ngay trong biển pháp thân nổi sóng, nếu người nào xông vào được thì thể nhập pháp thân.

Hãy nói, chẳng dính ba đào làm sao nói một câu? Bây giờ không dính ba đào làm sao nói đây?

Sư trụ chưa được tròn năm, tháng sáu Tri sự tranh nhau, không thể ngăn được, Sư liền bảo chúng:

- Lãnh chúng chẳng nghiêm, chánh tọa không đức, tôi có thẹn với Hoàng Long.

Sư gọi Duy-na đánh chuông họp chúng, từ biệt đi hành cước dặn:

- Sau khi tôi tịch hỏa thiêu rồi, lấy xương để trong tháp Phổ Thông, để thấy chết sống không rời thanh chúng.

Nói xong, Sư tịch, thọ 59 tuổi.

Đoạn này chúng ta thấy đau lòng nhất. Có lẽ Tri sự và Thủ tọa hai bên cãi nhau mà ngài khuyên không được, ngài tự trách, sợ dĩ trong chúng cãi nhau tôi khuyên không được, vì tôi lãnh chúng không nghiêm, là chánh tọa mà không có đức. *Tôi có thẹn với Hoàng Long*, tức là thẹn với thầy tôi. Bây giờ xử không được thì tôi đi. Đi mà ngài dặn, lời dặn này rất cảm động. Tôi tịch rồi thì thiêu, *lấy cốt để trong tháp Phổ Thông*. Trong chùa có những loại tháp, tháp riêng cho Hòa thượng, tháp chung cho đại chúng gọi là tháp Phổ Thông, còn gọi là tháp Phổ Đồng. Ngài tịch và dặn đừng để trong tháp riêng, để trong tháp chung của chúng. Ý nói sống ở với chúng, chết cũng ở với chúng, không bao giờ rời chúng.

Chúng ta thấy đạo đức như ngài, mà những người phụ tá có khi còn sân, ngài khuyên không chịu nghe, phải không? Như chúng ta bây giờ làm trụ trì, chúng cãi nhau chắc không có gì lạ. Đức của chúng ta không bằng ngài, sức ngộ đạo cũng không bằng, nhưng nếu nhìn lại thì mấy ông Tri sự này có khôn ngoan không? Cãi nhau hơn thua gì, để được gì? Cãi cho hả giận để Thầy tịch, có phải là ngu xuẩn không?

Đức Phật có lần cũng phải vô trong rừng ở, vì tăng chúng cãi nhau khuyên không được. Thời Phật cũng có những người đệ tử ngang ngạnh bướng bỉnh, thời các Tổ cũng có những người học trò ngang ngạnh bướng bỉnh, thì đời chúng ta làm sao tránh khỏi. Ai một đời khỏi được những trường hợp đặc biệt này là phước lớn. Phật còn không lựa hết được, các Tổ còn không lựa được, ngài ngộ đạo rồi cũng không lựa được Tri sự tốt. Huống chi tôi lựa người này người kia chắc gì đã trúng. Nhưng chúng ta có thua ngài một chút, nhiều khi giận quá muốn tịch mà không được, buồn quá muốn đi mà không xong. Còn ngài thì thôi mấy người không nghe tôi, tôi đi. Ngài nói và làm được.



**THIÊN SƯ THỦ ĐOAN
ở BẠCH VÂN - THƯ CHÂU**

(1025 - 1072)

Sư họ Cát, quê ở Hành Dương, thuở nhỏ học Nho, đến hai mươi tuổi theo Úc sơn chủ ở Trà Lăng xuất gia. Sư đến tham vấn Dương Kỳ.

Một hôm Dương Kỳ hỏi: - Bốn sư người là ai?

Sư thưa: - Hòa thượng Úc ở Trà Lăng.

Dương Kỳ bảo:

- Ta nghe ông ấy qua cầu bị té có tỉnh, làm một bài kệ kỳ đặc, người có nhớ chăng?

Sư tụng rằng:

*Ngã hữu minh châu nhất khả,
Cửu bị trần lao quan tỏa,*

*Kim triều trần tận quang sanh,
Chiếu phá sơn hà vạn đóa.*

Dịch:

**Ta có một viên minh châu,
Đã lâu vùi tại trần lao,
Hôm nay trần sạch sáng chiếu,
Soi tốt núi sông muôn thứ.**

Dương Kỳ cười liền đi. Sư ngạc nhiên suốt đêm không ngủ.

Ngài Bạch Vân Thủ Đoan thuộc tông Lâm Tế. Một hôm Úc sơn chủ có việc vào thôn, cưỡi ngựa đi qua cầu ván. Cầu ván cũ lâu ngày, ngựa đi tới đạp phải một tấm ván mục lọt chân, ngài bị quăng nhào xuống cầu liền tỉnh ngộ, rồi làm bài kệ này: Tôi có một viên minh châu, đã lâu bị cát bụi che lấp. Sáng nay bụi sạch hết, ánh sáng phát ra soi khắp cả sơn hà muôn thứ.

Bài kệ nói lên sở ngộ của ngài đã thấu đáo, nhận ra nơi mình có cái chân thật sáng như viên minh châu, mà lâu nay mình không biết, bị bụi trần lao phiền não phủ che. Hôm nay bất chợt bụi hết, thấy được nó soi sáng khắp nơi.

Các hàng thiền lữ đều khen bài kệ rất hay, vậy mà ngài Dương Kỳ nghe rồi cười bỏ đi. Ngài ngạc nhiên suốt đêm không ngủ. Tại sao? Vì tự ái bản ngã. Đây không phải bản ngã của ngài, mà là bản ngã của thầy. Thầy mình có bài kệ rất hay, đầy đủ ý nghĩa ai cũng khen, tại sao mình đọc xong rồi ngài cười bỏ đi, có phải chê bài kệ

dở không? Bài kệ dở chỗ nào? Điều đó làm cho ngài thao thức suốt đêm, mong cho trời mau sáng để ra thưa.

Hôm sau, Sư đến thưa hỏi, gặp ngày cuối năm, Dương Kỳ hỏi:

- Người thấy mấy người hát Sơn Đông hôm qua chăng?

Sư thưa: - Thấy.

Dương Kỳ bảo: - Người còn thua y một bậc.

Sư lấy làm lạ thưa: - Ý chỉ thế nào?

Dương Kỳ bảo:

- Y thích người cười, người sợ người cười.

Sư liền đại ngộ. Sư hầu Dương Kỳ thời gian khá lâu, mới từ giả đi nơi khác.

Hôm sau ngài đến hỏi, không biết hôm qua con đọc bài kệ đó, Hòa thượng cười là có ý gì? Lúc ấy nhằm ngày cuối năm, Dương Kỳ hỏi: *Người thấy mấy người hát Sơn Đông hôm qua chăng?* Hôm qua ở trước chùa có mấy người hát Sơn Đông khua chiêng đánh trống biểu diễn, thiên hạ xúm lại coi. Gánh hát Sơn Đông được ai cười hoan nghênh thì rất thích lại hát tiếp, còn ông thấy tôi cười sợ suốt đêm không ngủ thì ông thua họ rồi. Câu chuyện này rất lý thú, ngay đó ngài liền đại ngộ, vậy ngài ngộ cái gì?

Chúng ta vui thì cười buồn thì khóc, là sợ cười hay thích cười, sợ khóc hay thích khóc? Cười khóc đối nhau. Như vậy, cười đã vô nghĩa thì khóc có nghĩa không?

Tất cả vui buồn cười khóc đối đãi đều vô nghĩa, chính thấy được chỗ đó mới thoát ngoài đối đãi, gọi là đại ngộ.

Đến Lô Phụ, thiền sư Nột ở Viên Thông cử Sư trụ trì chùa Thừa Thiên, tiếng tăm vang dội. Kế, Sư lại trụ Viên Thông, Pháp Hoa, Long Môn, Hưng Hóa, Hải Hội, nơi nào chúng cũng tụ họp rất đông.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Chảo dầu không chỗ lạnh.

Tăng hỏi: - Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp: - Đáy nước nhấn trái bầu.

Có trái bầu nào nổi dưới đáy nước không? Đó chỉ là những lối nói, như ngài Lâm Tế hỏi bị tổ Hoàng Bá đánh thì ở đây thay cái đánh đó bằng câu nói.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang?

Sư đáp: - Quạ bay thả chạy.

Tăng hỏi:

- Chẳng cầu chư thánh chẳng trọng kỷ linh, chưa phải là việc trên phần của nạp tăng, thế nào là việc trên phần của nạp tăng?

Sư đáp: - Nước chết chẳng chứa rồng.

Tăng hỏi: - Khi như thế thì sao?

Sư đáp: - Lửa chết người.

Những câu này toàn là hoạt ngữ, nên chúng ta không phải giải thích.

Sư thượng đường:

- Chim có hai cánh bay chẳng xa gần, đường bày một góc đi không trước sau. Hàng tăng gia các ông, bình thường cầm muống buồng dưa trợn nói tri hữu, đến khi leo lên núi tại sao lại thở gấp? Chẳng thấy nói, người không lo xa ắt có buồn gần!

Chim có hai cánh bay chẳng xa gần, đường bày một góc đi không trước sau. Hai câu này cho thấy chỗ ngộ của ngài lúc trước rõ ràng, xa gần trước sau là đối đãi, phải vượt qua hai cái này.

Hàng tăng gia các ông bình thường cầm muống buồng dưa trợn nói tri hữu. Chúng ta trong lúc bình thường ăn cơm mặc áo, nói tôi thấy đạo biết đạo, nhưng khi gặp việc bức bách thì bất lực, sân cũng hoàn sân, si hoàn si; gặp việc đáng thương thì thương, đáng ghét cũng ghét. Trợn nói tri hữu, tức là biết có cái đó, tôi có ông chủ, sống với ông chủ... Thế nhưng, *đến khi leo lên núi tại sao lại thở gấp*, khi gặp chuyện bất ngờ xảy đến, lại không làm chủ được.

Chẳng thấy nói, người không lo xa ắt có buồn gần. Ngài trách, lúc bình thường tưởng như đắc đạo, cho rằng mình biết được ông chủ, rồi hài lòng tự mãn không nỗ lực tu; tới chừng gặp chuyện bức bách nguy hiểm, mới thấy còn y nguyên, cũng kẹt như thế tục, không hơn bao nhiêu.

Sư dạy chúng:

- Phật đất chẳng độ nước, Phật gỗ chẳng độ lửa, Phật vàng chẳng độ lò đúc, Phật thật ngồi ở trong.

Đại chúng! Ông già Triệu Châu một lúc đem mười hai phần xương tám muôn bốn ngàn lỗ chân lông dồn vào trong lòng các ông rồi. Ngày nay Viên Thông (Sư) trông thấy bất bình vì người xưa nói ra.

Sư lấy tay vỗ giường thiền nói:

- Nên biết núi biển về mình chủ, chưa tin càn khôn lấp người lành.

Ngài dẫn lời thiền sư Triệu Châu nói, rồi bảo: *Đại chúng! Ông già Triệu Châu một lúc đem mười hai phần xương tám muôn bốn ngàn lỗ chân lông dồn vào trong lòng các ông rồi.* Ngài Triệu Châu nói như thế là rất tha thiết, đã đem hết cả xương thịt tâm can mà giao phó cho mình rồi. *Ngày nay Viên Thông, tức ngài tự xưng, trông thấy bất bình vì người xưa nói ra.*

Ngài lấy tay vỗ giường thiền nói: *Nên biết núi biển về mình chủ, chưa tin càn khôn lấp người lành.* Câu đó nói gì? Dường như ngài bất bình chống lại, nhưng không ngờ là phụ họa theo. Nên biết núi biển về mình chủ, núi sông tất cả thuộc về vua; cũng vậy Phật đất, Phật gỗ, Phật vàng... đều thuộc về bên ngoài, còn Phật thật ngồi ở trong. Nếu chưa tin Phật bên trong thì bị càn khôn che lấp, không thấy gì được nữa. Người xưa rất khéo léo, đã tha thiết chỉ cho mình.

Sư dạy chúng:

- Thân Phật đầy đầy nơi pháp giới, khắp hiện trước tất cả quần sanh, tùy duyên cảm ứng đâu chẳng khắp, mà thường ở nơi tòa bồ-đề. Đại chúng!

Thế nào nói đạo lý tùy duyên cảm ứng? Chỉ là khoảng khảy móng tay, cả đại địa hàm sanh căn cơ một lúc nên được khắp đủ, mà chưa động đến một đầu mảy lông, bèn nói là tùy duyên cảm ứng mà thường ở tòa này. Ví như sơn tăng ngày nay nhận thỉnh đến Pháp Hoa, ngày mai cùng đại chúng từ biệt nhau, vào trong huyện khai đường rồi mới trở về viện. Hãy nói, lại lìa tòa này hay không? Nếu nói lìa là việc thường thế gian. Nếu nói chẳng lìa, làm sao thấy được việc chẳng lìa ấy?

Theo lời ngài nói thì chỉ trong nháy mắt, trong khoảng khảy móng tay tất cả đều khắp đủ, đó gọi là tùy duyên cảm ứng. Ngài ví dụ, hôm nay tôi ở đây, mai đi trong kia, rồi một trở về, vậy có lìa tòa này hay không? Thấy ở đó gọi là còn ở, thấy đi khỏi gọi là lìa, là việc thường thế gian. Nếu nói chẳng lìa, làm sao thấy được cái chẳng lìa?

Đâu chẳng phải “vô biên cõi nước kia đây chẳng cách đầu mảy lông, mười đời xưa nay trước sau chẳng lìa đương niệm”? Lại đâu chẳng phải “tất cả vô tâm một lúc tự khắp”? Nếu thế ấy chính là cầm gậy đập mặt trăng. Đến đây cần phải ngộ mới được, ngộ rồi cần phải gặp người mới được. Các ông nói đã ngộ rồi thì thôi, lại đâu cần gặp người. Nếu ngộ rồi gặp người, chính khi duỗi tay phương tiện rõ ràng tự có một con đường xuất thân, chẳng làm mù mắt học giả. Nếu chỉ ngộ được đầu cây cải khô, chẳng những làm mù mắt học giả, chính mình cử động liền bị chạm bén đứt tay.

Vô biên cõi nước kia đây chẳng cách đầu mấy lông, cõi này cõi kia chẳng cách đầu mấy lông, đứng về mặt không gian thì không có riêng lẻ. Mười đời xưa nay trước sau chẳng lìa đương niệm, về thời gian không cách lìa hiện tại. Người đạt đạo thấy cái chân thật đó, không kẹt ở không gian và thời gian, nên không nói lìa hay không lìa.

Lại đâu chẳng phải “tất cả vô tâm một lúc tự khắp”. Nếu nói rằng tất cả vô tâm một lúc tự khắp thì ngài không chịu. Nếu thế ấy chính là cầm gậy đập mặt trăng, cầm gậy đập mặt trăng tức là chưa tới nơi. Đến đây cần phải ngộ mới được, ngộ rồi cần phải gặp người mới được. Tới chỗ đó phải ngộ mới được, nhưng tự mình ngộ đôi khi chưa đủ khả năng vượt khỏi lầm lẫn, nên cần phải gặp người mới được.

Nếu chỉ ngộ được đầu cây cải khô, ngộ được một chút hoặc một hai lý nhỏ nào đó, gọi là ngộ đầu cây cải khô. Nếu mình tự mãn cho mình ngộ như vậy là đầy đủ, rồi đi làm thầy thiên hạ, thì sao? Chẳng những làm mù con mắt học giả, làm cho người ta mù tối thêm, mà chính mình cử động liền bị chạm bén đứt tay, tức là còn dính bên này kẹt bên kia, chưa thoát được.

Các ông xem! Thầy tôi là Dương Kỳ hỏi Sư ông Từ Minh: Khi chim vắng kêu chẫu chệt, mây từ vào núi loạn thì thế nào? Sư ông đáp: Ta đi trong cỏ rậm, người lại vào thôn sâu. Thầy tôi thưa: Quan chẳng cho lọt mũi kim, lại xin một câu hỏi. Sư ông liền hét. Thầy tôi thưa: Khéo hét. Sư ông lại hét.

Thầy tôi cũng hét. Sư ông hét luôn hai tiếng. Thầy tôi liền lễ bái.

Quan chẳng cho lọt mũi kim, nguyên chữ Hán là quan bất dung châm, những trạm gác ở biên giới người ta xét kỹ không cho mũi kim lọt qua, ý nói đến chỗ không còn hở trống một chút gì.

Dại chúng nên biết, ngộ rồi lại gặp người là nhằm trên đầu ngã tư đường cùng người gặp nhau, chính là ở trên ngàn ngọn núi nắm tay; nhằm trên ngàn ngọn núi gặp nhau, chính ở đầu ngã tư đường nắm tay. Vì thế sơn tăng từng có tụng:

*Tha nhân trụ xứ ngã bất trụ
Tha nhân hành xứ ngã bất hành,
Bất thị vì nhân nan cộng tụ
Đại đô truy tố yếu phân minh.*

Dịch:

**Chỗ ở người kia ta chẳng ở
Chỗ đi người kia ta chẳng đi,
Chẳng phải vì người khó chung họp
Trọn là tăng tục cốt phân minh.**

Đây là sơn tăng sắp đi mở toang túi vải, một lúc ném ở trước mặt mọi người rồi vạy. Người có mắt chó lấy làm lạ. Trân trọng!

Gặp người ở đầu ngã tư đường là ở chỗ ồn, cũng chính là ở trên ngàn ngọn núi (chỗ vắng) nắm tay. Ở trên

ngàn ngọn núi gặp nhau, cũng là ở đầu ngã tư đường (chỗ đông người) nắm tay. Gặp được bậc thầy triệt ngộ hướng dẫn mới có thể tự tại, tới lui không còn ngăn trở nữa.

Chỗ ở người kia ta chẳng ở, chỗ đi người kia ta chẳng đi. Nghĩa là chỗ người ở ngài không ở, việc người kia hành ngài chẳng hành. Tại sao? *Chẳng phải vì người khó chung hợp, trọn là tăng tục cốt phân minh.* Người và mình không khác, nhưng ngài không đi đường của người, không ở chỗ người, nói cách khác là mê ngộ khác nhau.

Khi sắp tịch, ngài mở tung túi vải quăng ném khắp, trước mắt đầy đủ hết mặc tình mà xem, không còn giấu giếm.

Sư thượng đường:

- Cổ nhân để lại một lời nửa câu, khi chưa thấu sờ đến giống hệt vách sắt, bỗng nhiên một hôm sau khi nhìn được thấu, mới biết chính mình là vách sắt. Hiện nay làm sao thấu?

Sư lại nói: - Vách sắt! Vách sắt!

Một lời nửa câu của các ngài để lại, nếu chúng ta chưa ngộ được thì giống hệt vách sắt, tức là đưa tay tới không có chỗ nào vin nắm được.

Sư thượng đường:

- Nếu quả thực được một phen xuất hạn, liền nằm trên một cọng cỏ hiện lầu quỳnh điện ngọc. Nếu chưa quả thực được một phen xuất hạn, dù có

lầu quỳnh điện ngọc lại bị một cọng cỏ che lấp. Thế nào được xuất hạn? Tự có một đôi tay khéo ấy, đâu từng xem nhẹ vũ tam đài.

Nếu quả thực được một phen xuất hạn, tu hành được một phen xuất hạn, tức một phen ra mồ hôi, đó là ngộ. Có nhiều vị khi ngộ một câu, xuất mồ hôi đầm dề. Nếu được vậy, liền nằm trên một cọng cỏ hiện lầu quỳnh điện ngọc, nơi cảnh tầm thường lại thấy tất cả phi thường. Nếu chưa quả thực được một phen xuất hạn, dù có lầu quỳnh điện ngọc lại bị một cọng cỏ che lấp, chưa ngộ thì chỗ phi thường cũng bị cái tầm thường che lấp. Thế nào được xuất hạn? Một phen ra mồ hôi là sao? Tự có một đôi tay khéo ấy, đâu từng xem nhẹ vũ tam đài, tay khéo múa trên tam đài.

Đến niên hiệu Hy Ninh thứ năm (1072), Sư viên tịch, thọ 48 tuổi.

Học qua cuộc đời của người xưa, chúng ta lại càng vững vàng hơn trong cuộc sống. Có vị sống bảy tám mươi, có vị bốn năm mươi, không phải ai cũng thọ lâu dài. Các ngài xưa ngộ đạo còn không sống thọ thay, huống nữa chúng ta tu chưa ngộ gì hết chắc gì đã sống thọ. Đó là kinh nghiệm để cho chúng ta biết, ngày nào còn khỏe, còn được yên ổn thì ráng nỗ lực tiến tu, không chần chừ, không hèn mười năm, hai mươi năm nữa sẽ tu rút.

Kế nữa, người xưa tài đức hơn chúng ta trăm ngàn lần, có khi cũng gặp những hoàn cảnh trục trặc. Có những bậc rất xuất sắc, có người bĩ thử đầy bụng, không phải tất cả đều toàn hảo. Ngày nay cũng vậy, có kẻ

phiền não đầy bụng, có người tốt. Hiểu vậy rồi chúng ta không buồn, giả sử gặp những trái chướng trở ngại, nghĩ đến người xưa còn không khỏi hướng là mình, như thế an lòng tiến tu, không chán nản.



THIÊN SƯ NHÂN DŨNG ở BẢO NINH - KIM LĂNG

Sư họ Trúc, quê ở Tứ Minh, thuở bé dung nhan tuấn tú, còn trẻ đã làm đại tăng, thông Thiên Thai giáo. Sư đến tham vấn thiền sư Minh Giác ở Tuyết Đậu. Minh Giác thâm biết Sư sẽ gánh vác đại pháp, nói cợt Sư là “Tọa chủ độn căn”. Sư nổi giận xuống núi, trông về Tuyết Đậu lễ thề: “Tôi đời này đi hành cước tham thiền đạo lý chẳng bằng Tuyết Đậu thề chẳng trở về quê.” Sư liền đến Lạc Đàm, mấy năm mà nghị tình chưa tan.

Nổi giận như ngòi để lập chí tiến lên, đó là điều xứng đáng. Ngài thề *nếu đời này đi hành cước tham thiền, đạo lý chẳng bằng Tuyết Đậu thì chẳng trở về quê*, nhất định như vậy. Về sau ngài nổi tiếng trong tông lâm. Người xưa nhân một câu nói khích mà được thành tựu.

Nghe tin Dương Kỳ dời đến Vân Cái khéo khai hóa học giả, Sư liền đi thẳng đến đây. Qua một câu đối đáp, Sư liền chóng rõ sáng tâm ấn. Dương Kỳ tịch, Sư theo thiền sư Thủ Doan là bạn đồng học, nghiên cứu cùng tột chỗ huyền áo.

Tuy rằng ngộ rồi nhưng chưa sâu, nên theo sư huynh cùng làm bạn để được thấu đáo sâu.

Sau này, Sư trụ ở Bảo Ninh cho đến tịch.

Có vị tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Gần lửa trước phỏng.

Nếu đưa tay vô lửa, gần kề lửa thì thấy tay mình phỏng trước rồi.

Tăng hỏi: - Thế nào là đạo?

Sư đáp: - Trong bùn có gai.

Tăng hỏi: - Thế nào là người trong đạo?

Sư đáp: - Rất kỵ đạp đến.

Tăng hỏi:

- Cổ nhân nói “Gió lạnh thổi lá rụng, vẫn vui cổ nhân về”, chưa biết ai là cổ nhân?

Sư đáp:

- Hòa thượng Dương Kỳ viên tịch đã lâu.

Tăng hỏi:

- Chính hiện nay lại có người nào là tri âm?

Sư đáp:

- Ông mù trong thôn thâm gặt đầu.

Theo nghĩa thường, cố nhân là người thân của mình trước kia, hoặc là bạn tri âm tri kỷ. Nếu mình đi xa hoặc họ đi xa thì khi gặp lại nhau có mừng không? Đây dẫn lời người xưa nói: *Gió lạnh thổi lá rụng, vẫn vui cố nhân về*. Cố nhân trở về thì rất vui, nhưng vị tăng này đặt câu hỏi: *Ai là cố nhân?* Như vậy, không còn nghĩa tri âm tri kỷ mà muốn nói ai? Tôi nói: Cố nhân là ông kẹ. Hiểu thì hiểu, không hiểu thì thôi. Ngài đáp: *Hòa thượng Dương Kỳ viên tịch đã lâu*. Tăng hỏi: *Chính hiện nay lại có người nào là tri âm?* Ngài đáp: *Ông mù trong thôn thâm gặt đầu*. Tri âm là ông mù đó, phải không?

Sư thượng đường:

- Sơn tăng hơn hai mươi năm quảy đũa mang bát nhằm trong hoàn hải tham thiện tri thức hơn mười vị, nhà mình trọn không có chỗ thấy. Có vị tôn túc giống như đá cứng, tham vấn cũng không có chỗ hay để lợi ích cho nhau. Từ đây một đời chỉ làm người không hiểu chi cả, thật tự đáng thương. Bỗng bị gió nghiệp thổi đến phủ Giang Ninh, vô cớ bị người xô đến đầu ngã tư đường, trụ cái viện rách, làm chủ nhân cơm cháo tiếp đãi kẻ nam người bắc, việc bất đắc dĩ, tùy thời có muối có giấm đủ cháo đủ cơm, mặc tình qua ngày. Nếu là Phật pháp, chẳng từng mộng thấy.

Người không hiểu nghĩa là dốt, như ngây như ngô không hiểu biết. Giai đoạn ngài đi tham vấn, mù mịt

như người dốt không biết gì. Về sau ngài trụ trì tiếp người chỉ ăn cơm ăn cháo, có muối có giấm vậy thôi, không có Phật pháp. Nhà học Kinh, tức là giáo tông mở miệng nói Phật pháp, chân như, Phật tánh, Niết-bàn... Còn nhà thiền chỉ cho chúng ta sống với cái bình thường, bình thường tâm thị đạo, cái đó không có Phật pháp. Vì thế nói *Nếu là Phật pháp, chẳng từng mộng thấy.*

Sư thượng đường:

- Gió thu mát, vận tùng hay, khách chưa về nhớ cố hương. Hãy nói ai là khách chưa về? Chỗ nào là cố hương?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Nằm dài trên giường có cháo có cơm.

Chúng ta nhớ cố hương, người nhớ Đất Đỏ, kẻ nhớ Nha Trang, người nhớ Bình Chánh... nhớ nơi này nơi kia cho đó là cố hương, còn ở đây cố hương không phải vậy.

Sư thượng đường:

Phượng minh điều vũ phá khối

Hiếu lai chấm thượng oanh thanh toái,

Hà mô khâu dẫn nhất thời minh

Diệu Đức Không Sanh đô bất hội.

Tam cá thành quân tứ cá tác đội, yếu yếu diệu diệu phiêu phiêu diêu diêu, hương nam bắc đông tây chiết đặc lê hoa lý hoa nhất bội lưỡng bội.

Dịch:

**Cành phượng kêu đất mưa võ
Sáng về trên gối tiếng oanh hót,
Ênh ương, ếch nhái một lúc kêu
Diệu Đức, Không Sanh trọn chẳng hội.**

Ba cái thành nhóm, bốn cái thành đội, yếu yếu điệu điệu phiêu phiêu diêu diêu, nhằm nam bắc đông tây bẻ được hoa lê hoa lý một vòng hai vòng.

Ngài nói nửa như thơ, nửa không thơ. *Cành phượng kêu đất mưa võ, sáng về trên gối tiếng oanh hót.* Nghĩa là chim phượng hót trên cành, mưa xối võ đất; sáng về còn nằm ở trên gối, nghe tiếng chim hoàng oanh hót. *Ênh ương, ếch nhái một lúc kêu; Diệu Đức, Không Sanh trọn chẳng hội.* Diệu Đức chỉ cho Văn-thù, Không Sanh là Tu-bồ-đề. Tiếng ênh ương, ếch nhái đồng kêu om sòm, cảnh như vậy mà các ngài trọn chẳng hội.

Ba cái thành nhóm, bốn cái thành đội, yếu yếu điệu điệu phiêu phiêu diêu diêu. Ba bốn cái thành một nhóm, rất đẹp. *Nhằm nam bắc đông tây bẻ được hoa lê hoa lý một vòng hai vòng.* Diễn tả cảnh đẹp, trong cảnh đó hiện lên những vị Diệu Đức, Không Sanh. Lối diễn tả khéo léo của ngài, trong mọi cảnh đẹp để êm dịu tươi mát này, sẵn sàng đầy dẫy ở trước mắt không thiếu.



THIÊN SƯ THIỆN BỔN ĐẠI THÔNG ở PHÁP VÂN - ĐÔNG KINH

(1035 - 1109)

Sư họ Đồng, buổi đầu quê ở thôn Trọng Thư, Thái Khang, ông cha Sư đều làm quan đất Đinh bèn thành người Đinh Châu. Mẹ Sư không con, đến trước tượng Phật cầu khẩn, khẩn rằng được con sẽ cho phụng sự Phật. Sau đó bà sanh được Sư dung mạo trang nhã. Sư vừa tròn một tuổi thì mẹ mất. Đến lớn Sư học rộng, có phẩm hạnh của người tu tại gia, nên không có ý làm quan, lại tịch cốc học đạo. Sư nhà nghèo ở ẩn nơi thợ làm bút, ý chí càng cường, cả ngày ngồi lặng lẽ.

Niên hiệu Gia Hựu thứ tám (1063) Sư đến kinh đô ghi danh ở viện Hiển Thánh Địa Tạng, thi đậu làm đại tăng. Thầy của Sư là Viên Thành và luật sư Huệ Tráp nói với người:

- Thiện Bồn sau này sẽ nổi danh cả nước.

Nhân đó bảo Sư học Tỳ-ni và nghe Pháp Hoa. Ban đêm Sư mộng thấy một đồng tử giống như tượng vẽ Thiện Tài chấp tay nói: Đi về Nam. Thức dậy, Sư nói:

- Chư thánh gia bị cho ta, muốn ta đi phương Nam thưa hỏi thiện tri thức.

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng đồng tử Thiện Tài được Bồ-tát Văn-thù khuyên đi về phương Nam để học đạo, do đó trong mộng ngài thấy có đồng tử chấp tay nói đi về Nam, tức khuyên ngài đi phương Nam học đạo.

Bấy giờ thiền sư Viên Chiếu đang nổi tiếng ở Ngô Trung. Sư đến Cô Tô yết kiến thiền sư Viên Chiếu tại Thụy Quang. Ở đây, Sư thâm ngộ được tông chỉ, hầu hạ năm năm đạt tột chỗ huyền yếu. Trí chĩnh đốn giềng mối và nghiên cứu sai biệt của Sư dọc ngang tự tại vượt khỏi quy củ tầm thường.

Đến niên hiệu Nguyên Phong thứ bảy (1084) mùa xuân, Sư rời Cửu Giang dạo Hoài Sơn lễ tháp Tổ. Mến cảnh núi rừng thanh lịch của Phù Sơn, Sư có ý ở đây trọn đời, bèn trụ tại núi Đại Tịch. Khá lâu, Sư lại bị thỉnh khai hóa ở chùa Song Lâm tại Vụ Châu. Vùng Chiết Đông đạo tục rất sùng mộ, gọi Sư là Phó đại sĩ tái sanh. Sau Sư dời trụ chùa Tịnh Từ ở Tiền Đường nối tiếp Viên Chiếu. Ở đây chúng đến trên ngàn, thí chủ cung cấp vẫn đầy đủ.

Tại sao nói ngài là Phó đại sĩ tái sanh? Vì Phó đại sĩ là người sanh ở đời Tùy, ngài lập ngôi chùa ở Song Lâm tại Vụ Châu, người đời đều nói ngài chứng quả Bồ-tát, nói cách khác là Di-lặc tái sanh. Những câu chuyện huyền hoặc trong thời đó, bây giờ còn ghi lại. Ngài Phó đại sĩ có những câu kệ đặc biệt như: “Đêm đêm ôm Phật ngủ”, “Tay không cầm cán cuốc, đi bộ cưỡi lưng trâu, người đi qua trên cầu, cầu trôi nước chẳng trôi”... Thiền sư Thiện Bồn đến ở chùa Song Lâm giáo hóa, nên người đời gọi là *Phó đại sĩ tái sanh*.

Vua Thần Tông nghe danh Sư, xuống chiếu mời trụ chùa Pháp Vân tại kinh đô, ban hiệu là Đại Thông thiền sư.

Sư dạy chúng:

- Thượng sĩ dùng thần nghe pháp, trung sĩ dùng tâm nghe pháp, hạ sĩ dùng tai nghe pháp. Hãy nói, lại có một người đến dùng cái gì nghe?

Sư cầm cây gậy gõ giường thiền một cái nói:

Cao đã trước đê đã trước

Lạc lạc viên âm biến liêu khoách

Thập phương nội ngoại cánh vô tha

Bất dụng vô thành nhi tự phược.

Dịch:

Cao cũng đúng, thấp cũng đúng,

Lạnh lạnh viên âm thênh thang khắp,

Mười phương trong ngoài lại không khác,

Chớ dùng không dây mà tự trói.

Sư lại nói:

- Ấn Sơn thuyết pháp Chủ Sơn nghe, Chủ Sơn thuyết pháp Ấn Sơn nghe. Ấn Sơn Chủ Sơn một lúc thuyết, hãy nói đem cái gì nghe? Quý vị! Nếu khéo nghe, ba đời chư Phật nói ra diệu pháp thấy đều hiện tiền. Lại có chăng? Chùy sắt không cán vẫn việc rồi, cười ngất Tỳ-da cây dùi xua.

Sư lại nói:

- Chỗ thấy của nạp tăng nghịch thuận khó trù, thân nhiên riêng đến ứng vật lại trả về, hoặc ẩn cư nơi trần thế, hoặc lấp dấu nơi bụi bặm.

*Bả định tắc băng sanh thủy diện,
Phóng hành tắc cảm thượng hoa khai.
Lư lão bất tri hà xứ khứ,
Bạch vân ảnh lý tiểu hai hai!*

Dịch:

Nắm đứng thì băng sanh mặt nước,
Buông đi thì trên gấm nở hoa.
Lão Lư chẳng biết đi đâu tá,
Bóng trong mây trắng cười hà hà!

Sư hét một hét xuống tòa.

Thượng sĩ dùng thân nghe pháp, gọi là lắng thân nghe. Trung sĩ dùng tâm nghe pháp, nghĩa là chú tâm nghe. Hạ sĩ dùng tai nghe pháp, có tiếng thì nghe, không quan trọng chú ý. Chúng ta thuộc hạng nào nghe pháp?

Câu sau ngài hỏi: *Hãy nói, lại có một người đến, dùng cái gì nghe?* Một người đến, người đó là người nào, dùng cái gì nghe?

Ngài cầm cây gậy gõ giường thiền một cái nói: Cao cũng đúng, thấp cũng đúng. Ngài gõ giường thiền một cái, nói cao hay thấp đều được nghe. Lạnh lạnh viên âm thanh thang khắp, mười phương trong ngoài lại không khác, ngài đã chỉ người tự đến không biết lấy gì nghe. Ngài dạy Chớ dùng không dây mà tự trói, tức là đừng ràng buộc mình.

Ngài lại nói: Ấn Sơn thuyết pháp Chủ Sơn nghe, Chủ Sơn thuyết pháp Ấn Sơn nghe. Ấn Sơn Chủ Sơn một lúc thuyết, hãy nói đem cái gì nghe? Ấn Sơn là núi thấp đứng trước núi chính, Chủ Sơn là núi chính. Núi Ấn thuyết pháp thì núi Chủ nghe, núi Chủ thuyết pháp thì núi Ấn nghe, hai núi thuyết pháp một lượt, cái gì nghe?

Quý vị! Nếu khéo nghe, ba đời chư Phật nói ra diệu pháp thấy đều hiện tiền. Nếu ai nghe được thì tất cả pháp của ba đời chư Phật đều hiện tiền. Lại có chăng? Chùy sắt không cán vẫn việc rồi, cười ngất Tỳ-da cây dùi xưa. Thường nói những gì bí hiểm nhất là chùy sắt không cán, đây ngài nói chùy sắt không cán vẫn là việc nhàn rồi. Nhà thiền nói cây dùi xưa là chỉ cho người thấu suốt xưa nay. Cười ngất Tỳ-da cây dùi xưa, tức là cười ngất chuyện ngài Duy-ma-cật lặng thinh.

Ngài lại nói: Chỗ thấy của nạp tăng nghịch thuận khó trù, thảo nhiên riêng đến ứng vật lại trả về, hoặc ẩn cư nơi trần thế, hoặc lấp dấu nơi bụi bặm. Chỗ thấy

của ngài khi cao vót hơn đời, khi thấp thì ẩn dấu tích nơi chỗ bụi bặm, tức là ở lẫn trong chỗ phiền não trần lao mà không bị ô nhiễm.

*Nắm đứng thì băng sanh mặt nước,
Buông đi thì trên gấm nở hoa.
Lão Lư chẳng biết đi đâu tá,
Bóng trong mây trắng cười hà hà!*

Lão Lư là Lục tổ Huệ Năng.

Ngài hét một tiếng xuống tòa.

Sư thượng đường, im lặng giây lâu nói:

- Hiểu chăng? Diệu chỉ của Phật tổ chỉ ở trước mắt. Huệ nhật trước núi, mây vùn dưới chân. Hồ trong sóng lớn, xa tiếp trời thăm. Chiều hát thuyền chài, đêm dạo trăng lau. Ngày chơi trên thuyền, nghe tiếng ty trúc. Lại nói nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc minh tâm, giống như ném đi trái đào ngọt, leo núi bẻ lê chua.

Sư xuống tòa.

Diệu chỉ của Phật tổ ngay trước mắt, đây là những hình ảnh ngài chỉ cho chúng ta thấy. *Huệ nhật trước núi*, mặt trời trí tuệ hiện ở trước núi. *Mây vùn dưới chân*, hồ trong sóng lớn, diệu chỉ của Phật là hiện tiền chứ không có gì. *Xa tiếp trời thăm, chiều hát thuyền chài, đêm dạo trăng lau*, toàn là cảnh đẹp. Nghe tiếng ty tiếng trúc tức là tiếng đàn địch trên sông.

Ngài bình: *Nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc minh tâm, nhà thiền nói Văn thanh ngộ đạo, kiến sắc minh tâm, hai trường hợp đó giống như ném trái đào ngọt, leo núi bẻ lê chua. Tại sao? Bởi vì nghe tiếng được ngộ đạo, thấy sắc được minh tâm, đợi có tiếng mới ngộ đạo, đợi có sắc mới sáng tâm, như vậy là quên hiện tiền.*

Sư từ già xin trụ am ở Hồ Tây. Lúc trụ am, Sư đóng cửa không cùng người đời gặp nhau ngót mười năm. Hàng sĩ đại phu quý cao phong của Sư muốn yết kiến mà không được.

Niên hiệu Đại Quán thứ ba (1109) tháng mười hai, Sư co ba ngón tay nói với thị giả: “Chỉ có ba ngày.” Đúng ba ngày sau Sư tịch.

Ngài từ chối không trụ trì Pháp Vân, lui về am ở yên không tiếp khách. Khi sắp tịch báo trước thị giả ba hôm. Đúng ngày liền tịch, rất khỏe!



THIÊN SƯ CHỨNG NGỘ TU NGUNG ở ĐẦU TỬ - THƯ CHÂU

Sư họ Lương, quê ở Triệu Thành, Tấn Châu. Thuở nhỏ Sư chẳng lễ miếu thần, chẳng chịu đi học, thường nói: Sẽ làm thầy trời người, đâu ưa việc này.

Sư bèn đi dạo khắp nơi, đến pháp tịch thiên sư Viên Chiếu ở Thụy Quang Tô Châu, thưa hỏi tông chỉ. Nhân nhắc lại “Bồ-tát Vô Trước hỏi Thiên Thân: Di-lặc nói pháp gì? Thiên Thân đáp: Nói pháp này”, Sư chợt có tỉnh. Từ đây sớm chiều thưa hỏi.

Một hôm đi vào nhà vệ sinh, đá nhào bình nước đổ bể, Sư tỉnh ngộ, làm kệ:

***Giá nhất giao, giá nhất giao,
Vạn lượng hoàng kim đã hợp tiêu.
Đầu thượng lập, yêu hạ bao,
Thanh phong minh nguyệt trượng đầu khiêu.***

Dịch:

**Một lần này, một lần này,
Muôn lượng vàng ròng cũng tiêu ngay.
Trên đầu nón, ngang lưng bao,
Gió lành trăng sáng đầu gậy treo.**

Từ đây tiếng Sư vang dậy.

Thiền sư Tu Ngung thuở nhỏ đã tỏ khí phách người tu, không lễ miếu thần, không học sách vở. Khi thừa hỏi yếu chỉ có tỉnh, một hôm vào nhà vệ sinh đá đổ bình nước chột ngổ, đó là lúc đến chỗ an lành. Tiếng tăm ngài vang dội từ ấy.

Ban đầu Sư trụ Tư Thọ ở Thọ Châu, kế trụ Thiếu Lâm ở Tây Kinh, rồi dời sang Chiêu Đề, sau trụ Đầu Tử ở Thư Châu, danh đức càng rộng, trong tông lâm đồng gọi là Ngung Hoa Nghiêm.

Sư đăng tòa, có vị tăng vừa bước ra, Sư nói: - Lâm.

Tăng thưa: - Lâm chỗ nào?

Sư bảo: - Chẳng tin ta nói.

Tăng hỏi: - Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, vì sao Triệu Châu lại có ba bậc tiếp người?

Sư đáp: - Vào nước thấy người dài.

Tăng thưa: - Tại sao học nhân chưa hội?

Sư bảo: - Gọi chẳng xoay đầu làm gì được?

Tăng hỏi:

- Thế nào là Tổ Tổ truyền nhau tâm này?

Sư đáp: - Ba ngôi sao quanh cung nguyệt.

Tăng hỏi: - Khi như thế thì sao?

Sư đáp:

- Bá Nhạc tạm buông roi, ngựa gầy khoe tám giò.

Tăng hỏi: - Thế nào là đệ nhất nghĩa?

Sư đáp: - Trăm thứ tạp nhạp.

Ngài Triệu Châu tiếp người có ba bậc: Bậc thứ nhất, vua chúa đến thì ngài ngồi trên giường thiền tiếp. Bậc thứ hai, các hàng công khanh đến thì ra trước cửa chùa tiếp. Bậc thứ ba, người bình thường đến thì ra ngoài cổng tiếp. Tăng mượn câu chuyện đó để hỏi: Đã là bình đẳng tại sao lại có ba bậc tiếp người? Ngài đáp: *Vào nước thấy người dài.*

Sư lại nói:

- Chót núi Lãng-già ai có thể gá bước, trước non Thiếu Thất nước chảy chẳng thông, ngay khi ấy ông già đầu vàng mở được miệng, tăng Hồ mắt biếc mở được mắt. Tuy nhiên như thế, việc không một bề, tiên thánh may có nghĩa môn thứ hai, đủ cùng các người nói đông nói tây. Vì thế nói: Xuân sanh hạ trưởng thu rụng đông khô, bốn mùa thay đổi luân chuyển đường dài. Người ngu tâm sanh kia đây, người đạt một vị không khác.

Sư im lặng giây lâu nói:

- Trâu sắt Thiểm Phủ nuốt đại tượng, Gia Châu Phật nhằm ăn tơ sen.

Sư lại nói:

- Gió xuân reo cây xưa, mù sớm phủ sóng lạnh, mỗi mỗi đều bày hiện, bày hiện cũng sai lầm. Xem, xem! Ngay đây là gì? Làm gì kẻ mắt sáng không hang ổ, nhai chẳng được, nhai chẳng bể.

Sư hét một tiếng xuống tòa.

Chót núi Lăng-già ai có thể gá bước, chỉ cho Phật nói kinh trên núi Lăng-già. Trước non Thiếu Thất nước chảy chẳng thông, chỉ tổ Đạt-ma. Chính khi ấy ông già đầu vàng mở được miệng, Phật mở miệng nói. Tăng Hồ mắt biếc mở được mắt, tổ Đạt-ma nhìn thấu. Lỗi nói của ngài không cho suy gẫm, không còn gì phải nói phải giảng.

Sư đăng tòa nói:

- Vòi vọi Thiếu Thất hàng chấn quần phong, có khi trong mây bày ra, có khi mù dày không dấu, có khi chợt hiện trước mắt, có miệng nói chẳng được, bị người gọi là tăng Hồ nhìn vách. Các nhân giả! Làm sao khỏi được lỗi này? Thôi thôi chẳng bằng giữ thời khóa.

Giây lâu Sư lại nói:

- Giọt sương sân cỏ, tiếng gió cây xưa, trăng sáng rọi ngàn núi sắc lạnh, sông trong trôi muôn khoảnh sóng mòi. Nơi đây tiến được cùng quý vị cắt đứt các dòng. Nếu chưa như thế chẳng khỏi theo mòi đuổi sóng. Ví như nước trong sông, chảy xiết đua nhau qua, mỗi mỗi chẳng biết nhau, các pháp cũng như thế.

Sư cầm cây gậy nói:

- Cây gậy là các pháp, là biết nhau chẳng biết nhau? Nếu biết nhau sớm đã bị Biết trói, nếu chẳng biết nhau nường đâu chỉ chú?

Sư giộng cây gậy một cái nói:

- Một chữ Biết là cửa các thứ diệu.

Lại nói: - Lâm!

Sư xuống tòa.

Vòi vọi Thiếu Thất hằng chấn quần phong, quần phong là nhiều ngọn núi, Thiếu Thất tượng trưng cho cái không tên, cao vòi vọi không ai thấy. Có khi trong mây bày ra, có khi mù đục không dấu, có lúc trong mây bày hiện Thiếu Thất, có lúc sương mù nhiều che mắt không thấy. Có khi chợt hiện trước mắt, có miệng nói chẳng được, cái đó có khi hiện rõ ràng ở trước, vốn sẵn vậy mà nói không được, bị người gọi là tăng Hồ nhìn vách, tăng Hồ tức là tổ Đạt-ma, vì nói không được nên chín năm chỉ ngồi nhìn mà thôi. Các nhân giả! Làm sao khỏi được lỗi này? Thôi thôi chẳng bằng giữ thời khóa. Chỗ này làm sao nói mà không có lỗi, thôi thì giữ thời khóa cho kỹ.

Ngài nói: Ví như nước trong sông, chảy xiết đưa nhau qua, mỗi mỗi chẳng biết nhau, các pháp cũng như thế. Dòng sông nước chảy xiết một mạch tuôn chảy từ nguồn đến biển, nhìn thấy như liền một mạch, thật ra là từng giọt tiếp nối nhau, tiếp nối mà không vượt qua nhau, tiếp nối mà không biết nhau. Các pháp trên thế gian

này cũng vậy, cứ sanh diệt, sanh diệt mà không biết nhau. Như cây xoài cây mít... rễ của nó hút phân từ đất lên nuôi cây, rồi cây có hoa có quả. Rễ cây không nghĩ chất phân để nuôi trái, nó cứ làm vậy thôi. Bốn phận đứa nào làm việc của đứa nấy, rễ thì cứ hút phân hút nước lên thân, thân thì cứ lớn rồi ra lá ra bông, đậu trái. Rễ không có ý lựa chọn hút chất này cho trái ngọt, hút chất kia thì sợ trái chua, nó tự làm mà không biết.

Ngài cầm cây gậy nói: *Cây gậy là các pháp, là biết nhau chẳng biết nhau? Nếu biết nhau sớm đã bị Biết trói, nếu chẳng biết nhau nương đâu chỉ chú? Nếu không biết nhau thì làm sao chỉ chú? Chỉ là chỉ dạy, chú là chú thích. Yếu điểm của ngài là gì? Ngài giộng cây gậy một cái nói: Một chữ Biết là cửa các thứ diệu. Câu này nguyên văn chữ Hán là Tri chi nhất tự, chúng diệu chi môn. Như vậy là biết hay không biết? Lại nói: Làm! Rồi xuống tòa.*

Phú Trịnh Công mỗi khi đàm luận với Sư, Sư đều cho là chẳng phải mà Phú Công nói lý không thôi. Một hôm Sư bảo Phú Công:

- Đợi được sơn tăng gặt đầu là phải.

Từ đây Phú Công nói ra, Sư đều lắc đầu chưa từng có đáp. Chợt một hôm giữa đêm, Phú Công có tỉnh thẳng đến gõ cửa. Sư đã đóng cửa ngủ, nghe tiếng liền gọi:

- Tướng công đáng mừng việc lớn đã xong, đêm khuya lại chẳng mở cửa, sáng sớm gặp nhau.

Đến sáng gặp nhau, Sư thấy ở xa, chưa nói một câu đã gặt đầu. Phú Công rất vui.

Phú Công này đa sự, đàm luận mỗi một nên ngài nói không phải, mà ông cứ nói hoài. Ngài đặt ra quy định, bảo Phú Công: *Đợi được sơn tăng gặt đầu là phải.* Thị còn không phải, huống chi cái gì cũng Phi. *Từ đây Phú Công nói ra, ngài đều lắc đầu chưa từng có đáp,* nói gì cũng lắc đầu khỏi một lưỡi. Khi Phú Công ngộ, gặp nhau ngài chỉ gặt đầu. Đây là chỗ đã thông cảm, không cần nói nhiều.



THIÊN SƯ THIỆN NINH PHÁP ẨN Ở KIM SƠN - NHUẬN CHÂU

Sư người Giang Châu, xuất gia với Hòa thượng trụ trì chùa Cam Lồ. Sư đến pháp hội thiên sư Viên Chiếu, thầy trò cơ cảm duyên hợp từ xưa. Trước tiên Sư trụ chùa Vạn Thọ, phép tắc rất nghiêm chỉnh, lấy mình làm mẫu mực, chúng đều kính phục.

Thiên Sư Thiện Ninh Pháp Ẩn ở Kim Sơn cũng thuộc tông Vân Môn. Ngài có những điểm đặc biệt mà chúng ta phải học theo. Quy luật trong chùa nghiêm chỉnh, đặt quy luật gì thì ngài là người thực hành trước hết, lấy mình làm mẫu mực nên chúng đều kính quý.

Sư thượng đường, có vị tăng ra hỏi:

- Thiên Hoàng nói như thế, Long Đàm cũng nói như thế, chưa biết Hòa thượng nói thế nào?

Sư nói:

- Tay cầm roi bạch ngọc, trọn đập nát ly châu.

Tăng thưa: - Thối lui có phần.

Sư bảo: - Biết lỗi ắt sửa.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý Tổ sư Tây sang?

Sư bảo: - Cán cân không có số.

Tăng hỏi: - Ý này thế nào?

Sư đáp: - Đấu vuông có đáy.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Mây như trăng khuyết, mắt tợ sao băng.

Tăng hỏi: - Thế nào là Pháp?

Sư đáp: - Nghĩa bày la liệt, sao tỏa đồng rộng.

Tăng hỏi: - Thế nào là Tăng?

Sư đáp: - Dáng xưa oai vệ, ý khí trượng phu.

Trong tông Vân Môn, Thiên Hoàng và Long Đàm là hai vị tôn túc trước xa, sau mới truyền đến Tuyết Phong, dưới Tuyết Phong tới Vân Môn, nên Tăng đem ra hỏi: *Thiên Hoàng nói như thế, Long Đàm nói như thế, chưa biết Hòa thượng nói thế nào?* Hệ thống các Tổ trong tông Vân Môn nói như vậy, không biết Thầy nói sao. Ngài nói: *Tay cầm roi bạch ngọc, trọn đập nát ly châu.* Roi bạch ngọc đập nát ly châu, roi ngọc có nát không? Cả hai đều tan.

Tăng thưa: *Thối lui có phần*, châu và roi hai cái đều nát thì lui lại. Ngài bảo: *Biết lỗi ắt sửa*, biết lỗi thì sửa là được rồi. Tăng hỏi: *Thế nào là ý Tổ sư Tây sang?* Ngài bảo: *Cán cân không có số*, trên cán cân không khắc số để đo lường. Nói vậy đúng không? Tăng hỏi: *Ý này*

thế nào? Ngài đáp: *Đấu vuông có đáy. Đấu có đáy không?*
Đó là những câu đáp không cho suy nghĩ, dự ý vào.

Tăng hỏi:

- Gậy tre tùy thân gặp trường thì đùa, ngày nay mở trường thi Phật, thỉnh Thầy phương tiện.

Sư bảo: - Văn chẳng thêm điểm.

Tăng thưa: - Đáng gọi xưa nay ít nghe.

Sư bảo: - Là đề mục gì?

Tăng suy nghĩ. Sư liền đánh.

Gậy tre tùy thân gặp trường thì đùa, câu này phát xuất từ Đặng Ấn Phong. Khi ngài Đặng Ấn Phong từ giả Mã Tổ đi đến chỗ Thạch Đầu, Mã Tổ bảo: Đường Thạch Đầu trơn. Đặng Ấn Phong nói: Gậy tre tùy thân, gặp trường thì đùa. Tăng thưa, ngày nay mở trường thi Phật, thỉnh Thầy phương tiện. Sư bảo: Văn chẳng thêm điểm. Tăng thưa: Đáng gọi xưa nay ít nghe. Sư bảo: Là đề mục gì? Đó là đề mục gì mà người nói rằng ít nghe? Đây đều là những câu đáp không cho lưu ý suy nghĩ, mà Tăng cố suy nghĩ để hiểu nên ngài liền đánh.

Bèn nhìn tả hữu nói:

- Cổ nhân nói “Tại mắt nói thấy, tại tai nói nghe, tại mũi ngửi mùi, tại lưỡi luận bàn, tại thân chạm biết, tại ý phan duyên”. Tuy nhiên như thế, chỉ thấy đầu dài bèn, chẳng thấy đầu đục vuông. Nếu là Vạn Thọ thì chẳng thế, có mắt nhìn chẳng thấy, có tai lắng chẳng nghe, có mũi chẳng biết mùi, có lưỡi

không đàm luận, có thân chẳng chạm biết, có ý chẳng phan duyên, một niệm tương ưng sáu căn giải thoát. Dám hỏi chư thiên đức! Hãy nói cùng trước là đồng hay khác? Nếu có nạp tăng đủ mắt ra đây thông tin tức, nếu không lại vì mọi người lớp lớp chú phá: buông ra thì xe ngựa lại qua, nắm lại thì dưới trên chẳng có. Nếu là hàng tác gia thạo chiến, mặc tình phải quấy lột sạch.

Cổ nhân nói “Tại mắt nói thấy, tại tai nói nghe, tại mũi ngửi mùi, tại lưỡi luận bàn, tại thân chạm biết, tại ý phan duyên”. Tuy nhiên như thế, chỉ thấy đầu đuôi bên, chẳng thấy đầu đực vuông. Đây mới cho suy nghĩ. Tại mắt nói thấy, tại tai nói nghe... là dẫn lời tổ Lâm Tế nói. Cái đó ở tại mắt thì thấy, ở tại tai thì nghe, ở tại mũi thì ngửi, tại lưỡi thì luận bàn, tại thân thì chạm biết, tại ý thì phan duyên. Ngài cho rằng nói như vậy là chỉ thấy đầu đuôi bên mà chẳng thấy đực vuông, chỉ thấy được một bên, chưa phải hai bên.

Nếu là Vạn Thọ thì chẳng thế, có mắt nhìn chẳng thấy, có tai lắng chẳng nghe, có mũi chẳng biết mùi, có lưỡi không đàm luận, có thân chẳng chạm biết, có ý chẳng phan duyên, một niệm tương ưng sáu căn giải thoát. Dám hỏi chư thiên đức! Hãy nói cùng trước là đồng hay khác? Kia nói cái thật ở khắp nơi, tại mắt thấy, tại tai nghe, còn đây thì ngài nói ngược lại. Có mắt nhìn chẳng thấy, có tai lắng chẳng nghe, có mũi chẳng biết mùi... Cái chân thật con mắt thấy được không, tai nghe được không? Hai lối nói, bên kia nói thấy nói nghe, bên đây nói không thấy không nghe. Nói không thấy

không nghe là đối với cái chân thật đó, mắt không thể thấy tai không thể nghe, ý không thể phan duyên.

Một niệm tương ưng, sáu căn giải thoát. Một niệm khế hợp thì sáu căn giải thoát. Như trong kinh Lăng-nghiêm nói, một căn mở thì sáu căn giải thoát, rõ ràng như vậy. Tuy hai bên nói khác, nhưng chủ đích ý không khác. Bên kia thì nói cái thật sẵn ở sáu căn nên sáu căn đều có, bên này ngược lại nói sáu căn không thể thấy. Vì tâm còn phan duyên nên không thể thấy, nếu dứt phan duyên được khế hợp thì nó hiện tiền.

Nếu có nạp tăng đủ mắt ra đây thông tin tức, nếu không lại vì mọi người lớp lớp chú phá. Ngài bèn giải thích chú phá. Buông ra thì xe ngựa lại qua, nắm lại thì dưới trên chẳng có. Buông ra đó là ai, nắm lại đó là ai? Tổ nói ở mắt nói thấy, ở tai nói nghe đó, là thuộc về buông ra thì xe ngựa lại qua, còn ngài nói ở mắt chẳng thấy, ở tai chẳng nghe đó là nắm lại thì dưới trên chẳng có.

Nếu là hàng tác gia tạo chiến, mặc tình phải quấy lột sạch.

Sư nói:

- Nắm máy huyền ở trong tay, treo gương xưa ở trước đài, có yêu nghiệt gì dám chống cự. Đáng gọi sáng ngời pháp giới tự tha mà cảnh trí toàn thấu, rõ rõ chân nguyên kia đây mà thánh phàm đều vắng. Do đây mà suy, tăng đường Phật điện đối sắc hiện thân, kho trù cổng chùa cùng bày việc ấy. Chỉ mời bẻ gãy cây gậy, nhằm trước mắt tham lầy.

Người thấy được chân thật như nắm được *máy huyền ở trong tay, treo gương xưa ở trước đài*. Người như vậy không có yêu nghiệt gì dám đến, hiện tại sáng ngời cả pháp giới, tuy thấy có tự có tha mà *cảnh trí toàn thấu, rõ rõ nguồn chân kia đây thánh phàm đều vắng*.

Do đây mà suy, tăng đường Phật điện đối sắc hiện thân, kho trù cổng chùa cùng bày việc ấy. Ngài Vân Môn thường hay nói Tăng đường Phật điện hai cái đang đấu nhau, hoặc nói kho trù cổng chùa... Khi nắm vững được máy huyền rồi thì ngôn ngữ đối đáp đâu đâu cũng là hiện tiền. *Chỉ mời bẻ gãy cây gãy, nhằm trước mắt tham lấy, cứ ngay trước mắt mà tham cứu, đừng tìm kiếm đâu xa*.

Sư nói:

- Nếu là bàn thiền nói đạo, liền thấy có sanh diệt, lại nhắc việc xưa nay, giống hệt chẳng xem thời tiết. Đêm qua gió táp mưa sa, sáng nay chóng trừ nóng bức. Đến đây khéo hay tham tỏ, Đạt-ma mê là chẳng khác.

Nếu là bàn thiền nói đạo, liền thấy có sanh diệt, lại nhắc việc xưa nay, giống hệt chẳng xem thời tiết. Dù cho nói bàn thiền đạo vẫn là tướng sanh diệt, còn nhắc việc xưa nay tức là nghĩ quá khứ vị lai thì giống hệt chẳng xem thời tiết, tức là không biết hiện tại.

Đêm qua gió táp mưa sa, sáng nay chóng trừ nóng bức. Đêm qua gió mưa, sáng này mát mẻ hết nóng bức, đó là xưa nay hay hiện tại? *Đến đây khéo hay tham tỏ, Đạt-ma mê là chẳng khác*. Nếu đến đó mà tham được

tỏ rõ thì thấy ngay hiện tại, còn không thấy được thì cũng như tổ Đạt-ma mê. Tổ Đạt-ma mê tức không khác với người thường, nếu mê thì không gọi là Tổ. Nghĩa là nếu thấy rõ, ngộ được, chúng ta với Tổ không khác, nếu không thấy rõ thì như lúc Tổ còn mê.

Sư nói:

- Cả đại địa chưa từng có một người chân chánh nêu bày tông giáo. Nếu có một người nêu bày tông giáo, người cả đại địa đều phải cắt đứt lưỡi. Đâu phải bảo quý vị bắt đứt thấy nghe, khế hợp đạo này hay sao? Nếu kiến giải như thế, ví như dùng lửa đom đóm đốt núi Tu-di, trải qua trần sa kiếp trọn không thể được. Đâu chẳng biết, thánh xưa chỉ dạy cốt yếu người sau thấy đúng. Người đạt thấy đúng thật, gọi là xưa nay ít nghe, trước sau không có. Buông đi, lời lời thấy thật, câu câu sáng tông. Nắm lại, mắt mắt tùy phương, sáng ngời riêng đúng. Nhắm chỗ nào thấy cổ nhân?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Phải biết biển núi về mình chủ, chưa tin càn khôn riêng có trời.

Cả đại địa chưa từng có một người chân chánh nêu bày tông giáo. Nếu có một người nêu bày tông giáo, người cả đại địa đều phải cắt đứt lưỡi. Chữ tông giáo chỉ cho thiền, nếu người thấu suốt nêu bày thiền đến nơi đến chốn thì mọi người đều bị cắt đứt lưỡi, tức là hết luận bàn.

Đâu phải bảo quý vị bật dứt thấy nghe, khế hợp đạo này hay sao? Nói như vậy không phải bảo hết thấy hết nghe là hợp với đạo, mà thế nào? Nếu kiến giải như thế, ví như dùng lửa đom đóm đốt núi Tu-di, trải qua trần sa kiếp trọn không thể được. Nếu bật dứt thấy nghe cho là đạo, chẳng khác nào đem lửa đom đóm đốt núi Tu-di. Ngay nơi thấy nghe mà đạo vẫn hiện tiền, đó mới là thật, còn đợi bật dứt thấy nghe mới có đạo thì không phải.

Đâu chẳng biết thánh xưa chỉ dạy, cốt yếu người sau thấy đúng. Người đạt thấy đúng thật, gọi là xưa nay ít nghe, trước sau không có. Nếu người đạt được, thấy đúng thì điều đó ít được nghe ít được thấy. Buông đi, lời lời thấy thật, câu câu sáng tông. Nắm lại, mắt mắt tùy phương, sáng ngời riêng đứng. Nhầm chỗ nào thấy cổ nhân? Người thấu đạt rồi, buông ra cái gì cũng thật, câu nào cũng đúng; còn nắm lại thì con mắt lúc nào cũng sáng rỡ, chỗ nào cũng là chỗ chân thật.

Ngài im lặng giây lâu nói: *Phải biết biển núi về mình chủ, chưa tin càn khôn riêng có trời.* Đây là châm ngôn của Trung Hoa. Một lối nói bổ túc thêm.



THIÊN SƯ DUY NHẠC PHẬT NHẬT ở TỈNH NHƠN - ĐÔNG KINH

Sư họ Trần, quê ở Trường Khê, Phúc Châu. Lúc bảy tuổi theo thượng nhân Triệt ở viện Tây Lâm xuất gia. Đến lớn Sư đi tham vấn thiện tri thức, tới pháp hội thiên sư Viên Chiếu dừng lại đây. Sư đứng hầu nghe nhắc lại nhân duyên “kiếp hỏa đồng nhiên”, hoát nhiên có tỉnh. Sư ở đây hầu hạ khá lâu.

Thiên Sư Duy Nhạc Phật Nhật ở Tỉnh Nhơn thuộc tông Vân Môn, nhân nghe nhắc câu *kiếp hỏa đồng nhiên*, kiếp hỏa thiêu đốt cháy rụi, ngang đó tỉnh ngộ bèn ở lại hầu hạ khá lâu.

Sau Sư đến trụ chùa Thừa Thiên ở Thường Châu, kế đến chùa Hoa Nghiêm ở Đông Kinh, sau cùng chùa Tịnh Nhơn ở Đông Kinh. Ngày khai đường, vua Triết Tông sai Trung sứ niêm hương. Sư lên tòa vấn đáp xong, bèn nói:

- Pháp môn này chẳng ở nơi đây, đâu cần hệ vấn đáp. Dù cho tốt mười phương cõi nước nghiên làm vi trần, mỗi mỗi vi trần đều làm nạp tăng, mỗi vị như ngài Xá-lợi-phất, Mãn Từ Tử, cả đời bàn huyền nói diệu, tinh thông triết thuyết, đến đây một điểm dùng cũng chẳng được. Vì có sao? Chúng sanh cùng Phật viên dung, tự hay bình đẳng. Mỗi người lỗ mũi thấu trời, mỗi mỗi vách đứng ngàn năm. Bởi chẳng biết chân thật nên theo vọng chuyển, bị pháp đuổi duyên đời, tự mê linh quang luống đi vào đường khác.

Pháp môn này chẳng ở nơi đây, đâu cần hệ vấn đáp. Mặc nơi hoặc mắc đây là bị gạt gẫm. Pháp môn thiền là nói thật không lừa gạt, nên không cần hệ vấn đáp.

Dù cho tốt mười phương cõi nước nghiên làm vi trần, mỗi mỗi vi trần đều làm nạp tăng, mỗi vị như ngài Xá-lợi-phất, Mãn Từ Tử, cả đời bàn huyền nói diệu, tinh thông triết thuyết, đến đây một điểm dùng cũng chẳng được. Có bao nhiêu cõi nước trong mười phương, đều gom lại rồi nghiền nát ra thành bụi nhỏ, một hạt bụi là một thầy tu, mỗi thầy tu đều có trình độ thông minh như Xá-lợi-phất, biện luận như Mãn Từ Tử. Dù thông minh lý luận hiểu triết thuyết thế gian, nhưng đến chỗ chân thật này, một điểm dùng cũng không được. Như vậy chúng ta ngồi đó mà suy luận có ra không? Cái chân thật không thể dùng trí mà biết được, không phải dùng lý mà luận ra. Tự mình phải ngộ phải thấy. Vì thế nói, tất cả trí tuệ hay, luận bàn giỏi cũng không đến được chỗ chân thật này.

Vì có sao? Chúng sanh cùng Phật viên dung, tự hay bình đẳng. Tại sao luận bàn không tới? Vì chúng sanh cùng Phật viên dung, tự hay bình đẳng. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt”, đã là viên dung thì làm sao mà luận bàn? Mỗi người lỗ mũi thấu trời, mỗi mỗi vách đứng ngàn nhẫn. Mỗi người đều có lỗ mũi thấu trời, cao siêu tự vách đứng ngàn nhẫn. Chúng ta đều sẵn có cái chân thật như đức Phật, không thiếu sót gì. Đã tự có thì làm sao lý luận cho ra?

Bởi chẳng biết chân thật nên theo vọng chuyển. Đây là nguyên nhân, chúng ta vì quên cái chân thật mà chạy theo vọng chuyển biến lồi cuốn. Nên bị pháp đuổi duyên đời, tự mê linh quang luống đi vào đường khác. Theo pháp đuổi duyên đời mà quên linh quang, luống đi vào đường khác. Chúng ta có linh quang riêng soi sáng mà quên, nên vào trong lục đạo luân hồi mỗi đường khác nhau. Tất cả mọi người, ai cũng sẵn có cái chân thật như Phật, chỉ vì không biết không nhận ra nên theo vọng chuyển biến đổi đời, quên mất linh quang của mình phải trôi lăn trong lục đạo.

Vì thế, vua pháp Phá hữu vận lòng từ vô duyên, cười thuyên Ba thừa vớt năm tánh lẫn lộn trong sóng vô. Bóng trắng ở đầm trong, tiếng chuông trong đêm vắng. Cho nên khiến “trâu đất Hoài ăn lúa, giá gạo Lô Lãng mắc”. Lại chẳng khỏi nhọc Sơ tổ Đạt-ma đến nước này, dùng tấm gương giáo ngoại, chẳng cần mài gạch làm gương; trong áo có châu ly, chẳng đếm châu báu cho người; chưa treo buồm xưa, hiện thành công án.

Vì thế, vua pháp Phá hữu vận lòng từ vô duyên, cưỡi thuyền Ba thừa vớt năm tánh lẫn lộn trong sóng vô. Phật phá những kiến chấp nên gọi là vua Phá hữu. Ông vua pháp phá hữu vì thương xót chúng sanh, nên vận dụng lòng từ vô duyên, cưỡi thuyền Ba thừa tức là dùng tam thừa mười hai phần giáo làm thuyền, để cứu vớt năm tánh lẫn lộn trong sóng vô. Năm tánh trong kinh Viên Giác nói là: Dị sanh tánh, Thanh văn tánh, Duyên giác tánh, Bất định tánh, Bồ-tát tánh.

Bóng trăng ở đầm trong, tiếng chuông trong đêm vắng. Phật tạo pháp tam thừa làm thuyền bè để độ chúng sanh đang lẫn lộn trong biển sanh tử, đó là phương tiện tạm lập không phải chân thật. Giống như bóng trăng ở đầm trong, như tiếng chuông trong đêm vắng, nghe vang vang nhưng chỉ là âm thanh, không có thật thể.

Cho nên khiến “trâu đất Hoài ăn lúa, giá gạo Lô Lãng mắc”. Lại chẳng khỏi nhọc Sơ tổ Đạt-ma đến nước này, dùng tám gương giáo ngoại, chẳng cần mài gạch làm gương; trong áo có châu ly, chẳng đếm châu báu cho người; chưa treo buồm xưa, hiện thành công án. Tổ Đạt-ma đến nước này tuyên bố giáo ngoại biệt truyền, rồi đến những câu chuyện như thiền sư Nam Nhạc mài gạch làm gương v.v... đều là những công án do người trước đã nói, đã lập ra.

Nói tóm lại, Phật thấy chúng sanh có tánh giác đồng với Phật mà quên, chạy theo vọng tưởng, chìm đắm luân hồi trong lục đạo. Thế nên Phật thương xót, bèn nói ra pháp ba thừa để cứu độ năm tánh. Những phương tiện của Phật, giống bóng trăng ở đầm trong,

tiếng chuông trong đêm vắng mà thôi. Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma nói giáo ngoại biệt truyền, không dùng ngôn từ trong kinh giáo, không nói tam thừa hoặc tứ tánh; cho đến chư Tổ có những công án như trâu đất Hoài, giá gạo Lô Lăng... cũng vậy, đều là phương tiện tiếp người.

Do đó, ngộ lấy diện mục không ngộ, mê là chẳng mê quê nhà. Ba đời chẳng riêng, mười phương đồng bày. Đất ruộng nhà mình cây khô sanh cành, lò hương miếu cổ tro lạnh lại phát lửa. Đâu chẳng phải tất cả ngữ ngôn văn tự, tứ sanh sản nghiệp cùng thật tướng chẳng trái nhau. Nếu vậy, “dưới cây không bóng nên đồng thuyền”, ngư ông đánh trống múa hát, “giữa có vàng ròng đầy một nước”, lão quê âu ca đồng vui thắng bình, đồng lên cõi thọ. Tự là trời dài đất sâu biển lặng sông trong. Thử hỏi, cùng vui thắng bình một câu làm sao nói?

Sư im lặng giây lâu nói:

- La Phù đánh trống, Thiều Châu múa. Đứng lâu, trân trọng!

Vua rất hài lòng ban hiệu là Phật Nhật thiền sư.

Do đó, ngộ lấy diện mục không ngộ, mê là chẳng mê quê nhà. Chúng ta ngộ là ngộ cái gì? Ngộ mặt thật lâu nay mà mình chưa ngộ, không có gì khác. Ngộ bản lai diện mục đã sẵn có từ bao giờ. Mê là chẳng mê quê nhà, bởi quê nhà đã có sẵn, chỉ tại mình quên.

Ba đời chẳng riêng mười phương đồng bày, ba đời không khác, mười phương hiện bày. Đất ruộng nhà mình

cây khô sanh cành, lò hương miếu cổ tro lạnh lại phát lửa. Chúng ta đang sống trong đất ruộng nhà mình mà không biết. Nếu ngộ được thấy được thì chẳng khác nào cây khô mà đâm cành, lò hương miếu cổ tro tàn khói lạnh lại phát ra lửa. Trong chỗ lãng quên mà tỉnh thì hiện tiền sáng rõ, còn không tỉnh cứ nằm mãi trong chỗ lãng quên. Cũng như lò hương miếu cổ lạnh tanh không ai ngó ngang tới, nếu có người ngó ngang tới thì liền có hương khói vậy.

Đâu chẳng phải tất cả ngữ ngôn văn tự, tứ sanh sản nghiệp cùng thật tướng chẳng trái nhau. Đây là dẫn lời trong kinh Pháp Hoa. *Đâu chẳng phải*, tức là bất cứ nơi nào. *Tất cả ngữ ngôn văn tự, tứ sanh sản nghiệp cùng thật tướng chẳng trái nhau*, tức đều là thật tướng. Nếu một phen ngộ được rồi thì tất cả mọi cái hiện tiền, cái nào cũng là Phật, cái nào cũng là giác.

Nếu vậy, dưới cây không bóng nên đồng thuyền, ngư ông đánh trống múa hát, giữa có vàng ròng đầy một nước, lão quê âu ca đồng vui thặng bình, đồng lên cõi thọ. Nếu được như vậy rồi thì dưới cây không bóng nên đồng thuyền. Dẫn từ câu chuyện của Quốc sư Huệ Trung lúc sắp tịch, vua Đường hỏi phải làm gì để kỷ niệm? Ngài bảo xây tháp Vô Phùng, nhà vua nói xin Hòa thượng cho bản đồ. Ngài bảo ta có đệ tử tên là Ứng Chơn, sau khi ta tịch thì đến đó hỏi. Khi Quốc sư tịch rồi vua đến hỏi Ứng Chơn, ngài nói bài kệ trong đó có câu: *Dưới cây không bóng nên đồng thuyền, giữa có vàng ròng đầy một nước...* Đó là bài kệ nói về tháp Vô Phùng. Dưới cây không bóng nên đồng thuyền,

ngài bình ngư ông đánh trống múa hát. Giữa có vàng ròn đầy một nước, ngài bình lão quê âu ca đồng vui thăng bình, đồng lên cõi thọ.

Tự là trời dài đất sâu, biển lặng sông trong. Hai câu này diễn tả chỗ thanh bình, mọi việc đều an lành tốt đẹp. Nếu ngay đây nhận được thì tất cả tư sanh sản nghiệp đều không trái thật tướng.

Thử hỏi, cùng vui thăng bình một câu làm sao nói? Khi được cảnh thanh bình đó thì một câu làm sao nói? Ngài im lặng giây lâu nói: *La Phù đánh trống, Thiều Châu múa.* La Phù và Thiều Châu là hai nơi, mà nơi này đánh trống thì nơi kia múa. Như chúng ta nói Biên Hòa đánh trống, Long Thành múa vậy.

Thiền là giáo ngoại biệt truyền, nên khi các ngài nói không mượn ngôn ngữ trong giáo, chúng ta học giáo quen rồi đọc không hiểu. Lý lúc nào cũng rõ ràng, tương tự chứ không khác.



ĐỜI THỨ MƯỜI BỐN SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ MƯỜI

**A- Nối pháp thiền sư Tử Thuần
có chín vị**

- 1- Thiền sư Chánh Giác ở Thiên Đồng**
- 2- Thiền sư Thanh Liễu ở Trường Lô**

**B- Nối pháp thiền sư Duy Chiếu
có chín vị**

- 1- Thiền sư Đức Chỉ ở Viên Thông**
- 2- Thiền sư Cảnh Thâm ở Trí Thông**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ MƯỜI

A- Phái Hoàng Long

**- Nối pháp thiền sư Tổ Tâm
có bốn mươi bảy vị**

- 1- Thiền sư Ngộ Tân ở Hoàng Long**
- 2- Thiền sư Duy Thanh ở Linh Nguyên Hoàng Long**

**- Nối pháp thiền sư Khắc Văn
có ba mươi tám vị**

- 1- Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu Suất**
- 2- Thiền sư Cảo Phật Chiếu ở Pháp Vân**
- 3- Thiền sư Văn Chuẩn ở Lạc Đàm**

B- Phái Dương Kỳ

**- Nối pháp thiên sư Thủ Đoan
có mười hai vị**

1- Thiên sư Pháp Diễn ở Ngũ Tổ

2- Thiên sư Trí Bốn ở Vân Cái

**- Nối pháp thiên sư Nhơn Dũng
có mười hai vị**

1- Thiên sư Nhật Ích ở Thượng Phương

III- TÔNG VÂN MÔN ĐỜI THỨ TÁM

**Nối pháp thiên sư Thiện Bốn
có sáu mươi chín vị**

1- Thiên sư Sở Minh ở Tịnh Từ

2- Thiên sư Diệu Trạm Tư Huệ ở Tuyết Phong

3- Thiên sư Chí Tuyên ở Vân Phong



**THIÊN SƯ CHÁNH GIÁC HOÀNG TRÍ
ở THIÊN ĐỒNG - MINH CHÂU
(1091 - 1157)**

Sư họ Lý, quê ở Thấp Châu. Mẹ Sư mộng thấy một vị tăng ở Ngũ Đài cỡi chiếc vòng mang vào cánh tay mặt bà. Sau đó, bà thọ thai Sư. Trong lúc mang thai, bà gìn giữ trai giới cẩn mật. Sư sanh ra, cánh tay mặt nổi quầng giống chiếc vòng. Năm lên bảy tuổi, mỗi ngày đọc được ngàn lời. Ông nội và cha Sư tham thiền với thiền sư Phật-đà Tôn đã lâu, Phật-đà chỉ Sư nói với cha Sư rằng:

- Đứa bé này đạo vận rất tốt, chẳng phải là người ở trong trần ai. Nếu xuất gia ắt làm pháp khí.

Năm mười một tuổi, Sư được độ ở Tịnh Minh Bồn Tông. Năm mười bốn tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Năm mười tám tuổi, Sư đi du phương. Khi sắp ra đi, Sư thưa với ông nội rằng:

- Nếu con không phát minh việc lớn, thề không trở về.

Thiền sư Chánh Giác Hoàng Trí là một vị nổi danh của tông Tào Động thời Tống, còn để lại rất nhiều kệ tụng. Ngài là con người kỳ đặc, nên mới mười bốn tuổi đã được cho thọ giới Cụ túc, cũng như ngài Huyền Trang thọ giới Tỳ-kheo lúc mười sáu tuổi, tức là sớm hơn quy định phải đúng hai mươi tuổi mới được thọ giới Tỳ-kheo.

Năm mười tám tuổi đi du phương, khi sắp ra đi ngài thưa với ông nội rằng: *Nếu con không phát minh việc lớn, thề không trở về*. Cũng như đức Phật, ngài rất dứt khoát. Một lần ra đi, nếu không đạt đạo là không trở về. Sự gan dạ đó là động lực làm cho các ngài sớm đạt đạo, còn chúng ta ít gan dạ nên tu lâu rồi mà chưa được gì.

Sư đến Hương Sơn ở chùa Tịnh Nhơn của thiền sư Thành. Thiền sư Thành một phen trông thấy Sư liền hứa nhận. Một hôm Sư nghe vị tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu “Con mắt do cha mẹ sanh, hẳn thấy ba ngàn thế giới”, bỗng nhiên có tỉnh. Sư liền đến trước thất trình bày chỗ ngộ. Thiền sư Thành chỉ hương trên đài hỏi:

- Trong đây là vật gì?

Sư thưa:

- Là tâm hạnh gì?

Thiền sư Thành hỏi:

- Chỗ ngộ của người lại thế nào?

Sư lấy tay vẽ một tướng tròn để trình, lại ném ra phía sau. Thiền sư Thành nói:

- Kẻ đùa hòn đất có giới hạn gì?

Sư thưa: - Lầm!

Thiền sư Thành bảo:

- Phải thấy người khác mới được.

Sư thưa: - Vâng, vâng!

Ngài đến Hương Sơn nơi chùa Tịnh Nhơn của thiền sư Thành. Thiền sư Thành một phen trông thấy ngài liền hứa nhận. Một hôm ngài nghe vị tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu *Con mắt do cha mẹ sanh hẳn thấy ba ngàn thế giới*, bỗng nhiên có tỉnh. Ngài tỉnh khi nghe kinh. Ngài liền đến trước thất trình bày chỗ ngộ. Thiền sư Thành chỉ hương trên đài hỏi: *Trong đây là vật gì?* Ông trông thấy cái này là vật gì? Ngài thưa: *Là tâm hạnh gì?* Trong khi đối đáp các ngài dùng thuật đối đãi, như hỏi là vật gì thì ngược lại dùng tâm trả lời.

Thiền sư Thành hỏi: *Chỗ ngộ của người lại thế nào?* Ngài lấy tay vẽ một tướng tròn để trình, lại ném ra phía sau. Chỗ ngộ là vòng tròn rồi quăng đi, không giữ lại. Thiền sư Thành nói: *Kẻ đùa hòn đất có giới hạn gì?* Như vậy thì cũng chưa có giới hạn. Ngài thưa: *Lầm!* Nếu thầy cho tôi như vậy là lầm. Thiền sư Thành bảo: *Phải thấy người khác mới được.* Ngài vâng lời, đi tìm thiện tri thức để học thêm.

Sư đến thiền sư Đôn Hà Tử Thuần. Đôn Hà hỏi:

- Thế nào là chính mình trước không kiếp?

Sư thưa:

- Con ếch nuốt trắng nằm đáy giếng, canh ba chẳng cần rèm dạ mình.

Đơn Hà bảo: - Chưa phải, nói lại.

Sư suy nghĩ, Đơn Hà đánh một phát tử, nói:

- Lại nói chẳng cần?

Sư ngay lời nói đó đại ngộ, liền đánh lễ.

Đơn Hà bảo: - Sao chẳng nói lấy một câu?

Sư thưa: - Ngày nay con mất tiền bị tội.

Đơn Hà bảo:

- Chưa rảnh để đánh người, hãy đi.

Ngài đến thiền sư Tử Thuần ở Đơn Hà, Đơn Hà hỏi: *Thế nào là chính mình trước không kiếp?* Không kiếp là chưa có cội đất, hướng nữa có người. Hỏi chính mình trước khi có trái đất, còn khó hơn bảo “nói một câu trước khi cha mẹ chưa sanh”. Trước khi cha mẹ chưa sanh còn gần, trước không kiếp là xa hơn nữa. Ngài thưa: *Con ếch nuốt trắng nằm đáy giếng, canh ba chẳng cần rèm dạ mình.* Con ếch nuốt trắng nằm dưới đáy giếng, canh ba không cần rèm dạ mình nữa. Đơn Hà bảo: *Chưa phải, nói lại.* Ngài suy nghĩ. Đơn Hà đánh một phát tử, nói: *Lại nói chẳng cần?* Ngài ngay lời nói đó đại ngộ, liền đánh lễ. Tại sao vậy? Bởi vì còn suy nghĩ là còn mượn bóng dáng trần cảnh, đến chỗ chẳng mượn không còn cái đó, nên khi đánh một phát tử nói thì ngài đại ngộ liền đánh lễ. Đơn Hà bảo: *Sao chẳng nói lấy một câu?*

Ngài thưa: *Ngày nay con mất tiền bị tội. Không còn gì để nói được, hết trơn hết trọi rồi. Đơn Hà bảo: Chưa rảnh để đánh người, hãy đi.*

Đơn Hà nhận trụ chùa Đại Hồng, cử Sư giữ chức Thư ký. Sau Đơn Hà sai Sư thủ chúng, số người đắc pháp khá đông. Được bốn năm, Sư dời đến Viên Thông. Khi ấy thiền sư Chân Yết mời đến trụ Trường Lô, sai tăng đi rước Sư. Sư đến chúng ra nghênh đón, trông thấy y phục của Sư rách rưới chúng đều xem thường. Chân Yết sai thị giả đổi giày mới cho Sư. Sư bảo:

- Tôi vì giày mà đến sao!

Cả chúng nghe nói hết lòng kính phục, cầu thỉnh thuyết pháp. Sư ở lại đây làm Đệ nhất tọa sáu năm.

Ngài đã từng thủ chúng mà khi được thỉnh đi thì mặc áo rách, mang giày mòn. Chúng ra nghênh đón, thấy ông thầy lôi thôi nên xem thường. Ngài Chân Yết là trụ trì sợ mất mặt bạn mình, nên bảo đem giày mới thay đôi giày cũ, ngài nói: *Tôi vì giày mà đến sao?* Trụ trì có ý tốt, nhưng ngài có khí khái riêng, không quan trọng hình thức bên ngoài. Chúng nghe thấy vậy rất kính phục ngài.

Sư ra trụ trì chùa Phổ Chiếu ở Tứ Châu, kế bổ trụ trì chùa Thái Bình, chùa Viên Thông, chùa Năng Nhân, sau cùng đến Thiên Đồng ở Trường Lô. Nơi đây chật hẹp, Sư sửa sang khoáng đạt, tăng chúng đua nhau đến tham vấn rất đông.

Sư thượng đường:

- Gác vàng rèm buông ai truyền tin nha, màn đỏ phủ tối ném chân châu. Chính khi ấy thấy nghe có chỗ chẳng đến, nói năng có chỗ chẳng kịp, làm sao thông được tin tức? Mộng về đêm tối mờ mờ sáng, cười chỉ gia phong rực rỡ xuân.

Đây là lối nói của tông Tào Động. *Gác vàng rèm buông ai truyền tin*, trên gác vàng mà buông rèm thì ai truyền tin nhà cho được. *Màn đỏ phủ tối mà ném hạt chân châu* thì không sao thấy. Đó là lối nói hồi hữ, tức là bên sáng có tối, bên tối có sáng, nơi chỗ trống có chỗ bít, tức là sổ rèm mà lại truyền tin.

Chính khi ấy thấy nghe có chỗ chẳng đến, nói năng có chỗ chẳng kịp, nghe chẳng đến, nói chẳng kịp, làm sao thông được tin tức? *Mộng về đêm tối mờ mờ sáng, cười chỉ gia phong rực rỡ xuân*. Bên kia thì mờ mờ, bên đây thì rực rỡ, cũng là lối nói hồi hữ của tông Tào Động.

Sư thượng đường:

- Tâm không thể duyên, miệng không thể luận. Dù cho lui bước gánh vác, tối kỵ đương đầu chạm húy. Gió mát trăng trong bến đò xưa, thuyền đêm chèo chuyển lưu ly dấy.

Ngài thường nói một đoạn, rồi cuối cùng kết thúc bằng hai câu thơ. *Gió mát trăng trong bến đò xưa, thuyền đêm chèo chuyển lưu ly dấy*. Diễn tả cảnh đẹp vô cùng, gió mát trăng trong ở bến đò xưa, chiếc thuyền chèo ban đêm chuyển, chuyển tức là chèo hất nước lên. Trong đêm trăng sáng mà hất nước lên thì nhìn thấy sáng ngời

như ngọc lưu ly. Bởi vì chỗ chân thật không thể dùng tâm để nghĩ, dùng miệng để bàn, nên ngài nói đông nói tây để chúng ta khéo nhận.

Sư thượng đường:

- Không kiếp có chân tông, trước tiếng hỏi chính mình. Nghèo cùng kế sống mới, thanh bạch gia phong xưa. Rõ ràng ngoài ba thừa, lặng lẽ trong một ấn. Lại đi trong dị loại, muôn dòng tự về đông.

Không kiếp có chân tông, trước không kiếp chân tông vẫn hiển hiện không thiếu. Trước tiếng hỏi chính mình, đây là cách nói của tu thoại đầu. Thoại đầu là đầu của lời nói. Trước tiếng là không có tiếng, nên bảo hỏi chính mình, nghĩa là tìm chính mình trước lời nói.

Nghèo cùng kế sống mới, thanh bạch gia phong xưa. Rõ ràng ngoài ba thừa, lặng lẽ trong một ấn. Trong tam thừa, tối quan trọng là Nhất thật tướng ấn, nên nói lặng lẽ trong một ấn. Đến đây là mục thứ chín trong mười mục chặn trâu. Được Nhất thật tướng ấn rồi thì sao? Lại đi trong dị loại, muôn dòng tự về đông. Đi trong dị loại là mục thứ mười. Tới chỗ này rồi thì muôn dòng tự về đông, tất cả đều trở về thể, không đâu ngoài thể.

Sư thượng đường:

- Hôm nay là ngày đức Thích-ca đản sanh, Trường Lô chẳng biết nói thiền, cùng quý vị vẽ hình tướng. Chỉ như khi còn ở trong thai bà Ma-da thì sao?

Sư lấy phát tử vẽ tướng ☉ này, nói:

- Chỉ như khi lấy nước thanh tịnh tắm sắc thân lại thế nào?

Sư lại vẽ tướng ㊦ này, nói:

- Khi đi bảy bước, mắt nhìn bốn phương, tay chỉ trời tay chỉ đất, thành đạo thuyết pháp thần thông biến hóa, trí tuệ biện tài bốn mươi chín năm hơn ba trăm hội, nói xanh luận vàng chỉ đông vẽ tây, khi nhập Niết-bàn lại là sao?

Sư vẽ tướng ㊧ này, lại nói:

- Nếu là kẻ Thiền tăng đủ mắt ắt là nhận nhau, kia nếu chưa được thế, mỗi mỗi trải qua mới được.

Hôm nay là ngày đức Thích-ca đản sanh, Trường Lô chẳng biết nói thiền, cùng quý vị vẽ hình tướng. Tôi nói thiền không được, giờ vẽ hình cho quý vị coi. Chỉ như khi còn ở trong thai bà Ma-da thì sao? Ngài lấy phát tử vẽ một tướng tròn có tâm điểm ㊦. Lúc ở trong thai là ở trong vòng tròn chấm một điểm. Chỉ như khi lấy nước thanh tịnh tắm sắc thân lại thế nào? Ngài vẽ một tướng tròn, trong là chữ “thủy”, nghĩa là tắm. Khi đi bảy bước, mắt nhìn bốn phương, tay chỉ trời tay chỉ đất, thành đạo thuyết pháp thần thông biến hóa, trí tuệ biện tài bốn mươi chín năm hơn ba trăm hội, nói xanh luận vàng chỉ đông vẽ tây, khi nhập Niết-bàn lại là sao? Ngài vẽ vòng tròn, bao chữ thập ở giữa ㊧.

Các thiền sư trước nói, có khi trên đầu đường ngã tư nắm tay nhau, có khi trên ngàn chót núi nắm tay nhau; hay nói trên ngàn chót núi nắm tay nhau đi trên ngã tư đường; hoặc đến ngã tư đường trên ngàn chót núi nắm tay nhau... đảo đi lộn lại. Nghĩa là đến chỗ viên mãn rồi thì tự tại, không có gì chướng ngại.

Sư thượng đường, Tăng ra hỏi:

- Thế nào là người hướng đi?

Sư đáp:

**- Mây trắng gieo xuống khe sâu, núi xanh tựa
sống trời cao.**

Người hướng đi là đang dụng công tiến lên, nên lúc đó mây trắng gieo xuống khe sâu tan mất hết, núi xanh hiện rõ trong trời xanh thẳm. Mây trắng tượng trưng cho vọng tưởng, vô minh phiền não; khi mây tan thì núi xanh hiện. Nhưng tới đó xong chưa?

Tăng thưa:

- Thế nào là người trở lại?

Sư đáp:

**- Tóc bạc đầy đầu lìa hang núi, đêm tối xuyên
mây vào xóm làng.**

Câu trả lời rất hay. Tăng hỏi, người đi tột rồi trở lại thì thế nào? Ngài đáp, *tóc bạc đầy đầu lìa hang núi*. Đó là hình ảnh ông già đóng cửa thất, xách cá chép mang bầu rượu đi xuống. Trở lại là như vậy, đóng cửa thất rồi đi vô xóm làng, tức là thông tay vào chợ.

Tăng thưa:

- Thế nào là người không đi không lại?

Sư đáp:

**- Gái đá kêu về mộng tam giới, người gỗ ngồi
bặt sáu cửa an.**

Khi không đi không lại thì sao? *Gái đá kêu về mộng tam giới*. Tam giới là cõi mộng, gái đá thì vô tình. Lúc nào tâm như gái đá thì kêu về cõi mộng tam giới, hay là mộng trong tam giới chỉ có cô gái đá mới kêu về được. *Người gõ ngồi bật sáu cửa an*. Sáu cửa là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Mắt thấy sắc mà không dính không động, tai nghe tiếng mà không động không dính... Như người gõ ngồi gác ở sáu cửa, đến đây mới thật là không đến không đi.

Sư lại nói:

- Trong câu sáng tông thì dễ, trong tông biện thấu ắt khó.

Sư im lặng giây lâu nói:

- Lại hiểu chăng? Gà sương chưa gáy Gia Lâm sáng, thâm lặng hành nhân qua Tuyết Sơn.

Trong câu sáng tông thì dễ, trong tông biện thấu ắt khó. Nơi một câu nói dễ hiểu được tông thì dễ, còn tông là chỗ chân thật, mà biện thấu được ắt là khó. Ngài im lặng giây lại hỏi, hiểu chăng? Rồi tiếp: *Gà sương chưa gáy Gia Lâm sáng, thâm lặng hành nhân qua Tuyết Sơn*. Canh năm là lúc sương xuống nhiều, gà sương chưa gáy mà Gia Lâm đã sáng, tức là quê hương mình đã sáng rồi, lúc đó hành nhân đang thâm lặng đi qua núi Tuyết. Những câu này nghe lạ tai nhưng rất hay.

Tăng hỏi:

- Khi một mảy tơ chẳng mắc thì thế nào?

Sư đáp:

- Hợp nhau thuyền khách thả gay chèo.

Một mảy tơ không mắc thì thế nào? Ngài đáp: *Hợp nhau thuyền khách thả gay chèo.* Gay chèo tức là mắc cây chèo gay vô thuyền cho chắc, ai ở miền Tây thì biết gay chèo ra sao. Nói gay chèo tức là dính mắc, người ta hỏi không dính mắc thì ngài lấy dính mắc để đáp.

Tăng hỏi: - Trong ấy việc thế nào?

Sư đáp: - Đao bén búa bén chẻ chẳng vào.

Tăng hỏi: - Khi miệng dầy mở thì thế nào?

Sư đáp: - Mặc tình chặn khe lấp suốt.

Tăng hỏi: - Khi lý thanh hư cứu cánh không thân thì thế nào?

Sư đáp:

- Văn thể chưa bày, tin tức khó truyền đến.

Tăng hỏi mở thì lấy bút lấp để đáp. Tăng hỏi về lý thanh hư, tức là chỗ trống không, ngài nói văn thể chưa bày hiện. Chỉ cho chỗ đó tất cả những hình tướng, tin tức khó truyền đến.

Tăng thưa:

- Một bước thâm dời huyền lộ chuyển, khắp thân buông thông kiếp hồ không.

Sư đáp:

- Khi dẫn sanh đến làm cha, toàn thể không sót chiếu.

Vị tăng này hỏi cũng văn chương quá. *Một bước thâm dời huyền lộ chuyển*, người mà mỗi bước đều chuyển được huyền lộ, thì *khắp thân buông thông kiếp hồ không*. Kiếp hồ là hồ chứa nước nhỏ xuống từng giọt, mỗi một giọt là một kiếp, cho đến hết tất cả nước gọi là kiếp hồ không. Buông thông tay trước kiếp hồ không và mỗi bước huyền lộ đều chuyển, chỉ cho người đạt đến chỗ diệu dụng hoàn toàn. Ngài đáp: *Khi đản sanh đến làm cha, toàn thể không sót chiếu*. Đản sanh là thuở bé, làm cha là người lớn. Từ bé cho đến trưởng thành, toàn thể chiếu soi không chỗ nào sót thiếu.

Tăng thưa:

- Lý đã như thế, sự lại thế nào?

Sư đáp:

- Rành rẽ kéo về việc phân hóa, máy ứng mười phương lại ngại gì.

Tăng thưa:

- Thế ấy thì bụi bụi đều hiện thân bản lai rồi vậy?

Sư đáp:

- Thấu tất cả sắc, siêu tất cả tâm.

Tăng hỏi, lý như vậy còn sự thì sao? Ngài đáp: *Rành rẽ kéo về việc phân hóa, máy ứng mười phương lại ngại gì?* Mọi việc phân hóa rành rẽ, như cỗ máy tạo hóa ứng hiện ở mười phương không có gì ngăn ngại. Tăng thưa, như vậy mỗi một hình tướng, mỗi một hạt bụi đều là *hiện thân bản lai*, tức thân xưa nay của mình.

Ngài đáp: *Thấu tất cả sắc, siêu tất cả tâm*. Chỗ này vượt qua cả sắc và tâm, không còn sắc tâm đối đãi nữa.

Tăng thưa:

- Như lý như sự lại là thế nào?

Sư đáp:

- Rắn chết trên đường thôi chớ đập, chiếc giỏ không đáy bỏ mang về.

Tăng thưa:

- Vào chợ khéo cười vang, về nhà mặc áo ngắn.

Sư đáp:

- Người gõ trên núi ca, gái đá bên khe múa.

Tăng thưa: *Như lý như sự lại thế nào?* Ngài đáp: *Rắn chết trên đường thôi chớ đập, chiếc giỏ không đáy bỏ mang về*. Rắn chết có cần đập không, chiếc giỏ không đáy bỏ vô thì làm sao mang về được? Đó là như lý như sự.

Tăng thưa: *Vào chợ khéo cười vang, về nhà mặc áo ngắn*; vậy là thầy có nhiều phương tiện. Ngài đáp: *Người gõ trên núi ca, gái đá bên khe múa*. Những việc ca múa đó, giống như người gõ, gái đá chứ có gì đâu.

Sư thượng đường:

- Chư thiên đức! Người nuốt hết Phật ba đời, vì sao lại mở miệng chẳng được? Người soi thấu bốn thiên hạ, vì sao nhắm mắt chẳng được? Bao nhiêu bệnh hoạn, cùng lúc nêu cho ông xong vậy. Hãy làm sao được thập thành thấu suốt đi. Lại hiểu chăng? Chẻ bể Hoa Sơn sắc nối nhau, khai thấu Hoàng Hà tiếng đến biển.

Người nuốt hết Phật ba đời, vì sao lại mở miệng chẳng được? Người gom nhớ hết lời của chư Phật dạy trong ba đời, lại mở miệng không được. Như trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan nhớ hết các môn bí mật Đà-la-ni của mười phương ba đời chư Phật, mà chỗ chân thật này ngài không nói được.

Người soi thấu bốn thiên hạ, vì sao nhắm mắt chẳng được? Tuy thấy bốn thiên hạ mà cũng không thấy được chỗ này, như ngài A-na-luật có thiên nhãn thấy hết tam thiên thế giới rõ ràng như xem vật trong lòng bàn tay, nhưng chỗ chân thật này cũng không thấy được. *Bao nhiêu bệnh hoạn cùng lúc nêu cho ông xong vậy.* Những bệnh như vậy, tôi đã nói xong rồi. *Hãy làm sao được thập thành thấu suốt đi, phải đến chỗ toàn vẹn thấu suốt mới được. Lại hiểu chăng?*

Chẻ bẻ Hoa Sơn sắc nối nhau, khai thấu Hoàng Hà tiếng đến biển. Hoa Sơn ở đầu nguồn của Hoàng Hà, nếu chẻ bẻ ngọn Hoa Sơn thì mỗi sắc nối nhau. Muốn khai thấu sông Hoàng Hà, để tiếng nó suốt tận biển không trở ngại thì phải phá hết các chướng ngại, không còn gì dính kẹt.

Sư trụ trì được cúng không mừng, cho ra không chán, gặp những năm khó khăn lương thực cạn mà vẫn nuôi hơn vạn chúng. Sư thường quá ngộ không ăn.

Điều này rất khó học theo. Chúng ta được cúng thì mừng, ai đòi thì bức. Tại sao? Được cúng thì thấy chúng no nên mừng, đưa ra sợ hết, sợ cạn rồi chúng đói

nên chán. Gặp những năm khó khăn, lương thực cạn rồi mà vẫn nuôi hơn vạn người.

Đến niên hiệu Thiệu Hưng (1157) tháng chín năm Đinh Sửu, Sư đi thăm quan liêu và đàn-việt trong quận, kế đến thăm Việt soái Triệu Công để lời từ biệt, ngày bảy tháng mười về núi. Hôm sau Sư tắm gội, thay áo ngồi ngay thẳng nói chuyện với chúng. Sư nhìn vị tăng hầu đòi bút viết thư, để lại cho thiền sư Đại Huệ ở Dục Vương việc thỉnh người kế thừa. Thư kệ rằng:

<i>Mộng huyễn không hoa</i>	Mộng huyễn không hoa
<i>Lục thập thất niên,</i>	Sáu mươi bảy năm,
<i>Bạch điểu yên một</i>	Chim trắng khói lặn
<i>Thu thủy liên thiên.</i>	Nước thu tiếp trời.

Sư ném bút liền tịch. Sư thọ 67 tuổi, vua sắc thụy là Hoằng Trí, tháp hiệu Diệu Quang.

Cuộc đời giống như mộng huyễn, như hoa đốm trong hư không. Sống trong sáu mươi bảy năm như vậy. Bây giờ *chim trắng khói lặn*, có chỗ nói trâu trắng khói lặn, tức là khói tan hết. Khi đó thì sao? *Nước thu tiếp trời*, nước trong liền với trời xanh, đó là chỗ ra đi thành thoi của ngài.

Ngài viết kệ xong, ném bút thị tịch. Thiền sư tu hành thật là tự tại, chúng ta bây giờ không được như vậy.



THIÊN SƯ THANH LIỄU CHÂN YẾT
ở TRƯỜNG LÔ - CHƠN CHÂU
(1088 - 1151)

Sư họ Ung, quê ở Tả Miên. Lúc còn ẵm bồng, cha mẹ đem vào chùa thấy tượng Phật, Sư vui mừng chớp mắt nhướn mày. Đến mười tám tuổi Sư thi kinh Pháp Hoa được độ làm Tăng. Sư đến Thành Đô chùa Đại Từ học tập kinh luận, lãnh hội được đại ý. Sư ra đất Thục đến Miến Hán, vào thất thiên sư Đơn Hà Tử Thuần. Đơn Hà hỏi:

- Thế nào là chính mình trước không kiếp?

Sư suy nghĩ để đáp. Đơn Hà bảo:

- Người còn ôn hãy đi.

Một hôm, Sư lên ngọn Bát Vu bỗng nhiên khế ngộ, thẳng về đứng hầu. Đơn Hà tát bảo:

- Tưởng rằng ông biết rõ.

Sư vui vẻ lễ bái.

Hôm sau Đơn Hà thượng đường nói:

*Nhật chiếu cô phong thúy
Nguyệt lâm khô thủy hàn,
Tổ sư huyền diệu quyết
Mạc hướng thốn tâm an.*

Dịch:

Nhật soi cô phong biếc
Nguyệt đến nước khe trong,
Tổ sư huyền diệu quyết
Chớ hướng tác lòng an.

Liên xuống tòa. Sư tiến đến trước thưa:

- Ngày nay đăng tòa lại chẳng lừa được con.

Đơn Hà hỏi:

- Người thử nhắc lại ngày nay ta đăng tòa xem?

Sư im lặng giây lâu. Đơn Hà bảo:

- Tưởng rằng ông chóng thấy.

Sư liền đi ra.

Chỗ ngộ của ngài nhờ sự khéo léo của thiền sư Đơn Hà. Khi hỏi: *Thế nào là chính mình trước không kiếp?* Ngay đó ngài không biết đáp sao, đang còn suy nghĩ thì Đơn Hà bảo: *Người còn ồn hãy đi.* Suy nghĩ là còn ồn, là còn động, thôi đi đi! Ngài ôm ấp mỗi nghi đó, đến một hôm lên ngọn núi Bát Vu bỗng nhiên khế ngộ, chạy về đứng hầu. Đơn Hà tát một cái nói: *Tưởng rằng*

ông biết rõ. Tại sao ngộ rồi mà còn bị đánh? Cái tát đó là để nhớ đời, nếu nói suông thì dễ quên, tát một tát té lửa thì nhớ hoài. Đây là thuật của người xưa, như Mã Tổ hét một tiếng Bá Trượng bị điếc tai ba ngày nên nhớ lâu.

Ngài vui vẻ lễ bái. Hôm sau Đơn Hà thượng đường nói: *Nhật chiếu cô phong thúy, mặt trời soi sáng ngọn cô phong xanh biếc. Nguyệt lâm khê thủy hàn, bóng trăng đến, khe nước trong. Tổ sư huyền diệu quyết, bí quyết huyền diệu của Tổ sư là gì? Chớ hướng tác lòng an.* Đừng nói rằng khi tâm mình an là diệu quyết của Tổ sư, cũng như đừng bảo vô tâm tức là đạo, nếu chấp chỗ vô tâm đó thì cũng chưa phải là bí quyết của Tổ sư.

Sau Sư đi đạo Ngũ Đài Sơn, kinh sư, Phù Biện, thẳng đến Trường Lô yết kiến Tổ Chiếu, qua một lời nói khế hợp. Tổ Chiếu cho làm thị giả, qua một năm liền chia phần giáo hóa. Không bao lâu Tổ Chiếu cáo bệnh dưỡng già, giao phần giáo hóa lại Sư. Học giả quy tụ như trước.

Đến cuối niên hiệu Kiến Viêm (1127-1130), Sư đến Tứ Minh, trụ Phổ Đà, Thiên Phong ở Thái Châu, Tuyết Phong ở Môn. Vua ra chiếu mời Sư trụ trì chùa Dục Vương, kế chùa Long Tường ở Ôn Châu, chùa Kính Sơn ở Hàng Châu. Hoàng thái hậu Từ Ninh mời khai sơn chùa Sùng Tiên ở Cao Ninh.

Sư thượng đường:

- Tôi ở chỗ Tiên sư, ngay một tát khéo léo đều dứt, tìm chỗ mở miệng chẳng thể được. Hiện nay lại

có người vui sướng khôn cùng như thế chẳng? Nếu không, hàm sắt mang yên mỗi người tự đeo.

Ngài thuật lại chỗ ngộ của mình, lúc ở Đơn Hà bị một cái tát, tất cả sở đắc đều dứt hết, tâm không còn lằng xằng, không chỗ mở miệng. Chúng ta có được như vậy hay không? Nếu không được thì *hàm sắt mang yên, mỗi người tự đeo*. Nghĩa là làm trâu làm ngựa, mang yên mang hàm sắt để kéo cày cho người, tự mang tự đeo. Bởi vì người tu mà không ngộ đạo thì phải đem thân trả nợ đàn-na thí chủ.

Sư thượng đường:

- Trên đỉnh núi cao vót, qua cây cầu độc mộc, đi thẳng như thế vẫn là chỗ chân cao chân thấp của thời nhân. Nếu thấy được triệt, chẳng ra khỏi cửa mà thân khắp mười phương, chưa vào cửa mà thường ở trong thất. Nếu kia chưa như thế, nhân trời mát bữa một gốc củi.

Trên đỉnh núi cao vót, qua cây cầu độc mộc, đi thẳng như thế vẫn là chỗ chân cao chân thấp của thời nhân. Cầu độc mộc ở quê gọi là cầu khỉ, chỉ có một cây gác ngang, đi không khéo thì rớt. Người tu tự như leo tột trên đỉnh núi cao trơ trọi, hoặc giống đi qua cây cầu độc mộc; đi thẳng lên núi, qua được cây cầu độc mộc, cũng vẫn là người chân cao chân thấp, chưa triệt để. Nếu thấy được triệt, chẳng ra khỏi cửa mà thân khắp mười phương, chưa vào cửa mà thường ở trong thất. Ngồi đây mà thấy trùm cả mười phương, chưa vào cửa đã thấu hiểu việc trong thất. Nếu kia chưa như thế, nhân trời mát

bữa một góc củi. Nếu ông chưa được như vậy thì sáng sáng vác cuốc ra đồng đi.

Sư thượng đường:

- Bên khóe miệng lên meo trắng mới được vào cửa, khắp thân thối nát đi mới biết có việc trong cửa. Lại phải biết có người chẳng ra cửa.

Bèn nói: - Gọi cái gì là cửa?

Bên khóe miệng lên meo trắng mới được vào cửa, khắp thân thối nát đi mới biết có việc trong cửa. Nhà thiền thường nói, người tu phải để cho khóe miệng lên meo. Lẽ ra khóe miệng lên meo trắng, nhưng chúng ta khóe miệng lên bọt trắng, bởi ngồi lại bàn luận hoài không thôi. Người nào khóe miệng lên meo mới được vào cửa. *Khắp thân thối nát đi mới biết có việc trong cửa.* Thân thối nát tức là quên thân, không còn nhớ tới thân nữa thì mới biết có việc trong cửa. Như hai câu này, chúng ta tu chừng nào được? Câu thứ nhất đã khó rồi, câu thứ hai lại càng khó hơn. *Lại phải biết có người chẳng ra cửa.* Ngài hỏi lại: *Gọi cái gì là cửa?* Nói cửa cũng là phương tiện.

Có vị tăng hỏi:

- Chư Phật ba đời nhằm trong đồng lửa chuyển bánh xe đại pháp, có đúng hay chẳng?

Sư cười to bảo: - Tôi lại nghi.

Tăng thưa: - Hòa thượng vì sao lại nghi?

Sư đáp: - Hoa đồng thơm đầy lối, chim rừng chẳng biết xuân.

Vị tăng hỏi, thường nghe nói *Phật chuyển pháp luân trong đồng lửa*, hoặc Phật ngồi trên một vi trần chuyển pháp luân, việc đó có thật không? Ngài cười to bảo, *tôi lại nghi*. Tăng hỏi, *Hòa thượng vì sao lại nghi?* Ngài đáp: *Hoa đồng thơm đầy lối, chim rừng chẳng biết xuân*. Câu nói này rất hay! Hoa đồng nở thơm khắp hết cả vùng, chim rừng đâu biết có mùa xuân. Phật ngồi trong đồng lửa chuyển bánh xe pháp, chỉ có người nào đến đó mới biết, mới thông cảm được, còn người không đến thì không thể biết.

Tăng thưa:

- Chẳng rơi phong thái, lại cho chuyển thân hay không?

Sư đáp: - Chỗ người đá đi chẳng đồng công.

Tăng thưa: - Hướng thượng việc thế nào?

Sư đáp:

- Diệu ở trước hòn bọt, há cho ngàn thánh thấy.

Tăng lễ bái.

Tăng thưa: *Chẳng rơi phong thái, lại cho chuyển thân hay không?* Ngài đáp: *Chỗ người đá đi chẳng đồng công*, chẳng đồng công tức là không cùng chung với nhau. Tăng thưa: *Hướng thượng việc thế nào?* Ngài đáp: *Diệu ở trước hòn bọt, há cho ngàn thánh thấy*, cái diệu ở ngay hòn bọt trước mắt, ngàn thánh còn chẳng thấy.

Một hôm Sư vào nhà trù xem làm bún, chợt thùng lúng đáy. Chúng đều la hoảng: - Uống lắm!

Sư bảo:

- Thùng lủng đáy tự nên vui mừng, vì sao lại phiền não?

Chúng thưa: - Hòa thượng thì được.

Sư nói: - Thật là đáng tiếc một thùng bún!

Một hôm ngài vào nhà trù xem làm bún. Bún để trong thùng thông, bất chợt thùng lủng đáy bún tuột xuống hết. Chúng đều la hoảng *Uống quá!* Ngài bảo: *Thùng lủng đáy tự nên vui mừng, vì sao lại phiền não?* Nhà thiền thường nói *thùng thông lủng đáy*, tức là việc đó lâu nay tích lũy đến giờ tự nhiên tuột hết. Như vậy, tuột rồi thì mừng chứ, tại sao lại buồn, lại giận la? Chúng thưa: *Hòa thượng thì được*, còn chúng con làm cực quá mà tuột hết đâu thể không la. Ngài nói: *Thật là đáng tiếc một thùng bún!* Thôi thì, ông nói vậy ta cũng nghe vậy.

Sư thượng đường:

- Rêu phong lối cũ chẳng rơi hư ngưng, mù phủ rừng xanh nhận bày phong yếu. Kim móc kín đáo, ai bảo ông chài về tổ. Chỉ thế thừa đương, chính là bình thường sống thích. Lại có người đủ con mắt thấu cồng chằng?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Dù cho sớm nghe liền trở về, đâu bằng từ lâu chẳng ra cửa.

Ngài diễn tả thể chân thật của mình đầy đủ, nếu không thấy thì không biết.

Sư thượng đường:

- Chợt mưa chợt tạnh, chợt lạnh chợt nóng, cái của sơn tăng thì sơn tăng tự biết, cái của quý vị thì quý vị tự nói. Hãy nói, miệng của Tuyết Phong (Sư) trừ ngoài ăn cơm cần làm gì?

Cái chân thật của ngài thì ngài biết, cái chân thật của mình thì mình tự hiểu. Miệng của ngài ngoài chuyện ăn cơm cháo ra, không còn cách nào khác, vì chỗ chân thật này không thể dùng miệng nói ra được.

Sư hỏi vị tăng:

- Trên điện lưu ly ngọc nữ phóng thoi, để rõ bên việc gì?

Tăng thưa: - Hồi hồ chẳng đương cơ.

Sư bảo: - Lại có đứt nối hay không?

Tăng thưa: - Xưa nay chưa từng gián đoạn.

Sư bảo:

- Chính khi chẳng từng gián đoạn là sao?

Tăng trân trọng rồi đi ra.

Ở trước, chỗ Động Sơn có nói “ngọc nữ phóng thoi”, nên đây ngài lặp lại để hỏi Tăng: *Trên điện lưu ly ngọc nữ phóng thoi, để rõ bên việc gì?* Khi dệt vải con thoi chạy qua chạy lại, vậy phóng thoi là ý nghĩa gì? Tăng thưa: *Hồi hồ chẳng đương cơ.* Hồi hồ là chủ yếu của tông Tào Động, chẳng đương cơ tức là chẳng hợp cơ. Ngài bảo: *Lại có đứt nối hay không?* Thoi đưa qua lại có đứt nối

hay không? Tăng thưa: *Xưa nay chưa từng gián đoạn.* Ngài bảo: *Chính khi chẳng từng gián đoạn là sao? Tăng trôn trợn rồi đi,* ông tăng này cũng thuộc loại cao thủ.

Sư thượng đường:

- Thân không huyễn hóa, tức pháp thân.

Sư múa bảo: - Thấy chăng? Thấy chăng? Thế ấy thấy được, qua cầu thôn rượu quý.

Sư múa bảo: - Thấy chăng? Thấy chăng? Thế ấy chẳng thấy, cách bờ hoa rừng thơm.

Đẹp làm sao! Các vị thiền sư có những cái kỳ đặc. Ngài dẫn câu trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Huyền Giác: *Huyễn hóa không thân tức pháp thân*, ngay thân huyễn hóa này tức là pháp thân. Ngài cầm gậy múa một cái, nói: *Thấy chăng? Thấy chăng?* Thân huyễn hóa tức là pháp thân, vậy khi ngài múa một cái có ai thấy pháp thân không? *Thế ấy thấy được, qua cầu thôn rượu quý.* Nếu ngay đó thấy được thì qua cầu ngồi quán uống rượu quý, nếm được mùi thơm của rượu quý. Ngài múa một cái nữa, hỏi: *Thấy chăng? Thấy chăng?* Thấy múa chúng ta tưởng là thấy cái múa, nhưng không phải. Đó là thấy pháp thân ngay thân huyễn hóa này, chứ không phải thấy cái múa. *Thế ấy chẳng thấy được, cách bờ hoa rừng thơm.* Hoa trong rừng thơm nhưng vì cách một bờ sông nên bên đây không ngửi được. Ngay thân huyễn hóa có pháp thân, nếu trong những hành động của ngài mà chúng ta thấy được pháp thân, tức là ngửi được mùi thơm thật của hoa rừng, còn không thấy được thì cách bờ rồi.

Sư thượng đường:

- Lại có người không bị huyền diệu ô nhiễm chẳng?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Một điểm này nghiêng nước bốn biển rửa cũng chẳng rơi.

Tăng hỏi:

- Thế nào là chính mình trước không kiếp?

Sư đáp: - Ngựa trắng vào hoa lau.

Lại có người không bị huyền diệu ô nhiễm chẳng? Thường chúng ta bị ô nhiễm là do phiền não, ngược lại ngài nói do huyền diệu mà ô nhiễm. Tại sao? Chấp có hai thứ. Một là chấp mê lầm của phàm phu, hư dối cho là thật. Cái chấp đó tuy khó mà dễ trừ, ngộ là hết. Hai là chấp cảnh tịnh, chấp huyền diệu, cái đó rất là khó trừ. Ngài nói một điểm chấp huyền diệu này nghiêng cả nước bốn biển rửa cũng không sạch. Một điểm này nghiêng nước bốn biển rửa cũng chẳng rơi.

Tăng hỏi: Thế nào là chính mình trước không kiếp? Ngài đáp: Ngựa trắng vào hoa lau, cái huyền diệu, cái chính mình trước không kiếp đó không cách xa chúng ta, chỉ vì không nhận ra được, giống như ngựa trắng vào trong đám hoa lau, một động một tĩnh, một tri một vô tri nhưng chúng ta không nhận ra.

Sư thượng đường:

- Tột nhiệm tắng gốc, thể diệu mất tông. Một câu đứt dòng, sâu huyền cùng tột. Bởi vì chỗ sâu kín

**kim vàng chẳng bày sáng nhọn, chỉ ngọc xuyên qua
thâm bày sắc lạ. Tuy nhiên như thế, vẫn là xen lẫn
hai sáng. Hãy nói, chỗ khéo vụng chẳng đến làm
sao hiểu nhau?**

Sư im lặng giây lâu nói:

**- Mây thưa soi thấu xanh mờ nhạt, cây núi
thấp cao khóa biếc sâu.**

*Tột nhiệm tắng gốc, thể diệu mất tông, nếu đến
chỗ quá nhiệm mầu thì mất gốc, quá diệu thì mất tông.
Vì thế phải khéo thấy, đừng kẹt trong nhiệm mầu mà
mất thể chân thật.*

*Mây thưa soi thấu xanh mờ nhạt, cây núi thấp cao
khóa biếc sâu. Chính chỗ cây cao thấp đó có khóa sâu
ở trong.*

Sư thượng đường:

**- Chuyển công đến vị là người hướng đi, ngọc
ẩn Kinh Sơn quý. Chuyển vị đến công là người trở
lại, lò hồng mảnh tuyết xuân. Công vị đều chuyển
khấp thân chẳng kẹt, buông tay quên áo, gái đá
đem lên máy, thất kín không người quét. Chính khi
ấy, bật hơi hám một câu làm sao hiểu nhau?**

Sư im lặng giây lâu nói:

- Về cội gió rơi lá, soi tột trắng đậm không.

**Sư tịch tại chùa Sùng Tiên ở Cao Ninh. Vua
sắc thụ là Ngộ Không.**

Chuyển công đến vị là người hướng đi, ngọc ẩn Kinh Sơn quý. Chuyển vị đến công là người trở lại, lò hồng mảnh tuyết xuân. Tông Tào Động chuyển công đến vị là người hướng đi là nhằm thẳng để tiến lên, lúc đó giống như hòn ngọc quý ẩn ở Kinh Sơn. Chuyển vị đến công là người trở lại, từ ngôi vị đó chuyển trở lại là người trở lại, giống như lò hồng có mảnh tuyết xuân. Mảnh tuyết xuân rơi trên lò hồng, là từ trong chân thật quay về trầm luân để độ chúng sanh.

Công vị đều chuyển, khắp thân chẳng kẹt, buông tay quên áo, gái đá đem lên máy, thất kín không người quét. Nếu công và vị đều chuyển thì khắp thân không kẹt, giống như buông tay quên áo, không có cái gì dính. Gái đá đem lên máy, gái đá lên máy dẹt để nói chỗ làm trong cái không động, trong thất kín không có người quét. Chính khi ấy bật hơi hám một câu làm sao hiểu? Ngài im lặng giây lâu nói: Về cội gió rơi lá, soi tốt trăng đầm không. Tức là lá rụng về cội, câu thơ nói ngược, về cội gió rơi lá, soi tốt trăng đầm không. Trăng trong đầm không ánh sáng soi tốt.

Đọc các thiền sư, chúng ta thấy rất thấm. Các ngài nói khó mà hay. Nếu chúng ta học các ngài, học tới đâu thông tới đó thì chắc là khá lắm, còn học các ngài, học mà để nhớ nói dóc chơi thì không hay. Học thiền là học để sống, không phải học để nói, nhớ ráng học mà ráng sống.



THIÊN SƯ ĐỨC CHỈ CHÂN TẾ ở VIÊN THÔNG - GIANG CHÂU

Sư là con út của Kim Tử⁽¹⁾ Từ Hoằng Trung, gia thế sang trọng ở Lịch Dương. Đôi mắt Sư trông xanh biếc, sáng lóng lánh. Năm mười tuổi, Sư chưa biết học chỉ thích ngủ, cha Sư gọi là bé u mê. Đến khôn lớn, Sư nhớ giỏi học tài. Khoảng hai mươi tuổi, Sư mộng thấy vị tăng lạ trao cho bốn câu kệ và bức tượng của Nham chủ Nam An, bên cạnh có ghi bài kệ Thông Minh. Từ đây Sư trì niệm chẳng quên.

Thiên sư Đức Chỉ thuộc tông Tào Động. Qua giấc mộng, chúng ta biết thuở trước ngài là Nham chủ Nam An.

⁽¹⁾ Kim Tử: Dấu vàng đai tía. Thời xưa hàng tướng quốc, thừa tướng, thái úy, đại tư không, thái phó, thái sư, thái bảo, tiền hậu tả hữu tướng quân và sáu cung hậu phi được nắm con dấu vàng và ban dải lụa tía, cũng là phục sức biểu thị phẩm cấp. Đời Ngụy Tấn về sau, Quang lộc đại phu cũng được dấu vàng đai tía, do đó cũng gọi là Kim Tử quang lộc đại phu.

Kim Tử về sau cũng chỉ túi kim ngư và áo tía, là quan phục và đeo đời Đường Tống, do vậy cũng chỉ hàng đại quan quý.

Bởi có chủng tử đó, nên lớn lên ngài thông minh và ngộ đạo sớm.

Sau năm năm, Sư theo Kim Tử đến Tây Lạc, một đêm chợt đại ngộ, làm luôn mấy bài kệ. Một bài rằng:

*Bất nhân ngôn cú bất nhân nhân,
Bất nhân vật sắc bất nhân thanh,
Dạ bán suy dăng phương tựu chẩm,
Hốt nhiên giá lý dĩ thiên minh.*

Dịch:

Chẳng bởi ngôn cú chẳng bởi người,
Chẳng bởi vật sắc chẳng bởi tiếng,
Đêm tối thổi đèn bèn nằm xuống,
Bỗng nhiên ngay đây đã sáng rồi.

Mỗi bài ca đều như thế, mọi người không hiểu. Sư cố xin xuất gia, cha chẳng cho, muốn nối tiếp làm quan. Sư thưa:

- Con sắp thoát khỏi lưới đời, chẳng mắc kẹt tam giới, há lại vùi đầu trong danh lợi sao?

Sư xin trao lại (chức quan) cho anh là Giác, rồi thế phát xuất gia thọ giới Cụ túc. Sư tu chưa mấy năm mà đã nổi tiếng ở kinh sư. Niên hiệu Tuyên Hòa thứ ba (1121) vào mùa xuân, vua Huy Tông ban hiệu là Chân Tế. Sư nương với thiền sư Duy Chiếu ở Viên Thông.

Bài ca của ngài người tầm thường không thể hiểu. *Chẳng bởi ngôn cú chẳng bởi người.* Không do những danh ngôn cú nghĩa trong kinh sách, cũng không do người, không phải ai dạy. *Chẳng bởi vật sắc, chẳng bởi tiếng.* Không phải do vật sắc gì, cũng không phải do tiếng. *Đêm tối thối đèn bèn nằm xuống, bỗng nhiên ngay đây đã sáng rồi.* Vừa tắt đèn nằm xuống gối ngủ, bỗng nhiên ngay đó liền ngộ đạo. Rất khỏe!

Vậy là ngài ngộ đạo trước khi gặp các vị thầy, liền đó ngài cố xin xuất gia mà cha chẳng cho, muốn cho ngài tiếp nối làm quan. Ngài thưa: *Con sắp thoát khỏi lưới đời, chẳng mắc kẹt tam giới, há lại vui đầu trong danh lợi sao?* Câu nói này rõ ràng là của người thoát tục. Danh lợi là thứ ở thế gian mong ước, giành giệt nhau, nhưng ngài thì không thích vui đầu trong danh lợi, xin nhường lại cho anh.

Sư thượng đường:

- Sơn tăng hai mươi năm về trước hai mắt đều mù không thấy chi cả, chỉ là nghe người nói đạo, “trên bầu trời trong có mặt nhật to soi thấu tam thiên đại thiên thế giới, không chỗ nào mà chẳng khắp”, tìm kiếm muôn cách trọn không thể thấy. Hai mươi năm sau mắt từ từ mở sáng, lại gặp màu trời mờ tối mây dày nổi dậy, xem xét bốn phương trên dưới suy cùng, khi thấy mây bay liền theo chỗ đi mà suy tính, khi thấy mây dừng liền ở chỗ dừng làm hang ổ. Chính trong khoảng ấy, chợt gặp được người biết nhiều hỏi rằng: “Có phải cần thấy

mặt trời chẳng, sao chẳng nhìn trên đỉnh núi cao đi?” Sơn tăng lại hỏi kia: “Chỗ nào là đỉnh núi cao?” Kia đáp: “Chỗ hồng trần chẳng đến.” Chư nhân giả! Tin tức này rất chính xác. Lại hiểu chẳng? Phật-đà trên giường thiền.

Sơn tăng hai mươi năm về trước hai mắt đều mù không thấy chi cả. Ngài nói hai mươi năm về trước hai mắt đều mù, nghĩa là chưa thấy được đạo. Chỉ là nghe người nói đạo, như chúng ta nghe nói đạo nhưng có thấy đạo chưa? Chỉ nghe nói mà chưa phải mắt thấy, nên tạm gọi là mù.

Trên bầu trời trong có mặt nhật to soi thấu tam thiên đại thiên thế giới, không chỗ nào mà chẳng khắp, tìm kiếm muôn cách trọn không thể thấy. Mặt trời to soi sáng không chỗ nào chẳng khắp, mà lúc đó không thấy. Dù tìm kiếm toan tính muôn thứ cũng không thấy, vì sao? Vì mắt mù.

Hai mươi năm sau mắt từ từ mở sáng, lại gặp màu trời mờ tối mây dày nổi dậy. Giai đoạn này có giống chúng ta không? Mắt mù không thấy mặt trời, mở mắt từ từ lại gặp bầu trời mờ tối, mây dày nổi dậy. Tuy mở mắt nhưng vì vô minh nhiều đời mờ mịt, thêm những đám mây vọng tưởng che lấp, khiến cho không thấy rõ mặt trời. Xem xét bốn phương trên dưới suy cùng, khi thấy mây bay liền theo chỗ đi mà suy tính, mây vọng tưởng đến đâu thì đi theo đó, suy xét tính lường. Khi thấy mây dừng liền ở chỗ dừng làm hang ổ, kẹt trong chỗ dừng lặng khô khan.

Chính trong khoảng ấy, chợt gặp được người biết nhiều hỏi rằng: Có phải cần thấy mặt trời chẳng, sao chẳng nhìn trên đỉnh núi cao đi? Lúc ấy chợt gặp người biết nhiều, chỉ cho bậc thiện tri thức, hỏi có phải ông cần thấy mặt trời chẳng, muốn thấy trí tuệ chân thật đầy đủ trùm khắp phải không? Muốn thấy mặt trời, sao chẳng nhìn lên trên đỉnh núi cao.

Son tăng lại hỏi kia rằng: Chỗ nào là đỉnh núi cao? Ngài bảo tôi nhìn trên đỉnh núi cao, vậy chỗ nào là đỉnh núi cao? Kia đáp: Chỗ hồng trần chẳng đến. Đỉnh núi cao đó, là chỗ bụi hồng không dấy tới. Muốn thấy mặt trời, phải nhìn ở chỗ hồng trần chẳng đến. Nếu bụi vọng tưởng còn đầy ấp thì thôi khỏi thấy mặt trời. Trong tâm chúng ta hồng trần có dấy không? Dấy đầy hết. Vì thế muốn thấy mặt trời mà không làm sao thấy được.

Chư nhân giả! Tin tức này rất chính xác. Lại hiểu chẳng? Phật-đà trên giường thiền. Bậc thiện tri thức chỉ như thế rất chính xác. Chỗ mặt trời ngự là chỗ hồng trần chẳng đến, nhìn thấu chỗ đó là thấy Phật đang ngồi, không cần kiếm đâu xa.

Đoạn này mới nghe qua, dường như ngài nói mông lung, nhưng rất cuộc nhắc nhở điều chính xác. Chúng ta tu ai cũng muốn giác ngộ được Phật tánh hay pháp thân của mình. Phật tánh, pháp thân tạm dụ như mặt trời. Chúng ta muốn thấy mặt trời, mở mắt ra nhìn nhưng ngật nổi bầu trời mù mù mịt mịt, thêm mây che khắp nên tìm hoài không thấy. Cố gắng ngồi lặng một chút

để thấy, song vọng tưởng khởi lên che hoại. Phải nhìn lên chỗ đỉnh núi cao, chỗ hồng trần không đến thì thấy liền, nghĩa là thoát khỏi vòng hồng trần mới thấy được. Đó là ngài nói ý nghĩa tu hành, ban đầu chưa thấy đạo, đến khi thấy được chút chút mà chưa được tột, nhờ thiện tri thức mới thấy tột.

Sư thượng đường:

- Đêm qua ngài Cù-đàm đem tam thiên đại thiên thế giới đến, một hộp nuốt hết, như người uống nước nóng, dấu vết chẳng còn liền đó tiêu tan. Chính khi ấy chư vị đại Bồ-tát, Thanh văn, La-hán và tất cả chúng sanh thấy đều chẳng hay chẳng biết. Chỉ có ngài Văn-thù, Phổ Hiền bỗng nhiên thấy được. Tuy nhiên thấy được mênh mênh mông mông, dường như nhìn trên biển cả chợt nổi chợt chìm. Quý vị hãy nói, là tin tức gì? Nếu kiểm điểm được vỡ, nhận quý vị trên đỉnh môn đủ một con mắt.

Đêm qua ngài Cù-đàm đem tam thiên đại thiên thế giới đến, một hộp nuốt hết; như người uống nước nóng, dấu vết chẳng còn liền đó tiêu tan. Kinh Lăng-nghiêm nói hư không nằm trong tánh giác như chiếc lá trong hư không, bọt trên biển cả, không có nghĩa lý gì. Huống nữa là tam thiên đại thiên thế giới trong hư không, có phải giống một hộp nước, hộp một cái nuốt hết không?

Chính khi ấy chư vị đại Bồ-tát, Thanh văn, La-hán và tất cả chúng sanh thấy đều chẳng hay chẳng biết. Chỉ có ngài Văn-thù, Phổ Hiền bỗng nhiên thấy được. Đây nói ngài Cù-đàm là dụ cho tánh giác rộng lớn thênh thang.

Bồ-tát Văn-thù tượng trưng Căn bản trí, Bồ-tát Phổ Hiền tượng trưng Sai biệt trí. Chỗ này chỉ có Văn-thù và Phổ Hiền mới có thể thấy được chút phần.

Tuy nhiên thấy được mênh mênh mông mông, dường như nhìn trên biển cả chợt nổi chợt chìm. Thấy mà chưa thấu tột. Quý vị hãy nói là tin tức gì? Nếu kiểm điểm được vỡ, nhận quý vị trên đánh môn đủ một con mắt. Kiểm điểm mà thấu được lẽ này, tức là trên đầu có con mắt. Đó là con mắt thứ mấy?

Sư thị tịch, trà-tỳ được xá-lợi rất nhiều, xây tháp thờ tại núi Tư Không.



THIÊN SƯ ĐẠI TỬ ÔNG CẢNH THÂM ở TRÍ THÔNG - HÙNG QUỐC QUÂN

(1090 - 1152)

Sư họ Vương, quê ở Thai Châu, từ nhỏ đã xuất chúng. Năm mười tám tuổi, Sư theo ngài Đức Chi ở viện Quảng Độ xuất gia. Trước tiên Sư đến yết kiến thiền sư Tượng ở Tịnh Từ. Một hôm nghe Tượng nói: “Nghĩ mà biết, suy mà hiểu đều là kế sống nhà quý.” Sư không thể tự nén, bèn đến Bảo Phong chỗ thiền sư Duy Chiếu xin vào thất. Bảo Phong bảo:

- Cần phải dứt niệm khởi diệt, nhằm trước không kiếp quét sạch huyền lộ, chẳng dính Chánh Thiên dẹp sạch hiện nay, toàn thân buông hết, buông hết lại buông mới có phần tự do.

Sư nghe qua liền đốn ngộ huyền chỉ. Bảo Phong đánh trống bảo chúng: “Cảnh Thâm được đạo Xiển-đề đại tử, kẻ hậu học nên nương y.” Nhân đây, Sư được hiệu Đại Tử Ông.

Đầu tiên là ngài đến yết kiến thiền sư Tượng ở Tịnh Từ, một hôm nghe thiền sư Tượng nói: *Nghĩ mà biết, suy mà hiểu đều là kế sống nhà quý*, ngài liền có tỉnh. Chúng ta tu muốn làm thánh hiền mà đang sống với kế sống nhà quý, phải không? Sống bằng nghĩ mà biết, suy mà hiểu, chứ không phải bằng tâm thanh tịnh hiểu biết. Cứ khởi suy nghĩ như vậy, làm sao sống được với tâm thanh tịnh.

Ngài không nguôi được chỗ này, nên đến chỗ Bảo Phong xin vào thất. Thiền sư Bảo Phong dạy rất rõ: *Cần phải dứt niệm khởi diệt*, mọi niệm khởi diệt đều phải buông hết dứt hết. *Nhằm trước không kiếp quét sạch huyền lộ*, nếu cho rằng có một cái nhiệm mầu cao siêu trước không kiếp, cũng phải buông hết. *Chẳng dính Chánh Thiên dẹp sạch hiện nay*, tông Tào Động lấy Chánh Thiên làm tiêu chuẩn, đây bảo không quan tâm Chánh Thiên. *Toàn thân buông hết, buông hết lại buông mới có phần tự do*. Buông rồi lại buông cả cái buông nữa, bởi nếu còn giữ lại niệm buông thì cái buông đó vẫn chưa hết.

Ví dụ như trong chúng có người gàn bướng, Thầy nghĩ phải khuyên họ bỏ hết gàn bướng. Khi khuyên dạy thì họ hứa bỏ, nhưng mới hứa thôi thì ý niệm muốn khuyên của Thầy dứt chưa? Chừng nào gàn bướng của họ sạch rồi, chừng đó ý niệm khuyên bỏ gàn bướng của Thầy mới hết. Chúng ta nghe nói *buông hết lại buông*, tưởng như có chuyện gì khác, thật ra cái buông đó mới là chạng thứ nhất. Nói buông nhưng tập khí vẫn còn, đến lúc niệm buông kia cũng phải dứt thì mới sạch hết.

Ngài nghe nói liền đón ngộ huyền chỉ. Thiền sư Bảo Phong đánh trống báo chúng: *Cảnh Thâm được đạo Xiển-đề đại tử, kẻ hậu học nên nương y*. Nhân đây, ngài được hiệu Đại Tử Ông. Trong ba hạng xiển-đề, đây là hạng xiển-đề thứ ba, tức Bồ-tát xiển-đề.

Đến niên hiệu Kiến Viêm (1127), Sư khai pháp ở Trí Thông. Sư thượng đường:

- Đến chẳng vào cổng, đi chẳng ra cửa, đến đi không vết làm sao đề xướng? Dù được cổ lộ rêu phong, linh dương bật dấu; ngô đồng trắng phủ, phượng đỏ chẳng đậu. Vì thế nói: “Chỗ ẩn thân không dấu vết, chỗ không dấu vết chớ ẩn thân.” Nếu hay như thế, đi đứng không nương trọn không hướng bối. Lại thông cảm chẳng? Mà nay phân tán như mây hạc, anh tôi đều bằng khắp nơi huyền.

Thượng đường ngài dạy: *Đến chẳng vào cổng, đi chẳng ra cửa, đến đi không vết làm sao đề xướng?* Đến thì chẳng vào cổng, đi thì chẳng ra cửa. Không vào cổng làm sao đến? Không ra cửa làm sao đi? Bởi vì cái đó không đến không đi. Kinh Kim Cang nói Như Lai là “vô sở tùng lai diệt vô sở khứ”, không từ đâu đến cũng không đi về đâu, đó là Như Lai. Đây ngài nói, đến chẳng vào cổng, đi chẳng ra cửa, đến đi không vết làm sao đề xướng? Chỗ đó đến đi không dấu vết, không có chỗ đề xướng.

Dù được cổ lộ rêu phong, linh dương bật dấu. Cổ lộ là đường xưa; đường xưa rêu phong phủ kín, ý nói chỗ không dấu vết người lai vãng, con linh dương đi không để lại dấu vết. Ngô đồng trắng phủ, phượng đỏ chẳng đậu.

Cây ngô đồng bị ánh sáng mặt trăng phủ trùm, chim phượng không đậu. Tu đến đây là chỗ không còn dấu vết, là bức tranh thứ tám của mười mực chần trâu.

Vì thế nói: Chỗ ẩn thân không dấu vết, chỗ không dấu vết chớ ẩn thân. Câu này các thiền sư thường nhắc. Chúng ta nên ẩn thân ở chỗ không dấu vết, nhưng chỗ không dấu vết chớ ẩn thân. Chỗ không còn trâu không còn người chần, tức là không năng không sở, chỗ đó cũng không ở mãi được, phải vượt qua khỏi mới xong.

Nếu hay như thế, đi đứng không nương trọn không hướng bối. Lại thông cảm chăng? Hướng là nhắm đến, bối là xoay lưng ngược lại. Như ở ngoài cửa đi thẳng vào chùa gọi là hướng, người trong chùa đi ra ngoài cổng thì gọi là bối. *Mà nay phân tán như mây hạc, anh tôi đều băng, khắp nơi huyền.* Đúng ra phải không còn năng sở, không còn nhắm đến hay quay lưng, mà nay phân tán như mây với hạc, bay lang thang đầu trời này góc biển kia, anh tôi đều mất, khắp nơi huyền.

Thiền sư cứ nói vòng vo, không dùng danh từ đạo lý dễ hiểu. Bởi đã là giáo ngoại biệt truyền, nên các ngài khéo mượn hình ảnh thế gian mà nói đạo lý siêu thoát. Đây là sự kỳ đặc của các ngài.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chánh trung thiên?

Sư đáp: - Bà lão mặt đen mặc lụa trắng.

Tăng hỏi: - Thế nào là Thiên trung chánh?

Sư đáp: - Ông già đầu bạc mặc áo đen.

Tính cách hồi hĩ của tông Tào Động, trong Chánh có Thiên, trong Thiên có Chánh.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chánh trung lai?

Sư đáp: - Trong phân bèn nhảy nhào.

Tăng hỏi: - Thế nào là Kiêm trung chí?

Sư đáp: - Dao tuyết bao thân chẳng tự bị thương.

Tăng hỏi: - Thế nào là Kiêm trung đáo?

Sư đáp: - Mọi đen đi trong đêm.

Tăng hỏi: - Hưởng thượng lại có việc hay không?

Sư đáp: - Bắt được rùa đen gọi là trạnh.

Tăng thưa: - Xin Thầy lại bày phương tiện.

Sư đáp:

- Vào núi gặp cọp nằm, ra hang bị quỷ dẫn.

Tăng thưa: - Sao được gây hấn nhau?

Sư đáp: - Ba lượng chỉ, một cân gai.

Tăng thưa: Con không hiểu, *xin Thầy lập bày phương tiện*. Ngài nói: *Vào núi gặp cọp nằm, ra hang bị quỷ dẫn*. Tăng thưa: *Sao được gây hấn nhau?* Thầy nói như thế là một kiểu chiến tranh, lấy cái đó mà đả nhau sao? Ngài nói: *Ba lượng chỉ, một cân gai*, câu nói này không cho hiểu. Tinh thần nhà thiền không cho dùng ý nghĩa suy tầm, không cho nương câu nói mà suy luận. Nếu suy luận mà hiểu thì mắc kẹt chỗ *nghĩ mà biết, suy mà hiểu đều là kế sống nhà quý*. Ngài muốn chúng ta thoát khỏi, nên nói mà không cho mắc kẹt.

Niên hiệu Thiệu Hưng năm đầu (1131), Sư về trụ tại núi Bảo Tàng. Đến năm Nhâm Thân (1152), Sư có chút ít bệnh, nói:

- Thế duyên hết vậy.

Đến ngày mười ba tháng ba, Sư vì chúng tiểu tham, nói kệ:

<i>Bất dụng thế đầu</i>	<i>Chẳng cần cạo tóc,</i>
<i>Hà tu tảo dục</i>	<i>Nào phiền tắm gội,</i>
<i>Nhất đôi hồng diệm</i>	<i>Một đồng lửa đỏ,</i>
<i>Thiên túc vạn túc.</i>	<i>Ngàn đủ muôn đủ.</i>

Tuy nhiên như thế, hưởng thượng lại có việc hay không?

Sư liền nhắm mắt tịch, thọ 63 tuổi, 45 tuổi hạ.

Tu được như ngài vậy mới nên tu, đừng để khi chết lo lắng đủ thứ. Khi người gần chết thì phải cạo tóc tắm gội, còn ngài thì bảo: *Chẳng cần cạo tóc, nào phiền tắm gội.* Thôi khỏi cạo tóc, cũng không phiền tắm gội làm gì. Dù cạo tóc hay không cạo tóc, để vô lửa cũng cháy tiêu tan hết, cho nên *một đồng lửa đỏ, ngàn đủ muôn đủ.* Tất cả cái chân thật hiện trong lửa đỏ.

Nói xong, ngài nhắm mắt thị tịch. Sức tự tại của người xưa do công phu tu hành, các ngài làm chủ được mình, sống tự tại, chết cũng tự tại.



THIÊN SỬ NGỘ TÂN TỬ TÂM
ở HOÀNG LONG - phủ HÙNG LONG
(1044 - 1115)

Sư họ Vương, quê ở Khúc Giang, Thiều Châu, dáng người cao lớn mặt đen giống như vị tăng Ấn Độ. Sư xuất gia tại viện Phật-đà, khí tiết xuất chúng tư cách hơn người.

Ban đầu Sư đến yết kiến Tú Thiết Diện ở Thê Hiền. Tú hỏi:

- Thượng tọa người xứ nào?

Sư thưa: - Quảng Nam, Thiều Châu.

Tú hỏi: - Từng đến Vân Môn chẳng?

Sư thưa: - Từng đến.

Tú hỏi: - Từng đến Linh Thọ chẳng?

Sư thưa: - Từng đến.

Tú hỏi: - Thế nào là cảnh lá Linh Thọ?

Sư thưa: - Dài tự dài, ngắn tự ngắn.

Tú bảo: - Kẻ Mán ở Quảng Nam chớ nói loạn.

Sư thưa: - Đến Bắc Lô chỉ như thế.

Sư liền phủ áo ra đi. Tú thừa nhận, mà Sư không lưu ý.

Tú Thiết Diện là thiền sư Tú hiệu Thiết Diện. Thiết diện là mặt sắt. Thường thường có ai đến thưa hỏi, mặt ngài lạnh như tiền, nên gọi là Tú Thiết Diện. Thiền sư Tú hỏi: *Thế nào là cảnh lá Linh Thọ?* Có hai ý, một là hỏi cây, hai là hỏi về tông Vân Môn. Ngài thưa: *Dài tự dài, ngắn tự ngắn.* Câu trả lời thật hay! Cũng như câu hỏi “vườn trúc” ở trước, đáp “Một cây ngay, hai cây cong”. Đó là lối nói khéo léo.

Tú bảo: *Kẻ Mán ở Quảng Nam chớ nói loạn.* Đây là thuật mặt sắt. Ngài thưa: *Đến Bắc Lô chỉ như thế.* Dù là người Bắc Câu-lô châu cũng nói như thế, đừng nói tôi là người Mán ở Quảng Nam. Ngài nói xong liền phủ áo ra đi. *Tú thừa nhận, mà ngài không lưu ý.* Nếu người đã thấy thật rồi, bị mặt sắt vẫn một bề không đổi thay; còn người chưa thấy thì nghe nói vậy liền sẽ hoảng hốt.

Sư đến Hoàng Long yết kiến thiền sư Bảo Giác, đàm luận không có chỗ ngộ. Bảo Giác bảo:

- Nếu tài năng chỉ thế, nói ăn đâu thể no bụng người?

Sư bế tắc không lời nói được, thông thả bạch:

- Con đến đây cung gãy tên hết, cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ chỗ an lạc.

Bảo Giác bảo:

- Một hạt bụi bay hay che trời, một hạt cải rơi hay phủ đất, chỗ an lạc tối kỵ Thượng tọa có bao nhiêu thứ tạp nhạp. Cần phải chết toàn tâm từ vô thủy kiếp đến nay mới được vậy.

Nếu tài năng chỉ thế, nói ăn đâu thể no bụng người? Nếu tài năng của ông chỉ là lý luận vậy thôi thì nói ăn đâu thể no bụng. Dù lý luận giỏi cũng không đến được lý thật, chỉ như nói nhiều thức ăn ngon chứ bụng vẫn đói. Ngài bế tắc không lời nói được, thưa: Con đến đây cung gãy tên hết, cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ chỗ an lạc. Bây giờ đầu hàng rồi!

Bảo Giác bảo: *Một hạt bụi bay hay che trời, một hạt cải rơi hay phủ đất, chỗ an lạc tối kỵ Thượng tọa có bao nhiêu thứ tạp nhạp. Cần phải chết toàn tâm từ vô thủy kiếp đến nay mới được vậy.* Một hạt bụi mà che trời, một hạt cải mà phủ đất. Ngài Bảo Giác muốn cho biết, đầy đủ muôn ngàn diệu dụng đó cũng không phải là chỗ an lạc. Chỗ an lạc tối kỵ, tức là tối kỵ muốn được chỗ an lạc. Thượng tọa có bao nhiêu thứ tạp nhạp, bao nhiêu thứ tâm lăng xăng lộn xộn, cần phải chết toàn tâm từ vô thủy kiếp đến nay mới được vậy. Quan trọng là phải chết được tâm tạp nhạp từ vô thủy kiếp tới giờ, đó là chỗ an lạc.

Sư ra đi. Một hôm Sư ngồi lặng lẽ dưới tấm bảng, chợt gặp Tri sự đánh cư sĩ, Sư nghe tiếng roi bổng nhiên đại ngộ. Đứng dậy quên mang giày chạy đến phương trượng thấy Bảo Giác, Sư tự khen:

- Người trong thiên hạ thấy là học được, con đã ngộ được rồi.

Bảo Giác cười bảo:

- Tuyển Phật được người đứng đầu bảng, ai dám đương.

Từ đây Sư được hiệu là ông già Tử Tâm, bảng chỗ Sư ở để là Tử Tâm thất. Sư ở lại đây thời gian lâu.

Tri sự ngày xưa rất oai! Tại sao Tri sự lại đánh cư sĩ? Thời đó ở Trung Hoa nhiều chùa to cả ngàn chúng tăng, nhà vua hoặc các quan cấp ruộng cho các chùa làm ruộng ăn, nên có một số cư sĩ làm phụ trong chùa để lãnh lương, vì thế nếu có cư sĩ nào ngỗ nghịch thì bị Tri sự lôi ra đánh. Ngài đang ngồi thiền nghe tiếng đánh “choóc” mà ngộ, cái ngộ đó từ đâu tới? Từ roi đánh hay từ cái gì? Nếu từ roi đánh thì quý vị kiếm cái roi mây cho tôi, mỗi bữa tôi đánh choóc choóc vài ba roi cho quý vị ngộ, phải không? Còn nếu tại cái gì khác thì tùy.

Ngài đứng dậy quên mang giày, chạy đến phương trượng thấy Bảo Giác, ngài tự khen: *Người trong thiên hạ thấy là học được, con đã ngộ được rồi.* Bảo Giác cười bảo: *Tuyển Phật được người đứng đầu bảng, ai dám đương.* Chỗ của các vị thiền sư gọi là Tuyển Phật Trường. Trong trường thi Phật đó, ngài Ngộ Tân là người đứng đầu bảng tại Hoàng Long.

Muốn đi đến chỗ an lạc thì phải tử tâm, phải một phen chết rồi sống lại mới được. Đó là sống thật, nếu không chết tâm đó thì khó có được cái sống thật, vì vậy

cần phải tử tâm. Người học bây giờ đa số thông minh quá không tử tâm. Tâm cứ sống hoài, không chịu chết. Ngồi thì lảng xảng, hết chạy đông tới chạy tây. Lẽ ra thì phải khai tử tâm lảng xảng ấy đi mà nhiều người chưa chịu khai tử, vì vậy nên tu không thành công.

Kế đến, Sư đi đạo Tương Tây. Khi ấy thiền sư Triết lãnh Nhạc Lộ, Sư đến ra mắt. Triết hỏi:

- Là phàm là thánh?

Sư đáp: - Phi phàm phi thánh.

Triết hỏi: - Là cái gì?

Sư đáp: - Đưa mắt nhìn lên.

Triết bảo:

- Thế ấy là núi nam nổi mây núi bắc rơi mưa.

Sư đáp: - Hãy nói là phàm là thánh?

Triết bảo:

- Tại sao trên đầu mệnh mang, dưới chân mệnh mang?

Sư ngược nhìn trên thất thốt ra tiếng “Hu”.

Triết bảo: - Hơi gấp chết người.

Sư đáp: - Đường phải.

Phủ áo liền đi.

Ngài đi đạo Tương Tây, khi ấy thiền sư Triết lãnh Nhạc Lộ, ngài đến ra mắt. Triết hỏi: *Là phàm là thánh?* Ngài đáp: *Phi phàm phi thánh*. Chúng ta gặp hỏi như vậy sẽ nói sao? Chắc không dám nói thánh thì nói phàm,

còn ngài thì nói phi phạm phi thánh, chẳng phải phạm cũng chẳng phải thánh.

Triết hỏi: *Là cái gì?* Nếu phi phạm phi thánh thì là cái gì? Ngài đáp: *Đưa mắt nhìn lên.* Đối đáp rất khéo, không phải phạm không phải thánh, vậy là gì? Đưa mắt nhìn lên.

Triết bảo: *Thế ấy là núi nam nổi mây, núi bắc rơi mưa.* Ngài đáp: *Hãy nói là phạm là thánh?* Thiền sư Triết gạn lại, còn nói nam nói bắc tức là phạm hay thánh? Triết bảo: *Tại sao trên đầu mệnh mang, dưới chân mệnh mang?* Ngài ngược nhìn trên thất thốt ra tiếng “*Hư*”. Triết bảo: *Hơi gấp chết người.* Hư là hơi thở gấp làm chết người, như vậy chỉ là hơi chết thôi. Ngài đáp: *Dường phải.* Ngài liền phủ áo ra đi.

Sư đến yết kiến thiền sư Ngô ở Pháp Xương.

Ngô hỏi: - Vừa rời chỗ nào?

Sư đáp: - Tôi từ Hoàng Long lại.

Ngô hỏi: - Lại thấy thiền sư Tổ Tâm chăng?

Sư đáp: - Thấy.

Ngô hỏi: - Thấy ở chỗ nào?

Sư đáp: - Thấy ở chỗ ăn cơm ăn cháo.

Ngô cầm đũa gấp lửa đẩy trong lò nói:

- Cái này lại là sao?

Sư lôi đũa gấp lửa ra, rồi đi.

Ngài đến yết kiến thiền sư Ngô ở Pháp Xương. Ngô hỏi: *Vừa rời chỗ nào?* Ngài đáp: *Tôi từ Hoàng Long lại.*

Ngộ hỏi: *Lại thấy thiền sư Tổ Tâm chăng?* Ngài đáp: *Thấy.* Ngộ hỏi: *Thấy ở chỗ nào?* Ngài đáp: *Thấy ở chỗ ăn cơm ăn cháo.* Câu đáp quá hay! Sao không nói thấy Thầy ở trong thất, mà thấy chỗ ăn cơm ăn cháo? Hỏi thấy Tổ Tâm không chỉ hỏi thấy thầy mình hay không, mà còn có ý là thấy được cái chân thật đó hay không, nhưng không nói trắng ra.

Ngài trả lời *thấy ở chỗ ăn cơm ăn cháo*, như thiền sư Triệu Châu thường hỏi Tăng ở đâu đến? Tăng thưa mới đến, ngài liền mời uống trà hoặc mời ăn cháo. Ăn cơm ăn cháo là chỗ bình thường của mỗi người, phải thấy ngay chỗ đó. Pháp Xương nghe đáp biết hay rồi, nhưng không dừng ngang đấy, mà *cầm đũa gấp lửa đẩy trong lò*, ở Trung Hoa mùa lạnh người ta có lò sưởi, hỏi: *Cái này lại là sao?* Thấy chỗ ăn cơm ăn cháo, bây giờ cái tôi làm việc bình thường này, có giống như vậy không? Ngài đáp thế nào? *Sư lôi đũa gấp lửa ra, rồi đi.* Cái đó như vậy, ăn cơm ăn cháo hay để lửa vô lò, hoặc lôi lửa ra cũng như nhau, đều là diễn tả ngay chỗ bình thường mà thấy.

Sư ban đầu trụ Vân Nham, kế dời trụ Thúc Nham. Tại Thúc Nham xưa có miếu Thần, dân trong làng cúng kiếng rượu thịt liên miên. Sư sai Tri sự phá miếu. Tri sự từ không dám chuốc họa. Sư bảo:

- Nếu hay tác họa, ta tự làm đó.

Đích thân Sư đến phá hủy cái miếu. Chợt thấy một con rắn to nằm khoanh đưa đầu như muốn mổ. Sư quở nó, nó bò đi. Sư về nghỉ an ổn.

Không bao lâu Sư trở lại trụ Vân Nham. Dựng lập Kinh tàng, thái sử Hoàng Đình Kiên làm lời ký. Ông có đem lời ghi mộ của người thân khắc bên cạnh bia ký. Sư không bằng lòng nói:

- Cái mộ mà xem thường không sợ họa sao?

Sư nói chưa dứt, bỗng làn điện chớp sấm nổ vỡ tấm bia, song Tàng ký vẫn an nhiên không tổn hại.

Tri sự không gan dạ, bảo phá miếu không dám làm, sợ mang họa, vì miếu này rất linh. Ngài bảo: *Nếu hay tác họa, ta tự làm đó*, đích thân ngài đến phá hủy cái miếu. *Chợt thấy một con rắn to nằm khoanh đưa đầu như muốn mổ*, đó là thần miếu. Ngài quở, bảo nó không được ở đây, đi chỗ khác... rắn liền bò đi, *ngài về nghỉ an ổn*. Có chỗ khác ghi rằng, đêm đó ngài mộng thấy một vị thần đội mũ mang hia, đến thưa: Ngài không cho tôi ở đây, vậy xin cho tôi mượn năm mươi đứa phu khuân vác đồ để dời đi nơi khác, ngài hứa cho. Sáng hôm sau, năm mươi người ở đó bị bệnh dịch chết. Sau thượng đường, ngài nói: Nếu quỷ thần linh, khi Tử Tâm phá thì hại Tử Tâm. Nếu quỷ thần không linh, tại sao hứa cho mượn năm mươi người thì năm mươi người chết?

Về già, Sư trụ Hoàng Long học giả tụ họp rất đông. Sư mắc bệnh lui về ở Hối Đường. Dạ tham, Sư đưa cây phát tử lên nói:

- Xem, xem! Phát tử bệnh hay Tử Tâm bệnh? Phát tử an hay Tử Tâm an? Phát tử xuyên thấu Tử Tâm, Tử Tâm xuyên thấu phát tử. Chính ngay

khi này gọi phát tử lại là Tử Tâm, gọi Tử Tâm lại là phát tử, cứu cánh phải nói thế nào?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Chớ đem phải quấy đến ta biện, phù sanh xuyên tạc chẳng liên can.

Dù nói lằng xằng lộn xộn mà còn thấy phải quấy, bên này bên kia, đều là không đến nơi.

Có vị tăng hỏi câu rốt sau. Sư nói kệ:

***Mạt hậu nhất cú tử
Trực tu tâm lộ tuyệt.
Lục căn môn ký không
Vạn pháp vô sanh diệt.
Ư thử triệt kỳ nguyên
Bất tu cầu giải thoát.
Sinh bình ái mạng nhân
Chỉ vì trường khoái hoạt.***

Dịch:

**Một câu ở rốt sau
Cần phải đường tâm dứt.
Cửa sáu căn đã không
Muôn pháp không sanh diệt.
Nơi đây thấu được nguồn
Chẳng cần cầu giải thoát.
Bình sinh thích mạng người
Chỉ vì thường ưa sống.**

Câu rớt sau này xuất phát từ chỗ ngài Nham Đầu. Có một vị tăng từ Tuyết Phong đến, ngài Nham Đầu hỏi thăm Tuyết Phong và nói: “Rất tiếc ta không nói với y câu rớt sau. Nếu nói với y câu rớt sau thì trong thiên hạ không ai làm được gì lão Tuyết.” Nhân chuyện ấy, Tăng hỏi ngài Tử Tâm, câu rớt sau là gì? Ngài chỉ nói:

Một câu ở rớt sau, cần phải đường tâm dứt. Đường tâm dứt là câu rớt sau. Cửa sáu căn đã không, muôn pháp không sanh diệt. Chẳng những đường tâm dứt, mà cửa sáu căn đã không thì muôn pháp không còn khởi sanh diệt.

Nơi đây thấu được nguồn, chẳng cần cầu giải thoát. Ai thấu được nguồn gốc như vậy, chẳng cần cầu giải thoát làm gì nữa. Nếu người được tới chỗ cửa sáu căn không, muôn pháp không sanh diệt rồi, không cần cầu giải thoát mà tự đã giải thoát.

Bình sinh thích mắng người, chỉ vì thường ưa sống. Bởi ưa sống cho nên thích mắng người, vì muốn giúp cho người sống lại với cái chân thật của chính mình.

Niên hiệu Chánh Hòa thứ năm (1115) tháng chạp ngày mười ba, buổi chiều tiểu tham, Sư nói kệ xong. Đến ngày rằm, Sư an nhiên thị tịch, thọ 72 tuổi, 45 tuổi hạ. Thập Sư ở sau Hối Đường.



THIÊN SƯ DUY THANH LINH NGUYÊN ở HOÀNG LONG - phủ HUNG LONG

(1040 - 1117)

Sư họ Trần ở Vũ Ninh, Nam Châu được tâm ấn nơi Hối Đường Tổ Tâm. Mỗi khi vì người, Sư nói:

- Học giả thời nay chưa thoát sanh tử, bệnh tại chỗ nào? Lỗi tại tâm trộm chưa chết. Song không phải tội tại họ, mà tội ở thầy. Như Hán Cao Đế giết Hàn Tín, Hàn Tín tuy chết mà tâm kia thực chết ư? Học giả thời xưa ngay một lời nói liền thoát sanh tử, công hiệu tại chỗ nào? Tại tâm trộm đã chết. Song không phải học giả tự hay như thế, thực là do thầy rèn luyện diệu mật. Như Lương Võ Đế ngự ở đại điện thấy Hưu Cảnh chẳng đổi sắc mặt, mà tâm Hưu Cảnh đã khô kiệt không còn. Các nơi nói ra đâu không có mỹ lệ, cốt như Triệu Xương vẽ hoa, hoa tuy giống như thật mà chẳng phải hoa thật.

Học giả thời nay chưa thoát sanh tử, bệnh tại chỗ nào? Lỗi tại tâm trộm chưa chết. Ngài nói chúng ta học mà không thấy đạo, lỗi tại chỗ tâm trộm chưa chết. Tại sao gọi là tâm trộm? Vì nó lén đi không cho hay biết, khi đang ngồi yên lặng bỗng dưng âm thầm khởi vọng nên gọi nó là tâm trộm.

Song không phải tội tại họ, mà tội ở thầy. Tâm trộm chưa chết không phải lỗi tại người học mà lỗi tại ông thầy. Nếu thầy khéo thì người học tâm trộm mau chết, thầy không khéo thì tâm trộm của người học lâu chết. Đây dẫn chuyện *như Hán Cao Đế giết Hàn Tín, Hàn Tín tuy chết mà tâm kia thực chết ư?* Hàn Tín là một vị tướng tài, có công dẹp Sở dành ngôi vị cho Hán Cao Tổ. Sau này Hàn Tín được cử làm Sở vương trấn một cõi, nhưng Hán Cao Tổ sợ Hàn Tín phản, dùng mưu tổ chức một buổi lễ mời Hàn Tín về, rồi phục binh giết chết. Nhưng Hàn Tín chết mà tâm có chết không? Người anh hùng xưa tuy chết nhưng ý chí không chết. Đó là nói một ví dụ khác.

Học giả ngày xưa ngay một lời nói liền thoát sanh tử, công hiệu tại chỗ nào? Tại tâm trộm đã chết. Song không phải học giả tự hay như thế, thực là do thầy rèn luyện diệu mật, đó là cái khéo của ông thầy. Đây có ví dụ ngược lại, *như Lương Võ Đế ngự ở đại điện thấy Hầu Cảnh chẳng đổi sắc mặt, mà tâm Hầu Cảnh đã khô kiệt không còn.* Hầu Cảnh là quan của Lương Võ Đế nổi dậy làm phản, khi ông kéo quân vô điện, Lương Võ Đế ngồi nghiêm nhiên không đổi sắc mặt. Tuy ông cướp được ngôi, nhưng khi thấy Lương Võ Đế thì tâm đã

chết cứng rồi. Đây nói tài của thầy, giúp cho người học dễ chết được tâm trộm.

Các nơi nói ra đâu không có mỹ lệ, lời nói đều rất hay, rất khéo, cốt như Triệu Xương vẽ hoa, hoa tuy giống như thật mà chẳng phải hoa thật. Ngôn ngữ dù khéo léo, nhưng không đến cái thật, như Triệu Xương vẽ hoa, thấy đẹp giống như hoa thật nhưng không phải hoa thật.

Sư thượng đường:

- Tiếng trống vừa đánh đại chúng tụ hội, máy trời vô hạn một lúc tiết lộ. Chẳng cô phụ chánh nhãn liền nên quy đường, lại đợi lăm lời chôn vùi tông chỉ. Dù bảo: “Thích-ca chẳng xuất thế, bốn chín năm thuyết pháp. Đạt-ma chẳng Tây sang, Thiếu Lâm có diệu quyết.” Tu sơn chủ cũng giống như ở chỗ cao trông về quê nhà. Lại nói: “Nếu người biết Phật tổ, ngay đây liền siêu việt.” Dù cho thế ấy ngộ nhập thân thiết, lại có một con đường chuyển thân. Khám qua rồi vậy.

Sư lấy phát tử gõ giường thiền, xuống tòa.

Tiếng trống vừa đánh đại chúng tụ hội, máy trời vô hạn một lúc tiết lộ. Như chúng ta vừa đánh ba tiếng chuông, chúng họp lại là đã tiết lộ máy trời. Do nghe tiếng mà đến, đó là máy trời. Rất khéo như thế. Chẳng cô phụ chánh nhãn liền nên quy đường, nếu không phải là những người được con mắt chánh thì nên trở về, lại đợi lăm lời chôn vùi tông chỉ, đợi tôi nói nhiều chỉ là chôn vùi tông chỉ.

Dù bảo:

*Thích-ca chẳng xuất thế,
Bốn chín năm thuyết pháp.
Đạt-ma chẳng Tây sang,
Thiếu Lâm có diệu quyết.*

Tu sơn chủ cũng giống như ở chỗ cao trông về quê nhà. Lại nói: “Nếu người biết Phật tổ, ngay đây liền siêu việt.” Dù cho thế ấy ngộ nhập thân thiết, lại có một con đường chuyển thân. Khám qua rồi vậy.

Đây là bài thơ của Tu sơn chủ. Ngài phê bình *Tu sơn chủ cũng giống như ở xa đứng trên cao trông về quê nhà*, nói được như vậy cũng chỉ là ở xa nhìn về quê, chứ chưa đến được nhà. Những câu nói có tính cách siêu xuất nhưng sự thực chưa đến nơi.

Sư thượng đường:

**Gió thổi từng, trăng rọi sông,
Canh khuya đêm vắng lại là ai?
Sương mù mây ráng che chẳng được,
Trong đây dù nói chẳng bằng về.
Lại về đâu?
Lá sen tròn tròn, tròn giống gương,
Góc ấu nhọn nhọn, nhọn như dùi.**

Hai câu đầu bài này nguyên văn trong Chứng Đạo Ca là “Giang nguyệt chiếu, từng phong xuy, vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi?” Ngài đổi đối tượng hỏi là ba chữ “hà sở vi - làm gì đây?” Thành “cánh thị thù - lại là ai?”

Tôi dịch là *Gió thổi từng, trăng rọi sông, canh khuya đêm vắng lại là ai?*

Sương mù mây ráng che chẳng được, trong đây dù nói chẳng bằng về. Có chỗ nói rằng ngài Vĩnh Gia muốn diễn tả cảnh pháp thân, chỗ mà *trăng rọi sông, gió thổi từng, canh khuya đêm vắng.* Ngài nói chỗ đó trong đây dù nói chẳng bằng về, nói tuy hay đẹp nhưng không bằng mình về tới chỗ, cái đó mới là thực.

Lại về đâu? Hỏi, về chỗ nào? Ngài nói *Lá sen tròn tròn tròn giống gương, góc ấu nhọn nhọn nhọn như dùi,* lá sen nào cũng tròn giống như cái gương, trái ấu thì góc nào cũng nhọn như cây dùi, về chỗ đó.

Sư thượng đường:

- Chư Phật ba đời chẳng tri hữu, ân không nặng đáp. Mèo hoang trâu trắng lại tri hữu, công chẳng uống bày. Rõ đại dụng hiểu toàn cơ, bật dấu vết chẳng nghĩ nghĩ. Nên về đi, không người biết.

Vọt thấu trời xanh từng ngàn thước,

Cắt đứt hồng trần nước một khe.

Chư Phật ba đời không tri hữu, tức là không biết có. Thường nói người tri hữu là người biết có, ai nhận nơi mình có tánh Phật không nghĩ ngờ gọi đó là tri hữu. Đây nói chư Phật không tri hữu, *mèo hoang, trâu trắng lại tri hữu,* tại sao nghịch lý như thế? Tu sơn chủ nói, nếu thánh nhân hội tức đồng phạm phu, phạm phu nếu hội tức đồng chư thánh. Nếu chư Phật ba đời tri hữu tức đồng phạm phu, vì đã là Phật rồi đâu cần biết có Phật tánh, nếu biết

là khởi niệm giống như phàm phu. Vì thế nói *chư Phật ba đời chẳng tri hữu. Mèo hoang trâu trắng lại tri hữu*, công chẳng uống bày, những chúng sanh ngu dại khéo tu biết có Phật tánh, nhờ biết như vậy nên mới tu được.

Rõ đại dụng hiểu toàn cơ, bật dấu vết chẳng nghĩ nghĩ. Nên về đi, không người biết, tu đến lúc bật dứt dấu vết phàm thánh, về đến quê hương rồi mới tốt. Vọt thấu trời xanh từng ngàn thước, cắt đứt hồng trần nước một khe, muôn thứ hồng trần dứt hẳn đi.

Sư thượng đường:

- Chí đạo không khó, chỉ hiểm hiểm trách; chỉ chớ yêu ghét, rõ ràng minh bạch. Tổ sư nói thoại thế ấy làm mù hết mắt người trong thiên hạ. Thiên tăng biết phải quấy rành Tăng tục, đến đây làm sao biện minh?

Chưa thể đến chỗ nước cùng tận,

Khó bảo ngồi xem lúc mây bay.

Tổ sư nói trắng, nói rõ như vậy là làm cho thiên hạ mù mắt, không thấy được cái chân thật.

Ngày mười tám tháng chín năm Chánh Hòa thứ bảy (1117), thọ trai xong Sư về phòng sai gọi thủ tọa Thê đến, dặn dò các việc. Rồi Sư tắm rửa thay áo, đưa tay chỉ đánh đầu. Thị giả cạo tóc xong, Sư ngồi ngay ngắn an nhiên thị tịch.

Một đời sống trọn vẹn, ra đi tự tại.



THIÊN SƯ TÙNG DUYỆT
ở ĐÀU SUẤT - phủ LONG HUNG

(1044 - 1091)

Sư họ Hùng, quê ở Cám Châu. Buổi đầu Sư thủ chúng ở Đạo Ngô, nhân lãnh một số chúng đến yết kiến hòa thượng Trí ở Vân Cái. Trí đàm luận với Sư chưa bao nhiêu đã biết chỗ uẩn tích, bèn cười bảo:

- Xem Thủ tọa khí chất phi phàm, tại sao thốt ra lời dường như kẻ say?

Sư đỏ mặt xuất mồ hôi, thưa:

- Cúi mong Hòa thượng chẳng tiếc từ bi.

Trí lại dùng lời châm chích thêm. Sư mờ mịt liền xin nhập thất.

Nhập thất tức xin được vào thất chỉ dạy. Buổi đầu ngài làm Thủ chúng ở Đạo Ngô, nhân lãnh một số chúng đến yết kiến hòa thượng Trí ở Vân Cái, qua đàm luận

thiền sư Trí đã biết chỗ uẩn tích của ngài, bèn cười bảo: *Xem Thủ tọa khí chất phi phàm, tại sao thốt ra lời dường như kẻ say?* Làm Thủ tọa dẫn chúng đi tham vấn mà bị chê một câu, rất đau!

Trí hỏi:

- Từng thấy Hòa thượng Ngộ ở Pháp Xương chẳng?

Sư thưa:

- Từng xem ngữ lục của Ngài, tự hiểu rõ cũng không mong thấy.

Đọc ngữ lục biết rồi nên không cần thấy nữa.

Trí hỏi:

- Từng thấy Hòa thượng Văn ở Động Sơn chẳng?

Sư thưa:

- Người Quan Tây không đầu não, mang một cái quần vải khai nước đá, có chỗ nào hay?

Rất ngạo mạn, chê ngài Khắc Văn Chơn Tịnh.

Trí bảo:

- Ông chỉ đến chỗ khai nước đá tham lấy.

Sư theo lời dạy đến yết kiến Hòa thượng Khắc Văn thâm nhận được áo chỉ. Sư trở lại yết kiến Hòa thượng Trí. Trí hỏi:

- Sau khi thấy người Quan Tây đại sự thế nào?

Sư thưa:

- Nếu chẳng được Hòa thượng chỉ dạy đã luống qua một đời.

Sư bèn lễ tạ, trở lại yết kiến Chơn Tịnh.

Sau Sư khai pháp ở chùa Lộc Uyển, có thiền sư Thanh Tố là người đã tham vấn lâu nơi Từ Minh, tạm ở một cái thất chưa cùng người giao tiếp. Sư nhân ăn trái vải, gặp Thanh Tố qua cửa. Sư gọi:

- Này ông già! Đây là hương quả mời cùng ăn.

Tố nói:

- Sau khi Tiên sư tịch đã lâu không được ăn thứ này.

Sư hỏi: - Tiên sư là ai?

Tố nói:

- Từ Minh, tôi hầu hạ người mười ba năm.

Sư nghi sợ nói:

- Mười ba năm kham nhẫn hầu hạ, chẳng phải được đạo kia sao?

Từ đây nhân ăn quả, Sư thường thường thân cận. Tố hỏi:

- Thầy đã gặp người nào?

Sư thưa: - Động Sơn Văn.

Tố hỏi: - Văn gặp người nào?

Sư thưa: - Hoàng Long Nam.

Tố bảo:

- Nam đầu méo gặp Tiên sư chẳng lâu, pháp đạo chán hưng như thế.

Sư càng nghi sợ, bèn sấm hương đèn đến lễ Tố.

Về sau ngài khai pháp tại chùa Lộc Uyển, có thiền sư Thanh Tố là người đã từng tham vấn nơi Từ Minh, tạm ở một cái thất chưa cùng người giao tiếp. Ngài đang ăn trái vải, gặp Thanh Tố đi ngang qua cửa, chưa biết đó là ai, liền ngoắc lại: Ông già vô đây, đây là hương quả mời cùng ăn. Tố nói: Sau khi Tiên sư tịch đã lâu không được ăn thứ này. Ngày xưa hầu Tiên sư có người cúng nên được ăn, bây giờ Tiên sư tịch rồi, lâu quá không được ăn trái này.

Ngài hỏi: *Tiên sư là ai?* Tố nói: *Từ Minh, tôi hầu hạ người mười ba năm.* Ngài nghi sợ nói: *Mười ba năm kham nhẫn hầu hạ, chẳng phải được đạo kia sao?* Từ đây nhân ăn quả, ngài thường thường thân cận. Tố hỏi: *Thầy đã gặp người nào?* Ngài thưa: *Động Sơn Văn.* Tố hỏi: *Văn gặp người nào?* Ngài thưa: *Hoàng Long Nam.* Tố bảo: *Nam đầu méo gặp Tiên sư chẳng lâu, pháp đạo chán hưng như thế.* Ngài càng nghi sợ, bèn sấm hương đèn đến lễ Tố.

Hoàng Long Huệ Nam là đệ tử ngài Từ Minh, Thanh Tố cũng là đệ tử ngài Từ Minh. Hoàng Long Nam sanh ra Khắc Văn gọi là Động Sơn Văn, Động Sơn Văn sanh ra ngài Tùng Duyệt. Như vậy theo vai vế thì Tùng Duyệt kêu Thanh Tố là Sư ông chú, cho nên nghe nói vậy ngài nghi sợ.

Tổ đứng tránh nói:

- Tôi do phước mỏng, Tiên sư thọ ký chẳng cho vì người.

Sư càng thêm cung kính. Tổ bảo:

- Vì thương lòng thành của ông, trái lời ký của Tiên sư. Ông bình sinh sở đắc thử nói ta xem?

Sư thưa đủ sở kiến. Tổ bảo:

- Khả dĩ vào Phật mà không thể vào ma.

Sư thưa:

- Vì sao vậy?

Tổ bảo:

- Há chẳng thấy cổ nhân nói, một câu rốt sau mới đến lao quan.

Như thế mấy tháng, Tổ mới ấn khả, bèn răn rằng:

- Văn dạy ông đều là chánh tri chánh kiến, song ông lìa Văn quá sớm nên không thể tột chỗ diệu kia. Nay tôi vì ông điểm phá, khiến ông thọ dụng được đại tự tại, ngày khác chớ có nổi pháp tôi.

Sau Sư nổi pháp Chơn Tịnh.

Tổ đứng tránh nói: Tôi do phước mỏng, Tiên sư thọ ký chẳng cho vì người. Người xưa, nếu Thầy dạy sao thì vẫn giữ vậy không dám cãi. Ngài càng thêm cung kính, Tổ bảo: Vì thương lòng thành của ông, trái với lời ký của Tiên sư. Ông bình sinh sở đắc thử nói ta xem?

Ngài trình hết những chỗ thấy hiểu của mình. Tổ bảo: *Khả dĩ vào Phật mà không thể vào ma*. Nhà thiền nói nhập Phật giới mà không thể nhập ma giới. Nhập Phật giới là mục thứ chín trong mười mục chần trâu, nhập ma giới là mục thứ mười, thông tay vào chợ. Đây nói ngài chưa tốt được mục thứ mười, tức chưa xong vậy. Ngài thưa: *Vì sao vậy?* Tổ bảo: *Há chẳng thấy cổ nhân nói một câu rồi sau mới đến lao quan.*

Tăng hỏi:

- **Cầm binh khiến tướng phải nhờ hổ phù của vua, lãnh chúng dạy dỗ chúng thâm mang Tổ sư tâm ấn. Thế nào là Tổ sư tâm ấn?**

Sư đáp:

- **Đầy miệng nói chẳng được.**

Tổ sư tâm ấn đầy khắp miệng nhưng nói không được.

Tăng hỏi:

- **Chỉ cái này hay lại có cái khác?**

Sư đáp:

- **Chở đem hạc Chi Độn, gọi là ngỗng Hữu Quân.**

Ngài Chi Độn thời Đông Tấn, là một trong sáu nhà bảy tông của phái Bát-nhã học. Ngài tướng mạo lạ lùng, luận nghĩa sâu mầu, nuôi ngựa thả hạc, ưa dạo núi rừng, lại khéo thư pháp, văn chương trùm đời. Cùng thời có nhà thư pháp Vương Hy Chi giao du với ngài, thỉnh ngài trụ chùa Linh Gia ở Ngô Hưng. Vương Hy Chi từng làm tướng quân Hữu quân, ưa thích ngỗng, đời sau

bèn đặt biệt danh cho ngỗng là Hữu Quân. Ở đây Tăng hỏi: *Chỉ cái ấy hay còn cái khác?* Sư đáp: *Chớ đem hạc Chi Độ, gọi là ngỗng Hữu Quân.*

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Đâu Suất?

Sư đáp:

- Một sông nổi màu lam, ngàn núi gột ngọc biếc.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người trong cảnh?

Sư đáp:

- Bảy trứng tám gò không người thấy, trăm tay ngàn đầu chỉ tự biết.

Đây là chỗ mỗi người tự thấy tự biết, không thể nói ra.

Sư thượng đường:

Nhĩ mục nhất hà thanh,

Đoan cư u cốc lý.

Thu phong nhập cổ tùng,

Thu nguyệt sanh hàn thủy.

Nạp tăng ư thử cánh cầu chân,

Lưỡng cá hồ tôn thùy tứ vỹ.

Dịch:

Tai mắt một bề trong,

Ở yên nơi hang vắng.

**Gió thu thổi cổ tùng,
Trăng thu hiện sông lạnh.
Thiên tăng khi ấy lại cầu chân,
Hai con khỉ đột bốn đuôi thông.**

Sư hét một tiếng.



Sư thượng đường:

- Đâu Suất trọn không biện biệt, lại kêu rùa đen là trạch. Không thể nói diệu bàn huyền, chỉ biết khua môi động lưỡi. Khiến cho thiên tăng trong thiên hạ xem thấy giọt máu trong mắt. Chẳng phải là người dối sân làm hỷ, tiểu ngạo yên hà đó chăng?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Thổi lên một bản nhạc thăng bình, rốt cuộc bình sinh chưa hết sầu.



Sư thượng đường:

- Mới thấy tân xuân lại sang đầu hạ, bốn mùa dường tên sáng tối như thoi, bỗng chợt má hồng trở thành đầu bạc. Cần phải nỗ lực riêng dụng tinh thần, cày cấy vườn ruộng của mình, chớ phạm lúa mạ của người. Tuy nhiên như thế, kéo cày mang bữa phải là con trâu trắng ở núi Tuyết mới được. Hãy nói lỗ mũi ở chỗ nào?

Sư im lặng giây lâu nói: - Vất, vất!

Mới thấy tân xuân lại sang đầu hạ. Như chúng ta bây giờ thì nói, mới thấy đầu hạ nay đã cuối đông. Bốn mùa dường tên, sáng tối như thoi. Bốn mùa đổi thay nhanh như tên bắn, sáng tối lẹ như thoi đưa. Bỗng chợt má hồng trở thành đầu bạc. Mới lúc nào má hồng, bây giờ nhìn lại đầu đã bạc. Cần phải nỗ lực riêng dụng tinh thần. Thấy sự vô thường nhanh chóng đó, chúng ta phải nỗ lực cố gắng tu hành. Tu hành bằng cách nào?

Cày cấy vườn ruộng của mình, chớ phạm lúa mạ của người. Câu này quá hay! Chúng ta tu là săn sóc vườn ruộng của mình, vườn ruộng là tâm điền. Lo săn sóc tâm của mình, chớ phạm lúa mạ của người. Bây giờ phần nhiều ruộng mình thì bỏ hoang, cứ ăn lúa mạ của thiên hạ. Đó là cái khổ! Việc tu không gì hơn là quay lại săn sóc chính đất tâm của mình, đừng để cỏ hoang gai mọc, đừng xâm lấn vườn ruộng kẻ khác. Bệnh của chúng ta là bệnh ăn trộm, của mình không ngó ngang cứ lén sang người ăn trộm. Ăn lúa mạ của người nên sanh chuyện lôi thôi, gây gỗ đánh nhau rồi tạo nghiệp.

Phải là con trâu trắng ở núi Tuyết mới được. Con trâu trắng như trong kinh Pháp Hoa, ông trưởng giả bảo các con ra khỏi nhà lửa sẽ cho các thứ xe, nào là xe nai, xe dê, xe trâu; nhưng rốt cuộc chỉ cho xe trâu trắng. Trâu trắng chỉ cho Phật thừa, cũng chính là pháp thân. Phải nhận thẳng cái đó mới được. Hãy nói lỗ mũi ở chỗ nào? Nhắc lại mình có cái chân thật ngay đó.

Ngài im lặng giây lâu nói: *Vắt, vắt!* Đó là tiếng mục đồng ra lệnh con trâu.

Sư thượng đường:

*Thường cư vật ngoại độ thanh thời,
 Ngưu thượng hoành tương trúc địch xuy.
 Nhất khúc tự u sơn tự lục,
 Thử tình bất dữ bạch vân tri.*

Dịch:

**Thường cư vật ngoại qua thời rồi,
 Lưng trâu ngồi cầm ngang sáo thổi,
 Một bản tự yên, núi tự biếc,
 Tình này chẳng để mây trắng hay.**

Rất thích, chư thiền đức! Nhớ lại Phạm Lãi đối vượt sóng to, nhân nghĩ Trần Đoàn ngủ rồng trên ngọn Thái Hoa, đâu từng mộng thấy luống được danh cao, thật chưa thần đạo nhàn du dấu quê. Tuy nhiên như thế, thiền tăng mắt sáng chớ nói, Long An chẳng ai khác là chính mình. Tốt!

Thường cư vật ngoại qua thời rồi, lưng trâu ngồi cầm ngang sáo thổi. Người ở ngoài sự vật rất thanh nhàn, ngồi trên lưng trâu cầm ống sáo thổi. Một bản tự yên núi tự biếc, tình này không để mây trắng hay. Thổi một bản nhạc yên ổn nơi tâm mình, núi cũng tự xanh biếc, tình lặng lẽ này không phải tình theo mây trắng bay. Như trước có nói, ngồi thấy mây trắng bay thì theo mây làm hang ổ.

Phạm Lãi lúc từ quan đi chơi thuyền dạo trên sông, làm một người thanh nhàn. Trần Đoàn là một

ông tiên hái thuốc trên núi Thái Hoa, cũng có tiếng là người nhàn hạ thanh thoi. Nhưng đó cũng là chưa được *thần đạo nhàn du dấu quê*, chưa về được chỗ quê xưa của mình. *Tuy nhiên như thế, thiền tăng mắt sáng, chớ nói Long An chẳng ai khác là chính mình.* Long An là chỉ cho chính mình.

Thượng đường:

*Vô pháp diệt vô tâm,
Vô tâm phục hà xả?
Yếu chân tận thuộc chân,
Yếu giả toàn quy giả.
Bình địa thượng hành thuyền,
Hư không lý tẩu mã.
Cửu niên diện bích nhân,
Hữu khẩu hoàn như á.*

Dịch:

**Không pháp cũng không tâm,
Không tâm lại gì xả?
Cần chân trọn thuộc chân,
Cần giả toàn về giả.
Trên đất bằng chèo thuyền,
Trong hư không cưỡi ngựa.
Người chín năm nhìn vách,
Có miệng lại như câm.
Tham!**

Đây là một bài thơ của người xưa, dường như là của Tu sơn chủ. *Không pháp cũng không tâm, không tâm lại gì xả?* không tâm còn xả cái gì! *Cần chân trọn thuộc chân, cần giả toàn về giả.* Muốn cầu chân thì thành chân, muốn giả trở thành giả. *Trên đất bằng chèo thuyền, trong hư không cưỡi ngựa. Người chín năm nhìn vách, có miệng lại như câm.* Hãy tham câu nói đó.

Thượng đường:

- “Đêm đêm ôm Phật ngủ, ngày ngày cùng Phật đi, ngồi đứng cùng theo nhau, nói nín đồng chung ở, muốn biết chỗ Phật đi, chỉ lời nói này vậy.”
Chư thiên đức! Lão già Phó đại sĩ chỉ biết ôm cột cầu mà đòi tắm rửa, nắm dây neo mà đẩy thuyền đi, muốn in mà lấy chữ trong khuôn ra. Đâu biết thiên tăng bản sắc lấp bí hang Phật tổ, đập nát cửa huyền diệu, nhảy ra khỏi hầm đoạn thường, chẳng nường cảnh thanh tịnh, trọn không một vật riêng vung song quyền (hai nắm đấm), hoành hành trên biển dựng nhà lập nước. Có một nhóm cũng muốn nằm trên đầu sào trăm thước ngồi yên lặng lẽ, đến lúc đổi thân bỏ mạng không được. Đâu chẳng thấy đại sư Vân Môn nói: Biết là việc quanh co, ném qua một bên, cần phải lấy hết tinh thần khắc ghi gân cốt, nhằm trước khi hỗn độn chưa phân tiến được vẫn là kẻ độn; há kham ở trên đầu lưỡi người ném được mùi vị, trọn không có ngày liễu ngộ. Chư thiên khách! Cần hội chăng?

Vén đứng lông mày có khó gì,

Rõ ràng chẳng thấy một mảy tơ.

**Gió thổi trời xanh mây tan hết,
Trăng treo đỉnh núi ngọc một vầng.**

Sư hét một hét xuống tòa.

Ngài dẫn bài kệ của Phó đại sĩ:

*Đêm đêm ôm Phật ngủ,
Ngày ngày cùng Phật đi,
Ngồi đứng cùng theo nhau,
Nói nín đồng chung ở,
Muốn biết chỗ Phật đi,
Chỉ lời nói này vậy.*

Chúng ta có lúc nào vắng Phật không? Đêm thì ngủ chung với Phật, ngày đi chung với Phật, ngồi đứng nói nín đều có Phật. Muốn biết chỗ của Phật, chỉ ngay lời nói này. Phó đại sĩ đã chỉ, mỗi người đều có Phật. Phật không rời chúng ta bao giờ, chỉ tại mình quên Phật, nên tưởng như Phật phụ mình mà trái lại mình phụ Phật.

Ngài bình: *Lão già Phó đại sĩ chỉ biết ôm cột cầu mà đòi tắm rửa, nắm dây neo mà đẩy thuyền đi, muốn in mà lấy chữ trong khuôn ra. Đó là làm những chuyện vô lý.*

Đâu biết thiền tăng bản sắc lấp bít hang Phật tổ, đập nát cửa huyền diệu. Phó đại sĩ nói như vậy vẫn còn dính còn kẹt, vì còn nói Phật nói tổ là còn bị ngôn ngữ trói buộc. Nếu là thiền tăng tay khéo thì phải lấp bít hang Phật tổ, đập nát cửa huyền diệu, không còn dùng danh từ Phật tổ hay danh từ huyền diệu nữa.

Nhảy ra khỏi hầm đoạn thường, chẳng nương cảnh thanh tịnh, trọn không một vật. Không nói lý đoạn thường, trong đó trọn không nương gá một vật. Riêng vung song quyền, hoành hành trên biển dựng nhà lập nước. Hiện tại mạnh mẽ ngang dọc, dựng lập gia phong. riêng vung song quyền, hoành hành trên biển. Như thế là giáo ngoại biệt truyền.

Có một nhóm cũng muốn nhằm trên đầu sào trăm thước ngồi yên lặng lẽ, đến lúc đổi thân bỏ mạng không được. Nếu tu đến chỗ ngồi yên lặng lẽ, như mục chần trâu thứ tám, hết trâu hết chần chỉ còn một cái yên tịnh, nhưng khi sắp chết lại không tự tại.

Đại sư Vân Môn nói: Biết là việc quanh co, ném qua một bên, cần phải lấy hết tinh thần, khắc ghi gân cốt, nhằm trước khi hỗn độn chưa phân tiến được vẫn là kẻ độn; há kham ở trên đầu lưỡi người ném được mùi vị, trọn không có ngày liễu ngộ. Cứ suy nghĩ trên lời nói của người thì không có ngày liễu ngộ.

Chư thiền khách! Cần hội chăng? Vén đứng lông mày có khó gì, rõ ràng chẳng thấy một mảy tơ. Những vị thiền sư xưa già lông mày phủ mắt, muốn thấy mọi thứ không vướng thì phải vén lông mày. Nhưng chỗ chân thật sẵn đó trước mắt, không xa cách mảy tơ.

Gió thổi trời xanh mây tan hết, trăng treo đỉnh núi ngọc một vầng. Gió thổi mây tan, những thứ tâm trộm bị nát hết, chỉ còn vầng trăng như ngọc trên ngọn núi biếc kia.

Một hôm, Vô Tận cư sĩ Tào sứ Trương Thương Ưởng đi thanh tra qua Phần Ninh, thỉnh trưởng lão

năm viện đến Vân Nham thuyết pháp. Sư đăng tòa rồi sau, cầm ngang cây gậy nói:

- Vừa rồi chư thiện tri thức nắm ngang buông dọc đứng thẳng ném xiên, đổi bước dời thân giấu đầu bày sừng, đã ở trước mặt học sĩ mỗi vị nhận bại khuyết, chưa khỏi ăn gậy đau trong tay Đâu Suất (Sư). Đến đây chẳng do bằng lòng cùng không bằng lòng. Có sao? Thấy việc bất bình đâu nhẫn được, thiền tăng chánh lệnh tự phải hành.

Sư chao cây gậy xuống tòa.

Ngài nói, tất cả những vị thiện tri thức vừa rồi đã nói ngang dọc, tới lui đủ thứ, như thế cũng là bày sừng bày đầu rồi, đến tôi thì không phải bằng lòng hay chẳng bằng lòng. *Có sao? Thấy việc bất bình không nhẫn được, thiền tăng chánh lệnh tự phải hành.* Ngài chao cây gậy xuống tòa, đó là hành chánh lệnh. Một lối rất khéo.

Trong thất Sư dùng ba câu nói để nghiệm học giả:

1- Vạch cỏ xem gió chỉ mong thấy tánh, chính nay Thượng tọa tánh ở chỗ nào?

Quý vị nghiệm xem tánh mình ở đâu?

2- Biết được tự tánh mới thoát sanh tử, khi chết rồi làm sao thoát?

Nói là thoát sanh tử, nhưng khi chết làm sao thoát?

3- Thoát được sanh tử liền biết chỗ đi, bốn đại phân ly nhằm chỗ nào đi?

Đi là khi còn tứ đại, tứ đại tan nát rồi thì đi đâu? Lấy cái gì đi?

Đó là ba câu hỏi để nghiệm xét người của ngài.

Niên hiệu Nguyên Hựu thứ sáu (1091) vào mùa đông, Sư tắm gội xong họp chúng nói kệ:

<i>Tứ thập hữu bát,</i>	Bốn mươi tám năm,
<i>Thánh phàm tận sát.</i>	Thánh phàm giết sạch.
<i>Bát thị anh hùng,</i>	Chẳng phải anh hùng,
<i>Long An lộ hoạt.</i>	Long An đường trơn.

Sư ngồi yên thị tịch, thọ 48 tuổi. Vua sắc phong Chơn Tịch thiền sư.

Ngài sống chỉ có bốn mươi tám năm, thánh phàm đều giết sạch, tuy làm vậy mà chẳng phải anh hùng. *Long An đường trơn*, con đường của ngài khó đi.

Cách nói năng của ngài rất linh hoạt. Qua đây chúng ta thấy rõ tinh thần nhà thiền, các thiền sư không dùng ngôn ngữ giải thích cho hiểu, cũng không dùng danh từ Phật pháp để chúng ta nghe. Vì thế nói mà không dính một danh từ Phật pháp, nói mà không cho suy nghĩ, bởi nếu nói cho nghĩ hiểu được thì đó là đưa chúng ta vào con đường ma. Nói mà không cho hiểu, nhằm cắt đứt tâm trộm của chúng ta. Khi nghe lời của các ngài, nếu nhận được thì tốt, không nhận thì thôi, khỏi suy nghĩ, còn suy nghĩ là bệnh.



THIÊN SƯ CẢO PHẬT CHIẾU ở PHÁP VÂN - ĐÔNG KINH

**Sư thuở thiếu niên đi du phương, yết kiến
thiên sư Cơ ở Viên Thông. Sư vào thất, Cơ nhắc lại:**

**- “Tăng hỏi Đầu Tử: Người đại tử khi sống lại
thì thế nào? Tử đáp: Chẳng cho đi đêm đợi sáng sẽ
đến.” Ý thế nào?**

Sư đáp: - Ôn lớn khó đền.

**Cơ rất vui bèn sai thủ chúng. Đến chiều vì
chúng cầm phát tử, cơ chậm lại vụng, chúng đều
cười, Sư đỏ mặt.**

**Hôm khác nơi tăng đường, Sư pha trà nhân
đụng gáo múc trà rơi xuống đất, thấy cái gáo nhào
liền được Ứng cơ tam-muội.**

**Ngài ban đầu do đối đáp khéo một câu mà được
thiên sư Cơ cho làm thủ chúng. Nhưng khi làm thủ chúng,**

vì mới sử dụng phát tử nên chậm lụt bị chúng cười, ngài bị chúng cười mắc cỡ đỏ mặt. Sau đó ngài pha trà, do thấy cái gáo mức nước rơi, liền được Ứng cơ tam-muội, tức là chánh định Ứng cơ. Chánh định Ứng cơ là hỏi đâu đáp đó, không cần dè dặt lựa chọn, rất hợp căn cơ.

Sau Sư nương Chơn Tịnh. Nhân đọc bài kệ của Tổ:

*Tâm đồng hư không giới
Thị đẳng hư không pháp
Chứng đắc hư không thời
Vô thị vô phi pháp.*

Dịch:

**Tâm đồng cõi hư không
Hiện đồng pháp hư không
Khi chứng được hư không
Không pháp, không phi pháp.**

Sư hoát nhiên đại ngộ. Mỗi khi nói chuyện với người, Sư bảo:

- Tôi ở năm Thiệu Thánh thứ ba (1096), ngày hăm một tháng mười một ngộ được thiền tác vuông.

Đây là bài kệ của tổ Phật-đà-nan-đề, Tổ thứ tám trong hệ thống chư tổ Ấn Hoa. Bài kệ nói ý nghĩa tâm thể rỗng rang như hư không, muôn pháp không pháp nào ra ngoài nó. Người chứng được tâm như hư không, lúc ấy chẳng thấy có pháp hay phi pháp, hơn thua đối đãi.

Nghe tới đó ngài hoát nhiên đại ngộ. Mỗi khi nói chuyện với người, ngài bảo: *Tôi ở năm Thiệu Thánh thứ ba, ngày hăm mốt tháng mười một, ngộ được thiền tắc vương.* Đó là ngày ngài đại ngộ nên nhớ rõ. Chữ tắc vương là một tắc vương của Trung Hoa ngày xưa. Thiền tắc vương là nói đến tâm chúng ta, tượng trưng như trái tim của mình. Nói rằng ngộ được thiền tắc vương tức là ngộ được thiền tâm.

Sư trụ Quy Tông, sau chiếu dời về ở Tịnh Nhon.

Có vị tăng hỏi: - Đạt-ma Tây sang truyền cái gì?

Sư đáp: - Châu, Tần, Hán, Ngụy.

Tăng hỏi:

- Xưa Tăng hỏi Vân Môn: “Thế nào là câu thấu pháp thân?” Vân Môn đáp: “Trong Bắc đẩu tàng thân.” Ý chỉ thế nào?

Sư đáp: - Lòng son mảnh mảnh.

Tăng thưa: - Nếu là con thì chẳng thế.

Sư hỏi: - Ông lại làm sao?

Tăng thưa:

- Đêm qua ngẩng đầu xem Bắc đẩu, tựa tựa như điểm đường trên bánh.

Sư bảo:

- Chỉ nhớ nước cỏ, ngoài ra không biết gì.

Đó là lời quả khéo. Nghĩa là chỉ nhớ bánh, giống như trâu bò nhớ cỏ nhớ nước vậy thôi, chứ không biết gì khác.

Sư thượng đường:

- Tây sang ý Tổ giáo ngoại biệt truyền, chẳng phải bậc đại căn khó bề chứng nhập, người chứng nhập chẳng bị văn tự ngữ ngôn xoay chuyển, thanh sắc phải quấy làm mê, cũng không khác Vân Môn Lâm Tế, không lạ Triệu Châu Đức Sơn. Vì thế xướng đạo cần phải rõ trong có lời là không lời, trong không lời là có lời. Nếu nhằm nơi đây tiến được, đáng gọi trọn ngày mặc áo mà chưa từng mang một sợi tơ, trọn ngày ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo. Như thế quả Phật mắng Tổ có lỗi lầm gì? Tuy nhiên như thế, muốn được chẳng chuốc nghiệp vô gián, chớ chê chánh pháp của Như Lai.

Sư hét một tiếng xuống tòa.

Tây sang ý Tổ giáo ngoại biệt truyền, chẳng phải bậc đại căn khó bề chứng nhập. Ý Tổ sư từ Tây sang truyền ngoài giáo lý, nếu không phải là bậc đại căn cơ, rất khó chứng nhập được.

Người chứng nhập chẳng bị văn tự ngữ ngôn xoay chuyển. Người chứng nhập được ý Tổ Tây sang, thấy được lý thật rồi thì không bị ngữ ngôn văn tự xoay chuyển. Nếu chưa thấy được chỗ này, dễ bị danh tự ngữ ngôn xoay chuyển. Như chúng ta đang vui, bất thần có ai đi ngang nói nặng mình một câu: Ngu như con bò, làm bộ nói dóc!... Danh tự “con bò” làm cho mình đỏ mặt liền. Vừa nghe một câu là chuyển hết cả vui tươi thành ra quạu quọ, rõ ràng là bị danh tự ngữ ngôn chuyển.

Thanh sắc phải quấy làm mê. Thanh là tiếng, sắc là hình sắc. Người chứng nhập được thì không bị âm thanh sắc tướng, cái phải cái quấy làm cho mê, kẹt trong đó. Chúng ta mở miệng liền dính vào phải quấy, khi người nói phải thì ưng chịu, nói quấy thì không chịu, làm điều quấy mà người khác nói quấy mình cũng không chịu. Tất cả mê lầm từ đó mà ra. Người không bị danh từ ngữ ngôn chuyển, không bị thanh sắc phải quấy làm mê thì không khác gì Vân Môn, Lâm Tế, cũng không có lạ Triệu Châu, Đức Sơn. Người được vậy, không thua các Tổ trước.

Vì thế xướng đạo cần phải rõ trong có lời là không lời, trong không lời là có lời. Trong có lời là không lời, trong không lời là có lời, làm sao hiểu được? Trong có lời mà không lời, tức là lời nói không ý nghĩa, không có ý vị của ngôn ngữ để cho mình đuổi theo. Trong không lời có lời, tức là trong chỗ không lời nhưng có chỉ cho thấy đạo lý ngay đó.

Trong có lời là không lời, như có người hỏi Động Sơn Thủ Sơ, thế nào là Phật? Động Sơn trả lời: Ba cân gai. Là có lời hay không lời? Có lời mà không động môi lưỡi. Nếu nghe nói “ba cân gai”, rồi cứ theo đó suy gẫm thì một ngàn năm cũng không biết nói gì. Nếu khéo thì ngay “ba cân gai” ngộ được. Nhà thiền có cái kỳ đặc như thế.

Trong không lời là có lời, như khi tổ Lâm Tế đến chỗ Hoàng Bá, hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Liền bị Hoàng Bá đánh cho một gậy. Có lời nào không? Cái đánh

đó là không lời. Nhưng nếu không lời, tại sao tới chỗ Đại Ngu gọi một câu, tổ Lâm Tế liền ngộ? Đại Ngu lại nói: Đó là do Hoàng Bá chứ không phải ta. Như vậy thì trong không lời mà đã có lời, lời gì thì mỗi người tự nghiệm, không nói ra đây được, nếu nói thành có lời mất rồi!

Nếu nhằm nơi đây tiến được, đáng gọi trọn ngày mặc áo mà chưa từng mang một sợi tơ, trọn ngày ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo. Mặc áo mà chưa từng mang một sợi tơ, ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo, nghe dễ hiểu không? Nếu người được như vậy thì thoát ngoài mọi sự dính mắc, thoát ngoài mọi hình tướng mà thiên hạ lầm cho là thật.

*Như thế quả Phật mắng Tổ có lỗi làm gì? Tới chừng đó quả Phật mắng Tổ cũng không lỗi lầm. Tuy nhiên, nói đến đây ngài ngại một số người lầm chấp rồi làm càn bướng, nên liền nói: *Tuy nhiên như thế, muốn được chẳng chuốc nghiệp vô gián, chớ chê chánh pháp của Như Lai.* Câu này dẫn trong Chứng Đạo Ca: Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp, mặc báng Như Lai chánh pháp luân.*

Sư thượng đường cầm cây gậy nói:

- Quy Tông biết chém rấn, Hòa Sơn giỏi đánh trống, vạn tượng cùng sum la đều từ trong đây.

Sư ném cây gậy nói:

- Về tăng đường uống trà.

Ngài thượng đường nói mà không cho chúng ta thấy được ý vị để đuổi theo suy nghĩ, dẫn hành động của các bậc thiện tri thức trước, không phê bình gì thêm.

Sư thường nói với chúng:

- Lão tăng vào niên hiệu Hy Ninh thứ tám (1075) tại phủ Phụng Tường có văn bản nói rõ, năm này Hoa Sơn sạt lở bốn mươi dặm, đè sập tám chục nhà trong thôn. Bọn các ông hậu sanh trái cà trái dưa bao giờ biết được.

Có người hỏi:

- Trên tòa Bảo Hoa Vương, vì sao một bề thế đế?

Sư đáp:

- Kẻ si, Phật tánh há có hai thứ sao?

Ngài nói, niên hiệu Hy Ninh thứ tám, tại phủ Phụng Tường có bản văn nói về việc Hoa Sơn sạt lở làm sập nhà dân. *Bọn các ông hậu sanh, trái cà trái dưa bao giờ biết được.* Các ông là hậu sanh, chuyện hiện tại tầm thường còn không biết, huống nữa là chuyện đó.

Có người hỏi: Ngài ngồi trên tòa Bảo Hoa Vương như vậy, tại sao lại nói chuyện thế đế, là chuyện thường thế gian? Ngài đáp: *Kẻ si, Phật tánh há có hai thứ sao?* Phật tánh không nói là thế đế hay đệ nhất nghĩa đế.



THIÊN SƯ TRẠM ĐƯỜNG VĂN CHUẨN ở LẠC ĐÀM - phủ LONG HUNG

(1061 - 1115)

Sư họ Lương, quê ở Đường Cố, phủ Hưng Nguyên. Thuở còn trong nôi thấy tượng Phật, Sư liền cười. Thời đồng tử chẳng ưa nghe rượu thịt. Sa-môn Hư Phổ ở chùa Kim Tiên đến nhà khát thực, Sư ở trước cửa ứng đối như người lớn. Lúc bấy giờ mới tám tuổi, Sư xin từ giã cha mẹ theo Hư Phổ về chùa.

Kinh lược Thiểm Tây là Phạm Công đến chùa Hư Phổ, Phổ tuổi già ứng đối lơ là. Sư đứng hầu bên cạnh giải thích rõ ràng tới lui có quy củ. Phạm Công muốn dẫn Sư về Thiểm Tây, Sư từ rằng:

- Lên núi để cầu ngọc, vào biển để tìm châu, mỗi người có chí của mình. Người học đạo có bản hạnh, việc đẹp ở đời không phải là chỗ tâm nguyện.

Phạm Công thầm khen lời này, liền cho xuất gia làm Tăng.

Lúc ngài tuổi nhỏ, chừng mười một mười hai tuổi đã đối đáp rất hay. Phạm Công là quan Kinh lược, như Thanh tra bây giờ, thấy ngài lanh lẹ muốn đem về Thiểm Tây cho học để sau làm quan. Ngài từ chối một cách khôn ngoan: *Lên núi để cầu ngọc, vào biển để tìm châu, mỗi người có chí của mình.* Tôi ở chùa mục đích là tìm cái gì cao siêu, không phải vì thích được thanh thoi hay vui vẻ. Việc làm của tôi giống như người lên núi tìm ngọc, vào biển tìm châu báu, chứ không phải tùy hứng.

Người học đạo có bản hạnh, việc đẹp ở đời không phải là chỗ tâm nguyện. Bản hạnh là hạnh của mình. Bản hạnh phải thế nào cho xứng với người học đạo, còn việc đẹp ở đời tức là những danh lợi quyền tước thế gian, không phải là chỗ người học đạo ưa muốn. Phạm Công nghe rồi thầm khen, cho ngài xuất gia làm Tăng.

Sư đến nương thiền sư Thừa ở Lương Sơn. Thừa quả rằng:

- Khu ô chưa thọ giới dám học Phật thừa.

Sư vòng tay thưa:

- Đàn tràng là giới chăng? Xà-lê phạm hạnh và ba phen yết-ma là giới chăng?

Thừa kinh ngạc. Sư cười thưa:

- Tuy nhiên đâu dám không vâng lời dạy.

Sư bèn đến luật sư Đường An thọ giới Cụ túc.

Ngài đến nương thiền sư Thừa ở Lương Sơn, Thừa quả rằng: *Khu ô chưa thọ giới dám học Phật thừa*. Học Phật thừa là học thiền. Khu ô là đuổi quạ. Sa-di từ mười hai tuổi trở xuống gọi là Sa-di khu ô, vì tuổi nhỏ chưa thọ giới Cụ túc, chỉ sai đuổi chim chóc ngoài ruộng.

Ngài vòng tay thưa: *Đàn tràng là giới chăng? Xà-lê phạm hạnh và ba phen yết-ma là giới chăng?* Giới ở chỗ nào? Đàn tràng như vậy là giới phải không? Ba phen yết-ma là nghi thức thọ giới, đó là giới phải không? Tuy tuổi nhỏ mà câu nói xuất cách, nên thiền sư Thừa kinh ngạc. Ngài cười thưa: *Tuy nhiên đâu dám không vâng lời dạy*. Ngài bèn đến luật sư Đường An xin thọ giới Cụ túc, với người đặc biệt cho thọ Cụ túc sớm.

Sư đạo khắp các nơi giảng dạy tại Thành Đô. Pháp sư Đàm Diễn thích chỗ anh tài của Sư về bảo:

- Ông là thuyền pháp sau này. Phương Nam có các bậc khai sĩ như Chân Như ở Đại Quy, Chơn Tịnh ở Cửu Phong, nên đến đó cầu đạo.

Sư lễ bái vâng dạy, cùng đồng học đến Đại Quy, trụ tại đây khá lâu mà không khế ngộ. Sư đến Cửu Phong yết kiến Chơn Tịnh. Chơn Tịnh hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa: - Phủ Hưng Nguyên đến.

Chơn Tịnh hỏi: - Vừa rời chỗ nào?

Sư thưa: - Đại Ngưỡng.

Chơn Tịnh hỏi: - Hạ ở đâu?

Sư thưa: - Quy Sơn.

Chơn Tịnh xòe tay nói:

- Tay ta sao giống tay Phật?

Sư mờ mịt không biết. Chơn Tịnh quở:

- Vừa rồi câu câu không sai lầm một mảy tơ, linh minh thiên chân, vừa nói đến tay Phật liền thành cách ngại, bệnh tại chỗ nào?

Sư thưa: - Chẳng hiểu.

Chơn Tịnh bảo:

- Tất cả hiện thành lại bảo ai hiểu?

Thật là một thuật kỳ đặc. Ban đầu thiền sư Chơn Tịnh hỏi, ở đâu đến? Nghe hỏi mỗi mỗi ngài trả lời rõ ràng, đến khi Chơn Tịnh đưa tay lên hỏi, *tay ta sao giống tay Phật*, lại không đáp được. Đang xuôi chiều chợt nghe câu hỏi đột ngột, ngài mờ mịt không biết nói gì.

Chơn Tịnh quở: *Vừa rồi câu câu không sai lầm một mảy tơ, linh minh thiên chân, vừa nói đến tay Phật liền thành cách ngại, bệnh tại chỗ nào?* Trước hỏi câu nào, trả lời đều đúng không sai, nhưng bây giờ đưa tay hỏi tay Phật, ngang đó bị chướng, vậy bệnh tại chỗ nào?

Ngài thưa: *Chẳng hiểu*. Chơn Tịnh bảo: *Tất cả hiện thành lại bảo ai hiểu?* Đây là câu Chơn Tịnh chỉ thẳng. Tất cả hiện thành tức là tất cả hiện tại đầy đủ, lại bảo ai hiểu. Ngài ở đây hầu hạ hơn mười năm.

Sư ở đây hầu hạ hơn mười năm. Một hôm Sư cầm cây gậy vạch mặt hồ cho trống để giặt y, nhân đây đại ngộ, chạy đến Chơn Tịnh thuật sở ngộ.

Chơn Tịnh quở:

- Trong đây lại dám lời thôi ư!

Từ đây, Sư càng ẩn giấu mà danh càng bày.

Đãi chế Lý Cảnh Chân trấn thủ Dự Chương mền đức Sư thỉnh khai pháp ở Vân Nam. Chưa bao lâu, Phạm Công mời Sư đến Lạc Đàm. Sư lời lẽ như tên bay nước chảy, cơ phong như điện chớp, thiền tăng sợ mà kính. Dưới sự hướng dẫn của Sư có cả ngàn người. Sư tự hiệu là Trạng Đường.

Một hôm ngài cầm cây gậy vạch mặt hồ cho trống để giặt y, nhân đó đại ngộ, bèn chạy đến Chơn Tịnh thuật sở ngộ. Chơn Tịnh quở: *Trong đây lại dám lời thôi ư!* Chơn Tịnh nói câu này là khen hay chê? Thường trong nhà thiền, các thiền sư ẩn chứng không cho biết, chỉ có một hai vị gọi là “ái tử bất giác xú”, thương con không biết hỏi mới nói thẳng. Ở đây, ngài ẩn chứng rất lạ, nói dường như chê: Trong đây lại dám lời thôi. Việc của ông thấy, không có gì quan trọng. Câu nói đó chính là đã ẩn chứng.

Lời lẽ của ngài như tên bay nước chảy, cơ phong tựa điện chớp, nhanh nhẹn như vậy. Đoạn sau sẽ chứng minh cho thấy, điều này khiến cho thiền tăng vừa sợ vừa kính.

Có vị tăng mới đến yết kiến liền trải tọa cụ. Sư bảo:

- Chưa hỏi việc người, Thượng tọa vừa rời chỗ nào?

Tăng thưa: - Quy Tông ở Lô Sơn.

Sư hỏi: - Tông quy về đâu?

Tăng kêu: - Á!

Sư bảo: - Trong hang ếch làm kế sống.

Tăng thưa: - Hòa thượng sao không lãnh thoại?

Sư bảo: - Ông đâu chẳng phải từ Quy Tông lại.

Tăng thưa: - Phải.

Sư bảo: - Gã đầy tớ.

Có vị tăng mới tới yết kiến, chưa nói gì liền trải tọa cụ. Sau vài câu đối đáp, Tăng kêu lên: Á! Ngài bảo: *Trong hang ếch làm kế sống*. Tăng thưa: *Hòa thượng sao không lãnh thoại?* Hòa thượng sao không nhận lời của con. Ngài bảo: *Ông đâu chẳng phải từ Quy Tông lại?* Tăng thưa: *Phải*. Ngài bảo: *Gã đầy tớ*. Ông tăng này sai ở chỗ nào?

Cơ phong của ngài nhạy quá, như tên bay nước chảy thấy không kịp. Khi ngài bảo, ông từ Quy Tông đến chẳng? Vị tăng đáp, phải. Chữ *phải* đó, là lỗi lớn nhất. Vị tăng ở Quy Tông lại thì nói phải là hợp lý, nhưng không ngờ bị gạt. Phải là đối với quấy, vừa nói là rơi vào hai bên, chưa thấy được lẽ thật. Ngài quở, gã đầy tớ, tức là kẻ không thông, bị sai khiến chạy lăng xăng. Cách đối đáp của các ngài rất nhạy bén, đưa tới đẩy lui gạt mình vô rọ.

Sư hỏi Tăng thứ hai: - Vừa ở chỗ nào đến?

Tăng thưa: - Viên Châu.

Sư hỏi: - Hạ ở đâu?

Tăng thưa: - Ngưỡng Sơn.

Sư hỏi: - Lại thấy Tiểu Thích-ca chăng?

Tăng thưa: - Thấy.

Sư hỏi: - Lỗ mũi dài hay ngắn?

Tăng suy nghĩ. Sư bảo:

- Ông thầy quê, lời nói đã rơi.

Khéo vô cùng, nói dài nói ngắn gì cũng kẹt, còn suy nghĩ thì bị đánh đòn. Tăng suy nghĩ, ngài bảo: *Ông thầy quê, lời nói đã rơi.* Hỏi liên tiếp gài vô bẫy, không thấy được thì mắc kẹt ngay đó. Ngài nhanh lẹ mà thiền tăng chậm một chút thì bị kẹt.

Sư hỏi vị tăng: - Ông đến làm gì?

Tăng thưa: - Con đến vấn an Hòa thượng.

Sư bảo:

- Mây bay đầu núi nhàn biết mấy, nước chảy dưới khe rất rộn ràng.

Tăng thưa: - Hòa thượng chớ lừa người.

Sư bảo:

- Mã đại sư vì sao từ gót chân ông đi qua?

Tăng không đáp được. Sư bảo:

- Lại là Xà-lê lừa lão tăng.

Ngài nói hai câu thơ, Tăng kia cũng là tay cừ khôi, nên nói: *Hòa thượng chó lừa người*. Ngài hỏi: *Mã đại sư vì sao từ gót chân ông đi qua?* Tăng không đáp được. Ngài bảo: *Lại là Xà-lê lừa lão tăng*. Đó là thuật khéo của ngài.

Sư ở Phần Ninh gặp hòa thượng Tử Tâm, Tử Tâm hỏi:

- Ông trở về trong núi này chăng?

Sư thưa: - Cần đến lễ bái Sư huynh.

Tử Tâm bảo:

- Khi ông đến khéo xem phương tiện.

Sư thưa: - Có sao?

Tử Tâm bảo: - Con đường Hoàng Long ta trơn.

Sư hỏi: - Đã té nhào bao nhiêu người?

Tử Tâm bảo:

- Ông chưa đến Hoàng Long gót chân trước đã rít.

Sư thưa:

- Hòa thượng đâu được đóng cửa tiếp nhau.

Tử Tâm lại hỏi:

- Lão Chuẩn nuôi nhiều Tăng như thế, chỉ là tụ đầu cãi lẽ rồi ăn cơm, ông cứu cánh đem cái gì vì người?

Sư thưa: - Nhân gió thổi lửa.

Tử Tâm bảo: - Nhiều loạn làm gì?

Sư thưa: - Từ đây có chút ít.

Đây là đối đáp của hai huynh đệ, người không sáng mắt thì không thể thấy được cái hay.

Tử Tâm là đệ tử của Tổ Tâm Bảo Giác, Tổ Tâm là đệ tử của Huệ Nam. Văn Chuẩn là đệ tử Chơn Tịnh, mà Chơn Tịnh cũng là đệ tử Huệ Nam. Như vậy hai bên như huynh đệ chú bác. Thế nên khi ngài ở Phần Ninh gặp hòa thượng Tử Tâm, Tử Tâm hỏi: *Ông trở về trong núi này chăng?* Ngài thưa: *Cần đến lễ bái Sư huynh.*

Tử Tâm bảo: *Khi ông đến khéo xem phương tiện.* Ông muốn đến chỗ tôi phải khéo xem phương tiện. Ngài thưa: *Cớ sao?* Tử Tâm bảo: *Con đường Hoàng Long ta tron.* Đi không khéo coi chừng ngã, Tử Tâm đề cao mình lên.

Ngài hỏi: *Đã té bao nhiêu người rồi?* Tử Tâm bảo: *Ông chưa đến Hoàng Long gót chân trước đã rít rồi.* Chưa đến đã nghe rờn rợn rồi, đừng nói bước tới đó. Ngài thưa: *Hòa thượng đâu được đóng cửa tiếp người.* Như vậy thì Hòa thượng đóng cửa tiếp người, không cho ai tới sao?

Tử Tâm lại hỏi: *Lão Chuẩn nuôi nhiều Tăng như thế, chỉ là tụ đầu cãi lẽ rồi ăn cơm.* Ông cứu cánh đem cái gì vì người? Ông nuôi cả ngàn Tăng, toàn là bọn ăn rồi cãi nhau không làm gì được. Chê tức là hạ xuống.

Ngài thưa: *Nhân gió thổi lửa*. Chỗ vì người của tôi là nhân gió thổi lửa, nói cách khác là tùy cơ. Tử Tâm bảo: *Nhiều loạn làm gì?* Ngài thưa: *Từ đây có chút ít, từ chỗ đó có chút ít.*

Sư hỏi lại:

- Trong núi Hòa thượng nuôi bao nhiêu chúng?

Tử Tâm nói:

- Bốn trăm người toàn là thiền tăng tinh xảo.

Sư thưa: - Trong hang sư tử không thú khác.

Tử Tâm bảo: - Khi ông đến cũng phải chiếu cố.

Sư thưa: - Cũng đợi khi đến.

Tử Tâm hỏi: - Khi đến làm sao?

Sư thưa: - Kêu lại rửa chân.

Tử Tâm bảo:

- Ông thầy đất Xuyên mở miệng to thế.

Sư thưa: - Thượng tọa Chuẩn từ lâu như thế.

Tử Tâm nói: - Ba mươi năm đùa cười ngựa.

Ngài hỏi lại Tử Tâm: *Trong núi Hòa thượng nuôi bao nhiêu chúng?* Tử Tâm nói: *Bốn trăm người, toàn là thiền tăng tinh xảo.* Hạ người xuống, nâng mình lên. Ngài cũng rất điềm tĩnh, thưa: *Trong hang sư tử không thú khác.* Ý khen trong hang toàn là sư tử, không có con thú nào khác chen vô. Tử Tâm bảo: *Khi ông đến cũng phải chiếu cố.* Ông có đến cũng phải coi chừng sư tử.

Ngài thưa: *Cũng đợi khi đến*. Tử Tâm hỏi: *Khi đến làm sao?* Ngài thưa: *Kêu lại rửa chân*. Hạ một câu khéo léo vô cùng, tưởng là đến để kính nể, không dè kêu ra rửa chân cho mình.

Tử Tâm bảo: *Ông thầy đất Xuyên mở miệng to thế*. Sư thưa: *Thượng tọa Chuẩn từ lâu như thế*. Tôi quen tự đề cao như vậy rồi. Thật là lạnh lẽ. Tử Tâm nói: *Ba mươi năm đùa cười ngựa*. Ba mươi năm đùa cười ngựa, hôm nay bị ngựa quăng té. Cơ phong của ngài lạnh lẽ quá, nói chuyện lúc đầu nghe rất hiền hòa, nhưng đến lúc hồi chuông thì khiến người té nhào.

Thấy Tăng xem kinh, Sư hỏi: - Xem kinh gì?

Tăng thưa: - Kinh Kim Cang.

Sư bảo:

- Trong kinh nói “Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp” phải chăng?

Tăng thưa: - Phải.

Sư bảo:

- Tại sao núi Vân Cư cao, núi Bảo Phong thấp?

Tăng thưa:

- Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp.

Sư bảo: - Ông chỉ làm được kẻ tôi tớ Tọa chủ.

Tăng thưa: - Hòa thượng lại thế nào?

Sư bảo: - Hãy buông lỗ mũi ông để thở.



Sư hỏi vị tăng: - An vui chăng?

Tăng thưa: - Vô sự.

Sư bảo: - Ông còn có việc lớn.

Tăng hỏi: - Chưa biết con còn có việc gì?

Sư bảo:

- Gần đây Kim cang ở Thượng Lam cùng Thổ địa ở Thiên Ninh đánh nhau.

Tăng không nói được. Sư bảo: - Té ra vô sự.

Ngài đưa ra câu nói, gần đây Kim cang ở Thượng Lam, tức là thần Kim cang ở chùa Thượng Lam, cùng Thổ địa ở Thiên Ninh đánh nhau. Tăng không biết làm sao trả lời câu đó, ngài nói: *Té ra vô sự*. Ý chê trách, ông dám nói là xưa nay vô sự, không đáp được thì làm sao mà vô sự!

Một hôm Sư thượng đường:

- Bảo Phong một đêm ngủ không suy tính, ngày nay thượng đường moi bụng móc ngực thấy suy nghĩ chẳng ra, mà nay đến giờ việc bức ngặt phải ra cửa gấp.

Bèn đưa phát tử nói:

- Thượng tọa Chuẩn gần đây làm được cán cây phát tử, hãy tạm đem cúng dường đại chúng.

Rồi ném xuống nói:

- Gốc tre lá cọ dây gai cột, dạng tựa thiên nhiên riêng một nhà.

Ngài thượng đường nói: *Bảo Phong một đêm ngủ không suy tính, một đêm ngủ ngon không tính gì. Ngày nay thượng đường moi bụng móc ngực thấy suy nghĩ chẳng ra. Hôm nay lên dạy chúng, moi bụng móc ngực tìm không ra câu nào, bây giờ làm sao? Mà nay đến giờ việc bức ngặt phải ra cửa gấp.*

Bèn đưa phát tử nói: Thượng tọa Chuẩn gần đây làm được cán cây phát tử, hãy tạm đem cúng dường đại chúng. Ngài khéo vô cùng! Rồi ném xuống nói: Gốc tre lá cọ dây gai cột, dạng tựa thiên nhiên riêng một nhà. Cán cây phát tử là như vậy. Ngài có nói đạo lý không? Ngài nói moi bụng móc ngực tìm không có gì để nói, vì chuyện gấp quá nên lên đây đưa cán cây phát tử cho các ông xem, cúng dường các ông.

Niên hiệu Chánh Hòa thứ năm (1115) mùa hạ tháng sáu, Sư bị bệnh. Thủ tọa đến hỏi thăm:

- Ngày gần đây thân thể Hòa thượng thế nào?

Sư bảo: - Lừa què leo vách.

Thủ tọa thưa: - Hòa thượng cũng nên uống thuốc.

Sư bảo: - Cây mục bắc cầu.

Thủ tọa thưa: - Cũng biết Hòa thượng chẳng chịu kiêng miệng.

Sư hỏi: - Ông làm sao?

Thủ tọa suy nghĩ để nói. Sư bảo:

- Ông cũng cần phải uống thuốc.

Đến ngày hai mươi hai tháng bảy, Sư nói kệ rồi tịch, thọ 55 tuổi, 35 tuổi hạ.

Thừa tướng Trương Vô Tận làm lời bia, Gián nghị Hồng Câu Phủ chép Ngữ lục.

Thủ tọa đến hỏi thăm: *Ngày gần đây thân thể Hòa thượng thế nào?* Ngài bảo: *Lừa què leo vách.* Con lừa què mà leo vách thì té nhào.

Thủ tọa thưa: *Hòa thượng cũng nên uống thuốc.* Ngài bảo: *Cây mục bắc cầu.* Giống như cây mục bắc cầu, không lợi ích gì.

Thủ tọa thưa: *Cũng biết Hòa thượng chẳng chịu kiêng miệng.* Hòa thượng cũng ưa nói, không kiêng cử. Thường nói kiêng miệng là cử ăn, ở đây là cử nói.

Ngài hỏi: *Ông làm sao?* Thủ tọa suy nghĩ để nói. Ngài bảo: *Ông cũng cần phải uống thuốc.* Ông chưa thấy, ông cũng phải uống thuốc.

Cách đối đáp của ngài quá tài tình, sanh tử rất tự tại.



THIỀN SƯ PHÁP DIỄN núi NGŨ TỔ - KỲ CHÂU

(1024 - 1104)

Sư họ Đặng, quê ở Miên Châu, đến ba mươi lăm tuổi mới thế phát xuất gia. Sư thọ giới Cụ túc xong, đến Thành Đô học tập luận Bách Pháp, Duy Thức. Sư nhân nghe Bồ-tát khi vào kiến đạo, trí cùng lý hợp, cảnh cùng thân hội, chẳng phân năng chứng sở chứng. Ngoại đạo ở Ấn Độ thường vấn nạn Tỳ-kheo rằng: “Đã chẳng phân năng chứng sở chứng, lại lấy cái gì làm chứng?” Tỳ-kheo không đáp được. Ngoại đạo chê bai khiến không đánh chuông trống, lại trùm ngược ca-sa. Pháp sư Huyền Trang sang Ấn Độ cứu được nghĩa này rằng: “Như người uống nước lạnh nóng tự biết.” Từ đây mới giải được nạn này. Sư nói:

- Lạnh nóng ắt là biết vậy, thế nào là việc tự biết?

Sư liên chất vấn thầy dạy:

- Chẳng biết lý tự biết như thế nào?

Giảng sư cũng không giải được, chỉ khuyên rằng:

- Người muốn rõ lẽ này nên đến phương Nam hỏi những vị truyền Phật tâm tông.

Sư liên mang gói sang phương Nam. Gặp các bậc tôn túc, Sư đều hỏi câu này, chỗ nghi trọn chẳng phá được.

Duy Thức Luận giải thích: *Bồ-tát khi vào kiến đạo, trí cùng lý hợp, cảnh cùng thần hội, chẳng phân năng chứng sở chứng.* Ngày xưa ở Ấn Độ, trong một cuộc tranh luận giữa ngoại đạo và các vị Tỳ-kheo, ngoại đạo dẫn đoạn này trong Duy Thức, để vấn nạn: *Đã chẳng phân năng chứng sở chứng, lại lấy gì làm chứng?* Khi chứng biết tức đã chia hay biết và bị biết, nếu không chia hay biết và bị biết thì lấy gì làm chứng biết?

Các Tỳ-kheo không trả lời được, phải trù ngược ca-sa mà đi. Theo thông lệ tranh luận, bên nào thua phải trù ngược ca-sa đi ra, người ta không đánh chuông trống. Việc này kéo dài đến khi pháp sư Huyền Trang sang Ấn Độ mới cứu được.

Ngài Huyền Trang sang học ở Ấn Độ, đến buổi tranh luận ngài được đề cử. Ngoại đạo cũng đem câu đó ra hỏi, ngài liền đáp: *Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.* Đến chỗ không năng chứng sở chứng, cũng như người uống nước nóng hay lạnh tự mình biết, chứ không nói được. Ngoại đạo thua, từ đây mới giải được nạn này.

Khi đến thiền sư Viên Chiếu Tông Bốn thì những nhân duyên xưa nay đều hiểu hết. Chỉ không hiểu chỗ: “Tăng hỏi Hưng Hóa: Khi bốn phương tám mặt đến thì thế nào? Hưng Hóa đáp: Đánh ở giữa. Tăng làm lễ. Hưng Hóa nói: Hôm qua ta đi phó trai trong thôn, đi đường gặp một trận gió to mưa lớn, lại nằm trong miếu cổ tránh được qua.” Sư đem điều này hỏi Viên Chiếu. Viên Chiếu đáp:

- Đây là nhân duyên dưới tông Lâm Tế, phải hỏi con cháu trong nhà ấy mới được.

Thiền sư Viên Chiếu dù ngộ đạo rồi, nhưng không phải việc trong tông môn của mình, nên cũng không giải thích được, bảo ngài đi hỏi tông Lâm Tế.

Sư liền đến yết kiến thiền sư Viên ở Phù Sơn, thưa hỏi điều này. Viên bảo:

- Ta có một ví dụ nói tương tự cho ông. Ông giống như kẻ bán củi trong thôn vắng, gánh một gánh đến ngã tư đường đứng hỏi người: Ở Trung thư đường ngày nay bàn bạc việc gì?

Trung thư đường là nhà hội họp của quan viên nghị sự chuyện quốc gia. Ông muốn biết chuyện trọng đại nước nhà, mà đứng ở ngoài đường vắng trong thôn sâu hỏi thì làm sao biết!

Sư thâm nghĩ rằng, nếu như thế vẫn chưa phải. Một hôm Viên bảo:

- Ta già rồi e qua mất thời giờ của ông, nên đến nương với Bạch Vân, lão này tuy hậu sanh ta chưa

biết mặt, chỉ thấy bài tụng ba gậy của Lâm Tế có chỗ hơn người, ắt hay làm xong việc lớn cho ông.

Sư rơi lệ lễ từ. Đến Bạch Vân, Sư nhắc vị tăng hỏi Nam Tuyên về châu ma-ni, để thưa hỏi. Bạch Vân liền nạt. Sư lãnh ngộ dâng bài kệ đầu cơ:

*Sơn tiền nhất phiến nhàn điền địa
Xoa thủ đình ninh vấn Tổ ông
Kỷ độ mại lai hoàn tự mãi
Vị lân tùng trúc dẫn thanh phong.*

Dịch:

**Trước non một mảnh nhàn điền địa
Tay chấp tận tình hỏi Tổ ông
Mấy thuở bán ra rồi mua lại
Vì thương tùng trúc dẫn gió lành.**

Bạch Vân ẩn khả, sai trông coi việc xay lúa.

Ngài Nam Tuyên nói, mỗi người có hạt châu ma-ni mà không tự nhận. Ngài nêu ra hỏi, Bạch Vân không đáp mà chỉ nạt một tiếng. Ngài liền ngộ, đây xem như một lần ngộ đáng kể, nhưng chưa xong.

Ngài làm bài kệ trình:

*Trước non một mảnh nhàn điền địa
Tay chấp tận tình hỏi Tổ ông
Mấy thuở bán ra rồi mua lại
Vì thương tùng trúc dẫn gió lành.*

Bạch Vân ấn khả, sai ngài trông coi việc xay lúa. Đoạn này chỗ khác có ghi:

Bạch Vân sai ngài coi việc xay lúa, thấy ngài thông minh tài giỏi được Bạch Vân khen, trong chúng có người đố kỵ, mách với Bạch Vân: Pháp Diễn trông coi việc làm, có bao nhiêu tiền mua rượu nhậu, ăn xài tiêu hết, rồi còn cho gái nữa. Bạch Vân kêu Pháp Diễn hỏi mọi sự, Pháp Diễn nhận tất cả không cải chính. Bạch Vân đánh một tát tai, đuổi đi. Pháp Diễn trở về liêu, tính sổ sách xong đem lên trình: Bạch Hòa thượng, ngoài tiền uống rượu ăn thịt và cho gái, tất cả còn lại bao nhiêu đây. Bạch Vân kiểm lại không sót một đồng xu, chừng đó Bạch Vân mới biết ngài bị oan.

Tại sao ngài không cải chính việc mình làm? Chuyện không mà người nói có, phải biện minh với thầy cho rõ ràng chứ! Ngài muốn để xem thầy có biết mình hay không, thấy thầy giận quá đánh cho một bạt tai, liền về liêu cộng sổ sách đưa lại tiền bạc đầy đủ. Lúc đó thầy mới biết ngài bị oan.

Trong mười điều tâm niệm có dạy: “Bị hàm oan, chẳng cần minh oan; minh oan thì oán hận càng tăng.” Nếu mình minh oan, con không có làm, ai đó nói xấu cho con. Như vậy, những người nói xấu mình họ càng giận hơn. Nên thôi, chịu hết là xong. Người xưa dám chịu nhịn, còn chúng ta bây giờ thì dám cãi; nhiều khi chuyện có làm cũng cãi chối, chứ đừng nói là dám chịu.

Chưa bao lâu, Bạch Vân đến bảo Sư:

- Có một số thiền khách từ Lô Sơn đến đều có chỗ ngộ nhập, bảo y nói cũng nói được rõ ràng, cử nhân duyên hỏi y cũng hiểu được, bảo y hạ ngữ cũng hạ được, chỉ là chưa đúng.

Khi ấy Sư rất nghi, thâm nghĩ: “Đã ngộ rồi, nói cũng nói được, rõ cũng rõ được, tại sao chưa đúng?” Sư bèn tham cứu luôn nhiều ngày, bỗng nhiên tỉnh ngộ, của báu từ trước buông hết, chạy đến yết kiến Bạch Vân. Bạch Vân dùng tay múa chân đáp, Sư chỉ cười mà thôi. Sau Sư nói:

- Tôi nhân đây khắp thân xuất mồ hôi, liền rõ được ngọn gió lành thổi.

Đến đây không dùng lời, múa đáp là ấn chứng. Ngài chỉ cười một cái mà thôi, thầy trò thông cảm nhau không cần qua lời nói.

Về sau, ngài nói: *Tôi nhân đây khắp thân xuất mồ hôi, liền rõ được ngọn gió lành thổi.* Gió lành là sao? Tức là liền hiểu được. Như vậy mới thấy, không phải ngộ một lần mà được, đến đây mới xong việc.

Một hôm Bạch Vân dạy chúng:

- Người xưa nói như gương đúc tượng, sau khi tượng thành gương ở chỗ nào?

Chúng hạ ngữ đều chẳng khế hợp. Bạch Vân hỏi Sư, Sư lại gần thăm hỏi, nói:

- Cũng chẳng dính dáng nhiều.

Bạch Vân cười bảo: - Phải là Đạo giả mới được.

Một hôm Bạch Vân dạy chúng: Người xưa nói, như gương đúc tượng, sau khi tượng thành, gương ở chỗ nào? Câu này xuất xứ từ chỗ Thần Hội hỏi ngài Thanh Nguyên: Như gương đúc tượng, khi tượng thành thì ánh sáng ở chỗ nào? Bởi ngày xưa gương bằng đồng phản chiếu ánh sáng. Khi đúc thành tượng thì sáng không bằng mặt gương, nên hỏi khi thành tượng rồi thì ánh sáng về chỗ nào? Câu hỏi đó có ý gì? Gương là dụ cho ý thức nhanh lẹ của mình, biết cái này cái kia, khi ý thức thuần rồi, thành khối rồi, không còn lăng xăng nữa, thì cái biết lanh lẹ đó đi đâu? Ngài Thanh Nguyên đáp: Tuy nhiên đối y một điểm cũng không được. Khi ý thức không hoạt động, lúc đó chẳng phải không biết, nhưng cái biết rất đơn giản, không lanh lợi lăng xăng, chỉ thuần là cái biết như thật không sai chạy, bên ngoài thế nào nó phản ảnh đúng như thế ấy. Bạch Vân đem câu này ra hỏi chúng, chúng hạ ngữ đều chẳng khế hợp.

Bạch Vân hỏi ngài, ngài lại gần nói: *Cũng chẳng dính dáng nhiều.* Câu này không khác câu nói của ngài Thanh Nguyên. Câu kia nói *đối y một điểm không được*, câu này nói *cũng chẳng dính dáng nhiều*. Khi đến đối đáp với Lục tổ Huệ Năng, thiền sư Huyền Giác nói: Vô sanh há có ý sao? Lục Tổ nói: Không ý thì ai phân biệt? Huyền Giác đáp: Phân biệt nhưng không phải ý. Nghĩa là phân biệt nhưng không so sánh, biết rõ ràng mà không dính ý thức.

Bạch Vân cười bảo: *Phải là Đạo giả mới được.* Ông mới đáp được câu đó, người thường đáp không được.

Ban đầu Sư ra trụ trì chùa Tứ Diện, kế dời về Bạch Vân. Về già đến trụ Đông Sơn núi Ngũ Tổ.

Tăng hỏi:

- Cầm gậy lãnh chúng, Tổ lệnh đang hành, giữ vững bờ cõi, ý Sư thế nào?

Sư đáp:

- Gió thu thổi sông Vị, lá rụng đầy Trường An.

Đây là lối đối đáp trong thời thịnh hành của thoại đầu, không cho dùng ý thức suy tư.

Tăng thưa: - Tứ Diện không cửa núi non đẹp, ngày nay mới được chủ nhân về.

Sư bảo: - Ông nói đầu đường ở chỗ nào?

Tăng thưa: - Tại sao đối diện chẳng biết nhau?

Sư bảo: - Đáng mừng đến rồi.

Tăng hỏi: - Thế nào là một giọt nước Bạch Vân?

Sư đáp: - Giã gạo xay lúa.

Giọt nước ở đây, chỉ lo giã gạo xay lúa thôi.

Tăng hỏi: - Người uống thì sao?

Sư đáp: - Bảo ông không chỗ để mắt.

Người uống được giọt nước đó không chỗ để mắt.

Tăng hỏi: - Dầu lưởi người trong thiên hạ bị Bạch Vân cắt đứt, dầu lưởi Bạch Vân người nào cắt?

Sư đáp: - Lão Vương thôn đông.

Sư thượng đường:

- Cổ nhân nói: “Nếu ta vì ông nói liền đứt mất lưỡi của ta, nếu chẳng nói với ông liền câm mất miệng của ta”, hãy nói lại có chỗ vì người hay chẳng? Tứ Diện có khi nghĩ vì ông nuốt mất, chỉ bị răng cửa làm ngại, nghĩ vì ông mửa hết, lại bị cổ họng nhỏ, hãy nói lại có chỗ vì người hay không?

Sư bèn nói: - Tứ Diện xưa nay Liễu Hạ Huệ.

Đó là lối nói khéo của người xưa, nếu vì ông nói thì đứt lưỡi, không vì ông nói thì câm miệng. Ngài thì nói, có lúc muốn vì ông nuốt, nhưng bị răng cửa cản nuốt không được, nghĩ vì ông mửa thì cổ họng nhỏ mửa không ra. Như vậy ngài có chỗ vì người hay không?

Sư thượng đường:

*Bạch Vân bát hội thuyết thiên
Tam môn khai hướng lưỡng biên
Hữu nhân động trước quan lệ
Lưỡng phiên đông thiên tây thiên.*

Dịch:

**Bạch Vân chẳng biết nói thiên
Ba cửa mở qua hai bên
Có người động đến then cài
Hai cánh quạt đông quạt tây.**



Sư thượng đường:

- Một bề đi như thế lộ vắng người thưa, một bề đi như thế cô phụ thánh trước, bỏ hai lối này Tổ Phật không thể gần, giả sử cùng Bạch Vân đồng sanh đồng tử cũng chưa xứng bình sinh. Sao vậy? Phụng hoàng chẳng phải vật tầm thường, chẳng được ngô đồng thệ chẳng nường.



Tiểu tham Sư nêu:

- Đức Sơn nói: “Đêm nay chẳng đáp thoại, người hỏi thoại ăn ba mươi gậy.” Trong chúng thông đó rất nhiều, hiểu đó chẳng ít. Hãy nói nhằm chỗ nào thấy Đức Sơn? Có người nào chẳng tiếc tánh mạng thử ra nói xem? Nếu không, sơn tăng vì đại chúng cùng Lão nhân Đức Sơn thấy nhau vậy. Đợi Đức Sơn nói “đêm nay chẳng đáp thoại, người hỏi thoại ăn ba mươi gậy” chỉ nhằm ngài nói: “Có thoại cũng chẳng hỏi, gậy cũng chẳng ăn.” Các ông nói, lại ăn gậy Đức Sơn chẳng? Đến đây phải là kẻ ấy mới được. Huống là ta hơn mười năm tham tầm khắp chốn, gặp mấy vị tôn túc tự cho là hiểu đúng. Khi đến trong hội Phù Sơn liền mở miệng chẳng được. Sau đến dưới cửa Bạch Vân, nhai vỡ được một cái bánh nhân sắt liền được trăm vị đầy đủ. Hãy nói một câu bánh nhân sắt làm sao nói?

Sư lại nói:

*Hoa phát kê quan my tảo thu,
Thùy nhân năng nhiễm tử ty đầu?*

*Hữu thời phong động tân tương ý,
Tự hương giai tiền đấu bất hưu.*

Dịch:

**Hoa nở mào gà buổi sớm thu,
Tơ tím ngát màu ai nhuộm ư?
Gặp lúc gió đùa cùng chụm lại,
Như hương bên thêm đấu chẳng thôi.**

Ngài nêu câu Đức Sơn hợp chúng nói: Nếu người ra hỏi ăn ba mươi gậy. Người ra thưa hỏi thì bị ăn ba mươi gậy, chúng làm gì được? Nếu có ai đáp được câu đó hãy ra trình, nếu không ngài sẽ đáp thế cho. *Đời Đức Sơn nói “đêm nay chẳng đáp thoại, người hỏi thoại ăn ba mươi gậy”, chỉ nhằm ngài nói: “Có thoại cũng chẳng hỏi, gậy cũng chẳng ăn.”* Nếu có thoại cũng không hỏi, có gậy cũng chẳng ăn. Như vậy thì có hay không?

Đây là một lối nói bị đầu lưỡi các Hòa thượng lừa. Ngài nói, ngày trước tham tâm các vị tôn túc chỗ này chỗ kia, lúc đó tự cho mình hiểu đúng, khi đến gặp Phù Sơn thì tất cả hiểu biết đều mất hết. Sau này đến Bạch Vân, ở đó phá được chiếc cồng cuối cùng, dụ như là nhai vỡ chiếc bánh nhân sắt. Từ đó ngài mới đầy đủ.

Sư thượng đường:

- Hôm qua sơn tăng vào thành thấy một đám múa rối liền lại gần xem. Hoặc thấy đẹp dễ kỳ lạ, hoặc thấy xấu xa vô kể, chuyển động đi ngổi, xanh vàng đỏ trắng, mỗi mỗi thấy rõ. Khi xem kỹ, té ra

sau tấm màn xanh ở trong có người. Lão tăng không thể chịu nổi, bèn đến hỏi ông tên gì, kia nói: Hòa thượng già xem thấy là xong, hỏi tên làm gì? Đại chúng! Lão tăng bị kia hỏi một câu khiến cho không lời có thể đáp, không lý có thể bày. Lại có người vì sơn tăng nói được chăng? Hôm qua trong ấy bị thua, ngày nay ở đây gỡ vốn.

Ngài vào thành, thấy gánh hát múa rối. Trên sân diễn có người đi lại lằng xằng, nhìn thật kỹ thì thấy bên trong có người giật giây. Ngài tới hỏi người ở sau tấm màn xanh, đang làm mọi hoạt động cho những hình nộm đó: Ông tên gì? Ông ta nói: *Hòa thượng già xem xong rồi thôi, hỏi tên làm gì.* Câu chuyện này có gì lý thú, ý ngài muốn nói gì?

Chúng ta cũng là bộ xương, ở bên ngoài bọc mớ da, bên trong có người làm chủ. Họ điều khiển chúng ta đi qua đi lại, đôi khi cười, đôi khi giận, đủ thứ chuyện lằng xằng lộn xộn. Hỏi người chủ động đó tên gì thì ông ấy nói, xem thấy được rồi hỏi tên làm chi? Nghĩa là biết có người đó được rồi, hỏi tên làm gì! Cái chân thật của mọi người có sẵn, bởi có nên phát ra mọi hành động múa may qua lại. Cái chân thật đó không có tên, hỏi tên chỉ làm rối thêm. Ngài mượn câu chuyện ở ngoài để nói lại cái này.

Đại chúng! Lão tăng bị kia hỏi một câu khiến cho không lời có thể đáp, không lý có thể bày, lại có người vì sơn tăng nói được chăng? Không ai nói được, ngài liền đáp thay:

Hôm qua trong ấy bị thua, ngày nay ở đây gỡ vốn. Gỡ vốn là thấy được chỗ chân thật đó, không còn gì đặt tên hay nói năng.

Sư dạy chúng:

- Chân như phạm thánh đều là lời mộng, Phật và chúng sanh đều là lời thừa. Hoặc có người ra nói, lão Bàn Sơn ư? Chỉ nói với y: Chẳng nhân đường quê hoa nở sớm, đâu được hoàng oanh đậu liễu tơ. Nếu lại hỏi rằng, lão Ngũ Tổ ư?

Tự đáp: - Vâng! Tỉnh tỉnh lấy.



Sư dạy chúng, nêu:

- Hòa thượng Đức Sơn nhân Tăng hỏi: Chư thánh từ trước lấy pháp gì dạy người? Đức Sơn đáp: Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người. Tuyết Phong do đây có tỉnh. Sau có vị tăng hỏi Tuyết Phong: Hòa thượng thấy Đức Sơn được cái gì liền thôi đi? Tuyết Phong nói: Ta khi ấy đi tay không về tay không.

Ngày nay Bạch Vân nói với kẻ chưa thấu. Có người từ Đông Kinh lại, hỏi y: Chỗ nào lại? Y nói: Tô Châu lại. Hỏi y: Tô Châu việc thế nào? Y nói: Tất cả tâm thường. Tuy nhiên như thế, đối Bạch Vân chẳng được. Có sao? Chỉ vì ngữ âm mỗi nơi có khác. Cứu cánh thế nào? Cử ấu Tô Châu, ngó sen Thiệu Bá.

Ngài dẫn câu chuyện của Đức Sơn. *Tăng hỏi: Chư thánh từ trước lấy pháp gì dạy người? Đức Sơn đáp: Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.* Thiền tông không có một pháp để cho người. Nhân đây Tuyết Phong ngộ, sau này có người hỏi ngài: *Hòa thượng thấy Đức Sơn được gì liền thôi đi? Được gì nơi Đức Sơn rồi về đây dạy chúng? Tuyết Phong nói: Ta khi ấy đi tay không về tay không.* Ngài có phản bội thầy không? Đây mới thật trung thực với thầy, vì Đức Sơn nói tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người, nếu nói có thì tất nhiên ngược với thầy.

Đoạn sau ngài nói với kẻ chưa thấu chưa qua, vì còn nói có nói không, ngài không chịu, cuối cùng ngài chỉ nói: *Cử ấu Tô Châu, ngó sen Thiệu Bá.* Như vậy là sao? Như tôi nói, bưởi Đồng Nai, cam Tiền Giang. Tô Châu là tên của một tỉnh, còn Thiệu Bá là tên của một huyện.

Ba ông Phật hầu Sư trên một cái đình, nói thoại ban đêm, đến khi trở về đèn đã tắt. Sư ở trong tối bảo:

- Mỗi người hạ một chuyển ngữ.

Phật Giám thưa: - Phụng đẹp múa đêm vắng.

Phật Nhãn thưa: - Rắn sắt ngang đường xưa.

Phật Quả thưa: - Xem gót chân.

Sư bảo: - Diệt tông ta là Khắc Cần vậy.

Ba ông Phật là Phật Giám, Phật Nhãn, Phật Quả, đệ tử của ngài. Ban đêm bảo hạ chuyển ngữ, Phật Giám

nói: *Phượng đẹp múa đêm vắng*. Phật Nhãn nói: *Rắn sắt ngang đường xưa*. Phật Quả nói đơn giản: *Xem gót chân*. Cái chân thật của đạo của thiền ở ngay nơi mình, như ở dưới gót chân không đâu xa xôi, nhìn thẳng đó mà thấy. Ngài Pháp Diễn bảo: *Diệt tông ta là Khắc Cần*. Một lời khen lạ lùng.

Niên hiệu Sùng Ninh thứ ba (1104) ngày hai mươi lăm tháng sáu, Sư thượng đường từ giã chúng:

- Hòa thượng Triệu Châu có câu rớt sau, các ông làm sao hội, thử ra nói xem? Nếu hội được chẳng ngại sống thích thú tự tại, bằng chưa được thế, việc tốt này làm sao nói?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Nói tức nói rồi, chỉ là các người chẳng biết. Cần hiểu chẳng? Giàu hiem ngàn miệng ít, nghèo hận một thân nhiều. Trân trọng!

Sư trở về trượng thất tắm gội sạch sẽ, gần sáng nằm kiết tường mà tịch. Sư thọ hơn tám mươi tuổi.

Câu rớt sau tức là giờ phút từ biệt. Nếu hội được chẳng ngại sống thích thú tự tại, bằng chưa được thế, việc tốt này làm sao nói?

Ngài im lặng giây lâu nói: *Nói tức nói rồi, chỉ là các người chẳng biết*. Nói câu rớt sau tức ngài đã nói từ biệt rồi. *Cần hiểu chẳng? Giàu hiem ngàn miệng ít, nghèo hận một thân nhiều*. Đây là một câu cách ngôn

của Trung Hoa, người giàu dầu cho có ngàn khẩu phần ăn cũng thấy còn ít, còn dư dả; còn nghèo có một thân mà nuôi không xong, đói lên đói xuống.

Ngài trở về trượng thất tắm gội sạch sẽ, gần sáng nằm kiết tường mà tịch.



THIÊN SƯ TRÍ BỒN

núi VÂN CÁI - ĐÀM CHÂU

Sư họ Quách, quê ở Thụy Châu.

Ngày khai đường, có vị tăng hỏi:

- Chư Phật ra đời trời mưa bốn thứ hoa, Hòa thượng ra đời có điềm lành gì?

Sư đáp: - Ngàn nghe chẳng bằng một thấy.

Tăng hỏi: - Sau khi thấy thế nào?

Sư đáp: - Mù!

Tăng hỏi: Khi Phật đản sanh thì trời mưa bốn thứ hoa, Hòa thượng ra đời có điềm lành gì? Ngài đáp: *Ngàn nghe chẳng bằng một thấy*, dù mình nghe một ngàn việc hay không bằng thấy được một sự thật. Hiện tại ông thấy tôi thì hơn ngàn cái nghe kia. Một lời đáp khéo.

Tăng hỏi: - Thế nào là pháp thân thanh tịnh?

Sư đáp: - Nhà không tở nhỏ chẳng thành quân tử.

Đây là câu cách ngôn của Trung Hoa thời phong kiến. Ngày xưa một công tử đi đâu thì có nhiều người theo hầu, mấy tiểu đồng mang túi xách. Nếu không có đứa tớ nhỏ đi theo thì không phải là hàng vương tôn công tử. Cho nên nói *nhà không tớ nhỏ chẳng thành quân tử*.

Tăng hỏi: - Dem tâm tìm tâm, làm sao tìm được?

Sư đáp: - Người Ba Tư học tiếng Hán.

Tăng hỏi: - Thế nào là chỗ con xuất thân?

Sư đáp: - Tuyết Phong vốn là người Lĩnh Nam.

Tăng hỏi: - Nói được hành chẳng được, hành được nói chẳng được. Chưa biết hành chẳng được làm sao nói?

Sư đáp: - Miệng ở dưới chân.

Tăng hỏi: - Nói chẳng được làm sao hành?

Sư đáp: - Đạp nhằm đầu lưỡi.

Vì ông đạp trên đầu lưỡi nên nói không được.

Tăng hỏi: - Biết Thầy đã chứa báu trong bị, ngày nay chốn này mượn tạm xem?

Sư đáp: - Vừa rồi dường bị người mượn đi.

Người mượn đi mất rồi, lấy đâu mà xem?

Sư thượng đường:

- Người đi lỗ mũi thấu trời, kẻ đến chân đạp đất thật. Hãy nói, ý Tổ sư nhằm chỗ nào?

Sư im lặng giây lâu nói:

**Hằng xuân về không chỗ kiếm,
Chẳng hay trôi thẳng đến trong đây.**

Mùa xuân đến lúc nào chúng ta không hay, chỉ nghe nói xuân về mà không biết xuân từ đâu về. Tuy không thể tìm thấy chỗ xuân về, nhưng đến ngày xuân thì nhìn đâu cũng biết là xuân.

Sư thượng đường lớn tiếng gọi: - Thị giả!

Thị giả: - Dạ!

Sư hỏi: - Đại chúng tập hợp hay chưa?

Thị giả thưa: - Đại chúng đã tập hợp.

Sư bảo: - Một cái kia vì sao chẳng đến tham dự?

Thị giả câm miệng.

Sư bảo: - Đến tức chẳng điểm.

Ngài hỏi *chúng tập hợp chưa*, thị giả kiểm chúng thấy đông đủ nên nói *đã tập hợp*. Hỏi, *cái kia vì sao không tới tham dự?* Thị giả không trả lời được. Ngài đáp: *Đến tức chẳng điểm*. Cái kia là cái không có hình tướng nên không thể đếm, không thể thấy. Nếu có đến cũng không điểm danh được, chỉ biết có mặt.

Sư thượng đường:

**- Đây miệng nói chẳng ra, câu câu rất sáng tỏ,
đầy mắt xem chẳng thấy, núi núi chồng chất xanh,
tiếng trống vẫn chẳng hiểu, hà hướng là tiếng chuông.**

Sư hét một tiếng.

Sư thượng đường cầm ngang cây gậy nói:

- Răng như đao kiếm, mặt tợ sắt. Mắt phóng điện sáng, sáng chẳng dứt. Tay nắm một vạn cân tật lê, khi rảnh gõ rơi mặt trăng bên trời.

Sư giộng cây gậy một cái.

Tăng hỏi: - Thế nào là sư tử ăn thịt người?

Sư đáp: - Trước núi Ngũ Lão.

Tăng thưa: - Cái này há biết ăn thịt người?

Sư đáp: - Ngày nay lượm được tánh mạng.

Đây là những câu nói không cho suy nghĩ. Nếu chúng ta cố suy nghĩ để hiểu, chỉ là mất thời giờ mà thôi.

Sư thượng đường:

- Đầu đội núi Tu-di, chân đạp bốn biển cả, hít thở sấm gió ồn, động dụng sanh năm sắc. Nếu hay biết được y, mặc tình năm tháng đổi. Hãy nói, người nào biết được y?

Sư hét một tiếng nói: - Tổ vườn nhà.

Diệu dụng bất tư nghi, hỏi ai biết được y. Nếu biết được thì mặc tình năm tháng thay đổi, không còn sợ.



THIÊN SƯ NHẬT ÍCH ở THƯỢNG PHƯƠNG - AN KIẾT CHÂU

**Ngày khai đường Thủ tọa bạch chùy xong,
Sư nói:**

**- Trước bạch chùy, quán một lại chẳng thành.
Sau bạch chùy, quán hai lại chẳng phải. Đến đây dù
là mắt sắt tròn đồng, cũng phải vỡ tan trăm mảnh.
Có thiền tăng nào chẳng sợ nguy vong, thử ra xem?**

Trước thấy một không thành, sau thấy hai chẳng phải, đến đây dù mắt sắt tròn đồng cũng phải vỡ trăm mảnh. Nghĩa là chỗ thật này không thể dùng mắt dùng hiểu để mà suy nghiệm.

Khi ấy có hai vị tăng đồng ra. Sư nói:

- Một mũi tên rơi hai chim diều.

Tăng thưa:

- Thoại con chưa hỏi đâu được rồi loạn.

Con chưa hỏi mà ngài nói con rơi cái gì?

Sư hỏi: - Đâu chẳng phải là tảng Tân La ư?

**Tăng suy nghĩ. Sư bảo: - Kẻ đâm vào cột cái.
Liên đánh.**



Tăng hỏi: - Thế nào là việc bên chưa xuất thế?

Sư đáp: - Đáy giếng con ếch nuốt mặt trăng.

Tăng hỏi: - Thế nào là việc bên xuất thế?

Sư đáp: - Con cò đập gãy cành lau khô.

Tăng hỏi: - Bỏ hai lối này, thế nào là chỗ Hòa thượng vì người?

Sư đáp: - Kim cang dùi ấy thật hoàn hảo, bày ở đầu đường bán cho ai.

Chỗ vì người của tôi giống như một cây dùi kim cang thật đẹp, để đầu đường bán mà không ai mua.

Tăng hỏi: - Thế nào là con trâu đực nhiều năm?

Sư đáp: - Răng thưa mất mồi.

Tăng hỏi: - Chợ ồn gặp nhau việc thế nào?

Sư đáp: - Đi đông mua tiện, đi tây mua quý.

Tăng thưa: - Chợ như chẳng khởi tiện chẳng khởi quý, lại làm sao?

Sư đáp: - Củ cải Trấn Châu.

Tăng hỏi:

- Tất cả hàm linh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh vì sao lại chun vào thai lừa bụng ngựa?

Sư đáp: - Biết mà cố phạm.

Đây là câu nói của ngài Triệu Châu. Hỏi tại sao có Phật tánh sáng suốt lại còn chui vào thai lừa bụng ngựa làm gì? Ngài nói: *Biết mà cố phạm.*

Tăng hỏi: - Chưa biết nhằm chỗ nào sám hối?

Sư đánh nói:

- Hãy làm thầy ngựa chết (tử mã y).

Tăng hỏi: - Thấy mặt trình nhau thì thế nào?

Sư bảo: - Mất trái nửa cân, mất phải tám lượng.

Tăng đưa tọa cụ nói: - Cái này ư?

Sư bảo: - Chẳng nhọc đưa ra.

Sư nhìn hai bên nói:

- Ông già mặt vàng đi khắp bảy bước, ngay lúc hạ chân nên cho một chùy. Hồ tăng mắt biếc ngồi thẳng chín năm, trên danh môn đáng châm một cái. Dương thời nếu có thiền tăng vì chúng kiệt lực, hạ được độc thủ ấy, ắt khỏi phải niêm hoa vi tiểu, uống rạng mặt mày, đứng trong tuyết đến gối, trở thành dấu vết. Từ đây đem lằm đến lằm, đem sọt đánh sọt, bèn có năm cánh hương thơm ngàn đèn nổi sáng, nhằm trên ghế gỗ xướng hai nói ba, nơi đầu cây gậy tức lật chỉ nam về bắc. Liền có một bọn tiến trước

lui sau hỏi pháp hỏi tâm, có những kẻ nương cửa tựa vách tìm Phật tìm Tổ. Trước sân chỉ bá, liền gọi là ý Tổ Tây sang, ban ngày xem núi, lại lầm nhận tự kỷ học nhân. Đâu chẳng biết một đại sự này vốn tự linh minh, tột mé vị lai chưa từng gián đoạn, chẳng nhờ tu chứng há ở nghĩ suy. Dù Thu Tử vẫn có chỗ chẳng biết, chẳng phải chỗ hay biện của Mãn Từ. Chẳng thấy Mã Tổ một tiếng hét, Bá Trượng tai điếc ba ngày. Bảo Thọ lệnh hành, một thành Trấn Châu mù mắt. Đại cơ đại dụng như điện chớp không thể dừng, một xướng một đề dường vách núi đứt không thể đi. Chính ngay khi ấy chư Phật ba đời chỉ có thể đứng bên mà xem, sáu đời Tổ sư chứng minh có phần. Đại chúng hãy nói, ngày nay lại có chứng minh hay chăng?

Sư im lặng giây lâu nói: - Châm!

Đây chỉ là cách nói khác của nhà thiền. Ông già *mặt vàng* là chỉ cho đức Phật. Đức Phật khi mới sanh ra đi bảy bước. *Hồ tăng mắt biếc* là chỉ tổ Đạt-ma. Phật thì đánh một chùy dưới gót chân, Tổ thì gõ một thẻ trên đầu. Những câu nói này nghe dường như trái tai, nhưng rất kỳ đặc.

Đương thời nếu có thiền tăng vì chúng kiệt lực, hạ được độc thủ ấy. Nếu có thiền tăng nào thấu được chỗ đi bảy bước của Phật, chỗ ngồi xoay mặt vào vách của Tổ thì sao?

Ắt khỏi phải niêm hoa vi tiếu, uống rượu mặt mày. Người đó không cần đợi Phật đưa cành hoa sen lên,

rồi nở nụ cười như ngài Ca-diếp. *Đứng trong tuyết đến gối, trở thành dấu vết.* Ngài Huệ Khả đứng trong tuyết ngập đến đầu gối, trở thành dấu vết, người sau xem như mẫu mực để bắt chước.

Từ đây đem lâm đến lâm, đem sọt đến sọt, bèn có năm cánh hương thơm, ngàn đèn nổi sáng. Năm cánh hương thơm là một hoa sanh năm cánh, ngàn đèn nổi sáng là truyền đăng tục diệm.

Nhằm trên ghế gỗ xướng hai nói ba, nơi đầu gây tức lật chỉ nam vẽ bắc, là nói những phương tiện của người sau. Sở dĩ lập phương tiện như thế, vì người học chưa thấu suốt được cái gốc ban đầu.

Một đại sự này vốn tự linh minh, tốt mé vị lai chưa từng gián đoạn, chẳng nhờ tu chứng há ở nghĩ suy. Dầu cho trí tuệ như ngài Xá-lợi-phất cũng vẫn không biết, dù cho biện luận giỏi như ngài Mãn Từ Tử cũng không thể biện luận được chỗ này.

Sư thượng đường:

- Thập Đắc bửa củi, Hàn Sơn thổi lửa, chỉ có Phong Can trong núi ngồi yên. Hãy nói Phong Can có chỗ gì hay?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Nhà không tớ nhỏ, chẳng thành quân tử.

Hàn Sơn, Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh, Phong Can thì có cái am gần đó. Đây là ba vị Bồ-tát hóa thân hiện trong thời ấy.

Thiền là giáo ngoại biệt truyền nên chư Tổ không dùng danh từ Phật, Tổ, Thanh văn, Duyên giác... chỉ diễn tả một cách khéo léo, người nghe khéo nhận thì biết. Ngôn ngữ của các ngài không theo lối thuận khen ngợi tán thán mà theo lối nghịch. Đôi khi nói những câu dường như lỗ mãng, bất hiếu ngang ngược, song chính chỗ ngỗ nghịch đó lại là hiếu thảo, trung thành đáo để.



THIÊN SƯ BẢO ẤN SỞ MINH ở TỊNH TỪ - phủ LÂM AN

Sư họ Trương, quê ở Bách Việt.

Sư thượng đường:

**- Tâm ấn Tổ sư chẳng dài chẳng ngắn, chẳng
vuông chẳng tròn, chẳng trong chẳng ngoài cũng
chẳng khoảng giữa. Xin hỏi đại chúng, quyết định
là hình mạo gì?**

Sư cầm gậy nói:

**- Lại thấy chăng? Cổ triện chẳng thành văn,
phi bạch khó đồng thể, từ trước tự phân minh, đâu
cần lại thêm nữa.**

Sư gõ giường thiên xuống tòa.

Đoạn này ngài có nói đạo lý gì không? Tâm ấn
Tổ sư không phải dài ngắn vuông tròn, trong ngoài giữa.
Vậy là hình mạo gì? *Cổ triện chẳng thành văn, phi bạch*

khó đồng thể. Cổ triện là kiểu chữ dùng trước thời Tần, phi bạch chỉ nét bút mềm mại như lụa bay. Ngài có chỉ Tổ sư tâm ấn không? Có chỉ mà không ai thấy. Tâm ấn không có hình tướng, ngài diễn tả bằng cách cầm gậy, rồi gõ giường thiền. Chỗ đó ngài chỉ cho chúng ta hai lần mà không để ý. Trong nhà thiền nếu chậm một chút là qua mất, phải nhanh như chớp mới thấy được chỗ chỉ của các ngài. Từ trước tự phân minh, đâu cần lại thêm nữa.

Sư thượng đường:

- Ra cửa thấy sông núi, vào cửa thấy điện Phật, linh quang chỗ chạm thông, các người sao chẳng tiến? Nếu chẳng tiến, Tịnh Từ ngày nay chẳng được tiện.

Ra cửa thấy sông núi, vào cửa thấy điện Phật. Như chúng ta nói, ra cửa thấy đường đi, vào cửa thấy chùa vậy. Linh quang chỗ chạm thông, linh quang của chúng ta chạm đâu thông đó. Như vậy là đã chỉ tâm ấn của Tổ sư rồi, mà tại sao các người lại không chịu lãnh hội? Rõ ràng như vậy, có giấu giếm chỗ nào đâu.

Nếu chẳng tiến, Tịnh Từ ngày nay chẳng được tiện. Ngài chỉ rất tường tận, nhưng vì chậm lụt nên chúng ta không thấy, ngài đành chịu thua.

Sư thượng đường:

- Tổ sư nói: “Ta xưa đến cõi này, truyền pháp cứu mê tình, một hoa nở năm cánh, kết quả tự nhiên thành.” Khi ấy Tịnh Từ nếu thấy nói như thế, dùng cây gậy sơn đen đập một gậy chết tốt, chôn trên đất không âm dương, khiến Ngài không nói được.

Vì sao? Không thể để Ngài gạt người cả nước Đại Đường chúng ta. Trong chúng có người vì Tổ sư nói chẳng? Ra đây một lúc chôn hết.

Ta xưa đến cõi này, truyền pháp cứu mê tình, một hoa nở năm cánh, kết quả tự nhiên thành. Đây là bài kệ của tổ Bồ-đề-đạt-ma. Một hoa là chỉ cho ngài, năm cánh là năm vị tổ đời sau. Ngài nói đúng lẽ thật, vậy ngài có lỗi chỗ nào mà đòi đập chết, để khỏi gạt người cả nước Đại Đường? Đập chết rồi chôn ở đâu? *Trên đất không âm dương.* Nếu còn ai nói theo Tổ thì cũng đập chết luôn. Chỗ này thế nào?

Đọc sách Thiền, chúng ta phải nhạy bén mới thấy cái hay của các ngài. Ngay câu *truyền pháp cứu mê tình*, là có lỗi rồi. Nếu đợi Tổ sư từ Ấn Độ sang truyền, tức là ở cõi này không có hay sao? Pháp này ai cũng có sẵn, đâu đợi Tổ sư truyền mới có, nói truyền tức là gạt thiên hạ rồi. Như Đức Sơn nói: “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.” Vậy đâu có cái gì để truyền?

Tổ nói bài kệ trên là theo chiều hướng truyền bá, còn đứng về mặt chân thật thì không có gì để truyền. Nếu có truyền, tức cái đó là của người trước trao cho người sau, được trao thì không phải là cái của mình.

Sư thượng đường:

- Nếu luận việc này như vãi tung bảo bối, vất bữa vàng ngọc, người quên mình tự cam nghèo cùng, người có mất thuận tay lấy được. Vì thế nói: Diêm-phù có báu lớn, người thấy được rất hiếm, nếu người đem dâng ta, thành Phật chỉ trong bữa ăn.

Sư cầm cây gậy nói:

- Như nay một lúc trình ra tương tợ, khắp mời đại chúng để mắt nhìn lên.

Sư ném cây gậy xuống tòa.

Luận về việc này như là vung vãi bảo bối tứ tung hoặc vất bỏ vàng ngọc bờ bãi. Người bỏ của báu là *quên mình tự cam nghèo cùng*, đó là cùng tử quên mình là người giàu. Tất cả chúng ta nghèo hay giàu? Giàu mà đi ăn mày, thật là đáng buồn!

Người có mắt thuận tay lấy được, người mắt sáng tin nhận được, gọi là thuận tay lấy đem ra. Vì thế nói: Diêm-phù có báu lớn, người thấy được rất hiếm. Câu này dẫn lời kinh nói, cõi Diêm-phù có của báu lớn, song rất ít người thấy được, nên nói hiếm có. *Nếu người đem dâng ta, thành Phật chỉ trong bữa ăn.* Rất mau! Của báu đã sẵn có trong cõi Diêm-phù này, chỉ vì người không nhớ, không nhận. Nếu nhớ nhận được thì thành Phật nhanh chóng. Của báu lớn đó ra sao, ngài sẽ trình ra cho thấy.

Sư cầm cây gậy nói: Như nay một lúc trình ra tương tợ, khắp mời đại chúng để mắt nhìn lên. Sư ném cây gậy xuống tòa. Như thế, thủy chung ngài đều hết tình hết dạ với chúng ta. Lúc nào cũng đưa ra cho thấy, không hề giấu giếm. Ngài Bảo Ấn rất thực tế, chỉ thẳng cho thấy nơi mình có của báu quý giá rồi, mỗi người gắng nhận mà tu.



THIÊN SƯ DIỆU TRẠM TỬ HUỆ ở TUYẾT PHONG - PHÚC CHÂU

Sư họ Du, quê ở Tiên Đường. Có vị tăng hỏi:

- Khi điện cổ không đèn thì thế nào?

Sư đáp: - Vách đông thông vách tây.

Tăng thưa: - Thế ấy ắt dụng nhằm cột cái.

Sư bảo: - Chưa dám hứa nhận.

Điện cổ không đèn, vách đông thông vách tây. Đây là chỉ cho cái chân thật ban đầu, rỗng rang không có gì ngăn ngại. Tăng thưa: Thế ấy ắt dụng nhằm cột cái. Cột cái chỉ cho cốt tủy. Khi trong lòng trống rỗng thì nhận ra bản lai diện mục. Ngài nói: Chưa dám hứa nhận, nói thì được nhưng chưa dám hứa nhận.

Sư thượng đường:

- Thả lưới đại giáo bắt cá trời người, Hộ Thánh chẳng giống Lão Hồ dài dòng lời thôi. Chỉ là thấy thỏ thả chim ưng, gặp nai buông tên.

Sư bèn to tiếng gọi đại chúng nói: - Trúng.

Thả lưới đại giáo bắt cá trời người, Hộ Thánh chẳng giống Lão Hồ dài dòng lời thôi. Hộ Thánh là tên chùa ngài đang ở, tức chỉ ngài; Lão Hồ là đức Phật. Câu nói nghe có vẻ bất kính, tại sao Phật lại dài dòng? Vì đức Phật rất từ bi nên kinh giáo phân tích tỷ mỷ, giải thích tận tình, chỉ dạy rành rẽ để chúng sanh nhận ra tánh chân thật, đó là dài dòng. Còn phần ngài thì sao?

Chỉ là thấy thỏ thả chim ưng, chim ưng chụp thỏ, nên thấy thỏ liền thả chim ưng ra cho nó bắt. Gặp nai buông tên, thấy nai chạy qua thì bắn liền. Nghĩa là tùy duyên ứng dụng nhạy bén, không có phương pháp cố định. Gặp căn cơ người như thế nào thì theo đó mà linh động.

Ngài bèn to tiếng gọi đại chúng, đại chúng ngó lại, ngài nói: *Trúng*. Gọi đại chúng, tức là ngài buông tên bắn trúng rồi. Thật là kỳ đặc.

Sư thượng đường:

- Ngày xưa Dược Sơn sớm chiều chẳng tham vấn trải qua cả tháng. Một hôm đại chúng vừa nhóm họp, Dược Sơn bèn trở về phương trượng. Chư thiên đức! Thời ấy Phật pháp sớm tự đấm bạc, luận bàn cũng được chút ít. Như nay mỗi ngày đánh trống đăng tòa lải nhải, người hỏi miêng như guồng xe chỉ, người đáp lưới như điện chớp. Cứ như ngày nay, tuệ mạng Linh Sơn nguy như chỉ mảnh treo chuông, gia phong Thiếu Thất hiểm tựa trứng

xếp chồng. Lại làm sao được kẻ thiền tăng ý chí khảng khái, đỡ đứng tông thừa thì hãy bước ra, hét tan đại chúng, chẳng những bên tai im tiếng, chính khiến chánh pháp trụ lâu, há chẳng phải to lớn sao! Nếu như trên gậy chẳng thành rồng, sơn tăng sẽ hành ngược lệnh này.

Sư cầm gậy đồng thời đuổi tan hết.

Ngài dẫn lại câu chuyện thiền sư Dược Sơn cả tháng không tham vấn, chúng cũng chẳng tới thưa hỏi. Một hôm đánh trống thượng đường, chúng tụ hội đông đủ ngài liền bước xuống tòa, trở về phương trượng.

Thời ấy Phật pháp sớm tự đạm bạc, luận ra vẫn còn được chút ít. Ngài nói, thời của Dược Sơn Phật pháp còn đạm bạc nên luận bàn còn được chút ít.

Như nay mỗi ngày đánh trống đăng tòa lải nhải, người hỏi miệng như guồng xe chỉ, người đáp lưỡi như điện chớp. Hiện giờ thời của ngài thì người hỏi liên tiếp tợ như xe sợi, còn người đáp cũng lạnh lẽ như điện chớp.

Càng hỏi đáp lạnh lẽ chừng nào, thì *tuệ mạng Linh Sơn*, tức là tuệ mạng Phật pháp, *nguy như chỉ mảnh treo chuông*, rất mỏng manh, không bằng chỗ đạm bạc như trước kia. *Gia phong Thiếu Thất hiểm tợ trướng xếp chồng.* Gia phong của Tổ sư gặp nguy hiểm, như chất trướng chồng lên nhau vậy.

Sao được kẻ thiền tăng ý chí khảng khái, đỡ đứng tông thừa. Bây giờ có thiền tăng nào khảng khái tự tại, muốn chống đỡ tông thừa thì hãy bước ra, hét tan

đại chúng, hét một tiếng khiến cho mọi người giải tán hết, im lặng không còn tranh cãi.

Chẳng những bên tai im tiếng, chính khiến chánh pháp trụ lâu, há chẳng phải to lớn sao! Chính khi không tranh cãi, tan hết vọng tưởng thì còn gì mà cãi. Như thế chánh pháp mới được lâu dài, mới là xong việc lớn.

Nếu như trên gậy chẳng thành rồng, sơn tăng sẽ hành ngược lệnh này. Sư cầm gậy đồng thời đuổi tan hết. Nếu nâng lên mà không thành bậc long tượng, thì tôi sẽ hành ngược lệnh này. Hành ngược lệnh bằng cách nào? Ngài cầm gậy đuổi tan hết. Đó là thuật đặc biệt.

Sư thượng đường:

- Chân mày ngang khắp mười phương, lông mày trên thấu trời xanh dưới suốt huỳnh tuyến, hãy nói lỗ mũi ở chỗ nào?

Sư im lặng giây lâu nói: - Trát.

Chân mày ngang trùm khắp mười phương, dọc thì trên thấu trời dưới tới âm phủ. Chân mày phủ che thì lỗ mũi ở đâu? Ý nói, tất cả phương tiện phủ che sự thật khiến ít người thấy.

Sư thượng đường:

- Trên đỉnh núi Diệu Cao biển mây mênh mông, trước núi Thiếu Thất tuyết sương mù mịt. Đứng riêng đến gối luống tự khổ nhọc, bảy ngày chẳng gặp một trường bối rồi. Biệt Phong thấy nhau rơi tại giữa đường, một chiếc giày về Tây xa lại càng xa.

Sư giộng cây gậy xuống tòa.

Trên đỉnh núi Diệu Cao biển mây mênh mông, Diệu Cao còn gọi là Diệu Phong. Ngài dẫn kinh Hoa Nghiêm, lúc Thiện Tài đồng tử đi tham vấn Tỳ-kheo Đức Vân trên ngọn núi Diệu Phong. Khi trèo lên núi chỉ thấy mây trắng mênh mông, không thấy Tỳ-kheo Đức Vân ở đâu.

Trước núi Thiếu Thất tuyết sương mù mịt, đứng riêng đến gối luống tự khổ nhọc. Tổ Huệ Khả tới Thiếu Thất học đạo, đứng tuyết lên đến đầu gối, rất khổ nhọc.

Bảy ngày chẳng gặp một trường bối rồi. Thiện Tài lên núi Diệu Phong tìm Tỳ-kheo Đức Vân bảy ngày không gặp, rất bối rối. Một câu dẫn tích thiền sư, một câu dẫn kinh.

Biệt Phong thấy nhau rơi tại giữa đường. Thiện Tài lên ngọn núi Diệu Cao không gặp Tỳ-kheo Đức Vân, nhìn sang Biệt Phong, ngọn núi khác, mới thấy được Tỳ-kheo Đức Vân.

Một chiếc giày về Tây xa lại càng xa, tổ Đạt-ma quảy dép về Tây. Ngài nói một mạch rồi giộng cây gậy, xuống tòa. Có ai thấy chưa? Một cách chỉ dạy khéo.

Sư thượng đường:

- Đại đạo chỉ ở trước mắt, nhưng mà trước mắt khó thấy. Muốn biết chân thể đại đạo, sáng nay ngày rằm tháng ba. Chẳng nhọc đứng lâu.

Chân thể đại đạo hiện tiền ở trước mắt, đừng tìm kiếm đâu xa.

Sư thượng đường:

- Tất cả pháp chẳng sai, bánh hồ Vân Môn, trà Triệu Châu. Trong lầu Hoàng Hạc thổi sáo ngọc, tháng năm Giang Thành hoa mai rơi. Hồ then thượng tọa Thái Nguyên Phù, canh năm nghe tiếng trống, trời sáng gáy tỳ-bà.

Sư hét một hét.

Tất cả pháp chẳng sai, mỗi pháp mỗi pháp đều thể hiện tướng của đạo, không pháp nào sai khác, không pháp nào hư dối. Vì thế, ngài Vân Môn bảo ăn bánh hồ cũng là đạo, ngài Triệu Châu mời uống trà cũng là đạo. Ăn bánh uống trà đều là đạo thì có pháp nào sai khác.

Hồ then thượng tọa Thái Nguyên Phù, canh năm nghe tiếng trống, trời sáng gáy tỳ-bà. Thiền sư Trung Hoa có ghi, thượng tọa Thái Nguyên Phù đêm khuya canh năm nghe tiếng trống ngộ đạo, sáng ra trình với thầy, gọi là sáng gáy Tỳ-bà. Tất cả việc ăn bánh, uống trà, nghe trống... đều là đạo. Đâu có pháp nào không phải là đạo, vậy mà trước mắt không chịu nhận, cứ đi tìm đạo ở đâu xa.

Sư thượng đường:

- Về Nam thừa hỏi chư thiện hữu, đi nát giày cỏ; tuyệt học vô vi, ngồi tiêu ngày tháng. Phàm tình dễ thoát, thánh giải khó quên; nếu có mảy may đều thành rỉ chảy. Giả sử cho là đạo, như đất nâng núi; ứng vật hiện hình, như lửa nhìn giếng. Dù không so tính, vết xe đã thành; nếu luận tương ứng,

**càng không giao thiệp. Cố gắng, chư nhân giả! Chớ
lầm dụng tâm, mỗi người tự về liêu phòng lại cầu
việc gì?**

*Về Nam thừa hỏi chư thiện hữu, đi nát giày cỏ.
Thiện Tài đồng tử theo lời dạy của ngài Văn-thù, về
phương nam thừa hỏi thiện tri thức. Tuyết học vô vi,
ngồi tiêu ngày tháng. Người đến chỗ vô học, an nhàn
ngày tháng.*

Một bên bận rộn tham học, một bên thanh thoi
đều là bệnh, nên nói *phàm tình dễ thoát, thánh giải khó
quên*. Chấp của phàm tình còn dễ gỡ, chấp về thánh
thật khó quên. *Nếu có may mắn đều thành rỉ chảy*, nếu
còn một chút chấp nhỏ bằng sợi tơ sợi tóc cũng thành
rỉ chảy.

*Giả sử cho là đạo, như đất nâng núi; ứng vật hiện
hình, như lừa nhìn giếng. Những câu các thiền sư đối
đáp nhau như vậy, dù không so tính vết xe đã thành.
Tuy không suy tính đặt thành mẫu mực, nhưng đã thành
vết xe rồi, tức là vô tình biến thành mẫu mực. Nếu luận
tương ứng càng không giao thiệp, cho rằng mẫu mực như
thế là hợp với đạo thì lại càng không đáng.*

*Cố gắng, chư nhân giả! Chớ lầm dụng tâm, mỗi
người tự về liêu phòng, lại cầu việc gì? Nhà mình đã sẵn
còn tìm thêm gì nữa lại thành bệnh hoạn.*



THIÊN SƯ CHÍ TUYÊN TỔ ĐĂNG ở VÂN PHONG - ĐÀM CHÂU

Sư họ Trần, quê ở Nam Việt. Sư thượng đường:

- Thôi đi hết đi, một niệm muôn năm đi, cây khô tro lạnh đi, lò hương miếu cổ đi, một mảnh lụa trắng đi. Đại chúng! Chỗ thấy của cổ nhân như mặt trời soi trong không, chẳng mắc hai bên há rơi ẩm giới. Than ôi! Con cháu sau này phần nhiều khởi hiểu bên nhất sắc. Sơn tăng tức chẳng thế. Chẳng thôi đi chẳng hết đi, nghiệp thức mênh mông đi, bảy diên tám đảo đi; nơi ngã tư đường ồn ào náo động, trong thanh sắc nằm ngồi đi; trong thôn vắng bời đường bí lộ, trong rừng gai góc dạo chơi đi; núi đao cây kiếm chia bụng đâm tim, vạc dầu lò lửa lũng da nát xương đi. Cử xướng như thế rất giống trẻ con ba tuổi đánh cầu trâu.

Ngài dẫn câu nói của Thạch Sư dạy chúng. *Thôi đi hết đi, một niệm muôn năm đi, cây khô tro lạnh đi,*

lò hương miếu cổ đi, một mảnh lụa trắng đi. Ngài than, cháu con sau này phần nhiều khởi hiểu bên nhất sắc.

Đây là dẫn câu chuyện sau khi ngài Thạch Sư viên tịch, toàn chúng họp lại cử người kế thừa. Khi cử Thủ tọa làm trụ trì, thị giả Diêm Phong nói: Tôi hỏi một câu, nếu trả lời đúng mời làm trụ trì, không đúng xin thỉnh người khác. Thủ tọa đồng ý. Giữa đại chúng, Thị giả nêu câu của ngài Thạch Sư: Thôi đi hết đi, một niệm muôn năm đi... ý nghĩa thế nào? Thủ tọa đáp: Đó là bên nhất sắc. Thị giả bảo: Thầy không hiểu ý Tiên sư. Thủ tọa nói: Vậy xin đốt một cây nhang, nếu trong khoảng cây nhang tàn mà tôi tịch, tức là tôi hiểu ý Tiên sư.

Khi cây nhang vừa cháy một lúc, Thủ tọa liền ngồi tịch. Thị giả đến vỗ lưng Thủ tọa bảo: Tuy ngồi tịch, cũng là chưa hiểu ý Tiên sư. Vì thế ở đây ngài nói: Than ôi! Con cháu sau này phần nhiều khởi hiểu bên nhất sắc.

Người xưa như thế, bây giờ thì sao? Ngài nói ngược lại. *Sơn tăng tức chẳng thế. Chẳng thôi đi chẳng hết đi, nghiệp thức mênh mông đi, bảy điên tám đảo đi; nơi ngã tư đường ồn ào náo động, trong thanh sắc nằm ngồi đi; trong thôn vắng bồi đường bí lộ, trong rừng gai góc dạo chơi đi; núi đao cây kiếm chĩa bụng đâm tim, vạc dầu lò lửa lũng da nát xương đi.*

Cử xứng như thế rất giống trẻ con ba tuổi đánh cầu trâu. Từ câu chuyện trên mà ngài dẫn lời bình như vậy. Chúng ta có học qua mới biết rõ gốc ngọn là thế nào, nếu không biết thì dù có đọc hoài cũng vẫn không hiểu.

Sư thượng đường:

*Sấu trúc trường tùng trích thúy hương,
Lưu phong sơ nguyệt độ viêm lương.
Bất tri thù trụ Nguyên Tây tự,
Mỗi nhật chung thanh tống tịch dương.*

Dịch:

**Trúc ốm tùng dài xanh ngát hương,
Gió lửa trăng sớm độ viêm lương.
Nguyên Tây chùa ấy biết ai ở?
Hôm sớm chày kinh đuổi tịch dương.**
*Trúc ốm tùng dài xanh ngát hương,
Gió lửa trăng sớm độ viêm lương.*

Đẹp quá! Người xưa thật khéo diễn tả, mới nghe qua dường như tả cảnh thôi, không có đạo lý gì, nhưng ý bên trong rất sâu.

*Nguyên Tây chùa ấy biết ai ở?
Hôm sớm chày kinh đuổi tịch dương.*

Chùa Nguyên Tây đó không biết trong ai ở, mà mỗi ngày nghe tiếng chuông vang lên, dường như đuổi chiều tà. Tuy không biết không thấy ai ở trong chùa ấy, nhưng sáng nghe chuông, tối nghe chuông, tức biết có người.

Bài thơ này các thiền sư rất thích. Tại sao? Bởi ngay nơi mỗi người cũng vậy, không biết ai ở bên trong mà biết đi đứng, biết nói năng... Chúng ta gắng xem đó là người nào?

Sư thượng đường:

- Chẳng phải gió động chẳng phải phước động, thiên tăng mất đi lỗ mũi. Là gió động là phước động, rõ ràng là thùng sơn đen. Hai đoạn chẳng đồng, mất mờ tai điếc. Nước khe như chàm biếc, hoa núi tợ lửa hồng.

Ngài nhắc lại câu chuyện hai vị tăng cãi nhau, một người nói gió động, một người nói phước động. Lục Tổ bước ra nói: Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, mà là tâm của nhân giả động.

Ngài bình: Nếu nói *chẳng phải gió động chẳng phải phước động, thiên tăng mất đi lỗ mũi*. Nói chẳng phải là mất lỗ mũi rồi. Còn cho rằng là *gió động là phước động, rõ ràng là thùng sơn đen*. Nói là do gió động hay phước động thì rõ ràng là thùng sơn đen. *Hai đoạn chẳng đồng mất mờ tai điếc*. Người thấy khác nhau, tức là vẫn còn kẹt hai bên, nên nói mất mờ tai điếc. Phải làm sao?

Nước khe như chàm biếc, hoa núi tợ lửa hồng.

Có vị tăng hỏi:

- Vào cửa Đức Sơn liền ăn gậy, ý chỉ thế nào?

Sư đáp: - Bó gậy trị dân.

Tăng hỏi:

- Vào cửa Lâm Tế liền bị hét, ý chỉ thế nào?

Sư đáp: - Chẳng nói mà giáo hóa.

Tăng hỏi:

- Chẳng biết Hòa thượng vì người thế nào?

Sư đáp: - Một đao hai khúc.

Vào cửa Đức Sơn liền ăn gậy, ý chỉ thế nào? Ngài nói: Bó gậy trị dân. Một bó gậy, đó là hình phạt để trị người dân sai quấy, những kẻ gian tà.

Tăng hỏi: Vào cửa Lâm Tế liền bị hét, ý chỉ thế nào? Ngài đáp: Chẳng nói mà giáo hóa. Một tiếng hét tuy không thành lời thành câu, nhưng đã là giáo hóa rồi.

Tăng hỏi: Chẳng biết Hòa thượng vì người thế nào? Ngài nói: Một đao hai khúc. Cầm đao chặt đứt làm hai.

Tăng thưa: - Cửa sắt Vô Phùng mời Thầy mở?

Sư đáp: - Tiến ba bước.

Tăng thưa:

- Hướng thượng không cổng thỉnh Thầy đóng?

Sư đáp: - Lui sau một tấc.

Tăng thưa:

- Chẳng mở chẳng đóng, lại làm sao?

Sư nói: - Hồng! Hồng!

Liền đánh.

Tăng hỏi: Cửa sắt Vô Phùng mời Thầy mở. Ngài nói: Tiến tới ba bước. Muốn mở thì tiến tới ba bước.

Tăng thưa: *Hướng thượng không cổng thính Thầy đóng. Không cổng làm sao đóng?* Ngài đáp: *Lui sau một tâm. Muốn đóng phải lùi lại, muốn mở phải tiến tới.*

Tăng thưa: *Chẳng mở chẳng đóng lại làm sao?* Đến chỗ không còn hai bên thì thế nào? Ngài nói: *Hồng! Hồng!* Nói xong liền đánh. Đó là đã chỉ chỗ chẳng mở chẳng đóng.



ĐỜI THỨ MƯỜI LĂM SAU LỤC TỔ

I- TÔNG TÀO ĐỘNG ĐỜI THỨ MƯỜI MỘT

Nối pháp thiền sư Chánh Giác

có mười bốn vị

- 1- Thiền sư Tự Tông ở Tuyết Đậu, Minh Châu**
- 2- Thiền sư Huệ Huy Tự Đắc ở Tịnh Từ, Hàng Châu**

II- TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ MƯỜI MỘT

A- Phái Hoàng Long

- Nối pháp thiền sư Ngộ Tân Tử Tâm

có mười sáu vị

- 1- Thiền sư Huệ Phương ở Hòa Sơn**
- 2- Am chủ Diệu Phổ Tánh Không ở Hoa Đình...**

- Nối pháp thiền sư Duy Thanh

có mười tám vị

- 1- Thiền sư Thủ Trác ở Trường Linh**
- 2- Thiền sư Bốn Tài Phật Tâm ở Thượng Phong...**

B- Phái Dương Kỳ

Nối pháp thiền sư Pháp Diễn

có hai mươi hai vị

- 1- Thiền sư Khắc Cần Phật Quả ở Chiêu Giác**
- 2- Thiền sư Huệ Cần Phật Giám ở Thái Bình**

- 3- Thiền sư Thanh Viễn Phật Nhãn ở Long Môn**
- 4- Thiền sư Đạo Ninh ở Khai Phước**
- 5- Thiền sư Nam Đường Nguyên Tĩnh ở Đại Tùy**
- 6- Thiền sư Tông Thới ở Vô Vi**
- 7- Thiền sư Biểu Tự ở Ngũ Tổ...**



THIÊN SƯ TỰ TÔNG ở TUYẾT ĐẬU - MINH CHÂU

Sư họ Trần, quê ở Huy Châu. Thuở nhỏ chuyên học kinh, khi thọ giới Cụ túc xong, nương theo thiên sư Diệu Trạng Huệ, đang lúc thừa hỏi bỗng nhiên khế hợp. Thiên sư Huệ lấy phát tử phó chúc cho Sư.

Sau Sư đến thiên sư Hoàng Trí nhờ ấn khả, ở đây đạo của Sư càng được tôn trọng. Sau này Sư trụ trì các nơi như: Phổ Chiếu, Thiện Quyền, Thúy Nham, Tuyết Đậu.

Sư thượng đường:

- Mỗi người đều có lỗ mũi, chỉ có Thiện Quyền là không lỗ mũi. Tại sao không? Vì hai mươi năm trước bị người kéo rơi rồi. Mỗi người đều có hai tròng con mắt, chỉ có Thiện Quyền không tròng con mắt. Vì cố sao? Vì bị người lấy hạt chuỗi thay rồi. Mỗi người đều có xương sọ, chỉ có Thiện Quyền

không xương sọ. Vì sao không? Vì người mượn làm gáo đựng phân rồi.

Sư bèn gọi đại chúng nói:

- Lỗ mũi không, tròng con mắt không, xương sọ cũng không. Quý vị lại biết Thiện Quyền chăng? Nếu chẳng biết là quý vị chôn vùi Thiện Quyền. Nếu chẳng như thế, hãy nghe một bài tụng:

*Giản đế nê ngư kim thiếp diện,
Sơn đầu thạch nữ trước chân hồng.
Hệ lư quyết thượng sanh chi thảo,
Bất thị vân ái hương lô phong.*

Dịch:

**Đáy khe trâu đất vàng phết mặt,
Đầu non gái đá mặc toàn hồng.
Trên cọc cột lửa cỏ thơm ngát,
Chẳng phải mây che đánh lò hương.**

Ngài thuộc tông Tào Động, nên những câu đối đáp đều nhắm vào chủ yếu của tông Tào Động. Thiện Quyền là tên chùa, tức chỉ cho ngài.

Lỗ mũi không, con mắt không, xương sọ cũng không. Đoạn này ngài muốn nói gì? Chúng ta thử nghe bài kệ:

*Đáy khe trâu đất vàng phết mặt,
Đầu non gái đá mặc toàn hồng.*

*Trên cọc cột lửa cỏ thom ngát,
Chẳng phải mây che đánh lò hương.*

Lỗ mũi chỉ cho thật thẽ, con mắt là hai bên đối đãi, đầu sọ là nghĩ suy. Cả ba cái đều không, như thế thì thành cái gì? Qua bài kệ này chúng ta biết ý ngài muốn nói về pháp thân. Nếu người thấy được thì ngay đó liền thấy.

Sư thượng đường:

- **Thúy Nham chẳng phải chẳng nói, chỉ vì không có thời tiết. Sáng nay cơ hội khó gặp, một câu vì anh mỗ xê. Cột cái vốn là khúc cây, trái cân chỉ là sắt nguội. Quý vị nếu đến các nơi, chớ nói sơn tăng nhiều lời.**

Đây là lúc ở Thúy Nham, chẳng phải ngài không muốn nói, chỉ vì không gặp thời tiết nhân duyên. *Sáng nay gặp cơ hội tốt, nên một câu vì anh mỗ xê*, nói toạc ra cho mọi người nghe. *Cột cái vốn là khúc cây, trái cân chỉ là sắt nguội*. Ngài mỗ xê như vậy là muốn chia sẻ cái gì?

Quý vị nếu đến các nơi, chớ nói sơn tăng nhiều lời.
Các vị đi đến nơi này nơi kia, nhớ đừng nói tôi nhiều lời.

Tăng hỏi:

- **Hoa sen khi chưa ra khỏi nước thì thế nào?**

Sư đáp: - Mất lỗ mũi ông.

Tăng hỏi: - Sau khi ra khỏi nước thì thế nào?

Sư đáp: - Xỏ phủng trông mắt ông.

Hỏi *hoa sen khi chưa ra khỏi nước thì thế nào?*
 Hoa sen là chỉ cho thể chân thật, chưa ra khỏi nước tức là chưa thấy, chưa nhận ra, nên ngài đáp: *Mất lỗ mũi ông.*

Hỏi *sau khi ra khỏi nước thì sao?* Ngài đáp: *Xổ phủng tròng mắt ông.* Bởi ra khỏi nước tức đã thấy được rồi.

Tăng hỏi: - Thế nào là chánh pháp nhãn?

Sư đáp: - Đâu đen.

Chánh pháp nhãn tức là Chánh vị trong Ngũ vị quân thần của tông Tào Động. Chánh thuộc về âm, là thể. Thiên thuộc về dương, là dụng. Vì vậy khi được hỏi chánh pháp nhãn thì ngài đáp *đâu đen*, tức chỉ cho thể.

Tăng hỏi: - Thế nào là quân?

Sư đáp: - Mài giũa kiếm ba thước, đợi chém người bất bình.

Tăng hỏi: - Thế nào là thần?

Sư đáp: - Mây trắng thông dong mãi, dòng nước lằng xằng hoài.

Tăng hỏi: - Thế nào là quân thần đạo hợp?

Sư đáp: - Mây bay mưa rơi trắng sáng sao soi.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chánh trung thiên?

Sư đáp: - Trước khi gương chưa soi.

Tăng hỏi: - Thế nào là Thiên trung chánh?

Sư đáp: - Sum vậy không thiếu dư.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chánh trung lai?

Sư đáp: - Khắp cõi bạt mảy trần.

Tăng hỏi: - Thế nào là Kiêm trung chí?

Sư đáp: - Cẩn tên đùa lập công.

Tăng hỏi: - Thế nào là Kiêm trung đáo?

Sư đáp: - Thập đạo chẳng tầm hơi.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chuyển công tựu vị?

Sư đáp:

- Buông tay chẳng tựa toàn thể hiện, thuyền con ngư phủ ngụ hoa lau.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Chuyển vị tựu công?

Sư đáp:

- Nửa đêm đầu non trăng gió lặng, vượn lão trên cành một tiếng kêu.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Công vị tề chương?

Sư đáp:

- Ra cửa chẳng đi đường trở lại, bụi bay đầy mắt dứt trần ai.

Tăng hỏi: - Thế nào là Công vị câu ẩn?

Sư đáp:

- Trâu đất uống cạn trăng đầm lặng, ngựa đá ra roi chẳng ngoái đầu.

Đây là những câu đối đáp về Ngũ vị quân thần của tông Tào Động. Quân là Chánh, Thần là Thiên, Vị là Chánh, Công là Thiên. Những câu này không thể giải thích.

Sư tịch tại núi này, tháp toàn thân xây ở góc tây nam của chùa.



THIÊN SƯ HUỆ HUY TỰ ĐẮC ở TỊNH TỪ - HÀNG CHÂU

(1097 - 1183)

Sư họ Trương, quê ở Cối Kê, thuở nhỏ Sư nương theo thầy Đạo Ngưng ở Trùng Chiếu thế phát và thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi tuổi, Sư đến yết kiến Chơn Yết ở Trường Lô, có sở chứng chút ít.

Sau đó, Sư đến yết kiến Hoàng Trí. Trí nêu: “Chính trong sáng có tối, chẳng dùng tối gặp nhau, chính trong tối có sáng, chẳng dùng sáng thấy nhau” để hỏi Sư. Sư chẳng khế hội. Đầu hôm, Sư định trở lại trước tượng thánh tăng thắp hương, mà Hoàng Trí cũng vừa đến. Sư trông thấy liền chóng rõ câu nói trước.

Hôm khác Sư vào thất, Hoàng Trí nêu: “Khen thay ngày đi mặt như ngọc, lại trách lúc về râu tợ sương” để hỏi Sư. Sư đáp: - Kia vào ly, kia ra vì.

Từ đây, Sư hỏi đáp không ngại.

Hoàng Trí nhận là chân tử trong thất.

Vào ly, ra vi. Đây là những chữ nói lên nghĩa của Niết-bàn.

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Thiệu Hưng (1137), Sư khai pháp ở Phổ Đà, kế đến Vạn Thọ, Kiết Tường, Tuyết Đậu. Niên hiệu Thuần Hy thứ ba (1176), sắc vua bổ Sư trụ trì chùa Tịnh Từ.

Sư thượng đường:

*Sóc phong lẫm lẫm tảo hàn lâm,
Diệp lạc quy căn lộ xích tâm.
Vạn phái triều tông thuyền đáo ngạn,
Lục song hư ánh giới đầu châm.
Bản thành hiện, mặc tha tâm,
Tánh địa nhàn nhàn diệu cổ cầm (kim).
Hộ ngoại đóng tiêu xuân sắc động,
Tứ sơn hỗn tác mộc long ngâm.*

Dịch:

**Gió bắc quét rừng rét căm căm,
Lá rụng về nguồn hiện mảnh tâm.
Muôn dòng về biển thuyền đến bến,
Sáu cửa sáng ngời cải gập kim.
Vốn hiện thành, chớ kiếm tâm,
Bản tánh xưa nay sáng thắm thâm,**

**Ngoài cửa tuyết tan sắc xuân động
Bốn núi lẫn làm cây rồng ngâm.**

Gió bắc quét rừng rét căm căm, mùa đông ở xứ lạnh gió bắc thổi qua cây rừng, lá rụng tro cành lạnh căm căm. Lá rụng về đâu? Lá rụng về nguồn hiện mảnh tâm. Lá cây của chúng ta có rụng không, hay vẫn tươi như mùa xuân không chịu rụng?

Muôn dòng về biển thuyền đến bến, sáu cửa sáng ngời cải gặp kim. Nước chảy về nguồn, còn thuyền thì đã vào đến bờ. Lúc đó sáu cửa đã trong sạch, không còn bị chướng ngại. Bối đã dung thông với nhau, nên nói như cải gặp kim. Kim cải cảm thông thu hút nhau, không còn chia rẽ, gọi là lục căn hỗ dụng.

Những câu này không phải chỉ là thơ tả cảnh sông không có đạo lý gì, mà đây là mục thứ chín *Lá rụng về cội* trong Mười mục chấn trêu.

Vốn hiện thành chớ kiếm tìm, bản tánh xưa nay sáng thậm thâm. Ngay nơi đó là hiện thành, tìm kiếm đâu nữa?

Ngoài cửa tuyết tan sắc xuân động. Ngoài cửa tuyết đã tan hết, muôn màu sắc hiện ra trong mùa xuân. Tuyết tan ở mùa đông thì màu sắc hiện ở mùa xuân.

Bốn núi lẫn làm cây rồng ngâm. Bốn núi là tứ đại, có con rồng ở trong tức là tâm. Nhận ra chính mình thì sáu căn hỗ dụng, như thế là đã hiện thành, không còn gì nữa. Ngay nơi thân tứ đại này đã nhận ra cái chân thật.

Sư thượng đường:

- Ông già Thích-ca cùng lý tận tánh miệng vàng nói ra giáo lý một đời, dường thể xoay châu chuyển ngọc, vẫn bị người gọi là giấy cũ lau ghẻ. Tổ sư Đạt-ma dùng pháp Nhất thừa chỉ thẳng riêng truyền, nhìn vách chín năm chẳng lập văn tự, bị người gọi là Bà-la-môn nhìn vách. Hãy nói, hành trạng thế nào mới khỏi bị người bên chỉ trích?

**Áo nạp trùm đầu muôn việc thôi,
Khi này sơn tăng trọn chẳng hội.**

Lời từ kim khẩu của Phật nói ra là lời vàng, như xoay châu chuyển ngọc, vẫn bị chê là giấy cũ lau ghẻ. Cho đến tổ Đạt-ma chỉ thẳng truyền riêng, cũng bị xem là Bà-la-môn nhìn vách. *Hãy nói hành trạng thế nào mới khỏi bị người bên chỉ trích?* Việc làm của Phật tổ cao siêu đều bị chê bai, vậy làm sao để không bị chỉ trích?

Áo nạp trùm đầu muôn việc thôi, khi này sơn tăng trọn chẳng hội. Hai câu này trích trong Tham Đồng Khế của ngài Thạch Đầu Hy Thiên. Nguyên văn là:

*Nạp bí mônng đầu vạn sự hưu,
Thử thời sơn tăng đô bất hội.*

Áo nạp trùm đầu muôn việc thôi. Hình ảnh ông tăng muôn việc thôi dứt, lấy áo nạp trùm đầu ngủ khò. Chúng ta cũng kéo chăn trùm đầu mà muôn việc có được thôi dứt không? Nếu được thì tốt biết mấy.

Khi này sơn tăng trọn chẳng hội. Người đến chỗ chân thật là như thế, không còn gì để biết. Muôn việc đều buông hết, không cần khởi hiểu. chẳng phải luận bàn.

Sư thượng đường:

*Sào tri phong, huyết tri vũ,
Điềm giả điềm hề khổ giả khổ
Bất tu kế giảo cánh tư lương
Ngũ ngũ từng lai nhị thập ngũ
Vạn ban thi thiết đao bình thường
Thử thị từng lâm bão tham cú.*

Chư nhân hoàn ủy tất ma?

*Dã lão bất tri Nghiêu Thuấn lực
Đông đông đả cổ tế giang thân.*

Dịch:

Tổ chim biết gió, hang biết mưa,
Ngọt đó ngọt chừ đắng đó đắng.
Chẳng cần suy nghĩ lại xét lường,
Năm năm từ lâu là hăm lăm.
Muôn việc sắp đặt đến bình thường,
Đây là câu từng lâm bão tham.

Quý vị lại hiểu rõ chẳng?

Lão quê chẳng biết sức Nghiêu Thuấn,
Đùng đùng đánh trống cúng thần sông.

Tổ chim biết gió, hang biết mưa. Tổ chim ở trên cây nên gió thổi thì liền biết. Hang động ở dưới thấp nên khi mưa nước chảy xuống ngập tràn, nên nói hang biết mưa.

Ngọt đó ngọt chừ đắng đó đắng, cái gì ngọt thì tự ngọt, cái gì đắng tự đắng. Chẳng cần suy nghĩ lại xét lường, muôn việc vậy là vậy, không có gì phải suy nghĩ xét lường. Năm năm từ lâu là hăm lăm, năm lần năm là hai mươi lăm, hiển nhiên như thế.

Muôn việc sắp đặt đến bình thường, muôn việc đều trở lại chỗ bình thường của nó. Đây là câu tụng lâm bão tham, bão tham là tham vấn đã no rồi, không cần phải hỏi nữa. Thế nhưng, quý vị lại hiểu rõ chăng? Chỗ ấy các người có hiểu thấu suốt chưa?

Lão quê chẳng biết sức Nghiêu Thuấn, dùng dùng đánh trống cúng thần sông. Đây là câu châm ngôn của Trung Hoa. Tương truyền vua Nghiêu vua Thuấn có tài trị thủy. Mỗi khi lụt lội, nước sông tràn dâng, vua cho người khai thông hoặc dẫn nước vô ruộng đồng chỗ khác. Người nhà quê không biết, thấy nước tràn lên cứ đánh trống cúng Hà bá, tức thần sông, mà không biết bắt chước làm thủy lợi. Ý nói mọi việc chúng ta đều có thể làm được nhưng không chịu làm, cứ sợ bên ngoài, trông vào cầu cúng ở bên ngoài.

Sư thượng đường:

- **Thân của hang, chót của máy, trong ấy tham cứu, xoay về được diệu. Mây tuy động mà**

thường nhân, trắng tuy tối mà càng chiếu. Chủ khách lẫn tham, chánh thiên kiêm đảo.

**Mười châu xuân hết hoa héo tàn,
Rừng cây san hô nhật sáng rõ.**

Mười châu là chỉ cho tiên cảnh, tức chỗ cư ngụ của thần tiên, khi qua mùa xuân thì hoa rụng hết, nhưng trong rừng cây san hô, mặt trời soi sáng rõ ràng.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chánh trung thiên?

Sư đáp: - Đêm qua canh ba sao đầy trời.

Câu đáp này dễ hiểu. Đêm là tối, là đen; sao đầy trời là sáng, là trắng. Tức là âm dương hội hõ.

Tăng hỏi: - Thế nào là Thiên trung chánh?

Sư đáp: - Mây trắng trùm đầu núi, trọn chẳng lộ đỉnh cao.

Mây trắng là sáng, chỉ cho thiên. Đầu núi là tối, chỉ cho chánh.

Tăng hỏi: - Thế nào là Chánh trung lai?

Sư đáp: - Chớ gọi cá kình không lông cánh, ngày nay chính từ đường chim sang.

Con cá không có lông cánh, nhưng nó vẫn nhảy vọt lên như đi đường chim bay.

Tăng hỏi: - Thế nào là Kiêm trung chí?

Sư đáp: - Ứng không dấu, dụng không vết.

Đến đây ứng dụng thiện xảo, không còn dấu vết.

Tăng hỏi: - Thế nào là kiêm trung đạo?

Sư đáp: - Chiếc áo người đá rách, khắp nơi không người may.



Sư thượng đường:

- Da thịt rơi rụng bật chỗ nơi, sáng tỏ thân tâm một vật không, khéo vào đạo lớn chỗ sâu lặng, người ngọc yên ngồi xe bạch ngưu. Địa địa diệu minh người đạt rất ít, thức tình chẳng đến chỉ chứng mới biết. Con mây trắng linh linh tự chiếu, cha núi xanh cao ngất thường còn. Cơ phân sáng sau đánh, trí hợp mắt trước kiếp. Vì thế nói,

Đường Tân Phong chừ cao vẫn bước,
Động Tân Phong chừ tươi sáng trong.
Người đi, đi chừ chẳng động gót,
Người dạo, dạo chừ chớ vội vàng.
Nhà dừng chân có, ít người đến,
Rừng suối chẳng sâu, cây tầm thường.

Chư thiên đức! Hưởng thượng một phen đến, tôn quý khó rõ. Trên điện lưu ly chẳng xưng tôn, trước rèm phỉ thúy lại hợp bạn. Chính khi ấy, kim chỉ khâu suốt, chân tông chẳng rơi, nên làm sao thi thiết?

Tóc bạc đầy đầu lìa hang núi,
Nửa đêm xuyên mây vào xóm làng.

Da thịt rơi rụng bật chỗ nơi, sáng tỏ thân tâm một vật không. Khi da thịt bị rơi rụng hết, không còn gì thì chừng đó mới thấy thân tâm không có vật.

Khéo vào đạo lớn chỗ sâu lặng, người ngọc yên ngồi xe bạch ngưu. Xe bạch ngưu là xe trâu trắng, chỉ cho Phật thừa. Vào được đạo lớn sâu lặng rồi thì chính là người ngọc ngồi trên xe bạch ngưu, tức là thể nhập pháp thân.

Diền địa diệu minh là chỗ tâm thể chân thật, người đến được chỗ này rất ít. Thức tình không thể nghĩ tới, chỉ có người chứng mới biết.

Con mây trắng linh linh tự chiếu, mây trắng là con, sáng rõ tự chiếu. Cha núi xanh cao ngất thường còn, núi xanh là cha, cao ngất còn hoài. Ý này nói gì?

Suy nghĩ lanh lẹ chợt có chợt không như mây trắng, sáng rõ nhưng tạm bợ, gọi là con. Cái luôn luôn thường còn, như núi xanh cao ngất vững vàng, là cha. Như vậy cha là thể, con là dụng. Chúng ta phải biết cái nào tạm bợ, cái nào thường còn không mất, chứ đừng quên cha mà chỉ nhớ con.

Cơ phân sáng sau đánh, người mà căn cơ thấu triệt, phân phó được rồi, tức ở sau đánh đã sáng. Trí hợp mất trước kiếp, trí hợp với thể, con mắt thấy được trước kiếp, nghĩa là trước khi có sự vật đã thấy. Vì thế nói,

*Đường Tân Phong chừ cao vẫn bước,
Động Tân Phong chừ tươi sáng trong.*

Tân Phong là chỗ Động Sơn. Đường của Động Sơn dù cao vót, mà vẫn cất bước. Động của Động Sơn tuy lặng lẽ nhưng vẫn tươi sáng.

Người đi, đi chừ chẳng động gót,

Người dạo, dạo chừ chớ vội vàng.

Ngài tán tụng tông Tào Động, đi mà không động gót chân, dạo chơi thanh thoi không gấp gáp.

Nhà dừng chân có, ít người đến,

Rừng suối chẳng sâu, cây tâm thường.

Trên đường Tân Phong có nhà mát để nghỉ ngơi, nhưng ít người đến đó. Đến được đó rồi chỉ là tầm thường, tức rốt cuộc là trở về chỗ tâm bình thường của mình mà thôi.

Hướng thượng một phen đến, tôn quý khó rõ. Đã đến nơi rồi còn phải một phen hướng thượng, con đường đó là con đường tôn quý. Trên điện lưu ly chẳng xưng tôn, ở điện lưu ly mà không nhận làm vua. Trước rèm phỉ thúy lại hợp bạn, lại ra rèm ngoài để hợp với nhau. Chính khi ấy, kim chỉ khâu suốt, chân tông chẳng rơi, làm sao thi thiết? Khi đó kim chỉ thẳng một đường xuyên suốt, chân tông chẳng rơi, đến đây làm sao thi thiết? Hai câu kết thúc, ngài nói rất rõ.

Tóc bạc đầy đầu là hang núi,

Nửa đêm xuyên mây vào xóm làng.

Lão già ở am bây giờ đầu đã bạc, đóng cửa am, xách cá chép đi xuống chợ. Đẹp làm sao! Đó là lúc thông tay vào chợ. Con đường hướng thượng đến đây là

tuyệt đỉnh. Vào được chỗ chân thật rồi, mà ông già đầu bạc cũng không chịu ngồi yên, ban đêm đóng cửa thất, từ trên núi xuyên qua mây đi vào xóm làng, để hóa độ chúng sanh.

Sư thượng đường, cử thoại:

- Phó đại sĩ có bài tụng pháp thân:

**Tay không cầm cán cuốc,
Bộ hành cưỡi lưng trâu,
Trên cầu người qua thẳng,
Cầu trôi nước chẳng trôi.**

Đại sư Vân Môn nói: Các người đông lại tây lại nam lại bắc lại, mỗi mỗi cưỡi một con trâu lại. Tuy nhiên như thế, ngàn con muôn con, chỉ cần biết một con này.

Sư nói:

- Vân Môn bình thường khô khan dùi châm chẳng phủng, đến đây cũng dài dòng lôi thôi. Quý vị! Hiện nay cần thấy một con này chẳng? Khí trời hơi lạnh mỗi người tự về liêu phòng.

Thượng đường, ngài nêu lên bài kệ pháp thân của Phó đại sĩ:

*Tay không cầm cán cuốc,
Bộ hành cưỡi lưng trâu,
Trên cầu người qua thẳng,
Cầu trôi nước chẳng trôi.*

Tại sao gọi là kệ pháp thân?

Cầm cuốc sao nói tay không? Bộ hành là người đi bộ, mà cưỡi lưng trâu thì sao gọi là đi bộ? Người đi qua trên cầu, nước trôi hay cầu trôi? Tất cả hoàn toàn phi lý, nhưng chính ngay cái phi lý đó, mới thấy được chỗ chân thật.

Ngài dẫn lời đại sư Vân Môn nói: *Các người đông lại tây lại, nam lại bắc lại, mỗi mỗi cưỡi một con trâu lại. Tuy nhiên như thế, ngàn con muôn con, chỉ cần biết một con này. Cử thoại xong rồi ngài bình, đại sư Vân Môn nói như thế là còn dài dòng, còn với ngài thì Khí trời hơi lạnh, mỗi người tự về liêu phòng.*

Trời lạnh, mỗi người tự về phòng mình đi. Đáng lẽ giải thích cho biết, nhưng ngài lại nói vậy thôi. Ngài có nói gạt không? Đây chính là thuật đặc biệt của thiền sư.

Sư thượng đường nhắc việc phong phan, nói:

- Chỗ phong phan động để mắt nhìn tới, tức là Thượng tọa. Chỗ phong phan động mất đi con mắt, tức là phong phan. Kia nếu chưa như thế,

**Chẳng phải phong phan chẳng phải tâm,
Thiền tăng luống tự gắng dùi châm,
Phòng núi mưa qua khói mù sạch,
Nằm trong rừng tre gió mát râm.**

Chỗ phong phan động mà thấu suốt được, đó là Thượng tọa. Chỗ phong phan động không thấu suốt được,

tức là phong phan. Nếu chưa được như vậy thì lắng nghe bài kệ:

Chẳng phải phong phan chẳng phải tâm. Không phải gió động không phải phướn động, cũng không phải tâm động.

Thiền tăng luống tự gắng dùi châm. Thiền tăng cố gắng tìm cho ra manh mối. Tìm ra rồi thì sao?

Phòng núi mưa qua khói mù sạch. Phòng ở trên núi, qua một trận mưa khói mù tan hết. Nằm trong rừng tre gió mát râm. Khói mù tan hết rồi, nằm trong rừng tre mà nghe gió thổi mát.

Khi nào chúng ta được một trận mưa to, dẹp hết khói mù thì chừng đó mới nghe được gió mát trong rừng tre.

Mùa thu niên hiệu Thuần Hy thứ bảy (1180), Sư trở lại Tuyết Đậu. Thuần Hy thứ mười (1183) giữa mùa đông, ngày hai mươi chín lúc nửa đêm, Sư tắm rửa xong liền tịch. Sư thọ 87 tuổi, vua ban hiệu là Tự Đắc thiền sư.



THIÊN SƯ SIÊU TÔNG HUỆ PHƯƠNG ở HÒA SƠN - KIẾT CHÂU

(1073 -1129)

Sư họ Cung, quê ở Lâm Giang.

Sư dạy chúng:

- Trước dụng sau chiếu cốt nghiệm tác gia, trước chiếu sau dụng chẳng còn hình bóng, chiếu dụng đồng thời vách đứng ngàn năm, chiếu dụng chẳng đồng thời căn trần nên soi. Cổ nhân dùng bốn chuyển ngữ này để nghiệm thiền tăng trong thiên hạ. Nếu không phải người đủ con mắt chân chánh liễu ngộ thấu đáo khó bề nương tựa. Ngày nay vì quý vị nêu ra rõ ràng rồi vậy, lại hiểu rõ hay chẳng? Nếu hiểu rõ rồi, đáng gọi chẳng động mảy tơ chóng lên giác địa. Nếu chưa thế ấy, cần phải chín chắn.

Sư lại đưa cây phát tử nói:

- Xem, xem! Chỉ cái này tại Lâm Tế ắt chiếu dụng đồng hành, tại Vân Môn ắt sự lý đều đủ, tại Tào Động thì thiên chánh hiệp thông, tại Quy Ngưỡng thì ám cơ viên hợp, tại Pháp Nhãn thì nào dừng duy tâm. Song ngũ gia tông phái lập bày môn đình ắt chẳng không, dù cho biện được bề nhóm rõ ràng vẫn là việc bên quang ảnh. Nếu cần chống cự với sanh tử thì trời đất xa cách. Hãy nói, một câu siêu việt sanh tử làm sao mà nói?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Đã là lầm hạ chú cước.

Trước dụng sau chiếu, trước chiếu sau dụng, chiếu dụng đồng thời, chiếu dụng chẳng đồng thời. Đây là bốn chuyển ngữ của tông Lâm Tế.

Sư lại đưa cây phát tử... Chính khi đưa phát tử, ngài nói về tông chỉ của năm phái. Cùng một phát tử mà năm tông phái có những yếu quyết riêng biệt.

Ngài bình, dù cho phân tích rành rẽ từng tông từng phái không sai chạy thì đó cũng là việc quang ảnh, là bóng sáng thôi chứ chưa phải sự thật. *Nếu cần chống cự với sanh tử thì đất trời xa cách.* Nếu dùng cái phân biệt rành rẽ đó mà chống cự sanh tử thì không thể chống được.

Tuy nhiên nói bàn như thế là đã lầm giải thích rồi. Vậy câu *vượt sanh tử* là gì? Là bụm miệng, im lặng.



AM CHỦ DIỆU PHỔ TÁNH KHÔNG ở HOA ĐÌNH - phủ GIA HUNG

(1067 - 1142)

Sư người Hán Châu, nương thiền sư Tử Tâm đã lâu, được ấn chứng. Sư đi đến sông Tú, theo nếp Hoa Đình Thuyền Tử, cất am tranh ở đồng Thanh Long, thối sáo sắt để tự vui. Sư có làm nhiều phú vịnh, người được đều quý như của báu.

Thiền sư này có tính cách nghệ sĩ, nên phù hợp với Hoa Đình Thuyền Tử. Ngài bắt chước Hoa Đình Thuyền Tử không trụ trì, chỉ cất am tranh ở, thối sáo tự vui. Do đó, người đời gọi ngài là Am chủ Diệu Phổ Tánh Không ở Hoa Đình.

Sư có bài Sơn Cư:

***Tâm pháp song vong du cách vọng,
Sắc trần bất nhị thượng dư trần.***

***Bách điều bất lai xuân hựu quá,
Bất tri thùy thị trụ am nhân?***

Dịch:

**Tâm pháp cùng quên còn cách vọng,
Sắc trần bất nhị vẫn thừa trần.
Trăm chim chẳng đến xuân lại mất,
Chẳng biết ai là người trụ am?**

Tâm và pháp cả hai đều quên vẫn còn cách vọng, là giai đoạn nào? Đây là mục thứ tám trong mười mục chẵn trâu, trâu và người chăn không còn. Tâm pháp cả hai đều mất, nhưng chưa phải đến nơi, vì thế nói còn cách vọng. *Sắc trần bất nhị vẫn thừa trần*, đã đến chỗ không hai rồi mà chưa xong.

Trăm chim chẳng đến xuân lại mất, trăm chim không đến, xuân qua rồi. *Chẳng biết ai là người trụ am?* Chỗ cứu cánh là phải biết được am chủ. Nếu đến chỗ mất hết cứ tưởng đã xong việc là sai, còn phải nhảy qua một bước nữa.

Sư làm bài cảnh chúng rằng:

***Học đạo du như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc dạ tinh tinh.
Trung quân chủ tướng năng hành lệnh
Bất động can qua trị thái bình.***

Dịch:

**Học đạo ví như giữ cấm thành
Ngày ngừa lục tặc, tối tinh tinh**

**Trong quân chủ tướng hay hành lệnh
Chẳng động gươm đao giữ thái bình.**

Học đạo du như thủ cấm thành, người học đạo giống như giữ cấm thành. *Trú phòng lục tặc dạ tinh tinh*. Tinh tinh là tỉnh tỉnh, tinh lạnh sáng suốt. Ban ngày phải đề phòng, ngăn giữ sáu cửa không cho giặc vô, ban đêm thì phải tỉnh tỉnh

Trong quân chủ tướng hay hành lệnh. Trong quân có chủ tướng luôn luôn hành lệnh, vừa thấy kẻ giặc nào liền chém không tha. *Chẳng động gươm đao giữ thái bình*. Biết hành lệnh như vậy, được tỉnh luôn như vậy thì không dùng gươm đao mà giữ được thái bình.

Người tu phải nhớ bài kệ này. Câu đầu là ví dụ. Câu thứ hai quan trọng, dạy chúng ta ban ngày phải làm gì, tối phải làm gì. Câu thứ ba là chủ tướng luôn luôn có mặt, thấy giặc hoặc kẻ nào làm sai là trị liền. Như thế mới không can qua, khởi binh biến, được thái bình, là câu thứ tư. Bốn câu này đủ tu rồi, gọn quá chừng. Phải không?

Bài kệ này, ngài khuyến khích chúng ta tu hành. Bây giờ có ai đang ngừa giặc, giữ cấm thành không? Giữ mà hời hợt, đứa giặc nào xấu xa thì đuổi, đứa giặc nào tử tế dễ coi thì cho vô. Ban đêm thì tỉnh ít, chủ tướng có khi không hành lệnh, không ngừa gì hết, hoặc ngừa phân nửa hay phần ba mà thôi. Vì vậy trong nhà chúng ta luôn luôn rối loạn.

Niên hiệu Kiến Viêm năm đầu (1127) giặc Từ Minh làm phản đi qua Ô Trấn, mặc tình giết hại,

dân chúng sợ chạy. Sư một mình cầm gậy đi đến, giặc trông thấy lấy làm lạ, nghi là ngụy phục, bèn hỏi duyên cớ. Sư đáp:

- Tôi là thiền giả muốn đến chùa Mật Ấn.

Giặc nổi giận muốn chém Sư. Sư nói:

- Đại trưởng phu cần đầu liền chặt lấy, sao phải nổi giận? Tôi hẳn phải chết, xin cho một bữa ăn để tống chung.

Giặc dâng cá thịt, Sư dùng như ngọ trai thường, trước xuất sanh xong, bèn nói:

- Ai sẽ vì tôi làm bài văn để cúng?

Giặc tức cười mà không đáp. Sư đòi bút viết:

“Than ôi! Duy linh,

Nhọc ta do sanh, ắt lỗi tạo hóa;

Sai ta do sống, ắt quấy âm dương.

Thiếu ta do nghèo, ắt ngũ hành chẳng chánh;

Khốn ta do mạng, ắt ngày giờ chẳng tốt.

Chao ôi! Lớn thay! May có đạo xuất trần,

Ngộ được tánh của ta, cùng diệu tâm kia.

Hẳn diệu tâm này ai hay làm thân?

Trên đồng chân hóa của chư Phật,

Dưới hợp vô minh của phàm phu.

Mảy bụi chẳng động, vốn tự viên thành.

Diệu vậy thay! Diệu vậy thay!

Mặt trời mặt trăng chưa đủ là sáng,
Càn khôn chưa đủ là lớn.
Cao vót sáng rõ, không chướng không ngại.
Hơn sáu mươi năm hòa quang lần tục,
Bốn mươi hai hạ tiêu dao tự tại.
Gặp người thì vui, thấy Phật chẳng lay.
Cười vậy ư! Cười vậy ư!
Đáng tiếc chàng thiếu niên,
Phong lưu rất tươi đẹp.
Thản nhiên đi về phó gió xuân,
Thể dưởng hư không trọn chẳng hoại.
Thượng hưởng!”

Sư liền cầm đĩa gấp ăn. Bọn giặc cười to. Sư ăn xong lại nói:

Kiếp số đã gặp ly loạn,
Tôi là kẻ sống vui nhộn,
Hiện nay chính lúc giờ lành,
Xin mời một đao hai đoạn.

Sư bèn hô to: - Chém! Chém!

Giặc kinh hãi cúi đầu tạ tội, khiến quân rút lui. Nhà cửa vùng Ô Trấn khỏi bị thiêu đốt, thật nhờ ơn đức của Sư. Kẻ đạo người tục nghe việc này càng cung kính Sư.

Đại trượng phu cần đầu liền chặt, sao phải nổi giận? Câu nói này cho thấy khí phách của ngài.

Giặc đến, thiên hạ bỗng con dất cháu chạy rần rần, còn ngài cầm gậy đi thẳng vô đám giặc, bao nhiêu đó cũng biết được ngài anh hùng thế nào rồi. Giặc hỏi, ngài vẫn nói chuyện an nhiên không chút gì sợ sệt. Giặc nổi giận, ngài vẫn bình thản nói, đại trượng phu cần đầu thì cứ chặt lấy, khiến bọn giặc nể phục, phải ngán ngài.

Ngài thản nhiên nói đùa với giặc: *Tôi hẳn phải chết, xin cho một bữa ăn để tống chung*. Tôi đã vô vòng vây của các ông rồi, chắc hẳn phải chết. Bây giờ hãy cho tôi ăn một bữa cơm no, để làm lễ tiễn đưa. Bọn giặc nghe cũng tức cười, đem cá thịt dâng lên, tưởng làm như vậy thì ngài không ăn, nhưng không ngờ ngài ngồi vô thọ trai như thường.

Xuất sanh xong, ngài hỏi: *Ai sẽ vì tôi làm bài văn để cúng?* Tôi sắp chết rồi, bây giờ làm văn điếu đi chứ! Giặc tức cười làm thinh không đáp. Ngài bèn đòi giấy bút, tự viết bài văn điếu cho mình, không chút gì nao núng.

Than ôi! Duy linh, nhọc ta do sanh, ta nhọc nhằn bởi tại sanh; *ắt lỗi tạo hóa*, lỗi này là do tạo hóa mà ra. *Sai ta do sống*, ta bị sai quấy việc này việc nọ là do sự sống này; *ắt quấy âm dương*, bởi có âm dương nên mới có sự sống.

Thiếu ta do nghèo, ta nghèo tại ai? *Ắt ngũ hành chẳng chánh*, tại ngũ hành mà làm cho ta thiếu. *Khốn ta do mạng*, ắt ngày giờ chẳng tốt. Ta khốn đốn là do mạng, bởi sanh vào ngày giờ chẳng tốt.

Lớn thay! May có đạo xuất trần... Ngài khen ngợi đạo lý vi diệu, rồi dẫn lời Phật nói trong kinh Lăng-nghiêm: *Trên đồng chân hóa của chư Phật, dưới hợp vô minh của phàm phu.* Câu này trích trong đoạn nói về sức tự tại của Bồ-tát Quan Âm, nguyên văn là “trên đồng từ lực chư Phật, dưới hợp bi ngưỡng chúng sanh”.

Hơn sáu mươi năm hòa quang lẫn tục, bốn mươi hai hạ tiêu dao tự tại. Ngài nói, đến đây là đã sống ở đời hơn sáu mươi năm, hòa ánh sáng vào trong chỗ bụi bặm. Nơi đạo ngài được bốn mươi hai tuổi hạ, tiêu dao tự tại. Giờ thì *thượng hưởng*, xin mời cầm đũa. Ngài cầm đũa gấp ăn, mình tự mời mình ăn, bọn giặc cười to.

Hiện nay chính lúc giờ lành, xin mời một đao hai đoạn. Sư bèn hô to: Chém! Chém! Đến giờ tốt rồi các ông chặt đầu ta đi. Giặc nghe ngài nói kinh hãi cúi đầu tạ tội, bảo rút quân. Nhà cửa khỏi bị đốt phá. *Kẻ đạo người tục càng cung kính Sư.*

Ngài đùa với giặc khiến giặc rút lui, khỏi cần đánh khỏi cần khuyên. Chí khí này có được mấy người? Người như vậy mới thật là thấy đạo.

Chúng ta bây giờ miệng nói đạo cũng hay, nhưng chưa thấm đạo trong tim, trong phổi, trong xương trong tủy. Các ngài đã thấm tận xương tủy rồi, nên xem cái chết như trò chơi không có gì quan trọng, cười với cái chết, đùa với cái chết. Tinh thần của người xưa thật đáng kính nể.

Có vị tăng xem bài ca có câu “Thấy Phật chẳng lay”, nghịch hỏi Sư:

- Đã thấy Phật vì sao chẳng lay?

Sư tát tai, hỏi: - Hội chăng?

Tăng đáp: - Chẳng hội.

Sư lại tát tai, nói: - Nhà không hai chủ.

Hay quá chừng! Tát tai thì lẽ ra phải thấy rồi, tại sao? Vì biết được ông chủ thì không cần lay. Ông tăng không hiểu, ngài tát cho cái nữa, nói: *Nhà không hai chủ.*

Niên hiệu Thiệu Hưng năm Canh Thân (1140) mùa đông Sư làm một cái bồn to có khoét lỗ rồi đóng nút lại, biên thư gửi cho thiền sư Trì ở Tuyết Đậu, nói: “Tôi sắp thủy táng rồi.”

Vào mùa đông năm Canh Thân niên hiệu Thiệu Hưng, ngài *làm một cái bồn to*, gọi theo miền Long Hải ở chúng ta là đan cái thúng đi biển, xong khoét lỗ đóng nút lại.

Đến năm Nhâm Tuất (1142), thiền sư Trì đến thăm, thấy Sư vẫn còn, bèn làm bài kệ ngạo rằng:

Đốt tai lão Tánh Không!

Cương yếu ủy ngư miết

Khứ bất sách tánh khứ

Chỉ quản hướng nhân thuyết.

Dịch:

**Chao ôi lão Tánh Không!
Thích làm môi cho cá,
Đi chẳng đòi tánh đi,
Chỉ giỏi nhằm người nói.**

Sư xem qua, cười nói:

- Đợi huynh đến chứng minh.

Đan cái thúng xong, biên thư gửi cho thiền sư Trì ở Tuyết Đậu nói: *Tôi sắp thủy táng rồi*. Báo tin từ năm Canh Thân niên hiệu Thiệu Hưng (1140), nhưng đến năm Nhâm Tuất (1142) thiền sư Trì đến thăm, tức là qua hai năm rồi mà vẫn chưa tịch. Thấy ngài vẫn còn sống, thiền sư Trì bèn làm bài kệ cười ngạo:

*Chao ôi lão Tánh Không!
Thích làm môi cho cá,
Đi chẳng đòi tánh đi,
Chỉ giỏi nhằm người nói.*

Đi không dám đi, chỉ gạt người thôi, nói sắp thủy táng mà đến đây thấy vẫn còn.

Ngài xem qua, cười nói: *Đợi huynh đến chứng minh*. Tôi tính thủy táng, nhưng đợi huynh đến để chứng minh.

Sư liền sai báo tin họp tứ chúng. Chúng họp xong, Sư vì chúng nói pháp yếu. Bèn nói kệ rằng:

*Tọa thoát lập vong, bất nhược thủy táng,
Nhất tỉnh sài thiêu, nhị tỉnh khai khoáng.*

*Tát thủ tiện hành, bất phương khoái sướng,
Thùy thị tri âm? Thuyền Tử hòa thượng.
Cao phong nan kế bách thiên niên,
Nhất khúc ngư ca thiếu nhân xướng.*

Dịch:

**Ngồi thoát đứng chết, chẳng bằng thủy táng,
Một bớt tổn củi, hai khối đào huyết.
Buông tay liền đi, hẳn là vui sướng,
Ai là tri âm? Thuyền Tử hòa thượng.
Cao phong khó nối trăm ngàn năm,
Một bản ông chài ít người xướng.**

Ngài làm bài kệ, câu đầu nói: *Ngồi thoát đứng chết*, là chỉ cho những bậc tiền nhân, người thì ngồi chết, người thì đứng tịch. *Chẳng bằng thủy táng*, tuy là tự tại, ngồi hay đứng tịch cũng được, nhưng không bằng thủy táng, tức là chết dưới nước. Tại sao?

Một bớt tổn củi, hai khối đào huyết. Buông tay liền đi, hẳn là vui sướng. Thủy táng khỏi tổn củi cũng khỏi tổn công đào mộ. *Ai là tri âm* trong việc này? *Thuyền Tử hòa thượng.* Hoa Đình Thuyền Tử khi tịch cũng lật úp thuyền mà đi.

*Cao phong khó nối trăm ngàn năm,
Một bản ông chài ít người xướng.*

Cao phong đó, trăm ngàn năm sau khó có được người nối tiếp.

Sư bèn vào ngồi trong bồn xuôi nước mà đi. Chúng cùng đưa đến cửa biển, nhìn theo ngút mắt. Sư mở nút, tát nước mà bơi bồn vào. Chúng vây quanh xem không thấy vô nước. Sư lại theo dòng nước mà đi, xuống lên rằng:

*Thuyền Tử đương niên phản cố hương,
Một tung tích xứ diệu nan lường.
Chân phong biến ký tri âm giả,
Thiết địch hoành xuy tác tán trường.*

Dịch:

Thuyền Tử năm này lại cố hương,
Chỗ không dấu vết diệu khó lường.
Chân phong khắp gửi tri âm đấy,
Sáo sắt thổi ngang vĩnh biệt trường.

Cầm sáo thổi từ biệt mọi người mà đi. Thiền sư ra đi có buồn không? Có rơi lệ không? Muốn chết thì chết, muốn sống thì sống, không quan trọng gì hết.

Tiếng sáo xa xa rồi dứt khoảng trong chốn mênh mông. Thấy Sư ném chiếc sáo rồi chìm, chúng thương xót ngậm ngùi. Ba hôm sau, người ta thấy thân Sư ngồi kiết già trên bãi cát. Tăng tục đưa nhau đến đón về chùa, lưu lại năm ngày sau mới trà-tỳ. Khi trà-tỳ có hai con chim nhận bay qua bay lại trong hư không, đến thiêu xong mới đi.

Nói là khỏi tổn củi mà rốt cuộc cũng phải tốn củi trà-tỳ. Đọc qua sử của các thiền sư, chúng ta thấy nề phục

tư cách của các ngài, lúc nào cũng sẵn sàng không sợ sệt. Còn chúng ta, đôi khi thân gầy ốm bệnh hoạn, đau lên đau xuống nhưng nghe nói chết cũng sợ sệt, rưng rưng nước mắt.

Ý chí của người đạt đạo thật cao tốt. Các ngài không quản ngại sanh tử, ra đi được tự tại không lo sợ. Làm việc gì để lại lợi ích cho chúng sanh thì các ngài làm, không e dè. Chính gương đó khiến cho chúng ta nhớ mà bớt đi con khỉ nhát nhúa của mình.

Sự gan dạ của người xưa là như vậy, chứ không phải gan lỳ giống mấy vị tướng đánh giặc, ra trận liều chết. Người tu thấy đạo, biết thân này chỉ là ảo ảnh, nên thấy nó không ra gì, còn mất không quan trọng, không thành vấn đề.



THIÊN SƯ THỦ TRÁC TRƯỜNG LINH ở THIÊN NINH - ĐÔNG KINH

(1065 - 1123)

Sư họ Trang, quê ở Tuyên Châu.

Sư thượng đường:

- Ba ngàn kiếm khách riêng nhận Trang Chu, vì sao lại nhảy chẳng khỏi? Cửa thầy thuốc nhiều bệnh nhân, vì sao chẳng tiêu một cái chích? Người đã thấu quan mời biện xem.

Những câu nói trong tông Lâm Tế không giống như các pháp hội khác có thể gẫm hiểu được. Tông Lâm Tế nói nhưng không cho ta suy nghĩ, không cho dính mắc câu nói. Đôi khi các ngài lộ dạng cho hành giả thấy một chút rồi cũng ẩn dấu.

Sư thượng đường:

- Ví như con mắt chẳng tự thấy con mắt, tánh tự bình đẳng. Người không bình đẳng liền thế ấy đi,

chùy sắt không chuôi hãy tạm an trí. Dù vào rừng chẳng động cỏ, vào nước chẳng động sóng, cũng là phương tiện một thời. Giả sử tre trong giậu nhỏ măng ngoài giậu, khe đông hoa nở khe tây hồng, còn đợi khám phá qua đã.

Ví như con mắt chẳng tự thấy con mắt, tánh tự bình đẳng. Ví như con mắt không thể nhìn thấy con mắt, mà chỉ nhìn thấy những sự vật bên ngoài. Con mắt hay thấy, cảnh vật là cái bị thấy. Nếu dùng cái hay thấy để thấy tánh thì tánh cũng là vật bên ngoài, chẳng phải chính mình.

Tánh vốn không hình tướng nên không thể thấy, chẳng qua chỉ là nhận ra nơi mình có tánh tri giác chân thật bất sanh bất diệt, hằng giác hằng biết, nên tạm gọi là thấy tánh. Ví dụ người bị chích thuốc tê vào tai, mũi nên không có cảm giác. Khi thuốc hết tác dụng thì có cảm giác trở lại. Do thuốc nên không có cảm giác, hết tê rồi liền có cảm giác, chứ không phải cảm giác đến từ bên ngoài. Cũng vậy, vì ta mê nên quên mất mình có tánh giác, hết mê rồi thì tánh giác hiện sờ sờ. Giản dị vậy thôi.

Hành giả tu thiền khởi niệm muốn thấy tánh thì rất sai lầm. Muốn thấy tánh, tức là tánh trở thành vật bị thấy. Tánh bị thấy thì chẳng phải là tánh giác sẵn có nơi mình. Đó là lỗi thứ nhất chúng ta hay nhầm lẫn.

Lỗi thứ hai là muốn thấy được tánh thì tánh phải có hình tướng, mà những thứ có hình tướng đều sanh diệt vô thường. Nếu tu để thấy cái sanh diệt là điều

vô lý. Cho nên ngài Thủ Trác nói: *Ví như con mắt chẳng tự thấy con mắt, tánh tự bình đẳng*, nghĩa là tánh giác tự bình đẳng nên không thể thấy, như con mắt không thể thấy con mắt. Ngài nói thêm một loạt cho chúng ta khéo nhận ra, chứ không thể giải thích.

Tăng hỏi:

- Đơn Hà thiêu Phật gỗ, Viện chủ vì sao lại rụng lông mày?

Sư đáp: - Con mèo biết trèo cây.

Tăng thưa:

- Sớm biết như thế trợn chẳng như thế.

Sư bảo: - Tiếc lấy lông mày.

Tăng hỏi: *Đơn Hà thiêu Phật gỗ, Viện chủ vì sao lại rụng lông mày?* Nguyên văn là: “Đơn Hà thiêu mộc Phật, Viện chủ lạc my mao.” Phát xuất từ câu chuyện thiền sư Đôn Hà đến chùa Huệ Lâm gặp lúc trời đại hàn, bèn thỉnh tượng Phật gỗ đốt để hơ, viện chủ Hướng trông thấy quở: Sao đốt tượng Phật của tôi? Sư lấy gậy bới tro nói: Tôi thiêu để lấy xá-lợi. Viện chủ bảo: Phật gỗ làm gì có xá-lợi? Sư nói: Đã không có xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa thiêu. Viện chủ nghe câu nói này, tất cả chấp đều tan vỡ, nên có ra câu nói này.

Ngài đáp: *Con mèo biết trèo cây*. Trả lời quá hay! Con mèo sanh ra đã tự biết trèo cây, chứ không phải do mèo mẹ dạy. Cũng vậy, nhân cái biết nơi mình mà Viện chủ rụng lông mày, tức là rơi hết chấp trước, chứ chẳng phải từ nơi thiền sư Đôn Hà.

Tăng hỏi: - Thế nào là việc của kẻ áo nạp?

Sư đáp: - Trời hạn dân sâu.

Tăng hỏi: - Khi Phật chưa xuất thế thì thế nào?

Sư đáp: - Tuyệt hào tuyệt ly.

Tăng hỏi: - Sau khi xuất thế thì sao?

Sư đáp: - Lấp hồ bít khe.

Tăng hỏi: - Xuất thế cùng chưa xuất thế cách nhau bao nhiêu?

Sư đáp:

- Người bình chẳng nói, nước bình chẳng chảy.

Kẻ áo nạp là người xuất gia tu hành.

Tâm còn lăng xăng như khỉ vượn, nghĩ cái này nhớ cái kia nên nói lú lo. Nếu tâm an nhiên thì đâu còn gì để nói. Cũng vậy, nước không chảy qua đất bằng, chỉ chảy qua những chỗ cao thấp mà thôi.

Sư thượng đường:

- San cao đến thấp, đuổi giặc phá nhà, cắt sắt chặt đỉnh, con chồn mền hang, thấy chẳng thế ấy lại là sao? Vì thế nói, vực cao muôn nhấn buông thông tay, phải là người ấy. Chỉ như ôm bát vào nước Hương Tích, một câu làm sao nói?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Tối kỵ gió thổi trong biệt điệu.

Biệt điệu là một điệu riêng.

Sư thượng đường:

- Đức Thích-ca đóng cửa thất, phạm lỗi tà trời. Ngậm miệng nơi Tỳ-da, tự cứu chưa xong. Thế nào? Thế nào? Cửa miệng quá nhỏ!

Niên hiệu Tuyên Hòa thứ năm (1123) ngày hai mươi bảy tháng chạp, Sư yên lặng thị tịch.



THIÊN SƯ BỔN TÀI PHẬT TÂM ở THƯỢNG PHONG - ĐÀM CHÂU

Sư họ Diêu, quê ở Phúc Châu, thuở bé được xuất gia, thọ giới Cụ túc xong đi du phương. Sư đến Đại Trung nương thiên sư Long ở Hải Ấn. Thấy lão túc là đạo giả Đạt xem kinh đến câu “Một sợi lông sư tử, trăm ức sợi lông đồng thời hiện”, Sư chỉ hỏi:

- Một sợi lông sư tử vì sao được trăm ức sợi lông đồng thời hiện?

Đạt đáp:

- Người mới vào rừng lâm đâu thể lý hội được việc này.

Sư nhân đây sanh nghi.

Sư phát tâm lãnh chức Tịnh đầu.

Tịnh đầu là trưởng ban quét dọn. Thời xưa ở Trung Hoa, một pháp hội hưng thịnh có đến hơn ngàn người,

cho nên mỗi ngành đều có trưởng ban để sắp xếp công việc trong từng lâm.

Một hôm, Sư đến phiên quét dọn, vừa lúc Hải Ấn dạ tham, Sư đến nơi thì gặp kết tòa, nghe Hải Ấn ném cây gậy bảo:

- Liễu thì sợi lông nuốt bể cả, mới biết cả đại địa trong một hạt bụi.

Sư bỗng nhiên có tỉnh.

Tuy có tỉnh, nhưng tỉnh ấy chưa phải là xong.

Sau Sư ra xứ Môn, đến Dự Chương núi Hoàng Long, ở chỗ Tử Tâm mà cơ duyên không khế hợp. Sư đến tham vấn Linh Nguyên, mỗi khi vào thất ra ắt lau nước mắt nói:

- Việc này ta thấy được rất rõ ràng, chỉ là lâm cơ nói chẳng ra. Nếu thế thì làm sao?

Linh Nguyên biết Sư rất cần mẫn, bảo:

- Phải đại triệt mới được tự tại.

Thấy mà nói không được, nghĩa là hiểu nhưng không thốt ra lời.

Chưa bao lâu, chợt nhìn vị tăng ở bàn bên cạnh đọc Tào Động Quảng Lục, đến đoạn: “Dược Sơn hái củi về, có vị tăng hỏi: Chỗ nào lại? Dược Sơn đáp: Đốn củi lại. Tăng chỉ con dao dưới lưng nói: Khua reng reng là cái gì? Dược Sơn rút dao làm thế chặt.” Sư chợt vui mừng tát vị tăng đang đọc một tát, vén rèm chạy tuôn ra cửa nói kệ:

Triệt! Triệt!

Đại hải càn khô, hư không tịnh liệt,

Tứ phương bát diện tuyệt già lan,

Vạn tượng sum la tê lậu tiết.

Dịch:

Triệt! Triệt!

Biển cả khô khan, hư không đều nát,

Bốn phương tám mặt bật ngăn che,

Vạn tượng sum la đều tiết lộ.

Khi đã triệt ngộ thì biển cả khô khan, hư không tan nát, bốn phương tám mặt rộng suốt không có chỗ ngăn che, vạn tượng sum la thấy đều tiết lộ. Thấy cái gì cũng hiện bày chân thể, mới là đại triệt.

Về sau, Sư được chia tòa giảng dạy ở Chơn Thừa, nhận trụ ở Thượng Phong và dời trụ nhiều chùa nổi tiếng.

Khi Sư trụ ở Càn Nguyên, ngày khai đường dạy chúng:

- Trăm ngàn môn tam-muội, vô lượng tạng phước đức, buông đi cũng như mở kho vũ khí, ánh sáng giao xen, nắm lại cũng giống tuyết phủ hoa lau, khắp thân khó biện. Khiến cho người thấy đó kêu dậy liền đi, người nghe đó một đao thẳng vào, mỗi mỗi đủ chánh nhãn ở đánh môn, người người tay mang theo linh phù, quét tri kiến Phật tổ, làm họa ương ở từng lâm. Tôi nhớ ngày khai đường của

Bảo Thọ, Tam Thánh đẩy một vị tăng ra, Bảo Thọ liền đánh, Tam Thánh nói: “Thế ấy vì người, ắt sẽ làm mù mắt người cả một thành Trấn Châu.” Và như Càn Nguyên ngày nay khai đường, hoặc có vị tăng ra đây sơn tăng cũng đánh. Thoại này chẳng những rất thịnh hành, mà còn mở mắt người cả thành Phúc Châu. Vì sao vậy?

**Kiểm vì bất bình lìa vỏ báu,
Thuốc nhân cứu bệnh ra bình vàng.**

Trăm ngàn môn chánh định, vô lượng kho phước đức. Buông ra giống như mở kho vũ khí, thấy ánh sáng các binh khí xen lẫn. Nắm lại như tuyết phủ hoa lau rất khó phân biệt, vì hoa lau trắng và tuyết cũng trắng.

Chỗ này mỗi người phải đến và thấy, không nên giữ tri kiến. Vì tri kiến là họa ương chướng ngại đạo vậy.

Ngài dẫn lại chuyện *ngày khai đường của thiền sư Bảo Thọ. Tam Thánh đẩy vị tăng ra, Bảo Thọ liền đánh. Tam Thánh nói: Thế ấy vì người, ắt sẽ làm mù mắt người cả một thành Trấn Châu.* Nếu bây giờ đẩy vị tăng nào ra ngài cũng đánh, cốt yếu là *mở mắt người cả thành Phúc Châu.*

Sao lạ vậy? Một bên mù mắt, một bên mở mắt, hai cái có khác không? Bên nào cũng chỉ một cái đánh mà thôi, mù hay mở không hai. Bởi vì, nếu đánh mà không ngộ thì mù, nhân đánh mà ngộ là mở. Như vậy cái đánh đó chỉ là phương tiện, gặp cơ liền ứng dụng mà thôi.

Cho nên ngài kết thúc: *Kiểm vì bất bình là vỏ báu, thuốc nhân cứu bệnh ra bình vàng*. Vì thấy sự bất bình nên rút kiểm ra khỏi vỏ báu. Thuốc được trút ra từ bình vàng bởi nhân có người bệnh. Tất cả phương tiện đều đưa người đến chỗ an lành.

Sư thượng đường:

- Đức Đạt-ma trước khi chưa sang Đông độ, người người đều ấp hạt châu My Thủy, kẻ kẻ đều ôm hòn ngọc Kinh Sơn, đáng gọi là vách đứng ngàn năm. Đến khi Nhị Tổ lễ ba lạy, về sau mỗi mỗi Nam hải thiện hữu Bắc lễ Văn-thù, rất chẳng trượng phu. Hoặc có một người nửa người chẳng cầu chư thánh chẳng trọng kỷ linh, một ngựa một thương nhằm trong hư không đấu kiếm, thật là thích thú bình sinh. Như hiện nay có chẳng?

**Tự là chẳng về, về liền được,
Mây cảnh Ngũ Hồ có ai tranh.**

Tổ Đạt-ma chưa sang Đông độ, ngọc báu đó mỗi người đều có sẵn nhưng không biết, nên Tổ đến chỉ cho chúng ta nhận ra cái sẵn có. Cũng vậy, chư Phật thị hiện nơi đời cốt chỉ cho chúng sanh nhận lại Phật tri kiến của mình, chứ các ngài không cho chúng ta sự an lạc giải thoát, khi ta nhận được của báu nhà mình là an lạc giải thoát rồi.

Bây giờ tôi đưa tay lên, quý vị thấy không? Ai cũng thấy hết, tức là có ngọc báu, vậy đâu có ai nghèo. Chúng ta không nghèo, sao phải làm khất sĩ, đi ăn xin?

Thật ra Khất sĩ là một trong những ý nghĩa cao quý của Tỳ-kheo. Hàng đệ tử xuất gia của Phật, chọn pháp khất thực vì tự lợi và lợi tha. Tự lợi là dùng khất thực làm phương tiện, để nuôi dưỡng sắc thân mà tu tập. Lợi tha là dùng khất thực làm phương tiện, để giáo hóa và tạo phước điền cho chúng sanh. Do vậy, khất thực là truyền thống ba đời chư Phật. Thế thì chúng ta đâu có nghèo.

Thiền sư Trung Hoa ghi rằng:

Tổ Bồ-đề-đạt-ma ở Đông độ gần chín năm. Thấy cơ duyên đã đến, Tổ bảo đồ chúng:

- Giờ ta trở về sắp đến, các người mỗi người nên nói chỗ sở đắc của mình.

Đạo Phó ra thưa:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đây là dụng của đạo.

Tổ bảo: - Người được phần da của ta.

Ni sư Tổng Trì ra thưa:

- Nay chỗ hiểu của con, như tổ A-nan thấy nước Phật A-súc, chỉ thấy một lần, không còn thấy lại.

Tổ bảo: - Người được phần thịt của ta.

Đạo Dục ra thưa:

- Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng có, chỗ thấy của con không một pháp có thể được.

Tổ bảo: - Người được phần xương của ta.

Đến Huệ Khả bước ra đánh lễ ba lạy, rồi lui lại đứng yên lặng. Tổ bảo: - Người được phần tủy của ta.

Về sau, tổ Đạt-ma truyền pháp cho ngài Huệ Khả. Từ đó trở đi, người học đạo mỗi mỗi hướng về phương Nam tìm thiện tri thức thưa hỏi, hoặc đến phương Bắc lễ đức Văn-thù. Như vậy *rất chẳng trượng phu*. Tại sao? Bởi vì của báu sẵn có mà không chịu nhận, cứ đi tìm đầu này, lễ đầu kia.

Tự là chẳng về, về liền được, mây cảnh Ngũ Hồ có ai tranh. Tự mình chẳng chịu về, nếu về liền được, vì của báu đã có sẵn. Mây trời, cảnh đẹp đâu có ai tranh giành. Câu này rất hay!

Sư thượng đường:

- Các pháp có hình tướng đều là động hay thực vật, trăm sông chảy xiết đua về biển. Có đàn không trống trời mây nhạt, giống như ông già bệnh ở Tỳ-da. Duy-ma bệnh ắt Thượng Phong bệnh, Thượng Phong bệnh ắt cây gậy bệnh, cây gậy bệnh ắt sum la vạn tượng bệnh, sum la vạn tượng bệnh ắt phàm cùng thánh bệnh. Quý vị lại biết chỗ trước khi bệnh khởi chẳng? Nếu là biết được, tình cùng vô tình đồng một thể, nơi nơi đều đồng chân pháp giới. Nếu chưa như thế, dưa ngọt tốt rễ ngọt, dưa đắng gốc cũng đắng.

Ở đây ngài dùng phương tiện thật khéo. Duy-ma bệnh thì ta bệnh, ta bệnh thì cây gậy bệnh, cây gậy bệnh thì sum la vạn tượng bệnh, sum la vạn tượng bệnh

thì phàm thánh thấy đều bệnh. Tại sao ngài Duy-ma-cật bệnh? Bởi chúng sanh bệnh nên ngài bệnh.

Bệnh của chúng sanh là vô minh tăm tối. Do vô minh nên không thấy được bản tánh mà thành bệnh. Bệnh tại mê, người mê thì vật cũng mê. Cho nên cây gậy bệnh, sum la vạn tượng bệnh, đối với phàm thánh cũng đều mê. Tuy nhiên, *chỗ trước khi bệnh có bệnh không? Thấu suốt được chỗ này thì tình và vô tình đồng một thể, nơi nơi đều đồng chân pháp giới.*



THIÊN SƯ KHẮC CẦN PHẬT QUẢ ở CHIÊU GIÁC - phủ THÀNH ĐÔ

(1063 - 1135)

Sư họ Lạc, quê ở Bành Châu, gia thế theo Nho. Thuở nhỏ, Sư mỗi ngày nhớ được ngàn lời. Bỗng Sư đến chùa Diệu Tịch, thấy sách Phật xem qua ba lượt, buồn bã như được vật cũ. Sư nói: Ta ngờ quá khứ làm Sa-môn.

Sư liền bỏ nhà nương thầy Tự Tĩnh thế phát, theo Văn Chiếu Thông học kinh, lại theo Mãn Hạnh học kinh Lăng-nghiêm. Bỗng mang bệnh nặng, Sư than: Con đường Niết-bàn của chư Phật chẳng ở trong văn cú, tôi muốn do tiếng cầu cái thấy sắc, nơi kia không tử vậy.

Đọc qua sách Phật, ngài cảm thấy bùi ngùi, nghĩ rằng mình có duyên đời trước đã từng làm Sa-môn. Bùi ngùi là nhớ lại, như người xa quê đã lâu, nay trở về thì

có cảm giác thân thiết. Vậy mới thấy một đời tu chưa xong, nhưng đã gieo chủng Phật rồi thì đời sau tiếp nối nhanh hơn.

Văn cú là chữ nghĩa, văn tự. *Con đường Niết-bàn của chư Phật chẳng ở trong chữ nghĩa văn tự. Tôi muốn do tiếng câu cái thấy sắc*, tức là từ văn cú mà thấy được chỗ thật, chỗ thật đó mới không chết, còn bao nhiêu văn tự cũng chỉ là tử ngữ thôi.

Ví dụ chúng ta nghe nói Nguyễn Văn A, nhưng không thấy mặt Nguyễn Văn A thì có biết Nguyễn Văn A không? Đọc nhiều lần nhớ tên Nguyễn Văn A, nhưng dù đọc hàng trăm lần mà không thấy mặt, cũng không biết Nguyễn Văn A. Muốn biết mặt phải trực tiếp thấy.

Sư rời đây tìm đến pháp hội thiền sư Chân Giác Duy Thắng. Duy Thắng chích máu nơi cánh tay chỉ dạy Sư:

- Đây là một giọt nước nguồn Tào.

Sư kinh hãi giây lâu nói:

- Đạo vẫn như thế ư?

Sư liền đi bộ đến đất Thục, trước yết kiến thiền sư Hạo ở Ngọc Tuyên, kế nương thiền sư Tín ở Kim Loan, thiền sư Triết ở Đại Quy, thiền sư Tổ Tâm ở Hoàng Long, thiền sư Độ ở Đông Lâm... đều nhận Sư là bậc pháp khí. Thiền sư Tổ Tâm khen Sư rằng:

- Ngày sau một tông Lâm Tế thuộc người vậy.

Ngài đến đất Thục, yết kiến các bậc tác gia trong nhà thiền học hỏi, các nơi đều nhận định ngài là hàng pháp khí.

Rốt sau, Sư yết kiến thiền sư Diễn ở Ngũ Tổ. Sư trình hết cơ dụng của mình mà Diễn đều không chấp nhận. Sư nghĩ thiền sư Diễn gắng xoay chuyển người, nói lời bừa bãi, tức giận bỏ đi. Thiền sư Diễn nói:

- Đợi khi ông mắc bệnh nặng mới nghĩ đến ta.

Ngài trình hết cơ dụng của mình nhưng thiền sư Diễn đều chê. Nghĩ Diễn xoay chuyển mình nên nói những lời bừa bãi, ngài tức giận bỏ đi. Bấy giờ, thiền sư Diễn nói: *Đợi khi ông mắc bệnh nặng mới nghĩ đến ta.* Chúng ta học đạo, thuộc lòng những câu thâm ý cao siêu, nhưng khi bệnh tới thì thế nào?

Kinh Kim Cang nói: Vô ngã vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Vậy mà bệnh tới liền lăn qua trở lại khóc than khổ sở. Lúc đó ngã, nhân có không? Chúng sanh, thọ giả có không? Bởi chưa thấm nhuần lời thầy dạy, chưa ứng dụng được pháp Phật vào đời sống tu hành, nên khi mắc bệnh nặng, không tự chủ được, chừng đó mới thấy mình chưa tới nơi, mới chịu trở về tìm thầy.

Sư đi đến Kim Sơn mắc bệnh thương hàn rất nặng, dùng chỗ thấy bình thường thí nghiệm đều không đắc lực. Từ đây mới nhớ lại lời ngài Pháp Diễn. Sư tự thệ rằng: “Bệnh tôi tạm bớt liền

trở lại Ngũ Tổ.” Khi bệnh thuyên giảm, Sư liền trở lại Ngũ Tổ. Thiền sư Pháp Diễn trông thấy cười, dạy đến nhà tham thiền.

Nếu chúng ta đau bụng, nhìn bằng cái không đau, xem thử có đau không. Người chỉ sống với cái đau tức là tu không đắc lực.

Sư vào liêu thị giả mới được nửa tháng, gặp Bộ sứ hưu trí trở về đất Thục, đến Pháp Diễn hỏi đạo. Pháp Diễn hỏi:

- Đề hình thuở thiếu niên từng đọc Tiểu Diễm Thi chẳng? Có hai câu gần nhau:

**Thường kêu Tiểu Ngọc nguyên không việc,
Chỉ cốt anh chàng nhận được thanh.**

Đề hình ứng: - Dạ! Dạ!

Pháp Diễn bảo: - Hãy chín chắn.

Tiểu Diễm Thi là một quyển thơ của người thế gian. Chuyện kể về một tiểu thư có tình ý với chàng trai gần nhà. Vào chiều tối, chàng trai này lân la tới nhà tiểu thư, ý muốn dò tìm phòng cô chỗ nào. Tiểu thư trên gác nhìn xuống thấy, muốn cho chàng trai biết phòng mình đang ở, cô bèn gọi đứa hầu gái là Tiểu Ngọc. Chàng trai nghe tiếng, liền biết ngay cô đang có mặt tại đó. Như vậy, tiểu thư gọi Tiểu Ngọc thật ra không có việc gì, chỉ cốt muốn chàng trai bên dưới nhận được tiếng của mình. Nên nói: *Thường kêu Tiểu Ngọc nguyên không việc, chỉ cốt anh chàng nhận được thanh.*

Thiền sư Pháp Diễn dẫn câu chuyện này để chỉ nhà thiền cũng vậy, nói đây mà ý ở kia, hành giả phải khéo nhận ý tứ vượt ngoài lời nói. Nếu chấp vào lời nói thì không thể hiểu được yếu chỉ nhà thiền.

Đề hình hiểu nên ứng thanh: *Dạ! Dạ!* Pháp Diễn bảo: *Chỗ này cần phải chín chắn.*

Sư vừa đến đứng hầu thưa:

- Nghe Hòa thượng nhắc Tiểu Diễm Thi, Đề hình hiểu chẳng?

Pháp Diễn bảo:

- Kia nhận được thanh.

Sư thưa:

- Chỉ cốt anh chàng nhận được thanh, kia đã nhận được thanh vì sao lại chẳng phải?

Pháp Diễn nói:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang, cây bá trước sân phải không?

Sư chợt có tỉnh. Sư bước ra thấy con gà bay đậu trên lan can vỗ cánh gáy, lại tự bảo: Đây há chẳng phải là thanh.

Thiền sư Pháp Diễn dẫn lại công án “Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Triệu Châu đáp: Cây bá trước sân.” Vậy thì nghĩa của lời nói này ở cây bá trước sân hay ở chỗ nào? Nghĩa ở chỗ khác, nên vừa nhắc lại hình ảnh này, ngài liền ngộ.

Sư bèn sấm hương đèn vào thất trình kệ:

*Kim áp hương tiêu cấm tú vi,
Sênh ca từng lý túy phù quy.
Thiếu niên nhất đoạn phong lưu sự,
Chỉ hứa giai nhân độc tự tri.*

Dịch:

Lò hương bên trướng khói vừa tan,
Say khước dìu về khúc xiêng quàng.
Một đoạn phong lưu thời trai trẻ,
Chỉ có giai nhân mới hiểu chàng.

Pháp Diễn bảo:

- Phật tổ đại sự chẳng phải căn nhỏ cơ hèn hay đến được, tôi giúp ông vậy.

Pháp Diễn liền bảo khắp cho hàng kỳ cựu trong núi rằng:

- Thị giả của tôi tham được thiền.

Do đây, Sư đi đến đâu cũng được đưa lên làm Thủ tọa.

Ngài trình bày, đã thấu hiểu đến nơi đến chốn lời Phật tổ dạy rồi. Pháp Diễn công bố chứng nhận cho ngài.

Khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106), Sư về quê thăm cha mẹ, bốn chúng nghênh đón lễ bái. Nguyên soái ở Thành Đô là Hàn lâm Quách Tri Chương thỉnh Sư khai pháp ở chùa Lục Tổ, kế đến chùa Chiêu Giác.

Khoảng niên hiệu Chánh Hòa (1111-1118), Sư xin nghỉ việc, lại ra núi đi đạo phương Nam.

Bấy giờ cư sĩ Trương Vô Tận đang ngụ ở Kinh Nam, ở ẩn học đạo, ít tiếp xúc với người. Sư dùng thuyền đến ra mắt ông. Luận về chỉ yếu kinh Hoa Nghiêm, Sư nói:

- Cảnh giới hiện lượng kinh Hoa Nghiêm lý sự toàn chân, ban đầu không nhờ pháp. Sở dĩ tức một là muôn, rõ muôn là một. Một lại một, muôn lại muôn, thânh thang không cùng; tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt, co duỗi tự tại viên dung không ngại. Đây tuy lý tốt, trọn là không gió mà sóng nổi âm âm.

Cư sĩ Trương Vô Tận là tể tướng nhưng lại siêng năng học đạo, ít tiếp xúc với người.

Khi luận bàn về yếu chỉ kinh Hoa Nghiêm, ngài nói: *Sở dĩ tức một là muôn, rõ muôn là một.* Như có một khối vàng, người ta đem làm thành vòng xuyến, hoa tai... Cả hai đều làm từ vàng, không khác biệt, nhưng nếu làm thành vòng xuyến thì gọi là vòng xuyến, thành hoa tai nói là hoa tai. Xét trên giả tướng thì có nhiều, song xét trên thực thể chỉ có một. Nên nói, một tức là muôn, muôn tức một.

Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt. Nghĩa là tâm chúng sanh không khác với Phật, tâm Phật cũng không khác với tâm chúng sanh. Tại sao? Vì xét trên thể thì thể của tâm là tánh giác, tánh giác tức là Phật, như vậy tâm với Phật không khác. Ngay nơi chúng sanh

đã có tâm, có tâm tức có Phật. Cho nên tâm, Phật và chúng sanh đều không khác.

Khi ấy Vô Tận bất chợt nhích lại gần. Sư hỏi:

- Đến đây cùng ý Tổ sư Tây sang là đồng là khác?

Vô Tận đáp: - Đồng.

Sư bảo: - Chẳng được, không dính dáng.

Vô Tận đổi sắc. Sư bảo:

- Chẳng thấy Vân Môn nói: “Núi sông đất liền không một mảy tơ lỗi lầm vẫn là chuyển cú. Cho dù chẳng thấy nhất sắc mới là bán đề. Lại phải biết có hướng thượng mới là thời tiết toàn đề.” Đức Sơn, Lâm Tế há chẳng phải toàn đề ư?

Vô Tận bèn gật đầu.

Thấy núi sông đất liền không một mảy tơ lỗi lầm, gọi là chuyển cú. Cho dù chẳng thấy nhất sắc, mới là bán đề thôi. Còn phải biết có chỗ hướng thượng, mới là toàn đề. Như vậy, chỉ có ngài Đức Sơn và ngài Lâm Tế mới là toàn đề.

Hôm sau lại nói về sự pháp giới lý pháp giới, đến lý sự vô ngại pháp giới, Sư lại hỏi:

- Đây đáng gọi là thiên chưa?

Vô Tận đáp: - Chính đang nói thiên.

Sư cười bảo:

- **Chẳng phải, chính là còn trong lượng pháp giới, bởi lượng pháp giới chưa diệt. Nếu đến sự sự vô ngại pháp giới thì lượng pháp giới diệt, mới là nói thiền. Thế nào là Phật? Que cứt khô. Thế nào là Phật? Ba cân gai. Thế nên Chơn Tịnh có bài kệ nói:**

*Sự sự vô ngại như ý tự tại,
Thủ bả trư đầu khấu tụng tịnh giới.
Sấn xuất dâm phùng vị hoàn tửu trái,
Thập tự nhai đầu giải khai bố đại.*

Dịch:

**Sự sự vô ngại như ý tự tại
Tay cầm đầu heo, miệng tụng tịnh giới
Tiền rượu chưa trả, đuổi khỏi lầu xanh,
Ở ngã tư đường cởi mở túi vải.**

Vô Tận nói: - Luận rất hay! Đâu dễ được nghe.

Khi ấy Vô Tận lễ Sư làm thầy, mời ở Bích Nham.

Nếu còn nói pháp giới tức còn có giới hạn. Tới chỗ Sự sự vô ngại pháp giới, mới diệt được giới hạn của pháp giới. Mỗi sự mỗi sự đều vô ngại, mới là chỗ cứu cánh. Khi lượng pháp giới diệt thì gọi là thiền.

Ngài dẫn tiếp những công án trong nhà thiền. Khi có người hỏi, *thế nào là Phật?* Lâm Tế trả lời, *que cứt khô*. Hỏi, *thế nào là Phật?* Động Sơn đáp, *ba cân gai*. Chính những câu đáp đó, mới đúng là Sự sự vô ngại pháp giới. Tại sao Phật là bậc tôn quý, nhưng khi hỏi

Phật lại lấy những thứ ấy để trả lời? Đây để nói lên chỗ không còn đối đãi, không còn sai biệt. Đến đó mới là Sự sự vô ngại pháp giới.

Sự sự vô ngại, như ý tự tại. Sự sự vô ngại thì tự tại như ý. *Tay cầm đầu heo, miệng tụng tịnh giới.* Tay cầm đầu heo mà miệng tụng giới thanh tịnh. Nghĩa là nhìn hình thức bên ngoài thấy như phạm giới, nhưng trong tâm vẫn thanh tịnh vô nhiễm.

Tiền rượu chưa trả, đuổi khỏi lầu xanh, ở ngã tư đường cởi mở túi vải. Ở quán rượu cũng như ở ngã tư đường. Người không còn niệm tịnh uế, cao thấp, tiện quý... mới ra khỏi lượng của pháp giới, mới sự sự vô ngại.

Sư lại đến Đạo Lâm, Khu mật Đặng Tử Thường tâu về triều xin ban tử y và hiệu. Chiếu vua mời Sư trụ Tương Sơn ở Kim Lăng, học giả tụ họp không còn chỗ để dung. Lại sắc mời trụ chùa Vạn Thọ ở Thiên Ninh. Niên hiệu Kiến Viêm năm đầu (1127) vua lại mời Sư trụ Kim Sơn. Nhà vua đến Duy Dương, mời Sư vào hỏi đạo. Vua ban hiệu là Viên Ngộ thiền sư và mời trụ Vân Cư. Về sau lại mời Sư trụ Chiêu Giác.

Có vị tăng hỏi:

- Vân Môn nói “núi Tu-di”, ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

- Đẩy chẳng đến trước, kéo chẳng lùi sau.

Tăng thưa: - Chưa biết lại có lỗi hay không?

Sư đáp: - Ngồi ở đầu lưỡi.

Có vị tăng hỏi:

- Pháp chẳng riêng khởi, nương cảnh mới sanh.

Rồi đưa tọa cụ lên hỏi:

- Cái này là cảnh, cái nào là pháp?

Sư đáp: - Lại bị Xà-lê cướp mất thương.



Sư thượng đường:

- Khấp thân là mắt, thấy chẳng đến. Khấp thân là tai, nghe chẳng thấu. Khấp thân là miệng, nói chẳng được. Khấp thân là tâm, xem xét chẳng ra. Dù cho cả đại địa rõ được, không sai sót một mảy tơ vẫn còn ở giữa đường. Cứ lệnh toàn đề, hãy nói diễn bày thế nào?

**Trong không, nhật nguyệt treo ngang dọc,
Một buổi trời trong vạn cổ xuân.**

Ngài tóm ý toàn đề lại thành hai câu thơ: *Trong không, nhật nguyệt treo ngang dọc*, mặt trời mặt trăng mặc tình qua lại giữa hư không. *Một buổi trời trong vạn cổ xuân*, một khi trời trong thì mây tan, xuân hiện. Mùa xuân vạn cổ là mùa xuân muôn xưa, không tính kể thời gian.

Sư thượng đường:

- Chót núi sóng vỗ đáy giếng bụi bay, mắt nghe dường vang sấm nổ, tai thấy tợ bày gấm vẽ, ba trăm sáu chục lông xương mỗi lông hiện vô biên diệu thân,

tám muôn bốn nghìn sợi lông, mỗi mỗi sợi lông bày biển Bảo Vương sát, chẳng phải thần thông diệu dụng, cũng chẳng phải pháp nhĩ như nhiên. Dù hay ngàn mắt chóng mở, hẳn là mười phương tự nhiên quét sạch. Vả lại một câu siêu thoát khai ngộ làm sao nói? Thử ngọc cần trải qua lửa mà biết, châu chẳng rời bùn.

Muốn biết ngọc thật hay giả, cần phải thử qua lửa mới biết. Hạt châu quý thì chẳng rời bùn.

Sư thượng đường:

- Ngày mười lăm về trước, ngàn trâu lôi chẳng lại. Ngày mười lăm về sau, chim cất mạnh đuổi chẳng kịp. Chính ngày mười lăm, trời bình đất bình đồng sáng đồng tối, đại thiên sa giới chẳng ngoài ngay đây, có thể ngậm nhốt mười phương. Tiến một bước, siêu việt bất khả thuyết biển Hương Thủy. Lùi một bước, quét sạch ngàn lớp muôn dặm mây trắng. Chẳng tiến chẳng lùi, chớ nói là Xà-lê, mà lão tăng cũng không có chỗ mở miệng.

Sư đưa cây phát tử nói:

- Chính hiện nay thì thế nào?

Có khi để ở trên ngàn đảnh,

Cắt đứt mây thu chẳng phóng cao.

Kinh Kim Cang nói: “Quá khứ tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc.” Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều là tâm vọng. Quá khứ đã qua,

vị lai chưa đến, hiện tại suy nghĩ sanh diệt nên cũng không thể được.

Ở đây, ý tứ khác một chút. Trước ngày mười lăm là quá khứ, sau ngày mười lăm là vị lai. Chỉ có ngày mười lăm, trời bình đất bình, đồng sáng đồng tối. Sống được với hiện tại thì *đại thiên sa giới chẳng ngoài ngay đây...*

Sư thượng đường:

- Mười phương đồng tụ hội, thân xưa nay không muội. Mỗi mỗi học vô vi, trên đánh dùng kim búa. Đây là trường thi Phật, sâu rộng khó hay lường. Tâm không thi đậu về, kiếm bén chẳng bằng chùy. Bàn cư sĩ lưỡi chống Phạm thiên, miệng trùn bốn biển, có khi đem cọng cỏ làm thân vàng trượng sáu, có khi đem thân vàng trượng sáu làm cọng cỏ, rất là kỳ đặc! Tuy nhiên như thế, cốt chẳng từng động đến cổng hướng thượng. Thế nào là cổng hướng thượng? Đúc ấn làm đàn cao.

Nguyên bài kệ của cư sĩ Bàn Uẩn là:

*Mười phương đồng tụ hội,
Mỗi mỗi học vô vi,
Đây là trường thi Phật,
Tâm không thi đậu về.*

Nghĩa là, mười phương cùng nhóm họp, mỗi người đều học lý vô vi, đây là trường thi làm Phật, người nào được tâm không thì thi đậu, trở về quê hương vinh quy

bái tổ. Ngài dẫn một câu thì bình một câu, nếu chúng ta không biết bài kệ này sẽ không biết câu nào là dẫn, câu nào là bình.

Mười phương đồng tụ hội, thân xưa nay không muội. Chỉ cái sáng rõ của thân xưa nay.

Mỗi mỗi học vô vi, trên đánh dùng kìm búa. Khi học vô vi, dùng kìm búa để đập tan những thứ hữu vi.

Đây là trường thi Phật, sâu rộng khó hay lường. Trường thi Phật sâu rộng lắm, khó lường nổi.

Tâm không thi đậu về, kiếm bén chẳng bằng chùy. Tâm không là Bát-nhã, bởi không ngã không nhân nên gọi là kiếm bén. Thế nhưng ngài phê bình kiếm bén chẳng bằng chùy, chùy vẫn mạnh hơn.

Bàng cư sĩ lười chống Phạm thiên, miệng trùm bốn biển... Lời nói tuy khen nhưng chỉ rõ cư sĩ Bàng Uẩn chưa đến cổng hướng thượng.

Sư thượng đường:

- Câu có câu không, siêu tông vượt cách, như bìm nường cây, núi bạc vách sắt. Đến khi cây ngã bìm khô, bao nhiêu người mất đi lỗ mũi. Dù cho lượm được lại, đã là ngàn dặm muôn dặm. Chỉ như khi chưa có tin tức ấy là thế nào? Lại thấu được chăng? Gió ấm tiếng chim hót, nhật lên bóng hoa hồng.



Sư dạy chúng:

- Một lời cắt đứt tiếng ngàn thánh, một kiếm ngay đó thây phơi muôn dặm. Vì thế nói, có khi câu đến ý chẳng đến, có khi ý đến câu chẳng đến, câu hay cắt ý, ý hay cắt câu, câu ý đan xen lỗ mũi thiên tăng. Nếu hay thế ấy chuyển đi, trời trong cũng phải ăn gậy. Hãy nói y cứ cái gì?

**Đáng thương vô hạn người đùa sóng,
Rớt cuộc nước ròng lại chết chìm.**

Nếu chia câu chia ý thì là bên này hoặc bên kia. Dù cho ý đến câu đến, hay ý đến câu không đến... cũng là bên này bên kia. Chừng nào câu ý đều đuổi hết, lỗ mũi thiên tăng mới hiện tiền. Nghĩa là sao? Mỗi người tự nắm lấy lỗ mũi mình thử xem.

Người ta cứ đùa với sóng, nhưng rớt cuộc lại chết chìm trong nước cạn. Cũng vậy, người tu quan niệm rằng tất cả các pháp đều hư dối không thật, đâu có gì phải sợ, rồi cứ ngang nhiên nhào lộn trong đó, rớt cuộc nó chìm mình lúc nào không hay. Cho nên, tuy biết các pháp không thật, nhưng cũng phải tránh. Biết rượu không thật thì đừng uống. Biết tất cả dục lạc thế gian không thật cũng đừng đùa với nó, bằng không sẽ mắc kẹt trong đó.

Đáng thương vô hạn người đùa sóng, rớt cuộc nước ròng lại chết chìm. Câu này có hai ý để răn người. Một là tuy biết các pháp không thật, nhưng đừng đùa giỡn với nó, kéo có ngày bị nhấn chìm. Hai là đi

tắm biển, nghe sóng vỗ vui tai, nhưng đừng đùa với sóng hoài, coi chừng bị sóng cuốn đi. Chư huynh đệ phải thuộc lòng câu nói này để ứng dụng trong đời sống và công phu tu hành.

Sư dạy chúng:

- Bờ cao muôn nhẩn buông thông tay, cần phải người ấy; cây nở ngàn cân khi ấn máy, há vì chuột thỏ. Vân Môn, Mục Châu ngay mặt lâm qua; Đức Sơn, Lâm Tế lừa gạt hàng xóm. Ngoài ra, lập cảnh lập cơ, làm hang làm ổ, thế là diệt chủng tộc nhà Phật. Một câu độc thoát phải nói làm sao?

Muôn duyên thay đổi nào còn việc,

Tháng năm phòng núi lạnh như băng.

Bờ cao muôn nhẩn buông thông tay, cần phải người ấy. Bờ cao dựng đứng, phải là người gan dạ mới dám buông thông tay. Cây nở ngàn cân khi ấn máy, há vì chuột thỏ. Cây nở ngàn cân dùng để nhắm bắn quân địch mạnh, chứ không phải nhắm bắn chuột thỏ.

Vân Môn, Mục Châu ngay mặt lâm qua; Đức Sơn, Lâm Tế lừa gạt hàng xóm. Ngoài ra, lập cảnh lập cơ, làm hang làm ổ, thế là diệt chủng tộc nhà Phật. Một câu độc thoát phải nói làm sao? Vân Môn, Mục Châu, Đức Sơn, Lâm Tế chỉ là lừa gạt kẻ quê dốt, lập cảnh lập cơ cũng là chuyện hang ổ. Muốn thoát khỏi chỗ đó phải làm sao?

Muôn duyên thay đổi nào còn việc, tháng năm phòng núi lạnh như băng. Tháng năm là mùa hè, sao lại

lạnh như băng? Ý nói dù ở trước mọi việc, vẫn không bị làm ồn, không bị náo động.

Niên hiệu Thiệu Hưng thứ năm (1135) tháng tám, Sư có chút bệnh, ngồi kiết già viết kệ để lại cho chúng, ném bút thị tịch. Khi trà-tỳ, lưỡi và răng không cháy hết. Tháp ở bên chùa Chiêu Giác. Vua ban thụy là Chân Giác thiền sư.



THIÊN SƯ HUỆ CẦN PHẬT GIÁM Ở THÁI BÌNH - THƯ CHÂU

(1059 - 1117)

Sư họ Uông, xuất gia thuở nhỏ, học thông kinh điển, mỗi khi đọc đến câu “Chỉ một việc này là thật, còn hai thì chẳng chân”, liền có tỉnh. Sư đi tham vấn các bậc tôn túc, qua lại chỗ thiên sư Pháp Diễn mấy phen. Sư bực Pháp Diễn không ấn chứng, nên kết bạn với Viên Ngộ cùng đi. Đến khi Viên Ngộ trở lại chỗ Pháp Diễn được triệt ngộ, bỗng Sư tìm đến, ý còn muốn đi nơi khác, Viên Ngộ khuyên nên ở lại. Viên Ngộ nói:

- Tôi cùng huynh mới cách nhau hơn tháng, so lại khi gặp nhau lúc trước thế nào?

Sư đáp: - Chỗ tôi nghỉ là ở đây.

Sư liền dừng lại đây.

Viên Ngộ hỏi, ngài đáp: *Chỗ tôi nghỉ là ở đây*. Ý muốn nói gì? Bởi trước đây còn ở chỗ Pháp Diễn thì hai ngài Viên Ngộ và Huệ Cần tức Phật Giám, sự tham học như nhau. Nhưng sau đó Viên Ngộ trở lại chỗ thiền sư Pháp Diễn được triệt ngộ, lúc ngài tìm đến là hai người mới cách nhau chỉ hơn một tháng, tư cách và lời nói của Viên Ngộ đã khác. Ngài nghỉ không biết Viên Ngộ có cái gì kỳ đặc mà thay đổi như vậy, nên dừng lại đây.

Một hôm Sư nghe Pháp Diễn nhắc “Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là gia phong của Hòa thượng? Triệu Châu nói: Lão tăng lãng tai, hỏi to lên. Tăng lại hỏi to lên. Triệu Châu nói: Ông hỏi gia phong của ta, ngược lại ta biết gia phong của ông rồi.” Sư liền dứt nghỉ, thưa:

- Xin Hòa thượng chỉ bày chỗ tốt!

Pháp Diễn đáp:

- Sum la và vạn tượng là sở ấn của nhất pháp.

Sư liền lễ bái. Pháp Diễn cử Sư làm thư ký.

Câu chuyện này rất lý thú. Vị tăng hỏi: *Thế nào là gia phong của Hòa thượng?* Ngài không trả lời mà bảo: *Lão tăng lãng tai, hỏi to lên*. Ta lãng tai không nghe rõ, lại gần đây nói lớn lên. Tăng thật thà, tưởng lại gần nói ngài nghe cho rõ nên đến gần hỏi to, thế nào là gia phong của Hòa thượng? Triệu Châu rất khéo, gạt mà ông tăng không biết. Nếu lãng tai thì đâu nghe nói mà bảo hỏi to lên, vậy mà ông tăng còn thật thà lại gần để hỏi, tức là không hiểu chỗ Triệu Châu muốn chỉ,

nên ngài nói: *Ông hỏi gia phong của ta, ngược lại ta biết gia phong của ông rồi.* Đây là những thuật rất khéo của thiền sư, nếu chúng ta nhạy bén liền có thể thấy, còn không thì càng cách xa.

Sư cùng Viên Ngộ đang luận bàn nhân duyên Đông Tự hỏi Ngưỡng Sơn hạt minh châu trấn hải, đến chỗ “không lý có thể bày”, Viên Ngộ gạn lại Sư:

- Đã nói nhận được, đến khi đòi hạt châu lại nói không lời có thể đáp không lý có thể bày là sao?

Sư không thể đáp được.

Hôm sau, Sư nói với Viên Ngộ:

- Đông Tự chỉ đòi một hạt châu, Ngưỡng Sơn ngay đó trút cả giỏ.

Viên Ngộ thừa nhận đó, lại khuyên Sư:

- Lão huynh lại nên thân cận Lão hòa thượng.

Ngài cùng Viên Ngộ đang nêu lại nhân duyên, một hôm Ngưỡng Sơn đến tham vấn, Đông Tự hỏi:

- Ông là người xứ nào?

Ngưỡng Sơn thưa: - Người Quảng Nam.

- Ta nghe ở Quảng Nam có hạt minh châu trấn hải phải không?

- Phải.

- Châu ấy thế nào?

- Ba mươi thì ẩn, rằm thì hiện.

- Lại có thể đem đến chăng?
- Đem đến được.
- Sao chẳng trình tương tự cho lão tăng?

Ngưỡng Sơn khoanh tay đến gần phía trước, thưa:

- Vừa đến Quy Sơn cũng đòi hạt minh châu này, liền được không lời có thể đáp, không lý có thể bày.

Đông Tự nói: - Thật là sư tử con, rống rất giỏi.

Đang bàn luận đến chỗ Đông Tự bảo trình hạt châu, Ngưỡng Sơn liền khoanh tay đến gần thưa: “Vừa đến Quy Sơn cũng đòi hạt minh châu này, liền được không lời có thể đáp, không lý có thể bày.” Thiền sư Viên Ngộ liền gạn lại hỏi ngài: *Đã nói nhận được, đến khi đòi hạt châu lại nói, không lời có thể đáp không lý có thể bày, là sao?* Ngang đó ngài bí không thể đáp được.

Hôm sau, ngài nói với Viên Ngộ: *Đông Tự chỉ đòi một hạt châu, Ngưỡng Sơn ngay đó trút cả giỏ.* Bị đòi có một viên minh châu mà Ngưỡng Sơn thưa, đến đó không có lời để nói, không có lý để bày, tức là trút hết cả giỏ minh châu rồi.

Một hôm, Sư đến phương trượng chưa kịp nói gì, bị Pháp Diễn mắng chửi thậm tệ, Sư bối rối thối lui. Về liêu, Sư đóng cửa nằm ngủ, hận Pháp Diễn vô cùng.

Người xưa học đạo đối với thầy nhiều khi cũng tức bực bụng, chứ đâu phải cái gì cũng êm xuôi, bởi vì người sau làm sao hiểu người trước hết được.

Viên Ngộ đã thâm biết liền đến gõ cửa.

Sư hỏi: - Ai?

Viên Ngộ đáp: - Tôi.

Sư liền mở cửa. Viên Ngộ hỏi:

- Huynh đến Lão hòa thượng thế nào?

Sư đáp:

- Tôi vốn không đi, bị huynh lừa làm tôi bị lão ấy mắng chửi.

Viên Ngộ cười hả hả, nói:

- Huynh nhớ được lời trước chăng?

Sư hỏi: - Là lời gì?

Viên Ngộ nói:

- Huynh lại nói, Đông Tự chỉ đòi một hạt châu mà Ngưỡng Sơn trút cả giỏ.

Sư ngay đây liền tan vỡ. Viên Ngộ bèn dẫn Sư đến phương trượng. Pháp Diễn vừa thấy Sư đến liền nói:

- Huynh Cần đáng mừng đại sự xong rồi.

Năm sau, Pháp Diễn cử Sư làm Đệ nhất tọa.

Tan vỡ cái gì? Như vậy, chửi mắng chính là một lối mà các thiền sư dùng để giúp người học khai ngộ, như trường hợp của thiền sư Từ Minh. Vậy là đã chỉ rõ rồi, nên ngang đây ngài liền tan vỡ hết nghi chấp từ trước.

Gặp khi Linh Nguyên về trụ Hoàng Long thiếu người ở Thái Bình, Linh Nguyên tiến cử Sư với thái thú Thư Châu là Tôn Đảnh Thần. Đảnh Thần thỉnh Sư trụ trì Thái Bình. Khi Sư từ biệt, Pháp Diễn trao pháp y. Sư nhận và đưa lên nói với chúng:

- Phật Thích-ca thuở xưa dùng ca-sa kim lan trượng sáu đắp thân Phật Di-lặc ngàn thước, thân Phật chẳng dài ca-sa chẳng ngắn. Hiểu chẳng? Tức dạng này không dạng khác.

Từ đây pháp đạo truyền rộng.

Niên hiệu Chánh Hòa năm đầu (1111), chiếu vua mời Sư trụ trì chùa Trí Hải ở Đông Đô. Sau năm năm Sư xin trở về, lại có chiếu chỉ mời Sư trụ Tương Sơn.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý Tổ sư Tây sang?

Sư đáp: - Ăn giấm biết chua, ăn muối biết mặn.

Tăng hỏi: - Khi tên hết cung gãy thì thế nào?

Sư đáp: - Một trường bối rồi.

Hỏi ý Tổ sư thì đáp ăn giấm biết chua, ăn muối biết mặn. Hỏi khi tên hết cung gãy thì đáp một trường bối rồi. Người ra trận mà tên hết cung gãy, lúc đó phải làm sao? Ngài trả lời nghe thật thà quá, như vậy có giấu giếm gì không?

Tăng hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Sư đáp: - Bỏ nát cột cái.

Tăng hỏi: - Về quê không đường thì sao?

Sư đáp: - Lộ trình của vua có hạn.

Tăng hỏi: - Trước ba ba sau ba ba là sao?

Sư đáp: - Sáu lần sáu là ba mươi sáu.

Tăng hỏi:

- Được nghe Hòa thượng thân thấy Ngũ Tổ Diễn phải chăng?

Sư đáp: - Trâu sắt nhai nát cỏ vàng ròng.

Tăng thưa: - Thế ấy là thân kiến Ngũ Tổ Diễn?

Sư bảo: - Ta cùng ông có oán thù gì?

Tăng hỏi:

- Chỉ như Đạt-ma thấy Võ Đế ý chỉ thế nào?

Sư đáp: - Lời Hồ dễ biện, tiếng Hán khó rành.

Tăng hỏi: - Vì sao lặng lẽ thâm qua sông?

Sư đáp: - Nhân gió giúp tiện.

Nhân gió thổi nên qua sông được.

Tăng hỏi: - Thế nào là khách trong chủ?

Sư đáp: - Tiến trước lùi sau buồn chết người.

Tăng hỏi: - Thế nào là chủ trong khách?

Sư đáp: - Lời chân thật thành vọng ngữ.

Tăng hỏi: - Thế nào là khách trong khách?

Sư đáp: - Phu Tử đạo đi ách tại Trần.

Phu Tử tức Khổng Tử. Khổng Tử khi đi các nước để thuyết phục người thực hành đạo Nho, tới nước Trần ông gặp ách nạn bị bắt giam, nên nói *ách tại Trần*.

Tăng hỏi: - Thế nào là chủ trong chủ?

Sư đáp: - Trọn ngày đồng đi chẳng phải bạn bè.

Tăng hỏi:

- Chủ khách đã nhờ Thầy chỉ dạy, việc hưởng thụ trong tông thừa thế nào?

Sư đáp: - Búa lớn chặt rồi tay bóp xoa.

Cầm búa lớn chặt nên mỗi tay, phải xoa bóp.

Tăng hỏi:

- Tức tâm tức Phật thì chẳng hỏi, phi tâm phi Phật việc thế nào?

Sư đáp:

- Hôm qua có Tăng hỏi, lão tăng chẳng đáp.

Tăng hỏi:

- Chưa biết cùng tức tâm tức Phật cách nhau bao nhiêu?

Sư đáp:

- Gần thì ngàn muôn dặm, xa thì chẳng cách mấy tơ.

Tăng hỏi:

- Bỗng bị học nhân cắt đứt hai bên, về nhà ngồi yên lại là sao?

Sư hỏi: - Nhà ông ở chỗ nào?

Tăng thưa:

- Một thân tự do trong đại thiên sa giới.

Sư bảo: - Chưa đến nhà, nói lại.

Tăng thưa:

- Học nhân đến đây liền được đông tây chẳng biện, nam bắc chẳng phân.

Sư bảo: - Chưa là xuất cách.



Sư thượng đường:

- Chí đạo không khó, chỉ hiềm giản trạch. Hoa đào hồng hoa lý bạch, ai bảo chung chung chỉ một sắc, chim yến kêu hoàng oanh hót, ai bảo đồng đồng chỉ một tiếng. Chẳng thấu được then chốt cửa Tổ sư, nhận sông núi sông làm tròng mắt.

Chí đạo không khó, chỉ hiềm giản trạch, hai câu này được trích dẫn từ Tín Tâm Minh của tổ Tăng Xán. Ngài thượng đường cốt chỉ cho mọi người thấy, nếu tu hành mà không nhận được then chốt, tức chưa thấu ý Tổ sư thì chỉ là nhận sông núi sông bên ngoài làm tròng mắt của mình mà thôi.

Sư thượng đường:

- Ngày ngày mặt trời lặn hướng tây, ngày ngày mặt trời mọc hướng đông. Nếu muốn học Bồ-đề - Sư ném cây gậy nói: - Chỉ xem khuôn mẫu này.



Tuần giáp năm thiền sư Pháp Diễn, Sư thượng đường:

- Năm trước cũng ngày này, lò hồng mảnh tuyết bay, ngày này cũng năm trước, đêm đọc bia Tào Nga. Một câu ở rốt sau, mắt Phật cũng khó thấy, sen trắng trên đỉnh núi, trời đỏ nhiều Tu-di, chim mổ cây san hô, cá kinh nuốt trâu nước, Thái Bình gia nghiệp ấy, ngàn xưa noi Dương Kỳ.



Sư thượng đường cầm ngang cây gậy nói:

- Trước chiếu sau dụng.

Dụng đứng cây gậy nói: - Trước dụng sau chiếu.

Xoay ngược cây gậy nói: - Chiếu dụng đồng thời.

Giộng một cái nói:

- Chiếu dụng chẳng đồng thời. Cả thầy các ông bị cây gậy một miệng nuốt hết rồi, chính là các ông không biết. Nếu ngay đây nói được một câu chuyển thân, khỏi bị một phen phiền muộn. Nếu chưa như thế, lão tăng ngày nay thất lợi.



Sư thượng đường:

- Qua vàng gấp, thỏ ngọc chóng, ngày giờ trôi gấp mười tháng bảy. Du tử đi mãi chẳng về nhà, dù về chỉ đứng ở trước cửa. Đứng trước cửa, nắm tay lôi gã chẳng chịu vào. Muôn dặm xem xem tác cỏ không, hoa rơi đầy đất không người lượm. Không người lượm, một lần mưa qua một lần ướt.

Ngài nói dọc nói ngang, nói chỉ là nói, đều là những lời không cho người suy nghĩ để hiểu.

Sư thượng đường:

- Thế Tôn có mật ngữ, Ca-diếp chẳng che giấu. Người bình thường nói vàng nói đen bình phẩm cổ kim, há chẳng phải mật ngữ. Người bình thường bẻ quanh cúi ngược lấy muống cầm dưa chấp tay vái chào, là che giấu chẳng che giấu. Bỗng nhiên ngộ được cũng không thể biết. Cần hiểu chẳng? Thế Tôn có mật ngữ, từ Đông chí đến Hàn thực là một trăm lẻ năm ngày. Ca-diếp chẳng che giấu, nước rỉ chẳng thông đã bày tang vật. Thiên tăng lạnh lợi nếu hiểu được, một lớp sương trên một lớp tuyết.

Thế Tôn có mật ngữ, Ca-diếp chẳng che giấu. Mật ngữ của Thế Tôn là gì, có ai biết không? Người bình thường nói vàng nói đen bình phẩm cổ kim, há chẳng phải mật ngữ. Bình thường chúng ta nói vàng, nói đen... đó là mật ngữ của Thế Tôn. Tại sao? Bởi do cái gì mà mình biết nói, nói mà không biết mình biết nói, chẳng phải mật là gì? Biết nói này kia, bình phẩm xưa nay, đó là mật.

Người bình thường bẻ quanh cúi ngược lấy muốn cầm đũa chấp tay vái chào, là che giấu chẳng che giấu. Biết co ngược... làm tất cả việc, có che giấu không? Chẳng từng che giấu, nhưng do không biết nên thành che giấu. Hiện bày rõ ràng, nếu không biết thì đó là mặt ngữ.

Sư thượng đường:

- Việc ngày mười lăm về trước, trên gấm thêu hoa. Việc ngày mười lăm về sau, như biển nổi hòn bọt. Chính ngày mười lăm, giống hệt chiếc gương một thước soi hình tượng ngàn dặm. Tuy là chân không bật dấu, ngại gì hải ấn phát quang, mặc tình cột cái nở hoa, nói gì mặt Phật trăm xấu. Có sao? Rốt cuộc trăng đêm sương, mặc tình rơi khe trước.

Ngài nói khéo léo vô cùng, ngay ngày mười lăm giống hệt chiếc gương một thước soi hình tượng ngàn dặm. Ngay hiện tại như gương chiếu soi hình bóng rõ ràng.

Tuy là chân không bật dấu, ngại gì hải ấn phát quang. Chính chỗ không còn quá khứ vị lai, chỉ ngay hiện tại sáng rõ đó, gọi là chân không bật dấu vết. Bởi gương vốn hằng chiếu soi mà không hình bóng, nên nói chân không; tuy không tất cả nhưng sáng soi tất cả, nên nói hải ấn phát quang.

Hiểu được thấu thì mặc tình cột cái nở hoa, nói gì mặt Phật trăm xấu. Ngài nói nghe ngược ngạo phải không? Cột cái lại nở hoa, còn mặt Phật lẽ ra phải đẹp mà nói trăm xấu. Tại sao kỳ lạ vậy? Rốt cuộc trăng đêm sương mặc tình rơi khe trước.

Sư thượng đường nêu:

- Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là nghĩa chẳng đổi? Triệu Châu lấy tay làm thế nước chảy, vị tăng có tỉnh. Lại vị tăng hỏi Pháp Nhãn: “Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động”, thế nào chẳng thủ nơi tướng, thấy được như như bất động? Pháp Nhãn nói: Ngày mọc phương đông, tối lặn phương tây. Tăng ấy có tỉnh. Nếu nơi đây thấy được, mới biết nói “xoay non ngã núi xưa nay thường lặng, sông rạch đua tràn vốn tự chẳng chảy”. Nếu chưa như thế, chẳng khỏi lại vì buông lời. Trời xoay trái, đất xoay mặt; xưa qua nay lại trải bao phen. Gà vàng bay, thỏ ngọc chạy; vừa mới ra cửa biển, lại rơi sau núi xanh. Giang Hà sóng ào ào, Hoài Tế lượng âm âm, đổ vào bể cả ngày đêm chảy.

Sư liên lớn tiếng nói:

- Chư thiên đức! Lại thấy như như bất động chẳng?

Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là nghĩa chẳng đổi? Triệu Châu lấy tay làm thế nước chảy. Nước chảy là đổi hay chẳng đổi? Lại vị tăng hỏi Pháp Nhãn: “Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động”, thế nào chẳng thủ nơi tướng, thấy được như như bất động? Pháp Nhãn nói: Ngày mọc phương đông, tối lặn phương tây. Mặt trời mọc ở phương đông mà lặn ở phương tây, vậy là động hay bất động? Ngài nêu chuyện xưa rồi nói: Nếu người thấy thấu được chỗ này, mới biết xoay non ngã núi xưa nay thường lặng, sông rạch đua tràn vốn tự chẳng chảy.

Giang Hà là tên hai con sông Trường Giang và Hoàng Hà. *Hoài Tế* là tên hai con sông, sông Hoài và sông Tế. Ngài nói xong, gọi to: *Chư thiền đức! Lại thấy như như bất động chăng?* Giang Hà sóng ào ào, Hoài Tế lượn âm âm ngày đêm không nghỉ, ngay hiện tượng động đó có thấy được nghĩa bất động không?

Chúng ta lâu nay cứ quen nhìn mọi vật theo tướng biến động, bây giờ xét kỹ lại xem tướng biến động đó có biến động thật không? Nước chảy là động hay không động? Do duyên cao thấp khiến nước tuôn chảy, hoặc có gió thổi làm cho tướng nước bị chao động, chứ thể của nước vốn không chảy không động. Như vậy đứng về thể thì không động, còn về tướng thì có động. Thế nên nếu người khéo nhận, ngay trong động mà biết được cái không động.

Muôn vật ở thế gian này, tướng trạng luôn biến động đổi dời, nhưng tánh của nó thì không động không dời. Chúng ta tu cũng vậy, ngay tâm xao xuyến lăng xăng mà thấy có cái thanh tịnh không động, đó là thấy được cái thật. Nếu cứ bị cái xao xuyến làm cho mình phải bị lôi cuốn mãi mãi thì đó là đi trong luân hồi.

Trong thất Sư dùng gỗ làm sáu con xúc xắc, mỗi mặt đều khắc chữ “ma” (cái gì). Tăng vừa vào, Sư liền ném nói: Hội chăng? Tăng suy nghĩ hay chẳng suy nghĩ, Sư cũng đánh đuổi ra.

Niên hiệu Chánh Hòa thứ bảy (1117) ngày mừng tám tháng chín, Sư thượng đường:

- Tâm ấn Tổ sư giống máy trâu sắt, đi liền ấn đứng, đứng liền ấn phá, dù cho chẳng đi chẳng đứng cũng chưa phải là chỗ giẫm đạp của thiền tăng. Thế nào là chỗ giẫm đạp của thiền tăng? Đợi tháng mười, trước sau ta sẽ vì các ông chú phá.

Đến ngày mừng tám tháng mười, Sư tắm gội đắp y ngồi ngay thẳng, tay cầm bút viết một số thư từ biệt bạn cũ, dừng bút Sư tịch.

Ngài báo tin trước rồi sau mới đi. Chúng ta thấy được chỗ sống chân thật của ngài, đến đi tự do. Tự do đó là làm chủ được mình chứ không phải chỉ hiểu rồi nói trên ngôn ngữ. Như chúng ta bây giờ nói rất hay, tưởng chừng vượt cả chư thánh, nhưng rốt cuộc thì không tới đâu. Cho nên người tu học đạo cốt phải đến nơi, đừng chỉ phụ thuộc vào ngôn ngữ. Nên nhớ, ngôn ngữ là cặn bã, không đến lý thật được.

Tổ sư thường nói, nương nơi thanh mà thấy được sắc, nhân lời nói mà biết được tướng. Chúng ta đừng nên kẹt cứng vào hình thức bên ngoài, nghe nói Niết-bàn thì phải biết đúng nghĩa và sống được Niết-bàn, đó mới là chân thật học đạo. Nếu cứ thuộc trên từ ngữ giải thích Niết-bàn là gì, đó chỉ là ngôn ngữ chưa phải thật Niết-bàn.



THIÊN SƯ THANH VIỄN PHẬT NHÃN Ở LONG MÔN - THƯ CHÂU

(1067 - 1120)

Sư họ Lý, quê ở Lâm Cung (Ngang), dáng vẻ nghiêm chỉnh ít nói. Năm mười bốn tuổi Sư xuất gia, chuyên học luật. Nhân đọc kinh Pháp Hoa đến câu “Pháp ấy không phải chỗ suy nghĩ phân biệt hay hiểu”, Sư đem hỏi giảng sư. Giảng sư không thể giải được, Sư than: Nghĩa học danh tướng không phải nguyên nhân liễu việc lớn sanh tử. Sư bèn sửa soạn hành lý đi hành cước phương Nam.

Kinh Pháp Hoa nói: *Pháp ấy không phải chỗ suy nghĩ phân biệt hay hiểu*. Pháp ấy là pháp gì? Trong kinh Pháp Hoa gọi là Phật thừa hay tri kiến Phật. Pháp đó không phải do suy nghĩ phân biệt mà hiểu. Ngài Thanh Viễn đem câu này hỏi giảng sư, giảng sư không giải được.

Ngài than: *Nghĩa học danh tướng không phải nguyên nhân liễu việc lớn sanh tử*. Sau đó đi hành cước sang phương Nam học thiền.

Sư đến Thư Châu ở chùa Thái Bình, vào pháp hội thiền sư Pháp Diễn. Nhân đi quyên tảo ở Lô Châu, Sư trượt chân té nhào xuống đất, phiền não dấy động. Bỗng nghe hai người chửi lộn, người can nói: “Ông vẫn tự phiền não.” Sư nhân lời này có tỉnh.

Tại sao đi quyên tảo, bị trượt chân té mà sanh phiền não? Ví dụ chùa hết gạo, Hòa thượng cử một vị đi quyên tảo một số gạo về cúng dường cho chúng tăng. Người nhận trách nhiệm quyên tảo phải đi đông đi tây, còn huynh đệ ở nhà tu học. Như vậy đã là thiệt thòi rồi, lại còn bị té nữa, nên phiền não bực bội.

Khi ấy, bỗng nghe hai người cãi nhau, người can nói: *Ông vẫn tự phiền não*, ngài liền có tỉnh. Tỉnh cái gì? Tự mình phiền não, chứ đâu có ai làm mình phiền.

Trở về chùa, Sư có hỏi lời gì, Pháp Diễn đều bảo: - Ta chẳng bằng ông, ông tự hội được thì tốt.

Hoặc nói: - Ta chẳng hội, ta chẳng bằng ông.

Sư càng nghi, liền đến thưa hỏi thủ tọa Nguyên Lễ. Lễ bèn đưa tay nắm lỗ tai Sư đi quanh lò mấy vòng, vừa đi vừa nói:

- Ông tự hội được thì tốt.

Sư thưa: - Có lòng mong khai phát, có phải đùa với nhau sao?

Lễ bảo: - Ông về sau ngộ rồi mới biết được việc khúc chiết ngày nay.

Con tha thiết cầu chỉ dạy, đã không chỉ dạy mà còn nắm lỗ tai kéo đi, vậy là đùa chứ có đạo lý gì?

Pháp Diễn sắp từ Thái Bình dời đến Hải Hội. Sư cảm khái nói:

- Ta mang bát mới về tham vấn lại, giờ đây theo đến một viện hoang, đâu thể giải quyết được việc của mình.

Sư bèn làm kệ cáo từ, đến Tương Sơn nhập hạ.

Tại sao thiền sư Pháp Diễn dời đi chỗ khác mà ngài lại cảm khái? Bởi vì mới đi quyên tảo về, chưa được học hành bao nhiêu, bây giờ dời đi chỗ khác, rồi phải làm nữa hay sao?

Như lúc chúng ta mới tới đây, huynh đệ phải phát rừng làm cỏ, cực khổ bao nhiêu năm mới có được cây cối mát mẻ. Bất thần tôi chuyển đến một chỗ rừng rú khác, gọi huynh đệ về phát rừng, huynh đệ có vui không, có nổi giận không? Đã chịu cực bao nhiêu năm mà không được hưởng, giờ còn bắt đi chỗ khác mở mang, không nổi giận sao được. Cho nên, ngài viết thư cáo từ, đến nơi khác ở.

Gặp được thiền sư Linh Nguyên ngày càng thêm thân mật, trong khi thông thả bàn luận nhau Sư nói:

- Xưa gặp một tôn túc ở Đô Hạ, ngôn cú dường như có duyên.

Linh Nguyên bảo:

- Diễn công là Tông sư bậc nhất trong thiên hạ, cố sao lại bỏ mà đi xa? Nói là có duyên đó, bởi tri giải bậc thầy này phù hợp sơ tâm của huynh.

Sư nghe theo lời khuyến khích liền đi thẳng đến Hải Hội. Sau Pháp Diễn đặt Sư làm Diễn tọa. Gặp lúc đêm lạnh, Sư ngồi một mình vạch trong lò thấy một đóm lửa bằng hạt đậu, bưng tỉnh tự mừng nói:

- Vạch sâu sâu đóm nhỏ xiu, việc bình sinh chỉ như đây.

Sư đứng dậy đến bàn, xem bộ Truyền Đăng Lục, đến nhân duyên ngài Phá Táo Đạo, bỗng nhiên đại ngộ. Sư làm kệ:

*Dao đao lâm diệu đề,
Phi y chung dạ tọa.
Bát hỏa ngộ bình sinh,
Cùng thân quy Phá Đạo.
Sự kiêu nhân tự mê,
Khúc đạm thùi năng hòa.
Niệm chi vĩnh bất vong,
Môn khai thiếu nhân quá.*

Dịch:

Ríu rít chim rừng hót,
Mặc áo trọn đêm ngồi.

**Vạch lửa ngộ bình sinh,
Thần tốt về Phá Đạo.
Việc rõ người tự mê,
Điều cao ai hòa được.
Nhớ đó mãi chẳng quên,
Cửa mở ít người đến.**

Đêm lạnh, ngài vạch trong lò thấy một đốm lửa nhỏ, liền ngộ được việc bình sinh nhưng chưa tốt. Đến khi xem bộ Truyền Đăng Lục, đọc nhân duyên thiền sư Phá Táo Đạo mới tốt được lý đạo.

Thiền sư Phá Táo Đạo tu ở vùng núi Xuân Sơn, Trung Hoa với một số đồ chúng. Một hôm ngài dẫn chúng đi dạo núi, đến gần thung lũng thấy một miếu thờ, dân chúng làm thịt bò trâu heo gà dâng cúng liên miên. Hỏi ra được biết, vị thần Táo ở miếu này rất linh, cầu gì được nấy.

Nghe rồi ngài cầm gậy vô miếu, thấy trên bàn thờ có để ba viên gạch, ngài lấy gậy gõ vào đó nói:

- Đây là do gạch đất hợp thành, linh từ đâu lại, thiêng ở chỗ nào?

Nói xong ngài đập một gậy, ba viên gạch bể nát rơi xuống đất. Lát sau trên đường đi, gặp một vị áo xanh mũ xanh quỳ trước mặt. Ngài hỏi:

- Ông là ai?

- Con là thần Táo trong miếu, đến tạ ơn Hòa thượng.

Ngài nói: - Ta đã làm gì mà ngươi tạ ơn?

- Nhờ ơn Hòa thượng nói lý vô sanh mà con tỉnh ngộ, thác sanh lên cõi trời, bỏ thân đọa đầy bao đời ở tại miếu này.

Nói xong thần Táo đánh lễ rồi biến mất, thị giả thấy vậy thưa:

- Bạch Hòa thượng! Con hầu Ngài đã lâu mà không được nghe lý vô sanh, thần Táo này có phước gì, mà mới nghe Hòa thượng nói một câu liền ngộ?

Ngài lặp lại câu nói trên hỏi thị giả: - Hội chăng?

Thị giả thưa: - Chẳng hội.

Ngài nói: - Bể rồi, bể rồi! Rơi rồi, Rơi rồi!

Thị giả liền ngộ.

Thần Táo gá vào đất gạch cho là thân mình, được dân chúng tin tưởng linh thiêng cúng kính, đến khi nghe Thiền sư nói đây là do gạch đất hợp thành, linh từ đâu lại thiêng ở chỗ nào; mới giật mình tỉnh ngộ buông được tâm chấp, sanh về cõi trời. Thần Táo gá vào đất gạch, còn chúng ta thì gá vào đất nước gió lửa, rồi chấp cho là thân mình. Thử hỏi, khi duyên hết tứ đại rã rời, chừng đó mình ở đâu? Nếu tỉnh được như thần Táo thì đâu còn bị kẹt ở thân tứ đại nữa. Việc rõ ràng như vậy mà vì tự mê nên không biết.

Điệu cao ai hòa được, điệu nhạc cao quá nên khó hòa, cũng vậy cái chân thật của mình quá siêu tuyệt nên khó thấy. Nhớ đó mãi chẳng quên, khi ngộ rồi thì nhớ hoài chẳng quên. Cửa mở ít người đến, cánh cửa giải thoát giác ngộ đã mở sẵn mà ít người chịu bước vô.

Viên Ngộ có việc đến liêu Sư, nhắc lại lời Thanh Lâm ban đất để nghiệm Sư, nói rằng:

- Xưa nay không người ra được, huynh hiểu thế nào?

Sư đáp:

- Cũng có trường hợp rất khó.

Viên Ngộ nói:

- Chỉ như kia nói “Thiết Luân thiên tử lệnh trong cõi”, ý là gì?

Sư đáp:

- Tôi nói, trong cung Đế-thích thư miễn tội.

Viên Ngộ trở về nói với người:

- Đáng mừng huynh Viễn có câu sống người.

Từ đây Sư ở ẩn am Đại Trung tại Tứ Diện. Thái thú Vương Hoán Chi thỉnh Sư khai pháp tại chùa Vạn Thọ, kế đó lại bổ Sư trụ trì chùa Long Môn, tiếng tăm Sư từ đó vang dội.

Sư thượng đường:

- Trên đường Đài Sơn khách qua rất ít, trước nhà Phá Táo cảm ơn vô cùng. Tuyết chôn cây bá trước sân, băng bủa đầy tràn khe suối. Tuy ở phương Nam làm trưởng nhà trù, mà chẳng vào nhà trong vò tiêu ớt. Xem, xem! Ngày ba mươi tháng chạp, dù là đầu xuân vẫn lạnh. Cả thầy các ông, mỗi người phải nỗ lực hướng trước, tối kỵ tự sanh lui sụt.

Trước nhà Phá Táo cảm ơn vô cùng. Chỉ cho chỗ ngài đã ngộ.

Trưởng nhà trù không biết tiêu ớt để đâu thì có tròn bốn phận không?

Ba mươi tháng chạp là ngày cuối năm, cũng ngầm chỉ ngày cuối đời người. Bước qua một năm mới là bước qua cuộc đời mới tốt đẹp. Khi rời bỏ thân này, nếu biết tu sẽ tiến lên chỗ an lành tốt đẹp hơn. Thế nên mỗi người phải tự nỗ lực tiến tu chớ để lui sụt.

Sư thượng đường giộng cây gậy nói:

- Tròn sáng rõ biết chẳng do tâm niệm, liễu chết với yếu đạo thì rơi hầm lọt hố, cứu cánh thế nào?

Sư liền tựa cây gậy xuống tòa.

Tròn sáng rõ biết chẳng do tâm niệm, cái đó vốn rõ biết tròn sáng, chẳng do tâm đấy niệm mới biết. Liễu chết với yếu đạo thì rơi hầm lọt hố, chúng ta lâu nay bệnh chấp rất nặng, cho dù liễu chết với yếu đạo cũng vẫn là chấp, nên nói rơi hầm lọt hố. Tại sao? Vì chấp là nắm chặt, nắm chặt tức chết.

Muôn sự muôn vật trên thế gian đều là một dòng biến chuyển linh động; nếu chúng ta muốn giữ chặt lại cho nó ngừng hoạt động, không trôi chảy nữa, vậy là chết rồi. Dù chấp vì đạo mà chết, cũng không kiến tánh. Thiền sư thường bảo sống với hiện tại, nghĩa là ngay hiện tại thấy biết rõ ràng. Vậy thì *cứu cánh thế nào?* Hỏi xong, ngài liền tựa cây gậy mà xuống tòa.

Sư thượng đường:

- Bào huyễn đồng không ngại, tại sao chẳng liễu ngộ? Con người trong mắt bị người làm hổng, bảo ông đạt pháp ở trong ấy. Chẳng phải nay cũng chẳng phải xưa, sáu con xúc xúc đỏ đầy tô. Đại chúng! Thời nhân vì sao ngồi dưới đất xem cái bát ở Dương Châu để gá vào mẫu mới? Trên lưng trâu cười trâu, cười chết người.

Thân này chỉ là huyễn hóa, cái chân thật đồng ở trong thân huyễn hóa mà không biết không nhận. Pháp đó *chẳng phải nay chẳng phải xưa*, không thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. *Sáu con xúc xúc đỏ đầy tô*. Sáu con xúc xúc dụ cho sáu căn, rõ ràng đẹp đẽ, không thiếu chỗ nào.

Pháp ấy ở ngay đây mà không chịu nhận, lại hướng về đâu tìm, chẳng khác nào người ngồi trên lưng trâu lại đòi cười trâu. Thật đáng tức cười!

Sư thượng đường:

- Triệu Châu chẳng thấy Nam Tuyền, sơn tăng chẳng biết Ngũ Tổ (Pháp Diễn). Dưa ngọt tận gốc ngọt, dưa đắng tận rễ đắng.

**Sư thượng đường:**

- Chiếc lá rơi, thiên hạ xuân, không đường suy nghĩ, cười chết người. Dưới là trời trên là đất, lời này chẳng hợp ý thời lưu. Nam làm bắc, đông làm tây,

**động mà dừng, mừng mà buồn. Đầu rắn đuôi rết
hãy thử đi, trong miệng cộp dũ chim sẻ sống, là lời
gì? Về nhà đi.**

Miệng cộp lớn, chim sẻ nhỏ xiu, tuy miệng cộp dũ
mà chim sẻ vẫn sống. Cũng vậy, trong thân bại hoại vẫn
có cái không bại hoại. Ngài thượng đường cốt nhắc nhở
học nhân sự tu hành, nên cuối cùng nói: *Về nhà đi*. Về
nhà tức là về cố hương của mình.

Sư thượng đường:

**- Nói ngàn nói muôn không bằng thấy tận mặt,
dù chẳng nói cũng tự phân minh. Dụ đao báu vương
tử, dụ đám mù rờ voi. Trong thiền học, việc cách
sông đưa tay ngoắt, việc đình Vọng Châu thấy nhau,
việc xa bật chỗ không người, việc vách núi non sâu,
đây đều chính mặt thấy đó, chẳng ở nói vậy.**

*Nói ngàn nói muôn không bằng thấy tận mặt, dù
chẳng nói cũng tự phân minh.* Như chúng ta chỉ nghe
nói có một người rất tốt và cao thượng, mà chưa gặp, tới
lúc một phen gặp được, mới biết đúng như thật. Tưởng
tượng không bằng chính mắt thấy, sự tu cũng vậy. Người
đến chỗ đó rồi, không nói cũng vẫn rõ ràng; còn chưa
đến thì dù nói gì cũng không nhận ra. Chúng ta học bao
nhiều kinh điển, nghe nói Như Lai, Niết-bàn, chân như,
Phật tánh... mà tự mình không nhận ra được thì cũng
chỉ là tưởng tượng thôi.

Dụ đao báu vương tử, dụ đám mù rờ voi. Những
ví dụ này từ trong kinh nói. Một vương tử có đao báu,
bảo mọi người diễn tả xem nó ra sao. Những người chưa

được thấy đao báu, kẻ diễn tả thế này người diễn tả thế kia đều không đúng, chỉ có người thấy rồi nói mới đúng.

Dụ đám mù sờ voi là có nhà vua nọ sai dẫn ra một con voi rồi bảo những người mù bấm sinh sờ và diễn tả xem nó thế nào? Đám người mù sờ từng bộ phận con voi, người sờ nhằm chân thì nói voi giống cây cột, kẻ sờ tai thì nói voi giống cái quạt... Tất cả người mù nói đều sai, chỉ có người mắt sáng mới diễn tả đúng hết con voi.

Ngài dẫn những việc trong nhà thiền, để chỉ việc ấy phải là tự mình thấy chứ không thể nghe người khác nói mà được. Như có vị tăng đến tham vấn Thiền sư ở bên kia sông. Vị tăng còn ở bờ bên này chưa qua sông, nhìn xa thấy Thiền sư, vị tăng liền chấp tay xá, Thiền sư đưa tay ngoắt, Tăng liền ngộ. Như vậy, vị tăng này từ thấy chứ không phải do nghe mà ngộ.

Sư thượng đường:

- Tô Vũ chăn dê nhục mà chẳng chịu khuất, Lý Lăng trông Hán vui mà quên về, là ở ngoại quốc hay ở bản quốc? Trong nhóm đệ tử Phật, có người hai chân nhảy khỏi hầm, có người nghe đàn đứng múa, có người thân vui đồng phân, có người quả mắng thân sông, là tập khí hay diệu dụng? Đến như giường nặng, đập đất, dựng phát tử, gõ giường thiền, Mục Châu một bề đóng cửa, Lỗ Tổ trọn năm ngó vách, là vì người hay chẳng vì người? Biết chắc tất cả phàm phu kho báu bị chôn vùi, còn chẳng phải trượng phu? Các người sao không thể gay chèo trượng buồm bỏ sông qua bờ nghỉ, lại thả neo

cắm cọc ngày nào đến nhà? Đã làm người Tào Khê cũng là kẻ trong nhà, lại thấy việc trong nhà chẳng?

Tô Vũ chặn dê nhục mà chẳng chịu khuất. Tô Vũ làm quan dưới triều Hán Vũ Đế ở Trung Hoa. Bấy giờ nhà Hán thường bị giặc Hung Nô phương Bắc quấy nhiễu, dòm ngó. Tuy là nước lớn nhưng vì muốn cầu hòa, nên Hán Vũ Đế sai Tô Vũ đi sứ sang Hung Nô. Do làm phật ý vua Hung Nô, Tô Vũ bị bỏ vào hang đá cho chết đói. Qua ba ngày, Tô Vũ nhờ hộp sừng dê mà sống sót. Thấy lạ, vua Hung Nô kinh sợ, cho Tô Vũ là thần nên không dám hại nữa, mà dày lên đất Bắc chặn dê, giao hẹn chừng nào dê đẻ đẻ dê con thì mới được trở về Hán. Sau mười chín năm, nhờ sự can thiệp của Hán Vũ Đế, Tô Vũ mới được trở về đất Hán.

Lý Lăng trông Hán vui mà quên về. Lý Lăng là một võ tướng đời nhà Hán, vâng lệnh vua đem binh dẹp giặc. Quân của Lý Lăng chỉ có năm ngàn mà phải giao chiến với tám vạn quân địch, Lý Lăng bị bao vây mà không được quân tiếp viện nên chống cự không nổi. Bất đắc dĩ ông phải đầu hàng để bảo toàn sinh mạng cho mình và quân lính, chờ thời cơ rửa nhục. Tuy nhiên khi tin đưa tới triều đình, có kẻ gièm pha với Vũ Đế là ông phản quốc. Vua giận, tru di ba họ nhà Lý Lăng. Đến khi Hán Chiêu Đế lên ngôi, những bạn cũ mời về nước nhưng ông sợ chịu nhục, nên ở lại Hung Nô.

Như vậy các vị này thân tuy ở Hung Nô, nhưng tâm vẫn ở bản quốc, nên nói là ở *ngoại quốc* hay ở *bản quốc*?

Có người nghe đàn đứng múa. Càn-thát-bà vương đến hội đức Phật cúng dường âm nhạc, lúc khảy đàn lên

thì cả sơn hà đại địa đều nghe được tiếng đàn. Khi ấy ngài Đại Ca-diếp là một vị đại đệ tử, đang ngồi nghe tiếng đàn liền đứng dậy nhảy múa. Càn-thát-bà vương liền hỏi tôn giả Ca-diếp, bậc A-la-hán đã đoạn trừ hết phiền não, sao còn chút tập khí chưa đoạn? Đức Phật ở bên cạnh đáp thay, do Đại Ca-diếp nhiều đời chơi đàn, nên tập khí nhỏ nhiệm vẫn còn, vì thế nghe tiếng nhạc hay liền đứng dậy nhảy múa.

Có người thân vui đồng phân. Thời đức Phật có một Tỳ-kheo, mỗi khi ngủ thường vui thân trong đồng phân. Vì ngày trước vị này tu khổ hạnh, ngủ vui mình trong đồng phân đã quen, bây giờ tuy đã chứng A-la-hán nhưng tập khí vẫn còn.

Có người quả mắng thân sông. Một hôm, Tất-lăng-già-bà-ta đi ngang qua sông Hằng, nước sông chảy xiết qua không được, bèn kêu thần sông Hằng: Này tiểu tỳ, hãy dừng dòng chảy để ta đi qua. Sau đó vị thần sông đến thưa với Phật: Đệ tử Ngài mắng tôi. Đức Phật bảo xin lỗi, Tất-lăng-già-bà-ta đến trước thần sông, chấp tay nói: Tiểu tỳ, thôi chớ giận. Nghe xin lỗi mà như mắng, các Tỳ-kheo đều cười. Phật bảo, Tất-lăng-già-bà-ta năm trăm đời từng làm Bà-la-môn, đã huân sâu tập khí kiêu mạn nên mới nói lời như thế, chứ sự thật ngài không có tâm kiêu mạn.

Đến đây là những thủ thuật của các thiền sư hay dùng: *Giương nạng*. Thiền sư Thường Ngộ ở ngọn Bí Ma, Ngũ Đài Sơn, nên còn gọi là Hòa thượng Bí Ma. Tương truyền Bồ-tát Văn-thù hiện thân hàng phục rồng dữ tại đây, nên ngọn núi này được đặt tên là Bí Ma. Thiền sư

Thường Ngộ thường cầm một chiếc nạng gỗ, mỗi khi thấy Tăng đến lễ bái, liền chĩa chiếc nạng vào cổ Tăng, bảo: “Ma quỷ nào dạy ông xuất gia? Ma quỷ nào dạy ông hành cước? Nói không được sẽ chết dưới chiếc nạng này, nói được cũng chết dưới chiếc nạng này. Nói mau! Nói mau!” Người đến học đạo đều sợ, thuật đặc biệt này được gọi là *Bí Ma kinh xoa*.

Đập đất. Hòa thượng Đả Địa sau khi lãnh hội ý chỉ của Mã Tổ, thường ẩn tàng chỗ thấy của mình. Phàm có người học đến tham vấn, ngài không nói lời nào chỉ lấy cây gậy đập xuống đất, nên thời nhân gọi ngài là Đả Địa hòa thượng. Một hôm, Tăng lén giấu cây gậy rồi mới thưa hỏi, ngài vói lấy cây gậy không có, liền há miệng. Sau, có người hỏi đệ tử ngài: Thường ngày có người hỏi đạo Hòa thượng liền lấy gậy đập xuống đất, ý chỉ thế nào? Vị đệ tử không nói gì, lấy miếng củi trong bếp bỏ vào nồi.

Dụng phát tử, gõ giường thiền là thuật tiếp người đến tham học, được sử dụng nhiều nhất trong tông môn Bá Trượng.

Mục Châu một bề đóng cửa. Mục Châu tức Trần Tôn Túc hiệu Đạo Minh ở Mục Châu. Ngài là vị Thủ tọa bảo tổ Lâm Tế đi hỏi ngài Hoàng Bá ba lần, thế nào là đại ý Phật pháp. Thiền sư Vân Môn đến tham vấn Mục Châu, vừa thấy Vân Môn, Mục Châu liền đóng cửa. Vân Môn gõ cửa, Mục Châu hỏi: Ai? Vân Môn thưa: Con. Mục Châu hỏi: Làm gì? Vân Môn thưa: Việc mình chưa sáng xin Thầy chỉ dạy. Mục Châu mở cửa ra trông thấy Vân Môn liền đóng cửa lại, liên tiếp ba ngày như thế. Đến ngày thứ ba Mục Châu vừa mở cửa, Vân Môn

liền chen chân vào. Mục Châu nắm đứng bảo: Nói, nói! Vân Môn suy nghĩ, Mục Châu xô ra nói: Đồ vô dụng! Rồi đóng sầm cửa lại, kẹt nát bàn chân Vân Môn, cái đau thấu xương ấy khiến Vân Môn đại ngộ.

Lỗ Tổ trợn năm ngó vách. Thiền sư Bảo Vân ở núi Lỗ Tổ, Trì Châu, đời Đường. Ngài có tác phong tiếp dẫn người học rất đặc thù. Có người đến hỏi đạo, ngài xoay mặt vào vách không nói. Qua hành động này, để cho người hỏi có chỗ tỉnh ngộ.

Là vì người hay chẳng vì người? Ngài Phật Nhãn nêu ra một loạt công án của các thiền sư rồi hỏi, như vậy là các vị ấy vì người hay chẳng vì người?

Biết chắc tất cả phàm phu kho báu bị chôn vùi, còn chẳng phải trượng phu? Đến đây ngài quở, hạng phàm phu cũng sẵn có kho báu nhưng lại không chịu lấy ra dùng, để bị chôn vùi thành nghèo thiếu hoài. Thật là không trượng phu!

Các người sao không thể gay chèo trương buồm bỏ sông qua bờ nghỉ, lại thả neo cắm cọc ngày nào đến nhà. Gặp gió thì trương buồm lên qua đến bờ kia rồi nghỉ, nếu cứ thả neo giữa sông chừng nào mới về đến nhà? Các huynh đệ ở đây đã chịu nhổ neo trương buồm chưa, hay vẫn còn cắm sào thả neo, chơi vơi giữa biển khơi?

Ví dụ gia đình có con đi biển, khi nghe tin biển động sắp bão, người cha đứng trên bờ thấy con đang thả thuyền ngoài khơi, gọi hoài mà con không chịu vô. Người con này chỉ cần vào bờ yên ổn, rồi mặc tình ca hát,

còn biển động sóng đang dâng mà cứ cắm sào thả neo rong chơi, thật là nguy hiểm biết bao.

Chúng sanh cũng vậy, biển sanh tử sóng gió chập chùng, trời lên hụp xuống mà không ngán sợ, lại cứ mãi đùa giỡn ngao du chỗ này chỗ kia, không chịu nỗ lực để thoát ra, tại sao không ráng tu hành cho tới nơi tới chốn, còn chần chừ làm gì? Cuộc sống này vô thường không có gì bảo đảm, cứ hẹn hòai thì chừng nào mới về đến cố hương của mình?

Đã làm người Tào Khê cũng là kẻ trong nhà, lại thấy việc trong nhà chẳng? Người Tào Khê là con cháu Lục Tổ, tức là kẻ trong nhà nhưng đã biết việc trong nhà chưa, hay vẫn còn lang thang vui chơi không chịu thức tỉnh. Đây là những lời nhắc nhở tha thiết của ngài.

Tăng hỏi: - Kiếp hỏa cháy rực đại thiên đều hoại, chưa biết cái này hoại chẳng hoại?

Sư đáp: - Trong thùng sơn đen sắc vàng ròng.

Trong thùng sơn đen có vàng ròng, cũng như trong lò lửa có hoa sen nở vậy.

Tăng hỏi: - Đạo xa vậy thay! Chạm việc là chân, thế nào là đạo?

Sư đáp: - Trên đánh tám thước năm.

Tăng hỏi: - Lý này thế nào?

Sư đáp: - Vuông tròn bảy tám tấc.

Tăng hỏi:

- Trước kiếp hỏa Oai Âm riêng là một bầu trời, trước ngư lâu sẵn sẵn chẳng phải cắt tranh ruộng.

Rồi đưa tọa cụ lên, hỏi: - Cái này gọi là gì?

Sư đáp: - Chính là cắt tranh ruộng.

Tăng liền hét. Sư đáp: - Vẫn còn có chủ.



Sư hỏi Tăng: - Đèn côi riêng chiếu thì thế nào?

Tăng không đáp được. Sư đáp thay:

- Cột cái chứng minh.



Sư nghe tiếng bảng thức chúng, nói:

- Cứ điều lệ kết án.

Những lời đối đáp trên không cho chúng ta có chỗ để suy nghĩ.

Sư đề ngữ trên vách nhà Diên thọ tại Long Môn:

“Phật cho người có bệnh phải điều trị, có chỗ nghỉ ngơi. Trong thiền lâm có nhiều tên gọi: Hoặc gọi là Niết-bàn, thấy pháp thân thường trụ rõ pháp chẳng sanh. Hoặc gọi Tỉnh hành, biết duyên trói buộc này đều từ hành khổ. Hoặc gọi Diên thọ, muốn được tuệ mạng mà gìn giữ sắc thân. Đây kỳ thực vì khiến người rõ chỗ sanh tử vậy. Người kiến giải nhiều mà tỉnh lực ít, khi có chút bệnh liền cho vào

nhà này, nếu chẳng chống trái thì có bổ ích. Người mắc bệnh lâu bền nghĩ nhớ quê hương là không tốt, phải đoái nghĩ diệt trừ gốc khổ. Thánh trước nói: Bệnh là thuốc hay của chúng sanh, nếu khéo uống đều được lành bệnh vậy.”

Trong nhà thiền, nhà để chúng ở dưỡng bệnh được gọi là nhà Niết-bàn, nhà Tĩnh hành, hoặc nhà Diên thọ. Nguyên chữ Hán là Niết-bàn đường, Tĩnh hành đường, Diên thọ đường. Tại sao có nhiều tên gọi như vậy?

Gọi là Niết-bàn, vì thấy pháp thân thường trụ không còn sanh tử nữa.

Gọi là Tĩnh hành, vì biết các duyên trói buộc đều từ hành khổ. Trong mười hai nhân duyên, hành là duyên đẩy thức đi thọ sanh. Hành cũng là nghiệp, bởi có nghiệp nên mới thọ khổ. Ở nhà Tĩnh hành để thức tỉnh, biết rõ hành là khổ.

Gọi là Diên thọ, vì muốn được tuệ mạng mà gìn giữ sắc thân này.

Người vọng nhiều tỉnh ít, khi có chút bệnh liền vào nhà này, chớ có chống trái thì được bổ ích. Nơi đây để dành cho người bệnh tĩnh tâm. Với người bệnh nhẹ cho vào đây ở, không khởi nghĩ chống trái với bệnh tật, tu tập nhẹ nhàng sẽ được lợi ích.

Đến người mắc bệnh lâu bền nghĩ nhớ quê hương là không tốt, phải từ bỏ để diệt trừ gốc bệnh. Người bị bệnh lâu, nghĩ nhớ quê hương muốn về nhà là điều không tốt, phải từ bỏ ý nghĩ này để diệt trừ gốc khổ.

Thánh trước nói: Bệnh là thuốc hay của chúng sanh, nếu khéo uống đều được lành bệnh vậy. Tại sao nói bệnh là thuốc? Trong Mười điều tâm niệm có câu: “Nghĩ đến thân chẳng cầu không bệnh, thân không bệnh thì tham dục dễ sanh.” Khi bệnh, phải nhớ thân là vô thường, là gốc khổ. Có thân thì có bệnh, không còn thọ thân là hết bệnh. Như vậy bệnh là cơ hội tốt để thức tỉnh. Nếu thân không bệnh thì sẽ quên không nhớ việc tu hành.

Đến niên hiệu Tuyên Hòa năm đầu (1119), Sư do bệnh từ nhiệm trở về nhà Đông ở Tường Sơn. Năm sau, trước đông chí một ngày, thọ thực xong Sư ngồi kiết già bảo đồ chúng rằng:

- Những bậc lão túc các nơi sắp tịch để kệ từ biệt thế gian. Thế gian có thể từ sao? Sắp đi an ổn.

Sư chấp tay vui vẻ thị tịch. Môn đồ đem hài cốt về Long Môn, xây tháp bên cạnh đài Linh Quang thờ Sư.

Sắp thị tịch, ngài ngồi kiết già bảo đồ chúng: *Bậc lão túc ở các nơi sắp tịch để kệ từ biệt thế gian. Thế gian có thể từ sao?* Đây có hai ý: Một là thân chết thì tứ đại trả về tứ đại, có gì đâu để từ giã. Hai là với người đã nhận ra và hằng sống với bản tâm rồi, rõ biết thế gian chỉ là hư dối, đâu có gì thật mà phải giã từ.



THIÊN SƯ ĐẠO NINH ở KHAI PHƯỚC - ĐÀM CHÂU

(1053 - 1113)

Sư họ Uông, quê ở Thiệp Khê. Thuở tráng niên làm đạo nhân ở chùa Sùng Quả, lo việc nhà tắm. Một hôm định rửa chân, chợt đọc kinh Kim Cang đến câu: “Nơi chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật”, liền quên mất sở tri, bỗng đẩy chân vô nồi nước sôi, phát minh việc nơi mình.

Đạo nhân tức người cư sĩ công quả trong chùa. *Lo việc nhà tắm* là nấu nước nóng cho chúng tăng tắm.

Lúc nào ngài cũng đọc lẩm nhẩm kinh Kim Cang, đi đứng nằm ngồi đều đọc. Một hôm ngài đang nấu nước định rửa chân, chợt đọc tới câu: *Nơi chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật*, liền quên mất sở tri, đẩy chân vô nồi nước sôi mà ngộ đạo. Người xưa bắt đầu đến chùa là đem hết tâm lực học đạo, không chút lơ là.

Sau Sư thế phát tại Tưởng Sơn và nương với thiền sư Lão Lương ở Tuyết Đậu. Ở đây được hai năm, Sư bèn dạo các tùng lâm tham vấn chư danh túc. Sau cùng Sư đến chùa Bạch Liên, nghe thiền sư Pháp Diễn trong buổi tiểu tham cử thoại Quốc sư Trung “cổ Phật tịnh bình” và Triệu Châu “con chó không Phật tánh”, liền thấu triệt nguồn pháp.

Khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1110), Đàm soái Tịch Chấn thỉnh Sư trụ chùa Khai Phước, tăng lữ tụ họp tham vấn.

Ngày tám Phật, Sư thượng đường:

- Chưa rời Đâu-suất đã giáng vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Chư thiên đức!

Ngày ngày vãng nhật bờ đông lên,
Sớm sớm canh năm gà gáy rên.
Tuy không phải động hoa đào ấy,
Xuân đến đào hoa rộ khê thiên.

Lại nói, trong vườn Tỳ-ni giảng sanh nơi hông mặt, khắp đi bảy bước nhìn xem bốn phương, trên trời dưới trời chỉ ta hơn hết. Giống hệt thích xem trăng trên trời, quên mất châu trong tay. Lại biết chỗ rơi chẳng? Nếu biết chỗ rơi, mới là con hiếu cháu hiền. Nếu chưa được như thế, chẳng khỏi lặp lại chú cước.

Sư im lặng giây lâu nói:

Trời sanh tài năng hay kỳ quái,
Chưa lên xe người đùa một phen.

Chưa rời Đâu-suất đã giáng vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Ngài chỉ thẳng chỗ chân thật, dù Phật ra đời hay không ra đời, mỗi người cũng có sẵn Phật nơi mình.

Trong tay đã có sẵn hạt châu sáng, nhưng vì mê mặt trăng trên trời nên quên mất hạt châu trong tay. Cũng vậy, nếu chúng ta chỉ thấy hình ảnh đức Phật một tay chỉ trời một tay chỉ đất, là đã quên đi hạt châu của mình rồi.

Ngài đã chỉ rồi, còn chưa nhận ra thì ngài gọi mở lần nữa. Chú cước tức là giải thích ra.

Sư dạy chúng:

Thu nhật diệu trường không,

Thu giang tấm hư biếc.

Thương ta môn ngoại nhân,

Xứ xứ tìm Di-lặc.

Mạch lộ hốt dài dẫu,

Tương phùng bất tương thức.

Dịch:

Trời thu sáng đầy không,

Sông thu tấm màu biếc.

Thương thay người cửa ngoài,

Nơi nơi tìm Di-lặc.

Trên đường chợt ngáng dẫu,

Gặp nhau mà chẳng biết.

Chư thiên đức! Đã là gặp nhau vì sao lại chẳng biết? Chặt hết trúc trước sương, đến khe chẳng hóa rồng.

Bài kệ tả cảnh trời thu, nước sông trong biếc, đáng thương người còn đứng ngoài cửa, cứ tìm Phật ở bên ngoài, trên đường đi đã gặp Phật, nhưng lại chẳng biết. Phó đại sĩ cũng có bài kệ tương tự:

*Đêm đêm ôm Phật ngủ,
Ngày ngày cùng Phật dậy.
Ngồi đứng hằng theo nhau,
Nói nín cùng chung ở.
Mấy may chẳng tạm rời,
Như hình cùng với bóng.
Muốn biết nơi Phật đi,
Chỉ chỗ nói năng ấy.*

Chúng ta với Phật chẳng lúc nào rời nhau mà không biết, đó là cái dở của mình.

Chặt hết trúc trước sương, đến khe chẳng hóa rồng. Người ta thường trồng trúc để cắt thành hình con rồng con phượng. Nhưng nếu đem trúc trồng ở bờ khe, liệu trúc có hóa thành rồng được không? Đó chỉ là tướng hư dối không thật nên không thể hóa thành rồng.

Sư thượng đường:

***Biến giới bất tăng tà
Thông thân vô ảnh tượng***

*Tương phùng mạc nhạ thái ngu si
Khoáng kiếp chí kim vô kỹ lưỡng
Vô kỹ lưỡng thiếu nhân tri
Đại để hoàn tha cơ cốt hảo
Hà tu lâm kính họa nga my.*

Dịch:

**Khắp cõi chẳng từng che,
Toàn thân không hình ảnh.
Gặp nhau chớ lạ rất ngu si,
Nhiều kiếp đến nay không bản lĩnh.
Không bản lĩnh ít người hay,
Đại để trả kia xương thịt tốt,
Đâu cần đến kiếng vẽ chân mày.**

Khắp cõi chẳng từng che, toàn thân không hình ảnh. Cái chân thật đó khắp cõi chưa từng che, toàn thân hiện rõ ràng chứ không phải bóng dáng.

Gặp nhau chớ lạ rất ngu si, nhiều kiếp đến nay không bản lĩnh. Đã sẵn đủ như vậy, tại sao gặp nhau còn than rất ngu si?

Không bản lĩnh ít người hay, đại để trả kia xương thịt tốt. Xương thịt này do duyên đất nước gió lửa tạo thành, khi duyên hết thì trả về đất nước gió lửa. Thân hư dối chẳng nên quan trọng, chỉ làm sao nhận ra được cái chân thật trong đó. Nên nói *đâu cần đến kiếng vẽ chân mày*. Chân mày vẽ có thật không? Chân mày đã có sẵn, còn xem kiếng để vẽ chân mày làm gì! Người thế gian

cho thân này là thật nên bám víu vào nó, cứ chạy theo hư dối mà không chịu hướng về cái chân thật, nên mê càng thêm mê.

Sư thượng đường:

- Chánh lệnh Ma-kiệt chưa khỏi gập ghềnh, lòng từ Thiếu Thất sớm chạm phong cốt. Lưng mang đầy tay cầm thương, cô phụ bình sinh; luyện hạnh khô tâm thay nhau dần vật. Đâu giống mưa xuân tạnh núi xuân xanh, mây trắng ba mảnh bốn mảnh, hoàng oanh một tiếng hai tiếng. Đại Bi ngàn mắt xem chẳng đủ, Vương Duy tuy khéo vẽ khó thành. Dù cho được như thế, vẫn tự dính đồ trình. Chẳng dính đồ trình, một câu làm sao nói? Người từ Biện Châu lại, chẳng được tin Đông Kinh.

Chánh lệnh Ma-kiệt chưa khỏi gập ghềnh. Chỗ tốt cùng đó, dù cho thị hiện nằm bệnh ở Ma-kiệt cũng là phương tiện, chưa phải đường thẳng tắp. Lòng từ Thiếu Thất sớm chạm phong cốt. Lòng từ bi như tổ Đạt-ma ngồi ở Thiếu Thất, cũng là sớm chạm phong cốt.

Lưng mang đầy, tay cầm thương, cô phụ bình sinh; luyện hạnh khô tâm thay nhau dần vật. Luyện hạnh là tập luyện hạnh này hạnh nọ, khô tâm là để tâm như tro lạnh. Dù cho làm những việc như vậy, cũng chỉ là càng mất đi chỗ sáng suốt bén nhạy của mình mà thôi.

Đâu giống mưa xuân tạnh núi xuân xanh, mây trắng ba mảnh bốn mảnh, hoàng oanh một tiếng hai tiếng. Mưa xuân tạnh thì núi xuân hiện rõ ràng tươi xanh. Mây trắng, hoàng oanh hiện tiền chẳng vắng thiếu.

Đại Bi ngàn mắt xem chẳng đủ, Vương Duy tuy khéo vẽ khó thành. Chỗ chân thật đó, dù Đại Bi ngàn mắt xem cũng không hết, Vương Duy tuy khéo vẽ cũng chẳng được.

Dù cho được như thế, vẫn tự dính đồ trình. Chẳng dính đồ trình, một câu làm sao nói? Liền như thế ngộ, vẫn còn dính kẹt chút ít. Chỗ không dính kẹt, thử nói lấy một câu xem. Nói thế nào để không dính kẹt? *Người từ Biện Châu lại, chẳng được tin Đông Kinh.* Người từ chỗ này đến, không biết được tin tức ở chỗ kia.

Tăng hỏi:

- Hoa sen khi chưa ra khỏi nước thì thế nào?

Sư đáp: - Trời người chấp tay.

Chỗ đó mỗi người đều cung kính.

Tăng hỏi: - Sau khi ra khỏi nước thế nào?

Sư đáp: - Chẳng ngại qua lại xem.

Ra khỏi nước rồi thì ai cũng thấy.

Tăng hỏi: - Thế nào là câu đến mà ý chẳng đến?

Sư đáp: - Cỏ lành vốn không gốc, thuận tay nhổ đem dùng.

Cỏ không gốc là chỉ cho câu đến mà ý chẳng đến, tức là có câu mà không có ý.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý đến câu chẳng đến?

Sư đáp: - Nhận lấy ý đầu lưỡi câu, chớ chấp trái cân bàn.

Ngay đầu lưỡi câu mà nhận lấy ý tư, đừng chấp vào trái cân bàn.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý câu đều đến?

Sư đáp:

- Đại Bi chẳng xòe tay, khắp thân là tròn mắt.

Ý câu đều đến thì toàn diện, chỗ nào cũng rõ ràng. Cho nên Bồ-tát Đại Bi chẳng cần xòe tay, mà khắp thân đều là tròn mắt, thấy khắp hết.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý câu đều chẳng đến?

Sư đáp: - Anh đến Tiêu Tương tôi đến Tần.

Như chúng ta nói, anh ra Bắc tôi về Nam, tức là hai bên không dính dáng gì nhau.

Niên hiệu Chánh Hòa thứ ba (1113) ngày mừng bốn tháng mười một, Sư cạo tóc tẩm gội xong, hôm sau thọ trai rồi tiểu tham, Sư khuyến khích chúng hành đạo lời rất thiết tha. Đến giờ Dậu ngày mừng bảy, Sư ngồi kiết già thị tịch.



THIÊN SƯ NAM ĐƯỜNG NGUYÊN TĨNH ở ĐẠI TỪ - BÀNH CHÂU

(1065 - 1135)

Sư là con nhà đại nho Triệu Ước Trọng. Lúc mười tuổi Sư bị bệnh nặng, mẹ khẩn vái cảm đằm mọng lạ bèn cho xuất gia, theo thầy là Sa-môn Tông Duệ ở viện Bảo Sinh tại Đại Từ, Thành Đô. Niên hiệu Nguyên Hựu thứ ba (1088) Sư thi kinh được độ làm Tăng, Sư ở lại các hội giảng kinh mấy năm mới đi đạo phương Nam.

Ban đầu Sư tham vấn thiền sư Ân ở Vĩnh An, nhân câu ba gậy của Lâm Tế, Sư được phát minh. Kế Sư đến các bậc danh túc mà không có chỗ nào hợp ý. Sư nghe thiền sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ cơ phong cao vót, bèn muốn đến đó. Sư liền đến núi Ngũ Tổ tham vấn, Pháp Diễn nói:

- Ta nơi đây chẳng sánh với chư phương. Phàm ở trong thất chẳng cần ông tiến trước lùi sau, dựng

ngón tay, đưa nắm tay, nhiều giường thiền, làm người nữ bái, đưa tọa cụ lên... ngàn thứ khéo léo. Chỉ cần ông ngay một câu nói thích hợp, liền là chỗ thấy của ông.

Sư mờ mịt thối lui. Trải qua ba năm, một hôm Sư nhập thất xong, Pháp Diễn bảo:

- Chỗ hạ ngữ của ông đã được mười phần, thử nói cho ta xem?

Sư liền trình bày rành mạch. Pháp Diễn bảo:

- Nói cũng nói được mười phần, lại vì ta đoạn xem?

Sư theo chỗ hỏi mà phán xét. Pháp Diễn bảo:

- Hay thì hay, chỉ là chưa được bàn luận cùng lão tăng. Sau ngộ trai nên đến chỗ tháp Tổ sư, mỗi mỗi xét qua cho ông mới được.

Khi đến nơi Pháp Diễn liền lấy những câu: Tức tâm tức Phật, phi tâm phi Phật, Mục Châu kẻ gánh bồng, Nam Tuyền chặt con mèo, Triệu Châu con chó không Phật tánh, có Phật tánh... để hỏi Sư, Sư đáp không có chỗ ngăn ngại. Đến câu con chó của Tử Hồ, Pháp Diễn nghiêm sắc mặt bảo:

- Chẳng phải.

Sư thưa: - Chẳng phải lại thế nào?

Pháp Diễn nói: - Đây chẳng phải thì những cái trước đều chẳng phải.

Sư thưa: - Mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Pháp Diễn nói:

- Xem kia nói “Tử Hồ có một con chó, trên là đầu người, giữa là lưng người, dưới là chân người, người vào cửa xem kỹ”. Vừa thấy Tăng vào cửa liền nói “Xem chó”. Nhằm chỗ Tử Hồ nói “xem chó” hạ một chuyển ngữ khiến Tử Hồ phải đở lưởi, lão tăng phải câm họng, là chỗ ông xong việc.

Hôm sau vào thất, Sư thăm thưa lời kia. Pháp Diễn cười nói:

- Chẳng nói ông là người thiên liễu bá dương (việc lớn đã xong), lời này chỉ giống Tiên sư hạ ngữ.

Sư thưa: - Con là người gì mà được giống Hòa thượng Đoan?

Pháp Diễn nói:

- Chẳng phải. Lão tăng tuy thừa kế Tiên sư, vẫn nói lời Tiên sư vụng. Vì vậy chỉ dùng thủ đoạn Viễn Lục Công tiếp người. Được như lão tăng cùng Viễn Lục Công bèn cùng Bá Trượng, Hoàng Bá, Nam Tuyên, Triệu Châu nắm tay cùng đi, vừa thấy lời vụng liền không chịu.

Sư cho là không đúng bèn chống gậy qua sông, vừa gặp lúc nước sông dâng tràn đành phải lưu lại. Hai năm sau, Pháp Diễn mới hứa khả.

Thường thương lượng cổ kim, Pháp Diễn nắm tay Sư nói:

- Được ông nói, phải là ta nhắc, được ta nhắc, phải là ông nói. Từ nay về sau bí yếu Phật tổ, chìa khóa các nơi không thoát khỏi tay ông.

Pháp Diễn liền lập nhà Nam để cho Sư ở. Khi ấy danh tiếng Sư đồn khắp. Nguyên soái Tịch Đán ở Thành Đô thỉnh Sư khai pháp tại Gia Hựu, chưa bao lâu lại mời đến Chiêu Giác, rồi dời lại Năng Nhân và Đại Tùy.

Thiền sư Nguyên Tĩnh lúc mới đến Đại Tùy, phương trượng của Hòa thượng đường đầu trước kia bỏ trống đã lâu, bên trong có một con rắn rất to ở. Ngài muốn đến đó, tăng chúng thấy đều kinh hãi can ngăn, nhưng ngài vẫn quyết tới. Tối vào thấy một con rắn to nằm trên giường, ngài bèn đẩy nó sang một bên rồi nói: “Súc sanh tránh qua một bên, nhường chỗ cho lão tăng ngủ.” Ngài nằm ngủ đến sáng thức dậy không thấy con rắn, nó đã bò đi mất.

Ngài xem sự sống chết của thân này chẳng là gì, nên thản nhiên nằm cạnh con rắn ngủ một giấc tới sáng. Chúng ta bây giờ không được như người xưa, thấy rắn là vừa la vừa chạy, gặp một con bò cạp nhỏ xíu ở trên giường cũng không dám ngủ. Bạc đạt đạo và người chưa đạt đạo khác nhau chỗ đó.

Sư thượng đường:

- Quân vương rõ rõ tướng soái tỉnh tỉnh, một phen đắc thắng sáu nước thanh bình.

Nếu luôn tỉnh sáng thì một phen đắc thắng, sáu nước thanh bình. Sáu nước là chỉ cho sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Lời dạy này của ngài giống như bài kệ của am chủ
Diệu Phổ Tánh Không:

*Học đạo ví như giữ cấm thành,
Ngày giữa lục tặc, tối tinh tinh.
Trong quân chúa tướng hay hành lệnh,
Chẳng động gươm đao trị thái bình.*

Sư thượng đường cử thoại Lâm Tế tham vấn
Hoàng Bá, Hòa thượng Bạch Vân Đoan tụng rằng:

*Nhất quyền quyền đảo Hoàng Hạc lâu,
Nhất dịch dịch phiên Anh Vũ châu,
Hữu ý khí thời thêm ý khí,
Bất phong lưu xứ dã phong lưu.*

Dịch:

**Một thoi đâm ngã Hoàng Hạc lâu,
Một đập đập nhào Anh Vũ châu,
Có khí phách càng thêm khí phách,
Chỗ chẳng phong lưu cũng phong lưu.**

Sư nói:

- Đại Tù (Sư) tức chẳng vậy,

*Hành niên thất thập lão lung chung,
Nhãn mục tinh minh nhĩ bất lung,
Hốt địa hữu nhân khi phụ ngã,
Nhất quyền đả đảo quá Quan Đông.*

Dịch:

**Tuổi đời bảy mươi già lóm khóm,
Tai thì chẳng điếc, mắt sáng trong,
Bất chợt có người bắt nạt lão,
Một thoi đâm ngã đến Quan Đông.**

Tuổi già rồi nhưng mắt vẫn sáng, tai không ù, ai bắt nạt liền thoi một thoi ngã té nhào. Lối diễn đạt của ngài đơn sơ nhưng rất hay, rất mạnh mẽ.

Sư thượng đường vấn đáp xong, bèn nói:

- Có Tổ đến giờ người đời lầm hiểu, chỉ đem ngôn cú dùng làm thiền đạo. Đâu chẳng biết, đạo vốn không thể, nhân thể được tên; đạo vốn không tên, nhân tên mà lập hiệu. Chỉ như vừa rồi Thượng tọa thế ấy bước ra, liền thế ấy về chúng, hãy nói đủ mắt hay chẳng đủ mắt? Nếu nói đủ mắt, vừa thế ấy bước ra, mắt ở chỗ nào? Nếu nói chẳng đủ mắt, đâu nên liền thế ấy đi. Chư nhân giả! Nơi đây thấy được thấu suốt rõ ràng thì biết Nhị Tổ lẽ bái rồi đứng y chỗ cũ thật được tủy kia. Chỉ chút xíu này là mạng căn ba đời chư Phật, là mạng mạch sáu đời Tổ sư, là chỗ an thân lập mạng chư Lão hòa thượng trong thiên hạ. Tuy nhiên như thế, phải đích thân đến mới được.

Ngài nói, vừa rồi có Thượng tọa đứng ra thưa hỏi như thế, thưa hỏi xong liền trở về chỗ ngồi. Vậy người đó đủ mắt hay không đủ mắt? Nếu đủ mắt thì đâu cần thưa hỏi, còn không đủ mắt thì tại sao như thế bước ra, rồi như thế trở về chỗ cũ. Chỗ này mọi người cần nghiệm cho thông.

Nếu ngay đây biết thấu suốt rõ ràng thì thấy được tốt cùng chỗ Nhị Tổ đứng yên, mà Sơ tổ Đạt-ma khen ông được tủy của ta. Mạng căn ba đời chư Phật, mạng mạch sáu đời Tổ sư cũng là chỗ đó.

Sư thượng đường:

*Tự kỷ điền viên nhậm vận canh,
Tổ tông cơ nghiệp lực tu tranh,
Ngộ đắc thiên thánh đầu biên tọa,
Dụng hướng tam đồ để hạ hành.*

Dịch:

**Vườn ruộng nhà mình mặc sức cày,
Sự nghiệp tông tổ gắng làm hay,
Ngộ được chỗ ngồi ngàn thánh trước,
Vì cứu tam đồ bước xuống ngay.**

Ruộng mình cứ mặc tình cày cấy, chẳng nên dòm ngó ruộng vườn nhà người. Gầy dựng móng nền tông tổ, ngộ được chỗ ngồi của ngàn thánh rồi thì đi thẳng vào trong tam đồ, chứ đừng ngồi mãi trên non cao.

Tăng hỏi: - Tâm ấn Tổ sư thỉnh Thầy chỉ thẳng?

Sư đáp: - Ông nghe nóng chẳng?

Tăng thưa: - Nghe.

Sư bảo: - Còn chẳng nghe lạnh.

Tăng thưa: - Hòa thượng lại nghe nóng chẳng?

Sư đáp: - Chẳng nghe.

Tăng hỏi: - Vì sao chẳng nghe?

Sư cầm quạt quạt nói: - Vì ta có cái này.

Ta nhờ cái quạt nên mới không nóng. Ngài trả lời thật khéo.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?

Sư đáp: - Bất sống Ma vương xỏ lỗ mũi.

Tăng hỏi:

- Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?

Sư đáp: - Cái cây ở giữa thuộc bọn ta.

Tăng hỏi:

- Thế nào là nhân cảnh cả hai đều đoạt?

Sư đáp: - Câu cả ba non cùng sáu trạnh.⁽²⁾

Tăng hỏi:

- Thế nào là nhân cảnh đều chẳng đoạt?

Sư đáp: - Ban ngày cưỡi trâu qua chợ búa.

Một loạt đối đáp không cho chúng ta suy nghĩ.

⁽²⁾ Truyền thuyết kể, ở phía đông Bột Hải (biển Bắc Trung Hoa) không biết bao nhiêu muôn ức dặm, có một cái vực lớn không đáy, gọi là Quy Khư. Giữa có năm ngọn núi, người ở trên núi đều là hàng tiên thánh, lâu đài trên núi đều bằng vàng ngọc, cầm thú màu trắng, cây quý sum suê, hoa quả thơm ngon, ăn vô thì trường sinh bất tử. Năm ngọn núi đó không dính vào đáy biển, thường trôi nổi theo thủy triều lên xuống, không tạm đứng yên được, các vị thánh tiên bất mãn, phản nản với Thượng đế. Thượng đế sợ những ngọn núi đó trôi về tây cực, không có chỗ ở cho các vị thánh tiên, ra lệnh cho thần Ngu Cương sai mười lăm con ba ba (trạnh) lớn ngóc đầu lên đội núi, chia làm ba đội, cứ sáu muôn năm lại thay phiên nhau, từ đó năm ngọn núi mới đứng yên mà không lắc lư nữa. Nhưng một hôm có một người khổng lồ ở nước Long Bá lại gần năm cái núi đó mà câu một lần được sáu con ba ba, vác trên lưng đem về, đốt mai để bói. Do đó mà hai ngọn núi Đại Dư và Viên Kiệu trôi về phía bắc cực, chìm xuống biển lớn, các tiên thánh tản mác đi có tới số ức, còn lại ba núi là Phương Hồ, Doanh Châu và Bồng Lai. Thượng đế nổi giận, thu hẹp nước Long Bá lại, và làm cho dân nước đó nhỏ con lại.

Tăng hỏi:

- Hoa sen khi chưa ra khỏi nước thì thế nào?

Sư đáp: - Tốt.

Tăng hỏi: - Sau khi ra khỏi nước thì sao?

Sư đáp: - Tốt.

Tăng hỏi: - Thế nào là hoa sen?

Sư đáp: - Tốt.

Vị tăng lễ bái. Sư bảo:

- Cho kia ba cái tốt, muôn việc một lúc thôi.

Câu kết rất hay. Nếu biết được ba cái tốt đó thì
muôn việc đều xong.

Tăng hỏi: - Thế nào là thiền trong núi?

Sư đáp:

Tre ồm ngoài sân mọc măng trước,

Tùng khô khe suối đậm cành dài.

Tăng hỏi: - Thế nào là thiền trong chợ?

Sư đáp:

Sáu phố dùng dùng chuông trống nổi,

Chính chỗ bày vàng trong thế giới.

Tăng hỏi: - Thế nào là thiền trong thôn?

Sư đáp:

Trộm cắp hết rồi tầm lúa chín,

Vui ca múa hát nhạc thanh bình.

Có vị lão túc nói: “Ngay ngã tư đường cất một nhà xí bằng tranh, chỉ là không cho người ỉa.” Có vị tăng đem lời này hỏi Sư. Sư bảo:

- Chính ông ỉa trước rồi, lại bảo người nào ỉa.

Lão túc nghe được, thấp hương hướng về Đại Tùy lễ bái cảm tạ.

Niên hiệu Thiệu Hưng năm Ất Mão (1135), vào mùa thu tháng bảy mưa to và tuyết rơi nhiều, trong núi có sương lạ. Sư bảo: - Hạn kỳ của ta đến vậy.

Ngày mười bảy Sư từ biệt các quận thú, tuần tự đến ba ngày, rồi thị hiện có chút bệnh ở Thiên Bành. Đến ngày hăm bốn, Sư bảo vị tăng thị giả:

- Khi trời sáng không trăng thì thế nào?

Thị giả không đáp được. Sư bảo:

- Nói ngược ta vì ông châm lửa mới được.

Không trăng là ban đêm. Đêm không trăng muốn trời sáng thì phải đốt lửa, do đốt lửa nên sáng.

Nói ngược ta vì ông châm lửa mới được. Nghĩa là ngày mai ông vì ta châm lửa thiêu. Giản dị vậy thôi.

Hôm sau trở về Giải viện ở Bằng Khẩu, Sư để lời dặn dò xong, thoát nhiên thị tịch. Đệ tử thỉnh toàn thân về, mây mù bao phủ bốn bề, chim vượn kêu khóc. Khi trà-tỳ mùi hương bay khắp nơi, lưới vẫn còn nguyên vẹn.



THIÊN SƯ TÔNG THÁI Ở VÔ VI - HÁN CHÂU

Sư quê ở Phù Thành, từ khi ra khỏi quê hương dạo khắp từng lâm. Sư đến núi Ngũ Tổ yết kiến thiên sư Pháp Diễn. Ngày cúng hương, Pháp Diễn cử thoại “rửa bát đi” của Triệu Châu để đại chúng tham. Đến khi vào thất cũng nhắc lời này, hỏi Sư:

- Ông nói xem, Triệu Châu nói với y thế nào mà vị tăng này liền ngộ?

Sư thưa: - Rửa bát đi, phải không?

Pháp Diễn bảo: - Ông chỉ biết việc trên đường, chẳng biết thú vị trên đường.

Sư thưa: - Đã biết việc trên đường, trên đường có thú vị gì?

Pháp Diễn nói: - Ông chẳng biết sao?

Lại hỏi: - Ông từng dạo Chiết Giang chưa?

Sư thưa: - Chưa.

Pháp Diễn nói: - Ông vẫn chưa ngộ.

Từ đây đến năm năm Sư không thể đáp. Một hôm Pháp Diễn thẳng đường nhìn chúng, nói:

- Ông già tám mươi ném tú cầu.

Liền xuống tòa. Sư vui vẻ ra chúng thưa:

- Hòa thượng thử ném một cái xem?

Pháp Diễn lấy tay làm thế đánh trống, dùng âm xứ Thục xướng bài ca Miên Châu:

*Đậu Tử sơn đả ngỗ cổ,
Dương Bình sơn tán bạch vũ,
Bạch vũ hạ thủ Long nữ,
Chức đắc quyền nhị trượng ngũ,
Nhất bán thuộc La Giang,
Nhất bán thuộc Huyền Vũ.*

Dịch:

Núi Đậu Tử đánh trống gồm,
Núi Dương Bình mưa xối xả,
Mưa xối xả tận Long nữ,
Dệt lụa được hai trượng rưỡi,
Một nửa thuộc La Giang,
Một nửa thuộc Huyền Vũ.

Sư nghe đại ngộ, liền bùm miệng Pháp Diễn nói: - Chỉ nên xướng đến đây.

Pháp Diễn cười to rồi về.

Sau, Sư trở về đất Thục. Tứ chúng thỉnh khai pháp ở Vô Vi, rồi dời đến Chánh Pháp.

Sư thượng đường:

- Một đại sự nhân duyên này, từ khi Thế Tôn đưa cành hoa Ca-diếp cười chúm chím, Thế Tôn bảo: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, phân phó cho Ma-ha Ca-diếp.” Về sau đèn đèn nối nhau, Tổ Tổ truyền nhau, thẳng đến ngày nay liên miên chẳng dứt, liền được khắp chỗ sanh hoa, cho nên gọi là Niết-bàn diệu tâm, cũng gọi Bản tâm, cũng gọi Bản tánh, Bản lai diện mục, Đệ nhất nghĩa đế, Thước-ca-la nhãn, Ma-ha đại bát-nhã. Tại nam gọi nam, tại nữ gọi nữ. Cả thầy các ông chỉ tự ngộ lấy, những lời này thầy là ngôn ngữ suông.

Sư cầm phát tử lên nói:

- Hội rồi gọi là Thiền, chưa ngộ quả nhiên khó khó, trước mắt như cách núi Tu-di. Ngộ rồi dễ dễ, thuận miệng nói ra đều là phải.

Ngài thượng đường nói, một đại sự nhân duyên này từ khi tổ Ca-diếp ngộ đạo trên hội Linh Sơn, cho đến về sau chư Tổ truyền trao không dứt. Cái đó gọi là *Niết-bàn diệu tâm, Bản tâm, Bản tánh, Bản lai diện mục v.v...* Tuy nhiều tên gọi như thế, nhưng tất cả danh từ ấy cũng chỉ là *ngôn ngữ suông*.

Người ngộ rồi thì nói đâu trúng đó, không sai lệch. Còn chưa ngộ nghe qua rất khó, như bị núi Tu-di chắn trước mắt, muốn nhìn qua bên kia cũng không được.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Ai dạy người hỏi thế ấy?

Tăng suy nghĩ. Sư bảo: - Xong.

Những lời này không cần phải giải thích, chỉ tạm dẫn chuyện chư Tổ ngày xưa để rõ. Khi ngài Huệ Hải đến tham vấn Mã Tổ, Mã Tổ hỏi: - Từ đâu đến?

Huệ Hải thưa: - Ở chùa Đại Vân, Việt Châu đến.

- Đến đây tính cầu việc gì?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Huệ Hải lễ bái, thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay đó Huệ Hải tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ, ở lại tham học với Mã Tổ sáu năm.

Chúng ta hiểu được chỗ này thì sẽ hiểu được câu đáp *Xong* của ngài.



THIÊN SƯ BIỂU TỰ ở NGŨ TỔ - KỲ CHÂU

Sư quê ở Hoài An, buổi đầu nương theo thiên sư Pháp Diễn ở Ngũ Tổ, rất lâu mà không có tỉnh. Lúc đó Viên Ngộ làm Thủ tọa. Sư đến thưa thỉnh, Viên Ngộ bảo:

- Huynh có chỗ nghi thử nói tôi xem.

Sư liền nêu công án “Đức Sơn tiểu tham không đáp thoại, người hỏi thoại ăn ba mươi gậy”. Viên Ngộ bảo:

- Lễ bái đi, ta làm thầy ông được, cử thoại còn chẳng hội.

Sư làm lễ xong. Viên Ngộ bảo cử lại thoại trước. Sư thưa:

- Đức Sơn tiểu tham không đáp thoại.

Viên Ngộ bụm miệng Sư, nói:

- Chỉ thế ấy khán.

Sư to tiếng nói:

- Bậy, bậy! Đâu có công án, chỉ dạy người khán một câu đạo lý!

Có một vị bảo Sư:

- Huynh không nên nói như thế, Thủ tọa phải có phương tiện.

Nhân đây, Sư tịnh tọa thể cứu một tuần, bỗng giải được chỗ nghi. Sư đến Viên Ngộ lễ tạ. Viên Ngộ nói:

- Huynh mới biết tôi chẳng dối huynh.

Sư lại đến phương trượng, Pháp Diễn đón Sư vui vẻ. Từ đây càng ngày Sư càng thâm nhập huyền áo. Pháp Diễn sắp quy tịch, để thư cho Huyện thú giới thiệu Sư trụ trì. Tăng chúng bốn phương vẫn kéo tới đông đảo.



Sư yết bảng trước cửa liêu Thị giả: “Đông Sơn có ba câu, nếu người nói được mời trụ lại.” Chư tăng đều không nói được. Một hôm có vị tăng mang tọa cụ đi thẳng đến phương trượng, thưa Sư rằng:

- Con nói chẳng được chỉ cần trụ lại.

Sư rất vui gọi Duy-na, bảo:

- Sắp vị này ở dưới cửa sổ.

Các vị thiền sư thật khéo gạt người, bảo rằng *Đông Sơn có ba câu, nếu người nói được mời trụ lại*. Chư tăng đều không nói được, đến khi vị tăng này nói: *Con nói chẳng được chỉ cần trụ lại* thì liền chấp nhận.

Sư thượng đường:

- Khi Thế Tôn đưa cành hoa, Ca-diếp cười chúm chím. Người chỉ biết đưa hoa cười chúm chím, vẫn không biết Thế Tôn.

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang?

Sư đáp:

- Trong rừng gai góc múa Chá Chi (tên điệu múa).

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Hải tử mới sanh ném vào bốn vàng.

Thiền sư nói dường như không có ý nghĩa, nhưng thật ra trong đó đầy đủ hết. Các ngài nói khéo để chúng ta không kẹt vướng, không suy nghĩ, vậy mới nhận ra. Cho nên học thiền phải bén nhạy lanh lợi, thấy thì ngay đó liền thấy, suy nghĩ là sai.



ĐỜI THỨ MƯỜI SÁU SAU LỤC TỔ

TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ MƯỜI HAI

Phái Dương Kỳ

**A- Nói pháp Viên Ngộ Khắc Cần Phật Quả
có bảy mươi lăm vị**

- 1- Thiền sư Tông Cảo Đại Huệ ở Kính Sơn**
- 2- Thiền sư Thiệu Long ở Hồ Khưu**
- 3- Thiền sư Đoan Dục Phật Trí ở Dục Vương**
- 4- Thiền sư Pháp Thối Phật Tánh ở Đại Quy**
- 5- Thiền sư An Dân Mật Ấn ở Hoa Tạng**
- 6- Thiền sư Tổ Giác Hoa Nghiêm ở Trung Nham**
- 7- Thiền sư Huệ Viễn Hạc Đường ở Linh Ẩn...**

**B- Nói pháp Huệ Cần Phật Giám
có mười sáu vị**

- 1- Thiền sư Tâm Đạo ở Văn-thù**
- 2- Thiền sư Trí Tài ở Long Nha**
- 3- Thiền sư Thủ Tuần Phật Đăng ở Hà Sơn...**

**C- Nói pháp Thanh Viễn Phật Nhân
có hai mươi một vị**

- 1- Thiền sư Sĩ Khuê Trúc Am ở Long Tường**
- 2- Thiền sư Pháp Trung Mục Am ở Hoàng Long**
- 3- Thiền sư Đạo Hạnh Tuyết Đường ở Ô Cự**
- 4- Thiền sư Minh Biện Chánh Đường ở Đạo Tràng...**



THIÊN SƯ TÔNG CẢO ĐẠI HUỆ
ở am DIỆU HỖ - KÍNH SƠN
(1089 - 1163)

Thiền sư Tông Cảo Đại Huệ còn gọi là thiền sư Diệu Hổ. Tông Cảo là pháp danh, Đại Huệ là hiệu vua ban. Diệu Hổ là tên am, do thừa tướng Trương Thiên Giác đặt. Sau, hoàng đế Hiếu Tông đích thân viết hai chữ Diệu Hổ lớn trên vách, nên thời nhân gọi ngài là thiền sư Diệu Hổ.

Ngài Đại Huệ xuất gia lúc tuổi còn nhỏ, là một thiền sư nổi tiếng đời Tống, phần ngữ lục của ngài được ghi lại rất nhiều. Ngài tu thoại đầu nên lời nói nghe rất khó hiểu, không để cho người học có chỗ gá vào đó mà suy nghĩ.

Sư quê ở Ninh Quốc, Tuyên Châu, con nhà họ Hê. Năm mười ba tuổi Sư mới vào học võ lòng, học chưa được nửa tháng liền bỏ đi xuất gia. Năm mười bảy tuổi Sư được làm Tăng, thọ giới Cụ túc.

Tuy tuổi Sư còn nhỏ mà đã biết có việc trong tông môn. Sư xem hết các ngữ lục, thích nhất là lời Vân Môn, Mục Châu. Sư nghi Ngũ gia tông phái buổi đầu chỉ một tổ Đạt-ma, vì sao lại có nhiều môn đình? Song tánh Sư siêu thoát không chịu ràng buộc. Cha mẹ khuyên Sư đi du phương.

Khi nghiên cứu về thiền, ngài nghi gốc thiền tông chỉ có một tổ Đạt-ma, tại sao về sau lại chia ra năm phái. Đây là chỗ khiến ngài không an.

Khi ấy ở Tuyên Châu có thiền sư Thiệu Trình ở Minh Giáo thừa kế thiền sư Thản ở Hưng Giáo, là cháu thiền sư Giác ở Lang Nha. Sư nghe Thiệu Trình là người bảo tham nên tận tâm thờ phụng. Sư thường thưa hỏi về niêm cổ, tụng cổ của Tuyết Đậu và nhân duyên các bậc cổ túc. Thiệu Trình chỉ dạy cốt phải thẳng đó tự thấy tự nói, chẳng rảnh bàn ngôn ngữ kia. Sư thấu suốt được chỗ chỉ dạy của tiên đức. Thiệu Trình lấy làm lạ, mỗi khi khen nói: - Cảo là người tái lai.

Bậc tái lai là người đời trước đã từng làm thiện tri thức, bây giờ sanh trở lại chứ không phải người thường, mới phát tâm vào đạo.

Sư lại sang Dĩnh Châu tham vấn thủ tọa Nguyên ở Đại Dương, Hòa thượng Vi ở Động Sơn, Thị giả Kiên. Hòa thượng Vi làm Thủ chúng ở Phù Dung, thị giả Kiên làm thị giả Phù Dung mười năm. Sư tham học với ba vị này khá lâu, hiểu rõ được tông chỉ tông Tào Động. Một hôm thấy các vị kia

đốt liều hương trên tay để truyền trao, tỏ là phó chúc chẳng dối, Sư bất bình nói:

- Thiền có truyền trao, đâu phải pháp tự chứng tự ngộ của Phật tổ.

Một hôm thấy các vị thầy đốt liều hương trên cánh tay làm lễ truyền trao cho đệ tử, ngài cho rằng đó là chuyện không đúng nên bất bình. Bởi vì thiền là tự chứng tự ngộ, nếu làm lễ truyền trao tức mắc kẹt trên hình thức. Về sau, nhiều người lầm lẫn chỗ này rồi bắt chước làm theo. Thấy học trò nào hiểu ý hoặc cảm thông với mình, liền làm lễ truyền tâm ấn, tâm pháp. Người không ngộ mà làm lễ truyền trao là điều sai lầm, chỉ là hình thức giả dối không đúng sự thật.

Bèn bỏ đi, đến dưới tòa của thiền sư Chơn Như Triết, vào thất tạ tằng chủ Khánh, trưởng lão Hiền Bồng Đầu. Sư cùng Khánh đến Hoàng Long yết kiến Hối Đường, đến Đông Lâm tham Chiếu Giác đều chẳng hợp. Sư lại yết kiến thiền sư Tuân ở Tâm Ấn, Tuân là cao đệ của Tú Thiết Diện. Đàm đạo với Sư, Tuân lấy làm lạ, muốn lưu ở dưới hội mà Sư chẳng chịu. Tuân nhân đó chỉ đến Bảo Phong tham thiền sư Chuẩn. Chuẩn tức là Trạm Đường.

Sư mới đến cơ biện tung hoành, Chuẩn bảo:

- Lỗ mũi ông tại sao có nửa bên?

Sư thưa: - Môn hạ Bảo Phong.

Chuẩn bảo: - Thiền hòa đồ soạn.

Thiền sư Chuẩn thấy ngài lanh lợi, ăn nói lưu loát, nhưng biết vẫn chưa ngộ nên hỏi: *Lỗ mũi ông tại sao có nửa bên?* Ngài tự hào đáp: *Môn hạ Bảo Phong, con là môn hạ của Bảo Phong đây.*

Chuẩn bảo: Thiền hòa đồ soạn. Ông chỉ nói thiền ở đầu môi, tạp nhạp, què mùa mà thôi.

Nhân tô vẽ lại tượng Thập vương, Chuẩn chỉ tượng hỏi Sư:

- Quan nhân này họ gì?

Sư đáp: - Họ Lương.

Chính Chuẩn là họ Lương. Chuẩn xoa đầu tượng nói:

- Tại sao họ Lương lại thiếu cái đầu trọc?

Sư thưa: - Đầu tuy chẳng đồng, lỗ mũi tương tự.

Chuẩn bảo: - Thiền hòa đồ soạn.

Chuẩn xoa đầu tượng nói: Ta chính là họ Lương mà ông nói đây, nhưng *tại sao họ Lương lại thiếu cái đầu trọc?*

Đầu tuy chẳng đồng, lỗ mũi tương tự. Ngài tuy chưa ngộ đạo mà lý luận rất hay.

Nhân xem kinh Kim Cang, Chuẩn hỏi Sư:

- Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp. Vì sao núi Vân Cư cao núi Bảo Phong thấp?

Sư đáp: - Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp.

Chuẩn bảo: - Ông làm được kẻ tớ Tọa chủ.

Một hôm Chuẩn bảo Sư:

- Thượng tọa Cảo! Tôi có thiền tý xú này, ông mỗi mỗi lý hội được chăng?

Sư thưa: - Lý hội được.

Chuẩn bảo:

- Dạy ông nói cũng nói được, bảo ông làm cũng làm được, niệm cổ, tụng cổ, tiểu tham, phổ thuyết thấy được, chỉ có một việc chẳng phải, ông có biết chăng?

Sư thưa: - Chưa biết là việc gì?

Chuẩn bảo:

- Ông chỉ thiếu một cái “À!” Vì thế khi nói thì có, khi chẳng nói liền không. Khi vào phương trượng thì có, khi ra phương trượng liền không. Khi tỉnh tỉnh thì có, khi ngủ mê liền không. Làm sao địch được sanh tử?

Sư thưa: - Chính là chỗ con nghi.

Thiền sư Chuẩn bảo: *Ông chỉ thiếu một cái “À!”* Ngài thiếu một cái “à!” nên chưa vào cửa được. Có ai trong chúng ta được cái “à!” đó chưa? Thông thường nếu chỉ nghe hiểu trên chữ nghĩa, mà không một lần tỉnh giác thì cũng chưa tới nơi. Chữ “À!” hết sức quan trọng, vì đó là một biểu hiện của ngộ đạo. Ví dụ chúng ta để một món đồ quan trọng ở đâu không nhớ, kiếm đầu này đầu kia

rối cả đầu óc cũng tìm không ra. Trước đó có người thấy mình để, nên lúc ấy họ liền nhắc, mình sức nhớ lại thốt lên: “À!” Tức là nhớ lại rồi. Cái mình đã quên, bây giờ chợt nhận ra, nên chỉ À một tiếng liền xong.

Người tu chúng ta dù rất thông minh, được hỏi trả lời lưu loát, khi cần thì lý luận rất hay, gặp việc ứng đối nhay bén, nhưng chưa ngộ thì vẫn chưa qua được sanh tử. *Vì thế khi nói thì có, khi chẳng nói liền không. Khi vào phương trượng thì có, khi ra phương trượng liền không. Khi tỉnh tỉnh thì có, khi ngủ mê liền không. Làm sao địch được sanh tử?* Khi tỉnh nói mình gần bằng thánh, tới chừng gặp việc thì mê lại thôi.

Người tu hiện nay nếu không nắm vững chỗ này, khi nghe lời Tổ dạy hay các thiền sư nói, hiểu được chút chút rồi cho rằng mình hiểu thiền, đến chỗ này chỗ kia nói dóc. Như vậy làm sao địch nổi sanh tử? Phải một lần À được, từ đó hằng tỉnh thì nơi nào chốn nào cái chân thật cũng luôn luôn hiện tiền.

Chuẩn bệnh, Sư đến hỏi:

- Con về sau nên gặp người nào?

Chuẩn bảo:

- Có gã Cẩn, ta chẳng biết y, ông nên yết kiến sẽ hay biện được việc của ông. Nếu ông liễu chưa xong nên tu hành xem Đại tạng kinh, thân sau ra đời quyết định là thiện tri thức.

Thiền sư Tràm Đường dạy rất rõ ràng, nếu chưa có duyên ngộ triệt để thì tốt hơn nên xem tạng kinh,

đời sau sanh ra nhất định làm thiện hữu tri thức chứ không phải thường. Nếu không như thế, nhiều khi đã không ngộ mà kinh cũng không xem, thành ra mù mù mịt mịt.

Trạm Đường tịch, Sư ra mắt thừa tướng Trương Thiên Giác nhờ làm bài minh ở tháp. Thiên Giác môn đình cao, đối với thiền khách ít hứa nhận, gặp Sư một lời là khế hợp, liền xuống giường nói chuyện suốt ngày đêm, rồi đặt tên am là Diệu Hỷ, tên tự Đàm Hối. Thiên Giác cùng giúp Sư đến yết kiến Viên Ngộ.

Khi ấy, Viên Ngộ từ Tương Sơn vâng chiếu trụ chùa Thiên Ninh tại Đông Kinh. Viên Ngộ chưa đến, Sư đã đến trước tạm dừng lại tham đường rồi. Viên Ngộ vào viện, Sư sớm chiều thưa thỉnh. Viên Ngộ nêu công án “Tăng hỏi Vân Môn: Thế nào là chỗ chư Phật xuất thân? Vân Môn đáp: Núi đông đi trên nước”, bảo Sư hạ ngữ. Sư tham ngót một năm, đã hạ bốn mươi chín chuyển ngữ đều chẳng hợp.

Một hôm Viên Ngộ đến phó trai nhà một viên quan, đăng tòa nêu:

- “Tăng hỏi Vân Môn: Thế nào là chỗ chư Phật xuất thân? Vân Môn đáp: Núi đông đi trên nước.” Nếu là Thiên Ninh thì không như thế. Nếu có người hỏi, thế nào là chỗ chư Phật xuất thân? Chỉ nói với y, gió lành từ nam lại, lâu gác thêm mát mẻ.

Sư nghe nhắc hoát nhiên tỉnh ngộ. Bèn đem sở ngộ trình Viên Ngộ. Viên Ngộ xét Sư tuy mé trước

sau đoạn, tướng động chẳng sanh, song ngôi ở chỗ sạch trội trơn, nên bảo Sư rằng:

- Chưa phải, ông tuy có đặc mà đại pháp chưa sáng.

Thiền sư Viên Ngộ biết ngài tuy đối với mé trước mé sau đều đoạn được, tướng động không còn nhưng đang ở chỗ sạch trội trơn. Căn cứ vào Mười mục chặn trâu, tương ứng với bức tranh thứ tám, không còn trâu và chặn, tức không còn ngã pháp nhưng chưa đến được chỗ chân thật.

Người làm thầy có trách nhiệm hướng dẫn tu, phải biết chỗ này.

Một hôm, Sư vào thất, Viên Ngộ bảo:

- Ông đến được chỗ này cũng chẳng dễ, chỉ đáng tiếc chết rồi không thể sống lại. Chẳng nghi ngôn cú là bệnh lớn. Chẳng thấy nói: “Vực thăm buồng tay tự nhận thừa đương, chết rồi sống lại đối anh chẳng được.” Phải biết có đạo lý này.

Sư thưa:

- Con chỉ căn cứ như chỗ được hiện nay đã là sống thích, lại không thể lý hội thêm nữa.

Viên Ngộ không nhận, bèn sai Sư đến liêu Trạch Mộc, làm thị giả tiếp khách quan.

Tới chỗ không còn ngã, không còn pháp nên nói chết, cũng như chỗ khác nói “nước chết chẳng chứa rồng”.

Người tu thiền phải *chết rồi sống lại*, nghĩa là phải vượt đầu sào trăm trượng, tức đang chết trong chỗ không còn ngã không còn pháp, tới được mục thứ chín là Lá rụng về cội chim bay về tổ, mới là thật ngộ.

Con chỉ căn cứ như chỗ được hiện nay đã là sống thích. Vào được chỗ không còn ngã không còn pháp, quá yên tịnh nên thấy rất thích thú.

Mỗi ngày Sư cùng sĩ đại phu bàn luận, vào thất đến ba bốn lần. Viên Ngộ bèn nêu: “Câu có câu không như bìm nường cây”, hỏi Sư. Sư vừa mở miệng, Viên Ngộ liền nói:

- Chẳng phải, chẳng phải.

Như thế đến nửa năm chưa được ấn khả, niệm niệm chẳng quên nơi tâm. Một hôm cùng các quan khách ăn cơm, Sư cầm đĩa nơi tay mà quên há miệng. Viên Ngộ cười bảo:

- Kẻ này tham hoàng dương mộc thiền lại rút ngược.

Sư liền nói ví dụ:

- Đạo lý của Hòa thượng giống như con chó nhìn chảo mỡ nóng, muốn liếm lại liếm chẳng được, muốn bỏ lại bỏ chẳng được.

Viên Ngộ bảo:

- Ông dụ rất hay. Chỉ cái này là vòng kim cang, là lùm cỏ gai.

Lúc nào ngài cũng niệm niệm chẳng quên nơi tâm, đến mức tâm chết ngay trong câu đó, nên khi ăn cơm cầm đũa gấp thức ăn mà quên há miệng.

Hoàng dương là loại cây lớn chậm, nếu gặp năm nhuận thì thân co rút lại. Ý nói người tham thiền chậm lụt không tiến được.

Con chó thấy chảo mỡ đang sôi thềm rỏ nước miếng, nhưng để lưỡi vô thì phỏng mà đi lại không đành. Đó là trạng thái tới lui đều không được.

Lại một hôm, Sư hỏi:

- Nghe nói Hòa thượng đương thời ở chỗ Ngũ Tổ cũng hỏi thoại này, chẳng biết Ngũ Tổ đáp thế nào, xin Thầy chỉ dạy?

Viên Ngộ lặng thinh không nói. Sư thưa:

- Lúc đó Hòa thượng chẳng thể tự hỏi riêng, phải ở trước đại chúng hỏi, nay nói lại có ngại gì?

Viên Ngộ nói:

- Ta hỏi: Câu có câu không như bìm nường cây là thế nào? Ngũ Tổ bảo: Tả cũng tả chẳng thành, vẽ cũng vẽ chẳng được. Ta lại hỏi: Chợt gặp cây ngã bìm khô thì thế nào? Ngũ Tổ bảo: Theo nhau lại vậy.

Sư nghe cử thoại ngay đó đại ngộ, bèn nói:

- Con hội rồi.

Viên Ngộ nói:

- Chỉ e ông lại thấu công án này chưa được.

Sư thưa:

- Thịnh Hòa thượng cử.

Viên Ngộ liền cử một mạch những công án của tiền bối hỏi Sư, Sư theo đó đối đáp không trệ ngại. Viên Ngộ vỗ tay khen hay, lại đối chúng khen rằng:

- Cảo chẳng phải một đời hai đời làm thiện tri thức lại.

Thiền sư Viên Ngộ khen ngài là người đã từng làm thiện tri thức nhiều đời, nên đến chỗ này mới ngộ suốt như vậy.

Từ đây Sư dọc ngang tự tại, lời nói thao thao như nước đổ máng xối, như đá tròn lăn trên sườn dốc ngàn năm, chớ lão túc khó vượt qua được sự bén nhạy của Sư. Sư đã đại triệt, một số thiền khách có nghi đến hỏi Viên Ngộ, Viên Ngộ bảo:

- Thiền của ta giống như biển cả, các ông đem được đồ đựng biển cả đến trút lấy mới được. Nếu chỉ đem bát chậu đến chứa được chút ít bèn thôi, khí lượng của các ông chỉ như thế, bảo ta phải làm sao. Được bao nhiêu người đến điền địa như thế, khi trước có thượng tọa Cảnh cùng các ông một loại, lại đã chết rồi.

Thiền sư Viên Ngộ nói thiền của ngài bao la mênh mông như biển cả, những vị thiền khách tới hỏi đạo muốn được thiền này, phải đem đồ đựng như biển đến chứa mới hết. Nếu chỉ đem bát tô tới đựng thì không thấm vào đâu.

Chưa bao lâu, Viên Ngộ cử Sư làm Thủ chúng. Khi ấy, hàng sĩ đại phu thường thường tranh đến với Sư.

Viên Ngộ trở về Thục, Sư từ giã về ở Cổ Vân Môn, học giả đua nhau đến. Lại chạy loạn sang Hồ Nam, qua Giang Hữu vào Môn, Sư cất am Trường Lạc ở sườn núi. Khi ấy theo Sư năm mươi ba người, chưa đầy năm chục ngày mà đắc pháp mười ba người. Cấp sự Giang Thiếu Minh thỉnh Sư trụ am Vân Môn ở Tiểu Khê.

Thừa tướng Trương Ngụy Công khi ở Thục nghe Viên Ngộ nói Sư thật được pháp tủy, khi về triều mời Sư trụ Kính Sơn, phủ Lâm An. Sư đến trụ nơi đây pháp tịch hưng thịnh một thời. Những ngôi nhà chứa mấy trăm người đều không chỗ dung, phải lập lầu gác lớn chứa cả ngàn người, chúng thường có mặt trên hai ngàn.

Người xưa học đạo rất đông, pháp hội của ngài thường có trên hai ngàn người. Chúng ta tưởng tượng bây giờ pháp hội chừng năm trăm người là dung hết nổi rồi.

Buổi khai pháp ban đầu, Sư đăng tòa vấn đáp chưa xong, lại có mấy vị tăng tranh nhau ra hỏi. Sư ngăn lại nói:

- Dừng, dừng! Giả sử quả đất có bao nhiêu cây cỏ nghiền nát làm bụi, mỗi mỗi hạt bụi có một cái miệng, mỗi mỗi cái miệng đủ vô ngại tướng lưỡi rộng dài, mỗi mỗi tướng lưỡi xuất vô lượng âm thanh sai biệt, mỗi mỗi âm thanh phát vô lượng ngôn từ

sai biệt, mỗi mỗi ngôn từ có vô lượng diệu nghĩa sai biệt. Như trên, thiền tăng bằng số bụi, mỗi mỗi đủ miệng như thế, lưỡi như thế, âm thanh như thế, ngôn từ như thế, diệu nghĩa như thế, đồng thời đặt trăm ngàn vấn nạn, mỗi vấn nạn khác nhau, mà chẳng đủ một tiếng tăng háng của trưởng lão Kính Sơn này, đồng thời đáp xong. Khi này ở trong ấy làm Phật sự vô lượng vô biên rộng lớn, mỗi mỗi Phật sự khắp cả pháp giới. Cho nên nói, một sợi lông hiện thần biến, tất cả Phật đồng nói kinh, nơi vô lượng kiếp chẳng biết bờ mé, được thế ấy náo nhiệt môn đình thì phải. Nếu dùng chánh nhãn xem đó, chính là nghiệp thức mờ mờ không gốc để y cứ, dưới cửa Tổ sư một điểm dùng cũng chẳng được. Huống là soi móc chương cú, vạch bày ngôn phong, chẳng những chôn vùi tông thừa từ trước, cũng là cười vỡ lỗ mũi của thiền tăng. Vì thế nói, còn mấy tơ buộc niệm là nghiệp nhân tam đồ, chột vậy tình sanh là bao vây muôn kiếp, hiệu phạm danh thánh trọn là tiếng rỗng, tướng tốt hình xấu đều là sắc huyễn, ông muốn cầu đó lại không lụy sao? Nếu là chán đó cũng thành đại hoạn. Xem tiên đức kia dạy bảo như thế, như binh khí của quốc gia bất đắc dĩ mà dùng, trên việc bốn phạm cũng không có tin tức này. Ngày nay sơn tăng cử xướng như thế, giống hệt không mộng nói mộng, thịt lành khoét thành thương tích, kiểm điểm ra nên ăn gậy. Hiện nay có người hạ được độc thủ hay chăng? Nếu có, kham đền cái ơn chẳng đền, cùng giúp giáo hóa vô vi. Nếu không, lệnh này không hiệu lực.

Sư cầm gậy lên nói:

**Cầm ngang Mạc Da toàn chánh lệnh,
Thái bình hoàn vũ chém ngu si.**

Sư lia một cái, hét một hét.

Ngài nói, giả sử cả quả đất, bấy nhiêu cây cối nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi là một thiên tăng, mỗi thiên tăng có một cái miệng, mỗi cái miệng có đủ loại tướng lưỡi hỏi trăm ngàn thứ diệu nghĩa. Tất cả các thiên tăng ấy đều cùng hỏi, chỉ cần một cái tăng hắng của ngài cũng đáp đủ hết. Ngài nói chúng ta nghe có vẻ như phách, nhưng không phải. Ngài tu đã đến nơi, nên dùng lối nói nào cũng không sợ sệt không ngăn ngại e dè. Đây chính là bốn đức vô úy của Phật. Nếu chúng ta tu chưa đến nơi, dù biết cũng nên dè dặt, ngăn trước ngừa sau. Bởi người chưa tu xong mà nói như trên, cũng chỉ là học lõm, lời nói ra không được mạnh mẽ.

Ví dụ mấy huynh đệ là thiên tăng, người ta tới hỏi vài câu về thiền, huynh đệ có ngại không? Coi bộ tim muốn nhảy khỏi lồng ngực. Tại sao ngại? Vì chưa sống được với chỗ chân thật, nên khi nói sợ không biết trúng hay trật. Các thiền sư khéo dùng những hành động, lời nói vô cùng đơn giản mà nghiệm người rất thấu đáo, chính xác.

Ngài dẫn lời các vị tổ trước. *Còn mảy tơ buộc niệm là nghiệp nhân tam đồ*, buộc niệm tức là khi niệm khởi mình ràng cột niệm, nên còn trong tam đồ chưa ra khỏi. *Chợt vậy tình sanh là bao vây muôn kiếp*, chợt dấy niệm khởi thương ghét là bị bao vây muôn kiếp.

Hiệu phàm danh thánh trợn là tiếng rỗng, tướng tốt hình xấu đều là sắc huyễn. Phàm là thấp, thánh là cao. Thánh phàm chỉ là tiếng rỗng, tướng tốt hình xấu cũng là sắc huyễn. Như vậy, nếu biết tất cả tốt xấu, khen chê, cao thấp... đều là đối đãi thì dễ tu không? Hai câu này chúng ta có thể ứng dụng được trong cuộc sống tu hành của mình.

Giả sử mình đang đi ngoài đường, có người chê: “Người gì mà đen thui!”, giận không? Lúc đó liền đỏ mặt. Như vậy, tiếng kia là rỗng hay thật? Một chút chỗ này cũng thấy được sự tu của mình. Mình trắng mà họ nói đen là sai, còn đen người ta nói đen là đúng, vậy nổi giận cái gì? Nếu thật biết tiếng rỗng thì tất cả tiếng đều là vô nghĩa, nghe qua chỉ cười rồi đi thì đâu có chuyện gì. Ngược lại, nghe nói vậy liền nổi sùng là hết rỗng rồi.

Lời khen tiếng chê chỉ là ngôn ngữ mà qua chưa được, thành ra có nhiều chướng ngại. Tiếng chửi có ngăn bước mình đi không? Họ chỉ kêu tên chửi chứ đâu khiêng đá khiêng cây chặn đường mình đi. Vậy thì họ chửi mặc họ, mình đi cứ đi, không có gì trở ngại. Ngược lại, khi nghe người ta chửi liền đứng lại đi không nổi là tại sao? Tại vì không thấy tiếng rỗng, nên bị ngôn ngữ làm chướng, không vượt qua được. Đức Phật khi có người theo sau chửi, ngài vẫn đi rất thông thả. Đó mới là tiếng rỗng, còn chúng ta lại xem như gai đinh ngăn trở mình.

Rõ tướng tốt hình xấu đều là sắc huyễn thì thấy xấu tốt đều không quan trọng. Nhưng nếu như có hai

huynh đệ đang đi ngoài đường, người đứng bên lề nói thầy này dễ thương, thầy kia dễ ghét thì sao? Liên nổi sùng trong bụng. Như vậy đối tượng có thấy là sắc huyền hay chưa? Nói thương nói ghét mặc họ, có nghĩa lý gì đâu, cứ bình thản mà đi. Hiểu thì bao nhiêu đấy đủ tu rồi, không cần học nhiều hiểu sâu, ngay đó thấy đúng như thật, đừng kẹt đừng mắc là thoát khỏi trở ngại.

Thông thường chúng ta phiền não dẫn đến cãi nhau, cũng không ngoài hai thứ thanh sắc này. Kẻ nói qua người nói lại, đến hồi hơi gay cấn thì kê mình lên cao hơn họ một chút, họ cũng kê cao hơn mình một chút, lát sau có chuyện lớn. Chỉ là tiếng rỗng thôi, đâu có gì quan trọng. Thế nhưng có vài trường hợp, vì những tiếng rỗng đó mà sanh ra bao nhiêu chuyện, có người xách gói ra đi. Không khác nào bị người ta thổi một cái phũ khiến mình bay tuốt, cho nên Tổ nói: *Ông muốn cầu đó lại không lụy sao?* Căn cứ trên cái hư dối mà cầu là lụy, là họa.

Này giờ *son tăng cử xướng như thế* cũng là không mộng nói mộng, *thịt lành khoét thành thương tích* rồi. Nếu kiểm điểm thì đáng ăn gậy. *Hiện nay có người hạ được độc thủ hay chăng?* tức là có ai dám cho Ngài ăn gậy không? Nếu có mới *kham đền cái ơn chẳng đền, cùng giúp giáo hóa vô vi.*

*Cầm ngang Mạc Da toàn chánh lệnh,
Thái bình hoàn vũ chém ngu si.*

Mạc Da là cây kiếm cực bén trong truyền thuyết.

Sư dạy chúng:

**Điên đảo tưởng sanh, sanh tử nối,
Điên đảo tưởng diệt, sanh tử dứt.
Chỗ sanh tử dứt Niết-bàn không.
Chỗ Niết-bàn không bụi trong mắt.**

Niết-bàn đã không, nói cái gì là bụi trong mắt?

**Mây trắng chợt về che núi biếc,
Trắng trong khó bảo xuống trời xanh.**

Sư lại nói:

**- Nước Ma-kiệt-đề vẫn ở giữa đường, trước
ngọn Thiếu Thất toàn không lỗ mũi. Bàn huyền nói
diệu, thịt lành khoét thành thương tích; nhắc xưa
rõ nay, ném cát chọi đất. Đâu bằng đói ăn khát
uống rảnh ngồi một ngủ, mặc cho bốn mùa đổi dời
chẳng can hệ việc của ta. Tuy nhiên như thế, cũng
phải thật đến điền địa này mới được. Chỉ như thật
đến điền địa này làm sao thân cận?**

Sư hét một hét, nói:

- Trên vết thương lại để một viên ngải cứu cháy.

*Điên đảo tưởng sanh, sanh tử nối, tưởng điên đảo
còn sanh khởi là dòng sanh tử còn nối tiếp. Diên đảo
tưởng diệt, sanh tử dứt, tưởng điên đảo dứt hết thì sanh
tử theo đó hết.*

*Chỗ sanh tử dứt, Niết-bàn không. Tại sao nói sanh
tử dứt Niết-bàn không? Bởi vì là đối đãi, có sanh tử mới*

có Niết-bàn, thế nên nếu sanh tử hết thì Niết-bàn cũng hết. Như vậy Niết-bàn hết thì sao? *Chỗ Niết-bàn không, bụi trong mắt.* Nếu đến chỗ Niết-bàn hết, rồi cho đó là không, tức là con mắt còn dính bụi. Bởi trong Mười bức tranh chần trâu, mục thứ tám là hết trâu hết chần, tức là hết đối đãi chứ chưa phải cứu cánh. Nếu cho chỗ đó là cứu cánh thì con mắt vẫn còn bụi.

Ngài nói tiếp hai câu thơ: *Mây trắng chọt về che núi biếc, trăng trong khó bảo xuống trời xanh.* Còn một áng mây dù là mây trắng, cũng che núi biếc. Trăng trong trời không thì không đổi dời.

Ngài lại nói: *Nước Ma-kiệt-đề vẫn ở giữa đường, trước ngọn Thiếu Thất toàn không lỗ mũi. Bàn huyền nói diệu, thịt lành khoét thành thương tích; nhắc xưa rõ nay, ném cát chọi đất.* Tất cả những điều đó chưa phải chỗ cứu cánh. Vậy chỗ cứu cánh là chỗ nào?

Đâu bằng đôi ăn khát uống rảnh ngời mệt ngủ, mặc cho bốn mùa đổi dời chẳng can hệ việc của ta. Đôi ăn khát uống, rảnh ngời mệt ngủ là cứu cánh, huynh đệ thích không? Chừng nào được như ngài thì thích, còn chưa được mà thích thì chẳng khác nào kẻ dân thường nói chuyện của quan lớn. Khi nào qua khỏi ngã và pháp, chết rồi sống lại mới nói điều đó được. Nếu chưa chết hoặc chết chưa sống lại nổi thì không nên nói như thế.

Hiện giờ nhiều người thường mắc bệnh này, nói rất hay rất cuộc động tới sân dùng dùng, gặp ngũ dục thế gian không chứa cái nào, nhiễm đủ thứ. Đây là bệnh lớn của người chưa thấy tột cùng.

Tuy nhiên như thế, cũng phải thật đến điền địa này mới được. Nói là nói vậy nhưng phải đến tận nơi mới được, chứ không phải chưa đến mà nói suông.

Sư hét một hét, nói: Trên vết thương lại để một viên ngải cứu cháy. Đã châm vô thịt một vết thương, còn đem viên ngải cứu cháy để hơ lên, đó là hai lớp.

Sư thượng đường hỏi đáp xong, bèn nói:

- Hỏi được cũng tốt, chẳng hỏi lại gần. Có sao? Con đường trước tiếng ngàn thánh chẳng truyền, học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng. Trong đây nếu có kẻ anh linh, thế ấy chẳng thế ấy, tai nghe nhắc đến đứng dậy liền đi, vẫn ở trong hang ổ bìm sấn. Hẳn được trong không sở chứng ngoài không sở tu, giống như đất chỗ núi, đá ngậm ngọc, chưa phải chỗ thiền tăng buông thân mạng. Dám hỏi đại chúng, thế nào là chỗ thiền tăng buông thân mạng? Nếu như biết được, trần trần niệm niệm đều không rỗng thiếu, xoay quanh cúi ngược tròn ở trong kia. Chính khi ấy, cứu cánh cái gì là trắng gia phong, lại hiểu chăng?

**Ngàn thánh nào biết đi đâu tá,
Ỗ Thiên trường kiếm bức lạnh người.**

Sư xuống tòa.

Chỗ đó không có nghi ngờ, nên hỏi được cũng tốt mà không hỏi lại gần. Tại sao? Vì con đường trước tiếng ngàn thánh chẳng truyền, trước tiếng là trước khi hỏi, chỗ đó ngàn thánh chẳng truyền. Học giả nhọc hình như

khỉ bắt bóng, học giả nhọc nhằn đuổi theo tìm kiếm, giống như khỉ bắt bóng mà thôi.

Dù được tai nghe nhắc đến đứng dậy liền đi, trong không sợ chứng ngoài không sợ tu, cũng chưa phải là chỗ cứu cánh.

Bao nhiêu hình ảnh sắc trần, bao nhiêu tâm niệm đều không rời cái chân thật. Cho nên dù xoay quanh, cúi xuống ngược lên cũng không quên, không rời xa cái chân thật đó mới được. Đây chính là chỗ buông thân mạng.

Sư nêu lên hỏi người học:

- Tôi trong đây không có pháp cho người, chỉ là cứ khoản kết án. Giống như ông đem cái bình lưu ly đến tiếc giữ, giống cái gì? Tôi một phen trông thấy liền vì ông đập bể. Ông lại đem hạt châu ma-ni đến, tôi lại vì ông cướp mất. Đợi ông chỉ như thế đến, tôi lại vì ông chặt đứt hai tay. Vì thế Hòa thượng Lâm Tế nói gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La-hán giết La-hán. Đã xưng là thiện tri thức, vì sao lại muốn giết người? Hãy nói là đạo lý gì?

Con đường thiền tông *không có pháp cho người*. Như viên quan ngồi xử án, vốn không chủ ý định tội ai, chỉ y cứ theo bản án mà phân xử nặng nhẹ. Cũng vậy, thiền sư không có một pháp cố định dạy người, chỉ tùy bệnh nói phá, gọi là nhổ đinh tháo nệm.

Giống như ông đem cái bình lưu ly đến tiếc giữ, giống cái gì? Tôi một phen trông thấy liền vì ông đập bể. Thiền sư Tông Cảo đập tan chỗ chấp của học nhân.

Vì nhiều người tới hỏi đạo, cốt không phải học hỏi điều cao siêu để tu, chỉ muốn khoe mình. Khoe chừng nào được tán thán chừng nấy, họ sẽ tự mãn và không tu tiến. Đó là bệnh. Ví dụ có Phật tử tới thưa: Bạch Thầy, bây giờ con thức tỉnh tu hành, luôn luôn giữ năm giới, ăn chay trường. Khi gặp ai nghèo khó, đói thiếu con đều giúp đỡ, làm bao nhiêu việc như vậy đủ chưa? Nếu họ đem cái tốt trình lên, mình liền khen cho rằng họ đặc nhân tâm, bao nhiêu đó quá hay rồi. Như vậy là họ ôm cái tốt đó về luôn, không tiến thêm được bước nào nữa.

Ông lại đem hạt châu ma-ni đến, tôi lại vì ông cướp mất. Những thứ ông chấp giữ đem tới tôi đều cướp hết, tức dẹp sạch chấp cho họ. Đây là trọng trách của một vị thầy, hiểu vậy mới thấy tầm quan trọng trong sự tiếp nhân độ chúng.

Đã xưng là thiện tri thức, vì sao lại muốn giết người? Chữ giết là phá hết những kiến chấp, hết chấp rồi mới có thể tiến lên được.

Những người tham thiền thỉnh Sư nói thiền bệnh. Sư bảo:

- Thiền có bệnh gì có thể nói. Thiền lại chẳng từng bệnh nhức đầu, chẳng từng bệnh đau chân, chẳng từng bệnh điếc tai, chẳng từng bệnh mờ mắt. Chỉ là người tham thiền tham được sai biệt, chứng được sai biệt, dụng tâm sai biệt, nương thầy sai biệt. Nhân những sai biệt này nên nói là bệnh, chẳng phải nói thiền có bệnh. Như hỏi thế nào là Phật, đáp tức tâm là Phật, có bệnh gì? Hỏi con chó có

Phật tánh không, đáp không, có bệnh gì? Nếu nói bảo trúc bẽ (thanh tre) là chạm, chẳng bảo trúc bẽ là trái, có bệnh gì? Hỏi thế nào là Phật, đáp ba cân gai, có bệnh gì? Hỏi thế nào là Phật, đáp que cứt khô, có bệnh gì? Ông chẳng thấu suốt, vừa khởi đạo lý cần thấu liền ngàn dặm muôn dặm không giao thiệp. Toan đem tâm phân biệt nó, toan đem tâm suy nghĩ nó, nhằm chỗ cử lên hiểu rõ, chỗ chọi đá nháng lửa luồng điện chớp hội, cái này mới là bệnh. Thầy thuốc thế gian đành bó tay. Song cứu cánh chẳng can hệ việc thiền. Ngài Triệu Châu nói:

**Cốt cùng vua Không làm đệ tử,
Chớ bảo tâm bệnh rất khó trị.**

Thật ra thiền không có bệnh, tại chúng ta có những cái nhìn, cái hiểu khác nhau mà thành bệnh.

Như hỏi thế nào là Phật, đáp tức tâm là Phật, có bệnh gì? v.v... Hỏi đáp như thế, đâu có gì là bệnh. Nên biết, lời nói không bệnh, chỉ vì chấp nên thành bệnh.

Nếu ông không thấu suốt thì vừa khởi nghĩ đạo lý này đạo lý kia là đã *ngàn dặm muôn dặm không giao thiệp*, hoàn toàn không dính dáng.

Toan đem tâm phân biệt nó, toan đem tâm suy nghĩ nó, nhằm chỗ cử lên hiểu rõ, chỗ chọi đá nháng lửa luồng điện chớp hội, chính cái muốn hiểu muốn biết, đó là bệnh.

Cốt cùng vua Không làm đệ tử, Chớ bảo tâm bệnh rất khó trị. Vua Không là vua nào? Không chấp chính là

vua Không. Theo cách nhìn của thiền sư Triệu Châu, tu không còn chấp thì tự nhiên hết bệnh.

Bấy giờ có trưởng lão Đàm Ý ở Tường Vân và thiền giả Tuân Phác hai vị làm bạn với nhau, buổi đầu hâu Viên Ngộ ở Tương Sơn có chỗ vào, sau lại đến dưới tòa Chơn Yết, tự vỗ ngực cho là hiện thời không ai qua nổi. Sư biết hai vị chưa triệt mà đã khai pháp, sợ e làm lầm lẫn kẻ hậu học, nên viết thư cho Đàm Ý bảo hãy tạm đến. Đàm Ý hổ thẹn chân chừ chẳng đi. Sư nhân buổi tiểu tham quở thẳng những sai lầm kia, nêu bảng ở trước cửa báo cho tứ chúng biết. Ý nghe như vậy bất đắc dĩ phá hạ đến dưới hội Sư. Sư gạn hỏi chỗ sở chứng của Đàm Ý, nói:

- Ông kiến giải như thế đâu từng mộng thấy Lão nhân Viên Ngộ. Thật muốn cứu cánh việc này, hãy giải tán chúng đến đây.

Đàm Ý nghe lời dạy trở về, qua hạ cùng với Tuân Phác đồng đến hội Sư. Hai vị vào thất, Sư hỏi Tuân Phác:

- Tam Thánh nói, ta gặp người ắt xuất, xuất ắt chẳng vì người. Hưng Hóa nói, ta gặp người ắt chẳng xuất, xuất ắt vì người. Ông nói xem, hai lão túc lại có chỗ xuất thân hay không?

Tuân Phác nhằm trên đầu gối Sư dấm một dấm. Sư hỏi:

- Một dấm này của ông vì Tam Thánh trút giận, vì Hưng Hóa trút giận? Nói mau! Nói mau!

**Phác suy nghĩ, Sư nhằm xương sống liền đánh.
Lại bảo:**

**- Thứ nhất ông chẳng được quên một gậy này.
Đi ra!**

Hai vị tôn túc đó vì sao mà nhằm đầu gối đâm một cái? Người không biết tưởng vậy là đủ rồi, tức khẳng định đã hiểu, vì nói không được nên dùng hành động đâm. Ngài thấy được chỗ Tuân Phác tuy dám hành động mà thật chưa hiểu, nên liền hỏi: Cái đâm của ông vì Tam Thánh hay vì Hưng Hóa? Tuân Phác suy nghĩ, suy nghĩ tức là chưa hiểu. Trong nhà thiền, nhiều vị cũng thường bắt chước làm như thế, thấy như hay nhưng khi bị gạn lại một câu, lúc đó mới biết chưa xong.

Đã lâu mà hai vị chưa được vào cửa. Một hôm, nhân có vị tăng khác vào thất, hai vị nghe lỏm Sư hỏi vị tăng:

- Đức Sơn vừa thấy Tăng vào cửa liền đánh, Lâm Tế thấy Tăng vào cửa liền hét, Tuyết Phong thấy Tăng vào cửa liền nói “là cái gì?”, Mục Châu thấy tăng vào cửa liền nói “hiện thành công án”, “tha ông ba mươi gậy”. Ông nói xem, bốn vị tôn túc này lại có chỗ vì người hay không?

Tăng thưa: - Có.

Sư bảo: - Tráp!

Tăng suy nghĩ, Sư liền hét đuổi ra. Tuân Phác nghe chột có tỉnh, Đàm Ý cũng tiếp theo nơi một câu

nói có tỉnh, từ trước những ác tri ác giải khi này tiêu tan. Sau hai vị đều kế thừa Sư.

Ngài kêu lên một tiếng, vị tăng không biết gì liền suy nghĩ, bèn bị đuổi ra. Một hành động lạ, ngang đó không biết cái gì thì trả lời có hoặc không. Nhưng qua hành động thứ hai mà không hiểu gì hết thì bị đuổi.

Có một vị tăng vừa vào cửa, Sư bảo:

- Chẳng phải, đi ra.

Vị tăng liền ra. Sư bảo:

- Bậc đại nhân khôn lường bị trong ngữ mạch chuyển.

Khi nghe nói *chẳng phải, đi ra* liền đi ra, tức là bị lời nói chuyển rồi.

Kế một vị tăng vào, Sư bảo:

- Chẳng phải, đi ra.

Vị tăng lại đến gần, Sư bảo:

- Đã nói với ông chẳng phải, lại đến gần tìm cái gì?

Liền đánh đuổi ra.

Vị tăng lại gần chỉ biết làm ngược với người trước, vẫn không biết được cái gốc.

Lại một vị tăng vào nói:

- Vừa rồi hai vị tăng chẳng hiểu ý Hòa thượng.

Sư liền cúi đầu “hư” một tiếng. Vị tăng mờ mịt, Sư liền đánh nói:

- Lại là ông hiểu ý lão tăng.

Vị tăng khác bước vào với vẻ tự tin, hai vị kia kẻ bị nói một câu đi ra, kẻ đi lại gần bị đánh đuổi ra, như vậy hai người đó không hiểu ý Hòa thượng, bây giờ con vô sẽ hiểu ý Hòa thượng.

Sư cúi đầu *hư* một tiếng, Tăng mờ mịt. Sư liền đánh nói: *Lại là ông hiểu ý lão tăng*. Ông hiểu ý ta chưa? Đây là những thủ thuật khéo của thiền sư.

Lại có vị tăng vừa vào, Sư bảo:

- Ông chẳng hiểu, đi ra.

Tăng cũng ra. Lại một vị tăng vào, Sư bảo:

- Vừa rồi có hai Thượng tọa, một người biết nắm mà chẳng biết buông, một người biết buông mà chẳng biết nắm, ông lại biện được chăng?

Tăng thưa: - Một trạng lãnh qua.

Sư bảo:

- Sau lãnh qua rồi riêng có tin tức rất tốt.

Vị tăng vỗ tay một cái liền ra. Sư bảo:

- Sau ba mươi năm ngộ đi vậy.

Ba mươi năm nữa mới xong việc.

Sư hỏi một vị tăng:

- Trên đường gặp người đạt đạo, chẳng đem nói nín đáp là thế nào?

Tăng trôn trợn liền đi. Sư cười hả hả.

Kế một vị tăng đến, Sư bảo:

- Tôi vừa hỏi vị tăng này, trên đường gặp người đạt đạo, chẳng đem nói nín đáp là sao? Y trôn trợn rồi đi, ông nói y hội hay chẳng hội?

Tăng suy nghĩ thưa hỏi. Sư liền đánh đuổi ra.

Lại có vị tăng đến, Sư nói:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Tăng đáp: - Kẻ không mặt mày.

Sư bảo: - Vừa rồi có vị tăng nói như thế, bị đánh đuổi ra.

Tăng suy nghĩ. Sư liền đánh.

Một vị tăng khác đến, ngài hỏi: *Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?* Tăng đáp: *Kẻ không mặt mày.* Người không cùng muôn pháp làm bạn là người không mặt mày, trả lời như vậy hay quá rồi. Nhưng ngài gạn lại, nói: *Vừa rồi có vị tăng nói như thế, bị đánh đuổi ra.* Vị tăng tuy biết mà không thật biết nên hoảng lên suy nghĩ, liền bị ngài đánh. Thiền sư rất khéo lừa, nên thiền tăng luôn bị gạt.

Sư trụ Kính Sơn nổi danh một thời, như thị lang Trương Tử Thiều, trạng nguyên Ưng Thánh Tích, thiếu khanh Bằng Tế Xuyên đồng đến hỏi đạo.

Ngoài ra còn bao nhiêu danh sĩ đại phu đến thưa hỏi, Sư tùy cơ khai ngộ đều được thông suốt.

Cuối đời Tống ở Trung Hoa, các vị nho sĩ nổi danh thời ấy đều hướng về Phật pháp và đều được các thiền sư tùy theo căn cơ mà khai ngộ.

Bởi Sư đương thời giáo hóa thành lập mình, mạt sát người nên bị nạn cớ pháp phục, đày ra Hành Châu mười năm, lại đày đến Mai Châu. Mai Châu là nơi chướng khí quê mùa, mà thiền khách vẫn mang lương thực theo, dù chết cũng không hối hận. Được tám năm, vua Cao Tông đặc ân tha cho, năm sau trả lại pháp phục. Kế vua ra chiếu mời Sư trụ chùa Dục Vương, chúng tụ họp đông vô kể. Hai năm sau, chiếu vời trụ lại Kính Sơn.

Ngài thấy người khác nói không đúng những điều mình thấy biết, nên thường chê trách thẳng. Vì bị chê trách nên họ tự ái, tức giận kiện lên nhà vua. Vua ra lệnh cớ pháp phục đày ra Hành Châu mười năm, rồi lại đày đến Mai Châu. Đây là đại nạn của ngài, tuy ngộ hiểu như thế mà vẫn chưa khỏi nạn. Bị đày mười năm, nhưng mới tám năm đã được ân xá.

Sư lại về trụ Kính Sơn, đạo tục hâm mộ như thấy gần gũi thân quen. Mặc dù tuổi già nhưng Sư tiếp dẫn đàn hậu học không chút mệt mỏi. Sau, Sư lui về trụ Minh Nguyệt Đường. Hoàng đế Hiếu Tông khi còn làm Phổ An quận vương, nghe danh Sư nên sai Nội đô giám, đến Kính Sơn yết kiến Sư. Sư làm bài kệ dâng vua:

*Đại căn đại khí đại lực lượng,
Hà đảm đại sự bất tâm thường.
Nhất mao đầu thượng thông tiêu tức,
Biến giới minh minh bất phú tàng.*

Dịch:

**Đại căn đại khí đại lực lượng,
Gánh vác đại sự chẳng tâm thường.
Trên đầu sợi lông thông tin tức,
Khắp cõi sáng ngời chẳng ẩn tàng.**

Vua xem rất vui. Khi dựng vương phủ, nhà vua sai Nội tri khách thỉnh Sư trong núi vì chúng nói pháp. Chính tay vua viết hai chữ Diệu Hỷ to tại am Diệu Hỷ của Sư, và làm bài tán cho Sư:

<i>Sanh diệt bất diệt,</i>	<i>Sanh diệt chẳng diệt</i>
<i>Thường trụ bất trụ.</i>	<i>Thường trụ chẳng trụ</i>
<i>Viên giác không minh,</i>	<i>Viên giác rỗng sáng</i>
<i>Tùy vật hiện xứ.</i>	<i>Tùy vật chỗ hiện.</i>

Hai năm sau, vua lên ngôi liền ban hiệu Sư là Đại Huệ thiền sư.

Hiệu *Đại Huệ* có từ lúc này. Tự tay nhà vua viết hai chữ *Diệu Hỷ* là tên am của ngài ở, lên trên vách. Diệu Hỷ nghĩa là cái vui rất nhiệm mầu.

Niên hiệu Long Hưng năm đầu (1163) ngày mười tháng tám, Sư thị tịch tại Minh Nguyệt Đường

ở Kính Sơn. Khi sắp thị tịch, thị giả xin kệ, Sư nghiêm giọng nói:

- Không kệ mà chết chẳng được vậy.

Bèn cầm bút viết:

Sanh dã chỉ nhẫm ma,

Tử dã chỉ nhẫm ma.

Hữu kệ dữ vô kệ,

Thị thập ma nhiệt đại.

Dịch:

Sanh cũng chỉ thế ấy,

Tử cũng chỉ thế ấy.

Có kệ cùng không kệ,

Cái gì là quan trọng?

Sư ném bút thị tịch, thọ 75 tuổi, 58 tuổi hạ.

Sanh cũng vậy, tử cũng vậy, không có gì khác. Cho nên có kệ hay không kệ đều là việc thường, đâu có gì quan trọng.



**THIÊN SƯ THIỆU LONG
ở HỒ KHUÛ - phủ BÌNH GIANG**

(1077 - 1136)

Sư quê ở Hàm Sơn, Hòa Chi. Năm chín tuổi đã từ giã cha mẹ vào viện Phật Huệ, trải sáu năm được độ làm Tăng thọ giới Cụ túc. Sau năm năm, Sư đến yết kiến Tín Công ở Trường Lô, được chút ít pháp vị. Có người đem lời Viên Ngộ đến cho Sư nghe. Sư than: “Tưởng đến mẹ liền chảy nước miếng. Tuy chưa được nếm vào miệng nuốt vào bao tử, đã làm cho người thích thú. Chỉ hận chưa được nghe tiếng ho hen thôi.”

Sư bèn đến Bảo Phong nương với Trạng Đường, rồi làm khách thưa hỏi thiền sư Tử Tâm ở Hoàng Long, sau mới đến Viên Ngộ.

Một hôm Sư vào thất, Viên Ngộ nói:

- Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập.

Ngộ đưa nắm tay lên hỏi: - Thấy chăng?

Sư thưa: - Thấy.

Viên Ngộ bảo: - Trên đầu lại thêm đầu.

**Sư nghe hoát nhiên khế chứng. Viên Ngộ quát:
- Thấy cái gì?**

Sư thưa: - Tre dày chẳng ngại nước chảy qua.

**Viên Ngộ thừa nhận, sai làm Tri tạng. Có người
hỏi Viên Ngộ:**

**- Tạng chủ Long mềm mỏng dường ấy thì làm
gì được?**

Viên Ngộ đáp: - Con cọp ngủ.

Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập. Đây là câu nói trong kinh Lăng-nghiêm, thiền sư Viên Ngộ nói xong liền đưa tay lên hỏi: *Thấy chăng?* Ngài đáp: *Thấy.* Viên Ngộ bảo: *Trên đầu lại thêm đầu.* Ngài nghe nói bỗng nhiên khế chứng, Viên Ngộ quát hỏi: *Thấy cái gì?* Nếu là người chưa ngộ sẽ nói thấy cái tay, còn ngài thì đáp: *Tre dày chẳng ngại nước chảy qua.* Dưới suối, những cụm tre mọc dày khít nhưng nước vẫn chảy qua. Cũng vậy, cái thấy xuyên qua bàn tay, chứ không phải chỉ thấy ở cái tay.

Sau Sư trở về quê hương, trụ tại chùa Khai Thánh. Khoảng niên hiệu Kiến Viêm (1127-1130) có loạn, Sư bèn cất am dưới ngọn Đồng Phong. Quận thú Lý Quang mời Sư trụ chùa Chương Giáo. Kế đó Sư dời đến Hồ Khưu, nơi đây chúng rất thịnh hành, đạo được hưng hóa.

Sư dạy chúng:

- Mở toang cửa nẻo muôn dặm chẳng dính mảnh mây, mặt trời sáng lên không, bốn phương gió mát đầy tòa. Mặt hồ ánh sáng thên thang, đồng nội sắc trong lặng sáng, vạn tượng sum la đồng bày hải ấn. Nếu được nơi nơi diệu dụng vật vật chân cơ, tâm cảnh nhất như mảy trần chẳng lập. Chính thế ấy là muôn cơ thôi nghỉ, ngàn thánh chẳng mang, quét sạch danh Tỳ-lô, chẳng theo Thích-ca Văn, xem thường Thanh văn coi rẻ Bồ-tát. Đức Sơn Lâm Tế trông thấy trợn mắt há miệng, có đánh có hét một điểm cũng dùng chẳng được. Hãy nói, khi chợt gặp người trong kia lại làm sao hội thoại?

**Lân đầu gặp nhau vốn cố cữu,
Ngại gì đến uống Triệu Châu trà.**

Khi *mở toang*, không còn dính mắc gì hết thì *mặt trời sáng rõ trên không, gió mát khắp tòa, mặt hồ sáng thên thang, đồng nội sắc trong sáng, vạn tượng đều bày hải ấn*, chỗ nào cũng là đạo.

Người *tâm cảnh nhất như, mảy trần chẳng lập* thì phương tiện của Phật tổ cũng không làm gì người ấy được.

Sư dạy:

- Trước mắt không pháp, vạn tượng rậm rạp, ý tại trước mắt. Chợt hiện khó biện, chẳng phải pháp trước mắt. Chạm đến gặp y, chẳng phải chỗ mắt tai đến, chẳng lìa thấy nghe hiểu biết. Tuy nhiên như thế, cũng phải là then chốt hương thượng kia mới được.

Vì thế nói, lưới bủa chẳng giữ được, kêu gọi chẳng xoay đầu, Phật tổ chẳng an bày, đến nay không nơi chốn. Như thế thì chẳng nhọc liễm niệm lâu các cửa mở, tắc bước chẳng dờn trăm thành đều đến.

Sư cầm gậy vạch một lần nói:

**Rắn chết trên đường thôi chớ giết,
Giỏ tre không đáy đựng mang về.**

Trước mắt không pháp, vạn tượng rậm rạp, ý tại trước mắt. Đã không pháp mà vạn tượng rậm rạp cái gì? Chợt hiện khó biện, chẳng phải pháp trước mắt. Vừa hiện ra liền thành khó biện, cái chân thật luôn hiện tiền, nhưng không phải vì hiện tiền mà che hết muôn sự muôn vật. Cây vẫn là cây, cỏ vẫn là cỏ, thấy rõ muôn sự muôn vật không ngăn ngại. Cho nên ý tại trước mắt, mà không phải pháp trước mắt.

Chạm đến gặp y, chẳng phải chỗ mắt tại đến, chẳng lìa thấy nghe hiểu biết. Chỗ nào cũng gặp y, tuy không phải do mắt tại thấy nghe mà cũng chẳng lìa mắt tại. Ngài nói ngược nói xuôi như vậy, ai khéo thì thấy rõ ràng.

Tuy nhiên như thế, cũng phải là then chốt hướng thượng kia mới được. Tuy thế, phải nắm lấy then chốt mới được, nếu chưa nắm then chốt thì thật khó mở. Đến chỗ đó rồi thì lưới bủa cũng giữ không được, kêu gọi cũng không xoay đầu, Phật tổ chẳng thể an bày, không có nơi chốn.

Như thế thì chẳng nhọc liễm niệm lâu các cửa mở, tắc bước chẳng dờn trăm thành đều đến. Liễm niệm

tức là kìm giữ cho tâm đừng chạy rong ruổi. Người được như vậy rồi thì chẳng cần liễm niệm mà lâu các vẫn mở toang, không dời một bước mà trăm thành đều đến.

Sư dạy:

- **Sáng chẳng soi cảnh, cảnh cũng chẳng còn, sáng cảnh đều mất lại là vật gì? Trên đầu trăm cỏ đẹp hết binh đao thì gác lại, chột như tượng lớn Gia Châu cười ngược trâu sắt Thiểm Phủ, nắm núi Tu-di một vả nát nghiêng, trong nước Tân La cười ngựa, Nam Thiệm-bộ Châu nói thiền, lại làm sao?**

*Ngũ Đài sơn thượng vân chứng phạn,
Phật điện giai tiền cầu niệm thiên.
Sát can đầu thượng tiễn chùy tử,
Tam cá hồ tôn dạ bá tiên.*

Dịch:

**Trên núi Ngũ Đài mây nấu cơm,
Trước thềm điện Phật chó đá trời.
Trên đầu cột phướn nung chùy quả,
Ba con khỉ vượn đêm xóc tiền.**

Ngài dẫn lại câu nói của thiền sư Bàn Sơn: *Sáng chẳng soi cảnh, cảnh cũng chẳng còn, sáng cảnh đều mất lại là vật gì?* Cảnh là bên ngoài, sáng là chỉ cho cái thấy của mình, hai cái đó đều chẳng còn thì là vật gì?

Lời kệ thật đặc biệt: *mây nấu cơm, chó đá tới trời, ở trên đầu phướn nấu quả chùy, khỉ xóc tiền.* Đây là lối nói không cho chúng ta vin theo để suy gẫm.

Sư dạy:

- Phàm có bày đỡ trọn rơi thời nay, chẳng bày chẳng đỡ rơi hằm rớt hố, dù cho gió thổi chẳng vào, nước rưới chẳng dính, kiểm điểm đưa ra tự cứu chẳng xong. Há chẳng thấy, dù giống bóng trăng đầm lạnh, tiếng chuông đêm vắng, chạm sóng to mà không tan, tùy gió đánh vẫn không thiếu, còn là việc đầu bờ sanh tử.

Sư cầm cây gậy vạch một vạch nói:

- Chặt sắn bìm nhiều năm của cổ nhân, đá gặt đầu bát chột vỗ tay cười. Hãy nói, cười cái gì? Sau ót thấy gò má chớ cùng qua lại.

Những hoạt ngữ không có chỗ nào cho chúng ta suy gẫm. Vì vậy không cần phải cắt nghĩa dài dòng.

Niên hiệu Thiệu Hưng năm Bính Thìn (1136), Sư có chút bệnh rồi tịch. Tháp toàn thân ở góc tây nam chùa.



THIÊN SƯ ĐOAN DỤ PHẬT TRÍ ở DỤC VƯƠNG - MINH CHÂU

(1085 - 1150)

Sư họ Tiên, quê phủ Thiệu Hưng. Từ khi được yếu chỉ nơi thiền sư Viên Ngộ, khắp trụ các ngôi chùa to. Ban đầu Sư phụng chiếu trụ Kinh Sơn, vua ban hiệu Phật Trí đại sư. Kế, Sư dời trụ chùa Dục Vương.

Sư thường dạy chúng:

- Một pháp nếu có, lớp lớp vách sắt núi bạc. Muôn pháp nếu không, chốn chốn chìm không kẹt lạng. Con mắt mình nếu chánh, thấy gai nhọn cũng đẹp. Một pháp chẳng rơi vào duyên trần, muôn pháp vốn không chướng ngại. Núi là núi, nước là nước, tục là tục, tăng là tăng, chẳng khác chẳng đồng. Dù cho thế ấy, vẫn là đóng cửa ráp xe, chưa phải mở cửa lắp trục. Lại phải biết trên danh để một cái, làm sao rõ?

**Xưa nay tròn trịa không vá thiếu,
Sức mạnh Na-la mở chẳng ra.**

Nếu thấy có pháp thật thì lớp lớp vách sắt núi bạc, chỉ chạm đến chứ không vin được. Nếu thấy tất cả các pháp đều không thì chìm nơi không, kẹt nơi lặng.

Người tu khi đã nhận được cái chân thật rồi thì trước những chướng ngại vẫn thênh thang. *Núi là núi nước là nước, tục là tục, tăng là tăng, chẳng khác chẳng đồng.* Tới chỗ đó rồi thì không còn phân biệt nữa.

Ở đây ngài nói, không còn phân biệt thì *vẫn là đóng cửa ráp xe*, tức còn ở chỗ giấu giếm, *chưa phải mở cửa lắp trục*. Ngày xưa người ta đem bánh xe vô nhà đóng cửa lại rồi ráp xe, để người khác không bắt chước được kiểu đóng bánh xe khéo, chừng nào đem ra lắp trục thì mới mở cửa.

Xưa nay tròn trịa không vá thiếu, sức mạnh Na-la mở chẳng ra. Cái đó tròn trịa từ thuở nào, không phải do chấp vá mà thành, dù cho sức mạnh thần Na-la cũng mở chẳng ra.

Sư dạy:

- Khi đi bật dấu đi, khi nói không vết nói, đi nói nếu đến thì ụ đất hứng mũi tên, đi nói chưa rõ thì tên thần cũng gãy. Dù cho nói không rỉ chảy, đi chẳng quên đường vẫn còn kẹt vỏ lủng. Nếu là chim đại bàng cánh vàng bay nhanh trăm ngàn do-tuần, ngựa thần mười bóng chạy tốt bốn phương tám hướng, chẳng mắc chỗ ăn uống, chẳng tùy chỗ

chôn thân, thấy không có chỗ nương tựa, lại có phần giẫm đạp hay không? Cối cối bụi bụi là yếu tân.

Khi đi bắt đầu đi, khi nói không vết nói, đi nói nếu đến thì ụ đất hứng mũi tên, đi nói chưa rõ thì tên thân cũng gãy. Nếu đi và nói đều đến thì ụ đất biến thành tên hại người. Nếu đi nói chưa rõ thì tên thân cũng gãy. Hai cái đều bệnh. Như chim đại bàng bay vút trên cao không gặp chướng ngại, người tu được như vậy thì thoát hết đối đãi, muôn pháp đều không ngăn ngại.

Sư dạy chúng nêu:

- Nam Tuyên nói, lão tăng mười tám tuổi đã biết tạo kế sống. Triệu Châu nói, tôi mười tám tuổi liền biết phá tan nhà cửa. Hiểu chăng? Người tạo kế sống mới biết phá tan nhà cửa, người phá tan nhà cửa mới biết tạo kế sống. Giả sử vàng ròng làm thành, bạc trắng làm vách, thiền duyệt làm thức ăn, nghĩa giải làm nước tương, kẻ thiền tăng bản sắc chẳng ứng ngó lại. Sao vậy? Há chẳng thấy nói, kẻ mắt sáng vào hang ổ, dù cho muôn dặm trống không, chính nên một chùy đập nát hết. Hãy nói, một câu chẳng rơi vào tiến tu làm sao nói?

Sư im lặng giây lâu nói:

Xóc hột nếu hay vẽ mặt xưa,

Khiến cho xúc xác đỏ đầy tô.

Sư gõ phát tử một cái.

Thiền sư Nam Tuyên mười tám tuổi đã biết tạo kế sống, còn thiền sư Triệu Châu thì mười tám tuổi biết

phá tan nhà cửa. Huynh đệ bây giờ biết cái gì? Không biết tạo kế sống, cũng không biết phá tan nhà cửa.

Hai thầy trò nói dường như khác, nhưng không khác. Kế sống và phá tan nhà cửa nghe như ngược nhau, nhưng nó vốn không hai. Muốn thấy chân thật thì phải quên hư giả, quên hư giả mới thấy được chân thật. Tuy nhiên, khi thấy được chân thật rồi, không nói quên hư giả mà cũng tự quên. Khi đã quên hư giả, dù không nói thấy chân thật cũng tự thấy.

Thiền tăng bản sắc là chỉ cho người tu thiền đã đạt đạo, thì vàng ròng bạc trắng, thiền duyệt nghĩa giải... những cái đó đều không màng tới.

Người mắt sáng rồi thì không rơi vào hang ổ, nếu vào hang ổ tức chưa phải mắt sáng. Dù cho tới *chỗ muôn dặm là không*, cũng phải *đập nát* chỗ đó đừng để mắc kẹt.

Hãy nói một câu chẳng rơi vào tiến tu làm sao nói? Chỗ chân thật không phải là chỗ dụng công.

Sư dạy chúng:

- Khi chưa thế ấy, một câu siêu Thích-ca vượt Di-lặc, đến lúc rõ phá chẳng được nửa phần. Sao vậy? Chỉ vì chấp thói quen. Nếu gọt vuông được tròn như đầu cọp mọc sừng, lưng rồng sanh cánh là điềm lành điều tốt. Nếu bình thản trầm lặng, buồn ngủ thì nhắm mắt, cơm đến thì há miệng. Hãy nói, gọt vuông được tròn phải hay bình thản trầm lặng phải? Lại biện được chẳng? Dù cho biện được cũng là gò chén bể.

Gọt vuông được tròn tức là tu mà còn phải dụng nhiều công phu. Giống như bài kệ của ngài Thần Tú: *Thân thị Bồ-đề thọ, tâm như minh cảnh đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai*. Phải luôn luôn lau chùi, chớ để bụi trần bám.

Vậy *gọt vuông được tròn* là phải, hay *bình thần trầm lặng phải*? Đối lại bài kệ của ngài Thần Tú, Lục tổ Huệ Năng có bài kệ: *Bồ-đề bản vô thọ, minh cảnh diệt phi đài, bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*? Bồ-đề vốn không cây, gương sáng cũng không đài, xưa nay không một vật, bụi trần bám vào đâu? Như vậy giữa hai bài kệ, bài nào rốt ráo hơn?

Nhiều người tu cứ nghĩ phải dụng công thật nhiều, để chuyển đổi tập khí của mình; cũng có người cho rằng tu nhận được cái chân thật, không theo những thứ giả dối. Một bên từ vuông đục đẽo mài giữa thành tròn, một bên đói đến thì ăn, mệt thì ngủ, tuy thấy tầm thường, nhưng người đạt đạo mới thấy đây là chỗ chân thật.

Có một Phật tử ở Bến Tre đến hỏi tôi: Thưa Thầy, con rất thích tu, đã tập ăn chay, tụng kinh niệm Phật, đọc kinh sách cũng hiểu chút ít. Nhưng không biết sao, khi nghe người ta nói trái tai là giận, thấy cái gì đẹp liền tham. Vậy con phải tu thế nào để hết giận hết tham?

Tôi nói: Muốn bớt tham, bớt nóng giận thì trước hết đừng si mê chấp thân này là thật. Ví dụ người ta mắng mình là con chó, lần thứ nhất nhịn, lần thứ hai ráng nhịn, lần thứ ba thì nhịn hết nổi, thoi lại. Tại sao không nhịn nổi? Bởi thấy thân này thật, nên nghe

người ta nói mình là chó liên xấu hổ. Nếu biết không thật thì dù có nói là chó trăm ngàn lần cũng vậy thôi, chỉ khô cổ họ chứ đâu liên quan gì đến mình. Biết thân không thật nên không tìm thứ này thứ kia để thỏa mãn, lòng tham hết thì sân theo đó cũng khô, đâu cần phải ráng nhẫn nhịn.

Thông thường những người nóng nảy, muốn bớt giận thì phải đè cơn giận xuống. Do đè nên nhịn được một hai lần, đến lúc nhịn hết nổi thì nóng giận nổ tung, gấp mấy lần bình thường. Nhẫn như lấy đá đè cỏ thì nhẫn không thể tới nơi tới chốn được.

Một lần đức Phật đi giáo hóa trong vùng Bà-la-môn, có vị Bà-la-môn ra đón đường mắng chửi Phật, Phật vẫn lặng thinh bước đi chẳng đáp. Bà-la-môn tức giận, chặn lại hỏi:

- Cù-đàm có điếc không?
- Ta không điếc.
- Ngài không điếc sao không nghe tôi chửi?
- Đây Bà-la-môn, nếu nhà ông có đám tiệc mời thân nhân tới dự, mãi tiệc họ ra về ông lấy quà tặng, nếu họ không nhận thì quà ấy về ai?
- Quà ấy về tôi chứ ai.
- Cũng vậy, ông chửi ta, ta không nhận thì lời nói ấy trở về ông.

Như thế chỉ cần không nhận là được, không nhận thì đâu có gì phải nhẫn. Sở dĩ phải nhẫn phải đè là vì mình nhận. Chúng ta biết rõ thân không thật,

cảnh không thật thì tất cả chỉ là tiếng rỗng sắc huyễn mà thôi. Nhiều người nói tôi nhận, ai nói gì tôi cũng bịt tai không nghe để khỏi giận. Vậy lúc quên bịt tai có nghe không? Nghe rồi sân, phải tìm nước lạnh uống cho nguội lại, lát sau cũng sân tiếp.

Các pháp không thật, sắc tướng và ngôn ngữ đều không thật. Hiểu được điều này thì sự tu hết sức đơn giản, không cần dụng công nhiều. Nếu không biết thì phải dụng công trầy trật lắm. Vì không buông bỏ được nên mặt mày dăm dăm, đi đâu cũng ngó xuống. Đó là còn kìm công phu, chưa tự tại.

Sư dạy chúng:

- Trộn đại địa là con mắt Sa-môn, trộn đại địa là ánh sáng chính mình, vì sao ở Đông Phất-vu-đãi đánh trống ở Tây Cù-da-ni chẳng nghe, ở Nam Thiệm-bộ châu đốt đèn ở Bắc Uất-đơn-việt tối mò? Dù cho nằm trong đây nói được thập toàn, vẫn là kế sống quang ảnh.

Sư cầm phát tử đánh một cái nói:

- Đập nát hết, thế nào là con đường xuất thân? Nếu thật chẳng thấy, theo đường lượm tơ liễu.

Trộn đại địa là con mắt Sa-môn, tại sao ở Đông Phất-vu-đãi đánh trống mà ở Tây Cù-da-ni chẳng nghe? Trộn đại địa là ánh sáng chính mình, tại sao Nam Thiệm-bộ châu đốt đèn mà ở Bắc Uất-đơn-việt tối mò? Trong chỗ *đập nát hết*, phải thấy được *con đường xuất thân*. Nếu không thấy được con đường xuất thân thì *theo đường lượm tơ liễu*.

Sư dạy chúng:

- Một chùy liền thành, chẳng phải kẻ tánh tháo. Một nháy ngàn dặm, chẳng phải con ngựa hãn huyết. Mũi nhọn chẳng bày, chùy sắt không cán, tám mặt linh lung, nhiều rộng ít thật. Dù được khuỷu tay treo dạ minh phù, đánh môn đủ con mắt kim cang, tốt đầu thấu đuôi sanh sát lẫn hành, mặc kia ma Phật hiện trước, liền nên đao bén chặt hết. Hãy nói, căn cứ cái gì được như thế? Cần biết chăng? Ngọc bá nhẹ đưa núi biển tối.

Một lần ngộ chưa phải tới nơi, tuy có ánh sáng nhưng chưa phải thật. Cần đủ phương tiện, đủ khéo léo mới không còn kẹt nữa. Lúc ấy dù ma hay Phật hiện cũng đều không làm, mới là người thấu suốt.

Trong công phu tu tập, chúng ta thường không làm ma nhưng rất dễ làm Phật. Ví dụ có người đang tu học an ổn, chợt nghĩ: “Tu học như vậy tầm thường quá, phải làm gì đó mới có được kỳ đặc”, nghĩ rồi muốn nhập thất để tu thành Phật. Hoặc có vị tự xưng phát tâm lên núi, nguyện tu chừng nào thành Phật mới thôi. Tôi biết hoàn cảnh lúc đó, cũng biết khả năng của vị ấy chưa được, nên khuyên: Thời này không tu như vậy được, đừng làm chuyện vô ích. Nhưng các vị ấy vẫn không nghe, nhất quyết vô núi nhập thất tu. Tôi khuyên bằng kinh nghiệm của mình, nhưng vì các vị không chịu nghe nên thất bại, chỉ chừng hai ba tháng thì bị chương kéo ra, rồi lang thang không tu được nữa.

Kẻ đi chơi uống rượu là tội lỗi phải khuyên ngăn, còn người phát tâm tu hành thành Phật là điều tốt, tại sao phải ngăn cản? Bởi chúng ta tu có ý niệm vươn lên là điều tốt, nhưng nếu không khéo sẽ bị nó gạt, đẩy mình cố gắng một chút rồi cũng trở lại chỗ tầm thường, có khi còn tệ hơn cũ. Do vậy người tu phải thấy rõ đâu là Phật, đâu là ma. Vạch sẵn con đường mình sẽ đi, từ đó chỉ đi một đường, không quẹo qua quẹo lại, không đi ngược đi xuôi. Phát tâm học đạo phải biết lượng sức mình, bằng không sẽ hết sức mà chết dọc đường. Sức chỉ có năm phần mà phát tâm đến chín phần, rất dễ bị té ngã.

Như ở Thiền viện, người biết xây nhà thì làm nhà, ai biết trồng lúa ra ruộng, biết nấu nướng thì vô bếp. Mỗi người được phân việc tùy theo khả năng của mình, chứ không phải người cất nhà giỏi hơn người làm ruộng. Làm việc đúng khả năng, đảm bảo sẽ có kết quả tốt đẹp. Còn không biết lượng sức mình, phát nguyện rất cao cả, nhưng thực hành lại chẳng tới đâu. Bệnh này nhiều vị đã mắc phải, bây giờ tôi nhắc lại cho huynh đệ nhớ mà dè dặt, đừng để tâm ma gạt gẫm mình.

Niên hiệu Thiệu Hưng năm Canh Ngọ (1150), đầu tháng mười Sư có chút bệnh. Thủ tọa Pháp Toàn xin di huấn, Sư bảo:

- Trọn tâm ý này, cùng đạo nương nhau.

Nói xong liền tịch. Sư thọ 66 tuổi, 48 tuổi hạ.



THIÊN SƯ PHÁP THỐI PHẬT TÁNH ở ĐẠI QUY - ĐÀM CHÂU

Sư họ Lý, người đất Thục, thuở nhỏ chuyên nghiệp Nho, văn chương nổi tiếng. Bổng Sư chán tục xuất gia thọ giới Cụ túc. Sư dạo khắp các tùng lâm thân cận các bậc kỳ túc. Nơi Ngũ gia tông phái, Sư khéo được gia phong. Riêng ở Viên Ngộ, Sư nhận được tủy. Khi Viên Ngộ ở Đạo Lâm, Tưởng Sơn, đều cử Sư làm Thủ tọa. Sau, Sư nhận khai pháp ở Đức Sơn.

Ngũ gia tông phái là năm tông phái chính của Thiên tông, gồm có: Tào Động, Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn. Ngài dạo khắp các tùng lâm, nhưng *riêng ở Viên Ngộ, Sư nhận được tủy*. Chữ tủy lấy từ câu của Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma nói với tổ Huệ Khả: Ông được phần tủy của ta.

Sư dạy chúng:

- Tổ sư nói: “Muốn được hiện tiền, chớ còn thuận nghịch.” Ông già Thích-ca là cái gì? Giày cỏ rách. Một Đại tạng giáo là giấy cũ lau ghẻ. Đạt-ma chín năm xoay mặt vào vách ngủ vùi chưa tỉnh. Cả thấy các ông, dưới da không máu, trong mắt không gân, lại nằm trong này tìm cái bát gì? Mời mỗi người trở về phòng đi.

Muốn được hiện tiền, chớ còn thuận nghịch, nguyên văn chữ Hán là Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch. Nghĩa là muốn cái chân thật hiện tiền thì trong tâm đừng có thuận nghịch.

Ông già Thích-ca là cái gì? Giày cỏ rách. Một đại tạng giáo là giấy cũ lau ghẻ. Đạt-ma chín năm xây mặt vào vách ngủ vùi chưa tỉnh. Ngài nói, đức Phật Thích-ca là giày cỏ rách, kinh điển Phật nói là giấy cũ lau ghẻ, tổ Đạt-ma xoay mặt vào vách chín năm là ngủ vùi chưa tỉnh. Ngài coi thường Phật pháp tăng quá, phải không? Nói thế là có mang tội phỉ báng Tam bảo không? Không phỉ báng cũng không coi thường Tam bảo, mà các ngài cốt dùng phương tiện để chúng ta trở về với Phật pháp tăng nơi mình, chứ đừng mắc kẹt bên ngoài.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là tịnh. Đức Phật đã nhập Niết-bàn hơn hai ngàn năm, bây giờ chúng ta quy y Phật tức là trở về nương tựa với tánh giác của mình. Bao nhiêu kinh điển Phật nói chỉ là giấy mực, nhưng đều chỉ cho chúng ta khai mở chánh nhãn không còn thấy sai lầm,

nên trở về chánh tức là trở về pháp. Tăng là các bậc thầy hướng dẫn chúng ta tu tập, đi theo con đường đúng đắn. Tuy nhiên, chúng ta không nên chỉ trông cậy vào chư tăng, mà phải trở về bản thể thanh tịnh của mình.

Như vậy Tam bảo tức là Giác - Chánh - Tịnh nơi tâm mình. Tam bảo ấy bất sanh bất diệt, luôn hằng hữu cho chúng ta nương tựa. Nếu còn trông cậy vào Phật pháp tăng bên ngoài thì không phải là chỗ nương tựa chân thật. Muốn đạt đạo, sống được với cái chân thật, phải trở về chính mình mà thôi.

Cả thầy các ông, trong da có chỗ nào không máu, trong mắt có chỗ nào không gân? Máu sẵn nơi da, gân sẵn nơi mắt, cứ ngay đó mà thấy, chẳng nên tìm kiếm bên ngoài. Mỗi người trở về phòng đi. Trở về phòng tức trở về cố hương.

Tóm lại, ngài khuyên chúng ta phải hướng về mình, chớ quên mình mà chạy theo bên ngoài. Người chạy ra bên ngoài, dù có lòng cung kính Tam bảo cũng không được giác ngộ.

Sư dạy:

- “Dừng dừng chẳng cần nói, pháp ta diệu khó nghĩ.” Ông già Thích-ca vô cớ nằm trên đất sạch mà ỉa, các người tăng thượng mạn nghe ắt chẳng kính tin. Kia kia kẻ trượng phu, các người nằm chỗ nào thấy ông già Thích-ca? Nếu là thấy, được vào cửa Đức Sơn, chưa vào thất Đức Sơn. Hãy nói, thất Đức Sơn làm sao vào?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Ba mươi năm sau.

Dừng dừng chẳng cần nói, pháp ta diệu khó nghĩ.
Ngài dẫn lại lời Phật nói trong kinh Pháp Hoa, rồi bình:

Ông già Thích-ca vô có nhằm trên đất sạch mà ỉa, các người tăng thượng mạn nghe ắt chẳng kính tin. Kia kia kẻ trượng phu, các người nhằm chỗ nào thấy ông già Thích-ca? Đức Phật muốn chỉ pháp chân thật, nhưng cái đó không thể dùng tâm nghĩ lường. Cho nên, Phật nói như vậy là đã làm như đất sạch rồi, bởi vì pháp ấy không phải chỉ riêng Phật mới có. Vậy chúng ta phải làm sao để thấy được chỗ Phật nói pháp ta diệu khó nghĩ đó? Nếu thấy thì vào được cửa Đức Sơn, nhưng chưa vào được thất Đức Sơn.

Sư dạy:

- Có khi mở miệng quấy, có khi mở miệng phải, lời thô và ngữ tế đều về đệ nhất nghĩa. Ông già Thích-ca tiếng bát khua, Đạt-ma Tây sang mùi phân thối, chỉ có con trâu trước núi thân phóng hào quang soi trời đất.

Phật nói lời thô và ngữ tế đều quy về đệ nhất nghĩa. Ngài nói, tiếng Phật chỉ như tiếng bát khua, tổ Đạt-ma sang Trung thổ như mùi phân hôi thối, không có ý nghĩa gì hết. *Chỉ có con trâu trước núi thân phóng hào quang soi trời đất.* Con trâu đó mỗi người đang chăn, làm cho nó phóng hào quang khắp trời đất mới là thật. Nếu còn chạy theo lời Phật ý Tổ mà quên mình thì cũng chưa phải thật.

Sư dạy:

- Pháp chẳng vậy mà vậy, tối đi sáng lại. Đạo chẳng thế mà thế, sấm chạy mưa bay. Liền được ngàn sông đua chảy, muôn suối giành trôi, đầu núi sóng bủa ngập trời, đất bằng người cá cùng ở, chớ hỏi mầm đạo tăng trưởng, như nay trên đầu mênh mông. Tuy nhiên nước đến thành đầm, đâu ngờ qua vẫn chẳng kịp. May thay! Mây tan mưa tạnh sóng lặng mọi yên, mặt trời sáng lên không, vạn tượng đồng vui. Hãy nói, công lớn chẳng chủ một câu làm sao nói?

**Lão quê chẳng biết sức Nghiêu Thuấn,
Đùng đùng đánh trống tế thần sông.**

Pháp ấy không phải là pháp vô thường sanh diệt mà thế gian vẫn thấy. Trong cái không vô thường vẫn hiện tướng vô thường. Thế của đạo không sanh không diệt mà hiện giả tướng sanh diệt.

Sóng bủa trên đầu núi, cá ở chung với người trên đất bằng. Trên cái giả tướng vô thường có cái chân thường ở trong, nên phải khéo nhận. Công lớn này không có gì làm chủ để đưa tới mây tan mưa tạnh, sóng lặng mọi yên. Chỉ có thời tiết nhân duyên, chứ không gì có thể làm sóng nổi dậy hay làm sóng lặng đi.

Các thiền sư trong giai đoạn này nghiêng về thoại đầu, nên luôn nói những lời không để cho suy gẫm, mà phải chết trong câu đó để ngộ đạo. Chỉ có một vài đoạn chúng ta có thể tạm giải thích chút ít vậy thôi.

Sư dạy:

- Kiếm báu cầm lại liền dùng, há có nghi ngờ. Lòng mày dựng đứng liền đi, lại không xoay lại. Tất cả chỗ vượt nay suốt xưa, tất cả chỗ cắt đứt lòng lưới, chẳng phạm mũi nhọn cũng chẳng đoái xem. Riêng vượt vật ngoại hãy gác lại, khi muôn cơ tan hết thì thế nào? Mùa thu tháng tám chỗ nào nóng?

**Sư dạy:**

- Nghe tiếng ngộ đạo chưa khỏi dính nước trong lỗ tai, thấy sắc sáng tâm cũng là ném cát trong con mắt. Dù được mảy may không chướng ngại, có không đồng là không, dưới bật chính mình, trên không vin ngưỡng, riêng xa với bật tình trần, cao vọi vọi lìa phân biệt, vẫn là việc bên kia. Hãy nói, việc bên này lại làm sao?

Thôi luyện đầm lạnh cây không bóng,

Hãy xem tháng sáu hoa tuyết bay.

Nghe tiếng ngộ đạo chưa khỏi dính nước trong lỗ tai. Kinh Lăng-nghiêm nói nếu ngộ tánh giác nơi căn, chỉ mới nhận ra nhân không sanh diệt chứ chưa phải quả viên mãn, vì vậy nói lỗ tai toàn dính nước. Thấy sắc sáng tâm cũng là ném cát trong con mắt. Thấy sắc ngộ được tâm cũng là còn ở một căn, nên nói ném cát trong con mắt.

Dù không còn ngã không còn pháp, ngã pháp đã bật nhưng *vẫn là việc bên kia*. Trong mười mục chần trâu, tới mục thứ tám trâu và chần không còn, tức ngã pháp không còn, nhưng vẫn chưa phải cứu cánh, cần nhảy qua bậc đó nữa. *Hãy nói việc bên này lại làm sao?*

*Thôi luyến đầm lạnh cây không bóng,
Hãy xem tháng sáu hoa tuyết bay.*

Cây đứng bên mé đầm mé hồ thì thấy bóng rọi dưới hồ, nhưng bây giờ cây không còn luyến đầm lạnh nữa, nên dù đứng gần mặt đầm cũng không rọi bóng dưới đầm. Cây không bóng cũng như mùa nắng có tuyết bay. Tháng sáu là mùa hè, mà có hoa tuyết bay. Đây là chỗ không còn hai bên.

Sư dạy:

- Động thì bóng hiện, giác thì băng sanh, chẳng động chẳng giác đất cây không khác. Thiền tăng đến đây phải có một con đường chuyển thân mới được. Nếu chuyển được chia ba thành sáu, xướng chín thành mười, nhét Tu-di trong hạt cải, ném đại thiên ở phương ngoại. Nếu chuyển chẳng được, giữ hang quỷ ở núi người, chẳng khỏi là tinh linh.

Động thì bóng hiện, giác thì băng sanh. Tâm vừa dấy lên liền có bóng, nghĩ về người nghĩ về cảnh thì có bóng cảnh bóng người theo đó. Bởi giác nên tâm lặng, tâm lặng thì băng sanh. *Chẳng động chẳng giác thì đất và cây không khác.* Tới đó tuy không còn hai, nhưng chưa phải chỗ cứu cánh.

Thiền tăng đến trong đây phải có một con đường chuyển thân mới được, như chần trâu đến mục thứ tám cũng phải nhảy qua mới được.

Nếu không chuyển được thì rơi vào biển độc.

Sư dạy:

- Đạt được nhân không pháp không, chưa gọi gia phong Tổ Phật. Thấu được toàn dụng toàn chiếu, cũng chưa phải yếu diệu thiền tăng. Cần phải đập phá lao quan, biết được một lỗ hướng thượng. Thế nào là một lỗ hướng thượng? Xuân hàn se lạnh cóng chết thiếu niên.



Sư thượng đường:

- Niết-bàn không đường khác, phương tiện cửa có nhiều.

Nguyên văn chữ Hán trong Kinh Lăng-nghiêm là *Niết-bàn vô dị lộ, phương tiện hữu đa môn.*

Sư cầm gậy lên nói:

- Xem! Xem! Cây gậy của sơn tăng, một ngậm hộp cạn nước Tây Giang. Cá lý ngư ở biển đông nhảy phóc trời Tam thập tam. Đế-thích nổi giận nắm núi Tu-di dấm một dấm tan nát. Địa thần Kiên Lao chấp tay tán thán rằng: Xem kỹ pháp Pháp vương, pháp Pháp vương như thế.

Sư cầm cây gậy gõ giường thiền, xuống tòa.

Sư dạy:

- Vào cửa Đức Sơn liền đánh, đất bằng sanh gò. Vào cửa Lâm Tế liền hét, không gió nổi sóng. Câu Chi chỉ dựng một ngón tay, chưa khỏi mập mờ. Tuyết Phong lặn ra ba chiếc cầu, trẻ con đùa thích. Đến đây thấy dùng chẳng được. Đâu bằng tháng sáu tam phục cam lồ khắp ướm, nước đủ đồng cao lúa xanh nam khoảnh, nông phu vỗ bụng tiêu già ca vang, gia phong cổ Phật nghiêm nhiên như còn. Nơi đây hội được cùng vui thăng bình, nếu như chưa được, chỉ biết việc đi qua trước mắt, chẳng ngờ trên đầu già đến rồi.

Ngài nói tất cả phương tiện của chư tổ chưa phải cứu cánh. Chỗ cứu cánh là đã an ổn vui tươi, không còn gì phải lo sợ nghi ngờ, như là ruộng trúng mùa, nông phu no bụng cười. Vậy mới đúng là gia phong cổ Phật. Nếu chưa được thì *chỉ biết việc đi qua trước mắt, chẳng ngờ trên đầu già đến rồi*, tức là phải chịu luật vô thường.



THIÊN SƯ AN DÂN MẬT ẤN ở HOA TẠNG - phủ KIẾN KHANG

Sư họ Chu, quê ở phủ Gia Định. Buổi đầu Sư giảng kinh Lăng-nghiêm ở Thành Đô, là bậc được trọng vọng trong hàng nghĩa học. Khi ấy Viên Ngộ ở Chiêu Giác, Sư cùng thiên sư Thắng kết bạn cùng đi đến.

Sư nghe Viên Ngộ tiểu tham nêu công án:

- Quốc sư ba phen gọi thị giả, Triệu Châu niệm rằng: “Như người viết chữ trong tối, chữ tuy chẳng thành, văn thể đã bày.” Trong kia chỗ nào là văn thể đã bày?

Sư tâm nghi, thấp hương vào thất. Viên Ngộ hỏi:

- Tọa chủ giảng kinh gì?

Sư thưa:

- Kinh Lăng-nghiêm.

Viên Ngộ hỏi:

- Kinh Lăng-nghiêm có bảy chỗ hỏi tâm, biện cái thấy có tám chỗ trả về, cứu cánh tâm ở chỗ nào?

Sư trình nhiều kiến giải, Viên Ngộ đều chẳng nhận. Sư lại thưa thỉnh, Viên Ngộ dạy:

- Tất cả chỗ dùng văn thể đã bày hội.

Bổng gặp vị tăng thưa hỏi về Thập huyền đàm, mới nhắc hỏi “tâm ấn anh nhan mạo gì”, Viên Ngộ gần giọng nói:

- Văn thể đã bày.

Sư nghe liền có tỉnh, bèn cầu ấn chứng. Viên Ngộ bảo:

- Dùng bản sắc kiên chùy.

Sư lại mờ mịt.

Một hôm, Sư bạch Viên Ngộ:

- Hòa thượng thôi nhắc thoại, đợi con nói xem.

Viên Ngộ chịu. Sư thưa:

- Bình thường cầm chùy dựng phất, há chẳng phải trong kinh nói, tất cả thế giới đã có các tướng đều là Bồ-đề diệu minh chân tâm?

Viên Ngộ cười bảo:

- Ông xưa nay ở trong đây làm kế sống.

Sư lại thưa:

- Khi hét hay gõ giường thiền, há chẳng phải phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo?

Viên Ngộ bảo:

- Ông đâu chẳng thấy trong kinh nói, diệu tánh viên minh là các danh tướng?

Sư ngay câu này liền thấu hiểu.

Ngài Mật Ẩn nói gõ giường thiền hay tiếng hét là phản văn tự tánh. Chúng ta học kinh Lăng-nghiêm cũng thấy như vậy. Nhưng thiền sư Viên Ngộ nói: *Ông đâu chẳng thấy trong kinh nói, diệu tánh viên minh là các danh tướng?* Ông còn nói phản văn tự tánh, nói cái này cái kia đều là mắc kẹt trên danh tướng.

Viên Ngộ ra đất Thục trụ Giáp Sơn, Sư liền thôi giảng đi theo hầu. Viên Ngộ vì chúng dạ tham, nêu nhân duyên “buồm xưa chưa treo”. Sư nghe chưa lãnh ngộ bèn câu quyết nghi. Viên Ngộ bảo:

- Ông hỏi ta.

Sư cử thoại trước. Viên Ngộ bảo:

- Cây bá trước sân.

Sư liền thấu suốt, thưa với Viên Ngộ:

- Cổ nhân nói một giọt nước gieo vào hồ to, đâu chẳng biết biển cả gieo vào giọt nước.

Viên Ngộ cười bảo: - Làm gì được kẻ này.

Người xưa nói một giọt nước rớt xuống hồ thì hòa với nước trong hồ. Nhưng ngài nói ngược lại, *biển cả gieo vào giọt nước.*

Viên Ngộ bảo: Nếu ông thấy được như vậy thì không ai làm gì được ông.

Chưa bao lâu, Viên Ngộ cử làm Đệ nhất tọa.
Viên Ngộ nói bài kệ:

*Hưu khoa Tứ Phần bãi Lăng-nghiêm,
Án hạ vân đầu triệt để tham.
Mạc học Lượng Công thân Mã Tổ,
Hoàn như Đức Kiểu phỏng Long Đàm.
Thất niên vãng phản du Chiêu Giác,
Tam tải cao tường thượng Bích Nham.
Kim nhật phiên sung đệ nhất tọa,
Bách hoa tùng lý hiện ưu-đàm.*

Dịch:

**Thôi khoe Tứ Phần, nghỉ Lăng-nghiêm,
Buông xuống mây mù triệt để tham.
Chớ học Lượng Công gần Mã Tổ,
Lại như Đức Sơn hỏi Long Đàm.
Bảy năm qua lại đạo Chiêu Giác,
Quanh quần ba năm chốn Bích Nham.
Kim nhật phiên mời đệ nhất tọa,
Trong rừng trăm hoa hiện ưu-đàm.**

Thôi khoe Tứ Phần, nghỉ Lăng-nghiêm, thôi không giảng Tứ phần, cũng bãi giảng Lăng-nghiêm. Buông xuống mây mù triệt để tham, tới đây triệt để tham thiền.

Chớ học Lượng Công gần Mã Tổ, lại như Đức Kiểu hỏi Long Đàm. Lượng Công là một vị giảng sư, sau theo Mã Tổ tu. Đức Kiểu tức ngài Đức Sơn, học pháp với Long Đàm.

Bảy năm qua lại đạo Chiêu Giác, bảy năm tới lui chùa Chiêu Giác. Quanh quần ba năm chốn Bích Nham, ba năm quần quanh ở Bích Nham, chỗ của ngài Viên Ngộ.

Kim nhật phiên mời đệ nhất tọa, ngày nay phiên mời làm đệ nhất tọa. Trong rừng trăm hoa hiện ưu-đàm, đóa ưu-đàm giữa rừng trăm hoa đua nở. Đây là lời khen của ngài Viên Ngộ.

Sau Sư đến yết kiến Phật Giám ở Tượng Sơn. Phật Giám hỏi:

- Phật Quả có câu chẳng vì người loạn nói, từng vì ông nói chẳng?

Sư thưa: - Ngậm lấy miệng chó.

Phật Giám gần giọng nói:

- Chẳng phải đạo lý này.

Sư thưa:

- Không người cướp túi muối trà của Thầy, kêu to làm gì?

Phật Giám bảo:

- Nếu Phật Quả chẳng nói, ta vì ông nói.

Sư thưa:

- Hòa thượng nghi thì thối viện riêng tham đi.

Phật Giám cười hả hả!

Phật Quả tức ngài Khắc Cần, có câu *Chẳng vì người loạn nói*, vậy có từng vì ông nói chưa? Người chưa

xong thì liền trả lời rồi hoặc chưa. Nhưng ngài thì đáp: *Ngậm lấy miệng chó*, tức còn nói qua nói lại là chưa đúng.

Nếu Phật Quả chẳng nói, ta vì ông nói. Nếu là chúng ta, nghe câu này liền mừng rỡ. Bởi mình còn bán tín bán nghi, nên lúc nào cũng muốn thỉnh thầy nói giùm.

Hòa thượng nghi thì thôi viện riêng tham đi. Phật Giám biết là thứ thiệt rồi, cho nên cười hả hả. Người học đạo quan trọng là phải tới chỗ không còn nghi, nếu còn một mảy nghi là chưa xong. Đã là thứ thiệt thì không cần gì nữa, cũng như người ăn cơm đã no, dù ai có mời thứ gì cũng không thèm để mất.

Sư khai pháp ở Bảo Ninh, kế dời sang Hoa Tạng, rồi về quê nhận lãnh Trung Phong.

Sư thượng đường:

*Chúng mai hoa hê độc mai tùng,
Thanh thanh nhan sắc bất như hồng,
Toán lai chung bất dĩ thời hợp,
Quy khứ lai hê thúy ái trung.*

Dịch:

**Chúng bán hoa chừ ta bán tùng,
Xanh xanh màu sắc chẳng bằng hồng,
Tính ra trọn chẳng cùng thời hợp,
Về lại đi chừ trong rừng xanh.**

Tức cười cổ nhân nói thế ấy, giống như trốn núi nhảy xuống hồ, tránh chìm gieo vào lửa. Chi bằng tùy phần đến bên cây cuốc thước tám năm phân, tìm một người nửa người. Tuy nhiên như thế, Bảo Ninh nửa người cũng chẳng cần. Có sao? Giàu hiềm ngàn miệng thiếu, nghèo hận một thân nhiều.

Ngài nhắc lại câu nói của người xưa rồi bình, *giống như trốn chỗ núi cao mà nhảy xuống hồ, tránh chết chìm mà gieo vào đồng lửa*. Nói gì đi nữa cũng không thực tế bằng *đến bên cây cuốc thước tám năm phân, tìm một người nửa người*. Thước tám năm phân của Trung Hoa khoảng sáu tấc của chúng ta. Cứ trên đầu cuốc mà biện, chẳng cần nói xanh nói tía gì hết. Đó mới là thực tế. Ngay trong đời thường, sống và thấy được đạo lý, chẳng cần lý luận.

Giàu hiềm ngàn miệng thiếu, nghèo hận một thân nhiều. Đây là câu châm ngôn. Các thiền sư thường nói cái này bắt quàng cái kia, cái kia bắt quàng cái nọ, có khi dẫn kinh, có khi dẫn chuyện thế gian, không cố định, chỉ cốt khai mở cho người.

Đồng chí, Sư thượng đường cử:

- Hòa thượng Hạo ở Ngọc Tuyền nói: Tuyệt tuyết mảnh mảnh chẳng rơi chỗ khác, đến tháng chạp lại theo, năm sau tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng tư, tháng năm, tháng sáu, tháng bảy, tháng tám, tháng chín, tháng mười, như trước chẳng thôi. Chết lạnh chết đói, khỏi bảo nói hồ nói loạn.

Tuyệt rơi lạnh chết công, khỏi nói lằng xằng lộn xộn.

Sư bảo:

- Chẳng phải mắng người cũng chẳng tán thán. Cao hơn Lâm Tế, Đức Sơn; chẳng giống Vân Cư, La Hán. Hãy nói, Ngọc Tuyền ý chỉ thế nào?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Chỉ cần tuyết tan đi, tự nhiên xuân lại đến.

Phải trải qua tuyết lạnh cóng mới tới được mùa xuân. Nếu ấm hoài, làm sao có mùa xuân. Cũng vậy, người tu phải chết đi tâm điên đảo loạn tưởng, mới có được mùa xuân an lạc tự tại. Đó là lời nhắc nhở của ngài.

Sau Sư thị tịch ở bản sơn, trà-tỳ lưỡii và tìm không cháy.



THIÊN SƯ TỔ GIÁC HOA NGHIÊM
Ở TRUNG NHAM - MY CHÂU
(1087 -1150)

Sư họ Dương quê ở Gia Châu, thuở nhỏ thông minh, sách sử qua mắt thành tụng. Viết sách bài bác Phật giáo, bỗng thấy ác cảnh hiện, Sư liền hối cải đi xuất gia.

Sư nương theo thiên sư Năng ở Huệ Mục, chưa bao lâu bị bệnh ung nhọt ở đầu gối, năm năm mà trị chẳng lành. Nhân Sư viết Hoa Nghiêm Hợp Luận xong, ban đêm mộng thấy điềm lạ, sáng ra bỏ gậy đi bộ.

Thiên sư Tổ Giác lúc nhỏ thông minh, thích Nho ghét Phật nên viết sách chống lại Phật giáo, do mộng thấy bị dẫn xuống địa ngục, hoảng sợ giật mình thức dậy. Từ đó ngài sám hối và xin xuất gia. Không lâu sau, lại bị bệnh ung nhọt ở đầu gối, trị mãi không lành. Tuy bệnh nặng như vậy, nhưng ngài vẫn kiên trì ngồi viết

xong bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận. Do công đức này chiêu cảm, ban đêm ngài mộng thấy điềm lạ, sáng ra hết bệnh bỏ gậy đi bình thường.

Một hôm, Sư tụng đến phẩm Hiện Tướng nói: “Thân Phật không có sanh, mà thị hiện có sanh. Pháp tánh như hư không, chư Phật ở trong đó. Không đứng cũng không đi, chốn chốn đều thấy Phật.” Sư liền ngộ tông chỉ kinh Hoa Nghiêm. Gặp khi Sư đăng tăng tịch, Phủ soái thỉnh giảng ở Thiên Bộ đường, Sư giảng lời lẽ khoáng đạt, cả chúng đều kính phục. Chợt thiền sư Nguyên Tĩnh ở Nam Đường đi qua cửa, bảo Sư rằng:

- Xem Thầy giảng nói vượt cả mọi người, rất tiếc chưa lìa tướng văn tự. Nếu đi hỏi đạo ở xứ ngoài, tức là Chu Kim Cang hiện nay.

Sư vui vẻ bãi giảng Nam du.

Sư nương Viên Ngộ ở Chung Phụ. Một hôm Sư vào thất, Viên Ngộ nêu công án:

- La Sơn nói: “Khi có nói, chặn đầu cọp nắm đuôi cọp, dưới câu thứ nhất rõ tông chỉ; khi không nói, thấy bày máy nhon như đồng điện chớp”, làm sao hội?

Sư không thể đáp, ngày đêm tham cứu bỗng nhiên có tỉnh. Sư làm kệ trình Viên Ngộ:

*Gia trụ cô phong凜凜,
Trường niên bán yếm môn,*

*Tự ta thân dĩ lão,
Hoạt kế phó nhi tôn.*

Dịch:

Nhà ở đánh cô phong,
Hàng năm đóng nửa cửa,
Tự than thân đã già,
Kế sống giao con cháu.

Viên Ngộ xem hứa khả. Hôm sau vào thất,
Viên Ngộ lại hỏi:

- Hôm qua công án thế nào?

Sư toan đáp, Viên Ngộ liền hét bảo:

- Phật pháp chẳng phải đạo lý này.

Sư lưu lại năm năm, lại càng mê muội.

Sau Sư đến chùa Thê Hiền ở Lô Sơn xem bộ luận Tước Cháp của thiền sư Viễn ở Phù Sơn đến câu “Nếu nói ngộ có thân sơ, đâu có trong rừng chiêm-đàn lại sanh cỏ thối”, Sư hoát nhiên khế ngộ, làm kệ gửi Viên Ngộ.

Ngộ thì suốt khắp đều là ngộ, chứ không có ngộ nửa chừng. Nếu cho rằng mình ngộ, mà biết cái này chưa biết cái kia, tức chưa phải thật ngộ.

Kệ rằng:

*Xuất lâm y cựu nhập bồng hao,
Thiên vông khôi khôi bất khả đào.*

*Thuyền tin nghiệp duyên vô tỵ xứ,
Quy lai bất phạ ngữ thanh cao.*

Dịch:

**Ra rừng như cũ vào bông hao,
Lưới trời lồng lộng trốn được nào.
Ai tin nghiệp duyên không thể trốn,
Trở về chẳng sợ lời nói cao.**

Viên Ngộ rất vui, đem đến bảo chúng:

- Giác Hoa Nghiêm đã triệt vậy.

Ý của bài kệ này nói, tất cả đều hiện tiền, không ai trốn tránh được nghiệp duyên của mình.

Sau, Sư trụ viện, có vị tăng hỏi:

- Tối sơ Phật Oai Âm Vương, rốt sau Phật Lâu-chí, chưa biết tham thấy người nào?

Sư đáp:

- Nhà ở thành Đại Lương lại hỏi đường Trường An.

Tăng hỏi: Kinh nói chư Phật xuất hiện ở thế gian, đầu tiên là Phật Oai Âm Vương, rốt sau là Phật Lâu-chí. Như vậy hai vị Phật này, tham vấn ai mà được thành Phật? Ngài trả lời: *Nhà ở thành Đại Lương, lại hỏi đường Trường An.* Giống như bây giờ, có người nhà bên đường Phan Thanh Giản, lại hỏi Sài Gòn ở đâu? Nghĩa là nhà ở ngay bên đường mà còn hỏi. Ý nói, hãy tham với ông Phật hiện tại sẵn có của chính mình đi.

Tăng hỏi:

- Như Đức Sơn gánh bộ Sớ Sao đi hành cước, ý ở chỗ nào?

Sư đáp: - Đè võ tròng mắt ông.

Tăng hỏi:

- Cùng Hòa thượng ngộ tông chỉ Hoa Nghiêm cách nhau bao nhiêu?

Sư đáp: - Đồng đường chẳng đồng dấu.

Tăng nói:

- Ngày xưa Đức Sơn, ngày nay Hòa thượng.

Sư đáp:

- Trời chiều về tây, nước chảy về đông.

Mặt trời buổi chiều lệch về hướng tây. Biển thì ở phía đông, cho nên các dòng sông đều chảy về đông, tức là đều đổ ra biển cả. Lý là như vậy.

Sư thượng đường nêu công án:

- Lúc Hòa thượng Thạch Sương thiên hóa, chúng thỉnh Thủ tọa nối tiếp trụ trì, thị giả Kiên hỏi công án.

Sư nói:

- Chỗ tông sư đi như lửa đốt băng, thấu qua cổng thị phi, toàn cơ quên, được tột đạo. Thủ tọa kẹt ở một sắc. Thị giả tri kiến vượt thầy, đáng gọi thể diệu mất tông, toàn mê hướng bối. Đâu chẳng biết,

Thủ tọa như cò trắng đứng trong tuyết, phẩm loại chẳng đồng. Thị giả dường chim phượng bay trong không, chẳng dính lưới vàng. Một người đứng trên chót vót núi cao, một người đi tận đáy biển sâu. Mỗi vị tự theo phương mà đến, đồng hội trong thành cửu trùng. Hiện nay cần biết hai người này chẳng?

Sư dựng đứng phát tử lên nói:

- Rong nằm đầm biếc gió âm âm.

Sư hạ phát tử xuống nói:

- Hạc về không rộng lưng mài trời.

Chỗ tông sư đi như lửa đốt băng, thấu qua cổng thị phi, toàn cơ quên, được tột đạo. Đó là lời khen Thạch Sư.

Thủ tọa kẹt ở một sắc... Tuy nói Thủ tọa còn ở một sắc, mà cần tịch thì liền ngồi tịch. Nghĩa là Thủ tọa vẫn còn ở trong chỗ kẹt, nhưng chỗ kẹt đó là của người đầy đủ công phu, chứ không phải tầm thường.

Rong nằm đầm biếc gió âm âm, ngài diễn tả Thủ tọa giống như rong nằm đầm biếc, còn thị giả Kiên thì thế nào? Ngài hạ cây phát tử xuống nói: Hạc về không rộng lưng mài trời, hạc bay cao vút trong hư không, tức là Thị giả có cái thấy siêu thoát.

Có vị tăng hỏi: - Thế nào một hét như Kim cang vương bảo kiếm?

Sư đáp: - Máu đầm Phạm thiên.

Tăng hỏi: - Thế nào một hét như sư tử ngồi xổm?

Sư đáp: - Chồn hoang hoảng hốt.

Tăng hỏi: - Thế nào một hét như sào dò bóng cỏ?

Sư đáp: - Nghiệm được xương của ông.

Tăng hỏi:

- Thế nào một hét chẳng có dụng một hét?

Sư đáp:

Phải nên biết rõ người cầm kim,

Chớ nói uyên ương lông cánh tốt.

Trong tông Lâm Tế có bốn thứ hét: Một là Kim cang vương bảo kiếm, hai là Sư tử ngai xồm, ba là Sào dò bóng cỏ, bốn là Tiếng hét không có dụng của tiếng hét, cho nên vị tăng nêu ra để hỏi.

Thế nào một hét như Kim cang vương bảo kiếm? Ngài đáp: *Máu đầm Phạm thiên.* Thứ nhất là tiếng hét như Kim cang vương bảo kiếm, đây là tiếng hét đầy đủ diệu dụng, một khi hét lên khiến người nghe tan thân mất mạng, nên nói máu đầm Phạm thiên.

Thế nào một hét như sư tử ngai xồm? Ngài đáp: *Chồn hoang hoảng hốt.* Thứ hai là tiếng hét như sư tử ngai xồm, tiếng hét này làm cho người nghe kinh hoàng, phải thức tỉnh ngay.

Thế nào một hét như sào dò bóng cỏ? Ngài đáp: *Nghiệm được xương của ông.* Thứ ba là tiếng hét như sào dò bóng cỏ, tiếng hét để dò dẫm. Như cạnh hồ nước trong có những bụi cỏ cao, nhìn xuống thấy bóng cỏ dưới hồ lấy sào dò thử, không chạm tới bụi cỏ thật. Cũng vậy,

khi có người đến hỏi đạo, vừa bước vào cửa chưa hỏi gì hết, các ngài liền hét lên một tiếng. Đây là tiếng hét để dọa dẫm, nghiệm xem người tới hỏi phản ứng thế nào, có khả năng gì không. Nghe hét mà ngẩn ngơ không biết gì hết, tức kẻ này chưa ngộ. Nếu nghe hét liền có phản ứng thì biết kẻ ấy về sau khả dĩ thấu tột. Nên nói, nghiệm được xương của ông.

Thế nào một hét chẳng có dụng một hét? Ngài đáp: *Phải nên biết rõ người cầm kim, chớ nói uyên ương lông cánh tốt.* Người ta thêu chim uyên ương trên vải, nhìn thấy lông cánh đều đẹp, nhưng phải biết cái khéo đó chính là của người thêu. Cũng vậy, tiếng hét vốn không có cái dụng của nó, chỉ là một tiếng hét bình thường, chẳng qua muốn mượn tiếng hét để khiến cho người hỏi rút lui. Như khi có người tới hỏi thiền, trả lời mà họ không thông, các ngài hét lên một tiếng, họ không biết gì hết liền bỏ đi.



THIÊN SƯ HUỆ VIỄN HẠT ĐƯỜNG ở LINH ẨN - phủ LÂM AN

(1103 - 1176)

Sư họ Bành, quê ở trấn Kim Lưu, My Sơn. Năm mười ba tuổi, Sư theo tăng Tông Biện viện Dược Sư xuất gia. Sau đó đến Thành Đô học kinh luận. Sư lại trở về Nga My tại chùa Vân Nham, là nơi thiên sư Trưng trụ trì. Thiên sư Trưng là cháu đời thứ tư của Thiên sư Huệ Nam Hoàng Long, tri kiến khá cao. Sư mới vào cửa gặp Trưng thọ trai xong đi dạo hành lang chùa. Vừa gặp, Sư liền để túi vải xuống hỏi:

- Văn-thù là thầy bảy đức Phật, chưa biết người nào là thầy Văn-thù?

Trưng đáp: - Cát vàng bờ khe vợ Mã Lang.

Khi ấy có Thiết Phát Khởi làm Thủ tọa, Sư cũng đến thân cận. Khởi thường nhắc nhở Sư, trải qua hai năm mà không sờ đắc. Một hôm Sư tĩnh tọa,

có một vị tăng đi một mình tự nói: “Mượn tứ đại để che đây, duyên sáu trần mà sanh tâm, chợt gặp sáu trần liền dứt, gọi cái gì là tâm?” Sư nghe bỗng đứng có tỉnh. Sư đứng dậy trình với Thủ tọa, Thủ tọa nhận đó, đến phương trượng trình với Trừng, Trừng cũng nhận đó. Ngày hôm sau liền từ giã đi, đồng học giữ lại. Sư không chịu, nói:

- Thấy tôi cho là được, mà tôi trọn chưa hài lòng.

Sở ngộ của ngài trình, tuy được thiền sư Trừng chấp nhận, nhưng riêng ngài thấy mình vẫn còn mờ昧, biết chưa tới chỗ cứu cánh nên không chịu ở lại mà từ giã đi nơi khác.

Bấy giờ Viên Ngộ từ Vân Cư trở về Thục trụ ở Chiêu Giác, Sư liền đến đó. Mỗi khi hỏi thoại ý chỉ rất cao vót, Viên Ngộ thâm nhận.

Một hôm Viên Ngộ phổ thuyết nhắc, Bàng cư sĩ hỏi Mã Tổ: “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?” Mã Tổ bảo: “Đợi ông hợp một ngum cạn nước Tây Giang liền nói với ông.” Sư nghe nói bỗng nhiên đại ngộ, ngã tại trong chúng, chúng cho là trúng gió cùng dìu dậy. Sư nói:

- Tôi mộng hay thức?

Đến tối Viên Ngộ tiểu tham, Sư ra thưa:

- Sạch trơn rỗng không một vật, thân trần nghèo tốt không một tiền, cửa nát nhà tan xin Thầy cứu giúp.

Viên Ngộ đáp:

- Bảy trăm tám bảo một lúc lấy hết.

Sư thừa:

- Tiếc rằng cướp chẳng vào được nhà có đề phòng.

Viên Ngộ nói:

- Cơ chẳng rời vị rơi trong biển độc.

Sư theo tiếng liền hét. Viên Ngộ lấy cây gậy gõ giường thiền nói:

- Ăn gậy được hay chưa?

Sư lại hét. Viên Ngộ hét liên tiếp hai tiếng, Sư lễ bái. Viên Ngộ rất vui làm kệ tặng Sư, có câu “Cự Thiết Thiết tháo chốt cửa”, chúng gọi Sư là Thiết Thiết Viễn. Từ đây cơ phong cao vút không ai chống lại.

Nghe ngài Viên Ngộ phổ thuyết nhắc chuyện Bàng cư sĩ đến hỏi đạo Mã Tổ, ngài liền ngộ. Ngộ mà ngã xỉu nên trong chúng tưởng ngài trúng gió, xúm lại dìu. Tỉnh dậy, ngài hỏi: *Tôi mộng hay thức?* Ngộ có nhiều cách, có người ngộ cách này có người ngộ cách kia, riêng ngài thì té xỉu.

Ngài trình bày chỗ ngộ của mình rất khéo: *Sạch trọi trơn rỗng không một vật, thân trần nghèo tột không một tiền, cửa nát nhà tan xin Thầy cứu giúp.* Câu này giống như câu nói của thiền sư Triệu Châu, năm mươi tám tuổi biết nhà tan cửa nát. Ngang đây các kiến chấp sạch hết, tất cả tâm niệm đều không còn.

Viên Ngộ nói: *Bảy trân tám bảo một lúc lấy hết.* Tuy bây giờ ông nghèo cùng, sạch hết trống trơn, nhưng của báu đầy đầy sẵn có, mặc tình mà lấy. Chỗ này ngài Hương Nghiêm Trí Nhàn cũng có bài kệ: “Năm xưa nghèo chưa thật nghèo, năm nay nghèo mới thật nghèo, năm xưa nghèo còn có đất cắm dùi, năm nay nghèo không có dùi để cắm.” Đến chỗ tột nghèo đó, nếu dừng lại thì vẫn chưa xong, cần phải nhận được của báu tự do sử dụng mới được.

Ngài thưa: *Tiếc rằng cướp chẳng vào được nhà có đề phòng.* Nhà có đề phòng thì làm sao cướp vào được. Viên Ngộ đáp: *Cơ chẳng rời vị rơi trong biển độc.* Vị tức là quả vị hay ngôi vị. Tới đó mà vẫn còn thấy có chỗ chứng đắc, tức còn rơi vào trong biển độc.

Sư theo tiếng liền hét. Viên Ngộ lấy gậy gõ giường thiền nói: *Ăn gậy được hay chưa?* Bây giờ đáng ăn gậy hay chưa? *Sư lại hét.* Viên Ngộ hét liên tiếp hai tiếng, *Sư lễ bái.* Hai tiếng hét của Viên Ngộ là tiếng hét Kim cương vương bảo kiếm, khiến ngài nghe qua tan thân mất mạng, nên liền lễ bái. Thấy ngài đối đáp nhạy bén, Viên Ngộ rất vui làm kệ tặng, trong đó có câu *Thiết Thiết tháo chốt cửa.* Từ đây cơ phong cao vót, không ai có thể đương nổi. Bởi ngài tên Viễn, nhân đó trong chúng kính trọng, gọi ngài là *Thiết Thiết Viễn.*

Qua đoạn này cho thấy, việc tu hành không phải đơn giản. Tuy trước đó ngài có tỉnh, được thầy bạn đồng ấn chứng, nhưng vẫn cảm thấy chưa tự tại, tức là biết mình chưa xong việc, nên ngài từ giã đi nơi khác. Khi tới chỗ Viên Ngộ nghe nhắc lại thoại cũ, lúc này ngài mới thật sự đại ngộ.

Mùa xuân năm Ất Mão niên hiệu Thiệu Hưng (1135), huyện thú My Sơn mời Sư trụ núi Tượng Nhĩ, Sư chẳng nhận. Năm ấy Viên Ngộ thị tịch, Sư than:

- Triết nhân đã mất nổi đó là ai?

Sư xuống thuyền đi. Ban đầu đến Hoài Nam, Sư trụ ở Long Bàn tám năm, kế đạo Lang Nha, lại sang Phổ Tế, Định Nghiệp. Từ khi Sư phát minh tâm yếu liền được du hý, như gió đại tự tại tam-muội.

Như gió đại tự tại tam-muội, nghĩa là không còn chướng ngại gì nữa.

Sư khai pháp đăng tòa nói:

*Thiên vô môn địa vô bách,
Hô lô bằng thượng chủng đông qua,
Lưỡng thủ phù lê thủy quá tất.
Khiêu kim quyển thôn lật cửc,
Chiên phách bản đối vô không dịch.
Khuất khuất.
Độc cước sơn tiêu giải song dịch,
Khứ niên đông lý vô thán thiêu.
Kim niên định thị vô hỏa chích.
Cơ thời cơ đáo nhãn tình huỳnh,
Cùng thời cùng đáo xích cốt lập.
Khuất khuất.*

Dịch:

Trời không cửa, đất không vách,
Ở trên giàn bầu trông bí đao,

Hai tay kéo cày nước quá gối.
 Thoát kim cang, nuốt cỏ gai,
 Nhịp phách nỉ đối sáo không lỗ.
 Thua thua.
 Yêu quái một chân biết nhảy đôi,
 Mùa đông năm rồi không than đốt,
 Năm nay định là không lửa hơ.
 Khi đói, đói đến tròng mắt vàng,
 Khi nghèo, nghèo đến thân trần trụi.
 Thua thua.

Hãy nói thua cái gì? Tại sao Giám tự, Phó tự, Duy-na, Diển tọa, Trực tuế... lại cùng thợ bùn nước thương lượng. Thả ra hai con chim si vẩn, nhai nát nóc điện Phật.

Si vẩn là loài chim thường được trang trí trên nóc chùa. Những câu nói này toàn là hoạt cú nên không giải thích.

Sư thượng đường nêu:

- Hòa thượng Chơn Tịnh dạy chúng: “Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể, đầu bàn chân cuối bàn chân ngang ba dọc bốn, Bắc Câu-lô Châu nổi lửa đốt lông mày Đế-thích, Đông Hải long vương không thể nhìn được, sấm vang một tiếng âm âm, liền được hồ nghiêng núi ngã, mây dày khắp hư không, nơi ngã tư đường họ Liêu họ Hồ trong lúc ngủ mê trời dậy, vỗ tay cười ha hả nói: Trong thành

Quân Dương gần đây ít cướp.” Hòa thượng cầm cây gậy nói: Cướp! Cướp!

Sư nhắc xong nói:

- Phải thì một phen khoe khoang chẳng ít, nào ngờ lỗ mũi trông mắt mỗi người đều có chủ. Cớ sao? Trong gò sấn bìm lấy trộm chưa phải kẻ cướp ban ngày, trước cửa quán rượu lượm của rơi chẳng phải chánh cướp.

Khi ấy ở đông lang đường có tiếng chó sủa, Sư liền gọi cư sĩ:

- Xem trước cửa có quan khách nào.

Đại chúng đều xoay đầu nhìn. Sư bảo:

- Cần thấy chánh cướp chẳng?

Sư bèn huýt sáo một tiếng, chao tay xuống tòa.

Ngài dẫn câu chuyện của Hòa thượng Chơn Tịnh dạy chúng, rồi bình: *Phải thì một phen khoe khoang chẳng ít, nào ngờ lỗ mũi trông mắt mỗi người còn có chủ. Cớ sao? Trong gò sấn bìm lấy trộm chưa phải kẻ cướp ban ngày. Gò sấn bìm là nơi rậm rạp, núp vào đó để lấy trộm thì chưa phải là kẻ cướp ban ngày. Trước cửa quán rượu lượm của rơi chẳng phải chánh cướp. Ở trước cửa quán rượu mà lượm của rơi thì không phải chánh cướp, tức là chưa gan dạ.*

Như vậy, chánh cướp là gì? Ngài đang giảng mà nghe tiếng chó sủa bên nhà đông, liền bảo cư sĩ xem có quan nhân nào lại không, tất cả đều xoay qua nhìn, đó là

chánh cước ra tay mà không ai thấy, cho nên ngài huyết sáo xuống tòa.

Khi ấy Đại Huệ ở Mai Châu, có người truyền kệ tụng và đề xướng của Sư đến, Đại Huệ ngạc nhiên nói: “Lão sư về già có đứa con như thế ư?” Nhân đây Đại Huệ biên thư thông tin và gửi tặng pháp y của Viên Ngộ. Sư làm tụng nghênh đón, hai vị gặp nhau rất vui. Đại Huệ hết lời khen ngợi, lại đề ảnh Sư: “Gã Xuyên lời thôi này không chân không giả, một cây gậy trắng Phật đến cũng đánh, lại có một chỗ rất hay, giỏi chạy ngựa trong bình bát.”

Kế Sư dời trụ Quang Hiếu trải mười năm. An Định quận vương Triệu Biểu Chi cùng Sư làm bạn ngoài đời, thị lang Tăng Khai theo Sư thưa hỏi. Tăng tuy là sĩ đại phu mà đã bao tham nơi chư kỳ lão, theo Đại Huệ dạo đi rất lâu mà chưa giải thoát sâu, đến gặp Sư mới dứt các nghi.

Bao tham là gì? Bao là no, tham no tức là tham vấn đã đầy đủ rồi.

Sau Sư dời đến Nam Nhạc trụ ở Nam Đài. Khi đó thiền sư Liên ở Long Vương, thiền sư Hạnh ở Phương Quảng đều là cao đệ của Nguyệt Am, đạo đức nổi tiếng ở Hồ, Tương. Hai vị nói với nhau:

- Chỗ này vách đứng ngàn nhai, Viên chỗ nào tá túc ư!

Nhân thỉnh Sư đăng tòa, lập hơn ba chục câu hỏi đều học búa nguy hiểm, là chỗ học giả khó đến.

Sư tùy cơ giải đáp, lời lẽ thâm áo, nghị luận siêu việt, mọi người rất thán phục. Liễn dẫn đồ chúng đánh lễ nói:

- Gối này chẳng cúi nơi người đã lâu.

Ý nói đầu gối này đã lâu rồi chưa quỳ trước mọi người, mà bây giờ quỳ trước ngài.

Sư lại sang Thiên Thai trải trụ trì ba chùa Hộ Quốc, Quốc Thanh, Hồng Phước. Niên hiệu Càn Đạo năm Đinh Hợi (1167) thượng thư Thẩm Đức Hòa trấn thủ Bình Giang do đại đạo tràng Hổ Khư gần đây không có người, tận tâm mời Sư trụ trì. Sư đến đây hết lòng mở mang đạo pháp.

Sư lại vâng chiếu trụ chùa Sùng Tiên ở núi Cao Đình, chưa bao lâu Sư thôi viện đến trụ am Nghênh Chiếu.

Sư lại vâng chiếu trụ Linh Ẩn. Ngày khai đường có Trung sứ niêm hương chúc thánh xong, Sư niêm hương rằng:

- Một nén hương này trời đất không thể che đậy, mắt Phật không thể xem lường, đưa lên diệt dòng giống Phật, nắm lại mờ mịt giết người, lụy ta ba mươi năm trong cỏ hoang nằm ngang, đến khiến một đời làm kẻ ngây ngô, tụt trung có chút sai lầm, đối chúng cũng phải nói phá. Sơn tăng hai mươi năm trước, bị gió nghiệp thổi đến dưới núi Mân Nga, trong rừng gai góc chạm đến chiếc chùy không lỗ, bị kia một đập nửa say nửa tỉnh, tưởng đâu cam miệng

một đời không thể mở. Hai mươi năm sau lại bị gió nghiệp thổi đến bến sông Trạc Cẩm, trong gò sấn bìm gặp cộp dũ, khi ấy đích thân bị cản một cái, đến nổi táng đảm vong hồn, mở được miệng đến nay thò dụng chẳng hết. Hãy nói, hương này vì thiện tri thức hai mươi năm trước là phải, vì thiện tri thức hai mươi năm sau là phải? Một con hạc chẳng đậu hai cây, một người khách chẳng phiền hai nhà. Đâu chẳng thấy nói “trước đi chẳng đến, rốt sau vượt xa”. Ngày nay thân cướp đã bày tang vật trước mắt. Phụng vì, tiền Thành Đô phủ Chiêu Giác tiên Viên Ngộ thiền sư Đại hòa thượng. Chẳng trọng Thầy đối ngữ bàn không, hoành hành hải thượng, chỉ trọng Thầy trong ngực không vật trong bụng không thiền. Khói nhằm trong lò, dùng đèn pháp nhũ.

Ngài nói hai mươi năm trước bị gió nghiệp thổi đến núi Mân Nga, ở trong rừng gai góc chạm đến chiếc chùy không lỗ, hai mươi năm sau lại thổi đến Trạc Cẩm, trong gò sấn bìm gặp con cộp dũ. Chùy không lỗ tức chỉ thiền sư Trung, cộp dũ là chỉ cho ngài Viên Ngộ. Đó là kiểu nói của các thiền sư.

Thiện tri thức hai mươi năm trước là thiền sư Trung, thiện tri thức hai mươi năm sau là thiền sư Viên Ngộ. Vậy bây giờ nơi hai vị thiện tri thức ấy, ngài kế thừa ai đây? Một con hạc chẳng đậu hai cây, một người khách chẳng phiền hai nhà. Một người thì đâu có hai thầy, phải làm sao? Đâu chẳng thấy nói “trước đi chẳng đến, rốt sau vượt xa”. Trước ngộ nhưng chưa tốt, đến sau ngộ mới vượt xa, tức hoàn toàn thấu triệt. Ngày nay

thân cướp đã bày tang vật trước mắt, đây là lối nói của thiền sư, còn nói theo ngôn ngữ thông thường là bây giờ chỗ ngộ đã viên mãn rồi.

Khỏi nhằm trong lò, dùng đèn pháp nhũ. Ớn pháp nhũ là nhằm chỉ Viên Ngộ. Như vậy đến đây đã rõ, ngài kế thừa thiền sư Viên Ngộ.

Khi ấy vua Hiếu Tông để tâm về Thiền học, nhiều phen mời Sư vào triều, ban hiệu là Phật Hải thiền sư. Vua làm bài tụng tặng Sư:

*Bát vu tẩu mã hương thiên đình,
Quán đạp thiên nhai mã bất kinh,
Hồi thủ phi lai phong thượng vọng,
Bạch vân bao tận đế đô xuân.*

Dịch:

**Trong bát chạy ngựa đến thiên đình,
Quen đạp ven trời ngựa chẳng kinh,
Xoay đầu bay lại núi cao vót,
Mây trắng bao trùm đế đô xuân.**

Trong bát chạy ngựa là nhắc lại lời khen của thiền sư Đại Huệ.

Một hôm đánh trống đăng tòa xong, Sư vẫn ngồi trong màn. Thị giả tìm Sư chẳng thấy. Sư vạch màn ra nói:

- Chỉ ở trong này vì sao chẳng thấy?

Thị giả không đáp được. Sư đáp thay:

- Búa lớn búa ba cửa.

Đây là hình ảnh đáng chú ý nhất. Một hôm đánh trống để ngài đăng tòa thuyết pháp, song ngài vẫn ngồi trong màn không ra, thị giả tìm chẳng thấy. Ngài vạch màn ra nói: *Chỉ ở trong này vì sao chẳng thấy?* Ngài ngồi bên trong, chỉ có chút màn che mà không thấy. Ngay đó thôi, đừng tìm kiếm đâu xa. Bây giờ mấy chú thấy chưa?

Có vị tăng Nhật Bản tên Giác A, thông Thiền Thai giáo và các sách, hay nói các thứ tiếng. Ban đầu đến yết kiến Sư tỏ ra rất lanh lợi, Sư đem Thiền tông chỉ dạy. Giác A ở ba năm liền đốn ngộ, làm năm bài tụng đầu cơ rồi đi. Nhân đây có phái thiền truyền sang Nhật Bản.

Niên hiệu Thuần Hy thứ hai (1175) năm nhuận, sáng tháng chín, Sư thượng đường nói kệ:

Thuần Hy thứ hai nhuận,
Cuối thu sáng tháng chín,
Chỗ ồn chỗ xuất đầu,
Đất lạnh để mắt thấy.
Tối sáng chẳng tương can,
Kia đây phân một nửa,
Một thứ làm người quý,
Bảo ai bán củ than.
Nói với ông,
Không thể chê không thể khen,
Thể dường hư không chẳng bờ mé,
Gọi nhau kêu nhau về lại đi,
Thượng nguyên chắc chắn giữa tháng giêng.

Cuối bài kệ ngài báo cho biết, giữa tháng giêng năm sau sẽ thị tịch. Những câu sau cùng ngài nói rất tha thiết: *Thế dường hư không chẳng bờ mé, gọi nhau kêu nhau về lại đi*. Tất cả mọi người đều có thể chân thật đó mà quên, cho nên kêu gọi nhau hãy trở về cái sẵn có của mình đi, đừng chạy tìm chi nữa.

Sang năm, rằm tháng giêng Sư thăng tòa như thường. Thọ trai xong, thị giả cùng quan khách đồng tới phương trượng chỉ thấy cửa nẻo đóng kín. Bèn vào ngõ sau tới trước chõng vén màn thì Sư đã tịch, thọ 74 tuổi, 59 tuổi hạ.



THIÊN SƯ TÂM ĐẠO
ở VĂN THÙ - phủ THƯỜNG ĐỨC
(1058 - 1129)

Sư con nhà họ Từ, quê ở My Châu. Năm ba mươi tuổi được độ làm Tăng, Sư đến Thành Đô học tập Duy thức, tự cho là tột cùng. Có vị tăng đồng chùa hỏi:

- Ba cỡi duy tâm, muôn pháp duy thức, nay vạn tượng trước mắt hỗn độn, tâm thức ở đâu?

Sư mờ mịt không đáp được, bèn ra đi đến sông Giang sông Hoài, rồi đến chùa Thái Bình. Sư nghe thiên sư Phật Giám dạ tham nhắc thoại cây bá trước sân của Triệu Châu, đến Giác Thiết Chủy nói: “Tiên sư không lời này, chớ chê bai Tiên sư.” Nhân đây, Sư nghi rất thiết đề khởi khá lâu, một hôm bỗng nhiên khai ngộ.

Sau khi xuất gia, ngài chuyên học tập Duy thức và tự cho chỗ hiểu đó là rất ráo rồi, một hôm bị vị tăng cùng chùa hỏi một câu: *Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức, nay vạn tượng trước mắt hỗn độn, tâm thức ở đâu?* Ngài mờ mịt không đáp được, nên lên đường du phương tham vấn các nơi.

Đến chỗ thiền sư Phật Giám, gặp lúc dạ tham, Phật Giám nhắc lại thoại có vị tăng đến hỏi Triệu Châu: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?” Triệu Châu đáp: “Cây bá trước sân.” Sau, Pháp Nhãn tình cờ gặp Giác Thiết Chủ ở Kim Lăng, Pháp Nhãn hỏi: Từng nghe Triệu Châu nói thế ấy, phải chăng? Giác làm thị giả Triệu Châu, có tiếng là minh nhãn. *Tiền sư không lời này, chớ chê bai Tiên sư.* Giác Thiết Chủ là đệ tử của Triệu Châu mà nói như thế, nên ngài sanh nghi ngờ, khá lâu mới khai ngộ.

Sư liền chạy đến trượng thất trình sở ngộ. Phật Giám thấy Sư đến liền đóng cửa. Sư thưa:

- Hòa thượng chớ lừa con.

Phật Giám bảo:

- Mười phương không tường vách sao chẳng vào cửa?

Sư liền thoi phủng cửa sổ giấy. Phật Giám liền mở cửa, nắm đứng bảo: - Nói, nói!

Sư lấy hai tay vòng quanh đầu Phật Giám, dùng miệng cạp một cái rồi đi, làm bài kệ trình:

*Triệu Châu hữu cá bá thọ thoại,
Thiền khách tương truyền biến thiên hạ,
Đa thị trích điệp dữ tâm chi,
Bất năng trực hướng căn nguyên hội.
Giác công thuyết đạo vô thủ ngữ,
Chánh thị ác ngôn đương diện mạ,
Thiền nhân nhược cụ thông phương nhĩn,
Hảo hướng thử trung biện chân giả.*

Dịch:

**Triệu Châu có một thoại cây bá,
Thiền khách truyền nhau khắp thiên hạ,
Phần nhiều vạch lá với tìm cành,
Không thể thẳng đến cội nguồn hiểu.
Giác Công nói rằng không lời này,
Chính là lời ác ngay mặt mắt,
Thiền nhân nếu đủ mắt thông suốt,
Khéo nhằm trong đây biện chân giả.**

Phật Giám rất hài lòng, mỗi khi nói chuyện với khách thường khen ngợi Sư, sau lại chia tòa cùng giáo hóa.

Cách trình bày chỗ ngộ của ngài rất đặc biệt, không nói lời nào, ôm đầu ông thầy cạo một cái, rồi sau mới làm kệ trình nói lên chỗ ngộ của mình. Phật Giám chấp nhận, mỗi khi cùng khách nói chuyện thường khen ngợi ngài, sau lại chia tòa để cùng nhau giáo hóa.

Thái thú Tương Châu thỉnh Sư khai pháp ở Thiên Ninh, chưa bao lâu lại cử trụ trì chùa Văn-thù.

Sư thượng đường nói:

- Sư tử ngáp voi chúa rống, Vân Môn trong Bắc đẩu ẩn thân, Bạch Vân vì sao gọi tác thủ? Chư Phật ba đời không thể biết, mèo đen trâu trắng lại biết có. Hãy nói, thế nào là việc kia biết có?

Mưa xối hoa lê con bướm lượn,

Gió đưa tơ liễu xoay tròn bay.

Chư Phật ba đời không thể biết, mèo đen trâu trắng lại biết có. Sao kỳ lạ vậy? Biết có tức là Tri hữu. Đây nói lên sự tu, nếu nằm trên ngôn ngữ văn tự mà tu thì không thể thấy được lý thật. Muốn thấy được lý thật thì phải như ngây như ngô, nên nói mèo đen trâu trắng mới biết có.

Sư thượng đường cầm gậy chỉ lên nói:

- Khi thế ấy đâm phủng gót chân Kiều-thi-ca.

Sư giộng một cái nói:

- Khi thế ấy giộng vỡ xương đầu vua Diêm-la.

Sư chỉ bờ đông nói:

- Khi thế ấy xô qua tròn mắt cá lý ngư ở biển đông.

Sư chỉ bờ tây nói:

- Khi thế ấy bít mắt lỗ mũi Tây Vương Mẫu. Hãy nói, khi thấy không thế ấy thì sao? Năm nay mưa nước nhiều, mỗi người cần hong phơi.

Niên hiệu Tuyên Hòa cải nguyên (1119) ra chiếu đổi hiệu Tăng là Đức sĩ. Sư thượng đường nói:

*Tổ ý Tây lai sự,
Kim triều đặc địa tân,
Tích vi Tỳ-kheo tướng,
Kim tác Lão quân hình.
Hạc xướng phi ngân hạt,
Đầu bao tiêu diệt cân,
Lâm tuyên vô sự khách,
Lưỡng độ thọ quân ân.*

Dịch:

Tổ ý việc Tây sang,
Ngày nay mới hoàn toàn,
Xưa là Tỳ-kheo tướng,
Nay làm hình Lão quân.
Lông hạc kết áo bạc,
Đầu quấn khăn lá xanh,
Lâm tuyên khách vô sự,
Hai lần thọ quân ân.

Sở dĩ nói, muốn biết nghĩa Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, hãy nói hiện nay là thời tiết gì? Tỳ-lô-giá-na đầu đội bảo quan, vì bày trong chân có tục. Ông già Văn-thù thân mặc áo lông hạc, vì cốt phải tùy thuận thời nghi. Một người đã vậy đông người cũng vậy, cả đoàn thành lập từng lâm,

mừng được quần tiên tụ hội. Cùng rót rượu tiên mê, đồng xướng từ Bộ hư, hoặc xem kinh Linh Bảo độ nhân, hoặc nói thuốc trường sanh bất tử. Đàn cầm dưới trăng, đầu ngón tay phát âm thái cổ, cờ bày trước hiên, nước cờ khéo vượt ngoài thần cơ. Tiến một bước liền đến trên trời Đại La, lùi một bước lại vào trong thành Cửu U. Chỉ như không tiến không thối, một câu lại làm sao nói?

**Dù cho mọc cánh tam thanh lộ,
Cũng vẫn luân hồi một huyễn thân.**

Đây là giai đoạn vua nhà Tống tin theo đạo sĩ, nên muốn chuyển hết các vị tăng tu ở chùa thành tu tiên. Vì vậy nhà vua mới ban chiếu đổi hiệu tăng là đức sĩ, đức sĩ cũng như đạo sĩ vậy, không gọi là tăng nữa.

Ngài nói, ngày nay đã khác ngày xưa, *Tổ ý Tây sang ngày nay đổi mới hoàn toàn, xưa là tướng Tỳ-kheo nay làm hình Lão quân*, bây giờ thành tiên hết rồi.

Lâm tuyên khách vô sự, hai lần thọ quân ân. Ngài nói có vẻ nhạo đời. Người tu hành ở núi rừng nay đã trở thành tiên, mình mặc áo hạc, đầu đội khăn xanh. Đó là nhờ ơn vua mà được như vậy. Lần thứ nhất được cho xuất gia làm tăng, lần thứ hai được làm đức sĩ.

Ngài nói châm biếm: *Tỳ-lô-giá-na đầu đội bảo quan*, Phật mà còn bắt phải đội mũ tiên, vì sao? *Vì bày trong chân có tục.* Phật đội mũ tiên, tức là trong chân đế có tục đế. Ông già Văn-thù thân mặc áo lông hạc, ngài Văn-thù thì mặc áo lông hạc, vì cốt phải tùy thuận

thời nghi. Bởi tùy thuận hoàn cảnh mà tu hành, giữ gìn đạo pháp, nên bất mặc áo lông hạc thì mặc, không có gì ngăn ngại.

Một người đã vậy đông người cũng vậy... Từ Bộ hư tức là bài từ lễ tán xướng kinh của đạo giáo. Đoạn này ngài nhằm diễn tả những hình ảnh của tăng sĩ đã bị chuyển thành đạo sĩ. Ngày xưa chư tăng mặc áo vàng ở nơi rừng lâm, bây giờ mặc áo tiên giống như *quần tiên tụ hội*, hết còn rừng lâm nữa rồi!

Tháng chín năm thứ hai trở lại hiệu Tăng. Sư thượng đường nói:

*Bát quái điền y trước vũ y,
Lão quân hình tướng phản tương nghi,
Nhất niên bán nội nhàn tư tưởng,
Đại để hưng suy các hữu thì.*

Dịch:

**Chẳng đắp điều y, mặc áo lông,
Lão quân hình tướng lại tương đồng,
Một năm rưỡi ấy tư tưởng rảnh,
Đại để tùy thời có suy hưng.**

Phật Như Lai của ta dự biết pháp có nạn, trong kinh chép rõ thấy đều rành rành. So sánh niên đại chính là khi này, ma được tiện kia mê loạn chánh tông, Tăng đổi hình tục Phật lại danh tự, vọng sanh tà giải cắt sửa văn kinh, chuông khánh im tiếng bình bát thêm chân, nhiều loại đối trá

gạt lửa Thánh quân; nhờ hoàng đế bệ hạ ta thánh đức sáng tỏ, chẳng quên dặn dò chẳng phế giáo kia, đặc tứ chấn chương ban hành khắp thiên hạ, vẫn cho tăng ni cạo tóc đắp y như trước. Thật là lò tàn nổi lửa, cây khô lại tươi, chẳng lìa hình tục mà làm hình Tăng, chẳng ra ma giới mà vào Phật giới. Tiếng trống pháp vang, lại chĩnh đốn suy đồi. Rượu tiên mê biến làm quỳnh tương cam lồ, từ Bộ hư đổi thành bản nhạc Hoàn hương. Buông đi ngân mộc giả đưa lên ni-sư-đàn. Ngày trước cúi đầu vòng tay, hôm nay hòa-nam chẳng xét. Chỉ đổi tướng thời xưa, chẳng đổi người thời xưa. Dám hỏi đại chúng, người thời xưa là một là hai?

Sư im lặng giây lâu nói:

**Gió thu cũng biết ghét hỗn loạn,
Thối hết năm này đạo giáo tro.**

Như vậy, chỉ một năm rưỡi sau thì nhà vua thay đổi, ra chiếu đình chỉ lệnh cũ. Thế nên đến năm thứ hai, ngài đăng tòa nói với vẻ ngạo nghễ: *Một năm rưỡi ấy tư tưởng rảnh, đại để tùy thời có suy hưng*. Hết một năm rưỡi tư tưởng rảnh, cho thấy sự hưng suy có thời, bây giờ mới hết nạn này.

Hòa-nam nói đủ là hòa-nam thánh chúng. Lúc trước gặp nhau chỉ cúi đầu vòng tay, chứ không được chấp tay xá chào, bây giờ được xá trở lại.

Đến cuối ngài nói: *Chỉ đổi tướng thời xưa, chẳng đổi người thời xưa*. Chỉ có đổi tướng năm trước, chứ đâu

đổi được người năm trước. Ngài tiếp: *Dám hỏi đại chúng, người thời xưa là một là hai? Người thời xưa là ai, là một hay là hai? Ngài im lặng giây lâu, lại nói: Gió thu cũng biết ghét hỗn loạn, thổi hết năm này đạo giáo tro. Năm nay thổi hết tro đạo giáo rồi, tức là thời pháp nạn đời nhà Tống đã qua.*

Mùa xuân niên hiệu Kiến Viêm năm thứ ba (1129), Sư dạy chúng, nhắc nhân duyên Lâm Tế sắp nhập diệt dặn dò Tam Thánh. Sư bảo:

*Chánh pháp nhãn tạng hạt lư diệt,
Lâm Tế hà tăng hữu thị thuyết.
Kim cổ thời nhân giai vọng truyền,
Bất tín đản khán hậu tam nguyệt.*

Dịch:

**Chánh pháp nhãn tạng lửa mù diệt,
Lâm Tế chẳng từng nói thế đâu.
Xưa nay thời nhân vọng truyền cả,
Chẳng tin chỉ ngóng tháng ba sau.**

Nhân dạy chúng, ngài nhắc lại nhân duyên Lâm Tế sắp nhập diệt dặn dò Tam Thánh, rồi nói: *Chánh pháp nhãn tạng lửa mù diệt, Lâm Tế chẳng từng nói thế đâu. Xưa nay thời nhân vọng truyền cả, chẳng tin chỉ ngóng tháng ba sau. Tháng ba sau, chỉ cho tháng nhuận. Năm này nhuận tháng ba.*

Đến tháng ba nhuận, giặc Chung làm phản, đồ chúng muốn dời Sư chạy sang miền nam, Sư bảo:

- Học đạo sở dĩ liễu sanh tử, nào có chạy đi đâu.

Giặc đến, Sư bảo:

- Mời giết đi, để người vui lòng.

Giặc liền đưa giáo giết Sư, máu tuôn ra đều thành sữa trắng. Bọn giặc kinh sợ lấy chiếu dầy lại rồi đi.

Người xưa đạt đạo đâu phải ai cũng ngồi yên tĩnh nhập Niết-bàn. Có vị ra đi an ổn, cũng có vị gặp tai nạn rồi mới ra đi. Thiền sư Nham Đầu bị giặc giết, rống to lên một tiếng rồi chết, ở đây ngài cũng vậy. Chúng ta thông thường nghe nói như thế là ngán sợ, còn các ngài thì không có gì sợ hãi. Các ngài do đã liễu tri sanh tử, thấy sanh tử không thật, hoặc chết cách này hoặc chết cách kia mà thôi. Vậy nên đối với tất cả nợ trước, các ngài đều vui vẻ trả hết, không ngần ngại, không có gì phải lo lắng sợ hãi như chúng ta.



THIÊN SƯ TRÍ TÀI ở LONG NHA - ĐÀM CHÂU

(1067 - 1138)

Sư con nhà họ Thi, quê ở Thư Châu. Lúc trẻ đã hầu hạ ở pháp tịch Phật Giám, làm công tác chẳng từ khó khăn, tiếng vang cả từng lâm.

Sư du phương đến Hoàng Long, gặp thiên sư Tử Tâm ở cổng tam quan hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư xưng danh, ngài liền biết là Trang chủ Tài ở Thái Bình Thư Châu.

Trang chủ, tức là người trông coi quản lý vườn ruộng của viện, để lấy tài chánh nuôi tăng chúng tu học.

Trước đó ngài phụ trách văn thư ở pháp tịch của thiên sư Phật Giám rất giỏi, không nề khó nhọc, tiếng tăm vang cả từng lâm, được nhiều người biết đến. Vì vậy

khi ngài đi du phương, tới chỗ Hoàng Long gặp thiền sư Tử Tâm đang ở cổng tam quan. Tử Tâm hỏi, từ đâu đến? Ngài vừa nói tên, Tử Tâm liền biết đây là Trang chủ Tài ở Thái Bình Thư Châu.

Hôm sau Sư vào thất, Tử Tâm hỏi:

- Hội được câu tối sơ là hội được câu rốt sau, hội được câu rốt sau liền hội được câu tối sơ. Tối sơ rốt sau ném qua một bên, thoại Bá Trượng đã hồ làm sao hội?

Sư thưa:

- Vào cửa đã rành kiến giải của người đến, đâu cần nhắc lại lối nghẽn bùn.

Tử Tâm nói:

- Trưởng lão Tâm chết trong tay Thượng tọa.

Sư thưa:

- Ngũ ngôn tuy có khác, chí lý vẫn không sai.

Tử Tâm hỏi:

- Thế nào là việc không sai?

Sư thưa:

- Chẳng gõ sừng Hoàng Long, đâu biết châu dưới hàm.

Tử Tâm liền đánh.

Thiền sư Tử Tâm thấy ngài vào thất liền hỏi, là muốn dò dẫm xem đã thấu suốt hay chưa, ngài trả lời:

Vào cửa đã rành kiến giải của người đến, đâu cần lại nhắc lối nghẽn bùn. Nghĩa là đã biết kiến giải của người đến rồi, còn nhắc chi chuyện quanh co rối rắm vô ích.

Tử Tâm nói: *Trưởng lão Tâm chết trong tay Thượng tọa.* Ông nói thế đó, tức là ta đã chết trong tay ông rồi! Ngài cứu lại: *Ngữ ngôn tuy có khác, chí lý vẫn không sai.* Về ngữ ngôn tuy có khác nhau, nhưng chỗ chí lý vẫn không sai khác, ngài chết thì tôi cứu vậy.

Tử Tâm gạn lại: *Thế nào là việc không sai?* Ngài trả lời: *Chẳng gõ sừng Hoàng Long, đâu biết châu dưới hàm.* Tử Tâm liền đánh. Tử Tâm hỏi, ngài đáp như thế, Tử Tâm liền đánh là sao? Cái đánh của Tử Tâm là phạt hay thưởng, là khen hay chê? Hoàng long là con rồng vàng, cũng là chỗ Tử Tâm ở, tức nhằm chỉ cho thiền sư Tử Tâm. Nếu không gõ sừng con rồng vàng thì đâu biết ở dưới hàm nó có hạt châu. Nhờ có đối đáp với ngài, nên mới biết ngài có hạt châu. Đây gọi là một hồi hạ, một hồi nâng, do đó Tử Tâm liền đánh.

Buổi đầu Sư trụ Nhạc Lộ, ngày khai đường Tăng hỏi:

- Đức Sơn đánh, Lâm Tế hét, ngày nay thỉnh Thầy vì niệm xuyết (nêu lên thiền cơ).

Sư đáp:

- Tổ-rô-tổ-rô.

Tăng hỏi:

- Tổ-rô-tổ-rô lại có ý Tây lai hay không?

Sư đáp:

- Tổ-rô-tổ-rô.

Do đây từng lâm gọi Sư là Tài Tổ-rô.

Về sau ngài trụ ở Nhạc Lộ, thường có người thưa hỏi bất cứ điều gì, ngài đều đáp *tổ-rô-tổ-rô* chứ không giải thích.

Sau Sư dời trụ Long Nha. Sư thượng đường khải móng tay một cái nói:

- “Khải tay trọn thành tám vạn môn, sát-na diệt hết tam kỳ kiếp.” Nếu cùng thấy được hành được, khỏe thì kinh hành, mệt thì nghỉ. Nếu cũng chẳng hội, lại con công cộc mỗ con trạnh.

Thượng đường, ngài khải móng tay một cái rồi dẫn câu trong Chứng Đạo Ca: *Khải tay trọn thành tám vạn môn, sát-na diệt hết tam kỳ kiếp*. Rồi nói: *Nếu cùng thấy được, hành được, khỏe thì kinh hành, mệt thì nghỉ*. Nếu thấy được hành được thì khải móng tay liền thành tám vạn môn, hoặc là trong một sát-na diệt hết ba kỳ kiếp. Người nào được như thế thì khỏe đi kinh hành, mệt nghỉ, không còn vấn đề gì phải lo. Còn người chưa hội được thì sao? *Nếu cũng chẳng hội, lại con công cộc mỗ con trạnh*.

Sư thượng đường nhắc:

- Hòa thượng Tử Tâm tiểu tham nói: Nếu luận việc này, như nhà người có ba con. Đứa thứ nhất thông minh trí tuệ hiếu dưỡng cha mẹ, tiếp đãi khách khứa coi sóc gia nghiệp. Đứa thứ hai hung hăng

gian giảo nghiệm rượu mê gái, nằm bờ té bụi phá hoại gia nghiệp. Đứa thứ ba mù điếc câm ngọng, đầu thóc chẳng phân, mọi việc không rành, chỉ biết ăn uống. Trong ba người này, Hoàng Long cần chọn một người dùng. Lại có bốn câu: trong chết có sống, trong sống có chết, trong chết thường chết, trong sống thường sống. Dem bốn câu này nghiệm thiền tăng trong thiền hạ.

Sư nói:

- Gọi cái gì là bốn câu? Ba người tên họ là gì? Nếu hay hiểu được, cùng Hoàng Long nắm tay đồng đi, lại không mảy may ngăn cách. Nếu chưa như thế, chẳng khỏi mượn nước dâng hoa vậy.

Tam nhân cộng thể dụng phi dụng,

Tứ cú đồng âm không bất không.

Dục thức tam nhân tịnh tứ cú,

Kim ô sơ xuất nhất đoàn hồng.

Dịch:

Ba người chung thể dụng phi dụng,

Bốn câu đồng âm không chẳng không.

Muốn biết ba người cùng bốn câu,

Quạ vàng mới mọc một vầng hồng.

Ngài nhắc lại câu nói của Hoàng Long: Nếu luận việc này, như nhà người có ba con. Đứa thứ nhất thông minh trí tuệ hiếu dưỡng cha mẹ, tiếp đãi khách khứa coi sóc gia nghiệp. Đó là nghiệp thiện.

Đứa thứ hai hung hăng gian xảo nghiện rượu mê gái, nằm bờ té bụi phá hoại gia nghiệp. Đó là nghiệp ác.

Đứa thứ ba mù điếc câm ngọng, đậu thóc chẳng phân, mọi việc không rành chỉ biết ăn uống. Đứa thứ ba thì chỉ biết đói ăn mệt ngủ. Vậy trong ba đứa này, ngài Hoàng Long chọn đứa nào? Đứa thứ ba là đứa được chọn, vì chú này không có phân biệt thân sơ.

Ngài nhắc lời của Hoàng Long xong, liền hỏi: *Gọi cái gì là bốn câu? Ba người tên họ là gì?* Ngay lời nói này, nếu nhận được bốn câu và ba người của Hoàng Long thì cùng Hoàng Long nắm tay đồng đi, lại không mấy may ngăn cách. Còn người không nhận hiểu được thì chẳng khỏi mượn nước dâng hoa, chỉ là kẻ mượn nước dâng hoa mà thôi.

Ngài bình: *Ba người chung thể dụng phi dụng. Ba người đó là chung thể, dụng phi dụng tức dụng mà chẳng phải dụng. Bốn câu đồng âm không chẳng không. Bốn câu âm giống nhau, tuy không mà chẳng phải không.*

Muốn biết ba người cùng bốn câu, qua vàng mới mọc một vầng hồng. Muốn biết ba người cùng bốn câu của Hoàng Long thì phải làm sao? Mặt trời mới lên một vầng hồng.

Sư trụ Long Nha mười ba năm, dùng thanh đạm khổ hạnh tiếp chúng, thiên tăng đều kính quý. Sau Sư dời trụ Vân Khê được bốn năm.

Cuộc đời của ngài Trí Tài, lúc còn làm thiền khách thì chịu cực chịu khổ đi tham vấn đó đây, đến khi

làm thầy thì sống thanh đạm khổ hạnh, tiếp tăng độ chúng tu học. Do đó ngài luôn được mọi người quý trọng.

Đến niên hiệu Thiệu Hưng năm Mậu Ngọ (1138) ngày rằm tháng tám, Sư họp chúng giao việc chùa, viết kệ rằng:

*Mậu Ngọ trung thu chi nhật
Xuất gia trụ trì sự tất,
Lâm hành tự kỷ thương vô,
Hữu thậm hư không khả mịch.*

Dịch:

**Ngày trung thu năm Mậu Ngọ
Xuất gia trụ trì việc xong,
Sắp đi chính mình còn không,
Có gì hư không khá kiếm.**

Sư dạy dỗ như thường.

Sắp tịch, ngài giao việc chùa rồi viết kệ nhắc nhở tăng chúng: *Ngày trung thu năm Mậu Ngọ, xuất gia trụ trì việc xong.* Đến ngày trung thu năm Mậu Ngọ này, việc xuất gia, làm trụ trì... đã xong hết rồi.

Sắp đi chính mình còn không, có gì hư không khá kiếm. Sắp ra đi chính mình còn không thật, còn tìm kiếm cái gì nữa? Nếu cho rằng có gì thì hãy kiếm trong hư không đi!

Sau đó ngài dạy dỗ tăng chúng như lệ thường.

Đến ngày hăm ba, Sư lại họp chúng dạy:

- Niết-bàn sanh tử trọn là hoa đốm trong không, Phật và chúng sanh đều là tăng ngữ. Cả thấy các ông nên phải làm sao?

Chúng đều hạ ngữ mà không hợp. Sư hét:

- Khổ! Khổ!

Lại nói:

- Mây trắng vọt lên, trăng sáng tại trời.

Nói xong, Sư lặng yên thị tịch.

Đến ngày hăm ba ngày lại họp chúng dạy: *Niết-bàn sanh tử trọn là hoa đốm trong không*. Chúng ta bấy lâu nay si mê, nên cứ ở trong sanh tử. Vì muốn thoát ly sanh tử, nên hướng đến Niết-bàn. Như vậy, sanh tử là đối với Niết-bàn mà nói. Nếu thấy sanh tử không thật, tức là vượt khỏi sanh tử. Sanh tử đã không thật thì Niết-bàn có thật hay không? Cũng thấy là hoa đốm trong hư không mà thôi.

Như chúng ta, có lúc nghĩ tốt có lúc nghĩ xấu. Nghĩ tốt thì nói tâm tôi đang nghĩ tốt, nghĩ xấu thì nói tâm tôi đang nghĩ xấu. Vậy khi không nghĩ tốt không nghĩ xấu, lúc đó có tâm hay không? Tuy không nghĩ ác cũng không nghĩ thiện, nhưng mắt vẫn biết thấy, tai biết nghe sáng rõ, chứ đâu phải không có mình, chỉ là không có niệm thiện ác mà thôi. Đừng lầm tưởng lúc không nghĩ thiện không nghĩ ác là không có tâm mình. Chỗ này rất tế nhị, nếu lầm một chút thì thành bệnh, cho nên người tu cần phải cẩn thận.

Nhiều người không hiểu, nghe nói Niết-bàn sanh tử đều như hoa đốm trong không, rồi cho rằng tu là cốt được Niết-bàn để giải thoát sanh tử, mà đã không Niết-bàn không sanh tử thì tu để làm gì? Đó là một vấn đề dễ bị hiểu lầm.

Phật và chúng sanh đều là tăng ngữ. Cả thầy các ông nên phải làm sao? Tăng ngữ tức lời nói thêm, nói thừa. Nói chúng sanh hay Phật cũng chỉ là lời thừa. Giả sử có ai hỏi tu làm gì, chắc hẳn mình sẽ trả lời tu để thành Phật, hẳn nhiên là vậy, tại sao ở đây ngài lại bảo đều là tăng ngữ? Nếu không thành Phật thì tu làm gì? Điều này chúng ta cần phải thấy cho thật rõ, đừng để lúng túng khi tu.

Danh từ Phật là đối với chúng sanh mà nói. Bởi mê nên gọi chúng sanh, giác ngộ thì gọi là Phật. Chừng nào hết mê, tức là hết chúng sanh thì lúc đó là Phật. Hết là hết cái mê, chứ không phải hết Phật. Phải biết như vậy.

Sở dĩ chúng ta bị lầm là vì luôn luôn ở trong đối đãi. Cho nên các ngài nói mê nói giác, gọi Phật gọi chúng sanh, cũng chỉ là nương trên đối đãi mà dựng lập, để chỉ dạy cho chúng ta tu. Bởi chúng sanh tâm còn suy nghĩ theo thiện ác, nên phải bảo họ nghĩ thiện để bỏ nghĩ ác. Nếu đến lúc tâm họ không còn nghĩ ác thì đâu cần phải nói nghĩ thiện làm gì. Chỗ không đối đãi mà nói Phật nói chúng sanh cũng là lời thừa. Đến chỗ cứu cánh, tâm thể mới sáng rõ tròn đầy, còn một mảy may thiện ác tức vẫn là mảnh vụn của tâm mà thôi.

Như khi chúng ta ngồi thiền, không nghĩ thiện không nghĩ ác, lúc đó tâm lặng lẽ trùm khắp. Nhưng bất chợt dấy niệm suy nghĩ đây kia, lập tức tâm không còn trùm khắp nữa. Niệm dấy khởi tự bọt trên biển, chợt nổi chợt tan, không thật. Người không biết, cho niệm nghĩ suy là tâm mình, chẳng khác nào kẻ lằm nhận bọt bóng, không thể thấy được biển cả mênh mông. Nếu biết niệm tưởng chỉ là những lượn sóng dấy lặng, không phải toàn thể của tâm, thì tâm chân thật hiện tiền.

Tại sao ngài nói *Khổ! Khổ!* Bởi vì toàn chúng mà không có một người đáp được. Kêu khổ xong, ngài nói tiếp: *Mây trắng vọt lên, trăng sáng tại trời.* Ban đêm có trăng sáng rõ, nhưng mây nổi lên thì bầu trời liền bị ngăn che khuất lấp mất rồi.

Nói xong, ngài lặng yên thị tịch.



THIÊN SƯ THỦ TUÂN PHẬT ĐĂNG ở HÀ SƠN - AN KIẾT CHÂU

(1079 - 1134)

Sư con nhà họ Thi ở bản quận (An Kiết Châu). Trước đến tham vấn thiền sư Anh ở Quảng Giám mà không khế hội, Sư sang chùa Thái Bình theo chúng thưa hỏi vẫn không có chỗ vào. Sư bèn cột cái chần lại thề rằng: “Đời này nếu không triệt, thề chẳng trải cái chần này.”

Khi ấy, Sư ngày ngồi đêm đứng, như đám tang cha mẹ. Trải qua bốn mươi chín ngày, chợt Phật Giám thượng đường nói: “Sum la cùng vạn tượng là sở ẩn của nhất pháp”, Sư liền đốn ngộ đến yết kiến Phật Giám. Phật Giám nói:

- Đáng tiếc một viên minh châu bị gã phong điền này lượm được.

Tinh thần tu hành của ngài thật mạnh mẽ. Người xưa đi hành cước chỉ quảy một cái đũa, trong đó gói y hậu và chăn, người miền Nam gọi là cái mền, chăn vừa để trùm đắp vừa dùng làm chiếu luôn. Ngài thệ nguyện, tu mà không ngộ, nhất định không trải chăn ra, tức là không nằm. Từ đó, ban ngày ngồi ban đêm đứng, suốt bốn mươi chín ngày đêm như thế.

Người xưa chí khí cao tốt, quyết liều sống chết để tu hành, cho nên các ngài mới đạt đạo. Đức Phật Thích-ca khi mới tới dưới cội Bồ-đề, ngài trải tòa thệ nguyện: Nếu không thành đạo, dù cho thịt nát xương tan cũng không rời khỏi gốc cây này. Phật lập chí kiên trì như thế, đến đêm thứ bốn mươi chín, ngài giác ngộ thành Phật. Tổ Hiếp Tôn Giả nguyện hông không dính chiếu v.v... Nếu không đạt đạo thì nhất định không nằm. Ở trong chúng đây, có ai phát tâm được như vậy không? Gan dạ, phát nguyện mạnh, không sợ gian khó hiểm nguy, nhất định sẽ thành đạo. Người tu mà sợ sệt e dè, muốn nhàn hạ qua ngày thì biết tới bao giờ mới thành tựu đạo quả!

Bèn hỏi Sư:

- Linh Vân nói: “Sau ngày thấy được hoa đào ấy, thẳng đến ngày nay vẫn chẳng nghỉ.” Thế nào là chỗ không nghỉ của Linh Vân?

Sư thưa:

- Chớ nói Linh Vân chẳng nghỉ, chính nay tìm chỗ nghỉ trọn không thể được.

Phật Giám bảo:

- Huyền Sa nói: “Đúng thì đúng đó, dám bảo lão huynh còn chưa triệt.” Trong đây chỗ nào kia chưa triệt?

Sư thưa:

- Biết rõ Hòa thượng tâm lão bà tha thiết.

Phật Giám nhận đó. Sư lễ bái đứng dậy trình kệ:

*Chung nhật khán thiên bất cử đầu,
Đào hoa lạn mạn thủy đài mâu.
Nhiều quân cánh hữu già thiên vông,
Thấu đắc lao quan tức tiện hưu.*

Dịch:

Suốt ngày ngó trời chẳng ngược đầu,
Hoa đào rục rở mới ngẩng cao.
Dù anh lấy lưới che trời lại,
Thấu được lao quan liền nghỉ ngơi.

Phật Giám dặn dò khiến hộ trì. Đêm ấy Phật Giám nghiêm trang nói với chúng:

- Khi này Thượng tọa Tuần ngủ yên ổn rồi vậy.

Phật Giám thấy biết ngài đã đạt đạo, nhưng vẫn còn dọ dẫm thêm, nên dẫn hai câu trong bốn câu thơ của Linh Vân sau khi thấy hoa đào ngộ, gạn hỏi ngài. *Thế nào là chỗ không nghỉ của Linh Vân?* Ngài thưa: *Chớ nói Linh Vân chẳng nghỉ, chính nay tìm chỗ nghỉ*

trộn không thể được. Nói gì ngày xưa Linh Vân không nghi, chính như con hiện nay, tìm chỗ nghi cũng trộn không thể được.

Đúng thì đúng đó, dám bảo lão huynh còn chưa triệt. Câu nói của ngài Huyền Sa khiến người ta tưởng lầm Linh Vân chưa ngộ, ngài Phật Giám nêu ra, rồi hỏi lại: Trong đây chỗ nào kia chưa triệt? Ngài thưa: Biết rõ Hòa thượng tâm lão bà tha thiết. Biết rõ chỗ ngộ của con rồi mà còn dọ dẫm gạn lại, đó chính là tâm từ bi tha thiết của Hòa thượng. Nghe thưa như thế, Phật Giám chấp nhận không gạn hỏi ngài nữa. Ngài đánh lễ Phật Giám, rồi đứng lên trình kệ:

*Suốt ngày ngó trời chẳng ngược đầu, hoa đào rụng
rõ mới ngẩng cao. Trộn ngày nhìn trời mà không ngẩng
đầu, đến khi hoa đào rụng rõ mới thấy.*

*Dù anh lẩy lưới che trời lại, thấu được lao quan
liền nghỉ ngơi. Dù có lưới che được cả trời đất, cũng phải
vượt qua lao quan mới xong việc. Lao quan tức là cửa
chót, từ này trong nhà thiền hay dùng. Nếu chưa qua
khỏi cửa này thì việc tu cũng chưa xong.*

Viên Ngộ nghe được nghi chưa đúng, bèn nói:

- Ta phải khám qua mới được.

Bèn sai người mời Sư đến, cùng Sư đi dạo núi, bỗng đến một cái đầm, Viên Ngộ xô Sư té xuống nước. Viên Ngộ đứng trên hỏi:

- Ngươi Đâu khi chưa thấy Tứ Tổ thì thế nào?

Sư đáp: - Đắm sâu cá tộ.

Viên Ngộ hỏi: - Sau khi thấy thế nào?

Sư đáp: - Cây cao vời gió.

Viên Ngộ hỏi:

- Khi thấy cùng chưa thấy thì thế nào?

Sư đáp: - Duỗi chân ở trong rút chân.

Viên Ngộ rất khen ngợi.

Viên Ngộ là Phật Quả, cùng với Phật Giám và Phật Nhãn là ba huynh đệ, được người đương thời gọi là ba ông Phật. Như vậy đối với Viên Ngộ thì ngài thuộc hàng cháu.

Phật Giám nói với chúng: *Khi này Thượng tọa Tuần ngủ yên ổn rồi vậy.* Tức là Thượng tọa Tuần hôm nay đã ngộ đạo rồi. Viên Ngộ nghe được nghi ngờ, bởi vì chỗ ngộ của Viên Ngộ vượt hơn người thường, nên muốn khám qua xem ngài đã thật ngộ hay chưa, bèn mời tới rủ đi dạo núi.

Hai người cùng đi ngang qua đầm nước, Viên Ngộ xô ngài té nhào. Hành động này là dồn đến chỗ ngặt. Trong khi té nhào xuống đầm, đang lui cui đứng dậy, tâm trí đâu mà nghĩ suy đạo lý. Ngay lúc đó, Viên Ngộ hỏi liền: *Ngươi Đâu khi chưa thấy Tứ Tổ thì thế nào?* Ngài đáp: *Đầm sâu cá tụ.* Đầm nước sâu thì cá tụ lại nhiều. Viên Ngộ hỏi tiếp: *Sau khi thấy thế nào?* Ngài đáp: *Cây cao vời gió.* Cây nào cao hơn những cây khác thì cây đó hứng gió nhiều hơn.

Viên Ngộ lại hỏi: *Khi thấy cùng chưa thấy thì thế nào?* Ngài đáp: *Duỗi chân ở trong rút chân.* Ngươi Đâu

khi chưa thấy Tứ Tổ và sau khi thấy, chẳng qua chỉ như đuổi chân trong cái rút chân mà thôi. Bởi có co chân nên mới đuổi chân, song co chân hay đuổi chân cũng không lìa ngoài cái chân hiện tại.

Như vậy, ngộ là ngộ cái sẵn có chứ đâu gì khác. Lúc chưa gặp Tứ Tổ cũng đâu mất, sau khi gặp Tứ Tổ vẫn chẳng thêm. Chẳng qua chỉ là trước sẵn có mà không thấy, nay gặp Tổ gọi lại mới thấy. Giống như co chân rồi đuổi ra, hai trạng thái tuy có khác nhau nhưng cũng cùng một cái chân mà thôi. Lối nói nghe rất thường, mà trong đó diễn đạt được chỗ thấy đạo lý chân thật của các ngài.

Qua ba câu đáp trên cho thấy ngài rất bình thản, dù trong tình huống bất ngờ đạo lý vẫn hiện tiền, không cần suy nghĩ.

Phật Giám dời đến Tương Sơn, sai Sư phân tòa thuyết pháp. Kế, Sư trụ Hòa Sơn ở Lô Lăng. Sư thôi Hòa Sơn lui về cố hương ở ẩn. Tăng tục đón Sư ở chùa Thiên Thánh. Sau Sư trụ Hà Sơn và Thiên Ninh.

Sư thượng đường:

- Cây dùi xoay, chiếc búa ở núi, Phật tổ ra đời chưa dễ cho, dù khiến đề hồ đầy thế gian, ông không bát báu làm sao lấy. A ha ha! Thần Sơn đập lưới, Đạo Ngô múa, dưa ngọt tốt gốc ngọt, dưa đắng rễ cũng đắng.

Cây dùi xoay là chỉ cho “cây dùi đời Tần”, lời của ngài Mục Châu khi Vân Môn đến tham vấn. *Chiếc búa ở núi* là nói về câu chuyện của ngài Thạch Đầu Hy Thiên.

Đoạn này ngài muốn nói gì? Ngài dẫn những câu chuyện xưa để chỉ cho thấy, việc ấy nếu không phải là người nhạy bén, hàng căn cơ bậc thượng thì Phật tổ có ra đời cũng không làm gì được. Như người muốn thọ dụng đề hồ thì cần phải có bát báu mới đựng được.

**Sư thượng đường nhắc thoại bà già đốt am.
Sư nói:**

- Phò tông lập giáo phải là người kia. Ông xem, bà già nọ tuy là nữ nhân vẫn có tác lược trượng phu, hai mươi năm hao dầu tốn tương vẫn là khá biết. Một hôm nhằm trên đầu sào trăm trượng, đẩy cái rơi mất, đến nỗi dùng hết sức bình sinh cổ tay. Nếu chẳng phải kẻ tục biết, cơ tưởng là khéo tròn thành vụng. Song tuy như thế, các người cần hội chăng? Sau tuyệt mới biết sức từng bá, việc khó mới thấy tâm trượng phu.

Thượng đường ngài nhắc lại thoại *Bà già đốt am*. Có một bà già phát tâm cất am thỉnh Tăng nhập thất, bà cúng dường tứ sự đầy đủ, chúng tăng khỏi phải lo lắng gì hết, chỉ tu mà thôi. Hai mươi năm trôi qua, một hôm bà bảo đứa cháu gái đem cơm cho thầy mỗi ngày, bữa nay vào đưa cơm xong tới ôm thầy rồi hỏi: Ngay bây giờ Thầy thấy thế nào? Đứa cháu gái làm y lời bà bảo, vị thầy trả lời: Cây khô tựa núi lạnh, ba đông không hơi ấm. Thầy nói tâm mình đang như vậy đó, tức là tới chỗ lạng lẽ thôi dứt rồi. Quá hay! Vậy mà khi đứa cháu về thuật lại, bà nghe xong liền nói: Uống công hai chục năm chỉ nuôi một ông thầy vô dụng. Xong bà tới đốt am, đuổi thầy đi.

Thầy tu hành rất chính chắn, gặp người nữ ôm mà không một niệm dấy động, tâm lạnh như tro tàn, không thấy có một chút hơi ấm. Nếu là chúng ta chắc phục lắm. Lẽ ra bà phải mừng và kính trọng Thầy, nhưng tại sao lại đốt am đuổi đi, bà tàn nhẫn quá phải không? Bởi người tu đến chỗ lặng lẽ thanh tịnh rồi chìm lặng nơi đó không phát khởi diệu dụng thì chỉ là nước chết. Chính chỗ này trong nhà thiền nói, nước chết không chứa được rồng, vì không làm được lợi ích gì cho ai cả.

Bà già tuy là cư sĩ mà sức tu vượt trội, không phải hạng tầm thường. Nghe đứa cháu gái về thuật lại, bà liền biết vị thầy này tu tới đâu. Thế nên ngài khen, *bà già nọ tuy là nữ nhân vẫn có tác lược trượng phu, hai mươi năm hao dầu tốn tương vẫn là khá biết*. Hai mươi năm hao dầu tốn tương nuôi cho Thầy tu, đến khi nghe Thầy nói mới biết Thầy tu hành chưa tới đâu.

Bởi thế nên, *một hôm nhằm trên đầu sào trăm trượng đẩy cái rơi mất, đến nỗi dùng hết sức bình sinh cổ tay. Nếu chẳng phải kẻ tục biết, cơ tưởng là khéo trợn thành vụng*. Bà già biết Thầy tu tới chỗ lặng yên, sợ Thầy chìm lặng rồi hài lòng ngang đó không tiến lên nữa, nên bà đốt am để cảnh tỉnh Thầy. Bởi vì khi tu tới không còn ngã không còn nhân, tức là mục thứ tám trong Mười mục chấn trêu, nhà thiền gọi là đầu sào trăm trượng, đây là chỗ khô lạnh, cần phải nhảy qua mới được.

Song tuy như thế, các người cần hội chăng? Sau tuyết mới biết sức từng bá, việc khó mới thấy tâm trượng phu. Đây là câu châm ngôn của Trung Hoa. Nghĩa là,

sau mùa đông tuyết phủ cây cối rụng lá hết, chỉ có cây tùng cây bách còn xanh, qua đó mới biết sức mạnh của tùng bách. Bình thường ai cũng nói hay nói tốt, tới lúc gặp việc khó khăn mới thấy được ai là trượng phu, ai không phải trượng phu. Thế nên muốn biết người tài ba giỏi giang, có bản lĩnh cứng cỏi hay không, phải ngay lúc gặp việc khó khăn mà nhận biết.

Sư thượng đường:

Như Lai thiên Tổ sư đạo

Thiết kỵ tương tâm ngoại biên thảo,

Tùng môn sở đắc tức phi trần,

Đặc địa mai tàng y lý bảo.

Thiền gia lưu tu cập tảo

Bát động Tổ sư quan lệ,

Đầu tẩu đa niên bố áo.

Thị phi hủy dự phó chi không,

Thụ khoát hoành trường hồn khắp hảo.

Quân bất kiến Hàn Sơn lão

Chung nhật hy hy, trường niên bả tảo,

Nhân vấn kỳ trung sự nhược hà?

Nhập hoang điền bất giản, tín thủ niệm lai thảo.

Tham!

Dịch:

Như Lai thiên, Tổ sư đạo

Tối kỵ đem tâm bên ngoài thảo,

Từ cửa mà được tức phi trần,
 Hoàn toàn giấu kín báu trong áo.
 Hàng thiền gia phải đến sớm
 Mở toang cây chốt cửa Tổ sư,
 Giặt giữ lâu năm chiếc áo vải.
 Phải quấy khen chê gửi cho Không,
 Đứng rộng ngang dài lẫn nhau tốt.
 Anh chẳng thấy, Hàn Sơn lão
 Trọn ngày vui cười, năm dài quét,
 Người hỏi trong kia việc thế nào?
 Vào ruộng hoang chẳng lựa, nắm lấy đưa ra cỏ.
 Tham!

*Như Lai thiền, Tổ sư đạo,
 Tối kỵ đem tâm bên ngoài thảo.*

Như Lai thiền hay Tổ sư thiền, cũng phải ngay nơi tâm mình mà nhận lấy, chứ đừng thảo luận ở bên ngoài, nói cái này hay cái kia dở... Bàn nói thiền đạo vẫn là những thứ bên ngoài, không đi tới đâu.

*Từ cửa mà được tức phi trần,
 Hoàn toàn giấu kín báu trong áo.*

Thứ gì từ ngoài cửa mà được, tức cái đó không phải trần bảo nhà mình. Thế nên, nếu cứ tìm ngoài cửa thì ngọc quý của mình đã bị chôn kín trong áo rồi.

*Hàng thiền gia phải đến sớm
 Mở toang cây chốt cửa Tổ sư.*

Người tu thiền cần phải mở toang ra chốt cửa của Tổ sư, để tự mình có thể sớm vào cửa. Mở được cửa vào bên trong rồi còn làm gì nữa?

Giặt giũ lâu năm chiếc áo vải.

Chiếc áo vải nhơ bẩn đã để quên nhiều năm, nên cần phải giặt giũ ngay cho hết hôi hám.

Phải quấy khen chê gửi cho Không,

Đứng rộng ngang dài lẫn nhau tốt.

Phải quấy khen chê gửi cho Không, một câu này đủ tu cả đời. Phải quấy, khen chê v.v... đều gửi cho Không giải quyết. Mặc người thị phi, chúng ta chỉ lo tu, chẳng cần bận tâm vào những thứ đó. Phải quấy khen chê giữ sạch, trả nó về không, đừng để phiền não dấy khởi.

Như chúng ta hiện giờ đang tu, nhưng đôi khi cũng có phiền não với nhau là tại cái gì? Tại phải quấy khen chê không chịu trả về Không, không chịu gửi cho Không, mà cứ gửi vào kho Như Lai. Phải đem vô, quấy cũng đem vô, khen chê đều đem vô chứa. Đến khi ngồi rảnh thì mở kho ra nhớ lại, rồi vui buồn thương ghét, khiến cho phiền não khuấy động thân tâm.

Bởi gửi vô nhiều quá, bao nhiêu năm cứ đem vô gửi, nên giặt giũ hoài mà không sạch. Nếu chúng ta biết khéo ứng dụng như lời dạy này, việc tu khỏe biết chừng nào. Khen chê phải quấy đều buông, vui vẻ tỉnh sáng, nằm xuống ngủ liền chẳng có việc gì buồn lo. Sở dĩ buồn lo là vì có chấp chứa, chấp chứa nên mới có bận tâm. Gửi cho Không hết, trong lòng đâu có gì vướng bận mà vui hay buồn.

Mỗi người tu chúng ta có muốn giặt giũ chiếc áo của mình cho mau sạch không? Nếu muốn áo sạch thì phải nhớ, tất cả lời khen tiếng chê, câu phải câu quấy... đều gửi cho Không, đừng chứa đừng giữ. Áp dụng được như vậy là tu rồi, không cần nói dụng công phu chi nhiều. Chỉ một chữ Không, hết sức nhẹ nhàng. Nhiều khi tức cười cho mình, phải quấy khen chê... cái gì cũng đem vô chứa. Chứa đầy bên trong cho nó tràn lên, rồi giận ghét nổi dậy phải gắng đè xuống, ráng nhẫn, cho đó là tu.

Chúng ta thường than tu sao khó quá, mà bảo gửi hết cho Không thì không chịu gửi. Việc gì đến khéo buông xả, trả cho về Không hết, ngồi tu yên ổn, không có gì để phiền não, không có gì phải ráng đè, tu được như vậy thì lúc nào cũng vui. Ngài diễn tả chỗ này qua hình ảnh rất đẹp: *Đứng rộng ngang dài lẫn nhau tốt*. Người biết gửi cho Không thì rộng bao nhiêu dài bao nhiêu cũng đều tốt, không có gì gọi là bận rộn.

Anh chẳng thấy, Hàn Sơn lão

Trọn ngày vui cười năm dài quét,

Người hỏi trong kia việc thế nào?

Vào ruộng hoang chẳng lựa, nắm lấy đưa ra cỏ.

Ngài Hàn Sơn công quả ở chùa Quốc Thanh, ông già này không làm gì hết, suốt năm quét chùa quét sân mà lúc nào cũng vui cười. Sao ngài cười hoài được? Bởi vì phải quấy khen chê gửi cho Không hết rồi, có gì bận lòng nữa đâu mà buồn. Có ai đến hỏi việc ấy thế nào, liền như người vào ruộng hoang nhổ cỏ đưa ra, không suy nghĩ không lựa chọn.

Đoạn này dường như ngài nói về Hàn Sơn, nhưng qua đó là ngầm chỉ việc tu để nhắc nhở mọi người. Có nhiều người khi tu luôn chăm bẵm, gắng dụng công phu nhưng chẳng tới đâu, vì phải quấy hơn thua cứ đem để trong tâm. Hiểu rõ rồi mới thấy việc tu đơn giản nhẹ nhàng.

Tăng hỏi: - Thế nào là khách trong khách?

Sư đáp: - Đường khách như trời dài, hầu môn tợ biển sâu.

Tăng hỏi: - Thế nào là khách trong chủ?

Sư đáp:

- Dài bởi chỗ tiền khách, nhớ được khi nhà riêng.

Tăng hỏi: - Thế nào là chủ trong khách?

Sư đáp: - Gặp nhau chẳng thiết hỏi tiền trình.

Tăng hỏi: - Thế nào là chủ trong chủ?

Sư đáp:

- Một sớm quyền Tổ lệnh, ai là người xuất đầu.

Tăng hỏi:

- Khách chủ đã nhờ Thầy chỉ dạy, hướng thượng tông thừa việc thế nào?

Sư đáp: - Đem hỏi hướng thượng lại.

Tăng hỏi: - Thế nào là việc hướng thượng?

- Biển cả nếu biết đủ, trăm sông phải ngược dòng.

Tăng lễ bái. Sư nói:

- Thượng tọa Tuần ba mươi năm học được đây.

Dài nhân chỗ tiền khách, nhớ được khi nhà riêng.
Là sao? Dài nhân chỗ tiền khách, như khi chúng ta tiền những người khách thân quen đi đâu, lúc đó vì lưu luyến nhau nên thời gian tiền biệt kéo dài. Từ ngắn mà kéo thành dài, nên nói dài nhân chỗ tiền khách. Nhớ được khi nhà riêng, tức là những chuyện vui buồn, bình thường do công việc bề bộn lãng xăng nên không nhớ, đến khi chỉ riêng một mình hoặc được vào thất yên tu, lúc đó ngồi nhớ đủ thứ linh tinh.

Tóm lại, đoạn này ngài giải thích về bốn câu chủ khách trong tông Lâm Tế, ở đây chúng ta không phải giải thích thêm.

Sư thường bảo chúng:

- Huynh đệ! Như có chỗ tỉnh ngộ, chẳng nệ thời tiết nhân duyên mời đến bày tin tức ấy.

Ngài bảo, nếu người nào muốn tỉnh ngộ thì không cần đợi thời tiết nhân duyên, tức là không phải đợi đúng lúc mới được, mà bất cứ khi nào cứ đến trình tin tức ấy với ngài.

Đêm tuyết có vị tăng đến gõ cửa phương trượng, Sư dậy cầm đuốc nghiêm chỉnh nạt rằng:

- Tuyết dày nửa đêm cầu giải quyết tình nghi, tại sao mà chẳng đủ oai nghi?

Tăng ngoái xem chiếc áo. Sư đuổi ra khỏi viện.

Như vậy là ngài lừa phải không? Đã bảo không cần thời tiết nhân duyên, bất cứ lúc nào nếu ông ngộ thì cứ đến. Vị tăng này nửa đêm tới gõ cửa trình, ngài cầm đuốc ra xem, thấy vị tăng liền nghiêm mặt nạt, nửa đêm trời đổ tuyết lạnh, tại sao đến xin giải quyết nghi tình mà chẳng đủ oai nghi.

Vị tăng nghe quả không đủ oai nghi, tưởng mình mặc áo xốc xếch nên quay lại nhìn, ai dè bị ngài đánh đuổi ra. Rõ ràng vị tăng này bị lừa một cách đáng thương. Lẽ ra nếu là thật ngộ, tức đã thấy được rồi, cứ như thế mà trình mặc ai nói gì thì nói, nhưng vừa nghe ngài quả là hoảng hốt liền, vì vậy mới bị đánh đuổi ra.

Sư thường nói:

- Tiên sư chỉ năm mươi chín, tôi năm mươi sáu vậy, ngày sau không nhiều.

Niên hiệu Thiệu Hưng năm Giáp Dần (1134) ngày giải chế, Sư thối tịch ở Thiên Ninh. Sư bảo Song Hòe cư sĩ Trịnh Tích rằng:

- Ngày tám tháng mười là kỵ Phật Giám, ắt tôi thời chí.

Sư xin về Chương Nam. Ngày mừng bốn tháng mười, Trịnh Công sai em là tăng Đạo Như đến thăm. Sư bảo:

- Ông đến rất đúng lúc, trước một ngày cũng chẳng tốt, sau một ngày sai qua rồi. Tôi tuy cùng Phật Giám đồng điều sanh, trọn chẳng cùng đồng

điều tử. Sáng mai nên vì ta tìm một chiếc thuyền nhỏ đến.

Đạo Như hỏi: - Cần dài hay cần cao?

Sư bảo: - Cao chừng năm thước.

Qua ba ngày, lúc gà gáy sáng, Sư ngồi ngay thẳng như thường. Thị giả xin để kệ. Sư bảo:

- Chẳng từng làm được.

Nói xong, Sư tịch.

Đệ tử hỏa thiêu, chiếc lưôi vẫn còn.

Mỗi khi dạy chúng ngài thường nói: *Tiên sư chỉ năm mươi chín, tôi năm mươi sáu vậy, ngày lại không nhiều.* Thầy của ngài năm mươi chín tuổi tịch, còn ngài thì năm mươi sáu tuổi sẽ tịch. Đây là những lời ngài dự báo cho chúng biết, mình sẽ tịch vào năm này.



THIÊN SƯ SĨ KHUÊ TRÚC AM ở LONG TUỜNG - ÔN CHÂU

(1083 - 1146)

Sư con nhà họ Sủ ở Thành Đô. Buổi đầu Sư nương thầy Tông Nhã ở Đại Từ, tâm say Lãng-nghiêm trải qua năm năm. Sư dạo đi phương Nam yết kiến các hàng tôn túc rồi mới đến Long Môn. Sư đem chỗ bình thường sở đắc bạch Phật Nhãn. Phật Nhãn bảo:

- Ông hiểu tâm đã tốt, chỉ thiếu gắng sức mở mắt thôi.

Bèn bảo Sư giữ chức Duy-na.

Một hôm Sư đứng hầu hỏi rằng:

- Khi tuyệt đối đãi thì thế nào?

Phật Nhãn đáp:

- Giống hệt ông trong tăng đường bạch chùy.

Sư mờ mịt. Đến chiều Phật Nhãn vào liêu Duy-na, Sư đem thoại khi sáng hỏi. Phật Nhãn bảo:

- Ngôn ngữ suông.

Ngay lời này Sư đại ngộ.

Thiền sư Sĩ Khuê lúc mới đến Phật Nhãn, ngài đem chỗ sở đắc bình thường ra trình, Phật Nhãn bảo: *Ông hiểu tâm đã tốt, chỉ thiếu gắng sức mở mắt thôi.* Đối với tâm thì ông đã hiểu rồi, chỉ là còn thiếu gắng sức mở mắt. Sau đó ngài được bổ làm chức sự, cho vào liêu của Duy-na.

Một hôm đang đứng hầu Phật Nhãn, ngài hỏi: *Khi tuyệt đối đãi thì thế nào?* Phật Nhãn đáp mà ngài không hiểu. Chiều, Phật Nhãn vào liêu Duy-na, ngài hỏi lại thoại khi sáng. Phật Nhãn bảo: *Ngôn ngữ suông.* Ngay lời này ngài đại ngộ, tức là đã mở mắt rồi.

Cuối niên hiệu Chánh Hòa (1118) Sư trụ trì ở Thiên Ninh, từng dời đến nhiều ngôi danh lam. Khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1162), Sư vâng chiếu đến khai sơn chùa Năng Nhân ở Nhạn Đãng. Khi ấy Chơn Yết ở Giang Tâm nghe Sư đến, e duyên pháp chưa chín, đặc biệt qua sông đón Sư về phương trượng lạy chín lạy để dẫn dụ người xứ Ôn. Do đó, dân chúng hợp nhau quy kính.

Qua đoạn này chúng ta thấy người xưa thật là kỳ đặc. Chơn Yết là một vị thiền sư đã ra giáo hóa, thấy ngài mới đến e ngại chưa đủ uy danh, nên dẫn đồ đệ ra chào mừng, đón về phương trượng và đích thân đánh lễ.

Nếu chúng ta bây giờ gặp việc giống vậy, mình có làm được như ngài Chơn Yết không? Giả sử chú nào ra trụ trì trước, sau có sư đệ cũng được cử đến làm trụ trì ở gần đó, lúc ấy mình thế nào? Có dẫn đồ chúng ra chào hỏi và đích thân đánh lễ, hay là ngồi trên tợ cao cho sư đệ lễ bái mình? Người xưa vì muốn gây uy tín cho huynh đệ nên mới làm như thế, nhờ vậy mà dân chúng tại đó hết lòng kính nể ngài.

Chưa xem giấy cử, đồ chúng kia sợ hành quy pháp, giữa đêm phóng lửa đốt, ngôi chùa trở thành một đồng ngói gạch vụn. Sư cột chùm cây làm thất, đăng tòa dạy chúng:

*Ái nhàn bất đả Cổ Sơn cổ,
Đầu lão lai khan Nhạn Đãng san,
Kiệt các nguy lâu hồn bất kiến,
Khê biên mao ốc lưỡng tam gian.*

Dịch:

**Thích nhàn chẳng đánh trống Cổ Sơn,
Dưỡng già lại xem núi Nhạn Đãng,
Gác đẹp lâu to toàn chẳng thấy,
Nhà tranh bên suối hai ba căn.**

**Lại có người cùng chung ra tay chẳng?
Sư hét một hét xuống tòa.**

Tín thí đến nghe pháp góp sức xây dựng, chưa bao lâu thành ngôi chùa khang trang. Kế đó, Sư bị bổ đến Giang Tâm.

Chúng lúc ấy cũng đâu vừa, phải không? Thời nào cũng vậy, có những người tu rất hay mà cũng lắm kẻ rất dở. Ngày xưa làm trụ trì là do các vị quan mời thỉnh, nên có giấy tờ cử đến chỗ đó. Ngài tới chưa trình giấy lại nghiêm nghị quá, chúng lo sợ ngài làm trụ trì chắc là mình nguy, nên tối đến liền phóng lửa đốt chùa. Chùa bị đốt cháy hết nhưng ngài vẫn không chán, không có chùa thì lấy những chùm cây cao buộc lại làm thất để ở.

Ngài đăng tòa nói kệ dạy chúng:

*Thích nhàn chẳng đánh trống Cổ Sơn,
Dưỡng già lại xem núi Nhạn Đãng,
Gác đẹp lâu to toàn chẳng thấy,
Nhà tranh bên suối hai ba căn.*

Ngày về đây gác đẹp lâu to bị đốt sạch hết rồi, nhìn ra chỉ thấy bên cạnh suối hai ba căn nhà tranh mà thôi.

Lại có người cùng chung ra tay chẳng? Ngài hỏi, có người nào góp sức để cùng ngài gầy dựng lại hay không? Những người đến nghe pháp hùn nhau xây dựng lại ngôi chùa đã bị đốt cháy, trở thành kang trang đẹp đẽ. Thế nhưng nhân duyên ở chùa mới không lâu, ngài được bổ nhiệm tới Giang Tâm.

Sư thượng đường:

**- Muôn năm một niệm, một niệm muôn năm.
Mặc áo lăn trong bùn, rửa chân lên giường ngủ.
Việc đã trải qua chỉ như hiện nay. Biển cả sóng to
vỗ, tiểu nhân tác vương sâu.**

Sư cầm cây gậy lên nói:

- Cả thầy các người chưa được lối vào, cần phải được lối vào. Đã được lối vào, cần phải có con đường xuất thân mới được. Đại chúng! Thế nào là một con đường xuất thân?

Sư im lặng giây lâu nói:

**Tùng hiện đáy khe tuyết khó đè,
Bên trời gió thổi trăng nào động.**

Sư giộng cây gậy một cái, xuống tòa.

Tác vuông là chỉ cho tâm. Ngài nói chuyện đời chuyện đạo lẫn vào nhau. *Biển cả sóng to vỗ, tiểu nhân tác vuông sâu.* Biển lớn thì có sóng to nổi lên, còn tiểu nhân thì tác vuông sâu. Tâm của tiểu nhân sâu lắm!

Tùng hiện đáy khe tuyết khó đè. Tùng hiện dưới đáy khe, tức là bóng của cây tùng, nên tuyết đè không được. *Bên trời gió thổi trăng nào động.* Gió thổi ào ào, nhưng trăng không hề bị gió thổi làm cho lay động.

Sư thượng đường:

- Muôn cơ chẳng đến, mắt thấy sắc tai nghe tiếng; một câu hiện bày, đầu đội trời chân đạp đất. Các ông chỉ biết ngày nay là mừng một tháng năm, thực chẳng biết, quạ vàng nửa đêm đi gấp gấp, thỏ ngọc ngày mai biến đông lên.

Sư lấy phát tử gõ giường thiền, xuống tòa.

Khi muôn cơ không đến vì sao mắt thấy sắc, tai nghe tiếng? Một câu hiện bày thì đầu đội trời chân đạp đất.

Các ông chỉ biết, ngày nay là mừng một tháng năm, mà chẳng biết *qua vàng nửa đêm đi gấp gấp, thả ngọc ngày mai biển đông lên*. Chúng ta không hiểu, nghe thiền sư nói năng dường như mâu thuẫn. Nhưng kỳ thực các ngài nói phần nhiều là hoạt ngữ, tất cả lời nói đều cốt không để cho mình suy nghiệm, chỉ lâu lâu mới hé mở chút ít mà thôi.

Sư thượng đường:

- **Rõ ràng không ngộ, có pháp tức mê. Các người nhầm trong ấy lập chẳng được, các người nhầm trong ấy trụ chẳng được. Nếu lập thì nguy, nếu trụ thì mù. Cần phải ý chẳng dừng huyền, câu chẳng dừng ý, dụng chẳng dừng cơ. Ba điều này đã rõ, tất cả chỗ không nên bó buộc tự nhiên hiện tiền, chẳng phải chiếu cố tự nhiên minh bạch. Tuy nhiên như thế, lại phải biết có việc hưởng thưởng. Mưa lâu chẳng tạnh. Hầy!**

Rõ ràng không ngộ, có pháp tức mê. Nghĩa là, nếu cho rằng đã rõ ràng rồi thì không ngộ, còn thấy có một pháp thật tức vẫn còn mê. Ở trong ấy *lập không được, mà trụ cũng không được*. Vì sao? *Nếu lập thì nguy, trụ thì mù. Cần phải ý chẳng dừng huyền, ý không kẹt ở chỗ hiểu, bàn về những cái hay. Câu chẳng dừng ý, câu nói chẳng dừng nơi người ta có thể suy tầm được. Dụng chẳng dừng cơ, dụng thì không chọn lựa ở một căn cơ nào.*

Sư thượng đường:

- **Một chiếc lá rụng thiên hạ thu, muốn xem tốt ngàn dặm, phải lên một tầng lầu. Một hạt bụi**

dấy đại địa thâm, Gia Châu tạc tượng lớn, Thiểm Phủ đúc trâu sắt. Kẻ sáng mắt nên làm sao?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Hận lâu mái thêm vắng, cầu trôi nước chẳng trôi.

Sư giộng cây gậy xuống tòa.

Một chiếc lá rụng thiên hạ thu, muốn xem tột ngàn dặm, phải lên một tầng lầu. Ba câu này là ba câu thơ, nghĩa là nhìn một chiếc lá rụng thì biết khắp nơi đang mùa thu. Muốn mắt thấy xa ngàn dặm, phải lên tầng lầu cao mới thấy được.

Một hạt bụi dấy đại địa thâm, nếu muốn hiểu câu này thì Gia Châu tạc tượng lớn, Thiểm Phủ đúc trâu sắt. Kẻ sáng mắt nên làm sao?

Sư thượng đường:

- “Kiến kiến chi thời kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến kiến bất năng cập.”

Hoa rơi có ý theo dòng nước,

Dòng nước vô tình luyện hoa rơi.

“Các cái có thể trả tự nhiên chẳng phải ông, cái chẳng bị ông trả chẳng phải ông là ai?”

Thường hận xuân về không chỗ kiếm,

Đâu ngờ chuyển nhập trong đây rồi.

Sư hét một tiếng nói:

- Sau ba mươi năm chớ nói Năng Nhân (chùa Sư trụ, chỉ Sư) làm hồng con cái nhà người.

Thượng đường ngài dẫn câu *kiến kiến chi thời kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến kiến bất năng cập* trong kinh Lăng-nghiêm, rồi bình bằng hai câu thơ:

Hoa rơi có ý theo dòng nước, dòng nước vô tình luyến hoa rơi. Hoa nở trên cây ở bên cạnh dòng nước, hoa rụng xuống nước dường như có ý, nhưng hoa nào có ý. Dòng nước chảy đẩy hoa tới lui, dòng nước cũng không cố ý để chặn hoa lại. Hai bên làm duyên cho nhau, mà không bên nào có ý cả. Cũng vậy, kiến kiến chi thời kiến phi thị kiến, cái kiến đó chẳng phải chỉ là cái kiến của ý duyên không thôi.

Ngài dẫn tiếp lời Phật nói với A-nan: *Các cái có thể trả, tự nhiên chẳng phải ông. Cái chẳng bị ông trả, chẳng phải ông, là ai?* Những thứ có chỗ để trả về được, nó đâu phải là ông. Cái không trả về đâu, thường hiện tiền ngay ông, cái đó không phải ông thì là ai? Ngài nói lên chỗ thấy của mình qua hai câu thơ:

Thường hạn xuân về không chỗ kiếm, đâu ngờ chuyển nhập trong đây rồi. Vài hôm nữa là tới xuân, vậy mình tìm xuân ở đâu? Trong pháo nổ hay chỗ hoa nở? Chúng ta tìm kiếm mùa xuân ở nơi này nơi kia, mà đâu hay rằng mùa xuân đã ngay đây rồi. Cũng vậy, tám thứ có chỗ để trả về, tức không phải mình; còn cái hiện tiền ngay nơi mình, không thể trả cũng không cần tìm kiếm, cái đó không phải mình thì là ai.

Những lời bình của ngài rất hay, giúp cho chúng ta hiểu được tường tận hơn.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý Tổ sư Tây sang?

Sư đáp: - Nhà đông đốt đèn nhà tây ngồi tối.

Tăng hỏi: - Chưa biết ý chỉ thế nào?

Sư đáp: - Ngựa quen gác yên, lừa quen kéo cối.

Tăng lễ bái. Sư bảo:

- Thiền tăng lạnh lợi, chỉ tiêu một cái.

Sư bèn nói:

Ngựa quen gác yên, lừa quen kéo cối,

Thiền tăng lạnh lợi chỉ tiêu một cái.

Dù khiến nhà đông đốt đèn sáng,

Chưa hẵn nhà tây ngồi trong tối.

Tây sang ý chỉ hỏi thế nào?

Ông thầy lắm mồm tự chuốc hại.

Cứ tìm hỏi ý chỉ Tổ sư Tây sang là thế nào, càng nói chỉ càng tự chuốc họa mà thôi.

Tăng hỏi: - Thế nào là đệ nhất nghĩa?

Sư đáp: - Ông hỏi ấy là đệ nhị nghĩa.

Vừa hỏi là thành đệ nhị mất rồi.

Tăng hỏi:

- Con chó lại có Phật tánh hay không? Triệu Châu nói không, ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

- Một phen bị rắn cắn, sợ thấy dây giăng đứt.

Như người đi đường bị rắn cắn, mai chiều có việc đi ban đêm, thấy dây giăng đứt nằm ngang trên đường, người ấy hoảng sợ la lên vì tưởng là con rắn.

Tăng hỏi: - Chim én bàn sâu thật tướng khéo nói pháp yếu, lý này thế nào?

Sư đáp: - Chẳng bằng nhận ngậm lau.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Con rùa cửa động Hoa Dương.

Tăng hỏi:

- Tổ Đạt-ma xây mặt vào vách ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

- Kim mộc thủy hỏa thổ, sao La-hầu Kế-đô.

Tăng hỏi: - Câu có câu không như bìm nường cây là thế nào?

Sư đáp: - Có tật giệt mình.

Tăng hỏi: - Quốc sư ba phen gọi thị giả lại là sao?

Sư đáp: - Đánh trống khỉ đùa giỡn, trống vỡ khỉ chạy tan.

Đến ngày mười tám tháng bảy năm Bính Dần (1146), Sư gọi trưởng lão Tông Phạm đến dặn dò việc sau. Hôm sau, Sư tắm gội đánh chuông họp chúng, đến tòa ngồi yên thị tịch.



THIÊN SƯ PHÁP TRUNG MỤC AM ở HOÀNG LONG - phủ LONG HUNG

(1084 - 1149)

Sư con nhà họ Đào, quê ở Tứ Minh. Năm mười chín tuổi Sư thi kinh được độ làm tăng. Buổi đầu Sư tập Thiên Thai giáo, ngộ được yếu chỉ Nhất tâm tam quán, song chưa có thể mất dấu. Sư khắp tham các bậc danh túc, đến Long Môn nhân xem bánh xe nước quay, liền ngộ được tâm yếu. Sư thuật kệ:

<i>Chuyển đại pháp luân,</i>	Chuyển đại pháp luân,
<i>Mục tiền bao lý.</i>	Gồm hết trước mắt.
<i>Cánh vãn như hà?</i>	Lại hỏi thế nào,
<i>Thủy trôi thạch ma.</i>	Nước chảy cối đá.

Sư trình Phật Nhãn. Phật Nhãn hỏi:

- Trong kia việc thế nào?

Sư thưa: - Dưới khe nước thường chảy.

Phật Nhãn nói:

- Ta có một câu rất sau, đợi phân phó cho ông.

Sư liền bịt tai mà đi.

Sau Sư đến Lô Sơn, ở trong cây khô tại Đồng An tuyệt thực ngồi lặng lẽ.

Nghe ngài Pháp Nhãn nói *Ta có một câu rất sau đợi phân phó cho ông*, ngài liền bịt tai đi ra. Sao mà vô phép quá vậy? Hành động này của ngài nhằm nói lên chỗ ngộ đã đầy đủ rồi. Theo cái nhìn của chúng ta thấy ngài dường như vô lễ, nhưng đây là chỗ vượt ngoài lý lẽ thường tình. Bởi vì nếu chỗ ngộ chưa đủ mới cần nghe thêm, còn hết nghi rồi thì đâu cần nữa, nên ngài bịt tai lại.

Khoảng niên hiệu Tuyên Hòa (1119-1125) vùng Tương Đàm đại hạn, dân chúng cầu đảo mà không mưa. Sư liền nhảy vào Long uyên hô to: “Nghịch súc nên mưa một thước.” Liền đó trời mưa. Sư ở Nam Nhạc mỗi khi đi cưới cạp mà dạo, những hàng Nho Thích nhìn theo làn bụi mà lễ bái. Sau Sư trụ ở Hoàng Long.

Long uyên tức là cái hồ sâu. Ngài không phải hạng tầm thường, thường cưới cạp đi dạo. Bởi do ngài cảm hóa được loài rồng làm mưa, nên ở đâu cũng có rồng theo một bên.

Sư thượng đường:

Trương công khiết tửu Lý công túy,

Tử tế tư lương bất tư nghị.

*Lý công túy tỉnh vấn Trương công,
Kháp sử Trương công vô hảo khí.
Vô hảo khí,
Bất như quy gia thả đả thụ.*

Dịch:

Trương công uống rượu, Lý công say,
Chín chắn tư lương chẳng nghĩ tày.
Hỏi Trương công, khi Lý công tỉnh,
Khiến cho Trương công về u hoài.
Về u hoài,
Chẳng bằng về nhà nằm ngủ ngay.



Sư thượng đường:

*Kim triều chinh ngoạt bán
Hữu sự vị quân đoan.
Thiết kỵ lưỡng nhân tình
Bị tha đăng hỏa hoán.*

Dịch:

Hôm nay nửa tháng giêng
Có việc vì anh quyết.
Tối kỵ hai tròng mắt
Bị người thay đèn thấp.



Sư thượng đường:

- Ta có một câu ấy, chẳng nhờ miệng chư thánh, chẳng động lưỡi chính mình, chẳng phải tiếng hơi thở ra vào, chẳng phải tình thức phân biệt. Giả sử Tịnh Danh ngâm miệng nơi Tỳ-da, Thích-ca đóng cửa thất ở Ma-kiệt, giống hệt bịt tai trộm linh, chưa khỏi tiết lậu thiên cơ. Dù cho Đức Sơn vào cửa liên đánh, Lâm Tế vào cửa liên hét, nếu nằm dưới cửa Mục Am, kiểm điểm đem lại chỉ là một cây cọc. Ngàn thứ ngôn muôn cách nói, chỉ cốt dạy anh nhà mình hết. Mặc tình đại địa hư không bảy lồi tám lõm.

Đối với ngài, các thủ thuật mà chư Tổ dùng chỉ là phương tiện chứ không phải chỗ cứu cánh. Vậy dùng phương tiện để làm gì? *Ngàn thứ ngôn muôn cách nói, chỉ cốt dạy anh nhà mình hết*. Phật tổ nói đủ cách, chỉ nhằm giúp cho người tham học sạch hết điên đảo. Ở đây ngài nói “làm cho nhà mình hết”, chính là chỗ trong nhà thiền hay nói “tan nhà nát cửa” không khác.

Mặc tình đại địa hư không bảy lồi tám lõm. Bên ngoài mặc tình lồi lõm thế nào, miễn mình sạch hết là được rồi. Chúng ta bây giờ cứ hay quan trọng việc bên ngoài, như các chú ở đây, mỗi khi ngồi lại bàn luận là bàn nói cái gì? Chuyện của mình hay chuyện thiên hạ, chuyện nào mình cũng vớt vô, nên đất chỗ này lồi chỗ kia lõm. Cần phải *nhà mình hết* mới được. Đừng để biết việc của khắp thiên hạ, nhưng việc của mình thì không biết gì hết. Đó là chỗ sai lầm.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Chớ nhằm bên ngoài kiếm.

Tăng hỏi: - Thế nào là tâm?

Sư đáp: - Chớ nhằm bên ngoài tìm.

Tăng hỏi: - Thế nào là đạo?

Sư đáp: - Chớ nhằm bên ngoài thảo.

Tăng hỏi: - Thế nào là thiền?

Sư đáp: - Chớ nhằm bên ngoài mà truyền.

Tăng hỏi: - Cứu cánh thế nào?

Sư đáp: - Chỗ lặng tát-bà-ha.

Tăng thưa:

- Đại chúng nhóm họp thỉnh Thầy cử xướng.

Sư dựng đứng cây phát tử. Tăng thưa:

- Xin Thầy lại bày phương tiện.

Sư gõ giường thiền một cái.

Sau Sư thị tịch, đồ chúng xây tháp tại động Hương Nguyên.



THIÊN SƯ ĐẠO HẠNH TUYẾT ĐƯỜNG ở Ô CỰ - CÙ CHÂU

(1089 - 1151)

Sư họ Diệp quê ở Xử Châu, nương thiên sư Anh ở Phổ Chiếu, Thất Châu được độ. Sư đến tham vấn Phật Nhãn. Một hôm Sư nghe Phật Nhãn nhắc câu chuyện “Huyền Sa chạm đến ngón chân” liền đại ngộ.

Sau khi trụ trì, Sư thượng đường:

- Hội tức liền hội, ngọc vốn không tỳ. Nếu nói chẳng hội, chày cối sanh hoa. Thử hỏi, chín năm xây mặt vào vách, sao bằng đại hội niêm hoa. Nam Minh (Sư) thương xót thế ấy, cũng là thuận gió ném cát. Tham!

Nam Minh là chỗ ngài đang ở, cũng nhằm chỉ cho ngài. Những câu nói này cốt để cho tham, chứ không phải để cho hiểu.

Sư thượng đường:

- **Mây che đỉnh núi, trăm chim im tiếng; trăng ẩn đầm lạnh, châu rồng tự chói. Chính khi thế ấy liền được kẻo đá bỗng nhiên đại ngộ, động đá chóng vậy thôi tâm, hư không mở miệng làm chứng, khe bắc thấy đá gập đầu, mọi người thấy ở trong ấy ngủ khò, cười ngất trâu sắt Thiểm Phủ.**

Chỗ này hư không làm chứng, kẻo đá đại ngộ, động đá dừng tâm, người đá gập đầu; còn riêng mọi người thì sao? Ở trong đó mà ngủ khò. Thật đáng tức cười!

Sư thượng đường:

- **Phật nói ba thừa mười hai phần giáo đốn tiệm thiên viên, trước mặt người si chẳng được nói mộng. Tổ sư Tây sang chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, trước mặt người si chẳng được nói mộng. Lâm Tế tam huyền Vân Môn tam cú Động Sơn ngũ vị, trước mặt người si chẳng được nói mộng. Nam Minh nói thế ấy lại khỏi bị người kiểm trách hay không? Sở dĩ cổ nhân nói:**

Thạch nhân cơ tự nhữ

Dã giải xướng Ba ca.

Nhữ nhược tự thạch nhân,

Tuyệt khúc dã ưng hòa.

Dịch:

Người máy đá giống ông

Cũng biết hát Ba ca.

Ông nếu giống người đá,

Tuyệt khúc cũng nên hòa.

Lại có hòa Tuyết khúc hay chăng? Nếu có, kêu lại rửa chân cho lão tăng.

Ngài nói: Phật dạy ba thừa mười hai phần giáo, Tổ sư Tây sang, các vị thiền sư trong Ngũ gia tông phái v.v... đều là nói mộng. Đến cuối, ngài lại dẫn lời người xưa: *Người máy đá giống ông, cũng biết hát Ba ca*. Ba ca là dân ca của người Ba ở Tứ Xuyên. Người máy bằng đá giống y như chúng ta, không những là người máy mà còn là người máy bằng đá, cũng biết xướng bài ca. *Ông nếu giống người đá, Tuyết khúc cũng nên hòa*. Nếu chúng ta giống như người đá, hoạt động mà tâm không động, thì có thể hòa được những bài ca hay. Nghĩa là chừng nào tâm chúng ta như cây đá, làm tất cả mà tâm không động, thì chừng đó mới thích hợp, mới an ổn.

Sư thượng đường:

- Khắp thân là miệng nói được phân nửa, khắp thân là mắt dùng được một cây. Chỗ dùng chẳng đến, nói có dư; chỗ nói không đến, dùng không hết. Vì thế nói, đang dùng không nói, đang nói không dùng, dùng nói đồng thời, dùng nói chẳng đồng thời. Các người nếu có nghĩ nghĩ, núi Tây dưới gót chân ông.



Sư đến Quốc Thanh, chúng thỉnh thượng đường:

- Câu cũng cắt ý cũng cắt, chỗ bật hào bật ly như non như núi. Câu cũng đến ý cũng đến, chỗ như non như núi bật hào bật ly. Nếu chột đẩy ra

một lối, ý câu đều đến đều chẳng đến, đều cắt đều chẳng cắt. Dù được ngoài ba câu bật lao lung, ngoài sáu câu không tiêu đích, chính khi thế ấy một câu làm sao nói?

**Nghiêng che đồng đường chẳng đồng dấu,
Cùng nhau nắm tay lên đài cao.**

Những lời nói này nhằm để người học không thể phân tích, cho nên nếu chúng ta nghe mà cố tìm hiểu thì chỉ thêm rối mà thôi.

Sư thượng đường nhắc Triệu Châu dạy chúng, nói: “Lão tăng trừ đi hai thời cơm cháo là chỗ tạp dụng tâm.” Sư bảo:

- Hôm nay sáng tháng sáu, cư sĩ đánh trống, trưởng lão đăng đường. Cả thấy các người, thấy đến trong đây tạp dụng tâm.

Ngài nêu lại lời của thiền sư Triệu Châu: *Lão tăng trừ hai thời cơm cháo là chỗ tạp dụng tâm*, rồi nói hiện nay đánh trống đăng đường, hợp chúng tham vấn, thấy là tạp dụng tâm. Vậy chúng ta bây giờ thắng tòa, hợp chúng... có phải là tạp dụng tâm không? Cũng là tạp dụng tâm.

Sư thượng đường nhắc: “Tăng hỏi Vân Môn: Thế nào là câu kinh người? Vân Môn đáp: Vang.”

Sư bảo:

- Câu Vân Môn đáp vị tăng này chẳng được liền thôi, lại hô hào cơm cháo để hợp bình sinh.

Sư thượng đường:

*Hoàng Mai vũ mạch thu hàn,
Nhâm ma hội thái vô đoan.
Thời tiết nhân duyên Phật tánh nghĩa,
Đại đô tu thị độc lâu càn.*

Dịch:

**Hoàng Mai mưa, mùa gặt lạnh,
Thế ấy hội rất không lý do.
Thời tiết nhân duyên nghĩa Phật tánh,
Cả thấy đều là đầu lâu khô.**



Sư dạy chúng, nhắc: “Hòa thượng Cơ hỏi Tăng: Thiên lấy gì làm nghĩa? Chúng hạ ngữ đều không hợp lý. Tăng thỉnh ích Hòa thượng Cơ, Hòa thượng Cơ đáp thay: Lấy chê bai làm nghĩa.” Sư bảo:

- Chư Phật ba đời là chê bai, hai mươi tám vị Tổ ở Tây Thiên là chê bai, sáu vị Tổ ở Trung Hoa là chê bai, Hòa thượng khắp thiên hạ là chê bai, các người là chê bai, sơn tăng là chê bai, trong đây lại có người chẳng chê bai hay không?

Bàn huyền nói diệu hà sa số

Đâu giống Song Phong chê được gần.

Ngài nói chư Phật ba đời là chê bai, chư tổ Ấn Độ, Trung Hoa v.v... tất cả đều là chê bai. Nghe hợp lý không? Chê bai là không ưa thích. Điều gì không ưa thì mình chê bai, buông bỏ không thích nắm giữ. Như vậy nói chê bai tức là buông xả hết không còn đeo mang.

Như trường hợp của ngài Từ Minh, khi mới học đạo bị thầy quở trách, ngài cho rằng cứ chửi mắng như thế là đạo lý hay sao? Liền bị thầy hỏi ngược lại, ông cho đó là chửi mắng à? Từ Minh lập tức có tỉnh. Đây là do chê bai mà tỉnh ngộ. Theo lẽ thường, hễ nghe chê bai là cảm thấy buồn, nghe khen ngợi thì yêu thích. Vì yêu thích nên tiếc giữ, bởi không ưa chê bai nên phải buông xả. Rốt ráo buông xả là gần đạo lý nhất.

Sư có chút bệnh, đệ tử giáo thọ Uông Công Kiều đến thăm. Sư đem việc sau dặn dò xong, để kệ rằng:

**Biết thì biết bản tâm mình,
Thấy thì thấy bản tánh mình,
Biết được bản tâm bản tánh,
Chính là tông môn đại bệnh.**

Trong bùn lầy có gai, chớ nói chẳng nghi!

Hôm sau, Sư tắm gội mặc y phục ngồi kiết già thị tịch.

Bài kệ này nghe rất mâu thuẫn, tại sao *biết được bản tâm bản tánh, chính là tông môn đại bệnh*? Như trong kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Thức tâm đạt bản, danh vi Sa-môn.” Biết bản tâm đạt bản tánh, mới được gọi là Sa-môn, sao ở đây ngài lại nói đó là bệnh lớn? Bởi bản tâm bản tánh là của mình mà bị mình biết, thì không phải bệnh là gì? Nếu biết được, tức cái đó là của ai chứ không phải của mình, nên nói là đại bệnh.



THIÊN SƯ MINH BIỆN CHÁNH ĐƯỜNG ở ĐẠO TRÀNG - AN KIẾT CHÂU

(1085 - 1157)

Sư họ Du quê ở bản quận, thuở nhỏ thờ thiên sư Uẩn ở Báo Bản đến khi được thọ giới Cụ túc. Sau Sư dạy đi tham vấn các bậc tôn túc, đến Tây Kinh ở Thiếu Lâm nghe vị tăng nhắc Phật Nhãn dùng cổ thi thuyết minh chuyện vua nước Kế Tân chém tôn giả Sư Tử rằng:

Dương Tử giang đầu dương liễu xuân,

Dương hoa sâu sát độ giang nhân.

Nhất thanh Khương địch ly đình vãn,

Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần.

Dịch:

Đầu sông Dương Tử, dương liễu xuân,

Hoa dương buồn chết người qua sông.

**Một tiếng sáo tây lìa trạm tối,
Anh đến Tiêu Tương tôi đến Tần.**

Sư thăm có chỗ khế hội. Sư liền tìm đến Long Môn xin vào thất. Phật Nhãn nói:

- Nhân duyên sách vở của Tổ sư từ trước thì cho ông hiểu. - Chợt đưa nắm tay hỏi: - Cái này tại sao gọi là nắm tay?

Sư toan đáp, Phật Nhãn bụm miệng Sư nói:

- Chẳng được khởi đạo lý.

Khi ấy Sư chóng bỏ tri kiến.

*Đầu sông Dương Tử, dương liễu xuân,
Hoa dương buồn chết người qua sông.*

Bài thơ của ngài Phật Nhãn rất hay, diễn tả khi tổ Sư Tử bị vua Kế Tân chém đầu.

Một tiếng sáo tây lìa trạm tối. Một tiếng sáo tây, tức là một nhát kiếm nhà vua vừa chém xuống.

Anh đến Tiêu Tương tôi đến Tần. Câu này diễn tả thật chính xác, mỗi người đến một nơi, vua bị đọa còn Tổ thì hết duyên nhập Niết-bàn.

Sau khi trụ trì, Sư thượng đường:

*Mãnh hổ khẩu biên thập đắc,
Độc xà đầu thượng an bài.
Cánh bát đĩnh thung dao lỗ
Hồi đầu biệt hữu sinh nhai.*

***Bà tử bị ngã khám phá liễu,
Đại Bi viện lý hữu thôn trai.***

Dịch:

**Bên miệng cạp dữ lượm được,
Trên đầu rắn độc an bài.
Lại chẳng đóng cọc dời thuyền,
Xoay đầu riêng có sanh nhai.
Bà già bị ta khám phá xong,
Viện Đại Bi có làng thiết Trai (trai tăng).**



Sư thượng đường:

**- Tịnh ngũ nhãn, phún vàng chiều ửng hồng;
đắc ngũ lực, thối rơi hoa đào biếc. Duy chứng mới
biết khó thể lường.**

Sư giộng cây gậy nói:

**- Một mảnh người nào được, truyền mười
vạn nhà.**

Những câu này ngài trích dẫn trong Chứng Đạo Ca, rồi bình.

Tịnh ngũ nhãn, ngài bình: Phún vàng chiều ửng hồng.

Đắc ngũ lực, ngài bình: Thối rơi hoa đào biếc.

Duy chứng mới biết khó thể lường là dẫn nguyên văn từ câu Duy chứng nãi tri nan khả trắc. Chứng mới biết, chỗ đó không thể khởi suy nghĩ mà hiểu được.

Sư thượng đường:

- Hoa nở trên gò, tơ liễu bên bờ. Hoàng oanh hòa điệu đàn Thúc Dạ, cỏ thơm vào câu từ Tạ công. Nào hử nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc minh tâm. Chẳng những trên nước tìm bọt, đã là trong mắt dính bụi.

Sư vạch ngực nói:

- “Các ông hãy xem thân sắc vàng tía của ta đây, ngày nay ắt còn ngày mai thì không.” Giống như không gió nổi sóng, toàn chẳng biết hổ thẹn. Hãy nói, việc ngày nay là thế nào?

**Khéo kẻ mê gặp Đạt-ma,
Chẳng rõ ai biết thừa đương.**

Các ông hãy xem thân sắc vàng tía của ta đây, ngày nay ắt còn ngày mai thì không. Câu này ngài dẫn trong kinh Niết-bàn. Khi sắp nhập Niết-bàn đức Phật ngồi giữa chúng, vạch ngực ra nói: Các ông hãy xem thân sắc vàng tía của ta đây, ngày nay ắt còn, ngày mai thì không. Câu nói này có ý nghĩa gì?

Hình ảnh vạch ngực của đức Phật là lối chỉ bày rất khéo, sau này trong nhà thiền, các thiền sư cũng thường sử dụng, hoặc vạch ngực, hoặc đưa tay lên... Nhưng ở đây ngài bình: *Giống như không gió nổi sóng, toàn chẳng biết hổ thẹn.* Nghĩa là sao? Những hành động đó, cũng giống như không gió mà nổi sóng vậy. Ngài tiếp: *Hãy nói, việc ngày nay là thế nào?* Đúng là kẻ mê được gặp Đạt-ma, chẳng rõ ai biết thừa đương.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư bèn khảy móng tay ba cái. Tăng hỏi:

- Nói nín kệt ly vi, thế nào thông chẳng phạm?

Sư đáp: - Thân ngang ngoài tam giới, riêng thoát trước muôn cơ.

Tăng hỏi: - Chỉ như Phong Huyết nói “thường nhớ Giang Nam trong tháng ba, chá cô hót chốn trăm hoa ngát”, lại là sao?

Sư đáp: - Nói cái gã ngây ngô ấy làm gì?

Tăng hỏi:

Tre gầy gió nam lay nhè nhẹ,

Trăm hoa đầy đất nhật từ từ (mặt trời lên).

Sư hỏi: - Ông nhằm chỗ nào thấy Phong Huyết?

Tăng thưa: - Trong tai trong mắt rất thích thú.

Sư bảo: - Nghĩ lường không giao thiệp.

Ly là thể, Vi là dụng. Ngài hỏi: *Ông nhằm chỗ nào thấy Phong Huyết?* Vị tăng đáp, ở trong tai trong mắt mà thấy, rất là thích thú. Đáp như vậy hay chưa? Ngài bảo: *Nghĩ lường không giao thiệp*, ông còn dùng suy nghĩ như vậy, tức là không dính dáng rồi.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Không củi, lửa cháy bùng.

Tăng hỏi: - Thế nào là Pháp?

Sư đáp: - Nghèo làm ra đáng giàu.

Tăng hỏi: - Thế nào là Tăng?

Sư đáp: - Bà già bán quạt, tay che nắng.

Tăng hỏi:

- Thế nào là lật cực bông của Hòa thượng?

Sư bảo: - Chẳng đáp thoại này.

Tăng hỏi: - Vì sao chẳng đáp?

Sư cười to nói: - Nuốt chẳng vô, mưa chẳng ra.

Lật cực bông là chỉ cho công án. Chỗ lật cực bông mà ông hỏi đó, nuốt chẳng vô mưa chẳng ra.

Ngày kỵ Phật Nhãn, Sư niệm hương:

- Hòa thượng Long Môn Xiển-đề lạo đảo, chẳng tin Phật pháp diệt trừ thiên đạo, đập vỡ Tỳ-lô công tiến lên, con mèo rửa mặt tự nói tốt. Một nén hương trầm đốt trên lò, kéo tay vạch ngực luống sâu thẳm.

Sư quơ tay nói: - Thôi sâu thẳm!

Sư lấy tọa cụ vắt lên vai làm người nữ lay, nói:

- Chớ lạ con dâu ở nhà dưới xúc phạm bề trên.



Sư làm bài tán Đạt-ma rằng:

Thăng Nguyên các tiền ma-la,

Lạc Dương phong bạn quai trường.

Bì tửy truyền thành thoại bá,

Chích lý vô xứ mai tàng.

***Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt,
Tranh đắc mai hoa phốc ty hương.***

Dịch:

**Trước gác Thăng Nguyên hổ thẹn,
Trên ngọn Lạc Dương lạ lòng.
Da tủy truyền thành công án,
Chiếc giày không chỗ vùi chôn.
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương.**

Trước gác Thăng Nguyên hổ thẹn, Thăng Nguyên tức điện Thăng Nguyên, là nơi Lương Võ Đế gặp tổ Đạt-ma. *Trên ngọn Lạc Dương lạ lòng*, Thiếu Thất Tung Sơn thuộc thành Lạc Dương ở phương bắc.

Da tủy truyền thành công án, chỉ cho việc các vị đệ tử Đạo Phó, Đạo Dục, Huệ Khả v.v... trình chỗ thấy của mình với tổ Đạt-ma. Tổ ấn chứng Huệ Khả được tủy, Đạo Phó được da... *Chiếc giày không chỗ vùi chôn*, đây là lúc Tổ quảy chiếc giày về Tây.

Chẳng phải một phen xương lạnh buốt, hoa mai đâu dễ ngát mùi hương. Ngài nhắc đi nhắc lại cũng cốt nhắc nhở chuyện tu. Nếu không nỗ lực để cho chết hết những tâm lăng xăng thì làm sao tiến được đến chỗ giác ngộ an vui.

Sắp lâm chung, Sư đăng tòa cầm cây gậy giộng bên trái một cái nói:

- Ba mươi hai tướng không có tướng này.

Sư giộng bên phải một cái nói:

- Tám mươi vẽ đẹp không có vẽ đẹp này. Cây bút Tăng Dao vẽ chẳng thành, Chí Công bày ra bản thảo⁽³⁾.

Sư lại giộng một cái nhìn đại chúng nói:

- Chớ sâu nảo, ngay đó thừa đương thôi kiếm tìm.

Sư xuống tòa về phương trượng, ngồi kiết già ngay thẳng thị tịch.

Sắp lâm chung, ngài lên tòa cầm cây gậy giộng bên trái một cái nói: *Ba mươi hai tướng không có tướng này*. Tướng này là tướng gì? Ngài lại giộng bên phải một cái nói: *Tám mươi vẽ đẹp không có vẽ đẹp này*. Vẽ đẹp này là vẽ đẹp nào? *Cây bút Tăng Dao vẽ chẳng thành, Chí Công bày ra bản thảo*. Tướng đẹp đó dù Tăng Dao vẽ cũng chẳng thành, cho đến Chí Công vạch bày ra bao nhiêu tướng hảo, rốt cuộc tả vắn chẳng được. Ngài lại giộng cây gậy một cái, nhìn đại chúng nói: *Chớ sâu nảo, ngay đó thừa đương thôi kiếm tìm*. Ngay đó mà nhận lấy đi, đừng tìm kiếm nơi đâu nữa.



⁽³⁾ Vua Lương Võ Đế ra lệnh cho họa sĩ Tăng Dao vẽ hình Chí Công. Tăng Dao cầm bút, chẳng tự định được. Chí Công bèn lấy ngón tay rạch giữa trán, vạch ra mười hai vẽ mặt Quan Âm; hoặc từ bi, hoặc oai nghi. Tăng Dao rốt cuộc vẽ chẳng được.

ĐỜI THỨ MƯỜI BẢY SAU LỤC TỔ

TÔNG LÂM TẾ ĐỜI THỨ MƯỜI BA

**A- Nói pháp thiền sư Tông Cảo Đại Huệ
có chín mươi bốn vị**

- 1- Thiền sư Di Quang Hối Am ở Giáo Trung Tuyên Châu**
- 2- Thiền sư Đạo Nhan Vạn Am ở Đông Lâm Giang Châu**
- 3- Thiền sư Đảnh Nhu Lại Am ở Tây Thiên Phúc Châu**
- 4- Thiền sư Thủ Tịnh Thử Am ở Tây Thiên Phúc Châu**
- 5- Thiền sư Đức Quang Phật Chiếu ở Dục Vương...**

**B- Nói pháp thiền sư Thiệu Long Hồ Khư
có một vị**

Thiền sư Đàm Hoa Ứng Am ở Thiên Đồng Minh Châu

**C- Nói pháp thiền sư Pháp Thới Phật Tánh
có bốn vị**

- 1- Thiền sư Trọng An Linh Nham ở Lễ Châu**

**D- Nói pháp thiền sư An Dân Mật Ấn
có một vị**

Thiền sư Bảo Ấn Biệt Phong ở Kính Sơn.



THIÊN SƯ DI QUANG HỐI AM ở GIÁO TRUNG - TUYỀN CHÂU

(? - 1155)

Sư họ Lý quê ở đất Mân. Thuở nhỏ Sư ít nói cười, nghe tiếng chuông khánh thì vui. Năm mười lăm tuổi, Sư theo thiền sư Văn Huệ ở U Nham xuất gia, mà vẫn thích xem các sách. Một hôm Sư tự trách: “Đã cạo tóc mặc áo nhuộm phải hẹn ngày triệt ngộ, há say mê sách vở thế tục sao!” Sư bèn xuống núi đến yết kiến thiền sư Viên Ngộ ở Vân Cư. Kế, Sư đến tham vấn thiền sư Tường ở Hoàng Bá, thiền sư Ngộ ở Cao Am, những lời đương cơ Sư đều khế hội. Do vùng đất Hoài đất Sở trộm cướp nổi lên, Sư trở về yết kiến Phật Tâm. Gặp lúc Đại Huệ ngụ tại Quảng Nhân, Sư liền theo hầu.

Ngài xuất gia năm mười lăm tuổi, lúc nhỏ cũng bị bệnh như chúng ta bây giờ, thích đọc sách đời. Chư tăng ở đây, mấy chú thích đọc sách gì? Chưởng, kiểm hiệp...

hay kinh điển? Sách đời đâu có giải quyết được việc sanh tử, vậy mà đọc nó là mê, còn đạo lý thì không nhớ.

Một hôm ngài tự trách mình: *Đã cạo tóc mặc áo nhuộm phải hẹn ngày triệt ngộ, há say mê sách vở thế tục sao!* Mình đã xuất gia tu hành phải hẹn ngày triệt ngộ, chứ không thể lừng chừng, cứ say mê sách vở ngoài đời. Ngài rất hay, ngang đó dứt khoát. Người xưa tu hành cũng có những cái dở, nhưng một khi biết được rồi thì quyết buông bỏ để lo việc của mình. Ngài không bị rầy, chỉ tự tỉnh tự biết rồi liền bỏ; còn chúng ta bây giờ thậm chí bị rầy mà vẫn không chịu bỏ, thử hỏi phải nói sao đây? Rất dở!

Đại Huệ bảo:

- Ông ở chỗ Phật Tâm có sở đắc, thử kể một ít xem.

Sư nhắc:

- Phật Tâm thượng đường niệm công án Phổ Hóa, nói: Phật Tâm tức chẳng vậy, khi thấy chẳng thế ấy thì thế nào? Ngay xương sống liền đánh, mặc tình phân thân khắp thế giới.

Đại Huệ hỏi: - Ý ông thế nào?

Sư thưa: - Con không nhận câu chú cước ở sau.

Đại Huệ bảo: - Đây chính là lấy bệnh làm pháp.

Sư quả quyết không tin hợp ý. Đại Huệ bảo:

- Ông chỉ dò tìm xem.

Sư trọn cho là chẳng đúng. Trải qua một tuần, Sư nhân chép lời niêm của thiền sư Tín ở Hải Ấn “Sấm nổ rền trời, không có hạt mưa” liền hết vướng mắc, chạy đến trình với Đại Huệ. Đại Huệ cử thoại Đạo Giả yết kiến Lang Da và lời Huyền Sa “chưa triệt”, hỏi Sư. Sư đáp xong, Đại Huệ cười nói:

- Tuy tiến được một bước, chỉ là chẳng dính việc này. Như người chặt cây, ngay dưới gốc chặt một búa thì mạng căn đều đứt; ông nằm trên cành mà chặt, làm sao đoạn được mạng căn? Ngày nay các nơi nói thiền ào ào, chỗ thấy như thế, nào có ích gì? Chánh truyền của Dương Kỳ chỉ ba bốn người mà thôi.

Sư nổi tức đi ra. Hôm sau Đại Huệ hỏi:

- Ông lại nghỉ chẳng?

Sư thưa: - Không thể nghỉ.

Đại Huệ bảo: - Chỉ như cổ nhân khi thấy nhau, chưa mở miệng đã biết hư thực, hoặc nghe lời kia liền biết sâu cạn, lý này thế nào?

Sư hoảng hốt xuất mồ hôi, chẳng biết chỗ đến. Đại Huệ dạy nghiên cứu “hữu cú vô cú”.

Đại Huệ sang am Vân Môn, Sư theo hầu. Một hôm Sư hỏi: - Con đến chỗ này không thể thấu triệt, bệnh tại chỗ nào?

Đại Huệ bảo: - Bệnh của ông rất nặng, thế y bó tay. Sao vậy? Có người chết rồi sống chẳng được, nay ông sống rồi chưa từng chết. Cốt đến chỗ đất an lạc, phải là một phen chết đi mới được.

Sư nghi tình càng sâu. Sau Sư vào thất, Đại Huệ hỏi:

- Ăn cháo xong rửa bát rồi, dọn hết thuốc kỵ, nói ra một câu?

Sư thưa: - Vỡ nát.

Đại Huệ chĩnh thân hét nói: - Ông lại nói thiền.

Sư liền đại ngộ. Đại Huệ đánh trống bảo chúng:

*Quy mao niêm đắc tiểu hai hai,
Nhất kích vạn trùng quan tỏa khai.
Khánh khoái bình sinh tại kim nhật,
Thục vân thiên lý trăm ngô lai.*

Dịch:

Nắm được lông rùa cười hây hây,
Một giọng mở toang muôn lớp mây.
Hiện tại cả đời ôi thích thú,
Ai rằng ngàn dặm gặt đến đây.

Sư cũng làm kệ trình:

*Nhất tạt dương cơ nộ lôi hống,
Kinh khởi Tu-di tàng Bắc đầu.
Hồng ba hạo diệu lăng thao thiên,
Niêm đắc tỷ không thất khước khẩu.*

Dịch:

Đòn ép dương cơ trận lôi đình,
Giật mình Tu-di ẩn Thất tinh (Bắc đầu).

**Ngập trời nước dậy mênh mông sóng,
Nắm được lỗ mũi mất miệng mình.**



Sau Sư trụ, thượng đường:

- Câu có câu không như bìm tựa cây, giả khờ làm gì? Đến khi cây ngã bìm khô, câu về chỗ nào? Biết rõ mọi người các ông chột bàn lỗ mũi chẳng nhằm. Vì sao như thế? Chỉ vì rõ ràng lắm, trở thành chỗ được chậm.



Sư thượng đường:

- Mộng huyền không hoa nhọc gì nắm bắt, được mất phải quấy một lúc buông hết.

Sư ném phát tử nói:

- Ngày nay sơn tăng đã là buông hết rồi vậy, mọi người các ông lại là sao?

Lại bảo: - Thị giả lượm cây phát tử.

Ngài dạy rất khéo: *Mộng huyền không hoa nhọc gì nắm bắt*. Tất cả cảnh ở thế gian này đều như mộng huyền, hoa đốm trong hư không, nắm bắt làm gì cho nhọc, có cái gì thật đâu mà nắm bắt. *Được mất phải quấy một lúc buông hết*, những câu này các ngài nhắc chúng ta hoài, mà mình có buông hết được đâu!

Ngài ném cây phát tử nói: *Ngày nay sơn tăng đã là buông hết rồi vậy, mọi người các ông lại là sao?* Tay đang

cầm phát tử ném bỏ luôn, tức là tôi buông hết rồi còn các ông thì sao? Đây là ngài tạm mượn những hình ảnh để nhắc nhở chúng ta. Trọng tâm của việc tu chính là chỗ biết buông, biết gửi cho hư không. Nếu người nào biết buông thì mọi việc đều dễ dàng. Ngang đây chịu buông chưa?

Tăng hỏi:

- Văn-thù vì sao khiến người nữ xuất định không được?

Sư đáp: - Ngày nay sơn tăng nhọc.

Tăng hỏi:

- Võng Minh vì sao lại khiến xuất định được?

Sư đáp: - Khiến người nghi đến.

Tăng thưa:

- Thế ấy thì vạch ra Hoa Nhạ ngàn ngọn đẹp, tuôn xuống Hoàng Hà một mạch trong.

Sư đáp: - Mặc tình suy tính.

Những vị thiền sư từ Đại Huệ trở về sau, toàn là nói thoại đầu, thỉnh thoảng mới có vài câu cho chúng ta suy gẫm, thế nên chỉ nghe qua thôi, chứ không cần giải thích.



THIÊN SƯ ĐẠO NHAN VẠN AM ở ĐÔNG LÂM - GIANG CHÂU

(1094 - 1164)

Sư họ Tiên Vu, quê ở Đồng Xuyên. Sư tham vấn Viên Ngộ đã lâu có chút tỉnh, Viên Ngộ trở về Thục dặn nường với Đại Huệ và biên thư cho Đại Huệ rằng: “Nhan Xuyên màu vẽ đã xong, chỉ thiếu điểm mắt tai, ngày sau nối tiếp chưa thể lường.” Đại Huệ ở Vân Môn và Dương Tự, Sư đều theo đó, sớm chiều thưa hỏi mới được đại ngộ.

Người xưa giới thiệu nhau một cách khéo léo. Như trường hợp này, ngài Viên Ngộ biên thư giới thiệu Nhan Xuyên (Đạo Nhan người Đồng Xuyên) với Đại Huệ, chỉ nói: *Nhan Xuyên màu vẽ đã xong, chỉ thiếu điểm mắt tai*. Vậy là sao? Nếu bây giờ chúng ta giới thiệu ai thì sẽ nói, tôi thấy huynh ấy về tu hành thì đạo đức đã đủ, chỉ là chưa được ngộ. Ở đây ngài Viên Ngộ không nói cách đó, mà dùng lời lẽ rất khéo. Nếu khéo tháo nêm mở chốt

thì ngày sau nối tiếp chưa thể lường. Người này khai ngộ rồi, ngày sau sẽ nối tiếp lâu dài không thể lường được.

Sư thượng đường:

- Chiếc lá rơi khắp nơi thu, hạt bụi đầy đại địa trâu. Ô Sào thổi sợi vải, liền có người được ngộ. Thời nay học giả vì sao lại chẳng biết tự kỷ?

Sư im lặng giây lâu nói:

- Thôi chớ trách lầm người.

Chiếc lá rơi khắp nơi thu, một chiếc lá rụng gồm cả cảnh mùa thu trong đó, bởi khi thấy lá vàng rơi rụng thì biết rằng mùa thu đang có khắp mọi nơi. *Hạt bụi đầy đại địa trâu*, một hạt bụi bao trùm đại địa, toàn đại địa đều từ hạt bụi mà thành.

Ô Sào thổi lông vải, liền có người được ngộ. Đây là ngài dẫn câu chuyện thiền sư Ô Sào có một đệ tử, chú này thấy thầy không dạy thiền cho mình tu, bèn xin thầy đi các nơi để học thiền. Thiền sư Ô Sào bảo: Các nơi có Ngũ vị thiền, còn ta ở đây có Nhất vị thiền, sao người không học? Nghe thầy nói, chú liền hỏi: Thế nào là Nhất vị thiền? Thiền sư Ô Sào đang mặc chiếc áo vải bố, ngài rút một sợi vải đưa lên miệng thổi một cái, chú đệ tử ngộ. Đó là Nhất vị thiền.

Sư thượng đường:

- Muốn biết tâm chư Phật, chỉ nằm trong tâm hành chúng sanh mà biết. Muốn biết tánh thường trụ chẳng điêu tàn, chỉ nằm chỗ thiên biến của vạn vật hội lấy. Lại biết được chăng?

**Muốn được chẳng chiêu nghiệp vô gián,
Chớ báng Như Lai chánh pháp luân.**

Câu này giống như trong Pháp Bảo Đàn, khi được hỏi về chân tánh Lục Tổ cũng nói tương tự vậy. Ngài nói: *Muốn biết tâm chư Phật, chỉ nhằm trong tâm hành chúng sanh mà biết.* Tâm hành tức là tâm lăng xăng, ngay tâm lăng xăng của chúng sanh mà biết được tâm chư Phật. *Muốn biết tánh thường trụ chẳng điều tàn, chỉ nhằm chỗ thiên biến của vạn vật hội lấy.* Muốn biết tánh thường trụ thì ở trong chỗ điều tàn thay đổi của vạn vật mà nhận.

Ngài nói nghe qua dường như trái lẽ thật, nhưng đó chính là chỗ chân thật không trái. Cũng như chúng ta nói, muốn mức được nước thì phải ngay nơi sóng mà mức. Nghe nói trên sóng mà mức nước lạ quá, nhưng lúc sông biển nổi sóng, muốn lấy nước thì phải làm sao? Phải ngay nơi những lượn sóng đó mà mức. Sóng là tướng động, nhưng rời sóng thì không thể có nước. Ngay nơi cái động mà thấy cái tĩnh, cũng vậy ngay tâm lăng xăng dao động mà nhận ra tâm bất động.

Ngài nói thêm: *Muốn được chẳng chiêu nghiệp vô gián, chớ báng Như Lai chánh pháp luân.* Đây là dẫn lời trong Chứng Đạo Ca của ngài Huyền Giác.

Sư thượng đường:

- “**Chỗ mọi người biết, Lương Toại thấy biết; chỗ Lương Toại biết, mọi người chẳng biết.**” Thế nào là chỗ biết của Lương Toại?

Sư nói: - Chim công cộc mà nói con sếu.

Ngài nêu lên lời của thiền sư Lương Toại sau khi ngộ nói, rồi hỏi: *Thế nào là chỗ biết của Lương Toại?* Và tự trả lời: *Chim công cộc mà nói con sếu*, tức ngay cái này mà nói cái kia.

Sư thượng đường:

- Giữa đông lạnh lắm, ba cỡi không an. Người giàu vui thích, kẻ nghèo cơ hàn. Chẳng biết huyền chỉ, lầm nhận cân bàn. Sao vậy? Đầu trâu để trên đuôi, Bắc đẩu hướng nam xem.

Đây là ngôn ngữ của các thiền sư nói, không cho chúng ta luận bàn, nên những chỗ này không cần phải tìm hiểu.

Sư thượng đường:

- Cửa cổng Viên Thông chữ bát (八) đã mở, nếu là từ cửa vào được, chẳng nên cùng nói. Phải là vào được cửa không cửa, mới đáng ngồi trong nhà kín. Vì thế nói, chư Phật ba đời quá khứ cửa này đã thành tựu, chư Bồ-tát hiện tại nay mỗi vị vào viên minh, người tham học vị lai nên y pháp như thế. Chư thánh từ trước may có môn phong rộng lớn như thế, chẳng kham nối tiếp cam tự xem thường. Kẻ khoét tường vách chẳng phải trượng phu. Dám hỏi đại chúng, cửa không cửa làm sao mà vào?

Sư im lặng giây lâu nói: - Chẳng riêng Quan Thế Âm, tôi cũng từ trong đó chứng.

Chư Phật ba đời quá khứ cửa này đã thành tựu, chư Bồ-tát hiện tại nay mỗi vị vào viên minh, người tham

học vị lai nên y pháp như thế. Câu này rút ra từ kinh Lăng-nghiêm, đoạn ngài Văn-thù chọn căn viên thông. Chữ *cửa* này là chỉ cho nhĩ căn.

Dám hỏi đại chúng, cửa không cửa làm sao mà vào? Tại sao cửa mà không cửa? Chúng ta thử nhớ lại xem, phản văn văn tự tánh là cửa nào? Nói cửa mà không có cửa thật, vì đây là cửa Nhĩ căn viên thông. Thế nên ngài im lặng giây lâu rồi nói: *Chẳng riêng Quan Thế Âm, tôi cũng từ trong đó chứng.* Đây là ngài lặp lại lời của Bồ-tát Văn-thù nói, chẳng riêng gì Quan Thế Âm vào từ nhĩ căn viên thông, tôi cũng từ nơi cửa đó mà chứng.

Sư thượng đường:

**- Năm rồi sau hàn thực, năm nay trước hàn thực.
Ngày ngày là ngày tốt, chẳng phải chánh trung thiên.**



Sư thượng đường:

*Khách xá cứu lưu liên,
Gia hương tịch chiếu biên.
Diêm huyền tam ngoạt vũ,
Thủy một lưỡng hồ liên.
Hoạch lậu thiêu đăng trản,
Sài sanh mãn tảo yên.
Dĩ vong nam bắc niệm,
Nhập vọng tận bình xuyên.*

Dịch:

**Nhà khách mãi lưu luyến,
 Quê chiều nắng rọi thêm.
 Tháng ba mưa tợ rèm,
 Nước ngập hai hồ sen.
 Dừng vạc rỉ đốt đèn,
 Củi tươi khói đầy hiên.
 Đã quên nghĩ nam bắc,
 Trông vào khắp bình nguyên.**

*Nhà khách mãi lưu luyến,
 Quê chiều nắng rọi thêm.
 Tháng ba mưa tợ rèm,
 Nước ngập hai hồ sen.*

Nhà khách mãi lưu luyến, theo cái thấy của người tu thiền, tam giới chỉ là nhà khách. Chúng ta đang là khách đi trong tam giới, vậy mà thích ở đó mãi không chịu ra. Quê chiều nắng rọi thêm, quê nhà lặng lẽ yên ả ở bên cạnh mà không chịu về. Qua đây ngài muốn đánh thức người tham học, chúng ta tu là cốt trở về gia hương của mình, đừng làm khách đi trong tam giới nữa.

*Dừng vạc rỉ đốt đèn,
 Củi tươi khói đầy hiên.
 Đã quên nghĩ nam bắc,
 Trông vào khắp bình nguyên.*

Bốn câu này ý muốn nói lên điều gì? Nếu người đã quên nghĩ nam nghĩ bắc, không còn nhìn theo đối đãi nữa,

thì trông vào thấy khắp bình nguyên, tức là vào được chỗ bình an rồi.

Tăng hỏi: - Công án Hương Nghiêm “leo cây” ý nghĩa thế nào?

Sư đáp: - Tả chẳng thành, vẽ chẳng được.

Tăng hỏi:

- Lý Lăng tuy tài giỏi, tại sao rơi vào giấc Phiên?

Sư đáp: - Đi lại chỗ nào?

Ngài Hương Nghiêm nói: Có một người leo lên cây cao há miệng cắn cành cây, lơ lửng tay chân không nắm níu vào đâu được. Ngay lúc ấy có người hỏi, thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Người này nên đáp hay không nên đáp? Nếu há miệng đáp thì tan thân mất mạng, còn không đáp thì phụ lòng người hỏi. Vậy phải làm sao? Ngài đáp: *Tả chẳng thành vẽ chẳng được.*

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Ông là trước tiên.

Tăng lại gần nói: - Dạ, dạ!

Sư nói:

- Áo lót không tròn, quần đùi không miêng.

Tăng hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp: - Hòa thượng Chí Công.

Tăng thưa: - Học nhân hỏi Phật, tại sao đáp Hòa thượng Chí Công?

Sư nói: - Chí Công chẳng phải Hòa thượng nhàn.

Có Tăng hỏi: *Thế nào là Phật?* Ngài đáp: *Ông là trước tiên.* Nếu hỏi Phật thì ông mới là Phật trước nhất, chứ không phải ai khác. Vị tăng này cũng sáng suốt, nghe nói vậy liền bước lại gần *dạ dạ*, tức nhận mình là Phật. Ngài nói: *Áo lót không tròn, quần đùi không miêng.*

Vị tăng này bèn hỏi lại: *Thế nào là Phật?* Trước hỏi Phật, ngài đã chỉ thẳng ông tức là Phật, vị tăng không chịu nhận lại hỏi tiếp, thế nào là Phật? Ngài đáp: *Hòa thượng Chí Công.* Hòa thượng Chí Công là Phật.

Tăng thưa: *Học nhân hỏi Phật, tại sao đáp Hòa thượng Chí Công?* Tăng thắc mắc, mình hỏi Phật sao ngài trả lời qua người khác. Ngài nói: *Chí Công chẳng phải Hòa thượng nhàn.*

Tăng hỏi: - Thế nào là Pháp?

Sư đáp: - Hoàng quyền, ấu phụ, ngoại tôn, tề cữu. (Lụa vàng, thiếu nữ, cháu ngoại, cối đâm tiêu.)

Tăng hỏi: - Ấy là chương cú gì?

Sư đáp: - Lời hay tuyệt diệu.

Chúng ta thường hiểu pháp là giáo lý của Phật dạy, còn ở đây ngài đáp: *Lụa vàng, thiếu nữ, cháu ngoại, cối đâm tiêu...* những thứ đời thường thế gian. Sao lạ vậy? Ý nói pháp sâu mầu thường khó hiểu tới được. Gốc tám chữ này xuất xứ từ sử gia cuối đời Đông Hán là Thái Ung. Một hôm Tào Tháo đem quân đánh Lưu Bị, tiện đường ghé thăm nhà con gái ông là Thái Diễm. Tháo ngồi ở khách sảnh thấy trên vách có treo một tấm bìa ghi bài văn bia, bèn bước đến xem và hỏi nguồn gốc. Diễm thưa: Đây là bài văn bia Tào Nga,

con gái người đồng bóng Tào Vu. Vì cha say rượu đứng nhảy múa trên thuyền, sẩy chân té sông chết, cô gái mười bốn tuổi đi dọc bờ sông kêu khóc suốt bảy ngày đêm, rồi nhảy xuống nước tìm xác cha. Qua mấy ngày thấy cô gái đội xác cha nổi lên mặt sông, người làng vớt xác cả hai chôn cất. Quan huyện tâu lên việc ấy, triều đình khen Tào Nga là hiếu nữ, truyền cho lập bia. Quan sai Hàn Đan Thuần làm bài văn bia để ghi lại việc ấy, bấy giờ Hàn Đan Thuần mới mười ba tuổi, cầm bút viết ngay một hơi thành bài văn, chẳng phải sửa một chữ. Quan cho khắc vào bia dựng bên mộ Tào Nga. Thời bấy giờ ai đọc cũng lấy làm lạ, tiếng văn hay đồn dậy xa gần... Phụ thân thiếp nghe tiếng cũng tìm đến xem, gặp lúc trời tối không nhìn thấy chữ, phải sờ vào bia, lần từ nét mà đọc. Đọc xong, Người lấy bút viết tám chữ lớn vào sau lưng bia. Về sau, có người khắc cả tám chữ vào đấy.

Tháo thấy tám chữ ấy cũng ghi bên cạnh bài văn: “Hoàng quyền, ấu phụ, ngoại tôn, tê cữu”, hỏi Diễm: Nhà ngươi có hiểu ý nghĩa tám chữ này không? Diễm thưa: Tuy là di bút của cha, nhưng thú thật thiếp không hiểu ý nghĩa ra sao! Tháo quay lại hỏi các mưu sĩ, mọi người đều chịu không biết. Bấy giờ có quan chủ bạ Dương Tu lên tiếng: Tôi hiểu ra rồi.

Tu giải: Tám chữ đó là ẩn ngữ của Thái Ung. *Hoàng quyền* là lụa màu vàng, tức là màu sắc của tơ (tý sắc), chữ tý với chữ sắc hợp lại thành chữ Tuyệt. *Ấu phụ* nghĩa là con gái còn nhỏ, tức là “thiếu nữ”, chữ thiếu đứng bên chữ nữ hợp thành chữ Diệu. *Ngoại tôn* là cháu ngoại, tức là đứa con của con gái mình (nữ nhi tử), chữ nữ chấp với chữ tử thành chữ Hảo. *Tê cữu* là cái cối

giã tiêu gừng tỏi ớt, cối là vật chịu cay (thụ tân), chữ thụ đặt bên chữ tân thành chữ Từ. Tóm lại, đó là ẩn chữ “Tuyệt diệu hảo từ”, tức Thái Ung đã hết lời khen tặng văn chương của Hàn Đan Thuần vậy.

Tăng hỏi: *Ấy là chương cú gì?* Ngài đáp: *Lời hay tuyệt diệu.* Đó là chỉ thẳng pháp rồi, lời này hay tuyệt diệu, không còn gì khác hay hơn nữa.

Tăng hỏi: - Thế nào là Tăng?

Sư đáp: - Trên thuyền câu, Tạ tam lang.

Tăng thưa: - Sao không nói thẳng?

Sư đáp: - Hòa thượng Huyền Sa.

Tăng thưa: - Tam bảo đã nhờ Thầy chỉ dạy, hướng thượng tông thừa việc thế nào?

Sư đáp: - Vương Kiều giả tiên được tiên.

Tăng cười to ha hả! Sư bèn gõ răng.

Tăng hỏi: *Thế nào là Tăng?* Ngài đáp: *Trên thuyền câu, Tạ tam lang.* Tạ tam lang là anh chàng thứ ba họ Tạ. Hỏi Tăng mà ngài trả lời anh chàng họ Tạ ngồi trên thuyền câu. Vị tăng không chịu, thưa: *Sao không nói thẳng?* Nói quanh co không hiểu. Ngài đáp: *Hòa thượng Huyền Sa.* Hòa thượng Huyền Sa trước khi đi tu là thợ câu, đến gần ba mươi tuổi bỏ câu đi tu. Một ông thợ câu cũng làm tăng, chứ không chỉ riêng hạng người nào mới được làm tăng. Bất cứ ai, một khi phát tâm tu thì đều là tăng. Nói như vậy là ngài đã chỉ thẳng hay nói quanh co? Chỉ thẳng rồi!



THIÊN SƯ ĐẢNH NHU LẠI AM ở TÂY THIÊN - PHÚC CHÂU

(1092 - 1153)

Sư con nhà họ Lâm tại bản quận, còn nhỏ đã thi đỗ Tiến sĩ nên nổi tiếng. Năm hai mươi lăm tuổi Sư nhân đọc kinh Di Giáo, chợt nói: “Bao lâu nay đội mũ nhà Nho là lầm.” Sư toan bỏ nhà, mẹ Sư ngăn không cho, lấy cớ gần tới ngày làm lễ thành hôn. Sư bèn cự tuyệt nói:

- Đào tươi hạnh đỏ đồng thời giao gửi gió xuân, trúc biếc hoa vàng đây hằng làm bạn đạo.

Sư theo thiên sư Lạc ở Bảo Thọ làm Tỳ-kheo.

Chúng ta mới đọc qua phần đầu đã thấy nề phục. Chỉ cần đọc một bài kinh Di Giáo mà ngài đã phát tâm đi tu. Đậu tiến sĩ sắp ra làm quan, danh vọng đến nơi nhưng bỏ hết. Mẹ ngăn cản không cho đi, bắt phải cưới vợ. Ngài dùng lời nói vừa văn chương vừa rất rõ ràng để cự tuyệt: *Đào tươi hạnh đỏ đồng thời giao gửi gió xuân,*

trúc biếc hoa vàng đây hằng làm bạn đạo. Những người đẹp đó xin gửi cho đời, nay chỉ muốn được làm bạn với trúc xanh hoa cúc mà thôi, tức là chuyện đời gác lại không còn đa mang nữa.

Qua hai hình ảnh trên, chúng ta thấy được tâm hồn của ngài thật thanh cao và rất cứng cỏi. Đối danh lợi tâm chẳng màng, với sắc dục cũng không nhiễm. Sức mạnh của người giác ngộ phát tâm đi tu là như vậy.

Sau Sư du phương nơi Hồ Tương khắp tham các bậc danh túc, pháp không có vị khác. Sư về quê cát am ở Dữu Phong tốt trên đỉnh, không xuống núi ba năm. Thiền sư Tài Phật Tâm mời Sư ra làm Thủ chúng ở chùa Đại Thừa. Khi ấy Đại Huệ cát am ở Dương Tự. Bạn Sư là Di Quang gửi thư cho Sư nói: “Thủ đoạn của Am chủ cùng chư phương có khác, mời đến thời gian ngắn xem sao?” Sư chẳng đáp. Di Quang lập kế mời Sư đến thọ trai. Sư đến phó trai, gặp Đại Huệ vì các đồ chúng vào thất, Sư cũng tùy hỷ theo. Đại Huệ nhắc:

- Tăng hỏi Mã Tổ “Thế nào là Phật?” Mã Tổ đáp “Tức tâm là Phật”, là thế nào?

Sư liền hạ ngữ. Đại Huệ mắng:

- Kiến giải ông như thế, dám đối làm thầy người!

Rồi đánh trống phổ thuyết, đem những chỗ bình sinh trân trọng đặc lực của Sư chê bai là tà giải. Sư lộ trần đôi má chẳng dám nhìn ai.

Sư lặng thinh nghĩ: Chỗ sở đắc của ta đã bị chê bai, yếu chỉ Tây sang chẳng truyền há dừng đây ư?

Sư bèn hạ tâm vào hàng đệ tử.

Một hôm Đại Huệ hỏi: - Trong chẳng phóng ra, ngoài chẳng phóng vào, chính khi ấy làm sao?

Sư toan mở miệng, bị Đại Huệ cầm trức bẻ nhằm xương sống đập luôn ba cái. Sư khi đó đại ngộ, gằn giọng thưa: - Hòa thượng, đã nhiều rồi!

Đại Huệ đánh thêm một cây nữa, Sư đánh lễ. Đại Huệ cười nói:

- Ngày nay mới biết tôi chẳng dối ông.

Bèn ấn chứng bằng kệ:

*Đảnh môn thụ á Ma-hê nhĩn,
Trửu hậu tà huyền đoạt mạng phù.
Hại khước nhĩn, tá khước phù,
Triệu Châu đông bích quải hồ lô.*

Dịch:

**Đảnh môn đứng kê Ma-hê nhĩn,
Khuỷu tay đeo nghiêng đoạt mạng phù.
Mù mất mắt, cỏi mất phù,
Triệu Châu vách đông máng hồ lô.**

Khi ấy danh Sư vang dội cả từng lâm.

Trên đây là giai đoạn đầu khi mới xuất gia tham học được ngộ, phần sau là đến lúc ngài hoằng hóa.

Sư thượng đường:

- Ý trong câu câu trong ý, Tu-di cao vót nơi sông to; câu cắt ý ý cắt câu, liệt sĩ bắn ra mũi tên

cuồng. Mặc tình rằng như cây kiếm bén miệng tợ chậu máu, luống trình lời nhon rỗng bày ý khí. Vì thế Tịnh Danh ngậm miệng sớm dỉnh nhiều lời, đức Phật đóng cửa ở Ma-kiệt đã bày gia xú (việc xấu trong nhà). Ngoài ra lão già Ngõa Quan, đại sư Nham Đầu, nhằm trên đánh Dữu Phong xua gió vô sóng quen đùa thần biến, dưới gót chân nên cho ba chục gậy. Hãy nói lỗi tại chỗ nào?

Sư im lặng giây lâu nói:

**Cơ quan chẳng phải Hàn Quang tạo,
Chớ đem hông ngực đối thành thời.**

Tịnh Danh ở trong thất ngậm miệng, tức là khi được hỏi về pháp môn bất nhị, Duy-ma-cật im lặng không nói lời nào. Đức Phật đóng cửa nơi thành Ma-kiệt, cho đến lão già Ngõa Quan, đại sư Nham Đầu v.v... tất cả những hình ảnh hay lời nói của Phật tổ, đều *nhằm trên đánh Dữu Phong xua gió vô sóng, quen đùa thần biến, dưới gót chân nên cho ba chục gậy*. Như thế cũng đáng cho ăn gậy, nói xem *lỗi tại chỗ nào*? Đoạn này ngài nhắc lại những câu chuyện để chỉ cho thấy cơ dụng của Phật tổ cốt nhằm giúp cho chúng ta nhận ra lẽ thật, đừng kẹt nơi phương tiện đó mà không tiến được.

Sư thượng đường:

*Lại Ông lại trung lại,
Tối lại lại thuyết thiên,
Diệc bất trọng tự kỷ,
Diệc bất trọng tiên hiền,*

*Hựu thủy quản nhĩ địa,
Hựu thủy quản nhĩ thiên.
Vật ngoại tiêu nhiên vô cá sự,
Nhật thường tam can do cánh miên.*

Dịch:

**Lại Ông lười trong lười,
Rất lười lười nói thiền,
Cũng chẳng trọng tự kỷ,
Cũng không trọng tiên hiền,
Lại nào quản đất nọ,
Lại nào quản trời này.
Ngoại vật thanh thoi không một việc,
Trời lên ba sào vẫn ngủ say.**

Lại Ông là ông lười, ngài tự xưng ông lười, nên chỗ ở đề tên là Lại Am, tức cái am lười biếng.

Lại Ông lười trong lười, không phải lười thường mà rất lười. Muốn được lười như ngài thì, *ngoại vật thanh thoi không một việc, trời lên ba sào vẫn ngủ say*. Chừng nào thấy được thân này là ngoại vật, không còn một việc ở trong lòng thì mặt trời lên ba sào vẫn ngủ ngon. Bởi chúng ta thấy thân ở trong vật, tâm còn đủ thứ việc, nên ba giờ khuya phải thức dậy. Vì còn việc nên phải làm, hết việc mới ngủ ngon được.

Sư thượng đường nêu:

- Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là lời cổ nhân?

Triệu Châu đáp: Lắng nghe, lắng nghe!

Sư bảo: - Lắng nghe thì chẳng không, tối kỵ gọi chuông là hũ.

Đừng nhầm lẫn cái này thành cái khác.

Sư ở trong thất hỏi vị tăng:

- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

Tăng đáp: - Trong nước Tân La.

Sư nói: - Ta ở Thanh Châu dệt một vốc vải bố nặng bảy cân!

Tăng thưa: - Ngày nay thân thấy Triệu Châu.

Sư hỏi: - Thấy chỗ trước hay thấy chỗ sau?

Tăng làm thế chẻ trán.

Sư hỏi: - Thượng tọa người xứ nào?

Tăng thưa: - Giang Tây.

Sư hỏi: - Tại sao lại đến đây nhận thua cuộc?

Tăng suy nghĩ. Sư liền đánh.

Vị tăng lúc đầu mới đối đáp thấy dường như hay, nhưng đến khi ngài hỏi: *Thượng tọa người xứ nào?* Liên đáp: *Giang Tây*. Ngài hỏi: *Tại sao lại đến đây nhận thua cuộc?* Ở Giang Tây sao lại chạy đến đây chịu thua cuộc làm gì. Vị tăng nghe vậy bèn suy nghĩ không biết thua là thua chỗ nào, liền bị ngài cho ăn đòn. Bởi chưa thật sự nhận được, nên nói năng một lúc là bị các ngài gạt, suy nghĩ không biết ứng phó thế nào, tức là đã thua cuộc rồi!



THIÊN SƯ THỦ TỊNH THỦ AM ở TÂY THIÊN - PHÚC CHÂU

Sư người bản châu. Sau khi đại ngộ nơi Đại Huệ, Sư trụ trì thượng đường:

- Bàn huyền nói diệu ném phân ném nước tiểu, dùng đánh dùng hét đem muối dùng khát, lập chủ lập khách xé nát tông thừa. Mặc dù thấy chẳng thế ấy, lại là ngồi trong hang quỷ, đến đây sơn tăng đã là đánh trống lui. Hãy nói, các người bình thường tâm bực bội, miệng ấm ức nên làm sao? Chớ đem học hiểu suông chôn vùi tâm Tổ sư.

Ngài nói, dù cho *bàn huyền nói diệu* cho tới *lập chủ lập khách*, *dùng đánh dùng hét*... cũng là phương tiện tạm bợ, chứ không phải chân thật. Vậy cái chân thật đó là gì? Đừng đem học hiểu suông chôn vùi tâm Tổ sư.

Sư thượng đường:

- Nếu chỉ riêng sáng tự kỷ chẳng ngộ trước mắt, người này có mắt không chân. Nếu chỉ riêng ngộ trước mắt chẳng sáng tự kỷ, người này có chân không mắt. Hẳn phải mắt chân giúp nhau, như xe hai bánh như chim hai cánh, đúng lúc khám qua rồi.

Đoạn này chúng ta đã có học qua trong kinh Lăng-nghiêm, khi tu phá được sắc ấm thì thấy ở trước sáng, tức là ở ngoài sáng mà ở trong tối, đến phá thọ ấm thì ở trong mới sáng. Như vậy, tùy theo từng giai đoạn mà ngoài sáng trong tối hoặc trong sáng ngoài tối. Tu cho đến chừng nào trong ngoài đều sáng rõ, giống như đèn lưu ly là phá được thức ấm, chừng đó mới đến nơi đến chốn.

Sư thượng đường:

*Cửu hạ viêm viêm đại nhiệt,
Mộc nhân hãn lưu bất chuyết.
Dạ lại nhất vũ tiện lương,
Mạc đạo sơn tăng bất thuyết.*

Dịch:

**Ngày hạ chói chang hừng hực nóng,
Người gỗ mồ hôi chảy chẳng thôi.
Đêm qua một trận mưa liên mát,
Chớ bảo sơn tăng chẳng thốt lời.**

Sư cầm phát tử gỗ giường thiền, xuống tòa.

Ngài gỗ phát tử là đã nói hay chưa?

Sư thượng đường:

- Đạo là đạo thường, tâm là tâm thường. Mọi người các ông nghe sơn tăng nói thế ấy, liền nói tôi hội rồi. Tháng đủ là ba mươi ngày, tháng thiếu hai mươi chín ngày. Trên đầu là trời dưới chân là đất, trong lỗ tai nghe tiếng, trong lỗ mũi thở hơi. Bất chợt nước bốn biển cả ở trên đầu các ông, rấn độc mỗ con mắt ông, cá tôm chun vào lỗ mũi ông, lại làm sao?

Đạo là đạo thường, tâm là tâm thường. Mọi người các ông nghe sơn tăng nói thế ấy, liền nói tôi hội rồi. Nghe các ngài nói đạo là thường, tâm là thường, tưởng mình hiểu rồi. Tháng đủ là ba mươi ngày, tháng thiếu hai mươi chín ngày. Trên đầu là trời dưới chân là đất, trong lỗ tai nghe tiếng, trong lỗ mũi thở hơi... làm nhận cho rằng tất cả cái bình thường đó là đạo hiện tiền. Hiện nay có một số người cũng vậy, nghe các thiền sư nói “bình thường tâm thị đạo”, rồi tưởng mình đang đi tới đi lui, đó là tâm bình thường, là đạo hiện tiền, rồi cho rằng mình đã hiểu. Thế nhưng, bất chợt nước bốn biển cả ở trên đầu các ông, rấn độc mỗ con mắt ông, cá tôm chun vào lỗ mũi ông, lại làm sao? Khi có ai chửi mắng, hoặc gặp cảnh trái nghịch đến, tâm mình có còn bình thường không? Mất bình thường. Bây giờ mới biết là chưa sống được với đạo. Cho nên, thấy đạo cần phải thật thấy chứ không phải chỉ nghe nói, hiểu sơ sơ là được.

Sư thượng đường:

- Người giỏi đấu chẳng đoái cái đầu, người giỏi chiến ắt được công kia. Công kia đã được, ngồi xem thái bình; thái bình đã đến, nằm ngủ chẳng lo.

**Chẳng cầm ba thước kiếm, thôi đùa một cây cung.
Cưỡi ngựa về sườn Hoa Sơn, thả trâu ở đồng Đào Lâm.
Gió phải thời mưa phải thời, ngư phủ ca lão
tiêu múa. Tuy nhiên như thế vua Nghiêu Thuấn vẫn
còn giáo hóa, đâu bằng càn khôn thâm chẳng được,
Nghiêu Thuấn chẳng biết tên, cả nhà chẳng quản
việc hưng vong, chỉ thích hòa mây chiếm Động Đình.**

Chẳng cầm ba thước kiếm, thôi đùa một cây cung.
Câu này ngài dẫn trong Tọa Thiền Tam-muội. Kiếm là kiếm trí tuệ, cung là cung thiền định. Đến chỗ cứu cánh rồi, an ổn tự tại, khỏi dùng kiếm trí tuệ dẹp phiền não, cũng không cần mượn thiền định để định tâm.

Tóm lại đoạn này ngài nói, nếu người đạt tới chỗ chân thật rồi thì ngồi xem thái bình, tức là thấy mọi việc đến đi mà tâm luôn bình an.

Sư thượng đường:

- Ngậm lấy miệng luôn luôn nói, cắt mất lưỡi không thôi nghỉ, không thôi nghỉ rất kỳ tuyệt, rất kỳ tuyệt bụi trong mắt. Đã là kỳ tuyệt vì sao lại thành bụi trong mắt? Liễu liễu liễu thời không thể liễu, huyền huyền huyền xứ cũng nên chê.

Rất kỳ tuyệt bụi trong mắt. Tại sao? Vì khi tu hành đến chỗ thôi dứt lặng lẽ, rồi thấy đó là kỳ tuyệt cao siêu, tức là chưa phải kỳ tuyệt cao siêu. Nên nói: *Liễu liễu liễu thời không thể liễu*, liễu liễu mà khi liễu thì không thể liễu. *Huyền huyền huyền xứ cũng nên chê*, huyền huyền mà chỗ huyền đó cũng phải quở. Bởi còn thấy cao còn thấy thấp tức là chưa tới chỗ bình đẳng.

Vậy nên người tu phải gắng nhớ, đừng để mình kẹt mắc, khen cái này hay chê cái kia dở...

Sư thượng đường:

- Trên đỉnh đầu Phật tổ có rất nhiều đại lộ, chưa thấu cửa sanh tử làm sao dám tiến bước? Chẳng tiến bước, đại thiên không che chở, một câu bật nói bàn, Na-tra cầm vòng sắt.



Ngày khai đường, niêm hương xong, Sư lên tòa. Hòa thượng Nam Đường bạch chùy rằng:

- Pháp hội chúng long tượng nên quán đệ nhất nghĩa.

Sư liên hét một tiếng, nói:

- Đây là nghĩa thứ mấy? Tiên đức cửu tham đã rõ manh mối, hậu học có nghi chẳng ngại thưa hỏi.

Hét một tiếng là nghĩa thứ mấy? Rơi vào nghĩa thứ hai rồi! Vậy phải làm sao? *Tiên đức cửu tham đã rõ manh mối, hậu học có nghi chẳng ngại thưa hỏi.* Việc này đối với các bậc tiên đức tham học lâu thì đã rõ, không phải nói dài dòng. Tuy nhiên như thế, hậu học có nghi đừng e ngại, hãy mau ra thưa hỏi.

Tăng hỏi:

- “A-nan hỏi Ca-diếp: Thế Tôn ngoài truyền y kim lan còn riêng truyền vật gì? Ca-diếp gọi: A-nan! A-nan ứng thanh: Dạ!” Chưa biết ý này thế nào?

Sư đáp: - Tối kỳ động đến.

Tăng thưa: - Chỉ như Ca-diếp nói “Cột phướn trước chùa ngã”, lại là sao?

Sư đáp: - Trâu đá ngang đường xưa.

Lối giải thích của ngài rất khéo, khi Ca-diếp gọi A-nan, A-nan dạ, chỗ đó tối kỳ động đến, đừng theo tiếng mà suy xét tìm tòi. Ngài Ca-diếp nói, *cột phướn trước chùa ngã*, câu này không quan trọng, nếu bám theo đây để hiểu thì như *trâu đá nằm ngang đường xưa*, trâu đá nằm ngang chặn đường xưa bít lấp rồi.

Tăng hỏi:

- Như Hòa thượng ở chỗ Phật Nhật lại có tin tức này hay không?

Sư đáp: - Không có tin tức này.

Tăng thưa:

- Nào giống Định Quang Kim Địa đưa tay ngoắt, Trí Giả Giang Lăng thâm gặt đầu.

Sư đáp:

- Chớ đem bá ven sân, dìm so ngải vệ đường.

Tăng lễ bái. Sư bèn bảo:

- Định Quang Kim Địa đưa tay ngoắt, Trí Giả Giang Lăng thâm gặt đầu, đã là mây trắng ngàn muôn dặm, đầu kham nơi ấy chẳng biết thôi. Dù cho nơi ấy biết thôi, một trường ngổn ngang chẳng ít.

Lại có kiểm điểm được thấu hay chẳng? Nếu không, ngày nay sơn tăng mất lợi.

Định Quang Kim Địa đưa tay ngoắt, Trí Giả Giang Lăng thâm gật đầu. Định Quang, Trí Giả là tên người. Kim Địa, Giang Lăng là tên đất, là nơi chốn. Định Quang Kim Địa là chỉ cho ngài Định Quang ở Kim Địa. Trí Giả Kim Lăng, tức ngài Trí Giả ở Kim Lăng. Vì đây là hai câu thơ nên cô đọng, khi dịch bị hạn chế.

Tăng hỏi:

- Phật Phật trao tay Tổ Tổ truyền nhau, chưa biết truyền cái gì?

Sư đáp: - Chóng lẽ ba lay.

Tăng hỏi Phật tổ truyền nhau là truyền cái gì? Ngài không đáp mà chỉ bảo *chóng lẽ ba lay*, mau lay ba lay đi.

Tăng hỏi:

- Chẳng bày tác kiểm thỉnh Thầy thấy nhau?

Sư đáp: - Gặp mạnh thì yếu.

Tăng hỏi: - Đâu được mai binh tác chiến.

Sư đáp: - Chỉ vì Xà-lê tác kiểm chẳng bày.

Tăng thưa: - Chưa biết hưởng thưởng lại có việc hay không?

Sư đáp: - Có.

Tăng hỏi: - Thế nào là việc hưởng thưởng?

Sư đáp: - Chẳng chém bại tướng.

Tăng hỏi:

- Trước nhà cổ Phật người nào đến trước?

Sư đáp: - Ông già không mắt trong thôn.

Tăng hỏi: - Chưa biết làm sao thú hưởng?

Sư đáp: - Cây gậy vác ngang.

Muốn tới chỗ thú hưởng đó thì hãy vác ngang vai cây gậy mà thẳng tiến. Bởi đây thuộc hệ phái của ngài Đại Huệ, thế nên đa số các ngài dùng ngôn ngữ rất khó hiểu, lời nào nói ra cũng đều thành thoại đầu, không thể giải thích.



THIÊN SƯ ĐỨC QUANG PHẬT CHIẾU ở DỤC VƯƠNG - phủ KHÁNH NGUYÊN

(1121 - 1203)

Sư con nhà họ Bành quê ở Lâm Giang. Đang tuổi đi học, Sư bèn theo thiên sư Kiết ở chùa Quang Hóa Đông Sơn tại bản quận xuất gia. Một hôm Sư vào thất, Kiết hỏi:

- Chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật là cái gì?

Sư mờ mịt thành nghi suốt đêm không ngủ, hôm sau đến phương trượng thưa hỏi:

- Hôm qua nhờ Hòa thượng buông lời hỏi, đã chẳng phải tâm lại chẳng phải Phật, lại chẳng phải vật, cứu cánh là cái gì? Mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Kiết nghiêm sắc mặt hét một tiếng nói:

- Sa-di này lại cần ta cho chú cước.

Liên cầm gậy nhằm lưng đánh đuổi ra. Sư nơi đây có tỉnh.

Sau Sư yết kiến thiền sư Nguyệt Am Quả, thiền sư Ứng Am Hoa, thiền sư Bách Trượng Chấn, trọn chẳng tự nhận.

Đại Huệ vừa nhận Dục Vương, anh tài bốn biển đều nhóm họp, Sư cũng đến đây. Đại Huệ ở trong thất hỏi Sư:

- Kêu là thanh tre (trúc bễ) thì chạm, không kêu thanh tre (trúc bễ) là trái, chẳng được hạ ngữ chẳng được không lời.

Sư toan đáp. Đại Huệ liền đánh. Sư hoát nhiên đại ngộ, sở đắc từ trước như ngồi bể băng tiêu.

Trước ở chỗ thiền sư Kiết ngài đã có tỉnh, nhưng tới pháp hội của thiền sư Đại Huệ chỗ ngộ của ngài mới cứu cánh.

Ban đầu Sư trụ chùa Quang Hiếu ở Thai Châu. Có vị tăng hỏi:

- Thên thang trong trần làm sao biện chủ?

Sư đáp: - Khăn quấn trên đầu chót tháp nhọn.



Sư thượng đường:

- Lâm Tế ba phen ăn gậy đau, ngay lời nói của Đại Ngu liền biết trở về. Hưng Hóa nơi đầu gậy Đại Giác rõ được ý chỉ Hoàng Bá. Nếu cho rằng

đánh mà hội thì vào địa ngục nhanh như tên bắn. Nếu chẳng cho rằng đánh mà hội thì vào địa ngục nhanh như tên bắn. Trong chúng thương lượng thấy nói, lòng son mảnh mảnh ớn lớn khó đền. Thấy là tình thức suy tính, chưa ra khỏi ấm giới. Vả như Lâm Tế ngộ rồi, là nhờ sức Hoàng Bá hay là nhờ sức Đại Ngu? Nếu thấy được, nhận ông đánh môn có chánh nhãn, sau khuỷu tay có linh phù. Nếu chưa được vậy, Hồng Phước lại vì các ông thông tin tức.

**Trượng phu khí vũ xông ngưu đầu,
Một đập Hồng Môn hai cửa toang.**

Thượng đường, ngài nhắc lại nhân duyên *Lâm Tế ba phen ăn gậy đau, ngay lời nói của Đại Ngu liền biết trở về*. Lâm Tế bị Hoàng Bá đánh ba gậy, bèn từ giã đến chỗ Đại Ngu, ngay một câu nói của Đại Ngu liền ngộ. *Lâm Tế ngộ là nhờ sức của Hoàng Bá hay nhờ sức của Đại Ngu?* Còn trường hợp *Hưng Hóa nơi đầu gậy Đại Giác rõ được ý chỉ Hoàng Bá* thì thế nào? Như vậy các vị này ngộ là nhờ cái gì? Nghĩ rằng nhờ đánh mà ngộ thì vào địa ngục nhanh như tên bắn, nghĩ chẳng nhờ đánh mà ngộ cũng vào địa ngục nhanh như tên bắn. Phải nghĩ sao cho đúng, chỗ này chúng ta cần thấy cho thật kỹ.

Nếu không nhờ gậy đánh cho tâm lăng xăng tìm cầu đó chết đi, thì dù cho Lâm Tế có đến Đại Ngu, Hưng Hóa tới chỗ Đại Giác cũng khó mà ngộ được. Thế nên lúc Lâm Tế ngộ lay ba lay, Đại Ngu liền nói: Thầy của ngươi là Hoàng Bá, không can hệ gì đến việc của ta. Câu nói này thật là chí lý.

Sư thượng đường:

- Bảy tay tám chân ba đầu hai mắt, tai lắng chẳng nghe, mắt nhìn chẳng thấy, khổ vui thuận nghịch nhồi thành một khối. Hãy nói là cái gì?

**Trên đường rắn chết thoi chớ giết,
Giỏ tre không đáy đựng mang về.**

Người tu đối với tất cả cảnh phải *nhồi thành một khối*, chúng ta nhồi được chưa? Người thật tu khi gặp cảnh khổ vui, thuận nghịch... đều thấy như nhau, không vì vui mà thích, không vì khổ mà buồn, không vì thuận mà ưa, không vì nghịch mà bức. Tu như vậy mới đến được đạo.

Ngài dạy tu khéo léo vô cùng, nói đông nói tây rồi hé ra một chút để chỉ cho thấy. *Trên đường rắn chết thoi chớ giết, giỏ tre không đáy đựng mang về*. Rắn đã chết rồi còn giết làm chi nữa, giỏ tre không đáy thì đựng được gì mà mang đi!

Sư thượng đường:

- Nghe tiếng ngộ đạo rơi vào nghĩa thứ hai thứ ba, thấy sắc sáng tâm lầm bảy lầm tám, sanh cơ một lối vẫn ở giữa đường. Hãy nói, thoát vòng kim cang, nuốt lùm cỏ gai là người nào?

**Áo tơ khoác đứng ngoài Thiên Phong,
Dẫn nước tưới rau trước Ngũ Lão.**

Nghe tiếng ngộ đạo rơi vào nghĩa thứ hai thứ ba, thấy sắc sáng tâm lầm bảy lầm tám. Ở đây ý ngài

muốn nói gì? Nếu cho rằng nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc sáng tâm, cái đó cũng chưa cứu cánh. Vì sao? Bởi *sanh cơ một lối vẫn ở giữa đường*. Sanh cơ là chỉ cho cơ linh động nhất, còn có một lối tức vẫn còn ở giữa đường, chưa phải đến nơi.

Hãy nói, thoát vòng kim cang, nuốt lùm cỏ gai là người nào? Thoát ra khỏi vòng kim cang, nuốt được lùm cỏ gai là ai? Áo tôi khoác đứng ngoài Thiên Phong, dẫn nước tưới rau trước Ngũ Lão. Người mặc chiếc áo tôi đứng ngoài núi Thiên Phong, dẫn nước tưới rau ở trước ngọn Ngũ Lão, mới thật sự là người tự tại.

Những ngày Sư trụ Linh Ẩn, hoàng đế Hiếu Tông thường vời vào cung hỏi đạo, lưu ở lại trong Nội Quán đường, cơ duyên đối đáp còn ghi đủ trong ngữ lục. Sau Sư tịch, tháp toàn thân tại Đông Am ở Mậu Phong.



THIÊN SƯ ĐÀM HOA ỨNG AM ở THIÊN ĐỒNG - MINH CHÂU

(1103 - 1163)

Sư con nhà họ Giang quê ở Kỳ Châu. Sư sanh ra có vẻ kỳ đặc, năm mười bảy tuổi xuất gia tại chùa Đông Thiên. Ban đầu nương thiền sư Thanh Toại ở Thủy Nam nếm được chút ít pháp vị. Sư dạo khắp các nơi cùng chư lão túc kích dương đều được khế hợp. Sư đến Vân Cư đánh lễ thiền sư Viên Ngộ. Viên Ngộ một phen thấy hết lòng thúc tiến. Viên Ngộ về Thục chỉ Sư yết kiến Chương Giáo (Thiệu Long). Chương Giáo dời về Hồ Khứ, Sư theo hầu, chưa được nửa năm liền chóng rõ đại sự.

Sư đến yết kiến Thử Am được phân tòa giáo hóa ở Liên Vân. Sư khai pháp ở Diệu Nghiêm. Sau Sư dời đến các ngôi già-lam nổi tiếng.

Ngày Sư trụ ở Quy Tông, Đại Huệ đang ở Mai Dương, có vị tăng đem lời dạy chúng của Sư đến

Đại Huệ. Đại Huệ xem qua hết lời khen ngợi, sau lại dùng kệ gửi Sư:

*Tọa đoạn kim luân đệ nhất phong,
Thiên yêu bách quái tận tiềm tung,
Niên lai hựu đắc chân tiêu tức,
Bảo đạo Dương Kỳ chánh mạch thông.*

Dịch:

**Ngồi đoạn kim luân đệ nhất phong,
Ngàn yêu trăm quái tận tiềm tung,
Năm về lại được chân tiêu tức (tin tức),
Thừa bảo Dương Kỳ chánh mạch thông.**



Sư thượng đường:

- Chín năm xây mặt vào vách hoại hết cháu con ở Đông độ. Chiếc giày về Tây cùn lứt ông già mặt vàng.

Sư cầm gậy vẽ một vạch nói: - Trâu đá ngang đường xưa, một ngựa sanh ba cạp.



Sư thượng đường:

- Lão Đức Chương mù trọc, từ nay không mùi vị, nắm được miệng mất đi mũi, canh ba hai tiếng xướng nhịp ca, vô cố giết mình Phạm Vương ngủ.

Sư hét một hét nói:

- Tôi đi trong cỏ hoang, ông lại vào thôn sâu.

Sư thượng đường:

- Lâm Tế khi ở chỗ Hoàng Bá, ý chỉ ba phen ăn gậy, mọi người các ông lại xem được thấu hay chưa? Dù cho một phen cắn liền đứt, cũng chưa là kẻ đại trượng phu. Chư Phật ba đời miệng treo trên vách, các Hòa thượng già trong thiên hạ lấy cái gì ăn cơm?

Chỗ ngài Lâm Tế ngộ nơi Hoàng Bá, nếu chúng ta cố khởi hiểu thì chẳng thể được. Cho nên nói *dù cho một phen cắn liền đứt, cũng chưa là kẻ đại trượng phu*. Tại sao? Vì *chư Phật ba đời miệng treo trên vách, các Hòa thượng già trong thiên hạ lấy cái gì ăn cơm?* Chỗ đó miệng Phật còn bần chẳng được, huống là các Hòa thượng.

Sư thượng đường:

- Ngày mười lăm về trước sông dài thuyền cao, ngày mười lăm về sau đất nhiều Phật lớn. Chính ngày ngày mười lăm, cá lý ngư ở biển Đông đánh một gậy mưa như cầm chĩnh mà đổ, hấn được tất cả chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới thấy đều hoan hỷ nói rằng: “Đánh một gậy này, quả là hợp thời hợp tiết.” Báo Ân (Sư) khắp thân nhảy nhót, bèn làm một bài thi thuật tương tự cho đại chúng nghe:

*Tình đình hứa thị hảo tình đình,
Phi lai phi khứ bất tăng đình,
Bị ngã tróc lai trích khước lưỡng biên dục,
Kháp tợ nhất mai đại thiết đình.*

Dịch:

**Chuồn chuồn thật là đẹp chuồn chuồn,
Bay đến bay đi chẳng từng ngừng,
Bị ta bắt được ngắt hai cánh,
Giống hệt cây đinh sắt to đùng.**



Sư thượng đường:

- Nếu khởi một câu thương lượng, ăn cháo ai mà chẳng hiểu. Chẳng khởi một câu thương lượng, còn trùng trong hầm phần cười chết Xà-lê.

Sư cầm cây gậy lên nói: - Cây gậy tội phạm đầy trời, dài đến hai ngọn núi Thiết Vi. Hãy nói Tiên Phước (Sư) lại có lỗi hay không?

Sư giộng cây gậy nói: - Chạm hết một khắc.



Sư thượng đường:

- Sáng chẳng thấy tối tối chẳng thấy sáng, sáng tối hai quên không khác ông thầy tầm thường. Dã can kê sư tử rống, sư tử rống dã can kê. Con khỉ khảm trong thôn vắng giá tăng thập bội, hạt châu Minh Nguyệt dưới hàm Ly Long chẳng đáng một xu. Nếu làm lỗ mũi thiên tăng, chỗ nào được đây. Sau ba mươi năm múa tay vạch ngực chưa là khổ sở.

Giá con khỉ thì mắc mà giá hạt châu thì rẻ. Nghe có lạ không? Những đoạn này chúng ta chỉ đọc qua thôi, khỏi phải giải thích, vì đây là lối nói không cho suy nghĩ.

Sư thượng đường:

- Thợ khéo chưa ra, ngọc đá chẳng phân; không người khéo lọc, vàng cát lẫn lộn. Dù cho không thấy tự ngộ, nằm dưới cửa Thiên Đồng (Sư) chính nên sáng đánh ba ngàn chiêu đánh tám trăm.

Sư cầm cây gậy lên nói:

- Gọi là cây gậy, ngọc đá chẳng phân; chẳng gọi là cây gậy, vàng cát lẫn lộn. Khoảng kia một cái nửa cái khéo rành manh mối, mới đáng bước thẳng trên không. Nếu chưa như thế - Sư lia cây gậy nói - để mắt xem gấp.

Chỉ một cây gậy mà ngài nói: *Gọi là cây gậy, ngọc đá chẳng phân; chẳng gọi là cây gậy, vàng cát lẫn lộn.* Vậy gọi là cái gì?

Tăng hỏi:

- Bà già hỏi Nham Đầu: Khua chèo múa dầm thì chẳng hỏi, hãy nói đứa bé trong tay bà từ chỗ nào được? Nham Đầu gõ mạn thuyền ba cái, ý chỉ thế nào?

Sư đáp: - Đun gạch đập đến liền thành khối.

Tăng hỏi: - Khi này nếu hỏi Hòa thượng thì đáp kia thế nào?

Sư đáp: - Một gậy đập chết.

Tăng thưa: - Lão Hòa thượng này giống hệt xem đầu mua mũ.

Sư bảo: - Ông nhằm chỗ nào thấy Nham Đầu?

Tăng nói: - Chà!

Sư bảo: - Thiền tăng tâm thường.

Tăng hỏi:

- Bà sanh bảy con, sáu đứa chẳng gặp tri âm, chỉ một đứa này cũng chẳng tiêu được, bà ném xuống dòng sông, lại là sao?

Sư bảo: - Ít khoe khoang.

Tăng hỏi:

- Khi ấy Nham Đầu bắt giặc le lưỡi ý thế nào?

Sư đáp: - Vui ắt đồng vui.



Tăng hỏi:

- “Có vị tăng hỏi Vân Môn: Thế nào là pháp thân thanh tịnh? Vân Môn đáp: Bờ giậu hoa thược được.” Ý này thế nào?

Sư đáp: - Thần Thâm Sa trùng mắt.

Tăng hỏi:

- Chỉ đây là chôn vùi tự kỷ, chỉ đây chẳng phải cô phụ tiên thánh. Dẹp hai đường này, chỗ hòa bùn hợp nước thỉnh Hòa thượng nói?

Sư đáp: - Đũa ngọc chống miệng cọp.

Tăng hỏi:

- Một lời vàng đá bàn là nặng, muôn việc lông hồng nói nhẹ nhàng.

Sư bảo: - Chớ lừa lão tăng tốt.

Tăng hỏi: - Người đều sợ nóng bức, ta thích ngày hạ dài, gió nồm từ nam lại, mát mẻ các điện đài. Khi ấy thế nào?

Sư đáp: - Buông gương cõi giáp.

Một lời vàng đá, bàn là nặng; muôn việc lông hồng, nói nhẹ nhàng. Câu này ngài dẫn trong sách xưa. Chúng ta nói vàng nói đá nghe như nặng, còn nói lông hồng thì thấy nhẹ. Sự thật, dù nói vàng đá hay lông hồng cũng chỉ là lời nói, nghe dường có nặng nhẹ chẳng qua chỉ là cảm giác mà thôi.

Ngày kỵ Hồ Khư, Sư niệm hương:

- Cả đời rủi ro gặp phải Lão vô ý trí này, lão Hòa thượng đem hết tài năng nghĩ suy chẳng được. Từ đây cởi hết binh khí, tùy phần mặc áo ăn cơm. Hai mươi năm rồi ngồi trên giường gỗ, treo đầu dê bán thịt chó, biết kia có bằng cứ gì. Tuy nhiên, mỗi năm một lượt đốt hương nén, thiên cổ khiến người hận thêm sâu.

Ngài là đệ tử của thiền sư Hồ Khư, đến ngày cúng giỗ thầy, ngài thắp hương tưởng niệm: *Cả đời rủi ro gặp phải Lão vô ý trí này. Lão Hòa thượng, tức ngài Hồ Khư, đem hết tài năng nghĩ suy chẳng được. Từ đây cởi hết binh khí, tùy phần mặc áo ăn cơm.* Ngang đây sự tu hành đã xong, chỉ tùy thời mặc áo ăn cơm. *Hai mươi năm rồi ngồi trên giường gỗ, treo đầu dê bán thịt chó.* Thiền sư Hồ Khư sau khi ngộ, suốt hai mươi năm lừa bịp thiên hạ phải không?

Nghe qua lời niệm hương, chúng ta thấy ngài không nói thầy có công giáo hóa thế này thế kia, mà lại

nói thầy tôi hai mươi năm trên giường gỗ, chỉ treo đầu dê bán thịt chó. Tại sao? Bởi vì sự việc đó không thể nói đến được, chỉ là nói bên đông thì phải hiểu bên tây. Chỗ không thể nói đến mà gắng chỉ đông vẽ tây cho người hiểu, cũng chẳng khác nào treo đầu dê bán thịt chó. Nghe rất lạ lùng, nhưng đây chính là lời khen ngợi tán thán thầy mình.

Biết kia có bằng cứ gì, tức là biết thầy mình đã được giác ngộ tốt rồi, nhưng vì thương người sau nên phải mượn lời để chỉ. Vì vậy ở hai câu cuối, ngài bày tỏ lòng thương kính. Tuy nhiên, mỗi năm một lượt đốt hương nén, thiên cổ khiến người hận thêm sâu. Mỗi năm tới ngày giỗ thầy, lòng con càng thêm buồn.

Sư ở trong thất khéo rèn luyện người, thời nhân gọi Đại Huệ với chỗ Sư ở là hai cửa cam lồ. Sư thường răn đồ chúng:

- Hàng tăng sĩ mang giày cỏ trụ viện, cố sao như con rắn mển hang vậy.

Ngày xưa người học đạo phải đi tham vấn nơi này nơi kia, nếu chưa ngộ mà cứ ở hoài một chỗ an phận, chẳng đi tham vấn cầu ngộ, thì chẳng khác nào con rắn mển hang, chỉ lẩn quẩn không tới đâu.

Niên hiệu Long Hưng cải nguyên (1163) ngày mười ba tháng sáu, Sư an nhiên thị tịch. Tháp toàn thân của Sư tôn trí tại bản sơn.



THIÊN SƯ TRỌNG AN ở LINH NHAM - LỄ CHÂU

Sư xuất gia thuở bé, lớn lên đạo qua các pháp tịch. Sau Sư đến yết kiến Viên Ngộ ở Tương Sơn. Khi ấy Phật Tánh làm Thủ tọa. Sư thưa hỏi Phật Tánh liền nhận được yếu chỉ.

Đến khi Phật Tánh trụ Đức Sơn, sai Sư đến Chung Phụ dâng thư kế thừa. Viên Ngộ hỏi:

- Ngàn dặm mang lại chẳng nhọc tông phong, công án hiện thành thế nào thông tin?

Sư thưa: - Thấy mặt trình nhau lại không hồi hõ.

Viên Ngộ hỏi:

- Đây là Đức Sơn, cái gì là Thượng tọa?

Sư thưa: - Há có người thứ hai.

Viên Ngộ nói: - Sau lưng rồi!

Sư trao thư. Viên Ngộ cười nói:

- Tác gia thiền khách thiên nhiên có sẵn.

Sư thưa: - Trao cho Tưởng Sơn.

Ban đầu ngài đến pháp hội của thiền sư Viên Ngộ, lúc ấy Phật Tánh đang làm Thủ tọa tại đây. Qua thưa hỏi với Phật Tánh, ngài nhận được yếu chỉ của Viên Ngộ, thế nên khi Phật Tánh trụ Đức Sơn, ngài được lãnh trách nhiệm mang thư đi trình. Ngày xưa nếu một vị đệ tử trụ trì ở đâu thì biên thư về báo tin xin kế thừa thầy, vị mang thư đi cũng phải là người kỳ đặc mới được.

Đến nơi trình thư lên, Viên Ngộ liền hỏi: *Ngàn dặm mang lại chẳng nhọc tông phong, công án hiện thành thế nào thông tin?* Hiện thành công án, tức là thấy nhau là hiện thành công án, cái đó làm sao thông tin tức? Ngài thưa: *Thấy mặt trình nhau lại không hồi hõ.* Thấy mặt trình nhau, không còn xoay qua xoay lại nữa, đó là công án hiện thành rồi.

Viên Ngộ nói: *Đây là Đức Sơn, cái gì là Thượng tọa?* Việc thấy mặt trình nhau thật ra là của Đức Sơn, còn cái nào là của ông? Ngài thưa: *Há có người thứ hai.* Chỗ thấy tôi là vậy, tôi cũng không khác. Viên Ngộ nói: *Sau lưng rồi!* Nghe nói sau lưng, ngài liền trao thư. Viên Ngộ cười nói: *Tác gia thiền khách thiên nhiên có sẵn.* Ngài thưa: *Trao cho Tưởng Sơn,* tức là trao cho ngài Viên Ngộ.

Kế đó, Sư đến Tăng đường dâng thư thăm hỏi Thủ tọa. Thủ tọa hỏi:

- Giấy trắng Huyền Sa đây từ đâu lại?

Sư thưa:

- Yếu chỉ này giữ lâu chẳng vội nói ra, ngày nay bái trình mong một phen xem.

Thủ tọa liền hét. Sư thưa:

- Tác gia Thủ tọa.

Thủ tọa lại hét. Sư lấy thư liền đánh. Thủ tọa suy nghĩ. Sư thưa:

- Chưa rõ ba tám chín, chẳng khỏi tự trầm ngâm.

Đây là câu chê. Thủ tọa suy nghĩ là thua rồi, vì còn suy nghĩ tức là chẳng hiểu.

Sư lấy thư lại đánh một cái nói:

- Khi tiếp Viên Ngộ cùng Phật Nhãn thấy.

Viên Ngộ bảo: - Đánh Thủ tọa ta chết rồi.

Phật Nhãn bảo:

- Ngựa quan đá nhau có bằng cứ gì?

Sư thưa:

- Nói gì ngựa quan đá nhau, chính là long tượng dày xéo.

Viên Ngộ chấp nhận, còn ngài Phật Nhãn thì hạ xuống và chê, chỉ là *ngựa quan đá nhau có bằng cứ gì?* Ngài thưa: *Nói gì ngựa quan đá nhau, chính là long tượng dày xéo.* Bị chê thì phải tự nâng mình lên, đây chính là long tượng chứ không phải hạng tầm thường.

Viên Ngộ gọi Sư đến nói:

- Thủ tọa năm trăm chúng của ta ông vì sao đánh y?

Sư thưa:

- Hòa thượng cũng phải ăn một thoi mới được.

Viên Ngộ nhìn Phật Nhãn le lưỡi.

Hòa thượng là thầy mà lựa vị Thủ tọa không xứng đáng như vậy, nên cũng phải ăn một thoi mới được. Thấy đứa cháu này dữ quá, thầy mà còn dám bảo phải ăn một thoi, nên Viên Ngộ nhìn Phật Nhãn le lưỡi.

Phật Nhãn nói: - Chưa phải.

Lại nhìn Sư, nói:

- “Tay không cầm cây cuốc, bộ hành cười trâu đi, người từ trên cầu qua, cầu trôi nước chẳng trôi”, ý thế nào?

Sư cúi mình thưa: - Chỗ cúng đều là đến thật.

Phật Nhãn cười nói:

- Xưa nay là người trong thất.

Tay không cầm cây cuốc, bộ hành cười trâu đi, người từ trên cầu qua, cầu trôi nước chẳng trôi. Đây là bài kệ nói về pháp thân của Phó đại sĩ.

Phật Nhãn dẫn lời bài kệ, rồi hỏi: *Ý thế nào?*
Ngài thưa: *Chỗ cúng đều là đến thật. Chỗ cúng thấy như huyền bí nhưng là việc thật. Bài kệ này cũng vậy,*

dường như nói ngược mà chính là chỉ cho cái chân thật. Phật Nhân cười nói: *Xưa nay là người trong thất*, như vậy chấp nhận cho ông là người trong thất của ta.

Sư lại đến yết kiến hòa thượng Tự ở Ngũ Tổ để trao thư thân quyến trong đạo pháp. Tự hỏi:

- Trong thư nói cái gì?

Sư thưa: - Văn thể đã bày.

Tự hỏi: - Cứu cánh nói cái gì?

Sư thưa: - Đương Dương vung kiếm báu⁽⁴⁾.

Tự hỏi: - Lại gần đây, trong này chẳng biết bao nhiêu chữ?

Sư thưa: - Chớ giả thua.

Hỏi trong thư nói gì, lẽ ra theo lẽ thường thì phải trả lời, thư thăm hỏi sức khỏe Hòa thượng. Ngài không đáp như thế, mà nói *văn thể đã bày*, tức là hiện ra trước rồi. Hòa thượng Tự vẫn chưa thôi, tiếp tục gạn thử xem ngài là người thế nào, nên hỏi: *Trong này bao nhiêu chữ?* Ngài thưa: *Chớ giả thua*. Hòa thượng thua rồi, nên làm bộ hỏi vậy thôi.

Tự nhìn Thị giả nói: - Là tăng ở đâu?

Thị giả thưa:

- Thượng tọa từng ở dưới hội Hòa thượng.

⁽⁴⁾ Ở trận Đương Dương Trường Bản thời Tam Quốc, danh tướng Triệu Tử Long anh dũng cướp được cây kiếm chém sắt như chém bùn.

Tự nói: - Lạ! Được đầu trơn thế ấy.

Sư thưa: - Bị Hòa thượng làm cùn lứt.

Tự bèn đem thư xông trên lò hương nói:

- Nam-mô tam-mãn-đa một-đà-nẫm.

Sư lại gần khảy móng tay rồi thôi. Tự liền mở thư xem.

Nghe đối đáp như thế Hòa thượng Tự lấy làm lạ, liền quay sang *nhìn Thị giả hỏi: Là tăng ở đâu? Thị giả thưa: Thượng tọa từng ở dưới hội Hòa thượng. Tự nói: Lạ! Được đầu trơn thế ấy.* Đầu trơn nên nắm không được, đụng đến liền chạy. Ngài thưa: *Bị Hòa thượng làm cùn lứt.* Tôi vốn dĩ trơn bèn mà bị Hòa thượng làm cho cùn lứt rồi.

Hòa thượng Tự bèn đem thư xông trên lò hương nói: *Nam-mô tam-mãn-đa một-đà-nẫm.* Ngài trì chú phải không? Không phải ngài trì chú, mà đây chính là lối đối đáp khéo léo. Trong nhà thiền, các thiền sư đọc chú không phải vì tin thần chú, chẳng qua chỉ là thủ thuật tiếp người của các ngài mà thôi.

Ngày Sư trở về Đức Sơn, Phật Quả và Phật Nhãn đều có kệ tiễn Sư. Chưa bao lâu ở Linh Nham cô quạnh, chư tăng trình đơn thỉnh Sư trụ trì. Sư kế thừa Phật Tánh.

Sư thượng đường:

- Tham thiền chẳng cứu nguồn sâu, gặp việc trợn là lưu ngại. Vì thế, giữ nó lạnh lẽo lóng lóng

nhàn rỗng rơi tại biển độc; lấy yếu thắng mạnh mình phải người quấy, lập kiến lượng nhân ngã ở chỗ thiên khô. Lại đến hơn kém chẳng phân, chiếu chẳng đến dụng, dụng chẳng lìa hang ổ, đây là chỗ học chẳng huyền, trọn là lưu tục (tầm thường). Đến đây phải biết có, trong chết thấu thoát chỗ sống ẩn cơ, Phật không thể biết Tổ không thể lường. Do đó cổ nhân nói: “Có khi trước chiếu sau dụng, và cần cùng ông thương lượng. Có khi trước dụng sau chiếu, ông phải là kẻ ấy mới được. Có khi chiếu dụng đồng thời, ông lại làm sao chống cự? Có khi chiếu dụng chẳng đồng thời, ông lại nhằm chỗ nào suy tính?” Lại biết chẳng? Tên xuyên lá dương cùng câu làm kinh người, chẳng phải tạm thời học được.

Tham thiền chẳng cứu nguồn sâu, gặp việc trọn là lưu ngại. Người tham thiền mà không đến chỗ tốt nguồn, khi gặp việc liền có chướng ngại. Vì thế, giữ nó lặng lẽ lóng lạng nhàn rỗng, rơi tại biển độc. Người nào chỉ giữ chỗ lóng lạng rồi cho đó là cứu cánh, tức là rơi trong biển độc.

Lấy yếu thắng mạnh mình phải người quấy, lập kiến lượng nhân ngã ở chỗ thiên khô. Lấy yếu thắng mạnh, tức là dùng phương tiện này phương tiện kia, đó là lập kiến lượng nhân ngã, đây thuộc về loại thiên khô.

Lại đến hơn kém chẳng phân, chiếu chẳng đến dụng, dụng chẳng lìa hang ổ, đây là chỗ học chẳng huyền, trọn là lưu tục. Thấy có chiếu có dụng, không ứng dụng một cách linh động là còn ở trong hang ổ, chỉ rơi vào hạng tầm thường mà thôi.

Đến đây phải biết có, trong chết thấu thoát chỗ sống ẩn cơ. Đây là chỗ cứu cánh. Chết rồi sống lại mà trong chỗ sống ẩn cơ, tức là không khoe không bày tài đức của mình. Chỗ này Phật không thể biết, Tổ không thể lường.

Đoạn này ngài dạy người tu đừng giữ tâm ở chỗ lặng lẽ không ngờ, đó là bệnh. Đừng dùng cái này để dẹp cái kia, vì cũng chưa tới được cứu cánh, mà phải biết mình có cái chân thật. Đến được chỗ chết đi sống lại rồi, còn phải ẩn cơ khéo không thấy mình là Phật là Tổ. Người khác không biết được mình, đó mới là cái thật. Như hình ảnh thiền sư trong Thập Mục Ngư Đồ, tay cầm bầu rượu tay xách cá chép, đó là ẩn cơ.



THIÊN SƯ BẢO ẤN BIỆT PHONG ở KÍNH SƠN - phủ LÂM AN

(1109 - 1190)

Sư họ Lý quê ở Gia Châu. Từ nhỏ Sư thông cả sáu kinh mà chán việc thế tục. Sư theo thiền sư Thanh Tố ở Đức Sơn xuất gia thọ giới Cụ túc. Sau Sư nghe kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi Tín đã thấu được lý đó. Sư bỏ dây đi theo thiền sư Mật Ấn ở Trung Phong. Một hôm Mật Ấn nhắc: “Tăng hỏi Nham Đầu: Khi khởi diệt chẳng dừng là sao? Nham Đầu quả nói: Là cái gì khởi diệt?” Sư khai ngộ liền gật đầu.

Gặp lúc Viên Ngộ trở về Chiêu Giác, Mật Ấn sai Sư đến thăm. Sư nhân theo chúng vào thất, Viên Ngộ hỏi:

- Từ trước chư thánh lấy cái gì tiếp người?

Sư dựng đứng nắm tay. Viên Ngộ bảo:

- Đây là lão tăng dùng.

Sư lấy nắm tay chao đó. Viên Ngộ cũng đưa nắm tay, giao nhau cười to rồi thôi.

Hai người đấu võ phải không? Hỏi từ trước *chư thánh* lấy cái gì tiếp người, liền đưa nắm tay, ngài Viên Ngộ nói cái đó là của *lão tăng dùng*, lẽ ra lão tăng phải đưa nắm tay chứ không phải ông đưa. Ngài liền *chao nắm tay một cái*, Viên Ngộ cũng đưa nắm tay lên, hai người nắm tay nhau cười. Người thường xem thấy tưởng như hai thầy trò đấu võ, nhưng không dè đó là chỗ hiểu đạo của nhau.

Sau Sư đến Kính Sơn yết kiến Đại Huệ.

Đại Huệ hỏi: - Ở đâu lại?

Sư thưa: - Tây Xuyên.

Đại Huệ bảo:

- Chưa ra cổng Kiếm Môn cho ông ba mươi gậy rồi.

Sư thưa: - Chẳng đáng làm phiền Hòa thượng.

Đại Huệ vui vẻ quét thớt mời ngồi.

Đại Huệ dời về Nam, Sư trở lại Tây. Sư tiếp tục trụ trì các ngôi chùa cổ, sau lại ra núi trụ Bảo Ninh, Kim Sơn, Tuyết Đậu, Kính Sơn.

Khai đường, Sư đăng tòa nói:

- Thế Tôn khi mới thành Chánh giác, ở trong vườn Lộc Uyển chuyển bánh xe pháp Tứ đế, Tỳ-kheo Kiều-trần-như ngộ đạo trước nhất. Sau này thiền sư

Chơn Tịnh mới trụ Động Sơn niệm rằng: “Ngày nay trong động Tân Phong, chỉ chuyển cây trụ trượng.” Bèn cầm cây gậy xoay bên trái nói: “Lại có người ngộ đạo trước nhất chăng? Nếu không, trượng phu tự có chí xung thiên, chớ nhằm chỗ Như Lai đi mà đi.” Bèn hét một hét xuống tòa. Nếu là Thượng tọa Ấn thì chẳng thế, ngày nay nhằm trong núi Phượng Hoàng ban đầu không công phu chuyển bánh xe pháp Tứ đế, cũng không khí lực chuyển cây trụ trượng, chỉ dạy mọi người đi nên bước chậm, nói cần nhỏ lời. Có sao? Muốn được không chuốc nghiệp vô gián, chớ chê bai chánh pháp Như Lai.

Đầu tiên đức Phật chuyển bánh xe chánh pháp ở Lộc Uyển, ngài Kiều-trần-như khai ngộ trước nhất. Về sau thiền sư Chơn Tịnh, lúc mới trụ Động Sơn thăng tòa nói: *Ngày nay trong động Tân Phong, chỉ chuyển cây trụ trượng.* Bèn cầm cây gậy xoay bên trái nói: *Lại có người ngộ đạo trước nhất chăng? Nếu không, trượng phu tự có chí xung thiên, chớ nhằm chỗ Như Lai đi mà đi.* Nguyên văn chữ Hán là *Trượng phu tự hữu xung thiên chí, mạc hướng Như Lai hành xứ hành.* Câu này các thiền sư Việt Nam cũng thường sử dụng. Nói xong, *hét một tiếng rồi xuống tòa.*

Đó là dẫn chuyện xưa, còn ngài hiện nay thì sao? *Ban đầu không công phu chuyển bánh xe pháp Tứ đế, cũng không khí lực chuyển cây trụ trượng.* Chúng ta thấy lối dạy của ngài thật hiền lành, ngài không chuyển bánh xe pháp như đức Phật, cũng chẳng có khí lực để xoay chuyển cây gậy giống thiền sư Chơn Tịnh. Hai việc này

ngài làm không nổi, *chỉ là dạy mọi người đi nên bước chậm, nói nên nhỏ lời*. Dễ làm quá, vậy mà chúng ta có làm được hay không?

Sư thượng đường:

- Chư Phật ba đời dùng một câu diễn trăm ngàn muôn ức câu, thấu trăm ngàn muôn ức câu chỉ ở một câu. Dưới cửa Tổ sư nửa câu cũng không, chỉ thế ấy nên ăn bao nhiêu gây đau. Chư nhân giả! Vả lại chư Phật phải, chư Tổ phải? Nếu nói Phật phải thì Tổ chẳng phải, Tổ phải thì Phật chẳng phải, lấy bỏ chưa quen. Nếu nói Phật tổ đồng thời phải, Phật tổ đồng thời chẳng phải, lầm lẫn chẳng ít. Một câu cắt đứt sấn bìm làm sao nói? Con cộp gói trong mũ chỉ, đáng cười lại kinh người.

Sư lại nhắc:

- Tăng hỏi Nham Đầu: Trong trần thên thang làm sao biện được chủ? Nham Đầu bảo: Trong cái chậu đồng đựng đầy dầu.

Sư nói:

- Cả thầy Nham Đầu đánh mất lỗ mũi. Chợt có người hỏi Bảo Ninh (Sư): Trong trần thên thang làm sao biện được chủ? Chỉ đáp kia rằng: Trời lạnh chẳng nên cởi mũ.

Ngài đáp rất hiền lành. Ở trước nói đi nên bước chậm, nói nên nhỏ lời, còn bây giờ thì nói *nếu có người hỏi: Trong trần thên thang làm sao biện được chủ? Chỉ đáp kia rằng: Trời lạnh chẳng nên cởi mũ*.

Sư thượng đường:

- Mừng một tháng sáu mặt trời đỏ cháy không trung, nơi ngã tư đường tuyết sâu một thước, quét dọn chẳng rảnh, xoay tránh chẳng kịp, đông cứng chàng Liêu Hồ thôn đông, nửa đêm mang giày đứng trên nước.



Sư thượng đường:

*Tương tâm trừ vọng vọng nan trừ,
Tức vọng minh tâm đạo chuyển vu.
Dũng để được xuyên vô kỵ húy,
Đẳng nhàn nhất bộ nhất phù cừ.*

Dịch:

**Dem tâm trừ vọng vọng khó trừ,
Tức vọng sáng tâm đạo càng xa,
Đáy thùng nhảy thủng không kiêng kỵ,
Thảnh thơi mỗi bước mỗi sen hoa.**

Ngài dùng bốn câu thơ này để nói lên sự tu hành. *Dem tâm trừ vọng vọng khó trừ*, còn lấy tâm để dẹp vọng thì vọng khó hết. Bởi khi dấy tâm nghĩ dẹp vọng, thì cái tâm dấy nghĩ đó cũng là vọng, vì vậy nên nói dẹp khó hết.

Tức vọng sáng tâm đạo càng xa, nếu ngay cái vọng đó cho nó là tâm thì đạo càng xa. Bởi vì nếu còn dùng cái này để nghĩ đến cái kia, nhân cái kia để thấy cái nọ, cũng chưa phải cứu cánh.

Đáy thùng nhảy thủng đáy không kiêng kỵ, tức chỉ cho một phen khai ngộ. Ngộ rồi thì sao? Thanh thoi mỗi bước mỗi sen hoa. Ngộ được rồi thì mỗi bước là một hoa sen.

Sư đến Kinh Sơn, vua Hiếu Tông mời về điện Tuyển Đức hỏi đạo. Tuổi già Sư chán trụ trì, tâu xin trở về am. Niên hiệu Thiệu Hy năm đầu (1190) tháng mười một, Sư đến thăm thiền sư Trí Sách ở Giao Thừa để cùng nhau từ biệt. Trí Sách hỏi ngày đi, Sư đáp:

- Nước chảy thành ngòi.

Khi sắp về đòi giấy viết: Đêm mừng bảy tháng chạp khi gà gáy.

Đúng ngày này Sư tịch.



TÓM KẾT

Phần học Hành Trạng Thiền Sư Trung Hoa đến đây đã xong. Việc học này cần thiết và lợi ích cho chúng ta như thế nào? Có ba điều cần lưu ý:

Thứ nhất, mỗi thiền sư có mỗi công hạnh hay riêng, các ngài là tấm gương sáng để chúng ta noi theo. Như có vị ngủ chung với rắn, chúng ta dám bắt chước không? Học hạnh này giúp mình tập bỏ đi sự nhút nhát, không để mấy con thỏ đeo bám sau lưng nữa. Có vị thệ nguyện, nếu không ngộ đạo không trải chăn ra nằm, chỉ ngồi hoặc đứng mà thôi. Hạnh tinh tấn của các ngài mình cũng chưa theo kịp. Chúng ta thường có bệnh tự mãn, thấy mình tu thế này là được rồi, mà không biết rằng người xưa tu hành dụng công khổ nhọc như thế, chứ không phải tự dung mà đạt được đạo.

Thứ hai, học để thấy chỗ ngộ cứu cánh không đơn giản. Không phải chỉ hiểu chút ít là đủ, mà các ngài phải trải qua lắm phen cay đắng, dám liều chết mới đến tột chỗ cứu cánh.

Thứ ba, học đến các thiền sư đời Tống, chúng ta thấy rõ Thiền vào thời này đã lấn át hẳn Nho giáo. Các vị trí thức, những quan viên nhà nho... theo học với thiền sư rất nhiều. Điều này cho thấy giáo lý Thiền tông vượt hơn tất cả các phương tiện khác.

Qua những điều đã học, giúp chúng ta có cái nhìn chín chắn hơn. Nếu chúng ta thật sự tu hành đạt đạo, đủ sức khai thác tột cùng giáo lý Phật dạy, thì tất cả lý lẽ thế gian đều không qua được. Sở dĩ mình bị người ta bẻ một câu liền đở lưởi, là tại vì chưa hiểu, hoặc hiểu thì có hiểu mà chưa thông, chưa đạt đến lẽ thật. Do vậy khi bị hỏi dễ thì trả lời được, hỏi khó liền bí. Những người tài giỏi đến hỏi, mình trả lời thông suốt họ mới kính nể, còn ngược lại chỉ làm trò cười cho người mà thôi.

Người học đạo chân chánh cần nắm vững đường lối, hiểu thấu suốt rồi phải tu cho đến nơi đến chốn, như vậy mới thật sự lợi ích cho đạo. Chúng ta thường than, không biết làm sao mở mang Phật pháp, làm sao cho dân chúng hiểu đạo... Cứ than như vậy hoài mà bản thân mình học hiểu không đúng, tu hành không thông thì có than cũng vô ích, dù có nhiệt tâm với đạo vẫn không làm gì được.

Việc học hiểu và tu đến nơi đến chốn đưa chúng ta vượt qua mọi chướng ngại trên con đường tu tập. Muốn đạo pháp hưng thịnh, cần học hiểu cho đúng và cố gắng tu hành. Hiểu đúng tu được thì đạo mới sáng, không hiểu tu lầm thật là hiểm nguy. Phải nhớ, hai điều kiện thiết yếu là hiểu đúng và tu được. Bởi nếu hiểu đúng mà tu không tới đâu thì cũng chẳng lợi ích.

